LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 201

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

SỐ 2128
(QUYỂN 21 →70)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2128

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 21

Sa-môn Tuệ Uyển đời Đường soạn, Âm Nghĩa Kinh Hoa Nghiêm và lời tựa. Từ quyển một đến hết quyển 60.

Đệ nhất nghĩa đế, quả thật là lời dạy chân thành của pháp tánh, ly ngôn. Vì có biển mới có thuyền. Nên lấy danh cú tự thanh làm bản chất của từng tướng. Sắc, hương, vị, xúc là tự thể trụ trì. Ô hô! Vượt thoát dòng ngôn lự, hội ngộ cảnh thấy nghe. Thảy nhờ công sức quyền xảo phương tiện của đấng pháp vương. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quả thật có thể bao quát hết các giáo điển trong pháp giới và trùm suốt hết các thuyết của Phật cảnh. Còn như văn từ sai sót chánh nghĩa khó tỏ, chân kiến không sanh, tìm nguồn mất lối, cho nên đến chỗ gần để vươn tới xa. Từ nơi cạn mà đến chỗ sâu, xưa nay đâu chẳng do đại đạo này, lại còn áp dụng theo âm nghĩa. Soi trong đục phải nhờ gương sáng, giải thích ngôn từ để biết chỉ quy. Sửa sai lầm để bước vào thềm bậc, mở chốt nghi. Còn như chần chừ nhầm ở ngã ba ba đường bèn trở thành như trẻ con.

Thiên sách: Thuyết Văn nói sách là phù mệnh nghĩa là bậc thượng thánh tín nhiệm trao tước vị cho là chữ tượng hình.

Tạo hóa quyền dư: tạo là tạo tác, hóa là biến hóa. Nhĩ Nhã nói quyền dư là bắt đầu nghĩa là buổi sơ khai trời đất biến hóa ra vạn vật.

Thiên đạo: Nhật, nguyệt, tinh, thần, âm, dương biến hóa gọi đó là Thiên đạo. Dịch nói: Càn đạo biến đổi vậy.

Quy long hệ tượng: Đời vua Nghiêu có thần kim quy đội địa đồ

nổi lên. Đời vua Thuấn cảm rồng vàng mang địa đồ đến. Hệ là hệ từ là hai thứ trọng thập dực mà Khổng Tử trình bày về dịch.

Nhân văn: Dịch nói: Xem thiên văn để biết thời tiết thay đổi. Xem nhân văn để hóa thành nam nữ, quân thần, cha con, tôn ti trên dưới trong thiên hạ, gọi đó là nhân văn.

Vạn bát thiên tuế: Căn cứ theo tuổi Giáp tý của Đế vương: Thiên hoàng thị trị vì vạn tám ngàn năm, địa hoàng thị trị chín ngàn năm. Nhân hoàng trị bốn ngàn năm trăm năm. Có bổn ghi: Tam hoàng đều trị vì một vạn tám ngàn năm.

Đồng lâm hữu tiệt chi khu: Mao Thi Truyện nói hữu tiệt là chỉnh tề. Nghĩa là người trong thiên hạ đều ăn mặc chỉnh tề, khu là khu vực.

Thất thập nhị quân. Đồng Mã Tương Như Phong Thiền Thư rằng: Kế thiều hạ sùng hiệu mật lược khả đạo là bảy mươi hai vua. Quản Tử nói người xưa Phong Thái Sơn Thiện Lương Phủ có bảy mươi hai nhà, Lương Phụ Thái Sơn xuống Tiểu Sơn. (Thiền âm thiện phụ âm phủ).

Nhân mê tứ thần: Nhân mê nghĩa là người mê tứ nhẫn, Tư Ích Kinh nói.

1- Vô sanh nhẫn, vì các pháp không đến

2- Vô diệt nhẫn, vì các pháp không đi.

3- Nhân duyên nhẫn, vì các pháp do nhân duyên sanh.

4- Vô trụ nhẫn, vì tâm vô dị tương tục.

Gia triền ngũ cái: Gia triền nghĩa là nhà nhà vây quanh, ngũ cái là tham, nhuế, hôn trầm, thùy miên, trạo cử, ác tác.

Thứu Nghiễm Tây Phong: Thứu nghiễm là núi Linh Thứu, Tây Phong theo Quảng Nhã phong là dựng đứng, nghĩa là ngọn Linh Thứu kia sừng sững nằm ở Tây Vực.

Siêu Từ Đại Nhi Cao Thị: Lão Tử nói: Trong địa vực có từ đại, nghĩa là Thiên địa vương đạo, nay nói Phật xuất hiện trong địa vực nên nói siêu từ đại.

Hỗn thái không: Thuyết Văn nói hỗn là hỗn độn âm dương chưa phân rõ cùng chung một khí. Nay nói pháp môn Hoa Nghiêm lượng đồng Thái Hư, chữ hỗn có khi viết

Thao thừa: Vận Thuyên nói thao là kính cẩn, ở đây ý nói tự nhún mình để tiếp nhận lời thọ ký.

Ngọc ỷ: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói: ỷ là cái chắn gió, đem ngọc trang trí vào đó nên gọi là ngọc ỷ. Châu Lâm nói: Thiên tử treo tấm ỷ lên cửa phòng để che chướng.

Hải yến: Thuyết Văn nói yến là an, ý là nói xa gần đều tin cậy.

Nên nói là hà thanh hải yến.

Thù trinh: Thuyết Văn trinh là may mắn, Thương Hiệt Thiên gọi là tốt lành.

Bối diệp: Bối nghĩa là lấy lá cây bối đa viết kinh. Diệp là giản diệp tức là tên chung của kinh sách.

Thời trăn tuế hợp: thời nghĩa là từ thời, tuế là một năm, trăn nghĩa là đến. Thuyết Văn nói hợp là lộ ra ngoài.

Việt mạc: mạc là sa mạc, ý nói các nước từ xa xôi băng qua sa mạc đến đây dâng hiến.

Hiến sâm: Ngọc Thiên nói: Sâm là của báu.

Giá hiểm hàng thâm: giá là treo đồ trên cao, Thuyết Văn nói hàng là thuyền vuông, ý nói các nước phương xa đến đều băng ngàn vượt hiểm.

Khánh: Mao Thi Truyện nói: khánh là hết sạch.

Hãn trắc: hãn hiếm, trắc là lường.

Khuy du: Tả Truyện Phục Kiền nói: Khuy là nhón chân mà nhìn. Châu Lâm nói dòm dỏ có ý mong đợi. Nay nói Nhị thừa ở trong pháp này tuyệt hy vọng.

Long: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói: Long là hưng thạnh, là nhiều.

Ải: biên ải.

Triệu: bắt đầu.

Viện: là làm, phàm làm việc gì cũng gọi là viện.

Miến duy: Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói miến là nhớ.

Việt dĩ: lời mở đầu.

Bút tước: Hán Thư Vệ Thanh Hoắc Quang Truyện nói: Tước là tước, bút là bút, âm nghĩa nói tức là gọt bỏ đi, bút là thêm vào. Có sách nói rằng chữa lại văn tự gọi là bút tước.

Đàm: Nhĩ Nhã nói đàm là kéo dài, Quách Phác gọi là nhánh nhóc bò tràn lan.

Thức: Đỗ chú Tả Truyện nói: Thức là dùng.

Thiện: Thuyết Văn nói thiện là sửa chữa lại. Châu Lâm nói hễ sửa lại cái gì cho mới đều gọi là thiện.

Khuếch pháp giới chi cương vực:

Phương ngôn nói: mở rộng ra, Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói cương cũng như giới. Mao Thi Truyện nói cảnh là cương, vực và quản vực. Thuyết Văn nói vực là phong lại.

Châu hàm chi bí: Châu là châu như ý, ở đây dụ cho Bát-nhã. Hàm là cái rương, ở đây dụ cho thân Phật. Nghĩa là Bát-nhã ở trong thân

Phật giống như châu như ý ở trong rương. Bí là sâu kém tức chỉ Bát-nhã, cho nên quyển 64 Đại Trí Độ Luận nói Bát-nhã là châu như ý, xá-lợi của Phật là rương tráp, trong xá-lợi tuy không có Bát-nhã nhưng được Bát-nhã huân thành, cho nên được sự cung kính cúng dường, chữ bí, có người viết bộ hòa, âm mật nghĩa là cỏ thơm.

Di thập phương: Hán Thư Thập Chú nói di là tràn đầy.

Tam phục: Trịnh Huyền Tiền Mao Thi Truyện nói phục là trở lại.

QUYỂN 1: THẾ CHỦ DIỆU NGHIÊM PHẨM

Ma-kiệt-đề quốc: Còn gọi là Ma-già-đà hoặc Ma-kiệt-đà, hoặc gọi Mặc-kiệt-đề, từ này có nhiều cách gọi, do y theo tám chuyển thanh mà gọi hơi khác. Nhưng ý nghĩa đại khái không khác nhau. Có người dịch ma là bất, kiệt-đề là chí, ý nói nước kia cử binh hùng tướng mạnh mà không xâm phạm đến được. Lại có người nói ma là biến, kiệt-đề là thong tuệ, ý nói người thông tuệ đi khắp cả nước. Lại có người nói ma là lớn, kiệt-đề là thể, ý nói trong năm nước Ấn Độ, nước này lớn nhất, thống nhiếp các nước còn lại, cho nên gọi là đại thể. Lại có người giải thích ma là vô, kiệt-đề là hại, ý nói nước này không có phép hành trình. Có người phạm tội đáng xử tử thì chỉ đặt vào rừng lạnh thôi.

A-lan-nhã pháp: Còn gọi là A-lan-na, chính gọi là A-lạn-nhượng. Hán phiên dịch thành vô tránh thanh, nhưng có ba loại, một là Đạt-ma A-lan-nhã, tức là sở tướng này vậy, nghĩa là các pháp xưa nay vắng lặng vô tác, do đó mà gọi pháp này là A-lan-nhã xứ. Xứ đây là trong tràng Bồ-đề.

2. Ma-đăng-già A-lan-nhã nghĩa là trong nghĩa địa, cách thôn xóm một Câu-lô-xá, tiếng của trâu rống không nghe được.

3. Đàn-đà-già-lan-nhã tức là bãi sa mạc.

Bồ-đề tràng trung: Bồ-đề, Hán dịch là giác. Tràng, Hán Thư âm nghĩa nói gò đất cao ban cho đất bằng phẳng gọi là tràng. Nơi đây để cho bậc thần kỳ dạo chơi.

Chánh giác: Theo các sách, chữ giác là từ chữ học, chữ học là từ chữ giác, chữ giác là từ chữ hiếu.

Ma-ni: chính gọi là Mạc-ni. Mạc là mạc-la, đây gọi là cấu bẩn, bùn, ly, ý nói vật báu này trong sáng không bị cấu bẩn làm dơ. Lại nói

Ma-ni, Hán gọi là tăng trưởng, nghĩa là chỗ có châu báu này ắt tăng thêm oai đức, cựu dịch là như ý, tùy ý, dịch theo nghĩa.

Vũ vô tận bảo.

Quang Mậu: Nhĩ Nhã nói: Cây như tùng bá gọi là mậu. Quách Phác chú nói nhánh lá sum suê. Hán Thư Âm nghĩa mậu là xanh tốt.

Nhất thiết: Thuyết Văn nói, Nhất thiết là cùng khắp là đầy đủ, nên chữ thiết phải viết bộ thập. Thuyết Văn nói thập là con số cuối cùng có người viết chữ, là chữ thông tục.

Lưu ly vi cán: Lưu ly (tiếng Phạm) nói cho đủ là Phệ-lưu-da. Hán gọi là bất viễn sơn nghĩa là Tây Vực có núi cách thành Ba-la-nại không xa món báu này xuất phát từ xứ ấy cho nên lấy đó đặt tên. Cán, Tự Thư cán là cái chui. Theo Khổng An Quốc chú Thư Đỗ chú Tả Truyện và Khám Ngọc Thiên đều từ chữ là cây can lộc.

Bảo điệp phô sơ: Hán thư âm nghĩa nói phô sơ là phân bố. Thuyết Văn nói phô sơ là lan xung quanh, chữ Ngọc Thiên viết bộ kinh viết bộ là nhầm.

Nghiêm lệ: Vương Dật chú Sở Từ nói nghiêm là trang nghiêm. Mao Thi Truyện nói lệ là.

Túy ảnh: Dịch nói túy là hội tụ. Mao Thi Truyện nói túy là tập.

Anh lac () kinh có viết hai chữ đều nhầm là một loại ngọc thạch, âm giống nhưng không phải dùng chữ này.

Đường tạ: Nhĩ Nhã nói xà là dài, có gỗ gọi là thọ. Quách Phác chú nói trên đài xây phòng. Đỗ Dự chú Tả Truyện nói tạ là sàn nhà.

Giai thiết hộ dũ: Ngọc Thiên nói them bước lên giảng đường gọi là bậc cấp. Quảng Nhã gọi là thềm, hai bên đường xếp lại.

Bị thể: Lưu Triệu chú Nghĩa Lễ nói: bị là xong đầy đủ, nghĩa là trọn thể nghiêm trang.

Oánh chúc: Quảng Nhã oánh là mài, nghĩa là gọt giũa châu ngọc làm cho nó sáng bóng. Thương Hiệt Thiên nói chúc là chiếu nghĩa là chiếu rọi sáng rực.

Diệu âm hà sướng vô xứ bất cập: Nhĩ Nhã nói hà là xa xôi. Quảng Nhã nói sướng thông thong đạt kịp đến.

Oai quang hách dịch: Quảng Nhã nói hách là rực rỡ dịch nghĩa là thạnh.

Mỹ bất hàm đổ: Châu Lâm nói mỹ là vô, đổ là thấy.

Bất tư nghì kiếp: kiếp (tiếng Phạm) nói cho đủ là Yết-lạp-ba. Hán dịch là thời gian dài.

Kim cang tề: Theo Phạm bản tề là thịt, chữ tề phải viết bộ nhục.

Văn kinh viết chữ tề là bằng nhau, chẳng phải chữ tề này.

Tỳ-lô-giá-na: Theo tiếng Phạm chữ tỳ phải đọc là vế. Hán dịch là chủng chủng. Tỳ-lô-giá-na là quang minh chiếu. Phật bằng thân trí dùng vô số ánh sáng chiếu soi chúng sanh, hoặc nói là tỳ biến, Lô-giá-na là ánh sáng chiếu khắp, nghĩa là Phật dùng thân tử vô ngại quang minh chiếu khắp sự lý vô ngại pháp giới.

Tôn nghiêm: Châu Lâm nói: Tôn có thể kính Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói nghiêm đáng sợ. Mao Thi Truyện nói nghiêm là uy nghiêm.

Na-la-diên: Hán dịch là kiên cố.

Tu-di Quang Phạm: Tu-di nói cho đủ là Tô-mê-lô. Hán dịch là Diệu Cao. Tiếng Phạm nói cho đủ là Phạm ma, Hán phiên dịch là thanh tịnh.

Chiên-đàn: Hán gọi là ban vui, nghĩa là chiên-đàn trắng có thể trị bịnh nóng sốt, chiên-đàn đỏ có thể trừ bịnh phong thủng đều là loại thuốc trừ bịnh an thân cho nên gọi là ban vui.

Thái Vân: Thượng Thư nói: Dùng năm sắc hiển bày năm màu. Cố Dã Vương nói thái là sắc, màu sắc mây nên gọi là Thái vân.

Trạc cán: Hứa Thúc Trọng Chú Hoài Nam Tử nói trạc là dẫn, nghĩa là dẫn ra, Tự Lâm nói cán là tay cầm.

Quýnh diệu: Nhĩ Nhã nói huýnh là xa xôi.

Nhân từ hựu vật: Khổng Tử viết trong Dịch: Hựu là giúp đỡ. Vật là sinh mạng hữu tình, nghĩa là làm việc lợi lạc cứu giúp hữu tình hàm thức.

Chủ giá thần: Quảng Nhã nói: Chủ là thủ. Mã Dung Chú Luân Ngữ nói, trồng ngũ cốc ở ruộng rẫy có thần giữ gìn không bị hao tổn.

Hoàn kế.

Triền phục: Tam Thương nói: phục là sâu, nghĩa là chỗ nước xoáy của sông biển vậy.

Thọ Diêu: Phương Ngôn nói: Diệu là không tinh tế. Quách Phác nói diêu là

A-tu-la: hoặc nói A-tố-la. A Hán dịch là vô, diệu, la là hý, loài này tuy giống chư thiên mà không đẹp bằng chư thiên. Theo Bà-sa luận dịch là phi thiên. Vì loài này thuộc Thiên Thú nhưng nhiều siểm trá không có thật đức như trời, cho nên nói là phi thiên, như người làm ác gọi là phi nhân. Cựu dịch là người không uống rượu đó là người dịch nhầm. Nghĩa là trong tiếng Phạm Tốt-lợi gọi là tửu mà âm Tố-la gần với từ A,không nên nói là bất tửu, đây là sai lầm lớn. Theo Phạm bổn A-tu-la: đa thanh gọi là A-tố-lạc, ít thanh gọi là nhiên, đều đồng một tên gọi.

La-hầu: La, Hán dịch là nhiếp, hầu là não. Tu-la có thể ẩn nhiếp ánh sáng mặt trăng, mặt trời, khiến cho các thiên khổ não. Hoặc nói La-hổ-na. Hán dịch phổ văn, nghĩa là mặt trăng, trời chiếu khắp đến cõi này cho nên thiên hạ nghe danh nó.

Tỳ-ma Chất-đa-la: Tỳ-ma, Hán dịch tơ, Chất-đa-la là chủng chủng, nghĩa là loài Tu-la này rất giỏi huyễn thuật có thể dùng một sợi tơ giả làm tất cả mọi chuyện. Lại nói Tỳ-ma, Hán gọi là biến không, Chất-đa-la là chủng chủng nghiêm nghi, nghĩa là loài Tu-la này lúc đấu với Đế Thích chuẩn bị nghiêm chỉnh binh khí quân trượng, đầy khắp hư không.

Ca-lầu-la: Hoặc gọi là Yết-lộ-trà. Hán dịch là lúc bị ăn thịt kêu lên tiếng bi thương. Loài chim này khi bắt được rồng, trước tiên khoét bụng ăn thịt, rồng vẫn còn sống nên kêu tiếng bi thảm, hoặc nói đại tố hạng điểu, nghĩa là loài chim này thường chứa rồng đầy bụng. Cựu gọi là kim xí, diệu xí là nói về tên còn hình chẳng dịch ngược lại, nhưng cánh nó có nhiều sắc báu, chẳng phải chỉ có màu vàng.

Khẩn-na-la: Khẩn, Hán dịch là nghi, Na-la dịch là người. Nghĩa là hình dáng vị thần này giống như người nhưng trên đầu có một sừng. Nay người thấy sinh nghi nên nói có phải người không? Hoặc nói Na-la, Hán dịch là trượng phu, khẩn là giống như hoàn. Vì hình dáng nó như người mà miệng giống như trâu, khiến người thấy sinh nghi nên gọi là nghi nhân. Cựu gọi là ca nhạc thần.

Ma-hầu-la-già: Ma-hầu, Hán dịch là lớn, La-già là đi bằng bụng ngực. Loai này thuộc về loài rồng. Cựu gọi là thần mãng xà.

Dạ-xoa: Hán gọi là khổ hoạt, hoặc gọi là tự tế lại nói là nhanh chóng.

Tỳ-sa-môn: Nói cho đủ là Tỳ-thất-la. Hán dịch là Đa văn, nghĩa là vị vua này phước đức nhiều, ở trong chỗ tri thức, hoặc nói Tỳ biến, Sa-môn văn, nghĩa là các nơi đều nghe tiếng, nghĩa giống cách dịch trước. Hoặc nói Tỳ là y. Tên của vị vua này nói cho đủ là Khất-la, trong lúc Phật đang thuyết pháp cho chúng, vị vua này đắp ca sa vào trong chúng, chúng đều ngạc nhiên bảo nhau rằng y là Sa-môn, y là Sa-môn. Từ đây đặt tên là Sa-môn vậy.

Khí tượng: Phong tục ký nói trượng là tên chung của binh gậy.

Tỳ-lâu-bác-xoa: Nói cho đủ làTỳ-lộ-ba-ha-ngật-xoa. Tỳ là chủng chủng, Lộ-ba là sắc, Ba-ha-ngật-xoa là căn, nghĩa là lấy vô số các sắc để trang nghiêm các căn. Lại nói tỳ là chủng chủng, lộ là sắc. Ba-ha-ngật-xoa là mục, nghĩa là mắt ấy có nhiều sắc trang nghiêm.

Ta-kiệt-la: Hán gọi là biển.

Đức-xoa-ca: Hán gọi là năng hại nơi sở hại. Đưc-xoa là sở hại, ca là âm năng hại. Loài rồng này lúc giận lên thì se sẻ nhìn người vật đều đuổi cho đến chết. Cựu gọi là rồng nhiều lưỡi, do nó nói nhiều nên gọi là đa thiệt, chẳng phải trong miệng nó có nhiều lưỡi.

Cưu-bàn-trà:

Càn-thát-bà: Hán dịch là thực hương hoặc nói tầm hương, nghĩa là loài này tìm mùi thơm để ăn qua chỗ hội vui chơi ấy để tìm thức ăn. Cựu gọi là nhạc thần, chẳng phải dịch đúng.

Thích-ca Nhân-đà-la: Thích-ca chính là Nhạc-yết-la. Hán dịch đế, Nhân-đà-la là chủ, xưa nay dịch đồng với họ Phật, vọng xưng là hết sức sai lầm.

Tu-dạ-xoa: Tu là thiện, Dạ-xoa là thời, ý nói ánh sáng của chư thiên kia chói rực, khó phân biệt đêm ngày, nhưng nhìn thấy hoa nở, khép lại để phân biệt giờ giấc.

Đâu-suất-đà: Nói cho đủ là San-đâu-suất-đà. Đây gọi là Hỷ lạc tập, y theo Câu-xá có ba nghĩa một là hỷ sự, hai là tụ tập, ba là du lạc. Cựu gọi là hỷ cụ, hoặc nói tri túc.

Hoa nhị: Ngọc Thiên nói: Nhị là đầu đen của đài hoa. Viết ba bộ tâm, có người viết ba bộ chỉ là sai.

Thi khí: Nói cho đủ là thi khí na. Hán gọi là hữu kế hay đỉnh kế.

QUYỂN 2: PHẨM DIỆU NGHIÊM

Vi khải nan tư: Thuyết Văn nói khải là khai.

Đà-la-ni: Hán dịch là tổng trì.

Bất đường quyên: Đường là hư luống, quyên là bỏ.

Vô luân thất: Ngọc Thiên nói luân là loại.

Ngô tư đạo: Nhĩ Nhã nói tư là này.

Thập lực tối điển: Nhĩ Nhã nói điển là diệt.

Nang thế: Nhĩ Nhã nói nang là lâu, nghĩa là lâu xa.

Tâm trì đãng: Quảng Nhã nói trí là chạy. Thuyết Văn nói đãng là phóng túng, chữ đãng đúng ra phải viết văn kinh viết thì thông với chữ cổ

Bất-tùy-ma: ma là tiếng Phạm, nói cho đủ là ma-la. Hán dịch là chướng ngại thiện, hoặc nói là phá hoại thiện.

Dụ hối: Thuyết Văn nói dụ là giáo. Lưu Hiến Chú dịch nói hối là dạy bảo.

Tỷ vô si hoặc: Khổng An Quốc chú Thư nói: Tỷ là khiến.

Ích kỳ tinh sảng: Lưu Hiến chú Dịch nói: Tinh là linh hồn. Thuyết Văn nói sảng là sáng suốt, nghĩa là mở mang tâm linh cho sáng suốt linh lợi.

QUYỂN 3: PHẨM DIỆU NGHIÊM

Ấm trạch

Tư Vinh Vận Phố nói Tư là nhuận. Thích Danh nói vinh là ánh sáng rực rỡ, nghĩa Tư Vinh là quang nhuận.

Địch trừ: Thuyết Văn nói địch là rửa sạch.

Ủi an: Hán Thư Ứng Thiệu Chú nói: Từ bộc trên vỗ về kẻ dưới là ủi, dưới được bề trên an ủi gọi là an.

Nhất-sát-na trung: Sát-na là từ nhanh nhất trong sát-na. Nhân Vương Kinh nói: Chín mươi sát-na trong một niệm, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Lại nữa, Câu-xá Luận nói một trăm hai mươi sát-na là một sát-na, sáu mươi sát-na là một lạp-phược, ba mươi lạp-phược là một tu-du, ba mươi tu-du là một ngà đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm.

Si ế thường mông hoặc: Phương Ngôn nói: ế là ái: Châu Lâm nói ái là tế. Văn Tự Tập Lược nói ế là màng mắt. Công Dương Truyện nói mắt có đồng tử mà không thấy được. Si nghĩa là tuệ nhãn bị chướng ngại không thấy được chân lý, thường sinh nghi hoặc.

Phiêu luân: Ngọc Thiên nói luân là chìm.

Úy đồ: đồ là con đường, nghĩa là ba đường ác đáng sợ hãi nên gọi là úy đồ.

Đại danh văn: Châu Lâm nói văn là tiếng tăm đồn đi. Nghĩa là danh tiếng.

Ký văn sở ký: Đỗ Dự chú Tả Truyện nói ký là kịp.

Vô ương số: Vương Dật chú Sở Từ nói ương là sạch hết.

Quyết định, chữ quyết là bộ băng không phải bộ thủy, chữ quyết có bộ thủy một bên là chỉ cho dòng nước chảy

Phả tư nghì: Tự Thư nói phả là không thể.

Thế gian kỳ độ.

Võng bất quân, Nhĩ Nhã nói: Võng là vô.

Nhất thiết trí đạo mỹ bất tuyên: Châu Lâm nói: Mỹ là vô, Nhĩ Nhã nói tuyên là hiển thị, còn gọi là phân minh, còn gọi là biến thông, hành thí.

Bà điều: Chánh viết là Mạt-lê, Hán dịch là có sức Thiêm-mạt-la là tên loại cây ở bờ biển gần Tây Vực, Hán dịch là Hoàng Tạp Sắc, chim cánh vàng nếu bay đến thì đậu trên đó.

Khoáng kiếp: Quảng Nhã nói: Khoáng là lâu, nghĩa là lâu xa.

Luân vĩnh tịch: Quảng Nhã nói luân là. Nhĩ Nhã nói Vĩnh là lâu dài, tịch là đêm, nghĩa là do ở trong cõi sanh tử thường ngu si tối tăm nên nói là đêm dài.

Thi-lợi-dạ-thần: Hán dịch là phổ hiện kiết tường.

Pháp cự: Thuyết Văn nói: Cự là bó củi lại rồi đốt gọi là đại chúc (bó đuốc lớn), Châu Lâm nói cột cỏ, bện cỏ rơm lại đốt để chiếu sáng.

Khắc điển: Nhĩ Nhã nói khắc là có thể, điển là diệt.

QUYỂN 4: PHẨM DIỆU NGHIÊM

Mâu-ni: Hán dịch là Tịch Mặc.

Phật-sát: Nói cho chính xác là Hột-sai-đát-la, Hán dịch là ruộng đất.

Vô yểm túc.

Lăng nhiên: Thuyết Văn nói lãng là sáng.

Quái ngại: Tự lược nói quái là chướng ngại.

Tam-muội: nói cho đủ là Tam-ma-địa, Hán dịch là đẳng trì, nghĩa là xa lìa hôn trầm, trạo cử nên gọi là đẳng làm cho tâm duyên vào một cảnh nên gọi là trì.

Tuyền Giang.

Phái trạch thanh viêm thử: Văn Tự Tập Lược nói phái là mưa lớn. Lưu Hi Chú Mạnh Tử nói: mưa xuống sầm sầm (phái nhiên chú vũ). Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: Viêm là khí vậy khô nóng. Thuyết Văn nói là nóng bức.

Điềm di tối thắng đạo: Khổng An Quốc chú Thượng Thư nói: Điềm là an, Nhĩ Nhã nói di là vui.

Quyên trừ: Nhĩ Nhã nói quyên là sạch sẽ, nghĩa là tịnh khiết.

Giai tùng hóa: Trịnh Tiễn Thi nói: Tùng là theo. Châu Lâm nói:

Giáo dục cho thành người ở trên mà thay đổi tập tục ở dưới gọi là hóa.

Hiểm bì bất tu đức: Mao Thi Tự nói: Bên trong có chí hướng đến bậc hiền mà không có tâm gian hiểm. Thương Hiệt Thiên nói bí là xiểm khúc.

Vô giãi đãi.

Du-tu-di: Tự Lâm nói, du là vượt qua.

Như thế sanh manh tốt vô đổ: Tốt là cuối cùng là chết.

Như manh cổ: Tam Thương nói mù mắt nên gọi là cổ. Thích Danh nói cổ nghĩa là lúc ngủ mắt nhắm lại như da trống, chữ này mà viết bộ bì là sai.

Di luân: Hán Thư nói: Thu lượm gọi là Di luân, giống như cái bọc, giống như ba lô.

Danh dự: Mao Thi Truyện nói là tiếng xưng hô tốt đẹp do người ban cho.

Minh chúc: Chúc là nhìn.

QUYỂN 5: PHẨM DIỆU NGHIÊM

Như xuyên vụ: Hán Thư Âm Nghĩa nói: Vụ là dạy loạn xạ. Ở đây ý nói nhờ thực hành Phật sự ở vô biên Phật hải. Nay ngồi nơi đạo tràng, Bồ-tát tranh nhau phụng cúng như trăm sông chảy về biển.

Kim Cang Tề.

Vô di ẩn: di là dư, ẩn là chứa.

Ỷ lệ song: Trương Thích Chú rằng: Câu văn trên linh quang bảo điện. Tiểu Nhã nói lệ là sáng rực, ý nói song cửa có sắc màu chiếu sáng rỡ.

Đặc minh: Nhan Chú Hán Thư: Đặc là chỉ.

Điền sức diệu hoa: Điền là thềm bậc, Hán Thư Huân Vương nói, nghĩa là châu ngọc lót dưới tòa để trang sức. Chu Lễ có ngọc chấn dài một tấc do các loại ngọc lẫn lộn. Nay kinh viết từ bộ thành, chữ điền là bít lấp.

Di thản: Mao Thi Truyện nói di là dễ, nghĩa là giản dị. Quảng Nhã nói thản là bằng phẳng.

Quang oánh: Trịnh Tiên Thi nói: Quang là Vinh Thiết Vận nói oánh là sức, nghĩa là lấy hoa quý để trang sức tòa Phật. Thuyết Văn Tự Thống oanh lại viết là

Thế Tôn ngưng quý: Dịch nói: quân tử lấy chánh vị để giữ mặn. Vương Dật chú rằng: ngưng là vô nghiêm chỉnh. Túy là nhìn, nghĩa là nghiêm cẩn mà nhìn. Mạnh Tử nói úy là sắc mặt tươi tấn. Ngọc Thiên nói: Nhìn một cách đứng đắn sáng suốt.

Bỉnh nhiên: Thương Hiệt Thiên nói bỉnh là sáng rỡ.

Môn thát: Hán Thư Tập Chú nói thát là cửa nhỏ.

Đổng khải: Ngọc Thiên nói: đổng là thông đạt.

Đống trử: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: Đống là rui nhà.

Diệu hương phần uân: Vương Dật chú Sở Từ nói: Phần uân là hưng thạnh, đầy mùi thơm.

Thọ ký: Ký là đường rẽ. Tự Thư viết nhánh cây mọc bủa ngang đầu ra. Nay văn kinh viết có bộ là sai.

Tranh tủng trạc: Thiết Vận nói tủng là cao. Thương Hiệt Thiên nói trạc là rút, nghĩa là kéo nhánh cây trên cao.

Nư trùng vân: mật ám.

Di phúc: Hán Thư Âm Nghĩa, nói di là đầy nghĩa là che trùm khắp.

Tương tỳ ánh: Trịnh Huyền chú Lễ Ky nói Tỳ là che ngăn, Nhĩ Nhã nói Tỳ là bóng râm, Tự Thư nói: chiếu một bên nghĩa là cùng ngăn, cùng chiếu nhau, như sự lẫn lộn của năm sắc.

QUYỂN 6: PHẨM NHƯ LAI HIỆN TƯỚNG

Diêm-phù-đàn kim: nói cho đủ: Nhiễm bộ Nại-đà, đây là tên con sông ở Tây Vực, con sông ấy gần cây Diêm-nại-đà vàng xuất phát từ con sông ấy, ở đây con sông nhờ cội cây mà được gọi tên. Vàng do con sông mà được tên. Hoặc nói Diêm-phù quả diệp điểm vật thành vàng nhờ dòng chảy vào sông nhiễm đá thành vàng Diêm-phù-đàn này, sắc lá đỏ, vàng xen lẫn tía.

Ưu-bát-la hoa: Nói cho đủ là Ni-la-ổ-bát-la-ni. La Hán gọi là màu xanh, Ô-bát-la là tên loài hoa, lá nó hẹp dài gần dưới thì nhỏ tròn, hướng lên lá hơi nhọn. Mắt Phật hơi giống, trong kinh phần nhiều lấy hoa này, làm thí dụ.

Pha lê sắc: chính là nói: Thúy phi chí ca, hình nó nhỏ giống như thủy tinh ở xứ này, nhưng có loại đỏ loại trắng.

Phổ chấn: chính phải viết nghĩa là chấn động kinh viết chữ là dơ

lên.

Bích-chi Phật Địa: Bích-chi, tiếng Phạm nói cho đủ là Ty-cần-chi-để-ca, Hán gọi là mỗi mỗi Phật độc hành là giác, cựu gọi là Độc giác, chính vì ý nghĩa này nên gọi là Duyên giác người dịch lầm lấy Phạm ngữ đặt là Bát-la-để-ca, Hán phiên dịch là duyên, cho nên Trí Độ Luận quyển 18 chung với hai loại trên.

Thiêm nhiên tọa: Nhĩ Nhã nói thiêm là đều. Tiểu Nhã nói thiêm là đồng. Như nói không cái nào không như vậy.

Khắc chừng: Nhĩ Nhã nói khắc là có thể.

Pháp giới chu lưu vô bất biến: lưu biến khắp nên gọi là chu lưu.

Hoặc phúc hoặc bàng trụ.

Chu văn thập phương: Trịnh chú Lễ Ký nói: Chu là biến, Châu Lâm nói, văn là đã nghe được.

QUYỂN 7: PHẨM PHỔ HIỀN TAM-MUỘI

Bao nạp: Chữ còn viết là

Bát Niết-bàn: Nói cho đủ là Bát-lợi Niết-bàn-na nghĩa là Bát-lợi là phổ, cứu cánh Niết là xuất Bàn-na là phiền não kết, ý nói các phiền não kết rốt cuộc được thoát ly.

Ngã rào: Thuần chú Hán Thư nói tào là bối.

PHẨM THẾ GIỚI THÀNH TỰU

Chí dục quảng đại, Luận Ngữ chú: Chí là mộ, mộ là mong muốn vui sướng.

Phiền não nhiễu trực: Khổng An Quốc chú Thư nói nhiễu là loạn, kinh văn viết không có bộ là sai.

Hoặc tu hoặc đoản: Quảng Nhã nói: Tu là dài. Văn kinh viết chữ nghĩa là thịt thói ướp thính cho khô rồi làm nem, đó là dùng sai chữ.

Huyền phúc trụ: nghĩa là cái trang thái đổ xuống.

Tuân phục: Trịnh Phác nói tuân là tuần hành. Trịnh Tiên Thi nói phục là trở lại, nghĩa là qua lại nhiều lần.

Vô tạm dĩ: Quảng Nhã nói dĩ là dừng.

Tam duy cập bát ngung: Quảng Nhã nói duy là góc. Trịnh Huyền chú Công Ký nói ngung là góc.

Cộng mỹ: Chữ cộng là bộ không phải bộ chữ mỹ bộ chứ không phải bộ hỏa.

Nhất nhất khu phần: Mã Dung Chú Luận Ngữ nói khu là phân biệt.

Bách ải: Bách là gồm sát, ải là giáp.

QUYỂN 8: PHẨM HOA TẠNG THẾ GIỚI - I

Trân thảo la sanh tất phân phức: Nhĩ Nhã nói trân là đẹp, Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói trân là quý báu, nghĩa là cho quý báu là cỏ rác. Sở Từ nói la sanh ở đường. Vương Dật chú rằng la là liệt mã sanh.

Bất khả tự hoại: Hán Thư Âm Nghĩa nói tự là hủy hoại.

Điến tố kỳ hạ: Nhĩ Nhã nói điến là cặn. Quách Phác chú: điến.

Lan thuẫn: Thuyết Văn nói lan là lan can. Vương Dật chú Sở Từ nói: dọc là lan can, ngang là chấn song che mái.

Phân-đà-lợi: Hán gọi là hoa sen, cũng gọi là hoa bách diệp.

Thi-la-tràng: (Theo Phạm ngữ): Thi-la. Hán gọi là thanh lương. Nếu nói Thức-la, Hán dịch là ngọc, nghĩa là lấy ngọc làm tràng phướn, gọi là Thi-la-tràng.

Cạnh tấu: Nhĩ Nhã nói tấu là tiến, làm.

Hương thủy trừng đình: Tỳ Thương nói: nước lặng gọi là đình đình giống như trạm. Văn kinh viết bộ là sai.

Viên tường liễu nhiễu: Mao Thi Truyện nói: viên là tường. Thuyết Văn nói liễu là quấn quanh, nghĩa là bao bọc xung quanh.

Hồi phục: Hồi là xoay lại, phục là sâu nghĩa là chỗ sâu thẳm của sông biển. Tức chỗ nước xoáy.

Đàm thiện hình: Thượng Thư nói: làm ba cái đàn bằng cá thiện. Khổng chú nói: quét dọn đất để tế lễ gọi là thiện, chọn đất bằng để tế gọi là đàn. Hàn Thi Truyện nói thiện giống như thản là đất bằng.

Khiếp-lặc-ca-hình:

Nhân-đà-la: Hán dịch là lưới trời.

Ta-bà: Hán dịch là kham nhẫn.

Hình chữ vạn: nay theo chữ tiếng Phạm chính là tướng của người có đức vốn chẳng đúng. Nhưng trong kinh trên dưới căn cứ bản Hán gồm mười bảy chữ đều gọi là chữ vạn. Theo văn Phạm có hai mươi tám tướng tức bốn trong tám tướng. Nghĩa là ba tướng, Thất-lợi-mạt-

sai Nan-đề-ca-vật-đa-tắc chuyển Tất-để-ca. Bổn nhượng Ca-tra lại có Bát-đặc mang Chiết-ngật-la bạn Chiết-la v.v... Tuy trong Hoa tạng hai phẩm Hồi Hướng có sủ dụng nó để biết không nhầm. Ở đây không liệt vào con số. Lại nữa chẳng phải tướng của một sắc, nay nói rõ sự dị đồng, nghĩa là quyển thứ 8 có một tướng Thất-lợi-mạt-sai, quyển 9 có ba tướng, Nan-đề-ca-vật-đa, Thất-lợi-mạt-sai và Thất-lợi-mạt-sai quyển 22 có một tướng là Tắc-phược Tất-để-ca. Thứ 27 có năm tướng: Thất-lợi-mạt-sai, Tắc-phược Tất-để-ca, Nan-đề-ca-vật-đa, Thất-lợi-mạt-sai, Nan-đề-ca-vật-đa. Quyển 48 có ba tướng: Tắc-phược Tất-để-ca, Thất-lợi-mạt-sai, Thất-lợi-mạt-sai. Quyển 57, 58, 63, 65 v.v... đều có một tướng Thất-lợi-mạt-sai. Nếu cẩn thận y theo Phạm bản gồm có hai mươi tám tướng, có đủ như trong San Định Ký đã nói.

QUYỂN 9: PHẨM HOA TẠNG THẾ GIỚI - II

Thế giới danh Thi-lợi: Hán dịch là thù thắng, cũng gọi là kiết tường.

Thành quách: Phong tục thông nói: Thành gọi là thạnh, quách gọi là. Nghĩa là chứa đựng rộng rãi.

Trạng như tứ châu: Nhĩ Nhã nói: Vùng đất có thể ở trong nước gọi là châu. Nay tứ thiên hạ đều ở trong tứ đại hải, nên nói cho đủ là châu. Nói hạng như tứ châu Đông châu hình tròn như mặt trời. Tây châu hình bán nguyệt. Nam châu Bắc rộng Nam hẹp. Bắc châu hình vuông vức.

Sư tử tần thân: Mao Thi Truyện nói: tần là mau chóng. Thân là chuỗi, nghĩa là người có sự mệt mỏi. Từ chân tay, lưng ngực, trái phải, trên dưới, hoặc gắng sức hoặc thư giản để tự giải mệt mỏi, những từ này đều từ tiếng Phạm, như trong San Định Ký đã nói.

Long uyên: Khổng An chú Luận Ngữ nói uyên là đầm.

Quán tập: Trịnh Tiên Thi nói: Quán là thói quen. Thiên Thành Bảo đáp: Đỗ Dự chú Tả Truyện nói đáp là tường phòng của người nữ.

QUYỂN 10: PHẨM HOA TẠNG THẾ GIỚI - III

Quỷ độ: Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói: Quỷ là pháp độ. Trịnh Huyền

chú Chu Lễ nói độ là số thước tấc, quỷ nghi có nấc nên gọi quỷ độ.

Phật hiệu Bà-la Vương: Bà-la, Hán gọi là kiên cố cũng gọi là tối thắng.

Tuyệt luân: Trinh Chú Nghi Lễ nói luân là so sánh kiết tường ác: Thượng Thư Truyện nói: kiết là thiện. Đỗ chú Tả Truyện nói tường là điềm tốt xấu. Giả chú Quốc Ngữ nói tướng giống như tượng. Hà Thừa Vựng Yếu nói ở trên gọi là tướng, ở một bên là duy, bốn bên hợp lại như cung điện gọi là ác.

Sùng sức bảo phê nghê: Trịnh chú Khảo Công Ký nói: sùng là cao. Quảng Nhã nói phê nghê là tướng nữ. Thương Hiệt Thiên nói nghê là trên thành nhỏ mà bằng. Theo Giả chú Quốc Ngữ chữ viết. Đỗ chú Tả Truyện viết, Quảng Nhã viết. Nay văn kinh viết chữ nghê theo Thanh Loại nói ở trong mui xe mà còn cầm dù. Lại còn viết chữ là xung quanh năm chú nghé trông, hoặc nói trong xe nhìn chăm chú ra ngoài.

Tú xuất: Quốc Ngữ nói tú là xuất chúng, có thì tốt. Cố Dã Vương nói tú là đẹp.

Như chúng hội: Trịnh chú Luận Ngữ nói: hội là thêu thùa.

Kiếp thiêu:

Kiên ngạnh.

Diêm-la giới: Diêm-la nói cho đủ là Diệm-ma-la-thát: Hán gọi là ngăn lại, nghĩa là ngăn người tội đứng để họ làm nữa.

Kim cang chữ.

Hải bạn:

Toan sơ: Thuyết Văn nói toan là chua, sở giống như đoạn, nghĩa là thân chịu đau đớn kịch liệt không thể sờ chạm được như răng nếm vị chua quyết không thể gồm vật được, hoặc nói toàn là đau ê sở là hình phạt bằng gậy. Bị gậy đánh đau đớn. Lại nói toan là nhức xương. Sở là răng gãy, ý nói chịu những nỗi đau khổ xương tỷ không thẻ xúc chạm.

QUYỂN 11: PHẨM TỲ-LÔ-GIÁ-NA

Nãi văng: Thuyết Văn nói nãi là lời nói nối câu. Quảng Nhã nói nãi là qua. Trùng Ngôn Huấn Nghĩa nói giống như thanh tịnh.

Bất khả kỷ cực: Quảng Nhã nói kỷ là ghi nhớ. Trịnh chú Lễ Ký nói cực là tận, nghĩa là ghi nhớ không thể cùng tận.

Na-do-tha: theo phương này Hoàng đế số pháp có ba bậc. Nếu

theo bậc dưới phải là triệu này, bậc trung là nhị, bậc thượng là cấu như phẩm A-tăng-kỳ có giải thích.

Tùng quảng: Mạnh Khang chú Sử Ký nói Nam Bắc là dọc, Đông Tây là ngang, ngang là rộng.

Lâu Lỗ khiếp địch giai tất sùng lệ. Thiết Vận nói phòng ngự ở trên thành gọi là Lỗ vây quanh thành xây một đài cao để chống được đã cao lai đẹp nên gọi là sùng lệ.

Tiệm: Thuyết Văn nói tiệm là cái hầm. Văn kinh viết có bộ thủy là nhầm.

Ba-đầu-ma-hoa: chính gọi là Bát-đặc-mang, Hán gọi là hoa sen đỏ.

Túy chỉ: Mao Thi Truyện nói túy là tập hợp.

Thành ấp tể quan: Tả Thi Truyện nói: ấp là đô, có tông miếu của các tiên, quân gọi là kinh đô, không có gọi là ấp, Khổng An chú Luận Ngữ nói tể là nhà quan. Vận Bổ nói Tể là chủ. Tức là quan lại làm chủ trong thành ấp.

Tứ cù đạo: Nhĩ Nhã nói: Thông một mặt là đạo lộ, hai mặt gọi là đường rẽ, ba phía gọi là kịch bàng, bốn phía gọi là cù năm gọi là khang, sáu mặt gọi là trong, bảy mặt gọi là kịch, tam mặt gọi là sùng kỳ, chín mặt gọi là quỳ nhiên. Vì đường có nhiều lối nên gọi là tứ đạt.

Kỹ nhạc: Thiết Vận nói kỹ là nữ ca kỹ. Tỳ Thượng nói: Kỹ là cô gái đẹp. Vì cho cô gái đẹp làm thú vui nên gọi là kỹ nhạc. Văn kinh viết bộ thủ một bên, chữ kỹ của kỹ nghệ. Có người viết bộ chẳng phải nghĩa kinh.

Cân ngự nhữ Bảo thừa: Tấn Thư Dư Phục Chí nói khăn xe của Chu Lễ lớn đỏ để chầu triều, lớn trắng là đồ binh. Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói khăn như áo. Y nghĩa là tấm vải thêu đậy lên xe, Quảng Nhã nói ngự là ngự giá. Phu nhân thải nữ: Các cô gái được tuyển chọn phong tục thông nói: nơi lục cung các cô tỳ nữ có đến hàng ngàn. Thiên tử cùng vui chơi với các cô, Thừa tướng chọn các cô thiếu nữ ở các làng quê chừng mười ba trở lên hai mươi trở xuống, mảnh mai trinh trắng để chở vào tấn cung nên gọi là Thái nữ, phu nhân là người trưởng thành nên nói là phu nhân.

Tầm diệc khứ thế: Đỗ chú Tả Truyện nói: Tầm là nối tiếp là nối tiếp sau đó.

Tụ lạc: Vệ Thiệu Hán Thư nói: Làng nhỏ cho các dân cư ở gọi là tụ lạc.

Y hổ: Nhĩ Nhã nói hổ là nương tựa. Hàn Thi Truyện nói hổ là nương cậy.

QUYỂN 12: PHẨM DANH HIỆU NHƯ LAI

Chiêm-bặc hoa: Hán gọi là hoa màu vàng, hoa nó rất thơm nhưng nhỏ như hột dành dành.

A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề: chữ miệu viết theo âm Phạm phải viết là được. A Hán gọi là vô, Nậu-đa-la là thượng. Tam-miệu là chánh, tam là biến, đẳng. Bồ-đề là giác. Nói tóm lại là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chữ nậu, xưa nay trong kinh luận phần nhiều viết âm nậu. Theo tiếng Phạm giống với nhập thanh ở phương này, chứ không phải khứ thanh, cho nên chữ này phải viết bộ thị chứ không viết bộ lời.

Thích-ca Mâu-ni: Thích-ca dịch là Năng. Mâu-ni là Tịch Mặc, ý nói ba nghiệp xa lìa nơi tranh luận.

Cù-đàm thị: Nói cho đủ là Cù-đáp-ma. Cù, Hán dịch là địa. Đáp-ma là tối thắng, nghĩa là ngoai cõi trời ra, trong thế gian này họ này là cao quý nhất, nên nói địa tối thắng. Hoặc nói Cù-đàm-di hoặc nói Kiều-đàm-di hoặc nói Cù-di, đều là tiếng kêu của người nữ.

Giác-la-bạt-na: Giác nói cho đủ là giác Thấp-phất-la: Hán dịch là tự tại. Bạt-na là tiếng lớn. Nghĩa là Phật gọi đại tự tại.

Tu tý: (đã giải) ở trước.

Phong ích: Thuyết Văn nói ích là đựng đầy bình.

Hoặc danh tánh siêu mại. Theo Phạm bản nói: Yết-đế-ngật-lan-đà-tắc chuyển Phạc-bà nói Yết-đế-ngật-lan-đà là vượt qua. Tắc chuyển là tự, Phạc-bà là tánh, nghĩa là thể tánh mình vượt qua. Thuyết Văn nói mại là đi xa, viễn là quá xa.

Hoặc danh giản ngôn từ: Thượng Thư nói Từ còn gọi giản yếu, Khổng An chú nói: giản là lược.

Tiễn thiểu: Giả chú Quốc Ngữ nói: Tiễn là ít, (quả) quả còn gọi là bạt.

Thược:

PHẨM TỨ THÁNH ĐẾ

Tháo động: Trịnh chú Luận Ngữ nói: Tháo là không an tịnh.

Cừu đối: Nhĩ Nhã nói cừu là thù, Khổng An chú Thư nói: Cừu là oán, ý nói gặp nhau ở ngoài đường như thù oán, vì xa lìa chướng.

Tư đãi: Khảo Công Ký nói: Tư là lấy, Vương Dật chú Sở Từ nói đãi là nên, ý nói khổ đế là thứ lộn theo lúc nóng lạnh đói khát nên phải

tìm lấy.

Bỉ tiện: như Thuần Chú Hán Thư nói bỉ là quê hèn.

Phá noãn: nghĩa là khổ báo sạch hết mới hiển diệt đế, cho nên gọi diệt đế là phá noãn, trong kinh có từ phá noãn, tức là phá vỏ trứng sanh tử mới hiển hiện diệt đế.

Năng quặc thế: Thương Hiệt Thiên nói: quặc là vồ lấy. Thuyết Văn nói quặc là chộp lấy. Quảng Nhã nói thế là cắn, ý nói do tạo tập tổn hại căn lành xuất ly chân thật, ở đây giống như sư tử vồ cắn, chữ quặc, văn kinh viết bộ khuyển một bên là rất lầm lẫn. Hoa Nghiêm Xà-lê Cộng Tam Tạng Phúc Khám. Bản Phạm này nói: Tợ đa. Hán nói: Sư tử vẫn kêu theo nghiệp dụng, nên phiên là quặc thế.

Hỗn trọc: Thiết Vận nói hờn là dục, trọng ngôn huấn nghĩa cón nói: thanh tịnh.

Phôi: bình gốm chưa nung.

Phẫn độc: Giả chú Quốc Ngữ phẫn là đầy. Trịnh chú Lễ Ký nói phẫn là tức giận sục sôi.

Kinh hãi: Quảng Nhã nói hãi là khởi, hễ người giật mình thì tâm họ khởi dậy.

Nặc-tỳ: Quảng Nhã nói: nặc là ẩn. Đỗ chú Tả Truyện nói nặc là ẩn, tỳ là bịnh. Nghĩa là bịnh hoạn phiền não được ẩn tàng trong khổ đế.

Ngạo mạn: Đỗ chú Tả Truyện nói: ngạo là bất kính, chữ ngạo này trong văn kinh viết bộ tâm đứng một bên là sai.

Sử lưu: Thương Hiệt Thiên nói: Sử là nhanh chóng chữ này trong văn kinh viết chính là tên ngựa, chẳng phải ý kinh.

QUYỂN 13: PHẨM QUANG MINH GIÁC

Diêm-phù-đề: chính gọi là Thiêm-bộ-đề. Thiệm-bộ là tên cây, đề gọi là châu. Nghĩa là trên Thiên Sơn có ao A-nậu, phía Nam có cội cây lớn gọi là Thiệm-bộ lá nó trên rộng dưới hẹp, châu Nam này giống như nó, nên lấy đó đặt tên.

Phất-bà-đề: Nói cho đủ là Bố-lỗ-bà Tỳ-đề-ha. Bố-lỗ-bà Hán dịch là sơ, nghĩa là chỗ mặt trời mới mọc, nghĩa là phương Đông, tỳ là thắng, đề-ha là thân.

Cù-đà-ni: Nói cho đủ A-bát-lợi Cù-đà-ni. A-bát-lợi, Hán gọi là

hướng Tây, hoặc nói bát chấp mãng, Hán dịch là hậu nghĩa là chỗ lúc mặt trời sắp lặn. Cù là trâu, Đà-ni là chất. Nghĩa là lấy trâu để đổi đồ dùng, như phương này dùng tiền.

Uất-đơn-việt: nói cho đủ là Uẩn-thát-la Cú-lư-uẩn-thát-la là thượng, thắng. Câu-lô là sở tác, nghĩa là người ở châu kia đối với việc họ đã làm đều không tốt bằng ta.

Văn-thù-sư-lợi: nói đúng là Mạn-thù-thất-lợi. Thù, Hán dịch là diệu. Thất-lợi là đức.

Trượng phu: Đại Tái Lễ nói: trượng là trưởng tạo, phu là phù. Ý nói trưởng dưỡng vạn vật. Bạch Hổ Thông nói: phu là đỡ, chống đỡ bằng đạo. Trượng phu là dáng người. Tả Truyện nói tấn hiền đạt năng gọi là trượng phu. Quảng Nhã nói nam tử gọi là trượng phu là hành giả nổi tiếng.

Cám thanh: Châu Lâm nói: sắc xanh thẫm má đỏ phân nửa gọi là cám.

Hý tiếu:

Ngộ thế gian: ngộ là tỉnh, nghĩa là làm cho thế gian đều tỉnh giấc ngủ sanh tử.

Trần lụy: Trịnh Huyền chú nói lụy là ràng buộc. Nghĩa là lục trần làm nhiễm ô tâm như bụi dính vào người liền bám không thể rớt ra được cho nên gọi chung là trần lụy. Chữ trần từ chữ thứ và thổ. Thể thứ là nhiều, nghĩa là nhiều bụi thành trần, chữ hội ý, người nay đa số viết bộ lộc và trần, cúng dường hiểu được nghĩa của nó.

PHẨM BỒ-TÁT VẤN MINH

Hiểu ngộ quần mông: Quảng Nhã nói: hiểu là nói, Trịnh chú Lễ Ký nói quần là đông. Hàn Khang Bá chú Dịch nói: mông muội là nhỏ bé, Thuyết Văn nói mông là đồng mông, ý nói phàm phu đối với đạo chưa có sự hiểu biết như trẻ đồng mông Bồ-tát giáo hóa làm cho khai ngộ.

Duy nhân: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: duy là tiếng nói phát loạn. Chu Lễ nói đức trời gọi là nhân, nghĩa là như người có đức dưỡng dục như trời. Thì gọi người đó là nhân.

Thoan lưu cạnh bôn: Thuyết Văn nói: nước cạn chảy trên cát gọi là thoan. Lại nói thoan là nước chảy xiết. Nhĩ Nhã nói: qua đi.

Trường phong: Tứ đôi. Tự Uyển nói: Gió cuồn cuộn nổi dậy, gọi là trường phong.

Cổ phiến: Trịnh chú Nghi Lễ nói: Cổ là vỗ, phiến là lay động, chữ cổ trong kinh viết bộ một bên, chính là chuông trống.

Cỏ quan mộc nhân: Hàn Khang chú Dịch: Khu cơ là then chốt của bộ máy. Theo chữ cơ tức là khu cơ, vật dùng chuyển động bộ máy, nghĩa sâu kín, ý nói người gỗ vô tâm nhưng dùng then chốt kín mật mà khéo vận dụng, khiến cho người dù nghiệp thể đều vô dụng mà có thể sanh vô số quả báo.

Tùng hạt: Trịnh chú Nhĩ Nhã nói: Hạt là chim con cần mẹ.

Đào ba:

A-yết-đà dược: A Hán dịch là phổ, Yết-đà gọi là khứ, ý nói người uống thuốc này thì có thể loại trừ hết các bịnh trong thân. Lại nói A là vô, Yết-đà là bịnh vì uống thuốc này rồi không còn bịnh gì nữa.

Tỳ-lam phong: chính là nói Phệ-lam-bà. Phệ là tán, lam-bà là sở chí, ý nói nơi nào có gió này thổi thì đều tan hoại. Lại nói Tỳ là không, Lam-bà là tù, nghĩa là ngọn gió này thổi rất nhanh. Cựu dịch là gió lốc, phong luân dưới thủy luân ấy cũng cùng tên với gió này.

Tiêu thấp: Thuyết Văn nói tiêu là củi chữ thấp văn kinh viết không có bộ thổ chính là tên sông ở quận Bình Nguyên.

Như toan quý: Toan là lấy lửa từ cây gỗ, túy là lấy lửa từ trong gương. Hoài Nam Tử nói ánh sáng chiếu thấy mặt trời thì nóng mà thành lửa. Thấy mặt trăng thì lạnh mà thành nước.

Hách nhật

Hài trừu: Phương Ngôn nói trừu là tuổi nhỏ.

Mang thảo tiễn: mang thảo là tên loại cỏ. Đỗ Sắc Tây Vực đã có nói, Giang Đông cũng có nhiều loại này, hình nó như da cỏ lau, thể chất mềm mại.

Niếp: là giẫm đạp.

Thọ nỗi: Thuyết Văn nói nỗi là đói rét, bộ thực và chữ văn kinh viết một bên: chữ ủy là chăn nuôi.

Cơ đổ: Giả Quỳ nói: Cơ là nền tảng. Công Dương Truyện nói năm tấm ván là một đổ. Hà Hưu nói tám thước là bản, một đổ gồm bốn mươi thước. Nay bắt đây xây dựng tường. Cơ là móng của cung thất.

Suất thổ hành đái ngưỡng: Nhĩ Nhã nói: Suất là theo, Ngọc Thiên nói đái là vui thích phụng thờ người trên. Nghĩa là dân chúng được giáo hóa ai cũng ưa thích phụng sự.

QUYỂN 14: PHẨM TỊNH HẠNH

Xa-ma-tha: Hán dịch là ngưng lại, cũng gọi là tịch tịnh, nghĩa là chánh định lìa hôn trầm.

Tỳ-bát-xá-na: Hán dịch là chủng chủng quán sát nghĩa là chánh tuệ quyết trạch.

Ỷ giác: Yêm Sư Văn Tuyển Âm Nghĩa nỏi ỷ là đẹp. Ngọc Thiên Cố Dã Vương nói: Ỷ là khen đẹp lại viết là (huy), Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói huy là diễm lệ mà xem thường mỹ. Nay giác chi nhờ định gia hạnh hàng phục hôn trầm trạc cử. Nên dần định thân tâm khinh mỹ được an hòa tức là nghĩa khinh mỹ nên đắc định. Chẳng những tâm an điều hòa mà thân cũng tươi tấn.

Đàn Ba-la-mật. Nói cho đủ là Đàn-na Ba-la-mật-đa. Đàn-na Hán dịch: thí. Ba-la-mật là bỉ ngạn. Đa là đáo, nghĩa là có thể đến bờ kia, năm độ Ba-la-mật đồng chuẩn theo đây mà giải thích.

Thi Ba-la-mật. Thi-la Hán gọi là Thanh Lương.

Sằn-đề: Hán dịch là an nhẫn.

Tỳ-lê-da: gọi là tinh tấn.

Thiền-na: Hán gọi là Tịnh Lự nghĩa là tịnh tâm tư lự, cựu dịch là tư duy tu.

Bát-nhã: Hán dịch là tuệ. Tây Vực nói tuệ có hai tên, một là Bát-nhã, hai là Mạt-để-trí, chỉ có tên thư nhất gọi là Nặc-na là tên Trí Độ thứ 10.

Tăng-già-lam: nói cho đủ là Tăng-già-la-ma. Tăng là tăng chúng, Già-la-ma là viên hoặc nói chốn lạc trú của chúng tăng.

Xả chư tội ách: Châu Lâm nói ách là tay đòn xe. Nay các tội đặt trên thân ví như con trâu kéo cày nặng, ở nhà nhiều hệ lụy như con trâu bị cái ách. Thoát tục vào đạo như tháo ách.

Ca sa: Nói cho đủ là ca sa sa duệ. Hán gọi là nhiễm sắc y. Tây Vực người đời ai cũng mặc áo màu trắng.

Thiệu long: Thiết Vận nói Thiệu là kế thừa. Trịnh chú Lễ Ký nói long là thạnh, nghĩa là kế thừa sự nghiệp tổ tông và làm cho hưng thạnh.

Thống lý: Hán Thư Thần Toản chú: thống là tổng. Ngọc Thiên nói: lý là trị, ý nói nhiếp trị chung hết.

Xà-lê: nói cho đủ là A-xà-lê: Hán dịch là quỷ phạm sư, nghĩa là làm khuôn thước phép tắc cho đệ tử. Nhưng có năm loại xà-lê: 1 Yết-ma; 2 Oai nghi; 3 Y chỉ; 4 Thọ kinh; 5 Thập giới. Tây Vực lại có quân

trí xà-lê.

Kiểm thúc: Nhan Chú Hán Thư: kiểm là cục nghĩa là thâu gom lại không để phân tán, văn xưa theo luận kiểm nghiệm nay theo nghĩa kiềm chế.

Tăng-già-lê: chính là Tăng-yết-để, đây gọi là hòa hợp y nghĩa là phải hai lớp hợp thành.

Phệ chư phiền não: Tam Thương nói phệ là cắn.

Can chưởng: Thuyết Văn nói can là chậu rửa tay.

Phát chỉ: Tự Lâm nói chỉ là chân.

Bí trạch: Thuyết Văn nói: đào đất thông nước gọi là ao, chứa nước là cái vũng.

Tú chiêu: Thuyết Văn nói chiêu là cái ao.

Cấp tỉnh: Quảng Nhã nói cấp là lấy, lấy nước để vào hồ.

Viên phố: Thương Hiệt Thiên nói: trồng cây gọi là viên, trồng rau gọi là phố.

Vân trừ: Vận phố nói canh là cây. Mao Thi Truyện nói canh là dọn cỏ.

Đầu-đà: nói cho đủ là Đổ-đa. Hán dịch là đẩu tẩu nghĩa là lìa bỏ chuyên vụ thiểu dục tri túc. Mười hai hạnh đều có thể trừ bỏ phiền não.

Xú lậu: Ngọc Thiên nói xú là xấu tệ, nghĩa là thấy dung nhan xấu xí.

Sa-môn: Sa-ca-mãn-nang. Hán gọi là chỉ tức. Dừng mọi pháp bất thiện. Còn gọi là cù lao: nghĩa là làm tất cả việc vất vả khổ cực. Còn gọi là nghe nhiều huân tập làm sự nghiệp. Còn nói ca sa nghĩa chỉ tức, ý nói ca sa có sức ẩn, dừng mọi điều bất an.

Bà-la-môn: Hán gọi là xả ác pháp. Còn gọi là tịnh hạnh

Tháo hạnh: Vương Dật chú Sở Từ nói tháo là chí, Ngọc Thiên nói giữ chí trong sạch gọi là tháo.

Giáp vị: Quảng Nhã nói vị là chỗ đựng và tiêu hóa thức ăn.

Khải trượng: Thuyết Văn nói: Khải là áo giáp. Phong Thổ Ký nói trượng là tên chung của mâu giáp. Nhan Chú Hán Thư nói trượng là binh khí cầm trong tay, chữ này phải viết bộ, văn kinh viết bộ chữ trượng này là gậy, hoặc bộ là nhầm.

Bất kiêu oai nghi: Giả chú Quốc Ngữ nói: làm việc không đúng pháp của Tiên vương, gọi là kiêu. Ngọc Thiên nói kiêu là giả, dối trá. Nay nói oai nghi chân thật không có tướng dối trá. Chữ này phải viết bộ, văn kinh viết bộ chữ này theo Vương Dật chú Sở Từ gọi là trực. Nhĩ

Nhã nói là dũng. Thương Hiệt Thiên gọi là chánh. Những nghĩa này đều trái ý kinh.

Lâm tẩu: Trịnh Huyền chú Chu Lễ: đầm không có nước gọi là tẩu. Lại nói tẩu là đầm lớn. Lại nói đầm ít nước. Hàn Thi Truyện nói trong đầm có chim thú ở gọi là tẩu.

Thô trách.

Phúng tụng: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: phúng là thuộc làu, có âm tiết là tụng.

Phật tháp: tháp là tiếng Phạm, hoặc nói là Thâu-bà, gọi là Tốt-đổ-ba, Hán dịch là lăng mộ.

Nhược phạn thực thời. Thuyết Văn nói phạn là ăn, nghĩa là ăn bánh, tên khác của nhai cấn.

PHẨM HIỀN THỦ BỒ-TÁT (Thượng)

Ma-ha-diễn: nói cho đủ là Ma-ha-diễn-na. Ma-ha Hán dịch là đại. Diễn-na là thừa.

Kiêm lợi: văn Tự Tập Lược nói: kiêm là cùng với nghĩa là Bồ-tát tự lợi rồi còn lợi tha, cho nên nói kiêm lợi.

Hoàng diệu: Thuyết Văn nói hoàng là sáng. Quảng Nhã nói hoàng la huy hoàng, có khi viết

Huyến hoán: Trịnh chú Nghi Lễ nói: Huyến là văn sức. Hà Yến Chú Luận Ngữ nói hoán là sáng.

Kiếp trung cơ cẩn: Nhĩ Nhã nói lúa không chín gọi là cơ, ngũ cốc không chín là cẩn. Cốc Lương Truyện nói: một cốc không thăng gọi là khiểm, nhị cốc không thăng gọi là cơ. Tam cốc không thăng gọi là cẩn. Tứ cốc không thăng gọi là khang, ngũ cốc không thăng gọi là đại tẩm. Thăng là lên, thành. Mặc Tử nói nhất cốc không thu gọi là cẩn. Nhị cốc không thâu gọi là hạn. Tam cốc không thâu gọi là hang. Tứ cốc không thâu gọi là ngạ. Ngũ cốc không thâu gọi là cơ cẩn. Ngũ cốc: Lễ Ký Nguyệt Lịnh nói: Lúa, đậu, nếp, mè, bắp.

Khiếp:

Tỳ-lạc-sắc: Khổng An chú Thư: Tỳ là khiến cho.

Sở hào thượng: hào là ưa thích, Nhan chú Hán Thư nói thượng là chuộng.

Ly huyên hội: Quảng Nhã nói hội là loạn.

Nhã tư uyên tài: Mao Thi Truyện nói uyên là sâu.

Thị yết thiên miếu: Thương Hiệt Thiên nói: Thị là hiện, Nhĩ Nhã

nói: Yết là thỉnh mời nghĩa là thị hiện cầu thỉnh linh miếu của thiên thần.

Tôn cừ.

Bẩm tà: Khổng chú Thư nói: Bẩm là thọ.

QUYỂN 15: PHẨM HIỀN THỦ BỐ TÁT (Hạ)

Bộc lưu: Thuyết Văn nói: bộc là mưa lớn, nghĩa là trời đổ mưa ùn ùn, lũ lụt từ các dòng sông, vách núi đổ về.

Thuyền phiệt: Phương Ngôn nói phiệt là bè nổi. Tấn Tần đều nói giống nhau.

Hủy ti: Thuyết Văn nói tỷ là.

Đãi thành: Trịnh chú Lễ Ký nói đãi là kịp nghĩa là dự bị việc kịp.

Chẩn: Đỗ chú Tả Truyện nói: Chẩn là cứu giúp.

Tuệ thí: Quảng Nhã nói tuệ là ban cho.

Trân soạn: Nhĩ Nhã nói soạn là ngon.

Qua kiếm kích: Nhĩ Nhã nói qua là kích móc câu. Thuyết Văn nói: qua là cái kích đầu bằng. Thanh Loại nói đỉnh là con thoi. Hứa Thúc Trong chú Hoài Nam Tử nói tùng là cái mâu nhỏ, vùng Ngô Dương Giang Hoài Nam Sở nói mâu là cái đỉnh. Theo Luận Ngữ bình cái qua là đầu một bên nhọn, kích là hai bên nhọn.

Hồ thỉ: Thuyết Văn nói hồ là cung gỗ, Khảo Công Ký nói chuốt gỗ gọi là thỉm tức là cái tên, chữ hồ trong văn kinh viết bộ một bên.

Xa dư: Ngọc Thiên nói Dư là tên chung của xe.

Hà huống: Huống phải viết hai chấm một bên. Văn kinh viết ba chấm. Thuyết Văn nói chữ huống này là nước lạnh lẽo, hoàn toàn trái với nghĩa kinh.

Tu-du: (đã giải) ở trước.

Bại nhục: Ngọc Thiên nói nhục là trắc trở. Tả Tư Ngô Đô Phú nói: Nhục là chặt đứt.

Đồ lữ: Khổng An chú Thư nói đồ là đông, lữ giống như. Quảng Nhã nói lữ là bạn.

Thoán nặc: Ngọc Thiên nói thoán là chạy trốn. Quảng Nhã nói nặc là ẩn.

Thích-đề-hoàn: Phạm âm này giống như quyển I ở trước, người

xưa nhầm viết chữ thật lầm lỗi quá sâu.

Cẩn: Thuyết Văn nói cẩn là mới có thể.

Ưu túy: Phương Ngôn nói túy là thương, nghĩa là dung mạo tổn thương.

Bị giáp: Quảng Nhã nói bị là thêm. Nghĩa là thêm vào thân.

Quyên vông: Châu Lâm nói, quyên nghĩa là lấy lưới lưới chim.

Đao-lợi thiên: Đao-lợi là tiếng Phạm, chính gọi là Đát-lị-da-đát-lị-xa. Đát-lị-da, Hán dịch là Tam, Đát-lị-xa là tạp (30) nghĩa là bốn phương trên đỉnh núi Tu-di đều có tám thành lớn. Trong đó có một thành lớn là cung của Đế Thích ở. Tổng số có ba mươi ba nơi. Cho nên theo chỗ đó mà đặt tên.

Ma-hê-thủ-la: Ma-hê-thấp-phiệt-la. Ma-hê là đại. Thấp-phiệt-la là tự tại. Nghĩa là ông vua này ở cõi đại thiên được tự tại.

Vô sở cự: Khổng An chú Thư cự là đến. Ngọc Thiên nói cự là suy cách, Phương Ngôn nói cách là dừng. Nay văn kinh viết bộ.

Kha tuyết sắc: Ngọc Thiên nói: Kha là loại được chiết xuất từ ngọc trai ở dưới biển nó trắng như tuyết, cho nên lấy đó đặt tên cho ngựa.

Mã não: theo mã não tiếng Phạm gọi là A-thấp-ma-yết-ba. A-thấp-ma Hán dịch là mã, pha, yết-ba là não, tạng. Nếu nói A-thấp-ma-yết-ba Hán gọi là Thạch tạng. Vì loại bảo bối này xuất phát từ loại đá, lấy tên đó mà gọi âm mã đọc lộn qua thạch, âm tạng lạm thành não. Nên đọc nhầm là mã não.

Đa-la hoa: có dịch ở quyển 33.

Mạn-đà-la: Hán dịch là duyệt ý hoa, còn gọi là hoa nhiều màu, cũng gọi là nhu nhuyễn thanh còn gọi là hoa thiên diệu.

Kê-la-đa-la: Kê-la nói cho đủ là Kê-tát-la, Hán gọi là nhụy hoa. Đa-ma nói cho đủ Đa-ma-la. Hán gọi là thiên hoa, nghĩa là mùi thơm ấy xuất phát từ nhụy hoa trên trời.

Bà-lợi-sư-ca: Hán gọi là loại hoa nở lúc trời mưa, lấy hoa hòa với nước mưa làm hương. Theo tiếng Phạm: Bà-lợi-sư Hán gọi là mưa, ca là thời, loại hoa này phải đến lúc mua mới sanh nên gọi như vậy.

Mạt-lợi hương: Mạt-lợi là tên loài hoa, hoa ấy màu vàng ròng, chẳng phải nói Mạt-lợi là màu vàng.

QUYỂN 16: PHẨM THĂNG TU-DI ĐỈNH

Trí phổ quang minh tạng: Quảng Nhã nói trí là đặt nghĩa là an trí vào trong tạng ấy.

Thập thiên tầng cấp: theo tiếng Phạm nghĩa là siêu xuất vượt bậc.

Thập thiên tăng ỷ: Thuyết Văn nói tăng là tên chung của lụa, lụa có hình vẽ, thêu gọi là ỷ Thích Danh gọi là ỷ là xiên vẹo, đường hoa văn không thuận, dọc ngang ngoằn ngoèo.

Ca-diếp: nói cho đủ là Ca-diếp-ba. Hán dịch là Ẩm Quang, là tên của một dòng họ. Vì Phật giáng sanh trong họ này nên lấy đó đặt tên.

Câu-na Mâu-ni: gọi cho đúng Ca-na-ca-mâu-ni. Ca-na, Hán gọi là sắc vàng. Mâu-ni là tiên, vì Phật là đại tiên, thân màu vàng ròng nên gọi Phật là Tiên sắc vàng.

Ca-la-cưu-đà: nói cho đủ là Ca-la-cưu-thôn-đà, Hán gọi là việc đáng đoạn đã đoạn.

Tỳ-xá-phù: nói cho đúng là Ty-thấp-bà-bộ. Tỳ-bà Hán gọi là biến nhất thiết. Bộ là tự tại, nghĩa là biến khắp tất cả đều tự tại hoặc dịch là Nhất thiết hữu.

Thi khí: gọi cho đúng là thức khí na, Hán gọi là trì kế hoặc hữu kế.

Tỳ-bà-thi: Hán gọi là tịnh quán hoặc gọi là thắng quán cũng gọi là thắng kiến hoặc gọi là chủng chủng quán.

Phất-sa: gọi đúng là Bột-sa, Hán gọi là tăng oai.

Đề-xá: gọi cho đúng là Để-sa. Theo Huấn Tự ở Tây Vực nói: Để là Để-la-na, Hán gọi độ. Sa là diêu sa, Hán gọi là thuyết, nghĩa là thuyết pháp độ người.

Ba-đầu-ma: gọi đúng là Bát-đặc-man, Hán gọi là Hoa sen đỏ.

PHẨM KỆ TÁN TRÊN ĐỈNH TU-DI

A-lô-na hoa: Hán gọi là lúc mặt trời sắp mọc tướng màu hồng, sắc hoa ấy giống như vậy nên lấy đó đặt tên là hoa sen đỏ.

Na-la-đà hoa: Na gọi đúng là Nại-la, Hán gọi là người. Đà là Đà-la, Hán gọi là trì, hương của loài hoa ấy rất thơm, mọi người ai cũng thích, cho nên họ ưa cầm hoa này.

Tánh nhĩ: nhĩ cũng như thử. Như thử là lời ấn khả, cho nên Châu Lâm nói là nhĩ.

Ninh thọ: Ngọc Thiên nói ninh là lời nguyện.

Vĩ tai: Thuyết Văn nói vĩ là kỳ lạ. Thiết Vận nói Vĩ là lớn. Ngọc Thiên nói tai là trợ từ cuối câu.

PHẨM BỒ-TÁT THẬP TRỤ

Hư nhàn: Vô vi là hư, vô sự là nhàn.

Yến tẩm: Nhan Chú Hán Thư nói yến là an tức.

Giáo chiêu: Nhĩ Nhã nói chiêu là chỉ đạo Quách Phác nói giáo là dẫn dắt.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 22

TÂN DỊCH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN TRUNG

(Từ quyển 17 đến hết quyển 50).

Đãi ư vô thượng: Nhĩ Nhã nói: đãi là và dữ tức là chữ dự cổ. Nay ý văn kinh nói được dự quả Vô thượng Bồ-đề.

Hầu vẫn: Thương Hiệt Thiên nói vẫn là hai bờ môi.

Dự lưu: Châu Lâm nói làm việc gì mà đến nơi là dự. Trong đây nghĩa là kiến đạo thứ mười sáu tâm đắc quả vì xả bỏ hướng vào hạnh lưu vào Thánh chúng nên nói là Dự lưu.

A-la-hán: theo tiếng Phạm thì bao hàm nhiều nghĩa. Theo Bà-sa Luận quyển 94, giải thích bốn nghĩa, ứng cúng, sát tặc, bất sanh, viễn ác. Theo Duy Thức Luận có ba nghĩa:

1. Đã xa lìa giặc phiền não.
2. Xứng đáng nhận phẩm vật tốt của thế gian.
3. Vĩnh viễn không còn thọ phần đoạn sanh tử.

Theo Thành Thật Luận có một. Vì đoạn sạch lậu hoặc nên gọi là A-la-hán Cựu dịch là vô sanh, nghĩa là sạch các hoặc ở Tam giới không còn sanh lại nữa.

Yết-ma: Hán gọi là biện sự, nghĩa là các phép sự do đây được hoàn thành.

Hòa thượng: Theo lời nói nhã nhặn của ngũ thiên. Hòa thượng là Ô-ba-địa nhưng theo phong tục nước ấy nói Hòa thượng ôn xã Vu Điền Sớ Lặc nói là thể xã. Nay ở phương này đọc nhầm Hòa thượng, tuy âm vận mỗi nơi khác nhau. Nay y theo chánh thích Ô-ba, Hán gọi là Cận Địa Da là đọc, nghĩa là người gần gũi học tập vị tôn sư này. Cựu dịch là thân giáo sư.

A-xà-lê: Hán dịch là quỷ phạm, phạm tức là sư, nghĩa là làm phép tắc cho đệ tử.

QUYỂN 17. PHẨM CÔNG ĐỨC SƠ PHÁT TÂM

Ninh-vi-đa phủ: Ngọc Thiên nói ninh là án. Hán Thư Tập Chú nói án là yên, an yên đều là trời lời trách nhỏ nhẹ.

Ca-la-phần: nói đúng là la: nghĩa là chẻ cọng lông thành 1% hoặc nói một phần trong mười sáu phần.

Ưu-ba-ni-sa-đà phần: nói cho đúng là Ô-ba-ni-sát-đàm. Ô-ba là cận. Ni-sát-đàm là thiểu, là phần so sánh gần bằng. Hoặc nói là cực là số tận cùng, ý kinh nói là vô hạn thiện căn ít nhiều đều không sánh được.

Thả trí: Quảng Nhã nói trí là xả bỏ.

Tu-đà-hoàn: gọi cho đúng là Tốt-lộ-đa A-bát-nẳng: Tốt-lô-đà là nhập. A-bát-nẳng là lưu, nghĩa là đoạn hết kiến hoặc xả dị sanh tánh mới được thánh phẩm, bước vào dòng Thánh, nên gọi là nhập lưu.

Tư-đà-hàm: Hán dịch là Nhất lai, nghĩa là vị Thánh giả này đoạn Dục giới tu sáu phẩm hoặc nhưng còn ba phẩm chưa đoạn được khiến cho vị Thánh giả này còn một phen sanh lại cõi dục nên gọi là Nhất lai.

A-na-hàm: Hán dịch là Bất hoàn, đoạn dục tu chín phẩm hoặc tận. Từ đây sanh lên Sắc giới, không có thọ sanh lại trong Dục giới nữa nên gọi là Bất hoàn.

Tài: Quảng Nhã nói tài là tạm.

Nan chế tự: Lý Kỳ chú Hán Thư nói chế đoạn là cấm. Mao Thi Truyện nói tự là dừng.

Bất cáo lao: Mạnh Khang chú Hàn Thi nói: thời xưa nói quan lại nghĩ hưu là cáo. Theo chữ cáo có nghĩa là tố cáo, nên thi nói việc vua sai bảo không dám bao mệt.

Cận yết: Châu Lâm nói: Cận là thân gần thăm uống bậc tôn túc. Đỗ chú Tả Truyện nói yết là thưa.

Tán ngưỡng: Luận Ngữ nói: Khổng Tử thấy Tề, người mặc xiêm y cho kẻ mù. Việc tuy nhỏ nhưng làm hết. Nhan Yên ngậm ngùi than: Ngưỡng mộ cao thay. Tán càng chắc. Hà Yến chú: lời ấy không thể cùng tận nghĩa là đạo cao còn chắc không hạn lượng, càng ngưỡng

trông càng cao, càng tán càng chắc.

Đem vị: Ngọc Thiên Tự Lâm nói ham thích sắc gọi là kham, ham rượu gọi là đam. Tai rủ xuống là đam. Thanh Loại nói là. Nay văn kinh viết chữ.

Trân tòa: Giả chú Quốc Ngữ nói trân là quý báu.

QUYỂN 18: PHẨM MINH PHÁP

Siêu chư đẳng liệt: Vận phổ nói đồng đẳng. Đỗ chú Tả Truyện nói liệt là vi. Quách Chú Lễ Ký nói liệt đẳng là so sánh. Trương Thậm Chú Liệt Tử nói: Trí của cầm thú có loài giống người mà đi thành bầy nên gọi là liệt.

Văn tương liên thuộc: thành văn tương liên đối văn tương thuộc.

Suyển mậu: Châu Lâm nói suyển là trái ngược nhau. Trịnh chú Lễ Ký nói mậu là sai lầm.

Tam-ma-bát-để: Hán dịch là đẳng chí, nghĩa là từ gia hạnh hàng phục hôn trầm trạo cử, gắng đến địa vị định thì thân tâm an lạc.

Giai vô hà điềm: Quảng Nhã nói há là tỳ vết. Mao Thi Truyện nói điềm là khuyết, phàm người nào có lỗi giống như ngọc có vết. Xưa nay đều cho đó là lời thông thường.

Thực: Thương Hiệt Thiên nói thực là trồng văn kinh có viết chữ là sai.

QUYỂN 19: PHẬT LÊN CUNG TRỜI DẠ-MA

Mạc bất tự vị: Châu Lâm nói: mạc là vô. Ngọc Thiên nói vị giống như ngôn (nói) đạo (cho rằng).

PHẨM KỆ TÁN TRONG CUNG DẠ MA

Mỹ bất sung: Châu Lâm nói mỹ là vô, Tiểu Nhã nói sung là đầy đủ.

Tư thượng thiên: Nhĩ Nhã nói tư là này.

PHẨM THẬP HẠNH

Võ quật nhiêu hạnh: Đỗ chú Tả Truyện nói nhiêu là khúc khuỷu. Hán Thư Tập Chú nói nhiêu là yếu. Ý văn trong đây nói tinh tấn Ba-la-mật, dũng mãnh siêng năng không thối lui khiếp nhược. Chữ nhiêu phải viết bộ mộc. Văn kinh viết bộ thủ. Chữ nhiêu là quấy nhiễu, chẳng phải dùng trong ý này.

Mỹ sở tư thiêm: Khảo Công Ký nói: tư là lấy, Tiểu Nhã nói thiêm là đầy đủ, ý nói khi xúc sự thiếu thốn không cho là đủ. Quách Tượng chú Trang Tử nói tư là cấp cho. Thanh Loại nói thiêm là trợ giúp. Ý nói người neo đơn không gì cứu giúp.

Bổ-già-la: hoặc nói Ma-na-bà, Hán gọi là sổ thủ thú, ý nói tạo nghiệp không dừng luôn chuốc quả khổ.

Ma-nạp-bà: hoặc nói Ma-na-bà, Hán gọi là niên thiếu, hoặc nói là Nho đồng.

Châu lệ: Thuyết Văn nói châu là sắc đẹp. Tiểu Nhã nói lệ là rực rỡ, nghĩa là nhan sắc tươi tắn.

Trân ngoan: Quảng Nhã nói: trân là trọng. Giả chú Quốc Ngữ nói trân là đẹp. Thư nói: ngoan nhân táng đức, ngoan vật táng chí, Khổng An chú nói lấy người làm trò đùa thì mất đức, đùa với vật thì mất chí, nay vật mà yêu thích chơi đùa.

Nhược hoặc tùng sự: Nhĩ Nhã nói: hoặc là có. Hà Thượng Công Chú Lão Tử nói tùng là làm.

Phả năng: Quảng Nhã nói phả là thiếu.

A-tỳ địa ngục: A-tỳ, Hán gọi là vô gián.

Khánh hạnh: Lưu Triệu chú Công Dương Truyện hạnh là gặp. Vận Phổ gọi là hạnh là nhờ.

QUYỂN 20: PHẨM THẬP HANH NGHIỆP

Vô sở cố luyến: Quảng Nhã nói phả là quyến thuộc.

Tỳ-ni: nói cho đúng là Tỳ-nại-da, Hán gọi là điều phục, tức là điều phục bảy loại lỗi lầm của thân khẩu hoặc nói điều phục ba nghiệp để không gây tội ác.

Vô thông mẫn: thông cũng như nhanh chóng. Đỗ chú Tả Truyện nói mẫn là đạt.

Ngoan ngạc: Quảng Nhã nói ngoan là đần độn. Thương Hiệt Thiên nói ngạc là xấn.

Phỉ giải: Hiếu Kinh nói: qua đêm chẳng lười để phụng sự một người. Trịnh chú nói phỉ là phị giải là sa đọa.

Chí pháp điều để.

Vô sở thích mạc: Thục Thí Chủ Cát Lượng nói:

Ký vọng: Châu Lâm nói: Ký nghĩa là tam có sự mong cầu.

Bất diên thân: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói diên là thay đổi.

Ký vu pháp giới: Châu Lâm nói ký là hợp là dự.

Cai: Quảng Nhã nói cai là bao quát. Vị thường: Ngọc Thiên nói thường là xưa làm nay nói chưa từng.

Thong triết: thư nói biết người gọi là triết Nhĩ Nhã nói triết là trí.

Phỉ sở trù: Ngọc Thiên nói: trù là loại.

QUYỂN 21: PHẨM THẬP VÔ TẬN TẠNG

Phân giảm thí:

Bất phi tiên chế: Thuyết Văn nói: phi là trái.

Hạng cao: Quảng Nhã nói hạng là thượng nghĩa là nhận được nước thượng hạng tự thị là tôn quý, xem thường những nước tầm thường ở lân bang. Nay có người tự cao lăng vật cũng gọi là hạng cao.

Lăng đoạt: Thương Hiệt Thiên nói: lăng là xâm phạm.

Khải đạo: Thuyết Văn nói khải là mở ra, chỉ dạy dẫn dắt.

Xuyết kỷ: Châu Lâm nói: xuyết là dừng.

Yểu mệnh: Khổng An chú Thư nói: chết non gọi là yểu.

Thân anh trọng bịnh: Hán Thư Tập Chú nói anh là ràng buộc, nghĩa là mang bịnh nặng giống như vật trói buộc người.

Niên phương: Ngọc Thiên nói phương là bắt đầu.

Canh độc luy đốn: Khổng An chú Thư nói: canh là đơn. Ngọc Thiên nói không có anh em gọi là canh, không có con gọi là độc. Văn Tự Tập lược nói đốn là tổn.

Nghi thời tật xả: thời là nhanh chóng.

Vương tứ thiên hạ: Hân Khang Chú Dịch rằng: Vương là thịnh, đầy đủ đức một cách cũng tột nên gọi vua thiên hạ.

Ngã kim bần lũ: Thương Hiệt Thiên nói không có tài sản gọi là bần, không có của cải để hoàn bị lễ nghĩa gọi là lũ.

Đặc thùy căng niệm: Hán Thư Tập Chú nói đặc là một mình. Mao Thi Truyện nói căng là thương xót, nghĩa là yêu thương lo lắng riêng.

Dĩ thiêm ư ngã: Tiểu Nhã nói thiêm là đầy đủ. Thanh Loại nói thiêm là.

Ngã đẳng khâm phục: Khổng An Quốc chú Thư nói khâm là kính, phong là giác. Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói phong là di hóa của Thánh hiền trị đạo, nmay đứng đó để dạy bảo người.

Đô bất khả đắc: Hàn Thư Thập Di nói đô là bao gồm.

Ngã thân bạt hổ: Trịnh Tiễn thi nói: hổ là phước, chữ này lẽ ra phải viết một bên bộ thị và chữ cổ. Văn kinh viết bộ thị và chữ hữu. Khổng Tử Thuật dịch: hổ là trợ. Theo ý văn kinh nói thêm không trọn vẹn cho phước mỏng mà ra, chẳng phải do trời người không giúp nên không viết.

Chư căn tàn khuyết: Thương Hiệt Thiên nói tàn là tổn thương.

Bất tịnh vi hình: Mao Thi Truyện nói: vi là bịnh dịch. Quách chú Nhĩ Nhã nói dịch là lở lói, ý nói than dơ dáy như bịnh lở lói. Vương chú Thư: Vi là tiện, ý nói thân bất tịnh này chẳng gì quý trọng.

Bào đoạn: phần đoạn của bào thai.

Kỳ-dạ: Hán dịch là ứng tụng.

Dà-đà: Hán dịch là phúng tụng.

Ni-đà-na: Hán dịch là nhân duyên nhưng có ba loại.

1- Nhân thỉnh mà thuyết

2- Nhân phạm mà chế giới

3- Nhân sự việc nào đó mà thuyết pháp.

Ưu-đà-na: Hán gọi là vô vấn tự u.

Nhiễu loạn: Tam Thương nói nhiêu là loạn. Khổng An chú Thư: nhiễu não.

Quá cửu: Ngọc Thiên nói cửu là tội. Khổng An chú Thư nói cửu là ác.

QUYỂN 22: PHẨM LÊN CUNG TRỜI ĐÂU-SUẤT

Ỷ hoán: Trương Tải chú Linh Quang Điện phú rằng: ỷ là văn. Hà Yến chú Luận Ngữ nói hoán là sáng, ý nói đường hoa văn rõ ràng.

Tần-bà trướng: Tần-bà, Hán gọi là ảnh chất của thân. Nghĩa là trên trướng sự vật trang nghiêm hiện tất cả bóng ngoại vật. Hoặc nói

Tần-bà tiên xích lõa, bức trướng này tợ như vậy.

Chương thí: Khổng An chú Thư nói: chương là rõ ràng.

Tần-bà-la hương: hoặc màu đỏ tươi, hoặc hiện ro cảnh vật.

Hương khí phát việt: Hán Thư Tập Chú nói phát việt nghĩa là múi thơm tỏa ra, ý nói mùi hương vừa tỏa ra xung quanh giống như người bắn tên trúng nhanh chóng.

A-lầu-na hương: sắc màu hồng đỏ, sắc ấy giống như tướng đỏ hồng của mặt trời sắp mọc. Trong tiếng Phạm gọi tướng sắc đỏ ấy là A-lầu-na.

Câu-tô-ma hoa: tên loài hoa này có chung có riêng, ý nói là tên chung của các loài hoa cỏ. Có loài hoa chỉ gọi Câu-tô, kích cỡ như đồng tiền, màu trắng tươi, nhiều lá nhỏ hợp thành tợ như hoa cúc ở phương Đông.

Lâu các diên mâu: Nhĩ Nhã nói: diên là dài. Thiết Vận nói là rộng. Sử Ký nói: Mông Điềm kiến thiết trường thành dài rộng hơn vạn dặm.

Tiên bạch y: Ngọc Thiên nói: Tiên là đẹp là sáng.

Thiên Mâu-đà-la: Mâu-đà-la là ba mặt trống.

Nhân ư phủ kích: chữ đáng lý phải viết. Quảng Nhã nói phụ là vương. Thích Danh nói phụ là bày ra, phủ là lấy ngón tay vạch ra. Kinh viết chữ phủ chính là nghĩa vỗ về an ủi.

Khắc hài chúng lạc: Nhĩ Nhã nói: khắc là có thể. Khổng An chú Thư nói hài là hòa. Có thể dùng nhiều âm nhạc hòa lại thành ca khúc

Khể thủ tác lễ: Chu Lễ Thái chúc biện nghi cửu bái, một là cúi đầu bái lạy sát đất; hai là thẳng đầu vái xuống đất; ba là vái đầu hướng đến ta; bốn là chấn thủ chiến động bái; năm là kiết tường bái ngang khung không bái xuống, hung bái cúi cổ về sau, nghĩa là ba năm phục; bảy là kỷ bái nghĩa là một bái; tám là y bái nghĩa là lạy đáp; chín là túc bái nghĩa là chỉ khuynh xuống tay.

Bất thuấn: Thuyết Văn nói: mắt nhắm mở thường nháy.

A-ca-ni-trát thiên: nói cho đủ là A-ca-ni-cầm-trát. A-ca là sắc, Ni-cầm-trát là cứu cánh. Mười tám cõi trời Sắc giới, nó là cõi cuối cùng. Lại nói A là vô, Ca-ni-cầm-trát là tiểu, nghĩa là trong mười tám cõi sắc giới, cõi thấp nhất tuy nhỏ không lớn hơn mười sáu cõi còn lại. Trên dưới nhìn nhau cũng lớn cũng nhỏ, nhưng cõi này không lớn không nhỏ.

Như thị nghi tắc: Nhĩ Nhã nói nghi là pháp.

Duyệt dự: Châu Lâm nói: tâm an lạc vui vẻ gọi là dự.

QUYỂN 23: PHẨM KỆ TÁN Ở CUNG TRỜI ĐÂU-SUẤT

Lương ô điền: Hán Thư Tập Chú nói: ô là tưới, rót, ý nói đất đai ấy có lợi của việc tưới tẩm. Nay nói ruộng được sự tưới tiêu càng thêm xốp tốt.

PHẨM THẬP HỒI HƯỚNG - 1

Sân hận: Đỗ chú Tả Truyện nói: hận là lệ. Thuyết Văn nói hận là không cho phép theo. Theo Ngọc Thiên chữ hận là bộ xích. Nay phần nhiều viết bộ nhân. Vì lúc ấy chữ này thường sử dụng.

Sùng nghiễm thúy cốc: Trịnh chú Khảo Công Ký nói sùng là cao. Thuyết Văn nói thúy là sâu.

Bát khổ lung hạm: chữ lung phải viết bộ mộc. Tam Thương nói lung là cái lồng nhốt cầm thú. Thuyết Văn nói lung là lao. Quách Phác chú Sơn hải Kinh nói hạm là lan can. Nghĩa là đào đất làm cái hầm ở trên đặt cái củi để nhốt cầm thú. Nay ý kinh nói nỗi khổ ba cõi như lao ngục nhốt chúng sanh hoặc nói nỗi khổ kịch liệt của Tam đồ gọi là khổ lung lạm.

Chúng khổ đại hác: Khiêm danh uyển nói: Đông Hải có Đại Tiêu Thạch, gọi là ốc tiêu vĩ lữ sâu không lường được bờ mé. Nước biển thường cuồn cuộn không biết được chỗ ấy. Nay ý kinh cho rằng ba khổ tám khổ trong biển sanh tử không có ngằn mé như hang rộng kia, cho nên mượn hình tượng ấy để thí dụ thôi.

Ngũ dục sở chí: Nhan Chú Hán Thư nói: chí là dẫn, đến.

Chí độc vô lữ: Trịnh chú Lễ Ký nói: Chí là ý, lữ là bạn. Ý nói tâm rộng lớn tự cứu không nhờ bạn.

Cố phục nhất thiết chúng sanh: Thi nói phụ hề sanh ta, mẫu hề cho ta bú, ẵm ta, nuôi ta, chăm sóc ta, vỗ về ta, lo lắng ta, ra vào ẵm bồng ta. Trịnh Huyền Tiên nói: cố là nhìn, quy lại. Ý nói cách con tuy gần nhưng từng bước ngoái nhìn. Tiên Thi nói: cố là trở lại, nghĩ lại mà trở về. Nay ý kinh nói Bồ-tát ở trong chúng cũng như vậy.

QUYỂN 24: PHẨM HỒI HƯỚNG - 2

Cúng dường thiêm đãi: Mao Thi Truyện nói thiêm là nhìn. Trịnh

chú Chu Lễ nói: đãi là cho nghĩa là nhìn xem rồi giúp cho.

Bảo đang thọ: Thích Danh nói ngọc châu đeo tai gọi là đang. Theo nghĩa chữ đang này là xâu các hạt châu để treo lên.

Tát-bà-nhã: nói cho đủ là Tát-bà-nhã-nẳng-tát-bà là nhất thiết, nhã-nẳng là trí.

Can hạm: Hán Thư Âm Nghĩa nói: can là then chính của hạm. Châu Lâm nói hạm là lan can của điện. Hán Thư Tập Chú nói hạm là tấm chắn trước lan can.

Táo sấu: Thương Hiệt Thiên nói: táo là cái bồn. Châu Lâm nói cản là chậu rửa tay. Thuyết Văn gọi là chậu súc miệng.

Quần manh: Hán Thư Tập Chú nói: manh là cỏ cây mới mọc. Mao Thi Truyện nói: quần là nhiều. Ý nói hàng phàm phu mê muội giống như đám cỏ mời mọc kia, chữ phải viết là. Mao Thi Truyện nói là dân, hai chữ này như nhau.

Vô táo cánh tâm: Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói: táo là náo loạn. Trịnh chú Luận Ngữ: táo là không an tịnh. Có cái thấy hai, hai thì cạnh tranh, cạnh tranh là động không yên tịnh.

QUYỂN 25: PHẨM HỒI HƯỚNG - 3

Sám trừ: sám là tiếng Phạm nói cho đủ là sám ma, Hán dịch là thỉnh nhẫn, nghĩa là thỉnh Hiền thánh hoặc thanh tịnh tăng để chứng minh sự sám hối của mình.

Điềm nhiên yên tịnh: Phương Ngôn nói điềm nhiên là tịnh. Hán Thư Âm Nghĩa nói yên là cứ lặng lẽ.

Siêu nhiên xuất hiện: Trịnh chú Thư nói siêu là vượt lên trước. Phương Ngôn nói siêu là xa. Nghĩa là vượt trội hơn hẳn.

Kỳ tâm di quảng: Quách chú Nhĩ Nhã nói: di là cực ý nói tâm thật rộng lớn.

Lâm ngự đại quốc: Giả chú Quốc Ngữ: lâm là trị. Trịnh chú Lễ Ký nói ngự là chủ, nghĩa là thủ lĩnh cai trị.

Danh chấn thiên hạ: Thuyết Văn nói chấn là giơ lên. Đỗ chú Tả Truyện nói chấn là phát, là danh tốt đồn khắp.

Phát hiệu thí mệnh: Quảng Nhã nói: hiệu là bảo, trình bày. Lệnh là giáo, nghĩa là kêu bảo chỉ dạy sai lầm.

Phổ tát vạn phương: Châu Lâm nói: phổ là khắp nay viết chữ

Cảm đức tùng hóa: Nhĩ Nhã nói: cảm là động. Mao Thi Truyện nói: tùng là theo. Thuyết Văn nói y theo lời dạy mà làm gọi là hóa, ý nói đức có thể cảm hóa được khiến người nghe theo.

Nhất thiết chu cấp: nghĩa là giúp cho tất cả.

Bị lục: Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói lục là giết.

Tăng phòng: Vận lâm nói phòng là khu vực nghĩa là khu tăng viện.

Đoàn thực:

Yết tự: Quảng Nhã nói tự là nghẹn.

Bất khái: Ngọc Thiên nói khái là hen suyễn.

Phần phức: Trịnh chú Nhĩ Nhã: Phần là hương thơm dễ chịu. Tự Lâm nói phức là mùi thơm ngào ngạt.

Phú dục: Giả chú Quốc Ngữ nói: dục là sanh, như trời che như đất chở.

Xa cừ: Phạm âm chính là Mâu-bà-la-yết-bà. Mâu-bà-la Hán dịch là thắng. Yết-bà là tạng. Cựu gọi là xa cừ.

San hô: Phạm âm chính là Bát-la-sa-yết-la, nghĩa là tên của loại bảo thọ. Thân cây thẳng cành nhánh lá đều màu đỏ. Theo Thuyết Văn nói: san hô màu đỏ sanh ở biển hoặc xuất hiện ở núi.

QUYỂN 26: PHẨM HỒI HƯỚNG - 4

Bần cùng cô lô: cô canh lõa lồ, cho nên gọi là cô lô.

Giá dĩ tuấn mã: Thuyết Văn nói tuấn là suự hiền tài của con ngựa. Mao Thi Truyện nói tuấn là tốt đẹp, hai nghĩa đều thông.

Khiên ngự: Quảng Nhã nói ngự là đãi, tiến.

Giá ngự: Ngọc Thiên nói chữ ngự này là chữ ngự trên, theo các sách đồ trang bị để thúc ngựa là ngự.

Trang nghiêm cừ lệ: chữ này xưa viết. Châu Lâm nói cự là đến. Vương Dật chú Sở Từ nói lệ là xinh đẹp, nghĩa là đạt đến chỗ cực kỳ xinh đẹp.

Dực tùng: Khổng chú Thượng Thư nói: dực là thêm vào. Mao Thi nói dực là cung kính.

Bì đốn: Văn Tự Tập Lược nói đốn là tổn, ý nói người lao nhọc mệt mỏi ắt tổn lực.

Nhu minh: Khổng An Quốc chú Thư nói nhu là hòa nhu, ý nói

hành vi hòa nhã thì ý thưc lanh lợi.

Huyền phục trang nghiêm: Thiết Vận nói áo đẹp gọi là huyền phục. Kiền chú Hán Thư nói: Huyền là y phục vàng đen rộng lớn.

Niên xỉ: Đỗ chú Tả Truyện nói: xỉ là hàng, nghĩa là đồng hành vơi mình. Tư Mã Bưu chú Trang Tử nói xỉ là số, nghĩa là số tuổi thọ.

Phụng dưỡng: Thuyết Văn nói phụng là thừa hành, nghĩa là phụng sự cúng dường.

Ký tâm khoang niên: Hà Thượng Công chú Lão Tử Kinh nói khoáng là rộng lớn. Thuyết Văn nói khoáng là sáng tỏ.

Trân kỳ vạn kế: Thuyết Văn nói kế là tính toán, nghĩa là tính kể cả vạn.

Chu tạp điền sức: Giả chú Quốc Ngữ nói điền là thêm, ý nói trang sức thêm vào.

Vạn bang tuan phụng: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: lớn là bang, nhỏ là nước, khu vực của bang cũng gọi là nước. Tam Thương nói tuân là học theo. Nhĩ Nhã nói tuân là theo. Thuyết Văn nói phụng là thừa hành, đều là nghĩa thừa hành phụng mệnh.

Hưởng quyền đỉnh khấp: Ngọc Thiên nói hưởng là đáng. Đỗ chú Tả Truyện nói hưởng là thọ.

Tì âm: Trịnh chú Lễ Ký nói tỳ là che.

Quang du kiểu nhựt: Tỷ Thương nói kiểu là sáng. Thanh Loại viết

Thủ quán thập lực trang nghiêm chi quan. Trịnh chú Lễ Ký nói đội mũ gọi là quan.

Kiểm hệ kỳ thân: Hán Thư Âm Nghĩa nói kiểm hệ là cục.

Tương chi tử địa: Mao Thi Truyện nói: chi là đến. Nhĩ Nhã nói chi là qua.

Vĩnh quyết: Thiết Vận nói quyết là biệt ly.

Đồ cái: Ngọc Thiên nói đồ là phân ra, cát gây hại.

Mộc thương: Ngọc Thiên nói cái cây có hai đầu nhọn.

A-dật-đa: Hán gọi là vô năng thắng.

Ngữ chủ giả ngôn: Quảng Nhã nói chủ là thủ.

Ký biệt:

QUYỂN 27: PHẨM HỒI HƯỚNG - 5

Mật trí: văn kinh có viết chữ, chữ này là ấu trỉ, hết sức sai lầm.

Quang minh giám triệt, Quảng Nhã nói giám là chiếu soi.

Lung hội.

Mông muội: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói mông là mạo muội. Thương Hiệt Thiên nói muội là tối, ý nói mê muội tối tăm.

Xuyết thêm yếu dụng: Châu Lâm nói xuyết là dừng, nghĩa là chấm dứt mọi điều cần thiết.

Tiêm bạch nha xỉ: Hán Thư Âm Nghĩa nói tiêm là bén.

Ca-thi quốc: Ca-thi là tên loại trúc ở Tây Vực, loại trúc này có thể làm tên, nước này mọc nhiều loại trúc ấy cho nên lấy đó đặt tên cho nước. Nước này ở Trung Thiên Trúc, một trong mười sáu nước lớn ở phía Bắc nước Kiều-tát-la.

Tầm tức bại hoại: Đỗ chú Tả Truyện nói tầm là tiếp tục, ý nói mới thành đã tiếp tục tức bại hoại.

Phùng nghinh dẫn nạp: Phương Ngôn nói: phùng là đón ngược, nạp là vào. Tức là đón ngược đầu dẫn vào chỗ ở.

Bất thượng: Đỗ chú Tả Truyện nói: thượng là tiên, nghĩa là không cho là bậc trên.

Dung:

Thất nhận: Hà Thừa Toán Yếu nói: bảy thước là một nhẫn. Tiểu Nhã nói bốn thước là một phần.

Bi nhân lị vật: Mao Thi Truyện nói: lị là đến tâm hoài tàn nhẫn. Hán Thư Tập Chú nói: tàn là sát hại nhiều. Nay ý nói nhẫn nơi sự tàn sát nên nói tàn nhẫn.

Chúng tội do sanh: Nhĩ Nhã nói. Do là từ.

Nhất thiết tôn tín: Bạch Hổ Thông nói: tông là tôn kính, ý nói tôn trọng kính thọ.

QUYỂN 28: PHẨM HỒI HƯỚNG - 6

Tao lập tinh xá: Nghệ văn loại tụ nói. Tinh xá chẳng phải lấy tên tinh diệu của xá là xá. Do có hành giả tinh luyện ở nên gọi là tinh xá.

Tư sanh thập vật: Hán Thư Tập Chú nói: Thập vật là loại đã sanh ra. Tam Thương nói: Thập là tụ, tạp, vùng Ngô Sở nói tư sanh tạp cụ là

vật gì.

Cung khác: Khổng An Quốc chú Thư nói khác là kính.

Bất quỷ: Hán Thư Âm Nghĩa nói quỷ là trống. Quảng Nhã gọi là thiếu thốn.

Vương kinh đô: Công Dương Truyện nói: Kinh đô là nơi Thiên tử ở. Kinh là lớn, sư là đông. Nơi Thiên tử ở là chốn đông đúc to lớn. Tả Thị Truyện nói Ấp có chủ của tông miếu tiên quân gọi là đô, không có gọi là ấp. Quảng Nhã nói: Đô là nước, phong tục thông nói thành mà Thiên tử cai trị gọi là đô.

Quan phòng:

Kỷ thị chúng nữ: Tỳ Thương nói: kỷ là mỹ nữ lấy gái đẹp làm người hầu gọi là kỷ thị.

Khánh xả sở trân: Mao Thi Truyện nói khánh là hết. Đỗ chú Tả Truyện nói trân là quý.

Trung hối

Di tuyên chánh pháp: Lưu Hiến Chú dịch di là rộng. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói di là cực ý, Nhĩ Nhã nói tuyên là trình bày.

Vô độc cự: Khổng An chú Thư nói: cự là bạo không có tánh độc ác hung bạo.

Suất thổ: Ngọc Thiên nói suất là tuân dụng, ý nói tuân thủ theo chỗ dạy bảo.

Sàng nhục: Thanh Loại nói nhục là nệm cỏ. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói nhục là chiếu. Theo từ cổ bằng tịch gọi chung là nhục, nhưng nay có sự khác biệt, tấm áo lông dày để mặc, ngoán cũng gọi là nhục.

QUYỂN 29: PHẨM HỒI HƯỚNG - 7

Dĩ đầu sung mãn:

Đồng phác tác sử:

Phát ngôn thành đế: Hà Thượng Công chú Lão Tử nói: thành là thật. Phương Ngôn nói đế là thẩm, nghĩa là những ngôn giáo được nói ra thật chính xác.

Thứ phẩm: thứ là đông, phẩm là loại chúng đa lưu loại gọi là chúng loại.

QUYỂN 30: PHẨM HỒI HƯỚNG - 8

Nhược chuyên lệ: Đỗ chú Tả Truyện nói: lệ là khuyến khích. Ngọc Thiên nói lệ là miễn, nghĩa là tự cố gắng sách phát.

Nhược khởi hành.

QUYỂN 31: PHẨM HỒI HƯỚNG - 9

Chu văn:

Nhất mao đoan lượng xứ: đoan là đầu, lượng là chia đều.

Đản sinh: Châu Lâm nói: đản là mang thai. Giả chú Quốc Ngữ nói dục là sanh.

Vô hà di: Nhĩ Nhã nói hà là xa. Khổng An Quốc chú Thư nói di là gần.

QUYỂN 32: PHẨM HỒI HƯỚNG - 10

Ly cấu tăng: Thuyết Văn nói: tăng là tên chung của lụa, hễ lụa thêu đều gọi như vậy.

QUYỂN 33: PHẨM HỒI HƯỚNG - 11

Bảo Đa-la hình: Đa-la tên loại cây ở Tây Vực, thân cây ấy tợ như cây cọ, thân thẳng đứng như sắt, lá dài sít, dầu lưa lớn thì dưới bóng râm của táng lá cũng như ở trong nhà. Nay cho nó là báu. Nên nói là bảo đa la.

Quýnh nhiên cao xuất. Nhĩ Nhã nói: Quýnh là xa, ý nói vượt lên cao xa.

Liệu dĩ thằng bảo: Thuyết Văn nói liệu là trói buộc.

Tương thúy.

Chu mật.

Bảo Bạt-đà-thọ: Bạt-đà nói cho đủ là Bạt-đà-la, Hán gọi là hiền.

Bảo xúy.

Kỳ âm thanh lượng. Quảng Nhã nói lượng là sáng.

QUYỂN 34: PHẨM THẬP ĐỊA - 1

Tô-lợi-da tạng Bồ-tát: Tô-lợi-da Hán dịch là nhật.

Câu-tô-ma Đức Tạng Bồ-tát: Câu-tô-ma là tên loài hoa nói cho đủ là Câu-tô-ma-na. Câu-tô Hán dịch là duyệt, ma-na là ý màu hoa đẹp thơm, dáng ngay thẳng người nhìn ai cũng thích. Nay Bồ-tát này lấy đó đặt tên.

Cử yếu ngôn chi: Hán Thư Tập Chú nói: Cử là chung, Quảng Nhã nói yếu là ước.

Kha bối bích ngọc: Ngọc Thiên nói: kha là thuộc loại sò. Xuất phát từ biên trắng như tuyết. Thuyết Văn nói bối loài trùng biển. Bích là ngọc đẹp. Nhĩ Nhã nói: Ngọc đẹp gấp sáu lần gọi bích, bích hình tròn có lỗ, khi vua tế thiên thần thì sử dụng nó.

Luyện kim: Ngọc Thiên viết chữ luyện bộ hỏa, sách viết bộ kim, nay kinh viết bộ thủ.

Vi tường vị sư:

Hà điềm: (đã giải) thích

Đạo nghiệm dịch.

QUYỂN 35: PHẨM THẬP ĐỊA - 2

Nhân thứ: Thích Danh nói: nhân là nhẫn nghĩa là hiếu sanh ghét sát, thiện ác đều nhẫn, Thanh Loại gọi là nhân, tâm thương vật gọi là thứ.

Hà huống tùng sự.

Phong nhã điển tắc ngữ. Mao Thi Tựa nói: phong là giáo bằng hành động, hóa được nhã. Hán Thư Chú nhã là nhàn lệ. Nhĩ Nhã nói điển là kinh. Mao Thi Truyện nói: tắc là phương pháp hay khéo, gọi là lôi tắc nhã.

Thoan trì bôn kích: Thuyết Văn nói chảy mạnh gọi là thoan, nước chảy chỗ cạn có cát trồi lên gọi là thoan, trì là chạy nhanh.

Ngã mạn nguyên phụ: Nhĩ Nhã nói: cao dày rộng bằng gọi là lục, đại lục là phụ.

Trùng giới.

Tam giới phần như khổ vô lượng: Chu Dịch Quái Cửu Từ Chú nói: than vừa đốt gọi là phần. Như nay nói các hoặc của ba cõi như lửa hừng

hực. Ví có thể chiêu cảm quả khổ.

Sanh nan tào tưởng: Hàn Thi Ngoại Truyện nói tào là gặp.

Môn mạc: Mao Thi Truyện nói môn là nắm giữ, Phương Ngôn nói mạc là sờ. Quách Phác chú nói ngón tay sờ mó.

Văn nạp.

Xưng lưỡng:

Vô gián nhiên: Ngọc Thiên nói gián là ngăn cách, ý nói tình không cách trở.

Quốc thành tài bối: Thuyết Văn nói bối là loài côn trùng dưới biển.

Thục năng: Nhĩ Nhã nói: thục là ai.

QUYỂN 36: PHẨM THẬP ĐỊA - 3

Tuần thân quán: Châu Lâm nói tuần là tuần hành, nghĩa là trong tứ niệm xứ quán thân bất tịnh thứ nhất từ đầu đến chân lần lượt trải qua ba mươi sáu vật đều bất tịnh.

Dị hối.

Vô uẩn bạo: Thương Hiệt Thiên nói: uẩn là hận. Ngọc Thiên nói: bạo là lang phạm, nghĩa là lừa dối xúc phạm người.

Cổ độc: Tả Truyện nói:

Đỗ Dự chú: bình sanh, lấy bình đựng trùng hại người. Thanh Loại nói cổ vật độc làm hại người.

Thân tướng hưu cửu: Đỗ chú Tả Truyện nói hưu là phúc lộc. Quảng Nhã nói hưu là thiện. Khổng An chú Thư: cửu là xấu. Thuyết Văn nói cửu là tai.

Lưu chuyển trì hối khổ thú trung. Hai chữ trì hối phải viết. Sở từ nói muốn quẩn quanh từ ngàn dặm.

Khổ hải luân tư: Quảng Nhã nói luân là chìm. Mao Thi Truyện nói tư là tắm gội.

QUYỂN 37: PHẨM THẬP ĐỊA - 4

Thế tứ tư ta: Mao Thi Truyện nói: từ mắt rơi lệ gọi là thế, từ mũi

rơi gọi là tứ. Ngọc Thiên nói tư ta là than van.

Bỉ kỷ: bỉ là tha, kỷ là mình.

Vương hậu sở sanh: Lễ Ký nói: vợ của Thiên Tử gọi là hậu.

Nê lạo: Thuyết Văn nói lạo là trời mưa do trời mưa chứa nước lại.

QUYỂN 38: PHẨM THẬP ĐỊA - 5

Niệm vụ giai tức: vụ là việc, phan duyên sự dứt, cảnh giới tâm tuyệt.

Tức tiện ngụ ngộ.

Nhất nhất hành tướng hạnh.

Nhữ kim thích đắc: Tam Thương nói: Thích là bắt đầu là thân cận.

Các nhược can vi trần: Hán Thư Hồ Quảng nói nhược là thuận, can là cầu, phải thuận với sở cầu mà ban cho.

Tỳ-xá chúng: nghĩa là chủng tộc buôn bán.

Thủ-đà: nói cho đủ là Du-thấp-la: Hán gọi là chủng tộc nông nghiệp.

Tà ma chi đạo: Đỗ chú Tả Truyện nói đạo còn gọi là pháp thuật. Trịnh chú Lễ Ký nói đạo là con đường đi.

Nhân phong tế: Mao Thi Truyện nói tế là độ.

Kỵ hệ: Vương Dật chú Sở Từ rằng: kỵ là cái dàm đầu ngựa. Ý nói chúng sanh vì tham ái bị trói buộc cũng giống như vậy.

Thiền định cảnh bài.

QUYỂN 39: PHẨM THẬP ĐỊA - 6

Kiền thành: Giả chú Quốc Ngữ nói kiền là thành kính. Nhĩ Nhã nói thành là tín.

Vạn chủng tần phân hạ: Hán Thư Tập Chú nói tần phân là nhiều bịnh.

Sát-lợi vương: nói cho đủ là Sát-đát-lợi-da đây gọi là chủ ruộng đất.

Dư bất trùng thọ.

Trần tướng như cố: Đỗ chú Tả Truyện nói: cố cũng như cửu.

Hoa liêm hương tráp: Châu Lâm nói: phàm vật gì đựng đồ trang sức gọi là liêm tráp là thùng bằng tre để đựng áo quần.

Hứ: là ho.

Đường xí chi gian: Văn Tự Tập Lược nói: điền là hoa bằng vàng. Quảng Nhã nói xí là gian. Châu Lâm nói đồ trang sức trên đầu của phụ nữ.

Tỳ-đà-lê sơn: Tỳ, Hán dịch là chủng chủng. Đà-lê cũng gọi là đà-la, Hán dịch là trì có nghĩa là trong núi này có thể tìm được vô số của báu cũng như hoa quả.

Càn-đà sơn: nói cho đủ là Du-càn-đà-la. Du-càn Hán dịch là song, đà-la là trì.

Ni-dân-đà sơn: Ni-đà-đà-la Hán gọi là núi trì biên.

Chiết-ca-la sơn:

Kế-đô-mạt-để sơn: Kế-đô Hán dịch là đồng. Mạt-để là tuệ.

Ngưng nhiên trụ: Hàng Thập Địa y theo trí Phật như mười ngọn núi nương vào thập nhất địa, tuy ngọn khác nhau mà chỗ nương là một.

Tỳ-đà phát diệu quang: Tỳ-đà nghĩa là Tiền Ty Đà Lê Sơn phát diệu quang tức dụ cho phát quang địa.

Hào mạt độ không khả tri lường:

QUYỂN 40: PHẨM THẬP ĐỊNH - 1

Na-dà tuệ. Na-dà là rồng.

Nhi cánh bất đổ. Trịnh Tiên Thi nói cánh là chung, cuối cùng. Quảng Nhã nói đổ là thấy.

Nam vô gọi đúng là nam mang. Hán gọi là kính lễ.

Ma-nạp-bà, Hán dịch là Nho đồng.

QUYỂN 41: PHẨM THẬP ĐỊNH - 2

Bất xứ ư lục: Mao Thi Truyện nói: cao nguyên rộng lớn gọi là lạc.

Chư tâm nhạo thứ đệ, nghĩa là dục lạc.

Ca-la-la: Hán gọi là bạc lạc, nghĩa là mới vào thai như ván sữa.

Bạch phân nghĩa.

Viên quang nhất tầm: Hà Thừa Toán Yếu nói tám tấc là một chỉ ba thước là một rũ, năm thước là mặt, sáu thước là một bộ, bảy thước là khẩu nhẫn, bội nhẫn là một tầm, bội tầm là một thường.

Kỳ lượng thất trửu: Phật Bản Hạnh Tập nói một trửu là hai thước.

Nhất-câu-lô-xá: Theo Tỳ-đàm, một mét rưỡi (1,5m) là một trửu, bốn trửu là một cung, ba trăm cung là một dặm, bốn dặm là một Câu-lô-xá. Tính chung một dặm ba trăm sáu mươi bước là một Câu-lô-xá, có một ngàn bốn trăm bốn mươi bốn (1440) bước. Theo quyển 20 Câu-xá Luận nói: phân tích các sắc đến một cực vi, một cực vi là bờ mé của sắc, bảy cực vi là một vi lượng, chứa vi trần đến bảy làm một kim trần, chứa bảy kim trần làm thủy trần, lường thủy trần thành bảy làm một thế mao trần, chứa bảy thế mao trần làm dương mao trần, chứa bảy dương mao trần làm một ngựa mao trần.... chứa năm trăm cung làm một Câu-lô-xá.

Bán do-tuần lượng: do-tuần là tiếng Phạm nói cho đủ là du-thiện-na, Hán gọi là hòa hợp, nghĩa là hòa hợp nhiều Câu-lô-xá mà thành. Theo Phật Bản Hạnh Tập nói bảy vi trần thành một sông dung trần, bảy song thành một đầu lông rùa, bảy lông rùa thành một lông dê, bảy lông dê thành một lông trâu, bảy lông trâu thành một con trùng, bảy con trùng bằng một con rận, bảy con rận bằng một hạt cải, bảy hạt cải thành một hạt lúa lớn, bảy hạt lúa lớn bằng một đốt móng tay, bảy đốt móng tay bằng một thước, hai thước thành thốn, bốn thốn thành một cung, năm cung thành một trượng, mười hai trượng bằng một tức, tám mươi tức bằng một Câu-lô-xá, tám Câu-lô-xá thành một do-tuần. Theo thước tấc của phương này hơn hai dặm tám mươi bước tương đương một Câu-lô-xá. Tính ra một do-tuần có mười bảy dặm hai trăm lẻ tám bước.

QUYỂN 42: PHẨM THẬP ĐỊA ĐỊNH - 3

Bắc-câu-lô: nói cho đủ Phân-đát-la-tuần-lô: dịch là cao thượng.

Đông Ty-đề-ha: Tỳ là thắng, Đề-ha là thân. Tỳ là chủng chủng, đề-ha là dữ.

Chủng chủng giá sắc: Mã Dung Chú Luận Ngữ: trồng ngũ cốc gọi là giá. Mao Thi Truyện nói: gieo trồng gọi là giá, thu hoặc gọi là sắc. Theo Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói hạt giống sanh ra mà người tham lợi thu hoạch.

Tu-la-đề-mục: Ngọc Thiên nói mục là trắc trở. Nhập ngẫu ty khổng.

Càn-thát-bà thành: Hán gọi là thành Tầm Hương, nghĩa là trên Thập Bảo Sơn có nhạc thần Càn-thát-bà, chư thiên ở Đao-lợi cần âm nhạc thì thân của thần này có tướng lạ liền biết ý trời nên sang đó giúp vui. Vì lấy việc này mà Tây Vức gọi các nhạc nhi. Cũng gọi là Càn-thát-bà nhạc nhi của Tây Vức phần nhiều là huyễn kỷ. Làm thành quách ảo trong chốc lát. Cho nên nhân đó nói là Càn-thát-bà.

Hằng-già-hà: Y theo kinh, trên đỉnh Hương Sơn có ao A-mậu-đạt bốn phía ao đều có dòng chảy, sông Tự-đà ở phía Đông từ miệng sư tử kim cang chảy ra cát màu vàng. Ở phương Đông chảy vào chấn đám chảy vào Đông Hải. Phía nam là sông hằng già từ cửa ngân phượng (với trắng chảy ra cát nó trắng như bạc. Chảy vào Nam Ấn Độ liền vào Nam Hải. Phía Tây có sông Tín Độ từ miệng kim ngưu chảy ra cát nó vàng óng, chảy vào nước Tín Độ rồi chảy qua Tây Hải. Phía Bắc có sông phược sô, từ miệng ngựa lưu ly chảy ra cát nó bằng lưu ly, chảy vào Ba-tư-phất-lâm rồi vào biển Bắc, sông ấy rộng dài năm mười do-tuần bốn mặt đều có một do-tuần.

Quang minh giám triệt: Giám là chiếu, triệt là thông ý nói ánh sáng chiếu soi khắp trong ngoài.

Hồng dũng bôn trì: Sở Từ chú rằng: Hồng là nước cuộn lên, Hán Thư Cao Kỷ Truyện chú rằng: Hồng là nước thủy triều.

Úy hương phát việt: Hán Thư Tập Chú nói: phát việt là mùi thơm xông khắp. Ý nói hương thơm nhanh chóng lan tỏa xông khắp mọi người.

Giai đắc nhuận hợp: Quảng Nhã nói là trong xanh.

A-na-bà-đạt-đa Long vương: A là vô, A-bà-đạt-đa là nhiệt não các rồng đều bị cái khổ nóng bỏng. Chỉ loài rồng nay không bị nên đặt tên này cho nó.

QUYỂN 43: PHẨM THẬP ĐỊNH - 4

Vô thế: Quảng Nhĩ Nhã nói: thế là phế bỏ. Tùng chư thiện hữu nhi đắc xuất sanh: chữ mà văn kinh viết chữ là hết sức sai lầm.

Chung bất quỹ chỉ: Quảng Nhã nói quỹ là thiếu. Hán thư âm nghĩa nói quỹ là không.

Ma-na-tư Long vương: ma-na là ý, tư là từ lưu xuất, ý nói vị Long vương này hể nổi mây đều xuất phát từ tóng thương.

Y-na-bat-na tương vương trụ kim tiếp sơn: Y-na-bat-na. Hán dịch là Hương diệp. Con voi ấy thân dài chín mươi do-tuần. Ca-ba do-tuần thường ở bên hông kim sơn thứ nhất.

QUYỂN 44: PHẨM THẬP THÔNG

Diêm Ma Vương: Gọi đúng là Viêm La Diêm. Tây gọi là ngăn lại, ý nói răn đe tội nhân.

PHẨM THẬP NHẪN

Xá-chi: Gọi đúng là thiết thì là đêm riêng của mặt trăng. Phu nhân của Đế Thích lấy đó đặt tên.

Vô phương vô ngung: Phương là bốn phương, Trịnh Huyền chú khảo công ủy nói ngung là góc.

Bất xả chúng thiện ách: Châu Lâm nói ách là trục gỡ ngang xe. Nay nói gánh vác chúng sanh, siêng năng không bỏ giống như trâu trở nặng, đường xa vẫn gắng bước tới.

Đồ linh: Đỗ cũng như độc (chỉ).

QUYỂN 45: PHẨM A-TĂNG-KỲ

Nhất bách lạc hưu vi nhất câu chi:

Lạc Tây dịch là vạn câu chi là ức, theo cách tính của Hoàng đế phương này tổng số có hai mươi ba. Y nói từ một cho đến trăm ngàn vạn ức. Triệu kinh cai Hy Nhượng câu giảng ghi. Từ vạn trở xuống đi có ba

đẳng số pháp dưới nó là mười. Trong mười biến là trăm, trên trăm biến là bội nay trong phẩm A-tăng-kỳ, pháp số thượng trung nên nói một trăm lạc là một câu tương đương một ức này.

Cảng-yết: Theo Phật Bản Hạnh thứ mười hai gọi là bách biến.

- Ma-bà
- Di-ca
- Tỳ-khư-đảm
- Ê-la-đà
- A-ma
- Ế
- Bế
- Tốt
- Phế
- Mê
- Trà

PHẨM THỌ LƯỢNG

Ta-bà: Hán dịch là Kham nhẫn, đầy đủ các cảnh xấu ác nên phải tham nhẫn

Thích-ca Mâu-ni: Thích-ca là năng vọng xưng chủng tộc. Mâu-ni là tịch mặc là hiệu của đức hạnh.

A-di-đà Phật: gọi đúng là A-nhị-đà-bà-da, Hán dịch là Phật Vô Lượng Thọ.

PHẨM TRỤ XỨ CHƯ BỒ-TÁT

Chi-đề-sơn: Chi-đề là tên của Tháp miếu, Hán dịch là sơn, vì nó tương tợ nên nói như vậy nhưng chữ đề, là nơi sanh Tịnh tín giải thích đủ ở quyển 75.

Tỳ-xá-ly: xứ này gọi là quảng bác nghĩa là thành này rộng lớn nhất ở vùng Trung Ấn. Cũng có khi gọi là Quảng Nghiêm.

Ma-độ-la-thành: Hoặc gọi là Ma-thâu-la cũng gọi là Ma-đột-la Hán dịch là kim tước thành. Hoặc gọi là mật cái.

Trân-na-thành: hoặc nói câu trần na, câu trần là tên Hán dịch là Đại Thạnh na-da pháp luật thuở xưa lúc thành này chưa lập, có năm vị tiên tên chung là câu trần ở trong thành này. Đặt một bồn lớn chứa nước như ao. Luôn ở bên cạnh bồn để tu luyện pháp tiên cũng luôn thuyết

linh cho người và dưỡng thần pháp về sau học đồ lấy tên thầy mình và pháp thuật mà đặt tên chúng dân chúng dần dần ở nơi vùng này xây dựng thành quách. Cho nên dân chúng cả nước đều lấy họ câu trần. Thành Na-da cũng đặt tên nước. Mục-chớn Lâm-đà-quật: Mục chân hoặc gọi là Mâu chân. Hán dịch là giải thoát là tên loài rồng. Lâm-đà Hán dịch là xứ nghĩa là rồng ở trong hang này nghe pháp giải thoát kiếp khổ của loài rồng cho nên gọi là chỗ rồng giải thoát.

Ma-lan-đà-quốc

Cam-bồ-già-quốc

Chấm-đán-quốc: hoặc gọi là Chi-na, cũng nói chân đan, Hán dịch là tư duy. Người trong nước ấy phần nhiều là tư duy, nhiều tính toàn. Cho nên lấy đó đặt tên, tức là Hán quốc ngày nay.

Na-la-diêm: Hán dịch là Kiêm lao

Sơ-lặc-quốc: gọi đúng là khiếp lộ số đát lặc. Xưa nay phương này chỉ để chữ lược gọi là sơ lặc. Người ta lại nhẫm âm Sơ thành sơ. Nhưng tên này là tên một ngọn núi ở nước kia, nhân đó mà đặt tên hoặc dịch là ác tánh quốc. Vì tánh tình dân chúng nước ấy rất hung bạo

Ca-diếp Di-la-quốc: cựu gọi là nước kế tên, Hán dịch là A thùy nhân. Ngày xưa nước này lúc chưa tạo dựng, vùng đất ấy có ao rồng lớn chẳng ai dám đến gần. Sao này có vị A-la-hán thấy vùng ấy thù thắng nên dừng lại ở đó. Bèn xin rồng cho phép. Thế là vị La-hán biến ra thân to lớn dần đầy đến khắp ao rồng vì giữ chữ tín nên bỏ chỗ ấy mà đi La-hán dùng thần lực uống cạn nước ao để nhân dân xây nhà cửa ở ao đó. Mọi người đều nói chúng tôi không nhờ thánh nhân thì ai (A thùy) được vào xứ này, cho nên từ nơi câu nói này mà đặt tên nước, tức là nước lân cận phía Bắc nước Càn-đà-la vùng Bắc Ấn

An-phù Lê-ma-quốc: Am là Am-La. Hán dịch là vô cấu tức là tên loại quả ở Tây Vực. Quả ấy có thể trị được bịnh. Vì trong các nước nó là nhiều nhất ở nước này nên lấy đó mà đặt tên. Nước này ở vùng Trung Ấn

Càn-đà-la quốc: Hán dịch Là Trì Địa Quốc Âm: nước này có nhiêu thánh nhân chứng quả ở không bị nước khác xâm hại. Lại nói Càn-đà-la-hương-la. Nghĩa là Đa-la, Hán dịch là biến. Ý nói mùi hoa này tỏa mùi thơm lan cả nước cho nên gọi là hương biến. Nước này ở giữa hai vùng Nam Bắc của Trung Ấn

Thiêm-bà-la-quật. Bà-la là tên của cây hoa thơm bên cạnh hang ấy có nhiều loại cây này mọc nhân đó mà đặt tên.

QUYỂN 46: PHẨM PHÁP BẤT TƯ NGHÌ CỦA PHẬT

Tịch mạc vô ngôn: Ngọc Thiên nói: Không có tiếng người gọi là tịch. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói mạc là tịnh đình

Đãi Thập lục địa: Thuyết Văn nói đãi là đến cỏ báng: Thuyết Văn nói: Cơ là phỉ báng.

QUYỂN 47: PHẨM HẠ

Nhân vương đô ấp: Tả Thị truyện nói: Nơi nào có tống miếu tiên vương gọi là đô, không là ấp. Hán Thư Âm Nghĩa nói đó là Thành Quảng Nhã nói đô là nước. Tư Mã Pháp nói nước lớn tới năm trăm dặm là đô. Phong Tục Thông nói thành mà Thiên tử đóng đô gọi là đô. Đô xưa gọi là ấp.

Tỳ-xá-xà vương: Tức là Đế đầu lại tra phương Đông, Hán gọi là Hộ quốc. Là hai bộ quỷ bộ trì lãnh thổ của nước. Một là Tỳ-xá-xà. Hán gọi là Hám tinh khí, hai là Càn-thát-bà Hán gọi là tầm Hương.

Lõa.

Nhất Thiết nhạc khí bất cổ tự minh: Chữ cổ phải viết bộ phộc. Văn minh viết bộ bì là chữ cổ của chuông trống.

Xá-lợi: Nói đúng là Thiết-lợi-la, hoặc gọi là Thật-lị Hán dịch là Thân.

Thành kính: Nhĩ Nhã nói là thành tín.

Mĩ bất kinh khiếp: Trịnh chú Lễ nói nhiếp là khiếp sợ, văn kinh viết bộ thủ là sai.

Tín nhạo bất hồi: Thuyết Văn nói hồi là xoay lại. Nay ý nói niềm tin vui không xoay chuyển.

QUYỂN 48: PHẨM MƯỜI TƯỚNG HẢI CỦA NHƯ LAI

Hi chi vi tiếu: Phương ngôn nói vùng tương Đàm nói hỷ là hi hoặc nói phân hi. Thuyết Văn nói hi là vui, di là hòa, nghĩa là dung mạo hài hòa vui vẻ.

Bính nhiên hiển hiện: Thương Hiệt Thiên nói: bính là rạng rỡ

sáng suốt, nghĩa là làm cho sáng rỡ.

Đổng Triết: Cũng như Thông triệt

Kỳ chưởng an bình chưởng là mặt lưỡi bằng mù an.

Ngoan vị bất vong: Chú Tả Truyện nói ngoan là tham, văn kinh viết là lầm. Theo Khổng An Quốc chú Thượng Thư nói ngoan là đùa giỡn. là ý ưa thích.

Thượng ngạc.

Hữu bổ hạ nha: Tả Truyện Cung Chi Ký nói: Di-lô-tạng vân: Di-lô Hán dịch là cao là chỗ để răng Phật.

Cam bồ thành tựu: Là tên của loại trái cây ở Tây Vực màu đỏ bụng tròn.

Di-bố thập phương: Nhan chú Hán Thư nói di là mãn.

Kỳ bài dữ bác:

Y-ni-chiên lộc vương: Y-ni là tên của con nai, lông nó nhiều đốm đen, thân béo mập, được con nai này rất quý hiếm. Cho nên lấy đó mà đặt tên

Cử túc tương bộ: Tương là sắp, bộ là đi. Vương Dật chú Sở Từ nói bộ là đi từ từ.

Túc cân.

Nhân đà-la-ni-la: Nhân đà-la hán gọi là đế Ni-la là thanh.

PHẨM NHƯ LAI TÙY HẢO QUANG MINH CÔNG ĐỨC THỨ 35

Tùy bả vì khiến chúng sanh ưa thích nên trang nghiêm thân tướng cho thù thắng.

Ma-na phu nhân: Ma-na Hán dịch là huyễn, do đây mà Bồ-tát chỉ y theo pháp môn trí huyễn đại nguyện mà hành. Cho nên lấy đây đặt tên phu nhân. Phạm bổn là phất tỳ Hán dịch là nữ thiên. Trịnh chú nói vợ các chư hầu gọi là phu nhân. Ngọc thiên gọi phụ phu nhân.

Cũng chính là sự xưng hô tôn kính.

Sám hối: sám là sám ma, Hán dịch thỉnh nhẫn. Nghĩa là thỉnh người trên nhẫn thọ sám tội của mình.

QUYỂN 49: PHẨM HẠNH PHỔ HIỀN THỨ 36

Nhạo cận phàm dung: Quảng Nhã nói: phàm là khinh, Hán Thư Tập Chú nói phàm dung là bé nhỏ. Ý nói khinh rẻ người thấp hèn bé nhỏ.

Tập đồng mông pháp: Dịch gọi mông là quái nghĩa là người đến cầu ta chẳng phải ta tìm. Hán khang chú rằng mông là mông muội bé nhỏ. Ngọc thiên nói đồng ấu hôn muội. Quảng chú Chu Lễ nói mông là mạo. Mạo Thi Truyện nói mông là che chắn. Ý nói tâm của trẻ nhỏ bị mê muội che chắn giống như lấy vật che đậy.

Khẩu như á dương: Không thể tuyên nói được diệu nghĩa Đại thừa gọi là dê câm. Đại trí độ luận thứ ba nói Á dương tăng nghĩa là tuy không phá giới, độn căm vô trí, không phân biệt được lẽ tốt xấu không biết khinh trọng, không biết có tội. Nếu có việc tăng hai người tranh cãi, không xử đoán được chỉ biết im lặng, thì như dê câm. Cho đến bị người giết cũng không lên tiếng được đó gọi là Á dương tăng.

Bạc hồ pháp giới: Chính phải viết chữ ký nghĩa là đến. Châu Lâm nói ký là lập là dự. Đỗ chú Tả Truyện nói ký là đến kinh viết chữ bạc là sai.

Sung hợp: Nhĩ Nhã nói sung là đầy đủ. Ngọc Thiên nói hợp là lệ

Công huyễn sải vận phố nói công là xảo nghĩa là có tài nghệ đối với huyễn thuật.

QUYỂN 50: PHẨM NHƯ LAI XUẤT HIỆN THỨ 37

Thiên đản: Đản là lộ.

Hữu kỵ: nghĩa là quỳ.

Như ngã duy thốn: Nhan chú Hán Thư nói: Duy là suy nghĩ, Châu Lâm nói thốn là đo lường.

Chiêm ngưỡng Như Lai nhậm cập ngã: Người có nhân đức gọi là nhân. Mật pháp nó quý thân thân là nhân. Sát thân thành nhân là nhân, theo công mà làm gọi là nhân. Chu Lễ nói thiên đức là nhân. Lễ ký nói trên dưới gần nhau là nhân. Luận Ngữ nói: Khắc kỹ phục lễ là nhân. Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói thi ân là nhân. Bạch Hổ Thông nói nhẫn nhịn khởi lòng thương người.

Khước đà la sơn: Nhĩ Nhã nói: Kha Lê La tức là tên cây. Tức là

cây khổ đống ở phương này, cho núi kia có nhiều cây này nên lấy đó để đặt tên.

Ni dân đá la sơn: Hán dịch là trì biên, vì nó ở bên ngoài cũng trong bảy lớp kim sơn. Nó bảo hộ sáu núi còn lại nên gọi Trà Biên.

Mục Chân Lân Đà sơn: Mục chân là giải thoát tức là tên loài rồng. Lân đà là xứ, chính là chỗ giải thoát trong núi này.

Thủy tộc chúng sanh: Khổng An chú Thư Tộc là loại tức là những loại ở dưới nước.

Đại vũ như hồng chú: Hồng là lớn, ý nói mưa như trút nước.

Khuếch triệt hư không: Nhĩ Nhã nói khuếch là rộng lớn nay ý nói rộng lớn biến đầy hư không.

Phổ chiếu vô tư: Ngọc Thiên nói: Làm việc không công minh là Tư Vương Dật chú Sở Từ nói: Yêu trộn là tư. Quách Tượng chú Trang Tử nói: ở đời cho rằng quên mình yêu người ý nói không vì mình mà làm mọi việc cho người.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 23

(Từ quyển 51 đến hết quyển 80 gồm 30 quyển)

QUYỂN HẠ

QUYỂN 51: PHẨM NHƯ LAI XUẤT HIỆN - 1

Tác vụ: Vụ là sự nghiệp

Hoặc mâu tác là Hoặc nói mâu sa-la Hán dịch là tử sắc bảo

Háo Khổng

Đổng nhiên: Vận Phố nói đổng là thông suốt nghĩa là dáng lửa cháy hừng hực

----

QUYỂN 52: PHẨM NHƯ LAI XUẤT HIỆN - 2

Lêu Ba-na Sa-đà phân đã dịch ở quển 17.

Cổ Dương Hải Thủy: Thuyết Văn nói cổ là đánh vỡ.

Tất thiện tạ: Vương Dật chú Sở Từ nói: Tạ là ra đi nghĩa là phần thức lìa khỏi thân.

Tích đồng tu di: Thuyết Văn nói tích là chứa nhóm.

Như Càn Thảo tích: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói đồng nhỏ gọi là ủy đồng lớn gọi là tích.

QUYỂN 53: PHẨM LY THẾ GIAN THỨ 38 - 1

Trị chư xứng vị: Xứng là thuận. Hán Thư Âm Nghĩa nói: Vị là chỉ thú. Nay ý nói đối với chỉ thú của pháp môn đều tùy thuận biết. Hán Thư lại nói vị gọi là xứng. Sự nghị: Nghĩa là tất cả sự vật gì biết được

danh mục của nó, biết được sở nghi của nó đều gọi là xứng vị.

Trí Chư Chế Lịnh: Chế là cấm chế, lịnh là pháp lịnh.

Trường anh tật khổ: Hán Thư nói anh là nhiễu, quấn quanh ý nói luôn bị bịnh khổ ràng rịt.

QUYỂN 54: LY THẾ GIAN - 2

Khải nhất thiết chúng sanh tâm ý: Ngọc Thiên nói khải là khai, thổ cổ viết chữ gian vô không xứ: Gian là trung gian

----

QUYỂN 55: LY THẾ GIAN - 3

Thiện Ngôn khai dụ: Hán thư âm nghĩa nói dụ là hiểu. Thương Hiệt Thiên nói dụ là luyện.

Đả bổng đồ hoạt:

Thệ Ký Tự Miễn: Quách chú Lễ Ký nói: Miễn cũng như cần. Ngọc Thiên nói là tự khích lệ mình

Qua đả sở thát: Thuyết Văn nói qua là đánh. Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: chùy là đánh, sở là hình phạt bằng gậy. Chú Chu Lễ: Thát cũng như hình phạt bằng gậy

Hoặc cấp kỳ đầu: Hán Thư Vệ Thanh tiêu khử bịnh truyện thứ hai mươi lăm nói: Chặt đầu ba ngàn một trăm bảy mươi khúc. Nhan sư cổ nói vốn là chặt đầu kẻ địch để tấu một cấp, lại nói sanh được một người gọi là cấp

Vô ương số kiếp: Vương Dật chú Sở Từ nói ương là tận.

QUYỂN 56: PHẨM LY THẾ GIAN - 4

Bức ải: Ngọc Thiên nói: bức cũng như bách chôc eo hẹp ắt bị cách trở.

Vô sở xúc nhiều: Tam thượng nói nhiêu là nhiễu, Khổng An chú thư nói nhiễu là loạn Thuyết Văn nói nhiễu là bão.

Tất xứng: Xứng là tốt đẹp. Quách Phác chú thích rằng: việc hợp

ý người đều tốt đẹp.

Bổ đăc-dà-la: Hán dịch là số thủ thú. Nghĩa là thượng tạo thú nhân thường lấy thứ quả.

Hý tiếu.

QUYỂN 57: PHẨM LY THẾ GIAN - 5

Đắc dự: Châu lâm nói: Phàm việc gì sắp được gọi là dự

Bồ-đề-tát-đỏa: Y Phật địa luận: Thân quang Bồ-tát với ba nghĩa, giải thích bố-đề-tát-đỏa như trong luận kia

Bất thi: Luận ngữ nói: Bậc quâ tử không rời bỏ người thân của mình. Khổng An chú nói thi là dễ. Vệ chiêu chú hán thư nói thi là phế bỏ. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói thi là buông. Trịnh Huyền chú Lễ Ký thi là bỏ. Trong văn kinh bao hàm nhiều nghĩa

Tự tâm đảm bạc: Vương Dật chú Sở Từ nói đảm là an. Quảng Nhã nói bạc là tịnh quán tập:

Si noãn

QUYỂN 58: PHẨM LY THẾ GIAN - 6

Tàn hủy:

Vô trung đức.

Nạn xứ thọ sanh: Nạn xứ là sanh vào trong bát nạn.

Xả nhất thiết Ô-ba-đề Niết-bàn pháp: Ô-ba Hán dịch là Hữu, đề là khổ. Nghĩa là hàng tam thừa đã đắc vô dư Niết-bàn nhưng chưa lìa được biến dịch. Vì theo hành khổ nên còn hữu dư Niết-bàn các ngoại đạo chấp Niết-bàn nên chưa được lìa ba khổ pháp tức là Niết-bàn hoặc hàng Bồ-tát nói xả bỏ hết pháp hữu khổ Niết-bàn

Nhạc pháp nhạo nghĩa dĩ pháp vi lạc

Như hồng nghê sắc: Tế Ủng Nguyệt Linh nói hồng là cầu vồng. Nghĩa là khí âm dương giao tiếp mà hiện rõ hình sắc.

Vô chủ vô đãi: Nhĩ Nhã nói đãi là phải. Ý nói việc gì cũng nương nhờ vào người khác.

Vô trước vô hành

Vô hữu thương ung: Quảng Nhã nói ung là thủng

Bàn hận

Giải nhân tự ngộ: Nhân là do ý nối Bích Chi ngô khổ không vô thường là chỏ do tự quán duyên sanh khắc chứng không thọ lãnh nơi thầy, cho nên đặt tên là Độc giác.

Nhi cưỡng vi thuyết

Chí nhượng Niết-bàn: Nhan Chú Hán Thủ nói thượng là chuộng

Cầu kỳ tội trấn: Ngọc Thiên nói trấn có điềm họa hoạn.

Hoặc dĩ diệu nghĩa thọ phi kỳ nhân: Nhan chú túc vọng chi truyện: tướng chẳng phải người này, ý nói người bất tài. Tài là người có khí lượng.

Tấn túc bất hỷ: Ngọc Thiên nói tần túc là ưu sầu không bui, Giả chú Quốc Ngữ nói tần là gần, Mạo Thi Truyện nói: Túc là xúc tiến ý nói người buồn thì mặt mày trán mũi nhăn nhó, Thuyết Văn nói qua sông hướng vào bờ.

Tứ kỳ quá thất: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: Tứ cũng như quan sát. Ngọc Thiên nói tứ là hầu. Phương Ngôn nói tứ là nhìn tứ quan về hướng bắc hễ nhìn lén nhau gọi là tứ

Ngoan hấn: Tả Thị Truyện nói: Tâm không theo đạo đức lễ nghĩa gọi là ngoan. Đỗ chú Tả Truyện nói hận là lệ, Thuyết Văn nói hận là không làm theo bổn phận

Ngã mạn sở thôn: Quảng Nhã nói thôn là diệt

Tĩnh ngộ

Thiên ma-ba-tuần: Nói cho đủ là Đê-bà-ma-la phát bể: Đề-bà Hán dịch là thiên ma-la là chướng đạo. Phát bể là tội ác. Nghĩa là loài này sanh thiên cung tánh ưa khuyến khích người tạo ác thối thiện khiến cho không được thoát ly

Tất tri tương hữu: Quảng Nhã nói tương là sắp phải

Tỉ tú: Thương Hiệt Thiên nói: Tỉ-la-dời Trịnh Huyền chú khảo Công Ký nói trí là đặt trên đất

Thị vệ: Thương Hiệt Thiên nói thị là theo, Mao thị Truyện nói thị là gần nghĩa là ở bên cạnh, ở bên cạnh để hầu hạ. Vương Bật chú Dịch nói vệ là hộ.

QUYỂN 59: PHẨM LY THẾ GIAN - 7

Miễn tế: Đỗ chú Tả Truyện nói: Miễn là thoát Mao Thi Truyện nói: Tế là băng qua. Nay vật thoát khổ qua nạn.

Hân hủy: Quảng Nhã nói Hân là vui Mao Thi Truyện nói ủi là an. Ý nói hoan hỷ thì tâm an.

Đồ thư noãn tỷ: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói đồ là vẽ, tỷ là ấn, Tế Ung Độc Đoán nói ngọc tỷ của thiên tử lấy ngọc ly hổ kiếp để đúc. Tôn Tỳ-kheo cộng chi Nguyệt Hạnh nói phụng chư hầu khanh đại phu đều gọi là tỷ. Từ đây trở đi thiên tử độc xưng chư hầu không dám dùng.

Hồ chỉ kiếp kích: Thuyết Văn nói hồ là cây cung bằng gỗ. Khảo công ký nói hồ là giống như cô. Dịch nói chuốc gỗ làm tên kích có ba chi, chi nào cũng có hai đầu nhọn.

Thân thích: Khổng An chú Thủ nói thích là gần, Cố Dã Vương nói gần là lý do để thân. Mao Thi Truyện nói: gần nhau thân thích gọi là thích. Chữ thích lẽ ra phải viết bộ tâm đứng văn kinh viết chữ thích này là thông thường.

Năng nhẫn cù lao: Mao Thi Truyện nói: cù lao là bịnh khổ vất vả mệt nhọc cũng như bịnh khổ.

Chánh pháp vị doanh hợp: Đỗ chú Tả Truyện nói doanh là thầy, Ngọc Thiên nói hợp là thẩm.

Bồ-tát vô ngại thừa cân chi xuất tam giới. Thừa là tên chung của cỗ xe ngựa. Cân là tên gọi cho y phục cỡi xe ngựa.

Yến mặc: Ở trước (đã giải).

Hạo cảnh: hạo là sáng. Quảng Nhã nói cảnh là chiếu có thể chiếu soi như kinh gọi là hạo cảnh.

Trì trục: Quảng Nhã nói trì là chạy. Ngọc Thiên nói trục là đuổi theo.

Chủng đức: Trồng công đức.

Hạm đạm hoa: Thuyết Văn nói hoa sen chưa phát gọi là hạm đạm phát rồi gọi là phù dung. Hán Thư Âm Nghĩa nói hạm đạm là dáng đầy đặn.

Ngu lạc: Đỗ chú Tả Truyện nói ngu là vui lạc là đáng vui.

QUYỂN 60: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI THỨ 39 - 1

Thất-la-nhiệt quốc: cựu gọi là Xá-vệ quốc nói cho đủ là Thất-la-phiệt-tất-để. Hán dịch là Hảo đạo hoặc gọi là Văn Vật tức là tên thành chú chẳng phải tên nước. Vì trong thành ấy nhiều nhân vật nổi tiếng xuất hiện họ có phẩm hạnh đạo đức. Vì nổi tiếng cả ngũ nhiên gọi là Văn Vật, hoặc nói Thất-la phiệt-tất-để Hán dịch là văn. Phong tục truyện ký của Tây Vực nói thuở xưa ở thành này có một ông tiên già tu tập đạo tiên có một vị tiên nhỏ theo ông tu học, khi lão tiên chết vị tiên nhỏ xây dựng thành này tức lấy tên của tiên trẻ đặt tên thành ấy là.

Thệ-đa-lâm: Thệ-đa là tiếng Phạm hoặc gọi là Chế-đa hoặc gọi là Kỳ-đà Hán dịch là thắng, tức làtên của Thái tử. Lúc muốn xây chùa này trưởng giả Tu-đạt mua rừng cây của Thái tử gọi là Thệ-đa-lâm.

Tề Tạng Bồ-tát: là danh hiệu.

Sư tử tần thân tam muội: Đỗ chú Tả Truyện nói: tầm là cấp, thêm là mở ra từ thể câu cấp. Cho nên mở ra sự mệt mỏi gọi là tần thân, ý nói tam muội này có thể mở ra pháp giới tự tại vô ngại giải thoát chướng ngại mệt mỏi. Cho nên lấy đó làm thí dụ. Toàn là tiếng Phạm như trong Sam Định Ký.

Nguy lâu quý trệ: Trịnh chú Lễ Ký nói nguy là cao. Nhĩ Nhã quýnh là xa. Ý nói lầu cao nguy hiểm như treo trên hư không.

Đống vũ: Quảng Nhã nói đóng là nhà có nóc.

Giai trí can hạm: ngũ Ngọc Thiên nói giai là bậc cấp bước lên thiền đường. Thuyết Văn nói trí là lấy đan bôi vào đất. Vệ chiêu chú Hán thư cạn là đấm vách trên lan can. Vương Dật chú Sở Từ nói dọc gọi là hạm ngang là thuẩn. Cố Dã vương nói xà trên điện.

Giai đăng lan thuẫn. Đăng là đường bậc cấp Vương Dật chú Sở Từ nói dọc là lan ngang là thuấn giữa nó gọi là...

Thoan kích hồi phục: Thuyết Văn nói nước chảy xiết gọi là thoan, dòng nước cạn chảy trên đá gọi là thoan. Nhĩ Nhã nói nhanh gấp gọi là kích. Tam Thương nói nước chảy lại gọi là hồi, phục là sâu chỗ xoáy thì nước sâu.

Phân bác: phân là hương thơm bài hòa Tiểu Nhã nói bác là phân tán.

Xá-lợi-phất: nói đủ là Xá-lị-bổ-đát-la. Xá-lị Hán dịch là thu lộ điểu. Bổ-đát-la là tử mắt của mẹ tôn giả này đen trắng rõ ràng như mắt chim thu. Cho nên lúc ấy gọi là Xá-lị. Vị tôn giả lấy tên mẹ nên cựu gọi là thân tử, trong tiếng Phạm gọi thân là thiết lợi la.

Đại Mục Kiền Liên: Hán dịch là Thái Thúc thị là họ của mẹ tôn giả là người có đại thần thông.

Ma-ha-ca-diếp nói cho đủ là Ma-ha-ca-diếp, Ma-ha là lớn. Ca-diếp Ba là Ẩm Quang. Tổ tiên của vị tôn giả này là thân đại tiên có hào quang sáng có thể che cả ánh sáng lưat đuốc. Lúc bấy giờ người ta gọi là Ẩm Quang tiên nhân. Vì thế lấy họ đặt tên ngài. Vị tôn giả có hạnh đầu đà nên đặt tên la Đại Ẩm Quang.

Ly Bà Đa: Hán dịch là cúng dường.

A-nâu-lâu-đà chính là A-ni-lễ-đa Hán dịch là Vô Diệt.

Nam đà: Hán dịch là Hoan Hỷ.

Kiếp Tần Na: Hán dịch là sắc vàng thượng tổ của Tôn giả này là Tiên nhân đầu vàng.

Ca-chiên-diên: Ca-chiên là tên gọi của một dòng họ, chiên là đúc. Vị tôn giả này là hậu phúc của dòng họ kia.

Phú Lâu Na: Nói cho đủ là Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử. Phú-lâu-na là mãn. Di-đa-la là từ, mãn từ là mẹ tôn giả gọi con, tức là từ mẹ mà đặt tên gọi là Mãn Từ Tử.

Bất năng du ký.

Ô thừa: Quách Phác chú Sơn Hải kinh nói thừa là âm tựu. Thuyết Văn nói loài chim này lông đen mà nhiều con.

Cử thể tiêu nhiên: Lưu Triệu chú nghi lễ nói cử là hết cả, tận.

Ế mô: Văn Tự Tập Lươc nói ế là mắt bị màng.

Bổ lạp phóng mục: Tam Thương nói mục là nuôi dưỡng.

Chấn ức: Quách chú Lễ Ký nói: Chấm là cứu là chú Chu Lễ nói ức là ưu bần.

Quân thêm: thêm là đủ, quân là đều ý nói đời đều không lường được.

Thục hữu.

Phàm phu anh vọng hoặc: Quảng Nhã nói phàm là khinh, phu là người anh là nhiễu. Ý nói người tầm thường bị hư vọng hoặc chướng làm loạn.

Nan xưng: Trịnh chú Lễ nói: Xưng giống như ngôn. Quảng Nhã nói xưng giống như dự, chữ này đáng ra viết bộ nhân đứng nay phần nhiều viết bộ hòa.

Khâm phán: Khổng An chú Thư nói khâm là cung kính.

Hiểu ngộ: Quảng Nhã nói hiểu là thuyết. Thuyết Văn nói ngộ là giác ngộ. Thanh loại nói ngộ là giải, nghĩa là dạy dỗ khiến cho họ được giác ngộ.

QUYỂN 61: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 2

Nhân-đà-la-vong: Nhân-đà-la Hán dịch là đế nghĩa là lưới trời Đế Thích trên đại điện của trời Đế Thích những màng lưới kết châu.

Minh luyện: Châu Lâm nói: Nung kim loại cho tinh gọi là luyện, làm cho tư chín gọi là. nay gọi là khéo biết nghi thức rõ ràng.

Quân Tuệ Tỳ-kheo: Trong bản Phạm gọi là Nhân-đà-la-mạt-để Tỳ-kheo Nhân-đà-la Hán dịch là quân. Mạt để là tuệ ý nói Tỳ-kheo trí tuệ so với Tỳ-kheo khác là tối tôn như vua nên gọi là Quân Tuệ.

QUYỂN 62: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 3

Sa-la-lâm: Sa-la này gọi là Cao xa. Vì cây cối trong rừng này rậm dày cao thẳng hơn các rừng cây khác, cựu gọi là kiên cố là nhầm: Do Sa-là và Bà-la-môn vận gần giống nhau. nếu nói kiên cố là chuyển lưỡi, nếu gọi cao viễn là xưng đúng.

Tu-đat-đa: Hán dịch là thiệt kiết thí vô y hỗ. (Hay giúp đỡ người không nơi nương tựa cựu gọi là cấp cô độc).

Bà tu-đại-đa: Hán dịch là tài thí, hoặc gọi là có hạnh thiện thí.

Oai quang hắc dị: Quảng Nhã nói hắc là hừng hực dị là sáng rỡ.

Huy mặc: Quảng Nhã nói huy là buộc Châu Lâm nói mặc là sợi dây. Theo nghĩa kinh lấy dây buộc chặt khó mở ra được.

Bỉ lặc: Thuyết Văn nói lặc là cái dám đầu ngựa.

Kiêu doanh: Ngọc Thiên nói: doanh là giãi đãi hõan. Nghĩa là kiêu mạn giãi đãi thì hoãn.

Linh ngã tải thử thừa: Vương Dật chú Sở Từ nói tải thừa, thừa là thăng vậy

Nhân nhục: Mao Thi Truyện nói: Nhân là da hổ, Ngọc Thiên nói lấy da hổ làm nệm chữ nhân này phải viết Quách chú Nhĩ Nhã nói nhục là chiếu, thanh loại nói nhục là nệm cỏ.

Kỵ ương: Vương Dật chú Sở Từ nói: kỵ là cái dàm đầu ngựa, cái dây buộc đầu trâu.

Chu hiệu.

Tứ duy: Quảng Nhã nói duy là gốc, ngoạn hảo chi vật: Khổng An chú Thư: ngoạn là đùa giỡn, tức là đồ chơi.

Đẳng hựu nhất thiết: Trịnh chú Lễ Ký nói: đẳng là bằng, Chu Lễ

nói hựu là giúp ý nói cùng giúp cho tất cả.

Phả hữu: Quảng Nhã nói phả là ít, ít cũng như bi.

Nhân-đà-la-ni-la: Nhân-đà-la là đế, chủ. Ni-la là thanh. Nó là thứ quí báu nhất trong các loại báo sắc xanh, vì là bậc nhất nên gọi là thanh chủ.

Phân bác bố hộ: Nhan Chú Hán Thư nói: Bố hộ cũng như bài rõ ra chỗ khuyết thiếu thì đều trải lên khắp.

Biện tích: Hán Thư Âm nghĩa nói: Biện là biệt tích là phân.

Thâm nhập pháp toàn phục: Thiết Vận nói toàn là xoay lại, Tam Thượng nói phục là sâu, nghĩa là dòng nước chảy dưới có chỗ sâu thì khiến nước xoáy.

Hành chí lăng già đạo: Lăng-già nói cho đủ là Lăng-cầu-la-ca là tên núi ở Tây Vực gần bờ biển phía nam Thiên Trúc.

Kích sấm: Thuyết Văn nói kích là sóng vọt nhanh ý nói tia chớp nhanh như sóng vọt.

Sát-Nhĩ Nhã-la-bà-mâu-hô-mở-đa: Nhân Vương Kinh nói: Chín trăm lần sanh diệt là một sá-na. chín mươi sát-na-la một niệm. Theo câu xá luận thời gian ngắn nhất là sát Nhĩ Nhã một trăm hai mươi sát-na là một Đát-sát-na. sáu mươi Đát-sát-na là một Ta-bà. Ba mươi la-bà là một Mâu-hô-mề-đa. Ba mươi Mâu-hô-nề-đa là một ngày một đêm.

Quốc danh đạt lợi tỷ trà: Nước này ở phía nam Ấn Độ. Hán dịch là tiêu dung, nghĩa là người nước này không nói lời vọng ngữ, nói ra thì thành chú. Nếu các nước láng giềng xâm chiếm, họ chỉ cần đọc chú thì thiên nước kia diệt như lửa nung đốt.

Di-đà: Hán dịch là năng hàng phục.

QUYỂN 63: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 4

Thị tứ: tứ là bày ra, nghĩa là bày hàng ra để bán.

Thiện tài ngôn quy: Khổng chú Thượng Thư nói: Hiểu ngay không hỏi gọi là duy Quách chú Lễ nói: Duy là lời hứa cung kính.

Cứ tức hạ: Giả chú Quốc Ngữ: Cứ là màu, Ngọc Thiên nói cứ là cấp tốc.

Tắc vi bấc đoạn: Quảng Nhã nói: Tắc là tức, vi là thị.

Bồ-tát vị nhất thiết chúng sanh thị hỗ: Hàn Thi Truyện nói không cha lấy ai tựa nhờ gọi là vô hổ theo nghĩa kinh Bồ-tát đối với chúng

sanh như cha mẹ bảo bọc yêu thương con và làm chỗ nương tựa.

Trưởng giả: Phong tục thông nói cuối thời Xuân Thu, Trịnh Hữu Hiền sáng tác một thiên gọi là Trịnh Trương Giả nên trưởng là mầm của đức sự trưởng thành là do mỗi người lấy đó mà gọi là trưởng giả.

Thế từ bi chấp: (đã giải) ở trước.

Bạt du dự tiễn: Nhĩ Nhã nói do là tên loài thú, thân nó giống vượn hay leo trèo trên cây tánh đa nghi thường ở trong núi hễ nghe tiếng động là sợ người đến hại, liền nhảy lên cây thật lâu mới xuống chốc lát lại leo lên, cứ như vậy hoài. Cho nên người không dứt khoát gọi là do dự. Hoặc xứ Lủng Tây gọi con chó là do, vì nó đi theo người thích đi phía trước người chưa đến thì nó đến trước để đón. Vì thế tâm không quyết định gọi là do dự. Nay theo luận do dự là nhiếp về phiền não nghi không tiến lên, thiện phẩm được cho nên cần phải nhổ.

Thản đãng tư tâm: Luận ngữ nói bậc quân tử thản đông, kẻ tiểu nhân trường thích. Trịnh huyền nói: Thản đãng là rộng rãi thích là nhiều lo sợ.

Hữu nhất quốc thể danh Ma-lợi-ca-la (chưa rõ) phạm hạnh chi đạo: Phạm là phạm ma nói cho đủ là Bạt-lạm Mao Thi Truyện Hán dịch là thanh tịnh

Ưu-bà-di danh hưu xả: Hưu xả nói cho đủ là Hô-xá-la, Hán dịch là hi vọng cũng gọi là ý lạc hoặc gọi là Mãn Nguyện. Vì thỏa mãn niềm vui hi vọng của chúng sanh.

Tư ta luyến mộ: Khổng An chú Thư nói tư là than, Ngọc Thiên nói tư ta là khen đẹp.

Tưởng kỳ dung chỉ: Dung là dung nghi, chỉ là hành chỉ.

QUYỂN 64: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 5

Thiện tri thức giả thị ngã sứ bá: sư bá thượng thư châu quan có tam công, tam cô. Tam công là thái sư, thái phó, thái bảo. Sư là thầy của vua, bá là ở bên vua, bảo là bảo an cho vua giữ được đạo đức lễ nghĩa. Nhiệm vụ của công là ở bên vua để luận đạo, bàn chính sự lý giải âm dương, phải là người có đức mới kham nỗi. Tam cô là thiếu sư, thiếu phó và thiếu bảo. Ý nói là thấp hơn tam công mà cao hơn lục khanh, chỉ lập hai bậc này. Ngọc Thiên nói truyện cũng như phụ lấy phấn bôi vào mặt. Nay theo thí dụ. Nếu sư bác, nghĩa thông với bảo. Nghĩa là người

cầu đạo được thiện hữu thì có ích cho mình, giống như thiên tử có tam công tam cô phụ tá bên cạnh.

Tỳ-lê-giá Nhĩ Nhã Mao Thi Truyện Ni bảo: Hán dịch là Quang Minh Biếm chiếu như ý bảo.

Cù nhạn: nó giống như ngỗng mà nhỏ hơn.

Câu chỉ la điểu: (chưa rõ).

Bảo đa-la-thọ: Ba-la-thọ thân như cây cọ ở xứ này, lá nó day kín mít, nhưng trong đây do các báo hợp thành.

Từ chiêu: từ là hoãn chậm rãi, chiêu là động.

A-lô-na-hương: A-lô-na-hương: Hán dịch là sắc đỏ.

Quải: cổ viết là

Xuyên:

Nhĩ đang: Thích Danh nói vòng đeo tai gọi là đáng.

Bà-lâu-na thiên Phật: Bà Lâu-na Hán dịch là thủy.

Quốc độ danh Na-la-tố: Na-la-tố Hán dịch là không đọa lại.

Tiến nhân danh tỳ mục cù-sa: Tỳ-mục cù-sa nói cho đủ là Tỳ-sa-ma-ô-đa-la, Niết-bàn. Cù-sa-la là vô bố úy Ô-đa-la là tối thượng. Niết-bàn Cù-sa là xuất thanh.

Tiên vinh: Ngọc Thiên nói tiên là sáng Thích Danh nói vinh là vẻ sáng rỡ chiếu diệu.

Bà-trát-la-thọ: cây này tự như cây thu ở xứ này. Nhưng hoa của nó rất thơm, lá nó màu đỏ tía.

Ni-lâu-luật-thọ: lá cây nó như lá cây đệ.

Lãnh đồ nhất vạn: Khổng An chú Thư: biển là dệt Châu Lâm nói lấy đồ dệt lại gọi là biển.

Kế hoàn thùy tâm: Kế hoàn giống như búi tròn.

Di hiểm đạo: Khổng An chú Thư Di là bình phượng ngôn nói hiểm là cao.

Hiểm dị: Ngọc Thiên nói dị là hiểm trở. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói dị là bình. Y nói con đường hoặc hiểm trở hoặc bằng phẳng.

A-sấu-đa là một điềm ở phương này.

Na-du-tha.

Tụ lạc danh y-sa-na: Y-sa-na Hán dịch là thường trực.

Ly-chư-nạn-nan nạn trên là gặp nạn, chữ dưới là nan tức gian nan.

Y-na-bạt-la long vương: y-la là tên cây, Hán dịch là xú khí, Bạt-na là cực. Tức là con rồng ở ngày xưa do làm tổn hại nhiều lá cây này cho nên trên đầu nó cây hôi.

Nan-đà-ưu-ba-đà: Nan-đà là hoan hỷ, ưu-ba là cận.

QUYỂN 65: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 6

Thần khẩu đan khiết như tần-bà quả: Đan là đỏ, khiết là sạch, tần-bà quả, quả nó giống như lâm cầm ở phương này nó thật đỏ tươi.

Ư-hà chữ trung: Nhĩ Nhã nói: người có thể ở trong nước gọi là châu. Châu nhỏ gọi là chữ, chữ nhỏ gọi là chỉ.

Thướng cổ: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói nước xoáy gọi là uyên: Mao Thi Truyện nói: Uyên là sâu, ý nói phước đức sâu dày.

Giảo sức: Làm việc trang sức.

Nga vương vũ cách: Châu Lâm nói cách là gốc cánh chim.

Khệ chỉ: Châu Lâm nói khê là dừng.

Bẩm Thiện Thiện tri thức: Khổng An Quốc chú Thư nói: bẩm là thọ.

Mỹ bất chu thiêm ((đã giải) thích).

QUYỂN 66: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 7

Du phước đức hải: Du cũng như do. Thuyết Văn nói. Nỗi trên mặt nước.

Cự tức võng nghệ, Giả chú Quốc Ngữ nói cứ là nhanh.

Hà duyên trì thử thanh tịnh chúng hội: Nhan Chú Hán Thư nói trí là đưa đến dẫn.

Bất đạn: Trịnh Tiển Thi nói: đạn là khó, nghĩa là cấp nạn vất vả.

Trỉ điệp sùng tú: Công Dương Truyện nói năm bảng là một đổ, năm đổ là một trỉ, một trăm trỉ là thành, hà hưu chú hai trăm ngàn thước. Nhà chu chê mười một dặm ba mươi ba bước hai thước công hầu.

Lễ ký nói: Thiên tử cả ngàn trĩ...

Phong hoàn vân nhiệt, văn tự tập lược nói: vân là nước dịch trong ngực.

Tân-đầu-ba-la-hương: Tân đầu là tên sông tức là ao A-nậu-đạt phía tây chảy từ miệng kim ngưu chảy vào nước Ấn Độ. Bu-la là bờ, nghĩa là hương ấy xuất phát từ bờ sông kia. Lấy xuất xứ đặt tên A-lô-na-bạt-đế-hương: A-lô-na là màu đỏ, bạt để là hữu hoặc gọi là cực, nghĩa là hương này có màu thật đỏ.

Ô-lac-ca-chiên đàn hương: Ô-lạc-ca là tên loài rắn ở Tây Vực. Con rắn ấy thường nhả ra độc nhiệt. Cây thơm này chạm vào thân nó

thì hơi độc dứt, hoặc nói rắn này rất độc hể cắn người liền chết, chỉ có loại chiên đàn này mới trị được.

Thành danh Đa-la đồng: Đa-la ngài nghĩa tịnh dịch là minh tịnh. Thuở xưa có vua tên minh tịnh nhãn đồng sáng lập thành này cho nên lấy đó đặt tên

Đi sướng tâm: Mao Thi Truyện nói di là vui, Hán Thư Tập Chú nói sướng là thông.

Phủ kỳ cô nhược: Hán Thư Tập Chú nói phủ là vỗ về Trịnh chú Chu Lễ nói: Phải là an Đỗ chú Tả Truyện nói phủ là thương xót.

A-na-la vương: Hán dịch là vô yểm túc, hoặc nói là phổ khả úy thanh, ý nói vị vua ấy có tiếng tăm đáng sợ khắp các nước.

Dĩ vi kỳ tề chữ này trong văn kinh viết không có bộ nhục là sai.

Thập vạn mãnh tốt: phương ngôn nói: Giữa Nam Sở Đông Hải gọi kẻ hầu là tốt.

Nhượng tý sân mục: Mạnh Tử nói nhượng là vịn tay xuống xe, Cố Dã Vương nói nhượng là cởi nỏ áo quyết.

Tằng bất cố cụ: Quảng Nhã nói là quyến ý nói không quyến luyến thân mệnh sợ hãi cái chết.

Mệnh chi đồng tọa: Quảng Nhã nói mệnh là gọi.

Thừa chỉ: Ngọc Thiên nói chỉ là ý.

Phú thiên đoạn kỳ sở tác.

Thuyết Văn nói đoạn là cắt, Khổng An chú Thư nói đoạn là tuyệt.

Mỹ bất cai luyện: Châu Lâm nói: Mĩ là vô. Quảng Nhã nói cai là hoàn bị. Châu Lâm nói nung kim loại là luyện nấu tơ cho chín là luyện.

Y-la-bà-nô đại vương: Y-la là Y-đà-la tức tên Đế Thích, Bà-nô-la xuất thanh ý nói khi vui chúa này hống tiếng hay làm vui cho Đế Thích.

Tu tý: Mao Thi Truyện nói: Tu là dài, theo Ngọc Thiên tu là tu sức.

Như ngư: Thuyết Văn nói ngư là bắt cá.

Hao động.

Thành danh vô lượng Đô-tát-la: Đô-tát-la, đô là đô-la, Hán dịch là hỷ, tát-la là sanh ra ý nói thành này sanh ra vô lượng việc vui nên lấy đó đặt tên.

QUYỂN 67: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 8

Triền điếm lân lý: Trịnh chú Lễ nói: hàng quán gọi là triền. Thượng Thư Đại Truyện: Bát-gia-đà-lân. Ba lần là bạn, ba bạn là lý, năm lý là ấp, đây là được chế từ Ngu Hạ.

Văn kinh viết bộ là sai.

Nghiễm biến: Thuyết Văn nói đó mà đặt tên nó, trong núi này có rất nhiều Chiên-đàn trắng mọc.

Hương danh Tiên Đà-bà: Tiên Đà-bà...

Thuyền sư danh Bà-thi-la: Hán dịch là tự tại.

Bộ đa cung: Bộ-đa là tự sanh nghĩa là loài này từ mẹ sanh ra gọi là Dạ-xoa hóa sanh.

Thần bô: Ngọc Thiên nói bô là chiều. Nhĩ Nhã nói thần là sáng.

Quỹ lậu diên bảo: Lý Thiện chú Văn Tuyển nói: Quỹ lậu là bóng. Phân tỉ mỉ quỹ xà lậu. Cho nên Chu Lễ nói...

Lý đoán: Trịnh chú Lễ Ký nói đoán là quyết lương cửu. Ngọc Thiên nói lương là dài, đài là đối với ngắn.

Quốc danh Du-na: Chính gọi là dũng mãnh, thành danh ca lăng ca lâm: lấy nghĩa để dịch ra tên. Lúc tranh đấu nhân đó mà đặt tên nước.

Ba-lợi-chất-đa-la-thọ: Nói cho đủ là Ba-lợi-chất-đa-la-cau-tỳ-đà-la. Hán dịch là cây Hương biến nghĩa là cành cây, nhánh lá hoa quả đều thơm. Có thể xông khắp trời Đao-lợi.

Ca-lân-đà-y: Áo bông mịn.

Bách trách: Ngọc Thiên nói: bách cũng như bức, Quảng Nhã nói bách là hẹp trách là hiểm.

Bà-lâu-Nhĩ Nhã-thiên: Hán dịch là thủy nhiên.

Lương ốc điền (đã giải) thích).

Am-la-lâm (đã giải) thích).

Bà-Trịnh chú Chu Lễ-mât-đa: Hán dịch là thế bạn, cũng gọi là thiên bạn.

QUYỂN 68: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 9

Thần Vẫn: Thương Hiệt Thiên nói: Vẫn cũng như thần, đó là hai bờ môi.

Đạo bỉ môn khổn: Thuyết Văn nói đạo là dẫm đạp. Khốn là ngạch

cửa.

Cư sĩ danh bể sắt để la: Hán dịch là triền lõa hoặc gọi là Bao nhiếp. Ý nói hiện thân rộng lớn có thể bao nhiếp hết cả quốc độ.

Di-lặc: Nói cho đủ là muội-đát-cù-duệ, dịch là từ thị.

Sơn danh Bổ-đát-lạc-ca: Hán dịch là núi Tiểu Hoa Thọ. Nghĩa là trong núi này có nhiều cây hoa trắng nhỏ, hoa rất thơm và bay khắp nơi.

Tuyền lưu oánh oanh: Châu Lâm nói oánh là quyện. Oanh là không sáng. Theo ý kinh nói dòng suối chảy giao nhau cuốn vào nhau, ân táng trong nhau nên nói là oánh oanh. Chữ oanh văn kinh viết bộ

Thọ lâm ông uất: Ngọc Thiên nói ông uất nghĩa là cây cỏ mọc um tùm. Chữ ông theo Hán thư viết bộ túc ở trên.

Diên di: Trịnh chú Lễ nói diên cũng như chữ biến cải. Mao Thi Truyện nói diên là ra đi.

Thành danh đọa La-bát-để: Hán dịch là môn chủ. Hoặc nói là hữu môn. Ý nói người xưa xây dựng vương thành này.

Ca-tỳ-la-thành: Nói cho đủ là Ca-tỷ-la-bát-tốt-đô. Ca-tỷ-la là hoàng sắc. Bát-tốt-đô là nơi ở nghĩa là thời thượng cổ có tiên nhân đầu vàng ở nơi này tu ;uyện đạo tiên. Nhân đó mà đặt tên.

Dạ thần Bà-san-bà-diểm-để: Bà-san-bà-diểm-để. Bà tang để Hán dịch là xuân. Bà-diểm-để là chủ đang. Nghĩa là vào mùa xuân vị thần này phải thủ hộ chúng sanh và các giống cây trồng. Hoặc nói bà-la-bà-tát-na gọi là y chỉ vô úy. Nghĩa là làm chỗ nương tựa cho chúng sanh khiến họ lìa mọi sợ hãi. Lại nữa ở Trung Thiên Trúc vốn là Bạt-tăng-đa, Hán dịch là xuân sanh, nghĩa là có thế sanh vật.

Trữ lập vị cửu: Lý Thiện chú Văn Tuyển: Trữ là dáng đứng. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói trữ là xí. Ý nói nhón chân trông ngóng có vẽ kính đợi.

Phương Ngung: Trịnh Huyền chú Khảo Công Ký nói ngung là góc, phương là bốn phương, ngung là tứ duy.

Vi tác linh dược.

Đằng la sở quyên: Thiết vận nói quyên là quải bản chất của dây cát đằng là tự kết thành lưới.

Dục độ câu hức: Báo thị chú Luận Ngữ rằng phương ký làm giống, giữa giống có hóc hào sâu bốn thước mười lý là thành. Giữa thành có hức. Hức sâu rộng tám thước.

Linh chư thế sự tất đắc tuyên tự: Nhĩ Nhã nói: Tuyên là trình bày, Thuyết Văn nói tự là thứ lớp, ý nói hiển thị có thứ lớp.

Đạo tháp tự vật: Tháp nói cho đủ là Tôt-đổ-ba nghĩa là nơi đặt xá-

lợi của Phật tên chùa theo tiếng phạm gọi là Bể-ha-la. Hán dịch là du, nghĩa là nơi chúng sanh cùng dạo bước, Tam Thượng nói tự là quán xá. Quán xá nghĩa gần như du. Phong Tục Thông nói tự là ty nghĩa là nơi có phép tắc. Nay chỗ chư hầu ở đều gọi là tự thích. Dạnh nói tự là từ, nghĩa là người cai trị tiếp tục nối ngôi ở trong đó. Nay nếu đặt tên theo nghĩa thì đệ tử Phật hỗ trợ Phật hoằng dương trụ trì chánh pháp, đều đồng với ba thuyết sau, nếu cứ căn cứ theo bản phạm. Đối nghịch mà dịch thì như sự giải thích ban đầu.

Dạ cửu miên mị: Mao Thi Truyện nói mi là ngủ (tẩm) Ngọc Thiên nói tẩm là ngủ say.

Khuyến dụ: Thương Hiệt Thiên nói dụ là khuyên răn.

QUYỂN 69: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 10

Cự phát thị niệm: Cự là nhanh.

Bỉ đại tinh tấn giáp.

Tất khôt vô vị: Vị cũng như lạc ý nói đều là khổ không có gì ưa thích.

Chùy: Thuyết Văn nói, chùy là đánh bằng gậy, Thuyết Văn viết bộ thủ. Ngọc Thiên viết bộ mộc. Thanh Loại viết bộ trúc.

Kỳ Tâm Thái Nhiên: Châu Lâm nói: Thái là thông, hễ người nào lìa khỏi mọi uất ức ưu phiền thì tâm được thông thái.

Vi thiện bất nhạo thế gian dục lạc:

Anh vọng tưởng: Hán Thư Tập Chú nói: Anh là nhiễu gia, nghĩa là anh bị bao vây quanh trong phiền não vọng tưởng.

Đắc thử giải thoát kỳ dĩ cửu như: Cửu là cửu cận, như là như hà. Cho nên phẩm quán chúng sanh trong Duy Mao Thi Truyện nói Xá-lợi-phất hỏi trời: Ông ở trong thất này lâu mau: Ông già giải thoát cũng như thế. Nay y theo văn này nói cửu như tức là cửu cận như hà.

Tần ngự hữu thập ức: Giả chú Quốc Ngữ tần là thiếp, ngự là tần. Mao Thi Truyện nói tần là vợ. Trịnh chú Lễ Ký nói tần là phụ nữ có khuôn phép. Chu Lễ nói có chín tần dạy chín ngự, Sá Ủng nói phàm Thiên Tử có y phục mặc vào thân, thức ăn uống vào miệng, thê thiếp hầu hạ và ban đêm gọi là chỗ thân ái của vua.

Ngã thời tầm giác: Đỗ chú Tả Truyện nói tầm là tiếp tục.

Kim cang tề Phật.

QUYỂN 70: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 11

Bất tạ canh vân nhi sanh đạo lương: Mao Thi Truyện nói: Vân là cỏ, Thuyết Văn nói: Vân là vàm cỏ, Thuyết Văn nói lương là lúa. Chữ vân trong văn kinh viết là loại cỏ rêu, chẳng phải ý này.

Lương thần mãnh tướng: Mật Pháp nói: thẩn thận kính phụng gọi là lương, nay ý nói một lòng giữ nước gọi là lương thần mưu cầu kẻ sĩ gọi là mãnh tướng.

Trung yểu: Yểu là chết sớm.

Lăng miệt tha nhân: Thiên Hiệt Nhiên nói: Lăng là xâm phạm, Ngọc Thiên nói lăng là mạn, Tiển Thi nói miệt là khinh.

Chúng cảnh đoạt diệu: Thuyết Văn nói cảnh là sáng, diệu là chiếu.

Đại thần phụ tá: Trịnh chú Lễ nói: Phụ là giúp đỡ, tá là phụ tá. Ý nói thần giúp vua trong việc triều chính.

Vô cao cứ tâm: Đỗ chú Tả Truyện nói: Cứ là ngạo nghễ, Trịnh chú Lễ nói cứ là bất kính.

QUYỂN 71: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 12

Thọ chủng chủng Như Lai mệnh: Trịnh Tiễn Thi nói: Mệnh là mệnh giáo.

Cao thất Đa-la-thọ: Đa-la-thọ giống như cây cọ ở phương này, nó cao hơn mười tượng. Kinh lấy đó làm thước đo.

Ba-đầu-má-hoa: Hoặc gọi là Bát-đạp-man, tức là hoa sen đỏ.

Giác ngộ.

QUYỂN 72: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 13

Uân hoa phú hợp.

Thôi du quán thời: Ngọc Thiên nói thôi là dừng, nghĩ.

Chữ phá: Chữ là đánh.

Miêu giá bất đăng: Mã Dung Chú Luận ngữ: trồng ngũ cốc gọi là giá. Nhĩ Nhã nói đăng là lên. Ý nói gặt lúa thì có thể thăng trường.

Khô cảo: Thuyết Văn nói khô là cây khô, Đỗ chú Tả Truyện nói cảo là lao. Nghĩa không trúng ý kinh.

Y thương thê ố: Thuyết Văn nói y rách gọi là tệ, Ngọc Thiên nói...

Thuấn liệt.

Sáng pháp.

Nhân ngữ hiếu bạn: Thích Danh nói: Nhân là nhẫn, hiếu sanh ghét ác. Thiện ác đều nhẫn. Nhĩ Nhã nói: khéo thờ cha mẹ gọi là bạn.

Thiên Phụng Phủ đối: Thiên là nhân, phụng là thừa sự. Hán Thư Tập Chú nói: Phủ là an ủi, thương xót.

Dâm diệc: Thương Hiệt Nhiên nói: Diệc là dịch, là vui.

Khố hác: Quảng Nhã nói hác là hét.

Du vân bị bát phương: Mạnh Tử nói: Trời bỗng nhiên nổi mây trúc mưa thì mầm cây hẳn phát triển. Mao Thi Âm Nghĩa nói du vân là mây mùa xuân. Ý nói mưa thấm nhuần cả cỏ cây vạn vật.

Đại vương lâm thứ phẩm: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: Lâm từ tôn đến Tỳ-kheo Giả chú Quốc Ngữ nói lâm là trị. Tự là trị ký, thứ là chúng, phẩm là loại.

Bạo ngược: Ngọc Thiên nói bạo là lăng phạm.

Hình ngục giai chỉ thế: Trịnh Huyền chú Khảo Công Ký nói thế là trì. Trì là phế bỏ.

Tàn hại: Nhan chú Hán Thư: Tàn là giết hại quá nhiều. Thương Hiệt Nhiên nói tàn là cắt mổ súc vật.

Đại đồn: Đồn là con heo.

Thiên nhiên bị: Nhĩ Nhã nói thiêm là đều, Quảng Nhã nói thiêm là đồng, bị là đủ.

Nhập trì tự phủ cúc: Vương Dật chú Sở Từ nói phủ là trì, cúc là vỗ.

Dạ xoa: Hán dịch là quỷ cúng tế. Người đời cúng tế để cầu ân phước, cựu gọi là tiệp tật quỷ.

Tỳ-xá-lợi: Là quỷ hút tinh khí người.

Trung tiêu: Tiêu là giữa đêm.

QUYỂN 73: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 14

Túc thực: Thương Hiệt Thiên nói: Thực là trồng.

Linh ngữ: Trịnh chú Lễ nói: Linh ngữ là người bị bắt giam. Như nhà ngục ngày nay. Thuyết Văn nói linh ngữ là đến ngục của nhà Chu.

Bảng đài: Tự Thư nói: Bảng là đánh, đài là đập.

Tẫn cát: Thuyết Văn nói: Tẫn là xương đầu gối. Thượng Thư Đại Truyện nói kẻ trộm quyết vượt thành quách mà đi hình phạt ấy phải xẻo đầu gối.

Khoan thứ: Đỗ chú Tả Truyện nói thứ là tha.

Đạo nhập cung vĩ: Nhĩ Nhã nói: Cửa trong cung gọi là vi, loại nhỏ gọi là khuê, tiểu khuê gọi là buồng.

Vương chi bảo tố: Bảo là đại bảo. Tố là vị.

Hắc nhiên đại nộ: Trịnh Tiên Thi nói: Hắc nhiên là vẻ giận dữ. Mao Thi Truyện nói hắc là màu đỏ, ý nói người giận nỗi lên thì sắc mặt màu đỏ.

Hủy hình dáng thoát: Nhĩ Nhã nói giáng là hạ xuống, nghĩa là bỏ y áo tốt để mặt áo xấu.

Tát giá ni liền: Tát giá Hán dịch là hữu nhiền nói đủ là ni tàn liên đà. Ni là không càn liên đà là phược. Nghĩa là hàng ngoại đạo lõa hình này tự nhị đói để thực hành hạnh thiểu dục không bị việc ăn mặc ràng buộc.

Câu lưu tôn: Nói đủ là Yêt-la-ca-thốn-đà. Hán dịch là những gì đáng đoạn đã đoạn.

Ngự quần sanh: Khổng An chú Thư: ngự là trị, trị lý, Trịnh chú Lễ nói ngự là khuyến nghĩa là khuyến hóa.

Viên lâm danh lam tỳ-ni: Hoặc nói Lưu-di-ni. Hán dịch là lạc thắng viên quang, đều là tên của thiên nữ.

QUYỂN 74: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 15

Bị cấu nhất thiết trí luôn thệ giáp:

Truyền lai.

Quả tùng đâu suất:

Kháng khảm đồi phụ: Đồi là gò đát cao, Quảng Nhã nói cao bằng gọi là dục.

Ngõa lịch linh cứu chu ngột: Thuyết Văn nói đá nhỏ gọi là lịch, linh cứu là tiếng gọi chung của cỏ gai. Thuyết Văn nói gốc cây gọi là chu. Ngột là cắt bỏ.

Tất lạc xoa thọ: Hoặc nói tất lợi xoa. Hán dịch là Cao hiển, ý nói Phật hạ sanh gọi là bậc thù thắng hơn thiên nhân. Cho nên gọi Cao hiển. Hoặc có nơi nói Phật sanh dưới cây A-nhung-ca.

Chư Phật tề trung.

Thích chủng nữ Cù-ba: Cù-ba hoặc gọi là Cù-di, Hán dịch là nơi thủ hộ.

QUYỂN 75: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 16

Ái niệm tình chí.

Vi ký an lập.

Thập phương vô gián: Nhan chú Hán Thư nói gian là không. Nghĩa là nơi không có khoảng trống, còn có âm gian, nghĩa là nơi không có chỗ chung thọ.

Túc phu long khởi: Nhĩ Nhã nói long là cao.

Thân thượng phần.

Tiên bạch: Ngọc Thiên nói tiên là sáng tiệp.

Thân thượng mỹ: Hán Thư Thập Di nói: Mỹ là khuynh, nghĩa là nằm yên.

Dực tùng: Thượng Thư Đại Truyện nói dực là phụ. Mao Thi Truyện nói dực là kính.

Hồng tiêm đắc sở: Tế Ứng Chú Ban Cổ Điển Tắc nói: Hồng là lớn, tiêm là nhỏ.

Tu đoản hợp độ: Tu là dài Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói độ là số thước đo. Ý nói mức dài ngắn hợp với tiết độ trong phân tích.

Tiên Thái tử hành: Tiên là đi trước.

Phúng vịnh: Đọc làu văn là phúng.

Vẫn diệt: Thanh Loại nói vẫn là mất, phi kỳ thất ngẫu: Mao Thi Truyện nói thất là phối, Đỗ chú Tả Truyện nói thất là dịch, ngẫu là tình cờ. Giả chú Quốc Ngữ nói ngẫu là đôi. Ngọc Thiên nói ngẫu bộ canh.

Tạm đặc giả mỵ: Mao Thi Truyện nói: Mỵ là ngủ thì nói giả ngủ, Vĩnh Thán Tiện nói không cởi áo mà ngủ gọi là giả mị. Ngọc Thiên nói giả mị là mặc áo đội mũ ngồi mà ngủ gục.

Vị thùy thủ hộ: Hộ là tam hộ cũng gọi là tam lam, thì người nữ yếu đuối cho nên nhờ ba thứ hộ, trẻ nít nhờ sự hộ trợ của cha mẹ. Nay hỏi chung nên gọi là thùy.

Khai phẩu: Ngọc Thiên nói phẩu là rách, Thương Hiệt Thiên nói phẩu là chẻ ra.

Xảo đoán:

Quan dĩ diệu tạng.

Bị dĩ hỏa diệm.

Vô cỏ xứ: Trịnh chú Lễ nói: Cỏ la hiềm trách. Mao Thi Truyện nói xú là xấu, không chê trách việc xấu tệ.

Thiên tăng khoáng: Thuyết Văn nói tăng là lụa, Nhĩ Nhã nói tơ mịn gọi là khoáng.

Phần phức ((đã giải) thích.

Tôn túc: túc là cựu.

Ha-xa-bộ-tiến: Vương Dật chú Sở Từ nói: Bộ là đi chậm, tiến là hướng về phía trước.

Lập Phật Chi Đề: Chi Đề nói đủ là chế để da: Nghĩa là ở chỗ xà duy, của Phật đặt tháp và đài để kinh Phật thuyết Hán dịch là tích tụ, tức là nơi thiên nhân tích tụ vô lượng công đứt, hoặc phiên là nơi sanh tịnh tín.

Cánh bất khả đất: Trịnh Tiên Thi nói canh là trọn ngày.

Nguện đắc bỉ thiêm thị: Thuyết Văn nói bị là đủ, Cố Dã Vương nói bị là chuẩn bị làm sớm, Khổng An chú Thử nói thiêm là nhìn.

Mao khổng lượng: Lượng là phần sợ.

QUYỂN 76: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 17

Ngự hãn: Quách Chú Nhĩ Nhã nói: ngự là cấm chế. Đỗ chú Tả Truyện nói: cấm là chỉ, hăn là vệ, tế. Tế là ngăn lấp thanh loại viết chứ Hán.

Khuyếch triệt tâm thành: Phương Ngôn nói mở nhỏ làm cho lớn ra gọi là khuếch, Nhĩ Nhã nói khuếch là lớn. Thông Tục Văn nói khuếch là rộng, Thuyết Văn nói triệt là thông ý kinh trong đây nói lấy lý dung sự biến khắp thế giới.

Nghiêm túc: Mao Thi Truyện nói nghiêm là oai, túc là xúc. Túc là tề chỉnh, khiến cho thu lại, ý nói oai đức ấy thâu vật.

Trục chư ác pháp.

Oánh triệt tâm thành: Thương Hiệt Thiên: Oánh là trị, Giả chú Quốc Ngữ nói: Triệt là sáng, Thuyết Văn nói triệt là thông. Nay lý

tâm thành làm cho nó thông suốt không còn ngăn trệ nửa bộ phận tâm thành.

La sát quỷ vương: La-sát nói cho đủ là La-lát-bà. Hán dịch là khả úy. Vương tức là tỳ-sa-môn.

Tất đạt Thái tử: Tất đạt nói cho đủ là tát phược án tha tất địa, chữ địa phải đọc bình thanh. Phược Hán dịch là nhất thiết. Án-tha là sự. Tất địa là thành ý nói đối với tất cả việc đáng làm đã làm xong.

Tuy bất du bổn: Tự Lâm nói du là vượt qua.

Lâu chí Như Lai: Lâu chí nói cho đủ là lỗ chi, Hán dịch là Ái-lạc.

Tạo tăng già lam: Nói cho đủ là tăng-già-la-na tăng già là chúng, la-Nhĩ Nhã là viện.

Doanh biện ma vật: Nhan Chú Hán Thư nói: chỉ là đứng sừng sững.

Tha tá xoa sa đa bà xa sa na ha bà tha già trát noa sa phả sa già dã sa.

Hàm tống vô dị: Tam Thượng nói: tống là lý kinh, ý nói chỉnh lý bổn bộ kinh.

Vẫn kỳ thâm giải: Đỗ chú Tả Truyện nói uẩn là khánh. Phương Ngôn nói uẩn là chứa, Mã Dung Chú Luận Ngữ nói uẩn là tăng.

Chú trớ: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói trớ là chú nguyện khiến cho sự việc bại lộ.

Thuyên dã: Quách Tượng chú Trang Tử nói thuyên là khỏi bịnh. Ngọc Thiên nói bịnh giảm gọi là dũ.

Biệt trí.

Châu bối: Theo Tây Thành lấy bối làm tiền cho nên liệt vào loại báu.

Vê-tát-la: Lông tiên thân sư tử xoáy lại gọi là Vê-tát-la. Tây Vực có loại báu xoáy giống như lông sư tử xoáy. Lấy đó đặt tên.

Thành danh Bà-đát-na: Nói cho đủ: Nan-đà-bà-đát-na. Hán dịch là bỉ, bà- đát-na là tăng ích. Tên nước ấy thuộc miền Nam Ấn.

QUYỂN 77: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 18

Hạc vô lượng ái dục hải: Quảng Nhã nói hạn là hết. Nghĩa khiến nó khô cạn hết.

Đỗ tuyệt chư ác đạo: Giả chú Quốc Ngữ nói đổ là biết lấp. Thuyết Văn nói đổ là bế tắt.

Như tề khách: Mao Thi Truyện nói tế là vượt qua. Khách là ở nhờ. Cho nên người hái củi nhờ núi, qua sông nhờ sông, uống rượu nhờ say, người buôn nhờ phòng trọ đều gọi là khách.

Trùng nhậm.

Dung tác:

Để hạ.

Chiên-trà-la: Hán dịch là bắt người bạo ác. Dạng ngưu là bò đực.

Chu tiếp: Mái chèo gọi là tiếp Thuyết Văn nói tiếp là nhanh, rỏ nước để thuyền lướt nhanh.

Lương công: Lương là thiện, công là kỷ.

Quân thập: Hán Thư Tập Chú nói quân là thu quán vương quan.

Tổn hao:

Thiện tri thức chi sở trí nhĩ: Nhan Chú Hán Thư là dẫn đến.

Thử thiện ngư nhân: Giỏi làm việc gọi là thiện, Thuyết Văn nói ngư là đánh cá.

Quá nhĩ diệm hải: nhĩ diệm là sở tri, nghĩa là trí biết được cảnh sở trí chẳng phải do thức đoán.

Ngạnh ế: Thuyết Văn nói ngạnh là ăn thịt mắc xương ở cổ. Người đau buồn uất ngẹn giống như bị mắc xương ở cổ. Cho nên mượn đó làm thí dụ.

Tự doanh kỳ thủ: Hán khan chú dịch: doanh là đầy.

QUYỂN 78: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 19

Nẵng ư phước thành: Nhĩ Nhã nói: Nẵng là hướng, Châu Lâm nói nẵng là trước kia.

Hoàn đại bi giáp: Đỗ chú Tả Truyện nói hoàn là xuyên, Giả chú Quốc Ngữ nói hoàn là áo giáp. (mặc áo giáp).

Đoạn tham ương: ương là sợi dây buộc đầu trâu, vì dây này không tháo ra được. Nên phải kéo nặng, phàm phu do tham hoặc không thể đoạn được sợi dây sanh tử.

Triệt thùy cái: Tự Thư nói triệt là trừ.

Tứ lưu phiêu cốt giả: Châu Lâm nói cốt là chảy mau. Thượng Thư Đại Truyện nói cốt là loạn. Hán Thư Tập Chú nói cốt là lưu cấp.

Ẩm dĩ cam lồ:

Trụ tà tế giả: Mao Thi Truyện nói: tế là vượt qua. Nghĩa là người

tu hành như kẻ vượt sông, tìm bến bờ khác. Cho nên lấy đây làm thí dụ.

Hiểu hối: Thuyết Văn nói hiểu là thuyết.

Hoạnh lệ.

Khanh cạm: Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói cạm là đào đất làm cái bẫy để bẫy thú hễ chúng chạy vào đó thì bị sập.

Khổ đích: đích là chuẩn.

Kháp: Trịnh chú Lễ Ký nói: kháp là cái túi vải đựng đồ.

Tỳ-cấp-ma-dược: Tỳ-cấp-ma Hán dịch là phổ khử nghĩa là loại thuốc này có thể trừ mọi bịnh tật.

Chu cấp.

Binh trượng: Phong Phục Thông nói tượng là tên dụng của đao kích.

Cam niếp: Ngọc Thiên nói niếp là cái nhiếp nhổ lông my. Văn kinh viết là cái trục xe, chẳng phải dùng trong ý kinh.

A-dà-đà-được: Hán dịch là vô bịnh dược, chính là nói chỗ nào có thuốc thì không có bịnh.

Bà-mâu-na- phong: Hán dịch là gió lốc. Gió này vững chắc như giữ phong luân thế giới.

Độc bất năng tướng.

Đại ứng giá dược: Ứng dà Hán dịch là thân thân có bốn tên, một là ca-da, hai là thiết-lý-la, ba là đệ-ha, bốn là ứng-già. Nhưng ứng già cũng gọi là phần, nghĩa là chi phần.

Được thọ danh san-đà-na: San-đà-na Hán dịch là hòa hợp, hoặc gọi là tục đoạn, nghĩa là bịnh này làm dứt sạch vết thương rồi lại được tiếp tục hòa hợp.

Sơ vô sở tổn: Ý nói từ xưa bay không hề tổn.

Dược danh A-lam-bà: Là thuốc này xuất phát ở Hương Sơn, Tuyết Sơn nó mọc trên đá, hoặc gọi là đắc kỷ, ý nói người được loại thuốc này lòng rất vui mừng.

Ba-lợi-chất-đa-la-thọ: Ba-lợi Hán dịch là biến cũng gọi là chu. Chất-đa-la là trang nghiêm lẩn vào trong đó, ý nói cây này hoa nhiều màu sắc tô điểm, hoặc nói viên diệu trang nghiêm.

Bà-sư-ca-hoa: Nói cho đủ là Bà-lợi-sử-ca. Bà-lợi-sử là múa, Ca-là-ca-la. Tức là thời Tây Vực nói, mùa hạ có mưa thì hoa này sanh vào lúc ấy.

Thiêm bồ-già-hoa: Hán dịch là duyệt ý ho, hình sắc hoa ấy đều diễm lệ, người thấy đều ưa thích.

Hải đảo: Khổng An chú Thư: eo biển gọi là đảo. Thuyết Văn nói ở trong biển thường có ngọn núi ở giữa gọi là đảo.

Da tử.

Dược diệp danh Ha-trát-ca: Hán dịch là kim sắc thủy, có sức chuyển chín lần hoàn đơn.

Đăng chú:

Căn: chữ này phải viết bộ nhục, văn kinh viết chữ là nhầm.

Ca-lăng-y-tần-già-điểu: Hán dịch là mỹ âm điểu hoặc nói là diệu thanh điểu, loài chim này xuất phát ở tuyết sơn, khi còn trong trứng đã có thể hát tiếng rất êm diệu.

Phi tấc kỉnh tiệp: Thuyết Văn nói kỉnh là mạnh, Vương Dật chú Sở Từ nói tiệp là nhanh.

Ma-ha-na-dà: Hán dịch là rồng cũng gọi là voi, nay người lực sĩ có sức mạnh ví như rồng voi, nên lấy đó đặt tên.

Xạ sư:

Ma kiệt ngư: Hán dịch là đại thể, như con cá lành ở phương này, hai mắt như mặt trời, há miệng ra rộng như cái hang có thể nuốt thuyền bè.

An-thiện-na-dược: Sắc màu của loại thuốc này màu xanh sậm, có thể hòa với nhãn dược nhưng nay dùng làm cách khác.

Diên linh dược: Nhĩ Nhã nói diên là dài. Quảng Nhã nói linh là tuổi. Lễ Ký nói thời xưa gọi diên là tuổi.

Sâm lậu: Sâm là nước rỉ xuống.

QUYỂN 79: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 20

Túy ngạo: Đỗ chú Tả Truyện nói: ngạo là bất bính, Quảng Nhã nói ngạo là mạn. Theo các sách chữ ngạo phải viết bộ nhân đứng, nay trong văn kinh viết bộ tâm đứng là nhầm.

A-na-bà-vương: Là tên khác của A-tu-la, chưa rõ nghĩa.

Dâu-sa-la-sắc: Nói đủ là Đâu-sa-đâu-la-sắc. Đâu-sa là sương, suất-la là nước.

Ngục tốt.

Trương giả tử Cù-ba-la: Theo chữ nghĩa của Phạm bản cũ có chín nghĩa, trong đây chỉ lấy nghĩa địa bạch, Ba-la gọi là thủ hộ, ý nói thủ hộ tâm địa hoặc thủ hộ bạch pháp.

Ma-la-đề-quốc: Nói đủ là Ma-la-da-đề-số, Hán dịch là Ưu-đà, hoặc nói là Ma-la-da là tên núi, đề số là trung. Ý nói ở chính giữa nước này có núi Ma-la-da.

Câu-trát-tụ-lạc: Câu-trát-ca, Hán dịch là tiểu xá hoặc nói nhiều nhà cũng gọi là Đa-lâu-quán vì trong tụ lạc có nhiều lầu các.

QUYỂN 80: PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI - 21

Ưu-đàm hoa: Ưu đàm Hán dịch là hy hữu hoa này lâu lắm mới trổ một lần.

Nghiễm nhiên tọa.

Ca bị: Đỗ chú Tả Truyện nói: Gia là tăng lên, Khổng An chú Thư nói: Bị là dấp, vì lợi ích mà đến với nhau. Châu Lâm nói tứ gia âm nên gọi là bị.

Đảm chúng tuyên oai: Đảm là gánh vác. Ý nói chủ và khách giao ước với nhau. Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói giới đảm yếu chi dĩ hình. Mao Thi Truyện nói tuyên là công bố.

Thinh công đoạn ngục: Khổng An Quốc chú Thư: Thinh là xem xét việc phải trái Chu Lễ nói ngục tụng là (nghe) xem xét rồi phán đoán. Trịnh Huyền chú Công Dương Truyện nói: Tranh tội là ngục, tranh tài là tụng. Ngọc Thiên nói đoán là tài chế phán quyết.

Phụ bậc: Thượng Thư Đại Truyện nói: Thiện tử ắt có bốn bậc bầu bên cạnh, tiền nghi, hậu chẩn, tả phụ hữu bậc. Đại đới lễ nói bậc là phải, xóa lỗi thiên tử mà luôn ở bên cạnh để răn nhắc gọi là bậc.

A-già-ni-trát-thiên: Nói cho đủ là A-già-ni-sắt-tra thiên. Hán dịch là sắc cứu cánh thiên.

Triêm hợp: Quảng Nhã nói: Triêm là trong. Ngọc Thiên nói hợp là thấm.

Viêm nhiệt: Nhĩ Nhã nói viêm là huân.Quách phác nói khí nóng bức bách người.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Sa-môn Tuệ Lâm nhà Đường soạn

QUYỂN 24

Kinh âm tín lực nhập pháp môn, năm quyển: Tuệ Lâm.

kinh đô chư Phật cảnh giới Tù Quang Nghiêm quyển 1

Kinh Phật Hoa Nghiêm Nhập Như Lai Đức Trí Bất Tư Nghì Cảnh Giới, quyển 2. Tuệ Lâm

Kinh Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tu Từ Phần, một quyển - Tuệ Lâm (thieu)

Kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới một quyển - Tuệ Lâm

Kinh Đại Phương Quảng Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghì Kinh một quyển - Tuệ Lâm

Kinh Đại Phương Quảng Phổ Hiền, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Đại-thừa Kim Cang Kế Châu Bồ-tát Tu Hành Phần, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Bất Tư Nghì Phật Cảnh Giới Phần, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Trang nghiêm Bồ-đề tâm, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Đại Phương Quảng Bồ-tát Thập Địa, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Chư Bồ-tát cầu Phật bản kinh, một quyển... Tuệ Lâm

Kinh Bồ-tát Bổn Nghiệp một quyển... Huyền Ứng

Kinh Đâu Sa Kinh, một quyển... Huyền Ứng

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh

Kinh Nhập Pháp Giới Phẩm Tứ Thập Nhị Tự Quán Môn, một quyển - Tuệ Lâm

Kinh Bồ-tát Thập Trụ Hành Đạo, một quyển - Tuệ Lâm

Kinh Bồ-tát Thập Trụ Hành Đạo, một quyển - Huyền Ứng

Kinh Hiển Vô Biên Phật Độ Công Đức, một quyển - Vô Tự

Kinh Tiệm Bị, năm quyển - Huyền Ứng

Kinh Thập Trụ, năm quyển - Huyền Ứng

Kinh Đẳng Mục Bồ-tát Sở Vấn, hai quyển - Huyền Ứng

Kinh Như Lai Hưng Hiển, bốn quyển - Huyền Ứng

Kinh Độ Thế, sáu quyển -

Kinh La-ma-già, ba quyển –

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tục Nhập Pháp Giới Phẩm

(Nếu y theo bản nói vào tìm mục trong tạng, thì trong đây, bản Nam, ba mươi sáu quyển. Phần trù tỳ trong Niết-bàn hai quyển. Đại bát Nê-bàn kinh sáu quyển. Phương Đẳng Bát Nê Hoàn kinh hai quyển. Năm loại trên có tám mươi sáu quyển gồm hai quyển Âm Nghĩa, thứ tự đặt theo thứ hai mươi lăm, hai mươi sáu

Kinh Từ Đồng Tử, ba quyển - Tuệ Lâm

Kinh Đại Bi, năm quyển - Tuệ Lâm

Kinh Phương Quãng Đại Trang Nghiêm kinh, mười hai quyển, Tuệ Lâm.

Hai mươi tám kinh trên gồm sáu mươi chín quyển cùng âm quyển này.

KINH ÂM TÍN LỰC NHẬP PHÁP MÔN

Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 1

Lan Thuẫn: Trong đại Bát-nhã (đã giải) kinh viết chữ lan bộ mộc là tên một loại cây, chẳng phải ý kinh.

Thủ Lăng Nghiêm: Là loại tam muội trong triếng phạm. Thủ Lăng nghiêm cựu dịch là thậm thâm nghĩa cũng chưa rõ.

KINH ÂM TÍN LỰC NHẬP PHÁP MÔN
QUYỂN 2

Bạt tế: Cố Dã Vương nói: bạt là rút ra, Khảo Thanh nói: Bạt là nhổ lên, cứu vớt.

Ỷ giác phần: Tự Thư nói: Ỷ là đẹp, Tả Truyện nói đó là lời than.

Sàn đề: (tiếng Phạm) Nghĩa là nhân nhục.

KINH ÂM TÍN LỰC NHẬP PHÁP MÔN
QUYỂN 3

Châm khổng: Quảng Nhã nói châm là chích Thuyết Văn nói đó là cây kim để may áo. Nó là bộ kim âm hàm. Nay viết bộ kim và thập.

QUYỂN IV: Không có tự huấn.

KINH ÂM TÍN LỰC NHẬP PHÁP MÔN
QUYỂN 5

Kiếu hoán: Cố Dã Vương nói: Kiếu là gọi, Thuyết Văn gọi là hống, Khảo Thanh nói hoán là gọi.

Kinh độ chư Phật cảnh giới trí quang...

Đạp lạp phiêu (tiếng Phạm) danh hiệu của vị La-hán.

Bất thối: Văn kinh từ bộ viết chữ là chữ thông tục. Bất thối nghĩa là quyết định dõng mãnh. Từ bát địa trở lên gọi chung là bất thối.

Du thành: Khổng chú Thượng Thư nói du là vượt qua. Quảng Nhã nói là băng qua hoặc viết chữ du bộ sước cũng được.

Liệp Mao: Cố Dã Vương nói: Liệp là lông dài trên đầu ngực (lông bờm) loại thứ nào có long dài đều gọi là liệp. Chữ liệp viết từ bộ tiêu, bộ mao hoặc bộ khuyển đều như nhau.

*****

PHẬT HOA NGHIÊM KINH NHẬP NHƯ LAI
ĐỨC TRÍ BẤT TƯ NGHÌ CẢNH GIỚI
QUYỂN 1

Ca-diếp-ba: (tiếng Phạm) Là tên của ngài Đại-ca-diếp. Chữ diệp âm âm nhiếp ba.

Văn kinh viết khứ thanh đối với tiếng phạm là không thuận. Nay phải đổi là ba.

Mâu-hầu-lợi: (Phạm ngữ) không đúng.

Chính phạm âm là Mô-họ-luật-đa. Là tên thời phần xưa gọi là Tu-du.

Ba-la-ma-ha: Phạm ngữ là tên của Phạm Thiên.

Già-lưu-trà: (tiếng Phạm) Gọi là Ca-dâu-la tức là chim cánh vàng.

Xá-ca-la: (Phạm ngữ) Cổ gọi là tên của thời Đế Thích.

Tu-mê-lưu: Tiếng phạm tên ngọn núi tiên mê-lô hoặc gọi là tu-di. Hán dịch là núi diệu cao.

PHẬT HOA NGHIÊM KINH NHẬP NHƯ LAI ĐỨC TRÍ BẤT TƯ NGHÌ CẢNH GIỚI QUYỂN 2

Bể lưu ly: (tiếng Phạm) tên loại bảo bối cựu gọi là Tỳ-lưu-ly.

Chạ-la-ca-ba-lợi: Tên của ngoại đạo.

A-ca-mi-sa-tra: (tiếng Phạm) tên của trời ở thượng giới. Hán dịch là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đã cổ thời: Một ngày một đêm ở Tây phương chia làm tám giờ, hoặc mười lăm thời, đều đánh trống để làm hiệu cũng như đồng hồ cát ở phương này.

Xà-ca-dạ-mâu-ni: Tức Đức Thích Ca-Mâu-Ni.

Xoa-noa-xoa-noa gian: Nghĩa là giữa Sát-na-sát-na.

Bảo bảng: Thuyết Văn viết bộ văn kinh viết bộ

Sa-thâu-ba: đọc nhầm tiếng Phạm, chính là Tốt-đôt-ba, tức là tháp Phật.

Nhất đoàn: Người ăn cơm không dùng muỗng đĩa mà bốc bằng tay. Theo tập quán xưa không lịch sự. Đâu giống như thời cận đại của nước này, dùng đũa muỗng lịch sự mà sạch sẽ.

*****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM TU TỪ PHẦN

Tuệ Lâm

- Trì vụ: Chữ sau âm là: Vô phó phản. Quách phát chú (Mục Khiêm Tử truyện): Vụ là ngựa chạy nhanh.(Sách Quãng Nhã): Vụ là bôn tẩu. Thuyết Văn: Vụ là ngựa chạy loạn.

- Phân phúc: Chữ trước âm là: Phương Văn phản. Chữ sau phùng

phúc phản. Hàn phi: Phân phúc là mùi hương thơm. Cổ kim chánh tự: Viết từ chữ hương thanh phức.

- Hạm đam: Chữ trước âm hàm cam phản. Chữ sau hàm đạm phản. Nhĩ nhã: Hạm đam là hoa phù cứ nở. Thuyết văn nói: " Hoa chưa nở gọi là phù dung". Hoa đã nở gọi là hạm đam. Cả hai chữ đều viết từ bộ thảo. Chữ hạm và chữ duyên đều là thanh. Kinh văn đa phần viết là hàm đạm là sai, nghĩa rất khác xa vậy.

- Hoảng diệu: Chữ trước hoàng quãng phản. Quãng nhã nói: " Hoãng là huy, là chói sáng" Thuyết văn nói: " Hoãng là sáng sủa". Viết từ bộ nhật, thanh chữ quang. Chữ sau âm lại diêu chiếu phản. Quãng nhã nói: " Diệu là soi chiếu. Thuyết văn viết chữ diệu bộ hỏa, cũng nghĩa là sáng. Viết từ bộ hỏa, chữ hoất, tịnh thanh. Tinh viết từ bộ nhật, viết là diệu cũng thông.

- Phân uân: Chữ trước âm là uân văn phản. Chữ sau âm là uy vân phản. Cuốn văn tự tập lược nói: " phân uân là hương khí, mùi thơm(tự thống) nói: " phân uân là âm dương hòa khí, chũ ở trên là tượng hình, chữ ở dưới là tượng thanh.

- Huyền ế: Chữ trước âm là huyền quyên phản. Thương hiệt thiên nói: " huyền là thấy không rõ". Thuyết văn nói: " Huyền là mắt không có thường chủ. Viết từ bộ mục, thanh chữ huyền. Chữ sau âm là y kế phản. Khảo thanh nói; Ế là bị mắt, bị màng mắt. Vận anh nói: " Ế là mắt bị che mờ. Quãng nhã nói: " Ế là mắt bị che chướng" . chữ viết từ bộ mục, chữ hình thanh. Kinh viết từ bộ vũ, viết chữ ế là sai với nghĩa ở đây.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHẬP NHƯ LAI TRÍ ĐỨC BẤT TƯ NGHÌ KINH

Thủ Lăng Nghiêm: Tiếng Phạm đọc lược Hán dịch là thậm thám, chính phạp âm là nghiêm Tỳ-lý-dã kinh cổ dịch là tam muội.

Trêu hạc: Đã quý chú quốc ngữ nói hạc là cạn, là sạch. Thuyết Văn và quốc ngữ giải thích giống nhau.

Ô trì: Quảng Nhã nói ô là đục, sâu. Thuyết Văn nói nước đục không chảy

Trì vệ chiên đàn: Chiên đàn tiếng Phạm đọc lược chính Phạm âm là chiến na nẫng. Tên loại gỗ thơm ở Tây phương. Nước này vốn không

khó, nhưng đối nghịch xưa nay chỉ để lại phạm ngữ, vương truyền nó là loại nước hoa bạch đàn. Ngoại quốc nói loại hương này xuất phát từ các hải đảo, cũng có loại đỏ trắng. Loại đỏ thì có tánh mát lạnh, có thể trừ được bịnh nóng, nhiệt, ung nhọt. Trong núi chỗ có cây này, có nhiều con đại độc xà. Lúc thời tiết nóng bức, rắn ấy ở trên cây này lánh nóng. Nhưng rắn huân nhiều mùi thơm kỳ lạ. Người đi bắn tên vào cây ấy, nhớ chỗ đến khi rắn thò ra thì bắt.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHỔ HIỀN

Trạc bổn: Khảo Thanh nói trạc là nhỗ cả gốc rễ. Khảo Thanh nói từ quan trung trở về hướng tây gọi là hoặc trạc Thương Hiệt Thiên nói rút lên, Thuyết Văn gọi là dẫn.

Bố hộ: Khảo Thanh nói: Bố hộ là nhiều dáng vẽ.

Sâm uất: Thuyết Văn nói dáng vẻ cây nhiều mà cao. Ba bộ mộc, chữ hội ý. Thương Hiện Thiên nói cây cỏ vùng đất bằng trên cao.

Duyệt mậu: Quách Phác chú Phương Ngôn nói: Duyệt là mầm mới sanh. Khảo Thanh gọi là cỏ dưới nước rậm rạp.

Tụy mỹ: Chánh Dật chú Sở Từ nói: Tụy mỹ là cỏ mềm mại rủ theo gió. Thuyết Văn nói bộ vũ âm thù, văn kinh viết bộ thảo, âm tiêu là sai.

Mạt Hương

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH BẤT TỰ NGHÌ PHẬT CẢNH GIỚI PHẦN

Ty nhuyễn: Khổng chú Thượng Thư nói ti là nhỏ, Thuyết Văn nói là vi. Trịnh Huyền chú Khảo Công Ký nói: nhuyễn là mềm mại. Xưa nay viết bộ nhi bộ khuyễn, văn kinh viết bộ xa là sai.

Hiệt-lệ-bạc-đa: Tiếng phạm là thanh văn, cựu gọi là Ly-bà-đa.

Ô-ba-đà-la: Âm đà là. Hán dịch là thân sư nghia là hòa thượng. Tiếng Hồ giải thích không rõ ràng.

*****

KIM CƯƠNG KẾ CHÂU BỒ-TÁT TU HÀNH PHẦN

Tôn cứ: Khảo Thanh nói ngồi hai đầu gối thẳng là tôn, người mà chân thẳng chuỗi gọi là cứ. Thuyết Văn nói cùng răn lẫn nhau gọi là tôn cứ.

Ngoan ngạc: (đã giải) thích.

Ni-kiền-tử là tên ngoại đạo.

Phẩm uế: Cố Dã Vương nói: phàm vật gì không sạch sẽ gọi là phẩm uế.

Bại tử: Đỗ chú Tả Truyện nói: cỏ giống như lúa. Thuyết Văn gọi là tên khác của lúa.

Hoạch cước: Tự Thư nói, đồ nấu thịt. Thuyết Văn gọi là cái chảo.

Niêm chỉ ngư.

Miêu lý: Cố Dã Vương nói giống như hổ mà nhỏ hơn, vật nuôi trong nhà để bắt chuột, hoặc viết bộ khuyển, khử lý là loài vật giống hổ mà nhỏ hơn loài dã thú loại mèo hoang thường bắt trộm gà nhà người

Bi diện: Nhĩ Nhã nói bi giống như con beo mà da vàng trắng. Quách Phác chú nói chân cao mạnh mẽ có sức nhổ cây lớn.

Ly diện: Quảng Nhã nói: rồng không có sừng gọi là ly. Thuyết Văn nói như rồng mà vàng, phương bắc gọi là địa lâu.

Thẩm độc khổ: Phương Ngôn nói thẩm là giết. Khảo Thanh gọi là thậm, Thuyết Văn gọi là độc. Khổng chú Thượng Thư nói độc là hại. Khảo Thanh gọi là đau, hận, ác. Thuyết Văn gọi là loại cỏ hại người.

Biền bác: Khảo Thanh nói biền là văn tạp. Trịnh chú Lễ Ký nói tạp sắc là biền. Hán Thư nói đen trắng lẫn lộn gọi là bác. Thuyết Văn nói sắc lông ngựa đủ màu. Từ bộ mã và chữ hào. Văn kinh viết chữ giao là tên loài thú chẳng phải nghĩa cần dùng.

Yên khiển: Đỗ chú Tả Truyện nói yên khiển là kêu ngạo.

Cù dục: tên loài chim hai cánh trắng.

Liến tích: Cố Dã Vương nói: liến là nhịnh. Thân thể tay chân co dúm lại. Túc là chân liệt một bên không đi được.

Cứ tiệt: Dã Quý nói: lấy dao cắt đồ gọi là cứ. Hoài nam nói không phải thợ giỏi thì không đốn được cây.

Tha vụ: Quách Phác chú mục thiên tử truyện vụ là ngựa đi nhanh. Quảng Nhã nói vụ là chạy. Thuyết Văn nói chân ngựa bước loạn.

Phấn phức (đã giải).

Hàm đạm (đã giải).

Hoàng diệu: Quảng Nhã nói hoàng là huy quang bộ nhựt âm quang, Quảng Nhã nói diệu là chiếu, Thuyết Văn viết bộ hỏa cũng có nghĩa là sáng.

Phần uẩn: Văn tự tập lược gọi là dáng mùi thơm. Tự thống nói khí âm dương hòa hợp. Trên hình dưới thanh.

Huyền ế: Thương Hiệt Thiên gọi là nhìn không rõ, Thuyết Văn nói là mắt không làm chủ mãi được. Khảo Thanh nói mắt nhậm bị che gọi là ế.

*****

TRANG NGHIÊM BỒ-ĐỀ TÂM

Vĩ điệp: Mao Thi Truyện vĩ là đỏ lựng. Thuyết Văn nói vĩ là rất đỏ.

Hi hiếu ((đã giải) ở trước)

Nọa đọa (đã giải)

Phấn tấn: Quảng Nhã nói phấn là phấn chấn Trịnh chú Lễ Ký nói phấn là động. Thuyết Văn nói chữ này viết bộ điền. Văn kinh viết bộ cựu là sai. Quảng Nhã nói phấn tấn là xóc cánh. Nhĩ Nhã nói tấn là nhanh.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ-TÁT THẬP ĐỊA

Tát-đỏa: Tiếng Phạm đời đường dịch là hữu tình.

Bạt-đà-bà-la: (tiếng Phạm) Đời đường dịch là hiền hộ. Là một trong ngàn Phật ở hiền kiếp.

Thiêm-bặc: (tiếng Phạm) Loài hoa này ở Tây Vực rất tinh khiết.

Gia thụy: Cố Dã Vương nói: Vương có oai đức cảm đến càn khôn. Trời đất ứng đáp bằng điềm lành. Thuyết Văn lấy ngọc làm tin.

Tuấn hiểm: Khổng chú Thượng Thư nói tuấn là cao lớn, Thuyết Văn nói hiểm là nguy hiểm. Phương ngôn gọi là cao. Thuyết Văn gọi là hiểm nạn.

*****

CHƯ BỒ-TÁT CẦU PHẬT BẢN KINH

Tận tư: Phương ngôn nói tư cũng như tân, văn kinh viết chữ nghĩa là vật không tận.

Quý di: Trịnh chú Lễ Ký nói: quý là quy, nghĩa là dâng phẩm vật lên bậc tôn tức. Thuyết Văn gọi là hưởng. Cố Dã Vương nói di là tặng, Quảng Nhã nói là cho.

Nhân để: Tên trời Đế Thích. Hoặc gọi là Nhân đề, cùng nghĩa.

*****

BỒ-TÁT BỔN NGHIỆP

Bất kiêu: Trong kinh viết

Kiếm để: Thuyết Văn nói thuộc quốc xá. Thương Hiệt Thiên nói để là xá.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH 42 TỰ QUÁN MÔN

A la ba tả năng la na ma noa sạ phược đu dã sắt tra ca bà mãng nga tha nặc sa phược đà xá khư khất lệ sa đa nhượng la tha bà tha sa ma giá phược tra ra già minh phả tất ca dã sa thất giả thá trá.

Bốn mươi hai chữ ở trên chỉ mang âm hưởng tiếng Phạm không hợp huấn thích giống với đại ý bốn mươi hai chữ trong đại Bát-nhã.

*****

BỒ-TÁT THẬP TRỤ HÀNH ĐẠO

Trường đoản: Thương Hiệt Thiên nói: đoản là ngắn. Thuyết Văn nói là có ngắn dài, lấy tên làm chuẩn, bộ thỉ âm đậu, văn tự tập lược nói...

Nhu nhuyễn: (đã giải) ở kinh bất tư nghì cảnh giới. Trong Đại Phương Quảng.

Hạn thương: Bích Tông nói Hạm cũng như cách. Thuyết Văn nói

hiết bộ môn âm can. Văn kinh nói có ích cho người đau thương mười phương.

Sách liễu vô sở hữu: Khổng chú Thượng Thư nói sách là tận. Cố Dã Vương gọi là sạch hết Trịnh chú Lễ Ký nói sách cũng như tán. Kinh nói pháp chư Phật quá khứ nghĩ đến việc từ đâu sanh tìm rốt cuộc không thể được, không có không không, tất cả đều không có chỗ có.

*****

BỒ-TÁT THẬP TRỤ - *Huyền ứng*

Biên phước: Kinh nói biên phước là trung biên.

Hiển vô biên Phật độ công đức không có từ để giải.

*****

KINH ĐÂU SA

Đâu-sa là tiếng Phạm. Cổ dịch là nghiệp hạnh hoặc gọi là hạnh nghiệp.

Tiêu tiêu, Vận Thuyên nói tiêu tiêu cũng như thiểu thiểu, cũng như tạm tạm. Tự thư nói cũng như số số.

Nhã-na: phạm ngữ. Chính phạm âm là chỉ nhượng năng.

Chất-đề-xá-hoàn-na: Trên cõi Phật ở phương trên.

Câu-đàm-cốt-đề: Là danh hiệu Phật văn kinh viết chữ là nhầm.

Hô thiên: Hán dịch là Hữu Quang Thọ Thiên là cõi trời đầu tiên trong nhị thiền.

Tư-đế-thiên: Trong kinh là âm vũ là sai, phạt đà Hán dịch là hiền hoặc gọi là thiện là một Bồ-tát tại gia ở Vương Xá thành

*****

TIỆM BỊ KINH - *Huyền Ứng soạn*

(5 quyển - chỉ có âm nghĩa 3 quyển)

QUYỂN 1

Lâu lâu: Tự Thư nói đó là vẻ kính cẩn

Ốc vũ: Thích Danh nói vũ là cánh, như cánh chim xóc sa che lại

Miệu miệu là vẻ xa xăm, cũng gọi là mênh mông văn kinh viết là sàn ý kinh.

Soán nghịch: Thuyết Văn nói trái lý mà đoạt lấy gọi là soán,

- Không có quyển 2 & 3

TIỆM BỊ KINH
QUYỂN 4

Hoàng mang: Người mù đêm ngày làm việc không có mặt trời thì dùng mặt trăng. Không có mặt trời thì dùng lửa thường nghĩ là trời sáng

Uyển luyến: Mao Thi Truyện nói: Uyển luyến là dáng đẹp đẽ cũng là dáng nhỏ.

- QUYỂN 5 Cần ý.

*****

KINH THẬP TRỤ

Lung hạm: Quảng Nhã nói lung là lao hạm.

*****

ĐẲNG MỤC BỒ-TÁT SỞ VẤN KINH
QUYỂN THƯỢNG

Binh triệt: Binh là sáng triệt là thông tam thương nói binh là sáng rỡ.

Đào hiện: Thi nói đào truyện của thượng đế nói đào là biến đổi.

Khứ tạng: Trịnh chú Lễ Ký nói tạng là tích chứa, như kho chứa.

Đốc trụ: Nhĩ Nhã nói đốc là giám sát quản lý.

Hội nhiên.

Chuyển hoách: Vẻ nhanh chóng hoách nhiên cũng như bỗng nhiên, văn kinh viết bộ hỏa.

Nhi ương: Chữ này sai đã lâu, chẳng ai biện rõ. Nay xét lý nghĩa phải viết hai chữ cọng tướng mới thuận ý kinh.

Khinh khiêu: Tự thư nói khiêu là nhẹ. Quảng Nhã nói khiêu lặng lẽ, Nhĩ Nhã nói khiêu là lén trộn, Chú nói khiêu là cẩu thả văn kinh viết bộ là sai.

ĐẲNG MỤC BỒ-TÁT SỞ VẤN KINH
QUYỂN HẠ

Tính ấm: Tính là không mưa. Thanh Loại nói mưa dừng gọi là tình.

Tứ hà: Một là hòa, hai là Bat-xoa, ba là tha-chu, bốn là hằng kỳ hòa, dòng bạt-xoa chảy về Nam, tha chú chảy về Đông. Dòng sông hồng chảy về Tây.

Hỗn hoàng: Phương Ngôn nói hỗn hoàng là vẻ hưng thịnh. Thương Hiệt Thiên nói hoàng là sáng chói.

Thanh hồng: Là màu xanh ở phương đông mộc xanh hỏa, sắc hỏa màu đỏ.

*****

KINH NHƯ LAI HƯNG HIỂN - (4 quyển).
- Quyển 1 và quyển 4 không có từ để âm nghĩa
QUYỂN 2

Khâu chí: Phương ngôn của nước sở, theo âm của Trịnh là dỉ, tỉnh, phản.

Minh ấu: Ư châu phản, kinh thi nói: “ Ấu ấu lộc minh” nói như tiếng kêu của con nai âu âu. Kinh văn viết chữ hổ là sai.

NHƯ LAI HƯNG HIỂN
QUYỂN 3

Mãng hãng: Văn Thông thường nói sông rộng mênh mông gọi là mãng hãng.

Hối lộ: Hối là tặng, ý nói đem vâth để nhờ vả.

Khôn chữ: Là cất cánh.

Đào xuất:

ĐỘ THẾ KINH - (6 quyen)

- Quyển 1 và quyển 2. Không có từ âm nghĩa

QUYỂN 3

Tông diệt: Nắm chỗ trọng yếu là tông, dẹp trừ là diệt, văn kinh viết chữ tổng là sai.

Thóa tiện: Thuyết Văn nói nước dơ chảy ra gọi là tiện.

ĐỘ THẾ KINH QUYỂN 4

Sâm giá: Thuyết Văn nói giá là cổ xe hai ngựa. Ngựa một bên là sâm. Ở bên phải là sâm, người ngồi an toàn vô cùng văn kinh viết là sai.

Tường tường: Bay mà không động gọi là tường. Văn kinh viết bộ cánh là sai.

ĐỘ THẾ KINH QUYỂN 5

Cang cân: Cang là roi cứng, cân là gân mềm.

Mộ sách là tìm cầu rộng rãi.

ĐỘ THẾ KINH QUYỂN 6

Biển.

Đô giảo: Giảo là thô sơ. Quảng Nhã nói. Cũng như tỉ giảo.

Lụy bạn: Lụy là cái dàm đầu ngựa.

*****

KINH LA-MA-GIÀ. *Huyền Ứng*
QUYỂN THƯỢNG

Ba dục: Trong kinh phần nhiều viết chữ.

Tây A: Mao Thi Truyện nói: A là eo núi chỗ hiểm trở.

- Quyển Trung và quyển Hạ không có từ âm nghĩa.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TỤC NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Tuệ Lâm soạn

Hôn mị: Khổng chú Thượng Thư nói hôn là loạn. Quảng Nhã gọi là si. Thuyết Văn gọi là không sáng suốt. Mị là nằm ngủ.

Lưu phái: Thuyết Văn nói dòng nước chảy riêng.

Bài nhiên là mưa như trút nước.

Thoan kích là dòng nước chảy cuồn cuộn.

Tễ tự: Cố Dã Vương nói chần chừ không tiến về phía trước.

Nhưỡng-trá là Phạm ngữ.

Hàm tông quỷ mị: Quách chú Chu Lễ nói: mị là xuất phát từ người và vật. Bởi vì tế trời đất gọi là vật. Tế thần là mị. Sơn hải kinh nói mị là người vật đầu đen mắt dài.

Châu trớ

Cai luyện

Ba đào

Ốc điền.

Theo thứ tự tạng mục trong đây có bốn mươi quyển Đại Bát Niết-bàn, Bản Nam Niết-bàn ba mươi sáu quyển, xà duy phân làm hai quyển, Bát Nệ Hoàn kinh hai bộ gồm tám quyển tính chung ở trên là tám mươi sáu quyển. Và kinh pháp hoa, gồm ba quyển âm nghĩa, và lần lược quyển hai mươi lăm, hai mươi sáu, hai mươi bảy là vì quyển này không đủ lấy âm nghĩa ba kinh sau mà thêm vào được.

*****

TỨ ĐỒNG TỬ KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN THƯỢNG

Uyển thán; là kinh hãi.

Ức y: Nghĩa là nỗi buồn trong lòng.

Thùy đạn: Khảo Thanh nói đạn cũng là thùy, văn kinh viết bộ túc.

Tỳ phù: Quảng Nhã nói tỳ phù là lớn là con ruồi.

TỨ ĐỒNG TỬ KINH
QUYỂN TRUNG

Thế tru: Khảo Thanh nói thế là cạo tóc, Thuyết Văn nói thế là tóc.

Chủ thân: Cố Dã Vương nói cong mình dụ vẽ cung kính.

Đồi phụ: Vương Dật chú Sở Từ nói: đồi là đống đất cao. Xưa nay chính chữ viết là Quảng Nhã nói núi không có đá là phụ.

- Quyển Hạ không có từ để âm nghĩa

*****

PHẨM PHẠM THIÊN KINH ĐẠI BI - *Tuệ Lâm*
QUYỂN 1

Ủ lũ: là cong lưng ngắn lại.

Hình tỷ: Khổng chú Thượng Thư nói tỷ là cắt, tức là xẻo mũi. Thuyết Văn viết bộ đao bộ tỷ.

Yên cổ: Vương Dật chú Sở Từ nói yểm là trước. Thương Hiệt Thiên nói thâu phục lòng người. Đỗ chú Tả Truyện nói cổ là mê hoặc. Thuyết Văn viết bộ tùng bộ mãnh.

Bạt tộc: Khảo Thanh nói: Bạt là rút, Cố Dã Vương nói bạt là dẫn ra. Thuyết Văn viết bộ thủ âm bạt. Khảo Thanh nói tộc là cái chân mũi tên, Cố Dã Vương nói mũi tên là tộc. Thuyết Văn nói mũi tên là phong.

Trì tiêu vĩ: Văn Tự Lập Lược nói: Đầu thuyền gọi là tiêu, Khảo Thanh gọi là đuôi thuyền. Thuyết Văn viết bộ mộc âm tiêu.

PHẨM PHẠM THIÊN KINH ĐẠI BI
QUYỂN 2

Ưu-ba-cúc-đa: Tiếng Phạm: danh hiệu của vị Tỳ-kheo

Kế tân: Hán Thư nói: Kế tân là Cổ dịch nhầm, chính phạm âm là Yết Thấp Nhị La, ở phía Bắc Thiên Trúc.

Cam giá: Bản Thảo nói loại thảo dược này có công năng trị bịnh hạ khí lợi đại trông giảm khát. Loại trừ nóng nhiệt. Giải rượu, độc.

PHẨM PHẠM THIÊN KINH ĐẠI BI
QUYỂN 3

Thôn thế: Thuyết Văn nói thôn là ngẹn,bộ khẩn chữ. Vương Dật chú Chu Dịch nói thế là cắn.

Giai đột: Quảng Nhã nói giai là xoa. Đột là xung vào, xưa nay chính là viết bộ thủ âm giai đột. Chữ đột từ bộ huyệt bộ khuyển, văn kinh viết là sui

Ngõa lịch: Thuyết Văn nói lịch là đá nhỏ

Trù trị: Cố Dã Vương nói trù cái cây. Thuyết Văn viết bộ kim và chữ trợ.

PHẨM PHẠM THIÊN KINH ĐẠI BI
QUYỂN 4

Mạn hãn: Khổng chú Thượng Thư nói: Xem thường giáo điển là mạn. Đỗ chú Tả Truyện gọi là dễ. Cố Dã Vương nói mạn là nhẹ cũng như khinh. Thuyết Văn viết bộ tâm âm mạn. Kinh viết bộ thủy âm bạn là sai nghĩa kinh, Khảo Thanh nói hãn là chế. Thuyết Văn gọi là chỉ.

Sưu tai: Thương Hiệt Thiên nói sưu là nhanh là vội.

PHẨM PHẠM THIÊN KINH ĐẠI BI
QUYỂN 5

Bình xí: Tự Lâm và Tự Thống đều nói bình cũng như tý.

Chu ngột: Khảo Thanh nói chu là chặt bỏ cây dư. Thuyết Văn gọi là gốc cây. Thuyết Văn nói ngột là đoạn.

Câu Diệm di quốc: Tiếng Phạm (tên nước).

Chung trùng: Đỗ chú Tả Truyện nói: chung là con dế, châu chấu. Thuộc loại trùng có hại, Nhĩ Nhã nói có chân là trùng không chân gọi là bọ.

*****

ĐẠI ĐƯỜNG TÂN DỊCH PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH TÁM TẠNG THÁNH GIÁO TỰ

Tuệ Lâm soạn - Hoàng Thái hậu ngự chế

Duệ đường: Tự Thư nói: duệ là thánh, Giả chú Quốc Ngữ nói duệ là sáng.

Ngự vũ: Nhĩ Nhã nói vũ là lớn. Doãn Văn nói bốn phương trên dưới gọi là vũ. Văn Dĩnh Chú Hán Thư nói giữa trời đất gọi là vũ nội. Thương Hiệt Thiên nói vũ là bên

Lương chức: Nhĩ Nhã nói lương cũng như đạo quách chú rằng: đều gọi là chỉ dẫn, Cố Dã Vương nói vương đạo cũng như giáo đạo.

Ấu linh: Quách chú Lễ Ký nói: linh là số tuổi thọ của con người theo linh khí của trời. Quảng Nhã nói linh là tuổi.

Cự vĩ: Cố Dã Vương nói cự cũng như cấp. Giả chú Quốc Ngữ nói cự là nhanh chóng.

Chu tiếp: Mao Thi Truyện nói tiếp là mái chèo.

Đại lương: Nhĩ Nhã nói đại lương là mão theo năm sao đến chỗ Mão chính là năm Ất Dậu.

Di tắc là tên tháng bảy.

Pháp lụy.

*****

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
PHẨM TỰA THỨ I
QUYỂN 1

Sinh vũ: Hàm Thi Truyện nói: sinh là thí, Đỗ chú Tả Truyện nói sinh là chạy.

Vi trảo: Thuyết Văn nói trảo là móng tay, chân chữ tượng hình. Văn kinh viết bộ gia là chưa (sai).

Can hạm (giải thích rồi).

Ghiêm Ba-ca-hoa: Tiếng phạm tên loài hoa.

Câu cụ-la-hoa: Tiếng phạm tên loài hoa văn kinh viết chữ

San lận: Khổng chú Thượng Thư nói san lận là tiếc rẻ, Quách chú Phương Ngôn nói san là vướng mắc tiếc nối.

Hồng nghê: Nhĩ Nhã âm nghĩa: hồng là ?

Tự hoại: Tự là hủy hoại.

Phiên ổi: Khảo Thanh nói ổi là đoạn sắc tư thành hai khúc. Đông Cung Cựu Sự nói ổi là năm sắc tơ trang sức.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 2

Linh ngữ: (đã giải).

Uyển chân ((đã giải) đầy đủ trong kinh pháp hoa).

Huyền báo: Văn Tự Tập Lược nói huyền là thịnh phục, theo Khảo Thanh gọi là mặc đẹp. Tự Thư nói người mắc đồ mới đẹp.

Ích tỵ: Cốc Lương Truyện nói: cơm không vào yết hầu nổi. Thuyết Văn nói là nghẹn, tỵ là bịnh nặng.

Xỉ khu: Khảo Thanh nói khu là răng mẻ. Thuyết Văn gọi là sâu ăn.

Anh tiết: Thuyết Văn nói anh là bứu, Tý Sương nói tiết là ung nhọt.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 3

Nhiễu hại: Thuyết Văn nói nhiễu là hà ý nói quấy nhiễu. Giả Quỳ chú Quốc Ngữ nói hà cũng như phiền.

Hoàn giáp ((đã giải) ở trước).

Khiển nạp: Phương Ngân nói khiển là ngật, xưa nay viết bộ ngôn dưới chữ Hán. Văn kinh viết bộ tức là trái ý kinh. Bào chú Luận Ngữ nói nạp là chập chạp. Thuyết Văn gọi là khó.

Khư hi: Vương Dật chú Sở Từ nói khư hi là tiếng khóc than. Hà Chú Công Dương Truyện nói khư hi là buồn, Thương Hiệt Thiên nói khóc ra tiếng.

Môn lệ: Thanh Loại nói môn là sờ. Thuyết Văn gọi là vuốt ve, bộ thủ âm môn.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 4

Môn khổna: Quách chú Lễ Ký nói khổn là chốt cửa. Thuyết Văn viết bộ mộc nghĩa như nhau, xưa nay chữ phải viết là bộ môn.

Tế thư: Quảng Nhã nói tế là tiễn. Thuyết Văn gọi là lấy vật cho người.

Nhi tệ: Thuyết Văn nói tệ là phó, độn đoạn.

Ngạc-thuận-na: Tiếng Phạm, tên của một vị đại thần ở Tây quốc.

Mẫn tiệp: Khổng chú Thượng Thư nói mẫn là nhanh. Khảo Thanh nói mẫn là thông ngộ. Cũng gọi là đạt. Thuyết Văn nói bộ chi âm mỗi hoặc chữ dân. Văn kinh viết bộ tâm là nhầm. Tiệp là huệ nhanh.

Nhứt trách thủ: Quảng Nhã nói trách cũng như khai ra, mở ra. Nhất trách thủ là xóc bàn tay ra chủ vào ngón lớn để làm lượng. Xưa nay chính là viết bộ thạch văn kinh viết bộ thủ là sai.

Điều lâu: Cố Dã Vương nói điêu chạm khắc. Quảng Nhã nói điêu cũng như lâu. Giả chú Quốc Ngữ nói lâu là khắc. Thuyết Văn nói điêu là gọt giũa thành văn.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 5

Bôi khí: Thuyết Văn nói ngói chưa nung gọi là bôi.

Ma tư: Khảo Thanh nói tư là Mao Thi Truyện. Cố Dã Vương nói gai đực gọi là ma. Quách chú Nhĩ Nhã nói tư ma là hai tên khác nhau. Thuyết Văn nói nghĩa giống.

Phân tích: Khổng chú Thượng Thư nói tích là chia ra. Thuyết Văn gọi là chẻ cây. Từ bị mộc bộ cân. văn kinh viết là sai.

Bột giải: Thần Tán chú Hán Thư nói: là tên riêng của biển Bột giải. Thuyết Văn cũng nói nghĩa giống Hán Thư.

Kỳ diệu: Phương Ngôn nói diệu là cành nhánh cây. Khổng chú Thượng Thư nói diệu là bé nhỏ.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 6

Giác ngộ: Quảng Nhã nói ngộ là biết, Cố Dã Vương nói giác là hiểu biết. Thương Hiệt Thiên nói ngủ mà mớ gọi là ngộ. Mao Thi Truyện nói ngộ cũng như giác. Thuyết Văn nói giác cũng như ngộ. Chữ này viết bộ môn, văn kinh viết bộ huyệt là sai.

Qua khôi: Thuyết Văn nói qua là nước dịch.

Giác lai: Quảng Nhã nói lai là dòm lén. Thuyết Văn nói là đồng tử con mắt không đứng đắn.

Loát xỉ: Thanh Loại nói loát là tiếng ghiền xương.

Siểm ngữ: Trang Tử nói: Lời nói từ trong ý nghĩ là siểm. Hà Hưu chú Công Dương Truyện nói nịnh hót. Trịnh huyền nói quay thân làm phản.

Sang nhiên: Thương Hiệt Thiên nói sang là nhìn. Thuyết Văn gọi là nhìn không gọi túc.

Lung dung: Khảo Thanh nói lung là trên dưới đều nhau. Quách Chú Nhĩ Nhã nói dung là bằng nhau. Chữ dung viết bộ nhân, kinh viết bộ nhục là sai.

Thảm hạc: Thi nói thảm là áo như bông. Khảo Thanh nói thảm là mền lông. Quảng Nhã nói hạc là vải bố.

Biên triện: Lưu Triệu nói biên là nối kết Thương Hiệt Thiên nói

biên là dệt. Khảo Thanh nói triện là trục.

Bái bang: Thương Hiệt Thiên nói bái là da. Cố Dã Vương nói đốt là nung cho chín.

Cung trúc: Khảo Thanh nói nó là tên loại tre nhân đó đặt tên núi ở Thục.

Trữu nan: Da nhăn gọi là trữu. Phương Ngôn nói nan là xấu hổ.

Thảo đình: đình là cỏ rác.

Nhất cúc: Cúc là xoa cùng nghĩa là co tay lại cầm đồ.

Câu kỳ nhũ: Khảo Thanh nói câu là vắt sữa bò dê. Xưa nay chữ chính là viết giống nghĩa với Khảo Thanh.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 7

Võng mản: Theo chữ này giữa ngón tay chân của Như Lai, chỉ nối lại giống như chân chim thứu.

Đồi phụ (giải xong).

Lan Thuấn: Giải ở trước.

Sa-lỗ: Phương Tây gọi lỗ là đất.

Ngươn đá: Thuyết Văn nói ngươn là con ba-ba, loài thủy tộc.

Giới phức: (đã giải) ở Phương Quảng Hoa Nghiêm.

Khiển thanh: (đã giải) ở quyển 3.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 8

Phách đầu: Quảng Nhã nói phách là vỗ Thích Danh nói phách là phủi.

Vi ngỗ: Quách chú Phương Ngôn nói: xúc phạm nhau gọi là ngỗ. Khảo Thanh và Thuyết Văn đều gọi là nghịch. Bộ tâm chữ ngọ.

Kích thỉ: Khảo Thanh nói thỉ là tên. Thuyết Văn nói cung nỏ là tên.

Anh manh: Khảo Thanh nói anh manh là vẻ yêu kiều của phụ nữ. Manh manh cũng chỉ người tiểu nhân. Thuyết Văn nói anh là vẻ tiểu

tâm.

Niêm thao: Thích Danh nói niêm là hai ngón tay ấn lại: Quảng Nhã nói niêm là cần, thao là móng tay.

Tiệp diệp: Khảo Thanh nói tiệp dịp là bước đi lững thững. Hứa Thúc Trụ Hoài Nam nói diệp là đạp. Cố Dã Vương nói bước đi chậm rãi.

Thân nê: Quách Chú Nhĩ Nhã nói nê là gần gũi, xưa nay chính phải viết bộ chữ ni.

Mâu thuẫn: Khảo Thanh nói loại ngắn là mâu.

Ẩm duyện: Thuyết Văn nói duyện là bú.

Giác lại:

Sức tắc: Mao Thi Truyện nói sức sức cũng như trắc trắc. Theo chữ sức tắc nghĩa là người đông. Chữ xưa nay viết bộ điền và nhân.

Hội loạn: Khảo Thanh nói hội là tan vỡ. Thương Hiệt Thiên nói hội là phiền loạn. Thuyết Văn viết bộ thủy âm quý. Văn kinh viết chữ hội là gặp gỡ. Trái ý kinh.

Tọa nọa: Quách chú Khảo Công Ký nói tọa là trắc trở. Thuyết Văn nói tọa là sụp đổ. Phương Ngôn nói nục là xấu hổ. Trịnh chú Nhĩ Nhã nói tâm xấu hổ gọi là nọa. Văn tự điển thuyết viết bộ tâm chữ nhi.

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 9

Ứ-nê: Cố Dã Vương nói: Ứ là bùn ở trong nước. Thuyết Văn gọi là đục, bộ thủy bộ ư.

Thương lữ: Khảo Công Ký nói: Của quý lạ thông bốn phương dùng để trao đổi. Gọi là thương lũ. Trịnh Huyền nói khách buôn bán, văn tự điển thuyết nói bộ, bối là chữ thương. Quảng Nhã nói lữ là bạn.

Danh thung: ?

PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 10

Cung mễ: Thuyết Văn nói cung là gạo không dính.

Cai tông: Giả chú Quốc Ngữ nói cai la trọn đủ. Tống Trung chú Thái Huyền kinh nói tông là kỷ, Thuyết Văn nói máy dệt.

Úc liệt: Khảo Thanh nói úc là hương thơm môn khổn (đã giải).

Túc giả: (đã giải).

Tất cả âm nghĩa kinh quyển hai mươi bốn hết.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 25

Mùa đông năm Nhâm Thân khai nguyên thứ 21 soạn tại chùa Trí Cự núi Nam Thái Nhất.

Thích Vân Công soạn dịch, Sa-môn Tuệ Lâm san bổ lại.

ÂM NGHĨA QUYỂN THƯỢNG VÀ LỜI TỰA KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Kinh Niết-bàn là do Tây chủ Tự Cừ Mông Tốn đời Bắc Lương vào năm ba Huyền Thỉ Thỉnh sa-môn Thiên Trúc là pháp sư Đàm-vô-la-sấm và Sa-môn Đạo Cao Tuệ Lăng v.v... đồng dịch. Pháp sư lúc mới đến chưa rành tiếng Hán, ba năm sau học làu tiếng địa phương. Văn chương lưu loát, giàu sức sáng tạo. Nên văn kinh này người sau chẳng ai kế tục sự nghiệp pháp sư phiên dịch. Chỉ có bộ kinh trên là chưa đủ, lại qua Vu Điền tìm bảo quốc gốc ba lần dịch nói xong. Công phu ấy đến năm mười Huyền Thỉ mới được hoàn tất. Chính là chỗ cùng tột của nguồn cội, lời lẽ mầu nhiệm rốt cùng. Là minh châu, kim cương, bảo tạng vậy. Trộm nghĩ kinh là mẹ Phật, Phật là thầy của trời người. Pháp nhờ người hoằng, người là pháp khí. Tức là ba loại Bát-nhã, văn tự đứng đầu, mười hai chân thuyên, Tu-đa-la xếp trước. thí như mười ao xuân người ta tranh nhau tìm châu báu, ắt nhờ vào am từ. Y văn học nghĩa hội ý, phải nhờ định giáo tìm điều để cầy bổn, nương sáng tìm về nguồn. So sánh văn kinh mà không có định bản. Lại xem âm nghĩa của các nhà phiên dịch. Truyền trao nhau đại khái phạm ngữ chưa dịch, đối với tự thể của tiếng địa phương vẫn còn chứa nhiều lẽ đúng sai, bèn khiến gạt ra nơi thủ mộc, buồn bã loạn tâm. Khăn cỏ quân nơi quả viên quan trọng sữa chữa, chỉnh lý lại văn viết. Dùng để tu bổ vào chỗ trái ngộ ngụ đồng viết và hiểu là thức. Lật tung mọi lớp mây thủ mê muội, cung kính với ý kinh này dùng ba điểm, không hết, bát hằng, không đến. Lấy da làm giấy xương làm bút dám trọn hết lòng thành khẩn. Mong nắm được con dao của tiên nương tìm giọt sữa của tân y. rồi xem Thuyết Văn

để định chữ tra vận tập để tìm âm huấn. Phần nhiều căn cứ vào Ngọc Thiên phạm trước tiên nhờ kim giảm làm âm nghĩa hai quyển dùng làm tư ký. Bấy giờ chưa dám lưu hành. Mong người đồng lòng xem rõ chỉ bảo cho.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 1: THỌ MẠNG

Tuệ Lâm nói Vân Công soạn, lời tuy sườn rà nhưng có chương cú nay lấy đó làm chuẩn không mất ý kinh cho phiên âm ấy hơn các nhà phiên âm khác. Cho nên ba mươi sáu quyển Nam Niết-bàn từ nay trở đi cùng sử dụng âm nghĩa này. Y theo lời soạn của Ngài Vân Công chỉ có Đà-la-ni và luận chữ Phạm sơ sài không thích hợp. Tuệ Lâm nay y cứ vào bản phạm dịch là chánh giác.

Đại giả: Thương Hiệt Thiên nói đại là tổng tụ biến, Chu Dịch nói: Lớn thay sự khởi đầu của càn khôn vạn vật: Trong kinh tự thích rằng lớn gọi là tánh ấy thường rộng lớn.

Bát giả: Từ này là tiếng Phạm trong kinh dịch là nhập, chứng y theo sách thì chỉ có hai âm ban và bàn. Nay theo Phạm âm mượn làm âm bát.

Niết-bàn: Hán dịch là viên tịch. Nghĩa là ba điểm viên y tứ đức viên quả. Kim cang bảo tạng trọn vẹn không thiếu đây là nghĩa viên trừ khử hẳn nhị chướng hằng thanh tịnh lam nhiễm chánh thể duyên chân đây là nghĩa viên tịch.

Kinh giả: Phạm gọi là Tu-đa-la Hán dịch đủ năm nghĩa, luận kệ nói kinh y dữ dùng tuyền thằng mặc tuyến diệp xuyên nghĩa là Tu-đa-la thậm thâm vi diệu nghĩa nay chỉ lấy một phần nghĩa đầu.

Thọ mạng: Thuyết Văn nói thọ là lâu mệnh. Nội thích nói thọ tức là phần hạn. Mạng là liên trì Như Lai thọ mạng y vào chứng thức vô cấu mà thành lập thọ tức mạng.

Phẩm giả: Phẩm là loại, chính là loại của thiên chương.

Câu-thi-na-thành: Tiếng Phạm tên của một thành ở Tây vực. Đường gọi là Thành Nhuyễn Chương ở vùng Trung Thiên Trúc, chu vi hơn mười dặm.

A-lợi-la-bạt-đề-hà: Tiếng Phạm chính phạm âm: A-nhi-đa nhược để, tên của con sông ở Tây Vực. Đường gọi: Vô Thắng Văn Ngôn Bố-

la-phược-để. Đường nói, song hữu kim, đây là mỹ xưng.

Sa-la-song thọ: Nước kia cũng gọi là Cao Viễn Lâm, Tây Vực Ký nói: bốn cây thật cao ở bên bờ Tây con sông. Cây ấy giống như cây sồi mà da xanh lá trắng mướt, ánh sáng phát ra đọng lại thành hương như chỗ Như Lai nhập Niết-bàn.

Tương dục Niết-bàn: Ngọc Thiên nói tương là tiến đến.

Đẳng thị chúng sanh: Ngọc Thiên nói thị là nhìn chiêm.

Như-La-hầu-la: Hán dịch là phú chướng nghĩa là lúc tu-la che mặt trăng thì sanh ra Ngài, lại thuở xưa vì lấp hang chuột nên ở trong thai sáu năm mới sinh.

Vi tác quy y:

Ốc xá thất trạch: Thuyết Văn nói ốc là củ. Hà Hưu chú Công Dương nói: xá là chỉ Bạch Hổ Thông nói thất là thật.

Thần triêu: Nhĩ Nhã nói thần là sáng sớm Thích Danh nói thần là thân. Vận Anh nói lúc sáng sớm.

Phủ lê: phả chỉ ca. Hán dịch ngọc nước dạng như thủy tinh màu đỏ pha trắng. Đại luận nói qua một ngàn năm thủy hóa thành pha lê châu.

Mã não: Tự Thư nói loại ngọc trong đá.

Tam thiên đại thiên: Một thứ thiên hạ là một mặt trời mặt trăng chiếu đến gọi là một thế giới. Thiên thế giới này gọi là một tiểu thiên. Một tiểu thiên là một trung thiên... một thiên trung. Thiên là một đại thiên, cho nên tam thiên đại thiên, con số ấy cả trăm ức ức.

Hào khốc: Hào là gào, kêu.

Thế khấp: Thế là khóc ra nước mắt. Khấp là khóc không ra tiếng mà nước mắt rơi.

Ngạnh ế (đã giải).

Chấn động: Song lâm chiêu tập đều có dị tướng ban đầu là thanh tướng theo âm loại của nó, kế đến có tướng ánh sáng xuất hiện ở trước của. Đây là tướng đất chấn động thứ ba. Nếu chỉ có âm thanh không có ánh sáng thì người điếc không nghe, chỉ có ánh sáng không có âm thanh thì người mà không thấy cho nên phải chấn đọng khắp chiêu cảm kẻ hữu chuyên là mật ý của Như Lai.

Nhất kiếp: Phạm gọi là kiếp ba, Hán dịch là phân biệt. Kiếp có ba loại khác nhau có nói trong chương khác.

Ca-chiên-diên: Thuộc chủng tộc hớt tóc.

Bạt-câu-la: Hán dịch là Thiện Dung. Nghĩa là dung nghi của Tôn giả này rất tuấn tú.

Ưu-ba-nan-đà: Hoặc gọi là bạt-nan-đà.

Chiến điệu: Điệu là đông.

A-la-hán: Hán dịch là vô sanh, sát tặc, nghiệp kết, đã hết vượt khỏi ba cõi

Đèn đắc:

Sấu khẩu tháo thủ: Ngọc Thiên nói súc miệng gọi là sấu, rửa tay gọi là táo. Ở đầu gọi là mộc (gội) ở mặt gọi là ở thân gọi là dục (tắm) ở chân gọi là tẩy.

Ba-la-xà-hoa: Hoa màu đỏ.

Câu-đà-la-nữ: Hán dịch là hảo phúc.

Vi bất đoạn tuyệt:

Giải vị giải giả: Giải là tán, ngộ.

Ưu-bà-tắc: Hán dịch là cận sự nam thọ trì tam quy ngũ giới.

Hằng-đa-sa: Ao vô nhiệt não, phía nam chảy ra sông Hằng giá chảy vào Trung Ấn rồi vào Nam Hải.

Thân nhạo đối trị.

Thiệu tam bảo chủng: Kế thừa đãi.

Ký tự sung túc:

Phục năng sung túc: túc là thành đầy. Nghĩa là tự mãn mình thành ích cho người. Tả Truyện nói để túc Chí Văn để túc ngôn.

Xà-tỳ: Xà-duy hoặc trà-tỳ, cổ gọi là da tuần Hán dịch là phần thiểu.

Giáo hương: Nương vào cây mà sống loại huân lục bạch giác.

Ưu-bát-la-hoa: Hán dịch là hoa sen xanh.

Câu vật đầu hoa: Hoa sen vàng.

Ba-đầu-ma-hoa: Hoa sen đỏ, cọng hoa có lông nhọn.

Phân-đà-lợi-hoa: Hoa sen trắng.

Kiều-xà-da: Ngũ Phần Luật nói. Nó được lấy từ loại dã trùng kết sợi làm áo.

Sô-ma: Hoa cỏ nhuyễn.

Viên phúc: Ách treo trên đầu trâu.

Thất bảo: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu đỏ, mã não.

Xí điền: Châu ngọc nhiều sắc, xen lẫn pha lộn trong đó.

Tuấn tật: Nhanh, vội.

Tiêu sắc:....

Bát công đức thủy: Câu-xá luận nói: Một là ngọt, hai là lạnh, ba là mềm, bốn là nhẹ, năm là thanh tịnh, sáu là không hôi, bảy là khi uống không hại cổ, tám là uống rồi không hại ruột.

Ca-lăng-già-y: Ca-lăng-già là tên nước, Ba-hòa-la là tên y.

Trướng hận: Ngọc Thiên nói: Trướng là vọng hận, Quảng Nhã nói hận là buồn.

Khâm-bà-la-y: Loại áo dệt bằng tơ lụa đủ loại, thuộc y phục của ngoại đạo.

Ưu-bà-di: Hán dịch là cận sự nữ, người thọ tù tam quy ngũ giới.

Tỳ-xá-khư-ưu-bà-di: Tỳ-xá-khư tên của một ngôi sao, cô này nhận đó đặt tên, ngũ phần luật gọi là lộc tử mẫu.

Đáp thực: Chữ thông tục, Vận Anh nói nấm thức ăn.

Khước địch: Ngọc Thiên nói địch là đối. Gắn cột trụ đá lên thành để chống địch.

Lâu lỗ: Lâu Thuyết Văn nói nhà lầu có mái che, Thích danh nói lỗ là lộ. Trên không có mái che.

Sở ố: Ngọc Thiên nói ố là chán ghét.

Khiếu khổng: Thuyết Văn nói khiếu là lỗ trống, Thương Hiệt Thiên nói khổng là lỗ nhỏ.

La-sát: Hán dịch là ác quỷ, loài ăn thịt uống máu người đi trên hư không hoặc dưới đất rất nhanh

Y-lan: nói cho đủ là Y-na-hạt-la. Hán dịch là cây rất hôi.

Họa thủy: Ngọc Thiên nói họa là phần giới. Nếu nói theo âm hoạch nghĩa là hình tượng chẳng phải ý kinh, nay lấy nghĩa trước.

Xí hiêu: Ngọc Thiên nói là hữu lưu, tức loài cú tai mèo. Nếu nó kêu lên thì dân chúng biết có họa sắp đến. Hiêu Thuyết Văn gọi là loài chim bất hiếu. Chim non lớn lên ăn thịt mẹ rồi mới bay đi.

Điêu thứu: Thương Hiệt Thiên nói chim mỏ vàng, thứu âm tựu, loài chim màu đen đẻ nhiều con, ngày xưa ở phương nam có loài chim này gọi là thứu, đầu vàng, mắt đỏ đầy đủ năm sắc.

Hoại tử: Thuyết Văn nói tử là quở trách Trịnh Huyền nói miệng hủy báng là tử. Phá hoại sanh tử: Hoại là cố sức phá khiến cho nó rách nát. Nếu âm hoại thì mặc tình phá. Nay lấy nghĩa trước.

Tỳ-xá-ly: Tên thành ở Trung Ấn, gọi đúng là Phệ-xá-lê, chu vi năm mươi dặm, cung thành 4,5 dặm. Ly-xa-tử chính là mễ chiêm bà vương chủng.

Diêm-phù-đề: cũng gọi là Viêm Phù cũng gọi là Thiêm Bộ Viêm Phù. Tên cây là tên của cây. Cây này ở bờ Bắc câu

Đương đoạn kỳ thiệt: Đoạn là cắt đứt.

Tứ mã tư: Thuyết Văn nói: một xa giá dùng bốn con ngựa. Luận Ngữ nói Tề Cảnh Công có ngựa Thiên tứ Mã bốn chục ngàn xe.

Túng quảng: Nghĩa là nam bắc là túng đông tây là quảng.

Đa-la-thọ: Theo Tây Vực ký nói, thân cây như cây cọ. Cao 6,70 thước, quả chín thì đỏ giống như quả lựu ở nước ta miền đông ấn nhiều người hái để ăn.

A-xà-thế: Hán dịch là vinh sanh oán, cũng gọi là Bà-la-lưu-chi, Hán dịch là chiết chỉ cũng gọi là thiện kiến.

Tuấn tật như: tuấn là nhanh vội.

Huân tu: Thiết Vận gọi là hơi lửa, có khi viết chữ huân bộ thảo, đồng âm nhưng nó là hương cỏ, chẳng phải nghĩa này. Ngọc Thiên nói Trịnh chú Chu Lễ là sửa đổi trang sức. Văn kinh viết chữ đồng âm nhưng chữ đó là nam.

Như báo: Ngọc Thiên nói khí âm dương chuyên kết đọng lại thành bào.

Cam thiện: Thiện là thức ăn ngon, người gặp thức ăn ngon đều gọi là trân thiện.

Lưu ky: Là tên gọi ở Thiên Trúc, Phạm gọi là Phê-lưu-ly-da. Hán dịch là Cạn Sơn Bảo. Nghĩa là gần thành Ca-tù-la. Tịnh Tam Tạng nói: báu sắc xanh, Hán Thư nói xuất phát từ Kế Tân. Kinh nói không cho lưu ly giống như thủy tinh.

Ỷ sáng: (đã giải)

Nan-đà-bạt-đà-la: Hán dịch là hoan hỷ hiền hoan hỷ, hai con rồng này là anh em.

Tỳ-sa-môn-vương: Hán dịch là đa văn, tức Thiên Vương ở phương Bắc.

Càn Thát Bà: Tân dịch là kiện thát phược. Hán dịch là tầm hương tức thần âm nhạc.

Ca-lâu-la: Tân kinh nói Yết lộ trà. Hán dịch là diệu xí điểu.

Khẩn na-la: Hoặc nói. Châm-đà-la. Hán dịch là Ca Thần, âm thanh ấy rất hay. Pháp chánh hoa nói: Thiên tử hòa âm cũng là nghi thần. Vì đầu nó có sừng cũng gọi là nhân phi nhân.

Ma-hầu-la-già: Tân dịch: Mạc-hô-lạc-ca. Hán dịch là hunh hành thần, tức là đại mãng xà.

A-tu-la: Hoặc gọi là A-tu-luân. Tân gọi là A-tố-lạc, Hán dịch là vô tửu thần. Cũng gọi là phi thiên. Hải Long Vương kinh nói vô tửu thần thường ôm lòng ác độc, thường đấu tranh với Đế Thích.

Diêm-bà-lợi: Hán dịch là đại ty thần.

Bà-na-bà-thần:

Bạt-đề-đạt-đa: Bạt-đề là hiền đạt, đa là thọ, tức hiền thọ vương.

La-sát-khả-úy: La-sát âm phạm là khả úy, đường phạm cũng rõ.

Loài quỷ này phi rất nhanh răng bén có thể ăn thịt người.

Nhạo hương vương: Nhạo là yêu thích.

Tham sắc quỷ mị: Tên của những La-sát nữ. Nó cướp tinh khí của người. Đã phát tâm trong hội pháp hoa, nay đến song lâm khởi lòng buồn thương.

Thiên chư dâm nữ: Ngọc Thiên nói dâm là du ký, thiết vận gọi là xinh đẹp.

Lam-bà-nữ: theo kinh Pháp Hoa. Mười la-sát nữ có tên lam bà, Hán dịch là thừa.

Uất-bà-thi-nữ: Hán dịch là tự tại.

Đế lộ chiêm: Hán dịch là ma thắng.

Phồn thân: Phồn là thiêu, hai bộ mộc để làm củi, chất ở trên, bộ hỏa đặt ở dưới để đốt, chữ hội ý.

Phù nhạn là loài chim nước.

Tiệp thát bà điểu:....

Ca-lan đà điểu: Từ âm thanh mà đặt tên.

Bà-ý-ca: Hán dịch là lạc kiến.

Ca-lăng-tần-già: Âm thanh rất hay khi nó hót chấn động cả núi rừng. Giọng hót hòa nhã âm dịu người nghe không biết chán,

Già-bà-già-bà điểu: Hán dịch là mênh mệnh điểu.

A-tăng-kỳ: Hán dịch là vô ương số, theo kinh Hoa Nghiêm phẩm Tăng-kỳ, đại số gồm có một trăm hai mươi, từ trăm ngàn trăm ngàn gọi là một câu chi, như vậy bội bội kế nhau đến trăm lần mới là A-tăng-kỳ.

Ộng uất: Ý nói cây cỏ mọc um tùm.

Ấm tế nhựt quang: Nghĩa là không sáng.

Chiêm bà hoa: Hoa màu vàng thật thơm.

Táo xướng kỹ nhạc: Ngọc Thiên nói xướng là diễn tuồng hát xướng. Kỹ là nhạc nữ, Tỳ Thương nói kỹ là mỹ nữ. Kinh viết chữ là tài nghệ có người viết chữ sai ý kinh.

Bạch hộc bạch hạc: Ngọc Thiên nói, nó tợ như ngỗng mà màu vàng trắng. Lại như hoàng bộc hình giống con hạc.

Điêu văn khắc lữ: Thuyết Văn nói điêu là giọt giũa, Ngọc Thiên gọi là trang sức.

Lan thuấn: (đã giải)

Uất đơn việt quốc: Cũng gọi là Bắc Câu Lê Châu Hán dịch là cao thượng địa. Bốn mặt vuông như mặt người thọ mười ngàn tuổi. Nhiều thú vui như ở trời, nhưng không nghe được Phật pháp, nên nó thuộc nạn

xứ.

Đao lợi thiên: Hán dịch là Tam Thập Tam Thiên ở trên đỉnh Tu Di, bốn bên đều có các cõi trời. Thiên Vương Đế Thích ở chính giữa, hợp thành ba mươi ba cõi.

Thích Đế Hoàn Nhân: Nói cho đủ là Thích-Ca-đề-bà-nhân-đà-la. Thích-ca là năng nhân, Đề-bà là thiên, Nhân-đà-la là chủ.

Đàn-ba-la-mật: Nói cho đủ là Đàn-na-ba-la-mật-da. Đàn-na là bố thí, Ba-la-mật là bỉ ngạn. Đa là giáo, nghĩa là ly tướng hanh đàn được đến bờ Niết-bàn bên kia.

Mạn-đà-la-hoa: Hán dịch là viên hoa. Ma-ha-mạn-đà là đại viên hoa cũng gọi là thích ý đại thích ý.

Mạn-thù-sa-đẳng: Hán dịch là nhu nhuyễn đại nhu nhuyễn.

Tán-đa-ni-ca: Hán dịch là tịch tịnh hoa.

Ba-lợi-chất-đa-thọ-hoa: Hán dịch là hương biến thọ nghĩa là cây cành rễ nhánh hoa quả đều có thể xông khắp trời Đao lợi.

Chí đẳng lục thiên: Trên đỉnh Dục giới là cõi Tha hóa tự tại thiên.

Tỳ-ma-chất-đa-la: Cựu gọi là tịnh tâm hoa khuy cỏ pháp sư gọi là kỹ họa bảo bức.

Câu-tỳ-đà-la-thọ-hoa: Hán dịch là phá tha.

Thượng chí hữu đỉnh: Phạm chúng thiên trên đỉnh Dục giới.

Ma-ba-tuần: Tiếng Phạm nói cho đủ là phược Ma-la-ba-tỳ-tuần. Phược là thiên, Ma-la là chướng ngại, Ba-tỳ-tuần là tội ác. Nghĩa là loại này sanh thiên cung, chỉ khích lệ người lâm ác. Khiến họ thối thiện căn không lìa khỏi Dục giới.

Cung nỏ khởi trượng: Thuyết Văn nói cung là lấy gần dòm xa. Nỏ là phẫn nộ còn gọi là then chốt xuất phát. Khởi là giáp. Trượng là kích.

Mâu-sát-mâu: Thuyết Văn nói mâu dài hai trượng đặt trong binh xa. Sác dài trượng tám.

Kim chùy việt phủ: Chùy là dùi sắt. Thuyết Văn gọi là sắt là kim loại đen. việt Thuyết Văn gọi là cái búa lớn.

Quyên sách: Quyên là nắm dây để kéo lấy.

MA VƯƠNG BA TUẦN HIẾN PHẬT ĐÀ LÀM

Tuệ Lâm

Hằng nhĩ dã tha sai kế trá trá la sá kế lao lỗ lệ ma giá lao lệ ha la ma la đa nha sa phược giá.

Như quy tạng lục: Quy có đầu đuôi bốn chân gọi là lục xứ. Nếu ai xâm phạm thì nó chui đầu vào trong võ. Sáu căn cúng sanh chạy nhảy bên ngoài, giặc xâm phạm thì tự thủ can môn như rùa chui vào vỏ

Du siểm: Dua nịnh gọi là du siểm.

Sa-bà thế giới: Cũng gọi là Tố-ha, Hán dịch là kham nhẫn, do nhiều oán tật nhưng các khán giả ở trong kham nhẫn vất vả, năm khởi, sáu giác.

Ma-hê-thủ-la: Nói cho đủ la Ma-hê-thập-Phật-la Hán dịch là đại tự tại ở cõi Sắc cứu cánh.

Chiến lật: Lật là sợ hãi.

Sấn diệt: Nghĩa là chết.

Văn Thù Sư Lợi: Hán dịch là Diệu Kiết Tường

Vô biên thân: Ngoại quán thân phần kiến có khứ lai nội thấy đồng hư không chẳng lường bờ mé.

Hương khí phần phức: Mùi thơm phưng phức chân kim vi song.

Mai quỷ vi địa: Thuyết Văn gọi là Hỏa Tề Châu. Theo vật dị chí hỏa bốc tới châu, dạng như Vân Mẫu, sắc như ngọc ích. Sáng như đuốc, tản ra như cánh ve, xếp lại như băng trong gian vô khống khuyết.

Khương lang: Quách Chú Nhĩ Nhã nói năm mất mùa thì bọ hung xuất hiện.

Phúc khác: Tam thiên nói phúc là con rắn màu như lụa có rắn rất độc. Khác là con rệp, văn kinh nhầm là con mọt trong gỗ.

Thập lục chủng hạnh ác nghiệp giả: Nghĩa là nuôi heo, dê, gà, chó v.v.. cho mập rồi bán.

Cập-nhất-xiển-đề: Người Đoạn Thiện Căn Kinh nói vì không đủ niềm tin nên gọi là Nhất-xiển-đề. Vì chướng đời vị lai nên gọi là vô tánh, vì rốt cuộc cũng đắc nên gọi hữu tánh.

Kinh cức: Cức là cây gai.

Diện môn sở xuất: Diện môn của Như Lai phóng quang triệu tập người hữu duyên trở về từ mộng nghĩa là trở về từ sự hiểu biết là mộng.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 1

Thuận đà: Hoặc gọi là chuẩn đa. Hán dịch là giải diệu nghĩa. Quyển 2 kinh Nê Hoàn nói: Hoa Thị Tử, thuần là họ, hoa là con.

Sát lợi: Hoặc gọi Sát Đế Lợi.

Bà-la-môn: Thiện kiến luật nói: Thường tu tịnh hạnh bác học đa văn cao hiền.

Tỳ-xá: Người mua bán kiếm lời.

Thủ đà: Chủng tộc hạ tiện, rõ dịch.

Trừ khử: Ngọc Thiên nói trừ là loại bỏ.

Châu ngột: Chu là rễ cây, cây không có nhánh là ngột.

Sa-lỗ:

Thừa cấp là cứu giúp ủng hộ.

Dực đắc: Ngọc Thiên gọi la hi vọng may mắn.

Vô thương pháp vũ:

Vũ nhữ thân điền.

Tiên dĩ thông đạt.

Sơ thành đạo dỉ phá từ mà. Vô thường khổ vô ngã, bất tịnh.

Nhị mục ngưu nữ.

Nan-đà.

Nan-đà-ba-la: Hán dịch là ý lực.

Danh bất hư xưng.

Tùng nghĩa lập danh.

Ưu đàm hoa: Hán dịch là hy hữu hó cũng gọi là ứng hiện điềm lành.

Nam Mô Thuần Đà: Nam mô là quy mạng, Thuần Đà là thỉnh chủ, chúng bèn quay về.

Quyên trừ: Quách Phác nói quyên là trừ. Ách có bốn loại. Dục, hữu, kiến, vô minh.

Phược: Có bốn: Tham, sân, giới thủ, thân thủ, như thị quán hạnh.

Khinh miệt: Là xem thường người khác nhược thị hạnh giử.

Tước lộc: Ngọc Thiên nói vua chế tước lộc có năm cấp. Công, hầu, bá, tử, nam. Lại gọi lộc là vật ban thưởng.

Thiệu tục: Nối tiếp không ngừng.

Sô thảo: Để nuôi súc vật.

Khất cái: Hành khất.

Phong thích: Âm thích là tây quan, âm hác là Sơn Đông, còn âm triệt.

Kỳ thủy phiêu tật: Nước chảy nhanh.

Tu du: Là chốc lát, theo câu xá luận, bản hạnh tập.v.v.. nói thời gian nhỏ nhất là một Sát-na, một trăm hai mươi Sát-na là một hằng Sát-na, sáu mươi hằng Sat-na là một La-bà. Ba mươi La-bà một Mâu-

hô-lật-đa, ba mươi mâu Hô-là một ngày đêm. Theo Đại Tập Kinh một ngày một đêm có ba mươi Tu-du là Mâu-hô-lật-đa. Kinh nói từ lúc mặt trời mọc. Thấy bóng người dài chín mươi sáu thước là Tu-du thứ nhất.

Sa-la-sa-điểu: Hán dịch là cùng hành, cũng gọi là Bạch Hạc.

A-mâu-đạt-trì: Hán dịch là vô nhiệt não. Bồ-tát ở trong núi tuyết làm thân sống để lợi vật.

Tiên giác kỹ nghệ, nghệ có sáu loại: Lễ, nhạc, bắn, cỡi ngựa, thư số.

Chu quýnh toản chuyển:

Khôi hội: Tức là đồ tể.

Kinh ngữ (đã giải)

Diêm phù đề: Diêm phù là tên cây, đề là tên châu. Tân dịch là thiệm bộ châu.

Ly ư bát nạn:

Đắc nhâm thân nan.

Phê nghề: Tỳ Thương, Quảng Nhã đều nói tường thành nhỏ.

Kỵ tỏa: Kỵ là cái dòm đầu ngựa, còn gọi là kiểm chế, tỏa là khóa.

Ngũ nhập thất phiền não hệ phược: Theo minh tịnh tướng kinh: ngũ trụ phiền não nặng nhẹ khác nhau. Một tụ mười phẩm thì thành năm mươi sáu. Lại theo thất phược, một là sắc, tâm, tam tam muội phược. Sáu nhân duyên phược, bảy chuyển pháp luân phược.

Tỉnh ngộ chi tâm: Nghĩa là trừ sạch cơn mê

Miễn huyền: Ngọc Thiên gọi là loạn. Không sáng.

Kiêu mạn cống cao: Ngọc Thiên nói tự buông lung là kiêu, lăng mạ người gọi là mạn, tước khi mạn là cống. Khởi tâm là cao.

Ngươn ngạc: Thương Hiệt Thiên nói ngươn là đần độn. Tả Truyện nói tâm không nói tâm không theo phép tắc là ngoan, miệng không nói lời hung ác là ngạc.

Phụng bổng lộc: Ngọc Thiên nói phụng là cho.

Sư phạm: Mật Pháp nói: Tôn nghiêm đang sợ làm sư. Khuôn phép mẫu mực là phạm.

Tứ thập bát niên: Bồ-tát Thích Ca lúc mới xuất gia theo Uất-đầu-lam-phất học từ thiền bát định, tức lấy từ thiền làm bốn mươi tám định. Bát định làm tám năm.

Bát chủng thuật:

Trị thân, trị mắt, trị ung nhọt, trị trẻ nhỏ, trị quỷ ma, trị độc, trị thai, chiêm tinh xem kinh Niết-bàn

Giáo nhữ y pháp:

Si ngãi: Ngọc Thiên gọi là vô tri ngẫu thành ư tự: Nhĩ Nhã gọi là gặp mạch thức: Các sách đều không có chữ thức này. Theo viện hiếu tự phổ thư bọ qua âm thức. Là chữ khang, lúa mạch.

Ẩm uỷ đều thích:

Trừ dũ: Dũ là bớt bịnh.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 3

Thân anh trường bịnh: Anh là triền nhiễu. Nghĩa là bị bịnh bức não thân.

Tẩm ngọa: Ngủ

Tật đốc: Đốc là dày, nặng.

Trách sách vô sở: Thuyết Văn nói sách là tìm. Ngọc Thiên gọi là trưng bày tìm lỗi cũ.

Ni-ha-ca-diếp: Hán dịch là Đại Ẩm Quang, dòng họ Bà-la-môn. Ma-ha là đại.

Dĩ thử nhị duyên: Một là Thuyết Văn không kham nhận sự phó chúc. Hai là Bồ-tát kham nổi nên giữ.

Đa-la-tự-lạc: Đa-la là Lê-vi. Truyện nói phía Đông thành Câu-thi là thôn Lê-vi.

Ấu trĩ: Trĩ là nhỏ.

Ca-lân-đề: Hán dịch là bảo khả ái. Loài chim nước tức ngỗng vịt.

Bát-đại-hà: Hằng hà Chiêm-phù-la. Tát-la, Bạt-đề, Ma-ha, Tân-đầu. Bác-xoa. Tất-đà.

Thái bạch: Là kim tinh, Tây phương.

Tuế tinh: Là mộc tinh ở phương Đông. Thuyết Lãn nói trên tinh vạn vật xếp vào số tuổi tinh ấy trải qua hai mươi tám đêm, diễn khắp âm dương. Mười hai tháng một lần. Ngọc Thiên nói theo lịch gọi là ngũ tinh là năm bước cho nên chữ tuế từ chữ bộ.

Thiên ý thọ: Chư thiên có cây tùy ý trời chuyển theo sở cầu đều toại nguyện.

Diêm phù kim: (đã giải)

Bất năng phí quá:

Tại tình ổi xứ: Nghĩa là nơi ẩn náu.

Giáo chiếu: Nghĩa là dạy dỗ.

Đề hồ: Chất dịch trong ở trong tô. Kinh viết chẳng phải chánh thể.

Sao lược: Nghĩa là cưỡng đoạt của người nếu cướp lấy thì dùng chữ

Câu dịch: Nghĩa là lấy sữa.

Tán diêu: Nghĩa là cách lấy tô

Thử thường pháp xứng.

Vân hà hành tưởng:

Tu-đa-la: Hán dịch là khế kinh...

Ban tuyên: Ban bố khắp

Quả lõa: Trái cây là quả, trái cỏ gọi là lõa, lại nói mọc ở đất liền gọi là quả, quả mọc dưới nước gọi là lõa.

Đăng mân: Mất ngủ.

Thường hữu hy vọng.

Chúng vọng đô tức

Cam tô bát vị: Ngọt, đắng, chua, cay, mặn, nhạt. Hai loại, một là không đắng nên ngọt, hai là không chua nên ngọt, hợp lại thành tám.

Trữ hoại: Ngọc Thiên nói là thớt thịt, chẳng phải ý kinh, phải viết

Tam muội: Nói cho đủ là tam ma địa. Hán dịch là đẳng trì, nghĩa là lìa hôn trầm trạo cử để tâm tục vào một cảnh.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 4

Thâm thúy: Thuyết Văn nói thúy là xa sâu xa.

Nhũ dưỡng: Ngọc Thiên nói nhũ là sanh chim nuôi con gọi là phu, thú nuôi con gọi là nhũ.

Anh nhi: Tam Thương nói: Nữ gọi là anh, nam gọi là nhi. Thích Danh nói nói mới sanh lại nữa người nữ mang thai gọi là anh, sanh ra nuôi dưỡng nên gọi là anh nhi.

Đa-hàm: Trang tử nói: Ăn vào vỗ bụng mẹ mớm cho con ăn sợ không tiêu nên lo sợ. Niệm Phật biết được ý. Không phù hợp với ý kinh. Nay không lấy

Yểu thọ: Thuyết Văn gọi là khúc, chiết nghĩa là không hết thiên môn.

Hào lư: Theo tôn tử nên của kinh mười hốt là một ty, mười ty là một hào, mười hào là một lư, mười lư làm một phân, mười phân là một tấc, mười tất là một thước, mười thước là một trượng, mười trượng là một dẫn.

Tam chủng tịnh nhục: một là không thấy giết, hai không nghe sát, ba là không nghi sát.

Thập chủng bất định: y theo thập tạng luận tính, mà người hai là rồng, ba là sư tử, bốn là voi, năm là ngựa, sáu là trâu, bảy là lừa, tám là khỉ, chín là rắn, mười là chó.

Cửu chủng thanh tịnh: Chính là thấy nghe, nghi đều có tiền phương hậu khởi và chánh thể hợp thành chín loại.

Kiều-đạt-da: Ngũ phần luật nói: làm bằng tơ tầm, nghĩa là tầm nuôi hay tầm rừng đều được.

Yếu thị ngoại sắc: Nghĩa là lấy màu xanh đen mộc lan nhuộm làm đổi sắc.

Kha bối: (đã giải) ở trước

Bĩ cách: (đã giải)

Trữ tụ: (đã giải)

Bị thuyền: Bị là mang, văn kinh viết chữ mở ra, chẳng phải nghĩa này.

Ni kiềm tử: Hán dịch là vô phược, ngoại đạo lõa thể không bị vướng bận ăn mặc, là người thiểu dục tri túc

Như nhiểu tứ khử: Tự Lâm gọi là rình.

Kính thiết: Nghĩa là sao hỏa tan

Chiêm tướng tinh túc: Chiêm là quán sát, tinh có năm, tinh túc hai mươi sáu, túc như trong đại tập có nói.

San hô: Hán thư nói san hô xuất phát từ kế tân. Thuyết Văn nói san hô là báu sắc đỏ sanh ở đáy biển hoặc trên núi đá

Học chư kỹ nghệ: Nghệ là tài năng. Tây phương có lục nghệ đó là kế nhạc xạ thủ thư số. Tây phương là là học ngũ minh. Đó là nhân minh, thanh minh, y phương minh, công xảo minh, nội minh.

Chủng thực: Trồng các cây.

Cổ đạo: Nghĩa là trùng độc hại người.

Chú huyễn: Tụng chú mê hoặc người

Tư mạn: Tư là thêm mạn là dài, văn kinh viết chữ là bại, chẳng phải nghĩa này.

Du đầu đàn vương: Trịnh Pham Vương.

ma-da-phu nhân: Hán dịch là đại thuật. Ngọc Thiên nói phu là tiếng mỹ xưng của người nam. Vợ nhờ đức chồng mà thành nhân nên gọi là phu nhân.

Tiệm tiệm nhi đoạn:

Đoạn chư ác dĩ.

Đa-thâu-đà-la:

Hưởng lịch tử khôi.

Tố tại hậu cung: Tố là gốc

Giác lực: Giác là lượng, thử. Văn kinh viết là chữ tổ, thô sơ, chẳng phải ý kinh.

Đào gia thâu: Thương Hiệt Thiên nói nhà thợ gốm, nắn đúc rồi mới nung.

Đoạn thủ nhất thiết: Ngọc Thiên gọi là cắt.

Bách bức diêm phù: Trong thế giới tam thiên đại thiên này gồm cả trăm ức. Theo kinh nói ức có ba loại, cách tính khác nhau. Nếu y theo số thấp, thì mười vạn là một ức, tính cả vạn ức. Nếu y theo số lớn thì vạn vạn là một ức, chỉ có mười ức số không đủ. Nay theo kinh Hoa Nghiêm một trăm lạc xoa là một ức nên có một trăm ức.

Lâm vi ni viên: Hán dịch là nhạc thắng lan quang. Là tên thiên nữ. Ngày xưa du hóa (dạo chơi) ở vườn này nên nhân đó đặt tên.

Nhập thiên tự: Tự là nơi tế lễ.

Ma-hê-thủ-la: Đại tự tại thiên ở sắc cứu cánh.

Sư tử đang: Ngọc Thiên nói trang sức đeo tai.

Tấn đạt thái tử: Phạm gọi tất đa. Hán dịch là nhất thiết nghĩa thành.

Hàng phục ma quan: Quan là vương là chủ. Ma là thiên chủ cõi tha hóa

Mộc thương: Hai chốt gỗ là thương. Văn kinh viết chữ vương, chữ tương là tiếng kinh, chẳng phải nghĩa kinh.

Bác dị:

Như diêm phù đề: (đã giải).

Đông phất vu đãi: Hán dịch là thắng thân châu.

Tây cù-đà-ni: Hán dịch Ngưu hóa châu, xứ ấy không có tiền, chỉ lấy trâu hóa giá.

Bắc uất đơn việt: Hán dịch là thắng sở tác nghĩa là người kia làm gì đều vô ngã vượt trội hơn ba châu lúa.

Đăng lô: Lô là lò lửa.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 5

Hữu bí mật tạng:

Hà dĩ cố như mãn nguyệt: Từ đây trở xuống có mười bảy chữ tàng (bình thanh) bốn chữ kế bình thanh.

Tỳ-già-la-luận: Đại luận của ngoại đạo, Hán dịch là vô dụng.

Thương vưu: Là bị thủng ngoài da.

Thiệt tắc quyện túc: Nay theo Ngọc Thiên chữ quyện có ba âm, quyện là thâu lại. Quyển là quyển sách, còn âm kiên là co lại. Nay văn kinh lấy âm này.

Bát đại nhân giác: Thiểu lục, trí túc, tịch tịnh, tinh tấn, chánh ý, chánh định, chánh huệ, không lý luận.

Dâm nộ si là nam độc.

Phụ dĩ diệu lược: Phụ, cân, thuốc bôi, văn kinh viết nhiều chữ trái ý kinh.

Tứ bách tứ bịnh: Đại thủy hỏa phong là tứ đại, gió nhẹ đất nặn, hỏa rỗi thủy, lặng trái nhau, gọi là bốn con rắn độc. Một đại không điều hòa một trăm lẻ một bịnh sinh, bốn đại không điều hòa thì sanh bốn trăm lẻ bốn bịnh,

Thanh đi chi xứ.

Tốn đắc hung vấn.

Phá nhi thanh tê: Tê là tiếng ngói.

Như tỳ ma tử: Quách Phác nói hạt đậu, văn kinh viết là tên loài trùng, không phải loại cỏ.

Nhựt hộc: Sáng

Chấm bạo:

Khư-đà-la: Hán dịch là khanh thọ, ý nói giống cây sầu đông, thuyết này sai.

Nhị thập ngủ hữu: Từ châu tứ ác thú và lục dục thiên, vô tưởng phạm, trịnh, cư từ không và tứ thiền.

Bà sư hoa: Cựu gọi là Đằng Hoa. Phạm gọi là Bà-lợi-sư-ca, Hán dịch là hạ chí hoa.

A-ma-lặc: Hán dịch là vô cấu, bản nam viết là ha-lê-lặc là nhầm. Tam Tạng Thức Tịnh nói: A-ma-lặc-ca thuốc sáp đắng. Hình như quả táo nhỏ, nếu nói A-ma-la-am một la hình như cây dưa, lớn như con chim, vị ngọt, hoặc sống như chín, chín như sống nên kinh nói sống chín khó phân.

Ung thư:

Phiếm trường: Thuyết Văn nói phiếm là nỗi, trời nhanh.

Hình cán:

Trá hợp:

Môn khổn (đã giải)

Tứ chủng độc xà: Xúc độc, răng độc, khí độc, kiến độc.

Tam thiêu:

Ma-ha-ba-xà-ba-đề: Hán dịch là Đại Ái Đạo di mẫu của Phật cũng gọi là đại thắng sanh chủ.

Kiều đàm di: Bà-sa-luận nói vương chủng này dịch là diệt ác trừ họa cho dân. Di-là gọi cho người nữ, là chị em của mẹ.

Cốc tích hạ: Tức chứa lúa.

Cù-sư-la: Hán dịch là diệu âm thanh. Hình dài ba thước, chứng Sơ quả.

Đảng dỉ ngũ phược: Đầu, hai tay, hai chân trói một chỗ.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 6

A-kiệt-đà-dược: A là phổ, kiệt đà là khử, ý nói mài thuốc này trừ khỏi các bịnh. Lại nói A là vô kiệt đà là giá. Ý nói thuốc này công hiệu cao, giá đáng vô lượng.

Xâm nhiễu:

Nộ thiệt: Phương Ngôn nói thiệt là xấu. Quách Phác gọi là tánh nóng nảy.

Hổ báo: Thuyết Văn nói báo tựa hổ mà có vằn tròn.

Hùng: Ngọc Thiên nói loài thú giống như heo mà ở trên núi, tay nó giống tay người.

Bi: Nhĩ Nhã nói giống con heo mà lông vàng trắng, Quách Phác gọi là con thú đầu dài chân cao mạnh mẽ, có thể quật ngã cây cối.

Sài lang: Ngọc Thiên nói nó thuộc loài chó thú rừng, chân giống chân chó.

Thô sáp:

Tắng ố

Canh lượng: Trong kinh phần nhiều viết hai chữ

Chánh pháp dư bát thập niên: Y theo Đại tập kinh. Sau khi Như

Lai diệt độ chánh pháp trụ thế một ngàn năm, kể cũng chín trăm hai mươi năm rồi thì còn tám mươi năm.

Tiền tứ thập niên: Kể từ chín trăm hai mươi mốt đến chín trăm sáu mươi khoảng giữa là bốn mươi năm.

Oan oán gia: Vận tập gọi là oan khuất, oán là hận,

Thù khích: Thù là đối đầu, báo thù, khích là chia sẻ, văn kinh phần nhiều viết chữ thù bộ dậu.

Cầu thỉnh chúng tăng: Chữ thỉnh chung cả ba âm nếu dùng bình thanh thì có nghĩa là nhận vật ban thưởng, nếu dùng từ thượng thanh thì có nghĩa là thăm hỏi. Nếu dùng chữ khứ thanh thì có nghĩa là mời gọi, nay chữ thỉnh tăng trong đây phải dùng chữ mời gọi. Chữ chánh thể là đều y theo Ngọc Thiện.

Đê bài:

Trữ quân: Trữ là đủ, đi khảo sát các ấp khuyên học gọi là nho phó quân.

Chiên-đà-la: Hán dịch là người hiểm ác, tức là kẻ đồ tể.

Soán cư: Ngọc Thiên nói soán là đoạt cưỡng đoạt ngôi báu.

Thủ la: Dấy binh để phòng thủ giặc cướp.

Nhược quan: Lễ nói người con trai đến tuổi hai mươi thì đội mũ.

Tỉnh ngộ: Thoát khỏi cơn say.

Tịch địa: Ngọc Thiên gọi là té ngã.

Thập vật: Tam Thượng nói: thập là tụ tập. Tạp dụng cụ để nuôi sốn.

Đê đường: Ngọc Thiên nói đê là cầu, là phóng hộ chướng.

Xuyên huyệt: Xuyên là phá.

Lâm lậu: Tam Thương gọi là nước nhỏ xuống nam kinh có viết chữ xâm để thay chữ dưới là sai.

Bát bất tịnh vật:

1- Nô tỳ, hầu tớ

2- Voi. Ngựa, trâu, dê

3- Ruộng, quán, xá.

4- Kho chứa,

5- Vàng bạc, châu báu

6- Xe cộ, xa giá

7- Buôn bán, đổi chác

8- Nuôi chứa các loại.

Tám loại này có một nhà giải thích khác.

Ca-la-ca-thọ: Hán dịch quả màu đen hình như châm đầu.

Chân đầu ca quả: Cổ dịch hình như quả thị ở xứ này.

Vân trừ: Trừ cỏ, chữ này xuất phát từ chữ lỗi. Ngọc Thiên nói dụng cụ làm ruộng có thể phát cỏ. Nguyệt Linh nói giữa xuân cỏ vân bắt đầu mọc, hoàn toàn trái ý kinh,

Tài hữu: Tài là chỉ, yếu, không thiếu. Quảng Nhã viết chữ tài là tạm, Tam Thương nói tài là vừa thấy.

Huyền mãi: Đi buôn bán.

Tịnh bất cúng dường: Tịnh là và, đồng thời văn kinh viết là sai.

Cơ cẩn: Nhĩ Nhã nói theo Cốc Lương Truyện. (đã giải) ở trước

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 7

Hữu tứ ma cố: Ma là có sư nói bậy tà kiến kinh luật, nghĩa là ma-sư, đệ tử, tà luật, tà luật kinh.

Du như lạp sủ: Dụ các thú đến gần để bẩy lưới.

Mã não:

Sính thê: Cưới hỏi, Nhĩ Nhã nói sinh là hỏi.

Phủ phục: Cái chảo lớn.

Trị áp: Quảng Nhã nói áp là đè xuống, văn kinh viết là sai

Cổ tửu: Quảng Nhã nói cổ là bán rượu cũng có khi viết là tên loại nước chẳng phải nghĩa này.

Hạn tề: Tam thương gọi là chia đều.

Cổ để: Tam thương gọi là dê đực.

Khôi náo: Khôi là loạn, niệu là tạp nhạp. Chữ này bộ thị chữ nhân, chữ bội ý. Văn kinh phần nhiều viết chữ, trong cửa có chợ, không phải chữ bội ý.

Tương kháp: Giỏ tre đựng quần áo.

Cách si:

Đại trì: Trì là đến, Thuyết Văn gọi là đưa đến, Tam Thương gọi là đào, dữ.

Vi đà thiên: Âm phạm: Tư-kiếm-đà-đề-bà. Tư-kiến-đà Hán dịch là âm. Đồ-bà là thiên, vi và kiến lộn nhau nên viết thư vậy.

Ca-chiên-diên-thiên: Là dòng họ Bà-la-môn.

Đa-la-thọ: Hán dịch là trùng nghĩa là lá lá xếp lên nhau, hoặc gọi là cây tâm lung giống như cây cọ.

Thường kiều: Quảng Nhã gọi là giơ lên. Quách nói kiều là khiểng chân lên.

Vi kịch: Thuộc loại giày dép, Thuyết Văn nói kịch có loại bằng cỏ, bằng bông.

Liệu trị: Dứt bịnh liệu là trị.

Ma-ha-lăng-già: Hán dịch là đại giá y, lạc vị.

Hửu hương: Thuyết Văn gọi là ngửi bằng mũi, văn kinh phần nhiều viết là tục truyền chẳng phải chữ chính.

Anh hài: Ngọc Thiên gọi là bé nhỏ, nuôi dưỡng trẻ nhỏ có khi viết Ngọc Thiên gọi là trẻ nhỏ cười, chẳng phải nghĩa này.

Câu tịch: Thanh văn gọi không đi được.

Lung bì:

Tương phác: Tranh nhau.

Mộc thung: Quách Phác nói thung là ống tre. Thuyết Văn gọi là chặt tre. Ngọc Thiên nói là Hán Nguyên Đế thổi ống tiêu.

Lợi cù: Thuyết Văn gọi là cái bừa.

Thanh tịnh hành xứ:

Bá vượng: Trịnh Huyền nói không. Có bổng lộc mà làm vua gọi là bá.

Bộ khuất: Người Ngô cho bộ khuất là loài tằm, phương ngôn gọi là bộ. Lại gọi là bộ khuất. Nay rõ ràng loài trùng này là loại sâu đo. Bò bò co chân mà chân trước bám vật mới di chuyển chân sau. Kinh dụ cho ngoại đạo chán dưới ưu trên, lấy một bỏ một, không lìa đoạn thường kiến, như sâu đo.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 8

Tháo nghệ.

Kim bề:

Nga nhạn: Ngọc Thiên nga là con ngỗng mà nhỏ hơn. Nghi lễ nói bay như nhạn.

Phảng phất: Nghĩa là tương tợ, thấy mơ hồ, hoặc viết Thuyết Văn

Đại bác: tùy thương gọi là thuyền lớn dài hai mươi tượng, chở sáu ngàn bảy trăm người.

Noãn nhược: Tam Thương nói noãn là yếu.

Nghệ ngôn đao đao: Văn Thông thường gọi là mờ, Thuyết Văn gọi là nói lúc ngủ. Thanh Loại gọi là bất giác nói bậy.

Tranh xúc: Thuyết Văn gọi là cây trụ. Hà Thừa Thiên Soán Văn nói: tranh là xúc văn kinh viết là sai.

THỨ BIỆN VĂN TỰ CÔNG ĐỨC CẬP XUẤT SANH THỨ ĐỆ

- Tuệ Lâm soạn

Phạm kinh nói A-sát-la, đường phiên là văn tự. Nghĩa thích rằng: Vô dị lưu chuyển hoặc nói vô tân. Bằng danh cú văn thân có thể diễn giải vạn pháp bí mật của chư Phật sai khác. Nghĩa lý vô cùng, nên nói là vô tân. Hoặc nói Thường Trụ. Thường trụ chữ Phạm chỉ được gọi văn tự các nước khác nhau, ý này nói gì. Như Đông Di, Nam Man Tây Nhung, Bắc Địch và Văn Trí các nước Hồ đều là tiểu thánh kém tài. Theo ngôn ngữ địa phương diễn Thuyết Văn tự. Sau đó khi gặp tam tai kiếp tận thì mai một hết không còn gì chỉ có văn phạm này theo phạm thiên trên dưới kiếp trước kiếp sau đều dùng một chữ phạm có mười hai chữ là chữ phiên ra dần mở rộng ra ba mươi bốn chữ gọi là tự mẫu chỉ có bốn chữ gọi là trợ thanh. Gọi là chữ phạm cũng có năm âm như giọng cổ, răng, môi, lưỡi v.v... chính là năm thanh ca, tả... lại có năm âm tức ca, khư, nga, già. Nghinh cho đến phá, phả... đều từ sâu cho đến cạn, cũng giống như ngũ âm cung, thương, giác... ở nước này. Trong năm âm lại có năm hành tướng tham cứu có thể rõ trong đục, xem xét để tỏ nặng nhẹ, hai khí âm dương để rõ sự khác nhau của vạn loại. Cho nên dịch nói xem thiên văn để xét thời biến, xem thiên văn để hóa thành thiên hạ chánh nghĩa này. Kinh nói mười bốn âm là chủ dịch kinh Đàm Vô Sấm y theo văn tự nước Quy Tư lấy bỏ khác nhau. Dùng chữ khác nhau nếu theo âm các nước trong Thiên Trúc thật ra không phải như thế. Nay trình bày như bên phải, người trí cần xét rõ.

A

Á

Y

Y ích

Ô

Ô: răng ngậm không mở.

Ế

Ái

Áo

Áo
Ám
Ác

Mười hai chữ trên là cách phiên từ chữ Phạm. Ngoài mười hai âm này thêm bốn chữ để phụ thêm xảo thanh thêm văn, chỗ sử dụng văn phiên âm mà không biết dùng. Dùng cũng không được. Như A là thượng thanh hỏi cong lưỡi A khó dùng lại lấy khứ thanh dẫn sức ngắn, thanh lực khứ thanh không chuyển lưỡi. Bốn chữ này tức trong kinh cổ dịch lỗ, lưu lô, số. Sau đó ba mươi bốn chữ gọi là tự mẫu.

Ca	Na
Khư	Đà
Nga	Nẵng
Giá	Ba
Nghinh	Phả
Tả	Ma
Tha	Bà
Ta	Má
Tá	Đã
Nưỡng	La
Trá	La-Sa
Sá	Va
Ca	Xá
Trà	Sạ
Noa	Ta
Đa	Ha
Tha	

Khất sạ:

Ba mươi bốn chữ trên gọi là tự mẫu. Chữ đã chữ la trở xuống chín chữ là thanh quy về gốc. Từ ngoài hướng vào trong chữ Phạm đã âm ở trên đều y vào âm trung thiên mà phiên ra. Chỉ vì cổ dịch không rõ ràng càng thêm lầm lẫn nghi nan cho hàng hậu học. Kinh này vào thời Bắc Lương ở một nước nhỏ năm bốn thuyền thỉ, năm kế là Ất Mão nhằm năm mười một Nghĩa Hy nhà Đông Tấn. Pháp sư Đàm Vô Sấm ở Cô Tàng y theo văn tự bản Hồ nước Quy Tư dịch kinh này, bàn lấy bỏ những âm chỉ bất đồng với Trung Thiên, khác nhau mười bốn âm. Bỏ nhầm hai âm ám, ố. Lấy nhầm lễ, lưu, lo, lâu là số, cho nên mười bốn chữ ấy chưa rõ dùng như thế nào. Chữ phiên ra này của Trung Thiên và Quy Tư khác nhau khá xa. Lại không theo sự chỉ dạy của thầy, chưa rõ

dùng văn tự Trung Thiên vì trái xa nên có sự nhầm lẫn này. Than ôi! Đã hơn ba trăm tám mươi năm rồi mà không ai có khả năng cải chánh lại lỗi lầm này. Ngày xưa pháp sư Thích Đạo An làm đế sư thời Đông Tấn có nói rằng: dịch kinh có ngũ thất tam bất dị. Lời ấy quả thật như đà, luận người thì thấy xa biết rộng. Từ đó có thể thấy thất cũng như lỗi. Với cách nói này. Tuệ Lâm thuở nhỏ cũng từng thọ theo tây học sĩ, xưng tụng là có học. Luận về văn tự nước Quy Tư thật sự cũng không hiểu, dùng chữ phiên Lễ, lưu, lô lâu cũng không trừ hai thanh ám, ố. Tức ngày nay thấy có tự mẫu Quy Tư Hiệp với Phạm Vẫn chỉ dùng mười hai âm, lấy ám, ố làm thanh phiên tất cả chữ không biết ai nói bậy như vậy. Sửa đổi lệ thường nói nhầm mười bốn ấm, thật không có nghĩa lý. Thật ra chỉ có bốn chữ.

Ất, át

Lực lực, khứ thanh, chưa biết lúc thường dùng phải một phen dùng phụ thanh dẫn thanh bậc tài cao học rộng thông thạo có thể dùng được bốn chữ này. Những kẻ sơ học mơ hồ và những bọn tầm thường thật không biết cách dùng. Ba mười bốn tự mẫu ấy người dịch kinh gọi là bán tự. Đủ biết thông hiểu thầy trao ngang hông nói bậy. Phàm trong văn cú có âm thanh không thoát ra miệng, gọi là bán tự. Nay lược nêu ra ba chữ để chứng minh nghĩa ấy: Tát, va, tức gồm chữ la. Giữa hai chữ Bà-va âm la gọi là bán tự. Nếu sách phạm để chữ la, một nữa trên đầu chữ va như nói một ta tức cuối mẫu tự, bao gồm chữ Na Na là bán tự tiếng Phạm để chữ Na trên chữ ta. Cho nên Na là bán tự. Như nói giữa hai chữ Đạt-ma gồm có âm la. Chữ la trong Phạm văn, một nữa đặt trên chữ ma. Thì la gọi là bán tự. Lấy ba câu này làm thí dụ thì các câu khác cũng tương tự như thế. Cớ sau nguồn gốc tất cả văn tự trong tự mẫu căn bản có thể tự trong tự mẫu căn bản có thể chứa đựng cái đẹp của các đức, Nghĩa Mẫu nói không xiết mà lại phỏng theo bán tự, đủ biết là không hiểu. Nếu nói giống như người này, tự thân đã là bán tự, nghĩa không trọn vẹn đâu thể biến ra tất cả các chữ. Từ đó suy ra văn dịch không rõ ràng lần lượt truyền nhau lầm lẫn không thể y cứ, người viết Phạm văn thỉnh cầu phạm bổn và đến tham vấn Phạm tăng mới biết đã luận đều đúng như vậy. Phạm thiên đã diễn tự mẫu rõ ràng mạch lạc. Nay lại nói sơ về sự phát sanh lầm lượt dùng mười hai chữ trước làm thanh thế, đem mỗi chữ mỗi chữ của tự mẫu dịch làm một chữ. Lại sanh mười một chữ gồm chữ gốc nữa thành mười hai chữ. Như vậy lần lượt phiên ba mươi bốn chữ gọi là một lần, đem chữ đã thêm ba mươi bốn chữ, y theo từng cách phiên ở trước lại thành một phen bỏ chữ đã, đem

chữ la thêm ba mười bốn chữ, y theo mười hai chữ trước phiên thành một chữ sanh ra mười hai chữ, ba mươi bốn chữ phiên thành bốn trăm tám mươi chữ làm một lần, kế đến đem chữ la chữ phược, giá, nghinh, nương, noa, nẵng, man chuyển đổi thành thêm mười hai phen dùng thì đủ thôi. Cũng phải nhờ thầy trao mới biết thứ lớp câu cú, văn phong, tóm lại trong mười hai lần đều trọn đủ, nếu lần lượt thêm vào tuy vô cùng vô tận, nghĩa lý khớp nhau, thanh tự trái ngược, ở đời ít dùng, chỉ dùng mười hai từ trước Lại dùng tám chuyển thanh, luận cú thì trọn đủ, tất cả thanh vận ở đời có vô số sai biệt gọi là lời y vào từ mà biện, thanh y vào thanh lập nghĩa tự, tức là hỗ trợ thanh nghĩa lẫn nhau có muôn thứ sai biệt như thế, có tựa rườm rà mà không lẫn tạp, rộng mà dễ hiểu. Đây chính là Phạm Thiên Thánh Vương đã tuyền Ngũ Thông Thần Tiên. Thuật sĩ cao tài hiểu rõ hiểu sơ gồm cả trăm nhà, mỗi mỗi diễn trí lực tạo mọi thanh luận, danh luận, số luận.v.v.. không bao giờ nói hết được sự mầu nhiệm ấy thế nên chư Phật trong tiền kiếp hậu kiếp xuất hiện ở đời chuyển diệu pháp luân đều y vào phạm văn này diễn bày mới hết nét đẹp của nó. Cho nên trong kinh Đại-tỳ-lô-giá-na có tự luân mạn Đà-la phẩm, đọc tụng hơn năm mươi chữ này, công đức vô lượng vô biên, có thể khiến cho ba nghiệp của chúng sanh thanh tịnh nhất định thành vô lượng Bồ-đề.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 9

Ca-lân-đề-điểu: Tiếng phạm, Hán dịch chim thật dễ thương.

Uyên ương: Loài chim ở dưới nước. Sắc vàng đỏ, loài chim này có đôi có cặp. Không có đôi thì không bay, cho nên lấy loài chim này dùng cùng đi có đôi.

Kim khoáng: Thuyết Văn nói đồng thiết phác thạch. Trịnh Huyền nói phác thạch ý nói vàng ngọc ở trong đá chưa được tôi luyện.

Thạnh hạ thủy tương.

Khuyết doanh: Thuyết là tổn, giảm.

Nguyệt thực: Mặt trời lên đúng quỹ đạo thì mặt trăng ăn, tưu ai thích danh: Mặt trời trăng khuyết, mặt trời ăn xâm phạm vào lần như sâu ăn cỏ cây.

Tuệ tinh: Nhĩ Nhã nói tuệ tinh là cán súng. Thích Danh nói ánh

sáng của sao mờ mờ như chổi. Cho nên nhân gian gọi là sao chổi.

Tư hạ: Quảng Nhã gọi là sai khiến. Tự Thư nói tư là sai dịch.

Bố cự: Quảng Nhã gọi bố là sợ hãi, cự là mau chóng, văn kinh viết chữ cự bộ tâm cũng được.

Đồi phụ: Đều là gè đối.

Bà-la trường thọ: Hán dịch là Bạch Thứu.

Ni-ca-la-thọ: Hán dịch là Bất hắc, bất thời.

Khư-đà-la: Khanh thọ cây ấy cứng chắc.

Mật trí:

Ba mươi hai tướng: Quyển ba của thập trụ Bà-sa. Quyển mười chín Du-già, hội thắng thiên vương của đại Bát-nhã, kinh Bảo-nữ, Bồ-tát Địa tạng kinh và kinh này, nói đủ ba mươi hai tướng, văn nhiều không tiện ghi rõ.

Tám mươi vẻ đẹp: Quyển bảy thập trụ Bà-sa, quyển bốn mươi tám Du-già, hội thắng thiên vương. Kinh Vô Thượng Y quyển hai nói đủ tám mươi vẻ đẹp này.

Khinh đạo: Ngọc Thiên đạo là giẫm lên.

Bất nặc: Ngọc Thiên nói nặc là ẩn.

Uất chửng: Lý Tuấn Chú Nhĩ Nhã nói uất là khí đầy, khí lửa bốc lên.

Giải bát chủng nhạc: Trị thân, trị mắt, trị vết thương, trị trẻ nhỏ, trị tà ma, trị độc, trị thai bịnh, chiêm tinh, ở dưới như Kỳ-bà đã nói.

Nhũ bộ: Mớm cho ăn, ý nói từ miệng nhai cơm đút cho ăn, kinh viết chữ bộ có bộ nhựt là ăn nhiều.

Sang báo: Sang là bị thương, văn kinh viết bộ tật là chữ thông tục. Chữ báo là mặt thủng.

Đái hạ: Tự Lâm nó người nữ mắc bịnh xích bạch. Quang trung phần nhiều dùng âm. Tam thương gọi là bịnh lậu. Thích Danh nói biết bị là đãi.

Sao tiền trứ hậu: Trứ là xứ cũng gọi là lập.

Am-la-quả: Đây không có ai dịch chính xác, hình như quả dưa. Vị thơm ngọt, sống chín khó phân.

Tiên-đà-bà: Trịnh Tam Tạng nói: Đó là thuốc muối. Xuất phát từ bờ sông Tín Độ, lấy con sông đặt tên. Nay kinh nói là tứ thật. Đây là dụ cho tướng thần có trí, dùng cùng thời.

Bà-la-xà-thọ: Cây hoa đỏ.

Ca-ni-ca-thọ: Nói đủ là Ni-ca-hoạch-la-ni-ca. Hán dịch là nguyệt. Hoạch la là tác.

A-thúc-ca-thọ: Hán dịch là vô ưu.

Ba-trá-la: Trùng diệp thọ.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 10

Từ tế: Nhĩ Nhã nói: Tế lễ, lễ ký vương giả là quần tánh lập mười lễ. Nghĩa là chư hầu có năm lễ, thái phu ba lễ. Sĩ có hai, thứ dân có một lễ.

Khinh táo: (đã giải)

Khẩu sưởng: Sưởng là bại, người sở gọi chữ bại một lời hay là sưởng.

Hào soạn: Bữa ăn ngon.

Trướng ương: Thuyết Văn nói ương ương bất phục. Thương Hiệt Thiên nói ương là oán hận.

Đường quyên: Đường là luống, quyên là bỏ.

Ma-già-đà-quốc: Phạm ngữ, nghĩa dịch Ma là vô, già đà là hại. Y nói phap luật nước này không hành phạt người phạm tộ bằng án tử hình. Đưa đến rừng lạnh mặc tình họ sống chết.

Lại giải thích ma là lớn, già đà là thể trong năm nước Ấn Độ, nước này lớn nhất thống nhiếp các nước nên gọi là đại thể.

Mãn túc bát đẩu: Nước Ma-già-đà này ở giữa trong các bộ dùng luật trời để trị. Các phương khác không nhất định, mà y vào đây làm chuẩn tắc...

Ô-giác-chí: Giác chí loài chim này lông trên đầu dựng đứng giống như sừng thuộc loại gà rừng, loài chim này ăn chim ắt không ở chung.

Thất diệp hoa: Hoa có bảy ngấn giống như tay người hoa ấy hôi hám.

Bà sư hương: Hoa ấy thơm phức, Hán dịch là đằng hoa.

Xâm hoại:

Thuyết thập tam kệ giả: Phàm nêu sáu đều thệ có sáu dòng kệ, một kệ kết thành mười ba.

Di duyệt: Nhĩ Nhã nói di là vui.

Xu đại: Thuyết Văn nói xu là đẹp, sắc đẹp Thích Danh nói vào triều đại Triệu, ngụy yến gọi bảo là xu.

Hoàn dị: Kỳ, vĩ, đẹp, lạ.

Tệ ác: Tánh xấu, nóng nảy.

Thổ hài tại địa: Hạt trong quả.

Chữ danh Câu-da-ni: Tây Ngưu Hóa châu.

Chẩn chi: Thuyết Văn nói chẩn là chìm. Tam Thương gọi là hầu, Thanh Loại gọi là nghiệm.

NGOẠI ĐẠO CỬU THẬP NGŨ CHỦNG GIAI THÚ ÁC ĐẠO

Tuệ Lâm soạn

Ngoại đạo là tà kiến xấu tệ không chịu nỗi, nói tỉ mỉ về sở hành sở chấn đều khác nhau, nay chỉ nêu sơ lược để làm rõ sự sai biệt. Đó là thắng luận, số luận chấp ngã chấp thường, năm thứ nóng đốt thân, đánh đập nằm gai bôi tro, cho ăn, xiềng chân, lõa hình, nhịn đói, nhảy xuống sông, gà chó v.v..mặt các loại cỏ hoang, phóng lửa lao từ trên vực xuống, điên loạn, học các tà kinh không lợi ích, vất vả không được giải thoát, vì thế kinh nói đều rơi vào đường ác. Du-già quyển sáu, bảy, Hiển Dương quyển chín, mười. Quảng biện tông đồ như hai luận kia. Giới cấm sở chấp để biển tướng nên nhiếp chung các luận chỉ là mười sáu như trong kệ nói:

Chấp trong nhân có quả
Hiện rõ có khứ lai
Ta thường tạo nhân xưa
Các pháp thật, tự tại
Biên vô biên loạn đảo
Chấp vô nhân đoạn không
Tối thắng tịnh kiết tường
Gọi mười sáu dị luận
Tôn trong nhân có quả
Tôn từ duyên hiển rõ
Tôn xưa nay thật có
Tôn chấp ngã thật có
Tôn cũng đều thường luận
Tôn xưa tạo nhân luận
Tôn tự tại đẳng nhân
Tôn thật là chánh pháp
Tôn biên vô biên luận
Tôn bất tử loạn đảo
Tôn chấp vô nhân luận

Tôn chấp thất đoạn luận
Tôn nhân quả đều không
Tôn vọng chấp tối thắng
Tôn vọng chấp thanh tịnh
Tôn vọng chấp kiết tường.

Nhữ dĩ: Thương Hiệt Thiên nói: Nhứ là như, Đại Đái Lễ nói nhứ là nhân, Thanh Loại gọi là con người có tâm dung thứ vật

Tông tập: Tam Thương nói tông là lý nghĩa là máy quay sợi xe chỉ lại để dệt. Khiến cho khai hợp thành văn giống như học tập cũng vậy, công biển nghệ thành.

Phi nhất thiết chúng sanh tận y ẩm thực tồn: Theo Khổng Tử Gia nói: Loài chỉ uống mà không ăn là ve, loài chỉ ăn mà không uống là tằm. Không ăn không uống là phù du, có ăn có uống là con người, súc vật, cho nên kệ trước tạm nói chúng sanh chứ chẳng phải là phổ biến.

Luy tiệc:

Thứ thích: Cây cỏ gai chích người như dao kiếm, mâu đâm người bị thương. Vì chữ này theo dạng cổ là thúc.

Mâu sóc (đã giải) ở quyển một.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Thích Đàm Công soạn.

Sa-môn Tuệ Lâm nhà Đường san bổ thêm.

QUYỂN 26

Kinh Đại Niết-bàn từ quyển mười một đến hết quyển bốn mươi.

Xà duy chia làm hai quyển

Đại Bát Nê Hoàn kinh sáu quyển.

Phương Đẳng Bát Nê Hoàn kinh hai quyển

Nam Bản Nê Hoàn kinh ba mươi sáu quyển cùng dùng âm này.

Phía bên phải ở trên gồm bảy mươi sáu quyển cùng dùng âm này.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 11

Tập tập: Văn kinh có chữ viết tứ nạch, các sách khác không có chữ này người bây giờ thêm bộ

Tuế uế: Thông Tục Văn nói uế là nghẹn, Thuyết Văn gọi là khí ngắn nấc cụt.

Ma-lịch: Thanh Loại gọi là tiểu tiện. Văn kinh viết. Thuyết Văn gọi là nước thấm. Quảng Nhã gọi là rơi chẳng phải nghĩa này.

Đối hận: Nhĩ Nhã nói đối là hận mà còn nhẫn.

A-dà-đà-la: Hán dịch là vô bình. Hoặc gọi là thuốc bất tử, có khi phiên là phổ trứ khử, nghĩa là các bịnh đều được trừ sạch.

A-ma-bạt-đề: Hán dịch là đẳng chí, vô tâm định.

Đăng mãng: Là hôn muội.

Na-la-diên: Hán dịch là lực sĩ, thiên trung hoặc nói người mạnh mẽ. Kim cang lực sĩ, hoặc nói kiên cố lực sĩ.

Bát kiến đề: Hán dịch là khiêu trịch, lực sĩ trong đây có sức mạnh mẽ nhanh nhẹn.

Khiếm khứ: Miệng thông khí, có khí viết là, chẳng phải nghĩa

này.

Phan long: Phương Ngôn nói rồng chưa bay lên trời gọi là phiên long. Quảng Nhã nói phiên là khuất,

Bài bác: Văn kinh tạm mượn dùng trong các sách không có chữ này.

Kết-già phu tọa: Âm phụ, Tam Thương nói ngồi xếp chân. Trịnh chú Lễ Ký ngồi để chân xếp lên trên chữ giá là thêm vào, để hai tay lên hai chân...

Phích liệt: Thuyết Văn gọi là rách, Quảng Nhã gọi là trung phần.

A-la-la-a-ba-ba: Tiếng hàm khổ ở địa ngục. Bốn địa ngục này do âm thanh mà đặt tên. Quán Phật Tam Muội Hải kinh quyển chín mươi lăm nói rõ nhân duyên.

Ba-đầu-ma địa ngục: Bốn địa ngục này do hoa mà gọi tên, ai đọa vào đó ắt có hoa đến đón thần thức.

Phách kiệt: Thuyết Văn nói tay nẻ ra, Trịnh Huyền nói xé rách.

Kiến đà: Nói cho đủ là Tư kiến đà. Hán dịch là ấm. Lãng pháp sư gọi là Biên thần quỷ.

Ưu-ma-đà: Hán dịch là yêu cuồng, là thần say.

A-bà-ma-la: Vô hoa mạn, hoặc gọi là điên cuồng.

Tán-đà-na-hoa: Cũng gọi là Xuyên-đà-na Hán dịch là lưu hoa.

Lô-chỉ-na-hoa: Cũng gọi là Lô-giá-na. Hán dịch là nhãn hoa.

Tranh: Là loại nhạc cụ có dây.

Địch: Thuyết Văn nói ống sáo bảy lỗ.

Tiêu: Nhĩ Nhã nói ống sáo lớn. Quách Phác nói kết ba mươi ba ống dài 1,4 thước nhỏ gọi là tiên,mười sáu ống.

Sắt: Nhĩ Nhã nói loại lớn gọi là lệ, Quách Phác nói dài tám thước mốt. Rộng một thước tám.

Không địch....

Cổ xúy: Cổ là động, đánh.

Đa-già lâu hương: Thích luận gọi là mộc hương, Hán dịch là bất một.

Kỳ lân: Thuyết Văn gọi là giống thú nhân tứ. Trên đầu có một sừng, sừng thẳng đầu có lỗ, loài trâu xạ. Văn kinh viết bộ mã, Thuyết Văn nói ngựa vằn chẳng phải ý kinh.

Câu-chỉ-la-điểu: Cũng gọi là Cù-chỉ-la, cù Hán dịch là ngưu, cũng gọi là Địa-chỉ-la.

Cù du: Thông tục nói, bên lông làm nệm.

Thạp đăng: Thảm trải trên giường lớn.

Câu chấp: Dạng như thảm, một bên lông dài màu đen, lục quần Tỳ-kheo trong luật, ban đêm đắp để dọa người, nên nói như quỷ.

Nhung y: Thuyết Văn gọi là...

Căn tử: Thuộc loại nghệ, gừng. Vì không có hạt để trồng, chỉ nứt mụt từ củ.

Hạnh tử: Thuộc giống dương liễu. Vì không có gốc mà sống nên gọi như vậy.

Tiết tử: Thuộc các loại cỏ lan hương... sanh ra từ đất.

Tiếp tử: Thuộc loại lê, thị đồng loại tiếp nhau.

Tử tử: Tức các chủng tử.

Chu chẩm: Theo Thiên Trúc phần nhiều dùng bông tơ bện, tức bông đâu la miên, gọi gối hoặc dựa, chu là màu đỏ,

An hoàng mộc chẩm: Trong gối để kèn lò xo phát ra tiếng, dường như có nước.

Phách cúc: Nay viết chữ cúc bộ cách, Quách Phác nói cúc thuộc loại quả bóng da, cúc khom xuống, thế bình, thiên hai mươi lăm tân thư nói, cúc là do hoàn đế làm.

Trịch thạch: Theo Hán Thư Cam Diên Thọ gọi là ném đá. Bạt Cự Trương Yến chú: Phi thạch năng mười hai cân làm máy phát đi ba trăm bước. Diên Thọ có sức có thể ném bằng tay, người nay ném gạch.

Bốc ghệ: Lễ Ký nói: Bói mui rùa để quyết giải nghi ngờ.

Biến nhĩ:

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 12

Não coi như mạch: Ngọc Thiên nói cai là ngón chân cái, phần trên cùng của thân là não, phần dưới cùng của thân là cai. Máu thịt tới đâu là mạch có tới đó, ngoài não là tóc, ngoài chân có móng, nơi đây không có mạch, cho nên lược âm xưa cho là hài, hài là xương hoàn toàn sai ý kinh.

Thung cốt: Xương ống nhỏ.

Dĩ trụ bễ: Người phương Bắc dùng âm này, còn âm là tỳ, người phương Nam dùng âm này.

Khoan cốt: Tỳ Thương nói khoan là xương chậu.

Hàm cốt: Quách Phác nói: Hàm là hàm xa, Thích Danh gọi là phụ

xa. Nam sở gọi là hàm, Tần Tấn gọi là nguyên vì giữ nơi miệng,

Tư thái: Ý tứ, nghĩa là ý tứ thái độ con người. Cổ văn viết chữ cũng được.

Thị huyên: Ngọc Thiên gọi là nháy mắt.

Thuấn: Da mỏng bị rách.

Nhâm đích: Thuyết Văn nói đích là rõ ràng. Truyện nói đích bắn, nghĩa là nhắm trúng đích. Nay nói bắn trúng con hưu.

Tiễn trúng: Lễ Ký nói bắn trúng, tức là chư hầu không trúng không được làm chư hầu.

Sở thát: Thát là đánh, Quảng Nhã gọi là rể, sở là một loại hình phạt nặng.

Khấu nghịch: Thuyết Văn gọi là ho, hen. Văn kinh phần nhiều viết chữ hà là trẻ nhỏ, sai ý kinh.

Ngãi hạch: Nhĩ Nhã gọi là nước đen giống như ngãi.

Noãn nhiên: Noãn là thẹn, Tiểu Nhã nói thẹn đỏ mặt, Thuyết Văn gọi là xấu hổ.

Trượng cán: Cán cây, văn kinh viết bộ mộc âm can là sai.

Khước điệt là sẩy chân.

Bối lũ: Nhĩ Nhã nói lũ là khom lưng. Thông Tục Văn nói khom lại là khu lũ. Văn kinh viết chữ lâu là bịnh lũ không phải ý kinh.

Ố tặc: Ố là chán ghét.

Loa ngọc: Cổ văn viết là tuy giống văn kinh.

Phát triệt: Khử, trừ, bỏ.

Phu tại thân hiển: Nhĩ Nhã nói phu là trải ra.

Lục báo: Trên da có sẹo.

Đâu la miên: Hán dịch là mộc miên, thật nhuyễn giống như hoa dương liễu. Nếu dùng bông này lau mắt người thì lệ không chảy ra.

Thất chi: Voi trắng có bốn chân, đuôi, ngà, tổng cộng bảy chi.

Cam diễm: Sắc sáng, màu xanh như phệ lưu ly.

Khai phẫu: Thương Hiệt Thiên gọi là mở ra, tách ra, chia ra.

Mao vĩ: Thuyết Văn nói mao là tóc, nó dài hơn trong các sợi lông gọi là tóc.

Thông duệ: Thuyết Văn nói duệ là thông minh, Ngọc Thiên gọi là thông, trí.

Hao đại hải: Thuyết Văn nói hao là nhiễu văn kinh viết.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 13

Đam miễn: Thuyết Văn nói đam là thích. Quốc Ngữ gọi là đam mê, Thuyết Văn nói miễn là thích rượu.

Ma-lâu-già-tử: Hán dịch là Du Tử Đằng.

Ni-câu-đà: Cựu gọi là hoa không có đốt, Âm Nghĩa nói: Lá nó như lá thị, lá thị giống như Tỳ-bà, có tánh chịu đựng, cây già cao to nhất trong các cây.

Trùng thư: Giòi ruồi trong nhà.

Tức lục: Thịt hôi.

Sang di: Tam Thương nói di là bị thương. Thông Tục nói thân thể bị thương gọi là di, đầu bị thương gọi là thương.

Đà-la-tiêu: Hán dịch là chủ đế.

Cầu na: Hán dịch là y đế.

Ma-ha-lặc-thủy: Vô thắng thang, cũng gọi là nước A-lê-lặc.

Bát-dạ-la: Cũng gọi là Ưu-đà-già, cũng gọi là loại cây nấu lá uống. Như loại trà ngày nay.

Hoặc vân-ba-da: Hán dịch là thủy, người nước kế tân gọi tên nước.

Hoặc ngôn uất đặc: Đây là tên loại nước người Đông Thiên Trúc gọi.

Sá-lị-lam: Tiếng Phạm, người Trung Thiên Trúc gọi tên nước.

Hoặc ngôn-bà-lê: Hán dịch là tạp dược hòa với nước.

Hoặc ngôn-ba-da: Cũng gọi là sữa, tên nước trong thanh luận.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 14

Tòa nhân: Quảng Nhã nói tòa là thấp, Thông Tục gọi là người lùn. Văn kinh phần nhiều viết Thuyết Văn gọi là sưng phù, chẳng phải nghĩa này.

A-hàm: Hán dịch là giáo, cũng gọi là pháp tạng, các điều thiện quay về.

Tỳ nữu thiên cũng gọi là vi nữu, Hán dịch là biến thắng thiên.

Nhũ bổ: Cho trẻ con bú.

Ca-la-la-thời: Lúc thọ thai bảy ngày hòa hợp với bất tịnh.

An-phù-đà-thời: Cũng gọi là A-phù-đá, tức là mười bốn ngày thành phôi thai.

Già-ma-thời: Gọi là kiện nam, thọ thai được hai mươi mốt ngày, dạng như váng sữa đóng.

Bế thủ thời: Cũng gọi là đóng cửa

Phô bặc:

Sanh tiên: Tam Thương nói tiên là nước dãi của trẻ con.

Nhân tụy: Hỏa mẫu, Luận Ngữ nói dụng cụ để lấy lửa, Khổng chú nói: Trong một năm...

Nhân toản: Thuyết Văn gọi là cái dùi.

Nhân phù: Dùi trống.

Ốc nhưỡng: Đất đai màu mỡ.

Đạo kiềm: Ngọc Thiên nói kiểm là pháp độ.

Cố miến: Thuyết Văn gọi là dòm lén.

Thuyền phưởng: Văn bình thường gọi là thuyền đôi.

Viêm hân: Nóng bức, Nhĩ Nhã gọi là hơi nóng hừng hực.

Bạc hựu: Nhĩ Nhã gọi hựu là phước.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 15

1. Tu-đa-la: Hán dịch là khế kinh cũng gọi là pháp bổn.
2. Kỳ dạ kinh: Trùng tụng kệ.
3. Thọ ký kinh: Hòa-già-la-na.
4. Già-đà-kinh: Tụng kệ phúng tung.
5. Ưu-đà-na kinh: Vô vấn tự thuyết.
6. Ni-đà-na kinh: Nhân duyên kinh.
7. A-ba-đà-na kinh: Thí dụ.
8. Y đế viết Đa-già kinh: Bổn sự kinh.
9. Xà-đà-già kinh: Bổn sanh kinh.
10. Tỳ Phật lược kinh: Phương quảng kinh.
11. A-phu-đà-đạt-ma: Vị tằng hữu.
12. Ưu-ba-đề-xá: Luận nghị kinh.

Nhượng khư: Phạm gọi là hướng khư, Hán dịch là bối cun gọi là kha.

Cưu lâu tẫn Phật: Cũng gọi là câu lâu, cũng gọi là Ca-la-cưu-thôn-đà. Cũng gọi là Câu-lưu-tôn, đọc nhầm tiếng phạm. Chính phạm âm là Yết-cú-thốn-na. Hán dịch là diệt lụy.

Câu-na-hàm-mâu-ni: Câu-na là thọ, mâu là nho.

Ca-diếp Phật: Hán dịch là Quy, tức là họ chính là Ca-diếp-ba. Chủng tánh của tiên ẩm thực.

Thủy địch: Nghĩa là mưa.

Xu tẩu: Ngọc Thiên nói xu là đi nhanh.

Tánh lệ: Tự Lâm nói ý trái. Ngọc Thiên gọi là khúc lệ.

Đôn dụ: Nhĩ Nhã gọi là cố gắng, nghĩa là khuyến khích nhau.

Oản đâu: Quảng Nhã gọi là đâu lưu.

Kỳ thốc: Tự Lâm nói mũi nhọn, Giang Nam gọi là mũi tên kim loại. Sơn Đông gọi là chân mũi tên. Thích Danh gọi là gốc tên, xưa gọi là của cây tên là thốc. Quảng Nhã gọi là mũi nhọn bịt đầu tên.

Giác ngộ: Tỉnh là giác, giác cũng như ngộ.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 16

Thiên Trúc: Hoặc gọi là thân độc, cũng gọi là Hiền Đậu đều nhầm. Chính là Ấn Độ, Hán dịch là nguyệt, nguyệt có một ngàn tên, đây là một. Bởi vì nước ấy có Hiền thánh lần lượt khai ngộ quần sanh chiếu đến như ánh trăng. Lại nói Hiền Đậu là tên Thiên Đế nhờ Thiên Đế ủng hộ nên đời lấy đó đặt tên.

Tha sinh: Quảng Nhã nói tha là chạy sinh là đi.

Ba-tư-trá: Tối thắng là họ.

Minh tạp ngã khẩu:

Tứ cú: Nhĩ Nhã nói ngã tư là cú.

Ma-ha-tư-na: Hán dịch là đại quân tướng.

Hoạt kỳ cổ:

Thiết dĩ vi hác: Vương Dật chú Sở Từ nói có rau gọi là canh, không rau là hác.

Kiều tác là quốc: Cũng gọi là Câu-tát-la tức nước Công Xảo.

Ba-tư nặc vương: Hán dịch là Thắng Quân Vương hoặc gọi là Hòa Duyệt. Theo Nhân Vương Kinh gọi là Nguyệt Quang Vương.

Nhĩ Nhĩ nhị tỷ: Nhĩ Nhĩ là cắt tai, nhị tỷ là xẻo tai.

Đoạn tiệt thủ túc:

Thập thủ thổ khôi:

Khủng vi ký hoạn: Khủng là sợ.

Trịch quyên: Vứt bỏ.

Trảo hoại.

Khư-đà-la khôi: Hán dịch là khanh thọ. Câu ấy chắc chắn đốt tro làm đồ rửa tắm ắt sạch.

Tụy sài:

Hiến đế: Ngọc Thiên gọi là pháp, chế cấm pháp độ.

Hùng bi: Ngọc Thiên nói hùng giống con heo, ở trên núi, tay nó tựa tay người. Bi là con beo, đầu lớn như đầu ngựa có lông, hùng mãnh có thể nhổ được cây.

Câu-bàn-trà: Hán dịch là mặt quỷ đông qua.

Ca-la-phú-đôn-na: Hán dịch là cực xú quỷ.

Tát giá ni kiền tử: Tát giá Hán dịch là thật. Ni kàn, Hán dịch là vô tục.

Biên chuyện: Ngọc Thiên gọi là thức. Thanh Loại gọi là lấy dây cột đồ gọi là biên. Nghĩa là lấy dây bện lại để nằm ngủ, là ngoại đạo tu khổ hạnh.

Lũ hạt: Ngọc Thiên gọi là một loại bông vải ở Kế Tân.

Duy ngưỡng: Vận Tập nói ngưỡng là trì. nghĩa là lấy đồ cho người.

Như thái cảm quả: Quảng Nhã nói nhứ là ăn.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 17

Vô sở úy tĩnh: Tĩnh là thăm, quán sát.

Ma-ha-câu-hy-la: Hán dịch là đại tất.

Cứ hữu: Ngọc Thiên nói cứ là cái gì. Nghĩa là tứ chưa biết.

Nhị bỉnh câu phá: Một là đập bể bình thì được giá sữa đông. Một là đập bể bình sữa mà chưa được váng sữa.

Trạo hý: Là tâm động.

Khinh táo: Tâm động.

Bát pháp: Lợi suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc.

Tam mệm xứ: Đó là ba tâm ưu, hỷ, xả vì ba pháp bình đẳng.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 18

Lương hựu: Hựu là sự ban ơn của trời.

Nạo trọc: Thuyết Văn nói nạo là quấy nhiễu.

Thủy bất năng phiêu: Phiêu là trôi nổi.

Hệ huyền tu di: Nghĩa là tằm nhả tơ.

Cổ tửu: Nghĩa là bán rượu cho người khác. Nếu độc âm cô thì mua rượu của người.

Lạc xa: Hán dịch là nhiễm tác gia. Nghĩa là cỏ trâu nhiều côn trùng làm tổn hại mạng sống động vật. Nên không cho phép chế.

Câu-diêm-di: Hán dịch là bất tĩnh, cũng gọi là tạng hữu.

Kỳ tánh đêh ác: tánh nóng nay.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 19

Vô cổ: Nhĩ Nhã nói: Cô là tội lỗi, bộ tân âm của cổ.

Vi-đề-hi: Hán dịch là Thắng Diệu Thân phu nhân.

Lưu trắc: Ngọc Thiên gọi là xót đau, nghĩa là buồn đau thương xót.

Phú-lan-na: Hán dịch là mãn, Ca-diếp là tộc, Hán dịch là quy thị, đây là ngoại đạo chấp không có nhân.

Ca-ca-la-trùng: Hán dịch là hắc trùng, sanh ra ắt hại mẹ.

Mạt-già-lê: Là họ, Câu-xá-lê-là tên mẹ. Đây là chấp khổ vui không do nhân là phái ngoại đạo tự nhiên.

San-xà-da: Hán dịch là Đẳng Thắng Tỳ La là tên mẹ. Đây là ngoại đạo không cần tu. Trải qua tám vạn kiếp tự hết sanh tử.

Y-sư-ca-thảo: Hán dịch là hổ y. Hà Tây pháp sư nói cây cỏ này ngoài mềm trong dẻo.

Như thu khổn thọ: Nghĩa là chặt ngọn cây.

A-dà-đà: Hán dịch là vô thắng xí cá, hoặc phát khâm bà-la, lấy tóc người làm y. Năm thứ nóng bức thân.

Ca-la-cưu-đà: Hán dịch là hắc lỉnh ca phụ tánh. Ngoại đạo này ứng vật mà khởi. Ai hỏ có đáp có, hỏi không đáp không.

Ni-kiền-đà: Hán dịch là vô tục là tên chung của ngoại đạo, Nhã

Đề nói thân hữu là tên mẹ. Phái này chấp khổ chưa có định nhân, cần phải thọ vào phi đạo mới đoán được.

La-ma-vương: Hán dịch là hư.

Bạt-đề-vương: Hán dịch là hiền.

Tỳ-lâu chân vương: Hán dịch là ái lạc.

Na-hâu-sa: Hán dịch là bất sự trọng

Ca-đế-ca-vương: Hán dịch là di.

Tỳ-xá-khư-vương: Hán dịch là lấy ngôi sao đặt tên.

Tỳ-lưu-ly-vương: Hán dịch là tăng trưởng

Thâm tỉnh: Nghĩa là đào hầm để bẫy thú.

Đại y già bà: Hán dịch là năng hoạt, là con của gia huynh nạn bữ xà vương, ban đầu vua cầm thuốc dán vào thì ông lớn lên chính là dược vương.

Nhuận tứ: Nước thấm vào vật.

Oán thù: Ngọc Thiên gọi là oán đối ghét chán.

Tại cương: Tự Thư nói bung lưới trên đường, nghĩa là cây cương hình như cây cung.

Ca-ma-la-bịnh: Hán dịch là bịnh đại phong.

Ca-tỳ-la-thành: (Dịch rồi)

Bàn-già-thi: Hán dịch là ngũ kết.

Đôn-phù-lâu: Thiên nhạc, dây đàn.

Tu-bạt-đà: Hảo hiền.

Tỳ-ma-chất-đa: Tịnh tâm.

Xá chi: Nghiêm nói là tên khác của mặt trăng. Con gái A-tu-la làm vợ Đế Thích, Cổ dịch là tịnh lượng.

Nhi thí: Tả Truyện nói thần bạo ngược thì vua khử, Thuyết Văn nói kẻ dưới giết người trên gọi là thí.

Tu-tỳ-la: Hán dịch là gian dũng.

Uất đàm bát lâm: Hán dịch là khởi không, cũng gọi là thụy ứng.

Xá-bà-đề-quốc: Trụ xứ của tiên nhân.

Chiên-đà-la: Hán dịch là trị, cẩu nhân hay là ngục tốt.

Khí hư: Đồ tể.

A-dật-đa: Hán dịch là vô năng thắng.

Đâm nặc: Thuyết Văn gọi là tư lãm. Ngọc Thiên không kết giao bằng lễ. Lễ Ký nói đời loạn thì lễ mất. Truyện nói nặc là tà.

Ưu-ba-ly: Hán dịch là cận hộ.

A-na-phân-để: Cô cấp.

Chu-lợi-bàn-đặc: Cũng gọi là Chu-lợi-bàn-đà-ca. Chu-lợi là tiểu,

Bàn-đà là lộ.

Ưu-lậu-tần-loa: Hán dịch là Mộc Cô Tự Tại. Trong rừng mộc cô chùng được vô học nên lấy đó đặt tên.

Tu-đà-la: Hán dịch là cộng khởi, cũng gọi là

Sa Thảo: Tên người.

Phán hợp: Hoặc gọi là Trịnh Huyền nói bán là một nữa, được cả hai mà hợp gọi bán. Văn kinh viết. băng tan chẳng phải nghĩa này.

Ưc-già trưởng giả: Hán dịch là công đức hay oai đức.

Ly-bà-đa: Tên loài sao.

Thi-lợi-cúc-đa: Hán dịch là kiết hô hay đức hộ.

Bỉ điệu: Bỉ là thẹn, điệu là buồn.

A-tỳ: Hán dịch là vô gián, cũng gọi là vô thích, ý này có ba nghĩa: khổ, thân, xứ.

Tần-bà-sa-la: Cũng gọi là Bình Sa Vương, Hán dịch là đoan chánh, cũng gọi là hảo nhan sắc.

Giáp trứu: Thuyết Văn gọi là mũ trụ một loại mũ sắc.

Gián gian: Ngọc Thiên gọi là cách, thay thế, loạn, gian là xứ, giữa

Như ngư tại ngạo:

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 20

A-xà-thế: Hán dịch là vị sanh oán, cũng gọi là pháp nghịch. Đứa trẻ này sanh ra thì tạo nghịch.

Nghi vi kiếp tận giả: Ba ánh trăng đều chiếu là thủy tai, khởi, ý vua cho rằng hỏa tai khởi thì bảy mặt trời đều thiêu đốt.

Thất tử dụ giả: Kinh Phổ Diệu nói: Thuở xưa có người mẹ già mà có bảy đứa con, chứng thánh sáu bậc. Còn ở tại phàm chợt mắc tội vua. Lẽ ra phải bị giết, mẹ nghĩ đến con nhỏ không hề lơ là nên hết sức yêu thương.

Cưu-xí-la-điểu: Cũng gọi là Câu-chỉ-la, đặt tên theo tiếng hót.

Chẩm cẩu:

Bị phát.

Lô xa: Một loại xe ở Tây Vực. Theo Ngủ Thần nói phạm vương pháp thì bị mưu sát.

Khuê tinh: Nhĩ Nhã nói khuê là một loại sao.

Văn kinh nói có kim tinh là sao Thái bạch.

Tất-lực-ca hương: Tất-lực-ca là xúc hương.

Đa-già-la hương: Căn hương.

Đa-ma-la-bạt hương: Diệp hương.

Kiếp bối sa hoa: Hoa giống như bông liễu có thể làm tơ.

Thanh xí: Quảng Nhĩ Nhã nói thanh là chuồng xí là tên riêng của nhà xí, chỗ dơ nhớp.

Cù-gia-ly: Cũng gọi là Cù-ba-ly, cũng gọi là Cù-hòa-ly, Hán dịch là ngưu thư.

Tu-na-sát-đa: Tu là hảo, Na-sát-đa là sao.

Dĩ bát chủng thanh: Cũng gọi là bát âm.

1. Cực hảo thanh.
2. Nhu nhuyến thanh
3. Hòa thích thanh.
4. Tôn huệ thanh.
5. Bất nữ thanh.
6. Bất ngộ thanh.
7. Thâm viễn thanh.
8. Bất kiệt thanh.

Chỉ quản: Chỉ là định. Quán là huệ, có bản ghi là chánh quán,

Sắc thập chủng: Nghĩa là năm sắc trần bên ngoài và năm căn bên trong.

Tội lệ: Khổng chú Thượng Thư nói lệ là tội lỗi. Mật pháp gọi là không hối lỗi trước gọi là lệ.

Ngũ nghịch tân: Luận Ngữ nói: Bảo Tử Lộ hỏi đường. Trịnh Huyền nói tân là bến đò.

Tỳ-bà-thi Phật: Hán dịch là chủng, chủng quán cũng gọi là tháng quán.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 21

Tứ-tỳ-đà-luận: Chính là bốn bộ Phệ-đà. Hán dịch là tứ minh luận, có mười vạn bài tụng, ở Tây phương rất xe, trọng, đó là bốn chủng pháp. thọ, tự, bình, thuật.

Tỳ-già-la-luận: Âm cổ là không đầu không cổ.

Vệ thế sư luận: Vô thắng ngoại đạo luận

Ca-tỳ-la-luận: Âm cổ gọi là luận của tiên nhân đầu vàng.

Sấm ký: Thuyết Văn nói sấm là nghiệm. Đoạn nghi tâm giả, kế có hai tâm nghi danh nghi nghĩa.

Tấc đắc vĩnh đoạn:

Hữu kiến đoạn kiến:

Ma-ni-bạt-đà: Ma-ni là mãn. Hoặc gọi như ý. Bạt-đà là hiền.

A-tư-đà-tiên: Âm cổ không rõ. Huyền Trang gọi là vô tỷ tiêm cũng gọi là đoạn nghiêm.

Uất-đà-già: Cổ gọi là thắng, thạnh.

Đà-la-la-tiên: Có khi viết là A-la-la. Vô y tiên.

A-đề-mục-đa-già-hoa: Cổ âm là lạc thoát. Âm nhạc.

Chiêm-bà-hoa: Cũng gọi là chiêm bặc. Hán dịch là sắc hoa, thật tình khiết.

Ba-tra-la-hoa: Trùng diệp hoa.

Bà-sư-la-hoa: Cũng gọi là Bà-sư-ca, Hán dịch là hoa nở mùa hạ.

Ma-lợi-ca-hoa: Âm cổ gọi là thứ đệ hoa.

Tân-ma-lợi-hoa: Như hoa thứ đệ.

Tu-ma-na-hoa: Cũng gọi là Tiên Mạn-na. Huyền Trang gọi là thiện xứng ý.

Do-đề-ca-hoa: Âm cổ Hán dịch là tác.

Chiêu đề tăng phóng: Cung cấp chỗ cho khách tăng. Tức là tiếp đãi chỉ dẫn. Thân từng hỏi Tịnh Tam Tạng, chiêu đề là tiếng phạm. Hán dịch là phòng tăng ở phương này.

A-na-ba-na: Hán dịch là sổ tức quán, A-na là người, Ba-na là thở ra.

Phá nghịch lục đại: Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức. Cũng gọi là lục chủng.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 22

Thị hổ: Nhĩ Nhã nói thị là nương. Hàn Thi nói không cha biết nương vào ai, không mẹ biết cậy nhờ ai.

Trân thân: Là chí, cận.

Hận lệ: Khó điều phục.

Hồi phục: Tam Thương gọi là nước xoáy.

Vi tô miễn đồ.

Dĩ dược phấn chí: Thuyết Văn nói phần la bụi bặm.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 23

Liên xuyết: Ngọc Thiên gọi là tiếp tục, kết hợp ngã viễn tam thừa. Viễn là xa lìa.

Nan ký Ngọc Thiên nói ký là mong đợi.

Ủy tư: Nay kinh viết chữ thực Ngọc Thiên gọi là cho ăn.

Hàn khí: Giống như cái đấu, đầu dài đựng mười thăng.

Thuyền bác (thiệt) Có bản viết chữ

Thủ bào cước đạp: Ngọc Thiên gọi là kéo lấy. Đạp là giẫm bỏ. Ở đây ý nói vượt qua sông phiền não phải tụ nhị thiện đó là nghĩa bào. Tinh tấn đoạn nhị. Đức ác là nghĩa vứt bỏ, Nam Kinh Tạ Công nói rửa thành vận tay động chân. Tuy giỏi nghĩa mà vẫn còn sơ xuất.

Quán thán như kháp: Tứ đại như hỏa, dụ cho kiến độc (thấy độc). Địa đại dụ cho tiếp xúc độc. Phong đại dụ cho khí độc. Thủy đại dụ cho xỉ độc.

Chiên-đà-la: Cũng gọi Chiên-trà-la. Hán dịch nghiêm thức, nghĩa là từ ác nghiệp, tự nghiêm trí, cờ xí. Người ấy nếu hành thì tự lắc chuông tự nêu, nếu không thì mắc tội nặng, lúc ấy gọi là kẻ sát nhân;

Sử hà: Thương Hiệt Thiên nói sử là nhanh. Văn kinh viết chữ quyết. Quyết là ngựa hay.

Ma-thâu-la-quốc: Hoa Nghiêm âm rằng: Thành khổng tước, âm cổ là thành mỹ mật.

Ca-ca-la: Hán dịch là loại chim nhân tiếng mà đặt tên.

Cứu-cứu-la: Đây là tiếng vịt, Cưu-cưu-trá.

Đát-đát-la: Tiếng gà, ba loại chim trên do tiếng mà đặt tên.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 24

Di dịch: Nhĩ Nhã nói di dịch là vui, Quách Phác tâm vui vẻ là dị, dịch là ý thoải mái.

Đình liêu: Chu Lễ nói cùng đốt đuốc ở ngoài sân. Trịnh Huyền nói cẩn là lớn. Trồng ở ngoài cửa là đình liều.

A-ma-lặc-quả: Hán dịch là vô cấu.

Bách phước: Tu chính thập thiện, đầu tiên có năm phẩm tâm, một là hạ phẩm tâm, hai là trung phẩm tâm, ba là thương phẩm tâm, bốn là thượng trung phẩm tâm, năm là thượng thượng phẩm tâm. Mỗi cái đều có đủ mười thiện, là năm mươi gọi là sơ phát tâm, đến tâm sau cùng đầy đủ quyết định lại thành năm mươi nữa là một trăm phước.

Bà-la-đọa-bạt-xà-thiên: Hán dịch là trọng ngữ thiên.

Lâu-đà-thiên: Hán dịch là khả úy.

Nhân-đà-lê-thiên: Trời Đế Thích.

Câu-ma-la-thiên: Trời Đồng tử.

Bát tý thiên: Na-la-diên-thiên

Ma-hê-thủ-la-thiên: Trời Đại tự tại.

Bán xà-la-thiên: Thiên long.

Tạo thư thiên: Phạm gọi là Bà-la-giá, Ma thiên tức tạo tất đàm. Chương 12 âm tự mẫu. Quyển tám có nói.

Bà tẩu thiên: Hán dịch là thật, địa, vật.

Du càn đà sơn: Hán dịch là trì long sơn.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 25

Dược danh Sa-ha: Sử lưu.

Bách cốc: Thuyết Văn nói cốc là tích chứa Hoa Nghiêm Âm Nghĩa nói: Theo Dương Tuyền Vật Ký Luận Lương là tên chung của lúa thóc. Đạo là tên chung của các đậu. Ba loại này đều có đều có một trăm tổng cộng sáu mươi loại, rau quả có hai mươi trợ ngủ cốc nữa là một trăm cốc.

Câu trúc: Thuyết Văn nói câu là phá, chẻ chữ từ bộ cân âm câu. Văn kinh viết bộ kim, chữ này không đúng, Khảo Thanh nói trúc là bổ

ra, Thuyết Văn gọi là chẻ ra, văn kinh viết bộ đăng là sai.

Da-xà-phú-na: Cổ Văn nói Da-xà gọi là văn, phú-Nhĩ Nhã là mãn.

Tỳ-ma-la-xa: Vô cấu vương.

Kiều phạm ba-đề: Hán dịch là Ngưu Vương cũng gọi là ngưu chư.

Tu-bà-hầu: Hảo hữu.

Ưu-lâu-khư: Hưu cưu tiên nhân.

Ca-tỳ-la: Tiên đầu vàng.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 26

Si niêm: Niêm là chính nghĩa là bắt cầm thú.

Ôn cế: Luận ngữ nói: Ôn cũ để biết mới. Hà Yển nói ôn là tìm. Văn kinh viết chữ ẩn là giận, hận, chẳng phải nghĩa kinh.

An quyết ư không: Cọc gỗ, cái nêm.

Trục khôi: Khôi là vun đất.

Ngũ ế: Một là khói, hai là mây, ba là bụi, bốn là mù, năm là La-hầu-la. La-hầu-la là tên khác của A-tu-la. Hán dịch là chướng, sáu tháng một lần lấy tay che mặt trăng gọi là nguyệt thực.

Cường nại bất thổ: Nại là nhẫn.

Ưu-đà-diên-sơn: Chỗ mặt trời mọc.

Ni-câu-đà: Hán dịch là cây không đốt cũng gọi là tung quãng. Hoa Nghiêm Âm nói, lá như lá thị.

Quá sai.

Phả phú già-la: Cổ âm gọi là vong nhân.

Bà-hi trưởng giả: Cổ âm gọi là quách ngoại trưởng giả.

Khí khư diên-đà-la diên đà-la: Hán dịch là chấp ác sanh sát khí. Tức gọi là người khí khư. Tức người có tội trong nước chết thì kết cho cái tên ấy.

Sấu-cù-đàm-di: Hán dịch là hảo tánh, là một giống tiên thời xưa.

Xà-đề-tỳ-kheo: Hán dịch là tùy ý tác.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 27

Sa-môn: (tiếng Phạm) Tày là tên chung nói về sự siêng năng của nội ngoại đạo. Đều nói về người xuất gia, viết hoặc Sa-môn. Ngài La Thập nói không...

Bà-la-môn: Người tục, là người tu phạm hạnh, cao quý bỏ pháp áo, học rộng nghe nhiều.

Ngã thích dục vấn: Quảng Nhã nói thích là gần, bắt đầu.

Phong mang: Phong là binh đao, mang là cỏ thẳng.

Hào khổng: Ngọc Thiên gọi là gầm lớn.

Thập trụ: Thập trụ trong đây là thập địa.

Cực hỷ: Ly cấu; phát quang; chiếu huệ; nan thắng; hiện tiền; viễn hành; bất động; thiện huệ; pháp âm. Trong kinh nói thập trụ là ở trước thập địa.

Như tam thiền lạc giả: Ba địa lạc sau. Ở trong lạc thiền thứ ba của năm thức, chỉ ở ý địa là lạc thù thắng nhất.

A-nậu-đa-la tam miệu tam Bồ-đề: Y theo Phạm văn phải viết dược, A là vô, nậu-đa-la là thượng. Tam là chánh, miệu... lại là tam chánh, Bồ-đề là giác gọi chung là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Mao y: Thuyết Văn long thú mịn.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 28

Phú-na-bạt-đà: Hán dịch là Mãn Hiền. Giống thần tường ở trước.

Ký tướng bỉnh trứ: Bỉnh trứ là sáng rực rỡ là tướng đặc thù của luân vương.

Chiêm-bà-thành: Chiêm-bà là tên loài hoa, màu vàng rất thơm, thành này có nhiều loài hoa ấy. Nhân đó mà gọi tên.

Ba-la-nạt: Hán dịch là khâu nhiễu thành.

Lập cự cử bình: Bình của ngoại đạo tròn như trái bầu không chân, lấy ba gậy quảy bình cách đất.

Diếu hoán: Diếu là ủ rượu lên men, Thuyết Văn gọi lạc là rượu đục.

Vân biểu tinh: Tam Thương nói biểu là bên ngoài, ngôi sao này

ở ngoài mây.

Lô dã: Thuyết Văn nói dã là tiêu, Tam Thương gọi là nung chảy, gặp nóng thì chảy gặp lạnh thì hòa với nước.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 29

Thô tự cung túc: Ngọc Thiên nói thô là sơ sài.

Phú cấp: Thuyết Văn nói phú là kiểm, Thuế Phương Ngôn gọi là chủng, Quách Phác gọi là cân.

Tam thập nhị tướng: Mỗi mỗi tướng đều do trăm phước tạo nên. Lấy năm phẩm tâm hạnh hành thập thiện hợp thành năm mươi. Đây là sơ tâm đến tâm cuối cùng, cũng đầy đủ năm mươi, hợp một trăm phước thành một tướng. Cho nên kinh pháp Hoa nói một trăm phước trang nghiêm.

Liêm để: Liêm là cái hộp đựng đồ trang điểm, vuông bằng thẳng, hình rộng hẹp như cái phửu. Phật túc kinh nói do giữ giới, nói thật nên cảm được tướng này.

Như phúc luân tướng: Phạm nói chiết-ngật-la. Hán dịch là xoáy ở dưới chân Như Lai, kinh nói vì bố thí cho chúng sanh như pháp nên được tướng này.

La vãn chỉ: Các ngón tay Phật có màn lưới ở trên, như chân chim nhạn. Trong lúc tu nhập dùng tứ nhiếp để độ sanh nên được tướng này.

Tiết khỏa dung mãn: Nhĩ Nhã nói dung là đều, bằng nhau, kinh nói nhờ trì giới bố thí nên được tướng này.

Như-ni-câu-đà-thọ: Cây không có đốt, kinh nói cây Ni-câu-đà. Chất của nó vừa đều đặn tròn trịa, thí như thân Phật. Vì thường bố thí thăm bịnh, cho thuốc nên được thân tướng này.

Trung ấm hữu tam chủng thực: Tư thực là nghiệp bất tử, hai là xúc thực nhờ xúc chạm mà giữ được mạng sống. Ba là ý thực là muốn ăn như loài noãn sanh, tâm luôn nghĩ đến mẹ nên thân không bại hoại.

Tam chủng phiền não nhân duyên giả: Cha, mẹ, bất tịnh, nhờ ba việt này mà thọ sanh, lại có ba loại phiền não. một là đối với cha sanh sân với mẹ, sanh tham, ba là khởi thân, trong ba duyên này ấm được thọ sanh.

Sanh túy: Túy là miệng.

Khai phẩu: Mở ra.

Đắc-đà-la-ni: Tổng trì trong các kinh phần có nhiều loại: Triền đà-la-ni, là định, văn trì Đà-la-ni là phá. Chú đà-la-ni bí mật là ngữ chỉ có trong này là hợp với định.

Khê giá: Nhĩ Nhã nói khê là dững.

Dược danh Lăng-già-lợi: Đây gọi là xứng địa.

Cẩu năng: Quảng Nhã nói cẩu là thành thật, Hàm Thi nói cẩu là đắc.

Hôn nhân: Thuyết Văn gọi là cưới gả. Lễ Ký nói cưới vợ vào giờ tối nên nói là hôn.

Xá-bà-đề-thành: Nên nói là Thi-la-bạt-đề: Cũng gọi là Xá-vệ, đây là trụ xứ của tiên nhân, cũng gọi là nước văn vật.

Bà-chỉ-đa-thành: Cũng gọi là Bà-xí-đa. Hán dịch là ngữ đồng thành.

Tý-xá-ly-thành: Cũng gọi là Tỳ-gia-ly, Hán dịch là thành Quảng Nghiêm.

Y-la-bạt-đề-hà: Hoặc gọi là Bạt-đề, Hán dịch là hiền.

Y-mạt-duy-hà: Hán dịch là cam giá túy.

Tỳ-bà-xá-na-hà: Vô kiệt hà.

Câu-xá-bạt-đề-thành: Là tên nước. Nhĩ thành nhĩ thời danh Ca-tỳ-la-vệ là tam thiên nhật nguyệt ở giữa một vạn hai ngàn trời đất. Bồ-tát sư tử nghi Câu-thi-na là biên địa. Nay nói Ca-tỳ-la-vệ thì làm sao biên địa được.

Tu-đạt-đa: Cấp cô độc trưởng giả, mua vườn xây chùa. Trải vàng để đổi xem nhẹ của cải coi trọng phước.

San-đàn-na-xá: San-đàn-lê-xá-na, San là chánh, Đàn-lê là thí, Xá-na là kiến, nghĩa là chánh kiến thực hành bố thí.

Ca-lan-đà-trúc-lâm: Âm cổ là Ca-lan-đà. Hán dịch là hảo điểu, tên loại chim, là tên chuột núi cũng là tên nước.

Kỳ đà: Xưa, Tu-đạt mua vườn. Kỳ đà này bỏ cây, kinh nói là kỳ thọ.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 30

Am-la-nữ: Cũng gọi là An-thọ-nữ, theo truyện là nương vào cây

hoa này mà sanh.

Bà-la-ha-biên: Cũng gọi là Ba-la-hà.

Tuấn mã: Tuấn là ngựa hiền tài.

Tẩn liệm quan cái: Huyền Ứng Thích nói liệm là áo quan, liệm là che không thấy nữa.

Hòa dịch: Thuyết Văn gọi là thấm ướt, tháng hai trọng xuân thấm đẫm nước.

Bách thú: Theo Khổng Tử Gia Ngữ: Súc có từ kinh: Một là mao trùng có ba trăm sáu mươi loại, kỳ lân là quý nhất, loài có cánh có ba trăm sáu mươi loại phượng hoàng là quý. Loài có vảy có ba trăm sáu mươi như rồng. Loài có mai cũng ba trăm sáu mươi thù rùa là chính.

Phu nhũ: (đã giải)

Uất chủng: (đã giải)

A-mậu-lâu-đà: Cũng gọi là A-na-luật-đà. A-ni-lỗ-đậu đều do âm phạm khinh trọng mà có khác. Hán dịch là vô diệt Phật tử đắc thiên nhãn, người này là bậc nhất.

Xá-lợi-phất: Nói cho đủ là Xá-lị-phổ-đát-la. Xa-lị là thu lộ, Phổ-đát-đa là tử, mẹ của vị tôn giả này mắt đen trắng rõ ràng, chuyển động như mắt chim thu, nên gọi Xá-lợi. Tôn giả nhân mẹ mà đặt tên.

Xa-ma-tha: Cũng gọi là tam ma địa, cũng gọi là tam muội. Hán dịch là định, định có nhiều tên gọi, đây là tên chung, hoặc gọi là Tam-ma-bát-để.

Tỳ-bà-xá-na: Hoặc gọi Xà-na, Nhã-na, Hán dịch là huệ, quán, kiến.

Ưu-bát-xoa: Hán dịch là xả, chỉ, quán, xả. Ba tên nghĩa ấy như trên.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 31

Đắc trung: Tả Truyện Sở Từ nói trong ngã. Đỗ Tự nói trung là ngay thẳng, chính đáng. Thương Hiệt Thiên chỉ gọi từ trong ngoài. Văn kinh viết trung là trung bình.

Di tận: Tận là củi dư trong lửa.

Quản thảo: Nhĩ Nhã nói quản thuộc loại tranh. Văn kinh viết đó là loại cỏ thơm, chẳng phải nghĩa kinh.

Cam qua thạnh kim: Chảo đất.

Hao giác: (đã giải).

Dung tiêu: Tiêu là nung. Tiêu bộ kim. Văn kinh viết bộ thủy là tin tức.

Giáo quán: Ngọc Thiên nói giác là cảnh tín quan sát, Thành Thật Luận nói giác quán ở, Sơ Thiền Kinh nói trong có giác quán, ngoài cảm hỏa tai. Đường Tam Tạng dịch là tầm tứ.

Trào điệu: Thương Hiệt Thiên nói điệu là đùa giỡn.

Cổ khách: Trịnh Huyền nói đi buôn bán là cổ. Bạch Hổ Thông nói cổ là đem vật ra đợi khách đến mua.

Ương-quật-ma-la: Chỉ ngoại đạo đeo vòng hoa. Giết người lấy ngón tay kết vòng hoa, thiếu một ngón tay nữa nên giữa đường gặp Phật rút dao đuổi theo và hô lớn, đứng lại, đứng lại Đại-sa-môn. Bạch Tịnh Vương Thái Tử. Tôi là Ương-quật-ma-la, cần một ngón tay nữa. Thế Tôn dừng lại dẫn ông về tịnh xá, thuyết pháp độ xuất gia thọ giới. Nhân đây mà nói kinh Ương Quật.

Phi hiện sanh hậu: Hiện là hiện báo, nghĩa là thân này tạo nghiệp phải lãnh quả báo. Sanh là đời sau thọ sanh mới thọ quả báo. Hậu là vào thân thứ ba mới lãnh quả báo.

Vương danh Ca-đa-phú:

Manh cổ: Thích Danh nói cổ mục miên nhiên nghĩa là mắt bằng khép lại như da trống.

Tức dị kỳ tỵ: Nghĩa là xẻo mũi.

Nguyệt kỳ thủ túc.

Phó du:

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 32

Đã trịch đồi giáp: Đồi là đọa, rơi.

Chủng tử tinh huyết cứu cánh bất tịnh: Theo Trí Độ Luận nói, thân phàm phu có năm thứ bất tịnh, một là chủng tử, máu huyết bất tịnh, hai là ở trong thục tạng bất tịnh, ba là máu mủ bất tịnh tự tướng, bốn là chín lỗ thường chảy bất tịnh của tự tánh, năm rốt cuộc quy về đất phẩn bất tịnh.

Ma-ha-da-sơn: Cũng gọi là Ma-la-diên, Ma-la là cấu, da là trừ.

Núi ở phía Nam Thiên Trúc, nhân đó mà đặt tên nước theo tên núi, có nhiều hương chiên đàn xông vào nên hương thơm tẩy trứ cẩu bẩn.

Như đà thực mật: Cỏ tối xoẹt ra mật. Vị ngọt như mật. Con đã ăn vào không đoái hoài gì đến cỏ.

Đâu-la-nhĩ: Tục Văn nói: Lông trang sức lông phủ từ trên xuống gọi là nhĩ.

Nhâm-bà-trùng: Phạm ngữ, nhâm bà là tên cây, lá đắng có thể nấu để uống trừ bịnh nhứt đầu. Như cây sầu đông.

Thỏa du trùng lạc hỏa: Truyện nói: Miễn Nam Trung có loài chuột lửa lông nó làm sợi dệt áo quần.

Hà tỳ:

Quán hạnh: Quán là bình múc nước, kinh viết chữ quán bộ thủy nghĩa rót nước là sai. Đây là đồ múc nước. Thuyết Văn nói hạnh là dây múc nước giếng.

Kiều-thi-ca: Đây là họ trong nhân địa thuở xưa của Đế Thích.

Tư thạch.

Quỳ hoắc: Lá đậu. Quỳ hoắc là hai vật phàm tục mỗi khi thấy nghiêng người theo mặt trời mà xoay lại nói như có tâm thức.

Đây là nhân duyên đối đãi nhau, chẳng phải có tâm kính riêng.

A-thúc-ca-thọ: Cây vô ưu.

La-hặc: Giống như cây tùng nhưng vị cay hoa đỏ.

Xa binh tượng mã bộ binh: Theo Tây-vực ký gồm có bốn binh vộ mã xa tượng. Tượng là trang bị giáp cứng, răng bén.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 33

Mễ tế: Loại lúa tẻ.

Như đoạn sanh hồ: Đoạn là bổ ra, cắt trùng tuyến duyên. Duyên là nhà dệt vải.

Oản thân: Là cắt.

Bế khí bất thuấn: Khảo Thanh nói bố là che, dấu. Nghĩa là Bồ-tát bố thí thân thị hiện cái chết muốn khiến không mắc tội sát.

Ca-tần-xà-la-điểu: Là chim, Trác Thích Luận nói giống như cú mèo thường làm bạn với voi, khỉ.

Cù-đa-thân: Cá lăng, Ngọc Thiên nói con tê tê thuộc họ cá chép.

Có bốn chân xuất phát từ phương Nam, ý nói Bồ-tát ẩn thân lợi vật hiện làm thân cá sắc lạ.

Nhi thường thí ân: Ngọc Thiên nói thí là bày ra. Bồ-tát này lợi nhuận vô tư ban ân giúp vật.

Đâu xuất thiên: Là cõi trời thứ tư trong dục giới.

Thi-bà-là-tỳ-kheo: Thi-bà-la là tên núi, ngài sanh gần núi nên đặt tên.

Câu-đà-la trưởng giả mẫu: Di-ca-la là kim. Mang thân nghiêm báu nhân đó đặt tên.

Câu-đà-trưởng giả mẫu.

Bán-xà-la tưởng giả mẫu: Bán-xà-la là thung lũng gọi là ngục. Những loài này đều sanh từ tướng.

Am-la-thọ-nữ: (đã giải).

Ca-bất-đa-thọ-nữ là cây hôi.

Phóng dật hạnh

Cảo thảo là cỏ cán lúa.

Xỉ tráng giả: Nghĩa là con người là số nên trâu là số tuế, ngựa là số xỉ, nên nói xỉ tráng.

Đương cử kỳ thi:

Tư hạ chi nhân: Ngọc Thiên gọi là chuồng ngựa, nơi người thấp hèn ở.

Thanh xí.

Ký biệt: Là phân rõ, kinh viết chữ sai.

Noãn khác: Khác là vỏ trứng.

Dâm dật: Thương Hiệt Thiên nói dâm là phóng đãng.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 34

Bà-tha-bá: Hán dịch là chấp kim cang bảo, cũng gọi là nghiệm sức.

Phú-lan-đà-la: Âm cổ nói phú lan là thành, Đà-la là phá.

Nhãn-đà-la: Đế chủ.

Xá chỉ phu nhân: Xá chỉ Hán dịch là tịnh lượng, là con gái của A-tu-la vương. Được Đế Thích yêu chuộng.

Ưu-ba-ma-na: Thí dụ, tức Phật giá tử. Tu-bạt-đà-la Hán dịch là

Thiện Hảo Hiền.

La duyệt kỳ: Thành Vương Xá.

Sầu hội: Hội là tâm loạn.

Bà-la-lưu-chi: Âm cổ Hán dịch là thắng nhạo cũng gọi là chiết chỉ.

Đà-già-bà: Thế Tôn.

A-la-ha: Ứng cúng và A-la-hán nghĩa ấy tương tợ.

Tam lang tam Phật đà: Hán dịch là chánh biến trị.

Thô sáp lũ hạc: Lũ là bện lông làm vải

Cù-để Tỳ-kheo: Hán dịch là thủ ngưu.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 35

Ba-tư-nặc-vương: Hán dịch Nguyệt Quang Vương cũng gọi là Thắng Quân Vương cũng gọi Hòa Duyệt.

Tức tiện hữu thân: Thân là mang thai.

Như-lai thập lực: Du-già-địa-luận quyển 50 nói

1. Xứ phi xứ trí lực.
2. Tự nghiệp trí lực
3. Tịnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực.
4. Căn thắng liệt trí lực.
5. Chủng chủng thắng giải trí lực
6. Chủng chủng giới trí lực.
7. Biến thú hành trí lực.
8. Tức trụ tùy niệm trí lực.
9. Sanh tử trí lực.
10. Lậu tận trí lực.

Tứ vô sở úy:

1. Chánh đẳng giác vô úy.
2. Chướng đạo vô úy.
3. Lậu tận vô úy.
4. Xuất khổ đạo vô úy.

Thủ-lăng-nghiêm tam muội: Hán dịch là dũng biện định. Trong kinh này tự giải Thủ-lăng-nghiêm là đối với tất cả việc rốt ráo chắc chắn.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 36

Thi lợi sa quả: Cổ dịch thi lợi là đầu. Sa là tợ. Nghĩa là quả giống như cái đầu.

Bà-trá-la trưởng giả: Phạm ngữ là tên của một thành, ông là trưởng giả của thành này.

Cù-già-ly: Ngưu thủ,

Để-xá-tỳ-kheo: Cũng gọi là Quang. Đại.

Ba-tra-la-hoa: Trùng diệp hoa.

Để-di-ngư: Cá thân lớn, loại này có bốn. Đây là loài nhỏ nhất là pháp cự. Trong kinh Để-mê-nghi-la là con cá thứ ba chúng ăn nuốt lẫn nhau.

Thác ngư: Di Vật Chí nói cá phiên thác trên mũi có một bộ xương bén như dao búa. Vùng giang Đông gọi là Hoạt Nhẫn phủ là phan. Loài cá này có hai mươi loại mỗi loại đều có tên khác nhau. Răng bén như dao, xương mũi như xẻng.

Ngoại đạo duy quán lục hạnh: Nghĩa ưa trên chán dưới. Mỗi cái đều có ba sự nhàm lìa hạ giới khổ thô chướng. Ưa cầu thượng giới tịnh diệu lợi. Khổ thô chướng là ba, tịnh diệu lợi là ba hợp thành sáu hành tà kiến hạnh chẳng phải chánh quán.

Ngã đệ tử cụ thập lục hạnh: Nghĩa là tứ đế, dưới đều là mười sáu chánh hạnh.

Oản thủ Tỳ-kheo:

Điêu trưởng giả.

Hành Bát Na hàm: Người này căn tánh lanh lợi không cần tịnh cần mà tự có thể được diệt. Trong thành thật luận là người bất hành diệt.

Mã-sư-mãn-túc: Hai vị này trong nhóm lục quần. Trí Độ Luận nói: Nam-đà, Cù-già-lê, Xiển-đà, Mã-sư, Mãn-túc.

Đồng tử Ca-diếp: Trong luật hữu bộ lại lấy nhầm Mạt-ca-diếp là người trong tụ là chủ đối biện luận nghị, Văn Trước nói tuổi còn nhỏ.

Da-xá-tỳ-kheo hoặc nói Da-thế. Hán dịch mít.

Sa-môn-na: Tiếng phạm dịch nghĩa là Phạp-đạo-xạ-môn tên là Phạp-na. Đạo Tăng xưng là bần đạo, tức lời tự nhún

---

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 37

Thế giác hư không: Thế giác vốn không có nay cũng nói không có, hư không thường còn nên nói vốn có. Nay có Phật tánh. Không phải, vốn có. Nay không vốn không nay có. Là nghĩa trong đạo cũng có cũng không, kinh nói các phiền não biết sử vô ký sạch gọi là Phật tánh. Nói vốn có nay không là phiền não. xưa không nay có là Bồ-đề. Nếu nói ba đời đều không có phiền não như hư không. Ba đời đều không có Bồ-đề như sừng thỏ. Tức là phỉ báng Tam bảo. Nên nói ba đời có pháp, không có là vậy.

Khử thọ khử xá: Ngọc Thiên nói khởi là trừ bỏ, khứ là đi, lìa chẳng phải nghĩa này

Triêm ô: Triêm là thấm.

Vọng lượng: Thông tục nói đó là loài tinh quái trên cây, đá. Hoài Nam nói dạng như đứa trẻ ba tuổi màu đỏ đen mắt đỏ móng dài tai đẹp tóc yếu.

Địa ngục nhất bách Tam thập lục sở: Đầu tiên có tám địa ngục nóng, Đẳng Hoạt Hắc Thằng. Chúng Hợp, Tô Kiếu, Hô Noãn, Thiêu Nhiên, Cực Thiếu Nhiên, A-tỳ đại địa ngục. Trong mỗi ngục đều có bốn cửa, ngoài mỗi cửa lại có bốn ngục: Đường ổi, thi phẩn, rừng đạo, sông nóng. Tám địa ngục này là căn bản, mỗi ngục có mười sáu ngục nhỏ làm quyến thuộc, tổng cộng một trăm ba mươi sáu ngục

----

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 38

An-xà-na-dược: Âm cổ cũng gọi là Bả-đà. Hán dịch là căn dược. Kinh nói có thể trị bịnh đau mắt, tương tợ hoàng liên.

Vĩ hoa: Vẽ hưng thịnh, Tam Thương gọi là sáng loáng.

Hổ Tỳ-kheo: Quách Phác nói Tỳ-kheo tợ như con trâu, màu xanh một sừng nặng một ngàn cân.

Đoàn thự: Tam Thương gọ là cơm.

Pháp lệ: Lệ là mài đá.

Thô hoạch: Hoạch là mạnh. Thuyết Văn gọi là ác không gần được. Văn kinh viết chẳng phải nghĩa kinh.

Xi tiêu: Thương Hiệt Thiên gọi là khinh hối Tự Lâm nói tiếu là vui cười, chữ này bộ trúc, chữ yểu trúc làm nhạc cụ. Người quân tử vui rồi mới cười.

Bao-tu-di: Văn kinh viết bộ là sai vì chữ này không có.

Trách khiết: Trách là cắn.

Uất đầu lam phất: Hán dịch là Lại-hý-tử tọa thiền đắc phi tưởng định được ngũ thông bay vào cung vua, liền mất thần thông đi bộ về núi.

A-la-la: Hán dịch là giãi đãi, cũng được thông định.

Na-hầu-sa-vương: Hán dịch là bất sự hỏa.

Da-da đế-vương: Âm cổ phiên là sở hành vương.

Thi-tỳ-vương: Âm cổ là thấp tỳ, an ẩn.

Nhất-xoa cưu vương: Âm cổ là cam giá.

Ma-la-diên: Cũng gọi là Ma-la-da, trừ cấu.

Già-nậu tiên vương: Hán dịch là thắng tiên.

Bà-tẩu tiên nhân: Âm cổ phiên là trà bảo tiên nhân.

Ca-la-phú-thành: Phiên là xú địa.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 39

Xà-đề-phủ-na: Đây phiên là nguyện dũng. Viễn Pháp Sư nói ngoại đạo là kiến chấp Niết-bàn là vô thường.

Bà-tư-tra: Hán dịch là tối thắng, hoặc gọi là tối thượng cũng gọi là tông tà kiến xà đề.

Tiên-ni-cập Ca-diếp: Tuệ Viễn gọi là ngoại đạo ngã kiến.

Phú-na-cập tịnh là ngoại đạo biên kiến.

Độc tử phạm chí: Ngoại đạo tâm nghi. Nghi đạo có không đều nghi.

Nạp y phạm chí: Tự Nhiên Ngoại Đạo nói tất cả pháp là tự nhiên có, thuộc hiên kiến

Hoằng quãng cập-tu-bạt: Ngoại đạo giới thủ, chấp việc khất thực là đạo. Tu-bạt chấp khổ hạnh là đạo.

Nễ-cù-đàm-tánh: Gọi đó là họ Phật là sai. Nhan cố thỉnh cầu sám hối giống chữ các ông.

Tu-mạn-na-hoa: Cũng gọi là Tô-ma-na, Hán dịch là hảo ý hoa.

Thọ trù thích lạt.

Thạch lựu noãn tử: Ngọc Thiên noãn là cây ăn quả, cây nhỏ mọc sậm, có gai cũng ăn được.

Ca-diếp: Họ Quy.

Phú-na là noãn.

Tần-mộc: Quảng Nhã nói cây mọc rậm gọi là tần. Cỏ mọc rậm gọi là bạc.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
QUYỂN 40

Xa dự: Cũng khi viết dư. Thuyết Văn gọi là xe cộ, xe không có bánh là dư.

Câu nhị phải viết, câu cá là nhị.

Sấu nhũ: Uống sữa.

Hộ thược: Thược là chìa khóa.

*****

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
KIỀU TRẦN NHƯ PHẨM - XÀ QUY
QUYỂN THƯỢNG

Tuệ Lâm soạn

Thượng hàm: Phương Ngôn nói hàm là cái cằm.

Hỗn trọc: Cố Dã Vương nói hỗn cũng như uế trọc, nước dơ.

Đào ba: Kinh pháp giới trước có nghi.

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH
KIỀU TRẦN NHƯ PHẨM - XÀ QUY
QUYỂN HẠ

Âm nhân: Phương Ngôn nói khóc không tiếng gọi là âm. Tập

Huấn nói âm là câm. Phần phức (đã giải).

Kim cang: Khảo Thanh nói cang là cứng, Văn Tự Tập Lược nói cang là tinh túy của vàng.

Thức nhĩ: Vương chú Sở Từ nói thức là dạng điện chớp, Thuyết Văn gọi là bỗng chợt, cũng là mau chóng.

Mâu sác: Lã Thị Xuân Thu, Xi Vưu viết là màu. Khảo Thanh nói đó là loại giáo mác. Thuyết Văn nói mãu dài hai trượng đặt trong xa binh. Quảng Nhã nói sác cũng như nâu. Sác là kích. Văn kinh viết chẳng phải nghĩa kinh.

Quyên sách: Lâm Uyển Châu Tùng nói lấy dây buộc đồ lại gọi là quyên. Bộ võng âm quyên. Tập Huấn nói sách là dây.

Kim đàm: Khảo Thanh nói đàm là lu sành.

Mao đạo: Tập Huấn nói hình như cây cờ dùng lông chim để trang sức, đặt trong quân trận làm tiêu. Tế Ấp Độc Đoạn nói đạo là làm bằng đuôi trâu mao, lớn như cái đấu đặt trên đầu xe.

Khái trạo: Hoài Nam nói khang khái bất đắc chí. Khảo Thanh gọi là buồn bã.

*****

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN - *Huyền Ứng*
QUYỂN 1

Ai đỗng: Luận Ngữ nói nhạn hướng về đứa con chết khóc rất thảm thiết. Mã Dung nói đổng là quá buồn.

Táo sấu: Táo là rửa tay, sấu là súc miệng.

Liêu khổng: Thương Hiệt Thiên nói khe hở, văn kinh viết bộ sước, liêu là xa chẳng phải nghĩa kinh.

Hào mang.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN 2

La khấu: Thượng Thư nói khấu là gian tặc, Cửu Phạm Dung Tập Thanh nói khấu là đi cả đoàn công phá. Thuyết Văn nói khấu là bạo ác. Quảng Nhã gọi là sao.

Tổ tống: Nhĩ Nhã nói tổ là bắt đầu.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN 3

Đứu thử: Đứu là giống khỉ vượn mà lớn màu đen sẫm có thể bắt chuột, loài động vật nhanh nhẩu.

Sâm trọc: Văn nói. Cát bụi bay vào thức ăn gọi là sâm.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN 4

Cù-sư-la: Tiếng phạm, theo trung bản khởi kinh. Cù-sư-la là mỹ âm.

Nhưỡng tý: Mao Thi Truyện nói nhưỡng là trừ, cở. Nghĩa là cởi áo khỏi cánh tay.

Yến mặc: Yến là an, nghĩa là an nghĩ văn kinh viết âm hỉ hỉ là tiếng đau buồn. Chẳng dùng chữ này.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN 5

Kiên khôi: Thuyết Văn nói khôi là đất cứng. Tam Thương gọi là đống đất.

Tỵ lai: Nó giống như con trâu màu đen một sừng nặng một ngàn cân.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN 6

Mãnh liệt: Thuyết Văn nói liệt là lửa cháy hừng hực. Quảng Nhã nói liệt là nóng.

Võng dược: Cỏ mang có độc xuất phát từ U Châu. Người người trong thành, có lẻ hài hòa với thức ăn bỏ vào sông cho cá ăn chết nổi lên thì họ bắt ăn không hề gì.

PHƯƠNG ĐẲNG BÁT NÊ HOÀN KINH - *Huyền Ứng soạn*
QUYỂN 1

Chỉ tân: Thuyết Văn nói xương đầu gối là tân.
Diện trứu: (đã giải).
Lượng tích: Là dấu chân văn kinh viết chư là sai.
Sàn hoành: Sàn là dáng nước chảy chậm.
Phụ bậc: Hàn Thi nói phụ là giúp, bậc là chính.

PHƯƠNG ĐẲNG BÁT NÊ HOÀN KINH
QUYỂN 2

Tỵ tịch: Hà Chú Công Dương nói kẻ hạ tiện làm tôi tớ. Tư Cũng gọi là thấp bé. Văn kinh viết chữ túc là sai.

Tung thí: Tên nước.

A súc: Danh hiệu Phật.

Hạc áp: Hạc giống như con gà mà lớn hơn. Màu sanh có mào. Đá nhau đến chết mới thôi, nên người mạnh mang con hạc này lên đầu để làm biểu tượng. Kinh viết là sai. Sau có bốn đồng tử...

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 27

ÂM KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(8 Quyển thêm Phẩm Pháp Hoa cũng dùng chung)

PHÁP HOA ÂM HUẤN

Sa-môn Đại thừa Cơ soạn.
Sa-môn Tuệ Lâm san dịch lại.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đây chính là lời mầu gõ vào chỗ thâm sâu là áo chỉ thức tỉnh hồng cơ. Phát huy chân thừa để mở rộng cửa không. Che ánh bình minh mà mở rộng thiên cù, diễn bày giác thủy để chìm ẩn bến bờ. Mang ơn trạch đổ thông địa kỷ, quả thật là đức tỷ của pháp vương người vững niềm tin ắt vượt qua nghiệp, vì thế những cao tăng nơi kim địa đều quy chân mà tìm về chỗ sâu dày. Những tín sĩ lỗi lạc nơi Dao sơn cũng bỏ đạo mà cầu tôn. Kẻ say mê pháp vị thật không kể xiết, người luận bàn chẳng phải một. Hội ngũ âm (cung... thương... vũ) không giống dấu vết thường có sai lầm chương cú sư đã hành rỗng đạo thanh đệ cũng nói suông. Dư côn không rõ tăng thêm sự mê lầm đối với đường thẳng tham khảo tường tận bản dịch xưa, với chút công phu, văn tuy không thành nghĩa vị siêu xuất nhưng lại do sự truyền, thử xem các bài tán không đáng hành theo bên nỗi giận với việc tu xưa, nhưng thương xót kẻ hậu học, chế huyền tán mười quyển, âm huấn một quyển. Tán thì lấy bổn luận làm đầu, có chỗ thiếu sót thì nhờ vào sách khác. Âm thì lấy Thuyết Văn làm chính, áp dụng đầu những lời huấn mầu nhiệm. Ý chỉ các sách thật tinh huyền. Tạm khảo cứu nguồn cội. Văn hoa nhã bóng bẩy cũng mò tận căn do. Tuy chưa định được chỉ nam quả thật đúng gọi là chỗ sâu dày để làm trục bắc. Bậc thức giả người thông triết hãy tự nương lấy. Ngõ hầu kích phát tang tân, làm bừng lên cảnh sáng lạng không ngừng, khói phủ non cao đạo truyền mãi không dứt soi mãi không ngớt, tường tận chỗ sâu xa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM TỰA

Tiếng Phạm gọi là Tát-đạt-ma-bôn-trà. Lợi-ca-tố-đát-lã-tát là diệu, chánh, Đạt-ma là pháp. Tây Vực nói hoa sen trắng là kinh Bôn-trà-lợi-ca-đát-lãm. Nên nói là Diệu Pháp Bạch Liên Hoa Kinh phóng hài quang sáng trắng. Nương vào bạch ngưu. Bạch là sắc chính trong các sắc, là nền tảng của Nhất thừa, Nhị thừa. Cho nên lấy hoa sen trắng dụ cho diệu pháp. Bản Phạm vốn không có chữ bạch riêng, nên gọi chung là Liên Hoa Pháp bao hàm nhiều sự súc tích và tốt lành nên gọi là diệu. Ngọc Thiên nói diệu là tính, lại nói diệu là tốt đẹp. Văn Cổ viết bộ huyền pháp là quy tắc là khuôn phép, cũng gọi là trí. Hoa bao hàm tất cả sự tốt đẹp. Liên là hoa sen, chữ cổ dịch là chẳng phải vì không có âm. nay không sử dụng chữ.

Kinh: Xuyên qua, thâu nhiếp, Ngọc Thiên gọi là cửu, thường, kinh doanh quy cầu kinh lý sỗ, pháp, độ. Đông Tây làm vĩ, Nam Bắc làm kinh, dụ cho sự kết nối.

Tự: Tự là nguyên do lời mở đầu. Ngọc Thiên nói Đông Tây đường gọi tự thuật về chỗ cao thấp.

Phẩm: Là sự tích tụ, có sự phân biệt chương loại, Ngọc Thiên gọi là lợi trình, pháp, loại, thức.

Đệ: Đệ là vị trí, là thứ lớp.

Nhất: Nhất là đầu tiên, Ngọc Thiên nói là số đầu của các số.

Phật: Tiếng Phạm là Phật-đà. Hán dịch là Giác, đây lược bỏ chữ Đà chỉ nói chữ Phật bậc đầy đủ nhất thiết trì nhất thiết chủng trí, có khả năng tự giác ngộ và giác ngộ cho người như nằm mộng tự tỉnh giấc, như hoa sen nở, nên gọi là Phật bao hàm nhiều nghĩa.

Kỳ xá Phật sơn: Âm phạm là kiết Lợi-đà-la cả trát sơn. Hán dịch là thứu phong cũng gọi là thứu huệ. Vì trên đỉnh núi này nhiều chim thứu ở, còn nhiều âm khác nhưng không phiên dịch, chỉ nêu nghĩa chính.

Tỳ-kheo: Tiếng Phạm là Bí-sô, từ này có đủ năm nghĩa, bố, ma, khất sĩ, tịnh mạng, phá ác.

Vô phục: Nghĩa là phi hữu: Hoặc viết là vô phục là qua lại.

Đãi đấc: Nhĩ Nhã nói đãi là đến, Phương Ngôn nói từ quan đi về Đông Tây gọi cập là đãi, có bản viết đãi là lộc. Quảng Nhã nói lộc là đông.

A-nhã-kiều-trần-như: Tiếng Phạm: A-nhã-đa-kiều-trần-na. A-nhã-đa là giải, vì lúc mới hiểu pháp. Kiều Trần Na là dòng Bà-la-môn, con trai theo họ cha Tân dịch là giải Kiều Trần Na

Ma-ha-ca-diếp: Tiếng Phạm: Ma-ha-ca-nhiếp-ba. Hán dịch Đại Ẩm Quang dòng Bà-la-môn đều là biểu thị đức cao.

Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp: Ô-lư-tần-loa-ca-diếp-ba. Ô-lư-tần là quả dưa. Tên con rồng trong ao, trước ngực có sẹo như quả dưa nên theo đó đặt tên.

Dà-da-ca-diếp: Dà-da là tên núi.

Na-đề-ca-diếp: Tên sông Nại-đức-ca.

Xa-lợi-phất: Xá-lơi-phất-đát-la. Hán dịch là thu tử.

Đại mục kiền liên: Tiếng Phạm: Ma-ha một Đặc-la-ca. Hán dịch là Thọ Thái Thúc. Cũng gọi là Lục Đậu Tử, họ mẹ là Thái Lục Đậu thuộc dòng dõi tiên nhân, đặt theo tên cha là Câu-lợi-ca, Câu-lệ-đa, Câu-luật-đà đều sai.

Ma-ha-ca-diên-diên: Ma-ha-ca-đa-diễn-na. Hán dịch là con trai của dòng Đại Tiễn Sang, thuộc dòng Bà-la-môn

A-nậu: Thuyết Văn gọi là con thỏ.

Lâu đà: A-ni-luật-đà, Hán dịch là vô diệt.

Kiếp-tân-na: Đường gọi là phòng tức.

Kiều Phạm Ba-đề: Cấp phòng bát để. Hán dịch là tướng trâu.

Ly-bà-đa: Hiệt-lệ-phiệt-đa, Hán dịch là thất tinh là ngôi sao phương Bắc, cầu khẩn được con nhân đó mà đặt tên con, có bàn gọi là Ly-bà-đa, nên lấy Ly-bà-đa làm chính.

Tất lăng già bà ta: Tât-lan-đà-phiệt-ta, Hán dịch là dư tập.

Bạc-câu-la: Bạt-củ-la, Đường gọi là thiện dung.

Ma-hạ-câu-hy-la: Ma-ha-câu-sắt-sĩ-la. Hán dịch là đại tất.

Nan đà: Đường gọi là hỉ.

Tôn-đà-la-nan-đà: Tôn-đạt-la-nan-đà, Hán dịch là phong hỷ.

Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử: Bổ-lạc-noa-mai-đát-lợi-duệ-ni-phất-đát-la: Hán dịch là mãn từ tử, Bổ-lặc-noa là mãn, Ma-đát-lợi-duệ-ni trong tiếng nữ gọi là từ. Phất-đát-la là tử. Từ là mẹ, mãn là tên mình. Vị tôn giả tứ này là con của tứ nữ, hoặc mãn và từ đều là tên mẹ nên nói mãn từ tử.

Tu Bồ-đề: Tô-bổ-để. Hán dịch là Thiện Hiện

A-nan: A-nan-đà, Khánh Hỷ.

La-hầu-la: A-hổ-la, Hán dịch là chấp nhựt, vốn gọi chấp nhật A-tố-lạc. Kiếp trước lấy tay che ánh sáng mặt trời nên nay lấy đó làm thí dụ.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề: Ma-ha-bát-lợi-xà-bát-để. Hán dịch là đại thắng sanh chủ.

Da-thâu-đà-la: Da-nhung-đạt-la. Hán dịch là trì dự.

Tỳ-kheo ni: Tỳ-kheo ni.

Bạc có khi viết cũng thông.

Bồ-tát Ma-ha-tát: Bồ-đề giác, tuệ, tát-đỏa là hữu tình, dũng kiện, phương tiện giác là quả sổ cầu của trí. Hữu tình là việc độ sanh do lòng yêu thương theo lời hoằng thệ gọi là Bồ-tát hoặc hữu tình người dõng mãnh cầu quả giác hoặc do diệu tuệ và phương tiện khéo léo lợi lạc khắp nơi, nên nói là Bồ-tát Ma-ha-tát.

A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-Bồ-đề: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Mạt-già nói là đạo Bồ-đề.

Đà-la-ni: Nghĩa là tổng trì.

Thực chúng: Thương Hiệt Thiên gọi là chủng. Quảng Nhã gọi là tích, lập, bình khứ thanh đều được.

Thường vi: Ngọc Thiên gọi là sử, bị. Mẫu hầu loài cầm thú này có móng tốt, bắt người

Văn Thù Sư Lợi: Mạn Thù Thất Lợi. Đây gọi là diệu kiết tường.

Bạc-đà-ba-la: Hán dịch là hiền hộ, đại luận gọi là thiện thủ.

Di-lặc: Mai-đát-lợi-duệ: Hán dịch là từ thị thị là tánh, hoặc lấy tâm hạnh làm họ.

Thích Đế Hoàn Nhân: Thích Ca Đề Bá Nhân Đạt La. Thích Ca là dòng họ Sát Đế Lợi. Hán dịch là năng, Đề-bà là thiên. Nhân đạt la là đá.

Ta-bà: Sách-ha, Đường gọi là kham nhẫn.

Phạm thiên: Phạm ma, Hán dịch là tịch tịnh hoặc nói là thanh tịnh khiết.

Bạt-nan-đà: Hiền hỷ.

Sa-già-la: Cũng gọi là Sa-kiệt-la, tên muối biển.

Hòa tu kiết: Phiệt tô chỉ, Hán dịch là cửu đầu.

Đức-xoa-ca: Đa thiệt.

A-na-bà-đạt-đa: A-na-bà-đạp-đa, Hán dịch là vô nhiệt não ao.

Ma-na-tư: Ma-nại-tư: Hán dịch từ tâm.

Âu-bát-la: Ôn-bát-la, hoa sen hồng có khi viết là Ưu-bát, nhưng phải viết Ôn-bát mới đúng.

Khẩn-na-la: Khẩn-nại-lạc, ca thần.

Nhạo: Khiến cho ưa Thích Phạm nói Ma-nô thị nhược lệ phược la. Hán dịch là khả ý cũng gọi là như ý, chính Pháp Hoa Kinh gọi nhu nhuyễn, hòa âm Thiên tử

Càn-thát-bà: Kiện-đạt-phược, Hán dịch là tầm hương là nhạc

thần.

A-tu-la: A-tô-lạc. Phi thiên.

Bà-trỉ: Bạt-trỉ-ca là đoàn viên, chính Pháp Hoa gọi là tối thắng. Bạt-đà nghĩa là phược, phược ở đây chẳng phải bị trói buột.

Khư-la-khiển-đà: Bắp vai rộng.

Tỳ-ma-chất-đa-la: Phệ-ma-chất-đát-lợi. Hán dịch là ỷ họa, bảo sức.

La-hầu: La-hổ-la, chấp nhật.

Ca-lâu-la: Các-lộ-trà: Diệu xí điểu.

Vi-đề-hi-tử-a-xà-thế vương: Phệ-đề-sắc thắng thân phệ là thắng. Đề sắc là thân, tức là Đông Châu Tỳ-đề-ha là tiếng gọi người nam. Người mẹ cầu xin thần núi sanh ra ông A-đỗ-đa-thiết-tuất-lộ, Hán dịch là vị sanh oán chiết chỉ là tên vua.

Ca-pha: Nhĩ Nhã nói ca là trùng, ngồi xếp chân.

Vô lượng nghĩa xứ;

Tam-muội: Tam-ma-địa. Hán dịch là đẳng trí, bình đẳng giữ tâm trụ vào cảnh.

Thiên vũ:

Mạn-đà-la-hoa: Hoa thích ý.

Mạn-thù-sa-hoa: Hoa mềm mại.

Lạc chủng chấn động: Ngọc Thiên nói chấn cũng là động, khởi.

Ưu-bà-tắc-ưu-bà-dị: Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Ô-ba là cận, ca là sự. Sách là nam, Hán dịch là cận sự nam, tư là nữ. Cận sự nữ.

Dạ-xoa: Dược-xoa Hán dịch là Nam kiện. Tức là phi hành, cũng bao gồm loài đi dưới đất. Các-la-sát-bà-la-sát, Hán dịch là bạo ác, khả úy.

Ma-hầu-la-già: Mạc-hô-lạc-ca: Hán dịch là đại phúc, thuộc loại ểnh ương, ốc bưu.

Phóng mi gian bạch hào: Trang Tử Sớ nói người có lông mi đẹp gọi là hào. Ngọc Thiên nói hào là lông dài.

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: Lúc làm Thái tử dài năm thước, lúc dưới cội Bồ-đề dài một trượng bốn thước rưỡi cho đến lúc thành Phật rồi dài một trượng năm thước, phóng ra cuộn tròn như ánh trăng thu, chiếu sáng lòa sắc trăng như ngọc tuyết.

Mĩ: Nhĩ Nhã nói mỹ là vô.

A-tỳ-địa-ngục: Phạm gọi là Nại-lạc-ca: Hán dịch là khổ khí, cũng gọi là bất khả lạc, cũng gọi là phi hành phi pháp hành xứ. Hoặc ở trong núi đồng trống, không trung, nay nói địa ngục là ở dưới quả đất.

A-cam-trá: Cổ văn Ấn Độ đồng với A-ca là chất ngại, ni-sắc là cứu cánh.

Tu hành;

Tướng mạo: Nghi dung.

Niết-bàn: Thuyết Văn nói hắc thở ở dưới nước, từ thủy, thổ gọi tên, từ bộ I viết là sai.

Xá-lợi: Thiết lợi la: Thể.

Tháp: Tiếng phạm là Tốt Đổ Ba. Hán dịch là Cao Hiển, Chế Đa Là Linh Miếu Luật nói tháp bà, không có Xá-lợi gọi là chi đề, nay tháp là tốt đổ.

Thụy: Ngọc Thiên gọi là tiết tín, ứng hợp.

Kệ: Phạm ngữ là Dà-đà, Hán dịch là tụng mỹ ca, thất hư ca, tức là một bài kệ bốn câu ba mươi hai chữ.

Xuất nhu nhuyễn: Quảng Nhã nói nhu nhuyễn là mềm yếu. Thông Tục Văn nói vật mềm là nhuyễn, Hán Thư nói nhuyễn không chịu đựng nỗi.

Tào khổ yểm: Ngọc Thiên nói yểm là ăn Ngọc Thiên rồi không muốn ăn thêm nữa.

Hằng sa: Là yên thần sông già. Con sông đặt tên theo vị thần. Con sông này có đầy đủ năm nghĩa, các kinh phần nhiều y cứ vào im lặng.

Kim: Thuyết Văn nói trong năm sắc màu vàng rồng là lâu dài. Chôn cất không phai, luyện trăm lần cũng không giảm nhẹ.

Ngân: Bạch kim..

San hô: Báu sắc đỏ.

Ma-ni: Ma-ni như ý châu.

Xa cừ: Mâu-sa-lạch-yết-bà, Hán dịch là xa cừ sắc xanh pha lẫn trắng.

Mã não: Yết thấp Ma-kiệt-bà: Hán dịch là chữ tạng. Yết thấp ma là chữ,, kiệt bà là tạng màu sắc giống như trên đầu ngựa.

Nô: Xưa, người có tội không nhốt mà bắt làm nô tỳ.

Tỳ: Thuyết Văn nói tỳ là chỉ cho người con gái làm phục dịch.

Xa: Thuyết Văn nói đó là tên chung của xe cộ, hạ hậu thị viện trọng chế tạo, âm cổ là cư, cư ý nói chiếc xe nói vận hành là do người lái. Ngày nay cư là xá, ý nói chỗ ở của người đi đường là xá.

Thặng: Quảng Nhã nói thặng là cỡi có thể ngồi lên. Chu Lễ nói bốn con ngựa là thừa, thừa là chở.

Liễn: Thuyết Văn gọi là người kéo xe ở phía trước có người cầm cán dẫn. Ngày xưa Khanh Đại Phu cũng ngồi trên chiếc xe này. Từ đời

Hán trở đi, Thiên Tử mới ngồi. Ngọc Thiên nói Thiên Tử Hoàng Hậu ngồi trên xe mới gọi là liễn.

Đủ: Thuyết Văn nói dư là xe, khi ông nói có bánh gọi là dự. Nay xe và dự là loại riêng.

Tứ: Thuyết Văn nói bốn con ngựa làm một xe gọi là tứ. Ngọc Thiên gọi là đuổi, phóng tinh tứ gọi là Thiên Tứ.

Lan: Lan là chốt cửa.

Thuấn: Thuyết Văn nói đó là hiện thêm.

Hoa cái: Xưa nay chú rằng. Hoàng Đế cùng cầu vồng đấu nhau ở rừng trục lộc. Thường có năm sắc khí mây cành vàng lá ngọc dừng ở trên Đế

Can sức: Thanh Loại gọi là đặt yên trên xe, Ngọc Thiên nói trải trên xe để ngồi, trang sức bằng bảo bối.

Thê: Thuyết Văn nói. Vợ và mình ngang nhau.

Nhi bị: Bị là mang, đắp, khoác.

Phá ma: Ma-la. Hán dịch là phá hoại hoặc nói Ma-tỳ-dạ, tàu là ác, thành ác pháp, mang ý ác, gọi là ác Ma-ba-tuần.

Yến: Là an nghĩ.

Vị thường: Nhĩ Nhã nói thường là thử.

Chùy đả: Chùy là nện, âm ngô gọi là đỉnh. Nay lấy âm tần là đả, đả là đánh bằng gậy, Quảng Nhã nói chùy đả là đánh đập.

Hào thiện: Quốc Ngữ nói: Thức uống là hài dã quý nói hào là món ăn. Ngọc Thiên gọi là đậu thực. Thuộc loại rau đậu. Thiện là món ăn. Chu Lễ gọi là phu. Trịnh Huyền nói thiện là lời hay. Nay vật đẹp cũng gọi là trân thiện, Quảng Nhã gọi là thịt.

Chiên đàn: Chiên đàn na. ngưu đầu chiên đàn, thuộc loại đỏ trắng thì gọi là bạch đàn.

Giáo chiêu: Giáo là huấn, Tự Lâm nói. Chiêu là gọi. Nhĩ Nhã gọi là dẫn dắt.

Quách Phác gọi là giác đạo. Thích Danh gọi chiêu là chiếu. Người mê phạm lỗi nên bảo răn họ khiến họ biết căn do. Có bản viết chiêu là dụ dẫn.

Do-tuần: (đã giải).

Tung: Thi nói: Tung là chiều rộng của ruộng, Hàn Thi Truyện nói Nam Bắc là tung, Đông Tây là hoành, Chu Lễ gọi là số địa vực rộng lớn của Cử châu Trịnh Huyền nói luân là tung, quãng là hoành. Quảng Nhã viết Thiết Vân Chỉ viết có khi viết không biết điểm xuất phát.

Châu giao lộ mạn: Thuyết Văn nói mạn là màng bộ cân, ở một

bên gọi là duy, ở trên gọi là màn, màn là che, che lên chỗ hở. Các kinh nói lấy châu kết rủ xuống chỗ hở có khi viết Thuyết Văn gọi là vải lụa không có hoa văn.

Hòa minh: Thuyết Văn gọi là âm nhạc hòa điệu.

Thị: Có khi viết nhĩ thời, phải viết thị thời mới đúng.

Duy: Ngọc Thiên nói duy là suy nghĩ, nghĩ, mưu tính.

Thổn:

Vũ đại pháp vũ:

Xúy: Hơi thoát ra từ miệng.

Loa: Loại trùng dưới nước.

A-tăng: A-tăng xì da: Hán dịch là vô ương số, tên tận cùng của con số. Câu-xá Luận nói số này có sáu mươi truyện. Mất hết tám vô ương số là năm mươi hai. Hoa Nghiêm nói một trăm hai mươi, là số một trăm hai mươi trong vô số.

Kiếp: Kiếp lập ba, Hán dịch là phần thời.

Bích-chi-phật: Bích-chi-ca Hán dịch là độc, Phật-đà là giác.

Thuyết ứng: Truyện nói phải căn cứ theo pháp tướng mà gọi. Gọi chung là khế ứng.

Tánh: Thuyết Văn gọi là con người sanh ra thời xưa thần nhân thánh nhân do mẹ cảm trời mưa sanh con, nên nói Thiên Tử do sanh lấy đó làm họ, nên chữ này lấy bộ nữ và chữ sách.

Phả-la-đọa: Dòng Bà-la-môn

Giải: Mệt mỏi, lười biếng.

Quyện: Mệt, cực, chỉ.

Sa-môn: Nghĩa là dừng lại, do đắc pháp nên dừng các ác pháp.

Bà-la-môn: Nghĩa là tịnh hạnh trong bốn loại vì học theo tịnh hạnh.

Đa-đà-a-già-độ: Đát- tha-yết-đa, nghĩa là Như-lai.

A-la-ha: A-la-hán, Hán dịch là ưng.

Tam miệu tam Phật đà: Chánh đẳng giác lợi dưỡng.

Giải đãi: Nhĩ Nhã nói giải tức là đãi. Tập Chú nói giải là cực, đãi là nọa. Thích Danh nói giải là mở ra, gân cốt rã ra. Giãi đãi là mạn. Phóng thân buông thể để rơi xuống.

Lưu ly:

Pha lê: (đã giải)

Thích tùng: (đã giải).

Tộc tánh: Chú nói tộc là loại, Chu Lễ tứ cung là tộc, Trịnh Huyền gọi là trăm nhà, tộc cũng như tụ.

PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Sỏa: Tự Thông nói người làm việc bất thiện.

Tường: Thẩm, Thuyết Văn nói thẩm là bàn bạc.

Vô ngại: Thuyết Văn nói ngại là dừng, Quảng Nhã nói ngại là cai, Tiểu Nhĩ Nhã nói cai là hạn, Thuyết Văn gọi là đóng bên ngoài.

Tận là nhậm, tột cùng.

Thập phương sát: Thiết Vận nói Sát-sa-đa-la, nghĩa là điền thổ điền, gọi là quốc thể.

Đạo cũng như

Sở thú: Tức chỗ quay về.

Thậm thâm diệu: Có khi viết là vi diệu cả hai đều không lỗi.

Võng: Nghi dụ như lưới giăng chúng sanh khó thoát.

Do dự: Thuyết Văn nói chó là do. Tánh chó đa nghi, vì dự trước người. Người không quyết định gọi là do dự, hồ nghi. Nhĩ Nhã nói do là con vượn leo cây.

Thử bối: Bối là đảng, Thuyết Văn nói quân pháp phát một trăm hai mươi xe là một bối. Thương Hiệt Thiên nói bối là so sánh.

Tăng thượng mạn: Thuyết Văn nói lừa dối là mạn, khinh thường chậm trể là mạn. Ngọc Thiên nói mạn là khinh dể, khinh hôi, chậm, không sợ, hoãn.

Mặc: Tĩnh

Chế chỉ: Chẳng phải cũng chẳng phải.

Giai hỷ: Thuyết Văn nói giai là tốt. Quảng Nhã gọi là đẹp.

Duy nhiên: Thuyết Văn gọi là lời hứa, Quảng Nhã gọi là thiên, Lễ Ký nói cha gọi không dạ chồng kêu không dạ. Trịnh Huyền nói duy là lời thưa cung kính, duy là là dạ cung kính.

Ưu đàm-bát-hoa: Ô-đàm-bát-la: Hoa ứng điềm lành.

Tùng chư Phật: Có bản viết tùng Phật cả hai đều đúng.

Đản giáo: Thanh Loại nói đản là đồ, đồ là không.

Trọc là đục.

Cấu: Cấu là dơ dáy.

Xan: Là keo bẩn, tiếc cái đã được.

Tham: Mơ cái chưa được.

Tật đó: Sở Từ nói khởi tâm ghanh ghét, Vương Dật chú Sở Từ nói hại hiền gọi là tật, hại sắc gọi là đố, Thuyết Văn nói vợ ghen chồng.

Hà tỳ: Tỳ là lỗi, Thuyết Văn nói tỳ là bịnh. Ngọc Thiên nói trong ngọc có bịnh, gọi là hà, ngoài ngọc có bịnh gọi là tỳ. Nay nói người

trong pháp có bịnh phiền não như ngọc có vết chẳng như bịnh ngoài ngọc.

Táo khang: Tào là bả rượu, khang là tấm gạo.

Tư nhân tiên: Tiên là thiểu, có khi viết là.

Tu-đa-la: Tố-đát-lăm. Chế kinh.

Ưu-ba-đề-xá: Ô-ba-đề-xá, luận nghị..

Căng cao: Thượng Thư nói: Ông luôn phất căng thiên hạ chẳng muốn tranh tài với ông. Khổng An Quốc nói chuộng hiền gọi là căng. Lễ Ký nói Khổng Tử không căng mà trang trọng. Trịnh Huyền nói căng tự khoe mình cao lớn.

Xiểm khúc: (đã giải).

Mai côi: Châu hỏa tề, một loại đá đẹp gọi là mai, một loại tròn đẹp là côi. Quách Phác nói mai côi là châu thạch.

Thạch miếu: Là nơi thờ tổ tiên.

Mộc dật: Cây hương, Thiết Vận nói đó là tên cây, cây ấy giống cây quỷ mà thơm, thật lớn đốn năm năm mới dùng. Nếu lấy hương thì phải chuẩn bị chặt thật lâu hương mơi ra.

Duyên tích: Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói duyên là kim loại xanh. Thượng Thư nói thanh châu cống duyên tích là giữa thiết, bạc chì.

Túc nhạc: Thế Bổn nói Hoàng Đế Thế Linh Luân làm nhạc. Thuyết Văn nói đó là tên chung của ngũ thanh bát âm là nhạc,

Kích cổ: Ngọc Thiên nói kích là động, hễ phát ra âm thanh gọi là đánh trống

Xúy giác: Hình cong mà giống như cái sừng.

Tiêu là ống, Ngọc Thiên nói ống nhỏ để thổi.

Địch: là ống bảy lỗ.

Không hầu tỳ bà nao: Như cái kinh mà lớn hơn, Quảng Nhã gọi là chũm chục, lục lạc, Thuyết Văn Ngọc Thiên nói kinh nhỏ. Theo quân pháp mười trượng cấm chũm chọc. Năm người là một ngũ, năm ngũ là trượng, lưỡng Tỳ-kheo mã cầm dịch.

Đồng bạt: Cũng gọi là. nay quan đồng phần nhiều viết hai bộ phiến, cùng vồ nhaum ra tiếng.

Ca bối: (đã giải).

Lao: Đã giả.

Tế: Che

Thích ca văn: Thích Ca là họ. Thời đầu kiếp chưa có quân trưởng, mọi người tôn người có đạo để làm tư khế cùng lập một vương hiệu. Mạc-ha-tam-mạc-đa nói đại đẳng âm nhạc nghĩa là mọi người đều cùng

lòng vui vẻ lập làm vua. Tức cao tổ của Phật lấy đích tướng, không mất, cùng tán thán năng là vua của mọi người nhân đây mà họ Thích-ca Mâu-ni là tịch mặc. Phật là biệt hiệu nghĩa là năng tịch mặc, sanh tử ác pháp. cũng có thể chứng đắc lý tánh Niết-bàn tịch tịnh. Nên nói Thích-ca Mâu-ni, nay lược nói. Thích-ca-văn Trí Độ Luận nói: Thích-ca Văn-ni tức Mâu-ni.

Nam vô: Chánh Phải nói nô. Hán dịch là kính lễ, hoặc nói kiện đàm, kiện đề, đây gọi là lễ bái. Nói hòa nam đều sai lầm. Có bản nói Nam vô, chư Phật phải từ hỷ xương Nam vô Phật.

PHẨM THÍ DỤ

Dụ Ngọc Thiên nói lấy vật tương tự để dụ cho dễ hiểu.

Dũng là nhảy nhót.

Dược: Cũng là nhảy.

Bất dự: Dự là vào am. Thiết Vận, Vương Dật cùng viết dư. Cổ Văn Đồng với Nhĩ Nhã là kịp đến. Tả Truyện nói dự trước.

Ngã thường: Nghĩa là từng như thế, có viết nghĩa là hằng như thế.

Mỗi tác: Tự Lâm nói mai, Tam Thương nói từ không nhất định, mỗi là thường thường.

Đẳng cửu: Quảng Nhã nói cửu là lỗi, thể chữ từ bộ nhân, mỗi người mỗi người trái nhau thành lỗi.

Đoạn: Là cắt, tuyệt, đoán là quyết, đều.

Diễn sướng: Quảng Nhã nói sướng là đạt minh.

Hoa túc an hành: Hành hạnh an lạc.

Luân thất: Quảng Nhã nói cùng loại cùng hàng gọi là luân thất, luân là loại, thất là đôi.

Thâm áo: Nhĩ Nhã nói vùng Tây Nam gọi là áo. Quách Phác nói chỗ ẩn náo trong phòng. Thích Danh nói không thấy rõ, chỗ sâu kín trong phòng. Thuyết Văn nói áo là rốt cuộc tàng.

Đạo phả: Tam Thương nói phả là không thể.

Nhiên Xá-lợi-phất: Ngọc Thiên nói không như vậy, không cho phép, nhiên là ắt, như vậy.

Tụ lạc: Quảng Nhã nói tụ lạc là chỗ ở.

Suy mại: Thuyết Văn nói mại là đi xa Quảng Nhã gọi là trở về.

Đồng: Là độc, Thuyết Văn nói người nam có tội làm nô gọi là đồng, Quảng Nhã nói đồng là nô dịch.

Bộc: Quảng Nhã viết. Quảng Nhã nói bộc là phụ trợ, sai dịch.

Đội là rơi xuống, Quảng Nhã gọi là hoại, Cổ Văn viết Thiết Vận nói là gió bạo. Ngọc Thiên viết là núi thái sụp đổ.

Hủ bại: Hủ là hư mục.

Lương đống: Nhĩ Nhã nói lương là cây xà đống là cây đòn đông chính giữa.

Tất nhiên là bộc khởi: Thiết Vận gọi là bộc khởi.

Phần nhiễu: Quảng Nhã nói phần là đốt ruộng.

Hủ tiếu: (đã giải).

Thiết kỷ: Quảng Nhã nói thiết là cận. Cũng gọi là bức thiết cắt.

Y giới: Thuyết Văn tông miếu tần giới y, từ bộ y âm giới. Ngọc Thiên nói y bộ, thời nay người nữ mặc có vạt trước.

Ngã đương vị: Ngọc Thiên nói vi là bày ra trợ giúp.

Trân ngoạn: Tự Lâm gọi là đùa, Quảng Nhã gọi là vui chơi. Ngọc Thiên gọi là giỡn cợt. Thượng Thư nói đùa với người thì mất đứt, đùa với vật mất chí, Khổng An Quốc lấy người làm trò đùa thì mất đức của mình, lấy vật làm đồ chơi thì mất chí.

Ngoan háo: Ngọc Thiên nói háo là yêu thích, hảo là đẹp, tốt.

Thích kỳ: Tam Thương nói thích là vui, Quảng Nhã nói thích là thiện, nghĩa là sự vật tốt đẹp thích hợp ý người.

Dũng duệ: Quảng Nhã nói duệ là bén.

Thôi bài: Thương Hiệt Thiên nói thôi là đẩy tiến tới.

Tứ cú: (đã giải)

Thùy chư hoa: Theo âm

Uyển diên: Theo các sách uyển diên là cái mũ đội ở trên. Ngọc Thiên nói trước sau mũ rủ xuống mà không thể trải trên xe. Nay theo lẽ phải viết chữ uyển là xinh đẹp, diên là nệm chiếu, loại nệm bông.

Đan chẩm: Có người giải thích chẩm là ham đắm tiên đan có thể trường thọ, ở đây không như vậy, theo Thiên Trúc không có gối cây, cũng lấy da đỏ vải thô làm gối, lấy la miên và loại bông dồn làm gối và thêu màu đỏ, tức đồng với các kinh, gối màu đỏ, tai đầu tựa vào gối ắt đỏ như chu.

Chu hảo: Tự Lâm nói chu là hảo vào khoảng triều Triệu Ngụy Yến cho rằng hảo là chu, Thi nói tịnh nữ kỳ chu, Ngọc Thiên và Truyện đều nói sắc đẹp là chu có người viết là trang.

Ấu đồng: Ấu là nhỏ, đồng là đồng tử.

Bất quỷ: Đồng nghĩa với Lễ Ký nói của cải không thiếu. Trịnh Huyền nói quỷ là thiếu. Thi nói: Thiếu không cạn. Truyện nói quỹ là

cạn kiệt.

Đắc miễn: Miễn là giải, thoát ra, đi, dừng.

Phương tiện miễn: Khích lệ, dẫn dắt.

Bảo nhẫm: Giữ vững niềm tin.

Tồi là bẻ ngã.

Phỉ: Thuyết Văn gọi là hủy.

Sách: Thuyết Văn gọi là xé rách. Quảng Nhã và Ngọc Thiên gọi là phân.

Vĩ: Núi lỡ, Phương Ngôn gọi là hoại. Ngọc Thiên gọi là hủy hoại, rơi rớt.

Phú thiêm: Cỏ thêm, Nhĩ Nhã gọi là lấy cỏ thiêm bện lại lợp nhà.

Duyên lữ: Phương Ngôn gọi là xây xà nhà, Quách Phác nói là mái nhà. Thuyết Văn nói lữ là cái xà vuông.

Sai thoát:

Chu chương: Thuyết Văn nói chương là ưng tắc, Ngọc Thiên gọi là chương chương. Thuyết Văn gọi là cách trở. Thông Tục Văn gọi là phiên cách là chương phiên.

Si hửu: Phạm văn gọi là A-lợi-da Hán dịch là cú tai mèo.

Điêu thứu: Chu mục Thiên Tử truyền viên có bạch điêu, cắt xanh, bắt chó, dê, ăn heo, hưu, Quách Phác nói nay chim cắ cũng ăn thịt hưu. Thứu theo tiếng phạm là kiết Mễ-đà-la, hoặc nói yết là xà Sơn Hải Kinh cảnh sơn rất nhiều chim thứu. Thuyết Văn nói chim thứu màu đen, nhiều con sư khoáng. Nam phương có chim tên là sai thứu, đầu vàng mỏ đỏ, năm màu đầy đủ. Tây Vực ký nói sắc xanh vàng mắt đỏ.

Ngươn: Tự Lâm nói ngươn, Thiết Vận gọi là nguyên, cổ văn viết Ngọc Thiên gọi là thuốc rắn, vinh nguyên, tích dịch yển đình, thủ cung là bốn loại khác nhau, tồi chước chú: Vinh nguyên một gọi là con sam, dài ba thước màu đen cám khéo mê hoặc người một gọi là truyền nguyên. Hán Thư nói Nguyên Vệ Chiếu nói Hắc Nguyên Tích dịch. Ở trong nhà gọi là con thằn lằn. Lấy máu bôi vào tay người nữ, người nữ có lỗi rửa không sạch. Nhân đó đặt tên là thủ cung. Trong cỏ đá gọi là con trích lịch, trong sông suối gọi là yển diên, gọi chung là xà. Vinh nguyên chuẩn theo di giáo có viết sai. Thí như con hắc nguyên ngủ trong nhà ông, phải nói hắc thành chỉ vì cùng loại mà bèn viết sai, hoặc nói có hai loại.

Một là thủ công, hai là hắc đoản xà. Di giáo không nhầm, cho nên kia nói rắn ngủ đã ra thì có thể ngủ yên là rắn đen ngắn khác rắn

khác chẳng phải thủ cung, không như vậy kinh này trở xuống thủ công trên thúc nói tục thư giải khác với kinh, từng thấy nam tăng nói rắn cắn người chỉ hái cỏ dược vương mới trị được, nếu không thì sẽ chết.

Phúc: Nhĩ Nhã nói phúc là con rắn hổ mang to ba tấc đầu lớn như nắm tay. Tôn Viêm Giang Hoài trở về Nam gọi hủy là con phúc có răng rất độc. Âm Nghĩa nói rắn hổ mang trên mũi có kim.

Ngô công: Tự Lâm gọi là con bọ ngựa, có thể chế rắn rộng lớn, chân đỏ dài hơn thước.

Do diên: Giang Nam gọi là con bọ ngựa.

Thủ cung: loài này ở trong nhà vùng Giang Nam cũng gọi là yển diên...

Dứu: Dứu là tên gọi ở Giang Đông, còn dúy là tên ở Kiến Bình. Sơn Hải Kinh rất nhiều, Quách Phác nói giống như con khỉ vượn mà lớn màu xanh đen, đuôi dài bốn thước rưỡi giống đuôi rái cá, đầu có hai cạnh, trời mưa thì nó lộn lên cây lấy đuôi che mũi. Giang Đông nuôi nó để bắt chuột là con vật mạnh khỏe.

Ly: Thuyết Văn gọi là con vật nằm sát.

Hề thử: Thuyết Văn gọi là con chuột nhỏ (chuột nhắt) Nhĩ Nhã gọi là hề thử, Quách Phác, Ngọc Thiên gọi là con rết độc cắn người và chim thứu. Tuy cuối cùng cũng bất giác thấy đao nay gọi là chuột miệng ngọt.

Xú xứ: Mùi hôi, xứ là ở dừng nghĩa là mùi hôi đọng lại chỗ ở

Hồ lang dã can: Ngọc Thiên gọi là yêu quái, quỷ vương vào đó có ba đức, sắc nó tung hòa, trước nhỏ sau to chết ở trên gò. Phạm nói Tất-già-la Hán dịch là dã can. Màu xanh vàng, như chó đi từng bầy ban đêm hú tiếng như sói vang rất xa. Tư Mã Bưu, Quách Phác chú đều nói bấn dã can đều nương vào cây mà bấn. Âm Dạ Quảng Chí nói hang nó trên vách cheo leo, cây cao, Thiền Kinh nói thấy một con dã hồ rồi gạp một con dã can. Vì thế hai loại ất khác nhau..

Tự trước: Tự Lâm viết chữ tự bộ xỉ. Thương Hiệt Thiên viết bộ khẩu. Tự Lâm nói tự khiết là ăn nuốt, Thiết Vận gọi là cắn, nhấm.

Tề khiết: Nghĩa là không có răn nhai. Vận Thiết nói nếm đến răng phải phải nhấm. Tề càn gọi là tiệt, âm khiết là cắn đứt gân cốt. Không biết chữ tề xuất phát từ đâu. Có bản viết chữ lai cũng viết chữ.

Bác toát: Quảng Nhã đánh, vỗ, toát, Tự Lâm, Thiết Vận gọi là lấy bằng tay, Quảng Nhã gọi là cầm, Thích Danh gọi toát là dúm lại. Nghĩa là túm lại lấy.

Tra chế: Thích Danh nói tra là xoa. Ngọc Thiên nói là năm ngón

tay áp lại xoa. Ngọc Thiên nói năm ngón dúm lại vỗ, ôm, Thiết Vận nói tra giống như lẽ mà chua.

Nhai sài: Ngọc Thiên nói chó cắn nhau. Tỳ Thương gọi là chó đấu nhau, Thuyết Văn, Ngọc Thiên viết. nghĩa là mở miệng ra thì thấy răng. Thiết Vận nói nhai là răng không thẳng hàng gọi là trở.

Hào phệ: Văn Cổ viết Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói tiếng chó gầm sủa. Thiết Vận gọi là tiếng của heo, gấu, cọp.

Ly mị: Thuyết Văn gọi chữ ly bộ các sach của Tam Thương viết bộ trũng. Ngọc Thiện, Thiết Vận viết chữ bộ quỷ. Ngọc Thiên, Thuyết Văn nói mỵ là con tinh già. Thông Tục Văn gọi là yêu quái ở sông núi gọi là ly mỵ. Pháp Hoa gọi là yêu mỵ.

Võng lượng: (đã giải).

Phu nhũ: Quảng Nhã, Ngọc Thiên nói phu là sanh. Phương Ngôn gọi là gã ấp. Thiết Vận nói nhũ. Thương Hiệt Thiên nói nhũ là vu, Ngọc Thiên gọi là sanh. Chim nuôi con gọi là phu, thú nuôi con gọi là nhũ.

Sản sanh: Ngọc Thiên nói sản là sinh. Tạo, tiến. Vì vật tạo ra nên nói sanh sản là sanh.

Cưu bàn trá: Loài đáng sợ.

Tôn cứ: Giống như ngồi xổm, cứ là tựa. Tự Lâm nói ngồi thỏng chân xuống.

Thổ lõa: Thiết Vận gọi là đống đất nhỏ.

Phác kinh: Phác là đánh Ngọc Thiên gọi là vỗ. Chẳng phải nghĩa này. Còn có âm bốc là tranh đảo.

Lõa: Thân đỏ.

Khuy khán: Tự Lâm gọi là dòm.

Chúc vu: Chúc là phó, do, còn gọi là thuộc là nhiếp, quán.

Bộc thanh: lửa cháy rực rỡ. Thuyết Văn nói bộc là đốt. Nghĩa là da nức ra.

Chu chương: Chương là sợ. Trạng thái lo sợ bất an.

Hoàng bố: Sợ hãi.

Tàng thoán: Thoán là trốn. Ngọc Thiên nói tàng là che.

Tỳ-xá-xà: Tỳ-xá-già: Truyện nói giống như quỷ đông qua.

Thực hám: Hám là ăn.

Bồng bột: Bồng là rối bong như cỏ bồng. Bột là thạnh, bồng bột là vẻ phồn thịnh.

Chu chương: Sở Từ nói kiêu phiên tường hề chu chương. Vương Dật nói chu là lưu. Chu chương là qua lại.

Chúng nạn:

Trạch chủ: Ngọc Thiên nói chủ là thâm điển lĩnh. Vì Thiên Tử cưới con gái của chư hầu cùng họ. Nghĩa là công chúa lại thủ.

Tiên nhân: Nay từ đầu cũng là tiên.

Trỉ: là nhỏ, yếu.

Các dụ: Luận Ngữ nói quân tử dụ cho nghĩa, tiểu nhân dụ cho lợi. Khổng An Quốc nói dụ để hiểu. Thương Hiệt Thiên nói dụ là sách dụ. Thuyết Văn viết.

Man diên: Tây kinh phú nói hình nó bò tràn trên. Quảng Nhã nói mạn dài diên là biến.

Thử khổ nạn xứ: Thi nói chẳng phải chỗ ở của ta. Truyện nói xứ là ở. Lễ Ký nói cớ sao xử ta. Trịnh Huyền nói xử là an. Nghĩa là chổ khó thể yên

Đam miến: Đam là yêu thích, có khi viết chữ là đấm trước. Cổ Văn viết

Thuyết Văn cũng gọi là lạc, miến. Thuyết Văn gọi là ham rượu.

Trương thí:

Chư anh: Anh lạc trân anh.

Tăng khoáng: Thuyết Văn,

Thiết Vận nói tăng là lụa, khoáng là tơ, Tiểu Nhĩ Nhã nói dệt là tăng, chung cả năm màu đều gọi là tăng.

Điệp: Thiết Vận nói vải lông mịn, nay không như vậy chỉ có hoa điệp dệt làm vải.

Tân tùng: Tân là cùng nhau, tuân theo.

Nhữ đẳng lụy: Lũy là tích chứa.

A-bê-bạt-trí: Là bất thối (đã giải)

Thượng ư: Ngõ hầu mà còn.

Tần xúc: Tần là luôn luôn, xúc là dẫm lên.

Súc sanh: Là lục xúc nuôi dưỡng,

Khột viêm: Tam Thương nói: Đầu trọc không có tóc bộ hiệt âm khất.

Lê đảm: Phương Ngôn nói sắc mặt giống như đống lê. Thiết Vận nói lê là vằn, có khi viết chữ lê bộ hắc, vàng đen. Thông Tục Văn nói vằn đen gọi là lê. Ngọc Thiên gọi là già. Đạm là đen sạm.

Xúc nhiễu: Nhiễu loạn (đã giải).

Ố tặc: Ố là chán ghét, Thi nói ố là vô lễ.

Lạc đà: Sơn Hải kinh nói trá. Quách Phác nói một ngày đi ba trăm dặm. Gánh ba ngàn cân, có thể biết chỗ xuất phát mạch nước của nguồn suối khác nhau.

Mãng: Nhĩ Nhã nói mãng là rắn hổ mang, Thương Hiệt Thiên gọi là loại lớn nhất trong loài rắn, nên gọi là vương.

Lung ngai: Thương Hiệt Thiên nói ngai là vô tri. Phương Ngôn gọi là si dại.

Uyển chuyển: Theo con rắn không có chân có thể bò lượn mà lướt tới nên kinh tự nói bò lượn uốn quanh.

Táp: Tự Lâm gọi là huyết. Côn trùng ăn gọi là táp.

Tòa lậu: Quảng Nhã, Thiết Vận nói tòa là lụn, Thông Tục Văn nói chu nho là tòa. Thuyết Văn gọi là tiểu thủng. Chẳng phải nghĩa này lậu là xấu.

Luyến tích: Tay ôm bịnh. Tích là gót chân.

Bối ủ: Ủ là công lưng, (gù). Thiết Vận nói lưng cong không thẳng Xuân Thu Đảnh Minh nói: Một bảo mà cong, bảo nữa khom xuống, ba lần bảo thì cúi. Đỗ Dự nói phủ là cung kính khom thân cúi mình càng thêm cung kính.

Sở sử:

Tiêu viêm: Thuyết Văn nói tiêu là tận, tiêu sạch, cũng gọi là bịnh thoát.

Y hổ: Quảng Nhã gọi là nương tựa trông chờ.

Thân phụ: Phụ là gần.

Y: Thuyết Văn gọi là công cụ trị bịnh đặc tánh của y là từ rượu chế làm thuốc, nên chữ y xuất phát từ bộ tửu.

Liệu: Tam Thương nói liệu là trị bịnh.

Sao: Phải viết hoặc cưỡng lấy vật.

Thiết: Dòm lén.

Hoành làHoạnh là đến một cách phi lý.

Âm á: Không nói được gọi là á. Tỳ Thương nói á cũng như âm. Có khi viết là tối. Có khi viết là tiếng cười.

tư: Bịnh ung thư.

Thanh khiết: Trong sạch.

PHẨM TÍN GIẢI

Háo nhạo: Háo là thích, nhạo là muốn.

Khánh hạnh: Nhĩ Nhã nói chẳng phải phần mà được gọi là hạnh, hạnh là gặp, cũng là mong chờ.

Đào thệ: Nhĩ Nhã nói thê là qua đi. Quảng Nhã nói thệ là ra đi.

Trà sính: Quảng Nhã nói trà là chạy sinh là đi.

Hổ phách: Quảng Nhã nói tên loại châu ngọc cũng có khi viết. Nước Kế Tân có hổ phách báo vật chí, mủ tùng rơi vào đất nghìn năm hóa thành phù linh. Phù linh nghìn năm hóa thành hổ phách. Một gọi là hồng châu, Quảng Chí nói hổ phách sanh ra từ lòng đất, trên và bên cạnh nó không mọc các cỏ cây. Sâu thì tám, chín thước, lớn như cái đấu, lột da ra thành hổ phách có lá. Ban đầu như lá đào mủ đông cứng thì hóa thành hổ phách, người phương Tây dùng nó làm chén

Thần tả sử dân: Thuyết Văn nói đó là dàn đen.

Thương cổ giá: Thuyết Văn nói đi buôn bán. Ngọc Thiên nói những thứ trân dị ở Tây phương đem bán. Có khi viết thương là thương lượng.

Thản: Là bằng phẳng. Thuyết Văn gọi là an.

Dung nhẫn: Tế ung khuyến học chú dung là làm thuê. Trang Tử nói dung là người tầm thường. Mạnh Tử nói dung là sức lao dịch. Nhẫm cũng như dung.

Sái: Thông Tục Văn nói lấy nước phấy ngăn bụi. Ngọc Thiên nói là tiến là tan ra. Thiết Vận nói sái là quét.

Xuất nói: Xuất là ra. Thi nói nói ra có văn chương.

Tứ lợi: Tứ Quảng Nhã gọi là duỗi ra phơi bày.

Cưỡng sử: Cưỡng là đè, cứng. Thương Hiệt Thiên gọi là khỏe mạnh.

Kinh ngạc:

Du cấp: Nhĩ Nhã nói vượt qua cái này càng nhiều hơn. Có khi viết là sai. Có khi viết là vội. Thiết Vận gọi là vượt qua, là như vậy.

Tịch địa: Tịch là an ủi.

Tĩnh ngộ: Tự Lâm nói tĩnh là hết say.

Hào mậu: Hoài Nam Tử nói trí vượt một trăm người gọi là hào. Cổ văn gọi là thế, thế là mạnh.

Sở nạn: Nạn là hoạn, bịnh...

Tiều tụy: Tam Thương, Thiết Vận đều viết, Quảng Nhã, Ngọc Thiên viết là sầu buồn, Nhĩ Nhã gọi là bịnh ốm.

Quái dị: Quái là kỳ dị, kinh quái, phàm vật gì kỳ dị phi thường đều gọi là quái.

Dao: Ngọc Thiên gọi là đạo, hướng.

Luy: Là yếu.

Trần phân: Bụi đất, Thiết Vận nói trần là dơ uế.

Ô uế: Là dơ bẩn.

Đốt: Thuyết Văn gọi là bảo nhau. Tự Thư gọi đoát là la. Nay ng-

hĩa là kêu gọi quở. Nay lấy nghĩa.

Doanh ích: Mãn.

Vô hy: Hi là phải.

Tự bỉ: Quảng Nhã nói xấu hổ thẹn thùng.

Ư mổ: Thượng Thư Nhĩ Nguyên nói tôn mỗ, Khổng An Quốc nói mỗ là tên, Thần Vệ Quân nói mỗ danh, phàm không biết tên gọi là mỗ.

Linh sính: Tam Thương nói linh sính giống như liêu phiên, cũng có nghĩa là cô độc.

Quyên trừ: Phương Ngôn nói vũng Nam Sở người bớt bịnh gọi là quyên, Quách Phác nói quyên là trừ.

Lận tích: Thiết Vận nói bỉ là lận. Tích cũng như lận, (keo tiếc).

Hoại tử: Thuyết Văn nói tử là trách. Lễ nói người trách chẳng biết lễ. Trịnh Huyền nói miện hư gọi là tử.

Tự ngu: Ngu là vui.

Cầu sách: Sách là tìm cầu.

Túc dạ: Nhĩ Nhã nói túc là sáng sớm.

Chú ký: Quảng Nhã gọi là chú sờ biết. Tự Lâm gọi là chú giải, Thông Tục Văn nói ghi chép vật gọi là chú. Thiết Vận nói

Khâu cùng nghĩa với

Sát:

Diêu mục: Thuyết Văn nói diêu là một mắt nhỏ. Thuyết Văn gọi là mắt nháy, Thuyết Văn gọi là nhỏ, Thiết Vận gọi là nhìn lén.

Tiên tịch: Tiên là chiếu cỏ, đó là lót xuống để trải chiếu xuống cho nó ấm.

Thảo am: Quảng Nhã nói am đồ tiên xá Khảo Thanh gọi là nhà tranh, che lấy cỏ che xung quanh, có khi viết bộ thảo là tên thảo dược, thuộc họ lan tử.

Hà phụ: Thiết Vận, Vận Anh nói hà là gánh vác yết.

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Thành như: Quảng Nhã nói thành là cung kính. Thuyết Văn gọi là thành tín, chắc thật.

Khê cốc: Nhĩ Nhã nói nước rót xuống suối gọi là khê.

Hủy mộc: Tên loài cỏ Phương Ngôn nói hủy là đông, giữa vùng Đông Việt, Ngô Dương gọi cả là hủy.

Tùng lâm: Khảo Thanh nói nhiều cây mọc một lùm gọi là tùng,

Hán Thư Đông Phương Sóc Truyện viết là sai. Thuyết Văn gọi là tụ.

Đẳng chú: Tam Thương nói chú là mưa mùa, muôn vật thấm nhuần. Thuyết Văn nói thời xưa trời mưa là thấm ướt hết muôn cây cối.

Phổ hợp: Thương Hiệt Thiên gọi là thích tán, Thuyết Văn gọi là thấm nhuần.

Ái đãi: Tỳ Thương, Thiết Vận giống Quảng Nhã nói ái đãi là mây mù mịt. Thông Tục Văn nói mây che mặt trời gọi là ái đãi.

Thừa lãm: Lãm là lấy bằng tay. Thuyết Văn nói lãm là cầm nắm.

U thúy: Thuyết Văn gọi là sâu xa.

Bách cốc: (đã giải).

Miêu giá: Thuyết Văn gọi là lúa cỏ xanh ở ruộng. Thương Hiệt Thiên nói lúa còn ở dạng mầm. Luận Ngữ nói mầm mà không mọc gọi là giá. Thuyết Văn nói hạt mầm lúa gọi là giá.

Cam giá: Các sách có viết loại mía đường.

Bồ đào: Bác Vật Chí nói mở tung ra. Tây vực còn được an thạch, bồ đào, bồ đào. Quảng Nhã nói bồ đào có ba loại, đen, trắng, đỏ đều được.

Khô cảo:

Nhất đích: Thông Tục Văn nói linh đích gọi là lệ.

PHẨM THỌ KÝ

Ngõa lịch: Thuyết Văn, Ngọc Thiên gọi là loại đá nhỏ, Thiết Vận gọi là cát.

Khanh khảm: Ngọc Thiên gọi là hư không, Thuyết Văn gọi là rơi xuống.

Đồi phụ: Đã giả.

Khâu khanh: Thuyết Văn nói u đất cao gọi là khâu (gò) chẳng phải do người làm mà tự nhiên đất bốn nơi dồn cao lên ở giữa. Ngọc Thiên nói đất cao gọi là khâu.

Số tri: Đếm, tính.

Lật: Lật là run, Ngọc Thiên gọi là kính cẩn, sợ.

Mạt: Nếu xoa chà bằng tay thì viết bôi đồ trang sức thì viết. Nay chỉ có nghĩa bôi hương phải viết Ngọc Thiên nói vạc là lúa gạo.

Diêm phù đề kim: Tên cây cỏ thiêm bộ ở bên bờ ao không nóng, có loại cây ở gần bờ phía bắc châu này, dưới nước màu đỏ tía vàng ánh

che mặt trời mặt trăng nên gọi như vậy.

Đa-ma-la-bạt chiên đàn hương: Tánh vô cấu hiền chiên đàn hương Phật.

Trưởng biểu kim sắt: Phạm nói: Xá-ma-xa-na Hán dịch là phần thoán. Tây Vực nói gom xương cốt cầm thú đốt có khi chôn dưới đất ở trên đêt nêu. Chất gạch đá, giống như cái tháp, nhưng hình thấp nhỏ. Nay trường biểu này là kim sát. Phạm nói chế đa la, xứ kia không có cớ xướng riêng tức ở nơi tháp đột trụ trên đầu treo cờ. Nay nói là sát, từ duy trại khác, nhưng lấy vùng làm tượng trưng nên nói là kim sát.

PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Ma chỉ: Ma là mài.

Tận mạt: Lấy tay xoa chà gọi là mạt.

Thiên kỷ: Kỷ là tài nghệ, nhạc nữ gọi là có khi viết chẳng phải nghĩa kinh.

Thế khấp: Mao Thi nói thế, là nước mắt ràn rụa. Truyện nói mắt rơi lệ gọi là thế, Thuyết Văn nói khóc không có tiếng gọi là khấp..

Điềm đạm: Thuyết Văn nói điềm là an, tĩnh, nghĩa là điềm nhiên an lạc. Quảng Nhã nói điềm đạm là an tĩnh.

Manh minh: Manh là tối, Ngọc Thiên gọi là ban đêm, minh là che mắt người khiến cho không thấy gì.

An ổn vô lậu pháp: Có khi viết đạo phải theo pháp không chỉ có đạo.

Tam giới ngục miễn xuất: Thiết Vận nói miễn là dẫn. Đồng nghĩa với có khi viết Quốc Ngữ nói cha khuyến khích con, anh khích lệ em.

Quần manh: Manh là mầm. Quảng Nhã gọi là bắt đầu, manh là mê muội từ chữ viết ý nói mọi người không biết. Hán Thư nói manh là dân đen.

Phủng tụng (đã giải).

A-súc: Tiếng Phạm, Đường gọi là vô động.

A-di-đà: Tiếng Phạm, A-nhĩ-đa-na-canh-sa. Hán dịch là vô lượng thọ.

Khoáng tuyệt: Ngọc Thiên nói là trống đại, cữu, viễn.

Ức cai: Tên con số. Phong Tục Thông nói mười nghìn gọi là vạn, mười vạn là ức, mười ức là triệu, mười triệu là kinh, mười kinh là cai, tức số lớn.

Doanh tũng: Thương Hiệt Thiên nói danh là vệ cũng gọi là bộ

ngũ.

Thành quách: (đã giải).

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Ngọc Thiên nói thọ là dung nạp, thanh, đắc. Kế thừa, Thuyết Văn gọi là trao cho.

Nhiêu ích: Ngọc Thiên nói nhiêu là nhiều. Phong phú, dư.

Khê giản: Tên con sông.

Câu hác: Thuyết Văn nói câu là nước đọng, sông sâu bốn thước gọi là câu hác. Chỗ nước chảy sâu thành hác, Ngọc Thiên nói hác là hạnh, sâu, trống.

Đài quán: Nhĩ Nhã nói bốn bên cất cao lên gọi là đài, quán là khuyết. Tôn Viêm nói hai cửa cung gọi là quán. Thích Danh nói quán người đứng trên đó nhìn trông.

Ca-lưu-đa-di-ưu-đà-chi: Ô-đà-di Hán dịch là lúc mặt trời mọc thì ngài sanh ra.

Chu-đà-sa-già-đà: Ta-bà-kiệt-đa, Hán dịch là thiện lai.

Thân hữu: Thuyết Văn nói bạn đồng chí gọi là bạn. Quảng Nhã nói bạn là thân, Lễ Ký nói liêu bạn gọi là đệ mình chấp bạn gọi là đồng quan, chấp bạn là đồng chí.

Gian nan: Thuyết Văn nói đất khó sửa, gian. Thích Danh gọi là căn, như gốc mầm của vật, điều kỵ sợ của con người

Mậu dịch: Tam Thương nói mậu là trao đổi, vật.

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Đạp thất: Thuyết Văn nói đạp là dẫm lên bước đi, Thích Danh gọi là đạo.

PHẨM PHÁP SƯ

Hào soạn: Thuyết Văn gọi là thức ăn, ăn uống, Ngọc Thiên gọi là ăn cơm.

Xuyên trạc: Trạc là đục, Ngọc Thiên gọi là đục gỗ.

Như Lai thất: Thuyết Văn nói thất là thật, ngoài nhà là đường trong nhà là thất. Luận Ngữ gọi là do, thăng đường chưa vào thất.

Cú đậu: Tự Thư nói đậu là lưu, Thuyết Văn nói đậu là dừng, Phương Ngôn nói đậu là trụ.

Can táo: Táo là khô, Dịch nói lửa nóng.

Tịch mặc: Khảo Thanh nói tích mạc là không có tiếng động. Dịch nói trong nhà không có người cũng vắng bặt tiếng người kinh từ chữ viết chữ tịch bộ viết chữ là sa mạc.

Quái ngại: Tự Thư nói võng ngại, Thuyết Văn nói ngại là dừng.

PHẨM KIẾN BẢO THÁP

Khám thất: Quảng Nhã nói khám là đựng lấy. Thượng Thư Đại Truyện gọi khám là khắc. Khám thất như nay thuộc loại rương hàm. Tháp lớn bốn mặt đặt một khám nhỏ như cái thất. Nói khám thất ở trong thất nhỏ này có nhiều loại.

Võng màng: Ở một bên là duy, ở trên gọi là màn. Nếu viết chữ vãn là trên màn dùng đồ báu trang trí cho đẹp gọi là mãng lưới báu.

Bảo giao lộ mạng: Màng để rủ xuống chỗ hở dùng trân bảo kết lại làm màn chõ kín hoặc hở đều lấy bảo báu trang sức.

Lâm tẩu: Nhiều cây gọi là rừng, trong ao không có nước gọi là tẩu.

Các tề: Đem của cải cho người

Mãn cúc: Hai tay nâng lấy vật ở trong tay.

Quan dược: Phương Ngôn nói Quan Đông gọi là kiện. Quan Tây gọi là dược. Cổ văn có khi viết chữ dược bộ kim, có khi viết bộ trúc. Đó là loại nhạc cụ, chẳng phải nghĩa kinh.

Vô ương: (đã giải).

Tại tại sở vãng: Tại tại là chỗ ở. Sở vàng là chốn đi đến..

Viễn trịch: Trịch là ném, quăng.

Thủ bả:

PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

- Đường gọi là thiên thọ.

Quyên xả: Thuyết Văn nói quên là bỏ, Nhĩ Nhã gọi là phế bỏ. Quách Phác nói phóng bỏ là xả.

Ủy chánh: Quốc Ngữ nói bỏ chánh chẳng nhậm. Giả chú nói: Chánh giống như chức, Tả Truyện nói làm chánh sự sức tầm thường, Đỗ Dự nói: Ở địa vị vua làm chánh, địa vị quan làm sự. Luận ngữ nói chỉ đạo là chánh. Khổng An Quốc nói chánh là pháp giáo.

Chúy chung: Thuyết Văn nói chúy là đánh Thuyết Văn có chữ

thông dụng nhưng chẳng đúng.

A-tư-tiên: A-tư-đa, Đường dịch là vô tỷ cũng gọi là đoan chánh.

Quả lõa: Ngọc Thiên nói quả là thuộc loại đào lý. Lõa thuộc loại dưa trái của cây là quả, trái của loại rau dưa là lõa. Trên cây là quả, trên đất là lõa.

Nhẫn vãng: Chu Lễ nói nhẫn là một trong sáu đức. Trịnh chú nói yêu thương người và vật gọi là nhẫn. Trên dưới thân nhau là nhẫn, mật pháp nói quý hiền gần người thân là nhẫn, quên mình để được cho người là nhẫn. Thích Danh nói nhẫn là nhẫn. Hiếu sanh ghét giết, thiện ác nhẫn là nhẫn. Nói làm như nhau là nhẫn.

Khai xiển: Quảng Nhã nói xiển là mở ra.

Phá hữu:

Sát ma: Thời gian cực nhỏ (đã giải).

PHẨM KHUYẾN TRÌ

Tệ ác: Tệ là khốn, tế là khinh bạc dễ giận tính nóng nảy.

Kiều đàm di: Chánh âm là Kiều-đáp-di. Âm cổ là Kiều-đàm-di, hay Cù-đàm, đều đọc nhầm chánh gọi là Kiều-đáp-ma. Thích-ca là họ, Cù-đàm là vọng đế Vương Thích-ca, nhiều đời nối nhau, trong nghịch tặc soán chiếm vương vị, vua sợ đoạt xã tắc bèn giết chủng tộc Thích-ca, tàn sát người thân để không còn ai nối dõi, bấy giờ có tiên nhân đi tìm quý tộc thấy có người mang thai, sau khi sanh con trai mới đoán biết có người nối dõi, người mẹ sau lời cầu thỉnh quả nhiên sanh được con trai cùng tiên nhân sống đến già, Thích-ca còn biện lại, tặc vương sợ, tìm đến chỗ ở hỏi thăm mới biết được bèn vào núi lúc không có tiên cha ở nhà, lén bắt đứa con, bảo người dân trong nước không cho tiên nhân biết. Tiên cha trở về thất không thấy con mình vội vàng hỏi thăm tìm kiếm. Bấy giờ bèn thần thông cứu, nhưng biết không được bèn đổ cơn mưa nhỏ để ông tỉnh ngộ nên hóa làm một thiếu nữ muốn đến giao hội. Nếu không theo dòng họ nặng thì sẽ không có con. Người cha hối lỗi bèn cùng thông giao, di thể chảy ra chất dơ trên đất, tiên nhân lấy túi phân bò đặt vào vườn cam giá. Ngày sưởi ấm và cho đến đủ mười tháng biến thành cậu bé, dung nghi tuấn tú, tinh thần tuyệt diệu. Tiên nhân đem về nuôi rồi được làm vua. Từ đó dòng Thích-ca lại có người nối dõi, cho nên Cù-đàm Hán dịch là cam giá chủng, Thích-ca năng tánh, chủng loại rất nhiều nhưng Cù-đàm Thích-ca là dòng tộc tôn quý nhất, cháu đích tôn kế thừa luôn giữ ngôi vị tôn quý. Nếu hủy hoại thì gọi là

ngưu phẩm chủng nê thổ chủng.

Cho nên nói: Nhĩ cù đàm tánh, ma là tiếng Nam, họ của Phật vọng thủy gọi là Kiều-đáp-ma, Di là người nữ vì gọi di mẫu của Phật nên gọi là Kiều-đáp-di.

Mạ lị: Thương Hiệt Thiên nói mạ cũng như lị, nay hiểu lời nói ác là mạ phỉ báng nguyền rủa gọi là vị.

A-luyện nhã: Chỗ thanh vắng, cách thôn một cây lễ xá, hơn bốn dặm.

Phỉ báng: Trù rủa, Quảng Nhã gọi là ác. Quốc Ngữ Tả Sử nói chê bai, Giả Quỳ gọi là nói lời ác với người.

Khải là áo giáp.

Kiến tẩn:

PHẨM AN LẠC HẠNH

Tốt bạo: Chính là viết chữ là mất con.

Ni-kiền-tử: Na-bàn-đà Phật đa-la Hán dịch là ly phược thân tử.

Văn bát: Văn thuộc loại thơ ca, bút thuộc dòng phú minh.

Kinh thư: Chu Lễ nói lục nghệ, lục thư là hình tượng hội ý, chuyển chú, chỉ sự, hình thanh, giả tá. Thư là sáng tác, theo loại tượng hình nghĩa là sau lời Văn hình thanh bổ ích cho nhau.

Lạc-già-da-đà: Trước dịch là người đối đáp lời ác.

Nghịch-lộ-dà-da-đà: Tiên dịch là ác trưng vấn. Chính phạm âm là lộ ca. để ca là thuận thể ngoại đạo chấp pháp thuận thế ngoại đạo đã thuyết. Sau chánh phạm là phược Ma-lô-ca. Để-ca-là-tả- thuận ngoại đạo chấp cái trái ở trước và và thuyết không thuận thế gian gọi là tả thuận thế ngoại đạo.

Hung ký: Hung là ác, sợ hãi. Ban đầu có chữ là biểu tượng của sự đắc thất, lỗi ác.

Tương xoa: Cử thêm người, Thiết Vận nói cử thêm người cũng gọi là

Tương phác:

Na-la: Xăm vào thân.

Biến thiện chi hý: Làm huyễn thuật.

Chiên-đà-la: (đã giải).

Điền lạp: Điền là bắt cầm thú, có khi viết Bạch Hổ Thông nói điền là trừ hại, nên nói là điền lạp.

Ngư bổ: Ngọc Thiên nói ngư là bắt cá có khi viết Thuyết Văn

cũng gọi là bắt cá.

Sa-di: Cầm sách.

Đồ nhi: Thuyết Văn nói đồ là cắt xẻ thịt súc sanh.

Khôi hội: (đã giải).

Huyền mại: Thuyết Văn nói huyền là đi buôn bán.

Bình xứ: Lễ Ký nói ở bên cạnh hầu hạ. Trịnh Huyền gọi là ẩn, Thi nói sự tệ lậu của vạn bang, Thiết Vận nếu nói trốn tánh thì viết

Nhập ký: Chu Lễ nói năm nhà là một xóm, năm xóm thành một lý, hai mươi lăm gia lý là cư. Thích Danh nói năm xóm là lý.

Khiếp: Ngọc Thiên nói khiếp là sợ, rất sợ.

Oán hiềm: Oan ức bởi những điều oan trái gọi là làm cỏ tự rạp hiềm là tâm bất bình.

Táo dục: Thuyết Văn nói táo là tắm.

Tâm tịnh: Có khi viết tâm là nhiếm. Chánh Pháp Hoa nói mặc áo sạch sẽ, ở đoạn dưới lại nói trong ngoài đều sạch sẽ, nên phải từ chữ tâm tịnh.

Tà nguỵ:

Khinh miệt: Thuyết Văn gọi là khinh thường nhau.

Thảo phạt: Hán Thư Âm Nghĩa nói thảo là trừ. Lễ Ký nói kẻ phản vua là thảo. Trịnh Huyền nói thảo là tru di, Thiết Vận gọi là chính, Tả Truyện nói có chuông trống gọi là phạt.

Duy kế.

PHẨM TÙNG ĐỊA DÕNG XUẤT

Ngọc Thiên nói dõng là vọt lên như nước bắn tung lên. Có khi viết là nhảy, chẳng phải nghĩa này.

Vấn tấn: Ngọc Thiên nói tấn là hỏi thăm, lời nói, chấp vấn thông vấn gọi là tấn.

Cự thân: Tự Lâm nói cự là lớn. Phương Ngôn nói giữa Tề, Tống nói lớn là cự. Thuyết Văn gọi là

A-dật-đa: A-thị-đa, nghĩa là vô năng thắng, dạnh hiệu Phật Di-lặc.

Bị tinh tấn: Bị là mang, có khi viết nghĩa là giáng ra phủ lên, Phương Ngôn nói bài là tản ra, chẳng phải nghĩa này.

Phấn tấn: Phấn là dương lên,Quảng Nhã gọi là chấn, tấn là nhanh, như chim bay thì lông dựng lên thân to ra.

Đầu đà: Đỗ-da nghĩa là đào thải hoặc gọi vứt bỏ. Hoặc gọi cải

thiện, ý nói bỏ đi dơ dáy. Còn nghĩa là đẩu tẩu chẳng phải lý này.

Hội niệu: Hội là loạn, phiền, niệu là ồn ào.

Đà-da-thành:

Diện trứu.

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Thích thị: Các kinh nói họ cù đàm, thị tánh là khác, tánh là hệ thống trăm đời khiến không khác. Kinh cảm sanh ra. Thị là phát lát. Từ con cháo hoặc vì đất đai, hoặc do quan tước. Nên Thế Bổn nói tánh là ở trên thị là ở dưới.

Na-do-tha: Vì trong năm mươi hai số của mười tích là số thứ mười hai.

Niên kỷ: Mười hai năm là một kỷ.

Bái quý: Quý là bái. Tả Truyện nói quý mà phép.

Đảo sơ: Thuyết Văn gọi là dụnh cụ bằng tre, có thể gọt bỏ phần thô lấy phần tế, Thiết Vận gọi là tấm lưới.

Trừ dũ: (đã giải).

Ức tải: Hoàng Đế tạo số pháp có mười bậc. Đó là ức, triệu, kinh, cai, nhưỡng, đệ, cấu, cách dùng có ba. Thượng trung, hạ. Số hạ mười vạn là ức, số trung là trăm vạn ức. Số thượng là vạn vạn là ức.

Du-lạc: Dạo chơi nơi cảnh đẹp sanh tâm vui mừng.

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Lượng toàn: Toàn là trở lại, Thiết Vận nói như dòng nước xoáy lại.

Tầm phân: Ngọc Thiên nói tầm tầm là qua lại, phân loạn, Quảng Nhã là loạn.

Đàn: Là đàn ra, bố thí.

Thi-la: Thi-la là thanh lương, thuận theo cổ là tịnh giới.

Sàn-đề: Là an nhẫn.

Tỳ-ly-da: Là tinh tấn.

Thiền: Thiền-na. Tĩnh lự

Bát nhã: Ở trong nhân gọi là Na-la-nhã. Hán dịch là tuệ, ở trong quả gọi là Tát Phược Nhã, hoặc nói nhất thiết trì hoặc nói nam trí.

Tháp tự: Phạm gọi là Tỳ-ha-la, nghĩa là nơi du hành. Chính là nơi nhiều người vân du. Cũng gọi là tăng viên, nay lấy chữ tự để thay thế, Quảng Nhã nói tự là trị, Thích Danh nói tự là từ. Người trông coi quản

ký phải nối tiếp nhau.

Tăng phóng: Tự Lâm nói phóng là tên khác của thất.

Đa-la-thọ: Xứ này không có, xưa tương truyền cây này cao bảy nhẫn, một nhẫn là bảy thước, thân nó như cây sồi thật cao bảy mươi, tám mươi thước, hoa như lúa vàng lớn như cái bát, người ta ăn nó rất nhiều.

Tu-mạn-hương: Hoa Tô-mạt-na rất thơm.

Chiêm-bặc: Chiêm-bác-ca, Hán dịch là hoa vàng, hoa nhỏ mà thơm. Ở Tây Vực rất nhiều vườn cây này.

A-đề-mục-đa: Loại này ở phương này không có nên không dịch.

Huân du: Cỏ thơm, lấy cỏ thơm hòa ngâm trong diếp đằng để cho mềm mới ép làm dầu, nên gọi là huân du.

PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Mạch: Ngọc Thiên nói Đông Tây là mạch, mạch là con đường.

Khiển súc: là thu ngắn lại.

Thô sáp:

Sang chẩn: Bịnh ngứa trên môi, Tam Thương nói là phong thủng.

Oa khôi: Mồm méo mắt lệch.

Biển thê: Toán văn gọi là mỏng. Nay Văn Thông Tục gọi là rộng mà mỏng là biển thê, Quan Trung gọi là tấm biển.

Khúc lệ: Tự Lâm nói lệ cũng là cong, Thiết Vận gọi là trái.

Oa khúc: Ngọc Thiên nói oa là chỗ trũng cong xuống, Quảng Nhã gọi là xuống Tự Lâm gọi là ẩn. Ngọc Thiên nói khúc là cong, nhỏ.

Ngạch: Cái ngạch cửa.

PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Mệnh mệnh điểu: Chim cọng mạng.

Xà-đề: Hoa kim tiền.

Mạt-lợi-hoa: Tràng hoa có thể làm búi tóc.

Soạn tập: Quảng Nhã nói soạn là định soạn thuật.

Ba-lợi-chất-đa-la: Hương cây viên sanh.

PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH: Tương.

PHẨM THẦN LỰC

Khánh khái: Thuyết Văn, Ngọc Thiên cũng nói là khái, Thương Hiệt Thiên gọi là thanh, có khi viết nhạc khí. Khái, Ngọc Thiện, Thuyết Văn gọi là khái là họ. Có khi viết hài là trẻ ho. Chẳng phải nghĩa này.

PHẨM CHÚC LỤY

Chúc là phó thác, Thuyết Văn gọi là nối tiếp. Quảng Nhã gọi là ủy thác. Nghĩa là đem nhiệm vụ phó thác cho.

PHẨM DƯỢC VƯƠNG

Nghiên: Ngói

Ca-la: Câu Xá Luận nói trong năm mươi hai số tăng gấp mười lần số thứ mười sáu.

Tàn-bà-la: Số thứ mười tám.

A-súc-bà: Số thứ hai mươi.

Ngã thích: Thích là xưa, Chánh Pháp Hoa nói ta xưa cúng dường. Tam Thương, cổ văn viết

Tu-đà-hoãn: Dự lưu.

Tư-đà-hàm: Nhất vãng lai.

A-na-hàm: Bất hàm.

A-la-háp: Ứng cúng.

Oán địch: Quảng Nhã gọi là oán đối, Nhĩ Nhã gọi địch là đôi.

PHẨM DIỆU ÂM

Kim cang vi tu.

Động diêu: Diêu là cây lay động.

Yên thúc ca: Báu sắc đỏ, Tây Vực Ký nói ở Ấn Độ có rất nhiều cây yên thúc ca hoa nó màu đỏ, hình lớn như bàn tay, sắc màu của thứ báu này, giống màu hoa ấy. Nhân đó đặt tên

Na-la-diên: Tên trời đa lực.

Tể quan: Thanh Loại nói tể là trị, nghĩa là quan lại cai quản ấp. Quảng Nhã nói tể là chế, nghĩa là người soạn thảo công việc.

PHẨM QUÁN ÂM

Thuyền phưởng: Ngọc Thiên nói chu là thuyên, Ngọc Thiên nói phương là thuyền.

Phiêu đọa: Thuyết Văn nói phiêu là nỗi trôi chánh pháp hoa gọi là trôi nổi.

Sửu giới: Ngọc Thiên gọi là sất cốc, gông cùm.

Kiểm hệ: Quảng Nhã nói kiểm là giáp nghĩa là gông lại không mở ra được còn gọi là sát, nghĩa là kiểm tra trói buộc.

Đường quyên: Đường là luống, không, Thương Hiệt Thiên nói quyên là bỏ.

Chúc trớ: Thuyết Văn viết cũng như nay đều viết Thích Danh nói chú là chúc. Nghĩa là đem lời thiện ác chúc cho nhau, trớ là bảo người làm việc theo lời mình. Có khi viết là tự là nhấm, chẳng phải nghĩa này. Thiết Vận gọi là thư, lấy lời để đáp.

Chế điện: Âm dương xoẹt chớp. Thích Danh nói chế là dẫn, điện là diễn, nghĩa là chợt thấy rồi vụt tắt. Quan Trung nói chớp nhoáng.

Giáng bào: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói dương là mưa âm là khí. Kết lại thành bào.

Giới lôi: Thi nói sao không nói giới, giới là cảnh tĩnh. Phương Ngôn nói giới là phòng bị.

Tứ ý diệu đại vân: Mai-đát-lợi-mạt-na sanh từ ý.

PHẨM ĐÀ-LA-NI

Tổng trì có bốn, đây Là Minh Chú

Dược vương Bồ-tát chú

La-sát: La-sát-bà gọi là bạo ác.

Kiết giá: Ngật lật là sở tác.

Tứ cầu: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói tứ là dò xét, Cố Dã Vương nói tứ là chờ đợi, Vận Thuyên nói tứ là dòm lén nhau. Thương Hiệt Thiên nói hai người chờ nhau, Thuyết Văn cổ kim chính là viết bộ nhân, Tỳ Thương nói

Tỳ-sa-môn: Nghĩa là Đa Văn là Thiên Vương ở Phương Bắc trong Tứ Thiên Vương.

Hào đế:

Áp du: Áp là hoại, trấn.

PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG

Chỉ trảo: Là móng tay, có khi viết Ngọc Thiên nói là vẫy.

Cám thanh: Thuyết Văn nói lụa bạch nhuộm màu xanh mà hiện màu đỏ, Thích Danh nói cám là hàm. Màu xanh mà bao hàm màu đỏ. Thuyết Văn nói trong màu xanh đỏ sanh ra sắc đỏ như tía sẫm màu Ma-ni khác với màu này.

Như kha: Thuộc loại ốc, xuất phát từ biển trắng, như tuyết.

Tần bà quả: Loại quả màu đỏ còn nhuận trường, phương này không có.

PHẨM PHỔ HIỀN

Trong Đà-la-ni nói Đế-a-nọa-tăng-già suất lược: Âm nọa: Phạm ngữ là hằng bị.

Liêu lệ: Liêu là nhiễu, nghĩa là ràng rịt.

Giác lai: Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói đồng tử không nghiêm chỉnh.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Sa môn Tuệ Lâm soạn thêm

QUYỂN 28

Kinh âm phổ diệu... tám quyển (Huyền Ứng)
Kinh chánh pháp hoa... mười quyển (Huyền Ứng)
Kinh vô lượng nghĩa... một quyển (Tuệ Lâm)
Kinh pháp hoa tam muội... một quyển (Tuệ Lâm)
Tát đàm phân đà lợi... một quyển (Tuệ Lâm)
Pháp hoa hậu dịch thiêm phẩm... bảy quyển (Tuệ Lâm)
Duy-na-cật sở thuyết... ba quyển (Huyền Ứng)
Duy-ma-cật... hai quyển (Huyền Ứng)
Vô cấu xưng... sáu quyển (Huyền Ứng)
Đại phương Đẳng Đỉnh Vương... một quyển (Tuệ Lâm)
Đại thừa đỉnh vương... một quyển (Tuệ Lâm)
Thiện tư đồng tử... hai quyển (Huyền Ứng)
Đại bi phân-đà-lợi... tám quyển (Huyền Ứng)
Bi hoa kinh... mười quyển (Huyền Ứng)
Mười bốn kinh bên phải có sáu mươi mốt quyển đồng âm.

KINH ÂM PHỔ DIỆU

Sa-môn Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Hất kim: Nhĩ Nhã nói hất là đến.

Phúc tồ: Tồ là báo, cũng là lộc.

Tứ độc: Nhĩ Nhã nói nước chảy xuống đọng thành cũng, Thuyết Văn gọi là cái mương.

Ngu đầng: Thuyết Văn nói ngu cũng là khờ lại đần cũng là ngu.

Dõng điều: Là bình đựng rượu, Thuyết Văn nói điều là rượu.

Hạn song: Hạn là lan can.

Uyển hữu: Thuyết Văn nói vườn có tường thấp, cũng là cấm

uyển.

Phác thọ: Tên nước, y theo chữ hai bộ đao có cán nắm có thể phác cỏ.

Tệ tạng: Chữ khó trong chu thành âm đãng, Thuyết Văn nó tệ là tiền tệ chỗ cất chứa.

Lung sỏ: Thương Hiệt Thiên nói lung cũng như sỏ, Thuyết Văn nói phòng ốc là sỏ, sỏ cũng như song cửa.

KINH ÂM PHỔ DIỆU
QUYỂN 2

Bế chủng: Thuyết Văn nói chủng là gót chân, Quảng Nhã nói cũng là gót chân.

Khiếp tứ: Thuyết Văn nói tứ là cái giỏ đựng quần áo, cũng để đựng thức ăn tròn gọi là đan, vuông là tứ.

Di giá: Lễ Ký nói nam nữ bất đồng là di giá. Trịnh chú nói cái mắc áo nghĩa là dùng làm cái giá mắc áo.

Vụ nhạn: Nhĩ Nhã nói loài chim hoan dã sống ở ngoài hoàn dã gọi là điêu, nuôi trong nhà là vụ, vụ là con vịt.

Phân ba: Thuyết Văn nói phân là thơm, ba hoa.

Hài tiếu: Thuyết Văn nói hài là tiếng cười của trẻ em, Lễ Ký nói con sanh ba tháng tay cha ôm con cười mà đặt tên.

- Quyển 3 không có từ để âm nghĩa.

KINH ÂM PHỔ DIỆU
QUYỂN 4

Ủy đam: Ủy là tích, đam là gánh vác, nghĩa là ủy trách để gánh vác lẫn nhau.

Giao thanh: Bay thành từng bầy như gà giống như con le nhưng cao.

Giảo cốt: Quảng Nhã nói giảo là cắn. Văn kinh viết Thuyết Văn gọi là ăn cay.

Liêu chúc: Nhĩ Nhã gọi là quan liêu, Quách Phác nói cùng làm

quan với nhau gọi là liêu là bạn.

Ngung ngung: Thuyết Văn nói môi cá dẫu lên. Hoài Nam Tử nói mọi người ai cũng trong mong kính ngưỡng đức của người

----

KINH ÂM PHỔ DIỆU
QUYỂN 5

Bất đế: Thương Hiệt Thiên nói đế là hắt xì. Văn kinh viết là sai.

Bảo đóa: Thông Tục Văn nói vun đất lên gọi là đóa.

Đề mạn: Thuyết Văn nói đề là lụa trắng, đỏ, vàng. Nhuận gọi là nguyên đề.

Châu uy: Thuyết Văn nói châu là không tròn gọi là uy.

Thác ngôn: Thi nói lời nói sai lầm của dân, tiên nói thác là giả tạo.

Tật lê: Cỏ tật lê tức bò đầy đất sanh con có ba góc. Văn kinh viết chưa thấy xuất xứ, ky là cái này.

KINH ÂM PHỔ DIỆU
QUYỂN 6

Ngân ngân: Thuyết Văn nói ngân ngân là hòa vui mà tranh nhau, Lễ Ký nói ngân ngân là hòa kính.

Anh minh: Tự Lâm nói Trang Thái Tâm cũng gọi là nhìn tỉ mỉ. Văn kinh viết là sai.

Khiêu điệp: Khiêu là nhảy, điệp là giẫm.

Phê đầu: Thuyết Văn nói phê là ngẩn đầu, Thương Hiệt Thiên gọi là đầu không ngay.

Thung dung: Thung là cái vẻ thung dung Nhân Nhã. Quảng Nhã nói thung dung là cử động.

Khôi khuếch: Tự Lâm nói khôi là lớn, khuếch là rỗng rang.

Phách tẩn: Thuyết Văn nói xương đầu gối là tẩn.

Hổ quang: Nhĩ Nhã nói quang giống như con trâu. Quách Phác nói một sừng màu xanh nặng một ngàn cân.

Hòa thực: Đất chính là thực, Thích Danh nói thực như thức

Tài nghiệt: Nhĩ Nhã nói nghiệt là chổ, dư nghĩa là cây có tân dư thì chở.

Phạn lưu: phạm là trôi.

KINH ÂM PHỔ DIỆU
QUYỂN 7

Truân khiên: Thuyết Văn nói truân là khó khăn, khiên là quái ngại.

Lâm phân: Là tên cây.

Lễ chúc: Nhĩ Nhã nói chúc là tặng, Quách Phác gọi là tặng cho

- Quyển 8, không có từ âm nghĩa.

*****

CHÁNH PHÁP HOA KINH

Sa-môn Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Lô đế: Hoặc nói Tát-câu-lộ-đế là tên người Hán dịch là quý tánh.

Diệm minh: Diệm lầ sáng rỡ, lửa bốc lên.

Chưng dân: Nhĩ Nhã nói chưng là đông, trời sanh chúng dân.

Khôi hoạt: Tự Lâm nói khôi là lớn, hoạt là xa.

Ký kim: Tự Lâm nói ký là cập, đến.

Hoắc nhiên: Là bỗng chợt, nhanh chóng.

Toán tụ: Hoặc viết là tục, tục là nối tiếp, nghĩa là tiếp tục tu nghiệp.

Dục dược: Ánh lửa sáng lóc, văn kinh viết là sai.

Ban lan: Thông Tục Văn gọi là văn chương, văn kinh viết sai.

Phổ diễn: Cổ văn viết chữ Thi Truyện nói phổ là lớn.

Giảo lược: Giảo là thô sơ, Quảng Nhã nói giảo là sáng.

Minh triết: Nhĩ Nhã nói triết là tài giỏi.

Nhược thiện: Thuyết Văn nói thiện là thêm vào Thương Hiệt Thiên nói thiện là trị thiện là lời hay.

Trào thoại:

Áp sức: Nhĩ Nhã nói tướng là áp, Quách Phác nói lấy đất trắng để điểm tô lên tường.

Nao cảnh: Chưa rõ xuất xứ. Chu Lễ nói một thứ âm nhạc để hòa với trống kim nao để dứt trống.

Phủ biến: Phụ là vỗ, vỗ tay là biến.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 2

Chước dịch: Chước dịch là lo sợ, cũng là đau bịnh.

Vị lịnh: Thương Hiệt Thiên nói lịnh là nghe, tai nghe được là linh.

Thước như: Thước là sáng láng, ý nói chợt lóe lên.

Phu xuất: Phu là nhanh Quảng Nhã nói phu là đi.

Uẩn hận: Uẩn là oán, Thuyết Văn gọi là nộ cũng gọi là sân.

Tệ tạng: (đã giải)

Suy đông: Suy là cây rai, đông là cây đòn dông chỗ cao nhất nhà.

Hạn thát: Quảng Nhã nói thát là cái cửa là cái cửa nách trong cung.

Hủy xà: Hủy là rắn độc, Hàn Thi Tử nói loài rắn có tên hủy, một thân mà hai miệng tranh ăn cắn nhau, tàn sát nhau.

Phúc thích: Phúc là rắn có răn độc, trên nhọn như kim. Văn kinh viết con dơi là nhầm.

Bô thoán: Quảng Nhã nói bô là trốn.

Ô hô: Tự Lâm nói hô là thở ra, hô là gọi bảo văn kinh gọi là thọ.

Thu tức: Là tiếng thở than, văn kinh viết là giận, chẳng phải nghĩa này.

Hỗn xí: Hỗn là chuồng chỗ heo ở, xí là dơ, tạp.

Khòa quật: Hang gà ở gọi là khòa, chỗ thỏ núp là quật, văn kinh viết là sai.

Tra chế: Tra là xoa, văn kinh viết tha răng nghiến vào nhau. chẳng phải nghĩa này.

Kỳ khiết: Hán thư vệ chiêu âm khiên Thương Hiệt Thiên nói người tề cho rằng khiết trá là kỳ, kỳ là khiết.

Yết di: Từ dương nói yết di đều là nói co dê thiến.

Trủng lang: Thông Tục Văn nói trưng là mả đắp cao.

Cưu thản: Các kinh có khi viết cưu thản hoặc viết đều là nhầm, phạm âm. Hán dịch là hủy thân lớn.

Bạt hổ: Hán Thư Âm Nghĩa nói hỗ là bạt hỗ nghĩa là tướng bĩnh, không phục tùng.

Thiết trác: Trác là mỏ chim.

Thi hài: Là tên chung của xương, văn kinh viết chữ là sai.

Phần thiêu: Mao Thi Truyện nói phần là nướng, phần cũng như thiêu.

Khuông nhượng: Thuyết Văn nói khuông nhượng là phiền nhiễu. Nghĩa là phiền hà lo sợ, văn kinh viết bộ tâm. Nhượng là run sợ, khó khăn.

Ô ôn: Thuyết Văn nói ôn là hư thai.

Khôi tận: Đốt cây mà còn dư gọi là tận. Văn kinh viết tận của cỏ tận, chẳng phải.

Chích liệu: Giang Bắc nói chích là hơ tay chân, văn kinh viết là sai.

Bôn vụ: Vụ là chạy nhanh, Quảng Nhã gọi là chạy.

Ngô công: Con rết.

Chỉ triệt: Loài rắn độc.

Manh hội: Điếc bẩm sinh là hội, con người không hiểu biết là hội, văn kinh viết chữ hội bộ là sai.

Nhiêu binh: Thương Hiệt Thiên gọi là đốt.

Miễn tế: Tế là vượt qua có ích.

Miễn lệ: Miễn là gắng, là tự cố gắng, lệ là khích lệ lẫn nhau.

Nhiễu thuận: Nhiễu là an, Thuyết Văn nói trâu thuần hòa là nhiễu, Quảng Nhã nói thuận là tốt. Thuyết Văn nói nuôi chim thú khiến cho nó học theo là thuần, văn kinh viết chữ nhiều bộ thủ và chữ tuân là sai.

Trập tiết: Trập là ngăn trở, cùm buộc tiết là cùm ngựa, nghĩa là cột chân súc vật, đều gọi là tiết tiết, trói.

Báng san: Thương Hiệt Thiên nói san là lỗi, báng là chê bai.

Cỗ dã:

Yêm thậm: Là không sáng.

Đông tảo: Đông là đau đớn, tảo là trên da nỗi hạch.

Lại sang: Tự Lâm gọi là bịnh nan y.

Ưu ứ: Quảng Nhã nói ứ là bịnh, ứ là vết thương văn kinh viết sai.

Hoán triết: Sở Từ nói trác triết là tiếng chim.

Lê kham: Thông Tục Văn nói vằn đen gọi là lê kham.

Háo ngỗ: Thanh Loại nói ngỗ là ngỗ nghịch.

CHÁNH PHÁP HOA KINH QUYỂN 3

Tĩnh thanh: Nghĩa là an định không có tiếng tăm gì.

Phần ôn: Là mùi thơm, văn kinh viết là sai.

Lưu đãng: Thuyết Văn nói đãng là lỗi.

Kiều đình: Tự Lâm nói kiều là kỳ, văn kinh viết là ngạo, tài.

Trí ấn: Ấn là ấn khả, Thuyết Văn nói ấn là vương tín (ngọc tỷ của vua) Thương Hiệt Thiên nói ấn là nghiệm.

Hý du: (đã giải).

Tồ dận: Tồ là tước lộc, dận là nối dõi, văn kinh viết là sai.

Cỏ nộn: Thương Hiệt Thiên nói nộn là đói, văn kinh viết chưa thấy xuất xứ.

Ty kế: Thuyết Văn nói ty là lường, suy nghĩ, kinh viết là trao đổi hàng hóa sai ý.

Nghi dụng: Thương Hiệt Thiên nói dụng là lấy, văn kinh viết là sai.

Ngang ngang: Nghĩa là vẻ cung kính.

Trư trệ: Đông Tây nói trư là con heo.

Kê vụ: Loài hoang dã là con le, nuôi trong nhà là con gà. Vụ là con vịt văn kinh viết là sai.

Xuất nội: Tự Thư nói nội là vào, văn kinh nói chữ này có bộ là sai.

Phiền oan: Thuyết Văn nói oan là khuất Quảng Nhã gọi là oan uổng, văn kinh viết là sai.

Ly thân: Tam Thương nói ly là sạch, cắt.

Lâm lộc: Nghĩa là rừng cây thuộc về núi gọi là lộc. Truyện nói lộc là chân núi.

Cù mộc: Thi nói phương Nam có cây si. Chú rằng cât si cành nhánh rủ xuống quanh co.

Kiết kiết: Thi Truyện gọi là lớn, Thuyết Văn gọi là lúa nẩy mầm.

Phong tiên: Chu Lễ nói tiên là sung túc, cũng gọi là dư, văn kinh viết là sai,

Phụ tự: Nghĩa là đập nát vật.

Phôi thai: Thuyết Văn nói phụ nữ mang thai một tháng là phôi, hai tháng là thai, thai là bắt đầu, nuôi dưỡng.

Thám bản: Thuyết Văn gọi là vởi lấy mò tìm.

Tuyên hiệp: Hiệp là hợp, đồng, hòa.

Phỉ tân: Thi Truyện nói phỉ là văn chương tân là sáng rực rỡ.

CHÁNH PHÁP HOA KINH QUYỂN 4

Diễm miến: Diễm là sắc đẹp, miến là nhìn bậy.

Dịch dịch: Dịch là đức rạng ngời Quảng Nhã nói dịch là thạnh.

Ta thán: Nghĩa là thở dài, văn kinh viết chữ là sai.

Khai vi: Tự Lâm nói vi là mở, tịch, văn kinh viết là sai.

Luy bị: Văn Thông Thường nói rất mệt mỏi gọi là bị, bị là mệt mỏi yếu ớt.

Truân truân: Dặn đi dặn lại là thành khẩn.

Ỷ toản: Thuyết Văn gọi là trắng đẹp. Thanh Loại toản là ỷ, Văn Thông Tục nói mặc y phục xinh đẹp, văn kinh gọi là sai.

CHÁNH PHÁP HOA KINH QUYỂN 5

Giải dịch: Di dịch là vui vẻ, Tự Lâm nói dịch là vui.

Bất lạo: Thông Tục Văn gọi là ý keo lận là lạo. Thuyết Văn nói lạo là đích nghĩa là lưu luyến đi không nỡ.

Tỳ thể: Tỳ là tăng, dày, trợ giúp.

Thuần hóa: Ý nói chuyên nhất không tạp gọi là thuần, Tam Thương nói thuần là nồng.

Cầu thiêu: Thuyết Văn nói thiêu là nhìn trông vọng.

Ngạn để: Để giống như dưới Thuyết Văn gọi là vực núi cao.

Đào thải: Thông Tục Văn nói vo gạo gọi là đào thải. Quảng Nhã nói thải là rửa.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 6

Khư tụ: Khư là ở, chỗ ở của dân gọi là khư, Quảng Nhã nói tụ là ở. Nghĩa là chỗ người ta ở chung một vùng.

Tông lưu: Thi nói chim le chim cực vi ở gọi là tông. Truyện nói chỗ nước đọng lại. Thuyết Văn nói đong nhỏ chảy vào dòng lớn.

Điều thuần: Thuần là thiện, cũng gọi là đi theo, văn kinh viết là sai.

Kinh quỳ: Tên của bà Đại Ái Đạo trong diệu pháp hoa.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 7

Ân thiều: Thiều là tên loại vũ nhạc, thiều là lời giới thiệu.

Đôi xạ: xạ là bắn.

Trù mậu: Thi Truyện nói trù mậu là ràng rịt.

Điều nghi: Thông Tục Văn nói đại điều là nghĩ, nghi là lừa dối.

Tha địch: Là lật đật. (túc tích)

Lao phế: Phế là thối lui, dừng lại kinh văn viết là sai.

Khuy thâu: Thuyết Văn gọi là dòm lén.

Khể tang: Khể là chí, tang là ngạch trán, nghĩa là trán chấm đất.

Tuân pháp: Tả Truyện nói thăm hỏi là tuân, tuân là nghi thức hỏi thăm người thân.

Bần cũ: Thi nói cũ là vô lễ, Tự Thư nói cũ là rỗng không.

Nguyên nguyên: Ý nói nguyên nguyên chẳng phải một người, nghĩa là dân nói người thiện, vì thiện làm đầu, nên nói lê nguyên. Văn kinh viết chữ ngoan ngoan là tham chẳng phải nghĩa này.

Muộn phúc: Phúc ức giống như tràn đầy.

Hoảng ế: Quảng Nhã nói hoãng là chết các chư hầu chết gọi là hoảng, ế là một khi phát bịnh lên thì chết gọi là ế.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 8

Đề hồ: Lạc tô là đề hồ, văn kinh viết đế là sai.

Tắc úng: Tỳ Thương nói ngạt mũi gọi là úng.

Tỉ nha: Nha là con chim quạ văn kinh viết là sai.

Giao tình: Loài này giống con le nhưng chân dài người ta nuôi nó để phóng hỏa tai.

Quán hô: Nghĩa là kêu gọi.

Hưởng hý: Hưởng là hiến tặng, nghi lễ nói cấp lương gọi là hý. Hý cũng như bẩm cấp, cung cấp.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 9

Hào đào: Là tiếng gào khóc, văn kinh viết là sai.

Yểm ma: Thương Hiệt Thiên nói điều phục tâm người là yểm, cũng gọi là trong giấc ngủ gặp điều chẳng lành.

Tạp nhữu: Nay vì nhiều màu lẫn lộn nên gọi là nhữu.

Bảo anh: Quảng Nhã gọi là thủy tinh gọi đó là đá anh, ánh sáng của ngọc gọi là anh.

Thao thiết: Tham tài là thao, tham ăn là thiết.

CHÁNH PHÁP HOA KINH
QUYỂN 10

Trào nghệ: Nghĩa là đùa giỡn.

Sanh phác: Thuyết Văn nói phác là trên mặt nỗi mẫn

*****

KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Tuệ Lâm soạn

Tỳ-ma-bạt-la (phạm ngữ) danh hiệu của vị Bồ-tát.

Đạm bạc: Cố Dã Vương nói đạm là yên tĩnh. Vương Dật chú Sở Từ nói đạm là an, Quảng Nhã nói bạc là tĩnh, Thuyết Văn gọi là vô vị hai chữ này đều là bộ tâm văn kinh viết hai bộ thủy là sai

Lung nhị: Thương Hiệt Thiên nói lung là điếc, Thuyết Văn gọi là không nghe, bộ nhĩ âm long Khổng chú Thượng Thư nói nhị là cắt Trịnh chú Chu Lễ Ký nói cắt mũi mình.

Mi tiệp: Thương Hiệt Thiên nói tiệp là lông mi, Thuyết Văn gọi là lông bên mắt, Cố Dã Vương nói Trịnh Huyền là vành mắt.

Tỏa cốt: Hán Thư nói liên tỏa, nghĩa là lấy châu xâu lại nhau. theo kinh tỏa cốt là gân cốt của Như-lai như hàm thiết ngựa móc lại nhau như kiên tỏa.

Ô trùng: Thuyết Văn gọi là bắp hàm, Thương Hiệt Thiên nói tràng là đường ruột, Quảng Nhã nói tràng là ruột lớn ruột nhỏ.

Tủy não: Thuyết Văn nói mỡ trong xương là tủy, Thanh Loại nói mỡ trong đầu là não.

Tỏa thân: Trịnh chú Khảo Công Ký nói tỏa là vấp váp, Giả chú Quốc Ngữ nói bẻ gãy là tỏa, Thuyết Văn nói tỏa là gảy.

Noãn thân: Giả chú Quốc Ngữ nói noãn là ấm xưa nay viết bộ hỏa âm kinh viết là sai..

Giãi đãi: Giả chú Quốc Ngữ nói giãi là mỏi mệt, Thuyết Văn gọi là lười, bộ tâm âm giải văn kinh viết cũng thông.

Lõi phấn: Trịnh chú Lễ Ký nói phấn là động, Quảng Nhã nói từ ở trên bộ

Nhãn nhiên: Khảo Thanh nói bạo tàn, Phách Tông Chú Tây Kinh Phú nói hân là gấp, Thuyết Văn cho là gió thổi lên,

Uất mậu là cỏ cây um tùm.

*****

KINH PHÁP HOA TAM MUỘI - *Tuệ lâm soạn*

Sao sao: Quảng Nhã gọi là nhỏ, Cố Dã Vương nói sao sao là xâm tiệm.

Ngạc nhiên: Khảo Thanh nói ngạc là gặp nhau mà ngạc nhiên,

Thuyết Văn gọi là lời thẳng.

Mạt lưu: Cố Dã Vương nói bọt nước nỗi trên gọi là mạt.

Vô dạng: Lễ Ký nói lạnh không dám run, ngứa không dám gãi, tập là không dám mặt thèm áo.

Tích tháp: Khổng chú Thượng Thư nói tích là phân, Thuyết Văn bộ mộc âm cân, kinh viết bộ là sai.

Trạc chúng: Mao Thi Truyện nói trạc rửa, Quảng Nhã gọi là tẩy lau. Thuyết Văn gọi là giặt.

Thính ngã: Khảo Thanh nói thính là nghe bằng tai và thẩm sát chắc chắn, cho phép Khổng chú Thượng Thư nói xét rõ phải trái, Trịnh chú Lễ Ký nói thính là đợi, Thuyết Văn gọi là nghe.

Hoạnh cường: Hoạnh cũng như mãnh, ác. Thuyết Văn nói chó hùng hổ không dám đến gần.

*****

KINH ĐÀM PHÂN ĐÀ LỢI KINH - *Tuệ Lâm*

Tam mạn Đà-bạt-đà: Kinh viết chữ là nhầm, bạt, tiếng phạm Đường dịch là phổ hiền.

Tát-đàm-phân-đà-lợi: (Đọc lượt âm Phạm), Chính Phạm âm là Tát-đạt-ma-bôn-noa-lý-ca Đường phiên là diệu pháp Bạch Liên Hoa, Ngài La Thập đời Diêu Tần gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, lược bỏ chữ bạch.

Bào Hưu-la-lan: Tiếng Phạm là tên của Đức Phật chính Phạm âm là Bát-la. Đường gọi là đa bảo.

Vô ương số: (đã giải).

Huyền thân: Khảo Thanh nói huyền là mắt láo liên, cũng gọi là đi buôn bán.

Cấp thủy: Trịnh chú Khảo Công Ký nói cấp là dẫn Thuyết Văn cũng gọi là dẫn nước.

Bế tam ác đạo: Quảng Nhã nói bố là bít lấp, Thuyết Văn gọi là đóng cửa.

Bát nhã câu: Cố dịch phạm ngữ. Chính là phạm âm là Bát-la, Đường dịch là trì tích Bồ-tát.

Sáu bài chân ngôn trong phẩm Thân ở tập Đà-la-ni của kinh Pháp Hoa

*****

TỰA KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA -+

Đôn hoàng: Là tên quận, sa châu.

Quy Tỳ Thương: Tên của nước Hồ, tức An Tây tứ trấn.

Cấp đa là tên của Tam Tạng dịch kinh.

Quyển I, II không có chữ để âm.

Quyển IV thêm phần dược thảo dụ.

Dữ ấm: Ấm là bịnh trong tạng phủ (tim, gan)

Xỉ khiết: Đã giả

Từ đây đến cuối phẩm phổ hiền khuyến phát và phẩm chúc lụy đều y theo âm mà pháp sư khuy cơ đã soạn, không thuật lại.

*****

KINH DUY MA CẬT SỞ THUYẾT

Sa-môn Tuệ Ứng Soạn

QUYỂN 1

Duy-ma-cật: Hoặc nói Tý-ma-la-cật, cũng nói Tỷ-ma-la-kê-lệ-đế, Hán dịch Vô cấu xưng, hoặc gọi là Tịnh Danh chỉ một nghĩa.

Tỳ-đa-ly: Hoặc nói Tỳ-xá-ly hoặc nói Duy-da-ly, cũng nói Bệ-xá-lệ-dạ đều là đọc chuyển nhầm của phạm âm. Chính gọi là Phệ-xá-lê, bên bờ Sông Hằng thuộc Trung Thiên Trúc nơi kiết tập của bảy trăm Hiền thánh.

Am-la: Hoặc nói quả Am-bà-la, loại quả này hoa nó rất nhiều kết trái thật ít. Lá tựa lá liễu mà dài hơn một thước, rộng ba ngón tay, quả như trái lê mà thòng xuống. Tên nước kia là thượng thọ, nghĩa là trồng ở vương thành. Trong kinh nói sống chín khó biết. Cựu dịch là Nại ứng. Chính gọi là Am-một La-cô-am-một là này đem vườn cúng vườn Phật nhân đó mà đặt tên cô.

Vị hộ: Nhĩ Nhã nói vi là làm.

Bạn nhi: Quảng Nhã nói bạn là thân Thuyết Văn nói bạn là đồng chí.

Thiệu long: Nhĩ Nhã nói thiệu là nối tiếp long là hưng thạnh.

Ma-oán: Là chỗ đứng của thiên chủ thứ sáu trong luận thích: Đoạn Tuệ mạng nên gọi là ma, lại thường hành phóng dật mà tự chung thân nên gọi là ma ba tuần là nhầm, chính là phải nói Tỳ-dạ là tên ấy, Hán dịch là ác, thường có ác ý thành tựu ác pháp. thành tựu ác tuệ nên gọi

là ba tuần, trong kinh viết Ma-ba-tuần là giữ hai âm.

Du ư: Du là vượt qua, Quảng Nhã nói du là đi qua.

Đẳng quán: Thuyết Văn nói quán là nhìn kỹ, quán là trông cựu duy ma kinh viết là Bồ-tát Chánh Quán.

Sơn tướng: Hai bên kia đây là tương, Cựu Kinh nói Thạch Mạ Vương Bồ-tát trong các kinh viết Sơn Tướng Bạt Bồ-tát là nghĩa này.

Trưởng giả: Theo phong tục các nước Thiên Trúc lấy việc buôn bán làm sự nghiệp, đi du phương nhiều nguy hiểm mà không sợ khó khăn, trải qua nhiều năm ắt được nhiều của quý.

Xưng vô: Danh là xưng, xưng là tốt đẹp. Chú rằng vật xứng ý người là tốt đẹp.

Khể thủ: Trịnh Huyền nói khể thủ là lạy sát đất.

Bất cơ: Quảng Nhã nói cơ là châm chích. Cơ vấn, Thuyết Văn cơ là phỉ báng

Nhẫn giả: Chu Lễ nói đức là một loại nhẫn, Trịnh Huyền nói yêu người và vật gọi là nhẫn, trên dưới thân nhau là nhẫn...

Thâm thực: Thương Hiệt Thiên nói thực là trồng. Quảng Nhã nói thực là chứa.

Thuần thục: Thuần là tinh nhất, thuần là lớn, đẹp, văn kinh viết cũng là duyên nhất, thục là tốt đẹp.

Bác dịch: Thế Bổn nói Ô tào gọi là Thuyết Văn gọi là chơi cờ. Phương Ngôn nói từ quan về Đông, vào thời Tề lỗ đều gọi viên cơ là dịch.

Giai ngẫu: Tiểu triện nói giai là hòa, ngẫu là hợp.

Tửu tứ: Tứ là bày ra, nghĩa là bày bình rượu ra chợ quán.

Hóa chánh: Lễ ký, Khổng Tử nói chánh là nghĩa là đúng pháp mà dạy con nuôi bá tánh, Luận Ngữ nói chỉ đạo gọi chánh.

Bất hổ: Hổ là nương cây, Thi nói không cha lấy ai nương nhờ.

Toát ma: Quảng Nhã nói toát là cầm, Thích Danh nói toát là chết.

Yến tọa: Thạch kim bằng cổ văn viết chữ. Quảng Nhã nói yến là an, nghĩa là lặng lẽ yên ắng.

Lý hạng: Chu Lễ nói năm nhà là một xóm, năm xóm là một lý, nghĩa là hai mươi lăm nhà Thi nói không xâm phạm lý tôi, lý là ở, Thích Danh nói năm làng là một lý, mới ở trong một lý.

San xà: Tên người

Mang nhiên: Nghĩa là mô mờ không tỏ, kinh xưa viết

Toát nhiên là rồng rang.

A-ma-lặc-quả: Chính phạm âm là Ma-la-quả, lá cây ấy như lá đào, quả như hồ đào, vị chua ngọt, có thể làm thuốc.

Vật nhiễu: Thuyết Văn nói nhiễu là phiền Quảng Nhã gọi là nhiễu loạn.

Túng vạn: Theo nhau gọi là tùng, Nhĩ Nhã nói tùng là trùng, Quách Phác nói tùy tùng nên nói là trùng điệp.

Tảo sái: Thông Tục Văn nói lấy nước dằn bụi gọi là sái, nghĩa là lấy nước rải ra.

Nhiêu cô: Tự Lâm nói nhiêu là loạn...

Văn ngưỡng: Nghĩa là tự cường, Thuyết Văn nói vãn là cúi đầu, ngưỡng là ngẩng đầu.

Minh giả: Minh là đêm, tối tăm.

KINH DUY MA CẬT SỞ THUYẾT
QUYỂN 2

Thù đối: Tam Thương viết chữ thù bộ ngôn, Nhĩ Nhã nói thù là báo đáp.

Thánh chỉ: Thể chữ viết Thuyết Văn nói chỉ là đầu mối của ý nghĩ.

Chí vấn: Trưng Sở Tam Thương Giải Cổ nói chí là đến.

Bịnh dũ: Dũ là bớt.

Bao dung: Quảng Nhã nói bao là cái túi, dung là đựng.

Ngươn ngạc: (đã giải).

Hấp trước: Quảng Nhã nói Hấp là uống.

Tựu tháp: Nghĩa là dẫm lên.

Phước hủy: Là ban giúp.

Chiêm bặc: (đã giải).

Chu cùng: Lấy của cho người là chu. Thi nói không ai không giúp là chu cứu. Cứu sự nguy cấp ấy.

Nột độn: Nột là chậm lụt, Thuyết Văn gọi là khó.

Phẫn nhưỡng: Nhưỡng là đất mềm. Nhượng nhượng là hòa hoãn.

Chi trừu: Trừu là loại đồng đều. Vương Dật chú Sở Từ nói hai người là nhĩ, bốn người là trừu, trừu cũng như bạn lữ.

Cơ cẩn: Nhĩ Nhã nói lúa không chín là cơ, rau không chín là cẩn.

Hội loạn: Thuyết Văn nói hội là loạn.

Ấp trung: Chu Lễ nói từ tính là ấp, Trịnh Huyền nói vuông hai dặm. Quảng Nhã nói năm dặm là ấp, mười ấp là một làng. Tả Truyện Hề gọi là ấp có tông miếu tiên vương gọi là đô không có là ấp.

Dĩ hở: Nhĩ Nhã nói hở là phúc, hở là dày, nghĩa là phước dày.

Bất tiếu: Quảng Nhã nói tiếu giống như loại, Thuyết Văn nói xương thịt như nhau gọi là tiếu. Nay nói kẻ bất tiếu là kẻ chẳng giống ai, nghĩa là xương thịt không giống nhau lúc đầu của nó nên gọi là bất tiếu. Lễ Ký nói đứa con mình bất tiếu là thuộc loại ngỗ nghịch.

KINH DUY MA CẬT SỞ THUYẾT
QUYỂN 3

Lung lệ: Hận lệ cang cường.

Bất tụng: Luận Ngữ nói người chưa thấy có thể thấy được lỗi mình mà trong lòng tự trách. Bao Hàm nói tụng cũng như trách.

Sở đồ: Theo chiếu định cổ văn quan thư đồ. Quảng Nhã nói đồ cũng như luận nghị, tính toán.

Nhị trá: Trong kinh có khi viết A-ca-ni-sa-tra. Hoặc nói Mi-sư-trá, đều là âm khinh trọng của tiếng phạm, chính phạm âm là A-ca-ni-sắt-sấu. Đây gọi là sắc cứu cánh thiên.

*****

DUY MA CẬT KINH
(Có tên là PHẬT PHÁP PHỔ NHẬP PHÁP MÔN TAM MUỘI KINH)

Huyền Ứng soạn

QUYỂN THƯỢNG

Nại thị: Tân-la-ma, kinh nói vườn cây Am-la, quả nó giống như quả lê.

Cừu oán: Tam Thương nói oán đối gọi là cừu.

Biên phát: Biên là kết lại, trong kinh viết phát cũng nghĩa này.

Chi hành: Loài trùng biết đi sách nhà Chu nói chi hành là hơi thở.

Úc miễn: Nghĩa là tự khích lệ, Phương Ngôn nói Tế Lỗ cho rằng

miễn là úc. Thuyết Văn gọi là miễn cưỡng.

Thích mạc: Thiên nhân vô tướng, theo chữ thích là chủ thích, cũng gọi là địch.

Hoảng hốt: Nghĩa là cái nhìn hư vọng là từ vô hình bất hệ. Thuyết Văn nói hoảng là cuồng. Hán Thư Âm Nghĩa nói hoảng hốt là mất loạn.

Võng nhiên: Nghĩa là không xứng hợp võng võng nhiên là vô tri. Cũng là nghĩa là hoang mang.

A-di-điềm: Tiếng phạm Hán dịch là tàn học cũng gọi là tấn phát ý.

Vinh ký: Vinh là sáng lóe, ký là may mắn.

Ngưu trùng: Thông Tục Văn nói nước sữa gọi là trùng, nay ở nhữ Nam gọi sữa là trọng.

Yêu độc: Khu Dịch viết nghĩa là dáng yểu điệu.

Lộ bình: Bình là cái giường đẹp mà dài.

Nhục lai: Nhục là sĩ, nghĩa là hổ thẹn đến thăm hỏi.

Sào quật: Nghĩa là chỗ ở, Thông Tục Văn nói chỗ chim ở gọi là sào, hang thú ở gọi là quật.

Quyết thủ: Tỳ Thương cho rằng quyết là choàng dậy, Lễ Ký Tư Hạ nói đứng sửng người lên, cũng là vội vã.

Tác tất: Phương Ngôn nói tất là đẩy lên, Nam Sở nói hề đánh nhau gọi là tất.

DUY MA CẬT KINH
QUYỂN HẠ

Chân nhân: Đây chính là A-la-hán, hoặc gọi là A-la-ha, trong kinh viết là ứng nghi, cũng nói là vô trước quả.

Câu hạng: Tự lược nói nước rẽ dòng, nghĩa là Tu-đà-hoàn, đây gọi là lào nhập lưu.

Hề đắc: Thương Hiệt Thiên nói hề là sao.

Bấn lũ: (đã giải).

Phù dung: Thuyết Văn nói phù, hoa sen chưa nở. Hoa nở rồi là phù dung.

Hanh hoa: Tự Lâm gọi nhánh chính cũng là nhánh nhỏ. Các kinh đều viết phù dung hanh hoa nay kinh viết hanh là phương xa.

Bì thấp: Bì là giúp, chữ phải viết Thương Hiệt Thiên gọi tỳ là thấp.

Ô điền: Lớn là Hoàng, nhỏ là Ô, Tam Thương nói nước đọng là ô.

Dạ quang: Can Bảo Sưu Thần Ký nói Tùy Hầu đi thấy rắn lớn bị thương ông cứu chữa sau đó rắn ngậm châu đến báo ơn một tấc lụa bạch mà ban đêm sáng cả thiền đường.

Đồ lệ: Lễ Ký nói tám người là đồ, đồ là nô lệ, lệ như phụ giúp, lệ là nô lệ, bần tiện.

Sâm giá: Thuyết Văn nói giá là ba con ngựa kéo.

Trù trướng: Là cuồng, dối lừa nhau.

Vị phu: Phu là nhanh, Quảng Nhã gọi là đi.

Bằng các: Thông Tục Văn nói gác đôi gọi là bằng, bằng cũng là giác.

Hoang kiến: Hoang là bỗng chợt, hư, nghĩa là hoảng hốt mơ hồ. Cũng gọi là mê loạn.

Dĩ lực: Lực là siên năng.

Hoàng mang: Văn kinh viết hoảng. Nghĩa là cái thấy hư vọng, hoảng là sợ hải, hoảng là hoảng hốt, nay kinh viết là mê loạn, nghĩa ấy cũng như nhau, Hán Thư nói hốt hoảng là mờ mịt vô hình

Phi mô: cũng gọi là, quy mô,

Hằng trập: Thuyết Văn nói trập là tàng cũng gọi là kiểm, tụ tập.

*****

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN

Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Am-la-vê-lâm: Cựu gọi là Ám-la-viên, tức Am-bà-la, nữ đem vườn cúng cho Phật mới đặt tên này. Vệ Hán dịch là nữ, ngày xưa cô này thường trông coi giữ gìn khu vườn này.

Chú vũ: Là mùa mưa, nghĩa là làm tốt tươi cây cỏ.

Phương thuật: Thuật là pháp, lại nữa đạo trong ấp là thuật. Thuật là thông nghĩa là không gì không thông.

Ly chiếp chủng: Cưu gọi là Ly-xa-tử, hoặc gọi là mễ xương, ly xương... là nhầm. Đây gọi là vương chủng của tiên tộc.

Hy di: Nghe mà không nghe được gọi là hi, nhìn mà không thấy

gọi là di, vô thanh là hi, vô sắc là di.

Trì kế: Kinh xưa nói loa kế, tiếng phạm không có chữ loa, người dịch lập nghĩa.

Tụy cấp: Quật Địa Thông Lộ nói tuy tụy là đường tắt, Thanh Loại nói tụy tụy là đường dài. Cấp là thềm Tây Vực gọi là cái giếng, đào đất làm giống để nước lóng vào đó múc.

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN QUYỂN 2

Bát-vô-hạ: Ý nói lúc gặp tám nạn này không rảnh để tu đạo nghiệp.

Ca-giá-mạt-ni: Cựu gọi là Ca-chá, đây gọi là châu thủy tinh

Trữ lập: Nhĩ Nhã nói trữ là lâu, nghĩa là đứng lâu.

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN QUYỂN 3

Đắc thuyên: Thuyên là trừ.

Bịnh dũ: Dũ là bớt bịnh.

Nguyên ngạc: (đã giải).

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN QUYỂN 4

Tỳ-đa-ly: Cựu gọi là Tỳ-đa-da cũng gọi là Tỳ-ni, đều nhầm. Đây gọi là ly hành, hành cũng là đạo, nghĩa là ở đâu tu hành có thể đắc đạo, cũng dịch là diệt phần đắc, ý nói điều phục thóa độ, giải thích nghĩa, có ba.

1. Dẫn tải nghĩa: Như mười công đức lợi... được dẫn bởi pháp này.

2. Điều chân nghĩa: Khiến cho hai nghiệp thân khẩu được điều

phục ngay thẳng.

3. Thương thắng địa nghĩa, từ giới lên định đến từ quả Sa-môn.

Quan quả: Thích Danh nói không có vợ là quan, không con là độc, ý nói người độc thân buồn bã không ngủ được, mắt thường đau đáu như cá không nhắm mắt.

Nhân phục: Thuyết Văn nói trang xe lót thâm chiếu. Thích Danh nói người trong xe trang sức, dùng da hổ làm, có hoa văn để làm cần tựa.

Bàng sanh: Phạm nói biết lợi dược trụ ni cũng gọi là Đế-lợi-da-cù-đàm-ni-già, Hán dịch là bàng hành, cựu gọi là súc sanh, hoặc gọi là cầm thú.

Kinh kỳ: Tự Lâm nói kỳ là tâm động, Thuyết Văn gọi là khí bất định.

Sai nghi: Sai nghi, Quảng Nhã nói sai là sợ.

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN QUYỂN 5

Tuân cầu: Thăm hỏi.

Sư quyển: Nắm ngón tay lại gọi là quyển bậc thầy kiệt xuất không bằng nắm vững trong tay, lam mà không nói.

THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH QUYỂN THIẾT VẬN QUYỂN 6

Di-đồ: Thuyết Văn nói di là bằng cũng gọi là thường.

Đảm sơn lâm: Phạm nói Yết-đạt-la, cựu gọi là Khư-đà-la, vùng miền nam có rất nhiều cây này.

Hiệp đồng: Nhĩ Nhã nói hiệp là hòa.

Khinh miệt: Nghĩa là xem thường nhau.

*****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG ĐỈNH VƯƠNG

Duy-ma-cật: Tiếng phạm kinh viết bộ là sai.

Môn khổn: Trịnh chú Lễ Ký nói ngạch cửa Thuyết Văn gọi là chốt cửa.

Phân ba: Trịnh Tiên Mao Thi nói phân phân nhiên là hương thơm, Quách Chú Phương Ngôn nói phần hương là hòa điệu, Thanh Loại chép người Tần nói hoa ba là ba.

Hoàng diệu: Quảng Nhã nói hoàng là sáng rỡ. Thuyết Văn gọi là minh. Quảng Nhã nói diệu là chiếu.

Y tế: Mao Thi Truyện nói y là nương tựa, Quách chú Phương Ngôn nói y là nhớ vào. Thuyết Văn giống Mao Thi Truyện chữ từ bộ nhân âm y, kinh viết bộ khuyển là sai.

Bang-nậu-văn-đà-ni-tử: Phạm ngữ, điều là tên người.

Quái ngại: (đã giải).

Hung họa: (đã giải).

Hội loạn: (đã giải).

Bào mạt: Thuyết Văn nói bọt nỗi trên nước Cố Dã Vương nói bọt nỗi trên nước, từng lớp lớp bọt trên nước.

Thổ kích: Cố Dã Vương nói nắn đất thành hình vuông mà không nung gọi là kích (ngói mộc), Thuyết Văn cũng nói như vậy.

Quyên khí: Quách chú Phương Ngôn nói quyên là trừ, Khổng chú Thượng Thư nói quyên là phế, Nhĩ Nhã gọi là vong, Thuyết Văn gọi là.

Nhiễu hại: (đã giải).

Khiếp luy: Quảng Nhã nói khiếp là sợ. Gia Ngữ nói do mạnh mẽ nên không sợ. Xưa nay chữ viết bộ tâm và khừ. Đỗ chú Tả Truyện nói luy là yếu. Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử nói luy là ốm, Thuyết Văn gọi là sưu.

Bích chi: Khảo Thanh nói bích là bức tường thấp đắp cao trong nhà.

Cao đăng: Quách chú Nhĩ Nhã nói đăng là đèn sáng, Thanh Loại nói đèn không châm là đăng, có châm là định, Thuyết Văn cũng viết.

Thám cổ: Khổng chú Thượng Thư nói thám là lấy, Thanh Loại nói thanh là lấy, Thuyết Văn gọi là lấy xa.

Yểu minh: Khảo Thanh nói yểu minh là sâu xa. Quách Chú Phương Ngôn nói yểu là u nhàn yên tĩnh, Mao Thi Truyện nói minh cũng như yểu, Trịnh Tiên gọi là đêm tối, minh minh là mờ mịt mắt người không

thấy.

Nhai để: Khảo Thanh nói nhai là lực hiểm giữa vách núi, núi cao có vực, Hoài Nam Tử nói chỗ tột cùng của vực.

*****

ĐẠI THỪA ĐỈNH KINH - *Tuệ Lâm soạn*

Am-la: Khảo Thanh nói Am-la là loạt quả ở Ấn Độ ở Đường cũng có.

Túc niếp: Quảng Nhã nói niếp là đi, đuổi theo bước chân đã đi, Phương Ngôn gọi là đăng, Thuyết Văn gọi là lún.

Mãn cúc: Thi nói hai tay gọi là cúc Trịnh chú Lễ Ký nói cúc là trong tay. Văn kinh viết là lấy cũng được.

Tần phân: Vương chú Sở Từ nói phân là thạnh, Hàm Thi Ngoại Truyện nói qua lại Quảng Nhã gọi là đông, loạn, Văn Tự Điển Thuyết gọi hai chữ đều bộ mịch.

Lộc uyển: Theo Tây Vực Ký nói Ba-la-ni là tên viên uyển của nước này cũng là lộc giả uyển, cũng gọi là Thi Lộc Lâm, Cựu dịch nước Ba-la-nại, cũng là nơi chuyển pháp luân đầu tiên của Phật

Hội nào: Đại phương Quảng Đỉnh Vương ở trước (đã giải): Tập Huấn nói nào là nhiều người quấy loạn, Khảo Thanh nói nhiều người huyên náo, chữ chính xưa nay là không yên tĩnh, bộ nhân bộ thị, chữ hội ý văn kinh viết bộ môn.

Uất-đơn-việt: Phạm ngữ, Bắc Câu-lô châu. Hoặc Uất-đát-la, Uất-đát-la-câ-lâu, nhầm chính phạm âm là Uẩn-đát-la-củ-lỗ. Dịch là cao thắng. A-tỳ-đàm luận nói vùng đất vuông cao lớn tuổi thọ nghìn tuổi không có khổ thường được an vui. Vì tuyệt diệu hơn các châu khác nên gọi là Cao Thắng.

*****

THIỆN TƯ ĐỒNG TỬ KINH – *Huyền Ứng soạn*

(Chỉ có Quyển thượng).

Nạch quyền: có Hai âm; Nữ trác phản, nữ cách phản. Nạch là nắm bắt. Thuyết văn; Nạch là đè.

*****

ĐẠI BI PHÂN ĐÀ LỢI KINH - *Huyền Ứng*
QUYỂN 1

Ba-xoa: Hoặc nói Tỳ-lưu-bát-xoa, nói cho đủ là Tỳ-lưu-ba-a-xoa, Cựu dịch là tạp ngữ. Chính là Xú Nhãn, tên vụ vua ở Phương Tây.

Đề đàm thâu bại bế a nấc tu ni la thuyết đa mễ tát miễn sư bệ hám già sát dương a súc lược kiết.

- QUYỂN 2, 3: Không có âm.

- QUYỂN IV

Vẩn bà: Tên Đồng Tử

ĐẠI BI PHÂN ĐÀ LỢI KINH - *Huyền Ứng*
QUYỂN 5

Tháp nhiên: Tinh kinh mất chỗ của mình Trang Tử nói tháp nhiên giống như mất đi sự tình cờ.

Dục mãi: Nghĩa là buôn bán.

Kha mã: Tự Lâm gọi là ngồi xoạc chân.

- QUYỂN 6,7,8 không có.

*****

KINH BI HOA – (10 Quyển)

Chỉ có Quyển 1, phiên âm một bài chú. Còn lại không có từ âm nghĩa.

Chí nê át đề la đà để noa a tỳ do đế la tuyệt la khạn vĩ tha đa chi hạt đa a thê.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Sa-môn Tuệ-lâm soạn.

QUYỂN 29

Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh
Mười quyển Tam Tạng Nghĩa Tịch.
Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh
Mười quyển Sa-môn Tuệ Lâm
Dịch lại ba mươi tám bài chân ngôn, kinh y theo bổn cũ.
Hợp bộ Kim Quang Minh Kinh.
Tám quyển, nhân gian bốn quyển Kim Quang Minh ở cả trong đó.
Ba kinh hai mươi tám quyển ở bên phải cùng âm với quyển này.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG QUYỂN 1

Kim quang minh: Chữ kim ở trên, Thuyết Văn nói màu hoàng kim trong năm sắc là lâu dài, chôn không phai, luyện không nhẹ, hành thổ của Tây Phương sanh vàng nên từ bên trái phải bộ thể điểm tương kim ở trong đất. Quang Thuyết Văn gọi là sáng. Trên bộ hỏa dưới là chữ nhân cổ, chữ hội ý. Dưới chữ minh. Thuyết Văn viết giống như ánh trăng ngoài cửa sổ khi lọt vào cửa thì chiếu sáng, cũng là chữ hội ý.

Tối thắng: Vận Thuyên nói tối là thâm. Khảo Thanh gọi là thắng, yếu, Sử Lý nói công thật nhiều, Thuyết Văn gọi là tổng kế, Vận Khuyên nói thắng là khắc, thắng là đảm đương, Khảo Thanh gọi là mạnh, Thuyết Văn gọi là nhậm.

Thứu phong sơn: Tên núi Linh Sơn ở Tây Vực. Xưa gọi là Kỳ-xà-quật. Nay núi này có nhiều chim thứu ở nên lấy đó đặt tên.

Trọng đảm: Khảo Thanh nói đảm là gánh lấy cây gánh đồ vật.

Đãi đắc: Mao Thi Truyện nói đãi là kịp.

Bà-thấp-ba: Phạm ngữ danh hiệu của vị A-la-hán.

Lụy nhiễm: chữ thuộc khứ thanh. Tập Huấn nói gia lụy, Khảo Thanh gọi là tội liên đới. Quảng Nhã gọi là tích tăng thêm.

Du ư: Khổng chú Thượng Thư nói du là vượt qua, Quảng Nhã gọi là viễn, Thuyết Văn gọi là Tiến.

Liêu chủ: Trịnh chú Chu Lễ nói: Dứt bịnh là liệu.

Y vương: Chu Lễ nói y sư là người làm việc chữa bịnh, chế thuốc để trị bịnh cho muôn dân.

Chiên-đàn: Tiếng Phạm, tên loại gỗ thơm, nhà Đường không có cây này, chính gọi là bạch đàn hương, loại màu hơi đỏ là quý nhất.

Phá ế: Khảo Thanh nói mắt nhặm.

Lê-xa-tỳ đồng tử: Phạm ngữ nhầm, chính Phạm âm là Mễ-nhiếp-tỳ. Đường dịch là công tử quý tộc, các kinh khác có viết là Ly-xa Tử.

Ế-la-diệp: Ế-la là tiếng Phạm, tên loại cây ở xứ ấy. Diệp là tiếng gọi của đời Đường, tức là tên Đại Long vương Ê-la-bát-đa. Bát-đa cũng là tiếng Phạm, vị Long vương này thời xưa, thân làm Tỳ-kheo, vì tâm sân hận trù rủa cây Ế-la, khi chết đọa vào loài rồng, vì không giữ giới phá cây cỏ, nên nghiệp cảm rơi vào Long vương, trên đầu mọc cây ế-la, vì tâm sân hận nên thọ làm thân rồng. Vì tu trì các công đưc có phước đức lớn được làm Long vương. Nên kinh Niết-bàn nói. Giả sử nghiệp đã trăm kiếp cũng không mất, khi gặp nhân duyên thì phải chịu quả báo.

Trì sử thủy: Thương Hiệt Thiên nói sử là nhanh, nước chảy nhanh, xưa nay chữ phải viết bộ mã là sử, văn kinh viết là sai.

Tần-mi: Khảo Thanh nói tần là nhíu mày. Quảng Nhã gọi là ưu sầu không vui.

Yết-lộ-trà vương: Kim sí điểu vương, Cổ dịch là Bà-tẩu-la.

Ủng hộ: Trịnh chú nghi lễ nói ưng là ôm, Thương Hiệt Thiên gọi là trì.

A-súc: Tiếng Phạm, Đường dịch là Bất Động.

Tà cổ: Ác quỷ thần tìm cách mê hoặc, giết người.

Tháo dục: Cố Dã Vương nói Tháo cũng như tắm gội.

Tiên khiết: Quảng Nhã nói Tiên là đẹp, Tự Thống nói khiết là trong sạch.

Thực chủ: Đỗ chú Tả truyện nói thực là nuôi lớn. Thương Hiệt Thiên nói thưc la trồng, Khảo Thanh gọi là đa, Quảng Nhã gọi là lập.

Đoản Thúc: Quảng Nhã nói thúc là gần, Thuyết Văn gọi là bức bách.

Cốt tủy: (đã giải).

Phân phức (đã giải)

Ác tặc: Cố Dã Vương nói ố là oán ghét.

Tư thổn: Mật pháp nói suy tính nghĩ ngợi sâu xa gọi là tư, kinh viết là chữ thông tục, Khảo Thanh nói thổn là tính. Suy nghĩ tính toán trong lòng.

Tề hạn: Trịnh chú Lễ Ký nói: Tiết lượng đích số: Tập Huấn nói là nước nhỏ giọt xuống. Thuyết Văn viết bộ Thủy Âm Thích Văn Kinh viết sai.

Tích chư: Khổng chú thượng Thư nói: Tích là phân, Thuyết Văn gọi là chặt cây, bộ mộc bộ cân, văn kinh viết ?

Đạc tri: đạc là đo lường.

Bẩm tánh: Bẩm là thọ.

Cơ cẩn: (đã giải).

Thế lệ: (đã giải)

Thiên đàng: Khổng chú Thượng Thư nói Thiên là lệch một bên. Thuyết Văn nói thiên là không đươc bằng thẳng. Thái Công Lục Thao nói bạn là đàng. Luận ngữ nói quân tử nhóm mà không đảng. Khổng chú nói đảng là bạn. Thuyết Văn từ bộ Hắc Âm Thượng.

Biên bỉ: Đỗ chú Tả Truyện nói, bỉ là ấp ngoài cùng lãnh thổ. Giả chú Quốc ngữ nói bỉ là thô lậu, nghĩa là ngoài vùng hoang dã ở biên giới, cách thủ đô khá xa.

Khiết-thọ-la: Phạm ngữ, đó là tên của một loại cây, Trung Quốc không có.

Quy mao: Bạch Hổ Thông nói: Rùa là lâu dài, Thuyết Văn nói quy là cựu, xương bên ngoài mà thịt bên trong. Kiểu chữ bốn chân, đầu và đuôi.

Văn nhuế: Văn là con muỗi cắn người, loài trùng biết bay, chuế là con ong ruồi. Cố Dã Vương nói loài bay ít ưa bay vào rượu. Lại có loại trùng nhỏ giống con chuế ưa cắn người, gọi là mô tử.

Điệt trùng: Thương Hiệt Thiên nói điệt là loài trùng dưới nước, Nhĩ Nhã nói đỉa cắn người vào trong da thịt để hút máu người ta bất giác thấy đau, loại này rất nhiều, chữ chuyển chú.

Như phong: Hán Thư nói phong là nhọn. Thuyết Văn nói mũi nhọn bịt trên đầu đao kiếm. Bộ Kim Âm phong nay kinh viết cũng được.

Thố giác: Thố là chữ tượng hình, điểm giống đuôi thỏ mà nói sừng thỏ, hiển thí dụ hoàn toàn không có.

Thê Đăng: Giả chú quốc ngữ nói thê bậc thềm. Thuyết Văn nói thềm (bục) gỗ. Quảng Nhã nói đăng là bước lên chữ hình thanh.

Nhược thằng: Thuyết Văn nói loài trùng bụng lớn, sanh trứng rồi

biến thành con nhặn, có nhiều loại khác nhau.

Tửu túy: Uống rượu quá độ, thần thưc mê muội gọi là túy.

Hưu lưu: Là loài chim quái gở, ngày ngủ, ban đêm đi tìm thức ăn, lớn như quạ, mỏ nhọn có nanh vuốt, mắt như đồng đỏ có thể lóa mắt người, cũng gọi là đảng hồ. Tiếng kêu của loài chim này như tự kêu mình.

Sản cái: Chữ cái đáng ra phải viết nghĩa là bung dù ra để che thân, sản tức là cái.

Tiêu liêu điểu: Con chim sí. Quách Phác nói loài chim này ưa khe hạt nó ăn côn trùng. Vùng Giang Nam gọi là vệ hổ, nó tựa chim sẻ, lông rằn xanh đuôi dài, nó lấy bông làm tổ giống như tấm lụa, phương ngôn gọi là nữ công.

Tý-hàm: (đã giải)

Quyền hiện: Khảo Thanh nói trái lẽ thường mà hợp đạo gọi là quyền phải nắm giữ việc mình.

Phiêu nịch: (đã giải)

Bà-la-môn: đọc nhầm tiếng Phạm, công gọi là Bà-la-giá-ma, chính phải đạo là Một la cảm ma, đường dịch là tinh hạnh, hoặc gọi là phạm hạnh. Tức à trên trời Phạm thiên ở Sơ thiền Sắc giới, dân chúng nước kia có 4 loại khác nhau. Bà-la-môn là một trong số đó. Tự truyền rằng dòng dõi ta là từ miệng Phạm thiên sanh, học bốn bộ Vệ-đà những người tài giỏi thông minh, thủ chí trinh bạch, nho nhã tiết tháo, tài cao đỉnh đạc, phần nhiều làm thầy vương giả, được phong ấp và giữ vị trí cao nhất.

Sát-đế-lợi: Sát cũng là tiếng Phạm, Hán dịch là điền chủ, từ thời thượng cổ đến nay dòng dõi quý tộc cũng học bốn bộ Vệ-đà học giỏi nhờ giai nhân từ độ lượng, tài giỏi hơn người nên dân tôn làm vua.

Phệ-xá: cũng là tiếng Phạm, đây là hạng thương chủ. Tuy có phước lớn, giàu có nhưng không thông đạt điển tịch, làm ăn buôn bán kiếm lời là sự nghiệp, tích trữ nhiều của cải, nên vua quan tín nhậm, hoặc phong làm trưởng giả.

Quyên võng: Quảng Nhã nói quyên là bẩy bắt thỏ, võng là tên chung của các loại lưới. Xưa nay phải viết bộ mịch và

- QUYỂN 2: KHÔNG CÓ TỪ ÂM NGHĨA.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 3

Sách lệ: Thuyết Văn nói sách là cái roi đánh ngựa. Ngọc Thiên nói lệ là cố gắng. Sách lệ là tâm dũng mãnh tiền lên, trừ ý giãi đãi, kiêng năng tu hành.

Pháp lụy: theo chữ luy là nhạc khí đặc biệt, hình như con sên, lớn như cái chén, trắng như tuyết đầu có lỗ, lỗ thong thổi rất hay nghe tiếng chừng mấy dặm. Văn kinh viết chữ là sai. Nay nói pháp luy chính là dụ cho người thuyết pháp có giọng hay.

Bỉnh đại: Mao Thi nói: Bỉnh là thao, Giả chú Quốc Ngữ nói bỉnh là cầm. Quảng Nhã gọi là nắm. Thuyết Văn viết bộ hòa và thúc, có nghĩa là cầm bông lúa. Văn kinh bộ thủy viết chữ bỉnh là sai.

Dụ tấn: Khảo Thanh nói dụ là giáo dần. Vận Thuyên nói khuyên dạy nhau.

Tốt-đổ-ba: tiếng Phạm, Đường gọi là Cao Hiển cũng gọi là mã vuông, hoặc để xương cốt, hoặc để xá-lợi tức phù đồ tháp hoặc Tô-thâu-bà, chính là phải phiên Tốt-đổ-ba.

Quý sĩ: Ngọc Thiên nói quỷ là hổ thẹn. Thuyết Văn viết bộ nữ, từ bộ ngôn nghĩa đồng. Thuyết Văn nói sĩ là nhục.

Nhất đoàn: Thuyết Văn nói tay nắm vật để nó giữ lại.

Ngụy không: Ngọc Thiên nói nguỵ là ngón tay của cái tay. Thuyết Văn nói vận chữ hình thanh.

Phổ ký: Nhĩ Nhã nói ký là cập. Thuyết Văn gọi là đến.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 4

Trong quyển này có Thập Địa Đà-la-ni đặt phá sau, trong mười quyển kinh, âm huấn đều rất sít sao, đây là cổ dịch nên không phiên.

Cốc hưởng: Nhĩ Nhã nói nước chảy xuống khe gọi là cốc. Thuyết Văn gọi là dòng suối, Khổng chú Thượng Thư nói hưởng là tiếng vang. Thuyết Văn viết chữ âm và bộ hương, văn kinh viết chữ là sai.

Lý tiễn: Trịnh chú Lễ Ký nói lý là giẫm lên. Thuyết Văn gọi là dấu chân.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 5

Tiệm trường: Khổng chú Thượng Thư nói tiêm là nhỏ. Thuyết Văn gọi là vi.

Kim đình: Chữ này thượng thanh. Hứa Thúc Trọng Chú Hoài Nam Tử nói: đỉnh là kim ngân, đồng v.v... chưa đúc thành phẩm.

Hắc dịch: Mao Thi Truyện nói hắc là đỏ. Thuyết Văn viết hai bộ xích. Mao Thi nói dịch dịch là to lớn. Trịnh Tiên Mao Thi nói hắc dịch là sáng sủa.

Đích tri:...

Đương thiệu: Nhĩ Nhã nói thiệu là nối tiếp. Ích Pháp nói: nối vị dài lâu là Thiệu, chữ hình thanh cũng là hội ý.

Hằng hửu: Tự Thống nói ngửi bằng mũi gọi là hửu, chữ hội ý.

Tạ thử: khứ thanh, Khảo Thanh gọi là chiếu, chữ hình thanh.

Nùng lang: (đã giải).

Trùng thư: Nhĩ Nhã nói có chân là trùng Thuyết Văn viết ba bộ trùng, văn kinh chỉ viết một bộ trùng là sai. Khảo Thanh nói thứ là dòi trong thịt thúi, chữ hình thanh.

Khí tại: Khổng chú Thượng Thư nói khí là vứt bỏ. Thuyết Văn gọi là quyên.

Hủ mộc: hủ là mục rã.

Đồng mộc: đồng, lễ ký nói là tên chung cho những người chưa đến tuổi hai mươi. Tả Truyện nói quan, liêu là phác. Lễ Ký nói ở nhà là phác. Cố Dã Vương nói người đánh xe cho vua đi gọi là phác.

Phong nẫm: chữ chánh thể, Chu Lễ nói phong là lớn. Quốc Ngữ gọi là thịnh. Thuyết Văn gọi là đầy đậu, chữ này từ bộ đậu, hai chữ phong và bộ sơn. Văn kinh viết chữ khúc (chữ thông tục). Giả chú Quốc Ngữ nói nẫm là chín. Thuyết Văn nói ngũ cốc chín gọi là nẫm, bộ hòa chữ niệm, chữ hội ý.

Quyên dũ: Phương Ngôn nói Nam Sở nói bịnh bớt gọi là quyên. Quách Chú nói quyên là trừ, Khổng chú Luận Ngữ nói dũ giống như thắng. Mao Thi gọi là bớt bịnh, chữ hình thanh.

Xâm nhiễu. Thuyết Văn nói như quét đụng vào gọi là xâm. Khổng chú Thượng Thư nói nhiễu là loạn. Thuyết Văn gọi là phiền.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 6

Tiềm thân: Dịch nói: tiềm ẩn, ẩn chưa thấy, hành chưa thành. Quảng Nhã gọi là sâu. Thuyết Văn gọi là tiềm tàng.

Ốc nhưỡng: Giả chú Quốc Ngữ nói là màu mỡ. Quảng Nhã gọi là rót vào chữ đúng xua nay là bộ yêu thủy. Khổng chú Thượng Thư nói nhưỡng là đất mềm. Trịnh chú Chu Lễ nói nhưỡng là đất.

Hiển sưởng. Thương Hiệt Thiên nói sưởng là sáng rỡ, lại gọi là sang bằng chỗ đất cao, có thể trông thấy ở xa.

Bị chỉnh: Văn tự điển thuyết nói bị là dự phòng, đầy đủ, Thuyết Văn gọi là thận trọng. Trịnh chú Lễ Ký nói chỉnh là làm ngay ngắn lại. Thuyết Văn gọi là tề.

Ẩn tề: Tế chữ hình thanh.

Trụy sanh: Nhĩ Nhã nói trụy là đọa. Thuyết Văn nói từ trên cao mà rớt xuống đất.

Tuệ tinh: ((đã giải))

Bạc thực: mặt trời mặt trăng ăn nhau cho khuyết mỏng, hễ mặt trời ăn là âm dương giao nhau, mặt trời che mặt trăng thì bầu trời tối đen, đó là thần La-hầu che. Nhật thực xảy ra thì có họa của nhân quân, hiện tượng nhưng phế của quốc gia, nên phải tu đức, hiện tượng nguyệt thực là họa của các nước chư hầu, đại thần, thê thiếp, hoặc hạn hán mất mùa.

Xâm lượng: Tự Thư nói lượng là tra khảo. Khảo Thanh nói lượng là cưỡng lấy. Thương Hiệt Thiên nói lược là đánh bằng roi, hoặc viết. Huấn Thích cũng giống ở trên, chuẩn theo nghĩa kinh đều là âm lược. Thiết Vận không có chữ này chỉ có Phương Ngôn lược thích rằng: con đường cầu đạo là lược tức cưỡng lấy của cải. Đỗ Dự nói không cho mà lấy gọi là lược. Giả Quỳ gọi là đoạt lấy.

Bỉnh trù: Khổng chú Thượng Thư nói bỉnh cũng như trừ. Trịnh chú Lễ Ký nói bỉnh là thối, bỏ đi. Thuyết Văn gọi là che.

Bạch tiễn: Thuyết Văn nói tiễn là lũ, văn kinh viết.

Đa-yết-la: Phạm ngữ, tên loài cỏ cây, chính gọi là Đa-phệ-la.

Thiền nhị sư: đọc nhầm Phạm âm, gọi đúng là Xá-di, con thứ của bà Tỳ-sa-môn.

Ca-lợi-sa-ba-noa: Phạm ngữ, Hán gọi là bối xỉ, hoặc nói dĩ xỉ tức loài ốc nhỏ trong biển. Trong kinh bối có loại khẻ ra. Ba-noa là tiền, như một ngày gởi hơn một trăm là kim tiền.

Hương kháp: Thuyết Văn nói kháp là cái rương.

Khánh tận: Vận Thuyên nói khánh là khô cạn.

Phổ điên: Nhĩ Nhã nói điên là đến.

Bạch điệp: loại bông tơ ở Tây Quốc dùng làm sợi dệt vải, cũng là tên loài cỏ ở nước ấy.

Mộc giao: Cố Dã Vương nói giao là keo dán đồ. Trịnh chú Lễ Ký nói giao là nấu da cho chảy ra rồi đóng lại, vàng đen trắng đỏ.

Vô hiệt.

Lâm tẩu ((đã giải))

Kha tuyết: Quảng Nhã nói kha là đá trắng, đứng sau ngọc. Bì Sương nói mã não trắng. Cố Dã Vương nói nó thuộc dạng ốc, ở dưới biển trắng như tuyết.

Cốc võng: Thuyết Văn nói cốc là cái bầu giữa xe. Thuyết Văn nói vòng là cái vành bánh xe.

Thiên phúc: theo chữ thiên phúc là luân tướng, chỉ có trên thân Phật, tướng phước đức đầy đủ hiện ra sáu chỗ, hai bàn tay, hai bàn chân và trên đàu gối, các đường viền hiển rõ giống như bánh xe, do nhiều kiếp lễ bái hiền thánh mà cảm nên.

Võng vãn: Theo chữ này, chỉ có tay Phật giữa các ngón tay có lưới giống như chân vịt.

Trừng khiết: Vận Anh nói trừng là lặng. Thuyết Văn nói từ chữ trưng viết thành khiết. Trưng là sạch.

Thanh linh: Vương Dật chú Sở Từ nói linh linh là gió mát mẻ.

Thế lệ: (đã giải) ở trước.

Thông duệ: Quảng Nhã nói thông là thinh. Hàn Thi gọi là minh, Mao Thi Truyện nói thông là nghe. Thuyết Văn gọi là sát. Thượng Thư nói duệ là Thánh Khổng chú nói duệ ắt thông thạo pháp thuật. Quảng Nhã gọi là trí. Thuyết Văn gọi là thâm minh.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 7

Tiêu điển: Khổng chú Thượng Thư nói điển là duyệt. Nhĩ Nhã nói tận. Thuyết Văn gọi là diệt.

Uổng tử: Khảo Thanh nói uổng là mất lý, chữ xưa nay gọi là tà vạy, bộ mộc âm vương. Tử là người đã chết, ý nói thần thức con người

đã xuất, không trở lại nữa, để lại thân tân.

Tích lịch: Tiếng sấm chớp, chữ hội ý.

Cổ mỵ: cổ là loại trùng độc, mỵ là loài yêu tinh, đều là quỷ dữ hại người, nó hóa thành người và giao hội với người rút tinh thể người.

Văn manh: chữ chánh thể. Tục viết loài trùng cắn người, nó lớn như con ong, nhỏ như con ruồi.

Tiệp lợi: Mao Thi Truyện nói tiệp là thắng. Vương chú Sở Từ nói tốc, tật, chữ đúng xưa nay viết bộ thủ.

Kỹ thuật: Vân Anh nói tài năng, Khảo Thanh gọi là công xảo, Thuyết Văn gọi là xảo, bộ thủ âm chi, văn kinh viết bộ nhân chữ mượn. Trịnh chú Lễ Ký nói thuật là đạo. Trang Sinh nói người biết được đạo thuật. Hàn Thi nói tài nghệ, Thuyết Văn gọi là con đường trong ấp.

Mục túc là tên loài cỏ, vốn xuất phát từ nước Kế Tân. Ngựa rất thích ăn, Hán Thư nói: Trương Khiển Sứ từ Tây Vức trở về đem giống cỏ này trồng khắp các nơi trong nước này để cho lừa ngựa ăn, chữ hình thanh.

Xạ hương: Quách Chú Sơn Hải Kinh nói: xạ giống con hươu mà nhỏ, giữa rốn dưới bụng có mùi thơm.

Khung cùng: tên loài cỏ thơm, gốc thơm, củ dùng làm thuốc.

Cẩu khởi: tên loai cây, cũng dùng làm thuốc, bốn mùa hái nó đều khác nhau, mùa xuân hái lá, mùa thu hái quả, mùa đông nhổ rễ, cùng gọi là địa cốt bạch bí.

Ngãi nạp: cũng tên loại cỏ thơm.

Mã cần: rau cần.

Đảo sê: ((đã giải)).

Ngưu phẩn: Phạm ngữ gọi là Ma-di. Thuyết Văn gọi là vứt bỏ.

Từ mai: Quách Chú Phương Ngôn nói mai là số xưa nay chữ viết đúng là bộ mộc âm mai.

Mai đại bồn: nghĩa là chôn dưới đất.

Hương mạt: bột hương khô.

Mạn chướng: Quảng Nhã nói mạn là tấm màng. Khảo Thanh nói nó thuộc loại trướng.

Sở cậu: Thuyết Văn nói câu là dừng lại, chấp.

Tập mao: Khảo Thanh nói cỏ tranh lợp nhà. Mao là loại cỏ mao.

Thường kiều: Quảng Nhã nói kiều là cất lên, kiểng một chân mà tụng niệm hiện tướng khổ hạnh chuyên ý nhất tâm. Nếu tâm tán loạn thì thân sẽ nghiêng đổ. Thuyết Văn viết bộ vũ âm nhiều.

Căn cơ: dịch nói cơ là cổ máy. Khảo Thanh nói cái này. Thuyết

Văn nói là cái then chốt để phát động gọi đó là cơ.

Dã tâm: Bì Thương nói tâm là con tằm nhả tơ. Hán Thư nói Thế Tổ đầu tiên lên ngôi có người nuôi dã tằm để thu lợi.

Khảm quật: Bì Thương nói khảm là hõm vào. Đỗ chú Tả Truyện nói quật là phòng dưới đất, chữ đúng xưa nay nói quật là cái hang là nơi thỏ, chồn ẩn núp bộ huyệt âm khuất. Có khi viết bộ thạch, bộ thổ cũng được.

Tràng kỳ: Phương Ngôn nói: tràng là che. Từ Quan đến Đông gọi là tràng. Quách chú nói người múa cầm nó để tự che mặt. Quảng Nhã nói tràng là thứ cờ làm nghi vệ. Xưa nay chữ viết đúng là bộ cân chữ đồng. Chu Lễ nói kỳ là cho vẽ hình gấu hổ lên lụa làm cờ. Trịnh chú nói: giữ sự dũng mãnh ấy chẳng ai dám phạm.

Linh đạc: Trịnh chú Chu Lễ nói: làm cho nó đạc, kêu tiếng linh hợp với người lắc. Theo chữ linh nghĩa là lấy vàng đồng hòa hợp lại làm không địch tròn như trái châu, có miệng có mũi chứa một viên nhỏ ở trong lắc thì kêu lên tiếng reng reng. Trịnh chú Chu Lễ nói đạc là cái linh lớn, hình như chuông nhỏ.

Tam kích: Khảo Công Ký nói: xa kích nhật thường. Trịnh chú rằng: tám thước là một tầm, gấp đôi tầm là thường, dài một trượng sáu. Phương Ngôn nói Nam Sở cho đó là âu kích. Quách Chú nói: nay là hùng kích, cây mâu có nhánh cong. Thuyết Văn gọi là cây binh khí. Từ bộ âm, kinh viết là sai.

Quyền hiện: Giả chú Quốc Ngữ nói quyền là biến thông để ứng thời. Quảng Nhã nói quyền là nắm giữ.

Kiều phát: Tập Huấn nói kiều là cây cầu bắt qua sông. Thuyết Văn cũng gọi là cầu, bộ mộc âm kiêu, phát là chữ chánh thể. Vận Anh nói cột trúc, cây để nổi trên nước, cũng như thuyền bè có thể đưa người sang sông. Thuyết Văn viết bộ mộc âm phát, hoặc từ bộ, kinh viết bộ hoặc bộ đều là chữ tục chẳng đúng.

Gia phược: chữ phược là hình phạt gông cùm tội nhân, lấy cùm gông cổ người khiến họ không nhìn Đông Tây gì được.

Đao sác: Quảng Nhã nói sác là cái mâu ngắn. Bì Thương nói cây mâu tám thước. Tả hình hữu thanh.

Quyên sách: là loại khí cụ chiến đấu ở Tây Vực. Có tên là tháp sách, nghĩa là từ xa ném dây trói cổ, chân kẻ địch gọi là quyên sách.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 8

Bác thống: Thuyết Văn nói bác là từ bộ thập âm bạc. Văn kinh viết bộ tâm là sai. Liệt Nữ Truyện nói: có thể dụ chính tri suy từ xưa dẫn đến nay gọi là thống. Cố Dã Vương nói, máy dệt kết sợi tơ lại với nhau, thống lý, xếp các sợi tơ lại không để nó rối, chữ hình thanh.

Hê-lý: tiếng Phạm, không tìm nghĩa của từ.

Đường quyên: Thuyết Văn nói quyên là bỏ.

Xa cừ: tiếng Phạm, loại bảo bối.

Mã não: loại đá quý, đứng sau ngọc, loại này có vằn, năm sắc, hai chữ náy đều không định thể.

Tư vinh: Khổng chú Thượng Thư nói: Tư là thêm, hai hộ huyền và bộ thủy.

Yêu thỉnh: Đỗ chú Tả Truyện nói: yêu là đón. Mao Thi Truyện gọi là cầu.

Bảo kế: Trịnh chú Nghi Lễ nói: kết tóc. Thuyết Văn viết bộ tu âm kết.

Sấu khẩu: Trịnh Huyền chú Khảo Công Ký nói sấu là trong sạch. Thuyết Văn gọi là súc miệng.

Táo đậu

Phi nùng: Khổng Tử nói thân thể tròn trịa da dẻ thẳng thớm gọi là phì.

Cứ tảo: Thuyết Văn nói cứ là ngồi xổm co đầu gối lên để ngồi, chữ hình thanh.

Nhất phô: Quảng Nhã nói: phô là bày ra, trải ra, chữ đúng xưa nay viết bộ kinh, âm phô.

Mâu thoan: chữ cổ là là loại binh khí. Vận Thuyên nói thoan là cây kích nhỏ, kinh Sở Ba Thục gọi thoan là cây dao dài cả trượng.

Trị Tẩn: Cố Dã Vương nói tẩn là gạt ra, chữ hình thanh, Vận Thuyên nói tri là sửa.

Tương thao: Vận Thuyên nói thao là đạp.

Yêu tinh: Tả Truyện nói: trời trái mùa là tai, đất trái vật là yêu. Đỗ chú nói đám vật mất tánh. Thuyết Văn viết bộ thi, kinh viết bộ nữ là sai.

Thiêm tụy: Thương Hiệt Thiên nói tụy là loạn. Thuyết Văn viết cũng đúng.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 9

Quỷ phạp: (đã giải).

Kim sí: một tên là Ca-lâu-la, một tên là long song tức chim cánh vàng, ăn thịt rồng con.

Tư phồn:

Lão mao: Trịnh chú Lễ Ký nói mao là lẩn thẩn.

Đàm ấm: chữ này không định thể, theo chữ tức là bịnh suyển, miếng mioếng do khí mà kết lại không tan như gân, mỡ kéo hoài không ngớt. Bịnh này là một trong bốn bịnh chính, có thể sanh ra trăm thứ bịnh.

Hàm thế: Hồng Phạm nói nước ngấm xuống ngấm xuống gọi là hàm. Nhĩ Nhã nói hàm là đắng. Quách chú rằng: đắng là đại hàn. Thuyết Văn nói hàm là ngậm. Vị của phương Bắc, chữ náy từ bộ lỗ âm hàm, kinh viết bộ dậu là nhầm, chẳng phải chánh thể. Khảo Thanh nói thố là giấm. Tập Huấn gọi là chua, chữ này chẳng đúng. Y theo âm nghĩa kinh chữ thố là tương. Gần đây các nhà viết sách đều lấy âm trên. Thuyết Văn viết giống chữ cổ là. Huấn nói khách châm rượu cho chủ.

Điềm nị: Quảng Nhã nói điềm là ngọt. Thuyết Văn gọi là đẹp, bộ cam âm thiệt hoặc viết cũng thông. Vương Dật chú Sở Từ nói nị là trơn. Thuyết Văn gọi là phì.

Châm thích: Quảng Nhã nói châm cũng như thích. Lễ Ký nói người vợ hầu bên phải lấy kim khâu áo. Thuyết Văn gọi là may vá. Ngọc Thiên gọi là khâu áo, tục dùng chữ. Cố Dã Vương nói khoét thịt người gọi là thích.

Tỷ lương khi: Cố Dã Vương nói: khi là nghiêng lệch. Thuyết Văn gọi là lậu. Từ chữ âm chi, hoặc bộ viết, đều là chữ cổ. Văn kinh viết là sai. Tôn Khanh Tử nói: miếu là Hoàn Công có binh khí, rỗng thì khi, đầy thì che, trung thì bằng để răn người.

Nhị dược: Thương Hiệt Thiên nói: nhị là ăn. Cố Dã Vương nói hễ cái gì ăn được gọi là nhị, chữ đúng xưa nay viết. Thuyết Văn viết chữ chéo là bánh bột.

Sài lang: tên loài thú rừng. Quát Địa chí nói sài, thân tựa con chó mà nhỏ, ưa đi từng bầy, có sự khác biệt giữa lương tiện. Sài nô thường đi trước bắt được hươu, không dám ăn trước, ngồi giữ đợi sài lang. Sài lang đến ăn no nê xong, thịt thừa còn lại sài nô mới bắt đầu ăn. Lễ Ký Nguyệt Kinh nói: vào tháng quý thu sài mới cúng tế cầm thú, lang là

dã thú. Ở vùng sa mạc phương Bắc có rất nhiều loài thú này, thường ở trong hang, đầm. Thuyết Văn nói lang giống như con chó nhưng đầu nhọn trán trăng, trước cao sau rộng, tai dựng đứng miệng vuông đuôi thường cụp xuống, màu vàng xanh.

Hồ cù: hồ là chó sói. Quách chú Nhĩ Nhã nói: cù giống con vượn mà lớn hơn màu đen.

Điêu thứu: quyển ba kinh Đại Bát-nhã đã nói.

Uyển chuyển: Thuyết Văn nói uyển là nằm lật lại.

Dục hác: Quảng Nhã nói hác là hết. Giả chú Quốc Ngữ nói hác là sạch hết. Thuyết Văn gọi là giọt nước.

Tượng cưu: Thuyết Văn nói cưu là chuồng ngựa, voi. Chu Lễ nói ngựa một trăm mười bốn con là một cưu.

Bì nang: Vận Thuyên nói nang là cái túi có đáy.

Tuần ngạn: tuần là du hành.

Thùy ngụ: Thùy là ngủ, ngộ là thức.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG
QUYỂN 10

Kinh Cức: Cố Dã Vương nói kinh là cây sở, còn gọi là Kinh Châu, Vận Thuyên nói cức là táo chua, cây có gai. Thuyết Văn gọi là táo nhỏ.

Bảo hàm: Quảng Nhã nói hàm là cái rương.

Khai xiển: Hàn Khang Bá Chú Hệ Từ rằng: Xiển là sảng. Quảng Nhã nói xiển là mở ra.

Kiềm lê: Đỗ chú Tả Truyện nói: kiềm là màu đen, Sử Ký nói Tần Thủy Hoàng năm hai mươi sáu tuổi lại gọi vạn dân là kiềm, che nói vạn tánh lê dân, hoặc gọi là lê thứ. Vận Thuyên gọi lê là chúng.

Hưu tức: Mao Thi Truyện nói Hưu là nghĩ, chữ hội ý.

Hổ báo: hổ là thú rừng. Báo cũng vậy giống hổ mà có vằn đen, nhỏ hơn hổ da có thẻ làm yên ngựa.

Ái luyến: ái, Thuyết Văn gọi là ân tuệ, chữ hội ý Khảo Thanh nói luyến là suy nghĩ.

Thế thóa: Thuyết Văn nói thế là nước mũi thóa là nước miếng.

Thê thương: Quảng Nhã nói thê là buồn. Thuyết Văn gọi là đau.

Chu hàng: Thuyết Văn nói chu là thuyền. Mao Thi Truyện nói

thuyền đưa sang song. Từ Quang đến Đông gọi tế độ là hàng. Thuyết Văn gọi là phưởng.

Ung thư: Tư Mã Bưu Chú Trang Tử rằng: không thông là ung. Thuyết Văn nói ung là thủng. Thư là ung lâu, chữ hình thanh.

Huyết mạch: Thuyết Văn nói phần huyết lý lưu hành trong cơ thể gọi là mạch, chữ mạch vốn từ bộ nhục và âm phái, người thời nay viết chữ vĩnh.

Gân cốt: Thuyết Văn nói gân là sưc của thịt, bộ nhục, lực, cốt. Vì vật nhiều cân nên từ bộ trúc, chữ hội ý.

Sở ký: Mao Thi Truyện nói kỳ là cấu. Nhĩ Nhã nói kỳ là cào. Thuyết Văn nói ký là cầu phước, bộ thị, bộ cân.

Luy tích: Tả truyện nói luy là yếu. Quốc ngữ gọi là bịnh. Tả truyện nói tích là gầy.

Kích thủy: Thuyết Văn nói kích là sóng vỗ nhanh.

Tần phân: Vương chú Sở Từ nói tần phân lá vẻ đông đúc, xưa nay chữ viết đúng với bộ mịch, chữ hình thanh.

Thỉ huyết: Thuyết Văn nói lấy lưỡi liếm vật gọi là thỉ, bộ thiệt âm thị.

Hài cốt: tên chung của xương trong thân thể, chữ hài bộ cốt âm oai.

Áo não: Văn Tự Tập Lược nói: nỗi buồn bực đè nén ở trong lòng, đều là chữ hình thanh.

Cáp xu: Vận Anh nói: lúc mới thoát khỏi vỏ trứng mà có thể tự ăn được gọi là xu cả hai đều chữ hình thanh.

Mục nhuấn: Thuyết Văn nói: mắt tự động đậy gọi là nhuận. Kinh viết là sai.

Ưng đoạt: Thuyết Văn nói ưng là loại chim hung tợn cũng gọi là chim cắt. Nhĩ Nhã nói chích thuộc loài chúc cưu. Ưng có nhiều loại không tiện kể hết. Thuyết Văn nói tay cầm quạ lớn mà bi mất nên gọi là đoạt.

Chiến điệu: Quảng Nhã nói điệu là chấn phát. Quốc Ngữ nói điệu là lay động. Thuyết Văn viết bộ thủ.

Bi sấn: Khảo Thanh nói sấn là hơi ngọn ở cuống hầu. Kinh viết bi, âm yết là phần uất tràn họng.

Căn táo: Thuyết Văn nói táo cũng như càn.

Sậu giá: Khảo Thanh nói ngựa đi gọi là sậu. Quảng Nhã gọi là phấn tấn. Giả chú Quốc Ngữ gọi là nhanh, Thuyết Văn gọi là đi nhanh, bộ mã âm tựu.

Thất tự: Thuyết Văn nói thất là đúng, bộ thủ âm khất. Mao Thi Truyện nói tự là nghiệp. Vận Thuyên nói tự là thứ lớp. Thuyết Văn gọi là đầu mối của sợi tơ.

Tư ta: Vương Dật chú dịch rằng: tư ta là lời than thở, chữ hình thanh.

Truy hang: truy là vỗ vào ngực. Tự Thư nói hung là ngực.

Cầm thú: Thuyết Văn nói cầm là bắt đ.

Lâm tẩu: (đã giải).

Trù nghị: nghĩ là dự đoán sự việc chưa xảy ra có được hay không rồi mới làm.

Phần kỳ thân, hoặc viết. Thuyết Văn gọi là bụi dơ, bộ thể âm phân.

Hào đào: Đỗ chú Tả Truyện nói hào là khóc. Nhĩ Nhã gọi là kêu. Quấy nhiễu gọi là kêu. Thv gọi là tiếng đau xót, bộ hổ âm hào. Cố Dã Vương nói đào là tiếng than khóc.

Đàm nhiên: Bích Tông nói: đàm là bỗng nhiên. Thuyết Văn gọi là thổi lên.

Tích địa: theo hai chữ này nghĩa là vì quá đau buồn nên tự lăn lộn trên đất gào khóc hết sức khổ đau.

Thương triệu: Phương Ngôn nói triệu là buồn. Quách Chú Lễ Ký nói triệu là thương xót, chết yểu cũng gọi là triệu.

Bỉnh trước: Quảng Nhã nói bỉnh là sáng. Thanh Loại viết bộ hỏa viết chữ bình, chữ chung xưa nay viết bộ, âm. Cố Dã Vương nói trứ là rõ ràng, bộ thảo âm giả.

Trắc lường: Trịnh chú Lễ Ký nói: trắc là đo, không biết sông sâu rộng bao nhiêu nên phải đo, bộ thủy âm tắc, chữ lường này theo Thuyết Văn phải từ bộ, kinh viết là nhầm.

Minh du: du là vượt qua.

Kim đính:

Tiên trí: chữ thông tục, chính phải viết. Ngọc Thiên nói tiên là ít, hiếm.

*****

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
(Tựa trước kinh Tuệ Lâm soạn âm)

Năng tu: Nhĩ Nhã nói năng là lâu. Khảo Thanh gọi là xưa. Thuyết Văn viết bộ nhựt.

Ngoạn duyệt: Đỗ chú Tả Truyện nói ngoạn là học theo. Thuyết Văn viết bộ Tập âm nguyên. Mao Thi nói duyệt làta đích thân không xem xét, văn tự điển thuyết nói trách phạt là duyệt.

Tiên triết: Nhĩ Nhã nói ttiết là trí. Phương Ngôn nói vào thời Tề Tống gọi trí là triết. Khổng chú Thượng Thư nói: triết là chiếu rõ. Thuyết Văn cũng gọi là trí, bộ khẩu âm tích.

Quật-đa: Phạm ngữ giải thích, đó là tên vị Tam Tạng trong kinh này.

Suy nghĩa: Phương Ngôn nói suy là thành thật. Đỗ chú Tả Truyện nói đo cao hơn mặt trời. Cố Dã Vương nói: đo lường nhau.

Kiền-đà: Phạm ngữ, tức là tên một quốc gia ở Ấn Độ.

Phái biệt: Thuyết Văn nói phái là dòng nước chảy riêng.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 1

Cổ: Tả Truyện nói: máu loài trùng độc, dính nó thì sinh ra mê man rồ dại.

Thiên cám: Luận Ngữ nói: người quân tử không phục sức bằng màu xanh sẫm ánh đỏ. Thuyết Văn nói lụa xanh sẫm mà pha sắc đỏ.

A-súc: Phạm ngữ, Đường gọi là vô động.

Thủy điệt: Quách Chú Nhĩ Nhã nói: điệt là con đỉa. Thương Hiệt Thiên gọi là loài trùng dưới nước. Thuyết Văn viết bộ trùng.

Dung tiêu: Hán Thư nói: giống như kim loại trong trạng thái nung luyện. Thuyết Văn gọi là đúc đồ dùng.

Tật dịch: Trịnh chú Chu Lễ nói tật là bịnh lở ác. Xưa nay chữ đúng viết âm nạch.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 2

Tả Truyện nói phu là lấy dùi đánh trống, Thuyết Văn nói dùi trống, bộ mộc âm bào. Văn kinh viết là cây đòn đông, chẳng phải nghĩa này.

Khô hạc: Giả chú Quốc Ngữ nói hạc là sạch hết. Thuyết Văn viết bộ thủy âm cố.

Mao đích: Cố Dã Vương nói: đích là nước nhỏ giọt. Thuyết Văn gọi là nước rơi xuống. Văn kinh viết là sai.

Khỏa giả: thuận theo âm tục, chính âm là lõa. Thuyết Văn nói lõa là để lộ thân bộ y âm quả, hoặc viết đều được.

Pháp luy: Quách chú Nhĩ Nhã nói luy là ốc bưu, nay nói pháp luy là loại ốc lớn làm nhạc khí.

Ngoại toát: Ưng Chiêu chú Hán Thư rằng: túm bốn bên lại, hoặc nói dúm ngón tay lại gọi là toát, bộ thủ âm tối.

Đoạt tâm: Thương Hiệt Thiên nói: đoạt là cưỡng lấy. Giả chú Quốc Ngữ nói đoạt nghĩa là không cho mà lấy. Trịnh chú Lễ Ký nói đoạt là loạn. Văn tự điển thuyết nói đang cầm trong tay bỗng nhiên bị lấy mất gọi là đoạt, chữ hội ý.

Nhượng khước: Hàn Thi Truyện nói nhượng là trừ, Chu Lễ nói khước. Cố Dã Vương cũng nói là từ giả.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 3

Trong quyển này có Đà-la-ni Bồ-tát Thập Địa, có chữ khô cũng hợp với âm huấn (sát) thích hợp nên không theo âm mà y cứ theo bản Phạm phiên ra, nên không nêu ra lại.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 4

Bích dung: Quách chú Nhĩ Nhã nói dung là ngang đều nhau.

Thuyết Văn gọi là bình quân, bộ nhân âm dung, kinh viết có thêm bộ nhựt là sai.

Tịnh nhu: Mao Thi Truyện nói nhu là nhuận trạch. Thuyết Văn viết bộ thủy âm tu.

Tiên ư: Chính phải viết, Giả chú Quốc Ngữ nói tiên là. Trịnh chú Lễ Ký gọi là hiếm. Tự Thư gọi là thiểu.

Thiệt thi: Khảo Thanh nói thị là ái, dục, Khổng chú Thượng Thư nói thị là không nhàm đủ. Trịnh chú Lễ Ký nói thị là tham.

Táo động: Khảo Thanh nói táo là tánh nóng nảy. Cố Dã Vương nói táo cũng như động. Giả chú Quốc Ngữ nói táo là nhiễu. Trịnh chú Luận Ngữ gọi là không an tịnh. Thuyết Văn viết, bây giờ phần nhiều dùng chữ

Bất đạn: Trịnh Tiễn Mao Thi nói: đạn là khó còn gọi là sợ. Quảng Nhã gọi là kinh hãi, Thuyết Văn gọi là lụy ác.

- QUYỂN V

Ốc nhưỡng (đã giải)

Tuệ tinh (đã giải)

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 6

Quyển này cũng có chân ngôn dịch theo lối cổ, y theo quyển III.

Phì nùng: Hoài Nam Tử nói: phì nùng là béo ngậy. Thuyết Văn gọi là dày. Từ bộ dậu âm nông, kinh viết bộ thủy, trái với nghĩa kinh.

Xâm lược: Tục dùng giống chữ. Đỗ chú Xuân Thu rằng: lược là chiếm lấy tài sản. Cố Dã Vương nói: chiếm đoạt vật. Trịnh chú Lễ Ký nói lược cũng như sách. Xưa nay viết thư bộ thủ.

Đạp liên: Thuyết Văn nói đạp là giẫm lên. Từ bộ túc, kinh viết là sai.

Cô bỉnh: Lễ ký nói bỉnh là tán. Bì Thương gọi là đi.

Nọa đọa: Khảo Thanh nói nọa là không siêng năng. Thuyết Văn gọi là giãi đãi, bộ nữ âm lại kinh viết bộ tâm cũng được.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 7

Hi đi: Khảo Thanh nói hi là hòa, đẹp. Kinh xưa nay viết bộ hỏa âm hi, kinh viết bộ nữ là sai. Khảo Thanh nói di là vui vẻ. Nhĩ Nhã gọi là lạc, Phương Ngôn gọi là hỷ. Văn Tự Điển Thuyết viết bộ tâm chữ.

Diệm-ma: Phạm ngữ. Cổ dịch là côi không cư thiên trong Dục giới tức Dạ-ma.

Bì phần: Bì Thương gọi là rất thơm. Trịnh Tiễn nói phân là thơm ngào ngạt.

Đao-lợi: Trời Đao-lợi ở trên đỉnh Tu-di có ba mươi hai Thiên tử cùng chầu Đế Thích, cũng gọi là Tam Thập Tam Thiên. Tức là nơi Đế Thích cai quản.

KIM QUANG MINH HỢP BỘ
QUYỂN 8

Thất bảo hàm: Quảng Nhã nói hàm là cái rương gỗ. Thuyết Văn gọi là cái rương.

Khế giá: Mao Thi Truyện nói khế là nghỉ ngơi, văn xưa nay viết bộ thiệt và chữ tức, kinh viết là sai.

Ung thư ((đã giải))

Tiếu tật: Quảng Nhã nói tiếu là nhọt loét. Bì Thương cũng gọi là thủ.

Thị huyết: Cố Dã Vương nói lấy lưỡi gắp thức ăn.

Cáp xu ((đã giải))

Tiếp nhuận ((đã giải))

Phún sái: Quảng Nhã nói phún là xì ra, phun đồ ra là phún.

Xuyết nhiên: Mao Thi Truyện nói: xuyết xuyết là tâm lo âu. Thanh Loại gọi là khí ngắn. Thuyết Văn viết bộ tâm.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Sa-môn Tuệ Lâm phụ thêm vào

QUYỂN 30

Phật Thăng Đao-lợi Thiên Kinh: Hai Quyển, Tuệ Lâm
Đạo Thần Túc Biến Hóa Kinh: Bốn Quyển, Huyền Ứng
Đại Thọ Khẩn-na-la Kinh: Bốn Quyển, Tuệ Lâm.
Thuần Chơn-đà-la Sở Vấn Kinh: Hai Quyển, Huyền Ứng
Bảo Vũ Kinh: Mười Quyển, Tuệ Lâm
Bảo Vân Kinh: Bảy Quyển, Huyền Ứng
A-duy-việt-chí-già Kinh: Ba Quyển, Huyền Ứng
Bất Thối Pháp Luân Kinh: Bốn Quyển, Tuệ Lâm
Quảng Bác Nghiêm Tịnh: Bốn Quyển, Huyền Ứng
Bất Tất Ấn Kinh: Một Quyển, Huyền Ứng
Nhập Định Bất Định Ấn Kinh: Một Quyển, Huyền Ứng
Trì Tâm Phạm Thiên Kinh: Bốn Quyển, Huyền Ứng
Đẳng Tập Chúng Đức Tam-muội Kinh: Ba Quyển, Huyền Ứng
Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam-muội Kinh: Ba Quyển, Huyền Ứng
Tư Ích Kinh: Bốn Quyển, Huyền Ứng.
Thắng Tư Duy Phạm Thiên Kinh : Sáu Quyển, Tuệ Lâm
Trì Nhân Bồ-tát Kinh: Bốn Quyển, Huyền Ứng
Trì Thế Kinh: Bốn Quyển, Huyền Ứng
Tế Chư Phương Đẳng Học Kinh : Một Quyển, Huyền Ứng.
Đại Phương Quảng Tổng Trì Kinh : Một Quyển, Huyền Ứng
Bảo Khiếp Kinh: Ba Quyển, Tuệ Lâm.
Văn-thù Hiện Bảo Tạng Kinh: Ba Quyển, Huyền Ứng
Đại Thừa Đồng Tánh Kinh: Hai Quyển, Huyền Ứng
Chứng Khế Đại Thừa Kinh: Hai Quyển, Tuệ Lâm
Thâm Mật Giải Thoát Kinh: Năm Quyển, Tuệ Lâm.
Giải Thâm Mật Kinh: Năm Quyển, Tuệ Lâm
Giải Tiết Kinh: Một Quyển, Huyền Ứng.

Tương Tục Giải Thoát Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Kinh: Một Quyển, Huyền Ứng

Duyên Sanh Kinh: Hai Quyển, Tuệ Lâm.

Phân Biệt Duyên Khởi Pháp Môn Kinh : Hai Quyển, Tuệ Lâm.

Ba mươi kinh trên gồm chín mươi tám quyển cùng âm trong quyển này.

PHẬT THĂNG ĐAO-LỢI THIÊN KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN THƯỢNG.

Hội nhiễu: (đã giải)

Đạm bạc: Cố Dã Vương nói đạm là điềm tĩnh. Vương chú Sở Từ gọi là an. Khảo Thanh nói bạc là tâm an tịnh. Quảng Nhã gọi là Tinh. Thuyết Văn gọi là vô vi.

Cai Phật thổ: Giả chú Quốc Ngữ nói cai là số, Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử rằng chín cai chín thiên. Khảo Thanh nói hạn cực, bát cai bát cực. Phong Tục Thông nói mười ngàn là một vạn, mười vạn là ức, mười ức là triệu, mười triệu là kinh, mười kinh là cai, là số cùng tột của con số. Thuyết Văn viết bộ thổ âm cai.

Si ngãi: Bì Thương nói si là ngốc. Thuyết Văn gọi là không thông minh, bộ nạch âm nghi. Khảo Thanh nói ngãi là người si. Thương Hiệt Thiên gọi là vô tri.

Xi tiếu: Thuyết Văn nói xi là cười đùa, bộ chữ cổ, kinh viết cũng được.

PHẬT THĂNG ĐAO-LỢI THIÊN KINH
QUYỂN HẠ

Bạn các: Quảng Nhã nói bạn cũng như các Thuyết Văn nói bạn là nhà tạp. Thương Hiệt Thiên nói các là nhà lầu. Quảng Nhã gọi là củi đựng thức ăn. Trịnh chú Lễ Ký nói các là lấy ván đóng cái củi đựng thức ăn. Cố Dã Vương nói nhà tầng nhiều bậc gọi là các.

Lan thuấn: (đã giải)

Uyển hữu: Thương Hiệt Thiên nói nuôi trâu ngựa gọi là hữu, nuôi cầm thú gọi là uyển. Thuyết Văn viết bộ thảo âm, kinh viết cũng được.

Khảo Thanh nói hữu là chỗ nuôi hươu nai. Trịnh chú Lễ Ký nói hữu cũng như uyển. Thuyết Văn nói hữu là có tướng chấp, chỗ nuôi thú bộ vi, âm hữu.

*****

ĐẠO THẦN TÚC BIẾN HÓA KINH - *Huyền Ứng*

- QUYỂN 1

Âu hòa (Phạm ngữ)

- QUYỂN 2

Giới thượng: là vạt áo, hoặc viết âm cức. Tự Thư cũng nói là vạt áo. Thuyết Văn gọi là cổ áo.

- QUYỂN 3

Nhược khám: Khảo Thanh nói khoét vách núi làm khám. Thuyết Văn gọi là rồng. Văn kinh viết và long là lầm.

Ô-nê: chỗ nước đọng là nê, kinh viết

- QUYỂN 4

Tộc nhạc: đất gò nỗng, không bằng phẳng kinh viết sai.

*****

ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA KINH - *Tuệ Lâm*

QUYỂN 1.

Đăng mộng: Khảo Thanh nói tinh thần khó chịu. Tự Thư gọi là hôn muội, kinh viết bộ mục cũng thông, có khi viết là sai.

Tài hối: Khảo Thanh nói tiền, lúa gạo, lụa là tài. Hàn Khang Bá chú Dịch nói: của cải để mưu sinh. Quảng Nhã nói tài là hang hóa. Văn Tự Điển Thuyết nói bộ bối âm tài. Nhĩ Nhã nói hối là của cải. Đỗ chú Tả Truyện nói trao tặng cho gọi là hối. Văn tự điển thuyết nói hai chữ đều bộ hối, chữ hình thanh.

Phả ngã: như dạng người say kiêu ngạo bất kính. Văn kinh viết hoặc đều không đúng.

Kham nại: Ngọc Thiên nói nại là năng nhẫn, nhậm.

- QUYỂN 2: Không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 3

Ngõa lịch: Thuyết Văn nói lịch là đá sỏi, bộ thạch âm lạc.

Kinh vức: (đã giải)

- QUYỂN 4.

Đam túy: Khảo Thanh nói đam là thích rượu mãi. Thuyết Văn viết bộ dậu, âm, kinh viết đam là ham thích, cũng thong với hai chữ trên là đầu quyển 4 hoặc có bổn được người viết ở cuối quyển 3, lúc bấy giờ có vua Khẩn-na-la thỉnh Phật cúng dường, mười bảy hàng rưỡi phía sau.

Từ khải: Văn Tự Tập Lược nói lấy kim loại, da thú để che thân gọi là khải. Quảng Nhã gọi là áo giáp. Thuyết Văn gọi là giáp, bộ kim.

*****

THUẦN CHƠN-ĐÀ-LA SỞ VẤN KINH - *Huyền Ứng*
QUYỂN THƯỢNG

Thuần: Chữ có khi viết là thần, tên vua là Như Ý Sanh Vương.

Ngu lạc: ngu cũng là lạc. Quảng Nhã nói ngu là an. Bạch Hổ Thông nói ngu lạc là dân trong thiên hạ đều có niềm vui.

Vô thỉnh: Quảng Nhã nói thỉnh là cầu hỏi. Kinh viết người viết kinh nhầm.

Tiên tiên : Mao Thi Truyện nói: Tiên tiên là say, là múa loạn xạ. Cổ văn viết tiên là trường sinh. Người sống lâu ở núi gọi là tiên.

Y giới: Cố Dã Vương gọi là vạt áo, kinh viết là sai.

Tự hô: Khảo Thanh gọi là thở ra, hơi thoát ra từ cuống hầu có âm thanh.

Bàn-già-tuần: Phạm ngữ, tên của hội thí. Bàn-già, Đường dịch là năm năm hoặc năm tháng.

THUẦN CHƠN-ĐÀ-LA SỞ VẤN KINH - *Huyền Ứng*
QUYỂN HẠ

Tứ đậu: Khảo Thanh gọi là đường mương quyết, không.

Am phê: Ô đáp phản. Phổ mê phản.

Hòa đế: Đô hề phản.

Úy đa: Cự nghi phản,

Bà: Bồ hà phản,

Tự di: Chữ trước âm là tử giả phản. Từ sau là sung chi phản.

Ấn trú: nghĩa là thọ ký. Thương Hiệt Thiên nói ấn là tín, trú là dừng, nghĩa là dừng ngựa đứng lại.

BẢO VŨ KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN 1

Hiển thọ: Kinh viết là sai, tức là thời thiên trào ngụy tạo.

Như luyện: Hoặc viết luyện bộ hỏa đúc.

Bình thản: Vương Dật chú dịch rằng: Thản là lực không hiểm nguy. Quảng Nhã gọi là bằng phẳng.

Hoạnh lệ: Hoạnh là tánh bạo ngược nóng nảy. Thuyết Văn viết bộ khuyển âm quảng. Quảng Nhã nói lệ là hận. Ích pháp nói không hối lỗi trước là lệ, không nhớ nghĩ yêu thương là lệ. Thuyết Văn gọi là cong quẹo

Hoài thai: Khảo Thanh gọi là mang thai.

Chu ngột: Khảo Thanh nói đốn cây còn sót lại gọi là ngột. Hàn Thi Ngoại Truyện nói phía sau có cây cọc, trước có hào sâu. Khảo Thanh nói ngột là cọc ngắn lồi lên. Thuyết Văn gọi là gốc cây.

Ngoan ngạc: (đã giải)

Tốt-đổ-ba: Tiếng Phạm (tháp Phật)

Thư bác: Trịnh chú Khảo Công Ký rằng: bác là vỗ. Khảo Thanh gọi là túm. Quảng Nhã gọi là đánh.

Y giả: Thuyết Văn nói y là công phu trị bịnh. Y là ý.

Nhãn ế: Khảo Thanh nói trong mắt có cợn, chữ hình thanh.

Cứ ngạo: Trịnh chú Lễ Ký và Đỗ chú Tả Truyện đều nói cứ ngạo là bất kính. Tự Thư nói ngạo cũng là cứ. Thượng Thư nói ngạo mạn không nhường bạn.

Tư cầu: Cố Dã Vương nói tư giống như hầu. Trịnh chú Chu Lễ nói Tư là quan sát. Phương Ngôn gọi là xem. Thuyết Văn viết bộ nhân âm tư.

Huyền diệu: Khảo Thanh nói huyền là lửa sáng. Thuyết Văn nói huyền là diệu. Giả chú Quốc Ngữ rằng: diệu là sáng. Thuyết Văn gọi là chiếu.

Hổ thi: Hàn Thi Ngoại Truyện nói: không cha biết nương ai, không mẹ biết nhờ ai. Thuyết Văn viết đều bộ tâm.

Tiêm tiêu: Quảng Nhã nói tiêm là mũi nhọn. Trịnh chú Lễ Ký nói tiêm là đâm chích: Thuyết Văn viết bộ kim, kinh viết cũng thông.

Quán tập: Nhĩ Nhã nói quán cũng như tập. Thuyết Văn viết chữ

Như thoán: Vân Lược nói thoán là mâu nhỏ. Khảo Thanh gọi là mâu ngắn.

Hội náo: Thuyết pháp cho mẹ ở trời Đao-lợi quyển trên (đã

giải).

Đem trước: Khổng chú Thượng Thư nói: quá vui gọi là đam: Hàn Thi nói đam là rất Giả chú Quốc Ngữ đam là đắm.

Quyên phược: Khảo Thanh nói lấy dây buộc đồ. Vận Anh nói cột lấy. Văn tự điển thuyết viết bộ võng âm quyên.

Tê giác: Quách Chú Nhĩ Nhã nói: Tê giống trâu chó đầu lớn bụng thấp, sắc lông chân đen, ba sừng ưa ăn cỏ gai. Thuyết Văn viết bộ ngưu âm vĩ, kinh viết là thông tục.

- QUYỂN 2. Không có từ âm nghĩa.

BẢO VŨ KINH
QUYỂN 3

Khánh hỷ: Hàn Thi nói: khánh là tốt. Hà Chú Công Dương Truyện nói khánh là may mắn. Mao Thi gọi là đẹp, Thuyết Văn viết bộ tân bộ văn và bộ lộc.

Lung cổ: Tả Truyện nói tai không nghe năm âm thanh là long. Thương Hiệt Thiên nói tai không nghe. Thuyết Văn cũng gọi là vô thanh. Trịnh chú Chu Lễ nói không thấy là cổ, mắt kéo màn như da trống, có đồng tử mà không thấy.

Á dương: Bì Thương nói á là câm. Khảo Thanh nói không được. Thuyết Văn viết bộ nạch âm á. Kinh viết bộ khẩu sai nghĩa kinh.

Nhất đích: Cố Dã Vương nói rơi từng rơi từng giọt. Khảo Thanh gọi là nước rơi. Thuyết Văn gọi là nước rỉ ra.

Nhiễu loạn: (đã giải).

Triền luân: Hà Chú Công Dương Truyện nói: Triền là nhiễu quanh. Vương Chú Sở Từ nói triền là xoay quanh.

Tái dục:

Văn nạp: (đã giải)

BẢO VŨ KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN 4

Kiên ngạnh: Tả Truyện nói ngạnh cũng như kiên, chữ đúng xưa nay viết bộ thạch. Thuyết Văn viết bộ cách.

Hách dịch: (đã giải).

BẢO VŨ KINH
QUYỂN 5

Khiếp cụ: Đỗ Lâm chú Hán Thư nói khiếp là rất sợ. Cố Dã Vương nói khiếp là sợ yếu.

Kinh hãi: Quảng Nhã nói hài là dậy Thương Hiệt Thiên nói hãi là giật mình. Thuyết Văn viết bộ mã âm cai.

Khất cái: Thương Hiệt Thiên nói cái là hành khất, cầu xin. Thuyết Văn nói đi theo người xin của cải gọi là hành khất. Kinh viết là sai.

BẢO VŨ KINH
QUYỂN 6

Sử lưu: Vận Anh nói sử là nhanh chóng. Thương Hiệt Thiên gọi là tật, bộ mà.

Manh minh: Thuyết Văn nói manh là mắt không có đồng tử, bộ mục, âm manh. Kinh viết chữ thông tục.

Tư sá: Quách Chú Phương Ngôn: tư là bịnh nghẹn. Đông Tề nói tiếng tản ra gọi là tư. Tần tấn nói thanh biến là tư, bình vỡ mà không đổi âm. Cố Dã Vương gọi là tiếng buồn bã. Khảo Thanh nói sá là bể tiếng.

Căn độn: Thương Hiệt Thiên nói: độn là ngu, như Thuần chú Sử Ký nói ngoan độn giống như không biết gì. Hoài Nam Tử nói tri thức ám độn. Thanh Loại nói không chạy bén. Thuyết Văn viết bộ kim.

BẢO VŨ KINH
QUYỂN 7

Du siểm: Trang Tử nói không quyết trạch được phải trái mà nói gọi là du. Thương Hiệt Thiên nói du là siểm nịnh. Hà Hưu Công Dương truyện nói siểm cũng như ủy. Trịnh chú Lễ Ký nói siểm nghiêng thân xuống. Trang Tử" nói ra như ý muốn.

Bà-la-ni-tư: Phạm ngữ, tên một nước ở Tây Vực.

Ngu xuẩn: Trịnh chú Chu Lễ nói xuẩn là ngu, kẻ sanh ra mà ngờ

nghệch đần độn. Thuyết Văn cũng nói là ngu, cũng gọi là tinh thần không sảng khoái.

Oánh thức: Khảo Thanh nói oánh là vật phát ra ánh sáng. Quảng Nhã gọi là ma, nghĩa là mài châu ngọc khiến cho phát sáng.

Tự hoại: Mao Thi Truyện nói tự là hoại. Thuyết Văn từ bộ thủy âm tự. Kinh viết, chẳng phải nghĩa kinh.

Vương thần:

Cân mạch: Chu Lễ nói: thầy thuốc lấy mùi tân (cay) dưỡng gân. Lễ Ký nói: người già không lấy sức lực làm lễ. Thuyết Văn gọi là sức mạnh của thịt.

BẢO VŨ KINH
QUYỂN 8

Phùng duyết: Trịnh chú Chu Lễ nói: có cái may y phục vua và Hoàng hậu. Đỗ chú Tả Truyện nói phùng là chắp vá. Thuyết Văn nói lấy kim khâu áo. Lễ Ký nói chuế là khíu liền lại. Văn tự điển thuyết nói xuyết là nối liền lại.

Khám thất: Đạo Thần Túc Kinh quyển ba (đã giải).

Tác động: Khảo Thanh nói tác là tánh nóng nảy. Cố Dã Vương nói táo là động, Giả chú Quốc Ngữ nói tác là nhiễu. Trịnh chú Luận Ngữ nói không an tịnh.

Nhưỡng thức: Khảo Thanh nói: bông lúa sai núc nĩu. Thuyết Văn gọi là thân cây lúa. Bộ hòa âm nhưỡng. Khảo Thanh nói thức là lúa nếp. Văn Tự Tập Lược nói thức là vỏ lúa. Văn tự điến thuyết nói bộ mạch, bộ dực.

Tham lam: Sở Từ nói yêu thích tài sản là tham, ưa thích thức ăn gọi là lam. Khảo Thanh nói lam là tàn, không cẩn thận, cũng có khi viết, Văn tự điển thuyết viết bộ nữ âm?

- QUYỂN 9. Không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 10

Quỳnh độc: Khổng chú Thượng Thư nói quỳnh là đơn lẻ, nghĩa là không có anh em.

*****

BẢO VÂN KINH - *Huyền Ứng*
QUYỂN 1

Đỉnh tín: Thuyết Văn nói tín cái thóp chỗ đỉnh đầu.

Bách diệp: Bắp đùi trâu, kinh viết tiếp. Thuyết Văn gọi là thái thịt mỏng, chẳng phải nghĩa này.

Chí sinh: Sinh là cùng tột, nhanh. Thuyết Văn nói sinh là thông, Phương Ngôn nói vào thời Trần Sở. Từ Sơn Đông đến Giang Hoài nói nhanh là sính.

- QUYỂN 2. Không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 3.

Giao ngư: Thuyết Văn nói giao là cá biển Sơn Hải Kinh nói: Sông chương có rất nhiều loài cá này. Quách Phác nói nó thuộc loài sam, da nó có vảy cứng đuôi dài ba, bốn thước, dưới chót có độc đâm người, do nó có thể làm bao kiếm.

- QUYỂN 4, 5 (không có từ Âm nghĩa).

- QUYỂN 6.

Toán trạch: nghĩa là giản trạch. Tam Thương nói toán là chọn.

Nhương thảo: Thuyết Văn nói: bông lúa nặng hạt

- QUYỂN 7. Không có từ âm nghĩa.

*****

A-DUY-VIỆT-CHÍ-GIÀ KINH - *Huyền Ứng*.

- QUYỂN 1.

Lung sơ: Quảng Nhã gọi là cung là nhà cửa. Thuyết Văn nói phòng thất là sơ.

- QUYỂN 2.

Một kỳ: một là chậm lụt. Thuyết Văn nói là nhẫn khó.

Chiến hưu: Thương Hiệt Thiên nói hưu là nhọt sẹo. Tuệ Lâm cẩn y theo ý kinh. Ba-tuần buồn rầu da dẻ biến thành màu đen như người bị nội thương, thân đen như thế.

- QUYỂN 3.

Phúc chữ: Phương Ngôn nói phúc là sấy khô. Thuyết Văn nói lấy lửa nướng thịt.

*****

BẤT THỐI PHÁP LUÂN KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN 1

Khánh khái: Thương Hiệt Thiên nói: khánh là tiếng. Thuyết Văn nói khánh cũng như khái (cười nói), tư bộ ngôn âm thanh, kinh viết bộ thạch là sai. Cố Dã Vương nói khái cũng như sấu.

Mã não: (đã giải).

Hà uế: Quảng Nhã nói hà cũng nhú uế. Thuyết Văn nói hà là ngọc màu đỏ.

Giãi đãi: Quảng Nhã nói giãi là lười. Trịnh chú Chu Lễ nói giãi đãi là mạn. Thuyết Văn nói giãi cũng như đãi. Đều nén bộ tâm.

- QUYỂN 2: Không có chữ để âm nghĩa.

BẤT THỐI PHÁP LUÂN KINH
QUYỂN 3

Liễn khúc: Cố Dã Vương nói hiển là khi mắc bịnh này thân thể có túm lại, kinh văn viết bộ thủ. Luận Ngữ nói đó là bắt người tội, không phải nghĩa này.

Kinh hãi: (đã giải) ở quyển 5, Kinh Bảo Vũ.

BẤT THỐI PHÁP LUÂN KINH
QUYỂN 4

Nguy thúy: Khảo Thanh nói thúy là ngặt. Cố Dã Vương nói Thúy là giòn. Quảng Nhã gọi là yếu. Thuyết Văn nói thúy là thịt dễ rã, bộ nhục âm tuyệt.

Tế trí: Khảo Thanh nói trí là lụa dày. Trịnh chú Lễ Ký nói trí cũng nhu mật.

Hào sạn: Đỗ chú Tả Truyện nói tham tài gọi là hào, tham ăn là sân.

Bào thai: Khổng chú Thượng Thư nói bào là bọc. Tư Mã Bưu chú Trang Tử nói, bào là mang đứa trẻ trong bụng đứa trẻ sanh ra từ cái bọc. Quảng Nhã nói ba tháng bào thai. Cố Dã Vương nói: chưa sanh, còn ở

trong bụng là thai. Thuyết Văn nói phụ nữ mang bầu ba tháng.

Pháp luy: (đã giải).

Anh nhi: Thương Hiệt Thiên nói bé gái gọi là anh, bé trai là nhi. Thích Danh nói trẻ mới sanh gọi là anh nhi. Để trước ngực là anh, ý nói ẳm đứa bé để trước cho bú sữa.

Phần phức: (đã giải).

*****

QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH KINH - *Huyền Ứng*.

- QUYỂN 1, 2, 3: Không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 4 : Điên quyết: là nghiêng ngả.

****

BẤT TẤT ẤN KINH - *Huyền Ứng*

Thải luyện: Bì Thương nói luyện là chọn. Lễ Ký nói luyện là chọn lấy cái tốt.

Bảo điền: Quảng Nhã nói điền là bít, đầy.

Câu-đa: y theo chữ, Nhĩ Nhã nói đó là một loại cổ đinh.

Bạt thân: bạt là quay lại, bạt nhiên là xoay thân lại.

****

NHẬP ĐỊNH BẤT ĐỊNH ẤN KINH - *Tuệ Lâm*.

Bí trách: Tự Thư nói bí là mật. Trịnh Tiên Mao Thi nói bí là thần. Thuyết Văn từ bộ thị âm tất. Văn kinh viết bộ hòa là nhầm. Lưu Hà chú Chu Dịch nói trách là chỗ cùng tột sâu kín. Thuyết Văn viết bộ di âm trách.

Quỳnh biên: Mao Thi Truyện nói quỳnh là ngọc đẹp. Thuyết Văn nói là ngọc đỏ, bộ ngọc âm huỳnh. Thương Hiệt Thiên nói biên là dệt. Thanh Loại nói lấy dây cột vật.

Lao lung: Phương Ngôn nói lao và vây. Thuyết Văn gọi là nhốt, chuồng muôi súc vật. Khảo Thanh nói lung là lồng tre. Trang Tử nói chim cưu ở trong lồng.

Bí trục: Hán Thư Âm Nghĩa nói trục là dấu chân. Thuyết Văn viết

bộ túc.

Đạo lân: Hán Thư nói lân là tiếng bánh xe nghiến. Theo chữ lân là vết xe, có khi viết bộ ngư, bộ túc, chữ đúng xưa nay phải bộ xa, âm lần. Văn kinh viết là nhầm. Văn Kinh sau khi hết tựa.

Noãn bác: Tự Thư gọi là vỏ trứng. Quế Uyển Châu Lâm nói vỏ ngoài trứng chim.

Ôn bát: Phạm ngữ, tên loại hoa ở Tây Vực.

Thiêu xuất: Thanh Loại nói thiêu là khều, nghĩa là khều vật ra.

****

TRÌ TÂM PHẠM THIÊN KINH - *Huyền Ứng.*

- QUYỂN 1

Băng đẳng: Tự Lâm nói băng là bộ, nhiều.

- QUYỂN 2: Không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 3

Phù phiệt: nghĩa là kết gỗ lại làm bò lớn gọi là phù, nhỏ là phiệt.

- QUYỂN 4

Hề kinh: Thông Tục Văn nói lối hẹp gọi là hề lối tắt gọi là kinh. Văn kinh viết: Vi tri, Đế lệ, Hi bạt, Yết yết, Nặc-kệ.

****

ĐẲNG TẬP CHÚNG ĐỨC TAM-MUỘI KINH - *Huyền Ứng.*
QUYỂN THƯỢNG

Khang khái: chính phải viết. Tiếng thở dài, còn gọi là tráng sĩ bất đắc chí.

Na-la-diên: Tấn gọi là lực sĩ Câu-tỏa.

Đế-di: Cũng gọi là Duy-ma-la-di, Tấn gọi là tên của đại lực sĩ ly cấu.

Quán thuyên: thuyên là cân lường nặng nhẹ.

Xa công: cái ống ngang trong bánh xe.

Hung đột: đột là loạn, nghịch.

Công tích: Thanh Loại nói tích cũng là công.

Cập đệ: đệ là chuyển giao cho nhau.

Điển cáo: Nhĩ Nhã nói cáo là bảo, cũng gọi là cẩn, nghĩa là nêu quy ước để răn chúng.

Lao lai: (đã giải).
Yêu điệt: yêu là mời, gọi bảo, cùng gọi là cầu, điệt là đắp đổi.
- QUYỂN TRUNG
Bác thực: bác là trồng, văn kinh là sai.
- QUYỂN HẠ: Không có từ âm nghĩa.

****

TẬP NHẤT THIẾT PHƯỚC ĐỨC TAM- MUỘI KINH

Huyền Ứng

- QUYỂN TRUNG
Sái lỵ: Quảng Nhã gọi là con bọ cạp.
- QUYỂN THƯỢNG VÀ QUYỂN HẠ: không có từ âm nghĩa)

****

TƯ ÍCH KINH - *Huyền Ứng*

- QUYỂN 1, 2, 3 (Không có từ âm nghĩa).
- QUYỂN 4
Mê lệ
Thê lệ
Yên bá
Cúc điệt
Đề sá.
(Nguyên văn Hán không có giải thích từ chỉ có âm)

****

THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN KINH - *Tuệ Lâm*

- QUYỂN 1, 2, 3, 4, 5 : Không có từ âm nghĩa.
- QUYỂN 6
Đa điệt
Ma trai
Ma cù
Xư ly
Yên bà

Bà hệ
San bà
(Nguyên văn Hán không có giải thích từ chỉ có âm)

****

TRÌ NHÂN BỒ-TÁT KINH - *Tuệ Lâm.*
QUYỂN 1

Hội loạn: quyển 2 kinh Bảo Vũ (đã giải).

Ức oai: quyển thượng kinh Phật Thăng Đao-lợi Thiên (đã giải).

Duệ triết: Giả chú Quốc Ngữ nói duệ là thông minh. Quảng Nhã gọi là trí. Thuyết Văn gọi là cao minh. Phương Ngôn nói triết là tài thí.

TRÌ NHÂN BỒ-TÁT KINH
QUYỂN 2

Lan thuấn: quyển hạ, kinh Phật Thăng Đao-lợi.

Thống dạng: Khảo Thanh nói dạng là triệu chứng của bịnh. Lễ Ký nói dạng là không dám gải. Trịnh chú Hiếu Kinh nói đè nén bớt đau, bộ trùng. Văn Tự Tập Lược nói văn kinh đều dùng.

Thư lại: Tư Mã Bưu chú Trang Tử rằng sưng phù gọi là thư. Thuyết Văn gọi là ung. Văn Tự Tập Lược nói lại là bịnh quái ác, hoặc viết lệ.

Chí thấu: Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử nói thấu là tranh nhau vươn lên. Thuyết Văn gọi là tụ, con người hội họp trên sông.

TRÌ NHÂN BỒ-TÁT KINH
QUYỂN 3

Sang bịnh: Lễ ký nói: Đầu có nhọt thì gội. Thuyết Văn nói sang là bị thương, bộ đau, nhục, chữ hội ý.

Hà-tỳ: Bất Thối Pháp Luân Kinh ở trước (đã giải) chữ hà. Khổng chú Thượng Thư nói tỳ là bịnh lở. Lưu chú Chu Dịch nói tỳ cũng như hà. Thuyết Văn viết bộ mạch âm thủ.

Hôi náo: (đã giải).

Thô hoạnh: (Âm không giải thích từ).

Vĩnh dật: Nhĩ Nhã nói dật là tĩnh là thận trọng. Thuyết Văn viết bộ ngôn.

TRÌ NHÂN BỒ-TÁT KINH
QUYỂN 4

Phẩu phán: Thương Hiệt Thiên nói phẩu là chẻ ra, Cố Dã Vương nói phẩu giống như phá. Đỗ chú Tả Truyện nói chia đôi. Thuyết Văn cũng gọi là phán, bộ đao âm thâu. Mao Thi Truyện nói phán là phân ra, phá vỡ, tán ra, bộ đao âm bán.

Bạch điệp: loai hoa cỏ ở Tây Trúc, lấy bông nó để dệt vải.

Bạt-đà-hòa-la.(chỉ âm không giải thích từ).

****

TRÌ THẾ KINH - *Huyền Ứng.*

- QUYỂN 1, 2, ,3 (Không có từ âm nghĩa)

- QUYỂN 4.

Cốt cán: từ thể viết là chữ cán (bộ cốt thêm chữ cán). Đông nghĩa: Âm là cổ ngạn phản. Sách Quảng nhã: Cán nghĩa là xương sườn. Cán là thể. Còn gọi là hài cốt.

****

TẾ CHƯ PHƯƠNG ĐẲNG HỌC KINH - *Huyền Ứng*

Cấp cấp: Thuyết Văn nói cấp cấp là đi nhanh Quảng Nhã gọi là cự.

Hư hy: Tự Lâm nói hư hy là sụt sùi. Thương Hiệt Thiên nói khóc để ra tiếng, cũng gọi là thở than.

****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TỔNG TRÌ KINH - *Tuệ Lâm.*

Vô Cấu Diệm: danh hiệu Phật.

Thế lệ: Chu Dịch nói khóc lóc tỉ tê. Thuyết Văn nói thế là nước mũi.

Nhất đích: (đã giải) ở kinh Bảo Vũ.

Sạn-đề: tiếng Phạm, Hán dịch là nhẫn.

Tật đố: Vương Dật chú Sở Từ nói hại hiền là tật, hại sắc là đố. Khảo Thanh nói đố là oán ghét. Thuyết Văn nói hai chữ đều hình thanh, kinh viết là sai.

****

BẢO KHẾP KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN THƯỢNG

Tiêu nhiên: Khảo Thanh nói, tiêu là thật khô cháy bỏng. Trịnh chú Lễ Ký nói tiêu là cháy xém. Thuyết Văn nói tiêu là đốt lửa, bộ hỏa âm tiêu, kinh viết bộ hỏa âm tước, thật trái nghĩa kinh.

Phích lịch: Sử Ký nói: sấm chớp mạnh. Văn Tự Điển Thuyết nói hai chữ đều bộ vũ, tích lịch là thanh.

Đế Thích đỉnh: Thương Hiệt Thiên nói đỉnh là đỉnh đầu. Quảng Nhã nói đỉnh là trên hết. Khảo Thanh nói đỉnh là trên đầu. Thuyết Văn viết bộ hiệt âm đinh, kinh viết bộ hiệt với chữ là sai.

Lộc thủy tung: Cố Dã Vương nói lộc là nhỏ giọt. Quảng Nhã nói lộc là hết sạch, bộ thủy âm lộc. Thuyết Văn nói tung là chặt trúc, bộ trúc âm dũng.

Hứu hương: Thuyết Văn nói ngửi bằng mũi gọi là hứu, bộ tỷ âm xú.

Chước tiệt: Khảo Thanh nói chước là che bằng dao. Quảng Nhã gọi là chặt đứt. Thuyết Văn viết bộ cân và thạch. Mao Thi Truyện nói tiệt là trị. Thuyết Văn nói tiệt cũng là đoạn, bộ qua âm tước, kinh viết là chữ thông tục.

Trách hiệp: Bì Thương nói trách là hẹp, xưa nay viết bộ huyệt. Văn kinh viết bộ sước dùng riêng. Cố Dã Vương nói hiệp là hẹp, không rộng lớn. Thuyết Văn viết bộ phụ.

BẢO KHẾP KINH
QUYỂN TRUNG

Giác lai: Thương Hiệt Thiên nói lai là nhìn bên trong. Thuyết Văn gọi là đồng tử không ngay ngắn, bộ mọc âm lai.

Quyện thủ: Văn Tự Tập Lược nói quyện là co ngón tay lại không duỗi ra. Từ bộ mạch, kinh viết bộ thủ, Khảo Thanh nói bằng hết khí thế, chẳng phải nghĩa kinh.

Sào quật: (đã giải).

Bả khiển: Khảo Thanh nói bả cũng như khiển (kiểng chân). Thuyết Văn nói bả là đi tập tễnh. Khiển cũng như bả, đều bộ túc, đọc lược âm ba, hàn. Dục tẩn: Tư Mã Bưu Chú Trang Tử rằng: Tẩn cũng như khí, xưa nay chữ đúng phải viết bộ thủ, kinh viết bộ nhân, Khảo Thanh gọi là đạo trợ, tướng, chẳng phải nghĩa kinh.

Trách phạt: Mao Thi nói trích là trách, còn gọi là lỗi. Đỗ chú Tả Truyện nói trích là phạt. Quách chú Phương Ngôn trích là trách giận nhau.

Sư phạm: Lấy chữ phàm là thượng thanh. Trịnh chú Khảo Công Ký nói phạm là phép tắc. Thuyết Văn viết bộ xa âm phạm. Ngọc Thích viết đều thông, kinh viết bộ thảo là sai.

BẢO KHẾP KINH
QUYỂN HẠ

Ngõa lịch: (đã giải).

Trì trản: Khảo Thanh trơn là loại bình lớn thì đựng được một đấu, nay không chế lớn nhỏ. Thuyết Văn nói nó giống cái phửu cổ dài.

****

VĂN-THÙ HIỆN BẢO TẠNG KINH - *Huyền Ứng.*
QUYỂN THƯỢNG

Kỳ ký: Thuyết Văn nói con ngựa có vằn xanh nhạt, ký là ngựa khỏe chạy nghìn dặm.

Khúc chi: chi cũng gọi, kinh viết sai.

VĂN-THÙ HIỆN BẢO TẠNG KINH - *Huyền Ứng.*
QUYỂN TRUNG

Đổ trùng: Tự Lâm gọi là mọt gỗ, căn đồ dùng của người.

Niễu cố: còn viết các kinh viết nhiễu nghĩa là chọc ghẹo nhau. là não Ma-đăng-già kinh viết là nhiễu là chán.

- QUYỂN HẠ: Không có.

****

ĐẠI THỪA ĐỒNG TÁNH KINH - *Huyền Ứng.*
QUYỂN THƯỢNG

Mâu thuẫn: (đã giải).

Cầm nhiên: lạnh run, kinh viết bộ tâm là sai.

Nhai lung: Thuyết Văn nói trời nước một vực.

ĐẠI THỪA ĐỒNG TÁNH KINH
QUYỂN HẠ

Thùy nhị: lấy lông chim làm quạt.

Cung bả: một tay là bả. Thuyết Văn nói bả là nắm, giữ, văn kinh viết bộ cung.

****

CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA KINH - *Tuệ Lâm*
QUYỂN THƯỢNG

Du túy. Chu Dịch nói: túy cung như tụ, Phương Ngôn nói giữa Đông Tề gọi túy là tụ. Mao Thi Truyện nói túy là tập. Thuyết Văn viết bộ thảo, âm tốt.

Tràng xí: Khảo Thanh nói tràng cũng như phan. Quảng Nhã nói xí cũng như phan, Thuyết Văn viết bộ cân.

Trí diêu: Mao Thi Truyện nói diêu cũng như tù. Thuyết Văn viết bộ thủy.

Chẩn tê: Đỗ chú Tả Truyện nói hết sức cứu giúp. Phương Ngôn gọi là vớt lên. Thuyết Văn viết bộ thủ. Văn kinh viết chữ cực, là sai. Khổng chú Thượng Thư nói tế cũng như độ. Thuyết Văn viết bộ thủy âm tế.

Xướng chú: Khảo Thanh nói: Pháp sự của tăng ni.

Khiêu dự: (đã giải) ở trước.

Sàm cấu: Mao Thi Truyện nói sàm là hủy nhục người bằng lời lẽ khó nghe. Thuyết Văn nói sàm cũng như tán. Mao Thi Truyện nói cấu là hợp. Đỗ chú Tả Truyện nói cấu là hội, tội ác. Thuyết Văn viết bộ mộc.

Quan xuyết: Thuyết Văn nói lấy cây cài ngang cửa, bộ môn, xuyết (đã giải) ở kinh Bảo Vũ.

Lao cố: Tựa Kinh Nhập Định Bất Định (đã giải).

Châu đảo: Nhĩ Nhã nói châu là có thể ở trên sông, châu nhỏ là chữ, nay châu là ở trên sông. Khổng chú Thượng Thư nói đảo eo biển. Phương Ngôn nói ở biển có núi, có thể ở đó. Thuyết Văn viết bộ sơn âm điểu.

Mâu sác: (đã giải).

Viết phủ: Khổng chú Thượng Thư nói: việt là lấy vàng ròng để trang sức phủ. Cố Dã Vương nói người xưa dùng việt để giết người.

Đồi phự: Thanh Loại nói đồi là đồi nhỏ. Thuyết Văn gọi là gò nhỏ, chữ tượng hình kinh viết bộ thổ. Thương Hiệt Thiên nói gò núi mà lớn. Quảng Nhã nói gì không có đá.

Lâm tẩu: (đã giải).

Á giả: quyển 3 kinh Bảo Vũ (đã giải).

Mạt-yết pha lê: tên loai bảo bối.

Huyền lệ: quyển I kinh Bảo Vũ (đã giải).

Nhĩ đang: Bì Thương nói vòng đeo tai.

Vô ngân: Khảo Thanh nói ngân là bờ. Tống Trung chú Thái Huyền Kinh rằng: ngân là ngạc. Thuyết Văn gọi là cõi, bộ thổ âm cấn.

CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA KINH
QUYỂN HẠ

Lan-noa: Phạm ngữ

Hinh phức: Thuyết Văn nói hinh là hương thơm thoảng xa, phức

(đã giải) ở quyển Pháp Luân, quyển 4 (đã giải).

Phể bỉnh: Thuyết Văn nói phể là đầu gối Khổng chú Luận Ngữ nói bỉnh là cẳng chân.

Tán miệt: Trịnh chú Lễ Ký nói: tán là tụ. Thương Hiệt Thiên cũng gọi là tụ. Thuyết Văn nói tán là mọc um tùm.

****

THÂM MẬT GIẢI THOÁT KINH - *Tuệ Lâm.*

- Âm bài tự; Tuệ Lâm âm

Ngự vũ: Khổng chú Thượng Thư nói ngự là trị. Trịnh chú Lễ Ký nói ngự cũng như chủ. Thuyết Văn viết bộ mã âm hựu là chữ cổ.

Đức mâu: Trịnh chú Nhĩ Nhã nói: mâu là tự cố gắng. Thượng Thư nói mâu là chiêu đức lớn. Văn Tự Điển Thuyết nói bộ tâm.

Cai đổng: Giả chú Quốc Ngữ nói cai là bao hàm. Thuyết Văn gọi là hòan bị. Cố Dã Vương nói đổng là sâu xa.

Nhuy tần: Bạch Hổ Thông nói nhuy là vào tháng 5 luật gọi là nhuy tần. Văn Tự Điển Thuyết viết bộ thảo.

Truy tục: Mao Thi Truyện nói truy là màu đen, Khảo Công Ký nói tuy là nhuộm lông chim. Theo chữ tuy tục là tăng chúng tục là sĩ.

- QUYỂN 1, 2 : Không có chữ để âm.

- QUYỂN 3

Quán sát: Thanh Loại nói sát là xem kỹ, sáng. Văn Tự Điển Thuyết nói chữ này bộ ngôn âm tế.

Hội náo: (đã giải).

Hy náo: Hảo Thanh nói hy là tốt, tâm vui vẻ, Thuyết Văn cũng gọi là duyệt.

Tế khiết: Thuyết Văn nói khiết là mở đồ ra, bộ mộc.

- QUYỂN 4

Không có chữ để âm.

- QUYỂN 5

Luyện trị: hoặc viết bộ hỏa, quyển I kinh Bảo Vũ (đã giải). Khảo Thanh nói trị là lý, tu. Cố Dã Vương nói tri là tu lý. Văn Tự Điển Thuyết viết bộ thủy.

****

GIẢI THÂM MẬT KINH - *Huyền Ứng*

- QUYỂN 1.

Đẩu-la-miên: hoặc viết Đố-la-miên, cổ viết Đâu-la-miên đều một nghĩa.

Đề hồ: là tinh của tô lạc. Thông Tục Văn nói tô lạc là đề hồ.

- QUYỂN 2.

Đại thanh: tiếng Phạm là Ma-ha-ni-la cũng là báu trang nghiêm mà Thiên đế đã dùng.

Mạt-la-yết-đa: cũng gọi là Ma-la-già-đa, bảo báu màu xanh lục. Đại luận nói, xuất ra từ bên miệng kim sí điểu có thể tránh độc.

Ty-thấp-phược-dược. Hán gọi: có vô số công năng trị bịnh.

Bà-la-ni-tư: cựu gọi là Ba-la-nại, hoặc Ba-la-nại-tư đều một.

- QUYỂN 3 VÀ 4: không có từ âm nghĩa.

- QUYỂN 5.

Đản sanh: thi nói đản là di quyết. Nguyệt Truyện nói đản là lớn.

****

GIẢI TIẾT KINH - *Huyền Ứng*

Thượng khư: (đã giải)

Tân lạt: Thông tục văn nói rất cay và lạt, văn kinh viết sai.

****

TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT ĐỊA BA-LA-MẬT LIỄU NGHĨA KINH - *Tuệ Lâm.*

Hy vọng: Phương Ngôn nói hy là mong. Quảng Nhã nói hy là nhìn. Thuyết Văn nói hy cũng như vọng, bộ mục, kinh viết bộ tâm là sai.

Luy liệt: Đỗ chú Tả Truyện nói luy là yếu. Giả chú Quốc Ngữ nói luy là bịnh. Hứa Chú Hoài Nam Tử rằng luy cũng như liệt. Thuyết Văn gọi là ấm.

Hác không: Cố Dã Vương nói hác là khe, hang. Trịnh chú Nhĩ Nhã nói hác là hầm, gò. Thuyết Văn nói hác là vùng.

Phu qua: kinh nói thân thể, da tóc đều thọ của cha mẹ. Trịnh chú Lễ Ký nói phu là thịt có rau. Thuyết Văn nói phu là da.

DUYÊN SANH KINH - *Tuệ Lâm.*

TỰA KINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Thuyên cùng: Khảo Thanh nói thuyên là trình bày, chứng minh. Hoài Nam Tử nói thuyên là nói, nghĩa là việc của người đem ra giải thích để trị loạn. Thuyết Văn gọi là nói rõ sự lý, bộ ngôn âm tòan. Tựa kinh viết bộ thảo, là tên loài cỏ thơm, sai ý kinh.

Đạo cán: Khảo Thanh nói cán là thân cây lúa. Đỗ chú Tả Truyện gọi là cán lúa. Quảng Nhã nói lúa được mùa là cán. Thuyết Văn viết bộ hòa.

Mân tông: danh hiệu vị tăng, Bạch Hổ Thông nói tông là tụ.

QUYỂN THƯỢNG.

Nhất bác: Tự Lâm nói bác là bả vai, bộ cốt âm bác. Văn kinh viết bộ nguyệt là sai.

Thượng khi xuyến: Quế Uyển Châu Lâm nói hơi thở của con người gọi là xuyến. Thuyết Văn gọi là thở nhanh, bộ khẩu âm thoan.

- QUYỂN HẠ : Không có từ âm nghĩa.

****

PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI PHÁP MÔN KINH - *Tuệ Lâm.*

QUYỂN THƯỢNG.

Lũ khúc: Quảng Nhã nói lũ là cong. Đỗ chú Tả Truyện nói lũ là còng lưng. Thuyết Văn gọi là uông.

PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI PHÁP MÔN KINH

QUYỂN HẠ.

Chiến điệu: Khảo Thanh nói điệu là động. Giả chú Quốc Ngữ nói điệu là lay. Thuyết Văn viết bộ thủ.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 31

Kinh Lăng-già A-bạt-đa La Bảo - bốn quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Nhập Lăng-già - mười quyển - Huyền Ứng.
Kinh Đại thừa Nhập Lăng-già - bảy quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Cảnh Giới Thần Thông - ba quyển.
Kinh Đại Tát-giá-ni Càn Tử - bảy quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Mật Nghiêm - ba quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Hậu Dịch Mật Nghiêm - ba quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam muội - ba quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Quán Phổ Hiền Hạnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Chư Pháp Bổn Vô - ba quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Cực Báu Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Huệ Ấn Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Như Lai Trí Ấn Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Báu Như Lai Tam muội - hai quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Quán Đảnh - mười hai quyển - Huyền Ứng - Tuệ Lâm tái tu chỉnh - bên phải là mười sáu kinh sáu mươi ba quyển, đồng âm quyển này.

KINH LĂNG GIÀ A BẠT ĐA LA BẢO

Huyền Ứng soạn - Tuệ Lâm thêm vào.

QUYỂN 1

Lăng-già: tên núi, tiếng Phạn. Nói đúng là lăng ca bảo, âm lăng ngược lại âm lặc đặng. Chữ A-bạt-đa-la, đây dịch là nhập gọi là nhập đó là vào trong núi này, mà nói đây là kinh.

Hải Tân: Ngược lại âm tất dân. Tự Lâm cho rằng: tân là bến nước.

Thố hội: Ngược lại âm hồ đối. Sách Luận ngữ cho rằng: sau khi có

một nền trắng mới vẽ lên bức tranh. Trịnh Huyền cho rằng: hội họa, tập trung năm màu sắc gọi là hồi, trong kinh viết từ bộ quý. Sách Thuyết Văn cho rằng: dệt sợi tơ còn dư lại, hoặc viết âm quỹ chẳng phải nghĩa của kinh dùng vậy.

Trừng chúc: Ngược lại âm thác canh. Văn thông dụng cho rằng: nhìn thẳng gọi là trừng.

KINH LĂNG GIÀ A BẠT ĐA LA BẢO
QUYỂN 2 - *Sa môn Tuệ Lâm thêm vào*

Thố vẫn: Ngược lại âm trên là thổ cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: thố là loài thú chân sau cong lại, cái đuôi của nó có chấm đen, chữ tượng hình, gọi là cái đầu của con thỏ, đầu va vào gốc cây. Chữ viết từ bộ thố cũng đồng tĩnh lược.

Quy mão: Ngược lại âm quí quỳ. Theo sách Thống Trị cho rằng: quy là loài côn trùng sống dưới nước, xương cứng bao bọc bên ngoài, mà thịt ở bên trong. Theo tánh chất của nó đầu con qui và mình của đồng với thiên địa. Loại qui và ba ba to lớn mà không có uy thế, sức mạnh, dùng nó làm sức mạnh. Chân trái của nó giống như chân phải, trên lưng của nó có vân đường nứt đầu và đuôi đều giống nhau.

Văn nhuế: Ngược lại âm trên là vật phân. Văn thường hay dùng viết đúng là từ bộ côn viết thành chữ văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài côn trùng biết bay bay cắn người. Ngược lại âm dưới là sanh nhuệ. Sách Quốc ngữ cho rằng: các loại côn trùng như: con muỗi mắt, con bươm bướm ngài, con mọt đều có thể hại người. Cố Dã Vương cho rằng: nay có loại côn trùng như con muỗi mắt, muỗi kim hay cắn người, văn thường hay dùng gọi là nó ngậm chứa chất độc. Đây tức là loài côn trùng.

- QUYỂN 3 - không có âm chữ để giải thích.

KINH LĂNG GIÀ A BẠT ĐA LA BẢO
QUYỂN 4 *- Huyền Ứng soạn*

Đàm bà: Ngược lại âm đồ nam. Nay mượn âm ngược lại âm đàm cam. Ở nước Tây Vức gọi là con chó nó ăn thịt người.

KINH NHẬP LĂNG GIÀ - *Huyền Ứng soạn*

- QUYỂN 1, 2: Trước không có âm để giải thích

- QUYỂN 3

Lộc lô: lại viết độc lô hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực mộc. Ngược lại âm lực hồ, nay gọi là người dùng để cấp nước vậy.

Nhân tiết: lại viết chữ tiết này cũng đồng. Ngược lại âm tiên kiết, người Giang nam gọi là tiêm. Ngược lại âm tử lâm, tiết gọi là lời mở đầu của kịch bản, tuồng, tiểu thuyết.

- QUYỂN 4

Đả quắc: trong sách hoặc là viết chữ sám cũng đồng. Ngược lại âm cổ mạch. Đây cũng nói rằng: giả mượn âm để dùng vậy.

- QUYỂN 5, 6, 7. Trước không có âm để giải thích.

- QUYỂN 8

Cửu giới: lại viết giới này cũng đồng. Ngược lại âm hài giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: là một loại rau, kiệu; lá của nó giống như lá hẹ.

Tư cổ: văn cổ viết hai chữ tư cũng đồng. Ngược lại âm tử tà. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lưới săn bắt thỏ gọi là tư. Lại chú giải rằng: tư là che trùm lên, dùng lưới che phủ lên để bắt con thỏ, âm cổ là âm cổ, cũng nghĩa là giăng lưới.

Cơ phát: Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu máy phát ra bắn ra, âm là âm cơ, cơ là chỗ phát ra. Trong kinh văn có viết tiết thâu là dụng cụ bắn ra.

Thi-đà-lâm: nói cho đúng là Thi-đà-bà-na. Đây là tên của khu rừng rất lạnh, khu rừng này âm u rất xa mà lại lạnh lẽo, vì vậy mà gọi là tên. Ở trong thành Vương Xá Trấc-đà, phần nhiều người chết đem bỏ vào rừng này. Nay tổng gọi chỉ chỗ bỏ xác chết, vì xác chết bỏ vào trong rừng Đà lâm đó nên lấy kia là gọi tên vậy.

- QUYỂN 9

Lan thạch: Ngược lại âm lực ảnh, ngược lại âm dưới là đồ ảnh.

Bi Thương cho rằng: loại cỏ độc. Trong kinh văn viết chữ đường là chẳng phải thể chữ vậy.

Kha nhũ: Ngược lại âm khô hà, thuộc loại ốc sên, trắng sạch như

tuyết. Trong kinh văn viết hai chữ kha này là chẳng phải.

- QUYỂN 10. Trước không có âm để giải thích.

****

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ

Phiên dịch Sa môn Tuệ Lâm soạn

- TỰA KINH - Trường An năm thứ tư Thiên Hậu ngự chế.

Lăng-già: Ngược lại âm trên là lặc đăng. Văn thường hay dùng viết đúng là lăng từ bộ mộc thanh lăng hoặc là viết chữ mạn là vậy. Tiếng Phạn. Đây không cầu chữ để giải thích, đúng âm Phạn gọi là Lăng-ca, tên của núi. Ngược lại âm lặc đặng, chữ khứ thanh, cũng là thượng thanh. Đây cũng là tên của vật báu quí. Núi này rất phong phú phì nhiêu phong cảnh hữu tình. Cho nên gọi đây là sáu cũng là tên vậy. Núi này phía nam biển Nam hải, nước Tây Trúc thầy trò ngẫu nhiên gặp nhau ở núi lớn giữa hải đảo.

Diệu kiền: Ngược lại âm càn yển, chữ thượng thanh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kiền là then chốt chắc chắn. Sách Phương Ngôn cho rằng: cánh cửa tự đóng lại, mà giữa Đông Trần Sở gọi là cái khóa là kiền. Sách Khảo Thanh cho rằng: chốt đầu trục xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây trục xe. Chữ viết từ bộ kim thanh kiện.

Hổn giả danh: Ngược lại âm hồn ổn, chữ thượng thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước chảy cuồn cuộn. Sách Tập Huấn cho rằng: cảnh tượng thế giới trong thời kỳ hổn mang. Mơ hồ, lộn xộn chưa phân rõ. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thủy thanh côn.

Đa suyển: Ngược lại âm xuyết suy. Sách Tập Huấn ghi rằng: suyển là bóc ra, lột vỏ ra, tạp loạn. Sách Vận Thuyên cho rằng: không đồng đều, không bằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chống trái với nhau, trái ngược với nhau. Chữ viết từ bộ tịch, đến bộ suyển. Ngược lại âm xuân nhẫn, cũng thông dụng, âm xuyết, ngược lại âm xuyên liệt, âm suy ngưu, ngược lại âm khổ ngột.

Dĩnh thủy: Ngược lại âm dinh linh. Sách Hán Thư cho rằng: dĩnh thủy là tên của con sông Dĩnh xuyên, chảy ra thành Dương, huyện Dương càn, đến dưới chân núi sát nhập vào sông Hoài, Dư châu thấm sông nhỏ, âm linh ngược lại âm quĩ tĩnh. Chữ dĩnh viết từ bộ thủy, thanh khoảnh.

Vu điền: Ngược lại âm điền luyện, tên là Hồ Ngữ quốc thuộc tỉnh Quy tư, gọi là Địa Nhũ quốc, tức An tây, về phía Tây Nam hơn hai ngàn dặm cũng gọi là Địa Nhũ quốc.

Tề phúc: âm phủc. Sách Khảo Thanh cho rằng: mùi thơm ngào ngạt, chữ hình thanh.

Áo sách: Ngược lại âm trên là ô cáo. Ngược lại âm ư lục. Giải thích nghĩa đều đồng nhau. Quảng Nhã cho rằng: áo là chứa. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: áo là chỗ chứa ẩn kín trong nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng suy xét, tìm tòi. Cái thất nhỏ ở vùng Tây Nam xa xôi, biên giới. Thống Tu cho rằng: chữ viết từ bộ miên, thanh lục, âm lục ngược lại âm cung lục, dưới từ bộ cũng âm cũng, trên từ văn cổ sáu chữ, âm miên là âm miên, từ bộ mễ viết thành chữ áo đó là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là sài cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: sách là thâm sâu. Sách Tập Huấn cho rằng: hàm chứa sâu xa, gọi khác là bậc thánh nhơn dùng thiên nhãn mà xem xét thấu cả thiên địa, gọi là sách. Lưu Hoàn cho rằng: sách là rất sâu xa, u tối khó hiểu. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ di khanh trách. Sách Thuyết Văn và Tự Lâm đều đồng giải thích có chút lầm lỗi, âm di ngược lại dĩ chi.

Phỉ bạc: Ngược lại âm trên là phù vĩ. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: phỉ đó gọi là nhỏ nhít, mỏng manh, chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là báng mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạc là không dày. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thảo đến bộ thủy đến chữ bác thanh tỉnh.

Quý mục: Ngược lại âm trên là quỹ vị. Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: quí là xấu hổ. Sách Bát Nhã cho rằng: quí là hổ thẹn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh quỷ, hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ quí. Ngược lại âm dưới là nữ lục. Sách Phương Ngôn cho rằng: cũng là hổ thẹn. Đứng trên núi nhìn Đông, nhìn Tây mà tự hổ thẹn gọi là nục. Sách Tiểu Nhỉ Nhã cho rằng: trong lòng hổ thẹn gọi là nục. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: hổ thẹn. Chữ viết từ bộ tâm thanh nhi.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 1

(Vu Khuyết Tam Tạng. Thật-xoa Nan-đà phủng chiếu phiên dịch kinh - Sa môn Tuệ Lâm soạn).

Đốt-trá-ca âm: Ngược lại âm trên là đô cốt, âm trá ngược lại âm trào cách, âm ca, ngược lại âm ký khư, tiếng Phạn, không cầu chữ nghĩa.

Đường Huyền Trang cho rằng: âm thanh hoan hỷ vui vẻ. Trong kinh văn viết là đô thác ca, không tương đương, cho nên phải sửa lại âm chữ vậy.

Hồi miến: Ngược lại âm miên biến. Sách Vận Anh cho rằng: miến là liếc nhìn nghiêng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt bị thương (512)tật. Chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến là âm miến, chữ thượng thanh.

Bể hiếp: Ngược lại âm trên là liễn mễ. Quyển trước kinh khế Đại thừa, quyển hạ trong âm nghĩa đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới khiếm nghiệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: hiếp là xương sườn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiếp là hai bên hông bụng, chữ viết từ bộ nhục thanh hiếp, hoặc là viết chữ hiếp này cũng đồng nghĩa, âm hiếp là âm diệp, từ ba bộ lực. Trong kinh văn viết ba bộ đao là chẳng phải chữ đúng, âm lặc là âm lặc này.

Như hồng tha huy: âm trên là hồng. Tự Thư cho rằng: hồng là cầu vồng âm tha, ngược lại âm tha tả. Chữ thượng thanh, giống như là cây nằm ngang. Sách Khảo Thanh cho rằng: duệ là dắt lôi kéo. Lại là bình thanh, cũng thông dụng ngược lại âm thang hà. Sách Tập Huấn cho rằng: duệ là dẫn dắt, lôi kéo, cũng có nói đến tha tức là duệ, lôi kéo cùng nhau, chữ viết từ bộ thủ thanh tha, chữ viết từ bộ thủy đó là sai lầm vậy.

Đệ tương: Ngược lại âm đề lễ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đệ là trao đổi với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh đệ, âm đệ, ngược lại âm thiên y. Trong kinh văn viết chữ đệ hoặc là viết chữ đế văn thường hay dùng.

Hiến cái: Ngược lại âm hiên yển. Giải thích tên gọi là cái màn xe, chỗ gọi là che ngăn sức nóng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái mui xe. Cố Dã Vương cho rằng: nay người ta gọi là tấm vải căng ra che trên mui xe gọi là hiến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh hiến.

Đằng thọ: Ngược lại âm đặng năng. Gọi là loại thực vật thân nhỏ dài có thể quấn hoặc vịn cây khác để leo lên, hoặc là bò lan rộng. Ngô Việt gọi là dây leo, có rất nhiều loại, chữ viết từ bộ thảo đến bộ chu, đến bộ quyến, đến bộ thủy âm quyến là âm quyển.

Miến mạch: Ngược lại âm hổ mãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: lúa đại mạch. Văn thường hay dùng cũng cho rằng: lúa đại mạch là miến mạch () chữ viết từ bộ mạch đến chữ quáng thanh tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ hòa viết thành chữ quáng nghĩa là loại ngũ cốc chẳng phải đây dùng.

Ức độ: Ngược lại âm ưng lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: ức là

xương ngực, chữ viết từ bộ nhục thanh ý. Văn cổ viết đúng là chữ ức này từ bộ nhục đến bộ ất, chữ hội ý.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 2

Bộc lưu: Ngược lại âm bào mạo. Sách Khảo Thanh cho rằng: bộc đó là nghĩa đột nhiên nước mưa chảy xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy, thanh bạo, chữ bạo từ bộ nhựt đến bộ xuất đến bộ củng, âm củng là âm củng, từ bộ phong, âm phong là âm thao, viết từ bộ mễ đó là sai vậy.

Minh hác: Ngược lại âm trên là mịch bình. Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: minh gọi là Nam Bắc Cực, đi xa mặt trời, mặt trăng, cho nên mưa nhiều gọi là minh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh minh. Ngược lại âm dưới là ha các. Trong kinh tương tục giải thoát đã giải thích rồi.

Quán tập: Ngược lại âm quan hoạn. Theo văn Tự Điển nói rằng: quán tập là thói quen. Theo Tả Thi truyện cho rằng: thí như người thợ săn đã quen bắn tên thì dễ dàng bắt được loài cầm thú, chữ viết từ bộ tâm than quán.

Phân tích: Ngược lại âm tinh tích. Theo Thanh Loại cho rằng: tích là tách ra. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tích cũng giống như là phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chặt cây. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ cân, hoặc là viết từ bộ can viết thanh chữ tích cũng thông dụng. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ tích này là sai.

Tháo động: Ngược lại âm tao áo. Quyển trước kinh Bảo Vũ quyển thứ tám đã giải thích rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ tẩu viết thành chữ táo này cũng thông dụng.

Lâu điệp: Ngược lại âm lục chữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lâu là sợi chỉ. Chữ viết từ bộ mịch thanh lâu, âm lâu là âm lầu. Ngược lại âm dưới là điềm hiệp. Trước kinh Trì Nhơn Bồ tát, quyển thứ tư đã giải thích rồi.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 3

Thần ngạc: Ngược lại âm ngũ các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là lợi răng. Trong kinh văn viết chữ ngạc này cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Sách Thuyết Văn giải thích rằng: ngạc là hàm ếch trong miệng, tùy theo văn mà giải thích ý nghĩa.

Nhân viết: Ngược lại âm tiên tiết. Trong kinh Thâm Mật Giải Thoát - quyển thứ ba đã giải thích rồi. Trong kinh văn viết tiết môn khổn nghĩa là hai cây trụ trồng hai bên cổng, là chẳng phải nghĩa ở đây dùng.

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên là chi liêm. Ngược lại âm dưới là minh bắc. Tên của loại cỏ thơm ở Tây Vức. Trong kinh viết chữ chiêm từ bộ trúc viết thành chữ chiêm, chữ chiêm này gọi là cây cột hiên nhà, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Khánh khái: Ngược lại âm trên là khinh đình, âm dưới là khai ái. Quyển trước trong kinh Âm Nghĩa Bất Thối Chuyển Pháp Luân, quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Bất thuấn: Ngược lại âm luân nhuận. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt mở ra nhắm lại nhiều lần, chuyển động, gọi là nháy mắt, viết đúng là chữ thuấn này, từ bộ mục thanh dần.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 4

Anh vũ: Ngược lại âm trên là ách canh, âm dưới là vũ. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Ở trên núi Hoàng sơn có loại chim anh vũ, hình trạng của nó giống như chim điêu, lông xanh, mỏ đỏ, lưỡi giống lưỡi con người có thể nói tiếng người cho nên gọi tên là anh vũ. Quách Phác chú giải rằng: nay chim anh vũ lưỡi của nó giống như lưỡi của đứa trẻ, ngón chân trước và sau đều có hai móng, thường bay về hướng Nam, lông cánh của nó có năm màu sắc, cũng có lông trắng thuần tinh không pha trộn, hơi lớn như chim ưng. Sách Lễ Ký cho rằng: chim anh vũ có thể nói tiếng người, nhưng không thể bay xa như các loài chim khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ điểu, cũng đều thanh anh vũ, hoặc là viết chữ hốt là loại chim cắt.

Tại khoáng: Ngược lại âm cổ mãnh. Tự Thư cho rằng: viết đúng là chữ kiềm. Quảng Nhã cho rằng: là loại khoáng còn nguyên chất, chưa có lọc gọi là khoáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loại đồng thiếc nguyên chất, hoặc là viết từ bộ thạch thanh hoàng. Trong kinh văn viết chữ khoáng này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Tàm kiển: Ngược lại âm trên là tạp hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tàm là loài côn trùng nhả ra sợi tơ. Chữ viết từ bộ côn thanh tàm, âm tàm. Ngược lại âm thất cảm. Ngược lại âm dưới là kiên điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tơ tằm có thể dệt làm áo mặc, chữ viết từ bộ mịch đến bộ trùng thành miên âm miên là âm miên nay. Lại cho rằng con tằm giống như con bươm bướm ngài, có hai sừng tương đương. Trong kinh viết chữ kiển này cũng thông dụng văn thường hay dùng. Văn cổ viết chữ hiển, âm côn là âm côn này.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 5

Thích-yết-la: Ngược lại âm kiến yết, tiếng Phạn. Tên của các cõi trời.

Nhiễu loạn: Ngược lại âm nhi chiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền nhiễu, quấy rối. Chữ viết từ bộ thủ đến bộ ưu. Trong kinh văn viết từ bộ ưu viết thành chữ nhiễu là chẳng phải âm ưu ngược là âm nô đao.

Sạn đề: Ngược lại âm sát hiện, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: nhẫn nhủc.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 6

Điêu thứu: Ngược lại âm trên là điểu liêu. Ngược lại âm dưới là từ tụ. Quách Phác chú giải Mục Thiên Tử truyện rằng: điêu là loài chim hay ăn thịt hưu, nai trong rừng. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: con chim thứu cũng giống như con chim điêu vậy. Sách Tư Trách cho rằng: ở phương Nam có loại chim tên là khương thứu, đầu màu vàng,

mắt màu đỏ, có năm màu sắc đều hòa lẫn với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chim thứu có màu đen, nhiều chấm đen, con chim điêu cũng như con chim thứu cùng một loại. Chữ viết từ thanh điều, chữ thứu, từ bộ điểu thanh tựu, âm thứu là âm chí.

Lung hạm: Ngược lại âm lộc hồng, quyển trước. Trong kinh nhập định bất định ấn, trong âm tựa đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là hàm ám. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hạm là cái tủ của chiếc xe, cũng gọi hạm là cái nhà lao kiên cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạm là chuồng heo, cũng gọi là cái lồng nhốt súc vật. Chữ viết từ bộ mộc thanh lam. Trong kinh viết từ bộ thủ là sai lầm vậy.

Trù bào: Ngược lại âm trên là trực lưu. Ngược lại âm dưới là bạch mao. Theo chữ trù bào đó đều gọi là ở trong bụng mẹ. Trong kinh văn viết chữ thúy. Ngược lại âm thất nhuệ chẳng phải nghĩa của kinh chữ trù. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh chu.

Sang khiếu: Ngược lại âm khải chiếu. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: khiếu là lỗ, khoét cái lỗ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh khiếu, âm khiếu ngược lại âm kinh cứu.

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ
QUYỂN 7

Hôn điếm: Ngược lại âm điểm niệm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: người dân thấp hèn chìm đắm mê muội. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: điếm là chìm đắm yếu mềm, khốn khổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lót ở dưới, chữ viết từ bộ thổ thanh chấp.

Đà lô: Ngược lại âm trên là đường hà. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: con lạc đà một ngày đi ba trăm dặm, vác trên lưng một ngàn cân, Chu Thư Vương hiểu biết lấy con lạc đà đem làm hiến dâng tặng. Cố Dã Vương cho rằng: con lạc đà có cục thịt lồi trên lưng có vác nhiều đồ vật và hay đi xa về phương Bắc, chỗ có cỏ phì nhiêu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh tha, âm lạc, ngược lại âm thang lạc. Trong kinh văn viết chữ đà này là văn thường hay dùng.

Sát-nhị-ca: Âm trên là sát, chữ viết đúng là chữ sát, âm giữa là ni trí. Tiếng Phạn.

Loa cổ: Ngược lại âm trên là lỗ qua. Quyển trước trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân, quyển thứ tư đã giải thích rồi. Ngược lại âm

dưới là cô hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khải đến bộ chi. Trong kinh văn viết từ bộ bì viết thành chữ cổ này là chẳng phải, âm khải. Ngược lại âm chu thọ âm chi là âm, chữ viết đúng là bộ chi.

Yết-ma: Ngược lại âm kiến liệt, tiếng Phạn.

Tẫn khí: Âm trên là tân. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẫn cũng là khí nghĩa là bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tân. Ngược lại âm dưới kiết lợi. Sách Thuyết Văn cho rằng viết đúng là chữ khí này. Lại giải thích rằng: là hao tổn, chữ viết từ bộ củng đến chữ khí đến bộ lưu. Trụ văn lại viết khí này, âm củng là âm củng, âm khí ngược lại âm bán an, âm lưu ngược lại âm thổ hốt. Trong kinh văn viết từ khí này là chữ cổ.

Ca-chiên-diên: Âm trên là da, âm giữa là chi nhiên, tiếng Phạn.

Kiều-la-bà: Âm trên là kiêu, âm kế là lam hợp, tiếng Phạn.

Cúc-đa: Ngược lại âm cung lục, viết đúng là chữ cúc này, tiếng Phạn.

Thứ-miệt: Ngược lại âm miên kiết, tiếng Phạn.

Phanh lạc: Ngược lại âm phổ manh, âm dưới là lạc.

Hưu lưu: Âm trên là hưu, âm dưới là lưu. Sách văn Tự Điển nói rằng: hưu lưu là loài chim quái lạ, nó giống như con diều, tục gọi là con cú mèo. Chữ viết đều từ bộ điểu, đều là thanh hưu lưu.

Khổng khích: Ngược lại âm trên là hương nghịch. Cố Dã Vương cho rằng: chữ khích giống như có lỗ nhỏ xuyên qua. Quảng Nhã cho rằng: là có đường nứt ra. Sách Sử Ký cho rằng: giống như bạch câu là loài tuấn mã, cũng chỉ ánh mặt trời, bóng mặt trời qua khe cửa, ý nói thời gian trôi qua nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ nứt trên vách tường, chữ viết từ bộ phủ đến bộ khích, âm khích cũng là thanh, âm khích đồng với âm trên, từ hai bộ tiểu đến bộ bạch. Trong kinh văn viết từ chữ sào viết từ chữ sào viết thành chữ khích là chẳng phải vậy.

****

KINH BỒ TÁT HẠNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA

- Kinh bên phải đây tức là trước triều đại nhà Tống, dịch là kinh Lục Giá Ni Kiền Tử. Kinh này đều không có chữ khó có thể giải thích âm.

KINH ĐẠI TÁT GIÁ NI KIỀN TỬ QUYỂN 1

Ly ngưu: Mão bao cập cũng gọi là mao ngưu. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Phan hầu có loại thú hình trạng của nó giống như con bò mà bốn chân của nó có mọc lông gọi là ly ngưu. Quách Phác cho rằng: trên lưng, đầu gối và dưới cổ, đuôi đều có lông dài ra, loài bò này có ở Tây Nam Di.

KINH ĐẠI TÁT GIÁ NI KIỀN TỬ QUYỂN 2

Chúc chước: Ngược lại âm trên là gia lục, cái xẻng đào đất. Trong kinh văn viết chữ trác là ngọc mài, âm trác nghĩa cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là chương nhược, gọi là cái búa để chặt cây. Quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Xạ sư: Ngược lại âm xà dạ. Sách Chu Lễ cho rằng: sáu nghề, nghề thứ ba gọi là ngũ xạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: giương dây cung phát từ nơi thân mình mà trúng nơi xa, chữ từ bộ thân viết thành chữ xạ, chữ hội ý. Văn cổ viết từ bộ thốn, thốn là phương pháp để đo lường, lại là âm thạch.

Kiều lương: Ngược lại âm trên là cự kiêu, là chiếc cầu bắt ngang qua sông, chữ viết từ bộ mộc thanh kiêu chữ kiêu trên, từ bộ yêu.

Phong thử: Ngược lại âm túy tủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm dưới từ bộ thúc, âm thúc, ngược lại âm thử tứ.

Xướng tiêu: Âm tiếu, huých sáo, lớn tiếng kéo dài, lưỡi cong lại nơi yết hầu ở trong thổi ra thành tiếng, giống như tiếng chim phủng hoàng.

Trùy chuy: Ngược lại âm trực truy hoặc là viết chữ trùy nay là văn thông dụng thường hay dùng. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ duy, (T513) chữ giả mượn âm dùng.

Cơ phát: Ngược lại âm phiên tiên. Sách Khảo Thanh cho rằng: động cơ phát ra, truyền đi, mở ra ánh sáng, khởi động, nhấc lên. Trong kinh văn viết từ bộ giác viết thành chữ phát là chẳng phải.

Trác thạch hỏa: Âm trên là trác. Theo Mao Thi truyện cho rằng: mài ngọc gọi trác. Chữ viết từ bộ ngọc thanh thỉ, âm thỉ ngược lại âm sữu lục.

KINH ĐẠI TÁT GIÁ NI KIỀN TỬ
QUYỂN 3

Khê cốc: Ngược lại âm trên khải hề. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nước chảy trong sông. Sách Thuyết Văn cho rằng: rảnh trên núi không có nước, chỗ gọi là thông ra gọi là khê. Chữ viết từ bộ cốc thanh hề. Kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ khê, hoặc là viết từ bộ thủy đều chẳng phải.

Miêu ly: Ngược lại âm trên là mão bao. Cố Dã Vương cho rằng: giống như con hổ mà nhỏ hơn. Trong nhà người hay nuôi dưỡng loài thú này, dùng để khiến cho bắt chuột. Ngược lại âm dưới là lý tri. Cố Dã Vương cho rằng: nó giống như con hổ, gọi là loại mèo nhỏ, loài thú hoang dã hay dạo chơi nhà người, tìm kiếm thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại thú hay nằm, ban ngày nằm, ban đêm lại đi. Hai chữ miêu ly đều từ bộ trĩ, chữ hình thanh.

Ưng diêu: Ngược lại âm trên là ức căng. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: gọi chung là những giống chim hung dữ, mạnh mẽ. Cố Dã Vương cho rằng: tức là con chim tu hú, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là diêu sái. Cố Dã Vương cho rằng: giống như chim ưng mà nhỏ hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loại chim hung dữ, mạnh mẽ, chữ viết từ bộ điểu thanh diêu.

Hoa đẳng: Ngược lại âm vu hòa, hoặc là viết từ bộ hóa viết thành chữ hoa, hai chữ đều tự bộ cách, đều là văn thông dụng thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ chữ chúc đến chữ lý viết lược, gọi là ủng, giày cao cổ, ngược lại thanh hòa, cũng là chữ chuyển chú.

Già tỏa: Âm trên là da. Ngược lại âm dưới là tảng quả. Quyển trước âm nghĩa theo thứ lớp đã giải thích xong rồi.

Đệ cộng: Ngược lại âm trên là chữ thượng thanh, hoặc là viết chữ đệ, nghĩa là thay thế, thay phiên nhau. Chữ viết từ bộ hổ đến bộ xước, thanh hệ, âm hệ là âm hệ.

Siêm tứ: Ngược lại âm trên là siểm kiểm. Lại Khảo Thanh cho rằng: siêm là dòm ngó, tức là dòm ngó hầu hạ, hoặc là viết chữ siêm này, nghĩa là nhìn trộm. Xuân Thu truyện cho rằng: làm việc công, có tin tưởng mà dòm ngó, chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm, âm dưới là tứ.

Đẩu xưng: Ngược lại âm trên là đương cẩu. Ngược lại âm dưới là xích chứng.

Điếu xạ: Ngược lại âm trên là điêu khiếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: điếu là câu cá, cũng là treo lên, lôi lên, dẫn ra hoặc là viết chữ

điếu này.

Tố chư quỉ thần: Âm trên là tố. Sách Khảo Thanh cho rằng: bày biện, sắp xếp. Sách Luận ngữ cho rằng: vu cáo dèm pha, hoặc là chữ hai chữ tố này. Sách Thuyết Văn cho rằng: vu cáo, chữ viết từ bộ ngôn, thanh nghịch, âm nghịch là âm xích.

Dũ đọa: Ngược lại âm trên là du chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: dũ là lười nhác, giống như loại dưa, xấu hỏng nảy sinh ra nhiều dây leo bò, cho nên chữ viết từ hai bộ qua, cũng giống như người ở sâu trong nhà tịnh thất, không chịu ra ngoài, chữ hội ý.

Sừ bổ: Ngược lại âm trên là lặc chư sách Khảo Thanh cho rằng: mở bày ra. Tư Mã Tương Như cho rằng: phong thái thiền vị mở bày ra ý văn, tâm thoát ra ngoài vũ trụ. Sách văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ thủ, thanh lự. Ngược lại âm dưới là bộ mộ. Theo chữ bổ đó là rộng rãi uyên bác, tựa hồ như cuộc cờ. Trong kinh văn viết từ bộ ngạc viết thành chữ sừ là chẳng phải.

Kỳ bác: Âm trên là kỳ. Bác Vật Chí cho rằng: vua Thuấn tạo ra cờ vây, mà Đan Chu giỏi đánh cờ vây. Sách Khổng Tử cho rằng: nếu không có nước cờ vây uyên bác đó thì gọi là giống như người hiền, theo ngón tay đàn chỉ con cờ đó bắt đầu từ nước Ngụy, cung Văn Đế mà mỗi ngày dùng khăn lau mà không có người nào là không biết đánh cờ. Ngược lại âm dưới là báng mạc, gọi là lục bác, chữ viết từ bộ thập.

Nhị vật: Ngược lại âm thang đắc, theo người mượn tiền bạc các vật gọi là nhị, chữ viết từ bộ bối, thanh dực, âm dực là âm vực.

Trùng minh: Ngược lại âm trên là trục dung. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chân gọi là trùng; không có chân gọi là trĩ. Chữ viết từ ba bộ trùng. Trong kinh văn viết bộ trùng là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là mịch bình. Theo Mao Thi truyện cho rằng: loại sâu hại mạ lúa, từ lá thâm nhập vào thân hút nhựa làm cây khô gọi là minh. Quách Phác cho rằng:: minh là loại ấu trùng của một giống bướm ngài, tức ấu trùng ăn lá dâu, gần giống như con ốc cuộn tròn trong cái kén, biến làm sợi tơ nhỏ, gọi là tơ tằm.

Thủy lạo: Ngược lại âm lao đáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước ứ đọng lại ngập vào ruộng mạ. Tự Thư cho rằng: nhiều nước mưa làm hư hại ruộng mạ, gọi là yểm lạo, chìm trong nước.

Thủy phiêu: Ngược lại âm thất diêu, gọi là nổi bềnh bồng trên mặt nước.

KINH ĐẠI TÁT GIÁ NI KIỀN TỬ
QUYỂN 4

Tiên đả: Ngược lại âm trên là tất miên. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh, dùng roi quất ngựa.

Tảo thấu: Ngược lại âm sưu trứu cũng với chữ sưu này cũng đồng âm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy nước trong bồn chậu súc miệng gọi là thấu. Lại là tảng tấu, chẳng phải âm này, âm trứu, ngược lại âm trang sức.

Tiêm trường: Ngược lại âm tinh diêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi tơ nhỏ. Chữ viết từ bộ mịch thanh tiêm âm tiêm đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ tiêm là chẳng phải vậy.

Đồng diệp: Âm dưới là diệp, lấy đồng nấu rồi đập tán mỏng ra. Trong kinh văn viết đơn là diệp cũng thông dụng.

Lão trứu: Ngược lại âm trang sưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nếp nhăn trên da tụ lại. Lại cũng viết trứu này là văn thông dụng thường hay dùng.

Oa khúc: Ngược lại âm ô qua. Quảng Nhã cho rằng: oa là dưới thấp, chỗ trủng, hoặc là viết chữ ca này, cũng thông dụng thường hay dùng.

Dực diệu: Ngược lại âm trên tập. Lại là âm dĩ lập. Âm dưới là diệu Bì Thương cho rằng: dực diệu, giống như là điện chớp sáng có màu sắc đen vàng. Theo Mao Thi truyện cho rằng: tươi sáng, rực rỡ.

- QUYỂN 5, 6, 7. Bên phải ba quyển đều không có âm chữ có thể giải thích.

****

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM - *Tuệ Lâm soạn*
TỰA

Trang phiêu: Ngược lại âm dưới là phiếu miểu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu là đứng đầu. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ y thanh phiêu. Trong kinh văn viết chữ phiêu này là chẳng phải âm phiêu ngược lại là âm phiêu diêu.

QUYỂN 1

Khiếu khích: Ngược lại âm trên là khải kiếu. Người thầy thuốc trị

bịnh, lấy hai quyệt chín huyệt. Trịnh Huyền cho rằng: bảy huyệt dương, hai huyệt âm. Kinh Thái Huyền nói rằng: chín huyệt, chia làm mười sáu, trước là hai tai, bảy là hai mắt, tám là mũi, về sau lại gọi là khiếu là lỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ trống không, chữ viết từ bộ huyệt thanh kích.

Như nghê: Ngược lại âm dưới là nghệ hề. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nghê là mây có màu sắc giống như rồng vậy. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nghê gọi là cầu vồng có màu sắc như gà mái. Sách âm nghĩa Hán Thư cho rằng: cầu vồng phát xuất ra màu sắc rất tươi đẹp đó là màu sắc của cầu vồng, màu hơi tối là màu sắc của cầu vồng, màu hơi tối là màu sắc con gà mái. Con gà mái gọi là nghê, có hai cách gọi tên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghê là cầu vồng cong, có màu xanh, đỏ hoặc là màu trắng khí âm, chữ viết từ bộ thanh nghê, hoặc là viết chữ nghê này cũng đồng nghĩa.

Vãn phúc: Ngược lại âm trên là mi biện. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: sách cách trang phục đều đồng gọi là vãn. Tôn quý là trang sức trên đầu. Thế Bổn cho rằng: Hoàng đế viết chữ vãn này. Sách Khảo Thanh cho rằng: vãn là đội mũ trên đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh vãn âm nhựt, ngược lại là âm mao báo.

Hàm diêm: Ngược lại âm trên là hàm cảm. Ngược lại âm dưới đàm cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loại hoa phù dung, chưa nở ra gọi hoa phù dung, nở ra rồi gọi là hàm diêm. Hai chữ đều từ bộ thảo đều là thanh hàm diêm. Trong kinh văn viết chữ hàm này là chẳng phải.

Lũy tiết: Ngược lại âm trên là luật truy, chữ đúng thể. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lũy là ràng buộc. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: lũy là sợi dây lớn màu đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây lớn. Chữ viết từ bộ mịch thanh lũy âm lũy là âm lũy. Trong kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ lụy. Lụy là rộng lớn, to lớn, chẳng phải nghĩa của kinh văn. Ngược lại âm dưới là tiên tiết. Cố Dã Vương cho rằng: phàm chỗ gọi là ràng buộc là tánh hay chứa chấp dẫn dắt lôi kéo. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: là trói buộc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tiết là buộc chặt, bó lại, quấn lại. Quảng Nhã cho rằng: sợi dây lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh thế.

Thù mao: Ngược lại âm trên là trụ du. Ngược lại âm dưới là mẫu hậu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tri thù là con nhền nhện, thù mao là sâu đục gốc lúa. Quách Phác chú giải rằng: con sâu đào dưới gốc lúa. Sách

Phương Ngôn cho rằng: từ cửa ải nhìn về phía Tây giữa nước Tần và Tấn thì gọi là con nhền nhện, hoặc gọi là con sâu đục gốc lúa. Sách Vận Anh cho rằng: là loài côn trùng giăng lưới. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng thể từ bộ long đến bộ mãnh, thanh chu. Trong kinh văn viết chữ thù là văn thông dụng thường hay dùng. Chữ mao viết từ bộ trùng đến bộ mao thanh tĩnh.

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM
QUYỂN 2

Đĩnh thực: Ngược lại âm trên là thiết chiên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: đĩnh là đè nén ấn xuống. Sách giai uyển chu tòng cho rằng: là dụng cụ làm bằng đất nung gọi là đĩnh. Như Thuần chú giải sách Hán Thư rằng: đĩnh là đồ đánh gõ. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: đĩnh hòa trộn lẫn với nhau. Sách văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đình từ bộ thổ viết thành chữ đĩnh là chẳng phải đúng chữ. Ngược lại âm dưới là thời lực. Hứa Thuận chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: thực đó là đất sét. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dính đất làm gọi là thực. Giải thích tên gọi là thực nghĩa là đất màu mỡ, giống như có mỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh thực.

Linh nhơn: Ngược lại âm trên là lực định. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: linh là vị quan Tư Lạc. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi truyện rằng: linh là vị quan thị thế dưỡng lạc, mà lại rất giỏi, cho nên đời sau phần nhiều gọi Quan Lạc là linh nhân. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh lịnh.

Bao thủy: Ngược lại âm trên là bao mao. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: bao là một loại nhạc khí gồm mười ba ống trúc ghép lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao là dây đàn bàu. Chữ viết từ bộ khoa thanh bao. Khoa đó cũng là thanh, âm ngược lại âm khổ trảo.

Hiệt hàng: Ngược lại âm trên là hiền kiết. Ngược lại âm dưới hạt lãng. Theo Mao Thi truyện cho rằng: bay lên, bay xuống gọi là hiệt hàng. Bay xuống gọi là hàng. Sách Khảo Thanh cho rằng: ý nói đối chọi với nhau không phân cao thấp, chợt cao, chợt thấp, cao thấp bất thường. Chánh Tự xưa nay đều viết từ bộ hiệt đều thanh kiết háng, âm kháng là âm nhạc.

Cực vãn: Ngược lại âm căng lực. Theo Mao Thi truyện cho rằng: cực là gấp gáp vội vàng. Theo Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ nhơn đến bộ khẩu đến bộ thủ đến bộ nhị. Nhị gọi là trời đất và nhơn sanh; giữa trời đất, tay và miệng là rất cần cấp, khẩn thiết chữ hội ý.

Tinh túy: Ngược lại âm dưới là tuy thúy. Sách Chu Dịch cho rằng: tinh túy là thuần chất không pha trộn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tinh túy là thuần nhất, thuần túy. Quảng Nhã cho rằng: thuần túy không tạp loạn. Sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ mễ thanh túy.

Trì vụ: Ngược lại âm dưới là vô phó. Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử rằng: vụ là chạy quanh. Cố Dã Vương cho rằng: vụ là phóng rất nhanh. Sách Sở từ cho rằng: bỗng nhiên phóng nhanh truy đuổi. Quảng Nhã cho rằng: vụ là chạy loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã thanh vụ, âm vụ là âm vũ.

Năng nhu: Ngược lại âm dưới là nhủ chu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: nhu là bị vỡ đê nước tràn vào. Lại cũng gọi thấm ướt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh nhu, âm nhu là âm tu.

Năng táo: Ngược lại âm dưới là tao tảo. Sách Chu Dịch cho rằng: nước chảy xuống dập tắt lửa gọi là táo. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô ráo. Chữ viết từ bộ hỏa thanh táo âm táo đồng với âm trên.

Tẫn đà: Âm trên là tẫn, tiếng Phạn. Tên của núi, cũng tên là tần đà.

Thích vật: Ngược lại âm trên là thư diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng đi gieo độc hại. Chữ viết từ bộ trùng thanh thích. Trong kinh viết chữ thích này là văn thường hay dùng.

Qui oa: Ngược lại âm trên là quí quì. Âm dưới là hoạch, qua. Sách Khảo Thanh cho rằng: oa là loài thủy trùng sống dưới nước, tức là con ếch. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ểnh ương chữ viết từ bộ mãnh thanh ca, hoặc là viết chữ oa này cũng đồng âm mãnh là âm mãnh.

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM QUYỂN 3

Tẫn lộc: Ngược lại âm tần mẫn, âm mẫn. Ngược lại âm mật tẫn. Quảng Nhã cho rằng: tẫn là con gà mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài gia súc nuôi loài cái. Chữ viết từ bộ ngưu thanh chủy âm chủy là

âm tỷ.

Mẫu lộc: Ngược lại âm mâu hậu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: biết bay gọi gà trống, đi gọi là gà mái, gọi là giống cái và giống đực. Cố Dã Vương cho rằng: loài chim biết bay cũng gọi là có giống cái, đực (trống và mái). Sách Thuyết Văn cho rằng: mẫu là loài gia súc nuôi giống đực. Chữ viết từ bộ ngưu thanh thổ.

Nhơn ngột: Ngược lại âm ngô cốt. Quyển trước kinh Bảo Vũ, quyển (T514)thứ nhất đã giải thích hết rồi.

Sở nhiêu: Ngược lại âm dưới là nô điểu. Quyển trước kinh Bảo Vũ quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Phu cổ: Âm trên là phù. Cố Dã Vương cho rằng: Phu là cây dùi đánh trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cán dùi đánh trống, chữ viết từ bộ mộc thanh bao. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phù âm phu. Sách Luận ngữ cho rằng: phu là cái bè lênh đênh trên biển cả, chẳng phải nghĩa củakinh văn.

Vân nghê: Ngược lại âm dưới là nghệ hề, quyển thượng đã giải thích rồi.

Hùng bi: Âm trên là hùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài thú, giống như heo, mà sống ở trong núi, ẩn mình trong mùa đông, chữ viết từ bộ năng đến bộ tiêu, âm tiêu là âm phiêu. Ngược lại âm dưới là bỉ sóc. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: loài thú giống như gấu mà đầu cao chân dài, tính ngây ngô, đần độn có nhiều sức mạnh, có thể quật ngã cây trụ cổng ở Quảng tây, gọi là giả gấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như gấu mà lông nó màu vàng, trắng. Chữ viết từ chữ bãi đến chữ lùng. Thanh tĩnh, âm giả là âm da. Âm hàm ngược lại âm hồ lam.

Toàn lam: Ngược lại âm dưới là lạp đam. Gọi là gió mạnh dữ dội.

Thô quảng: Ngược lại âm hổ mãnh. Quyển trước, trong kinh Bảo Vũ. Quyển thứ sáu đã giải thích rồi.

Tỳ-lam-nhĩ-đảm: Ngược lại âm trên là di chỉ. Ngược lại âm dưới là đô hàm, tiếng Phạn, cũng gọi là thanh Phạn.

****

KINH TÂN PHIÊN MẬT NGHIÊM

(Tam Tạng Bất Không vâng chiếu dịch - Tuệ Lâm soạn.)

TỰA ÂM KINH - *Đại Tông Hoàng Đế chế.*

Khải địch: Ngược lại âm dưới là đồ lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: địch là đạp lên, giẫm đạp lên. Bậc cổ đức nói có niềm tin sẽ giẫm đạp lên mà đi. Lại nói rằng: Mở lối dẫn tới dìu dắt trên đường đạo. Sách Phương Ngôn cho rằng: mở lối gợi ý dẫn tới con đường chánh. Giữa Đông Từ Thanh Tề cùng nhau mở ra con đường chánh gọi là địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ do thanh xước.

Lung cổ: Ngược lại âm cô ngọ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: không có con mắt gọi là cổ. Con mắt không có mở ra được, bằng phẳng như mặt trống, có con ngươi mà không nhìn thấy gọi là nong tức là mờ mịch; không có con ngươi gọi là tẩu, hoặc gọi là manh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh cổ.

Doanh khuyết: Ngược lại âm dưới là khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là hao tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thùy thanh quyết hoặc là chữ khuyết này cũng thông dụng.

Lân giới: Ngược lại âm lật chẩn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: lân là vảy thuộc loài cá và rồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: vảy của cá và rồng, xếp thành lớp giáp nhau chữ viết từ bộ ngư thanh (...) âm lân. Trong kinh văn viết từ bộ lộc viết thành chữ lân, nghĩa là loài thú quí, chẳng phải nghĩa của kinh, trong sách viết sai. Ngược lại âm dưới là giai giới. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng thuộc loài rùa sống ở dưới nước mà sinh sản ở trên khô. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bát đến bộ nhơn.

Ẩn ngoa: Ngược lại âm thân nhẫn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thân nghĩa là huống chi, huống gì. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: từ như là thí dụ, huống chi. Theo Thanh loại nghĩa là chỗ dùng từ ngữ. Sách Thuyết Văn cho rằng cũng gọi là huống chi nữa là. Chữ viết từ bộ thỉ đến chữ dẫn thành tĩnh. Nay viết chữ dẫn là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là ngũ hòa. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ngoa là hóa ra. Theo Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: là giả dối, hư ngụy. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: là nói lời sai ngoa. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: ở đời lấy lời nói trêu chọc, sai ngoa làm trò đùa. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh hóa hoặc là viết chữ ngụy cũng thông dụng.

Chu tiếp: Ngược lại âm tiêm diệp. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nếu như muốn qua sông lớn phải nhờ chiếc thuyền và mái chèo. Mao Thi truyện cho rằng: tiếp là mái chèo ngắn của chiếc thuyền. Sách Chu Dịch cho rằng: tiếp là mái chèo vót nhọn làm rẽ nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh tập. Âm tập ngược lại là âm thất nhập. Âm tiếp ngược lại âm tiếp, viết chữ tiếp này cũng thông dụng.

Tại ác: Ngược lại âm dưới là ô giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: ác là cầm nắm giữ lại chữ viết từ bộ thủ thanh ốc.

Phàm phi: Âm trên là phàm, giải thích tên gọi là phàm là buồm của chiếc thuyền, hoặc là viết phong. Lại cũng viết chữ phàm này cũng thông dụng, chữ viết từ bộ cân.

Lưỡng phương: Ngược lại âm lương dưỡng. Quảng Nhã cho rằng: lưỡng là hai chỗ gọi là Tam Tạng giải thích. Đường Huyền Trang nói và Phạn âm là ngôn ngữ của hai nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lưỡng là bằng nhau, phân ra làm hai đều nhau, thanh diệc. Bài tựa viết lưỡng này là chẳng phải.

Khuy giám: Ngược lại âm trên khưu quy. Sách Thuyết Văn cho rằng: khuy là trộm nhìn, hoặc là viết chữ khuy, từ bộ huyệt thanh quy.

Liễu kháng: Ngược lại âm trên là lưu cữu. Âm dưới là khang lãng, tên họ của người.

Giản độc: Ngược lại âm trên là gian hạn, thẻ tre dùng để viết ngày xưa. Cố Dã Vương cho rằng: giản là chỗ dùng để viết sách, ghi chép các việc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây viết nếu bằng gỗ gọi là diệp. Chữ viết từ bộ trúc thanh gian. Ngược lại âm dưới là đồng lộc. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: cầm cây bút để thao tác gọi là độc. Văn Tự Điển cho rằng: bản hiệu vuông gọi là độc, thẻ gỗ để viết ghi chép các việc lớn nhỏ gọi là giản độc mà thôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: các bảng hiệu, chữ viết từ bộ phiến thanh độc.

Tù lệ: Ngược lại âm trên là tựu do. Sách Khảo Thanh cho rằng: tù là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ tù này từ bộ xước thanh dậu. Ngược lại âm dưới là lễ đế. Quảng Nhã cho rằng: là tốt đẹp. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ lộc thanh lệ, âm lệ đồng với âm trên, văn cổ viết chữ lệ này.

Bí sách: Ngược lại âm tranh trách.

Bố hoạch: Ngược lại âm dưới là hồ nguyện. Lưu Lương chú giải Ngô Đô phú truyện rằng: bố hoạch là nước chảy khắp. Sách Bát Nhã cho rằng: biến đầy khắp nơi. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thủy thanh

hoạch, âm hoạch đồng với âm trên. Ngược lại âm ô hoạch, cũng từ âm viết chữ hoạch này cũng đồng nghĩa.

Khóa trữ: Ngược lại âm trên là khoa ngọa. Sách Lục Cơ cho rằng: chữ là hư tự không có chữ khóa này. Tự Thư cho rằng: đều chế ra công sách khuôn phép để xét để thử, chỉ bài học môn học. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh quả. Ngược lại âm dưới là thường lữ. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: tuôn ra, rót ra. Tự Thư cho rằng: chữ viết từ bộ ngã thanh dữ. Tựa kinh viết từ bộ mộc viết thành chữ trữ này là sai.

KINH TÂN PHIÊN MẬT NGHIÊM
QUYỂN 1

Chưng dũng: Ngược lại âm trên là chức hằng. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là hơi bốc lên, dâng lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi nóng lửa đốt đi lên. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chưng. Trong kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ chưng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chưng giống như cúng tế, dâng lên cúng tế, chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là dung tủng. Lưu Triệu chú giải Công Dương truyện rằng: dũng là chồm lên, nhảy lên. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: vạn vật dâng đến tràn ngập. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh dũng, âm dũng đồng với âm trên, hoặc là viết chữ dũng này cũng đồng.

Bàn long: âm trên là bàn. Sách Phương Ngôn cho rằng: rồng chưa thăng lên trời gọi là "Bàn Long". Quảng Nhã cho rằng: bàn là uốn cong lại, cuộn tròn lại. Cố Dã Vương cho rằng: bàn là ngoằn ngoèo, quanh co, vòng vèo, uốn lượn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ phàn, bàn cũng là thanh.

Bột như: Ngược lại âm trên là bồn một. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng bộ là thình lình đổi sắc. Cố Dã Vương cho rằng: bột là bừng lên, thịnh vượng. Quảng Nhã cho rằng: biến sắc, bừng bừng sức sống dào dạt tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lực thanh bộ. Âm đồng với trên. Trong kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ bột.

Kim khoáng: Ngược lại âm dưới là cổ mãnh. Cũng viết chữ xuyến này.

Dung luyện: Ngược lại âm dưới là liên điện. Sách Giải Uyển Chu Tòng cho rằng: luyện là rèn đúc, vàng trăm lần rèn đúc sau mới tinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: lò đúc kim, chữ viết từ bộ kim thanh luyện,

hoặc là viết chữ luyện này cũng thông dụng.

Đâu suất: Ngược lại âm trên là đô câu. Tiếng Phạn gọi là đỗ-sử-đa, đây dịch là tri túc thiên. Trong kinh văn viết đâu suất, văn cổ đâu thuật đều là sai, viết lược.

Chấp đà: Ngược lại âm dưới là đà tả, giải thích tên gọi là bánh lái sau đuôi thuyền gọi là đà. Ở phía sau thấy bánh lái đó để dẫn dắt chiếc thuyền đi đúng, không khiến cho chiếc thuyền xoay chuyển là do nơi bánh lái, âm đà ngược lại âm đà tả. Văn Tự Điển nói rằng: ở phía sau thuyền đúng là có thanh gỗ làm bánh lái. Chữ viết từ bộ mộc thanh đà. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đà này là sai vậy.

Tứ-phệ-đà: tiếng Phạn. đây dịch là minh luận. Sách Luận ngữ gọi là nói về nghi thức cúng tế cầu đảo, bình thuật. Tên là Tứ-phệ-đà, xưa cũng gọi là viên đà nhất.

Khiên tiết: Ngược lại âm trên là kích hiền. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: người đến ở trước gọi là khiên. Cố Dã Vương cho rằng: khiên cũng gọi là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn dắt tới phía trước. Chữ viết từ bộ ngưu, giống như con trâu cần phải dẫn dắt, thanh mi huyền. Trong kinh văn viết từ bộ khứ viết thành chữ khiên này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là dư chế, chữ tiết vốn viết viết này. Cố Dã Vương cho rằng: chữ tiết này cũng giống như chữ khiên. Quảng Nhã cho rằng: tiết này là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thân đến bộ hán, âm hán cũng là thanh. Trong kinh văn viết chữ tiết này. Sách Thanh cho rằng: âm diên tiết, chữ mượn âm. Tự Thư cho rằng: không có chữ này. Nay viết chữ tiết này âm khiết, ngược lại âm khiên kiết âm mi, ngược lại âm mỹ bi.

Suyển cụ: Ngược lại âm xuyên nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: suyển là thở hổn hển, thở gấp. Bệnh suyển chữ viết từ bộ khẩu, thanh đoan, âm đoan là âm đoan.

Vi địch: Ngược lại âm trên là vi quỉ. Âm dưới là địch. Theo Mao Thi truyện cho rằng: cây lau mới mọc gọi là vi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: vi cũng gọi là cây lau. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: địch là lá đậu, ăn lá đậu, ý nói ăn uống đơn sơ, thức ăn của nhà quê, của người tầm thường. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: hoắc là tên loại cỏ hoang, lá nhỏ giống như lá cây lau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ thảo đều là thanh vi địch, hoặc là viết chữ trích là chữ cổ, cưu chữ địch, âm hoắc, ngược lại âm hoạt quan.

Hấp thiết: Ngược lại âm trên là ham cấp. Theo Mao Thi truyện

cho rằng: hấp giống như thu hút dẫn vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu. Thanh cập, âm dẫn là âm dẫn.

Noãn xúc: Ngược lại âm trên là nô quản. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: noãn là ánh lửa rực sáng. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: noãn là ấm áp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng là noãn từ bộ hỏa thanh nhuyễn. Trong kinh văn viết noãn ngược lại âm nô quản, văn thường hay dùng viết chữ noãn này.

Đằng dược: Ngược lại âm dưới là dương tước. Cố Dã Vương cho rằng: dược là nhảy cự ly xa. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: dược nhảy vượt qua rất xa. Quảng Nhã cho rằng: dược là tiến lên trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh dược.

Thu thiên: Ngược lại âm trên là thất tu. Kinh văn viết chữ thu này là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là tiển tiên. Chữ đúng thể. Kinh văn viết chữ thiên này, nghĩa là chuyển dời. Văn thông dụng thường hay dùng, quyển trước dịch là người dìu dắt nhau đi.

Chỉ lệ: Ngược lại âm trên là khi ỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉ là tấm vải lụa có vân, đường sọc. Ngược lại âm dưới là lê đế.

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên là chi liêm. Ngược lại âm dưới là minh mặc. Theo chữ chiêm bặc đó là tên của loại cỏ thơm.

Thanh lụy: Ngược lại âm dưới là lực truy. Theo chữ thanh lụy đó nghĩa là hình người tiên nhơn tu khổ hạnh.

Sô-ma-y: Ngược lại âm trên là trắc câu, tiếng Phạn. Nói đúng âm là thủ ma thủ, âm trâu. Đường Huyền Trang cho rằng: áo gai, áo vải thưa.

Hiên vũ: Ngược lại âm là hiến ngôn. Sách Sở Từ cho rằng: mái nhà cao trước chính điện, có mái hiên che ra. Vương Dật chú giải rằng: là cái mái che. Vi Thiệu chú giải sách Hán Thư rằng: hiên là cái bao lam trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh can.

Kiến tân: Ngược lại âm dưới là tín tân. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: củi gọi là tân, cỏ gọi là chông. Lại chú giải sách Chu Lễ rằng: củi lớn đó gọi đó là tân, củi nhỏ bó lại gọi là sài. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Khảo Thanh tân.

Cao chủ: Ngược lại âm trên là cao ngạo. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thịt heo sống. Lại cho rằng: chất mỡ của con dê, cao đó là tụ lại ngưng đọng lại gọi là chất béo, mỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh cao. Ngược lại âm dưới là chu nhũ cũng thông, chữ khứ thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tức là tâm chứng. Sách Tập Huấn cho rằng: chứng nội tâm, rộng khắp. Sách Thuyết Văn

cho rằng: làm chủ tâm trong lửa, rèn luyện trong lúc sân hận, giống như hình thanh, chủ âm, chủ ngược lại âm chu lữ. Trong kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ chủ cũng thông dụng thường hay dùng.

Du khế: Ngược lại âm dưới là khưu lợi. Theo Mao Thi truyện cho rằng: khế tức là nghỉ ngơi. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ tức thanh thiệt, hoặc là viết chữ ký cũng viết chữ yết này cũng là nghĩa nghỉ ngơi.

Linh sính: Ngược lại âm trên là lực đinh, âm dưới phách minh. Sách Khảo Thanh cho rằng: đơn độc yếu đuối, đi không có sức mạnh. Theo chữ linh sính đó là người góa cô độc, đều từ bộ nhơn đến thanh linh sính. Trong kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ linh sính cùng với nghĩa không đồng.

Bạch thượng: Ngược lại âm trên là bành mạch. Quảng Nhã cho rằng: bạch là chiếc thuyền. Bì Thương cho rằng: chiếc thuyền lớn đi trong biển. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ chu thanh bạch.

Duyên lỗ: Ngược lại âm trên là duyệt toàn. Ngược lại âm dưới là tô tộ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nước chảy thuận dòng từ trên chảy xuống gọi là duyên. Theo Mao Thi truyện cho rằng: nước chảy nghịch dòng mà chảy lên gọi là lỗ hồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ là nước muốn chảy xuống mà trái lại chảy ngược lên, hai chữ đều từ bộ thủy. Đều từ thanh duyên lộ, âm lỗ là âm xích duyên ngược lại cũng di chuyển.

Lũy tiết: Ngược lại âm trên là lực truy. Ngược lại âm dưới là tiên (T515) liệt. Nghĩa đã giải thích rồi. Trong kinh Đại thừa Mật Nghiêm. Quyển thứ nhất.

KINH TÂN PHIÊN MẬT NGHIÊM
QUYỂN 2

Du kỳ: Ngược lại âm trên du tu. Ngược lại âm dưới kiết y, tiếng Phạn, gọi là người quán hạnh tương ưng nhập định. Trong kinh viết chữ kỳ này là sai vậy.

Kiếp-tỷ-la: tiếng Phạn gọi là cũ-phệ-la. Xưa dịch là câu-hàn-la, tên cõi trời.

Nhân-đà-la: tiếng Phạn, tên cõi trời Đế Thích.

Vi-đà: tiếng Phạn, cũng gọi là phệ-đà.

Cực vãn: Ngược lại âm trên là cạnh lực. Quá cần kíp vội vàng:

giữa nhơn sanh và thiên địa. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ nhị đến bộ nhân đến bộ khẩu và đến bộ thủ thủ, chữ hội ý.

Duyên tích: Ngược lại âm trên là duyệt toàn. Ngược lại âm dưới là tinh trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: duyên là kim loại màu xanh. tích là bạc. Giữa duyên và tích đều từ bộ kim đều là thanh duyên tích. Âm duyên là âm cổn.

Ông úy: Ngược lại âm trên là ốc lữ. Ngược lại âm dưới là huy vật. Sách Tư Mã Tương Như cho rằng: thân cây cao hai, ba mươi thước, thuộc loại cúc nở hoa vàng nhạt gọi là ông úy. Cố Dã Vương cho rằng: cũng là loài thảo mộc xanh tươi, tốt tươi. Chánh Tự xưa nay đều viết từ bộ thảo đều thanh ông úy. Trong kinh viết chữ tôn là sai chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

Ngộ hậu: Ngược lại âm trên ngô cố. Theo Mao Thi truyện cho rằng: ngộ là biết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngộ thanh tĩnh. Âm giác ngược lại âm giao hiệu. Trong kinh văn viết chữ từ bộ huyệt viết thành chữ ngộ là chẳng phải.

Phong đàm: Ngược lại âm dưới là cảm cam. Sách Khảo Thanh cho rằng: các bệnh trong nước. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: trên ngực cho chất nước dịch. Chữ viết từ bộ tật, thanh đàm âm tật, ngược lại âm nữ ách.

Năng chu: Ngược lại âm dưới là nhũ chu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: nhu là ngâm vào trong chất lỏng, thấm ướt chấm vào, nhúng vào. Cũng gọi là nhuận trạch, thấm nhuần. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: ẩm ướt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh nhu, âm nhu là âm tu.

Hữu ế: Ngược lại âm ế kế. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: ế là con mắt bị ngăn che. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngăn che trong con mắt. Kinh văn viết chữ ế này, chữ ế này là yểm xuống ngăn che, che lấp, cùng với nghĩa kinh không đồng.

Trước thân: Ngược lại âm trên là trường lược. Trong kinh văn viết chữ trước này là sai, trái ngược lại nghĩa kinh.

Nhuyễn động: Ngược lại âm trên là nhuận doãn. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng không chân gọi là nhuyễn. Sách Trang Tử cho rằng: nhuyễn là loài côn trùng bò lút nhút. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: loài côn trùng nhỏ nhít. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loài côn trùng nhỏ thít. Chữ viết từ bộ trùng, thanh nhuyễn. Trong kinh văn viết chữ nhuyễn này là sai.

Mộng dĩ: Ngược lại âm dưới là cơ hỷ.

Sanh dĩ: Ngược lại âm dưới là di chỉ.

Ban-trụ: Ngược lại âm trên là bát loạn, tiếng Phạn.

Chiêm-bộ-quả: Ngược lại âm trên là thiệp kiếm, tiếng Phạn.

Thích đoan tiêm: Ngược lại âm trên là thư tí. Trong kinh văn viết chữ thích này là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là đãi liêm. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: tiêm là sắc bén nhọn, nhạy bén. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cây đao rất bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh thiệt.

Hỏa liêu: Ngược lại âm dưới là lực chiêu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cây đuốc đốt ngoài cổng gọi là hỏa chúc. Đốt ở trong sân gọi là liệu, đều là chỗ thắp sáng, rõ ràng. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: ngọn lửa cháy lan ngoài đồng ruộng gọi là liệu. Quảng Nhã cho rằng: làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: phóng hỏa. Chữ viết tử bộ hỏa thanh liệu, âm liệu đồng với âm trên.

Khôi tẫn: Ngược lại âm dưới là tịch nhẫn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đốt lửa cháy còn dư lại tro tàn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: lửa cháy còn dư lại tro gọi tẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng là tẫn, là lửa cháy. Một gọi là tân là củi. Chữ viết từ bộ hỏa thanh duật. Trong kinh viết chữ tẫn này là văn thường hay dùng.

Ký sơn: Ngược lại âm trên là kỳ miết. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ký là cùng với. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn thấy một cách nghiêng lệch. Chữ viết từ bộ thả, thanh ký. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ kỵ, kỵ tức là thấm ướt, đồ chứa nước chẳng phải nghĩa của kinh văn vậy.

Chi nguy: Ngược lại âm trên là chỉ chi. Cố Dã Vương rằng: chi là nghiêng lệch không chánh. Tôn Ngự Tử cho rằng: miếu của Lỗ Hằng Công có dụng cụ bị hư, lỗ hỏng. Chi là đồ chứa đựng đầy, che lại. Sách Thuyết Văn từ bộ nguy, thanh chi cũng viết chi. Trong kinh văn viết chữ chi này là đường núi nghiêng lệch gập ghềnh không bằng phẳng, cũng là hiểm trở, cùng với nghĩa kinh có phần quái lạ.

Hội sự: Ngược lại âm trên là hồi đối. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: hội là hợp tụ năm màu sắc. Trịnh Huyền lại cho rằng: hội là vẽ. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mịch thanh hội.

Xu lệ: Ngược lại âm trên là xúc du. Mao Thi truyện cho rằng: xu là người con gái đẹp. Hàn Thi truyện cho rằng: xu là sắc đẹp tự nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh chu.

Mạn kiểm: Ngược lại âm dưới là cư nghiễm. Sách Khảo Thanh

cho rằng: kiểm là mí mắt. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: da ngoài con mắt, chữ viết từ bộ mục thanh kiểm.

Chơn phát: Ngược lại âm trên là chơn nhẫn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: mái tóc đẹp gọi là chơn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tóc nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng là sam. Lại cho rằng: tóc dày đặc. Theo Mao Thi truyện cho rằng: sam phát đó là giống như tóc mây, chữ viết từ bộ sam thanh nhơn, hoặc viết từ bộ tiêu viết thành chữ chơn. Trong kinh văn viết chữ chơn là kết lại, chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Thiết-bà: Ngược lại âm trên là tăng nhiệt, tiếng Phạn.

Mi lộc: Ngược lại âm trên là mỹ bi. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như con nai mà lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại nai nhưng tối đến mùa đông là cởi bỏ cái sừng. Chữ viết từ bộ lộc thanh mi.

Bưu thố: Ngược lại âm trên là bi hưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: bưu là vằn có màu sắc của con cọp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hổ thanh sam. Ngược lại âm dưới là thổ lộ, văn là chữ cổ.

Ư toản: Ngược lại âm dưới là toan loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: toản giống như củ tỏi tây mà lại nhỏ, nhưng rất nồng. Cố Dã Vương cho rằng: nay vốn là loại cỏ, có chỗ gọi là tỏi, thì nó làm tiêu hết các loại ngũ cốc khi pha trộn vào, tỏi nhỏ gọi là hồ mà lớn gọi là toản. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại thức ăn có thịt, đồ mặn, chữ viết từ bộ thảo thanh toản âm khứu. Ngược lại âm xú thư, âm quân ngược lại âm huấn quân.

Tuần hoàn: Ngược lại âm trên tuẩn tôn. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: tuần là thứ tự. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tuần là đi tuần tra. Quảng Nhã cho rằng: là đi theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là đi, chữ viết từ bộ xích thanh thuẩn, âm thuẩn là âm thuận. Ngược lại âm dưới là hoạn quan. Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: hoàn là vòng tròn. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: đi nhiễu vòng quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh hoàn âm hoàn là âm hoàn.

KINH TÂN PHIÊN MẬT NGHIÊM
QUYỂN 3

Từ Thạch: Ngược lại âm trên là tự tư. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: từ thạch đó có thể gọi là thiết chì vậy. Chánh Tự xưa nay, chữ viết từ bộ thạch thanh từ.

Phủ đảm: Ngược lại âm dưới là đảm lam. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy dây gỗ mà gánh vật lên. Quảng Nhã cho rằng: nhấc lên. Tự Thư cho rằng: cũng gọi vác trên vai. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

Toản diêu: Ngược lại âm trên là toản loan. Sách Thuyết Văn cho rằng: Toản là cái dùi, cái khoan, khoan xuyên qua chữ viết từ bộ kim thanh toàn. Kinh văn viết chữ toàn. Toàn này có nghĩa là gom lại, chẳng phải nghĩa của kinh, văn dưới là chuẩn đây vậy.

Phiêu vật: Ngược lại âm trên là vong biều. Cố Dã Vương cho rằng: trôi nổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: là nổi trên mặt nước, chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu, âm phiêu ngược lại âm tiêu diêu.

Miễn lưu: Ngược lại âm trên là mi biện. Quyển trước trong kinh tựa đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới là liễu chu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: lưu là tua cờ, chướng ngại lớn. Sách Đái Lễ cho rằng: miễn mà ở phía trước lưu là nghĩa ngăn che ánh sáng. Sách Thuyết Văn viết lưu miễn, nghĩa là tua ngọc rũ xuống. Chữ viết từ bộ ngọc thanh lưu. Kinh văn viết lưu tức là tua cờ rũ xuống vậy.

Đài y: Ngược lại âm đại lai. Cố Dã Vương cho rằng: màu xanh lục dưới đáy nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo mưa. Chữ viết từ bộ thảo thanh đài, cũng viết chữ đài này.

Khí quỳnh: Ngược lại âm dưới là dữ dinh. Theo Mao Thi truyện cho rằng: quỳnh là vây bọc vòng tròn. Sách Giải Uyển Chu Tòng cho rằng: quỳnh là cuộn tròn lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gom góp sợi tơ cuộn tròn lại. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ dinh thanh tĩnh.

Cốt tỏa: Ngược lại âm dưới là tô quả. Sách Hán Thư cho rằng: liên kết giống như cái móc vào nhau mắc xích. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kim thanh tỏa. Âm đồng với trên, hoặc là viết chữ tỏa này. Trong kinh viết chữ tỏa này là thông dụng văn thường hay dùng.

Toan hàm: Ngược lại âm trên là lộng đoan. Sách Lễ Ký cho rằng: mùa xuân lễ hội vui vẻ rót rượu mời nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: khách rót rượu mời chủ. Chữ viết từ bộ dậu thanh tuấn, âm tuấn ngược lại âm thất tuần. Ngược lại âm dưới là hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng:

hàm là khổ. Quách Phác chú giải rằng: khổ tức là đại hàm, là chất mặn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàm tức là ngậm, là kết cỏ ngậm vành, tức là mùi vị phương Bắc, chữ viết từ bộ lỗ thanh hàm, âm lỗ là âm lỗ.

Nguyên quy: Ngược lại âm trên là nguyễn viên. Sách Khảo Thanh cho rằng: nguyên giống như con ba ba mà lớn hơn, bụng màu vàng, trên đầu có vằn. Sách Thuyết Văn cho rằng con ba ba lớn. Chữ viết từ bộ mãnh thanh nguyên âm mãnh là âm mãnh. Trong kinh văn viết chữ nguyên này là văn thường hay dùng vậy.

Đại mạo: Ngược lại âm trên là xuẩn đái. Ngược lại âm Ngược lại âm dưới là mai bội. Sách Khảo Thanh cho rằng: đại mạo là con rùa. Sách Chư Tự Thư cho rằng: đúng là người phương Nam lấy hạt châu, vây của con đồi mồi mà hiến cho, vật khác chí như con rùa sanh trong biển lớn Nam hải, đó là trên lưng có khắc chạm đồi mồi, vảy nối liền với nhau, làm thành dụng cụ, đem đi đốt tức cái da, vảy con đồi mồi mềm ra, đây là lấy ý mà nói, có chỗ gọi tên là đột mâu. Chánh Tự xưa nay hai chữ đều từ bộ ngọc cũng đều là thanh độc mạo. Văn cổ viết đại hoặc là viết đại cũng thông dụng.

Như âm: Ngược lại âm dưới là ấp kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: không thể nói ra lời được gọi là ám. Chữ viết từ bộ tật thanh ám.

****

KINH PHẬT THUYẾT THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Lan thuẫn: Ngược lại âm lạc hàn. Quảng Nhã cho rằng: lan là cái nhà lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: cửa che kín lại. Chữ viết từ bộ môn thanh lan. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ lan là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là thần nhuận. Sách âm nghĩa Hán Thư cho rằng: thuẫn cũng giống như chữ lan. Sách Thuyết Văn cho rằng: có những cây song chấn chắc chắn. Chữ viết từ bộ mộc thanh thuẫn âm thuẫn ngược lại âm thời doãn.

Long tàn: Ngược lại âm lực trung. Thiên Thương Hiệt cho rằng: long là bệnh nặng. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh đã lành. Chữ viết từ bộ tật thanh long. Ngược lại âm dưới là tại an. Sách Khảo Thanh cho rằng: tàn thương tật, tàn phế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạc thanh tàn.

Bả kiển: Ngược lại âm ba ngã. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bả là đi không có ngay, thọt chân. Sách Chu Dịch cho rằng: bả là chân bị què. Sách Thuyết Văn viết chữ bả này, từ bộ vưu, ngược lại âm nhất hoàng. Trong kinh văn viết bả là âm bí. Ngược lại âm dưới là cư triển. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiển cũng giống như bả. Chữ viết từ bộ tú đến chữ kiển thanh tĩnh.

Ám á: Ngược lại âm trên là ấp kim. Ngược lại âm dưới là lưu nhã. Bì Thương cho rằng: hậu môn ruột non, ruột già sưng lên. Chữ viết từ bộ nhục thanh phong, âm phong là âm phong. Ngược lại âm dưới là trương lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cái bụng sưng đầy lên. Chánh Tự xưa nay cho rằng: bị đau bụng. Chữ viết từ bộ nhục thanh trường.

KINH PHẬT THUYẾT THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI QUYỂN TRUNG

Ngu lạc: Ngược lại âm ngộ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngu cũng là lạc nghĩa là vui chơi giải trí. Chữ viết từ bộ nữ thanh ngu.

A-xúc Phật: Ngược lại âm sơ lục, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: Đức Phật vô động.

KINH PHẬT THUYẾT THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI QUYỂN HẠ

Hủy Tử: Ngược lại âm tư thử. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tử là lấy lời nói hủy nhục chê bai người. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh thử, hoặc là viết chữ tử này cũng đồng nghĩa.

Tân tích: Ngược lại âm tất tân. Sách Lễ Ký cho rằng: Lấy củi đuốc bổng lộc, thâu góp lương mà cung cấp cho trăm ngôi miếu thờ cúng lo việc đèn nhang. Trịnh Huyền chú giải rằng: củi lớn đó gọi là tân, củi nhỏ gom bó lại gọi là sài. Tân cũng gọi là phóng hỏa đốt lửa cháy dữ dội, lấy cấp cho củi đuốc. Ngược lại âm dưới là tử tứ.

Hội náo: Ngược lại âm cổ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là tâm não loạn, rối loạn, mơ hồ, chữ viết từ bộ tâm thanh hội. Chữ viết

đúng là hội. Ngược lại âm dưới là nô hiệu. Tự Thư cho rằng: náo là nhiều người, ồn ào, quấy nhiễu, nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thị đến bộ nhơn. Văn thường hay dùng viết chữ náo, kinh văn viết bính là sai vậy.

Toàn ma: Ngược lại âm đoan loạn. Lâm Tự cho rằng: toàn là cái chày để giả vật. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kim thanh toàn. Ngược lại âm dưới là mạc hà. Theo Mao Thi truyện cho rằng: ma là cục đá mài. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ ma này, từ bộ thạch đến chữ ma thanh tĩnh.

Đồi phủ: Ngược lại âm trên là đô hồi. Theo Thanh loại cho rằng: đồi là đống đất nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là đồi là chỗ đất nhơ cao lên đồi nhỏ. Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là phù cửu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: phủ là núi khe chỗ trủng thấp mà rộng lớn. Quảng Nhã cho rằng: đồi gò đất nhỏ mà không có đá gọi là phủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vùng đất cao lớn như núi mà không có đá. Chữ tượng hình. Trong kinh văn viết chữ đồi phủ là văn thường hay dùng.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUÁN PHỔ HIỀN BỒ TÁT HẠNH PHÁP

Tuệ Lâm soạn.

Trụ địa: Ngược lại âm trên là chu lũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trụ là cây cột chống đỡ, đầu ngón tay. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh trụ. Chữ giả tá. Trong kinh văn viết chữ trụ này là chẳng phải.

Chân-thúc-ca: Ngược lại âm kết tiên, tiếng Phạn. Phiên dịch là vật báu có màu sắc đỏ.

Đấu cấu: Ngược lại âm đắc hậu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đấu tranh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: gặp nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai tướng gặp nhau tức là quyết đấu. Chữ viết từ bộ đấu đến bộ đoạn. Trong kinh văn viết từ bộ đấu đến bộ đẩu, viết thành chữ đấu là sai. Ngược lại âm dưới là cổ hậu. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: cấu là loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: liên kết, nối liền với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh cấu âm cấu, ngược lại âm câu. Trong kinh văn viết chữ cấu này nghĩa khác biệt, âm đoạn, ngược lại âm đinh giác, âm đấu, ngược lại âm đinh hậu.

Ly giao: Ngược lại âm trên là sĩ tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: ly giao là lộn xộn, rối rắm, trộn lộn lại, lấy da cây đem nướng cho chảy mủ ra làm chất keo dán dính lại, có thể làm bẫy bắt chim. Sách Bát Nhã cho rằng: ly là chất dán dính, hợp nào nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thử thanh ly, trong kinh văn viết ly này sai. Ngược lại âm dưới giao hàu. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công lý rằng: lấy các da của con thú đem nấu keo lại, có thể làm chất keo, mà lấy dùng dán vào đồ vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh giao âm giao ngược lại âm lực ấu.

Yết ma: Ngược lại âm kỷ liệt, tiếng Phạn, dịch là biện sự.

****

KINH CHƯ PHÁP VÔ HẠNH - *Tuệ Lâm soạn*
QUYỂN THƯỢNG

Hội náo: Ngược lại âm trên là, ngược lại âm dưới là nô hiệu. Quyển đầu trước. Kinh Lăng Nghiêm Tam muội - quyển hạ đã giải thích rồi.

Trọng đảm: Ngược lại âm dưới là đảm lam. Quyển trước kinh Mật Nghiêm quyển hạ đã giải thích rồi.

Kiền trùy: Ngược lại âm trên là kiện yên. Ngược lại âm dưới là trực truy. Tiếng Phạn ở nước Tây Vức gọi là cái vật để đánh vào làm hiệu lịnh tập hợp chúng lại một chỗ.

Phỉ báng: Ngược lại âm trên là phi vị. Sách Khảo Thanh cho rằng: phỉ báng đó là lời chê bai hủy nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: phỉ cũng là báng, từ bộ ngôn thanh phi. Ngược lại âm dưới là bác lãng. Sách Khảo Thanh cho rằng: báng là lấy lời nói chê bai hủy nhục người. Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: báng là hủy nhục mắng nhiếc chê bai. Lại gọi là đối với người ác tâm, mà mắng nhiếc hủy nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng từ bộ ngôn thanh báng.

KINH CHƯ PHÁP VÔ HẠNH
QUYỂN TRUNG

Xí nhiên: Ngược lại âm trên xỉ chí. Theo Mao Thi truyện cho rằng:

xí là lửa cháy dữ dội. Cố Dã Vương cho rằng: ngọn lửa quá mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh thức âm là âm chức.

Tuyển trạch: Ngược lại âm trên là tuyên diễn. Trong kinh viết chữ tuyển này là sai.

Độ tiệm: Ngược lại âm dưới là tiêm lãm. Sách Chu Thư cho rằng: đại quân tấn công vào thành mà không trấn thủ thì thành sẽ bị phá vỡ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiệm là cái hào bao quanh thành. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: là cái hầm, hố sâu. Chữ viết từ bộ thổ thanh tiệm, hoặc là viết chữ tiệm này.

Không quyển: Ngược lại âm dưới là cự viên. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: quyển là nắm bàn tay lại. Quảng Nhã cho rằng: dùng tay để đánh trị tội. Sách Quốc ngữ cho rằng: thâu gom lại, thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ thủ thanh quyển hoặc là chữ này.

Ba tiêu: Ngược lại âm tiêu là bá ma. Ngược lại âm dưới là huyễn diêu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ba tiêu đó là loại cỏ thơm. Sách Chỉ Tự cho rằng: loại cỏ này mọc lá giống như ngón chân, có thể làm chiếu, có thể dệt làm vải thưa, bố gai. Lá của nói có thể làm ngâm đay để dệt. Chánh Tự xưa nay hai chữ đều từ bộ thảo đến bộ ba thanh tiêu.

KINH CHƯ PHÁP VÔ HẠNH
QUYỂN HẠ

Sân nhuế: Ngược lại âm trên là chủy chơn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: sân là quắc mắt giận dữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhuế cũng là giận dữ. Chữ viết từ bộ ngôn thanh chơn. Kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ sân, sân là mở mắt to ra căng mắt ra nhìn. Chữ này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là ư quí. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhuế cũng là giận dữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hận, chữ viết từ bộ tâm thanh giai.

Hư cuống: Ngược lại âm dưới cư huống. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cuống giống như là mê hoặc. Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: khinh khi xem thường. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: khinh khi lừa dối. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh cuồng.

Thô hạnh: Ngược lại âm trên là thố hồ chữ viết tĩnh lược, chuyên dùng lâu rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng thể là thô này, cũng viết chữ thô này. Tự Thư cho rằng: vật thô không tinh mịn. Quảng Nhã cho rằng: thô là lớn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thô sơ. Chánh Tự xưa nay viết từ ba bộ lộc.

Khinh miệt: Ngược lại âm dưới là miên kết. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: miệt cũng giống như khinh. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: chưa diệt. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: trẻ con. Sách Thuyết Văn cho rằng: khinh dễ, xem thường. Chữ viết từ bộ tâm thanh miệt. Trong kinh văn viết chữ miệt, chữ miệt này gọi là không có sáng sủa, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ám độn: Ngược lại âm dưới là truân đốn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: độn là ngu si. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có lanh lợi. Chữ viết từ bộ kim, thanh truân.

Thiên đản: Ngược lại âm trên sơ miên. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiên là không chánh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thiên là không bằng phẳng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nghiêng bên trái. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: không dự bị. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh biên. Ngược lại âm dưới đàn lại. Sách Khảo Thanh cho rằng: cởi áo trên vai xuống. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: trên vai trái cởi trần để lộ cánh tay ra. Theo Tả Truyện cho rằng: Trịnh Bá cởi trần ra dắt dê đi. sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh đản.

****

KINH PHẬT THUYẾT CHƯ PHÁP BỔ VÔ - *Tuệ Lâm soạn*
QUYỂN THƯỢNG

Tượng hý: Ngược lại âm dưới là dưỡng nghi. Sách Khảo Thanh cho rằng: hý là làm trò đùa. Sách Sử ký cho rằng: Thiên tử không có nói đùa. Sách Luận ngữ cho rằng: trước nói đùa cho vui vậy thôi. Theo Mao Thi truyện cho rằng: an nhàn hưởng thú vui. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: làm trò hài hước cười đùa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hý.

Giảm tĩnh: Ngược lại âm trên là giáp trảm. Theo Mao Thi truyện cho rằng: giảm thiểu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nhẹ, hao tổn. Sách Thuyết Văn cùng cho rằng: hao tổn. Chữ viết từ bộ thủy thanh

hàm.

San đế: Ngược lại âm sát mịch. Tiếng Phạn.

Lại đọa: Ngược lại âm trên nhàn đản. Sách Khảo Thanh cho rằng: lại là không chuyên cần lao động. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải đãi, biếng nhác. Chữ viết từ bộ nữ thanh lại, hoặc là viết chữ lại này.

Nã-nhữ: Ngược lại âm trên là thược da, tiếng Phạn.

KINH PHẬT THUYẾT CHƯ PHÁP BỔ VÔ QUYỂN TRUNG

Danh-vi-độ-giả-bể-đà-ca: Ngược lại âm trên là ty mễ, tiếng Phạn.

Danh vi tháp phá: Ngược lại âm trên là đàm lạp.

Trừ kiếp tiệm: Ngược lại âm dưới là tiêm diễm.

Bạt tiển thốc: Ngược lại âm dưới là tông lộc. Sắp về trước gọi là độ đó, đo lường. Sắp về sau đầy đủ ba mươi mốt cái tên đều là các nghĩa chư pháp. Nói rằng: gọi tên khác không cầu chữ nghĩa, cho nên không cần giải thích.

Môn khuyết: Ngược lại âm dưới là vu nguyệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: khuyết là khúc gỗ ngắn. Quảng Nhã cho rằng: khuyết là cây cột trụ để buộc trâu bò. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cái chốt cửa, cắm ở giữa cửa hoặc là viết chữ khuyết này. Theo văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh khuyết.

Quyển tương: Ngược lại âm trên là quyên viên. Quyển trước kinh chư pháp vô danh. Quyển thượng đã giải thích đầy đủ rồi.

Vô nhị: Ngược lại âm dưới là ni trí. Sách Khảo Thanh cho rằng: là chất béo, mỡ mịn màng, chất bẩn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhị là trơn, nhẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: béo, mập, chữ viết từ bộ nhục thanh nhị.

- QUYỂN HẠ. Không có chữ có thể giải thích âm.

****

KINH PHẬT THUYẾT VÔ CỰC BẢO TAM MUỘI

Tuệ Lâm soạn

Quyên phi: Ngược lại âm trên là nhất duyên. Theo sách Vận Anh Tập cho rằng: quyên là loài côn trùng lút nhút. Theo Mao Thi truyện cho rằng: quyên là con sâu tằm. Sách văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh quyên, âm quyên ngược lại âm quyết duyên.

Nhuyễn động: Ngược lại âm trên là nhuận doãn. Trước trong kinh Mật Nghiêm đã giải thích rồi. Trong kinh viết chữ nhuyễn này là sai vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT HUỆ ẤN TAM MUỘI

Tuệ Lâm soạn.

Oán diên: Ngược lại âm trên là oán nguyễn. Ngược lại âm dưới là diễn tiên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: oán diên là cái mũ che trên đầu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cũng là cái mũ che ở trên, nói rằng nó rũ xuống trước và sau. Chánh Tự xưa nay đều viết hai chữ từ bộ mịch đều là thanh oán diên.

Bân-nhủc-văn-đà: Ngược lại âm trên là duật mân. Âm dưới là nông thúc, tên của vị La hán.

Như tê: Ngược lại âm dưới là tẩy lại. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: ở trên núi Đảo qua có rất nhiều con tê tư. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: con tê tư hình dạng nó giống như con trâu nước vậy, đầu giống con heo, bụng nó lớn, chân thấp có ba ngón chân, màu đen, có hai sừng một ở trên đỉnh đầu, một ở trước mũi. Sừng ở trên mũi thì là để ăn nên nhỏ hơn sừng ở đỉnh đầu, cỏ gai không ngon thì nó không ăn. Sách Thuyết Văn Nam Huy chú giải rằng: ngoài cái sừng trên mũi giống như mỏ heo. Chữ viết từ bộ ngưu đến bộ vĩ, thanh tĩnh.

Du siểm: Ngược lại âm trên là dụ tu, lại là khứ thanh, nay không theo âm này. Sách Trang Tử cho rằng: không chọn lựa phải quấy mà nói đó gọi là du. Thiên Thương Hiệt cho rằng: du siểm là nịnh hót theo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: du siểm là nịnh hót. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh du. Ngược lại âm dưới là sửu kiểm. Sách Chu Dịch cho rằng: người quân tử kết giao với bậc trên thì không có nịnh hót, kết giao với bậc dưới thì không có coi

khinh, xem thường. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: siểm cũng giống như nịnh. Trịnh Huyền chú giải sách Khổng Ký rằng: siểm đó gọi là nghiêng mình lấy làm khiêm hạ. Sách Trang Tử cho rằng: ý hy vọng mong cầu, trong đạo gọi siểm nịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: là nịnh hót, tâng bốc. Chữ viết từ bộ ngôn thanh siểm, hoặc là viết chữ siểm này, âm độc là âm độc.

Vô để: Ngược lại âm dưới là đinh lễ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: để là dừng lại trì trệ. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: xét trên tận cùng đo lường xuống tận đáy thâm sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm thanh để, âm nghiễm là âm ngư nhiễm âm để ngược lại âm đinh hề. Trong kinh viết chữ để này là sai vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT NHƯ LAI TRÍ ẤN - *Tuệ Lâm soạn.*

Khất cái: Ngược lại âm dưới là khác ngãi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cái là đi cầu xin. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người ăn xin, người không còn của cải tài sản nên phải đi xin ăn vậy. Trong kinh văn viết cái này là chẳng phải vậy.

Đồng bạt: Ngược lại âm dưới là bàn bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạt là tên của loại nhạc khí giống như hạt điệp tử, có mũi, miệng, cùng nhau đánh gõ, lấy làm hòa nhạc. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kim, thanh bát. Theo chữ lạc, trong kinh viết từ bộ kim viết thành chữ bạt cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Tuẫn sí: Ngược lại âm dưới là tuyệt trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: sí là cánh của con chim. Chữ viết từ bộ vũ, thanh chi, hoặc là viết chữ ký này, cũng viết chữ si cũng đồng nghĩa. Trong kinh văn viết chữ sí này là văn thường hay dùng.

Si tiếu: Ngược lại âm trên là xỉ chi. Si là tiếng cười nhạo báng, chữ viết từ bộ khảm, thanh si, si tức là chữ cổ, hoặc là viết chữ si. Trong kinh văn viết chữ si này là sai vậy.

****

KINH BẢO NHƯ LAI TAM MUỘI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Triệu hoàng: Ngược lại âm dĩ chiêu. Chữ viết là hỗn hoàng. Ngược lại âm hồ bổn, ngược lại âm dưới là hồ quang. Sách Phương Ngôn cho rằng: hỗn là sáng rực. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hoàng là ánh sáng rõ ràng. Lại nói rằng: hỗn hỗn là sáng rực rỡ, hoàng hoàng là ánh sáng chói chang, rực sáng. Trong kinh văn viết chữ triệu là ấm (T517)áp, tên của loại khí cụ. Chữ hoàng chẳng phải nghĩa đây dùng.

- QUYỂN HẠ

Chi dạ: Ngược lại âm dĩ thạch. Nói rằng: giống như cái áo lót. Trong kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ chi dạ là chẳng phải vậy.

****

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
(Huyền Ứng soạn trước - Tuệ Lâm thêm vào có sửa lại)
QUYỂN 1

Ty-đề: Ngược lại âm trên là phổ mễ, tiếng Phạn, Tây Vực gọi là tên của núi, hoặc viết chủy. Lại cũng viết là cơ.

Đạo-kha: Ngược lại âm dưới là kha ngã, tiếng Phạn.

Hy-lê: Ngược lại âm trên hỷ kỳ, hoặc là viết chữ hy này. Ngược lại âm dưới là lê đế, tiếng Phạn.

Ni-bề: Ngược lại âm trên là ni lễ, tiếng Phạn. Trong kinh viết ngõa là sai.

Hầu-lăng: Ngược lại âm dưới là cẩn đăng, tiếng Phạn.

Cúc-thủy: Ngược lại âm trên là cư lục, tiếng Phạn, hoặc là viết cúc thái là sai vậy.

Kiên-tha: Ngược lại âm trên là kiện ngôn, âm tha là âm đà, tiếng Phạn.

Úc-xí: Ngược lại âm dưới là kiết chí, tiếng Phạn. Trong kinh viết âm tiên, e rằng sai chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ca-du: Ngược lại âm dưới là trá lâu, tiếng Phạn.

Y-lê: Ngược lại âm trên là khẩn kế, tiếng Phạn.

Bôn-đóa: Ngược lại âm trên là bổn môn, hoặc là viết chữ bôn này,

tiếng Phạn. Ngược lại âm dưới là đa khả. Chữ viết từ bộ túc đến bộ đa, kinh văn viết thiếu sót là sai vậy.

Xúc-đề: tiếng Phạn, xưa dịch âm là ứng bại. Chữ viết trong kinh viết khác, vốn viết chữ xúc này.

Đan-trá-la: Ngược lại âm trên là thả, tiếng Phạn.

Ba-đa: Ngược lại âm dưới là đa, tiếng Phạn. Bên phải đều là tiếng Phạn, tên của vị vương thần. Trong văn hàm chứa nhiều ý nghĩa, có chỗ không phiên dịch còn tồn trong bản văn Phạn ngữ.

Phún sái: Ngược lại âm trên là phổ muộn. Quảng Nhã cho rằng: phún là nhổ ra, phun nước, phun vật, nhổ ra gọi là phún. Cố Dã Vương cho rằng: vật ngậm trong miệng mà phun rãi ra. Sách Ngữ văn cho rằng: thổi hơi, chữ viết từ bộ thanh bôn hoặc là viết chữ phún này. Trong kinh văn viết chữ từ bộ thủy viết thành chữ phún. Ngược lại âm phò vân, gọi là phún thủy là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Át-chi: Ngược lại âm dưới là cư lê, tiếng Phạn. Trong kinh viết chữ chi này chẳng phải đúng chữ.

Câu-ly: Ngược lại âm trên là cụ câu, tiếng Phạn.

Thấu-lậu: Ngược lại âm trên là sưu trứu, tiếng Phạn. Trong kinh viết thấu là sách viết sai vậy.

Độc sái: Ngược lại âm dưới là sửu giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại côn trùng hay cắn, chích đốt người, hoặc là viết chữ sái. Theo chữ sái này có nghĩa là con sò, con bò cạp, loại côn trùng đi gieo độc hại. Chữ tượng hình, từ chữ vạn, thanh tĩnh, âm chỉnh ngược lại âm thản đát, âm ly ngược lại âm lan đát. Trong kinh văn viết chữ sái này và văn thông dụng thường hay dùng.

Ngũ quan: chỗ gọi là sanh, lão, bệnh, tử đều hiện lên trong ngũ quan, cũng gọi là ngũ thiên sứ.

Phiên phiên: Ngược lại âm thất miên. Theo Mao Thi truyện cho rằng: là không ngừng nghỉ. Lại gọi là phiên phiên đó là qua lại, tới lui. Cố Dã Vương cho rằng: phiên phiên là lượn vòng nhẹ nhàng bay quanh, vụt bay, vùn vụt. Sách Thuyết Văn cho rằng: là bay. Chữ viết từ bộ vũ thanh biên. Trong kinh văn viết chữ thiên là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 2

Mậu-lễ: Ngược lại âm trên mao hậu. Ngược lại âm dưới lê-đễ, tiếng Phạn.

Nghê-đề: Ngược lại âm trên là nghê hệ. Ngược lại âm dưới là đê nỉ, tiếng Phạn. Âm hệ là âm hề lễ.

Tẫn-ca: Ngược lại âm trên tần mẫn, tiếng Phạn, âm mẫn ngược lại âm mật tẫn.

Đồn-đầu: Ngược lại âm trên là độc luận, tiếng Phạn.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 3

Đễ-xỉ: Ngược lại âm trên là kê ni, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang gọi là thiện tịch.

Tất-xà: Ngược lại âm trên là tần mật, bổ miệt, hai âm, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang gọi là thiện thuật là khéo noi theo.

Lệ-đế: dưới, xưa là âm đễ độ. Trong kinh văn viết chữ đế là âm đề-lệ, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói rằng: thiện bị là hay khéo dự sẵn, phòng sẵn.

Phách trường giả: Ngược lại âm trên là phanh bách. Sách Bát Nhã cho rằng: phách là đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: gần gũi, an ủi, vỗ về. Chữ viết từ bộ thủ thanh bạch, âm phủ. Ngược lại âm phù bổ. Bổn kinh viết có khác, vốn viết chữ phách này là chẳng phải vậy.

Quán khẩu: Ngược lại âm trên là quan hoán. Cố Dã Vương cho rằng: quán cũng giống như tưới nước. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: quán là uống nước. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thủy thanh quán. Trong kinh bổn viết có khác, là viết chữ ốc, nghĩa tưới nước.

Khẩu cấm: Ngược lại âm dưới là cầm tư. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ngậm miệng lại gọi là cấm. Sách Thuyết Văn cho rằng: quíu giọng nói không ra tiếng, chữ viết từ bộ khẩu thanh cấm hoặc là viết chữ cấm này, cũng đồng.

Đơn y: Ngược lại âm trên là thư cúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đơn là có quần áo mà không có bao gói bên ngoài. Quảng Nhã cho rằng: đơn là quần áo mỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo

không có nhiều lớp, chữ viết từ bộ y thanh đơn.

Bạch giáp: Ngược lại âm dưới là giảm hiệp. Quảng Nhã cho rằng: giáp là áo kép. Sách Thuyết Văn cho rằng: không phải áo bông tơ nhẹ, chữ viết từ bộ y thanh hạp. Trong kinh văn viết chữ giáp, ngược lại âm khẩu hiệp. Giáp là tên của loại mũ thời xưa, chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 4

Mị-đê: Ngược lại âm dưới là đễ-nỉ, tiếng Phạn.

La-mâu: Ngược lại âm dưới là mạc vưu, tiếng Phạn.

Lô-hoàng: Âm trên là lô, ngược lại âm dưới cổ hoàng. Tiếng Phạn.

Thóa chủy: Âm dưới xưa gọi là tân dật. Văn thông dụng gọi là chật hẹp mà nhỗ ra gọi là chủy. Trong kinh văn viết có khác viết chữ tàn. Ngược lại âm tử đán, nay chưa rõ chữ chủy xuất từ đâu.

Giá-sao: Ngược lại âm trên giả-nha, tiếng Phạn.

Đàm kỳ: Ngược lại âm trên là đoạn nam, tiếng Phạn.

Hổ nan: Ngược lại âm trên là giang học. Ngược lại âm dưới là trĩ ni, tiếng Phạn.

Hề-la: Ngược lại âm trên là hề lễ, tiếng Phạn.

Au-di: Ngược lại âm trên là ô hậu, tiếng Phạn.

Gia cụ: Ngược lại âm trên là giả nha. Quảng Nhã cho rằng: gia là con heo nọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: con heo đực. Chữ viết từ bộ trĩ thanh gia. Trong kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ gia cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là câu hộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cụ cũng giống như con khỉ mà tay chân của nó dài hơn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: loài khỉ mà thân nó lớn hơn con khỉ, lông nó có màu sắc xanh đen, nó hay nắm chủp bắt người và liếc ngó con người. Sách Thuyết Văn cho rằng: con khỉ cái lớn. Chữ viết từ bộ khuyển thanh cụ. Bổn kinh viết có khác hà mạc là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Tiến trân: Ngược lại âm trên là tiền tiến. Theo Mao Thi truyện cho rằng: tiến là lặp lại nhiều lần. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tụ hội nhiều lần như vậy. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thảo thanh tồn. Ngược lại âm dưới là tiết chu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trân là đến vậy.

Theo Mao Thi Truyện cho rằng: động từ ấy là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chí, thanh trân.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 5

Ưu-sa: Ngược lại âm dưới là sở da, tiếng Phạn.

Khẩn-câu: Ngược lại âm khổ nhàn, tiếng Phạn.

Yểm trở: Ngược lại âm trên là yểm giáp. Quảng Nhã cho rằng: yểm cũng giống như trở. Nghĩa nhàm chán hoặc là viết chữ yểm này. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hán thanh yểm. Ngược lại âm dưới là trắc cách. Cố Dã Vương cho rằng: trở cũng giống như yểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc, thanh trở. Trong kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ trở là sai vậy.

Đa-đà: Ngược lại âm trên là kỳ ca, tiếng Phạn.

Yểm-xoa: Ngược lại âm trên là cư ngọc, tiếng Phạn. Trong kinh văn viết có khác, vốn cũng viết chữ yểm.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 6

Chấn đản: Ngược lại âm trên là Chân Nhẫn, tên của một nước.

Bưu-bà: Ngược lại âm trên là hữu cầu, tiếng Phạn.

Bể-bể: Ngược lại âm bổ mễ, tiếng Phạn.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 7

Ngưu quyển: Ngược lại âm dưới là cư viện. Bì Thương cho rằng: quyển ngưu là câu thúc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: mũi con trâu tròn. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ tất thanh diệc. Trong kinh văn viết quyển là sai.

Giáp-lô: Ngược lại âm trên là ô giáp, tiếng Phạn.
Ủy-đa: Ngược lại âm trên là huy vật, tiếng Phạn.
Đà-nhương: Ngược lại âm dưới là hoại chương, tiếng Phạn.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 8

Thềm biên: Ngược lại âm trên là diễm chức. Lưu Triệu chú giải rằng: loại ngũ cốc lương thực. Theo Tả Truyện cho rằng: mái hiên nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: sửa đổi mái hiên nhà. Chữ viết từ bộ mộc thanh thiềm.

Uông trì: Ngược lại âm trên là ô nghiệt. Văn thông dung cho rằng: nước ngừng chảy gọi là uông. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: uông cũng giống như trì. Sách Sở Từ cho rằng: ao nước rộng lớn mênh mông. Quảng Nhã cho rằng: uông uông là mênh mông bao la rộng lớn bao la. Sách Thuyết Văn cho rằng: hồ sâu mà rộng, chữ viết từ bộ thủy thanh vương.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 9

Mi chủ: Ngược lại âm trên là mỹ bi. Quyển trước, trong kinh Mật Nghiêm đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là chu nhũ. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: chủ, giống như con nai mà lớn hơn. Theo Thanh loại cho rằng: cái đuôi của nó có thể làm chổi quét được. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại nai mà lại lớn hơn, có một cái sừng, chữ viết từ bộ lộc thanh chủ.

Sa-lương-địch: Ngược lại âm dưới là đình lịch, tiếng Phạn.

Đa-môi: Ngược lại âm dưới là mẫu bôi, tiếng Phạn.

Ngu xuẩn: Ngược lại âm dưới là sữu phong. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đứa bé mới sinh ra đã ngu ngốc rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuẩn là ngu. Chữ viết từ bộ tâm thanh xuân.

Sách dương: Ngược lại âm trên là sĩ trách: sách Thuyết Văn cho rằng: sách là cắn. Chữ viết từ bộ xỉ thanh trách. Trong kinh văn viết chữ trách thanh trách chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 10

Thế hưởng: Ngược lại âm dưới là hương ngưỡng. Theo Mao Thi truyện cho rằng: hưởng là hiến dâng, dâng lên cúng. Lưu Triệu chú giải Công Dương truyện rằng: dùng thức ăn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hưởng, thọ nhận. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lễ vật. Cố Dã Vương cho rằng: cúng tế cho quỉ thần đến hưởng. Sách Thuyết Văn viết chữ phu đến bộ cao thanh tĩnh.

Đồng đồng: Ngược lại âm đồ đông. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: đồng là nóng nhiệt. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ hỏa thanh đồng. Trong kinh văn viết đồng, chữ đồng này chẳng phải nghĩa đây dùng, cũng có viết chữ hoàng vi, nghĩa là sáng rực.

Lão sưu: Ngược lại âm dưới là sưu hậu. Sách Phương Ngôn cho rằng: sưu là ông già. Quảng Nhã cho rằng: ông cha. Lại giữa Đông Tề và Lỗ vi cho rằng: phàm là tôn kính người già gọi là sưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hựu thanh tai. Chữ lại viết sưu này văn thường hay dùng, hoặc là viết chữ sưu. Trong kinh văn viết chữ sưu này là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Huyên hoa: Ngược lại âm trên là hư nguyên. Ngược lại âm dưới là hồ qua. Theo Thanh loại cho rằng: huyên hoa đều là thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: huyên là nói nhiều. Chánh Tự xưa nay hai chữ đều từ bộ ngôn, thanh huyên hoa. Trong kinh văn viết chữ huyên này là sai vậy.

Bình bạc: Ngược lại âm trên là bạc minh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: bình là loại cỏ không có rễ mà nổi lên mặt nước, lấy tên là không chìm, tức là bèo nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh bình, kinh văn viết chữ tinh này là sai vậy.

Hoan ngu: Ngược lại âm dưới ngộ câu. Trong quyển kinh trước Thủ Lăng Nghiêm Tam muội đã giải thích rồi.

Nhân câu: Ngược lại âm trên là nhất dần. Bạch Hổ Thông cho rằng: nhà trai và nhà gái kết thông gia với nhau mà thành hôn gọi là nhân. Độ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: nhân là thân thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh nhân. Ngược lại âm dưới là cổ hầu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trọng hôn gọi là cấu. Mao Thi Truyện cho rằng: cấu là dày. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh cấu, âm cấu ngược lại âm cổ hạ.

Oán hận: Ngược lại âm trên là ư nguyện. Cố Dã Vương cho rằng:

oán cũng là hận. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hận là trách cứ. Sách Văn tự Tập Lược cho rằng: oán hận sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nỗi giận. Chữ viết từ bộ tâm thanh oán. Bổn kinh vốn viết có khác. Cũng gọi là oán hận. Ngược lại âm hoàn hoán. Chữ oán hận này nghĩa có khác là tiếc thương kinh sợ. Chẳng phải nghĩa ở đây dùng vậy.

Khảm kha: Ngược lại âm trên kham cảm. Ngược lại âm dưới là kha ngã. Sách Sở Từ cho rằng: Khảm kha đó là nói trắc trở không thuận lợi, trì trệ. Cố Dã Vương cho rằng: khảm kha đó là không may mắn. Chánh Tự xưa nay cho rằng: tiếp cái trục xe. Hai chữ đều từ bộ xa đều là thanh cảm kha.

Họa xuất: Ngược lại âm dưới tuy thúy. Theo Tả Truyện cho rằng: đoán trước nước dưới sông dâng lên gọi là xuất. Sách Thuyết Văn cho rằng: thần họa cũng gọi quỉ thần gieo tai họa. Chữ viết từ bộ thị thanh xuất.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 11

Khẩn trắc: Ngược lại âm trên là khẩu hận. Văn thông dụng cho rằng: chí thành gọi là khẩn. Trịnh Tiển chú giải sách Khảo công ký rằng: khẩn là kiên nhẫn, vững lòng chịu đựng. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn. Trong kinh văn viết chữ khẩn này là sai. Ngược lại âm dưới là sở lực. Sách Mạnh Tử nói rằng: không có lòng thương xót là chẳng phải con người. Quảng Nhã cho rằng: xót thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: đến để chia xẻ lòng đau xót, chữ viết từ bộ tâm thanh tắc.

Như hướng: Ngược lại âm dưới là thương nhượng. Quảng Nhã cho rằng: hướng là để lại. Khảo Thanh cho rằng: hướng là dâng thức ăn cho người trên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh hướng, âm di ngược lại âm duy quí.

Áo não: Ngược lại âm trên là ô hạo. Ngược lại âm dưới là nhu lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: áo não là đau khổ hận. Chánh Tự xưa nay cho rằng: hai chữ đều viết từ bộ tâm đều là thanh áo não, âm nhu ngược lại âm não đao.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUYỂN 12

Duy-tà: Ngược lại âm trên là duật tuy. Ngược lại âm dưới là dã sai, tiếng Phạn. Âm xưa gọi là tỳ-tà-ly, hoặc gọi là tỳ-xá-ly, đều sai. Nói cho đúng gọi là bể xa địch dạ thành. Ở phía Đông Ấn Độ, phía Bắc sông Ngạc già, hoặc nói là ở trung tâm Ấn Độ.

Mộng hội: Ngược lại âm trên là mặc băng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mộng là loạn, mơ hồ. Sách Chu Lễ cho rằng: không sáng suốt, lại buồn bã. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: xấu hổ. Quảng Nhã cho rằng: tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: không sáng, chữ viết từ bộ tâm thanh mộng, cũng viết mộng. Lại cũng viết chữ mộng này. Trong kinh văn viết chữ mộng này là sai. Ngược lại âm dưới là hồi tội, kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển trung đã giải thích rồi.

Yếm đảo: Ngược lại âm trên là ư diễm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: yếm là trong lòng cảm thấy đầy đủ, nên chán nhàm chán. Thiên Thương Hiệt cho rằng: kính phục hợp với lòng người gọi là yếm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hán thanh yếm. Ngược lại âm dưới là lực lão. Trước kinh Mật Nghiêm quyển trung đã giải thích đầy đủ rồi.

Phỉ thi: Ngược lại âm trên là phỉ vi. Xưa nay là phi, âm xưa cũng gọi là phi dương. Theo Tả Thị truyện cho rằng: có con phi tức con gián xuất hiện thì không có tai nạn tật dịch. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ trùng thanh phi.

Tà ngỗ: Ngược lại âm dưới là ngũ cố. Sách Thanh loại cho rằng: ngỗ là ngang bướng ngỗ nghịch. Sách Khảo Thanh cho rằng: phạm tội bất hiếu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh ngỗ hoặc là viết chữ ngỗ.

Tật lê: Ngược lại âm trên là tần tất. Ngược lại âm dưới là lực tri. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là loại côn trùng như con giòi, con dế, con nhận, cũng giống như con châu chấu, mà bụng lớn dài, có sừng, có thể làm thức ăn cho rắn. Văn Tự Điển cho rằng: từ bộ trùng đều thanh tật lê. Trong kinh viết chữ tật lê có bộ thảo đây chẳng phải nghĩa của kinh.

Ủy hoàng: Ngược lại âm trên ủy vi. Cố Dã Vương cho rằng: ủy là loại cỏ cho thú vật ăn. Sách Văn Tự Điển nói rằng: ủy là cỏ khô, héo úa; chữ viết từ bộ thảo thanh ủy. Trong kinh văn viết chữ ủy này, ủy tức là bệnh tê liệt, nghĩa cũng thông dụng.

Uông luy: Ngược lại âm trên là hộ quang. Thiên Thương Hiệt giải

thích rằng: uông là ngắn, nhỏ, ốm gầy cũng gọi là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chân bị cong lại, tức là thọt chân, chữ viết từ bộ uông thanh vương.

Yêu nghiệt: Ngược lại âm trên là ư kiêu. Âm dưới là nhan liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: yêu nghiệt là quỉ quái. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tai họa. Sách Thuyết Văn cho rằng: y phục quái lạ của loài nhảm nhí thảo mộc. Loài côn trùng yêu quái, cầm thú côn trùng, cũng gọi là yêu nghiệt hoặc viết là yêu nghiệt. Chữ yêu từ bộ nữ thanh yêu. Chữ nghiệt từ bộ trùng thanh nghiệt văn thường hay dùng viết chữ nghiệt này.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 32

Kinh Dược sư Như Lai Bổn Nguyện - một quyển - không.
Kinh Dược sư Lưu Ly Công Đức - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Dược sư Thất Phật - hai quyển - Tuệ Lâm.
Kinh A-xà Thế Vương - hai quyển - Huyền Ứng.
Kinh Phổ Siêu Tam muội - ba quyển - Huyền Ứng.
Kinh Phóng Bát - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Nguyệt Đăng Tam muội - mười một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Đại tịnh pháp môn - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn - một quyển - không.
Kinh Bồ tát Tu Hạnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Sở Hy Vọng - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Tượng Dịch - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Như Lai Trang Nghiêm Cảnh Giới - hai quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Độ Nhứt Thiết Phật Trí Nghiêm - một quyển - Tuệ Lâm.
Tân dịch kinh Văn Thù Tán Phật Pháp Thân Tứ Thập Lễ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Quán Dược Vương, Dược Thượng - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh A-di-đà - một quyển - Tuệ Lâm.
Hậu xuất A-di-đà kệ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Xưng Tán Tịnh độ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bạc Pha Bồ tát - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Chư Phật Sái Tập - ba quyển - Huyền Ứng.
Kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên - hai quyển - Huyền Ứng.
(T519)Kinh Tu Lại - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Bảo Võng - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Di Lặc Thành Phật - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh quán Di Lặc Thượng Sanh - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Di Lặc Lai Thời - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Di Lặc Hạ Sanh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Chư pháp Dũng Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Tất cả Pháp Cao Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp thắng - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại Oai Đăng Quang Tiên Nhơn Vấn Nghi - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thuận Quyền Phương Tiện - hai quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Lạc Anh Lạc Trang Nghiêm - một quyển - Tuệ Lâm.
Bên phải là ba mươi bảy kinh năm mươi bảy quyển - đồng âm quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT DƯỢC SƯ NHƯ LAI BỔN NGUYỆN
(Tam Tạng Lấp Đa dịch - chỗ có chữ khó đều ở sau quyển âm dịch).

****

KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Mạn-thù-thất-lợi: Ngược lại âm trên là mạt-bàn, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang dịch là diệu kiết tường.

Thiên đản: Ngược lại âm trên thất miên. Ngược lại âm dưới là hoại phú, quyển hạ đã giải thích rồi.

Tiêu trừ: Ngược lại âm trên là tiêu. Sách Lễ Ký cho rằng: tiêu cũng giống như tán ra. Sách Sở Từ cho rằng: tiêu là nung cho chảy ra mà hàm tiêu hủy, bỏ đi. sách Thuyết Văn cho rằng: nung cho chảy chất kim loại ra. Chữ viết từ bộ kim thanh tiêu, hoặc là viết chữ tiêu này cũng đồng.

Hà uế: Ngược lại âm trên là hà da. Sách Lễ Ký cho rằng: hà là viên ngọc có tỳ vết. Quảng Nhã cho rằng: là viên ngọc bị nứt, dơ uế dính bùn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên ngọc nhỏ có màu sắc đỏ, chữ viết từ bộ ngọc thanh hà. Ngược lại âm dưới là uế. Cố Dã Vương cho rằng: uế gọi không thanh khiếT sạch sẽ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: xấu ác. Quảng Nhã cho rằng: lộn xộn, bừa bãi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tuế. Trong kinh văn viết từ bộ hòa viết thành chữ uế này cũng thông dụng.

Khuyết giới: Ngược lại âm trên là khuyển duyệt, hoặc là viết chữ khuyết này. Trước tựa kinh Mật Nghiêm đã giải thích rồi.

Xú lậu: Ngược lại âm trên là sung trữu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: xấu ác, lại cũng gọi là đông nhiều. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: chủng loại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ quỉ thanh dậu. Ngược lại âm dưới là lâu đậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lậu là quê mùa thấp kém, lại cũng gọi là xấu tệ, thô ác. Cố Dã Vương cho rằng: tạp loạn, hèn, bĩ lậu, tồi tệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ẩn che. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phủ thanh lậu.

Ngoan ngu: Ngược lại âm trên là ngũ quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngoan là ngu. Quảng Nhã cho rằng: đầu độn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh nguyên.

Luyến tích: Ngược lại âm trên là liệt truyền. Theo Thanh Loại cho rằng: luyến là bệnh. Lại nữa Cố Dã Vương cho rằng: gọi là bệnh thân thể co quắp lại. Theo Thanh Loại cho rằng: tay chơn bị bệnh. Cũng viết chữ luyến. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh luyến. Kinh văn viết chữ luyến cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là tinh tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là cái chân bị què không có đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: chân không thể đi được. Chữ viết từ bộ chỉ thanh tích. Trong kinh văn viết từ bộ túc cũng thông dụng.

Bối lũ: Ngược lại âm trên là bôi muội. Sách Thuyết Văn cho rằng: bối là xương sống, chữ viết từ bộ nhục đến bộ bắc. Ngược lại âm dưới là lực chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: lưng bị cong lại, gọi là gù lưng, thân khum xuống, cong lại. Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: lũ là trên lưng có khối u lên. Quảng Nhã cho rằng: cong lại. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: là bệnh tật. Sách Thuyết Văn cho rằng: gầy yếu. Chữ viết từ bộ thanh lũ.

Bạch lai: Ngược lại âm dưới là lai đái. Sách Văn tự Tập Lược cho rằng: lại là bệnh hủi. Sách Thuyết Văn cho rằng: là bệnh nhọt độc, bệnh truyền nhiễm. Văn Tự Điển viết từ bộ tật thanh lại.

Điên cuồng: Ngược lại âm trên là điển niên. Sách Khảo Thanh cho rằng: bệnh điên. Quảng Nhã cho rằng: cuồng loạn. Sách Thanh Loại cho rằng: bệnh phong. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh điên. Kinh văn viết chữ điên này là văn thông dụng thường hay dùng.

Hiệt huệ: Ngược lại âm trên là nhàn yết. Sách Thanh cho rằng: hiệt là lanh lợi. Sách Phương Ngôn cho rằng: cũng gọi là huệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hắc thanh kiết.

Hoàn cụ: Ngược lại âm trên là hoạt quan. Theo Tả Truyện cho

rằng: hoàn là dự bị hoàn tất. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao gồm, chữ viết từ bộ miên thanh nguyên, âm miên là âm miên.

Quyến võng: Ngược lại âm trên là quyết cổn. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy sợi dây giăng ra mà bắt lấy vật. Văn Tự Điển viết từ bộ võng thanh quyến. Kinh văn viết quyến cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là vong phảng. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: giăng lưới ra để bắt chim gọi là võng. Cố Dã Vương cho rằng: võng đó gọi chung là lưới giăng bắt. Gọi khác nữa là thời xưa Phúc Hy Thị kết dây làm lưới bắt các loài vật như là chim cá, người đi săn bắn thường dùng lưới, ngư phủ cũng dùng lưới bắt cá. Văn Tự Điển nói rằng chữ viết từ bộ quynh dưới giống như võng đang vào nhau có vân, đường nét.

Trù lâm: Ngược lại âm trên là trục lưu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trù là dày đặc, đông đúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: trù là nhiều. Chữ viết từ bộ hòa thanh chu.

Tiên thác: long miên. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiên là đánh bằng roi da. Sách Thượng Thư cho rằng: tiên là cây roi dành cho các người làm quan ngày xưa đánh, quất những người phạm tội gọi là hình phạt, cũng gọi là ở trong các quan không cung kính cũng dùng roi này để trị tội gia hình. Cố Dã Vương cho rằng: dùng cỏ kết làm dây hoặc dùng vỏ cây làm roi để đánh trị tội nhơn, chữ viết từ bộ cách thanh tiện. Ngược lại âm dưới là thản đát. Sách Khảo Thanh cho rằng: thác cũng là tiên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thác là hình phạt đánh bằng roi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh thác.

Văn manh: Ngược lại âm trên vật phân. Thống Tự cho rằng: văn là loài côn trùng biết bay hay cắn đốt người, đợi đến khi trời tối mới xuất hiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loài côn trùng biết bay hay cắn đốt người. Cũng viết chữ mân này từ bộ côn đến thanh dân. Kinh văn viết chữ văn này văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là mãnh bành. Theo Thanh Loại cho rằng: manh giống như con ruồi, ruồi nhặng mà lại lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loài côn trùng biết bay hay cắn đốt người, chữ viết từ bộ côn thanh manh, âm côn là âm côn này vậy.

Sở ngoạn: Ngược lại âm dưới là ngô quán. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quen nhờn. Sách Tập Huấn cho rằng: quen nhờn nơi công việc mà sanh ra khinh thường, gọi là ngoạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhàm chán lại trêu đùa, chữ viết từ bộ tập thanh nguyên.

Hiên dũ: Ngược lại âm trên là hiến ngôn. Sách Khảo Thanh cho

rằng: hiên là mái che ra phía trước nhà. Sách Sở Từ cho rằng: phần nhà nằm chính giữa điện làm cái mái hiên che ra, hiên giống như trên lầu cao có bản mái che ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh vu. Ngược lại âm dưới là dũ song, âm xỉ là âm dũ thúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cửa sổ trên vách tường gọi là dũ, cửa trong nhà gọi là dũ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tường thanh dũ.

Phú tế: Ngược lại âm trên là phương vụ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: phú là che đậy, bóng râm. Sách Thuyết Văn cho rằng: phú viết từ bộ á đến chữ phủc âm phú. Âm phú ngược lại âm phong thới.

Tật đố: Ngược lại âm trên là tần tất, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là đô cố, chữ đúng là viết từ bộ hộ viết thành chữ đố. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hai người hiền gọi là tật, hại đến sắc gọi là đố. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ nữ, chữ hình thanh.

Kịch khổ: Ngược lại âm trên là tư nghịch. Cố Dã Vương cho rằng: kịch là rất, quá lắm, trầm trọng ở phía trước. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bệnh nặng, lại gọi là tăng thêm rất trầm trọng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh kịch.

Vô minh xác: Ngược lại âm dưới là khống giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái vỏ ngoài bọc cái trứng. Tự Thư cho rằng: trứng đã lột vỏ ngoài. Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: da bên ngoài vỏ trứng chim. Văn Tự Điển viết từ bộ noãn thanh xác.

La-sát-sa: Ngược lại âm trên là la-hạ, tiếng Phạn, gọi là chữ ác ăn thịt người. Kinh văn viết chữ hoàn là sách viết sai vậy.

Chú trở: Ngược lại âm trên là châu phù. Văn thường hay dùng viết đúng từ bộ ngôn viết thành chữ châu. Sách Thuyết Văn cho rằng: châu cũng là trở, chữ viết từ bộ ngôn thanh châu. Ngược lại âm dưới là trở trợ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: việc lớn cần phải thề thốt với người gọi là minh, việc nhỏ thề thốt gọi là trở. Sách Thượng Thư cho rằng: trở là lời nguyền rủa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh trở. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ trở, văn thông dụng thường hay dùng, chuyên dùng lâu đời cho nên vẫn tồn tại vậy.

Cổ đạo: Âm cổ. Theo Tả Truyện cho rằng: loài côn trùng từ chỗ tối tăm sinh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong bụng nó có chất độc. Chữ viết từ bộ trùng đến bộ mãnh thanh diệc.

Huyền hiểm: Ngược lại âm trên là huyệt quyến. Ngược lại âm dưới là hy liểm. Cố Dã Vương cho rằng: hiểm là khó, la gọi là hiểm trở ngăn cách. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: nguy hiểm. Sách

Phương Ngôn cho rằng: cao xa. Quảng Nhã cho rằng: nghiêng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phủ thanh liễm. Kinh văn viết chữ hiểm này là chẳng phải.

Hùng bi: Ngược lại âm trên là hư cùng. Ngược lại âm dưới là bỉ bì. Trước kinh Mật Nghiêm, quyển hạ đã giải thích rồi.

Da diên: Ngược lại âm trên dậu châu. Ngược lại âm dưới là dần tiên. Sách Khảo Thanh cho rằng: da diên là tên của loài côn trùng. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ cửa Đông gọi là con chuồn chuồn. Cửa Tây gọi là con cuốn chiếu. Bắc yến gọi là con vật cúng tế. Văn Tự Điển nói hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh do diên.

Luy sưu: Ngược lại âm trên lụy nguy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bệnh. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: kém thiếu. Tự thư cho rằng: mõi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là gầy yếu. Chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm luy ngược lại âm lực ngọa.

Càn táo: Ngược lại âm trên là hác tảo. Sách Chu Dịch cho rằng: nước chảy làm ẩm ướt đốt lửa hơ cho khô ráo là vậy. Lại sách Thuyết Văn ghi rằng: cũng là làm cho khô. Chữ viết từ bộ hỏa thanh táo, âm táo Ngược lại là âm tảo tháo.

Trách thư: Ngược lại âm trên là trương cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là trương ra căng, mở ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kiệt thanh thạch, âm kiệt ngược lại âm càn liệt. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trách này là dùng chữ sai vậy.

Bạc thực: Ngược lại âm dưới là thằng chức. Sách Khảo Thanh cho rằng: xâm vào phạm vào mặt trăng và mặt trời gặm nhấm, ăn mòn dần dần, tổn thương. Sách Xuân Thu cho rằng: mặt trời bị che khuất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh thực âm thực là âm tự.

Y dược: Ngược lại âm trên là ư kỳ. Quảng Nhã cho rằng: y là ông thầy cúng. Lã Thị Xuân Thu cho rằng: làm thầy cúng trị bệnh cho đám đông. Sách Lễ Ký cho rằng: thầy thuốc nắm trong tay các y thuật trị bệnh, công lệnh. Lại gọi là người thầy thuốc nắm trong tay trị bệnh chữa bệnh nuôi dưỡng vạn người. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữa trị bệnh nhân, ý nói rằng người thầy thuốc chữa trị bệnh nhân phải dùng đến rượu, cho nên chữ viết từ bộ dậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: người thầy thuốc chữa bệnh. Chữ viết từ bộ dậu thanh y, âm y ngược lại âm ô kế.

Yêu nghiệt: Ngược lại âm trên là ư kiêu. Ngược lại âm dưới là nhan liệt. Trước kinh Đại Quán Đảnh quyển thứ mười hai đã giải thích

rồi.

Điền lạp: Âm trên là điền. Sách Chu Lễ giải thích rằng: điền cũng giống như lạp vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng ruộng bằng phẳng. Chữ viết từ bộ phộc thanh điền hoặc là viết chữ điền âm phộc. Ngược lại âm phổ bốc. Ngược lại âm dưới là liêm triếp. Sách Khảo Thanh cho rằng: lạp là con chó săn đuổi theo con thú. Nay gọi người thợ săn là lạp. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: túc điền là người thợ săn. Lại chú giải sách Nghi lễ rằng: trong mũi tên bắn ra gọi là xạ, từ một bên gọi là lạp. Sách Phương Ngôn cho rằng: lạp là xâm phạm, lấn hiếp, bạo ngược. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh liệp, âm liệp đồng với âm trên.

Hy hý: Ngược lại âm trên là hỷ kỳ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hỷ là cười đùa. Sách Khảo Thanh cho rằng: vui chơi, dạo cảnh nhàn nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: vui vẻ. Chữ viết từ bộ nữ thanh hỷ. Ngược lại âm dưới là hy nghị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hý là phóng dật nhàn nhã phóng túng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: làm trò hài hước, cười đùa. Sách Sử ký cho rằng: vua không có nói đùa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua, thanh hý, âm hý là âm hy, chữ chánh thể. Kinh văn viết từ chữ hư viết thành hý là văn thường hay dùng.

Sơ nhai: Ngược lại âm dưới là ngũ giai. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhai là ven đường biên giữa vách núi, bên bờ hiểm trở. Sách Thuyết Uyển cho rằng: núi cao có vách núi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ven bờ núi cao. Chữ viết từ bộ thi đến gia thanh tĩnh, âm thi ngược lại âm ngũ hạc.

****

KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG THẤT PHẬT BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Nghĩa Tịnh Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Lược-già-hà-sa: Ngược lại âm trên là cường đẳng, tiếng Phạn. Tên của con sông ở Tây Vức.

Du-thiện-na: Ngược lại âm trên là du chu, tiếng Phạn. Kinh văn viết chữ du này là sai.

Thương cổ: Ngược lại âm trên là thường dương. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đi khắp nơi gọi là thương, ngồi một chỗ gọi là

cổ. Trịnh Huyền lại chú giải sách Khảo công lý rằng: thương là người khách mua bán đổi chác các vật. Sách Khảo Thanh cho rằng: mua bán các vật gọi là thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà buôn, buôn bán hàng hóa, chữ viết từ bộ bối đến chữ thương thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là cô hộ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thông các vật gọi là thương. Ở một chỗ bán gọi là cổ. Theo Tả Truyện cho rằng: buôn bán. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nơi chợ búa. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngồi một chỗ mà buôn bán, chữ viết từ bộ bối thành á. Kinh văn viết chữ cổ này là chẳng (T520)phải vậy.

Bố chấn: Ngược lại âm dưới là chân nhẫn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấn động. Trịnh Tiển chú giải rằng: động đó là hoài thai. Sách Khảo Thanh cho rằng: mang thai trong người máy động, gọi là thai động là vừa muốn sinh sản ra vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phủ nữ mang thai trong mình máy động. Chữ viết từ bộ nữ thanh chấn, hoặc là viết chữ chấn này. Trong kinh văn viết chữ thân là văn thông dụng thường hay dùng.

Thù khích: Ngược lại âm trên là thọ chu. Theo Mao Thi Truyện ghi rằng: thù là theo sự oán ghét của ta. Cố Dã Vương cho rằng: thù oán giận không hài lòng. Lại gọi là thù cừu địch, đối địch với nhau. Sách Thượng Thư cho rằng: lúc ban đầu an ủi vỗ về ta, sau đó lại ngược đãi, bạo ngược ta thì gọi là thù. Sách Lễ Ký cho rằng: cha mẹ thù vì không thương yêu nhau, anh em vì thù không chuyển đổi đem binh giao chiến với nhau. Thù vì không đồng một quốc gia, một nước với nhau. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh thù, âm thù đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là hưởng nghịch. Cố Dã Vương cho rằng: khích là chỗ oán giận không hài lòng. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hiềm khích với nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phủ thanh khích, âm khích đồng với âm trên.

Nhiễu loạn: Ngược lại âm trên nịch điểu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nhiễu là phiền phức, phiền nhiễu, rắc rối. Một gọi là gây não loạn, làm trò đùa nghịch chữ viết từ bộ nữ thanh nhiêu hoặc là viết chữ niễu hà, âm hà, nghĩa là chọc ghẹo, đùa bỡn.

Phân phúc: Ngược lại âm trên là phẫn vân. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: phân là hương thơm ngào ngạt. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: hòa điệu theo hương thơm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh phân. Ngược lại âm dưới là bằng phúc. Theo Mao Thi Truyện ghi rằng: phúc là hương thơm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hương thanh phúc âm phúc đồng với âm trên.

Phi manh: Ngược lại âm dưới là mạc canh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: manh là cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa đến chữ ngõa đến chữ mộng thanh tĩnh.

Hộ dữ: Ngược lại âm dầu tửu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dũ là cửa sổ khoét xuyên qua vách tường, lấy gỗ làm chấn song giao nhau gọi là cửa sổ, chữ viết từ bộ tường đến bộ hộ thanh bổ.

Tân phân: Ngược lại âm trên là thất tân. Ngược lại âm dưới là phẫn văn. Quảng Nhã cho rằng: tân phân là nhiều, đầy dẫy, rối loạn. Theo Hàn Thi truyện ghi rằng: qua lại lộn xộn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: quá nhiều, tràn đầy. Sách văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ mịch, thanh tân phân.

KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG THẤT PHẬT BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC QUYỂN HẠ

Đà lô: Ngược lại âm trên là đạt hà. Trước kinh Mật Nghiêm - quyển hạ đã giải thích rồi.

Tước xỉ: Ngược lại âm trên là tương tước. Cố Dã Vương cho rằng: tước tức là nhai nghiến. Sách Tự Thư cho rằng: nhai trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhai tiêu nghiền nát trong miệng, chữ viết từ bộ khẩu thanh tước, âm tiêu ngược lại âm tiều tiếu, âm tự ngược lại âm tài chữ.

Át-nhĩ-la: Ngược lại âm trên là an át, tiếng Phạn gọi là tên của mười hai vị Dược Xoa Đại tướng.

Tài nhập: Ngược lại âm trên là tại lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: tài là tạm thời. Sách Đông Quán Hán Kỷ cho rằng: tài năng. Chữ viết từ bộ mịch thanh sàm, âm sàm ngược lại âm sĩ hàm.

****

KINH A XÀ THẾ VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.* QUYỂN THƯỢNG

A-du: Ngược lại âm dực chu.

Cưu-thấu: Ngược lại âm tô cốc đều là tên của vị Tỳ-kheo.

Yểm tháp: Ngược lại âm ô cảm, ngược lại âm tha đáp.

Tỷ đê: Ngược lại âm thất thị, tên là Tam muội. Dựa theo chữ là có khác biệt, tỷ là duy trì, giữ lại mặt xấu, kém, thấp kém.

KINH A XÀ THẾ VƯƠNG
QUYỂN HẠ

Chi đóa: Ngược lại âm đồ quả, gọi là nơi trủng thấp, đất hẹp, chỗ xa thành thị. Sách toán văn cho rằng: người nước Ngô gom góp làm mô đất gọi là đóa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: nơi gò đất cao, chữ viết từ bộ thổ, thanh đóa âm đóa ngược lại âm đinh quả.

Bổn tẩu: văn cổ viết chữ bôn, nay viết chữ bôn này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm bổ môn, gọi là chạy mau, giải thích tên gọi là bôn đó nghĩa biến mất, quá vội vàng chạy biến mất.

Kim tỷ: Lại viết bi tiền hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm phổ đế, tên của loài ngoan xoa.

****

KINH PHỔ SIÊU TAM MUỘI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Vô kỳ: Ngược lại âm ngư cân, cự ky, hai âm, tên của vị Bồ tát. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ kỳ, ngược lại âm ngư y.

Hâm mộ: Ngược lại âm hứa kim. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: không nên ham thích mến chuộng, yêu chuộng, tham đắm vào. Sách Quốc ngữ cho rằng: người dân ham thích làm nghề buôn bán được nhiều lợi lạc, Giã Quỳ cho rằng: hâm là ham thích tức là tham.

Chí nhi: lại viết chữ chí này cũng đồng ngược lại âm khẩu quái khẩu quý hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chí là tiếng thở dài tiếng than thở.

Khanh nhiên: Lại viết khanh khanh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm khẩu canh. Quảng Nhã cho rằng: tiếng kim loại leng keng, cong cong nghe chát chúa.

Đại bạt: Ngược lại âm bổ mạt.

Tu hốt: Lại viết tu thốt, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm thư dục, gọi là thời gian quá gấp, dáng điệu vội vàng hấp tấp.

KINH PHỔ SIÊU TAM MUỘI
QUYỂN TRUNG

Thuật thích: Ngược lại âm lặc luật. Âm dưới lại viết địch cũng đồng. Ngược lại âm tha địch. Thuật thích là sợ hãi, hoảng sợ, lo sợ không yên.

Bất hâm: Ngược lại âm dưới là hứa kim. Tự Lâm cho rằng: ham thích ăn uống, cúng tế quỉ thần.

Giai hưởng: Ngược lại âm hư chưởng, hưởng là thọ nhận, cũng là lúc đương thời.

Chấn nhiếp: Theo Thanh loại viết chữ nhiếp này cũng đồng. Ngược lại âm chỉ diệp, Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là sợ sệt.

Hoang diệt: Ngược lại âm mạc hoang, hoang là xa xôi diệu vợi, xa tít. Trong kinh văn cũng có viết hoang, ngược lại âm hồ loảng.

Tinh hạch: Lại viết chữ hạch này. Nay lại viết chữ hạch cũng đồng, ngược lại âm hồ cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tra xét xem sự thật, cũng gọi là kiểm tra, thẩm xét tường tận sự việc.

Tam khiếp: Ngược lại âm khổ hiếp, gọi là ba bậc: Thanh văn, Duyên giác, và Bồ tát.

Vị phu: Ngược lại âm phửu vu. Sách Tự Lâm cho rằng: phu là niềm tin, tin tưởng, sanh ra ý tin tưởng nơi mọi người.

Đường đường: Sách Hán Thư cho rằng: trên đảnh núi cao gọi là đường, đường đường là cao mà to lớn.

Vô phân: Ngược lại âm phò vân, tên của Long vương. Dựa theo chữ phân nghĩa là rui nhà.

KINH PHỔ SIÊU TAM MUỘI
QUYỂN HẠ

Tứ thực: Ngược lại âm trực sử, gọi là cây cột. Tam Thương cho rằng: cây cột bên cửa nhà gọi là thực. Thực cũng gọi là cây trụ cột mỏng treo trên xà nhà.

****

KINH PHÓNG BÁT - *Huyền Ứng soạn*.

Nhược đầu: Ngược lại âm trên là nhi giả nhưng dưới hai âm, tiếng Phạn, tên của cõi Phật hoặc là viết chữ nhược. Kinh văn viết nặc văn thông dụng thường hay dùng.

****

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Vo sảng: Ngược lại âm sở lưởng. Sách Vệ Nhã cho rằng: sảng là sai, cũng gọi là không đồng, không bằng nhau.

Nhu dĩ: Văn cổ viết thô nữu, hai thể hình cũng đồng. Ngược lại âm nữ cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơm trộn lẫn lộn, gọi là nhu, nhu là lộn xộn, lung tung.

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI
QUYỂN 2

Như bàng: Ngược lại âm bắc mang. Tấm biển treo để yết thị. Cũng gọi tấm bảng, biển yết thị, viết lên bảng những điều tốt xấu của người. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ bảng. Ngược lại âm bổ manh nghĩa cung nỏ lắp vào thêm vào, gọi là bảng, chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm bài ngược lại âm bổ giai.

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI
QUYỂN 3

Uyển thân: Ngược lại âm ô đát. Bì thương cho rằng: dùng dao khoét thịt lột da, gọi là nắm lấy thịt cắt xẻo ra.

Cữu cổ: Ngược lại âm công lao. Cữu là cái trống lớn. Sách Khảo Công ký ghi rằng: cữu là cáit rống sáu thước bốn tấc. Lại chú giải rằng: lấy cái trống lớn làm hiệu lịnh sai khiến công việc, âm dưới lại viết dục,

cũng đồng ngược lại âm phò vân. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái trống lớn gọi là chỉ. Quách Phác cho rằng: dài tám thước.

Lôi đình: Âm định đình đình ba âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhanh như sấm chớp gọi là đình nghê. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng nổ lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng sấm chớp, chỗ gọi là vạn vật đều dựng đứng lên. Đình cũng là dòng điện âm dương chạm nhau thành có tiếng nổ sấm sét. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng khua của loại chuông nhỏ, giống như cái linh mà không có lưỡi, có cán cầm, trên dưới chập vào nhau phát ra tiếng, đây cũng là thông dụng. Các nơi có lễ nhạc thường hay dùng.

Chư bể: Ngược lại âm bổ kê, cái trông nhỏ, cũng gọi là trống kỳ.

Túc trúc: Ngược lại âm tri lục, hình như có khắc trên đầu cây trúc mà người ta cầm nắm trên đầu cho người ta gọi là một loại đan bằng tre thời xưa.

Nhu đức: Ngược lại âm nhi câu sách Thuyết Văn cho rằng: nhu là mềm mại, là danh xưng của các Thuật sĩ.

- QUYỂN 4, 5, 6. Ba quyển trên đều không có âm giải thích.

KINH NGUYỆT ĐẶNG TAM MUỘI
QUYỂN 7

Nhập hạp: Nay viết chữ giáp này cũng đồng. Ngược lại âm hồ giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạp là cái rương, cái hòm, chứa đựng rất nhiều đao kiếm.

Lâu bạc: Ngược lại âm bổ các bạc là dừng, đậu lại. Nay gọi là dừng thuyền, đậu thuyền lại gọi là lâu bạc.

Kích thiết: Ngược lại âm công đích kích là phát ra, phát động ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy xiết mau gọi là kích.

Giảo hoạt: Ngược lại âm cổ noãn, ngược lại âm dưới là hồ quát. Sách Phương Ngôn cho rằng: đứa trẻ có nhiều dối trá gọi là giảo hoạt.

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI
QUYỂN 8

Đài tạ: Ngược lại âm từ dạ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhà có gác gỗ trên gọi là tạ. Quách Phác cho rằng: trong nhà có tầng cao, đài cao.

Lang vũ: Sách Trụ Văn viết chữ vũ này cũng đồng nghĩa âm vũ, gọi là nhà trọ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vũ là nhà nhỏ hơn bao quanh nhà lớn. Giải thích tên gọi lànhà lớn gọi là vũ, dành cho khách tới nghỉ nhờ, ở trọ qua đêm, cũng gọi là nha, ngược lại âm ngũ hạ.

Chiêm-ba: Ngược lại âm chi quán, hoặc là viết chiêm ba, hoặc là viết chiêm bà. Tức là chiêm bặc hoa, hoa chiêm bặc. Dịch là hoa (T521) kim sắc, hoa có màu sắc vàng. Đại luận gọi là hoa thọ hoàng.

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI
QUYỂN 9

Sưu dũ: Ngược lại âm lặc lưu. Sưu là kém. Sách Thượng Thư cho rằng: ngày mai là kém dần, nghĩa là bệnh dần dần lành bệnh vậy.

Trữ lập: hoặc là viết chữ trữ này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm trừ lữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trữ là lâu, gọi là đứng lâu.

Động kiểm: Ngược lại âm cư nghiễm. Sách Văn tự Tập Lược cho rằng: da mí mắt ngoài.

Trân tụy: Ngược lại âm tần túy. Sách Phương Ngôn cho rằng: biển Đông Tề có núi cao gọi là tụy, là nơi tụ tập đám đông.

Đam trước: văn cổ viết chữ đam này cũng đồng. Ngược lại là âm đô hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: đam là ham vui, mê đắm. Nay đều viết chữ đam này.

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM MUỘI
QUYỂN 10

Sĩ dụng: Văn cổ viết ba chữ sĩ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm ssự kỷ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sĩ là chờ đợi.

Long não: Theo sách Tây Vực ghi rằng: cây yết bố la hương, thân

cây khác, lá hoa, quả cũng khác. Ban đầu mới hái xuống còn ướt chưa có mùi thơm. Sau khi cây khô rồi đục đẻo, chặt chẻ ra, ma trong thân cây mới có mùi thơm, hình trạng giống như mây ngũ sắc cũng giống như băng tuyết. Đây gọi là mùi thơm của long não.

Như lệ: Ngược lại âm lực chế, gọi là đá mài dao, mài cho nhỏ lại gọi là lệ.

- QUYỂN 11: Huyền Ứng trước không có âm soạn.

****

PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI TỊNH PHÁP MÔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Phổ đầu: Âm trên là phổ, tiếng Phạn. Trong kinh lấy âm của nước Tấn phiên dịch là Văn Thù Sư Lợi là Phổ Đầu Đồng Chơn, nay Đường Huyền Trang dịch là diệu kiết tường.

Cơ sắc: Ngược lại âm trên kỷ ni. Sách Khảo Thanh cho rằng: cơ đó là bắp thịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là bắp thịt, chữ viết từ bộ nhục, thanh cơ.

Đạm pha: Ngược lại âm trên là đạm lam. Cố Dã Vương cho rằng: đạm gọi là điềm tĩnh. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: an ổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là an tịnh, chữ viết từ bộ tâm thanh đảm. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ đạm này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là phổ bá. Quảng Nhã cho rằng: phạ là an tĩnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tâm an tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: vô vi. Chữ viết từ bộ tâm thanh bạch. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ bạc là chẳng phải vậy.

Cân mạch: Ngược lại âm trên là cẩn hân. Sách Lễ Ký cho rằng: người già không lấy sức mạnh cơ bắp làm lễ vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là sức mạnh của cơ bắp. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ trúc, trúc là vật có nhiều gân (rễ) đến bộ lực, bộ lực là tượng trưng cho gân tức là có nhiều sức mạnh vậy. Ngược lại âm dưới là manh nghiệt, chữ viết đúng là mạch, lại cũng viết chữ mạch này. Sách Thuyết Văn cho rằng: phần máu huyết lưu thông trong cơ thể đi xuyên qua các mạch. Chữ viết từ bộ phái thanh huyết, âm phái ngược lại là âm phách mại. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ mạch, văn thường hay dùng, chuyên dùng lâu rồi cho nên vẫn còn tồn tại vậy.

Trần y: Ngược lại âm dưới là ý nghi. Sách Khảo Thanh cho rằng:

y là gợn sóng lăn tăng trên mặt nước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: từng lớp sóng nối tiếp nhau, từng đợt sóng chồng lên nhau. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh y. Kinh văn viết chữ ý này, nghĩa là con chó làm hại, chẳng phải nghĩa của kinh âm hại ngược lại âm giới tự.

Minh triết: Ngược lại âm dưới là triển liệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: triết là hiểu rõ thông suốt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trí tuệ văn thông dụng viết chữ triết này, lại cũng viết chữ triết. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lập đến kiết.

Chi khải: Ngược lại âm dưới là khổ cải. Văn Tự Tập Lược cho rằng: lấy kim loại làm da kết lại để che thân gọi là khải. Quảng Nhã cho rằng: ngày xưa săn bắt thú lột da làm áo giáp gọi là giáp. Ngày nay dùng kim loại làm áo giáp gọi là khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo giáp. Chữ viết từ bộ kim thanh khải.

Si tỳ: Ngược lại âm dưới là tự di. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là bệnh tật nhỏ. Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: là viên ngọc có tỳ vết nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh thử.

Xà hủy: Ngược lại âm dưới là huy vĩ. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: hủy là loài rắn độc, có màu sắc như sợi dây thao có chẳng vân vân, trên mũi có cây kim nhọn, lớn hơn trăm cân gọi là phản tỵ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên gọi là rắn hổ, lớn khoảng ba tấc, đầu nó lớn như ngón tay. Loại động vật bò sát nhỏ, hoặc là bò đi, hoặc nằm giống như chết. Hoặc cong lại như sợi lông, hoặc giống co lại giống như con tò vò, hoặc giống như con sâu, hoặc vảy ăn các loại côn trùng. Xưa viết từ bộ trùng âm loa ngược lại âm lực quả.

Trước giới: Ngược lại âm đát lặc. Sách Khảo Thanh cho rằng: giới là vạt áo trước. Lại cũng biết cạnh, âm cạnh ức. Sách Tự Thư hoặc gọi là tay áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ áo là chẳng phải, chữ viết từ bộ y thanh giới.

Sấn khứ: Ngược lại âm sĩ sung. Sách Khảo Thanh cho rằng: sấn là bệnh sốt nóng, bệnh có căn nguyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong lòng có ưu phiền, buồn lo nên sanh ra bệnh nóng sốt, như là bệnh đau đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: sấn là bệnh sốt nóng nhiệt, chữ viết từ bộ hỏa. Trong kinh văn viết chữ sấn này cũng thông dụng.

Bột bột: Ngược lại âm bồn một. Quảng Nhã cho rằng: bột bột là dạt dào, tràn trề. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bột là bắn ra, phát ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: xô ra, bài trừ, bỏ đi. Chữ viết từ bộ lực thanh bột. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ bột là địa danh cùng với

nghĩa không có đồng.

Huyễn thọ: Ngược lại âm trên là huyền quyến. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: huyễn hoặc. Cố Dã Vương cho rằng: huyễn cũng giống như là huyễn ảo, huyễn hoặc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyền.

Tham tiện: Ngược lại âm dước là tường tiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiện là yêu thích, ham chuộng. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: tiện cũng giống như là đầy đủ dư thừa, phì nhiêu. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: mong muốn, mong ước. Sách Thuyết Văn cho rằng: ham thích mong muốn yêu chuộng. Chữ viết từ bộ dương đến chữ hâm chữ từ bộ dương khảm. Âm hâm ngược lạiâm tiên diên, âm tiện là âm dụ. Trong kinh văn viết chữ thứ viết thành chữ tiện là chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM PHÁP MÔN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Bộ sa: Ngược lại âm bố hồ. Trong kinh hoặc là viết bổ sa. Lại viết bổ sa, cũng viết phú lâu sa, đều sai. Nói cho đúng là phú lô sa. Đây dịch là sĩ phu hoặc nói là trượng phu.

Cương quyết: Ngược lại âm cự nguyệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: quyết cũng gọi là dực, là cây cột, cây trụ để buộc trâu, cũng gọi là bóng cây che mát, âm việt ngược lại âm đồ đắc.

Thương hộc: Lại viết chữ thương này cũng đồng. Ngược lại âm thô đường. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là loài chim giống như con nhạn mà màu đen. Quách Phác cho rằng: tức là chim nhạn, ngỗng trời toàn thân màu trắng, cổ dài, mỏ vàng bay cao, tiếng kêu rất dài, cũng gọi là thiên nga.

Duy tiệp: lại viết sáp cũng đồng. Ngược lại âm sở giáp. Bì Thương và Thanh loại đều cho rằng: viết chữ sáp nghĩa là con vịt đớp mồi.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM PHÁP MÔN
QUYỂN HẠ

Thư trùng: Ngược lại âm tự lâm thiên dư. Văn thông dụng cho rằng: loài côn trùng ở trong thịt, tức gọi là con giòi. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ thư, ngược lại âm tử dư. Gọi là con bọ hung, con rít, con giòi. Lại cũng viết chữ thu ung. Âm dưới nay hoặc viết là trùng cũng đồng. Ngược lại âm trừ trung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài côn trùng có chơn gọi là trùng.

Bất giám: sách Tự Thư lại viết chữ giám này cũng đồng. Ngược lại âm cổ sàm. Quảng Nhã cho rằng: giám là cái gương soi, cũng gọi là quán sát, xem xét hình tướng.

****

KINH BỒ TÁT TU HẠNH - *Tuệ Lâm soạn*

Tuệ đạt: Ngược lại âm trên là duyệt tuế. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: duệ là thông suốt các nghệ thuật. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: duệ là sáng suốt. Quảng Nhã cho rằng: trí tuệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: duệ là sâu xa sáng suốt thấu triệt mọi lý lẽ. Chữ viết từ bộ tản đến bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh, âm tản là âm tàn.

Nguy thúy: Ngược lại âm dưới là thất nhuệ. Quảng Nhã cho rằng: mềm yếu dễ vỡ gảy gọi là thúy. Cố Dã Vương cho rằng: thúy cũng giống như là nhuyễn mịn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là khinh bạc kém cõi, gọi khác là đoạn lìa, gảy vỡ. Chữ viết từ bộ nhục đến chữ tuyệt thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ nguy viết thành chữ thúy là văn thông dụng thường hay dùng.

Hàm táo: Ngược lại âm dưới là tao tảo. Sách Chu Dịch cho rằng: lửa chính là làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: táo là làm cho khô chữ viết từ bộ hỏa thanh táo âm táo, ngược lại âm tiên đáo.

Sức ngụy: Ngược lại âm trên là thăng chức. Sách Khảo Thanh cho rằng: sức là trang điểm. Văn Tự Điển nói rằng: sửa chữa lại cho đẹp. Chữ viết từ bộ cân thanh thực, âm thực là âm tự. Ngược lại âm dưới là nguy vị. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: nguy là giả. Quảng Nhã cho rằng: ngụy là khó khăn, than thở. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngụy là dối trá. Chữ viết từ bộ nhơn thanh vi.

Sào quật: Ngược lại âm trên là sĩ giao. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: con chim khách làm tổ trên cây từ mùa đông đến mùa xuân mới xong cái tổ. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: tổ chim ở trên cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim ở trên cây gọi là tổ, ở trong hang gọi là hình. Ngược lại âm dưới là khổn cốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quật là nhà bằng đất thời xưa. Sách Lễ Ký cho rằng: mùa đông thì ở trong cung tức nhà đắp bằng đất. Theo Thanh Loại cho rằng: chỗ ẩn náu của con thỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

Hàu thiện: Ngược lại âm trên là hiệu giao. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hàu là loại thịt nấu đậu để trên mâm cúng tế. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hàu là thịt nấu đậu thật. Trịnh Tiển cho rằng: đậu thịt ướp phơi khô. Cũng gọi là thịt băm làm tương. Phàm chẳng phải ngũ cốc mà ăn được đó gọi là hàu. Ngược lại âm dưới là thiền chiến. Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ ràng: thiện đó là nói hay, khéo nói. nay từ bộ nhục đến bộ giao thanh thiện. Thời nay vật gì đẹp gọi là trân thiện. Lại chú giải sách Nghi Lễ rằng: thiện cũng giống như tiến vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn đầy đủ. Chữ viết đều từ bộ nhục, đều là thanh hàu thiện. Kinh văn viết từ bộ hào viết thành chữ hàu. Cũng viết từ bộ thực viết thành chữ hàu, hoặc viết từ bộ thực viết thành chữ thiện đều chẳng phải vậy.

Thô quảng: Ngược lại âm trên là thố tô. Quyển trước kinh chư pháp vô hạnh, quyển hạ đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là quấc mãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: quảng là con chó hung tợn, dữ dằn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó hung hãn là con chó không thể đến gần được. Chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Ý chỉnh: Ngược lại âm chưng lĩnh. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: chỉnh là chánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉnh tề ngay ngắn. Chữ viết từ bộ lặc đến bộ chánh, âm lặc là âm lặc. Trong kinh văn viết từ bộ lai đến bộ lực viết thành chữ chỉnh, văn thường hay dùng là chẳng phải vậy.

Tỏa giới: Ngược lại âm trên là tô quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là sao chép. Văn Tự Tập Lược cho rằng: liên kết thành móc xích với nhau dùng để câu thúc trói buộc thân lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh tỏa, hoặc từ bộ ngọc viết thành chữ tỏa. Kinh văn viết từ bộ tỏa viết thành chữ tỏa này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là hài giới. Theo văn Tự Tập lược cho rằng: giới là gông cùm, miếng gỗ đục xuyên qua cộng thêm cái chân, để buộc vào. Sách văn Tự Điển nói rằng: giới

là gông cùm xiềng xích. Chữ viết từ bộ mộc thanh giới.

Ngai si: Ngược lại âm trên là nhai hải. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngai là không biết gì hết. Cố Dã Vương cho rằng: si cũng gọi là ngai sách Hán Thư cho rằng: ngai là bên trong không hiểu chính xác. Chữ viết từ bộ mã thanh ngai. Ngược lại âm dưới là sĩ trì. Bì Thương cho rằng: si cũng gọi ngu ngốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: si là không có trí tuệ. Chữ viết từ bộ tật thanh nghi. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc là viết từ bộ tâm viết thành chữ si này.

Vĩ nghiệp: Ngược lại âm trên là vi quỉ. Sách Khảo Thanh cho rằng: vĩ là sáng ánh sáng tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: vĩ là màu sắc đỏ rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ. Ngược lại âm dưới là diêm triếp. Văn Tự Tập Lược cho rằng: nghiệp là ánh sáng rực rỡ tràn ngập. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiệp cũng là ánh sáng của mặt trời mọc. Chữ viết từ bộ nhựt thanh nghiệp. Kinh văn viết từ bộ hoa viết thành chữ nghiệp là chẳng phải vậy.

Huyên phi: Ngược lại âm trên là huyết duyên. Sách Vận Anh cho rằng: loài côn trùng nhỏ bay là là. Sách Chu Thư cho rằng: loài côn trùng nhỏ nhít bay là là dưới đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiểu phi, chữ viết từ bộ vũ, thanh hoàn.

Nhuyễn động: Ngược lại âm trên là nhuận doãn. Trước kinh Mật Nghiêm, quyển trung đã giải thích xong rồi.

****

KINH VÔ SỞ HY VỌNG - *Tuệ Lâm soạn*

Ngu tráng: Ngược lại âm dưới là trác hạng. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong lòng ưu phiền buồn bực không sảng khoái thoái mái, tinh thần. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là ngu, chữ viết từ bộ tâm âm cống thanh cống. Kinh văn viết chữ tráng này là sai sách viết sai âm vưu, ngược lại âm vưu hạng.

Ương hấn: Ngược lại âm dưới là hân cẩn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hấn là tội lỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hấn tĩnh lược bớt, bộ dậu, thanh phân. Kinh văn viết chữ hấn này là sai vậy.

****

KINH VÔ SỞ HY VỌNG

Hoang như huyễn: Ngược lại âm trên là hoang hoảng. Chữ viết đúng là hoang này, tiếng Phạn.

Kỳ phong: Ngược lại âm trên là kỳ. Sách Thuyết Văn cho rằng: côn trùng bò trên đất. Sách Văn Tự Điển nói rằng: loài côn trùng bò trên đất. Chữ viết từ bộ trùng thanh chi. Ngược lại âm dưới bổng phong. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng hay cắn, chích, đốt người, hay đi gieo độc hại. Chữ viết từ bộ côn đến chữ phong, thanh tĩnh, chữ viết (T522)đúng. Kinh văn viết chữ phong văn thông dụng thường hay dùng.

****

KINH TƯỢNG DỊCH - *Tuệ Lâm soạn*

Đắc toàn: Ngược lại âm tùy duyên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tướng truy đuổi chạy vòng quanh. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: xoay chuyển vòng quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ư thanh thất, âm ư ngược lại âm khổ yển. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ toàn này là sai vậy.

Bại hựu: Ngược lại âm trên bài mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại là loại lúa ma có hạt nhỏ giống như ngũ cốc. Như Thuần chú giải sách Thất Lược rằng: hạt gạo nhỏ gọi là bạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: khác với cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh bì. Ngược lại âm dưới là do tửu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của loại cỏ giống như lúa vậy. Theo Mao Thi truyện cho rằng: hựu là giống như mạ non. Cố Dã Vương cho rằng: giống như cỏ mạ. Sách Thượng Thư cho rằng: giống như trong đám mạ non mà có cỏ lộn xen vào, giống như hạt lúa mà có xen lộn lúa lép vào vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạt lúc, hạt thóc mà dưới đưa lên là cỏ rơm. Chữ viết từ bộ thảo thanh tú.

Mộng già: Ngược lại âm trên là mặt băng, tiếng Phạn. Trong kinh viết mộng này là sai vậy.

Ma cừu: Ngược lại âm cự vưu, tiếng Phạn. Kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ cừu này là sai vậy, chẳng phải nghĩa của kinh.

****

NHƯ LAI TRANG NGHIÊM TRÍ HUỆ PHẬT CẢNH GIỚI

Tuệ Lâm soạn

QUYỂN THƯỢNG

Dũng xuất: Ngược lại âm trên là dung tủng. Lưu Triệu chú giải Công Dương truyện rằng: dũng là vượt lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh dũng, âm dũng đồng với âm trên.

Khả khứu: Ngược lại âm dưới hũ hựu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cầm thú chạy ngữu mà biết đường dấu tích để trở về nhà đó là con chó. Sách Luận Ngự nói rằng: Ngài Tử Lộ chấp tay ngữa ba lần rồi mới đặt bút viết vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cái mũi chính là để ngữi, chữ viết từ bộ ty thanh khứu.

Tư mậu: Ngược lại âm trên là tử từ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tư là thấm ướt, mọc phát sinh thêm nhiều. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tư là sinh trưởng thêm lợi ích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: có nhiều chất ướt, chất lỏng. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh tư.

Đồi phủ: Ngược lại âm trên là đối lôi. Sách Khảo Thanh cho rằng: vùng đất cao lại cũng gọi là nơi tụ tập đông nhiều. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: chất cao như núi. Quách Phác chú giải sách Thượng Lâm Phú rằng: đồi cát đồi đất cao, hoặc là viết chữ đồi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh chuy. Ngược lại âm dưới là phù hữu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đất cao mà bằng phẳng gọi là phủ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chỗ trủng thấp trên núi mà rộng lớn. Quảng Nhã cho rằng: vùng đất cao mà không có đá gọi là phủ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cũng gọi lâu dài, dài xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ đất bằng phẳng rộng lớn trên núi mà không có đá, chữ tượng hình. Văn thông dụng viết chữ phủ này.

Quả lõa: Âm trên là quả chữ chánh thể từ bộ thảo, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là lõa quả. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: quả thuộc trái của cây đào, cây lý. Lõa: thuộc trái của dây, như là dưa, bầu. Trương Yến chú giải sách Hán Thư rằng: có hạt gọi là quả, không có hạt gọi là lõa. Ứng Hậu chú giải sách Hán Thư rằng: cây thật gọi là quả, cỏ thật gọi là lõa. Sách Chu Dịch nói rằng: quả và lõa là thuộc trái của cây và cỏ dây leo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh oa, âm điệt. Ngược lại âm đồ kiết, âm oa là âm du.

NHƯ LAI TRANG NGHIÊM TRÍ HUỆ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỂN HẠ

Phiêu lưu: Ngược lại âm trên là thất tiêu. Cố Dã Vương giải thích rằng: phiêu lưu, trôi nổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu. Kinh văn viết chữ phiêu nhiều ấy là sai vậy.

Thổ khối: Ngược lại âm tr6en là khổ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đống đất ngăn trở. Chữ viết từ bộ thổ thanh quỉ âm cách. Ngược lại âm phi bức hoặc là viết chữ khối này cũng đồng.

Mại thuyết: Ngược lại âm trên là khổ mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: mại là đến vừa đúng lúc, hợp ý vừa lòng. Quảng Nhã cho rằng: mại là có thể hợp ý vui vẻ. Chữ viết bộ tâm thanh mại âm mại, ngược lại âm quát mại.

Triền triền: Ngược lại âm trên là vi liên. Sách Khảo Thanh cho rằng: triền là quấn bó quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: ràng buộc, chữ viết từ bộ mịch thanh triền. Ngược lại âm dưới là qua hỏa. Cố Dã Vương cho rằng: cũng giống như là gói lại, bao lại. Lại gọi là cuộn lại gói kín lại. Cũng gọi là cái lót bên trong. Sách Thuyết Văn cho rằng: khỏa cũng là triền, bao quanh, quấn bó lại. Chữ viết từ bộ y thanh quả, âm triền cũng đồng với âm trên.

****

KINH ĐỘ NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ NGHIÊM - *Tuệ Lâm soạn*

Diêm-phù-đề: Ngược lại âm trên là diễm chiêm, tiếng Phạn. Kinh văn viết chữ diêm này là văn thường hay dùng.

Kiết già: Ngược lại âm dưới là da.

A-miễn: Ngược lại âm mỗi đầu, tiếng Phạn, hoặc là viết miễn, cũng viết chữ miễn này.

Đại thánh Văn Thù tánh Phật pháp thân tứ thập lễ, xuất phát từ bổn tiếng Phạn, kinh Nhập Phật Cảnh Giới. Tân dịch chữ trong bài tựa.

Tuệ Lâm thao dục: Ngược lại âm trên là thảo đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: thao là nói quá nhiều, tràn ngập. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thao là tham nhiều. Xưa nay Chánh Tự viết

từ bộ khẩu thanh đao.

Khẩn thành: Ngược lại âm trên là khẳng ngận. Quảng Nhã cho rằng: khẩn cũng là thành, nghĩa là niềm tin chân thật. Sách Lễ Ký cho rằng: cúi đầu trán sát đất, sau đó lễ lạy thành khẩn gọi là đến với lòng tin thành thật vậy. Sách Văn Tự Điển nói rằng: tha thiết, chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn âm khẩn ngược lại âm khôn bổn, từ bộ thỉ đến bộ cấn. Kinh văn viết từ bộ trĩ viết thành chữ khẩn là chẳng phải vậy.

Thứ tỳ: Ngược lại âm dưới là tí di. Sách Khảo Thanh cho rằng: tạo nhiều lợi ích, bổ ích. Trịnh Tiển chú giải sách Nghi lễ rằng: tỳ là lời nói tăng thêm lợi ích. Sách Thuyết Văn cho rằng: có lợi ích cho nhiều người, chữ viết từ bộ y thanh tỳ.

****

KINH VĂN TRUNG HỮU TỬ THẬP LỄ

- Đều không có chữ khó có thể giải thích.

****

KINH QUÁN DƯỢC VƯƠNG DƯỢC THƯỢNG BỒ TÁT

Tuệ Lâm soạn

Định sí: Tiếng Phạn. Câu chơn ngôn. Ngược lại âm trên là trào cách. Dưới là chữ sí. Nếu dựa theo bổn âm tức là cùng với văn cú khác lạ. Sách viết đúng chỉ chữ, ngược lại âm kê dĩ.

A-thâu: chữ này chuẩn, ngược lại âm tha hậu. Tức là cùng với văn cú cũng rất quái lạ. Chữ viết đúng nghi là chữ du ngược lại âm dương chu tức là cùng với văn cú tương đối thuận.

Ma đặng kỳ: kinh viết chữ trừng là chẳng phải. Theo văn cú rất quái lạ. Nay dựa theo văn phạm có thể âm là đăng hằng. Từ bộ túc viết thành chữ đặng. Câu dưới chữ đăng cũng chuẩn, đây là âm trong kinh.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ - *Tuệ Lâm soạn.*

Ưng tuẫn: Ngược lại âm dưới là tuẫn duẫn: sách Nhĩ Nhã cho rằng: loại mãnh cầm giống như chim ưng nhưng nhỏ hơn, nó bay rất cao,

xa. Lưng màu xanh đen, lông màu tro, chân vuốt rất mạnh để săn mồi. Quách Phác chú giải rằng: gọi là cánh của nó lớn bằng như mặt trống, bay cao vút rất mau. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tuẫn là loại chim bay rất mau, viết đúng là chữ tuẫn hoặc là viết chữ tuẫn này cũng đồng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chuy thanh thập.

Luy liệt: Ngược lại âm trên là lụy truy. Trước, kinh Dược sư đã giải thích rồi.

Thô kiến: Ngược lại âm trên là tồ lộ. Sách Sử ký ghi rằng: thô là kế hoạch sắp bày sơ lược. Cố Dã Vương cho rằng: thô cũng giống như là tóm lược. Sách Thuyết Văn viết bộ mễ thanh thư.

Dũng sanh: Ngược lại âm dung chủng. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: dũng là hoa cỏ chưa có phát ra, tức là nụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoa của loài thảo mộc chùm chùm sum xuê. Chữ viết từ bộ khư thanh dụng, âm khư ngược lại âm hàm cảm. Giống như hoa của cây cỏ mà chưa nở ra còn hàm tiếu. Chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ dũng. Chữ dũng này nghĩa là nhảy lên chẳng phải nghĩa của kinh.

Thọ hành: Ngược lại âm hạnh canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thân cây cỏ gọi là hành. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh khinh, âm khinh ngược lại âm công lịnh.

Nhu nhuyễn: Ngược lại âm nghệ khuyến. Cố Dã Vương cho rằng: nhuyễn là mềm mại, yếu đuối. Sách Bát Nhã cho rằng: nhuyễn là yếu mềm. Sách Khảo Thanh cho rằng: xưa viết đúng là chữ nhuyễn này. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đại thanh nhi. Kinh văn viết chữ nhuyễn này là sai vậy.

Lưu chú: Ngược lại âm dưới chi thủ. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: mưa đúng thời tiết là giống như tưới nước cho vạn vật không nơi nào mà không sanh trưởng tươi tốt. Sách Thuyết Văn nói rằng: mưa đúng mùa. Chỗ gọi là tưới nước cho vạn vật xanh tốt. Chữ viết từ bộ thủy thanh chú, âm chú là âm thủ.

Chân thúc: Ngược lại âm kiết diên, tiếng Phạn tên của loại báu vật.

Bảo mạn: Ngược lại âm mãn bán. Gọi là lấy bảy báu trang sức dùng tràng hoa mạn đội trên đầu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: tấm vải lụa không có hoa văn, chữ viết từ bộ mịch thanh mạn, âm mạn là âm vạn.

Giảo sức: Ngược lại âm trên là giao hiệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: giảo là giũa màu đen màu vàng pha trộn lại dệt làm tơ lụa. Sách

Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh giao. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Quyển trước trong kinh Bồ tát tu hạnh đã giải thích rồi.

Nhục kế: Ngược lại âm dưới là kê nghệ. Trịnh Tiển chú giải sách Nghi lễ rằng: kế là kết búi tóc trên đầu. Sách Hán Thư cho rằng: búi tóc trên đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tiêu thanh kiết, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tàm quý: Ngược lại âm tạp cam. Sách Thượng Thư cho rằng: chỉ có người có đức tánh tốt mới biết xấu hổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tàm cũng là quí tức xấu hổ, hổ thẹn. Chữ viết từ bộ tâm thanh trảm. Kinh văn viết chữ tàm này là sai vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ - *Tuệ Lâm soạn.*

Lan thuẫn: Ngược lại âm trên lại đan, viết đúng là chữ lan này. Quảng Nhã cho rằng: lan là nhà lao. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lan là che lấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: lan đó là nhàn nhã. Chữ viết từ bộ môn thanh lan. Ngược lại âm dưới chấn nhuận. Trước kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển thượng đã giải thích rồi.

Y giới: Ngược lại âm chính là dưới là hằng ức, hoặc là viết chữ cước. Trước kinh Đại Tịnh Pháp Môn phẩm đã giải thích rồi.

A bể: Ngược lại âm dưới là tỳ-di, tiếng Phạn.

Diêm-kiên: Ngược lại âm trên là diệp tiệm, tiếng Phạn. Trong kinh Phật Hiệu viết chữ diêm cũng thông dụng.

****

HẬU XUẤT A DI ĐÀ KỆ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hấp tập: Ngược lại âm hâm ấp. Hà yến chú giải sách Luận ngữ rằng: hấp là giống như gom ty lại quá nhiều. Lại cũng viết là xí nghĩa là lửa cháy dữ dội. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp là khởi lên nhóm hợp lại, chữ viết từ bộ vũ thanh hợp.

Cách kiên: Ngược lại âm trên công ác. Bì Thương cho rằng: khuỷu tay phía sau gọi là cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới nách, chữ viết từ bộ nhủc thanh các.

Hiệu tội: Ngược lại âm dưới hồi ngoại. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: hội hợp. Lại chú giải sách Lễ Ký rằng: hội là tất cả đoàn thể. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hội là tương đương đối với nhau đồng đều. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim đến chữ tăng thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ tắng là chẳng phải. Quảng Nhã cho rằng: tắng là ghét chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

****

KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ CÔNG ĐỨC - *Tuệ Lâm soạn*

A-nĩ luật đà: tiếng Phạn nói là A-na luật, hoặc gọi là A-thố lâu đà. Đường Huyền Trang nói rằng: vô diệt. Lại cũng gọi là như ý. Xưa gọi là tằng thí Bích Chi Phật, gọi là món ăn của trời người thọ vui, đến nay vẫn còn chưa có diệt mất chỗ cầu như ý cho nên gọi tên vậy.

A-thấp ma yết-lạp bà: âm yết ngược lại âm cự liệt, âm lạt ngược lại âm lỗ hạp, tiếng Phạn, hoặc viết là A-xá lữ yết bà: Đường Huyền Trang nói rằng: thạch tàng, hoặc gọi là hổ phách.

Thất-mâu-sa-lạc yết-lạp-bà: tiếng Phạn, hoặc nói rằng: Mục-sa-la-già-la-bà. Đường Huyền Trang nói rằng: mã não. Trong luận nói hoặc là xa cừ.

Thu lộ: Ngược lại âm trên là thất tu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngốc thu, là giống thủy điểu trên đầu không có lông, cho nên gọi là nhĩ. Cố Dã Vương cho rằng: loài chim lớn, lông cánh của nó trắng rất đẹp, có thể làm mũ dạ, mũ lông chim, âm nhĩ, ngược lại âm nhân chí, là cái mũ lông chim làm đồ trang sức, hoặc là viết chữ thu này. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh thu. Ngược lại âm dưới là hư đố. Sách Khảo Thanh cho rằng: con cò trắng, cũng gọi là cửu xừ tức con cò cuốc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chim bạch điểu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tức là con cò trắng, đầu và cánh trên đều có lông dài. Nay người Giang đông lấy làm lông mi, gọi là bạch lộ, cũng gọi là lấy làm áo tang. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh lộ âm nhương là âm nhượng này.

Yết-la-tần-ca: Ngược lại âm trên là cư-yết, tiếng Phạn. Xưa gọi là ca-lăng-tỳ-già. Lại cũng viết ca-la-tần-ca. Đường Huyền Trang gọi là (T523) con chim hót có âm thanh rất hay.

Miệt-lệ-xa: Ngược lại âm trên là miên miết. Ngược lại âm dưới là lân niết, tiếng Phạn.

Ngạt-gia-sa: Ngược lại âm trên cực trừng, tiếng Phạn. Tây Vức gọi tên của con sông, cũng tên là hằng hà sa.

****

KINH BẠT BỈ - *Huyền Ứng soạn.*

Bạt bĩ: Ngược lại âm bổ đạt. Ngược lại âm dưới bĩ bì.

Ca-lũ: Ngược lại âm lực chủ, đều là tên của vị Bồ tát.

Câu-tiến: Ngược lại âm tư liêm, tiếng Phạn.

Man luận: Ngược lại âm ma luyện. Ngược lại âm dưới là lực quân, tên của vị Bồ tát.

Như phi: lại cũng viết chữ phi phi hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm phòng bi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: con cáo, chồn cáo, loài phi li.

Nhu cảnh: Ngược lại âm cư ảnh, gọi là quang cảnh, cảnh sáng, cảnh tối. Bởi vì nhân có sáng mà sanh ra tối cho nên cho rằng cảnh. Cát hồng cũng viết chữ uyển bắt đầu cộng thêm viết chữ ảnh.

Thường kiên: Ngược lại âm khổ nhàn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kiên là chắc chắn, nhà lao chắc chắn, cũng gọi là dẫn dắt, lôi kéo đánh đập, gõ.

Bất trật: Ngược lại âm đồ kiết, văn thông dụng thường hay dùng cho rằng: nhón gót chân mất đà vấp ngã té gọi là trật. Quảng Nhã cho rằng: trật là vấp ngã, sai lầm.

Bất hựu: Ngược lại âm vu cứu, hựu là tha thứ: có lần tha thứ lỗi lầm, bởi vì tha thứ một lần thì không biết để sửa đổi, vẫn còn phạm sai lầm, lần thứ hai tha thứ lỗi lầm, lần thứ ba tha thứ lỗi lầm lưu lại giữ lại, để quên đi.

Tương tướng: Lại cũng viết chữ tưới này cũng đồng. Ngược lại âm thất dương. Tam Thương cho rằng: cung kính đi theo, dung mạo dừng lại, bước đi loạng choạng, múa nhảy, động đậy.

****

KINH CHƯ PHẬT SÁI TẬP - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Đạo nghị: Văn cổ viết là nghi. Nay viết chữ nghĩa cũng đồng.

Ngược lại âm nghi ký. Sách Lễ Ký cho rằng: nghi đó là điều con người nên làm điều thích hợp, chế ra các việc hợp nghi, nối kết với nhau tình ý kết giao bạn bè, tình giao kết tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm tốt đẹp.

Khư tụ: Ngược lại âm khứ dư, gọi là gò đất lớn, nơi ở thôn làng, chỗ người dân cư trú, nơi buôn bán, cũng gọi là chợ trong thôn, gọi là khư.

Trào nghệ: Lại viết chữ trù cũng đồng. Ngược lại âm trúc giao. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nói cười huyên thuyên cười cợt. Ngược lại âm dưới là ngưu thế. Nghệ là nói nhiều, nói sảng, nói mê.

- QUYỂN TRUNG, QUYỂN HẠ - *Huyền Ứng - trước không có âm.*

****

KINH VỊ TẰNG HỮU NHÂN DUYÊN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Vô dạng: Ngược lại âm dĩ thượng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dạng lo buồn. Tôn Đạm cho rằng: dạng là lo buồn vì bệnh. Theo sách Chu Dịch truyện cho rằng: thời thượng cổ làm nhà ở trên cỏ tươi nên lo buồn sợ côn trùng cắn đốt. Con người sống với nhau rất tốt, cùng nhau lao động làm việc mệt nhọc lại hỏi thăm nhau, nói là không có việc gì, không lo. Bởi vậy mà sanh bệnh.

Ngoan ngân: Ngược lại âm ngu hoàn. Ngược lại âm dưới ngư cân. Quảng Nhã cho rằng: ngoan là đần độn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ngân là ngu xuẩn, láo khoét. Tả Truyện cho rằng: trong kinh nói rằng trong lòng không có phép tắc nghĩa đức gọi là ngoan, miệng không nói lời trung tín đạo đức gọi là ngân.

Giản duyệt: lại viết chữ duyệt này cũng đồng. Ngược lại âm dư thuyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: giản duyệt cũng là lựa chọn duyệt xét. Sách Tiểu Nhã cho rằng: tuyển chọn xem xét đầy đủ.

Trá đắc: Ngược lại âm trên sĩ giả. Quảng Nhã cho rằng: Hoàn Tử viết chữ trá này gọi là lâm sở. Đỗ Dự cho rằng: trá là tạm thời. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trá là nói hai lời.

Hoang hoang: Ngược lại âm hô quảng, gọi là hoảng hốt, mắt loạn lên cũng gọi là mê hoặc.

KINH VỊ TẰNG HỮU NHÂN DUYÊN
QUYỂN HẠ

Tiên khích: Ngược lại âm khẩu tích, gọi là ăn uống. Kinh văn viết chữ khích này là chẳng phải.

Bái nhiên: Ngược lại âm phổ lại. Tam Thương giải thích rằng: bái là sóng nước chảy ầm ầm, cuồn cuộn. Trong kinh văn viết bái chữ cũng gần giống nghĩa là mưa tầm tả.

****

KINH TU LAI - *Huyền Ứng soạn.*

Bạt thư: Ngược lại âm tài dữ, tên của loại cây.

Bố thí: Ngược lại âm bổ cố, bố là truyền khắp cho mọi người đều biết, thí là ban cho ân huệ. Kinh văn viết chữ phổ này là chẳng phải.

Quá trích: Ngược lại âm tri cách đồ ách, gọi là trách phạt. Sách Phương Ngôn cho rằng: trích là giận dữ. Quách Phác chú giải rằng: gọi là cùng nhau trách phạt, khiến trách, phạt tội.

Trú độ cung: Ngược lại âm tri trụ, trú độ thủ, đều là tên của cõi trời.

Ngu lạc: Ngược lại âm ngữ câu, ngược lại âm dưới là lực các. Trước kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, quyển trung đã giải thích đầy đủ rồi.

****

BẢO VÕNG KINH - *Huyền Ứng soạn.*

Thương thương: Ngược lại âm sở hạnh. Tam Thương giải thích rằng: tiếng khua của kim loại. Kinh văn viết chữ này là sai vậy.

Truật dịch: Ngược lại âm sĩ luật, âm dưới lại viết chữ địch cũng đồng. Ngược lại âm tha địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuật là sợ hãi, giựt mình kinh hãi. Sách Thượng Thư cho rằng: truật là giơ cao là mạnh mẽ, dữ thế mạnh mã. Khổng An Quốc chú giải rằng: truật dịch là ôm lòng nơm nớp hoảng sợ, cũng gọi là buồn rầu đau lòng, buồn thảm.

****

KINH DI LẶC THÀNH PHẬT - *Huyền Ứng soạn.*

Mẫn nhiên: Ngược lại âm mật tẫn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mẫn là mất, phai mờ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mẫn là mất, tiêu diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh dân, âm tẫn ngược lại âm tần mẫn.

Lang-tích sơn: theo bổn tiếng Phạn nói là khuất-trá-phiên-đà sơn. Đây Đường Huyền Trang dịch là núi kê túc. Lại cũng gọi là núi tôn túc. Nay ngoài Ca-diếp ở trong đó, dưới đây Bồ đề hướng Đông.

Ưng cốt: Ngược lại âm hồ cốt, cũng gọi là loại chim ưng.

****

KINH QUÁN DI LẶC BỒ TÁT THƯỢNG SANH - *Tuệ Lâm soạn.*

Toàn oán: Ngược lại âm trên là tùy duyên. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: toàn là chuyển xoay quanh, Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: toàn là vây quanh, quấn quanh. Sách Bát Nhã cho rằng: đi vòng quanh, đi tới đi lui. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ư đến bộ thất, âm ư ngược lại âm yển thất. Âm thất là âm thúc, ngược lại âm dưới là oan kháng. Sách Thuyết Văn cho rằng: oán là triền phược bó buộc với nhau, chữ viết từ bộ tịch, ngọa đến bộ tiết. Kinh văn viết oán này là sai, âm tiết là âm tiết.

Tranh xúc: Ngược lại âm thác canh. Tự Thư cho rằng: tranh là cây bông gạo, hoặc là viết chữ tranh lại cũng viết chữ tranh nay. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thù viết thành chữ tranh này. Trong kinh văn viết chữ tranh là cây cột trụ, chẳng phải nghĩa của kinh, âm thù là âm thù âm đồng. Ngược lại âm diệu giang.

Lao-độ bạt-đề: tiếng Phạn, âm trên là lao, âm dưới là bàn mạc.

Tử cam: Ngược lại âm cam ám. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: cam đó là đồng phục cùng một màu sắc xanh, cho rằng là trang sức. Sách Thuyết Văn cho rằng: vải bông tơ nhuộm thành màu xanh, màu đỏ gọi là màu cam, chữ viết từ bộ mịch thanh cam.

Anh triệt: Ngược lại âm trên là anh kính. Sách Khảo Thanh cho rằng: anh là ánh sáng chói chang, chiếu sáng, trời sắp sáng. Sách Phiên An Nhân Thạch trụ phú ghi rằng: trời sắp sáng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh anh. Ngược lại âm dưới là triền liệt. Sách Quốc ngữ ghi rằng: triệt cũng giống như là sáng suốt. Sách Luận

ngữ ghi rằng: triệt là thông suốt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: triệt là thông đạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thông suốt, chữ viết từ xích đến bộ phộc thanh dục âm xích ngược lại âm sửu xích âm phộc ngược lại âm phổ bốc.

Lan thuẫn: Ngược lại âm trên là lại đan. Ngược lại âm dưới là thần nhuận. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lan là cái chuồng nhốt thú vật. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: thuẫn là lan can thành gác dọc gọi hạm, lan can thành gác ngang gọi là thuẫn. Cố Dã Vương cho rằng: móc câu trên điện gọi là lan. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuẫn cũng là lan hạm; chữ viết từ bộ môn thanh lan, âm lan là âm giản, chữ thuẫn viết từ bộ mộc thanh thuẫn, âm thuẫn ngược lại âm thần chuẩn. Kinh văn viết chữ lan này. Bì Thương cho rằng: tên của cây tức là cây mộc lan chẳng phải nghĩa kinh, dùng chữ sai lầm.

Lương đồng: Ngược lại âm đông lộng. Sách Chu Dịch cho rằng: đống là cây đòn dông chính giữa nốc nhà. Lấy chữ ngự phong vũ, chỉ rường cột chống đỡ mưa gió, còn có nghĩa chỉ những người giữ chức vụ quan trọng của nước nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cột cuối cùng, chữ viết từ bộ mộc thanh đông.

Hà bội: Âm trên là hạ. Tự Thư cho rằng: hà là gánh vác vật trên lưng. Ngược lại âm dưới là bùi bối. Cố Dã Vương cho rằng: quải mang đeo vật trên mình gọi là bội. Sách Thuyết Văn cho rằng: bội đó chỗ gọi là đức tánh tốt. Chữ viết từ bộ ngọc thanh bội, hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ bội cũng đồng nghĩa thông dụng.

Bính nhiên: Ngược lại âm trên là binh mãng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bính là sáng tỏ rực rỡ. Quảng Nhã cho rằng: bính cũng là minh, tức sáng suốt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh bính.

Chân-thúc-ca-bảo: Ngược lại âm trên là kiết diên, tiếng Phạn. Trước trong kinh Quán Vô Lượng Thọ đã giải thích rồi.

****

KINH DI LẶC LAI THỜI - *Huyền Ứng soạn.*

Nghê-đê-phong: Ngược lại âm trên là ngư lễ, âm kế là lực để âm dưới là thất phong, tiếng Phạn tên của Long vương.

Phiếm la: Ngược lại âm phu kiếm, tên của thành.

****

KINH DI LẶC HẠ SANH - *Tuệ Lâm soạn.*

Buộn trần: Ngược lại âm bồn vấn. Khảo Thanh cho rằng: buộn cũng là trần, gọi là bụi trần nhơ nhớp bám vào. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Buộn là trần, đều là bụi đất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh phân, hoặc là viết chữ buộn này cũng đồng.

Bạt-đà: Ngược lại âm trên là bàn bát, tiếng Phạn. Kinh văn viết chữ bạt này là chữ sai vậy.

Cơ cẩn: Ngược lại âm trên là ký hy. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cơ đó gọi là ngũ cốc không có chín. Sách Cốc Lương Truyện ghi rằng: ngũ cốc không có chín là gặp nạn đói lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh cơ, hoặc là viết chữ cơ. Ngược lại âm dưới là cần sấn. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: rau không chín là đói. Quách Phác chú giải rằng: phàm là loài thảo mộc có thể ăn được đó tên thông dụng gọi là sơ. Sách Cốc Lương truyện ghi rằng: ba loại ngũ cốc không mọc lên được gọi là đói. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh cẩn âm cẩn là âm cẩn.

Phỉ thúy: Ngược lại âm trên là phì vị. Ngược lại âm dưới là thất túy. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên là chim phỉ thúy, phỉ đó là lông chim màu đỏ, chim trống gọi là phỉ. Sách Chu Thư ghi rằng: Chánh Nam Tước lấy chim phỉ thúy làm vật cung hiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim thúy lông màu xanh, giống như chim sẻ. Tức là xuất ra từ hai chữ ủy lâm đều từ bộ vũ đều là thanh túy phi.

Hoại thư: Ngược lại âm trên là hoại chương, ngược lại âm dưới là khước già, tiếng Phạn, tên của vị vua.

Đố-lộ-tỳ-ni: Ngược lại âm trên là đô-lộ, tiếng Phạn.

Xuất xác: Ngược lại âm khống giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: trứng rỗng không. Tự Thư cho rằng: cái trứng đã lột vỏ. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: da ngoài của vỏ trứng chim là lột. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ noãn đến bộ xác, âm xác cũng là thanh.

****

KINH DI LẶC HẠ SANH THÀNH PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Tiệm giảm: Ngược lại âm dưới là lam trảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: giảm là hao mòn. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: giảm là ít lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: giảm là tổn hao, chữ viết từ bộ thủy thanh

hàm.

Cước thúc: Ngược lại âm trên là cạnh lực. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa sông Giang hoài cho rằng: phàm cây cỏ có gai đó là làm cho người bị thương tổn đều gọi là cức. Theo Tả Truyện cho rằng: cức là cây táo chua. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại cây này mọc giống như cây gai sầu, chữ viết từ hai bộ thúc. Kinh văn viết hai chữ lai nghĩa hơi quái lạ chẳng phải nghĩa của kinh. Ngược lại âm dưới là thử tử. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây có gai, cũng gọi là da ngoài cây có gai đó như loai cây du chỉ, chữ cức đều từ bộ thúc, thanh thúc, chữ tượng hình.

Nhuyễn thảo: Ngược lại âm trên là nhi quyến. Trịnh Chúng chú giải rằng: nhuyễn đó gọi là nhu nhuyễn, mềm mại, yếu đuối. Sách Bát Nhã cho rằng: nhuyễn là yếu mềm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhi thanh đại.

Lý tiển: Ngược lại âm trên lê trĩ. Sách Phương Ngôn cho rằng: lý là loại dép làm bằng da cây đay, đó gọi giày dép cỏ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lý là bước đi đạp lên. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: lý cũng giống như là bước đi. Lại cũng gọi là giẫm đạp trên đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thi đến bộ xích đến bộ cửu, bộ chu, chữ tượng hình, thanh thi, âm xích ngược lại âm doãn xích. Theo văn Thanh Loại cho rằng: từ chữ phục viết thành chữ lý văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là tiền diễn. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: tiển là bước đi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tiển là bước đi đạp lên. Lại cũng gọi là tiện là xem thường, giống như là đi lên, tự vươn lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc đến bộ tiển, hoặc là viết chữ tiển này đều đồng nghĩa, âm tiển là âm tiện.

Thực diệu nhân: Ngược lại âm trên là thừa chức. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thực gọi là thuộc gốc rễ sanh ra. Sách Phương Ngôn cho rằng: cây đứng thẳng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh trực.

Quan dược: Ngược lại âm trên là cổ hoàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy cây để ngang giữ cánh cửa, chỗ gọi là đóng cửa cài then vào gọi là quan, chữ viết từ bộ môn thanh quan âm quan đồng với âm trên, chữ quan là từ bộ yêu đến bộ quan âm yêu, ngược lại âm ảo cầu. Âm quan ngược lại âm cổ hoạn. Kinh văn viết từ bộ khí viết thành chữ quan này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là dương chước. Cố Dã Vương cho rằng: cánh cửa niêm phong đóng lại chắc chắn, không có thể mở ra được. Sách Quốc ngữ cho rằng: mời đến giao cho nhiệm vụ giữ cửa chắc chắn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh dược âm dược đồng

với âm trên. Trong kinh viết chữ dược này cũng thông dụng.

Nhiêu diệp: Ngược lại âm trên nhiêu thiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiêu là ràng buộc, quấn chặt, vây quanh; chữ viết từ bộ mịch thanh nhiêu, ngược lại âm dưới là điềm diệp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: người con gái đứng bên bức tường trên thành cao. Lại nữa, Thôi Thị cho rằng: diệp là người con gái giữ chặt ở trong cung cấm. cũng gọi nơi gò đất bằng phẳng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh diệp, hoặc là âm thêm diệp.

Hoàng tiệm: Ngược lại âm trên hoạch quang. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hoàng là cái ao không có nước. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hào bao quanh dưới thành. Sách Thuyết Văn cho rằng: hào bao quanh thành ao có nước gọi là trì, ao không có nước gọi là hoàng, chữ viết từ bộ phủ thanh hoàng, âm phủ là âm phủ. Ngược lại âm dưới là thiếp diễm. Cố Dã Vương cho rằng: tiệm nay gọi là hào bao quanh thành. Sách Chu Thư cho rằng: hào không có nước mà giữ được thành chắc chắn. Sách Tự Thư cũng cho rằng: hào bao quanh thành. Sách Thuyết Văn cho rằng: hồ sâu, chữ viết từ bộ thổ thanh trảm. Kinh văn viết từ chữ tiệm viết thanh chữ tiệm cũng thông dụng.

Trạc phương lâm: Ngược lại âm xung trác. Quảng Nhã cho rằng: đề bạt, cất nhấc lên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: trạc là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ, thanh trạch âm trạc là âm thác.

Hướng thủ: Yết-lăng-già quốc - Mật-hy-la quốc - Bát-trục-ca - Y-la-bát-la - Kiền-đà-la quốc - Bà-la-ni-tư quốc. Âm ni ngược lại âm bỉ hiệt đều là tiếng Phạn. Tên của các nước ở Thiên Trúc, nói đầy đủ như ở Tây Vực đã ghi.

Nga đãn: Ngược lại âm trên là ngã ca. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: nga là khoảnh khắc. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: nga đó là thời gian chỉ trong cái khảy móng tay. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh ngã. Ngược lại âm dưới là đạt thản. Sách Khảo Thanh cho rằng: đản sanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh đản, diên.

Vân ế: Ngược lại âm y kế. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ế cũng giống như vật bị che chắn. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: ế gọi là bức màn che, mờ tối. Lại cho rằng: ế che kín khắp tất cả. Quảng Nhã cho rằng: ế cũng giống như là năng che. Sách Thuyết Văn cho rằng: che chắn lại, chữ viết từ bộ vũ thanh ế ngược lại âm ế hề.

Phiếu sái: Ngược lại âm trên là thất diêu: theo Mao Thi Truyện cho rằng: phiêu cũng giống như thổi vật phất phơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phong, thanh phiêu, âm phiêu ngược lại âm tất tiêu. Ngược lại âm dưới là lưu giải. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sái là tán ra, rãi nước, giống như rãi nước dưới đất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh sái.

Bảo mẫu: Ngược lại âm báo bao. Trịnh Tiển chú giải sách Mao Thi Truyện rằng: bảo thủ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: bảo là an, giữ gìn an ổn. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: cẩn thận giữ gìn thân tâm của mình cho được an ổn gọi là bảo hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nuôi dưỡng bảo hộ, chữ viết từ bộ nhân, phu thanh tĩnh, âm phu ngược lại âm phủ vô. Kinh văn viết bảo ngược lại âm phổ cẩu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: phủ bảo, nghĩa là vỗ về an ủi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bảo là cởi áo trên ra. Theo chữ bảo mẫu đó nghĩa là hạnh Bồ tát giống như người mẹ ôm ẳm đứa con trong lòng, không thể nào đánh đập, người mẹ đây tức bao hàm cho vị Bồ tát vậy. Chữ này khác lạ chẳng phải nghĩa kinh.

Điêu liễn: Ngược lại âm trên là điểu liễu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: điêu là khắc vẽ. Vương Dật chú giải sách Luận ngữ rằng: điêu là khắc ngọc mài giũa, vẽ. Quảng Nhã cho rằng: là chạm khắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: khắc mài ngọc, làm thành vân, đường nét; chữ viết từ bộ chu thanh sam âm sam là âm sam. Kinh văn viết chữ điêu này. Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử truyện rằng: chữ điêu này là con chim to lớn có thể ăn thịt con nai. Sách Thuyết Văn cho rằng: điêu là loài chim hung dữ, mạnh mẽ, âm chí là âm chí; chữ này làm trái ngược lại nghĩa của kinh chẳng phải dùng vậy. Ngược lại âm dưới là liên triển. Sách Tư Mã Pháp cho rằng: sau mùa hè gọi là liễn đó là xa làm bằng vàng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: liễn đó là xe của hoàng hậu ở trong cung đi, là chiếc xe lăn bánh rất nhẹ người khỏi phải đi bộ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xa đến bộ phu trong bộ xa nghĩa dẫn đi trước là hai người phu kéo xe, từ hai chữ phu, âm phu là âm bạn.

Hoài nhậm: Ngược lại âm nhậm chẩm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nhậm gọi là ôm ấp nhận lấy. Quảng Nhã cho rằng: nhậm là ôm trong mình. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: nhậm gọi là người phủ nữ mang thai ôm đứa con trong lòng. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: mang thai. Chữ viết từ bộ nữ đến bộ nhậm, nhậm cũng là thanh. Lại là chữ bình thanh. Nay không dùng âm thân là âm thân. Sách Khảo Thanh

cho rằng: thân là người phủ nữ có thai.

Hủy xích: Ngược lại âm sửu cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: tay buông xuôi, tay buông thả, buông tay. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh xích. Kinh văn viết chữ kỳ. Sách Khảo Thanh cho rằng: kỳ là đất nứt ra, chẳng phải nghĩa của kinh.

Ky lung: Ngược lại âm trên ký nghi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: sợi dây cương buộc đầu con ngựa gọi là ký. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: dây vàm buộc mõm con ngựa. Sách Khảo Thanh cho rằng: dây da dùng buộc ngựa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ võng đến bộ ky, âm ky tức là dây cương buộc ngựa hoặc là viết từ bộ cách âm ky đồng với âm trên, hoặc là viết chữ ky này. Ngược lại âm dưới là lợi hồng. Sách Tử cho rằng: con chim tu hú ở trong lồng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh long, âm võng là âm võng, chữ tượng hình.

Ông úy: Ngược lại âm trên là ốc khổng. Ngược lại âm dưới là vân vật. Quảng Nhã cho rằng: cây cỏ xanh tốt gọi là ông úy. Cố Dã Vương cho rằng: cũng là cây cỏ xanh tốt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hai chữ đều viết từ bộ thảo, đều thanh ông úy. Kinh văn viết chữ úy úy này nghĩa phiền não buồn rầu, khí trời u ám làm cho con người buồn bã theo.

Hoa mạn: Âm loan, tên của loại hoa ở Tây Vức, lấy làm dụng cụ trang nghiêm trên mình.

Khuyết phạm: Ngược lại âm trên là khuyển duyệt. Cố Dã Vương chú giải theo Mao Thi Truyện rằng: khuyết cũng giống như là có tỳ vết trên ngọc. Theo Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là cười đùa trêu chọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phữu thanh khuyết, âm quái phữu, ngược lại âm phù câu âm chiếm là âm diễm.

Cù hạng: Ngược lại âm trên là cụ vu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đường lớn, thông bốn phía gọi là cù. Quách Phác chú giải rằng: giao lộ ngã tư đường. Cố Dã Vương chú giải theo Công Dương truyện cho rằng: giao lộ phóng ra bốn ngã. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hành thanh cụ. Ngược lại âm dưới là hồ giáng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hạng là con đường trong làng. Lại cũng gọi là cổng làng. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: hạng cũng giống như cổng làng. Sách Thuyết Văn nói rằng: trong làng có con đường nhỏ dẫn vào làng. Hoặc là viết chũ hạng này. Từ bộ hành thanh cộng, hoặc là viết chữ hạng này, ba chữ đều thông dùng như nhau, âm giáng là âm giáng.

Tẫn phân: Ngược lại âm trên là thất tân. Ngược lại âm dưới là phương phân. Sách Khảo Thanh cho rằng: tân phân là quá nhiều đầy rẫy. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: tân phân cũng giống như quá nhiều

tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: nảy sinh ra nhiều. Hai chữ đều từ bỏ mịch đều thanh tân phân, âm mịch là âm mịch chữ tân từ chữ cái.

Cù nhai: Âm dưới là giai. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đường thông bốn phía chữ viết từ bộ hành thanh giai.

Giáp lô: Ngược lại âm trên là giáp. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: giáp là hai bậc thần. Cố Dã Vương cho rằng: giáp là hai bên. Sách Văn Tự Điển nói rằng: cũng là hai bên chữ viết từ hai bộ nhơn viết thành chữ giáp, thêm vào chữ đại nữa, là người lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đại, chữ tượng hình.

Quyên trừ: Ngược lại âm trên là quyết huyền. Cố Dã Vương cho rằng: quyên là dọn dẹp sạch sẽ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: quyên cũng gọi là dọn dẹp sạch sẽ sáng suốt. Lại chú giải sách Phương Ngôn rằng: quyên cũng gọi là trừ. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ mạc đến bộ bao, bao giống như thân con côn trùng thanh ích âm bao là âm bao này.

Chửng tế: chữ chửng lấy âm chưng, chữ thượng thanh. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: chửng là cứu giúp nắm kéo người bị chìm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chửng là cứu giúp, trợ giúp. Quảng Nhã cho rằng: cứu giúp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh chưng. Sách Thuyết Văn hoặc là viết chữ chửng. Lại viết chữ chửng đều đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là kế. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tế độ. Đỗ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: tế là có lợi ích. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: tế là thành xong. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh tề.

Hân lạc: Ngược lại âm trên là thính. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: vui vẻ hân hoan. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hân cũng là lạc. Quảng Nhã cho rằng: hân là vui vẻ hoan hỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hân là cười đùa vui vẻ, chữ viết từ bộ tâm thanh cân, hoặc là viết chữ hân. Lại viết chữ hân cũng đồng.

****

KINH PHẬT THUYẾT CHƯ PHÁP DŨNG VƯƠNG

Tuệ Lâm soạn.

Đoàn như: Ngược lại âm trên là đoạn hoan. Quảng Nhã cho rằng: đoàn là tay nắm vo tròn lại, khiến cho kết thành cục lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đoàn.

Nhuận tí: Ngược lại âm tư tợ. Cố Dã Vương cho rằng: tí đó giống như ngâm vào trong nước thấm ướt dần dần. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh trách.

Hà mô: Ngược lại âm trên là hạ da. Ngược lại âm dưới là mạch ba. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hà mô, là con ểnh ương sống trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ trùng, thanh hà mạc.

Quật huyệt: Ngược lại âm trên là khổn cốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quật là nhà bằng đất thời xưa. Theo Thanh Loại cho rằng: hang của con thỏ trốn núp, cũng viết chữ quật này. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ huyệt, thanh khuất.

Cân mạch: Ngược lại âm trên là cẩn hân. Sách Lễ Ký cho rằng: người già không có dùng gân cốt sức mạnh mà làm lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân đó là sức mạnh của bắp thịt, chữ viết từ bộ nhục thanh trúc. Trúc tức là vật có nhiều gân mạch, từ bộ lực, lực tức là sức mạnh, giống như gân nhiều. Trong kinh viết hoặc từ bộ giác đến bộ thảo viết thành chữ cân là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới mãnh bách. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ mạch, nhưng văn thông dụng thường dùng chữ mạch này. Sách Thuyết Văn cho rằng: là phần huyết mạch đi trong cơ thể chữ viết từ bộ mạch thanh huyết. Âm phái ngược lại âm phách mại. Trong kinh viết từ bộ nhục viết thành chữ mạch này chuyên dùng lâu rồi vẫn còn tồn tại chữ mạch này.

Lỗ huyễn: Ngược lại âm huyền quyến. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: huyễn là đưa mắt ra nhìn. Cố Dã Vương cho rằng: như nay người ta đưa mắt làm dấu hiệu với nhau thay cho lời nói. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt liếc qua liếc lại, chữ viết từ bộ mục đến bộ huyễn thanh tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ huyễn viết thành chữ huyễn là sách viết sai vậy.

Hy di: Ngược lại âm trên hỷ cơ. Sách Khảo Thanh cho rằng: hy là hòa hợp vui vẻ tốt đẹp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cung kính. Sách Văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh hy, âm hy ngược lại âm dĩ chi. Kinh văn viết chữ hy này là sai vậy. Ngược lại âm dưới là dĩ chi. Sách Khảo Thanh cho rằng: di cũng là hòa hợp vui vẻ. Tả Truyện cho rằng: cũng gọi là vui vẻ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: di là vui. Sách Phương Ngôn cho rằng: cũng là vui. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh đài.

****

KINH NHẤT THIẾT PHÁP CAO VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Tần loa: Ngược lại âm dưới là lỗ qua, tiếng Phạn là tên của đệ tử Phật. Kinh văn viết từ bộ mã viết thành chữ loa, cùng với các kinh chữ có khác là sai vậy.

Cường già: xưa gọi là hằng hà, cũng gọi là ngạc già, từ ao lớn A nậu ở phía Đông giống như có cửa khẩu chảy vào biển Đông. Sông này cát rất mịn cùng với nước đồng chảy.

Để di: Ngược lại âm đô hề, gọi là cá thân rất lớn. Kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ di chẳng phải chữ đúng vậy.

****

KINH ĐỆ NHẤT NGHĨA PHÁP THẮNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Đệ ngạch: Ngược lại âm dưới là nha cách. Sách Phương Ngôn cho rằng: ngạch là cái trán. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hiệt thanh các. Tự Thư cho rằng: viết từ bộ các viết thành chữ ngạch là chữ đúng thể. Tựa kinh viết chữ ngạch này là văn thường hay dùng.

Hoán cữu: Ngược lại âm trên là hằng quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoán là trao đổi. Chữ viết từ bộ thủ thanh hoán, âm hoán là (T525) âm hoán. Tựa kinh viết chữ hoán này là văn thường hay dùng.

Kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng.

Luy sưu: Ngược lại âm trên là loại nguy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: luy cũng là bệnh gầy yếu. Chữ viết là bộ dương thanh loa, âm loa ngược lại âm lực ngọa.

Thành đảm: Ngược lại âm đô lãm. Tự Thư cho rằng: đảm là gánh vác. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng cây gỗ mà gánh lấy các vật. Theo chữ thành đảm đó nói rằng: tóc nhiều, rối bồng lên, có thể trở thành gánh nặng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đảm.

Ẩu thân: Ngược lại âm trên là vu vũ. Quảng Nhã cho rằng: ẩu là cong lại. Sách Khảo Thanh cho rằng: ẩu là lưng cong lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh âu.

Điệt tướng: Ngược lại âm điền kiết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: điệt là thay phiên nhau. Sách Phương Ngôn cho rằng: thay thế. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh thất âm xước, ngược lại âm sưu lược.

Cước thúc: Ngược lại âm trên là canh ức. Ngược lại âm dưới là thử tế. Trước kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật đã giải thích rồi.

Lợi hưởng: Ngược lại âm hương ngưỡng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: như là ứng thanh vang dội lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ âm thanh hưởng. Kinh văn viết chữ hướng này là chữ cổ.

Trùng khiết: Ngược lại âm dưới là tinh kiết. Sách Lễ Ký cho rằng: không có nhai cắn xương. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắn nhai trong miệng: chữ viết từ bộ xỉ thanh khiết, âm khiết, ngược lại âm khẩu tiết.

Hữu mang: Ngược lại âm mạc bàng. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: mang tức là con rắn lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh mang, âm mang đồng với âm trên. Kinh văn viết từ bộ mang viết thành chữ mang này là sai vậy.

Điệt hổ: Ngược lại âm hồ cố. Cố Dã Vương cho rằng: thay phiên nhau truyền đi. Khảo Thanh cho rằng: thay phiên nhau chuyển giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: có thể thâu nhận sợi dây, làm hình tượng cây trúc giống như người tay nắm tay kéo đẩy đi.

Phú-lặc-già-la: tiếng Phạn.

****

KINH ĐẠI UY ĐĂNG QUANG TIÊN NHƠN VẤN NGHI

Tuệ Lâm soạn.

Ẩu lũ: Ngược lại âm trên vu vũ. Quyển trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là lương chủ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ẩu lũ là thân cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh lũ.

Bình quán: Âm trên là tinh minh. Ngược lại âm dưới quan loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bình để lấy nước chứa. Chữ viết từ bộ ngỏa thanh tinh, hoặc là viết chữ bình văn Tự Tập Lược cũng cho rằng: quán cũng là cái ấm lấy nước chứa hoặc là viết chữ quán này cũng thông dụng.

Lô vi đinh: Ngược lại âm trên lỗ hồ. Ngược lại âm kế là vi quỉ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: lô tức là vi cây lau, cây lau chưa mọc cao lên gọi là lô. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh lô vi. Ngược lại âm dưới là đồ dĩnh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đinh là thửa ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ cày

ruộng gọi là đinh. Chữ viết từ bộ điền thanh đinh.

Châu trở: Ngược lại âm trên là châu trữ. Sách Khảo Thanh cho rằng: châu cũng là trở, nghĩa là thề thốt, nguyền rủa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh châu. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ chú văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là hỗ trợ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: việc nhỏ mà thề thốt gọi là trở. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh thả. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ trở, văn thường hay dùng.

Hy di: Ngược lại âm hỷ cơ, âm dưới là dĩ chi. Trong kinh Chư Pháp Dũng Vương đã giải thích rồi.

Trách da: Ngược lại âm trên là trương cách, Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra, mở ra. Theo chữ trách đó, Đường Huyền Trang nói rằng: trách là thanh gỗ ngang trong miệng ngựa, gọi là ngón tay cái của vị tướng lãnh dùng để chỉ huy, thứ hai là chỉ đóng cọc căng ra. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thạch thanh trách. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trách này là sai, âm trách là âm trách.

Mang xà: Ngược lại âm mạc bàng. Trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi.

Ca-nhị: Ngược lại âm dưới ni trí, tiếng Phạn.

Dũng dược: Ngược lại âm trên là dung tũng. Ngược lại âm dưới là dương chước. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: dũng là nhảy cao lên, vượt qua. Sách Thuyết Văn nói hai chữ đều từ bộ túc, đều là thanh dũng dược, âm dũng đồng với âm trên.

Ai đãi: Ngược lại âm trên là cai cải. Ngược lại âm dưới là ế nãi. Theo chữ ai đãi đó là hơi khói thơm từng lớp tường lớp chập chùng. Cố Dã Vương cho rằng: đi đãi đó là mặt trời, mặt trăng bị mây che sẫm tối, không có ánh sáng. Hai chữ đều từ bộ vân thanh ai đãi.

Tử cam: Ngược lại âm dưới cam ám. Trước kinh Quán Di Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Đà Thiên đã giải thích đầy đủ rồi.

Hồng phiêu: Ngược lại âm dưới là phiên miễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu là túi đựng sách, pho sách, màu sanh, hồng lẫn lộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là mảnh vải lụa màu trắng xanh, chữ viết từ bộ mịch thanh phiêu, chữ cổ.

Khiếp đà-la-ni: Ngược lại âm trên là kiêm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiếp là vừa lòng, hài lòng. Sách Bát Nhã cho rằng: đúng mực, thỏa đáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thỏa lòng, vừa ý. Chữ viết từ bộ tâm thanh khiếp, hoặc là viết chữ khiếp này, cũng viết chữ khiếp này.

KINH THUẬN QUYỀN PHƯƠNG TIỆN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Xu hảo: Ngược lại âm xúc du. Mao Thi Truyện cho rằng: xu là sắc đẹp của người con gái. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: xu là sắc đẹp tự nhiên, rất đẹp. Sách Phương Ngôn ghi rằng: giữa nước Triệu, Ngụy, Yến cho rằng cái cao quí nhất là sắc đẹp của người con gái. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: là đẹp, chữ viết từ bộ nữ thanh chu.

Hoảng dục: Ngược lại âm dung chúc. Quảng Nhã cho rằng: dục là lửa cháy sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: dục là rực sáng, những quần sao lấp lánh. Chữ viết từ bộ hỏa thanh dục, âm dực ngược lại âm dâm lập.

Hy vọng: Ngược lại âm hỷ y. Quảng Nhã cho rằng: hy là nhìn ra xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: mong đợi, mong chờ. Chữ viết từ bộ mục thanh hy. Kinh văn viết chữ hy này là sai vậy.

Kiền-đạp-du: tiếng Phạn, tên của vị thần.

Giải đãi: Ngược lại âm giai giải. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giải là mệt mõi. Quảng Nhã cho rằng: giải là biếng nhác. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải cũng là đãi là biếng nhác, uể oải. Chữ viết từ bộ tâm thanh giải. Hoặc viết chữ giải này cũng thông dụng.

Khưu tụ: Ngược lại âm khứ vưu. Sách Chu Lễ cho rằng: bốn ấp gọi là khưu. Trịnh Chúng chú giải rằng: khưu là bốn dặm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: vùng đất cao gọi là khưu. Lại nữa, tựa kinh ghi rằng: khưu cũng là nơi tụ hợp đông đảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là nơi vùng đất cao, từ các nơi mọi người đến cư trú, chữ tượng khưu hình là đất. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ khưu, chẳng phải âm khưu là âm trì.

Hàu thiện: Ngược lại âm trên là hiệu giao. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hàu là thịt băm nhuyễn. Mao Thi Truyện cho rằng: hàu món nấu đậu thật. Trịnh Tiển lại chú giải rằng: đậu thật đó gọi là thịt băm làm tương. Phàm chẳng phải ngũ cốc mà ăn được đó gọi là hàu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàu là món ăn ngon. Chữ viết từ bộ nhục thanh hàu, âm hào đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là thiền chiến. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thiện là nói hay, khéo léo. Thời nay vật gì đẹp gọi là trân thiện. Lại chú giải sách Nghi lễ rằng: thiện cũng giống như bước vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy đủ món ăn, chữ viết từ bộ nhục thanh thiện. Kinh văn đều viết từ bộ thực viết thành chữ hàu thiện này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Cơ cẩn: Ngược lại âm cần cận. Trước kinh Di Lặc Hạ Sanh đã giải thích rồi.

KINH THUẬN QUYỀN PHƯƠNG TIỆN
QUYỂN HẠ

Khan tật: Ngược lại âm trên khổ gian. Quảng Nhã cho rằng: khan là keo kiệt. Bì Thương cho rằng: khà chọn lựa. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chọn lựa món ăn, yêu tiếc. Chữ viết từ bộ tâm thanh khan, hoặc là viết từ bộ cách viết thành chữ khan, chữ cổ, ngược lại âm dưới là tần tất. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hai người hiền gọi là tật. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nữ thanh tật. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ tật, là sai vậy.

Bôn dật: Ngược lại âm bổn môn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chạy trên đường lớn gọi là bôn. Quách Phác chú giải rằng: gọi là người chạy bộ trên đường đến nơi nên cho rằng là tên vậy. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là con trâu nước đi trên đường. Theo Tả Truyện cho rằng: Trịnh Bá đi bằng xe trâu đến nước Tề. Trịnh Tiển lại chú giải sách Khảo Công lại rằng: bôn là chạy mau. Nay thông dụng viết chữ bôn này.

Quá kiền trì: Ngược lại âm trên là trác qua. Sách Khảo cho rằng: đánh kiền chùy, âm kiền là âm càng. Ngược lại âm dưới là trì lợi, tiếng Phạn, nay gọi là đánh tịnh trùy.

La-duyệt-kỳ thành: Âm duyệt ngược lại âm duyên chuyết, tiếng Phạn, tên của thành.

Phúng tụng: Ngược lại âm trên là phong phủng. Ngược lại âm dưới là tùng tũng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thuộc lòng văn gọi là phúng, lấy âm tiết đọc lên gọi là tụng. Quảng Nhã cho rằng: phúng là dạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: phúng cũng là tụng, chữ viết đều từ bộ ngôn, đều thanh phong dũng, âm dũng là âm dũng.

****

KINH LẠC ANH LẠC TRANG NGHIÊM PHƯƠNG TIỆN

Tuệ Lâm soạn.

Tranh xúc: Ngược lại âm trên là thác canh. Trước kinh Di Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên đã giải thích rồi. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ tranh là chẳng phải.

Thố miêu: ngược lại âm trên là thổ cố. Theo Thanh Loại cho rằng: con chồn, con cáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên của loài thú, chân sau của nó giống cong lại, giống như có chấm đen, đuôi của nó giống như con thỏ, đầu và cổ của nó bằng nhau. Cho nên viết từ bộ thố là tĩnh lược bớt đi. Ngược lại âm dưới là oán bao, hoặc là viết chữ miêu. Cố Dã Vương cho rằng: con mèo giống như con cọp mà lại nhỏ hơn, nhà người ta thường nuôi dưỡng để bắt chuột. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh miêu.

Khổ sáp: Ngược lại âm dưới là sâm tập. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáp là không có trơn mịn. Chữ viết từ hai bộ tỷ, trên là hai bộ đao, dưới là hai bộ chánh. Kinh văn viết chữ sáp này văn thường hay dùng.

Sở thích: Ngược lại âm dưới là thanh chích. Sách Thuyết Văn cho rằng: thích là loài côn trùng đi gieo độc hại, chữ viết từ bộ trùng thanh thích.

Kiền-chùy: ngược lại âm trên là kiện yên. Ngược lại âm dưới trực truy, tiếng Phạn.

Thập-kiếp: Ngược lại âm phương-ca, tiếng Phạn.

Khí uế: Ngược lại âm phân vấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí là trừ bỏ đi. chữ viết từ bộ cũng nghĩa hai tay đẩy ra, lôi ra, đến bộ hoa, đến chữ khí, mễ, chữ hội ý khí này là văn cổ.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 33

Kinh Đại thừa Tạo Tượng Công Đức hai quyển - Tuệ Lâm soạn.
Kinh Lục Độ Tập - tám quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thái tử Tu Đại Noa - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Cửu Sắc Lộc - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Siểm Tử - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Siểm Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thái tử Mộ Phách - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thái từ Dục Phách - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Tự Bảo Khiếp - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Lý Văn Tự - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Biến Chiếu Quanh Minh - một quyển - không.
Kinh Lão Nữ Nhơn - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Lão Mẫu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Lão Mẫu Lục Anh - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Nguyệt Quang Đồng tử - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thân Nhật Nhi - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Trưởng giả Tử Chế - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Thệ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Văn Thù Vấn Bồ đề - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Già-a Sơn Đảnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Tượng Đầu Tịnh Xá - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Già-da Sơn Đảnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Độc Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Nhũ Quang Phật - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Cấu Hiền Nữ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Phúc Trung Nữ Thính - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vị Tằng Hữu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thậm Hy Hữu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Chuyển Nữ Thân - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Vô Thượng Y - hai quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Quyết Định Tổng Trì - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Báng Phật - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Bảo Tích Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.

Bên phải ba mươi lăm kinh bốn mươi bốn quyển đồng âm quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Vẫn trụy: Ngược lại âm trên là quân thuẫn. Ngược lại âm dưới là duy loại. Theo Thanh Loại cho rằng: vẫn là chìm đắm, trụy lạc rơi vào hố sâu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: rơi vào dòng suối cạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạc thanh viên, hoặc viết từ bộ phủ viết thành chữ vẫn không dùng, âm ngạc là âm tàn, chữ trụy. Văn Tự Điển nói rằng: trụy là từ trên cao rơi xuống, chữ viết bộ phủ đến bộ truy thanh tĩnh, âm trụy là âm truy, hoặc là viết chữ trụy này.

Ám như: Ngược lại âm trên là áp lam. Vương Túc chú giải sách Gia Ngữ rằng: ám là tối đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: là không trong sáng, nhuộm màu đen. Chữ viết từ bộ hắc thanh ám.

Thuẫn khuynh: Ngược lại âm trên du nhuận. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: muôn đời giống như một cái chớp mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuấn gọi là chớp mắt nhiều lần, chữ viết từ bộ mục thanh thuấn hoặc là viết từ bộ dần viết thành chữ thuấn.

Húc nhực: Ngược lại âm trên là hu ngọc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: húc gọi là mặt trời bắt đầu mọc, mặt trời to tròn cũng gọi rạng sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: húc là mặt trời vừa mới mọc. Chữ viết từ bộ nhựt thanh cửu.

Tân phân: Ngược lại âm trên là thất tân. Ngược lại âm dưới phẫn văn. Trước kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật đã giải thích rồi.

Vân ế: Ngược lại âm dưới khẩn kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trời âm u mà có gió gọi là ế. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: có mặt trời mà vẫn âm u. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh ế, âm khẩn ngược lại âm ẩn hề.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC QUYỂN HẠ

Hội sức: Ngược lại âm trên là hồi ngoại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hội đó là gom đủ năm màu sắc mà vẽ thành bức họa. Trịnh Tiển chú giải sách Luận ngữ rằng: hội là vẽ cho có vân đường sọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh hội. Kinh văn viết từ bộ quí viết thành chữ hội. Ngược lại âm quì vị, nghĩa sợi tơ nhiều đem dệt, chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Sách Khảo Thanh cho rằng: trang sức. Văn Tự Điển nói rằng: trang điểm cho đẹp. Chữ viết từ bộ thực hành cân, âm thực là âm tợ.

Manh miễu: Ngược lại âm trên là mạc canh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không có con ngươi, gọi là manh. Chữ viết từ bộ mục thanh vong. Âm mâu là âm mâu, ngược lại âm dưới miên tiểu. Sách Chu Dịch cho rằng: miễu là có thể nhìn htấy, nhưng không đủ sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nhỏ, chữ viết trừ bộ mục thanh thiểu.

Lung hội: Ngược lại âm trên là lộc đông. Tả Truyện cho rằng: tai không nghe năm âm thanh hòa là gọi là lung. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lung gọi là tai không nghe. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: không nghe. Từ bộ nhĩ thanh long. Ngược lại âm dưới là ngoan quái. Sách Quốc ngữ cho rằng: lung hội là không thể nghe tiếng. Giã Quỳ chú giải rằng: khi sanh ra mà đã không nghe gọi là hội. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ nhĩ thanh hội.

Oa tà: Ngược lại âm trên khổ quái, lại âm khoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: oa là bệnh thiên lệch, méo sệt một bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh oa, âm oa là âm nguyên.

Thuân sáp: Ngược lại âm trên thất tuẫn. Bì Thương cho rằng: thuân là da bị nứt nẻ. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: bì đó gọi là da bị nhăn lại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ bì đến chữ tuấn, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là tham lập. Trước kinh Lạc Anh Lạc Trang Nghiêm đã giải thích rồi.

Lưu Ánh: Ngược lại âm trên là lưu. Cố Dã Vương cho rằng: lưu là khối u sưng liên kết lại không vỡ tan ra được. Sách Liệt nữ truyện cho rằng: nước Tề có một nhà người con gái bị bệnh khối u sưng lên. Ngược lại âm dưới là anh trình. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bướu cổ, cổ bị sưng lên; chữ viết đều từ bộ tật đều là thanh lưu anh.

Ẩu lũ: Ngược lại âm trên là vu vũ, ngược lại âm dưới là lực chủ. Trước kinh Đại Oai Đăng Quang Tiên Nhơn Vấn Nghi đã giải thích

rồi.

Ban bác: Ngược lại âm trên bát lạc. Ngược lại âm dưới bang mạc. Sách Hán Thư cho rằng: trắng đen lại hòa trộn gọi là bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu sắc không thuần nhất, chữ viết từ bộ mã thanh hào. Ngược lại âm hiệu giao. Kinh văn viết từ bộ giao viết thành chữ giảo văn thường hay dùng.

Tiên bả: Ngược lại âm trên liệt viên. Theo Thanh Loại cho rằng: tiên là bệnh nấm trên da dần dần lan to ra rất ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: bệnh nấm ở tay chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh tiên. Ngược lại âm dưới là ba khả. Khảo Thanh cho rằng: bả là bị thọt chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi không có vững; chữ viết từ bộ túc bộ ba thanh tĩnh.

Dung trường: Ngược lại âm trên ung long. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dung là đồng nhau, dung hòa. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: dung gọi là đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: dung là quân bình, ngay thẳng; chữ viết từ bộ nhơn thanh dung.

Quảng ngược: Ngược lại âm trên hoạch quang: sách Khảo Thanh cho rằng: quảng là bệnh. Ngược lại âm dưới ngưỡng lược. Sách Chu Lễ cho rằng: mùa thu thường hay có bệnh sốt rét. Sách Nguyệt Lịnh cho rằng: bệnh hàn nhiệt, khiến cho con người không có tiết ra nhiều mồ hôi cho nên thành bệnh sốt rét. Văn Tự Điển cho rằng: ngược là bệnh sốt rét. Chữ viết từ bộ tật đến bộ ngược, ngược cũng là thanh ngược.

Phế hà: Ngược lại âm trên bổ phệ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phế gọi là trừ bỏ đi người cộng sự, người làm việc cho mình. Sách Thuyết Văn cho rằng: phế là bệnh không thể chữa khỏi; chữ viết từ bộ tật thanh phát. Ngược lại âm dưới là hách da. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: bệnh gầy ốm. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: chứng bệnh phổi nên gầy ốm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh hà.

Nuy tích: Ngược lại âm trên ủy qui. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: nuy là bệnh vàng da. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nuy là bệnh liệt, gân thịt mềm nhũn không thể đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh tê bại tê liệt. Chữ viết từ bộ tật thanh ủy, hoặc là viết từ bộ ngạc viết thành chữ nuy, âm ngạc là âm tàn. Ngược lại âm dưới là tinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: tích đó gọi là chân nghiêng khô cứng không thể đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích cũng gọi là người không thể đi được. Chữ viết từ bộ túc thanh tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ tích này cũng thông dụng.

Bính thạch: Ngược lại âm trên là tích mãnh. Bì Thương cho rằng: bính là chạy tán loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bính là tán loạn, tung tóe. Chữ viết từ bộ xước thanh tinh, âm xước. Ngược lại âm sửu lược. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ túc viết thành chữ bính này cũng thông dụng.

Ngoan độn: Ngược lại âm trên ngũ quan. Ngược lại âm dưới đồn nộn. Theo Tả Truyện cho rằng: người mà tâm không lường được nghĩa đức kinh gọi là ngoan. Quảng Nhã cho rằng: ngoan cũng gọi là độn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: độn ngoan là ngu ngốc. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: độn là sự thấy biết tối tăm, ô trọc vẫn đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngoan viết từ bộ hiệt thanh nguyên chữ độn viết từ bộ kim thanh độn.

****

KINH LỤC ĐỘ TẬP - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Chúng hựu: Ngược lại âm can cứu. Danh hiệu của Đức Thế Tôn nói rằng: có đức chúng thì tự có sự bảo hộ. Hựu cũng giống như trợ, phò trợ, tiếng Phạn là bà-già-bà, nói cho đúng là bạc-già-phạm.

Sang sưu: Ngược lại âm lặc lưu. Sách Thượng Thư nói rằng: Vũ Vương ngày hôm sau khỏi bệnh, giống như là kém từ từ khỏi bệnh hẳn.

Bần lũ: Ngược lại âm cụ cự. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nghèo cùng cực thiếu thốn. Theo truyện cho rằng: lũ đó là không có lễ nghĩa. Tự Thư cho rằng: lũ là trống rỗng. Tam Thương cho rằng: không có tài sản dự bị cho lễ nghĩa gọi là lũ.

Chiên ngư: xưa nay viết chữ chiên nay cũng đồng. Ngược lại âm tri liên. Loại cá, vi cứng, thân dài sáu bảy thước đến hai trượng, lưng màu như nước trà h ơi vàng tro, thịt tanh, miệng cổ dưới rất lớn, sống gần biển.

Cấu hạng: Ngược lại âm cổ hạng, gọi là tu đà hoàn. Đây nói là bến cảng, cửa bể giao thương buôn bán, người qua lại, hoặc là nói đến bờ sông của cửa biển, nơi có thể đậu thuyền. Nay nói cấu hạng đó là lấy tên của con sông, nơi chỗ đậu thuyền.

Tần lai: đây là nói sai, viết đúng là đốn lai.

Duyệt ức: Ngược lại âm tha hoạt. Quảng Thất cho rằng: duyệt là

có thể vừa lòng.

Khoa tẩu: Theo Thanh loại viết chữ quá cũng đồng. Ngược lại âm khẩu hòa Tự Thư cho rằng: khoa là các hóc trong hang, cái tổ chim. Kinh văn viết chữ khoa này là sai vậy.

Đức thao: Ngược lại âm thổ lao, gọi là cái bao, vỏ đồ cất chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái bao kiến.

Độc chậm: Ngược lại âm trừ cấm. Loại chim lớn như chim điêu màu sắc tím xanh, cổ dài, mỏ đỏ hay ăn thịt rắn. Lông của chim này lấy ngâm trong rượu uống vào là chết tức thì.

Phiên bình: Ngược lại âm phủ viên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phiên là che đậy, bình là bức tường ngăn, phiên là che chắn cách ngăn. Sách Chu Lễ nói rằng: ngoài Cữu châu là nước Phiên.

Chước nhiệt: Ngược lại âm chi nhược. Quảng Thất cho rằng: đốt lửa cháy bừng lên, cũng gọi là sáng rực rỡ.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 2

Độn mại: Lại viết chữ độn này cũng đồng. Ngược lại âm đồ đốn. Quảng Nhã cho rằng: độn là trốn tránh, bỏ trốn nơi xa, bỏ đi. sách Thuyết Văn cho rằng: dời chuyển đi, cũng gọi là thối lui trở về, ẩn trốn. Ngược lại âm dưới là mạc giới. Quảng Nhã cho rằng: mại qua lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi rất xa.

Vô dạng: Ngược lại âm dư hướng. Nhĩ Nhã cho rằng: dạng là lo buồn. Quách Phác cho rằng: nay người ta gọi là vô dạng là không lo buồn, không việc gì hết.

Áo y: Ngược lại âm ư lục, ngược lại âm dưới là ư kỳ. Bì Thương cho rằng: trong lòng bi thương, cũng là tiếng thở than đau khổ. Kinh văn viết chữ hựu úc hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Giới ngôn: Ngược lại âm hồ giới. Sách Vận Tập cho rằng: tỏ ý kinh ngạc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lời trách mắng tiếng nỗi giận la hét. Văn thông dụng viết chữ hy nói lớn, giống như mắng vì giận, mắng mỏ, tiếng kêu gọi, trách giận đều là vậy.

Tể quỉ: Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ tệ này cũng đồng. Ngược lại âm bể thế. Té ngã phốc xuống, ngã nghĩa đốn ngang chặt ngang, đoạn (T527)lìa, nghĩa là ngã chết giữa đường.

Phi chích: Ngược lại âm Chi thạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàn chân, nay đều viết chữ chích này.

Quát nhĩ: Ngược lại âm công hoạt gọi là la hét inh ỏi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhiễu loạn, inh ỏi ồn ào, bên tai. Quảng Nhã cho rằng: la hét làm giựt mình kinh động.

Ương dưỡng: Ngược lại âm ư lượng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: công việc bận rộn của vua. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mất đi sự dung hòa. Trịnh Tiển lại cho rằng: ương là gánh vác trên vai, dời đổi chuyển giao, lấy làm điều hành công việc gọi là bận rộn.

Quyết từ: Ngược lại âm cổ huyệt. Văn thông dụng ghi rằng: nói lời chia tay với người sắp chết gọi là quyết. Theo Văn Tự Lập cho rằng: chia tay mãi mãi.

Đức huy: Ngược lại âm hư quy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huy là khéo léo. Sách Thượng Thư cho rằng: xưa nói huy là thông suốt ngũ điển. Vương Túc cho rằng: huy là tốt đẹp, huy hiệu tốt đẹp.

Xung xung: Ngược lại âm xướng cang. Sách Thuyết Văn cho rằng: xung là ý không định. Quảng Nhã cho rằng: xung xung là qua lại, tới lui. Chữ viết từ bộ đồng. Kinh văn viết từ bộ tâm đến bộ trọng, viết thành chữ trung, chữ này cùng với chữ xung không đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ trung là nghĩa chậm chạp, chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Trọng lưu: Ngược lại âm trúc dung, văn thông dụng cho rằng: nhiều sữa gọi là trọng. Nay người Giang nam cũng gọi sữa là trọng.

Phanh nhiên: Lại viết chữ tinh cũng đồng. Ngược lại âm phi manh. Tự Thư cho rằng: Âm thanh nước vỗ vào đá ầm ầm.

Thọ đạm: Lại viết chữ cảm cũng đồng. Ngược lại âm đạt lam, đạt cảm, hai âm. Quảng Thất cho rằng: đạm là cho ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạm là nhai, cũng gọi là cùng ăn với nhau.

Sàm nham: Ngược lại âm sĩ lam. Quảng Thất cho rằng: sàm nham là núi cao, cũng gọi là giữa vách núi cao mà hiểm trở. Kinh văn viết chữ sầm. Ngược lại âm thập kim, sầm sầm là núi cao.

Tôn tiểu: Sách Thuyết Văn viết nhiễu cũng đồng. Ngược lại âm sĩ giao, gọi là rất nhanh. Quảng Thất cho rằng: vượt qua rất nhanh, đánh thắng trận. Theo Thanh Loại cho rằng: nhanh chân lên phía trước. Kinh văn viết chữ tiểu này là chẳng phải.

Tập tàng: Ngược lại âm hạt lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cất chứa binh khí, cấm cất chứa đao kiếm, tập tụ.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 3

Chủy chủy: Ngược lại âm chi thùy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lo nơm nớp. Quách Phác chú giải rằng: lo sợ, gọi là lo sợ nguy hiểm.

Kháp kháp: Ngược lại âm khổ hạp gọi là kháp kháp là dụng tâm vừa đúng vừa vặn.

Hành bế: Ngược lại âm bổ nghệ. Quảng Nhã cho rằng: bế là thân thích yêu chiều, cũng gọi là được sủng ái, yêu mến. Sách Ích Pháp ghi rằng: người thấp hèn mà được yêu mến gọi là bế. Giải thích tên gọi là bế đó tức là thấp hèn, hạ tiện, lấy nhan sắc để lừa dối người, mà được yêu chiều, sủng ái, yêu mến đó gọi là bế.

Vẫn hạ: Ngược lại âm vu mẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vẫn là từ trên cao rơi xuống, gọi là người đọa lạc, bại hoại, hư hỏng.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 4

Trở hãi: Ngược lại âm trên trắc lữ. Sách Tự Thư cho rằng: thịt có bắp. Ngược lại âm dưới hồ cải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gọi là thịt băm nhuyễn. Quách Phác chú giải rằng: tức là thịt làm tương là vậy.

Thao san: Văn cổ viết hao thao hai chữ này cũng đồng. Ngược lại âm thảo cao. Âm dưới lại viết san cũng đồng, ngược lại âm thiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham lại gọi là tham tài của cải gọi là thao tham ăn gọi là san.

Bế thiếp: trước quyển thứ ba đã giải thích rồi. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ bế là chẳng phải vậy.

Nhu độc: Văn cổ viết sưu sửu hai chữ cũng đồng. Ngược lại âm nhi cứu. Văn thông dụng cho rằng: món ăn pha trộn gọi là nhu, tức là tạp loạn, lẫn lộn.

Cao tức: Ngược lại âm hứa khốc. Bì Thương giải thích rằng: nóng nhiệt, lửa cháy đỏ rực, cháy dữ dội.

Cừu hám: văn cổ viết truật cũng đồng. Ngược lại âm cựu ngưu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cừu là thù hận, oán hận gặp nhau gọi là cừu. Ngược lại âm dưới là hồ ám. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: hám là không hài lòng chất chứa oán hận trong lòng.

Chúng táo: Ngược lại âm tiên đáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bầy chim kêu hót.

Sâm nhiên: ngược lại âm sở kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: rừng nhiều cây mọc dài.

Bộ thương: Ngược lại âm bại giai. Sách Phương Ngôn cho rằng: bộ là cái bè tre. Người phương Nam gọi bộ, bè tre, người phương Bắc gọi là phiệt.

Chơn ngạn: Ngược lại âm nghi tiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: lời nói được lưu truyền, gọi là tục ngữ. chân cũng giống như thật vậy. Lời nói câu tục ngữ liễu đạt chân thật. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngạn này là sai vậy.

Nhiếp kinh: Theo Thanh loại viết chữ nhiếp này cũng đồng. Ngược lại âm chỉ diệp. Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là sợ hãi. Tự Thư cho rằng: nhiếp là thất thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong lòng kính phục, khiếp phục.

Trừ bộ: Ngược lại âm trực ư. Sách Thuyết Văn cho rằng: trù trừ, do dự.

Tí côn: Âm dưới viết côn. Lại viết quán cũng đồng. Ngược lại âm qua hồn.

Ngao ngao: Lại viết chữ ngao này cũng đồng. Ngược lại âm ngũ cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều tiếng khóc than buồn bã. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiếng chim kêu ảo não. Theo truyện cũng cho rằng: đến được an ổn tập hợp lại than thở.

Trách trước: Văn cổ viết chữ thác cũng đồng. Ngược lại âm trúc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra, mở ra. Hán Thư cho rằng: trong cảnh kỷ là mỗi hai năm sửa đổi hình phạt một lần đó gọi là khí là bỏ đi, trừ bỏ, ồn ào náo nhiệt.

Chỉ hoấc: Ngược lại âm khổ học. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoấc là đánh gõ. Kinh văn viết chữ giác này là chẳng phải, chữ xác này dùng nghĩa là kiên cố bền chắc. Ngược lại âm hồ giác, xác này nghĩa là đất mỏng, đất không có phù sa mầu mỡ.

Tử giác: Âm nam. Sách Nhĩ Thất cho rằng: giác là cây mai. Sở Quang chú giải rằng: ở Kinh châu gọi là cây mai, ở Dương châu gọi là cây giác, ở Ích châu gọi là cây xích biền, lá nó giống cây dương, không có trái hột.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 5

Xung xung: Lại viết chữ xung này cũng đồng. Ngược lại âm chúc dung. Sách Phương Ngôn cho rằng: lay động, lắc lư.

Đồng hoa ảm đạm liễu trinh xung.
Trì đối khinh ba liễu đối phong.
(Nguyên Chẩn).
Ngô đồng ảm đạm liễu phất phơ
Mặt ao gợn sóng, gió vờn dương.
Kinh văn viết chữ dung này là chẳng phải.

Để các: Ngược lại âm đinh lễ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: để là nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc nhà của triều đình (Quốc xá), thuộc nhà của quốc gia.

Cổ quảng: lại viết chữ cổ này cũng đồng. Ngược lại âm công hộ, âm dưới lại viết trúc hoằng. Văn cổ lại viết hoằng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cổ là xương đùi, bổn kinh gọi là cổ. Quảng Nhã cho rằng: cánh tay gọi là quăng.

Phó địa: Ngược lại âm bổ bắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phó là đốn té ngã ngữa, gọi là che chắn phía trước, chẳng thấy nên vấp té ngã.

Hú mạt: Ngược lại âm vu củ vu câu hai âm, gọi là hà hơi; tâng bốc người lên gọi là xuy hư. Sách Lễ Ký cho rằng: hú là chỉ cho trời đất sinh dưỡng vạn vật. Trịnh Huyền cho rằng: dùng khí gọi là hú, dùng thân thể gọi là khu âm hu, ngược lại âm hủ câu.

Thí hồ: Ngược lại âm cổ hồ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: giăng lưới bắt cá gọi là hồ. Quách Phác chú giải rằng: hồ là cái lưới lớn rộng.

Thóa chi: Ngược lại âm thiên ngọa, thóa cũng giống như là chém chặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Kinh văn viết từ bộ thủ, viết thành chữ tỏa, này nghĩa là làm nhục, chẳng phải nghĩa kinh.

Quyên ấp: Ngược lại âm ư duyên. Theo Thanh loại cho rằng: quyên là buồn rầu, ưu sầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyên là tức giận, nói lời đau thương, sầu khổ, phẫn uất.

Mã tích: Lại viết chữ hai chữ tích này cũng đồng. Ngược lại âm tử diệc, chữ tích này cũng giống như dấu tích vết chân còn lưu lại, cũng như chiếc xe lăn bánh còn để lại dấu tích của bánh xe.

Trách tuyệt: Nay viết chữ trách này cũng đồng. Ngược lại âm trắc cách, trách cũng giống như đè nén ép xuống. Nay gọi là chật hẹp chèn ép nên xuất mồ hôi.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 6

Thiết đôi: Ngược lại âm đồ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đôi là cây vòng sắt tán ở đầu cán để siết chặt cái đuôi của cây mâu kích. Kinh văn viết chữ thuần, ngược lại âm thị quân, thuần tên một loại nhạc khí cổ, hình như cái cối trên lớn dưới nhỏ, dùng để hòa với trống, âm bi ngược lại âm phủ bị, là chuôi của cây kích.

Yển đình: Ngược lại âm ô dữ, ngược lại âm dưới là đồ điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là thủ cung là con thằn lằn ở vách tường, hoặc gọi bích, tức con thằn lằn thường trong cỏ, gọi tích dịch tức là con rắn mối. Kinh văn viết chữ yến chân, chẳng phải thể chữ vậy.

Ngoa bệnh: Lại viết chữ ngụy hóa cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ngũ hòa. Theo Mao Thi Truyện chẳng: nói lời lừa dối dân chúng. Trịnh Tiển cho rằng: ngoa là giả dối lừa bịp cũng gọi là lừa bịp, dối trá không chơn thật.

Khiển tụy: Ngược lại âm suy chiến. Quảng Nhã cho rằng: khiển là quở trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tra hỏi phạt tội, chỉ trích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiển trách, la mắng. Âm tụy ngược lại âm tư túy. Tụy tức là quỉ thần gây họa.

Mộ tập: Ngược lại âm tầm lập, gọi là thói quen làm nhiều lần. Kinh văn viết chữ siểm. Ngược lại âm thương hiệp sữu hiệp hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: siểm là nói mãi. Theo Thanh Loại cho rằng: nói mãi không dừng nghỉ.

Dĩ lộ: Ngược lại âm lực cố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đưa tặng nhiều vàng bạc phương Nam. Theo truyện cho rằng: lộ là đưa tặng quà, đút lót, để nhờ vả một việc gì. Cũng gọi là vật nói rõ việc cầu xin, báo cáo lên.

Sắc đồng: Lại viết đại hội đằng ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ đắc. Sách Nhĩ thất cho rằng: loài sâu bọ ăn lá cây, gọi là sắc. Kinh văn viết chữ viên ngược lại âm cư viện. Sách Phương Ngôn cho rằng: ấu trùng loại bọ cam ở Từ Quan Đông cho rằng: ấu trùng trứng của con châu chấu là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phiên cổ: Lại viết chiêu đào cổ ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đồ cao, bắc giống như cái trống mà nhỏ hơn, cầm giữ có cái cán ngoài lắc lư, một bên gọi là tự động đánh. Sơn Đông gọi là cái trống ở nhà lao.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 7

Túc chích: Ngược lại âm chi thạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chích là bàn chân dưới. Nay cũng viết chữ chích nay. Kinh văn viết chữ chích này chẳng phải chánh thể.

Niết tiếp: Ngược lại âm nô hiệp. Ngược lại âm dưới hiệp, gọi là niết tức nặn, nắn tượng tiếp từ bộ hỏa đến bộ diêm viết thành chữ tiếp, nghĩa là điều hòa, nhiệt độ điều hòa.

Khô giải: Ngược lại âm khẩu hồ. Khô gọi là mổ phanh, moi móc trong bụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tách ra. Sách Phương Ngôn cho rằng: khô là giết mổ con thú. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khô giết mổ, âm thú là âm thích.

Kiện triệu: Ngược lại âm trị nhiễu. Tỏa Quảng Sung tìm bức triệu dài đốt sáng lên. Sách Lễ Ký cho rằng: loại cờ dùng lụa màu đen trên có hình rùa, rắn, treo lên làm lá cờ cán cong, treo nơi vùng hẻo lánh. Vùng biên giới. Trịnh Huyền cho rằng: giống như treo lá cờ này để tránh tai nạn.

Khiêu tuần: Lại viết chữ diêu nay cũng đồng. Ngược lại âm cổ nhiễu cổ điếu, hai âm, âm dưới lại viết tuần cũng đồng. Ngược lại âm tợ tuân. Tuần hành nơi biên giới che chắn giặc. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: gọi là đi du tuần nơi biên giới ngăn kẻ trộm, giặc cướp.

Mộc cảnh: Ngược lại âm da hạnh. Sách Trang Tử cho rằng: cành cây, cuống lá. Thổ cảnh Nhĩ, Tư Mã Bưu cho rằng: thổ cảnh, thổ nhơn, mộc cảnh cũng gọi là mộc nhơn nhĩ, cây thổ mộc. Loại cây mộc tương ngẫu, gọi là loại thực vật cây giống như hình người đều gọi là ngẫu.

Kiên đức: Hoặc nói là kiên trắc tha ca, dịch là nạp.

A-đàm: Ngược lại âm đồ nam.

KINH LỤC ĐỘ TẬP
QUYỂN 8

Đầu mạc: Trước không có âm, giải thích văn còn thiếu.

Sấn xỉ: Ngược lại âm sơ phẩu. Hủy cái răng sữa gọi là sấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đứa bé trai tám tháng mọc răng, đến tám tuổi là thay răng, đứa bé gái bảy tháng mọc răng, đến bảy tuổi hủy bỏ cái răng

sữa gọi là xỉ, chữ từ bộ xỉ thanh sấn.

Phao bát: Ngược lại âm phổ giao, phao là ném, vất bỏ. Bì Thương cho rằng: là đánh gõ, cũng gọi vất bỏ tài sản.

Chí nhiên: Lại viết vị cũng đồng. Ngược lại âm khẩu quí, khẩu quái, hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng thở mạnh. Sách Luận ngữ cho rằng: vị nhiên, tiếng Phạn của Hà Yến, tiếng than thở bùi ngùi.

Lệ trùng: Ngược lại âm lực chế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc (T528)loài trai ở trong biển giống như con sò người ta có thể ăn được.

Viết-nam: tiếng Phạn, tên của vua Chuyển Luân Thánh Vương.

Hàng dưỡng: Ngược lại âm trên hà lãng. Âm dưới là dưỡng, đều là chữ tượng thanh. Sách Sở Từ cho rằng: kháng dưỡng mà không thể trì trệ trể nãi. Vương Dật chú giải rằng: hàng dưỡng cũng giống như gió to sóng lớn dâng rất cao. Kinh văn viết quang dương. Ngược lại âm quang dương đều là chữ bình thanh. Chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Chích ông: Ngược lại âm chi thạch, gọi là thêm vào, thêm vào đôi giày cho Lão ông.

Hài yên: Ngược lại âm hồ đại văn thông dụng cho rằng: tai nạn sầu lo, buồn bã gọi là hài, hài cũng gọi là khổ, hài cũng gọi là oán hận.

Quyên thống: Ngược lại âm ô huyền, gọi là tay chân đau nhức. Sách Trương Tập Tạp Tự cho rằng: thống là bệnh ngứa, quyên là bệnh đau nhức, chân mõi. Trong kinh viết chữ quyên này cũng đồng.

****

KINH THÁI TỬ TU ĐẠI NOA - *Huyền Ứng soạn.*

Đàn-đặc sơn: hoặc nói Đan-đa-la-ca sơn, hoặc gọi là Đàn-đà sơn. Đây dịch là núi âm.

Tu-đại-noa: Ngược lại âm nữ da, hoặc nói là tu-đạt-noa, hoặc nói là Tô-đà-sa-noa, đây dịch là thiện, cũng gọi thiện thí hay ban cho.

Thương thiên: Ngược lại âm thố lãng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quan Tâm là ông trời. Lại chú giải rằng: vạn vật sanh đều do ông trời, tự thiện thương nhiên.

Ngạc nhiên: Tự Thư cho rằng: hoặc là viết ngạc cũng đồng, ngược lại âm ngũ các, gọi là kinh ngạc.

Vi xí: văn cổ viết chữ chí cũng đồng. Ngược lại âm xích chí. Lá cờ phất phơ, văn thông dụng Tự Ký ghi rằng: cờ xí. Quảng Nhã cho rằng:

cái phướn, cái phan. Sách Mặc Tử ghi rằng: đó là lá cờ dài một trượng năm thước rộng nửa bức.

Quyên phi: Ngược lại âm nhất tuyền. Tự Lâm cho rằng: quyên phi là loài côn trùng bò lút nhút. Dưới sách cổ viết chữ phi nay đều viết chữ phi này cũng đồng. Ngược lại âm bổ vi phi cũng gọi là phi dương tức là con gián.

Hâm ngâm: Ngược lại âm khứ hàm khứ ngâm, hai âm. Ngược lại âm dưới là ngữ hàm nghi kim. Quảng Nhã cho rằng: hâm ngâm là cao ngất, cũng gọi là thế lực cao vùng đất núi cao hiểm trở.

Tha nga: Ngược lại âm tài hà. Ngược lại âm dưới ngã đa. Quảng Nhã cho rằng: tha nga là núi cao mà lởm chởm. Sách Sở Từ chú giải rằng: núi cao chót vót lởm chởm che khuất gọi là tha nga.

Tam truy: Ngược lại âm trực truy. Sách Thuyết Văn nói rằng: xuất ra trên trán. Nay người Giang nam nói truy là da đầu trên trán, lấy làm gối kê lên phía sau gáy cho cao lên, tên là chẩm. Kinh văn viết chữ truy này chưa thấy chữ xuất ra từ sách nào.

Thần xỉ: Ngược lại âm đinh khả. Quảng Nhã cho rằng: di là xấu xí. Dáng mạo xấu xí, kinh văn viết chữ xỉ, ngược lại âm sung nhĩ sữu á, hai âm chẳng phải nay dùng.

Đột kham: Ngược lại âm đồ kiết. Bao Phác Tử viết chữ đột nghĩa đột là nổi lên. Thiên Thương Hiệt viết chữ đột này nghĩa là không bình thường. Kinh văn viết chữ đột này chẳng phải thể. Âm dưới là khoang. Bì Thương cho rằng: khoan là xương khu. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương bắp đùi trên.

Hạ dương: Ngược lại âm dư dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bọ chét, chữ viết từ bộ trùng. Nay đều viết chữ dưỡng chữ âm gần giống. Lại cũng viết chữ dương này, lại âm tợ dương, dương tên của một bệnh ngứa chẳng phải chữ của nghĩa kinh.

Thị Tĩnh: Ngược lại âm tử trình. Sách Chu Lễ cho rằng: chín nhà làm tĩnh vuông là một dặm. Bạch Hổ Thông cho rằng: bởi vì tĩnh là chợ cho nên gọi là thị tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tám nhà làm một tĩnh, giống như cấu trúc tượng hình ngày xưa không có chợ, lợi dụng lúc sáng sớm đến giếng (tĩnh) múc nước, mọi người đem đồ vật ra bán trao đổi, người sau gọi chợ là thị tĩnh ().

****

KINH PHẬT THUYẾT CỬU SẮC LỘC - *Tuệ Lâm soạn.*

Phất bính: Ngược lại âm trên phân vật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phất là phủi bỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: phất là lau chùi. Lại chú giải sách Lễ Ký rằng: phất trừ bỏ phủi bỏ bụi trần. Quảng Nhã cho rằng: phất cũng là trừ bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: phất là vỗ nhẹ, gõ, đập đập xuống cho bụi bay đi; chữ viết từ bộ thủ thanh phất. Ngược lại âm dưới là binh mạng. Tự Thư cho rằng: bính là cầm nắm cái cán, nắm cầm cán đao, thao luyện binh, điều khiển binh tướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh bính.

Lại sang: Ngược lại âm trên cư ngụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cư là ngồi xổm; chữ viết từ bộ túc thanh cứ.

Trách số: Ngược lại âm tranh cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là nỗi giận, chỉ trích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách là la hét lớn, từ bộ khẩu thanh trách, hoặc viết từ bộ viết thành chữ trách.

Sát đề: Ngược lại âm xác hạn tiếng Phạn.

****

KINH BỒ ĐỀ SIỂM TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Mi lộc: Ngược lại âm mỹ bi. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đến mùa đông là cởi bỏ cái sừng đó. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại nai.

Bàng hoàng: Ngược lại âm bổ quang. Ngược lại âm dưới là hồ quang, nghĩa bàng hoàng hồi hợp.

Nghiệp nghiệp: Ngược lại âm ngũ hợp ngũ hạp, hai âm. Bì Thương cho rằng: đá chất chồng lên cao vút. Âm diệp ngược lại âm tài hợp. Kinh văn viết chữ nghiễm là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT SIỂM TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cấu khanh: Ngược lại âm trên cẩu hầu: Sách Thuyết Văn cho rằng: nước trong ngòi rảnh, rộng bốn thước, sâu bốn thước gọi là cấu. Chữ viết từ bộ thủy thanh cấu, ngược lại âm dưới là khách canh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khanh gọi là cấu, hang cốc, hố sâu. Chánh Tự

xưa nay cho rằng: khanh là gò đất cao, có hào bao quanh; chữ viết từ bộ thổ thanh khanh, âm kháng ngược lại âm khang lãng.

Hùng bi: Ngược lại âm trên hứa cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con heo ở trên núi, đến mùa đông ẩn mình trong hang để kiếm mồi, chân của nó giống như tay người nắm lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ năng đến bộ hỏa. Ngược lại âm dưới là bỉ tiết. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: giống như con gấu mà đầu nó dài hơn, chân cao hơn, có sức mạnh dũng cảm nhiều hơn có thể nhổ cây lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con gấu mà có màu sắc trắng vàng, chữ viết từ bộ võng đến chữ hùng, âm ngược lại âm hồ cam.

Đạo địa: Ngược lại âm đào đáo. Lưu Triệu chú giải sách Cốc hương rằng: đạo là chân mang giày đạp lên. Quảng Nhã cho rằng: đạp lên mà đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp, giẫm lên; chữ viết từ bộ túc thanh thao, âm thao ngược lại âm diêu tiểu.

Bố cứ: Ngược lại âm cự ngự. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ là sợ hãi. Sách Khảo Thanh cho rằng: cứ cũng là sợ, lo sợ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh cứ. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ cứ là chẳng phải, âm xước ngược lại âm sữu lược.

Bàng dương: Ngược lại âm trên bạc mang. Ngược lại âm dưới là dư chương. Sách Quốc ngữ cho rằng: Bình doanh dạo chơi trong núi rừng, ngao du sơn thủy. Cố Dã Vương cho rằng: bàng dương cũng giống như bồi hồi, đi đi, lại lại loanh quanh đi quanh quẫn. Xưa nay Chánh Tự đều viết hai chữ từ bộ xích đều thanh dương phương, bàng cũng là âm xích ngược lại âm sữu xích.

Quả lõa: Ngược lại âm dưới loa quả. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thuộc quả đào quả lý. Ứng Thiệu chú giải sách Hán Thư rằng: trái của cây thật gọi là quả. Trái của loại dây leo cỏ gọi là lõa. Sách Khảo Thanh cho rằng: lõa là loài dây leo như là dây dưa hấu, dưa Tây có hột. Sách văn Tự Điển nói rằng: quả trái thật chưa chín không thể đem vào chợ mà bán được, tượng hình giống như trái còn ở trong nước. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ quả, văn thường hay dùng viết chữ lõa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh oa, âm oa là âm canh.

Môn mạc: ngược lại âm trên mạc bôn. Ngược lại âm dưới là môn bác. Theo Thanh Loại cho rằng: môn cũng giống như mạc. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: mạc gọi là an ủi vỗ về. Cố Dã Vương cho rằng: mạc là lấy tay sờ mó, kéo ra, lôi ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: môn tức là vũ, tức là vỗ về, nắm giữ tuân theo, cũng tức là chà

sát. hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh môn mạc âm tuần là âm tuần, âm sách ngược lại âm thừa tác.

****

KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH - *Huyền Ứng soạn.*

Tập độc: Văn cổ viết chữ tập này cũng đồng. Ngược lại âm từ lập, tập là nhận chịu. Quảng Nhã cho rằng: tập là kế thừa, cũng gọi là hợp, như cũ, nhiều lần không thay đổi.

Cố chất: Ngược lại âm chi dật. Kinh Thái Huyền nói rằng: thọ nhận tư chất còn nghi ngờ. Tống Trung cho rằng: chất vấn. Quảng Nhã cho rằng: chất cũng gọi là hỏi vặn hơi, ân cần, xác định.

Mong hội: Ngược lại âm mạc công, gọi là có con mắt mà không có con ngươi nên không thấy gọi là mong, ngược lại âm dưới là ngũ quái. Mới sinh ra mà không nghe được gọi là hội. Hội cũng gọi là không biết gì hết.

Không ngoan: Lại viết chữ nhân cũng đồng, ngược lại âm ngũ hoàn. Quảng Nhã cho rằng: ngoan là đoan ra. Sách Sở Từ cho rằng: ngoan là vật vuông, gọt vót cho tròn. Vương Dật cho rằng: ngoan tướt ra lột ra.

Áo y: Ngược lại âm ư lục. Âm dưới là ư kỳ. Bì Thương cho rằng: bên trong đau khổ bi thương. Lại gọi là tiếng thở than đau khổ. Kinh văn viết hựu út út, ba chữ tượng hình đều chẳng phải chánh thể.

Tham giá: Ngược lại âm thông hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giá là chiếc xe đóng ba ngựa, hai ngựa đóng ngoài cửa xe tứ mã. Hai ngựa đi trong gọi là phúc, hai ngựa đi ngoài gọi là tham, có sức. Người đi cùng xe, phép đi xe ngày xưa, ở trước ba người, người dẫn đường ngồi bên trái, người đánh xe ở giữa gọi là phi, âm phi là âm phi.

Tham đầu: Ngược lại âm ngưu cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cúi đầu. Quảng Nhã cho rằng: lắc đầu, gọi là người làm trò hề lắc đầu qua lại. Nay người Giang nam gọi là nắm lấy đầu lắc lắc là tham tham, cũng gọi là tiếu nhơn là người say rượu, âm tham, ngược lại âm tô cảm.

Tuyển nhuyễn: Ngược lại âm diện cổn. Theo chữ tuyển nhuyễn giống như tu du, trong giây lát, chỉ một chút thời gian. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: chỉ trong chốc lát. Văn thường hay dùng gọi là tuyển nhuyễn, nói rằng đưa đẩy phó thác không chịu không bằng lòng

khẳng định là vậy. Trong văn hoặc là viết tuyển nhuyễn, hoặc viết tuyển nhu là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nục mi: Lại viết chữ nục này cũng đồng. Ngược lại âm nữ trúc, ngược lại âm dưới nữ để, văn thông dụng cho rằng: hổ thẹn, xấu hổ, gọi là nục ni.

Tài hữu: Ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã cho rằng: Tài là tạm thời. Sách Đông Quán Hán ghi rằng: chẳng qua trong giây lát, không lâu.

Hà tử: Lại viết chữ tử cũng đồng, ngược lại âm tử di, tử là đo lường, suy nghĩa. Kinh văn viết chữ tử này nghĩa chữ tử là tài của vật báu, chẳng phải thể.

****

KINH PHẬT THUYẾT THÁI TỬ DỤC PHÁCH - *Tuệ Lâm soạn.*

Sanh mai: Ngược lại âm dưới mại bài. Tự Thư cho rằng: mai chôn dấu, cất chứa. Khảo Thanh cho rằng: mai là chìm sâu, chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ phanh lý, hoặc là viết chữ mai.

Tát thành: Ngược lại âm thạch chinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thành là chỗ đông dân cư trú. Chữ viết từ bộ thổ thanh thành, kinh văn viết chữ thành này là chẳng phải thể chữ vậy.

Trừ tư: Ngược lại âm trực lư. Sách Khảo Thanh cho rằng: trừ là tích chứa. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: trừ là chứa vật để làm phòng bị. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh chư.

Uyển chuyển: Ngược lại âm oán nguyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển chuyển giống như là nằm từ bộ tịch đến bộ tiết. Từ bộ xa viết thành chữ uyển là chẳng phải âm tiết là âm tiết.

Kịch ngã: Ngược lại âm linh đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe lăn bánh nghiền nát từ bộ xa thanh lạc. Kinh văn viết chữ tích ngã. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là nghiêng một bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là trốn trách. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tích là theo một bên dẫn dắt, kéo lôi, chẳng phải nghĩa kinh, nghĩa khác lạ chữ tích ngược lại âm thất xích.

Hổ bôn: Ngược lại âm trên hồ cổ, ngược lại âm dưới bác môn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hổ bôn là danh xưng của dũng sĩ, chỉ cho sức mạnh như hổ chiến đấu không lui bước. Sách Chu Lễ nói rằng: tộc bôn thị nắm trong tay cây giáo đánh với Vương Xa

phải bỏ chạy. Kinh văn viết từ bộ cân viết thành chữ hổ là chẳng phải, bôn từ bộ bởi thanh bôn âm bôn là âm vi.

Tẩu thú: Ngược lại âm mẫu khác. Sách Nhĩ Thất cho rằng: loài thú có bốn chân, có lông. Thiên Thương Hiệt cho rằng: thúc có bốn chân nó chạy. Quảng Nhã cho rằng: loài thú được trông nom coi sóc. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ thủ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thú nghĩa là đi săn mùa đông. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phóng lửa thiêu đốt cỏ cũng gọi là thủ chẳng phải nghĩa của kinh.

Chưng chữ: Ngược lại âm trên là chi nhưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chưng gọi là lửa bốc hơi đi lên. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chưng. Kinh văn viết từ bộ thảo, viết thành chữ chưng là sai. Ngược lại âm dưới là chư nhữ. Chữ cũng giống như chưng nghĩa là chưng nấu thức ăn. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chữ, kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ mạc là chẳng phải.

****

KINH VÔ TỰ BẢO NGHI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tàm quí: Ngược lại âm tạp cam. Sách Thượng Thư cho rằng: chỉ có người biết hổ thẹn mới có uy đức. Sách Thuyết Văn cho rằng: tàm cũng là quí là xấu hổ, chữ viết từ bộ tâm thanh trảm, hoặc là viết chữ (T529)tàm. Âm tàm ngược lại âm tàm cảm, chẳng phải nghĩa của kinh.

****

KINH ĐẠI THỪA LY VĂN TỰ PHỔ QUANG MINH TẠNG

Tuệ Lâm soạn.

Như diệm: Ngược lại âm diệp tiệm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lửa cháy sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: hỏa diệm, lửa cháy dữ tợn; chữ viết từ bộ hỏa, thanh diệm. Kinh văn viết chữ diệm, văn thường hay dùng, âm tiệm, ngược lại âm tiếp diễm.

****

KINH ĐẠI THỪA BIẾN CHIẾU QUANG MINH TẠNG VÔ TỰ PHÁP MÔN

(Không có chữ có thể giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT LÃO NỮ NHƠN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thống dương: Ngược lại âm dương dưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dương là hơi có bệnh. Sách Lễ Ký cho rằng: con chí con bọ chét không dám cắn ngứa. Trịnh Huyền chú giải sách Hiếu Kinh rằng: ngăn chặn con bọ chét cắn làm ngứa ngáy khó chịu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dương là con muỗi kim, muỗi mắt nhỏ; chữ viết từ bộ trùng thanh dương. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: hoặc viết chữ dưỡng. Sách Vận Anh Lược viết chữ dương này.

Tương giai: Ngược lại âm khách giai. Quảng Nhã cho rằng: giai là lau chùi, chà sát. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh giai.

Hữu tảng: Ngược lại âm diệp lang. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái trống khuông. Tự Thư cho rằng: trống tài. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tảng, âm thủ ngược lại âm hồ thọ.

Phu đả cổ: Ngược lại âm trên là phủ vô. Cố Dã Vương cho rằng: phu là cái dùi trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái oán dùi cầm đánh trống, chữ viết từ bộ mộc thanh bao. Kinh văn viết từ bộ phu viết thành chữ phù, âm phù là âm phu. Sách Luận ngữ cho rằng: cái trống lớn gọi phạt, trống nhỏ gọi là phu, chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là cô ngũ. Chữ cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Đúng thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khải đến bộ phộc, giống như là cờ nắm trong tay. Trong kinh viết từ bộ bì viết thành chữ cổ văn thông dụng thường hay dùng là chẳng phải. Âm khải ngược lại âm chu lũ, âm phốc ngược lại âm phổ bốc.

Lay lão: Ngược lại âm lụy nguy. Trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi.

****

KINH PHẬT THUYẾT LÃO MẪU - *Tuệ Lâm soạn.*

Tương toàn: ngược lại âm dưới là tổ loan. Cố Dã Vương cho rằng: toàn gọi là cái dùi khoan đục xuyên qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái khoan xuyên qua đá, chữ viết từ bộ kim thanh toàn.

Chùy cổ: Ngược lại âm truy quỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy là dùng cây gậy đánh nện, chữ viết từ bộ thủ thanh thùy.

Cầm thú: Ngược lại âm cập kim. Bạch Hổ Thông cho rằng: cầm đó là tổng gọi tên chung của loài chim chóc thú cầm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có hai chân mà yếu gọi là cầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tượng hình giống như cái đầu, chữ viết từ bộ nhữu thanh kim, tương tợ như cái đầu của đứa bé. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ cầm này là chẳng phải âm nhữu ngược lại âm nhu trữu.

****

KINH PHẬT THUYẾT LÃO MẪU NỮ LỤC ANH - *Tuệ Lâm soạn.*

Quỳnh quỳnh: Ngược lại âm quí dinh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quỳnh là lo lắng đơn độc không có anh em, gọi là quỳnh, là không có con cái gọi là độc. Tự Thư cho rằng: quỳnh quỳnh là không có chỗ để cậy nhờ. Hoặc từ bộ nhĩ viết thành chữ quỳnh. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ quỳnh từ bộ hề đến bộ tử viết thành chữ quỳnh này là sai.

Tùng toại: Âm toại. Đỗ Dự chú giải truyện rằng: toại là dụng cụ lấy lửa thời xưa. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: năm loại thạch đồng, tinh luyện thành ống tròn lấy đưa lên hướng mặt trời tức thì có lửa. Sách Khảo Thanh cho rằng: toại đó là nay người ta gọi cái kiếng (gương) lấy lửa. Cái gương đó có đường kính tròn hai tấc, nhiều khi còn có vân trên mặt, có chỗ trũng lấy chiếu ngay mặt trời, nhân đây liền được lửa. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh toại. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc viết từ bộ kim viết thành chữ toại. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc viết từ bộ xa viết thành chữ toại, âm qua ngược lại âm ô qua.

Quá cổ: Ngược lại âm trên trái oa. Theo Thanh Loai cho rằng: quá là cái dùi trống. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là đánh gõ. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ trúc, viết thành chữ quá này.

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Lậu tiết: Ngược lại âm tự liệt. Quảng Nhã cho rằng: tiết là nước tràn ra ngoài. tiết cũng là lậu, cũng gọi là phát ra.

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ
QUYỂN HẠ

Môn khổn: Lại viết chữ khổn này cũng đồng. Ngược lại âm khổ bổn. Tam Thươgn cho rằng: khổn là cửa ngăn chặn lại.

Vũ lang: Trụ văn viết chữ vũ này cũng đồng. Ngược lại âm vong vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà nhỏ hơn vây quanh nhà lớn cũng gọi là vây quanh hành lang, cũng gọi là nhà lớn.

Hột da: Ngược lại âm hồ một.

Tỳ chất: Ngược lại âm tri lật đều tên của vị thần.

Chi na: tên của nước thời Đường, hoặc nói là chấn đản. Hoặc gọi tổng tên chung của nước Chân Đan Thần Châu.

****

KINH NGUYỆT QUANG ĐỒNG TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Dĩ sách: Ngược lại âm sở cách. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tìm tòi, lục lọi tận cùng hết sạch. Lại viết tích này.

Ế viết: Ngược lại âm ư kế. Quảng Nhã cho rằng: che đậy ẩn giấu. Sách Phương Ngôn cho rằng: ế cũng là che đậy ẩn giấu.

Thao thiên: Ngược lại âm thảo cao. Sách Thượng Thư cho rằng: thao là nước ào ào cuồn cuộn. Khổng An Quốc cho rằng rằng: nước toàn ngập bờ sông, lại nói rằng: Thao là nước đầy, nước lớn, giống như nước dâng lên đầy cả bầu trời.

Chí điểu: Ngược lại âm chi lợi, giống chim hung dữ. Quảng Nhã cho rằng: chí là chấp cầm nắm, gọi là có thể nhiếp phục giống chim này. Loài chim dũng mãnh rất nhạy bén đó gọi là chim ưng, diều hâu. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ trập ngược lại âm trừ lập. Loài côn trùng loài thú đến mùa đông ẩn mình bất động. Chữ trập chẳng phải

nghĩa đây dùng.

Chiếp thoán: Ngược lại âm cổ giáp. Sách Nhĩ Thất cho rằng: chiếp là sợ hãi. Quách Phác chú giải rằng: tức là khiếp sợ, lo sợ.

Độn tàng: Lại viết chữ độn hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ đốn. Quảng Nhã cho rằng: là bỏ trốn đi, ẩn giấu.

Dăng miệt: Ngược lại âm miên kiết. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: miệt là con muỗi mắt, con bọ mắt. Quách Phác chú giải rằng: loài côn trùng nhỏ giống như ký sinh trùng nhỏ nhất, sống theo gió, mưa, nơi hang hốc.

Tỉ nghê: Hoặc là viết nhan nhi. Lại viết phiến nghê, hai chữ tượng hình. Tự Lâm cho rằng đồng ngược lại âm phổ mễ, âm dưới là ngũ thể, tỉ nghê nghiêng người không có đúng, đứng không vững.

Phả ngã: Ngược lại âm phổ ngã, gọi là dao động không an. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ phả ngã, hoặc là viết từ bộ sơn viết thành chữ phả ngã đều chẳng phải.

Tương đốn: Văn cổ viết chữ đôn chánh đình ba chữ tượng hình nay đều viết đồng như vậy. Ngược lại âm trạch đợt, gọi là xúc chạm va chạm, khích lệ.

Đê mạn: Ngược lại âm tha lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lụa màu vàng đỏ, vải lụa màu đỏ pha nhiệm với các màu sắc khác.

Xích chủy: Nay viết chữ thúc này cũng đồng. Ngược lại âm túy lũy. Quảng Nhã cho rằng: chủy là cái miệng. Tự Thư cho rằng: cái mỏ con chim, hoặc viết chữ chủy này, văn cổ viết chữ chủy.

Hoắc nhiên: Ngược lại âm hồ quách. hoắc cũng gọi là mau chóng, dáng mạo vội vàng. Kinh văn viết chữ hoắc này sai.

Thám đạo: Ngược lại âm tha hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thám là lấy tin. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy tin từ xa gọi là thám.

****

KINH NHẬT NHI THÂN NHẬT
(Đây gọi là tịnh đầu) - *Huyền Ứng soạn.*

Vô ngân: Lại viết chữ cấn này cũng đồng. Ngược lại âm cấn này cũng ngân là đánh trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: nơi vùng đất xa, cũng gọi là bờ bến.

Câu kỳ: Hoặc nói là cư chỉ la điểu, đây dịch là loài chim có tiếng hót rất hay. Kinh văn viết kỳ này là sai.

Hạc áp: Ngược lại âm hồ khác. Âm dưới lại viết áp cũng đồng. Ngược lại âm trúc giáp, hạc là loài chim giống như chim trĩ. Nhưng mà lớn hơn, lông màu xanh, tính đá nhau đến chết mới thôi.

Hồng diêm: mượn âm, ngược lại âm dĩ thiềm. Chánh Tự viết chữ diêm này. Lại viết chữ diêm nghĩa là sáng rực.

Hằng nhiên: Ngược lại âm ca đặng, chữ hằng cũng giống như chữ hằng, hằng nghĩa thông suốt.

****

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỞNG LÃO CHẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cái thực: Ngược lại âm trên là các nghệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: người đi xin ăn, người tiêu mất hết tài sản thì đi xin ăn; chữ viết từ bộ đến bộ vong. Kinh văn viết chữ cái, văn thường hay dùng.

Cao táo: Ngược lại âm dưới tao tảo. Sách Chu Dịch cho rằng: nước chảy ẩm ướt, lửa chính là làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: táo là làm cho khô; chữ viết từ bộ hỏa thanh táo, âm táo ngược lại âm tao đáo.

Nhiễu ngã: Ngược lại âm nô điểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiễu loạn, quấy rối, làm trò cười, chọc ghẹo; chữ viết từ bộ nữ thanh nhiêu.

Nhuyễn động: Ngược lại âm nhuận doãn. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng không có chân gọi là nhuyễn có chân gọi là trùng. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: loài côn trùng nhỏ nhít. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhuyễn cũng là động, chữ viết từ bộ trùng thanh nhuyễn, âm nhuyễn, ngược lại âm nhi diễn. Kinh văn viết chữ nhuyễn này là chẳng phải.

Khắc lũ: Ngược lại âm trên là khẳng lặc, âm dưới lũ đậu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khắc kim loại chạm chỗ gọi là lũ, điêu khắc chạm chỗ gọi là lũ, điêu khắc chạm chỗ trên gỗ gọi là khắc. Quách Phác chú giải rằng: điêu khắc chạm chỗ, khắc chạm, rèn đúc sửa chữa trên kim loại, chất bạc. Đỗ Dự chú giải rằng: chữ viết từ bộ đao thanh khắc, chữ lũ viết từ bộ kim thanh lũ. Kinh văn viết chữ lũ là văn thường hay dùng.

****

KINH PHẬT THUYẾT BỒ TÁT THỆ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhiêu ngã: Trước kinh Trưởng Giả Tử Chế đã giải thích rồi.

Quyên phi: Ngược lại âm trên là nhất duyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyên đó là loài ấu trùng. Theo truyện cho rằng: loại ấu trùng màu đỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh quyên. Ngược lại âm dưới là phì vị. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phi tức là ấu trùng của con châu chấu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phi là loại ấu trùng của con bàn phủ xú. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều là chữ hình thanh.

****

KINH PHẬT THUYẾT THỆ ĐỒNG TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phi ca sa: Ngược âm trên là phi. Cố Dã Vương cho rằng: phi đó gọi là áo chẻn cục tay xưa mặc trên lưng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ở trên lưng gọi là phí. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cân thanh bì. Kinh văn viết từ bộ y viết thành chữ bị cũng thông dụng, chữ mượn âm dùng.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI VẤN BỒ TÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Trọng đảm: Ngược lại âm trên là trục lung. Ngược lại âm dưới là đam lam. Quyển trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi.

Lợi độn: Ngược lại âm đột khổn, quyển trước kinh Đại thừa tạo (T530) tượng công đức đã giải thích rồi.

****

KINH ĐẠI THỪA GIÀ DA SƠN ĐẢNH

Bồ Đề Lưu Chi - Tuệ Lâm soạn.

Tường bích: Ngược lại âm tương dương. Sách Luận ngữ cho rằng: vách tường của Phu Tử có nhiều thước. Khổng An Quốc chú giải rằng: bảy thước gọi là một nhẫn. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: vách tường

dày ba thước. Sách Thượng Thư cho rằng: không dám vượt qua bức tường phẳng. Cố Dã Vương cho rằng: bức tường cũng bằng phẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tường thanh tường, âm tường là âm sàng, âm sắc là âm sắc hoặc là viết tường. Lại viết chữ tường, cũng viết chữ tường, tuy thông dụng, nhưng nay đều không dùng.

Thời diệm: Ngược lại âm diêm tiệm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lửa cháy lan nhỏ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ngọn lửa cháy sáng rực hơn ngọn lửa nhỏ và nó cháy sáng theo thứ tự không thể dập tắt chết hẳn được. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngọn lửa cháy sáng rực như núi lửa, chữ viết từ bộ diễm thanh khảm âm khảm là âm hãm, âm chước là âm dương nhược.

Phân tích: Ngược lại âm tinh diệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phân tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẻ cây ra chặt ra. Chữ viết từ bộ mộc thanh cân. Kinh văn viết từ bộ thủ đến bộ phiến, văn thường hay dùng.

Cố luyến: Ngược lại âm cổ bố. Trịnh Tiển chú giải sách Mao Thi Truyện rằng: quay đầu lại nhìn gọi là cố, cố cũng giống như là nhìn theo vậy. Lại cũng gọi là nhớ nghĩ. Quảng Nhã cho rằng: quan tâm chiếu cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hiệt thanh cố, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, âm cố đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ cố văn thường hay dùng.

Sa lịch: Ngược lại âm linh đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: sa lịch là đá vụn. Chữ viết từ bộ thạch thanh lạc. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ sa cũng thông dụng.

Hệ niệm: Ngược lại âm hề nghệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: hệ gọi là trong lòng nhớ nghĩ hoài không quên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh hệ âm hệ, ngược lại âm hề kế.

Hành cản: Ngược lại âm trên hạnh canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gốc cọng cỏ gọi là hành. Sách Khảo Thanh cho rằng: trúc tre gọi là cố, cây gọi là mai, tức là một gốc cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh khinh. Ngược lại âm công lãnh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cản là nhánh cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: cản là thân cây lúa, chữ viết từ bộ hòa thanh cản, hoặc là viết chữ cản nay không dùng. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ cản. Sách Thuyết Văn nói cản tên của loại rau cần, nghĩa khác lạ chẳng phải nghĩa kinh.

****

KINH ĐẠI THỪA GIÀ LA SƠN ĐẢNH

Nguyên Ngụy Lưu Chi - Tuệ Lâm soạn.

Biện phát: Ngược lại âm trên là biền miện. Sách Thuyết Văn cho rằng: biện gọi là thắt bím đuôi sam tóc, chữ viết từ bộ mịch thanh biện âm biện, ngược lại âm biệt miễn. Kinh văn viết từ bộ biên viết thành chữ biện là sai, âm biền ngược lại âm bổ miên, âm miện, ngược lại âm miên điển.

Giải đãi: Ngược lại âm trên giai mại. Ngược lại âm dưới đài nãi. Trước kinh Thuận Quyền Phương Tiện quyển thượng đã giải thích rồi.

Bì quyện: Ngược lại âm trên là bị bi. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bì là lao nhọc. Quảng Nhã cho rằng: bì là mõi mệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh bì âm tật ngược lại âm nữ ách. Chữ quyện hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ quyện, cũng thông dụng.

Phấn tấn: Ngược lại âm trên phân vấn. Quảng Nhã cho rằng: phấn chấn thư thả thoải mái. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phấn là động. Sách Thuyết Văn cho rằng: phấn cũng giống như là bay lên, chữ viết từ bộ truy trong bộ điền, âm trên truy là âm tuy.

****

PHẬT THUYẾT KINH ĐỘC TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cốc thủ: Ngược lại âm trên câu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cốc thủ là con cừu cái, chữ cốc chánh thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc là viết từ bộ tử viết thành chữ cốc. Kinh văn viết từ bộ thủ, viết thành chữ cấu là liên lụy biết nghĩa lý không rõ ràng, cùng với nghĩa kinh khác lạ âm sủy, ngược lại âm nô quan.

Thiết ác: Ngược lại âm phiến miệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiết là buồn rầu, bực tức. Sách Phương Ngôn cho rằng: thiết cũng là ác. Quách Phác chú giải rằng: thiết là buồn bực tính nóng nảy bồn chồn. Xưa nay Chánh Tự viết bộ tâm thanh tệ, âm tệ ngược lại âm tỳ duệ, âm phó là âm phu.

Nhủ trùng: Ngược lại âm trủng lung. Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử truyện rằng: trùng là dòng sữa tiết ra, nay người ở Giang nam cũng gọi sữa là trùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dòng sữa tiết ra, chữ viết từ bộ thủy thanh trùng, âm lung ngược lại âm long dụng.

PHẬT THUYẾT KINH NHŨ QUANG PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Để tháp: Ngược lại âm trên đê lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: để là xúc chạm, va chạm; chữ viết từ bộ ngưu đến bộ để cũng là thanh. Ngược lại âm dước đàm hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp giẫm lên. Chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp là âm tháp.

Thính hưởng: Ngược lại âm thanh tính, mượn người thay thế. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: có thể giả mượn chẳng phải thật. Cố Dã Vương cho rằng: thính cũng là giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh thanh.

Mạn để: Ngược lại âm trên mãn bàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạn là khinh khi, chữ viết từ bộ ngôn thanh mạn âm mạn là âm vạn. Ngược lại âm dưới để lễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: để là chống cự lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ để âm để cũng là thanh. Kinh văn viết từ bộ ngưu viết thành chữ để. Để nghĩa xúc chạm va chạm, nghĩa sai.

Quyên phi: Ngược lại âm trên là nhất duyên, quyển trước kinh Bồ tát thệ đã giải thích rồi.

****

KINH VÔ CẤU HIỀN NỮ - *Huyền Ứng soạn.*

Tỳ lâu: Ngược lại âm tỷ di. Ở Tây Vức: tên vợ của ông Trưởng giả. Kinh Thai Tạng viết chữ can nghi là sai.

Lõa hình: Ngược lại âm hoa ngõa. Trụ văn âm tự vốn âm lô quả. Cố Dã Vương cho rằng: lõa là cởi ra để lộ vai trên phải. Sách Thuyết Văn cho rằng: lõa cũng là cởi áo ra để lộ thân thể, chữ viết từ bộ thanh quả, hoặc là viết chữ khỏa, lại cũng viết chữ lõa, thể chữ có hơi nhiều. Nay dựa theo sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ lõa, còn các âm dư khác đều không dùng.

Chí hưu: Ngược lại âm trên chủy chi, âm dưới là hưu. Sách Khảo Thanh và văn Tự Điển đều nói rằng: hưu chí là giống chim quái lạ, xác thật đây là loại chim ban ngày đậu nghĩ ban đêm lại bay đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hưu tức là si, tức là con cú mèo, si thuộc loại con diều hâu. Xưa nay Chánh Tự đều viết chữ từ bộ điểu, đều thanh chí hưu; chữ huyền hoặc viết từ bộ để viết thành chữ nay không dùng.

PHẬT THUYẾT KINH VỊ TẰNG HỮU - *Tuệ Lâm soạn.*

Hộ vũ: Ngược lại âm dưới là do tửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét xuyên qua vách tường dùng thanh gỗ làm trấn song gọi là cửa sổ; chữ viết từ bộ phiến đến bộ hộ, thanh bổ chỗ gọi là thấy được mặt trời.

Điêu sức: Ngược lại âm trên điểu liễu. Quyển trước kinh Di Lặc Hạ sanh thành Phật đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Quyển trước kinh tạo tượng công đức đã giải thích rồi.

Tản cái: Ngược lại âm trên phủ lại. Cố Dã Vương cho rằng: tân tức là cây dù che. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tản. Kinh văn viết từ bộ thủ viết từ bộ viết thành chữ bán là chẳng phải âm mịch là âm mịch.

Quáng mạch: Ngược lại âm trên hổ mãnh. Sách Thống Tự cho rằng: tên của loại ngũ cốc, lại có trăm loại. Tóm lại gọi là ngũ tắc, gọi là bông lúa tủa ra. Thuộc loại đậu, lúa dẻo v.v... cũng gọi là thuộc giác cốc mạch, cũng gọi là mau cốc ma, cũng gọi là thọ cốc. Theo chữ quáng đó là lúa mạch tức là thuộc loại man cốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: quáng là lúa mì có bông tủa ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh quảng, viết đúng là chữ quáng. Kinh văn viết từ bộ mạch viết thành chữ quáng là loại lúa có bông lớn, hột to. Sách Khảo Thanh cũng cho rằng: lúa mạch bông lớn, các chữ trong sách đều không có chữ này.

Lâu tổ: Ngược lại âm trên lậu câu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hai bên mặt uống cong lại gọi là lâu. Văn Tự Tập Lược cho rằng: nhà có gác trên thành phòng ngự quân địch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh lũ. Ngược lại âm dưới lô cổ. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: lỗ là chòi cao trên thành không có mái che phòng thủ, nhìn ngắm được quân địch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh lỗ âm lũ đồng với âm trên.

****

KINH THẬM HY HỮU - *Tuệ Lâm soạn.*

Tốt-đỗ-ba: Ngược lại âm trên tôn cốt, tiếng Phạn, tên tháp cao.

Câu-tri: Ngược lại âm dưới là tiếng Phạn.

Chủng thực: Ngược lại âm thừa chức. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thực là lâu dài. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thực là nghỉ ngơi,

chủng là nhiều hạt giống. Quảng Nhã cho rằng: thực là dựng đứng thẳng. thực cũng là chứa nhiều. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh thực, âm ngạc, ngược lại âm ngũ hạt.

****

KINH CHUYỂN NỮ THÂN - *Tuệ Lâm soạn.* (Còn một tên nữa là Kinh Phúc Trung Nữ Thính)

A-nĩ-lô-đậu: tiếng Phạn, tên của vị A-la-hán.

Manh minh: Ngược lại âm trên là mạc canh. Quyển trước kinh Đại thừa tạo tượng công đức đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là mạc bình. Sách Khảo Thanh cho rằng: minh là tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: minh là u ám; chữ viết từ bộ nhựt, gọi là số mười đến bộ lục, phàm trăng bắt đầu ngày 16 khuyết dần dần cho nên u ám, từ bộ mịch; chữ hội ý, âm mịch là âm mịch. Kinh văn viết từ bộ miên đến bộ cụ viết thành chữ minh là chẳng phải.

Hữu hiếp: Ngược lại âm kiểm kiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiếp là bên hông bụng. Chữ viết từ bộ nhục thanh hiếp, âm hiếp là âm diệp, từ ba bộ lực, kinh văn viết từ ba bộ đao viết thành chữ hiếp là chẳng phải.

Vi tu: Ngược lại âm lật du. Theo chữ tu đó nghia là hoa sen bên trong có bốn mặt kết thành đài hoa, Trong có nhụy hoa, giống như cái răng nhô lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt đến bộ sam, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, âm sam là âm sam. Kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ tu là chẳng phải âm tiêu ngược lại âm phổ điêu.

Bất vọng: Ngược lại âm võng phương. Theo Tả Truyện cho rằng: chẳng phải chỗ dám mong cầu hy vọng tới. Cố Dã Vương cho rằng: vọng cũng giống như quan sát nhìn xa xăm, mong mõi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vong đến bộ tịch, đến bộ vương. Theo chữ vọng đó là chỗ ý hy vọng mong mõi, âm ký là âm ký.

Kiên cố khải: Ngược lại âm khai cải. Quyển trước kinh Thuyện Quyền Phương Tiện trong quyển thượng đã giải thích rồi.

Khiếp nhược: Ngược lại âm trên khiếm khiếp. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiếp sợ, kiếp mạn. Cố Dã Vương cho rằng: khiếp sợ, thiếu kém. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: lo sợ nhiều, chữ viết từ bộ tâm thanh khứ âm nhuyến là âm noản loạn. Ngược lại âm dưới là nhương chước. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nhược là yếu ớt bệnh

hoạn, kém cõi. Sách Khảo Thanh cho rằng: yếu gầy không có sức lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: cong lưng lại, trên giống như uống cong lại. Bộ sam giống như sợi lông nhỏ. nhược từ bộ cung nên phải cong lại vật không thẳng, cho nên phải dựa vào hai bộ cung thành chữ nhược. Âm nao ngược lại âm nô táo, âm trảo ngược lại âm trào trạo.

Yểm hối: Ngược lại âm ư diễm. Sách Khảo Thanh cho rằng: yểm là mõi mệt, đau khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hán thanh yểm, âm hán là âm văn.

Vô yểm: Ngược lại âm y diệm. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó nó gặm miếng thịt ngọt không nhàm chán, cho nên chữ viết từ bộ nhục đến bộ cam, đến bộ khuyển. Kinh văn viết từ bộ nhật đến bộ nguyệt, viết thành chữ yểm, hoặc từ bộ hán viết thành chữ yểm đều sai vậy.

Giáp liệt: Ngược lại âm trên là hàm giáp. Cố Dã Vương cho rằng: giáp là nơi biên ải nhỏ hẹp vùng biên giới bức bách không rộng rãi to lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ải từ bộ phủ đến bộ giáp viết thành chữ giáp. Tuy đúng thể cùng với chữ thiêm châu, tên địa danh. Từ gọi tắc của tỉnh Thiểm tây Trung Quốc; chữ tương đối rối loạn nghĩa, nay không dùng. Dựa theo kinh văn viết từ bộ giáp viết thành chữ giáp. Văn kinh cũng viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp là hiệp đều là thói quen của con chó con ngựa. Chẳng phải nghĩa đây dùng, âm khiếp ngược lại âm kiêm diệp.

Khan tích: Ngược lại âm khổ nhàn. Sách Quảng Thất cho rằng: khan là hà tiện, tằng tiện, bủn xỉn. Bì Thương cho rằng: yêu tích của cải, khan là chữ chánh thể. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cách thanh kiên âm kiên là âm kiên. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ khan văn thông dụng thường hay dùng.

Xú uế: Ngược lại âm trên xú chú. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài cầm thú chạy đi ngửi mùi mà biết dấu tích quay về là loài chó; chữ viết từ bộ tự, tự đó là xưa gọi tỵ tức mũi, chữ tượng hình. Nay văn thường hay dùng viết từ bộ tử viết thành chữ ty là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là uy vệ. Tự Thư cho rằng: uế là không sạch sẽ, xấu ác dơ bẩn. Sách Thuyết Văn có rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh tuế.

Trừ phân: Ngược lại âm phân vấn. Quảng Thất cho rằng: phân là trừ bỏ bụi bậm dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quét dọn trừ bỏ phân dơ, chữ viết từ bộ thổ thanh khí, kinh văn viết từ bộ dị viết thành chữ phân văn thường hay dùng là chẳng phải, âm biện ngược lại âm bì biến.

Di thóa: Ngược lại âm trên là dật chi. Sách Chu Dịch cho rằng: tế tư khóc nước mắt đầm đìa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước mũi chảy ròng ròng, chữ viết từ bộ thủy thanh di, hoặc là âm tán kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thế khấp là khóc nước mắt chảy. Chẳng phải nghĩa chữ di thóa. Ngược lại âm dưới thổ khóa. Theo Tả Truyện cho rằng: vua Tấn trước chẩn không nhìn mà sau lưng lại nhổ nước bọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng, chữ viết từ bộ khẩu đến thanh thùy.

Thủ quyển: Ngược lại âm quyện viên. Mao Thi Truyện cho rằng: quyển sức mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyển là khí thế, chữ viết từ bộ thủ thanh quyển.

Đảo dược: Ngược lại âm đao lão. Quảng Thất cho rằng: đảo là giả đập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chày để giả đập, chữ viết từ bộ (T531) thủ thanh trù, hoặc là viết chữ đảo cũng viết chữ biện văn cổ chữ cổ.

Thung mễ: Ngược lại âm thúc dung. Cố Dã Vương cho rằng: thung là giã ngũ cốc ra thành gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: giã thóc ra thành gạo; chữ viết từ bộ củng là hai tay cầm nắm cái chày giã vào cối. Trên là chữ hội ý. Thế Bổn cho rằng: ung phủ ba đầu cầm chày giã. Tống Trung cho rằng: ung phủ là tôi thần của Hoàng đế, âm củng là âm củng.

Nhược ngao: Ngược lại âm ngũ cao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: ngao cũng là tiên, nghĩa là rán, chiên, rang đâu. Sách Phương Ngôn cho rằng: ngao là ngọn lửa làm cho khô ráo. Phàm có loại lửa than hong cho khô ngũ cốc. Từ trên núi mà nước Đông Tề, Sở luôn gọi là ngao. Sách Thuyết Văn cho rằng: rang cho khô; chữ viết từ bộ hỏa, thanh ao.

Trừu xuế phảng điệp: Âm xuế ngược lại âm chùy nhuế; chữ xuế đó là lông mịn, lông mao của con thú vật, con chim. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: xuế đó là cái nệm chăn có lông mịn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lông mịn nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông thú mịn nhuyễn. Theo chữ xuế đó là áo lông chim, lông thú mịn nhuyễn có năm màu sắc dệt lại thành mảnh lụa hoa văn, cho rằng y phục của vua Chuyển Luân Thánh Vương, gọi là ngự y, âm phảng ngược lại âm phương võng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phảng là đường viền vải sợi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh phương. Ngược lại âm dưới là diệp điệp, ở Tây Vức gọi là cây bông vải, có hoa cỏ giống như cây liễu, có bông mịn, ở xứ nước kia

đều kéo ra nhồi lại lấy làm sợi tơ dệt vải, cho rằng vải bố vải thưa âm nhiên ngược lại âm niên điển.

Cơ quan: Ngược lại âm trên là ký hy. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: cơ là bộ máy quan hệ chế ra động chuyển, máy xay lương thực. Cố Dã Vương cho rằng: cơ là vật rất đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủ phát động đó gọi là cơ, tức là loại cung nỏ vậy; chữ viết từ bộ mộc thanh cơ.

Cân khiên: Ngược lại âm trên cư ngân quyển trước kinh Chư Pháp Võng Vương đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là di nhiên. Sách Quảng Thất cho rằng: khiên đó là lôi kéo ra, liên kết lại với nhau. Cố Dã Vương cho rằng: khiên cũng gọi là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngưu đến bộ mịch thanh huyền, giống như dẫn dắt con trâu, âm quynh, ngược lại âm quí quản, văn thường hay dùng viết từ bộ thủ viết thành chữ khiên này là chẳng phải.

Hư ngụy: Ngược lại âm hứa ngư, gọi là hư không. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khưu thanh hổ, âm hổ ngược lại âm hổ cô. Ngược lại âm dưới là nguy vị. Quảng Nhã cho rằng: ngụy là khinh khi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ngụy là giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngụy là dối trá; chữ viết từ bộ nhơn thanh vi.

Bồi phục: Ngược lại âm trên là bồi muội. Cố Dã Vương cho rằng: bồi là một mà sanh thêm hai. Sách Khảo Thanh cho rằng: nảy sinh ra nhiều từ nơi gốc rễ, kẻ địch phải diệt từ nơi gốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh bồi, âm bồi, ngược lại âm thổ khẩu. Ngược lại âm dưới là phò cứu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phúc là nhiều lớp nhiều tầng. Cố Dã Vương cho rằng: phúc là giống như lập lại nhiều lần nữa, lại nữa. Lại gọi là phục đó là giống như lập lại nhiều lần, nhiều lớp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xích thanh phủc, âm xích ngược lại âm sửu xích. Âm phục là âm phục. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ phục là chẳng phải.

Hoạn lụy: Ngược lại âm lực ngụy. Tả Truyện cho rằng: đương thời mà động đó không có liên lụy đến người sau. Lưu Triệu chú giải sách Cốc Lương truyện rằng: lụy đó là liên cập liên tiếp đến. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh lụy, âm mịch là âm mịch âm lụy đồng với âm trên.

****

KINH VÔ THƯỢNG Y - *Tuệ Lâm soạn*
QUYỂN THƯỢNG

Phiền não xác: Ngược lại âm dưới là khổ giác. Tự Thư cho rằng: võ trứng của con chim. Cố Dã Vương cho rằng: phàm là da của vật gọi là xác. Sách Văn Tự Điển nói rằng: cái trứng đã được tin cậy, chữ viết từ bộ noản thanh xác âm xác ngược lại âm không nhạc. Trong kinh văn nói “phiền não xác” đó là vô minh, có thể bao hàm tất cả các pháp bất thiện nghiệp, cho nên gọi là tên.

Thông hiệt: Ngược lại âm dưới là nhàn bát. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ giữa quan ải của nước Đông Triệu, Ngụy gọi hiệt là huệ. Quách Phác chú giải rằng: huệ là hiểu rõ thông suốt. Sách Văn Tự Điển nói rằng: từ bộ hắc thanh kiết.

Mao phát: Ngược lại âm trên là mạc bao. Chuẩn nghĩa kinh đúng hợp là viết một chữ mao. Nay kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ mao ngược lại âm tuấn nhau. Nghĩa quái lạ chẳng phải ý kinh.

KINH VÔ THƯỢNG Y
QUYỂN HẠ

Khanh khẩm: Ngược lại âm trên là dung canh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh là khu đất hoang. Quách Phác chú giải rằng: gọi là hào sâu bao quanh khu đất hoang. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: khanh là hố sâu, từ bộ thổ thanh kháng, hoặc là viết từ bộ phủ viết thành chữ khanh, cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là khả cảm. Sách Chu Dịch cho rằng: khẩm là hố sâu. Bì Thương cho rằng: khẩm cũng là khanh. Sách Thuyết Văn cũng đồng sách Chu Dịch cho rằng: từ bộ thổ thanh khẩm. Kinh văn viết từ bộ thao, ngược lại âm tha lao. Lại viết khẩm là nghĩa dấu vết của bánh xe lăn, chẳng phải ý kinh nay không dùng.

Cốc võng: Ngược lại âm trên là công cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bầu gỗ tròn giữa bánh xe, ngày xưa để trục xuyên qua bánh xe; chữ viết từ bộ xa đến bộ cốc thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là vũ phòng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: võng là vành lớp xe. Âm cự là âm cự, chữ viết từ bộ xa thanh võng.

Dung trực: Ngược lại âm trên long long. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dung là quân đều. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gọi là

bình đẳng. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: quân đều ngay thẳng; chữ viết từ bộ nhơn thanh dung. Kinh văn viết từ bộ nhơn thanh dung. Kinh văn viết từ bộ nguyệt viết thành chữ dung, cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Túc cân: Ngược lại âm dưới là cấn ân. Thích Danh cho rằng: gót chân phía sau gọi là cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: gót chân, chữ viết từ bộ túc thanh cân.

Y di: Ngược lại âm trên ký ky. Thế Bổn cho rằng: hồ táo may làm áo. Tống Trung cho rằng: tôi thần của Hoàng đế. Bạch Hổ Thông cho rằng: ẩn giấu cái áo, thân hình ẩn trong áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo là chỗ dựa áo trên gọi là y, dưới gọi là thường. Chữ viết từ bộ nhập giống hình che đậy hai người. Địch Thư cho rằng: viết chữ y này là sai, viết lược. Ngược lại âm dưới dĩ y. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cẩn âm, thận trọng là âm trà bỉ như chữ di Trịnh Tiển cho rằng: ngọt giống như di tức là kẹo mạch nha. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy lúa gạo ủ mộng rang mà làm kẹo mạch nha; chữ viết từ bộ thực thanh di.

Nhuyễn mỹ: Ngược lại âm trên nhi diễn. Sách Khảo Công ký ghi rằng: muốn cho thân hình mềm mại đẹp trơn lấy mỡ dầu mật bôi lên tức là mềm nhuyễn. Bì Thương cho rằng: nhuyễn là mềm yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đại thanh nhi. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ nhục, âm nhu, tức là ẩm ướt chẳng phải nghĩa của kinh.

Nhãn kiểm: Ngược lại âm dưới kiếp nghiễm. Sách Văn Tự Lập ghi rằng: kiểm là da ngoài của con mắt, tức là mí mắt. Sách Văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ mục thanh kiểm.

Vô hài: Ngược lại âm dưới hồ cai. Quảng Nhã cho rằng: là xấu, ác, thô bỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ thanh cai. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ hài nghĩa là ngón chân cái, chẳng phải ý của kinh.

Ủy tha: Ngược lại âm là đạt hà. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tha tha gọi là bình dị, đơn giản. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: mỹ đức đẹp, cao quí. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: cũng gọi là ủy khúc là dáng mạo tự đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh tha, kinh văn viết chữ đà là chẳng phải.

Tiệp tật: Ngược lại âm trên là tiềm tiếp. Theo Tả Thị truyện cho rằng: tiệp rất mau chóng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là mau, như là chỉ cho thời gian một chốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp, âm tiệp, ngược lại âm tử diệp.

Trọng đảm: Ngược lại âm dưới đam lãm. Lấy thanh gỗ xỏ ngang

vật mà gánh lên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đảm là gánh vác; chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

****

PHẬT THUYẾT KINH QUYẾT ĐỊNH TỔNG TRÌ

Tuệ Lâm soạn.

Hà tỳ: Ngược lại âm trên hạ da. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hà đó cũng giống như có lỗi. Quảng Nhã cho rằng: là viên ngọc dơ uế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh hà, ngược lại âm dưới là tự tư. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là viên ngọc có tỳ vết. Lưu Triệu cho rằng: tên của người, âm hoàn, ngược lại âm ngôn kiển. Lại chú giải kinh Dịch rằng: tỳ hà là viên ngọc có tỳ vết. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: viên ngọc có tỳ vết, chữ viết từ bộ tật, ngược lại âm nữ cách, đây cũng là thanh.

Huỳnh hỏa: Ngược lại âm trên là hồi quynh. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: quỳnh là con đom đóm, ban đêm nó bay đi dưới bụng nó có ánh lửa chớp sáng. Sách Lễ Ký cho rằng: ở trong cỏ mục hóa làm con đom đóm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ diễm, thanh tĩnh.

Đức khải: Ngược lại âm dưới là khai cải. Sách Văn tự Tập lược cho rằng: dùng kim loại làm da che thân gọi là khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo giáp chữ viết từ bộ kim đến bộ khải thanh tĩnh.

Khí quyên: Ngược lại âm trên là khinh dị. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khí là phế bỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khí là quên bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí là trừ bỏ, chữ viết từ bộ củng củng, ngược lại âm thôi hoa, âm bác tức là âm thổ cốt. Lại cho rằng: đứa con xấu ác, cho nên trừ bỏ đi, chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là duyệt uyên. Sách Trang Tử cho rằng: đi trừ bỏ đánh dẹp nước khác, văn thường hay dùng. Sách Sở Từ cho rằng: quyên cũng giống như khí nghĩa loại bỏ trừ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh quyên, âm quyên ngược lại âm nhuế duyên.

Trì sính: Ngược lại âm trên, ngược lại âm dưới là xích lĩnh. Quảng Nhã cho rằng: sính trì là chạy nhanh phi nhanh. Đỗ Dụ chú giải Tả Truyện rằng: sính cũng gọi là chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: sính là ngựa phi nước đại cũng gọi là chạy thẳng. Hai chữ trì sính đều từ bộ mã, đều thanh sính âm sính ngược lại âm thất đinh.

Khiêm tốn: Ngược lại âm dưới tôn thốn, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tốn là thuận theo. Hà Yến Tập chú giải sách Luận ngữ rằng: tốn là cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh tôn.

Xà ngoan: Ngược lại âm là xạ giá. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài rắn độc, cũng gọi là tha, âm tha, ngược lại âm tha. Người xưa nói rằng: gọi con rắn là tha tức (nó) cho nên ở trong hang ổ là sợ rắn. Tương truyền rằng: ban đêm tối không có nó kêu lên tức là rắn. Chữ viết từ bộ trùng thanh dã, ngược lại âm dưới ngoạn hoàn. Trịnh Huyền chú giải trang sách Lễ Ký rằng: loại rắn ngoan xà đó là thân nó dài ba-bốn thước, có bốn chân, hình nó giống như con thủ cung, tầm quyến loại bò cạp có kim nhọn rất bén như dao, rất độc ác, nó chạm vào người không tới nửa ngày thì chết ngay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh ngoan.

Độc thích: Ngược lại âm dưới thư diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng đi gây độc hại, chữ viết từ bộ trùng thanh thích.

****

KINH BÁNG PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Thái nữ: Ngược lại âm sai tể. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: hội đủ năm màu sắc để vẽ gọi là thái. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: năm sắc thái sáng rỡ cho vào năm màu sắc khác gọi là bức vũ màu sắc sặc sỡ; chữ viết từ bộ mịch thanh thái. Kinh văn viết bộ nữ viết thành chữ thái là chẳng phải.

A-xa-ba-để: tiếng Phạn, ngược lại âm đinh lễ.

Ba-la-mật kính: tiếng Phạn. Ngược lại âm dưới kinh định.

****

PHẬT THUYẾT KINH BẢO TÍCH TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tích lịch trung: Ngược lại âm trên bệ hịch. Ngược lại âm dưới lê-để, tiếng Phạn đọc sai, đúng gọi là tốt-địch-đa. Đường Huyền Trang gọi làngã quỉ.

Bất luy: Ngược lại âm lực truy. Sách văn Tự Điển nói rằng: liệt nhược, yếu mềm, gầy ốm; chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm luy ngược

lại âm loa ngọa.

Hằng-biên-sa: tiếng Phạn. Triều Tấn xưa dịch kinh rằng: hằng hà biên sa, tức là các kinh gọi là hằng-hà-sa vậy, cũng gọi là ngạc-già-hà. Ở Tây Vức cho rằng: tên của một con sông, âm ngạc ngược lại âm nghi cạnh.

Quái ngại: ngược lại âm trên hồ ngõa, ngược lại âm dưới là ngũ cái.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 34

Kinh Nhập Pháp Giới Thể Tánh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Như Lai Sư tử Hống - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại Vương Quảng Sư tử Hống - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Phương Đẳng Tu-đa-la Vương- một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Chuyển Hữu - một quyển - không.
(T353) Kinh Đại thừa Bách Phước Tướng - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Bách Phước Trang Nghiêm Tướng - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Tứ Pháp - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Tu Hành Tứ Pháp - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Hy Hữu Hy Hữu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Tối Vô Tỷ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh tiền thế tam chuyển - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Ngân Sắc Nữ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh A-xà thế Vương Thọ Quyết - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thái Liên Vi Vương Thượng Phật - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Phật Thuyết Chánh Cung Kính - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thiện Kính - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Xưng Tán Đại thừa Công Đức - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thuyết Diệu Pháp Quyết Định - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Luyện Vương - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thị Giáo Thắng Quân Vương - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thắng Quang Thiên Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Văn Thù Sư Lợi Tuần Hành - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Văn Thù Thi Lợi Hành - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bối Đa Thọ Hạ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Duyên Khởi Thánh Đa - một quyển - kinh này thiếu chưa

âm giải thích.

Kinh Liễu Bổn Sanh Tử - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Thao Cản - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Từ Thị Bồ tát Thuyết Thao Cản - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Độc Chứng Tự Đảm - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Tự Thệ Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Như Lai Độc Chứng Tự Thệ - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh long thí nữ - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Long Thí Bồ tát Bổn Khởi - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Bồ tát Sanh Địa - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Phật Ngữ - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Bát Kiết Tường Thần Chú - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Bát Dương Thần Chú - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Bát Kiết Tường Thần Chú - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Bát Phật Danh Hiệu - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Vu Lan Bồn - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Báo Ân Phủng Bồn - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Quán Tẩy Phật Tượng - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Ma-ha Sát Đầu - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Dục Tượng Công Đức - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Phật Thuyết Dục Tượng Công Đức - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Tạo Lập Hình Tượng Phước Báu - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Tác Phật Hình Tượng - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Nội Tạng Bách Bảo - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Phật Thuyết Tư Ha Muội - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Tứ Bất Khả Đắc - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Phạm Nữ Thủ Ý - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Bồ tát Hạnh Ngũ Thập Duyên Thân - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Ôn Thức Tẩy Dục Chúng Tăng - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Chư Đức Phước Điền - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Kim Sắc Vương - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Phương Quảng Như Lai Tạng - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Đại Phương Quảng Như Lai Tạng - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Diễn Đạo Tục - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Bách Phật Danh - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức - hai quyển - Huyền Ứng.

Kinh tu chân thiên tử - ba quyển - Huyền Ứng.
Kinh Ma-ha Ma-da - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Trừ Khủng Tai Hoạn - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Bộ - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Bất Tư Nghì Quang - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thập Trụ Đoạn Kiết - mười quyển - Huyền Ứng.
Kinh Bồ tát Anh Lạc - mười hai quyển - Huyền Ứng.
Kinh Siêu Nhật Minh Tam muội - hai quyển - Huyền Ứng.
Kinh Hiền Kiếp - mười ba quyển - Huyền Ứng.

Bảy mươi mốt kinh trên, gồm một trăm linh bảy quyển, đồng âm trong quyển này.

KINH NHẬP PHÁP GIỚI THỂ TÁNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Ma doanh: Ngược lại âm dưới là dinh định. Sách Quảng Nhã cho rằng: doanh là xếp đặt lau chùi, cũng gọi là lau chùi hạt ngọc, khiến cho phát ra ánh sáng. Sách Tập Huấn cho rằng: doanh cũng là trang sức cho đẹp, hoặc là viết chữ doanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu của hạt ngọc, chữ viết từ bộ ngọc đến bộ huỳnh thanh tĩnh.

****

KINH NHƯ LAI SƯ TỬ HỐNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Quảng trường: Ngược lại âm trên là cổ hoảng. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: quảng cũng giống như hoằng, là rộng rãi. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quảng đại, to lớn; chữ viết từ bộ nghiễm ngược lại âm nghiêm liễm. Khứ thanh ngược lại âm dưới là trượng trương. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: trường là xa xôi. Sách văn Tự Điển nói rằng: xa xôi mù mịch; chữ viết từ bộ đáo đến bộ vong đến bộ ngột nhiên mà hóa ra. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ trường nay là chẳng phải nghĩa của kinh văn vậy.

Chỉ nghịch: Ngược lại âm trên chỉ xỉ. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là chỗ chỉ ý, lại người dùng ngón tay chỉ vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngón tay chỏ; chữ viết từ bộ thủ thanh chỉ. Ngược lại âm dưới xỉ diệc. Lưu Triệu chú giải sách Cốc Lương truyện rằng: chỉ cũng là nỉ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nỉ là đuổi theo, xua đuổi. Sách Hán Thư âm nghĩa cho rằng: nỉ là không dùng nữa. Sách Thuyết Văn cho rằng:

chữ viết từ bộ nghiễm âm nghiễm, âm nghịch thanh nghịch. Kinh văn viết thử thiên văn thường hay dùng, âm thiên ngược lại âm miến can.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG SƯ TỬ HỐNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Điện mạn: Ngược lại âm dưới ma ban. Ở xứ Tây Vực loài hoa mạn như nước này, người ta lấy dùng cụ châu anh lạc để trang nghiêm trên thân, vốn âm là di nhiên. Nay không dùng âm này, chữ này giả mượn.

Á mặc: Ngược lại âm trên ô giả. Sách Tập Huấn cho rằng: á là không thể nói ra lời. Theo chữ đó là có tiếng mà không có lời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh á, âm tật, ngược lại âm nữ ách.

Phân phẩu: Ngược lại âm dưới là phổ khẩu. Theo Tả Truyện cho rằng: cùng với các ông mổ xẻ phân tách ra. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phẩu là tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẩu là phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ quynh.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG TU ĐA LA VƯƠNG.

(Kinh này không có chữ để giải thích âm).

****

KINH CHUYỂN HỮU

(Kinh này cũng không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH ĐẠI THỪA BÁCH PHƯỚC TƯỚNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Tích-câu-la: tiếng Phạn âm, tên lộ: Tây phương thúy điểu, ở xứ này không có giống chim này.

Mâu sóc: Ngược lại âm trên là mạc hậu. Theo Thanh Loại cho rằng: thành tựu loại binh khí ngày xưa là mâu, cây giáo dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mâu dài hai trượng để trước binh xa, tượng hình. Sách

Văn Tự Điển nói rằng: làm thành cây mâu. Kinh văn viết chữ nhu là chẳng phải, nay không dùng. Ngược lại âm dưới song trác. Quảng Thất cho rằng: sóc cũng là cây mâu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cây sóc dài một trượng tám thước, chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu.

Quyến tác: Ngược lại âm trên quyết diễn. Theo Thanh Loại cho rằng: quyến là lấy mảnh lưới. Khảo Thanh cho rằng: dùng lưới dây giăng ra để bắt các loài vật. Cũng viết là quyên. Văn Tự Điển nói rằng: cũng viết chữ quyến này. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ võng thanh quyên, âm quyên, ngược lại âm điểu huyền, ngược lại âm dưới là thừa lạc.

Nhãn tiệp: Ngược lại âm dưới là hiệp diệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông mi của hai mắt, chữ viết từ bộ mục thanh tiệp, hoặc là viết chữ hiệp.

****

KINH BÁCH PHÚC TRANG NGHIÊM TƯỚNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Hy ký: Ngược lại âm trên hỷ y. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: hy là ít ỏi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hy ít, thưa thớt. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưa thưa, thưa thớt; chữ viết từ bộ hòa thanh hy. Ngược lại âm dưới là cơ khí. Sách Hán Thư cho rằng: cày ruộng sâu gieo trồng hạt giống. Sách Thuyết Văn cho rằng: gieo trồng hạt giống dày đặc; chữ viết từ bộ hòa thanh ký.

Tỳ uế: Ngược lại âm trên là từ, âm dưới là uy vệ. Tự Thư Tự Điển cho rằng: đều là xấu ác. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh tuế.

Tiêm nhuệ: Ngược lại âm trên thệ tích. Sách văn Tự Điển nói rằng: tiêm là nhỏ, bé nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiêm. Ngược lại âm dưới là duyệt huệ. Theo sách Bát Nhã cho rằng: nhuệ là nhạy bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh duệ.

Mật trí: Ngược lại âm dưới là trực lợi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trí là tinh tế, kỷ càng, tinh mật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh trí.

Bạch phất: Ngược lại âm phân vật. Bì Thương cho rằng: lấy khăn bao giấu tóc lại. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ cân thanh phất.

Cung hồ tượng: Ngược lại âm trung hộ cô, tên của tượng.

Đồng nhẫn: Ngược lại âm trên trạc giáng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xe chiến đấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe rơi vào trong trận chiến; chữ viết từ bộ xa thành đồng.

Kim cự: Ngược lại âm cự cử. Từ Quảng chú giải sách Sử Ký rằng: thanh sắc lớn rất cứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đại cương, tức là chất cứng; chữ viết từ bộ kim thanh cự.

Mâu mạch: Ngược lại âm trên mạc hậu. Lưu Hy chú giải sách Mạnh Tử rằng: mâu mạch có hai loại: loại lá nhọn đó. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: là lúa đại mạch. Lại nữa Vương Túc cho rằng: nay ở Hà Bắc có loại lúa trồng từ mùa xuân đến mùa hạ mới chín. Sách Thuyết Văn cho rằng: đến mùa lúa mạch mâu cũng gọi là thụy mạch; chữ viết từ bộ mạch thanh mâu.

Đại ngao: Ngược lại âm dưới là ngũ cao. Theo truyện Thần Tiên nói rằng: có con rùa rất linh thiêng, trên lưng nó cõng núi Bồng lai mà nhảy múa làm trò trong biên thiêng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ngao là con ba ba rất lớn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mãnh thanh ao, âm mãnh là âm mãnh.

Lưỡng bễ: Ngược lại âm dưới là bệ mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bể là xương bắp đùi ngoài; chữ viết từ bộ cốt thanh tì, hoặc là viết chữ bệ cũng đồng.

****

KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Sở ế: Ngược lại âm dưới là yên kế. Sách Phương Ngôn cho rằng: ế là ngăn che cứ cũng gọi là tế tức che lấp. Sách Tập Huấn cho rằng: che bóng râm. Sách Văn Tự Điển nói rằng: ế là ẩn náo, ẩn trốn. Âm ái ngược lại âm ai cải; chữ viết từ vộ vũ thanh ế, âm ế đồng với âm trên.

Bàn khúc: Ngược lại âm trên là bà mạn. Cố Dã Vương cho rằng: ngoằn ngoèo, quanh co, uyển chuyển. Quảng Nhã cho rằng: bàn là cuộn khúc, uốn khúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: uốn lượn, uyển chuyển tức là rồng uốn lượn trên mây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh bàn. bàn cũng gọi là khúc là uốn cong lại, âm bàn âm phan, chữ bàn là viết đúng. Kinh văn viết chữ bàn này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Trù lâm: Ngược lại âm trên là trực lưu. Sách Bát Nhã cho rằng: là ký, tức là gieo giống lúa dày đặc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trù

là dày đặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều; chữ viết từ bộ hòa thanh chu.

Võng miên: Ngược lại âm dưới là mạc an. Sách Xuân Thu cho rằng: miễn là bỏ thêm vào. Sách Khảo Thanh cho rằng: che đậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh miễn.

****

KINH BỒ TÁT TU HẠNH TỨ PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Quán náo: Ngược lại âm dưới nô thảo. Tự Thư cho rằng: nơi chợ búa người giống như là bị quấy nhiễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiều người nên huyên náo, văn thường hay dùng viết chữ náo này. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thị đến bộ nhơn không dùng thanh tĩnh.

****

KINH HY HỮU HY HỮU GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC

Tuệ Lâm soạn.

Xa tương: Ngược lại âm dưới là tước dương. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thùng chứa trong xe, rương đựng y phục. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái thùng che chắn chiếc xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe lớn, có thùng chứa trang phục, chữ viết từ bộ trúc thanh tương.

Thuần tịnh: Ngược lại âm trên thùy luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuần là sạch thanh khiết, chữ viết từ bộ thủy thanh thuần.

Bách bồi: Ngược lại âm dưới là bổ mỗi. Vương Bổ Dung chú giải sách Chu Dịch rằng: gọi là lấy một mà sanh ra hai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh bồi âm bồi ngược lại âm thổ khẩu.

Giao lượng: Ngược lại âm trên giao xảo. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bàn bạc khảo sát. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh giao.

****

KINH TỐI VÔ TỶ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nghiêm lệ: Ngược lại âm lãng kế, lệ là tốt đẹp. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lệ là thí cho. Cố Dã Vương cho rằng: lệ gọi là hoa mỵ, xa hoa, đẹp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc thanh lệ, âm lệ là âm lệ.

****

PHẬT THUYẾT KINH TIỀN THẾ TAM CHUYỂN

Huyền Ứng soạn.

Thô quảng: Ngược lại âm dưới hổ mãnh. Sách Tập Huấn cho rằng: quảng là hung tợn, hung ác dữ dằn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quảng là không thể đến gần; chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Đảo từ: Ngược lại âm trên đao lão. Ngược lại âm dưới là tợ từ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cầu phước thì phải dùng lời mời thỉnh cầu xin phước đến, được phước gọi là từ. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thị âm thị là âm kỳ, đều là thanh đảo từ.

Vô bàn: Ngược lại âm bạc hàn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vết sẹo. Sách Thuyết Văn cho rằng: nỗi đau khổ trong lòng như là vết thương, để lại vết sẹo. Kinh văn viết chữ bàn này là chẳng phải; chữ viết từ bộ tật ngược lại âm nữ ách thanh bàn.

Nhậm chấn: Ngược lại âm trên là như chậm. Ngược lại âm dưới là thư lân. Sách Quảng Thất cho rằng: nhậm cũng như mang bên mình, âm thân là âm thân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấn là hoài thai. Sách Thuyết Văn nghĩa cũng đồng, đều từ bộ nữ đều thanh nhậm chấn.

Thân ủy: Ngược lại âm ư ngụy. Cố Dã Vương cho rằng: lấy vật rãi ra cũng gọi là cho chim ăn. Quảng Nhã cho rằng: ủy cũng gọi là cho ăn, âm thực là âm tự. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh ủy.

Hồ khẩu: Ngược lại âm trên hộ đồ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hồ là cháo đặc, âm diên, ngược lại âm chi nhiên. Theo Tả Truyện cho rằng: là người ăn nhờ nơi bốn phương. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn nhờ; chữ viết tâm bộ thực thanh hồ.

****

PHẬT THUYẾT KINH NGÂN SẮC NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Bác nhược: Ngược lại âm trên đoạt loan. Sách Bát Nhã cho rằng: bác là tác, đánh, bắt lấy. Cố Dã Vương cho rằng: tác, đánh. Sách Lễ ký cho rằng: không đánh lúc ăn cơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh duyên.

Thế tu: Ngược lại âm trên là đệ đế. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử cho rằng: thế là cắt tóc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tiêu âm tiêu là âm phiêu, thanh đệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cạo tóc; chữ viết từ bộ đao viết thành chữ thế, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là tương du. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: tu là râu tóc. Lại cho rằng: dưới gò má tức nơi cằm gọi là tu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là lông trên mặt; chữ viết từ bộ sam đến bộ hiệt, chữ tượng hình.

Văn ngã: Ngược lại âm trên là vô phản. Theo Thanh Loại cho rằng: vãn dẫn dắt; chữ viết từ bộ xa viết thành chữ vãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ hoặc là thanh vãn.

****

PHẬT THUYẾT KINH A XÀ THẾ THỌ QUYẾT - *Tuệ Lâm soạn.*

Cảnh ế: Ngược lại âm trên ngõa canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: cảnh là bị tắc nghẽn hơi. Theo Thanh Loại cho rằng: cổ họng bị đau, cũng gọi là cơ thể chứa nhiều thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu, thanh cánh. Ngược lại âm dưới là yên kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ế là không thể thở. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: ế là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn chặn ngang cổ họng; chữ viết từ bộ khẩu thanh ế.

****

KINH THẢI LIÊN VI VƯƠNG THƯỢNG PHẬT THỌ QUYẾT HIỆU DIỆU HOA - *Tuệ Lâm soạn.*

Thải liên: Ngược lại âm trên sai tể. Sách Khảo Thanh cho rằng: thải là giữ lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trảo đến bộ mộc. Nay kinh văn viết từ bộ thủ cũng thông dụng.

Ngạc nhiên: Ngược lại âm trên ngũ các. Tự Thư cho rằng: ngạc là giựt mình, kinh sợ, kinh ngạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm âm ngạc cùng đồng thanh trên.

****

PHẬT THUYẾT KINH CHÁNH CUNG KÍNH - *Huyền Ứng soạn.*

Điệp Túc: Ngược lại âm đồ diệp. Quảng Nhã cho rằng: điệp là đạp, giẫm lên. Theo Thanh Loại cho rằng: điệp là theo chân, đi theo. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: điệp là đạp lên, có thể đạp lên gươm đao mà đi; chữ viết từ bộ túc thanh diệp, âm diệp là âm diệp.

Triệu túc: Ngược lại âm trên sữu giảo. Lâm Phú vụt vượt lên trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi xa; chữ viết từ bộ túc thanh điệu.

****

KINH THIỆN KÍNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Chỉ trảo: Ngược lại âm trắc giảo. Theo Tả Truyện cho rằng: móng tay. Bì Thương cho rằng: trảo là đào lấy ra, cũng viết chữ trảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: trảo là cạo, cào ngắt; chữ viết từ bộ thủ thanh trảo.

Kiên bác: Ngược lại âm dưới bàng mạc. Sách Tập Huấn cho rằng: bác là cánh tay phần cùi chõ trở lên ngực; cũng viết chữ bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiên là bả vai; chữ viết từ bộ cốt thanh phu, âm phô là âm bổ.

Chùy bạc: Ngược lại âm trên là trực truy. Sách Thái Công Lục Thao cho rằng: cái chùy nặng tám cân, có cán dài năm thước. Cố Dã Vương cho rằng: trùy có chỗ gọi là chuyển đồ vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh truy. Kinh văn viết chữ trùy này văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là lung mạc. Tự Thư cho rằng: bạc dùng tay đấm đánh với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ phốc thanh bạc, âm bác là âm bác. Kinh văn viết từ bộ phốc thanh phốc, âm phốc là âm bốc, từ bộ nhơn viết thành chữ phốc này là sai vậy.

Câu chủy: Ngược lại âm dưới là tủy, hoặc là viết chữ thúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái mỏ con chim, chữ từ bộ thử đến bộ thúc thanh

hiệp. Tự Thư cho rằng: hoặc là viết theo xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thử viết thành chữ chủy. Kinh văn viết chữ chủy này văn thường hay dùng.

Hà đảm: Ngược lại âm dưới đam lãm. Sách Khảo Thanh và Chánh Tự xưa nay cho rằng: đảm là gánh vác, dùng thanh gỗ mà gánh vật trên vai, chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

****

KINH XƯNG TÁN ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Báng độc: Ngược lại âm dưới là đồng thứ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: độc là lời phỉ báng. Sách Phương Ngôn cho rằng: bệnh. Quảng Nhã cho rằng: lời nói độc ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh độc, âm ngôn ngược lại âm càn kính.

Chùy đả: Ngược lại âm trên truy ủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy là cầm gậy đánh, chữ viết từ bộ thủ thanh thùy.

Biển hổ: Ngược lại âm trên biên miến. Ngược lại âm dưới thổ hồ. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết chữ biển hổ đều nghĩa là dẹp mỏng. Kinh văn viết chữ biên đệ là văn thường hay dùng, âm miến là âm miến.

Tỏa lậu: Ngược lại âm trên là tọa sa. Quảng Nhã cho rằng: tỏa là ngắn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ tỏa từ bộ trĩ thanh tọa.

Chú lậu vũ: Ngược lại âm trên chu thú. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: chú là múa đúng thời tiết như tưới nước cho vạn vật không nơi nào là không tươi tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chú là mưa đúng thời tiết, cho nên tưới nước cho vạn vật nơi nào cũng sanh trưởng nảy mầm tốt tươi; chữ viết từ bộ thủy thanh chú, âm chú là âm trú thứ. Sách Chánh Pháp Tự và Cố Dã Vương cho rằng: thường là không nơi nào là không có hàng rào pháp tắc. Lại gọi là bắt chước làm mô phạm. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Pháp độc nhất. Quảng Nhã cho rằng: hợp. Sách Thuyết Văn cho rằng: như dòng suối chảy nước bằng phẳng nơi nào cũng thấm ướt. Vì vậy như con dê đi tìm nước không thẳng đường mà đi, chữ hội ý, âm trải ngược lại âm thác giới.

Tống nhiếp: Ngược lại âm trên tử tống. Theo Liệt Nữ truyện cho rằng: go sợi khi dệt, tức dệt sợi nó với sợi kia, tức giữa sợi dọc kết với sợi ngang đừng để cho sai thớ gọi là tống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái máy kéo chỉ đang vào nhau để dệt; chữ viếttừ bộ mịch thanh tông.

Khô cao: Ngược lại âm trên khổ hồ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây khô chết. Lại cũng viết chữ khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây khô héo; chữ viết từ bộ mộc thanh cổ. Ngược lại âm dưới là khổ hạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là cây khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: khô; chữ viết từ bộ mộc thanh cao.

****

PHẬT THUYẾT KINH DIỆU PHÁP QUYẾT ĐỊNH NGHIỆP CHƯỚNG - (Không có chữ khó (T534) thể giải thích âm.)

****

KINH LUYỆN VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn***.**

Phủ phất: Ngược lại âm trên phất vũ, ngược lại âm dưới bổ hốt. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: vẽ hoa văn trắng cùng với đen gọi là phủ, đen cùng với xanh gọi là phất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: việc thêu thùa may vá nữ công phủ, cũng gọi là phủ. Quách Phác cho rằng: phủ là vẽ hoa văn làm hình cái búa; chữ phủ từ bộ trĩ âm trĩ, ngược lại âm tri trĩ. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phủ là chẳng phải vậy.

Không nhượng: Ngược lại âm khưu phương. Ngược lại âm dưới là nhi dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợ hãi, kinh hoàng, gấp vội. Sách Sở Từ cho rằng: gặp đời này luôn luôn sợ hãi, phiền não quấy nhiễu, gọi là phiền não gây rối loạn vậy.

Khẩu cấm: Lại viết chữ câm cũng đồng. Ngược lại âm cự ẩm, cấm nghĩa là không được nói ra tiếng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: cấm là đóng kín lại, lặng lẽ ngậm miệng lại gọi là cấm.

Bảo vũ: Lại viết chữ bao cũng đồng. Ngược lại âm bổ đạo. Sách Hán Thư cho rằng: hiệp tụ lại năm màu sắc lông chim gọi là vũ. Sách ghi rằng: vũ bảo gọi là người thợ cầm cây lọng kết bằng lông chim để che gọi là bảo.

Áo y: Ngược lại âm ư lục, ngược lại âm dưới là ư kỳ. Bì Thương cho rằng: áo y là tiếng thở than đau khổ bi thương.

Điền điền: Lại viết chữ điền cũng đồng, ngược lại âm đồ kiên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấn hưng quân đội, điền điền là nói quá nhiều, chứa đầy tràn, cũng gọi là đông người, đi lại rầm rập.

KINH THỊ GIÁO THẮNG QUÂN VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Xướng ưu: Ngược lại âm xỉ dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: xướng là vui vẻ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: kỷ nhạc thật sự làm trò đùa vui vẻ, gọi là vui xướng, người hát xướng, kẻ đóng trò, làm cho người khác xem vui cười làm trò vui vẻ hài lòng.

Kỷ phạ: Lại viết chữ phạ cũng đồng. Ngược lại âm phổ á, gọi là sửa soạn hành lý, văn thông dụng và sách Quảng Nhã cho rằng: phạ chiếc khăn tay hình vuông gọi là phạ.

Cẩm khâm: Ngược lại âm khư kim. Sách Tự Lâm cho rằng: khâm là cái chăn, mền lớn.

Tuấn mã: Ngược lại âm tử nhuận. Sách Mục Thiên Tử truyện cho rằng: vua xưng rằng ta có một trăm con tuấn mã. Quách Phác cho rằng: ngựa đẹp, ngựa có tài, ngựa có vằn, có đóm nên gọi là tuấn.

Minh mục: Ngược lại âm mịch điền. Sách Thuyết Văn cho rằng: minh là hợp lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhắm mắt lại.

Tích thủ: Ngược lại âm bể dịch, gọi là tay buông thả theo thân hình. Quảng Nhã cho rằng: tích là trừ bỏ.

Viết bạo: Ngược lại âm bổ mạo, mạo là phơi bày ra phơi cho khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xuất đến bộ củng đến chữ mễ, chữ chỉ ý, chữ viết từ bộ viết đến bộ củng âm củng ngược lại âm cự cung.

Vũ tí: Ngược lại âm tại tứ, ngâm vào nước thấm dần dần. Văn thông dụng cho rằng: nước thấm vào gọi là tí, nghĩa là ẩm ướt.

Tương phong: Ngược lại âm phủ long, phong là dày, cũng gọi là bao hàm chắc chắn kiên cố.

Cân cốt: Ngược lại âm cư hân. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong cơ bắp có sức lực là nhờ gân cốt, chữ cân từ bộ trúc.

Tuẫn lợi: Ngược lại âm từ tuấn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tuẫn là cầu lợi. Quảng Nhã cho rằng: tuẫn là cầu danh.

****

KINH PHẬT VI THẮNG QUANG THIÊN TỬ THUYẾT VƯƠNG PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Áo hối: Ngược lại âm ô lão. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: áo hược là lo sợ. Ngược lại âm nô đạo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áo cũng là

ngoan. Ngược lại âm ngũ hoán tức là tham. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh áo, ngược lại âm dưới hồ hợi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hối hận. Lưu Hoàn nói rằng: chân bị thọt, ngược lại chú giải sách Chu Dịch rằng: hối cải, sửa đổi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh mỗi.

Kiềm lê: Ngược lại âm trên kiểm liêm. Trịnh Thị chú giải sách Lễ Ký rằng: kiềm là người đứng đầu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kim. Ngược lại âm dưới là lực hề. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lê là chúng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thử âm lê thanh lợi.

Hạp nhiên: Ngược lại âm khảm hạp, gọi là đến. Sách Sở Tử cho rằng: bỗng nhiên mà đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy âm hạp, thanh hạp.

Bạch điệp: Ngược lại âm dưới là điềm hiệp. Bì Thương cho rằng: điệp là sợi lông nhỏ dệt vải thưa. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng là loại hoa cỏ bố thưa. Sách văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mao thanh điệp âm điệp đồng với âm trên.

Uynh thân: Ngược lại âm ư dinh, gom góp cuộn lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch đến uynh thanh tĩnh.

Sơ thông: Ngược lại âm trên sở sơ kinh văn viết dũng là người viết sai.

Linh đạt: Ngược lại âm trên là lực đinh, linh là cái chuông nhỏ, trong có cái lưỡi gà khi rung lắc nhờ thế mà kêu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh linh. Ngược lại âm dưới đường lạc. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đạt là như cái linh mà lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh đạt.

Ngữ miết: Ngược lại âm trên ngữ cư, loài côn trùng sống dưới nước. Ngược lại âm dưới là tất diệt. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: loài ba ba sống dưới nước cạn. Lã Thị Xuân Thu chú giải kinh Sơn Hải rằng: cũng là loài sống dưới nước, chữ viết từ bộ mãnh thanh tệ, âm mãnh là âm mãnh.

Nguyên đà: Ngược lại âm trên nguyễn viện. Sách Thuyết Văn cho rằng: nguyên là con ba ba lớn; chữ viết từ bộ mãnh thanh nguyên. Ngược lại âm dưới đại hà. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: đà giống như con rắn mối, dài hơn một trượng, da nó có vảy, có thể làm cái trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thủy trùng, sống dưới nước, can tức là các sấu loài bò sát; chữ viết từ bộ mãnh đến bộ đan thanh tĩnh âm đan là âm na.

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI TUẦN HÀNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Bô thời: Ngược lại âm trên bổ hồ. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: mặt trời đi quá đến giờ thân gọi là bô thời. Bi cốc đó là mặt trời lặn. Cố Dã Vương cho rằng: bi cốc đó giữa trưa cộng thêm giờ thân. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhựt thanh bộ.

****

PHẬT THUYẾT KINH VĂN THÙ THI LỢI HÀNH

Tuệ Lâm soạn.

Phỉ báng: Âm trên là phi ngược lại âm dưới là bổ lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: phỉ cũng giống như báng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: báng tức là hủy nhục chê bai. Sách Đại Đái Lễ Nhiêu Lập cho rằng: lời chê bai hủy nhục giống như cây đứng thẳng chẳng có gì nhiêu hại được. Văn Tự Điển nói rằng chữ viết đều từ bộ ngôn, đều là thanh phi bàng.

****

KINH CỤ ĐA THỌ HẠ TƯ DUY THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Tuệ Lâm soạn.

Cực kịch: Ngược lại âm cự kích. Cố Dã Vương cho rằng: kịch là rất lắm, quá lắm, kịch liệt, mạnh bạo. Sách Thuyết Văn viết chữ kịch này là đúng, chữ viết từ bộ đao thanh kịch. Kinh văn viết chữ kịch này là văn thường hay dùng.

****

KINH DUYÊN KHỞI THÁNH ĐẠO

(Kinh này chưa có bổn có thể giải thích âm.)

****

KINH LIỄU BỔN SANH TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Khổ muộn: Văn cổ viết chữ muộn này cũng đồng, ngược lại âm mạc bổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: muộn là buồn phiền. Thiên Thương Hiệt cho rằng: muộn là buồn lo cũng là giận.

Thường đạm: Lại viết cảm này cũng đồng, ngược lại âm đồ cảm, đồ lam hai âm, nghĩa là đút cho ăn, nuôi cho ăn.

****

KINH THAO CẢN - *Huyền Ứng soạn.*

Sanh tuệ: Lại viết chữ thái cũng đồng, ngược lại âm từ túy. Sách Thuyết Văn cho rằng: bông lúa, chùm bông lúa đã chín người ta thâu hoạch mang về nhà.

****

KINH TỪ THỊ BỒ TÁT SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA DUYÊN SANH THAO CẢN DỤ - *Tuệ Lâm soạn.*

Thứu phong: Âm trên tựu, ngược lại âm phương phong. Theo nước Thiên Trúch có núi Linh sơn, ở xứ Ma-kiệt-đà, núi này rất cao hiểm trở, có loài chim thứu đậu nghỉ nơi dây. Hình trạng con chim này giống như chim điêu mà nhỏ hơn, cũng gọi là loài chim quái dị, thường hay ăn thịt xác chết. Nó thường hy bay liệng nơi vùng đất hoang nơi có xác chết. Núi này rất đời mà nhỏ cho nên gọi là Linh thứu. Kinh văn nói rằng: núi này Đức Phật thường thuyết pháp hiển bày chơn thật nghĩa của pháp, xưa cũng gọi núi Kỳ-xà-quật, tiếng Phạn chuyển đọc sai, cũng gọi là núi Thứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ sơn đến bộ điểu, thanh phong tựu.

Thố mậu: Ngược lại âm dưới mi cứu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu cũng giống như lạ lùng, hiếm thấy. Trịnh Huyền cho rằng: mậu là sai lầm. Thích Danh cho rằng: mậu là sai kém. Sách Phương Ngôn cho rằng: dối trá, dối lừa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu, ngược lại âm lực hựu.

Sanh hành: Ngược lại âm dưới là hạnh canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gốc cọng cỏ gọi là hành. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo

thanh khinh âm khinh.

Thực chủng: Ngược lại âm trên thừa lực. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thuộc gốc sanh ra. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thực là sắp bày. Sách Phương Ngôn cho rằng: cây đứng thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh chung.

Khiếu khích: Ngược lại âm trên là xí cụ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: khiếu là cái lỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ trống không; chữ viết từ bộ huyệt thanh khiếu, ngược lại âm dưới hưởng nghịch. Quảng Nhã cho rằng: khe nứt. Cố Dã Vương cho rằng: khích cũng giống như là lỗ huyệt xuyên qua, khe nứt ở vách sát vách tường. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh khích.

Đam trước: Ngược lại âm trên đô nam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đam là ưa thích, đam mê. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quá vui gọi là đam; chữ viết từ bộ nữ viết thành chữ đam, cũng viết chữ đam này.

Ốc nhuận: Ngược lại âm trên ô cốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: ốc là tưới nước. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh yêu.

Như xứng: Ngược lại si chứng. Quảng Nhã cho rằng: cân đo lường. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ xứng này. Kinh văn viết chữ xứng này là văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh xưng âm xưng đồng với âm trên.

Đê ngang: Ngược lại âm trên đinh hề. Sách Bát Nhã cho rằng: cúi xuống Thiên Thương Hiệt ghi rằng: người thấp kém, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn âm đê, thanh để. Kinh văn viết chữ huyền văn thường hay dùng, ngược lại âm dưới ngũ cang. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngước cao lên; chữ viết từ bộ nhựt, thanh ngang âm ngang đồng với âm trên.

****

KINH ĐỘC CHỨNG TỰ THỆ TAM MUỘI - *Huyền Ứng soạn.*

Cú-đàm: Ngược lại âm dưới là đồ nam, hoặc nói là cụ-nang-di, tiếng Phạn, đọc có nặng nhẹ.

Trạo đệ: Ngược lại âm sửu giảo tha điểu, hai âm. sách Thượng Lâm Phú cho rằng: trạo đi nhanh vùn vụt. Quách Phác chú giải rằng: treo lên ném. Sách Thuyết Văn cho rằng: trạo là đi xa.

Kim tặng: Ngược lại âm tại đăng, tặng là cho đưa, biếu di vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy vật làm đồ chơi, biếu cho nhau gọi là tặng.

Âu hợp: Lại viết âu âu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm ô hậu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: theo nghề ca múa hát xướng gọi là âu. Quảng Nhã cho rằng: âu là vui vẻ, hòa hợp.

Bát-hòa-lan: Cũng nói rằng: bát-hòa-la, tiếng Phạn chuyển đọc sai, đây dịch là tự tứ thực.

****

PHẬT THUYẾT KINH TỰ THỆ TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Giao lộ: Ngược lại âm giao tự. Kinh văn viết giao này là chẳng phải, ngược lại âm dưới là lộ.

Sa-ha: Ngược lại âm tố-hà, âm dưới là hà, tiếng Phạn.

Nghiên tinh: Ngược lại âm khiết hiền. Quảng Nhã cho rằng: nghiên là xem xét kỹ, suy xét đến tận cùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là cái đĩa mài mực; chữ viết từ bộ thạch nghiên. Kinh văn viết chữ nghiên văn thường hay dùng âm nghiên là âm nghiên.

Cú-siểm: Ngược lại âm thất-nhiễm, tiếng Phạn, tên ở Tây Vức.

Kiền chùy: Âm trên kiền ngược lại âm dưới là trực truy. Kinh thiện kính đã giải thích rồi.

****

PHẬT THUYẾT KINH LONG THÍ NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nguy thúy: Ngược lại âm thất tuế. Quảng Nhã cho rằng: thúy là mềm yếu. Cố Dã Vương cho rằng: thúy là thịt băm nhuyễn, gọi khác là chặt đoạn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục đến chữ tuyệt thanh (T535) tĩnh. Kinh văn viết từ bộ nguy viết thành chữ thúy này sai vậy.

****

KINH LONG THÍ BỒ TÁT BỔN KHỞI - *Huyền Ứng soạn.*

Anh anh: Ngược lại âm ô canh, gọi là tiếng chim hót. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đinh đinh anh anh tương thiết thẳng với nhau.

Lương lương: Ngược lại âm lực thượng. Quảng Nhã cho rằng: gọi là lương lương là tiếng đau buồn, sầu khổ.

Lũ trần: Ngược lại âm lực chủ nói rằng: nhiều như sợi tơ nhiều là khó gỡ. Kinh văn viết chữ lũ này là chẳng phải thể.

****

KINH BỒ TÁT SANH ĐỊA - *Tuệ Lâm soạn.*

Tinh lư: Ngược lại âm lữ chư. Sách Khảo Thanh cho rằng: lư là loại nhà tranh nhỏ, nhà thờ Phật. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lư là nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm, ngược lại âm nghiêm liễm thanh lư.

Quá chùy: Ngược lại âm trên duật trắc qua. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: quá là cây roi đánh ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh quá. Ngược lại âm dưới chi nhụy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy cũng gọi là đánh, chữ viết từ bộ thủ thanh thùy.

Cấp thiết: Ngược lại âm dưới là tì liệt: sách Phương Ngôn cho rằng: tính nóng nảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiết là ngu ngốc đần độn. Quách Phác chú giải rằng: thiết từ bộ tâm thanh tệ.

Vu võng: Ngược lại âm trên là vũ phu chú giải sách Lễ Ký và Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: khinh khi. Trịnh Huyền cho rằng: vu cũng là võng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn đến thanh vu.

Để đột: Ngược lại âm trên đinh lễ. Theo Thanh Loại cho rằng: ở trong viết chữ hổ âm hổ là âm để tức là va chạm, húc nhau, cũng gọi là chống đối lẫn nhau. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ giác thanh để.

Sảo sảo: Ngược lại âm sảo giáo. Cố Dã Vương cho rằng: sảo sảo là hơi hơi lần lần thấm vào. Quảng Nhã cho rằng: sảo sảo là hơi hơi một chút. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh sao.

****

KINH PHẬT NGỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tì triện: Ngược lại âm duyên quyên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: triện là chỉ dùng ngón tay chỉ. Sách Hán Thư cho rằng: Quan phủ chỉ huy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh duyên âm duyên, ngược lại âm loạn.

****

KINH PHẬT THUYẾT BÁT KIẾT TƯỜNG CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Bạt-đà: Tiếng Phạn, ngược lại âm trên bàn-bát.

Nhân để: Ngược lại âm đinh lễ. Sách Đại Đái Lễ cho rằng: để cũng giống như là đẩy ra. Sách Phương Ngôn cho rằng: để là chống cự, đâm đánh nhau. Kinh văn viết chữ hổ văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ âm để thanh để.

Vô ương: Ngược lại âm ước chương. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ương là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đạitrong chữ quynh thanh quynh. Quảng Nhã cho rằng: âm ương ngược lại âm ư ngưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: mất dung hòa. Kinh văn viết từ bộ cách viết thành chữ ương cùng với nghĩa kinh có khác lạ nay không dùng.

Bí-mật: Ngược lại âm trên là tần-tất, tiếng Phạn.

****

KINH BÁT DƯƠNG THẦN CHÚ - Huyền Ứng soạn.

Nhục khoái: Ngược lại âm trên khẩu nục tên Quốc độ, cõi nước dựa theo chữ nạp. Tam Thương cho rằng: cũng là chữ khoái là vui vẻ.

****

KINH BÁT KIẾT TƯỜNG THẦN CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Khuyết giảm: Ngược lại âm trên khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là hao tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phữu, ngược lại âm phu cẩu, âm phu ngược lại âm kiết huyệt, ngược lại âm thanh dưới là giáp trảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giảm là ít,

chữ viết từ bộ thủy thanh hàm.

Đãi đắc: Ngược lại âm quỳnh lại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đãi là đến kịp. Kinh văn viết chữ lộc văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh đãi, âm xước. Ngược lại âm sữu lược, âm đãi là âm đệ.

Du siểm: Ngược lại âm trên là dung chu. Sách Thuyết Văn cho rằng: du cũng siểm, chữ viết từ bộ ngôn thanh du. Kinh văn viết chữ dụ, là hiểu rõ cùng với nghĩa kinh khác lạ. Ngược lại âm dưới là sửu nhiễm. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: siểm là nịnh hót, chữ viết từ bộ ngôn thanh siểm, hoặc kinh văn viết chữ siểm này là văn thường hay dùng.

****

KINH BÁT PHẬT DANH HIỆU - *Tuệ Lâm soạn.*

Hùng bi: Âm trên là không. Sách Thuyết Văn cho rằng: hùng là con gấu giống như con heo ở trên núi, là loại thú đến mùa đông ẩn núp trong hang, chữ viết từ bộ năng đến bộ (...) tiêu ngược lại âm bỉ bì. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: bi là con gấu người cũng giống như con gấu mà đầu nó dài chân cao hơn có thể nhổ cả gốc cây lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nó có đóm trắng, vàng, chữ viết từ bộ hùng đến bộ bi thanh tĩnh.

Sài báo: Ngược lại âm trên sàng hài, sài là thuộc chó sói. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: sài chó sói chân nó giống như chó thường. Cố Dã Vương cho rằng: ngày nào mà có sương giáng xuống nhiều là lúc đó chó sói mới đi săn mồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trĩ, âm trĩ ngược lại âm trĩ thanh tài. Ngược lại thanh dưới là bao giáo. Theo Mao Thi Truyện cũng viết là báo, là con gấu vàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống con hổ có đóm tròn, chữ viết từ bộ trĩ thanh báo, ngược lại âm thường dược.

Phân phúc: Ngược lại âm phương văn, ngược lại âm dưới bằng phúc. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: phân cũng giống như hương thơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh phân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phúc cũng là hương thơm. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ hương thanh phúc.

****

KINH VU LAN BỒN - *Huyền Ứng soạn.*

Vu lan bồn: đây là nói sai, nói cho đúng là Ô-lam-sa-nã, đây dịch là đảo huyền, tức là treo ngược. Theo Tây Vực, pháp đến với chúng tăng ngày tự tứ rằng: tiên vong có tội lại là người không có con cháu kế tự, cúng tế thì ở trong quỷ thú chịu khổ là treo ngược. Vì vậy mà Phật bày ra trong phước điền Tam Bảo đầy đủ phụng thí cho Phật và chư tăng phò trợ cứu giúp những vong linh đó. Gọi là tội khổ treo ngược đói khổ. Xưa dịch Vu lan bồn là dụng cụ chứa thức ăn, đây là nói sai vậy.

Vãng hướng: Ngược lại âm thi thượng. Quảng Nhã cho rằng: hướng là biếu tặng để lại di vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: hướng dâng biếu thức ăn lên cho bậc trên, dâng lương thực lên cho bậc trên.

Đĩnh chúc: Lại âm định, lại âm điện. Sách Vận Tập Lược cho rằng: cái nồi đồng có chân gọi là đĩnh, không có chân gọi là đăng. Kinh văn viết chữ đĩnh này là chẳng phải vậy.

Bát-la-hòa-phạn: Kinh Độc Chứng Tự Đảm nói rằng: bát đó đây dịch là hòa-lan, cũng là tiếng Phạn nói có nặng, nhẹ; bát chứa thức ăn ngày tự tử.

Uông dương: Ngược lại âm ô quang, ngược lại âm dưới là dĩ chương. Sách Sở Từ cho rằng: đến rất sâu rộng nước mênh mông. Vương Dật chú giải rằng: nước lớn mênh mông vô cùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: uông dương là nước sâu mà rộng. Quảng Nhã cho rằng: mênh mông bao la nước tràn ngập.

Lục chủng thân thuộc: Sách Hán Thư cho rằng: Lấy việc phụng sự lục thân đó, nên giới thiệu ra làlục thân như cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thân thích yêu thương. Thích Danh cho rằng: gần gũi thân thích nói cùng nhau che chở thân thiết với nhau.

****

PHẬT THUYẾT KINH BÁO ÂN PHỤNG BỒN - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhũ bộ: Ngược lại âm trên là nhu chủ, ngược lại âm dưới bổ mộ. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: bộ là trong miệng nhai thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh bổ.

Thiếu phạn: Ngược lại âm xương chiểu. Sách Tự Lâm cho rằng: gạo đã nấu chín. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mạch thanh tù ngược lại âm tựu do. Kinh văn viết chữ thiếu là văn thường hay

dùng.

Cấp quán: Ngược lại âm trên là kỷ lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp là dẫn nước vào, chữ viết từ bộ thủy, ngược lại thanh dưới là quan hoán. Yến Anh cho rằng: quán là tưới nước, chữ viết từ bộ thủy âm quán thanh hoàn.

****

KINH QUÁN TẨY PHẬT HÌNH TƯỢNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Luyến nhục: Ngược lại âm lực chuyển. Tự Lâm cho rằng: luyến là thịt cắt thành miếng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh luyến ngược lại âm liệt chuyên.

Thiêm nhiên: Ngược lại âm trên thất tiêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đồng đều nhau, chữ viết từ bộ tập ngược lại âm từ nhập đến bộ luyện âm huyên đến bộ tùng chữ cổ, nay viết chữ tùng này.

****

KINH PHẬT THUYẾT MA HA SÁT ĐẦU - *Tuệ Lâm soạn.*

Noa-nhi: Ngược lại âm nô-hòa. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: noa là dùng tay xoa vuốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh ủy, âm sa ngược lại âm tố hòa.

Cam đại: Ngược lại âm trên là cam ám. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu xanh đậm, chữ viết từ bộ mịch đến thanh cam. Ngược lại âm dưới là đồ lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng mực vẽ mày, chữ viết từ bộ hắc thanh đại.

****

PHẬT THUYẾT KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Tam Tạng Bảo Tư Duy dịch - Tuệ Lâm soạn.

Dục tượng: Ngược lại âm trên du chú. Sách Khảo Thanh cho rằng: dục là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng rượu thấm vào thân, chữ viết từ bộ thủy thanh dục âm tửu ngược lại âm tiên lễ.

PHẬT THUYẾT KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Tuệ Lâm soạn.

Phu phiến: Ngược lại âm trên là phủ vô. Sách Thuyết Văn cho rằng: vỏ lúa mạch lột ra tức là trấu của giống lúa tiểu mạch, chữ viết từ bộ mạch thanh phu.

Lịch thủ: Ngược lại âm trên là linh đích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: giọt nước nhỏ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh lịch.

****

KINH TẠO LẬP HÌNH TƯỢNG PHƯỚC BÁO - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhu nhuyễn: Ngược lại âm nhi diễn. Sách Bát Nhã cho rằng: nhuyễn là mềm yếu, chữ viết từ bộ nhi đến bộ đại hoặc là viết chữ nhuyễn này.

Khôi thượng: Ngược lại âm khổ quýnh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: khôi là ngọn lửa to lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm đến thanh khôi.

****

PHẬT THUYẾT KINH TÁC PHẬT HÌNH TƯỢNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Câu diêm: Âm trên câu âm dưới dư liêm, tiếng Phạn, tên của một nước.

****

PHẬT THUYẾT KINH NỘI TẠNG BÁCH BẢO - *Tuệ Lâm soạn.*

Âu hòa: tiếng Phạn, ngược lại âm ư hầu.

Cấu tinh: Ngược lại âm trên là cổ hầu. Sách Chu Dịch cho rằng: cấu là gặp nhau. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: người nam, nữ gặp nhau. Kinh văn viết chữ cấu này là sai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ âm cấu, cùng với thanh trên cũng đồng.

Thấu khẩu: Ngược lại âm trên sưu trứu. Sách Khảo Thanh cho

rằng: thấu, hớp nước vào miệng rồi phun ra. Sách Lễ Ký cho rằng: con gà ban đầu ngậm nước trong miệng rồi phún ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy âm thấu, ngược lại âm sở lục, cũng là thanh thấu.

Tản cái: Ngược lại âm trên san đàn. Sách Đông Quán Hán Ký ghi rằng: khi trời mưa lớn người cỡi ngựa cầm dù che. Cố Dã Vương cho rằng: tản tức cái là cây dù. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tản. Kinh văn viết chữ tảng này chưa rõ nghĩa, cũng là văn thường hay dùng.

****

KINH TƯ KHA MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Chiến lật: Ngược lại âm lực chất. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lật là kính cẩn. Sách Thượng Thư cho rằng: lật là lo sợ nguy hiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh lật.

Túc nhiên: Ngược lại âm trên tu dục. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: túc là kính. Lại cũng gọi là nghiêm túc. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: túc là nghiêm túc, dáng mạo đứng yên nghiêm nghị. Sách Ích Pháp cho rằng: mạnh dạn. Sách Đức Khắc Nghĩa cho rằng: túc nghiêm nghị. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng như trên, chữ viết từ bộ duật, như bộ trọng chữ túc, ngược lại âm ô huyền.

Bính ý: Ngược lại âm trên bích mãnh. Quảng Nhã cho rằng: bính là sáng sủa. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ hỏa thanh bính.

Hữu át: Ngược lại âm an hạt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: át là ngăn chặn dứt tuyệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: át cũng gọi là che lấp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước âm át thanh át.

Đồng nhu: Ngược lại âm trên đồ đông. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đồng là cậu bé chưa đội mũ, tóc còn để chỏm nên gọi là đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh đồng. Ngược lại âm dưới là như dụ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đứa trẻ còn non nớt, trẻ con. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tử thanh nhu văn thường hay dùng viết chữ nhu này nay không dùng.

Nhuyễn động: Ngược lại âm trên như duẫn. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: loài côn trùng bò lút nhút. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh nhuyễn.

KINH TỨ BẤT KHẢ ĐẮC - *Huyền Ứng soạn.*

Niết tiển: Lại viết chữ miết này cũng đồng, ngược lại âm nãi diệp, gọi là lấy ngón tay vo, vẽ, xe tròn, cầm nắm.

****

KINH PHẠM NỮ ĐẦU Ý - *Huyền Ứng soạn.*

Nhập quán: Ngược lại âm trên cổ hoán. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà khách. Sách Chu Lễ cho rằng: năm mươi dặm có một cái đình quán. Theo chữ khách xá, xa xa có một lữ quán gọi là hầu quán, chữ viết từ bộ xá viết thành chữ quán chữ cũng cận nghĩa.

Vưu triết: Lại viết chữ hai chữ triết tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tri liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: triết là trí huệ. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Tề, Tống gọi trí huệ là triết, triết là sáng suốt, thấu hiểu mọi lý lẽ.

****

KINH BỒ TÁT HÀNH NGŨ THẬP DUYÊN THÂN
Huyền Ứng soạn.

Phật tháp: Ngược lại âm tha hạp, hoặc gọi là tháp bà, hoặc là thâu bà, đây gọi là phương phần tức (mồ mả) cũng nói là miếu đều một nghĩa. Kinh văn viết từ bộ cách viết thành chữ tháp ngược lại âm công táp, gọi là thác là cái túi không có đáy, ngăn ngừa chống giữ; chữ tháp này chẳng phải nghĩa của kinh đây dùng.

****

KINH THÀNH TỰU QUANG MINH ĐỊNH Ý - *Huyền Ứng soạn.*

Ốc nhược: lại viết chữ ốc này cũng đồng, ngược lại âm ư phược. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ốc nhược cũng giống như ốc ốc nghĩa là tưới nước, lên ruộng đất màu mỡ, béo tốt. Ốc cũng là mềm mại, thấm ướt, ẩm ướt cũng theo hạ lưu sông mà chảy ra.

Trác lạc: Ngược lại âm lực giác, gọi là kỳ lạ khác thường xuất

chúng.

Mộng mộng: Ngược lại âm mạc đăng mộng mộng là mờ mịch âm u, buồn bã, quang cảnh không có sáng sủa.

Chân ngạn: Ngược lại âm ngôn kiến, ngạn là ngạn ngữ, lời nói được lưu truyền, nói rõ sự khác biệt và chân thật. Câu tục ngữ không có khó khăn, không nghi ngờ. Kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ ngạn văn thường hay dùng là chẳng phải.

Bao khuất: Ngược lại âm bổ cao. Theo chữ bao cũng giống như khen ngợi tốt đẹp, biểu dương tiến tới sự tốt đẹp. Khuất cũng giống như ruồng bỏ chê bai.

Sản tham: Lại viết chữ sản này cũng đồng. Ngược lại âm sơ tiển. Quảng Nhã cho rằng: sản là gọt vót. Theo Thanh Loại cho rằng: sản là san bằng, tiêu diệt.

Trí ngại: Ngược lại âm trên là trí, văn thông dụng cho rằng: việc không có lợi là trí, tức là việc thất bại, ngăn cản đến gọi là ngại. Kinh văn viết chữ xuyết là chẳng phải.

Đàm nhiên: viết đúng là đạm, ngược lại âm đồ lam, đạm là yên tĩnh. Nước sâu gọi là đàm, ngược lại âm đồ nam.

My mao: Ngược lại âm mỹ cơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông mí mắt trên. Kinh văn viết mao mao, hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Nhãn kiểm: Ngược lại âm cư nghiễm, văn Tự Tập Lược cho rằng: da ngoài mí mắt. Kinh văn viết chữ tiệp mao hai chữ tượng hình này đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tì tử: Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngược lại âm tư nhĩ. Văn thông dụng cho rằng: khó có thể gọi là tì tử. Kinh văn hoặc là viết chữ tử này.

Dịch hào: văn cổ viết hào mạo hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo. Theo sách Lễ ký cho rằng: tám mươi tuổi gọi là mao. Lại chú giải rằng: mạo là hôn mê, hay quên, cũng là loạn. Kinh văn viết chữ hào lão, hai chữ tượng hình này là sai vậy.

Bằng các: Ngược lại âm bổ manh, văn thông dụng cho rằng: lều hóng mát gọi là bằng, bằng cũng là lều các. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lầu các, cũng gọi là nhà nhiều tầng, chồng chất lên nhiều lớp.

Cung cô: Lại viết công này cũng đồng ngược lại âm chi dung. Thích Danh cho rằng: thế tục gọi bố mẹ chồng là cung. Nói rằng: chỗ thấy cung kính, thấy kỵ cung là sợ sệt mà tự nghiêm tức.

Quán thủ: Ngược lại âm công viện. Sách Thuyết Văn cho rằng:

tẩy rửa tay phàm là tẩy rửa vật bằng rượu gọi là quán, cũng là rửa tay; chữ viết từ bộ cữu đến bộ thủy đến bộ mãnh chữ trên chỉ ý.

****

KINH ÔN THẤT TẨY DỤC CHÚNG TĂNG - *Huyền Ứng soạn.*

Ôn tì: Ngược lại âm tất nhị, gọi là bệnh phong tỳ, bệnh phong thấp, cũng gọi là không thể đi được.

Tất phân: Lại viết chữ bốn chữ tất tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ kiết. Bì Thương cho rằng: nhiều hương thơm tất tất nhiên, phân phân hương, thơm tho thay, vào nhà có hoa lan, cỏ chi.

****

KINH CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN - *Huyền Ứng soạn.*

Khô cao: Văn cổ viết chữ cao này cũng đồng. Ngược lại âm khổ đạo. Lâm Tự cho rằng: cây khô.

Hất kim: Ngược lại âm vu ngật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hất là đến.

****

KINH KIM SẮC VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Cự như: Ngược lại âm cự chữ, ngược lại âm dưới nặc nữ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cự như gọi là bánh người Giang nam gọi là bánh cao hoàn âm hoàn. Sách Tự Uyển cho rằng: là bánh cao hoàn quả tức là bánh có nhân trái cây.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI TẠNG

Đời Nhà Tấn phiên dịch - Tuệ Lâm soạn.

Yểm ý: tên của vị Bồ tát, ngược lại âm trên ư diễm.

Phú tế: Ngược lại âm trên nhược vụ Giã Quỳ chú giải sách Quốc

ngữ rằng: phú là che đậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ á thanh phục. Ngược lại âm dưới tất duệ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tể ngăn che dưới ngại. Sách Khảo Thanh cho rằng: che đậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh tế, ngược lại âm tỳ duệ, thanh á ngược lại âm hồ giả.

Bì quái: Ngược lại âm khổ ngoại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quái là cám. Tự Thư cho rằng: quái là loại cám gạo thô cứng. Kinh văn viết chữ quái này là văn thường hay dùng.

Tào khang: Ngược lại âm trên tảo lao. Sách Sở Từ cho rằng: tào khang là nói bả rượu và cám, cũng là chỉ người vợ lúc hàn vi cùng khổ không thể bỏ được bạn bè lúc hàn vi không thể quên được. Sách Thuyết Văn cho rằng: cặn rượu, âm tử là âm tế sử; chữ viết từ bộ mễ thanh tao. Ngược lại âm dưới khổ can. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: khang là cám. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là cám của ngũ cốc; chữ viết từ bộ hòa thanh khang. Kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ khang văn thông dụng thường hay dùng.

Hạch nội: Ngược lại âm hành cách. Cố Dã Vương cho rằng: quả thật trong có hột. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh hợi.

Kiến tệ: Ngược lại âm tỳ duệ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tấm vải lụa lớn, chỗ gọi là lễ vật ngày xưa gọi chung ngọc, mã nảo, khuê, bích, lụa là trước dâng lên cúng. Lại gọi là tệ tức vải lụa quí. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tệ ngược lại âm tỳ duệ, đến bộ cân.

Chú sư: Ngược lại âm chu thế. Theo Tả Truyện cho rằng: chú gọi là nấu cho chảy kim loại, đúc kim loại, âm dương ngược lại âm dương hướng, gọi là đồng, đúc đồng thành dụng cụ chứa. Lại gọi là nấu cho chảy kim loại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh chú.

Hội nhục: Ngược lại âm tích chúc. Theo Thanh Loại cho rằng: nhục là đệm chiếu cỏ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nhục là chiếu cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh nhục.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI TẠNG

Hưng Thiện Tam Tạng Tân dịch - Tuệ Lâm soạn.

Nuy tụy: Ngược lại âm trên ủy vị. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ ký rằng: nuy là bệnh liệt gân. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ tật thanh ủy. Ngược lại âm dưới là từ túy. Theo Mao Thi Truyện cho rằng:

tụy là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh túy, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Lăng một: Ngược lại âm trên lực tăng. Tự Thư cho rằng: hoặc là viết chữ lăng. Vương Dật chú giải rằng: lăng là xâm phạm, khinh khi xem thường. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: vũ là khinh nhờn ta. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lực âm lăng, đồng với âm trên.

Tu nhụy: Ngược lại âm lật du. Sách Thuyết Văn viết chánh thể chữ từ bộ sam viết thành chữ tu, âm sam là âm sam, âm hiệt là âm hiệt, chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ tu cũng là văn thường hay dùng, âm tiêu là âm phiêu. Ngược lại âm dưới là diện chùy. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhụy là nhụy hoa thật. Quảng Nhã cho rằng: cũng là nhụy hoa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo đến ba bộ tâm đến bộ mịch.

Đoài khứ: Ngược lại âm trên sửu liệt. Bì Thương cho rằng: đoài là phá sạch da ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bì thanh đoài.

Túc thuật: Ngược lại âm thần luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cao lương, lúa dẻo ngon. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh thuật. Kinh văn viết chữ thuật này là chẳng phải.

Hoài hiệp: Ngược lại âm trên hộ quái. Kinh văn viết từ bộ tâm văn thông dụng. Sách Thuyết Văn viết chánh tự là hoài hiệp, tức là cây kẹp, cặp gắp, chữ từ bộ y thanh hoài. Ngược lại âm dưới kiêm giáp. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: là cây kẹp, bó buộc, bắt chẹt, ràng buộc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệp là che giấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm giữ; chữ viết bộ thủ đến thanh giáp. Kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ hiệp này là sai.

Kim chuyên: Âm chuyên. Bì Thương cho rằng: gạch ngói chưa nung. Kinh văn viết từ bộ thạch viết thành chữ chuyên văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa thanh chuyên, âm lộc là âm lộc.

Theo mạch: Ngược lại âm trên đồ liêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: theo là nhảy vượt qua, chữ viết từ bộ túc thanh triệu. Ngược lại âm dưới là manh bá. Sách Khảo Thanh cho rằng: mạch là cỡi lên lưng ngựa phi vượt qua. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh mạc.

****

KINH ĐIỂN ĐẠO TỤC - *Huyền Ứng soạn.*

Cấp thiềm: Theo Thanh Loại cho rằng: hoặc là viết chữ thiềm này cũng đồng. Ngược lại âm thời diễm, thiềm là trợ giúp. Tự Thư cho rằng: thiềm là đầy đủ dồi dào, cũng gọi là xung quanh đầy đủ dồi dào.

Thẩm bát: Ngược lại âm trắc cấm. Quảng Nhã cho rằng: thấm là hủy nhục, vu cáo dèm pha, cũng gọi là chê trách, một là một bên dèm pha, một vu cáo gọi là thấm.

****

KINH BÁCH PHẬT DANH - *Huyền Ứng soạn.*

Cụ hư: Mượn âm, ngược lại âm lạc câu.
Bà sai: Ngược lại âm thiên ngã.
Thắng đức: Ngược lại âm vực chứng.

****

KINH XƯNG DƯƠNG CHƯ PHẬT CÔNG ĐỨC - *Huyền Ứng soạn.*

Động thanh: Văn cổ viết hai chữ đồng tượng hình. Ngược lại âm đồ cống. Theo chữ động cũng giống như thông suốt qua, cũng gọi là hang sâu. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết chữ động này là chẳng phải.

****

KINH TU CHƠN THIÊN TỬ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Phong thấu: Ngược lại âm tô mộc.
Đối đà: Ngược lại âm đồ đối.
Mâu: Ngược lại âm mang cấu.

KINH TU CHƠN THIÊN TỬ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN TRUNG

Dũng hãn: Ngược lại âm hồ thả. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hãn là dũng mãnh, hung hãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dũng cũng là hãn là hung hãn, mạnh mẽ, dũng mãnh.

Hồ cung: Ngược lại âm hộ đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cung bằng gỗ. Sách Chu Dịch cho rằng: Hoàng đế làm cây cung bằng gỗ là dùng gỗ vót (T537) nhọn làm mũi tên vậy.

Kiến tiển: Ngược lại âm cư kiện, xây dựng, cũng gọi là cây đứng thẳng.

- QUYỂN HẠ: không có âm khó để giải thích.

****

KINH MA HA MA DA - *Huyền Ứng soạn.*

Hàm nhuận: Ngược lại âm hồ đam. Sách Thuyết văn: nước thấm nhiều. Kinh Thi cho rằng: ban đầu chê trách nên đã được thấm nhuần.

Sát hạch: Tự Lâm cho rằng: âm sơn xác, gọi là mở cánh ra. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: chim cố gắng hết sức căng cánh ra bay. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: sát là cánh chim bay.

****

KINH TRỪ KHỦNG TAI HOẠN - *Huyền Ứng soạn.*

Cấu hạng: Ngược lại âm hồ giáng, gọi là người chứng quả Tu-đà-hoàn () đây nói là nhập lưu, hoặc nói là chí lưu. Nay nói là cấu hạng, tức là người chứng quả trong lòng như dòng nước lưu chảy. Kinh văn viết chữ hạng ngược lại âm cổ hạng. Văn Tự tập lược cho rằng: phần nước chảy. Tức là trong kinh nói rằng: người chứng quả phân bố ra cùng khắp, nghĩa là như vậy.

****

KINH BỘT SAO - *Huyền Ứng soạn.*

Kỳ phong: Ngược lại âm cự nghĩa. Theo Thanh Loại cho rằng: côn trùng có nhiều chân. Quan Tây gọi là truật sưu, tức là con ong, truật sưu là Kỳ phong: Ngược lại âm cự nghĩa. Theo Thanh Loại cho rằng: côn trùng có nhiều chân. Quan Tây gọi là truật sưu, tức là con ong. Truật sưu là kỳ phong, âm truật Như Lai âm cầu câu, ngược lại âm dưới sở chu.

Ti mễ: Ngược lại âm tích di, ti là người thấp hèn. Theo Tự Thư cho rằng: người nô bộc, đầy tớ, cũng gọilà người giúp việc hèn hạ. Nay dùng nghĩa này vậy.

Ngai xế: Ngược lại âm ngũ mại. Ngược lại âm dưới trợ mại. Quảng Nhã cho rằng: ngai là chia cắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: khóe mắt. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: quắt mắt, trừng mắt, tức là nghĩa này vậy.

Tiết độc: Ngược lại âm trên tương liệt. Ngược lại âm dưới đồ mộc. Sách Tương Giáp Tập gọi là tiết độc nghĩa khinh thường, xem nhờn. Kinh văn viết chữ tiết độc này là chẳng phải thể.

Yêu nghiệt: Thể chữ viết nghiệt cũng đồng, ngược lại âm ngũ kiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: yêu quái mặc y phục ca múa nhảm nhí, cây cỏ, gọi là yêu. Loài côn trùng quái lạ cầm thú, châu chấu gọi là nghiệt, nghiệt tai, phá hoại mùa màng.

Lỗ độn: Ngược lại âm lực cổ. Sách Luận Ngữ cho rằng: tham cứu, nguy độn. Khổng An Quốc chú giải rằng: ngu độn, gọi là người hôn mê ngu độn, ngây ngơ.

Khất nhẫn: viết đúng là nhẫn, cũng đồng âm nhẫn, khất nhẫn giống như là người ngang ngạnh, cứng cõi, cũng gọi là người không hiểu biết.

Cô giảo: Lại viết chữ xác. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: cô là cứng rắn, kiên cố. Giảo là chuyên nhất tổng quát, gọi là lấy qui tắc chắc chắn cũng gọi thương lượng, mưu sự làm có lợi.

Tiêu nao: Lại viết nhiêu nô, cũng đồng. Ngược lại âm tài diệu tài tiêu, hai âm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiêu là chê trách, cũng là nhiễu rắc rối phiền nhiễu, cũng gọi là dáng vẻ cung kính khép nép. Ngược lại âm dưới là nữ giao, tiếng tranh cải ồn ào. Quảng Nhã cho rằng: nao là tiếng chim hót. Sách Thuyết Văn cho rằng: giận dữ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tiếng kiện tụng tranh cải nhau.

Lô tư: Ngược lại âm trên lãng đô, ngược lại âm dưới tài tư. Sách

Thuyết Văn cho rằng: loài thủy điểu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lô tư giống như loài chim nhạn mà lông màu đen, âm hạc ngược lại âm ngũ lịch.

****

KINH BẤT TƯ NGHÌ QUANG BỒ TÁT SỞ THUYẾT

Huyền Ứng soạn.

Nhạn câu: Lại viết chữ cù cũng đồng, ngược lại âm kỳ câu, tức là loài chim cù dục, chim yểng, loại chim lông đen có hơi xanh.

****

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Triền liên: Ngược lại âm lực tiền. Tự Thư cho rằng: liên là sợi dây buộc không mở được.

Tập tại: Ngược lại âm trắc lập, tập là tụ lại, gom lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa binh khí. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ tập này là chẳng phải.

Sâm lậu: Ngược lại âm sơ âm, sâm là thấm ngấm qua hết, thấm xuống cũng gọi là vét cạn.

Yểm tắc: Ngược lại âm ư liễm, gọi là người giữ cửa, chữ viết đúng là yểm. Yểm này có nghĩa là che giấu, ngăn che.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 2

Mật khoản: Lại viết chữ khoản này cũng đồng, ngược lại âm khẩu hoãn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khoản là chân thành ân cần đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoản là có ý muốn thân thiết.

Huy Lệ: Ngược lại âm hứa quy, huy lệ gạt nước mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: huy là vung cao lên, cũng gọi là tinh thần phấn chấn.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 3

Bằng các: Ngược lại âm phổ manh, văn thông dụng gọi là liên các, tức là cái gác gọi là bằng. Kinh văn viết các ngược lại âm phổ canh, tức là thanh cửa, cá chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhiễu cố: Ngược lại âm nãi liễu, âm dưới lại viết chữ cổ này cũng đồng, ngược lại âm cổ hộ. Tam Thương cho rằng: nhiêu là làm trò quấy nhiễu phiền nhiễu, cũng gọi là phiền nhiễu não loạn, làm trò nghịch ngợm. Các kinh có chữ niễu, nghĩa là chọc ghẹo, âm đồng với niễu, tức là Ma-đăng-già nữ quấy nhiễu. Kinh văn lại viết chữ nhiễu đố, âm đố ngược lại âm công hộ là làm mê hoặc, chất độc làm mê hoặc. Tự Lâm cho rằng: âm đố là âm cổ hộ.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 4

Húc miễn: Ngược lại âm hư ngọc, gọi là miễn tức là khích lệ gắng sức lên. Sách Phương Ngôn cho rằng: nước Tề, Lỗ gọi là gắng sức lên là húc.

Đạo liễm: Ngược lại âm cư nghiễm. Đại phẩm kinh nói rằng: như nhập vào chánh vị thanh văn, gom nhặt, bắt lấy thu nhập. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đều liễm là pháp ma.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 5

Hoạch nhiên: Ngược lại âm hồ quấc hoạch nhiên, bỗng nhiên, hốt nhiên. Nghĩa là cùng với hoạch, đồng đồng âm hồ mịch, âm quấc ngược lại âm cổ mạch.

Đường ôi: Ngược lại âm đồ lang, ngược lại âm dưới ô hồi. Văn thông dụng cho rằng: nướng, bỏ vào trong lửa than nướng cho chín gọi là đường, ôi cũng gọi là đường. Quảng Nhã cho rằng: là làm cho ấm. Kinh văn viết chữ ôn này, ngược lại âm ư văn, nghĩa là đốt khói lửa lên

làm cho sáng sủa. Sách Thuyết Văn cho rằng: uất khói nghẹt khói, chữ ôn chẳng phải thể.

Môn quắc: Văn cổ viết chữ quắc cũng đồng, ngược lại âm hồ vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gọi là cửa hẹp. Quách Phác cho rằng: ngưỡng cửa giới hạn ra vào, âm trật ngược lại âm thiên kiết.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 6

Hoặc manh: Ngược lại âm nha mãnh, gọi là sáng suốt.

Bà sa: Ngược lại âm thiên hà, hoặc viết là bà xoa hà, cũng gọi là bác xoa hà, gọi là cái ao lớn phía Tây là con sông Mã khẩu mà chảy vào biển Tây hải.

Đăng mộng: Ngược lại âm đồ đăng, đinh đặng. Sách Vận Tập cho rằng: xứ thiên ngọa cực, ngược lại âm dưới vong đăng. Kinh văn vó viết trịnh đăng mộng đều chẳng phải thể.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 7

Lục nhân: Ngược lại âm ư nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhân là chìm đắm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhân là rơi xuống, cũng gọi là vùi lấp.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 8

Chước thủy: Ngược lại âm cửu ngu. Quảng Nhã cho rằng: chước là rót rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: rót rượu, tuôn ra, giải bày tình cảm. Kinh văn viết chữ chữ câu là chẳng phải thể, hoặc từ bộ dậu viết thành chữ châm cũng chẳng phải vậy.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 9

Chi hành: Ngược lại âm cự chi cự nghi hai âm, gọi là loài côn trùng có chân. Sách Chu Thư cho rằng: chi hành là thở hổn hển, bệnh suyển.

Thẫn nhiên: Tự Thư viết dẫn hoặc là viết chữ xuy đều đồng nghĩa, ngược lại âm thức nhẫn. Tam Thương cho rằng: cười mĩm. Sách Luận ngữ cho rằng: phu tử mĩm cười, có ý chê bai Mã Dung, gọi là cười nhạt. Sách Lễ Ký cho rằng: cười mà không đến là cười mĩm. Trịnh Huyền cho rằng: cái răng vốn là cười ra tiếng lớn, thì sẽ thấy cái răng.

Ngu tráng: Ngược lại âm đô giáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngu si, tính nóng nảy. Theo Thanh Loại vận Tập cho rằng âm sữu hạng.

KINH THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT
QUYỂN 10

Giá-ca-việt-la: Đây dịch là Chuyển Luân Thánh Vương, nói cho đúng là cân-ca-la, đây nói luân-đại-lặc-để. Đây gọi là Chuyển Luân Thánh Vương, thuận với phương ngữ ở đây.

****

KINH BỒ TÁT ANH LẠC - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Cung khác: Văn cổ viết chữ khách cũng đồng, ngược lại âm khẩu các khác là cung kính. Tự Lâm cũng cho cung kính.

Nãng tích: Ngược lại âm nô lang. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãng là lâu rồi, giống như qua lâu thành xưa, trước kia, ngày xưa.

Trần ế: Lại viết chữ ế cũng đồng, ngược lại âm ư kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có gió thổi mà bị che mờ. Tả Truyện gọi là bóng râm, âm u mà có gió gọi là ế. Ế cũng gọi là ngăn che, nói rằng bị mây che khuất ánh sáng khiến cho không sáng rõ.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 3

Cắng nhiên: Ngược lại âm ca đặng: cắng chỉ không gian, hoặc thời gian kéo dài liên tục không gián đoạn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cắng là thời gian kéo dài từ xưa đến nay, nghề trồng lúa không có thay đổi. Theo Truyện cho rằng: cắng là biến khắp, âm cự là âm cự, âm phi là phò bỉ.

Yết-tỳ: hoặc nói yết-tùy, hoặc nói ca-tỳ, đây là tiếng Phạn, âm sai. Đây dịch là ca-tỳ, thanh ca-la đó là tên của con chim có giọng hót hay.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 6

Kiêu hãnh: Ngược lại âm cổ nhiêu. Ngược lại âm dưới hồ cảnh, kiêu là gặp nhau, hãnh là vui mừng bay lên, văn thường hay dùng gọi là hạnh cũng là hãnh. Hành gọi là chỗ chẳng phải được mà được, đó gọi là người gặp may mắn, điều tốt lành.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 7

Tham san: Lại viết chữ tham này cũng đồng. Ngược lại âm tha kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham này cùng nghĩa với tham. Lại gọi là tham tài của vật chất, tham thực tức là tham ăn gọi là san.

Câu-lân: Hoặc viết là cư-lân, hoặc viết câu luận, đều là tiếng Phạn chuyển đọc sai. Đây cho rằng: bổn tế thì trong kinh nói đến Tôn giả, Liễu Bổn Tế; Tôn giả Trí Bổn Tế đều tên của Kiều Trần như Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật.

Phân-nậu: Lại viết phân nậu, hoặc là viết phân nậu văn đà phất, nên gọi là phú-la mạn-đà phất-đa-la. Đây dịch là mãn nghiêm sức nữ, hoặc nói mãn-kiến-tử đều là tiếng Phạn.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 9

Tất phân: Lại viết bốn chữ tất tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ kiết. Bì Thương cho rằng: tất cả là đốt hương. Lại chú giải Mao Thi Truyện rằng: hương thơm ngào ngạt.

A-duy nhan: là Bồ tát Thập Trụ. Trong kinh nói rằng: thứ mười là A-duy (T538)nhan trụ, gọi là Bồ tát nhất sanh bổ xứ.

Sản dĩ: Ngược lại âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: một gọi là san bằng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vót gọt cho bằng.

Bất tiết: Ngược lại âm tu liệt, tiết là chậu chứa nước rỉ ra, cũng gọi là phát ra. Quảng Nhã cho rằng: nước rò rỉ ra.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 11

Siêu trác: Ngược lại âm sĩ kiêu, gọi là nhảy lên xe, chạy vượt qua, tiến lên phía trước, vượt xa hơn. Ngược lại âm dưới trắc giác, trác là cao. Thích Danh cho rằng: cao siêu, là bước chân đến có chỗ cao siêu, siêu việt.

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
QUYỂN 12

Phân vệ: đây nói sai, nói đúng là tân trà. Đây dịch là đoàn ba-đa. Đây nói đọa tức là thức ăn trong bát rơi rớt ra, hoặc cũng nói là đoàn đoàn ngã, gọi là đoàn thực, tức là đoàn người khất thực.

Khanh nhiên: Lại viết thân chấn, hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khẩu canh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tràn kiên là tiếng xe chạy kêu leng keng. Quảng Nhã cho rằng: chân chân nhiên là tiếng long cong, leng keng.

Liệu lượng: Ngược lại âm lực điều. Sách Thuyết Văn cho rằng: lượng định, lường tính xem nặng nhẹ gọi là lượng, nhiều ít gọi là liệu, cũng gọi là số lượng, chữ viết từ bộ đẩu. Kinh văn viết liệu này, ngược lại âm khổ hòa, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

- (Quyển 2, 4, 5, 8, 10. Không có từ âm nghĩa).

KINH SIÊU NHẬT NGUYỆT TAM MUỘI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Nhiếp phục: Theo Thanh Loại viết chữ nhiếp này cũng đồng. Ngược lại âm chỉ nghiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tâm phục gọi là nhiếp. Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là sợ hãi, lo sợ. Sách Tự Thư cho rằng: mất bình thường.

Nuy tuất: Ngược lại âm tư duy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nuy là an tĩnh, tuất là thâu gom, cứu giúp người nghèo.

Khôi dẫn: Lại viết chữ khôi này cũng đồng. Ngược lại âm khổ hồi. Tự Lâm cho rằng: khôi là to lớn.

Tiêm giới: Ngược lại âm gia giới. Sách Chu Dịch cho rằng: buồn rầu hối tiếc đó, con vương lại trong lòng gọi là giới. Sách Hàn Khang Bá cho rằng: giới là sợi tơ rất nhỏ, gọi là giới là cái tim bấc đèn. Lưu Hoàn cho rằng: giới là rất nhỏ bé.

Quyệt quĩ: Lại viết chữ quyệt này cũng đồng. Ngược lại âm công huyệt dưới lại viết chữ quĩ này cũng đồng. Ngược lại âm cư hủy. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải mà nhìn về Đông Tây, hoặc gọi là dối trá là quĩ quyệt, cũng gọi là kỳ quái.

Phù hoa: Ngược lại âm hồ qua. Sách Thượng Thư cho rằng: không nghe theo tiếng ồn ào. Khổng An Quốc chú giải: không nói ồn ào ầm ỷ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hoa là la hét làm ồn ào.

Bất hiệu: Ngược lại âm cổ hiệu. Theo Tả Truyện cho rằng: xét người có tội chớ có làm to tát ra. Lại chú giải rằng: hiệu là báo đáp. Sách Luận ngữ cho rằng: kẻ trộm mà không xét tội.

Ngũ binh: Sách Chu Lễ cho rằng: người cầm binh phải biết ngũ binh. Trịnh Chúng cho rằng: ngũ binh đó là,,,, qua, thù, kích, tù, mâu di. Nếu binh lính mà không có mâu di thì phải có cung tên.

Tiêu ế: Văn cổ viết chữ ế này cũng đồng. Ngược lại âm ư kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ế là chết. Sách Thượng Thư cho rằng: ế là việc chiến tranh, đồ binh khí như giáo, mác, kích. Lại chú giải rằng: ế là sát tiêu diệt, cũng là diệt hết không còn nữa.

Hoằng xước: Lại viết chữ xước này cũng đồng. Ngược lại âm xướng nhược. Sách Thuyết Văn cho rằng: xước là thong thả, mềm mại. Xước cũng gọi là rộng rãi, thừa thải.

KINH SIÊU NHẬT NGUYỆT TAM MUỘI
QUYỂN HẠ

Náo tình: Sách Tự Lâm âm nữ trác. Tam Thương âm xương nhược. Lại âm đồ lịch, náo là ước hẹn tương lai tốt đẹp.

Phân phú: Ngược lại âm phương cú, phú là đem của ban bố. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: phú là ban cho. Quách Phác cho rằng: gọi là ban bố cho người nghèo của cải tài sản.

Trì mậu: Ngược lại âm trực lưu, ngược lại âm dưới vong hầu. Mao Thi Truyện cho rằng: trù mậu là bó buộc lại, bó buộc củi. Theo truyện cho rằng: trù mậu, sợi dây cương, sợi tơ.

Khiếu hại: khẩu hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khấu là kẻ cướp tàn bạo. Quảng Nhã cho rằng: khấu là cướp đoạt. Sách Thượng Thư cho rằng: kẻ cướp, kẻ trộm, kẻ gian, kẻ thù địch xâm phạm an ninh. Sách văn Tự Tập Lược giải rằng: khấu là đám đông người đi công phá cướp đoạt, chữ viết từ bộ hoàn đến bộ phộc, âm phiếu, ngược lại âm thất diệu.

Trù trừ: Ngược lại âm trường lưu, ngược lại âm dưới trường chư. Quảng Nhã cho rằng: trù trừ là do dự dùng dằng không chịu tiến tới.

Tru giả: Ngược lại âm sĩ câu, tru con chó lông beo, giống như con chồn mà lớn hơn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nay gọi khu là con hổ lớn nơi con chó có vằn, đóm giống như con cáo. Báo vật cho rằng: khu là con báo chó có thể hóa làm con hổ.

Uyển hựu: Ngược lại âm vu cứu. Tam Thương cho rằng: nuôi bò, ngựa trong rừng cây là phải làm chuồng. Tự Lâm cho rằng: có vách tường bao quanh gọi là uyển, không có vách tường bao quanh gọi là hựu, cho nên nuôi cầm thú đó là phải làm chuồng, cũng gọi là vườn cấm.

Thành lư: Ngược lại âm lực cư, gọi là nhà riêng, cũng gọi là nhà nghỉ chân nghỉ nhờ. Vua làm nhà này là để tránh lạnh và nóng mùa hè, xuân, thu thì đi; mùa đông, mùa hè thì ở; cho nên gọi là ký chỉ, nghỉ chân.

Kiêm xung: Sách Thuyết Văn viết chữ xung này cũng đồng. Ngược lại âm trừ long. Tự Thư cho rằng: xung là bay vợt lên hư không, cũng gọi là trung, là ở trong hư không.

Lũ thính: Ngược lại âm lực cú. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lũ là quá nhiều, quá nhiều lần, âm cực ngược lại âm khư ký.

Tử lượng: Lại viết chữ tử này cũng đồng, ngược lại âm tử di, tử

cũng gọi là lượng, chỉ trích thì không xét rõ nguồn gốc của lễ, không đo lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: tự ý suy nghĩ.

Tha điệt: Ngược lại âm thiên hà, ngược lại âm dưới đồ kiết, tha điệt là vấp ngã, té nhào, văn thông dụng cho rằng: nhón chân mất đà, ngã xuống, gọi là điệt. Quảng Nhã cho rằng: điệt là sai lầm, cũng gọi là té ngã ngữa.

Vị phu: Thể chữ viết phu này cũng đồng, ngược lại âm phương vụ. Sách Lễ Ký cho rằng: không thường qua lại. Trịnh Huyền cho rằng: phu là mau chóng. Quảng Nhã cho rằng: phu là đi.

Nhất chân: Theo Thanh Loại cho rằng: nay viết chữ châm cũng đồng, ngược lại âm chi thậm. Quảng Nhã cho rằng: châm là kim may. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ gọi là may áo.

****

KINH HIỀN KIẾP - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Quang diệu: Văn cổ viết diệu cũng đồng, ngược lại âm dư chiếu. Quảng Nhã cho rằng: diệu là chiếu sáng.

Bất giáp: Ngược lại âm hồ giáp, giáp là chứa trong lòng. Quảng Nhã cho rằng: cất giấu, chứa đựng. Kinh văn viết chữ hiệp là hòa, chữ hiếp là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Xúc tích: Tự Thư viết chữ xúc này cũng đồng. Ngược lại âm lặc lục, xúc tích gọi là chứa nhiều.

Gia vị: Ngược lại âm cổ hà, ngược lại âm dưới là vu quĩ. Quảng Nhã cho rằng: gia là mụt nhọt, vị là vết thương sưng lên màu xanh đen bầm đen.

Bang bạn: Thạch kinh viết bang bang ấp, ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ giang.

Chuẩn bình: Sách Thuyết Văn viết chữ chuẩn này cũng đồng. Ngược lại âm chi duẫn, chuẩn bình là quân đều đo lường đong đều nhau. Kinh văn viết tư, ngược lại âm tài tư. Tư nghĩa lấy đất bồi đắp đường tư này chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trích khứ: Ngược lại âm tha dịch. Trích là chọn lựa, cũng gọi là gãy, khêu ra, lấy tay gãy mà không bớt ngứa, cũng là cầm lấy.

KINH HIỀN KIẾP
QUYỂN 2

Tam đồ: Lại cũng viết hai chữ đồ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đạt hồ. Nói tam đó là thông thường. Sách Xuân Thu có giải thích tam đồ là chỗ nguy hiểm. Mượn âm đây gọi là giống như con đường mà chẳng phải, nghĩa của chữ đồ là núi lửa. Dựa theo bổn tiếng Phạn thì gọi là A-bà-ma-già-tỳ. Đây dịch là ác thú không có tên ác đạo, đạo là nhân nghĩa, do giẫm đạp lên nhân nghĩa mà đi vào con đường ác thú, là quả gọi là đã tới chỗ thọ khổ, cho nên không có tên ác đạo.

Trí ngại: văn cổ viết trí trí hai chữ tượng hình, nay lại viết chữ trí này cũng đồng. Ngược lại âm chư sử, văn thông dụng cho rằng: việc không có lợi gọi là trí, chỗ ngăn trở đến gọi là ngại.

Cư luân: Kinh Đại Di viết câu luân hạt nói rằng: đây giải pháp thứ nhất. Kinh Phổ Diệu nói rằng: câu lân đó là giải bổn tế. A-nhược giả nói đã biết, nói cho đúng là giải, câu lân cũng là họ.

KINH HIỀN KIẾP
QUYỂN 3

Khiếp nhược: Ngược lại âm như chước. Sách Thượng Thư Lục Cực nói rằng: nhược là yếu. Khổng An Quốc cho rằng: nhược là gầy yếu, kém. Kinh văn viết tháp, ngược lại âm nô đích, gọi là suy nghĩ, thương tổn; khiếp chẳng phải nghĩa đây dùng.

- QUYỂN 5: Cưu-na-la: đây dịch là người ác cũng nói là người không tốt.

KINH HIỀN KIẾP
QUYỂN 12

Can giá: Ngược lại âm cổ hàn, ngược lại âm dưới chư dạ. Văn thông dụng cho rằng: ở Kinh châu sản xuất can giá tức là cây mía, tức là cam giá, mía ngọt.

Tích lai: Ngược lại âm tinh đích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tích là

tặng cho, gọi là thưởng, tặng cho cùng với người trên thưởng cho người bậc dưới.

Hảo phất: Ngược lại âm phu vật, phất nghĩa lau chùi, trừ bỏ đi bụi trần, tẩy đi. Kinh văn viết hai chữ phất tượng hình này là chẳng phải.

Đô giảo: Văn cổ viết hoắc cũng đồng, ngược lại âm cổ học, giảo cũng giống như sơ lược đại khác. Quảng Nhã cho rằng: giảo là rõ ràng, cũng gọi là so sánh.

Thú cốc: Ngược lại âm cổ mộc dư ngọc hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nước trong khe suối bắn ra gọi là cốc từ trong suối thông chảy ra sông. Kinh văn viết cốc là chẳng phải vậy.

- (Quyển 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13. Không có từ âm nghĩa).

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 35

- Kinh Nhất Tự Kỳ Đặc Phật Đảnh - ba quyển.
- Kinh Nhất Tự Kỳ Đặc Phật Đảnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi Quỹ - một quyển.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Niệm Tụng Nghi Quỹ - một quyển - Bất Không Tam Tạng dịch.
- Da-cú Phật Đảnh Tôn Thắng Niệm Tụng Pháp hai quyển - Thiện Vô Úy Tam Tạng dịch.
- Kinh Nhất Tự Đảnh Luân Vương - năm quyển - Lưu Chi dịch.
- Kinh Bồ-đề Tràng Sở Thuyết Nhất Tự Đảnh Luân Vương - năm quyển - Bất Không Tam Tạng dịch.
- Kinh Đại Đà-la-ni Mạc Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú - một quyển.
- Kinh Phổ Thông Chư Phật Đảnh Yếu Lược Niệm Tụng Pháp - một quyển.
- Kinh Phật Thuyết Nhất Tự Chuyển Luân Vương Phật Đảnh Chú - một quyển.
- Kinh Tô Tất Địa - ba quyển.
- Kinh Tô Tất Địa Yết-la.
- Kinh Tô Tất Địa.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni - một quyển. Đỗ Hành đầu đời Đường bắt đầu dịch.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni - một quyển. Tinh Tựa Phật Đà-bà-lợi dịch.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni. Tinh Tựa Sản Hoàn cùng với Nhật Chiếu tái dịch.
- Kinh Tối Thắng Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni Tịnh Trừ Nghiệp Chướng - một quyển - Địa-bà-ha-la Đông Đô Trùng dịch.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni - Nghĩa Tịnh Tam Tạng

dịch - không có chữ có thể giải thích âm.

- Kinh Ký Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni - Niên Đại phiên dịch trước và sau. Tuệ Lâm soạn.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni Tịnh Công Năng - Hậu Chu Xà-na-da-xá dịch.
- Pháp Tô Tất Địa Yết-la Cúng Dường - hai quyển.
- Bên phải là hai mươi kinh ba mươi ba quyển đồng âm với quyển này.

KINH NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH QUYỂN THƯỢNG

Kỳ-đặc: Âm trên là kỳ. Sách Thuyết Văn cho rằng: kỳ lạ lùng; chưa từng gặp gọi là kỳ. Văn cổ viết từ bộ Đại đến bộ Khả thanh lập. Văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là đằng đức. Quảng Nhã cho rằng: đặc là loài thú giống đực. Văn Dĩnh chú giải sách Hán Thư rằng: đặc là riêng biệt. Sách Phương Ngôn cho rằng: Vật mà không ngẫu nhiên gọi là đặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con bò hiền lành chữ viết từ bộ Ngưu thanh tự.

Sư tử nhụy: Ngược lại âm như chùy. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhụy là nhu nhú. Sừng non của con hươu. Sư tử nhụy đó là tên vật báu. Âm nhung ngược lại âm nhục chung.

Khỏa giả: Ngược lại âm trên hoa ngõa chữ mượn âm. Chữ khỏa đó Tự Thư cho rằng: Lộ thân thể ra ngoài không có mặc áo giải thoát khỏa. Hoặc từ bộ nhân viết chữ khỏa, hoặc từ bộ Thân viết chữ khỏa. Vốn là âm lang quả.

Quỉ mỵ: Ngược lại âm mi bí. Kinh văn viết chữ từ bộ Nữ viết thành chữ mị, là chẳng phải.

Xa lộ: Âm trên là cư. Âm dưới là lộ sác hoặc Chu Lễ có viết thể chữ lộ. Từ bộ Kim viết lộ, từ bộ Ngọc biết chữ v.v... sách Thuyết Văn cho rằng: là cây thanh nganh phía trước xe. Chữ viết từ bộ Xa đến chữ lộ thanh tỉnh.

Kinh hãi: Ngược lại âm hà ngại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hãi cũng là kinh Quảng Nhã cho rằng: kinh là giựt mình nhảy chồm lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa sợ hãi, chữ viết từ bộ Mã thanh hài.

Chiêm đổ: Ngược lại âm chương diêm. Sách văn tự điển nói rằng: chiêm là nhìn về xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiêm là nhìn về xa.

Sách Thuyết Văn cho rằng: Từ trên cao mà nhìn xuống. Chữ viết từ bộ Mục Thanh Chiêm. Ngược lại âm dưới đương nở, sách Thuyết Văn cho rằng: đổ là nhìn thấy hoặc là viết từ bộ Kiến viết thành chữ đổ. Cũng viết từ bộ Mục. Chữ hình Thanh.

San hô: Ngược lại âm trên tăng an ngược lại âm dưới là hồ án. San hô màu đỏ, tên báu vật. Thường có nước Kế Tân v.v... xem hình trước đã giải thích rồi.

Bần quỹ: Ngược lại âm quý vị. Theo Mao Thi Truyện giải thích rằng: Quỹ là cạn kiệt. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Thiếu thốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong rương rỗng không, không còn của cải, chữ viết từ bộ Phương Âm phương là âm phương thanh quí.

Điệp lũ: Âm trên là diệp. Nước Tây Vức có nhụy của hoa cỏ, như nước này chế ra làm sợi tơ, dệt vải thưa, chữ viết từ bộ Mao Thanh điệp. Hoặc là viết từ bộ Mịch viết thành chữ nhụy; vốn không có chữ này, nhưng vì người dịch kinh, tư quyền chế ra cho nên không định thể. Ngược lại âm dưới là lực vu. Tức là người ta lấy sợi chỉ dệt thành vải. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nối sợi chỉ dài, chữ viết từ bộ Mịch thanh lũ. Âm nhiên ngược lại âm niên điển.

Phanh tuyến: Ngược lại âm trên bá manh. Sách Thuyết Văn cho rằng: phanh là bắn cung. Như nay nói căng dây cung ra rồi buông thỏng mũi tên bay rất xa. Ngược lại âm dưới tiên tiến. Văn thường hay dùng cho rằng: Chữ đúng thể, từ bộ Tiễn viết thanh chữ tiễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sợi chỉ. Chữ viết từ bộ Mịch thanh tiễn âm tiễn là âm tàn.

Kiết lỗi: Ngược lại âm lôi tội. Sách Thuyết Văn rằng: Lấy sợi chỉ làm nút thắt chữ viết từ bộ Mịch thanh lỗi, âm lỗi đồng với âm trên.

Nhiên tiến: Ngược lại âm trên miên điển. Sách Chánh Tự Biện Hoặc cho rằng: Sợi dây buộc chặt nối tiếp theo. Sách Khảo Thanh cho rằng: Pha trộn lại khiến những chỉ buộc chặt vào nhau, nắm vuốt dùng tay se xoắn lại khiến cho xiết chặt vào nhau. Chữ viết từ bộ Thủ thanh nhiên, hoặc là viết từ bộ Thủ đến bộ Chẩn viết thành chữ chẩn chữ cổ. Âm chẩn là âm chẩn âm noa là âm noa. Âm noa là âm nô hòa, âm khẩn ngược lại âm kinh dẫn. Ngược lại âm dưới là tiên tiễn. Sách Tập Huấn cho rằng: tuyến là sợi chỉ. Văn dưới hay dùng viết chữ tuyến này. Trước đã giải thích rồi. Thuộc văn cổ.

Nghiêm khiết: Ngược lại âm trên nghiểm khảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giáo lệnh cấp bách, chữ viết từ bộ Huyên âm huyên là âm huyên. Thanh nghiêm, âm nghiêm. Ngược lại âm ngập kim. Lại cũng là

âm sấm ngâm. Âm dưới là khiết là âm kiết. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: khiết là sạch, thanh kiết. Sách Ích Pháp cho rằng: Không động, không tạo tác khỏi niệm suy nghĩ gọi là khiết. Sách Lễ Ký lại cho rằng: Yên tịnh, tinh vi. Chữ viết từ bộ Thủy thanh khiết, đồng với âm trên. Kinh văn lại viết nghiêm nghị là chẳng phải. Tự Thư cho rằng: Đích sát gọi là quả. Chí quả gọi là nghị, cùng với nghĩa kinh hoàn toàn quái lạ, cho nên không dùng.

Điên gián: Ngược lại âm trên điển niên. Sách văn tự tập lược cho rằng: Bị phong tặc nhập vào tạng nên gọi là điên, bệnh điên. Theo chữ điên tức là cuồng. Âm dưới là gián là âm nhàn. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Đứa bé bị trúng phong. Hai chữ điên gián. Điều chữ hình thanh. Trước đã giải thích đầy đủ rồi, đây chỉ nói lược.

Sang bao: Ngược lại âm trên dinh sương. Sách Khảo Thanh cho rằng: sang là vết thương. Sách Vận Thuyên cho rằng: Vết thương của mụt nhọt ung thư, đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là bào phi. Văn thường hay dùng và sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Bì viết thành chữ bao nghĩa là do nóng nhiệt mà nổi mụn trên mặt, những mụt mụn nhỏ.

Nhĩ tha: Ngược lại âm dưới là sổ ghi. Sách Thuyết Văn cho rằng: tha là cây răng lồi sĩ. Chữ viết từ bộ Xỉ thanh sai.

KINH NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH QUYỂN TRUNG

Lô-địa-la: Ngược lại âm trên Lỗ kim. Chuyển lưỡi đọc là hồ. Chữ la cũng chuyển lưỡi đọc. Tiếng Phạm Đường Huyền Trang nói là huyết, tức là máu.

Ma-nô-sa: Tiếng Phạm Đường Huyền Trang nói là chỉ con người, tức là tóm nói chung là con người. Hoặc nói là Ma-nổ-sa.

Tử quán: Ngược lại âm hổ mảnh. Theo chữ tử quán đó là tên của loại thuốc ở nước ngoài. tử là màu đỏ, xuất ra từ nước tiên Ba-la-xà. Mủ của vỏ cây kiêm thực. Loại cây này do phân của loài côn trùng, mà thành chất keo rất dính, dùng làm vật báo nhỏ trang sức của phụ nữ, hình hoa bằng kim loại, trên có khảm vàng.

Thực thiểu: Ngược lại âm xích chiểu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Gạo đem rang xay làm thành bột. Vệ Hằng cho rằng: Hoặc là viết chữ

sao là văn thường hay dùng. Kinh văn viết từ bộ Mễ, đến bộ Thiếu viết thành chữ sao này là chẳng phải. Sách Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ mạch thanh tù.

Tố-sộ-đa-nhạ-na: Tiếng Phạm. Tên là Phục dược. Đây có hai loại: Một là An-thiện-na; hai là tên như trên; dùng các loại có riêng biệt, không thể nảy sinh các thứ khác. Đây gọi là Hoàng Thạch sắc tố, mà lại có ánh sáng giống như kim tinh.

Lâm vũ: Ngược lại âm trên là lâm. Theo Tả Truyện cho rằng: Mưa lớn liên tiếp luôn ba ngày gọi là lâm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mưa lậu mưa chai gọi là dâm dâm cũng gọi là lâm chữ hình thanh.

Ngưu-oa: Ngược lại âm Ô qua. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Chỗ trũng của dấu chân trâu, không sanh các loài cá lươn. Quảng Nhã cho rằng: Chỗ trũng thấp. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Huyệt thanh oa âm oa đồng với âm trên.

Nghệ ngữ: Ngược lại âm trên nghê kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong lúc ngữ nói mê. Chữ viết từ bộ Nghê thanh tĩnh nghiệt. Âm nghiệt, ngược lại âm ngôn liệt. Đọc cũng như chữ nghệ.

Hào kiếu: Ngược lại âm trên hồ cao. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Hỗ thanh hiệu. Ấm tư là âm tư. Theo Khảo Thanh cho rằng: hao là tiếng khóc lớn, tiếng đau khổ, hoặc viết từ chữ cao đến bộ Khẩu, viết thành chữ hao. Dưới là âm kiếu, ngược lại âm nhiêu diệu. Văn thường hay dùng và sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ kiếu này. kiếu khổng là tiếng rống, tiếng kêu gọi. Chữ viết từ bộ Khẩu thanh kiếu, âm kiếu, ngược lại âm khẩu điêu. Văn chữ cổ.

Bất khuyết: Ngược lại âm đại duyệt, kinh văn viết từ bộ Môn viết thành chữ khuyết này là chẳng phải.

KINH NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH
QUYỂN HẠ

Tần thân: Âm thân. Sách Khảo Thanh cho rằng: thân là tứ chi duỗi thẳng ra.

Khiếm khư: Âm khứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hỏi thoát ra tục gọi là khiếm, tức là há miệng cho hơi ra, tức là ngáp. Kinh văn viết chữ kháp. kháp nghĩa rất lạ với nghĩa kinh. Nay sữa lại là khiếm khứ.

Quáng mạch: Ngược lại âm trên Quắc mảnh. Sách Thuyết Văn

cho rằng: Loại lúa ma, tức là nay gọi là đại mạch lúa mì. Chữ Tượng thanh.

Khái thấu: Ngược lại âm trên khai ái. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hỏi đi ngược lại chữ viết từ bộ Khiếm thanh khái. Kinh văn viết từ bộ Khẩu viết thành chữ khái, âm hài, tức là đứa bé cười chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới Sưu thấu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hỏi xung ở cổ họng. Trong kinh cũng viết từ bộ Khẩu viết thành chữ thấu, văn thường hay dùng là chẳng phải chánh thể.

****

KINH NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH LUÂN VƯƠNG NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG NIỆM NGHI QUỸ

Phanh vi: Ngược lại âm bá manh. Tự Thư cho rằng: Chấn giữ sợi dây đen. Sách Tập Huấn cho rằng: Quét dọn phủi bụi, hoặc viết từ bộ Thư viết thành chữ phanh. Xưa nay Hạo Tự viết chữ phanh. phanh này đều là chữ cổ xưa nay. Âm đàn là âm đàn.

Trành tượng: Ngược lại âm trên trịch canh. Chữ mượn âm để dùng, vốn không có chữ này. Lần lần khai mở ra vẽ chữ tượng, hoặc cũng có viết từ bộ Mộc, viết chữ trinh, hoặc là viết chữ định văn thường hay dùng đều cho rằng chẳng phải chánh thể.

Soa bôi: Ngược lại âm trên Sở hòa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loài côn trùng ở trong biển, cũng gọi là con ốc sên lớn. Ngược lại âm dưới là Bắt mai tức là lấy nước thơm con ốc sên để trong ly, tiếng Phạm gọi là Át-già.

Ty khước: Ngược lại âm trên bi mi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ty giống như là ngắn. Cố Dã Vương cho rằng: ty giống như là thấp hèn. Văn tự điển nói rằng: Chữ viết từ bộ Hán am Hán ngược lại âm pha thả thanh ty.

Tất tả: Ngược lại âm biến miệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: tất là bẻ gãy, âm ảo ngược lại âm Lưu giảo. tức là dùng ngón tay biểu hiện thân nghiệp. Chữ viết từ bộ Thủ thanh tất.

Vi tiếu: Ngược lại âm trên tiêu diệu. Theo Thanh Loại cho rằng: Bao kiếm túi đựng đao kiếm, chữ viết từ bộ Duật thanh tiếu, hoặc là viết từ bộ Cách, viết thành chữ tiếu này cũng thông dụng. Thời nay dùng chữ này.

Cúc vật: cung lục. Sách Tập Huấn cho rằng: Hai tay bưng lấy vật. Văn cổ viết từ bộ Cửu tượng hình hai cái móng, tương đương với chữ cúc là hai tay có thế bê vật.

Bàn ư: Ngược lại âm trên là bạn man. Quảng Nhã cho rằng: bàn là cuộn tròn lại. Sách Phương Ngôn cho rằng: Con rồng chưa lên trời, còn ở trong hang gọi là bàn long. Nay trong đây nói chữ bàn là nhiều vô số hạt châu.

Khảm chu: Ngược lại âm trên khẩu giáp. Bì Thương cho rằng: Dùng móng tay bấm. Nay gọi là dùng móng tay bấm lần hạt châu, niệm chuỗi hạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Thủ thanh khảm.

****

PHÁP DA CÚ PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG NIỆM TỤNG

Thiện Vô Úy Tam Tạng dịch.

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG
QUYỂN 1

Việt phủ: Ngược lại âm biểu nguyệt. Trước đã giải thích rồi.

Trà-chỉ-ni: Ngược lại âm kê-dĩ. Tiếng Phạm. Tên chung của loài quỉ nữ, có thể làm mê hoặc người, cùng với người thông suốt, ở chung.

Chân ngạc: Ngược lại âm trên ngưu cân. Sách văn tự điển nói rằng: Chân của răng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lợi răng. Chữ viết từ bộ Xỉ thanh cân. Âm dưới ngạc. Ngọc thiên chú giải sách Thuyết Văn rằng: Xem lại các chữ trong sách đều không có chữ này. Văn thông dụng âm ngã các. Thời cận đại các nhà thiết âm vận tùy tiện, hoặc đều là từ bộ Nhục thanh ngạc cũng là văn thông dụng, đã lưu hành lâu nơi đời nên cũng thành quen. Theo chữ ngạc đó là hàm ếch trên trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong miệng hàm trên ha ra là a. Chữ viết từ bộ Viết viết cốc. Ngược âm cường lược. Tượng hình là cái

miệng hàm trên. Vẽ tượng hình giống như chữ bát miệng há ra có cái hang là hàm ếch. Văn lý cũng cho rằng: Chữ hội ý.

Nha hàm: Ngược lại âm trên nhã dạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây rănghàm, giống như trên dưới, hình tượng đối với nhau. Sách Tra Văn viết chữ nha, Triện Thư viết chữ nha. Ngược lại âm dưới là hàm cảm. Chữ Thượng thanh, kinh văn viết hàm này văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xương hàm hai bên gò má. Văn cổ vốn viết từ bộ Hàm âm hàm từ bộ Hiệt viết [T540] chữ hàm, hoặc là viết đều là văn cổ nay văn thường hay dùng đều theo chữ này.

Tâm tề: Trên là chữ tâm, chữ tượng hình, âm dưới là tề. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là cái rốn. Chữ viết từ bộ Nhục thanh tề. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ tề này là chẳng phải.

Bể tất: Ngược lại âm trên là ngỏa mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xương bắp đùi, chữ viết từ bộ Cốt đến bộ Ty. Ngược lại âm dưới là Tân thất. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lóng xương đầu gối. Chữ viết từ bộ Tiết âm tiết là âm tiết thanh tất âm tất là âm thất. Kinh văn viết từ bộ Nguyệt đến chữ tất viết thành chữ tất là văn thông dụng chữ này lưu hành lâu rồi vậy.

Sóc ấn: Ngược lại âm song thúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây giáo, loại binh khí thời xưa. Chữ viết từ bộ Mâu thanh tiêu. Kinh văn viết từ bộ Mộc viết thành chữ sóc này văn thường hay dùng.

Du hỷ: Ngược lại âm chữ thù. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: Du là vẻ mặt hài hòa tươi vui. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vui vẻ Quảng Nhã cho rằng: Vui mừng. Chữ viết từ bộ Tâm thanh du, chữ du, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ Tập đến bộ Chu, đến bộ Cai âm cai ngược lại âm cổ ngoại. Âm tập ngược lại âm tinh nhập. Nay văn thường hay dùng viết từ bộ đến bộ Đao là sai vậy.

Ô-cầm-nhị-sa. Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Phật đảnh cũng gọi là vô kiến đảnh tướng.

Sư mộc bì: Ngược lại âm hoa quái. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tên cây. Hoặc viết từ bộ Chích viết thành chữ xư. Văn thường hay dùng viết chữ hoa. Kinh văn viết từ bộ Hoa viết thành chữ hoa. Văn thường hay dùng là chẳng phải.

Toàn lam: Âm dưới lam Toàn lam đó là gió rất mạnh. Thời vua Ngụy Hiếu Xương. Thường hay dùng sách viết chữ này, cũng là quyết ngữ phía Bắc nước Định Đột. Bởi vì núi ở vùng phía Bắc vốn rất nhiều gió, nhân đây gọi là Lam châu. Khả lam, tức tên núi trấn giữ đây. Thời Hậu Chu đổi lại là Lam châu, nhưng lại có từ Khả lam này lại lưu hành

trong nhân gian. Ẩm khả là âm khả. Tất cả chữ trong sách trước đều không có hai chữ này. Lại xem xét lục lọi tìm tòi trong sách sử, trong sách sau đời Hậu Ngụy mới thấy ý nghĩa của chữ này. Cho nên biết được dấu tích lưu xuất biểu thị ý nghĩa của này, nên thời nay mới lưu hành đây vậy.

Khuy chiêm: Ngược lại âm khuê quy. Theo Thanh Loại cho rằng: Khuy là trong cửa nhìn trộm, hoặc từ bộ Huyệt. Viết thành chữ khuy. Sách Vận Thuyên cho rằng: Trộm nhìn thấy. Chữ Bình thanh, âm khuê ngược lại âm khuyển thùy, âm thú. Ngược lại âm thất dự.

Xử tác bổng xoa: Âm xử. Ngược lại âm xương dữ. Âm tác ngược lại âm thừa lạc. Âm bảng ngược lại âm bạch hạng, hoặc là viết chữ bảng này âm xoa, ngược lại âm sở da.

Cộng độ: Ngược lại âm đường lạc. Kinh văn viết từ bộ tâm, viết thành chữ độ này là chẳng phải.

Hộ dũ: Ngược lại âm dưới là do tửu. Quảng Nhã cho rằng: dũ là cửa sổ. Sách Vận Thuyên cho rằng: Nói đúng gọi là song báng, tức là cửa sổ khoét một bên, cũng gọi là dũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xuyên qua vách tường, lấy thanh gỗ làm chấn song gọi là song cửa sổ. Chữ tượng hình, hoặc là viết từ bộ Phiến viết thành chữ dữ, từ bộ Hộ đến bộ Bổ, cũng từ bộ Phiến.

Đã phốc: Ngược lại âm dưới phổ mộc. Sách Khảo Thanh cho rằng: phốc cũng là đã. Quảng Nhã cho rằng: Là đánh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đánh nhẹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quất bằng roi, cũng là đánh. Chữ đã từ bộ Thủ thanh đinh. Âm trật ngược lại âm thiên dật.

Tinh tháo: Âm trên là tinh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Con heo, con chó thích ngửi mùi mỡ chất béo. Lại gọi là trong thịt có thớ như hạt gạo, giống như là ngôi sao, hoặc là viết chữ sinh, hoặc là viết chữ sinh này. Sách Thuyết Văn cho rằng: tinh này nghĩa là thấy ăn thịt heo. Nay trong thịt nảy sinh ra ý không muốn ăn thịt, chữ hình Thanh. Ngược lại âm dưới là tảng đao. Sách Tập Huấn giải thích rằng: Cùng với chữ tinh cũng đồng. Chữ viết từ bộ Nhục thanh táo. Âm táo đồng với âm trên. Nay dùng chữ này nghĩa là thịt có mùi tanh thịt sống.

Dực giả: Âm dực. Sách Luận Ngữ cho rằng: Vươn cánh tiến tới chạy tới, ý nói đến nơi có thú vị. Chữ viết từ bộ Tẩu thanh dực.

Dung tiêm: Ngược lại âm trên Sủng long. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: dung là quán đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chia đều nhau thẳng hàng. Chữ viết từ bộ người nhân thanh dung.

Ngược lại âm dưới là Loan diêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tiêm là lưới võng nhỏ. Quảng Nhã cho rằng: Nhỏ bé. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nhỏ bé yếu ớt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Mịch đến bộ Tiêm. Âm tiêm đồng với âm trên. Kinh văn viết từ chữ tiệt này là chẳng phải.

Nguyệt lai: Trên là chữ nguyệt, từ bộ Đao đến bộ Nguyệt ngược lại âm âm dưới Lai đại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nhìn thấy bên trong. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngươi trong mắt không ngay, nghĩa là liếc nhìn, liếc xéo. Chữ viết từ bộ Mục thanh lai.

Hà ế: Âm trên là hà. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: hà là viên ngọc có tỳ vết. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Ngọc thanh hà. Ngược lại âm dưới là y kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: Trong con mắt bị bệnh. Quách Phác cho rằng: Có màng ngăn che trở ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bị loa mắt. Chữ viết từ bộ Mục thanh ế. Âm ế đồng với âm trên, chữ cổ.

Biển đê: Ngược lại âm trên biên miễn. Ngược lại âm dưới Lễ kê. Tự Thống cho rằng: biển đê kà không tròn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Mỏng, cũng viết chữ lên lên cửa trên cổng. Xưa nay chánh tự cho rằng: Biển đê, gọi là dẹp mỏng không tròn, cũng không vuông. Theo trên là chữ hình thanh, hoặc là từ bộ Nhục viết thành chữ biển độ văn thường hay dùng.

Oa giáp: Ngược lại âm trên Ô qua. Chữ hình thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: Chỗ thấp trũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ra mồ hôi dưới. Chữ viết từ bộ huyệt thanh qua. Âm qua ngược lại âm âm quả hoa. Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là ngự giáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước cống rảnh dính vào. Chữ viết từ bộ Giáp thanh giáp. Kinh văn viết chữ vũ là cánh chim trên có lông măng, đây chẳng phải nghĩa của kinh.

Ngoan ngân: Ngược lại âm ngõa quan. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trong lòng không suy lường được nghĩa đức của kinh gọi là ngoan, tức là ngu. Ngược lại âm dưới là ngư cân, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Miệng nói lời không có đạo trung tín gọi là ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Huyên thanh thần. Âm huyên. Ngược lại âm trang lập. Chữ viết từ bốn bộ khẩu.

Bất đãi: Ngược lại âm đài cãi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đuổi theo kịp. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Xước thanh đài.

Bảo nhạ: Ngược lại âm nhã da. Sách Bác Nhã cho rằng: Mầm cây cỏ mới bắt đầu mọc gọi là nha. Chữ hình thanh.

Đầu giải: Ngược lại âm quả thoại. Quảng Nhã cho rằng: quải là treo lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Thủ đến bộ Giai. Kinh văn viết từ bộ Mộc là chẳng phải.

KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG
QUYỂN 2

Tiết sái: Ngược lại âm trên tiện nghiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiết là nước chảy bắn lên, hoặc viết chữ tiết này, cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là sa mại. Theo chữ sái đó, là lấy vật thấm nước ướt rải ra, bún nước ra. Chữ mượn âm dùng vốn âm sở mại, nay không dùng âm này.

Mật mộc. Ngược lại âm trên dân tất. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của loại cây. Có mùi rất thơm. Văn Sỷ cho rằng: Giống như cây Bạch đàn hương mà chẳng phải Bạch đàn. Muốn dùng mùi thơm của cây đều phải chế ra, trải qua nhiều năm lâu đời mới có mùi thơm. Cây này cùng chủng loại Bạch đàn, màu đỏ. Hiện trên đời có rất nhiều mà không biết nên gọi là Bạch đàn hương.

Đầu tiêm: Ngược lại âm tức liêm. Sách Sử Ký cho rằng: tiêm là sắc bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc kim dài may viền quanh áo. Chữ viết từ bộ Kim thanh thiệt.

Thuấn mục: Ngược lại âm Thủy nhuận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ dần viết thành chữ Thuấn. Sách Tập Huấn cho rằng: Mở mắt to ra nháy nhiều lần, mắt liếc qua liếc lại, nháy mắt. Kinh văn viết từ bộ mục đến chữ thuấn, cũng thông dụng.

Túng lang: Ngược lại âm trên tác dụng. Ngược lại âm dưới là đường lang. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phóng túng, du hý. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lạ hiếm có, không chánh đáng. Quảng Nhã cho rằng: Lang dâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Buông thả. Chữ viết từ bộ tâm thanh tượng. Kinh văn viết từ bộ Nữ đến dương viết thành chữ dương cũng thông dụng âm dương là âm dương.

Nhượng-tỳ-giá-lỗ-ca. Ngược lại âm trên A ngã. Âm giả tức là chữ lỗ. Đọc chuyển lưỡi âm ngược lại âm cương. Câu này tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Điều phục, cũng gọi là hàng phục.

Thác-đà: Ngược lại âm trên thác. Hoặc là viết chữ lạc. Ngược

lại âm dưới đường hà. Ở phương Bắc đất Hồ thường nuôi loại Lạc đà. Trước đã giải thích rồi.

Tham dật âm dưới dật. Sách Khảo Thanh cho rằng: là do dự, chơi đùa.

Hý hước: Ngược lại âm trên hy nghĩa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hương ngược. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hước cũng là hý. Mao Thi Truyện cho rằng: Vui vẻ, hỷ lạc; đều là chữ hình thanh.

Mụ-lệ-đà: Âm trên mẫu thứ. Ngược lại âm luân nạp. Tiếng Phạm tức là làm đại chướng. Tên của mị quỉ vương.

Ưu-bát-la: Ngược lại âm trên ôn cốt. Tiếng Phạm tên của loài hoa. Xưa dịch là Ưu-bát-la hoa.

Dụ-để-ca: Âm trên dụ. Xưa hoặc là viết dụ cũng là tiếng Phạm.

Hương bột: Ngược lại âm bồn một. Quảng Nhã cho rằng: Mùi hoa thơm ngào ngạt. Xưa nay chánh tự viết từ bộ hương thanh bột chữ cổ, cũng là chữ cổ hình.

Hà-đan: Ngược lại âm đơn. Các theo trong nước chảy ra. Quách Phác cho rằng: Nay ở Giang Nam gọi là các trong nước theo dòng chảy bồi thân phù sa là đan. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bến cảng, bến tàu gọi là đan. Chữ hình thanh hoặc là viết chữ tế là bến nước. Văn thường hay dùng.

Sai nghi: Ngược lại âm trên Thái tai. Nói rằng: Hiềm nghi ngờ vực Quảng Nhã cho rằng: Lo sợ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nghi ngờ. Xưa nay chánh tự viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Niêm hương: Ngược lại âm niết liêm. Quảng Nhã cho rằng: niết liêm. Quảng Nhã cho rằng: niêm là cầm nắm lấy vật. Thích Danh cho rằng: Dùng hai ngón tay kẹp lấy vật. Chữ viết từ bộ Thủ thanh chiêm; dùng ngón tay nắm lấy vật vo tròn lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Niêm tức niếp. Cầm lấy cây hương thấp hương, niệm hương. Âm niếp ngược lại âm ni triếp.

Khánh thóa: Ngược lại âm khinh đảnh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tiếng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng họ. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh âm khánh ngược lại âm khách lịnh khách canh. Ngược lại âm dưới thổ ngọa. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước dãi trong miệng sách Thuyết Văn cho rằng: Nước đàm trong miệng, chữ hình thanh.

Hài khiêu: Ngược lại âm trên giải giai. Trong kinh viết chữ hài này là văn thường hay dùng. Theo Thanh loại cho rằng: Dưới mặt lớp da là cỏ nhuyễn, gọi là giày cỏ, hài giải. Khi mang hài thì có sợi dây buộc co lại như trên, khi cởi giày ra như trên thì chân thoải mái mà cởi ra.

Xưa nay chánh tự viết từ bộ cánh thanh hề. Ngược lại âm dưới khỉ yêu, hoặc là viết hai chữ kiêu. Ngược lại âm cương hước. Sách Tập Huấn giải thích đều đồng Thiên Thương Hiệt: Giày cỏ guốc. Từ Quảng chú giải sách Sử Ký rằng: Dép cỏ. Lại âm hế kế. Âm kịch. Ngược lại âm kích nghịch. Âm phi ngược lại phi vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giày dép. Từ chữ lý thanh tĩnh kiều.

Vạc đẳng: Ngược lại âm vạn phát hoặc là viết chữ mạt, cũng viết chữ vạc mạc, lại cũng viết chữ miệt, lại cũng viết chữ miệt đều là chữ cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Túc y với chữ viết từ bộ Vi thanh miệt, âm miệt ngược lại âm miên miết.

Trào triệu: Ngược lại âm tráo giao. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: trào là cười nhạo, bởn cợt, chọc ghẹo. Chữ hình thanh, chữ viết từ bộ ngôn thanh trào, cũng viết từ bộ khẩu viết thành chữ trào là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là điều ô. Quảng Nhã cho rằng: triệu là nịnh hót. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy lời nói tiên đoán trước gọi là triệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xem tướng. Chữ viết từ bộ Ngôn thanh triệu. Âm du ngược lại âm tu chậu lại cũng là âm tiểu.

Lạc hỷ: Âm trên lạc, âm dưới là hỷ.

KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG
QUYỂN 3

Trách khai: Ngược lại âm trên là Trương cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra, trương ra cũng là mở ra.

Hý hỷ: Âm trên là hy; âm dưới là hỷ. Kinh văn viết chữ hy hỷ này là chẳng phải.

Ngu-tỏa-dã: Ngược lại âm trên ngu-cự, âm tứ ngược lại âm hình dĩ. Ngu-tử-dã là tiếng Phạm tên của các cõi trời.

Lăng thân: Ngược lại âm Lăng chứng, mượn âm dùng, không dùng chữ nghĩa. Tức là hướng về phía trước a thân, cũng nói rằng hướng về trước phía trước chữ Lăng thân là kinh văn đã có âm để dùng.

Đài tích: Ngược lại âm trên đại lai. Sách vận thuyên cho rằng: đài nhấc lên cao, đưa lên. Chữ viết từ bộ Thủ thanh đài.

KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG
QUYỂN 4

Quật khứ: Ngược lại âm quần quật. Sách Tập Huấn cho rằng: quật là đào xuyên qua. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đoạn ra. Ý của kinh là muốn đoạn ra vất vật trong đất dơ xấu và nung đốt gạch ngói đá vụn cháy đỏ những xương cốt củi mục, dơ uế. Các vật dơ xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Thủ thanh khất kinh văn viết từ bộ Giác đến bộ Quyết viết thành chữ khuyết ngược lại âm quyền nguyệt. Tục ngữ dùng là chẳng phải vậy.

Thác ngoại: Ngược lại âm thang lạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: Khai thác, mở mang khai phá. Chữ viết từ bộ Thủ thanh thạch. Trong kinh văn viết từ bộ Thác lại viết chữ phiến ngược lại âm sĩ cách. Đây là chẳng phải không thành chữ.

Như Lai sóc: Ngược lại âm song chóc. Tục tự cho rằng: Chữ chánh thể từ bộ mâu viết thành chữ sóc chữ sóc này nghĩa là cây giáo ngắn.

Mụ: Âm mẫu.

Sắc: Ngược lại âm luận cốt. Mượn âm dùng.

Đà-xa: Ngược lại âm tri giả.

Ca: Ngược lại âm cương khư. Năm chữ trên là một câu tiếng Phạm. Người dịch kinh đều tự âm như trên, đều là mượn thanh lấy âm hưởng. Tiếng Phạm tên là kim cương. Đây không cầu chữ nghĩa.

Tác-các-thế: Ngược lại âm quảng mạch. Xưa nay chánh tự cho rằng: các là đánh gõ, nói là đánh tác bên gò má. Nay tục ngữ nói rằng: Là tác tay. Chữ viết từ bộ Phộc thanh các.

Phao Cộng Thạch Tử: Ngược lại âm phổ bao. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tay ném vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ném ra ta. Chữ viết từ bộ Thủ thanh phao. Âm phao đồng với âm trên. Lại là âm siêu tức. Kinh văn viết từ bộ Lực viết thành chữ phao này là chẳng phải. Viết dúng là từ bộ Thủ, đến bộ Cửu đến bộ Ti cửu, đến bộ Điếu. Chữ hội ý.

Túc đầu: Ngược lại âm sở lục, hoặc là từ bộ lập viết thành chữ túc. Quấy nhiễu cho rằng: tức là ngang bằng đều nhau, hoặc là từ bộ Thạch viết thành chữ túc đều thông dụng. Chữ viết từ bộ Ngọc thanh túc.

Hệ vạt: Ngược lại âm loan bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: vạt là tất vớ bó chân lại. Sách Tập Huấn cho rằng: Sợi dây màu vàng thắt buộc lại xưa nay chánh tự viết từ bộ Y thanh mạc. Chữ mạc trên là chữ mộc cộng thêm chữ. Nhất viết thành chữ mạc.

Hữu thủ toát: Ngược lại âm toán quát; hoặc là viết từ bộ tối viết thành chữ toát. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chúm ba ngón tay lại còn hai ngón tóm lấy. Thể chữ đều thông dụng.

Sa thản: Trên là chữ sa, hoặc từ bộ thạch viết thành chữ sa này. Ngược lại âm dưới là thản đan. Sách Khảo Thanh cho rằng: Các trong nước chảy ra gọi là Đản, chữ hình thanh.

Mễ-đan-la: Âm đan. Ngược lại âm đa khả. Tiếng Phạm, tác người mới chết.

KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG QUYỂN 5

Xà: Ngược lại âm xương dã. Âm hưởng chữ Phạm.

Di: Ngược lại âm nĩ lễ. Âm trên là chuẩn.

Ngật: Ngược lại âm trên ngăn một.

Thứ ngõa: Ngược lại âm trên từ. Kinh văn viết từ bộ Thạch viết thành chữ từ. Tên của loại thạch dược. Chẳng phải đây dùng. Tư là bình để chứa rượu.

Ngưỡng dực: Ngược lại âm dăng tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: dực là kính, tôn kính, trợ giúp thêm vào, tặng cho, hòa theo. Sách Khảo Cẩn cho rằng: Hoặc là viết từ bộ tẩu viết thành chữ việc chạy đi dời đổi. Trong kinh văn viết từ bộ Nghiểm viết thành chữ dực này. Người dịch kinh dùng sai chữ.

Sao thao cốc: Ngược lại âm Sở xảo, hoặc là viết chữ sao cũng viết chữ chúc đều thông dụng. Sách Phương Ngôn cho rằng: sao là dùng lửa làm cho khô. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Hỏa thanh thủ.

Thủ ám: Ngược lại âm ám cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: ám là bị che khuất, viết từ bộ ám thanh tĩnh.

Thường liên: Ngược lại âm lực yển. Sách Khảo Thanh cho rằng: Liên là nối tiếp theo sao; liên lạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Liên tiếp theo, nối liền lại, liền nhau từ tai đến gò má, cho nên chữ viết từ nhĩ đến bộ ty, nghĩa là nối nhau không dứt tuyệt chữ hội ý.

Mật lộc: Âm mật. Trước đã giải thích rồi, hoặc là viết chữ mật này cũng thông dụng.

Thanh khỏa: Âm khoa. Loại lúa đại mạch, không có võ, đó là có khác âm. Nay không dùng.

KINH BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG QUYỂN 1

Mục-kiền-liên: Âm liền là âm càn. Tiếng Phạm cho rằng: sai. Đúng Phạm âm gọi là Ma-ha-một-đặc-nghiệt-la. Đường Huyền Trang gọi là Thái Thúc Thị, tức là Lộc Đậu Tiên nhân. Hoặc gọi là Đại Mục Càn Liên. Tức là hàng Thanh văn đệ tử của Đức Như Lai. Là thần thông đệ nhất.

Câu Si La: Âm si là âm si. Tên của vị La-hán.

Nghiệt-lộ-trà: Cũng là tiếng Phạm, chuyển đọc sai. Xưa hoặc là dịch. Da Lũ La vương, tức là bầy chim Kim sí điểu vương.

Nã-chỉ-nĩ: Ngược lại âm trên ninh da. Từ chữ nnô viết thành chữ nã, cũng có theo người viết chữ như vậy là chẳng phải. Âm chỉ. Ngược lại âm kinh dĩ. Âm nĩ, ngược lại âm ninh đảnh. Tên chung của loài quỉ nữ.

Tỳ nữu thiên: Âm nữu. Ngược lại âm ni trữu, hoặc viết từ bộ Mịch viết thành chữ nữu, đều thông dụng. Chữ từ bộ Kim thanh sửu. Từ bộ điền là sai. Hoặc gọi là vĩ sắc nổ thiên. Xưa dịch là Tỳ sưu thiên. Tức là Trì luận thiên. Là chủng loại La diên (con rít có nhiều chân).

Việt phủ: Ngược lại âm trên viên nguyệt. Vốn chánh thể viết chữ mậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái búa lớn, từ bộ qua, thanh quyết, âm quyết là âm quyết này. Là trong sách phần nhiều người viết sai. Xem lại nói chữ mậu. Các bậc Cổ đức thêm bộ Kim viết thành chữ Việt lấy làm khác biệt. Cố Dã Vương cho rằng: Việt phủ đó là loại binh khí của quân xa thời xưa. Tư Mã Bưu cho rằng: Hình pháp đời nhà Hạ dùng cây búa màu đen. Sách Thượng Thư cho rằng: Thị vệ bên trái của vua cầm cây búa màu vàng. Theo chữ Việt đó là cây búa lớn. Cố Dã Vương cho rằng: Lấy cây búa lớn tặng cho Tư Mã. Tư Mã lấy ra cây búa để trảm tướng ra từng đoạn chữ hình thanh.

Ma-ni-bạt-nại-la: Âm bạt ngược lại âm bàn-mạt. Âm nại ngược lại âm nô-hạt. Tiếng Phạm. Tên của Dược xoa tướng. Đường Huyền Trang cho rằng: Mãn Hiền.

Ô-sa-đóa-la-ca: Âm đóa là âm đa. Chữ đa Khứ thanh. Âm ca, ngược lại âm ky khư. Tiếng Phạm tên của loài quỉ. Hoặc gọi là ma quỉ.

Lang đột: Ngược lại âm lực trừng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Xâm phạm làm nhục. Kinh văn viết từ bộ Thủy viết thành chữ lăng. Là

tên của con sông. Xưa nay chánh tự viết từ bộ lực thanh lăng. Âm lăng đồng với văn dưới là lăng nhục. Khinh khi nghĩa đều đồng.

Túng bác: Âm bác. Gọi là xương vai chữ viết từ bộ cốt đến chữ bác. Thanh tĩnh, kinh văn viết từ bộ Nhục, văn thường hay dùng.

Nhị hình: Ngược lại âm hình định xương cẳng chân.

Nhị hỏa: Ngược lại âm hoa ngõa. Xương cổ tay, xương mắt cá chân trong và ngoài.

Thước-ngật-để: Ngược lại âm trên Thương-cân. Tiếng Phạm, tên Ấn Khiết. Đường Huyền Trang cho rằng: Sóc ấn.

Thư hoại: Ngược lại âm tề dữ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thư cũng là hoại. Ngược lại âm lai dự. Mao Thi Truyện cho rằng: Nước bùn lầy. Theo truyện ghi rằng: Nước bùn dơ thấm vào lần lần hư hoại. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Nước thấm vào. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ẩm ướt, chữ viết từ bộ Thủy thanh thư. Kinh văn viết chữ trổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Từ chữ bán đến bộ nhục. Chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới là hoài quái. Tự Thống cho rằng: Tư phá gọi là hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tự hư hoại. Chữ viết từ bộ Thổ thanh hoài. Âm hoài ngược lại âm hồ quái.

Thủy nịch: Ngược lại âm ninh đích. Trong sách Lễ Ký Đức Khổng Tử nói rằng: Người quân tử chìm trong miệng, kẻ tiểu nhân chìm trong nước, gọi là che lấp, chìm đắm, không thể tự mình thoát ra được. Lại gọi là chết mà không có người đến viếng thăm, an ủi. Ba là luận sợ chìm trong bùn lầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chìm trong nước, chữ viết từ bộ Nhân đến bộ Thủy, cũng viết chữ nịch này là chữ cổ đồng nghĩa.

Xà mết: Ngược lại âm trên Đổ giá. Văn thường hay dùng viết đúng là từ bộ Tha viết thành chữ xà hoặc là viết chữ tha này. Tự thư cho rằng: Loài côn trùng độc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Rắn độc, có hai loại độc thủy, độc xà. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xưa ở trong cỏ có rắn, cho nên cùng nhau hỏi có có nó không. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Rắn độc xà đó chẳng phải một loại, nó có rất nhiều loại khó có thể thuật đủ. Âm tha là âm tha. Ngược lại âm dưới hồ kiết. Sách Lễ Ký cho rằng: Không được cắn nhai xương. Sách Thuyết Văn cho rằng: niết là căn, từ bộ xỉ thanh niết, vốn là chữ tượng hình.

Hoa bỉ: Ngược lại âm hoa mạ. Tên của loại cây, mà vỏ của cây có thể làm nến, đuốc. Gỗ có thể chỉ nhổ làm sách viết kinh được. Nước Thiên Trúc kia xưa không có vải lụa, nên cắt lột vỏ cây hoa, hoặc là lá cây phần nhiều gọi là lá bối, hoặc là lá cây đa la. Gọi là Phạm Hiệp, thư ở Trung Quốc người xưa dùng loại trúc giản để viết sách, viết kinh giáo

văn tự nội và ngoại điển, thư tịch, truyện nơi xứ sở này.

La-lạc-ca: Tiếng Phạm. Tên địa ngục.

Mô-hồ-luật: Cũng là tiếng Phạm gọi là thời danh. Ở Tây Vức lịch pháp phân ra một ngày một đêm là ba mươi Mô-hô-luật, không cần phải hỏi nhiều. Mùa Đông, mùa Hạ dài định là ba mươi. Mùa xuân, mùa Thu phân thời gian ra ngày đêm các thời là mười lăm Mô-hô-luật; mùa Đông đến mùa ngày đêm thời gian rất dài, hoặc là rất ngắn, cùng nhau xâm chiếm của ngày và đêm sáu thời tức là mười hai - mười tám tiếng đồng hồ. Nay lấy chữ tượng hình.

Tản cái: Ngược lại âm mịch lãn. Tục Tự cho rằng: Viết đúng từ bộ Mịch viết thành chữ tản. Ngược lại âm dưới là cái chữ viết đúng thể, từ bộ Thảo đến bộ Hạp, âm hạp là âm hợp, chữ hạp sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ Đại đến bộ Huyết. Kinh văn viết chữ cái từ bộ Dương đến bộ Huyết. Theo lệ là sai chẳng phải xưa nay chữ viết từ bộ Thảo.

Bảo diêm: Âm diêm chữ chánh thể.

Tỏa nhục Ngược lại âm tổ hóa. Sách Vận Thuyên cho rằng: tỏa là bẻ gãy. Giả Quì chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chiết phân tích từ, chiết tự, bẽ gãy kim nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là bẽ gãy. Chữ viết từ bộ Thủ thanh tọa.

Kỳ đố: Ngược lại âm trên là kỳ âm dưới là độc. Trình Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cây lọng kết bằng lông chim che. Sách sát ấp Độc đoán ghi rằng: Vua ở trong nhà bên trái là che cây lọng. Chỗ gọi là dùng lông đuôi bò dài gắn lên cây thương cây kích trên nên gọi là độc vậy.

Lan hương tiêu: Ngược lại âm Sương giao. Chữ chánh thể viết chữ tiêu này, từ bộ Mộc thanh tiếu. Đây tức là lời nói thí dụ của Đức Như Lai. Phàm là hoa lan hương khi nở ra, trên đầu nhọn của hoa phân làm bảy phần, ví như người làm tội Thiên Thần dùng chày đập đầu người tội nức ra làm bảy phần, như nụ hoa cây Lan hương. Xưa dịch là nhánh cây A-lê đó là sai, vốn không có cây A-lê.

Cơ phu: Ngược lại âm trên là kỹ nghi. Ngược lại âm dưới là bổ vô. Chữ viết từ bộ Nhục đến chữ phu. Từ chữ cô thanh tịnh.

Đoàn loan: Câu tục ngữ, tức là đoàn viên. Ngược lại âm trên đoạn hoàn đều là chữ đúng xưa nay. Ngược lại âm dưới là Lô hoàn đều chữ hình thanh.

KINH BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG QUYỂN 2

Sa lũ: Ngược lại âm trên thử hà. Ngược lại âm dưới là lực chủ. Trước âm nghĩa quyển đầu đã giải thích rồi.

Chức điệp: Ngược lại âm dưới là điềm diệp. Cũng là quyển đầu đã giải thích rồi.

Nghiêm quật: Ngược lại âm khổ cốt. Tức tự viết đúng là từ bộ Thổ viết thành chữ quật, tức là đào đất, quật địa.

Trí tránh: Ngược lại âm trích canh, chữ chánh thể. Trong kinh văn viết từ bộ Trinh viết thành chữ tranh. Này là thắng âm nghĩa viết từ bộ Nhân viết thành chữ trành, cũng là chữ trương là chẳng phải, bổn chữ vốn mượn âm để dùng.

Bạch Ly phất: Âm mau tức là loại bò có lông đuôi dài làm lau chùi phất phủi. Trong kinh văn viết chữ mao. Tức là con mèo, chẳng phải chữ ly ngưu, khác nghĩa đây dùng.

Giác lạc: Âm lạc. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải tóm lại rằng: Xưa nay chánh tự viết từ bộ Mịch đến chữ lạc thanh tĩnh.

Yêu điều: Ngược lại âm kế đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng sợi tơ dệt thắt lại như sợi dây buộc ngang eo lưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Mịch đến chữ điều thanh tĩnh.

Thanh hắc: Ngược lại âm thanh tánh. Mượn âm khứ thanh dùng, vốn là âm thượng thanh tịnh nay không dùng. Sách Tập Huấn cho rằng: Màu xanh đen. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Sắc thanh thanh. Chữ thanh từ bộ Sanh đến chữ đang.

Như chú: Ngược lại âm chu thụ.

Nê tử: Ngược lại âm tế sử. Sách Khảo Thanh cho rằng: dơ uế. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cặn bả. Chữ viết từ bộ Thủy thanh tể.

Luân đường: Ngược lại âm dưới Thác hoành. Sách Thuyết Văn cho rằng: đường là chặt cây cột trụ, chữ viết từ bộ Mộc thanh đường, nói cho đủ nghĩa là song cửa sổ.

Toan tạc: Ngược lại âm Tô đoan. Ngược lại âm dưới thô số. Sách Thuyết Văn cho rằng: toan tạc là rót rượu mời khác. Lại gọi là uống quá nhiều rượu nên say, cũng là rót rượu mời nhau. Chữ viết đều từ bộ Chậu, chữ hình thanh.

Thủy chất: Ngược lại âm chân nhật. Đọc cùng với chữ chất đồng âm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Loại côn trùng sống dưới nước, tức là con đỉa, chữ viết từ bộ Trùng thanh chí.

KINH BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG
QUYỂN 3

Nhiếp-phược: Ngược lại âm dưới là vô hà. Tiếng Phạm, gọi là không an. Không cầu chữ nghĩa. Tiếng Phạm gọi là nhiếp-phược đó Đường Huyền Trang gọi là người mới chết xác chưa hư hoại.

Mang-sa: Tiếng Phạm. Đây gọi là nhục (thịt).

Mậu-mang-sa: Ngược lại âm trên mạc hầu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mậu là nơi chợ búa. Sách Vận Anh cho rằng: mậu là bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trao đổi tài vật. Chữ viết từ bộ Bối thanh mậu. Âm mậu, văn cổ viết chữ dậu. Kinh văn viết từ chữ oản viết thành chữ mậu là chẳng phải. Nói Mậu-mang-sa đó là bán thịt của xác chết. Trong pháp sự của Khưu dịch quỉ thần là lấy thịt của xác người mới chết chưa hư hoại, nhà bếp mới trộn với năm thứ gia vị, rồi đem nướng khiến cho mùi rất thơm ngon dùng cúng tế xác chết trong rừng Đà lâm. Quỉ thần có sức mạnh lớn lao đó đến ăn thọ dụng đồ cúng tế xong rồi bèn dùng Phật đảnh chân ngôn sẽ có uy lực sai khiến bức bách khiến cho trong nước tiêu trừ oán hại. Sau đây làm thức ăn trao đổi. Sức mạnh cho nên nói Mậu-mang-sa, âm chích ngược lại âm chi diệc, chữ viết từ bộ Nhục. Âm sao ngược lại âm sơ giảo. Tục tự viết chữ sao này, cũng thông dụng.

Mê-đát-la: Cũng là tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: thây chết đứng dậy thành quỉ.

Bác tập: Âm trên là bác. Ngược lại âm dưới là tân nhập. Sách Khảo Thanh cho rằng: bác tập là ham thích ăn uống. Hoặc gọi là bác khẩu. Thanh xuất cũng viết là mã tưởng. Kinh văn viết chữ bác sáp là chẳng phải, âm sáp ngược lại âm sở giáp.

Chùy đồng: Ngược lại âm Truy loại, mượn âm dùng. Chữ vốn không chết cứng. Ban đầu tức là viết chữ chú. Sau đó lại viết chữ nhập trong chữ hỏa tức là nung đốt chất đồng cho chảy ra dùng chày đập mà thành tên là chùy đồng. Thuận theo tục ngữ.

Chưng chữ: Ngược lại âm chương nhưng. Sách Khảo Thanh cho rằng: chưng là hấp cho nóng, lửa bức khí hơi xông lên thành nước khiến cho đạt thành. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa bốc hơi đi lên. Ngược lại âm dưới là chư nhữ. Cố Dã Vương cho rằng: Nấu, chưng, hấp văn cổ viết chữ đỉnh, từ chữ giả đến chữ đỉnh.

Bì giao: Ngược lại âm giả hào. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo

Công Ký rằng: Lấy từ thực vật hoặc nấu da làm chất keo dán dính. Cố Dã Vương cho rằng: giao đó là liên kết với các vật khiến cho dính vào nhau. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giao là chất keo dính chắc chắn. Chữ viết từ bộ Nhục thanh giao.

Bề nhị đầu chỉ: Ngược lại âm biền miệt. Sách Vận Thuyên cho rằng: Dùng tay bấm, ngắt. Cũng có viết chữ bệ, dùng sai chữ. Chữ viết từ bộ Thủ thanh tất.

Tương trụ: Ngược lại âm dưới chu lũ. Văn cổ cho rằng: Lấy một chút mực đen pha làm mực viết chữ. Kinh văn viết từ bộ Túc viết thành chữ trụ, hoặc viết chữ trụ đều mượn chữ dùng vậy.

Quáng mạch: Ngược lại âm quắc mảnh. Lúa đại mạc

KINH BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG QUYỂN 4

Kiêu dũng: Ngược lại âm trên kiểu nghiêu. Quảng Nhã cho rằng: kiêu là con ngựa hay, ngựa khỏe. Dưới là chữ dũng, chữ viết từ bộ Lực thanh dũng.

Bác ấn: Âm bác. Kinh văn viết từ nhục là chẳng phải. Ngược lại âm phổ bác. Gọi là thịt phôi khô.

Quang diêm: Ngược lại âm quán tiệm. Cũng viết chữ diêm này nghĩa là sáng rực.

Cảm: Ngược lại âm hàm cam. Thời nay mượn chữ để dùng.

Khỏa: Ngược lại âm Hoa ngõa.

Quan kiền: Ngược lại âm trên quả ngoan. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy cây ngang gài cánh cửa giữ lại. Chữ viết từ bộ Môn thanh quan, am quan đồng với âm trên.từ chữ tư thanh Thảo âm Thảo là âm quán âm tư là âm u. Kinh văn viết chữ biện viết thành chữ quan này là chẳng phải. Âm biện là âm biện dùng chữ sai.

Khang hòa: Âm khang. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vỏ hạt ngũ cốc, trấu, lúa lép. Chữ viết từ bộ Hòa đến bộ Canh đến bộ Mễ. Trong kinh văn viết từ bộ Thủy, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Yên huân: Ngược lại âm dưới huy vân. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa cháy bốc khói bay lên. Chữ viết từ bộ Triệt đến bộ Hắc chữ hội ý.

Trợ giảo: Ngược lại âm trên trừ lự. Quảng Nhã cho rằng: So đôi

đũa gọi là trợ. Theo sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Hoặc là viết trợ cũng là viết chữ cân khoái gắp thức ăn. Theo truyện Hàn Thi Tử cho rằng: Tàn nhẫn, bất nghĩa, cho rằng giống như lấy cái răng làm đũa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ăn cơm bằng đũa, âm hiệp ngược lại âm cổ hiếp. Ngược lại âm dưới là giao giảo.

Kim mạc: Ngược lại âm ma bát gạo tấm, hạt gạo bể nát.

Hợp luyện: Ngược lại âm liên điện, hoặc là viết chữ luyện này. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lò đúc kim loại chữ viết từ bộ Kim thanh luyện, âm luyện đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ từ bộ Mịch viết thành chữ luyện là chẳng phải.

- QUYỂN 5 (Không có âm có thể giải thích.)

****

KINH ĐẠI ĐÀ LA NI MẠT PHÁP TRUNG NHẤT TỰ TÂM CHÚ

Hoặc lạp: Ngược lại âm lam đáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: que hàn hợp chất chì. Sách Vận Anh cho rằng: Thiết chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thanh kim loại, chữ hình thanh.

Thiết đĩnh: Âm định. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thiết đồng nguyên chất.

Vô bàn: Âm bàn. Dùng dao cắt bỏ không lấy nút ruồi đen, không lấy vết sẹo màu đen mới là tốt. Kinh Phật Đảnh Chân Ngôn Da Trì tác pháp.

Tam lăng: Ngược lại âm lặc đẳng. Quảng Nhã cho rằng: lăng là dùng móng tay gãi cào. Sách Tập Huấn cho rằng: Khúc gỗ vuông có bốn góc cạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây có góc cạnh chữ viết từ bộ Mộc thanh lăng. Hoặc từ bộ Hòa viết thành chữ lăng, âm hồ là âm cô.

****

KINH PHỔ THÔNG CHƯ PHẬT ĐẢNH YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG PHÁP

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

PHẬT THUYẾT KINH NHẤT TỰ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG PHẬT ĐẢNH CHÚ

Nhai hiểm: Ngược lại âm Nhã giai. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bên bờ vách núi trơn hiểm trở. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đường biên cao, chữ viết từ bộ Hán thanh giai, âm Hán ngược lại âm ngũ hạt. Ngược lại âm dưới hứa liễm. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nguy hiểm. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Khó khăn hiểm trở. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Phụ thanh hiểm chữ này thông dụng lưu hành.

Tý xuyên: Ngược lại âm xuyên luyến. Âm nghĩa trong quyển này xem trước đã giải thích, kinh văn viết xuyến chẳng phải, không phải nghĩa chữ xuyên.

Hoa đôi: Ngược lại âm đô hồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đồi đất cao kinh văn viết đồi, hoặc là viết đồi đều chẳng phải.

Nhũ chư: Ngược lại âm thân khẩu. Lấy sữa bò hòa với bột mì tô, nấu lại thành bánh dầu. Kinh văn viết từ bộ Thực viết thành chữ đậu hoặc viết chữ đôn tục tự cho rằng đều chẳng phải.

Chỉ vạc: Ngược lại âm tiện vạc văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

****

KINH TÔ TẤT ĐỊA QUYỂN THƯỢNG

Bả ninh duệ: chữ trong câu chân ngôn. Ngược lại âm trên ba cố âm kế lại là âm nã canh, âm dưới là di ế.

Hạp hống: Hai chữ đều một loại âm là tiếng rống trong cổ họng con bò. Tức là cũng khó là âm khướt.

Chế trưng: Âm trí. Tiếng Phạm, tên người sai khiến trong kinh Kim Cang Tạng.

Hống Quắc: Chữ trong chân ngôn, ngược lại âm ha các.

Dịch: Ngược lại âm doanh ích hai bên nách.

Tề: Âm tề, hoặc là viết chữ tề, các câu chân ngôn trước, mỗi chữ đều có âm. Cho nên đây không âm, nhưng trong kinh văn cũng âm mà thôi.

Bi hùng: Âm trên là bi. Quảng Nhã cho rằng: bi cũng là hùng tức là con gấu, mà pha sắc vàng trắng. Quách Phác cho rằng: Giống như

con gấu mà đầu dài hơn, chân cao hơn, cũng cảm có nhiều sức mạnh hơn, có thể nhổ cả gốc cây lớn. Ở Quan Tây người ta gọi là Hà Hùng tức gấu vượn. Ngược lại âm dưới là hùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại thú giống như heo. Ở trên núi đến mùa Đông chui núp trong hang, dùng hang ẩn náu, dùng thức ăn ngọt chứa bên trong hang giống như con người. Chân gấu trong rất ngon người ta nấu khó chín. Âm hàm ngược lại âm ha tàm. Âm chấp ngược lại âm trầm lập, âm phiền là âm phiền âm hà là âm da.

Triệu mạch: Ngược lại âm trên là Quang tiêu. Theo Sách Vận Anh cho rằng: Triệu là vượt qua. Hoặc là viết chữ Triệu này. Trong kinh văn viết chữ từ bộ Tức viết thành chữ khiêu là âm điều. Chẳng phải nghĩa của kinh.

Khỏa hình: Ngược lại âm hoa ngõa, chữ mượn âm để dùng, để tránh đi thô tục. Theo truyện Hàn Thi vốn âm lõa quả, khỏa, nghĩa là thân thể màu đỏ lộ nguyên hình ra. Hoặc từ bộ Thân viết thành chữ khỏa, hoặc là từ bộ Ý viết thành chữ khỏa đều nghĩa để lộ thân thể ra không mặc áo. Chữ hình thanh.

Xung toản: Ngược lại âm dưới là toán, từ bộ Thảo đến bộ Thị. Tức là hành tỏi.

La-bàn: Ngược lại âm dưới bằng bắt. Gọi là gốc của loại rau cải.

Đối đồng: Ngược lại âm trùng loại khứ thanh. Chữ trước đã giải thích rồi.

Sàng tháp: Ngược lại âm tham đáp: Giường chân ngắn, giường hẹp, gọi là sàng. Giường dài gọi là tháp.

Thấu khẩu: Ngược lại âm sưu trứu. Sách Vận Anh cho rằng: Tẩy rửa miệng, tức là súc miệng, âm trứu ngược lại âm ngẫu cứu, âm địch là âm địch.

Đầu chỉ niết: Ngược lại âm niệm diệp.

Ô-lỗ-nại-ra-xoa: Âm nại ngược lại âm nô-sát. Ở phương Tây gọi là cây mộc tử hạch. Dùng lời văn chỉ bày ra, cây hạch, hột lớn nhỏ, lớn như hạt anh đào, hạt nhỏ như viên đạn, có hạt quả màu tím. Đây tên gọi là kim cương tử. Có thể làm hạt châu, gọi là chuỗi Kim cang, đều có thể dùng tụng niệm nhiếp tâm. Người dùng chuỗi này có thể nói là cứng chắc không có vật gì phá hoại được.

Tác hoàn: Âm hoàn, kinh văn viết từ bộ Kim viết thành chữ hoàn này là chẳng phải. Đây dùng chữ từ bộ Ngọc mới đúng.

Sơ phát: Âm sơ.

Quân nan: Ngược lại âm trên [T543] quân vẫn. Tiếng Phạm,

không cầu chữ nghĩa.

Đốn-bát-la-hoa: Ngược lại âm trên ôn cốt. Tiếng Phạm đã giải thích rồi.

Đắc-nghiệt-lam-hoa: Ngược lại âm ngôn yết. Tiếng Phạm.

Nan-đôn-diệp: Ngược lại âm thản nang, ngược lại âm dưới đô hồn. Tiếng Phạm không cầu chữ nghĩa.

Đam-mang La-diệp: Ngược lại âm trên Tháp hàm. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ đam là chẳng phải; không thành chữ.

Da-tử quả: Ngược lại âm trên dã giá. Tên của loại cây có quả (mộc quả). Ở Quảng châu có rất nhiều loại cây này. Lá của cây này có thể làm chiếu, đêm, da cây nhuyễn mịn có thể làm dây lớn buộc thuyền, quả của cây đợi khi chín rất ngon, nước của quả rất ngọt như là mật ong. Quả có lớp da bao bọc bên ngoài, có thể làm rượu kinh văn viết từ bộ Thảo viết thành chữ da này là chẳng phải.

Di tử quả: Âm sĩ, tên của loại quả, trái. Lớn như trái quyền hồng màu đỏ.

Đậu khấu: Ngược lại âm trên hống cấu. Tên của loại thuốc.

KINH TÔ TẤT ĐỊA
QUYỂN TRUNG

Cột lộc: Ngược lại âm trên là cốt âm dưới lộc. Chim Tùy dương, một tên nửa là chim Lão quan. Loại chim Hồng nhạn. Hình trạng của nó giống như chim Hạc lông màu xanh.

Vựng hồng: Âm trên vận. Gọi là quầng sáng quang mặt trời mặt trăng. Ngược lại âm dưới là hồng. Gọi là cầu vồng tan mưa tạnh. Rạng suốt trời mây có năm sắc màu.

Nhị chỉ nghịch: Ngược lại âm sĩ cách. Gọi là khảy móng tay ngón tay trong búng ra, và cũng chỉ đây là lượng từ, số lượng thời gian ngắn ngủi.

Tiêm sản: Ngược lại âm trên tương diêm: Tiêm là rất sắc bén, chữ viết từ bộ Kim thanh thiệt. Kinh văn viết chữ tiêm này là chẳng phải ngược lại âm dưới xác tản. Sách Vận Anh cho rằng: sản là tiêu diệt san bằng; chữ viết từ bộ Đạo thanh tàn, âm tàn ngược lại âm di hạn.

Thước-để: Ngược lại âm Thượng-nhược. Ngược lại âm dưới là đinh dĩ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Cây thương, kích.

Trí bảng: Ngược lại âm lung giảng, cây hỏa trượng.

Luyến-tô-dước: Âm quyển, tức là dùng cái thìa múc tô dầu. Âm thao là âm khiêu tiểu. Ngược lại âm dưới là thường cân, chữ tượng hình.

Kiêu-lợi: Ngược lại âm nghi-kiêu. Tiếng Phạm, dưới là chữ lợi, đọc cong lưỡi lên.

Đảm dũng: Ngược lại âm trên đam cảm, chữ viết từ bộ Nhục kinh văn viết từ bộ Mục là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nghị tỵ: Âm trên là nghị. Gọi là cắt mũi, mà dùng dao xẻo mũi là một trong năm hình phạt ngày xưa.

Trành tượng: Ngược lại âm miệt canh. Căng lần lần ra vẽ Phật tượng, Bồ-tát. Kinh này viết từ bộ Mộc đến bộ Trinh viết thành chữ tranh là chẳng phải xưa nay dùng.

Nhuyễn thảo: Ngược lại âm thương diễn. Gọi là cọng cỏ mềm yếu. Kinh văn viết từ bộ Xa viết thành chữ nhuyễn là chẳng phải.

KINH TÔ TẤT ĐỊA
QUYỂN HẠ

Ôn noãn: Ngược lại âm trên là ôn. Ngược lại âm dưới là nô đoản. Điều là chữ hình Thanh.

Ế-ế di: Ngược lại âm trên y kế. Âm kế là hình kế. Âm dưới hình di. Đây là câu tiếng Phạm. Đường Huyền Trang giải thích nghĩa là câu triệu thỉnh mời đến, câu thần chú.

Học chi: Ngược lại âm bình giáo. Văn sau giải thích chữ học giống chữ học này.

Mộ-nại-la: Ngược lại âm nô-cát. Đây là câu tiếng Phạm. Đường Huyền Trang gọi là Ấn khế.

Kháp niệm châu: Ngược lại âm xảo giáp: Dùng móng tay bấm lần chuỗi hạt.

Khánh khái: Ngược lại âm trên khinh trình. Ngược lại âm dưới khai ái. Thông hôi trong yết hầu. Ho nhỏ gọi khách, ho lớn gọi khái.

Tôn cự: Ngược lại âm trên tồn. Ngược lại âm dưới cư ngự.

Tô ốt lưỡng đầu: Ngược lại âm ôn khổn. Gọi là chìm vào bên trong.

Tân thiết: Âm trên là rân, Tân thiết là loại sắt, nguyên tố hóa học

sản xuất ở nước Kế Tân v.v... Lấy các loại nguyên tố nước ngoài như chì hòa trộn lại làm hợp chất, cực tinh sắc bén người sử dụng sắt thép trên rất nhạy bén, tinh xảo.

Sát tác: Ngược lại âm sử giới, dùng sức rất mạnh.

Cương truyện: Ngược lại âm trên là cương, hoặc là viết chữ cương này. Ngược lại âm dưới là chuyên huyền. Gọi là bánh xe lăn vòng tròn, có giềng lưới ngoài.

Phốc thí điểu hấp: Ngược lại âm đinh lịch: Sách Vận Anh cho rằng: Lông chim, hoặc là viết chữ hấ này. Kinh văn viết từ bộ Mao là chẳng phải âm trên phốc nghi là có sai cho nên không âm chúa rõ chữ này xuất phát từ đâu, loại chim nào.

Bàn tích: Âm trên là bàn. Mụt nhọt lỡ loét, vết thương lành còn để dấu vết sẹo.

Giai bắc hạ tá: Ngược lại âm tức dạ. Lót nệm dưới âm điếm là âm điếm này.

****

KINH TÔ TẤT ĐỊA YẾT LA

Thương sóc: Ngược lại âm thất dương. Hoặc từ bộ Mâu viết thành chữ thương. Sách Khảo Thanh cho rằng: Câu thương dài giống như cây mâu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hai đầu nhọn bén, trên có gắn lưỡi đao, dưới có có quấn cây binh trượng. Ngược lại âm dưới là sương tróc. Quảng Nhã cho rằng: Cây sóc cũng giống cây mâu, chữ viết từ sóc viết thành chữ sóc này kinh văn cho rằng là chẳng phải vậy.

Điệu thủ: Ngược lại âm trên là đình diệu. Kinh văn viết chữ Thiên Thư là chẳng phải.

Thứ mộc: Ngược lại âm Thứ tứ. Sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm loài thảo mộc thường có gai, có thể đâm người bị thương nên gọi là thứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây có gai, như là táo chua có gai nhọn đều có gai nhọn nơi thân cây, chữ viết từ bộ Thanh thúc.

*****

KINH TÔ TẤT ĐỊA

Phiến thượng mã: Ngược lại âm Thiên diện. Sách Khảo Thanh

cho rằng: Nhảy lên lưng ngựa. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Mã thanh biên, âm biên là âm biện.

Phụ tự: Ngược lại âm trên bổ, âm dưới tương dữ.

Tà lặc: Ngược lại âm trên là tịch da. Tục Tự cho rằng: Chữ viết chánh thể từ bộ Y đến bộ Nha viết thành chữ tà. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cái áo không ngay ngắn, đường may bị lệch đi một góc, cuộn quấn lại một góc hoặc là viết chữ tà này.

Lưỡng cá: Ngược lại âm ca giác. Kinh văn viết chữ cá này là chữ cổ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Từ ngữ Phàn bụi trúc gọi là cá. Bụi cây gọi mai. Cho nên từ bộ Trúc. Hai bụi trúc là Nhị Thiên vương.

Tác hàm: Ngược lại âm hiệ giam. Sách Khảo Thanh cho rằng: Kẹp vào cây cũng viết chữ giam đều đúng. Kinh văn viết đơn chữ hàm hàm này nghĩa là tên gọi cốc quan là chứa đựng, trong hang hốc. Đây chẳng phải nghĩa của kinh.

Tản cái: Âm trên là tan đều thông dụng thường hay dùng viết đúng là chữ tản cái này. Văn trước đã giải thích rồi. Trong kinh Đảnh Luân quyển thứ nhất.

Loát nhủ: Ngược lại âm trên Lỗ quát. Cũng gọi là dùng tay vắt nặn lấy sữa âm cốc ngược lại âm câu hầu.

Thiết quyết: Ngược lại âm quyền nguyệt. Sách Tập Huấn cho rằng: quyết là cây cột buộc trâu. Kinh văn viết chữ thuyên là chẳng phải.

Cầm thú: Ngược lại âm trên cập lâm. Tên gọi chung của loài chim xem sách Vận Tập giải thích. Ngược lại âm dưới là Thủ chú. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: Tên gọi chung của loài súc vật dã thú hoang dã. Theo chữ cầm thú, đó là loài thú có hai chân có lông vũ có thể bay gọi là cầm. Loài thú có bốn chân có lông mao sống ở hoang dã chỉ biết chạy gọi là thú. Kinh văn viết chữ cầm thú này là chẳng phải.

****

KINH PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Đỗ Hạnh Khải Đường dịch lần đầu.

Chư thân: Ngược lại âm trữ hàm. Thường hay viết chữ chư. Xưa nay chánh tự thường hay viết chữ chư này kinh văn viết từ bộ Thỉ viết thành chữ chư này là chẳng phải. Chữ hình thanh.

Điên đẳng: Ngược lại âm điển niên thuộc về bệnh trạng.

Tràng tản: Ngược lại âm trên độc giang, chữ viết từ bộ Cân. Ngược lại âm dưới là tảng đàn. Gọi là cây dù che.

Côn trùng: Âm trên là côn. Ngược lại âm dưới là trục dung. Kinh văn viết chữ côn trùng là văn thường hay dùng.

Biên tựa kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni - Phật-đà-bà-lợi dịch.

Kinh ngạc: Ngược lại âm ngữ các. Sách Vận Thuyên cho rằng: ngạc cũng là kinh. Chữ viết từ bộ Tâm.

Mãng xà: Ngược lại âm mang bàng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mãng là con rắn chúa. Quách Phác cho rằng: xà là con rắn to lớn, cho nên gọi là mãng vương, tức là rắn chúa. Theo sách Quát Địa chí nói rằng: Con rắn chúa trên trên đầu, trên trán đều có chữ vương, vốn là chủng loại mãng xà. ba-xà vậy, tức là vua rắn.

****

KINH PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG TỐI THẮNG ĐÀ LA NI PHÁP

Nhan Tông cùng với Nhật Chiếu Tái dịch.

Chiên tước: Ngược lại âm trên là chiến nhiên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chim Thần phong. Quách Phác cho rằng: Thuộc loại diều hâu. Sách Mạnh Tử cho rằng: Thuộc giống chim cắt, chim sẽ. Vua Thang vũ, vua Kiệt, vua trụ. Vì muốn bổ dưỡng thân mình thường ăn thịt chim Tước. Đây thuộc loại chim ưng diều hâu.

Thượng cận: Ngược lại âm cận. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: cận là kém. Quảng Nhã cho rằng: Thiếu. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Nhân thanh cận. Âm cận là âm cẩn, hoặc là viết cận.

Trù khiết: Ngược lại âm trên Trường lưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: trù là loại bậc, trù thất. Sách Vận Thuyên cho rằng: Là ai người nào, bạn bè ngang nhau, chữ viết từ bộ Nhân thanh trù. Ngược lại âm dưới là khiết. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sạch sẽ thanh khiết. Chữ viết từ bộ Thủy thanh khiết.

Đế phân: Ngược lại âm đinh kế. Theo Thanh loại cho rằng: Cuống trái cây. Sách Vận Anh cho rằng: Cây cỏ thật gọi là đinh đế; tức là nguồn gốc căn nguyên. Rễ sâu cuống chặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại dây leo tức là dưa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Loại rau chân vịt, có âm đối tục ngữ cho rằng: phải, chỉ là tiếng địa phương mà thôi.

Trợ ngữ: Ngược lại âm trên là trợ âm dưới là ngữ. Sách Thuyết

Văn cho rằng: Trợ ngữ là răng mọc không đều, so le, không thẳng, cây cao, thấp không đều bằng nhau, giống như trên núi đá lổm chổm. Chữ viết đều bộ Xỉ. Chữ hình thanh.

Diên kỳ: Âm kỳ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: kỳ là nhỏ nhắn, cũng là điềm may mắn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thọ sống lâu gọi là kỳ. Theo truyện cũng cho rằng: là tốt lành. Sách Văn Tự Điển nói rằng: điều may mắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sống lâu, như chữ kỳ từ bộ Thị đến bộ Kỳ. Chữ hình thanh.

Nục thần hương: Ngược lại âm nữ lục. Sách Phương Ngôn cho rằng: nục là xấu hổ, hổ thẹn, từ chỗ hổ thẹn nên gọi là nục, chữ hội ý.

Nhẩm nhiễm: Ngược lại âm trên là nhĩ chẩm, âm dưới là nhiễm. Theo chữ nhẩm nhiễm đó là giống như [T544] thời gian thấm thoát đi qua mà không hay biết, chữ chuyển chú.

Thán oán: Ngược lại âm oản hoán. Sách Khảo Thanh cho rằng: thán là hận. Sách Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ Tâm thanh oán.

****

KINH TỐI THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG

Địa-bà-ha-la Đông Đô trùng dịch.

Tỏa lậu: Ngược lại âm trên tọa hòa. Quảng Thất cho rằng: tỏa là lùn, thấp, ngắn, chữ viết từ bộ Thỉ thanh tọa. Ngược lại âm dưới là lâu đậu. Cố Dã Vương cho rằng: lậu là xấu. Vương Dật chủ giải sách Sở Từ rằng: Nhỏ bé, cũng viết chữ lậu này nghĩa cũng đồng.

Như trách: Ngược lại âm tranh cách. Văn Ngọc Thiên ghi rằng: trách là rơi rớt xuống, đọa lạc, rớt xuống bùn. Tự Thư cho rằng: trách là bức bách, chữ viết từ bộ trúc.

Lăng-già: Ngược lại âm lặc đắng. Tiếng Phạm, cõi nước, tên núi Lăng-già.

Bất oa: Ngược lại âm khổ quái. Sách Khảo Thanh cho rằng: oa gọi là cái miệng méo lệch một bên kinh văn viết từ bộ Khẩu viết thành chữ oa. Văn thường hay dùng, viết đúng là chữ oa này, đơn viết, cũng hợp dùng.

****

KINH PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Nghĩa Tịnh Tam Tạng dịch

(không có các chữ khó không giải thích.)

****

KINH KÝ PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Phiên dịch niên đại trước và sau Tuệ Lâm thuật.

Thời kỳ đầu của nhà Hậu Chu Vũ Văn Thị. Vua Vũ Đế Bảo Định, năm thứ tư Giáp Thân: Tam Tạng Xà-na-da-xá ở trong thành xưa là Trường An. Chùa Tứ Thiên Vương, dịch ra bộ kinh Tôn Thắng Phật Đảnh Đà-la-ni. Có phương pháp công năng tụng niệm - Một quyển năm trang giấy. Học sĩ Bào Vĩnh, ghi chép nhận thấy khai mở tôn kính ngôi Tam bảo. Sao chép lại nói rằng: Đây là lần dịch đầu tiên. Đến sau đời Đại Đường, Thiên Hoàng Nghi Phụng nguyên niên Sa La Môn Tăng Phật-đà-ba-lợi đến Ngũ Đài Sơn. Bái yết Đại thánh, xem kiếp hóa thân của ngài Văn Thù. Rồi lại quay về Tây Vức. Lấy bổn kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Phạm Văn, đến Nghi Phụng ôm ấp bốn năm. Ở Tây Vức lấy được kinh rồi mau quay về Trường An mở thấu hiểu đầy đủ mới nói rằng: Phải mời ngài Nhật Chiếu Tam Tạng đem bổn kinh tiếng Phạm, bên trong phiên dịch rằng: Chùa Ty Tân Khách Điển khiến Đỗ Hạnh nghiêm nghị cầm bút viết kinh Phật Đảnh Tôn Thắng bảy trang vậy là phiên dịch lần thứ hai chữ Miếu húy Quốc húy lại tránh không viết ra lưu lại cho ngài Phạm Hiệp. Trong bổn tiếng Phạm. Trong kinh không dịch ra, bởi vậy ngài Nhật Chiếu mới viết một bổn tặng cho Phạm Tăng Quyến ba mươi bản. ngài Ba Lợi không chịu nhận. Ngài Tăng Quyến mới cầu thỉnh ngài Phạm Hiệp viết ra nên nay hãy còn lưu lại.

Ngài Phật-đà-ba-lợi được kinh mới đem về chùa Tây Châu, nghiên cứu xem xét dịch giải thoát ra từ Phạm ngữ ra Hán ngữ, từ đó ngài Tăng Thuận mới thật sự cùng phiên dịch, cũng là Nghi Phụng bốn năm tái dịch một bổn tám trang. Xem kinh trước thuật nói dịch lần thứ ba. Ngài Phật-đà-ba-lợi mới đem bổn kinh Phạm văn đi vào núi Ngũ Đài đến nay vẫn không thấy xuất hiện, đến Vĩnh Thuần nguyên niên, năm Nhâm Ngọ ngài Nhật Chiếu Tam Tạng lại Tái dịch, kinh này dịch một lần, Sa-môn Nhan Tông viết và giải chính lại Đỗ Hành xem xét lại nghiêm chỉnh chỗ dịch, trong kinh còn ẩn húy không viết ra sách, trong kinh còn ẩn húy không viết ra sách, cho nên dịch lại tám trang, đây là dịch lại thần

thứ tư, mà xem lại đầu tựa kinh của ngài Nhan Tông dịch.

Lại đến Thụy cũng nguyên niên năm Ất Dậu. Địa Bà-ha-la Tam Tạng, theo xa giá đến Đông Đô lại dịch ra kinh Phật Đảnh Tôn Thắng tên kinh là Tịnh Trừ Nghiệp Chướng, bốn mươi trang nói đầy đủ nghĩa: Thiện Trụ Thiên tử từ xưa khẩu nghiệp cảm quả nhân duyên, bèn nói pháp thọ trì là dịch lần thứ năm.

Sau nữa đến chặn giữa Tông Cảnh Long năm thứ tư, năm Canh Tuất. Nghĩa Tịnh Tam Tạng ở Trường An chừ chùa tiến Phúc lại dịch một lần sáu trang, đây là dịch lần thứ sáu.

Sau cùng đến đời vua Huyền Tông, Khai nguyên, năm thứ mười, năm Nhâm Tuất. Ngài Thiện Vô Úy Tam Tạng dịch ra Phật Đảnh Tôn Thắng pháp Du-già niệm tụng, hai quyển, đây là dịch lần thứ bảy.

Lại đến đời Tống, văn võ Hoàng đế Quảng Đức năm thứ hai, Giáp Thìn. Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không ở Trường An chùa Đại Hưng Thiện dịch ra kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Pháp Tụng Niệm Cúng Dường, một quyển, hai mươi lăm trang, Sa-môn Phi Tích viết lại. Đây là dịch lần thứ tám.

Trước và sau ước tính khoảng hơn hai trăm năm đã trải qua tám lần dịch ra kinh, năm lần phiên dịch ra pháp niệm tụng; tức là ba loại sai biệt, chỉ có ngài Thiện Vô Úy, chỗ dịch có cộng thêm câu Tôn Thắng Đà-la-ni, trong cộng thêm mười một câu sáu mươi sáu chữ. Pháp tắc nghi quỷ là pháp Du-già, cùng với trước và sau chỗ dịch không đồng, phần nhiều đã hơn bảy lần dịch Đà-la-ni. Số chữ nhiều ít tương tợ. Sanh mạng Tuệ Lâm soạn âm. Đến đây kinh đã thâu tóm lại xem xét dịch kinh niên tuế trước và sau. Cho nên phải hiểu sách ghi lại kia có nảy sinh nghi ngờ. Si Trinh Nguyên năm 18, năm Nhâm Tý ghi lại.

****

KINH PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI BIỆN CÔNG NĂNG

Hậu Chu Xà-na Da-xá dịch.

(không có các chữ khó không giải thích.)

****

PHÁP TÔ TẤT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG QUYỂN THƯỢNG

Chỉ há: Ngược lại âm hách giá. Sách Vận Anh cho rằng: Vết nức trên đồ vật, đường nức hở ra, chữ viết từ bộ Phửu thanh há, âm phửu ngược lại âm bổ câu, âm hồ là âm hồ.

Phún đệ: Ngược lại âm trên là phổ muộn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Gọi là hơi chạy lên mũi mà hắc hơi là hách xì. Sách Vận Tập cho rằng: Tiếng trống mũi mà gọi là phún đệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giữ hỏi lại, chữ hình thanh.

Lịnh uyển: Ngược lại âm uyển quyển. Sách Tập Huấn cho rằng: Cổ tay cứng chắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm lóng tay phía sau kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ oản là văn thường hay dùng. Cũng từ bộ đến bộ Xoa đến bộ Thủ.

PHÁP TÔ TẤT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG QUYỂN HẠ

Duyên tích: Âm trên là duyên. Sách Thượng Thư cho rằng: Ở Thanh châu dâng lễ vật cống nạp lên Chu vua Vũ. Chỗ gọi là vật cống nạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chất chì màu xanh, chữ viết từ bộ Kim thanh duyên, âm duyên đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là tích. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tích là nguyên tố hóa học kinh luận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giữa bạc và chì, chữ tích tự điển cho rằng: Tích cũng giống như là lạp là que hàn; que hàn có màu vàng, màu trắng, hoặc là màu xanh đen, chữ viết từ bộ Kim thanh tích.

Sa hợp: Ngược lại âm thác hà, đường chiều dài tuyến đường.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 36

- Kinh Để-lý Tam-muội-da - hai quyển.
- Kinh Đà-la-ni Tỳ-nại-da - một quyển.
- Kinh Tô-tất-địa Tập - hai mươi quyển - chưa âm.
- Kinh Tô-bà-hồ Đồng Tử Thỉnh Vấn - ba quyển.
- Kinh Cúc-dĩ-da Đản-đát-la - ba quyển.
- Kinh Chân Ngôn Yếu tập - bốn quyển, chưa âm.
- Pháp Đại Tỳ-lô-giá-na Niệm Tụng - bảy quyển - cũng tên là kinh Đại Nhật.
- Pháp Biến Chiếu Như Lai Niệm Tụng - một quyển.
- Pháp Tỳ-lô-giá-na Như Lai Yếu Lược Niệm Tụng - hai quyển.
- Kinh Kim Cang Đảnh Lược Du-già - bốn quyển.
- Kinh Kim Cang Đảnh Đại Giáo Vương - ba quyển.
- Pháp Phổ Thông Chư Tôn Du-già Niệm Tụng - một quyển.
- Pháp Du-già Yếu Diệu Lược Tu Hạnh - một quyển.
- Kinh Kim Cang Đảnh - Mạn Thù Thất Lợi Ngũ Tự Tâm Kinh - một quyển.
- Pháp Văn Thù Sư Lợi Ngũ Tự Kệ Tụng - một quyển.
- Pháp Kim Cang Đảnh Văn Thù Sư Lợi Ngũ Tự Chân Ngôn - một quyển.
- Pháp Kim Cang Đảnh Du-già Tu Tập Tỳ-lô-giá-na Tam-ma-địa - một quyển.
- Pháp Hàng Tam Thế Kim Cang Du-già Quán Tự Tại Tâm Chân Ngôn - một quyển.
- Pháp Kim Cang Đảnh Kinh Quán Tự Tại Như Lai Tu Hành - một quyển.
- Pháp Tu Bát-nhã Ba-la-mật Du-già Quán Hạnh - một quyển.
- Pháp Quán Tự Tại Như Ý Luân Du-già - một quyển.
- Pháp Kim Cang Đảnh Du-già Đại Nhạo Kim Cang Tát-đỏa Niệm

Tụng - một quyển.

- Pháp Hàng Tam Thế Đại Mạn-đồ-la Tung Liên Hoa Bộ Tâm - một quyển.
- Pháp Kiết Tường Thắng Sơ Du-già Đại Nhạo Kim Cang Tát-đỏa - một quyển.
- Pháp Hàng Tam Thế Quán Tự Tại Tâm Đà-la-ni - một quyển.
- Pháp Phổ Hiền Kim Cang Tát-đỏa Du-già Niệm Tụng - một quyển.
- Nghi Quỹ Liên Hoa Hàng Tam Thế Du-già Quán Tự Tại Tâm.
- Pháp Kim Cang Đảnh Du-già Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Niệm Tụng - một quyển.
- Pháp Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân Ngôn Thành Tựu - mười quyển.

Ba mươi kinh trên gồm sáu mươi ba quyển đồng âm với quyển này.

KINH ĐỂ LÝ TAM MUỘI DA
QUYỂN THƯỢNG

Để-ly: đọc hai chữ trên hợp lại, ngược lại âm đinh dĩ. Dưới là chữ lý, đọc uốn cong lưỡi lên. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Tam đó tức là ba loại Tam-muội. Tức là Phật bộ, Liên Hoa bộ, Kim Cang bộ, cho nên gọi là Để-ly Tam-muội.

Trách khai: Ngược lại âm trên trắc cách. Trước pháp Tỳ-lô-giá-na niệm tụng, quyển hạ đã giải thích đầy đủ rồi, chữ viết từ bộ Thạch đến chữ trách.

Cận duyên: Ngược lại âm duyên quyến. Chữ khứ thanh. Sách Tập Huấn cho rằng: Bốn vật đường viền quanh áo chữ mượn âm dùng. Kinh văn viết từ bộ Mộc viết thành chữ truyện, âm truyện chẳng phải nghĩa của kinh.

Loan nhũ: Ngược lại âm quyết định nguyện trước kinh Tô-tất-địa thỉnh vấn [T545] quyển thượng. Trong đã giải thích đầy đủ rồi.

Sáp nhập: Ngược lại âm Sở giáp. Theo Thanh Loại cho rằng: sáp là cấm vào, đâm vào. Xưa nay chánh tự viết tự bộ Tủ đến bộ Sáp, âm sáp đồng với âm trên, từ bộ Huân đến bộ Cửu âm cửu là là âm cựu.

Súc vương: Ngược lại âm sưu lục. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: súc là hết sạch, thối lui. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền

rằng: súc là dừng lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: súc là bức bách thôi thúc, chữ viết từ bộ Mịch thanh túc.

Bộ chủ: Âm trên phù, dưới là thau. Trước trong kinh Đảnh Luân đã giải thích rồi.

Mạn lộc: Ngược lại âm trên là tinh cấm. Cố Dã Vương cho rằng: Là từ từ chìm xuống nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Hựu đến bộ Huyệt viết thành chữ mạn. Thôi nay tục dùng tĩnh lược bước. Xưa nay chánh tự viết từ bộ và thủy đến chữ mạn. Âm dưới là lộc. Cố Dã Vương cho rằng: Lộc là lọc nước nhỏ giọt xuống. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cạn kiệt hết sách Phương Ngôn cho rằng: Giọt nước nhỏ xuống rất nhanh. Quảng Nhã cho rằng: Là hết sạch, đều là chữ hình thanh.

- QUYỂN HẠ (không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH ĐÀ LA NI TỲ NẠI DA

(hoặc gọi là chân ngôn Tỷ-nại-da).

Tăng giao lạc: Ngược lại âm trên tật lăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung là tơ lụa, chữ viết từ bộ Mịch thanh tằng, âm dưới là lạc. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lạc là vây quanh, vấn quanh, quấn cuộn lại chữ chuyển chú.

Cung sóc: Ngược lại âm song chóc. Kinh văn viết từ bộ Mộc viết thành chữ sóc văn thường hay dùng. Trước kinh Tô-tất-địa; đã giải thích đầy đủ rồi.

Ưng diêu: Ngược lại âm trên là ức căng. Theo Tả Truyện cho rằng: Vua giải thích việc mưu tính của ba nước để tụ tập dân chúng của mình Quảng Nhã cho rằng: Giống chim hung tợn; có thể bắt cả chồn thơ để ăn thịt, chữ chuyển chú. Ngược lại âm dưới là dư chiếu. Cố Dã Vương cho rằng: diều giống như chim ưng mà nhỏ hơn. Quảng Nhã cho rằng: Loại diều, loại chim duật, chim con ở trong lồng khi thoát ra là thành diều hâu. Theo chữ diều đó là chim cắt, giống con diều mà màu xanh vàng, mỏ cong có rất nhiều tên gọi khác nhau, âm đề là âm đề, âm duật là âm duật.

Khánh khái: Ngược lại âm trên là khinh trình. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khánh là tiếng. Sách Trang Tử cho rằng: khánh nhái là tiếng

than, tiếng thở dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: khánh cũng là khái, từ bộ Ngôn thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là khai ái. Sách Khảo Thanh cho rằng: khái là tiếng ho. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Khiếm thanh khái.

Trù trừ: Ngược lại âm trên là trực lưu, cũng là âm trì. Ngược lại âm dưới là trừ hựu, cũng lại là âm trù. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Yêu thích mà không gặp nhau thì khó chịu gãi đầu bức tóc trù trừ, đó là hồ nghi giống như do dự. Quảng Thất cũng cho rằng: Trù trừ giống như do dự dùng dằn chân không muốn bước tới. Lại cũng gọi là lãng vãng quanh quẩn đi tới đi lui.

****

KINH TÔ BÀ HỒ ĐỒNG TỬ THỈNH VẤN QUYỂN THƯỢNG

Khái quán: Ngược lại âm trên là cơ nghị. Ngược lại âm dưới quan hoán. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tưới nước, ngâm vào nước. Cố Dã Vương cho rằng: khái cũng giống như quán là tưới nước. Lại cũng gọi là tưới vào ruộng lúa, đất màu mỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết đều từ bộ Thủy.

Hà hoành: Ngược lại âm dưới là nghị hoành. Ngọc thiên cho rằng: Bến nước. Chữ hình thanh.

Mật trí: Ngược lại âm dưới là Trì lợi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: trí tức là mật. Quảng Nhã cho rằng: Đến. Xưa nay chánh tự cho rằng: trí đó là tinh vi dày đặc, khéo léo cũng gọi là tỉ mỉ chữ viết từ bộ Mịch thanh trí.

Mông muộn: Ngược lại âm trên lưu manh. Sách Tập Huấn cho rằng: mong là loạn, cũng là buồn bã. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không thấy rõ. Từ bộ Thủ đến bộ Huyễn, âm thủ ngược lại âm vũ phúc, âm huyễn là âm huyền, từ bộ Mục đến bộ Miên, âm miên là âm bao.

Cảo cản: Ngược lại âm trên là cao lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: Loại lúa thử, tức là lúa dẻo, cọng lúa thân cây lúa. Cố Dã Vương cho rằng: cảo tức là rơm rạ, cọng cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là can lãn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: căn cũng là cảo tức là thân lúa, nhánh lúa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thây cây lúa, chữ từ bộ Hòa thanh hản, cũng gọi là cọng rơm rạ,

cọng cỏ.

Phún đệ: Ngược lại âm trên phổ muộn. Ngược lại âm dưới là đinh kế. Trước trong kinh Tô-tất-địa đã giải thích đầy đủ rồi.

Huân hồ: Ngược lại âm trên huy vận, âm dưới là hồ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Loài chim quái lạ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đều là chữ hình thanh.

KINH TÔ BÀ HỒ ĐỒNG TỬ THỈNH VẤN QUYỂN TRUNG

Yểm-phược: Ngược lại âm trên ách diễm. Sách Khảo Thanh cho rằng: yểm là trừ bỏ tai ương. Quảng Nhã cho rằng: Yểm đi xuống trấn giữ. Sách Tập Huấn cho rằng: Yểm là đi lên. Theo chữ yểm cũng là đảo, tức là yểm trừ tinh mị quỷ thần, hoặc là ở chung với người hoặc là núi cao, hoặc là tạo ra phù phép hô hoán kêu gọi tên người, hoặc làm hình tượng người kia chôn xuống đất, cất giấu trong thần miếu, hoặc cất giấu trong lò bếp, hoặc ngoài ngã tư đường, trên gọi là yểm trù vậy.

Si thế: Ngược lại âm trên là chủy chi. Sách Vận Thuyên cho rằng: Ghèn trong con mắt sách Tập Huấn cho rằng: Nước dịch trong con mắt ngưng đọng lại thành ghèn trong con mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mắt bì mờ mịt không thấy rõ, mắt bị thương tổn ở khóc mắt, chữ viết từ bộ Mục đến chữ di. Thanh tĩnh, âm di là âm xỉ, âm tý là âm tiếp, âm đâu, ngược lại âm đẩu ai.

Ôn tương: Ngược lại âm trên là ủy vân. Quảng Thất cho rằng: ôn là ánh lửa cháy sáng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ôn là nấu hầm cho chín. Sách Thuyết Văn cho rằng: ôn là khói uất lên, chữ viết từ bộ Hỏa thanh ôn, âm ôn là âm ôn từ chữ tù đến bộ Mảnh đến bộ Nhật đó là chẳng phải?

Hoặc thắng: Ngược lại âm chưng chứng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thắng là tài vật dư thừa. Quảng Nhã cho rằng: Đem tặng biếu cho người. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vật cùng nhau tăng thêm, giúp đỡ cho người chữ viết từ bộ Bối đến chữ Thắng thanh tĩnh.

KINH TÔ BÀ HỒ ĐỒNG TỬ THỈNH VẤN
QUYỂN HẠ

Tương si: Ngược lại âm sửu giai. Sách Khảo Thanh cho rằng: si gọi là nắm tay lại đánh người. Thống Tự cho rằng: Đào quật, hoặc là viết chữ đệ viết thành chữ si, âm si. Sách Tập Huấn cho rằng: Đồng với âm trên. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Thủ. Thanh soa, âm hột ngược lại âm hồn cốt.

Tương bác: Ngược lại âm lung bác. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bác gọi là dùng tác một cái, ném xuống đất. Văn Tự Thích Yếu rằng: Từ trên cao rơi xuống đất đất. Chữ viết từ bộ Thủ thanh bác. Kinh văn viết chữ phốc là chẳng phải. Ngược lại âm phổ bốc, chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Mê ngôn: Ngược lại âm trên mê tệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: mê là lời nói ẩn ngữ, làm mê hoặc người khác. Sách Văn Tự Tập Lược cũng cho rằng: Ẩn ngữ. Theo Thanh Loại cho rằng: Dùng lời nói ẩn ngữ để làm mê hoặc người khác.

Ôn đồ: Ngược lại âm ôn khốn. Sách Vận Thuyên cho rằng: Vật bên trong có chứa nước. Sách Khảo Thanh cho rằng: Chìm trong nước cạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chìm trong nước, từ bộ Thủ thanh ôn âm ôn là âm ôn.

Bộc phiến: Ngược lại âm trên bao nhi. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thiêu đốt củi phát ra tiếng nổ, cũng gọi là tiếng pháo nổ. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lửa bùng nổ, bắn ra. Sách Tập Huấn cho rằng: Lửa cháy mãnh liệt, hoặc viết chữ bộc, từ bộ Hỏa thanh bộc. Ngược lại âm dưới là đàn chiếu. Bì Thương giải thích rằng: phiến là quạt lửa cháy dữ dội. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lửa cháy đỏ rực, hoặc là viết từ bộ Nhân viết thành chữ phiến xưa nay chánh tự cho rằng: Chữ viết từ bộ Hỏa thanh phiến.

Tất lật: Ngược lại âm trên là tất. Ngược lại âm dưới là lân nhất. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cái kèn, nhạc khí thời xưa làm bằng tre. Quảng Nhã cho rằng: Viết chữ tất, hoặc là viết chữ tất đều là chữ cổ xưa nay. Người họ Khương cho rằng: Làm cái tù và bằng sừng thổi lên. Lấy tù và thổi lên làm con ngựa giựt mình kinh sợ. Nay kinh văn viết chữ tất lật là văn thường hay dùng

Cẩn chúc: Ngược lại âm dưới là đinh giác. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cẩn chúc. Gọi là cẩn trọng, khéo léo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cẩn là thuận theo. Chữ viết từ bộ Nữ thanh chúc. Ngược lại âm trục lục.

Sách Huấn Thích Lược cũng đồng cho rằng, không theo thứ lớp.

Tiêu giai: Ngược lại âm trên là phiêu diêu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lắc lư lay động gọi là tiêu. Quách Phác chú giải rằng: Bảo lớn, gió cuốn từ trên xuống dưới gọi là. Sách Khảo Thanh cho rằng: Gió cuốn mau, từ dưới mà cuốn lên, gió xoáy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Gió thổi rung động chữ viết từ bộ Phong thanh tiêu, âm tiêu đồng với âm trên, âm phù là âm phù. Dưới là âm giai ngược lại âm khách giai.

Huyễn mãi: Ngược lại âm huyễn quyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đi tự khoe khoang, bán ngọc, khoe ngọc nhưng bán đá, ý nói một đường làm một nẻo, chữ viết từ bộ Hanh thanh huyễn, hoặc từ bộ Ngôn viết thành chữ huyễn. Ngược lại âm dưới là mai bại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đem vật ra bán ra. Chữ viết từ bộ Xuất thanh giả. Nay tục dùng viết từ bộ Thổ viết thành chữ mãi chữ biến thể là sai. Lại nói chữ mại từ bộ Tứ đến bộ Bối. Chữ hội ý. Nay dục dùng viết từ bộ Mục là sai lầm vậy.

Hoặc triển: Ngược lại âm triết liễn. Văn thường văn dùng văn cỏ viết đúng từ bộ Triển đến bộ Y viết thành chữ triển. Âm triển đồng với âm trên. Sách Khảo Thanh cho rằng: triền là thẳng, thẳng thắng thoải mái. Kinh văn viết từ bộ Thủ viết thành chữ triển là chẳng phải.

Quyển cục: Ngược lại âm trên là quyện viên. Ngược lại âm dưới là ảng ngục. Bì Thương cho rằng: quyển cục là không thể thẳng ra được, nghĩa là đi không thẳng và lưng cong lại.

Dịch tích: Ngược lại âm trên dịch âm dưới tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ở trong nhà trên vách tường gọi thủ cung tức là con thần lằn, thạch sùng; ở trong cỏ ao hồ gọi là con rắn mối, loại rắn mối này là từ trong miệng ói ra tiếng mà sinh đều chữ tượng hình.

Diên thóa: Ngược lại âm trên là tường diên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước dãi trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đàm dãi trong miệng, chữ viết từ bộ Thủy thanh khiếm, kinh văn viết chữ diên này văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là thổ ngọa. Sách Tập Huấn giải thích rằng: Cùng với chữ trên cũng đồng, đều là chữ hình thanh.

Niết độc: Ngược lại âm trên nghiêng kiết. Kinh văn viết từ bộ Khẩu viết thành chữ niết. Văn thường hay dùng viết từ bộ Xỉ đến bộ Niết thanh tĩnh.

Hách diệu: Ngược lại âm trên là hách, âm dưới là diệu. Trong kinh văn đều viết hai chữ từ bộ Hỏa viết thành chữ hách diệu là chẳng phải chánh thể.

****

KINH CÚC ĐỘT DA ĐÀN ĐÁT LA

Trùng khoa: Ngược lại âm trên là trục dung. Kinh văn viết chữ trùng này. Tục Truyện cho rằng: Sai. Ngược lại âm dưới là khổ hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoa cái hang trống, ở trong hang gọi là khoa. Ở trên cây gọi là sào, tức ổ chim, chữ viết từ bộ Huyệt thanh quả.

Hàm giảm: Ngược lại âm trên là giáp giam. Sách Thượng Thư cho rằng: dưới rỉ nước ướt làm chất mặn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Người phương Bắc gọi là vị mặn, chữ viết từ bộ Lỗ thanh hàm. Ngược lại âm dưới là giáp trảm. Bì Thương cho rằng: Chất kiềm mặn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đất mặn, chữ hình thanh.

Dư thắng: Ngược lại âm thừa chứng. Gọi là tràn đầy ra ngoài; đất có nhiều dư thừa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Bối thanh thắng, âm thắng đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ hai bộ Bối viết thành chữ thắng là chẳng phải.

Đan đàm: Ngược lại âm trên là Thán nan. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Cát theo nước chảy ra gọi là đan chữ hình thanh, âm dưới là đàm. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: đàm là thâm sâu, người ở Nam nước Sở gọi là nước sâu là đàm, thâm sâu, vực sâu, cũng là chữ hình thanh. Viết chữ nan đó là chẳng phải, chữ của văn cổ.

Hiên từ: Ngược lại âm trên hiển kiêu. Vốn không có chữ này. Người Hồ gọi Thần là Hiên. Ở đất Quang trung gọi Trời là Hiên. Thiên là đọc chuyển ngữ, gọi Thiên là Hiên. Trước gọi là Hiền. Theo âm trong sách chữ này rút ra. Từ bộ Thị đến bộ Thiên là lấy theo sách khác, âm dưới là từ. Ngược lại âm tự tư. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: từ là tế lễ. Bạch Hổ Thông cho rằng: Từ đó là dung hòa là miếu của trăm vị Thần đều gọi là từ. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Từ là ăn chữ viết từ bộ Thị thanh từ, âm thị là kỳ.

Tôn-bà: Câu này là tiếng Phạm, giáng xuống ba đời, tên Kim cang. Trên là chữ tôn. Đúng Phạm âm gọi là Tố, bèn phải ngậm miệng lại đọc thành hàm thanh. Ở trong yết hầu hàm ếch, chữ lấy khứ thanh tức là như vậy.

Ma-hê: Ngược lại âm dưới là hinh kê. Cũng là tiếng Phạm. Tên của vị vua ở trên cõi trời.

Biện thắng: Ngược lại âm trên là bá manh. Gọi là cang sợi dây màu trắng ra làm ranh giới.

Quyết tử: Ngược lại âm trên là quyền nguyệt. Kinh văn viết chữ

thuyên tục dùng là chẳng phải.

Kỳ quán lao: Ngược lại âm trên là Thương hà, âm kế là duật quân. Ngược lại âm dưới là lão đao. Là cõi trên.

Tử khoáng: Ngược lại âm hổ mãnh. Tên của loại thuốc.

Đơn-nã nhân đầu bảng: đơn-nã là tiếng Phạm. Đường Huyền Trang giải thích rằng: bảng cũng gọi là cây gậy. Ngược lại âm dưới là bạch hạng. Chỗ chấn giữ của cõi trời Diệm ma.

Thước-để: Ngược lại âm thương cân. Ngược lại âm dưới là đinh dĩ. Câu này cũng là tiếng Phạm. Đường Huyền Trang gọi là cây giáo ngắn.

Mang-mạc-chỉ: Ngược lại âm trên là mạc bàng. Ngược lại âm dưới là kinh dĩ. Tiếng Phạm, tên Kim Cang Bộ Mẫu. Kinh văn viết chữ mang nay là sách viết sai, viết chữ mang này cũng được.

Trừ uế phẫn nộ tôn: Xưa dịch tên là Kim cang bất tịnh; hoặc gọi tên là Kim cang uế tích, đều là dịch vụng về không đúng, cũng có đồng nghĩa hủy báng mắng nhiếc Thánh điển. Thật không phải nghĩa như vậy, hoặc gọi tên là Kim cang hỏa đầu, cũng chẳng phải. Dịch đúng Phạm âm gọi là Ô-sô-sáp-ma. Dịch nghĩa là thiêu đốt chất dơ uế xấu ác. Đây gọi là Thánh giả lấy chỉ sâu xa thanh tịnh trong sạch, đại bi, không tránh xa dơ uế mà va chạm tiếp xúc để cứu hộ chúng sanh, lấy ánh sáng đại oai đức giống như ngọn lửa dữ để mà thiêu đốt tiêu trừ phiền não; dùng tâm tiếp kiến phân biệt dơ sạch, sanh diệt cho nên gọi là trừ dơ uế. Lại nữa, tiếng Phạm gọi là Ma-ha-ma-la. Đường Huyền Trang cho rằng: Đại lực, lấy đại bi và sức mạnh giống như ngọn lửa thiêu đốt tiêu trừ dơ uế [T546] xấu ác nghiệp sanh tử, cho nên gọi là Đại lực.

Trách xứ: Ngược lại âm trên là tranh cách. Kinh văn viết chữ trách này là dùng chữ sai. Đúng thể là chữ xứ. Nay viết chữ xứ này là văn thường hay dùng, nghĩa là chỗ chật hẹp.

Ngũ dược: Kinh văn không phân rõ hãy còn thiếu. Nay dựa theo kinh Kim Cang Đảng Du-già nói: ngũ dược là tiếng Phạm gọi là Sa-hạ-tát-la. Một là Sa-hạ-di-phược; Hai là Kiến-trá-ca-ly; Ba là Nghi-ly-yết-la-nã; Bốn là Vật-ly-tháp-hạ-để-nam là tên thuốc ở Tây Vức. Nước này không có thuốc tức lấy linh dược ở xứ này mà thay thế phục linh. Một là chú sa, hai là hùng hoàng, ba là nhân sâm, bốn là xích tiễn. Năm là ấy các thứ một ít đem hòa trộn lại làm thành viên nhỏ để vào chai lọ đem chôn dưới đất gọi là linh dược.

Ngũ bảo thất bảo: Một là kim ngân, hai là trân châu, ba là thủy tinh, bốn là ngọc. Năm thất bảo, cộng thêm hai lưu ly. Sáu phổ phách,

tức bảy vận.

Bát phương phan sắc. Phương Đông cây phướn màu trắng. Phương Đông nam màu lửa tức là vàng đỏ. Phương Nam phướn màu đen. Phương Tây nam phướn màu khói tức màu đen nhạt. Phương Tây phướn màu đỏ. Phương Tây bắc màu xanh màu thủy ngân. Phương Bắc phướn màu vàng. Phương Đông bắc phướn màu trắng hồng. Đây là các loại phướn. Nhưng mà chỉ theo màu mà làm không vẽ hình tượng.

Uyên thước: Ngược lại âm trên uyển viên. uyên là thuộc giống chim phụng hoàng. Ngược lại âm dưới là thương dược. Chim khách, tục chim này hót là có tin mừng. Hai loại chim này đều thuộc linh điểu. Chữ hình thanh.

Sinh nghiệt: Ngược lại âm ngôn yết như ngày 15 tháng thuộc loại sanh nghiệt.

Tự ngưu tinh độc: Âm trên là tự tức là con bò mẹ, âm dưới là độc, tức là bò con, phải biết sắc lông tương tợ đó là trên lưng. Kinh văn nói loại số mười là hương hoa tạp quả. Các loại sắc ăn uống, trong mắt tuy là khó chữ khó tất là không thể âm được lấy hoa hương quả thực nước này đều không có câu này là tiếng Phạm, hoặc là đúng hoặc là không đúng; thiết ám cũng không có, vật đây gọi không có âm.

****

THỬ HỮU ĐÀ LA NI TẬP

(Tập này chưa hiểu, chưa có giải thích.)

****

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NẠ - *Vô Úy Tam Tạng dịch.*
QUYỂN 1

Bồ-tát chi thân vi sư tử tọa. Cái tòa sư tử đó là chỗ người ngồi chuyển bánh xe Pháp luân. Tục gọi là tòa cao. Kinh văn có mật ngữ là Đức Như Lai xưa khi còn nhân địa. Bồ-tát đạo, kế đến tu hành nhân địa Ba-la-mật. Từ ban đầu địa vị thứ nhất đến địa vị thứ hai mới đến địa vị thứ mười, khi đến địa vị Đẳng giác, địa vị Diệu giác mà thành Chánh giác, thì phải biết đều lấy địa vị trước hành nghiệp làm cơ sở tích lũy trước, công đức của địa vị thứ mười một là thành tựu Diệu giác mà ngồi trên tòa sư tử này, địa vị đều chuyển lần lần vượt qua Diệu pháp luân

ngồi an trên pháp tòa này. Cho nên gọi là lấy thân của Bồ-tát mà làm tòa sư tử.

Xã-đát-phạm: Tiếng Phạm, tên của ngoại đạo. Đây cùng biết người ngoại đạo tông kế đại đồng nhưng tên chữ có khác vậy.

Hưu lưu: Âm trên là hưu, âm dưới là lưu. Theo chữ Hưu lưu đó là chim Hoán hầu, giống chim quái lạ thường bay vào ban đêm, cũng tên là Huấn hầu, hoặc tên là Huấn cô, lấy âm thanh tiếng kêu mà đặc tên. Phần nhiều ở trong hang dưới đất, ban ngày nằm ẩn núp trong hang, ban đêm thì bay ra bắt chuột và bắt loại chim sâu nhỏ v.v... làm mồi thức ăn, lông cánh màu tro, lớn như chim ưng, mắt tròn màu đỏ. Chân móng nó giống chim ưng có vuốt nhọn như con diều, thường đậu dưới đất, đồng loại lớn như con sóc tức con chim cú mèo.

Giới tâm: Ngược lại âm nữu giới. Gọi là người ngu chấp không dời đổi giống như xiềng xích buộc bó thân mình.

Thế đạo tâm: Ngược lại âm trên thể kế, dùng dao cạo bỏ lông tóc. Kinh văn viết chữ thích là chẳng phải.

Yểm lưu: Ngược lại âm ư diễm lưu là ngưng trệ.

Chu ngột: Âm trên là chu. Là cây bị chết gốc rễ, âm dưới là ngũ cốt là cây không có đầu ngọn gọi là ngột, tức cây đã đoạn đầu.

Hệ phược: Âm trên là kế. Kinh viết chữ hệ này là chẳng phải.

Tửu trạc: Ngược lại âm tây lễ âm dưới là trọc.

Hỏa tẩn: Ngược lại âm tịch dẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đốt lửa củi còn dư lại tro tàn. Kinh văn viết chữ từ chữ tận đến viết chữ tẩn.

Ngưu Lan: Âm lan.

Hà đan: Ngược lại âm thản đan, cát theo nước chảy.

Kiêm tong: Ngược lại âm tông tống. Nói là người thầy đó kiêm thông nội ngoại phần điển, giải rõ ràng tất cả nghệ thuật của thế gian. Sau đó mới có thể làm thầy.

Trùng nghị: Ngược lại âm trên là trục dung. Kinh văn viết chữ trùng. Ngược lại âm dưới là nghi kỹ. Hoặc là viết chữ khải tỷ phù. Gọi con Kiến càng chữ hình thanh.

Cụ-ma-di: Tiếng Phạm. Phân bò dùng để tô chén đất.

Cụ-mạc-đát-la: Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Con trâu trầm dưới nước, kinh đây có viết số trăm đường chân ngôn và Phạm ngữ hoặc có chữ khó đều là ảnh hưởng Phạm ngữ. Phần nhiều không tương đương, đều nói chữ nghĩa xoay vòng Pháp Hoa Hương, tên của người trời. Mục Lâm dựa theo bổn tiếng Phạm tái dịch trong Đà-la-ni.

Đây giải thích không có trùng lập. Âm mạnh giải thích không gần với âm của Phạm ngữ.

Hiển xưởng: Ngược lại âm xương chưởng. Sáng sủa khoáng đạt.

Xu lệ: Ngược lại âm xung chu. Quảng Nhã cho rằng: Tốt đẹp. Sách Tiểu Nhã cho rằng: xu là cô gái xinh đẹp, hoặc là viết chữ xu này.

Cảo tố: Ngược lại âm trên cao khảo. Sách Vận Thuyên cho rằng: cảo là vải lụa trắng thô. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Vải lụa dày mà thưa đó gọi là cảo.

Yểm nguyệt: Ngược lại âm y diễm. Nốt ruồi đen; gọi là nổi giận lên đến tột bực, gọi là tôn.

Tháo hội: Ngược lại âm trên tao lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: Sắc thái văn chương sáng của. Ngược lại âm dưới là hồi tội. Sách Vận Anh cho rằng: Vẽ màu sáng tỏ, chữ tượng thanh, cũng là chữ khứ thanh.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 2

Quyền trí: Ngược lại âm quyện viên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thường hợp với đạo, đánh giá, phán đoán, đo lường, chữ viết từ bộ Mộc.

Phát trách ca: Ngược lại âm trên là phổ mạt âm kế là trương sách. Ngược lại âm dưới là cương khư. Chân ngôn trong câu thôi hoại.

Hiệt-lợi-bệ: Trên là chữ hiệt chỉ là tiếng Phạm, nên ngược lại âm ngận một. Trong sách cũng có thể chữ hột lị. Dưới là thất mê, chữ khứ thanh.

Khất lị hận nã: Ngược lại âm trên là ngân ngật. lỵ chuyển lưỡi đọc. Ngược lại âm dưới là Ninh da. Là chân ngôn câu uy phẩm. Trong kinh viết át lật ngận nã, cũng thông dụng tương đối gần câu thúc lại với nhau.

Gian sáp: Ngược lại âm sở hạp nghĩa cấm vào.

Kiêm báo: Âm trên là kiêm. Gọi là vải lụa mịn, thường dùng để vò và viết.

Tồn cứ: Ngược lại âm trên là tồn âm dưới là cứ.

Phược-du-phương: Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng:

Gió tức từ hướng Tây bắc.

Hạp dĩ xã La phạm. Âm trên là hợp, từ hợp môn thanh hạp, âm hạp đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ Cái là chẳng phải câu này tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Cái chai lọ cái chén, bát ở Tây bắc, ngung phong thần lên ngôi vua, làm pháp ngưng, đình chỉ mưa gió, lấy cái lọ, bát hợp lại mà làm pháp.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 3

Phiêu xí: Ngược lại âm trên là tất diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu là đưa cao lên, chữ viết từ bộ Cân, hoặc là từ bộ Mộc viết thành chữ phiêu, ngược lại âm dưới là xương chí. Tự Thư cho rằng: Xí cũng gọi là phiêu cái phướn ở trên, cũng từ bộ Thanh xí.

Tu nhụy: Ngược lại âm trên là tương du. Gọi là nhụy nhỏ trong hoa. Ngược lại âm dưới là từ chùy nhụy cũng là. Nghĩa là những sợi long mao rất nhỏ trong cái, gọi là nhụy hoa.

Kế-đô: Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Loại cờ ngày xưa, hoặc gọi là cờ hiệu cầm trên tay.

Yết-già: Ngược lại âm trên là khiên-yết. Cũng là tiếng Phạm Đường Huyền Trang giải thích rằng: kiếm tức là người tiên nhân cầm cây kiếm.

Tản cái: Âm trên là tản chữ Thượng thanh. Tục tự cho rằng: Viết đúng là chữ tản này, tản tức cây dù che mưa nắng.

Lý-tỷ: Âm trên là lý, ngược lại âm dưới là sở chỉ. Sách Vận Anh cho rằng: lý là giày dép mang vào không có bó buộc gót chân, thuộc dép da, hoặc là viết chữ tỷ này.

An thiện na: Âm thiện. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Loại nhãn dược giống như là khoáng thạch màu xanh đen, cũng giống như kim loại tinh thạch dược.

Lô-giá-na: Tpu. Đường Huyền Trang cho rằng: Gọi tên là Ngưu Hoàng Số, bát dược vật; đều là tiên nhân cầm giữ sáng suốt, cộng thêm cầm giữ vật tương ưng.

Phi vụ: Ngược lại âm trên là phi vĩ, âm dưới là vụ. Có sương nhẹ.

Vô trạch báo: vô trạch đó nghĩa là không lựa chọn sang hèn.

Nhưng làm đại nghịch tức là vào trong địa ngục tên là vô gián.

Đồng xích: Âm trên là đồng. đồng cũng là xích tức là màu đỏ.

Na-la-giá: Ngược lại âm lan cát. Tiếng Phạm. Tên Phạm là Chày-kim-cang. Cái chày có cáng bằng thiết chì.

Mục-kiệt-lam: Ngược lại âm Lạp đam. Tức là loại khí cụ cây gậy có móc câu, cây kiếm, cây giáo có sợi dây buộc lại.

Quyến cốc: Ngược lại âm hồng ốc. Gọi là tấm lưới thưa, cũng là loại vải thưa.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 4

Khế-già: Ngược lại âm trên là khiên kế. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Cây kiếm, hoặc gọi tên là lưỡi đao đại tuệ.

Tế-noãn: Âm tề.

Yêu-noãn: Ngược lại âm y diên cũng viết chữ yêu này. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giữa eo thân người, giống như eo lưng. Sách Thuyết Văn viết yêu đến viết chữ Giao thanh tĩnh. Trụ văn thì viết chữ giao này từ bộ Nữ đến chữ Giao thanh tĩnh. Nay viết biển thể. Trụ văn dùng chữ giao này.

Quáng mạch: Ngược lại âm trên là quắc mảnh. Ngược lại âm dưới là manh bách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Hiệp đến bộ Cửu. Nay văn thường dùng viết từ bộ Lai đến bộ Truy viết thành chữ mạch là chẳng phải. Âm truy là âm tuy.

Hà-da-át-lị-phược: Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Mã Đầu Minh Vương.

Đao tiêu: Ngược lại âm tiêu diệu, sách Vận Anh cho rằng: Lưỡi dao trong nhà chữ hình thanh.

Đạt ấn: Ngược lại âm đường lạc, cái linh lớn.

Trùy ấn: Ngược lại âm trực truy. Tục Tự cho rằng: Viết dừng là [T547] tự bộ Mộc đến bộ truy viết thành chữ trùy này, là cái chày.

Kỵ-hà: Ngược lại âm trên là kỳ ký. Giả Quỳ chú giải Quốc Ngữ rằng: Lăng kỵ tức là loại cây ấu, sống trong nước lá nổi trên mặt có hình tam giác. Người nước sở gọi là Lăng tức có góc cạnh. Đỗ Lâm hoặc là viết chữ đi này.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 5

Viên chỉnh: Ngược lại âm dưới là chinh trình. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tề chỉnh, sửa lại cho ngay ngắn. Xưa nay chánh tự cho rằng: chỉnh tức là ngay ngắn, chữ viết từ bộ Thúc đến bộ Chi thanh chánh.

Chu chân: Ngược lại âm dưới là chân nhẫn. Xưa nay chánh tự cho rằng: Gọi mái tóc đẹp gọi là chân, chữ viết từ bộ Hắc thanh chân.

Phiêu chí: Ngược lại âm trên là tất diêu, âm dưới là chí. Sách Vận Anh cho rằng: Ghi nhớ chép lại các sự việc gọi là chí.

Khương-át-lê: Ngược lại âm trên là khiếp khương. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Con dao nhỏ, giống như cầm trên tay để làm niềm tin.

Nga-hộc: Ngược lại âm trên là ngã-ca. Gọi là con ngỗng dưới nước lông màu trắng như tuyết, nhà người hoặc là nuôi. Ngược lại âm dưới là hồng mộc. Tục Tự gọi là chim hồng cù chim yểng, cũng là con vịt sống dưới nước, giống như chim nhạn mà nhỏ hơn, có chấm đỏ, đầu nhỏ lông màu xanh. Ở trong ở cao trên cây, cổ dài chân cao mỏ dài.

Miên-quảng: Ngược lại âm trên là di tiên. Ngược lại âm dưới là khổ hoảng.

Thái huyễn: Ngược lại âm dưới là huyền quyên. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Tơ lụa dệt thành màu sắc rực rỡ gọi là huyễn. huyễn là y phục có màu rất sáng, chói rựa, chữ viết từ bộ Mịch thanh huyễn âm huyễn đồng với âm trên, đều là chữ hình thanh.

Hào thiện: Ngược lại âm trên là hiệu giao. Tực Tự cho rằng: Viết đúng thể đơn viết thành chữ hào. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thịt phơi khô, sách Tập Huấn cho rằng: Thuộc loại trái cây phơi khô. Âm dưới là thiện. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thiện là thức ăn dâng lên, đem vào. Nay gọi là món ăn ngon, đều gọi là chân thiện, chữ viết từ bộ Nhục thanh thiện. Kinh văn viết từ bộ Thực viết thành chữ thiện. Tục Tự cho rằng: Chẳng phải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ này không có nghĩa. Kinh văn không dùng chữ này.

Thuần tịnh: Ngược lại âm thuận luân chữ viết đúng thể. Kinh văn viết chữ thuần, hoặc là từ bộ Thủy viết thành chữ thuần đều là chữ biến thể. Văn thông dụng thường hay dùng.

Vực thị: Ngược lại âm trên dăng tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: Trợ giúp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Vũ đến bộ Lập, chữ hội ý.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 6

Quyển này kinh văn viết thiếu có chữ khó. Tuy nói là chữ Phạm ba mươi bốn chữ văn trùng lập, nói lại nhiều lần. Giải thích chữ nghĩa thâm sâu. Lại nói trợ giúp Ma pháp ban đầu nói bốn mươi bốn loại thế gian, pháp lửa, thần lửa. Chữ sau lại nói mười hai pháp không thể nghĩ bàn. Xuất thế gian lửa và thần lửa, tương tợ trong chân ngôn, gom lại bên trong giải thích đầy đủ rồi. Trong kinh này nói là tiếng Phạm, dùng chữ phong tương đương, cho nên không lấy âm.

Diện bổ: Ngược lại âm phò vũ. Chữ Tượng Thanh. Sách Vận Anh cho rằng: Xương hai bên má, hoặc là viết chữ liệt này đồng nghĩa.

KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA
QUYỂN 7

Khám quật: Ngược lại âm trên là khảm cam. Sách Quảng Thất cho rằng: Khám là xây thành mồ mả, âm thà là âm thành. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đục vách núi làm cái hang. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hang của rồng nằm, chữ viết từ bộ Kim đến chữ long. Trong kinh văn viết từ bộ Hợp viết thành chữ khám này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là khổ cốt hoặc là từ bộ Thổ viết thành chữ quật. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xây nhà bằng đất, lấy đất làm vách tường. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ Huyệt thanh khuất.

Tân phân: Ngược lại âm trên là Thất tân. Ngược lại âm dưới là phấn văn. Tự Thư cho rằng: Hoa bay loạn xa rơi xuống.

Tiêu cốc: Ngược lại âm trên là tiêu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tiêu là tên gọi chung tơ lụa xưa nay. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiêu là vải lụa mịn, thường dùng để vẽ hoặc viết chữ. Lại gọi là vải lụa hoa. Ngược lại âm dưới là hồng mộc. Thích Danh cho rằng: Cánh buồm, đều là chữ hình thanh.

Bính hiện: Ngược lại âm trên là binh mảnh. Gọi là chiếu sáng rực rỡ.

Nãi tu: Ngược lại âm trên là nãi chữ nãi cổ.

Tam-ma-tỏa-đa: Âm tỏa ngược lại âm tòa dĩ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Đẳng dẫn. Trong luận Du-già nói rằng: Gọi là

Thắng diệu địa, lìa được trạo cử hôn trầm v.v... bình đẳng, có thể dẫn tới các công đức, cho nên gọi là đẳng dẫn, là tên khác của định vậy.

Đạm phạ: Ngược lại âm trên là đàm lam. Âm dưới là phách. Tâm chí an thần điềm tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ Thủy viết thành chữ đạm bạc là chẳng phải nghĩa kinh dùng.

Cao xa hạt: Ngược lại âm trên là cáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy dầu đặc trơn bỏ vào trục xe là xe chạy mau. Ngược lại âm dưới nhàn kiết. Hoặc viết chữ hạt này cũng thông dụng, gọi là chì của đầu trục xe.

****

PHÁP BIẾN CHIẾU NHƯ LAI NIỆM TỤNG

Ngài Thiện Vô Úy trước dịch.

Đôn sùng: Ngược lại âm trên là đô côn. Sách Khảo Thanh cho rằng: đôn là kính, tôn trọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khoang dung, viết đúng chữ đôn này. Kinh văn viết chữ đôn văn thường hay dùng.

Lệ hành: Ngược lại âm lực trệ. Sách Tập Huấn cho rằng: Gắng sức chữ viết từ bộ Lực thanh lệ, âm lệ đồng với âm trên.

Thành khẩn: Ngược lại âm khẳng ngân. Sách Khảo Thanh cho rằng: khẩn là chí thành, tin tưởng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Tâm thanh khẩn, âm khẩn đồng với âm trên.

Tức liệt: Ngược lại âm liên niết. Tự Thư cho rằng: Bẻ gãy chữ viết từ bộ Thủ.

Bất đàn cù lao: Ngược lại âm trên là đàn lan. Ngược lại âm dưới là cụ ngu.

Loa bôi: Ngược lại âm trên lỗ hòa. Ở trong biển lớn có loại con trai giống như con ốc sên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con sò, âm đệ là âm di, âm du là âm du. Là khi con sò mở miệng ra là có ly nước.

Khiết hạ thần: Ngược lại âm nghiên kiết. Gọi là cắn chết.

Vi tiêu: Ngược lại âm tiêu diệu. Sách Vận Thuyên cho rằng: Cái bao dựng lưỡi dao đã giải thích rồi.

Thượng huy hư không: Ngược lại âm hủy vi, dùng tay kéo cánh cửa phòng thất ra.

Tân huân: Âm huân. Thuộc loại rau như: Kinh giới, hành, hẹ, tỏi.

La-bặc: Ngược lại âm dưới là bằng tỷ. Củ cải, hoa màu tím rễ lớn,

vốn là loại rau xanh tốt um tùm.

Xuân thái: Ngược lại âm truất luân. Tên của loại cây.

****

PHÁP TỲ LÔ GIÁ NA NHƯ LAI YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG

Ngài Kim Cang Tam Tạng dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Chữ đảo: Ngược lại âm trên là chư chữ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cồn nhỏ, cũng viết chữ chữ này. Ngược lại âm dưới là đao lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ở giữa biển có núi có thể dựa vào dừng nghỉ gọi là đảo. Chữ viết từ bộ Sơn thanh điểu, hoặc viết chữ đảo này cũng viết chữ đảo này đều đồng.

Trách thụ: Ngược lại âm trên là trương cách. Gọi là mở ra căng ra, chữ viết từ bộ Thạch đến chữ trách. Ngược lại âm dưới là thù chủ, viết đúng từ bộ Đậu đến bộ Lập chữ viết thường hay dùng.

An ngạch: Ngược lại âm nha cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngạch là cái trán, chữ viết từ bộ Hiệt đến bộ Cách thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ Khách viết thành chữ ngạch, văn thường dùng. Xưa nay chánh tự cho rằng chẳng phải.

Giao huyễn: Ngược lại âm dưới là uyễn hoán. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ uyễn, văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cùi chỏ phía sau. Viết đúng từ bộ Thủ đến bộ Xoa thuộc văn cổ, chữ trảo viết từ bộ Mục, chữ hội ý.

Quán ư: Ngược lại âm khai hoạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thói quen lâu ngày, chữ viết từ bộ Thủ thanh quán.

Tu nhụy: Ngược lại âm dưới là nhuy trùy, những sợi lông nhỏ trong nhụy hoa.

Bỉ khải: Ngược lại âm khai đại. Sách Khảo Thanh cho rằng: khải là áo giáp. Ngược lại âm khang cải.

PHÁP TỲ LÔ GIÁ NA NHƯ LAI YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG
QUYỂN THƯỢNG

Linh đạt: Ngược lại âm trên là lịch đinh. Âm dưới là Đường lạc.

Sám tự: Ngược lại âm vũ cảm.

Tôn cứ: Ngược lại âm trên tồn, âm dưới là cứ.

Đoàn thực: Ngược lại âm trên là đoạn loan. Quảng Nhã cho rằng: Vắt lại, vắt tròn lại. Sách Lễ Ký cho rằng: Không được có cơm để thành cục. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vo tròn lại. Chữ viết từ bộ Thủ thanh đoàn.

Quán sái: Âm trên là quản. Sách Thuyết Văn cho rằng: Rửa tay, chữ viết từ bộ Cửu đến bộ Thủy, đến bộ Mảnh, chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là tây lễ, hoặc là viết chữ tẩy này. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy rửa quét dọn sạch sẽ, chữ hình thanh.

****

KINH KIM CANG ĐẢNH LƯỢC DU GIÀ - *Kim Cang Trí dịch.*
QUYỂN 1

A-xúc-bệ: Ngược lại âm sơ cúc. Ngược lại âm tỳ-mê. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Vô Động Phật.

Lam tự: Ngược lại âm Lãm tự, uốn cong lưỡi lên đọc, tức là tiếng Phạm.

Xúc-mi: Ngược lại âm tửu dục.

Thấu khẩu: Ngược lại âm sưu trứu, cùng với âm sưu cũng đồng chữ viết từ bộ Thủy là đúng: Cố Dã Vương cho rằng: Lấy nước súc miệng. Kinh văn viết từ bộ Khẩu viết thành chữ. Văn thường hay dùng.

Ốt-câu-trá-tọa: Ngược lại âm ôn-cốt. Tiếng Phạm. Trong chú giải rằng: Cái mông đít không dính đất, không ngồi trên đất, âm đồn, ngược lại âm độn hồn, chữ viết từ bộ Nhục thanh đồn.

Sất khát: Ngược lại âm trên là sân lật. Ngược lại âm dưới là ha cát.

Trừu trịch: Ngược lại âm trên Sửu lưu. Ngược lại âm dưới là Trình kích, đều là chữ hình thanh.

KINH KIM CANG ĐẢNH LƯỢC DU GIÀ
QUYỂN 2

Thượng ngạc: Ngược lại âm ảng các. Sách Khảo Thanh cho rằng:

Chữ viết từ bộ nhục viết thành chữ ngạc. Kinh văn viết từ bộ Xỉ viết thành chữ ngạc văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ cốc ngược lại âm cường các. Là hàm ếch trong miệng hàm trên, há miệng ra đọc. Giống như trong văn kinh có sửa đổi lại. Văn cổ vốn không có chữ này. Các bậc tiên hiền trước tùy theo câu tục ngữ mà viết ra sách, hoặc từ bộ Nhục, hoặc từ bộ Xỉ, đều chẳng phải chữ đúng. Tương Truyền rằng: Cùng dùng âm ngũ các. Xưa gọi là tiểu.

Luyện lạp: Ngược lại âm trên là liên điện. Cây nến cháy, từ từ chảy ra sáp làm tiêu mòn đi, hoặc là nung kim loại cho chảy ra, khiến cho mềm nhuyễn.

Ngọc chẩm: Ngược lại âm châm nhẫm. Là cái gối kê sau gáy.

KINH KIM CANG ĐẢNH LƯỢC DU GIÀ
QUYỂN 3

Xuất thiếu: Ngược lại âm triệu điểu. Sách Tập Huấn cho rằng: Thiếu là nhìn ra xa, chữ viết từ bộ [T548] Mục thanh triệu. Kinh văn viết từ bộ Nguyệt là chẳng phải.

Tứ biên duyên: Ngược lại âm duyệt quyến, chữ Khứ thanh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đường dây tơ viền ở đường biên dùng để trang sức cho đẹp, chữ viết từ bộ Mịch. Chữ mượn âm. Kinh văn viết từ bộ Thủ viết thành chữ truyền. Gọi là Tào Truyền, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Khoát khiếp: Ngược lại âm trên là khoan quát. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khoát là lâu ngày cách xa, cũng là rộng rãi: Xưa nay chánh tự cho rằng: Rộng rãi không gò bó, chữ viết từ bộ Môn thanh hoạt.

Phách quá: Ngược lại âm ba mạch. Tách ra, xẻ ra.

Kỵ mạch: Âm mạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nhảy vượt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hoặc là viết chữ mạch này chữ cổ. Chữ viết từ bộ Mã thanh mạc.

Nguyệt vựng: Âm vận. Sách Khảo Thanh cho rằng: Khí quầng sáng bên mặt trời, mặt trăng, hoặc là màu xanh, màu đỏ, quang mặt trời, mặt trăng giống như bánh xe lăn.

Bát khai: Ngược lại âm trên là bát, chữ viết từ bộ Thủ.

Đàn chỉ: Ngược lại âm đản nan. Làm năm đầu ngón tay bẻ co lại, lấy ngón tay cái bấn ra khiến làm ra tiếng.

Kiền chùy: Âm trên can. Ngược lại âm dưới là trụy truy, chữ viết từ bộ Mộc thanh truy. Kinh văn viết chữ truy này, văn thường hay dùng là chẳng phải.

Phi tiết: Ngược lại âm diên kết. Chữ viết từ bộ Thủ. Dùng tay kéo kinh văn viết từ bộ Mịch viết thành chữ tiết là chẳng phải.

KINH KIM CANG ĐẢNH LƯỢC DU GIÀ
QUYỂN 4

Hồ ma tiết: Ngược lại âm tiên tiết, đạp giả cho nát vụn ra thành mạt vụn.

Trù lâm: Ngược lại âm Trụ sưu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trù là đông nhiều dày đặc. Quảng Nhã cho rằng: Đông đúc.

Lư lộc: Ngược lại âm trên là lũ trữ. Ngược lại âm dưới là lộc.

Yểm mạt kỳ nhãn: Ngược lại âm loan bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bó buộc lại.

Xế khai: Ngược lại âm xuông khế, chữ viết từ bộ Thủ, thanh chế.

Nhiên chi: Ngược lại âm niên điển.

Nhãn ế: Ngược lại âm anh kế. Có miếng màn trắng che con mắt.

Tạc quân trà: Ngược lại âm trên là tạng lạc. Sách Vận Thuyên cho rằng: Đục xuyên thủng qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Nghiệp đến bộ Cửu, đến bộ Thù, đến bộ Kim. Chữ hội ý, chữ quân trù là tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Địa hỏa lư tức là Hộ ma lư.

Tân toàn hỏa: Ngược lại âm tổ quan. Đây là lấy ý, tân là sạch không dơ uế, dùng thiết chì đập vào đá khiến cho ra lửa cũng được, hoặc dùng tre cọ xát khiến cho ra lửa cũng được.

Tương bạn: Ngược lại âm bàn mãn bạn là khiến cho hòa nhau đều nhau.

****

KINH KIM CANG ĐẢNH ĐẠI GIÁO VƯƠNG

Bất Không Tam Tạng dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Diêu kích: Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: kích là sạch. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cảm kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nước bị ngăn lại tức là nước chảy mau bị ngăn lại nên bắn lên dợn sóng, chữ viết từ bộ Thủy thanh kích.

A-bà-pha-na-già: Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang nói rằng: Quán vi tế Kim cang cũng gọi là theo chân khởi dụng.

Sát-na khoảnh: sát-na là tiếng Phạm. Đường Huyền Trang không có phiên dịch đúng; Theo Câu-xá Luận cho rằng: Chứa một trăm hai mươi sát-na thành một Đát-sát-na; chứa sáu mươi Đát-sát-na là một Lạp-phược chứa ba mươi Lạp-phược là một du khoảnh; chứa ba mươi tu du khoảnh thành một ngày một đêm; tính một ngày một đêm có ba mươi mạc-hồ-luật-đa. Chín trăm Lạp-phược, có năm vạn bốn ngàn Đát-sát-na. Có sáu trăm vốn mươi tám vạn sát-na, thì lúc đó trong rất mau không quá sát-na, lấy giờ tý, sửu v.v... là mười hai tiếng đồng hồ, phân ra mỗi một giờ thì trong đó từ giờ mão đến giờ thìn có năm mươi bốn vạn sát-na.

Huy dước: Âm trên là huy. Ngược lại âm dưới là dương dược.

KINH KIM CANG ĐẢNH ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN TRUNG

Phúng vịnh: Ngược lại âm trên là phong phụng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đọc thuộc lòng văn gọi là phúng, lấy âm thanh tiết đọc lên gọi là tụng. Lời tựa Mao Thi Truyện nói rằng: Nói bóng gió trên, nói bóng gió mà hóa ra dưới, dùng lời bóng gió để chê trách người khác. Chữ hình thanh. Theo tựa Mao Thi Truyện nói rằng: Nói không đầy đủ, ý nghĩa cho nên than thở, thở than, không đủ nửa lại ca vịnh, ca vịnh không đủ nửa, cho nên lấy tay mà múa hát, diễn đạt cho người khác hiển vậy.

Đồng bộc: Âm trên là đồng. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: đồng là cậu bé chưa quá mười lăm tuổi nên chưa đội mũ trên đầu. Ngược lại âm dưới là phùng mộc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bộc

là người giúp việc. Sách Lễ Ký cho rằng: Người làm việc ở trong nhà gọi là bộc. Cố Dã Vương cho rằng: Người điều khiển xe ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quan Cấp Sử.

Cứ ngạo: Ngược lại âm trên là cư ngự. Quảng Nhã cho rằng: cứ là khinh lờn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không tuân theo, chữ viết từ bộ Thanh cứ. Ngược lại âm dưới là ngũ cáo. Quảng Nhã cho rằng: Ngạo mạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Không cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là khinh lờn, chữ viết từ bộ Nhân thanh ao.

Điền sức: Ngược lại âm trên là điền luyện. Mượn âm dùng vốn là âm điền. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Lấy vật báu làm đồ trang sức của phụ nữ, hình hoa bằng kim loại, trên có khảm vàng.

KINH KIM CANG ĐẢNH ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN HẠ

Sâu Trịch: Ngược lại âm trên tạo sưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy ngón tay móc lấy vật, xem tay mà cân lường trên cây đàn, dùng chày Kim cang mà ném quăng đi, làm trò múa hát.

Hoàn bát: Ngược lại âm trên là quan hoạn. Chữ mượn âm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn xâu xuyên suốt qua cái áo, vốn là âm hoạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Áo giáp, chữ viết từ bộ Thủ đến bộ Hoàn thanh tĩnh.

****

PHÁP PHỔ THÔNG CHƯ TÔN DU GIÀ NIỆM TỤNG

Huỳnh triệt: Ngược lại âm uynh hồi. Tống Thúc Trọng chú giải kinh Thái Huyền rằng: Chỗ gọi là huỳnh đó là con đường lờ mờ không sáng tỏ. Quảng Thất cho rằng: Huỳnh là cọ xát mài. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Ngọc đến bộ Huỳnh thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là triền liệt. Sách Vận Thuyên cho rằng: triệt là thấu suốt xuyên qua.

Thúc yên: Ngược lại âm trên là Thăng nhục. Cố Dã Vương cho rằng: Qua lại rất nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con chó chạy, chữ từ bộ Khuyễn thanh thúc âm thúc là âm do.

Xúc như bảo hình: Ngược lại âm tửu dục. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cấp tốc mau chóng. Xưa nay chánh tự cho rằng: Cùng khổ bức bách, chữ viết từ bộ Xúc thanh túc.

Quải khinh: Ngược lại âm trên là quái. Sách Khảo Thanh cho rằng: quải là treo lên. Ngược lại âm quái cũng giải thích đồng với âm trên.

Tiệm súc: Ngược lại âm dưới là sở lục. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Xúc là thâu lại. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Súc là thối lui. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tung hoành ngang dọc, loạn, chữ viết từ bộ Mịch thanh túc.

Cách tỷ: Trên là chữ cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lột da con thú, lấy da làm dép, giày. Văn cổ viết chữ cách từ ba bộ Thập. Phàm là ba mươi năm là một đời, mà con đường đạo lại là cái da biến đổi chữ viết từ bộ Cửu. Nay theo tĩnh lược viết chữ cách này. Ngược lại âm dưới là sư tử. Gọi là giày dép, lấy da làm mà làm giày dép, cho nên gọi là giày da, tức là ở nước Ngũ Thiên Trúc. Lấy da lan dép, cho nên trong kinh nói rằng: Không thắt dây lưng bằng da không mang giày dép da.

****

PHÁP DU GIÀ SÁI DIỆU LƯỢC TU HẠNH

(Không có chữ khó nên không giải thích âm.)

****

KINH KIM CANG ĐẢNH MẠN THÙ THẤT LỢI NGŨ TỰ TÂM

Như đinh quyết: Ngược lại âm quyền nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là trụ cột buộc trâu. Theo chữ quyết đó là chắc chắn như chì, như trúc, như dây quấn vào cây, như đinh đóng vào cột, và trên vách tường. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Mộc thanh quyết. Kinh văn viết chữ thuyên gọi là Cây cấm vào đất là quyết. Khi Triều Thiên Hậu, có người giả tạo bước vào tìm kiếm, bèn dừng lại bị bệnh không thể đi được; nên dùng đây mà nói Ấn quyết Kim cang.

Độc cổ: Âm dưới là cổ. Chỉ có riêng trên dưới chày Kim cang là cao nhất. Chữ viết từ bộ Nhục đến bộ Thù.

Niết tấn lực: Ngược lại âm trên niên kiết, niết là nấn, nặn tượng, vo tròn.

Dung thoán: Ngược lại âm Thô loạn. Sách Tiêu Nhã cho rằng: Thoán là bỏ trốn, chữ tượng hình.

Hạp trí tự: Âm trên là hạp. Gọi là khép cánh cửa lại. Trong pháp niệm tụng này, trong các chữ chân ngôn, rất sai lầm, không thể giải thích âm. Ngài Tuệ Lâm dựa theo bổn tiếng Phạm tái dịch đầy đủ trong chân ngôn trong tập quyển xin mời xem xét lại.

****

PHÁP VĂN THÙ SƯ LỢI NGŨ TỰ KỆ TỤNG

Tinh tấn khải: Ngược lại âm khổ cải. Gọi là áo giáp.

Ốc thổ: Âm ốc: Ốc là tưới lên ruộng đất phì nhiêu, đã khô cằn hư hoại.

Thải xuyết: Ngược lại âm dưới đô quát. Nhặt lấy, lựa chọn.

Thúc lật: Ngược lại âm trên Túc dũng. Ngược lại âm dưới là lân thất.

Phổ liệu: Ngược lại âm lực điếu chiếu đến chỗ tối là sáng tỏ.

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH VĂN THÙ SƯ LỢI NGŨ TỰ CHÂN NGÔN

Huýnh thọ: Ngược lại âm huỳnh dĩnh, chữ thượng thanh. Sách Vận Anh cho rằng: Huýnh là đi xa, riêng lẻ chữ viết từ bộ Xước thanh quýnh âm quýnh ngược lại âm quý dinh. Kinh văn viết từ bộ Hướng là chẳng phải.

Vinh triệt: Ngược lại âm trên uynh minh, chữ khứ thanh. Sách Vận Anh cho rằng: Châu ngọc chiếu sáng chữ viết từ bộ Kim đến bộ Uynh thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ Ngọc, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là triền liệt. Sách Vận Thuyên cho rằng: triệt là thông suốt, dấu tích, chữ viết từ bộ Xước thanh triệt.

Lưỡng bát: Âm bác. Gọi là hai vai, chữ viết từ bộ Cốt đến chữ bác thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ bác là chẳng phải, chữ hình thanh.

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ TU TẬP TỲ LÔ GIÁ NA TAM MA ĐỊA

Hồ quỳ: Ngược lại âm quỳ vi, đầu gối bên phải quỳ xuống đất, đầu gối bên trái thẳng, có nguy cơ ngồi, hoặc gọi là cùng nhau quỳ.

Chuyển khu: Ngược lại âm xung chu. Gọi là cửa, khuỷu tay. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cánh cửa cái then gài cửa. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: cái theo là chủ đầu máy phát động. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Mộc thanh khu, âm phi là âm phi chữ cổ xưa nay.

Bính hiện: Ngược lại âm binh vĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sáng. Sắc thái văn vẻ sáng, rực rỡ. Chữ viết từ bộ Hỏa thanh bính, âm bính đồng với âm trên.

Thượng ngạc: Ngược lại âm trên là ảng các. Tục tự cho rằng: chẳng phải chữ đúng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong miệng hàm trên há ra tượng hình cũng viết chữ cốc âm cốc ngược [T549] lại âm cường lược. Giống như trong miệng hàm ếch trên.

Uynh nhiễu: Ngược lại âm huỳnh dinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hai tây đang vào buộc lại quấn quanh buộc chặt lại. Chữ viết từ bộ Mịch đến bộ Dinh thanh tĩnh.

****

PHÁP TAM THẾ KIM CANG DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI TÂM CHÂN NGÔN - *Tịnh Hạnh dịch.*

Hám vi linh: Ngược lại âm trên là Hàm cam. Quảng Nhã cho rằng: Hám là dao động. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lung lay, lắc lư chữ viết từ bộ Cảm, âm dưới là linh.

Mạt kỳ nhãn: Ngược lại âm Loan bát.

Nại chi: Ngược lại âm nan đát.

Phách Liên Hoa: Âm trên là bách dung tay tách ra, xẻ ra.

Kê linh: Ngược lại âm lịch đinh. Lông cánh chim.

Xúc như: Ngược lại âm trên là tinh dục. Chữ viết từ bộ Thích thanh túc.

Dẫn dương: Ngược lại âm dương thượng chữ khứ thanh.

****

KINH KIM CANG ĐẢNH PHÁP QUÁN TỰ TẠI NHƯ LAI TU HÀNH

Hà ế: Ngược lại âm trên Hạ-da. Sách Khảo Thanh cho rằng: Viên châu ngọc có tỳ vết. Chữ viết từ bộ Ngọc thanh hà. Ngược lại âm dưới là anh kế. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: ế là dùng quạt che lại. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Che đậy, dìm che, chữ viết từ bộ Vũ thanh ế, âm ế đồng với âm trên.

****

PHÁP TU BÁT NHÃ BA LA MẬT DU GIÀ QUÁN HẠNH

(không có âm để giải thích.)

****

PHÁP QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ

Mãn-nê Tự Tại Vương: Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang giải thích rằng: Lễ bái. Tự Tại Vương đó là Phật Vô Lượng Thọ.

Phùng phát khỏa hắc hình. Ngược lại âm trên Lô quả. Mượn âm dùng tránh Phạm tục húy. Ngược lại âm hoa ngõa. Gọi là cởi áo ra để lộ thân thể hoặc viết chữ khỏa này giải thích cũng đồng nghĩa âm trên.

Phân phúc: Ngược lại âm trên phẫn văn. Ngược lại âm dưới là bằng mục chữ phân phúc đó nghĩa là mùi hương thơm ngào ngạt.

Cấp tháo: Trên là chữ cấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Từ chữ cập thanh diệc. Ngược lại âm dưới là tao đáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tính nóng nảy. Cố Dã Vương cho rằng: Thao động, không an, chữ viết từ bộ Túc thanh táo, âm táo ngược lại âm đế đáo.

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ ĐẠI NHẠO KIM CANG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG (Trước đã dịch)

Bội chúng: Ngược lại âm đôn muội, dây thắt lưng lớn gọi là bội chữ viết từ bộ Nhân đến bộ Phàm. bội tất phải có cái khăn, khăn là làm đồ trang sức cho nên chữ viết từ bộ Cân.

Tả khỏa: Ngược lại âm trên khoa hóa. Sách Khảo Thanh cho rằng: Xương bắp đùi trên; hoặc viết chữ khoa này. Lại là nghĩa ngồi. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ khoa này là chẳng phải.

Khuynh tà: Ngược lại âm trên là khuyển dinh. Ngược lại âm dưới là tịch sa. Tực Tự và sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết đúng từ bộ Y đến bộ Tà viết lược là chữ tà chữ đúng thể.

Phách định chưởng: Ngược lại âm trên là phạ bách. Sách Thuyết Văn cho rằng: phách làAn ủi vỗ về, chữ viết từ bộ Thủ thanh bách.

Đồng trân: Ngược lại âm tiết tiên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trân đó là đến kịp lúc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Chí thanh tần.

Xúc thành: Ngược lại âm sừ giác. Gọi là nung chảy chất Kim cang ra ấn xuống. Sách Cổ Nhã cho rằng: Làm nhỏ lại.

Trịch tán: Ngược lại âm trên là trình kích. Tực Tự cho rằng: Viết từ chữ trích viết thành chữ trịch. Thời nay thường dùng. Ngược lại âm Trương cách. Thường lẫn lộn với nhau cho nên không dùng. Lại viết từ chữ trịnh này, âm dưới tán chữ chánh thể.

Long ngộ: Ngược lại âm trên là lặc dũng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Rất quí. Sách Vận Anh cho rằng: Được yêu quí. Giả quì chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Được vinh hạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Được địa vị, chữ viết từ bộ Miên thanh long.

Bất thuấn: Ngược lại âm thủy nhuận chớp mắt, hoặc là viết chữ thuấn này cũng đồng nghĩa.

Tự phong: Âm phong.

****

PHÁP HÀNG TAM THẾ ĐẠI MẠN TRÀ LA TRUNG LIÊN HOA BỘ TÂM - *Tịnh Hạnh dịch không có âm có thể giải thích.*

****

PHÁP KIẾT TƯỜNG THẮNG SƠ DU GIÀ ĐẠI NHẠC KIM CANG TÁT ĐỎA

Vi khứu: Ngược lại âm khải khiếu. Sách Vận Anh cho rằng: Khứu là lỗ hỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lỗ trống chữ viết từ bộ Huyệt thanh khiểu.

Phiếm hoa: Ngược lại âm nghiệp phạm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiếm là nổi trên mặt nước. Hoặc là viết chữ phiếm này nghĩa

dùng như nhau.

Trắc liệt: Ngược lại âm liên niết hoặc là chữ liệt này, hoặc là viết từ bộ Thủ viết thành chữ liệt. Sách Tập Huấn giải thích rằng: Bẻ gãy. Kinh văn viết từ bộ Mịch viết thành chữ liệt này, này sợi tơ, câu chữ chẳng phải nghĩa đây dùng cho nên không lấy.

Loan cung: Ngược lại âm quyên quan. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Kéo cây cung. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Mở cây cung phóng mũi tên chữ viết từ bộ Cung thanh luyến âm luyến là âm luyến.

Nhị bể: Ngược lại âm tỳ mễ. Hoặc là viết chữ bể này. Sách Khảo Thanh cho rằng: Xương đùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xương đùi ngoài, chữ viết từ bộ Cốt thanh ty. Kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành chữ tỳ này là chẳng phải chữ vậy.

Khư-trá-ca: Tiếng Phạm. Lấy nghĩa người dịch rằng: Lấy cổ tay phải, tay trái, tiếp cận với nhau lăn tròn mềm mại tán ra mười đầu ngón tay, cùng với tâm trước lật qua ba lần xoay vòng, tâm múa theo rồi trụ lại vui mừng quán sát.

Chiêm chúc: Âm trên là chiêm, âm dưới là chúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: Chiêm chúc là nhìn chăm chú. Kỹ càng tỉ mỉ. Sách Tập Huấn cho rằng: Nhiều con mắt quy tụ lại một chỗ, chữ hình thanh.

Nhuận động: Ngược lại âm nhuy thuần. Sách Vận Anh cho rằng: Con mắt lay động liếc nhìn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Vô cớ mắt tự động nháy gọi là nhuận, chữ hình thanh.

****

PHÁP GIÁNG TAM THẾ QUÁN TỰ TÂM ĐÀ LA NI

Bất Không Tam Tạng dịch.

Vựng đạm: Âm trên là vận. Gọi là lấy màu sắc rực rỡ, màu nhạc mà vẽ lên tấm vải lụa làm bức tranh.

Tăng bạch: Ngược lại âm tình dăng Hàng dệt bằng tơ lụa, vật thái màu trắng.

Phược phốc: Ngược lại âm Lung diêu. Dùng tay đánh ném xuống đất.

Khước tháp: Trên đúng là chữ khước, dưới là âm đàm hạp. Quảng Nhã cho rằng: Giẫm đạp lên.

Điệu: Ngược lại âm điều diệu. Dùng tay lau chùi, vùng lên, hươ, múa.

PHÁP PHỔ HIỀN KIM CANG TÁT ĐỎA DU GIÀ NIỆM TỤNG

Bất Không Tam Tạng dịch.

Tam chế phách hung: Ngược lại âm trên là xương nhiệt: Sách Khảo Thanh cho rằng: Đốn ngã dùng tay kéo ra, chữ viết từ bộ Thủ thanh chế, âm kế là phổ bác. Sách Khảo Thanh cho rằng: Vỗ về an ủi, đánh tác, chữ viết từ bộ Thủ thanh bạch.

Dương diêm: Ngược lại âm diêm tiệm hoặc là viết chữ đạm diêm. Theo chữ dương đó nghĩa ánh sáng rực rỡ của mặt trời mới mọc; là khí dương thắng vượt qua, giống như lửa tu hội ở trên, trạng thái của lửa và khói.

Sái địch: Ngược lại âm trên là tây lễ, âm dưới là địch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thủ rằng: địch là tẩy trừ dơ uế. Hà Hưu chí giải Công Dương Truyện rằng: Địch là tẩy rửa sạch sẽ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Thủy thanh địch.

****

NGHI QUỸ LIÊN HOA GIÁNG TAM THẾ DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI TÂM - *Bất Không Tam Tạng dịch.*

(Không có chữ để giải thích âm)

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM NIỆM TỤNG

(Không có chữ để giải thích âm)

****

PHÁP QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM CHÂN NGÔN THÀNH TỰU

(Không có chữ để giải thích âm.)

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Đại Đường phiên dịch kinh, Sa-môn Tuệ Lâm soạn âm.

QUYỂN 37

- Kinh Âm Quảng Đại Bảo Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni - ba quyển.
- Kinh Đại Ma-ni Quảng Bác Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni - ba quyển.
- Kinh Mâu Lê Mạn-đà-la chú - hai quyển. Xưa đề mục một quyển - nay phân hai quyển.
- Kinh Bảo Lầu Các Đà-la-ni Cúng Dường Tu Hành - một quyển.
- Kinh Vô Cấu Tịnh Quang Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Trì Thế Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Vũ Bảo Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Kim Cang Bí Mật Thiện Môn Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Hộ Mạng Pháp Môn Thần Chú - một quyển.
- Kinh Kim Cang Thọ Mạng - một quyển.
- Kinh Kim Cang Diên Mang Niệm Tụng - một quyển.
- Kinh Chủ Phật Tập Hội Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Đông Phương Tối Thắng Như Lai - một quyển.
- Kinh Thiện pháp Phương Tiện Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Đà-la-ni Tập - mười hai quyển.
- Kinh Na-trá Câu-bát-la Cầu Thành Tựu - một quyển.
- Kinh Na-trá Thái Tử Cầu Thành Tựu Đà-la-ni [T550] - một quyển.
- Kinh Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Đại Tùy Cầu Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Phổ Biến Quang Minh Mạn Đại Tùy Cầu - hai quyển.
- Kinh Thất Câu Tri Phật Đại Tâm Chuẩn Đề Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Thất Câu Tri Phật Mẫu Chuẩn Nê Đại Quang Minh Đà-la-ni - một quyển.

- Kinh Thất Câu Tri Phật Mẫu Sở Thuyết Tôn Nê Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bổn Nhất Tự Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Mạn Thù Thất Lợi Nhất Tự Chú Vương - một quyển.
- Kinh Chủng Chủng Tạp Chú - một quyển.
- Kinh Bồ-đề Trang Nghiêm Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Bách Thiên Ấn Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Vô Lượng Thọ Tu Hành Nghi Quỹ - một quyển.
- Kinh Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Toàn Thân Xá-lợi Bảo Khiếp Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Lục Tự Thần Chú - một quyển.
- Kinh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Lục Tự Đà-la-ni - một quyển.
- Kinh Khổng Tước Vương Chú - hai quyển.
- Kinh Khổng Tước Vương Chú - một quyển.
- Kinh Năng Nghê Lợi Đồng Tử Nữ - một quyển.
- Pháp Năng Nghê Lợi Niệm Tụng - một quyển.
- Kinh Phật Thuyết Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú - một quyển.
- Kinh Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú - một quyển.

Bên phải là ba mươi chín kinh năm mươi sáu quyển đồng âm với quyển này.

KINH QUẢNG ĐẠI BẢO LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Vô minh xác: Ngược lại âm khổ giác. Sách Gia Uyển Chu Tòng nói rằng: Xác vỏ ngoài của trứng chim. Đây là dụ cho vô minh bao hàm chứa cả phần não giống như xác vỏ cứng của trứng chim chữ viết từ bộ Noản thanh xác.

Tủng thụ: Ngược lại âm trên túc dũng. Quảng Nhã cho rằng: tủng là nhảy lên trên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Kinh sợ tâm không an. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cung kính, chữ viết từ bộ Lập đến bộ Thúc, nghĩa là tự có buộc lại. thúc cũng là thanh. Văn cổ viết từ bộ Nhân viết thành chữ tưng. Ngược lại âm dưới là thù dĩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thụ là đứng thẳng, chữ viết từ bộ Thù đến bộ Đậu, viết thành chữ thụ. Trụ văn viết từ bộ Thù viết thành chữ thụ.

Oanh hạp: Ngược lại âm trên là Hồ hoằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng xe chạy rầm rầm. Chữ viết từ ba bộ Xa. Ngược lại âm dưới là kham hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng đá lớn va chạm vào nhau nghe chát chúa, chữ viết từ bộ Thạch thanh hạp.

Thúc nhiên: Ngược lại âm thương nhục. Sách Sở Từ cho rằng: Qua lại rất nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con chó chạy, chữ viết từ bộ Khuyển thanh thúc. Ngược lại âm dưới là nhiệt chiên, chữ hội ý. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thịt chó, chữ viết từ bộ Nhục đến bộ Khuyển đến bộ... tiêu âm... tiêu. Ngược lại âm tất diêu.

Bể bệnh: Ngược lại âm tỳ mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xương đùi ngoài, chữ viết từ bộ Cốt thanh ty tục dùng viết chữ bể này.

Sao chi: Ngược lại âm Sở giao. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước cuối nguồn tự thư cho rằng: Ngọn cành cây. Ngược lại âm dưới là chi, chữ viết đều từ bộ Mộc.

Thiếu mạc: Ngược lại âm xương nhiêu. Tục Tự cho rằng: Chữ đúng thể từ bộ tù viết thành chữ tù này. Quảng Nhã cho rằng: Thức ăn. Bì Thương cho rằng: Lúa mạch nấu chín thức ăn vụn vặt, chữ tượng hình âm chúc ngược lại âm xoa giảo.

KINH QUẢNG ĐẠI BẢO LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI QUYỂN TRUNG

Phanh giới đạo: Ngược lại âm bách manh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phanh là sai khiến. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đi theo Quách Phác cho rằng: Gọi là cùng nhau đi theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bấn cung. Theo Thanh loại cho rằng: Hoặc là từ bộ Dương viết thành chữ phanh. Tự thư cho rằng: hoặc từ tinh viết thành chữ phanh cũng thông dụng.

Thượng sáp: Ngược lại âm sở giáp. Theo Thanh loại cho rằng: sáp là cấm vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đâm vào thịt. Từ bộ đến bộ Cửu âm cửu là âm cựu, chữ tượng hình, chữ viết bộ Thiên là chẳng phải.

Giáp bỉnh: Âm giáp. Các loại bánh hoa, bình, bánh dầu, bỏ nướng.

Phong sóc: Âm trên là phong. Ngược lại âm dưới là song tróc.

Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây giáo. Sách Văn Tự Điển nói rằng: Cây kích, cây mâu chữ viết từ bộ Mâu thanh tiêu. Kinh văn viết chữ sóc là văn thường hay dùng.

KINH QUẢNG ĐẠI BẢO LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI QUYỂN HẠ

Xúc kỳ thượng tiết: Ngược lại âm tinh dục. Lấy hai ngón tay giữa co rút lại như lóng tay hình báu, chữ viết từ bộ Thích đến bộ Túc. Kinh văn có viết từ chữ tựu đến bộ Túc viết thành chữ xúc là chẳng phải.

Trách khai: Ngược lại âm trên là trương cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra. Sách Vận Thuyên cho rằng: Mở ra. Tự Thư cho rằng: Hoặc là viết từ bộ Trá viết thành chữ trách. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ Thạch thanh trách. Chữ trách trên từ chữ quyển dưới đến bộ Mộc. Kinh văn viết từ bộ Thủ viết thành chữ trách này là chẳng phải âm suyễn ngược lại âm âm dung nhuyễn.

****

KINH ĐẠI MA NI QUẢNG BÁC LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT

Bất Không Quảng Trí dịch - Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Vô minh xác: Ngược lại âm khổ giấc. Trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tủng thụ: Ngược lại âm trên là túc dũng: Ngược lại âm dưới là thù chủ. Trước kinh Bảo Lầu Các đã giải thích đầy đủ rồi.

Khôi quái: Ngược lại âm trên là khởi hồi. Ngược lại âm dưới là cổ ngoại. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi

Lâu nghị: Ngược lại âm trên lặc hầu. Ngược lại âm dưới là nghĩ kỹ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lớn đó là con kiến càng, nhỏ đó là con kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Khải. Kinh văn viết từ bộ Nghĩa văn thường hay dùng. Tục gọi dung tên, như con kiến con dế mèm một loại. Gọi là lớn gọi là con dế, nhỏ gọi là con kiến.

Mao tủng: Ngược lại âm dưới là túc dũng. Trịnh Huyền chú giải

sách Phương Ngôn rằng: Hoảng sợ kinh dị nên long dựng ngược lên. Vệ Tống cho rằng: hoặc là viết từ bộ Tâm viết thành chữ tủng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Nhĩ. Chữ tượng hình. Ngược lại âm song giảng. Cũng thông dụng.

Pháp loa: Ngược lại âm Lỗ hòa, trên từ bộ Vong dưới từ bộ Trùng. Trước đã giải thích rồi.

Khấu kích: Âm trên là khẩu. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: khấu là đánh. Quảng Nhã cho rằng: Khấu là níu giữ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Từ chữ cú đến bộ Phộc viết thành chữ cù. cù cũng là đánh, hoặc từ bộ Ấp viết thành chữ khấu.

Yểm đảo: Ngược lại âm y diễm, âm dưới đao lão. Chữ viết từ bộ Hán đến bộ Yểm, âm hán ngược lại âm ha thả. Kinh văn viết từ bộ Tật là chẳng phải âm tật ngược lại âm nữ cách.

Chi sao: Ngược lại âm Sở giao. Trước đã giải thích rồi.

Phẩu liệt: Ngược lại âm trên là phổ khẩu. Đỗ Dự chú giải thoát Tả Truyện rằng: Ở trong phân ra là phẩu tức mổ ra. Ngọc Thiên giải thích rằng: phẩu là phá ra phanh ra, xẻ ra. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Phẩu tức là chẻ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tách ra, chữ viết từ bộ Đao thanh bộ âm bộ ngược lại âm Thổ khẩu.

Ủy tụy: Ngược lại âm trên là ủy vi. Sách Tập Huấn ghi rằng: Cây cỏ vàng héo úa chết gọi là ủy. Tự Thư cho rằng: Héo úa xấu tệ. Ngược lại âm dưới là tình trụy. Văn Tự Tập Lược ghi rằng: ủy tụy đó là trong lòng lo lắng, buồn thảm, bức xúc. Điều là chữ hình thanh. Trên từ bộ Thảo dưới từ bộ Tâm.

Sáp tứ: Ngược lại âm trên sơ giáp. Trước trong quyển kinh Bảo Lầu Các đã giải thích đầy đủ rồi.

Tác quyết: Ngược lại âm dưới là quyền nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyền là cây trụ cột buộc trâu. Văn tự điển nói chữ viết từ bộ Mộc thanh quyết.

KINH ĐẠI MA NI QUẢNG BÁC LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT QUYỂN TRUNG

Tiên quật: Ngược lại âm dưới là khổn cốt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quật là cái hang. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đào đất làm nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái hốc ở trong hang, chữ viết từ bộ

Huyệt thanh khuất, hoặc là viết từ bộ Thổ viết thành chữ quật cũng là chữ thông dụng thường hay dùng.

Tề võng: Ngược lại âm dưới là vũ phỏng. Tự Thống cho rằng: Vành lốp xe, bọc quanh bánh xe, chạy lộc cộc, hoặc là viết từ bộ Mộc viết thành chữ võng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Xa thanh võng, âm cứ là âm cự.

KINH ĐẠI MA NI QUẢNG BÁC LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT QUYỂN HẠ

Đương khoa: Ngược lại âm khoa hóa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Giữa hai xương đùi, tức là cái háng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Túc đến thanh khoa. Tư Lâm cho rằng: Hoặc là viết từ bộ Nhục viết thành chữ khóa cũng thông dụng.

Bặc diện: Ngược lại âm trên là bổ bắc. Sách Tập Huấn ghi rằng: Vấp ngã sấ về phía trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Túc. Thanh bộ kinh văn hoặc là viết từ bộ Nhân viết thành chữ phốc, cũng thông dụng, thời nay thường hay dùng.

Tự hoại: Ngược lại âm trên tình chữ. Theo Tả Truyện cho rằng: tự cũng là hoại nghĩa hư hoại, hỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Thủy thanh thư. Kinh văn viết từ bộ Bán đến bộ Nhục viết thành chữ trở là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là hoài quái. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hủy hoại, phá bỏ, diệt, bẻ gãy, bại hoại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tự phá diệt gọi là hoại, chữ viết từ bộ Thổ thanh hoại, chữ hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ Y đến bộ Đàm, âm đàm ngược lại âm đàm hạp, trên ngang là bộ Mục.

Chỉ trụ: Ngược lại âm chu lũ. Kinh văn viết từ bộ Túc viết thành chữ trụ là văn thông dụng thường hay dùng.

Trách khai: Ngược lại âm trên là trương cách. Trước đã giải thích đầy đủ rồi.

****

KINH MẬU LÊ MẠN ĐÀ LA CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Dịch Lệ: Âm trên là dịch, âm dưới là lệ. Trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Hiên thần: Ngược lại âm trên là hiển kiên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Người thờ gọi là Thần là Thiên. Nay mở trong sách cổ ra người gọi Thiên thần là thiên vậy.

La-xà: Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: Là vị vua.

Hung ức: Âm trên là hung, ngược lại âm dưới là ư lực. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ức là xương trên ngực. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: ức là ngực; chữ viết từ bộ nhục thanh ất, hoặc từ chữ ý viết thành chữ ức cũng thông dụng. Kinh văn hoặc là viết từ bộ cốt viết thành chữ ức là chữ cổ.

Tháp đầu: Ngược lại âm trên là đàm lạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháp là giẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp là âm tháp. Kinh văn viết chữ đạp này là văn thường hay dùng.

Chúc cân: Ngược lại âm trên trũng lục. Sách Khảo Thanh cho rằng: chúc cân đó nay gọi là cây búa của người thợ mộc đục đẻo, đốn chặt. Âm trác là âm trác giống như cây búa nhỏ, âm dược ngược lại âm câu dược, âm dược ngược lại âm vương chước.

Trứu my: Ngược lại âm trên trắc cứu gọi là cao mày; chữ viết bộ trứu đến bộ bì. Kinh văn viết chữ trứu cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Hoặc kháp: Ngược lại âm khổ hạp. Sách văn Tự Tập Lược nói rằng: móng. Văn Tự Điển nói rằng: dùng móng tay cào gãi; chữ viết từ bộ thủ thanh hãm âm hãm chữ hãm trên từ bộ nhơn dưới từ bộ cữu. Nay trong chữ cữu lại là cựu. Kinh văn viết từ bộ trão viết thành chữ kháp là chẳng phải.

Khiếm khứ: Âm khứ, thây chết trương lên, căng phồng lên.

Khánh khái: Ngược lại âm trên khải đĩnh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khánh là tiếng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: khánh cũng là khái; chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh âm khánh là âm khanh. Ngược lại âm dưới là khai cải. Cố Dã Vương cho rằng: khái là họ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: hơi đi ngược chữ viết từ bộ khảm thanh khái. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khái là chẳng phải.

Ảo chiết: Ngược lại âm trên nha giảo. Sách Tập Huấn ghi rằng: dùng tay bẻ gãy vật. Tự Thư cho rằng: lôi kéo ra.

Diệu ca: Ngược lại âm ô quải chính giữa cái muỗng có chỗ trũng,

hình như là cạn. Văn trước nói kinh Hộ Ma Chước, cái muỗng có cán nhỏ dài chỗ trũng cạn.

Văn ám: Âm vấn. Sách Phương ngôn cho rằng: dụng cụ chứa vật bị bể mà chưa có lìa ra gọi là văn. Quảng Nhã cho rằng: văn là đường nứt ra. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc, bộ cữu đến bộ quynh.

Kham hồ: Ngược lại âm trên tam cảm. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: hạt ngũ cốc xay nhỏ hòa trộn gọi là tham. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mễ, thanh kham. Kinh văn viết từ chữ tham, viết thành chữ tham này, cũng là văn thường hay dùng. Pháp Bảo Lâu Các niệm tụng - một quyển - văn khác chữ không khó có thể giải thích âm.

****

KINH BẢO LẦU CÁC ĐÀ LA NI CÚNG DƯỜNG TU HÀNH

(Văn dễ không có chữ khó đáng để âm nghĩa).

****

KINH VÔ CẤU TỊNH QUANG ĐẠI ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhuyễn âm: Ngược lại âm nhu diễn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: nhuyễn là mềm mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Đại thanh nhi. Ngược lại âm dưới là ấp ngâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm là tiếng, âm thanh, ở trong lòng có tiết tấu phát ra bên ngoài gọi là âm, theo lời nói bao hàm là một chữ hội ý.

Luân đường: Ngược lại âm dưới trạch canh. Tự Thư cho rằng: đường là cây trụ khung cửa, cũng viết chữ đường này. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là cây trụ cột; chữ viết từ bộ mộc thanh đường.

Táp xỉ: Ngược lại âm tam đáp. Ngược lại âm dưới đa khả.

Xạ hương: Ngược lại âm trên xà dạ. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Thúy có nhiều con xạ hương. Quách Phác chú giải rằng: con xạ giống như con hươu mà ở trong rốn của nó có mùi. Lại chú giải sách Nhĩ Nhã rằng là con hươu đực. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lộc thanh xa. Dưới chánh thể là chữ hương. Sách Thuyết Văn cho rằng: hương là mùi thơm; chữ viết từ bộ thử, đến bộ cam, mùi lúa thơm, mùi thơm lừng thơm xa.

Bảo khiếp: Trên là âm bảo. Tự Thư cho rằng: chữ viết từ bộ phửu, viết thành chữ bảo bảo, gọi là vật trân quý. Kinh văn viết từ bộ nể viết

thành chữ bảo văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là kiêm giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phương viết thành chữ khiếp, âm khiếp xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh khiếp. Trên âm phương ngược lại âm phóng vong.

KINH PHẬT THUYẾT TRÌ THẾ ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Kiến trách ca lâm: Âm kế là trắc cách. Ngược lại âm tam cương khư, tiếng Phạm, địa danh của nước Tây Vức.

Cơ cận: Âm trên là cơ, âm dưới là cận. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: ngũ cốc không chín là đói, tức là cơ. Các loại rau không chín tức là không ăn được cũng là đói, tức là cẩn. Theo sách Lễ ký ghi rằng: cơ cẩn đó là năm xấu, ngũ cốc không mọc lên được. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ cơ cận, đều từ bộ thực, thanh cơ cận, âm cẩn là âm cẩn.

Dịch lệ: Âm trên là dịch. Ngược lại âm dưới là ly chế. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: dịch lệ đó là bệnh do khí hậu không điều hòa, thời tiết hay thay đổi bất thường. Theo Ngũ hành truyện cho rằng: tháng sáu thì bệnh mùa, bệnh đậu mùa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhân dân phần nhiều bệnh ghẻ nhọt. Chữ viết từ bộ tật đến chữ dịch, thanh tĩnh. Chữ lệ là bệnh tật xấu ác; chữ viết từ bộ tật đến chữ lệ, thanh tĩnh âm tật ngược lại âm nữ ách.

****

KINH PHẬT THUYẾT VŨ BẢO ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Chỉ tủy nùng: Ngược lại âm trên chỉ di. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: chỉ là chất mỡ, ngưng đọng lại. Thích danh cho rằng: chỉ là chất béo. Sách Thuyết Văn cho rằng: mang theo trên có góc cạnh không trơn gọi là chỉ, không có góc cạnh trơn láng gọi là cao, chữ viết từ bộ nhục viết thành chữ chỉ cũng thông dụng văn thường hay dùng. Âm tủy ngược lại âm tuy chủy. Tự Thư cho rằng: chữ đúng thể từ chữ tùy viết thành chữ tùy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chất mỡ trong xương; chữ viết từ bộ cốt bộ tùy, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là nô đồng, kinh văn viết chữ nùng này là văn thường hay dùng. Sách Tự Thư viết chữ nùng. Sách Sử ký cho rằng: tám ngày phải xem thây chết của người họ âu đã sình lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nùng là sưng lên, vết thương có mủ máu đỏ bầm; chữ viết từ bộ huyết viết thành chữ nùng thanh tĩnh hoặc là viết thữ nùng này, giải thích nghĩa cũng đồng.

****

KINH THIỆN PHÁP PHƯƠNG TIỆN ĐÀ LA NI

(không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH KIM CANG BÍ MẬT THIỆN MÔN ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Hách dịch: Ngược lại âm trên nha cách. Quảng Nhã cho rằng: hách là lừng danh, nổi bật hiện rõ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tỏ rõ, giận dữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sắc mặt đỏ gay, đỏ rực chữ viết tử hai bộ xích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ xích ở phương Nam cho rằng: là màu sắc đỏ rực của lửa; chữ viết từ bộ đại đến bộ hỏa. Nay Địch Thư viết chữ xích này là biến thể. Kinh văn viết từ bộ thảo đến bộ xích viết thành chữ xích này là không thành chữ, âm nha, ngược lại âm hách da. Âm dưới là diệc gọi là hách hách dịch dịch là lừng lẫy, uy thế lớn lao, chữ viết từ bộ cũng thanh diệc âm cũng là âm cũng.

****

KINH HỘ MẠNG PHÁP MÔN THẦN CHÚ

(không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHƯƠNG ĐÔNG TỐI THẮNG ĐĂNG VƯƠNG NHƯ LAI

Tuệ Lâm soạn.

Nhượng tai: Ngược lại âm trên là nhữ dương. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhượng là bài trừ, dừng lại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trừ bỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cướp đoạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: đẩy ra; chữ viết từ bộ thủ thanh nhượng. Âm thôi ngược lại âm tha lôi. Âm nhượng là âm tương, ngược lại âm dưới là tể lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiên tai lửa cháy gọi là tai, chữ viết từ bộ hỏa, thanh tai, âm tai đồng với âm trên. Kinh văn viết từ chữ tai. Sách Đại Thiện cho rằng chữ cổ chữ viết từ bộ hỏa thanh xuyên âm xuyên là âm thành. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy bị tắc nghẻn, gọi là ngập lụt, chữ viết từ bộ nhất đến bộ thổ gọi là đất lỡ, nước ngập

thành ra tai họa. Thời nay thông dụng thường viết chữ tai là chữ cổ.

Nhiễu loạn: Ngược lại âm trên là như chiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiễu là phiền nhiễu, quấy rối; chữ viết từ bộ thủ đến bộ ưu. Âm ưu ngược lại âm nô đao, chữ viết từ chữ ưu đó là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là loan đoạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: loạn là lộn xộn, lẫn lộn. Sách Lý Tư Tiểu Triện cho rằng: chữ dưới từ bộ thốn viết thành chữ loạn.

Chi kha: Âm trên là chi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chi là nhánh cây sồi, lá của cây rất nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mọc có nước khác biệt; chữ viết từ bộ mộc thanh chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bán đến bộ trúc đến bộ hựu viết thành chữ chi, âm dưới là ca. Quảng Nhã cho rằng: kha là thân cây, cành cây. Cố Dã Vương cho rằng: kha cũng là cành cây, chữ hình thanh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chữ viết từ chữ da đến bộ tâm viết thành chữ thứ đồng với âm trên.

Ma-sa-địch: Âm sa ngược lại âm sang hà, tiếng Phạn. Chữ sa nay sai lầm, viết đúng là chữ sa này chữ viết từ bộ túc.

****

KINH CHƯ PHẬT TẬP HỘI ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Nại lai: Ngược lại âm trên nô tát, ngược lại âm dưới là trắc giai, tiếng Phạn, câu Đà-la-ni.

****

- KINH KIM CANG THỌ MẠNG
- KINH KIM CANG DIÊN MẠNG NIỆM TỤNG

(Hai kinh trên đều không có chữ để giải thích âm.)

****

KINH THIỆN PHÁP PHƯƠNG TIỆN ĐÀ LA NI

(không có từ để âm nghĩa)

****

KINH ĐÀ LA NI TẬP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Bạt sơn: Ngược lại âm trên bàn mạt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đi giẫm trên cỏ gọi là bạt. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: không đi theo con đường nhỏ hẹp gọi là bạt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc, thanh bạt, âm bạt ngược lại âm bổ mạt.

Tương trụ: Ngược lại âm dưới là tru lũ. Sách Tự Thư cho rằng: lấy một điểm làm chủ. Nay mượn chữ chủ này dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủ gọi là chỗ có được phép dừng lại. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ trụ cũng thông dụng thường hay dùng. Tự Thư cho rằng: đều không phải.

Hướng ngạc: Ngược lại âm ngang các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạt là nứu răng. Kinh văn viết từ bộ xỉ viết thành chữ ngạt thông dụng văn thường hay dùng.

Kháp sổ châu: Ngược lại âm tiết giáp. Bì Thương cho rằng: dùng móng tay gãy. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thư thanh kháp âm kháp ngược lại âm thổ cao.

Bạch điệp: Ngược lại âm dưới là điềm diệp. Theo chữ bạch điệp đó là ở nước Tây Vức dùng bông hoa cỏ, màu trắng, mềm mại dệt làm vải thưa. Theo văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mao thanh điệp. Kinh văn viết chữ tiết là chẳng phải âm nhiên ngược lại âm niên điển.

Khoát giáp: Ngược lại âm dưới là hàm giáp. Cố Dã Vương cho rằng: giáp là nơi vùng biên ải chật hẹp. Lại gọi không có rộng rãi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ đến bộ giáp cũng là thanh giáp, âm giáp là âm giáp.

Khải thạch: Ngược lại âm trên là ngô quái. Thế Bổn cho rằng: công thâu ban đầu làm đá mài. Sách Khảo Thanh cho rằng: dụng cụ xay lúa mạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cối xay thóc; chữ viết từ bộ thạch thanh khải. Thống Trị cho rằng: Lỗ Ban ban đầu làm cái cối, âm lung ngược lại âm mạc hạ.

Ngõa hạng: Ngược lại âm dưới là học giang. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hạng tức là cái chum lớn, cái vại, chỉ đồ sành chứa vật lớn có miệng rộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạng tức là cái bình miệng nhỏ mà bụng to cổ dài, chứa mười thăng, chữ viết từ bộ ngõa đến bộ công thanh công, âm anh là âm anh.

Nhất oản: Ngược lại âm oản quan. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Trần, Sở, Tống, Ngụy gọi các bát là oản. Sách Thuyết Văn

cho rằng: oản là cái bát nhỏ; chữ viết từ bộ mãnh, thanh oản văn thông dụng viết chữ oản này. Theo Thanh Loại thì viết từ bộ ngõa viết thành chữ oản đều thông dụng âm oản là âm oản.

Kháp thủ: Ngược lại âm trên hồ kháp. Theo truyện Trương Xung Tây Đô Phú nói rằng: kháp là nước dãi trong miệng nhổ ra, cũng gọi là đàm dãi, nước miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kháp là nhổ nước dãi, nước bọt; chữ viết từ bộ khiếm thanh hạp. Kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ hạp này là chẳng phải.

Chú tốn: Ngược lại âm dưới là tôn thốn. Bì Thương cho rằng: tốn là ngậm nước trong miệng phun ra, vật phơi khô, phun nước vào. Cố Dã Vương cho rằng: dùng miệng ngậm nước phun lên vật. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh tốn. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ tốn là văn thông dụng thường hay dùng.

Phanh thằng: Ngược lại âm trên bách manh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: phanh là sai khiến cho làm theo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: cũng gọi là theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm dao động, gạt xua ra, vung lên. Lại chữ viết từ bộ bình viết thành chữ phanh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh biện. Ngược lại âm dưới là thạch nhưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây lớn, chữ viết từ bộ mịch đến chữ dăng, thanh tĩnh âm dăng ngược lại âm dực tằng.

Niết xuất: Ngược lại âm lân niết. Sách Tự Khoan cho rằng: niết là bẻ gãy. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhỏ bé, văn cổ viết chữ niết từ bộ diêu âm diêu. Ngược lại âm nhứt diêu, từ bộ diêu âm diễu là âm diễu, từ bộ chi đến bộ mãnh. Tuy là viết đúng nhưng chữ này thời nay phần nhiều không dùng, hoặc là viết chữ niết này giải thích cũng đồng, chữ viết từ bộ thủ thanh lệ, âm ảo ngược lại âm nha giảo.

Phật sóc: Ngược lại âm dưới là song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây giáo. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cây giáo dài một trượng tám thước, chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu.

Nhất thốc: Ngược lại âm dưới là tông lộc. Cố Dã Vương cho rằng: thốc là mũi tên có đầu nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất nhạy bén; chữ viết (T552) từ bộ kim thanh tộc.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 2

Khẩu đạo: Ngược lại âm đào lão. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thuyết đạo, cũng gọi là dùng lời nói ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạo là chỗ con đường đi; chữ viết từ bộ xước thanh thủ. Văn cổ viết từ bộ thủ đến bộ thốn viết thành chữ đạo. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ đạo là chẳng phải, kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ đạo này.

Mạt tha: Ngược lại âm thương ca. Sách Khảo Thanh cho rằng: tha là xoa vò. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: tha là xê dịch, dời chỗ; chữ viết từ bộ thủ thanh sa, âm na là âm na.

Kỳ gian: Ngược lại âm trên kỷ nghi. Theo chữ chỉ kỳ gian đó tức là dùng ngón tay phân rẽ khe hở ra, âm quất, ngược lại âm hách á, âm khích ngược lại âm hương nghịch.

Sở thích: Ngược lại âm dưới là thanh chích. Sách Thuyết Văn cho rằng: thích là loại côn trùng đi gieo độc hại, chữ viết từ bộ trùng thanh thích kinh văn viết từ bộ diệc viết từ bộ diệc viết thành chữ thích là văn thường hay dùng, âm chích ngược lại âm chinh xích.

Mạc phạ: Ngược lại âm dưới là phách bá. Theo sách văn Tự Tập Lược cho rằng: phạ là sợ sệt, sợ hãi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: phạ là lo sợ, chữ viết từ bộ tâm thanh bạch kinh văn viết chữ phạ này là chẳng phải.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 3

Hạp đương: Ngược lại âm trên kham hạp. Ngược lại âm dưới đương tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: hạp đương đó là tên chung chỉ cho quần áo. Sách Phương Ngôn cho rằng: nay ở Trung Quan gọi áo ngắn là hạp đương. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đương tức là áo ngắn trên lưng, một cái trên lưng, một cái áo trên ngực, chữ viết từ bộ y thanh đương.

Cù du: Âm trên là cù, ngược lại âm dưới là số dục, tiếng Phạn, gọi là thảm lông trải dưới đất, chữ viết cũng không đúng.

Tác quyết: Ngược lại âm dưới là quyền nguyệt. Sách Tự Thư viết chữ quyết. Quảng Thất cho rằng: quyết là cây cột buộc trâu bò. Xưa nay

Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh quyết âm dực là âm dực này.

Tản cái: Ngược lại âm trên toản đàn. Trong kinh văn viết chữ tản này cũng thông dụng văn thường hay dùng. Sách Đông Quán Hán Ký ghi rằng: khi mà trời mưa lớn, người cỡi trên lưng ngựa cầm cây dù mà che, từ hơn trăm người cỡi ngựa. Cố Dã Vương cho rằng: tản tức là cây dù che. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh tán.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 4

Sang pháo: Ngược lại âm dưới bạch nhi. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: muct nhỏ lở loét mà phát ra mụn nhọt. Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: pháp là mụn nhọt nổi trên mặt, mụt mụn trên mặt nốt phồng lên ở trên da; chữ viết từ bộ bì thanh bao, âm tọa ngược lại âm tọa hòa âm thư ngược lại âm thất dư.

Dương tiên: Ngược lại âm trên dưỡng tương. Sách Lễ Ký ghi rằng: trên đầu có ghẻ thì phải gội đầu, thân thể có nhọt thì phải tắm rửa. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: dương là vết thương bị lở loét. Sách Thuyết Văn cho rằng: dương là mụt nhọt trên đầu; chữ viết từ bộ tật thanh dương âm dương là âm dương, âm tật ngược lại âm nữ ách, ngược lại âm dưới là tiên tiển. Giã Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: tiên là bệnh ghẻ lỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là một loại bệnh nấm trên da, dần dần lan to ra rất ngứa, chữ viết từ bộ tật thanh tiên.

Hàm phong: Ngược lại âm trên khả cam. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết từ bộ nhơn viết thành chữ hàm hàm có nghĩa là rất ngu si. Tự Thư cho rằng: hàm là ngu, ngây ngô, đần độn. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh cảm. Kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ hàm văn thông dụng thường hay dùng.

Bại hưởng: Ngược lại âm bài mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: bại là tiếng ca vịnh pháp sự của tăng ni tu sĩ cũng là tiếng ca vịnh bằng thanh Phạn.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 5

Cấp cấp: Ngược lại âm tham táp. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cấp cấp đó là hình dung rất mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp cấp đó là cùng đi đến kịp lúc, chữ viết từ bộ mã thanh cập.

Lạc bác: Ngược lại âm trên là tức các. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lạc là nối quấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh các, cũng viết chữ tác này viết thành chữ lạc. Ngược lại âm dưới là bàng mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái vai.

Bảo thao: Ngược lại âm dưới thảo đao. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thao là sợi dây tơ màu làm đồ trang sức. Sách Khảo Thanh cho rằng: thao là sợ tơ dệt giống như sợi dây gọi là thao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch đến thanh thao. kinh văn viết chữ thao này cũng thông dụng thường hay dùng.

Hữu thủ thác địa: Ngược lại âm thang lạc, chữ này lại có âm khác, nay không dùng. Theo ý nghĩa của kinh là lấy âm hữu thủ dưỡng tiếp địa nghĩa là kiết ấn tụng chơn ngôn.

Tợ tòng: Ngược lại âm tộc hồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ giác đến bộ thủ là đúng, âm giác ngược lại âm sĩ giác.

Thâm đạm: Ngược lại âm đàm lam. Tô Lâm cho rằng: đạm là an tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: không dao động, chữ viết từ bộ thủy thanh đạm.

Sa bệ: Ngược lại âm tất mê, tiếng Phạn.

Mộc hoạn: Ngược lại âm dưới hoàn quán. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: tên của loại cây, hột của cây này có thể xâu làm hạt châu, chuỗi hạt.

Trí đốn: Ngược lại âm trên tri lợi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trí là vấp ngã. Quảng Nhã cho rằng: trí là làm lãng phí hư hại. Sách văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ túc thanh chất.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 6

Nhuy mộc: Ngược lại âm trên là nhủ giai. Theo chữ nhuy đó là tên của loại thuốc. Kinh văn viết từ bộ hữu viết thành chữ nhuy là văn

thường hay dùng, tên của cây giống như cây cẩu kỹ, tên thật của cây gọi là nhuy nhơn là loại thuốc trị bệnh con mắt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh nhuy âm nhuy là âm nhuy đồng với âm trên.

Càn thức: Ngược lại âm dưới là thăng chức. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thức là lau chùi quét dọn sạch sẽ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: thanh khiết, trong sạch. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ, thanh thức. Kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ thức này là sai.

Giảo giả: Ngược lại âm trên ngũ giảo. Quảng Nhã cho rằng: giảo là cắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xỉ thanh giao hoặc là viết từ chữ nhiêu viết thành chữ nhiễu.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 7

Mạc phạ: Ngược lại âm phách mạ. Sách Khảo Thanh cho rằng: phạ là lo sợ. Sách Vận Anh cho rằng: sợ sệt; chữ viết từ bộ tâm, thanh bạch cũng có viết từ bộ cân viết thành chữ ba cũng thông dụng. Kinh văn viết chữ bá viết thành chữ phạ, hoặc là viết từ bộ giả viết thành chữ giả đó là do người dịch kinh. Tùy theo ý tự viết, dùng chữ không có căn cứ đều chẳng phải chữ phạ vốn là âm phổ bạch nay không lấy âm này.

Thảo triện: Ngược lại âm truyện luyến nói xét kỹ. Theo ý kinh là buộc cỏ lau làm cây đuốc cháy sáng lên để khi người có bệnh hơ thân cho ấm. Tục ngữ gọi là thảo triện, lời nói chẳng phải văn nhã. Tự Thư cho rằng: thảo đàm âm đàm ngược lại chuẩn nhuận. Tục tực viết chữ đàm. Thống Tự cho rằng bó cỏ khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: bó cỏ phơi cho khô hoặc là che vách tường, người trí đó có thể chứng minh mà biết vậy.

Thoán qua: Ngược lại âm sang loan. Chữ giả tá bình thanh, dùng vốn là âm khứ thanh, nay không dùng âm này gọi là ném cây đuốc.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 8

Sái dục: Ngược lại âm tiên lễ. Sách Chu Dịch cho rằng: sái là tên sông. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa, gột quét sạch, chữ viết từ bộ thủy thanh sái. Trong kinh văn viết chữ tẩy dục cũng thông dụng.

Bạt chi: Ngược lại âm phiên mạt. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy nước rãi. Sách Vận thuyên cho rằng: chữ viết từ bộ bạt đến bộ thủy viết thành chữ bạt. Sách Tập Huấn cho rằng: bỏ nước dơ kinh văn viết chữ tế cũng thông dụng.

Điềm thủy: Ngược lại âm diệp cổ chữ hội ý.

Xiểm tử: Ngược lại âm trên thức nhiễm tên người.

Cốc võng: Ngược lại âm trên công ốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉ các đầu tăm xe tụ tập vào bầu chứa trục cửa bánh xe tức là căm xe; chữ viết vào bộ xa đến bộ cốc, âm cốc là âm ốc. Ngược lại âm dưới là võng. Tự Thư cho rằng: võng tức là vành lốp xe, âm lộc ngược lại âm cự ngư. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: lộc là vành bao quanh xe dài hai trượng bảy thước, ngày xưa dùng lụa bọc chung quanh bánh xe. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xa thanh võng.

Cẩm miển: Ngược lại âm dưới mãn bàn. Quảng Nhã cho rằng: miễn là thêm vào. Sách Vận Thuyên cho rằng: che đậy. Sách Khảo Thanh cho rằng: che đậy. Sách Khảo Thanh cho rằng: có lợi ích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh miễn.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 9

Càn lam điện: Ngược lại âm dưới là điền luyện. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: điện là cặn bả. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh điện. Kinh văn viết từ bộ thủy đến bộ định viết thành chữ định này là chẳng phải.

Ngõa bát: Ngược lại âm dưới là bán mạt văn thường hay dùng viết chữ bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát là đồ dùng đựng thức ăn, chữ viết từ bộ mãnh thanh bạt, âm bạt ngược lại âm bàn mạt.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 10

Bình đương: Ngược lại âm trên tinh sính, chữ khứ thanh. Quảng Nhã cho rằng: bình là trừ bỏ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ, thanh bình cũng viết chữ phanh. Ngược lại âm dưới là đương lãng. Sách Tự Cảnh cho rằng: đương đó là không có ở trong. Nay phải trừ bỏ đi, sách văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ nhơn thanh đương. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đảng là chẳng phải.

Liêu lý: Ngược lại âm liễu bành. Cố Dã Vương cho rằng: liêu là chỉnh lý, sửa sang lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: liêu cũng là sửa sang; chữ viết từ bộ thủ thanh liêu, âm liêu là âm tức diêu.

Ngõa lịch: Ngược lại âm dưới là linh đích . Sách Sở Từ cho rằng: ngõa lịch tức là đá sỏi vụn mà làm ngọc báu là trừ bỏ đi không dùng được. Sách Thuyết Văn cho rằng: lịch là đá vụn; chữ viết từ bộ thạch thanh lạc.

Thạnh kim bạt: Ngược lại âm trên là thạch doanh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: chứa đựng sáu loại ngũ cốc gọi là thạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đồ dùng trong chứa lúa tắc; chữ viết từ bộ mãnh thanh thành. Kinh văn viết từ bộ miên viết thành chữ thạnh chữ thành này nghĩa là nhà dung chứa, chẳng phải ý nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới là bổ mạt. Trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 11

Cháp sóc: Chữ trên đúng là chữ chấp, ngược lại âm dưới là song tróc. Trước quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ sóc này là chẳng phải.

Luyến đầu: Ngược lại âm trên là quyết viện. Quảng Nhã cho rằng: luyến là cái đấu để chứa thóc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đấu đã rĩ sét; chữ viết từ bộ đẩu thanh luyến, âm luyến là âm luyến.

KINH ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN 12

Cương thạch: Ngược lại âm cư lương. Bì Thương cho rằng: cương là đá vụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cương là đá có màu sắc trắng giống như đá cứng, bởi vậy nên gọi tên là cương. Đây là chữ đất hóa thành đá cứng, cũng như đá núi. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thạch thanh cương.

Khoan trách: Ngược lại âm dưới là tranh tác. Bì Thương cho rằng: trách là chỗ chật hẹp, bức bách. Sách Vận Anh cho rằng: vùng biên ải chật hẹp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ huyệt thanh trá hoặc là viết chữ trách này cũng đồng nghĩa.

Phù chủ: Ngược lại âm trên là phù âm dưới là thâu khẩu. Văn thường dùng xem các chữ trong sách đều không có chữ này, người dịch kinh tự ý viết ra mà bỏ vào lấy âm. Thực ra chữ này từ bộ thực viết thành chữ phù chủ. Sách Tự cảnh cùng với sách Khảo Thanh cho rằng: chúc thị thiết âm vận, đều từ bộ mạch viết thành chữ phù chủ, âm đồng với âm trên. Cố Công cho rằng: nay vào trong nước lấy bánh dầu tô nướng làm bánh. Theo đây gọi là bánh dầu, vốn là người Hồ ở trong nước ăn. Nay chữ viết có sửa đổi đôi chút, cho nên thời cận đại mới có gọi là các nhà Nho tùy ý viết chữ chế biến ra, vốn không có chánh thể, chưa rõ biết người Hồ ăn bánh đó tức là bệ la là bánh nước. Người Hồ gọi là bánh tháp nạp v.v...

Sấn thí: Ngược lại âm trên là sở nhẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: sấn tức thí, nghĩa là đem của cải ra ban cho. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh thân.

Sưu trung: Ngược lại âm trên là sưu trứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưu là gầy yếu. Chữ viết từ bộ tật thanh sưu, âm loa ngược lại âm lực thùy, chữ sưu chữ đúng là viết chữ sưu này.

****

- KINH NA TRÁ CÂU BÁT LA CẦU THÀNH TỰU
- KINH NA TRÁ THÁI TỬ CẦU THÀNH TỰU ĐÀ LA NI

(Hai quyển trên văn đều không có khác có thể giải âm.)

****

KINH TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI TỰ TẠI ĐÀ LA NI THẦN CHÚ

(Bảo Tư Duy dịch là trừ chơn ngôn ngoại đạo
không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH TÙY CẦU ĐẠI ĐÀ LA NI

Kim Cang trí dịch - Tuệ Lâm soạn.

Điên gián: Ngược lại âm trên là điển niên. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: phong tặc nhập vào đứa bé năm tuổi, nên bị bệnh điên. Quảng Nhã cho rằng: bệnh cuồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh phong, chữ viết từ bộ tật thanh điên. Âm dưới là nhàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là bệnh phong.

Yểm cổ: Ngược lại âm trên y diễm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: yểm đó là khiến cho trong lòng người phục tùng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đè nén. Sách Thuyết Văn cho rằng: hợp; chữ viết từ bộ hán, thanh yểm hoặc viết chữ yểm này từ bộ thị âm thị là âm ký.

****

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH MẠN ĐẠI TÙY CẦU

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Trì bảng: Ngược lại âm lung giáng, chữ chánh thể. Tục dùng viết từ bộ phụng viết thành chữ bổng.

Ô-ba-tác-ca: Ngược lại âm Ô-cổ tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: cận sự nam, dịch là Ưu-bà-tắc.

Văn manh: Ngược lại âm trên là văn, âm dưới là mạch canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên loài côn trùng.

Tăng khải: Ngược lại âm tật dăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên gọi chung của các loại vải lụa.

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH MẠN ĐẠI TÙY CẦU QUYỂN HẠ

Phiến trạch bán trạch ca: Ngược lại âm trên lặc-gia. Ngược lại âm dước lặc-cánh, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang gọi là huỳnh môn.

Kiêu dũng: Ngược lại âm trên giao nhiêu.

Khiêu mạch: Ngược lại âm trên điều liêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhảy chồm lên trên. Ngược lại âm dưới là mạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỡi trên lưng ngựa, chữ viết từ bộ mã thanh mạc.

Lăng bức: Âm lăng là chữ đúng thể tục dùng phần nhiều viết từ bộ tiết đến bộ thủy, chẳng phải chữ lăng bức này.

Khiết tướt: Ngược lại âm nghiên kiết, ngược lại âm dưới tường lược.

Tỳ nữu: Ngược lại âm ni trửu tiếng Phạn.

****

KINH THẤT CÂU TRI PHẬT ĐẠI TÂM CHUẨN ĐỀ ĐÀ LA NI

Địa Bà-ha-la dịch, Tuệ Lâm soạn.

Tha dĩ tiển: Ngược lại âm trên là thương hà. Quảng Nhã cho rằng: dùng tay kéo sợi tơ ra xe làm sợi dây. Sách Vận Thuyên cho rằng: xe dây. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh sa, chữ sa. Sách Thuyết Văn cho rằng triện thư viết từ bộ chúng đến bộ tả. Địch thư cho rằng: lây âm này cũng thích hợp, có sửa đổi lại từ bộ nhiễm viết thành chữ sa chữ biến thể, âm nhẫm là âm nhẫm. Ngược lại âm dưới là tiên tiến. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tiển là sợi chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiển. Kinh văn viết chữ tuyến hoặc là viết chữ diên văn thông dụng đều cho rằng: chẳng phải chánh thể.

****

KINH PHẬT THUYẾT THẤT CÂU TRI PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ung tiết: Âm trên là ung. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: không thông gọi là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: ung là sưng lên, chữ

tượng hình. Âm dưới là tiết, xưa nay Chánh Tự cho rằng chữ chánh thể là từ bộ tiết viết thành chữ tiết này. Lâu đời rồi bớt không dùng, nay thì dùng chữ tiết này. Sách Văn Tự Điển nói rằng: tiết là mụt nhọt nhỏ ung là mụt nhọt lớn; chữ tiết viết từ bộ tật thanh tiết.

Sa-đan: Ngược lại âm thán đan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cát trong nước theo dòng chảy. Quách Phác chú giải rằng: nay ở Giang nam gọi là cát trong nước chảy theo dòng bồi đắp làm phù sa, bãi cát. Lại là âm đản, kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ thản là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Xước tụ: Ngược lại âm xương nhược, ngược lại âm dưới là tù tựu. Theo chữ xước tụ đó là tay áo rộng, khi nói lấy tay áo che lại, lúc đi tay áo rộng theo gió thướt tha mềm mại, gọi là xước tụ.

Thụ đới: Âm trên là thụ. Sách Lễ ký nói rằng: vua buộc dây thất lưng màu đỏ, Đại phu buộc dây thất lưng màu thâm, Thế tử buộc dây thất lưng màu vàng pha đỏ. Trịnh Huyền chú giải rằng: dây thao buộc đó là dây xâu suốt qua miếng ngọc bội, kế tiếp nối buộc vào nhau, ràng buộc kế tục. Sách Hán Thư cho rằng: xưa đó là ngọc bội tượng trưng cho có tôn ty, thứ tự. Ngũ Bá thay nhau nổi lên chiến tranh không ngừng nghỉ, mà dây thao buộc ngọc bội chẳng phải khí cụ chiến tranh, cũng chẳng phải binh tướng, chẳng phải cờ xí, mà phải mở ra cởi ra, dây thao buộc ngọc bội để lưu lại cho đời sau chỉ sợi tơ buộc áo. Lại cho rằng: chương biểu dây thao buộc ngọc bội đã phế bỏ từ đời nhà Tần. Sợi dây có các màu sắc đó liên kết với áo của các quan cao trong triều đình, cộng thêm vòng ngọc bích sáng lấp lánh, tiêu biểu cho sự truyền thừa nối tiếp với nhau, cho nên gọi là thụ thụ cũng là đới là thắc lưng buộc ngang eo lưng.

Bạch loa vi xuyến: Ngược lại âm chữ viết từ bộ trùng, ngược lại âm dưới xuyên luyến là cái vòng đeo tay.

****

KINH THẤT CÂU TRI PHẬT MẪU SỞ THUYẾT CHUẨN ĐỀ ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhất trịch: Ngược lại âm trình kích. Văn Tự thông dụng và sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng từ chữ trích đến bộ thủ viết thành chữ trịch. Quảng Nhã cho rằng: trịch là phấn chấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ném đều là chữ hình thanh.

Phiêu vịnh: Ngược lại âm trên thất diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là nổi trên mặt nước. Ngược lại âm dưới là vinh mạng. Quách Phác dưới là vinh mạnh. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: vịnh là lặn dưới đáy nước, hoặc là viết chữ vịnh. Từ bộ chu đến bộ vịnh.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI CĂN BỔN NHẤT TỰ ĐÀ LA NI

(không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH MẠN THÙ THẤT LỢI BỒ TÁT NHẤT TỰ CHÚ VƯƠNG

Tuệ Lâm soạn

Địa khuẩn: Ngược lại âm dưới quần vẫn. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở trên núi Mạnh Tử có nhiều vi khuẩn, tức là nấm móc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loại nấm quỳ. Quách Phác chú giải rằng: nấm đất giống như cây dù. Nay Giang đông gọi là mọc buổi sáng sớm, không biết ngày cuối của tháng vậy. Nay trong đây có người đều có người ăn nấm này.

Minh tra: Ngược lại âm trên là mịch bình, ngược lại âm dưới chả sa. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Động đình có nhiều cây tra lê. Lại cũng nói ở Bình khưu có cây cam tra. Quách Phác chú giải rằng: cây cam tra có nhiều nhánh, lá đều màu đỏ, hoa màu trắng, quả màu đen. Sách Tập Huấn nói rằng: thuộc loại cây tra lê có vị chua mà lại rất thơm ngon.

Xà yết: Ngược lại âm trên xả giá. Chánh thể là chữ xà này, ngược lại âm dưới hiên yết. Quảng Nhã cho rằng: xả bá viết lại, thích, thát, triết, để, man, yết đều là tên khác của loại bò cạp. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ giữa quan đông tây Tần Tấn gọi lại, thích là con bò cạp. Theo chữ viết đó là lời nói thông dụng bốn phương. Đây là loại côn trùng, hình nhỏ như con cua cái đuôi cuộn lên trên lưng, mà khi thẳng ra có chất độc làm cho con người bị thương. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: loại côn trùng cắn, chích hoặc đốt người, đuôi nó rất mạnh giống như đuôi tóc của người phụ nữ, cong lại mà cuộn lên. Loại côn trùng này rất độc hại cắn chích người gọi là con bò cạp, âm chiết lại, ngược lại âm thát lặt âm lặt. Ngược lại âm quan khác, văn cổ viết chữ bạn chữ độc âm chiết, ngược lại âm tri liệt, âm kỳ. Ngược lại âm

kỳ lặc, ngược lại âm lặc giới, âm giải ngược lại âm hài giới, âm thích là âm thích.

Sở chiết: Ngược lại âm tri liệt văn trên trong chú giải đã giải thích rồi.

****

KINH CHỦNG CHỦNG TẠP CHÚ

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH BỒ TÁT TRANG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Tam Tạng Bất Không dịch - Tuệ Lâm soạn.

Kế tự: Ngược lại âm trên kê nghê. Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: kế đó gọi là không dứt tuyệt. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: kế là dư thừa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thừa kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: nối tiếp theo; chữ viết từ bộ mịch thanh kế, âm kế đồng với âm trên. Kinh viết từ bộ kế viết thành chữ kế, thông dụng thường hay dùng, không dùng đến bộ thảo là sách viết sai. Sách Thuyết Văn cho rằng: kế là kịp lúc Tự Thư cho rằng: kế là chữ cổ, âm kế là tuyệt, đoạn tuyệt, từ chữ tuyệt đều là chữ hội ý. Ngược lại âm dưới từ tự. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tự là kế thừa. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: tự nối tiếp theo, tiếp tục. Mao Thi Truyện lại nói rằng: tự là thói quen. Sách Thuyết Văn cho rằng: chư hầu các nước tuần tự theo, nối tiếp theo chữ viết từ bộ khẩu đến bộ sách, thanh tư, văn cổ viết từ bộ tử, viết thành chữ tư, âm sách là âm sách.

Phân phúc: Ngược lại âm trên là phương văn. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: phân là hương thơm ngào ngạt. Sách Phương Ngôn cho rằng: hòa theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ mới mọc có mùi thơm cùng khắp; chữ viết từ bộ thảo, chữ hình thanh, hoặc từ bộ triện viết thành chữ phân, ngược lại âm dưới là bằng mục. Theo Hàn Thi truyện ghi rằng: phúc là đem mùi thơm dâng lên cúng tế. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hương, thanh phức âm phúc đồng với âm trên.

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên chương diêm, ngược lại âm dưới là bằng mạc. Tên của loại hoa ở Tây Vực, nước này không có loại hoa này.

Trù lượng: Ngược lại âm trên trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: trù là tính toán. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: trù là vạch ra kế hoạch, trù liệu, sách lược. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc thanh trù. Ngược lại âm dưới là chữ lượng, chữ viết từ chữ đồng.

Tranh trung: Ngược lại âm trên trạch canh. Sách Tự cảnh và sách Khảo Thanh cho rằng: tranh là cây trụ cột của bảo tháp, chính giữa cây cột có hình bánh xe, cũng là chữ hình thanh, hoặc là viết chữ tranh này.

****

KINH BÁCH THIÊN ẤN ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI TU QUÁN HẠNH CÚNG DƯỜNG NGHI QUỸ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tỳ khước: Ngược lại âm trên bì mỹ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tỳ là ngắn, thấp bé. Cố Dã Vương cho rằng: tỳ là thấp hèn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm thanh tỳ, âm nghiễm là âm nghiễm, ngược lại âm dưới là khương ngược tức là chân giường. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ nhục thanh khước. Tục dùng viết từ bộ khứ viết thành chữ khước này là sai âm khước, ngược lại âm khương ngược. Triện văn vốn viết từ bộ tiết đến bộ cốc âm cốc ngược lại âm cường lược. Từ bộ trọng bộ bát đến bộ khẩu nay Địch Thư cho rằng: từ bộ khứ là chữ đúng, chữ quá xưa nên không dùng. Nay là giải thích theo văn này, cho nên nói văn này vốn là ngọn nên cứ tùy theo mà dùng.

Loa bôi: Ngược lại âm trên là lỗ hòa, giống như ốc sên, mà lại lớn hơn kinh văn viết chữ loa văn thường hay dùng.

Kiểu thạch chỉ: Ngược lại âm trên nhiêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: sợi dây buộc vào mũi tên bắn đi, hoặc viết từ bộ cân viết thành chữ kiểu này cùng đồng nghĩa.

****

KINH A SÚC NHƯ LAI NIỆM TỤNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Độc cổ xử: Âm kế là cổ, độc cổ đó là cây không có nhánh lá, giống như chày kim cang. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ cổ là thuộc cây búa lớn bằng sắt thép. Đây chẳng phải nghĩa kinh dùng.

Tài kiết: Ngược lại âm trên tại lai. Sách Tập Huấn cho rằng: tài đó là tạm thời, chữ viết từ bộ mịch đến bộ miễn, âm miễn ngược lại âm sửu lược. Từ bộ thố, âm thố, ngược lại âm thổ cố.

****

KINH BẢO KHIẾP ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Hầu thiện: Ngược lại âm trên là hiệu giao. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là thịt cá phơi khô. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: thịt làm tương, loại chẳng phải ngũ cốc mà ăn được gọi là hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hầu là thịt ăn được, chữ viết từ bộ nhục thanh hào. Kinh văn viết chữ hầu thiện này là chẳng phải.

Thổ đôi: Ngược lại âm dưới là đối lôi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: đồi đất cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ phụ. Lại gọi là phụ là đống đất nhỏ, chữ tượng hình. Nay văn thường hay dùng viết từ bộ truy viết thành chữ đôi này là chẳng. Văn cổ viết chữ nhạn thời chỗ không dùng được.

Huyền nhiên: Ngược lại âm trên huyền quyến. Sách Vận Thuyên cho rằng: khóc. Lại cho rằng lộ ra ánh sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh huyền dưới là chữ nhiên từ bộ nhục đến bộ khuyển đến bộ tiểu... âm tiêu... ngược lại âm tất diêu là từ ngữ.

Cù dục: Ngược lại âm trên cụ câu âm dưới là dục. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: tên của loài chim cù dục, tức là chim yểng, có thể dạy nói tiếng (T554)người, thuộc hàng chim sáo, mùa lạnh bay rất cao, chữ tượng hình.

****

KINH LỤC TỰ THẦN CHÚ

(không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT LỤC TỰ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hợp uyển: Ngược lại âm dưới là uyển hoán. Kinh văn viết từ bộ nguyệt viết thành chữ uyển, văn thông dụng thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ thủ đến bộ uyển, âm uyển là âm uyển từ bộ mục, đến bộ trảo âm là âm trảo.

Bạch điệp: Ngược lại âm điềm điệp. Ở nước Tây Vực lấy bông hoa cỏ dệt làm vải thưa. Kinh văn viết chữ tiết nghĩa lại khác chẳng phải đây dùng.

Lô lữ: Âm trên là lô, ngược lại âm dưới là lực chủ. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: lô tức sợi chỉ gai, thô. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chưa luyện thành sợi mịn màng gọi là lô. Từ Quảng gọi là thuộc vải gai. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi chỉ, đều là chữ hình thanh.

Đào canh mễ: Ngược lại âm trên đường lao. Sách Tập Huấn cho rằng: đào thải, loại bỏ. Ngược lại âm kế là cách hành. Theo Thanh loại cho rằng: canh là một thứ lúa chín muộn mà không dẻo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh canh. Kinh văn viết từ bộ cánh viết thành chữ canh này, văn thường hay dùng, cũng là thông dụng đồng nghĩa.

****

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG THẦN CHÚ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Lam tỳ: Ngược lại âm lực hàm.
Ế ly: Ngược lại âm ô hề.
Bí đảm: Ngược lại âm bổ miệt.
Khả lê: Ngược lại âm cố ngã.
Đảm bà: Ngược lại âm đồ cảm.
Đa chiên: Ngược lại âm tri liên.
Tù mâu: Ngược lại âm tài cừu, ngược lại cũng âm mạc hậu.
Trí lợi: Ngược lại âm tri lợi.
Giả tỳ: Ngược lại âm đồ nam.
Sưu tỳ: Ngược lại âm tô tẩu.
Mật đế: Ngược lại âm đô lệ.
Án chiết: Ngược lại âm ô luyện.

Ôn ma: Ngược lại âm ư vân.
Mẫu sam: Ngược lại âm sở hàm.
Diễm bì: Ngược lại âm dĩ nhiễm.
Tỳ sô: Ngược lại âm trắc câu.
Tông bà: Ngược lại âm tô cảm.
Dương khả: Ngược lại âm dĩ dương.
Tất đầu: Ngược lại âm bộ kiết.
Cảm: Ngược lại âm hồ cảm.
Hê tộc: Ngược lại âm tổ mộc.
Thương: Ngược lại âm sỉ hành là người ở trong châu lục.
Loại thị: Âm loại.
Vẫn xà: Ngược lại âm vô phân.
Ca-la: Ngược lại âm bổ mộc.
Thích sí: Ngược lại âm cư ngụ, ngược lại âm hứa lực hai âm.

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG THẦN CHÚ QUYỂN HẠ

Diện liệu: Lại viết chữ liệu này cũng đồng, ngược lại âm lực điêu. Tự Thư cho rằng: liệu là chất mở trong đóng lại gọi là tràng gian chỉ tức là mở trong tá tràng. Nay Trung Quốc nói là mỡ. Giang nam nói là liệu.

Phì bể: Ngược lại âm phù phi. Lâm Tự cho rằng: xương cổ chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi. Ngược lại âm dưới bổ mễ gọi là xương cổ chân, xương đùi.

Hấp nhơn: Lại viết chữ hấp hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm nghị cấp. Quảng Nhã cho rằng: hấp là uống vào, dẫn vào, hít hơi thở vào.

Điên gián: Lại viết chữ điên này cũng đồng, ngược lại âm đô hiền. Quảng Nhã cho rằng: bệnh trúng phong điên cuồng. Ngược lại âm dưới là hạch gian. Theo Thanh Loại cho rằng: đứa trẻ bệnh ngu ngơ điên cuồng.

Hàm xa: Ngược lại âm công đáp. Sách Phương Ngôn cho rằng: hàm chỉ bộ phận ngoài miệng, cũng gọi là đòn áp hai bên xe, cũng gọi là xương má.

Phục khá: Lại viết hai chữ khả hà hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm khẩu á. Bì Thương cho rằng: xương hông. Giang nam gọi

là xương đùi trên tiếp giáp với hông đó gọi là khả.

Na mụ: Ngược lại âm mạc điểu.

Tiềm đa: Ngược lại âm sở ban.

Ba bán: Ngược lại âm bình hoạn.

Tuyến long: Ngược lại âm cự ngưỡng.

Bạch lộ: Ngược lại âm lực cố.

Thiên vu: Ngược lại âm vong nhĩ.

Ế la: Ngược lại âm ô hề.

Bột địa: Ngược lại âm bổ một.

Uân ma: Ngược lại âm ư phân.

Thư lai: Ngược lại âm thả dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: mụt nhọt lâu ngày thành ung, ngược lại âm dưới lực cái, cũng viết chữ lệ là bệnh nhọt độc, tức là bệnh ôn dịch.

Ánh lưu: Ngược lại âm ư canh. Tự Lâm cho rằng: cổ có khối u, bệnh ung thư. Ngược lại âm dưới lực châu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khối u sưng lên gọi là khối u sưng lên tích tụ lại không tan vỡ ra được gọi là lưu. Theo Thanh Loại cho rằng: bệnh bướu.

La thị: Ngược lại âm thị lực.

Cầu sưu: Ngược lại âm cự cưu cầu câu, hai âm ngược lại âm dưới là sở câu.

Sanh đằng: Ngược lại âm đồ đăng.

Hạt sa: Ngược lại âm ất lệ nhất hại hai âm.

Bác tủng: Ngược lại âm tư dũng.

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ - *Huyền Ứng soạn.*

Quật thổ: Ngược lại âm cự vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: quật là đào. Quảng Nhã cho rằng: quật là đào xuyên qua. Kinh văn viết chữ quái là sai.

****

KINH NHƯƠNG NGHÊ LÊ ĐỒNG TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhương nghê lê: Ngược lại âm trên là nhương, ngược lại âm kê ngu củ. Ngược lại âm dưới lực tri nhương nghê lê là tiếng Phạn, tên của vị Bồ tát Hóa Thân, có thể lấy đại bi trừ bỏ tất cả độc hại cho nên diễn nói kinh này.

Nạp thử: Ngược lại âm thê lễ.

Nạp sa: Ngược lại âm thương cố.

Hợp phiên: Ngược lại âm yểm hợp.

Lại khiết: Ngược lại âm nghiêng kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiết là cắn, chữ viết từ bộ xỉ thanh khiết âm khiết, ngược lại âm khan bát. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ thông dụng văn thường hay dùng.

Lan hương sao: Ngược lại âm sở giao. Tự Thư cho rằng: ngọn cỏ. Sơ Ngọc Thiên Cố Thị cho rằng: ngọn cây. Nay trong kinh văn nói lan hương sao đó là lấy đầu ngọn của cây bông hoa làm thí dụ. Xưa dịch là nhánh cây a lê. Câu này tiếng Phạn cho rằng là sai, nói lược, không rõ ràng. Nước kia vốn không có cây a lê.

Hề: Ngược lại âm hình kế.

Sát: Ngược lại âm sang sát chữ viết từ bộ thủ thanh sát.

Sái: Ngược lại âm sương giới.

Lai: Ngược lại âm trịch giai.

Năng giải: Ngược lại âm giai mại cổ âm cổ.

Trước: Ngược lại âm trường lược.

****

PHÁP NHƯƠNG NGHÊ LÊ NIỆM TỤNG

Ngật: Ngược lại âm ngân khất.

Cúc: Ngược lại âm cung lục.

Tam kích: Ngược lại âm kinh nghịch. Loại binh khí có cành như cây giáo, chữ viết từ bộ kích đến bộ qua. Thời nay dùng thông dụng viết chữ lác này là sai, lược bớt.

Nhĩ đang: Ngược lại âm đắc tức, hạt châu anh lạc đồ trang sức nơi tai, chữ viết từ bộ ngọc thanh đang.

Hoàn xuyến: Âm trên chữ hoàn ngược lại âm dưới xuyên luyến.

Bỉ thích: Ngược lại âm ha các. Ngược lại âm thư diệc. Sách Thuyết Văn nói loài côn trùng gieo độc hại.

Vĩ thước: Ngược lại âm sương giác, đúng là tiếng Phạn, nhưng không lấy âm này, vốn là lấy âm cận. Theo thanh Phạn cho nên viết âm này.

Phốc: Ngược lại âm phổ bốc, lấy thuần âm Phạn, cho nên không giải thích chữ.

****

KINH ĐẠI KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ TRẠNG TÁM

Khái thống: Ngược lại âm khái ai, gò má. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khái là chẳng phải.

Bể thống: Ngược lại âm bình mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngoài xương đùi hoặc là viết chữ bể, cũng viết chữ bễ này thông dụng thường hay dùng.

Trứu mi: Ngược lại âm trang sưu cao mày.

Toàn kha ni: Ngược lại âm trên tán, câu chơn ngôn. Kinh văn viết chữ khoan là chẳng thành chữ.

****

KINH KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG

Đâu tha: Ngược lại âm trên đăng lâu, câu châm ngôn. Trong kinh văn viết từ bộ tự đến bộ nhi viết thành chữ đâu, hoặc là viết chữ đâu đều chẳng phải, không thành chữ. Kinh này vào trang thứ ba, có tên thần tiên, người viết sách đó là sai lầm, trong sách viết tiên là chữ Phật, ước khoảng có ba mươi sáu, ba mươi bảy chữ. Bổn kinh này viết chữ tiên theo lối chữ thảo, người viết sách không phân biệt rõ ràng, không biết lại đem làm chữ Phật. Từ đây lại sửa đổi là chữ Phật, rất là quái lạ với ý của kinh, sau này người viết Tạng kinh cần phải cải chánh lại là đại tiên là Đại Phật là chẳng phải. Lại trong chơn ngôn, chỗ viết các chữ đều sai lầm, kỳ thật nảy sinh quá nhiều, nên không thể nêu lên ý chính. Lại nữa xưa dịch kinh dùng chữ quái lạ, không thể âm giải thích được. Lại có bổn kinh Khổng Tước Vương Chú, ước khoảng chín trang đề là Diêu Tần La Thập dịch. Từ đầu có ba trang, phân nửa là kinh giả dối, người ngu không biết thêm vào văn này, tức là trong văn gọi là kết lại bảy lý là kim cang, trong nhà lại nhận trăm hạng quỉ ma đeo cái gông vào mà lại gọi là tiên nhơn, đại quỉ, giả dối trì vương chú v.v... thật là lừa bịp. Từ đây Nam mô Phật, Nam mô Pháp đã theo sau ước khoảng năm, sáu trang là chơn kinh, người trí huệ nghiên tầm xem xét kỹ lưỡng tự quán sát, lấy cái chơn, trừ bỏ cái hư giả dối. Trước là văn giả hư vọng chẳng phải thật.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 38

Kinh Phật thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương - ba quyển - Tuệ Lâm soạn.

Kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương - ba quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Hải Long Vương - bốn quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân - sáu quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ - hai quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân Thỉnh Vũ - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ - hai quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Kim Cang Quang Diễm Chỉ Phong Vũ - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Át Lỗ Trà Vương Thần chú - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Phược Tích La Hiết Nã Đà-la-ni - Tuệ Lâm.

Kinh Đại Dược Lỗ Nã Vương - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bổn Đại Giáo Vương Kim Cang Sí Điểu Vương Khổng - Tuệ Lâm.

Kinh Súc Sanh Vô Lượng Ngôn Trì - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh A-nan-đà Mục Khư Ni-khả Li Đà - Tuệ Lâm.

Kinh Xá Lợi Phất Đà-la-ni - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Vô Lượng Môn Vi Mật Trì - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Nhất Hướng Súc Sanh Bồ tát - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh A-nan-đà Mục-khức Ni-ha-lê Đà-la-ni - Huyền Ứng.

Kinh Súc Sanh Vô Biên Môn Đà-la-ni - Tuệ Lâm.

Kinh Súc Sanh Vô Biên Môn Đà-la-ni - không.

Kinh Thắng Tràng Tý Ấn Đà-la-ni - không.

Kinh Diệu Tý Ấn Tràng Đà-la-ni - không.

Kinh Vô Nhai Tế Trì Pháp Môn - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Hoa Tụ Đà-la-ni Chú - một quyển - Huyền Ứng.

Tôn Thắng Sở Vấn Đà-la-ni - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Sử Tử Phấn Tấn Bồ tát - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Kim Cang Thượng Vị Đà-la-ni - Tuệ Lâm.

Kinh Lục Tư Chú Vương - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Lục Tự Thần Chú Vương - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Kim Cang Tràng Đà-la-ni - một quyển - không.

Kinh Như Lai Phương Tiện Thiện Xảo chú - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Hoa Tích Đà-la-ni Thần Chú - Huyền Ứng.

Kinh Trì Cú Thần Chú - một quyển - không.

Kinh Đà-lân-ni Bát - một quyển - Tuệ Lâm, bên phải là ba mươi bảy kinh, năm mươi hai quyển đồng âm quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ

Nghĩa Tịnh dịch - Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Mẫu chỉ: Ngược lại âm trên mạc bổ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ngón chân cái; chữ viết từ bộ thủ thanh mẫu.

Hú mạt: Ngược lại âm trên vu vũ. Quảng Nhã cho rằng: hú là nhổ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp nóng, âm áp, chữ viết từ bộ hỏa thanh hú âm hú đồng với âm trên, ngược lại âm dưới mãn bát. Cố Dã Vương cho rằng: mạt là bọt nước nổi trên mặt nước. Hứa Thúc Trọng cho rằng: mạt là mưa lớn thành lũ lụt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh mạt.

Thực diên giả: Ngược lại âm giữa là hâm diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: diên là nước dãi trong miệng chữ viết từ bộ thủy thanh khảm, hoặc là viết chữ diên chữ cổ. Kinh văn viết chữ diên này, chữ cổ biến thể, khác bên trái và bên phải.

Thực di: Âm dưới là di. Sách Thuyết Văn cho rằng: di là nước mũi chảy ra, chữ viết từ bộ thủy thanh.

Yên hung: Ngược lại âm trên tiếu hiền. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: yên là cuống họng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng yên là yết hầu; chữ viết từ bộ nhục thanh yên. Ngược lại âm dưới húc cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: hung là ngực, chữ viết từ bộ bao, thanh hung. Kinh văn

viết từ bộ nhục viết thành chữ hung cũng thông dụng, âm bao là âm bao.

Bê thuyên: Ngược lại âm trên bình mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài. Ngược lại âm dưới thuyên nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: eo bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh đoan, âm đoan là âm đoan âm phi là âm phì.

Huyền tích: Âm trên là huyễn, ngược lại âm dưới thất diệc. Sách Phương Ngôn cho rằng: huyền tích là bệnh trong bụng nổi bướu. Tự Thư cho rằng: đều không có chữ huyền này. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: khí kết lại làm bệnh bướu. Sách Khảo Thanh cho rằng: ăn quá nhiều làm bệnh tích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: không tiêu, ngược lại no hơi làm bệnh huyền tích.

Nhất trĩ: Ngược lại âm trĩ dĩ, chữ viết dưới trong câu chơn ngôn, không cầu chữ nghĩa.

Ê lệ: Âm trên là ế, âm dưới là lệ.

Điểm mê: Ngược lại âm mê bế.

Nhất trí: Ngược lại âm tri lý.

Trá đệ: Âm đệ, từ chữ nhất trĩ về sau đều là chữ trong chơn ngôn nhưng lấy âm không cầu chữ nghĩa.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ QUYỂN TRUNG

Tỏa lậu: Ngược lại âm trên tồ hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh thủng, sưng phù, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới lâu đậu. Quách Phác cho rằng: lậu là bệnh ung thư. Sách Khảo Thanh cho rằng: mụt nhọt lâu ngày lở loét. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh lâu, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Trích phạt: Ngược lại âm trên trắc cách. Theo Mao Thi truyện cho rằng: trích là quở trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ ngôn thanh trích, ngược lại âm dưới phiền miệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao đến bộ ly, chữ lị từ bộ võng đến bộ ngôn viết theo bộ tứ đó là sai, viết lược.

Đồ huỳnh: Ngược lại âm dưới huỳnh huýnh, chữ hình thanh. Quảng Nhã cho rằng: huỳnh là đồ trang sức có màu sắc óng ánh, hoặc là viết từ bộ kim, hoặc là viết từ bộ ngọc đều thông dụng.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ QUYỂN HẠ

Chuyên phu: Ngược lại âm trên chuyên. Theo ý kinh dùng hình vuông mà nhỏ, ngược lại âm dưới là phu, chữ viết từ bộ túc đến bộ phó. Theo ý của kinh văn chữ phu đó là giẫm đạp lên đống cỏ, đống đất giống như đuôi chim khổng tước dựng đứng.

Hồ quỳ: Âm trên là hộ âm dưới là quĩ, gọi là đầu gối bên phải quỳ sát đất, hoặc là hai đầu gối quỳ dài biểu lộ rất cung kính.

****

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

Trước Khải Thỉnh Pháp - Hưng Thiện Tam Tạng dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Cơ cẩn: Âm trên là cơ âm dưới là cận. Quảng Nhã cho rằng: ngũ cốc không có chín gọi là cơ, tức là đói, nay hoặc là dùng chữ cơ này. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phàm là rau cỏ có thể ăn được tên thông dụng là sơ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: rau mà không chín gọi là cẩn, ngũ cốc lương thực gọi là ba loại ngũ cốc mà không mọc lên được gọi là cẩn, hai chữ đều là chữ hình thanh.

Đàm âm: Ngược lại âm trên đạm cam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đàm là bệnh bên trong phổi có nước. Ngược lại âm dưới là ấp cấm. Theo chữ âm đó là bệnh, loại bệnh có đàm, lớn là đồng mà nhỏ thì khác. Theo sách Vận Thuyên cho rằng: cũng gọi là các loại bệnh đàm. Tự Thư cho rằng: đều không có hai chữ này.

Xà yết: Ngược lại âm trên xả giá, ngược lại âm dưới hiên yết, đều là chữ chánh thể. Quảng Nhã cho rằng: Đỗ Bá gọi là lại lặc tích để man yết. Đỗ Bá cho rằng: tên khác của con bò cạp. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ cửa ải giữa đông tây Tần Tấn gọi là loài côn trùng cắn thế gian là yết. Theo chữ yết đó là thông dụng bốn phương âm lại là âm thác âm lặc, ngược lại âm lan đát, âm độc là âm văn cổ viết chữ độc, âm chiết (T556)ngược lại âm tri liệt, âm để man ngược lại âm lặc giới.

Già tỏa: Âm trên là da. Sách Khảo Thanh cho rằng: gông cùm, hoặc là viết chữ già. Ngược lại âm dưới là thừa quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là ghi chép, chọn lấy. Sach Ngọc Thiên cho rằng: tỏa là cái vòng liên kết lại với nhau, cái vòng xích bằng kim loại chữ viết từ bộ kim thanh tỏa âm tỏa đồng với âm trên.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG QUYỂN TRUNG

Nhữ tư: Ngược lại âm trên là nô nhã tiếng Phạn.

Vãn để: Ngược lại âm trên vũ mãn tiếng Phạn.

Yết thử: Ngược lại âm thanh lễ, tiếng Phạn.

Nghiệt đạp bà: Ngược lại âm trên ngôn yết, âm kế là đàm lạp, tiếng Phạn, không cầu chữ nghĩa.

Ngột đầu: Âm trên là ngột.

Nhất dịch: Âm diệc.

Bố lạt nã: Ngược lại âm lan đát, tiếng Phạn.

Sắc trạch: Ngược lại âm tích da tiếng Phạn.

Nhị la: Ngược lại âm trên ni trí ngược lại âm dưới la khả.

Trịch ca: Ngược lại âm trên tri cách tiếng Phạn.

Nại la: Ngược lại âm nan trát tiếng Phạn.

Nghiễn nã: Ngược lại âm trên ngôn khiển tiếng Phạn.

Củ miệt la: Ngược lại âm vãn bát chữ la chuyển đọc lưỡi cong lên tiếng Phạn.

Thực tủy: Ngược lại âm tuy chủy.

Thế thóa: Ngược lại âm trên thể kế ngược lại âm dưới thổ quá.

Thực diên: Ngược lại âm tường diên. Kinh văn viết từ bộ thủy đến bộ thông dụng thường hay dùng.

Thực di: Âm di.

Ác khiêu: Ngược lại âm thiên diệu.

Ác mạch: âm mạch.

Đàm âm: Âm trên là đàm ngược lại âm dưới ấp cấm đều bệnh.

Nghê lỗ: Hai âm hợp, ngược lại âm trên ngẫu củ, tiếng Phạn tên của La sát nữ.

Hấp nhơn tinh khí: Ngược lại âm trên hâm cấp, cũng là chữ hấp.

Hám di: Ngược lại âm hàm cảm tiếng Phạn.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG QUYỂN HẠ

Mao diễn: Ngược lại âm tham cảm.

Thước để: Ngược lại âm thương chước chữ viết từ bộ hỏa.

Tù phổ: Ngược lại âm trên nam giáp tiếng Phạn. Tuy không cầu chữ nghĩa nhưng e rằng, đọc đó âm còn nghi là sắc, bởi vậy hay lặp lại cho rõ ràng, đọc là giáp tù, miệng nhỏ lại thẳng ra đọc là đúng cũng âm là nã giáp. Bổn kinh vốn viết chữ nhiếp là chẳng phải, dùng sai chữ.

Khất la: Ngược lại âm trên ngân ngật, tiếng Phạn hoặc là viết chữ khất âm cũng đồng.

Phược nại: Ngược lại âm xán lạt cũng là âm sang lạt, tiếng Phạn không giải thích.

Ánh bệnh: Ngược lại âm y đĩnh bệnh kết hơi bị bướu cổ, cổ sưng phù lên.

****

PHÁP KHỔNG TƯỚC VƯƠNG ĐẠO TRÀNG
(Văn không khác có thể giải thích âm chữ.)

****

KINH HẢI LONG VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

An minh do sơn: tức là tu di sơn, cũng nói là mê lâu sơn. Nói cho đúng là tô mê lô sơn, đây dịch là ánh hào quang rực rỡ cũng nói là núi cao đẹp có phong cảnh đẹp.

Đàm nhiên: Ngược lại âm đồ cảm, đàm cũng giống như an tĩnh. Trong kinh văn viết chữ đàm ngược lại âm đồ đam, đàm cũng có nghĩa là thâm sâu, người nước Sở gọi thâm sâu là đàm.

Quyên thích: Ngược lại âm ư duyên. Theo Thanh Loại cho rằng: quyên là buồn lo. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyên là tức giận.

KINH HẢI LONG VƯƠNG
QUYỂN 2

Khuyết đình: Giữa hai hàng mi mắt. Thích Danh cho rằng: ở bên trong cánh cửa chính giữa hai hàng mi mà nhìn ra con đường. Nay giống như đây mà gọi tên vậy, nghĩa đường chính giữa.

Khào dã: Ngược lại âm khổ lao. Theo Thanh Loại cho rằng: khào là mông đít, âm đồn ngược lại âm đồ côn.

Tẫn dã: Ngược lại âm phò nhẫn. Lại viết chữ tẫn cũng đồng nghĩa. sách Thuyết Văn cho rằng: xương chậu. Tam Thương cho rằng: xương đầu gối.

Thân nặc: Lại viết chữ nặc này cũng đồng, ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nặc là gần gũi thân cận, rất thân thiết với nhau. Thân nặc cũng giống như đến với nhau nhiều lần, qua lại nhiều lần.

Án nhiên: Ngược lại âm ô nhạn. Án cũng giống như là an. Sách Thuyết Văn cho rằng: án là bầu trời trong, cũng gọi là tươi tốt sum xuê.

Phồn duệ: Ngược lại âm phô cổn, phồn nhiều, nảy sinh ra rất nhiều, cũng gọi là phồn thịnh, âm dưới văn cổ viết chữ duệ cũng đồng ngược lại âm dư chế. Sách Thuyết Văn cho rằng: duệ là gấu quần áo, tức là phần viền của tà áo, phần lai của quần cũng gọi là con cháu, dòng dõi. Lấy nghĩa sau là con cháu nối dõi, chữ viết từ bộ y đến bộ duệ âm duệ, ngược lại âm nữ liệt.

KINH HẢI LONG VƯƠNG
QUYỂN 3

Dật thái: Văn cổ viết chữ dật này, nay lại viết chữ dật. Lại cũng viết chữ dật cũng đồng, ngược lại âm dữ nhất Thiên Thương Hiệt ghi rằng: dật là phóng đảng, cũng gọi là nhàn rỗi. Văn dưới viết chữ thái cũng đồng, ngược lại âm tha đại, gọi là ý tứ cũng gọi là thái độ cử chỉ của người, trạng thái.

Nghệ hoạch: Ngược lại âm hồ quách. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghệ là cái lưỡi liềm cắt lúa. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: cắt cỏ gọi là nghệ, cắt ngũ cốc gọi là hoạch. Mao Thi Truyện cho rằng: tháng mười là thu hoạch lúa.

KINH HẢI LONG VƯƠNG
QUYỂN 4

Hấp khí: Văn cổ viết chữ hấp hai chữ tượng hình, nay viết chữ hấp cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nghi cập. Quảng Nhã cho rằng: hấp là uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn hơi thở vào, cũng gọi là dẫn khí nhập vào hơi thở.

Khuyến thuật: Ngược lại âm tư luật là một người thầy hướng dẫn khuyến dụ dạy dỗ đi đến con đường, cũng gọi là dẫn dắt, cùng nhau khuyên bảo. Kinh văn viết chữ tuất là lo buồn, nhận lãnh. Tuất chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tha tích: Ngược lại âm thiên hà. Ngược lại âm dưới là tử diệc gọi là tha đà kéo dài thời gian dáng vẻ cung kính khép nép, chữ tích đây là nên viết chữ tích này, ngược lại âm thất các, chữ tha là vấp ngã, không đúng nghĩa sai lầm.

****

KINH ĐẠI VÂN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Kiền độ: Đây nói sai, nói cho đúng bà kiền bỉ, đây gọi là tụ tập. Đức Phật thời quá khứ sau này có khác họ, Ca-chiên-diên đạo Bà-la-môn, con người có phát khởi trí huệ. Trong kinh cũng có viết bát kiền độ.

Câu biện trà: Hoặc nói là cưu bàn trà, cũng nên nói cung bàn trà, gọi là cái bình rất giống trái bầu.

Chùy sách: Đây Giang nam thường hay dùng, thể chữ viết đúng là sóc ngược lại âm sơn trái. Bì Thương cho rằng: sóc là cây thương dài một trượng tám thước.

- QUYỂN 2, 3 (*Đều không có chữ giải thích âm.*)

- QUYỂN 4:

Đầu để: Ngược lại âm đô lệ.

Đáp hề: Chữ viết đúng là hạp, ngược lại âm thổ hợp.

Xúc tháp: Ngược lại âm đường hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng:

tháp là giẫm đạp lên. Kinh văn viết chữ bí, ngược lại âm bổ tất. Sách Phương Ngôn cho rằng: bí là đẩy ra ở Nam Sở gọi cùng nhau nắm kéo ra gọi là bí. Quảng Nhã cho rằng: bí là đánh.

- QUYỂN 5, 6 (*Đều không có chữ có thể giải thích âm.*)

****

KINH ĐẠI VÂN THỈNH VŨ

Xà-na trước dịch một quyển - Huyền Ứng soạn.

Tích chí: Ngược lại âm tỳ diệc.
Hê chí: Ngược lại âm ô hề hương lợi.
Kỳ di: Ngược lại âm khứ nghi.
Thê đạm: Ngược lại âm tha kế.
Yểm bà: Ngược lại âm ô cảm.
Sa câu: Ngược lại âm sở da.
Già nam: Ngược lại âm nữ hàm.
Duệ nhu: Ngược lại âm dư thế nhi chú hai âm.
Tát tu: Ngược lại âm chi nhẫn.
La thiều: Ngược lại âm thị nhiêu.
San chu: Ngược lại âm sở gian.
Tự tụ: Ngược lại âm nhi dũng.
Thi lợi: Ngược lại âm hương y.
Để để: Ngược lại âm đinh lễ.
Đài phù: Ngược lại âm đồ lại.
Thám thám: Ngược lại âm sĩ lâm.
Nỉ na: Ngược lại âm nãi khả.

****

KINH ĐẠI VÂN LUÂN THỈNH VŨ

Na Liên Đề dịch - Huyền Ứng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Hảo mị: Ngược lại âm dân tỳ.
Tỳ lợi: Ngược lại âm bổ mị.
Phù hoạn: Ngược lại âm phương lưu.

Kham tiết: Ngược lại âm chư kim, ngược lại âm dưới là bổ kế.
Trung trung: Ngược lại âm lặc trung.
Nhu ba: Ngược lại âm nữ cửu.

- QUYỂN HẠ (*Không có chữ giải thích âm.*)

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG VÔ TƯỚNG ĐẠI VÂN THỈNH VŨ

Xa-na hậu dịch - Huyền Ứng soạn.

Ân thanh: Lại viết chữ phiêu ân hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư cận. Thông dụng, văn thường hay dùng cho rằng: tiếng sấm sét gọi là ân. Bì Thương cho rằng: tiếng nổ lớn phân ân từ tượng thanh.

Tư vị: Văn cổ viết chữ tư hai chữ tư tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tử di, gọi là tăng trưởng có lợi ích, thấm ướt. Văn kinh viết từ bộ khẩu viết chữ tư sa. Lại cũng viết chữ tư, ngược lại âm tợ tư tử tư hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư là miệt mài chăm chỉ, hoặc viết chữ tư cũng nghĩa chăm chăm siêng năng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Đông Sở anh em song sanh gọi là ly tư.

Sư sỉ: Ngược lại âm lặc ly.

Ế chí: Ngược lại âm sửu nhất.

Chiến cấm: Ngược lại âm kỳ cẩm, mùa đông rất lạnh run lập cập. Kinh văn viết chữ cấm chẳng phải thể chữ.

Đàm bệ: Ngược lại âm đồ cảm.

La tiết: Ngược lại âm bổ bế.

Chỉ lợi: Ngược lại âm cư chỉ.

Ế lệ: Ngược lại âm hư cơ. Kinh viết chữ hư là chẳng phải.

Lô tỷ: Ngược lại âm sở kỳ.

Đê ca: Ngược lại âm đô hề.

****

KINH ĐẠI LUÂN THỈNH VŨ

(Chùa Hưng Thiện Bất Không Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn.)

QUYỂN THƯỢNG

Ô ba: Ngược lại âm ô cổ tên Long vương.

Chú vũ: Ngược lại âm chu thụ. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: mưa thuận mùa, giống như tưới nước cho vạn vật, không nơi nào nào không không tươi tốt, không vật nào mà không tươi tốt, không vật nào mà không sanh trưởng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh chú âm chú đồng với âm trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ vũ là chữ tượng hình.

Loa phát Long vương: Ngược lại âm lỗ hòa, cuộn tóc của Long vương đây giống như con sò, giống xoắn tròn giống như con ốc sên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ loa từ bộ trùng thanh loa ; chữ loa từ bộ vong đến bộ khẩu đến bộ nhục đến bộ phàm. Ngược lại âm lực ngọa. Trong kinh văn phần nhiều viết chữ loa văn thường hay dùng, các chữ trong sách đều không có.

Ế la diệp: Ngược lại âm y hề, cũng là tiếng Phạn, tên của Long Vương. Loài rồng hình giống như con ểnh ương.

Nghiệt tha: Ngược lại âm thương hà tiếng Phạn.

Ninh mẫn: Ngược lại âm trên ninh đảnh, ngược lại âm dưới nhĩ nhẫn cũng là tiếng Phạn, xưa gọi là ni dân chuyển dịch sai.

Giao long: Âm trên là giao. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: giao giống như con rắn, mà lại có bốn chân nhỏ, đầu nhỏ, cổ nhỏ có sọc trắng lớn, có hơn mười lần đẻ trứng, sanh con lớn khoảng một hai cuộc, có thể nuốt cả người. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giao long, chữ viết từ bộ trùng, thanh giao dưới là chữ long. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài rồng có vảy, dài có thể màu sáng, có thể lớn, cổ nhỏ, có ngắn, có dài, xuân thì lên trời mùa thu thì tiềm dưới sông sâu, cũng có thể bay, chữ tượng hình, từ bộ đến bộ đồng thanh tĩnh.

Vân kích: Ngược lại âm kinh nghịch. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kích là cây giáo, đây cũng tên của Long vương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ kích từ bộ qua đến bộ kích, nay văn thường hay dùng viết từ bộ trác là viết lược.

Ảnh kỳ la: Ngược lại âm trên ô lãng, âm dưới là kỳ, cũng là tiếng Phạn tên của Long vương.

Siểm điện: Ngược lại âm trên triêm nhiễm, âm dưới là điện ; chữ siểm điện đó nghĩa là tiếng nổ sấm sét, muốn phát trước khi bắn ra ánh

sáng. Trong quyển hạ, chữ siểm điện cùng với chữ siểm điện trên đều đồng một nghĩa.

Vân bạo: Ngược lại âm dưới là vưu mạc. Bạch Hổ Thông cho rằng: bạo là nói hợp khí âm chuyên tinh ngưng đọng hợp làm mưa đá. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khí dương làm mưa, khí âm nổi lên hiệp lại làm ngưng đọng kết tụ mà làm mưa đá.

Đốt đốt: Ngược lại âm đốn một, đốt là lời nói tỏ ý kinh ngạc, chao ôi!

Tòng lâm: Ngược lại âm trên tộc công. Sách Thuyết Văn cho rằng: tòng là tụ tập lại, chữ viết từ bộ diệp thanh thủ, âm diệp ngược lại âm sĩ giác.

- QUYỂN HẠ (*Không có chữ có thể giải âm.*)

****

KINH KIM CANG QUANG DIỆM CHỈ PHONG VŨ ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Ái đãi: Âm trên là ái âm dưới là đãi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: mây đen cuồn cuộn kéo tới che khuất mặt trời mặt trăng không có ánh sáng. Bì Thương cho rằng: tối tăm không có ánh sáng. Quảng Nhã và Bì Thương cho rằng: hoặc là viết từ bộ nhật viết thành chữ ái đãi. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ vân chữ hình thanh.

Lam liệt: Âm trên là, chữ lam đây các chữ trong sách đều không có, vốn tên núi ở phương Bắc, tức là lam châu, xuất xứ từ loại cây, cũng là ở phương Bắc lời nói của người Phiên. Sau này Ngụy Hiếu Xương từ nơi đây mà sắp bày. Núi Khả lam để chấn giữ thành, âm khả là âm khả, thành ở phía Tây có nhiều núi, gió rất mạnh. Nhân đây mà đặt tên núi, núi này tên là lam sơn. Trong sách viết ra chữ lam này đến đời Hậu Chu, nhân đây mà lấy tên khả lam trấn giữ thành, lần lần theo đây sửa đổi là lam châu. Trong Thái nguyên Tây Bắc Vận Thuyên truyện cho rằng: lam sơn phong. Âm dưới là liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: gió rất mạnh gọi là liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là mưa gió bão bùng, gió mạnh mưa to; chữ viết từ bộ phong thanh liệt. Âm liệt ngược lại âm lân nhất viết từ chữ lợi.

Sậu chú: Ngược lại âm trên sầu xấu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sậu là mau chóng. Quảng Nhã cho rằng: chạy mau. Đỗ Dự

chú giải Tả Truyện rằng: phóng nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa phi nhanh; chữ viết từ bộ mã thanh tụ. Ngược lại âm dưới chu thụ. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: mưa thuận mùa, như tưới nước, không vật nào mà không sinh trưởng tươi tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đúng mùa tưới nước cho vạn vật thêm sinh trưởng tốt tươi; chữ viết từ bộ thủy thanh chú, âm chú là âm thụ.

Tích lịch: Ngược lại âm trên sính bích. Âm dưới là lịch. Cố Dã Vương cho rằng: tích lịch là tiếng sấm sét thình lình chấn động lớn. Sách sử ký cho rằng: khí âm dương chạm nhau phát tiếng chấn động. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ vũ, chữ hình thanh hoặc từ bộ thạch viết thành chữ tích lịch đều là thời cận đại, văn cổ không có.

Bát thập đóa: Ngược lại âm đương quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhánh cây rũ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: những bông hoa trên cành cây rũ xuống chữ đóa viết từ bộ mộc, chữ tượng hình, chữ thùy là rũ xuống cùng với chữ thùy này ý nghĩa cũng đồng, chẳng phải chữ văn thường hay dùng, chữ viết từ bộ đao là sai, viết lược.

Thốt bạo: Ngược lại âm thôn nột. Quảng Nhã cho rằng: thốt là tạm thời, bỗng nhiên. Theo Thanh Loại cho rằng: gấp gáp, vội vàng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đột nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển đến bộ thảo trong chữ bạo theo người từ bộ khuyển thanh tốt, ngược lại âm bao mạo. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bạo là mau chóng. Quảng Nhã cho rằng: thốt nhiên vụt đến. Sách Tập Huấn cho rằng: rất mau. Sách Thuyết Văn cho rằng: mau chóng có chỗ đến. Chữ viết từ bộ bán âm thao đến chữ bạo, thanh tĩnh. Theo chữ bạo từ bộ xuất đến bộ cũng đến bộ bán thanh tĩnh chữ hội ý.

Nhiên vi: Ngược lại âm trên quý điển. Theo sách Phương Ngôn cho rằng: nhiên là tiếp tục. Theo Thanh loại cho rằng: sai khiến khẩn cấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầm nắm; chữ viết từ bộ thủy thanh nhiên.

Tố niết: Ngược lại âm niên kiết. Bì Thương cho rằng: niết là tìm kiếm cầm nắm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: niết là đè nén, ấn xuống, cầm nắm; chữ viết từ bộ thủ thanh niết, âm niết đồng với âm trên, âm tỏa ngược lại âm trách giao, âm nại ngược lại âm nan đát, âm thám ngược lại âm tha hàm.

Miến sưu: Ngược lại âm trên miên biến. Cố Dã Vương cho rằng: trong nước Thục lấy cây nhỏ quấn quít dưới gốc cây xay nhỏ làm bột miến. Sách Khảo Thanh cho rằng: bột mì. Sách Thuyết Văn cho rằng: bột lúa mạch; chữ viết từ mạch thanh miến. Âm miến ngược lại âm di

diễn. Kinh văn viết từ bộ diện là văn thường hay dùng, âm miến mạc. Ngược lại âm mãn bát, ngược lại âm dưới là sa hữu. Sách Khảo Thanh cho rằng: sưu là hòa trộn lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngâm vào trong nước; chữ viết từ bộ mễ viết thành chữ sưu, âm sưu ngược lại âm tảng hậu, văn thường hay dùng viết chữ sưu này là sai.

Mật mộc: Ngược lại âm trên dân tất. Bì Thương cho rằng: cây mật hương. Theo cây mật hương, giống như cây bạch đàn hương, có thể lấy cây chẻ ra để lâu ngày mới có mùi thơm, khi trong cây tiết ra mùi thơm gọi là mộc mật. Bởi vì trong cây rất lớn, muốn lấy mùi thơm của cây, tất nhiên phải để nhiều năm. Sách Văn Tự Điển nói rằng: cũng gọi là cây mộc hương; chữ viết từ bộ mộc thanh mật. Bổn kinh viết từ bộ tất viết thành chữ mật cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Trịch xúc hoa: Ngược lại âm trên là trình kích, âm kế là trùng lục. Trong bổn thảo cho rằng: loại hoa dương trịch xúc có độc rất nhiều, loại hoa này khi hái để ba tháng sau, hoa ngã màu vàng, hoặc là năm màu. Con dê ăn nhằm loại hoa này, từ từ mà chết. Bởi vậy nên có tên là hoa trịch xúc. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ túc, chữ hình thanh, hoặc là viết chữ trịch xúc này cũng thông dụng.

Ngô công: Âm trên là ngô, âm dưới công. Trong bổn thảo giải thích rằng: ngô công là loài côn trùng độc hại, có thể ăn thịt các loài rắn, sát hại các loài quỉ vật. Lão tinh mỵ thường ở Giang nam đều có chỗ sanh ra trong cỏ mục nát, tính nói chống lại loài rắn, bò thẳng trên lưng rắn mà cắn, đầu nó màu đỏ, chân nó màu đỏ, cũng loại chân màu vàng nó cắn người đau nhức không chịu nỗi, phải dùng lá dâu giã nhỏ lấy nước, nước muối trộn vào với bùn đắp vào sẽ khỏi. Quảng Nhã cho rằng: con dế tức là con ngô công (con rít), lớn đó là hình dài 5-6 tấc, có hơn một trăm cái chân. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ trùng, chữ hình thanh.

Do diên: Âm trên là do âm dưới là. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: do viên là loài côn trùng độc cũng có nhiều chơn. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa từ quan ải đến nước Đông Tống, Ngụy gọi là con cuốn chiếu, đến Đông Lương Tống gọi là nhập nhĩ, Bắc Yến gọi là nhẫn ni. Lý Tuần chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: màu xanh mà lớn đó gọi là cuốn chiếu, màu vàng mà nhỏ đó gọi là nhập nhĩ. Người nước Tề gọi là con cũ cùng, người nước Triệu gọi là con phù du, hoặc gọi là trường chúc, đều là tên khác của con du diên, tức là con rít. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đều là chữ hình thanh. Dứu ly, ngược lại âm trên du ấu hoặc là viết chữ dứu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dứu là mũi ngẫng lên mà cái

đuôi nó thì dài. Quách Phác chú giải rằng: giống như con khỉ mà lớn hơn, lông màu xanh đen, đuôi dài hơn một thước khi chứ có mưa thì ở trên núi cao, lúc trời mưa để lộ mũi ra ngoài hướng lên trời để hứng nước mưa, cái đuôi nó đè trên mũi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: viết chữ dứu, ngược lại âm dư tú. Từ bộ trùng, thanh truy. Theo chữ dữu là văn cổ viết chữ dứu này, từ bộ khuyển đếm âm miên là âm miên. Theo chữ cổ người viết chữ dứu này tức là chữ hội ý ngược lại âm dưới là ly, ngược lại âm li tri. Theo chữ ly này là người sống ở giữa hoang dã, giống như con thú, hình giống như mèo chồn miệng nó rất nhạy bén, đuôi thẳng, có đóm trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại thú nằm ẩn trong hang, giống như con chó sói; chữ viết từ bộ trĩ thanh ly, âm khu ngược lại âm lặc câu. Ở Ấn Độ gọi là hồ ly, tức con chồn cáo, âm ly là âm ly. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ du từ bộ thử viết thành chữ dứu, người dịch kinh dối viết như vậy. Trong sách đều chẳng phải bổn chữ, tự xuất ý mà viết vậy.

Hề thử: Ngược lại âm trên là hình kê. Cố Dã Vương cho rằng: tức là cam khẩu thử là loài chuột hay ăn đồ vật của người và ăn loài chim thú, tuy đến chết mà cũng không đau bệnh chi cả, và cũng chẳng biết chi cả. Truyện Xuân Thu cho rằng: là con chuột nhắt, nó hay ở trên sừng con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chuột nhỏ; chữ viết từ bộ thử thanh hề.

****

KINH KIM CANG QUANG DIỆM CHỈ PHONG VŨ

(Dịch lần thứ hai, chùa Hưng thiện
Tam Tạng Bất Không dịch - Tuệ Lâm soạn.)

Bác tru: Ngược lại âm trên bổ mạc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bác là cầm nắm. Theo Thanh Loại cho rằng: bắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắt nắm lấy, tóm lấy; chữ viết từ bộ thủ đến bộ bác thanh tĩnh.

Thiết quyết: Ngược lại âm trên là thiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: hắc kim, kim loại đen, tức là chì; chữ viết từ bộ kim thanh thiết, âm thiết ngược lại âm điền kiết, ngược lại âm dưới là quyền nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là cây cộc cột trâu. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: cây cộc cột trâu; chữ viết từ bộ mộc thanh quyết. Kinh văn viết chữ quyết này cũng thông dụng đồng nghĩa.

Mạn mạc: Ngược lại âm trên mãn bán. Sách Khảo Thanh cho rằng: mạn là cái rèm che. Quảng Nhã cho rằng: màn để che ngăn cách trong phòng và ngoài căng ra che lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạc là màn che phía trên; chữ viết từ bộ cân thanh mạn, âm mạn là âm vạn, kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ mạn là chẳng phải nghĩa đây dùng, ngược lại âm dưới man bác. Quảng Nhã cho rằng: mạc là bức trướng vải hoặc lụa viết lời chúc mừng, hoặc chia buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: màn che trên gọi là mạc. Mạc giống như tấm vải màn che trùm trên xuống; chữ (T558) viết từ bộ cân thanh mạc.

Mao trai: Ngược lại âm dưới trắc giai: Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trai là nghiêm chỉnh, ngay ngắn. Lại gọi là trai đó, đến chỗ sạch sẽ tinh khiết. Theo chữ mao trai đó là nhà tranh sạch sẽ, tấy rửa tâm thanh khiết, nghiêm sạch, giảng đạo, tịnh tụ là nơi để an thân, tu học, cũng gọi là nơi thiết cơm chay để cúng dường tăng nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữ tâm trong sạch, ngăn ngừa săn bậy; chữ viết từ bộ thị thanh tề.

Khế tức: Ngược lại âm trên hương nghệ. Theo Mao Thi truyện cho rằng: khế cũng là tức tức là nghỉ ngơi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ tức đến bộ thiệt chữ hội ý.

Thiểu sở: Âm trên là tửu do. Theo chữ thiểu đó là cái ao lớn của rồng, phần nhiều ở trên núi, rừng, vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm thấp. Làm cái ao lớn sâu là chỗ thần rồng ở, nước rất sâu thăm thẳm, con người không dám xúc phạm đến, hoặc gọi là cầu phước rất linh thiêng, hoặc là có khi nổi lên sóng gió sấm sét, hoặc là giáng xuống trận mưa thuận mùa tưới ướt ruộng mạ. Tức là núi Tần vùng đất phân châu, có ao cấu thiểu vân dương, có dương ban thiểu, nam khôi cốc thiểu v.v... là vậy; cũng là chỗ nơi núi rừng đều có.

Uyển chuyển: Ngược lại âm trên là uyển nguyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển chuyễn là nằm; chữ viết từ bộ tịch là giảm bớt nằm cho nên chữ viết từ bộ tiết âm tiết là âm chữ hội ý. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ uyển là chẳng phải.

Huy kích: Ngược lại âm trên là huy. Quảng Nhã cho rằng: huy là làm giao động. Sách Tự Cảnh cho rằng: hươ tay, múa gạt ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: làm lay động, rung động. Sách Thuyết Văn cho rằng: phấn chấn; chữ viết từ bộ thủy thanh quân, ngược lại âm dưới kinh diệc. Văn thông dụng thường hay dùng; chữ chánh thể viết chữ kích. Quảng Nhã cho rằng: kích là gõ, dùng chày giả đậm, bóc ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh phá, ném. Cố Dã Vương cho rằng: đánh,

dùng chày đánh, đập, giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tay đánh; chữ viết từ bộ thủ thanh kích, âm kích đồng với âm trên, âm xao, Ngược lại âm xảo giao. Chữ phấn dưới từ bộ điền, âm trùy ngược lại âm trực truy; chữ viết từ bộ mốc, âm xác ngược lại âm khổ giác, âm trùy ngược lại âm chi thủy.

****

KINH NGHIỆT LỖ NÃ VƯƠNG CHƯ PHÁP - *Tuệ Lâm soạn*.

Xà thích: Ngược lại âm trên thời già. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng, xà là loài rắn thân dài, uốn khúc cong lại cuộn tròn, cái đuôi và đầu giống nhau. Xưa viết chữ tha cũng là âm tha, thời thượng cổ chỗ ở của người ngoài hoang dã hoặc trong hang, thường là có rắn, cho nên cùng nhau hỏi rằng: có nó hay không? Để làm báo hiệu cho nhau trong kinh văn viết chữ xà này. Địch Thư viết chữ biến thể, thời nay cũng thông dụng, ngược lại âm dưới thanh diệc. Lại âm xích cũng thông dụng.

Cúc tán: Ngược lại âm trên dẫn lục. Sách Khảo Thanh cho rằng: cúc là nhận lấy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ chữ hình thanh; ngược lại âm dưới san đán. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân ly, chữ từ bộ chi, thanh lâm âm lâm ngược lại âm tinh mại, lâm tức là phân tán, ý nói không sum hợp, thời nay chữ viết từ bộ nhục cũng đồng nghĩa, âm san ngược lại âm tang đan.

Vô thốc tiển: Ngược lại âm tông mộc. Sách Vận Thuyên cho rằng: đầu nhọn mũi tên. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: mũi tên nhọn mà nhẹ bằng kim loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngược lại mũi tên cấm ngược lại; chữ viết từ bộ kim thanh tộc. Lại có âm khác nay đều không dùng.

Sóc độc: Ngược lại âm song tróc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sóc là một nghi thức liên kết đồng minh ngày xưa tức dùng máu của con vật được dùng để tế lễ bôi vào hai mép của những người ăn thề. Sách Thuyết Văn cho rằng: uống vào, chữ viết từ bộ khảm thah thúc, âm sáp ngược lại âm sam giáp. Kinh văn viết từ bộ sóc viết thành chữ cóc là không thành chữ văn thông dụng thường hay dùng.

Huân hầu: Ngược lại âm trên là huy vận. Âm dưới là hầu, đây là loại chim cú mèo giống chim quái lạ, ban ngày thì nằm ẩn, ban đêm thì bay đi kêu rất đáng sợ, tiếng kêu rất to; giống như con diều hâu, thân

hình màu sám, thân có vuốt nhọn như chim ưng, con mắt màu đỏ, sắc đồng không thể nhận được, bỗng nhiên có tiếng chim này kêu lên tất là phải có tai họa quái nạn. Sách Phương Ngôn cho rằng: âm chuyển đọc sai, vốn không có đinh tên huân hầu, huân cố và lấy âm khác là hưu lưu nghĩa cũng đồng là một loại chim, chưa rõ loại chim này đến nay xuất phát từ đâu.

Sái sí: Ngược lại âm trên là sở ải. Sách Thuyết Văn cho rằng: sái là phơi khô, chữ viết từ bộ nhựt thanh. Ngược lại âm dưới là thi nhị. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim; chữ viết từ bộ vũ thanh chi, hoặc là viết chữ sí này cũng đồng một nghĩa.

Tích linh: Âm trên là tích âm dưới là linh, cũng viết chữ tích linh đều đồng nghĩa loại chim.

****

PHÁP PHƯỢC CHIẾT LA ĐỐN MÃ

Não liệt: Ngược lại âm na đảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tủy trên đầu; chữ viết từ bộ chủy thanh não, đồng với âm trên, chữ tượng hình, bộ xuyên giống như là tóc, dưới là tín âm tín, giống như trên đầu, không hợp như đứa trẻ, trên đầu còn mõ át, nghĩa là xương chưa khép lại.

Tác kịch: Ngược lại âm kình nghịch. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: kịch là rất quá lắm. Sách Vận Thuyên cho rằng: rất vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao thanh kịch, âm kịch là âm cự. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hổ, âm hổ là âm hồ, dưới từ bộ trĩ. Văn thường hay dùng viết từ bộ xứ viết thành chữ kịch này là sai.

Nhai trung: Ngược lại âm trên cách nhai. Sách Khảo Thanh ghi rằng: trong thành đô, thôn ấp, có những con đường thông suốt, bốn phía (ngã tư). Sách Thuyết Văn cho rằng: con đường lớn thông bốn phía, chữ viết từ bộ hành thanh giai.

Đả quắc: Ngược lại âm quả bá. Văn thường hay dùng có khi cũng dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ chữ cách thanh tĩnh. Quảng Nhã cho rằng: quắc là đánh. Bì Thương cho rằng: tát vào má. Cố Dã Vương cho rằng: nay tục ngữ gọi quắc nhĩ (tác một cái) là vậy. Chánh thể vốn là chữ hình thanh, rất có lý, vì trải qua từ xưa đến nay không dùng nhiều nếu cho có thể dựa theo lưu hành rất bằng cứ

vậy.

Họa diễm ma la bảng: Ngược lại âm long chư. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cây gậy lớn; chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh. Kinh văn viết từ chữ phụng viết thành chữ bổng. Tục tự cho rằng: không có căn cứ.

Phốc toái: Ngược lại âm trên lung tác. Sách Khảo Thanh cho rằng: bắt lấy đánh tát, ném vật, đưa cao lên ném xuống dưới đất. Quảng Nhã cho rằng: phốc là đánh. Tự Thư cho rằng; hai người đánh lộn với nhau. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh phốc, âm phốc là âm bốc.

Miên triền: Ngược lại âm tiên tiển. văn thường hay dùng viết là tiển lũ nghĩa là sợi chỉ.

Oa loa: Ngược lại âm trên quả hoa. Cố Dã Vương cho rằng: oa là con ốc sên. Ngược lại âm dưới lực qua. Sách Tập Huấn ghi rằng: loa tức là ốc sên, lớn đó là ở trong biển, văn trước đã giải thích nhiều lần rồi.

****

PHÁP MA HÊ THƯ LA THIÊN THUYẾT CA LÂU LA VƯƠNG A VĨ XÀ

Yểm ký: Ngược lại âm ế diễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt ruồi đen; chữ viết từ bộ hắc, thanh yểm. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ yểm là chẳng phải.

Đậu thấu: Ngược lại âm khổng cấu. Bổn thảo giải thích rằng: vị cay không có độc, có thể trị bệnh đau tim trong bụng cũng có thể trị bệnh đau tim trong bụng cũng có thể trị bệnh hôi miệng. Phần nhiều mọc ở Nam hải đất Giao chỉ. Mầm non của cây giống như cây bông huệ, hoa màu trắng, mần rễ của cây và hột của giống cũng giống cây đỗ nhược. Đây tức là cây táo có gai chua, có mùi vị rất cây mà mỗi lần ăn vào miệng nhai rất thơm khiến cho người ăn trong miệng thơm trị được bệnh đau tim, và cao huyết áp.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI CĂN BỔN ĐẠI GIÁC VƯƠNG KIM SÍ ĐIỂU VƯƠNG PHẨM

Long khiết: Ngược lại âm dưới nghiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiết là cắn, chữ viết từ bộ xỉ, thanh khiết, âm khiết ngược lại âm

khan bát. Kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ khiết. Văn thường hay dùng cho rằng: rất là không có ý nghĩa.

Mạt hương: Ngược lại âm mãn bát. Quảng Nhã cho rằng: mạt là bụi trần. Theo chữ mạt hương đó nghĩa là hòa hợp các mùi vị tiên là hương đảo. Lại cho rằng: đem rãi trong đạo tràng, bôi trên thân, tay, mặt và rãi trong áo gọi là mạt hương, bột thơm, người ngoại quốc thường dùng nhiều. Nước này cũng có dùng, kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ mạt là chẳng phải.

Tiên sái: Ngược lại âm trên tiên tuyến. Tục tư và sách Khảo Thanh cho rằng: tiên là rãi nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ tán viết thành chữ tán. Tán là rãi nước trên mặt đất cho khỏi bụi dơ. Nay kinh đây dùng là rãi nước hương thơm sạch sẽ tinh khiết. Ngược lại âm dưới sa giả giải thích nghĩa cũng đồng như trên.

Siểm thước: Ngược lại âm trên khổ nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu né tránh trong cánh cửa, chữ hội ý cũng là chữ hình thanh; chữ viết từ bộ nhơn nghĩa là trong cánh cửa nhìn trộm, ngược lại âm dưới thương chước. Ý kinh nói rằng: siểm thước là không định.

Già nữu: Âm trên là già, âm dưới là sửu. Sách Khảo Thanh cho rằng: già là cái gông cùm, nữu là cái cùm chân. Đây ý nói là cố chấp, câu nệ, ràng buộc. Đây nói rằng: dụng cụ làm bằng gỗ có trong giới hạng gọi là già là gông tây, nữu là gông ở chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều đồng nghĩa cũng đều từ bộ mộc đều thanh da sữu.

Cập kiêu: Ngược lại âm kiểu nghiêu. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: loài chim có tiếng kêu xấu ác, con cú vọ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu ở trong bộ mộc, chữ hội ý là loại chim ăn thịt mẹ, là loại chim bất hiếu, chẳng phải ý nghĩa đây dùng.

Ý dĩ: Âm trên là ý, âm dưới là dĩ. Cố Dã Vương cho rằng: ý dĩ tức hạt bo bo. Bổn thảo giải thích rằng: tên của loại thuốc, ý dĩ có thể ăn mà bổ ích cho khí. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thảo thanh ý dĩ, viết đúng là chữ ý.

Độc lâu: Âm trên độc âm dưới là lâu.

Hà mô: Ngược lại âm trên hạ da. Ngược lại âm dưới mã ba. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tên các loài ếch nhái ểnh ương. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hai chữ đồng nghĩa đều từ bộ trùng, đều thanh hà mạc, chữ mô viết đúng là chữ mô hoặc là viết chữ ma, kinh văn viết chữ ma cũng thông dụng thường hay dùng.

Điêu linh: Ngược lại âm trên điểu liêu ngược lại âm dưới là lịch đinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: linh là cánh chim.

Huỳnh nhiễu: Ngược lại âm trên y dinh. Ngược lại âm dưới nhiêu thiếu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huỳnh là vây bọc tròn, quấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi quanh quẩn, chữ viết từ bộ mịch đến bộ uynh thanh tĩnh, âm nhiễu là vây quanh buộc quấn quanh lại; chữ viết từ bộ mịch thanh nhiễu.

Giản thạch: Ngược lại âm trên gian nhãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: giản là phân biệt, tĩnh lược, giảm bớt; chữ viết từ bộ thúc thanh bát là phân ra. Kinh văn viết chữ giản này là chẳng phải, ngược lại âm dưới là trạch.

****

KINH PHẬT THUYẾT XUẤT SINH VÔ LƯỢNG MÔN TRÌ

Tuệ Lâm soạn.

Trùng các: Ngược lại âm trên xúc long, ngược lại âm dưới cang lạc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lầu các. Cố Dã Vương cho rằng: nhà có nhiều tầng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn thanh các.

Diệm vương: Ngược lại âm trên diêm tiệm. Sách Khảo Thanh cho rằng: diêm là hoa lửa, danh hiệu Phật.

****

KINH VÔ LƯỢNG MÔN PHÁ MA ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ba bể: Ngược lại âm ba có, ngược lại âm dưới bổ mễ; chữ khứ thanh, gọi âm dưới cũng đồng.

Nặc xà: Ngược lại âm trên ninh dật, ngược lại âm dưới: la nặc.

Át dật đế: Âm trên an hạt. Âm dật, ngược lại âm thính dật. Người xưa dịch sai dùng chữ không thích đáng.

Tha điển: Ngược lại âm trên tha cố, gọi là dẫn thanh.

Đốn thấp điển: Ngược lại âm trên lan hạt. Trong kinh văn đoạn viết di thoát thấp, chữ viết chuẩn bổn tiếng Phạn có.

Nhu kiệt đế: Ngược lại âm trên nô hầu, cũng là chữ nô âm mũi.

Si thị: Ngược lại âm trên xương duệ âm dưới thời.

Cù huyền lễ: Ngược lại âm trên cường ngộ, ngược lại âm dưới đinh duệ.

KINH A NA ĐÀ MỤC KHƯ NI HA LY ĐÀ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhai để: Ngược lại âm trên ngạch giai. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nhai là bên ven bờ bến nước. Quảng Nhã cho rằng: khoảng đất vuông. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hán thanh giai. Ngược lại âm dưới để lễ. Đỗ Dự chú giải Mao Thi Truyện rằng: để là hết, tiêu hết. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: từ trên mà xuống tận dưới đáy sâu thẳm gọi là để. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ ngừng nghỉ một gọi là dưới, cuối cùng; chữ viết từ bộ nghiễm thanh để. Kinh văn viết chữ nhai huyền là chẳng phải.

Đê hòa: Âm hòa, người xưa tránh dùng chữ.

Quỹ di: Ngược lại âm trên quì vị. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: quĩ cũng giống như là qui. Sách Thuyết Văn cho rằng: đem vật dâng biếu tặng cho người, chữ viết từ bộ thực thanh quí. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ quĩ là chẳng phải, ngược lại âm dưới duy quí.

Vô ương: Ngược lại âm ước lương. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ương là hết dứt hết. Theo chữ vô ương đó là nói nhiều vô số không bao giờ hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đại ở trong bộ quynh gọi là đại nhơn, đứng chính giữa. Bổn kinh viết chữ ương âm ương, (T559) ngược lại âm ương ngưỡng chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Bạt-đà-la: Ngược lại âm trên bàn mạt tiếng Phạn.

Trác-đà-vu: Ngược lại âm vũ ngung, tiếng Phạn.

****

KINH XÁ LỢI PHẤT ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Kỹ để: Ngược lại âm cư trĩ.

Đà nhị: Ngược lại âm vong tỳ.

Khả tự: Ngược lại âm cổ ngã.

****

KINH VÔ LƯỢNG MÔN VI MẬT TRÌ - *Huyền Ứng soạn.*

Phóng dật: Ngược lại âm dư chất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ nước tiết ra, người buông thả bừa bải, dâm dật, bừa bải buông thả quá

mức. Kinh văn phần nhiều viết chữ dật này.

Nhiêu dụ: Văn cổ viết chữ diễn cũng đồng, ngược lại âm du cú. Tên của vị thần.

****

KINH NHẤT HƯỚNG XUẤT SANH BỒ TÁT - *Huyền Ứng soạn.*

A-đàn: Lại viết chữ đản cũng đồng ngược lại âm đồ đàn.

Trác đế: Ngược lại âm sửu giác, hàng rào bằng cây. Lại âm: xoa bạch.

****

KINH A NAN MỤC KHỨ ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

A-chi: Ngược lại âm ly hủy.

La tỳ: Ngược lại âm tý di.

Hy la: Ngược lại âm hướng cơ.

Át sạn: Ngược lại âm sĩ giản.

Đan di: Ngược lại âm đô nga.

****

KINH XUẤT SANH VÔ BIÊN MÔN ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ký biệt: Ngược lại âm biến biệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thẩm xét việc tốt xấu, thiện ác, cũng viết chữ biệt. Trong văn kinh viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt này e rằng sai lầm.

****

KINH PHẬT THUYẾT XUẤT SANH VÔ BIÊN MÔN

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH THẮNG TRÀNG TÝ ẤN ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH DIỆU TÝ ẤN TRÀNG ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT VÔ NHAI TẾ TRÌ PHÁP MÔN

Tuệ Lâm soạn.

A-ca nhị trá thiên: Âm nhị ngược lại âm ni trí, tiếng Phạn cũng có viết chữ ni đó sai lầm nói gọi là ni.

Mậu ngộ: Ngược lại âm trên mi cứu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu cũng giống như trốn tránh. Sách Phương Ngôn cho rằng: dối trá. Sách Khảo Thanh cho rằng: lừa dối, sai lầm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu âm mậu, ngược lại âm lực hựu, ngược lại âm dưới ngô cố.

Sào quật: Ngược lại âm trên sỉ giao. Sách Lễ ký ghi rằng: mùa hạ ở trong hang ổ. Sách Sử ký ghi rằng: thời thượng cổ chỗ ở trong hang ổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim đậu trên cây gọi là sàu tức là tổ chim, chữ viết từ bộ mộc, chữ tượng hình, ngược lại âm dưới khôn cốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quật là đào đất làm nhà. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh ốc, cũng viết chữ quật này nghĩa cũng đồng.

Kinh dị: Ngược lại âm đinh lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dị là lo sợ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lo buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: kinh sợ; chữ viết từ bộ tâm thanh dị.

Môn mạc: Âm trên là môn, âm dưới là mạc. Theo Thanh loại cho rằng: môn cũng là mạc. Sách Phương Ngôn cho rằng: mạc là vỗ vỡ, an ủi, vỗ về. Cố Dã Vương cho rằng: mò tìm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ thủ, đều thanh môn mạc, âm tác ngược lại âm tang lạc.

Vân sừ: Ngược lại âm trên vận quân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vân là cây bừa làm cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ vân, âm đồng với âm trên, dụng cụ trừ bỏ cỏ mọc lộn chung với mạ non; chữ

viết từ bộ lỗi thanh viên, hoặc viết chữ vân. Bổn kinh viết chữ vân này là sai lầm, ngược lại âm dưới trợ tự. Cố Dã Vương cho rằng: sừ là cây cuốc dụng cụ làm ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây cuốc làm cỏ, chữ viết từ bộ kim đến thanh thư, âm thư ngược lại âm tử dư. Kinh văn viết chữ sừ là văn thường hay dùng, âm lỗi ngược lại âm lôi đối.

Tạng ôi: Ngược lại âm trên trá lãng. Ngược lại âm dưới ô hồi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ôi là chỗ eo hẹp bị che kín. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ cong, nước xoáy; chữ viết từ bộ phụ thanh ôi.

Siểm mị: Ngược lại âm trên sĩ nhiễm. Sách Trang Tử cho rằng: lời nói hiếm có ý đạo gọi là siểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nịnh hót; chữ viết từ bộ ngôn thanh diêm, hoặc là viết chữ siểm này, ngược lại âm dưới là nghê kế. Quảng Nhã cho rằng: mị cũng giống như là kinh sợ. Theo Thanh Loại cho rằng: không biết mà nói càn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói mê; chữ viết từ bộ mục thanh mị âm mị là âm tùy.

Luy hình: Ngược lại âm trên lụy truy.

Quyến thuộc: Ngược lại âm trên quyết nguyện, ngược lại âm dưới thù dục.

Lâu lỗ: Ngược lại âm tận đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ là cái lan can; chữ viết từ bộ mộc thanh lỗ, hoặc là viết chữ lỗ này.

Ty nghê: Ngược lại âm thất nghiệt âm dưới nghê kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: ty nghê đó là người con gái đứng bên vách tường trên thành cao; chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ tích nghê hoặc là viết từ bộ mục viết thành chữ ty nghê nghĩa đều đồng.

Lan thuẫn: Ngược lại âm trên: cố hàn, ngược lại âm dưới thần chuẩn.

****

KINH HOA TỤ ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

La hòa: Ngược lại âm hồ qua. Kinh văn viết chữ hòa lợi là chẳng phải.

Lận đế: Ngược lại âm hư kỷ.

Chí nã: Ngược lại âm lạt nhất.

****

KINH TÔN THẮNG BỒ TÁT ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Thị đàm: Ngược lại âm chi thị.
Mục chỉ: Ngược lại âm khâu cổ.
Già ninh: Ngược lại âm nô định.
A-chiêm: Ngược lại âm xỉ diêm.
A khải thù thất: Ngược lại âm nãi kiết.
Hề hân: Ngược lại âm ô lễ.
Sa ly: Ngược lại âm lực tư.
A-đàn: Lại viết chữ đinh cũng đồng ngược lại âm tha điển.

****

KINH PHẬT THUYẾT SƯ TỬ PHẤN TẤN BỒ TÁT SỞ VẤN

Tuệ Lâm soạn.

Phấn tấn: Ngược lại âm trên phân vấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phấn là lay động. Tự thư cho rằng: bay lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: bay cao; chữ viết từ bộ truy dưới là bộ điền, chữ hội ý. Âm truy là âm tuy, âm huy là âm huy ngược lại âm dưới tuân tuấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tấn là mau chóng; chữ viết từ bộ xước thanh tấn, âm tấn là âm tín.

****

KINH KIM CANG THƯỢNG SĨ ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Điệt tương: Ngược lại âm trên điền kiết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thay phiên nhau. Sách Phương Ngôn cho rằng: thay thế. Sách Thuyết Văn cũng rằng: đồng nghĩa; chữ viết từ bộ xước thanh điệt.

Bảo khiếp: Ngược lại âm kiêm diệp.

Toàn hỏa: Ngược lại âm trên toàn toan. Trịnh Tiển chú giải sách Luận ngữ rằng: toàn là khắc, chạm trổ, đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: đục xuyên qua; chữ viết từ bộ kim thanh toàn, âm thuyên, ngược lại âm tử huyên.

Hữu toại: Ngược lại âm tùy túy. Theo Thanh loại cho rằng: toại là dụng cụ lấy lửa từ mặt trời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh toại cũng viết chữ toại này, hoặc là cũng viết chữ toại này đều đồng nghĩa.

Hoạch thang: Ngược lại âm trên hoàng hoạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoạch là giống như cái đỉnh mà không có chân, là cái nồi để nấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc cái đỉnh, nồi đồng; chữ viết từ bộ kim thanh hoạch. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ hoạch này chẳng phải âm hoạch ngược lại âm hệ phược.

****

KINH PHẬT THUYẾT LỤC TỰ CHÚ VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoảng hốt: Ngược lại âm trên huống vãng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hoảng là thất ý. Sách Thuyết Văn cho rằng: cuống cuồng, luýnh quýnh; chữ viết từ bộ tâm thanh huynh. Kinh văn viết chữ hoảng hốt là mất nơi ý nghĩa, nghĩa là thất vọng.

Tứ kích: Ngược lại âm nhiêu khiếu, cũng viết từ bộ xích viết thành chữ kích.

Sàng phu: Trên đúng là chữ sàng này. Ngược lại âm dưới phổ bố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phu là trải bày ra sắp ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh phu. Kinh văn viết từ bộ viết thành chữ phu là chẳng phải.

Bạch điệp tiển: Ngược lại âm tiên tiến. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: tiển là sợi chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiển. Kinh văn viết chữ diên âm diên là chẳng phải.

KINH PHẬT THUYẾT LỤC TỰ CHÚ VƯƠNG

(Văn, chữ, âm khoảng chừng đồng bổn trước,
đây không tái dịch - Tuệ Lâm soạn.)

****

KINH KIM CANG TRÀNG ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH NHƯ LAI PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO - *Huyền Ứng soạn.*

Bồi đa: Ngược lại âm bổ hầu.
Ma bể: Ngược lại âm Phổ mê.
Hy lị: Ngược lại âm trên hồ kỷ. Lại âm hồ ký hai âm.
Phong khư: Lại viết chữ chữ khư này cũng đồng. Ngược lại âm khâu ngộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây răng bị sâu ăn. Thích Danh cho rằng: cây răng hư mục, chữ hình thanh.

****

KINH HOA TÍCH ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Mâu ni: Ngược lại âm mẫu hồ.
Tất đệ: Ngược lại âm lặc kỳ.
Y ha: Ngược lại âm ư kế.
Ha lệ: Ngược lại âm lực nhĩ. Kinh văn viết chữ lệ này là chẳng phải.
Chí để: Ngược lại âm sung thi.
Xa nể: Ngược lại âm trúc da âm dưới nô lễ.

****

KINH PHẬT THUYẾT TRÌ CÚ THẦN CHÚ
(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐÀ LA NI BÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Câu tàm: Ngược lại âm dưới: tạp hàm tiếng Phạn.
Xà ngoan: Trên đúng là chữ xà này, ngược lại âm xã giá, ngược lại âm dưới ngũ hoàn.
Phúc yết: Ngược lại âm trên phong phúc, ngược lại âm dưới hiên yết.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 39

Kinh Bất Không quyến tác - ba mươi quyển.

Kinh Bất Không quyến tác - một quyển - nay phân ra làm hai quyển.

Kinh Bất Không Quyến Tác - ba quyển - nay hợp lại làm hai quyển.

Kinh Bất Không Quyến Tác chú - một quyển.

Kinh Bất Không Quyến Tác kinh thần chú - một quyển.

Kinh quán tự tại thành tựu - một quyển - bên phải là sáu kinh, ba mươi bảy quyển đồng âm với quyển này.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 1

Tạp đạp: Ngược lại âm dưới đàm hạp. Cố Dã Vương cho rằng: đạp (T560)cũng giống như trùng nhiều, hợp nhau, nhiều lớp chồng lên nhau. Theo chữ tạp đạp đó là nhung nhúc, đông đúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy đến bộ nhật, âm việt.

Nhuyễn thảo: Ngược lại âm trên thục diễn. Cố Dã Vương cho rằng: nhuyễn là mềm yếu. Trong kinh văn có viết từ xa viết thành chữ nhuyễn. Lại viết chữ nhuyễn đều chẳng phải. Tục dùng lại viết chữ nhuyễn cũng lại viết chữ nhuyễn này. Kinh Vân Đà La Nhi Chơn Ngôn. Đây là phạm sai lầm, nói trùng lấp, mất đi khi phiên dịch kinh người cầm bút viết văn không rõ ràng. Đúng chuẩn Phạn ngữ gọi là Đà-la-ni. Đường Huyền Trang dịch là trì minh, hoặc gọi là tổng trì. Theo chữ trì minh đó, thì gọi là chơn thật ngôn. Xưa dịch là chú, tức là nói ra trình bày lời thề nguyền. Lời nói chơn thật không có hai lời, cũng dựa theo đây ước chừng không dám làm trái không dám vượt qua, nên gọi là

trì minh. Tục ngữ trên nói rằng: cùng trình bày ra câu chú nói lời thề nguyện là nghĩa này vậy, chơn ngôn đó tức là chơn thật, lời nói không có hai, cùng với nghĩa trước nào có khác chi.

Trương quỳ: Ngược lại âm văn lương. Sách Phương Ngôn cho rằng: ở quận Đông quì là trương. Quỳ đó Quảng Nhã cho rằng: dáng vẻ khép nép quì lạy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh trường, âm vụ tức là âm vụ, ngược lại âm dưới: quì vị là hai đầu gối quì sát đất.

Báng độc: Ngược lại âm dưới đồng lộc. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: độc là lời phỉ báng, chê bai. Sách Phương Ngôn cho rằng: đau khổ. Quách Phác chú giải rằng: phỉ báng, vu khống, oán hận, đau khổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cạnh thanh độc âm cạnh là âm canh âm độc là âm.

Ngân ngạc: Ngược lại âm trên ngư cân. Kinh văn có viết chữ ngân này là sai, sách viết sai. Sách Vận Thuyên cho rằng: ngân là lợi răng trên là nứu răng. Ngược lại âm dưới là ngũ các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngân là lợi răng, từ bên trong hàm răng, kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ ngạc nghĩa là kinh ngạc, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phục lặc: Ngược lại âm trên phong mục, ngược lại âm dưới lăng đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương sườn, chữ viết từ nhục thanh lực.

Phong thư: Ngược lại âm thất dư.

Giới tiên: Âm trên là giới, ngược lại âm dưới tiên diễn.

Ung thủng: Ngược lại âm trên ương cung, ngược lại âm dưới chương dũng.

Đinh thủng: Âm trên là đinh.

Hoàng bệnh: Kinh văn viết chữ từ bộ bệnh viết thành chữ hoàng này là chẳng phải.

Đới môn: Người phụ nữ bị bệnh đới hạ. Kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ đới là chẳng phải.

Dương chẩn: Ngược lại âm trên dương chưởng, ngược lại âm dưới chơn nhẫn, gọi là bệnh phong. Kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ điên này là chẳng phải, âm điên là âm điên này.

Yểm cổ: Ngược lại âm trên nhứt diễm. Ngược lại âm dưới là cổ, âm nghĩa trước trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Xu duyệt: Ngược lại âm trên xương chu. Ngược lại âm dưới duyên quyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người con gái đẹp; chữ viết từ bộ nữ thanh chu. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong kinh viết chữ duyệt này là chẳng phải.

Nhãn bất mạn cố: Ngược lại âm mãn bán. Sách văn Tự Điển nói rằng: mạn là khinh khi, làm càn láo, buông thả, phóng đãng; chữ viết từ bộ ngôn thanh mạn.

Nhược đãng: Ngược lại âm đương lãng.

Phu thị: Ngược lại âm trên phu vô, chữ viết đúng hợp là phổ, e rằng bổn kinh viết sai.

Chi phân: Âm trên là chi. Cố Dã Vương cho rằng: chi là từ gọi chung tay chân, tứ chi. Sách Hàn Anh nói rằng: tứ chi đó là nên lấy làm tứ thời. Sách Thuyết Văn cho rằng: tứ chi của thân thể, chữ viết từ bộ nhục thanh chỉ, hoặc là viết từ bộ thân viết thành chữ chi.

Ẩn liệu: Ngược lại âm dưới lực điêu. Theo bổn kinh âm là lược, Quảng Nhã cho rằng: liệu là lấy Cố Dã Vương cho rằng: gọi sửa lại dụng cụ chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: sửa chữa; chữ viết từ bộ thủ thanh liệu.

Niết bỉ: Ngược lại âm trên niên kiết.

Ôn trám: Dựa theo bổn kinh âm là trang diêm.

Nhị nhạ: Ngược lại âm trên mật dĩ. Ngược lại âm dưới tài ngã là người dịch kinh tự ý âm.

Khả bà: Ngược lại âm trên A khả, ngược lại âm dưới bà ngã.

Tất lợi dạng ngu: Âm dạng ngược lại âm dương lạng, âm dưới là ngung, tiếng Phạn tên của loại thuốc. Xưa gọi là A ngụy.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 2

Sa-ma dã: Ngược lại âm trên sa tả tiếng Phạn, xưa dịch là Tam muội.

Nghiệt lỗ: Ngược lại âm trên ngôn yết tiếng Phạn.

Chức huy: Ngược lại âm trên xương chí.

Tẫn vi: Ngược lại âm trên từ tấn. Tục tự cho rằng: viết đúng là chữ tẫn.

Kháp chu: Ngược lại âm trên khẩu giáp.

Thiêu chước: Ngược lại âm chương nhược. Quảng Nhã cho rằng: đốt lửa cháy sáng tỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng rõ ràng, chữ viết từ bộ hỏa thanh trai.

Tức đang: Ngược lại âm đương lãng.

Đài tạ: Ngược lại âm tịch dạ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tạ là nhà, cấu trúc gồm dưới là đài (đất đắp cao hay làm giàn) trên là nhà nổi cao lên, dựng trên ao, hoặc hồ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh xạ.

Trừ nhưỡng: Ngược lại âm nhượng chương. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: trừ bỏ đi tai ương biến làm cái khác gọi là nhưỡng. Quảng Nhã cho rằng: suy tàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hình phạt, trừ bỏ đi bệnh tật tai ương, cúng tế. Xưa đó gọi là thiêu sống người đàn bà có chửa hoang; chữ viết từ bộ thị thanh nhượng, âm dinh ngược lại âm dinh kính.

Quang huỳnh: Ngược lại âm huỳnh quýnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: huỳnh là dụng cụ phát sáng, cũng viết chữ huỳnh này.

Thân thủ: Âm trên là thân.

Kim cang quyết: Ngược lại âm quyền nguyệt.

Chướng ngại: Ngược lại âm trên chương nhượng. Ngược lại âm dưới ngã ái. Nay thông dụng viết chữ ngại, cũng viết chữ ngại đều thường hay dùng.

Đàm ẩm: Âm trên là đàm, trong nồi có nước.

Tiêu thước: Ngược lại âm trên tiểu diêu âm dưới thương nhược.

Duyệt trạch: Ngược lại âm tha ngoại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: (T561) duyệt là dáng điệu thư thái, thong thả thoải mái, chậm chạp. Lại là duyệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: dáng điệu đẹp đẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt chữ viết từ bộ nữ thanh duyệt.

Nhãn si: Ngược lại âm xỉ chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: si là ghèn trong mắt, trong khóe mắt bị thương, mí mắt bị cắt. Chữ viết từ bộ mục thanh, âm tiệt ngược lại âm miên miết.

Ế mạc: Ngược lại âm trên y kế, ngược lại âm dưới là mạc.

Khổn ngự: Ngược lại âm trên khôn ổn. Quảng Nhã cho rằng: khổn là thành thực đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh khổn.

Lạc bác: Âm trên lạc, âm dưới là bác. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ bác là chẳng phải.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 3

Quang diễm: Ngược lại âm diêm tiệm. Sách Thuyết Văn cho rằng: diệm là lửa cháy sáng rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh diêm.

Nhị nhạ: Ngược lại âm trên di tỷ ngược lại âm dưới tài ngã, tiếng Phạn.

Kiền trá: Ngược lại âm sửu giá tiếng Phạn.

Bá nã: Ngược lại âm trên ba phá, ngược lại âm dưới nạch da tiếng Phạn.

Ngoan ngân: Ngược lại âm trên ngũ quan, ngược lại âm dưới ngữ cân. Theo Tả Truyện ghi rằng: miệng nói lời không có đạo lý trung tín gọi ngân. Tự Thư cho rằng: cũng gọi là ngoan, nghĩa là ngu xuẩn, láo khoét. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyên, thanh thần, âm huyên là âm trang lập.

Điềm mặc: Ngược lại âm trên diệp kiêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: điềm là an. Sách Phương Ngôn cho rằng: điềm tĩnh. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: là an; chữ viết từ bộ tâm đến chữ điền, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới mang bắc. Cố Dã Vương cho rằng: mặc là không nói. sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh hắc theo chữ tĩnh mặc đó là chữ mặc viết từ khẩu viết thành chữ mặc.

Du trá: Ngược lại âm trên du chu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: du là nịnh hót. Sách Trang Tử nói rằng: không lựa chọn phải, quấy mà nói gọi là du. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh du, ngược lại âm dưới trắc giá.

Năng toán: Ngược lại âm thành quản. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: toán là tập hợp lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh toán âm toán là âm toán.

Trách thai Ngược lại âm trên trắc cách. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: trách là căng ra, mở ra; chữ viết từ bộ thạch thanh trách.

Chiêm thiếu: Ngược lại âm theo điếu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thiếu là nhìn ra xa. Quách Phác cho rằng: gọi là xem xét kỷ quán sát. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có nhìn thẳng; chữ viết từ bộ mục thanh triệu.

Khả mộ già vương: Ngược lại âm trên A ngã, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích là bất không tức là tên của thánh giả.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 4

Hợp uyển: Ngược lại âm uyển hoán. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: uyển là khuỷu tay phía sau, viết đúng là chữ uyển này. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến thanh uyển. Nay trong bổn kinh viết từ bộ nhục viết thành chữ uyển là chẳng phải âm uyển ngược lại âm oan viển.

Bà mã: Âm trên bà, ngược lại âm dưới nạch da.

Bác tề: Ngược lại âm trên bổ mạc. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: bác gọi là trên vai. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: xương cánh tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: giáp với xương vai; chữ viết từ bộ cốt thanh bác. từ bộ nhục viết thành chữ bác là chẳng phải.

Thù trụy: Ngược lại âm trực loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: trụy là oán giận; chữ viết từ bộ tâm thanh đối. Tự Thư cho rằng: cũng từ bộ ngôn viết thành chữ đối.

Bạt lăng ca: Ngược lại âm trên là bàn mạt, âm giữa lặc đằng, tiếng Phạn.

Hoa bảng: Ngược lại âm bàng giăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh bồi.

Hoàn xuyến: Ngược lại âm hoàn ngược lại âm dưới xuy luyến.

Liêu lệ: Âm trên liễu ngược lại âm dưới là lân niết. Kinh văn viết từ chữ tích viết thành chữ liệt ngược lại âm biên miệt là chẳng phải.

Thiết sóc: Ngược lại âm song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây giáo. Bì Thương cho rằng: cây giáo dài một trượng tám thước. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ mâu thanh tiếu. Kinh văn viết chữ là tên của cây, chẳng phải đây dùng.

Mụ bà la: Ngược lại âm trên mạc cổ, tiếng Phạn.

Tất dạ: Ngược lại âm tần mật, ngược lại âm dưới đình dạ.

Thất chúc: Ngược lại âm trên chân lật, ngược lại âm dưới ly trí.

Mễ nhĩ ca: Ngược lại âm trên di tỷ, âm giữa minh dĩ, tiếng Phạn.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 5

Tân thiết: Ngược lại âm trên tất tần, âm dưới viết đúng là chữ

tiết.

Quả lõa: Ngược lại âm trên qua oa. Sách Thuyết Văn cho rằng: trái của cây thật, chữ tượng hình, trái trên cây viết từ bộ cũng viết thành chữ quả, thường hay dùng. Ngược lại âm dưới lô quả, Ứng Thiệu cho rằng: trái của dây leo gọi là lõa, như dây dưa, trái của dây. Trịnh Huyền cho rằng: thuộc quả của dây dưa, dây bầu, bí. Sách Thuyết Văn cho rằng: dây bò dưới đất, gọi là lõa, chữ viết từ bộ thảo thanh oa, âm hoa là âm du đến vai bộ qua.

Vãn nhiếp: Âm trên là vãng theo Thanh loại cho rằng: vãn là nắm kéo, dẫn dắt, viết đúng là chữ vãn này. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh vãng.

Át già: Ngược lại âm trên an át, tiếng Phạn.

Câu chấp: Âm trên là câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: câu là dừng lại, chữ viết từ bộ thủ thanh câu, ngược lại âm dưới là sở lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chấp là cầm nắm. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ bạn đến bộ mịch, thanh chấp hoặc là viết chữ chấp.

Chú vũ: Ngược lại âm trên chu thụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đúng mùa như tưới nước như vạn vật thêm sinh trưởng tươi tốt. Chữ viết từ bộ thủy thanh chú âm chú đồng với âm trên.

Tàm ty: Ngược lại âm trên tạp lam tục tự viết chữ tàm.

Ngưu tự: Âm trên là ngưu, tiếng Phạn, kêu trong miệng hợp lại, con trâu lạc đàn tiếng kêu tìm mẹ.

Nhược ốc: Ngược lại âm ông cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốc là tưới nước; chữ viết từ bộ thủy thanh ốc. Kinh văn viết chữ miệt là chẳng phải âm áo ngược lại âm nhất đáo.

Hiệp sa la: Ngược lại âm trên yểm hợp, tiếng Phạn.

Oán chuyển: Kinh văn viết chữ oán này là chẳng phải.

Thiểu uyên: Ngược lại âm trên tửu do. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiểu là vùng đất nhỏ hẹp trủng và ẩm thấp; chữ viết từ bộ thủy thanh thu, ngược lại âm dưới quyết huyền. Sách Khảo Thanh cho rằng: là suối sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ nước xoáy, chữ viết từ bộ thủy, chữ tượng hình. Kinh văn viết chữ uyên là tránh sợ phạm húy, chẳng phải chữ chánh thể, âm quyết ngược lại âm nhất duyệt.

Bảo hộ: Ngược lại âm trên bô lão. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: bảo thủ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: an. Sách Thuyết Văn cho rằng: nuôi dưỡng; chữ viết từ bộ nhơn đến chữ bảo thanh tĩnh. Văn cổ viết chữ bảo, lại viết chữ bảo kinh văn viết chữ bảo là sai lầm, kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này.

Nhiên vi: Ngược lại âm trên niên điển. Cố Dã Vương cho rằng: nhiên là cùng nhau tiếp tục. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh nhiên.

Tả bệ: Ngược lại âm dương mê cái xương đùi. Nay tục dùng viết chữ bể hai chữ bề này là chẳng phải.

Giáp xích: Ngược lại âm trên giam háp. Theo kinh nói rằng: mười đầu ngón tay là giáp, nghĩa giáp là được. Nay từ bộ nhục viết thành chữ giáp là giáp trên vai, chẳng phải chữ hay dùng.

Hắc tham: Ngược lại âm thương cảm. Sách Bát Nhã cho rằng: tham đó là màu sắc tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu xanh đen nhạt; chữ viết từ bộ hắc thanh tham.

Bàng lưu: Ngược lại âm trên phổ mang, viết đúng là chữ bàng. Mao Thi Truyện cho rằng: bàng là mưa nhiều. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh.

Quyết địa: Ngược lại âm quyền nguyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyết là chỗ có góc cạnh, va chạm vào phát ra, chữ viết từ giác thanh quyết.

Phù nhạn: Ngược lại âm trên phụ phu.

Bạt nhật la: nhật người đưa tin, cỡi ngựa, truyền tin, tiếng Phạn.

Giao kiểu: Ngược lại âm kiêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là dây buộc bắn đi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh kích, ngược lại âm công đích.

Đố thiết: Ngược lại âm trên đô cố. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: dùng màu sắc tương phản nhau gọi là đố. Sách Thuyết Văn cho rằng: người đàn bà ghen tỵ, ghen ghét, đố kỵ; chữ viết từ bộ nữ thanh hộ. Ngược lại âm dưới thiên diệt. Sách Phương Ngôn cho rằng: thiết là buồn bực trong lòng, cũng gọi là ngu đần, xấu ác. Quách Phác chú giải rằng: tính nóng nảy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh tệ.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 6

Hà ế: Ngược lại âm trên hạ da. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Hà là viên ngọc có tỳ vết. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên ngọc nhỏ màu đỏ; chữ viết từ bộ ngọc thanh hà. Ngược lại âm dưới là y kế.

Sách Thuyết Văn cho rằng: ế là bụi bặm; chữ viết từ bộ thổ thanh y.

Trang điền: Ngược lại âm trên trang. Âm dưới là điền. Theo kinh văn viết chơn châu trang điền. Trang điền là đồ trang sức phụ nữ hình hoa bằng kim loại, chữ trong bổn kinh chẳng phải nghĩa này.

Niết châu: Ngược lại âm trên ninh diệp. Sách Tập Huấn cho rằng: niết là dùng tay cào, gãi; chữ viết từ bộ thủ thanh niệm.

Ca bại: Ngược lại âm bạch mại.

Khải thỉnh: Ngược lại âm trên kê lễ. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ khải là chẳng phải, chữ khải bạch nghĩa là thưa hơi.

Thành thục: Ngược lại âm thị lục. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: thành thục là chín mùi; chữ viết từ bộ hỏa thanh thục. Kinh văn viết chữ thúc dùng chữ giả tá.

Kháp châu: Ngược lại âm khẩu giáp.

Vi đệ: Trên chánh thể chữ vi, Ngược lại âm dưới đề đế. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đệ là thay phiên nhau, từ bộ xước thanh đệ âm đệ là âm tư.

Thân chi: Âm chi trước quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ.

Sát sát: Ngược lại đều âm song giác.

Mang bố: Ngược lại âm trên mạc bàng, ngược lại âm dưới phô bố.

Duệ thanh: Ngược lại âm trên diên kiết.

Nhất cách ma ha ca la diện: Âm cách ngược lại âm ngạnh cách tiếng Phạn.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 7

Mộc tất: Ngược lại âm dân tất. Bì Thương cho rằng: cây mộc hương, ý nghĩa của chữ là chỉ lấy mùi hương đều phải chặt đẻo ra để lâu ngày, mới phát ra mùi hương thơm, gọi là tất là giống cây này rất lớn, muốn lấy cây này, tất phải trồng nhiều năm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh tất cũng viết chữ tất.

Phiến phiến: Ngược lại âm trên thiết chiến. Ngược lại âm dưới thiết chiên. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là chỗ lấy gió mà quạt bay đi bụi trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hộ đến bộ sí thanh

tĩnh. Trong văn viết từ bộ thủ viết thành chữ diên là sai lầm.

Tiết tán: Âm trên là tiết. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: tiết là rãi nước, chữ viết từ bộ thủy thanh tiết, cũng là âm diệt át. Ngược lại âm dưới viết đúng là chữ tán.

Chỉ tiệt: Ngược lại âm tiền tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiệt là đoạn lìa, cắt ra; chữ viết từ bộ qua thanh tĩnh.

Mễ bỉnh: Ngược lại âm phiền vãn.

Nạo giảo: Âm trên là cao ngược lại âm dưới giao xảo. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: nạo là quấy rối, nhiễu loạn. Hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh nhiêu giác.

Du duyệt: Ngược lại âm trên du chu. Sách Thuyết Văn cho rằng: du là bụng phệ; chữ viết từ bộ nhục thanh du.

Phong hương mộc: Âm trên là phong.

Ma ni ca: Ngược lại âm quả hòa.

Trị tuyền: Ngược lại âm toàn truyền. Trương tiển chú giải Khảo Thanh: truyền là người thợ mộc chuyển cái máy tiện xoay quanh đồ vật, kéo che lên gọi là mài giũa cho sáng lên, khiến cho đồ vật bóng trơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh toàn, âm truyền ngược lại âm duyên quyến.

Huỳnh lệ: Ngược lại âm trên quyết minh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tên dụng cụ để mài đồ vật. Trương Tiển chú giải sách Khảo Thanh rằng: đồ vật phát sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim đến bộ huỳnh, thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ huỳnh cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới lê kế. Cố Dã Vương cho rằng: lệ là viên ngọc đẹp tinh khôi. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ lộc thanh lệ, âm lệ đồng với âm trên, văn cổ viết chữ lệ.

Khô hạc: Ngược lại âm hồ lạc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hạc là làm cho cạn kiệt; chữ viết từ bộ mộc thanh cố.

Táo nhị: Ngược lại âm trên xao tháo, ngược lại âm dưới di tỷ, tiếng Phạn.

Thuấn mục: Âm trên là thuấn, viết đúng là chữ thuấn này.

Nhãn liễm: Ngược lại âm cư nghiễm.

Tử cương mộc: trên đúng là chữ tử ngược lại âm giữa cư ương, tên của cây xuất phát núi ở nước Anh.

Cố tế: Ngược lại âm trên cổ hộ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cổ là bệnh lâu ngày khó chữa; chữ viết từ bộ tật thanh cố. Lại cũng viết chữ cố, ngược lại âm dưới tiên diệt. Thống Tự cho rằng: tế là bệnh sưng thủng, tràn đầy phiền muộn, mà ngoài da nứt nẻ; chữ viết từ bộ tật thanh

tế, âm tế ngược lại âm thất duệ. Bổn kinh viết chữ tế này là sai lầm.

Một quả: Trên đúng là chữ một, ngược lại âm dưới hoa ngõa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gỏa là mắt cá chân. Theo Thanh Loại cho rằng: cục xương phụ thuộc bên ngoài.

Quyển ngưu: Ngược lại âm trên là quyền nguyễn. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quyển là cái nhà lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuồng nuôi súc vật. Chữ viết từ bộ vi thanh quyển, âm vi là âm vi.

Cấu mộc: Ngược lại âm.

Tứ sanh: Ngược lại âm trên tử tư. Tự Thư cho rằng: tứ là nghỉ ngơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: miệt mài, chăm chỉ; chữ viết từ bộ tử thanh tư.

Khẩu sáp: Ngược lại âm sơ hạp. Theo Thanh Loại cho rằng: sáp là lấy vật cấm vào, sai khiến người. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấm vào bên trong, chữ viết từ bộ thủ thanh sáp, âm sáp đồng với âm trên.

Tác quyền: âm quyền.

Phục đãng: Ngược lại âm tha táng.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 8

Tương kiểu: Ngược lại âm kiêu liễu.

Thâu thạch: Ngược lại âm trên thang lâu. Theo Thanh Loại cho rằng: thâu thạch giống như kim loại. Lại gọi là Tây Vức lấy đồng thiếc trộn lẫn với nhau làm thuốc trị bệnh cho người. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim đến bộ thân thanh tĩnh.

Mạn đàm: Ngược lại âm trên loan luyện. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạn là khinh khi, lừa dối; chữ viết từ bộ ngôn thanh mạn.

Đố duệ: Ngược lại âm trên đô cố. Trước trong quyển thứ năm đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới doanh chế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: duệ đời sau cùng. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: xa vời. Sách Phương Ngôn cho rằng: tên gọi chung. Nước Di Địch ngày xưa chỉ các bộ tộc vùng ven Trung Quốc. Sách Thuyết Văn cho rằng; chữ viết từ bộ y thanh duệ âm duệ ngược lại âm nô quát.

Triện xúc: Ngược lại âm trên trình thạch cũng viết từ bộ túc viết thành chữ trịch, ngược lại âm dưới là trùng lục.

Cửu chủy: Ngược lại âm trên túy lũy. Tự Thư cho rằng: chủy là mơ con chim, viết đúng là chữ chủy này. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thử thanh thúc, hoặc là viết chữ hai chữ chủy này đều đồng nghĩa.

Thủ đái: Ngược lại âm đô đái. Tự Thư cho rằng: ở trên đầu gọi là độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dị thanh tai. Sách trụ văn viết chữ đá âm tai ngược lại âm tể lai.

Cùng tụy: Ngược lại âm tình túy. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tụy là buồn lo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiều tụy; chữ viết từ bộ hiệt thanh túy cũng viết chữ tụy này.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 9

Điền sức: Âm trên là điền văn trước. Trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi. Kinh văn viết chữ điền này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là thức. Sách Thuyết Văn cho rằng: sức chà sát vào, thoa vào; chữ viết từ bộ cân thanh thực.

Giá mộc: Ngược lại âm trên thang lạc viết đúng là chữ giá.

Kim đàm: Ngược lại âm đồ hàm.

Du duyệt: Ngược lại âm trên du chu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: du là nhan sắc ôn hòa. Quảng Nhã cho rằng: vui vẻ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh du.

Minh điệp: Ngược lại âm điềm diệp. Sách sử ký cho rằng: kẻ đi dò xét, người nước Tấn bắt được kẻ đi dò xét nước Tần, cũng gọi là nói huyên thuyên, lắm lời. Cố Dã Vương cho rằng: người nói nhiều lời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh diệp.

Tiệp lợi: Ngược lại âm tiềm diệp. Theo chữ tiệp lợi, gọi là tiện lợi nhanh nhẹn, sáng suốt, chữ đúng hợp viết từ bộ nhơn đến viết thành chữ tiệp.

Số nhuận: Ngược lại âm trên song tróc âm dưới nhuận luận.

Đồn bất: Ngược lại âm trên đột hồn. Theo Thanh Loại cho rằng: đồn là cái mông đít. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ đồn, chữ cổ. Nay không dùng cũng viết chữ đồn nghĩa đều đồng.

Dĩ hàm: Ngược lại âm ngang cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàm là ôm tức giận trong lòng. Một gọi là khó biết, chữ viết từ bộ nữ

thanh hàm kinh văn viết chữ hàm này là sai âm hàm ngược lại âm nhất tiềm.

Tề tâm: Ngược lại âm trên tề tế. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tề là nỗi giận. Quảng Nhã cho rằng: buồn bả. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ tâm, thanh tề.

Hống hề: Ngược lại âm trên hồ khẩu, cũng viết chữ hống, ngược lại âm dưới, hề khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: hề là bị sĩ nhục; chữ viết từ bộ ngôn thanh hề. Theo nghĩa kinh hợp âm là hách giải.

Tỏa liệt: Ngược lại âm trên tổ ngọa. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: tỏa là làm nhục nhuệ khí, bẻ gãy mũi nhọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: đẩy ra, kéo ra; chữ viết từ bộ thủ thanh toa. Ngược lại âm dưới liên triết. Theo Thanh Loại cho rằng: liệt là gió quá mạnh rất lợi hại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ phong thanh liệt.

Nùng đồ: Ngược lại âm trên nữ long. Trương tiển chú giải sách Khảo Thanh rằng: nùng là nước trà đậm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: lộ ra quá nhiều rậm rạp; chữ viết từ thủy thanh nông kinh văn viết từ bộ đa viết thành chữ nùng này là nghĩa bị ngập úng chẳng phải nghĩa đây dùng, âm cùng là âm ông, âm nùng là âm nông. Ngược lại âm dưới đỗ lô. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đồ là sơn quét, tô phụ thêm; chữ viết từ bộ thổ thanh đồ.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 10

Các phẩu: Ngược lại âm trên phổ hậu. Cố Dã Vương cho rằng: phẩu là giống như lâu đời. Đỗ Dự cho rằng: ở trong phân ra mổ xẻ ra là phẩu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phân tách ra, tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh khẩu âm phẩu là âm thâu khẩu.

Phân biệt: Ngược lại âm biến biệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: biệt là thẩm xét sự việc tốt xấu, chữ viết đúng là biệt, từ bộ ngôn thanh biệt.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 11

Chiến diệu: Ngược lại âm điều diệu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: điệu là vẫy tay, ngoảnh lại. Quảng Nhã cho rằng: chấn động. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh trác.

Vựng thác: Âm trên là vận. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: màu sắc của cầu vồng, chữ viết từ bộ nhựt thanh quân. Theo ý kinh hợp lại các màu sắc lẫn lộn, nói là màu sắc ánh sáng quanh mặt trời, các ánh sáng xen lẫn lộn với nhau.

Phiêu thức: Ngược lại âm tất diêu.

Tranh xúc: Ngược lại âm trên trạch canh. Tự Thư cho rằng: cây cột hai bên mái hiên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng viết chữ tranh từ bộ thù thanh đường, cũng viết chữ tranh cây cột đình, khúc đôn. Bổn kinh viết chữ đường là sai vậy.

Khẩn tiết: Ngược lại âm trên khẩu ngân. Quảng Nhã cho rằng: thành khẩn, tin tưởng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng nghĩa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn. Tích lạp: Ngược lại âm trên tinh diệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là cây gậy đi khất thực, chữ viết từ bộ kim thanh dịch. Ngược lại âm dưới lam hạp. Sách Vận Lược cho rằng: lạp cũng là tích. Hai chữ liên kết với nhau gọi là cây tích lạp, là cây gậy, cây tích trượng.

Bàn bạc: Âm trên là bàn. Theo Thanh Loại cho rằng: bàn là viên đá to lớn. Cố Dã Vương cho rằng: bàn là giống như căn cứ, nơi ở. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh, ngược lại âm dưới là bàng mạc.

Chú trở: Ngược lại âm trên chu hựu, ngược lại âm dưới là trở trợ.

Đảnh tín: âm tín. Sách Thuyết Văn cho rằng: tín là cái thóp trên đầu che lại, chữ tượng hình. Văn cổ viết chữ tín. Nay trong bổn kinh viết chữ tín là văn thường hay dùng.

Ngân khoáng: Ngược lại âm quang mãnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoáng gọi là đồng, chì, quặng mỏ nguyên chất; chữ viết từ bộ thạch, thanh hoàng.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 12

Thao đại hải thủy: Ngược lại âm trên diêu tiểu. Thao tức dụng cụ đựng rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái cối và chày; chữ viết từ bộ qua đến bộ cữu hoặc là viết chữ đạm, cũng viết chữ đam. Bổn kinh viết (T563) chữ tụy là chẳng phải nghĩa kinh rất trái ngược, và rất xa vậy.

Luy khổ: Ngược lại âm trên luy nguy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bệnh, kém thiếu. Quảng Nhã cho rằng: rất mõi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: gây ốm; chữ viết từ bộ dương thanh luy.

Kiết quyết: Ngược lại âm dục duyệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyết là đoạn lìa, cũng viết chữ quyết này gọi là cắt ra. Nay nói khiến cho tất cả tai ách đều đoạn lìa mà được kiết tường, thanh lương vậy. Bổn kinh viết từ bộ mã viết thành chữ quyết này, tức là nghĩa con ngực chạy nhanh, thuộc bộ mã cũng thuộc nghĩa con ngực đực ốm yếu. Sâu xa mất đi nghĩa kinh.

Nôn ngẫu sao: Ngược lại âm trên nột đốn, viết đúng là chữ nộn này. Ngược lại âm ngũ hậu gọi là gốc hoa sen, ngược lại âm dưới sao sào, gọi là ngọn hoa sen.

Tư khí: Ngược lại âm trên tự tứ. Trương Tiển chú giải sách Khảo Thanh rằng: loại bằng sánh, cộng thêm lấy thạch dược bỏ vào mà có màu sắc óng ánh. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đều tự bộ ngõa thanh thứ, cũng viết chữ tứ. Nay trong kinh viết chữ từ là tên loại đá, là không thể là cái bình để đựng thuốc được vậy.

Phúc mẫn: Ngược lại âm hề vẫn.

Khẩn tiệp: Ngược lại âm trên kiết vẫn. Sách Khảo Thanh ghi rằng: khẩn cấp hoặc là viết chữ chẩn ngược lại âm dưới tiềm diệp.

Diện can: Ngược lại âm can hản. Sách Thuyết Văn cho rằng: can là mặt màu sắc đen; chữ viết từ bộ bì thanh can, cũng viết chữ can. Nay trong bổn kinh viết từ bộ hắc viết thành chữ can, tục dùng là chẳng phải.

Minh huỳnh: Ngược lại âm huỳnh quýnh. Văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Chi tiết: Âm trên là chi, văn trước trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

Da hộ: Ngược lại âm vưu cứu. Khổng Tử cho rằng: hộ đó là trợ giúp, là được sự trợ giúp phò hộ của trời, trời ban phước. Chữ trợ đó

nói theo cách khác là điều tốt lành từ trời hộ trợ cho, chẳng có điều gì là không lợi lạc tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thị thanh hữu âm thị là âm kỳ.

Niết sức: Ngược lại âm niên kiết. Trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Huyền Tích: Âm trên là huyễn, âm dưới thất diệc.

Huân phúc: Ngược lại âm trên huấn vân. Sách Thuyết Văn cho rằng: huân hun lửa khói bay lên, chữ viết từ bộ hắc đến bộ triệt. Kinh văn viết chữ huân là văn thường hay dùng đã lâu rồi nên không thể nào sửa đổi được. Ngược lại âm dưới phong phú.

Mô họa: Ngược lại âm trên vô hồ. Kinh văn viết chữ mạc, nghĩa là chữ môn mạc, âm mạc là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Mã nảo: Âm trên là mã, âm dưới là nảo.

Cấp phược: Ngược lại âm trên tam tráp, Ngược lại âm dưới vô khả.

Hỷ du: Ngược lại âm du chu gọi là vui vẻ. Văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi. Trong kinh văn viết chữ du ưu, đặc biệt mất đi nghĩa kinh văn.

Cảnh giác: Ngược lại âm trên kinh ảnh. Trịnh Huyền chú giải rằng: cảnh là khởi lên nhắc nhở. Quảng Nhã cho rằng: không an. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh cảnh.

Ý chỉ: Ngược lại âm chi sử. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉ ý ý nghĩ, chữ viết từ bộ tâm thanh chỉ, cũng viết chữ chỉ.

Chiêm sách: Âm sách. Sách Thuyết Văn cho rằng: văn cổ viết chữ sách. Kinh văn cũng viết chữ sách là chẳng phải âm chu, gọi là cây trúc yếu mềm ngã theo chiều gió, chẳng phải ý nghĩa của kinh.

Bể điếm: Ngược lại âm trên để lề. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: để là nhà của triều đình làm tại kinh sử để cho các chư hầu ở mỗi khi đến triều kiến Thiên tử. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc nhà của quốc gia, chữ viết từ bộ ấp thanh để.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 13

Phổ biến: Âm trên là phổ. Kinh văn viết chữ phổ là tên của dòng sông, chẳng phải nghĩa kinh.

Bạch thấu: Ngược lại âm thâu lậu. Quảng Nhã cho rằng: thấu là hiểu rõ, thông suốt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết bộ xước thanh tú.

Triệu khiển: Ngược lại âm khiển chiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiển là trách phạt, quở trách, vặn hỏi tra xét; chữ viết từ bộ ngôn thanh khiển âm trách ngược lại âm trúc cách.

Sung duyệt: Âm duyệt, văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích xong.

Thỉ địa: Ngược lại âm trên đinh giác cắt đứt, dứt hẳn.

Sát trụ: Ngược lại âm trên: sắc giới, các chữ trong sách đều không có chữ này, người dịch kinh tùy ý viết. Ngược lại âm dưới chu lũ.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 14

Chu chướng: Ngược lại âm chương nhượng. Sách Khảo Thanh cho rằng: chướng là ngăn cách, che đậy, hoặc viết từ bộ sơn viết thành chữ chướng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh chương. Chữ chướng cũng có giải thích theo bình thanh, cũng dùng đồng thanh khứ. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ chướng là chẳng phải không thành chữ.

Quắc toàn: Ngược lại âm trên qui cách, ngược lại âm dưới toán hoạt. Quảng Nhã cho rằng: toán là nắm giữ, cầm nắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ toát này từ bộ thủ thanh tối.

Vi quán: Ngược lại âm quan hoạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quán là xuyên suốt qua, cũng gọi là mặc áo. Sách Thuyết Văn viết chữ hoàn, mắc áo giáp, cầm binh khí; chữ viết từ bộ thủ thanh hoàn. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ quán quán là thói quen, chẳng phải ý nghĩa của kinh.

Lệ nhơn: Ngược lại âm trên lê đế. Quảng Nhã cho rằng: lệ là đẹp. Trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Dục dược: Ngược lại âm trên dung túc, ngược lại âm dưới dương chước. Quảng Nhã cho rằng: dục dược là ánh lửa cháy sáng rực rỡ. Bì Thương cho rằng: lửa cháy dữ dội. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ hỏa thanh dục dược.

Căn ngột: Ngược lại âm dưới ngũ cốt.

Nha sanh: Ngược lại âm trên nhã da, cây cỏ bắt đầy nẩy mầm.

Nhựt tự: Ngược lại âm trên nhơn chất, âm chữ Phạn.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 15

Khiếm thặng: Ngược lại âm thừa chứng. Sách Khảo Thanh cho rằng: thặng là dư thừa.

Bạo nga: Ngược lại âm trên bao mạo, bao mạo tiếng Phạn.

Bảng ấn: Ngược lại âm trên bàng giảng.

Quyển thứ nhất, quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Sóc ấn: Ngược lại âm trên sương tróc viết đúng là chữ sóc này.

Tỉ đa hà Ngược lại âm trên tư tử, âm dưới là đa, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích rằng sông Hoàng hà.

Thăng tọa: Ngược lại âm trên thức chưng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thăng là bước lên, lên cao. Quảng Nhã cho rằng: tiến lên cao. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ viết từ bộ phụ đến bộ thổ thanh thăng.

Thảng xúc: Ngược lại âm trên thang lãng. Quảng Nhã cho rằng: thảng thốt, đột nhiên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh thảng, âm đột là âm đột.

Nỉ niết: Ngược lại âm niên kiết.

Duyên ngoại: Trên là chữ duyên, khứ thanh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: duyên là đường viền ở áo, dùng để trang sức. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh duyên. Kinh văn viết truyện là tên vị quan họ Tào, chẳng phải nghĩa kinh, âm truyện, nguyện lại âm thoan loạn.

Hoàng trùng: Ngược lại âm trên hoàng, ngược lại âm dưới trục dung.

Đạp giả: Ngược lại âm trên đàm lạp, chữ giả dưới là bộ bạch.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 16

Ẩm thấu: Ngược lại âm sưu trứu, lấy nước trong chậu tẩy rửa.

Tam cúc: Ngược lại âm cưu lục.

Bàn kế: Âm dưới là kế. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: kế là búi tóc trên đầu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tiểu thanh kiết.

Tiệt thân: Âm trên tiết. Quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Thuần bạch: Ngược lại âm trên thùy luân. Sách Khảo Thanh cho

rằng: thuần là đẹp màu sắc không pha tạp. Sách Phương Ngôn cho rằng: đẹp, tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh thuần. Kinh văn viết từ bộ dậu viết thành chữ thuần là chẳng phải.

Điệp lợi: Âm diệt.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 17

Độ lượng: Ngược lại âm trên đường lạc. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: độ là đánh giá, phán đoán. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phán đoán độ lượng vật nặng nhẹ tốt xấu. Theo Tả Truyện cho rằng: trong lòng có thể phán xét, chế ra ý nghĩa đo lường gọi là độ. Sách Thuyết Văn cho chế ra phép tắc làm đảo ngược lại; chữ viết từ bộ hựu đến bộ thứ, thanh tĩnh. Kinh văn viết chữ độ này là chẳng phải, dưới chánh thể là lượng ngược lại âm lực.

Phóng học: Ngược lại âm trên phương võng. Sách Khảo Thanh cho rằng: phỏng là bắt chước. Sách Vận Lược cho rằng: phỏng là học theo, ngược lại âm dưới hào giáo hào giào. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: học là dạy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chi thanh học.

Côn độn: Ngược lại âm trên hồn ổn, ngược lại âm dưới độn ổn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: côn độn là loại người không biết gì hết, tối tăm, ngu muội không thông suốt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn đều là thanh côn độn. Theo kinh văn viếttừ bộ thủy viết thành chữ côn độn, đều là tên của dòng sông.

Khinh nữ: Ngược lại âm trên kiêu kinh. Lại cũng là âm nhã canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khinh nga tên của người con gái quí tộc, tên của phu nhơn vua Hán Vũ Đế. Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt đẹp lâu dài; chữ viết từ bộ nữ, thanh khinh. Kinh văn viết chữ diêu là chẳng phải.

Tu nhụy: Ngược lại âm trên tương du. Ngược lại âm dưới nhuy thủy. Sách Bát Nhã cho rằng: nhụy hoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nụ hoa mới mọc, mới nhú lên, nhô lên; chữ viết từ bộ thảo thanh nhụy. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ nhụy là chẳng phải, âm nhụy đồng với âm trên.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 18

Kiêu cuống: Ngược lại âm trên là kiêu yêu. Cố Dã Vương cho rằng: giả xưng danh lấy làm kiêu, cũng gọi là vu, vu khống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây chiên đàn, chữ viết từ bộ thủ thanh kiêu. Kinh văn viết chữ kiêu là trang vũ, sức mạnh chẳng phải nghĩa kinh, ngược lại âm dưới là quỉ huống. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: cuống là khinh khi. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là làm mê hoặc người khác. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh cuống.

Kíp bà la: Ngược lại âm trên là kiếp, tiếng Phạn, cái đầu người.

(T564) Mễ thiếu: Ngược lại âm chí chiểu, viết đúng là chữ miến.

Liên tử nhương: Ngược lại âm nhương chương. Sách Tự Thư cho rằng: nhương là ruột dưa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ qua thanh nhương, kinh văn viết chữ nhương này là chẳng phải.

Điểm tín: Ngược lại âm tan tấn, văn thường hay dùng, viết đúng là chữ chữ tượng hình.

Khiết khiết: Âm trên là kiết, ngược lại âm dưới đình kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: tẩy rửa, quét dọn sạch sẽ; chữ viết từ bộ thủy thanh địch.

Yển ngọa: Ngược lại âm tiến hiển. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: yển là nghỉ ngơi. Quảng Nhã cho rằng: ngửa lên, ngưng lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn thanh yển, kinh văn viết chữ yển này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới ngũ quá. Sách văn Tự điển nói rằng: che đậy, dừng nghĩa; chữ viết từ bộ nhơn thanh thần. Lấy ý là người nghỉ ngơi là phải nằm xuống.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 19

Trách thủ: Ngược lại âm trên trương cách. Trách là mở ra, trương lên. Trách cũng có nghĩa hình phạt phanh thây, xé ra. Cũng có nghĩa dùng ngón tay cái, ngón tay giữa mà cân lường trọng nặng nhẹ, gọi là lường cân.

Tô ôn: Ngược lại âm ôn khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ôn là chìm chỗ nước cạn; chữ viết từ thủ thanh ôn.

Giai đàn: Ngược lại âm bàng mạc. Trương Tiển chú giải sách Khảo Thanh rằng: đoàn là vo tròn, cũng gọi là bám dính vào. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đoàn là chẳng phải.

Trước đào: Ngược lại âm trương lược.

Hành đóa: Ngược lại âm trên hạnh canh: Tự Thư cho rằng: thân của cây cỏ, thường chỉ dùng để gọi thân thảo, còn thân mộc gọi là canh. Ngược lại âm dưới đô quả. Sách văn Tự Điển nói rằng: đóa là hoa nở trên cây chùm chùm; chữ viết từ bộ mộc, chữ tượng hình. Nay trong kinh viết từ bộ dĩ viết thành chữ đóa là sai lầm chẳng phải.

Thụ thân: Ngược lại âm trên phù nhũ, âm dưới là thân.

Sơ quản: Âm trên là sơ, âm dưới loan bản. Sách Khảo Thanh cho rằng: buộc lại, kết lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết tâm bộ mịch thanh quan.

Quán tiết: Ngược lại âm trên quan hoán, âm dưới là tiết.

Oán chuyển: Ngược lại âm trên oán nguyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: oán chuyển là từ từ nằm xuống nghỉ ngơi; chữ viết từ bộ tịch, chữ ngọa đã có giải thích rồi. Kinh văn viết chữ oán này là chẳng phải, âm tiết là âm tiết.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 20

Tranh tử chi: Ngược lại âm trên là trực canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như loại quít, mà lại lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại cam; chữ viết từ bộ mộc, thanh đăng. Kinh văn viết từ bộ tranh viết thành chữ tranh là chẳng phải.

Vô gián: Ngược lại âm giản khoan. Sách Khảo Thanh cho rằng: gián là ngăn cách, cũng là tạp loạn. Tả Truyện cho rằng: gián là khoảng giữa ngăn cách lẫn lộn với nhau.

Trù lạc: Ngược lại âm trên trụ lưu. Quảng Nhã cho rằng: trù là dày đặc; chữ viết từ bộ hòa thanh trù. Ngược lại âm dưới lang các. Thích Danh cho rằng: lạc là từ sữa mà làm phó mát. Quảng Nhã cho rằng: tương, nước tương. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ dậu, thanh các.

Liên miên: Ngược lại âm trên liễn nhiên, ngược lại âm dưới miện tiên. Theo Thanh loại cho rằng: liên miên là không dứt hết. Sách Thuyết

Văn cho rằng: liên là nối lại liên tiếp nhau; chữ viết từ bộ nhĩ, liên là đầu mối giáp nhau, giữa xương má, xương hàm; chữ viết từ bộ mịch bộ ty ty là sợ chỉ, lấy sợi chỉ mà nối kết lại với nhau không dứt tuyệt. Chữ miên từ bộ mịch thanh miên.

Phiêu xí: Ngược lại âm trên tất diêu. Ngược lại âm dưới si chú, phiêu xí đều là cái phướn, cái phan. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: nắm giữ một lá phướn màu đỏ, hai chữ đều từ bộ cân đều thanh phiêu xí. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phiêu là chẳng phải vậy, chữ xí cũng viết chữ chí nghĩa cũng đồng.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 21

Hình ngô: Ngược lại âm ngu củ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngô là bao dung.

Chướng ngại: Ngược lại âm trên chương hộ, ngược lại âm dưới ngô ái. Văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Lại bác tác: Ngược lại âm trên. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lạc nối quấn quanh. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải đến Đông Chu, Lạc Hàn, Ngụy quấn vây quanh là lạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh các. Kinh văn viết chữ lạc này là chẳng phải, kế là âm bác. Kinh văn viết chữ bác này là chẳng phải, ngược lại âm dưới là tảng các.

Phổ thao: Âm giữa là thảo. Kinh văn viết chữ thảo này là chẳng phải, ngược lại âm dưới là đô quả.

Tiêm bát: Ngược lại âm biến diêm, âm nghĩa Hán Thư cho rằng: triêm cũng giống như là sắc bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh thiệt, ngược lại âm dưới bát mạt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bát là chuyển xoay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phát. Kinh văn viết chữ bát này là chẳng phải.

Cứ ngạo: Ngược lại âm trên cư ngự, ngược lại âm dưới ao cáo. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cứ là không cung kính. Quảng Nhã cho rằng: ngạo mạn, khinh thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: cứ là không tôn trọng, hai chữ đều từ bộ nhơn đều là thanh cứ ao.

Hàm hại: Ngược lại âm trên ngang cảm. Văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Kiên trí: Ngược lại âm trì chí. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trí là dày đặc. Quảng Nhã cho rằng: trí là thêm vào. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh chí.

Thẩm tri: Ngược lại âm thâm nẩm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thẩm là nhìn xuống, trộm nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh đàm. Theo phán xét mà biết đây là trái ngược, viết đúng là chữ thẩm này, thẩm là hiểu rõ tường tận, xem xét kỹ càng, ý nghĩa bao hàm chân lý.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 22

Tủng thụ: Ngược lại âm trên là túc dũng, nghĩa đúng hợp là viết chữ tủng, tùng nghĩa là trên cao, ngược lại âm dưới thù nhủ, viết đúng là chữ thụ này.

Thấp phế đa: Ngược lại âm trên thâm nhập, âm giữa là tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: màu trắng.

Nhĩ đang: Ngược lại âm đảng lãng.

Miệt tha: Miên kiết, xem thường, khinh nhờn, âm dị, ngược lại âm di địa.

Y trích: Âm trên là y. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: y là xanh tốt, cũng là nghĩa tốt lành thay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh kỳ.

Táo quán: Âm trên tảo âm dưới là quan hoán.

Đố bị: Ngược lại âm trên đô cố. Trong quyển thứ năm trước đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là bị mi. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bị là nịnh hót, lòng hiểm ác, riêng tư. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh bì.

Tần xúc: Ngược lại âm trên tẩn tân. Ngược lại âm dưới tử lục. Cố Dã Vương cho rằng: tần xúc là lo buồn, phiền muộn không vui. Sách Thuyết Văn viết chữ tần này giải thích nghĩa cũng đồng.

Tư vĩ: ngược lại âm trên tử tư. Ngược lại âm dưới vi ủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư thái vĩ là to lớn lạ lùng, chữ viết từ bộ nhơn thanh vi.

Huất nhiên: Ngược lại âm trên là huân tước. Tiết Tông cho rằng: nhanh chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng miệng mà thổi lên, có

chỗ thổi hơi vào, chữ viết từ bộ khiếm thanh đoạn.

Chấp phược: Ngược lại âm trên chước lập.

Nhuận tinh: Ngược lại âm trên nhuận thâu, nhuận là con mắt lay động, chữ viết từ bộ mục thanh nhuận.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC QUYỂN 23

Cải nhiễu: Ngược lại âm tô hồng.

Tái quyền: Âm quyền.

Bà tỷ nỉ: Âm giữa tư thử, âm dưới ni trinh, tiếng Phạn.

Kế lợi chỉ la: Âm chỉ, ngược lại âm kiết dĩ, âm la là âm la, tiếng Phạn. Tên của Đại sứ giả trong bộ kinh Kim Cang.

Hoảng dược: Âm dược.

Hý luận: Ngược lại âm trên hy kỳ, kinh văn viết từ bộ hư viết thành chữ hý là chẳng phải.

Báng độc: Âm độc.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC QUYỂN 24

Phi độ: Ngược lại âm đường lạc, văn trước trong quyển thứ mười bảy đã giải thích rồi.

Thao phan: Ngược lại âm trên thảo đao, ngược lại âm dưới phan mạn.

Xoa đang: Ngược lại âm trên sở giai.

Nghiễm nhiên: Ngược lại âm trên nghiêm yểm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dùng đồ trang sức để trang nghiêm nơi thân cho nhân dân chiêm ngưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là tốt đẹp; chữ viết từ bộ nhơn thanh nghiêm. Kinh văn viết chữ nghiêm đồng với âm trên là chẳng phải đồng nghĩa với nghiễm nhiên.

Ám á: Trên chữ ám, ngược lại âm dưới điểu nhã. Kinh văn viết chữ á này là chẳng phải.

Bả tích: Ngược lại âm trên ba ma, ngược lại âm dưới tất diệc.

Các thang: Âm thăng.

Ái đãi: Âm trên là ái, ngược lại âm dưới là đại.

Nhu nhuyễn: Ngược lại âm nhi luyến. Trong kinh viết chữ nhuyễn là văn thường hay dùng.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 25

Thấu hội: Ngược lại âm trên thương hậu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tụ hợp, gom góp. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước đọng lại ở trên, chữ viết từ bộ thủy thanh thấu.

Thân tẩn: Ngược lại âm từ tấn. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: đốt lửa cháy còn dư lại tro tản gọi là tẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh duật thông dụng viết chữ tẩn. Kinh văn viết chữ tẩn này là sai.

Hao vi: Ngược lại âm trên cao đáo. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: hao là tổn thất. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là tiêu hao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh mao.

Nguyên đà: Âm trên là nguyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ba ba, ngược lại âm dưới: lục hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng sống dưới nước, hình nó giống như con rắn mối mà lớn hơn dài 5-6 thước nguyên đà, hai chữ đều từ bộ mãnh, đều thanh nguyên đà, âm đà là âm na từ chữ đan đó là chẳng phải vậy.

Quy miệt: Ngược lại âm trên quỷ vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: quy là tiền tệ ngày xưa. Con rùa xương ngoài, thịt ở bên trong. Theo con rùa cái đầu nó cùng với tánh rộng lớn đồng với trời đất, không có vai gánh vác mà mạnh mẽ, thuộc loại ba ba, rùa, lấy nó oai thế mạnh mẽ, giống như có bốn chân, có một đầu và đuôi; Ngược lại âm dưới ty diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loài côn trùng sống dưới nước; chữ viết từ bộ mãnh thanh tệ, kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ miệt văn thường hay dùng.

Kinh ngao: Ngược lại âm trên kịch kinh. Loại cá kình lớn trong biển, âm dưới là ao. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: con rùa lớn. Trong Liệt truyện cho rằng: có loại rùa lớn rất linh thiêng, trên lưng có vác quả núi Bồng lai mà đùa giỡn trong biển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mãnh thanh ao.

Nghê ngư: Ngược lại âm trên nghê kê. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: nghê là loại cá lớn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nghê là loại cá giống như cá trê, có bốn vi như cá trên nhỏ, lớn đó là dài tám chín thước. Nay Giang đông gọi là dịch, Kinh châu gọi là tháp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngư thanh nghê, âm tháp ngược lại âm thang lạp.

Bàn kiểu: Âm dưới là hiểu. Tự xuất ý viết không thành chữ.

Sân khuể: Ngược lại âm trên chủy chân. Ngược lại âm dưới hứa giải.

Hàm tề: Ngươì dịch kinh ở quyển cuối tự ý âm là hàm tể. Soái Nhĩ Đỗ soạn, tạo chữ. Kim trần thôn sưu tầm, bàn luận chưa xét rõ hàm tể là từ ngữ nào, nghĩa ra sao?

Mật mộc: Âm mật.

Bệ ma tử: Ngược lại âm trên bế mê. Sách Khảo Thanh cho rằng: bệ ma là tên của loại cỏ. Sách văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ thảo viết là chữ bệ.

Mạt xà tất đàn: Âm xà là âm si, tiếng Phạn.

Tự độc: Âm trên là tự, ngược lại âm dưới đồng lộc.

Ế mạc: Ngược lại âm trên khẩn kế. Trong con mắt bị che, âm dưới là mạc, chữ viết từ bộ nhục thanh mạc.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 26

Hộ duệ: ngược lại âm trên đô cố, chữ viết từ bộ hộ kinh viết từ bộ thạch là chẳng phải, ngược lại âm dưới di tế.

Kính thúc: Âm thục.

Tũng biến: Ngược lại âm trên túc dũng dưới là chữ biến, chữ viết từ bộ phộc thanh biến âm biến là âm luyến.

Hộ khiết: Ngược lại âm khô kiết.

Thân mao túng thụ: Âm túng là âm túc dũng. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: túng là giựt mình, kinh sợ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh túng.

Nhân uân: Âm trên là thuấn, văn thường hay dùng viết đúng là chữ thuấn.

Hấp hám: Ngược lại trên hâm cập. Quảng Nhã cho rằng: hấp là

uống vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh cập, ngược lại âm dưới hàm cảm. Quảng Nhã cho rằng: hám là ăn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh cảm. Theo Thanh Loại cho rằng: hoặc là viết chữ hám.

Kính sách: Ngược lại âm trên kinh ảnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: kính là ngăn cấm. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kính sợ dây cương, mở sợi dây cương ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh kính, ngược lại âm dưới sơ cách.

Lâu bệnh: Ngược lại âm trên lâu hầu.

Trưng khối: Ngược lại âm trên trắc lăng, ngược lại âm dưới khôi ngoại.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 27

Mạn tinh: Ngược lại âm trên là mãn bàn, ngược lại âm dưới tỉnh doanh. Sách Phương Ngôn cho rằng: Đông Sở gọi là tên chung rau cải bắp, Đông Tây gọi là củ cải. Nay văn thường hay dùng cũng gọi là củ cải. Lã Thị Xuân Thu cho rằng: loài rau cải xanh tốt, có đầy đủ củ nhô xanh tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh thanh.

Chước sô: Ngược lại âm trên chương nhược, ngược lại âm dưới sở vu.

Khỏa sưu: Ngược lại âm trên hoa ngõa. Khỏa là để lộ bắp thịt ra ngoài, vốn âm lõa quả, xưa âm là chất. Nay lấy làm nghi ngờ, khi người nói thì phải tránh đi, cho nên có âm trên là nhĩ, cũng viết chữ luy khỏa, nghĩa cũng đồng nhau, ngược lại âm dưới thấu sưu, chữ viết đúng thể.

Ngưu niệu: Ngược lại âm ninh diệu văn thường hay dùng và sách Thuyết Văn viết chữ niệu này nghĩa là con ngươi đi tiểu tiện; chữ viết từ bộ vĩ đến bộ thủy, cũng viết chữ niệu này.

Giáo trung: Ngược lại âm giao hiệu.

Huyễn động: Ngược lại âm trên huyền quyên. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: huyễn hoặc. Cố Dã Vương cho rằng: huyễn ảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh huyền.

La xác: Ngược lại âm giang ốc.

Khúc khu: Ngược lại âm trên cúc cung. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: khu là thân thể, thân mình, giống như là dáng vẻ sợ sệt, kính cẩn,

khép nép; chữ viết từ bộ bao thanh khu âm bao là âm bao.

Khuất khứ: Ngược lại âm quần úy. Sách Khảo Thanh cho rằng: là đào xuyên qua, đoạn lìa, đào bỏ đi đất xấu. Kinh văn viết từ bộ giác, viết thành chữ quyết, người dịch kinh dùng chữ sai lầm.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC QUYỂN 28

Khai phẩu: Ngược lại âm trên phổ hậu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phẩu là phân ở trong ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phanh ra; chữ viết từ bộ đao thanh bộ, âm bộ ngược lại âm tha khẩu.

Ế chướng: Ngược lại âm trên khẩn lệ. Sách Phương Ngôn cho rằng: ế là che lấp. Quách Phác chú giải rằng: gọi là che phủ lên, dùng bức màn che chắn ngang. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ thanh âm ế đồng với âm trên, ngược lại âm dưới là chương nhương, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tiên phúc: Ngược lại âm trên tiên diện, viết đúng là tiên, nay viết chữ tiên.

Hiển huyền: Ngược lại âm huyền huyễn. Bì Thương cho rằng: huyễn là ánh lửa sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếu sáng rõ ràng; chữ viết từ bộ hỏa thanh huyền.

Trám chi: Ngược lại âm trên trảm hãm. Sách văn Tự Điển nói rằng: trám là lấy vật chấm nước cho thấm vào bên trong, chữ viết từ bộ thảo đến chữ trám.

Miến niêm: Ngược lại âm trên miên phiến, âm dưới là hồ. Trương Tiển chú giải sách Khảo Thanh rằng: dùng bột gạo và bột mì đem nấu, khuấy làm hồ có thể dán hình vào vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: niêm là dán dính vào; chữ viết từ bộ thữ thanh cổ viết thành chữ niêm. Theo Thanh Loại cho rằng: viết chữ niêm cũng viết chữ niêm, kinh văn viết từ bộ mạch viết thành chữ hồ, cũng thông dụng thường hay dùng.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 29

Tiêu thước: Ngược lại âm trên tiểu diêu, ngược lại âm dưới thương nhược.

Sai lự: Ngược lại âm trên thái tài. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sai là nghi ngờ. Sách Phương Ngôn cho rằng: oán giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Quá chùy: Ngược lại âm trên trắc qua. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là những lóng mắc của cây cỏ, dùng làm roi quất ngựa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh. Kinh văn viết chữ quá âm hoa, là chẳng phải, ngược lại âm dưới đọa chuy.

Mễ đan la: Ngược lại âm đa ngã, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: thây chết.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC
QUYỂN 30

Hy hý: Ngược lại âm trên hỷ nghi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: là vui vẻ, cười đùa. Chữ viết từ bộ nữ thanh hỷ, ngược lại âm dưới là hy ký.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn - Lý Vô Siểm dịch.

Cai nhị: Ngược lại âm trên cải lai. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cai là chứa đủ muôn vật. Sách Phương Ngôn cho rằng: bao gồm sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh khác.

Thánh hạch: Ngược lại âm hoành cách. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cánh chim vốn gọi là hạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cuống lông chim, cọng lông chim; chữ viết từ bộ vũ thanh cách.

Liên nhụy: Ngược lại âm nhuy dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhụy hoa rũ xuống, chữ viết từ bộ thảo đến bộ mịch thanh nhụy. Kinh văn viết chữ nhụy này là sai lầm, âm nhụy ngược lại âm tài qui.

Đức phúc: Ngược lại âm phù vụ.

Quỳnh ngạc: Ngược lại âm ngang các, gọi là kiểu ngồi liên hoa, ngồi kiết già. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: hoa của loài cây cỏ, dưới đều có phụ thêm ngạc là dư thừa, tên của loài hoa ngạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyên đến bộ nghịch đến bộ thảo. Kinh văn viết chữ ngạc là văn thường hay dùng, âm huyên là âm huyên, âm nghịch là âm nghịch.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC ĐÀ LA NI

Bể lễ đa: Âm trên là tất, tiếng Phạn, không tương đương. Đường Huyền Trang cho rằng: tên chung của loài ngã quỉ. Kinh văn viết từ khẩu viết thành chữ lễ là chuyển lưỡi đọc.

Canh mễ: Ngược lại âm trên canh hoành. Theo Thanh Loại cho rằng: canh là loại lúa không dẻo. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại lúa lùn; chữ viết từ bộ hòa thanh khanh văn thường hay dùng viết chữ canh.

Bạch cốc: Ngược lại âm hồng ốc. Thích Danh cho rằng: cốc là sợi tơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây nhỏ để buộc; chữ viết từ bộ mịch đến cốc, thanh tĩnh, âm phược ngược lại âm trực chuyển.

Biển hổ: Ngược lại âm trên biên miến, ngược lại âm dưới thể lê. Sách Khảo Thanh cho rằng: biển hổ là dẹp mỏng. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ biển đệ là chẳng phải.

Dị thần: Ngược lại âm trên thời nhĩ. Cố Dã Vương cho rằng: dùng cái lưỡi mà liếm thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thiệt thanh dị, hoặc là viết chữ đà. Nay trong kinh văn viết chữ để là văn thường hay dùng, ngược lại âm dưới là thù thâu.

Tắng hiềm: Ngược lại âm trên tắc tăng. Kinh văn viết chữ tăng này là sai, ngược lại âm dưới diệp kiêm. Trong kinh văn hoặc viết chữ hiềm.

Uất kim: Ngược lại âm trên quân vật. Sách Khảo Thanh cho rằng: uất kim hương là tên của loài cỏ, cũng viết chữ uất văn thường hay dùng.

Thước chỉ để phan: Ngược lại âm trên thương chước. Kinh văn viết chữ thước dịch không đúng. Ngược lại âm kế là kinh dĩ, lại âm giữa là đinh lễ. Ngược lại âm dưới phù viên, tiếng Phạn. Giống như loại cờ

xí nhỏ cột trên cây đao, cây thương làm dấu hiệu.

Cữu ban: Ngược lại âm trên cưu hữu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốt lửa cháy sáng rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh cữu, ngược lại âm dưới bạn mạn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bàn là vết sẹo. Sách Thuyết Văn cho rằng: vết thương; chữ viết từ bộ tật thanh bàn. Kinh văn viết chữ bàn này là văn thường hay dùng.

Tác tiếu: Ngược lại âm tiều tiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếu là (T566)cúng tế; chữ viết từ bộ dậu thanh tiều cũng viết chữ tiều.

Hiệp quả: Âm quả.

Sửu miến: Ngược lại âm trên sưu hữu dùng nước hòa khuấy với bột, viết đúng là chữ sửu.

Ngưu phẩn: Ngược lại âm phân vấn. Kinh văn viết chữ phẩn văn thường hay dùng cho rằng chẳng phải.

Cam phát: Âm trên là cam lam.

Liệu lý: Ngược lại âm trên liễu tiêu, viết đúng là chữ liệu.

Dầu lâu: Ngược lại âm lâu đậu. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lâu khối u. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ bé sưng lên, cổ bị bệnh bứu; chữ viết từ bộ tật thanh lâu.

Lại gián: Âm trên lại âm dưới là nhàn đều là bệnh phong.

Sao công: Ngược lại âm trên sơ giao. Quảng Nhã cho rằng: sao là đoạt lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầm giữ; chữ viết từ bộ kim thanh thiếu.

Tác quyển: Ngược lại âm quyện viên, cũng viết chữ quyền.

Nhị uyển: Ngược lại âm uyển hoán, viết đúng là chữ quyền âm quyển ngược lại âm uyển quan.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC ĐÀ LA NI TỰ TẠI CHÚ

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Kiết tường bình: Ngược lại âm tinh minh. Sách Phương Ngôn cho rằng: cái chai nhỏ gọi là bình. Cố Dã Vương cho rằng: chỗ gọi là dụng cụ đựng nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bình đến bộ phữu thanh tinh.

Bạch tiển: Ngược lại âm tiên tiển. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: thiểm là sợi chỉ xỏ xuyên qua. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ

mịch thanh tiển cũng viết chữ tuyến. Kinh văn viết chữ diên là chẳng phải âm diên là âm diên.

Ế nê da: Ngược lại âm trên khẩn kế, âm giữa nê lễ, tiếng Phạn gọi là màu sắc vàng óng ánh của con nai. Kinh văn viết chữ ế này là sai.

Bạch mạn: Ngược lại âm mãn bán, gọi là tấm vải lụa không có hoa văn, chữ viết từ bộ mịch thanh mạn.

Tranh tiền: Ngược lại trích canh. Kinh văn viết chữ tranh là chẳng phải, âm tranh ngược lại âm khách canh, thanh cầm sắc. Nếu cho rằng: chữ tranh này là giống thì nơi nghĩa có phần quái lạ. Nay đều dùng chữ tranh nay hơi tương cận một chút nơi ý nghĩa, thuận theo tục là thanh khứ.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC ĐÀ LA NI TỰ TẠI CHÚ QUYỂN TRUNG

Họa bảng: Ngược lại dưới bàng giảng. Theo Khảo Thanh cho rằng: cây gậy lớn hoặc là viết chữ báng bang. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc đến bộ bảng. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ bảng là sai vậy.

Họa toàn: Ngược lại âm thất đoạn. Sách Vận Lược cho rằng: toàn là cây giáo nhỏ ngắn, hình như giống cây thương mà lưỡi đao rộng hơn. Quảng Nhã cho rằng: toàn gọi là cây thuổng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ giáo thanh toàn. Tự Thư cho rằng: viết chữ toàn âm toàn đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ toàn này chẳng phải, âm diên là âm diên.

Sách lệ: Ngược lại âm lực chế. Cố Dã Vương cho rằng: lệ cũng giống như là khuyến khích. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: cùng nhau khuyến khích. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lực thanh lệ.

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC ĐÀ LA NI TỰ TẠI CHÚ QUYỂN HẠ

Ma ma hê: Ngược lại âm trên ma bà, ngược lại âm dưới kế hề, tiếng Phạn, tên của vị tôn giả trong kinh Kim Cang.

Nhĩ đang: Âm đang.

Họa hội: Ngược lại âm hồi đối. Sách Khảo Thanh cho rằng: hội cũng là họa nghĩa là vĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh hội.

Nhiếp họa: Ngược lại trên niêm triếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiếp là giẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp.

Khiếp tứ: Ngược lại âm trên khiên giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiếp là cái rương nhỏ; chữ viết từ bộ trúc thanh khiếp. Lại cũng viết chữ khiếp này. Ngược lại âm dưới tư tý. Cố Dã Vương cho rằng: cái rương đựng nhiều y phục gọi là tứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc thanh tứ.

Mậu dịch: Ngược lại âm mao hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: mua bán trao đổi hàng hóa chữ viết từ bộ bối thanh mậu, âm mậu văn cổ viết chữ mậu. Kinh văn viết chữ mậu là văn thường hay dùng.

Canh thực: Ngược lại âm thừa chứa, gọi là thực là trồng cây. Kinh văn viết chữ thực này cũng thông dụng.

Yêu ký: Ngược lại âm trên yếu nhiêu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: yêu cầu mời. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh yêu.

Yểm mị: Ngược lại âm trên yểm diễm. Tục tự cho rằng: các chữ trong sách đều không có chữ này, lại dựa theo kinh văn viết,ngược lại âm dưới là mi mi. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: mị là con vật làm thân người đầu đen tới con mắt. Sách Thuyết Văn và sách Khảo Thanh cho rằng: vật tinh quái. Chữ viết từ bộ quỉ, cho rằng con quỉ mọc lông, đến bộ sam viết đúng là chữ mị này.

Trĩ lậu: Ngược lại đà dĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh trĩ hậu, chữ viết từ bộ tật thanh tự, ngược lại âm dưới là lậu.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC THẦN CHÚ TÂM

Huyền Trang dịch.

Nhuyễn thảo: ngược lại âm trên nhi nhuyễn.

Ngận ngạc: Ngược lại âm trên khất cân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngận là chân răng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nướu răng; chữ viết từ xỉ thanh cân, ngược lại âm dưới ngang các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là hầm ếch trong miệng nướu răng.

Âm khoan: Ngược lại âm khâm quan. Bì Thương cho rằng: khoan

là chỗ tận cùng của xương sống ở mông đít. Sách Thuyết Văn viết chữ khoan nghĩa là xương đùi trên, chữ viết từ bộ cốt thanh khoan. Kinh văn viết chữ khoan cũng là thông dụng thường hay dùng.

Yên hạng: Ngược lại âm trên giá hiền. Theo Thanh Loại cho rằng: yên là cuống họng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh nhân, ngược lại âm dưới là học giảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạng là phía sau cổ, chữ viết từ bộ hiệt thanh công.

Tiên tích: Ngược lại âm trên liệt viên. Cố Dã Vương cho rằng: là bệnh, gọi là thân thể bị bệnh câu thúc lại, cong co giựt lại. Ngược lại âm dưới là thất diệu. Theo Thanh Loại cho rằng: ăn quá no nên không tiêu. Xưa nay Chánh Tự viết chữ tích cũng thông dụng.

Pháo sang: Ngược lại âm trên bào nhi. Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: trên mặt nổi mụt mụn. Sách Khảo Thanh cho rằng: trên mặt nổi mụt mụn nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bì thanh bao, hoặc viết chữ bao âm bao, ngược lại âm bạch mao.

Thư quyên: Ngược lại âm trên chữ như, ngược lại âm trên quyện viên. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tứ phương huy: Ngược lại âm hủy vi. Cố Dã Vương cho rằng: huy là dùng ngón tay chỉ huy. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ thủ thanh vi.

Biên cổ: Âm cổ, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cổ là lưới võng. Xưa Bao Hy Thị viết chữ kiết thằng là cổ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ võng thanh cổ. Kinh văn viết từ bộ kiết viết thành chữ cổ là chẳng phải.

Tiểu đương lụy: Ngược lại âm trên tiều tiểu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiểu là tiêu diệt, dứt sạch, cắt ra, phân ra. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh bào, ngược lại âm dưới luật vị.

Tiêm túc ương: Ngược lại âm trên tiếp liêm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiêm là giết sạch, diệt sạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạt thanh tiêm, âm tiêm ngược lại âm tức liêm.

Chúng mạc: Ngược lại âm vong bác. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mạc là bệnh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh mạc.

Hổn hào: Ngược lại âm trên hồn ổn, viết đúng chữ hồn này ngược lại âm dưới, hiệu giao viết đúng là chữ hào này gọi là hổn tạp vẫn đục tạp loạn.

Mạc tích: Ngược lại âm dư tích. Lại cũng là đàn nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng tỏ rõ, sáng rõ ràng; chữ viết từ bộ nhựt thanh tích cũng viết chữ tích này.

Giám đồ: Ngược lại âm trên lam xám. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giám là cái gương để chiếu sáng. Sách Thuyết Văn viết chữ giám này gọi là cái bồn lớn để chứa nước. Cũng gọi là xem xét các việc, cũng gọi là có thể làm gương sáng sạch, chiếu sáng từ nơi mặt trang, chữ viết từ bộ kim thanh giám.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tử cương mộc: Ngược lại âm trên cường ương. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: núi Anh Sơn có rất nhiều cây tử cương. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây vang; chữ viết từ bộ mộc thanh cương, âm phương là âm phương.

Hàm thủy: Ngược lại âm hạp giam. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hàm là mặn, lớp muối mặn. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: khổ tức là ngày xưa khi dùng có tang cha mẹ gọi là đại hàm, khổ lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở phương Bắc cho rằng vị mặn; chữ viết từ bộ lỗ thanh hàm.

Táo: Âm tảo.

****

KINH BẤT KHÔNG QUYẾN TÁC - *Huyền Ứng soạn.*

Bổ đa: Ngược lại âm bổ hồ tên núi, núi Bổ-đa-la.

Yết di: Ngược lại âm xương thị.

Tát bà: Ngược lại âm bổ hà, bồ hà hai âm.

Trà ma: Ngược lại mạc ngã.

Đa nam: Ngược lại âm nô hàm.

Túy đa: viết đúng nghi là túy, ngược lại âm sở một.

Mai thất: ngược lại âm đinh kiết.

Yên trá: Ngược lại âm ư nhân.

Địa đế: Ngược lại âm thang lịch.

Hiệt lợi: Ngược lại âm hình kiết.

Cấp bà: Ngược lại âm tang hợp, ngược lại âm dưới là bổ ngã.

Suất mụ: Ngược lại âm nữ lục, lại âm nô cố.

A kiết: Ngược lại âm kỳ ất.

Trà đá: Ngược lại âm lạt giá.

Yên hề: Ngược lại âm hồ hề, dựa theo chữ gọi là bệnh vàng da.

Bà phù: Ngược lại âm phữu quang.

Tử khoáng: Ngược lại âm cổ mãnh, thuộc cây bà la xà, cây dùng để lấy dàu tinh nấu dầu. Cây này màu sắc rấit đỏ dùng để nhuộm vải v.v... người ta lấy da cây nấu lấy nước để nhuộm.

Tông lũ: Ngược lại âm tổ tống, gọi là go sợi khi dệt, tức là dệt sợi nọ (T567) với sợi kia, tức giữa sợi ngang đừng để sai thớ, cũng gọi là sửa chữa, tổng quát, chỉnh lý.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT CẦU THÀNH TỰU

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 40

Kinh Quán Thế Âm Bồ tát Bí Mật Tạng Thần Chú Trừ Phá Tất Cả Ác Nghiệp Đà-la-ni.

Kinh Quán Thế Âm Như Ý Luân Đà-la-ni - một quyển.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Như Ý Tâm Đà-la-ni chú.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Tâm Đà-la-ni Niệm Tụng Nghi Quỹ.

Kinh Quán Tự Tại Như Ý Luân Niệm Tụng Nghi Quỹ.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Tùy Tâm Chú - một vị tăng tên là Đa-lợi-tâm (Bất Không) Tam tạng dịch.

Kinh Thập Nhất Diện Quán Thế Âm - Huyền Ứng.

Kinh Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm.

Kinh Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ tát Tâm Mật Ngữ Nghi Quĩ - ba quyển.

Kinh Thỉnh Quán Âm Tiêu Độc Hại.

Kinh Thiên Nhãn Thiên Tý Quán Thế Âm Thần Bí Chú Ấn - ba quyển.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ tát Mụ Đà-la-ni Thân.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni - Huyền Ứng soạn.

Pháp Kim Cang Đảnh Du Già Bí Mật Tam Ma Địa Niệm Tụng - chư tôn quán tưởng mỗi mỗi sai biệt.

Pháp Quán Tự Tại Đa-la Bồ tát Niệm Tụng - một tên nữa Pháp Khu yếu.

Kinh A-lợi Đa-la Đà-la-ni A lỗ lực.

Kinh Quán Tự Tại Cầu Văn Trì Bất Không Pháp Thánh Ca Ni Kim Cang Đồng Tử Cầu Thành Tựu.

Kinh Kim Cang Đồng Tử Niệm Tụng Nghi Quỉ.

Kinh Thánh Uy Đức Kim Cang Đồng Tử Đà-la-ni.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Diêm Mạn Đức Ca Đại Minh Vương Thành Tựu.

Kinh Mạn Thù Thất Lợi Bồ tát Diêm Mạn Đức Ca Phẫn Nộ Chơn Ngôn Nghi Quỉ.

Kinh Đại Uy Nộ Ô-sô-sáp-ma Thành Tựu Nghi Quỉ.

Kinh Đại Uy Lực Ô-sô-sáp-ma - ba quyển - (khuyết còn thiếu.)

Kinh Đại Lực Kim Cang Thành Tựu.

Kinh Đại Lực Kim Cang Cầu Thành Tựu.

Kinh Đại Lực Kim Cang Thành Tựu Chư Nguyện.

Pháp Niệm Tụng Vô Động Tôn trong Kinh Kim Cang Thủ Quang Minh Quán Đảnh.

Kinh Để Lị Tam muội Da, kinh Bất Động Sứ Giả Niệm Tụng.

Kinh Thánh Bất Động Tôn Sứ Giả Thành Tựu.

Kinh Phật Thuyết Tỳ-sa Thiên Vương Thành Tựu.

Kinh Tỳ Sa môn Thiên Vương.

Kinh cam Lộ Quân Trà Lợi Cúng Dường Niệm Tụng Thành Tựu Nghi Quỉ.

Kinh Từ Thi Bồ tát Đà-la-ni Cầu Thượng Sanh.

Kinh Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi Quán Tự Tại Bồ tát Thụ Ký.

Kinh Quán Thế Âm Bồ tát Thọ Ký.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni.

Kinh Sư Tử Trang Nghiêm Vương Bồ tát Thỉnh Vấn.

Kinh Bát Đại Bồ tát Mạn-trà-la.

Kinh Nhất Thiết Như Lai Bạch Hào Thủy Sanh Quán Tự Tại Bồ Tát Chơn Ngôn - (cũng có tên Kinh Điện Quang Xí Thanh Khả Úy Hình La Sát Tư.)

Kinh Ma Lợi Chi Thiên Nữ.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bách Bát Danh Vô Cấu Đại Thừa.

Kinh Ma Lợi Chi Thiên.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu (Không có từ âm nghĩa).

Kinh Cứu Diệu Nhiên Ngạ Quỉ Đà-la-ni Thần Chú.

Kinh Diệm Khẩu Ngã Quỉ.

Kinh A-trá-bà-câu Quỉ Thần Đại Tướng Thượng Phật Đà-la-ni.

Kinh Xưng Tán Như Lai Công Đức Thần Chú.

Kinh Thập Nhị Phật Danh Thần Chú Trừ Chướng Diệt Tội.

Kinh Giảo Lượng Sở Châu Công Đức - bên phải năm mươi hai kinh, năm mươi lăm quyển đồng âm với quyển này.

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT BÍ MẬT TẠNG THẦN CHÚ TRỪ PHÁ TẤT CẢ ÁC NGHIỆP ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Phó diện: Ngược lại âm trên bằng bấc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phó là đốn ngã, chữ viết từ bộ nhơn thanh bốc.

Đàm âm: Âm trên là đàm. Sách văn Tự Tập Lược: trong ngực có đàm, chất dịch đàm, ngược lại âm dưới ư cấm.

Qua dưỡng: Ngược lại âm quả hòa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: qua là vết thương lỡ loét, mụt nhọt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh qua. Kinh văn viết chữ oa cũng là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới dương tưởng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dưỡng là bệnh ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: vết thương rất là đau nhức. Sách Thuyết Văn viết chữ dưỡng từ bộ do thanh dương.

Tri thù: Âm trên là tri, âm dưới là chu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tri thù là con nhện giăng tơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tri thù là con sâu đục gốc, thường ăn gốc lúa; chữ từ bộ mãnh đến bộ tri thanh tĩnh, chữ thù viết từ bộ mãnh thanh chu, cũng viết chữ tri thù. Kinh văn viết chữ tri viết thành chữ tri là chẳng phải âm tri là âm trí.

****

KINH NHƯ Ý LUÂN ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Kê lạt tư: Ngược lại âm giữa lan cát.

Tích địa: Ngược lại âm trên bể diệc. Sách Vận Lược cho rằng: tích là té ngã nhào. Sách Thuyết Văn viết chữ tích gọi là người không thể đi được, chữ viết từ bộ chỉ thanh tích.

Chưng tế: Trên lấy chữ chưng thanh thượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chưng là trợ giúp. Sách Phương Ngôn cho rằng: dùng tay kéo nắm lên cứu giúp kẻ chết chìm gọi là chưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ thăng gọi là đưa lên cao, chữ viết từ bộ thủ thanh thăng. kinh văn viết chữ chưng ngược lại âm chức nhưng là chẳng phải

là nay không dùng.

Tần phi: Ngược lại âm trên tẩn dân. Ngược lại âm dưới phương vi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tần là người đàn bà có chồng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: người đàn bà có xưng là pháp độ, tức là phi ngự của vua, cũng gọi là thế phụ. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ nữ đều là thanh tân dĩ.

Di tự: Ngược lại âm phan bát, tiếng Phạn. Chữ chơn ngôn, hoặc viết chữ bát.

Tinh thấu: Ngược lại âm sưu hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu gọi xúc miệng, chữ viết từ bộ thủy thanh thấu.

Tiệt sái: Âm trên tiết, ngược lại âm dưới sa giả.

Quan dược: Ngược lại âm dương chước. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ (T568)ký dược là cái khóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn, thanh dược. Kinh văn viết chữ dược văn thường hay dùng, âm dược với âm trên.

Các phó: Ngược lại âm phó. Trịnh Huyền chú giải sách lễ ký rằng: phó là đến kịp, đến ngay tức khắc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh bốc, cũng viết chữ phó này.

Tương trụ: Ngược lại âm chu lũ.

Toàn niết: Ngược lại tồ hoàn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: toàn là gom lại, nói gom lại tụ hợp lại như năm ngón tay mà bấm hạt châu tức lần tràng hạt; chữ viết từ bộ mộc thanh toàn. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ toàn âm toàn là chẳng phải, ngược lại âm dưới ninh diệp.

Giảo linh: Ngược lại âm trên giao xảo.

Thực thời: Ngược lại trên thừa chức.

Quyết địa: Ngược lại âm trên lâu nguyệt.

Điền trúc: Âm trên là điền, chữ thường hay dùng viết đúng là chữ điền này dưới là âm trúc.

Bình điền: Ngược lại điền luyện.

Ô ba: Ngược lại âm trên ô cổ. Kinh văn viết chữ ô này văn thường hay dùng.

Tố mạc: Ngược lại âm vũ phát.

Đảo sư: Ngược lại âm đao lão. Kinh văn viết chữ điêu văn thường hay dùng ngược lại âm dưới sư tể.

Liễm thượng: Ngược lại âm cư nghiễm. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: kiểm là da mí mắt ngoài; chữ viết từ bộ mục.

Hà ế: Ngược lại âm trên hạ nha, ngược lại âm dưới khẩn kế.

Tranh hại: Ngược lại âm trên trạch canh,ngược lại âm dưới lương trượng.

Bạch vựng: Ngược lại âm vân quận. Sách sử ký cho rằng: khí sáng chiếu quanh mặt trời, mặt trăng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhựt thanh quân.

Si lệ: Ngược lại âm trên xỉ chi. Sách Khảo Thanh cho rằng; trong con mắt có ghèn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt có ghèn nên mờ mịch, chữ viết từ bộ mục thanh đa.

Xích mạc: Ngược lại âm trên mang bát. Kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ mạc là chẳng nghĩa kinh.

Ôn dược: Ngược lại âm trên ôn khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chìm xuồng; chữ viết từ bộ thủ thanh ôn. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ ôn là chẳng phải.

Khinh tiết: Ngược lại âm tiên liệt, Quảng Nhã cho rằng: tiết là thấm ướt, thoát ra. Theo chữ tiết đó là người chớ có dễ vui khinh thường tiết ra chất dịch, viết đúng là chữ tiết, tiết này có nghĩa là khinh mạn, nói rằng có chỗ thu hoạch được tất nhiên là người khinh mạn.

Hiệu nghiệm: Ngược lại âm trên hào giáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: người chứa nhiều kinh nghiệm làm việc kinh văn viết hiệu, nghĩa là kinh nghiệm truyền dạy chẳng phải nghĩa là kinh nghiệm truyền dạy chẳng phải nghĩa kinh.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý TÂM ĐÀ LA NI CHÚ

Ung ánh: Ngược lại âm trên ủng cung, ngược lại âm dưới ánh cảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ có bướu, chữ viết từ bộ tật thanh anh, âm lưu là âm lưu.

Thư tiên: Ngược lại âm trên thất dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: thư là bệnh lâu ngày thành ung, chữ viết từ bộ tật thanh thư, ngược lại âm dưới là tiên tiện.

Phiền đông: Ngược lại âm đồ đông.

Phúc thướng: Ngược lại âm trương lượng.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

Ngũ cổ xử: Âm giữa là cổ.

Khiêu trịch: Ngược lại âm trên là điều. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy, vọt lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua; chữ viết từ bộ túc thanh khiêu, ngược lại âm dưới trì kích. Cố Dã Vương cho rằng: trịch là nhấc chân cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh đích, cũng viết chữ trịch này. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trịch tục dùng chữ này là chẳng phải.

Hám tước: Ngược lại âm trên đàm lãm. Ngược lại âm dưới tường lược.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT NIỆM TỤNG NGHI QUỈ - *Bất Không dịch.*

Kiểu hữu: Ngược lại âm trên nhiễu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiễu là sợi dây buộc ngựa, tức là sợi dây cương. Sách Vận Thuyên cho rằng: chữ viết từ bộ cân viết thành chữ kiểu giải thích nghĩa cũng đồng.

Xa lộ: Âm lộ.

Bàn ư: Ngược lại bán bác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: bàn là uốn khúc. Cố Dã Vương cho rằng: uyển chuyển vòng quanh uốn lượn. Quảng Nhã cho rằng: uốn cong. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh phan.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ

Còn có tên Đa Lợi Tâm. Bất Không Tam Tạng dịch.

Tam lăng thảo: Âm giữa lạt đăng.

Ôn tô: Ngược lại âm trên ôn khổn.

Nhất cách: Ngược lại âm sửu cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: khai phá rừng, cũng viết chữ sách. Kinh văn viết chữ sách văn thường hay dùng.

Trì bảng: Ngược lại âm bàng giảng, tục viết chữ bảng, kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ bảng là chẳng phải.

Oản đậu: Ngược lại âm trên oán hoàn. Quảng Nhã cho rằng: đậu lưu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đậu thanh oản.

Cốt quá tử: Âm giữa là trắc qua.

Kim đính: Ngược lại âm đình dĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng thiếc chì còn nguyên chất chưa biến chế, chữ viết bộ kim thanh đình.

Giác thắng: Ngược lại âm trên giang nhạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: giác là vật có góc cạnh, dùng mến thử, dò xét. Kinh văn viết từ thủ viết tành chữ giác là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là ngoại chứng.

****

KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN THẾ ÂM - *Huyền Ứng soạn.*

Hoán y: Ngược lại âm hồ quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoán là trao đổi, cũng gọi là thay đổi. Kinh văn viết chữ quan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là chạy trốn, cũng gọi là đi xa quan là chẳng phải thể chữ.

Độn tô: Ngược lại âm đồ tổn, viết đúng là chữ ôn, ngược lại âm ô muôn. Tự Lâm cho rằng: ôn là chìm xuống, chữ độn cũng giống như tục ngữ nói vậy. Kinh văn viết chữ đồ vậy.

Bát khỏa: Ngược lại âm khẩu hỏa, khỏa là từ số đếm, dùng cho vật có hình tròn nhỏ, hạt, hột, viên, giọt... lại viết chữ quả. Kinh văn viết chữ khỏa, ngược lại âm ư ngọa. Khỏa này nghĩa là bụi trần cũng gọi là tên đất, khỏa này chẳng phải nghĩa của kinh văn.

****

KINH THẬP NHẤT DIỆN THẦN CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Pháo sang: Ngược lại âm trên bổ giáo, pháo là nốt phồng lên ở trên da mặt. Kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ pháo, văn thường hay dùng.

Dương tiên: Âm trên là dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là mụt nhọt nổi trên đầu. Chữ viết từ bộ tật thanh dương. Ngược lại âm dưới tiên thiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là loại bệnh nấm trên da, lần lần lan to ra; chữ viết từ bộ tật thanh tiên.

Hám phong: Ngược lại âm trên hồ lam. Sách Khảo Thanh cho rằng: hám là ngu si. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: viết từ bộ tâm thanh cảm. Kinh văn vốn viết chữ cảm là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Quân trì: Ngược lại âm táo bình.

Vân đài: Âm trên là vân, ngược lại âm dưới đại lai.

****

KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM MẬT NGỮ NGHI QUỈ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên chư liên, ngược lại âm dưới bồ bấc, tiếng Phạn gọi là loại hoa, nước kia không có loại hoa này.

Thư hoại: Âm trên là từ dữ, ngược lại âm dưới hoại quái.

Năng nịch: Ngược lại âm ninh đích. Sách Khảo Thanh cho rằng: bị chìm đắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ một gọi là chìm dưới nước; chữ viết từ thủy thanh nhơn.

Yểm đảo: Ngược lại âm trên ô diễm ngược lại âm dưới là đao lão, gọi là cầu phúc.

Lỗi lịch: Ngược lại âm trên lực chùy, ngược lại âm dưới linh đích. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: lỗi là loại bệnh tràng nhạc, một loại bệnh lao hạch. Thịt lồi lên không có bằng: lịch là bệnh gân rút lại co thắt lại và sách Khảo Thanh cho rằng: da kết lại kết lại với thịt. Xưa nay Chánh Tự đều cho rằng: chữ viết đều từ bộ tật đều là thanh luy dịch.

Anh lạc: Ngược lại âm trên ích doanh, âm dưới là lạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồ trang sức của người đàn bà đeo trên cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ hai bộ bối. Kinh văn viết chữ anh lạc là thông dụng văn thường hay dùng.

Phi lũ: Ngược lại âm trên phi vi. Tự Thư cho rằng: Sợi chỉ màu may vá có màu sắc. Ngược lại âm dưới lực củ. Cố Dã Vương cho rằng: lũ là sợi chỉ kết nối lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ mịch đều thanh thiên lũ.

Hữu sai: Ngược lại âm sang hà. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sai là dùng tay sờ mó. Chữ viết từ bộ thủ thanh sai. Kinh văn viết chữ sai là lầm lẫn sai. Chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM MẬT NGỮ NGHI QUỈ QUYỂN TRUNG

Kiều đại chỉ: Ngược lại âm trên kỳ diệu. Quảng Nhã cho rằng: kiều là đưa cao lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh nhiêu.

Thức thần: Ngược lại âm trên thư dực, âm dưới thuận luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: thần là đầu môi, chữ viết từ bộ nhục thanh thần.

Chữ viết từ bộ nhục thanh thần.

Tâm tể: Ngược lại âm tình hề.

Thiếu loan: Ngược lại âm quan hoàn. Sách Khảo Thanh cho rằng: eo biển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh loan. Bổn kinh viết chữ loan nghĩa giương cây cung để bắn, chẳng phải ý nghĩa của kinh văn.

Ưng sí: Ngược lại âm thi cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim; chữ viết từ bộ vũ thanh chi hoặc viết chữ sí này nghĩa cũng đồng.

Tước xỉ: Ngược lại âm tường dược. Tục tự viết đúng là chữ tước này. nghĩa răng nhai thức ăn.

KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM MẬT NGỮ NGHI QUỈ QUYỂN HẠ

Tỳ nữu: Tiếng Phạn, nói theo. Dựa theo lời nói, ngược lại âm nữ cửu.

Xa lộ: Âm lộ.

Hoán lạn: Ngược lại âm lan thả sáng rực, cũng gọi là tràn đầy.

Thỉ lược: Ngược lại âm trên thời chỉ âm dưới là lược. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ để là chẳng phải.

Sổ ứng: Ngược lại âm trên sở giác, ngược lại âm dưới ức lăng.

Dũng lược: Ngược lại âm trên dung lũng, ngược lại âm dưới dương lược. Đỗ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: dũng là nhảy vượt qua. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ túc đều là thanh dũng. Kinh văn viết chữ dũng này cũng thông dụng.

****

KINH THỈNH QUÁN ÂM - *Huyền Ứng soạn.*

Thiệt cấm: Ngược lại âm cự ẩm, gọi là không thể nói được.
Xỉ điệt: Ngược lại âm đô ngạ. Kinh văn chữ xỉ.
Thiềm bà: Ngược lại âm chi tháp.
Phan trà: Ngược lại âm bổ bàn.
Nhiếp bề: Ngược lại âm bổ mê.
Khư kha: Ngược lại âm trúc canh.
Ma đát: Ngược lại âm chi liệt.
Dạ thước: Ngược lại âm thi dược.
Câu bệ: Ngược lại âm bổ mê.

****

KINH THIÊN NHÃN THIÊN TÝ QUÁN THẾ ÂM THẦN BÍ CHÚ

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Tích hào: Ngược lại âm trên tinh lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phân tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh cân. Kinh văn viết chữ tích này là sai.

Đào muội: Ngược lại âm trên đạo đao. Sách Mạnh Tử cho rằng: đào là người hung ác chẳng biết gì hết, luôn cắn xé nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh đào. Ngược lại âm dưới mai bối. Quảng Nhã cho rằng: muội tối tăm. Theo Tả Truyện cho rằng: không phân biệt được năm màu sắc cho rằng: mặt trời bị che khuất nên mờ mờ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh vị.

Tế cao: Ngược lại âm trên tề hề. Sách Thuyết Văn cho rằng: tế là cầm nắm lấy giữ lấy vật chữ viết từ bộ bối đến bồ tề thanh tĩnh, hoặc là viết chữ tế cũng đồng, ngược lại âm dưới cao đạo. Sách sử ký cho rằng: khiến cho Khuất Nguyên ôm hận nhảy xuống sông tự vẫn; chữ viết thuộc thảo đến bộ chữ này chưa rõ xác định được. Cố Dã Vương cho rằng: cao giống như loài cây cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh cao, hoặc là viết chữ cao cũng thông dụng.

Nhược da: Ngược lại âm trên nhi giả.
Bát lạt: Ngược lại âm lãng cát.
Yết la ba: Ngược lại âm ninh giản.
Đát la: Ngược lại âm đan át.

Kiết đế: Ngược lại âm kinh dĩ.

Yên hê: Ngược lại âm trên y kế.

Tương trụ: Ngược lại âm chu lũ. Kinh văn viết trụ cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Khướt cân: Âm trên viết đúng là chữ khướt, âm dưới là chữ căn.

KINH THIÊN NHÃN THIÊN TÝ QUÁN THẾ ÂM THẦN BÍ CHÚ QUYỂN HẠ

Cấp bà ha: Ngược lại âm trên tô hạp, âm giữa là bà, tiếng Phạn, gọi là chất thô không mịn màng.

Hòa bại: Ngược lại âm bài mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại là loại cỏ giống như lúa ngũ cốc. Khảo Thanh cho rằng: bại chẳng phải lúa, loại lúa mọc hoang có hạt nhỏ. Chữ viết từ bộ hòa.

Tưu thủy: Ngược lại âm tứu do. Theo chữ tưu đó tức là ao nước mát chỗ rồng ở hoặc là ở trong hang sâu, trong khe núi chỗ trũng thấp lấy làm ao rồng ở, hoặc là đất bằng, dùng làm ao nước mát, nhưng có rồng ở là ao trở nên nước mát lạnh hơn. Nên gọi là tưu cũng gọi là tựu là nơi phước trời ban cho. Sách Thuyết Văn cho rằng: vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm chữ viết từ bộ thủy thanh thanh thu.

Bà thước: Ngược lại âm thương chước.

Hạp bán: Trên âm Phạm không phải chữ như tiếng sử tử rống, hoặc viết chữ ngưu cũng đồng, ngược lại âm dưới phan mạt.

****

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT MỤC ĐÀ LA NI THÂN - *Tuệ Lâm soạn.*

Đố thiết: Ngược lại âm trên đô cố âm dưới bệ liệt. Sách Phương Ngôn cho rằng: thiết là buồn bực, ngu đần ác. Quách Phác chú giải rằng: người có tính nóng nảy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh tệ.

Sắc giá: Ngược lại âm tri giả.

Chiến điệu: Ngược lại âm chiêu diệu.

Cơ miệt: Ngược lại âm trên bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng:

cơ là kiêu mạn, ngược lại âm dưới miên kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: miệt là khinh thường, khinh dễ; chữ viết từ tâm thanh miệt, âm tâm là âm tâm.

Sưu hòa: Ngược lại âm trên sưu hữu.

Huyễn hoặc: Ngược lại âm trên huyền biến. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: huyễn là xem xét quan sát không rõ ràng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không có thường trù; chữ viết từ bộ mục thanh huyền.

Phách khai: Ngược lại âm trên phăng mạch. Tự Thư cho rằng: phách là dùng tay tách vật ra, phá ra, xẻ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

La nhạ: Ngược lại âm từ hà, tiếng Phạn, tên của vị vua.

Kế tân: Ngược lại âm trên cư lê.

Tức đản: Ngược lại âm đương lang. Sách Khảo Thanh cho rằng: nói thẳng gọi là nói lời lẻ ngay thẳng, cũng có thể viết chữ đảng.

Trách khai: Ngược lại âm trên trúc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra. Xưa nay chữ viết từ bộ thạch thanh kiệt.

Sao chi: Ngược lại âm trên sở xảo. Sách Phương Ngôn cho rằng: sao là dùng lửa làm cho khô, như rang, xào, nướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ sao này gọi là làm khô đi; chữ viết từ bộ cách thanh sô, cũng viết chữ sao này cũng viết chữ thư gọi là sang nướng âm cách là âm cách.

Dịch lệ: Âm trên là dịch, ngược lại âm dưới là lực chế. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: lệ đó là bệnh tật do thời tiết không ôn hòa, bệnh dịch lây lan. Sách Thuyết Văn cho rằng: tật bệnh quái ác, chữ viết đều từ bộ tật đều thanh thù vạn.

****

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Bổ-đà-lạc-sơn: tiếng Phạn.

Thính hứa: Ngược lại âm trên lễ kinh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thính cũng giống như hầu hạ phục dịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe theo lời dạy bảo; chữ viết từ bộ đức đến bộ nhĩ thanh nhậm, âm đức là âm đức. Văn cổ viết chữ đức âm vương ngược lại âm đinh dĩnh.

Dũng dược: Ngược lại trên dung thủng, âm dưới là dược.

Thôi chiết: Ngược lại trên tồ ổi. Sách Khảo Thanh cho rằng: bẻ gảy đoạn lìa, tổn hại, bại hoại; chữ viết đều từ bộ thủ.

Ngoan yết: Ngược lại âm trên ngũ quan, ngược lại âm dưới hiên yết. Sách Tập Huấn cho rằng: là loài côn trùng cắn chích người, tức là con bò cạp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh yết. Bổn kinh viết chữ hạt này, âm khác là chẳng phải nghĩa của kinh văn vậy.

Phần nhiêu: Ngược lại âm trên phù văn. Cố Dã Vương cho rằng: phần là thiêu đốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiêu đốt cỏ đồng ruộng, chữ viết từ bộ hỏa trong bộ lâm, lâm cũng là thanh, ngược lại âm dưới là thất diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là trôi nổi trên mặt nước; chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên.

Ô sô: Ngược lại âm sơ vu, tiếng Phạn.

Ương câu thi: Ngược lại âm trên ư cương, tiếng Phạn.

Thường ca la: tiếng Phạn.

Ma hê: Ngược lại âm dưới hinh hề, tiếng Phạn.

Bà cấp bà: Âm cập ngược lại âm tô hạp, tiếng Phạn.

Cưu lan: Tiếng Phạn.

Phùng trị: Ngược lại âm trì trí. Cố Dã Vương cho rằng: đương lúc vật giá, giá trị. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn thanh trực.

Nguyên miết: Âm trên là nguyện, ngược lại âm dưới biên diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ mãnh, đều thanh nguyên miết. Kinh văn viết chữ miết này cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Nữu giới già tỏa: Âm trên là sửu, ngược lại âm kế giai giới, âm giá là âm da, ngược lại âm dưới tô quả tô quả.

Ung sang: Âm trên là ung. Tư Mã Bưu cho rằng: nóng nhiệt nổi phù lên phòng lên, không thông là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưng thủng; chữ viết từ bộ duy viết thành chữ ung là sai lầm.

Nông huyết: Ngược lại trên nãi công. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: (T570) bệnh ung thư đã vỡ mủ máu chảy ra; chữ từ bộ nhục thanh nông.

Tam thóa: Ngược lại âm thổ ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng chảy ra; chữ viết từ khẩu thanh thóa.

Sắc tiển: Ngược lại âm tiên tiển, cũng viết chữ tuyết. Kinh văn viết chữ diện là chẳng phải.

Tác tác: Ngược lại âm tang lạc. Cố Dã Vương cho rằng: dùng sợi dây để quấn quanh buộc lại gọi là tác. Sách Sở Từ cho rằng: dùng sợi tơ thắc cúc áo gọi là tác ; chữ viết từ bộ phi thanh mịch âm phi, ngược lại

âm phi vị, âm nữu ngược lại âm ni lân.

Hệ hạng: Ngược lại âm trên kê nghê, ngược lại âm dưới học giảng.

Vị giai: Âm giai.

Dũng phất: Ngược lại âm trên dung thũng, ngược lại âm dưới phi vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: dũng là nước bắn lên, chữ viết từ bộ thủy thanh dũng âm dũng đồng với âm trên.

Trường sanh lạc: âm lạc.

Họa địa: Ngược lại âm trên hoành quắc.

Trịch trước: Ngược lại âm trên tinh kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trịch là ném, chữ viết từ bộ thủ thanh trịnh ngược lại âm dưới là trương lược.

Bạt kỳ: Ngược lại âm trên biện bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạt là đề bạt, cất lên, cất nhắc lên, nắm kéo dẫn tới. Đề cử những người có tài năng đặc biệt lạ thường; chữ viết từ bộ thủ thanh bạt.

Nhiên tác: Ngược lại âm trên niên điển.

Báng bài: Ngược lại âm trên bổ đường, ngược lại âm dưới bại mai. Sách Khảo Thanh cho rằng: là loại binh khí ngày xưa dùng để chống đỡ đao thương. Kinh văn viết chữ báng bệ là chẳng phải.

Việt phủ: Ngược lại âm trên viên nguyệt viết đúng là chữ việt này.

Bảo khiếp: Ngược lại âm hiềm giáp.

Bảo loa: Ngược lại âm trên lô qua. Bổn kinh viết chữ luy văn thường hay dùng.

Độc lâu: Âm trên độc âm dưới là lâu.

Bảo đạt: Ngược lại âm đường lạc. Sách Chu Lễ cho rằng: đạt là cái linh lớn, dùng làm hiệu lịnh, trong chùa hoặc dùng làm cái trống lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh đạt.

Huỳnh thân: Ngược lại âm trên huỳnh dinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng sợi dây buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: tóm thâu lại, quấn vây quanh; chữ viết từ bộ mịch đến bộ mịch thanh tĩnh.

Kha diệp: Ngược lại âm trên các hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cánh nhánh cây; chữ viết từ bộ mộc thanh.

Thi chú: Âm trên là thi âm dưới là chú.

Hồi trùng: Âm trên là hồi.

Giảo tâm: Ngược lại âm trên nha giảo, cũng viết từ bộ khẩu viết thành chữ giảo.

Lệ tác: Ngược lại âm trên lân kiết.

PHÁP KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ BÍ MẬT TAM MA ĐỊA NIỆM TỤNG - CÁC PHÁP QUÁN TƯỞNG MỖI MỖI SAI BIỆT

Tuệ Lâm dịch.

Đồ thức: Ngược lại âm thư lực. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: thức là lau chùi sạch sẽ. Quách Phác chú giải rằng: thức chỗ gọi là thanh khiết. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh thức cũng viết chữ sức.

Át già Ngược lại âm trên an cát, cũng viết chữ át là cái bồn lớn nhét kín chứa nước.

Hột li: Trên là ngận nhập, thanh dưới là ly, hai chữ hợp lai cong lưỡi lên đọc.

Đảnh đái: Ngược lại âm đương đái. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: đái là bưng bê. Tự Thư cho rằng: đội trên đầu gọi là đái, lưu tâm cho rằng: đội trên đầu chỗ để người ta chiêm ngưỡng ngắm nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dị thanh tể trụ văn viết chữ đái âm tể ngược lại âm tể lai.

Vô ngại: Cũng viết chữ ngại, cũng đồng nghĩa, ngược lại âm ngũ đại kinh văn viết ngại cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Hà điếm: Ngược lại âm trên hạ da. Trịnh Huyền chú giải rằng: là viên ngọc có tỳ vết; viên ngọc nhỏ màu đỏ; chữ viết từ bộ ngọc thanh hà, ngược lại âm dưới đinh đàm. Sách Thống Tự cho rằng: điếm là viên ngọc có tì vết khuyết không tròn; chữ viết từ ngọc thanh chiêm.

Lưỡng kiên: Ngược lại âm kiết yên. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiên là xương bả vai; chữ viết từ nhục, chữ tượng hình kinh văn viết từ bộ hộ viết thành chữ kiên cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Lưỡng bể: Ngược lại trên bề mễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: xương bắp đùi. Sách Thuyết Văn viết chữ bể này ; chữ viết từ bộ cốt thanh ty. kinh văn vốn viết chữ bệ là chẳng phải.

****

PHÁP QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG

Tuệ Lâm soạn.

Khu yếu: Ngược lại âm trên xương chu, ngược lại âm dưới nhất thao.

San định: Ngược lại âm trên sản gian.

Nữu thành: Ngược lại âm trên ni cữu.

Tu tập: Ngược lại âm xâm lập. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: tập là kết nối lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tập sáng sủa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: kết nối, tiếp nối theo. Chữ viết từ bộ mịch thanh tập, âm tập đồng với âm trên.

Tham nhuế: Ngược lại âm nhất quý. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhuế là nổi giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm hận chữ viết từ bộ tâm thanh nhuế.

Dũng mãnh: Ngược lại âm trên dung cũng. Cố Dã Vương cho rằng: hùng dũng quả cảm, quyết đoán. Kinh Thái Huyền nói rằng: các việc quyết đoán mạnh mẽ. Sách Ích Pháp nói rằng: biết việc nguy hiểm mà không tránh gọi là dũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí lực sức mạnh; chữ viết từ bộ lực thanh dũng văn cổ viết chữ dũng, hoặc viết từ bộ qua viết thành chữ dùng, âm khí là âm khí, âm dũng đồng với âm trên.

Khuất thâm: Ngược lại âm trên quần vật.

Chí tất: Ngược lại âm tân nhất, viết đúng là chữ tất. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đầu gối, khuỷu chân; chữ viết từ bộ tiết thanh tất hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ tất.

Khang tỷ: Âm trên là khang, âm dưới là tỳ vĩ.

Tồn cứ: Âm trên là tồn ngược lại âm dưới cư ngự.

Các vật: Ngược lại âm trên cưu lục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nắm đầy trong tay gọi là cúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: vốc đầu trong tay. Hàn Thi truyện cho rằng: chứa trong hai tay gọi là cúc ; chữ viết từ bộ bao âm bao là âm bao, đến bộ mễ, cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ cúc.

Kỳ tai: Ngược lại âm tắc lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: thịt trong mang con cá. Sách Thuyết Văn viết chữ tai gọi là trong góc xương của con cá, chữ viết từ bộ giác thanh tư, Pháp bổn viết chữ tai nay, kiểm lại các chữ. Tự Thư cho không có, e rằng viết sai.

Đàn chỉ: Ngược lại âm trên đường chu. Kinh văn viết từ bộ cung viết thành chữ đàn này là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Hoàn giáp: Âm trên là hoạn.

Khiêu trịch: Ngược lại âm trên đồ liễu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhảy vượt qua. Quảng Nhã cho rằng: nhảy cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: trật ngã, vất té; chữ viết từ bộ túc thanh triệu. Kinh văn viết từ bộ trác viết thành chữ trác là chẳng phải. Ngược lại âm dưới trình kích. Cố Dã Vương cho rằng: chần chừ không quyết, do dự không muốn cất bước, không muốn nhấc chân lên, mà cũng không muốn tiến

tới. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ trích cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ túc thanh đích.

Nhân một: Ngược lại âm trên nhân kiến. Sách Khảo Thanh cho rằng: một là chìm vào trong nước. Kinh văn viết chữ nhân nghĩa là nuốt vào chẳng phải nghĩa nhân một. Nay không dùng.

Tiển túc: Ngược lại trên tiên điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy chân chấn đất, nghĩa là đi chân không, không mang giày dép; chữ viết từ bộ túc thanh tiên.

Nhất hống: Ngược lại âm hồ cấu cũng viết chữ cấu, hoặc viết chữ hống.

Khích diễm: Ngược lại âm trên hưng ức. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: khích là màu sắc đỏ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ xích thanh sắc, ngược lại âm dưới diêm tiệm. Bổn kinh viết chữ diễm cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Ma kiệt ngư: Ngược lại âm kiền nghiệt tên của loài cá lớn, chữ viết từ bộ lập kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ kiệt là chẳng phải.

Bảo tỏa: Ngược lại tô quả. Quảng Nhã cho rằng: tỏa là xiềng xích liên kết với nhau. Tự Thư cho rằng: cái vòng tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh tỏa, cũng viết chữ tỏa là chẳng phải âm tỏa đồng với âm trên.

Hoàn bội: Ngược lại âm trên là hoàn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: một loại ngọc tốt có hình vòng tròn, cái vòng, chiếc khuyên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: hoàn là cái vòng tròn. Trịnh Huyền cho rằng: cái vòng vây quanh. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: vây quanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh hoàn. Kinh văn viết từ chữ úy viết, thanh chữ úy là chẳng phải âm hoàn là âm quỳnh.

Đăng đình: Ngược lại âm trên trực thăng, ngược lại âm dưới định kinh. Bì Thương cho rằng: đình là nước bị ứ đọng lại, ngăn lại. Tự Thư cho rằng: nước ngưng trệ lại không có chảy. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thủy đều thanh đăng đình.

Trâm tự: Ngược lại âm trên trắc kim, lấy nghĩa kinh Phạn âm mà gọi cùng với pháp Du-già cũng đồng. Nay bổn kinh viết là trắc kim là chẳng phải.

Tề thượng: Ngược lại âm trên tề tây.

Đốt lỗ yếm: Ngược lại âm trên đô một, âm giữa là lỗ hai chữ hiệp lại mà đọc Phạn âm. Kinh văn viết chữ đông lộng, hai chữ hiệp lại đọc mất đi nghĩa.

Độn căn: Ngược lại âm trên đô khốn.
Diễm ma: Ngược lại âm trên diêm chiêm.
Lệ oán: Ngược lại âm trên lân niết âm dưới là oán hoán.

****

KINH A LỢI ĐA LA ĐÀ LA NI A LỖ LỰC - *Tuệ Lâm soạn.*

Tam lăng: Ngược lại âm lạt đăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lăng là vật có góc cạnh, móng vuốt, chữ viết từ bộ mộc thanh lăng, cũng viết chữ lăng. Bổn kinh viết chữ lăng này là sai âm lăng là âm lăng, âm trảo ngược lại âm cổ hồ.

Bộc lệ: Ngược lại âm phùng mộc, ngược lại âm dưới lê kế. Tự Thư cho rằng: bộc là người làm nô dịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phụ giúp; chữ viết từ bộ đãi thanh lệ. Triện văn viết lệ này âm đãi là âm đệ. Kinh văn viết chữ lệ là thông dụng văn thường dùng.

Mậu vong: Ngược lại âm trên mi hựu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu cũng giống như là lạ lùng, hiếm, lừa dối. Trịnh Huyền chú giải rằng: sai lầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người cuồng điển hay quên, nói dối; chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu.

Tam điềm: Ngược lại âm điệp kiêm. Quảng Nhã cho rằng: điền là ngọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngon; chữ viết từ bộ cam đến bộ thiệt dùng lưỡi nếm là biết vị ngọt ngon.

Giác thẳng: Ngược lại giang nhạc. Lã Thị Xuân Thu ghi rằng: giác cũng giống như nếm thử. Cố Dã Vương cho rằng: giác là sức mạnh, cũng giống như cạnh tranh hơn thua. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thú có sừng, chữ tượng hình. Trong kinh văn viết chữ giác là chẳng phải ngược lại âm (T571)dưới là thăng chứng.

Hạt tiệt: Âm trên là cát, ngược lại âm dưới tiền tiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiệt là sửa trị. Trịnh Tiển chú giải rằng: tiệt sửa chữa tề chỉnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiệt là đoạn lìa, chữ viết từ bộ qua thanh tước. Kinh văn viết từ bộ tể viết thành chữ tiệt là sai.

Y hiệt y: Y ngược lại âm y ký âm kế là hiền kiết. Sách Khảo Thanh cho rằng: ràng buộc cũng gọi là dùng tấm vải lụa nhuộm làm hoa văn đường viền của gấu áo.

Thâu thạch mạt: Ngược lại âm trên thang hầu. Bì Thương cho rằng: thâu cũng giống như kim loại vàng óng ánh, chữ viết từ bộ kim.

Niết tố: Ngược lại âm trên niên kiết. Sách Khảo Thanh cho rằng:

niết là ấn xuống, vo tròn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh niết, âm niết đồng với âm trên; hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ niết.

Uyển đậu: Ngược lại âm trên ô quan. Quảng Nhã cho rằng: loại đậu lựu. Loại đậu thân leo, lá kép hình lông chim, trồng khoảng bốn năm tháng có hoa ở nách lá, hoa chùm từ hai trở lên màu tím, quả dùng để ăn. Lại đậu này cây con có lá uyển chuyển nên mới có tên uyển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đậu thanh uyển, âm lưu là âm lưu.

Cốt quá: Ngược lại âm trắc qua.

Na nga: Ngược lại âm ngư hà.

****

PHÁP QUÁN TỰ TẠI CẦU VĂN TRÌ BẤT VONG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH THÁNH CA NI KIM CANG ĐỒNG TỬ CẦU THÀNH TỰU

Tuệ Lâm soạn.

Phược bạc: Ngược lại âm trên phòng dược: Ngược lại âm dưới bàng giảo. Thống Tự cho rằng: ném xuống đất. Xưa nay Chánh Tự viết từ thủ thanh phốc.

Quan kiện: Ngược lại âm càng kiển.

Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: kiện là mấu chốt, cái khóa. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến Đông Trần Sở gọi cái khóa là kiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái quai vật dùng đề xâu vào tai của cái đỉnh; chữ viết từ bộ kim thanh kiện, cũng viết chữ kiện. Kinh văn viết chữ từ bộ môn viết thành chữ kiện là văn chữ cổ.

Khỏa lộ: Ngược lại âm trên hoa quả. Sách Thuyết Văn lại viết chữ loa tên của vị tổ. Theo Thanh Loại viết chữ khỏa, hoặc viết chữ khỏa. Bổn kinh viết chữ khỏa này. Tự Thư cho rằng: các chữ đều là xưa đều là âm lực quả.

Thước để: Ngược lại âm trên: thương chước hoặc là viết chữ thước tiếng Phạn gọi là đoạn giáo ngắn.

Khủng tủng: Ngược lại âm trên phiến cũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khủng là lo sợ, chữ viết từ bộ tâm thanh khủng cũng viết chữ khủng này, ngược lại âm dước túc dũng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: tủng cũng là lo sợ. Sách Thuyết Văn viết chữ tủng này nghĩa cũng là lo sợ; chữ viết từ bộ tâm đến bộ song thanh tĩnh. Tự Thư viết chữ tũng, âm khủng là âm cũng.

Túc mi: Ngược lại âm trên thúc bộ. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: túc là thâu gom lại. Tự Thư cho rằng: co rút lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: lọan; chữ viết từ bộ mịch thanh túc, cũng viết chữ túc này.

Dĩ tháp: Âm tháp, đây gọi là móng vuốt của sư tử, ấn xuống, dùng tay ấn xuống đất.

Tý bác: Ngược lại bổ các. Sách Thuyết Văn cho rằng: bác là xương vai; chữ viết từ bộ cốt thanh bác, kinh văn viết chữ bác này là chẳng phải.

Sách liệt: Ngược lại sỉ các. Quảng Nhã cho rằng: sách là phân ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: đất nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết tbộ thổ thanh sách, âm sách là âm xích hoặc từ bộ thủ viết thành chữ sách.

Hòa sao: Ngược lại âm xướng nhiêu. Bì Thương cho rằng: bột lúa mì. Văn Tự Điển nói rằng: bột mì làm khô; chữ viết từ bộ mạch thanh tù. Bổn kinh viết từ bộ thiếu viết thành chữ sao, văn thông dụng thường hay dùng, sơ sơ đều âm sở giảo.

Hoạn thân: Ngược lại âm quan hoạn. Xuân Thu truyện nói rằng: hoạn là mặc áo giáp cầm nắm binh khí. Đỗ Dự chú giải rằng: họan thông suốt. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: mặc áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cố chấp tức chết tính nóng vội; chữ viết từ bộ thủ thành hoàn.

Như ngột: Ngược lại âm ngô cốt. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngột là cây khô héo, rút ngắn lại, tức là cây đã bị đoạn đầu.

Môn khổn: Ngược lại khôn ổn, gọi là cửa hẹp, cũng viết chữ khổn.

Tần thích: Âm tần chữ viết đúng thể. Bổn kinh viết chữ tần là sai, ngược lại âm dưới tử lục.

Nhiên thành: Ngược lại âm trên niên điển.

Yếu thao: Ngược lại thảo điếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: dệt sợi tơ làm sợi dây. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện sợi tơ; chữ viết từ bộ mịch thanh du. Bổn kinh viết chữ thao là bao của cây cung, chẳng phải nghĩa kinh.

Khư trá: Ngược lại âm trên khương ca, ngược lại âm dưới độn la.

Sở khiết: Ngược lại âm nghiên kiết. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khiết thông dụng thường hay dùng.

Cấu như: Ngược lại âm câu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy sữa bò, sữa dê. Bổn kinh viết chữ cấu là chẳng phải.

Qua mạn: Ngược lại âm trên cổ hoa. Quảng Nhã cho rằng: móng rồng, móng cọp, xương dê, đầu thỏ, xương cốt đầu chồn v.v... Thuộc về móng vuốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: qua là loại dây leo, chữ tượng hình. Kinh văn viết chữ qua là chẳng phải ngược lại âm dưới là vạn.

Tích lịch: Ngược lại âm trên thất diệc, ngược lại âm dưới lịch. Bổn kinh viết tích lịch văn thường hay dùng.

Khu tẩn: Ngược lại âm trên khưu vu, ngược lại âm dưới tân ấn.

Nhiễu não: Ngược lại trên nãi liễu.

****

KINH KIM CANG ĐỒNG TỬ NIỆM TỤNG NGHI QUỈ

Tuệ Lâm soạn.

Vi quyền: Ngược lại âm quyển viên.

Như tường: Ngược lại âm tương dương.

Loa bôi: Ngược lại âm trên lô qua, ngược lại âm dưới bát mai.

Trực thụ: Ngược lại âm thù nhũ. Cố Dã Vương cho rằng: thụ là đứng thẳng, ngay ngắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đứng, chữ viết từ bộ kiên đến thanh đậu. Trụ văn viết chữ thụ, tục dùng viết chữ thụ, âm kiên ngược lại âm khẩu thiên.

Kiểu thủ: Ngược lại âm trên nhiêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là buộc lại, ràng buộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh kiểu.

Thứ phụng: Ngược lại âm phù dũng. Quảng Nhã cho rằng: hai tay nắm giữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh phụng.

****

KINH THÁNH UY ĐỨC KIM CANG ĐỒNG TỬ ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Quặc trác: Ngược lại âm trên câu quặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: quặc cây bừa lớn; chữ viết từ bộ kim thanh quặc, ngược lại âm dước trắc giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trác là chặt đẻo vót. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chặt đốn ngã, chữ viết từ

bộ cân thanh lưu, âm quặc ngược lại âm vương quặc, âm quấc ngược lại âm hứa phược, âm lưu là âm đậu.

Quật khứ: Ngược lại âm trên quẩn uất. Sách Khảo Thanh cho rằng: đào xuyên qua, chữ viết từ bộ thủ cũng viết từ bộ thổ viết thành chữ quật.

Sắc phương: Ngược lại trên sơ sắc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sắp bày các dụng cụ, các vật cho ngay ngắn tề chỉnh; chữ viết từ bộ điền đến bộ nhơn thanh tuy âmtuy là âm tuy.

Sáp tác: Ngược lại âm sở linh.

Phật khốt: Ngược lại âm khôn cốt.

Cấp cấp: Ngược lại âm tô hợp. Quách Phác cho rằng: cấp cấp là mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã thanh cập.

Tiểu tháp: Ngược lại âm hàm lạp. Sách Khảo Thanh cho rằng: miếng ván nhỏ làm giường. Bổn kinh viết chữ tháp này chẳng phải.

Trác thực: Ngược lại âm trên trúc giác.

Tiển lũ: Ngược lại âm trên tiên tiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: sợi chi, ngược lại âm dước là lực củ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là sợi chỉ nối kết lại, chữ viết đều từ bộ mịch đến thanh tiển lũ.

Yên noản quang: Âm giữa là nô quả gọi ấm áp, ôn hòa, hoặc là viết chữ noãn, tục tự viết chữ noãn. Ba loại chữ này cộng thêm chữ bị là cái chăn, mền, cũng là tương ứng ấm áp.

Ác chú: Âm chú.

Huyễn tích: Âm trên huyền. Tục Tự cho rằng: chữ này vốn không đung1, ngược lại âm dưới thất diệc.

Trĩ bệnh: Ngược lại trên trì lý. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh sau hậu môn, bệnh trĩ; chữ viết từ bộ tật thanh tự.

Phi tiển: Âm trên là phi. Tự Thư cho rằng: phi là sợi chỉ may khâu, Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh phi.

Biên thứ: Ngược lại âm trên tỳ miên.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI DIÊM MẠN ĐỨC CA ĐẠI MINH VƯƠNG THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn.*

Phấn tấn: Ngược lại trên phương vấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phấn là động. Quảng Nhã cho rằng: phấn chấn, thư thả, thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chim đập cánh, giống như là sắp bay

lên; chữ viết từ bộ truy, âm tuy ở trên bộ điền, ngược lại âm dưới tuẫn nhuận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tấn là mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh tấn âm tấn là âm tín.

Mạn khỏa: Ngược lại âm trên mãn bát, ngược lại âm dưới khoa hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khóa là xương đùi; chữ viết từ bộ cốt thanh quả, âm bể ngược lại âm bại mễ. Bổn kinh viết chữ khóa là thông dụng văn thường hay dùng.

Sóc ấn: Ngược lại âm trên song giác.

Tác kế: Âm kế.

Loa giác: Ngược lại trên lỗ qua. Tục tự viết chữ loa là đúng; chữ viết loa.

****

KINH THÁNH DIÊM MẠN ĐỨC UY NÔ VƯƠNG LẬP THÀNH ĐẠI THẦN NGHIỆM NIỆM TỤNG PHÁP

Tài tụng: Âm trên là tài. Cố Dã Vương cho rằng: tài cũng giống như người có khả năng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh tài.

Chú nhất: Ngược lại âm trên chu thụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chú là nấu chảy kim loại ra đúc kim; chữ viết từ bộ kim thanh chú.

Sóc ấn: Ngược lại âm trên song tróc. Kinh văn viết chữ sóc này là chẳng phải.

Lưỡng bể: Ngược lại âm trên huy mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài chữ viết từ bộ cốt thanh ty. Lại cũng viết chữ bể (T572)kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ bể là thông dụng, văn thường hay dùng.

****

KINH MẠN THÙ THẤT LỢI BỒ TÁT DIÊM MẠN ĐỨC CA PHẪN NỘ CHƠN NGÔN NGHI QUỈ - *Tuệ Lâm soạn.*

Thiêu phước: Ngược lại âm thư chước.

Nguyệt yểm: Ngược lại âm trên y diểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt ruồi đen; chữ viết từ bộ hắc thanh yểm.

Si tiếu: Ngược lại âm trên xỉ chi, âm dưới tiều diệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trách khéo. Thiên Thương Hiệt

ghi rằng: quở trách la mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đùa cợt; chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu hoặc là viết chữ tiếu.

Quán sức: ngược lại âm trên quan hoàn. Cố Dã Vương cho rằng: phàm tắm gội tẩy rửa vật đều gọi là quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa tay, tắm gội; chữ viết từ bộ cữu bộ thủy đến bộ mãnh, âm cữu là âm cúc, ngược lại âm dưới thi lực.

Môn trì: Âm trên là môn.

Tí kỳ điệp: Ngược lại âm trên tử tứ. Cố Dã Vương cho rằng: tí cũng giống như ngâm vào trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: bọt nước. Chữ viết từ thủy thanh trách, âm dưới là diệp. Bì Thương cho rằng: điệp là loại vải bố thưa. Tự Thư cho rằng: vải nhung, bổn kinh viết chữ tiết, ngược lại âm tiên tiết, chẳng phải nghĩa kinh.

Huy đạm: Ngược lại âm đàm lam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đạm là điềm nhiên, điềm tĩnh, trang sức thô sơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh chiêm âm chiêm, âm chiêm là âm chiêm.

Mộc hoạn: Âm hoạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của hoạn.

Cốt mạt: Âm mạt.

Bái chú: Ngược lại âm trên hoại bối. Sách Khảo Thanh cho rằng: mưa nhiều. Các Tự Thư đều viết chữ bái gọi là bàng bái là mưa tầm tả, mưa như trúc nước, nước chảy xối xả, ào ạt. Ngược lại âm dưới chu thú, nghĩa nước chảy từ trên xuống; chữ viết từ bộ thủy. Kinh văn viết từ bộ vũ viết thành chữ chú tục dùng chữ này là chẳng phải.

Lục miệt: ngược lại âm trên lực trùng. Cố Dã Vương cho rằng: lục là sai phạm bức bách, cúc rũ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua; chữ viết từ bộ tuy đến bộ lục, chữ lục cổ. Kinh văn viết chữ lăng là chẳng phải, ngược lại âm dưới miên miệt, miệt là khinh thường, đã giải thích quyển trước rồi. Kinh văn viết chữ miệt là chẳng phải.

Đạp mạnh: Ngược lại âm trên đàm nạp. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ tháp, ngược lại âm dưới manh bác.

Khỏa thể: Ngược lại âm trên hoa quả, cũng viết chữ khỏa đều đồng nghĩa.

Thư lan: Ngược lại âm trên thư dư.

Sáp thực: Ngược lại âm trên tử lạp.

Bột lâu đằng: Ngược lại trên bổ cốt, âm giữa lỗ câu, âm dưới đặc đăng.

Tảo sắt: Ngược lại trên tao lão. Ngược lại âm dưới chu tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại ký sinh trùng ở người và súc vật, hút máu để sống, giống như con chấy; chữ viết đều từ bộ côn đều thanh tảo tấn, âm

tấn là âm tín, âm tảo là âm trảo.

Yểm tập: Ngược lại âm trên yểm nghiễm, ngược lại âm dưới tầm lập.

****

KINH ĐẠI UY NỘ Ô SÔ SÁP MA THÀNH TỰU NGHI QUỈ

Sái thấu: Ngược lại âm trên tây lễ. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: sái là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: tẩy rửa sạch sẽ; chữ viết từ thủy thanh sái. Kinh văn viết chữ tẩy là âm tiên diễn, chẳng phải nghĩa kinh, ngược lại âm dưới tủng hựu. Sách Khảo Thanh cho rằng: là xúc mạng. Kinh văn viết chữ thấu văn thông dụng thường hay dùng.

Cử át: Ngược lại âm an cát.

Xa lộ: Ngược lại âm lô cố.

Kỳ uyển: Ngược lại âm uyển hoán. Trịnh Chúng chú giải Nghi Lễ rằng: uyển là khuỷu tay phía sau, hoặc là viết chữ uyển. Bổn kinh viết chữ uyển này là chẳng phải.

Ái pháp viết đúng là chữ pháp này.

Trúc giai: Âm trên là trúc.

Toại hỏa: Âm trên là toại cũng viết chữ toại này. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: toại là dụng cụ lấy lửa. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: lấy lửa từ mặt trời, dùng gương chiếu thẳng nơi mặt trời sẽ chiếu sáng có lửa léo lên, cho rằng lửa. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: toại là lấy năm loại đá làm đồng tinh luyện thành gương tròn, đưa lên mặt trời tức thì được lửa. Sách Khảo Thanh cho rằng: nay nghệ thuật lấy lửa đã có thừa, rất dễ tiện được lửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh toại, cũng viết chữ toại này. Kinh văn viết chữ toại văn thường hay dùng.

Thao kỳ: Ngược lại âm trên khẩu hiệp, Bì Thương cho rằng: thao là gãy ngữa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ thủ thanh thao.

Khôi quái: Ngược lại trên khổ hồi ngược lại âm dưới hoại ngoại.

****

KINH ĐẠI UY LỰC Ô SÁP MA (3 Quyển)

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH ĐẠI LỰC KIM CANG - *Tuệ Lâm soạn.*

Phù dung: Âm trên là phù âm dưới là dung, tức là hoa sen.

Thư bộ: Ngược lại trên thư dạ. Sách Vận Anh cho rằng: cây cột trụ dựng nghiêng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cây thương dựng ngược, chữ viết từ trúc thanh thư.

Thú miến: Ngược lại âm trên thư lự. Quảng Nhã cho rằng: trộm nhìn. Cố Dã Vương cho rằng: các nước chư hầu trộm nhìn dò xét lẫnnhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh thư hoặc là viết chữ thú này cũng viết chữ thư, ngược lại âm dưới miên biến. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nghiêng một bên tức là liếc nhìn, cũng gọi là nhìn nghiêng, chữ viết từ bộ mục. Thanh miến, âm thư ngược lại âm tài hà, âm miến là âm miến.

Bảng ấn: Ngược lại bàng giảng. Nay thông dụng viết chữ bảng.

Á thân: Ngược lại âm trên lưu giá. Tự Thư cho rằng: là nương nhờ, cậy nhờ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn thanh á.

Diệu điệp: Ngược lại âm điềm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: loại vải lông thưa, cũng gọi là lấy từ bông hoa cỏ dệt lại làm vải thưa. Kinh văn viết chữ diệp này là chẳng phải.

Sái loát: Ngược lại trên tây lễ, văn trên đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới tủng liệt. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: loát là cọ rửa sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: lau chùi, chữ viết từ bộ hựu tức là tay giữ lấy, cân là cái khăn dưới là bộ thi. Kinh văn viết chữ loát, loát là cạo sạch, kỳ cọ cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Bà nga vong: Âm giữa ngư ca ngược lại âm dưới vong phạm, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: là Đức Thế Tôn hoặc là viết từ bộ kim viết thành chữ song.

Sa cốc: Âm trên là sa âm dưới hồ ốc.

Hội sơn: Ngược lại âm trên hồi hội. Trịnh Tiển chú giải sách Quốc ngữ rằng: hội là vũ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh hội.

An thiện na: Âm thiện, tiếng Phạn. Khoáng thạch màu sắc xanh làm thuốc trị bệnh mắt.

Trực tiệt: Tự Thư âm là tiết, tiệt là rãi nước. Sách Khảo Thanh âm tiển thiết. Sách Khảo Thanh âm tiển thiết. Sách Vận Anh cho rằng: nước chảy nhanh, nước bắn tung tóe. Xưa nay Chánh Tự tự viết từ bộ thủy thanh tiệt.

****

KINH ĐẠI LỰC KIM CANG CẦU THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn.*

Khô tụy: Ngược lại âm từ trụy.

Môn điếm: Ngược lại âm điềm diễm.

Mộc tiệp: Ngược lại âm tư diệp. Sách Thuyết Văn viết chữ tiệp gọi là giày dép, bên trong có độn cỏ khô, viết từ bộ lý, thanh tĩnh diệp cũng viết chữ tiệp này.

Mi lộc: Ngược lại trên mỹ bi. Sách Phương Ngôn cho rằng: my là con nai già. Bạch Hổ Thông cho rằng: con xạ hầu, loài thú giống như con hươu nhưng nhỏ hơn là làm mê hoặc người. Loài hưu đó nói là mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giống nai, chữ viết từ bộ lộc thanh mễ.

****

KINH ĐẠI LỰC KIM CANG THÀNH TỰU CHƯ NGUYỆN

Tuệ Lâm soạn.

Củ phương: Ngược lại âm trên câu lưỡng. Thế Bổn cho rằng: làm khuôn phép qui cũ, phép tắc. Quảng Nhã cho rằng: cái ê ke đo góc vuông. Trịnh Tiển chú giải sách Khảo Công Ký rằng: chỗ gọi là người giữa phép tắc qui luật. Lại gọi là người cao lớn là tám thước, mặt to cổ có ba ngấn, từ bụng đến cổ chân thông có ba, thông thường cây ê ke có hai thước sáu tất ba phân, một thốn, đến hai thốn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: phép tắc; chữ viết từ bộ thỉ thanh cự, cũng viết chữ củ này.

Cam thanh sắc: ngược lại âm trên cam hám. Sách Thuyết Văn cho rằng; cam là màu tím thẩm, có pha sắc đỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh cam.

Chi nhụy: Ngược lại âm nhi chùy. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhụy hoa. Xưa nay Chánh Tự viết chữ nhụy, gọi là tim hoa; chữ viết từ bộ thảo thanh nhụy, âm nhụy ngược lại âm tài tủy.

Khổ luyện: Âm luyện tên của cây.

Lưỡng sương: Ngược lại âm tưởng dương.

Trứu mi: Ngược lại âm trên trâu sưu. Kinh văn viết chữ trứu này cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Lạc hoắc: Ngược lại âm trên lực giác, âm dưới khống giác.

Dĩ sao: Ngược lại âm sơ giảo cũng viết chữ sao này.

Nhiên thành: Ngược lại âm trên niên điển.

Thiện dụ: Âm dậu.

KINH KIM CANG THỦ QUANG MINH QUÁN ĐẢNH, PHÁP TRUNG VÔ ĐỘNG TÔN NIỆM TỤNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Nghiệt lỗ mã: Ngược lại âm trên ngư liệt, âm giữa lỗ âm dưới ni da tiếng Phạn.

Câu thấu: Ngược lại âm sang tấu.

Thôn hám: Ngược lại âm trên thổ ân âm dưới đàm lãm.

Toàn lam: Ngược lại âm lãm cam. Gọi là gió mạnh dữ dội, cuồng (T573)phong.

Khôi tẫn: Ngược lại âm từ dẫn. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ tẫn.

Muội tiếu: Ngược lại âm tiêu diệu, cái túi đựng đao kiếm, bao kiếm cũng viết chữ tiếu, gọt vót, cạo làm cho bóng nhẵn.

Hiện miễu: Ngược lại âm di tiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chột mắt, một con mắt nhỏ; chữ viết từ mục đến bộ thiếu, thiếu cũng là thanh.

Ấm ác: Ngược lại âm trên ấp ngâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà hầm dưới đất, chữ viết từ bộ huyệt thanh ám. Sách Thuyết Văn âm khứ thanh.

Ban ngận: Ngược lại âm trên bạn bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: ban là vết sẹo, ngược lại âm dưới hận ân. Sách Thuyết Văn cho rằng: vết sẹo, hai chữ đều từ bộ tật đều thanh bát cấn. Kinh văn viết chữ bàn này là sai, âm di ngược lại âm dĩ chi.

Thiêu chước: Ngược lại âm chương nhược. Quảng Nhã cho rằng: chước là nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: là sáng rõ ràng. Chữ viết từ bộ hỏa thanh trác.

Khả tự: Ngược lại âm trên ô nhã.

****

KINH ĐỂ LỊ TAM MUỘI DA PHÁP BẤT ĐỘNG SỨ GIẢ NIỆM TỤNG

Hám mâu: Ngược lại âm trên hàm cam, ngược lại âm dưới mưu cảm, tiếng Phạn.

Phược bạc: Ngược lại âm bàng mạc. Kinh văn viết chữ phú ngược lại âm phổ mạch, chẳng phải nghĩa kinh văn.

Tự ngưu: Âm tự.

Biện phát: Ngược lại âm trên tiện miến. Sách Thuyết Văn cho

rằng: dây xe thành sợi dài; chữ viết từ bộ mịch thanh biện âm biện là âm biện.

****

KINH THÁNH BẤT ĐỘNG TÔN SỨ GIẢ THÀNH TỰU

Tuệ Lâm soạn.

Tác bệ: Ngược lại âm bế mê.

Phan chi: Ngược lại âm trên bàn mãn. Chữ thượng thanh, cũng thông với khứ thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: phan là khấy trộn. Sách Vận Thuyên cho rằng: trải, bày ra cùng nhau hòa trộn lại. Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh bán. Kinh văn viết chữ phan này là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Giải cấu: Ngược lại âm trên hài giải, ngược lại âm dưới hậu cấu. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: giải cấu là bất ngờ mà gặp. Sách Khảo Thanh cho rằng: so le, không đồng đều. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ tẩu đều tranh giải hậu.

Huy ác: Ngược lại trên hủy vi. Cố Dã Vương cho rằng: lấy cờ xí mà chỉ cho số đông. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: chỉ huy trong quân đội, nếu chỉ lung tung thì loạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: huy là chiêu dụ, kêu gọi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ma, đến bộ mao.

****

KINH PHẬT THUYẾT TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn*

Vu điền: ngược lại âm điền luyện, tên Quốc ngữ của người Hồ, cũng là tên nước.

Y giáp: Ngược lại âm trên y ký, ngược lại âm dưới cổ giáp. Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: áo giáp nay gọi là khải cũng là áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phương Đông mặc áo giáp, ngăn ngừa mãnh dương khi manh động, chữ viết từ bộ mộc, mang trên mình tin tưởng rằng áo giáp sẽ ngăn ngừa binh khí xâm nhập. Thái Nhất kinh nói rằng: giáp là đứng đầu, giáp cũng giống như người đứng đầu. Kinh văn viết chữ giáp là chẳng phải.

Đại loa: Ngược lại dưới lô qua, đã giải thích đầy đủ. Kinh thư

duyên viết chữ loa là chẳng phải.

Đình tượng: Ngược lại âm đình tỉnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng thiếc chì còn nguyên chất, chữ viết từ bộ kim thanh đình.

Tân thiết: Ngược lại âm trên tất tần. Kinh văn viết chữ tân này là chẳng phải, ngược lại âm dưới thiên kiết. Kinh văn viết chữ thiết là thông dụng văn thường hay dùng.

Giới tiên: Âm trên là giới, ngược lại âm dưới tiên tiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là bệnh nấm trên da lan dần, cũng là bệnh ung nhọt, chữ viết đều từ bộ tật đều thanh giới giải. Kinh văn viết chữ tiên này là chẳng phải âm dương là âm dương.

Thiêu nhiệt: Ngược lại âm nhi chuyết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thiêu đốt lửa cháy làm nóng lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sáng tỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh nhiệt, âm nhiệt là âm nghệ.

Hắc nhiên: Ngược lại âm trên là mặc. Cố Dã Vương cho rằng: hắc là không nói ra lời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu thanh hắc.

****

KINH TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Phong nhiêu: Ngược lại âm trên phương phong. Sách Chu Dịch cho rằng: phong là đầy đủ, nhiều. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: dày, dồi dào tươi tốt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tươi tốt rậm rạp. Giã Quỳ chú giải Sách Quốc ngữ rằng: nhiều, tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đậu ngũ cốc tràn đầy, được mùa, chữ viết từ bộ đậu chữ tượng hình. Nay thông dụng viết chữ phong này là sai, ngược lại âm dưới nhiêu chiêu. Quảng Nhã cho rằng: nhiêu là nhiều, nhiêu ích, gọi là phong là dày. Theo Thanh loại cho rằng: dư dật giàu có. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy no đủ; chữ viết từ bộ thực thanh nhiên. Bổn kinh viết chữ nhiêu này là chẳng phải nghĩa kinh văn.

Trữ tích: Ngược lại chư lữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là kho cất chứa, chữ viết từ bộ bối thanh trữ, âm trữ ngược lại âm trừ lữ.

Khai phu: Ngược lại âm phủ vô. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phu là sắp bày. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ thốn thanh bộ. Kinh văn viết chữ phu cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Hoa mạn: Âm man hoặc viết chữ mạn.

Kim khiếp: Ngược lại âm kiêm diệp. Sách Thuyết Văn chữ khiếp là cái rương bọc kín, chữ viết từ bộ phương thanh hiệp từ bộ trúc đó hoặc là chữ cũng đồng nghĩa, âm giam là âm hàm, âm phương là âm phương.

Câu tri: Âm tri.

****

KINH CAM LỘ QUÂN TRÀ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NIỆM TỤNG THÀNH TỰU NGHI QUỈ

Mẫn niệm: Ngược lại âm trên mân vẫn. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: mẫn là thương xót, đau khổ. Quảng Nhã cho rằng: nhớ nghĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh mẫn âm mẫn đồng với âm trên. Bổn kinh viết chữ mẫn này cũng thông dụng.

Kiểu cuồng: Ngược lại âm trên kiêu tiểu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kiểu là tự xưng dối trá lấy làm hữu vi. Cố Dã Vương cho rằng: giả xưng gọi là kiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyên về, giỏi về; chữ viết từ bộ thủ thanh kiều. Bổn kinh viết kiêu nghĩa là thẳng chẳng phải nghĩa kiểu cuồng.

Lâm ly: Âm trên lực kim. Quảng Nhã cho rằng: lâm là ngâm vào trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy nước tưới lên, hoặc gọi là ướt át đầm đìa nước từ trên núi đổ xuống, chữ viết từ bộ thủy thanh lâm, ngược lại âm dưới lý chỉ. Bì Thương cho rằng: nước thấm vào đất. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh ly.

Tứ khiêu: Ngược lại âm đồ điêu. Quảng Nhã cho rằng: khiêu là nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh triệu.

Điền sức: Ngược lại âm trên điền luyện. Khảo Thanh cho rằng: lấy trân báu làm đồ trang sức. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: lấy vàng làm hoa tai, chữ viết từ bộ kim thanh điền, ngược lại âm dưới là thăng lực văn trước đã giải thích trùng lập rồi.

Hy hý: Ngược lại âm trên hỷ kỳ, âm dưới hy ký.

****

KINH TỪ THỊ BỒ TÁT ĐÀ LA NI CẦU THƯỢNG SANH

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẤT LỢI, KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THỌ KÝ PHẨM

Miệt lê xa: Ngược lại trên miên kiết, âm giữa liên kết ngược lại âm dưới xích xa, tiếng Phạn tên của lạp sư.

Phanh kỳ: Ngược lại âm trên bá manh.

Nguyệt yểm: Ngược lại âm y diễm, tên kim cang phẫn nộ.

Noa chưỡng: Ngược lại âm trên nô hòa.

Sa cốc: Âm trên sa, ngược lại âm dưới hồng ốc, quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Lan hạm: Ngược lại âm trên lãng an, ngược lại âm dưới hàm ám.

Bệ thuẫn: Ngược lại âm trên tỳ mễ, ngược lại âm dưới thời duẫn.

Tiêm lợi: Ngược lại âm trên tức chiêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tiêm là sợi dây nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh tiêm. Theo nghĩa kinh văn là móng vuốt của áo giáp nhỏ mà rất bén, chữ viết từ bộ kim viết thành chữ điềm.

Hữu bát: Ngược lại âm bổ mạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát là xương giáp với vai; chữ viết từ bộ cốt thanh chuyên. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ bát là chẳng phải, ngược lại âm phổ mạc.

****

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ - *Tuệ Lâm soạn.*

Ban lan: Ngược lại âm trên bát man. Sách Vận Anh cho rằng: ban lan là màu sắc rực rỡ, xen lẫn nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ biện viết thành chữ biện nghĩa hoa văn màu sắc sặc sở xen lẫn với nhau. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hoa văn nhìn chói mặt, hoặc viết chữ giao gọi là màu sắc lóm đóm, loang lỗ; chữ viết từ bộ văn thanh biện nghĩa giải thích cũng đồng như trên. Xưa nay Chánh Tự hoặc là viết chữ lân viết thành chữ lân âm lân ngược lại âm lực chấn, âm biên ngược lại âm biên miên, âm lân ngược lại âm lực tẫn, âm tẫn ngược lại âm tịch dẫn.

Vi diệp: Ngược lại âm trên vĩ quỉ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vĩ là màu sắc đỏ rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu đỏ sặc sở; chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ, ngược lại âm dưới diêm nghiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: diệp cũng là sáng rực; chữ viết từ bộ hỏa thanh diệp. Mao Thi Truyện cho rằng: diệp là lằn sáng của điện chớp. Kinh văn viết từ bộ hoa viết thành chữ diệp. Sách Địch Thư Tự cho rằng: âm diệp

đồng với âm trên.

Phân phúc: Ngược lại âm dưới bằng phúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: hương thơm ngào ngạt; chữ viết từ bộ hương thanh phúc.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THUYẾT PHỔ HIỀN ĐÀ LA NI

(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH SƯ TỬ TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒ TÁT THỈNH VẤN

Biền la: Ngược lại âm trên biện miên. Cố Dã Vương cho rằng: biền la cũng giống như bày la liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã thanh biện, âm biện ngược lại âm tiện miến.

Bái nhiêu: Ngược lại trên phổ bối. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: bái là có dư thừa, đầy đủ, vui mừng. Sách Mạnh Tử nói rằng: bái nhiên là uy đức giáo hóa làm vang cả biển. Cố Dã Vương cho rằng: hồng ân mưa thuận mùa như tưới nước cho vạn vật không nơi nào là không tươi tốt. Quảng Nhã cho rằng: lớn mạnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh bái hoặc viết từ bộ viết thành chữ bái, âm bái đồng với âm trên. Âm khoát ngược lại âm hồ ngọai, âm chú ngược lại âm chi thú.

Áp thân: Ngược lại âm trên ô giáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: đè nén, trấn áp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh yểm.

Trách thân: Ngược lại âm trên tranh cách. Văn trước đã giải thích rồi, kinh văn viết chữ trách này là chẳng phải.

Trùng khải: Ngược lại trên trực trung. Kinh văn viết chữ hủy là âm hủy. Nay văn thông dụng thường hay dùng, âm dưới là nghi ỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khải là con phù du; chữ viết từ bộ trùng thanh khải.

****

KINH BÁT ĐẠI BỒ TÁT MẠN TRÀ LA

Ư khỏa: Ngược lại khoa hóa ; chữ viết đúng thể. Bổn kinh viết chữ

khỏa (T574)tục tự thường hay dùng.

Hy di: Ngược lại âm trên hỷ kỳ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hy là quang minh sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh hy, âm là âm di, ngược lại âm dưới là, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhứt thiết Như Lai bạch hào thủy sanh quáng tự tại Bồ tát chơn ngôn điệt, cũng là tên điện quang xí thạnh khả úy hình la sát tư pháp.

Phục diện: Ngược lại âm bằng mặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phục là nằm xuống; chữ viết từ bộ bao thanh phúc.

Hấp hạp: Ngược lại âm trên hâm ấp. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: hấp giống như là dẫn vào. Quảng Nhã cho rằng: uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: hít hơi thở vào bên trong; chữ viết từ bộ khẩu thanh cập, cũng viết chữ hâm. Kinh văn vốn viết chữ hấp là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là hồ hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạp cũng là uống vào; chữ viết từ bộ khiếm thanh hợp. Kinh văn vốn viết chữ hiệp này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Khu tân: Ngược lại âm tân tẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: cất giữ. Kinh văn viết chữ tân này là sai.

****

KINH MA LỢI CHI THIÊN NỮ

Kiểu đầu: Ngược lại âm trên nhiêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là ràng buộc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh khiếu. Sách Vận Thuyên cho rằng: viết từ bộ cân viết thành chữ kiểu cũng thông dụng.

****

KINH ĐẠI KIẾT TƯỜNG THIÊN NỮ THẬP NHỊ KHẾ NHẤT BÁCH BÁT DANH VÔ CẤU ĐẠI THỪA

(Không có từ để âm nghĩa)

****

KINH ĐẠI KIẾT TƯỜNG THIỆN NỮ

Nghệ Thế Tôn sở: Ngược lại âm trên nghê kế. Cố Dã Vương cho rằng: nghệ là đốn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cũng là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: đến hầu; chữ viết từ bộ ngôn thanh chỉ.

****

KINH MA LỢI CHI THIÊN

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH CỨU DIỆN NHIÊN NGẠ QUỈ ĐÀ LA NI THẦN CHÚ

Luy sưu: Ngược lại âm trên lụy truy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh tật. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: thiếu kém. Quảng Nhã cho rằng: rất kém. Tự Thư cho rằng: rất mõi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốm gầy. Chữ viết từ bộ dương thanh luy. ngược lại âm dưới sưu hựu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sưu là gầy gò, mảnh khảnh; chữ viết từ bộ tật thanh sưu âm cụ ngược lại âm cụ vu, âm sưu ngược lại âm tố khẩu.

****

KINH DIỆM VI NGẠ QUỈ

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH A TRÁ BÀ CÂU QUỈ THẦN ĐẠI TƯỚNG THƯỢNG PHẬT ĐÀ LA NI

Cầm thú: Ngược lại âm trên cự lâm. Bạch Hổ Thông giải thích rằng: cầm đó là loài thú chim muôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là tên chung của loài cầm thú, rõ ràng là người chỗ cầm thú mà chế ra. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thú có hai chân mà có lông vũ gọi là cầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên chung của loài cầm thú biết chạy, cái đầu

giống như hình, chữ viết từ bộ nhữu. Nay Thanh Loại cho rằng: loài cầm là đầu nó lõm tương tợ như thân hình. Ngược lại âm dưới là thi cứu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài thú có bốn chân mà có lông mao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: loài thú biết chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thủ lược; chữ viết từ bộ khuyển đến bộ thú thanh diệt. Bổn kinh viết chữ thú người thợ sơn to lớn chẳng phải nghĩa kinh âm nhữu ngược lại âm nhu truy âm thú ngược lại âm hưu hựu.

Lịch toái: Ngược lại trên lực đích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lịch là xe lăn bánh, xoay chuyển nghiền nát lên trên. Lượng Lâm Phú cho rằng: tiếng xe chạy xình xịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ bánh xe nghiền nát cán lên; chữ viết từ bộ xa thanh lạc, âm triển ngược lại âm ni triển, âm triển ngược lại âm lật trận, ngược lại âm dưới tô hội.

****

KINH XƯNG TÁN NHƯ LAI CÔNG ĐỨC THẦN CHÚ

Tao bể: Ngược lại tô táo.

Kỳ: Câu chơn ngôn, tiếng Phạn, gọi mạ hợp lại đọc khất sáp, hai âm hợp đọc dưới là kỳ bể, đồng đây.

Bể: Ngược lại âm tỳ mễ.

****

KINH THẬP NHỊ PHẬT DANH THẦN CHÚ GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC TRỪ CHƯỚNG DIỆT TỘI

Phân uân: Ngược lại âm trên phẫn văn, ngược lại âm dưới uất vân. Sách Khảo Thanh cho rằng: mùi thơm ngào ngạt, nghĩa đã giải thích đầy đủ trong kinh kim quang minh tối thắng vương.

****

KINH GIẢO LƯỢNG SỞ THÙ CÔNG ĐỨC

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 41

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA - NGỰ CHẾ TỰA

Đại phác: Ngược lại phổ bác. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ phác này. Vương Dật cho rằng: chân phác, thật thà, chân thật. Chân cũng giống như khí tượng chưa phân chia. Theo Thanh loại cho rằng: phàm vật gì chưa có điêu khắc chạm trổ gọi là phác. Sách Thuyết Văn cho rằng: gỗ còn nguyên chưa đẻo gọt, chữ viết từ bộ mộc thanh phốc, âm phốc là âm bốc.

Khiên hồ: Ngược lại xí kiên. Quảng Nhã cho rằng: khiên là lôi kéo liên kết nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn ra tới phía trước; chữ viết từ bộ ngưu đến bộ mịch thanh huyền, âm mịch ngược lại âm quí dinh, giống lôi kéo dắt con trâu. Tục dùng viết từ bộ thủ viết thành chữ khiên là chẳng phải.

Táng hồ: Ngược lại âm tang táng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: chết mất gọi là táng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chết mất; chữ viết từ bộ phốc, thanh vong. Tục viết chữ táng này cũng viết chữ táng này, đều chẳng phải dưới là chữ hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: là ngữ khí trợ từ, dùng cuối câu, thanh điệu dư thừa, chữ viết từ bộ hề thanh quyết âm quyết ngược lại âm phiến miệt.

Ái ố: Ngược lại âm trên ai đại. Tục tự viết bến thể. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thân yêu, mến thích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: thương xót, yếu mến nhớ nghĩ đến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ký đến bộ tâm viết thành chữ ái. Nay thông dụng viết chữ ái này, âm ký là âm kỳ. Ngược lại âm dưới là ô cố. Cố Dã Vương cho rằng: ố là ghét, chữ giả tá. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết tu bộ tâm thanh á. tục dùng viết từ bộ ác này là sai.

Tịch liêu: Ngược lại âm trên là tình địch. Tục tự và Sách Thuyết

Văn viết đúng là chữ tịch này nghĩa là chỗ không có tiếng người, chữ viết từ bộ miên đến bộ thích thanh tĩnh, hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ tịch. Ngược lại âm dưới lịch điêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đứng trong cửa mà nhìn ra xa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: tịch liêu là nơi xa thăm thẳm, không có âm thanh tiếng người, chữ viết từ bộ miên thanh liêu, chữ viết từ chữ liệu tĩnh lược âm miện là âm miên âm thúc là âm thúc, từ chữ thích tĩnh lược.

Sĩ thời: Ngược lại âm sự tử. Thượng Thanh Tục Tự cho rằng: thời là chỗ dùng đúng lúc, chữ sĩ viết đúng là từ bộ viết thành chữ sĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ lai viết thành chữ sĩ. Sách Vận Thuyên cho rằng: sĩ là chờ đợi. Sách Khảo Thanh cho rằng: chờ đợi người đến. Tục Tự viết từ bộ nhơn viết thành chữ sĩ cũng thông dụng thường hay dùng.

Phân luân: Ngược lại âm trên phương văn. Quảng Nhã cho rằng: phân là đung đúc nhốn nháo. Ngược lại âm dưới là luật truân. Sách Chu Dịch cho rằng: luân là sợi chỉ ngay thẳng, tổ chức làm việc. Tống Trung Thượng Sĩ chú giải kinh Thái Huyền rằng: Luân là liên lạc nối liền với nhau đều là chữ hình thanh.

Lưu dịch: trên là chữ lưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy đến bộ lưu âm ngược lại âm dùng khứ thanh là chẳng phải âm dịch là âm diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: dịch là nước dãi trong miệng chảy ra, chữ viết từ bộ thủy thanh dạ.

Thiển thâm: Ngược lại âm thiên diễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: không sâu, chữ viết từ bộ thủy thanh tiển, âm tiển ngược lại âm tế hạn, ngược lại âm dưới là thương nhậm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thâm thúy, sâu xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy đến bộ thâm âm thâm đồng với âm trên. Nay tương truyền từ âm thâm ngược lại âm sơn lâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâm cũng đồng với chữ thâm, cũng gọi là sâu xa.

Húc nhựt: Ngược lại âm hung ngọc. Sách Khảo Thanh cho rằng: húc là mặt trời mọc chiếu sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trời mới mọc; chữ viết từ bộ nhựt, đến bộ cửu, ngược lại âm dưới nhị chất. Sách Thuyết Văn cho rằng: tinh của thái dương, chữ tượng hình.

Suyễn trú: Ngược lại trên thức lăng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: viết chữ thăng nghĩa là lên cao. Theo Thanh Loại viết chữ suyễn nghĩa mặt trời mới mọc. Ngược lại âm dưới trú cứu. Sách Khảo Thanh cho rằng: trú là sáng ban ngày. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trời sắp lặn cùng với ban đêm là thế giới tối tăm, chữ viết từ bộ đản đến bộ duật

chữ hội ý.

Nhất chí: Âm trí, chữ giả tá trí cũng là chữ chí nghĩa là đến.

Nghệ chưng: Ngược lại âm trên ngư kệ. Khổng An Quốc chú giải Sách Thượng Thư rằng: nghệ là cai trị, trị. Sách Khảo Thanh cho rằng: nghệ là ngơi nghĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắt cỏ bỏ đi; chữ viết từ bộ phiệt đến nét mát tương giao với nhau, gọi là nghệ, âm phiệt là âm yêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nét chuyển bên trái âm mát ngược lại âm bì mật. Sách Thuyết Văn cho rằng: nét chuyển bên phải, ngược lại âm dưới là thức nhưng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đến kịp. Sách Tiểu Nhã nói rằng: chưng là người đông đúc. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: dân đông, tốt lành. Sách Bát Nhã cho rằng: ngày càng phát đạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo đến bộ tiêu thanh thừa, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Kế tân: Ngược lại âm trên cư nghệ, tiếng Phạn, tên của nước Tây Vức, hoặc gọi là kế thấp di la hoặc gọi là cố thấp mật đều là người xưa dịch sai, tóm lược. Đúng Phạn âm gọi là yết thấp nhĩ la ở Bắc Ấn Độ.

Lãnh tụ: Ngược lại âm trên lực dĩnh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lãnh là đứng hạng đầu. Sách Trang Tử cho rằng: lãnh là ghi chép, chọn lấy. Trịnh Huyền chú giải Sách Lễ Ký rằng: chỉnh lý. Lục thao cho rằng: lãnh là cổ áo. Xưa nay Chánh Tự viết chữ lãnh này, nay thông dụng viết chữ từ bộ hiệt thanh lịnh, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, ngược lại âm dưới là tù lôi. Tục Tự và sách Khảo Thanh cho rằng: tay áo thẳng. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng đồng nghĩa; chữ viết từ bộ y đến bộ tụ thanh tịnh. Xưa nay Chánh Tự viết chữ tụ từ bộ thái đến bộ y, cũng viết chữ tụ này.

Dực vệ: Ngược lại âm trên là dựng chức. Khổng An Quốc chú giải Sách Thượng Thư rằng: dực là phụ giúp. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cung kính. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: trợ giúp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thêm vào sách Nhĩ Nhã cho rằng: cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim, từ trên là bộ vũ thanh dị, ngược lại âm dưới là dinh uế. Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: giúp đỡ, che chở. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bảo vệ biên thùy. Quách Phác cho rằng: bảo vệ biên thùy. Quách Phác cho rằng: bảo vệ doanh trại giữ gìn ngăn ngừa từ trong tới ngoài. Sách Thuyết Văn cho rằng: canh giữ bảo vệ; chữ viết từ bộ vĩ đến bộ bái đến bộ hành hành là xếp hàng đi vây quanh. Nay viết chữ vệ tĩnh lược nên viết chữ vệ.

Địch lực: Ngược lại âm đình lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: địch là tẩy trừ. Sách Thuyết Văn cho rằng: địch rửa

quét dọn sạch sẽ, rãi nước, âm sái, ngược lại âm âm á lễ.

Hấp dẫn: Ngược lại âm trên kim lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn nước; chữ viết từ bộ thủy thanh cập, dưới là âm: dĩ nhẫn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: dẫn đường. Sách Thuyết Văn cho rằng: mở dây cung; chữ viết bộ cung đến bộ quyết âm quyết là âm quyết là âm duệ, văn cổ viết từ bộ thủ viết thành chữ dẫn, hoặc là viết chữ hoằng.

Thứ bằng: Âm dưới bì băng. Sách Tập Huấn cho rằng: bằng là ký thác gởi gấm, chữ viết từ bộ tâm, thanh bằng. Sách Thuyết Văn viết chữ bằng. Lại khứ thanh nghĩa là dựa vào, nương vào.

Chơn thuyên: Ngược lại âm thất duyên. Sách Trang Tử cho rằng: thuyên là cái nơm, chỗ gọi là bắt cá được các mà quên nơm. Cố Dã Vương cho rằng: bắt cá, dùng tre trúc làm thành cái lờ, cái đó để bắt cá, âm cẩu là âm cẩu.

Liêu nhân: Ngược lại âm liêu điêu. Quảng Nhã cho rằng: liêu là cẩu thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: tai nghe chim hót; chữ viết từ bộ nhĩ thanh mão hoặc là viết chữ liêu. Nay thông dụng viết từ bộ mão viết, viết thành chữ liêu, e rằng sách viết sai, âm mão âm là âm dậu, âm liêu là âm liễu.

Cảnh khải: Ngược lại âm trên canh hạnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cảnh là trồng trọt. Quảng Nhã cho rằng: sơ lược. Chữ viết từ bộ mộc thanh canh, ngược lại âm dưới ca ngại. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khái là cái thanh gạt ngang trên hộc khi đong lường. Giáng Tông chú giải Đông Kinh Phú truyện rằng: cảnh khải đó là loại rau không có tâm nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng. Trịnh Huyền cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh ký hoặc viết chữ khải âm hàm là âm châm âm tiêm ngược (T575) lại âm tức tiêm.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 1

Ca lan đa ca: Ngược lại âm cương khư. Xưa dịch ca lan đà di, hoặc gọi là yết lan đạt ca, đều sai. Đúng Phạn âm gọi là yết lãn đà ca, tên của vường đại trúc viên (vườn trúc lớn) gần thành Vương Xá, gần núi Nam Ấm. Nói đây là chỗ Đức Phật giảng kinh.

Đãi đắc: Ngược lại âm đường tế, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: đãi là đến kịp lúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ

bộ xước thanh đãi, âm đặc là âm đoài.

A tăng xí da: Ngược lại khinh dĩ, ngược lại âm dưới dĩ giá, tiếng Phạn, tên Pháp Số. Theo Câu Xá luận dẫn giải thoát kinh nói rằng: trong sáu mươi số A tăng xí da, là thứ năm mươi hai số đều lấy tên thập thập biến, đầy đủ như trong luận nói.

Y hộ: Ngược lại âm hồ cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cổ là chỗ nương dựa cậy nhờ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh cổ.

Trầm mịch: Ngược lại âm trên trì lâm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trầm là chìm đắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: trầm khác nước; chữ viết từ bộ trẫm âm là âm dâm, ngược lại âm dưới ninh lịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn đến bộ thủy viết thành chữ mịch nghĩa là người chìm xuống nước, chữ viết từ bộ thủy thanh nhược.

Nan giải: Ngược lại âm dưới hài giới cũng có âm hạ giả là chẳng phải.

Chỉnh lý: Ngược lại âm chinh đĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bằng đều nhau; chữ viết từ bộ sắc thanh chánh. Tục dùng viết từ bộ chỉ là chẳng phải âm sắc, ngược lại âm sửu lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ sắc từ bộ thúc đến bộ phộc, âm phộc ngược lại âm phổ bốc. Tục dùng viết từ bộ lai, đến bộ lực viết thành chữ sắc là chữ thường hay dùng.

Vô yểm: Ngược lại âm y diêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Sách Khảo Thanh cho rằng: no ăn no bụng, vui vẻ, đầy đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển đến bộ cam đến bộ nhục.

Song túc: Ngược lại âm trên sóc song. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ hai bộ truy đến bộ hưu, hựu là tay cầm nắm, tục dùng là chẳng phải trái ngược.

Cung kính: Trên là chữ cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiêm túc tuân theo dưới là văn cổ có chữ tâm, thanh trên là cung tục dùng từ chữ tiểu là chẳng phải, dưới là chữ kính. Sách Khảo Thanh cho rằng: kính là thận trọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ phộc thanh cẩu âm cẩu, ngược lại âm kỷ lực.

Ky tỏa: Ngược lại âm trên ký nghi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: lấy sợi dây da buộc nơi mõm con ngựa. Thích Danh cho rằng: để kiềm chế, cầm giữ ngăn cấm không cho con ngựa chạy loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ võng thang ky, đồng với âm trên hoặc là viết chữ ky này, ngược lại âm dưới tô quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là ghi chép. Quảng Nhã cho rằng: cái vong liên kết với nhau; chữ viết từ bộ kim thanh tỏa, âm tỏa đồng với âm trên.

Minh tinh: Chữ minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ cảnh âm cảnh ngược lại âm quỉ vĩnh. Từ bộ nguyệt đến bộ cảnh giống như song cửa sổ. Chữ tinh đó là tinh của ngũ hành. Nói minh tinh đó là cũng chẳng phải mỗi ngày thường có sao sáng. Bởi thế cho nên tâm kim mộc hỏa thổ và lấy sao thủy tinh thời có sao chiếu sáng, khi mà trời sắp sáng mà hiện có đoán người hầu phải biết không lâu là mặt trời mọc. Trong các kinh thời có nói minh tinh. Đức Phật cũng do nhân duyên mặt trời sắp mọc và ngôi sao sáng, mà dẫn tới lời nói thí dụ, Đức Từ Thị Bồ tát gần nơi địa vị Phật quả, nghĩa xưa gọi là Tây phương. Khi ban đêm xem xét quán sát ba ngôi sao sáng, ban đầu quán bạch tinh, kế đến quán thanh tinh, sau cùng là quán xích tinh. Đây là rất quái là với nghĩa kinh đây là giọng nói chẳng phải thật.

Phàm chủ: Âm trên là phàm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phàm là buồm của chiếc thuyền lớn dựng trên khiến cho gió đùa đưa chiếc thuyền đi, Phàm chủ đó là người dẫn đường đi trong biển; chữ viết từ bộ cân thanh phàm.

Hồi phục: Âm trên là chữ hồi, kinh văn viết theo chữ cổ hồi, tuy là đúng, nhưng mà có chỗ không dùng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: nước chảy ngược dòng mà trên gọi là sách hồi. Quách Phác cho rằng: nước chảy vòng xoáy. Ngược lại âm dưới là phục, hoặc là viết chữ phục cũng gọi là nước chảy vòng xoáy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh phục.

Xâm hại: Ngược lại âm trên là thích dâm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là xâm phạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ từ tiến tới. Chữ viết từ bộ nhơn đến bộ trữu đến bộ hựu âm hựu là tay. Tay cầm nắm trữu là cây chổi. Nếu như người cầm cây chổi quét từ từ tiến vào gọi là xâm, nay tỉnh lược. Ngược lại âm dưới là hà đại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hại là kẻ trộm đạo tặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm tổn thương; chữ viết từ bộ miên đến bộ khẩu nói rằng từ trong nhà khởi lên, đến bộ phong thanh tĩnh. Kinh văn viết chữ hại là văn thường hay dùng, âm phong chữ hại là chữ cổ.

Ca lỗ ca: tiếng Phạn, tên của con chim lớn ăn thịt rồng. Xưa gọi là ca lâu la, cũng tên là kim xí điểu con chim cánh vàng hoặc gọi là át lộ trà, nay văn sách viết ca lỗ sa trên. Hai chữ dưới không tương đương. Đúng Phạn âm gọi là nghiệt lỗ nô, âm nô ngược lại âm ninh da, âm lỗ cong lưỡi đọc hồ cũng có tên là long oán.

Thôn đạm: Ngược lại âm đồ lam. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn, chữ viết từ bộ khẩu thanh kháp. Kinh văn viết từ chữ hám cũng nghĩa

ăn, cho ăn, đều là chữ thường hay dùng.

Lũ giả: Ngược lại âm lực chủ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: còng lưng. Lũ cũng giống như trên lưng cong lại. Quảng Nhã cho rằng: thân mình cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gầy yếu. Chữ viết từ bộ nhơn đến bộ lâu thanh tĩnh hoặc gọi lưng gù đều là một nghĩa.

Khỏa giả: Ngược lại âm trên hoa ngõa. Tránh đi tục húy nên viết đây hồ, vốn âm lãng quả. Theo Tả Truyện cho rằng: quán cái thân lõa lồ khi tắm rửa. Cố Dã Vương cho rằng: khỏa đó là người cởi áo để lộ cái vai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y viết thành chữ khỏa. Tự Thư cũng có viết từ bộ thân viết thành chữ khỏa. Sách Ngọc Thiên cho rằng: viết từ bộ nhơn viết thành chữ khỏa, ba thể chữ đều thông dụng.

Đồi phụ: Ngược lại âm trên đô lôi. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồi là đống đất cao. Bì Thương cho rằng: nhiều mô đất tụ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: mô đất nhỏ, chữ viết từ bộ thổ thanh truy. Kinh văn viết từ bộ thập viết thành chữ đôi này chẳng phải, hoặc là viết chữ nhạn là chữ cổ, cũng có viết chữ đội, cũng thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là phù hữu. Ngô sở và sách Vận Anh âm là phù vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đại lộ lớn, trên núi không có đá gọi là phụ, văn cổ viết chữ phụ, chữ tượng hình.

Chỉ dưỡng: Ngược lại âm chỉ phú. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chỉ là mài cho bằng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đá mà dao. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đó là loại đá mềm; chữ viết từ bộ hán thanh để âm hán là âm hản.

Ải hiệp: Ngược lại âm trên lưu giới. Quảng Nhã cho rằng: ải là nơi bức bách nhỏ hẹp, cũng giống như là hiệp. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là nơi nguy hiểm, hoặc là viết chữ ách. Sách Thuyết Văn viết chữ ải. Lại chữ ải là chữ cổ, nay theo tĩnh lược viết chữ ải đều là đúng thể, ngược lại âm dưới là hàm giáp. Cố Dã Vương cho rằng: chỗ nhỏ hẹp bức bách; không rộng rãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: vùng biên ải, nhỏ hẹp, nguy hiểm. Chữ viết từ bộ phụ thanh hiệp. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp là chẳng phải.

Triền lý: Ngược lại âm trực liên. Sách Tập Huấn cho rằng: nơi thành thị, hàng quán, nơi khu đất trống. Sách Khảo Thanh cho rằng: nơi chợ búa, bán hàng quán khu đất khoảng một mẫu, chỗ người ta thả để nuôi gia súc, nơi đất trũng, lấy làm nơi phố chợ, cư dân sinh sống, chữ viết từ bộ thổ thanh triền.

Khai hoát: Ngược lại âm dưới hoan quát. Quảng Nhã cho rằng: hoát mở rộng, khai thông trống rỗng. Sách Thuyết Văn viết chữ hoát

này thông với chữ cốc là khe núi, từ bộ cốc thanh hại. Trên là chữ khai, đúng thể là viết chữ khai. Sách Thuyết Văn viết từ chữ khai cũng thông dụng. Từ bộ tĩnh là sai âm khai là âm khiên.

Uế ố: Ngược lại âm dưới là ô cố.

Kinh cước: Ngược lại âm cạnh ức. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây táo chua. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều bộ cước là âm thích, cây có gai nhọn văn cổ viết chữ tượng hình chữ táo.

Trần buộn: Âm trên là trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: con nai đi bụi đất bay lên; chữ viết từ bộ thổ, chữ hội ý, ngược lại âm dưới bồn vấn. Sách Khảo Thanh cho rằng: bụi đất dơ bẩn. Sách Thuyết Văn viết chữ buộn trần đều từ bộ thổ thanh phân.

Câu chỉ la: Âm trên là câu, câm tư dĩ, tiếng Phạn tên của loài chim, chim này tính nó thích đậu cành cây tươi tốt, không đậu trên cành cây khô.

Ly ngưu: Âm mão, loại bò, xuất nước Tây Nam Di, và nước Tây Nhung, cũng gọi là loại bò có lông đuôi dài. Văn trong kinh Bảo Tích Âm Nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Phong ngưu: Âm phong. Kinh Sơn Hải nói rằng: Có loài bò hoang dã ở phương Nam. Sách Tập Chú Nhĩ Nhã ghi rằng: nay ở đất Giao chỉ hiến cho rất nhiều loại bò này. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: hàm trên con bò nhô lên giống như lạc đà, một bên xuất ra, hợp lại, nước bọt trào ra. Nay nói sai, nói là loại phong ngưu, âm bạo là âm điện, âm điệt ngược lại âm điền hiệt, chữ hình thanh.

Phần nhiệt: Ngược lại âm trên phổ văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiên đốt đồng ruộng, ngược lại âm dưới nhuyễn chuyết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nhiệt là thiêu đốt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lửa cháy sáng rực; chữ viết từ bộ hỏa thanh nhiệt.

Hý luận: Ngược lại âm hy nghĩa. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hý là hài hước. Quảng Nhã cho rằng: tà vạy. Sách Khảo Thanh cho rằng: làm trò đùa. Mao Thi Truyện cho phóng dật, phóng đãng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh hý, âm hý là âm hy, chữ hý từ bộ đậu, âm qua ngược lại âm cổ hòa, viết tĩnh lược tâm bộ hư đến bộ qua viết thành chữ hý là chẳng phải âm qua ngược lại âm dữ chức, âm hước ngược lại âm hương chước.

Hùng bi: Ngược lại âm trên hứa cùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hùng là con gấu, bi con bi một giống động vật giống gấu mà to lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thú giống như heo rừng, mùa đông chui núp trong hang, thường hay liếm chân tay người giống như người

mà chân gấu âm phiền là âm phiền, âm dưới là bi là âm bi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bi cũng giống như gấu, mà lông màu vàng, trắng. Quách Phác cho rằng: giống như gấu mà đầu lớn hơn, chân nó dài cao hơn, rất dũng cảm, có nhiều sức mạnh có thể nhổ cả gốc cây.

Hổ báo: Ngược lại âm trên hồ cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vua của loài cầm thú, chữ viết từ bộ hổ âm hổ là âm hồ, con hổ chân nó giống chân người, cho nên chữ hổ dưới từ bộ nhơn, chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới bao nhi. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống con hổ, mà trên thân có đóm đen nhỏ như hổ; chữ viết từ bộ trĩ đến bộ bao, thanh tĩnh âm trĩ là âm trĩ.

Sài lang: Ngược lại âm trên sàng giai. Loài cầm thú sống trên núi. Sách Tiểu Nhã cho rằng: là loại chó sói chân giống chó. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại lang; chữ viết từ bộ trĩ thanh tài. kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành sài này là chẳng phải. Theo chữ sài có hai loại sói, thường đi từng bầy trên núi, hang không tách rời ra, lớn gọi là sài lang, nhỏ gọi là sài nô. Những con sói nhỏ đó thường đi trước cùng nhau săn mồi như là hươu nai, sát hại con mồi xong ôm giữ trong mình mà không dám ăn, phải đợi con sài lang tức con sói, sài lang sau khi đến trước ăn no nê rồi sau đó mới đến con sài nô ăn, chúng xé xác con mồi tàn hại rất kinh tởm. Sách Lễ ký Thiên Nguyệt Lịnh cho rằng: đến tháng mùa thu sương mù giáng xuống là ngày mà các con thú cúng tế thịt cho sài lang, tức là con sói săn bắt mồi. Ngược lại âm dưới lạc đương. Sách Thuyết Văn nói rằng: lang giống như chó, mà đầu rất nhạy bén, trên trán màu trắng, loại thú rất mạnh, chữ viết từ bộ khuyển thanh lương.

Dã can: Hoặc gọi là xạ can, âm là âm dạ. Tư Mã Bưu và Quách Phác đều cho rằng: dã can là loại chó hoang, thuộc sói có thể lần theo cây cao mà tìm. Quảng Chí cho rằng: ở của chó sói dã can ở nơi nguy hiểm núi cao, hoặc trên cây, có thể biết chẳng phải con chồn. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: ma hồ thiền tức con cáo. Trong danh từ Phật gia gọi ngoại đạo là ma hồ thiền, ý nói học vấn chỉ có lông da bên ngoài, chưa đạt nghĩa lý chân thật. Trong kinh lại nói rằng: khi nhìn con cáo, lại nhìn thấy con dã can là biết hai con đều khác biệt, con cáo lớn hơn dã can.

Hồ thố: Ngược lại âm là hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài yêu thú, ma quỉ, lại thừa nhận mình có ba đức, trong thân hình nó có sắc rất đẹp, phía trước nhỏ, sau lớn, chết rồi thì đầu co lại; chữ viết từ bộ khuyển đến bộ qua, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là thổ cố. Sách Thuyết Văn

cho rằng: loài thú. Trước giống như con cáo chân sau có đóm đen, đuôi của nó và đầu của nó đồng nhau chữ viết từ bộ bệ thanh tĩnh.

Ngoan xà: Ngược lại âm trên ngũ quan, ngược lại âm dưới xã giá. Bao Phác Tử giải thích rằng: loài rắn thì rất nhiều, chỉ có can ngoan xà khi xâm phạm đến người, thì mau chóng có thể dùng dao cắt bỏ chỗ thịt bị cắn đi, chôn xuống đất tự nó sôi sụt lên giống như lửa đốt, chỉ trong giây phút là hết, thì con người mới được sống. Nếu không cắt bỏ chỗ thịt bị cắn đó tất sẽ bị chết. Sách Huyền Trung Ký nói rằng: ngoan xà thân nó dài ba bốn thước, có bốn chân, giống như thủ cung, trên xương sống lưng có kim nhọn rất bén như dao, rất độc hại, người chạm vào không đến nửa ngày là chết. Kinh Sơn Hải nói rằng: da của nó có thể làm bao đựng kiếm, dao làm đồ trang sức cùng với da loài sấu tương tợ nhưng mà thổ hơn một chút, khác là vậy.

Phúc yết: Ngược lại âm trên là phương phục. Sách Tiểu Nhã cho rằng: phúc là loài rắn hổ độc, thân dài ba thước, đầu to, giống như loài yêu nghiệt. Quách Phác chú giải rằng: giống như chỉ con người yêu nghiệt. Sách sử ký ghi rằng: loài rắn hổ này khi cắn vào tay người, thì đoạn chặt tay bỏ, độc hại như rắn độc. Ngược lại âm dưới hiên yết, lời nói thông cả bốn phương, chữ viết từ bộ trùng thanh hiết, kinh văn viết từ bộ cát là chẳng phải. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng độc hại, trên đuôi nó cuộn lại có độc bắn ra, chữ tượng hình. Sách Ngọc Thiên cho rằng: thuộc giống bò cạp, âm sái, ngược lại âm kỳ giới, chữ biến thể tục gọi là lăn lạt. Xem thông dụng trên âm lãn, ngược lại âm tha hạt, âm dưới lạt ngược lại âm lãng hạt. Lại cũng có tên khác nữa đây không ghi.

Miệt ngược lại âm tiên diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thủy giới côn trùng sống dưới nước, chữ viết từ bộ mãnh thanh tệ. Kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ miệt cũng thông dụng thường hay dùng, âm mãnh là âm mãnh, âm tệ là âm tỳ duệ.

Nguyên đà: Âm trên là nguyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại ba ba lớn, lớn đó là như bánh xe, nhỏ đó là như cái mân, có thần lực có thể rẽ nước, loài thủy tộc này có thể làm cho con người rất thích ăn thịt. Ngược lại âm dưới đường đa. Kinh Sơn Hải nói rằng: loài thủy tộc sống dưới nước, loài cá sấu. Quách Phác chú giải rằng: nó giống như loại rắn mối, có vảy lớn đó mà dài có vằn, có vân; nhỏ đó là có bốn năm thước, cái đuôi như lưỡi dao, đẻ trứng lớn như trứng ngỗng, sa sần sùi mà dày, có thể làm da bịt trống. Cho nên trong Mao Thi Truyện có nói loại trống da cá sấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thủy giới tâm bộ mãnh thông

dụng thường hay dùng, dưới từ bộ quy là chẳng phải.

Phụng hoàng: Ngược lại âm trên là bằng phúng, dưới là âm hoàng. Quyển trước trong kinh Bảo Tích và kinh Bát Nhã âm nghĩa đã giải thích rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại chim thần, hay đem lại tin tốt lành, chữ từ bộ điểu đến bộ hoàng đều từ bộ kỷ cũng là thanh.

Uyên ương: Ngược lại âm trên uy viên, âm dưới là điểu lãng. Lại cũng là âm ư lương, loài thủy điểu Mao Thi Truyện cho rằng: con chim. Trịnh Tiển cho rằng: nói chim uyên ương sống thành đôi quấn quít bên nhau, nên dùng từ này để chỉ cặp vợ chồng sống hòa hợp. Loài chim này bay là là thành đôi, không tách rời nhau, đó là thiên tính.

Diện trứu: Ngược lại trắc sưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: da tụ lại tức da nhăn. Sách Tập Huấn, Vận Lược tự uyển đều cho rằng: da mặt nhăn. Sách Thuyết Văn và sách Ngọc Thiên, Lâm Tự, Thống Tự, Văn Tự âm nghĩa, xưa nay sách Giai Uyển Chu Tòng v.v... đều cho rằng văn viết còn thiếu, không có chữ này, từ bộ bì thanh sơ, tục dùng viết chữ trứu là sai, (T576) âm sơ ngược lại âm sở câu.

Ẩu lũ: Ngược lại âm trên ư vũ, âm dưới là lực vũ, văn thông dụng cho rằng: ẩu lũ là người xương sống cong lại, tức là người gù lưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ ẩu lũ đều từ bộ nhơn, chữ hình thanh. Kinh văn viết từ bộ thân viết thành chữ lũ là chẳng phải.

Tô mạc giá mạo: Ngược lại âm dưới mao báo. Sách Thuyết Văn cho rằng: đứa trẻ nhỏ, và trên đầu biến đổi, tức là đã đội mũ, chữ viết từ bộ mục thanh viết , âm viết đồng với trên. Sách văn Tự Tập Lược viết từ bộ cân viết thành chữ mạo cũng thông đồng. Tô mạc giá là nước Tây Nhung, tiếng nói người thổ, đúng gọi là táp ma giá. Đây là nói đùa từ nước Tây Qui Tư đến nay do có khúc khuỷu này, nên nước này mới hòa trộn lại rồi đắp lên mặt lớn loại xoay đầu, hoặc gọi là mặt thú, hoặc giống như quỉ thần, giả làm cái loại mặt nạ làm hình trạng, hoặc lấy nước bùn thấm vào nước rãi lên cho người đi, hoặc dùng dây buộc lại nắm kéo lôi, hoặc đuổi bắt người làm trò đùa vui chơi, mỗi năm vào đầu tháng bảy là bắt đầu đi làm trò đến bảy ngày mới ngừng nghỉ. Tục tương truyền rằng: thường lấy làm pháp như vậy để trừ tà yểm sấn ác quỉ La sát đến ăn thịt nhơn dân.

Năng trị: Ngược lại âm trực chi. Sách Khảo Thanh cho rằng: sửa đổi, sắp xếp, vốn gọi là trị thủy, cho nên chữ viết từ bộ thủy thanh đài.

Bất giản: Ngược lại âm gian nhãn. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: giản là chọn lực, chữ viết từ bộ thủ thanh giản. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đông phân biệt ra đơn giản. Tóm yếu lại: từ bộ bát

đến bộ đông, chữ bát giống như tám phương. Kinh văn viết chữ giản này là chẳng phải bổn chữ.

Phi nghịch: Ngược lại âm trên phổ mé. Theo Tả Truyện cho rằng: phi là phân ra. Quảng Nhã cho rằng: căng ra, trương lên; chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới tô cố, chữ viết đúng thể. Sách Khảo Thanh cho rằng: sắp bày ra, nói là sửa đổi chỉnh lý. Sách Thuyết Văn cho rằng: báo cáo; chữ viết từ bộ ngôn thanh nghịch hoặc là viết chữ cúc, âm nghịch là âm xích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm, cân nghiễm là âm nghiêm, từ bộ nghịch âm nghịch cũng là thanh. Kinh văn viết chữ nghịch này là chẳng phải âm nghịch là âm nghịch.

Na la diên: tiếng Phạn, tên cõi trời dục giới. Cõi trời này có nhiều thân lực, duyên theo sắc vàng có tám cánh tay như chim cánh vàng tức chim xí điểu, vua này dùng cánh tay đánh nhau và dùng các loại khí cụ tích trượng v.v... cùng đánh nhau với A tu la, vương.

Cầm hoạch: Ngược lại âm cập kim. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm bắt, hoặc viết đơn chữ cầm này, xem giải thích trong truyện Thục Đô Phú, chữ viết bộ thủ thanh cầm. Sách Thuyết Văn viết chữ cầm này cũng nghĩa cầm nắm từ bộ phộc thanh kim.

Bạo hà: Ngược lại âm bổ mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: bỗng nhiên trời mưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa rất nhanh như trút nước. Lại gọi là bạo nưa. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ viết đến bộ xuất đến bộ củng, âm củng là âm củng từ bộ phong âm phong tức là âm thao âm thốt, ngược lại âm thông nột, âm vẫn là âm mẫn.

Tuần hoàn: Ngược lại âm tùy tuân. Quảng Nhã cho rằng: tuần là đi theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi chữ viết từ bộ xích âm xích ngược lại âm sữu xích. Thanh thuẫn âm thuẫn là âm thuận. Kinh văn viết từ bộ nhơn là chẳng phải hoặc viết chữ tuần này cũng thông dụng, ngược lại âm dưới hoạt quan. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Hoàn là vòng tròn, Quảng Nhã cho rằng: tròn. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: đi trên con đường lớn. Quảng Nhã cho rằng: hoàn là phì béo, yếu thì gầy. Hoàn tức là Dương Ngọc Hoàn, yến tức là Triệu Phi Yến một sủng phi của Hán Thành Đế, kẻ béo người gầy nhưng đều là mỹ nhân; chữ viết từ bộ ngọc thanh hoàn.

Ế nhãn: Ngược lại âm y kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: ế là bị ngăn che, che đậy. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: con mắt bị chướng ngại ngăn che; chữ viết từ bộ mục thanh. Hoặc viết từ bộ vũ viết thành chữ ế cũng thông dụng.

Cốc quái: Ngược lại âm trên công ốc. Tên chung của loại lúa

mạch. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cốc là lộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếp tục; chữ viết từ bộ hòa thanh cốc, ngược lại âm dưới là khổ ngoại. Thống Tự cho rằng: loại cám thô, chữ viết từ bộ hòa thanh hội.

Địch trừ: Ngược lại âm đình lực. Tựa kinh trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nguyệt thực: Ngược lại âm thời chức. Lý Thuần Phong cho rằng: mặt trăng bị gậm nhấm, ăn mòn, khuyết; do thiên ngư hủy diệt, nên khi mặt trăng chiếu xuống nhìn nơi dòng suối sẽ thấy, bị tổn thương yếu gầy, có sự hủy hoại; chữ viết đúng thể. Lại gọi là khí âm dương thay đổi mà cảm ứng trải qua. Kinh văn gọi là phàm có nguyệt thực là bầu trời u ám tối tăm, bị che lại. Cho nên thấy có tổn khuyết, gọi khác là mặt trời, mặt trăng tròn đầy mà bị ăn mất một mảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh thực.

Kiểu nhật: Ngược lại âm kinh liễu gọi là mặt trời, mặt trăng sáng trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bạch thanh giao. Kinh văn viết từ bộ nhựt là sai, ngược lại âm dưới là như chất.

Tác đát lãm: Ngược lại âm dưới là lam hãm, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: khế kinh. Xưa dịch hoặc gọi là tu đa la đều là Phạn âm chuyển đọc sai. Tức là một tên trong mười hai phần giáo.

Nghiên hạch: Ngược lại âm trên lãm khan. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là mò mẫm, mài mò; chữ viết từ bộ thạch thanh biện hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ nghiên là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là hành cách. Sách Vận Thuyên cho rằng: khảo cứu. Theo Thanh Loại cho rằng: suy xét đến cùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thật sự tra xét tìm sự thật. Chữ viết từ bộ á thanh hiểu, âm biện ngược lại âm các hiền, âm ngược lại âm nha giả.

Đề hồ: Âm trên là đề âm dưới là hồ. đề hồ đó là tinh chất lấy từ bơ, phó mát tinh chất đó gọi là đề hồ, có thể trị các chứng bệnh, chữ hình thanh.

Ca đa diễn na: ngược lại âm trên cương khư tiếng Phạn, tên của vị A-la-hán. Ca đa là họ, diễn na là tên chữ. Xưa dịch là ca chiên diên hoặc gọi là san địa ca đều sai.

Ám minh: Ngược lại âm trên a cam. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có ánh sáng mặt trời. Hoặc là viết chữ ám này, âm dưới mạc bình. Khổng An Quốc chú giải Sách Thượng Thư rằng: minh là đêm tối. Sách Khảo Thanh cho rằng: u ám. Sách Khảo Thanh cho rằng: âm u. Theo mặt trăng từ ngày mùng 6 tính đến ngày 16 là trăng bắt đầu khuyết, âm u dần; chữ viết từ bộ minh thanh mịch, âm mịch là âm mích. Kinh văn

viết từ bộ mịch là âm mích. Kinh văn viết từ bộ cụ là chẳng phải.

Giải đọa: Ngược lại âm trên cách mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: giai đãi, biếng nhát. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giải là mõi mệt. Tục Tự âm giá giả là chẳng phải. Trước và sau kinh văn giải thích chữ giải đều đồng âm này. Ngược lại âm dưới là đồ ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: không cung kính. Chữ viết từ bộ thổ thanh đọa. Xuân Thu truyện cho rằng: cầm viên ngọc làm rơi xuống bùn.

Thuyền phiệt: Ngược lại âm thuận duyên, thuyền đò, tàu thủy. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải đến phương Tây gọi phương tiện vận chuyển bằng đường thủy là thuyền. ngược lại âm dưới phiền miệt, bện trúc tre làm cái bè nổi trên mặt nước gọi là phiệt. Quảng Nhã cho rằng: từ bộ chu viết thành chữ phiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc, thanh phát. Kinh văn viết từ bộ trúc viết thành chữ phiệt văn thông dụng thường hay dùng. Kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này.

Thích trung: Ngược lại âm thanh lịch. Quảng Nhã cho rằng: thích là đụn cát nổi lên trong nước, bải nước cạn thấy đá. Theo chữ thích đó, bến nước, bến cát đá, không có nước, không có cây cỏ chỉ có người. Sách Thuyết Văn cho rằng: bãi đất nhỏ nổi lên giữa nước, cũng có đá; chữ viết từ bộ thạch thanh trách.

Bái nhiên: Ngược lại âm bàng bối, văn Tự Tập Lược cho rằng: bái là mưa lớn, chữ hình thanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ môn.

Hồng chú: Ngược lại âm trên hồ lũng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hồng là lũ lụt lớn, ngược lại âm dưới chú thụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đúng thời, khiến cho vạn vật sinh trưởng tươi tốt; chữ viết từ bộ thủy thanh chú.

Miễn lệ: Âm trên là miễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: miễn cũng giống như là lệ nghĩa là cố gắng có sức mạnh gắng sức lên. Chữ viết từ bộ lực thanh miễn. ngược lại âm dưới lực trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: gắng sức lên; chữ viết từ bộ lực thanh lệ.

Tội khiên: Ngược lại âm trên thôi ổi. Quảng Nhã cho rằng: tội chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: phạm pháp. Văn cổ viết chữ tội. Tần Thủy Hoàng dùng chữ tội giống như chữ hoàng, cho nên sửa đổi lại từ bộ võng đến bộ phi, ngược lại âm dưới là khưu yên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khiên là có lỗi lầm, sai sót, tội lỗi. Xưa bình vệ hoằng viết chữ khiên này đều là chữ cổ, thời nay không dùng.

Hào ly: Ngược lại trên hồ cao, ngược lại âm dưới lực trì. Theo bản cửu chương toán kinh nói rằng: phàm muốn đo lường đánh giá là bất

đầu từ nơi, chiều dài, trọng lượng là sợi tơ, mười sợi tơ là một hào, mười hào là ly. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ hào ly đều từ bộ mao, hào từ bộ hào. tĩnh lược từ chữ hào này tĩnh lược đều từ chữ hình thanh. Nay kinh văn viết chữ hào, chữ này không rõ ràng nghĩa sai lầm.

Bất nhiễu: ngược lại âm nhi chiểu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền nhiễu; chữ viết từ bộ thủ thanh ưu, văn trước âm nghĩa viết từ bộ thủ đến bộ ưu nói tương đồng. Dạng chữ Khương Địch cho rằng: không hiểu chữ này.

Ma văn: Ngược lại văn phân. Quảng Nhã cho rằng: lau chùi hoặc là viết chữ mân là chữ cổ.

Khinh miệt: Ngược lại âm miên miết. Sách Thuyết Văn cho rằng: khinh thường; chữ từ bộ tâm thanh miệt văn trước âm nghĩa viết từ bộ trúc viết thành chữ miệt là cái bè. Lại cùng từ bộ thủ viết thành chữ miệt là tên thuốc, chẳng phải nghĩa kinh văn.

Lăng nhục: Ngược lại âm trên lực trừng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lăng là khinh nhờn. Nay kinh văn viết từ bộ phu viết thành chữ lăng nghĩa là đống đất, hoặc là viết chữ lăng tên của con sông, cũng chẳng phải nghĩa kinh.

Không khoáng: Ngược lại âm khuyếch hoàng: Sách Khảo Thanh cho rằng: khoảng đất trống, nơi xa xôi miền hoang dã; chữ viết từ bộ thổ. Kinh văn viết từ bộ nhật là chẳng phải.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA QUYỂN 2

Thích-đề Hoàn Nhân: là vua cõi trời Đao Lợi, là chữ từng trời thứ ba mươi ba, tức là vua cõi trời Đế Thích.

Ảnh thấu: Ngược lại âm dưới thâu cấu, chữ thường hay dùng. Sách tvcr: chữ viết đúng thể là viết chữ thấu.

Tường bích: Ngược lại trên tương dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: tường cao, ngăn che. Chữ viết từ bộ tường thanh tường. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ tường chữ thường hay dùng, ngược lại âm dưới biện mịch. Sách tvcr: chữ viết từ bộ nghiễm viết thành chữ bích, chữ hình thanh, kinh văn viết từ bộ thổ văn thường hay dùng.

Tiêu trừ: Ngược lại âm tiểu tiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu hết, chữ viết từ bộ thủy thanh tiếu. Lại chữ tiếu từ bộ tiểu đến bộ nhục.

Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ tiêu, nghĩa là nấu đồng kim loại cho chảy ra, chẳng phải nghĩa kinh.

Câu tri: tiếng Phạn, nước Tây Vức cho rằng: tên pháp số. Nước này cho rằng: con số hằng trăm hàng vạn.

Phân phúc: Ngược lại âm dưới là phương phục gọi là hương thơm ngào ngạt.

Giao lạc: Trên là chữ giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: giao, hợp lại cùng nhau cho bằng giống như giao hình. Kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ giao nghĩa là thắt cổ, thắt cổ kẻ khác; chữ thượng thanh, rất quái lạ chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là lạc. Sách Thuyết Văn và kinh Sơn Hải đều cho rằng: quấn vây quanh, âm ải ngược lại âm y cữ.

Ca giá lân để ca: trên dưới là chữ ca, ngược lại âm cương khư, âm để ngược lại âm đinh dĩ. Tên của chim thụy, trên thân của nó có bộ lông rất nhẹ nhuyễn mịn, lấy dệt thành áo Chuyển Luân Thánh Vương vua nước kia mặc y phục vào, tức nay thấy có loại chim này, nhưng lông nó lại thô, không như áo của vua Chuyển Luân ngày xưa mặc.

Nhu nhuyễn: Ngược lại âm dưới là nhi diễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ nhi đến bộ khuyển, kinh văn viết từ bộ xa viết thành chữ nhuyễn, các chữ trong sách đều không có chữ này.

Thiên đản: Ngược lại âm dưới đàn lãn. Sách Khảo Thanh cho rằng: đản là để lộ ra, mặc áo trên để lộ ra cái vai. Trịnh Bá chú giải Tả Truyện rằng: lồi thịt ra trên vai để dẫn dắt lôi kéo con dê. Sách văn cho rằng: chữ viết từ bộ y thanh đán, âm lãn ngược lại âm lai hạn.

Bất thuấn: Ngược lại âm thủy nhuận. Sách Trang Chu cho rằng: nhìn suốt ngày mà không chớp mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mở mắt nhắm lại nhiều lần đảo qua lại, nháy mắt nhiều lần, chữ viết từ bộ mục thanh dần, hoặc là viết chữ thuấn này văn thường hay dùng. Xưa viết chữ thuấn, kinh văn viết từ bộ mục đến bộ tuần viết thành chữ huyễn, âm thuẫn là chẳng phải, không thành chữ. Theo sách Thuyết Văn cho rằng: chữ huyễn tuẩn đều âm huyền huyễn là nhìn, người dịch kinh âm là thuấn thù là không hiểu nguồn gốc của chữ. Nghe theo đường nói sai dùng sai.

Chiến lật: Ngược lại âm dưới lân nhất. Sách Khảo Thanh cho rằng: lo sợ. Sách Tiểu Nhã cho rằng: buồn bả lo rầu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh lật.

Quái ngại: Ngược lại âm trên hồ ngõa. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưới võng làm trở ngại, chữ viết từ bộ võng đến bộ quái, thanh

tĩnh, ngược lại âm dưới là ngũ cái, ngưng trệ, trở ngại.

Da phu: âm trên da, âm dưới là phu, tréo chân lại ngồi xuống.

Quan tắc: Ngược lại âm trên cổ ngoan. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: quan đó là cửa giữa vùng biên hai nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy thanh gỗ gài ngang cánh cửa giữ cửa gọi là quan, chữ viết từ bộ môn thanh âm quan đồng với âm trên.

Thâu thuế: Ngược lại âm thủy nhuế. Sách Khinh Phú Kiếm Xuân Thu nói rằng: mười hai năm đầu lấy thuế một mẫu đất. Đỗ Dự cho rằng: đó là luật pháp của điền công, có mười luật pháp thu thuế. Một là cửa ải bến nước, bến đò cũng phải lấy thuế nhỏ của thương dân lấy thuế để công dùng; chữ viết từ bộ hòa thanh đoài, chữ thâu từ bộ của âm là âm kinh do.

Dũng dược: Ngược lại âm trên dung thung. Đỗ Dựcg Tả Truyện rằng: dũng dược là nhảy qua. Theo Công Dương truyện cho rằng: nhảy lên tiến đến trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh dũng. kinh văn viết chữ dũng văn thường hay dùng, ngược lại âm dưới dương chước. Quảng Nhã cho rằng: cũng là nhảy. Sách Tiểu Nhã cho rằng: tiến vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh dược âm dược là âm trạch.

Ôn bát la hoa: Ngược lại âm trên ô cốt. Xưa dịch là ưu bát la, gọi là hoa sen màu xanh lá nhỏ. Kinh văn viết chữ hoa này là chẳng phải chữ này (T577) không phải âm hoa. Người dịch kinh dùng sai, không hiểu nguồn gốc chữ.

Bát thù ma hoa: tiếng Phạn. Dựa theo xưa dịch, không có tương đương. Đúng Phạm âm gọi là bát nạp ma, tức là hoa sen hồng của miền thượng giới.

Câu mâu đầu hoa: Cũng chưa theo người xưa dịch, ý nghĩa trái ngược chất thô không trơn mịn. Đúng Phạm âm gọi là củ mẫu na, tức là hoa sen đỏ.

Bôn trà lợi hoa: chữ trà sách viết không tương hợp, chữ nhứ âm nhứ ngược lại âm nô nhã, tức là hoa sen trắng, màu trắng là màu sáng trơn mịn, giống như ngọc trắng.

Nhữ la hoa: đây tức là thiên diệu hoa, đầy đủ các màu sắc, hương thơm bay rất xa ở nhơn gian không có loại hoa sen này.

Giao ánh: Ngược lại anh kính. Sách Khảo Thanh cho rằng: ánh là ánh sáng, ẩn bên trong. Sách Vận Anh cho rằng: chiếu sáng một bên, chữ viết từ bộ nhựt thanh anh ; hoặc viết chứa ánh là chữ cổ, cũng có viết từ bộ ương viết thành chữ ánh là chẳng phải, ngược lại âm ô lãng,

chẳng phải nghĩa kinh.

Ông uất: Ngược lại âm trên ốc khổng, ngược lại âm dưới ôn luật. Trong Hán Thư nói rằng: Tư Mã Tương Như trồng cây cỏ rất xanh tốt sum xuê, mọc lên dài mướt.

Kế đến là âm kinh chơn ngôn, chữ trên dùng cùng với Phạm âm khác lạ, không tương đương. Ngài Tuệ Lâm tái dịch các chơn một biến, nay Thiên nhập vào Đà-la-ni quyển trung tóm lược, chỉ dùng chữ không phải chỗ cho kẻ hậu học nơi Phạm văn trên kham dùng phải kiểm nghiệm, suy xét mới có thể hiểu biết vậy.

Ha mạ: Ngược lại âm trên hách ca. Sách Khảo Thanh rằng: ha là lời mắng hủy nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẫn nộ. Kinh văn viết chữ ha văn thường hay dùng, ngược lại âm dưới ma bá. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy lời ai mắng nhiếc làm nhục, mạ lỵ người khác; chữ viết từ bộ võng thanh mã văn cổ hoặc là viết chữ mạ.

Ly mị: Ngược lại âm trên lạc tri, ngược lại âm dưới mi bí. Sách Thuyết Văn cho rằng: tinh quái lão vật. Kinh Sơn Hải nói rằng: mị là vật hân người đầu đen. Sách Khảo Thanh cho rằng: quỉ thần, tinh quái, hoặc là viết chữ si mị.

Võng lương: Ngược lại âm trên vũ vãn. Ngược lại âm dưới lực dương. Sách Khảo Thanh cho rằng: võng lượng là thần ở ao đầm, sông suối, cũng gọi là ma quỉ ly mị tà thần. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: võng lượng đó hình dáng giống như đứa trẻ nhỏ, có màu sắc đỏ và đen, móng đỏ dài, tóc rất đẹp, hoặc là viết võng lượng, cũng thông dụng. Sách Quốc ngữ cho rằng: yêu quỉ quái dưới nước, hoặc là viết chữ võng lượng cũng đồng nghĩa.

Phụ trách: Ngược lại âm trên là phù vũ. Cố Dã Vương cho rằng: quên ơn bội nghĩa gọi là phu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ nương dựa, chữ viết từ bộ nhơn nghĩa là giữ lấy của, cũng gọi là có chỗ nương nhờ. Lại gọi là nhận lấy của cải mà không chịu trả lại, cho nên từ bộ nhơn dưới là bộ bối là phu. Ngược lại âm dưới trách mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: phụ trách gánh vác nhận lấy của tài báu của cải của người khác, chữ viết từ bộ nhơn, thanh trách.

Thường tất: Âm trên là thường. Sách Khảo Thanh cho rằng: thường là hoàn trả; chữ mẫn từ bộ phộc thanh dân, âm mẫn đồng với âm trên.

Chẩn tuất: Ngược lại âm trên chơn nhẫn. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: chẩn là giàu có, ngược lại âm dưới âm luật. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: chẩn là cứu giúp người thiếu thốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh huyết, hoặc là viết

chữ tuất.

Thứ kỳ: Ngược lại âm tư tứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: thứ là tâm tung hoành ngang dọc; chữ viết từ bộ tâm thanh thứ.

Giải quyện: Ngược lại âm trên cách mại, âm dưới là quyền viện, biếng nhát trể nải, xa đọa.

Bị thọ: Ngược lại âm trên bì bí. Sách Khảo Thanh cho rằng: phòng bị. Sách Thuyết Văn cho rằng: cẩn thận, thận trọng; chữ viết từ bộ nhơn thanh bồ âm bồ từ bộ quan đến bộ bao đến bộ dụng. Kinh văn viết chữ bị này là chẳng phải âm quan ngược lại âm quan hoạn.

Tâm phế: Tâm làm chủ Nam phương hỏa, màu sắc đỏ mà có phân xét, phân biệt, âm biện ngược lại âm bạch mạn, cũng làm chủ nơi lưỡi, chữ tượng hình. Âm dưới phi phệ, tinh của kim thuộc màu trắng như hoa che trên. Làm chủ về tỵ tức là mũi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh dị, âm di là âm tý. Kinh văn viết từ bộ thị là sai lầm.

Trường vị: Ngược lại âm trên trừ lương. Bạch Hổ Thông cho rằng: có đại trường và tiểu trường. Thích Danh cho rằng: trong bụng, tạng phủ trong bụng chứa đầy hơi, chữ viết từ bộ dương thanh tĩnh, âm dưới là vị hoặc là viết chữ vị cũng thông dụng thường hay dùng. Bạch Hổ Thông cho rằng: phủ của tỳ, màu sắc đen. Sách Thuyết Văn cho rằng phủ cốc, phủ chứa ngũ cốc; chữ viết từ bộ nhục, chữ tượng hình.

Can đởm: Âm trên là can. Bạch Hổ Thông cho rằng: can đó thuộc tinh của mộc, hình giống như cây mà có lá màu xanh, làm chủ con mắt, cho nên can thật nhiệt thì con mắt đỏ, tối sầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh can, ngược lại âm dưới đáp cảm. Bạch Hổ Thông cho rằng: đảm là làm chủ về lòng nhân, nhân đó tức phải có dũng mãnh, đảm nếu có bệnh thì thần không giữ được. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh đảm.

Tỳ thận: Ngược lại âm trên bộ di. Bạch Hổ Thông cho rằng: tinh của thổ màu vàng giống như đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh tỳ, ngược lại âm dưới là thận. Bạch Hổ Thông cho rằng: tinh của thủy màu sắc trắng, làm chủ về âm, tỳ là phối ngẫu với tinh thần ý chí, cho nên tỳ là hầu bên lỗ tai, khi thận hư là tai điếc, chữ hình thanh.

Thôn hám: Ngược lại âm đàm lam, văn thường hay dùng viết đúng là chữ hàm, văn trước âm nghĩa viết chữ hám cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Dị kiến: Âm di dưới gọi là khi cái khác là chuẩn đây gọi là âm.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 3

Tả hiếp: Ngược lại âm hứa nghiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương hai bên hông bụng; chữ viết từ bộ nhục thanh hiếp, âm hiếp là âm diệp, từ ba bộ lực. Kinh văn viết từ ba bộ đao viết thành chữ hiếp là chẳng phải.

Điệp hoa: Âm diệp, nước Tây Vực lấy hoa cỏ, như nước này lấy bông cây liễu hoa kinh giới, bông hoa bồ các loại hòa trộn làm nhuyễn mịn làm vải bông.

Dư tẫn: Ngược lại âm tịch tận văn thường hay dùng. Sách Khảo Thanh đốt lửa củi, âm dạ, ngược lại âm tịch dạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốt lửa củi còn dư lại tro tàn, không đúng từ bộ hỏa đến bộ duật thanh tĩnh. Theo tục dùng từ bộ tận viết thành chữ tẫn.

Phân uế: Ngược lại âm trên phân vấn, văn thường hay dùng và sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khí phân là quét trừ thải bỏ dơ uế. Sách Vận Anh cho rằng: phân cũng như uế hoặc là viết chữ phân. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ phân là không thành chữ. Ngược lại âm dưới là uy vệ.

Chủy tiêm: Ngược lại âm dưới tiêm tim, tiêm cũng giống như bén nhọn.

Trác hán: Âm trên là thỉ. Quảng Nhã cho rằng: trác là mổ ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim mổ thức ăn mà ăn; chữ viết từ bộ khẩu thanh thỉ, âm thỉ ngược lại âm sửu duyên. Kinh văn viết từ bộ duyên viết thành chữ huệ, ngược lại âm du uế là chẳng phải, ngược lại âm dưới là đường hạm.

Tủy não: Ngược lại tuy chủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chất mỡ trong xương. Ngược lại âm dưới na đáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tủy trong đầu, chữ viết từ bộ chủy thanh não đồng với âm trên. Trong kinh văn cũng có viết chữ não, hoặc là viết chữ não đều chẳng phải.

Đường ôi: Âm trên là đường âm dưới là ô hồi.

Lộc xuất: Âm lộc, lộc nước dùng vải lọc nước.

Toàn nhiếp: Ngược lại âm trên liễm nghiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy cái kiềm, cây kẹp mà kẹp lấy vật, chữ viết từ bộ kim thanh chiêm. Kinh văn viết từ bộ cam, viết thành chữ kiềm, vật trên gọi gông cùm, chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới tiêm nhiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiếp cũng giống chữ toàn, nhiếp giữ lấy, bắt lấy, âm nhiếp đồng với âm trên. Kinh văn viết từ ba bộ nhĩ viết

thành chữ nhíp, dưới bộ xa loại thiết toán chẳng phải bổn chữ, hai chữ này đều sai lầm, dùng sai.

Dương đồng: Âm trên là dương. Dương là biển lớn, nước chảy thông, cũng gọi là dồi dào, đông đúc.

Phan thượng: Ngược lại âm trên phạ ban văn cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phan là dẫn dắt, chữ viết từ bộ thủ thanh phan. Văn cổ viết chữ bối cho nên nói rằng trái ngược.

Vọng đắc: Ngược lại âm vũ phương.

Phục phách: Ngược lại âm phiến diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy sức mà phá vật gọi là phách, chữ viết từ bộ lực thanh tích. Kinh văn viết từ bộ lực là chẳng phải.

Tùy quái: Ngược lại âm dưới cổ mại. Lại cũng là âm công họa. Sách Vận Anh cho rằng: treo lên. Kinh văn viết cộng thêm bộ bốc viết thành chữ quái tục dùng là chẳng phải.

Thiết lang: Ngược lại âm nô tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cái túi có đáy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cổn tĩnh lược thanh nhương, âm nhương ngược lại âm nạch canh, âm cổn là âm hổn.

Thiết bảng: Ngược lại âm bàng hạt, chữ thượng thanh. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: cây gậy lớn. Kinh văn viết từ bộ phụng viết thành chữ bỗng, chữ thường hay dùng là chẳng phải đúng.

Trùy đả: Ngược lại âm trực truy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đánh. Kinh văn viết từ bộ truy viết thành chữ trùy là chẳng phải, âm trụy cái nong nuôi tằm, chẳng phải nghĩa của kinh văn. Bởi lẽ người viết quả thật nghe không hiểu chữ, chữ đả từ bộ thủ.

Trách liệt: Ngược lại âm sửu cách. Sách Tập Huấn nói rằng: chữ liệt là chia cắt. Từ bộ thổ thanh nghịch âm nghịch là âm xích. Kinh văn viết từ bộ thạch viết thành chữ trách là chẳng phải.

Cứ giải: Ngược lại âm trên cứ ngự âm dưới giai mại.

Thiết cữu: Ngược lại âm trên là thiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: kim loại đen tức là chì; chữ viết từ bộ kim thanh thiết, âm thiết ngược lại âm điền lệ. Kinh văn phần nhiều viết từ bộ tiệt tục tự thường hay dùng, ngược lại âm cầu hữu. Sách Thuyết Văn cho rằng: xưa đào đất làm cối. Trong cối này là đào xuyên qua gỗ đá mà làm cái cối, giống như để giả gạo, dưới tận cùng hết là có đậy. Kinh văn viết chữ cữu là chẳng phải âm cữu là âm cung lục, giống như hai tay giã gạo.

Tử khoáng: Ngược lại âm quấc mãnh, gọi là phân của loài côn trùng ăn lá cây tô phương và chọn vỏ cây đem nấu luyện mà làm ra chất

nước sữa, nước dịch, màu đỏ giống như cây tô phương, lấy nước đem đi nhuộm là hồ yến, chi tử là tử khoáng, rồi lấy lửa thiêu đốt như mật ong sáp, làm chất béo cũng có thể làm chất keo, chất keo dán dính vào vật báu như khuyên tai, cũng làm ngũ thiên tử khoáng, cùng với đây có khác biệt, lấy vỏ cây ba la xa, chọn cành non nấu chín dùng ngón tay áp, lấy nước dịch, đem nhuộm lên vải thưa, có màu rất đỏ tươi, sáng sạch gọi là tử khoáng, hơn nữa trước nói đó cũng gọi là yên thúc ca thọ âm giao là âm giao, âm tử ngược lại âm tế sử, âm nộn ngược lại âm nô độn, âm niêm ngược lại âm ni liêm.

Phần liêu: Ngược lại âm liêu điếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phóng hỏa đốt cháy lan, chữ hình thanh.

Dung lưu: Âm trên là dung. Sách Thuyết Văn cho rằng: phương pháp (T578) đúc kim loại, gọi là lò luyện kim.

Đích như: Ngược lại âm trên đinh lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: những giọt nước nhỏ xuống; chữ viết từ bộ thủy đến bộ đích, thanh tịnh, hoặc là viết chữ đích. Kinh văn viết từ bộ đế viết thành chữ đế, tục dùng là chẳng phải là sai.

Tương tát: Ngược lại âm tán lạt. Sách Tập Huấn cho rằng: tát là bức bách, kẹp chặt. Sách Khảo Thanh cho rằng: chẳng phải; chữ viết từ bộ thủ thanh tát, âm tát ngược lại thủ lạt, âm lạt ngược lại âm lan đát.

Tam cổ: Ngược lại âm dưới là cổ, thiết xoa tả hữu chi thư gọi là vua là vi nguyên thủ, thần tôi là cánh tay trái, phải để phụ trợ, trợ giúp vua. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ cổ là cái nồi nấu không có chân, chẳng phải nghĩa đây dùng, sai lầm.

Thiết xoa: Ngược lại âm dinh da. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây mọc trên núi cao, cây thiết xoa cũng giống cây mộc xoa cũng là loại cây mọc trên núi cao.

Yển phó: Ngược lại âm trên ương biển. Quảng Nhã cho rằng: yển là ngã ngửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: yển viết từ bộ nhơn thanh yển, âm yển đồng với âm trên, ngược lại âm dưới bằng bắc hoặc là viết chữ bồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngã xấp về phía trước, che trước mặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốn ngã chữ hình thanh.

Nhi phanh: Ngược lại âm bá manh. Sách Tập Huấn cho rằng: cứu giúp người. Tự Thư cho rằng: viết chữ giá là che lấp. Kinh văn viết từ bộ thủ, viết thành chữ phanh. Ngược lại âm phổ manh, chữ phanh tô lạc dùng chữ sai lầm.

Chúc chước: Ngược lại âm trũng duyên. Sách Khảo Thanh cho rằng: chúc là cái cuốc đào đất, hoặc chặt đốn; chữ viết từ bộ cân, thanh

chúc, ngược lại âm dưới dương nhược, cây búa chặt đốn.

Thấp mộc: Ngược lại âm thất nhập. Sách Thuyết Văn cho rằng: ẩm ướt âm u; chữ viết từ bộ thủy, gọi là đất bị che khuất mà có nước, cho nên gọi ẩm thấp. Kinh văn viết chữ thấp này là chẳng phải âm thấp, ngược lại âm tha tráp. Tên của sông ở Đông Vũ Dương chẳng phải nghĩa ẩm ướt, người viết chữ không biết chữ chánh thể nguồn gốc.

Cương bí: Âm trên là cương, âm dưới là bí. Cố Dã Vương cho rằng: chế ngự điều khiển xe ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây cương, chữ hình thanh dưới là chữ bí từ bộ ty đến bộ vệ âm vệ là âm vệ, chữ hội ý.

Tiên thát: Ngược lại âm trên tất niên. Sách Thuyết Văn cho rằng: roi quất ngựa, ngược lại âm dưới tha cát. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đánh bằng roi, giống như dùng roi đánh đập, xem Tả Truyện: Âm sất ngược lại âm sĩ lật. Sách Thuyết Văn cho rằng: thác từ bộ thủ thanh đạt.

Khung lự: Ngược lại âm trên khương ngung, âm dưới lực trừ. Theo chữ khung lư đó là bức vải thưa màu đen làm bức trướng treo lên. Kinh văn nói: con quỉ đầu lớn hình giống như bức điệp trướng vậy.

Phát hạ: Ngược lại âm trên bị phát gọi là cái chăn rũ xuống; chữ viết từ bộ tiêu thanh bì, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tất khóa: Ngược lại âm trên tân dật, tục dùng chữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu cẳng chân có mắt cá lồi ra, chữ viết đúng thể là chữ tất này, từ bộ tiết thanh, âm tiết là âm tiết, ngược lại âm dưới hoa ngõa. Theo Thanh Loại cho rằng: mắt cá chân, chữ hình thanh.

Việt phủ: Ngược lại âm trên viên quyết. Xưa vua và đại tướng lấy các thứ như huỳnh kim để trang sức gọi là hoàng việt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây búa lớn, viết từ bộ việt thanh việt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chữ viết từ bộ kim viết thành chữ việt. Trụ văn vốn viết chữ việt, âm việt là âm quyết.

Thương sóc: Ngược lại âm trên thất lưng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hai đầu cây nhọn bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: để chống đỡ. Ngược lại âm dưới song tróc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây giáo dài. Nay người ta gọi là cây kích; chữ sóc từ bộ mâu thanh tiếu ; hoặc là viết chữ sóc, văn thường hay dùng.

Quá đả: Ngược lại âm ky qua. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là đánh dùng roi đánh quất ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đóa trùy, chữ viết từ bộ trúc, thanh đóa. Âm đóa ngược lại âm đô quả, âm đả ngược lại âm đức lãnh. Quảng Nhã cho rằng: là đánh. Bì Thương cho

rằng: đánh bằng gậy, chữ viết từ bộ thủ, thanh đinh.

Vân ế: Ngược lại âm y kế. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: là che. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngăn che. Sách Thuyết Văn cho rằng: bị hoa đóm che hoa mắt; chữ viết từ bộ vũ thanh ế, âm ế đồng với âm trên.

Thước chân: Ngược lại âm thương chước. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thước là nấu đồng cho chảy ra, hoặc là viết từ bộ kim viết thành chữ thước. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa viết thành chữ thước.

Băng sơn: Ngược lại âm bị căng, văn Ngọc Thiên cho rằng: nước kết lại thành cục. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước đóng băng lại, giống như hình tảng băng. Kinh văn viết chữ băng văn thường hay dùng.

Ngư bạng: chữ ngư sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ đao chữ tượng hình, ngược lại âm dưới bổ giảng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: bạng là ngậm nước. Quách Phác chú giải rằng: giữ chặt. Sách Khảo Thanh cho rằng: con sò loại sò ốc sống ngoài biển. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ trùng thanh phong hoặc là viết chữ bạng, văn thường hay dùng âm phong là âm phong.

Hà mô: Âm trên hà ngược lại âm dưới mạch ba. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng sống dưới nước tức là con ểnh ương.

Thất thú ma la: tiếng Phạn, tên của loài cá. Trong kinh Luật xưa hoặc là viết: thất thâu ma la âm Phạn chuyển đọc sai, dịch là sát tử ngư. Trong luật Thiện Kiến nói rằng: tên của cá ngạc, hình như dài hơn hai trượng, có bốn chân, giống như con cá sấu, răng nó cực kỳ bén nhọn, có chỗ nuôi. Khi con hươu con nai vào ao uống nước là nó có thể cắn ngang eo bụng tức đoạn lìa ra. Ở vùng Quảng châu thường có loại cá sấu này.

Do diên: Âm trên là do, âm dưới là diên. Sách Tập Huấn cho rằng: do diên là loài côn trùng độc, còn có tên gọi khác nữa là nhập nhĩ, hình nó giống như ngô công mà lại nhỏ nhơn màu xanh đen. Sách Tiểu Nhã cho rằng: còn có một tên khác gọi là diễn diên, đều là chữ hình thanh âm diễn là âm dẫn.

Kỹ sắc: Ngược lại âm trên cư nghĩ. Sách Vận Anh cho rằng: sắc là loại ký sinh trùng sống trên người hay súc vật hút máu để sống, như là con chấy đẻ trứng, âm noãn ngược lại âm lỗ quản, ngược lại âm dưới là sở ất. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loại côn trùng cắn người, con rận, con chấy; chữ viết từ bộ tấn đến bộ côn tục dùng viết chữ sắc là chẳng phải, âm tấn là âm tín âm côn là âm côn.

Tảo đẳng: Ngược lại âm tạng lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: tao là con bọ chét thường hay nhảy, cắn hút máu người để sống; chữ viết từ bộ côn thanh tao, âm tao ngược lại âm trang giảo.

Minh linh: Ngược lại âm trên mích bình, ngược lại âm dưới lịch đinh. Lục cơ chú giải Mao Thi Truyện trong Thiên Trung ngư thuật ràng: loài côn trùng nhỏ màu xanh, gống như loại ấu trùng của con minh linh nga, bắt sâu bỏ vào tổ nuôi con, mà rất nhỏ bé, hoặc ở trong cỏ, nay gọi là con tò vò. Trên lưng hay cõng con sâu nhỏ, con tò vò hay tha đất làm tổ, còn có tên khác là nịch ong, âm trên loa là âm quả, dưới là âm loa ngược lại âm lỗ quả. Âm nịch ngược lại âm yên kiết, âm ong ngược lại âm ô công. Hứa Thận cho rằng: con ong nhỏ bé, lấy lá dâu trên vác về làm tổ dưới đất hoặc là trong quyển sách, hoặc là trong ống trúc, bút lông, trong bảy ngày là hóa làm con tò vò. Cho nên tục ngữ nói rằng: nguyền rủa giống ta, giống ta. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: con nịch ong nhỏ bé giống như eo lưng con ong.

Mâu đằng: Ngược lại âm mạc hầu. Ngược lại âm dưới đằng tức đều thuộc lọai con châu chấu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: loài côn trùng đục rễ cây gọi mâu, ăn lá cây gọi là đằng hoặc là viết chữ đằng. Sách Thuyết Văn viết chữ đằng ngược lại âm quan sử, từ bộ ất đến bộ đằng, loại côn trùng sanh ra con sâu xanh nhỏ ăn lá cây non, chữ hình thanh.

Phụ trung: Âm trên là phụ, âm dưới là chung. Hứa Thận cho rằng: phụ trung là loại hoàng trùng, loài châu chấu ở trong cỏ, có màu, màu trắng nó không ăn mạ non; chữ viết từ bộ côn thanh đông.

Hiệp hiệp: Ngược lại âm trên kiêm diệp, ngược lại âm dưới điềm giáp, hiệp hiệp là tên của loài côn trùng, một tên khác nữa là hồ điệp. Trang Tử chú giải sách Chu Lễ rằng: chỗ gọi người nằm mộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đều là chữ hình thanh.

Khương lương: Ngược lại âm trên khư lương, âm dưới là lương. Sách Tiểu Nhã cho rằng: loại bọ hung, vì bọ hung thích vê tròn viên phẫn. Quách Phác cho rằng: con hắc giáp trùng thường ăn đàm phân, đất.

Dăng manh: Ngược lại âm trên dựng chưng. Ngược lại âm dưới mạch bành. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: dăng là loại côn trùng dơ bẩn có loại đen và trắng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Trần Sở Tần Tấn gọi là dăng tức là con ruồi, con nhặng. Đông Tề cho rằng: dương thanh chuyển đọc sai. Quách Phác cho rằng: người Giang đông gọi dương thanh giống như con ruồi, nhặng.

Đắc san: Ngược lại âm sang đan. Sách Khảo Thanh cho rằng: san là nuốt vào, là ăn hoặc viết từ bộ thủy viết thành chữ sanh, văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ san thanh thực âm san là âm tàn.

Lạc đà: Ngược lại âm trên thang lạc, ngược lại âm dưới là đường hà. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên súc vật ở nước Hồ. Kinh Sơn Hải nói rằng: trên lưng có lồi lên cục thịt, có sức mạnh vác ngàn cân, mà lại đi xa ba trăm dặm, có thể biết chỗ có suối nước. Kinh văn viết chữ lạc đà, âm lạc là âm lạc, văn thường hay dùng.

Uông lung: Ngược lại âm trên ô quang. Sách Khảo Thanh cho rằng: uông là khiểng chân. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bệnh gầy ốm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ chân cong lại, chữ viết từ bộ uông, giống như là một chân bị cong lại nghiêng một bên như là chân của vương thanh. Kinh văn viết từ bộ ngột là sai, văn cổ viết chữ uông. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: bệnh gầy ốm, yếu mềm gọi là uông, ngược lại âm dưới là lực truy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh gầy ốm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là ốm gầy. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: ốm gầy; chữ viết từ bộ dương đến bộ luy, âm luy ngược lại âm lực qua.

Thường tha: Ngược lại âm thượng lương, gọi là hoàn trả lại.

Bì bác: Ngược lại âm trên là bì, ngược lại âm dưới là bái mạc.

Khỏa hình: Ngược lại âm trên lực, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi, tục âm hoa ngõa.

Sương hoạch: Ngược lại âm hoàng quách. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tháng mười là thu hoạch gặt lúa đem về nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắt ngũ cốc, chữ viết từ bộ hòa thanh hoạch âm hoạch đồng với âm trên.

Chữ vẫn: Ngược lại âm dưới là vẫn phân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trừ cơ gọi là vẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dọn trừ cỏ dơ uế mọc lẫn lộn trong mạ non, không từ bộ hòa mà từ bộ lỗi thanh vẫn hoặc là viết chữ vân, âm lỗi ngược lại âm lỗ hội

Thuân phách: Ngược lại âm trên thất tuân. Bì Thương cho rằng: thuân là da nứt nẽ ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: vì mùa đông lạnh nên da nứt nẻ ra, chữ viết từ bộ bì, thanh tuấn, âm tuấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm thất tuần, âm tích ngược lại âm thất lược dưới là âm phách, ngược lại âm thất diệc. Quảng Nhã cho rằng: phách là phân ra, tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phách là phá ra từ bộ đao thanh tích, văn cổ viết chữ phách này.

Khất cái: Ngược lại âm dưới khác ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: người tiêu hết của cải tài vật, phải đi ăn xin chữ cái từ bộ nhơn đến bộ vong không phải từ bộ bao.

Khiếp cụ: Ngược lại âm trên khiếm nghiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khuyển viết thành chữ khiếp, sợ sệt là do chó nhiều sợ sệt, cho nên từ bộ khuyển thanh khứ. Từ bộ tâm viết thành chữ khiếp, ngược lại âm dưới cụ vũ, Tả Truyện cho rằng: cũng là sợ. Quảng Nhã cho rằng: hoảng sợ từ bộ tâm thanh cụ.

Sai hiềm: Ngược lại âm trên thái lai, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sai là nghi ngờ. Quảng Nhã cho rằng: lo sợ. Tự Thư cho rằng: dối trá không thật. Sách Phương Ngôn cho rằng: oán hận, chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh, ngược lại âm dưới hiệp kiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghi ngờ, hiềm khích, ngờ vực; chữ viết từ bộ nữ thanh kiêm.

Yêu danh: Ngược lại âm y dao. Hoặc viết chữ yêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: yêu cầu, cần yếu. Tự Thư cho rằng: ngăn che. Sách Thuyết Văn cho rằng: sao chép lại; chữ viết từ bộ xước thanh yêu âm yêu đồng với âm trên

Sai trì: Ngược lại âm trên sơ sư, ngược lại âm dưới trĩ tri đều chữ chánh thể. Kinh văn viết sai tri, tục dùng là chẳng phải. Nói cho đúng đó là do bất ngờ mà gặp, đều từ bộ vũ, chữ hình thanh.

Tiên thác: Ngược lại âm trên tất miên. Sách Khảo Thanh cho rằng: là đánh roi, ngược lại âm dưới tha đát. Sách Tập Huấn cho rằng: cũng là đánh bằng tay; chữ viết từ bộ thủ thanh đát.

Lăng nhục: Ngược lại âm trên lực căng. Trong kinh trước quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Nại lạc ca: Ngược lại âm trên nô hạt, tiếng Phạn, tên gọi chung của địa ngục.

Lăng miệt: Ngược lại âm miên miết gọi là khinh nhờn, chữ lăng kinh văn viết từ bộ phụ, hoặc từ bộ băng đó đều là chẳng phải. Bổn chữ từ bộ lực là đúng.

Quỉ trá: Ngược lại âm trên câu vi. Quảng Nhã cho rằng: quỉ là tùy theo điều ác. Sách Khảo Thanh cho rằng: dối trá khinh khi, làm các điều xấu ác, chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy.

Vi phiệt: Âm phạt, trong tục tựn thanh nguy.

Vi phiệt: Âm phạt, trong Tục Tự và Tự Thư đều không có chữ này, chữ đúng thể từ bộ mộc thanh phát.

Ủy tụy: Ngược lại âm trên ủy vi, ngược lại âm dưới tình lụy. Sách Khảo Thanh cho rằng: ốm gầy, gầy yếu.

Nhuận động: Ngược lại âm miệt luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: vô cớ mà con mắt mái động gọi là nhuận. Kinh văn viết từ bộ tuần viết thành chữ huyễn vốn âm huyễn là chẳng phải nghĩa kinh.

Yên ế: Ngược lại âm anh tiện. Sách Khảo Thanh cho rằng: khí bị tắc nghẽn. Sách Vận Thuyên cho rằng: nghẹn, ngược lại âm dưới yên kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lo buồn không thể nghỉ ngơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn còn ở trong cổ họng không tiêu, chữ yên ế đó là tiếng thở than đau buồn.

Bảo vi: Ngược lại âm tường dưỡng, tên của loài thú. Giống như con giang trư tức hà mã màu trắng. Trong kinh nói bảo vi đó chỗ ở của Đế Thích, hiện nay còn lại thánh tượng. Đây còn có tên thiện trụ cụ, như trong (T579)kinh Khởi Thế Nhân Bổn và Lập Thế A-tỳ đàm luận nói rộng.

Nhơn trụ: Ngược lại âm trên giai giới. Sách Khảo Thanh cho rằng: giới đứng đầu, ràng buộc, trợ giúp; chữ viết từ bộ nhơn tượng hình. Ngược lại âm dưới trụ hựu. Tả Truyện cho rằng: mũ trụ. Sách Khảo Thanh cho rằng: áo giáp sắc; chữ viết từ bộ nhựt đến bộ do thanh tĩnh, âm nhựt đến bộ do thanh tĩnh, âm nhựt ngược lại âm mạc bảo.

Ba lợi chất đa thụ: tiếng Phạn, tên của cây hoa trong cõi trời Đao Lợi. Trong câu Xá Luận giải thích cây mọc trong vườn.

Ốc tiều hải: Âm trên là ốc. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ ốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: ốc là tưới nước ẩm ướt, rót nước vào chậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước, chữ viết từ bộ thủy thanh yêu. Trong kinh nói rằng: ốc tiều đó tên của núi. Quách Phác chú giải Thị Huyền Trung ký rằng: sức mạnh của thiên hạ đó từ nơi núi ốc tiêu ở bên biển Đông, vuông ba trăm dặm, nước biển tưới theo biển Đông hết, cho nên nước chảy về phía đông mà trong bồn chậu là không có vật khác cũng không. Chí Đỗ nói rằng: ở Thành Dự Chương Kiến có đá màu vàng, trắng, sắp xếp chồng lên với nhau rồi lấy nước tưới, bèn sôi sùng sụt như nấu trong nồi, trên có lửa, lấy sức nóng có hiệu nghiệm vậy. Lập thế A-tỳ-đàm luận nói rằng: lại kế đến ở trong biển lớn có nhân duyên gì mà nước sôi đến cạn kiệt? Các Tỳ-kheo kiếp ban đầu khi chuyển pháp luân A-na-tỳ-la đại phong lấy dời đi hết bảy ngày, các cung điện, thành quách ném dời đi nơi khác, nước trong biển lớn an trí xuống đất, nên nước trong biển lớn này tất phải tiêu hết không phải trong chậu tẩy rửa. Giống như sáu ngày kia, cung điện của Thiên tử nóng lên. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: ở Dương Cốc phò diệp có mười ngày, chỗ tắm gội, chiếm chỗ phân chia dưới, phân chia trên là vậy.

Mạn đà kiết trì: tiếng Phạn. Tên của ao chỗ của đại Long Tượng Vương tắm. Kinh chuẩn khởi thế và lập thế A-tỳ-đàm luận v.v... đều nói ao này. Đây nói giải thích đại bộ châu phía bắc núi Tuyết có ao này là chỗ của Thiện Trụ Tượng Vương tắm. Nay ý kinh nói rằng: là ao của chư thiên tắm, như là nhỏ tức là hợp với ở cõi trời Đao Lợi. Trên cõi trời kia, nếu như có tức là tên đồng với cõi trời kia, nếu như không tức là dịch sai, chưa hiểu rõ lại không thể hiểu bổn tiếng Phạn, một là khác vậy.

Cung sao: Ngược lại âm sở giao. Bì Thương cho rằng: hai cây cung chưa thẳng. Sách Khảo Thanh cho rằng: sao đó là hai đầu nhọn của cây cung, chữ hình thanh.

Vi sàng: Ngược lại âm trạng trang. Kinh văn viết chữ sàng này là chẳng phải.

Giáng chú: Ngược lại âm chu thụ. Kinh trước đã giải thích đầy đủ rồi. Kinh viết từ bộ vũ viết thành chữ chú là chẳng phải, văn sau chữ chú là chuẩn đây nên biết vậy.

Ngũ cốc: Ngược lại âm công mộc, nói ngũ cốc đó tức là lúa tắc, lúa mạch nha, lúa thúc, nói rộng ra như sách Lễ ký nói rằng: sơ lược các loại gấm vóc mang tới. Trong sách trước nói rằng: một là lương thực, hai là lúa tắc, ba là lúa ma, bốn là lúa mạch, năm là đậu, đó là năm loại ngũ cốc.

Cô quỳnh: Ngược lại âm trên cổ hồ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cô độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có cha gọi là cô, chữ viết từ bộ tử đến bộ qua thanh tĩnh, ngược lại âm dưới là quí lao. Sách Khảo Thanh cho rằng:cô đơn. Văn Tự Điển nói rằng: không có anh em gọi là quỳnh, hoặc viết từ bô hề viết thành chữ quỳnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ quỳnh này từ bộ bình đến bộ dinh, tỉnh lược, hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ quỳnh, nghĩa giải thích cùng đồng nhau.

Quan quả: Ngược lại âm trên là quả ngoan. Sách Lễ ký cho rằng: già mà không có vợ gọi là quan. Sách Thượng Thư cho rằng: có người không có vợ ở trong dân gian là Ngu Thuấn; chữ viết từ bộ ngư đến bộ đạp, âm đạp, âm dưới là quả ngược lại âm quan ngõa. Sách Khảo Thanh cho rằng: cô độc lẻ loi, quả gọi là người đàn bà không có chồng, dưới từ bộ phân.

Cù lao: Ngược lại âm trên cụ ngu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cần cù siêng năng, chăm chỉ, cũng gọi là lao ; chữ viết từ bộ lực, thanh cú. Ngược lại âm dưới là lão đao. Sách Chu Lễ cho rằng: làm việc rất nghiêm

mật siêng năng gọi là lao. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lao là mõi mệt. Tiểu Nhã cho rằng: siêng năng. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm việc cực lực, dữ dội; chữ viết từ bộ lực đến bộ huỳnh thanh tĩnh, chữ huỳnh từ bộ diễm, âm miên ngược lại âm quí dinh.

Truy hung: Ngược lại âm trường luy ; chữ viết từ bộ mộc, ngược lại âm dưới là húc cung, hung là ngực, trùy lung đó là bị đau, dung nghi bị hủy diệt cắt bỏ; chữ viết từ bộ bao thanh tĩnh, chữ hình thanh.

Linh ngữ: Ngược lại âm trên lịch đinh, ngược lại âm dưới ngư cử tên xung quanh địa ngục, cũng là chữ hình thanh.

Phu việt: Ngược lại âm trên bổ vu. Lại giải thích cái búa. Sách Lễ Ký cho rằng: chư hầu tặng cái búa bằng vàng, sau đó mới được thâu nhận. Trịnh Huyền chú giải rằng: được cái búa này, mới dám làm việc dũng cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: phu là chém bị thương; chữ viết từ bộ kim thanh phu, ngược lại âm dưới là viên quyết. Trước đã giải thích đầy đủ rồi, đây chỉ tóm lược. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chư hầu được tặng cái búa vàng đó mới được phép các tướng giữ lấy mà chém. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh việt âm việt đồng với âm trên.

Bất nại: Ngược lại âm nãi đại. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhẫn nại. Ngọc Thiên cho rằng: có thể chịu đựng. Tự Điển nói rằng: có tội có thể nhẫn mà không cạo tóc. Sách Thuyết Văn cho rằng: có tội để tóc mọc đến một tấc mới cho cạo, hoặc là viết chữ mại.

Biếm truất: Ngược lại âm trên bì yểm. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: biếm là tổn hại, từ chỗ tốt lành phúc thiện mà biếm xuống nơi chỗ xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là tổn hại. Chữ viết từ bộ bối thanh phiếm. Văn cổ viết chữ biếm này từ bộ thốn đến bộ cữu. Tai họa giáng xuống che lấp người hết một tấc tay. Ngược lại âm dưới lạt luật, Phạm Ninh Tập giải thích rằng: truất là thối lui. Sách Giai Uyển Chu Tòng và Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: truất là buông thả ra, phóng thích. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: truất phế. Sách Thuyết Văn cho rằng: biếm xuống; chữ viết từ bộ hắc thanh xuất, âm bao ngược lại âm bổ mao.

Bách hiếp: Ngược lại âm tấn mạch. Cố Dã Vương cho rằng: bách cũng giống như bức. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gần một bên. Quảng Nhã cho rằng: chật hẹp, lại vội vàng cấp bách. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước, thanh bạch. ngược lại âm dưới là khiếm nghiệp. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hiếp là cướp đoạt, ép buộc, kẻ cướp. Cố Dã Vương cho rằng: dùng uy lực khủng hiếp người khác. Văn

Tự Điển nói rằng: dọa nạt; chữ viết từ bộ tâm thanh hiếp. Kinh văn viết chữ hiếp cũng thông dụng âm khiếm, ngược lại âm hương nghiêm.

Cổ đạo: Âm trên dã. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cổ là chất độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong bụng có con sâu cổ, có thể làm bệnh hại người; chữ viết từ bộ trùng đến bộ tứ lại âm cổ hoặc gọi là cổ độc là chất độc.

Linh cổ: Ngược lại âm trên lực dĩnh, ngược lại âm dưới cô ngũ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: không có mắt gọi là mông, có mắt gọi là cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng:con mắt nhưng không có con ngươi, bằng như da trống gọi là cổ tức mù; chữ viết từ bộ mục thanh cổ.

Đại tang: Ngược lại âm thừa táng. Kinh văn viết chữ táng này là chẳng phải.

Lại bệnh: Ngược lại âm lai đại. Sách Vận Anh cho rằng: lại là bệnh quái ác. Sách Bát Nhã cho rằng: bệnh phong hủi, hoặc là viết chữ lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ lệ. Kinh văn viết chữ lại tục thường hay dùng.

Hiểm tuấn: Ngược lại âm kiếp kiểm. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: nguy hiểm. Sách Phương Ngôn cho rằng: núi cao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phu thanh hiểm, kinh văn viết chữ hiểm này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới tuẫn tuấn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tuấn là núi cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ sơn thanh tuấn cũng viết chữ tuấn này.

Tam cổ: Âm dưới là cổ viết đúng là chữ cổ kinh văn viết chữ cổ là dùng sai.

Hộ ma pháp: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: pháp đốt lửa cúng tế là vật cúng dường hiền thánh. Trong lửa thiêu đốt cháy lan đó như cúng tế bốn bên là đất trống, năm là vùng núi cao.

Chung dĩ: Âm dưới là dĩ.

Thường kiều: ngược lại âm kỳ diêu. Quảng Nhã cho rằng: kiều ngẫng cao đầu lên. Tiểu Nhã cho rằng: nguy hiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ thanh nhiêu.

Bát thủ: Ngược lại âm dương mạc. Quảng Nhã cho rằng: bát là trừ bỏ đi dẹp bỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: bát là lau chùi sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng:chữ viết từ bộ thủ thanh phát.

Đàm khứ: Ngược lại âm trên tường đảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: đàm là nấu nướng, dùng nước dôi hầm cho chín thức ăn, cũng là dùng nước sôi nhổ lông ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ

hỏa thanh đàm. Kinh văn viết chữ tầm, tục thường hay dùng, viết đúng là chữ tầm, văn cổ viết chữ tầm này.

Hoàn xuyến: Ngược lại âm cốt khai. Sách Bát Nhã cho rằng: là ngón tay. Văn Tự Điển nói rằng: chỉ hoàn là ngón tay út; chữ viết từ bộ kim bộ hoàn, thanh tĩnh, ngược lại âm dưới là xuyên quyến. Sách Đông Cung Cựu Sự cho rằng: Thái tử cưới vợ có vàng, bạc xuyến vòng một đôi. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chiếc vòng đeo tay; chữ viết từ bộ kim thanh xuyên.

Tông mao: Ngược lại âm tử đông. Sách tế ấp độc đoán nói rằng: tông là lông mọc trên. Xưa nay Tự Điển nói rằng: bờm con ngựa; chữ viết từ bộ mã thanh tông âm dưới mao âm tông đồng với âm trên.

Toàn trách: Ngược lại âm kiệm yểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: toàn thiết thủ cái dùi, cái khoang, chữ viết từ bộ kim thanh chiêm. Chữ thiết ngược lại âm thiên kiết, âm thủ ngược lại âm nữ thủ. Kinh văn viết kiềm thiết già nghĩa là gông cùm kiềm kẹp, chẳng phải nghĩa kinh, ngược lại âm dước trắc cách. Sách Bát Nhã cho rằng: trách là hình phạt phanh ra. Quảng Nhã cho rằng: trương lên, lại cũng gọi mở ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kiệt thanh thạch.

Tại ngao: ngược lại âm ngũ hạo. Sách Vận Lược cho rằng: ngao là cái nồi nướng bánh, làm bánh. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cái nồi không có chân. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh ao.

Uyển nhãn: Ngược lại âm uyển hoàn. Bì Thương cho rằng: uyển là dùng dao chặt chân. Sách Khảo Thanh cho rằng: uyển khắc cho cong lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhẫn thanh uyển. Kinh văn viết chữ uyển này là chẳng phải, âm nguyệt ngược lại âm nhuế duyên.

Nhĩ nhĩ: ngược lại âm nhi chí. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nhĩ là cắt tai. Quảng Nhã cho rằng: xẻo tai. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn tai, một hình phạt ngày xưa, chữ viết từ bộ đao thanh nhĩ.

Nghị tỵ: Ngược lại âm hằng khí. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nghị là xẻo mũi. Quảng Nhã cho rằng: xẻo bỏ cắt bỏ. Sách Thuyết Văn viết nghị. Từ bộ đao thanh tỵ.

Ao cốt: Ngược lại âm trên xảo giao. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xao là đánh gõ. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ phộc thanh cao.

Điền lạp: Ngược lại âm điện niên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: điền cũng giống như lạp nghĩa là đi săn, hoặc là viết chữ điền. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi làm ruộng, trồng trọt, đồng bằng; chữ

viết từ bộ chi thanh điền cũng viết chữ điền này.

Ngư bổ: Ngược lại âm trên ngữ cư. Kinh văn viết chữ ngư này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới bổ mơ. Cố Dã Vương cho rằng: là săn đuổi bắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắt giữ lấy; chữ viết từ bộ thủ thanh bộ.

Phù võng: Ngược lại âm phụ vô. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phù là dùng lưới võng bủa vây săn bắt thú. Sách Vận Anh cho rằng: lưới săn bắt thỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưới bắt thỏ; chữ viết tử bộ võng thanh bất, âm cổ là âm cổ, âm tư ngược lại âm tề da, ngược lại âm dưới là vô phóng cũng viết chữ võng.

Tăng chước: Ngược lại âm trên tắc đăng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: dùng sợi dây buộc vào mũi tên bắn đi gọi là tăng. Sách Khảo Công Ký cho rằng: tăng là mũi tên buộc vào cây cung, chỗ dùng lại gọi là thỉ vũ, mũi tên ngắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thỉ thanh tăng. Kinh văn viết chữ tăng này là sai, ngược lại âm dưới là chương nhược. Quảng Nhã cho rằng: chước là sợi dây cương. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây tơ; chữ viết từ bộ mịch thanh kiểu hoặc là viết chữ chước này.

Chương lộc: Ngược lại âm trên là chưởng dương. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: người nước Tề gọi con hươu là chương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lộc thanh chương, âm quân là âm quân, ngược lại âm dưới lô đốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thú trong rừng hoang, nai.

Phán dục: Ngược lại âm trên là phát vạn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: sớm mua chiều bán gọi là phán. Sách Thuyết Văn cho rằng: mua rẻ bán mắc; chữ viết từ bộ bối thanh bản, ngược lại âm dưới là dĩ lục. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: dục là bán ra. Cố Dã Vương cho rằng: bán vật. Sách Thuyết Văn viết từ bộ dục âm cách lưu thanh lưu. Kinh văn viết từ bộ mễ tục dùng tóm lược.

Huyễn mãi: Ngược lại âm trên huyền quyên, dưới đúng là chữ mãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: huyễn khoe khoang để bán hàng; chữ viết từ bộ hành thanh ngôn cũng viết chữ huyễn.

Tư khiên: Ngược lại âm dưới là khương liên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khiên là tội lỗi, sai sót. Sách Vận Thuyên cho rằng: có tội. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm, thanh diễn cũng viết chữ khiên.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA QUYỂN 4

Nhũ bộ: Ngược lại âm dưới là bổ mộ. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: trong miệng nhai thức ăn, cũng giống như con chim non, đứa trẻ ăn (bú sữa) gọi là bộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh bổ. Kinh văn viết từ bộ thực viết thành chữ bộ, ngược lại âm mể hồ. Lại cũng là âm bổ bố, hai âm, đây chẳng phải nghĩa này.

Tần thúc: Ngược lại âm trên tỳ vẫn. Ngược lại âm dưới tử lục. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: tần đó cao mày. Cố Dã Vương cho rằng: lo buồn, tư lự, suy nghĩ không vui. Xưa viết chữ tần cũng viết chữ tần, chữ thúc cũng viết chữ thúc. Kinh văn viết chữ thúc này là chẳng phải.

Khê giản: Ngược lại âm khải khê. Sách Tiểu Nhã cho rằng: rót nước để dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: vỡ đê tràn nước, không có chỗ thông nên ngập; chữ viết từ bộ cốc thanh khê cũng viết chữ khê này, ngược lại âm dưới gian án. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trên núi có khe suối chảy suốt gọi là giản. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh gian, cũng viết chữ gian lại cũng viết chữ giản.

Phiếm trướng: Ngược lại âm phương phạm. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: phiếm là chìm xuống nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong sạch; chữ viết từ bộ thủy thanh phiếm ngược lại âm dưới trương lượng, chữ thượng thanh. Quách Phác chú giải sách Giang Phú rằng: trước là nước dâng cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh thương.

Hấp thủ: Ngược lại âm trên hâm cấp. Cố Dã Vương cho rằng: hấp là hít hơi thở vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: thở vào trong, chữ viết từ bộ khẩu (T580)thanh hấp, cũng viết chữ hấp, âm hâm ngược lại âm hứa kim.

Tạng gian: Ngược lại âm trên tạc lăng dưới là chữ bình thanh.

Khế thử Ngược lại âm trên hương lệ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: khế là nghỉ ngơi, cũng viết chữ khế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tức thanh thiệt.

Sang lẫm: Ngược lại âm trên thác tạng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cái kho cất chứa ngũ cốc, kho thóc, cũng gọi là khoang thuyền, có rất nhiều người, cho nên gọi là sang. Ngược lại âm dưới lực cẩm. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kho chứa gạo gọi là lẫm. Sách

Thuyết Văn cho rằng: chỗ thâu nhập ngũ cốc. Trong tông miếu chứa rất nhiều gạo nếp để cúng tế, cũng gọi là kho lẫm của vua, chỗ thâu nhập vào. Cho nên gọi là lẫm. Sách Thuyết Văn viết chữ lẫm từ bộ đến bộ hồi giống như trong nhà có cửa sổ, chữ tượng hình.

Khiển nột: Ngược lại âm trên cư yển. Sách Phương Ngôn cho rằng: khó nói, nói ngọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn đến bộ kiển thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới nô cốt, bao gồm chú giải sách Luận ngữ rằng: trì trệ, chậm trễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khó nói. Chữ viết từ bộ ngôn thanh nội.

Liễn dư: Ngược lại âm trên lực triển. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chiếc xe do người kéo gọi là liễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe có cái ách do người kéo. Lại chữ viết từ bộ bạn là hai người dẫn chiếc xe âm bạn là âm, ngược lại âm dưới dư thứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe kiệu; chữ viết từ bộ xa thanh cụ. Kinh văn viết chữ dư là chẳng phải, âm dữ là âm dư.

Nhĩ đang: Ngược lại âm dưới là đang. Thích Danh giải thích rằng: vòng hạt châu xỏ xuyên qua tai, gọi là đang. Bì Thương cho rằng: đồ trang sức nơi tai. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh đang.

Thương cổ: Ngược lại âm trên thư dương. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: thương là mua bán, bán ra cho khách hàng gọi là thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối đến bộ thương thanh tĩnh. Kinh văn viết chữ thương này là chẳng phải, ngược lại âm dưới cô ngũ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cổ là bán ra. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ở một chỗ bán ra gọi là cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối thanh á chữ giả tá.

Bài ưu: Ngược lại âm bại mai. Sách Bát Nhã cho rằng: bài cũng là ưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm trò vui; chữ viết từ bộ nhơn thanh phi, ngược lại âm dưới ư vưu. Cố Dã Vương cho rằng: ưu đó là người diễn viên làm trò vui cười, lấy sự vui vẻ của tự mình làm cho người vui vẻ hài hòa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cũng gọi là làm trò bỡn cợn, chọc ghẹo, làm trò hề. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vui vẻ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh ưu.

Sát-đế-lợi Bà-la-môn: đó là tiếng Phạn chủng tộc vua của nước kia, phúc trí hơn người, nên dân chúng cử làm vua Bà-la-môn, cũng là tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích rằng: tịnh hạnh, tinh trì khiết chí, học vấn uyên bác, thông cả tứ vệ đà, nghe nhiều là vua, cũng là người thẩy của vua truyền cao đạo, nhưng kẻ sĩ và nhơn dân của nước kia phần nhiều nhận bộ tộc này làm tổ.

Ô ba thi sát đàm phân: ngược lại âm trên ô cổ, tiếng Phạn tên của pháp số. Nói pháp số này rất nhiều cũng như trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm A-tăng kỳ, nói rằng: bất khả thuyết, bất khả thuyết, các loại xoay chuyển là vậy. Xưa giải rằng: ô ba là thiểu thi sát đàm cho rằng: nói gần nhất phân ra là bụi trần ở trong hư không đem so sánh với một phần này cũng chưa kết.

Tốt đỗ ba: Ngược lại âm trên tô cốt, ngược lại âm dưới đô cổ, tiếng Phạn, tên của bảo tháp. Đường Huyền Trang cho rằng: cao thắng phương phần, xưa gọi là tô thâu bà hoặc gọi là tháp bá đều không đúng, tức là những viên nhỏ vụn xá lợi trong thân, để vào bảo tháp. Tục ngữ hoặc gọi là phù đồ.

Hiệt huệ: Ngược lại âm trên nhàn bát. Sách Phương Ngôn cho rằng: hiệt cũng là huệ, giữa nước Triệu Nguỵ gọi huệ la hiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hắc thanh kiết, ngược lại âm dưới là huề khuê. Sách Phương Ngôn cho rằng: huệ là ánh sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh tuệ, âm huệ ngược lại âm tín tuế.

Hạc trì: Ngược lại âm hồ các. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hạc là làm cho khô cạn kiệt. Quảng Nhã cho rằng: hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: khát nước; chữ viết từ bộ thủy thanh cố.

Nãn nhi: Ngược lại âm nã giãn. Sách Phương Ngôn cho rằng: nãn là thẹn thùng, xấu hổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: thẹn thùng đỏ mặt, chữ viết từ bộ xích thanh cập, âm cập là âm triển, tục dùng viết từ bộ bì là sai.

Huỳnh sức: Ngược lại âm trên huỳnh quýnh. Sách Bát Nhã cho rằng: huỳnh là sức. Quảng Nhã cho rằng: thoa chà, gọi là thoa chà phấn sáp khiến cho sáng sủa đẹp đẻ lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc bộc dinh thanh tĩnh, cũng viết chữ huỳnh, ngược lại âm dưới thăng chức. Sách Thuyết Văn cho rằng: sức là thoa chà; chữ viết từ bộ cân thanh thực, âm thực là âm tự.

Sang vưu: Ngược lại âm trên sở sương. Sách Lễ ký cho rằng: trên đầu có mụt nhọt thì phải tắm gội. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ sang chữ sang là mổ vết thương. Văn cổ viết chữ sang giống như con dao mổ vào thân hình. Kinh văn viết chữ sang là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là hữu cầu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vưu là bệnh. Lại gọi là nốt ruồi nhỏ gọi là vưu, lớn gọi chuế (gọi có cục thịt dư thừa). Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh vưu cũng viết chữ vưu, âm chuế ngược lại âm trang nhuế.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 5

Mộng mị: Ngược lại âm dưới di tý. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mỵ là ngũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vị đến bộ tẩm thanh tĩnh.

Giác ngộ: Ngược lại âm trên Giang nhạc. Lại cũng là âm giáo. Sách Bát Nhã cho rằng: giác là biết; ngược lại âm dưới ngũ cố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngộ cũng là giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tẩm tĩnh lược bớt thanh ngô.

Yêu mị: ngược lại âm trên yêu kiều. Sách Khảo Thanh cho rằng: tư thái của người bà khéo léo, cũng gọi là lẵng lơ, đùa cợn. Mao Thi Truyện cho rằng: yêu thuật, quái lạ, yêu nữ. Sách Trang Tử và sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh yêu. Kinh văn viết chữ yêu này, văn thường hay dùng, âm yêu đồng với âm trên, ngược lại âm dưới mi bí. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: mị là xinh đẹp. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mị tốt đẹp, đáng yêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khả ái, đáng yêu; chữ viết từ bộ nữ thanh mị âm mi là âm mi.

Hàm tĩnh: Ngược lại âm trên hàm giám. Sách Khảo Thanh cho rằng: hàm là cái hang. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hàm là chìm. Sách Thuyết Văn cho rằng: theo chữ viết từ bộ phụ thanh hàm cũng viết đơn chữ hàm âm cũng đồng, ngược lại âm dưới tình tánh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đào xuyên qua đất làm cái hang sâu bắt cầm thú bỏ vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh tỉnh, cũng viết chữ tỉnh hoặc là viết chữ tỉnh đều là chữ cổ.

Du vịnh: Ngược lại âm dậu u. Cố Dã Vương du là nổi trên mặt nước mà tiến vào bờ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ rằng: trầm nịch trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh du. Ngược lại âm dưới dinh mạng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lặn trong nước, lặn đi trong nước là vịnh. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: lặn đi dưới đáy nước. Sách Thuyết Văn cùng với Mao Thi Truyện đều đồng cho rằng: chu viết từ bộ thủy thanh vĩnh.

Phốc giai: Ngược lại âm trên phổ bốc. Cố Dã Vương cho rằng: phốc cũng giống như là đánh, tát. Quảng Nhã cho rằng: là đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phốc âm phốc là âm bốc.

Toàn lam: Ngược lại âm lạp nam, tiếng Phạm. Trong thời kỳ kiếp tai họa là gió lớn dữ dội.

Tặc thục: Ngược lại âm dưới là thời chúc. Sách Thượng Thư cho rằng: lấy vàng bạc làm vật chuộc tội. Khổng An Quốc chú giải rằng: xuất ra vàng bạc chuộc tội. Sách Thuyết Văn cho rằng: trao đổi; chữ viết từ bộ bối thanh thục, âm mậu, ngược lại âm mẫu hậu, âm thục ngược lại âm dung lục. Từ bộ bối thanh thục, văn cổ viết chữ thục, cũng là chữ lục.

Đàm hước: Ngược lại âm trên đồ nam. Cố Dã Vương cho rằng: đàm là nói bàn luận. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh đoạn, ngược lại âm dưới hương ngược. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hước là lẳng lơ vui cười làm trò hài hước. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: làm trò hài hước, chữ viết từ bộ ngôn thanh ngược.

Luy liệt: Ngược lại âm trên lực truy. Sách Thuyết Văn cho rằng: luy là gầy ốm; chữ viết từ bộ dương thanh luy. Ngược lại âm dưới lực xuyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là yếu kém, chữ viết từ bộ lực đến bộ thiểu, chữ hội ý, âm hoa ngược lại âm lộc ngọa cũng là bình thanh.

Khô cao: Ngược lại âm trên khổ cô. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô cũng là cao ; chữ viết từ bộ mộc thanh cổ ngược lại âm dưới khổ lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cây chết khô. Sách Thuyết Văn viết chữ cao cũng gọi là cây khô; chữ viết từ bộ mộc thanh cao cũng viết chữ cao.

Bính trước: Ngược lại âm trên binh mãnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bính là sáng tỏ, chữ viết từ bộ hỏa thanh bính.

Ung sang: Ngược lại âm vu cung. Sách Trang Tử cho rằng: bệnh ung thư, lỡ loét. Tư Mã Bưu cho rằng: nóng nhiệt, nổi phù lên không thông nên thành ra ung lở loét. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưng thủng lên; chữ viết từ bộ tật thanh cung, âm cung đồng với âm trên, ngược lại âm dước trắc trang. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi, âm phiêu ngược lại âm thất diêu, âm thư ngược lại âm thất dư âm giới là âm giới.

Ti hạ: Ngược lại âm trên tức tư. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: người thấp hèn. Quảng Nhã cho rằng: thân mạng để cho người khác sai khiến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm thanh tư cũng viết chữ ty.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 6

Ban cáo: Ngược lại âm trên bát loan. Tục Tự viết đúng là chữ ban. Sách Khảo Thanh cho rằng: ban cho của cải tài vật, hoặc là viết ban. Hán Thư cho rằng: viết chữ. Thời nay chỗ không dùng, tương truyền rằng: là mượn, chữ là chữ ban. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: ban là phân bố, trải ra, như là dựa theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm ban ngược lại âm phân văn là đầu lớn có râu tóc chẳng phải nghĩa kinh.

Thê đăng: Lễ hề. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thê là thềm bậc. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: nghĩa đồng trên, chữ viết từ bộ thanh đệ, ngược lại âm dưới đăng đặng. Sách Bát Nhã cho rằng: đăng là bước đi đạp lên, dựa vào thềm bậc mà đi lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh đăng.

Họa sư: Ngược lại âm trên hồ quái. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hoa là vẽ bản đồ, các hình, vật khác. Kinh văn viết chữ họa văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn viết chữ họa văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn viết chữ họa từ bộ duật đến bộ điền từ bộ nhất là chữ đúng thể. Lại âm hoạch nay không dùng.

Khĩ xuất: Ngược lại âm nghi khĩ. Sách Tiểu Nhã cho rằng: lớn đó gọi con kiến càng; nhỏ đó gọi là con kiến đen. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: đồng với sách Tiểu Nhã; chữ viết từ bộ trùng thanh khởi. Kinh văn viết chữ nghị hoặc là viết chữ nghị đều đồng văn thường hay dùng.

Thuấn tức: Ngược lại âm thức nhuận. Sách Trang Tử nói rằng: nhìn suốt ngày mà con mắt không nháy. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt mở, khép nháy nhiều lần; chữ viết từ bộ mục thanh dần, cũng viết chữ thuấn. Kinh văn viết chũ huyễn là chẳng phải.

Quyên khí: Ngược lại âm duyệt huyền. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyên là trừ bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ này viết thiếu, tục dùng viết chữ quyên từ bộ thủ, ngược lại âm dưới khinh dị. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí cũng là trừ bỏ đi, từ bộ củng là hai tay đẩy ra đến bộ diệp mà thành chữ khí. Theo đây v.v... và ngược lại gọi là bỏ đứa con đi, đảo ngược lại trong sách, chữ hội ý. Lại âm công cốt, âm diệp ngược lại âm bát án, âm cũng là âm, âm thôi, ngược lại âm thổ lôi hoặc là viết chữ khí này chữ cổ.

Thứ thứ khước: Âm trên là thứ, ngược lại âm dưới thanh diệc.

Kinh văn viết chữ thứ văn thường hay dùng.

Cách tỷ: Ngược lại âm trên canh ngạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cách là lột da con thú, ngược lại âm dưới sở khĩ. Sách Khảo Thanh cho rằng: không lấy gót chân gọi là đạp lên da con thú (tức là không mang giày dép làm bằng da con thú). Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giày da; chữ viết từ bộ cách thanh tỷ. Kinh văn viết từ bộ thi viết thành chữ tỷ, hoặc là viết chữ tỷ này đều thông dụng văn thường hay dùng, đề là giày da vậy.

Trị phạt: Ngược lại âm trên trực tri, ngược lại âm dưới là phiền miệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phạt tội, trách mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: người có tội nhỏ; chữ viết từ bộ đao đến bộ lị hoặc là viết từ bộ thốn cũng thông dụng, chữ hội ý.

Quý nục: Ngược lại âm qui vị. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quí là hổ thẹn, xấu hổ. Sách Bát Nhã cho rằng: sĩ nhục. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh quỉ, hoặc là viết chữ quý cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là nữ lục. Sách Tiểu Nhã cho rằng: trong lòng hổ thẹn là nục. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: hổ thẹn, chữ viết từ bộ tâm thanh nhi.

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên chương diêm. Ngược lại âm dưới là bằng bắc, tiếng Phạn. Ở Tây Vức tên của loài hoa, hoặc gọi là chiêm bác ca.

Tế luân: Ngược lại âm trên tật hề. Sách Thuyết Văn cho rằng: cuốn rốn; chữ viết từ bộ nhục thanh tề, cũng viết chữ tề. Kinh văn viết chữ tề là sai, âm bề ngược lại âm ty mễ, ngược lại âm dưới luật truân. Sách Thuyết Văn cho rằng: có tăm xe gọi luân, không có nan hoa gọi là bánh xe; chữ viết từ bộ xa thanh luân, âm luân đồng với âm trên.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA QUYỂN 7

Dũng nhuệ: Ngược lại âm dưới là duyệt huệ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tinh nhuệ. Sách Mạnh Tử cho rằng: rất mau, tiến tới rất mau, mà thối lui cũng rất mau chóng. Cố Dã Vương cho rằng: cái khoan, cái dùi rất nhạy bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh đoài.

Dũ đọa: Ngược lại âm trên là du chủ. Sách sử ký cho rằng: dũ

là lười nhát. Sách Tiểu Nhã cho rằng: lao nhọc. Quách Phác cho rằng: lao nhọc quá nhiều, cực khổ nên sanh mõi mệt uể oải, lười nhát. Nói là người lười nhát, biếng trễ, không thể tự đứng dậy, giống như trái dưa, trái bầu nằm quăn queo dưới đất, không thể đứng dậy. Cho nên viết chữ dũ từ hai bộ qua, là dụ cho người biếng nhác nằm trong nhà không ra ngoài, cho nên sách Thuyết Văn viết từ bộ miên, chữ hội ý, âm miên là âm miên. Ngược lại âm dưới là đồ ngọa. Sách Khảo Thanh cho rằng: đọa cũng là biếng lười. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh đọa, cũng viết chữ đọa.

Canh khẩn: Ngược lại âm cổ hoành. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: canh cũng là khẩn, cày ruộng khai khẩn đất đai. Kinh Sơn Hải nói rằng: sau mùa lúa, gặt lúa xong. Tôn Thúc Quân bắt đầu cày ruộng. Quách Phác chú (T581)giải rằng: bắt đầu dùng cày ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lỗi thanh canh, hoặc là viết chữ canh này là chữ cổ. Ngược lại âm dưới khang cấn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khẩn cũng là cày ruộng. Quảng Nhã cho rằng: sửa sang, tu chỉnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh khẩn âm cấn ngược lại âm ngận bổn.

Hoạn tinh: Ngược lại âm trên là hoạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn là mặc áo giáp cầm binh khí giới (cố chấp tức chết). Sách Thuyết Văn cho rằng: mặc áo giáp xuyên qua; chữ viết từ bộ thủ thanh hoàn.

Đồ tiển: Ngược lại âm trên độ đô. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đồ là con đường, bùn sình. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh dư, ngược lại âm dưới là tiên điển. Sách Thượng Thư cho rằng: nếu chân đi mà không nhìn xuống đất thì ắt sẽ chân bị vất ngã bị thương tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi chân không, chân trần không mang giày dép, chữ viết từ bộ túc thanh tiên.

Sa lỗ: Ngược lại âm trên sở da. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sa là đá vụn. Sách Thuyết Văn nói rằng: nước chảy lồi đá lên; chữ viết từ bộ thủy đến bộ thiếu, ít nước thì thấy cát đá lồi lên, chữ hội ý, cũng viết chữ sa, văn thường hay dùng cũng thông dụng, hoặc là viết chữ diên, chữ cổ, từ bộ thủy đến bộ chỉ. ngược lại âm dưới lô cổ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cát sỏi trải mỏng dưới đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở phương Tây gọi là muối, chất mặn, âm giác, ngược lại âm khổ giác.

Pha tri ca bảo: tiếng Phạn. Xưa dịch hoặc gọi là pha lê hoặc gọi là pha hổ, đều chuyển đọc sai. Đúng âm Phạn gọi là táp bỉ trí ca, hình như là thủy tinh, sáng lấp lánh trong suốt, thủy tinh có các màu hồng, ngọc bích, tím trắng, bốn màu sai khác nhau, âm trí ngược lại âm tri lý.

Nhục kế: ngược lại âm trên hề táng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tiêu thanh kiết, âm tiêu ngược lại âm tất diêu. Kinh quán Phật Tam muội nói rằng: nhục kế trên đảnh của Đức Như Lai xoáy tròn nổi cao lên giống như hai bàn tay hợp chưởng nắm lại, trên đỉnh đầy của Đức Phật.

Nam thiệm bộ châu: Âm nghĩa quyển thứ nhứt trước đã giải thích rồi. Đây là tên chung của quả đất, có bốn lần, một là ở biển mặn lớn vây quanh cho nên bọi là Bắc châu rộng, phía nam hẹp, châu này hình tam giác, sau châu này còn ba châu nữa cũng là chuẩn. Đây nói âm thiệm, ngược lại âm thường diêm.

Giáp xa: ngược lại âm trên kiêm diệp. Cố Dã Vương cho rằng: bên mũi, dưới mắt, trước tai, gọi là giáp, tức là gò má. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hiệt thanh giáp.

Tây ngưu hóa châu: Ở phía Tây núi Tu Di hình bán nguyệt cũng ở trong biển mặn, ở châu kia thường có chợ mua trâu, chặt cẳng trâu làm hàng hóa trao đổi, cho nên gọi tên là hóa ngưu.

Đông thắng thân châu: Ở núi diệu cao phía đông, châu này hình tròn như mặt trăng đầy cũng trong biển mạn. Trong bốn châu, châu này thân hình người rất thù thắng, cho nên gọi là thân thắng châu.

Bắc câu lô châu: tiếng Phạn. Đây gọi là cao thắng, cũng ở trong biển mặn, châu này hình đúng là vuông, định tuổi thọ một ngàn tuổi, trong châu này không có yêu quái, thường thọ khóai lạc giống như ở các cõi trời, cho nên gọi là cao thắng.

Tuấn phương: Ngược lại âm trên sơ sắc, viết đúng là chữ tuấn, bốn mặt đều bằng nhau.

Tũng lật: Ngược lại âm trên tương dũng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tũng là sợ sệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong lòng không an, kinh sợ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong lòng không oán giận, không lo sợ là đều tốt lành tất cả đều thông vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lập đến bộ thúc là viết thiếu. Từ bó buộc lại chú giải rằng: là e sợ, ngược lại âm dưới là lân kiết. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: lật là lo buồn, sợ sệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lo sợ nguy hiểm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh lật, âm nan ngược lại âm nữ giản.

Chu cấp: Ngược lại âm trên chi do. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chu là cứu giúp. Trịnh Tiển cho rằng: cứu giúp tai ách cấp bách cho muôn dân, chữ viết từ bộ bối thanh chu, ngược lại âm dưới kim lập. Cố Dã Vương cho rằng: cấp giống như cung. Giã Quỳ chú giải sách

Quốc ngữ rằng: cấp cho kịp lúc, dự bị đầy đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cung cấp đầy đủ, chữ viết từ bộ mịch thanh hợp.

Lãn đọa: Ngược lại âm trên lan đàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lãn là giải đãi biếng lười; chữ viết từ bộ nữ thanh lại, dưới là chữ đọa, trước đã giải thích rồi.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA QUYỂN 8

Quán tập: Ngược lại âm quan hoạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quán tập là thói quen. Sách Thuyết Văn cho rằng: thói quen làm sai sót, mất mát, hay quên; chữ viết từ bộ xước thanh quán. Kinh văn cũng có viết chữ xuyến, văn thường hay dùng.

Như ế: Ngược lại âm ư kế. Sách Vận Lược cho rằng: ế là con mắt bị che, ngăn che. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong con mắt bị ngăn che. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mục thanh ế, âm ế đồng với âm trên.

Táo động: Ngược lại âm trên tảo đáo. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không an tịnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tính nóng nảy. Cố Dã Vương cho rằng: táo cũng như động. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh táo kinh văn viết chữ táo này là chẳng phải âm táo ngược lại âm.

Ly ngưu: Ngược lại âm oản bao. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Phiên Thầu có con thú hình trạng giống như con bò, có bốn lóng chân mọc lông mao gọi là ly ngưu. Quách Phác chú giải rằng: con bò, đầu gối sau và đuôi, ở nước có nhiều loại bò này. Loại bò này có đuôi rất dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở nước Tây Nam Di cũng có bò đuôi dài, chữ viết từ bộ ngưu thanh ly, âm ly ngược lại âm lực chi, âm hồ, văn trước giải thích hạng thấp kém.

Thấu kích: Ngược lại âm khổ cẩu. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: khấu cũng là kích. Quảng Nhã cho rằng: nắm giữ, chữ viết từ bộ thủ thanh khẩu cũng viết chữ khấu, ngược lại âm dưới kinh lịch. Cố Dã Vương cho rằng: kích là đánh bằng chày. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: lau chùi. Sách Thuyết Văn đánh bằng tay, chữ viết từ bộ thủ thanh kích âm kích đồng với âm trên.

Tác toại: Ngược lại âm đảm túy. Tả Truyện cho rằng: chiếc xe-

phụng giá thường có xuất ra tia lửa. Đỗ Dự chú giải rằng: dụng cụ lấy lửa. Hoài Nam Tử dung kính soi chiếu ánh mặt trời hơ nóng mà có lửa, âm hán ngược lại âm nhiên thiện. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh toại. Âm toại là âm toại. Kinh văn viết chữ toại, hoặc là viết chữ toại đều thông dụng, thường hay dùng.

Mang xà: Ngược lại âm trên mạc bàng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: mang xà là vua rắn. Quách Phác chú giải rằng: loại rắn rất lớn cho nên gọi là mang xà. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh mang. Chữ mang sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khuyển thanh mang âm mang đồng với âm trên, từ bộ trọng đến bộ cũng. Kinh văn viết từ bộ hủy, tục tự cho rằng sai. Ngược lại âm dưới là xạ giá. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hủy tức xà. Sách Chu Dịch nói rằng: xà thuộc rắn độc. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh tha, âm tha ngược lại âm đồ hà. Kinh văn viết chữ xà, tục tự thường hay dùng.

Tham độc: Ngược lại âm trên sở cẩm. Theo ý nghĩa của kinh văn là dụ cho người dục sẽ tổn hại chi tính thiện nghiệp, giống như là cầm nắm viên độc dược lớn, ăn vào đó tất sẽ phải tán mạng. Cho nên nói là tham độc, tham giống như rất quá lắm. Cực kỳ độc ác, không có thể cứu được. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh tham, chữ tham từ bộ sam, hoặc từ bộ thạch viết thành chữ tham là chữ mượn dùng. Chữ viết đều từ bộ tham kinh văn viết dưới từ bộ tiểu viết thành chữ tham tục tự cho rằng: sai lầm.

Khẩn trì quả: Ngược lại âm trên kinh dẫn, tiếng Phạn. Ở nước Tây Vức là tên của loại độc dược lớn, chữ quả đây nghĩa là người đoan chánh thấy sanh ái nhiễm ưa thích, ngu muội chấp giữ sa vào, vướng vào, tức là phải chết. Cho nên kinh lấy thí dụ là tham độc.

Đao khiêu: Ngược lại âm dưới là thể diêu. Theo Thanh Loại cho rằng: thiêu là nhặt, chọn lựa ra. Âm quyết ngược lại âm nhuế duyệt. Tự Thư cho rằng: quyết là khoét ra, bới móc ra, chữ khiêu từ bộ thủ thanh triệu, âm quyết cũng từ bộ thủ.

Vô yểm túc: Ngược lại âm trên y diêm. Theo kinh văn nói rằng: vô yểm túc là tham cầu không ngừng nghĩ, giống như con chó thấy miếng thịt ngọt thì không bao giờ nhàm chán. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục đến bộ khuyển.

Đăng mông: Ngược lại âm trên đằng. Sách Khảo Thanh cho rằng: mặt trời mới lúc đầu mọc, cho nên cảm thấy mờ mịch, ngược lại âm dưới mặc băng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: con mắt mà

không có tinh quang nhìn không rõ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sầu muộn.

Thấp sanh: Ngược lại âm trên thâm nhập. Sách Chu Dịch cho rằng: thấp là ngâm vào nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy đến bộ tư đến bộ thổ, đất bị che khuất ánh mặt trời nên ẩm ướt, ẩm thấp. Kinh văn viết chữ thấp là chẳng phải.

Bệ-lê-đa: Ngược lại âm trên bi phiệt, ngược lại âm dưới lê đế, tiếng Phạn tên gọi chung của loài ngã quỉ.

Cưu bàn trà: Cũng là tiếng Phạn, tên của ngã quỉ. Mặt quỉ như trái bầu, túi âm rất lớn dài, trên vai tự gánh thân, cũng như đống thịt thối.

Hiệp liệt: Ngược lại âm trên hàm giáp. Cố Dã Vương cho rằng: hiệp là vùng biên ải chật hẹp; không có rộng rãi. Lâm Tự cho rằng: hiệp là vùng biên ải. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ đến bộ hiệp đến bộ phương. Kinh văn viết chữ hiệp.

Thô quảng: Ngược lại âm trên sang hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiểu triện viết từ ba bộ lộc, ngược lại âm dưới cổ mãnh. Quảng Nhã cho rằng: quảng là mạnh mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: là con chó hung ác dữ dằn không thể đến gần; chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Thô sáp: Ngược lại âm dưới sắc lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáp là không có trơn, chữ viết từ bốn bộ chỉ, hai bộ chỉ đảo ngược. Sách viết hai bộ chỉ là đúng. Kinh văn viết từ ba bộ chỉ là sai.

Môn mạc: Ngược lại âm trên một bôn. Chú giải Mao Thi Truyện rằng: môn là nắm giữ. Theo Thanh loại cho rằng môn cũng như mạc. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ thủ thanh môn. Ngược lại âm dưới mang bác. Sách Phương Ngôn cho rằng: mạc là lau chùi chà rửa, quét dọn, sờ mó. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh mạc. Kinh văn viết dưới từ bộ thủ viết thành chữ mạc, người dịch kinh dùng âm này là sai chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đào ba: Ngược lại âm đạo lao. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: đào là sóng nước thủy triều nổi lên, chuyển theo nối tiếp từng đợt từng đợt, gọi là đào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh đảo.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 9

Trùng đảm: Ngược lại âm trên trực dụng. Ngược lại âm dưới đam lam, văn trước, sổ xứ đã giải thích rồi.

Hám hận: Ngược lại âm trên hàm cam. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: hám cũng là hận. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh cảm, ngược lại âm dưới hồ cấn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: oán hận.

Ảnh tế: Ngược lại âm ư kính. Sách Phiên an nhân thạch lưu phú nói rằng: ảnh là chiếu sáng. Kinh văn viết chữ ảnh ngược lại âm ô lãng, chẳng phải nghĩa này, ngược lại âm dưới ty duệ. Sách sử ký cho rằng: tế là bị ngăn che. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tế âm tế ngược lại âm tỳ duệ.

A a: Đây là âm hưởng chữ Phạn. Trên chữ A, chữ thượng thanh, dưới chữ A chữ khứ thanh đọc kéo dài ra.

Đê khuất: Ngược lại âm đế nĩ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đê là cúi xuống. Sách Bát Nhã cũng cho rằng: rũ xuống. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh đê. Kinh văn viết chữ hổ tục tự thường dùng hay dùng, âm đê đồng với âm trên.

Hỏa noản: Ngược lại âm nô quản. Tục tự cùng với Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: noãn. Kinh văn viết chữ noản này là sai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa đến bộ nhuyễn.

Thực mãnh: Ngược lại âm từ tự. Theo Thanh Loại cho rằng: thực là ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn lương thực.

Tiêu hỏa:Ngược lại âm tất diêu. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: gió bão thổi đến từ dưới mà thổi lên trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: gió thổi lay động, chữ viết từ bộ phong thanh tiêu. Kinh văn viết từ hai bộ hỏa chẳng phải âm tiêu đồng với âm trên.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA LA MẬT ĐA
QUYỂN 10

Vi mạt để: tiếng Phạn: tên của ngoại đạo, đây là Phạm Chí là vị Đại Bồ tát thị hiện là ngoại đạo.

Mẫu chỉ: Ngược lại âm trên mơ nghê. Sách Vận Anh cho rằng:

ngón tay cái, ngón chân cái.

Hàm chiên: Ngược lại âm trên hàm cảm, ngược lại âm dưới đàm cảm. Mao Thi Truyện giải thích rằng: hoa chưa nở gọi là phù dung mà khi nở ra rồi gọi là hàm diêm. Kinh văn viết chữ hàm diêm là thoát ra viết lược, văn thường hay dùng.

Toát ma: Ngược lại âm trên toán hoạt sang hoạt hai âm. Quảng Nhã cho rằng: toát là tóm lấy. Ứng Triệu chú giải sách Hán Thư rằng: dùng ba ngón tay tóm lấy. Sách Lễ Ký Khổng Tử nói rằng: nay trong đại địa có nhiều đất nên gom lại thành một. Đây là lối thí dụ như bọt nước nổi trên hư không huyễn hóa không thể gom lấy được mà chà xát. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tối, ngược lại âm dưới mạc hà.

Ba tiêu: Ngược lại âm trên bá ma. Ngược lại âm dưới tử tiêu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tên của loại cỏ thơm, loại cỏ này mọc ở đất Giao chỉ lá như cọng chiếu dệt khi phơi khô làm nệm ngồi rất mềm mại, có không cứng. Sở dĩ trong kinh chỉ ra loại cỏ này là lấy làm thí dụ. Văn Tự Điển nói rằng: hai chữ đều từ bộ thảo thanh ba tiêu.

Lạc dịch y: Ngược lại âm trên lang các, âm kế là diệc, viết đúng hợp từ bộ nhục viết thành chữ dịch, ngược lại âm chinh thạch. Chữ lạc dịch y đó là tất cả có trong bộ luật tên tăng khướt kỳ. Đường Huyền Trang cho rằng: áo che cái nách vốn là áo lót, áo này mặc vào, để e rằng dơ bẩn đến ba y ngoài, cho nên lấy áo này mặc trước, áo này che nách phải, giao lạc là che bên vai trái phủ trên. Sau đó mới khắc ba y vào. Trong luật tứ phần dùng sai cho răng che cánh tay đó là sai lầm, bởi dùng lâu cho nên không sửa đổi.

Chế để: tiếng Phạn, xưa dịch hoặc gọi là chi đề hoặc gọi là chiêu đề.

Giá sắc: Ngược lại âm trên da hà, ngược lại âm dưới sở trắc. Tư Ma Bưu chú giải sách Luận ngữ rằng: cây ngũ cốc gọi là giá. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: gọi là giá đó, giống tương tợ như chữ giá tức người con gái đi lấy chồng đồng tương tợ như vậy. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: giá là trồng lúa, cắt gặt gọi là sắc. Mao Thi Truyện cho rằng: trồng lúa gọi là giá, thâu gom gọi là sắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: giá là bông lúa thật gọi là giá tức là việc nhà, một gọi là ngoài hoang dã gọi là giá, ngũ cốc có thể thâu gom đem về nhà, hai chữ đều từ bộ hòa thanh gia sắc âm sắc đồng với âm trên.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 42

Kinh Âm Đại Uy Đức Đà-la-ni - hai mươi quyển.
Kinh Đại Pháp Cư Đà-la-ni - hai mươi quyển.
Thập Bát Hội Du-già Chỉ Qui - một quyển.
Du-già Hộ Ma - một quyển.
Phân Biệt Tam Thập Thất Tôn - một quyển.
Nhất Tự Đảnh Luân Du-già - một quyển.
Pháp Hoa Niệm Tụng Du-già - một quyển.
Thiên Thủ Nhãn Du-già - một quyển.
Liên Hoa Bộ Ba Mươi Bảy Tôn - một quyển.
Ngũ Bí Mật Du-già - một quyển.
Thập Thất Tôn Nghĩa Thích - một quyển.
Kim Cang Vương Pháp - một quyển.
Kim Cang Ái Pháp - một quyển.
Đa La Du-già - một quyển.
Hư Không Tạng Du-già - một quyển.
Như Ý Luân Du-già - một quyển.
Như Ý Luân Du-kỳ - một quyển.
Kinh Đại Phật Đảnh - mười quyển.
Phương Đẳng Đà-la-ni - bốn quyển.
Thất Phật Sở Thuyết Thần Chú - bốn quyển.
Đại Kiết Nghĩa Chú - hai quyển.
Kinh Như Lai Tạng - hai quyển.

Bên phải hai mươi mốt kinh bảy mươi bảy quyển đồng âm quyển này.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Diệp nhãn: Lại viết chữ nhiếp cũng đồng, ngược lại âm thất thiệp. Văn thông tục cho rằng: con mắt nhấp nháy gọi là diếp, âm táp ngược lại âm trang hiệp.

Dịch nhãn: Ngược lại âm thức diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nhìn có tật bệnh.

Miễu nhãn: Ngược lại âm vong chiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: có một con mắt nhỏ. Thích Danh cho rằng: chột hết một mắt gọi là miễu, miếu là nhỏ.

Đãng: Ngược lại âm tha mang. Lâm Tự cho rằng: con mắt không có tinh trực thị (nhìn không thẳng) gọi là dáng diệu thất chí.

Đam nhãn: Ngược lại âm nhất quyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt sâu thẳm.

Khuê nhãn: Ngược lại âm khổ huề. Quảng Thương cho rằng: con mắt thiếu tinh (mắt lé). Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không tương xứng.

Siêm nhãn: Ngược lại âm thức nhiễm, lại âm dực nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn tạm thời, chớp mắt, thoáng qua.

Tỏa nhãn: Ngược lại âm từ qua, tợ qua, hai âm. Tự Lâm cho rằng: con mắt nhỏ.

Hiện huy: Âm trên điển, ngược lại âm hồ bổn, công khổn hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiện là trợn mắt lồi ra, xem thường. Huy con mắt lộ to ra, gọi là người có con mắt to mà đột nhiên trợn ên gọi là huy.

Thất nhãn: Ngược lại âm đồ kiết. Tự Thư cho rằng: xem thường. Kinh văn viết chữ điệt là chẳng phải nghĩa kinh.

Bàn đa: Ngược lại âm thất gian thất giản, phổ bàn ba âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt tròng trắng nhiều.

Liêu lệ: Ngược lại âm trên lực điểu âm dưới lực kế. Đây không đúng gọi là cũ liêu là ràng buộc quấn quanh. Kinh văn viết chữ liêu ngược lại âm lực điêu, liêu là nhìn ra xa, chẳng phải nghĩa kinh.

Nghi thích: Ngược lại âm thư tý. Sách Phương Ngôn cho rằng: phàm cây cỏ có gai, người Quan Tây gọi là thích.

Huyền ung: Lại viết chữ ung, cũng đồng ngược lại âm ư tín, thịt trong cổ họng. Thích Danh giải thích rằng: ôm trong ngực, gọi là hơi đến ngực là tắc nghẹn. Kinh văn viết chữ ung là chẳng phải.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 2

Thiên xú: Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc viết chữ sạn hoặc là viết chữ chiên cũng đồng, ngược lại âm thất nhiên mùi trên thân cừu, dê.

Thuần trực: Văn cổ viết chữ thuần cũng đồng, ngược lại âm đô truân. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuần hậu. Sách Phương Ngôn cho rằng: thuần tin tưởng cũng gọi là chất phác.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 3

Châu đàn: Ngược lại âm đồ đàn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đồ đàn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đàn gọi là cát chảy theo nước, gọi là cát trong nước bồi lên thành bãi cát. Kinh văn viết chữ chiên diên âm diên diên là con đường cát chẳng phải thể chữ đúng.

Na hy: Ngược lại âm hồ huynh.

Bà bổ: Ngược lại âm phương vũ.

Hân bà: Ngược lại âm hư cân.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 4

Khủng hách: Ngược lại âm hồ giá, tiếng than của người chao ôi! Gọi là hách cũng nói rằng: e ngại hoặc là nói than ôi đều là một nghĩa.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 5

Sách địa: Ngược lại âm sở trách.

Y trà: Ngược lại âm nhất hề.

Sắc tề: Ngược lại âm sở ất, âm dưới trúc giai.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 6

(Trước không có âm.)

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 7

Bột lâu: Ngược lại âm lực khẩu.

Cúc đậu lưu: Ngược lại âm cự cúc. Kinh văn viết chữ cầu là chẳng phải thể.

Ẩu đả: Ngược lại âm ô hậu.

A lý na: Đây dịch là con dê trong núi nói cho đúng là cát lợi nã. Tóm lại mà nói là tên của các con dê, con hươu.

Ma ca trá: Ngược lại âm mạc khả. Đây dịch là con khỉ, vượn.

Bạt sá: Ngược lại âm lạt giá.

La tể: Ngược lại âm bổ kế.

Lợi phu: Ngược lại âm phương vu gọi là cái lưỡi búa, cũng gọi là cái búa của vua dành cho hình phạt. Sách Thuyết Văn nói búa chặt đốn, chém. Công Dương Truyện cho rằng: không nhận được cộng thêm có cái búa bên mình thì là có giết hại.

Ưu lâu: Ngược lại âm ư cầu.

La trá: Ngược lại âm trúc giá.

Sa dụ: Ngược lại âm dĩ chu.

Chủy tư: Ngược lại âm ty dĩ, âm dưới tư hề.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 8

Chỉ huy: giải thích chữ cổ, nay viết chữ huy cũng đồng. Ngược lại âm hâm bì, dùng ngón tay chỉ gọi là huy, cũng gọi là lấy cờ xí để chỉ huy chúng đông đúc, vì vậy cho nên gọi là tên.

Ứu la: Ngược lại âm ư củ nhất điếu hai âm. Từ tần bà la đến ứu la phá, (T583) đây là danh số.

- QUYỂN 9, 10 (*Hai quyển trên đều không có âm giải thích.*)

-KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 11

Cẩu giảo: Lại viết chữ nhiêu cũng đồng, ngược lại âm ngũ giảo giải thích Trung Quốc lại âm dưới là giảo. Hoài Nam Tử giải và sách Thuyết Văn cho rằng: giảo là cắn. Kinh văn viết chữ giảo chữ giảo ngược lại âm khổ giao, gọi là xương đầu gối cẳng chân, chữ giảo chẳng phải nghĩa đây dùng.

Mao điệp: Ngược lại âm bố mang gọi là lông vải bố thưa. Tự Lâm cho rằng: thảm lông vuông có vân, sọc đó gọi là điệp, thông dụng dệt lông có văn gọi là kế, mà vân xuyên gọi là điệp. Kinh văn viết chữ bàng là chẳng phải.

Na na: Ngược lại âm nãi khả.

Kỳ đăng: Âm đăng.

Sa nam: Ngược lại âm nữ hàm.

Bi lê: Ngược lại âm phụ lê.

Mơ la: Ngược lại âm mạc cô.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 12

Yêm nhơn: Ngược lại âm ư liễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: yêm là những người đàn ông thiến bộ phận sinh dục hoặc kẻ ái nam ái nữ hầu hạ trong cung. Bọn hoạn ở cung gọi chung là yêm, coi sóc đóng cửa gọi là yêm. Sách Chu Lễ nói rằng: yêm là tinh khí âm tàng bế tất. Nay gọi là người làm hoạn quan. Chuyên coi việc đóng cửa trong cung, cho nên gọi là yêm.

Siểm điện: Lại viết chữ siễm này cũng đồng. Ngược lại âm thức nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chớp nhoáng lóe lên. Kinh văn viết chữ siễm trong cửa ló đầu ra nhìn trộm.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 13

Thư hộ: Ngược lại âm thư dư. Văn thông dụng cho rằng: côn trùng trong thịt gọi là thư. Kinh văn viết chữ thư này là chẳng phải.

La nhĩ: Ngược lại âm nhân chí. Quảng Nhã cho rằng: lấy lông dệt thành tấm thảm gọi là kế, âm đường.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 14

Bà lâm: Ngược lại âm lực nam. Dựa theo chữ lâm nghĩa là la inh ỏi, om sòm, chê trách.

Tư thục: Lại viết kha linh, hai thể hình cũng đồng, ngược lại âm lạt chi thức chi hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con trâu nhai cỏ gọi là khả, gọi là ăn no rồi sau đó ói ra.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 15

Sấn trục: Ngược lại âm sửu nhẫn gọi là cùng nhau đuổi theo. Quan Tây gọi chạy đuổi theo con vật gọi là sấn.

Kiển khất: Ngược lại âm cư triển, ngược lại âm dưới cư khất, văn thông dụng nói rằng: nói không thông lợi gọi là kiển nghĩa là ăn nói trùng lắp, khó nói, ngọng ngịu, nói lắp.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 16

Bình luận: Ngược lại âm bì bính. Tự Thư cho rằng: bình là ấn định đặt cho yên. Cũng gọi là bàn luận, âm đinh ngược lại âm đường đảnh.

Thiết chùy: Lại cũng viết chữ chùy, lại cũng viết chữ chùy cũng

đồng, ngược lại âm từ lụy. Sách Phương Ngôn cho rằng: chùy là cái mỏ con chim.

Hưu hầu: Ngược lại âm hứa ngưu giống chim cú mèo cũng gọi là điêu hầu ngày nằm, đêm bay đi kiếm mồi.

Tùng khỏa: Lại viết chữ khoa cũng đồng, ngược lại âm khổ hòa. Sách Tiểu Nhĩ Nhã nói rằng: loài chim trĩ thường ở trong hang hốc, nên gọi là khoa cái hốc ở trong cái hang.

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 17

Vi cán: Lại cũng viết chữ can cũng đồng nghĩa, ngược lại âm hồ thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: cán là cây cột dừng nghỉ, che đậy, bảo vật. Kinh văn viết chữ cán là cánh chim bay cao, xa cán chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thùy hồ: Lại viết hiệt cố, hai thể hình cũng đồng, ngược lại âm hộ cô. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàm dưới con trâu rũ xuống. Kinh văn viết chữ khổn là chỗ ở của phụ nữ, là chẳng phải thể chữ đây dùng.

- **QUYỂN 18** (*Trước không có âm.*)

KINH ĐẠI UY ĐỨC ĐÀ LA NI
QUYỂN 19

Cân cân: Ngược lại âm cư cần Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là cây búa để chặt, đốn cũng là cây khoan dùi. Dưới văn cổ viết chữ cân, cũng đồng nghĩa, ngược lại âm trúc giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân cũng là cây búa chặt, đẻo, đốn ngã. Kinh văn viết chữ cân ngược lại âm ngư cân, cân nghĩa dùng dao khoét.

Bị nang: Bì Thương viết chữ bị. Sách Đông Quán Hán Ký viết chữ bài. Vương Dật chú giải Hán Thư rằng: viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm bì bái, chỗ gọi là cái ống dùng để thổi lửa khiến cho lửa cháy rực lên.

Nhi quệ: Ngược lại âm cự nguyệt, cư nguyệt Hai âm. Sách Thuyết

Văn cho rằng: quệ là vấp té ngã nhào. Quảng Nhã cho rằng: té ngã ngữa nhào. Quảng Nhã cho rằng: té ngã ngữa.

- **QUYỂN 20** (*Trước không có âm.*)

****

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LẠ NI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Cam bà: Ngược lại âm hồ cam.

Trí nhĩ: Ngược lại âm nô giải.

Gia xúy: Hoặc viết chữ hà cũng đồng, ngược lại âm cổ hà. Nay trong nhạc cụ có dùng lá lau vấn lạc làm ống mà thổi, giống như thổi ống tiêu.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 2

A lan nã: Ngược lại âm nữ da hoặc gọi là A lan nhã hoặc nói là A luyện nhã đều tiếng Phạn, nói có nặng có nhẹ. Đây dịch là khoảng đất trống vắng lặng cũng gọi là nhàn tịnh, cũng gọi là không có tranh luận.

Thiện ngự: Nay viết chữ ngự cũng đồng, ngược lại âm ngư cứ, gọi là điều khiển xe ngựa chỉ huy điều khiển con ngựa.

Lô oa: Thể chữ biến hóa viết chữ qua. Lại cũng viết chữ cũng đồng ngược lại âm cổ hòa. Sách Phương Ngôn cho rằng: cái nồi đất, cái nồi đồng.

Cao tường: Ngược lại âm ngũ cao, bay lượn, liệng, bay mà không cánh chim gọi là lượn, liệng.

Thuần đích: Ngược lại âm chi duẫn chi nhuận hai âm. văn thông dụng nói rằng: đất bằng gọi là thuần cây mọc trong đất bằng gọi là không có đồi gò. Ngược lại âm đồ quả, xạ bằng kinh văn viết đóa, ngược lại âm đinh quả, đóa là mô đất. Đóa chẳng phải nghĩa đây dùng, âm bằng là chữ bằng.

Đồng lệ: Ngược lại âm lực kế, người làm nô lệ, người hèn hạ,

người bị sai khiến, cũng là người, nô bộc, chữ từ bộ hưu đến chữ tông, âm lệ ngược lại âm chi quyến.

Giáp trì: Ngược lại âm hồ giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệp cất giấu. Sách Phương Ngôn cho rằng: giáp là giúp đỡ.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI QUYỂN 3

Liêu khuyếch: Hoặc viết chữ liêu, cũng đồng ngược lại âm lực điêu. Bì Thương cho rằng: tịch liêu không có người. Quảng Nhã cho rằng: liêu là chỗ thâm sâu. Kinh văn viết chữ liêu là chẳng phải thể.

Đình khế: Lại viết chữ khác. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: viết chữ khế này cũng đồng, ngược lại âm hư lệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khế là nghỉ ngơi.

Thích trung: Ngược lại âm thả lịch. Quảng Nhã cho rằng: thích là đụn cát nổi lên trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy có đá nổi lên gọi là thích.

Bộc sái: Ngược lại âm bổ bốc, âm dưới sổ giải. Sách Thuyết Văn cho rằng: bộc là phơi hong cho khô; chữ viết từ bộ nhựt.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI QUYỂN 4

Ky chập: Lại viết chữ trập, cũng đồng, ngược lại âm chư lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chập là sợi dây cương, cũng gọi là câu thúc buộc thúc lại.

Khanh tĩnh: Văn cổ viết chữ tĩnh, hai thể hình cũng đồng. Ngược lại âm tài tánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái hầm hố. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tĩnh, gọi là đào đất làm hầm hố mở rộng ra nhốt súc vật.

Kha sất: Ngược lại âm si dật. Sất cũng gọi là. Sách Phương Ngôn cho rằng: kha là phẫn nộ tức giận, quát mắng, giải bày gọi là.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 5

A lê tà: Đây dịch là người thoát khổ cũng nói là bậc thánh giả.

Thuyền trạo: Lại viết chữ trạo cũng đồng. Ngược lại âm trì giảo, Thích Danh cho rằng: một bên thuyền xoay chuyển dưới nước gọi là trạo tức là mái chèo.

Phàm văn: Lại viết chữ phàm. Hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm phò ban phó phiếm, hai âm. Thích Danh giải rằng: chiếc thuyền theo gió căng buồm gọi là phàm, cũng gọi là cho gió thổi đầu đi lối.

Hầu lương: Ngược lại âm hồ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hầu là thức ăn phơi khô. Kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ hầu chẳng phải chánh thể.

Vi côn: Ngược lại âm cổ bổn. Côn là chuyển, gọi là một loại đàn cổ gồm hai mươi lăm dây, trên chuyển xuống sợi dây.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 6

Bệ la thi: Ngược lại âm bổ mê hoặc là viết chữ bế thi. Đây dịch đoàn người đi hành khất.

Xương cuồng: Ngược lại âm xỉ dương, gọi là tính tình biến đổi, cũng gọi là cuồng điên ngu ngốc, cuồng si gian dối, hành vi không chơn thật.

Yểm tập: Văn cổ viết chữ tập, hai thể hình đều đồng, ngược lại âm từ lập. Theo Tả Truyện cho rằng: phàm sự gọn nhẹ là tập. Lại chú giải rằng: áo che đậy không hoàn toàn bị. Lại gọi là ban đêm lạnh run gọi là tập.

- QUYỂN 7, 8 (*Trước không có âm.)*

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 9

Cử thố: Ngược lại âm thả cố. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thố là đặt để. Lại gọi là an trí, cũng gọi là thí cho, cho phép.

Tê thanh: Lại viết chữ thệ cũng đồng, ngược lại âm tiên hề. Bì (T580)Thương cho rằng: tiếng giọng khàn khàn cũng gọi là tiếng đau buồn.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 10

Gian châm: Ngược lại âm giả nhan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thuộc loại cỏ may, hoa màu trắng, còn tên khác nữa dã gian.

Tham lam: Tự Thư cho rằng: hoặc viết chữ lam. Nay cũng viết chữ lam cũng đồng nghĩa, ngược lại âm lực nam. Lam cũng gọi là tham. Sách Sở từ cho rằng: các thứ đều cạnh tranh vào mà ăn là. Vương Dật cho rằng: yêu thích tài vật gọi thâm yêu thích ăn uống gọi là lâm.

Chất cốc: Ngược lại âm chi dật âm dưới cổ mộc. Còng ở tay gọi chất gông cùm ở chân gọi cốc.

Hà bộc: Ngược lại âm hạ da, hồ khả hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hà tàn ác khắc khe, phiền nhiễu rắc rối, hà khắc, nóng nảy, gây nhiều phiền phức.

- QUYỂN 11, 12, 13 (*Trước không có âm giải thích.*)

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 14

Vỹ trang: Bì Thương chữ vĩ cũng đồng, ngược lại âm vu quỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vĩ là lạ hiếm có.

Tán bảng: Ngược lại âm can loạn, Âm dưới lại viết bổng cũng đồng, ngược lại âm bổ hạng.

- **QUYỂN 15, 16** (*Trước không có âm.*)

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 17

Sài loại: Ngược lại âm sĩ giai. Tự lâm cho rằng: sài là nhóm đông, sài cũng giống như người cùng bọn.

Hưu lưu: Ngược lại âm hứa ngư, âm dưới lực chu. Tự Thư cho rằng: hưu lưu là loại cú mèo. Quảng Nhã cho rằng: hưu lưu là loại chim tu hú, cũng gọi là chim quái lạ. Quan Tây gọi chim huấn hầu, Sơn đông gọi huấn cô. Sách Toán Văn cho rằng: giống chim ban đêm thì lượm nhặt móng người thây người chết để ăn.

Bổ thứ: Ngược lại âm phương phụ. Thích danh cho rằng: bộ là bắt đầu.

Điền trù: Ngược lại âm trực lưu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ruộng trồng lúa, gieo hạt, trù là cày đất.

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 18

Sam thóa: ngược lại âm sổ nham, ngược lại âm dưới thiên ngọa, tức là lưỡi liềm cắt cỏ, trừ bỏ cỏ, thóa cũng giống như chém bị thương.

- **QUYỂN 19** (*Trước không có âm.*)

KINH PHÁP CỰ ĐÀ LA NI
QUYỂN 20

Nguyên cầu: Ngược lại âm ngư viên, ngược lại âm dưới cự chu, nguyên là loại rùa lớn. Quảng Nhã cho rằng: có sừng gọi cầu tức là rồng con.

Yêu di: Tam thương âm là yêu. Lại trong các luật đều viết mê, gọi là thân của con cá lớn. Loại cá này có bốn giống, nó ăn nuốt lẫn nhau.

Kỳ hàn: Ngược lại âm cự di. Sách Thượng Thư cho rằng: mùa đông lạnh nhiều hơn, người dân ôm lòng oán hận thở than. Khổng An Quốc cho rằng: kỳ là lớn nhiều, mùa đông quá lạnh người dân không có

đủ áo ấm để mặc cho nên giống như oán than.

Da ẩu: Lại viết chữ âu cũng đồng ngược lại âm ư khẩu, âm cũng giống như ói ra. Thích Danh cho rằng: ẩu là lưng còng, vốn chỉ người lưng gù, cho rằng có chỗ nôn ra, cho nên trên lưng cong lại, thành ra gù lưng.

****

KINH KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ THẬP BÁT HỘI CHỈ QUY

Tuệ Lâm soạn.

Phiêu xí: Ngược lại âm trên tất diêu. Quảng Nhã cho rằng: phiêu là cái phướn, cái phan. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu cũng giống như sí. Chữ viết tâm bộ cân thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên, ngược lại âm dưới xương chí. Sách Vận Thuyên cho rằng: là cờ xí, lấy vật để tiêu biểu. Sách Tập Huấn cho rằng: xí cũng giống như cái phan; chữ viết từ bộ cân thanh chức âm là âm chứa.

Ma hê thủ la: Âm hê ngược lại âm hinh hề, tiếng Phạn. Tên của cõi Thiên vương. Đường Huyền Trang giải thích rằng: đại tự tại tức là chủ của trời sắc cứu cánh, là ở nơi cõi trời cao nhất sắc giới.

Phược la dị thiên: Âm dị ngược lại âm hinh dị, tiếng Phạn. Tên của chư thiên dưới cõi đất. Đây là chỉ cõi nhơn thiên, thân hình giống như con heo có cánh tay, có thần lực rất lớn, thường ở dưới đất, cũng gọi loại địa thần.

Nã kiết ni: Ngược lại âm trên phò vấn, ngược lại âm dưới tề duệ, cũng gọi là dùng chữ dùng thời. Người xưa chỉ mượn âm tề, chữ viết khứ thanh.

****

KINH DU GIÀ HỘ MA

Quân trà: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: lò hương đốt lửa, cái lò này hình trạng mà có nhiều loại, hoặc vuông tròn, có ba góc cạnh bằng kim cang, có canh dài như hoa sen v.v... các hình trạng tùy theo chỗ dùng khác biệt.

Trì thâu: Ngược lại âm thất tiêu. Tục Tự cho rằng: cũng viết chữ thiêu viết đúng là chữ tháo, văn cổ lại viết chữ thiêu. Thiên Thương

Hiệt ghi rằng: viết chữ táo đều là chữ cổ. Nay phế bỏ không dùng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thiêu thiêu là cái mai đào đất. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Triệu, Ngụy gọi là cái mai là thiêu. Sách Nhan Thị chứng tục âm gọi là nay người Giang nam gọi là cái thuổng là thiêu, giữa nước Ba Thục gọi thiêu là tháp. Sách Khảo Thanh cho rằng: như nay gọi là cầm cán đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu cán mai làm bằng kim loại. Nay người Giang đông gọi là thiêu, là âm thiêu ngược lại âm phiến miệt. Đây đều là tiếng địa phương gọi có khác biệt; chữ viết từ bộ kim thanh chu.

Thấu khẩu: Ngược lại âm sưu cứu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy nước tẩy rửa miệng; chữ viết từ bộ thủy thanh thấu, âm thấu là âm sóc, âm quán ngược lại âm quan hoản.

Niết đàn: Ngược lại âm niệm giáp, chữ viết từ bộ thủ thanh niệm, dưới là âm đàn nghĩa dùng tay chỉ mật danh.

Giảo thủy: Ngược lại âm giao giảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: giảo là khuấy động. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiễu loạn. Chữ viết từ bộ thủ thanh giác hoặc là viết chữ cáo từ bộ thủ thanh cáo.

Tồn cứ: Âm trên là tồn ngược lại âm dưới cứ ngự ngồi xổm.

Khuất lũ thảo: Ngược lại âm trên quân luật. ngược lại âm dưới lực cú, giống như cỏ may trắng, mọc bò lan trên đất. Tục gọi là trường mạn thảo.

Châm nhất chước: Ngược lại âm trên chương lâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: châm là rót rượu, chữ viết từ bộ đẩu thanh thậm, ngược lại âm dưới thường nhược. Sách văn Tự Điển nói rằng: đồ đựng bằng gỗ có cán. Sách Khảo Thanh cho rằng: nay người ra gọi là cái chén, cái thìa. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ chước. Nay thừa lại viết bộ mộc viết thành chữ chước, thời nay chữ thường dùng.

****

PHÁP MÔN KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ PHÂN BIỆT THÁNH VỊ TU CHỨNG

Cảnh giác: Ngược lại âm trên kinh ảnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: cảnh là ngăn cấm, răn dạy, cũng là giác. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh kính.

Tỏa giới: Ngược lại âm trên tô quả. Tự Thư cho rằng: vòng xiềng xích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh tỏa. Kinh văn

viết chữ tỏa cũng thông dụng thường hay dùng, ngược lại âm dưới hài giới. Quảng Nhã cho rằng: giới là cái gông cùm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh giới.

Năng luy: Ngược lại âm lực truy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh gầy ốm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ốm yếu. Hứa Thúc Trọng cho rằng: kém, thiếu. Tự Thư cho rằng: mõi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh suyển; chữ viết từ bộ dương thanh luy.

Giai cấp: Ngược lại âm kim lập. Cố Dã Vương cho rằng: các cấp bậc thềm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh cấp.

****

KINH DU GIÀ NHẤT TỰ PHẬT ĐẢNH LUÂN VƯƠNG AN ĐÁT ĐẢN NA PHÁP

An đát đản na: Âm tổ, ngược lại âm đàn nhàn, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói rằng: tiềm ẩn, tức là hình khéo ẩn cho rằng nước kia tà chánh xen lẫn, tin theo ngoại đạo khác, giữa chỗ ở lại phải dời đổi, phải trái ẩn nấp đả phá thần lực của Đức Phật, cho nên nói cần phải muốn cho hành giả tu Du-già tùy ý tự tại, không có trở ngại mà mau thành cần phải nghiệm cho nên giải thích đây còn nghi ngờ.

Tăng khánh: Ngược lại âm trên tình mãnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tấm vải lụa nhẹ, tên của vật. Văn cổ viết từ bộ tân viết thành chữ tăng, giải thích cùng với âm trên đồng. Ngược lại âm dưới khinh kính. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công ký rằng: lấy đá làm nhạc khí đánh gõ, giống như cái chuông, tiếng phát ra rất hay. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại nhạc khí bằng đá ngày xưa, giống như treo cao lên dùng tay đánh gõ, phát ra tiếng giống như tiếng khánh. Văn cổ viết từ bộ khinh viết thanh chữ khanh.

Du kỳ: Ngược lại âm trên du chu. Ngược lại âm dưới là kỳ, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: tương ứng với Du-già cũng đồng, đây giải thích.

****

THÀNH TỰU DIỆU PHÁP HOA KINH VƯƠNG DU GIÀ QUÁN TRÍ NGHI QUỈ

Thân bẩm: Ngược lại âm bỉ cẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: bẩm thọ. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ bẩm đến bộ hòa âm bẩm, ngược lại âm lực cẩm.

Khước điều: Ngược lại âm điền niên. Quảng Nhã cho rằng: điền vào chỗ trống, lấp cho đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh chơn. Kinh văn viết chữ điền cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Khiếm hàm: Ngược lại âm hàm ám. Cố Dã Vương cho rằng: hãm giống như rơi vào, rớt xuống. Quảng Nhã cho rằng từ trên cao rơi xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ, thanh hãm, âm hãm đồng với âm trên.

Điếm hạ: Ngược lại âm trên đinh niệm. Sách Phương Ngôn cho rằng: điếm là chìm xuống. Theo Thanh loại cho rằng: chìm đắm nước sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là rơi xuống; chữ viết từ bộ thổ thanh chấp. Kinh văn viết chữ điểm này là văn thường hay dùng.

Tha hợp: Ngược lại âm trên thố hà, nghĩa đã giải thích đầy đủ. Trong kinh Vô Lượng Thọ, quyển trung. Bổn kinh viết chữ tha này là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tẩm lại: Ngược lại âm trên tinh nhậm. Cố Dã Vương cho rằng: tẩm trầm nịch dưới nước, cũng gọi là vỡ đê nước tràn vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh tẩm, cũng viết chữ tẩm. Kinh văn viết chữ tẩm tục dùng cũng thông dụng.

Phanh đàn: Ngược lại âm trên bá manh. Sách Thuyết Văn cho rằng: phanh là tách ra, chữ viết từ bộ thủ thanh biện, cũng viết chữ phanh chữ cổ. Lại cho rằng: xưa viết chữ phanh, âm phanh là âm luy, ngược lại âm đản đan.

Tốt đổ ba: Ngược lại âm trên tôn cốt, ngược lại âm dưới đô lỗ, tiếng Phạn. Đây gọi là phần mộ vuông.

Trách khai: Ngược lại âm trên sỉ cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: trách là mở ra, nứt ra. Xưa nay thanh đúng là hác, từ bộ thủ thanh xích cũng viết chữ tích.

Vi tiêu: Âm tiếu, cái bao kiếm, cũng viết chữ tiếu.

Cúc vật: Ngược lại âm trên cung lục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nắm trong tay đầy một vốc gọi là cúc. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: nắm bốn ngón tay gọi là cúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm

trong tay gọi là cúc. Từ bao đến bộ mễ, chữ hội ý, kinh văn viết chữ cúc nghĩa cũng đồng âm bao là âm bao.

Bính hiện: Ngược lại âm trên binh mãnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bính là sáng rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh bính.

Huỳnh nhiễu: Ngược lại âm trên huỳnh dinh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huỳnh là vây bọc quấn quanh. Thuyết Văn cho rằng: vây bọc quanh người, chăn nuôi gia súc; chữ viết từ bộ mịch đến bộ quỳnh, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới nhi chiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là buộc quấn quanh, chữ viết từ bộ mịch, thanh nhiễu.

Phách: Ngược lại âm phanh bách. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: phác là vỗ vỗ an ủi vỗ về, chữ viết từ bộ thủ thanh bạch.

****

KINH CANG ĐẢNH DU GIÀ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TU HÀNH NGHI QUỈ

Pháp: Văn cổ chữ pháp.

Tỳ sàng: Ngược lại âm trên bì mỹ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tỳ cũng giống như lùn thấp. Cố Dã Vương cho rằng: tỳ cũng giống như thấp bé. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm thanh tỳ, âm nghĩa là âm nghiêm, dưới chữ chánh thể là sàng.

Khuyết trụ: Ngược lại âm chu lũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trụ là cây cột chống đỡ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh trụ.

(T585) Kinh văn viết chữ từ bộ túc viết thành chữ trụ là chẳng phải.

Đồng nhiên: Ngược lại âm trên động đông. Bì Thương cho rằng: đồng là cái ống cháy lửa rất nóng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hỏa thanh đồng.

Vũ chú: Âm chú đã giải thích đầy đủ, âm nghĩa quyển thứ hai mươi ba, quyển trung.

Át già: Ngược lại âm trên an cát, cũng viết chữ át, tiếng Phạn, cái bát đựng nước thơm ngào ngạt.

Noãn yên quang: Ngược lại âm trên nô quản. Sách Khảo Thanh cho rằng: noãn là ấm áp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh noãn, cũng viết chữ noãn đều đồng nghĩa.

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ LIÊN HOA BỘ TÂM NIỆM TỤNG

Hộ xu: Ngược lại âm dưới xương cầu. Quách Phác cho rằng: cái the cài cánh cửa. Hàn Khang Bách cho rằng: xu là cái then cài cánh cửa chữ động chế ra. Quảng Nhã cho rằng: xu vốn là cánh cửa chuyển dời chỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh xu.

Tả đát: Ngược lại âm thả dạ. Bì Thương cho rằng: đát là cây thương cấm ngược xuống đất. Theo đây kiết đứng thẳng ấn xuống đầu gối bên phải cong lại mà thân hướng đến đầu gối bên phải trên, lần lần đến đầu gối bên trái, đầu hướng về bên trái, thân khom lại mà đứng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh thả.

Thượng ngạc: Ngược lại âm ngã các, văn trước kinh Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương đã giải thích đầy đủ rồi.

Phách khai: Ngược lại âm trên phanh mạch. Quảng Nhã cho rằng: phách là phân ra, tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: xé ra; chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

Sâu trịch: Ngược lại âm không trứu. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng ngón tay cong lại làm cái móc câu gãy đàn. Kinh văn viết chữ kháp nghĩa cào gãy, chữ thường hay dùng.

Liên tỏa: Ngược lại âm trên đoạt chiên. Theo Thanh loại cho rằng: liên là kết với nhau không dứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nối kết với nhau; chữ viết từ bộ nhĩ, tức là tai nối liền với gò má từ bộ ty là sợi to nối liền với nhau không dứt, ngược lại âm dưới tô quả.

Hám thủ: Ngược lại âm trên hàm cảm. Quảng Nhã cho rằng: cảm động. Sách Thuyết Văn cho rằng: lung lay; chữ viết từ bộ thủy thanh cảm.

****

KINH KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ KIM CANG TÁT ĐỎA NGŨ BÍ MẬT TU HÀNH NIỆM TỤNG NGHI QUỈ

Ư khỏa: Ngược lại âm nga hóa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: giữa hai bên xương đùi. Sách Khảo Thanh cho rằng: xương đùi trên, chữ viết từ đúng từ bộ quả đến bộ cốt viết thành chữ khóa, cũng có viết từ bộ nhục viết thành chữ khóa văn thường hay dùng.

Tương trụ: Ngược lại âm chu củ. Tục tự viết chữ đúng hợp chữ trụ

này.

Bần quĩ: Ngược lại âm lục vị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quĩ là cạn kiệt, hết sạch. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quĩ là thiếu thốn nghèo khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phương thanh quí.

****

KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA LÝ XU, ĐẠI LẠC BẤT KHÔNG TAM MUỘI CHƠN THẬT, KIM CANG TÁT ĐỎA BỒ TÁT ĐẲNG NHẤT THẬP THẤT ĐẠI MẠN TRÀ LA NGHĨA THUẬT

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH KIM CANG VƯƠNG BỒ TÁT BÍ MẬT NIỆM TỤNG NGHI QUỈ

Niết thủ: Ngược lại âm trên niệm dũ. Theo Thanh Loại cho rằng: niết là vo tròn lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh niệm.

Tân phân: Ngược lại âm trên thất tân, ngược lại âm dưới là phù vân. Quảng Nhã cho rằng: tân là nhiều đầy rẫy, phân là rối loạn, lộn xộn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tân phân là nhiều, tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ mịch thanh tân phân.

Văn cung: Âm trên là vãn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: vãn là kéo dây cung, chữ viết từ bộ thủy thanh vãn hoặc là viết chữ vãn này cũng đồng nghĩa.

****

PHÁP KIM CANG ÁI DU GIÀ

(Không có chữ có giải thích âm.)

****

PHÁP KIM CANG ĐẢNH KINH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG

Tương trụ: Ngược lại âm tri củ. Kinh văn viết chữ trụ này là chẳng phải.

Ngưu tự: Tiếng trong ngực cổ họng giống như con hổ nỗi giận gầm gừ, hoặc là giống như bò rống.

Đát la: Hai âm hợp lại đọc.

Trá: Đây là hai âm chữ Phạm tưởng bố trong hai con mắt.

Tam xế: Ngược lại âm dưới xiển chiết. Sách Khảo Thanh cho rằng: đốn ngã lôi kéo.

Diên xúc: Ngược lại âm sở lục. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: súc là gom lại. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: súc là hết, thối lui, chùn bước.

Yểm trâm: Hai chữ Phạn là rãi khắp nơi hai đầu ngón tay trên mặt.

Đốt lộng: Hai âm hợp là tên của chủng tử Đa-la Bồ tát.

****

PHÁP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT NIỆM TỤNG

Cụ ma di: tiếng Phạn, tức là phân trâu bò. Sở dĩ còn tồn tại tiếng Phạn đó là trách hiềm nghi. Lấy nước thơm hòa trộn với đất bùn. Đây là dạy ứng pháp.

****

KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUẬN DU KỲ PHÁP

Khỏa hấc: Cũng viết chữ khỏa, ngược lại âm hoa khỏa, âm đúng là lô quả. Cố Dã Vương cho rằng: khỏa là cởi áo để lộ vai ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khỏa cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ y thanh quả.

Nhược: Ngược lại âm từ lạc, mượn âm dùng.

Xưng hám: Ngược lại âm mạc cảm, âm hưởng tiếng Phạn.

Huỳnh như: Ngược lại âm trên huỳnh minh, chữ viết đúng là từ bộ kim viết thành chữ huỳnh. Kinh văn viết từ bộ ngọc văn thường hay dùng.

****

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Lăng nghiêm: Ngược lại âm trên lạc đăng. Tự Thư cho rằng: chữ viết đúng là lăng này, từ bộ mộc thanh lăng. Nay trong kinh văn viết chữ lăng tục dùng lâu đời, âm lăng là âm lang.

Tinh táo: ngược lại âm trên tích đinh, ngược lại âm dưới trữu đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: mùi tanh của thịt heo sống. Hai chữ đều từ bộ nhục thanh tinh táo, âm táo ngược lại âm tô đáo.

Giao cấu: Ngược lại âm câu hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cấu là dùng liên hệ với nhau mà thành, che đậy, cấu kết với nhau, chống đỡ. Thanh gia chữ viết từ bộ mộc thanh cấu. Kinh văn viết chữ cấu này cùng với nghĩa khác lạ, âm cấu đồng với âm trên.

Dục nghiên: ngược lại âm khiết kiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là nên cứ xét, nghiên cứu, tìm kiếm; chữ viết từ bộ thạch thanh biện âm biện là âm khiên.

Hộ dũ: Ngược lại âm do cữu. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyên qua vách tường có song chấn giao nhau là cửa sổ, nói rộng ra cho rằng: chữ bổ trên có bộ nhựt, chẳng phải cửa, chữ dũ chỗ gọi là cửa sổ nhìn ra thấy mặt trời. Chữ viết từ bộ phiến đến bộ hộ thanh bổ.

Khai hoát: Ngược lại âm hoan quát. Quảng Nhã cho rằng: hoát là cái hang trống rỗng. Tự Thư cho rằng: mở rộng lớn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cốc, thanh hại cùng với chữ tạng cũng đồng.

Viễn chúc: Ngược lại âm chi dục. Kinh văn viết chúc cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Khiếu huyệt: Ngược lại âm trên khải thao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: khiếu là lỗ hỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: trống rỗng; chữ viết từ bộ huyệt thanh khiếu.

Chất nhứt chỉ: Ngược lại âm trên trân lật, ngược lại âm dưới chỉ di. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ chỉ là nói thân thể con người có bốn phần. Cố Dã Vương cho rằng: hai tay hay chân. Sách Hàn Anh nói rằng: tứ chi là lấy hợp với bốn thời; chữ viết từ bộ nhục thanh chỉ cũng viết chữ chi nghĩa đều đồng.

Huy điển: Ngược lại âm trên huyết quy. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: huy là phế bỏ. Sách Phương Ngôn cho rằng: hủy hoại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằn: phá hủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoại; chữ viết tu bộ phụ thanh huy. Kinh văn viết chữ huy này chữ thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là điền điển. Sách Vận

Thuyên cho rằng: tàn hại, tận diệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: tận dứt hết; chữ viết từ bộ ngạc đến bộ điển.

Quắc nhiên: Ngược lại âm trên câu quặc. Cố Dã Vương cho rằng: quắc là do sợ, kinh sợ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong lòng kinh sợ. Sách Thuyết Văn từ bộ tuy đến bộ cụ đến bộ hựu viết thành chữ quặc, âm cụ là âm cú, âm quặc là âm hoắc.

Sủy ma: Ngược lại âm trên sơ ủy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đoán lường chiều cao thấp gọi là sủy. Cố Dã Vương cho rằng: đo lường, đoán. Sách Thuyết Văn cho rằng: đo lường. Chữ viết từ bộ thanh đoan, âm đoan là âm đoan.

Hoãng dực: Ngược lại âm trên là hoàng quảng, ngược lại âm do lục.

Sắc như: Ngược lại âm trên hứa lực. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: màu đỏ. Thống Tự cho rằng: nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ xích thanh sắc.

Xúc trang: Ngược lại âm trên xương lục. Sách Phương Ngôn cho rằng: xúc động. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: xúc là dày đặc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: xúc là bắt đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tô điểm cho tốt lành, chữ viết từ bộ nhơn thanh xúc, ngược lại âm dưới trang.

Tả phan: Ngược lại âm pham mạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: phan là nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viếttừ bộ mục thanh biện âm biện, ngược lại âm bì miễn.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 2

Tỳ la để tử: Ngược lại âm trên đinh hề tên của ngoại đạo.

Phu thấu: Ngược lại âm trên phủ vô, ngược lại âm dưới thô đậu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: khoảng lớp da bên trong và cơ bắp. Thống Tự cho rằng: cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ nhục thanh thấu.

Diện trứu: Ngược lại âm trang sưu, chữ viết từ bộ bì đến bộ sơ, gọi là da nhăn lại.

Tồ lạc: Ngược lại âm tợ hồ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tồ là người đã qua đời. Sách Thuyết Văn cho rằng: đã chết; chữ viết từ bộ ngạc thanh

thư, ngược lại âm dưới lăng các. Tự Thư cho rằng: lạc là vụn vặn, cũng là qua đời. Theo qua đời, nay thông dụng viết chữ lạc nghĩa cũng đồng, âm ngạc ngược lại âm ngôn cát.

Trừng mông: Ngược lại âm trên trừng mạch. Bì Thương cho rằng: trừng là ngó thẳng. Sách Khảo Thanh cho rằng: xoay chuyển mà nhìn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ mục, thanh đăng, ngược lại âm dưới mặc băng. Sách Thuyết Văn cho rằng: mông là không thấy rõ, chữ viết từ bộ mục đến bộ huyễn. Bổn kinh viết từ bộ nhựt viết thành chữ mong là chẳng phải, âm mạch, ngược lại âm lực chứng, âm huyễn ngược lại âm hồ huyền.

Mục tinh: Vốn viết từ bộ mục viết thành chữ tinh là chiếu tinh, là tinh thể của con mắt, âm chiếu là âm chiểu âm, tinh là âm tinh.

Manh bột: Ngược lại âm trên dĩnh anh. Ngược lại âm dưới bồn một đều là tên của biển.

Uất bột: Ngược lại âm trên huy luật, ngược lại âm dưới một. Sách Khảo Thanh cho rằng: bụi trần, kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ bộ là chẳng phải.

Chiêm vũ: Âm trên là diêm âm dưới là vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vũ là nhỏ hơn xây quanh nhà lớn, cũng là nhà chính dưới bao quanh (T586)nhà nhỏ; chữ viết từ bộ nghiễm thanh vô.

Thư súc: Ngược lại âm trên thức dủ, ngược lại âm dưới sưu lục.

Tiêm hào: Ngược lại âm trên tức liêm, ngược lại âm dưới hộ lao.

Quan thật: Ngược lại âm trên không giác.

Biến chiếp: Ngược lại âm trên chiêm diệp. Sách Tiểu Nhã cho rằng: chiếp là sợ hãi. Sách văn Tự Điển nói rằng: chiếp là sợ hãi, khiếp sợ; chữ viết từ bộ thanh tập.

Khinh tiên: Ngược lại âm tiên tiển, viết đúng là chữ tiên.

Kiên minh: Ngược lại âm trên kinh diên. Sách Khảo Thanh cho rằng: chân xét biết, soi xét phân biệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngỏa thanh chân.

Toát ma: Ngược lại âm trên thương tướng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tay nắm tay, giữ lấy, tóm lấy; chữ viết từ bộ thủ.

Xích sảnh: Ngược lại âm sanh hạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh sinh vảy trong con mắt; chữ viết từ bộ mục thanh sanh.

Niết sổ: Ngược lại âm trên nãi kiết. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ấn, đè, nén; chữ viết từ bộ thủ thanh niết âm niết đồng với âm trên, chữ viết tư bộ đến bộ thổ.

Vựng đích: Âm trên là vận.

Bộ quyết: Ngược lại âm trên bội bối, ngược lại âm dưới cổ huyệt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quyết cũng giống như cái vòng mà thiếu không liên kết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh quyết.

Hồng nghê: Âm trên là hồng, âm dưới là nghệ kê. Sách Hán Thư âm nghĩa nói rằng: hồng là xuất ra ánh sáng lớn mạnh khí thế mạnh mẽ là hùng mạnh cũng là hồng, ánh sáng tối tăm là thư thư là nghê. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầu vồng phía đông, hình trạng nó giống như loài côn trùng nên chữ viết từ bộ trùng, gọi là âm khí, chữ hình thanh. Kinh văn viết chữ nghê này là chẳng phải.

Quai giác: Trên đúng là chữ quai dưới là chữ giác.

Sáp hoạt: Ngược lại âm trên sở lập, chữ chánh thể từ bốn bộ chỉ, hai chữ đúng là đảo ngược lại. Tục viết chữ sáp là chẳng phải, ngược lại âm dưới hoàn bát.

Tư tháp: Ngược lại âm đàm lạp.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 3

Danh khứu: Ngược lại âm hưu hựu.

Để vẫn: Ngược lại âm trên thời nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng lưỡi liếm thức ăn, viết đúng là chữ dị từ bộ thiệt thanh dị, cũng viết chữ trì, ngược lại âm dưới là văn phân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vẫn là hai bên mép môi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bên mép miệng; chữ viết từ bộ khẩu thanh vật.

Nhiệt thử: Ngược lại âm trên nhuyễn duyệt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nhiệt là thiêu đốt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cũng đồng Tả Truyện; chữ viết từ bộ chấp thanh hỏa, cũng viết chữ nhiệt.

Bài tân: Ngược lại âm trên bại mai. Ngược lại âm dưới là tẫn tân, nghĩa đã giải thích rồi. Trong kinh Bảo Tinh.

Tích bỉ: Ngược lại âm trên tinh diệc. Kinh văn viết chữ tích này là chẳng phải.

Xuy thoán: Ngược lại âm thô loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước Tề gọi là xuy thoán; chữ viết từ bộ cữu giống như cầm giữ miệng bình, bộ cân giống như cái siêu bộ quynh giống như cái bếp bộ khẩu như

hay tay đẩy củi vào trong đốt lửa. Trụ văn viết chữ thoán chữ hội ý.

Ngải xuất: Ngược lại âm ngang cái.

Bất dung: Âm dung.

Huỳnh nhiên: Ngược lại âm trên y minh, cũng viết từ bộ kim viết thành chữ huỳnh.

Thước ca ra: Ngược lại âm trên thư dưới, tiếng Phạn. Đây gọi là tinh tấn.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 4

Linh ư: Ngược lại âm trên lịch kinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: linh là nghe, chữ viết từ bộ nhĩ thanh linh.

Châu đan: Ngược lại âm trên chi do, ngược lại âm dưới đản đan. Nhĩ Nhã cho rằng: cát theo nước chảy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh đan.

Thúc hữu: Ngược lại âm trên thi hữu, gọi là tạm thời có.

Kim khoáng: Ngược lại âm trảo mãnh cũng viết chữ quán.

Tề trừng: Ngược lại âm trên tề tế. Quách Phác cho rằng: người ở Nam dương gọi là mưa đã tạnh là tề. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đã dừng; chữ viết từ bộ vũ thanh tề.

Thành bái: Ngược lại âm mại bài. Sách Thuyết Văn cho rằng: bái là mưa gió mà đất sụp lỡ; chữ viết từ bộ vũ thanh ly, âm ly ngược lại âm lực chi.

Bát lạt: Ngược lại âm lan đát.

Khẳng khải: Ngược lại âm khê lễ.

Cổ tảng: Ngược lại âm tang lãng. Bì Thương cho rằng: tảng là cái trống sành. Tự Thư cho rằng: tảng là cái trống sành. Tự Thự cho rằng: cái trống bằng ván gỗ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: thân trống; chữ viết tù bộ cổ thanh tảng. Bổn kinh viết từ bộ hiệt viết thành chữ tảng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đồng chung: Ngược lại âm trên độc giang.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 5

Tạp nhu: Ngược lại âm trên nữu lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: nhu cũng là tạp, nghĩa là lộn xộn. Sách Thuyết Văn viết chữ nhu giải thích nghĩa cũng đồng trên chữ viết từ bộ mễ thanh sửu.

Tẩy dịch: Ngược lại âm trên tây lễ, viết đúng là chữ sái, ngược lại âm dưới đình lịch. Văn trước trong kinh Kim Quang Minh đã giải thích đầy đủ rồi.

Bảo kỷ: Âm kỷ.

Tập tích: Ngược lại âm trên xâm lập, ngược lại âm dưới tịnh dực.

Hoàn hội: Âm trên là hoàn, ngược lại âm dưới hồi ngoại. Quảng Nhã cho rằng: hoàn là con đường. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là cổng chợ búa. Hai chữ đều từ bộ môn, thanh hoàn hội.

Toàn phục: Ngược lại âm bằng phục. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước chảy ngược lại xoáy vòng, cũng viết chữ phục. Kinh văn viết chữ phục là chẳng phải sai lầm.

Ngỏa lịch: Âm lịch.

Cố miến: Ngược lại âm trên cố, ngược lại âm dưới miên kiến.

Tiệp lai: Ngược lại âm tiềm diệp đi mau, đi không dừng; chữ viết từ bộ túc. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ tiệp cũng là mau chóng; chữ viết từ bộ hưu đến bộ chỉ thanh triệt cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ tiệp tục dùng, âm triệt, ngược lại âm sửu liệt.

Văn nhuế: Âm trên là văn, ngược lại âm dưới nhi nhuệ.

Thu thu: Ngược lại âm tửu do.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 6

Lai xuế: Ngược lại âm xương nhuế. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: lông mịn, dệt thành áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông mao mịn của thú vật; chữ viết từ ba bộ mao âm kế ngược lại âm cư lệ.

Huyễn hoặc: Ngược lại âm dục nhuyễn.

Tì bại: Ngược lại âm trên tỳ di. Sách Thuyết Văn cho rằng: tỳ là tiếp trợ giúp, ích lợi, bổ ích; chữ viết từ bộ y thanh tỳ.

Trường ấp: Ngược lại âm y nhập. Theo chữ trường ấp là cung kính

lẫn nhau, hai tay cung mà đưa lên, lấy sự kính nhường, hoặc viết chữ tập.

Phệ tế: Ngược lại âm trên thời chế, âm dưới là tề. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phệ là cắn. Nói rằng: giống như người tự cắn cuốn rốn của mình, rốt cuộc không được, cũng như người nói dối, lừa bịp, trộm cắp thì nhân địa bó buộc câu thúc, mà lấy cầu Bồ đề, cũng như người cắn cuốn rốn không có thể thành tựu vậy.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 7

Phát huy: Ngược lại âm hủy vi.

Thảm tâm: Ngược lại âm trên trắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: thảm độc; chữ viết từ bộ tâm thanh tham. Kinh văn viết chữ thảm tục tư thường hay dùng.

Đăng mộng: Ngược lại âm trên đặng đăng, ngược lại âm dưới mặc băng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đăng mộng là tinh thần mơ hồ buồn bực, không sảng khoái. Tự Thư cho rằng: thất chí; chữ viết đều từ bộ đều thanh đăng mộng. Bổn kinh viết từ bộ mục viết thành chữ đăng âm trành, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hàm xuẩn: Ngược lại âm xuân duẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng bò, lút nhút; chữ viết từ bộ côn thanh xuân.

Khô tâm: Ngược lại âm trên khổ cô. Sách Khảo Thanh cho rằng: mổ con vật khoét trong ra, phanh ra. Kinh văn viết chữ khô văn thương hay dùng, âm phẩu ngược lại âm phổ khẩu.

Chuyển thuế: Ngược lại âm thức nhuệ, lột da con rắn ra, chữ viết bộ trùng thanh đoàn.

Khô cao: Ngược lại âm khô lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây chết khô; chữ viết từ bộ mộc thanh cao, cũng viết chữ cao mày.

Dĩ hà: Ngược lại âm hách da. Cố Dã Vương cho rằng: hà là con tôm cái đầu lớn hơn mình. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ từ bộ ngư thanh hà, loài thủy mẫu, phổi của nó giống như phổi người thường ở trong biển, không có con mắt. Con giã hà là con mắt nó giống như con tôm, thường nhảy lên trên, tức là đi, chẳng phải con hà mô tức con nhái.

Thổ kiêu: Ngược lại âm hiểu nhiêu. Loại chim tiếng kêu nghe

quái ác, thường ở gần mô đất, cho rằng giống đứa trẻ con. Sách Hoài Nam Tử thuật rằng: thùng đậu mái ngói, cái siêu, tiếng chim kêu nghe quái ác. Tục gọi là con chim bất hiếu. Theo kinh Thần Di nói rằng: giống chim bất hiếu thân giống như người, lông chó, có răng như heo. Trên trán có vân nên gọi là bất hiếu, dưới miệng cũng có vân, nên gọi là bất từ, không lòng từ bi, trên mũi có vân, nên gọi là bất đạo, bên trái phụ thêm có vân nên gọi là ái phu, phụ thêm bên phải có vân thích gần gũi đàn bà, cho nên trời ban cho lập gọi là giống chim quái lạ, lấy sự hiển bày trung hiếu e rằng tương loạn, cho nên chỉ (T587) nói ra là chim bất hiếu, người dịch e rằng có chỗ sai lầm mất.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 8

Để kỳ: Ngược lại âm trên thời nhĩ. Cố Dã Vương cho rằng: dùng lưỡi liếm thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ dị. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng viết chữ đà.

Thần vẫn: ngược lại âm trên thuận luân, ngược lại âm dưới văn phân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vẫn thần bên vành môi, mép môi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng; chữ viết từ bộ khẩu thanh vẫn.

Giác dẫn: Ngược lại âm dẫn tấn, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dẫn là kế thừa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tiếp nối theo. Sách Quốc ngữ cho rằng: dẫn đó là con cháu tiếp nối theo sanh sôi nảy nở, tiếp nối theo gọi là dẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con cháu tương tục tiếp nối theo sự nghiệp cha ông; chữ viết từ bộ nhục đến bộ bát, bát giống như trường kỳ nối nhau, thay nhau nối tiếp cũng giống như ràng buộc với nhau. Cổ văn viết chữ dẫn.

Sai ngộ: Ngược lại âm ngô cố. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ngộ là sai lầm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh ngộ.

Diễm huệ: Ngược lại âm diêm điếm.

Nhuyễn động: Ngược lại âm trên nhuận chuẫn.

Ái diên: Ngược lại âm trên hâm diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khiếm, gọi là nước dãi trong miệng; chữ viết từ bộ thủy thanh khiếm. Bổn kinh viết chữ diên là sai.

Cố miến: Ngược lại âm trên cô mộ. Ngược lại âm dưới miên hiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn nghiêng, liếc nhìn; chữ viết từ bộ mục thanh miến. Kinh văn viết chữ cố miến là văn thông dụng thường hay dùng.

Hùng nghị: Ngược lại âm nghi ký. Theo Tả Truyện ghi rằng: trí quả quyết gọi là nghị. Nghị là uy nghiêm không thể phạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: liều dối phẫn nộ, một gọi là quả quyết; chữ viết tứ bộ thù thanh nghị, âm nghi đồng với âm trên.

Thiết quyết: Ngược lại âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây trụ cột buộc trâu bò; chữ viết từ bộ mộc thanh quyết. Kinh văn viết chữ thuyên tục dùng là chọn lựa chữ để dùng.

Xà hủy: Ngược lại âm trên xả da. Ngược lại âm dưới huy vỹ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: người nước Hồ gọi hủy là con rắn mối. Cố Dã Vương cho rằng: nay cũng cho rằng: con rắn hổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài văn này trong vách đá, uống nước và ăn thịt các loài chim; chữ viết từ bộ ngột thanh trùng.

Đầu lịch: Âm lịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại đá vụn; chữ viết từ bộ thạch thanh lạc. Kinh văn viết chữ lịch này là chẳng phải.

Giáp trữ: Ngược lại âm trên hàm giáp, âm dưới chư lữ.

Nang bạc: Ngược lại âm nang lãng. Ngược lại âm dưới bàng mạc.

Phao toát: Ngược lại âm trên phách mao, ngược lại âm dưới toàn hoại.

Trậm tửu: Ngược lại âm trên trầm cấm. Quảng Nhã cho rằng: tên giống chim trậm. Quách Phác chú giải rằng: giống chim này lông nó màu xanh lục, cổ dài, mỏ đỏ, thường ăn thịt rắn, ở núi Nữ kỹ, lông nó có độc, lấy lông nó ngâm rượu uống vào là chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài chim độc, cũng gọi vận chuyển chuyên chở chất độc; chữ viết từ bộ điểu thanh chậm.

Thôi cúc: Ngược lại âm. Sách Văn Tự Điển nói rằng: xét hỏi kỹ càng tội phạm, nếu người có tội tất phải lột da; chữ viết từ bộ cách thanh cúc.

Độc hoát: Ngược lại âm hồ các cũng viết chữ hoát. Kinh văn viết chữ hoát văn thường hay dùng.

Niển khải: Ngược lại âm ni thiện. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ cập, ngược lại âm dưới ngô hội. Sách Thuyết văn: hiển là cối xay nghiền nát. Lỗ Ban lúc đầu viết chữ khải từ bộ thạch thanh khải.

Khứu báo: Ngược lại âm trên hưu hựu.

Vi nổi: Ngược lại âm nô tội, nghĩa là đói khát.

Vi trán: Ngược lại âm văn hiện. Sách Văn Tự Điển nói rằng: rách, sút đường may, may vá vào; chữ viết từ bộ mịch thanh định.

Sáp thực: Ngược lại âm trên cữu hạp, cũng viết chữ sáp.

Thương sóc: Ngược lại âm trên thất dương. Tục Tự viết đúng là chữ thương, ngược lại âm dưới song giác.

Diện hội: Ngược lại âm hồi nội. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: rò rỉ nước, vỡ đê nước chảy; chữ viết từ bộ thủy thanh hội.

Bạt quỉ: Ngược lại âm trên bàn mạt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bạt là thần hạn hán. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là thần hạn. Sách Chu Lễ cho rằng: vật ở trong nhà trên vách tường có vị thần mặt đỏ. Sách Thần Dị ghi rằng: ở phương Nam có người thân dài hai ba thước, thân trần mắt đỉnh đầu, đi lại như gió, nước nào thấy phải bị hạn, rực lửa ngàn dặm; chữ viết từ bộ quỉ thanh bạt.

Kỳ thừa: Ngược lại âm thừa đăng. Tục Tự viết đúng là chẩm dư.

Hấp túy: Ngược lại âm trên hâm cấp. Ngược lại âm dưới tuy túy. Sách Thuyết Văn cho rằng: không tạp dơ; chữ viết từ bộ mễ thanh túy.

Hải đảo: Ngược lại âm đao lão. Sách văn Tự Điển nói rằng: trong biển có nổi đảo có thể cư trú gọi là đảo; chữ viết từ bộ sơn thanh điểu.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 9

Bằng ỷ: Ngược lại âm trên bì băng. Sách Chu Thư nói rằng: bằng là chiếc ghế nhựa bằng ngọc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chiếc ghế để dựa vào; chữ viết từ bộ kỹ đến bộ nhậm. Kinh văn viết chữ bằng thông dụng thường hay dùng.

Thông hội: Ngược lại âm khôi lễ. Lại âm thối, hội là ngâm vào nước. Nay gọi là ngâm vào nước tẩy đi có màu sắc gọi là hội.

Ấn phách: Ngược lại âm trên chân nhẫn. Sách Chu Dịch cho rằng: trấn động. Công Dương Truyện cho rằng: trấn đó là động đất nơi nào đó. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiếng sấm sét. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ thanh chấn. Kinh văn viết chữ chấn cũng thông dụng, ngược lại âm dưới lạc cách, chữ chánh thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: phác là nứt ra; chữ viết từ bộ thổ thanh phách. Kinh văn

viết chữ sách tục dùng thông dụng.

Kinh chiếp: Ngược lại âm trên chiêm thiệp, sợ hãi.

Nhiêu hối: Ngược lại âm như tiêu, ngược lại âm dưới hội lôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiêu hối đều là trong bụng có giun kim, hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh nhiêu hữu, cũng viết chữ vưu kinh văn viết chữ hồi là chẳng phải.

Mị ngôn: Ngược lại âm trên ngư duệ. Theo Thanh loại cho rằng: mỵ là không hiểu biết nói dối. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói không rõ ràng; chữ từ bộ mị tĩnh lược bớt thanh mị.

Biện tích: Ngược lại âm tinh diệc. Kinh văn viết chữ chiết là sai.

Kiết lộ: Ngược lại âm trên cư kiệt. Bao chuế chú giải sách Luận ngữ rằng: bới móc, công kích lầm lỗi, chuyện riêng tư của người khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: cho phép cùng nhau trách tội, chỉ lỗi cho nhau; chữ viết từ bộ ngôn thanh can.

Ổi môi: Ngược lại âm trên ô khôi. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ổi là tạp loạn, ngược lại âm dưới tiên liệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: môi là khinh lờn. Sách Phương Ngôn cho rằng: đùa cợt, bởn cợt, cười đùa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khinh khi; chữ viết từ bộ nữ thanh môi âm độc là âm độc.

Bạc thực: Ngược lại âm thừa chức. Sách Xuân Thu cho rằng: mặt trời bị che khuất có sự hủy hoại, làm tổn thương. Đỗ Dự chú giải rằng: mặt trời đi chậm, một năm, có một chu kỳ ngày, tháng đi mau, một tháng có một chu kỳ, một năm có một ngày, phàm mười hai năm giao hội một lần, nên mặt trời, mặt trăng, mới hành động. Tuy nhiên có sự tính toán đo lường mà không thể không có nhỏ lại mà tròn đầy, co rút lại. Giao hội mà không tổn thương đó là có nhiều lần, giao hội rồi, mà có tổn thương đó chỉ có thánh dương. Người quân tử cho điều này là xấu ác, cho nên thay thế bằng cách đánh trống dùng vải the che lại để xua tan đi, người ta gọi đó nhựt thực, nguyệt thực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ thực thanh thực.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH
QUYỂN 10

Tất đàn: Âm đan Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hết tận sách Thuyết Văn cho rằng: hết sức lực, chữ viết từ bộ ngạt thanh

đan.

Dực dực: Ngược lại âm tầm tập.

Loan hoàn: Ngược lại âm trên súc quan, âm dưới là hoàn. Sách Khảo Thanh cho rằng: eo biển chỗ nước chảy siết. Theo ý kinh chữ loan hoàn giống như nước chảy siết. Theo ý kinh chữ loan hoàn giống nước chảy xoáy vòng tròn.

Tuần hoàn: Âm trên tuần âm dưới là hoàn, nghĩa cũng đồng trên. Kinh văn viết chữ tuần, cũng thông dụng.

Hôn mông: Ngược lại âm mặc đăng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: mông là buồn rầu ảm đạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: mờ tối không sáng rõ; chữ viết từ bộ mục đến bộ huyễn, âm huyễn nghĩa là con mắt nháy nhiều lần, âm huyễn là âm huyền.

Thâm nghiệt: Ngược lại âm ngôn yết, viết đúng là chữ nghiệt này. Sách Khảo Thanh cho rằng: yêu nghiệt, tai ương.

Chi kỳ: Âm chi, âm dưới là kỳ. Quách Phác cho rằng: kỳ là con đường rẽ ra một bên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: nghĩa cũng đồng; chữ viết từ bộ sơn thanh chi. kinh văn viết chữ kỳ này là sai.

Thốt nhiên: Ngược lại âm trên thâu dục.

Huy liệt: Ngược lại âm trên huyết quy, viết đúng là chữ huy này, văn trước quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Bà trá tản ni: Âm trá ngược lại âm trắc da, ngược lại âm dưới là tiên tiến.

Sĩ phách: Ngược lại âm trên trì lý. Sách Thuyết Văn cho rằng: sĩ là đoạt lấy; chữ viết từ bộ y thanh sỉ.

Dung trứu: Ngược lại âm trưu hựu. kinh văn viết chữ trứu thông dụng thường hay dùng.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Đới đề: Ngược lại âm tương thừa, âm dưới đa đạt.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐÀ LA NI
QUYỂN 2

Động tha: Văn cổ viết chữ động này cũng đồng, ngược lại âm đồ đổng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dao động, làm dao động. Kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ động này là chẳng phải.

Sất kha: Ngược lại âm xỉ dật. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: la lớn tiếng quát mắng gọi là sất. Sách Lễ Ký cho rằng: trước tôn trọng khách thì không có quát mắng chó.

Phát dữ: Ngược lại âm dực chư. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dữ là ta, ngã. Theo chữ này cũng là chữ dư này đồng nghĩa.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐÀ LA NI
QUYỂN 3

Nhược kiều: Ngược lại âm cự tiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiều là cao. Quảng Nhã cho rằng: kiều là có tài. Lâm Tự cho rằng: kiều là có tài. Lâm Tự cho rằng: khách trọ gọi là kiều, viết chữ kiều. Quảng Nhã cho rằng: người khách trọ ở nhờ làng khác.

Đơn phùng: Ngược lại âm phò phong. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy cây kim may áo. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phùng là chẳng phải.

Khoa đấu: Ngược lại âm khổ hòa. Một tên khác nữa là hoạt đông cũng là tên khóa đông. Quách Phác cho rằng: tức là con hà mô là con ểnh ương, âm khóa ngược lại âm khổ quả.

Hiếu hạt: trước không có giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐÀ LA NI
QUYỂN 4

Tư lợi: Ngược lại âm dược sư. Kinh văn viết chữ tật lợi đều chẳng phải. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: viết chữ tật lợi tức là con dế, con bò (T588)cạp, có thể ăn con rắn, săn rắn.

Lỗi mộc: Ngược lại âm tức đối là khúc gỗ cong làm cán lưỡi cày ruộng.

KINH THẤT PHẬT THẦN CHÚ
QUYỂN 1

Lâm lâm: Ngược lại âm hứa lưu hứa chủ hai âm. Theo chữ nghĩa là tiếng than thở đau buồn áo não.

Ngũ hổn: Ngược lại âm hồ côn, gọi là ngũ thược, hỗn loạn loạn cũng giống như dơ uế, cũng giống như tiếng nước chảy.

Hoàng dưỡng: Ngược lại âm hồ quảng, âm dưới là dưỡng. Sách Sở Từ ghi rằng: hoàng dưỡng là cái ao không thể mang tới. Vương Dật cho rằng: hoàng dưỡng là giống như nước chảy cuồn cuộn, ào ào. Kinh văn viết chữ tiên, âm quang là chẳng phải.

Khảm khảm: Ngược lại âm sở lực. Văn thông dụng cho rằng: lo sợ nhỏ, gọi là khảm. Bì Thương cho rằng: khảm, sợ hãi, lo sợ; chữ viết từ bộ khảm. Kinh văn viết chữ là chẳng phải thể chữ.

Mục trụ: Ngược lại âm khưu cổ.

Chế minh: Ngược lại âm nô định.

Y mông: Ngược lại âm mạc băng.

Tất địa: Ngược lại âm phò tất.

Mục đế: Âm tha tế.

Hồ lợi: Ngược lại âm hô cô.

Xỉ chỉ: Ngược lại âm khưu cổ.

Đản ni: Ngược lại âm nãi lễ.

Tháp bà: Ngược lại âm sở hạp.

Đà dương: Ngược lại âm di chỉ.

A-di: Ngược lại âm sung chi.

Si cấm: Ngược lại âm cự cẩm.

KINH THẤT PHẬT THẦN CHÚ
QUYỂN 2

Khiên cữu: Cổ văn viết chữ khiên, hai chữ tượng hình. Trụ văn viết khiển. Nay viết chữ khiên này cũng đồng, ngược lại âm khứ liên. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiên là có tội lỗi, cũng là mắc lỗi lầm, cữu là có tội.

Phú tuất: Lại viết tuất ngược lại âm tu luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tuất là lo buồn, cũng là lo lắng; cho rằng: lấy tài vật giúp đỡ, cứu

tế cho người gọi là chẩn tuất.

Lạo tiếp: Ngược lại âm lộc cao, gọi là móc lấy vật, giữ lấy vật, văn thông cho rằng: mò vật dưới đáy nước gọi là lạo. Kinh văn viết chữ lao, lao là kiên cố chắc chắn.

Lạo tiếp: Ngược lại âm lộc cao, gọi là móc lấy vật, giữ lấy vật. Văn thông dụng cho rằng: mò vật dưới đáy nước gọi là lạo. Kinh văn viết chữ lao, lao là kiên cố chắc chắn. Lạo là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tha ma: Ngược lại âm thương. Dựa theo chữ tha tha na là suy đoán am na.

KINH THẤT PHẬT THẦN CHÚ
QUYỂN 3

Cúc dục: Lại viết chữ cúc này cũng đồng, ngược lại âm cư lục. Sách Thuyết Văn cho rằng: cúc là gom lấy. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mẹ đã nuôi ta. Theo truyện cho rằng: cúc là nuôi dưỡng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Trần Sở gọi nuôi dưỡng là cúc.

Cổ lịch: Ngược lại âm trên công hộ, âm dưới lực đích. Tam Thương cho rằng: cổ lịch cũng gọi là con đê đực thiến.

Hao loạn: Ngược lại âm thổ đao, gọi là tham tài vật gọi là hao, hao cũng là tham. Sách Thuyết Văn cho rằng: tục viết chữ đao là chẳng phải.

KINH THẤT PHẬT THẦN CHÚ
QUYỂN 4

Nghiễm nhiên: Ngược lại âm nghi liễm. Mao Thi Truyện cho rằng: to lớn là nghiễm. Theo truyện cho rằng: nghiễm là trang nghiêm kính cẩn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nghiễm là cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiễm là tốt đẹp.

Dị chi: Ngược lại âm tô muộn. Văn thông dụng cho rằng: nước trong chậu tràn ra gọi là di. Bì Thương cho rằng: bị vỡ đê. Kinh văn viết chữ tôn là chẳng phải.

Bạch hoàn: Ngược lại âm hoàn bản. HứaThận chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: gọi là con mắt bên trong bệnh có lớp da trắng ngăn che. Kinh văn viết chữ hoàn hoàn là giặt áo, chẳng phải chữ đây dùng.

Liêu hạng: Lại viết chữ cũng đồng, ngược lại âm cư mao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: liêu là bó thúc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: liêu bó buộc lại giết chết. Liêu tức là triền phược, tên gọi là sợi dây trói buộc.

Đố lạt: Ngược lại âm tha đạt âm dưới lạt đạt. Quảng Nhã cho rằng: đố lạt, tức là thuộc giống bò cạp. Kinh văn viết chữ lạt này là chẳng phải thể vậy.

Yểm cổ: Ngược lại âm ư diễm, ngược lại âm dưới cô hô. Sách Xuân Thu truyện cho rằng: mau như cổ độc, chất độc lan nhanh, hoặc là chẳng phải quỉ thì chẳng phải ăn, hoặc là lấy chú giải chẳng phải ăn, hoặc là lấy chú giải sách Tang Chí rằng: cổ hoặc là chất độc lan nhanh.

Úng tỵ: Nhất lộng. Bì Thương cho rằng: úng là mũi bệnh, nghẹt mũi, văn thông dụng nói rằng: nghẹt mũi, khịt mũi gọi là úng.

Đáp nhãn phương hạo: hai câu trên trước không giải thích âm.

Hầu tỳ: Ngược lại âm tỳ lợi. Bệnh ung thư bộc phát rất mau, nói là bệnh nơi yết hầu, giống như bị bế tắc.

****

KINH ĐẠI KIẾT NGHĨA CHÚ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tỵ hề: Ngược lại âm ô lễ.

Yên la: Ngược lại âm ư nhân.

Trà kiềm: Ngược lại âm kỳ diêm, tên của loài rồng.

Áo ni: Ngược lại âm ư lục.

Trí đế: Ngược lại âm tri lợi ngược lại âm dưới đồ kế.

Chiêm bà: Ngược lại âm thức lam.

Ma trác: Ngược lại âm lặc giác.

Phật đế: Ngược lại âm đồ đế.

Chu la: Ngược lại âm xỉ chu.

Chu lợi: Ngược lại âm trắc giao.

KINH ĐẠI KIẾT NGHĨA CHÚ
QUYỂN HẠ

Kỳ la: Lại viết kỳ cũng đồng, ngược lại âm hư kỳ cự chi hai âm, mang giày dép đi lên.

Luân tỵ: Ngược lại âm ngư yển. Văn thông dụng cho rằng: thong thả, thảnh thơi. Kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ nhan là chẳng phải.

Đam nhĩ: Ngược lại âm đinh lam. Sách Thuyết Văn cho rằng: tai rũ xuống. Kinh văn viết chữ đam ngược lại âm đô hàm nghĩa là tai to lớn.

San địa: Ngược lại âm sở gian.

San địa: Ngược lại âm tảng can.

Lan địa: Ngược lại âm lạc can.

La bị: Ngược lại âm bổ giới.

Đàm bể: Ngược lại âm đồ nam, ngược lại âm dưới bổ mễ.

Tỳ lê: Ngược lại âm phổ kế.

Kê mi: Ngược lại âm mạc khê.

Kha chí: ngược lại âm chi dật.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI TẠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Kiền liên: Ngược lại âm trên kiệt yên cùng với chữ càn cũng đồng, tức mục liên.

Tần lễ: Ngược lại âm lư qua. Bổn kinh viết chữ lễ, văn thông dụng thường hay dùng.

Tài xưng: Ngược lại âm trên tại lai. Cố Dã Vương cho rằng: tài cũng giống như siêng năng, giỏi có khả năng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh sàm, âm sàm ngược lại âm sĩ khâm.

Nuy tụy: Ngược lại âm trên ư quy, ngược lại âm dưới tình túy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nuy tụy là bệnh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bệnh không thể đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: nuy tụy hai chữ đều từ bộ tật đều thanh ủy tốt cũng viết chữ nuy tuy.

Kim đoàn: Ngược lại âm đọa hòa. Sách Khảo Thanh cho rằng: đá vây quanh cũng viết chữ họa.

Ngu lạc: Ngược lại âm trên. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngô

là mắc lỗi sai lầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh ngô. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ ngô, văn thường hay dùng.

Khiêu mạch: Ngược lại âm đồ tiêu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: trật chân, vấp ngã, cũng gọi là nhảy; chữ viết từ bộ túc thanh triệu. Ngược lại âm dưới manh bách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cởi ngựa; chữ viết từ bộ mã thanh mạc, hoặc là viết chữ mạch.

Ngẫu nhiên: Ngược lại âm trên ngũ cẩu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngẫu là gặp nhau. Quách Phác chú giải rằng: gặp trực tiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh ngẫu.

Tác mô: Ngược lại âm mạc bổ. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: mô là pháp tắc. Trịnh Huyền chú giải Lễ ký rằng: mô chỗ gọi là mẫu mực trong văn chương. Cố Dã Vương cho rằng: hình khuôn mẫu, lấy mẫu muc làm tượng trưng. Hoặc viết từ bộ thủ viết thành chữ mô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là phép tắc; chữ viết từ bộ mộc thanh mạc.

Thấu triệt: Ngược lại âm trên thâu lậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: làm cho thông suốt tới đây. Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh tú. Kinh văn viết chữ thấu tục dùng cũng thông dụng.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Biên soạn phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm.

QUYỂN 43

- Kinh Âm Văn Thù Bảo Tạng - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Văn Thù Thập Bát Thắng Huệ - một quyển.
- Pháp Văn Thù Biện Tài - một quyển - không.
- Pháp Văn Thù Văn Trì - một quyển - (Không có từ âm nghĩa) .
- Lục Môn Đà-la-ni - một quyển - (Không có từ âm nghĩa).
- Kinh Đuốc Tuệ - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Bạt Trừ tội chướng - một quyển.
- Kinh Đại Phổ Hiền - một quyển - Tuệ Lâm.
- A-di-đà Cổ Âm Thanh - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Kim Cương Khủng Bố Quán Tự Tại Tối Thắng tâm - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kim Cương Tạng Đại Phẩn Nộ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Vô Năng Thắng Minh Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Nhứt Thiết Công Đức Trang Nghiêm - một quyển - không.
- Pháp Hoan Hỷ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Pháp Hạ Lợi Mẫu - một quyển - Tuệ Lâm.
- Pháp Quỷ Tử Mẫu - một quyển - không.
- An Trạch Thần Chú - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Hộ Chư Đồng Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Lục Tự Đại Đà-la-ni - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tạo Tháp Công Đức - một quyển - không.
- Chư Phật Tâm Đà-la-ni - một quyển - không.
- Kinh Bát Danh Phổ Mật - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Bạt Tế Khổ Nạn - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Huyễn Sư Bạt-đà - một quyển - Tuệ Lâm.
- Đà-la-ni Tạp Tập - mười quyển - Tuệ Lâm.

- Kinh Hoa Thủ - mười ba quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Phật Danh - mười hai quyển - Huyền Ứng.
- Tam Kiếp Tam Thiên Phật Danh - ba quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Thiên Phật Nhân Duyên - một quyển - Tuệ Lâm. (Không có từ âm nghĩa)
- Kinh Thiên Ngũ Bách Phật Danh - tám quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Bất Tư Nghì Công Đức Hộ Niệm - hai quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Quán Phật Tam-muội - mười quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tăng Già Trá - bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Trang Nghiêm Tam-muội - ba quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Liên Hoa Diên - hai quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Viên Giác Liễu Nghĩa - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Đại Phương Tiện Báo Ân - mười quyển - Huyền Ứng.

* Ba mươi bảy kinh trên gồm một trăm quyển đồng âm với quyển này.

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI PHÁP BẢO TẠNG ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Toàn hoàn: ngược lại âm trên là tượng duyên. dẫn khởi chú thích trong Quốc ngữ rằng: chữ toàn giống như là khúc triết, quanh co, phức tạp. Chú thích rõ ràng hơn là từ chuyển Đổi. Hà Hư chú thích, nghĩa là công khai đi nhiễu. Trong văn nói giải thích rằng làchỉ huy chu toàn, nghĩa là từ nơi này đến nơi kia, chữ sơ là bước đi, là cái chân bước. Trong bổn kinh viết chữ sơ là tên của loại ngọc, dưới là âm hoàn. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: chữ là đi nhiễu quanh vậy. Âm sơ sớ.

Mâu phủ: Ngược lại âm trên mạc hậu. Chữ trong sách là loại binh khí. Trong văn nói viết chữ mâu là do làm ra binh xa dài hai trượng. Đây là chữ tượng hình. Văn cổ viết là mâu cũng viết chữ mâu này. Chữ dưới âm là phủ.

Ngõa lịch: Âm lịch. Trong văn nói gọi là lịch nghĩa là đá vụn, cũng từ bộ thạch thanh lạc. Trong bổn kinh viết chữ lịch này chẳng phải vậy.

Hấp thúc: Ngược lại âm trên là hư ấp. Trịnh Tiển giải thích trong kinh thi làchữ hấp là do dẫn hơi. Quảng Nhã giải thích rằng: uống vào. Cố Dã Vương gọi là hít thở vào. Trong văn nói giải thích rằng: hơi thở

bên trong ra vào từ bộ khẩu thanh cập. Ngược lại âm dưới là song giác. Thượng Hiệt biên soạn giải thích chữ thúc ẩm là uống. Trong văn nói giải thích, hít vào ngược lại là âm toàn sung từ bộ khiếm thanh thúc. Trong bổn kinh viết nĩ là chẳng phải vậy.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI SỞ THUYẾT THẬT BÁT THẮNG HUỆ

(Không có âm để giải thích.)

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT CẦU THÔNG MINH BIỆN TÀI ĐÀ LA NI

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH LỤC MÔN ĐÀ LA NI

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH ĐUỐC TUỆ ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Ê-thát: (nghĩa là một loại chim sống ngoài biển) chim hải âu. Ngược lại âm trên là ư kê.

Địa bề: Ngược lại âm dưới là bổ hề.

****

KINH PHẬT THUYẾT BẠT TRỪ TỘI CHƯỚNG CHÚ VƯƠNG

Huyền Ứng soạn.

Yết phiêu: Âm trên yết chuyển thiệt ngược lại âm dưới tỳ diệu.

Quý quý: ngược lại là âm phan mạt.

Thiêm ma dã: ngược lại âm trên thi diệm âm kế tiếp là mạc khả.

Mĩ na: ngược lại là âm mê bệ.

KINH ĐẠI PHỔ HIỀN ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tốn chi: ngược lại âm trên tôn thốn Bệ Thương giải thích: tốn phún sái nghĩa là phún nước lên vật. Cố Dã Vương giải thích nghĩa là miệng ngậm nước phun rãi. Chữ chánh xưa nay từ bộ thủy thanh tốn. Trong kinh viết chữ tôn chẳng phải chữ chánh thường hay dùng.

Lâm Quỷ: âm trên là lập trâm ngược lại là tên của con quỷ.

Cổ độc: âm trên cổ. Trịnh Huyền giải thích trong sách Chu Lễ rằng: chữ cổ là con vật làm bịnh hại người. Trong tự thư giải thích trong bụng có con sâu cổ, cũng gọi là trách mục quỷ. cũng là con sâu cổ. Nhĩ Nhã giải thích: cổ là độc hại. Khảo Thanh cho rằng: cổ là lừa dối người. Trong văn tự điển nói từ bộ trùng đến bộ mãnh âm mục nghĩa là cắn nhiễu hại vậy.

Ca trá: âm dưới trích giá ngược lại là tiếng Phạm hoặc là viết chữ trá.

****

KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Lãm kỷ: ngược lại âm trên lam cảm. Trong văn nói chữ lãm có nghĩa là cầm nắm, giữ lấy. Cũng từ bộ thủ thanh lãm cũng chữ lãm này.

****

KINH KIM CƯƠNG KHỦNG BỐ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TỐI THẮNG MINH VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Yểm thọ: ngược lại âm dưới là đao lão. Trịnh Chúng giải thích trong sách Chu Lễ rằng: cầu chúc gọi là thọ Trịnh Chúng cũng giải thích rằng: chữ thọ là nơi thiên địa thần linh. Giải thích bao gồm trong sách luận ngữ nghĩa là mời quỷ thần đến. Trong văn nói nghĩa là báo cáo sự việc cầu phúc, viết từ bộ ký thanh thọ. Lựu tức là cây lựu. Trong văn viết là âm đào yến, tức là cây đào vậy.

Chú trở: ngược lại âm trên là châu cứu. chữ chánh viết là châu. Nay cho rằng châu tháp đó là âm chữ thường hay dùng không thể cải

Đổi cho đúng được. Ngược lại âm dưới là trắc trợ. Trịnh Chúng giải thích trong sách Chu Lễ rằng: chữ trở nghĩa là chúc, khiến cho thôi bỏ việc làm ác. Khảo Thanh gọi là chú trớ nghĩa là mắng nhiếc. Trong văn nói từ bộ ngôn thanh thã cũng viết là thần hoặc viết là thệ. Lại cũng viết là hư. Trong văn kinh viết trở là chẳng phải vậy, âm thả tức chỉ rồi vậy.

Tảo quan: ngược lại âm trên là tử lão, âm dưới là quan lâu tức cái bình bằng đồng vậy.

Giác lạc: ngược lại âm lang các. Quách Phác giải thích: chữ là vây quanh là tiếng địa phương nghĩa là từ cửa đông mà nối giữa nước Hàn và nước Ngụy hoặc là liên lạc. Theo chữ giác lạc cũng tương đương với chữ xung ngẫu giác nghĩa là liên lạc khắp hang cùng ngõ hẻm. Trong văn nói viết từ bộ mịch thanh cát.

Tiên hành: nghĩa là xung phong đi trước âm xung mãnh.

Ôm tam điềm: ngược lại âm trên ôn khổn. Vận thuyên nghĩa là vật bên trong chính giữa có nước. Khảo Thanh cho rằng: trụ ngược lại dưới âm điêm kiêm.

Thuấn mục: nghĩa là nháy mắt, âm trên thi nhuận. Trong văn kinh viết thuấn chữ thường hay dùng.

Bồi: ngược lại âm ứng giảng.

Sàm việt: ngược lại âm trên sĩ, lam âm dưới việt chữ chánh là việt.

T.590

Phủ sóc: thời xưa gọi là binh khí có cán dài, âm trên phủ, âm dưới song giác. Ngược lại trong văn kinh viết chữ sóc này là chẳng phải.

Tâm hiếp: ngược lại âm hư, nghiệp cũng viết là.

Điên lại: ngược lại âm trên đinh niên, âm dưới lai đại. Chữ điên lại nghĩa bịnh điên cuồng vậy.

Nang nga: âm trên bao lang. Ngược lại âm dước ngược ca là tên chung của loài rồng.

Hàng liệt: nghĩa là xếp hàng ngay thẳng, âm trên hồ cương.

Quáng mạch: ngược lại âm trên công mãnh. Nghĩa là có một loại thực vật mọc rất nhiều năm, người ta gọi là lúa mạch, lúa mì.

Phong ngưu: Âm trên phong dã ngưu. Nghĩa là con trâu hoang dã (trâu rừng).

Cơ trữ: Ngược lại âm trừ lữ. tiếng địa phương gọi là dụng cụ để dệt vải. Trong văn nói nghĩa là nắm sợi chỉ, chữ viết từ bộ mộc thanh dự.

Lưu bối: Ngược lại là âm bôi khác. Cố Dã Vương gọi chữ bôi nghĩa là lão tiền bối nghĩa người đi trước. Tống Trung chú giải trong kinh Thái Huyền rằng: một loại binh khí. Thương Hiệt biên soạn giải thích là so sánh. Trong văn nói viết chữ bối từ bộ xa thanh phi.

Tử Kiềm: Ngược lại là âm công mãnh, cũng đồng với chữ khoảng nghĩa chất khoáng chất sắt.

Kiệt hạt: ngược lại là âm hà lạc. Trong sách Quốc ngữ gọi là dùng thiên nhãn nhìn thấy dòng nước đã khô cạn hết. Quảng Nhã giải thích rằng: cũng cạn hết. Trong văn nói viết từ bộ thủy thanh cố.

Tương trụ: ngược lại âm chu lâu. Trong kinh văn viết chữ trụ này chẳng phải vậy.

Hợp tộc: ngược lại là âm công lộc. Có nghĩa là tụ hợp nơi tòng lâm vậy.

****

KINH KIM CANG TẠNG ĐẠI PHẪN NỘ CHƠN NGÔN TẤT TẬT THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn.*

Nguyệt thực: ngược lại âm thời chức. Đỗ Tiên sinh chú giải trong sách Xuân Thu trái đất xoay vòng có một ngày đi chậm, suốt một năm có ngày tháng đi mau hơn, một vòng suốt một tháng. Ngày cùng với tháng là một năm, một năm là mười hai tháng, mặt trăng và mặt trời mới gặp nhau. Tuy nhiên gặp nhau mà không có xảy ra nguyệt thực, có một lượng lớn không thể không thiếu đi, vì vậy có nhiều khi rút ngắn lại thời gian. Cho nên tuy gặp nhau mà vẫn không xảy ra nguyệt thực, nên phải có nhiều lần gặp nhau mới có xảy ra nguyệt thực, đó là tháng chánh dương, cho nên người hiểu biết kiên kỵ, nên mới có việc lấy khăn che lại, dùng trống đánh lên cho tan đi nguyệt thực. Trong văn nói viết từ bộ trùng thanh thực, âm thực tự.

Tác quyết: ngược lại âm quyền nguyệt. Khảo Thanh gọi là dực nghĩa là cây cột để buộc trâu bò. Chữ chánh xưa nay là từ bộ mộc thanh quyết.

Đinh kỳ: ngược lại âm trên là đinh định.

Ô-tha-na-năng: ngược lại âm trên ô cổ cũng là âm yêu thương cá, cũng là âm na na ngã. Ngược lại âm dưới nải lãng. Nghĩa là tiếng Phạm.

Lăng nga: âm trên lăng thượng thanh, âm dưới ngược ca.

Diêu trung: ngược lại âm trên dư triêu. Trong văn nói gọi là lấy điện thiêu đốt gạch ngói, viết từ bộ huyệt thanh diêu.

Khôi Tẩn: ngược lại âm tần tấn tiếng địa phương, nghĩa là nhiều lửa. Đỗ Quyên chú giải trong tả truyện rằng: lửa nhiều thiêu đốt gỗ. Trong văn nói viết từ bộ hỏa thanh duật.

****

PHÁP ĐẠI UY ĐỨC VÔ NĂNG THẮNG

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH NHẤT THIẾT CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM VƯƠNG

(Không có âm chữ giải thích.)

****

PHÁP ĐẠI DƯỢC XOA NỮ HOAN HỶ MẪU TINH ÁI TỬ THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn.*

Sính bán chi ca: ngược lại âm trên là thất tinh. Cố Dã Vương giải thích rằng: người đại diện cho người con trai cưới vợ bắt buộc phải nạp lễ vật, vì vậy cho nên gọi là sính lễ. Nghi Khuê giải thích trong sách Chu Lễ, tức là đã bằng lòng. Trong văn nói viết từ bộ nữ thanh sính. Trong kinh văn viết chữ sính cũng là chữ thường hay dùng. Cũng viết chữ sính này từ bộ nhĩ thanh âm thất đinh. Chữ bán chi ca là tiếng Phạm.

Xu lệ: Ngược lại âm trên xương chu. Trong truyện Mao Thi giải thích rằng: sắc đẹp của người con gái, đây là tiếng địa phương. Có nghĩa là giữa nước Triệu, nước Ngụy thay thế yến tiệc là đem người con gái ra công hiến, thế là hai nước giao hảo tốt đẹp vậy. Trong văn nói có nghĩa là sắc đẹp của người con gái viết từ bộ nữ thanh chu. Ngược lại âm dưới là lê đế Quảng Nhã giải thích chữ lệ là tốt đẹp vậy. Trong văn nói viết từ bộ lộc thanh lương, âm đồng như trên, văn tự viết theo chữ triện.

Nhĩ đang: ngược lại âm dưới yến lang Ty Thương giải thích rằng: châu ngọc đeo đầy nơi tai, giải thích cái tên, nữ trang đeo tai. Thí Chu giải thích chữ đang là chữ chính xưa nay viết từ bộ thanh đang.

Bạch loa: ngược lại âm cổ qua. Trong bổn kinh viết chữ quả là chữ

hay thường dùng. Bạch loa: nghĩa là con tò vò.

Yêu ký: ngược lại âm trên y, liêu, âm dưới là kỳ y.

Phạ bố: nghĩa là sợ sệt ngược lại âm trên là phách bá.

Môn khổn: lại viết chữ khốn đồng với chữ khôn ngược lại âm ẩn.

Đao hoạch: ngược lại âm hoành mạch. Cố Dã Vương giải thích rằng: lấy mũi dao mà phá vật. Còn trong văn nói giải thích lấy cái dùi để vẽ. Viết từ bộ đao thanh chữ họa là vẽ vậy.

Ư táo: âm trên là tao đáo, ngược lại trong sách lễ ký gọi là nơi thờ cúng thổ địa. Chữ táo đó Trịnh Chúng chú giải là một vị thần nhỏ ở trong dân gian, xem xét việc cúng tế, nếu người mắc lỗi lầm nhỏ thì bị quở trách. Trong văn nói giải thích rằng là vị thần trông coi việc nấu nướng, bếp núc. Viết từ bộ huyệt thanh táo tỉnh cũng viết chữ táo văn thường hay dùng. Trong văn kinh viết táo chẳng phải vậy.

Xâm quặc: chữ chánh ở trên là xâm nghĩa là chiếm lấy, chữ dưới là âm yêu nhiêu.

Bịnh sùng: ngược lại âm tuy thúy chữ trong sách viết là quỷ thần là hại. Trong văn kinh viết chữ sùng là chẳng phải vậy.

Lậu tiết: ngược lại là âm tiên liệt. Quảng Nhã giải thích chữ tiết là tẩy rửa, Trịnh Tiển chú giải trong kinh thi rằng: phát ra ngoài, chữ chánh xưa nay viết từ bộ thủy thanh duệ. Trong văn kinh viết chữ tiết này, là chữ thường hay dùng.

Trí ninh: ngược lại là âm minh đình.

Điềm thúy: Nghĩa là rất ngọt giòn, ngược lại âm trên điệp khiêm âm dưới là thất tuế.

****

PHÁP HA LỊ ĐỂ MẪU CHƠN NGÔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Trách thủ: ngược lại âm trên tri cách. Quảng Nhã giải thích rằng: chữ trách là bày ra mở ra. Nghĩa là người nắm trong tay dự án rồi tuyên bố ra cho mọi người biết, lấy đầu ngón tay giữa chỉ ra số lượng hoạch định. Trong văn nói viết từ bộ thạch thanh kiệt, cũng viết chữ thác. Trong bổn kinh viết chữ kiệt này chẳng phải vậy.

Bì giao: âm giao.

Cam thúy: ngược lại âm thất tuế.

Át-ca: ngược lại âm là an các là tiếng Phạm.

Cổ nhủ: ngược lại âm trên cây hầu. Khảo Thanh gọi là lấy sữa,

Chữ chánh xưa nay của người nước Sở gọi chữ cổ là sửa chữ cổ viết từ chữ dương. thanh kiết hoặc là viết âm. Ngược lại là âm khổ giác ngược lại trong văn kinh viết chữ cấu chẳng phải nghĩa trong kinh này vậy.

Thai dựng: ngược lại âm trên tái lai âm dưới dăng tấng. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: bao hàm thật gọi là cái thai, người mang thai, kỳ thật là không phải thật. Quảng Nhã giải thích rằng cái thân mang thai trong văn nói gọi là hoài thai là mang đứa con trong bụng, viết từ bộ tử thanh nải hoặc là viết chữ dăng.

Giai xỉ: ngược lại âm trên là mai giai. Chữ chánh xưa nay viết từ rằng chữ giai là lau chùi, viết từ bộ thanh giai vậy.

Ôn tô: ngược lại âm trên ôn khổn. Vân Thuyên gọi là bên trong giữa vật có nước. Khảo Thanh gọi là trụ nghĩa cây cột. Trong văn nói viết từ bộ thủ thanh ôn.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUỶ TỬ MẪU

(Không có chữ âm giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT AN TRẠCH THẦN CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Khuy nhơn: ngược lại âm trên là khuê quy. Khảo Thanh gọi chữ khuy nghĩa là nhìn trộm. Trong văn nói viết từ bộ môn thanh quy cũng viết là khuy ngược lại là âm khuê khuyết khuê.

Nam nha: ngược lại âm nha giả. Quảng Nhã giải thích chữ nha là nơi làm răng giả. Trong văn nói gọi là vũ nghĩa là nhà lớn, viết từ bộ nghiễm thanh nha, âm vũ, võ.

Chi sương: ngược lại âm tưởng dương. Ty Thương giải thích rằng: chữ sương là cái chái của cái nhà. Nhỉ Nhã gọi là cái chái phía đông, phía tây của cái nhà, cũng gọi là cái miếu thờ, nhưng không gọi là tẩm. Nghĩa chỗ để nhà vua khi băng hà đưa vào lăng tẩm để thờ. Quách Phác giải thích hiệp thất có nghĩa nhà tiếp khách, chữ chánh xưa nay viết từ bộ nghiễm thanh tương.

Hỗn biên: ngược lại âm trên hồn khổn. Trong văn nói gọi là nhà xí (nhà vệ sinh) viết từ bộ vi bộ thỉ vi là rão thí là con lợn, như vậy nhốt con lợn trong chuồng. Trong bổn kinh viết chữ khổn trọc nghĩa là dơ đục

chẳng phải nghĩa của trong kinh, ngược lại âm vi thanh vi.

Quỷ lượng: âm trên hựu âm dưới lưỡng. Trong sách Quốc ngữ giải thích là thủy quái tức là con yêu tinh ở dưới nước. Hoài Nam Tử giải thích rằng: có một đứa trẻ ba tuổi tên Trạng Như họ Xích da đen mắt đỏ, móng đỏ tai dài, tóc dẹp chết dưới sông thành yêu quái. Trong văn nói viết là yên lưỡng gọi là tinh vật dưới sông, trên núi, viết từ bộ trùng hựu thanh lưỡng giai.

Nhiêu ngã: âm trên là ninh liễu. Lại trong văn nói gọi nhiêu hà nghĩa là khắc khổ, ác nghiệt. Một là não loạn, quấy rồi, làm trò đùa diễu cợt, viết từ thanh nhiêu bộ nữ hoặc là viết chữ niểu bởn cợt, âm niểu hà.

****

KINH HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ LA NI CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Huân hồ: ngược lại âm trên huân vận âm dưới hộ cô. Khảo Thanh gọi là tên ác điểu. Theo đây thuộc loại chim cưu lưu. Trong bổn kinh viết huân hồ chẳng phải vậy.

Bà quyền: ngược lại âm trên ba mã âm dưới quyện viên, chữ trong sách gọi chữ quyền là nắm trong tay. Trong văn nói viết từ bộ thủ thanh quyện tỉnh. Trong bổn kinh viết quyển là chẳng phải vậy.

Tự khiết: ngược lại là âm nghiên kiết. Trong văn nói gọi chữ khiết là cắn chặt, từ bộ xỉ thanh khuê âm khuê khẩu bát: cũng có Nghĩa là ấu niên bảy tám tuổi.

Mục khư: ngược lại âm khương ca.

Số ý: ngược lại âm trên song giác, âm dưới đồng anh giới. Trong văn nói giải thích là chữ ý là ăn no rồi ra nghĩ, viết từ bộ khẩu thanh ý.

Số tuế: âm trên uyển liệt Khảo Thanh gọi tuế là lấy ống tre thổi hơi trong cổ họng. Trong văn nói giải thích là hơi đi ngược lên, viết từ bộ khẩu thanh.

Nhiêu hại: ngược lại là âm ninh điểu. Trước đã giải thích rồi.

****

KINH PHẬT THUYẾT LỤC TỰ CHÚ VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Khư khu đà: ngược lại âm trung ô hầu là tiếng Phạm.

Sàng phu: ngược lại âm phổ bố. Khảo Thanh gọi phu nghĩa là bày ra, trải ra. Quảng Nhã giải thích rằng chữ bố là tấm vải. Trong văn nói giải thích dựng bày ra trước cửa, viết từ bộ kim thanh bổ. Trong bổn kinh viết chữ bố cũng là chuẩn vậy nhưng chẳng phải nghĩa kinh.

Bạch Điệp tiển: ngược lại là âm tiên tiển, cũng viết là tuyết nghĩa là đường dây. Trong bổn kinh viết là diên nghĩa là sợi dây kéo dài âm diên là chẳng phải nghĩa.

****

KINH PHẬT THUYẾT TẠO THÁP CÔNG ĐỨC

(Không có âm giải thích.)

****

KINH CHƯ PHẬT TÂM ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ngạc già: tiếng Phạm, ngạc già là tên của một con sông ở nước Tây Thiên Trúc. Âm trên là ngạc nghi là chữ thượng thanh chữ già là mượn âm ngược lại là âm kiêm già.

Hung bột: ngược lại âm trên là hư cung, âm dưới là bồn một. Cố Dã Vương giải thích rằng: chữ bột là bạo nghĩa là mạnh bạo, hung bạo. Thương Hiệt biên giải thích rằng: gấp gáp, vội vàng, hấp tấp. Quảng Nhã giải thích là đầy đủ, hưng thạnh. Khảo Thanh gọi là nổi giận. Trong văn nói nghĩa là sắp hàng, bày ra, viết từ bộ lực thanh bột.

****

KINH BÁT DANH PHỔ MẬT ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Thất-la-phiệt: âm phạt, tiếng Phạm, nghĩa tên của một thành.

Tạm tổn: ngược lại âm trên là tạp cảm. Đỗ Huyền chú giải trong tả truyện rằng: chữ thốt nghĩa là chạy nhanh, vội vàng. Trong văn nói thì chữ tạm là không lâu viết từ bộ nhật thanh tạm, âm tốt ngược lại là âm thương cốt.

****

KINH BẠT TẾ KHỔ NẠN ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Quỹ phạt: nghĩa thiếu thốn ngược lại âm trên là quý vị. Nghĩa đã giải thích trước năm bí mật trong kinh. Trong bổn kinh viết chữ quỹ này là chẳng phải vậy.

****

KINH HUYỄN SƯ BẠT ĐÀ SỞ THUYẾT THẦN CHÚ

Tuệ Lâm soạn.

Bạt-đà: ngược lại âm trên là bàn mạt là tiếng Phạm.

Chướng tế: ngược lại âm dưới ty tế Cố Dã Vương giải thích nghĩa là tối tăm không sáng tỏ. Quảng Nhã giải thích là ẩn. Trong văn nói viết từ bộ thảo thanh tế. Trong kinh văn viết chữ tế này là chẳng phải.

Cứu chi: ngược lại âm trên cưu hựu. Quảng Nhã giải thích chữ cứu là giống như trợ giúp, nghĩa là cùng nhau khởi lòng trợ giúp. Khảo Thanh gọi là viện trợ, chữ chánh xưa nay viết từ bộ chi thanh cầu. Trong kinh văn viết là chẳng phải, ngược lại âm phộc phổ mộc.

Tỏa giới: ngược lại âm trên là tô quả. Trong sách Hán thư âm nghĩa gọi là liên tỏa nghĩa là cần câu cá. Chữ chính xưa nay viết từ bộ kim thanh tỏa. Trong bổn kinh viết chữ tỏa có bộ ngọc cùng nghĩa trên, nghĩa là lặt vặt cùng với nghĩa trái, ngược lại âm dưới là hài giới. Trong văn nói viết chữ chất cốc nghĩa là gông cùm, từ bộ mộc thanh giới. Trong bổn kinh viết chữ hạch nghĩa hạt nhân là chẳng phải vậy.

****

ĐÀ LA NI TẠP TẬP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Uất chưng: ngược lại âm ư vật Nhĩ Nhã giải thích chữ uất, nghĩa là uất khí, chứa nhiều hơi. Lý Tuấn cho rằng: chứa hơi đầy tràn, âm sau là thắng thăng ? hai âm. Trong văn nói giải thích chữ chúng thuộc hỏa khí nghĩa là hơi nóng là bốc hơi lên. Nam Sơn gọi chữ chưng là cơ sở. Trụ Nhuận giải thích là nóng nhiệt, hơi nóng bốc lên. Trong kinh văn viết chữ chưng có nghĩa là dâng hơi nóng. Ngược lại Nhĩ Nhã giải thích chưng là nhiều là đẹp, nhưng chữ chưng chẳng phải nghĩa này.

Âm thắng nghĩa là hơn, ngược lại là âm chứng âm sở, trụ sở âm dưới bộ thạch.

Lâm lâm: ngược lại là âm hư lưu âm hứa trụ. Y theo chữ giải thích là tiếng rên la vì đau đớn vậy.

Hoáng dưỡng: ngược lại là âm hồ quảng. Sở từ giải thích chữ hoàng dưỡng nghĩa là chữ hoàng dưỡng là rộng lớn mênh mông, cuồn cuộn. Trong kinh văn giải thích quang dương là tên của một tỉnh Quảng đông Trung Quốc. Ngược lại âm cổ huỳnh. Ngược lại âm dưới tợ lương dĩ chương hai âm. Hai loại chữ tượng hình này nay đều không dùng vậy.

Nhủ lê: ngược lại là âm phữu vưu y theo chữ Ty Thương giải thích; nhũ là thổi hơi, thổi thanh khí.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 2

Quan tặc: ngược lại âm viết hầu. Trong sách Thượng thư giải thích rằng: chữ quan tặc nghĩa là kẻ trộm, kẻ gian đột nhập vào. Phạm Ninh Tập giải rằng: người nước ngoài tấn công vào cướp đoạt. Trong văn nói giải thích, nghĩa là hung bạo. Quảng Nhã giải thích quan sao nghĩa là sao chép, âm phiêu ngược lại âm phương diệu.

Tương bạc: ngược lại âm bổ mạc. Nhĩ Nhã giải thích rằng chữ bạc là mõng là bức bách vây quanh. Vi Triệu chú giải trong Hán thư rằng: chữ tức là hỏi ngược trở lại tức là bức hơi. Cũng gọi là bạc thực nghĩa là ăn ít. Trong văn kinh viết chữ quảng bác nghĩa là rộng nhiều lưu loát. Chữ bát là chẳng phải vậy.

Lục phủ: ngược lại âm phu tự. Quảng Nhã giải thích chữ phủ nghĩa là nhiều. Bạch Hổ Thông gọi là con người có lục phủ nghĩa là đại tràng, tiểu tràng bàng quan tỳ vị, tam tiêu, đởm (mật).

Tam tiêu: ngược lại âm tử diêu. Bạch Hổ Thông gọi lục phủ có tam tiêu, phủ của thận, thận làm chủ tam tiêu, thoải mái, cũng lấy nhiều tinh dịch tiết ra, chữ tiêu trên là chữ tiêu giống như sương mù chữ tiêu dưới là giống như giọt mưa rơi. Trong văn kinh viết chữ tiêu chữ thiêu là dư vậy, nghĩa chữ tiêu này chẳng phải vậy.

Nhứt tuyết: nay cũng viết chữ tiển. Lại viết chữ ty đông với chữ tư tiện là rẽ tiền, ngược lại nghĩa là sợi chỉ may áo.

Lạo tiếp: ngược lại âm lộc cao là tiếng địa phương. Chữ lạo nghĩa là lấy ra. Quách Phác giải thích chữ lạo câu nghĩa là cái móc câu giống như lưỡi liềm, chữ này là văn thường hay dùng. Thẩm Thủ gọi chữ lại có nghĩa là lấy ra. Trong văn kinh viết chữ kiên lạo có nghĩa là bền chắc vậy, chữ này chẳng phải nghĩa đây vậy.

Ma-sa: âm xoa lại viết ma-ma hai chữ tượng hình đồng ngược lại là âm mạc hà. Ngược lại âm dưới là tô hà. Thanh loại ma sa cũng giống là chữ môn mô có nghĩa là sờ mó, cũng viết là mạc sát nghĩa là sơn phết, lau chùi. Trong văn kinh viết tha lộc nghĩa là lau chùi, chữ tha chẳng phải nghĩa này, chữ mạc là âm mạc bát. Ngược lại là âm sát tô khác.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 3

Cúc dục: trong kinh thi gọi là mẫu hề cú ngã. Nghĩa là mẹ nuôi ta khôn lớn. Trong tả truyện gọi là cúc dưỡng nuôi dưỡng. Tiếng địa phương giữa đời trần nước Sở giải thích cúc và dưỡng. là nuôi, dưỡng là dạy. Lại chữ đồng với chữ cư ngược lại âm lục. Trong văn nói chữ cúc là bưng đồng với chữ toát là đơn vị trọng lượng vậy.

Thanh huỳnh: ngược lại là âm thích kinh nghĩa là màu sắc mặt trời mọc ở hướng đông. Nhĩ Nhã giải thích: màu xanh của vầng thái dương tràn đầy sức sống của mùa xuân. Chữ viết từ chữ đan màu đỏ từ chữ sanh nghĩa là mọc cây đan thanh màu đỏ tất nhiên người ta tin như vậy. Trong bổn kinh viết chữ thanh, ngược lại âm thả kiến. Lại viết chữ tinh chẳng phải này vậy.

Hạt giã: nghĩa là người mù, lại viết khác ngược lại là âm hồ hạt. Trong sách tự thư viết nhất mục nghĩa là hợp vậy.

Uông nhược: nay lại viết nghĩa đồng nghĩa là người gầy yếu, bịnh hoạn. Ngược lại âm ô hoàng. Chữ uông nhược văn hay thường dùng, cũng có nghĩa là ngắn, nhỏ, gọi là uông uông cũng là nhỏ bé vậy.

Dõng triết: nghĩa là chỉ người có trí huệ mạnh mẽ. Trong văn cổ viết chữ kiết. Trong sách lại viết, nay viết chữ triết cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm tri liệt. Nhĩ Nhã giải thích chữ triết là người có trí huệ. Trong sách Thượng thư gọi là người biết thì gọi là triết. Tiếng địa phương nghĩa là giữa đời nhà Tề nhà Tống, gọi trí là triết vậy.

Đôn dụ: Ngược lại là âm đô truân. Nhĩ Nhã giải thích chữ đôn miễn là thành thật, khuyên nhủ, nghĩa là khuyến khích, khuyên nhủ, lại chữ đôn cũng là bắt buộc. Trong văn kinh viết chữ thuần là chẳng phải vậy.

Kim bì: ngược lại là âm phổ bì. Trong văn nói thì có nghĩa là thầy thuốc, nghĩa là thầy thuốc dùng cây kim lớn để phá mụt ung nhọt vậy.

Hoắc nhiên: ngược lại là âm hồ quách, nghĩa là bỗng nhiên, chợt đến, tướng mạo gấp rút, nhanh chóng, vùn vụt. Chữ hoắc tán là tính nóng nảy. Trong văn kinh viết chữ hoắc này chẳng phải.

Hỗn chư: ngược lại là âm hồ khổn. Quảng Nhã giải thích chữ đồ khỗn là cái nhà xí (nhà vệ sinh). Trong văn kinh viết khổn khổn là nước đục vậy.

Tự vẫn: ngược lại là âm phẩn phần, văn thườnghay dùng chữ tự vẫn có nghĩa là tự cầm dao cắt cổ mình (tự sát). Trong Công Dương truyện giải thích công danh không toại nguyện nên tự vẫn. Xữ Hà Hưu gọi chữ vẫn là cắt cổ, âm đậu đậu cảnh chữ cảnh là cái cổ.

Gian thúy: ngược lại là âm cư hủy có nghĩa là không thật, chữ thủy là ác vậy, chữ húy khi là khinh thường vậy.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 4

Nặc huyền: ngược lại âm văn ất âm dưới đinh lễ.
Thân tha: ngược lại là âm thư nhơn.
Mục xí: ngược lại là âm khứ cổ.
Mục khư ngược lại là âm khưu giá.
Tác huyền: ngược lại âm đinh lễ.
A-tỷ: ngược lại âm âm ty lợi.
Xà phạt nghê quật: âm trên ất truy, âm dưới cầu vật.
Ni la: ngược lại âm nải lễ.
Phú ta phủ phù: ngược lại âm lâu quyết.
Thập: âm kế.
Phạt: ngược lại âm phù nguyệt.
Ni mo: lại viết âm đồng, âm mạc tảng.
Phan đà hề mo: ngược lại âm ở hề.
Di da - Tuẩn niết: ngược lại âm hồ biến.

Cận giả: ngược lại âm.

Huấn hồ: nghĩa là con chồn cũng gọi là huấn hầu là con khỉ, chữ trong sách viết cáp quát hộc dục, bồ câu, chim nhạn, chim yểng, ngỗng trời. Cũng gọi là loài chim quái dị. Trong văn kinh viết là bi hồ chẳng phải chánh thể vậy.

Âu thổ: nay viết cũng đồng nghĩa ngược lại âm ư khẩu, chữ âu thổ nghĩa là nôn mữa. Còn chữ âu âu là người gù lưng.

Tiên đà: ngược lại là âm khứ yên.

Bả quyền: ngược lại âm cự viên.

Bà huyền: ngược lại là âm đinh lễ.

Ý táp: ngược lại là âm ất giới, âm dưới ư nguyệt. Trong văn nói lại viết y bảo, nghĩa là ăn no rồi nên ra nghĩ chữ táp nghĩa là hơi đi ngược. Trong sách lễ ký giải thích nghĩa không dám sinh bịnh vậy.

Hy lợi: ngược lại âm hồ kỷ.

T. 592

La ni - Chất trí - ngược lại là âm chỉ thất.

Siểm bà: ngược lại là âm thức san.

Ca si: ngược lại âm tương ly.

Tỳ hy ngâm bà trí: ngược lại âm trừ trí.

Bi na: ngược lại âm phổ đa.

Già chi: ngược lại âm tiên nhĩ.

A phù: ngược lại âm phương bất. Trong kinh văn viết quý là chẳng phải.

Lê thê: ngược lại âm tha dĩnh.

Phệ quán: ngược lại âm lực tạm.

Thị ngâm ca bi: ngược lại âm tý di.

A phù: ngược lại trong kinh văn viết quý.

Bổ lẩu: âm trên bổ hồ âm dưới lặc khẩu.

Y phàm tấc kiếm bồ triết: ngược lại âm trắc hạt trắc hạt hai âm.

Ai lợi: ngược lại âm sự kỷ.

Si đạm: ngược lại âm đạt lãm.

Cư lộ: ngược lại âm đồ ngư.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 5

Nặc dã - di hạt - nam giá - nĩ dã - tuyệt ly: ngược lại âm thư chi.

Sử thác: ngược lại âm hiệp gia.

Ly đạm: ngược lại âm đồ cảm.

Hựu lô - đồ bi: ngược lại âm tý di.

Y âu: ngược lại âm mạc bàn.

Bào sa: ngược lại âm mãn giao.

Hề lam: ngược lại âm cổ can.

Hằng già ca lỗ lý thố - tu tu diễn đà: ngược lại là âm đồ ngã.

Tỏa la: ngược lại âm đài ngã.

Cứu chất: ngược lại là âm chư lật.

Đa già lưu hương: lại cũng viết là đa già lâu dịch là cây mộc hương, cây gỗ thơm, mà ngược lại không có mùi thơm. Đó là cây ba-lợi-ca hương.

Long não hương: có lời ghi lại rằng ở xứ Tây Vực, có loại cây tên yết-bố-la hương tùng ; thân cây của nó khi chở hoa và trái rất khác biệt. Lúc đầu hái xuống thì chưa có mùi thơm, sau khi phơi cây khô rồi chẻ ra mới có mùi thơm, hình trạng màu sắc giống như băng tuyết, có màu sanh đục, đây gọi là mùi thơm long não.

Bổ kỳ: ngược lại âm bốc cổ. Trong văn kinh viết bổ.

Hoa bì: ngược lại âm hồ bá, nghĩa tên của một loại cây, có thể dùng làm đồ trang sức cho người thợ săn.

Sản vận: ngược lại âm du quẩn. Văn thường hay dùng, nghĩa là loạn tâm, gọi là vận, trong văn kinh viết chuyển vận, nghĩa là vận chuyển đồ vật, cả hai đều thông dụng.

Thiệt túc: chữ trong sách viết là túc cũng đồng nghĩa. Trong sách lục Quốc ngữ viết doanh túc là sai lầm. Giả Quỳ gọi là túc thối, nghĩa là co rút lại. Trong văn kinh viết chữ túc này là chẳng phải.

A phủ: ngược lại âm bổ cố.

Vô a: ngược lại âm vũ vu.

Lặc thiện: ngược lại âm thị chiến.

Hỷ lê: ngược lại âm hư cơ.

Điện đậu út ca: ngược lại âm ư lục.

Khư Đà-la-ni quyết lợi minh: ngược lại âm nô định.

Hằng kiềm: ngược lại âm kỳ liêm.

Thực thùy: ngược lại âm thị duyên. Trong văn nói viết phán trúc

viên nghĩa là chỉ cây tre ra thành từng miếng tròn, rồi dùng sức bện lại thành vật dụng, giống như là vót cây chông; đây là ý đồ tổn hại.

Nam nha: ngược lại âm nhan giả. Quảng Nhã giải thích là cái nhà lớn, có nhiều gian, còn gọi là hành lang của nhà. Trong văn nói giải thích làđường hạ là cái nhà dưới để tiếp khách, chung quanh của nhà gọi là vũ nghĩa là lớn. Đây là giải thích tên “đại ốc” là nhà lớn, còn gọi là nơi yên tịnh thờ tổ tiên. Nghĩa là nhà lớn vậy, trong văn kinh viết nha là chẳng phải vậy.

Lan quyển: ngược lại âm cầu vãn. Trong văn nói giải thích là chuồng nuôi gia súc, cũng có nghĩa là cái hàng rào vậy.

Sĩ hoạn: ngược lại âm hồ xuyến. Trong tả truyện giải thích là hoạn khanh, là quan thái giám trong cung vua, lại chú giải rằng: lấy sĩ nghĩa là người có học, lại gọi là hoạn cũng là người có học vậy.

Lợi trá: ngược lại âm trúc giá.

Kiệt trù: ngược lại âm trực câu nghĩa là cái nhà bếp.

Lâm lâu: ngược lại âm lực hầu.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 6

Tỳ ma: ngược lại âm bố mê nghĩa là tên của một loại cỏ. Trong tập Lữ Tịnh, vận gọi cỏ tỳ ma mọc giống như cây lớn vậy.

Vấn chi: văn cổ đồng với chữ hôn nghĩa là lau chùi, cũng gọi là lau chùi bụi phấn.

Tác phạt kiền trá - bàn đàng: ngược lại âm đồ lãng.

Y mông tấc địa: ngược lại âm mãn tất.

Tú huyền bà hàm: ngược lại âm hồ ám.

Ba hống: ngược lại âm hồ cẩu.

Hổ ba: ngược lại âm đinh hề.

Chí đam: ngược lại âm hứa thi sữu nhất hai âm.

Bôn ning: âm bổ môn âm dưới nô định.

Tri mạt dốt trá: ngược lại âm đô cốt. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu là chẳng phải vậy.

Trương la: ngược lại âm bình lương.

Cuồng mị: ngược lại âm ngưu thế, văn thường hay dùng, nghĩa là nói trong lúc ngủ “nói sảng”. Thanh loại mị nghĩa không tỉnh giác, lời

nói không thật.

Kiền tri: ngược lại âm trực tri.

Chất trá: âm trên trúc lợi âm dước trúc giá.

Trá kỳ lợi: ngược lại âm cư nghi.

Đăng kỳ: ngược lại âm đinh đăng.

Hiệt lợi: ngược lại âm hô kiết.

Đán ni: ngược lại âm nải lễ.

Hy lý: ngược lại âm lực chi.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 7

Địch mộng: nghĩa là mộng du lại viết là nghi âm nghi sưu, nghĩa là là gió vi vu, ngược lại âm dưới mạc cống.

Tri ban chu đáo phu phù đề trí khư bề: ngược lại âm khương giá.

T.593

Ngoại mậu: ngược lại âm vũ quyết.

Hống bà: ngược lại âm hồ cống.

Lai ha: ngược lại lực đối lực duy hay âm.

Phan tha hề mang: ngược lại âm ngũ hề.

Miên na: văn cổ chữ di đồng nghĩa là đứng lặng nhìn mà không nói, ngược lại âm vực chi đại hề hai âm.

Thậm ty: ngược lại âm giả lâm.

A cước - hy lợi: ngược lại âm hồ kỷ hồ ký hai âm.

Thích dã: ngược lại âm lực khác.

Kỳ ám: ngược lại âm đinh lễ.

Hiệt phù: ngược lại âm hứa vương.

Tôn chi: ngược lại âm tô độn. Ty Thương giải thích là phun nước văn thường hay dùng, nghĩa cũng là ngậm nước phun gọi là tổn. Trong kinh văn viết chữ tôn cũng là văn thường hay dùng.

Bạch hoàn: ngược lại âm hoàn sạn. xem chú giải của Hứa Thận, Hoài Nam từ gọi là độc hoàn nghĩa là trong con mắt cho chút bịnh. Trong văn kinh viết chữ hoàn này là chẳng phải vậy.

Tỏa quỷ: ngược lại âm tại qua. Trong văn nói giải thích là bịnh phù thủng. Nghĩa là bịnh ung nhọt. Trong văn kinh viết chữ tọa là chẳng phải vậy.

Ma quỷ: ngược lại âm lực châm. Trong văn nói giải thích, bộ phận đại tiểu tiện có bịnh. Trong văn kinh viết lâm lâm lậu nghĩa là nước rỉ ra, chữ lâm chẳng phải thể vậy.

Vi đồng: ngược lại âm đải công nghĩa là mấy cái ống tre xanh. Quách Phác giải thích gọi là ống tre. Trong văn nói gọi là chẽ ống tre ra, nay lại viết chữ đồng cũng là ống tre. Trong văn kinh viết từ bộ viết thành chữ thùng nghĩa là cây ở giữa cỏ cổ, ngược lại là âm đăng tha lãng, cũng có nghĩa cây gỗ sơn, hùng sơn có thể dùng đựng thức ăn chữ thùng đây chẳng dùng.

Tâm đỉnh: ngược lại âm lực kim. Trong văn nói giải thích là lấy nước rãi lên. Quảng Nhã giải thích chữ lâm thanh là nước sạch. Trong văn kinh viết lâm lực kim là ao nước vàng. Quảng Nhã giải thích nghĩa là nước mưa. Trong văn nói gọi là tên của loại ngũ cốc.

Cù hạng: lại viết chữ lưu cũng đồng với chữ cù, ngược lại âm lực chư cư mâu, hai âm. Thương Hiệt giải thích chữ cù là buộc lại. Trong văn nói giải thích chữ cù là trói lại rồi giết. Chữ cù còn nghĩa là tên của loại dây, đơn vị đo chiều dài bằng một phần trăm mét. Tiếng Hán gọi là phân công.

Sái lạt: ngược lại là âm tha đạt, âm dưới là lặc đạt. Quảng Nhã giải thích là con mọt, con sâu, con kiến cũng là cái trứng của con kiến, con gián.

Úng tỵ: ngược lại âm nhất nung. Tỳ Thương giải thích là mũi bị bịnh là văn thường hay dùng, cũng gọi là nghẹt mũi khịt mũi. Ngược lại âm cứu cầu nghĩa là ngạt mũi vậy.

Yểm cổ: ngược lại âm ư chu, âm dưới tự lâm. Xưa trong truyện Xuân Thu giải thích mau như chất độc lan ra, hoặc mau chóng như loài quỷ vô hình ăn cũng có nghĩa là dùng như đồ vật, Chí Đỗ giải thích chữ cổ là chất độc, hoặc là bịnh tật. Trong văn kinh viết yểm chẳng phải thể này vậy.

Xoa ba: ngược lại hai âm sơ gia, sơ giá.

Ủy thử: ngược lại là âm ư ngụy. Tam Thương giải thích chữ ủy nghĩa là nuôi người đói. Trong văn nói viết chữ ủy nghĩa cỏ héo cho trâu bò ăn. Quảng Nhã giải thích nghĩa là thức ăn ôi.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 8

Di sô: ngược lại âm trắc sầu.

Nghê vũ: ngược lại hai âm hề, ngũ lễ, ngược lại âm dưới hứa chu.

Tân đầu: ngược lại âm thân. Trong văn kinh viết chữ tân này là sai vậy.

Khư khư a bi: ngược lại là âm phò chi.

Tháp bi: ngược lại âm đồ lạp.

Tỷ chi: ngược lại âm sơ mạc. Nghĩa là lấy nước. Trong văn kinh viết tỷ là chẳng phải vậy.

Đẳng ni: ngược lại âm đương lang.

Già chuyên: ngược lại âm lực hề.

A Nhiếp: ngược lại âm thiệp.

Biến la: viết đúng là chữ biến này, ngược lại âm bi phủ.

Xỉ khư: lại viết chữ vũ cũng đồng, ngược lại âm khưu vũ. Trong văn nói giải thích nghĩa răng bị sâu.

Tây sí: ngược lại âm thức nhẫn.

Chú câu: ngược lại âm hồ khẩu.

Mục huyễn: âm huyền hiển hai âm. Trong văn nói giải thích là bị chóng mặt hoa mắt, chữ lâm huyễn là loạn. Thương Hiệt giải thích chữ huyễn không thấy rõ.

Kim mạn: ngược lại âm mạc bàn nghĩa là tên của con quỷ.

Giản bịnh: ngược lại âm hạch gian có nghĩa là bịnh động kinh.

Phỉ thi: ngược lại âm bổ vi.

Chú quỷ: ngược lại âm chi dụ.

Phùng ngô quỷ hàn tích: ngược lại âm thất tích. Thanh loại tích túc thực có nghĩa là bịnh ăn không tiêu. Trong văn kinh viết từ bộ nhơn viết chữ tích, ngược lại là ân thất xích nghĩa không ngay thẳng, chữ tích có bộ nhơn này không dùng vậy.

Đố tường: ngược lại âm công hộ, nghĩa là con côn trùng làm hại người. Ngược lại âm dưới là từ dương. chữ lâm tường nghĩa là phú và thiện vậy. Trong văn kinh viết tích là chẳng phải vậy.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 9

Lịch túy: ngược lại hai âm lực các lực đích. Thương Hiệt giải thích là chiếc xe nghiền đá. Trong văn nói là chiếc xe cán lên đạp lên.

Át kỳ: ngược lại âm cự chi.

Thị đạt: ngược lại âm dưới hạ quát âm sắc hạt.

Phủ lê thiệt: ngược lại âm hạ quát.

ĐÀ LA NI TẠP TẬP
QUYỂN 10

Điệt mị: ngược lại âm đồ kiết.

Chí huyền: ngược lại âm hứa y.

Tất địa: ngược lại âm mãn tất.

Để kỳ: ngược lại âm đinh lễ.

Áo xoa: ngược lại âm ư lục.

Thu đê ngược lại âm tử do, âm đinh hề.

Kiện nô: ngược lại âm cự ngôn.

Tất đàm: ngược lại âm đồ nam.

Mị lai: ngược lại âm dị thị, lại viết lai rai.

Đa luật tri: ngược lại âm trực tri. Trong văn kinh viết từ chữ tri viết chữ tri này là chẳng phải vậy.

Chuyên chi: ngược lại âm thường xuyên văn thường hay dùng. Họa viên nghĩa là vẽ hình tròn cũng gọi là qui tắc, cũng gọi chuyên. Trong văn kinh viết chuyên của nhất là chẳng phải vậy.

Ký lợi: ngược lại âm chi thị.

Cấu lợi phạt cư bà huyền: ngược lại âm đinh lễ.

****

KINH HOA THỦ - *Huyền Ứng soạn*
QUYỂN 1

Hòa sá: lại viết chữ tỏa cũng đồng. Ngược lại là âm sữu giá, chữ ta hòa sá là tên của vị Tỳ-kheo.

KINH HOA THỦ
QUYỂN 2

Trứ khí: ngược lại hai âm thời nhữ, trừ lữ. Quảng Nhã giải thích chữ trữ thao nghĩa là tuôn nước ra ào ào, cũng nghĩa rót nước. Trong văn nói giải thích chữ trữ ấp là rót nước và cũng là rót rượu. Âm ấp ngược lại âm trên ư nhơn, âm dưới thao dư thao.

- **TỪ QUYỂN 3 đến QUYỂN 7** (*Trước không có âm giải thích.*)

KINH HOA THỦ
QUYỂN 8

Tinh tinh: ngược lại âm sở kinh. Chữ lâm có thể nói là con thú ở trong rừng, hình như giống con khỉ vậy, mà cũng giống như người phụ nữ đất giao chỉ. Thanh hề cũng giống như đứa trẻ con đang khóc. Trong tự điển sách Chu Lễ gọi là con tinh tinh, tức là con đười ươi, có thể nói như vậy.

- QUYỂN 9 (Trước không có âm.)

KINH HOA THỦ
QUYỂN 10

Gian quỷ: ngược lại âm cư hủy nghĩa là không thật. Quảng Nhã giải thích chữ hủy là tùy theo ác vậy, cũng là lừa dối khinh lờn.

Chấp cư: ngược lại âm trì lập, nghĩa là tên của một con cá lớn, gọi cho đủ là chấp cự già là ứng. Huyền dân kỳ A-la-hán dịch là con cá lớn nuốt con cá nhỏ vậy.

KINH HOA THỦ
QUYỂN 11

Hỗn trư: lại viết chữ hỗn này cũng đồng. Ngược lại âm hồ khổn, chữ đồ khổ là nói nước dơ uế, xấu ác vậy.

Tài bổng: văn cổ lai viết thọ bổng là không đồng nghĩa. Nay viết chữ bá nghĩa là chồi non, cũng đồng nghĩa trên, ngược lại âm ngũ hạt Nhĩ Nhã giải thích chữ bổng nghĩa là dư thừa, chữ tài là trồng cây, âm từ bộ mộc cũng là dư thừa chữ tài là cây mọc.

Mẫn mạc: lại viết mãnh cũng đồng, ngược lại âm thất nhẫn, nghĩa là nghĩa gắng sức vậy.

KINH HOA THỦ
QUYỂN 12

Tể địa: văn cổ chữ tế tệ hai âm không đồng vay lại viết chữ tệ đồng chữ ở trên, ngược lại âm tỳ thế. Trong văn nói giải thích tể là vấp ngã phốc xuống nghĩa là vấp chân ngã phốc xuống đất.

- **QUYỂN 13** (*Trước không có âm*)

****

KINH PHẬT DANH - *Huyền Ứng soạn*

(12 Quyển Trước không có âm, âm quyển sau giải thích rõ ràng) .

Trí y: ngược lại là âm nhất kế.
Đình liệu: ngược lại âm lực điêu.
Câu tuấn: ngược lại âm tư tuấn.
Hổ đa: ngược lại âm chỉ di.
Khơ tâm: ngược lại âm khẩu hồ.
Ngại hà: ngược lại âm tức lý.
Uất xỉ: ngược lại âm hầu ngã, sửu da hai âm.
Đệ la: ngược lại âm tha hề.
Tuân đà: ngược lại âm tư tuấn.
Hề hống: ngược lại âm hồ kê.

KINH BA KIẾP BA NGÀN PHẬT DANH - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Điện đăng: ngược lại âm đẳng đằng. Quách Phác chú thích Nhĩ Nhã gọi là đăng tức là chồm lên cao. Trong văn nói viết từ bộ kim thanh đăng.

Huệ tràng: ngược lại âm dưới là độc giang. Quách Phác chú giải và tiếng phương gọi chữ tràng cờ treo lên cao gió xuất múa tung bay. Quảng Nhã giải thích, tràng có nghĩa bày ra, trưng bày ra, chữ chánh xưa nay từ bộ cân thanh đồng.

Phẩu hoa: ngược lại âm trên phổ hậu. Cố Dã Vương gọi phẩu là mổ ra phá ra. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng cắt trong ra là phẩu, mổ. Thương Hiệt phân tích trong văn nói nghĩa là tách ra. Từ bộ dao thanh bồi, ngược lại âm dưới là hóa qua.

Ngu lạc: ngược lại âm trên ngộ câu. Đỗ Tiển chú giải trong tả truyện rằng ngu nghĩa là làm trò vui. Trong văn nói từ bộ nữ thanh ngô ngược lại âm dưới là lạc.

Khánh thanh: ngược lại âm trên khinh kính. Cố Dã Vương giải thích rằng: lấy cục đá gõ tiếng nhạc cho vui. Thế Bổn cho rằng: mẫu câu thị viết chữ khánh để làm ra tiếng nhạc, chữ chánh xưa nay viết từ bộ thạch thanh thinh âm thinh ngược lại âm khổ đình.

Cước hạt: ngược lại âm trên cạnh ý. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã gọi là chiếc lá nhỏ có gai cũng gọi là nấm. Trong văn nói giải thích nó giống như cước tòng nghĩa là mọc um tùm, chằng chịt, viết từ loại bộ lập thanh thúc. Ngược lại âm dưới là tuy tứ. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã cho rằng lạc cước là cây kim châm. Tiếng địa, phàm là cây cỏ có gai gọi là lạt loại cỏ lá có gai. Trong văn nói giải thích là cây cỏ nhỏ mọc là đà dưới đất. Viết từ bộ thảo thanh lạt. Trong văn kinh viết chữ lạt là sai vậy.

Điềm đạm: ngược lại âm điệp kiêm. Khổng Tử chú thích trong sách Thượng thư rằng: chữ điềm là an ổn vậy. Tiếng địa phương gọi là tịnh có nghĩa là lặng lẽ. Trong văn nói viết từ bộ tâm thanh thiệt tĩnh. Ngược lại âm dưới đàm cảm Cố Dã Vương giải thích chữ đạm cũng nghĩa tĩnh lặng yên tịnh. Trong văn nói viết từ bộ tâm thanh.

Huệ vô nhai: ngược lại âm nhã giai. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã cho rằng: chữ nhai nghĩa là bến nước. Trong văn nói viết từ bộ Hán nghĩa là sờ thanh giai, cũng viết chư nhai này có bộ thủy.

Đột khứu: ngược lại âm hưu hựu. Trong văn nói thì gọi là dùng cái

mũi để ngửi viết từ bộ tỵ là cái lỗ mũi thanh khứu là ngửi. Trong văn kinh từ bộ khẩu viết thành chữ khứu này. Đó cũng là văn thường hay dùng.

Hoài chư dục: ngược lại âm trên quai độc. Trong văn nói gọi chữ hoài nghĩa là hủy hoại phá bỏ đi, viết từ bộ phộc thanh hoài. Trong bổn kinh viết là chẳng phải chữ vậy.

KINH BA KIẾP BA NGÀN PHẬT DANH
QUYỂN TRUNG

Thiện nhu: ngược lại âm như chu. Trong truyện Mao Thi giải thích chữ nhu nghĩa là nước thấm ướt. Lưu Hy chú giải trong sách Mạnh Tử rằng: chữ nhu cũng có nghĩa trầm trệ, cũng có nghĩa ngưng trệ, ứ động lại. Trong văn nói viết từ bộ thủy thanh nhu. Trong văn kinh viết chữ nhu có bộ thủy là chữ thường hay dùng, ngược lại âm nhu tu.

Đức mạn: âm biến tiếng Phạm. Trong văn kinh viết chữ không thành chữ.

Kiên khẩu: ngược lại âm khai ái. Trong văn nói chữ khải tức áo giáp, từ bộ kim thanh khởi, âm khởi đồng với âm trên.

Diệt nhuế: ngược lại âm nhất quý. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: chữ nhuế nộ, tức là oán giận. Trong văn nói có nghĩa là hận cũng có nghĩa là oán giận trong lòng. Từ bộ tâm thanh khuê.

Vô nhiễu: ngược lại âm ninh liễu. Trong văn nói giải thích chữ nhiễu tức là nhiễu nung, nghĩa là làm phiền nhiễu người khác, và cũng gọi là ưu hý nung nghĩa là làm trò đùa diễu cợt. Viết từ bộ nữ thanh nhiêu. Cũng viết chữ niểu nghĩa là chọc ghẹo.

- **QUYỂN HẠ** (*Không có âm để giải thích.)*

****

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Doanh vương: văn cổ cũng viết chữ mãnh cũng đồng, ngược lại âm ký chứng. Trong văn nói nghĩa là ôm đứa con trong lòng nghĩa bao hàm thật sự gọi là mang thai.

- QUYỂN 2 (Trước không có âm)

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 3

Đát na: ngược lại âm nải khả.
Thất đế: ngược lại âm trừ lật.
Đam bà: ngược lại âm tha cam.
Hề thát: ngược lại âm nhất hề.
Cổ phàm: ngược lại âm lô khẩu.
Bố lưu: ngược lại âm lực sắc.
Đà thấu: ngược lại âm sở gian.
Mâu lộ: ngược lại âm mạc hậu.
Miên đà: ngược lại âm nữ ất.
Ca lạt: ngược lại là âm lực hạt.
Án phụ: ngược lại âm ô cảm.
Đàn na: ngược lại âm tri liên.
Kiết dị: ngược lại âm kỳ ất.
Bổ la: ngược lại âm bảo hồ.
Chi trụ: ngược lại âm trúc trụ.
Bà thị: ngược lại âm đồ hề.
Tha trí: ngược lại âm bổ mị.
Thất đế: ngược lại âm trừ lật.

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 4

Câu giới: ngược lại âm ha giới.

Yết bệ: ngược lại âm trên cự yết, ngược lại âm dưới mãn địch, nghĩa là mua đầy đủ lương thực.

Địa bệ: âm bi.

Tỳ trá: âm trắc giá.

Hề lan: ngược lại âm lỗ can.

Áo ế: nghĩa là giấm ngược lại âm ư lục.

Yên ca: ngược lại âm ô hiền.

Niết giám: ngược lại âm lực trạm.

A-thị: lại viết chữ đa cũng đồng âm, ngược lại âm thời kỳ.

Bác nô tray na: ngược lại âm trắc cơ.

Hiệt lợi: ngược lại âm hiền kết.

Ha lưu: âm lưu.

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 5

Ám ngộ: ngược lại âm ư lâm. Trong kinh văn viết sai thành chữ có bộ mộc không thành chữ vậy.

Yên ế: ngược lại âm trên ư nhơn.

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 6

Kỳ đa: ngược lại âm thị chi.

Truy phốc: ngược lại âm đô lôi.

Cúc đa: ngược lại âm cự lục. Trong kinh văn viết chữ cầu là chẳng phải.

Nghê la: ngược lại âm ngũ hề.

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 7

Hệ đa: ngược lại âm hồ kế.
Ái cô: ngược lại âm cổ hồ.

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁ PHẬT DANH
QUYỂN 8

Pháp ba: ngược lại âm phổ hoa, y theo chữ ba có nghĩa là một loại cỏ dại thanh loại rút ra từ chữ thanh mạo có nghĩa là sung túc đầy đủ.

****

KINH BẤT TƯ NGHÌ CÔNG ĐỨC - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG
(Trước không có âm.)

QUYỂN HẠ

Ly tý: chữ tý hoặc là viết tý nghĩa là cánh tay, ngược lại âm bi tỵ.

Cụ trá: ngược lại âm trắc giá.

****

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Duyệt đầu đàn: hoặc là viết chữ duyệt này ngược lại là âm dĩ chuyết. Ở đây dịch Bạch Tịnh Vương, hoặc là Tịnh Phạn Vương là vua nước Nê-pen dòng họ Thích-ca.

Khang lệ: ngược lại âm khổ lãng, lại viết chữ ly cũng đồng. Ngược lại âm dưới là lý nghệ, chữ khang ly hoặc lệ ngẫu Quảng Nhã giải thích nghĩa vợ chồng, Tỳ Thương dịch là đôi bạn.

Hám hỷ: ngược lại âm hồ cảm. Quảng Nhã giải thích chữ hám nghĩa là động, giao động. Trong văn nói giải thích là không yên, nghĩa

là buồn rầu bức rức trong lòng không yên.

Khoa đẩu: nghĩa là con nòng nọc, ngược lại âm khổ hòa chữ trong Hán thư giải thích nghĩa là con ấu trùng sống dưới nước. Nhĩ Nhã giải thích chữ khoa đẩu, tức là chữ hà mạc tức là con tôm sống dưới nước vậy.

Bàn long: ngược lại âm bạch hàn. Trong sách lễ ký giải thích chữ bàn có nghĩa là chiếm lấy đất. Trịnh Huyền cho rằng: bàn ủy có nghĩa là uốn lượng, cuộn lại. Quảng Nhã giải thích chữ bàn long là con rồng uốn khúc vậy.

Chủng tướng: lại viết chữ chủng có bộ xích cũng đồng với chữ chủng nghĩa là gót chân. Ngược lại âm chi dõng. Trong văn nói giải thích tướng tích nghĩa là lưu lại dấu tích cũng có nghĩa là theo đuổi, diễn tả tướng mạo qua lại.

Tứ qua: nghĩa là bốn gốc, ngược lại âm cổ hồ. Trong văn nói giải thích chữ qua nghĩa là gốc cạnh. Trong kinh văn viết chữ qua khí là tên của vật có góc cạnh. Còn chữ qua này chẳng phải nghĩa vậy.

Quan kiện: nghĩa là mấu chốt, then chốt lại viết chữ quan kiện hai thể hình này cũng đồng nghĩa, ngược lại âm kỳ thẩm. Chữ kiện này nghĩa chuẩn hơn, tiếng địa phương gọi là mấu chốt ở phía đông gài qua phía tây vậy.

Khai lạp: nghĩa là đóng cửa, ngược lại âm hồ lạp. Trong văn nói viết là hạp bế nghĩa là đóng cửa, còn gọi khác nữa là hạp môn cũng nghĩa là đóng cửa.

Ngung ngung: nay viết chữ ngung đồng nghĩa, ngược lại âm ngư hung. Trong Kinh Thi giải thích, đồ sộ, hiên ngang. Trong tả truyện giải thích rằng dáng mạo ôn hòa cung kính.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 2

Khung tích: ngược lại âm khứ cung chữ khung nghĩa khum xuống, cũng nghĩa là cao rộng như bầu trời. Chữ khung long có nghĩa là thịnh vượng, chữ khung cùng với cùng đồng âm, nhưng cùng là nghèo khổ.

Nhiễm trang: trong văn nói viết là trù nghĩa là nói dối, ngược lại âm trúc lưu. Nhĩ Nhã giải thích chữ nhiễm trang nghĩa là lừa dối không thật; cũng là khinh khi lừa dối không thật. Trong kinh văn viết chữ chu

xa viễn có nghĩa là kèn xe, và chữ chu là chẳng phải thể vậy.

Hầu long: ngược lại âm lạc công Nhĩ Nhã giải thích, là chim tụ lại mổ thức ăn. Quách Phác cho rằng là tước là nhai trong họng, cũng đồng với chữ hầu là cổ họng. Thương Hiệt biên soạn giải thích chữ hầu tước nhai trong họng ăn vậy.

Phế du: lại viết chữ phất cũng đồng nghĩa với chữ phế, ngược lại âm phu uế có nghĩa là bày ra nhơ nhớp. Trong văn nói giải thích phế tạng nóng nhiệt. Ngược lại âm dưới là dũ câu. Trong văn nói giải thích chữ du phục nghĩa bụng phệ nhưng Thương Hiệt biên soạn giải thích nghĩa là yết hầu cổ họng.

Can cách: ngược lại âm cơ ngạch nghĩa là bị ngăn che. Trong kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ, cả hai chữ cách đều thông dụng.

Hồi trùng: lại viết chữ hồi này cũng đồng nghĩa, chữ hồi có nghĩa là con giun, con sán đũa. Ngược lại âm hồ khôi Thương Hiệt giải thích văn cổ là nghĩa là trong bụng có con côn trùng, sán đũa trong kinh văn viết chữ vưu bộ, hai chữ này chẳng phải vậy.

Đoàn loan: ngược lại là âm lô đoan. Nghĩa là tụ hợp quanh một vòng tròn.

Bại tích: nay viết chữ duệ cũng đồng nghĩa, ngược lại âm tử lịch. Thanh loại này có nghĩa là công lao khó nhọc vậy.

Súc nhiên: ngược lại là âm sơ lục. chữ đoan trực nghĩa là đứng thẳng vậy. Lại chữ súc cũng có nghĩa là cây cỏ mọc um tùm xum xuê.

Nghê oan: ngược lại âm ư nguyên, chữ oan cũng giống như chữ khuất có nghĩa là oan khuất, oan uổng, oan ức. Cũng gọi là mềm yếu, gọi là nghê oan hồng đà. Có nghĩa cây đèn chiếu sáng có sắc màu, và cũng có nghĩa cầu vồng bảy màu sắc. Còn gọi là đèn để trên mai xe, nghĩa là đèn pha. Trong văn kinh viết oan chẳng phải thể vậy.

Phát miễu: ngược lại âm di nhiễu văn thường hay dùng, có nghĩa là cây nhọn gọi là miễu nay rút ra từ nghĩa này nghĩa là ngọn tóc trên đầu vậy.

Song tý: ngược lại âm tại kế. Trong văn nói giải thích nghĩa là khóe mắt ven bờ mắt vậy.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 3

Lưỡng vẫn: ngược lại là âm vô phần Thương Hiệt giải thích rằng: nghĩa là hai bên bờ môi, cũng gọi là bên mép miệng.

Tỷ mễ: ngược lại âm đạt kê. Nhĩ Nhã giải thích chữ tỷ là một loại cỏ mọc xum xuê. Quách Phác gọi là một loại lúa ma mọc dưới bùn, cũng là một loại cỏ mọc tràn lan.

Hám thất: ngược lại là âm khổ đam. Tiếng địa phương giải thích chữ hám có nghĩa là thọ nhận các vật. Quảng Nhã gọi là cái kho chứa đựng đồ vật.

Hề thử: con chuột nhắt, ngược lại âm hồ kê. Trong văn nói gọi là con chuột nhỏ, nó hay phá hoại hoặc gọi loại chuột miệng nó ưa thích đồ ngọt.

Hoảng dục: lại viết chữ hoảng này, văn cổ viết chữ hoàng cũng đồng nghĩa, ngược lại âm hồ quảng, dưới lại viết chữ dục cũng đồng nghĩa, ngược lại âm do cúc. Trong văn nói giải thích là sáng suốt, nghĩa là chiếu sáng, nghĩa là ánh sáng rực rỡ vậy.

Riệt chi: hoặc việt tăng kỳ nghĩa là cái áo. Trong văn đều viết sai. Nên nói tăng ca xi đây dịch là cái áo che từ nách xuống. Cái áo che vai tức là mảnh áo dài hình chữ nhật hoặc viết trước cụ tu la thì không viết tăng ca xi chữ cụ tu la đây dịch là tròn, có nghĩa là cái áo giống hình tròn dành cho các tu sĩ Phật giáo mặc. Đây là tên gọi vậy.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 4

Tồi cô: ngược lại âm nhi giá chữ tồi cô nghĩa là bẻ gãy ra, chữ cô nghĩa là yếu ớt, mềm yếu.

Tiểu ly: ngược lại âm cước tri. Quảng Nhã giải thích con vật không có sừng gọi là ly, nghĩa con vật giống như con rồng màu vàng không có sừng. Con vật có sừng gọi là cầu. Chữ cầu nghĩa là con rồng con có sừng. Có nghĩa là rồng đực có sừng, rồng cái không có sừng.

Thọ giai: âm giai, nghĩa là rơm của cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa đến âm giai, chưa rõ ngôn ngữ nào.

Đông tê: lại viết trùng đông hai chữ hình này cũng đồng nghĩa.

Ngược lại âm đồ đông. Quảng Nhã giải thích là bệnh đau nhức, ngược lại âm dưới tinh lợi. Trong văn nói gọi là bạo bịnh, nghĩa là bịnh tê không đi được.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 5

Duật thân: ngược lại lực một chữ duật nghĩa lau chùi, tẩy rửa vậy.

Sào trác: ngược lại âm tranh giao, văn thường hay dùng, có nghĩa là lấy vật nhẹ gọi là sào, lấy vật nặng gọi là lạo. Quảng Nhã giải thích chữ sào lấy là cầm lấy vật vậy.

Trực phách: ngược lại âm phổ địch. Trong văn nói chữ phách là phá bỏ. Quảng Nhã giải thích chữ phách nghĩa là tách ra phân ra. Trong kinh văn viết chữ tích có nghĩa là đấm ngực, dậm chân. Ngược lại chữ tích chẳng dùng ở đây vậy.

Thiết trâm: lại viết hai chữ trâm hai thể hình đồng nghĩa, có nghĩa là cái thới. Ngược lại âm trư kim, chữ phu trâm có nghĩa là cái búa có cán lớn, cũng có nghĩa là hình phạt. Trong văn kinh viết thậm đam hai chữ tượng hình này chẳng phải thể vậy.

Lịch thân: ngược lại hai âm lực các lực đích. Thương Hiệt biên soạn giải thích chữ lịch là bánh xe lăn. Trong văn nói có nghĩa là chiếc xe cán lên, đạp lên nghiền nát vậy.

Ánh thủng: giải thích văn cổ. Nay lại viết chữ thủng ? Đồng nghĩa với chữ thủng, ngược lại âm thời dũng văn thông dùng nghĩa là cái chân bị sưng lên, gọi là bịnh thủng ở chân. Trong kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ chủng nghĩa là gót chân, nghĩa đây chẳng phải vậy.

Sanh viêm: Thanh loại viết là yên tâm, có nghĩa là hâm thức ăn, hai chữ tượng hình đồng nghĩa, giải thích chữ theo văn cổ chữ viêm cũng nghĩa đồng ở trên. Nay lại viết chữ viêm cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tường liêm. Trong văn nói có nghĩa là nấu canh thịt chín nhừ.

Thiết toản: ngược lại âm kỳ cổ. Trong văn nói giải thích chữ thiết thủ có nghĩa là lấy ra chất kim loại. Thương Hiệt biên soạn giải thích chữ cổ trì nghĩa là lấy vật. Trong kinh văn viết chữ kiềm, nghĩa là cây kiềm, kiềm kẹp người chữ thiết kiềm nay trong đây chẳng phải thể vậy.

Phiêu thư: ngược lại âm tâm diêu. Ngược lại âm dưới là thiên dư. Quảng Nhã giải thích ung, nhọt có mũ trở thành ung thư nên gầy ốm cằn cỗi. Trong kinh văn viết chữ phiêu cùng với chữ bi đồng nghĩa ngược lại hai âm bổ chi, tỳ diêu có nghĩa là con bọ ngựa, viết chữ phiêu chẳng phải ở đây dùng vậy.

Chư kỵ: lại cũng viết chữ kỵ này, ngược lại âm cự ký, có nghĩa là ngày xưa dùng thanh tre kết lại để chữ lên vậy.

Sàm lạt: ngược lại âm sĩ hàm nghĩa là lấy cây dùi tách vật ra. Trong văn nói có nghĩa là câu cuốc bén.

Mị ngữ: ngược lại âm nghiên thê. Văn thông dụng, có nghĩa là nói trong lúc ngủ say, nói mộng, tức là không tỉnh giác, cũng có nghĩa là lời nói dối.

Trách khẩu: ngược lại âm trắc cách. Quảng Nhã giải thích chữ trách nghĩa là mở rộng ra, cũng có nghĩa khai mở ra. Trong văn kinh viết chữ đà là chưa thấy có chữ này chỗ rút ra từ đâu.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 7

Nhượng tý: nghĩa là vén tay áo lên, ngược lại âm nhi dương. Chữ nhượng nghĩa là trừ bỏ lột bỏ, nghĩa là lột bỏ tay áo mà bày ra cánh tay. Ngược lại âm duệ di thế nghĩa là sự phân đầy khắp trong đời vậy.

Tháp đăng: ngược lại âm tha cái, âm dưới là đắc hằng. Đây giải thích tên gọi là thí nghĩa là cho, là cho trước cái giường lớn kế đến cái giường nhỏ, chữ đăng nghĩa là lên giường ngủ, nhân đây mà lấy tên gọi vậy.

Bác phệ: nghĩa là tay đánh miệng cắn, ngược lại âm bổ mãn, ngược lại âm dưới là thời chế. Chữ bách toát. Nghĩa túm lấy, tác tay, nghĩa là túm lấy đánh cái tác, chữ phệ dùng răng cắn nướu.

Cấu tật: lại viết chữ cấu này nghĩa là tốt đẹp, ngược lại âm cổ hầu. Nhĩ Nhã giải thích chữ cấu nghĩa là gặp gỡ.

Mẫn nhiên: ngược lại âm di nhẫn, âm dưới là di thật. Nhĩ Nhã giải thích chữ mẫn nghĩa là hết sạch, phai mờ.

Ủy tha: ngược lại âm ư ngay, dưới lại viết chữ di đồng nghĩa. Ngược lại âm đồ đa. Quảng Nhã giải thích hai chữ ủy tha là thấp, nghiên là nguồn gốc sự việc. Theo chữ lại viết chữ ủy vi, hai chữ hình tượng. Trong

Kinh Thi giải thích con sông, vách núi uốn lượn quanh co. Trong tả truyện giải thích rằng chữ uy tha là đi quanh co. Cũng có nghĩa là tướng mạo dương dương tự đắc. Trong văn nói giải thích là đi vậy.

Hàng lạc: ngược lại hai âm trực nhĩ, lạt kỳ hai âm, có nghĩa phế bỏ.

KINH QUÁN PHẬT TAM MUỘI HẢI
QUYỂN 8

Cấu tật: lại viết chữ cấu này nghĩa là tốt đẹp, ngược lại âm cổ hầu. Nhĩ Nhã giải thích chữ cấu nghĩa là gặp gỡ.

Mẫn nhiên: ngược lại âm di nhẫn, âm dưới là di thật. Nhĩ Nhã giải thích chữ mẫn nghĩa là hết sạch, phai mờ.

Ủy tha: ngược lại âm ư ngay, dưới lại viết chữ di đồng nghĩa. Ngược lại âm đồ đa. Quảng Nhã giải thích hai chữ ủy tha là thấp, nghiên là nguồn gốc sự việc. Theo chữ lại viết chữ ủy vi, hai chữ hình tượng. Trong Kinh Thi giải thích con sông, vách núi uốn lượn quanh co. Trong tả truyện giải thích rằng chữ uy tha là đi quanh co. Cũng có nghĩa là tướng mạo dương dương tự đắc. Trong văn nói giải thích là đi vậy.

Hàng lạc: ngược lại hai âm trực nhĩ, lạt kỳ hai âm, có nghĩa phế bỏ.

- **QUYỂN 6, 9, 10:** (*không có từ âm nghĩa)*

****

KINH TĂNG GIÀ TRÁ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Linh thứu sơn: ngược lại âm trung tề tựu. Ở nước trung Thiên Trúc có địa danh núi Linh sơn. Ở nước Ma-kiệt-đà, ở nơi đó có loại chim thứu, nó giống như con chim điểu, thân dài ba thước, lông màu nâu đậm, mỏ cứng cong như móc câu, mà xám tro, mắt to, chân ngắn rất mạnh, có móng vuốt nhọn, thường ở rừng sâu, bắt thỏ rừng, dê con để ăn. Thân dài nhỏ, bay đi có bầy, thường ăn thây người chết, con chim này rất kỳ quái lạ thường, nó thường hay đậu nghỉ ở núi này, cho nên

có tên là Linh thứu sơn. Xưa gọi là xà quật là tiếng Phạm, ngược lại là âm ngũ quá.

A-trù-na: ngược lại âm trung trụ lưu là tiếng Phạm, có nghĩa là tên của vị vua trời.

Tu-xà-thư: ngược lại âm trung xà long vương, tên của loài rồng.

Hầu hầu: âm hầu, nghĩa là mắt lèm nhèm.

Chủng thực: ngược lại âm dưới là thừa chức. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: chữ thực nghĩa là trồng cây. Quách Phác chú giải đó là tiếng địa phương, có nghĩa là đứng thẳng. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ mộc thanh trực. Trong văn kinh viết chữ thực có bộ ngạc đó là chữ thông thường văn thường hay dùng.

Ni kiền tử: âm càng cũng là tiếng Phạm, nghĩa là phái ngoại đạo lõa hình âm khỏa nghĩa là khỏa thân âm hoa ngã.

Phiêu một: âm trên thất diêu. Cố Dã Vương giải thích là nước chảy. Trong văn nói giải thích phù là nổi lên mặt nước, viết từ bộ thủy thanh phiên. Trong kinh văn viết chữ phiêu cũng là văn thường hay dùng vậy.

Nhất toát: ngược lại âm thương loát. Tóm lại chữ nghĩa là dùng tay lấy vật. Trong văn nói viết từ bộ thủ thanh tối.

Hổ quỵ: ngược lại âm trên hồ ngô văn thường hay dùng cũng viết là hồ tá dụng âm. Trong bổn kinh viết nha là chẳng phải, ngược âm dưới là quỳ ngụy. Trong văn nói giải thích rằng quỳ lạy, viết từ bộ túc thanh nguy.

KINH TĂNG GIÀ TRÁ
QUYỂN 2

Hối quá: ngược lại âm trên khôi ngoại. Lưu Chức cho rằng: chữ hối nghĩa là cải đổi, sửa đổi. Chữ chánh xưa nay từ bộ tâm thanh mẩy.

Hằng già: ngược lại âm trên phộc thừa, cũng viết là chữ khắc đồng nghĩa âm trên, đây là tiếng Phạm.

Dũng thân: ngược lại âm trên dung cũng. Hà Hưu chú giải trong công dương truyện rằng: chữ dùng có nghĩa là thân mình nhảy vọt lên cao. Trong văn nói viết từ bộ túc thanh dụng.

Nhục đoàn: ngược lại âm giả loan. Trong kinh văn viết đoạn là chẳng phải.

T.596

Uất đơn việt là tiếng Phạm, có nghĩa là cõi viêm phù đề, nghĩa là một trong tứ châu.

Sam-đế-dĩnh: tiếng Phạm.

Tru lục: âm lục. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: chữ lục giống như chữ nhục nghĩa là xấu hổ, nhục nhã. Đã bị chém giết chết lại còn bị sĩ nhục. Giả Vương chú giải trong sách Quốc ngữ cũng gọi là giết chết. Trong văn nói viết từ bộ qua thanh lục âm lục lực ngược lại âm lực cứu.

KINH TĂNG GIÀ TRÁ
QUYỂN 3

Sác sác: ngược lại âm tịnh song giác. Khảo Thanh thì có nghĩa là nhanh chóng, nghĩa là mau đến gần, thúc đẩy mau đến.

Đảm trách: ngược lại âm trên là đảm cam cũng viết chữ đảm có bộ nhơn. Quảng Nhã giải thích chữ đảm có nghĩa là học hỏi, nghiên cứu. Khảo Thanh gọi chữ trách nghĩa là gánh vác trách nhiệm chữ chính xưa nay viết từ bộ thủ thanh đảm.

Ngoan si: ngược lại âm trên ngũ xúc. Quảng Nhã giải thích rằng chữ ngoan nghĩa là ngu si đần độn. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: tâm không đo lường được, nghĩa đức độ nên gọi là (ngoan) ngu si. Khảo Thanh cho rằng ngu muội. Trong văn nói từ bộ hiệt thanh nguyên. chữ cổ viết là ngoan.

Pha kiến: ngược lại âm trên phổ ma. Quảng Nhã giải thích rằng: là rất ít vậy.

Kim thử: ngược lại âm tốt tùy. Khảo Thanh cho rằng, cái mõ nhọn của con chim. Trong văn nói thì từ bộ thử thanh thúc. Trong bổn kinh viết từ bộ chữ đông là sai. Văn sau lại viết chữ chủy nghĩa cũng đồng vậy (là cái mõ nhọn).

Thiêu hỏa: ngược lại âm trên thiên noãn. Trong văn nói gọi là nhặt ra, nghĩa là nhặt lửa ra, chữ viết từ bộ thủ thanh theo trong bổn kinh viết từ bộ mộc viết thành chữ thiêu này là sai.

KINH TĂNG GIÀ TRÁ
QUYỂN 4

Căn mạch: ngược lại âm trên cẩn ân. Trong văn nói giải thích rằng bộ lực bên bộ nhục. Từ bộ nhục là có nhiều gân của vật, từ bộ lực đã tượng hình chữ cân. Trong bổn kinh viết từ bộ thảo đến bộ giác viết thành chữ là chẳng phải vậy. Ngược lại âm dưới bằng bá. Trong văn nói viết đồng nghĩa chữ mạch. Nghĩa là phần huyết mạch, trong cơ thể đường đi huyết mạch không ngay của cơ thể từ bộ phái từ bộ huyết cũng viết thành chữ mạch. Trong bổn kinh viết chữ mạch chữ thường hay dùng.

Yên cánh: ngược lại âm kinh hiền. Trong thanh loại có nghĩa là yết hầu, chữ chính xưa nay là viết chữ yết từ bộ nhục thanh nhân. Ngược lại âm dưới là kinh trình. Trong văn nói gọi chữ cảnh là phần đầu tới cổ, từ bộ hiệt thanh khinh.

Sàng tháp: ngược lại âm tham hạp, nghiên cứu thanh loại có nghĩa tấm gương nhỏ. Trong văn kinh viết chữ tháp này là chẳng phải.

Xạ hương: ngược lại âm trên dả giá. Ngược lại âm dưới hựu thời thời. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Ở trong núi có rất nhiều con xạ hay bắt chim nhỏ để ăn. Trong văn nói giải thích, loại xạ này giống như con hưu, nhưng nhỏ hơn không có sừng, ở gần bụng của nó tiết ra dịch thể rất thơm. Chữ viết từ bộ lộc thanh xạ lại cũng viết thanh xạ. Trong bổn kinh viết chữ xạ này là sai.

Nhạo trước: ngược lại âm trên ngô hiệu, ngược lại âm dưới là tràng lược, nghĩa là thích biên soạn.

Pháp loa: ngược lại âm lực qua.

Trỉ niệu: ngược lại âm trên thất nhĩ, âm dưới nảy điếu, tức là chỗ đại tiểu tiện của con người. Viết từ bộ chữ vĩ là phần đuôi đến bộ thủy cũng viết thành chữ niệu hoặc viết chữ niệu này.

Tổng nhi: chữ chánh ở trên là ân tế, ngược lại chữ dưới là âm nhi sung. Trong bổn kinh viết chữ này là chẳng phải, ngược lại là âm nho.

Tiên đạt: ngược lại âm trên tất niên. Âm dưới tha ngộ, nghiên cứu thanh loại có nghĩa là chữ đạt là cây roi chỉ tiên cũng là cây roi, nghĩa là cầm roi quất. Trong bổn kinh viết chữ thư là chẳng phải vậy.

Qua đã: ngược lại âm trên trúc qua. thanh loại này gọi là dùng tay đánh gõ chữ chánh xưa nay từ bộ mộc thanh qua, cũng từ bộ trúc viết thành chữ đồng nghĩa.

Bồn ôn: hợp qui tắc nên viết là âm trên phô nghĩa là hỗ trợ, chữ

dưới trong sách viết đồng nghĩa với chữ trên, ngược lại gọi là loài cỏ mọc um tùm lại cũng rất thơm.

Hải đảo: văn cổ lại viết chữ đảo này, nghĩa đồng ngược lại âm đô lão. Nghĩa là ở trong biển mọc lên cái núi gọi là đảo, mà đảo có chim tới ở. Chỗ mà người ta chạy tới ẩn náo.

****

KINH LIÊN HOA DIỆN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN HẠ
(Chỉ âm từ không giải thích.)

Ma hầu: ngược lại âm sự kỷ.
Kiết lợi: ngược lại âm kỳ ất.

- QUYỂN THƯỢNG: (*Không có từ âm nghĩa)*

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIỄU NGHĨA - *Tuệ Lâm soạn.*

Tư tuân: ngược lại âm trên tử tư. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng là khéo hỏi thăm con đường. Chữ chánh xưa nay từ bộ ngôn thanh tư, ngược lại âm dưới là doản tôn. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng: chữ tuân nghĩa là thân thích, bà con thân thích họ hàn. Chữ chánh xưa nay viết tư bộ ngôn thanh tuần.

Dị xứ: ngược lại âm trên doanh ích. Cố Dã Vương giải thích rằng: chữ dị có nghĩa là trao đổi. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: chữ dị nghĩa là khác đi biến đổi. Quảng Nhã giải thích chữ dị nghĩa là chuyển đổi. Trong văn nói giải thích chữ dị nghĩa là chữ tượng hình, nghĩa là người thư ký ghi ngày tháng là dị. Một là từ chữ vật ngược lại âm dưới là xướng dữ. Trong Mao Thi truyện gọi là chỗ ở, chỗ dừng nghĩ. Trong văn nói viết chữ xứ cũng nghĩa dừng nghỉ từ bộ cữu đến bộ kỷ có nghĩa là chữ kỷ là cái ghế chữ cữu lâu dài, nên ngồi ghế dừng nghỉ lâu vậy. Trong kinh văn viết chữ xứ là văn thường hay dùng.

Ẩn nhẫn: ngược lại âm trên nhân phóng, âm dưới nhơn chấn. Trong kinh văn viết nhẫn cũng đồng nghĩa vậy.

Ư tỉnh: ngược lại âm tinh đình.

Kim khoáng: ngược lại âm công mãnh.

Trắc độ: ngược lại âm đường lạc.

Năng trước: ngược lại âm bằng lược. Trong bổn kinh viết chữ trước này chẳng phải vậy.

Cật hư noa: ngược lại âm trên là khinh nhất. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: chữ cật nghĩa hỏi văn lại là sửa trị. Trong văn nói nghĩa là hỏi thăm, viết từ bộ ngôn thanh kiết.

Qua mậu: ngược lại âm trên qua ngọa, âm dưới mị ấu. Cố Dã Vương giải thích chữ mậu giống như chữ tích nghĩa là lạ lùng, hiếm thấy, tiếng địa phương nghĩa là trá là dối gạt, lừa dối. Trong văn nói gọi là lời nói dối của người cuồng điên. Từ bộ ngôn thanh mậu.

Như phiêu: ngược lại âm tất diêu nghiên cứu thanh loại gọi lào đề cử đưa lên từ bộ thủ viết thành chữ phiêu.

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Huy diễm: lại cũng viết chữ diễm này cùng đồng nghĩa, ngược lại âm dư đảm, tiếng địa phương gọi là đẹp. Giữa nước Tần và nước Tấn kết thông gia, chữ diễm nghĩa là đẹp cả hai bên vậy.

Trì hồ: ngược lại âm hộ cô. Trong văn nói nghĩa là cái đầm nước, ở Vương Châu có năm hồ nước.

Chiên thúc: hoặc nói yên thúc ca hoặc gọi là khẩn thúc ca tên của một loại cây, có chỗ hoa mà đỏ tía giống như thật. Nhân vậy nên trở thành tên.

Ám tích: ngược lại âm trên ư cấm âm dưới tử dạ. Nghiên cứu thanh loại thì có nghĩa là hô lớn. Trong văn nói thì nghĩa là lớn tiếng.

Vi phục: ngược lại âm vô phi. Nhĩ Nhã giải thích là sâu xa, giấu kín, ngăn che, kín đáo. Ngược lại âm dưới là nặc. Có nghĩa là chạy trốn trong hang. Lại cũng viết chữ nghĩa là dừng viết từ bộ xích.

Hồ dụ: văn cổ viết ẩm dụ, hai chữ tượng hình. Nay lại viết hấp cũng đồng nghĩa. Quảng Nhã giải thích rằng là uống vào, dẫn vào, nghĩa là hít thở vào vậy.

Khâu mục: ngược lại âm tha nhiêu, nghiên cứu thanh loại gọi là khiều, móc, nhặt, cũng có nghĩa là khóet mắt, âm quyết ngược lại âm

dưới ô quyết.

Lý trình: ngược lại âm trừ hình chữ trình giống như chữ hạn có nghĩa là thời hạn. Trong sách Chu Lễ gọi là mức độ. Trong Kinh Thi gọi là trình tự phương pháp.

Quắc tý: ngược lại âm hồ mạch, chữ quắc có nghĩa là chia cắt, phân chia. Ngược lại âm dưới tịnh kế. Nghĩa là đầu mắt gọi là tý. Hoài Nam Tử gọi là trừng mắt, trợn mắt, liếc mắt. Trong kinh văn viết thủ là đầu viết thành chữ hoặc là chữ cổ. Ngược lại xưa viết là chữ nghĩa là dành được, cắt tai giành được sự sống, viết chữ hoắc hoắc chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Bào địa: ngược lại âm mãn giao. Trong văn nói có nghĩa là âm thanh gào lên cũng gọi là giận dữ.

Thâu-đầu-đàn-vương: đây nói sai. Nói cho đúng chính là thủ-diện-đà-na-vương. Đây dịch là Tịnh Phạn, hoặc nói là là chẳng phải vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 2

Bàn lan xuân luân: ngược lại âm mãn hàn, ngược lại âm dưới xuân lạt luân. Đây nói về hình trạng.

Thiến luyện xán lạn: ngược lại âm du kiến nghĩa là sắc thái tươi mát, muôn màu rực rỡ tròn đầy.

Nhãn huyền: ngược lại âm hồ quyền, hồ biến hai âm. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: nhìn thấy không rõ. Trong sách Quốc ngữ thì có nghĩa là xem xét cảnh đẹp bị hoa mắt. Mại Quỳ cho rằng huyễn hoặc, lầm lẫn vậy.

Bức hiệp: ngược lại âm bổ cách nghĩa cấp bách gấp rút. Ngược lại âm dưới hư nghiệp, tiếng địa phương có nghĩa là dùng thế lực hù dọa áp bức khiến người ta sợ sệt. Còn có nghĩa là lấy uy lực áp bức dọa nạt người ta sợ sệt. Âm duyệt ngược lại là âm hồ bức. Nay đều viết hiếp cũng nghĩa là dọa nạt, hoặc gọi là khủng độc, cũng là đồng nghĩa vậy.

Tiệt át: ngược lại âm ô khác. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: chữ át nghĩa là che lấp. Nhĩ Nhã giải thích chữ át nghĩa là dừng lại. Quách Phác gọi là ngăn chặn các tướng phản nghịch là chữ át vậy.

Tài hối: văn cổ đồng với chữ hối này. Ngược lại là âm hồ tội chữ tài có nghĩa là hàng hóa của cải. Văn thường hay dùng tài bạch nghĩa

là hàng dệt bằng tơ lụa, gọi là hối Chu Lễ giải thích, là hàng hóa thông dụng. Trịnh Huyền gọi là vàng ngọc, hàng hóa vải vóc gọi là hối.

Đâu mâu: ngược lại âm mạc hậu. Quảng Nhã giải thích cái mũ, nón. Trong văn kinh viết chữ mâu này là chẳng phải thể vậy.

Càng sái: ngược lại âm sở giải sở ký hai âm. Có nghĩa là vật phơi khô vậy.

Thán ba na thực: hoặc gọi là hằng bát na dịch là bột mì. Mãn xà ni thực dịch là có thể ăn. Khư đà ni thực dịch là có thể cho ăn.

Thực yểm: ngược lại âm ô cảm, chữ lâm yểm thao nghĩa là hướng cái miệng đọc thần chú, dùng hai tay bưng thức ăn, gọi là yểm vậy.

Hâm nham: ngược lại âm khổ kim, lại là âm khâm. Quảng Nhã giải thích chữ nhâm nghĩa là núi nhỏ mà cao. Công Dương truyện cho rằng: chữ nham ngân là gò đất trên núi cao, muốn lên núi rất khó nhọc vậy.

Lay chuyết: ngược lại là âm như liệt thanh loại chuyết có nghĩa là hơi ngắn mà chữ chuyết là lo lắng, ưu não vậy.

Sáp thực: ngược lại âm tử hạp. chữ lâm trùng sáp huyết có nghĩa là loài sâu bọ đớp mồi. Trong kinh văn viết chữ tiệp là chẳng phải vậy.

Cô thực: ngược lại âm nhượng cữ, chữ cô nghĩa là một loại nấm có thể ăn được. Nhĩ Nhã giải thích chữ xuyến là húp bưng canh nấm húp. Quách Phác giải thích chữ xuyết thập có nghĩa là bưng lấy ăn, nhặt lấy để ăn.

Đảm yết: trong văn nói viết chữ kiệt nghĩa là dùng hết sức mình, đồng nghĩa với chữ đảm. Ngược lại âm kỳ yết, nghĩa là đưa lên gánh vác trách nhiệm. Trong tả truyện giải thích chữ kiệt nghĩa là lấy cục đá ném vào người ta. Chú giải rằng: chữ kiệt đảm nghĩa là lấy hết sức mình đảm trách công việc vậy.

Rẩn đoan: ngược lại âm phò nhẫn. Trong văn nói gọi chữ tẩn làxương đầu gối. Chữ dưới lại viết chữ bác nghĩa là cánh tay phần cùi chõ trở lên vai, đồng thời cũng gọi là đầy đủ. Ngược lại âm phất tràng nghĩa là ruột già.

Viêm hạn: ngược lại âm vũ liêm có nghĩa là nóng rực nóng nhiệt. Nhĩ Nhã giải thích chữ viêm là lửa bốc lên. Quách Phác giải thích chữ hạn nghĩa là người ta đốt lửa khí bốc lên có nghĩa là nắng hạn lâu mưa.

Ổ đa: ngược lại là âm ư tội. Chữ ổi trong tự điển giải thích là nhiều, đông. Quảng Nhã giải thích chữ ổi là đê tiện xấu xa.

Áo ế: ngược lại âm ư lục, âm dưới là nhất kiết. Ty thương giải thích rằng ở trong lòng thương xót bùi ngùi gọi là thống khổ, thương

tâm. Chữ ế có nghĩa là tắc nghẻn. Trong kinh văn viết chữ úc có nghĩa là dồn nén, đây chẳng phải thể này vậy.

Trảo quặc: ngược lại âm cư hệ. Trong văn nói giải thích nghĩa là chộp lấy cái cán. Thương Hiệt giải thích có nghĩa tác tay. Hoài Nam Tử cho rằng con thú nó chạy vô hang, tức là chộp lấy con chim ở trong tổ, tức cái mỏ nhọn gấp, vậy chữ cán ngược lại âm cư nghịch.

Đơn chiếc: ngược lại âm cổ triết. Theo chữ có nghĩa là cô độc một mình. Trong văn nói giải thích chữ chiếc nghĩa là không có tay phải gọi là chiếc. Trong Quốc ngữ gọi là họ hồ có một tay là vậy.

Hãm giới: ngược lại âm hồ cảm, dưới lại viết hy nghi hai chữ hình tượng này cũng đồng, ngược lại âm hồ giới tiếng địa giải thích chữ hãm có nghĩa quở trách, cũng có nghĩa là giận dữ. Trong kinh văn lại viết cảm, âm hồ kim hai chữ tượng hình cũng là văn thông dụng vậy.

Tháp trương: ngược lại âm đường hạp có nghĩa là chân đi tản bộ mắt mở to mà nhìn. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ hấp trướng là chẳng phải vậy.

Bạc lạc: ngược lại âm lang đắc. Trong văn nói có nghĩa là cái xương sườn. Trong kinh văn viết chữ luyến lạc là chẳng phải thể chữ vậy.

Kiểu nhiên: văn cổ viết kiểu giảo hai chữ tượng hình. Có nghĩa mặt trăng chiếu sáng. Nay viết chữ giảo cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm công điểu. Ty Thương gọi chữ kiểu nghĩa là sáng mà trong sáng vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 3

Đích đích: ngược lại âm đinh địch chữ trong sách giải thích đích là vợ chánh. Công Dương truyện gọi là lập vợ chánh làm vợ lớn, kế đó mới lấy vợ kế nghĩa là con của vợ lớn làm đích tôn, không lập con của vợ kế làm đích tôn vậy.

Da duy: hoặc nói xà tỳ, hoặc nói là xà duy đều sai vậy, nói cho đúng là à tỷ đa, nghĩa là thiêu đốt vậy. Tiếng Phạm, nghĩa là thiêu đốt xác chết vậy.

Điên quyết: lại viết điên hai thể hình đều đồng. Ngược lại âm đinh hiền, ngược lại âm dưới cư nguyệt. Chữ diên quyết cũng giống như chữ đống phốc nghĩa là té ngã phốc xuống đất. Trong kinh văn viết điên

quyết này là chẳng phải thể vậy. Chữ phốc ngược lại âm mãn bắc.

Phiên cổ: chữ lại viết chữ phiên cũng đồng. Ngược lại là âm ư cấp chữ lâm ấp có nghĩa là bất an áy náy trong lòng. Thương Hiệt giải thích chữ ấp nghĩa là diện mạo không vui, không thoải mái.

Phiền oan: ngược lại âm ư nguyên. Nghĩa là oan uổng, nỗi buồn phiền oan khúc có bào chữa cũng vô ích, chữ từ bộ mịch đến viết bộ oán là miên có nghĩa là che không đi thoát ra được cho nên viết từ bộ mịch. Trong kinh văn viết chữ oản hai thể hình chẳng phải thể nghĩa đây vậy.

Uông thủy: ngược lại âm ô hoàng. Văn thông dụng thường hay dùng, có nghĩa là dòng nước đứng yên không chảy gọi là uông. Nhĩ Nhã cho rằng là hồ nước rộng lớn. Trong kinh văn viết chữ quang là tên của một con sông ở Trung Quốc, âm quang là chẳng phải nghĩa đây vậy.

Ma-ha-ca: dịch là vô trí, nghĩa là nói lảm nhảm không có ý nghĩa.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 4

Đảo tự: ngược lại hai âm đô đạo, đô cáo. Ngược lại âm dưới từ lý. Trong văn nói nghĩa là báo cáo sự việc cầu phúc gọi là đảo, nghĩa mời thỉnh cầu phúc, cúng tế quỉ thần vậy.

Nhuận động: ngược lại âm nhi độn. Trong văn nói nghĩa là con mắt chuyển động hoặc là máy mắt. Trong kinh văn viết chữ nhu là chẳng phải thể chữ vậy.

Phiền tức: ngược lại âm phụ viễn, có nghĩa là cỏ cây tươi tốt phát triển tăng trưởng, nghĩa tăng trưởng ra nhiều. Trong kinh văn viết là phồn thịnh, nghĩa là xum xuê, um tùm.

Duy trướng: ngược lại âm vu truy, tiếng Phạm, chữ lâm tại bàn gọi là duy nghĩa là trương cái màn che một bên, cũng là che bao quanh vậy.

Thoan lãng: ngược lại âm sỉ hằng, nghĩa là dòng nước chảy xiết, chảy cuồn cuộn. Trong văn nói nghĩa là dòng suối nhỏ chảy mau, nghĩa là dòng nước chảy trên cát, cũng gọi là dòng suối cạn.

Mong manh: ngược lại âm mạc công, có nghĩa là con mắt có con ngươi mà không thấy gọi là mong nghĩa là lòa nhòa. Con mắt không có con ngươi gọi là mù manh vậy.

Cử phàm: lại chữ diêu phiêu, hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa, ngược lại âm phù nghiêm, phù trác, giải thích tên gọi là tùy theo gió mà trương buồm gọi là phàm, là cánh buồm vậy.

Chấn tế: ngược lại âm chỉ nhẫn. Nhĩ Nhã giải thích chữ chấn nghĩa cứu vậy, là phát phẩm vật ra. Trong văn nói nghĩa là chữ chấn là đưa lên. Trong kinh văn viết chứ chấn này có bộ bối. Ngược lại âm nhẫn âm ẩn chữ chấn này có nghĩa là giàu có, phấn chấn.

Thảo thái: âm thái nghĩa là một loài cỏ nhỏ mọc có trổ hoa rất thơm. Trong văn kinh viết là chữ dược chẳng phải vậy. Chữ hổ ngược lại âm thiên cổ, có nghĩa là cỏ khô. Nay ở tỉnh Thiểm tây Trung Quốc nói là một loại rau, ở tỉnh Giang nam Sơn đông nói rau ngỗ, âm ngỗ ở Sơn đông nói rau thất vậy.

Hao xích: lại viết là hạo cũng đồng ngược lại âm hồ giao. Ngược lại âm dưới là hô giá. Văn thông dụng có nghĩa là tiếng hổ rầm, nghĩa là hù dọa vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 5

Bạch hồng: văn cổ lại viết chữ hồng này cũng đồng, ngược lại âm hồ công. Trong văn nói nghĩa là cầu vồng. Tục gọi là người con gái đẹp. Ở Giang đông gọi là lễ tế cầu mưa, giải thích tên là công phá cái vồng. Thuần Dương Công phá âm khí vậy.

Ty nhĩ: nghĩa cắt tai xẻo mũi, lại viết chữ tiểu cũng đồng. Ngược lại âm ngư khí, ngược lại âm dưới nhượng ký. Trong văn nói nghĩa cắt lỗ mũi. Quảng Nhã giải thích chữ nhĩ nghĩa là xẻo lỗ tai.

Nguyệt nhĩ: văn cổ viết minh triết hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ngư quyết, ngũ khoát hai âm. Chữ nguyệt giống như chữ hạt có nghĩa là cắt, tiêu diệt vậy.

Thám mạc: ngược lại âm tha hàm. Trong văn nói giải thích, nghĩa là lấy tin tức từ xa gọi là thám, nghĩa là dùng tay thâu lượm gọi là mạc vậy.

Họa khốc: văn cổ lại viết khố, khốc, khốc ba chữ tượng hình đều đồng. Ngược lại âm khẩu mã. Trong văn nói, chữ khốc có nghĩa là cấp bách, mau chóng, nghĩa là báo cáo rất nhan, cũng có nghĩa bạo ngược, Bạch Hổ Thông gọi chữ khốc là cực nhanh vậy, cũng có nghĩa là mạng

lịnh đưa cực kỳ nghiêm khắc.

Bồi phát: Trong văn nói lại viết bao phù hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bộ giao, chữ phù nghĩa là lấy ra dẫn ra văn thông dụng. Lại viết chữ bồi nghĩa dùng tay nắm gọi là bồi.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 6

Ngưu ty: chữ chánh viết là đài sích hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm lạt chi thức chi hai âm. Nhĩ Nhã giải thích gọi là con trâu nghĩa là con trâu ăn no rồi lại đi xa.

Khiêu bình: ngược lại âm bì binh. Tỳ Thương giải thích rằng: cái giường hẹp bằng phẳng nghĩa là ngồi một mình trên cái giường hẹp. Giải thích tên gọi là bình bàn cờ, âm bình nghĩa lấy miếng ván làm bàn cờ. Thể chánh là bình. Tu đà thực hoặc gọi là tu đà. Đây dịch là giờ chư thiên ăn, chữ tu đà đây dịch là bạch nghĩa là sáng nghĩa là chư thiên ăn buổi sáng. Trong tùy tướng luận gọi là tu đa. Đây dịch là thiện đà có nghĩa là chân thật vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN BÁO ÂN
QUYỂN 7

Kình cương: ngược lại âm cự hướng chữ trong sách gọi là thí cho sức mạnh nơi đạo gọi là kinh. Trong kinh văn viết cường là văn thường hay dùng vậy.

Đồng sấu: ngược lại âm sơ nhẫn văn cổ ngược lại âm sai cận, nghĩa là hủy cái răng gọi là nhổ răng. Trong văn nói nghĩa là người con trai sanh ra tám tháng mọc tám cái răng đến tám tuổi thì thay răng gọi là sấn. Đứa con gái sanh ra bảy tháng mọc bảy cây răng đến bảy tuổi thay răng gọi là hủy tức là bỏ. Chữ viết từ bộ xỉ thanh thất giải thích tên gọi là sấn tẩy nghĩa thay sạch răng sữa, hủy tẩy nhổ sạch răng sữa, cho nên mọc lại cây răng mới vậy.

- QUYỂN 8, 9, 10 (*không có từ âm nghĩa)*

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Đời Đại Đường phiên dịch kinh Sa-môn - Tuệ Lâm biên soạn

QUYỂN 44

- Kinh Âm Bồ-tát Bổn Hành - ba quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Pháp Tập Quyển Sáu - Tuệ Lâm.
- Kinh Quán Sát Chư Pháp Hành - bốn quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Bồ-tát Xứ Thai - năm quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Hoằng Đạo Quảng Hiểu - bốn quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Thí Đăng Công Đức - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Ương-quật-ma-la - bốn quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Vô Sở Hữu Bồ-tát - bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Minh Độ Ngũ Thập Hiệu Kế - hai quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Trung Ấm - hai quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Đại Pháp Cổ - hai quyển - không có âm chữ giải thích.
- Kinh Văn Thù Vấn - hai quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Văn Thù Vấn Đỗ - một quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Thiên Phật Nhân Duyên - một quyển.
- Kinh Như Lai Bí Mật Tạng - hai quyển
- Kinh Nguyệt Thượng Nữ - hai quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Phật Địa - một quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Đại Chủy Bảo Đà-la-ni - một quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Di Giáo - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Xuất Sanh Bồ-đề Tâm - một quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Diệt Thập Minh - một quyển- Huyền Ứng.
- Kinh Ma-ni-la-đàn - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Dị Xuất Bồ-tát Bổn Khởi - một quyển.
- Kinh Nguyệt Minh Bồ-tát - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tâm Minh - một quyển- Tuệ Lâm.

T.598

- Kinh Thiện Dạ - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Đức Quang Thái Tử - một quyển- Huyền Ứng.

- Kinh Thương Chủ Thiên Tử - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Ta-ma-bà Đế - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Ma Nghịch - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Pháp Tối Thượng Vương - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Pháp Ấn - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Văn Thù Bát Niết-bàn - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Lộc Mẫu - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Lộc Tử - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Hiền Thủ - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Thọ Trì Thất Phật - một quyển- không có chữ âm giải thích.
- Kinh Đại Ý - một quyển.
- Kinh Kiên Cố Nữ - một quyển.
- Kinh Ly Cấu Huệ Bồ-tát Vấn Lễ Phật - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Hữu Nhiễu Phật Tháp - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Tạo Tháp Công Đức - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Tịch Chiếu Tam-ma-địa - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Hữu Đức Nữ Vấn - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Đại Thừa Tứ Pháp Địa - một quyển- không có âm chữ giải thích.
- Kinh Bất Tăng Bất Giảm - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Ký Pháp Trụ - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh vi hải long vương - một quyển- không có âm chữ giải thích.
- Kinh Diệu Sắc Vương - một quyển- không có âm chữ giải thích.
- Kinh Đại Thừa Lưu Chuyển - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Sư Tử Tố Đà - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Nê Hoàn Hậu Quán Lạp - một quyển- Tuệ Lâm.
- Kinh Bát Bộ Phật Danh - một quyển- Tuệ Lâm.

Năm mươi kinh trên gồm tám mươi hai quyển đồng với âm quyển này.

KINH BỒ TÁT BỔN HÀNH - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Quân trì: nói cho đúng là quốc trĩ ca nghĩa là hai tay cầm bình rót nước tắm rửa hoặc dịch là cái bình, cái lọ vậy.

Huyên cốc: lại viết sao thủ sát ba chữ tượng hình đều đồng ngược lại âm.

Sơ giảo: tiếng địa phương có nghĩa là lấy lửa hơ cho khô vậy.

Tang huyền: ngược lại âm tổ lang có nghĩa là con dê ba tuổi gọi là tang nghĩa là cái dáng vẻ đầy đủ tươi tốt, ngược lại âm dưới là đinh hề có nghĩa là con dê đực, con dê thiến. Trong kinh văn viết cổ ngược lại âm đinh lễ có nghĩa là xúc chạm, chữ cổ. Trong kinh văn chẳng phải dùng vậy.

Lai duệ: lại viết chữ duệ cũng đồng, ngược lại âm dư thế. Trong văn nói chữ duệ có nghĩa nắm tay dẫn đi cũng có nghĩa là lôi kép dẫn đi vậy.

Yết di: ngược lại âm nhân kỹ thanh loại sảng dương có nghĩa là con dê rừng, Từ Quảng gọi là con dê đực đều gọi chung là con dê thiến vậy.

Uẩn tâm: ngược lại âm ư vấn có nghĩa là tức giận. Trong văn nói cũng có nghĩa là tức giận. Thương Hiệt giải thích uẩn hận nghĩa hận thù vậy.

Ký thiện ni: ngược lại âm cư y, ngược lại âm dưới là thị chiến nghĩa là tên con rồng con vậy.

Nguyệt kỳ: ngược lại âm ngư quyết, ngũ cốt hai âm, chữ nguyệt giống như chữ cát có nghĩa là cắt, gặt, phân chia. Trong kinh văn viết ngoan nghĩa là viết ngược lại âm ngũ hằng đều bằng nhau vậy.

Thượng toàn: ngược lại âm tợ duyên nghĩa là xoay chuyển. Trong kinh văn viết chữ cư, ngược lại là âm câu vũ. Tiếp địa phương gọi chữ cư là cây thước êke là cây thước cạnh vuông của thợ mộc. Nên chữ cũ đây chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Tà tuần: hoặc gọi là xà duy hoặc gọi là xà tỳ đều đồng một nghĩa, nói cho đúng là xà tỵ đa, nghĩa là thiêu đốt vậy.

KINH BỒ TÁT BỔN HÀNH
QUYỂN TRUNG

Tai họa: lại viết ba chữ tai tượng hình đều đồng, ngược lại âm tấc tài. Trong văn nói gọi là con yêu hỏa, nghĩa là nó đem tai họa thiêu đốt đến cho người nên gọi là tai họa, tai ách vậy.

Tích dịch: ngược lại âm tư lịch âm dưới là dĩ thạch?, con rắn mối ở trong cỏ. Trong kinh văn viết chữ diệc là chẳng phải vậy.

Kim phất: ngược lại âm phu dật. Quảng Nhã giải thích chữ phất nghĩa là lau trừ đi bụi bặm nghĩa là quét đi bụi đất vậy. Chữ phất thức nghĩa lau bụi. Trong kinh văn viết từ bộ cân viết thành chữ phất hoặc viết đều chẳng phải nghĩa vậy.

KINH BỒ TÁT BỔN HÀNH
QUYỂN HẠ

Tao động: ngược lại âm tô lao. Trong văn nói gọi là tao nhiễu, nghĩa là quấy rối, cũng nghĩa là quấy động.

Vạn kỳ: lại viết chữ hai chữ kỳ tượng hình đều đồng, ngược lại âm cự nghi nghĩa là phân ra nhiều mối đạo vậy.

Hoảng dục: lại viết chữ hoảng văn cổ cũng viết chữ hoảng đều đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ quảng. Trong văn viết giải thích chữ hoảng nghĩa là sáng tỏ. Quảng Nhã giải thích là ánh sáng rực rỡ. Dưới lại viết chữ dục cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm do cúc. Trong văn nói có nghĩa là ánh sáng chiếu soi. Tỳ Thương cho rằng chữ dục là diện mạo rất đầy đủ xán lạn rực rỡ vậy.

Sang ban: ngược lại âm mãn lan. Thương Hiệt giải thích rằng chữ van ngấn là cái vết sẹo. Âm ngấn ngược lại âm hồ cân.

****

KINH PHÁP TẬP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Luy tổn: ngược lại âm lực truy Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng chữ luy là yếu ớt. Giả Quỳ chú giải trong Quốc ngữ rằng chữ luy

là bịnh tật vậy. Trong văn nói cho rằng gầy ốm viết từ bộ dương thanh luy âm luy âm luy ngọa.

Hy chướng: ngược lại âm trên khẩn kế. Trong Mao Thi truyện gọi là cuối cùng gió thổi mặt trời đã lặn, không có ánh sáng buổi ban mai, mà chỉ có ánh hoàng hôn chiều tà. Nhĩ Nhã cho rằng mặt trời lặn mà gió làm cho mặt trời lặn mau hơn. Trong văn nói từ bộ nhật thanh y âm dưới là chương nghị Khảo Thanh gọi là che lấp. Trong văn nói gọi là ngăn che từ bộ thanh chương.

KINH PHÁP TẬP
QUYỂN 2

Tuấn tật: ngược lại âm tuân tuấn. Quách Phác chú giải trong mục thiên tử truyện rằng: chữ tuấn mà là danh xưng đẹp danh cho con ngựa hay, giỏi. Trong văn nói nghĩa là con ngựa tốt, viết từ bộ mã thanh tuấn âm tuấn, ngược lại âm thất tuẩn.

Phu diễm: ngược lại âm trên bổ vô. Trong Mao Thi truyện cho rằng chữ phu là đẹp. Trong văn nói gọi chữ phu là da. Từ bộ nhục thanh phu tĩnh ngược lại âm dưới gian tật. Mao Thi truyện cho rằng sắc đẹp rực rỡ của mặt trời mới mọc. Trong tả truyện cho rằng đẹp là diễm vậy. Trong văn nói từ bộ phong tới bộ đại thanh. Trong kinh văn viết từ bộ sắc viết thành chữ diễm là văn thường hay dùng.

Hồng khởi: ngược lại âm hồ đông. Nhĩ Nhã cho rằng: sắc màu cầu vồng. Trong sách Chu Lễ gọi là tháng quý xuân bắt đầu thấy cầu vồng. Trong văn nói viết từ bộ trùng thanh công âm đế. Ngược âm đế đông đống.

Canh lượng: ngược lại âm trên cách ngư. Khảo Thanh cho rằng loại lúa tẻ, Thanh loại cho rằng loại lúa này không dẻo. Trong văn nói cũng cho rằng lúa nếp. Từ bộ hòa thanh kháng âm kháp ngược lại âm khang lãng. Trong kinh văn viết từ bộ mễ viết thành canh văn thường hay dùng, ngược lại âm trên thanh tiên.

Dăng nghi: ngược lại âm việc tấng. Trịnh Tiển giải thích trong Mao Thi truyện rằng: dăng là một loại côn trùng, gọi là con ruồi, nhặng. Có hai loại màu đen và màu trắng thường hay đậu trong nước dơ bẩn. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã cho rằng con ruồi có cánh nên hay bay vung vãi các chỗ dơ. Trong văn nói cho rằng loại côn trùng này bụng

lớn, viết từ bộ trùng thanh mãnh. Nó giống như con ếch nhái. Âm mãnh ngược lại âm dưới nghi ký. Văn thường hay dùng chữ chánh viết khải; Nhĩ Nhã cho rằng con kiến càng, lớn gọi là con kiến càng, nhỏ gọi là con kiến lửa. Trong văn nói gọi là con kiến nhỏ và con kiến càng đều từ bộ trùng thanh khải.

KINH PHÁP TẬP
QUYỂN 3

Mâu sóc: ngược lại âm trên mạc hậu. âm dưới song tróc, âm nghĩa trước quyển thứ ba mươi ba kinh chứng khế Đại thừa đã giải thích rồi.

Việt phủ: âm việt. Cố Dã Vương cho rằng: cái lưỡi của con người giống như cái búa lớn lấy để trảm người. Tư Mã Pháp cho rằng: đời nhà Hạ nắm giữ cơ nghiệp là nhờ cây búa lớn. Đời nhà An nắm giữ cơ nghiệp nhờ cây thương. Trong sách Chu Lễ gọi là Vương Tả dựng nước an dân bằng cây búa lớn và cây trượng vàng. Cho nên gọi là dùng cây búa để trang sức. chữ viết từ bộ qua đến bộ quyết thanh quyết âm quyết hoặc viết từ bộ kim viết thành chữ cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

KINH PHÁP TẬP
QUYỂN 4

Cân hỏa: nghĩa là gót chân mắt cá chân ngược lại âm trên là căn âm dưới hoa ngỏa.

Đoan hĩnh: ngược lại âm trên thời nhuyễn âm dưới hình định.

Bể tất: ngược lại âm trên mãn mễ âm dưới tân thất.

Hung hiếp: ngược lại âm trên hung, âm dưới là thường nghiệp.

Phúc lặc: ngược lại âm trên phong ốc âm dưới là lặc.

Trữu oản: ngược lại âm trên trương liễu âm dưới âm quán.

Kiên tý: âm trên kiên âm dưới bi mị.

Đầu giáp: ngược lại âm liêm diệp.

Cảnh hạng: ngược lại âm trên kinh đĩnh âm dưới công giáng.

Độc lâu: âm độc âm lâu.

Quất xá: âm trên khôn âm dưới ngõa.

Trảo xỉ: ngược lại âm trên trang hiệp âm dưới si chỉ.

Trường vị: âm trên là trường âm dưới là vị.

Tỳ thận: âm trên là tỳ âm dưới là thận.

Tâm thúc: ngược lại âm phi phê.

Phương cao: âm trên là phương âm dưới cao.

Não mạc: ngược lại âm trên nải tào âm dưới mạc.

Thế thóa: ngược lại âm trên thiên lợi âm dưới thổ ngọa.

Tủy não: âm dưới tuy chủy.

Cân cốt: âm trên là cân.

Xĩ ngân: ngược lại âm dưới ngân.

Hà đảm: âm trên hà âm dưới đa cam chữ viết từ bộ thủ.

Trù lâm: ngược lại âm trên là trường lưu. Quảng Nhã giải thích chữ trù nghĩa là nhiều, dày đặc. Đại khái quyển thứ tư trên đã giải thích rồi. Trong văn nói rất nhiều chữ. Như vậy nói ba mươi hai tướng, trước nói âm nghĩa trong kinh Đại Bát nhã. Trong đây giải thích đủ như vậy nhưng giải thích âm mà không giải thích chữ nghĩa vậy.

KINH PHÁP TẬP
QUYỂN 5

Kiện vật: ngược lại âm trên là tiềm diệp. Quảng Nhã giải thích chữ kiện là khỏe mạnh, sức mạnh. Tiếng địa phương cho rằng: giữa nước Tống và nước Sở gọi là huệ, là người có trí huệ và sức mạnh. Quách Phác chú giải chữ huệ nghĩa là hiểu biết thông suốt, lời nói thuận lợi. Cố Dã Vương cho rằng lời nói trong miệng phát ra, đều có lợi ích diện mạo tới lui đỉnh đạt. Trong văn nói từ bộ cân đến bộ chỉ viết thành chữ. Trong văn tự điển nói từ bộ nhân thanh tiệp, từ bộ thủ là chẳng phải vậy.

Khang tao: Âm trên là khang. Trong thanh loại gọi là ngũ cốc. Ngược lại âm dưới diệt lao. Trong văn nói thì có nghĩa là bả rượu, hai chữ đều từ bộ mễ đều thanh khang tao.

Chương lộc: âm trên là chương. Âm dưới là lộc. Chữ trong sách giải thích rằng chữ dương là con nai nhỏ, loại có sừng gọi là con nai, không có sừng gọi là con hoẳng.

- QUYỂN 6 (*Không có âm chữ giải thích.*)

KINH QUÁN SÁT CHƯ PHÁP HÀNH - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Xả ách: ngược lại âm ô cách, bao gồm chú giải trong luận ngữ rằng: dùng sợi dây buộc cái ách lên cây ngang là vậy. Trong văn nói từ bộ thủ thanh ách chữ viết chánh thể là ách. Trong văn kinh viết ách, là văn thường hay dùng vậy.

Dục độ giả bát: ngược lại là âm phiền phát. Nghiên cứu thanh loại, chữ bát nghĩa là buộc cây tre thả nổi trên nước. Trong văn nói cũng có nghĩa là chiếc thuyền lớn ở trong biển. Từ bộ mộc thanh phát hoặc viết từ bộ chu viết thành chữ. Trong kinh văn từ bộ trúc viết thành chữ phạt cũng là văn thường hay dùng.

Tràng nổ: ngược lại âm ngư giang. Cố Dã Vương giải thích rằng: chữ tràng có nghĩa là đánh. Quảng Nhã giải thích là đâm. Trong văn nói gọi là đập, giả, từ bộ thủ thanh đồng.

KINH QUÁN SÁT CHƯ PHÁP HÀNH
QUYỂN 2

A: lấy thượng thanh.

Ba: cũng lấy thượng thanh.

Giá: ngược lại âm khả.

Na: ngược lại âm nẳng khả. Trong kinh văn viết từ chữ trinh là chẳng phải vậy.

Đà: lấy thượng thanh.

Ca: ngược lại âm khương khư cũng lấy thượng thanh.

Tha: ngược lại âm tạng hạ.

Trá: ngược lại âm sách giả.

Đồ: ngược lại âm trá dưới các âm dĩ thượng tinh hưỡng tiếng Phạm, thanh không giao hợp để giải thích chữ.

KINH QUÁN SÁT CHƯ PHÁP HÀNH
QUYỂN 3

Bất khái: ngược lại âm khả hội. Trịnh Tiển chú giải trong sách lễ ký rằng: cây thanh gạt ngang các hộc cho bằng khi đong lường vậy, cũng gọi là đong lường. Trong văn nói viết chữ khái đấu hộc bình cũng nghĩa là cây thanh gạt cho bằng. Từ bộ mộc thanh ký, nay văn thông thường hay dùng, ngược lại âm cổ ngoại, âm khái cốt. Trong văn nói giải thích chữ khái nghĩa là bình bằng vậy, từ bộ mộc thanh khí.

Điện bào: ngược lại âm điền kiến. Trong văn giải thích, điện âm dương gặp nhau bắn ra tia sáng, từ bộ vũ thanh điện ngược lại âm dưới phách mao, nghiên cứu thanh loại có nghĩa là bọt nước nổi trên mặt nước. Trong văn nói viết từ bộ thủy thanh bao.

KINH QUÁN SÁT CHƯ PHÁP HÀNH
QUYỂN 4

Giao tinh: âm trên là giao âm dưới tinh. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: giống như loại gia súc người ta nuôi, ở tỉnh Giang đông, đầu nó giống như đội mũ lông, chân cao giống như quỷ. Nói rằng nuôi con vật này để trừ hỏa hoạn. Trong kinh Sơn Hải Man Liên nói có loại chim tên giao thường hay đến tụ hội trên núi, cái đuôi giống như con gà trống, tự tìm thức ăn. Trong văn nói cho rằng con chim giao viết từ bộ điểu giao. thanh tinh.

Ta khái: ngược lại âm trên tá tà. Trong Mao Thi truyện cho rằng chữ ta có nghĩa là người đẹp than thở. Trong văn Nhĩ Nhã giải thích rằng: lời than thở. Trong văn nói phân tích chữ ta từ bộ khẩu thanh sai, ngược lại âm dưới là khai ái. Trịnh Tiển chú giải trong Mao Thi truyện rằng: chữ khái nghĩa là than thở. Trong văn nói kể rằng Nguyên Khái tráng sĩ quẩn chí than thở chữ viết từ bộ tâm thanh ký hoặc từ bộ khí viết thành chữ khí cũng từ bộ khẩu viết thành chữ cũng là văn thường hay dùng.

Điều hý: ngược lại âm điều hiếu. Trong Mao Thi truyện giải thích rằng: tiếng cười chế giễu, ngược lại âm dưới là hy nghĩa. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: chữ hý nghĩa là tướng mạo bỡn cợt, ẻo lã, làm trò đùa. Trong văn nói viết từ bộ ngôn thanh điều. Trong

kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ điêu, có nghĩa là ẻo lã lắc lư, đây chẳng phải nghĩa này vậy. Trong văn nói giải thích chữ ký từ bộ qua thanh hý âm hý. Ngược lại âm hứa y. Trong kinh văn viết chữ hý là văn thường hay dùng vậy.

Xúc tháp: ngược lại âm thu âm Hà Hưu chú giải trong công dương truyện rằng: lấy chân đá ngược lại gọi là xúc ngược lại là âm đàm hạp. Tỳ Thương giải thích chữ tháp nghĩa là chân suýt xuống đất. Trong văn nói giải thích rằng nghĩa là dẫm đạp lên, điều từ bộ túc tựu, thanh tháp âm tháp vậy.

****

KINH BỒ TÁT XỨ THAI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Sí sưu: ngược lại âm thi cổ âm dưới là âm sổ lưu. Chữ án bà đâu thích sí sưu thành, tức là thành Thiên Trúc. Đây dịch là bà đâu. Đây là nói trụ xứ của thành thích sí sưu. Cũng gọi là thành năng nhơn trụ xứ. Trong kinh hoặc viết là thích thị sưu thành, hoặc là viết chữ Xá-vệ thành, hoặc gọi là Ca-duy-thích-vệ thành, hoặc nói là Ca-tỳ-la thành, đều là do tiếng Phạn, đọc thanh có nhẹ có nặng. Bởi vì lấy tên dòng họ Thích-ca, âm này là sai vậy.

Tự tích: ngược lại âm bi diệc, chữ tích có nghĩa là cái áo lót vậy. Quảng Nhã giải thích rằng: là xếp cái áo lại, ngược lại âm điệp.

Thân thân: chữ trong sách hoặc là viết chữ thân cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thư hoằng lại cùng âm tha cận chữ thân nghĩa là đến gần vậy.

Sáp thấu: ngược lại âm tử hạp. chữ dưới lại viết thấu cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm sở giác. Văn thông dụng thường hay dùng thì gọi là xả nghĩa là uống vào nhổ ra, gọi là xúc miệng vậy.

Cái thiên: trong các kinh đều viết chữ cái thiên này. Trong hoa dịch là hữu quang thọ thiên, tên của các cõi trời, chữ cái ngược lại âm ô hợp.

A-bà-ma-na thiên: hoặc viết là A-bà-hằng tu thiên, hoặc viết A-ba hội thiên. đây cũng là tên các cõi trời.

Tướng đôn: lại viết đường thượng trành ba chữ tượng hình đều đồng nghĩa. Nghĩa là va chạm đụng vào, ngược lại âm du cũng nghĩa là va chạm với nhau, cũng có nghĩa là treo lên.

Hữu yết: ngược lại âm vũ lục, âm dưới là ư hiền. Quảng Nhã giải thích nghĩa là ói ra. Chữ hữu cũng có nghĩa chữ hầu là yết hầu. Trong kinh văn viết chữ đọa âm đọa là sai vậy.

Tổn tập: lại viết chữ tôn cũng đồng nghĩa ngược lại âm bổ các, ngược lại âm dưới là tử lập. Trong văn nói gọi là tập hợp lại nói chuyện với nhau ồn ào.

KINH BỒ TÁT XỨ THAI
QUYỂN 2

Tỷ chiêm: ngược lại âm ngư yển. Trong văn thông dụng có nghĩa là môi mềm nên nói nhiều. Ngược lại âm xương nhược. Nay giải thích là việc bàn luận. Trong kinh văn kinh viết nhan, ngược lại âm ngư sản, âm tiên nhan tên của cái núi, chữ nhan chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Như đoan: ngược lại âm thị duyên Trong văn nói đoán là cây trúc là tròn, cũng có nghĩa ví cho người quân tử có nhiều sức mạnh có nhiều nghị lực. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng chữ đoan là tròn, có nghĩa là cái kho chứa. Trong kinh văn viết đơn âm đan tên của một loại dụng cụ làm bằng trúc. Chữ đơn chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cô hoàng: ngược lại âm cổ hồ có nghĩa là con dế, ngược lại âm dưới là hồ quang, có nghĩa là con đĩa, loại đĩa này lớn có vằn màu xanh hột đậu. Chữ tinh ngược lại âm mãn đinh.

KINH BỒ TÁT XỨ THAI
QUYỂN 3

Khuyến dụ: ngược lại âm tư luật. Trong văn nói có nghĩa là khuyên bảo dẫn dắt. Trong văn kinh viết là tuất có nghĩa là băn khoăn, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Ấp nhượng: ngược lại âm y nhập và âm bình thôi nghĩa là cánh tay nhỏ đưa lên. Quảng Nhả giải thích nghĩa là chấp tay vái chào mà tiến đến trước mặt vậy.

Đào dã: ngược lại âm đồ cao âm dưới dực giả, chữ đào nghĩa là làm đồ gốm sứ, chữ dã là luyện nấu chất kim loại, luyện kim. Chữ đào

cũng nghĩa là làm hóa các thứ đồ gốm sứ, chữ dã cũng nghĩa nấu nung tiêu đi vậy.

Tăng na: Trung Hoa dịch là áo giáp, nói lấy áo giáp lớn khoác lên mặc vào người vậy.

Quy đà: ngược lại âm đồ đa. Tam Thương gọi là con thuồng luồng, thuộc giống rồng, ngày xưa cho rằng thuồng luồng phun nước. Trong kinh Đại Sơn Hải nói rằng nước dưới sông đủ cho con thuồng luồng phu. Quách Phác gọi con vật này giống như con rắn mối, lớn to dài một trượng, có vảy, có màu sắc vàng nâu lẫn lộn, da của nói có thể lấy bịt trống. Trong kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ dã là chẳng phải.

Lợi thúc: văn cổ viết chữ thúc này. Nay viết chữ cũng đồng nghĩa ngược lại âm tử lụy, chữ trong sách viết thúc điểu tức là cái mõ con chim vậy.

Luyến không: ngược lại âm cư vạn văn thông dụng có nghĩa là lấy nước gọi là luyến. Trong văn nói gọi là trữ lậu nghĩa là thoát nước, tuôn nước ra.

KINH BỒ TÁT XỨ THAI
QUYỂN 4

Trùng hoàng: ngược lại âm hồ quang, hồ mãnh hai âm. Chữ trùng nghĩa là con châu chấu, con châu chấu nhỏ thì gọi là trung, con lớn gọi là hoàng cũng gọi là tử ngư nghĩa là con cá hóa làm con côn trùng. Chữ trung âm trung. Trong kinh văn viết chữ hoàng là chẳng phải thể vậy.

Chẩn túc: ngược lại âm chi nhẫn.

Kháng túc: ngược lại âm cách lãng.

Liêu trịch: lại viết chữ tỏa cũng đồng nghĩa, ngược lại âm lực điêu có nghĩa là cùng nhau bới móc ném quẳng cùng nhau ném vào

Trượng chất: ngược lại âm tri lật. Quảng Nhã giải thích là phá vỡ cái gông cùm, lấy ngón tay cạy mà phá ra.

Đại tích: văn cổ viết hai chữ tượng hình cùng đồng nghĩa, ngược lại âm bi xích, chữ tích có nghĩa là trừ khử đi. Trong kinh văn viết chữ tích của ẩn tích nghĩa là ở ẩn đây chẳng phải nghĩa vậy.

Hựu trừ: ngược lại âm sở nghiêm nghĩa là loại cỏ tân xuyên thảo mọc dưới nước, giống như rong vậy. Trong Mao Thi truyện cho rằng chữ hựu là trừ cỏ dại. Trong kinh văn viết là sam nghĩa là cái phảng có lưỡi

lớn cán dài, ngược lại là âm sở tạc có nghĩa là cây đục, cái liềm lớn. Chữ sam chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

KINH BỒ TÁT XỨ THAI
QUYỂN 5

Thương lạt: ngược lại âm thả dương. Trong văn nói gọi là cái cưa nhọn lớn. Văn thông dụng gọi là vót gỗ làm mũi tên nhọn, sát thương kẻ trộm gọi là thương, cây thương dùng gỗ hay chất kim loại đều làm được. Trong kinh văn viết có chữ tương thanh ngọc. Lại viết chữ thương này là chẳng phải vậy.

Bát tạng ngược lại âm tại lãng.

- Một là thai hóa tạng.
- Hai là trung ấm tạng.
- Ba là Ma-ha diễn phương đẳng tạng.
- Bốn là giới luật tạng.
- Năm là thập trụ Bồ-tát tạng.
- Sáu là tạp tạng.
- Bảy là kim cương tạng.
- Tám là Phật tạng. Trong bổn tiếng Phạm có nghĩa là tên bệ. lấy tạng thay thế danh từ vậy.

****

KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM MUỘI

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

(Trước không có âm giải thích.)

QUYỂN 2

Ký hữu: ngược lại âm ưu vị nghĩa là vẽ đẹp của văn chương. Quảng Nhã giải thích nghĩa là vẻ đẹp gấp mấy lần. Trong văn nói có nghĩa là màu sắc sặc sở vẻ đẹp tráng lệ.

Cảnh phong: ngược lại âm cư ảnh. Trong tam loại gió nam phương gọi là cảnh phong của loại côn trùng sinh ra gió đông.

QUYỂN 3

(Trước không có âm giải thích.)

QUYỂN 4

Lực bi: văn cổ viết ba chữ bi tượng hình đều đồng nghĩa. Nay lại viết bi, ngược lại âm bì ký. Trong văn nói thì có nghĩa là sức mạnh, có nghĩa là sức giận dữ. Trong kinh văn thì gọi là không có say mà giận dữ gọi là bi là cố sức vậy.

Khinh ly: biên soạn văn âm, lại là âm đồ tháp cũng lại âm phong u. Quảng Nhã giải thích nghĩa là ngựa chạy rầm rập vậy.

****

KINH THÍ ĐĂNG CÔNG ĐỨC - *Huyền Ứng soạn.*

Luy vị: văn cổ viết ngấn tốc tích ba chữ tượng hình đều đồng nghĩa, ngược lại âm tài diệc có nghĩa là gầy ốm cằn cỗi.

Chi đề: lại là tên chỉ đế phù đồ. Đây dịch nghĩa là cùng nhau tụ hội, nghĩa là chất những cục đá lên cao cho rằng cùng nhau tương kề với nhau. Tiếng địa phương gọi là phần mộ, hoặc nói là các miếu thờ tùy theo nghĩa mà giải thích.

****

KINH ƯƠNG QUẬT MA CA - *Huyền Ứng soạn.*

QUYỂN 1

Quy nghịch: ngược lại âm sĩ cách. Trang Chu cho rằng người nước Tống khéo chế loại thuốc không nứt da như rùa, chú giải rằng loại thuốc này có thể khiến con người tay không bị nứt nẽ, cũng có nghĩa là trời hạn lâu không mưa đất nứt nẽ có đường vậy.

Ô phục: lại viết chữ câu cũng là đồng nghĩa ngược lại âm phù chú, nghĩa là con quá ấp trứng nằm dưới cỏ và con gà đẻ trứng dưới cỏ v.v... cũng viết chữ này. Nay ở Giang nam bắt thông dụng gọi là phục noãn nghĩa là ấp trứng ở Giang nam gọi là âu âm âu ngược lại âm ương phú.

KINH ƯƠNG QUẬT MA CA
QUYỂN 2

Hao khám: lại viết hao cũng đồng nghĩa ngược lại âm hồ. Âm dưới hồ lam. Trong văn nói thanh hổ nộ. Trong Kinh Thi gọi là tiếng hổ gầm là vậy.

Hùng kiệt: ngược lại âm kỳ triết. Kinh Thi gọi là kẻ sĩ tài giỏi trong nước. Trong tả truyện giải thích chữ kiệt là đặc biệt dựng lập, anh kiệt, tài năng, trí xuất trần hơn cả ngàn người gọi là kiệt.

Hưng cự: đây là nói sai sót, ngược lại mượn âm mụ dăng, chữ dăng có nghĩa con ruồi con nhặng. Ở nước tên Ô-trà-bà-tha-na thổ dân nước kia thường ăn. Nơi này, tương truyền rằng là một loại rau thơm nhưng chẳng phải vậy, âm mụ ngược lại âm hư diên.

Đồng chơn: là sa-di tên khác nữa là thứ xoa. Đây nói là học, cũng gọi là tùy thuận, không trái. Tiếng Phạm gọi là cứu ma la, cũng gọi là phù đa của ma la, kia là chỉ kẻ học nữ, tám tuổi trở lên chưa đội mũ. Đó là tên ogi chung là đồng tử, chữ phù đa đây gọi là chơn, cũng nói là thật vậy.

Hàm túy: văn cổ chữ cam cũng đồng nghĩa ngược lại âm hồ cam. Trong Hán thư Ứng Triệu gọi là không say, không tỉnh gọi là hàm có nghĩa là không say không về. Đây gọi là rượu mừng vậy.

KINH ƯƠNG QUẬT MA CA
QUYỂN 3

Khiên khoáng: văn cổ lại viết chữ quang cũng đồng âm chữ khoáng. Trong văn nói gọi là bông tơ nhỏ mịn, sách Nhĩ Nhã gọi là khoáng miên là loại bông tơ mềm nhẹ bay lên giống như bông cây lau sậy vậy.

Tân lưu: ngược lại âm tử lân âm dưới là lực cứu nghĩa là nước dãi, mồ hôi, máu trong người chảy ra. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: chữ tân là mồ hôi. Chữ trong sách viết là lưu nghĩa là nước nhiễu xuống vậy.

KINH ƯƠNG QUẬT MA CA
QUYỂN 4

Duy trì: ngược lại âm dực chuy nghĩa là chữ duy là sợi dây liên kết lại với nhau, cũng có nghĩa là duy trì, là giữ gìn phép tắc, kỷ cương, giềng mối, cũng là loại cây nhiều bóng mát.

Hy hước: ngược lại âm hư cơ, ngược lại âm dưới là hư khước, có nghĩa là làm trò hài hước cho vui, cũng có nghĩa là cùng nhau pha trò đùa giởn vậy.

Kiêu tiệp: ngược lại âm cổ nhiêu. Quảng Nhã giải thích chữ kiêu có nghĩa là hay khỏe, cũng có nghĩa là dũng mãnh.

Trấn chiếp: ngược âm đồ giáp chi thiệp hai âm. Sách Nhĩ Nhã giải thích chữ chiếp sợ hãi. Trong kinh văn viết là điệp chiếp nghĩa là trùng lập. Nhiều lần đây chẳng phải thể vậy.

Phủ ngưỡng: ngược lại âm vô biện chữ nghĩa là đầu cúi xuống, ý nói thương xót im lặng mà thôi.

Bốc phệ: ngược lại âm thời thế, chữ phệ có nghĩa là hỏi. Trong sách lễ ký giải thích rằng lấy mai con rùa bói quẻ, lấy đủa tre làm quẻ bói. Chữ bốc phệ nghĩa là dự đoán, còn nghi ngờ. Chữ phệ là nghi ngờ. Chữ viết từ bộ trúc, là chữ chánh xưa nay.

Đỗ môn: văn cổ viết chữ sưu cũng đồng nghĩa, ngược lại âm đồ cổ. Trong sách Quốc ngữ giải thích chữ đỗ môn là không ra ngoài cửa. Giả Quỳ cho rằng chữ đỗ nghĩa là bị nghẽn, tắc nghẽn lưu thông bế tắc vậy.

Trừng chúc: ngược lại âm trực canh Tỳ Thương giải thích rằng nhìn thẳng, ngược lại âm dưới là chi dục.

Điên bái: lại viết chữ điên điên hai chữ tượng hình đều đồng nghĩa. Ngược lại âm đô hiền, âm dưới là bổ muội, có nghĩa là té ngã ngữa, ngã nhào. Trong văn kinh viết từ bộ khuyển viết thành chữ là chẳng phải vậy.

****

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ TÁT - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Loa cổ: ngược lại âm trên cô qua. Âm và nghĩa quyển thứ ba mươi trước. Kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân, quyển thứ tư, đã giải thích

rồi. Trong kinh văn viết chữ lụy viết thành chữ khõa nghĩa là con tò vò là chữ văn thường hay dùng, chữ chánh xưa nay viết thành chữ loa này vậy.

Hữu âm: ngược lại âm ấp kim. Trong văn nói giải thích có nghĩa là âm thanh, phát sinh nơi tâm có khớp, từng khớp mà phát ra tiếng nói gọi là âm. Quảng Thương gọi là từ nơi một góc long vũ nhỏ nhất mà phát ra tiếng nói âm thanh. Lại có nghĩa là bát của nhạc cổ điển là kim thạch, trúc, ty, bào, thổ, cách, mộc cũng nói bao hàm một trong kinh viết từ bộ khẩu viết thành chữ ám. Trong văn nói nghĩa là từ giữa nước Tề, Tống giải thích có nghĩa là đứa trẻ khóc không ngừng. Gọi là ám, đây chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ TÁT
QUYỂN 2

Khí hư: ngược lại âm hứa cư, tiếng Phạm gọi là chiên đà la, nghĩa là giai cấp thấp hèn.

Cúc ư: ngược lại âm cư lục. Trong Mao Thi truyện cho rằng hai tay gọi là cúc. Trong văn nói giải thích chữ cúc viết từ bộ thủ viết thành chữ cúc thanh tĩnh. Âm trên đều đồng âm cúc hoặc là viết trên bộ bao đến bộ mễ viết thành chữ cúc. Trong văn cổ thì viết cũng viết thành chữ cúc đều thông dụng âm bao thanh bao.

Dũng xuất: ngược lại âm dung chủng. Lưu Triệu chú giải trong công dương truyện rằng có nghĩa là nước trào ra, dâng lên, tăng vọt lên. Trong văn nói là từ bộ thủy, thanh dũng. Trong văn kinh viết từ bộ túc viết thành chữ dũng này, chữ dũng này nghĩa là chân nhảy lên. Nghiên cứu thanh loại cũng là chữ dược nghĩa là nhảy lên. Chữ dược này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ TÁT
QUYỂN 3

Thừa lãm: ngược lại âm lam cảm, Khảo Thanh thì cho rằng thâu nhận lấy Quảng Nhã giải thích nghĩa là lấy. Vương Dật chú giải rõ ràng

từ này nghĩa là cầm lấy giữ. Trong văn nói tự bộ thủ thanh lãm văn cổ viết lãm này cũng thông dụng.

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ TÁT
QUYỂN 4

Áp du âm áp Khảo Thanh gọi là chữ áp là đè nén giống như chữ trấn cũng đè nén. Trong văn nói từ bộ thổ thanh áp. Trong văn nói từ bộ thổ thanh áp, từ bộ hán là bờ từ bộ áp đến ân phục như vậy trong kinh văn viết chữ áp cũng là văn thường hay dùng vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT MINH ĐỘ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Hữu diệt: ngược lại âm nhàn yết. Khảo Thanh cho rằng là thông minh lanh lợi. Tiếng địa phương gọi là có trí tuệ. Trong văn nói từ bộ hắc thanh kiết.

Nê hoàn: âm dưới là hoạt quan tiếng Phạn, hoặc gọi là Niết-bàn.

Quần bối: ngược lại âm bôi muội Tống Trung chú giải trong kinh Thái Huyền rằng: chữ bối giống như chữ loại, nghĩa là một nhóm, một lũ, loại, giống loại. Trong văn nói từ bộ xa thanh phi; hoặc viết từ bộ bắc viết thành chữ bối cũng là văn thường hay dùng vậy.

Dâm dật: ngược lại âm dĩ châm. Khảo Thanh cho rằng người đàn bà nhiều ham muốn. Trong văn tự tập lược giải thích là nam nữ giao hợp không chánh đáng. Trong tả truyện gọi tham sắc là dâm. Trong văn nói gọi là tư dật nghĩa là vụng trộm thông dâm với nhau. Từ bộ nữ thanh dâm, âm dưới là dần chất. Quảng Nhã cho rằng dật cũng là dâm chữ chánh xưa nay từ bộ lực thanh. Trong kinh văn đều viết từ bộ thủy viết thành chữ dâm dật dâm quá ngược lại âm quai. Trong kinh văn viết bộ này là sai vậy.

Khể thủ: ngược lại âm trên hề lễ. Trịnh Tiển chú giải trong sách Chu Lễ rằng chữ khể thú là cái đầu sát đất vậy. Trong văn nói cho rằng từ bộ chỉ đến bộ khể thanh tĩnh, chữ khể âm hề từ bộ hòa âm hòa kê từ bộ hòa thanh giả là chẳng phải vậy. Văn cổ viết khể từ bộ chỉ đến bộ cổ chữ vậy.

KINH PHẬT THUYẾT MINH ĐỘ
QUYỂN HẠ

Khôn đầu: ngược lại âm quật côn. Khảo Thanh gọi là cạo bỏ tóc trên đầu đi. Trong văn nói có nghĩa là người lớn cạo bỏ râu tóc trên đầu gọi là khôn. Trẻ nhỏ cạo tóc trên đầu gọi là thế, nghĩa là cạo tóc trên đầu bỏ đi vậy. Từ bộ tiêu thanh thanh kỷ. Trong kinh văn viết chữ tiêu. Trong văn thường hay dùng có nghĩa sai, tóm lại là chẳng phải chữ vậy, âm tiêu ngược lại là âm tất diêu.

Thích tu: ngược lại âm trên thinh đích Khảo Thanh, chữ thích cũng gọi là thế phát, nghĩa là cạo bỏ râu tóc vậy. Trong văn tự điển nói từ bộ đao thanh dị cũng viết là thích này vậy.

Quyên phi: ngược lại âm trên ư chuyên. Âm nghĩa quyển thứ ba mươi lăm trước. Trong kinh Bồ-tát thệ. Trong kinh đã giải thích xong rồi.

Suyển động: ngược lại âm như chuẩn âm nghĩa quyển thứ ba mươi lăm trước, trong kin trưởng giả từ thể đã giải thích xong.

Bệ lệ trung: ngược lại âm trên bi bế âm dưới là thứ lê đế. Tiếng Phạm gọi chung tên của loài ngạ quỷ.

Khảo lược: âm trên khảo âm dưới lương thượng. Trịnh Tiển chú giải trong sách lễ ký rằng: chữ lược nghĩa là đấm nện, trị, trừng trị người. Chữ chánh xưa nay từ bộ thủ, thanh lượng tỉnh.

****

KINH TRUNG ẤM - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Hạp thiên: ngược lại âm ô hợp, dịch là hữu quang thọ. Trong kinh có viết A-ba thiên cũng đồng một tên. Nghĩa là nhị thiền, sơ thiền, thiểu quang thiên vậy, tên các cõi trời.

Tu trệ thiên: ngược lại âm trừ lệ. Trong kinh đạo hạnh viết, tu định thiên ngược lại âm đồ kế đinh kế hai âm. Lại viết tu đới thiên, âm đế lâu khói. Trong kinh lại viết sơ thiên. Âm đế đều là tiếng Phạm chuyển đọc là sai. Trung Hoa dịch là thiện quán thiên, tức thiện kiến vậy.

Sang vưu: thể chữ viết vưu lưu. trong văn viết là mặt cũng đồng ngược lại âm hữu lựu văn thông dụng, thể mục viết là vưu. Trong kinh văn viết là vị nghĩa là mụn nhọt, cái sẹo, ngược lại âm vị lý. Thương

Hiệt giải thích chữ vị là sẹo, vết thương vậy.

Đẩu tẩu: lại viết chữ tẩu cũng đồng nghĩa ngược lại âm tô tẩu tiếng địa phương nghĩa là bước cao lên. Chung quanh các chữ khó là đẩu tẩu, cù cốc bình ngược lại âm đô nghị, âm dưới là âm đô cốc. Trong văn kinh viết chữ đẩu di, hai chữ tượng hình, âm đồng, chữ sách đều chẳng phải thể chữ vậy.

KINH TRUNG ẤM
QUYỂN HẠ

Trịch quyến: giải thích văn chữ cổ nghĩa là hẹn gặp. Văn cổ viết tuyết. Nay viết chữ tiện đồng ngược lại âm tư tiện nghĩa là hạ tiện thấp hèn. Đây có nghĩa là sợi chỉ may áo vậy.

Kiếm vẫn: văn cổ viết chữ vẫn này cũng đồng nghĩa. Nghĩa là phân ra, văn thông dụng từ bộ vật vẫn gọi là vẫn đó. Công Dương Hy gọi là công danh không toại nguyện nên tự vẫn nghĩa là tự cắt cổ tự sát. Hà Lưu gọi là vẫn hạt nghĩa là tự cắt cổ mà chết, âm đậu.

****

KINH ĐẠI PHÁP CỔ
(Không có âm chú giải thích.)

****

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI BÍ MẬT TẠNG
(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH VĂN THÙ VẤN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Đa nhi: ngược lại âm di thị.

Bao tự: ngược lại âm phụ giao.

La tự: ngược lại âm lực khả ba câu đều là tiếng Phạn.

KINH VĂN THÙ VẤN
QUYỂN HẠ

Để khả: ngược lại âm cổ ngã. Núi tên luật chủ cư.

Nhưng sơn: ngược lại âm nhi chứng âm dưới là nhi chưng lại viết chữ nhận cũng tên luật chủ cư vậy.

Chu hàng: lại viết hàng cũng đồng, ngược lại âm hà đường. Tiếng địa phương gọi là từ cửu ải ở phía đông, hoặc gọi là chu tức là chiếc thuyền, chiếc thuyền đi qua sông, chiếc thuyền tế độ, cứu vớt vậy.

Tăng cương: ngược lại âm tắc hằng là tên chung của loại lưới đánh cá, dùng bốn cây gỗ thẳng cột treo lên, kéo trong nước gọi là kéo cá vậy.

Khóa thượng: ngược lại âm khổ triệu nghĩa là nhón gót nhảy qua, chữ lâm khóa độ nghĩa là vượt qua sông vậy.

Tần ngưu: ngược lại âm tật tân, chữ tóm lược gọi tên khác của con trâu, bò vậy.

Ba đà: ngược lại âm thái há.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI VẤN BỒ TÁT THƯ - *Huyền Ứng soạn.*

Pha thị: ngược lại âm bỉ bì, âm dưới là chủy nhĩ là tên của vị Tỳ-kheo.

Nghê tam bạt: ngược lại âm ngũ lễ, âm dưới là mãn mạt tên của người vậy.

Đề cách: ngược lại âm công nặc. Trong văn nói nghĩa là dưới nách, Tỳ Thương giải thích rằng ở phía sau khuỷu tay, cùi chỏ.

Phân chẩn: ngược lại âm chi nhẫn tên của đạo Bà-la-môn.

Kiều tuyền: ngược lại âm tự tuyên. Trong kinh văn viết điền tuyền hai chữ tượng hình này là chẳng phải vậy.

Yểm thậm: ngược lại âm ô cảm. Âm dưới là tha cảm, nghĩa là không rõ ràng, rất đen, sâu thăm thẳm, đen ngòm.

Ngã tế: lại viết chữ tế. Ngược lại âm từ hề. Trong văn nói có nghĩa là âm giữ lấy di vật vậy.

****

KINH THIÊN PHẬT NHÂN DUYÊN - *Tuệ Lâm soạn.*

Tần loa: âm la tiếng Phạm. Trong kinh văn lại viết duyên nay chữ hay thường dùng viết loa đều chẳng phải thể vậy.

Kiện liên: âm trên là kiền tiếng Phạm.

Bạc đà: ngược lại âm trên mãn vị, tiếng Phạm.

Ma hầu: âm dưới là hầu tiếng Phạm.

Ưu-đàm-bát: Âm trên ưu âm giữa đàm tiếng Phạm, văn cổ viết như vậy.

Hư đào: ngược lại âm trên hạo cao văn thường hay dùng, viết cho đúng là chữ hiệu, ngược lại âm đạo lao Chu Dịch giải thích rằng: trước khóc rống, sau lại cười. Cố Dã Vương cho rằng: khóc lớn tiếng, gào thét. Quảng Nhã gọi là hót, chữ xưa nay viết là hao đào, có nghĩa khóc rống, đều từ bộ khẩu thanh hổ triệu bộ khẩu thanh.

Dung đồng: ngược lại âm trên dục chung. Ngược lại âm dưới đồ đông. Trong Hán thư giải thích chữ dung cái lò đúc kim. Lại gọi chỉ là đúc kim cũng giống như chốt đầu trục xe. Trong văn nói gọi là đồng màu đỏ, màu vàng, cũng là loại đúc ra kim khí, hai chữ đều từ bộ kim thanh hình. Đây là giải thích chữ vậy.

Sang vưu: ngược lại âm sở trang. Khảo Thanh thì có nghĩa là tiếng rên la vì mụt nhọt đau. Hoặc viết chữ sang là mục, dùng dao rạch vào thịt có nghĩa là mổ cái mụt. Chữ nhẫn nhất có nghĩa là một nhát dao, chữ tượng hình, ngược lại âm dưới là hữu cầu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng đau mụt nhọt. Khảo Thanh cho rằng da bị trúng phong kết tụ lại thành mụt. Chữ chánh xưa nay từ bộ tật thanh vưu, hoặc viết vưu này, lại viết chữ vưu có âm hữu là chẳng phải vậy.

****

KINH NGUYỆT THƯỢNG NỮ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Hiếp hách: tiếng địa phương viết là huých cũng đồng nghĩa, ngược lại âm hồ cách nghĩa là dùng sức mạnh, uy thế khủng bố dọa nạt người vậy.

Ha hiết: ngược lại âm hỏa yết. Quảng Nhã giải thích, nổi giận, nổi cáo. Tỳ Thương cho rằng quát tháo, quở trách. Trong kinh văn viết chữ khác, ngược lại âm ất giới có nghĩa là uống nước vậy.

Tước đóa: ngược lại âm đồ quả, nghĩa là người con gái ở trên bức tường thành. Trong kinh văn viết đọa lạc nghĩa là rơi xuống bùn chữ đọa là chẳng phải thể vậy.

Liêu song: ngược lại âm lực điêu Thương Hiệt biên soạn giải thích là cái liều tranh, cũng có nghĩa là mặc quần áo vậy.

Tảo xuyết: lại viết chữ chuyết cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chi duyệt, sách Nhĩ Nhã giải thích là cậy cột đòn dông nhà gọi là xuyết, chú giải rằng là cây cột thấp lèm. Thương Hiệt giải thích là cái cán gáo.

- QUYỂN HẠ (Không có âm để giải thích.)

****

KINH PHẬT ĐỊA - *Huyền Ứng soạn.*

Miễu nhiên: ngược lại âm sam phiêu. Quảng Nhã giải thích nghĩa là người diệt mắt, cũng gọi là mắt viễn thị, nghĩa là nhìn xa xa cảnh vật tịch mặc không biết đâu là bến bờ vô cùng tận, mênh mông.

Sở đô: ngược lại âm đỗ hồ. Trong tông miếu của vua gọi là đô thành, mà thàn cũng gọi là đô, nơi có người tụ hội đông nhiều gọi là đô, hiện nay gọi là đô thành.

****

KINH PHẬT THÙY BÁT NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*

Mậu dịch: ngược lại âm trên mao hậu. Cố Dã Vương giải thích chữ mậu giống như chữ dịch, nghĩa là giao dịch, trao đổi qua lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng là bán hàng ra. Trong viết từ bộ bối thanh dậu.

Khẩn thổ: ngược lại âm khang hận chữ thượng thanh. Thương Hiệt biên soạn giải thích là khai khẩn đất đai, cày ruộng. Tiếng địa phương cho rằng ra sức cày ruộng. Quách Phác giải thích rằng người dùng sức lực cày ruộng. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thổ thanh khẩn.

Tiết mạn: ngược lại âm tiên liệt. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng chữ tiết cũng giống chữ mạn, có nghĩa là khinh lờn, xem thường. Tiếng địa phương cũng gọi là khinh mạn, trong văn nói viết từ bộ nữ thanh diệp, âm diệp điệp.

Bí chế: ngược lại âm bi mị. Cố Dã Vương gọi chữ bí có nghĩa là dây cương để điều khiển con ngựa. Trong văn nói gọi là cỡi ngựa phải có dây cương. Chữ viết từ bộ xa và hai bộ ty là sợi dây cung với bộ liên cũng đồng ý nghĩa âm xa âm vị. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ bí là chẳng phải.

Khinh táo: ngược lại âm tao đáo. Trịnh Huyền giải thích trong luận ngữ rằng chữ táo là không an định. Khảo Thanh thì có nghĩa tính nóng nảy. Trong văn nói từ bộ túc đến bộ táo âm tao đáo.

Đằng dược: âm trên là thù đăng ngược lại âm dưới là dương chước quyển thứ ba mươi bốn trước, tân dịch kinh Nghiêm Mật quyển thượng đã giải thích xong.

Hắc nguyên: ngược lại âm ngoạn hoàn, quyển thứ ba mươi ba trước, kinh quyết định tổng trì đã giải thích âm rồi.

Tích lịch: ngược lại âm trên sơ mịch, ngược lại âm dưới là linh địch, quyển thứ ba mươi trước. Kinh Đại Phương Quảng Bảo Khiếp quyển thượng đã giải thích rồi. Trong kinh viết từ bộ túc viết thành chữ tích này là chẳng phải vậy.

Toàn hỏa: ngược lại âm tổ quan, âm nghĩa quyển thứ ba mươi lăm trước. Trong kinh Lão Mẫu đã giải thích đủ rồi.

Trước khải: ngược lại âm trang lược, ngược lại âm dưới là khai cải. Âm nghĩa quyển thứ ba mươi lăm trước, trong kinh Thuận Quyền Phương Tiện đã giải thích xong.

****

KINH XUẤT SANH BỒ ĐỀ TÂM

Ca-lan-đà: hoặc nói ca-lan-đà-ca hoặc nói yết-lan-đặc-ca là tên của một loài chim thước, còn gọi là chim khách. Loài chim này lông đen bụng trắng đuôi dài. Tục gọi chim này hót rất hay, có điềm mừng cho nên gọi là chim hỷ thước. Ở trong kinh kể rằng trong rừng bi niểu-bà-na, đây dịch là Trúc Lâm, còn gọi là rừng trúc lớn, loài chim này bay đến đâu nơi đây rất đông. Xưa có một vị quốc vương đến nơi rừng này ngủ nghỉ, bỗng có con rắn bò tớii muốn cắn hại nhà vua, ở trên cây con chim thước hót lên làm nhà vua tỉnh giấc choàng dậy, thoát khỏi con rắn làm hại, nên nhà vua nhớ ơn con chim này mà rãi thức ăn nuôi dưỡng. Khu rừng này là chỗ ở của các vị cư sĩ, nên từ đây nhà vua đặc tên cho con chim tên ca-lan-đà. Lâu về sau theo phái ngoại đạo mà vâng theo

như vậy.

Câu trí: hoặc nói câu huyền, đây gọi là thiên vạn hoặc gọi là ức mà cũng không đồng cho nên có bổn này vậy.

Miển mạc: ngược lại âm nải hậu, âm dưới là mạc hồ.

Hu phục vĩ: ngược lại âm y vu, hệ lý ngược lại âm dưới là kế âm trên là dĩ thượng đều là tiếng Phạm.

****

KINH DIỆT THẬP PHƯƠNG MINH - *Huyền Ứng soạn.*

Ưu chước: ngược lại âm chi nhược, chữ dưới là chước ngược lại âm ưu nghĩa là lo buồn, sầu não đau khổ vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT MA NI LA ĐÀN - *Tuệ Lâm soạn.*

La-đàn kinh: ngược lại âm trung đan lan. Đề mục kinh là tiếng Phạm.

Mục huyền: ngược lại âm huyền quyên. Quảng Nhã giải thích có nghĩa là huyễn hoặc, lẫn lộn, hoa mắt. Thương Hiệt biên soạn giải thích là nhìn không rõ, chữ tượng hình thanh tự.

Man đề: tiếng Phạm. Chữ này lấy trong thanh loại nên không hợp giải thích.

Bá kiển: ngược lại âm trên ba ngã, ngược lại âm dưới là cư yên. Quyển thứ ba mươi bốn trước đầu kinh Lăng Nghiêm Tam-muội, quyển thượng đã giải thích rồi.

Yết tử: ngược lại âm trên yển hiết. Trong văn nói có nghĩa là bị trúng nắng sốt nhiệt. Viết từ bộ nhật thanh yết hoặc viết chữ yết, chữ cổ. Trong kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ yết này là chẳng phải.

Ô trì: ngược lại âm ốc cổ. Quảng Nhã giải thích là cái ao trủng. Trong Quốc ngữ giải thích là nguồn suối bị tắt nghẽn làm cho ao nước dơ. Giả Quỳ giải thích rằng ao nước dơ lớn gọi là hoàng, ao nước dơ nhỏ gọi là ô. Trong kinh văn viết chữ ô này là văn thường hay dùng, cũng thông dụng, lại là thanh khứ, ngược lại âm qua ngọa. Sau hai âm nay đều không lấy ra dùng vậy.

Khổn thần: ngược lại âm hồn khốn. Trong văn nói gọi là nhà xí

(nhà vệ sinh) từ bộ vi đến bộ trĩ ở trong bộ. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ khổn này là chẳng phải nghĩa trong kinh âm vi thanh vi.

****

KINH DỊ XUẤT BỒ TÁT BỔN KHỞI

(Không có chữ giải thích.)

****

KINH NGUYỆT MINH BỒ TÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Thân lý: ngược lại âm lực kỷ. Trịnh Tiển chú giải trong sách lễ ký rằng: chữ lý cũng giống như chữ tánh. Lại gọi là luân loại, chữ lý là phân ra. Nay phân ra làm nhiều lý do có nghĩa là hai mươi lăm nhà là một lý. Trong một phương cư là một lý. Hiện nay gọi là phường, xã, ấp vậy, cũng là văn thông dụng. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ ngọc thanh lý.

****

KINH TÂM MINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Chấp thoán: ngược lại âm thất loan Trịnh Tiển chú giải Chu Lễ rằng: chữ thoán tức là nay gọi làcái lò nấu cơm vậy. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng: cũng là cái bếp nấu cơm. Trong văn nói đều gọi là cái lò nấu cơm. Trong văn tự điển viết từ bộ cữu giống như cái cối, dùng lấy xửng để hấp thức ăn, từ bộ quynh giống như chữ táo. Sợ cũng cũng giống cái dùi, bên trong nấu bếp. Ngược lại âm cữu cũng là âm cung lục âm quynh. Ngược lại âm quí ụy âm tỉnh củng.

Hy di: ngược lại âm trên hỷ cơ. Ngược lại âm dưới dĩ chi. Âm nghĩa quyển thứ ba mươi lăm trước. Kinh Chư Pháp Dõng Vương đã giải thích xong rồi.

Sơn cương: ngược lại âm các. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng cái sườn núi gọi là cương. Quách Phác chú giải rằng gọi là lưng núi dài. Trong văn nói viết từ bộ sơn thanh võng. Trong kinh văn viết chữ cương, trong văn thường hay dùng là sai.

Cảnh chước: ngược lại âm trên quỷ vĩnh. Thương Hiệt giải thích chữ cảnh là sáng tỏ thông suốt. Khảo Thanh gọi là giống như mở cửa sổ ra ánh sáng tràn ngập vậy, cũng giống như chữ tượng hình, ngược lại âm dưới chương nhược Quảng Nhã giải thích chữ chước cũng là sáng suốt, hoặc viết điệu cũng đồng nghĩa, từ bộ hỏa thanh chước.

Khiên cửu: ngược lại âm khương hư. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng là khiên quá có nghĩa là tội lỗi. Cố Dã Vương cho rằng phàm vật gì có lỗi đều gọi là khiên. Trong văn nói viết từ bộ tâm thanh diễn, hoặc viết tuyển là chữ cổ, cũng viết chữ diên ngược lại âm diễn thanh diển.

Ky chế: ngược lại âm ký nghi quyển thứ ba mươi lăm trước kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật đã giải thích xong rồi, hoặc viết là ky. Lại viết chữ ký đều là chữ cổ vậy.

Bút phạn: ngược lại âm bân mật. Quảng Nhã giải thích rằng: rửa, tẩy, rửa sạch hết cáo bẩn. Tỳ Thương giải thích trừ khử mồ hôi thì gọi là bút. chữ chánh xưa nay từ bộ thủy thanh bút hoặc viết là niết nghĩa là chất nhuộm màu đen, văn thông dụng thường hay dùng. Trong văn kinh viết chữ chủy phạn nghĩa cũng đồng, nghĩa là bỏ đi nước vo gạo; âm lục thanh lộc.

An lặc: ngược lại âm án hàn. Khảo Thanh cho rằng cái yên ngựa. Trong văn nói gọi là dụng cụ trải trên yên ngựa. Chữ viết từ bộ cách thanh an. Trong kinh văn viết viết thành viết thành chữ an cũng là văn thường hay dùng vậy.

Tư sở: ngược lại âm trên là tử tư. Trong Mao Thi truyện giải thích rằng chữ tư là tiền tài, tài sản. Trong văn nói gọi là hàng hóa, từ bộ bối thanh.

Tội hấn: ngược lại âm hân cận. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng chữ hấn là hiềm khích thị phi. Quyển thứ ba mươi hai trước âm nghĩa trong câu văn vô sở hữu hy,. Trong kinh văn đã giải thích xong rồi.

****

KINH PHẬT THUYẾT THIỆN DẠ - *Tuệ Lâm soạn.*

Báng độc: ngược lại âm trên truyện khoáng âm dưới là đồ lộc. Quách Phác chú giải tiếng địa phương gọi là vu khống, nói xấu, chê bai, oán giận đau khổ. Chí Đỗ giải thích trong tả truyện rằng cũng chê bai nói xấu. Trong văn nói gọi là hủy báng từ bộ ngôn thanh bàng chữ độc

từ hai bộ ngôn thanh độc, âm độc dục âm cạnh.

Đấu tranh: ngược lại âm đương cấu Cố Dã Vương cho rằng: xưng binh tướng đánh với nhau gọi là đấu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: đấu là tranh giành với nhau, văn thông dụng gọi là cùng nhau lôi kéo tranh giành gọi là đấu, chữ đấu cũng có nghĩa là cạnh tranh với nhau, ra sức tranh dành, biên soạn theo vận âm, có nghĩa là gặp nhau giao tranh địch chiến. Trong văn nói có nghĩa là hai bên tướng sĩ, dùng binh khí đánh với nhau, chữ tượng hình ở sau có nghĩa là muốn tranh đấu với nhau, từ bộ khí hộ tương đối là chữ đấu. Cũng viết là chữ hội ý, lấy âm khí viết thành chữ kích lấy cung ngọc. Các nhà Nho cùng đấu chũ với nhau, trong thấy rất rắc rối, nên viết thêm chữ cận là thành chữ đấu lấy làm giản biệt về sau thay thế chữ khác lại không hiểu nghĩa, thân sợ thảo là dư, lại giữa đôi chữ là sợ đậu từ chữ đấu đến chữ đậu từ chữ cận viết thành chữ đấu. Vì sử dụng lâu rồi không thể sửa đổi, cải chánh được, âm cận cân điệu cũng là chữ cổ. Văn cổ viết là chữ trác cũng là chữ cổ.

****

KINH ĐỨC QUANG THÁI TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Yết tùy: hoặc viết yết tỳ, hoặc viết ca tỳ, hoặc viết da tỳ đều một vật. Đây dịch là tiếng hót hay của con chim. Trong kinh văn viết từ bộ điểu viết thành chữ yết là chẳng phải vậy.

Bần lũ: ngược lại âm cù cư. Trong Kinh Thi gọi là cuối cùng nghèo nàn mà lại bần hàn. Trong tả truyện gọi là người nghèo không có lễ nghĩa. Chữ trong sách giải thích nghèo là không tất cả vậy, nghĩa là rỗng không.

Nhiêu hại: lại viết chữ cổ cũng đồng nghĩa, ngược lại âm giao khổ, âm dưới là khổ hại hai âm. Khổ yết, Tam Thương giải thích cổ hại nghĩa là cùng nhau gõ đánh. Trong văn kinh viết là đóa, ngược lại âm nô bào, lại viết chữ khóa ngược lại âm cổ đại đều chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Lô tư: ngược lại âm lực hồ âm dưới là từ ?thời gian. Sách Nhĩ Nhã cho rằng con chim hỷ chim báo tin vui. Quách Phác gọi là con chim lô nhạc, nó giống như chim phụng, đầu mỏ nhọn như móc câu tự bắt cá ăn. Ở Trung Quốc gọi là chim thủy nha, giống như con quạ lông màu đen, con chim này thọ thai mà sanh ra từ miệng, khi sanh ra một lần tám chín

con vậy.

Lang đang: ngược lại âm lạc đang, âm dưới là đô đường. Trong văn nói chữ lang đang nghĩa là vụn vặt lặt vặt. Văn thông dụng nghĩa là quả cân gọi là lang đang vậy.

****

KINH THƯƠNG CHỦ THIÊN TỬ SỞ VẤN - *Tuệ Lâm soạn.*

Bì quyện: ngược lại âm trên là bị mi. Cố Dã Vương gọi chữ bì cũng là mệt mõi, mà quyện cũng là mệt mõi. Quảng Nhã gọi là bịnh, chữ chánh xưa nay viết là lao nghĩa là lao nhọc. Từ bộ tật thanh bì, ngược lại âm dưới là quyền viện. Quyển Nhã gọi là mõi mệt, lao nhọc. Cố Dã Vương gọi là cũng mệt mõi. Trong văn nói viết từ bộ nhân thanh quyện. Trong văn kinh viết chữ quyện này. Trong văn nói viết khoán đều là văn thường hay dùng vậy.

Giải đãi: ngược lại âm cổ mại. Trong kinh văn viết chữ giải này có nghĩa là làm biếng nhác, lơ đểnh, cũng là văn thường hay dùng. Âm nghĩa quyển thứ ba mươi ba trước trong kinh Đại Thừa Già Da Sơn Đảnh đã giải thích xong rồi.

Khuyết giảm: ngược lại âm đại quyết quyển thứ ba mươi hai trước, trong kinh Di-lặc Hạ Sanh Thành Phật đã giải thích xong rồi. Âm dưới là giáp trảm. Chí Đỗ giải thích trong tả truyện rằng nghĩa là giảm nhẹ. Trong Hàn Thi ngoại truyện cho rằng thiếu. Chữ chánh xưa nay gọi là chữ tổn nghĩa là tổn giảm, từ bộ thủy thanh hàm vậy.

****

KINH SA MA BÀ ĐẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Danh-ba-đô-nô: ngược lại âm nhược da tiếng Phạm. Tên áo của vua Tần-bà-sa-la.

****

KINH MA NGHỊCH - *Tuệ Lâm soạn.*

Dương toại: văn cổ viết là toại toại hai chữ tượng hình, nay lại viết thuộc thanh loại hoặc viết chữ toại cũng đồng. Ngược lại âm từ túy lại

cũng viết chữ toại này nghĩa là dụng cụ lấy lửa từ mặt trời. Trong luận ngữ giải thích rằng: dùi một cái lổ để lấy lửa, sửa đổi lại là chữ diệt nghĩa là dập tắt lửa. Chữ chánh xưa nay đều gọi là dụng cụ lấy lửa, từ bộ hỏa thanh toại.

Đường đột: ngược lại âm đồ lang âm dưới là đồ cốt. Quảng Nhã giải thích rằng là xúc phạm, mạo phạm xông vào tấn công. Chữ trong sách có nghĩa là lau chùi. Chữ chánh xưa nay hai chữ đều từ bộ thủ thanh đường độc.

Nguyên xá: ngược lại âm ngư viễn, nguyên do tha tội nhân, thả tù nhân Ngụy Chí xét thấy giữa tội không có nguyên do nên thả ra vậy, ngược lại âm dưới thư hạ. Tam Thương giải thích chữ xá là xả là buông thả ra. Trong sách Chu Lễ luật lệ nắm bộ hình chia có ba pháp xá, một là ân xá cho kẻ ấu niên, hai là ân xá cho người già bịnh tật, ba là ân xá cho kẻ ngu si đần độn. Trong văn nói giải thích chữ xá nghĩa là khoan hồng, miễn tội chữ viết từ bộ phộc thanh xích.

****

KINH CHƯ PHÁP TỐI THƯỢNG VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Khánh khái: ngược lại âm trên khinh tổn âm dưới khai cải, quyển thứ ba mươi ba trước đã giải thích rồi.

Bã-đa long vương: ngược lại âm trên ba ngã tiếng Phạm.

****

KINH PHẬT THUYẾT PHẬT ẤN TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Cầm thú: ngược lại âm trên cập kim. Trong kinh quyển thứ ba mươi ba trước. Kinh Lão Mẫu đã giải thích xong rồi. Trong kinh viết từ bộ khuyển viết chữ cầm thú là chẳng phải vậy.

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI BÁT NIẾT BÀN - *Tuệ Lâm soạn.*

A-mâu-trá: tên thật tiếng Phạm.

KINH LỘC MẪU - *Tuệ Lâm soạn.*

Kinh trung: ngược lại âm cường hướng Khảo Thanh thì có nghĩa là lấy cung giăng ra con đường gọi là kinh. Nay lại viết chữ liệp là dụng cụ ở trong nhà dùng để bắt chim, bắt chuộc hình dạng giống như cây cung. Trong văn tự điển, văn nói lại viết từ bộ cung thanh kinh. Trong văn kinh lại viết chữ cường cũng là văn thường hay dùng.

Phanh trở: ngược lại âm phổ canh nghĩa là nấu nướng, cũng có nghĩa là nóng nhiệt, ngược lại âm dưới trắc lữ chữ trong sách là trở kỷ nghĩa là cái thớt. Chữ chánh xưa nay gọi là mân lễ, từ chữ ở trên là âm thư.

****

KINH LỘC TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Quỳnh quý: văn cổ cũng viết chữ quỳnh quỳnh hai chữ tượng hình đều đồng nghĩa, ngược lại âm cự dinh. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng chữ quỳnh là cô đơn vậy. Trong Mao Thi truyện gọi là cô đơn không nơi nương tựa, lại gọi là dáng mạo ưu tư lo buồn, chữ chánh xưa nay từ bộ khí thanh dinh tình. Ngược lại âm dưới là cự quý có nghĩa là sợ hãi không định tâm, cũng gọi là tâm động vậy.

U u: lại viết chữ u cũng đồng âm u. Trong Mao Thi truyện gọi u u là tiếng hưu nai kêu. Trong tả truyện gọi là con nai được cỏ tốt chúng kêu nhau đến để ăn. Chữ chánh xưa nay gọi là tiếng con nai kêu, chữ viết từ bộ khẩu thanh ấu.

****

KINH PHẬT THUYẾT HIỀN THỦ - *Tuệ Lâm soạn.*

Bạt-đà sư lợi: ngược lại âm trên là bàn-bát. Tiếng Phạm là tên của vợ vua Bình Sa. Âm bình ngược lại âm tinh minh.

Hy hý: ngược lại âm trên là hỷ kỳ. Thương Hiệt biên soạn cho rằng hy hý là cười đùa giỡn cợt. Trong văn nói gọi là vui. Từ bộ nữ thanh hỷ ngược lại âm dưới hy ký. Khảo Thanh cho rằng pha trò, đùa nói khôi hài. Trong Mao Thi truyện gọi là nhàn nhã vui đùa do dự. Trong sách Nhĩ Nhã gọi là pha trò lẳng lơ, cười ngạo, đóng kịch hài.

Chữ trong sách gọi là vui đùa. Chữ chánh xưa nay từ bộ qua thanh hý âm hý ngược lại là âm hân y.

****

KINH THỌ TRÌ THẤT PHẬT DANH HIỆU SỞ SANH CÔNG ĐỨC

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI Ý - *Tuệ Lâm soạn.*

Hiểm trở: ngược lại âm trên hiếp kiểm âm dưới trắc lữ. Cố Dã Vương gọi là hiểm nạn nghĩa là chỗ nguy hiểm khó khăn. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: chữ trở cũng là hiểm nạn. Trong văn nói viết đều từ bộ phụ bộ kiểm thanh trở. Trong kinh văn viết từ bộ sơn viết hiểm trở là chẳng phải chữ vậy. Âm kiếm ngược lại âm thiếp diêm âm trở ngược lại là dư rồi vậy.

Lãm thúc: ngược lại âm trên lam cảm. Trước kinh vô sở hữu Bồ-tát quyển thứ ba đã giải thích rồi vậy.

Biện thổ: ngược lại âm phân vấn. Quảng Nhã giải thích rằng chữ biện làtrừ bỏ đi. Trong văn nói cũng giải thích biện là trù bỏ đi từ bộ Quan Bạc nói giống như bộ mễ mà chẳng phải bộ mễ, văn cổ viết từ bộ thỉ. Trong kinh viết từ bộ thổ viết thành chữ hoặc từ bộ mễ viết cũng chẳng phải chữ âm cũng âm âm bát bàn.

Kỳ hành: ngược lại âm trên kỷ ky Cố Dã Vương gọi là chân trước của con nai, loại thú đi nối gót. Trong văn nói thì gọi là côn trùng, từ bộ trùng thanh kỳ hoặc từ bộ túc viết thành chữ kỳ âm nhu quẩn.

****

KINH PHẬT THUYẾT KIÊN CỐ NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hiệu thắng kiên cố Như Lai: chữ thắng ngược lại âm thăng chứng. Trong kinh viết từ bộ nữ viết thành chữ thắng thắng là chẳng phải vậy.

****

KINH LY CẤU HUỆ BỒ TÁT VẤN LỄ PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Tích chung quan: ngược lại âm trên ti tích. Chu dịch gọi là đóng cửa lại cũng gọi là kiền, nghĩa là bát quái. Trong văn nói gọi là đóng cửa, mở cửa. Từ bộ môn thanh tích. Ngược lại âm quán ngoan quyển ba mươi lăm trước kinh Di-lặc Hạ Sanh Thành Phật đã giải thích xong rồi vậy.

Đức khóa: ngược lại âm dưới là khoa hóa. Cố Dã Vương gọi chữ khóa nghĩa là nhấc chân lân. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằng nghĩa là vượt qua bên kia. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng là cái đùi. Trong văn nói gọi là vượt qua bên kia bờ, lại gọi là lấy chân bước là khóa từ bộ túc thanh khoa.

Thắng biện: ngược lại âm trên là thăng chứng. Khảo Thanh gọi là sức mạnh. Trong văn nói viết từ bộ lực thanh thắng âm thắng ngược lại âm trầm cẩm. Trong kinh văn viết từ bộ nguyệt viết thành chữ thắng văn thường hay dùng là chẳng phải vậy.

Tịch ngũ luân: ngược lại âm trên là tịch dạ. Trong Hán thư giải thích chữ tịch là do giả mượn âm. Từ bộ cũng chữ ngũ luân đó nghĩa là đầu gối trái, đầu gối phải, tay trái, tay phải, hai tay chắp lại, trên đỉnh đầu gọi là ngũ luân, ngũ xứ, là năm chỗ đều phải sát đất tín thành làm lễ, thường thường dùng đây gọi là năm chỗ sát đất mà lễ kính Tam bảo. Khi lúc thành Phật năm chỗ này đều có ngàn trăm xe xoay vòng, tướng hiển hiện, chữ cỗ gọi là vậy.

Đồi vận: ngược lại âm trên đồ hồi. Trong sách lễ ký nói rằng: Thái sơn há dễ sụp đổ ư? Khảo Thanh gọi là hoại, hư hoại. Trong văn nói gọi là đồi trụy, nghĩa là đọa lạc. Chữ viết từ bộ phụ thanh quý. Trong kinh văn viết từ bộ hòa viết thành chữ đồi chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Ký long sóc: ngược lại âm dưới là kỳ ý. Khảo Thanh gọi là ký nghĩa là liên từ và, cùng, với. Trong văn nói viết từ bộ thư thanh ký. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ bộ nhục nghĩa là xuất mồ hôi. Đây là chẳng phải nghĩa trong kinh văn vậy.

Tựa đầu kinh dĩ thượng dĩ hạ kinh văn.

Thích hứa. Ngược lại trên là thích minh. Khảo Thanh gọi là nghe theo. Trong văn nói viết từ bộ đức bộ nhỉ thanh nhậm chữ đức bản cổ viết là đức chữ đức ngược lại âm nhậm cũng là âm thích tỉnh.

****

KINH HỮU NHIỄU PHẬT PHÁP CÔNG ĐỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Thương mẫu ngược lại âm lâm tẩm. Khảo Thanh gọi là chữ mẫu giống như chữ thương nghĩa là cái kho chứa. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng là cái kho chứa gạo, gọi là mẫu. Trong văn nói từ bộ nhân bộ hồi giống như chữ ốc là cái nhà, ở trong có nhà nhỏ có khách ở vách cửa sổ làm chấn song, gọi là cái kho chứa vậy.

****

KINH TẠO THẬP CÔNG ĐỨC

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH TỊCH CHIẾU THẦN BIẾN TAM MA ĐỊA - *Tuệ Lâm soạn.*

Lê thiếp tỳ. Âm thiếp ngược lại là âm thiểm nhiếp. Tiếng Phạm, dịch nghĩa công tử dòng vương tộc (công tử dòng vua chúa).

Bảo quán. Âm dưới là hiệu mảnh. Khảo Thanh gọi là các loại đồ đồng kháng còn nguyên chất. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: Các loại kim, ngọc chưa thành đồ dùng trang sức, chữ viết từ bộ quán bộ kim âm quán. Ngược lại âm cỏ hoạn hoặc viết chữ khoáng là kim loại; hoặc từ bộ thạch viết chữ khoáng đều là văn thông dụng thường hay dùng vậy.

Tần xúc. Ngược lại âm trên là bi tân. Ngược lại âm dưới tình dục Cô Dã Vương giải thích chữ tần xúc có nghĩa là dáng ưu tư buồn rầu không vui. Khảo Thanh thì cho rằng châu mày. Trong văn nói viết từ bộ tần thành bi. Chữ chánh xưa nay là chữ xúc thúc, từ bộ túc thanh xúc vậy.

Phần đãng. Ngược lại âm trên phó văn. Khảo Thanh cho rằng chữ phần nghĩa là thiêu đốt vậy. Trong văn nói từ bộ hỏa với chữ lâm. Chữ dưới cũng là thanh loại. Ngược lại âm dưới là đường lãng. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: Chữ đãng nghĩa là trừ bỏ đi. Trong văn nói là từ bộ thủy thanh thang âm thang. Ngược lại âm sửu lang.

****

KINH HỮU ĐỨC NỮ SỞ VẤN ĐẠI THỪA - *Tuệ Lâm soạn.*

Nghi nhiên. Ngược lại âm ngưng cước. Khảo Thanh gọi là dáng núi cao. Trong văn khuê oán Chu Tòng giải thích chữ ngô nghi cũng là núi nhỏ mà cao. Trong văn nói từ bộ sơn thanh nghi. Nay không lấy âm ngô. Ngược lại âm sừ trắc.

****

KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH BẤT TĂNG BẤT GIẢM - *Tuệ Lâm soạn.*

Thị xúc. Ngược lại âm xung chúc. Quảng Nhã giải thích là tiếp xúc vâky. Trang văn nói giải thích là tiếp xúc vậy. Trong văn nói giải thích rằng: là va chạm, xúc chạm, xung đột. Chữ viết từ bộ giác thanh xúc. Trong kinh văn viết chữ xúc này là chữ cổ vậy.

****

KINH NHƯ LAI KÝ PHÁP TRỤ

Câu-thi. Trong kinh xưa hoặc viết câu-di-na-kiệt. Lại viết cứu thi-na thành. Đây là tiếng Phạm gọi là na-gia-la. Trung Hoa dịch là thành. Dịch theo văn nói là mao thành ; bởi vì thành này có rất nhiều cỏ thơm tốt có thể làm vị thuốc vậy.

Khô cảo. Trong văn cổ viết cảo. Trong văn nói lại viết chữ cảo này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm khổ đạo. Có nghĩa là cây cao bị khô héo vậy.

A-du-ca. Đây dịch là vô ưu, hoặc nói là A-dục. Tóm lại là nói sai. Nói cho đúng chính là cháu con của vua A-xà-thế vậy.

San báng. Ngược lại là âm sở gian. Thương Hiệt giải thích rằng: là phỉ báng, chê bai nói xấu sau lưng. Quảng Nhã giải thích chữ san cũng là nghĩa phỉ báng, chê bai, hủy nhục, lăng mạ.

- KINH PHẬT VI HẢI LONH VƯƠNG THUYẾT PHÁP ẤN
- KINH DIỆU SẮC VƯƠNG NHÂN DUYÊN

(Hai quyển trên đều không có âm chữ giải thích.)

****

KINH ĐẠI THỪA LƯU CHUYỂN CHƯ HỮU - *Tuệ Lâm soạn.*

Trù mật. Ngược lại âm trên là trụ lưu. Trong Mao thi truyện giải thích chữ trù cũng là chữ mật. Nghĩa dày đặc, đông đúc. Trong văn nói gọi là rất nhiều. Từ bộ hòa thanh chu. Trong văn kinh viết từ bộ mịch viết thành chữ trù nghĩa là trù mật nghĩa là nối lại, chữ này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

****

KINH SƯ TỬ TỐ ĐÀ LA VƯƠNG ĐOẠN NHỤC

Tù chấp. Ngược lại âm dưới là trăm lập. Trong Mao thi truyện gọi la trói buộc. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: cũng là trói buộc, trói thúc lại buộc chặt vào. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ mịch thanh chấp, hoặc viết chữ chấp đây là chữ cổ vậy.

****

KINH BÁT NÊ HOÀN HẬU QUÁN LIỆP

Thế hứa. Ngược lại âm thời dạ. Cố Vương gọi là vay tiền, vay nợ. Trong văn nói gọi là vay mượn. Chữ viết từ bộ bối thanh thế.

Đạt sấn. Ngược lại âm sơ cận. Trong văn tư tập lược gọi là bố thí cho chúng tăng. Chữ viết từ bộ hẩu thanh thân.

Khảo trị. Ngược lại âm trên kha lão. Khảo Thanh gọi là đánh, gõ. Trong văn nói viết từ bộ mộc, thanh thảo ngược lại âm dưới là trĩ tri. Khảo Thanh gọi là trị lý, nghĩa là xử lý công việc. Cố Dã Vương gọi là từ bộ thủy thanh dài.

****

KINH BÁT BỘ DANH PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Tộc tánh. Ngược lại âm trên tụ lộc. Sách Nhĩ Nhã gọi là từ tổ đến cha, anh em, con cháu là tộc cha. Trong văn nói viết từ bộ tộc đến bộ trĩ. Trong văn kinh viết từ bộ thủ viết thành chữ ai nghĩa là theo thứ tự, cũng là văn thường hay dùng vậy.

Sao tặc. Ngược lại âm trên là sao giáo. Quách Phác chú giải trong tiếng phương cho rằng chữ sao là dùng sức mạnh đoạt lấy vật, Quảng Nhã gọi là cướp lấy. Trong văn nói viết từ bộ kim thanh thiếu cũng viết chữ sao này có nghĩa là sao chép lại vậy.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm biên soạn

QUYỂN 45

- Bồ-tát Nội tập kinh - một quyển - Tuệ Lâm
- Bồ-tát Đầu Thân Ngạ Hổ. Một quyển.
- Sư Tử Nguyệt Phật Kinh. Một quyển.
- Kinh Bát đại nhân giác - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Trưởng giả Pháp Chí - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Tát-La quốc vương - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Am-đề-gìa nữ - một quyển - không có chữ âm giải thích.
- Kinh Thập kiết tường - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Pháp diệt tận - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Nhất thiết trí quang tiên nhân - một quyển - Tuệ Lâm - không có chữ giải thích
- Kinh Thậm thâm đại hồi hướng - một quyển - không có chữ âm giải thích
- Kinh Thiên vương thái tử Tích-la - một quyển
- Kinh Tam phẩm đệ tử - một quyển - không có chữ giải thích
- Kinh Tứ bối - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Phật thuyết đương lai biến - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh kim cang tam muội. Hai quyển
- Kinh Kim cang Tam-muội bất hoại - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Thập nhị đầu-đà - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Phật Phân Vệ. Một quyển .
- Kinh Pháp thường trụ - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Trường thọ vương - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Ưu-ba-di tịnh hạnh pháp môn - hai quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Dĩ thượng Đại thừa đơn dịch, luật dĩ hạ Đại thừa
- Kinh Bồ-tát địa trì - mười quyển - Huyền Ứng
- Kinh Bồ-tát thiện giới - Tuệ Lâm
- Kinh Tịnh nghiệp chướng - một quyển - Tuệ Lâm

- Kinh Ưu-bà-tắc Giới. Mười quyển, Huệ Lâm.
- Kinh Phạm Võng - hai quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Thọ thập thiện giới - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Phật tạng - bốn quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Bồ-tát Anh lạc bổn nghiệp - hai quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Bồ-tát giới - hai quyển - Tuệ Lâm
- Văn Bồ-tát giới yết-ma - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Bồ-tát tạng - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Bồ-tát thiện giới - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Bồ-tát Nội giới - một quyển - Tuệ Lâm
- Ưu-ba-tắc ngũ giới uy nghi - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Văn-thù tịnh luật - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Thanh tịnh tỳ-ni phương quảng - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Tịnh điều âm - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Tam tụ sám hối - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Ngũ pháp sám hối - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Thọ Bồ-đề tâm giới - một quyển - Huệ Lâm.
- Kinh tối thượng thừa thọ giới . một quyển.
- Kinh Nhập quán đảnh thọ giới - một quyển - không có chữ âm giải thích
- Kinh Tam-mạn-đà-la-bạt-đà-la - một quyển - Huyền Ứng
- Kinh Phật thuyết Bồ-tát thọ trai - một quyển - Không có từ âm nghĩa.
- Kinh Văn-thù-sư-lợi hối quá - một quyển
- Kinh Xá-lợi-phất hối quá - một quyển
- Kinh Phát luật Tam-muội - một quyển - Tuệ Lâm
- Kinh Thập thiện nghiệp đạo - một quyển - Tuệ Lâm

Năm mươi kinh trên gồm tám mươi mốt quyển đồng với âm quyển này.

PHẬT THUYẾT BỒ TÁT NỘI TẬP LỤC BA LA MẬT

Tuệ Lâm soạn.

Y trước. Ngược lại âm trên ỷ hy. Vương Tiêu chú giải trong sách thượng thủ rằng: nghĩa là nương theo hỗ trợ. Trong Mao thi truyện giải thích là dựa vào, ỷ thế dựa vào. Trịnh Tiễn gọi là nương vào y theo, nói theo sở thích, yêu chuộng. Trong văn nói viết từ bộ khuyển viết thành chữ ỷ án. Trong văn nói có nghĩa là khác, cùng với nghĩa trong kinh

khác biệt. Ngược lại âm văn lược.

****

KINH BỒ TÁT ĐẦU THÂN NGẠ - *Tuệ Lâm soạn.*

Huyền mãi. Ngược lại âm trên huyền quyên. Cũng lại âm quyên. Trong văn nói gọi là lời nói việc làm phải bằng nhau, nghĩa nói đi mua lại. Chữ viết từ bộ hành ngôn hoặc viết huyền cũng viết là chữ chánh dưới là chữ mãi.

Vọng nhuận. Ngược lại âm dưới nhuận luân. Trong văn nói gọi là nhuận nghĩa là con mắt bị động; con mắt nháy. Chữ viết từ bộ mục thanh nhuận.

Thư thích. Ngược lại âm trên là triển liệt. Bát-nhã giải thích chữ thư cũng là giống chữ thích nghĩa là loại côn trùng cắn, chích. Quảng Nhã giải thích chữ thư là loại côn trùng cắn rất đau, hoặc chữ triết cũng đồng nghĩa. Chữ chánh xưa nay từ bộ trùng thanh thư. Ngược lại âm dưới thanh song. Trong văn nói gọi là loại côn trùng đem chất độc, từ bộ trùng thanh xá.

Trụ giáp. Ngược lại âm trên chu lũ. Khảo Thanh gọi là cây cột chống đỡ, loại trụ đá. Trong văn nói từ bộ mộc thanh trụ.

Chích tiễn. Ngược lại âm chi thạch. Hoài Nam Tử gọi là con chim bài không, chân nó giống như loài cầm thú nuôi, bay thì ít mà đi thì nhiều. Thúc Chung chú giải rằng giẫm đạp lên mà đi. Trong văn nói từ bộ túc thanh giá. Trong kinh văn từ bộ lộc viết thành chữ lộc này là sai lầm vậy.

Tích ba. Ngược lại âm tinh tích. Khảo Thanh loại thì gọi là dừng chân lại, cây khô đầy khắp không thể đi. Tóm lược âm vận bá là không thể đi. Trong văn nói viết từ bộ chỉ ? thanh tích. Trong kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ tích này là sai, hoặc viết chữ tích này là văn thông dụng vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT SƯ TỬ NGUYỆT PHẬT

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Nguy thúy. Ngược lại âm dưới là thuyên tuế.

Tội tẩu. Ngược lại âm dưới là tô tẩu. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng cái đầm lớn mà không có nước gọi là tẩu chữ chánh xưa nay từ bộ thảo thanh sổ âm thảo thảo.

Xí nhiên. Ngược lại âm trên xí chí. Trong Mao thi truyện gọi là ngọn lửa hừng hực, rực lửa. Cố Dã Vương gọi là ngọn lửa dữ giống như con mảnh hổ. Trong văn nói từ bộ thức đến bộ hỏa âm thức âm chức.

****

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ

Hỗn hoàng. Ngược lại âm trên hồ bổn. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: ánh sáng chói chang, sáng rực. Trong văn nói nghĩa là sáng rõ là hỗn. Sáng rõ hơn gọi là hoàng. Chư viết từ bộ hỏa thanh côn. Âm dưới là hoàng. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: cũng là ánh sáng rực rỡ, chói lọi vậy. Trong văn nói có nghĩa là ánh sáng chiếu khắp. Chữ viết từ bộ hỏa thành hoàng.

****

KINH TÁT LA QUỐC VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Dương điểu. Ngược lại âm trên dưỡng tướng. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng loại chim le lông trắng. Quách Phác gọi là giống chim ưng đuôi trên màu trắng, hoặc viết chữ dương. Chữ chánh xưa nay từ bộ điểu thanh dương. Trong kinh văn viết từ bộ dương viết thành chữ dương là chẳng phải vậy.

Môn khổn. Ngược lại âm dưới là khôn ổn. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: cái thanh gỗ gác ngang khung cửa. Trong văn nói viết từ bộ mộc thanh khổn từ bộ môn viết chữ khổn cũng là văn thông dụng vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT AM ĐỀ GIÀ

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬP KIẾT TƯỜNG

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT PHÁP DIỆT TẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Vô ương. Ngược lại âm ước khương. Cố Dã Vương chú giải từ rõ ràng rằng: chữ ương nghĩa là chưa hết vậy. Quảng Nhã giải thích chữ ương là lâu dài. Trong văn nói từ bộ khẩu thanh đại. Trong kinh văn viết từ bộ cách viết ương. Ngược lại âm ương ngưỡng khác biệt lạ lùng. Nghĩa của kinh văn nay không dùng. Ngược lại âm khẩu quí quản.

Tẩn xuất. Ngược lại âm trên tất lận. trong văn Tự tập lược gọi là người phương xa đi bộ tới. Trang Tử giải thích rằng là trừ bỏ đi. Trong văn tự điển viết từ bộ thủ thanh tân. Trong kinh văn từ bộ ngạc viết thành chữ nghĩa là chôn cất xác chết. Chữ này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Khẩn thực. Ngược lại âm trên là khẳng hận. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: là cày ruộng khai khẩn đất đai. Quách Phác chú giải tiếng địa phương rằng là con người dùng sức khai phá dỡ đất. Chữ chánh xưa nay từ bộ thổ thanh khẩn. Trong kinh văn víet từ bộ khuyển viết thành chữ cũng là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là thừa lực. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng chữ thực là lâu dài. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng chữ thực là nghỉ ngơi. Chữ trong sách là thọ là cây trồng. Trong văn nói từ bộ ngạt thanh âm ngạc kinh.

Đoản xúc. Ngược lại âm trên đoan noãn. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: thúc giục ngắn ngủi. Trong văn nói nghĩa là không lâu dài từ bộ trĩ đến bộ đậu. Trong văn kinh từ bộ thủ viết là chẳng phải vậy.

Điềm phạ. Ngược lại âm trên đàm lãm. Ngược lại âm dưới chủng bá. Cố Dã Vương gọi chữ điềm nghĩa là an tỉnh. Vương Dật gọi là an ổn vậy. Quảng Nhã cho rằng: sợ yên tĩnh. Trong văn nói nghĩa là sợ không có gì. Đều từ bộ tâm thanh đảm bạch. Trong kinh văn viết là đạm là sai vậy.

KINH NHẤT THIẾT TRÍ QUANG MINH TIÊN NHÂN

(Không có chữ âm giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬM THÂM ĐẠI HỒI HƯỚNG

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH THIÊN VƯƠNG THÁI TỬ TÍCH LA

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT TAM PHẨM ĐỆ TỬ

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT TỨ BỐI - *Tuệ Lâm soạn.*

Hý nghi. Ngược lại âm dưới là nghi kỵ. Thương Hiệt giải thích rằng có nghĩa là khinh khi, xem thường, nhạo báng. Quảng Nhã gọi là hòa hợp. Trong văn nói gọi là sai lầm từ bộ ngôn thanh.

Miến lãi. Ngược lại âm trên miên biến. Trong văn nói gọi là liếc xéo, nhìn trộm, hợp có một bên con mắt, từ bộ mục thanh miễn. Trong kinh văn viết năm hệ nghĩa là nhìn một cách giận dữ, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là lai đại. Quảng Nhã giải thích là liếc nhìn. Trong văn nói gọi là con ngươi của mắt không chánh, có nghĩa là mắt lé, từ bộ mục thanh lai.

Qua mạ. Ngược lại âm trên là xuýt qua thanh loại thì có nghĩa cuối rủ xuống chữ chánh xưa nay từ bộ mộc thanh quá. Chữ xuýt ngược âm là trúc qua.

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐƯƠNG LAI BIẾN - *Tuệ Lâm soạn.*

Ấp cảm. Ngược lại trên âm cấp. Cố Dã Vương chú giải từ rõ là chữ ấp có nghĩa là ưu sầu, buồn bã. Lại chú giải rằng: là than thở. Trong văn nói từ bộ tâm thanh ấp vậy.

****

KINH KIM CANG TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Sạn-đề. Tiếng Phạm. Ngược lại âm xác mịch.

Khôi khuếch. Ngược lại âm trên khở hồi. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: là to lớn, rộng bao la. Trong văn nói từ bộ tâm thanh khôi. Chữ từ bộ hỏa đến bộ nghiễm.

Án-ma-ta. Ngược lại âm trên là ô-cảm tiếng Phạm, tên của dấu hiệu.

A-bệ-bạt-trí. Ngược lại âm dưới tất-di. Tiếng Phạm, nghĩa không thối chuyển.

Hải xiết. Ngược lại âm ngô cao, có nghĩa là con ba ba ở trong biển Đông, thân hình nó rất lớn, cái lưng của nói giống như quả núi nhạc. Cho nên Trang Sinh giải thích trong truyện ngụ ngôn rằng: người nước Long-bá-câu, nói con ba ba là vậy. Trong kinh văn nói ví dụ cho tâm vương. Lại viết chữ kích từ bộ thủy tên nước. Chẳng phải nghĩa trong kinh vậy, hợp từ bộ mảnh.

KINH KIM CANG TAM MUỘI
QUYỂN HẠ

Xiển-đề. Ngược lại âm trên xương diễn. Tiếng phạm, bao gồm võng lưới. Đây dịch là người không có tâm thin như dương diễm thủy. Ngược lại thù tiệm (T 605), nghĩa là ngọn lửa nóng rực như lúc mặt trời mọc lên cao, nhìn xa giống như ngọn sóng nước, con người khờ dại sanh lòng khát nước muốn uống, theo đuổi ngọn sóng lăn tăn của ánh lửa mặt trời rốt cuộc mêm mang ngã nhào. Đây dụ cho phàm phu, tâm theo vọng tưởng thiên chuyển không dừng nghỉ, rốt cuộc không có chỗ sở đắc vậy.

KINH KIM CANG TAM MUỘI BẤT HOẠI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ma-ni-diễm. Ngược lại âm dưới diệm tiệm, nghĩa là tên Tam-muội. Trong kinh viết chữ diễm này cũng là văn thường hay dùng vậy.

Ngạch thượng. Ngược lại âm trên nha cách. Tiếng địa phương gọi là cái trán. Trong văn nói thì từ bộ hiệt thanh các. Trong văn kinh viết chữ khách viết thành chữ ngạch cũng là văn thông dụng thường hay dùng vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬP NHỊ ĐẦU ĐÀ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tẩn nhân. Ngược lại âm tất hoằng. Trước trong kinh Pháp diệt tận đã giải thích đầy đủ rồi. Trong kinh văn viết từ bộ nhân viết thành chữ tẩn mà tẩn này có nghĩa là hỗ trợ, trợ giúp vậy, nên cùng với nghĩa trong có khác lạ vậy.

Điểu thi. Ngược lại âm dưới thi nhĩ. Chữ chánh xưa nay gọi là phân thải ra chữ viết từ bộ thảo thanh vị tĩnh. Hoặc là viết chữ thỉ nghĩa là phân cứt; văn thường hay dùng gọi là lừa dối nói láo, không thật. Trong kinh văn viết thỉ thỉ trần. Chữ trần nghĩa là trừ bỏ đi. Chữ vị này là văn cổ, nay viết chữ vị này nghĩa là bao tử.

Phương phu. Ngược lại âm trên phương vương. Khảo Thanh gọi là trong bụng có chất mỡ, dầu. Trong văn nói thì chữ phương nghĩa mập, béo. Chữ viết từ bộ nhục thanh phương diệt.

Não mạc. Ngược lại âm trên là nhu lão. Chữ chánh xưa nay gọi là đầu não trong cơ thể, chữ viết từ bộ nhục thanh não. Ngược lại âm dưới mãn bác. Trong văn nói gọi là cái màn mỏng bên trong để ràng bó các bộ phận, chữ viết từ bộ nhục thanh mạc âm nhu. Ngược lại âm nô lực.

Yểm-tham. Ngược lại âm ô-cảm. Khảo Thanh gọi là tối đen không sáng rõ. Cố Dã Vương chú giải từ rất rõ ràng răng là chữ yểm là tối không sáng tỏ. Trong văn nói có nghĩa là màu xanh đen. Chữ viết từ bộ bộ hắc thanh yểm.

Liễu lệ âm trên là liễu ba âm dưới là lệ.

Yêu khoan. Ngược lại âm trên hạnh tiêu cũng viết là thự. Ngược lại lại âm dưới là khoan tướng. Tỳ Thương giải thích chữ khoan nghĩa là mông đít. Khảo Thanh gọi là xương tủy. Trong văn nói cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ cốt thanh khoan, cũng viết là chữ khoan này.

A-bà. Ngược lại âm trên ô-khả. Ngược lại âm dưới mãn ngã. Theo kinh văn thị gọi là yêu khoan A-bà, nói là không thắng vượt qua không tự truyền đạt nơi mình. Đây là mượn âm hội nghĩa không lấy ý nghĩa văn mà có hại, khổ chấp nơi chữ, cũng với lý đều có khác vậy.

Am-ốc. Ngược lại âm trên ô-hàm. Quảng nhã gọi chữ am là cái nhà vậy. Trong văn nói từ bộ nghiễm thanh yểm. Trong kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ am am am lạn nghĩa một loại cỏ lát, chữ và tên đều sai vậy.

Ô-dục. Ngược lại âm trên ô-hồ âm dưới là dư lục. Tỳ Thương gọi là chữ ô nghĩa là cái bàn ủi, cái nồi đồng. Quảng Nhã gọi chữ ô-dục là cây giữa, cái bàn ủi (bàn là). Chữ chánh xưa nay đều đồng hai bộ kim, thanh ô-dục, âm mãn thanh mãn. Ngược lại âm tài qua. Âm doanh ngược lại âm lực qua.

****

KINH PHẬT PHÂN VỆ

Luyến lạo. Ngược lại âm trên lực chuyển, âm dưới là lao đáo. Quảng Nhã cho rằng dùng dằng, lưu luyến, ghen ghét. Trong thanh loại thì có nghĩa là lưu luyến tiếc nuối, cũng có nghĩa là lưu luyến không thể ra đi. Trong văn nói viết từ bộ nữ thanh mậu âm mậu ngược lại âm lực giao.

Tảo bình. Ngược lại âm trên tao lão. Trong văn kinh viết chữ sân cũng đọc là thấm, có nghĩa là nước thấm qua, cũng văn thường hay dùng vậy.

Sàn trích. Ngược lại âm trên là tra nhàn. Cố Dã Vương chú giải từ rất rõ ràng là giọt nước chảy róc rách, tí tách. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thủy thanh sàn âm sàn, đồng như trên. Ngược lại dưới là đinh lịch, khảo cứu thanh loại thì gọi là giọt nước vậy.

****

KINH PHÁP THƯỜNG TRỤ

(Không có chữ âm giải thích.)

****

KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Mộ cầu. Ngược lại âm mô bố. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng mong cầu. Trong văn nói có nghĩa là rộng cầu chữ viết từ bộ lực thanh mục.

Khất cái. Ngược lại âm cai ngãi. Khảo Thanh thì gọi là mong cầu. Cố Dã Vương gọi là người ăn mày; người xin trợ giúp. Trong văn nói cũng cho rằng kẻ ăn mày; có nghĩa là người tiêu mất hết tài sản nên trở thành kẻ ăn mày. Chữ viết từ bộ nhân, đến bộ vong. Trong văn kinh viết chữ cái này là chẳng phải vậy.

Tuẫn viên. Ngược lại âm tuần tuấn. Khảo Thanh thì có nghĩa là đòi đi theo. Cố Dã Vương gọi là theo cho bằng theo cho ngang bằng. Trong văn nói viết từ bộ xước thân tuẫn âm xước. Ngược lại âm sửu xích.

****

KINH ƯU BÀ DI TỊNH HẠNH PHÁP MÔN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Nại vương. Ngược lại âm nãi đái, tiếng Phạm, tên của nước. Trong kinh văn viết chữ nại cũng là một nại trên vậy.

Viễn triệt. Ngược lại âm dưới cương liệt. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Luận ngữ rằng: chữ triệt là thông suốt, sách Quốc ngữ cho rằng chữ triệt giống như chữ minh nghĩa là sáng suốt. Văn nói từ bộ xước đến phộc thanh triệt. Trong kinh văn viết chữ triệt, có nghĩa là thối lui, trừ bỏ đi, chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Phương cao âm trên phương, quyển 12 trước trong kinh Đầu-đà đã giải thích rồi. Nay trong bổn kinh viết chữ phương này là chẳng phải vậy.

Tỳ-thiên-xà. âm trên thiết thiên, tiếng Phạm.

Câu-huyễn. Ngược lại âm dưới là huyền quyên. Cố Dã Vương chú giải từ rất rõ ràng rằng: chữ huyễn nghĩa là đứa trẻ liếc nhìn. Cố Dã Vương lại cho rằng: như nay con mắt của người chuyển động có liên quen mật thiết với nhau nên ngăn ngừa không nói. Trong văn nói cũng có nghĩa là con mắt dao động. Chữ viết từ bộ mục thanh tuân âm tuân đồng với âm trên.

Liễm-đề. Ngược lại âm trên là liễm triêm. Khảo Thanh cho

rằng chữ liễm giống như cái hộp mà có ngăn cho nên cất chứa đồ vật vậy. Chữ chánh xưa nay là cái hộp chứa đồ vật. Vật có rất nhiều mùi thơm, cũng có gương soi. Chữ viết từ bộ hệ thanh liễm, hoặc viết âm hệ phương. Trong kinh văn viết chữ liễm này là văn thường hay dùng chẳng phải vậy.

Triển chuyển. Ngược lại trên là chiếc liễn. Y theo chữ triển chuyển là có một sự tích tương truyền rằng: nhân nơi triển chuyển có mà sự dời đổi, biến chuyển. Khảo Thanh cho rằng đi đến vừa thích hợp. Chữ chánh thể từ bộ công thanh hoài. Nay viết chữ triển này là sai vậy âm công đồng với ân trên vậy.

KINH ƯU BÀ DI TỊNH HẠNH PHÁP MÔN
QUYỂN HẠ

Cù du. Ngược lại âm trên là cụ câu. Ngược lại dưới sổ câu. Thanh loại thì gọi là tấm thảm trải nên gạch dệt bằng lông. Quảng Nhã gọi là phạt răn trị người phạm tội. Khảo Thanh thì cho rằng sợi tơ dệt có màu sắc hoa văn. Chữ chánh xưa nay đều từ bộ mao. Thanh cụ du. Trong kinh văn viết lũ. Ngược lại âm lũ du, như vậy không chánh âm vậy.

Sô-ma. Ngược lại âm trên là trái ngu, tiếng Phạm. Trong văn kinh viết chữ sô là văn thường hay dùng vậy.

Mục siểm. Ngược lại âm dưới tiêm mạc. Chữ chánh xưa nay gọi là con mắt một bên lông mày, nghĩa chớp mắt từ bộ mục thanh giáp cũng viết chữ tiếp nghĩa là lông mi. Trong kinh văn viết chữ hiếp là sai vậy.

Hy di. Ngược lại âm trên hỷ cơ quyển thứ 14 trước. Trong kinh tâm minh đã giải thích trước xong rồi vậy.

****

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Kỳ bịnh. Ngược lại âm cư y. Trong sách Lễ ký giải thích rằng là 60 tuổi gọi là kỳ. giải thích rằng là kỳ đó nghĩa là chỉ tức chỉ người già 60 tuổi sắp lên, ý nói người lớn tuổi có kinh nghiệm. Cũng có nghĩa là chỉ sự việc khiến cho người ta không tự mình chấp lao phục dịch, nghĩa

là tuổi về hưu vậy.

Xướng kỳ. Ngược lại âm trên xỉ dương. Trong văn nói gọi chữ xướng là vui vẻ. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng chữ xướng nghĩa là bày trò chơi, đóng kịch pha trò vậy.

Nông thương. Văn cổ là nông nông hai âm tượng hình đều đồng. Ngược lại âm nô đông. Trong văn nói giải thích chữ nông nghĩa là người cày ruộng vậy.

Minh triết. Lại viết chữ triết hai chữ tượng hình đều đồng. Ngược lại âm tri liệt. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: chữ triết là trí tuệ vậy. Tiếng phương gọi là giữa nước Tề, Tống giải thích chữ triết nghĩa là trí sáng, là trí sáng suốt, thông suốt vậy.

Bi trắc. Theo thanh loại viết chữ trắc này cũng đồng. Ngược là âm sở lực. Trong văn nói giải thích chữ trắc nghĩa là đau lòng xót xa. Nghĩa trắc ẩn thương xót trong lòng án não vậy.

Kham nại. Ngược lại âm nô đại. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng nghĩa là nhẫn nại chịu đựng vậy.

Lâm tẩu. Ngược lại âm tô cẩu. Nghĩa trồng cây gọi là rừng; cái đầm không có nước gọi là tẩu. Người ta lại hy vọng cái đầm lớn có nước vậy.

Thính tụng. Ngược lại âm tha định. Nghe đó nghĩa là xác thật là chẳng phải vậy. Là tranh tụng, là cãi nhau. Trong sách Chu lễ lấy năm loại thanh nghe: thanh, thính, tụng, cầu, tình. Một là hình, hai là sắc, ba là khí, bốn là tai, năm là mắt vậy.

Thuật nghệ. Ngược lại âm thực duật. Chữ thuật nghĩa là phương pháp, cũng là con đường nghệ thuật. Chữ lâm ấp trung đạo gọi là thuật. Mà chữ thuật đó nghĩa là thông suốt, là nói con người đạt đến giải thích thì không có chỗ nào là không thông suốt vậy.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 2

San đại. Ngược lại âm sở gian. Trong luận cũng viết là san này nghĩa là tên Đà-ca-thi, tiếng Phạm.

Ca-lăng-tỳ-già. Nên gọi là Ca-la-tần-già, cũng gọi là Ca-lan-già. Chữ Ca-lăng, đây dịch là hay tốt, đây dịch là âm thanh tiếng tốt. Có nghĩa là tiếng hót của con chim tên ca-lăng-tần-già hót rất hay vậy.

Cự vi. năng lực kỳ lữ. Sách Nhã nhã giải thích chữ cự nghĩa là lớn vậy. Tiếng địa phương giải thích giữa nước Tề và nước Lỗ khoảng cách rất lớn. Nghĩa là rộng lớn gọi là cự. Trong văn nói cũng gọi chữ cự là lớn. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ cự này là chẳng phải vậy.

Kinh Di-đà La quốc - trước không có giải thích vậy.

Câu-kỳ-la. Hoặc viết là câu-sí-la. Chuyển lại là tiếng Phạm, dịch là tiếng hót hay của con chim. Mà con chim này tiếng hót hay nhưng hình dạng rất xấu xí, theo tiếng mà gọi tên vậy.

Viên hầu. Lại viết chữ viên cũng đồng. Ngược lại âm vũ phiền. Giống như con vượn mầty của nó dài lớn, hình sắc nó màu đen, có màu vàng. Tiếng của nó kêu nghe rất xa. Năm trăm tuổi hóa làm con chồn, con chồn sống tới ngàn năm, âm hoan ngược lại anh cư hệ.

Biện vũ. Lại viết chữ phiên cũng đồng. Ngược lại âm bì biến. Trong văn nói có nghĩa là vỗ tay; cũng gọi là dùng tay đánh, gõ nhịp vậy.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 3

Thử tắc. Văn cổ viết là tắc cũng đồng. Ngược lại âm di lực. nghĩa là loại ngũ cốc sinh trưởng. Trong văn nói cho rằng là loại lúa dẻo, mà cũng có nghĩa là thần ngũ cốc vậy. Sách Nhĩ Nhã gọi là gạo nếp. Chú giải rằng tên của một nếp dẻo. Nay ở tỉnh Giang đông gọi là lúa tắc nhiều nhựa.

Sư quyển lại viết là quyền cũng đồng. Ngược lại âm cự viên, nghĩa là ngón tay nắm lại gọi quyển. Thí dụ như người thợ mộc, vật không phải là cuộn lại, mà phải nắm chặt nên không thoát ra được. Trong văn luận có viết chữ bí quyện, nghĩa là mỏi mệt, chữ là chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 4

Phạt truất. Lại viết chữ truất này cũng đồng. Ngược lại âm sĩ luật. Quảng Nhã giải thích rằng là trừ bỏ đi. Cũng là thả ra buông ra, cũng có

nghĩa là thối lui về vậy.

Chẩn cấp. Văn cổ viết chẩn thần, chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm chư dẫn. Trong văn tiểu Nhĩ Nhã giải thích chẩn là cứu giúp vậy. Trong văn nói có nghĩa là đưa lên vớt lên vậy.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 5

Kiêu-xà-tà. Cũng gọi là Câu-xá là sai vậy. Đây dịch là tạng nghĩa chứa cất chứa. Xưa dịch là loài côn trùng nghĩa con tằm ở trong kén, đây tức con tằm hoang dã; dùng sợi tơ con tằm hoang dã này may áo. Chữ Kiêu-xà-tà là tên của một cái áo.

- **QUYỂN 6** (*Trước không có âm giải thích.*)

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 7

Du-bà. Trong kinh hoặc viết đâu-bà hoặc gọi là tháp ba hoặc nói đẩu đảu ba đều sai. Nói cho đúng là Túy đổ ba. Trung Hoa dịch là miếu thờ, hoặc nói là phương cảnh, cảnh giới đầy đều là nghĩa giải thích trong kinh.

Chi đề. Lại gọi là chi đế phu đồ. Đây dịch là tụ tướng, gọi là kết đá tầng cấp lên cao, cho rằng là tướng vậy.

(T 606) Truật thuật la hương. Trung Hoa dịch là An tức hương, nghĩa là thuốc an thần.

A-ca-hoa. Nên gọi là A-la-ca-hoa, đây dịch là loài hoa trắng.

Ni từ. Nên gọi là Nê-kiền-liên-đà. Đây gọi là phái ngoại đạo, phái này không đứng hai chân, nghĩa họ co một chân đứng một chân, không cạo râu tóc, lõa hình, không mặc quần áo, không cất chứa tài sản; đi hành khất, dùng tay bốc thức ăn mà ăn, tức là tùy theo được thức mà ăn vậy.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 8

Bỉ đốn. Ngược lại âm phụ mỹ, nghĩa là người phiêu bạt, nay đây, mai đó. Nhĩ Nhã giải thích bỉ là hủy bỏ, che đậy. Chữ đốn là hư hoại vậy.

Quan tước. Lại viết chữ tước cũng đồng. Ngược lại âm tử dược. Bạch hổ thông gọi người tước hết quyền lực vậy. Người bị tước hết tài năng. Trong kinh lễ phần vương chế có viết: Bậc vương giả đặt ra năm tước để hưởng lộc. Chữ tước trong đây có nghĩa là hình phạt, nghĩa là tước đi mạng sống, hoặc là bị xẻo tai, cắt chân ra từng lóng đốt vậy.

Trích phạt. Năng lực âm tri cách. Tiếng địa phương gọi là trách phạt, quở trách. Quách Phác gọi là vị tướng quở trách thuộc hạ, phẫn nộ, cũng là la mắng, trách phạt, tội nhỏ thì gọi là phạt vậy.

Kiết bi. Ngược lại âm trúc thi.

Tập ba. Ngược lại âm tương truyền sở cập.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 9

Suất ý. Ngược lại âm sở luật. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: suất ý làdốc hết lòng tự nơi mình. Quách Phác gọi là tự nơi mình đi theo, nghĩa là tự theo ý của mình mà làm vậy.

Ca tư. Đây dịch là năng lực của ánh sáng, phát ra ánh sáng.

KINH LUẬN BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 10

Lưỡng cổ. Lại viết chữ cốt này cũng đồng. Ngược lại âm cũng hộ. Trong văn nói gọi là hai cái đùi. Xương đùi trong bổn kinh gọi là cái đùi, vế vậy.

Lưỡng đồn. Ngược lại âm đồ côn. Trong thanh loại thì có nghĩa là mông đít.

Lưỡng bác. Lại viết chữ nhu cũng đồng. Ngược lại là âm thời

nhuyễn, nghĩa là bắp chân mền ruột non, ruột già, âm phì nghĩa mập vậy. Ở Giang nam nói là phì trường là ruột già, Trung Quốc đoan trường là ruột già, hoặc nói cái bắp chân vậy.

Ba-la-nại. Nên nói là ba-la-nại-tư. Đây là tên của một nước ở vùng Ấn Độ. Mà nước kia xuất phát ra tên là điệp nghĩa vải thô.

Nê-lê. Hoặc nói là nê-lê-na cũng gọi là nê-lê-ca. Đây dịch là chỗ không vui, hoặc gọi là đây không có chỗ thấp hèn.

La hệ. Ngược lại âm hồ một, nghĩa là giống như tấm lưới có những tơ thắt lại, giống như rèm cửa có những lỗ rất nhặt, cũng giống như buộc chặt lại. Đây nói là những sợi tơ nhổ giống như hạt sương mù vậy.

****

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

(*Không có âm chữ giải thích.*)

QUYỂN 2

Quân lữ. Ngược lại âm trên là quẩn vân. Ngược lại âm dưới là lực cử. Trong sách Chu lễ giải thích rằng năm người làm một đội ngũ, năm đội ngũ làm một lực lượng, bốn lực lượng làm một tốt năm đội tốt làm một lữ; năm lữ làm một sư đoàn, hai sư đoàn làm một quân. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Luận ngữ rằng: là một muôn hai ngàn năm trăm người làm một quân là vậy. Giả Quì chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Quân giống như một đồn từ chữ xa thanh bao. Lữ Quân là năm trăm người. Chữ viết từ bộ phương nhân lấy chữ lữ tưởng là đầy đủ. Cho nên từ bộ nhân tùng là theo âm bao bào giao, âm phương lữ ngược lại âm yển tùng. Đây là cách viết chữ của văn cổ vậy.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI
QUYỂN 3

Đồng sấn. Ngược lại âm trắc cận. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: là hủy bỏ cái răng. Trong văn nói có nghĩa là bé trai sinh ra tám tháng mọc răng cho nên đến tám tuổi là thay răng gọi sấn; bé

gái sinh ra bảy tháng mọc răng đến bảy tuổi thay răng gọi là hủy. Chữ viết từ bộ xỉ thanh chủy.

- **QUYỂN 4, 5, 6, 7, 8** (T*rên đều trước không có âm chữ giải thích)*

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI
QUYỂN 9

Thần cơ. Ngược lại âm ngang các. Khảo Thanh gọi là răng. Trong kinh viết từ bộ xỉ viết thành chữ khủ có nghĩa là bị sâu phá hại răng chữ này là chẳng phải, chữ trong sách không có chữ này.

Lưỡng tra. Ngược lại là âm sở da. Trong văn nói có nghĩa là cành cây. Trong văn Luận ngữ viết chữ tra văn thường hay dùng; kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này vậy.

****

KINH TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Quang diêm. Ngược lại âm diêm bí. Khảo Thanh gọi là ánh lửa sáng lòe. Trong văn nói thì có nghĩa rực lửa, lửa chát rực. Chữ viết từ bộ hỏa thanh diêm. Trong kinh văn gọi là diệm là hầm lửa. Viết chữ diệm này là chẳng phải vậy.

Vẫn mang. Ngược lại là âm vân mãn. Căn cứ thanh loại có nghĩa là chết. Trong văn nói viết từ bộ ngạc thanh viên. Trong văn kinh viết chữ vẫn là văn thường hay dùng âm ngạc mao.

Đãi thanh tịnh. Ngược lại âm đồ đái. Trong Mao thi truyện gọi là đến kịp. Trong văn nói từ bộ xước thanh Đãi. Trong bổn kinh viết lộc, có nghĩa là đột nhiên mà đến, ngược lại âm lộc. Cũng với nghĩa căn bản có khác lạ ngược lại âm đãi đệ.

Ngõa lịch. Ngược lại âm linh đích. Trong văn nói có nghĩa là đá vụn, đá nhỏ. Chữ viết từ bộ thạch thạnh lạc.

Ách hệ. Ngược lại bi cách. Trong văn nói chữ viết cho đúng là nghĩa là nắm ách xe cũng viết chữ ách này từ bộ thủ thanh ách. Âm ách đồng như trên. Trong kinh văn viết cũng là văn thường hay dùng vậy.

Câu-mậu-đà-hoa tiếng Phạm. Trước đã dịch xong rồi. Trong kinh viết chữ hoa này là chẳng phải vậy.

Ác tàn. Ngược lại âm trên là ô cố. Văn nói có nghĩa là trị bệnh cho người công nhân. Chữ viết từ bộ dậu thanh y. Trong kinh văn viết chữ y cũng là văn thường hay dùng vậy.

Đam trước. Ngược lại là âm đảm cam. Khảo Thanh gọi là vui thích. Trong văn nói từ bộ nhĩ tham đam. Trong kinh văn viết từ bộ văn thông dụng âm đam. Ngược lại âm dĩ nhậm.

Hề vưu. Ngược lại âm hồ hề.

Tỵ-nhu-đa-la. Ngược lại âm nhu trữu. Tiếng Phạm tên của vị Bồ-tát; không phân biệt rõ âm trữu. Ngược lại âm châu ức.

Chướng ế. Ngược lại âm ư kế. Tiếng địa phương giải thích có nghĩa là ngăn che. Trong văn nói từ bộ vũ thanh ế.

****

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

A-na-bân-để âm bân. Ngược lại âm bi văn âm để. Ngược lại âm đinh-nê tiếng Phạm. Đây không cầu chữ nghĩa. Chỉ là tên của một vị đại phú trưởng giả ở nước Xá-vệ.

Giác ngộ. Ngược lại âm trên là giang nhạc. Khảo Thanh gọi là sáng suốt hiểu biết. Quảng Nhã gọi là hiểu biết, cũng là biết rõ. Trong văn nói viết từ bộ kiến đến bộ học thanh tĩnh. Trong kinh văn viết từ chữ ? ngô viết thành chữ là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là ngũ cổ. Khảo Thanh gọi là ngủ, trong giấc ngủ mà có chỗ thấy biết liền tin. Trong thanh loại gọi là ngộ cũng là biết. Trong văn nói viết từ bộ viết thành chữ thanh tĩnh. Trong kinh văn viết chư nghĩa là thông suốt văn thường hay dùng vậy.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 2

Thuyên tướng. Ngược lại âm thuyên nhuyễn. Trong văn nói gọi là ruột non, bắp chân, mắt cá chân. Chữ viết từ bộ nhục thanh đoan hoặc

viết chữ âm phì. Ngược lại phò phi.

Biên duệ. Ngược lại âm dư chế. Trong văn tự tập lược gọi là vùng biên giới xa của người dân tộc. Quảng Nhã cho rằng con cháu đời sau. Trong văn tự điển nói từ bộ y thanh duệ âm nữ hoạt.

Uyển thân. Ngược lại âm uyển hằng. Khảo Thanh gọi là cầm dao mà khắc, Tỳ Thương gọi là dùng dao vót gọt. Trong văn tự điển nói viết từ bộ đao thanh oãn hoặc viết chữ oãn âm vẫn. Ngược lại âm ô huyền.

- **QUYỂN 3** (*Không có âm chữ giải thích.*)

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 4

Cái dữ. Ngược lại âm trên cơ ngãi, có nghĩa là người xin ăn. Trước kinh trường thọ vương đã giải thích đủ rồi.

Miêu ly. Ngược lại âm trên noãn bao. Cố Dã Vương gọi là con mèo giống như cọp mà như, nó hay bắt chuột ăn. Chữ chánh xưa nay từ bộ khuyển thanh miêu. Ngược lại âm dưới là lý chi. Khảo Thanh gọi là con mèo, nay gọi là con mèo hoang dã, tức là mèo rừng. Cố Dã Vương gọi là con mèo rừng. Trong văn nói cho rằng con thú hay may phục nghĩa rình chờ. Chữ viết từ bộ trĩ thanh lý. Trong văn kinh viết từ bộ khuyển viết thành chữ ly cũng văn thường hay dùng vậy.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 5

Phủ hoạch. Ngược lại âm phò vũ Chu dịch khôn giải thích là cái dụng cụ đong lường ngày xưa. Chí Đỗ chú giải trong tả truyện rằn: là sáu đấu bốn thăng gọi là một phủ. Trong văn nói viết từ chữ phủ, này từ bộ cách thanh phủ cũng viết chữ phủ này cùng với trong kinh cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là hoàng quách. Quảng Nhã cho rằng chữ hoạch là cái nồi đồng có đánh ba chân. Trịnh Tiễn chú giải trong sách lễ ký rằng: là vật để nấu nướng. Trong văn nói viết từ bộ kim thanh hoạch âm hoạch. Ngược lại âm ất hổ.

Lê nậu. Ngược lại âm trên lịch hề. Khảo Thanh gọi chữ lê là cây cày. Trong văn nói cũng viết là cây cày từ bộ ngưu thanh lê. Ngược lại âm dưới là hồ cao. Chữ chánh xưa nay gọi là cây cước để nhổ cỏ mọc trong ruộng. Chữ viết từ bộ kim thanh nhục, hoặc là viết chữ tỳ lại viết chữ hưu, chữ cổ vậy.

Phủ tạc. Ngược lại âm trên phu vũ. Trong Mao thi truyện gọi là chặt phá cái ngã. Trong văn nói gọi là cái búa chặt phá vật. Chữ viết từ bộ cân thanh phụ. Ngược lại âm dưới là tạng các. Trong thanh loại có nghĩa là cây đục. Cố Dã Vương cho rằng loại cây đục có thể đục xuyên qua cây gỗ vậy. Chữ viết từ bộ kim thanh tạc, âm từ yêu âm trảm. Ngược lại âm tài cam.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 6

Chất vật. Ngược lại âm chân viết. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng chữ chất có nghĩa là tin, niềm tin. Quảng Nhã giải thích rằng chữ chất giống như chữ khu nghĩa là thân mình vậy. Trong văn nói nghĩa là lấy vật tương xứng để cầm cố làm tin. Chữ viết từ hai bộ cân đến bộ bối. Trong văn kinh viết chất này là viết sai. Kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này. Chữ duế ngược lại âm chi thuế âm cân ngược lại âm ngư cân.

Đãng địch. Ngược lại âm trên là đường lang. Ngược lại âm dưới là đình lịch. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: Tẩy rửa từ bỏ chất dơ. Trong văn nói nghĩa là chữ đãng cũng giống như chữ địch đều là tẩy rửa trừ bỏ cấu uế, chữ viết từ bộ mãnh thanh đãng cùng với chữ đãng này cũng đồng nghĩa.

Đăng chú. Chữ trên viết cho đúng là chữ đăng này. Ngược âm dưới là chu nhũ. Khảo Thanh gọi là tim đèn vậy.

Hào ly. Ngược lại trên hạo cao. Vưng chú sở từ cho rằng lông nhỏ dài nhọn. Chữ chánh xưa nay từ bộ mao thanh cao tĩnh. Ngược lại âm dưới là lý chi. Âm nghĩa trong Hán thư gọi là mười hào trong một ly. Trong văn nói chữ ly viết từ bộ mao thanh.

Cộng đổ. Ngược lại âm đô cổ. Ngô Chí gọi là đổ, nghĩa là cạnh tranh cầu lợi vậy. Trong văn tự điển nói từ bộ bối thanh giả. Cũng viết đổ.

A-để. Ngược lại âm tỳ-lễ tiếng Phạm vậy.

Kế tự. Ngược lại âm trên khể lệ. Vương Cường chú giải trong sách Chu dịch rằng: chữ kế nghĩa là không dứt vậy, sách Nhĩ Nhã cho rằng kế là sợi dây tiếp nối theo. Trong văn nói có nghĩa là tiếp tục. Chữ viết từ bộ mịch thanh kế. Văn thường hay dùng viết kế này âm kế thanh tuyệt. Ngược lại âm dưới là từ diễn. Khảo Thanh thì gọi là chữ tự cũng là nối tiếp theo. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao thi truyện rằng chữ tự cũng là tục, tiếp tục. Trong văn nói từ bộ khẩu bộ san thanh ti.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 7

Hoàn xuyến. Ngược lại âm hoạn quan. Trịnh Tiễn chú giải trong sách lễ ký rằng: chữ hoàn là cái vòng tròn còn có nghĩa là đi nhiễu quanh một vòng tròn vậy. Trong văn nói thì có nghĩa là giống như viên ngọc bích đẹp. Chữ hoàn viết từ bộ ngọc thanh hoàn, âm dưới xuyên luyến. Trong đông cung việc xưa cho rằng: cái vòng trang sức đeo nơi tay, chữ chánh xưa nay viết từ kim thanh xuyên.

Cảo đặng. Ngược lại âm đô đặng. Trong Tắc thiên tử truyện cho rằng đặng là sườn núi. Chữ trong sách là lý nghĩa là giày. Trong văn nói từ bộ ngang nghĩa là ngước lên. Chữ viết từ bộ phụ thanh đăng. Ngược lại âm phụ phụ.

Bích sắt. Ngược lại âm sân tiết. Cố Dã Vương cho rằng là loại côn trùng ký sinh sống trên con người hay loài vật, như là con rận, con chí, con rệp v.v... Theo như chữ bích sắt giống như loại trùng sống dưới đất khe hở giường; ban đêm hút máu người. Trong văn nói chữ viết từ âm sắt tâm tín từ bộ trùng âm côn vậy.

Nhĩ bề. Ngược lại âm bế mê đứa trẻ nhỏ gọi là cây lược chải lông mi. trong văn nói viết từ bộ trúc thanh bề âm bề tỳ. tỳ nữu. Ngược lại âm trên tỳ di, âm dưới là nữ cửu tiếng Phạm. Đời Đường gọi là tên riêng của cõi trời Na-la-diên.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 8

Nhưỡng như. Âm trên là nhược dương âm dưới khương ca tiếng Phạm. Đời Đường gọi là khi Đức Phật Di-lặc hạ sinh, phụ vương của tên là Nhưỡng Khư.

Vương khuất. Âm trên là ước khương. Ngược lại âm dưới là quì vậy. Đây là tiếng Phạm, nghĩa là tên khác của vị Bồ-tát giáo hóa nghịch hạnh vậy.

Tự ông. Ngược lại âm ổn hồn. Sách Lễ ký gọi là mùa đông ôn nghĩa là ấm áp, mùa hè mát mẻ. Cố Dã Vương gọi ôn đó nghĩa là từ từ nóng nhiệt vậy. Trong văn nói viết từ bộ thủy thanh ôn. Trong kinh văn viết từ bộ hỏa cũng là văn thường hay dùng vậy.

Sáp thực. Ngược lại âm trên là tử lạp. Khảo Thanh gọi là đớp mồi trên cạn đưa vào miệng mà cảm thấy rất thú vị rất ngon vậy. theo chữ sáp cũng giống như con kiến, con sâu nhỏ. Nghĩa là đớp con kiến, con sâu nhỏ mà ăn vậy. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ khẩu thanh thiếp cũng viết chữ nhi tiếp cũng chữ thông dụng vậy.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 9

Huyên hoa. Ngược lại âm hủy viên. Thanh loại cho rằng huyên là hô lớn, cũng viết là huyên. Trong văn nói viết từ bộ ngôn thanh huyên. Ngược lại âm dưới hóa qua. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: làm ồn ào huyên náo vậy. Chữ chánh xưa nay từ bộ ngôn thanh hoa.

Trương si. Ngược lại âm lý chi. Tống Trung chú giải trong kinh thái huyền rằng: chữ si là trương ra, bắn ra, rải ra. Trong văn nói viết từ bộ thủ thanh ly.

Để mạn. Ngược lại âm trên là đinh lễ. Tiếng địa phương gọi là gặp nhau. Trong văn nói gọi là va chạm, xúc phạm. Chữ viết từ bộ ngưu thanh đệ. Ngược lại âm dưới là phan man. Khảo Thanh gọi là chữ mạn là không cung kính, giảo quyệt, lừa dối, không sợ. Nghĩa cùng với mạn này cũng đồng.

KINH ƯU BÀ TẮC GIỚI
QUYỂN 10

Trù thất. Ngược lại âm trên là trực lưu. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: chữ trù có nghĩa là các loại, các thứ. Trương chú giải trong Hán thứ rằng: trù đẳng, nghĩa là các loại v.v... Cố Dã Vương chú giải trong Sở từ rằng: hai người làm một thất nghĩa là đếm, phối hợp, bốn người là một trù, nghĩa dự trù, qua lại. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ điền thanh thọ. Ngược lại âm dưới là độc tất. Khảo Thanh gọi là ngẫu nhiên. Trong văn nói viết từ bộ hệ thanh bát âm hệ. Ngược lại âm hạ đệ.

Xi tiếu. Ngược lại âm xích chi. Chữ trong sách giải thích rằng chữ xi là cười nhạo, pha trò đùa. Trong văn tự điển viết từ bộ khẩu thanh xi.

****

KINH PHẠM VÕNG, KINH LÔ XÁ NẠ PHẬT THUYẾT BỒ TÁT TÂM ĐỊA PHẨM
QUYỂN THƯỢNG

(Không có âm giải thích.)

QUYỂN HẠ

Tứ tâm. Ngược lại âm tư xa. Trong văn nói gọi là bừa bãi phóng ý, phóng túng. Chữ viết từ bộ tâm thanh tư.

Ma-hạp. Ngược lại âm hứa hề tiếng Phạm.

Đại bản. Ngược lại âm tô loạn. Cố Dã Vương giải thích rằng: chữ toản gọi là tỏi tây, củ tỏi lớn vậy. trong văn nói gọi là huân thái nghĩa là món ăn có thịt, món ăn mặn có mùi và chất cay. Chữ viết từ bộ thảo thanh thị âm hồ âm thị cũng đồng trên.

Cách nhiếp. Ngược lại âm trên canh cách là loại rau nhiếp mọc trên núi. Quách Phác chú giải rằng: ngày nay trong núi có nhiều loại rau này, loại rau lá nhỏ, cây lớn mà mềm. Trong văn nói chữ viết từ bộ thảo đến bộ cách thanh tĩnh vậy.

Hưng cự tiếng Phạm gọi là A-ngụy-dược.

Danh dự. Ngược lại âm dư giá. Trong Mao thi truyện gọi chữ dự là tiếng tăm tốt đẹp vậy. Giả quỳ cho rằng chữ dự là danh xưng tên gọi.

Trong sách Quốc ngữ cho rằng lấy tiếng gọi là dự. Trong văn nói giải thích chữ dự viết từ bộ ngon thanh dữ vậy.

Báo thù. Ngược lại âm thọ chu. Trong Mao thi truyện gọi là không lời nào là không đáp lại. Trịnh Tiễn cho rằng là ghét, không ưa thích. Cố Dã Vương cho rằng là oán hận, không hài lòng, giận. Trong sách Thượng thư giải thích rằng: làm trái ý ta thì sẽ giận, oán vậy. Trong văn nói viết từ bộ ngôn âm truy đồng với âm trên.

Sứ bồ. Ngược lại âm đỏ cư. Trong Nghệ kinh gọi chữ sứ bồ bà tên gọi hài hước cho vui vậy. Khảo Thanh gọi là, cởi bỏ, buông thả. Sách phong thiền gọi là thoải mái. Trong văn nói chữ viết từ bộ thủ thanh lự. Trong giới bổn viết chữ sư cũng là văn thông dụng vậy.

Đàn kỳ. Ngược lại âm là đạt đan. Sách Nhĩ Nhã giải thích chữ đàn có nghĩa là ghép lại, dọn dẹp. Cố Dã Vương gọi là phàm cổ động cho mọi người biết gọi là đàn. Trong văn nói từ bộ cung thanh đơn. Ngược lại âm dưới là kỵ cơ. Cố Dã Vương gọi chữ kỳ này nghĩa là người chơi cờ vậy. Tiếng địa phương gọi là bát nghĩa là rộng, hiểu rộng, hoặc nói là khoảng cách giữa nước Ngô và nước Sở, hoặc gọi là cờ vậy, hoặc gọi là nước cờ bị bao vây. Khảo Thanh gọi là bàncờ vuông. Trong văn nói chữ viết từ bộ mộc thanh kỳ. hoặc là viết từ bộ thạch viết thành chữ kỳ này cũng là văn thông dụng.

Phách cầu. Ngược lại âm trên là dưng mạch. Sách Quảng Nhã giải thích rằng chữ pháp nghĩa là nắm chặt giải thích tên nghĩa là đánh vật, dùng tay mà đánh vật lên. Trong văn nói chữ viết từ bộ thủ thanh bạch, ngược lại âm dưới là cầu có nghĩa là phách cầu là đánh cầu vậy.

Đầu liễm. Ngược lại âm hổ ngô, có nghĩa tên của loại dụng cụ. Trong văn tự điển nói lànhân một đấu năm thăng, cao một thước hai tấc. Đây là loại khí cụ để chứa vật, loại khí cụ này để đựng chứa đồ pháp khí. Trong sách Lễ ký nói rằng là để giữ lưu lại; theo bản văn viết thì có rất nhiều khí cụ giống như cái tráp, cái hòm, cái gương; có loại thì thợ mộc làm cái bụng lớn mà cái cổ nhỏ miệng thì vuông mà lớn, cái bụng cũng vuông, nhận chứa một hộc rượu; lại có nước rỉ ra trong hộc v.v... là vậy. Trong văn nói gọi là con cháu nhà Ngô vẽ và làm loại khí cụ này, đây là chữ tượng hình vậy.

Khiêu kỳ. Ngược lại âm trên là thiếu nhiêu. Thanh loại gọi khiêu là dẫn dụ, nhặt ra, chọn lựa ra. Trong văn nói chữ viết từ bộ thanh triệu.

Thị kỳ. Ngược lại âm trên là thời chỉ. Trong văn nói gọi là nhìn, ngẩng lên mà nhìn vậy. Chữ viết từ bộ mục thanh thị cũng viết thị nghĩa cùng với chữ thị là nhìn cũng đồng vậy.

Biến sam. Ngược lại âm trên biên kiến. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ biến giống như chữ chu nghĩa là cùng khắp vậy. Thương Hiệt biên soạn giải thích chữ biến có nghĩa là rộng ra. Trong văn nói cho rằng quanh một vòng; chữ viết từ bộ xước thanh biến. Ngược lại âm dưới là sĩ hàm. Theo thanh loại có nghĩa là cắt đứt ra. Trong văn nói có nghĩa là đoạn lìa. Chữ viết từ bộ đao thanh sam âm sam đồng với âm trên.

Nhiếp từ. Ngược lại âm trên triêm triếp. Trong văn nói có nghĩa là nguyên tố hóa học kim loại cabalt (co). Chữ viết từ bộ kim thanh triếp. Trong kinh văn viết từ bộ nhiếp viết thành chữ này, có nghĩa là cây nhíp, cây kẹp vậy.

Tham khứu. Ngược lại âm hưu hựu. Tuân Tử chú giải trong sách Luận ngữ rằng ngửi ba lần không ăn. Trong văn nói lấy bộ tỵ là cái mũi chính là dùng để ngửi vậy. Chữ viết từ bộ tỵ.

Thâm thúy. Ngược lại âm tuy túy. Vương chú sở từ gọi chữ thâm thúy nghĩa là sâu xa. Trong văn nói cũng gọi là sâu xa. Chữ viết từ bộ huyệt thanh toại đến bộ xú âm khứu thanh khứu diệc.

Chiết cốt. Ngược lại âm trên là chi thiết. Ngược lại âm dưới là tư địch.

****

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*

Hữu sang. Ngược lại âm sở tương. Trong sách Lễ ký gọi là trên đầu có vết thương thì phải rửa. Trong văn nói lại viết nữu cũng là vết thương, nghĩa là vết thương từ một nhát dao vậy, hoặc viết là bộ tật viết thành chữ thương cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

Tứ trung. Ngược lại âm tợ tư. Cố Dã Vương gọi là một trăm vị thần ở trong miếu gọi là từ. lại nữa, chữ từ cũng là tế nghĩa là cúng tế. Trong văn nói chữ biết từ bộ thị thanh ty vậy.

****

KINH PHẬT TẠNG - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tước yết. Ngược lại âm trên là tướng dược. Khảo Thanh thì nghĩa

chữ tước là nhai nghiến, cũng gọi là tước thư, nghĩa là nghiền ngẫm. Trong văn nói gọi là lặng lẽ. Chữ viết từ bộ khẩu thanh tước. Ngược lại âm dưới là yên kiến. Cố Dã Vương cho rằng: chữ yết giống như chữ thôn có nghĩa là nuốt vào. Trong văn nói từ bộ khẩu thanh yết âm truy. Ngược lại âm truy tước âm thư ngược lại âm tật dữ.

Vi bát. Ngược lại âm phiền miệt. Chữ trong sách gọi chữ bát là thuyền trong biển lớn. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng chữ bát là nổi trên mặt nn. Trong văn nói từ bộ mộc thanh phát. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ việt nghĩa là vượt qua, cũng là văn thường hay dùng, hoặc là viết chữ bát này cũng đồng nghĩa vậy.

Vi đệ. Ngược lại âm thể hề. Giả Quì chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: chữ đệ là bậc thềm. Khảo Thanh gọi là nấc thang để đi lên. Đây có thể lấy thanh đăng là đi lên. Trong văn nói gọi là nấc thang làm bằng gỗ, từ bộ mộc thanh đệ vậy.

Tạp nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Nghi lễ rằng: chữ nhu nghĩa là tạp loạn, lộn xộn vậy. Trong văn Khuê oán Chu Tòng cho rằng: Phàm là vật tướng tạp loạn, lộn xộn thì gọi là nhu, hoặc là viết thô. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ mễ thanh nhu.

Biển bức. Ngược lại âm biến miên âm dưới là phúc, âm dưới là phúc. Trong sách Nhĩ Nhã cho rằng chữ biển bức là con dơi có hai cánh buồm. Quách Phác giải thích rằng: người nước Tề gọi là tiên chuột. Tiếng địa phương gọi là con dơi chuột nó tự xếp cánh bên phải rồi sau đó mới tự xếp cánh bên trái, giữa nước Tề và tỉnh Cam túc, Trung Quốc thì gọi là con dơi. Trong văn âm biến có nghĩa là to lớn trùm khắp tất cả vậy Ngược lại âm biến biên biện chữ thượng thanh.

Khinh táo. Ngược lại âm tao táo. Khảo Thanh gọi chữ táo? Là tính nóng nảy vội vàng. Cố Dã Vương cho rằng chữ táo giống như chữ động có nghĩa là dao động không yên. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: nghĩa bất an tịnh, nghĩa cảm thấy hồi hộp lo âu không an. Chữ chánh xưa nay có nghĩa là bị quấy rối, não loạn. Chữ viết từ bộ túc thanh táo cũng viết chữ táo này, cũng đồng nghĩa. Trong bổn kinh viết chữ đóa nghĩa là giẫm chân lên, chữ đóa này là sai lầm. Ngược lại âm dưới cũng đồng âm trên vậy.

Bà-gia-la-mục-khư-trùng. Âm khư ngược lại âm khương ca. Tiếng Phạm, có nghĩa là tên của loài côn trùng, âm dưới chữ chánh là trùng. Trong bổn kinh viết chữ trùng này. Ngược lại là âm truân dương. Chữ trùng này là chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

KINH PHẬT TẠNG
QUYỂN TRUNG

Ky ha. Ngược lại là âm cư khôi. Hà hưu chú giải trong Công dương truyện rằng: chữ ky cũng giống như chữ khiển có nghĩa là quở trách, trách phạt. Quảng Nhã cho rằng hỏi thăm. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Lễ ký rằng là tra xét rạn hỏi kỹ. Trong văn nói cho rằng chê bai, nói xấu chữ viết từ bộ ngôn thanh cơ. Ngược lại âm dưới là hác ca. Khảo Thanh gọi là răn đe, giận dữ, hỏi cật vấn, tra xét. Trong văn tự điển gọi là người không tôn kính thì lớn tiếng quở trách. Trong văn nói thì cho rằng lớn tiếng giận dữ, tức giận. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khả. Lại cũng có từ bộ khẩu viết thành chữ ha văn hay dùng là chữ này không đúng vậy.

Hủy tụy. Ngược lại là âm tụy túy. Tiếng địa phương nói rằng dữ tụy là bị thương tổn vậy. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng là lo âu phiền muộn vậy. Trong văn nói từ bộ tâm thanh túy. Theo chữ hủy tụy cũng viết chữ tụy gọi là bệnh gầy ốm bệnh nặng. Cũng viết chữ tụy này bệnh. Nghĩa là bệnh, cũng là gắng sức nhọc mệt, hết sức mệt nhọc vậy.

Vô ngại. Ngược lại là âm ngang cái. Cố Dã Vương chú giải rằng: chữ ngại là ngăn trở, vướng mắc, như cái móc sắc, ứng sắt vậy. Trong văn nói nghĩa là đóng lại khép lại. Chữ viết từ bộ môn thanh hài. Cũng viết chữ ngại này cũng đồng nghĩa vậy.

KINH PHẬT TẠNG
QUYỂN HẠ

Phiêu sắc. Ngược lại âm trên phiêu miễu. Vương chú sở từ gọi là khoe khoang y phục màu sắc thanh nhã. Trong văn nói có nghĩa là lụa màu xanh, màu trắng chữ viết từ bộ mịch thanh phiêu. Trong kinh viết chữ sấn, nghĩa là áo lót, cũng là văn thường hay dùng.

Thiết thái. Trên đúng là chữ thiết chữ dưới lại là âm thái. Theo chữ thiết nghĩa sắt đập ra làm miếng dẹp bỏ vào lửa đốt khiến đỏ lên có chất cứng dùng dây buộc lại tức là làm đồng tiền xỏ xâu lại. Trong kinh viết cũng là văn thường hay dùng.

Nhân nhục. Âm trên là nhân. Trong văn nói có nghĩa là chiếc

chiếu, chữ viết từ bô thảo thanh nhân. Ngược lại âm dưới là nho chúc. Tiếng địa phương, chiếu cỏ đệm cỏ dày. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: chiếu cỏ dây, giống như nệm. Trong văn nói chữ viết từ bộ thảo thanh nhục vậy.

****

KINH BỒ TÁT GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Chuyên lệ. Ngược lại âm lực chế. Cố Dã Vương cho rằng chữ lệ cũng giống như chữ miễn, có nghĩa là khuyến khích, khích lệ. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng cùng nhau khuyến khích làm việc tốt. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ lực thanh lệ.

Quán ấp. Âm trên là quan hoán. Cố Dã Vương gọi chữ quán giống như chữ điều, có nghĩa là thông suốt. Trong sách Chu lễ cho rằng một nước chia ra chín châu thì có nhiều sự tranh cãi, nên phải khiến cho nhất quán, kết hợp là đều lợi. Trong văn nói chữ viết từ bộ bối thanh mẫu âm quan.

Tỵ nghị. Ngược lại âm nghi khí. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: cắt mũi. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng: cắt tai, xẻo mũi, cảm thấy ăn năn, hối hận. Chữ viết từ bộ đao thanh tỵ hoặc viết chữ cũng đồng nghĩa.

(T 608) Nhĩ nhĩ.. Ngược lại âm trên nhi chí. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng thư rằng cắt tai xẻo tai. Trong văn nói nói nghĩa là, đoạn lìa lỗ tai, chữ viết từ bộ đao thanh nhĩ.

Căn nhãn. Ngược lại âm trên là cản hoàn. Tỳ Thương cho rằng dùng dao khoét thịt. Khảo Thanh cho rằng khắc dấu lên quanh co, cũng có nghĩa nỗi lòng uẩn khúc. Chữ chánh xưa nay cũng có nghĩa là cắt bỏ. Chữ viết từ bộ đao thanh oản.

Phân quát. Ngược lại là quan hoạt. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: nghĩa là la hét quát tháo lộn xộn bên tai. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng, quát tháo quấy nhiễu bên tai người. Văn nói chữ viết từ bộ nhĩ thanh thiệt, hoặc viết chữ, nói chuyện ồn ào bên tai.

Sai trở. Ngược lại âm thư tai. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: sai nghĩa là đoán, nghi ngờ. Tiếng địa phương cho rằng chữ sai nghĩa là giận, oán hận. Quảng Nhã cho rằng sợ sệt. Trong văn nói có nghĩa là oán hận bọn giặc. Chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

KINH BỒ TÁT GIỚI
QUYỂN 2 - ĐÀM VÔ SẦM - - *Tuệ Lâm soạn.*

Đột-kiết-la. Ngược lại âm độn-một tiếng Phạm là tiểu tội, tội nhỏ.

Trích phạt. Ngược lại âm trương cách. Trong Mao thi truyện cho rằng, quở trách lỗi nhỏ. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ trích là quở trách, khiển trách quở phạt. Giả Quì chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: tội lỗi quở phạt. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: cùng nhau trách mắng quở trách giận dữ. Trong văn nói chữ viết từ bộ ngôn thanh trích. Trong kinh văn viết chữ trích này cũng là văn thường hay dùng.

Khiểm hận. Ngược lại là âm diệp kiêm. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Lễ ký rằng: không hài lòng vì nói nôn nóng vội vàng. Chu dịch cho răng: bất bình ở trong lòng. Trong văn nói nghĩa là nghi ngờ. Chữ viết từ bộ tâm thanh kiêm hoặc là viết từ bộ nữ viết thành chữ hiềm nghĩa cũng đồng vậy.

Truất giả. Ngược lại âm xuân luật. Trong Phạm ninh tập giải rằng: chữ truất là đuổi đi. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ truất cũng giống như phóng có nghĩa là thả ra phóng thích. giả Quì chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: là phế bỏ. Trong văn nói nghĩa là hạ xuống cách chức, chê trách. Chữ viết từ bộ hắc thanh xuất.

****

VĂN BỒ TÁT GIỚI YẾT MA - *Tuệ Lâm soạn.*

Kham nại. Ngược lại âm trên là giang nhạc. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ giác nghĩa là sáng suốt vậy. quảng Nhã giải thích chữ giác có nghĩa là biết. Trong văn nói cho rằng chữ giác cũng gióng chữ ngộ nghĩa là hiểu ra, tỉnh ra. Chữ viết từ bộ kiến đến chữ học thanh tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ hạo. Chữ trong sách không có chữ này, đây chẳng phải chữ vậy.

****

KINH BỒ TÁT THẬP ĐỊA ANH LẠC BỔN NGHIỆP

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Minh hoán. Ngược lại là âm hoan quán. Chữ chánh xưa nay là hoán nghĩa là sáng rực, ánh lửa sáng rực. Chữ viết từ bộ hỏa thanh hoán.

Vũ chú âm chú cũng là âm thụ. Mưa mùa xuân rót vào vạn vật, thì không có đất nào là không tốt; mưa thuận mùa thì không có vạn vật nào mà không sinh trưởng kết trái trổ hoa. Trong văn nói có nghĩa là mưa thuận mùa, cho nên nước mưa rót vào vạn vật sinh trưởng tốt tươi, chữ viết từ bộ thủy thanh thụ âm thụ thu.

KINH BỒ TÁT THẬP ĐỊA ANH LẠC BỔN NGHIỆP
QUYỂN HẠ

Hạp la. Ngược lại âm hàm cáp. Sách Nhĩ Nhã giải thích chữ hạp nghĩa là cánh cửa, cũng tức là cửa, cánh cửa phên. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Lễ ký rằng: dùng gỗ mà làm cánh cửa thì gọi là hạp, dùng trúc đan thành tấm phên gọi là phiến. Theo văn nói có nghĩa là cổng làng, chữ viết từ bộ môn thanh hạp.

Tam thù. Ngược lại âm thụ chu. Hứa Thúc Trọng chú giải trong sách Hoài Nam Tử rằng: mười hai đấu lúa nặng một phần, mười hai phần là nặng một thù, theo văn nói có nghĩa là nắng mười đấu lúa vậy. chữ viết từ bộ kim thanh chu.

****

KINH BỒ TÁT TẠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Thập cam. Ngược lại âm khảm cam. Khảo Thanh gọi là loại bình cổ dài. Việc quan ngày xưa ở trong đông cung là phải coi sóc năm cái bình cổ dài màu trắng. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ ngõa thanh khí, và cũng từ bộ thổ thanh cam.

Hương huân. Trên đúng là chữ hương. Ngược lại âm dưới là huấn vân, cũng là chữ đúng thể huân. Khảo Thanh gọi là loại cỏ thơm. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thảo thanh huân âm huân đồng với âm trên.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*

Từ cấp. Ngược lại âm dưới là kim ấp. Giả Quì chú trong sách Quốc ngữ rằng: đẳng cấp trên dưới có sai khác. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: thềm dưới tức là cấp dưới. Cố Dã Vương cho rằng: thềm và các danh số gọi là cấp. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Lễ ký rằng: cấp là thứ bậc. Theo văn nói đứng vào hàng thứ tự cấp dưới thấp. Chữ viết từ bộ mịch thành cập âm ty mịch.

Huỳnh tịnh. Ngược lại âm trên là dinh hồi. Bát-nhã gọi là loại đèn lu mù. Thương Hiệt cho rằng tên của một loại khí cụ đánh giặc. Khảo Thanh gọi là khí cụ phát ra ánh sáng. Theo văn nói chữ viết từ bộ kim đến bộ huỳnh thanh tĩnh. Trong kinh văn viết dinh cũng là văn thông dụng vậy.

****

KINH BỒ TÁT NỘI GIỚI - *Tuệ Lâm soạn.*

Trước gian. Ngược lại âm trên trương lược. Ngược lại âm dưới gian nhan nghĩa là một loại cỏ thơm. Trong kinh Sơn hải nói rằng: ở trên núi Ngô lâm có rất nhiều loại cỏ này. Thanh loại thì cho rằng cỏ lan. Theo văn nói cũng cho rằng cỏ thơm. Chữ viết từ bộ thảo thanh gian.

Dâm dật. Ngược lại âm trên dĩ châm. Âm dưới là dật. Quyển 43 trước trong kinh Ngũ thập giao châm quyển thượng đã giải thích xong rồi; cũng viết chữ dật này. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ dâm; lại cũng viết chữ dật này, nghĩa có khác lạ vậy.

Đảm từ nhân. Ngược lại âm trên đảm can. Khảo Thanh cho rằng: phụ trách gánh vác. Chữ đúng là từ bộ nhân. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đảm cxng là nghĩa thông dụng văn thường hay dùng.

Phù-lưu-sa tiếng Phạm. Ngược lại âm lưu trụ. Đời Đường gọi là một người trượng phụ, một con trai, hoặc là một người chồng.

Trái chủ. Ngược lại âm trai giới. Khảo Thanh gọi là mắc nợ, vay nợ. Chữ trong sách thì không có chữ này. Thông dụng hay dùng chữ cửu là mắc nợ vậy.

Hoàn phi. Ngược lại âm trên hồ duyên. Theo thanh loại thì nghĩa là loài côn trùng biết bay, theo văn nói thì là loài côn trùng đi chữ biết từ bộ trùng thanh hoán. Trong văn kinh viết chữ quyên cũng đồng nghĩa

vậy.

Suyển động. Ngược lại âm gian doãn.

Bố cự. Ngược lại âm cực cứ. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ cự nghĩa là hoảng sợ, sợ hãi. Trong văn nói chữ viết từ bộ xước thanh cú. Trong kinh văn chữ viết từ bộ tâm, viết thành chữ là chẳng phải. Trong sách không có chữ này.

Ứ nê. Ngược lại âm trên ư cứ. Cố Dã Vương giải thích rằng cỏ trong nước làm cho ao ứ đọng lại không chảy lưu thông. Chữ viết từ bộ thủy thanh ư. Âm dưới là nhĩ kê. Cố Dã Vương giải thích rằng: bùn đóng lớp lên, đất và bùn lẫn lộn hôi thối, theo văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh ni. Trong kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ nên cũng là văn thường hay dùng vậy.

Công ẩu. Ngược lại là âm ư lẩu. Cố Dã Vương giải thích rằng: nay gọi là bà lão nghĩa là người đàn bà có con trai, con gái, nên gọi là bà lão. Theo văn nói cũng gọi là ba lão, chữ viết từ bộ nữ thanh âu vậy.

Giai sử. Ngược lại âm giới cật. Theo Khảo Thanh gọi là phép tắc điều lệ nói chung, tổng quát, tất cả đều đồng vậy. Trong văn kinh viết chữ bối thậm thất là chẳng phải nghĩa vậy.

Nhuyễn nhuyễn. Ngược lại âm dưới là noãn loạn. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ nhuyễn nghĩa là yếu ớt. Giả Quì chú giải trong sách Quốc ngữ rằng. Chữ nhuyễn là ở dưới. Theo văn nói chữ viết từ bộ tâm thanh nhuyễn. Trong kinh văn viết từ từ bộ nhân là sai vậy.

Triêu bổ. Ngược lại âm trên là trương diêu. Âm dưới là bổ ô. Cố Dã Vương cho rằng mặt trời qua giờ ngọ cộng thêm giờ thân, có nghĩa là quá trưa. Theo văn nói chữ viết từ bộ nhật thanh bổ.

****

KINH PHẬT THUYẾT ƯU BÀ TẮC NGŨ GIỚI UY NGHI

Tuệ Lâm soạn.

Suy nhương âm trên là suy. Khảo Thanh cho rằng: sắp xếp. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Lễ ký rằng: chữ suy giống như chữ tiến nghĩa là đẩy mạnh tiến tới; lại cũng là đưa lên cử lên, tiến cử. Theo văn nói viết từ bộ thủ thanh giai. Ngược lại âm dưới là nhương thượng. Cố Dã Vương cho rằng: thúc đẩy, đẩy mạnh, chữ viết từ bộ thủ thanh nhương, cũng viết là chữ nhường là văn thường hay dùng. Lâu nay, trong kinh văn viết từ bộ thủ thanh nhương là sai vậy.

Cách tỉ. Ngược lại âm trên là canh cai. Trong Mao thi truyện cho rằng lột da con thú cạo bỏ lông đi gọi là cách nghĩa là da. Ngược lại âm dưới là sư trạch. Theo thanh loại cũng gọi là tỉ nghĩa là giày dép làm bằng da thú. Chữ đúng xưa nay viết chữ lý thanh tĩnh tỉ, hoặc là âm khước sử.

Mộc kịch. Ngược lại âm kỳ kích. Trong Hán thư gọi là có đôi guốc gỗ đi xa ba mươi dặm, nay mới có được cái răng này, thật không đáng tiếc. Chữ mộc kịch là guốc gỗ. Theo văn nói chữ viết lý thanh tĩnh chi.

Túc kỳ. Ngược lại âm cật thị. Quách Phác chú giải Trong kinh Sơn hải rằng: chân đi mà gót không chấm đất nghĩa là vùn vụt. Theo tiếng địa phương cho rằng leo lên. Quảnh Nhã cho rằng đi dép. Hứa Thúc Trọng cho rằng nhảy lên. Theo Khảo Thanh gọi là chân có cánh bay. Trong văn nói rừ bộ túc thanh chi âm theo. Ngược lại tỉ chu.

Mạc đường. Ngược lại âm đãng lãng. Quảng Nhã cho rằng là đường đột, mạo muội xâm phạm. Chữ chánh xưa nay cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ thủ thanh đường. Trong văn kinh viết chữ đường nghĩa là tên cây đường lê có quả ngọt, chua, lá dài, theo nghĩa đây là rất khác lạ vậy.

Mạc tôn. Ngược lại âm tồ tôn. Theo Khảo Thanh thì gọi là đồ dùng, gọi là cái ghế đôn cao ngang đầu gối, dùng để ngồi. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: là chữ tôn là ngồi chụm lại, tức là ngồi xổm. Theo văn nói chữ viết từ bộ túc thanh tôn.

Hý lộng. Ngược lại âm lung cống. Theo sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: lộng nghĩa là vui đùa. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: lộng hý nghĩa làm trò đùa, nghịch. Theo văn nói chữ viết từ bộ ngọc thanh cũng. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ ca là chẳng phải vậy.

****

KINH VĂN THÙ TỊNH LUẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Xác nhiên. Ngược lại âm trên hồ ốc. Theo văn nói có nghĩa là ánh sáng rõ ràng, cũng có nghĩa là hun đốt lên. Chữ viết từ bộ hỏa thanh xác. Âm dưới ngược lại là âm chi dược. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao thi truyện rằng: chữ dước nghĩa là ánh sáng thấy rực rỡ khác thường. Quảnh Nhã cho rằng: sáng rất rõ ràng, thông suốt. Đôn xác hạt. Trong văn luật viết chữ diệu là sai vậy.

Kỳ khu. Ngược lại âm trên kỳ ký. Âm dưới là khúc cu. Thao Khảo Thanh gọi là cái chân bị què khó đi, qụy xuống đất. Theo văn nói gọi là bị què hết một chân. Chữ viết từ túc thanh ký. Trong bổn luật viết chữ khu văn thường hay dùng, chữ viết đứng là khu dịch là vùng đất thành thị, nhộn nhịp rất thú vị, hoặc viết chư khu cũng đồng nghĩa.

Khôi kỳ. Ngược lại quán hồi. Chữ khôi kỳ theo Khảo Thanh thì gọi là ngọc trai trong lửa. Theo Mao thi truyện gọi là một đá thường, làm ra ngọc đá quý. Theo văn nói là loại ngọc hình tròn rất đẹp. Chữ viết từ bộ ngọc thanh quí, cũng viết chữ quí này, cũng chữ thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là kỵ kỳ. Tỳ Thương cho rằng: viên ngọc rất quí hiếm, cũng là một loại đá thường, làm ra viên ngọc. Theo văn nói chữ viết từ bộ ngọc thanh kỳ.

Não hoạn. Ngược lại âm trên nhu lão. Theo Khảo Thanh có nghĩa là ưu sầu phiền muộn làm não loạn trong lòng. Theo văn nói thì có nghĩa là tất cả đâu thương oán hận là do nay bọn đàn ông kia có tất cả oán hận to tiếng quấy nhiễu. Chữ viết từ bộ nữ não thanh tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ tật viết thành lời là chẳng phải. Trong sách không có chữ này vậy.

Phiền liệu. Ngược lại âm trên là phạc viên. Ngược lại âm dưới liêu điếu. Trong Mao thi truyện cho rằng ngọn lửa lớn gọi là phiền. Trịnh Tiễn cho rằng chữ liêu là ngọn lửa nhỏ mà cháy lan cả cánh đồng gọi là liêu. Theo văn nói chữ phiền thiêu đốt, chữ liêu là phóng hỏa vậy. Cả hai chữ đều từ bộ hỏa đề là thanh phiền liêu.

****

KINH THANH TỊNH TỲ NI PHƯƠNG QUẢNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Hiệu khốc. Ngược lại âm trên là hao cao. Theo Khảo Thanh gọi là khốc lớn. Âm thanh nghe rất đau khổ. Theo văn nói chữ viết từ bộ hiệu thanh hổ. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu viết thành chữ hòa, nghĩa là sài lang con cáo trong rừng nó tru, cho nên chữ hào là chẳng phải vậy. đầy con người khóc, tiếng của con người khóc vì đau khổ.

Cổ đạo. Ngược lại âm trên cô hộ. Theo Khảo Thanh gọi là người con gái mê hoặc người con trai, làm cho hao mòn tiền bạc. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ cổ là làm mê hoặc. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu lễ rằng: chữ cổ là chất độc vậy, cũng là vật làm hại con người. Theo văn nói chữ viết từ bộ huyết bộ trùng cà chữ cổ. Trong văn kinh viết cổ này là chẳng phải cũng là âm dã.

KINH TỊCH ĐIỀU ÂM SỞ VẤN - *Tuệ Lâm soạn.*

Kiên lao. Ngược lại âm lão đao. Cố Dã Vương gọi chữ lao cũng là chữ cố có nghĩa chắc chắc bền chặt. Quảng Nhã cho rằng kiên cố, bền vững. Theo văn nói chữ viết từ bộ ngưu đến san thanh tỉnh. Chữ san là lấy bốn mặt bao quanh có nghĩa là nhà lao ngục.

Thiền quật. Ngược lại âm khôn cốt. Chí Đỗ chú giải trong Tả truyện rằng: chữ quật có nghĩa là nhà bằng đất. Chữ chánh xưa nay có nghĩa là mùa đông lạnh thì có chỗ ở. Ngày xưa chưa xây nhà chỉ trong hang. Cũng có nghĩa là tiên vương chưa có cung thất, nên xây nhà bằng đất để cho vua ở nên gọi là cung quật. Chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

****

KINH TAM TỤ SÁM HỐI - *Tuệ Lâm soạn.*

Lộ dã. Ngược lại âm trên là lô cốc. Theo Chu dịch gọi là con nai không có sừng, lấy từ loài cầm thú mà đặt tên. Theo văn nói cũng gọi là tên của loài cầm thú, giống như có sừng bốn chân của nó hình giống như chân con nai.

Uyển trung. Ngược lại âm trên là uyển viễn. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: chữ uyển gọi là vườn nuôi cầm thú. Trong Hán thư có nói đến vườn tên Thượng lâm uyển. Theo văn nói cũng gọi là vườn nuôi cầm thú, chữ viết từ bộ thảo thanh uyển. Trong văn kinh viết chữ oản là vườn thuốc, tên của loại cây làm thuốc là chẳng phải. Đây chữ đúng là uyển, là vườn có tường bao quanh để nuôi cầm thú vậy.

****

KINH NGŨ PHÁP SÁM HỐI - *Tuệ Lâm soạn.*

Khô cảo. Ngược lại âm kha lão. Chữ khô cảo nghĩa là cây già cằn cỗi. Trong kinh văn gọi là cây chết, cây khô héo. Theo văn nói có nghĩa là cây khô chết. Trong văn kinh viết từ bộ mộc thanh cao.

Tiễn thỉ. Ngược lại âm trên là tiên tiện. Theo tiếng địa phương thì gọi là cửa giữa hai cùng phía Đông và Tây cách nhau bằng một mũi tên. Quách Phác chú giải rằng: chữ tiễn là mũi tên; nhọn giống như ba

mũi kiếm; nay là đưa lên trán nhắm bắn. Nay mũi tên lao vào thân, bắn mũi tên lao thẳng vào thân. Chữ viết từ bộ trúc thanh tiền. Ngược lại âm dưới là thời bồn. Theo văn nói thì có nghĩa là lấy cung tên đeo nơi thân mình bắn trong không trung mũi tên bay ra từ xa. Chữ viết từ bộ thân thanh thỉ.

****

KINH THỌ BỒ ĐỀ TÂM GIỚI - *Tuệ Lâm.*

(Không có chữ để âm nghĩa)

****

KINH TỐI THƯỢNG THỪA THỌ BỒ ĐỀ TÂM GIỚI

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

Tung nhạc. Ngược lại trên túc dung. Ngược lại âm dưới là ngô giác. Trong núi Ngũ nhạc. Vị trí ở tỉnh Hồ nam, Trung Quốc: Ngũ nhạc gồm có: Thái sơn, Hoa sơn, Tung sơn, Hằng sơn, Hành sơn. Gọi tắc là Tung nhạc sơn, cũng gọi tên là Thái thất sơn.

Ưu loạn. Ngược lại âm nhi chiểu. Quyển trước đã giải thích chữ xong rồi, từ âm ưu. Ngược lại nô lực từ chữ ưu này là chẳng phải vậy.

Ỷ ngữ. Ngược lại âm khi ỷ. Thư chữ ỷ ngữ đó là lời nói văn từ hoa mỹ trang sức khen ngợi cho qua đi kỳ thật không phải thật vậy.

Khấu đầu. Ngược lại âm trên khổ hậu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng chữ khấu nghĩa là níu kéo, đánh gõ. Theo văn nói chữ viết từ bộ thủ thanh khẩu. Trong bổn kinh viết chữ khấu là tên của một ngôi làng ở lam điền, cùng với nghĩa có chút khác lạ.

Bà-đát-mâu ba chữ cùng gọi là một thanh. Chữ mâu dưới ngược lại là âm vô cảm.

Đặng. Ngược lại âm đằng hằng. Đây là chữ Phạm.

Nậu. Ngược lại âm nông lộc, cũng là chữ Phạm.

KINH TỐI THƯỢNG THỪA THỌ BỒ ĐỀ TÂM GIỚI
QUYỂN 2

Phiêu tâm. Ngược lại âm âm phiêu diêu. Theo Khảo Thanh gọi là trên đầu có lá cờ. Quảng Nhã cho rằng: Cờ phướn. Theo văn nói có nghĩa là lá cờ. Chữ viết từ bộ cân thanh phiêu. Âm phiêu ngược lại âm tất tiêu.

Khuy ư. Ngược lại âm trên là khuất vi. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Chữ khuy giống như chữ hủy nghĩa là hao tổn, hủy hoại. Vương Chú Sở Từ cho rằng: Hao tổn hết tận, tức là lỗ vốn. Theo văn nói có nghĩa là thiếu thốn, hao tổn. Chữ viết từ bộ Thanh khuy ; hoặc viết từ bộ hề âm khuy. Ngược lại âm hồ quách.

Suyển động. Ngược lại âm nhuận y.

Huỳnh triệt. Ngược lại âm trên huỳnh hồi. Trước kinh Bồ-tát thiện giới đã giải thích đủ rồi. Trong văn kinh viết chữ huỳnh này cũng là thông dụng thường hay cùng.

Diên súc. Ngược lại âm sở lục. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: chữ súc là rút ngắn lại, chùng bước, thối lui. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chữ súc cũng có nghĩa là hết sạch. Tống Trung chú giải trong kinh Thái Huyền rằng: Chữ súc cũng giống như chữ chỉ có nghĩa là dừng lại. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh túc.

- QUYỂN 3 (*Không có âm chữ giải thích.*)

****

KINH NHẬP QUÁN ĐẢNH THỌ GIỚI
(Không có chữ để âm nghĩa)

****

KINH NHỊ MẠN ĐÀ
(Trong mục lục ghi là Tam Mạn- đà)

Tuệ Lâm soạn.

Ngoan ngận. Ngược lại âm ngấn khẩn. Chí Đỗ chú giải trong Tả Truyện rằng: Là giọt lệ, nghĩa là đang khóc. Theo văn nói thì có nghĩa là không nghe theo. Chữ viết từ bộ xước Thanh cấn.

Tham san. Ngược lại âm thiên thu. Chí Đỗ chủ giải trong Tả truyện rằng: Là tham ăn gọi là san. Theo văn nói chữ viết từ bộ thực Thanh sam âm sam điện.

****

KINH PHẬT THUYẾT BỒ TÁT THỌ TRAI

(Không có âm chữ giải thích.)

****

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI HỐI QUÁ - *Tuệ Lâm soạn.*

La-duyệt-kỳ. Tiếng Phạm. Ngược lại âm duyên tuyết.

Kiện-đạp-hòa. Ngược lại âm đàm hạp âm dưới là hoa quả. Lại là âm hòa. Tiếng Phạm.

Triệu diệu. Ngược lại âm trên chiêu diệu. Cố Dã Vương giải thích rằng: Chữ triệu cũng giống như chữ chúc nghĩa là đèn sáng. Quảng Nhã cho rằng: Chữ Triệu cũng là sáng tỏ, chữ đúng xưa nay viết từ bộ Hỏa thanh triệu. Cũng viết chữ chiếu đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là diêu tiếu. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ diệu cũng là ánh sáng rực rỡ. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chữ diệu cũng là sáng suốt. Theo văn nói chữ viết từ bộ Hỏa thanh diệu.

Quyên trừ. Ngược lại âm trên quyết duyên. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chữ quyên có nghĩa là sạch sẽ thanh khiết. Theo tiếng địa phương cho rằng: Lành bệnh, mau hết bệnh nghĩa quyên trừ hết vậy. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: là trừ bỏ đi. Theo văn nói chữ viết từ bộ chữ bồn Thanh xúc vậy.

Long lệ Ngược lại âm trên là lộc đổng. Âm dưới là lê đệ. Chữ Long lệ có nghĩa là cang cường cứng cỏi không phục. Chữ trong sách đều không viết từ bộ tâm. Trong kinh văn viết có bộ tâm nghĩa là lấy ý mà thôi.

Miệt ư. Ngược lại âm trên là niên phế Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Chữ miệt cũng giống như chữ khinh nghĩa là xem thường, khinh thường. Theo tiếng địa phương chữ miệt giống như chữ tiểu nghĩa là nhỏ bé. Theo văn nói nghĩa là khinh thường, xem khác lạ. Chữ viết từ bộ tâm thanh miệt.

Ế kỳ. Ngược lại âm trên là khẩn kế. Quảng Nhã cho rằng: Ế là

che đậy, ngăn che. Quách Phác chú giải rằng. Chữ ế nghĩa là che đậy, ẩn giấu. Theo văn nói chữ viết từ bộ vũ Thanh ế. Trong kinh văn viết chữ chẳng phải vậy.

Hoài thâu siễm tưởng. Ngược lại âm tú hậu. Thương Hiệt giải thích rằng: Thâu nghĩa là kẻ trộm. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Chữ thâu nghĩa là lấy vậy. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Là cẩu thả. Hứa Thúc Trọng giải thích trong sách Hoài Nam Tử rằng: Chữ thâu nghĩa là mỏng manh; hoặc viết từ bộ tâm viết thành nghĩa răn dạy, khuyên dụ; cũng dùng đồng với chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ thâu cũng là chữ thông dụng thường hay dùng. Theo văn nói có nghĩa là thông minh lanh lợi, dối trá, không thật. Chữ viết từ bộ Nữ thanh thuyết tĩnh.

Ương hấn. Ngược lại âm hân cận. Chí Đỗ chú giải trong Tả Truyện rằng: Chữ hấn nghĩa là có tội, nghĩa là dùng dao lấy màu của con vật để cúng tế. Cũng có nghĩa là hiềm khích, tranh chấp. Giả Quì chú giải trong Quốc ngữ rằng: Chữ hấn cũng có nghĩa là điềm báo trước, dự đoán. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ chữ Hấn thanh tĩnh cũng từ bộ dậu. thanh phân âm hấn. Ngược lại là âm thương loạn.

Yến tọa. Ngược lại âm yên kiến. trong Văn Khuê Oán Chu Tòng giải thích rằng: Chữ yến nghĩa là an ổn. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Là chỗ ở an ổn nghỉ ngơi. Theo văn nói chữ viết từ bộ Miên thanh yến. trong kinh văn viết từ bộ Thảo viết thành chữ nghĩa là sợ hãi là chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Đĩnh liệu. Ngược lại âm trên là đinh định. Vương Chú Sở Từ nói rằng: Chữ đĩnh là đồ để thức ăn như cái đĩnh có ba chân, trên có ống tròn thông khí, giữa là đồ để nấu dưới là nước lửa để chưng; Theo Thanh Loại cho rằng: Có chân gọi là cái đĩnh; không có chân gọi là đăng; chữ đăng cũng có nghĩa là đồ đựng thức ăn; hoặc là viết chữ đăng nghĩa là đèn. Theo văn nói chữ đĩnh đăng nói chung là đồ đựng thức ăn. Chữ viết từ bộ Kim thanh định. Ngược lại âm dưới là lực tiểu. Theo văn nói giải thích rằng: Là chung quanh tường thấp. Chữ viết từ bộ thổ thanh liệu âm liệu liệu.

Pháp đẻ. Ngược lại âm dưới là để đệ. Theo Khảo Thanh gọi là giọt nước vậy.

Yểm tế. Ngược lại âm trên là yểm nghiêm. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chữ yểm nghĩa là ẩn giấu, ẩn tàng giấu kín. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh yểm. Trong bổn kinh lại viết từ bộ viết viết thành chữ yểm này là sai. Ngược lại âm dưới là ty duệ. Cố Dã Vương giải thích

rằng: Chữ tế nghĩa là không sáng suốt. Chí Đỗ chú giải trong Tả Truyện rằng: Chữ tế nghĩa là che đậy chướng ngại. Quảng Nhã cho rằng: Chữ tế là ẩn giấu. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thảo thanh tệ.

Sổ cai. Ngược lại âm kha ai. Giả Quỳ chú giải trong sách quốc ngữ rằng: Thời xưa ở vùng xa xôi hẻo lánh cửu châu ruộng có một trăm triệu mẫu. Cố Dã Vương cho rằng: Cửu cai, là ruộng đất rộng mênh mông là vậy. Hứa Thúc Trọng chú giải trong sách Hoài Nam Tử rằng: Cửu cai đó là cửu thiên hạ; nghĩa là đứng đầu thi, tức là vua ở trên ngôi cửu ngũ, à cai trị thiên hạ. Theo văn nói, chữ viết từ bộ Thổ thanh cai. Trong kihnh viết từ bộ Nữ là sai vậy.

Hệ thuộc. Ngược lại âm trên là hề kế. trong sách Nhĩ Nhã cho rằng: chữ hệ cũng giống như chữ kế nghĩa là kế tiếp nối theo sau. Theo văn nói cho rằng: Chữ hệ cũng giống như chữ hệ này nghĩa là buộc ràng, bó buộc. Chữ viết từ bộ Nhân thanh hệ. Chữ hệ này cũng đồng nghĩa của hệ trên.

Tư thụy. Ngược lại âm thùy ngụy. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Chữ Thụy có nghĩa là viên ngọc dùng để làm tin. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ Thụy nghĩa là sự tốt lành, ứng điềm lành. Theo văn nói chữ viết từ bộ Ngọc thanh đoan âm đoạn đoan.

Đức hinh. Ngược lại âm duyệt hình. Trong sách Thượng Thư giải thích rằng: Tiếng thơm từ đức hạnh, sáng suốt, duy trì mãi cho đời vậy. Trong văn nói giải thích rằng: Nghe mùi thơm bay xa. Chữ viết từ bộ Hương thanh linh, cũng từ bộ Khẩu thanh linh, khinh nghĩa là loại cỏ thơm.

Đãng văn. Ngược lại âm trên đang lãng. Trong Hán Thư giải thích rằng: Chữ đãng nghĩa là lời nói ngay thẳng đáp lại đầy đủ. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ đãng cũng là nói thẳng. Theo văn nói chữ viết từ bộ Ngôn thanh đãng.

****

KINH XÁ LỢI PHẤT HỐI QUÁ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tảo thấu. Ngược lại âm trên tao lão Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Chữ tảo nghĩa là tắm rửa cái thân cho sạch sẽ. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tảo là rửa tay. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh tao. Ngược lại âm dưới là sở lưu. Trong sách Lễ Ký giải thích rằng: Từ đầu hôm con gà gáy; thức dậy rửa tay súc miệng. Theo

văn nói chữ thấu nghĩa là súc miệng cho sạch. Chữ viết từ bộ Khiếm thanh thúc âm thúc. Ngược lại âm du hậu.

Ngư liệp. Ngược lại âm trên là ngữ củ. Theo Khảo Thanh thì gọi là bắt loài thủy tộc; bắt cá dưới nước. Theo văn nói chữ viết từ bộ Phộc thanh ngư ; cũng từ bộ Thủy viết thành chữ ngư nghĩa là người đánh bắt cá chữ này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là liêm triếp. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chữ liệp nghĩa là bắt lấy. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: Đi săn đồi cao, trong rừng mạnh dạn vào bắt hổ. Theo văn nói nghĩa là truy đuổi bắt loài cầm thú. Chữ viết từ bộ Khuyển thanh liệp âm liệp. Ngược lại âm lực nghiệp.

KINH PHÁT LUẬT TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ô viễn. Ngược lại âm trên ư vũ ?. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Chữ Ô nghĩa đi chạy trốn lánh nạn. Câu chú giải trong sách Luận Ngữ rằng: Chữ Ô cũng giống như chữ viễn, nghĩa là xa xôi lâu dài; đi xa. Trịnh Viễn chú giải trong sách Lễ Ký rằng: Chữ ô nghĩa rộng rãi, to lớn. Theo văn nói chữ viết từ bộ Xước thanh ô.

Bi tử. Ngược lại âm trên bi âm dưới tử di. Quảng Nhã cho rằng: Chữ bi nghĩa là mềm yếu. Theo Khảo Thanh gọi bi tử nghĩa là nói người tốt là chẳng phải chữ chánh xưa nay đều từ bộ Ngôn thanh bi tử. Trong kinh viết chữ bi tử này là sai vậy.

Tụ xúc. Ngược lại âm dưới thu trạc. Bát-nhã cho rằng: Chữ xúc tích có nghĩa là dáng vẻ cung kính. Khép nép, sợ sệt. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Chữ xúc là dáng vẻ cung kính khép nép bất an, có vẻ khẩn cấp là vậy; cũng có nghĩa là dáng vẻ đi bộ cung kính. Theo văn nói chữ viết từ bộ Túc thanh thúc.

Chi dịch. Ngược lại âm dưới là di ích. Trịnh Tiễn chú giải bài tựa của Mao Thi Truyện rằng: Lời nói khéo léo dẫn dắt người ta làm việc thiện; theo văn nói nghĩa là lấy tay nắm cánh tay người khác để dẫn dắt, cũng gọi là dưới nách. Chữ viết từ bộ Thủ thanh dạ.

Tác kiển. Ngược lại âm kiên hiển. Trong sách Lễ Ký giải thích rằng: Ở đời người đàn bà bình thường phải nuôi tầm, làm kén kéo tơ dệt lụa nuôi chồng ăn học. Theo văn nói nghĩa là kéo tơ may áo. Chữ viết từ bộ Mịch đến bộ trùng bộ cân âm miên cũng giống như chữ nga nghĩa là con bướm hai góc cũng giống tương đương.

****

KINH BỒ TÁT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO - *Tuệ Lâm soạn.*

Mục huyễn. Ngược lại âm huyền nguyên. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chữ huyễn nghĩa là hoặc nghĩa là huyễn hoặc, bị hoa mắt. Thương Hiệt chú giải biên soạn rằng: Mắt nhìn không rõ. Trong văn nói cho rằng: Con mắt bị nhặm, không thường trụ, hay nháy mắt. Chữ viết từ bộ Mục thanh huyền.

Tự hoài. Ngược lại âm trên tật dữ. Theo Khảo Thanh gọi là phá hoại, hư hoại. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Chữ tự cũng là hư hoại. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chữ tự là chẳng phải. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh thư.

Địch trừ. Ngược lại âm trên đình đích. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Chữ địch trừ nghĩa là rửa sạch, trừ sạch. Trịnh Tiễn chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Chữ địch trạc cũng là tên của một con sông ở Trung Quốc. Quảng Nhã cho rằng: Chữ địch cũng có nghĩa là tẩy rửa, rột rửa cho sạch. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh điều.

Thảo mộc. Chữ đúng ở trên là chữ hủy. Ngược lại âm huy quí. Trong Mao Thi Truyện giải thích rằng: Chữ hủy thảo nghĩa là tên của các loại cỏ. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: Là tên chung của một trăm thứ cỏ. Trong văn nói nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ ba bộ thảo âm thảo. Ngược lại âm diên liệt.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 46

- Âm Đại Trí Độ Luận một trăm quyển - Quyển thứ chín không có âm.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 1

Du thành. Ngược lại âm du câu Quảng Nhã cho rằng: Chữ du là vượt qua, leo qua, nhảy qua vậy.

Mại nai. Ngược lại âm mạc hậu. Tam Thương giải thích rằng: Mại nghĩa là trao đổi; nghĩa là giao dịch, mua (T610) bán các vật gọi là mại vậy.

Huyễn thuật. Ngược lại âm hậu biện. Theo văn nói chữ huyễn có nghĩa là cái tướng không thật dối trá, mê hoặc; Theo chữ huyễn có nghĩa là tướng lừa dối làm hoa mắt lấy làm loạn mắt người, chữ thuật nghĩa là pháp thuật vậy.

Đường lao. Giải thích văn chữ cổ; hai chữ tượng hình dịch cũng đồng. Ngược lại âm đồ đương. Theo người làm việc trong nhà gọi là lao lực quá sức vậy.

Anh cai. Ngược lại âm ư doanh chữ anh cũng giống như chữ y nghê nghĩa là đứa trẻ sơ sinh. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đứa bé gái mới sanh ra gọi là anh. Đứa bé trai mới sanh ra gọi là nhi. Giải thích tên gọi: Trước ngực cũng gọi là anh đầu, nghĩa là múm vú. Chữ anh ở trước nghĩa là múm vú trước để lấy sữa nuôi con vậy. Cho nên gọi là anh nhi. Chữ cai là văn cổ cùng với chữ hài đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ lai. Theo văn nói chữ cai nghĩa là đứa bé trai đang cười; cũng là đứa bé còn non nớt. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Đứa bé sanh ra đời ba tháng, người cha cầm tay của đứa bé non nớt mà đặt tên là vậy. Trong văn luận ngữ cho rằng: Cũng có từ bộ Nữ viết thành chữ hài đây là chữ

cổ. Ngược lại âm Lâm cổ tài. Chữ hài có nghĩa là lớn số. Chữ hài này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy. Chữ y âm y ngược lại âm ô hề. Chữ nghê ngược lại âm ngũ hề.

Như bộ. Ngược lại âm bồ lộ. Chữ bộ nghĩa ngậm bú. Cùng với Hứa Thúc Trọng gọi là nhai trong miệng mà ăn. Trong luận văn ngữ lại viết bộ cùng với chữ bộ này cũng đồng. Ngược lại âm bổ hồ. Tam Thương giải thích cho rằng: là ăn chiều; nghĩa là ăn giờ thân. Chữ bộ này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Lam tỳ. Ngược lại âm lực hàm. Hoặc gọi là lưu di ni, Trung Hoa dịch tên là giải thoát xứ, cũng tên là diệt cũng tên là đoạn.

Hy hý. Lại viết là hy cũng đồng. Ngược lại âm hư chi. Theo văn nói chữ hy có nghĩa là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hy hý có nghĩa là cười đùa vui vẻ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ ký nghĩa là hài hước, làm trò, pha trò cho vui. Quách Phác gọi là làm hài hước, cười đùa cũng gọi là pha trò cho vui vậy.

Phục ngự. Ngược lại âm phò chúc. Trong văn nói cho rằng: Phục nghĩa là ăn uống. Nhĩ Nhã cho rằng: Phục cũng có nghĩa là làm cho đồng đều nhau. Quách Phác cho rằng: Phục ngự có nghĩa là khiến cho ngay ngắn, chỉnh tề. Chữ ngự này là chữ cổ. Cũng viết chữ ngự này nghĩa đồng nhau. Ngược lại âm ngư cứ. Quảng Nhã cho rằng: Chữ ngự đi vào, tiến đến; cũng là người hầu, người đánh xe cho vua đi. Thái Ung chú giải trong đoạn văn ngắn rằng: Phục ngự cũng có nghĩa là y phục mặc thêm vào người, cũng là ăn uống thêm vào miệng; cung phi, thê thiếp tiếp vào phòng ngủ của vua đều gọi là ngự. Ngự cũng là chỗ thân ái cũng gọi là niên. Giải thích tên gọi là ngự, cũng có nghĩa là tôn kính. Trong triều đình vua, các vị tướng tôn kính các vị Tiên vương, lời nói các vị vua cũng gọi là ngự. Cũng gọi là chức quan thấp trong triều, cũng gọi là dây cương điều khiển con ngựa. Con trâu nghĩa là như vậy.

Đường đột. Thể chữ cũng viết đường đột này hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm đồ lãng, âm dưới là đồ cốt. Quảng Nhã cho rằng: đường đột là xúc phạm, mạo phạm, xung đột xông vào tấn công. Chữ trong sách chữ đột cũng có nghĩa là lau chùi vậy.

Xúc tháp. Ngược lại là âm thiên lục. âm dưới là đồ cái. Nghĩa là lấy cái chân đà ngược lại gọi là xúc. Trong văn nói giải thích chữ tháp nghĩa là giẫm đạp lên. Quảng Nhã cho rằng: Chữ tháp cũng nghĩa là bước đi, đạp lên vậy.

Thích sanh. Đây là văn nói. Ngược lại là âm thi xích. Quảng Nhã cho rằng: Là chỗ tôn kính thờ phụng; cũng nghĩa là thân cận gần gũi,

thân thích, cũng nghĩa là thân cận gần gũi thân thích, cũng có nghĩa là bắt đầu vậy.

Bất chương. Lại viết chữ chương này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm chước dương. Quảng Nhã cho rằng: Chương nghĩa là sáng rõ, cũng có nghĩa là văn chương sáng sủa, rõ ràng mạch lạc; cũng có nghĩa là bề ngoài, mặt ngoài.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 2

Bất ỷ. Ngược lại âm ư nghị. Quảng Nhã giải thích rằng: Chữ ỷ là nguyên nhân, nghĩa là nhân vật mà mình có thể dựa vào. Lại là âm cự nghị. Nghĩa là dựa vào đứng thẳng; ngay lập tức.

Vô cửu. Ngược lại âm cự cửu. Trong Mao Thi Truyện giải thích rằng: Hoặc là lo buồn sợ sệt tội lỗi gọi là cửu. Chữ cửu là tội lỗi. Quảng Nhã giải thích rằng: Cửu là tội ác. Theo văn nói chữ cửu là tai ách thể chữ viết từ bộ nhân người đến bộ các. Nghĩa là nhiều người làm trái lại tức là thành tội ác vậy. Tức là hai người đồng tâm hiệp lực thì có lợi. Mà hai người chống trái lại thì sẽ trở thành tai họa. Văn cổ cho rằng: Là cái đầm nước, là lâu dài, kéo dài. Chữ cao là đầm nước, nghĩa là đầm nước chứa lâu dài.

Nhữ tạo. Lại viết chữ tạm cũng đồng. Ngược lại là âm tự lao. Trong sách sử ký cho rằng: Có hơn mười điều phải tuân theo; như là thật thà, mộc mạc gọi là tào. Cũng có mười lực người đi trước như trưởng bối. Trong kinh thì cho rằng: Tào là một điều tốt lành. Trong Tào Truyện cho rằng: Tào là một bọn, nhóm, một lũ vậy.

Sư bảo. Văn cổ lại viết ba chữ bảo tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm bổ đạo. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Xuất ra ngoài thì có bảo, nhập vào thì có sư. Tóm lại sư bảo nghĩa an ổn vậy. Nghĩa là lấy chữ đạo đức, khuôn phép mà làm an ổn cho người vậy. Chữ bảo nghĩa là giữ gìn. Trong văn nói có nghĩa là bảo dưỡng nghĩa nuôi dưỡng bảo hộ.

Quỷ danh. Ngược lại là âm câu hủy. Chữ quỷ nghĩa là biến đổi dối trá. Khổ ngặt, bức bách đều gọi là quỷ, cũng có nghĩa là tạm thời, cũng có nghĩa là mặt trời sắp ngã về phía Tây.

Ngẫu đắc. Ngược lại âm ngô cẩu. Nhĩ Nhã cho rằng: Tình cờ gặp

nhau Quách Phác cho rằng: Vợ chồng cùng nhau xây dựng.

Kích điện. Ngược lại âm lưu thế. Chữ kích điện nghĩa điện âm dương giao nhau bắn ra các tia lửa. Giải thích tên gọi là điện chớp, nghĩa là tia chớp của điện âm dương gặp nhau; cũng nói là bỗng thấy rồi diệt mất. Trong sách Thập Châu Ký nói rằng: Hai mắt của con mảnh thú giống như là ánh lửa của tia điện sáng. Nay chúng ta gọi là điện, cũng là sấm chớp. Âm đàn bổ. Ngược lại là âm đại niệm. Tam phụ gọi tên là loại điện.

Bạo vũ. Ngược lại là âm bổ giác Bạch Hổ Thông gọi chữ bạo có nghĩa là mưa đá. Lại nói là hợp với khí âm chuyên tinh tích tụ ngưng đọng là hợp thành nên gọi là mưa đá. Trịnh Huyền chú giải trong sách lễ ký rằng: Dương là âm, khởi đầu là khí ngưng đọng lại mà trở thành mưa. Giải thích tên gọi là bào. Ngược lại âm bào nghĩa là chạy. Trong văn tự, chữ Hán chỗ phân tích trong các vật. Cũng giống như con người có hai chân, xúc bào nghĩa đá ngược lại và chạy âm bào ngược lại là âm phụ học.

Sậu dọa. Ngược lại là âm sĩ cứu. Trong sách Quốc giải thích chữ sậu nghĩa là chạy nhanh, phóng nhanh kịp cứu lúc nguy hiểm. Giả Quỳ cho rằng: Sậu nghĩa là nhanh vậy.

Hào đào. Ngược lại âm đồ lao. Theo hai chữ hào đào có nghĩa là khốc rống lên, khóc thét lên. Trong kinh dịch giải thích rằng: Trước khốc rống sau thì cười là vậy.

Phẩu liệt. Ngược lại là âm kiên hậu. Theo chữ phẩu nghĩa là mổ xẻ phân ra phá ra; ở trong phân cắt ra gọi là phẩu. Thương Hiệt cho rằng: Mổ xẻ nặn ra. Âm tố ngược lại là âm sửu bá âm liệt cũng có nghĩa cắt ra phân ra vậy.

Tuệ tinh. Ngược lại là âm tô tô, tù nhuế hai âm. Chữ tinh nghĩa là ngôi sao; cũng nói là tinh quang nghĩa là ánh sao giống như là cây chổi vậy.

Áo y. Ngược lại là âm ất lục âm dưới là ư kỳ. Tỳ Thương cho rằng: Chữ áo y nghĩa là tiếng than thở, bên trong lòng rất đau buồn. Nghĩa là tiếng khóc nhớ nghĩ đến việc đau khổ trong lòng. Trong văn luận lại viết úc úc hai chữ tượng hình này là chẳng phải thể vậy.

Khê cốc. Ngược lại là âm khổ hề cổ mộc. Trong văn Nhĩ Nhã giải thích rằng: Nước chảy trong khe gọi là khê nghĩa khe suối. Lý tuần gọi là nước thoát ra ở trong núi mà vào ở nơi sông gọi là khê. Trong văn nói gọi là suối thông ra sông gọi là cốc nghĩa là dòng nước chảy từ khe núi.

Kiện trùy. Ngược lại âm đã mộc. Đây là tiếng Phạm chữ kiện trùy

đây không đúng nên dịch theo chữ xưa dịch theo bổn kinh viết rất nhiều. Kiện-trì cũng là tiếng Phạm, nói chuyển âm cũng là sai vậy.

Tuyển đắc. Ngược lại là âm tiên xung tiên quyên hai âm. Theo chữ tuyển có nghĩa là chọn lựa.

Tứ điệp. Ngược lại âm là âm đồ hiệp Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ điệp có nghĩa là chồng chất nhiều lớp, trùng lập nhiều lần, cũng có nghĩa là tích chứa. Trong văn luận ngữ lại viết điệp này âm điệp nghĩa cũng đồng với chữ điệp trên. Theo văn nói có nghĩa là may y phục mới. Ở phía Nam có con sông điệp huyền đây là các loại chữ tượng hình. Tùy theo cách viết vậy.

Hỗn trọc. Ngược lại là âm hậu côn hậu cổn hai âm. Chữ hỗn nghĩa là lộn xộn không có trật tự, nghĩa là hỗn loạn. Theo văn nói có nghĩa là vẩn đục dơ bẩn. Chữ viết từ bộ thủy cũng có nghĩa là tiếng nước chảy róc rách.

Ngưu hạp. Lại viết chữ hạp này. Trong Văn Tam Thương lại viết tự. Trong Mao Thi Truyện lại viết chữ tự này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm sửu chi. Ngược lại âm vân tập cũng là âm thức chi. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Con trâu dùng hai hàm răng trên dưới mà cắn vậy. Quách Phác cho rằng: Là ăn vậy, lại cũng có nghĩa là nhai nhiều lần rồi nuốt vậy.

Khuyết nhiên. Ngược lại là âm khẩu quách. Quảng Nhã cho rằng: Chữ khuyết nghĩa là rộng bao là mênh mông như bầu trời. Tiếng địa phương gọi là mở ra từ cái nhỏ mở ra cái lớn vậy.

Xao môn lại viết chữ Thương Hiệt biên soạn lại viết chữ xao cũng đồng nghĩa ngược lại là âm khổ giao. Âm dưới là kích nghĩa là gõ đánh. Theo văn nói có nghĩa là thanh ngang ngạch cửa; cũng có nghĩa là gõ, đánh đầu.

Côn lặc. Ngược lại là âm cổ hồn. Đây dịch là cái rương chứa đồ đạt dụng cụ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 3

Xà thấu. Lại viết chữ thấu cũng đồng. Ngược lại là âm sơn giác. Văn thông dụng giải thích rằng: Ngậm miệng hít vào gọi là thấu. Tam Thương cho rằng: Thấu có nghĩa là hút, mút. Giải thích tên gọi làGấp

gáp cũng là dùng sức nhanh chóng đẩy tới. Trong kinh văn viết chữ cũng là văn thường hay dùng vậy.

Bệ xỉ. Ngược lại âm trên là bệ hề. Âm dưới là xương thị. Tiếng địa phương vùng Thiểm Tây gọi là đi bộ thì phải dựa vào cái chân. Chữ bệ có nghĩa là cái trống nhỏ; cũng có nghĩa rất thạnh dồi dào nhàn nhã, rộng rãi.

Già bị. Lại viết chữ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ giới. Trong kinh A Gian Thế Vương nói ở thế gian này phải nương nhờ sự giải thoát, vì con người rất mệt mỏi, hèn mọn, xấu xa. Trong văn thông dụng chữ bì nghĩa là rất mệt mỏi cũng gọi là bị nghĩa cũng đồng vậy.

Xá nam. Chữ chánh thể viết là nam cũng đồng nghĩa. Ngược là âm nữ hàm. Dịch là người. Dựa vào chữ Tỳ Thương gọi là tiếng nói lẩm bẩm trong miệng.

Hắc yểm. Ngược lại âm ư điếm. Chữ hắc yểm có nghĩa là nốt ruồi đen trên mặt. Theo văn nói thì là nốt ruồi đen chính giữa mặt. Theo văn luận ngữ thì viết chữ âm. Ngược lại là âm ư cảm ư trảm. Theo văn nói có nghĩa là đen thâm; đen sậm, chữ ảm này là chẳng phải chữ nghĩa trong văn vậy.

Tuần hoàn. Ngược lại là âm tợ quân. Nghĩa là qua lại một vòng. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Tuân theo lịnh tuần tự đi đến một vòng. Quách Phác gọi là đi tuần hành; tuần tự đi theo cũng viết chữ tuần cũng là một biến một vòng vậy.

Phiền tức. Ngược lại là âm bổ biểu. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Các loại cỏ mọc xanh tốt, um tùm. Khổng Tử chú giải trong sách an quốc gọi là cây cỏ tăng trưởng nảy nở tươi tốt; nghĩa là tăng trưởng thêm nhiều. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Lấy cỏ tươi tốt để nuôi chim thú. Trịnh Huyền cho rằng: Sinh nở không ngừng, con đàn cháu đống. Giải thích tên gọi là chữ tức cũng là bế tắc, lấp bít; cũng nói là các vật tăng trưởng không ngừng. Sinh sôi nảy nở lấp đầy kín cả. Nay ở Trung Quốc gọi chữ phiền tức nghĩa là sinh con đẻ cháu không ngừng. Âm phiên ngược lại là âm vong vạn. Trong sách Chu Thành nan tự giải thích rằng: Chữ phiên tức là loài chim để chứng; đồng thời cũng gọi là một lần để chứng rất nhiều cũng viết chữ này.

Kỳ loát. Lại viết chữ loát này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm sở liệt. Theo văn nói chữ loát có nghĩa là lau chùi. Quảng Nhã cho rằng: Loát cũng là lau chùi cho sạch bụi. Trong văn Nhĩ Nhã cũng gọi là lau chùi sạch sẽ. Quách Phác gọi là dùng chổi quét chà cho nên sạch sẽ

thanh khiết vậy.

Khánh kiệt. Văn cổ cũng viết chữ kỳ ủy đồng nghĩa. Ngược lại là âm khả định. Theo văn nói có nghĩa là đồ dùng ở trong đã trống rỗng, Nhĩ Nhã cho rằng: Khánh tận ? nghĩa là hết sạch. Tôn Đạm gọi là khánh kiệt cũng là hết sạch.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 4

Bô thời. Ngược lại là âm bổ hồ. Trong sách Hoài Nam Tử cho rằng: Một ngày lo âu buồn bã đã đi qua, đó là lúc quá trưa, nghĩa là phải thêm vào giờ thân.

Khấu khai. Ngược lại âm khư lậu. Quảng Nhã cho rằng: Khấu nghĩa là đưa lên, nâng lên. Trong sách luận ngữ cho rằng: Lấy cây gậy mà đánh trên cẳng của Nguyên Nhưỡng. Trong sách Khổng An Quốc gọi là đánh, gõ vậy.

Thực thọ. Lại viết chữ thụ cũng đồng. Ngược lại âm thời chức. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Trồng cây thực vật thích nghi buổi sớm. Trịnh Huyền cho rằng: Các loại cây do gốc rễ mà sanh trưởng. Lại cũng có nghĩa là trồng cây. Tiếng địa phương gọi là dựng đứng cây lên trồng xuống đất.

Do dự. Ngược lại âm qua hựu qua chu, hai âm. Theo văn nói, ở huyện Lũng Tây thuộc tỉnh Cam Túc: Cho rằng con chó con gọi là do. Giống như tính con người có nhiều dự tính trước; cho nên phàm việc gì không quyết định đều gọi là do dự. Lại nữa, trong sách Nhĩ Nhã cho rằng: Giống như con hươu hiền lành leo lên cây. Quách Phác cho rằng: Cây mạnh khỏe tăng trưởng từ từ. Mỗ Thị cho rằng: Giống như chim ở trên cây.

Lao nhiễu. Ngược lại âm như triệu. Thao văn nói chữ nhiễu có nghĩa là. Gây rối loạn, phiền não. Quảng Nhã cho rằng: Quấy phá, quấy rầy vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 5

Trữ đại. Ngược lại là âm trừ lữ, thời nhữ hai âm. Theo văn nói giải thích chữ trữ nghĩa là rót vào nơi kia cho đầy, cũng có nghĩa là chuốt rượu. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ đi, văn thông dụng có nghĩa múc nước đổ ra nghĩa trừ bỏ đi.

Bí lặc. Ngược lại là âm bi quý. Chữ trong sách giải thích rằng chữ bí nghĩa là giây cương buộc ngựa, chế ngự chiếc xe ngựa phải có giây cương. Giải thích tên gọi là bí cũng có nghĩa là lau chùi, cũng có nghĩa là lôi ra kéo dẫn ra lau nước mắt, cũng có nghĩa là giây cương dùng để chế ngự con ngựa. Thể chữ viết từ bộ ty đến bộ Xa thanh xa. Nghĩa là dây buộc đầu con ngựa. Cũng có nghĩa là xung đột chinh chiến đẫm máu. Giải thích tên gọi là lặc cũng nghĩa là lạc, nghĩa là sợi dây liên lạc từ đầu dây bên này dẫn đến đầu dây bên kia.

Thuần thục. Ngược lại là âm thời quân. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Chính sự duy thuận thục. Trong sách không an quốc gọi là thuần túy. Nghĩa là chuyên tinh thuần nhất. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuần là lớn lao. Tiếng địa phương cho rằng: Thuần là tốt, chữ thục ngược lại là âm thời lục. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Thục là đẹp, hiền lành, hoặc viết chữ thục này. Tiếng địa phương cho rằng chữ thục này là chín như nấu chín nhừ.

Cổ nhục. Lại viết chữ cốt cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm công hộ. Theo văn nói nghĩa là xương đùi vậy.

Nội thích lại viết chữ thích này nghĩa cũng đồng. Ngược lại âm thư đích. Quảng Nhã cho rằng: Thích nghĩa là thân cận gần gũi. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Thích nghĩa là thân thích, anh em. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: Tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau.

Bản xưng. Lại viết hai chữ tượng hình. Ngược lại là âm phổ gian bố gian hai âm. Chữ Lâm bản nghĩa là dẫn ra. Quảng Nhã cho rằng: Chữ bản nghĩa là cứu giúp viện trợ. Giải thích tên gọi là lất ngược lại, nghĩa là nói lật ngược lại.

Ngũ pháo, ngược lại là âm mãn hiếu. Theo văn nói nghĩa là nốt phồng lên ở da mặt. Hoài Nam Tử cho rằng: Cái mục nhỏ trên mặt đã chảy nước, cũng là phát sanh ra mục mụn, thường hay nổi trên mặt ở lứa tuổi thanh niên, lại viết chữ này. Trong luận văn lại viết hai chữ tượng hình này chưa thấy chỗ xuất phát chỗ nào.

Nhãn siểm. Lại viết chữ tiết giải thích tên lại viết truân cũng

đồng. Ngược lại là âm tử diệp. Theo văn nói có nghĩa là con mắt ở trong lông mi. Theo sách sử ký giải thích. Con mắt vướng chút lông mi nên không thấy; vậy nên con mắt chớp chớp là vậy.

Duy trướng, văn cổ viết là vi cũng đồng. Ngược lại là âm vu truy chữ lâm ở một bên gọi là duy nghĩa là trương màn ra che lại. Giải thích tên: Chữ duy nghĩa là bao vây. Nghĩa là lấy bộ vi cũng là nghĩa bao vây quanh. Nay đều viết chữ (T611) duy này.

Ốc mạn ngược lại là âm ký giác. Chữ ốc nghĩa là màn che lớn. Trong văn Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Cái màn che gọi là ốc. Chữ ốc là cái màn để che vậy.

Triệu tiểu. Lại viết chữ triệu này cũng đồng. Ngược lại là âm tha điếu. Chữ triệu nghĩa là dùng dằng không chịu đến. Trong văn Vận Tập gọi chữ Triệu là vượt qua, cũng có nghĩa là treo lơ lững dùng dằng. Trong văn luận lại viết xước nghĩa là nhảy qua. Ngược lại là âm lai cách lai giác hai âm. Nghĩa là người bị thọt chân đi khập khiển. Chữ xước chẳng phải ý nghĩa trong luận này.

Cổ nhân. Ngược lại âm công hộ. Nghĩa là ngồi buôn bán. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Nhà buôn bán. Trịnh Huyền chú giải trong sách hành nghiệp rằng: Chỗ buôn bán gọi là cổ. Bạch Hổ Thông cho rằng: Chữ cổ nghĩa là nói chắc chắn, cũng là vật chắc chắn bền lâu đợi người dân tới lấy để cầu có lợi cho mình vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 6

Ha-lâu văn cổ viết chữ lâu cũng đồng. Ngược lại là âm lực hậu dựa theo chữ. Tam Thương giải thích rằng là cái tên cúng tế vào tháng tám. Trong kinh văn lại viết chữ lâu này cũng đồng nghĩa.

Chi-la. Ngược lại là âm chi cổ dựa theo chữ. Mao Thi Truyện giải thích rằng: Chữ Chi nghĩa là hại. Theo văn nói chữ chi có nghĩa là ghét, căm hận không nghe theo vậy.

Khái quán. Ngược lại là âm ca lại. Theo văn nói chữ khái quán nghĩa là rót nước tưới ruộng.

Một vi. Lại viết nột cũng đồng âm. Ngược lại âm nô cốt. Trong sách luận ngữ cho rằng: Người quân tử muốn chậm rãi về lời nói mà nhanh chóng về việc làm, ý nghĩa bao gồm gọi là nột nghĩa là chậm

chạp, tư chất không sanh lợi. Theo văn nói chữ nột nghĩa là khó khăn, gian nan vậy.

Oán cừu. Ngược lại âm cự ngưu. Trong Mao Thi Truyện giải thích rằng: Vợ chồng bất hòa gọi là thù hận, ghét, thù ghét. Nhĩ Nhã cho rằng: Là mối cừu thù. Lý Tuần cho rằng: cừu thù vì oán hận với nhau vậy.

Bất khái. Văn cổ lại viết chữ khí cũng đồng. Ngược lại âm thái nghi. Chữ Lâm ngược lại là âm công nội, nghĩa là cân lường một dấu là hộc vậy. Quảng Nhã cho rằng: Chữ khái nghĩa cây cận đong lường vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 7

Phiếu sắc. Ngược lại âm thất nhiêu. Nghĩa là bầu trời cao xa thăm thẳm giống như tấm lụa màu xanh nhạt, pha trộn màu xanh, trắng trông xa xa rất trang nhã. Giải thích tên gọi là phiêu cũng giống như chữ phiêu này; nghĩa là màu xanh lơ nhạt trắng nổi nên, xa xa bát ngát, mờ mịch; lại có vải lụa màu xanh bích ngọc, vải lụa khác màu đỏ tấm khác nửa màu xanh lơ, các loại màu pha lẫn lộn lại, giống như lời nói bức tranh da trời không có gì đẹp bằng vậy.

Âm ế văn cổ lại viết ế cũng đồng. Ngược lại âm ư kế. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngọn gió cuối cùng lại không thông. Trong truyện cho rằng: Trời mát mà gió gọi là Ế. Giải thích tên gọi là Ế nghĩa là yếu ớ; nói rằng có mây che nên ánh sáng mặt trời yếu ớt khiến cho không sáng tỏ.

Ngân xỉ. Ngược lại âm ngưu cân. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng; Chữ xỉ là cây răng gốc, răng thật. Theo văn nói xỉ cũng là cây răng thịt.

Hỏa táo. Ngược lại âm tử lao. Theo văn nói chữ tao nghĩa là thiêu đốt. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Thiêu đốt gỗ dư vậy.

Thủ môn. Ngược lại âm mạc côn mạc bổn hai âm. Theo Thanh Loại chữ môn có nghĩa là sờ mó; chữ lâm nghĩa là an ủi vỗ về, lấy tay vỗ vỗ vuốt ve. Theo chữ môn cũng có nghĩa là cầm nắm bắt vật vậy.

Đạo tịch. Ngược lại âm đồ đáo tự diệc. Quảng Nhã cho rằng: Đạo nghĩa là đi vậy. Chữ trong sách chữ tịch nghĩa là đạp lên. Giải thích tên

gọi là đạo đạo nghĩa là đi trên đường vậy lấy chân đạp lên giống như đi trên đường cái. Chữ tịch tịch cũng là dẫm lên giống như chữ tịch viết từ bộ túc. Trong văn luận lại viết tịch lang là con chó soí. Chữ tịch đây chẳng phải thể nghĩa của văn kinh này vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 8

Bá trung nghĩa là anh em. Nhĩ Nhã cho rằng: Bá là lớn. Người trong nhà gọi bá tức vị trưởng trong nhà. Trong Hàn Thi Truyện giải thích chữ trung nghĩa là vị giữa, nói là địa vị ở giữa vậy. Sách Lễ Ký cho rằng: Cón nhỏ tức là đội mũ đến năm mươi tuổi là bá trang. Trong sách Chu Lễ gọi là đạo. Giải thích tên gọi là bá nghĩa cầm nắm, giữ gìn gia phong lễ giáo chính trong gia tộc vậy.

Kế na. Ngược lại âm cư lệ. Người nước Tấn nói cất giữ của báu. Trong Bổn Kinh hoặc là viết Lặc-na ngược lại là âm lực quí. Nay viết từ chữ lạt vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 9

Long bàn. Ngược lại là âm bổ hàn. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Chữ bàn là chiếm lấy đất. Trịnh Huyền cho rằng: Bàn là uốn khúc, cuộn khúc. Quảng Nhã cho rằng: Con rồng uốn khúc, cuộn khúc lại vậy.

Cuồng quyến văn cổ lại viết cuồng quyến hai chữ tượng hình. Nay lại viết cũng đồng. Ngược lại âm câu diện. Chữ cuồng đó là tiến vào khéo lấy, kheo chọn con đường lành; chữ quyến đó là giữ lấy tiết tháo cái đạo vô vi vậy.

Phan điện. Thương Hiệt biên soạn lại viết chữ phan cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm số vĩnh. Nghĩa là nước vo gạo. Trong văn nói cũng nghĩa là nước vo gạo, nước tinh chất khi nấu cơm đã chín khơi lên nắm dung đậy. Âm tích Ngược lại âm tô dịch. Ở Giang Bắc gọi là cam cũng nghĩa là nước vo gạo. Ở Giang Nam gọi là phan điện cũng là nước tinh bột vo gạo. Văn cổ viết chữ điện cũng đồng. Ngược lại

âm đồ kiến. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ điện, nghĩa là cặn tinh bột. Quách Phác gọi là điện tử nghĩa là cặn bã. Ở Giang Đông gọi là cặn đất bụi đất. Trong văn luận lại viết là điện; là chỗ nước cạn. Ở tỉnh Tân Dương. Lại cũng giống như uyên là vực sâu mà lại có chỗ cạn; cũng gọi là điện điện là chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm cận ngược lại là âm ngư cận. Âm điện điện.

Trường kỵ. Văn cổ lại viết kỳ cũng đồng. Ngược lại âm ký kỹ, kỳ hỷ hai âm. Theo văn nói chữ kỵ nghĩa là quì lâu nên quỵ xuống. Giải thích tên gọi là kỵ. Âm kỵ nghĩa là ganh ghét. Thấy chỗ quỳ lâu cung kính nên sanh tâm ghen ghét, tự cảm thấy trong lòng không an.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 10

Để túc. Ngược lại âm đinh kế đô lễ. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Nguồn gốc trời ban cho. Theo âm nghĩa gọi là Thiên phú cho nguồn cội là trong thiên hạ vạn vật làm cội gốc, cho nên gọi là Thiên căn. Tôn Đạm gọi là dưới góc đồ bình đẳng ngang nhau, ràng buộc nơi nguồn gốc; cũng giống như cây thì phải có gốc rễ ăn sâu mới lớn lên được vậy.

Khuê tú. Ngược lại là âm khẩu cảo văn Nhĩ Nhã cho rằng: Sao Khuê lâu giáng hạ xuống. Lý Tuần cho rằng: Sao lâu giáng xuống. Bạch Hổ Thông cho rằng: Đó là hai mươi tám ngôi sao. Nhị thập bát túc giáng hạ xuống vậy.

Chủy tú Ngược lại là âm từ di. Người con trai lấy vợ phải chọn sao Chủy; dùng cái miệng sắp xếp việc trong nhà; sao Bích ở phía Đông. Tôn Đạm cho rằng: Lấy vợ sao Chủy khi than thì miệng mở ra. Sắp xếp việc trong nhà sao Bích ở phía Đông, bốn ngôi sao cũng lấy từ cái miệng nhân đây cho rằng: cái tên vậy thôi.

Độc lâu. Văn cổ viết độc lâu hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ mộc lực hậu. Nghĩa là xương đầu.

Lam lũ. Văn cổ lại viết lam lại viết chữ lam này cũng đồng. Ngược lại âm lực cam. Chữ lam lũ nghĩa là áo rách rưới. Phàm là người áo bị xấu tệ cũng gọi là lam lũ nghĩa rách rưới. Trong văn luận lại viết lam này, nghĩa là loại cỏ tạp mọc ven đường. Chữ lam này nay chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Tượng cứu văn cổ lại viết hoàng ky, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại là âm cư hựu. Theo văn nói nghĩa là cái nhà ngựa ở. Giải thích tên gọi là chuồng chim vì tụ hội lại rất đông; cũng là chỗ tụ hội rất nhiều trâu, bò, ngựa. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Có đến hai trăm hai mươi bốn con ngựa là một chuồng; trong chuồng ngựa có người đầy tớ coi sóc cho ngựa.

Dật mã. Văn cổ lại viết dật này cũng đồng ngược lại là âm dư toán. Quảng Nhã cho rằng: Dật nghĩa là chạy đi trốn, chạy rất nhanh, chạy trốn ra nước ngoài; chạy thẳng đến.

Trùy áp. Lại viết trùy này cũng đồng. Ngược lại âm đinh hồi. Trùy nghĩa là ném xuống. Quảng Nhã gọi là gõ, hái ngắt, chữ áp. Ngược lại là âm ư giáp. Nghĩa là tự mình từ trên dưới đè ép lại. Trong văn nói áp mười lực là hư hoại. Trong văn luận viết nhiều chữ áp cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Phàm là vật muốn hư hoại gọi là áp là hư nát thối rửa. Chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm thư ngược lại âm sĩ da.

Khảo lược. Văn cổ viết lược lược hai chữ tượng hình cũng đồng âm. Ngược lại âm lực thượng. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ lược nghĩa tham vấn bàn bạc hỏi thăm. Cũng có nghĩa là người nắm quyền trong tay để trị nước.

Hộ bài. Ngược lại âm bổ giai. Gọi là cái then gài cửa, mở cửa. Giống như cái móc v.v... Lại như mỗi nhà đều có bày trí. Trong kinh Phật có ghi rằng: Sau khi ăn xong, nhìn xem trên bàn sắp xếp thu dọn đi, các vị Tỳ-kheo trong phòng nhà đều phải làm như vậy.

Kiện để. Ngược lại âm trực cơ đô lệ hai âm. Đây dịch là tiếp tục.

Thân thân. Ngược lại âm thư lân. Trong sách Lễ Ký nói rằng: Thân thân là lấy ba làm năm, lấy năm làm chín. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Thân nghĩa là yêu thương, gần gũi, thân cận. Theo văn nói thân nghĩa là đến với nhau. Giải thích tên gọi là thân thích, nương nào với nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

Đàm nhiên. Ngược lại âm đồ cảm. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đàm nghĩa là an tĩnh, thản nhiên. Theo văn nói Đàm cũng là yên lòng. Quảng Nhã cho rằng: đàm là bình tĩnh, yên tịnh, vắng lặng nghĩa là đàm nhiên vô vi nghĩa là tịch tịnh vô vi.

Truất nhi. Nay viết truất này cũng đồng. Ngược lại âm lặc luật. Trong Tả Truyện cho rằng: Khiến cho không gạt bỏ sự khinh thường. Đỗ dự cho rằng: Gạt bỏ, xua đuổi phóng thích, thả ra. Quảng Nhã cho rằng: Gạt bỏ đi, phế bỏ đi. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Ba lần suy

xét mới cách chức. Trong Phạm Ninh Tập giải thích rằng: Phế bỏ, thối lui lại.

Dĩ túc. Ngược lại âm tư lục. Trong sách Thượng Thư nói rằng: Lễ chẳng phải lễ nghĩa chẳng phải nghĩa, người quân tử chẳng nên làm; người quân tử phải có mực thước nghiêm túc. Trong sách Khổng An Quốc cho rằng: Túc là nghiêm nghị, nghiêm túc. Nghĩa là nói mau lẹ nghiêm túc; cũng có nghĩa là hàng rào ngăn ngừa, ngăn ngừa làm việc xấu ác.

Ngự hàn văn cổ viết chữ ngư cũng đồng. Ngược lại âm ngư cử. Quảng Nhã cho rằng: Ngăn ngừa cấm chỉ. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngăn ngừa một trăm việc. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngăn ngừa, phòng ngự. Nhĩ Nhã cho rằng: Phòng ngự biên giới cấm chỉ giặc xâm phạm. Xá nhân cho rằng: Phòng ngự biên giới khi chưa có giặc, cũng có nghĩa là dự phòng. Trong văn luận hoặc là viết chữ ngự này. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Cũng là dự phòng mùa Đông. Trong Mao Thi Truyện cũng gọi chữ ngự ngự là hai chữ tượng hình, tùy theo chỗ dùng vậy.

Thảo giới. Ngược lại âm ca mại. Nghĩa là cỏ dại. Trong Tả Truyện cho rằng: Nhìn dân giống như cỏ mọc dưới đất vậy. Trong Hán Thư cho rằng: Cúi xuống đất mà nhặt cỏ rác đều là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 11

Dinh tùng. Văn cổ viết chữ dinh cũng đồng. Ngược lại âm dịch quỳnh. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Dinh là phòng vệ, giữ gìn, ngăn ngừa; dinh cũng là một bộ phận vậy.

Triều tông. Trong sách chu Lễ thời Xuân Thu cũng gọi là triều nhà Hạ cũng gọi là Tông nghĩa là tôn kính. Trịnh Huyền cho rằng: Chư hầu triều kiến Thiên tử. Trong văn kinh kinh cũng viết chữ triều cũng giống chữ triều vậy. Chữ triều nghĩa là sớm. Các nước chư hầu muốn đến sớm để tỏ lòng cung kính: Chữ tông cũng giống chữ tôn nghĩa là tôn kính.

Năng tích. Ngược lại âm bổ cách. Theo văn nói chữ tích nghĩa là xé ra chia cắt ra, phân tán ra. Quảng Nhã cho rằng: Tích cũng là phân ra. Trong văn luận ngữ lại viết chữ tích. Ngược lại là âm bổ xích. Chữ

tích nghĩa là người bị thọt chân, què chân. Lại viết chữ tích. Ngược lại là âm thất xích. Chữ tích nghĩa là nghiêng, hai chữ tích tượng hình trên đều chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 12

Tặng di. Ngược lại âm dư quý. Quảng Nhã cho rằng: Di vật nghĩa lấy việc vui chơi tốt đẹp đưa cho người gọi là tặng vật vậy.

Du viễn. Ngược lại là âm dực chu. Trong sách quốc ngữ cho rằng: du là con đường xa xăm. Giả Quỳ cho rằng: Du là con đường dài. Nhĩ Nhã cho rằng: Du nghĩa là rất xa. Xá nhân cho rằng: Du là đi xa vậy.

Thư sang. Ngược lại âm thư dư. Theo văn nói có nghĩa là mục nhọt mọc lâu rồi cần phải mổ vậy.

Kình lợi. Ngược lại âm cư thạnh. Theo văn nói kình nghĩa là sức mạnh. Thể chữ viết từ bộ lực thanh kinh vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 13

Kiết lợi. Ngược lại âm cự thất. Tên của loài rồng. Dựa theo chữ của Nam Yến tánh.

Hào hiệp. Ngược lại âm sở lượng. Tiếng địa phương cho rằng: Hiệp là mạnh mẽ. Quảng Nhã cho rằng: Hiệp là thông minh sáng suốt, chữ viết tứ bộ đại, tức là đại nhân tất nhiên là người lớn thì sáng suốt thông minh. Cho nên chữ viết từ bộ đại.

Khiển quyển. Ngược lại âm khư thiện, khư nguyễn. Chữ quyển cũng giống chữ quyến miên. Nghĩa là quyến luyến không muốn rời.

Vũ nhiên. Ngược lại âm mạc vũ. Tam Thương cho rằng: làm phật ý, không vừa lòng. Từ này nghĩa là làm việc quái lạ sửng sốt, kinh hãi. Trong sách Luận Ngữ cho rằng: Ngài Phu Tử không vừa lòng việc gì an nhiên mà nói rằng: Việc đó không đạt đến vừa ý vậy chẳng nên làm. Trong Hán Thư cho rằng: Vũ nhiên làlàm trái lại lời dặn dò, nên nói ý không vừa lòng, làm phật ý vậy.

Thiết diệp. Ngược lại âm dư nhiếp. Theo văn nói là bằng nhau đều nhau; nghĩa là giữ yên; nghĩa là giữ yên mọi việc lớn, yên tĩnh. Chữ diệp tập cũng nghĩa là làm cho yên vậy. Ngược lại âm tập.

Mẫn miễn. Ngược lại âm vong nhẫn vô biện. Nghĩa là tự mình cùng với vợ con. Trong sách luận cho rằng: Lấy sức mạnh của mình cùng với vợ con thì càng mạnh mẽ hơn là vậy.

Hào ly văn cổ viết ly ly hai chữ tượng hình. Nay viết ly cũng đồng. Ngược lại âm lực chi. Trong Hán Thư chú giải trong luật Na Chí rằng: Nghĩa là không mất một hào ly nào hết. Mạnh Khang chú giải rằng: Chữ hào là cái lông của con thỏ; Cũng có nghĩa là mười hào gọi là một ly. Tam Thương cho rằng: Ly tức là sợi lông. Trong sách Luận Ngữ lại viết ly âm hy vi. Âm nghĩa trong sách Hán Thư giải thích rõ ràng gọi là cúng tế quỉ thần; thịt dư gọi là ly. Theo văn nói giải thích lý là nhà có phước. Chữ ly cũng là chữ cổ thông dụng thường hay dùng vậy.

Thích vô. Ngược lại âm đô lịch. Gọi là ý chính, mục đích chính.

Thiện phủ. Ngược lại âm phu vũ. Theo văn nói: Phủ nghĩa là chứa, kho chứa. Tam Thương giải thích chữ Phủ nghĩa là kho chứa văn thư, tài vật, theo phong tục thông thường phủ nghĩa là nơi để tụ hợp; nghĩa là chỗ tụ hợp thâu nhận công việc, công của hương làng văn thư tài vật các thứ (T612) vậy.

Lâm tẩu. Ngược lại âm tảng hậu. Nghĩa cái đầm lớn. Theo thuyết văn. Tẩu khác với trạch. Trạch là cái đầm lớn có nhiều nước còn tẩu cũng là cái đầm mà chứa ít nước.

Hấp hưởng. Ngược lại âm hồ cập. Âm dưới là thục đô. Hấp hưởng nghĩa là động tác nhanh chóng; âm thanh vang dội lại; cũng có nghĩa là tiếng vang. Theo chú giải rằng: Gọi là giữa khoảng cách đột nhiên, chợt đến.

Di diệt. Ngược lại âm dĩ chi. Quảng Nhã cho rằng: Là tiêu diệt, giết hết. Theo sách sử ký chữ do nghĩa là từ ngày xưa gọi các chủng tộc phía Đông Trung Quốc; như là man di; cũng có nghĩa là dùng để chỉ người văn hóa thấp kém. Theo sách Quốc ngữ giải thích: Di nghĩa là cái bếp nấu ăn; cũng có nghĩa là dùng bữa điểm tâm sáng. Giả Quì cho rằng: Do nghĩa là hủy diệt vậy.

Ủy vật. Ngược lại âm hu quỷ. Trong sách Chu Lễ giải thích rằng: Ít thì gọi là ủy, nhiều thì gọi là tích nghĩa là chứa nhiều. Nghĩa là gom góp tụ hợp lại chứa nhiều là vậy.

Khinh dật. Nay lại viết chữ dật cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dữ nhất nghĩa là chỗ nước chảy; cũng có nghĩa là rửa sạch.

Hào kiệt văn cổ viết kiệt cũng đồng. Ngược lại âm bờ cao. Ngược lại âm dưới là kỳ triết. Hoài Nam Tử cho rằng: trí vượt hơn trăm người gọi là hào ; trí vượt hơn ngàn người gọi là kiệt. Theo chữ hào cũng giống như chữ tuấn; nghĩa là tài giỏi trí vượt bực tuấn kiệt; nghĩa là người mang chí lớn: Sách Lễ Ký cho rằng: Hào là người dẫn đường; cũng là thầy, giáo sư; kiệt là người tạo lập dựng lậm, người tài trí xuất chúng; cũng gọi là tài năng: Trong văn luận lại viết nghĩa là hung bạo; giống như con vật hung bạo cột vào gốc cây: Chữ kiệt này là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Xuyến lạc. Văn cổ lại viết quán vi hai chữ tượng hình. Lại viết quán cũng đồng. Ngược lại âm cổ hoạn. Nhĩ Nhã cho rằng: Xuyến nghĩa là tập hợp lại, gom lại nghĩa là người ta hợp lại thành một đoàn. Xá nhân gọi là gom tâm lại, nghĩa tập trung lại một điểm gọi là xuyến; là xâu lại vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 14

Mộ nhân. Ngược lại âm mô cố vũ câu hai âm. Theo văn nói nghĩa là cầu nhiều, rộng cầu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tìm kiếm khắp nơi trong nhân gian.

Khống cáo. Ngược lại âm khô động. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Khống là khống chế, các nước lớn khống chế các nước nhỏ, cũng gọi là vu khống. Trong Tả Truyện cho rằng: Khổng là dẫn theo kéo theo, là kéo từ xa đến gần. Theo Hàn Thi truyện gọi là đi đến, sang đến cũng là báo tin vậy.

Chu cứu. Nay viết chu này cũng đồng. Ngược lại âm chi do. Gọi là lấy tài vật chu cấp cho người gọi là chu. Trong sách Chu Lễ gọi là năm đăng thành một chu. Chữ đảng nghĩa là, năm trăm nhà tạo thành một đăng, một nhóm, chỉ người thần thuộc nội ngoại hôn; vậy nên khiến cho người ta tương thân tương ái lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Trịnh Huyền gọi là Chu nghĩa là lễ vật không dự bị sẵn, mà đủ chu cấp cho nhau. Trong kinh Thi gọi là người giàu có khá giả thì không chu cấp cho. Trong Tả Truyện gọi là cứu giúp tai ách khó khăn cho muôn dân. Trịnh Tiễn gọi là dùng tay tước lấy vật mà chu cấp cho người khác trong lúc khó khăn cấp bách.

Đĩnh Chu. Ngược lại âm đồ đĩnh. Tiếng địa phương gọi là Nam

Sở dùng chiếc thuyền nhỏ đi khắp sông hồ; Chữ đĩnh nghĩa là chiếc du thuyền, còn gọi là thuyền cứu sinh, thuyền cứu hộ, cũng gọi là tàu ngầm dưới nước đều gọi là đĩnh. Quách Phác cho rằng: Đĩnh là chiếc thuyền nhỏ. Giải thích tên gọi là đĩnh hai trăm hộc trở lên gọi là đĩnh. Chữ ngược lại là âm tư lục. Chữ chu ngược lại âm điều.

An Thố. Ngược lại âm khư cố. Theo chữ thố nghĩa là đặt để. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người quân tử sáng suốt nơi lễ, an vui nơi đặt để sắp bày mà thôi Trịnh Huyền cho rằng: Chữ thố cũng giống như chữ thí nghĩa là cho, bạn ra; Trong văn luận lại viết thố gọi là chôn cất, đặt để. Ngược lại âm nhựt các. Theo văn nói thố này nghĩa là mạnh mẽ nghiêm túc; cũng nghĩa là chà xác. Theo kinh Thi gọi làÔng ấy ở trên núi dùng cục đá chà xác vào nhau để lấy lửa, chữ nhớ này chẳng phải ý nghĩa trong luận.

Mịch tử. Ngược lại âm Mạc lặc. Theo văn nói mịch là đột nhiên, bỗng nhiên ở phía trước. Theo sách Quốc ngự: Hiện nay tìm kiếm người dân tộc chưa khai hóa không có, cũng có nghĩa là khinh thường không chỉnh tề, không nghiêm túc. Giả Quì cho rằng: Chữ mịch là tìm không có; cũng giống như là xúc chạm nhẹ thể chữ từ bộ Viết thanh kiến. Ngược lại âm mang báo. Nay đều viết mạo. Theo chữ mạo ngược lại âm vong báo. Mạo có nghĩa là che đậy, cũng có nghĩa là mong muội, cũng có nghĩa là ăn vậy.

Tự thế. Ngược lại là âm dương lệ. Nhĩ Nhã cho rằng: Thế nghĩa là phế bỏ; Lý Tuần cho rằng: Thế cũng nghĩa là bỏ đi phế bỏ cái cũ thay thế cái mới.

Cương bức. Ngược lại âm phò bức. Trong Tả Truyện cho rằng: Bức là làm trái ngược lại. Đỗ Dự chú giải rằng: Bức là khóc. Cũng gọi là ương ngạnh bướng bỉnh, không có lòng nhân, oán hận.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 15

Miễn lệ. Lại viết chữ mại cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm mị biện. Theo văn nói miễn nghĩa là gắng sức miễn cưỡng gắng gượng, gượng ép; không tự nhiên, không đầy đủ. Ngược lại âm lữ chế. Nghĩa là tự mình khích lệ, khuyến khích, cố sức lên.

Dương đồng. Ngược lại âm dĩ lương. Gọi là nấu nhừ tiêu tan ra

nước hết; cũng có nghĩa dồi dào. Tam Thương giải thích dương là nước lớn, nước biển lớn. Sách Nhĩ Nhã giải thích dương là tên một con sông ở Trung Quốc; cũng có nghĩa là giọt nước dưới sông bắn lên. Quách Phác gọi là nước quá nhiều, tràn đầy.

Tị ôi. Ngược lại âm bi dị. Theo văn nói tị nghĩa là xoay chuyển, quanh co. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tỵ là lánh đi, trốn đi, tránh khỏi đi; cũng gọi là xa lìa, đi xa, rời khỏi. Chữ ôi. Ngược lại âm ô hồi. Theo văn nói nghĩa là một khúc quanh co, nước chảy quanh co, khúc khuỷu; cũng có nghĩa là nơi khuất, che đậy. Trong văn luận lại viết ôi ngược lại âm ô hồi. Nghĩa là yêu thương. Chữ ổi chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cơ thất Ngược lại âm cự y chữ cơ nghĩa là gần vậy; nói gần mất mà lại không mất vậy.

Côn trùng văn cổ viết trùng này cũng đồng. Ngược lại âm cổ hồn. Theo sách Lễ Ký gọi là côn trùng nghĩa là giấu, ẩn; côn trùng mùa Đông ẩn mình bất động, chưa trổi dậy. Trịnh Huyền cho rằng: Côn minh nghĩa tênl thủ phủ của tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Lại nữa, côn cũng có nghĩa là sáng, côn trùng theo ánh sáng; khi mặt trời mọc mà sanh ra âm, nên chứa các loại côn trùng. Hạ Tiểu Chánh gọi là côn là loại côn trùng nhỏ, gọi là ấu trùng, cũng gọi là côn hồn, hồn, cũng gọi là hồn nhiên v.v... đều là loại côn trùng nhỏ nhít, loài động vật sống ấn nấp nơi tối tăm.

Xuyên du. Ngược lại âm dục chu. Tam Thương giải thích rằng: Chữ du là cái hốc, cái lỗ. Người phương Bắc Trung Quốc ở gần cổng, phía trên tường làm cái hốc giống như cửa nhỏ một bên. Theo văn nói cửa một bên nước chảy xuyên qua nhà. Người phương Đông gọi người phương Bắc là xuyên du nghĩa là đục tường khoét vách ăn trộm vậy. Ngược lại âm đồ cấu. Theo sách Lễ gọi là cửa ở trên tường cao chót vót. Trịnh Huyền cho rằng: Du là cái cửa ở một bên, cũng gọi là cửa ở một bên vách tường, cũng giống như cửa trên cao chót vót. Trong văn luận lại viết du này, nghĩa là vượt qua, băng qua. Chữ du chẳng phải thể chữ đây dùng vậy.

Dâm dật. Ngược lại âm dữ nhất. Quảng Nhã cho rằng: Dật nghĩa là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Dật là phóng đãng, buông thả vậy.

Bất mục. Lại viết chữ mục cũng đồng. Ngược lại âm vong trúc mạc lục hai âm. Theo sách Thượng Thư gọi là cửu tộc, chín họ đã hòa mục với nhau, nghĩa là các người trong chín đồi đã hòa thuận với nhau.

Sách Khổng An Quốc gọi là hòa thuận, thân thiện. Cũng gọi là ta và các người đều hòa thuận, thân thiện. Sách Khổng An Quốc gọi là hòa kính vậy.

Tà Tích. Ngược lại âm thất xích. Trong kinh Thi gọi là nhiều dân gọi là tích; cũng là hiếm lạ, lạ lùng. Trịnh Tiễn gọi là không ngay ngắn, lạ lùng, những điều quái dị. Theo chữ tích nghĩa là việc không ngay thẳng, lừa dối, không trung thực, lý lẽ tà lại vậy.

Diêu tác. Ngược lại âm dư chiêu. Theo văn nói nghĩa là lò nung đồ gốm sứ. Văn thông dụng thường hay dùng viết là. Thảo táo cũng nghĩa là lò nung đồ gốm sứ cũng gọi là là gốm, lò nung.

Hoảng hốt. Văn cổ lại viết hoảng hoang hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm hồ hoảng. Nghĩa là mơ màng, mang máng, không rõ, không nhớ rõ.

Tông tộc. Ngược lại âm tử đồng. Nghĩa là chỗ thừa kế. Theo chữ lâm nghĩa là Tông là tôn vậy cũng gọi là như vậy. Quảng Nhã cho rằng: Tông nghĩa là nguồn gốc, nền tảng Sở Từ gọi là đồng họ gọi là Tông tộc. Ngược lại âm tòng tộc, chữ tộc nghĩa là giống loại. Theo sách Chu Lễ gọi là bốn lu làm một tộc. Chữ lư nghĩa là năm nhà lập thành một tỉ năm tỉ tạo thành một lư ; Như vậy Lư là có hai mươi lăm nhà. Trịnh Huyền gọi là một trăm nhà vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 16

Phỉ vĩ. Ngược lại âm Hồ vĩ vong phỉ. Nghĩa là giống như là có. Trong kinh Thi gọi là người quân tử có văn chương trau chuốt. Theo Tả Truyện gọi là văn chương. Chu dịch gọi là gắng sức để trở thành người tài hoa trong thiên hạ. Chữ Vĩ nghĩa là gắng sức. Lưu Hiến cho rằng: Chữ vĩ giống như chữ vi nghĩa nhỏ bé vậy.

Trường quị. Ngược lại âm kỳ ngụy. Theo thanh loại có nghĩa là quì lâu. Giải thích tên gọi là quì nghĩa là trong lòng không an, quì nghĩa là hai đầu gối ấn xuống đất hai tay chắp lại, trán, hai tay, hai đầu gối quì sát đất. Ngược lại âm ngũ viết.

Nhuyễn phu. Các sách đều viết nhuyễn này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nhi xung. Trong sách Hán Thư giải thích chữ nhuyễn nghĩa mềm yếu, mềm mỏng; không thắng qua nhận làm các việc mềm

yếu.

Tốt vô. Ngược lại âm tử luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tốt là cuối cùng, duy cuộc. Xá Nhân cho rằng: Tốt nghĩa là bịnh sau cùng là qua đời. Lý Tuần gọi tốt là việc đã xong rồi.

Điềm đạm. Ngược lại âm đồ liêm đồ lam. Tiếng địa phương gọi là điềm tỉnh. Quảng Nhã gọi chữ đạm là an ổn.

Khư đề. Lại viết khư này cũng đồng. Ngược lại âm khưu giá. Xưa người nước Tần gọi là hư không. Dựa theo chữ tỳ thương cho rằng: Há miệng ra.

Tắc quệ. Hoặc viết quệ này cũng đồng. Ngược lại âm cự viết cư nguyệt hai âm. Theo văn nói chữ quệ nghĩa là ngã nhào; cũng có nghĩa là ngã ngửa ra. Quảng Nhã cho rằng: Quệ là hết sức kiệt quệ, là thất bại. Trong luận văn lại viết quệ, văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm cư vệ cư nguyệt Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ là động vật. Theo chữ quệ nghĩa kinh hãi chạy loạn lên, nhanh chóng gấp gáp, ý nghĩa của chữ quệ này đây không dùng vậy.

Gian quan. Nghĩa là gập gềnh gian khổ không đạt đến được. Lại cũng có nghĩa là sắp bày an trí vậy.

Quả cảm. Ngược lại âm cổ họa. Quảng Nhã cho rằng: Chữ quả là dũng cảm. Thương Hiệt biên soạn giải thích nghĩa là gan dạ dũng mãnh, giết kẻ địch là quả Nhĩ Nhã cho rằng: Quả là thắng, là vượt qua. Tôn Đạm cho rằng: Quả nghĩa là quyết thắng: Nay lại viết là quả cảm Ngược lại âm hồ lãm.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 17

Thu hoạch. Ngược lại âm hồ quách. Theo văn nói chữ hoạch nghĩa là cắt lúa. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Là cỏ, cũng gọi là cắt các loại ngũ cốc như là lúa nếp v.v... gọi là hoạch nghĩa là thu hoạch đem về nhà.

Huynh minh. Chữ lâm ngược lại âm ất khinh mang khinh. Nghĩa là tâm thái cũng có nghĩa là nhìn thấy rất nhỏ. Trong văn luận lại viết nghĩa là nhìn chưa thấy cái thai chỗ xuất hiện.

Huỳnh nhiêm. Ngược lại âm như liêm nhiêm nghĩa là râu quai nón. Giải thích tên gọi là râu mọc mép tai đến bên gò má gọi là râu quai

nón, dọc theo miếng khi nói chuyện động đậy đong đưa, nghĩa là râu mọc quá nhiều. Trong văn luận lại có viết chữ phát nghĩa là râu tóc.

Sất chi. Ngược lại âm xỉ dật. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Sất nghĩa là la hét, quát mắng. Trong sách lễ ký cho rằng: Trước tôn trọng khách thì không quát mắng, đánh đập chó là vậy.

Thuân tuần. Ngược lại âm thư tuần. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuân nghĩa là lùi lại nhường bước. Quách Phác cho rằng: Thuân tuần nghĩa là lùi lại nhường bước cho người đi vậy.

Dục dược. Ngược lại âm trên do đào. Âm dưới là dực chước. Theo văn nói: Dục nghĩa là ánh sáng rục rỡ; dược là ánh lửa sáng chói. Quảng Nhã cho rằng: Dục dược là ngọn lửa cháy đỏ lòe, cháy rực. Tỳ Thương gọi là ngọn lửa cháy rất mạnh. Trong văn luận viết chữ dục là sáng, là ánh sáng lấp lánh. Ngược lại âm thức chước cùng với chữ thước cũng đồng. Chữ thước nghĩa là my nấu tiêu tan ra. Chữ này đều chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Chất cốc âm trên là chi thất, âm dưới là công ốc. Sách Chu Lễ gọi là người bị cầm tù, phàm người cầm tù là có tội. Chữ chất cốc nghĩa là cùm chân và cùm tay. Trịnh Huyền cho rằng: Cùm tay gọi là chất. Cùm chân gọi là cốc.

Hồi miến. Ngược lại âm minh kiến. Theo văn nói nghĩa là liết xéo, nhìn nghiên. Theo tiếng địa phương gọi là tự mình nhắm mắt lại mà ở giữa nước Tây Tần, Tấn vẫn thấy được gọi là Miến vậy. Điền tích. Văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên. Nghĩa là điền là đầy lấp, nghĩa là điền vào chỗ trống Quảng Nhã cho rằng: Điền nghĩa là rắc nghẻn.

Tức yếm. Ngược lại âm y đạm. Nghĩa là trong vườn nuôi thú không thấy rõ Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Phủ phục xuống hợp với lòng người gọi là yếm. Chữ yếm cũng có nghĩa là tên núi ở phía Đông. Ngược lại âm y đài. Theo văn nói yềm là hợp vậy. Chữ viết từ bộ Hán âm ha thư.

Phước chữ. Văn cổ lại viết hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm phò bức. Theo tiếng địa phương gọi, phước nghĩa là hơ lửa cho khô. Ở huyện Lũng Tây thuộc tỉnh Cam Túc thì gọi ngược lại nghĩa là chữ phước. Theo văn nói là lấy lửa nướng thịt, khô gọi là phước.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 18

Trước hỗn. Ngược lại âm hồ độn. Theo văn nói chữ hỗn nghĩa là nhà xí (nhà vệ sinh) Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là chỗ ở của con heo. Chữ viết từ bộ Vi thanh thỉ. Ở trong bộ vi. Theo chữ chỉ ý. Trong văn luận lại viết hỗn chữ hỗn này nghĩa là nước đục dơ bẩn; lộn xộn chữ hỗn này chẳng phải chánh thể vậy.

Kê lưu. Ngược lại âm cổ hề chữ lâm kê lưu nghĩa là ngừng lại, dừng lại. Âm khể nghĩa rập đầu lạy hết sức kính cẩn cũng Bích nham lục tắc là giữ lại, dừng lại vậy.

Huyền thằng. Trong luận văn nhiều khi viết chữ huyền này ngược lại âm hồ đại nghĩa là treo cái đỉnh lên chữ huyển chẳng phải nghĩa đây dùng vậy. Chữ Thằng này chưa thấy chỗ xuất hiện vậy.

Năng quyết. Ngược lại âm khuê hoãng. Theo văn nói nghĩa là dưới sông nước chảy xuyên qua, nước chảy xiết cuồn cuộn vậy.

Lạc. Ngược lại âm. Lạc nghĩa là thiêu đốt vật cho nóng lên rồi, là là, ủi. Trong văn luận lại viết thước ngược lại âm. thức chước, thước nghĩa là nung đốt cho tiêu ra, chữ thước chẳng phải nghĩa đây vậy.

Kê vụ. Ngược lại âm mạc tộc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con vịt trời, tức là con le le Quách Phác chú giải rằng: Tức là con vịt. Lệ Tuần gọi là con vịt hoan dã là con vịt trời. Chữ dã áp nghĩa là con việt đồng người ta nuôi từng bầy ở ao hồ. Chữ vụ cũng tên là con vịt, chữ phủ Thù Mổ Thị gọi là con le le có hai cánh bay xa thoải mái, cũng gọi là con vịt trời vậy.

Thúc cự. Nay lại viết thúc này cũng đồng. Ngược lại âm tử lụy. Quảng Nhã cho rằng: Thúc là cái miệng; chữ trong sách nghĩa là cái mỏ con chim; hoặc là viết chữ chủy nghĩa là mỏ nhọn. Trong văn luận viết các kinh sử đều không giống các chữ này. Chỉ có trong truyện Nghị Thất Kích cho rằng: Chữ huề nghĩa là uống cạn nước suối. Viết chữ này ngược lại âm từ nhuyễn. Chữ huề chẳng phải nghĩa chữ đây dùng. Chữ cự văn cổ viết cự cự hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm, cư lữ cự lữ hai âm. Theo văn nói có nghĩa cự là cựa của con gà vậy.

Chi phong. Ngược lại âm cự nghi. Văn thông dụng thường hay dùng gọi là con ong mật, cũng gọi là con căng cầu cũng giống con ong. Chi thuật ở Quan Tây gọi là cầu sưu, nghĩa là con ong hay tiết mật ra chú thuật cũng là âm cầu sưu ngược lại âm Sở Chu. Theo Thanh Loại nghĩa là loài động vật có nhiều chân.

Hưu vụ. Ngược lại âm hứa ngưu. Nhĩ Nhã cho rằng: Con cú tai mèo. Loại mảnh cầm thân dài hơn thước, mắt tròn to, màu hơi nâu. Ngày ẩn trong núi đồng, đêm ra bắt ăn những thú nhỏ. Xã nhân gọi là con chim quái lạ. Cũng tên là hưu lưu ở Nam Dương gọi tên là câu danh tất cả đều là so hưu là con (T613) cú mèo.

Da cụ thể chữ viết ca hoặc là viết hà, cũng đồng âm da. Ngược lại âm dưới là cư hệ cư bích hai âm. Theo văn nói có nghĩa là giống như con khỉ mẹ lớn; nó hay khéo chăm sóc liếc nhìn nắm giữ con người. Nhĩ Nhã cho rằng: Cụ là con khỉ cha, nên khéo hay chăm sóc. Quách Phác cho rằng: Con vượn cũng giống như con khỉ, mà thân hình nó bốn màu sắc xanh đen, nó hay khéo biết nhìn và chăm sóc con người rất chu đáo. Xưa nay chú giải cho rằng là con vượn năm trăm trăm tuổi hóa làm con dã nhân. Bao Phác Tử cho rằng: Con khỉ tám trăm trăm tuổi hóa làm con vượn thọ một ngàn ngàn tuổi là vậy.

Hao san văn cổ viết hai chữ tượng hình cũng đồng âm thao thao. Ngược lại âm tha cao. Chữ viết cho đúng là tham cũng đồng. Ngược lại âm tha kiết. Theo văn nói có nghĩa là ăn. trong Tả Truyện giải thích rằng; Người dân không có của cải mà con cái tham ăn uống cho no. Đem của cải đúc lót hối lộ cho nhiều rồi chứa cất riêng tư, thật không biết nhớ đến trong thiên hạ gọi là hao nghĩa là tham ăn Đỗ Dự cho rằng: Tham tài vật gọi là hao ăn của cải; ăn uống gọi là san, là ăn uống thức ăn vậy.

Nhãn hãm. Sở Từ chú giải rằng: Hãm nghĩa bị rơi xuống nước, bùn mà không có ai cứu. Vương Dật chú giải rằng: Bị chìm xuống theo chữ hãm cũng giống như chữ đọa nghĩa là rơi rớt xuống; con người bị rớt xuống, đọa vào nơi không tốt lành. Trong Văn Luận lại viết hãm chữ này nghĩa là mắt bị cận thị vậy.

Đãng địch. Văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm đồ lang. Âm dưới là đồ lịch. Chữ đãng địch nghĩa là đồ dùng tẩy rửa. Sách Thượng Thư nói rằng: Nguồn nước ở chín con sông. Khổng An Quốc gọi là rột rửa, quét dọn sạch sẽ.

Thiết uyển chữ uyển. Ngược lại âm sơ nhãn. Nay nghĩa là nướng thịt. Chữ uyển cũng là chữ viết lược gọi là lấy dao cắt thịt xỏ xâu lại. Trong văn luận viết là chung. Nay viết sản, nghĩa là san bằng, tiêu diệt.

Qua liệt. kiểm các chữ trong sách thì không có chữ này. Theo nghĩa hợp là viết chữ quặc. Ngược lại âm. cư bích cửu hệ hai âm. Theo văn nói chữ quặc nghĩa là chụp lấy; tóm lấy. Theo sách Lễ Ký nghĩa là

chụp lấy, vồ bắt loại côn trùng giống như con châu chấu.

Phanh độ văn cổ lại viết bình chuyên hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ canh. Chữ phanh nghĩa liều mạng cứu giúp, dùng dây nối lại cứu giúp kẻ sắp chết đuối dưới sông.

Đoàn tiệt. Ngược lại âm đồ quan. Theo văn thông dụng có nghĩa dùng tay vo tròn lại gọi là đoàn. Theo văn nói nghĩa là tổ chức gồm nhiều người; như gọi là đoàn thể. Theo Thanh Loại gọi đoàn nghĩa bắt lấy. Theo chữ lâm đoàn tiệt nghĩa là bắt giữ lại; viết chữ đoàn âm đoàn. Ngược lại âm đỗ hoàn. Theo văn luận viết chữ đỏa nghĩa là đoàn, nghiên cứu. Văn tự người khác mà doán. Ngược lại âm sơ ủy, đô quả hai âm, chữ đỏa nghĩa lường, đo chiều cao gọi là sủy đi chiều sâu gọi là nhẫn. Chữ đỏa chẳng phải âm nghĩa của kinh đây dùng vậy.

Lục bác. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: bác giống như con ngựa mọc thêm răng để ăn con hổ báo, con beo. Xá Nhân cho rằng: Bác là con thú có nhiều sức mạnh. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở quanh sườn núi có conthú hình trang giống như con ngựa, thân nó có đóm trắng, đóm đen, lại có một cái sừng trên đầu, móng nó giống như con cọp, tiếng nó rống như là tiếng trống, người ta gọi là con lục bác nó hay ăn thịt con hổ báo, con beo. Người bắt được nó lấy sừng làm binh khí. Trong Kinh Thi cho rằng: Ở vùng ẩm thấp có con Lục bác là vậy. Thời nhà Ngụy lên ngôi ba năm đầu lại thấy con lục bác ở nơi hoang dã.

Giảo khiết (niết). Lại viết chữ nhiêu cũng đồng. Ngược lại âm ngũ giảo. Theo văn nói, chữ Giảo khiết nghĩa là nhai xương. Quảng Nhã cho rằng: Là cắn vậy.

Tề xế. Lại viết chữ lai cũng đồng. Ngược lại âm trúc giai. Văn thông dụng gọi là thay đổi cách viết của chữ niết, gọi là chữ tề. Quảng Nhã cho rằng: cũng là cắn vậy.

Lịch chư. Ngược lại là âm lặc các lực đích, hai âm. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ lịch là xe lăn. Theo văn nói nghĩa là chiếc xe cán lên nghiền nát vậy.

Như trắc. Ngược lại âm trắc cách. Theo chữ cũng giống như chữ áp, nghĩa là đè nén, bức bách. Nay gọi là lấy cái máng hứng nước ép ra là vậy.

Nhu trường. Văn cổ lại viết khư, cũng đồng. Ngược lại âm hai âm. Văn thông dụng cho rằng: Nhu nghĩa là giẫm đạp lên giết chết gọi là nhu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Cũng là giẫm đạp, chà đạp, giày xéo; làm hư hoại, lãng phí.

Giả sắc. Ngược lại âm chi dã. Tam Thương cho rằng: Màu đất

nung tím đỏ. Theo tiếng địa phương cho rằng: Ở giữa Nam Sở và biển Đông Hải, hoặc cũng gọi là màu tím đỏ, quặng đá màu tím đỏ. Quách Phác cho rằng: Cũng đồng là y phục màu đỏ sẫm vậy.

Phanh nhụt. Ngược lại âm phổ canh. Chữ phanh nghĩa là nấu chín. Tiếng địa phương gọi là nấu chín nhừ. Ở núi Tung Nhạc lấy giữa Nam Trần dĩnh gọi là nấu chín. Trong sách Nghi Lễ cho rằng: Nấu trong cái nồi sắt gọi là phanh. Nghĩa là bên ngoài có cái nồi đồng có chân: Nghĩa là chưng cách thủy.

Đàn trư. Thanh Loại thì viết đàn phân hai chữ tượng hình. Giải thích theo văn cổ có nghĩa là phóng lửa khiến cho lửa cháy nóng nhiệt. Theo văn cổ lại viết lục cách hai chữ tượng hình. Nay lại viết diêm ngược lại âm tường liêm. Theo văn nói nấu nước sôi nóng bỏ thịt vào, gọi là nấu ninh. Theo văn thông dụng có nghĩa là lấy nước sôi nóng tẩy đi. Trong Mao Thi Truyện gọi là dục nghĩa là nấu cháo. Trong văn luận viết lạn nghĩa nấu thịt nát nhừ. Theo văn nói giải thích rõ ràng gọi là thục nghĩa là họ Thục, nhánh con vua Đế cộc được phong ở đất thục. Nay đều giặc chữ Thục ngược lại âm dư thiểm lại âm dương triêm. Theo văn nói chữ lan là lửa cháy rần rần. Lan đây chẳng phải nghĩa nay dùng vậy.

Trách ngưu. Văn cổ lại viết ni cũng đồng. Ngược lại âm tri cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là trương ra, mở ra. Theo văn nói chữ trách nghĩa là tội ác, phải trừng phạt. Nhĩ Nhã cho rằng: Cúng tế thần gió. Gọi là trách Tôn Đạm cho rằng: Trừng phạt bằng cách xé xác ra cúng tế thần lấy mạng sống của nó cho tán ra bay theo gió. Trong luận lại viết thác. Chữ này chưa thấy có chỗ xuất hiện vậy.

Mãnh nghị. Ngược lại âm ngưu ký. Theo sách Thượng Thư cho rằng: Nghị nghĩa là tôn kính quả quyết, cứng cỏi. Theo sách Khổng An Quốc gọi là giết địch, giết kẻ giặc, là dũng cảm quả quyết gọi là nghị. Theo văn nói có nghĩa là ngông cuồng nổi giận cũng có nghĩa là có quyết định, gọi là cương nghị vậy.

Thiết dực. Ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ nghĩa là cây cột trụ để buộc súc vật. Quách Phác gọi là thanh gỗ ngắn chôn trong cửa để chận lại nghĩa là ngạch cửa. Trong văn luận có viết chữ, nghĩa là vật thể có góc cạnh. Trong truyện viết sai chữ ngược lại âm.

Thích đợt. Nay lại viết thích này cũng đồng. Ngược lại âm tùng tức. Theo văn nói nghĩa là vượt qua. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đánh ngựa cho chạy phóng qua. Cũng gọi là mất dấu. Theo Khảo

Thanh chữ thích nghĩa là dùng chân đá. Theo cách viết chữ đường đột hai chữ tượng hình vậy.

Đồng quyết. Ngược lại âm cự nguyệt. Theo văn nói chữ quyết nghĩa là cây trụ cột, cây mọc. Trong văn luận lại viết quyệt nghĩa là cái vòng sắt. Tỳ Thương gọi là cái cối xay. Trong văn thông dụng gọi là mài giũa cho bằng, cũng gọi là quyệt chữ quyệt đây nay chẳng phải nghĩa vậy.

Phát triệt. Ngược lại âm trừ liệt. Quảng Nhã cho rằng: Triệt nghĩa là hư hoại, cũng có nghĩa là xóa bỏ đi, trừ bỏ đi. Trong sách Nghi Lễ cho rằng: triệt là biến khắp; phế bỏ. Trịnh Huyền cho rằng: Triệt nghĩa là trừ đi, bỏ đi, xóa bỏ đi.

Cấm chiến văn cổ lại viết kim cũng đồng. Ngược lại âm cự ẩm. Sở Từ cho rằng: Miệng đóng kín mà không nói được. Vương Dật cho rằng: Miệng không mở ra ngậm lại gọi là cấm cũng gọi là cấm khẩu.

Tiếp tiết, văn cổ, âm dưới là giáp. Ngược lại âm văn giáp. Chữ tiếp tiết nghĩa là nước ở biển Đông chảy ra vậy. Trong văn luận lại viết giáp chẳng phải thể vậy.

Bảng đài. Ngược lại âm bạc xung. Chữ dưới lại viết đài cũng đồng. Ngược lại âm sửu chi. Chữ trong sách là bảng nghĩa là dùng nắm tay đấm, nện. Quảng Nhã cho rằng: Cái bảng niêm yết danh sách chọn kẻ sĩ, tuyển quan lại ngày trước đều gọi là bảng, cũng có nghĩa là bảng văn cáo thị.

Kỵ đạn. Ngược lại âm cự ký. Quảng Nhã cho rằng: Kỵ nghĩa là sợ hãi, e dè. Theo văn nói: Kỵ nghĩa là ghen ghét, nghi ngờ, xấu ác. Chữ đạn ngược lại âm đồ thư. Đại nghĩa là gặp khó khăn, kiêng sợ.

Trở cát. Ngược lại âm trang lữ. Tiếng địa phương gọi chữ trở là cái ghế ngồi. Chữ trong sách gọi là cái thớt cắt thịt.

Úy mậu. Ngược lại âm ư vị. Thương Hiệt giải thích rằng: Là cây cỏ mọc tươi tốt. Trong văn luận lại viết uất nghĩa là cây cỏ mọc sum suê, um tùm. Ngược lại là âm ư khuất. Theo văn nói có nghĩa là cây cỏ mọc trong rừng xanh tốt rậm rạp, gọi là uất.

Bộc lộ. Ngược lại âm phò bốc. Theo văn nói nghĩa là phơi bày ra, lộ ra cho khô chữ viết từ bộ viết đến bộ xuất cũng chữ mễ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 19

Hiêu trần văn cổ viết hiêu cũng đồng ngược lại âm. Chữ nghĩa là huyên náo, ồn ào huyên náo. Trong Tả Truyện gọi là nơi ồn ào huyên náo, cũng là vùng ẩm thấp, dơ bẩn.

Vô viện. Ngược lại âm tự quyến. Theo chữ viện đó nghĩa là y cứ theo mà nói là trợ giúp, giúp đỡ, ủng hộ vậy.

Hoài dựng văn cổ viết dăng cũng đồng. Ngược lại âm di chứng. Nghĩa là ôm hoài bảo gọi là dựng. Tam Thương cho rằng: Ôm trong lòng đứa con. Quảng Nhã cho rằng: Thân mang thai. Chữ viết từ bộ tử là con thanh nãi. Trong văn luận có viết hoài nhậm. Ngược lại âm như cấm cũng nghĩa là có mang thai, có chửa vậy.

Thể dẫn. Ngược lại âm dữ chấn. Nhĩ Nhã cho rằng: Là người thừa kế. Xá Nhân cũng cho rằng: Thừa kế, tiếp tục theo đời. Theo văn nói có nghĩa là con cháu nối dõi, thừa kế, nối theo; Cũng gọi là lần lượt sinh con cháu nối theo, tiếp nối theo.

Chữ u. Ngược lại âm cổ hà. Nghĩa con nai đực. Theo văn nói: Tới mùa hè là tới thời kỳ thay sừng; tới mùa đông cũng thay sừng. Chữ chủ văn cổ, cũng viết cũng đồng. Ngược lại âm ư ngưu. Nhĩ Nhã cho rằng: con hươu cái; con hươu cái nó có mang thai.

Hữu thần. Ngược lại âm thư lân. Chữ thần nghĩa là mang thai. Trong sách cũng có viết thân hai chữ tượng hình cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

Quân trì. Nói cho đúng là quân chùy ca. Trung Hoa dịch là cái bình, lọ, chai. Gọi là hai cái miệng rót nước. Trong văn luận lại viết quân trì. Chữ không thấy có chỗ xuất hiện; do nơi văn thông dụng mượn âm mà viết vậy thôi.

Kỳ đạo văn cổ lại viết kỳ kỳ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cự nghi. Gọi là kỳ nghĩa rất khác biệt. Nhĩ Nhã cho rằng: Hai con đường lộ lớn; gọi là kỳ. Quách Phác cho rằng: Con đường xuất phát thẳng ra. Giải thích tên gọi là hai vật là kỳ bên trái gọi là bàng, nghĩa là hai con đường phải và trái đều đồng nhau vậy.

Bác lộc. Ngược lại âm. Theo chữ bác giống chữ phủ nghĩa là vỗ về. Lại gọi là mộng mơ cùng với Sở Từ vỗ về. Đỗ Dự gọi là dùng tay tác. Trong sách Khảo Công Ký gọi là vỗ về. Cũng lại là giơ tay lên lấy, nắm lấy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 20

Phanh tắc. Lại viết chữ phanh cũng đồng âm. Ngược lại âm phổ canh. Theo văn nói chữ phanh nghĩa là bắn cung giống như nói giương dây cung bắn cung tên vậy.

Xích oách. Ngược lại là âm ô quách ư cụ hai âm. Nghĩa là loại sâu bướm thường sanh ở cây dâu. Theo văn nói thì loại sâu này ẩn mình trong lá dâu. Nhĩ Nhã cho rằng: Là con sâu bướm Quách Phác gọi là con dê, con rít. Ngược lại âm tử lực tử lục. Nghĩa một loại côn trùng có chân bò chui rút dưới đất. Xá Nhân gọi là ở đất Tống kêu là con tằm ăn lá dâu.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 21

Y dĩ. Ngược lại âm ư hy. Theo chữ y dĩ gọi là cái chăn mền đắp, cũng gọi là y điều của các vị tu sĩ đắp mặc.

Thực dĩ. lại viết chữ thực này cũng đồng. Ngược lại âm tù chí. Gọi là bày thiết thức ăn ra cung cấp cho người ăn vậy chữ thực cũng gọi là phạn.

Si lệ. Ngược lại âm sung thi. Theo văn nói nghĩa là mờ mờ tối vì ghèn ở mắt quá nhiều mong ngược lại âm mạc kiết. Trong văn luận lại viết chữ kỳ chưa rõ chữ này xuất hiện ở sách nào vậy.

Kiết ninh. Ngược lại âm nãi lịnh. Tỳ Thương, giương mắt vảnh tai nghe vì bị sĩ nhục vậy.

Dũ đa. Ngược lại âm dực chu. Quảng Nhã cho rằng: Du là tăng thêm, giàu có Tiểu Nhã cho rằng: Càng tăng thêm sức mạnh càng tăng thêm tuổi thọ.

Nhuyễn động. Ngược lại âm như cổn như doãn hai âm. Theo văn nói có nghĩa là loài động vật lúc nhút, nhỏ nhít. Hoài Nam Tử cho rằng loài côn trùng lút nhút.

Quật khởi. Ngược lại âm ngư khuất. Tỳ Thương cho rằng: Nắm đứng vững. Theo sách sử ký cho rằng: Đột nhiên nổi cao lên thành một khối đứng riêng một mình, ngồi riêng một mình.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 22

Cốt cán thể chữ viết là cáng cũng đồng ngược lại âm ca thư. Chữ cán nghĩa là trợ giúp; cũng gọi là thân thể, cũng nghĩa bộ xương vậy.

Thị chiêm chiêm. Ngược lại âm chi diêm. Tiếng địa phương gọi là chiêm thị nghĩa là xem xét dòm ngó, cũng gọi là bói quả, xem quẻ, cũng có nghĩa chờ đợi, thời gian. Phàm cùng nhau chờ đợi gọi là chiêm cũng có nghĩa ngẩng lên mà nhìn.

- QUYỂN 23: (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 24

Từ quyết. Ngược lại âm cổ huyệt. Văn thông dụng gọi là người sấp chết nói lời từ biệt gọi là quyết. Chữ lược gọi là lời nói chia tay với người sắp chết, cũng có là dứt tuyệt, là hết vậy.

Kỳ thỉnh. Ngược lại âm cự y. Quảng Nhã gọi là kỳ cầu mong, cầu xin. Văn Tiểu Nhã cho rằng: Kỳ là báo cáo cho biết cũng nghĩa là kêu gọi. Quách Phác gọi kỳ là cúng tế, người kêu gọi mời đến chứng minh sự việc. Tôn Đạm gọi là kỳ nghĩa là người dân cầu phước, từ là kêu gọi mời thỉnh đến vậy.

Hãn cách văn cổ lại viết bốn chữ tượng đều đồng âm. Nay lại viết chữ hãn này. Ngược lại âm hồ thư. Chữ hãn nghĩa là chống đờ, bảo vệ. Chữ cách văn cổ lại viết cách cũng đồng. Ngược lại âm cổ ngạch. Chữ cách nghĩa là chống giữ ngoài quan ải, chống cự. Theo văn nói nghĩa là đánh lại vậy.

(tiếp theo T.613) Trí Giám. Chữ trong sách viết cũng đồng ngược lại âm cổ sàm. Quảng Nhã cho rằng: Chữ giám nghĩa là chiếu soi; cũng có nghĩa là cái gương soi mặt; cũng có nghĩa tra xét cặn kẽ, xem xét kỹ rõ ràng, hình trạng vậy.

Khô Phúc. Ngược lại âm khẩu cô. Thương Hiệt giải thích rằng: Chữ khô nghĩa la phanh ra, khoét ra, mổ xẻ ra. Tiếng địa phương cho rằng: Quyền lực, uy thế, có sức mạnh. Theo văn nói, chữ khô nghĩa là chia cắt ra. Trong sách Chu dịch cho rằng: Chẻ cây, chẻ gỗ đóng

thuyền. Theo chữ khô nghĩa bụng của người trống rỗng.

Khôi Tẩn. Ngược lại âm tự tấn tần dẫn hai âm. Theo văn nói gọi là đốt hết gỗ dư là vậy.

Tiêm chỉ Văn cổ viết tiêm chữ trong sách viết tiêm cũng đồng. Ngược lại âm tư liêm. Theo văn nói nghĩa là lay đẹp; tiêm cũng là nhỏ bén nhọn. Tiếng địa phương cho rằng tiêm là nhỏ bé vi tế mịn màng. Giữa Lương Ích cho rằng: Phàm vật gì nhỏ gọi là tiêm vậy.

Tường nhiên. Ngược lại âm sở đạo. Tỳ Thương cho rằng: Sợ hãi, kinh sợ. Văn thông dụng cho rằng: Đứa trẻ sợ hãi gọi là tường. Công Dương truyện cho rằng: Tường nhiên nghĩa là sợ, thất sái, sợ hãi là vậy. Văn luận lại viết tường cận. Ngược lại âm tự nhỉ. Lại viết tường sơ chữ tường chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Gian trừ Văn cổ viết trừ cũng đồng. Ngược lại âm trừ lý. Nghĩa là độc lập, đứng riêng. Quảng Nhã cho rằng: tự nghĩa là dừng lại, ngừng nghỉ. Theo văn nói nghĩa là do dự, chần chừ, không quyết định; cũng gọi là ngẫm ngừng không muốn tiến lên phía trước. Chữ trừ (T614) ngược lại âm trực như.

Nghê tình Văn cổ viết: tình tinh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tịch doanh. Trong sách Hán Thư cho rằng: Bầu trời trong, sau cơn mưa bầu trời không có mây, quang đãng mát mẻ dễ chịu, lại thấy những ánh sao lấp lánh. Mạnh Khang gọi là bầu trời trong mát sáng rõ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 25

Phong ác. Ngược lại âm. Trong Kinh Thi gọi là nhuộm hơi một chút tím đỏ. Trong Mao Thi truyện gọi là đã được ưu đãi, đã hưởng nhiều ân trạch.

Lũ bộ. Ngược lại âm lực chủ. Văn thông dụng gọi là cong lưng, lưng gù. Quảng Nhã cho rằng: Bẻ cong lại.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 26

Nhưỡng tửu. Ngược lại âm nữ hận. Tam Thương gọi là lấy gạo, nếp ủ men, ủ rượu gọi là nhưỡng nghĩa là ủ cho lên men làm rượu. Theo văn nói gọi là cất rượu, ủ rượu, làm ra rượu gọi là nhưỡng vậy.

Đào sa. Ngược lại âm đồ đao. Theo chữ đào nghĩa là loại bỏ, trừ bỏ đào thải ra. Trong văn luận lại viết thải ngược lại âm đồ thái. Văn thông dụng gọi là vo gạo gọi là đào sa.

Lô quán. Ngược lại âm. Văn Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Lô là nhà trọ, nghĩa là tạm nghĩ nhớ; cũng gọi là nhà riêng biệt. Hoàng đế ngày xưa, dùng nhà này đề tránh lạnh, nóng, mùa xuân, thu thì đi, mùa đông, hè thì ở, cho nên gọi là tạm nghỉ nhờ vậy.

Giải thích tên gọi là ký là nhà tạm nghỉ, chữ lô là nhà thô sơ dùng cho khách qua đường tạm nghỉ ngơi che nắng mưa. Chữ quán, ngược lại âm cổ ngoạn nghĩa là nhà khách. Trong sách Chu Lễ gọi là năm mươi dặm có một cái quán, dùng để làm nơi triều đình tiếp đãi tân khách, những thí sinh lên kinh dự thi hoặc những anh hùng hào kiệt. Thể chữ viết từ bộ thực, thanh quan.

Điều đầu. Ngược lại âm. Quảng Nhã cho rằng: Khinh khi, bỡn cợt, chọc ghẹo, cũng có nghĩa là mua sắm đổi chác, dời đi, do chuyển cũng có nghĩa điệu nhạc líu lo, tiếng chim hót ríu rít.

Lăng dịch. Ngược lại âm lực thăng, nghĩa là dùng bạo lực, xâm phạm, làm nhục. Thương Hiệt giải thích rằng: Lăng là xâm phạm, mạo phạm, làm hại. Chữ dịch lại viết dịch ngược lại âm dĩ cổ. Thương Hiệt giải thích rằng: Nghĩa là khinh mạn, vô lễ, ngạo mạn, cũng có nghĩa thông thả, lơ là, chểnh mảng. Theo văn nói: Dịch nghĩa là khinh thường; Nay lại viết là dịch này, văn thường hay dùng vậy.

- QUYỂN 27: (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 28

Hấp phong văn cổ viết ẩm dịch hai chữ tượng hình. Nay viết hấp cũng đồng nghĩa, ngược lại âm cập. Quảng Nhã giải thích rằng: Hấp

nghĩa là uống vào, hít vào. Theo văn nói: Có nghĩa là hít thở vào; nghĩa là hít thở không khí vào; cũng gọi là dẫn vào, đưa vào vậy.

Binh ngũ. Lại viết binh uy. Ngược lại âm ngũ nhẫn; âm dưới là ngô lỗ. Theo sách Chu Lễ gọi là năm người sắp lên gọi ngũ, đội ngũ. Trịnh Huyền gọi là ngũ là số đông người. Trong văn luận lại viết ngọ ngược lại âm. Nghĩa là nghịch lại vậy. Chữ ngọ này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Kiển khất văn cổ viết hước kiển hai chữ tượng hình. Nay lại viết theo Thanh Loại lại viết nghĩa là nói thẳng lại viết cũng đồng ngược lại âm ngô triển. Tiếng địa phương gọi chữ kiển là người khác xin ăn. Sớ Nhân Chú Giải trong Kinh Thi và sách Chu dịch rằng: Kiển là người khónói, ngọng ngịu, nói lắp bắp. Trong văn luận viết kiển bá nghĩa là người bị què chân, thọt chân. Chữ kiển này chẳng phải nghĩa đây dùng, chữ khất văn cổ lại viết khất cũng đồng. Ngược lại âm cư ngật nghĩa là nói nặng hơi; lập đi lập lại, văn thông dụng nghĩa là nói không thông lợi gọi là san khất, tức là nói ngọng, nói cà lăm.

Thâm tuấn văn cổ viết hai chữ tượng hình. Nay viết căng cũng đồng. Ngược lại âm tư nhậm. Tuấn thâm nghĩa là sông sâu.

Kiên trước. Ngược lại âm bạc lược. Chữ kiên tức là bền chắc, cũng có nghĩa là nghĩ đến lo đến.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 29

Tích uất. Ngược lại âm Tỳ xích. Theo văn nói nghĩa là cái áo bị mọt ăn, gián cắn. Quảng Nhã gọi là xếp lại. Chữ đố ngược lại âm khưu nguyễn.

Lương bình. Ngược lại âm, gọi là bắt chước làm theo các vua nối theo, chữ bình ngược lại âm bì binh. Tỳ Thương giải thích rằng: Bình nghĩa là cây dương, cũng nghĩa bàn cờ; cũng gọi là ngồi một mình trên giường. Giải thích trên gọi là là bình nghĩa bằng, nghĩa là lấy miếng ván phẳng làm bàn cờ. Thể chữ viết từ bộ là chữ đúng.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 30

Đại tích văn cổ lại viết tích tích hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tỳ xích. Chữ Lâm Tích nghĩa là ban pháp lệnh; tức là tội tử hình. Theo Hàn Thi truyện: Hoặc gọi là bốn bên vách tường vuông; tích cũng có nghĩa là trừ khử đi. Chữ viết từ bộ thi khẩu tân; nghĩa là người dùng miệng chế ra pháp lệnh buộc tội, dùng pháp luật mà hình phạt. Trong văn luận viết: tà tích chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Phúc lợi. Ngược lại âm. Trong Kinh Thi gọi là thọ hưởng phước trời ban cho. Trịnh Tiển gọi là phước đức. Sách Nhĩ Nhã gọi là phước dày.

Qua chi. Ngược lại âm cổ hồ. Theo chữ qua cũng giống chữ chi, nghĩa là cành cây mọc từ gốc; cũng chưa rõ chữ này nghĩa như thế nào.

Lôi đình. Ngược lại âm đạt đỉnh, đạt đinh hai âm. Theo sách Chu dịch gọi là tiếng trống, nghĩa là lấy tiếng sấm sét làm tiếng trống. Lưu Hoàn gọi là sấm sét điện chớp, cũng là địa chấn, nghĩa là chấn động; làm nổ tung ra, làm điện chớp. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếng nổ, tiếng sấm nhanh; cũng gọi là đình cũng là sấm sét, cũng có nghĩa là cầu vồng. Quách khác gọi là, tiếng sấm bắn tung tóe ra lửa rồi mau chóng hết dứt vậy. Thương Hiệt giải thích tiếng sấm sét thình lình. Công Dương truyện gọi là có tiếng sấm sét đánh miếu của ông Di Bá là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 31

Thiệu trụ. Ngược lại âm trị hựu. Theo chữ Lâm trụ dẫn nghĩa là con cháu nối dõi, cũng có nghĩa là kế tự; cũng gọi là thừa kế sự nghiệp của người đã qua đời.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 32

Sâm bội. Ngược lại âm thố trẩm. Quảng Nhã cho rằng: Chữ sâm là viết thay cho chữ tam. Tiếng địa phương cho rằng: Sâm là phân tách ra, chia ra, cho bằng, cho đều gọi là. Quách Phác cho rằng nghĩa là Phân cắt ra. Chữ bội. Ngược lại âm bổ nãi. Quảng Nhã cho rằng: Bội là phân nữa, nghĩa là một sinh ra gấp đôi gọi là bội vậy.

Sấm ký. Ngược lại âm sở âm. Tam Thương cho rằng: Chữ sấm nghĩa là quyển sách bí mật; nghĩa là lời ghi chép ra ở sông Hà Lạc, dự đoán có hiệu nghiệm nghĩa là dời dự đoán có hiệu nghiệm sau này vậy.

Châu ky. Ngược lại âm cư triết cự khí hai âm. Theo văn nói: Nghĩa là hạt châu ngọc không được tròn, hạt ngọc châu méo. Theo chữ châu nghĩa là hạt ngọc trai nhỏ.

Đỉnh quang. Ngược lại âm đại kinh. Chữ đỉnh là đồ dùng đựng thức ăn cúng lễ. Theo Thanh Loại có nghĩa là không có chân gọi là đăng; có chân gọi là đỉnh; cũng gọi là mân đèn nhanh cúng Phật vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 33

Lễ huống. Ngược lại âm vu cuồng. Theo sách Nhĩ Sớ cho rằng: Huống là lấy tài vật ban tặng cho người. Quách Phác gọi là ban tặng cho nhau tài vật vậy.

Ủy lan. Ngược lại âm ư nguy. Theo Thanh Loại gọi là cây cỏ bị héo úa. Quảng Nhã cho rằng: Loại cỏ mao héo úa tàn khô.

Nhiếp phục văn cổ viết hoặc viết hai chữ tượng hình, ngược lại âm. Theo chữ nhiếp nghĩa là sợ kính phục. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Người có chí khí thì không sợ hãi. Trịnh Huyền gọi là nhiếp là quá khiếp sợ. Lại gọi là tham tàn bạo ác mà còn biết lễ nghĩa tốt thì ý không sợ. Trịnh Huyền gọi là chữ nhiếp cũng giống như chữ khiếp nghĩa là khiếp sợ, kinh sợ, mê hoặc, mê muội vậy.

Trung cự theo chữ viết đúng là Túng cụ hai chữ tượng hình. Ngược lại âm tử khách kỳ câu hai âm. Quảng Nhã gọi chữ Túng cụ là đá mài dao. Văn thông dụng lại cho rằng: Đá nhỏ gọi là túng cụ hoại đá người

ta dùng để mài ngọc, người thợ dùng làm để luyện kim thì bị trở ngại. Hoài Nam Tử gọi là Đồ dùng tiếp đãi khách ngoài ngưỡng là vậy.

Hàm lỗ. Ngược lại âm hồ giam. Theo văn nói chữ lỗ ở phương Tây gọi là đất mặn; cũng nghĩa là thiên nhiên sanh ra gọi là lỗ tức là mặn; con người sanh ra, là, ra gọi là diêm; tức là muối; mà chữ diêm người khác phương Đông gọi là Lỗ cũng giống như người phương Tây gọi là đất mặn. Giải thích tên gọi là đất không sinh ra vật gọi là lỗ nghĩa là mặn.

Câu thành văn cổ viết phan thành hai chữ tượng hình. Nay viết điệp cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thị lăng. Theo văn nói gọi là thành tức là ruộng, là thửa ruộng. Theo sách sử ký gọi là lớn gọi đê nghĩa là giới hạn, bờ đê. Còn nhỏ gọi là thành. Quảng Nhã cho rằng, bờ đê bao quanh thửa ruộng. Thương Hiệt giải thích rằng: Thành là bờ ruộng. Trong văn luận viết thắng; là chẳng phải thể nghĩa chữ đây dùng vậy.

Viên tường. Ngược lại âm can phiền viên gọi là chu vi bốn bên vách tường. Giải thích tên gọi là viên, nghĩa là viện người dựa theo bị ngăn trở, cho rằng viện là bổ xung vào chỗ thiếu hụt. Tường nghĩa là vách tường bị chướng ngại ngăn trở vách tường cho nên tự mình bị chướng ngại che khuất bởi vách tường, tức là người bị ở trong tù giam hãm lại vậy.

- QUYỂN 34: (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 35

Ẩn tu chữ đúng là viết chữ dữ cũng đồng. Ngược lại âm ư cận. Theo văn nói nghĩa là có chỗ các pháp; có chỗ nương nhờ vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 36

Cố thạch. Ngược lại âm cổ hộ. Theo văn nói. Cổ nghĩa là hàn cổ rò rĩ, cũng có nghĩa là lấp bít lỗ hổng vậy.

Chửng nhiễu âm chưng; thuộc thượng thanh. Theo văn nói chữ chửng gọi là đưa lên cứu trợ; người bị chìm đắm trong nước, chìm trong nước.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 37

Huy nhiệt lại viết chữ my này cũng đồng. Ngược lại âm ư vi. Nghĩa là huỳnh bịnh, bịnh không đi nỗi. Theo sách lễ ký gọi là bệnh của người triết nhân, học thức quá nhiều sanh ra cuồng trí. Trịnh Huyền gọi là bệnh liệt, gân thịt mềm không cử động được.

Sở quyến Tam Thương giải thích, văn cổ viết vực cũng đồng. Ngược lại âm cổ huyền. Gọi là lấy dây bắt con thú. Trong văn nói viết chữ huyễn, nghĩa là khoe khoang. Ngược lại âm cổ huyền, có nghĩa là người hành nghề buôn, người lái buôn; nay chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 38

Hình triệu. Ngược lại âm trừ kiêu. Theo sách Quốc Ngữ chú giải rằng: Triệu nghĩa là thấy, nhìn thấy hình trạng. Theo chữ triệu đó giống như chữ cơ nghĩa là kín đáo quan trọng; nghĩa là người nhìn thấy biết trước sự việc vậy.

Phân giải. Ngược lại âm phò vấn hồ mại. Nghĩa là phân gọi là phân biệt; giải gọi là gặp gỡ tiếp giải ở trong vậy.

Tác mô lại viết chữ mô này cũng đồng. Ngược lại âm mạc-nô. Chữ mô nghĩa là biểu thị qui cách, cũng có nghĩa là mô phỏng bắt chước; cũng có nghĩa là lấy tay sờ mó con voi vậy.

Tự quí văn cổ viết quí này cũng đồng. Ngược lại âm hồ đối. Theo văn nói chữ quí nghĩa là thấm nước, rỉ dột. Thương Hiệt giải thích rằng: Quí là ngâm vào nước. Ngược lại âm bàn quyết.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 39

Tý kỳ. Ngược lại âm phương lợi. Tiếng địa phương gọi là tí tức là gởi nhờ. Văn thông dụng gọi là tự mình che đậy gọi là tý. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ tí là âm hưu, tức là nghỉ ngơi. Tôn Đạm gọi là tí tức là che đậy, che chở, cho nước giúp đỡ cho dân vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 40

Đạo mao. Ngược lại âm vong bao. Theo văn nói mao tức là cỏ may. Trong văn kinh viết can giá. Ngược lại âm. Nghĩa là cây mía, văn thông dụng gọi là ở xứ Tây Vực chỗ xuất phát ở Bồ Đào Nha gọi là can giá, tức là cây mía vậy.

Phúc tộ. Ngược lại âm tồ cố. Trong sách Quốc Ngữ gọi là chỗ thiên địa ban phước lành. Cổ Quý cho rằng: Phúc lộc cũng có nghĩa là địa vị, ngôi vị, báo đáp.

Thích vi. Ngược lại âm tha địch. Theo chữ thích cũng đồng với chữ thích này nghĩa là bới móc tìm lỗi. Chữ Thích cũng có nghĩa là trị, trừng trị, cũng có nghĩa trừ bỏ đi là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 41

Điếm trung. Ngược lại âm đô đàm. Theo văn nói nghĩa giống như tỳ vết trên ngọc vậy.

Mộc tiết lại viết tiết này cũng đồng ngược lại âm tiên kiết. Theo văn nói, gọi là hai cột trụ trồng hai bên cổng ở các nha phủ ngày xưa làm mốc giới hạn ra vào, cũng gọi là sấm ngược lại âm tử lâm. Nay ở Gian Nam gọi là sấm nghĩa là cái băng ở trong cổng. Trung Quốc gọi là lời mở đầu của cuốn tiểu thuyết, hay cũng gọi là lần, hồi, khóa. Văn thông dụng gọi là giới cũng nghĩa là lần, hồi, khóa. Âm giới ngược lại là âm trắc hợp.

Tô mã. Ngược lại âm nợ hồ. Quảng Nhã gọi là con ngựa kém, ngựa tồi, cũng chỉ cho con người tài hèn sức mọn. Bá lạc gọi là đầu to mỏ ngắn chỉ là một người làm nô bọc; chân đi thông mở ra, hai mắt sâu mờ ảo cũng chỉ là nô bọc; miệng nhỏ mà ngắn tam thương cũng gọi là làm nô bọc; Lại nữa trong sách lễ ký gọi là, người bị hung niên nghĩa không mai mãn, chỉ chờ đợi con ngựa hèn là vậy. Chữ đài âm đài. Ngược lại âm đồ cãi.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 42

Bào thai. Ngược lại âm bổ giao. Chữ bào nghĩa là màng bao đứa con ở trong, sanh ra. Trong Hán Thư gọi là đồng bào. Ngược lại âm chi đồ như hâu. Gọi là đồng bào tức là anh em ruột thịt, thân thích.

Xà thủy văn cổ viết hủy quỉ hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm can quỉ. Nghĩa là loại côn trùng có nọc độc. Trong kinh Sơn Hải gọi là loại côn trùng này không có cánh phần nhiều sống ở trên núi, lăn lóc đi bằng bụng. Quách Phác gọi là màu sắc xanh lục, trên mũi có cây kim lớn dài hơn trăm thước. Giải thích tên gọi là trên mũi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loại côn trùng này thân nó rất dài. Xá nhân giải thích trong sách Hoài Nam Tử rằng: Người Giang Nam gọi là con rắn hổ, người Giang Bắc cũng theo sách Hoài Nam Tử gọi là con rắn. Trang Tử gọi là con rắn tức chữ hủy. Ngược lại âm đệp. Đây chẳng phải gọi là côn trùng tức là con rắn thân hai miệng. Tranh ăn cùng nhau, ăn thịt lẫn nhau, giết hại lẫn nhau. Nhĩ Nhã gọi là con rắn, mà hình trạng của nó cũng như con rắn độc nên gọi là rắn độc: Cái đuôi của nó cũng giống cái đầu, cái đầu của nó giống như cái đuôi. Con hộ báo có thể giẫm đạp lên. Đây khó quên vì nó có thể cắn xuyên qua đôi giày.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 43

Tẫn mẫu. Ngược lại âm tỳ tận tỳ tử hai âm. Theo văn nói súc vật nuôi trong nhà giống cái gọi là thư chữ mẫu. Ngược lại mạc tẩu. Theo

văn nói súc vật nuôi trong nhà giống đực gọi là hùng. Trong Mao Thi truyện gọi là con ngựa đang thời khỏe mạnh là con ngựa cái. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Biết bay gọi là hùng thư, biết chạy gọi là tẫn mẫu. Thậm chí như con chim trĩ nó hót, loài cái thì gọi là phi điểu là chim bay; cũng loài mái biết bay mà còn biết chạy nữa.

- QUYỂN 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52. : Đều không có từ khó để âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 53

Tuyền sư. Chữ khó viết là Hoàn cang. Ngược lại âm cang quyên. Gọi là lấy sợi dây buộc vào cây trục cho lăn làm dụng cụ quạt nước lên ruộng gọi là tuyền. Trong kinh văn viết toàn, chẳng phải thể chữ đây dùng vậy.

Đạm ẩm. Ngược lại âm hai âm. Gọi là bộ phận trên ngực tiết ra chấp dịch. Văn luận lại viết âm; nghĩa là tối, ẩm ướt.

Phương sanh. Ngược lại âm. Quảng Nhã cho rằng: Chất mở. Văn thông dụng gọi là ở eo lưng gọi là phương mỡ bụng ở dạ dày gọi là san mỡ trong dạ dày.

Thanh ứ. Ngược lại âm ư dự. Theo văn nói nghĩa máu huyết tích tục lại bị ứ lại. Quảng Nhã cho rằng: Bịnh ứ máu.

Toài toại. Lại viết trụy cũng đồng. Ngược lại âm tân túy. Nơi giữ lửa gọi là người lấy lửa. Theo sách luận ngữ gọi là dụng cụ lấy lửa thời xưa. Theo sách Khổng An Quốc gọi là trong một năm, người ta lấy gỗ chà xát để lấy lửa, người đời vốn muốn tạo ra lửa phải lấy của người ta làm bằng cách chà xát cho nóng bắn lửa ra nhân đây nên cho rằng có tên vậy.

Tần dịch. Ngược lại âm di thạch. Trong sách Luận Ngữ gọi là dịch tức là kéo sợi tơ, nghĩa tìm mua con ngựa quí mà hòa lẫn vào trong đám người lái buôn, gọi là tìm người mai mối gọi là quí hiếm. Tiếng địa phương gọi là mối liên lạc không dứt, cũng là ở trong. Tam Thương gọi là kéo sợi tơ ra; cũng có nghĩa là giải bày vậy.

Yêu dã. Ngược lại âm dư giả. Nói cho rõ ràng là trang sức cho đẹp đẽ, chải chuốt, đẹp đẽ lộng lẫy, dương dương tự đắc.

Xỉ tự. Đây là mượn âm ngược lại âm đô ngạ. Dựa theo chữ văn nói. Ngược lại đãi khả. Có nghĩa mở miệng ra há miệng ra. Chữ lâm. Ngược lại âm hai âm.

Sắc tư. Ngược lại âm đại hà đồ khả hai âm. Dựa theo chữ văn nói gọi là kéo binh; kéo đi. Quảng Nhã gọi là dẫn ra, dẫn đi vậy.

Sai tự. Ngược lại âm. Dựa theo chữ văn thông dụng cho rằng rượu trắng gọi là sai vậy.

Thấp ma. Ngược lại âm mạc khả. Người nước Tần nói đây là chữ cổ, dựa theo chữ văn thông dụng cho rằng nhỏ bé gọi là ma. Chữ trong sách ma cũng có nghĩa nhỏ. Trong văn luận lại viết tiểu, chữ này giống như văn thông dụng thường hay dùng vậy.

- QUYỂN 54: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 55

Chẩn bịnh. Chữ lâm ngược lại âm trừ nhẫn. Chữ chẩn nghĩa xem. Theo Thanh Loại cho rằng chẩn nghĩa là kiểm nghiệm; gọi là xem mạch chẩn đoán bịnh vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 56

Giảo thâu. Văn cổ lại viết kiều cũng đồng. Ngược lại âm cổ bào. Trong kinh Thi cho rằng: Giảo nghĩa là người con gái hay nô đùa bổn cợt. Theo chữ giảo cũng giống như chữ yêu mị, không thật; gọi là gắng sức theo đuổi ảo ảnh. Không thật.

- QUYỂN 57, 58: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 59

Bệ lệ. Ngược lại âm bổ vi lại kế. Đây dịch là loài quỉ đói. Dựa theo chữ bệ lệ có nghĩa là cỏ thơm, hình trạng của nó giống như cây hẹ, thường mọc ở khe đá trên núi vậy.

Tiễn địch. Ngược lại âm đô địch. Theo văn nói nghĩa là mũi tên nhọn. Theo sách Lễ Ký cho rằng đầu nhọn của mũi tên; hoặc là viết hầu tuyền địch, cũng có nghĩa mũi tên. Giải thích tên gọi là mũi tên bắn địch; cũng có thể chống lại địch, ngăn lại, đều gọi là mũi tên. Nếu chữ đều có ý nghĩa mũi tên, bên trong đều viết có nghĩa là tiêu diệt.

Thâm tiếu. nay lại viết hoặc viết đều đồng. Ngược lại âm thư trám. Quảng Nhã cho rằng: Nóng nảy, vội vàng. Văn thông dụng gọi là dốc núi cao gọi là tiếu; cũng có nghĩa là núi rất cao dốc núi rất hiểm trở; cũng gọi là tiểu.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 60

Uẩn tâm. Ngược lại âm ư vấn. Quảng Nhã cho rằng: Uẩn là tức giận. Thương Hiệt giải thích rằng: là hận. Theo văn nói có nghĩa tức giận dữ dội.

QUYỂN 61: Trước không có âm nghĩa giải thích.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 62

Cổ đạo. Ngược lại âm công hộ. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Người dân thường muốn trừ bỏ con côn trùng độc; chất độc. Trịnh Huyền cho rằng loài côn trùng có chất độc gây bịnh hại người, vật. Nghĩa là ý nghĩa của chữ là trong máu có chất độc; do loài côn trùng gây ra.

Khiển trách ngược lại khứ chiến Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là quở trách. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là tức giận. Theo văn

nói chữ khiển tra vấn thẩm xét cũng là quở trách, trách phạt. Trong văn luận lại viết cật trách nghĩa là hỏi và trách mắng. Quảng Nhã cũng cho rằng: Hỏi và trách mắng.

Mông cổ. Ngược lại âm vong đăng. Quách Phác chú giải trong kinh Sơn Hải rằng: Chữ mông nghĩa là mờ mịt, mờ tối. Trong sách chu Lễ Trịnh Huyền cho rằng: Mông là không có ánh sáng. Trong văn kinh có viết manh cổ. Ngược lại âm. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Không có con mắt, gọi là mù vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 63

Cấp tuất. Lại viết tuất cũng đồng. Ngược lại âm tư luật. Chữ Chấn tuất nghĩa là giúp đỡ, gọi là lấy tiền của giúp đỡ cho người. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuất nghĩa là thương xót, lo âu, lo nghĩ. Tôn Đạm gọi là Tuất nghĩa cứu giúp, cũng có nghĩa là lo buồn. Theo văn nói nghĩa là coi sóc, nuôi dưỡng.

- QUYỂN 64, 65, 66. Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 67

Nhãn hạt. Chữ đúng là viết hạt cũng đồng. Ngược lại âm hỏa hạt. Chữ trong sách nghĩa là hợp một con mắt, nghĩa là chột hết một con mắt.

Thủ huy. Nay viết huy cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm vu bì. Nghĩa là đưa tay lên gọi là huy nghĩa là dùng ngón tay chỉ; theo nghĩa gọi là lấy cờ ra dựng cờ làm hiệu lịnh chỉ huy đại chúng. Nhân đây mà gọi tên vậy thôi.

- QUYỂN 68, 69, 70, 71: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 72

Yển kiển. Ngược lại âm cự yển cư miễn hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Yển kiển nghĩa là kiêu ngạo, gọi là tự cao tự đại. Giải thích tên gọi là yển nghĩa là ngưng nghỉ, chấm dứt; cũng có nghĩa là ngã ngửa nghĩa là nằm ngã ngửa; chữ kiển nghĩa là thọt chân, què chân, bịnh không có thể làm việc được. Nay phó thác giống như nghĩa đây vậy.

Ngạo mạn. Ngược lại âm ngũ đáo. Quảng Nhã cho rằng: Ngạo mạn, kêu ngạo, gọi là không kính, không cung kính. Chữ trong sách căn cứ vào chữ ngạo nghĩa là xem thường, gọi là xem nhẹ; Thể chữ viết từ bộ nhân thanh ao.

Bổ dương. Ngược lại âm phất vũ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ bổ nghĩa là ta vậy cũng nghĩa là bắt đầu mà cũng là kết thúc vậy.

Qui tắc. Ngược lại âm cự quí. Quĩ nghĩa là đánh giá đúng, phán xét, phán đoán. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chữ quỹ nghĩa là quỹ tịch là chức tể tướng ngày xưa. Tôn Đạm gọi là quỹ là thương lượng; cũng có nghĩa là pháp tắc.

- QUYỂN 73, 74, 75, 76: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 77

Tường tự. Ngược lại âm từ dương, chữ dưới là văn cổ viết tự cũng đồng ngược lại âm từ cử. Nghĩa là trường học ngày xưa vậy; gọi là dung nghi có pháp độ nghĩa là người học trò ngày xưa có dung nghi lễ phép. Theo sách Chu Lễ gọi là. Trường học mùa nghĩ hè gọi là tự. Bạch Hổ Thông gọi là Tường là trường học thiết lập ở làng ngày xưa; cũng nói cho rõ là, lấy chỗ lễ nghi rõ ràng, trật tự phép tắc từ lớn đến nhỏ vậy.

Cơ hội. Ngược lại âm cư y. Theo văn nói cơ nghĩa là chủ động phát ra; cũng có nghĩa là thấy trước sự việc. Trong sách Chu dịch gọi là cơ cấu tức là chỉ những bộ phận phát ra, bộ phận kết nối lại với nhau để tạo thành sự vật phát động; cũngnl là phát ra làm chủ sự vinh nhục. Trang Tử gọi là khắc gỗ làm bố máy tăng giảm. Con người ắt cũng có bộ máy trong lòng là vậy. Chữ hội là văn cổ viết hội này cũng đồng. Ngược lại

âm hồ ngoại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hội là phán đoán Quách Phác gọi là cùng nhau bàn luận phán đoán cũng có nghĩa là tụ hợp, tụ tập số đông người vậy.

Cổ lược âm trên là lực cổ ngược lại âm ưới là lực thượng. Chữ cổ nghĩa là đi săn bắt được; cũng có nghĩa là hợp lại chiến đấu đánh chiếm, cũng có nghĩa là tù binh bắt được; Lược cũng có nghĩa là cướp bóc, cướp lấy tài vật của người, cũng có nghĩa, đoạt lấy vật của người vậy.

Nhĩ thực. Ngược lại âm như chí. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Nhĩ thực, tức là ăn bánh ngọt. Theo phàm lệ vật gì ăn được đều gọi là nhĩ.

Ẩn chẩn. Ngược lại âm ư cận chi nhẫn. Nghĩa là trên da nổi lên rất nhiều vết sẹo. Nay văn thông dụng cũng gọi là thịt nổi mục sưng lên, phù lên, cũng gọi là bệnh sởi; hoặc nói bệnh phát sốt dẫn đến nguyên nhân bệnh. Theo văn nói thì bệnh cảm mạo, âm cảm ngược lại âm văn nhẫn. Trong văn luận viết ẩn chẩn này chẳng phải ý nghĩa trong kinh văn vậy.

- QUYỂN 78, 79 : Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 80

Cấp kỳ. Ngược lại âm ky lặp. Chữ cấp nghĩa là thứ bậc; gọi là bậc thềm; đếm số thứ tự tên gọi là cấp bậc lớn nhất trong gia tốc; cũng có nghĩa là chém đầu một người để dâng tặng được thăng tước quan vị cũng gọi là cấp thăng lên một cấp. Nhân đây nên có tên gọi lấy đầu của giặc để được thăng cấp vậy.

Thị cầu. Giải thích chữ cổ, văn cổ viết cầu cầu hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết cứu cũng đồng ngược lại âm cư hựu. Chữ cầu nghĩa là trợ giúp vậy.

- QUYỂN 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92. Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 93

Ủy tha. Ngược lại âm ư nguy. Âm dưới là đồ hà. Quảng Nhã cho rằng: Ủy tha nghĩa là trăng thấp nghiên một bên. Văn Nhĩ Nhã cho rằng ủy ủy tha tha nó đẹp một cách lạ lùng, kỳ diệu. Quách Phác gọi là nét đẹp nguy nga tráng lệ, diễm kiều thướt tha; cũng gọi là bình dị tự đắc.

Nạo sắc. Ngược lại âm nãi bào Quảng Nhã cho rằng: quấy rối, nhiễu loạn. Theo văn nói nghĩa là gây rồi loạn, quấy phá.

- QUYỂN 94: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 95

Vu hồi. Ngược lại âm vũ câu nhất vũ. Chữ vu nghĩa là trách, lánh đi, cũng có nghĩa xa vời viễn vông; cũng gọi là rộng lớn mênh mông.

Thạch há văn cổ viết hai chữ tượng hình hoặc viết cũng đồng. Ngược lại âm hộ giá. Theo văn nói chữ há nghĩa vết nút trên đồ sành sứ; cũng gọi là đất khô nứt nẻ; cũng gọi là vách tường có đường nứt nhỏ vậy.

- QUYỂN 96: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 97

Trù trừ lại viết trù tri hai chữ tượng hình; cũng đồng. Ngược lại âm trường lưu trường tri hai âm. Âm dưới hoặc viết trù cũng đồng. Ngược lại âm trường ư trường chu Quảng Nhã cho rằng trù trừ cũng giống như chữ dự trịch; nghĩa là dùng dằng do dự không muốn tiến đến.

Tương hòa. Ngược lại âm hồ ngọa. Nghĩa là tương ứng. Trong Kinh Thi gọi là xướng lên người con trai hòa cũng với người con gái, trong sách Chu dịch gọi là chim hạt nó hót ở Tây cung; trai gái cùng

nhau múa hát hòa theo là vậy.

- QUYỂN 98: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 99

Hữu côn. Ngược lại âm cô bổn, cốt môn hai âm, gọi là dùng sợi dậy buộc lại chuyển qua treo lên. Nay cũng gọi là đóng lại, đóng cánh cửa lại gọi là côn, chữ viết từ âm côn. Lại viết côn, ngược lại âm bổ kiết. Quảng Nhã gọi là côn là chuyển di chuyển. Chữ viết âm bề thanh tỳ.

Dũ đọa. Ngược lại âm dư nhũ, văn Nhĩ Nhã cho rằng dũ là lao nhọc. Quách Phác cho rằng người lao khổ nhiều nên rớt xuống nơi xâu xí; cũng gọi là lười biếng, biếng nhác; nói rằng người biếng nhác không thể tự mình vươn lên nổi, giống như một loại giây leo, cũng như dây bầu bò dưới đất vậy. Cho nên chữ từ bộ qua. Lại có nghĩa là người làm biếng nhác ở trong nhà lâu ngày; cho nên chữ viết cũng từ bộ huyệt là cái hang. Trong văn luận lại viết chữ lãn cũng đồng nghĩa là lười biếng vậy.

Lạo thủy. Ngược lại âm lô đạo. Gọi là nổi lều bều trên mặt nước; cũng có nghĩa là úng nước, ngập úng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 100

Di trất văn cổ viết quán cũng đồng ngược lại âm đinh kiết, trư lật hai âm. Thời nhà Tần nói thiện tri thức là người hiểu biết. Dựa theo chữ trất nghĩa là tất nghẽn, đầy lấp. Trong bổn kinh khác lại viết di đa la ni tử; cũng nghĩa là tiếng Phạm, chuyển ngữ qua là sai vậy.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm biên soạn.

QUYỂN 47

- Thập Địa Luận mười - hai quyển - Huyền Ứng
- Kinh Kim Cang Bất Hoại Giả Danh Luận - hai quyển - Huệ Sâm
- Di-lặc Sở Vấn Luận - tám quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Kim Cang Vô Trước Luận - hai quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phật Địa Luận - bảy quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Kim Cang Thiên Thân Luận - ba quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Bảo Tích Luận - bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Bảo Kế Bồ-tát Luận - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Năng Đoạn Kim Cang Luận Tụng - một quyển - không có âm chữ giải thích.
- Năng Đoạn Kim Cang Luận Thích - hai quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Văn Thù Vấn Bồ-đề - hai quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Diệu Pháp Liên Hoa - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Pháp Hoa - hai quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Thắng Tư Duy - bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Luận Niết-bàn - một quyển - không có âm chữ giải thích.
- Luận Kệ Bổn Hữu Kim Vô - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Vô Lượng Vô Lượng Thọ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Tam Cụ Tú - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Luận Chuyển Pháp Luân - một quyển - không có âm chữ giải thích.
- Kinh Luận Di Giáo - một quyển -- Tuệ Lâm.

* Dựa theo mục lục trong đây có Du Già Sư Địa Luận một trăm quyển, trước có âm nghĩa quyển một; kế đến sau là âm nghĩa bốn mươi tám quyển.

- Luận Hiển Dương Thánh Giáo - hai mươi quyển - Huyền Ứng.
- Hiển Dương Luận Tụng - một quyển - Tuệ Lâm.

- Du Già Sư Địa Thích - một quyển - Tuệ Lâm.
- Vương Pháp Chánh Lý Luận - một quyển - Huyền Ứng.
- Tạp Tập Luận - bảy quyển - Tuệ Lâm.
- Đối Pháp Luận - mười sáu quyển - Huyền Ứng.
- Trung Luận - bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Bát-nhã Đăng Luận Thích - mười lăm quyển - Huyền Ứng.
- Thập Nhị Môn Luận - một quyển - Huyền Ứng.
- Thập Bát Không Luận - một quyển - Tuệ Lâm.
- Bách Luận - hai quyển - Huyền Ứng..

* Bên phải là ba mươi mốt luận một trăm hai mươi sáu quyển âm đồng quyển này.

THẬP ĐỊA LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Mang nhiên. Ngược lại âm theo chữ mang nhiên, nghĩa u tối không sáng. Trang Tử gọi mang nhiên, là không có chỗ thấy, không thấy gì hết vậy.

Bì la. Ngược lại âm Thần hề. Trong kinh lại viết bi la hoặc biết bế la đều là một vậy. Nghĩa là tiếng Phạm.

Tệ tự lại viết chữ tê cũng đồng. Ngược lại âm tiên hề. Tiếng Phạm chữ tê vốn giống như hình tướng sư tử. Dựa theo chữ Tỳ Thương gọi là Tê là tiếng khàn nhàn, cũng là tiếng than thở bi thương.

- **QUYỂN 2, 3** : (Trước không có âm giải thích.)

THẬP ĐỊA LUẬN
QUYỂN 4

Hậu ế. Ngược lại âm ư kế. Giải thích tên gọi là ế nghĩa là yếu ớt, nói hơi trong nghẹn nghẹn khiến cho người ta không thấy vật gì hết.

Bạo thủy. Ngược lại âm bổ báo Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: Nước bán lên gọi là bạo vậy.

THẬP ĐỊA LUẬN
QUYỂN 5

Môn mô. Ngược lại âm mạc bôn mạc bổn hai âm. Theo Thanh Loại gọi là chùng tay sờ mó. Theo chữ môn nghĩa là an ủi vỗ về; Theo chữ môn trì nghĩa là dùng tay cầm nắm các vật vậy.

- **QUYỂN 6, 7** : (Đều không có âm để giải thích.)

THẬP ĐỊA LUẬN
QUYỂN 8

Khái quán. Ngược lại âm ca lại. Theo văn nói chữ khái nghĩa là tưới rót nước, dẫn nước tưới ruộng.

- QUYỂN 9, 10, 11, 12 : (Như trên đều trước không có âm giải thích.)

****

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT HOẠI GIẢ DẠNH LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tỉ kỳ. Ngược lại âm bi nhị. Như lấy thanh trên chữ này từ bộ xước. Ngược lại âm sửu xích. Theo Khảo Thanh gọi là khiến cho mọi người đều biết. Theo sách Nhĩ Nhã gọi là nghĩa là đến, khổ công làm đi. Theo Thanh Loại tức là từ bộ nhân, âm toàn dữ. Theo văn nói nghĩa là đạt tới hiệu quả lợi ích. Chữ viết từ bộ nhân Thanh bì.

Vị bẩm. Ngược lại âm bỉ cẩm. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Bẩm là nhận, thọ nhận. Quảng Nhã cho rằng: Vâng theo mệnh lệnh. Theo văn nói cho rằng bẩm nghĩa là vật ban cho, người trên cho người dưới, như là vua ban cho vậy chữ viết từ bộ hòa thanh bẩm âm bẩm

Bá linh. Ngược lại âm. Theo sách Lễ Ký gọi là người xưa. Tính theo tuổi tác gọi là Linh ; cũng là tuổi thọ. Trịnh Huyền chú giải trong

sách Lễ Ký rằng: Tính đếm theo năm tháng gọi là tuổi tác. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thanh linh, hoặc viết chữ cổ.

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT HOẠI GIẢ DANH LUẬN QUYỂN HẠ

Tự loạn. Ngược lại âm trên trang sở theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chữ Tư là làm cho hư hại, tan nát; cũng có nghĩa là cản trở. Giả Quý chú giải trong sách Quốc Ngữ rằng: Chẳng phải. Còn có âm thư là tên của một con sông ở Hồ Bắc. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy Thanh Thư.

Tức Hy. Ngược lại âm dưới là hy y. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hy là nhìn ra xa, cũng có nghĩa là sáng suốt, nghĩa là nhìn thấy rõ; cũng có nghĩa bắt đầu lên cao. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Ánh sáng không bờ mé gọi là hy. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thanh hy.

Huyễn Lộ. Ngược lại âm trên là huyền huyễn; Theo Khảo Thanh gọi là huyễn tức là nước chảy xuống khe núi nghe róc rách. Trong sách Lễ Ký Khổng Tử chú giải rằng: Khóc nước mắt rơi lả chả. Theo văn nói cũng là nước mắt chảy. Chữ viết từ bộ Thủy Thanh huyền.

****

KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN - *Tuệ Lâm soạn.* QUYỂN 1

Khất cái âm dưới là cát ngãi. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ cái là cầu xin. Theo văn nói cũng gọi là xin ăn. Chữ viết từ viết bộ vong bộ nhân là. Trong văn luận viết cái không thành chữ; hoặc viết cái văn chữ thông dụng thường hay dùng vậy.

Trịch khiêu. Ngược lại âm trên là tinh kịch. Cố Dã Vương gọi là Trịch: Phóng nhanh chân đá lên cao mà không tiến tới được. Theo văn nói: Nghĩa là chân đứng yên một chỗ; cũng có nghĩa là chân bị què. Hoặc viết là trích là chữ cổ. Nay viết đúng là bộ túc thanh trịnh. Ngược lại âm dưới là theo điếu. Khổng Tử chú giải: Trong sách Thượng Thư rằng: Khiêu là chân bước đi nhưng không thể nhảy qua được Thương

Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là nhảy vọt lên. Quảng Nhã cho rằng: Nhảy lên. Theo văn nói gọi là trật chân, vấp té, cũng gọi là nhảy lên. Chữ viết tư bộ túc thanh khiêu.

KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN
QUYỂN 2

Tiệm lộ. Ngược lại âm trên sám diễm. Cố Dã Vương cho rằng thành trì gọi là tiệm. Theo Khảo Thanh gọi là sức tường dài. Theo văn nói cũng gọi là bức tường lớn chữ viết từ bộ Thổ thanh tiệm.

Phách liệt. Ngược lại âm trên là sơ mịch. Quảng Nhã cho rằng dùng dao mổ xẻ ra. Tỳ Thương gọi là mổ ra. Theo văn nói gọi là phá ra, chữ viết từ bộ đao thanh tích.

Khiên vãn. Ngược lại âm trên là khế hiền. Theo Khảo Thanh thì gọi là dẫn dắt, vận chuyển; theo văn nói nghĩa là dẫn tới trước. Ngược lại âm dưới là vong viễn. Theo Khảo Thanh gọi là lôi kéo. Cũng viết là vãn nầy. Theo văn nói cũng gọi là dẫn dắt, lôi kéo, chữ viết bộ thủ.

Thê đăng. Ngược lại âm dưới là đăng đặng. Theo Khảo Thanh lại viết tranh lý. Chữ tranh nghĩa là một loại cam, cây cam. Chữ lý nghĩa giày dép. Đây chẳng phải nghĩa này. Chữ đăng nghĩa là dốc núi, gò đất nhỏ. Theo văn nói gọi là ngước lên. Theo văn tự điển chữ viết từ bộ Sơn Thanh Đặng.

Chỉ toàn. Ngược lại âm dưới kiểm đạm. Theo văn nói gọi là cái dùi, cái khoan chữ viết từ bộ Kim Thanh chiêm. Văn luận lại viết cam là sai vậy.

Ác lặc. Ngược lại âm dưới là Thử Phún. Quách Phác chú giải: Trong sách Nhĩ Nhã rằng: Loại cây cỏ có gai nhọn cũng có nghĩa là loại cây có lá dài nhọn. Tiếng địa phương gọi là phàm loại cây cỏ có gai nhọn người ta gọi là lặc. Văn chữ tự điển nói chữ viết từ bộ Thảo Thanh Lặc. Trong văn luận viết lặc là sai vậy.

KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN
QUYỂN 3

Quyển thủ. Ngược lại âm trên là quyển viên. Theo Khảo Thanh quyển nhân loại là dùng sức. Lại viết quyền chữ quyền có nghĩa là nắm tay; bàn tay nắm lại; tập hợp lại giải thích nghĩa tay cong lại.

Phốc đã. Ngược lại âm trên khoáng hoạch. Quảng Nhã cho rằng: Phốc nghĩa là đánh, gõ. Tỳ Thương gọi là đánh tác oái gò má. Cố Dã Vương gọi là. Nay gọi là phốc tức là đánh vậy. Chữ chánh xưa nay từ bộ Phộc thanh các. Âm phốc. Ngược lại âm phổ bốc. Trong văn luận viết quắc nghĩa đánh tát là văn chữ thường hay dùng.

KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN
QUYỂN 4

Bà-tư-trá. Ngược lại âm dưới là. Trích da, tiếng Phạm nghĩa là tên của một vị tiên vậy.

Hạn tể. Ngược lại âm dưới là tề tể. Theo sách Chu Lễ gọi là tử chỉ đơn vị: Liều, Tể, thang thuốc. Theo Khảo Thanh gọi là phân ra, đoạn ra. Chữ chánh xưa nay tể tức là tề nghĩa là bằng nhau, đều nhau. Chữ viết từ bộ dao thanh.

KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN
QUYỂN 5

Toàn toại. Ngược lại âm dưới là. Theo Thanh Loại nghĩa là dụng cụ lấy lửa Giả Quỳ chú giải trong sách Luận Ngữ rằng: Lúc nào cũng có lửa, các nơi đều có lửa, khác với lấy lửa từ nơi gỗ. Theo Tả Truyện gọi chữ toại là dụng cụ lấy lửa. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ Hỏa Thanh toại.

Cổ Loát. Ngược lại âm dưới là bổ câu theo Thanh Loại nghĩa là đánh phá. Quảng Nhã gọi là đánh, nện. Nay giải thích theo chữ loát cổ nghĩa dùng cây gậy đánh. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ Thanh như.

Tiêu trứu. Ngược lại âm dưới trắc sắc. Theo Khảo Thanh gọi là da

tụ lại nghĩa là da nhăn, nếp nhăn của da. Theo văn luận lại viết trứu này cũng có nghĩa là da nhăn cũng văn thông dụng thường hay dùng.

Phê ni. Ngược lại âm trên là tần mật. Nghĩa là tiếng Phạm.

- QUYỂN 6, 7, 8 : (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

LUẬN KIM CANG BÁT NHÃ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Bát La Thận Nhương. Ngược lại âm dưới là nhương chương, là tiếng Phạm. Đường Pháp sư gọi là trí tuệ.

LUẬN KIM CANG BÁT NHÃ
QUYỂN HẠ

Giải đãi. Ngược lại âm trên là giai giải, Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc Ngữ rằng: giải nghĩa là mệt mỏi. Quảng Nhã cho rằng: Giải là biếng nhác. Theo văn nói cũng gọi là biếng nhác, lười biếng. Chữ viết từ bộ Tâm Tanh giải. Bổn kinh viết giải này cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

****

KINH LUẬN PHẬT ĐỊA - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Kiếp-tỷ-nã vương. Tiếng Phạm ngược lại âm nữ gia. Tên là Nam Kiều-tát-la Quốc vương. Cũng gọi là nhân duyên rộng như trong kinh đã nói.

Phong chủ. Ngược lại âm phủ dụng phủ hùng hai âm. Chữ lâm nghĩa phong chức tước cho các nước chư hầu. Theo Thanh Loại nghĩa là thời kỳ lập quốc, tạo dựng đất nước lấy đất đai gọi là phong. Trong sách Chu Lễ gọi xây dựng đất nước; mà chế ra các luật phong đất cho các vị có công xây dựng đất nước, thường là phong đất thành ấp, vuông

cho năm tram chư hầu; đất vuông bốn trăm dặm v.v... khởi đầu đất là có ranh giới gọi là phong.

- QUYỂN 2 : (Trước không có âm.)

KINH LUẬN PHẬT ĐỊA
QUYỂN 3

Như toàn. Ngược lại âm ký liêm văn thông dụng gọi là dụng cụ lấy lửa, gọi là toàn Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Toàn là nơi giữ lửa.

Bổ-đặc-già-la. Tiếng Phạm Trung Hoa dịch là nhiều lần, giữ, nắm giữ nhiều lần; gọi là qua lại nhiều lần các cõi vui thú.

- QUYỂN 4, 5 : (Đều trước không có âm.)

KINH LUẬN PHẬT ĐỊA
QUYỂN 6

Tuẩn lợi. Ngược lại âm tân tuấn. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tuẩn là mong cầu; nghĩa là mưu đồ lợi ích mà chẳng kể mạng sống. Sách Hán Thư gọi là người tham tài vật của cải mà dẫn đến không tiếc thân mạng. Gọi là tuẩn cũng nghĩa là quản lý.

Dũng hãn. Ngược lại âm hà thả. Theo văn nói nghĩa là dũng mãnh; có sức mạnh. Tam Thương giải thích rằng: Hãn nghĩa là kiệt là người có tài hoa.

Như-tỳ-thấp-phạn-đát-la. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đô đạt. Tức là kinh Tô Đạt Bổn Sanh Nhân Duyên.

KINH LUẬN PHẬT ĐỊA
QUYỂN 7

Du-thiện-na. Tiếng Phạm. Ngược lại âm Thị chiến. Cũng nói là Du-xà-na. Trung Hoa dịch là hợp; ứng. Nghĩa là tính toán cho ứng hợp, đầy đủ, độ lượng cũng đồng. Trung Hoa gọi đây là vuông, trạm dịch. Ngày xưa lập các trạm trên đường thiên lý để thay đổi ngựa mà truyền công văn, văn thứ của các quan. Nghĩa là từ xưa các bậc Thánh vương đi một ngày. Theo các nước phương Tây gọi là quán na, nghĩa là trạm thông tin; hoặc có lớn, nhỏ, hoặc là ba mươi dặm hoặc là bốn mươi dặm; xưa khi đến đều lấy bốn mươi dặm. Trong kinh luận xưa hoặc gọi là do diên tức là cây số ngay nay vậy, hoặc gọi là do-tuần, hoặc nói là du-tuần, là nói lược mà sai đi vậy.

Để-sa Phật tiếng Phạm. Trong kinh xưa hoặc viết Phất-sa Phật cũng đồng là một vậy.

Tô-đạt-na-đẳng tiếng Phạm; cũng viết Tô-đà-sa-đẳng. Trung Hoa dịch Thiện; cũng nói là thí cho sự tốt đẹp. Xưa gọi là Tu-đạt-nã-là sai vậy.

****

KINH LUẬN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tuệ Lâm phiên âm.

QUYỂN THƯỢNG

Đĩnh Đái. Ngược lại âm đắc đại. Cố Dã Vương gọi là vui vẻ phụng hành các việc trên gọi là đái. Trong sách Quốc ngữ gọi là để ở trên đầu gọi là đái. Giả Quỳ chủ giải rằng: Chữ đái nghĩa là vâng lời, phụng hành làm theo. Trong văn nói cho rằng chữ viết từ bộ dị thanh tai âm tai.

KINH LUẬN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT
QUYỂN TRUNG

Lẫm thục. Ngược lại âm Thùy luân. Theo Khảo Thanh gọi là nước sạch. Theo sách lễ ký gọi là tưới ruộng. Cũng có nghĩa lấy nước sạch để tưới ruộng. Cũng có nghĩa lấy lấy nước sạch để tưới ruộng, cũng gọi là

chất béo, mỗ. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy Thanh Cẩm. Trong văn luận lại viết thuần cũng là văn thông dụng thường hay dùng vậy.

KINH LUẬN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT QUYỂN HẠ

Hữu ế. Ngược lại âm. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: Là cái màn che đậy, bao gồm tất cả Quảng Nhã gọi là ngăn che. Theo văn nói chữ viết từ bộ thanh y.

****

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO TÍCH - *Tuệ Lâm phiên âm.* QUYỂN 1

Kiên thuyết. Ngược lại âm trên. Theo Khảo Thanh gọi là kiên nghĩa là nói rõ ràng chính xác. Trong sách Khuê Chu Tòng gọi là cũng biểu thị lời nói rõ ràng. Theo văn nói chữ viết từ bộ Ngõa Thanh yên. Chữ yên. Ngược lại âm nhân vậy.

San thiêu. Ngược lại âm dưới là Thiếu chuy. Theo Khảo Thanh gọi là mỏng kém cỏi. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: Không ngay ngắn, gian. Quảng Nhã cho rằng: Rối loạn, não loạn chữ viết từ bộ Tâm Thanh Thiêu. Chữ Thâu âm Thâu.

Khuyết lậu. Ngược lại âm trên là khuyển duyệt. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hao tổn giảm. Theo văn nói gọi là dụng cụ bị hư hại, hao tổn, phá bỏ, bể. Chữ viết từ bộ Phửu Thanh quyết. Ngược lại âm âm dưới là lực đậu. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ lậu cũng giống như chữ tiết nghĩa là để lộ, tiết lộ, thoát ra, thấm rễ dột. Hứa Thúc Trọng chú giải trong sách Hoài Nam Tử rằng: lậu tức xuyên qua. Theo văn nói nghĩa là nhà bị nước mưa thấm dột. Chữ viết từ bộ Vũ Thanh Thi; dưới chữ thi tức là cái nhà. Trong văn kinh viết từ bộ hủy cũng đồng vậy.

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO TÍCH
QUYỂN 2

Tán thành. Ngược lại âm trên là tàng hoạn. Trịnh Huyền chú giải trong sách Lễ Ký rằng: Chữ tán cũng giống như chữ tòng; nghĩa là tụ tập, tụ lại; bụi cây sum xuê trong rừng. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tụ tập, tập hợp lại, chữ viết từ bộ Mộc Thanh tán.

Cơ hiềm. Ngược lại âm cơ y Quảng Nhã gọi là gạn hỏi, tra xét, cũng gọi là can gián, khuyên can. Hà Giang chú giải trong Công Dương truyện rằng: Cũng giống như là quở trách, trách phạt. Có tội lỗi. Theo văn nói chữ viết từ bộ Ngôn Thanh ky.

Trù lượng. Ngược lại âm trục lưu. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ trù là dùng thẻ tre tính đếm trong lịch số ngày xưa. Trịnh Huyền chú giải trong sách Nghi Lễ rằng: Cũng là dùng thẻ tre tính đếm. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thanh thọ.

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO TÍCH
QUYỂN 3

Chỉ nghịch âm trên là chỉ âm dưới là xích. Khảo Thanh gọi là chỉ tức là nói cho biết, đẩy tới, cũng nghĩa là tuyển chọn, chữ nghịch nghĩa là xa nghĩa là đón tiếp từ xa cũng nghĩa theo đuổi, nghĩa là người từ xa tới. Cho nên gọi là nghinh tiếp. Tho văn nói chữ viết từ bộ Nghiễm Thanh nghịch âm nghịch.

Ứ nê. Ngược lại âm trên là ư nghê Cố Dã Vương gọi là nước ở trong bùn xanh. Theo văn nói nghĩa ở trong đầm ứ nước lại đóng bùn. Chữ viết từ bộ Thủy Thanh ư.

Lan-đà. Ngược lại âm trên xương diễn tiếng Phạm.

Như nga. Ngược lại âm ngũ ca Khảo Thanh gọi là con bướm ngài biết bay. Văn Nhĩ Nhã gọi là con bướm hóa làm con bướm ngài. Đại khái trong sách Chu Lễ gọi là tằm ăn lá dâu có tơ mà hóa thành con bướm. Theo văn nói chữ từ bộ Thanh ngã.

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO TÍCH
QUYỂN 3

Yên hầu. Ngược lại âm trên là yến hiền. Theo Thanh Loại gọi là yên cũng là hầu. Nghĩa là yết hầu, cổ họng. Thương Hiệt gọi là yết hầu. Chữ chánh xưa nay, viết từ bộ Nhục thanh nhân.

Tính hắc. Ngược lại âm huấn văn. Cố Dã Vương gọi là hun khói bốc lên. Theo Khảo Thanh gọi là đốt lửa nóng bốc khí lên. Theo văn nói chữ viết từ bộ Triệt Thanh Hắc chữ tượng hình.

Động huyễn. Ngược lại âm huyền quyên. Cố Dã Vương cho rằng: Ngày nay người ta dùng mắt để ra dấu cho nhau tỏ vẻ bằng lòng, gọi là đưa mắt ra hiệu, thay cho lời nói gọi là mật ngữ. Theo Khảo Thanh gọi là con mắt chuyển động. Cố Dã Vương chú giải trong Sở Từ rằng: Huyễn là nhìn tướng mạo. Theo văn nói cho rằng: chữ viết từ bộ Mục thanh tuần. Âm tuần cũng đồng âm trên.

Tác quyền. Ngược lại âm quyện ai. Hà Giang chú giải trong sách Công Dương Truyện rằng: Quyền là nắm tay, nắm đấm; cũng gọi là yêu thương. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ quyển, Thanh tỉnh.

****

KINH LUẬN BẢO KẾ BỒ TÁT

Châu thiền. Ngược lại âm đồ thiện. Văn Nhĩ Nhã gọi là đất cát ở xen sông chảy ra Quách Phác gọi là ngày nay ở ven sông phía Đông dẫn nước vào bãi cát giữ lại lưu lại gọi là thiền. Ở Lạc Dương trong thành có hồ nước ở gần tỉnh Hồ Bắc là vậy. Văn luận viết âm diên, gọi là đất bát diên, cũng gọi là đạo diên; diên chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Bi trì. Ngược lại âm bút bì. Nghĩa là đầm nước. Ở tỉnh Sơn Đông gọi là Lạc lạc. Ngược lại âm thất các cũng nghĩa là đầm nước. Cũng gọi là mẫu âm mẫu. Ngược lại âm Công Lãng.

Loa kế lại viết cũng đồng. Ngược lại âm lực qua. Âm dưới văn cổ viết cũng đồng âm kế. Trong kinh hoặc viết phát cũng đồng. Nghĩa là búi tóc trên đầu vậy.

****

KINH LUẬN NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ
(Không có âm có thể giải thích.)

****

KINH LUẬN NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tuệ Lâm soạn.
QUYỂN THƯỢNG

Oán thù. Ngược lại âm dưới là Thọ Xuyên sách Thượng Thư nói rằng: Đối xử tàn bạo với ta gọi là Thù. Theo sách Lễ Ký gọi làMối thù của cha không đội trời chung. Cố Dã Vương gọi là không hài lòng nên oán thù. Theo văn nói chữ viết bộ Ngôn thanh thù.

KINH LUẬN NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT QUYỂN TRUNG

Sai suyễn. Ngược lại âm dưới là xuyên lật. Cố Dã Vương gọi là Sai suyễn nghĩa là sai lầm không đồng đều. Theo văn nói có nghĩa là chống đối, chống lại. Chữ viết từ bộ ngưu. Ngược lại âm tương bối. Văn thông dụng cũng viết là suyễn.

KINH LUẬN NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT QUYỂN HẠ

Tân phế. Ngược lại âm dưới phê bế. Theo Khảo Thanh gọi là phế tức là sánh ngang nhau, sánh kịp. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Sánh đôi. Sách Tập Huấn gọi là phối hợp xứng đôi, hộp đôi, chỉ vợ chồng. Theo văn nói chữ viết từ bộ Nữ Thanh phế.

Tại kiểm. Ngược lại âm dưới là liêm nhiễm. Theo Khảo Thanh gọi kiểm là nước nhạt, lạnh nhạt, nhạt nhẻo, cũng có nghĩa là nước sạch, cũng là nước cạn, cũng gọi là nổi trên mặt nước. Văn tự điển và văn nói chữ viết từ bộ Thủy Thanh kiểm.

Yểm tế. Ngược lại âm trên là ngư yển. Trong Mao Thi Truyện gọi

là núi nhỏ, khác với núi lớn. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: Hình quả núi giống như là cái siêu có lỗ giống giọt mưa. Giải thích tên gọi là quả núi giống như cái siêu. Sách Khổng Tử gọi là quả núi cô độc, giống như cô độc. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ (T618) Thanh yểm.

Thác dược. Ngược lại âm trên là thang các. Theo sách tập huấn gọi là thác tức là cái túi nhỏ, lại gọi là cái túi không có đáy. Ngược lại âm dưới là dương tước. Theo Khảo Thanh gọi làCái móc; cái chốt. Lại gọi là dụng cụ, tên của loại nhạc cụ giống như ống sáo mà ngắn hơn có ba lỗ. Theo văn nói viết chữ diêm, cũng gọi là nhạc cụ. Chữ viết bộ Trúc thanh dược.

Thúc hốt. Ngược lại âm trên là Thắng Lục Vương Chú Sở Từ cho rằng: Thúc hốt nghĩa là mau rất mau, rất nhanh. Theo văn nói giống như điện chớp vậy. Chữ chánh xưa nay nghĩa là bỗng nhiên chợt đến, chợt đi vậy. Chữ viết từ bộ hắc thanh thúc.

Hoán lạn. Ngược lại âm trên hoan quán. Âm dưới là Lan thả. Sách luận ngữ giải thích chữ hoán nghĩa là sáng tỏ thay văn chương của ngài Khổng Tử. Tiếng địa phương cho rằng nấu chín như gọi là lạn. Theo Khảo Thanh cho rằng: Hoán lạn nghĩa là ánh sáng rực rỡ. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ Hỏa thanh hoán lan.

Toát kỳ. Ngược lại âm soán quát. Theo sách Hán Thư cho rằng: nên khuyến khích gọi là toát; cũng có nghĩa là ba ngón tay chúm lại. Theo Khảo Thanh cho rằng: Toát là nắm giữ điều chính yếu. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thủ thanh tối.

****

KINH LUẬN VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT VẤN BỒ ĐỀ

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Biên phát. Ngược lại âm tất miên. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Sắp xếp cho có thứ tự trước sau, đan vào nhau; di tích của người xưa để lại, cũng có nghĩa là bện tóc lại, nghĩa gom lại soạn lại viết thành sách. Như ngày nay gọi là bện lại làm tóc giả. Lưu Chú Công Dương truyện cho rằng: Liên kết lại. Thương Hiệt cho rằng: Tổ chức lại cho có hệ thống. Theo văn nói nghĩa là sắp xếp thứ tự, giản lược, chữ viết từ bộ Mịch thanh biên.

Như khối. Ngược lại âm khẩu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Một khối ở trên, một cục, một cục đất. Vương Chú Sở Từ cho rằng: Chỗ này chỉ có một khối duy nhất. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thổ thánh quỉ.

Phấn tấn. Ngược lại âm trên là phân vấn. Quảng Nhã gọi là phấn chấn, ra sức, hăng hái, cố lên. Theo Khảo Thanh gọi là nổi lên, giống như chim có lông cánh bay lên. Theo văn nói nghĩa là bay cao vút. Chữ viết từ bộ trỉ thanh; chữ hội ý.

KINH LUẬN VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT VẤN BỒ ĐỀ QUYỂN HẠ

Đệ cộng. Ngược lại âm. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Thay đổi, trải qua, đi qua. Vương Chú Sớ Từ gọi làTứ thời đã đi qua mau, một năm đã hoàn tất. Theo Khảo Thanh gọi là đời này đến đời khác; hoặc viết chữ đệ này cũng đồng nghĩa. Theo văn nói chữ viết từ bộ xước thanh đệ. Âm xước ngược lại âm sửu lược đệ ngược lại âm tư.

****

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ - BÀ TẨU BÀN ĐẬU BỒ TÁT TẠO LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.* QUYỂN THƯỢNG

Oán địch. Ngược lại âm đình lịch. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Chữ cũng giống như chữ đương, nghĩa là chống đối, đương đầu, đối đầu gọi là địch oán. Tiếng địa phương gọi là mọi người đồng sức gọi là địch. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thanh dịch đích.

Đàn chỉ. Ngược lại âm đường hàn Quảng Nhã gọi là búng tay, gảy, chỉ thời gian rất ngắn; như búng ngón tay. Cố Dã Vương Chuyển luân thánh vương cổ động vật ra sức gọi là đàn. Theo văn nói chữ viết từ bộ Cung tần thanh đan.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ-BÀ TẨU BÀN ĐẬU BỒ TÁT TẠO LUẬN
QUYỂN HẠ

Bạc-đà-bà-la. Ngược lại âm trên bàn mạt. Tiếng Phạm. Chưa thấy giải thích nghĩa. Vào thời Đường nói ngài Hiền Hộ Bồ-tát tức đây là trong hiền kiếp thành Phật vậy.

Tần-bà-la. Theo Câu-xá Luận cho rằng: Phương Tây gọi là pháp số; mười ngàn biến gọi là Tần-bà-la. Nay Trung Hoa gọi là pháp số số ngàn năm trải qua vậy.

A-chúng-bà. Ở phương Tây cũng gọi là pháp số. Nay đây Trung Hoa gọi là số trải qua vạn năm.

****

LUẬN PHÁP HOA - *Huyền Ứng soạn.*

Khánh khái. Ngược lại âm trên là khinh mai. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng là tiếng. Theo văn nói chữ khánh cũng giống như chữ khái. Chữ viết từ bộ Ngôn thanh khánh, âm khánh. Ngược lại âm khẩu khinh. Ngược lại âm dưới là khai cải. Cố Dã Vương gọi là tiếng ho. Theo văn nói gọi là hỏi đi ngược. Chữ viết từ bộ Khảm thanh khái. Trong văn luận viết từ bộ khẩu là sai vậy.

****

KINH LUẬN THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

- Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 1, 2

(Đều không có âm chữ để giải thích.)

QUYỂN 3

Ngưu trư. Ngược lại âm dưới là ning lư. Tiếng địa phương gọi là con lợn, heo, gọi là trư. Theo văn nói: cũng gọi là con heo. Tàm Mao Tòng gọi là chỗ ở của con heo tức là chuồng hao. Chữ viết từ bộ Thỉ thanh trư.

KINH LUẬN THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN QUYỂN 4

Nguy thúy. Ngược lại âm dưới là thái nhuệ. Quảng Nhã gọi là thúy là yếu ớt. Theo văn nói gọi là xắt thịt lạt mỏng chữ viết từ bộ Nhục thanh tuyệt tỉnh cũng là chữ vậy.

****

NIẾT BÀN LUẬN

(Không có âm có thể giải thích.)

****

KINH NIẾT BÀN BỔN HỮU KIM VÔ KỆ LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Kiến ngột. Ngược lại âm âm dưới là ngũ cốt. Văn chữ thông dụng thường hay dùng gọi làVật gì không có đầu gọi là vưu. Sách Tập Huấn gọi là cây không có cành gọi là uông. Chữ viết từ bộ mộc. Văn nói viết ngột gọi là cao mà trên đỉnh bằng phẳng, người ngồi trên yên tĩnh, chăm chỉ mệt mài.

****

VÔ LƯỢNG THỌ LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Điên đảo. Ngược lại âm trên là điển niên. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Chữ điên nghĩa là mai táng, lo việc mai táng, chôn cất, lại cũng có nghĩa là che giấu, che đậy, lại nói là té ngã ngửa. Ngày nay viết điên này. Theo văn nói chữ điên viết từ bộ nhân. Luận văn viết chữ điên này là sai vậy.

Qui mao. Ngược lại âm trên là quỉ quỳ. Bạch Hổ Thông gọi là rùa; ý nói là chậm chạp lâu không nhanh nhẹn. Mao Thi Truyện gọi là đứng đầu của giống vật có mai là rùa, dài một tấc hai thốn. Theo văn nói thì xương ở ngoài mà thịt ở trong; từ đầu ló ra ngoài thục vào trong mai của nó; chữ tượng hình, cũng gọi là tượng thanh.

Nhiểu tiển. Ngược lại âm trên là biện bát. Trong văn luật viết bả nghĩa là nhỏ lên. Là sai lầm chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

Thạch chất. Ngược lại âm dưới là chân viết. Theo sách văn Nhĩ Nhã cho rằng: Con đĩa, con bọ mắt. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: con đĩa nước. Theo Thanh Loại gọi là con đĩa mền, con đĩa lớn cuộn lại giống con cuốn chiếu. Khảo Thanh gọi là con đĩa trâu, con bị hung; đều là loại côn trùng độc. Theo văn nói chữ viết từ bộ Trùng. Trong luận văn viết Thạch, viết chất là sai vậy.

Hòa trích. Ngược lại âm dưới là trình chích. Theo Khảo Thanh gọi là khêu ra, trích ra. Văn nói gọi là ném vào. Chữ viết từ bộ thủ. Văn luận viết hỏa viết trích này là sai vậy.

****

KINH TAM CỤ TÚC ƯU BA ĐỀ XÁ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nghiệp thành. Ngược lại âm trên là nghiêm kiếp. Theo sách Hán Thư gọi là thời Tam quốc, nước Ngụy đặt Nghiệp quận. Qua đời Tống vì tránh húy mà đổi thành Lâm Chương. Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên, huyện Sơn Đông vậy. Theo văn nói chữ viết từ bộ ấp thanh nghiệp.

Thiêu thí. Ngược lại âm trên là thiêu điêu. Theo Thanh Loại nghĩa là dụ dẫn, khêu bới móc. Chữ trong sách viết Liêu, cũng nghĩa là khêu, bới móc, quấy rồi. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh khêu.

Tuyệt đối. Ngược lại âm dưới là đối Lôi. Vương Chú Sở Từ gọi là cao to mạnh mẽ đứng đầu. Quách Phác chú giải trong sách Thượng Lâm Tặc rằng: Là đống cát nhô cao lên. Theo Khảo Thanh nghĩa đống đất cao, hoặc viết chữ chánh xưa nay chữ viết từ bộ Thổ thanh đôi kinh văn viết đồi này là chẳng phải vậy.

Ni-la-nã. Ngược lại âm dưới là Tháp-da. Tiếng Phạm. Tên của người.

Vị-đảm-tỳ. Ngược lại âm trên là vi quí. Bạch Hổ Thông gọi là vị cũng là Tỳ nghĩa dạy dày, mọt trong lục phủ. Theo văn nói nghĩa là lục phủ. Chữ tượng hình. Kinh văn viết vị là sai. Ngược lại âm đảm cảm. Bạch Hổ Thông gọi là đảm là phủ can. Trong văn chữ tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ Nhục thanh đảm. Âm dưới là tỳ bi. Bạch Hổ Thông gọi biện luận; nơi chứa đất. Quảng Nhã gọi là Tỳ bi cũng nghĩa là dạ dày. Văn tự điển, văn nói viết từ bô Nhục thanh bi.

Thuyền bác. Ngược lại âm dưới là bành mạch. Theo Khảo Thanh gọi là chiếc thuyền lớn đi biển có buồm, cũng viết miên là cánh buồm. Tư Mã Bưu chú giải Bách Trang Tử rằng: Gọi là chiếc thuyền lớn đi

biển. Quảng Nhã gọi là thuyền ở trong biển. Tỳ Thương cho rằng: Cũng là chiếc thuyền lớn chữ chánh xưa nay viết từ bộ Chu thanh bạch.

Xà mãng. Ngược lại âm dưới là mạc bàng. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: Là con rắn mãng xà lớn. Chữ chát xưa nay viết từ bộ Trùng thanh bàng.

Hùng bi. Ngược lại âm trên là hư về. Theo văn nói hùng là loại thú giống như heo rừng sống ở núi; người ta gọi là con gấu, chữ viết từ bộ năng đến bộ... hoặc thanh đạm tĩnh. Ngược lại âm dưới là bỉ bì. Quách Phác chú giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: bi là loại động vật giống như con gấu mà to hơn gấu đầu cao có thể đứng thẳng có nhiều sức mạnh hơn gấu, có thể nhổ được cây to; Ở Quảng Tây cũng gọi là con gấu. Theo văn nói từ con hóa thành con bi. Có thể sống đến năm mươi tuổi. Chữ viết từ bộ Thanh tĩnh.

Tai nghiệt. Ngược lại âm dưới là ngôn liệt. Theo Thanh Loại gọi là tai họa ác nghiệt. Loài côn trùng quái lạ gọi là nghiệt, mặc y phục quái lạ gọi là viện. nay hoặc viết từ bộ Nử viết thành chữ nghiệt, hoặc viết từ bộ Trùng viết thành chữ nghiệt này. Trong văn kinh viết từ bộ Mễ viết thành chữ nghiệt này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

****

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN ƯU BA ĐỀ XÁ

(Không có âm chữ giải thích.)

****

LUẬN DI GIÁO - *Tuệ Lâm soạn.*

Giả- tỳ. Ngược lại âm trên hạ da. Trịnh Tiển chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: giả là bịnh trong bụng có khối thuyết. Quách Phác chú giải trong kinh Sơn Hải rằng: Loài côn trùng làm bịnh. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Trong bụng có bệnh. Theo văn nói cho rằng bệnh. Âm dưới là phún tư. Khổng Tử chí giải sách Thượng Thư rằng: Vết thương nhỏ; cũng là bệnh. Sách Chu Dịch cho rằng: Chữ tỳ cũng giống như chữ giả. Nghĩa bệnh tận nhỏ tư từ giảm. Văn nói chữ viết từ bộ Tật thanh giả thử.

Diệp mạn. Ngược lại âm trên là. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Chữ cũng giống như chữ mạn; nghĩa là vô lễ, ngạo mạn, lạnh

nhạt, thờ ơ. Trịnh Huyền chú giải sách lễ ký rằng: Diệp mạn nghĩa là khinh thường. Tiếng địa phương gọi là đùa cợt bởn cợt, gần gũi, quen lờn, khinh thường. Theo văn nói chữ viết từ bộ Nữ thanh điệp.

Khanh hãm. Ngược lại âm trên là khách canh. Quách Phác chủ giải trong sách Nhĩ Nhã rằng: Khanh nghĩa là cái hầm, cái hố, vũng, gò đất cao, mồ mã, Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Cái hầm cũng gọi là rơi xuống hầm. Hoặc viết khanh chữ chánh xưa nay viết từ bộ thổ. Thanh khanh. Ngược lại âm dưới là hàm lam. Cố Dã Vương gọi là bị rơi xuống hầm Vương Chú Sở Từ gọi là bị chìm xuống. Quảng Nhã gọi là từ trên cao rơi xuống. Theo văn nói cho rằng: Từ cao mà xuống thấp nên gọi là đọa nghĩa rớt xuống vậy. Chữ viết từ bộ Phụ thanh hảm.

Khinh táo. Ngược lại âm dưới táo táo Cố Dã Vương cho rằng: Táo cũng giống như chữ động vậy, nghĩa là nóng nảy không điềm tỉnh xao động. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Là nhiễu loạn, quấy nhiễu. Trịnh Tiển chú giải sách Luận Ngữ rằng: Không an tịnh. Theo Khảo Thanh gọi là tính nóng nảy, bồn chồn. Theo văn nói nghĩa không định tĩnh, phiền muộn lo âu, đứng ngồi không yên. Chữ viết từ bộ Túc thanh táo. Văn luận viết từ bộ viết thành chữ táo này là chẳng phải vậy.

Đằng dược. Ngược lại âm dưới là dương tước. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Chữ Dược nghĩa là, vượt qua. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiến tới. Quảng Nhã cho rằng: Nhảy lên cao, tiến vào. Theo văn nói chữ viết từ bộ Túc thanh dược.

Trác nghĩa là nhảy qua vượt trội cao xa. Ngược lại âm thính niệu.

Trịch. Ngược lại âm trình thạch. Cố Dã Vương cho rằng: Trịch là chân nhảy cao lên mà không tới. Theo văn nói gọi là đứng một chỗ, chân bị què, khập khiểng. Hoặc là viết trịch này nghĩa là quanh quẩn, lãng vãng không đi xa. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ Túc thanh trịch.

Hắc nguyên. Ngược lại âm dưới là ngũ quan. Bao Phác Tử cho rằng: Rất có nhiều loại rắn: Nhưng chỉ có loại rắn hổ đất khi nó cắn vào người thì chất độc loan rất mau. Có thể dùng dao cắt miếng thịt chỗ nó cắn bỏ xuống đất thì miếng thịt tự sôi lên giống như lửa đốt chỉ trong chốt lát sẽ đốt cháy hết người sống vậy. Cắt bỏ thì sẽ chết cháy đen. Trong sách lễ ký cho rằng: Loại rắn này, thân dài ba - bốn thước có bốn cái chân, hình giống như Thủ Quan Thọ, trên lưng nó có kim nhọn rất lợi hại cộng thêm bén như dao, rất độc ác trong người nó. Nó không đi nửa ngày thì sẽ chết. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Da của nó có thể làm bao kiếm, có dây giống như da cá, tương tợ nhưng mịn như da nai vậy.

Quyên Tự. Ngược lại âm trên. Vương Chú Sở Từ cho rằng: Quyên là chứa nhiều của cải đầy đủ. Thương Hiệt cho rằng: Sân giận. Theo Thanh Loại có nghĩa là buồn lo ưu phiền. Theo văn nói gọi là phẫn hận. Chữ (T619) viết từ bộ Tâm thanh quyên vậy.

****

TAM CỤ TÚC LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*

Thuyền bạc. Âm bạch theo chữ có nghĩa là thuyền lớn. Nay ở Giang Nam cho rằng: Phàm Thuyền ở trong biển lớn gọi là bạc. Núi Côn lôn và núi Cao ly đều có thể chở hết được, thâu nhận rất nhiều hàng hóa có chở cả vạn hộc vậy.

La thú. Ngược lại âm lực da. Thú nghĩa là thuộc đóng giữ, phòng thủ, cũng gọi là di diểu binh, lấy sự phòng ngự trấn giữ, cũng gọi là đi tuần hành viết chữ vi này là chẳng phải vậy.

Khủng hách. Ngược lại âm hô giá, khủng nghĩa là dọa nạt nhau sợ. Tiếng địa phương gọi là giận nhau, tranh cãi nhau. Âm hích ngược lại âm hô cách hô cách, cũng nói là dọa nạt, làm cho sợ hãi, cũng nói là khủng khát cũng một nghĩa - là dọa nạt, làm cho sợ hãi, âm khát ngược lại âm hư cát.

Cương thạch. Ngược lại âm cư lương. Chữ nghĩa là giống như ngọn núi vậy văn thông dụng gọi là đất nhiều, đá ít gọi cương lịch nghĩa là đất đá lộn xộn. Chữ viết từ bộ thạch. Trong văn luận viết từ bộ thổ viết thành chữ cương là chẳng phải thể vậy.

Về trước là dịch kinh luận, về sau là tập nghĩa luận.

****

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Khể thủ văn cổ viết khế cũng đồng. Ngược lại âm khổ lễ. Theo văn nói chữ khể nghĩa cái đầu hạ thấp xuống. Bạch Hổ Thông gọi là khể thủ là đầu gò má chấn xát đất. Sách Chu Lễ gọi là quá thân thiện gọi là lạy chín lạy: Một là khể thủ, hai là gập đầu xuống là vậy.

Tướng thiệu văn cổ viết Thiệu cũng đồng. Ngược lại âm Thị quỳ. Sách Nhĩ Nhã gọi chữ Thiệu là thừa kế, cũng gọi là kế tục, nối tiếp theo

Tổ tông trước, tuyên dương chánh pháp gọi là lưu truyền ra xa thừa kế ngôi vị gọi là Thiệu.

Thác tông. Ngược lại âm Tổ tống. Gọi là thác, nghĩa là tổng hợp lời văn, nghĩa lý cho mạch lạc đừng để lộn xộn, hay sai ý nghĩa. Quảng Nhã gọi là thác nghĩa là đặt để lẫn lộn; cũng nói rằng cùng nhau lẫn lộn thân vào trong đó, cũng gọi là vo tròn lại, se sợi chỉ lại, tổng quát bao gồm lại tất cả văn nghĩa, khảo xét, đính chính, chỉnh lý. Theo văn nói nghĩa là gom lại dùng sợi chỉ xâu kết lại thành một mối, không để tản mác, cũng gọi là nắm giữ lấy đầu mối sợi chỉ giao kết lại, cũng có nghĩa dùng sợi buộc lại các tuyến khiến cho khai mở dễ dàng. Cũng gọi là ghi lại tóm tắc các nghĩa lý, cột chặt đầu mối khai vậy.

Sư lưu. Ngược lại âm sơn sử. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Sử nghĩa là phóng nhanh. Chữ viết từ bộ sử vậy. Thiện ách. Ngược lại âm ư cách. Theo văn nói: Ách nghĩa là cái ách; nối giữa hai đòn xe để đặt vào cổ trâu, bò, ngựa để nó kéo đi vậy.

Trắc sang. Văn cổ viết trắc này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm sở lực. Âm dưới là sơ lượng. Theo văn nói: Trắc có nghĩa là đau khổ, thương xót, xót xa, bùi ngùi. Quảng Nhã gọi là bi ai, khổ não, bi thương cho hoàn cảnh.

Ca-đa-diễn-na. Tiếng Phạm: Nghĩa là họ. Nhân họ mà đặt tên. Xưa nói là Ca-đan-diên là sai vậy.

Tâm quỉ. Ngược lại âm cư hủy. Chữ quỉ nghĩa là dối trá biến đổi không thật. Quảng Nhã cho rằng: Quỉ là lừa dối đánh lừa, khinh khi.

Kỵ đạn. Ngược lại âm cự ký. Âm dưới là đồ thư, chữ kỵ nghĩa là sợ sệt, lo âu, sợ hãi. Đạn cũng là kiêng sợ khó khăn; giật mình, kinh hoảng.

Cam chấp. Ngược lại âm là vui vẻ, sở thích theo ý muốn, ưa thích không nhàm chán. Theo văn nói cam là đẹp vậy.

Miễn lệ. Ngược lại âm ma biện. Âm dưới là lực chế. Nghĩa là khuyến khích khen thưởng; miễn cưỡng; cũng gọi là tự khuyến khích tăng thêm sức mạnh. Chữ lệ nghĩa cùng nhau khích lệ; cũng gọi là cố gắng lên, gọi là lệ. Âm cưỡng ngược lại âm cự lưỡng.

Trướng sử âm trên là lặc lượng. Âm dưới là ư lượng. Theo văn nói nghĩa là rầu rỉ thất vọng, hận, oán hận; sử là tâm không phục vậy. Sở thôn. Ngược lại âm tha ngấn tha hiền, hai âm. Thôn nghĩa không nhai mà nuốt vào. Theo văn nói nghĩa là nuốt vào cổ họng. Quảng Nhã cho răng thôn là tiêu diệt.

Khê chiểu văn cổ lại viết khê cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm khổ

hề. Âm dưới là chi nhiễu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nước dưới sông phún lên gọi là khê tức là khe suối. Theo văn nói chiểu là ao nước tròn nhỏ.

Cự kiên. Ngược lại âm trên là kỳ lữ. Nghĩa là rộng lớn. Âm dưới là hồ các. Nhĩ Nhã cho rằng: Nước chảy hòa tan trong đồng ruộng, nhờ có đường ống rắn chắc, chảy theo từ sông ao, hồ vậy.

Diêm liệu. Ngược lại âm âm dưới là lực chiếu. Diêm cũng gọi là thiêu đốt, lửa thiêu đốt. Theo văn nói Diêm là ánh lửa sáng lên. Liệu là lửa; phúng lửa cháy lan ngoài đồng ruộng gọi là liệu vậy.

Mạn diên. Ngược lại âm. Gọi là sợi chỉ nối liền với nhau kéo dài không dứt.

Khôi tẩn. Văn cổ lại viết tẩn cũng đồng. Ngược lại âm tợ tấn. Theo văn nói có nghĩa là đốt gỗ cháy hết còn dư lại tro tàn gọi là tẩn.

Khấu huyền. Ngược lại âm khổ hậu Quảng Nhã gọi khâu là níu lại, kéo lại, Huyền gọi là dây đàn v.v...

Phủ cách. Ngược lại âm phương chủ. Chữ phủ giống như chữ phách nghĩa là vỗ về an ủi. Âm dưới là cổ hạch, nghĩa là da thú bịt trống vậy.

Niêm dũng. Ngược lại âm âm nữ liêm. Thương Hiệt biên soạn cho rằng: Niêm là hợp dính lại. Theo văn nói: Cùng nhau qui tụ lại gọi là niêm. Ngược lại âm dưới là du chủng. Gọi là quyết đấu một trận thư hùng kịch chiến với nhau; sau khi chết còn nêu danh hiệu, gọi là biết chết mà không tránh, không trốn tránh gọi là dũng. Liều mạng vì lòng nhân nghĩa gọi là dũng cảm vậy.

Tịnh lự. Ngược lại âm tư tĩnh. Theo văn nói: Tịnh nghĩa là biết, xét kỹ, an nghỉ. Lự nghĩa là nhớ lại, tư duy, suy nghĩ. Xưa gọi là định tâm. Tiếng Phạm gọi là Đà-diễn-na.

Lậu quỷ. Ngược lại âm cự quỷ. Nghĩa là thiếu thốn tài vật gọi là quỷ. Sách Chu Lễ gọi là tiền bạc, của cải không có trong hòm rương. Trịnh Huyền gọi là thiếu thốn. Trong Kinh Thi gọi làNgười cha đã mất con cái không còn của cải trong rương nữa. Mao Thi Truyện gọi là trong rương đã cạn kiệt không còn của cải.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 2

Ô-ba-đà-da. Tiếng Phạm. Ngược lại âm trên là ổ cổ. Dưới là âm.

Ngược lại âm đồ ngã. Trung Hoa dịch là thân giáo, hoặc nói là Úc-ba-địa-da-dạ. Cũng dịch là gần, nghĩa là nói vì đệ tử tuổi còn nhỏ, không được xa lìa Thầy, thường thường theo Thầy thọ học kinh điển, không phải tụng kinh. Xưa gọi là Hòa thượng, hoặc gọi là hòa duyệt, nghĩa xem xét; đều là nghe theo vậy. Các sách quốc ngữ đều biết sai; nghĩa. Đây dịch là biết tội, biết không tội, gọi là Hòa thượng vậy.

A-tăng-xí-da. Tiếng Phạm. Ngược lại âm khâu trí. Trung Hoa dịch là vô ương số. Xưa nói là A-tăng-kỳ là sai, nói tóm lược vậy.

Ôn tập. Ngược lại âm Ô côn. Sách luận ngữ gọi là ôn lại cái cũ mà biết được cái mới. Hà Án gọi là ôn tầm nghĩa là ôn cái cũ tìm tòi ý nghĩa xâu xa cáu mới. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Ôn lại sau khi học tập gọi là hăm nóng lại, nhớ lại, lấy ý nghĩa trong bài học để nghiêm tầm cái mới vậy.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 3

Nhuyễn căn. Ngược lại âm nhi xung. Tiếng Phạm nói: "một-lật-độ ". Lo sợ không qua được Trung Hoa dịch làNhuyễn nghĩa là vật gì mềm mỏng yếu ớt gọi là nhuyễn.

A-thế-da. đây dịch là ý lạc nghĩa là vui vẻ. Chữ lạc âm lạc ngược lại âm ngũ giáo. Cũng nói là chủng tử nghĩa là hạt giống.

Dự lưu. Ngược lại âm dị giá. Tiếng Phạm gọi là Bình-lộ-đa A-bán-na. Đây dịch là Dự lưu, nghĩa là một quả vị Thánh; nói gọi là Lưu là có thể tiếp tục, đi đến Niết-bàn. Cho nên đây gọi là chứng quả Thánh ban đầu; cũng là đầu tiên tham dự vào hàng Thánh quả; cho nên gọi là Dự lưu, nghĩa là tham dự. Xưa nói là Tu-số-đa; nghĩa là chứng đắc từng phần, nói là Tu-đà-hoàn là sai vậy. Hoặc gọi là Nghịch lưu nghĩa là đi ngược dòng sanh tử, hoặc nói là nhân lưu, hoặc nói là chí lưu đều đồng nhất là người đi đến quả vị thánh ban đầu vậy.

Nhứt gian. Ngược lại âm cổ nhàn. Tiếng Phạm gọi là Ê-ca-tỳ-chí-ca Ê-ca. Đây dịch là nhất-tỵ-chí-ca. Đây cũng dịch là gian nghĩa lỗ hở giữa bức tường. Theo văn nói gian là khe hở, nói có một khe hở ở trong thì sẽ không được chứng đắc Niết-bàn. Xưa nói là có một hạt giống, hay là chủng tử. Tiếng Phạm nói Tỵ-cổ-ca. Đây dịch là chủng tử; hoặc là người dịch xưa không giỏi về tiếng Phạm, hoặc là người nhận

biết không sưu tầm bổn tiếng Phạm, cho nên viết sai vậy, lạc mất bổn chính.

Khát-ca tiếng Phạm. Ngược lại âm khư khát. Đây dịch là tê ngưu Tỳ-sa-nã. Đây cũng dịch là cái sừng, gọi là một cái sừng của con bò, trâu; cũng gọi là một, tức độc nhứt chỉ có một. Đây dụ cho Độc giác nghĩa là giác ngộ một mình; nói tất cả đều sống một mình ở núi rừng. Trong luận Tỳ-bà-sa viết là kệ già. Trong kinh Nguyệt Tạng viết là Khư-già đều sai vậy.

- QUYỂN 4, 5 : (Trước đều không có âm giải thích.)

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 6

Thập vật. Ngược lại âm. Nghĩa là tập hợp các đồ tạp nham; cũng gọi là phát các vật riêng tư. Nay người ta nói cũng giống như các vật dụng trong nhà quá nhiều. Gọi là thập vật tức là dụng cụ đồ dùng tạp nhạp vậy. Ở Giang Nam nói: Thập vật. Đây gọi là ngũ hành. Trong sử ký chép rằng: Thời vua Thuấn viết là Thập khí nghĩa là nhiều gấp bội Thọ Khâu chú giải sách Hán Thư rằng: Ban tặng ruộng đất nhà cửa các vật dụng cho dân nghèo đều là vậy.

Ma-đát-lý-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đô đạt. Xưa gọi là Na-dức-ca cũng nói là ma-di. Đây gọi là hạnh mẫu. Cũng gọi là bổn mẫu cũng nói hành cảnh giới ; cũng nói là khởi hành, nghĩa là chỗ nương tựa có thể phát sanh ra các hạnh vậy.

Công nghiệp I. Ngược lại âm cổ hồng. Mao Thi Truyện gọi là công I là mong mỏi gởi gấm Cáo Truyện gọi là khéo hay dùng các việc để gởi gấm đều gọi là I công vậy.

Cũng nhiếp ba diệp. Trong kinh cũng nói thân nộ tự lâm hoặc là viết thân nộ ba lâm thọ, tên gọi. Đây dịch là cây quí báu. Xưa lấy lá của cây dụ cho biết rất nhiều kinh vậy.

Sở kỳ. Ngược lại âm cự y. Quảng Nhã cho rằng: kỳ nghĩa là cầu xin, cầu mong.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 7

Thọ miễu. Ngược lại âm di nhiễu, văn thông dụng cho rằng: Cây nhọn gọi là miều, tức là ngọn cây; cũng gọi là nhỏ, bé nhỏ.

Quan liêu. Lại viết là liêu này cũng đồng. Ngược lại âm lực điêu. Nhĩ Nhã cho rằng: Quan liêu là bạn cùng làm quan chức trong triều đình; cùng làm quan gọi là liêu.

Hoặc kiều. Ngược lại âm kỳ diêu. Quảng Nhã cho rằng: Lông dài trên đuôi chim vểnh lên, đưa cao lên, cũng có nghĩa tài năng vượt trội hơn người.

Oa trùng. Ngược lại âm cổ hoa. Theo văn nói nghĩa là con ốc sên, cũng gọi là nhà chật hẹp.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 8

Câu-hằng tiếng Phạm. Ngược lại âm trúc thi. Trong kinh Phật bổn hành viết câu trí; gọi là một trăm, trăm ngàn thì gọi là một câu trí, số đương thời là hằng ngàn hằng vạn.

Tố-đát-lãm. Ngược lại âm cực tạm xích. Đây dịch là sợi dây nối lại, kết liền với nhau. Xưa dịch là Tu-đa-la.

Phệ-xá. tiếng Phạm. Ngược lại âm xưa gọi là Tỳ-xá. Trung Hoa dịch ngồi mà xem xét đánh giá hàng hóa. Theo nước Thiên Trúc. Thông dụng hay dùng vào đánh giá trọng lượng nhiều ít vật quí báo hàng hóa v.v... mưu cầu nhiều chứa tài vật đến hàng tỷ mà trong phát ra vậy.

Thú-đà-là tiếng Phạm. Ngược lại âm du-câu. Xưa gọi là đầu-đà, cũng gọi là các điền chủ, quan chức, học sĩ v.v... cũng gọi là các họ lớn của quốc tộc vậy.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 9

Y-sư-ca. Tiếng Phạm. Tên của ngọn núi cũng là dụ cho tính cao ngạo khinh thường khinh mạn, xem thường, tự cao, tự đại.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 10

Thương cổ. Ngược lại âm, âm dưới là công hộ. Nghĩa là hành nghề buôn bán đi các nơi gọi là giá. Ngồi tại chỗ bán gọi là cổ. Bạch Hổ Thông gọi là. Thương nghĩa là thương buôn, lái buôn, nói thương buôn là phái vượt qua các nơi xa gần, bốn phương tìm mua các vật gom tụ lại, định giá chắc chắn các vật đợi người dân tới cần vật đó bán ra có lợi. Chữ cổ cũng là văn thông dụng vậy.

Hăng tự. Ngược lại âm từ lý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tự là cúng tế cũng gọi là cúng tế đất đai vậy.

Phương vực. Ngược lại âm vi bức. Theo văn nói chữ vực là nước, quốc gia.

Cật vấn. Ngược lại âm khâu dật. Quảng Nhã cho rằng: Cật là trách mắng. Theo văn nói nghĩa là cật vấn hỏi (T620) vặn lại, tra xét, trách phạt vậy.

Uất nhĩ. Ngược lại âm ư vật. Gọi là cây mọc um tùm, xanh tốt, sum suê.

Phong nhiệt. Ngược lại âm diệp hợp. Gọi là gió thổi tiếng lá cây rơi rụng xào xạc.

Đường quyên. Ngược lại âm đồ tức. Âm dưới là dĩ duyên. Gọi là Đường nghĩa là trống không, tay không. Theo văn nói quyên nghĩa là bỏ đi, phế bỏ đi, vứt bỏ đi.

Bạc thực. Ngược lại âm bổ mạc. Âm dưới là thần chức. Sách Tiểu Nhĩ Nhã gọi là bạc nghĩa là gần kề, gần tối. Hán Thư gọi là mặt trăng mỏng bàn bạc trên mảnh không gian, ánh sáng chiếu tới quả đất của mặt trăng bị che khuất. Gọi là khí luôn bức bách gọi là bạc là mỏng, gọi là hủy hoại, tổn thương gọi là thực. Giống như loại côn trùng ăn, cỏ cây lá rụng vậy.

La-bà-quả. Tiếng Phạm cũng gọi là Tần-loa-quả, hoặc nói Ty-la-quả đều sai. Quả đây hình sắc màu vàng; giống như quả cam lớn, các miếu tự ở phương Tây thường dùng nhiều loại quả này, cây và quả thường dùng trang nghiêm cúng dường Phật vậy.

Hướng-khư. Tiếng Phạm. Ngược lại âm Thi thượng. Đây gọi là thấy mặt trăng hoặc là nói ngọc đá, mã não. Xưa gọi là Lý khư hoặc gọi là Thương khư.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 11

Thượng luận. Ngược lại âm Thị nhương Quảng Nhã gọi là Thượng là cao. Theo văn nói nghĩa là tầng cao, thượng cũng gọi là trên.

Xướng nữ. Ngược lại âm xỉ dương, nghĩa là người con gái nhảy múa. Theo văn nói nghĩa là ca hát vui vẻ, hoan lạc vậy.

Vũ chúng. Ngược lại âm vu cũ. Tiếng Phạm gọi là chuyển-lợi cũng nói rằng: bạt-lợi, cũng gọi là chúng nghĩa là số đông người. Cũng gọi là vũ v.v... nghĩa là Thầy với trò gọi là chúng; nên cũng gọi là vũ chúng vậy.

(tiếp theo T620) Thuyên lượng. Lại viết là thuyên cũng đồng. Ngược lại âm. Nghĩa là cái cân, cân đong, nhận định. Quảng Nhã gọi là thuyên là cân nhắc; cho nên xem xét vật biết nặng nhẹ. Xem xét, cân nhắc lượng xem nặng nhẹ vậy.

Khan định. Ngược lại âm khẩu can Quảng Nhã cho rằng: Khan là gọt bớt, cũng gọi là định là bỏ bớt, nghĩa là sửa chữa và xác định lại.

Lăng vũ lại viết lăng cũng đồng. Ngược lại âm lực đằng. Tam Thương giải thích rằng: Lăng là xâm phạm làm nhục. Quảng Nhã cho rằng: Lăng là xúc phạm. Ngược lại âm âm dưới là vong phủ. Quảng Nhã giải thích: Vũ là khinh nhờn, xem thường; nói là xem nhẹ khác đi. Chữ Lăng viết từ bộ Thủy thanh lăng.

Đệ hổ văn cổ viết chữ đệ này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm đồ lễ. Tiếng địa phương cho rằng: Đệ nghĩa là đời này đến đời khác; cũng gọi là gia tăng lần lần thêm tăng dần, thêm dần.

Mục huyễn. Ngược lại âm. Tật biến hồ quyên hai âm. Chữ Lâm huyễn nghĩa là con mắt loạn bị hoa mắt. Tam thương gọi là huyễn con mắt nhìn không thấy rõ.

Tài thủ. Ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã cho rằng: Tài là tạm thời, cũng gọi là kém, xấu; không bền, không lâu.

Vị dũ văn cổ viết dũ này cũng đồng. Ngược lại âm du nhũ. Tiếng địa phương cho rằng: Dũ là kém. Theo văn nói dũ là bệnh lành, lành bệnh, khỏe hẳn.

Ca-mạc-la bệnh tiếng Phạm. Xưa gọi là Ca-ma-la bệnh. Đây gọi là bệnh da biến thành màu vàng hoặc gọi là ác cấu tức là dơ uế, độc ác; nói rằng trong bụng có chất dơ uế cấu ác. Tức là không có thể trị được.

Giác phong. Ngược lại âm lại là âm phong. Nay có loại trâu này,

hình thể của nó nhỏ trên có khắc dấu của vua ban, phong chức cho con vật.

Hình nhuyễn. Ngược lại âm nô loạn. Tam Thương cho rằng: Nhuyễn là yếu ớt, mềm yếu.

Tê Thanh lại viết chữ tê này cũng đồng. Ngược lại âm. Theo văn nói chữ tên này là tiếng bi thương thống khổ. Tiếng địa phương gọi là giọng nói nhàn nhàn, tức là bệnh vậy.

Hao hống văn cổ viết hao cũng đồng. Ngược lại âm hô giao. Theo văn nói nghĩa là tiếng hổ rống, tiếng giận dữ. Âm dưới văn cổ viết bao thổ hai chữ tượng hình. Nay lại viết tuẩn. Lại viết hống cũng đồng. Ngược lại âm hồ câu. Nghĩa là tiếng đệm trong mật chú Phạm ngữ, cũng gọi là tiếng tru, tiếng rống.

Bao hống. Ngược lại âm bổ giao. Theo văn nói cũng gọi là tiếng tru, tiếng rống. Quảng Nhã cho rằng: Bao là tiếng chim hót.

Minh mục lại viết miên cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm miệt điền. Theo văn nói vinh là con mắt đóng lại khép lại, tức là ngủ trên giường.

Đôn túc văn cổ viết chữ đôn này cũng đồng. Ngược lại âm đô thác. Theo văn nói nghĩa là đôn hậu, đức dày, thành thực. Ngược lại âm dưới là tư lục. Túc nghĩa là cung kính nghiêm túc; cũng gọi là nghiêm chỉnh, dáng mạo nghiêm trang tề chỉnh; cũng gọi là hàng rào ngăn cấm, tự mình cung kính.

Bỉ lý. Ngược lại âm bổ mỹ. Âm dưới lại viết ý này cũng đồng. Ngược lại âm lực tử. Bỉ nghĩa là bỉ lậu, là quê mùa, chất phác, thô lỗ. Theo văn nói thì năm nhà làm thành một lần; là bỉ là gần kề, kề xát nhau, cũng gọi là bỉ lý nghĩa là thói tục hủ lậu vậy. Thương Hiệt biên soạn sách Quốc ngữ rằng: Ấp cũng gọi là lý. Sách Hán Thư gọi là chất thực chất là không phải là lý cũng giống như hậu gọi là tuy; chất không giống như lữ lý nghĩa là thôn xóm, trong thôn xóm, âm lý ngược lại là âm lân. Ngược lại âm tổ thư, nghĩa là trăm nhà gọi là lý vậy.

Thô quảng. Ngược lại âm. Quảng nghĩa là mạnh bạo, hung ác, dữ dằn, chữ viết từ bộ Khuyển vậy.

Quá khích. Ngược lại âm khâu nghịch. Theo văn nói nghĩa khe hở lỗ hỏng của vách tường, chữ viết từ bộ trên, dưới là bộ tiểu.

Kiển chỉ văn cổ viết kiển kiển hai chữ tượng hình. Nay viết cũng đồng. Ngược lại âm cơ triển. Tiếng địa phương gọi chữ kiển nghĩa là xin ăn. Người nước Sở nói kiển là khó khăn. Ngược lại âm dưới là sở lập. Theo văn nói cho rằng tập nghĩa là không trơn. Chữ viết bốn bộ chỉ, bố

bộ chỉ tức là không thông. Chữ chỉ ý vậy. Tủng kiên, văn cổ viết tủng tây hai chữ tượng hình. Nay viết tủng này cũng đồng. Ngược lại âm tu phụng sở hạng hai âm. Quảng Nhã gọi là tủng là nhảy vượt qua, nhảy lên cao vậy.

Khốc oán văn cổ viết ba chữ khốc tượng hình. Nay viết chữ khốc này cũng đồng. Ngược lại âm khẩu mộc. Theo văn nói chữ khốc nghĩa là tình hình nguy ngập, cấp bách, nhanh, sốt ruột, cũng có nghĩa quá lắm, mạnh bạo, tàn khốc, tàn bạo, bạo ngược vậy.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 12

Đạt-la-nhị. Tiếng Phạm. Ngược lại âm di nhỉ. Nghĩa là tên của bài chú. Đây không có chánh phiên âm, nhưng còn tồn lại bổn gốc.

Phó thuật. Ngược lại âm thần duật. Thuật nghĩa là lấy lời nói khuyên răn dạy bảo người khác. Sách Nhĩ Nhã gọi là thuật tu, noi theo, làm theo, tu sửa. Noi theo các bậc thánh nhân tu sửa.

Một-lực-già-la-tử. Tiếng Phạm, cũng nói làVật-già-già-la-già. Đây dịch: Hồ đậu. Tức là hột đậu màu xanh. Chữ la đây dịch là lấy, làm. Giữa tiếng Phạm nói là nên lấy đậu xanh. Đây dịch tức là họ của một người thời thượng cổ. Người tu tiên gọi là Vật-la-già. Nghĩa là không ăn tất cả vật, chỉ ăn hồ đậu; cho nên nói lấy hồ đậu là vậy. Người tiên nhân này chủng loại cho rằng là họ. Xưa nói là ngài Mục-kiền-liên là sai vậy.

Ô-ba-đệ-thước. Tiếng Phạm. Ngược lại âm ô cổ. Âm dưới là thi dược. Xưa nói rằng: Ưu-ba-đề-xá. Đây dịch là luận nghị.

Đột thúy văn cổ viết thúy này cũng đồng. Ngược lại âm tư túy. Theo văn nói đột thúy nghĩa là sâu xa tinh thâm vậy.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 13

Tinh khẩn văn cổ viết tinh nay cũng đồng. Ngược lại âm khẩu ngăn. Văn thông dụng gọi là chí thành, lòng thành rất thành thật, cũng

gọi là khẩn quyết, cũng gọi là kiên nhẫn.

Ô-ba-bà-bà. Tiếng Phạm cũng nói là Ưu-ba-bà-bà. Trung Hoa dịch là cận trụ, nghĩa là gần gũi, thường lui tới. Gọi là người thọ tám giới, gần với bậc A-la-hán v.v..., cũng gọi là thiện nhân mà gọi là trụ vậy.

Đổ-đa. Tiếng Phạm, cũng nói là Du-khổng-đa Trung Hoa dịch là sa thải nghĩa là vất bỏ, trừ bỏ, loại bỏ. Cũng nói là tu trị nghĩa là răn dạy sửa đổi. Lại cũng gọi là đẩu tẩu. nghĩa chỗ chứa, chỗ tụ hợp, hoặc nói diêu chấn nghĩa là rung động, lay động cũng nói là khí trừ là trừ bỏ đi đều một nghĩa, đều gọi là trử bỏ đi y phục, ẩm thực, trụ xứ ba loại. Ẩm thực xưa gọi là Đầu đà là sai. Trong kinh viết nghĩa là mười hai hạnh ràng buộc. Âm du. Ngược lại âm đồ đẩu. Âm thải cũng là âm thái vậy.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 14

Tỳ-sắt-nổ thiên tiếng Phạm, cũng nói là Tỳ-sưu-nữu thiên. Nghĩa là huyễn hoặc, chữ thiên đây có nghĩa là oai đức lớn, nắm cầm chim cánh vàng khi đi giống như bánh xe lăn. Lại cho rằng: Trước kia ngoại đạo muốn phá, tức là không thể phá được vậy.

Tây-nhĩ-ca tiếng Phạm. Ngược lại âm. Đây dịch có quân ngoại đạo. Xưa gọi là Tiên-ni là sai vậy.

Kiều-đáp-na tiếng Phạm. Đây có ba nghĩa: Một gọi là chủng loại; hai là nói loại phân trâu bò, ba là nói loại đất bùn. Khi nhìn thì rất sợ hãi. Có chín nghĩa, cho nên xưa nói cù cũng gọi là nhân duyên, đủ như trong kinh đã nói vậy.

Quyền cục. Ngược lại âm cự viên âm dưới là cự ngọc. Tỳ Thương cho rằng quyền cục là không thẳng ra, không duỗi thẳng ra. Theo văn nói viết quyền gọi là đi lắc lưu, dùng dằng, không tiến tới được, theo chữ quyền nghĩa là cong lại, âm lục cũng là âm lục này vậy.

Nhiễu loạn. Ngược lại âm nãi liễu, nghĩa là phiền não. Theo văn nói gọi là nhiêu là làm trò đùa quấy nhiễu, phá phách pha trò. Tam thương gọi là gây nhiễu loạn. Quách Phác gọi là pha trò, làm trò đùa. Quảng Nhã gọi là Khêu lên, bới móc ra, khởi động, quấy rối, gọi là nhiêu vậy.

Lý hãn. Ngược lại âm lực nghi. Ngược lại âm dưới là hồ thả. Năm nhà gọi là một lý, nghĩa là năm nhà kề sát bên nhau, gọi là một lý, cũng

gọi là hai mươi lăm nhà một lý tức là thôn ấp ngày nay. Chỗ ở thôn xóm. Tiếng địa phương gọi là trong một lý có cổng làng, có ngõ đường vào làng, cũng gọi là cổng làng vậy.

Can-thấp. Ngược lại âm Cổ hàn. Âm dưới lại viết cấp cũng đồng. Ngược lại âm khâu cập. Văn thông dụng gọi là muốn phơi cho khô ráo vì bị ẩm ướt vậy.

- **QUYỂN 15, 16** : (Đều không có âm.)

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 17

Dật văn cổ viết cũng đồng. Ngược lại âm dữ nhất. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Dật là lo lắng, thận trọng, cũng có nghĩa là nhàn rỗi, vui lạc, ẩn dật.

Tốt-la-tửu. Trung Hoa dịch là gạo, nếp ủ làm rượu vậy.

Mễ địch da tửu. Gọi là dùng rễ cây hoa trái làm rượu gọi là tạp rượu, pha chế các loại vậy.

Mạc đà tửu. Gọi là rượu bồ đào.

- QUYỂN 18 : (Trước không có âm giải thích.)

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 19

Phạt-lặc-ca-lê. Tiếng Phạm. Đây gọi là đấu lực nghĩa là tranh giành, đấu với nhau, dùng sức đấu với nhau giành phần thắng.

Như án. Ngược lại âm ô nhạn. Án là con chim tước, chim sẻ, cũng gọi là chim anh vũ, loại chim lông đẹp, mỏ cong, có thể học nói tiếng người. Theo văn nói gọi là trong đóng kín lại là dùng con chim sẽ, chim cút, hay đóng ổ ở gò đất vậy.

Trường lũng. Ngược lại âm thủy dương. Tiếng địa phương gọi là được phong cho đất khoảng đất rộng. Âm dưới là lực thúc. Nghĩa là cày đất lên có luống, ngang bằng nhau, ranh giới ngang bằng nhau.

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN
QUYỂN 20

Gian nan. Ngược lại âm cổ nhàn. Theo văn nói nghĩa là đất khó trị.

Phẩu tích. Ngược lại âm phổ hậu, chữ phẩu cũng giống như là phá đất ở trong ra phân ra gọi phẩu. Âm dưới là tư địch. Tích tốt cũng nghĩa là phân ra vậy.

Ba-la-xà-đĩ-ca. Tiếng Phạm Trung Hoa dịch là tha thắng. Gọi là phá giới phiền não là tha thắng; nơi thiện pháp, xưa gọi là Ba-la-di. Nghĩa này nói là không còn dư, như là phạm giới này rồi là vĩnh viễn bỏ đi, xa lìa chúng thanh tịnh, cho nên gọi là không có dư vậy.

****

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN TỤNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Du-già. Ngược lại âm trên là canh tu. Tiếng Phạm.

Thố tông. Ngược lại âm tông tống. Văn nói cho rằng: Nắm giữ giềng mối của các bộ phận giao kết lại gọi là tông. Chữ viết từ bộ Mịch thanh tông.

Kiểu loạn. Ngược lại âm cư chiếu. Hứa Thuận chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Kiểu là nắm lấy, giữ lấy. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc ngữ rằng: Chẳng phải chánh pháp của tiên vương gọi là kiểu. Cộng thêm giết chết, trừng trị kẻ vô tội gọi là vu khống. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh kiều. Trong kinh văn viết bộ Thỉ ở trong vậy, nghĩa là cũng giết chết.

Luy liệt. Ngược lại âm lụy truy. Đỗ Dự chú giải trong Tà truyện rằng: Tuy là gầy yếu. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: là bệnh. Hứa Trinh Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Kém, xấu. Theo văn nói chữ Lay nghĩa là gầy ốm chữ viết từ bộ Dương thanh luy vậy.

Xuyến tập. Ngược lại âm khai hoạn. Sách Nhĩ Nhã gọi là xuyến tập, nghĩa là trở thành thói quen. Theo Khảo Thanh chữ viết từ bộ Tâm viết là, nghĩa là quen, cũng là tập, là phong tục thói quen của một nơi vậy; hoặc viết từ bộ xước viết quán nghĩa của chữ quán này cũng đồng chữ quán trên vậy.

****

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN THÍCH - *Tuệ Lâm soạn.*

Bát-vô. Ngược lại âm bổ vị. Mao Thi Truyện gọi là chữ bát cũng giống như chữ tuyệt nghĩa là trừ bỏ, dứt tuyệt, diệt. Vương Chú Sở Từ gọi là bát là trừ bỏ đi, Quảng Nhã cho rằng: Trừ bỏ. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh phát.

Tích chấp. Ngược lại âm thiên diệc. Mao Thi Truyện gọi là người ở nơi vắng vẻ, cũng là hiếm lạ, hiếm quý; cũng gọi là nghiêng, tà. Cố Dã Vương gọi là người ẩn tránh. Gọi là tà, nghiêng, gọi là cây trụ cột không ở trong chính giữa gọi là nghiệp. Theo văn nói nghĩa là trốn tránh, lánh nạn. Chữ viết từ bộ Nhân thanh tích.

Ôn-đà-nam âm trên là Ô-cốt. Âm dưới là đạt hạ. Tiếng Phạm. Đây gọi là dấu chân.

Tam-ma-tứ-đa. Ngược lại âm hinh dĩ. Tiếng Phạm. Đời Đường gọi là Đẳng dẫn, cũng gọi là Thắng Định Địa, nghĩa là xa lìa hôn trầm, trạo cử v.v... năng lực bình đẳng, dẫn đến các công đức cho nên gọi là Đẳng dẫn. Tiêu biệt. Ngược lại âm phiêu diêu. Theo Khảo Thanh gọi là đề cao lên. Cố Dã Vương gọi làVẫy tay chào; cũng gọi là nghỉ ngơi, dùng thức quán chiếu. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mộc thanh phiêu âm phiêu. Ngược lại âm tất tiêu.

****

VƯƠNG PHÁP CHÁNH LÝ LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*

Tích Lai. Ngược lại âm tinh diệc. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tích nghĩa là ban tặng của cải vật chất cho người khác. Cũng gọi là từ biệt người khác, cáo biệt, chia tay.

Áo nhuế. Ngược lại âm. Áo nhuế nghĩa là hối hận, buồn rầu.

Khánh kiệt. Văn cổ viết khinh cũng đồng. Ngược lại âm. Theo văn nói nghĩa là vật dụng rỗng không. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đã hết sạch của cải vật dụng.

Anh kiệt. Ngược lại âm ư kinh. Âm dưới là kỳ liệt. Theo sách Hoài Nam Tử gọi là trí tuệ vượt hơn vạn người gọi là anh, tài năng vượt hơn ngàn người gọi là kiệt, kiệt cũng có nghĩa đột lập, riêng biệt, có tài năng vượt trội hơn người.

****

LUẬN ĐẠI THỪA A TỲ ĐẠT MA TẬP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Huýnh sắc. Ngược lại âm huýnh dinh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Huýnh là xa lắc, xa lơ, xa xăm. Lại cũng gọi là đi xa, lâu dài. Theo văn nói cũng gọi là xa xăm. Chữ viết từ bộ Xước thanh hồi.

Do dự. Âm do. Văn nói gọi là sợ sệt, khiếp phục. Cũng cho rằng ở Lũng Tây thuộc tỉnh Cam Túc người ta hay băn khoan do dự khi quyết định làm việc gì đó. Cố Dã Vương gọi là do dự là không định. Theo sách Lễ Ký gọi là dự đoán, cho nên sợ hiềm nghi chê trách nên do dự. Văn nói chữ viết từ bộ Khuyển thanh dậu.

Triền miên. Ngược lại âm. Theo Khảo Thanh gọi là quấn, vấn, bó quanh. Văn nói cho rằng: Ràng buộc, bó buộc, chữ viết từ bộ Mịch thanh lý. Trong kinh văn viết từ bộ Thành ly này cùng với nghĩa không đồng là sai vậy.

LUẬN ĐẠI THỪA A TỲ ĐẠT MA TẬP
QUYỂN 2

Kỹ nghiệp. Ngược lại âm kỳ nghị. Theo văn chữ tập lược cho rằng: Kỹ xảo, khéo léo, sắc xảo. Cố Dã Vương cho rằng: Kỹ cũng giống như chữ nghệ nghĩa là có tài năng, kỹ nghệ khéo léo, cũng gọi là trị. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh kỹ. Trong kinh văn viết kỹ là sai vậy.

LUẬN ĐẠI THỪA A TỲ ĐẠT MA TẬP
QUYỂN 3

Cách nha. Ngược lại âm trên cách hành. Theo Khảo Thanh gọi là lần lượt năm này đến năm khác, đời này đến đời khác. Văn nói gọi là sửa đổi, chuyển đổi, chữ chánh thể từ bộ Du thanh bính. Văn thông dụng lại viết. Ngược lại âm dưới là hồ cố. Cố Dã Vương cho rằng: Lần lượt theo thứ tự chuyển đi vậy.

Tầng cấp. Ngược lại âm Tự đăng. Quách Phác chú giải rằng: Tầng nghĩa là lớp cang, thứ tự. Vương Chú Sở Từ cho rằng: Tầng là chồng

chất lên tầng bậc. Theo văn nói, gọi là tầng nhà. Chữ viết từ bộ Thi thanh tằng.

LUẬN ĐẠI THỪA A TỲ ĐẠT MA TẬP
QUYỂN 4

Chu ngột. Ngược lại âm trắc câu. Cố Dã Vương gọi là gốc rễ cây. Theo Khảo Thanh gọi là phần cuối của gốc cây. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mộc thanh chu.

Phiến-sĩ-bán-trạch-ca. Ngược lại âm Sửu-ca. Tiếng Phạm.

Nghi quỹ. Ngược lại âm qui dục. Theo Khảo Thanh gọi là vết bánh xe, cũng nghĩa là con đường. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phép tắc, nề nếp, Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Quỷ gọi là bánh xe lớn, rộng lớn. Văn nói viết từ bộ Xa thanh cửu.

- QUYỂN 5 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

LUẬN ĐẠI THỪA A TỲ ĐẠT MA TẬP
QUYỂN 6

Anh duệ. Ngược lại âm duyệt tuế. Theo Khảo Thanh gọi là Duệ là sáng suốt, nhìn xa Quảng Nhã cho rằng: Duệ là rất thông minh sách Thượng Thư gọi làLong suy nghĩ năm việc sáng suốt gọi là duệ. Sách Khổ An Quốc gọi là duệ tức nhiên là thông suốt nói các pháp thuật, kỹ năng, phương pháp để tiến hành làm việc gì đó. Theo văn nói chữ viết từ vữu đến bộ mục bộ. Âm tỉnh duệ. Ngược lại âm tàn.

Lân phụ, Ngược lại âm lật trân. Công Dương Truyện giải thích rằng: Lân là loại thú có lòng nhân, cũng chỉ cho phẩm đức cao quí của con người, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Giống thú này thân giống con nai, đuôi giống đuôi trâu, móng ngựa, có một cái sừng, lưng có lông ngũ sắc, bụng lông vàng. Quách Phác chú giải rằng: Sừng trên đầu có khối thịt. Cố Dã Vương gọi là kỳ hà con lân cái. Mao Thi Truyện cho rằng: Lân có ngón chân, đi không đạp cỏ không ăn sinh vật là vậy. Văn nói chữ viết từ bộ Lộc thanh lân.

Tài khởi. Ngược lại âm tàng lai. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ tài cũng giống như chữ cần có nghĩa là cần mẫn, siêng năng, có tài năng. Theo Khảo Thanh gọi là tạm xong, vừa mới xong. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh sàm âm sàm, ngược lại âm sĩ hàm.

- QUYỂN 7 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

ĐỐI PHÁP LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Viên phát. Ngược lại âm vũ nguyên. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Viên là đối với, ở, cho giống như chữ ư vậy, thuộc từ ngữ; viên cũng có nghĩa là dẫn tới. Trong Hàn Thi Truyện gọi là viên phát nghĩa dáng mạo tung hoành ngang dọc, cũng có nghĩa dẫn tới phát khởi vậy.

Tham tông. Ngược lại âm thô nam. Âm dưới là tổ tống. Gọi là tham, nghĩa là tham khảo, xem xét, nghiên cứu văn chương, ngôi vị, phẩm tước. Gọi là tông nghĩa là thông suốt nghĩa lý sâu xa trong văn tự.

Hữu tình tiếng Phạm gọi là Bệ-đóa-tát Trung Hoa dịch là hữu đóa. Đây nói là tình, cho nên nói hữu tình là nói chúng sanh vậy. Theo bổn chữ Phạm Quách Phác gọi Thiện-na. Đây cũng dịch là chúng sanh, cũng nói là danh từ ràng buộc. Ở đây dựa vào theo bản dịch vậy.

Gá lịnh. Ngược lại âm thi dự. Chữ giá cũng giống chữ ký, có nghĩa là hy vọng, mong cầu cho được vậy.

Biện uẩn. Ngược lại âm ư phấn. Tiếng Phạm gọi là Tắc-đãi-đà. Đây phiên dịch gọi là uẩn nghĩa là do tích tụ chứa nhóm nhiều nghĩa. Nói rằng gọi là uẩn. Chữ Lâm uẩn nghĩa chứa nhóm. Quảng Nhã cho rằng: Uẩn là tích tụ nhóm hợp lại. Âm tụ ngược lại âm tài cú. Trong Tả Truyện cho rằng: Uẩn là từ chỉ chung cho các loại. Đỗ Dự gọi là uẩn cũng là tụ lại, chứa nhóm các sắc, cho nên gọi là sắc, uẩn, thọ, tưởng v.v... bốn nghĩa. Cũng như kinh luận xưa hoặc nói là ngũ chúng, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rất nhiều cũng gọi là gần. Nhưng chưa rõ tên. Xưa phiên dịch tác giả cho rằng: Lâu ngày bị lạc mất bổn gốc vậy.

Dị thục. Tất cả pháp hữu lậu đều là nhân bất thiện, có thể cảm thọ quả mà không ghi nhớ, nhân với quả là chủng tử sai khác, nhân khác

đi khi nhận lấy vận chuyển qua lại nhân gọi là quả chín mùi, khác với chủng tử nhân chín mùi, cho nên gọi là dị thục, nghĩa là đến thời khác mới chín. Lại nữa, nhân cảm thọ quả khi bị thế lực thành thục đến khi khác trước quả vị và dị thục. Xưa gọi là quả báo.

Kiên kình. Ngược lại âm cư thạnh. Chữ Lâm kình nghĩa là sức mạnh, chữ viết từ bộ lực.

Chiên-đàn-na. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đồ thả.

Tát-ca-da-kiến. Tiếng Phạm gọi là Ca-da. Đây gọi là thân tát danh bất định, hoặc nói là hư ngụy, hoặc nói là vô thường, hoặc nói là hữu vi; bởi vì riêng do các phái đại, Tiểu thừa các Luận sư chỗ kiến giải không nhất trí, bao hàm nhiều nghĩa cho nên đặt bày ra bổn danh vậy.

Từ tự. Ngược lại âm Tợ tư. Âm dưới là từ lý. Sách Nhĩ Nhã gọi là lễ tế mùa xuân, nơi thờ cúng tổ tiên cũng gọi là cúng tế trời, cúng tế đất vậy.

Huất nhĩ. Ngược lại âm vu vật. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Huất nghĩa là bỗng nhiên, gấp gáp, vội vàng. Huất cũng có nghĩa chợt đến thốt nhiên vụt đến vụt đi.

Chấp trượng. Ngược lại âm trị lượng. Xưa có năm loại binh khí, con dao là loại binh khí mà người ta có thể cầm nắm được, trượng là cây gậy cũng là loại binh khí mà người ta dùng để phân tách các vật ra tách phân ra, chẻ ra chia cắt ra.

Phẫn phát. Ngược lại âm phò phấn. Tiếng địa phương gọi là phẫn nghĩa hứng phấn, nổi hứng; cũng gọi là nộ nghĩa là nổi giận, khí tức giận tràn đầy; cũng gọi là tình cảm tràn đầy.

Tâm lệ. Ngược lại âm lực kế. Chữ lâm quay chuyển lại, cũng gọi là ngang bướng, gàn dở, ngang ngạnh.

Tâm phủ. Ngược lại âm phu tự. Quảng Nhã gọi là Phủ là nơi tụ hội. Bạch Hổ Thông gọi là con người có lục phủ; gọi là đại trường, tiểu trường, bàng quang, vị, tam tiêu, đởm vậy.

Khan lận văn cổ viết lận này cũng đồng. Ngược lại âm lực trấn. Tham lam keo kiết nhiều của cải gọi là lận. Tiếng địa phương gọi là cần kiệm của các người phụ nữ. Ở giữa sông và hồ mênh mông mà bao nhiêu tham muốn không dứt gọi là lận, nghĩa là keo bẩn vậy.

Kiểu thiết. Ngược lại âm kiểu yêu. Kiểu gọi là giả dối, dối trá, giả dạng, kiểu cũng có nghĩa là cuồng, đánh lừa, lừa dối cũng có nghĩa là chuyên quyền, cũng có nghĩa là truyền trao, nhường ngôi, gọi là kiểu, chẳng phải pháp của Tiên vương nói gọi là kiểu. Chữ viết từ bộ thủ. Nay đều viết kiểu này chẳng phải thể vậy.

Duyệt dự. Ngược lại âm dực giá. Nhĩ Nhã cho rằng: Dự nghĩa là vui vẻ, dự cũng gọi là an ổn vậy.

Thông duệ văn cổ viết duệ duệ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm dĩ huệ. Quảng Nhã cho rằng: Duệ là rất thông minh. Theo văn nói cho rằng: Hiểu rất sâu. Chữ viết từ bộ mục đến bộ dung tĩnh. Nghĩa là dùng tay nắm bắt giữ lấy, bộ quyết nghĩa là xuyên suốt, thông suốt nghĩa lý, bộ dung thủ, nghĩa là âm hưởng vô cùng tận, nhìn bằng con mắt hiểu biết, lãnh hội ý nghĩa. Chữ dữu, ngược lại là âm tàn vậy.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 2

Văn thân. Tiếng Phạm gọi là biên-đảm-na. Đây dịch là hiển liễu, nghĩa là hiển bày ra hiểu thông suốt. Như lấy văn tự có thể hiển bày nghĩa lý; cho nên dùng văn tự mà thay thế. Xưa nói rằng: Ý nghĩa của chữ thân; hoặc nói là tự thân cũng là một. Chữ biên Ngược lại âm bổ miên. Theo văn nói nghĩa là ngày xưa các vị Thánh nhân viết ra và dịch. Thương Hiệt cho rằng: Các vị Thánh nhân tạo ra sách là dựa theo chữ tượng hình. Cho nên gọi là văn tự viết theo lời xưa. Về sau chữ tượng hình lại chuyển qua hài thanh tương đối chỉ ta ý nghĩa văn chữ ta muốn nói, có lợi ích tức là các chữ đều có ý nghĩa thấm nhuần vậy, nên từ đó mà sanh ra chữ chỉ sự, chỉ ý.

Dị sanh tính tiếng Phạm gọi là Bà-la-tất-lật Thác-ngật-na-ba-la. Trung Hoa dịch là Ngu-tất-lật-thác; cũng gọi là Dị-ngật-na. Đây là tên. Sanh ứng tác ngu dị sanh. Nghĩa là nói người ngu si ám độn không có trí tuệ. Nhưng mà khởi đầu tăng thượng thấy người ngu si này không có sanh vô lậu vậy; cũng nói rằng giống như đứa trẻ khác, lúc sanh ra đã ngu si rồi cũng như đứa trẻ thì không đồng với bậc thánh khi sanh ra. Cho nên trong luận viết đứa trẻ là phàm phu là vậy. Lại cũng gọi là đứa trẻ mới sanh ra si mê là phàm phu, cũng gọi là đứa trẻ sơ sinh là phàm phu; dịch nghĩa người phàm phu đó Quảng Nhã gọi là phàm là nhẹ, gọi là khinh vi nghĩa nhẹ nhỏ nhít. Trong kinh xưa hoặc viết là mao đạo là phàm phu, hoặc gọi là mao đầu cũng nghĩa phàm phu. Theo bổn tiếng Phạm mao tên là triền La ngu cũng tên là bà la, tương thời là do Thanh Loại cũng gọi là triền bà và gần đây xem xét lại thì là sai; bởi vì người dịch làm thất lạc bổn gốc. Âm ngật ngược lại âm ngư cật. Âm triền.

Ngược lại âm ngư cật. Âm triền. Ngược lại âm triền khư.

Ai-ê-ô-đẳng tiếng Phạm. Ngược lại âm trên là ô khả. Âm Ê ngược lại âm y dĩ. Âm dưới ô cổ. Các chữ này cần phải tra xét thư tịch, hộ trợ duyên Thanh Loại. Tiếng địa phương gọi là viên mãn, tròn đầy, không phân biệt gọi tên cho nên phân ra thi văn không có nghĩa.

(T622) Hoản cốc lại viết cốc này cũng đồng. Ngược lại âm khẩu giác. Ở giữa thời nhà Ngô gọi âm cốc là trứng ngoài có da bao bọc, trong chính giữa trứng gọi là cốc là cái vỏ cứng vậy.

Yết-la-lam tiếng Phạm, xưa gọi là Ca-la-la. Trung hoa dịch là thành tựu hoạt chất của cha mẹ hòa hợp bất tịnh. Giống như mật hòa lẫn với sanh tô mà trở thành một, nơi thọ sanh trong bảy ngày thì hoạt chất ngưng đọng lại giống như lạc (phó mát) trên ngưng đọng đóng thành cao, rồi từ từ kết lại mà có hoạt chất mầu mỡ vậy.

Át-bộ-đà tiếng Phạm, cũng nói là át-bộ-đàm, hoặc viết phù-đà, đều là tiếng Phạm phát âm có nhẹ có nặng vậy. Trung Hoa dịch là pháp kết nghĩa là kết nốt phồng lên ở trên da, hoặc nói nổi trên mặt nước; gọi là đến ngày thứ hai mươi bảy ngưng dọng lại thành lạc ở trong sanh ra một bao kết, cục phồng lên giống như Ma-lật, có màn lưới bao bọc dày rồi tự ăn uống ở trong cái bọc đó.

Bế-thi cũng tên là bi thi. Đây dịch là cục thịt tròn đến ba mươi bảy ngày kết tụ lại thành cục thịt tròn, nếu như con trai thì trên rộng ra, mà ở dưới thì hẹp lại; nếu như con gái thì ở trên hẹp mà ở dưới rộng ra. Tuy rằng trở thành cung tròn giống như mềm yếu, mà chưa đến nỗi cực khổ lâu dài.

Tài hóa. Ngược lại âm tại tai. Nghĩa là người sở hữu của báu gọi là tài tài kim nghĩa là của cải vàng bạc, cũng gọi là hóa tài cũng gọi là của tư trang của riêng tư; cũng gọi là tài cốc nghĩa là các loại ngũ cốc như là lúa thóc, và tiền bạc để nuôi sống con người.

Tại tài. Ngược lại âm tại tai. Tài nghĩa là vật dụng, cũng gọi là tính chất. Phàm là cây mà bị đốn chặt đi rồi thì có thể cho người thợ mộc làm ván gỗ, vậy.

Hựu hà văn cổ viết hà cũng đồng. Ngược lại âm hồ thả, hồ ca hai âm. Theo văn nói chữ hà nghĩa là gánh vác gánh lên nhất cao lên.

- QUYỂN 3, 4 (Đều trước không có âm chữ có thể giải thích.)

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 5

Đẳng dẫn. Ngược lại âm dực nhẫn. Chữ dẫn nghĩa là nối tiếp theo. Con cháu cùng nhau thừa kế sự nghiệp của Tổ tiên.

Ma-nạp-bà. Tiếng Phạm, hoặc gọi là ma-bà. Đây dịch là tịnh hạnh của thiếu niên, cũng gọi là Nho chương nghĩa là văn chương nho nhã, hoặc nói gọi là người lớn vậy.

Thiệm bộ châu. Ngược lại âm thời diệm. Nghĩa là từ gốc cây cổ thụ gọi là cựu. Nói là Diêm-phù hoặc gọi là Diêm-phù đều làm nghĩa vậy.

A-xiển-để-ca tiếng Phạm. Trung Hoa dịch là "vô dục hội bất lạc bát Niết-bàn". Nghĩa là không muốn vui trong cảnh Niết-bàn, cũng gọi là nhất-xiển-để-khả. Đây dịch là nhiều tham, gọi là tham vui sanh tử, không cầu ra khỏi, xa lìa, cho nên không tin vui trong chánh pháp. Xưa gọi là A-xiển-để-ca cũng dịch là Tùy ý, theo ý riêng của mình.

A-điên-để-ca tiếng Phạm. Đây dịch là cuối cùng không có thiện tâm.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 6

Đông-tỳ-đề-ha. Tiếng Phạm, hoặc nói là Phất-bà-đề hoặc nói phấn--thiên-đãi; đều Phạm âm duyên qua ngữ là sai Trung Hoa dịch tiến nghĩa là phía trước.

Tây-cụ-đà-ni. Tiếng Phạm, hoặc nói câu-da-ni, hoặc là viết Cụ-già-ni. Cụ đây dịch là Ngưu-đà-ni. Đây dịch là lấy giữ, lấy kia nhiều trâu bò dùng trâu bò đem ra chợ đổi lấy vật khác. Như đây giữa dùng tiền bạc tài vật v.v... vậy.

Bắc-câu-lô-châu Tiếng Phạm, hoặc gọi là Uất-đơn. Hoặc nói là Uất-đa-la-câu-lâu. Đây dịch là trên cao, cũng gọi là chỗ vuông cao hơn, cũng nói là Thắng châu.

Đổ-sử-đa-thiên. Tiếng Phạm cũng nói là đâu-sức-đa, hoặc gọi là Đâu-suất-đà đều là Phạm âm. Chuyển dịch sai. Trung Hoa dịch là diệu túc thiên, cũng nói là tri túc thiên.

Lạc biến hóa thiên. Ngược lại âm ngũ khảo. Nhưng ở đây nói là

thiên là bởi vì do thật có người nữ nơi tâm biến hóa có nhiều ái nhiễm với người nam; cho nên nói cái tên như vậy. Xưa nói là hóa lạc thiên; vì lâu ngày nên âm bị thất lạc mất vậy.

Tô-mê-lô-sơn. Tiếng Phạm. Hoặc gọi là Tu-di sơn. Trung Hoa dịch là Diệu cao sơn; cũng nói là, Hảo quang sơn (là núi có phát ra ánh sáng đẹp). Xưa nói là là sai nói lược vậy.

Tằng cấp. Ngược lại âm tặng đăng âm dưới là cư lập. Theo văn nói Tằng là thứ lớp tầng lớp; cấp là bậc thềm thứ tự bậc thang.

Luân vi sơn. Tiếng Phạm nói là Giá-ca-la. Trung Hoa dịch là Luân sơn. Xưa dịch là Thiết cố vi, tức là nghĩa xoay vòng quanh. Bổn nghĩa không có tên thiết. Người dịch lấy tên vậy thôi.

Tình minh. Lại viết tinh sinh, hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tự doanh. Theo Thanh Loại có nghĩa là trời mưa đã tạnh, bầu trời trong quang đãng không có mây mù che.

Kiện-đạt-phược. Tiếng Phạm. Ngược lại âm cự kiến. Trung Hoa dịch là ngửi mùi thơm, cũng gọi là thức ăn có mùi thơm cũng gọi là Lạc thần. Trong kinh viết là hương thần là vậy. Xưa dịch là Trác đoàn bà, đều sai vậy.

Trung yểu. Trong văn lại viết yểu cũng đồng. Ngược lại âm ư kiểu. Giải thích tên gọi là trang thiếu niên mà chết gọi là yểu. Quảng Nhã gọi là chết yểu, giống như lấy vật ở trong mà bẻ gãy, nghĩa là chưa hết tuổi thành niên mà chết gọi là yểu, ý nghĩa là chết còn trẻ tuổi vậy.

Kiện nam. Ngược lại âm cự yển. Cũng gọi là già-ha-ra. Trung Hoa dịch là bền chắc, nghĩa là đến ngày thứ bốn mươi bảy khối thịt tròn đó mới chắc thật vậy.

Bát-la-xa-khư tiếng Phạm, cũng gọi là Ba-la-khư. Đây dịch là lần lần đến ngày thứ năm mươi bảy lúc dừng lại có hình tướng; nếu như đến ngày thứ sáu mươi bảy sẽ theo năm chỗ lại mọc ra tai, mũi, tay, chân v.v... cho nên có thứ lớp chi tiết gọi là mắt, tai sanh ra phong đại v.v... những lỗ chân tông.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 7

Hội ương. Ngược lại âm công nội. Âm dưới là nô hiếu. Theo văn nói nghĩa là hội loạn, không yên, mơ hồ, lộn xộn rối rắm. Theo sách vận

tập sử gọi là; Tạp loạn, hỗn tạp vậy.

Tam-ma-tứ-đa. Tiếng Phạm. Ngược lại âm hư lợi. Trung Hoa dịch là đẳng dẫn gọi là Thắng định, nghĩa là xa lìa được hôn trầm, trạo cử v.v... có thể dẫn đến, hoặc là dẫn tới bình đẳng, cũng gọi là là dẫn tới các công đức, hoặc là bình đẳng, chỗ dẫn tới gọi là định, như trước đã hành gọi là năng dẫn; công năng khéo léo dẫn đến pháp thiện.

Di duyệt. Ngược lại âm dực nhi. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vui vẻ, đẹp lòng, vừa lòng. Vui thích, an lạc trong lòng vậy.

Trung dung. Ngược lại âm dĩ chung. Theo sách Quảng Nhã cho rằng dung hòa. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng chung là thiện. Gọi chung là con người hài hòa, thiện tâm.

Đà-tác-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đồ nga. Trung Hoa dịch là nô tỳ là người làm công vất vả.

Lỗ-sĩ. Ngược lại âm lực cổ. Nghĩa là người phương Tây gọi là đất có hàm lượng chất mặn. Thiên nhiên sanh gọi là lỗ là mặn. Con người tạo gọi là hàm nghĩa là chất mặn.

Huân buôn. Ngược lại âm. Theo văn thông dụng gọi là bụi bặm đất dơ rất lên. Theo văn nói gọi là bụi trần.

Đất thất. Ngược lại âm đa-lặc. Đức gọi là phước đức, mất đi đức gọi là có lỗi, mất đi phước đức, nghĩa là những gì thu hoạch được đã mất đi. Đây là dịch theo chữ nghĩa vậy.

Giá sắc. Ngược lại âm da hà. Âm dưới là sở lực. Chữ lâm chủng, trồng trọt gọi là giá. Thâu hoạch gọi là sắc. Theo văn nói gọi là bông lúa thật gọi là giá một là ngoài đồng hoang dã, cũng gọi là giá.

Khao giác. Ngược lại âm khẩu giao, âm dưới là khổ giác. Theo văn thông dụng gọi là kiên cố bền chắc cứng rắn. Khao giác cũng gọi là đất không mầu mỡ, cằn cỗi vậy.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 8

Cần sách nam. Ngược lại âm sơ cách. Nghĩa là quất đánh súc vật, sai khiến, cần mẫn lao lực. Tiếng Phạm gọi là (Thất-la-mạt-nã-y-lạc-ca) Trung Hoa dịch là người nhỏ làm việc lao lực; cũng nói là tức từ nghĩa lòng từ, cũng gọi là hạnh ác, làm các việc bất thiện, chữ từ dịch nghĩa xưa gọi là sa-di nhỏ tuổi vậy, đó là dịch sai, nói tóm lược vậy.

Ô-ba-sắc-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm ô cổ. Cũng gọi là Ưu-bà-sa. nghĩa là đương tọ tam quy (Phật, Pháp, Tăng) trụ năm giới cấm; cũng nói là Ưu-bà-kha. Trung Hoa dịch là người nam. Một là cận sư (gần gũi làm các việc), hoặc nói là cận túc, cũng gọi là cận sự tam bảo (gần gũi chùa chiền) mà nghỉ ngơi ở nhà. Lại nói là Thiện túc, lại nói là thiện tín đều là do dịch nghĩa. Xưa dịch là Ưu-bà-tắc là sai vậy.

Ô-ba-tư-ca. Tiếng Phạm. Cũng gọi là Ưu-bà-tư-kha-ưu-bà. Trung Hoa dịch là Thọ tư kha. Đây dịch là người nữ, dịch nghĩa là đây dư, cũng đồng như trước. Xưa gọi là Ưu-bà-di là sai vậy.

Phiến-sĩ-bàn-trạch-ca. Tiếng Phạm âm sĩ ngược lại âm lặc giai. Trong kinh luận xưa hoặc viết là bát-trà-ca, đều Phạm âm, đọc nghe có nặng có nhẹ. Trung Hoa dịch là Huỳnh môn. trong kinh gọi là có năm loại người, một nửa nam, một nửa là nữ. Cũng gọi là Trạch-ca-y-lợi-sa. Trung Hoa dịch là Thạch nữ, nghĩa là khi thấy hành dâm dục tức là phát khởi nhưng không thấy được, bởi vì không có đủ nam căn, nên không thể sanh con. Cũng gọi là Tam-phiến-sĩ-bán-trạch-ca; nghĩa là từ trước tới nay nam căn không đầy đủ, cũng không thể sanh con được; cũng gọi là Tứ-bác-xoa-bán-trạch-ca-lưu-nã. Trung Hoa dịch là cắt bỏ, nghĩa là bị hình phạt cắt bỏ nam căn vậy.

Tư thố. Ngược lại âm từ tà. Nghĩa là lưới bắt thỏ gọi là tư. Giải thích tên gọi là tư. Giải thích tên gọi là tư nghĩa là trùm lên, che đậy, trùm lên để bắt thỏ vậy.

Âu kích. Ngược lại âm ô hậu. Theo văn nói gọi là cái roi đánh ngựa. Chữ viết từ bộ thù; nghĩa là tên của loại binh khí ngày xưa.

Xướng lịnh gia. Ngược lại âm trên là huyễn nhương. Gọi là người làm âm nhạc người làm trò vui; Lại cũng gọi là người đi tìm mùi hương thơm, nghĩa là người không có sản nghiệp nhà cửa, chỉ sống bằng nghề hành khất, nếu thấy có chỗ quán ăn uống, tức thì đi qua lại đến đó là bày ra xướng hát kỹ nhạc để cầu xin tài thực để nuôi sống vậy.

Chiên-trà-la. Tiếng Phạm. Ngược lại âm trực gia. Trung Hoa dịch là người nắm giữ quyền hành bạo ác, cũng gọi là ác xác, nghĩa là diệt hết tiêu diệt hết; cũng gọi là đồ xác nghĩa là người đồ tể chuyên giết mổ các loại súc vật, tên gọi là Niết là vo lại xoắn lại thành cục, người này nếu đi thì dùng cái linh mà lắc để nêu lên cho mọi người biết, hoặc là dùng đầu gậy mà đập phá, nếu không làm như vậy thì họ cho rằng có tội. Xưa dịch là Chiên-đà-la là sai vậy.

Yết-sĩ-na. Tiếng Phạm. Ngược lại âm cư-yết. Trung Hoa dịch là người nấu thịt chó.

Lăng miệt. Ngược lại âm nhẫn chủng. Âm dưới là mạc kiết. Lăng nghĩa là xâm phạm làm nhục; miệt nghĩa là khinh thường, làm tổn thương danh dự người khác vậy.

Thiêm lợi. Ngược lại âm tức liêm. Quảng Nhã cho rằng: Thiêm là cái thẻ tre dùng để xin xăm cầu lợi; cũng gọi là con dao bén gọi là thiêm, con dao rất sắc bén.

Mạc-ni. Tiếng Phạm. Ngược lại âm mang bát, cũng gọi là ma-ni. Trung Hoa dịch là bảo châu, tên là hạt châu ngọc tròn vậy.

Triệu nhiên. Ngược lại âm đồ điêu. Triệu nghĩa là mang đi xa vậy.

Châu chữ. Ngược lại âm. Âm dưới là chỉ dữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cồn bãi ở giữa nước gọi là châu bãi cát nhỏ gọi là chữ; chữ là bãi cát nhỏ giữa nước.

- **QUYỂN 9** (Trước không có âm.)

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 10

Xúc tích. Ngược lại âm tử lục. Âm dưới là tử diệc. Quảng Nhã cho rằng: Xúc tích là dáng vẻ cung kính, khép nép sợ sệt. Theo chữ lâm nghĩa xúc tích không tiến tới vậy.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 11

Phúng tụng. Ngược lại âm bất phụng. Chữ phúng nghĩa là ca vịnh khen ngợi, chữ tụng nghĩa là học thuộc lời văn. Trong sách Chu Lễ chú giải rằng: Bởi dưỡng văn chương gọi là tụng; dùng âm thanh khúc tiết ca ngâm gọi là phúng. Âm bội ngược lại âm bội.

Trệ tập. Ngược lại âm Trương vệ. Âm dưới là thất lập. Nghĩa là nối tiếp theo, nối liền lại với nhau. Theo văn nói gọi là biên tập, viết văn, làm văn tổng hợp biên tập.

Lạc-xoa Tiếng Phạm; cũng nói là lạc-sa. Đây gọi là đương thời là

mười vạn một trăm lạc-sa là một câu huyễn.

Tác-phạt-nhã. Tiếng Phạm. Trung Hoa dịch là Nhất thiết trí; xưa dịch Tát-bà-nhã là sai vậy.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 12

Khắc-già-sa tiếng Phạm. Ngược lại âm cự hưng. Tên của một con sông. Gọi là ao nước Vô nhiệt não chảy từ Đông sang Tây. Giống như cái miệng phún nước chảy vào biển Đông. Con sông này có cát rát mịn, theo nước đồng chảy đi, nếu dùng tay hất nước là có cát cùng nước đầy trong tay, nhanh chóng nắm lại cát hãy còn theo nước chảy đi. Trong kinh nói rất nhiều, đây là ví dụ. Xưa dịch là hằng hà sa là sai vậy.

Mao huy. Ngược lại âm hứa bì. Nghĩa là giơ tay lên gọi là huy nghĩa là dùng ngón tay để chỉ; gọi là chỉ huy.

Ky lộng. Ngược lại âm cư y. Quảng Nhã gọi là châm biếm, cười cợt; theo văn nói cho rằng: Ky là chê bai vậy.

Hủy tử. Ngược lại âm tư nhỉ. Dùng miệng hủy nhục gọi là tử. Theo văn nói gọi là xỉ vả, trách mắng người khác vậy.

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 13

Sở dựng. Ngược lại âm dực chứng. Nghĩa là ôm hoài bảo trong lòng gọi là dựng. Dựng nghĩa là mang thai, ngươi mang bào thai trong lòng.

Ba-la-ni. Tiếng Phạm. Ngược lại âm nữ hiệt. Tên của một nước. Xưa gọi là Ba-la-nại. Dịch là Giang nhiễu vực. Nói đây là nước Lương; có các màu sắc xanh vàng; nên tên hòa hợp với màu sắc vậy.

Ô-mạc-ca Hoa-đẳng-sắc. Tiếng Phạm; Tên câu sanh sắc.

Ô-sa-tư-tinh. Tiếng Phạm. Đây dịch là sao Thái bạch. Bởi vì ngôi sao màu trắng vậy.

- **QUYỂN 14,15** (Trước đều không có âm.)

ĐỐI PHÁP LUẬN
QUYỂN 16

Anh tuấn. Ngược lại âm y kinh. Lại viết tuấn cũng đồng. Ngược lại âm tư nhuận. Theo sách Hoài Nam Tử cho rằng: Trí tuệ vượt hơn vạn người gọi là anh. Vượt hơn ngàn người gọi là tuấn. Tuấn còn gọi là một con người diện mạo xinh đẹp khác thường vậy.

Xiển-đạt-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đồ-lạc. Tên của người. Đây dịch là dục lạc.

Táo cấp. Ngược lại âm Tổ đáo. Theo sách Luận ngữ gọi làNói chưa kịp mà nói gọi là táo. Táo còn gọi là gây não loạn không yên tịnh, cũng gọi là động, ồn ào, gây não loạn vậy.

Xiển-đà luận. Gọi Trung luận thứ năm tên Xiển-đà luận. Giải thích là Tác-đầu-lô-già pháp. Luận này gọi đệ tử của Phật là người tu tiên có ngũ thông, nói kệ tên Đầu-lô-già.

****

TRUNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Cảnh giới. Ngược lại âm trên là canh hạnh Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cảnh nghĩa là tính hình ngay thẳng cung kính. Trong sách tập vận gọi là một đoàn xe rầm rập. Theo sách vận anh gọi là cảnh cảnh là phập phồng lo sợ không yên. Theo Khảo Thanh gọi là cảnh cũng là giới nghĩa ngay thẳng rõ ràng. Theo văn nói gọi là sáng tỏ, sáng suốt, thông suốt. Chữ viết từ bộ Nhĩ thanh hỏa. Âm dưới là giai giới. Lưu Hy chú giải sách Mạnh Tử rằng: Giới nghĩa là ý chí không thay đổi, giữ tiết tháo vậy. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Giới là tiết tháo, giữ ý chí vững vàng không quên, không thay đổi. Theo văn nói chữ viết từ bộ Nhân thanh giới; văn luận lại viết từ bộ bát viết thành chữ gọi là giới nghĩa là trụ giáp; chẳng phải nghĩa của chữ cảnh giới này vậy.

Vu ải. Ngược lại âm khác giới. Cố Dã Vương cho rằng: Ải là nơi bức trắc hiểm trở. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Ải là nơi nhỏ hẹp. Theo văn nói chữ viết từ bộ Phụ thanh ích tỉnh. Chữ chánh thể viết từ bộ Khái thanh viết thành chữ ải. Sách lễ ký cho rằng: Ải là nơi hiểm yếu nhỏ hẹp. Theo văn nói chữ viết từ bộ Phụ thanh ích tỉnh; chữ chánh

thể viết từ bộ khái bộ viết thành chữ ải vậy.

Xưởng huyền. Ngược lại âm xướng dưỡng. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: xưởng là dáng mạo cao lớn rộng rãi phóng khoáng. Có thể xây dựng trên vùng đất cao bằng phẳng, nhìn ra xa. Theo văn nói chữ viết từ bộ Phộc thanh thượng, âm phộc. Ngược lại âm phổ bốc.

Hầu thâm. Ngược lại âm trên là hầu câu biên soạn giải thích rằng: hầu là cổ họng, yết hầu. Theo sách Chu Lễ gọi là cung của Tể tướng, nơi ra vào của vua, nghe theo mạng lịnh của vua. Theo văn nói chữ viết từ bộ Khẩu thanh hầu. Ngược lại âm dưới là cẩm lâm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vạt áo phía trước gọi là khâm. Quách Phác chú giải rằng: Tay áo, cũng gọi là cổ áo, người đứng đầu, cầm đầu. Theo văn nói chữ viết từ bộ Y thanh kim, hoặc viết khâm này. Trong văn luận viết từ bộ kim viết thành chữ khâm nay chữ thông dụng thường hay dùng. Âm nhậm. Ngược lại âm nhâm thậm. Âm tí ngược lại âm tử.

Tỳ-chi. Ngược lại âm tất-di. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tỳ-bổ là vá áo. Văn nói cho rằng: Tỳ là có lợi ích, bổ ích, chữ viết từ bộ Y thanh bì.

Trị ngoại. Ngược lại âm ly chỉ. Khổng Tử chú giải sách Thương Thư rằng: Trị là thống trị; quản lý, thống trị quản lý quốc gia; xử phạt, chỉnh tu. Cố Dã Vương cho rằng: Trị là sắp xếp cho yên ổn, sửa chữa. Chữ trong sách gọi là sửa đổi pháp tắc, đặt ra luật lệ, sửa đổi hình phạt; ngăn chặn kẻ gian tà. Văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh dài. Âm đài ngược lại âm dĩ chi.

Khử nội. Ngược lại là âm viễn ngư. Theo Khảo Thanh gọi là khử là bỏ đi, vứt bỏ, trừ khử. Văn nói chữ viết tự bộ Y thanh khứ.

Vi nữu. Ngược lại âm nữ cữu. Chữ vi nữu là tiếng Phạm, tên của một vị trời.

Tiên hữu tiên vô. Đều là tên các vị tiên. Ngược lại âm yên.

TRUNG LUẬN
QUYỂN 2

Bồ phục. Ngược lại âm trên là bộ ngô âm dưới là bằng bắc. Trịnh Tiển chú giải trong Mao Thi Truyện: Vận dụng hết sức lực. Trong văn nói cho rằng: Làm việc bằng tay. Hai chữ đều từ bộ bao, đều là thanh bổ phúc. Âm phúc ngược lại âm bì lực. Âm bao lại cũng bao vậy.

Hữu quyền. Ngược lại âm cự viên. Theo Khảo Thanh gọi là nắm tay, nắm đấm. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Dùng sức đánh quyền. Theo văn nói chữ viết từ bộ thủ đến bộ Quyển thanh tỉnh. Trong văn luận viết từ bộ Quyển viết thành chữ quyền cũng thông dụng vậy.

TRUNG LUẬN
QUYỂN 3

Như khoán. Ngược lại âm khuyết nguyện. Theo Vận Anh Tập gọi là khoán ước, là tờ khế (văn tự làm tin) ngay nay gọi là hợp đồng hay phiếu. Theo Thanh Loại gọi là to lớn gọi là khoán, nhỏ gọi là khế. Theo văn nói gọi là khế. tức là khế ước chứng thư. Chữ viết từ bộ Lực thanh quyển.

Dụ thạch. Ngược lại âm tha hầu. Tỳ Thương cho rằng: Dụ thạch giống như kim loại vàng. Theo văn nói chữ viết từ bộ Kim thanh dụ.

Bồn ung. Ngược lại âm trên là. Tiếng địa phương gọi là chậu sành. Theo sách Chu Lễ Khảo Công Ký cho rằng: Người thợ làm đồ gốm làm ra cái chậu, thật là làm hai lớp dày chiều cao một tấc mười phân. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mảnh thanh phân. Trong văn luận viết từ bộ ngãi viết thành chữ ung. Chữ thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là ông cống. Văn nói gọi là cái bình miệng nhỏ bụng to. Chữ viết từ bộ Ngõa thanh công. Âm phủ. Ngược lại âm phụ.

TRUNG LUẬN
QUYỂN 4

Hào ly. Ngược lại âm trên hồ cao. Theo Khảo Thanh gọi là lông dài. Theo văn nói dữ từ bộ Mao đến bộ Hào thanh. Ngược lại âm âm dưới là lý chi. Theo Khảo Thanh gọi là mười hào làm một ly. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mao đến bộ Ly thanh tĩnh.

Hoán y. Ngược lại âm hằng giản. Trinh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Hoán gọi là Trạc nghĩa là tẩy rửa. Chữ trạc tên của một con sông ở Trung Quốc. Lưu Triệu chú giải Công Nương Truyện: Trạc là sanh ra tập luyện gọi súc miệng. Ngược lại âm diệp thủ. Xưa gọi

là trừ bỏ đi cấu uế, gọi là hoán. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh cán. Văn luận viết từ bộ Thủy đến bộ Hoàn chữ thông dụng hường hay dùng vậy.

Nghệ giả. Ngược lại âm ngư kế. Tỳ Thương gọi chữ nghệ xy là cắt gặt thu hoạch lúa thóc. Vuông dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cắt bỏ gọi là nghệ, gặt hái ngũ cộc gọi là hoạch, thu hoạch. Theo văn nói chữ viết từ bộ Đao thanh hựu. Âm kế ngược lại âm cư hựu.

Nê kích. Ngược lại âm trên là nô hề. Cố Dã Vương cho rằng: nê là chất bùn sơn quét lên. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủy thanh ni. Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Kích là lũy. Xây bức tường bao quanh. Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là lấy khắc thành miếng vuông giống như ngói mà chưa nung đốt gọi là kích, nghĩa là gạch ngói chưa nung chín, cho nên bện tre làm thành lũy. Văn nói chữ viết từ bộ thổ đến chữ kích thanh Tỉnh âm tích ngược lại âm bổ bích.

Kiêm nghệ. Ngược lại âm lực chiêm. Quảng Nhã cho rằng: Nghệ là dụng cụ để gặt hái thu hoạch lúa thóc. Theo văn chữ tự điển nói rằng: Nghệ là con dao. Theo văn nói chữ viết từ bộ Kim thanh kiêm vậy.

Thứ xuất. Ngược lại âm tiện diên. Theo văn nói gọi là thứ trong miệng tiết ra nước dãi lại có nghĩa là mong muốn ngưỡng mộ. Chữ viết từ bộ Thanh khảm. Theo truyện Đông Tích chữ viết từ bộ khẩu viết thành diên nghĩa khen ngợi. Theo sách Giả Nghị chữ viết từ bộ tiện viết thành chữ tiện này nghĩa cũng đồng; nghĩa là ngưỡng mộ, hâm mộ tài năng. Văn luận lại viết từ bộ viết thành diên này là chữ thường hay dùng vậy.

Lương truyền. Ngược lại âm trên là lực dương. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cây xà ngang gọi là Lương. Quách Phác chú giải rằng: Là cây cột lớn trong nhà. Theo văn nói chữ viết từ bộ mộc đến bộ Thủy nhẫn Thanh nhẫn. Ngược lại âm dưới là trường luyến. Theo Khảo Thanh cho rằng: truyền là cây rui nhà. Theo văn nói gọi là cây mè cũng gọi là cây rui, chữ viết bộ Mộc duyên thanh tỉnh âm duyên. Ngược lại âm truyền luyến âm luyến. Ngược lại âm lực quyền.

****

BÁT NHÃ ĐĂNG LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Như miệt. Ngược lại âm. Tỳ Thương cho rằng: Chẻ tre ra thành miếng nhỏ. Theo Thanh Loại gọi là chẻ cật tre làm dụng cụ dùng đồ cúng tế ngày xưa. Ngày nay ở đất Thục mở trong ra đều gọi là làm bằng cật tre. Âm biên âm di chiếc. Ngược lại âm tư lịch. Chữ viết từ bộ Cân phân mộc là tích. Nay là chữ thông dụng hay dùng đều viết chữ tích chữ viết từ bộ cân.

Hiệt mục. Ngược lại âm hiền kiết. Gọi là lấy sợi tơ dệt thành miếng lụa. Khi mở ra có vân đường vân gọi là Hiệt là lụa có vân.

Đàn trát. Ngược lại âm trang hiệt. Tam Thương gọi là cây hồng. Nay ở Giang Nam gọi là xé lột miếng gỗ ra gọi là thị, mở bên trong ra gọi là trát, tức là văn thư từ, hoặc là gọi Thị trát, bao đựng văn thư từ. Âm thị. Ngược lại âm phu phế.

BÁT NHÃ ĐẶNG LUẬN
QUYỂN 2

Chúc ly. Theo Thanh Loại lại viết tắng là cái cái siêu. Lại viết lại viết đều đồng nghĩa. Ngược lại âm tử dựng, âm dưới văn viết ly ngược lại âm tài tâm. Chữ tâm tắng là cái siêu. Thường chế tạo dưới đáy có bảy lỗ nhỏ, khi sử dụng dùng lấy vĩ dậy ở dưới đáy để hấp hoặc chưng. Chữ ly là cái nồi đồng lớn, cũng gọi là cái đỉnh có ba chân lớn trên lớn dưới nhỏ, giống như cái siêu.

BÁT NHÃ ĐẶNG LUẬN
QUYỂN 3

Diêu sư. Ngược lại âm dĩ chiêu. Theo văn nói nghĩa là lò nung gạch ngói. Văn thông dụng gọi là lò nung gốm sứ gọi là diêu là vậy.

Toàn trục. Ngược lại âm thiên toán thất loạn hai âm. Toàn nghĩa là gom góp lại, cũng có nghĩa ném đi ném vỡ đi. Nay ở Giang Nam cho rằng: người thợ làm công dùng cái dùi khoan, người thợ làm kim cương.

Âm đơn hề. Ngược lại âm Nhược hề.

Ốt-yết. Ngược lại âm Ô một. Âm dưới là cư yết.

BÁT NHÃ ĐẶNG LUẬN
QUYỂN 4

Tử khoáng. Ngược lại âm cổ mảnh. Gọi là ba la xa thọ trấp. Màu sắc này rất đỏ, dùng vỏ cây để nhuộm các loại thảm là vậy.

Tiêm lợi. Ngược lại âm tức liêm Quảng Nhã cho rằng: Dùng dao sắc bén chẻ tre làm xăm, thẻ xăm, xin xăm; gọi là dao bén gọi là Tiêm là sắc bén.

BÁT NHÃ ĐẶNG LUẬN
QUYỂN 5

Hậu lung. Ngược lại âm lực đông. Theo văn nói cho rằng: lung là cái lồng cái giỏ. Tam Thương gọi là cái lồng, gọi là cái chuồng nuôi cầm thú, lan can song cửa nhốt thú nuôi.

Phong ngưu. Trong Hán Thư cho rằng: Ở Tây Vực có phong cho loại bò một chức vị. Đặng Tiển cho rằng: Trên lưng của nó có cái yên giống như yên con lạc đà. Chữ khó viết phong ngược lại âm phi phong. Nay có loại bò này hình nhỏ (T624) trên lưng có phong, sắc phong là vậy.

Thùy hồ. Lại viết cổ hồ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hộ cô. Theo văn nói hồ gọi là cổ con bò rũ xuống vậy. Văn luận viết hồ chẳng phải thể chữ vậy.

- **QUYỂN 6, 7, 8, 9** : (Trước không có âm giải thích vậy.)

BÁT NHÃ ĐĂNG LUẬN
QUYỂN 10

Sanh hoàn. Ngược lại âm công đoan lại là âm hoàn. Đây nói rằng loại cỏ ngoài giống như cây cỏ nhiếp, bên trong trắng giống như xương bồ, cỏ xương bố mà lại hình tròn. Quảng Nhã cho rằng: Cơ nhiếp bồ (tức là cói, cỏ cói) có thể dùng làm dệt chiếu, cỏ thường mọc trong nước đồng ruộng. Nay cũng gọi là Hoàn vậy. Là cỏ dệt chiếu (giống ở miền Nam gọi là cây lát).

Tiển can. Ngược lại âm công hãn. Nghĩa là chòi tranh. Văn luận viết can chẳng phải thể chữ vậy.

Lân kiên. Lại viết lân này cũng đồng. Ngược lại âm lực chấn, lực chân hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lân là bên trong tất chắc chắn. Quách Phác cho rằng: Lân là tên của loại trúc tre, bên trong rất chắc chắn, có thể dùng làm giường ngủ vậy.

BÁT NHÃ ĐĂNG LUẬN
QUYỂN 11

Minh phàm. Lại viết phàm phàm hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm phò nghiêm. Văn thông dụng gọi là theo gió mà bay cao, gọi là phàm. Giải thích tên gọi là Tùy theo gió mà căng buồm gọi là phàm. Nay hoặc dùng vải mà thêm vào hoặc như chiếu có thể làm buồm vậy.

BÁT NHÃ ĐĂNG LUẬN
QUYỂN 12

Thiềm thứ. Ngược lại âm chi diêm âm dưới là dĩ chư. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thiềm là con cóc. Quách Phác gọi là nó giống như con ểnh ương, ở trong ụ đất. Hoài Nam Tử gọi là con cốc đực. Sơn Đông gọi là con muỗi. âm văn ngược lại âm phương hả. Ở Giang Nam văn thông dụng gọi là con cốc. Âm chủ. Ngược lại âm thực dư.

BÁT NHÃ ĐĂNG LUẬN
QUYỂN 13

Ca bô. Ngược lại âm bổ hồ. Đây gọi là con bồ câu nuôi trong nhà vậy.

- QUYỂN 14, 15 (Đều trước không có âm.)

****

THẬP NHỊ MÔN LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*

Cơ trữ. Ngược lại âm văn dữ. Chữ Lâm Cơ nghĩa là nắm giữ bộ phận chính yếu, nắm giữ đầu mối. Nay văn thông dụng gọi là trữ là cái khung tre để dệt âm thành. Tỳ Thương cho rằng: con thoi bằng trúc để diệt.

Khẩu sảng. Ngược lại âm sở lượng. Tiếng Phạm gọi là mỹ bại gọi là sảng. Sảng bại. Nhĩ Nhã cho rằng: Sảng là trong sáng mát mẻ, trời sắp sáng mát mẻ vậy.

****

THẬP BÁT KHÔNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thê thác. Ngược lại âm trên là tích khể. Sách Nhĩ Nhã gọi là thê là nghỉ ngơi. Văn nói chữ viết từ bộ Mộc thanh tây. Hoặc là viết thê này cũng đồng. Ngược lại âm dưới là thang lạc. Tiếng địa phương gọi là Thác là dựa theo, vin theo. Theo văn nói gọi là gởi gắm, phó thác chữ viết từ bộ Ngôn thanh âm. Thác ngược lại là âm trắc thác.

Ngạn băng. Ngược lại âm nga cán. Nhĩ Nhã cho rằng bến nước mà cao gọi là ngạn. theo văn nói gọi là chỗ cao, nơi cao. Chữ viết từ bộ sơn, hán Thanh thiên. Ngược lại âm dưới là bắt bằng Trịnh Tiễn chú giải sách Mao Thi truyện rằng: Băng là hủy hoại. Theo văn nói chữ viết từ bộ Sơn thanh bằng. Văn cổ cũng viết từ bộ phụ âm nghiễm. Ngược lại là âm ngũ cát.

Ưu-câu-khư. Âm trên là ưu. Âm giữa là câu. Âm dưới là khiếp ca. Tiếng Phạm.

****

BÁCH LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Tăng khư. Đây nói sai, nên nói Tăng-xí-đa. Đây dịch là số. Vì luận này lấy hai mươi lăm căn làm tông. Xưa dịch là hai mươi lăm đế.

Vệ Thế Sư. Đây dịch sai nói lược, nên nói bi tư ca. Luận này gọi là thắng hơn luận kia, vì luận này lấy sáu câu nghĩa làm tông chỉ; xưa dịch là Lục đế. Âm tư ngược lại âm sở giai.

BÁCH LUẬN
QUYỂN HẠ

Diên thực. Ngược lại âm thi diên. Âm dưới là thời lực. Diên là nơi hoang vắng xa. Yếu ớt, là vùng biên giới thường xảy ra đánh nhau. Thực là đất thô, đất sét, không màu mỡ gọi là thực.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Huyền Ứng soạn dịch.

QUYỂN 48

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN - *Đại Đường Tân dịch.*
QUYỂN 1

Du-già. Ngược lại âm dương chu. Đây dịch là ứng dụng; gọi là tất cả thừa, cảnh hạnh quả v.v... chỗ có các pháp đều gọi là cảnh tương ưng, cũng gọi là tất cả chỗ đều duyên theo cảnh. Cảnh này cùng với tâm tương ưng cho nên gọi là cảnh tương ưng hành; gọi là tất cả hành; hành đây cùng với lý tương ưng, cho nên gọi là hành tương ưng với quả; gọi là Tam thừa Thánh quả. Đây gọi là quả vị trong các công đức, pháp cánh tương ưng phù hợp, thuận theo, cho nên gọi là quả tương ưng vậy.

Sư Địa. Sư, gọi là người thông hiểu tam thừa hạnh do nghe. Đây gọi là thứ lớp, từng bậc, lần lần huân tập, như vậy Du-già là tùy theo phần đầy đủ, rồi lần lần điều hóa các chúng sanh cho nên gọi là Du-già sư, sư đây gọi là người lấy đạo để giáo hóa người khác nên danh xưng là sư trong kinh xưa nói là quán hạnh, người hành giả quán sát các hạnh là vậy. Địa gọi là cảnh giới, chỗ sở y, chỗ nương theo hạnh, hoặc gọi là chỗ nhiếp tất cả các nghĩa là Du-già Sư, sở hạnh cảnh giới, cho nên gọi là Địa; Địa tức là mười bảy địa.

Ốt-đà. Ngược lại âm Ô-cốt. Ngược lại âm dưới là đồ ngã. Xưa dịch là Uất-đà-na là sai. Đây dịch là tập vật tán hoặc là nói nhiếp tán, cũng gọi là nhiếp thí.

Tam-ma-tư-đa. Ngược lại âm. Đây dịch là Đẳng dẫn, cũng gọi là Thắng định địa; hay xa lìa trạo cử, hôn trầm, dẫn tới bình đẳng, năng dẫn. Đây có hai nghĩa, hoặc là dẫn tới bình đẳng; gọi là dẫn các công đức, hoặc là bình đẳng sở dẫn. Đây gọi là định trước cộng thân hạnh, cho nên gọi là năng dẫn.

Bài hý. Ngược lại âm bại giai. Theo chữ bài nghĩa là người làm

trò vui, chỗ làm các trò bởn cợt cười đùa. Lấy mắt nhìn lòng cảm thấy vui vẻ. Tam Thương gọi là bài là thổi ống tiêu, tiếng tiêu thổi. Theo văn nói. Theo văn nói bài lý là chỗ làm trò ca hát vui vẻ chữ viết từ bộ qua thanh hư. Âm hư ngược lại âm là âm y.

Ứng thỉ chữ cổ và giải thích chữ cổ văn cổ lại viết thỉ cũng đồng. Ngược lại âm thực nhĩ. gọi là lấy cái lưỡi liếm ăn vậy.

Ứng tuyển. Ngược lại âm tợ diễn thực diễn hai âm. Theo văn nói tuyển nghĩa mút bú, là bu mút sữa. Âm thấu ngược lại âm sở giác.

Nhược tỉnh. Ngược lại âm tư định tư lịnh hai âm. Nghĩa là uống rượu. Văn thông dụng gọi là trừ bỏ say rượu gọi là tỉnh.

Nghi lộ. Chỗ làm là con đường, con đường cũng là đạo, sở hành oai nghi gọi là sắc, dựa theo mùi vị của hương thơm là con đường. Lại như oai nghi dựa theo tâm làm con đường.

Mạc ma. Ngược lại âm mạc bát. Đây gọi là chết từng khúc, từng đoạn, có thên trong, gọi là từng lóng đốt. Nghĩa là nếu như đánh, như tát người tức là sẽ chết.

Bổ-đặc-già-la. Theo bổn chữ Phạm chữ bổ đây gọi là Số-đặc-già Trung Hoa dịch là Thú la. Đây gọi là thủ, cũng gọi là Số thủ thú, cũng gọi là sát sát vãng lại là thường qua lại các nơi thú vui. Xưa cũng viết là Phất-già-la, phiên dịch tên là nhập; nói rằng là xả bỏ Thiên ấm, nhập vào nhân ấm, xả bỏ nhân ấm, nhập vào súc sanh ấm, gọi là cận tử nghiệp là vậy. Trong kinh lại viết Phúc-già-la, hoặc là viết Phú-già-la; đều là Phạm âm chuyển dịch. Người dịch đều phiên dịch là người, nói lục thú là tên thông cả con người, đó là nói quá sai lầm, lừa dối con người; cũng nói có ý giống như là nhiều quá không thể nghĩ lường; người khác có trí tuệ suy nghĩ nghĩa lý, nói là tên của con người, còn loài ngã quỉ sáng suốt thì không. Đây nói tên con người là như thế nào, riêng chẳng phải người dịch làm lạc mất đó sao!

Môn mạc. Ngược lại âm mạc bôn mạc bổn hai âm. Theo chữ môn mạn nghĩa là lấy tay nắm giữ vật. Chữ lâm môn nghĩa là an ủi vỗ về, vỗ nhẹ vậy.

Tự mạc. Lại viết xỉ cũng đồng. Ngược lại âm tài dữ. Văn thông dụng gọi là, nhai, cũng có nghĩa nghiền ngẫm. Tam thương gọi là nhai, lại cũng gọi là ngậm, thưởng thức mùi vị.

Giác lực văn cổ viết giác này cũng đồng. Ngược lại là âm cổ học. Quảng Nhã cho rằng: Giác là lượng sức, cũng gọi là thử sức. Theo văn nói giác là đưa lên dùng hay tay đưa lên nâng lên cao, đơn âm. Lại viết hoặc viết là người dùng cánh tay đưa lên. Đây là văn cổ, âm chữ thô,

ngược lại âm tại cổ. Nghĩa là thô lược. Chữ giác này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Hắc Nhu. Ngược lại âm nô cấu. Tỳ Thương cho rằng: Con cừu non. Văn thông dụng gọi là lông con dê cuộn lại gọi là nhu là vậy.

Hoặc tình. Lại viết tinh sinh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tự doanh. Theo Thanh Loại gọi là mưa đã dứt, mưa tạnh gọi là tình. Tình cũng là thấy được ngôi sao.

Hy hý lại viết hy này cũng đồng. Ngược lại âm hư chi. Theo văn nói gọi là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hy hý là bày trò hài hước vui cười vậy.

Mạnh quả. Trong sách lại viết quả này cũng đồng. Ngược lại âm khẩu quả. Hoặc nói là mầm, hoặc gọi là hạt nhỏ. Lại nói là bức hột nức ra nẩy mầm đều một nghĩa. Âm bức tiếng địa phương thường hay dùng vậy.

Tông khí. Ngược lại âm tử hồng. Quảng Nhã cho rằng: Tông là nền tảng, cội gốc, khí là thế gian. Gọi là chủng tộc nhân loại sinh sôi nảy nở ra sum suê. Mao Thi Truyện gọi là một cành sanh ra trăm cành, thế gian là vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 2

Kiện-nam. Ngược lại âm cự yển. Xưa dịch là Già-ha-na. Đây dịch là dày đặc chắc chắn; nghĩa là đến ngày thứ bốn mươi bảy cục thịt tròn mới là chắc thật.

Hắc ám. Ngược lại âm ư giảm. Theo chữ lâm ám là rất tối, tối đen, nói là hình sắc tối đen.

Yến hội. Lại viết an yến hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư ưng. Nghĩa là tụ tập ăn uống, vui chơi, cũng gọi là nhóm hợp nhỏ.

Túc bại. Ngược lại âm bổ giải. Gọi là cỏ dại mà giống như là ngũ cốc. Tiếng địa phương gọi là lúa ma.

Điện cương. Lại viết chữ điện điện hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đô điền. Ngược lại âm dưới là cư lương. Điện tức là té ngã nhào. Cương tức là té ngã ngửa rộng rãi. Gọi là té nằm ngửa ra.

Đãi tận. Ngược lại âm đồ cải. Đãi nghĩa là gần; Cơ cũng là gần,

ngăn cách mấy, ngăn cách bao nhiêu cũng gần. Âm cơ ngược lại âm cữ cơ.

Vẫn một. Ngược lại âm vu khắc. Theo Thanh Loại vẫn một nghĩa chết, bị rơi xuống mà chết. Đây là lời nói từ xưa đến nay.

Nghệ lợi. Ngược lại âm chương thức Quảng Nhã cho rằng: Nghệ lợi là sắc bén. Theo văn nói: Nghệ là nhanh nhẹn. Lại nói lợi cũng giống như nghệ. Nghĩa là sắc bén, nhanh nhẹn. Nhạy bén vậy.

Nhất trách văn cổ viết thác cũng đồng. Ngược lại âm tri cách. Căn thẳng trương ra gọi là trách. Quảng Nhã cho rằng: Trách là mở ra, mở rộng, khai mở ra vậy.

Khô cảo văn cổ viết cảo này. Theo văn nói viết cảo này cũng đồng. Ngược lại âm khổ đạo. Cảo nghĩa là cây khô héo vậy.

Kích chú. Ngược lại âm kinh lịch. Nước chảy xiết gọi là kích. Theo văn nói nghĩa nước chảy bị ngăn đọng lại khiến bắn vọt lên.

Phong tiêu. Lại viết đài cũng đồng. Ngược lại âm tỷ diệu. Nghĩa là bảo lớn, gió xoáy từ dưới đất xoáy lên cao, khiến (T625) bốc vỡ bay đi vậy.

Xung bạc. Ngược lại âm bổ mạc. Bạc nghĩa là đè nén, thúc ép, sát đến, gần kề đến sát.

Pha tri. Ngược lại âm trúc trì. Tiếng Phạm nói là Tắc-pha-tri-ca. Trung Hoa dịch là thủy ngọc, hoặc nói là bạch châu, viên ngọc trắng. Xưa dịch là pha lê là vậy. Trong Đại Luận gọi đây là vật quý lấy từ trong túi đá ra, ở trong hang núi nước qua đến ngàn năm trở thành pha lê châu. Theo Tây Vực, nước này không nấu được quá dư. Đây là vật chẳng phải nước, chỗ hóa thành loại giống như đá.

Trá ca. Chữ Lâm. Ngược lại âm đinh các. Lại âm dưới là trúc cách. Gọi là núi đá. Đây không hội đủ điều kiện giải thích, cho nên vẫn giữ nguyên tên bổn gốc này.

Khiết đạt. Ngược lại âm khư yết. Đây gọi là gánh củi từ trên núi. Núi này rất nhiều cây nên lấy cây mà đặc tên vậy.

Ê la khí. Ngược lại âm nhất hề tên của loại cây. Trong kinh luật xưa viết y la khí là sai vậy.

Trùng cấp. Ngược lại âm ký lập, cấp nghĩa là thứ bậc. Gọi là thứ lớp là cấp bậc cao thấp là vậy.

Du hanh. Ngược lại âm hồ sĩ. Hạnh ngộ, là gặp nhau. Lại nói rằng người dân mà được vua chiếu cố đến đều được ân trạch gọi là hạnh.

Tẩn ô. Ngược lại âm bi tận bi tử, hai âm. Theo văn nói: Tẫn là loại súc sanh vật giống mái, khác với giống đực vậy. Giống mái gọi là tẫn,

giống đực gọi là lùng.

Phái lưu. Ngược lại âm phổ giải. Nước chảy phân rẻ ra các con sông. Theo văn nói cho rằng: Nước chảy xuyên biệt lập riêng một con sông. Quảng Nhã cho rằng: Nước chảy tự phân ra hai đường gọi là phái.

Khắc-già. Ngược lại âm kỳ thăng. Trung Hoa dịch là đến Thiên đường; là lấy từ bên ngoài kia. Trong sách giải thích rằng: Thấy xuất thế ra ở chỗ cao gọi là từ Thiên đường đến. Theo trong kinh Phật giáo thì đây gọi là từ con sông Vô nhiệt não chảy về hướng Đông, mà giống từ miệng mà chảy ra nhập vào biển Đông. Xưa gọi là sông Hằng cũng nói là sông Già; hoặc nói là sông Hằng ca; đều sai vậy.

Tuần kỳ. Ngược lại âm tợ quân. Theo văn nói gọi là đi, tuần hành, đi men theo, đi vòng quanh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần tự, theo thứ tự, tuân theo. Tự cũng giống như là theo vậy. Tuy theo đây mà dịch. Lại cũng viết tuần tự này cũng đồng văn cổ.

Thiết lạp. Ngược lại âm lãng hợp. Đây tên của cây; giống như là loại cây bồ kết, mà mọc sừng ra rất dài, trái trong có sợi tơ, chỉ, giống như bông gòn; nên gọi là Đố la miên, có thể dùng làm dệt y phục mặc vậy.

Canh đạo chữ thường dùng viết canh cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ca hoành. Nghĩa là loại lúa không dẻo. Ở Giang Nam gọi là canh, cũng gọi là đạo. Âm đạo tiếng địa phương gọi là tiên, là lúa lẻ.

Vô khái lại viết khái này cũng đồng. Thanh ngận nhập; một âm. Ngược lại âm bồ kết. Gọi là gạo chắc. Cũng gọi là gạo cứng đến như dùng gậy, roi, quất không bể ra được. Nay mở ra ở trong gọi lúa mạch, lúa vụn, lúa lẻ cứng, cũng gọi là lúa khất đầu. Ở Giang Nam gọi là lúa tế, lúa không dẽo. Âm đạo tử ngược lại là âm đồ cách.

Cố hề. Ngược lại âm miên kiến. Theo văn nói có thể Hề là liếc nhìn xéo, liếc xéo. Tiếng địa phương gọi là từ giữa của phía Tây nước Tần và Tấn nhìn qua gọi là hề.

Đệ tương. Văn cổ viết chữ này cũng đồng. Ngược lại âm đồ lễ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đệ là thay đổi, thay phiên nhau. Quách Phác gọi là trải qua, thay đổi, đi qua. Tiếng địa phương gọi là chuyển đưa đi, cùng nhau chuyển đi từng chặng đường. Âm điệt ngược lại âm dồ kiết.

Ha tử văn cổ lại viết tư hư hai tữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tử nhĩ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Không thể1 rằng: Dùng miệng hủy nhục người khác gọi là tử. Theo văn nói tử là trách mắng.

Ty khế âm dưới là khẩu thảo. Quảng Nhã cho rằng: Ty là làm chủ.

Theo văn nói cho rằng: Khế là tờ hợp đồng giao kèo khế ước lớn. Chữ viết từ bộ đại.

Bà-la-môn. Đây nói sai, nói tóm lược. Nên nói là Bà-la-dục-vị-nã, cũng nói là Bà-la-hạ-ma-nã. Đây dịch nghĩa gọi là người thừa sự tập pháp của Phạm thiên. Chủng loại người tự cho rằng: Mình là từ miệng Phạm thiên sanh ra. Trong bốn họ tộc giai cấp là thắng vượt hơn hết. Cho nên độc quyền nắm giữ tên là Phạm. Chỉ có ở Ngũ Thiên trúc có các nước tức là không có. Trong kinh nói rằng: Phạm chí, đây cũng là tên gọi. Nói cho đúng gọi là tịnh dẫn. Nói là miêu dẫn của Phạm thiên.

Hồ-lặc. Ngược lại âm lạc khác. Cũng nói là Mâu-hồ-lật-đa. Tiếng Phạm chuyển đọc. Xưa dịch tên là Ma-hầu-đa.

Phát phẫn. Ngược lại âm phò phẫn. Gọi là nổi hứng; cũng gọi là khí giận dữ quá xung thạnh, tức giận tràn đầy, căm phẫn căm giận, uất ức, thể hiện qua hình tướng vậy.

Phá cốc. Lại viết cốc cũng đồng ngược lại âm khẩu giác. Sách Ngô Hội Gian gọi là âm khốc. Vỏ bên ngoài của cái trứng cứng. Theo chữ là phàm vật mà vỏ cứng gọi là.

Phẩu thai. Ngược lại âm phổ hậu. Chữ phẩu cũng giống như chữ phá. Nghĩa là mở ra phá vỡ. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Phẩu là phân tách ra phân ra khỏi, tách lìa ra khỏi.

Phong nẩm. Ngược lại âm nhi thẩm chữ sâm. Nẩm là lúa chín, phong nẩm cũng gọi là được mùa.

Quan liêu. Lại viết chữ liêu này cũng đồng. Đồng làm quan với nhau gọi là liêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bạn làm quan với nhau.

Để tứ. Ngược lại âm đinh lễ. Âm dưới là tương lợi. Để nghĩa là nhà lớn làm các chợ ngồi bán, buôn bán. Tứ là bày ra, cho nên gọi là bày hàng hóa ra, các vật, để buôn bán gọi là để, tứ cũng là xếp hàng có thứ tự các loại hàng hóa, có các loại của cải lụa là, vải vóc, vàng ngọc tất cả đem bày ra chợ để buôn bán vậy.

Bức hiếp. Ngược lại âm hư nghiệp. Gọi là lấy uy quyền thế lực dọa nạt khiên cho người khác phải sợ hoặc nói hiếp bức người khác đều đồng một nghĩa vậy.

Cận sự Tiếng Phạm nói là Ô-ba-khiên-ca. Đây dịch là cân sự, nghĩa là gần gũi làm việc; gọi là thân cận Tam bảo mà phụng sự các việc.

Lão thục văn cổ viết kỳ kỳ hai chữ tượng hình. Nay viết kỳ này cũng đồng ngược lại âm mạc báo. Theo sách Chu Lễ tám mươi tuổi gọi

là Lão. Trịnh Huyền gọi là kỳ hôn nghĩa là trong lòng không rõ lẫn lộn; cũng gọi là loạn, cũng gọi là hay quê. Lão Thục, tức là lẫn lộn, loạn tâm quên nhiều.

Mục ngưu. Ngược lại âm mạc lộc vong lộc hai âm. Tam Thương gọi là coi sóc nuôi dưỡng. Tiếng địa phương gọi là nuôi súc vật cho ăn uống, nói chung là chăn nuôi gia súc.

Bổ-lô-sa. Xưa nói là Phú-lâu-sa. Đây dịch là sĩ phu; hoặc gọi là trượng phu đàm Thể; cũng gọi là Bổ-lô-sam sở tác sĩ, cũng nói Bổ-lô-nghiêm-nã. Ngược lại âm sở giai. Ngược lại âm dưới là nữ da; cũng nói là cặp năng tác sĩ, cũng nói là Bổ-lô-sa-da sở vi sĩ; cũng gọi là Bổ-lô-sa-phả. Ngược lại âm đô ngã. Cũng nói sĩ sổ tùng sĩ, cũng nói là Bổ-lô-sát sở thuộc sĩ, cũng gọi là Bổ-lô-đoạn. Ngược lại âm sở giới. Cũng gọi là Sở y sĩ. Đây là Thanh Loại rõ ràng trong thất chuyển, bảy lần chuyển pháp luân của Phật. Gọi là Triệu Thanh vậy.

Vụ hải. Ngược lại âm dưới là ai. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hải vụ nghĩa là sợ hãi chạy tán loạn lên. Quảng Nhã cho rằng: Sợ hãi chạy phóng lên, nhảy lên lồng lên.

Lưu chuyển. Tiếng Phạm nói là Tăng-bà-lạc. Đây dịch là lưu chuyển; gọi là tuần hoàn qua lại nơi lục thú không dứt. Như là nói sanh tử vậy. Theo tiếng Phạm nói là Thiện ma. Đây dịch là tái sanh phán tội. Đây cũng dịch là chết, nói khác đi, lấy bổn gốc khác tên là nam. Âm nam ngược lại âm nữ hàm vậy.

Tạp Nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Nay lấy các sắc vật khác hòa lẫn với nhau gọi là nhu cũng gọi là tạp. Theo văn nói gọi là cơm trộn lộn với thức ăn vậy.

Hỗn trọc. Ngược lại âm hồ côn hồ cổn hai âm. Gọi là hỗn loạn, cũng gọi là tiếng nước chảy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 3

Phân tích. Ngược lại âm tư lịch. Phân nghĩa là phá vỡ ra. Chữ viết bộ cân phân mộc là chiết tự ý nghĩa là bẻ gãy. Nay văn thường hay dùng viết chữ nghiêng đều từ bộ phiến.

Trì chiểu. Ngược lại âm chi nhiêu. Theo văn nói chiểu là cái ao tròn uống cong mà nhỏ.

Khổng khích. Ngược lại âm khưu nghịch. Theo văn nói gọi là khe hở của vách tường. Có lỗ hở. Quảng Nhã cho rằng: lằn nức có khe hở. Chữ viết từ bộ phụ đến bộ trên dưới bộ tiểu.

Hữu thuấn. Trong sách Liệt Tử viết Thuấn cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm Thi nhuận. Theo văn nói cho rằng: Thuấn là con mắt nháy mở to, dao động.

Bát cương sách toán văn lại viết cương này cũng đồng. Ngược lại âm cổ lãng. Gọi là cái trống lớn.

Đô bát. Ngược lại âm đồ nam. Gọi là cái trống nhỏ.

Tốt đổ. Tiếng Phạm gọi là Lô ca hương. Ngược lại âm Tô cốt. Âm dưới là đô cổ. Trong kinh xưa gọi là Đâu lâu bà hương là vậy.

Long não hương. Theo Tây Vực gọi là Yết-bố-la hương. Cây thân giống như cây tùng. Lá, hoa, quả lại khác biệt. Lúc đầu hái xuống ướp nước chưa có nghe mùi thơm. Sau khi cây khô rồi đẽo gọt chẻ ra cây bên trong mới có mùi thơm, hình trạng giống như là mây ngũ sắc, cũng giống như tuyết. Đây gọi là long não hương.

Xạ hương. Ngược lại âm thần dạ. Lại âm thạch hình. Xạ hương là loại thú giống như con hươu nhưng nhỏ, không có sừng. Con đực răng chó lộ ra ngoài, ở bụng gần âm nang có tuyến tiết ra dịch thể rất thơm, cho nên gọi loại thú này là con xạ hương vậy.

Tô khắp mẻ. Ngược lại âm mê tể. Tên là hương. Đây phiên dịch không có bổn chánh, cho nên chỉ kinh nghiệm bản thân.

Thóa di văn cổ viết di này cũng đồng. Ngược lại âm tha kế. Tam Thương gọi là nước mũi chảy.

Sơ thái. Ngược lại âm sở ư. Phàm là loại rau có thể ăn được, thông thường gọi là sơ. Theo chữ sơ thái là loại rai cải để ăn vậy.

Bộc càn. Ngược lại âm bổ cốc. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Bộc là bày ra phôi khô dưới ánh nắng mặt trời. Chữ viết từ bộ nhật đến bộ xuất đến bộ bắc mễ. Chữ chỉ ý. Âm cũng ngược lại âm cự khúc. Cung là tay đưa lên.

Hưu dũ. Ngược lại âm hứa do. Âm dưới là du chủ. Quảng Nhã cho rằng: Hưu là vui vẻ, tin vui mừng, dũ là lâu dài có lợi ích vậy.

Đãng địch văn cổ viết đãng, cũng đồng. Ngược lại âm đồ lãng. Ngược lại âm dưới là đồ đích. Văn thông dụng gọi là dụng cụ đựng nước tắm rửa, thao, chậu tẩy rửa.

Hoặc xúc. Lại viết nặc, cũng đồng. Ngược lại âm nữ cách, nữ trác hai âm. Nặc nghĩa là cầm nắm, bắt giữ. Theo văn nói nặc là ấn xuống, lấy tay đè xuống.

Nhu đồng. Ngược lại âm như chu. Nhu là mềm mỏng, khéo léo, đồng nghĩa còn thiếu niên nhỏ tuổi. Xưa gọi là ma nạp, hoặc gọi là na bà. Dịch là thiếu niên, hoặc nói là tiểu niên tịnh hạnh gần gũi với người nho sĩ vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 4

Nhất pháp. Ngược lại âm bành hiếu. Nghĩa là mụn nổi phồng trên da. Theo văn nói là mọc trên mặt, khi nóng nhiệt khí, gọi là pháp là nổi mụn. Nay lấy đây mà dịch nghĩa vậy.

Hiết chiết diêm. Ngược lại âm hồ yết. Âm kế là trắc hạt. Âm dưới là trúc hàm. Nghĩa là tiếng than khổ ở địa ngục, nhân âm thanh mà đặt tên vậy.

Hác hác phàm. Ngược lại âm hồ các. Nghĩa là tiếng chống chọi với lạnh. Cũng nhân âm thanh mà đặt tên vậy.

Quỷ phạt. Ngược lại âm cự quỉ. Thiếu tiền tài vật dụng gọi là quỉ. Tạm thời không có gọi là phạt. Trong Kinh Thi nói rằng: Đứa con hiếu không có quỹ cất tài sản. Nghĩa là trong tư, rương, hòm, đã hết tiền của rồi vậy.

Huất nhiên. Ngược lại âm hồ vật. Thương Hiệt cho rằng: Huất là gấp gáp vội vàng, bỗng nhiên. Âm thốt ngược lại âm thô cố.

Thắng phanh. Ngược lại âm bổ hành. Gọi là dây đàn mặc gọi là phanh. Giang Nam gọi là bình. Âm phanh. Ngược lại âm phổ canh.

Nhược trác. Ngược lại âm Đô giác. Gọi là đẽo gọt, vót, khắc, đục đẽo. Theo văn nói gọi là chặt, đốn, chặt bằng dao; lại gọi là thêm vào dồi mài tay nghề gọi là trác. Âm tạm. Ngược lại âm tàm.

Nhược uyển. Ngược lại âm Ô quan. Gọi là dùng búa đẽo vót, gọi là uyển, cũng gọi là khiêu dậy trong lòng.

Sàm nhập. Ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã gọi là sàm là tạm thời. Tam Thương cho rằng: Nhỏ nhít, vi tế, kém, chẳng qua tý xíu mà thôi, qua loa.

Thiết uyển ngược lại âm. Chữ uyển gọi là cắt xén xỏ xâu thịt lại đem nướng (T626) gọi là uyển.

Trùy phủng. Ngược lại âm trực tray. Thương Hiệt giải thích rằng: Trùy là cái dùi, dùng để đánh nện vật. Chữ viết từ bộ mộc.

Hoặc trúc văn cổ viết trúc này cũng đồng. Ngược lại âm trắc lục. Theo văn nói trúc nghĩa là đập, giả, đâm. Quảng Nhã cho rằng: Trúc là đâm, dùng vật nhọn đâm vào.

Lưỡng bác. Ngược lại âm bổ mạc. Bác là cánh tay, hoặc có viết ngược lại âm tỳ mạc. Chữ bác này là vật mỏng, chẳng phải nay dùng vậy.

Trứu triếp. Ngược lại âm trắc cứu. Âm dưới là chi thiệp. Lại là âm triếp. Nay triếp này nghĩa là vật trùng lập và triếp nghĩa là cái quần, cái váy; đều là viết như vậy.

Thiết toàn. Ngược lại âm ký liêm. Toàn còn gọi là cái nhiếp, cái kẹp lấy vật. Văn thông dụng gọi là dụng cụ để khoan gọi là toàn. Toàn cũng là nắm lấy, giữ lấy, hoặc viết là kiềm, là thúc cổ của người lại, áp chế người lại. Chữ thiết Chẳng phải đây dùng vậy.

Dương đồng. Ngược lại âm dĩ lương. Gọi là nướng, thiêu đốt cho tiêu tan, cho chín nhừ, nung nhiệt. Tam Thương cho rằng: dương là biển lớn gọi là đại dương, nước trong biển lớn vậy.

Đường ôi. Ngược lại âm đồ lang. Âm dưới là ô dẫn. Văn thông dụng gọi là tro tàn; than còn nóng gọi là đường ôi.

Nhương-củ-trá. Ngược lại âm câu canh. Đây dịch là loại phân cức của loài côn trùng. Loại côn trùng này rất độc miệng nó có cây kim nhọn, có thể châm xuyên qua xương cốt người, mà cũng có thể ăn thịt người vậy.

Hắc lê. Ngược lại âm lực hề. Văn thông dụng gọi là nhuộm thành màu đen gọi là lê. Theo chữ gọi là màu vàng sậm vậy.

Tra xế. lại viết tra, cũng đồng. Ngược lại âm trắc da. Âm dưới lại là âm Xung thế. Giải thích tên gọi là Tra xoa gọi là năm ngón tay đều có thể nắm lấy, xế nghĩa là chế là ngăn lại, nghĩa là ngăn cấm khiến cho thuận theo vậy.

Tích lữ. Lại viết lữ này cũng đồng. Ngược lại âm lực cữ. Chữ lữ cũng giống như chữ tích vậy. Nghĩa là xương sống. Theo văn nói gọi là đốt xương sống, cũng gọi là nơi những bộ phận ở cao mà chính giữa; giống như núi nhạc vậy quá cao, nên có uy vũ, là trong tâm chính yếu, vì thế tam lữ ngày xưa phong đất cho các chư hầu là vậy.

Thiết chùy. Nay lại viết chùy này, lại viết cũng đồng. Ngược lại âm tử lụy. Quảng Nhã gọi là chùy là cái miệng. Chữ trong sách viết chữ chùy là cái mỏ của con chim, hoặc viết chùy, kiểm lại trong sách, sử các chữ, thì không có chữ này, chỉ có trong truyện Nghị Thất Kích Thi gọi là nghĩa là trống, chỗ trống, chỗ đất trống để uống nước suối, viết chữ

này âm cùng với âm dẫn cũng đồng, Ngược lại âm diễn.

Thám trác. Ngược lại âm tha hàm. Theo văn nói cho rằng lấy tin từ xa gọi là thám; cũng gọi là thăm dò lấy tin vậy. Ngược lại âm dưới là đinh giác. Nghĩa là chim ăn, mỏ con chim mở thức ăn mà ăn vậy.

Quyển túc. Theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ văn cổ, cũng đồng. Ngược lại âm ? ký viên. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Quyển là chỉ văn thư của quan, quyển thi, hồ sơ. Theo A Truyện cho rằng: Quyển là uống cong lại uốn khúc.

Pháo hội. Văn cổ viết hội, cũng đồng. Ngược lại âm là đối. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hội là một bên bị khuyết. Theo văn nói nghĩa rỉ ra, bị vỡ đê, nước chảy tràn.

Tai khôi. Ngược lại âm. Giải thích tên gọi là lửa, chỗ lửa thiêu đốt sức lửa quá mạnh nên gọi là tai nghĩa hỏa hoạn. Cũng gọi là thiêu đốt. Âm tai ngược lại âm tợ nhẫn.

(Tiếp theo trang 626) Ẩm vĩ. Lại viết chữ vĩ này, cũng đồng ngược lại âm nãi điếu. Theo chữ vĩ nghĩa là tiểu tiện.

Lâm lậu. Ngược lại âm lực kim. Tam Thương cho rằng: Lâm là nước thấm ướt, nghĩa là mồ hôi, đầm đìa, nhễ nhại.

Tủng lật. Ngược lại âm tư dũng. Ngược lại âm dưới là lực chất. Gọi là sợ hãi, run sợ. Run rẩy sợ sệt. Lật cũng gọi là ưa thích.

Tô-đà-vị. Trong kinh xưa viết là Tu-đà-phạn. Trung Hoa dịch là thức ăn cam lộ ở cõi trời.

Tưởng hóa. Lại viết là tưởng, cũng đồng. Ngược lại âm tử lượng. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Tưởng là khen ngợi, khen thưởng, cũng gọi là khen thưởng sự thành công, trợ giúp vậy.

Phấn qua. Ngược lại âm phương vấn. Quảng Nhã cho rằng: Phấn chấn. Chữ viết từ bộ đại đến bộ duy, bộ điền.

Huy nhẫn. Ngược lại âm hứa quy. Theo văn nói cho rằng: Huy là phấn chấn, chỉ huy. Quảng Nhã cho rằng: Huy là dao động huơ múa.

Khỉ điền. Ngược lại âm đồ kiên. Chữ lược. Gọi là đồ trang sức của phụ nữ hình hoa bằng kim loại.

Xa lộ. Trong bổn văn lại viết lộ, cũng đồng. Ngược lại âm hư cố. Bạch Hổ Thông gọi là tên của chiếc xe. Là lộ. Lại nói rằng sở dĩ chỗ đi là con đường, hoặc nói rằng: Con đường chánh, ngay thẳng; nói rằng người quân tử đi trên chiếc xe chạy trên đường ngay thẳng. Trong Mao Thi Truyện chú giải rằng: chiếc xe của người quân tử là đi trên con đường lớn.

Liễn dư. Liễn dư ngược lại âm lực triển. Ngược lại âm dưới là

dương chữ. dương như hai âm: Liễn: Nghĩa là người khác kéo xe. Nay gọi là xe của vua đi, cũng gọi là chuyên chở. Chiếc xe không có bánh gọi là dư, cũng gọi là đám đông, luận bàn, dư luận quần chúng.

Nhĩ đang. Ngược lại âm đồ đường. Giải thích tên gọi là Xỏ lỗ tai đeo châu ngọc gọi là đang, tục này vốn xuất phát từ nước Tây Nhung.

Nhi hoạch. Ngược lại âm hồ quách. Gọi là cắt cỏ gọi là nghệ xy; Thu hoạch ngũ cốc, lúa thóc gọi là hoạch. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Tháng 10 thu hoạch lúa là vậy. Nay văn thông dụng cũng thường hay nói vậy.

Hoằng tráng. Ngược lại âm hồ băng. Nhĩ Nhã cho rằng: Hoằng cũng là tráng; nghĩa là rộng lớn, đồ sộ; hoằng cũng gọi là ngôi nhà đồ sộ, rất sâu vách tường bao quanh có âm vang khi nói, tiếng nói có vang lại âm hưởng có thể dung chứa tất cả các vật.

Hội xa. Ngược lại âm hồ hội; nghĩa là nhiều màu sắc hòa lẫn với nhau, tạp sắc. Sách Luận Ngữ gọi làSau khi có nền trắng rồi mới vẽ nên bức tranh. Trịnh Huyền cho rằng: Hội là vẽ. Sách Thượng thư cho rằng: Ở núi Long Hoa có loại côn trùng nhiều màu sắc gọi là hội. Sách Khổng An Quốc gọi Hội, tức là hợp lại, hội hợp năm màu sắc. Trong kinh xưa nói rằng: Các loại xe hoa trong vườn của vua.

Cổ táo. Ngược lại âm công hộ. Ngược lại âm dưới là tiên đáo. Gọi là cổ động, táo là tiếng nói kêu gọi; tiếng quát to, gọi là táo. Sách Gia Ngữ gọi là tiếng hò la hét của Định Công người nước Tống để xua đuổi trộm cướp vậy.

Đàm hước. Ngược lại âm hứa ngược. Sách Nhĩ Nhã gọi là làm trò hài hước, cũng gọi là cùng nhau làm trò vui đùa, hài hước cũng gọi là vui đùa, vui vẻ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 5, 6

Bất nhiễu. Ngược lại âm nãi liễu. Theo văn nói. Nhiễu nghĩa là gây rắc rối nhiễu loạn, làm trò nghịch ngợm. Tam Thương gọi là nhiễu làm trò đùa vậy.

Ky du. Ngược lại âm cư nghi. Quảng Nhã gọi là nhà trọ gọi là ky, nhà khách ở trọ. Âm kiều ngược lại âm kiều vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 7

Táp nhiên. Ngược lại âm tảng hợp. Nghĩa là rất nhanh chóng; Lại cũng gọi là tiếng gió vi vu thổi lá cây rạng. Quảng Nhã cho rằng: Táp là tiếng gió thổi vi vu.

Từ tự. Ngược lại âm tợ tư. Ngược lại âm dưới là từ lý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Từ là cúng tế trời; tự là cúng tế đất vậy.

Thể dẫn. Ngược lại âm dữ chấn. Nhĩ Nhã cho rằng: Dẫn là kế tự. Theo văn nói gọi là con cháu cùng nhau thừa kế gọi là dẫn vậy.

Bạc thực. Ngược lại âm. Ngược lại âm dưới là thần chức. Trong sách Hán Thư gọi là mặt trăng, ánh sáng chiếu tới quả đất của mặt trời, mặt trăng bị che khuất, gọi là bạc, cũng gọi là hủy hoại, tổn thương, gọi là thực giải thích tên gọi mặt trăng, bị tổn thương gọi là thực ; nghĩa là mặt trăng bị xâm hủy tổn thương giống như là loài côn trùng ăn lá cây cỏ vậy.

Hướng khư hoặc gọi là sương khư, hoặc viết nhương khư. Lại viết Thắng khư. Đều là Phạm âm, đọc có nặng có nhẹ. Đây dịch là cụ nghĩa là đầy đủ; cũng nói là kha dị. Là tên vậy.

Sở kỳ. Ngược lại âm cự y. Theo chữ kỳ nghĩa là cầu phước. Nhĩ Nhã cho rằng: Kỳ là báo cáo cho biết, kêu gọi, kỳ cũng có nghĩa là cúng tế kêu gọi mà báo cáo, mời thỉnh các việc vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 8

Lưu khái. Lại viết khái, cũng đồng. Ngược lại âm ư cách. Gọi là ép con bò xuống cũng có nghĩa là người đứng đầu vậy.

Quân đa. Ngược lại âm cư vận. Đây có hai nghĩa, một gọi là con kiến, hai gọi là trứng của con kiến. Đã bao hàm hai nghĩa cho nên sắp bày, đặc để nguồn gốc là tên gọi vậy.

Thao san. Ngược lại âm Tha lao. Ngược lại âm dưới lại viết thiết cũng đồng. Ngược lại âm tha kiết. Theo tả truyện chú thích rằng: Người đàn bà có con bất tài tham nơi ăn uống, vui sướng nơi của cải tiêu xài phung phí phá hoại mà không biết nhớ tới công lao cực khổ của người dân gọi “thao san” Đỗ Dự gọi là tham tài của cải gọi là thao. Tham ăn

uống gọi là san vậy.

Phạt truất. Lại viết truất, cũng đồng. Ngược lại âm sĩ luật. Nghĩa là có tội nhỏ gọi là phạt. Quảng Nhã cho rằng: Truất là phế bỏ, truất phế, cắt chức, cũng gọi là buông bỏ, thả ra, cho thối lui vậy.

Tạp ôi. Ngược lại âm ô tội. Chữ ôi nghĩa là ác. Theo chữ ôi nghĩa là số đông, nhóm họp đông đào lạm tạp loạn làm những điều xấu ác, hỗn loạn vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 9

Ân tạo. Ngược lại âm tại lão. Quảng Nhã giải thích rằng: Tạo nghĩa là thành công. Gọi là nghĩa là thành tựu, đây là nói người làm việc.

Khốc bạo văn cổ lại viết ba chữ khốc tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khẩu mộc. Theo văn nói khốc nghĩa là cấp bách, nhanh chóng, rất quá đổi, cũng gọi là bạo ngược.

Tư thố. Ngược lại âm thị tà. Giăng lưới bắt thỏ gọi là tư. Tư nghĩa là che, che trùm để bắt thỏ vậy.

Bốc-yết-bà. Ngược lại âm cư yết. Lại viết Bổ-yết-sa. Đây là chuyển Thanh Loại đọc; cũng gọi là trừ bỏ dọn sạch các phân dơ quanh chỗ thây chết v.v... chủng loại hạ tiện vùng đất xa xôi hẻo lánh.

Trì sính. Ngược lại âm trực tri, âm dưới là sửu lĩnh. Quảng Nhã cho rằng: Chạy nhanh, ngựa chạy nhanh, phi mau.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 10

Hắc yểm. Ngược lại âm ư điện. Gọi là thằng ngốc mặt đen; Theo văn nói nghĩa là đen ở trong vậy.

Khu khúc. Ngược lại âm vu phủ. Văn thông dụng gọi là cái lưng cong. Người gù lưng, cũng gọi là cong vậy.

Suyễn thấu. Ngược lại âm xương nhuyễn. Gọi là hơi thở hổn hển. Ngược lại âm dưới là tô đậu. Theo văn nói thấu là hơi đi ngược lên, gọi

là bệnh suyển.

Lũ tiền. Ngược lại âm Lực chủ. Một người mà khom xuống, lại thêm một người khom nữa, người thứ ba khom cúi xuống thì thân cong lại gọi là người gù lưng.

Uông luy. Ngược lại âm ô hoàng. Uông nghĩa là gầy yếu. Văn thông dụng gọi là thấp nhỏ gọi là uông, uông nghĩa là ôm yếu bệnh hoạn, nhỏ bé vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 11

Hoan ngu. Giải thích văn chữ cổ, văn cổ viết hý. Nay viết là ngu, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nghi khu. Theo văn nói cho rằng: Ngu là làm trò vui. Chữ trong sách viết hý cũng nghĩa là làm trò vui, tóm lại hý là làm trò vui vậy.

Do dự. Ngược lại âm dực chu. Âm dưới là dĩ giá. Theo văn nói ở vùng Lũng Tây gọi con chó là do ; Nghĩa tính nó đa nghi do dự trước mặt người không quyết định. Cho nên đều gọi là do dự. Nhĩ Nhã gọi là do là giống thú thên nó giống như con hươu, nó hay leo trèo lên cây vậy.

Sai độ văn cổ viết là tai sai, hai chữ tượng hình. Nay lại viết thái, cũng đồng. Ngược lại âm thô lai. Gọi là sai nghĩa là nghi ngờ. Ngược lại âm dưới là đồ đồ các. Độ nghĩa là trắc lượng đo lường.

Tiếu đệ. Ngược lại âm đồ kế. Theo sách Lễ Ký cho rằng: đệ là không thể mở mắt to mà nhìn. Trịnh Huyền cho rằng: Đệ là nhìn nghiêng. Tiếng địa phương gọi là giữa nước Trần và Sở thù địch nên liếc nhìn thăm dò gọi là đệ. Trong sách toán văn gọi là cố nhìn gọi là đệ.

Á Á. Ngược lại âm ất cách. Giải thích theo chữ gọi là tiếng cười; gọi khác nữa nghĩa (T627) là nói cười, tiếng nói cười á á là vậy.

Khí trượng. Ngược lại âm khư dị. Âm dưới là trị lượng. Theo sách Hán Thư gọi là chế ra các loại khí giới. Theo sách Phẩm Ứng Thiệu nói rằng: Bên trong đầy đủ gọi khí; bên ngoài đầy đủ gọi là giới. Cũng gọi là không đầy đủ là khí trượng, nghĩa là loại binh khí, có năm loại binh khí mà người lính cầm trên tay gọi là trượng.

Hội nghị. Ngược lại âm. Âm dưới là nữ hiếu. Theo văn nói Hội là loạn. Sách Vân Tập gọi là Thị nghĩa là ổi là tạp loạn, hỗn tạp. Ổi cũng

là nhóm đông đảo. Chữ thị viết từ bộ Thị, đến bộ chữ chỉ ý; hoặc viết náo là văn thường hay dùng vậy.

Khẩn đáo. Ngược lại âm khẩu hận. Văn thông dụng cho rằng: Rất thành thật, chí thành gọi là khẩn. Khẩn cũng gọi là kiên nhẫn, đến rất nhanh, rất khổ nhọc vậy.

Hiệp tiểu. Lại viết hiệp này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ giáp. Theo văn nói gọi là tên không rộng rãi vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 12

Xích át. Lại viết át, cũng đồng. Ngược lại âm ô khóa. Át là loại chim sẻ, cũng gọi là chim bồ câu cùng một tên. Sách Ứng Toán cho rằng: Mở trong ra lấy xác con chim sẻ chôn đống đất đã thối rửa. Theo sách giải thích rằng con chim sẽ nó dài chỉ một thước, đây tức là tên gọi vậy. Lại viết hạn là cái ao nước nhỏ đã cạn nước vậy.

Bạng hợp. Ngược lại âm bổ giảng. Âm dưới là cổ hợp. Con trai tự xuất ra hạt ngọc trai rất đẹp. Theo chữ giải thích rằng: Con yến tước hóa thành, đợi tới tháng thì con trai nhả ra hạt châu thật; mỗi ngày thì con trai chỉ sanh ra ấu trùng, rồi tan biến mất vậy.

Dục bác. Ngược lại âm đồ gian. Văn thông dụng gọi là nắm tay tròn lại gọi là bác. Lại nói rằng có thể là vật tròn tròn. Theo nước Tây Vực: Phong tục là sau khi tắm rửa xong, lấy cục đá vụn đập vỡ quả trái ra, hoặc là dùng lạc nấu thành tô rồi dùng tay chà xác lên trên thân, để cho thân thể được trơn mịn, và ra hóng gió cho khô cho nên gọi là dục bác.

Ốc-bát-la. Ngược lại âm ô một. Đây dịch là hoa màu đen. Xưa nói là Ưu-bát-la, hoặc viết là Âu-bát-la đều là sai vậy.

Ha sất. Ngược lại âm xỉ dật. Tiếng địa phương cho rằng: Ha là giận dữ, tức giận, trách mắng gọi là ha sất, cũng gọi là mắng nhiếc. Theo sách Lễ Ký gọi làTrước mặt khách tôn trọng thì không có la hét mắng chó là vậy.

Nhẫm nhiễm. Ngược lại âm nhi thậm. Ngược lại âm dưới là nhi diêm. Gọi là rất mau, chợt đến chân nhân, chỉ một tích tắc của đồng hồ, chỉ thời gian dần trôi qua vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 13

Yến tọa. Trong Thạch Kinh gọi là văn cổ, viết. Ngược lại âm nhất kiến. Theo văn nói cho rằng: Yến là an ổn vậy, cũng gọi là nghỉ ngơi.

Đào luyện. Ngược lại âm đồ đao. Gọi là ra nhiều công sức, đào gọi là người thợ làm đồ gốm sứ. Luyện gọi là luộc cho tiêu, chín, cũng gọi là khuôn đúc. Gọi là rèn luyện cho nhuần tay nghề.

Nhuận hiệp. Lại viết hiệp này, cũng đồng. Ngược lại âm hồ giáp. Theo văn nói hiệp nghĩa là thấm ướt. Tam Thương cho rằng: Hiệp là thấu triệt, thông suốt vậy.

Đát lãm. Ngược lại âm đô đạt. Âm dưới là lực tạm. Xưa dịch là Tu-đa-la; hoặc viết là Tu-đố-lộ. Đây dịch là tàn, nghĩa là còn sót lại, còn dư lại.

- QUYỂN 14: Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 15

Xướng nữ. Ngược lại âm xỉ dương. Xướng nghĩa là dâm dục, phóng đãng. Theo văn nói xướng nghĩa là vui

Bất tốn. Ngược lại âm. Giải thích theo chữ tốn nghĩa là nhường nhịn, thuận theo, khiêm nhường, cung kính, khiêm tốn lễ phép.

Hiền triết. Ngược lại âm hồ kiên. Hiền triết là danh xưng đẹp gọi người có học thức. Lại cũng gọi là đa tài, hiền sĩ, hiền minh cho nên chữ viết từ bộ bối lại thêm bộ thần viết thành chữ hiền. Nghĩa là bảo quí của quốc gia, dùng cũng giống như tài sản vật báu đồng nhau vậy. Cho nên chữ viết từ bộ bối là của báu tài sản. Chữ chỉ ý. Âm dưới lại viết triết, cũng đồng. Ngược lại âm tri liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Triết là biết. Tiếng địa phương cho rằng: Thông suốt giữa Tề và Tống gọi là biết, là triết triết cũng gọi là hiểu biết thông suốt trí tuệ chiếu khắp vậy.

Mục huyễn văn cổ viết tuần, cũng đồng. Ngược lại âm hồ biên hồ quyên hai âm. Theo chữ huyễn nghĩa là loạn, hoặc bị ngăn che, hoa mắt. Tam Thương cho rằng: Huyễn là nhìn không thấy rõ.

Giác phong. Ngược lại âm phi phong. Lại là âm phong. Nay có

loại bò này thân hình của nó nhỏ mà trên lưng nó có sắc phong tước vị vậy.

Tê thanh. Lại viết tê, cũng đồng. Ngược lại âm tô hề. Theo văn nói cho rằng: Tê là tiếng than thở bi thương. Tiếng địa phương cho rằng: tê là thán từ, tự biểu thọ hoài nghi, cũng là tiếng Phạm yểm, úm. Từ của nhà Phật. Phạm ngữ thuộc kinh Phật.

Hao hống văn cổ viết hao, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ giao hồ giảo hai âm. Theo văn nói nghĩa là tiếng con cọp gầm rống. Một gọi là tiếng con sự tử tức giận rống lên. Âm dưới lại văn cổ viết hao hống hai chữ tượng hình. Nay lại viết câu lại viết hống cũng đồng. Ngược lại âm hồ cẩu. Theo Thanh Loại gọi là tiếng đệm trong mật chú phạm ngữ.

Bao bột. Ngược lại âm bổ giao. Âm dưới là bổ một. Theo văn nói cho rằng: Tiếng gầm rống của sư tử; chữ bột nghĩa là sân giận của sư tử; chữ bột nghĩa là sân giận, nổi giận, tức giận.

Điên quệ. Ngược lại âm đinh hiền. Ngược lại âm dưới lại viết sấn đồng. Ngược lại âm cư nguyệt. Theo văn nói chữ điên nghĩa là đi vập chân ngã té. Quảng Nhã cho rằng: Điên là té nhàu. Chữ điên quệ nghĩa là vấp chân té ngã ngửa.

Lộc vị. Ngược lại âm lô ốc. Theo chữ văn cổ gọi là người không có cày ruộng cực nhọc mà lại ăn nhiều gọi là lộc. Cũng giống như người không có của cải ngồi ở ngoài hoang dã vào buổi chiều ăn thịt nai, người cày ruộng săn được nai. Có vị quan đi ngang qua ban tặng vật; sau khi chỗ người ăn thịt nai, được vật quan ban tặng nhân đây gọi là vì ăn thịt nai biến thành nai gọi là lộc. Lấy tích này nên có nghĩa là Thần lộc vậy.

Đôn túc văn cổ viết là đôn, cũng đồng. Ngược lại âm đô hồn. Theo văn nói đốn nghĩa hậu, đôn hậu, thật thà trung hậu. Túc là nghiêm túc, cũng gọi là nghiêm chỉnh, cũng gọi là cung kính vậy.

Kiển thất. Văn cổ viết kiển kiển hai chữ tượng hình. Nay viết chữ kiển này cũng đồng. Ngược lại âm cư triển. Âm dưới là cư khất. Theo phương ngôn gọi là kiển là xin ăn vậy. Theo tiếng nước Sở gọi gọi người nói khó, ăn nói trùng lắp, gọi là nói ngọng ngịu.

Sàm tốc. Ngược lại âm Thương hãm, sĩ tạm, hai âm. Nghĩa là chẳng phải thứ lớp mà nói. Nghĩa là nói lộn xộn. Theo sách Lễ Ký gọi làNgười lớn không có nói năng lộn xộn là vậy. Sàm cũng gọi là tạm thời. Chữ viết từ bộ Nhân, hoặc có viết sàm này. Ngược lại âm tài nhiễm. Gọi là tiểu ẩm nghĩa là tiệc nhỏ vậy. Chữ sàm này chẳng phải

nghĩa đây dùng vậy.

Tủng kiên văn cổ viết ba chữ Tủng tượng hình. Nay lại viết tủng này, cũng đồng. Ngược lại âm tu phụng, sở hạng hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Tủng là phần trên cao vậy.

Căn tài. Ngược lại âm tắc lai. Gọi là cây cỏ thực vật gọi là tài. Cũng gọi là trồng cây, cũng gọi các giống cây vậy.

Phòng na. Ngược lại âm phò phóng. Đây gọi là nữ công, như là thiêu, thùa, may vá các nghề thủ công vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 16

Hắc thuyết. Đại thuyết gọi là Phật và đệ tử chỗ nói pháp ác nên biết hổ thẹn gọi là Hắc thuyết; Chỗ nói thiện pháp gọi là đại thuyết. Lại có tứ quả của người của Độc giác. Bồ-tát v.v... chỗ nói pháp ác gọi là Hắc thuyết. Như Phật chỗ nói pháp gọi là đại thuyết vậy.

Hủy chi. Lại viết quĩ huy hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm huy ngụy. Đều gọi là lửa, thiêu đốt cháy lan. Tiếng địa phương gọi khác, gọi tên khác vậy.

Đình la. Ngược lại âm đồ đinh. Âm dưới là lực hạ. Theo sách Hán Gia giải thích rằng: Đời nhà Tần mười dặm đường lập mười cái đình để lưu lại nghỉ ngơi hoặc hóng mát. La nghĩa là phòng thủ, thuộc về trấn giữ biên giới phòng thủ, binh lính lấy việc tuần tra phòng ngự. Theo sách vân tập lược cho rằng: La cũng là tu sửa chẳng cho làm trái lại vậy.

Thân nặc. Lại viết nặc, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ ất. Sách Nhĩ Nhã gọi là thân cận gần gũi gọi là nặc. Lại cũng gọi là nhiều lần hỏi thăm, thăm viếng. Thân nặc là thân cận gần gũi, cũng gọi là quá thân thiết.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 17

Quỷ hiện. Ngược lại âm cư hủy. Chữ quỷ nghĩa là lừa dối, đánh

lừa, không chân thật. Quảng Nhã cho rằng: Quỷ là tùy theo nhắm mắt liều mạng mà theo; cũng gọi là khinh khi, xem thường.

Oán vưu. Ngược lại âm vũ lưu. Xét chữ vưu cũng giống như chữ oán ôm lòng trách giận, sự hờn giận kẻ thù, vưu là việc làm sai trái, oán trách. Cũng có nghĩa là bắt chước thói xấu.

Phổ chúc. Ngược lại âm chu dục. Thương Hiệt cho rằng: Chúc là đèn chiếu sáng; cũng gọi là đốt lửa lên, ánh lửa chiếu sáng.

Giai ngẫu. Ngược lại âm hồ giai. Âm dưới là Du khẩu. Quảng Nhã cho rằng: Giai là hòa, ngẫu là hợp. Hòa hợp là vợ chồng vậy.

Thân khang ? Ngược lại âm khổ lang. Khang nghĩa là thân không có bệnh tật, là an vui, cũng gọi là tịnh an tịnh.

Sở huệ. Ngược lại âm hồ khuê. Theo sách Chu Lễ gọi là cho người trí huệ. Trịnh Huyền cho rằng: Ban tặng cho người y phục thức ăn gọi là huệ. Mạnh Tử cho rằng: Phân phát cho người tài vật gọi là. Ý nghĩa là có lòng nhân ái. Huệ là ban ân huệ, có lòng nhân ái vậy.

Tiện chất. Ngược lại âm trắc trần. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chất là đạt tối vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 18

Thiện danh. Ngược lại âm thị chiến. Theo văn nói nghĩa là thiện là duyên nhất, duyên quyền.

Nặc-cù-đà. Trong kinh xưa cũng viết là Ni-câu-đà, hoặc viết là câu xúc sắc, cũng viết là Ni-câu luật. Lại cũng viết câu loại đều sai. Trong kinh xưa dịch là vô tiết, không có thứ lớp, hoặc nói là theo sư rộng rãi.

Ma-ca cũng nói là Ma-cổ-ca. Trong kinh xưa lại viết Ma-lâu-ca. Đây cũng gọi là kiêm loại mạn. Loại thảo mộc hay mọc quanh cây loại giây quấn quít cây cổ thụ đến chết vậy.

Hung hoạt. Lại viết cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hứa ngung. Âm dưới là hồ quát. Quảng Nhã cho rằng: Cung là ác vậy. Chữ trong sách viết là, nghĩa là gian xảo. Tiếng địa phương gọi làThằng nhóc con nghịch ngợm xảo trá, hoặc gọi là gian xảo, quấy phá, quấy nhiễu.

Sao lỗ. Ngược lại âm lực cổ. Theo sách Hán Thư cho rằng: Được sống gọi là lỗ. Bị chém đầu gọi là hoạch. Nghĩa hai bên giao chiến với

bắt được làm tù binh. Lỗ nghĩa là cướp lấy đoạt lấy.

Khuy du. Ngược lại âm khưu quy. Âm dưới lại viết du, cũng đồng ngược lại âm qua chu. Theo văn nói cho rằng: Khuy là nhìn trộm.

Sở thát. Ngược lại âm sơ lữ. Một là hình. Hán Thư cho rằng: Tên là lục. Giả Quỳ cho rằng: Thái Trang Vương tên là Sở. vì đổi lại tên hình. Dùng để đi du hành ở thế gian đánh dẹp. Một hôm Sở rủ người xuống, tức là bị bịnh. Nhân đây nên tên gọi là Sở thống.

Dung nhân. Ngược lại âm chữ cung. Dung nhân gọi là người tầm thường, ngu muội, thấp bé. Trong lòng không tiết chế sân hận, miệng không có nói pháp được; nên nói rằng lấy kẻ ác làm bạn vậy.

Khắc phục. Lại viết khắc này, cũng đồng. Ngược lại âm khẩu đắc. theo chữ khắc là có thể. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khắc là có thể thắng, vượt qua.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 19

Chế đa. Xưa nói là chi đề, hoặc nói là chi đế, đều là một nghĩa. Đây dịch là chỗ có thể cúng dường, gọi là Đức Phật lúc sơ sinh đến thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn, đều nên cung kính cúng dường, thì sẽ sanh ra các phước báo vậy.

Vi dung. Lại viết dung dung, hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm canh trùy. Nhĩ Nhã cho rằng: Bức tường gọi là dung nghĩa là bức tường bao quanh thành, cũng gọi là thành lớn.

Thắng nhâm. Lại viết thắng, cũng đồng. Ngược lại âm nữ tâm. gọi là bức tường nối tiếp nhau, cũng gọi là đầu mối dây, của bộ máy chính.

Tinh tao. Lại viết tinh này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tiên đinh. Âm dưới là tiểu đao. Tinh tao là mùi tanh của thịt sống. Văn thông dụng gọi là ngửi mùi tanh của cá gọi là tinh. Mùi tanh của con hoẳng, hươu trong rừng gọi là táo. Âm giả ngược lại âm da.

Cao tường. Ngược lại âm ngũ cao. Gọi là bay lượn vòng quanh, bay mà không động gọi là tường. Giải thích tên gọi là cao nghĩa là dạo chơi, cũng nói là ngao du, đi khắp đó đây vậy.

Âu kích. Ngược lại âm ư khẩu. Theo văn nói: Âu kích là dùng tay đánh. Chữ viết từ bộ phộc.

Luân đọa. Ngược lại âm lực quân. Quảng Nhã cho rằng: Luân là chím đắm xuống (T.628) nước vậy.

Tả đạo. Ngược lại âm tư khả. Âm dưới cũng như âm trên. Nghĩa là ở bên phải không tiện. Theo sách Lễ Ký gọi là, chấp Tả đạo lấy làm loạn chúng. Trịnh Huyền cho rằng: Tả Đạo cũng giống như con sâu mọt và thế tục cấm không được gần vậy.

Y cẩn. Lại viết chữ cẩn này cũng đồng. Ngược lại âm cự trấn. Theo chữ cẩn nghĩa là tài năng, cũng gọi là kém.

Ba-la-diên. Ở Tây Vực gọi tên là ấp lạc. Tên chữ là A-thị-đa Di-lặc. Hoặc là viết A-giả-đa. Đây dịch là vô thắng; cũng gọi là vô nhân năng thắng. Xưa gọi là. A-dật-đa là sai vậy.

Sở nhược. Ngược lại âm ha các. Theo chữ giải thích rằng: Loại côn trùng độc. Quảng Nhã cho rằng: Loại côn trùng này là con giòi nó đem đến độc hại làm gây bệnh cho con người.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 20

Đạt tu. Đây gọi là các người thức nhỏ yếu ở. Ở trong Phật pháp không thể kiên cố tu trì.

Miệt-lệ-xa. Ngược lại âm mạc kiết. Ngược lại âm dưới là lực kế. Xưa gọi là di-lệ-xa. Đây dịch làNgười an vui với cấu uế, dơ bẩn. Những người này toàn không hiểu biết Phật pháp.

Ngoan hiêu. Ngược lại âm ngô úy. Âm dưới là ngư cân. Quảng Nhã cho rằng: Ngoan là lục, không bén, tính chất ngu muội, đần độn. Tam thương cho rằng: Hiêu là ác, là hung hăng.

A-giá-lợi-tà. Đây dịch là Quỷ Phạm sư; là người thầy làm mô phạm. Trong kinh xưa hoặc là viết A-kỳ-lợi, hoặc viết là A-xà-lợi. Dịch nghĩa là chánh hạnh, hoặc gọi là người ở trong giáo pháp khéo léo làm thầy, làm giáo thọ, khiến cho đại chúng hiểu biết mà học hỏi, cũng gọi là A-xà-lê vậy.

Đàm thoại văn cổ viết ba chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ khoái. Nghĩa là hội hợp lại khéo nói chuyện vậy.

Táo động. Lại viết là táo, cũng đồng. Ngược lại âm Tổ đáo. Táo nghĩa là quấy động; cũng gọi là không an tịnh.

Khái quán. Ngược lại âm ca quán. Theo văn nói: Khái quán nghĩa là rót nước vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 21

Trần vũ. Lại viết chữ vũ, chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm vu bổ. Chữ là cái nhà lớn. Giải thích tên gọi là vũ giống như đối cánh của con chim tự bay đi, tự che phủ khắp cả không gian. Nay gọi là ở trong nhà; cũng giống như ở trong nhà trần lao; hằng bị bụi trần dơ bẩn không được an tịnh vậy.

Tăng-già-tri. Ngược lại âm trắc thi. Đây dịch là hợp, hoặc nói là trùng, hoặc gọi là hạt. Tất cả đều hợp thành từng lớp mà làm cái y vậy. Trong kinh luật xưa. Lại viết là Tăng-già-lê hoặc viết là Tăng-già-trí đều sai vậy.

Lâm tẩu. Ngược lại âm tảng câu. Nghĩa là đất bằng mộc cây cối um tùm gọi là Lâm tức là rừng vậy. Cái ao mà không có nước gọi là tẩu.

Nghiêm tạc. Ngược lại âm ngư kiếm. Tạc là người rất quá nghiêm túc. Cũng gọi là nghiêm. Trong kinh gọi là tạc là người khách rót rượu mời chủ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 22

Mộc. Ngược lại âm hư vị. Hủy là từ gọi chung các loại cỏ. Thời vua Thiệu Trị gọi làThấm mưa móc trăm cây cỏ tốt tươi sinh sắc. Tiếng địa phương gọi là giữa Đông việt, Dương châu, gọi các loại cỏ là hủy.

Xu-diệu. Ngược lại âm sung chu. Theo văn nói cho rằng: Người con gái đẹp gọi là xu. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa trời đại yến; nước Triệu, Ngụy gọi cái gì tốt đẹp là xu.

Uất chưng. Ngược lại âm ư vật. Âm dưới là chi thắng. chi thắng hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Uất là khí, hơi rất thạnh mãn. Văn nói cho rằng: chưng đốt lửa nấu nước bớt hơi lên. Cũng gọi là hơi nóng chưng, hấp bốc lên.

Phiêu dương. Ngược lại âm dư thượng, dư chương hai âm. Gọi là gió cuốc tốc lên, tung lên vậy.

Phân phức. Ngược lại âm phu vân. Âm dưới là phò phúc. Phân là mùi thơm bát ngát. Phức là hương thơm ngào ngạt vậy.

Yểu thệ. Lại viết yêu cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư kêu. Theo văn nói cho rằng: Yểu là chết oan uổng. Quảng Nhã cho rằng: Yểu là chết non. Giải thích tên gọi là còn thiếu niên, tuổi trẻ mà chết gọi là yểu; cũng giống như lấy vật ở trong mà bẻ gãy mất cái đầu; cũng gọi là chưa hết tuổi thanh niên mà chết gọi là yểu. Đây lấy nghĩa chữ thệ là chết vậy.

Oán thù. Ngược lại âm thị do. Oán nghĩa là vợ chồng không còn yêu thương nhau nửa sanh ra oán; gọi là thù, là đối với nhau thù oán. Nhĩ Nhã cho rằng: Một mảnh cựu thù, một mảnh oán thù vậy.

Lê giá. Ngược lại âm lực hề. Nhĩ Thất cho rằng: Lê giá số người đông, nghĩa là trăm họ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 23

Nha thấu âm trên là hứa nha. Âm dưới là tô đậu. Nha nghĩa là nhiều hơi quá thành bệnh gọi là nha. Chữ viết từ bộ khẩu.

Táp ế. Lại viết oán, cũng đồng. Ngược lại âm ư việt. Âm dưới là nhất kiết. Văn thông dụng cho rằng: Hơi đi ngược lên gọi là táp. Tắc nghẹn ngăn cổ hầu gọi là ế.

Điên giản. Lại viết chữ điên này. Cũng đồng. Ngược lại âm đô hiền. Âm dưới là hạch gian. Quảng Nhã cho rằng: Điên là bệnh điên cuồng, bệnh kinh phong. Theo Thanh Loại cho rằng: Giản là đứa trẻ bị bệnh động kinh, điên cuồng.

Âm truy. Ngược lại âm đồ lôi. Gọi là bệnh âm. Giải thích tên gọi là lớp dưới gọi là truy.

Câu sư. Lại viết chữ huyễn cũng đồng. Ngược lại âm sở luật. Chữ lượt gọi là tướng sư, tướng hành; Gọi là tướng lãnh, người cầm đầu quân số đông.

Toàn dư. Ngược lại âm thô hiệt. Toàn nghĩa là quăng ném; âm dưới lại viết mâu dư hai chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm mạc hậu. Theo văn nói gọi là cây mâu là loại binh khí ngày xưa dài hai trượng.

Cập dung. Ngược lại âm dĩ chung. Ở Giang Nam dùng làm khuôn đúc kim khí, gọi là dung. đây là âm gọi là dung thẩm. Nghĩa là lò đúc đồng, nấu đồng, nấu loại kim cho chảy ra nước.

Đầu đường. Lại viết đường này cũng đồng. Ngược lại âm đồ lãng. Lại viết là dương đường. Lại cũng viết là sa đường, đường cát; đây là cây mía nấu kết tinh thành đường. Chữ dương ngược lại âm tợ doanh.

Thư chả. Ngược lại âm trắc ư. Âm dưới là trang nhã. Gọi là chả nghĩa là cá ướp muối để dành lâu làm món ăn, là cá măng, cá ướp muối, cá khô. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Cho thêm năm gia vị bảy gia vị thành cá ướp. Trịnh Huyền cho rằng: Xắt nhỏ làm gia vị, toàn là các vật: như củ cải muối, cá ướp, ở Trung Quốc đều gọi là gia vị. Ở Giang Nam đều gọi là cá ướp gia vị, củ cải ướp gia vị. Ngược lại âm trị triếp, hoặc viết là thư. Ngược lại âm tử dư đều sai.

Phách cúc. Ngược lại âm phổ mạch. Âm dưới là cự lạc. Tam Thương gọi là trái cầu lông có thể dùng làm trò chơi vậy.

Thác thạch. Văn cổ lại viết thác thác hai chữ tượng hình. Nay viết thác cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tha các. Nghĩa là khai thác mở mang vậy.

Nhượng tý. Ngược lại âm nhi dương. Nhượng là bài trừ bỏ ra. Gọi là bỏ tay áo ra, để lộ cánh tay trần vậy.

Khái oán. Lại viết mãn, cũng đồng. Ngược lại âm ư trách. Theo văn nói cho rằng: mãn nắm giữ. Theo sách sử ký cho rằng: Kẻ sĩ ở trong thiên hạ lấy lời nói bao quát tất cả vậy.

Kích kiếm. Ngược lại âm cổ lịch. Gọi là lấy cây kiếm dài, đọc sức cùng với cây kiếm ngắn rồi đánh với nhau vậy.

Phục nỗ. Ngược lại âm phò phúc. Âm dưới là nô cổ. Nghĩa là ẩn nấp mai phục mà phát ra, bắn ra. Trong sách Hán Thư Cao Tổ nói răng: Cánh tay mà nói cái chân, cái chân mà nói ngón tay, nghĩa là nói một đàng làm một nẻo là vậy.

Khống huyền. Ngược lại âm khổ cống. Theo sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Khống là dẫn dắt, hướng dẫn, lôi kéo. Theo văn nói gọi là đột quyết gọi dẫn cây cung gọi là khống, khống dẫn là vươn cung nhắm bắn vậy.

Đầu luân. Đầu nghĩa là ném, phần nhiều dùng các nước phương Tây. Đây gọi là xe chiến đấu, xe đi đánh trận, xe ở giữa có lỗ tròn bao quanh xe, bên ngoài có bọc thiết, thép, có những cây nhọn, cây súng nhọn, rất nhạy bén, dùng sợi dây cương căng lên mà bắn, ném, hoặc ở trong chặt phá.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 24

Dũng hãn. Ngược lại âm cổ thư. Quảng Nhã cho rằng: Dũng hãn nghĩa là quả cảm, dũng mãnh. Theo văn nói gọi là người cánh tay có sức mạnh không ai có thể ngăn được.

Thí yển. Ngược lại âm hư yển. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là tấm vải trương ra căng ra trên mui xe gọi là yển.

Phòng tuệ. Lại viết tuệ cũng đồng. Ngược âm tư túy. Phòng là nơi cư ngụ. Nói rằng: Gia đình con cái ở trong nhà này. Tuệ theo văn nói cho rằng: Những bông tươi tốt, thâu hoạch được người ta gọi là tuệ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 25

Nại chùy. Ngược lại âm nô đại. Âm dưới là trực truy. Tam Thương cho rằng: Nại là nhẫn, nhẫn nại. Trùy là đánh, đập vậy.

Sâm độc. Lại viết trảm, cũng đồng. Ngược lại âm sơ đồng. Thảm nghĩa là độc ác. Văn thông dụng gọi là đất cát bay vào thức ăn gọi là thảm vậy.

Kiên kình. Ngược lại âm cư thạnh. Theo chữ kinh nghĩa là sức mạnh. Chữ viết từ bộ lực.

Cật nan. Ngược lại âm vân nhất. Quảng Nhã cho rằng: Cật là hỏi cặn kẻ chất vấn, trách móc.

Thủ thích. Ngược lại âm tri liệt. Âm dưới là thư diệc. Quảng Tây cho rằng: Do chuyển nơi này sang nước khác. Đây là âm, ngược lại âm hồ các. Ở Sơn Đông cũng gọi là đi. Đây là âm là con giòi trong đồ vật. Văn thông dụng văn nói đều gọi là loại côn trùng di chuyển độc hại. Quảng Nhã cho rằng: Thư là loại côn trùng gây bệnh.

Hiêu cử văn cổ viết cử cũng đồng. Ngược lại âm hứa kêu. Hiêu nghĩa là nghị luận bàn bạc, cũng gọi là gây náo loạn không yên tịnh. Đây là lấy Thanh Loại vậy.

Khất cát. Ngược lại âm cổ cát. Lại âm cát. Thương Hiệt cho rằng: Khất là đi cầu thỉnh, mời. Chữ viết từ bộ nhân đến bộ tê. Nói là người không có tài sản vật dụng thì đi cầu xin. Chữ chỉ ý.

Manh cổ. Ngược lại âm công hộ. Không có con mắt gọi là cổ. Giải

thích tên gọi là cổ. Tức là ngủ nhắm mắt, tức là mắt bằng phẳng giống như cái trống gọi là mùa lòa không nhìn thấy vật vậy.

Sa thích. Ngược lại âm thanh thạch. Tam Thương giải thích rằng: Thích là nước trong bãi cát. Âm than ngược lại âm tha nan. Theo văn nói cho rằng: Nước trong bãi đất nổi lên có đá gọi là than; tức là gềnh thác, nước cạn thấy đá vậy.

Trấn tuất văn cổ viết trấn trấn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm chủ dẫn. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Trấn là cứu giúp. Theo văn nói cho rằng: Trấn là đưa lên. Âm dưới lại viết tuất cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tư duật. Theo văn nói cho rằng: Tuất là thâu nhận, thương xót, trấn tuất là thương xót người nghèo khổ, cứu giúp người nghèo khổ.

Cứu viện ngược lại âm vũ quyến. Cứu viện nghĩa là trợ giúp. Nghĩa là dựa theo sự kêu gọi ủng hộ mà trợ giúp vậy.

Sanh sắc. Gọi là nhuộm các màu sắc tức là màu vàng óng ánh, nói sanh ra các màu tức là màu vàng thì không thể biến đổi vậy. Có thể nhuộm tức là bạc; là có thể nhuộm ra các màu sắc khác vậy.

Trì xuế. Ngược lại âm sung nhuế. Theo chữ xuế nghĩa là lông con dê mịn; lông con thú mịn mượt cũng có thể gọi là xuế vậy.

Quynh dã. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: Ấp ở vùng ngoài ven đô gọi là giao, vùng quanh ngoại thành, kinh đô gọi là mục. Quanh vùng quan nắm giữ quyền chăn dân gọi là lâm, mỗi cái cách bảy dặm. Vùng ven rừng hoang dã gọi là quynh, vùng ngoại thành hoang dã này không có số trăm dặm. Năm ấp của một thì phong tước nam. Là một trong năm tước phong ngày xưa, gọi là (công, hầu, bá, tử, nam) năm tước của nhà vua ban cho những vị có công với đất nước.

Nhược phách. Ngược lại âm bổ cách. Phách nghĩa là tách ra, xẻ ra. Quảng Nhã cho rằng phách là phân ra sắp xếp.

Dâm dật. Tam Thương cho rằng: Chữ dật này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chữ nhất. Thương Hiệt giải thích rằng: Dật là phóng đãng, cũng có nghĩa là vui.

Phàn bách. Ngược lại âm phò nghiêm. Tam Thương cho rằng: Danh số lên đến trăm Quảng Nhã cho rằng: Tổng số đều bằng nhau.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 26

Tiểu trát. Ngược lại âm. Tam thương cho rằng: Thị trát là văn thư. Nay ở Giang Nam gọi là chặt cây lột vỏ cây mỏng làm hợp gọi là thị, mở trong ra gọi là trát, hoặc viết là thị trát là văn thư âm thị ngược lại âm phu phế. Âm hiệt ngược lại là âm nhàn trát.

Lăng tằng. Ngược lại âm Lạc đăng. Ngược lại âm dưới là tồ tằng. Gọi là hình sắc quá buồn thảm.

Thảm liệt. Ngược lại âm thương cảm âm dưới là lực triết. Theo văn nói cho rằng: Buồn thảm. Liệt nghĩa là mãnh liệt dữ dội; nghĩa là sự lo buồn dữ dội, mãnh liệt.

Bội ác văn cổ bội bôi, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ một, bổ hội. Quảng Nhã cho rằng: Bộ là loạn, cũng gọi là nghịch, phản bội, phản nghịch.

Thông mẫn. Ngược lại âm kiên dẫn. Nghĩa là mẫn là đạt, rõ ràng thông suốt. Quảng Nhã cho rằng: Mẫn là nhanh nhạy. Thông là biết trước, chính xác, rõ ràng; thông suốt vi diệu, sâu sắc, kỳ diệu.

Trào điệu. Lại viết trù này cũng đồng. Ngược lại âm trúc thao. Âm dưới là đồ điếu. Tam Thương cho rằng: Tiếng líu lo ríu rít, điệu nhạc du dương. Gọi là cùng nhau hòa điệu làm trò ca múa hát xướng vui vẻ vậy.

Hiệt-lệ-phạt-đa. Ngược lại âm hiền kiết. Đây gọi là qua thời; lại gọi là ở trong nhà nhìn ra thấy sao tú ở phương Bắc, thí cúng tế cầu được con. Nhưng đây là lấy tên giải thích thôi. Đây chỉ nói đến phương pháp tọa thiền là thứ nhất, nghĩa là tọa thiền lúc sao túc mọc ở phương Bắc là vậy. Trong kinh xưa nói là Lê-ba-đa, hoặc nói là Lê-bà-đa đều sai vậy.

Đạm phạ. Ngược lại âm đồ lãm. Âm dưới là phổ bạch. Quảng Nhã cho rằng: Đạm phạ là yên tĩnh, thản nhiên, điềm tĩnh.

Tẩn cốt. Lại viết khoan cũng đồng. Ngược lại âm khổ hằng khổ côn hai âm. Bì thương gọi là mông đít rộng; cũng gọi là xương đùi trên vậy.

Lặc cốt. Ngược lại âm lực đắc. Theo văn nói cho rằng: Lặc là xương sườn; xương hai bên sườn. Chữ viết từ bộ nhục hoặc viết chữ lặc này là chẳng phải thể.

Lãnh luân. Ngược lại âm hồ cảm. Lãnh nghĩa là chiếc xe đứng đầu. Nói là xương tròn giống như bánh xe vậy.

Xỉ mạn. Ngược lại âm mạc ban. Nói rằng hình trạng sắp hàng thẳng giống như hoa mạn. Cho nên nhân đây mà đặt tên.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 27

Cân mạch. Ngược lại âm cư ngân. cư hân hai âm. Ngược lại âm dưới là vong ách. Theo văn nói cho rằng: Đức mạnh của thịt gọi là gân ; hoặc viết là mạch, là văn thường hay dùng vậy.

Toàn toại. Ngược lại âm tổ thô, âm dưới lại viết đọa, cũng đồng. Ngược lại âm từ túy. Lửa cháy dữ dội. Sách Luận Ngữ cho rằng: Dụng cụ lấy lửa và các dụng cụ khác làm bằng gỗ. Ở thế gian vốn là người tạo dụng cụ lấy lửa, nhân đây mà đặt tên vậy.

Hoặc trân. Ngược lại âm sĩ cân. Quảng Nhã cho rằng: cây mọc um tùm gọi là trân; cỏ dại mọc um tùm gọi là bạc.

Hoặc chữ. Ngược lại âm chi dữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bãi cát nhỏ nổi lên giữa nước gọi là chữ, lại nói bốn bên đều có nước chính giữa nổi bãi cát, giống như là nói có thể ở cư trú gọi là chữ. Gọi là cồn cát.

Tất-bát-la phong. Nói Phong là thân người làm việc, nói Tất-bát là hình thể con người vậy.

Tỳ-thấp-bà phong. Lại nói Tỳ-thấp-ba phong. Đây dịch là người không khéo léo.

Phệ-lãm bà phong. Trong kinh xưa hoặc viết là Tỳ phong bà, hoặc viết bi lãm, lại cũng viết tùy lam, hoặc viết toàn đều là tiếng Phạm gọi là sổ hạ nhĩ. Đây dịch là gió xoáy rất mạnh, rất mau cuốn phăng đi.

Thông tuấn. Lại viết huề cũng đồng. Ngược lại âm tử nhuận. Gọi là trác tuyệt khác thường. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Tài năng vượt hơn ngàn người gọi là tuấn. Trong một nước cao hơn hết gọi là kiệt.

- QUYỂN 28, 29: Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 30

Đạo cản. Lại viết cản này, cũng đồng. Ngược lại âm công đản. Theo chữ lâm gọi là nhánh lúa, thân lúa vậy.

Trùng thư. Ngược lại âm trị trung. Âm dưới là thiên dư. Theo văn thông dụng. Gọi là trong thịt có vi trùng gọi là thư. Chữ viết từ bộ nhục.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 30

Học dạng. Ngược lại âm dực thượng, khuôn phép mẫu mực gọi là dạng cũng là gần giống nhiếp hóa. Trong kinh xưa đều viết tượng, cách thức gần giống. Nay lại không dùng vậy.

- QUYỂN 31: Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 32

Diễm dật. Ngược lại âm dĩ nhiễm. Âm dưới là dữ nhất. Theo chữ diễm dật gọi là dụng cụ dựng vật đã tràn đầy.

Chư duy. Ngược lại âm dực truy. Quảng Nhã cho rằng: Duy là vùng xa xôi biên giới. Hoài Nam Tử cho rằng: Trong bầu trời có tứ duy. Là Đông, Tây, Nam, Bắc vậy; còn có trên, dưới nữa là vậy.

Hào tiệm. Ngược lại âm hồ đao. Giải thích tên gọi là hào bao quanh thành, uốn lượn, tường bao quanh bên trong thành ấp, chỗ có vách tường ngăn trở, là chỗ của vua ngự giá.

Ô-ba-ni-sát đàm phân. Trong kinh xưa viết: Ưu-ba-ni-sa-sắc-phân. Dịch là số cực lớn, số quá nhiều.

Mạn diên. Ngược lại âm vong oán. Âm dưới là dư chiến. Mạn diên gọi là liên miên không dứt, không cùng tận vậy.

Diêu thất. Ngược lại âm. Văn thông dụng cho rằng: Lò nung ngói

gạch gọi là diêu.

Chí hướng. Ngược lại âm hứa lượng. Theo văn nói gọi là cửa sổ nhìn ra hướng Bắc.

Hầu đồng:. Ngược lại âm đồ đông. Tam Thương gọi là ống trúc. Nay nói chữ giống như là lấy ống trúc thổi. Đây là tên gọi vậy.

Thiêu tẩn. Lại viết chữ tẩn, cùng đồng. Ngược lại âm tợ tấn. Theo văn nói gọi là đốt gỗ cháy còn dư lại, tức là tro tàn vậy.

Miễu mãng. Ngược lại âm vọng chiếu, âm dưới là mạc lãng. Miễu mãng: Quảng Nhã giải thích rằng là rộng lớn vô biên cũng gọi là sâu xa.

Nguyệt túc. Văn cổ viết nguyệt vuông, hai chữ tượng hình; cũng đồng; Ngược lại âm ngư quyết, ngũ quát hai âm. Gọi là chặt đứt lìa cái chân ra vậy.

Nghị tỵ văn cổ viết là nghị, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ngư khí. Theo chữ nghị nghĩa là cắt bỏ lỗ mũi.

Đà đại. Bì Thương lại viết bổ. Lại viết bài cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm bổ giới. Đây là dụ cho nhà lửa, ở trong nhà lửa khiến lửa thiêu đốt cháy hết vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 33

Viên thành. Ngược lại âm tự phiền. Gọi là bốn bên vách tường. Giải thích tên gọi là viên, nghĩa là viện nghĩa cứu giúp. Dựa theo người bị ngăn trở khó khăn, nên cho rằng phải cứu viện, giúp đỡ bảo vệ.

Hấc chí. Ngược lại âm hư ngật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hất nghĩa là đến vậy. Văn thông dụng cũng thường nói như vậy.

Huyên táo văn cổ lại viết huyên; Lại cũng viết huyên, cũng đồng. Ngược lại âm hư suy. Quảng Nhã cho rằng: Huyên là tiếng chim hót. Âm dưới là thừa đáo. Theo văn nói chữ táo là quấy rối. Sách Khổng Tử cho rằng: Thanh táo là nhóm hợp đông đảo, gây rồi quấy nhiễu vậy.

Kích thoan. Ngược lại âm cổ lịch. Ngược lại âm dưới là thổ hoàn. Kích là dòng nước chảy mạnh bị ngăn lại nên bắn nước lên tung tóe. Theo văn nói thoan là dòng nước chảy xiết, cũng gọi là chỗ cạn nước chảy bày cát lên gọi là thoan.

Tham lam. Lại viết hai chữ lam tượng hình cũng đồng nghĩa.

Ngược lại âm lực nam. Chữ lam lam cũng là tham. Theo sách Sở Từ chúng đều gọi là cạnh tranh với nhau mà gọi là tham lam. Vương Dật gọi là yêu thích tài vật gọi là tham; yêu thích ăn uống gọi là lam.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 34

Càn-thấp. Lại viết hấp, cũng đồng. Ngược lại âm khư cập. Văn thông dụng cho rằng: Phơi cho khô ráo gọi là thấp, hấp sấy cho khô vậy.

Phiến kỵ. Ngược lại âm thất phiến. Theo sách toán văn dịch là nhảy lên lưng ngựa.

Quyền cục. Ngược lại âm. Âm dưới là cự ngọc. Bì Thương cho rằng: Quyền cục là không thẳng, không duỗi thẳng, nghĩa cuộn tròn lại vậy.

Mạch mộc âm mạch mộc. Sách Nhĩ Nhã gọi là mưa nhỏ, tức là mưa phùng gọi là mạch mộc. Nay gọi là chảy mồ hôi giống như chảy mồ hôi trong người ra vậy.

Bĩ sĩ. Ngược lại âm bì mỹ. Âm dưới là sĩ cách. Bĩ là hủy hoại, ngăn che. sĩ phân ra nức ra nắng hạn lâu ngày đất nức ra.

Ông uất. Ngược lại âm ô khổng. Âm dưới là ư khuất. Ông nghĩa là xanh tốt sum suê; uất là cây mọc chằng chịt um tùm.

Sàm nham. Ngược lại âm sĩ hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sàm nham là núi đá cao không có cây cỏ.

Hà độc. Ngược lại âm đồ mộc. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Cống dẫn nước trong ruộng tăng gọi là độc ; các đường dẫn nước như: Cống, ngòi, rảnh đều gọi là độc.

Lễ thủy. Ngược lại âm lực thể. Lễ là suối nước ngọt thơm; nói nước suối là nước cam ngọt; giống như là rượu nồng dưỡng lão, và có thể trị bịnh; cũng có thể là ghiền mắt bệnh ghiền, nghiện vậy.

Tuẫn lợi. Ngược lại âm từ tuấn. Thương Hiệt giải thích rằng: Tuẫn là mưu cầu lợi ích chẳng kể mạng sống; cũng gọi là chết vì chức vụ, chết vì thực hiện nhiệm vụ.

Quan kiện. Lại viết quan kiện này cũng đồng, ngược lại âm kỳ thẩm kiện là ống móc khóa, cái khóa chắc chắn. Phương ngôn thời Trần Sở cho rằng: cái móc khóa ở bên trong vậy.

Y-sư-ca tên núi. Nói núi này rất cao, dụ con người có tâm ngã mạn vậy.

- QUYỂN 35: Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 36

Cương nghị. Ngược lại âm ngưu ký. Theo văn nói cho rằng: Nghị là cương quyết, đích xác; suy đến cùng tận, kết quả gọi nghị.

Giáp trụ, văn cổ viết trụ này cũng đồng. Ngược lại âm trừ cứu. Theo văn nói cho rằng: Trụ là con cháu nối dõi, nối tiếp theo không dứt vậy.

Tán-tha-ca-đa-diễn-na. Chữ ca-đà là họ; diễn-na là con. Tán-tha là nêu lên dòng họ tộc loại riêng biệt. Trong kinh luận xưa viết San đại Ca-chiên-diên, hoặc viết là San sắc Ca-chiên-diên; đều là sai vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 37

Đạt-la-nhị-trà chú. Tên của bài chú. Âm nhị. Ngược lại âm vong nhĩ.

Ly hoàng. Lại cũng viết ly cũng đồng. Ngược lại âm lực tư. Tiếng địa phương cho rằng: Thương canh tự quan, là tiếng báo hiệu giờ khắc. Mã ở thiểm Tây gọi là chim hoàng anh hoặc gọi là con chim vàng hoặc gọi là chim sổ tước, nhiều tên gọi khác nhau vậy.

Bất-đàn. Ngược lại âm. Hết tận không con dư gọi là đàn. Quảng Nhã cho rằng: Đàn là hết sạch vậy.

Nhi vẫn. Ngược lại âm vu mẫn. Quảng Nhã cho rằng: Vẫn là rơi từ trên cao xuống. Theo văn nói gọi là vẫn là từ trên cao mà xuống thấp.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 38

Hề thử. Ngược lại âm hồ hề. Theo văn nói cho rằng con chuột nhỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con chuột nhắt. Quách Phác gọi là có chất độc của loại côn trùng trong thức ăn của người; và chim, thú tuy đến hết cả để ăn mà không biết cũng không cảm (T630) thấy đau. Nay con chuột miệng của nó cho rằng ngọt nên nó ăn vậy.

Linh âm. Ngược lại âm lục đinh. Thương Hiệt giải thích rằng: Nghe tiếng; chỗ lỗ tai nghe tiếng gọi là linh.

Cổ huấn. Văn cổ viết là cổ. Nay lại viết là cố cũng đồng. Ngược lại âm cô nhương. Âm cổ. Theo văn nói giải thích rằng: Dùng lời nói ngày nay để giải thích văn tự ngày xưa. Huấn là con đường, cũng là lời giải thích vậy.

Sư quyền. Lại viết quyển cũng đồng. Ngược lại âm cự viên. Gọi là ngón tay nắm lại gọi là quyền. Nói thí dụ: Người thợ không nắm trong tay các vật, chỉ nắm cái nắm tay, khi mở rộng ra mà không nói vậy.

Hệ niệm văn cổ kế hệ lại chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cổ đế. Theo văn nói cho rằng: hệ là buộc chặt lại; cũng gọi là nối tiếp theo, nối dõi, kế tục vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 39

Môi cấu. Ngược lại âm mạc lai. Ngược lại âm dưới là cổ đậu. Môi là mưu tính một việc trù liệu sẵn; mưu tính làm tác hợp họ khác khiến cùng nhau tương thành; Bạch Hổ Thông gọi môi là dây, nghĩa là tác hợp hơn nhân gọi cấu là hai họ kết hợp với nhau mà sanh ra con cái nối dõi vậy.

Tráo la văn cổ lại viết tráo đáo, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm trúc giảo. Gọi là cái lồng bằng tre chụp bắt cá vậy.

Tư cương. Ngược lại âm cự thượng, chữ trong sách giải thích rằng giăng lưới nơi đường gọi là cương ; hình lưới giống như cây cung vậy, hoặc viết này là văn thường hay dùng vậy.

Sàm thị. Ngược lại âm sĩ hàm. Âm dưới là bất kiêm. Lại viết sàm thị cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thị lợi. Theo văn nói giải thích thị là

ý muốn, cũng gọi là tham không nhàm chán vậy.

Như bộ. Ngược lại âm bổ lộ. Chữ bộ nghĩa là ngậm thức ăn vậy. gọi là ngậm trong miệng thức ăn nuốt; nghĩa là bú mớm nuốt vào.

Hiểu dụ. Lại viết dụ, cũng đồng. Ngược lại âm du cú. Tam Thương giải thích rằng: Dụ là thí dụ, là khuyên can, cũng gọi là dụ, cũng gọi là hiểu. Theo sách Luận Ngữ cho rằng: Dụ là dẫn giải nơi nghĩa là vậy.

Nạo trọc. Ngược lại âm, nãi bào nãi giảo hai âm. Theo văn nói giải thích rằng: Nạo là quấy rối; lại cũng gọi là nhiễu loạn.

Năn quí. Ngược lại âm nữ thạnh. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mặt đỏ vì hổ thẹn. Tiếng địa phương giải thích rằng: Là tự hổ thẹn mà thấy trên gương mặt đỏ. Chữ viết từ bộ cập xích chữ chỉ ý.

Tự quỷ. Ngược lại âm cự quý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quỹ độ, nghĩa là quan tể tướng ngày xưa, cũng gọi là người lái buôn vượt qua.

Thọ tu. Ngược lại âm thời chú. Quảng Nhã cho rằng: Là cây đứng thẳng, cộng thiềm. Theo Thanh Loại thì lại viết. Thiềm, cũng đồng. Ngược lại âm thời diễm. Chữ trong sách giải thích: Thiềm là đầy đủ. Ngược lại âm tử du. Cung đầy đủ cũng gọi là trợ giúp.

Huyễn mại văn cổ viết huyễn cũng đồng. Ngược lại âm Hồ miến công huyễn, hai âm. Theo văn nói giải thích rằng: Là đi buôn bán. Quảng Nhã giải thích rằng: Đi khoe khoang.

Súc tích. Lại viết súc này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm sĩ lục. Quảng Nhã giải thích rằng: Súc là tụ nhóm lại cũng gọi là chứa nhiều vậy.

Sảo dực. Ngược lại âm công huyễn. Âm dưới là. Theo văn nói giải thích gọi là thân cây lúa; cây lúa cũng gọi là cây ngũ cốc.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 40

Khải đạo. Lại viết khải này cũng đồng. Ngược lại âm. Theo văn nói giải thích rằng: Khải là mở ra con đường, gọi là dẫn dắt.

Huy nghĩa. Lại viết huy, đều đồng. Ngược lại âm hư bì. Gọi là tay đưa lên gọi là huy; Gọi là lấy ngón tay chỉ huy.

Hà thừa văn cổ viết là hà: Nay lại viết hà cũng đồng. Ngược lại âm hồ ngã; lại âm hồ ca. Tiểu Nhĩ Nhã giải thích hà là đưa lên, cũng gọi là gánh trách nhiệm.

Chánh diên. Ngược lại âm dĩ chiên.

Chỉ khế. Lại viết khác xí hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khiếp lệ. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Khế là nghỉ ngơi, dừng lại để nghỉ ngơi vậy.

Xí tiếu. Ngược lại âm sung chi. Tam Thương giải thích rằng: Xi là khinh nhờn. Sách Nhĩ Nhã Thiên Tiểu Thất cho rằng: Xi là đùa giỡn, làm trò cười. Ngược lại âm dưới là tài tiếu. Tiếu gọi là quấy rối làm cho nhiễu loạn, cũng gọi là trách khéo vậy.

Khiêm xung. Theo văn nói lại viết trung, cũng đồng. Ngược lại âm trừ trung. Theo chữ trong sách giải thích rằng: Xung là trống không, hư không.

Cự lực. Ngược lại âm kỳ lữ. Theo chữ lâm cự là to lờn. Theo tiếng địa phương giải thích rằng: Giữa nước Tề, Tống thì gọi to lớn, vật gì to lớn là cự. Theo văn nói giải thích cự cũng là to lớn. Cũng viết là cự này cũng đống nghĩa.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 41

Giá át văn cổ viết át này, cũng đồng. Ngược lại âm ư khác. Theo sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Át là dừng lại cũng gọi là đi ngược lại, cùng nhau dừng lại gọi là, nghĩa là ngăn chặn giặc bạo ngược, át cũng gọi che trùm khắp vậy.

Tốt-đổ-ba. Ngược lại âm tô một. Ngược lại âm dưới là đô cổ. Đây dịch là cái miếu, nơi thờ cúng. Hoặc gọi là Huyên nghĩa phiên; hoặc gọi đại tụ; hoặc nói là tự tướng; cũng gọi là lụy thạch v.v... cho rằng: Tướng cao. Trong kinh luận xưa hoặc viết Tô-thâu-bà; hoặc viết Tẩu-đẩu-ba; hoặc viết đâu-bà, hoặc gọi là, cũng viết là tháp bà, đều sai lược vậy.

Tể quan. Ngược lại âm Tổ đãi. Theo Thanh Loại giải thích rằng: Tể là trị, cũng gọi là sửa trị làm cho an ổn quốc ấp. Quảng Nhã giải thích rằng: Tể là chế định, cũng gọi là chế ra các việc.

Huyền hoa. Ngược lại âm hư nguyên âm dưới là hồ cô. Tam Thương giải thích rằng: Huyên là lời nói thao thao. Hoa là lời nói la hét, ồn ào, tiếng tranh cãi. Âm thao ngược lại âm tùng đao.

Phân quát. Ngược lại âm phu vân. Âm dưới là công hoạt. Phân là lộn xộn, rối loạn. Quát là lời nói ồn ào om sòm. Thương Hiệt giải thích

rằng: Quát là gây rối loạn nhiễu loạn, âm thanh inh ỏi bên tai vậy.

Lung lệ hoặc là viết lung này, cũng đồng. Ngược lại âm lộc chung. Âm dưới Tam Thương lại viết lệ cũng đồng. Ngược lại âm lực kế. Điều tốt lành, khéo giỏi, gọi là lương lệ, cũng cứng cỏi, cang cường.

Tông tập. Ngược lại âm tử tống. Tông là gộp lại, tổng hợp lại. Tam Thương giải thích rằng: Tống là sợ chỉ đường kinh ngang xuyên qua. Sỏ xuyên các hạt châu; cũng gọi là nắm giữ giềng mối của bộ phận cơ quan.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 42

Đồng linh. Lại viết linh này cũng đồng. Ngược lại âm lịch kinh. Theo chữ lâm là tuổi gọi là niên linh. Theo sách Lễ Ký giải thích rằng: Người xưa gọi là niên linh là người sống lâu, sống thọ.

Huề tùng. Ngược lại âm hồ khuê. Quảng Nhã giải thích rằng: Huề dắt tay đưa cao lên đề cao lên; cũng gọi là nắm giữ. Theo sách Hán Thư Mạnh Khan giải thích rằng: Huế là liên kết lại với nhau; cũng gọi là người tướng lãnh dẫn dắt đi đánh trận vậy.

Hoạn giáp. Ngược lại âm hồ man, công hoạn hai âm. Theo tả truyện giải thích rằng: Mặc áo giáp cầm nắm binh khí. Đỗ Dự giải thích rằng: Hoạn là quán là xâu suốt lại đừng để tản mất. Theo sách Quốc Ngữ cho rằng: Mặc áo giáp cầm binh khí mai phục binh lính. Giả Quỳ giải thích rằng: Hoạn là mặc áo giáo vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 43

Uẩn nhất - Ngược lại âm Di nhẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mẫn là hết sạch. Quảng Nhã giải thích rằng: Mẫn là mất, là phai mờ, dứt tuyệt vậy.

Tản tiệp. Lại viết tán này cũng đồng. Ngược lại âm tiên ngạn. Gọi là miếng vải che để đi đường, tự lấy che nắng mưa gọi là cây dù che. Ngược lại âm dưới là tiên diệp. Gọi là khắc đẽo cây khiến ở giữa có

khoảng trống để che cái chân; gọi là guốc gỗ vậy.

Pháp minh. Ngược lại âm mạc kinh. Theo văn nói giải thích rằng: Minh là mưa nhỏ, ít mưa, mờ mịt, mưa phùng. Theo sách Trang Tử Nam giải thích rằng: Bầu trời cũng gọi là biển, cũng gọi là nước trong ao nhỏ vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 44

Cừ não. Ngược lại âm cự ư theo chữ trong sách gọi là tên của hạt ngọc; cũng gọi là cái vòng đeo tai, cũng gọi là ấn tay, ấn dấu tay.

Trừ khí. Ngược lại âm trực ư. Trừ nghĩa là tích chứa của cải tài vật; dự bị nhân tài. Gọi là tích chứa các vật gọi là dự bị, phòng bị, gọi là trừ.

Tảo sức. Ngược lại âm Tô lão. Gọi là chỉ văn chương, chỉ đường nét tô điểm cho đẹp đẽ; cũng gọi là tô điểm sửa sang làm cho trở thành đẹp đẽ, cũng gọi là tô điểm y phục cho đẹp vậy.

Cách lượng. Ngược lại âm da ngạch. Thương Hiệt giải thích rằng: cách gọi là độ lượng vậy.

Bất nghị. Ngược lại âm xỉ diệc, âm là úc nghị. Theo sách Hán Thư âm nghi là không dùng. Theo văn nói giải thích là nghị kiếp nghĩa trong nhà trộm. Quảng Nhã giải thích rằng: nghị là đẩy ra, đẩy ra trách mắng, nổi giận. Theo văn nói viết từ bộ Nghiễm nghịch.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 45

Hoàn hội. Ngược lại âm hồ khai. Âm dưới là hồ đối. Theo văn nói giải thích: Hoàn hội là chỗ chợ búa.

- QUYỂN 46, 47 Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 48

Năng tích. Ngược lại âm Nô lãng. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Năng là lâu rồi, giống như là đã qua đời, cũng gọi là cổ xưa vậy.

Mâu-sa-la ; hoặc là viết mô-tát-la, hoặc viết là Ma-sa-la. Cũng viết là mục-bà-la. Tiếng Phạm chuyên âm đọc sai vậy. Đây dịch là mã não. Theo đây gọi là vật báu; hoặc có màu sắc như mã não; nhân vì vậy mà gọi tên.

Trắc điền văn cổ viết điền này cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên. Tam Thương giải thích rằng: Trắc là tạp, lộn xộn, đặc để lộn xộn, lẫn lộn. Quảng Nhã giải thích rằng: Cái ao bị tắc nghẽn, cũng gọi là đầy. Lại viết điền này là chẳng phải đây dùng vậy.

Xâm lược. Lại viết lược này cũng đồng. Ngược lại âm lực thượng. Theo văn thông dụng giải thích rằng: Che trùm lấy, gọi là sao lược, là cướp đoạt; gọi là dùng sức mạnh cướp lấy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 49

Y-nê-tà chuyên. Ngược lại âm ô hề, âm dưới là thị nhuyễn. Tên hạt ngọc ở trong bụi trần. Trong kinh xưa lại viết Y-nê-diên. Lại viết nhân-ni-diên, cũng viết yên-ni-diên; đều là một nghĩa; Âm yên. Ngược lại âm nhứt hiền.

Thế phong gọi là âm hành. Xưa gọi là tướng mã âm tàng vậy.

Yết-la-tần-ca, hoặc viết Ca-lăng-tần-già; hoặc viết Da-la-tỳ-da; cũng viết Ca-lăng-tần-ca; đều là tiếng Phạm, âm có nhẹ, nặng; chuyển thanh đều sai vậy. Đây dịch là tiếng hót hay của con chim.

Ô-sắt-nhị-sa. Lại viết là Ổn-sắc-ni-sa; hoặc nói Uất-ni-sa. Đây dịch là kế. Gọi là trên đảnh đầu nổi lên một cục thịt, tự nhiên thành búi tóc.

Tất cổ. Lại viết cổ này, cũng đồng. Ngược lại âm công hộ. Theo văn nói giải thích rằng: Là xương đùi, lá lách, giải thích tên gọi là cổ, là xương đùi chắc chắn, cũng là sức mạnh chắc chắn.

Lưỡng đồn. Ngược lại âm đồ côn. Gọi là hai bên mông đít thịt dày, cao rộng. Quảng Nhã giải thích rằng: Khoan là con lợn. Âm khoan

ngược lại âm khổ côn.

Khoan lô. Ngược lại âm dĩ ư. Gọi là lô tức là cái bụng. Giải thích tên gọi là cái bụng ở phía trước gọi là lô.

Khủ sóc. Ngược lại âm khâu ngư. Âm dưới lại viết ác, cũng đồng ngược lại âm âm ngũ các. ác là chỗ ở, là chỗ răng mọc, sóc xỉ là răng ở trong và hàm trên, dưới nơi các nứu răng mọc. Ẩn ngân ngược lại ngữ cân.

Quyên trừ. Ngược lại âm cổ huyền. Tiếng địa phương sách Nam Sở giải thích rằng: Quyên là bịnh lần lần thuyên giảm. Quách Phác cho rằng: Quyên là trừ bỏ đi. Mỗi địa phương phong tục tiếng nói có khác vậy.

Hào soạn. Ngược lại âm hồ lực hồ hai âm. Âm dưới là sĩ quyến. Quảng Nhã giải thích rằng: Hào là thịt, cũng gọi là thịt khô. Theo văn nói giải thích rằng: Soạn là chuẩn bị đầy đủ thức ăn ngon. Cũng gọi là ăn uống vậy.

Quảng lệ. Ngược lại âm cổ mãnh. Theo sách Hán Thư Mạnh Khan chú giải rằng: Quảng là mạnh mẽ, dữ dằn, hung tợn. Lệ là tốt lành. Chữ viết từ bộ khuyễn.

Bà-la-ni-tư. Ngược lại âm nữ hiệt. Hoặc gọi là Bà-la-nại-tư. Lại viết Bà-la-nại cũng đồng một nghĩa. Xưa dịch làThành Giang (T631) Nhiễu.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 50

Giới húc. Ngược lại âm cổ ung. Âm dưới là hứa ngọc. Giới là răn bảo, cũng gọi là cảnh cáo. Tiếng địa phương cho rằng: Nước Tề, Lỗ giải thích chữ Húc là cố sức lên, khuyến khích cố sức lên.

Khinh cốc. Ngược lại âm. Giống như lưới mà lại thưa, giống như sợi tơ, mà nhặt khít, dày hơn; Xưa có gọi là mong cốc vụ cốc, là nói nó nhỏ mong manh như hạt sương.

- QUYỂN 51 (Trước không có âm giải thích.)

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 52

Phần liệu văn cổ viết phần hội hai chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm phò vân. Âm dưới lại viết liệu, cũng đồng. Ngược lại âm lực chiếu. Theo văn nói giải thích rằng: Phần là lửa thiêu đốt cháy lan ngoài đồng ruộng. Chữ viết từ bộ hòa. Cũng gọi là theo đốt rừng; chữ chỉ ý. Thiêu nghĩa là phóng hỏa đốt vậy; đốt lửa cháy lan ngoài đồng ruộng gọi là liệu.

Diễm phiêu. Ngược lại âm tỳ diêu. Gọi là lửa nhỏ. Lại viết phiêu này. Theo văn nói giải thích rằng: Lửa bay. Tam Thương cho rằng: Lửa tiến vào gọi là phiêu.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 53

Đồ quan. Ngược lại âm cổ ngoạn. Gọi là cái mũ, cái mũ hoa, cái mũ đội đầu.

Hách dịch. Ngược lại âm dư thạch. Quảng Nhã giải thích rằng: Hách là tỏ rõ; dịch là to lớn, đồ sộ; cũng gọi là rạng rỡ sáng chói, chữ viết từ bộ đại.

- QUYỂN 54 (Trước không có âm.)

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 55

Ngu lỗ. Ngược lại âm lực cổ. Sách Luận Ngữ giải thích rằng: Nghiên cứu kỹ lỗ là ngu dốt đần độn. Theo Khổng An Quốc cho rằng: Lỗ là không nhạy bén chậm lục, cũng gọi là ngu si.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 56

Ác-xoa-tụ. Chữ ác xoa là tên của loại cây. Hình của loại cây giống như ăn không có hạt. Ở nước kia có rất nhiều cây lấy đem bán. Như đây dịch là cây hạnh nhân cho nên lấy ví dụ để nói vậy. Dương phụng ở nước Ngô thời Tam Quốc trú tại Lư Sơn, chữa bệnh cho người không lấy tiền, chỉ muốn người bệnh nặng mà được lành, thì phải trồng năm cây hạnh vậy.

An thiện na. Ngược lại âm thị chiến. Xưa nói là an thiền na. Đây dịch là thuốc ngủ, thuốc an thần.

Nhĩ luân. Các vua nước kia, hoặc là dùng kim ngân làm. Nhĩ luân đây hình giống như cái bát tròn bầu dục có móc đeo nơi lỗ tai. Khuôn bên trong dùng để làm trang điểm, cho nên gọi là tai luân. Trong kinh xưa nói rằng: Tai nên làm cho to lớn ra mới tốt làvậy.

Lỗ-đạt-la thiên. Đây dịch là tên khác của cõi trời bạo ác tự tại.

Tỳ-sắc-nô thiên. Ngược lại âm nô cố. Xưa dịch là Tỳ-sưu-nữu, hoặc nói là tỳ nhẫn đều sai. Đây là nghĩa huyễn hoặc, mơ hồ. Nghĩa chính xác là tên khác gọi là Phạt-tẩu thiên. Xưa nói là Bà-tẩu thiên.

Thế chủ thiên. Đây là tên khác của cõi trời Phạm thiên.

- QUYỂN 57: Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 58

Tề nạch. Lại viết di, cũng đồng. Ngược lại âm tử lễ. Quảng Nhã giải thích rằng: Tề là chất dịch thể chảy ra thấm xuống. Cũng gọi cánh tay xuất mồ hôi.

Lãng dĩ. Ngược lại âm cự di. Gọi là loài côn trùng ngu si đần độn; Đây nói là con thú nuôi trong nhà, nên nói rằng vì nó ăn cỏ nên gọi là ngu si là vậy.

Kỳ lộ văn cổ viết hai chữ kỳ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cự chi. Nhĩ Nhã giải thích rằng: Phân rẽ hai con đường gọi là kỳ. giải thích tên gọi là vật gì phân rẽ ra con đường đều gọi là kỳ. Đây gọi là giống như con đường đạo để đạt tới vậy.

Luân vi. Ngược lại âm can phi. Tên của một cái núi. Đây là lấy ví dụ cho tâm ngã mạn cao lớn cho nên lấy tên mà gọi vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 59

Yểm đảo. Ngược lại âm ư nhiễm. Âm dưới là đô đạo. Chữ oản yểm là trong giấc ngủ không rõ biết núi phía Đông. Ngược lại âm ư nghiệp. Theo văn nói giải thích rằng: Đảo là báo cáo sự việc cầu thần gọi là đảo. Đảo là thỉnh mời, mời thỉnh nơi quỷ thần vậy.

Thi bán thi đây là nói chú pháp ở nước Tây Vức mới có. Đây dịch là nói bài chú nơi thây người chết khiến cho đứng dậy xác nhập vào người sống, phân nửa là thây chết rồi mới chú nguyện, thầm đọc chú khiến cho ngồi dậy; thây ma chết đã thành con quỷ xác nhập vào người sống cho nên nói bán thi, là phân nữa thây ma, phân nửa người sống, thành quỷ đi phá hoại làng xóm.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 60

Từ thạch. Ngược lại âm tự tư. Bì Thương giải thích rằng: Từ thạch gọi là ngậm thiết vậy.

Sa-lê-dược-ca gọi là tên cụ lạc thành ấm của nước kia.

Yết-trá-tư. Ngược lại âm cư yết. Gọi là tên khác của tham ái.

Thương điệu. Ngược lại âm đồ đáo. Tiếng địa phương của nước Tần, Tấn gọi Thương là buồn thương, xót thương; thương tiếc, cũng gọi là bi ai.

Ly quặc. Lại viết là trúc ly cũng đồng. Ngược lại âm lực tư. Âm dưới là cư triền. Ly nghĩa là vạch ra, kẻ ra, dùng dao rạch ra. Phá vỡ thẳng gọi là ly. Dùng móng vuốt chụp vồ lấy làm cho bị thương tổn gọi quặc. Âm hoạch ngược lại âm hồ mạch.

Thê nô. Ngược lại âm nộ hồ nãi cố hai âm. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Nô là mang đứa con vậy

Sư ấp. Ngược lại âm dĩ cư. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Hai mươi

lăm nhà làm một lữ; Lữ cũng gọi là cổng làng. Theo văn nói lữ là bạn; năm nhà cùng nhau làm bạn với nhau.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 61

Tích lại. Ngược lại âm tinh đích. Gọi là ban tặng cho người. Theo sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Tích lại là ban tặng của cải tài vật. Gọi là người ở trên ban tặng cho kẻ dưới quyền; hoặc là lúc từ biệt nhau trao vật tặng vật để lưu niệm vậy.

Uất-uởng. Ngược lại âm ư lượng. Gọi là nổi giận cũng gọi là bực bội, khó chịu không vui, tâm không phục.

Áo nhuế. Ngược lại âm ư báo. Áo nhuế là trong lòng hối hận.

Ban tứ. Lại viết cũng đồng. Ngược lại âm bổ nhan. Sách Tiểu Nhĩ Nhã giải thích rằng: Ban là cấp cho, trao cho, cũng gọi là bố trải khắp. Sách Nhĩ Thất giải thích rằng: ban là biến khắp cũng vậy.

Lạo lai. Ngược lại âm lãng đáo. Âm dưới là lực đại. Gọi là vỹ lạo. Quảng Nhã cho rằng: Siêng năng chăm chỉ làm việc. Lạo lai: nghĩa là không chờ đợi hoặc có viết lại tứ: là ban tặng của cải cho nhau. Chữ lại này chẳng phải Ba-la-mật đây dùng vậy.

Tư tuần. Ngược lại âm tư tôn: Tuần là han hỏi. Theo Tả Truyện cho rằng: Hỏi han để việc được tốt đẹp gọi là. Hỏi hai với người thân gọi là tuần. Tư cũng là hỏi han khéo hỏi han về con đường đạo. Tuần là hỏi han thăm hỏi nghĩa là hỏi thăm người thân thích vậy.

Khánh kiệt văn cổ viết là không cũng đồng. Ngược lại âm khẩu định. Theo văn nói cho rằng: Đồ dùng trong nhà rỗng không. Nhĩ Nhã cho rằng: Khánh là đã hết sạch.

Phi ưu. Ngược lại âm ư ngưu. Theo chữ lâm khác ưu là vui, cũng gọi là điều hòa vui vẻ, làm trò vui vậy.

Bác dịch văn cổ viết bác này. Ngược lại âm dưới là dự thạch. Tiếng địa phương gọi là bác nghĩa sâu rộng uyên bác, hoặc gọi làKỳ tự quan mà ở giữa Đông Tề, Lỗ: đều cho là cờ vậy gọi là dịch vậy.

Anh kiệt. Ngược lại âm kỳ liệt. Vượt hơn ngàn người gọi là kiệt. kiệt cũng gọi biệt lập, đứng riêng, cũng gọi là tài năng hơn người vậy.

Đam diện văn cổ viết thậm cửu hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm đô hàm. Âm dưới văn cổ viết là diện này cũng đồng.

Ngược lại âm vong thiện. Theo văn nói giải thích rằng: Đam là vui, ưa thích, say mê. Diện là đam mê rượu chè; cũng gọi là rượu vui.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 62

Sất chỉ. Ngược lại âm lặc lý. Xưa gọi là câu hy là, dịch là tất, tức là cái đầu gối; nói là xương đầu gối to.

- **QUYỂN 63:** Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 64

Lân sừng. Ngược lại âm lý chân. Gọi là giống thu nhân đức. Theo văn nói giải thích rằng: Lân thân giống như nai, đuôi trâu, móng ngựa, lưng có lông ngũ sắc, bụng nó lông màu vàng, có một sừng trên đầu có thịt, có khối thịt trên đầu. Lân không ăn thịt các giống thú khác, không đạp cỏ. Trong bụng có phát ra âm thanh giống như tiếng chuông, bước đi rất ngay thẳng và dài, không rơi vào lưới của thợ săn. Cũng gọi là văn chương đầy đủ về văn và chất. Sách Luận Ngữ: Là văn vẻ bên ngoài và chất âm đức bên trong đầy đủ, sau đó mới có thể thành bậc quân tử. Đây cũng gọi là giống thú linh vậy.

- **QUYỂN 65, 66** : (Đều không có âm giải thích.)

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 67

Ngạo đản. Ngược lại âm ngũ cáo. Ngược lại âm dưới là dạt thả. Chữ ngạo gọi là không kính. Quảng Nhã giải thích rằng: Ngạo là khinh thường, xem nhẹ người khác. Đản là to lớn, phóng túng, buông thả; thật

to lớn.

Huyến tảo. Ngược lại âm hồ miến. Theo chữ lâm gọi là văn chương mạch lạc xán lạn rực rỡ gọi là huyến. Huyến cũng gọi là văn chương, chỉ đường nét tô điểm cho đẹp. Tảo là từ thỉ chung các loại rong dưới nước; cũng gọi là văn chương có trau chuốt vậy.

Đại địa ca. tên người; từ tên; Trong kinh gọi người này mà nói.

Bạo táo. Ngược lại âm bồ bốc. Ngược lại âm dưới thừa lão. Giải thích tên gọi là táo là tập hợp lại. Theo văn nói giải thích: Táo là phơi khô, khô khan vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 68

Nhược lan. Lại viết lan này cũng đồng. Ngược lại âm lực đan. Theo văn thông dụng gọi là mất hết tận hết sạch gọi là.

Hối hóa văn cổ viết hối này cũng đồng. Ngược lại âm hồ tội. tài hóa: Tiền của; hàng hóa, chỉ các vật có thể đổi thành tiền. Theo văn thông dụng cho rằng: tài là vải vóc hàng hóa gọi là hối. Chu Lễ cho rằng: Thông dụng dùng hóa hối là vàng ngọc gọi là hóa. Vải vóc lụa là hối. Trịnh Huyền giải thích rằng: Vàng ngọc gọi là hóa vải vóc lụa là gọi là hối là vậy.

Phương cao âm phương gọi là chất mỡ, chất béo. Văn thông dụng gọi là ở eo lưng gọi là phương; Phương là chất béo. Tam Thương cho rằng: có sừng gọi là chỉ; không sừng gọi là cao.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 69

Đề hồ. Âm đề hồ. Ngược lại âm tô lạc. Tinh rượu nguyên chất tinh túy gọi là đề hồ. Theo văn thông dụng gọi là tô lạc, cũng gọi là đề hồ là vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 70

Huân mộ. Ngược lại âm hứa quân. Sở Từ cho rằng: Huân là ánh nắng trời chiều nắng chiều lúc hoàng hôn, mà cũng gọi là tuần lễ, một tinh kỳ. Vương dật chú giải sách Quảng Nhã rằng: Nắng chiều hoàng hôn; cũng là trời sắp tối.

Thuyên lượng. Lại viết chữ thuyên này, cũng đồng. Ngược lại âm thất tuyền. Quảng Nhã cho rằng: Cái cân gọi là thuyên. cũng gọi là thuyên lượng, nghĩa là cân xem nặng, nhẹ vậy; gọi là cân nhắc.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 71

Trúng đích. Ngược lại âm tri trung. Âm dưới lại viết đích, văn nói lại viết đích này cũng đồng. Ngược lại âm đô lịch. Gọi là chính xác rõ ràng; xạ chất, bắn ra trúng đích; cũng gọi là điểm đương thấy rõ. Nay lại dùng viên đạn tròn mà bắn là vậy.

Tùng dung. Ngược lại âm thư dung. Quảng Nhã cho rằng: Tùng dung là cử động, cũng gọi là thẩm xét rõ ràng nhàn nhã, thoải mái.

Hà tân. Ngược lại âm tỷ nhân. Chữ lâm tân là bến nước. Quảng Nhã cho rằng: Tân là bờ nước, ven sông. Cửa sông chảy ra biển.

Hủy độc. Ngược lại âm đồ mộc. Là phỉ báng, chê bai. Quảng Nhã cho rằng: (T632) độc là bệnh đau, cũng gọi là oán hận lời oán trách.

Trân tu văn cổ viết tu này cũng đồng. Ngược lại âm tư do. Gọi là tên khác của món trân quí; có các mùi vị lẫn lộn; là tu là thức ăn ngon; nghĩa là món ăn có mùi vị thơm ngon. Tiếng địa phương cho rằng: Món ăn nấu chín.

- QUYỂN 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78 (Trước đều không có âm giải thích.)

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 79

Khiên thần. Ngược lại âm khứ yên. Quảng Nhã cho rằng: Khiên là nhổ giựt lên đưa lên.

Du nhĩ. Lại viết du này, cũng đồng. Ngược lại âm dĩ chu. Gọi là cười khúc khít. Cũng gọi là cười hở răng ra. Theo sách Hán Thư gọi là cao như ngọn núi Thái Sơn gọi là du, nhan sắc thoải mái rộng rãi khoán đạt; lại viết giống như thiên nhiên trang trải khắp vũ trụ, mĩm cười với tất cả.

Ca-ly. Tiếng Phạm Sa-bát-nã. Ngược lại âm nữ gia. Chữ bát nã. Đây dịch làTiền làm bằng đồng, mười sáu bát-nã là một ca-lợi-sa bát-nã.

- QUYỂN 80, 81, 82: Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 83

Tập sư văn cổ viết tập này cũng đồng. Ngược lại âm từ lập. Theo Tả Truyện ghi: Đánh úp không phòng bị; nói chung quân lính đánh giặc ngày xưa có duyên trống gọi là phạt, không chiên trống gọi là xâm, mà gọn nhẹ bất ngờ gọi là tập. Tức là dùng khinh binh, nằm yểm xuống chờ đối phương không phòng bị bất ngờ mà đánh ập vào.

Ma-nạp-phược-ca. Đây dịch là Nho Đồng; hoặc gọi là thiếu niên tịnh hạnh. Trong kinh xưa gọi là ma nạp đẳng, là vậy.

Để-sa. Tên gọi là Tỷ-khưu; Khưu là trong kinh nói tên là Để-sa kinh. Đây cũng gọi là tinh là tên của một ngôi sao. Bởi vì ngôi sao đứng riêng nên gọi tên là như vậy. Ở Tây Vực gọi là đa thử.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 84

Nhu ủy. Ngược lại âm nô hòa nô hồi hai âm. Theo văn nói giải

thích rằng: Ủy là đẩy tới, lấy hai tay đang xiết chặt lại với nhau.

Bì triết. Ngược lại âm phổ bỉ. Theo sách toản văn ghi chép rằng: bì là bẻ gãy: Bì cũng giống như là phân ra, tách ra làm đôi vậy.

Cương phó. Ngược lại âm bồ bốc phương vụ hai âm. Cuối đầu xuống gọi là cương phục ; nghĩa là thấp xuống, cũng gọi là phó là ngã xuống. Theo văn nói ghi rằng: Vấp chân té ngã ngửa; phó là che ở phía trước vậy.

Hạo đầu. Ngược lại âm hồ lão. Theo sách Tiểu Nhĩ Nhã ghi rằng: Hạo là mặt trời mới mọc; cũng gọi là vải lụa trắng tinh.

Hoàng thuân. Ngược lại âm thất tuần. Theo sách Vận Lược Tập ghi rằng: Thuân là da bị lạnh làm nức nẻ; có đường nhô nổi lên.

Tồ lạc. Lại viết chữ tồ này cũng đồng. Ngược lại âm tại hồ. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Tồ lạc là chết mất vậy.

Si phạt. Lại viết si này cũng đồng. Ngược lại âm sữu chi. Quảng Nhã cho rằng la hình phạt đánh bằng roi.

Thang lỗ. Lại viết thang lỗ này hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm xỉ diệc tư diệc hai âm. Ngược lại âm dưới là lực cổ. Theo văn nói ghi: Thang lỗ người phương Tây gọi là đất mặn; tức là ruộng muối.

Nễ-già. Ngược lại âm nữ lý. Đây dịch là nước chảy không ngừng; cũng nói là có hại; bao hàm hai nghĩa; nhưng đây đều là tiếng Phạm.

Cự vụ. Lại viết cự, cũng đồng. Ngược lại âm cự giá. Cự là gấp vội; cũng gọi là phương sợ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 85

Cưu tập. Ngược lại âm. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Cưu là tụ tập; cũng gọi là nhóm hợp.

Linh ngữ. Ngược lại âm lực đinh. Âm dưới là ngư dĩ. Tên của ngục. Ở Nam vương có ngục, nhà lao, nhà tù.

U chấp. Ngược lại âm tri lập. Trong Mao Thi Truyện ghi rằng: Chấp là trói buộc; cũng gọi là câu chấp, cầm nắm; hai tay không xen lẫn nhau; gọi là bị trói buộc.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 86

Nộ hám. Ngược lại âm hồ cam. Quảng Nhã ghi rằng: Hám là oán hận. Theo chữ lâm. Hám là không an.

Tẩm dâm. Ngược lại âm thất lâm. Tẩm dâm: Là chuyển lần lần càng ngày càng thêm lớn; Tẩm dâm: Cũng gọi là di chuyển đến nơi gọi là rộng lớn.

Vi biển. Ngược lại âm bi lưỡng. Theo văn nói ghi rằng: Biển là chật hẹp vậy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Biển là nóng vội, nóng nảy, gấp gáp; cũng là hẹp nhỏ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 87

Ngu tráng. Ngược lại âm đinh lạc. Tam Thương cho rằng: Ngu là chỗ không biết, cũng gọi là đần độn. Quảng Nhã cho rằng: Tráng là hung hăng, ngoan cường.

Mang nhiên. Ngược lại âm minh đường. Theo chữ mang nhiên là thuyết tối không rõ ràng.

Du hoàng. Ngược lại âm hu quang hoàng là cái hào ở quanh thành; Theo văn nói ghi rằng: Quanh thành có trì, ao quanh có nước gọi là hoàng.

Cung quyết. Giải thích tên gọi là quyết là ở hai bên cửa. Ở chính giữa khuyết gọi là đạo, con đường vào cung vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 88

Hư hy. Ngược lại âm hân cư. Âm dưới hân ký. Thương Hiệt ghi rằng: Tiếng khóc dư, cũng gọi là bi thương.

Phủ ưng. Ngược lại âm phương vũ. Âm dưới lại viết ứng, cũng đồng. Ngược lại âm ư nghi. Phủ là vỗ nhẹ, vỗ về. Quảng Nhã giải thích rằng: Phủ là đánh, ưng là buồn lo; cũng gọi là cái ngực. Phú ưng là buồn

bã lo âu, buồn giận.

Oan kiết văn cổ viết oan, oán, hai chữ tượng hình. Nay lại viết oan này cũng đồng. Ngược lại âm ư nguyên. Theo văn nói gọi là oan khúc; Quảng Nhã gọi là oan uổng; nhớ nghĩ phiền muộn sự oan ức vậy.

A-tử-la. Tên là. Ma-đăng-kỳ Phủ-trà nữ. Cũng có tên riêng là. Tên khác. Đây nói chữ nữ là ý nghĩa hèn hạ, đê tiện. Cho nên phải dùng chổi quét chợ là nghề nghiệp, dùng lấy cúng dường y thực vậy.

Bị trắc. Ngược lại âm trắc cách. Theo chữ trắc giống như chữ yểm. Gọi là thao tác đến xuất mồ hôi.

Khiên nột văn cổ viết là nột, cũng đồng. Ngược lại âm nô cốt. Chữ nạp gọi chậm chạp, đần độn, không chạy bén. Theo văn nói ghi rằng: nạp là khó vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 89

Bằng trù. Ngược lại âm trực lưu. Người đồng môn giao kết với nhau gọi là bằng trù, nghĩa là bạn bè, đồng loại, ngang bằng với nhau. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Hai người làm một thất ngang bằng nhau; bốn người làm một trù. Chữ trù giống như làbạn lữ vậy.

Vĩ mông. Ngược lại âm đồ đăng. Âm dưới là mạc động. Theo Vân Tập ghi rằng: cố sức ngồi nằm.

Tất-tử. Ngược lại âm thất nhĩ. Âm dưới tư nhĩ. Theo văn thông dụng cho rằng: Khó có thể gọi là thầy. Đây là sai, dùng chữ sai vậy.

Chuyết nhĩ. Ngược lại âm tri liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: chuyết là hơi ngắn; cũng gọi là lo âu, buồn phiền.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 90

Phú thiêm. Ngược lại âm Thú diêm. Gọi là dùng cỏ tranh lợi nhà. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Vải trắng đậy phủ lên gọi là thiêm ; cũng

nói rằng bện cỏ tranh lấy đậy che lên nóc nhà gọi là thiêm.

Miễn lệ. Ngược lại âm mị biện. Âm dứt là lực chế. Gọi là miễn cưỡng; cũng gọi là tự khuyến khích cho có thêm sức mạnh; khích lệ thêm lên, sức mạnh, gọi là lệ.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 91

Điều quy. Lại viết hai chữ điều tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm thư dục gọi là tính nóng nảy vội vàng.

Quan mao. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuộc cỏ mây.

Như trậm. Ngược lại âm. Quách Phác cho rằng: Trộm là loại chim lớn như con diều hâu, thân màu xanh tím thẩm, cổ dài; mỏ đỏ, nó hay ăn thít rắn.

Quyết nhiên. Ngược lại âm cư liệt. Theo chữ quyết cũng giống như chữ đơn; nghĩa là cô độc, đơn độc một mình. Theo văn nói gọi là không có cánh tay mặt, tay phải. Gọi là quyết.

Công lưu. Ngược lại âm diệc tuyền. Theo chữ lâm là theo nước mà xuống gọi là công; thuận theo dòng chảy gọi là công ; cũng gọi là duyên.

Đại kê. Ngược lại âm cổ hề. Chí tánh nóng nảy, quyết liệt, nhiều hung hăng. Cho nên đây là lấy ví dụ vậy.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 92

Phiêu dạng. Ngược lại âm thất diêu, âm dưới là dực thượng. Gọi là trôi nổi bập bềnh. Sóng nước dao động, gập ghềnh.

- QUYỂN 93 (Trước không có âm.)

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 94

Sáp thực văn cổ viết là tập, lại viết kháp cũng đồng. Ngược lại âm tử cái. Theo văn thông dụng ghi rằng: Bỏ vào miệng gọi là kháp. Lại như loài côn trùng ăn gọi là sáp nghĩa là đớp mồi.

Bất duẫn. Ngược lại âm dực chuẩn duẫn là thích hợp, xác đáng; cũng gọi là niềm tin. Nhĩ Nhã cho rằng: Duẫn là thành thật.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 95

Tiêm chước. Ngược lại âm chi nhược. Gọi là tăng: Một loại tên dùng để bắn chim; âm tăng nghĩa là giữ mũi tên nhắm bắn mũi tên phát ra.

Ế mạc. Lại viết ế, cũng đồng; ngược lại âm ư kế. Âm dưới là mạc. Theo Vân Tập cho rằng: chữ ế là con mắt bị bệnh, ngăn che không thấy rõ được.

Siễm di khí. Ngược lại âm thức nhiễm. Gọi là cái khổ nên trừ bỏ đi. Tiếng Phạm gọi là sa la khí quang tịnh. sa la. Đây dịch là nhà lao ngục chắc thật vậy.

Tiễn quát. Ngược lại âm khổ hoạt. Giải thích tên gọi là tiễn: Là dụng cụ sửa mũi tên cho ngay thẳng gọi là quát; quát cũng có nghĩa là hội hợp, cũng gọi là sợi dây tương quan với nhau.

Hoành đệ văn cổ viết hai chữ hoành tượng hình, cũng đồng. Ngược lại là âm khổ hoàng. Theo Thanh Loai viết hoành này; nghĩa là cây đà ngang dưới chiếc xe. Nay gọi là cây ngang dưới sàn xe để nhấc lên. Cây gỗ ngang dưới đều gọi là hoành vậy.

Tam Thương. Ngược lại âm thiên dương. Theo văn nói cho rằng: Thương là cự ly, khoảng cách. Tam Thương giải thích rằng: Hai đầu cây nhọn bén gọi là thương là vũ khí thời xưa.

Nạo giảo. Ngược lại âm hồ cao. Ngược lại âm dưới là cổ noãn. Theo văn nói rằng: Nạo giảo là gây rối loại gây nhiễu loạn.

Toàn diên. Ngược lại âm đàn diên. Gọi là cây mâu nhỏ; hoặc viết mâu. Ngược lại âm quyết lộng. Chữ này hợp với chữ ở sau; nghĩa cây (T633) mâu giống như mũi tên nhọn vậy.

- QUYỂN 96: Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 97

Tô tức. Ngược lại âm quang hồ. Sống lại gọi là tô. Tô cũng gọi là nghỉ ngơi.

Tích điền Văn cổ viết tinh tích tích ba chữ tượng hình; cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Theo văn nói tích là gầy ốm; cũng gọi là mỏng manh.

Ngôn dật. Ngược lại âm dư chất. Theo văn nói cho rằng: dật là buông thả, bừa bãi, dâm dật.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 98

Bao tán. Ngược lại âm. Theo như chữ Bao cũng giống như chữ dương, nghĩa là khen ngợi; tốt đẹp, cũng gọi là tiến vào.

Viên hầu. Lại viết viên, cũng đồng. Ngược lại âm vũ phiền. Viên hầu là một loài thú giống như khỉ, mà cái tay của nó lớn, dài; màu sắc có vàng, có đen; Tiếng nó kêu nghe rất xa. Sống tới năm trăm tuổi, hóa thành con nai, nai tuổi thọ, một ngàn tuổi. Âm. Ngược lại âm cư triền.

Sủy-ma. Ngược lại âm sơ ủy. Văn thông dụng cho rằng: Sờ mó gọi là sủy; hoặc viết là sủy này; chữ mượn âm vậy.

Phiếm thành. Lại viết là phiếm này, cũng đồng. Ngược lại âm phù kiếm. Quảng Nhã giải thích rằng: Phiếm là trôi nổi cùng khắp; cũng gọi là nước tràn vậy.

Thừa giá. Ngược lại âm thực chứng. Tam Thương giải thích rằng: Ai huyền gọi là thừa. Cỡi ngựa gọi là giá.

Sĩ binh văn cổ viết binh này. Theo văn nói cho rằng: Sĩ là cao vậy. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Chẳng phải người thường gọi là binh. Là binh đó, một là bốn bên cao, chính giữa thấp gọi là binh.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 99

Chủng thời. Ngược lại âm thời chí. Gọi là trồng lúa mạ non, cấy mạ non; cũng gọi là gây giống mạ non gọi là thời.

Ba-thâu-bát-đa. Đây là tên của ngoại đạo; phái ngoại đạo này dùng tro trộn với đất bùn rồi bôi lên khắp thân thể; tóc thì có khi cạo, có lúc không cạo, y phục thì dùng vải thô che thân nhưng chẳng phải màu đó; mà là màu khác, tiếng Phạm gọi là Ma-hê-thủ-la thiên; gọi là lưới võng của cõi trời che đầu.

Nhàn tịnh. Ngược lại âm cổ hạn. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Nhàn là lớn rộng.

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 100

Tiêu nhiên. Ngược lại âm tích tu. Theo Mao Thi Truyện gọi là tiêu. Nghĩa là tiêu dao, nơi vắng vẻ không ồn ào huyên náo.

Biến cách văn cổ viết là ba chữ cách tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm cổ hạch. Lại thêm nhiều, theo chữ nghĩa là truyền miệng đến ba mươi năm; mà sự truyền miệng gọi là Quốc ấp, tức là lập ra cõi nước cai trị, mà quốc là ba mươi năm sau mới lập ra pháp lịnh, luật lệ, lại càng sai khác, âm vi, ngược lại âm vi nghĩa là vây quanh bốn bên vậy.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 49

- Bổn Luận Âm Quảng Bách - Tuệ Lâm một quyển.
- Quảng Bách Luận Thích - mười quyển - Huyền Ứng.
- Thập Trụ Tỳ-bà-sa Luận mười bốn quyển - Huyền Ứng.
- Bồ-đề Tư Lương Luận sáu quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Thừa Trang Nghiêm Luận mười ba quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Trang Nghiêm Luận mười lăm quyển - Huyền Ứng.
- Thuận Trung Luận hai quyển - Tuệ Lâm.
- Nhiếp Đại Thừa Luận ba quyển - Tuệ Lâm.

Bên phải tám Luận sáu mươi bốn quyển. Đồng âm với quyển này.

QUẢNG BÁCH LUẬN BỔN - *Sa-môn Tuệ Lâm soạn.*

Chúng đố. Ngược lại âm đô cố. Theo sách Mục Thiên Tử Truyện ghi rằng: Chữ đố, nghĩa là con mọt, sâu mọt ăn sách, ăn sách vở mục nát. Theo văn nói ghi rằng: Con mọt ở trong ăn gỗ. Chữ viết từ hai bộ trùng đến bộ trung niên, Thạch. Thanh tĩnh; hoặc viết chữ đố này, cũng giống chữ đố này; nghĩa là mọt ở trong gỗ, chữ tượng hình.

Đình dung tiêu. Âm trên là đình đỉnh. Hứa kế trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Đình là ống đồng, thiết nung nấu chảy ra, kế đến là âm dung; sách vận thuyên tập ghi rằng: Dung là túc, khuôn đúc. Âm dưới là tiêu. Theo văn nói ghi rằng: tiêu là nung chảy ra tiêu mất, tiêu hủy, nghĩa là nung kim loại cho chảy ra. Âm thước ngược lại âm thương triết. Đây là ba chữ đều từ bộ kim. Thanh chữ tượng hình.

Liệu tà tông. Ngược lại âm trên là liễu điếu lực triệu hai âm. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Liệu là lửa cháy lan cả cánh đồng. Theo văn nói gọi là phóng hỏa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh

hình. Chữ dưới là âm tạ da. Theo văn tự tập gọi là, không vuông, chánh gọi tà, nghĩa là nghiêng: Cũng là văn thông dụng chữ thường hay dùng; chữ chánh thể viết chữ ở trong từ bộ nha trên, dưới từ bộ y.

****

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Tuần pháp. Ngược lại âm tợ tôn. Sách Nhĩ Nhã chú giải rằng: Tuần tự thứ tự cũng gọi là tuần hành, cũng gọi là biến khắp; cũng viết là tuần. Tuần là trải qua vậy.

Tạp nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Theo văn nói gọi là tạp hạn, nghĩa ăn cơm lộn xộn. Nay gọi khác đi các sắc vật hòa trộn lẫn vào gọi là nhu. Nghĩa là lộn xộn, lẫn lộn với nhau.

Cự hữu Ngược lại âm cự câu. Cự là sao? Tại sao? Chưa, gọi là chưa hiểu rõ; hỏi lại sao? Thế nào v.v...

Tát-đỏa-lặc-xà-hợp-ma. Âm lặc, ngược lại âm lặc đạt. hợp ma. Đây dịch ám tối bao hàm nhiều nghĩa; không thể phiên dịch được. Xưa nói rằng: Mừng vui, lo buồn, gọi là ám. Lại nói rằng: Thô nhiễm là tên khác vậy.

Táo cảnh. Ngược lại âm cư ảnh. Cảnh là nhắc nhở phòng bị, cẩn thận; Quảng Nhã cho rằng: Cảnh lả không an ổn vậy.

Hải lãng. Ngược lại âm hồ ai. Tam Thương giải thích rằng: Hải là sợ sệt. Quảng Nhã cho rằng: Hải là sóng gió nổi lên đáng sợ.

Bôn đào. Ngược lại âm đồ đao. Thương Hiệt giải thích rằng: đào là sóng lớn.

Khái thô. Ngược lại âm thiệt lại. Theo văn nói cho rằng: Khái là tưới, rót nước vậy.

Dung đồng. Âm trên là dung. Ngược lại âm dĩ chung. Ở vùng Giang Nam cho rằng đây là âm để gọi: Nghĩa dung đồng là nung cho chảy tiêu ra nước; nung kim loại, đồng sắc chảy ra thành nước.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 2

Ba-la-xà-thọ tiếng Phạm. Đây dịch là cây trổ hoa màu đỏ; cây ngâm ra chất nước màu rất đỏ, đỏ đậm; dùng để nhuộm. Nay gọi là khoáng chất màu tím vậy.

Ký luận ngoại đạo tức là phái Tỳ-già-la Luận vậy.

Chúng đố. Ngược lại âm đô cố. Theo chữ Lâm đố là con mọt ở trong gỗ, nó có thể ăn xuyên qua các đồ vật dụng của người; giống như cá bạch ngư có thể ăn thịt người v.v...

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 3

Thời ngấn. Ngược lại âm hồ căn. Theo văn thông dụng cho rằng: ngấn là vết sẹo; gọi là dấu vết bị thương tích còn để lại vết sẹo.

Chủ tể. Ngược lại âm Tổ đãi. Theo sách Lễ Ký ghi rằng: tể là phu tức là chức quan, là người có tài, cũng gọi là kẻ hiền tài, chủ hiến là dâng tặng, người cống hiến tài năng cho đất nước. Trịnh Huyền cho rằng: Là một vị quan Tể phu chuyên trách làm thức ăn cho vua.

Đa-la quả. Tiếng Phạm tên của loại cây; này hình giống như cây Tông Lưu, cây cọ (màu nâu) cây thẳng mà rất cao lớn, trổ hoa màu trắng; hoa rất to lớn; nếu như hai tay bưng quả biến thành nhiệt tức là màu đỏ, hình trạng giống như cây thạch lựu; phải trải qua trăm năm mới có hoa quả. Xưa nói là cụ đa là sai vậy.

Cẩu-tị. Ngược lại âm công hậu. Quảng Nhã cho rằng: Cẩu là triền của, thành thực, thật sự.

Y đê. Ngược lại âm đinh hề. Lại âm đề. Theo văn gọi là đê đường là cái đê rào quanh hồ nước đừng cho nước tràn, cùng là phòng ngự, bờ đê đắp đất cao ngăn nước gọi là đê; bờ đê làm giống như cây cầu bắt ngang qua vậy, chữ viết từ bộ phụ.

Sở xi. Ngược lại âm Thương Hiệt giải thích rằng: là khinh thường, cũng gọi là ngây ngô chẳng biết gì, tức cười vậy.

Mê phú. Ngược lại âm mê lễ bụi cơ vào mắt gọi là mê. Nay nói là con mắt xốn, mắt cay là vậy. Tầng diễm. Ngược lại âm đồ đăng. Đằng: Gọi là nhảy vượt qua, nhảy chồm lên, cũng gọi là chạy nhanh.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 4

Đát-tống-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đô đạt. Đây là tên của Long vương. Xưa dịch là đắc-xoa-ca.

Cam soạn. Ngược lại âm sĩ quyến. Theo văn nói cho rằng: Cam là ngon. Soạn là chuẩn bị soạn đầy đủ thức ăn uống ngon, gọi là bữa ăn thịnh soạn.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 5

Biên thạch. Ngược lại âm bi miên. Gọi là biên là sắp xếp theo thứ tự. Theo chữ lâm biên là dệt; lấy dây sắp xếp theo thứ tự rồi dệt gọi là biên.

Mạc-đạt-na-quả. Tiếng Phạm, hoặc gọi là Ma-thi-na; Lại nói là. Ma-thi-la; Đây dịch là quả này ăn vào rất say, rất khâm phục.

Yết-la-na. Tiếng Phạm ở Tây Vực các nước phương Tây gọi là đậu; có sai khác là khi chế ra làm thức ăn; lại rất không có lợi ích cho con người, nghĩa là không có bổ dưỡng vậy.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 6

Ky ly. Ngược lại âm cư ký. Gọi là sợi dây da nối liền với cái đầu con ngựa (T634) gọi là ky, ky cũng là kiểm nắm giữ lấy chế ngự, gọi là giây cương.

Đam điện. Âm trên là đô hàm. Âm dưới là vong thiện. Theo văn nói cho rằng: Quá vui, ưa thích, toàn thân trầm mình vào men rượu.

Xương quyết. Ngược lại âm xỉ dương. Âm dưới là cư nguyệt. Gọi là tính tình biến đổi, lồng lộn điên cuồng.

Hồ đẳng. Lại viết hồ cố hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hộ cô. Theo văn nói cho rằng: hồ là cái đầu của con bò cúi rủ xuống vậy.

Nạo giảo. Ngược lại âm hồ cao. Âm dưới là giao xảo. Theo văn nói cho rằng: Nạo là quấy nhiễu; giảo là nhiễu loạn.

Điên quyết. Lại viết điên này cũng đồng. Ngược lại âm đinh hiền, âm dưới là cư nguyệt. Chữ điên quyết giống như chữ đốn phó, nghĩa té ngã nhào, vấp chơn té ngã nhào.

Tham giảo. Ngược lại âm ngũ giảo. Âm theo người Trung Quốc. Âm dưới lại là giảo. Âm của vùng Giang Nam. Theo văn nói cho rằng: Giảo là cắn vậy.

Hỗn tru. Ngược lại âm hồ khổn. Quảng Nhã cho rằng: Là cái chuồng nhốt lợn, là nhà xí lộn xộn đồ dơ bẩn, hoặc viết là hỗn loạn, nghĩa là hỗn loạn đồ tạp dơ vậy.

Cao du. Ngược lại âm công lao, âm dưới là du câu. Gọi là bịnh phù thủng. Cao là chất mỡ, du là cái bụng phệ nhiều mỡ.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 7

Tát-ta-la. Tiếng Phạm Tát-la; Đây dịch là đà-la. Tát đây gọi là mùi vị, nói chữ này là thanh giả mượn, mà chẳng phải thật vậy.

Tỏa nhữ. Ngược lại âm tổ ngọa. Tỏa là bẻ gãy cây giáo nhọn gọi là tỏa. Theo văn nói cho rằng: Tỏa cũng là bẻ gãy, đứt lìa cũng gọi là đè nén, ngăn chận, bẻ gãy.

Từ thạch. Ngược lại âm. Bì Thương cho rằng: Từ là một loại đá, cũng gọi là chứa nhóm chất sắc, thiết.

Cổ mục. Ngược lại âm công hộ. Tam Thương cho rằng: Không có con mắt gọi là Cổ giải thích tên gọi là cổ, nghĩa là con mắt ngủ, là con mắt nhắm như ngủ, con mắt bằng hợp như da bịt trống, gọi là bị mù.

Hưu Lưu Tử. Ngược lại âm hứa cầu, âm dưới là lực chu. Chữ trong sách giải thích rằng: Hưu lưu là giống cú mèo. Quảng Nhã cho rằng: Hưu lưu là con chim tu hú. Ở Sơn Đông (những người đi diễn trò) gọi là con huấn hầu (con khỉ huấn luyện để diễn trò) mở ở trong ra thì gọi là con chồn, cũng gọi là con chim quái lạ, ban ngày thì con chim nằm, con chim bay đi ăn vào ban đêm, tiếng kêu rất quái lạ. Tiếng Phạm gọi là Ưu-lâu-ca-ca, là tạo ra tiếng rất buồn, và không mai mắn cho người đời. Vì thế nên Luận sư mới nói sáu nghĩa chắc thật cho người đời nghe hiểu, đây là nói người tu tiên ở trên núi, là ban ngày thường ở trong núi,

ban đêm thì ra khỏi núi vào thôn xóm cầu xin ăn; nếu như được thức ăn thì ăn, nếu không được thức ăn thì để bụng rỗng không. Do vì người tiên nhân này thường hay đi vào ban đêm, cho nên gọi là Hưu lưu là con chim cú mèo; lại đây nói con chim này phần nhiều ở trên núi cao. Trong đây nói người tiên nhân này cũng đầy đủ giống như con chim cú mèo. Cho nên nhân thế mà gọi tên vậy.

Thị phồn. Ngược lại âm thời chức. Âm dưới là phò Thanh. Theo văn nói cho rằng: Thị là dừng lại, cũng gọi là thật thật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thật là sắp bày, đặt để, không đồng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thị là phải, ngược lại âm là quấy. Lại nói sáu tháng có nảy sanh ra sương mù dày đặc. Trong truyện cho rằng: Phồn là nhiều. Theo sách Lễ Ký Khổng Tử giải thích rằng: Lễ nhường ngôi vị nên nảy sanh ra rất nhiều sự phồn thịnh. Trịnh Huyền cho rằng: Là phồn thịnh vậy.

Bao cứ. Ngược lại âm nô điểu. Âm dưới là nãi nhã. Bao cứ là nhu nhược, cũng gọi là cỏ dại mọc um tùm vậy.

Hỷ biện. Ngược lại âm bì biến. Theo văn nói vỗ tay gọi là biện cũng gọi là phủ, nghĩa là vui quá vỗ tay theo tiếng nhạc.

Hy hý. Ngược lại âm hư chi. Gọi là hy nghĩa vui. Thương Hiệt giải thích rằng: Hy hý là làm trò vui đùa cười giỡn.

Tuệ tinh. Ngược lại âm tù nhuế, tô túy hai âm. Gọi là yêu tinh. Nói tinh là ngôi sao sáng, giống như là sao chổi, sao Tuệ tinh.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 8

Địch trừ. Ngược lại âm đồ địch. Theo văn nói cho rằng: địch là rượu. Nói rằng: Rót rượu phún giải trừ đi cấu uế, dơ bẩn.

Cai thông ?. Ngược lại âm cổ lai. Gọi cai là bao gồm, bao quát đầy đủ, dự bị sẵn. Theo tiếng địa phương gọi là bao hàm, cũng gọi là bao quát.

Lập niệu. Lại viết niệu này cũng đồng. Ngược lại âm nô điếu. Theo chữ lâm niệu là tiểu tiện. Văn thông dụng gọi là xuất ra từ chỗ bọng đái, bàng quang gọi là niệu. Theo từ của y học phương Tây lại viết là nịch cũng giống như niệu là đi đái. Chữ cổ giả mượn vậy vậy.

Như sóc. Ngược lại âm do trác. Bi thương giải thích rằng: Là cây

giáo dài một trượng tám tấc.

Mị ngữ. Ngược lại âm ngưu thế. Theo văn thông dụng gọi là ngữ nằm mộng nói, nói mộng, mớ gọi là mị. Theo Thanh Loại cho rằng: Không tỉnh, nói vọng không thật.

Lạp chuyên. Ngược lại âm lãng cái. Trong kinh xưa viết. La-bà-lục-thập-đát sát-na gọi là nhất La-bà.

Song mẫn song mẫn. Ngược lại âm di nhẫn. Theo chữ lâm mẫn là hết sạch. Quảng Nhã cho rằng: Uẩn là mất tuyệt tiêu diệt.

Nhữ tào. Ngược lại âm. Tào là lớp, bọn, nhóm lũ. Cũng gọi trưởng bối là thế hệ đàn anh; cũng gọi là một nhóm.

Củ phân. Ngược lại âm cư ứu. Âm dưới là âm phù vân. Quảng Nhã cho rằng: củ là nóng vội, gấp gáp. Theo văn nói cho rằng: Ba sợi giây hợp lại, xe lại gọi là củ, củ cũng là xe xoắn chặt, quay lại, cũng gọi là tội lỗi, tội ác. Âm phân là loạn, cũng là số đông.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 9

Căn hệ. Ngược lại âm hề kế. Theo Nhĩ Thất cho rằng: hệ là kế tiếp theo. Văn nói cho rằng: hệ là buộc, ràng buộc. Ở đời thế gian vốn có vua, mà hệ giải thích rằng con cháu tương tục nối tiếp theo ngôi vua vậy.

Tự tước. Ngược lại âm. Âm dưới là tài nhược. Tự nghĩa là ngậm để thưởng thức mùi vị; cũng gọi là tự là nhai. Tước là cắn nghiến lại.

Anh hài. Ngược lại âm ư doanh. Âm dưới là hồ lai. Giải tên gọi là trước ngực là anh đầu là trẻ sơ sinh còn ngậm đầu vú; anh là bà mẹ ôm trước ngực cho bú sữa nuôi dưỡng. Cho nên gọi là anh nhi; là trẻ sơ sinh, bé miệng còn thơm mùi sữa vậy.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH
QUYỂN 10

Phục ưng. Ngược lại âm. Âm dưới là ư cạnh. Nhĩ thất cho rằng: Phục là sự nghiệp; ưng là thân trước ngực. Gọi là thân thừa nhận các

việc phục vụ tập họp các nghề nghiệp. Lại gọi là vui vẻ, đẹp lòng, phục vụ. Quách Phác cho rằng: Vui vẻ hoan hỷ phục tùng nghe theo, lại viết phục cũng đồng nghĩa cả hai chữ phục đều dùng vậy.

Lũ biện. Ngược lại âm lực cú. Lũ là nhiều lần vậy. Biện là chánh đáng vậy.

Phi khảo. Ngược lại âm khổ lão. Gọi là chất kích thích, khảo xét, khảo cũng là hỏi, xét hỏi cũng gọi là giao kết.

Tự trình. Ngược lại âm trì kinh. Theo chữ trình giống như là kiến thị nghĩa là đưa ra ý kiến. Theo văn nói trình là dâng lên, bình phẩm.

Thố ngô. Ngược lại âm thô cố. Thương Hiệt giải thích rằng: Thố là đặt để cũng gọi là an, cũng gọi là thi hành.

Ốc dĩ. Ngược lại âm. Theo văn thông dụng cho rằng: Là tưới nước gọi là cấp là múc nước lấy nước tưới lên; cũng gọi là đổ nước, cũng gọi là vỡ đê nước tràn.

Tuẫn mạng. Ngược lại âm từ tuấn. Theo sách Hán Thư Thần Tán gọi là Vong thân theo vật gọi là Tuẫn nghĩa là chết mà Tuẫn cũng gọi là hết tận không còn mạng sống nữa vậy.

****

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Âu huyết. Lại viết âu hậu, hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư khẩu. âu là muốn nôn mửa ra. Ở Giang Nam hoặc gọi là âu khách. Âm khách. Giải thích tên gọi là âu yển là lưng gù; nghĩa là tướng chỗ xương sống thổ lên một cục muốn nhổ đi nên lưng cong lại gọi là gù lưng.

Lâm hạ. Ngược lại âm lực kim. Theo văn nói cho rằng: Lâm là lấy nước tưới lên. Quách Phác cho rằng: Rót nước. Tam Thương cho rằng:. Lâm là bị thấm nước ướt.

Phiêu thủ. Ngược lại âm tỳ diêu. Âm dưới là thư dư. Quảng Nhã chú giải sách Thương Hiệt rằng: là mục ung thành. Theo văn nói cho rằng: thư là mục ung lâu ngày thành ung thư. Trong văn luận lại viết phiêu này chẳng phải vậy.

Mâu kích. Lại viết mâu mâu, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm mạc hậu. Âm dưới là cư nghịch. Theo văn nói cho rằng: Cây thương mâu dài hai trượng, cây kích có nhánh dùng làm binh khí vậy.

Thiết sản. Lại viết chữ thiết này cũng đồng. Ngược lại âm sơ hạn. Theo văn nói cho rằng: Thiết là bằng. Quảng Thất cho rằng: Sản là san bằng. Theo Thanh Loại cho rằng: Cũng là san bằng. Tiếng địa phương cho rằng: Cầm cán dao mà giết tiêu diệt san bằng tất cả.

Thiết thương: ngược lại âm Thiên dương. Tam Thương cho rằng: Cây mà hai đầu có lỗ gọi là cây thương, tức là cây súng. Theo văn nói cho rằng: Cây súng bắn ra có cự ly rất xa. Văn luận viết xạ là tiếng nổ ra, bắn ra có tiếng nổ vậy. Chữ xa ở đây chẳng phải dùng trong nghĩa này vậy.

Tật-lê. Ngược lại âm tự lật. Âm dưới là lực thi. Nhĩ Thất cho rằng: Tật-lê, là thân nằm trên đất như loại cây bò lan, lá như lông vẽ, mỗi bên từ năm đến bảy lá nhỏ, thân có tơ, mùa hạ nở hoa đâm từ nách lá, dùng là thuốc. Trong luận văn viết từ bộ viết thành chữ tật lê, hai chữ tượng hình này, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Thiết cửu. Ngược lại âm cự cửu. Gọi khác làHoàng đế chặt cây làm cái chày để đập đất, đào đất gọi là cửu. Trong luận văn viết từ bộ Cửu này là chẳng phải chữ vậy.

Thẩm thử. Ngược lại âm dư túc. Gọi là giống thú, giống như con khỉ mà lại lớn hơn, có màu sắc xanh đen. Ở Giang đông nuôi nó để bắt chuột; là loại vật rất mạnh mẽ.

Da cụ. Lại viết giả cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm cổ hà, âm dưới là cư triền. Theo văn nói cho rằng: Con khỉ mẹ lớn, nó hay triền cành cây, lại nhìn người một cách giận dữ.

Giao cầu âm giao. Có vảy gọi là con giao long (thuồng luồng thuộc giống rồng. Thân nó hình trạng là loài cá, mà giống như đuôi rắn, da nó có vảy. Ngược lại âm dưới là cự chu. Quảng Nhã cho rằng: Có sừng gọi là con Cầu long, tức là rồng đực có sừng; không có sừng gọi là con Ly long, tức là rồng cái không có sừng, thân nó đen không có vảy bao ở ngoài vậy.

Nhạn vụ âm thuộc. Nhĩ Thất cho rằng: Là một giống chim, tên một giống chim nhỏ thân sáu bảy tấc. Mỏ cong nhọn, đuôi dài. Lý Tuần cho rằng: Loài chim hoan dã nuôi trong nhà gọi là vụ. Vụ tức là con vịt nuôi trong nhà vậy. Uẩn hận. Ngược lại âm theo văn nói cho rằng: Uẩn là tức giận. Trong luận người dịch không biết, mà cho rằng: vẫn là không buồn lo như thế nào? Nghĩa chính xác gọi là uẩn là tức giận.

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 2

Kiểu dị. Ngược lại âm kỹ tiểu. Giả xưng gọi là kiểu ; Kiểu tức là giả trá; chẳng phải pháp của Tiên vương gọi là kiểu. Nay đều viết kiêu này, nghĩa cũng đồng.

Sam nham. Ngược lại âm sĩ hàm. Âm dưới lại viết nham. Quảng Nhã cho rằng: Nham là núi cao vậy.

Khúc ôi. Ngược lại âm ô hồi. Theo văn nói cho rằng là khúc quanh của dòng nước chảy, gọi là eo biển. Cũng gọi là chỗ ẩn chìm xuống bị che ngăn.

Tuấn tiếu. Lại viết tiếu, hoặc viết tiếu cũng đồng. Ngược lại âm thư tiếu. Theo văn thông dụng cho rằng: Dốc núi cao gọi là tiếu, núi cao hiểm trở gọi là tuấn, mà cũng gọi là tiếu.

- QUYỂN 3, 4 : (Đều trước không có âm để giải thích.)

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 5

Bì trợ hoặc viết bì cũng đồng. Ngược lại âm ty-mi. theo văn nói cho rằng: Bì là tăng thêm; dày, bổ thêm vào, cũng gọi là hỗ trợ thêm vào.

Chiên ngư. Ngược lại âm trên là tri liên Nhĩ Thất cho rằng: Chiên là con cá lớn, miệng nó ở trên đầu dưới thân của nó không có vảy, bao giáp ngoài thân dài đến hai ba trượng. Ở Giang Đông gọi con cá vàng.

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 6

Ngạo đản. Ngược lại âm ngũ đáo, âm dưới lại là đồ đàn. Gọi là ngạo mạn, cũng gọi là không cung kính, khinh thường người khác. Đản là dối trác, lừa bịp, phóng đãn, khinh khi, ngạo mạn.

Tham trân. Ngược lại âm sĩ cân. Theo văn nói gọi là trong rừng

cây mọc nhiều. Quảng Nhã cho rằng: Cây mọc um tùm gọi là trán, cây mọc như răng cưa vậy.

Như chấp âm dưới là tri lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chấp là giữ lại; Theo truyện cho rằng: Chấp là trói buộc; cũng gọi là câu chấp, hai chân không cùng nhau bước qua gọi là chấp nghĩa là bị buộc chân (T635) lại vậy.

- QUYỂN 7, 8, 9 : (Đều không có âm.)

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 10

Phù kích âm phù. Theo chữ lâm phù là tin vậy; cũng gọi là phân ra mà hợp, gọi là phù; chữ viết từ bộ trúc. Đời nhà Hán chế ra lấy cây trúc dài sáu tấc mà tương hợp gọi là tin. Lấy cây trúc để biết năm lạnh hàn mà không biến đổi, lại lấy đức mà ban bố khắp. Lại dùng giống như bền chắc ống đồng, dụ cho bậc quân thần đồng tâm, nghĩa là vua tôi đồng một lòng. Ngược lại âm dưới là hề đích. Theo văn nói cho rằng: Quyển sách dày hai thước; người mở quyển sách đó ra là có tội hải trách phạt, là bày ra tội ác kia; nói đây là quyển sách của vua Nghiêu lấy đức để an ủi bá tánh là người rất sáng suốt, thông minh, nói nơi này nơi khác đều hiểu thông suốt; mà sửa đổi cho khỏi mắc lỗi lầm vậy.

Điền ô. Ngược lại âm cô cổ. Theo văn nói cho rằng: Bi chương nhỏ ngăn bởi cái thành, cũng gọi là thành nhỏ.

- QUYỂN 11, 12, 13 : (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

THẬP TRỤ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 14

Hành lữ. Ngược lại âm lữ cử. Theo Tả truyện cho rằng: là nhà trọ. Cơ Đỗ Dự cho rằng: Nhà để cho khách ở trọ qua đêm, gởi nhờ qua đêm.

Điền lưu. Lại viết điền này cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên, đồ

kiến hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Điền là lấp lại cho kín, cũng gọi là đầy. Trong luận văn viết từ bộ viết thành chữ điền. Ngược lại âm tha kiến. Chữ điền này cũng nghĩa là lấp kín vậy.

****

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Ỷ chẩm. Ngược lại âm trên là y kỹ. Âm dưới là châm nhẫm. Theo chữ ỷ chẩm là cái gối lớn, cái gối làm bằng lụa hoa trơn mịn, độn bông, có màu sắc đẹp bao bọc bên ngoài, nhẹ, nhuyễn, làm vật để đấp hai bên phải và trái, trước và sau, để tỏ rằng người tôn quý dựa vào gọi là ỷ chẩm; là cái gối lớn để dựa vậy.

Thương phán. Ngược lại âm trên Thưởng chương. Theo văn nói cho rằng: Ai gọi là thương; chữ viết từ bộ Bối thanh thương tĩnh. Âm dưới là phát vạn chữ trong sách giải thích rằng: Thâu mua những đồ rẻ tiền đem bán lại mắc giá hơn gọi là phán. Chữ viết từ bộ Thanh phản.

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN
QUYỂN 2

Vi kích. Ngược lại âm đinh lịch hoặc viết là đế đều đúng. Theo văn nói cho rằng: Rót nước từng giọt từng giọt chảy. Chữ thường hay dùng viết từ bộ để viết thành chữ đế là chẳng phải vậy.

Đàm hước. Ngược lại âm hương ước, Nhĩ Nhã cho rằng: Pha trò hài hước. Gọi là cùng nhau khéo nói khôi hài; để gây trò cười. Chữ trong sách giải thích rằng: Hước là làm trò hài cho mọi người xem cười.

- **QUYỂN 3** : (Không có âm.)

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN
QUYỂN 4

Kình ngưu nhủ khoảnh. Ngược lại âm. Theo văn chữ thông dụng cho rằng: Dùng tay vắt lấy sữa dễ, sữa bò. Theo chữ kình thanh tỉnh. Trong văn luận viết cấu dùng mượn âm chẳng phải thể chữ vậy.

Nhất bác âm bác. Gọi là thịt phơi khô. Theo văn nói cho rằng: Thịt bao ngoài lớp xương. Chữ viết từ bộ cốt; Thanh bác tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành bác. Ngược lại âm phổ bác. Thịt phơi khô gọi là bác. Mạnh bạo cắt thịt phơi khô.

Nhất bác. Ngược lại âm hà lạc. Gọi là dùng tay nắm bắt khiến cho vật kia không thoát được. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thư đến bộ đoàn thanh tĩnh; hoặc viết đoàn cũng là thông dụng.

Tuấn nhai. Ngược lại âm trên là thu tuấn. Trong kinh văn viết tuấn là chữ thường hay dùng. Theo Khảo Thanh gọi là núi cao; từ vách núi cao thanh tuấn âm tuấn cũng đồng âm trên. Ngược âm dưới nhã giai. Theo tập huấn truyện cho rằng: Bên vách núi cao sừng sững. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ Sơn, Thanh nhai; âm nhai đồng với âm trên. Chữ tuấn cũng từ bộ sơn âm tuấn. Ngược lại âm thất tuần.

Ca-giá. Ngược lại âm chương dạ. Tiếng Phạm, tên một vật quí. Trong kinh tự gọi là hạt châu.

Khiêu trịch. Ngược lại âm trên là điền diêu. Thương Hiệt giải thích rằng: khêu là nhảy vọt lên. Quảng Nhã cho rằng: lên trên. Theo văn nói ghi rằng: Vọt lên, nhảy lên vấp chân té ngã. Chữ viết từ bộ túc thanh thanh khiêu. Ngược lại âm dưới là trình kích. Trang Tử giải thích rằng: Trích là viên ngọc bị hủy hoại; vì tên ăn trộm không thoát khỏi. Quảng Nhã cho rằng: Ném, quăng đi. Theo văn nói gọi là ném vào, chữ chánh từ bộ thanh trích. Văn luận viết từ bộ trịnh, viết thành trịch là văn chữ thường hay dùng. Theo văn nói chữ viết đúng từ trích đến bộ thư viết thành chữ trích âm thích ngược lại âm đinh lực.

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN
QUYỂN 5

Khoáng luận:. Ngược lại âm soán mảnh. Quảng Nhã cho rằng: Thiết còn nguyên chất gọi là khoáng. Dùng chất thiết nguyên chất làm

ra công cụ gọi dây xích. Theo văn nói cho rằng: Loại đồng thiết còn nguyên chất; hoặc viết bộ hoàng viết thành chữ khoáng. Trong luận gọi là tán là khen ngợi, nói là khuôn dúc nung chảy ra chất đồng thiết làm dây xiềng xích, hồn có thể bay lên cầu thần tiên đột nhập vào cứu vậy.

Thái xa viễn. Ngược lại âm xa. Trịnh Huyền chú giải trong sách chu Lễ rằng: Ở chợ mà không có lợi thì bán vật thiếu chịu chưa được tiền gọi là gọi là xa. Theo văn nói cho rằng bán chịu một ngàn đồng chữ viết từ bộ Bối thanh dư âm xà.

Thuấn mạng. Ngược lại âm thần nhuận. Văn chữ thường hay dùng. Chữ chánh viết từ dần viết thành chữ thuấn. Theo văn nói giải thích rằng: Mở mắt ra nháy nháy mắt nhiều lần chuyển động. Chữ trong sách giải thích rằng: Mắt là một thanh kiếm bén. Văn cổ viết từ bộ thân viết thành chữ âm đồng với trên.

Y-ni-da-lộc vương đoan. Ngược lại âm thuyền nhuyễn. Gọi là cái bắp chân, trong nghĩa của âm trước đã giải thích đủ rồi. Chữ viết từ bộ Nhục thanh đoan trong luận lại viết từ bộ túc viết thành chữ bác là chẳng phải vậy.

Bể đường âm trên là bệ hoặc viết bệ đều thanh thượng. Theo văn chữ Tập Lược giải thích rằng: Bễ là xương đùi trong kinh Bát-nhã trước âm nghĩa đã giải thích xong. Ngược lại âm dưới là Sửu Long.

Nhãn hiệp. Ngược lại âm dưới là tiêm diệp, hoặc là viết từ bộ kiến viết thành chữ tiếp đều đồng nghĩa. Theo sách sử ký cho rằng: Con mắt nhìn thấy tất cả vật mà lông mi nhỏ không nhìn thấy được. Theo Khảo Thanh thì cho rằng: Lông mi trên mí mắt. Giải thích tên gọi là viết chữ tiếp là văn chữ thường hay dùng. Ngược lại âm lưu ly. Tiếp là giao tiếp, hai mí mắt nhắm lại mở ra rồi nhắm lại, cũng gọi giao tiếp nhau bằng mắt, nên gọi là giao tiếp bằng mắt. Trong luận văn từ bộ thiếp viết thành thiếp cũng là văn chữ thường hay dùng. Theo văn nói cho rằng: Lông mày một con mắt, chữ viết từ bộ mục thanh hiện. Âm kiến ngược lại âm tiềm diệp.

- QUYỂN 6 : (Không có âm chữ.)

****

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN

Lý Bá Dược ghi tựa - Tuệ Lâm soạn.

Chấp khế. Ngược lại âm trên là châm nhập. Theo văn nói gọi là bắt giữ tội nhân. Chữ viết theo lối tượng hình chấp âm chấp kích viết theo can âm ca. Ngược lại âm nữ thú. Văn thông dụng viết từ bộ hoàn đến bộ hạnh đến bộ cửu văn chữ thường dùng cho rằng sai. Ngược lại âm dưới là khải kế. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Khế là phù hợp. Cũng gọi khác đi trên là văn cổ gọi là lấy dây buộc lại để trị đời sau này. Còn bậc Thánh nhân thì lại khác, dùng kinh sách khế hợp. Theo văn nói thì cho rằng: Độ chừng, ước chừng; chữ viết từ bộ thanh khế. Theo văn nói cho rằng: chữ khế từ bộ dao đến bộ chủ, âm chủ phân ra thành âm khế. Ngược lại là âm kiên bát. Có chữ viết từ bộ nhẫn đến bộ chủ viết thành chữ khế này chẳng phải chữ vậy.

Trì tuyến. Ngược lại âm tiêu tiễn. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: tuyến là sợi dây nhỏ dài. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh tiễn. Tiễn là âm Tàn chữ viết chồng lên hai bộ qua. Trong luận văn viết tuyến là chữ thường hay dùng, chẳng phải chánh thể vậy.

Cương tỏa. Âm trên là cương theo sách Hán Thư cho rằng: Thông suốt lòng nhân, lại nói bằng sợi dây ràng buộc vàm con ngựa. Theo Thanh Loại cho rằng: Móc khóa giây da buộc lại. Thương Hiệt giải thích rằng: Dây cương buộc ngựa. Theo văn nói chữ viết từ bộ mịch viết thành chữ cương. Trong sách ngọc lễ chữ viết từ bộ cách viết thành chữ cương cũng đồng trong văn luận. Theo văn nói cũng gọi là giây cương buộc ngựa. Ngược lại âm dưới là tô quả. Thương Hiệt giải thích rằng: tỏa là sợi giây xích liên kết với nhau thành vòng tròn. Theo Khảo Thanh cho rằng: tỏa là sao chép lại. Chữ viết từ bộ âm tỏa cũng đồng âm trên. Theo văn nói chữ viết từ bộ ngọc viết thành chữ tỏa này; nghĩa là vụn vặt. Trong luận văn viết hoặc là từ bộ sào viết thành chữ tỏa này là chẳng phải vậy.

Huyền đằng. Ngược lại âm dưới là đặng năng. Theo Tập Huấn truyện cho rằng: Đằng lũy là một loại thực vật có thân leo quấn quít chằng chịt. Âm Lũy ngược lại âm lực quĩ. Lũy gọi là loại cỏ có giây leo hoặc là bò lan tràn dưới đất mọc um tùm, cũng giống như giây cát. Có thể bò vượt qua khoảng cách gọi là đằng chữ chánh xưa nay viết từ bộ Thảo thanh đằng. Theo văn nói chữ đằng viết từ bộ chu đến bộ quyển, bộ Thủy thanh quyến diệc. Âm quyến ngược lại âm quyến viễn.

Nại uyển. Ngược lại âm trên là nô đại. Tức là ở Thiên Trúc, nước

Ba-la-nại. Ngược lại âm dưới là uyển viễn. Tức là ở trong nước đó có vườn thú nuôi nai hoang dã. Theo sách là Chuyết Tự Văn lược bớt đi để nhiều phiền phức, cho nên nói rằng: nại uyển là vậy.

Áo thất. Ngược lại âm trên là ô cáo. Lại sách Chu Lễ cho rằng: Thất là nhà ở phía Tây nam vùng xa xôi hẻo lánh gọi là áo. Nói vùng này rất sâu. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Áo là vùng ven, hoặc viết là áo này, cũng đồng.

Chi trù. Ngược lại âm ước lưu. Theo sách Tập Huấn cho rằng: Trù là bạn bè, cũng gọi là bậc loại.

Soạn yên. Ngược lại âm trên là soạn quyển. Chữ Thượng Thanh. Theo Vân Anh Tập cho rằng: Soạn là sửa chữa, viết soạn ra. Theo chữ mở rộng gọi là soạn tập. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tạo ra, viết ra, chỉnh đốn, tu chỉnh lại. Theo Tập Huấn cho rằng: Chọn lựa sửa trị. Theo văn tự điển giải thích rằng: Nói là định, chữ bao gồm đầy đủ cả. Chữ chánh xưa nay trong luận cho rằng: đức của các vị Tổ tiên tạo ra chữ này rồi thuật lại viết ra thành chữ, từ bộ thủ đến bộ soạn Thanh tĩnh. Trong văn nói chữ viết từ hai bộ tiết. Viết hai bộ cung, âm huấn cùng với âm trên cũng đồng. Trong Hán Thư lại viết từ bộ toán âm toán ngược lại âm túy toàn; chữ viết từ bộ nhựt viết thành chữ toản cũng là văn cổ chữ soạn; Trong văn luận cùng với Hán Thư cũng đồng. Chữ toản đây là chữ cổ có khi cũng không dùng. Ngược lại âm dưới là ai kiền. Chữ giả tá. Nói là Thanh dư; bốn âm yển ngôn. Chữ yên là con chim có màu sắc vàng bay ra từ sông Hoài, là loại quạ ô là quạ đen, cho nên từ bộ ô cộng thêm bộ nhất cùng với bộ ô nên chữ khác đi. Đây là chữ Hội ý. Nay có lúc cũng dùng, hoặc viết từ bộ Chánh đến bộ dữ viết thành chữ yên. Theo sách Hiệu Tự gọi là chữ yên là vậy. Bộ sậu. Ngược lại âm sầu sưu. Theo văn nói cho rằng: Con ngựa chạy nhanh; chữ hình Thanh.

Đoan ỷ. Ngược lại âm y khởi. Nhĩ Nhã cho rằng: Tấm bình phong che ở giữa cửa gọi là ỷ. Quách Phác chú giải rằng: Lao xao, rì rầm ở cửa phía Đông, phía Tây. Cũng gọi là chữ hình Thanh.

Tiêu sanh viễn. Ngược lại âm tất diêu. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tiêu là nêu cao lên; cũng là bảng hiệu viết ra ở ngoài chữ viết từ bộ mộc vậy.

Huệ trách. Ngược lại âm tranh trách. Nhĩ Nhã cho rằng: trách là sâu thâm sâu bao gồm: chữ viết từ bộ di thanh trách. Nghĩa là tên của một vị cao tăng âm di. Ngược lại âm di.

Huyền mô. Ngược lại âm mẫu bồ. Chữ cổ, cũng là tên của một vị cao Tăng. Nay hoặc là viết mô. Mô là mưu kế vậy.

Tiêu cảnh. Ngược lại âm quỉ vĩnh. Chữ giả tá; vốn âm ảnh. Cũng là thời cận đại; nhưng trước thời Nho gia ra đời, chỗ xuất ra cùng với sự tương truyền dùng chữ cảnh: nghĩa là sáng tỏ. Trong âm vận không có chữ cảnh này vậy.

Đàm tín. Ngược lại âm trên là dâm nam. Nhĩ Nhã cho rằng: Đàm là dài, kéo dài. Chữ trong sách cho rằng: Sâu. Theo Khảo Thanh cho rằng: Dài. Theo Vận Thuyên Tập và văn nói thì cho rằng: Thật dài. Chữ viết từ bộ Trung âm hống đến bộ Hàm thanh. Ngược lại âm dưới là tư thứ. Theo Khảo Thanh cho rằng: Ưu sầu, lo buồn, suy nghĩ, trầm tư. Theo văn nói. Chữ viết bộ tín âm tín đến bộ tâm. Chữ hội ý vậy.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 1

Cấu giác. Người dịch luận dùng chữ sai. Chữ đúng thể từ bộ thủ đến bộ kiết viết âm kích. Ngược lại âm câu hầu. Theo Khảo Thanh cho rằng: dùng tay vắt lấy sữa bò, sữa dê. Chữ cấu chẳng phải nghĩa đây dùng; nó rất lạ đối với luận chỉ vậy.

Thổn độ. Ngược lại âm trên là thôn tổn. Chữ trong sách gọi là thổn nghĩa là đánh giá, cũng là độ là suy xét đánh giá. Ngược lại âm dưới là đường lạc. Theo Khảo Thanh cho rằng: Độ lượng nghĩa là suy nghĩa cân nhắc đo lường cũng gọi là mưu kế. Chữ giả tá vậy.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 2

Chiêm bố. Ngược lại âm trên là chiêm diệp. Lại dùng chữ sai. Trong luận nói là nhiếp bố là hợp với bộ tâm viết là nhiếp nhiếp, cũng là bố. Nghĩa là khủng bố, sợ hãi, rất sợ hãi chiêm tuy rằng âm đồng nhưng lại là nói nhiều nghĩa không tương ứng. Cho nên nói sai, dùng sai là vậy.

Tu hội. Ngược lại âm trên là tương dư. Văn thông dụng thường hay dùng. Chữ viết từ bộ Thủy chẳng phải. Theo văn nói chữ chánh thể viết từ bộ lập đến bộ tu viết thành chữ tu cũng giống như chữ đãi, là

chờ đợi. Chữ viết từ bộ Sam âm sam chẳng phải bộ Thủy. Chữ viết từ bộ Thủy đến bộ hiệt là chữ hối. Ngược lại âm khôi ngoại. Ngược lại âm dưới là hồi đối. Theo Khảo Thanh cho rằng: hội quyết. Nghĩa là vỡ đê. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: huyệt là cái hang sâu. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Tán tản mác rời rạc.

- **QUYỂN 3, 4** : (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

- **QUYỂN 5**: Bị giáp âm giáp. Nghĩa là áo giáp.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 6

Mang hấp. Ngược lại âm trên là. Vua rắn gọi là mang, sống ở trên núi. Trong Hối Kinh cho rằng: Loại rắn này gọi là Ba xà thôn. ba năm mới lột da một lần. Nhĩ Nhã cho rằng vua rắn. Quách Phác gọi là rắn mang xà, rất lớn cho nên gọi là mang. Ngược lại âm dưới là tán ấp. Phàm là con rắn lớn muốn nuốt vật gì đều trước tiên là phun khí độc ra và chỗ nuốt vào, rồi sau đó mới hút lấy và nuốt vật đó.

Thổ diên. Ngược lại âm tường diên chữ thường hay dùng. Chữ viết đúng là khảm. Theo văn nói cho rằng: Là nước dãi trong miệng nhổ ra. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ khảm. Tuy là chữ chánh thể là cùng với chữ kế là chữ cho nên có khí không dùng, chỉ là bó buộc, tạm thời, viết chữ diên nói là viết mai trong sử lưu lại chữ triện lớn viết lưu. Đây đều là các vị tiền bối các nhà Nho; tùy theo tự ý mà viết chữ vậy.

Như bát. Ngược lại âm phiền miệt. Chữ viết từ bộ Mộc thanh phát. Khảo Thanh cho rằng: Buộc trúc với gỗ so sánh xem sự nổi trên mặt nước gọi là. Trong văn luận viết việt là vượt qua, cũng là chữ thường hay dùng vậy.

Dịch lệ âm trên là dịch âm dưới là Lệ. Nghĩa là thời khí thay đổi nên bệnh nhiều vậy.

Ao đột. Ngược lại âm trên ô qua. Chữ hình thanh chữ đúng viết từ bộ huyệt viết oa là thấp, chỗ thấp hoặc viết oa cũng là chỗ trũng thấp cũng đồng nghĩa dùng. Ngược lại âm điền Niết. Cũng là chữ thường hay dùng. Chữ tượng hình, chữ chánh viết là điệt. Chữ viết từ bộ Thổ thanh tĩnh điệt. Chữ trong sách gọi là điệt là cái ổ kiến; con kiến nó đùn đất

lên thành ra đống đất nhỏ nhô lên cao.

- QUYỂN 7, 8 : (Trên đều không có chữ âm giải thích.)

QUYỂN 9 :
Hành trạc. Ngược lại âm trên là hạnh canh. Âm dưới xung học.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 10

Đối trị. Trên là chữ đối. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ nghiệp âm nghiệp. Ngược lại âm sài học. Chữ viết từ bộ sĩ âm sĩ viết sĩ từ bộ thốn. Âm dưới là chữ trị âm trì. Chữ trong sách cho rằng: Trị lý, nghĩa là sửa chữa những điều lệ, luật pháp cách xử trị vậy.

Trung tư. Âm trên là chung. Âm dưới là tư. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Trung tư là con châu chấu, loại côn trùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trong Tư là con ngô công tức là con rít; thường gọi là; thường gọi là bất công. Âm công ngược lại âm chung. Trước văn đã giải thích xong rồi.

Kình địch. Ngược lại âm trên là cạnh nghinh. Theo Khảo Thanh cho rằng: kình là nhiều sức mạnh. Quảng Thất cho rằng: Kình là kình võ với nhau, cũng nhau thí võ. Theo văn nói cho rằng: Cường là nhiều sức mạnh; chữ viết từ bộ Thanh kinh. Ngược lại âm dưới là đình địch. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Là đối địch với nhau. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa nước Tần và Tấn đồng sức với nhau gọi là địch. Quảng Nhã cho rằng: Địch là đánh dẹp. Theo văn nói cho rằng: là cừu tức là kẻ cừu địch. Chữ viết từ bộ phộc đến bộ Thanh tĩnh.

Duyệt chúng. Âm trên là duyệt. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Ở trong cửa đủ số gọi là gọi là duyệt. Theo Tả Truyện cho rằng: Duyệt là ở trước xe ngựa, theo văn nói cho rằng: Đủ số người trong cửa gọi là duyệt, chữ viết từ bộ Thanh duyệt. Âm dưới là chữ chúng. Văn nói cho rằng: Chúng là nhiều, chữ viết từ bộ phái âm phái. Nay lại viết chữ hoành mục là chúng. Chữ hội ý, chữ chỉ ý vậy.

- QUYỂN 11, 12, 13 : (Không có chữ âm để giải thích.)

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Lẫm lệ. Ngược lại âm lực thậm. Ngược lại âm dưới hợp nghi viết là lệ lực kế. Bì Thương cho rằng: Lẫm lệ là buồn, bi thương: Ôm mối bi thương; Lại nữa, Lẫm là thể hiện nhan sắc sợ hãi. Tiếng địa phương cho rằng: Lẫm là kính sợ.

Nhượng duệ: Ngược lại âm nhi dương. Nhượng là trừ bỏ. Ngược lại âm dưới là di tế. Theo sách tư Uyển cho rằng: Duệ là tay áo rộng; cũng là tay áo, lãnh tụ, người cầm đầu, cũng gọi cối tay áo để lộ cánh tay ra gọi là nhượng duệ.

Nhàn dụ. Ngược lại âm du câu. Dụ nghĩa là chậm rãi, thong thả. Quảng Nhã cho rằng: Dụ là rộng rãi, cũng gọi là lo buồn là vậy.

Sầu nhiên. Lại viết sầu cũng đồng. Ngược lại âm tại tửu. Sách Lễ Ký cho rằng: Khổng Tử buồn rầu biến sắc, cũng gọi là nhan sắc bị động, cũng gọi là giận dữ vậy.

Si hưu. Ngược lại âm. Âm dưới là hứa ngưu. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng:là con bồ câu. Quách Phác gọi là nay ở Giang Đông gọi là con cú tai mèo là câu các. Âm các ngược lại âm cách, gọi là con chim quái lạ. Ban ngày thì nó ngủ, đến đêm thì bay đi tìm thức ăn nhìn ra cửa phía Tây thì gọi là Huấn hầu. Sơn Đông gọi là Huấn cô, là con chồn vậy.

Kiềm tỳ. Ngược lại âm cự diêm. Dựa theo chữ kiềm gọi là đầu đen. Đời nhà Tần dùng từ này để chỉ dân chúng.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 2

Trừ tích. Ngược lại âm trực ư. Theo văn nói cho rằng: Trừ là cụ bị tích chứa, ưu đãi. Âm đãi ngược lại âm trực lý.

Tranh thượng. Ngược lại âm thác canh. Theo chữ tranh cũng giống như chữ trụ. Nghĩa là cột ở hai bên cổng. Cũng giống như bức tranh nổi đều viết chữ tranh này. Theo văn nói cho rằng: Tranh là tài vậy, là tài năng, năng khiếu.

Địa dật. Ngược lại âm đồ kiết. Quảng Nhã cho rằng: Dật là sai lầm. Chữ trong sách giải thích dật là vấp chân té quỵ.

Bồ phục. Ngược lại âm bộ hồ. Ngược lại âm dưới là bồ bắc. Theo

văn nói cho rằng: Bồ phục là làm việc bằng tay; cũng gọi là vấp chân té ngã chân què hết sức lực.

Thân nặc. Lại viết chữ nặc này cũng đồng. Ngược lại âm nữ ất. Nhĩ Nhã cho rằng: Nặc là gần vậy. Lại gọi là rất thân, rất gần gũi. Thân cũng là gần gũi nhiều lần, chữ cực ngược lại âm chữ ký vậy.

Ỷ á. Ngược lại âm. Chữ ỷ cũng giống như chữ y nghĩa là nương vào, dựa vào. Âm dưới là ô nha. Chữ trong sách giải thích rằng: Á ỷ là dựa vào. Nay nói rằng: á là nghỉ ngơi. Á cũng là nằm; nghĩa là nằm dựa vào nghỉ ngơi là vậy.

Quyến cương Tam Thương lại viết quyến. Lại cũng viết quyến, cũng đồng. Ngược lại âm cổ khuyển. Theo Thanh Loại cho rằng: Quyến là dây buộc để bắt thú. Ngược lại âm dưới là cự hướng. Vân Anh Tập cho rằng: Giăng ra một mẻ lưới gọi là cương. Nay người nông dân làm ruộng giăng lưới ra một đường để bắt chim thú; hình lưới cũng giống như giây cung. Trong văn luận lại viết cương này cũng là văn chữ thường hay dùng vậy.

Tự bãi chữ trong sách là tỳ cũng đồng. Ngược lại âm bổ nại. Theo văn nói cho rằng: Hai tay xua ra. Quảng Nhã cho rằng: bãi là mở ra vậy.

Khả khứ. Ngược lại âm khâu ngư Quảng Nhã cho rằng: là trừ bỏ đi.

Bộc hỏa. Ngược lại âm phương hiếu. Lại âm phổ tước hai âm. Theo Thanh Loại cho rằng: Bộc là bắn ra, nổ ra. Quách Phác cho rót nước. Trong kinh Sơn Hải gọi là ở trong nổ tung tóe ra.

Quý tích. Ngược lại âm tử diệc. Gọi là xúc tích nghĩa là dáng vẻ cung kính khép nép, cũng gọi là kính sợ, cũng gọi là cung kính.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 3

Phiếu lược. Ngược lại âm phương diệu. Theo văn nói giải thích rằng: phiếu là kẹp lại. Quảng Nhã cho rằng: Phiếu là bốc ra, lột vỏ. Thương Hiệt giải thích rằng: Phiếu là cắt xen. Thanh Loại dưới viết lược. Ngược lại âm lực thượng. Gọi là sao lược, nghĩa là đoạt lấy, cướp lấy.

Câu hồ. Ngược lại âm cố đậu. Theo văn nói cho rằng: Con gà

trống gáy. Quảng Nhã cho rằng: Con chim trỉ hót.

Kháp thương. Ngược lại âm cổ hiệp. Lại viết sang khẩu, nghĩa là vết thương. Ngược lại âm hợp. Theo văn thông dụng cho rằng: Vết thương bị cào cấu. Theo chữ gọi là Kháp nghĩa là cào, gãi, bấm. Trong Vận Tập viết sang nhập? Nghĩa là vết thương sâu vào. Ở Giang Nam lại gọi là thương bao khí, nghĩa là loại khí giới quí báu hiện nay đương sử dụng.

Hoàng quý. Lại viết quí này đồng. Ngược lại âm kỳ quí. Theo văn nói cho rằng: Khí không định. Theo chữ lâm tâm đọng gọi là quí, nghĩa là lo sợ.

Dũ đọa. Ngược lại âm du nhũ. Gọi là lười biếng. Nhĩ Nhã cho rằng: Dũ là lao lực quá sức. Quách Phác chú giải rằng: Là lao khổ cực nhọc nhiều sanh ra uể oải lười biếng.

Thượng miến. Ngược lại âm Mạc kiến. Thương Hiệt giải thích rằng: Liếc nhìn một bên, theo văn nói cho rằng: Miến là liếc xéo, nhìn nghiêng.

Khôi vĩ. Lại viết khôi quí hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cổ hồi. Quảng Nhã cho rằng: Khôi vĩ là viên ngọc quý hiếm, lạ; đẹp lạ lùng tròn đầy, nhiều.

Kính dũng. Ngược lại âm cư thạnh. Theo chữ lân, kính là sức mạnh chữ viết từ bộ lực.

Tỵ tùy. Ngược lại âm sơ ủy. Theo văn thông dụng cho rằng: Sờ mó gọi là tùy. Trong luận văn viết là sủy. Ngược lại âm sơ ủy; lại là âm đô quả. Sủy nghĩa là suy đoán, cũng gọi là ngầm đánh giá. Âm phộc ngược lại âm đinh kiêm. Chữ sủy chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 4

Yêu hộ. Lại viết yêu này cũng đồng ngược lại âm ư kiêu. Gọi là dáng vẻ của trang thiếu niên. Theo văn nói cho rằng: là sắc xảo, khéo léo. Ngược lại âm dưới là ư phược. Nay ở gọi là dáng vẻ, dung mạo, cũng gọi là tên của vị quan hộ y trong triều đình. Ở Sơn Đông gọi là dáng vẻ yêu kiều thướt tha của một thiếu nữ.

Uy di. Lại viết ủy vi hai chữ hình thanh cũng đồng. Ngược lại âm ư vi. Âm dưới lại viết tha. Ngược lại âm đạt hà. Quảng Nhã cho rằng:

Ủy tha, nghĩa là nghiên chỗ thấp, đi có thể là quanh co ngoằn ngoèo. Chữ oa ngược lại âm ư qua.

Yêu nghiệt. Ngược lại âm ngư liệt, gọi là tai họa. Theo văn nói cho rằng: Y phục, bài hát không có chương khúc, cây cỏ quái lạ gọi là yêu; cũng gọi là loài cầm thú, châu chấu quái lạ phá hại mùa màng gọi là nghiệt. Trong luận văn viết là nghiệt: Là con của vợ hậu, vợ lẻ. Chữ cổ, cũng thường hay dùng.

Dực dược. Ngược lại âm dực nhập. Âm dưới là ánh sáng chiếu rực rỡ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đực dược là rõ ràng, sáng tỏ, minh bạch; cũng gọi là ánh lửa của con đom đóm.

Tức tức. Ngược lại âm tử lật. Theo văn thông dụng gọi là tiếng kêu chít chít của con chuột; cũng gọi là tạp loạn. Trong văn luận viết là quỷ là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cốt hãm. Quảng Nhã cho rằng: Bị vùi lấp trong hang, hầm, hãm cũng nghĩa là chìm xuống nước, rơi xuống. Trong kinh văn viết hãm này là rất sai vậy.

Ư sưu. Theo Vận Anh Tập chú âm là nhất dư. Nay ở Quan Tây cho rằng: là khô héo, úa. Ở Sơn Đông nói rằng yên là cây thuốc lá. Âm yên, ngược lại là âm ư ngôn. Ở Giang Nam cũng nói rằng: uy nghĩa là héo úa, khô héo. Lại viết uy này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư vi. Gọi là ư là đất không mầu mỡ, đất khô cằn. Nay lấy nghĩa trong đây. Theo văn luận lại viết ư này, chữ này chưa rõ nghĩa, không biết xuất phát từ đâu vậy.

Khổ khốc văn cổ viết là ba chữ khốc hình thanh này. Nay lại viết khốc cũng đồng. Ngược lại âm khẩu kiết. Theo văn nói cho rằng: khốc là cấp bách nóng nảy vội vàng; rất khổ gọi là khốc; cũng gọi là bạo ngược. Bạch Hổ Thông cho rằng: Khốc là người cực ác vậy; ra điều lịnh, giáo điều cực khắc nghiệt, hình phạt rất tàn bạo.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 5

Bỉ tiết văn cổ viết thiêm diệp tập diệp bốn chữ hình thành; cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tư liệt. Gọi là vùng xa xôi hẻo lánh, bẩn thiểu, xấu tệ, cũng gọi là nhàm chán khinh thường.

Âm tình. Lại viết tinh sinh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược

lại âm tự doanh. Theo Thanh Loại gọi là mưa đã ngừng nên thời tiết quang đãng mát mẻ. Theo văn luận viết linh chẳng phải thể vậy.

Can hiện. Ngược lại âm vong bắc. Gọi là hiện nghĩa là mặt trời lặn, cũng gọi là nóng bức. Theo văn nói cho rằng: Hiện là mặt trời mới mọc ở phía trước. Nay đều viết hiện này vậy.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 6

Quý huyễn. Lại viết quyến y hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hồ khuyển. Giải thích tên gọi là quyến nghĩa là treo lên, buộc vật treo lên.

Hoàn tập văn cổ viết tập cũng đồng. Ngược lại âm từ lập. Gọi là tập nghĩa là chồng chất lên từng lớp từng lớp vậy, cũng với chữ ái nghĩa là được yêu chuộng, cũng gọi là thích hợp; và ngược lại.

Tương tha. Ngược lại âm thả hà. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Như thiết như tha. Trong truyện cho rằng: Cũng giống như là trị gọi là, cũng gọi là mài ngọc.

Hoấc nhiên, chữ trong sách viết cảo cũng đồng. Ngược lại âm khẩu giác. Theo sách Chu Dịch cho rằng: Trời đang khô ráo bỗng nhiên mưa trút nước, mưa như đổ nước xuống đất vậy.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 7

Sưu giáng. Ngược lại âm lặc lưu. Sưu nghĩa là bệnh đã thuyên giảm, bớt, cũng gọi là khỏi bệnh. Theo sách Thượng Thư ghi rằng: Ngày mai bệnh của vua đã khỏi hẳn.

Tiếm hủy. Ngược lại âm trắc cấm. Tiếm là nói xấu hại người. Một gọi là phỉ báng, nói sau lưng, chê bai gọi là tiếm. Quảng Nhã cho rằng: Tiếm là hủy nhục, làm hại.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 8

Tỷ diện. Ngược lại âm phổ mễ. Theo văn nói cho rằng: Tỷ là cái đầu nghiêng qua. Thương Hiệt giải thích rằng: Tỷ là luôn luôn chân chánh. Trong kinh văn viết tỷ là chẳng phải thể vậy.

- QUYỂN 9 : (Không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 10

Ính trước. Lại viết ba chữ bính tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm bính mãnh. Quảng Nhã cho rằng: Bính là sáng tỏ. Trước là hiển lộ ra.

Tủng hạch văn cổ viết tủng tùng tùng ba chữ tượng hình cũng đồng. Nay lại viết chữ tủng này. Ngược lại âm tiên dũng. Tủng gọi là ở phía trên cao. Ngược lại âm dưới là hồ cách. Nhĩ Nhã cho rằng: Gốc lông gọi là hạch, cái cuống lông của con chim. Theo văn nói nhẹ như lông.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 11

Đường xúc. Ngược lại âm trượng canh. Theo văn nói cho rằng: Đường là trụ cột. Lại viết trành trành xúc. Nghĩa là xúc chạm; cũng gọi là lấy tay sờ mó xúc chạm, gõ, đánh gõ.

Thư thích. Ngược lại âm tri liệt. Ngược lại âm dưới là thức diệc. Thức diệc, theo chữ lâm thư. Thư thích là loại côn trùng có chất độc. Lại là âm hồ các. Ở Sơn Đông gọi là con giòi bò lút nhút.

Kháng xung. Ngược lại âm khổ lãng. Theo văn nói cho rằng: Kháng là chống cự lại, dùng sức mạnh xông lên, đâm thẳng vào.

Luy tích văn cổ viết Liệu tốc tích ba chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Theo văn nói cho rằng: Tích là gầy ốm, cũng gọi là mỏng manh.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 12

Sâm một. Ngược lại âm sở âm. Quảng Nhã cho rằng: Sâm là thấm ướt hết. Theo văn nói cho rằng: Sâm là thấm xuống, làm cạn hết. Chữ viết từ bộ Tham.

Hoàng trùng. Ngược lại âm hồ quang hồ mảnh hai âm. Gọi là con châu chấu ở đất đầm lầy. Nay người ta gọi là con châu chấu biết bay, là con châu chấu sinh sản nhiều, đông đúc; châu chấu nhỏ gọi là trung, châu chấu lớn gọi là hoàng. Trong luận văn viết hoàng này nghĩa là con đỉa, chẳng phải nghĩa ở đây dùng. Chữ trung ngược lại âm chi dung.

Hoa nhung ngược lại âm nhi dung. Theo văn nói cho rằng: Nhung là loại cỏ mới mọc, nhu nhú, mơn mởn. Cũng theo văn nói viết nhung. Ngược lại âm nhi chí. Gọi là cơ mao trên rủ xuống như lông mịn gọi là nhung.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 13

Trung đế. Lại viết đế cũng đồng; ngược lại âm đinh kế. Thương Hiệt cho rằng: Đế là tiếng hắc hơi, hách xì từ nơi mũi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cố nói tức là đế, nêu ý, tỏ ý nói rằng: Các ông suy nghĩ tâm ta như vậy; ta tức là đế. Nay văn thường hay dùng gọi là hắc hơi, cũng gọi là đạo nhân ta đây cũng là do lời nói người xưa để lại vậy.

Nghịch liệu. Ngược lại âm lực nhiêu. Sách Chu Lễ giải thích rằng: Cúng đèn nến hương liệu nơi mồ mã, phần mộ. Trịnh Huyền cho rằng: Phần mộ lớn; cũng gọi là cây ở ngoài cửa gọi là cây nến lớn; ở trong cửa gọi là liệu, là cháy lan. Thiên tử vì trăm họ, việc công là năm mươi hầu, bá tử là ba mươi. Trong luận văn viết hai chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là viết liệu đều chẳng phải vậy.

Hương liễm. Lại viết kiểm liêm hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực chiêm. Theo Vận Tập cho rằng: Liễm là hợp đựng cất những đồ trang sức của con gái, thâu góp các vật cất vào hộp. Tam thương giải thích rằng: Những dụng cụ rất nhiều, như tên các dụng cụ là gương lược v.v... các đồ trang sức. Nay gọi là hộp đựng phấn, son đều

cất trong hợp đều là vậy.

Sàm giáp. Ngược lại âm sĩ cam. Ngược lại âm dưới là thiên diệc. Theo văn nói cho rằng: Sàm là cây cuốc bén. Nay ở Giang Nam cho rằng: Sam giáp là cây thương bén. Trong luận văn lại viết sàm này là chẳng phải thể vậy.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 14

Tỵ mụ. Ngược lại âm nữ lực. Theo văn nói cho rằng: Tỵ mụ là lỗ mũi bị ra máu. Nay nói rằng: Mũi ra máu gọi là Tỵ mụ, là ra máu cam.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 15

Huyên hoa. Ngược lại âm hư nguyên. Âm dưới là hồ qua. Tam Thương giải thích rằng: Nói chuyện thao thao bất tuyệt. Hoa là lời nói huyên nào, ồn ào. Âm thao ngược lại âm đồ đao.

****

THUẬN TRUNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Hý lộng. Ngược lại âm trên là hy hy. Mao Thi Truyện cho rằng: Hý là làm trò vui, buông thả. Nhĩ Nhã cho rằng: Là làm trò hài hước vui cười. Quách Phác chú giải rằng: Là thổi sáo làm trò ca hát vui. Quảng Nhã cho rằng: Hý là làm trò vui. Theo sách sử ký cho rằng: Bậc Thiên tử là không có nói đùa. Theo văn cho rằng: Ba quân ở ngoài biên giới tiếng binh khí chạm nhau, tiếng hý vang của quân lính. Âm hý ngược lại là âm hy. Chữ ly theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ hổ đến bộ đậu. Trong luận văn viết khâu là chẳng phải vậy. Ngược lại âm dưới là lộc ? đống. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lộng hý là làm trò. Văn nói cho rằng: là vui đùa, chữ viết từ bộ đến bộ cũng. Âm cũng là âm cộng. Nay

trong luận văn viết cộng thêm bộ viết thành lộng là chẳng phải vậy.

Đệ hổ. Ngược lại âm trên là đề lễ. Theo Khảo Thanh cho rằng: Đệ là thay thế. Lại cũng gọi là đổi phiên, thay phiên. Văn cổ viết đệ. Nay trong luận văn viết đế, hoặc là viết đệ nghĩa là đi đến, đều chẳng phải. Theo văn nói chữ viết từ bộ Xước thanh đệ, âm xước ngược lại là âm sửu được. Âm đệ ngược lại âm thiên y. Lại âm tư ngược lại âm dưới là hồ cố. Cố Dã Vương cho rằng: hổ là thay đổi nhau, thay phiên nhau. Theo văn nói chữ viết ở bộ trúc. Cố Dã Vương biên soạn viết bộ nha, hoặc viết tự bộ trúc viết thành chữ hổ. Nghĩa là người có thể thâu lấy sợi dây làm giềng mối. Nay tĩnh lược bớt bộ trúc viết thành chữ hổ này là chữ tượng hình; trong giống như cái tay của người có thể cầm nắm, thúc đẩy ra. Trong luận văn viết hổ cõng là văn thông dụng thường hay dùng vậy.

****

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN

(Vô Trước Bồ-tát tạo luận - Chân Đế Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn)

TỰA

Đồ điệp. Ngược lại âm trên là đổ hồ. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Gọi là Hà đồ bát quái; bài hát của Ngũ Tử, gọi là oán. Bắt đầu ở chỗ sáng mà không thấy là đồ, tức là vẽ bản đồ. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Người vẽ bản đồ xem xét có công lao, có lợi ích. Nói ở đời vốn là chép sử của vua, mà vẽ lên bức đồ án. Tống Trung chú giải rằng: Gọi là vẽ hình tượng vật trên đất, khiến cho người đến có thể xem; Theo văn nói gọi là bức vẽ thiết kế rất khó. Chữ viết từ bộ khẩu đến bộ nhất hồi. Ý nói rất khó vì bộ khẩu bị bao bởi bộ vi. Ngược lại âm dưới là quát diệp. Theo sách Hán Thư cho rằng: Khoát lên đồ ác gọi là Điệp. Tô Lâm cho rằng: Theo thứ tự mà chép phổ khắp. Người xưa cho rằng: Liên lạc với nhau bằng cách ghi lại các sự việc; cho rằng là Điệp trong Tả Truyện cho rằng: Nhận được điệp mà thối lui là vậy. Văn nói cho rằng: Điệp là bát đựng văn thư, chữ viết bộ tường thanh diệp. Âm diệp. Ngược lại âm lữ diệp.

An duệ. Ngược lại âm dinh huệ. Nghĩa giải thích đủ rồi. Trong kinh Bảo Tinh.

Sính trang tín. Ngược lại âm trên là dĩnh lĩnh. Âm dĩnh. Ngược lại âm trình trinh. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Sính là thi đua. Đỗ Dự

chú Tả Truyện rằng: Sính là chạy nhanh. Quảng Nhã cho rằng là chạy. Theo văn nói cho rằng: Đánh ngựa chạy thẳng, chữ viết từ bộ mã thanh sính âm sính. Ngược lại âm thất đinh. Âm giữa là trang trạng. Quảng Thất cho rằng: trang là sức mạnh. Theo văn nói gọi là lớn. Chữ viết từ bộ Tường thanh sĩ. Âm tường ngược lại là âm tương lương.

Phân tiêu. Ngược lại âm ai kêu. Mao Thi Truyện cho rằng: Cây đục đặt ngang dưới chiếc xe nhỏ. Theo văn nói cho rằng: Tiêu là cái hàm thiết ngựa, đặt một bên miệng ngựa gọi là tiêu. Chữ viết từ bộ Kim thanh tiêu. Âm tiêu ngược lại âm bao giao.

Tỷ phái. Ngược lại âm chưng mại. Quảng Nhã cho rằng: Phái là dòng nước chảy phân ra. Theo văn nói gọi làDòng nước chảy phân ra làm đôi khác biệt rẽ ra hai dòng. Ngược lại là âm dã tàng. Trong bổn luận Vĩnh Kim viết từ bộ Thủy viết thành chữ phái, nghĩa là đất ấp an tên là chẳng phải. Phái là dòng nước phân rẽ chảy vậy.

Hụ thác. Ngược lại âm thang các. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Cái túi lớn gọi là bao. Cái túi nhỏ gọi là thác. Thương Hiệt cho rằng: Bao là cái túi, không có đáy, gọi là thác. Theo văn nói cho rằng: Chữ bao viết từ bộ Thanh tính thạch. Chữ thác ngược lại âm côn bổn.

Tông thiệp âm trên là tông lộng. Nghĩa đã giải thích đầy đủ; trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương đã giải thích xong.

Toàn ngưỡng. Ngược lại âm trên là toản loan. Sách Luận Ngữ cho rằng: Toán là đầy đủ chắc chắn kiên cố. Trong Hán Thư cho rằng: Người lái buôn dùng nghệ thuật lấy dây da buộc ba mới lại gọi là toàn. Hiếu Công lại gọi là Toàn giống như chữ nghĩa là cái dùi đục có lỗ giữa; cũng gọi là cái tên để lựa chọn trị, sửa trị. Theo văn nói cho rằng toàn là cái dùi, cái khoan đục xuyên qua; chữ viết từ bộ Kim thanh toàn.

Du khóa. Ngược lại âm khoa hóa Đỗ Dự chú giải rằng: khoa là vượt qua bước qua, cởi gác lên. Cố Dã Vương cho rằng: Khóa là nhấc chân bước qua. Theo văn nói cho rằng: Khóa là vượt qua sông. Chữ viết từ bộ Túc thanh khoa âm khoa khóa.

Chỉ xích. Ngược lại âm trên là chi nhĩ. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Tám tấc gọi là một chỉ. Theo văn nói cho rằng: Hình trong tay của người phụ nữ dài tám tấc gọi là chỉ vòng quanh là một thước. Chữ viết từ bộ Xích thanh chỉ. Ngược lại âm dưới là xi chích. Theo văn nói cho rằng: Mười tấc tay của người là mười phân, động mạch là thốn khẩu. Mười thốn là một thước nhục. Cho nên nói một ngón tay là thước theo quy định của việc. Chung quanh việc chế ra thốn và tấc. Xích là thước, chỉ là gang gay là việc tầm thường. Lại nữa các nhà đo lường trắc

nghiệm đều lấy thân thể của con người làm phép để đo. Chữ viết từ bộ xích đến bộ ất. Sở ất là hiểu biết vậy.

Phương giới. Ngược lại âm giai mại. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: giới là nhà. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Giới làđến. Theo văn nói cho rằng: Giới rất cực cao, chữ viết từ bộ thi Thanh do.

Hỗn hào. Ngược lại âm trên là hồn ổn. Quảng Nhã cho rằng: Hỗn là nước đục. Trịnh Huyền chú giải sách Khổng Ký rằng: Hỗn là tìm kiếm. Theo văn nói cho rằng: Hỗn là loạn. Chữ viết từ bộ Thủy thanh khổn. Trong bổn luận lại viết cổn âm cổn. Theo văn nói cho rằng: Nước chảy phong lưu chẳng phải vì bị ngăn trở nước đục vậy. Chữ khổn. Ngược lại âm hồn khốn. Ngược lại âm dưới là hiệu giao. Giả quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hào là tạp. Quảng Nhã cho rằng: Hào là loạn. Theo văn nói cho rằng: Hào là nhầm lẫn sai sót. Chữ viết từ bộ Thù thanh hy. Âm Thù ngược lại âm thù. Hy, âm hào vậy. Trong bổn kinh viết từ bộ Thủy viết thành chữ hào cũng là chữ thường hay dùng vậy?

Mân việt. Ngược lại âm trên là mẫn bân. Sách Chu Lễ giải thích rằng: Mân là tên của một chủng tộc ở Phúc Kiến và một phần của Triết Đông tại Trung Quốc. Cũng là tên của nước, một trong mười nước thời Ngũ đại. Cuối đời Đường, Vương Triều làm Tiết độ sứ. Triều chết, con là Thẩm Tri kế nghiệp, được phong làm Mân vương. Nay chiếm toàn tỉnh Phúc Kiến, trừ một nhỏ ở phía Nam. Truyền đến con là Diên Chính đổi quốc hiệu là Ân. truyện được ba đời, bảy vua. Đó là nhân của nước Mân. Nay gọi tắt là tỉnh Phúc Kiến. Trịnh Huyền chú giải rằng: Mân là tên khác của bảy đời nhà Chu chỗ phục quốc. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Mân là ở trong đảo. Quách Phác cho rằng: Mân Việt tức là Tây Âu. Nay gọi là Đạt An. Theo văn nói cho rằng: Mân là Đông nam gọi là chủng tộc rắn, chữ từ bộ Trùng thanh môn. Âm trùng tức hủy diệt vậy.

Khảng khái. Ngược lại âm trên là khang lãng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Gọi là trung tình trong lòng ôm hận trái tim như ai cắt, lột ra từng đoạn. Theo văn nói cho rằng: Khảng khái là hiên ngang sảng khoái. Chữ viết từ bộ Tâm thanh khảng. Trong Bổn luận viết từ chữ khang viết thành chữ khảng là văn chữ thường hay dùng vậy. Chữ rất lâu lưu hành nơi thời đại. Âm khảng đồng với âm dưới là khai đại. Cố Dã Vương cho rằng: Chí ôm hận trong lòng, phẫn uất, thở than. Theo văn nói cho rằng: Khảng khái là bậc tráng sĩ quẩn chí, chí không toại nguyện, chữ viết từ bộ Thanh ký.

Phân ngu. Ngược lại âm trên là phán mãn. Âm dưới là ngộ câu.

Sách Hán Thư cho rằng: Tên một quận huyện ở tỉnh Quảng Đông. Nam Hải Trung Quốc. Theo văn nói cho rằng: Chữ Phan viết từ bộ Phan điền. Chữ tượng hình, chữ ngu viết từ bộ Điền thanh dữu. Âm phan tức là âm ban. Âm điền ngược lại âm bổ vật. Âm dữu ngược lại âm nhu cữu.

Âu dương nguy. Ngược lại âm trên là âu hầu. Âm dưới là nguy hủy. Tên họ của người. Quảng Nhã cho rằng: Nguy là an tĩnh. Theo văn nói cho rằng: Nguy là đầu tập trung trong sự nhàn tĩnh; chữ viết từ bộ Hiệt thanh nguy. Âm hiệt tức là âm hiệt là tốt lành vậy.

Địch trầm tế. Ngược lại âm trên là đình đích. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Địch là tẩy trừ đi. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Địch là tẩy rửa sạch sẽ. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Địch là quét trừ dơ bẩn cho sạch. Hà Hưu chú giải trong Công Dương Truyện rằng: Gọi là lấy nước tẩy rửa cho sạch sẽ. Theo văn nói cho rằng: Địch là rải tưới nước. Chữ viết từ bộ Thủy thanh điều. Âm giữa là phác lâm. Nhĩ Nhã cho rằng: Trầm là dừng lại. Cố Dã Vương cho rằng: trầm cũng giống như chữ luân nịch nghĩa là chìm đắm dưới nước. Theo văn nói cho rằng: Trầm một gọi là chìm trong vũng bùn đen hôn mê. Chữ viết từ bộ Thủy thanh chầm. Âm trầm ngược lại âm đinh cảm. Âm trầm ngược lại âm dâm. Ngược lại âm dưới là tất kế. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: tế là bị chướng ngại, che đậy. Trong Luận ngữ cho rằng: Tế là lòng nhân tốt mà sự học hành không tốt, ngu muội. Cố Dã Vương cho rằng: Tế là tối tăm; không sáng suốt. Theo văn nói cho rằng: Tế là do bộ thảo nhỏ đến bộ cũng Thanh Tế.

Khuê vi. Ngược lại âm quan khuê. Theo sách Chu dịch cho rằng: khuê là quái lạ. Theo văn nói cho rằng: Khuê là con mắt không có tương xứng, gọi là mắt lé. Chữ viết từ bộ mục thanh khê.

Khuông nhiên. Ngược lại âm trên là khúc vương. Trịnh Huyền chú giải trong sách Lễ Ký rằng: Khuông là sợ sệt. Theo văn nói cho rằng: Khuông là khiếp sợ, nhát gan chữ viết từ bộ Tâm đến bộ Khuông thanh khuông vậy.

Âu Dương Hột. Ngược lại âm ngần hột. Tên của người; tức là thế tử của ông Dương Công Ngụy. Theo văn nói cho rằng: Hột tức là sợi tơ ở dưới, sợi chỉ khâu. Trong truyện Xuân Thu có Tạng Tôn Hột. Chữ viết từ bộ Mịch thanh nhất.

Cai duyệt. Ngược lại âm trên là cải ai. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc Ngữ rằng: cai tức là chuẩn bị. Tiếng địa phương cho rằng: Cai là bao gồm đầy đủ. Quảng Nhã cho rằng: Cai là bàn luận, sự vật phải trái tốt xấu, phê bình. Cũng gọi là bao quát. Văn nói cho rằng: Chữ

viết từ bộ Ngôn thanh khái. Giống như cai là bao gồm chuẩn bị đầy đủ tất cả chữ viết từ bộ nhật viết thành cai. Ngược lại âm dưới là duyên tuyết. Khảo Thanh cho rằng: duyệt là số đông, xác thật chính xác, gom góp lại, giản lược công nghiệp. Theo văn nói rằng: Duyệt là số đầy đủ ở trong cửa; chữ viết từ bộ (T638) môn, thanh duyệt.

Hiệp hiệp. Ngược lại âm trên là kiêm diệp. Âm dưới là hàm giáp. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuổi rồi kế đến là tên; trong tuổi chưa đủ sức thì gọi là phải chung sức hiệp lực lại mới thành sức mạnh vậy.

Tuấn chỉ. Ngược lại âm trên là tuẫn tuấn. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuấn là núi cao lớn. Trịnh Huyền chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Tuấn là dài rộng, chữ trong sách chú giải rằng: Núi cao dựng đứng rất hiểm trở. Theo văn nói cho rằng: Tuấn là núi cao; chữ viết từ bộ tuấn viết thành tuấn. Âm tuấn đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là trừ lý. Theo văn nói cho rằng: Chỉ là do dự trù trừ. Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là dừng lại không muốn tiến lên phía trước, chữ viết từ bộ Chỉ thanh tự.

Tỳ vấn. Ngược lại âm trên là thất tỳ. Theo sách Lễ Ký cho rằng:, vật mà được nối lại thì nhân dân cho rằng không bảo đảm vì nó đã chết rồi. Trịnh Huyền cho rằng: giống như chữ Thố nghĩa là sai lầm. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh tỷ. Ngược lại âm dưới là văn phẩn. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Vấn là rối loạn. Theo văn nói và sách Thượng Thư cho rằng: có điều chỉnh mà không rối loạn, cũng gọi là nếu lưới có giềng có lớp lang thì không rối loạn, chữ viết từ bộ Thanh ty.

Phiếm giới chu. Ngược lại âm trên là phương kiếm. Âm giữa là giai ngộ. Theo sách Hán Thư cho rằng: Lấy màu xanh, màu tím đỏ phủ xuống đất, nhặt hương thơm rắc lên. Trang Tử cho rằng: Đậy ly nước lại, để chỗ trũng thấp; thì giới sẽ thành ra chu tức là màu đỏ. Nay tựa luận dẫn dùng; người nói pháp nguyên thâm sâu rộng vi diệu không thể nghĩ lường được; người trí tuệ cạn cợt tu từng bước vượt qua cái khó, chung quanh cũng như lấy vật nhỏ như hạt cải mở ra bỏ đi lấy phần cực nhỏ bên trong làm màu đỏ, rồi lấy nước sạch trong biển trộn vào tin đây là rất khó. Chữ trong sách gọi người ngu: Chữ viết từ bộ Thảo thanh giới.

Cự hác. Ngược lại là âm hà các. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ngoài biển Đông có hang lớn. Cố Dã Vương cho rằng: Dòng nước chảy. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cái hầm sâu. Theo văn nói cho rằng: Là biển lớn, chữ viết từ bộ Hác thanh thổ. Âm hác đồng âm

trên.

Đài túc. Ngược lại âm trên là đại lai. Cố Dã Vương cho rằng: Con ngựa tồi, con ngựa hèn. Sở Từ cho rằng: Con ngựa chạy ngàn dặm là con ngựa hay, giỏi, mà không có chở đồ vật, dùng roi quất ngựa chạy là con ngựa hèn, ngựa tồi, chạy dành lấy đường. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Mã thanh đài.

Tụ tước, Ngược lại âm trên là túng du. Dỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tụ là chỗ đông người. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Là kiểm duyệt. Chữ trong sách giải thích rằng: Chứa nhóm nhiều. Theo văn nói cho rằng: là tụ hội. Chữ viết từ bộ Phái Thanh Thủ. Âm phái là ngâm. Ngược lại âm dưới là tiêu dược, chữ trong sách giải thích rằng: tước là cây đuốc lớn. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Hỏa thanh tước. Luận bổn cho rằng: Tước là văn chữ thường hay dùng cũng gọi là cây đuốc chữ cự viết từ bộ cũng viết thành chữ cự gọi là lấy cỏ rơm bó lại rồi đốt gọi là cây đuốc.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

QUYỂN TRUNG

Ám trung đằng. Ngược lại âm đặt đăng. Bì Thương cho rằng: Đằng là dây hồ ma. Quảng Nhã cho rằng: Là loại dây leo. Cố Dã Vương cho rằng: Theo chữ nay gọi là loại dây leo, dây sắn bò mọc tràn lan dưới đất gọi là đằng. Theo văn chữ tự điển nói rằng: Chữ viết từ bộ Thảo, Thanh đằng.

QUYỂN HẠ

Dĩ tiết xuất tiết ngược lại âm trên phổ tiên tiết. Chữ trong sách giải thích rằng: Tiết là vật mở ra đầy đủ. Trịnh Huyền chú giải trong sách Nghi Lễ rằng: Tiết là dùng cột trụ bốn bên thành cửa bằng sừng. Theo văn nói cho rằng: Tiết là cây cột khống cửa hai bên. Chữ viết từ bộ Mộc thanh khiết. Âm sám. Ngược lại âm tử liêm cũng đồng âm tiết trên.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn - Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 50

- Nhiếp Đại Thừa Luận hai quyển - Tuệ Lâm.
- Nhiếp Đại Thừa Luận Bổn ba quyển - Tuệ Lâm.
- Nhiếp Đại Thừa Luận Thích mười lăm quyển - Chân Đế - Huyền Ứng.
- Nhiếp Đại Thừa Thích Luận mười quyển - Cấp Đa - Tuệ Lâm soạn.
- Nhiếp Đại Thừa Luận Thích mười quyển - Huyền Trang - Thế Thân - Tuệ Lâm soạn.
- Nhiếp Đại Thừa Luận Thích mười quyển - Huyền Trang - Vô Tánh - Tuệ Lâm.
- Phật Tánh Luận bốn quyển - Tuệ Lâm.
- Quyết Định Tạng Luận ba quyển - Tuệ Lâm.
- Phương Tiện Tâm Luận một quyển - Tuệ Lâm.
- Trung Biên Phân Biệt Luận hai quyển - không.
- Biện Trung Biên Luận ba quyển - Tuệ Lâm.
- Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận - bốn quyển - Huyền Ứng.
- Biện Trung Biên Luận Tụng một quyển.
- Nghiệp Thành Tựu Luận một quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Thừa Thành Tựu Nghiệp Luận một quyển - Huyền Ứng.
- Bên phải năm mươi luận bảy mươi quyển đồng âm - quyển này.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN

(A-tăng-khứ tạo - Hậu Ngụy Phiến Đa dịch - Tuệ Lâm soạn)

QUYỂN THƯỢNG

Lê viên. Ngược lại âm trên là lễ để. Cố Dã Vương giải thích rằng: Lê là cái lưỡi cày. Trong Hán Thư cho rằng: Tìm kiếm người nghèo cùng với cái cày giả, để gieo hạt giống xuống ruộng. Theo văn nói cho rằng: Là lưỡi cày. Chữ viết từ bộ Ngưu ước. Văn cổ viết lợi thanh tử. Chữ lê từ bộ lỗi đến bộ bộ đao văn cổ viết đao. Chữ dưới là âm viên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Căng buồm ngược lại âm lưu. viên tiếng địa phương cho rằng: Bao vây trùm lên gọi là viên cũng gọi là buồm. Theo văn nói cho rằng: Dinh trại của quan quân ngày xưa, chữ viết từ bộ Xa thanh viên. Chữ Lê đã biết chữ xa viên là càng xe lớn, bao gồm hai càng hai bên; nghĩa đây có thể biết nói rõ vậy.

Điều trửu. Ngược lại âm dưới là chu dậu. Thế bổn cho rằng: Thiếu niên còn trẻ khỏe mạnh, lúc đầu làm những việc như là quét dọn. Tống Trung cho rằng: Thiếu Khang, còn trẻ khỏe mạnh, sau khi mùa an cư kiết hạ xong. Tổ sai quét dọn phân dơ cấu uế. Thiếu Khang tức là Đỗ Khang; cũng là Táng Trường viên. Theo chữ Trửu gọi là quét trừ phân dơ cấu uế. Văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ hựu, trì, cân. Viết chữ tảo là cây chổi Ở trong là bộ quynh. Chữ hội ý. Trong luận văn viết từ bộ trúc viết thành trửu là văn chữ thường hay dùng chẳng phải vậy. Âm quynh. Ngược lại âm quí dinh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN

QUYỂN HẠ

Quyển này chứa có mười sáu bài kệ tụng quy mạng, người viết sách sai lầm, là viết “quy niệm”. Từ chương thứ hai mãi đến về sau đến chương thứ tám về sau nữa, đều sai lầm, đều viết trong sách là “quy niệm”, thật là rất không có nghĩa lý, rất quái lạ. Ý nghĩa của luận và các kinh Tạng trong, có rất nhiều sai lầm này. Căn bản cầu xin sửa đổi lại là quy mạng (), để trừ bỏ một sai lầm này ra. Thì quyển này càng không có chữ khó. Có thể giải thích âm vậy.

****

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BỔN

(Vô Trước Bồ-tát tạo luận - Huyền Trang dịch - Tuệ Lâm soạn)

QUYỂN THƯỢNG

Bả cơ. Ngược lại âm trên ba cố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bả là cái sàng gạo, cám. Theo văn nói cho rằng: Đưa gạo lên bỏ cám xuống tức là sáng lấy gạo bỏ cám. Chữ viết từ bộ cơ đến bộ bì. Ngược lại âm dưới là cơ nghi Thế bổn, Thiếu khang viết là cơ tức là cây chổi quét. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gạo nhiều rốt vào trong học. Văn nói chữ viết từ bộ Trúc thanh kỳ.

Thô sáp. Ngược lại âm trên Thương hồ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thô cũng giống như chữ sơ, nghĩa là sơ sài, thô sơ. Cố Dã Vương giải thích rằng: Không tốt đẹp. Văn nói cho rằng: So sánh giữa cái lớn và cái nhỏ, phân biệt giữa cái thô và tế. Văn cổ viết thô từ ba bộ nai. Nay viết tỉnh lược thô ngược lại âm dưới sở lập. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Là khó, văn nói cho rằng: Là không trơn. Chữ viết từ bốn góc chỉ, hai âm đảo hai âm chánh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BỔN

QUYỂN TRUNG

Phục trái. Ngược lại âm trắc giới. Mao Thi Truyện cho rằng: Trái tức là bịnh. Văn nói cho rằng cũng là bệnh. Chữ viết từ bộ nạch. Ngược lại âm nữ ách. Thanh sát.

Diệu sức. Ngược lại âm thi thực. Quảng Nhã cho rằng: sức là tô điểm cho đẹp Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: sức là sự biểu hiện của tình cảm. Văn nói cho rằng: Sức là cọ rửa, xóa mùi, cũng là cái bàn chải. Chữ viết từ bộ cân âm cô thanh tợ.

Ấn vật. Ngược lại âm ngược ương. Tiếng địa phương cho rằng: Ngước lên. Quảng Nhã cho rằng: Ấn là nắm chặt, cũng gọi là hướng ra ngoài. Theo văn nói cho rằng: Vọng ra ngoài, muốn có chỗ và từ bộ chủng đến bộ tiết âm tiết. Âm chủng là âm tỷ.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BỔN
QUYỂN HẠ

Vô ngại. Ngược lại âm dưới là ngũ đại. Mặt trời chiếu sáng phổ khắp ra ngoài bị ngăn trở gọi là ngại. Quảng Nhã cho rằng: Cũng gọi ngăn cách, trở ngại. Theo văn nói cho rằng: Cũng gọi là bên ngoài bị ngăn trở, có hàng rào ngăn trở chữ viết từ bộ môn Thanh khái.

****

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
(Thiên Thân giải thích luận. Chân Đế dịch - Huyền Ứng soạn)
QUYỂN 1

Thông mẫn. Ngược lại âm mi vẫn thông nghĩa là thấu suốt tới đáy. Mẫn là đạt tới. Quảng Nhã cho rằng: Thông là thấu triệt sáng suốt. Mẫn là tập nhanh nhẹn, bén chạy.

Phi duyệt. Ngược lại âm dư thuyết. Gọi là xem xét. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Duyệt là đầy đủ, là đủ số, kiểm duyệt đủ số, ở trong cửa gọi là duyệt.

(Tiếp theo T638) Thành xác. Lại viết xác này cũng đồng. Ngược lại âm khẩu giác. Ngô Hội Gian âm là khốc. Gọi là cái trứng không chắc chắn, ở ngoài da. Phàm vật gì ở ngoài da đều gọi là xác nghĩa là cái vỏ. Cái trứng ở trong gọi là xác khi lột ra ngoài thì gọi là khấu nghĩa trong trứng vừa mới nở ra. Âm khấu là âm quan. Nhĩ Thất cho rằng: Con chim vừa mới sanh ra cần chim mẹ đút mồi cho ăn. Quách Phác cho rằng: Chim non chưa mở mắt nên cần phải nhờ mẹ đút cho ăn. Âm thức là âm tợ.

Quyến ác. Ngược lại âm ư diêm. Gọi là vội vàng, gấp gáp nóng vội, cũng gọi là thống khổ, sầu não. Ngược lại âm dưới là ư lộ. Quảng Nhã cho rằng: Ác là ghét, ghen ghét, oán hận. Âm tấng. Ngược lại âm nhất ngoại. Âm hài, ngược lại âm hà đại.

Bỉ vật. Ngược lại âm vô chất. Trong Kinh Thi cho rằng: vật là một vị quan hay làm việc cứu giúp. Lại chú giải rằng: Vật là đừng không vậy.

Thuộc nhĩ. Ngược lại âm chi dục. Theo sách Quốc ngữ cho rằng: Sợ rằng tai, mắt của quốc dân tìm nơi ta mà làm sáng tỏ gọi là thuộc nghĩa là rót ra giải bày. Âm nghĩa trong sách Hán Thư cho rằng: Thuộc

là gần gũi. Trong Kinh Thi cho rằng: Thuộc là không có khác; do nói thuộc về tai là nơi tường cao mà nghe thấy là vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 2

Hổ kha. Lại viết hổ này cũng đồng. Ngược lại âm trúc hộ.

Bì thế. Ngược lại âm bệ hề.

Trầm xạ. Ngược lại âm thần dạ. Hình như là con nai nhỏ dưới rốn nó có mùi thơm.

Oan cung. Ngược lại âm ư khai Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Khống chế cây cung lại không bắn ra.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 3

Sở thuyên. Ngược lại âm thả toàn. Văn thông dụng giải thích: Nói gọi là thuyên. Theo văn nói cho rằng: Thuyên là nói đầy đủ. Hoài Nam Tử cho rằng: Thuyên là nói cho người ta hiểu. Cho nên nói rằng: Xưa nhân loại có việc cùng nhau giải bày, đây là nói thí dụ vậy.

- **QUYỂN 4** (Trước đều không có âm.)

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 5

Di chương. Lại viết chương cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chư dương. Quảng Nhã cho rằng: chương là sáng sủa, sáng rỡ, rõ ràng, thông suốt.

Sạ khởi. Ngược lại âm sĩ giá. Quảng Nhã cho rằng: sạ là tạm thời. Thương Hiệt giải thích rằng: Sa là đi chung hai từ nghĩa là bỗng nhiên; sạ hàn sạ nhiệt, chột nóng, chợt lạnh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 6

Dự lập văn cổ viết hai chữ dự tượng hình. Nay viết chữ dự này cũng đồng. Ngược lại âm dư cứ. Dự nghĩa là biện trước, làm trước, chuẩn bị trước. Ngược lại là đầy đủ cho nên gọi là dự.

Khinh miệt. Thể chữ viết là miệt cũng đồng. Ngược lại âm mạc kiết. Theo văn nói ghi rằng: Miệt là khinh thường xem thường, dương dương tự đắc.

- QUYỂN 7, 8 : (Trước đều không có âm.)

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 9

Thất gia. Ngược lại âm thư dật. Sách Lễ Kỳ cho rằng: Người thanh niên ba mươi tuổi thì có một gia đình (gọi là thất). Trịnh Huyền cho rằng: Có gia đình tức nhiên là lấy vợ. Cho nên gọi là vợ là thất. Theo chữ thất là phòng ở trong cửa. Theo sách Luận Ngữ cho rằng: Do chưa có Thăng đường mà vào trong thất, nên cũng gọi là gia cư, là nhà ở vậy.

Hậu đăng. Ngược lại âm đô hằng: Đăng nghĩa lên vậy; cũng gọi là tiến vào, cũng gọi là thành việc.

Thiện ách. Lại viết ách này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư cách. Gọi là cái càng thẳng ép xuống cổ của trâu gọi ách. Âm ách ngược lại âm cách vậy.

Tư hoại. Ngược lại âm tài dữ. Thương Hiệt giải thích rằng: tự là tư từ hư hoại. Trong Luận văn viết nhiều trở. Ngược lại âm trắc sở. Gọi là chứa rượu, cất rượu để lâu ngày. Lại cũng gọi là, cất chứa đặt để thịt lâu ngày. Chữ trở chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Hài toại. Ngược lại âm hồ giai gọi là hài hòa. Theo văn nói cho rằng: Hài là hợp, toại tức là thành tựu, toại nguyện, cũng gọi là đi theo.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 10

Luyện ma văn cổ viết ba chữ luyện tượng hình. Nay viết chữ luyện này cũng đồng. Ngược lại âm lực kiến. Theo văn nói cho rằng: Luyện là rèn đúc kim. Âm dưới là văn cổ viết hai chữ ma tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm mạc la. Gọi khác là vật cứng mà chà xác cũng thành mềm. Lại chú giải rằng: Cùng nhau chà xác nghĩa là lấy hai vật cọ lại với nhau. Nhĩ Thất gọi là cục đá mài. Quách Phác cho rằng: Viên ngọc mài dưới đá. Cũng giống như người tự tu, tự trang sức cho mình mà lo mài giũa cái tâm. Trong Luận văn viết là ma nghĩa là mài dưới đá vậy.

Đằng thí. Ngược lại âm đạt tằng. Quảng Nhã cho rằng: Đằng là loại dây leo mọc dưới đất. Nay gọi là cỏ mọc um tùm bò lan dưới đất, giống như là dây sắn, mọc bò chằn chịt đều gọi là đằng.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 11

Dĩ tiết Lại viết tiết cũng đồng. Ngược lại âm tiên kiết. Theo văn nói cho rằng: Là hai cây cột trụ hai bên cổng nha môn, nha phủ ngày xưa làm mốc giới hạn ra vào. Nay ở Giang Nam gọi là hai càng xe. Văn thông dụng cũng gọi là tiết là nói lời mở đầu. Ngược lại âm tử kiểm.

Chuyết nột. Văn cổ viết nột cũng đồng. Ngược lại âm nô cốt. Nột nghĩa là trì trệ, chậm lục. Theo văn nói cho rằng: Là khó vậy.

Khấu kích. Ngược lại âm khứ hậu. Chữ khấu cũng giống như chữ kích Quảng Nhã cho rằng: là núi lại giữ lại.

- QUYỂN 12, 13 : (Trước đều không có âm để giải thích.)

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 14

Súc tụ. Lại viết súc cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm sĩ lục. Súc

nghĩa là chứa. Quảng Nhã cho rằng: Súc là chứa nhóm tích tụ lại thành nhiều vậy.

Trái kỳ. Ngược lại âm trắc giới. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trái là bệnh. Tam Thương cho rằng: Nay ở Giang Đông gọi bệnh đều là trái. Ở Đông tề lại nói rộng hơn. Trái tức là bệnh lao phổi.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 15

Sở trấn. Ngược lại âm tri trần. Theo văn nói cho rằng: Trấn là đè xuống, cũng gọi là an vậy.

Thùa trừ. Ngược lại âm thật biện. Gọi là thừa kế, cũng gọi lựa chọn, cũng gọi là trừ bỏ đi.

Điều đỉnh. Ngược lại âm đô đình. Thời vua Thang gọi là chức quan y doản. Theo văn nói cho rằng: Đỉnh là đồ vật ngày xưa làm bằng kim loại gồm có ba chân, hai tai và có năm mùi vị rất quí báu. Theo chữ đỉnh đó là đồ dùng để nấu thứ ăn uống, chưng hoặc hấp thức ăn.

****

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
(Thế Thân tạo giải thích luận. Cấp Đa Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn.)
QUYỂN 1

Bí mật. Ngược lại âm trên là bi ký. Trịnh Tiễn chí giải trong Mao Thi Truyện rằng: Là thần bí. Quảng Nhã cho rằng: Bí cũng giống như chữ lao tức là nhà ngục chữ trong sách giải thích rằng: Một gọi là rất nhặc, chặt chẽ, kín đáo. Theo văn nói cho rằng: Là thấn bí. Chữ viết từ bộ Thị Thanh tất. Trong kinh lại viết từ bộ hòa viết thành chữ bí là sai.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 2

Đoàn sư. Ngược lại âm đoan loạn. Thương Hiệt giải thích rằng:

Đoàn là cái dùi. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Rèn luyện. Sách Tập Huấn giải thích rằng: Đoàn là cái dùi đập thiết sắt. Theo văn cho rằng: Lò đúc kim loại nhỏ, chữ viết từ bộ Kim thanh đoạn.

Như bính thế. Ngược lại âm giữa là bệ mê. Đời Đường gọi là tên của ngoại đạo. Tiếng Phạm vậy.

Trầm xạ. Ngược lại âm thạch dạ. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở trên núi có nhiều loại chim, hươu xạ. Quách Phác cho rằng: Con xạ giống như con hươu, nai mà ở giữa bụng nó có tiết ra mùi thơm. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ lộc thanh xạ.

Loan cung. Ngược lại âm ư nhai. Thương Hiệt cho rằng: Loan là dẫn dây cung ra. Theo văn nói cho rằng: nắm giữa dây cung lại rồi buông mũi tên ra gọi là kéo dây cung để bắn. Chữ viết từ bộ Cung thanh loan. Âm loan, ngược lại âm liệt đoàn.

- **QUYỂN 3** : (Không có chữ âm giải thích.)

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 4

Xuyến tập. Ngược lại âm trên là quan hoạn. Theo văn nói cho rằng: Xuyến cũng giống như chữ tập vậy. Nghĩa là xâu kết tập hợp gom lại. Hoặc viết từ bộ tâm viết thành chữ quán. Cũng từ bộ xước viết thành chữ quán này cũng đều đồng nghĩa dùng vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 5

Nhữ bát. Ngược lại âm bán mạc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bát là trị. Hà Hữu chú giải Công Dương truyện rằng: Bát cũng giống như chữ lý, nghĩa là sửa đổi phép tắc cai trị, luật pháp. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bát là đưa lên, nâng lên. Theo văn nói viết từ bộ Thủ thanh phát.

Vĩnh tấn. Ngược lại âm bi tẫn. Tư Mã Bưu chú giải rằng; Tấn là trừ bỏ đi. Sách Sử Ký cho rằng: Cùng nhau viết bỏ đi không dùng nữa

là vậy. Theo văn nói chữ viết từ bộ Thủ thanh tân. Trong kinh viết từ bộ Nhân viết thành chữ tân là sai vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 6

Trung đằng. Ngược lại âm đặng lăng. Bì Thương giải thích rằng: Đằng là loại dây hồ ma mọc lan dưới đất. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thảo. Loại dây leo này mọc chằng chịt um tùm, giống như dây sắn, đều gọi là dây đằng. Chữ viết từ bộ Thảo thanh đằng âm thảo là thảo vậy.

Vi phức. Ngược lại âm phương phục. Thương Hiệt giải thích rằng: Phức là cái áo dày. Cố Dã Vương cho rằng: Phức là trừ bỏ đi gọi là không dùng. Theo văn nói cho rằng: Phức cũng là nhiều lớp chồng chất lên. Chữ viết từ bộ Y thanh phục âm phục đồng với âm trên.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 7

Thiện ách. Ngược lại âm cụ cách. Quảng Nhã cho rằng: Ách là nắm giữ lấy Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bàn tay nắm đầy đủ các vật gọi là ách. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Thủ thanh ách. Âm ách đồng với âm trên vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 8

Phần diệt. Ngược lại âm trên là phò vân. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Phần là thiêu đốt vậy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phần là hỏa táng thiêu đốt người chết. Theo văn nói là thiêu đốt đồng ruộng. Chữ viết từ bộ Hỏa thanh lâm.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 9

Chế lập. Ngược lại âm chi thế. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chế là cắt ra. Thương Hiệt giải thích rằng: Chế là chánh đúng vậy. Theo văn nói cho rằng: Dùng kéo cắt ra là chế. Chữ viết từ bộ Thanh chế.

- QUYỂN 10 : (Không có âm có thể giải thích.)

****

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
(Thế Thân tạo giải thích luận - Huyền Trang dịch - Tuệ Lâm soạn)
QUYỂN 1

Thị Trinh âm trinh. Thương Hiệt giải thích rằng: Trinh là điều tốt lành. Theo văn nói cho rằng: Trinh tường là điều may mắn tốt lành. Chữ viết từ bộ Thị thanh trinh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 2

Tích Lương. Ngược lại âm trên là tinh bối. Cố Dã Vương cho rằng: Tích là xương sống sau lưng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tích là lý lẽ, có lý lẽ. Theo văn tự điển giải thích rằng: Chữ viết từ bộ trên giống như chư là tượng trưng cho sức mạnh. Chữ tượng hình.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 2

Triền tham. Ngược lại âm trên là triệt liên. Khảo Thanh cho rằng: Triền là quấn lấy xung quanh. Theo văn nói cho rằng: Triền là ràng buộc, bó buộc, chữ viết từ bộ Mịch thanh lý. Trong luận văn viết từ bộ hán viết thành chữ triền này là chẳng phải thể chữ vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 4

Ế huyễn. Ngược lại âm trên nhất kế. Chữ trong sách giải thích rằng: Ế là bị ngăn che. Quách Phác chú giải trong tiếng địa phương rằng: Ế là ấn xuống che trên che trùm lên. Quảng Nhã cho rằng: Bị chướng ngại. Theo văn nói chữ viết là từ bộ Thanh y. Ngược lại âm dưới là huyền quyên. Thương Hiệt giải thích rằng: Là nhìn không thấy rõ, bị huyễn hoặc ngăn che. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mục thanh huyền. Âm y ngược lại âm ô kế.

Nại-lạc-ca. Ngược lại âm trên là nan thả. Tiếng Phạm. Thời Đường gọi là tên của địa ngục.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 5

Kiên tiên. Ngược lại âm ngạch can. Chữ trong sách giải thích rằng: Tiên là hình phạt đánh bằng roi ở nhà cao. Theo văn tự điển nói rằng: Tiên là chắc chắn. Chữ viết từ bộ Cách thanh cánh cũng viết là ngạch.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 6

Noãn thuận. Ngược lại âm trên là nô quản. Theo văn nói cho rằng: Noãn là ấm áp. Chữ viết từ bộ Hỏa thanh viện. Trong luận viết chữ noãn này cũng là chữ thường hay dùng.

Trân cảnh. Ngược lại âm trên là sừ tiên. Hứa Thận chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Gọi là cây trân. Quảng Nhã cho rằng: Cây tùng mọc trong rừng cũng gọi là cây trân. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mộc thanh tần. Ngược lại âm dưới là cách hạnh. Tiếng địa phương cho rằng: tự làm trở ngại là bởi do cây cỏ phía mọc, có gai người ta cắt nó đi gọi là cảnh. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Cảnh là loại cây làm cản trở có hại. Vương Dật chú giải rằng: cảnh là sức mạnh. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mộc thanh cánh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 7

Khôi tẩn. Ngược lại âm ha tín. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đốt gỗ cháy hết còn lại tro tàn. Tiếng địa phương cho rằng: Tro tàn. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Hỏa thanh tận.

Huân tập. Ngược lại âm trên là Huấn tập. Tập Huấn Truyện cho rằng: Huân là khói bốc lên. Văn nói cho rằng: Hơi lửa, hơi nóng bốc lên. Chữ viết từ bộ hỏa hoặc viết hai chữ huân. Lại viết huân cũng đồng.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 8

Quật sanh địa. Ngược lại âm quẩn nhật. Quảng Nhã cho rằng: Quật là xuyên qua. Cố Dã Vương cho rằng: Quật là lấy dụng vụ đào đất lên. Theo văn nói cho rằng: Quật là hốt lên, đào lên. Chữ viết từ bộ Thanh khuất âm hốt. Ngược lại âm khối một.

Huất nhiên. Ngược lại âm huân tước. Giả Nghị chú giải sách Tây Đô Phú rằng: Huất là bỗng nhiên. Theo văn nói chữ viết từ bộ viêm thanh khẩm.

Ngoạn độn. Ngược lại âm trên ngũ ban. Theo Khảo Thanh cho rằng: ngoan là ngu Quảng Nhã cho rằng: Là tư chất không lanh lợi. Theo Tả Truyện cho rằng: không có tâm thì có đức vậy; Trong kinh gọi là ngoan. Theo văn nói cho rằng: Bị bó buộc lại gọi là ngoan. Chữ viết từ bộ Thanh nguyên. Âm hiệt, ngược lại âm hiệt vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 9

Quỷ phạt. Ngược lại âm quý vị. Theo Khảo Thanh cho rằng: quỷ là nghèo, thiếu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Quỷ phạt là thiếu thốn, nghèo cùng. Văn chữ tự điển nói chữ viết từ bộ Phương thanh Quý. Âm phương là âm phương.

- **QUYỂN 10** (Không có chữ âm giải thích.)

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

(Vô Tánh Bồ-tát giải thích - Huyền Trang dịch - Huyền Ứng soạn.)

QUYỂN 1

Phiêu xí. Ngược lại âm phiêu diêu. Ngược lại âm dưới là xi chí. Xưa phiên âm là thức, cùng với ý nghĩa tri thức cũng đồng; Phiêu xí là nghĩa khác biệt là huy hiệu, gọi là phiêu. Theo sách Tư Ký cho rằng: xí gọi là miếng vải lụa trắng v.v... Trong sách ghi rằng trên lưng tấm vải có viết huy hiệu. Quảng Nhã cho rằng: Là lá cờ, phướn. Hắc Tử cho rằng: Hình dài mà có năm đường vân rộng, phân nửa bức gọi là cờ.

Nghiệp cụ. Tám quân chuyển thanh trong nghiệp thanh là thứ hai; đầy đủ thanh là thứ ba. Phàm nói con đường của luận là có thể lập và có phá. Nghĩa đồng với quân cho nên Lập quân là thứ hai, nói rõ chỗ chuyển Thanh tác nghiệp là thứ ba; chuyển Thanh nói rõ có thể làm đầy đủ là quân; cũng nói rõ nghiệp đầy đủ gọi là nghiệp đầy đủ là tám quân, mà chuyển thanh là một thể, hai nghiệp, ba cụ, bốn vi, năm tùng, sáu thuộc, bảy y theo, tám là hồ, gọi tên. Như đây Thanh đã nói rõ. Đủ để giải thích. Thất chuyển thường dùng gọi là thanh, dùng cũng như là hy hữu vậy.

Năng thuyên. Ngược lại âm thất tuyền thuyên là hiển bày ra nghĩa rõ ràng, văn nói đầy đủ. Theo chữ, nghĩa là nói đầy đủ sự lý gọi là thuyên. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Thuyên là nói ra gọi là lấy thí dụ để nói cho người hiểu rõ sự tướng, đây là giảng giải thí dụ.

Thiên Ma phạm. Tiếng Phạm gọi là Ma-la. đây gịch gọi là chướng ngại có thể làm cho người tu hành bị những chướng ngăn che, cũng gọi là sát là hết sức thắc chặt, kết thúc. Trong luận giải thích rằng là đoạn lìa huệ mạng. Cho nên gọi là Ma; nó thường làm cho ta buông lung, phóng dật mà tự hại cái thân mạng mình cho nên gọi là Ma. Ma tức là người làm chủ ở tần trời thứ sáu. Cũng gọi là Ba-tuần. Đây gọi là ái ác tức là nười tu hành khi ái dục khởi lên cũng tức là Đức Thích-ca Mâu-ni Phật xuất thế; Ma vương gọi là chư Phật xuất thế, các Ma không có đồng với Phật Ca-diếp; khi Ma gọi là qui y theo Phật. Đây gọi là ác sân v.v... là vậy.

Năng xiển. Ngược lại âm xướng thiện. Quảng Nhã cho rằng: Xiển là mở ra, phát triển nghĩa lý. Kinh dịch gọi là sáng tỏ điều đã qua, mà xét điều sắp tới vậy.

Giác ngộ. Âm trên là giáo giác. Giác cũng gọi là ngộ. Thương Hiệt giải thích rằng: Giác mà có nói ra gọi là ngộ; ngủ sau khi thức dậy

gọi là giác ngộ.

Thủ-lăng-già-ma. Tiếng Phạm. Đó gọi là sức mạnh của Thiền định. Cũng gọi là kiện tướng. Xưa gọi là Thủ Lăng Nghiêm.

Lỗ-trà. Tiếng Phạm. Ngược lại âm Trá-da. Ghi chép chữ có thể hiển bày ra chỗ làm rõ nghĩa; Lỗ-trà là chỗ nói ra nghĩa chẳng phải tất cả vậy có lập, nhiều khi đặt để lấy yên vậy.

Kinh bộ. Đức Phật trong thời quá khứ, trong bốn trăm năm, nói tất cả kinh có phân ra bộ này. Là chỉ lập một Tạng; nói là chỉ một Tạng kinh. Cho nên nói viết tên này gọi là kinh là căn bổn. Bổn luật và A-tỳ-đàm dẫn giải; Ngoài ra không nói kinh khác cho nên nói chỉ lập có một bộ kinh Tạng là vậy.

Thái họa. Ngược lại âm thất tại. Âm dưới là hồ quải. Chỗ vẽ năm màu sắc gọi là thái. Người vẽ hình tượng gọi là hoa.

Quái ngại. Trên làchữ viết lượt viết cho đủ là quái, đồng nghĩa. Ngược lại âm hố quái. Gọi là lưới võng làm chướng ngại, trở ngại.

Phệ-thế-sư. Tiếng Phạm ngược lại âm phò phế. Cũng gọi là Vệ-thế-sư, đều sai. Đây dịch là thắng nghĩa là vượt qua các vật khác. Cho nên trong luận gọi là thắng; có thể phá trừ các dư luận ngoại đạo hư hoại khác, cho nên gọi là khác. Trong luận này có sáu câu làm tông, hoặc nói là lục đế.

Sư tư. Thầy và trò dùng của cải; Lại lấy ra người thiện, người bất thiện, Thầy không tốt, người không tốt; người tốt của cải của người tốt, cũng như là tài sản của người vậy.

Già-tha. Tiếng Phạm. Ở phương này thường tụng, hoặc gọi là nhiếp là nói các bậc Thánh nhân chỗ viết không hỏi. Chữ trùng tụng là nhiều ít có bốn câu gọi là tụng. Cũng gọi là Già-tha. Theo Tây Vực gọi là pháp số của kinh đều lấy ba mươi hai chữ làm một Già-tha, hoặc nói là Già-đà là sai. Xưa người nói kệ cũng gọi là Già-tha đều sai vậy.

Na-lặc-ca. Tiếng Phạm, cũng nói là Na-la-kha ; cũng gọi là Nỉ-la-dạ. Xưa nói là Nỉ-la-da-tư. Tiếng Phạm nói làSổ Hạ Nhĩ. Đây dịch có bốn nghĩa: Một là không thể vui; hai là không thể cứu tế; ba là tối tăm; bốn là địa ngục. Trong kinh nói địa ngục đó; một nghĩa là cái chỗ có thể sắp bày tên nguồn gốc các tội danh hoặc nói là chẳng phải hành, gọi là pháp chẳng phải chỗ hành xử vậy.

A-kíp-ma. Tiếng Phạm. Ngược lại âm kỳ nghiệp. Cũng gọi là Già-ma. Đây gọi tên là giáo pháp, hoặc nói là truyện, gọi là lần lần chuyển thành truyện, tương lai của giáo thọ pháp tướng. Xưa nói là A-hàm là sai, nói lược vậy.

Thị triền. Ngược lại âm trực liên. Tiếng Phạm gọi là A-phược-giá-la. Đây dịch là thị triền. Sách Lễ Ký giải thích rằng: Thị triền là không thể đánh dẹp được. Trịnh Huyền cho rằng: Triền cũng gọi là Thị; nơi Thương Xá trưng bày ra các vật để buôn bán; Nay gọi là thị là nơi hàng quán chợ búa là vậy. Xưa gọi là Dục hành chẳng phải. Theo bổn tiếng Phạm. Tăng-tắc-ca-la. Đây gọi là tên chẳng phải bổn chánh, cho nên lập là triền vậy.

Hữu giản. Ngược lại âm khái gian. Theo Thanh Loại gọi là bệnh động kinh của trẻ nhỏ.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 2

Hóa-địa-bộ tiếng Phạm. Trong năm thứ ba trăm từ tất cả Hữu bộ xuất ra, tiếng Phạm gọi Ma-hê-xà-bà-ca. Cũng gọi là Di-hỷ-xá-bà-kha. Đây dịch là Hóa địa. Cũng gọi là giáo địa. Hoặc nói cho đúng là tên địa nhân. Nhưng đây lại là La-hán. Trong văn thông dụng gọi là Chủ vương quốc, tên Hóa địa cảnh, cho nên tên là Hóa địa. Nay đi vào trong Phật pháp cũng giống như là địa (đất) lại là theo khuông mà hóa ra, nên gọi tên. Xưa tên Di-sa-tắc là sai vậy.

Thọ tăng. Ngược lại âm thời chú. Quảng Nhã cho rằng: Thọ là sinh sôi nảy nở ra, kiến lập ra. Phàm các việc sắp bày lập ra đều gọi là thọ. Thọ cũng là hạt giống vậy.

Chiếu chúc. Ngược lại âm chi dục. Chúc cũng gọi là sáng suốt. Cũng gọi là chăm chú nhìn.

Quán triệt. Ngược lại âm cổ ngoạn. Gọi là quán tức là đạt tời vậy, triệt tức là thông suốt. Thương Hiệt giải thích rằng: Quán là xuyên thấu qua, dùng sợi dây xuyên thấu qua các vật gọi là Quán.

Quyến tác. Lại viết quyến này cũng đồng. Ngược lại âm cổ huyền. Theo Thanh Loại cho rằng: Quyến là sợi dây, lấy sợi quăng ra để bắt thú gọi là quyến.

Vị thường. Ngược lại âm. Gọi là chưa từng nếm mùi thì chưa biết. Quảng Nhã cho rằng: Thường là tạm thời thử qua.

Suất nhĩ. Ngược lại âm sơ luật. Nhĩ Thất cho rằng: Suất là tuần tự nói theo. Gọi là trước đã lấy ý mà nói. Trong Luận Ngữ cho rằng: Tử Lộ đề xuất ra ý đầy đủ mà đối với Hà Án; gọi là ba người trước mà đối

là vậy.

Cự thắng. Ngược lại âm kỳ dĩ. Gọi là cự tức là to lớn vậy. Trong bổn Thảo gọi là Hồ-ma, hột đen mà lớn; đều gọi là cự thắng vậy.

Chúng hiệt. Ngược lại âm hiền kiết. Theo chữ hiệt là dùng sợi dây buộc, rồi vẽ nhuộm màu, mở ra có vân, đường nét gọi là hiệt. Nghĩa là lụa có vân. Nay ở Tây Vực gọi là màu nhạt có chấm bông, không trơn láng, thành ra màu lụa có vân. Cũng giống như ở phương này gọi là màu vàng sáp. Có chấm bông gọi là lụa có vân vậy.

Cật-đóa-duyên ?. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đô quả. Đây gọi là nghĩa đã giải thích xong rồi. Như nói tắm rửa xong rồi là căn cơm, qua núi xong rồi thì đến qua sông.

Hòa nhu văn cổ viết nữu nữu hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm nữ cứu. Quảng Nhã cho rằng: Nhu là tạp loạn, lẫn lộn các thứ. Nay gọi là màu sắc khác của vật trộn lẫn vào nhau gọi là nhu.

Loan cung. Ngược lại âm ô hoàn. Gọi là mở dây cung ra. Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Loan là khống chế dây cung mà không bắn ra.

Hoa-mạn. Tiếng Phạm gọi là Ma-la. Đây dịch âm gọi là mạn. Ngược lại âm loan. Theo nước Tây Vực xưa kết hoa làm tràng dùng để trang sức, dùng loại hoa Tô-ma-na kết thành hàng; không luận là quý tộc hay tiện dân, đều có thể dùng đây để làm trang nghiêm, cho rằng trang điểm cho đẹp.

Đề bại. Ngược lại âm đồ lê. Ngược lại âm dưới là bồ giải. Chữ đề cũng giống như chữ bại. Là loại cỏ lúa ma mọc hoang ngoài đồng. Chữ bại cũng là loại cỏ lúa ngũ cốc loại cây lương thực, giống như cỏ mà có hột nhỏ.

Mạc-na. Ngược lại âm ma-bát. Đây gọi là ý thức.

Thị hỗn. Ngược lại âm hồ côn, hồ cổn hai âm. Hỗn là vẩn đục. Theo văn nói gọi là hỗn loạn.

Thị tiên. Ngược lại âm tư diên. Quảng Nhã giải thích rằng: Tiên là tươi tốt, cũng gọi là thiện, điềm tốt lành vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 3

Phần thiêu. Ngược lại âm phò vân. Phần cũng giống như thiêu. Nghĩa là thiêu đốt cháy, chữ viết từ bộ hỏa. Gọi là thiêu đốt rừng, chữ

chỉ ý vậy.

Khiên phạm. Lại viết hai chữ khiêm cũng đồng. Ngược lại âm khứ Liên. Theo văn nói khiên là có tội lỗi, sai sót cũng gọi là mất đi, có tội gọi là xâm phạm vậy.

Linh ngữ. Ngược lại âm lực đinh. Ngược lại âm dưới là ngư dĩ. Gọi là tân của nhà lao ngục. Theo sách Chu Lễ giải thích rằng: Bắt đầu ba đời vua là có lập ra nhà lao ngục. Quảng Nhã cho rằng: Đời nhà Hạ gọi là Hạ Đài Ân. Gọi là Mai Lý. Sách Chu Lễ giải thích là nhà lao ngục gọi là linh ngữ, chỉ là cái tên khác vậy. Giải thích tên gọi là linh tức là lĩnh, bốn bên vách tường bao quanh, có lính canh người tội đồ, nghiêm cấm không cho ra vào vậy.

Uế thích. Ngược lại âm thư lịch. Đụn cát nổi lên trong nước gọi là thích Quảng Nhã cho rằng: Cồn nhỏ, cồn cát nhỏ, bãi nước cạn, bãi cát.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 4

Ế huyễn. Ngược lại âm ư kế. Theo Vận Tập cho rằng: Con mắt bị bệnh nên ngăn che. Ngược lại âm dưới là huyền quyên. Theo chữ Lâm Huyễn là con mắt bị loạn hoa không thấy rõ.

Mộng giác. Ngược lại âm cư hiệu. Gọi là giác ngộ.

Đạm phạ. Ngược lại âm đồ lãm. Âm dưới là phổ bạch. Quảng Nhã cho rằng: Đạm là khiếp sợ, sợ hãi, cũng gọi là tĩnh lặng, yên tĩnh; cũng gọi là điềm tĩnh nói rằng: Tịch tĩnh không có người.

Thân mị. Ngược lại âm dân tí. Nị nghĩa là ngủ say. Sách Quốc ngữ giải thích rằng: Ngủ mà không ngủ gọi là giả ngủ, gọi là nằm ngủ.

- Long Lệ, ngược lại Lâm là Lộc Công và Lộc khổng nghĩa ngang ngược cứng cỏi không chịu nghe theo.

- Thoan hồi ngược lại là âm thổ hoàn, âm của chữ hồi ở sau dưới còn viết là? ngăn nước làm cho chảy ngược lại. Theo văn nói gọi là thoan tật lại nghĩa là dòng suối cạn chảy trên cát.

- Đao Trường ngược lại là âm trực lược vật mà con người dùng để chống gọi là gậy gậy, cũng có tên gọi chung là đao cung giáo gậy.

- Xướng diễn ngược lại là âm xỉ sương, ngược với âm chữ sau là chữ diễn, ngược lại giống như dư đảm, tươi sáng, hay sắc đẹp cũng là

diễn vậy.

- Giả giả ngược lại là âm chư dã, theo văn nói là từ chỉ chung cho các việc, cũng là chộ dừng trong câu văn hay để giải thích văn bản cho nên lại nói là giả vậy.

- Như như là chỉ cho pháp duy thông khắp cả, chứ chẳng phải chỉ có một nên gọi là như như. Chữ như sau là như thế, như thế cũng chính là chỉ chữ như ở trước vậy.

- Tầm Tư ngược lại là âm cốt lại, tiếng Phạm gọi là Tỳ-hằng-ca. Trung Hoa gọi là Tầm Tỳ-giá-la, cũng gọi là tầm tư, nghĩa là Tầm là tìm kiếm, Tư là dò xét kỹ, hoặc suy nghĩ kỹ, hoặc dùng tuệ quán sát cảnh hay để xem xét thanh lọc mọi sự việc gọi là tầm. Hai loại Tầm và Từ này đối với cảnh xem xét kỹ thì gọi là tư, gọi chung là tầm tư. Xin gọi là gián quán tức khảo xét. Tiếng Phạm gọi là Bồ-đề cũng gọi là Tỳ-bát-xá-na, dịch ra gọi là quán, người không xem xét lại bản tâm và lời nói của mình thì xét ra rất nhiều lỗi lầm vậy.

- Bàn khúc ngược lại là âm Mãn hàn. Quảng Nhã gọi là phiền khúc cũng là nghĩa quanh co hay là không thẳng vậy.

- Do Tử Châu, lại viết chữ da ngược lại là âm dĩ, giá là một hòn đảo ở bờ biển, đường xa cách nghìn dặm thuộc phía Nam của nước sư tử ở trên đảo con người cao ba một đó nhưng trình độ kém cỏi, thấp hèn, thân người như mỏ chim chỉ ăn da tử ký không phải là loại lúa, cho nên không biết có phải loài bó hay không.

- Ca-tỷ-la là tiếng Phạm, Trung Hoa gọi là xí xích sắc nghĩa là chỉ cho sắc diện đỏ đẹp của người tu tiên. Ca-tỷ-la là người tạo ra luận Tăng khư nói về hai mươi lăm nghĩa đế.

- Tao-yết-đa là tiếng Phạm, ngược lại là âm cự yết, đó chính là tên đệ tử của ngài Tu-ca-tha; Tu-ca-tha cũng chính là bậc Thiện Thệ một trong mười hiệu của Phật.

- Nhiễu Động, ngược lại là âm nhi nhiễu văn nói gọi là phiền nhiễu; Quảng Nhã giải thích là nhiễu loạn.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 5

- Ni-kiền-trà-thư là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch là tập hợp các tên gọi khác nhau, như một vật mà có rất nhiều tên gọi vậy.

- Ngự chúng ngược lại là âm ngư cứ hay giá ngự. Quảng Nhã giải thích là ngự sứ, là khu hoặc nội thiện, nghĩa là điều khiển làm cho con ngựa chạy.

- Bất đãi ngược lại là âm Đô Đới. Nhĩ Nhã gọi là đãi cập vậy.

- Cù lao ngược lại là âm củ cụ; Hàm Thi gọi là cù số, trong Mao Tri Truyện gọi là cù lao tật âm số ngược lại là âm giác.

- A-luyện-nhã, tiếng Phạm gọi là Tăng; Trung Quốc dịch là Vô luyện nhã, có hai nghĩa, một là thanh nghĩa là nơi không có tiếng người và không có các thứ tiếng reo hò của nhiều người; hai nghĩa nơi không có những cảnh giặc cướp, cảnh ồn náo, dù nói cảnh A-lan-nhã cách xa tụ lạc một Câu-lô-xá cũng cần tránh chỗ quân trận, ngược lại là âm táo tàng đáo Câu-lô-xá là tiếng Phạm là âm đại ngưu tức tiếng con bò rống nghe xách xa năm dặm, xưa gọi là một Câu-lô-xá. Trung Hoa giải thích là năm dặm đường vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 6

- La-hổ-la tiếng Phạm gọi là La-hống-la, dịch La-hầu-la. Trung Hoa gọi là Chướng Nguyệt Dĩ La, Hổ La. A-tu-la dịch là nắm giữ che lấp ánh sáng mặt trăng, vì ở trong thai mẹ bảy năm một là do nghiệp cũ, hai do nghiệp hiện tại.

- Tru Quốc ngược lại là âm Truy Vu nghĩa trừng phạt kẻ phạt tội. Quảng Nhã dịch là tru sát, văn nói gọi là tru thảo cũng gọi là trách vậy.

- Na-dữu-đa là tiếng Phạm, ngược lại là âm ký chủ, Cựu dịch là na-do-tha, đây là con số tương đương với nghìn muôn ức vậy.

- Độc trừ ngược lại là âm cổ huyền; tiếng địa phương thuộc về phía Nam nước Sở, Tật Dũ gọi là độc độc cũng là trừ vậy.

- Chăn cạnh ngược lại là âm sĩ cân, ngược với âm chữ sau là già hạnh, Quảng Nhã giải thích chữ chăn là cây mọc rậm rạp, lâm sơn du tên gọi một loài cây có cành gai nhọn, có thể đọc là Vu đệ hay ngạnh (cạnh) cường vậy.

- A-yết-đà-dược tiếng Phạm cũng gọi là A-kiệt-tha hoặc A-già-tha, nói theo tiếng Phạm là Chuyển, Trung Hoa dịch là Hoàn dược vậy.

- Kiếp đạm lại viết là ? chữ khiếp ngược lại cũng giống hai chữ nghiệp là sợ hãi, nhát gan ngược lại với âm chữ Đạm ở sau là Đồ thả, tức ngại khó, sợ hãi.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 7

- Hội tán văn cổ đọc là vẫn, ngược lại giống âm hồ đối Thương Hiệt gọi là hội Bàng quyết theo văn nói là Hội Lậu.

- Oán thù ngược lại là âm thị do, Tam Thương gọi là oán ngẫu, hoặc là thù thù, Nhĩ Nhã gọi là Thù thất.

- Ốt-đà-nam ngược lại là âm Điểu Cốt hoặc là Trung Tẩu ngã, âm chữ Nam ở sau là tiếng Phạm. Trung Hoa dịch là Nhiếp tán cũng gọi là Nhiếp thí, lại gọi là Tập Tổng Tán. Cựu dịch là Tha-na tức sai lầm không đúng vậy.

- Du Ngoạn ngược lại là âm ngũ hoán, theo chữ lâm cũng gọi là ngoạn lộng, Quảng Nhã gọi là Ngoạn hảo.

- Ca-sa kinh: Trung hoa dịch Cù-sa là âm diệu cũng lấy theo tên kinh.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 8

- Thông Mẫn, ngược lại là âm My vẫn nghĩa là nghe hiểu một cách tinh thông và cũng là đoán biết được trước hay thông hiểu một cách rõ ràng sáng suốt nhanh chóng vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 9

- Tức Sĩ Thích cũng gọi là Y Sĩ Sĩ nghĩa là tụ mình tạo ra tiếng tốt cho mình, nên gọi là y sĩ, như nói về nhãn thức v.v...

- Trì nghiệp thích, nghiệp nghĩa là dụng, lập ra cái tên riêng biệt gọi là nghiệp, đối với thể mà lập ra hai tên gọi, tức là cái thể thì sáng suốt mà lập ra hai nghiệp là năng nghiệp và trì nghiệp, như nói nhãn thức tức là giới v.v...

- Thuộc nhĩ, ngược lại là âm chi dục. Trung Hoa gọi là Khủng Quốc (làm cho người trong nước sợ hãi, thuộc nhĩ mục, đối với ngã vi diệu gọi là thuộc chú, theo âm nghĩa của sách Hán Văn gọi là thuộc cận sách thì gọi là nhĩ vu viên thị. Bảo nhậm ngược lại là âm Bổ đạo, văn là bảo đương hay nhậm bảo, cũng có thể nói là bảo tín.

- Mẫu ấp tiếng Phạm gọi là Ma Tổ lý; Trung Hoa dịch là Mẫu-già-la-ma, cũng gọi là thôn, ngày nay gọi là ấp, để thay thế chữ thôn nên gọi là Mẫu ấp, gọi mẫu là loại người trôi nổi đó đây, vì vậy lấy đó làm tên gọi.

- Na-gia tiếng Phạm có ba nghĩa một gọi là long; hai gọi là yên; ba gọi là bất lai khổng tước; trong kinh gọi Phật là Na-già do Đức Phật không còn bị chi phối bởi sanh tử nên gọi như vậy.

- Bội-thích-noa là tiếng Phạm ngược lại là âm Bổ hậu; ngược với âm chữ sau cuối là cát là tên gọi của một người trong Lục sư ngoại đạo, cứu dịch là họ Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na là tên, cũng chính là pháp chấp không của ngoại đạo.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 10

- Ngu Tráng ngược lại là âm trác sáng. Tam Thương giải thích là tối tăm không có sự nhận biết tức vô sở tri cũng gọi là mang. Quảng nhã giải thích là ngoan - khí ngu, văn nói gọi là ngu si, mà ráng cũng là ngu vậy.

- Ngoan khí ngược lại là âm ngũ hoàn, ngược lại với âm chữ sau là ngũ cân. Quảng Nhã gọi là ngoan khí ngà, Thương Hiệt Thiên gọi là khí ác. Tả Truyện nói là tâm không theo khuôn phép, không có nghĩa đức, nói ngoan khẩu nghĩa là lời nói không trung tín gọi đó là khí.

- Tỳ-lô-trạch-ca-vương là tiếng Phạm, cựu dịch là Tỳ Lưu Ly Vương nhứt.

- Lưu ly còn gọi là phệ-lưu-ly, lưu-ly-xoa, Tỳ-đầu-lê; gọi theo tên núi là Viễn Sơn Bảo. Viễn Sơn tức là núi Tu-di vậy. Bảo ở đây là

màu xanh, Nhất thiết bảo là không hoại diệt, chẳng dùng lửa nung chảy được, chỉ có sức mạnh thần thông của quỉ thần mới phá được. Hoặc gọi là Kim sí điểu. Các loài quỉ thần sanh bằng trứng. Bảo ở đây là vật quí trao đổi ở trong thế gian.

- Mâu-sa-lạc-bảo là tiếng Phạm, cũng gọi là Masala hay Cam sắc bảo vậy.

- Át-thấp Ma-kiệt là tiếng Phạm, cũng gọi là A-thâu Ma-kiệt-bà, là xích sắc bảo.

- Đế-thích thanh, tiếng Phạm gọi là Nhân Đà-la-ni-mục-đa, tức là Đế-thích bảo là sắc xanh vì đó là sư thù thắng, nên gọi là Đế-thích Thanh, hay nói rõ hơn là Đế-thích ở dưới cây ba-lợi-chất-đa-la. Thỉ bảo ở đây là tên gọi Đế-thích Thanh Mục Đa. Trung Hoa dịch là châu ngọc. Vì bảo ở đây là loại ngọc quí vậy.

- Đại thánh, tiếng Phạm gọi là Ha-nê-la, Trung Hoa dịch là Đại Thanh cũng chính là Đế-thích và cũng dùng chữ Bảo vậy.

- Yết-kê Tổ-mặc-ca-bảo tiếng Phạm cũng gọi là Dư-đệ-thất-vân-lô-thi Huyền-kha-mục-đa-thi, ngược lại là âm hứa y.

- Chửng bạt chữ chửng ở trước cũng viết là cũng là thanh của chữ chưng, văn nói thì nêu chữ chưng ở trên nghĩa là cứu giúp.

- A-tăng-già, tiếng Phạm gọi là ha Trung Hoa gọi là Thanh trước đoản, gọi là thanh trường tức gọi lầm là Chúng cựu hay tăng khư.

****

LUẬN VỀ PHẬT TÁNH
QUYỂN 1

- Tề hung ngược với chữ trước là tịch hề, Khảo Thanh gọi là tụng nhục, văn nói từ bộ nhục thanh tề hoặc việt là tề ngược với chữ sau là trợ cung, Khảo Thanh gọi là hung tề, văn nói cũng viết giống chữ hung ở dưới bộ nhục ở trên bộ võng.

- Thủ phù ngược lại là âm Mãn Mãn. Mao Tri Truyện gọi là phu tụ, theo văn nói gọi là dẫn thủ, viết từ bộ thủ thanh phu.

- Khái quán ngược với âm chữ trước gọi là cơ lợi, ngược với âm chữ sau là Quan hoán Trang tử gọi là thủy lạc, khái là nước trong ruộng vậy. Khảo thanh gọi là thanh. Cổ giả vương gọi là quán du ốc chú, văn nói viết theo bộ thủy thanh ký. Chữ quan viết từ bộ thủy thanh quan hoặc âm quán hoàn.

LUẬN VỀ PHẬT TÁNH
QUYỂN 2

- Nê chỉ ngược với âm chữ sau là truy sử, Quách Tấn và Nhĩ Nhã giải thích là Điếm chỉ, văn nói cũng dùng chữ Điếm chỉ, viết từ bộ thủy thanh tể.

- Trừng đình ngược lại là âm Định kinh, Bỉ thương giải thích là nước lóng yên, theo chữ trong sách viết là thủy đới; Quảng Nhã cũng gọi là đình chỉ, văn nói theo bộ thủy thanh đình.

- Nhu hoạt ngược với ân chỉ trước là nhữ ngu. Mao Thi Truyên gọi là nhu thanh, cũng là nhuận trạch, văn nói theo bộ thủy âm nhu và tu vậy.

- Hoắc quán ngược lại là âm hô quách, chữ trong sách viết là hà hoắc Đại Vũ Nhi, kinh điển xưa nay cũng gọi là hà hoắc, viết từ bộ Vũ thanh chính, âm bỉ hoặc thù vậy.

- Trí chu ngược lại âm chữ trước là trư lý, ngược với âm chữ sau là trư cụ. Văn nói là từ chữ .... trong kinh viết hai chữ tri chu này là thông dụng.

- Cốc võng ngược với âm chữ trước là công mộc, Khảo Công Ký gọi cốc là lợi chuyển, theo văn nói là phúc hay sớ tấu, viết bộ xa thanh cốc, ngược với âm chữ sau là vũ phương, Cổ Dã Vương chú thích là cái vành bánh xe có cây chống đỡ bánh xe quay xung quanh, văn nói là từ bộ xa thanh võng.

- Phúc trục người với âm chữ trước là phủ mộc Cổ Dã Vương gọi là (tấu hào trương võng) vành bánh xe có cây dài tròn để lăng, văn nói từ bộ xa thanh đáp, ngược lại âm chữ sau là trùng lục, hình thức bên ngoài giống như bánh xe xoay chuyển, có trục xe đục sâu vào hai đầu để xoay như cây gỗ dài xỏ xuyên qua, cách thức cũng làm bằng kim loại đặt trước sau để xỏ vào bánh xe để bánh xe quay xung quanh. Văn nói là từ bộ xa thanh do.

LUẬN VỀ PHẬT TÁNH
QUYỂN 3

- Thuyên danh ngược lại là âm danh tính; Cổ Dã Vương tạo ra hai thanh là danh viết và danh khứ, theo văn nói cũng là danh, chữ trong

sách đều không giống như vậy.

- Thậm nhiên, ngược lại là âm trạch hãm, nói theo địa phương gọi là thậm an. Thương Hiệt Thiên giải thích chẳng phải là dòng nước nhỏ, văn nói là từ bộ thủy thành thậm.

- Tỉnh ước ngược với âm chữ trước là tự tỉnh sách đạo Khổng còn có chỗ giải thích là tỉnh an. Mao thi truyện gọi tỉnh cũng là thiện, văn nói gọi là an, viết từ bộ lập thanh thanh, ngược với âm chữ sau là ương khước.

- Phiêu sắc ngược lại là âm sớ nhiễu Cổ Dã Vương và Sở Từ giải thích là y phục chiếu ra màu xanh giống như cây hành. Văn nói gọi là bạch thanh hoặc bạch sắc, viết từ bộ mịch thanh phiêu; âm mịch, âm phiêu ngược lại là âm tất diêu.

- Đoản xúc ngược lại là âm đoan noãn. Thương Hiệt Thiên gọi là âm đoản xúc, văn nói còn có chỗ dùng gọi là sở đoản, lấy bộ thỉ làm chính chứ chẳng phải bộ trường. Viết từ bộ thỉ thanh đậu, theo trong kinh thì viết từ bộ đầu hay bộ thốn mà viết thành chữ thì không đúng vậy.

LUẬN VỀ PHẬT TÁNH
QUYỂN 4

- Phá đường ngược lại là âm đồ vương, Bỉ Thương gọi là Quận Trường Sa nghĩa bồ (đề) hay cũng gọi là đường. Văn nói là từ âm phụ thanh đường.

- Chú Kim ngược lại là âm chu thọ; Cổ Dã Vương gọi là dương đồng là vật làm bằng đồng văn nói gọi là tiêu kim, viết từ âm kim thanh tiêu.

- Tương giai ngược lại là âm khẩu giai. Quảng Nhã gọi là (khai ma, văn nói là từ bộ thủ thanh giai).

****

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG - *Tuệ Lâm soạn*
QUYỂN THƯỢNG

- Thanh ứ ngược lại âm chữ sau là ư câu, xét về (khảo) thanh ứ là trong nước nghi có bùn, Cổ Dã Vương nói trong nước có bùn cỏ gọi là nê vậy. Văn nói gọi là điến chỉ, viết từ bộ thủy thanh ư.
- Y chứng ngược với âm chữ trước là ý thả. Mao Thi Truyện gọi y là thán từ, xét về thanh là mỹ hoặc gia hay thủ. Văn nói theo bộ khuyển thanh kỳ và viết theo chữ y cũng thông dụng.

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG
QUYỂN TRUNG

- Hy vọng ngược với âm chữ trước là hân y trang tử gọi là hy là ngôn nghĩa ý đạo là sai văn nói gọi là hy vọng, luận từ nơi tâm và cũng theo nghĩa thì viết chữ hỷ tục.
- Chu trục ngược với chữ trước là khúc cu. Cổ Dã Vương khu khiển trục là đuổi đi. Quảng Nhã gọi là bôn. Thương Hiệt thiên về sau thuận theo đọc chữ khu cũng là sâu. Văn nói gọi là trì, biết tự bộ mã thanh khu.
- Cuồng tiêu ngược với âm chữ sau là tiểu tiêu quách phát và chu dễ giải thích gọi là tiêu toan tước thủ tật Bì Thương gọi tiêu cũng là khát hay tật vậy theo văn nói là từ bộ nạch thanh tiêu, ngược lại là âm nữ ách hay âm tiêu điếu.

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG
QUYỂN HẠ

(Khuê) Hài tàm ngược với âm chữ trước là hạ giai, Kinh Sơn Hải gọi là đôn thục, là loài cá màu đỏ sống chỗ nhiều nước, Ngô Chí cũng gọi là hài lưỡng, hay hài vậy. Đó chính là loài cá bị mắc cạn xưa nay viết theo bộ Ngư Thanh Khuê; ngược lại âm chữ sau là tô cao, Kinh Sơn Hải nói đây là loài chim chuột sống trong nhiều hang núi, tàm là loại cá chuối, cá động thì còn có sáu binh xưa nay viết theo chữ từ bộ Ngư

Thanh Tảo hoặc Tảo.

- Đoàn Thực ngược với âm chữ trước là Hà Nhĩ Nhã gọi là đoàn như dùng tay vo cho dính lại với nhau. Văn nói từ bộ Thủ Thanh Chuyên.

- Xích sắc ngược với âm chữ trước là Dương Lạc, Quách Tấn và Nhĩ Nhã chú giải là xích nay Giang Đông Chước vật gọi là xích hoặc cho là giới thủ sở kích là thác, âm thác Khảo Thanh gọi là giải mộc hay lý trực. Xưa nay dùng chữ phán là chính từ bộ mộc âm xích thanh xích. Viết theo bộ thủ ở đây lầm là chữ xích.

- Táo cố ngược với âm chữ trước là tang văn nói gọi là táo càn, viết từ bộ thủy thanh táo âm táo hay táo

****

LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM

- Đề bại ngược với âm chữ trước là đệ nê tập thuận gọi là cỏ thê tử bại là nhuyễn nhỏ, nên có một tên gọi nữa là anh, văn nói viết là mượn chữ đê, ngược với chữ sau là đào mại. Đổ Quách Nhã và trong Tả Truyện gọi là cỏ chủy bại giống tợ cây lúa, văn nói viết riêng bộ Hòa.

Tổng đế ngược với âm chữ trước là tông Khổng Cổ Dã Vương gọi là thông tương lĩnh hoặc hợp hay kết và thúc. Khảo Thanh gọi là đô, xưa nay chính là dùng chữ tổng, viết từ bộ thủ thanh hốt, ngược với âm chữ sau là đình đệ, nói theo địa phương gọi là đế thẩm, văn nói từ bộ ngôn thanh đế.

- Sa Lịch ngược lại là âm linh đích, văn nói là tiểu thạch, viết từ bộ thạch thanh lạc.

- Toản toại ngược với âm chữ trước là tổ quan Cổ Dã Vương gọi là toản tuyên hay là tạc. Văn nói gọi là xuyên, viết từ bộ kim thanh tán, ngược với âm chữ sau là tùy tụy. Đỗ Quách Phát và Tả Truyện gọi là Thủ hỏa cụ, văn nói là theo bộ hỏa thanh toại. Trong kinh viết theo bộ thư, thì chẳng phải là chữ tán

- Kiến ngột ngược với âm chữ sau là ngũ cốt, là cái cây không cành lá, văn nói gọi là mộc vô đầu, viết từ bộ mộc thanh ngột.

- Sừng (Giác) cố ngược với âm chữ trước là Xung Chúc Quảng Nhã gọi là sừng đột, văn nói gọi là huyền, viết từ bộ Giác Âm Ngưu hoặc viết ở đây là xúc.

- Đế số ngược lại âm chữ trước là hổ đệ, Khảo Thanh gọi là thủy trích (giọt nước) văn nói gọi là đế cũng gọi là linh trích từ bộ Thủy hoặc Đế.

LUẬN TRUNG BIÊN PHÂN BIỆT

(Không có chữ âm)

****

LUẬN BIỆT TRUNG BIÊN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

- Như Liêm ngược với âm chữ sau là Liễm Chiêm Lục của Thái Công Vọng gọi là cái liềm lớn cái cán dài bảy thước, nói theo tiếng địa phương gọi là ngải câu Tự quan nhi tây gọi là liêm. Thương Hiệt Thiên gọi là đại liêm, Khảo Thanh gọi là cái thoa cũng viết chữ liêm, văn nói từ bộ Kim Thanh Kiêm.

LUẬN BIỆT TRUNG BIÊN
QUYỂN TRUNG

- Thiêu sức ngược lại là âm oanh hồi. Quảng Nhã gọi là oánh ma tức là ngọc lau chùi khiến phát ra ánh sáng. Văn nói từ bộ Kim Thanh Huỳnh Tỉnh hoặc từ bộ Ngọc, viết theo chữ thông thường là oánh.

- QUYỂN HẠ : (Không có giải nghĩa chữ âm)

****

LUẬN CỨU CÁNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH - *Huyền Ứng soạn*

- Hư hy ngược lại là âm hỷ cơ, ngược với âm chữ sau là hư ký, nhiều nơi viết là thế khấp, Thương Hiệt Thiên gọi là khấp thanh dư cũng là bi vậy.
- Phiêu trú ngược với âm chữ trước là sơ diệu, hay gọi là phiêu du khinh tiện.

****

LUẬN TỤNG BIỆN TRUNG BIÊN

(Không có giải nghĩa chữ âm)

LUẬN NGHIỆP THÀNH TỰU

- Nghiệp hoàng ngược lại là âm nghiêm kiếp, sách hán gọi là ngụy quận còn gọi là ấp huyện, vì là một con sông lớn ở về phía Đông, văn nói từ bộ ấp thanh nghiệp, ngược lại âm chữ sau là kiến quang, văn nói gọi là thành hào có nước gọi là trì, không có cây nên gọi là hoàng, viết từ bộ phụ thanh hoàng.

- Tri câu ngược với âm chữ sau là tiết ngọc Nhĩ Nhã gọi là câu phần bộ sách Thi gọi là khúc, Quảng Nhã gọi là cận, văn nói gọi là xúc viết từ bộ Khẩu lại ở dưới bộ Thi, hơn nữa câu còn một tên gọi nữa là đoàn câu chữ tượng hình cho nên gọi là hành kỳ.

- Tiết tử ngược với âm chữ trước là tiên thiết, Quảng Nhã gọi là Tiết than, Bì Thương gọi là ế, Khảo Thanh gọi là tiểu thủng hoặc viết là dữ đẳng, xưa nay viết từ bộ nạch là chính và thanh tiết, âm nạch ngược lại là nữ ách.

- Đạo can ngược với âm chữ au là thiên hạn, Khảo Thanh gọi là can hòa thử hành. Đỗ Quách Phát và trong Tả Truyện chủ giải là cảo, Quảng Nhã gọi là đạo nhương viết từ bộ HòaThanh Hạn hay Âm Hạn và Âm Hàn.

****

LUẬN ĐẠI THỪA THÀNH NGHIỆP - *Huyền Ứng soạn*

- Thực mễ. Tề Tống Cưu gọi là thực tiết, đây là pháp tu khổ hạnh của ngoại đạo chấp tay bằng hai ngón tay trỏ và ngón thứ hai để giữ lấy vật, lúc người giả thóc (lúa) thành gạo thì dùng ngón tay lượm nhặt và chà lấy gạo bỏ vỏ, những mạc cám vụn dính trong lòng bàn tay, tùy theo đó mà được nhiều hay ít rồi lấy đó làm thức ăn nếu như tất cả đều rớt thì không được giữ lại, sợ rơi nhiều nên phải giữ lấy mà cột hai ngón tay lại vậy. Nói theo ngoại đạo cũng gọi đó là kê cưu là nhặt lấy gạo như con chim tu hú và con gà đã làm vậy.

- Đột xuất, Thương Hiệt Nhiên viết ngược lại là đột đồ kết hay chữ uyển đột khởi, hoặc đột đột vậy.

- Ao ao, Thương Hiệt Nhiên viết âm ngược lại là hạp điểu hiệp hay hạp điếm hạ, hoặc chữ uyển ao hãm vậy.

- Tử Quáng (khoáng) ngược lại là âm cổ mãnh hay Ba -la chữ thụ trấp, nguyên liệu này có màu sắc đỏ tía dùng để nhuộm các loại da lông

thú.

- Câu chuyên hoa, ngược lại là âm Câu vũ hay hạ dĩ chuyên, Huỳnh Chí nói là giống cây quít hay đại khái giống như loại cây dây leo có thể dùng cơm dẻo để ngâm lâu trong nước cho rửa ra để dệt làm vải thô gai, nay rút ra phiên ngu. Nam lâu thiết một thanh là thứ bánh nếp vậy.

- Nhương sanh, ngược lại là âm như lương, tức là loại dưa bầu bên trong có múi quả vậy.

- Cụ sắt chỉ la kinh, tiếng Phạm gọi là Lai-lý, xưa gọi là Cụ-hy-la Trung Hoa dịch là Tất cũng gọi là Tất cốt đại, đây chính là ông Trường Trảo Phạm Chí cậu của ngài Xá-lợi-phất.

- Thích quỷ luân, ngược lại với âm tiếng Phạm là Cư-mỹ hay quỹ pháp đây là tên ngài Bồ-tát Thế Thân trước tác và giải thích kinh điển. Ngài là đệ tử tuân giữ theo pháp yếu của Phật và đây cũng là tên địa danh phía Tây nước Ấn và người này nhân vì nơi đó lấy làm tên gọi vậy.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 51

Bổn luận âm Nhân Minh Chánh Lý Môn một quyển Tuệ Lâm
Luận Nhân Minh nhập Chánh Lý một quyển Tuệ Lâm
Luận Duy Thức một quyển Tuệ Lâm
Luận Hiểu Thức một quyển Tuệ Lâm
Luận Chuyển Thức một quyển Tuệ Lâm
Luận Duy Thức Nhị Thập một quyển Tuệ Lâm
Luận Duy Thức Tam Thập một quyển Tuệ Lâm
Luận Thành Duy Thức Bảo Sanh năm quyển Tuệ Lâm
Luận Duy Thức một quyển Tuệ Lâm
Luận Thanh Duy Thức một quyển Tuệ Lâm
Luận Đại Trượng Phu hai quyển Tuệ Lâm
Luận Nhập Đại Thừa hai quyển Tuệ Lâm
Luận Đại Thừa Dưỡng Chân hai quyển Tuệ Lâm
Luận Duyên Sanh một quyển không
Luận Đại Thừa Duyên Sanh một quyển Huyền ứng
Luận Vô Tướng Tư Trần một quyển không
Luận Đại Thừa Ngũ Mẫn một quyển Tuệ Lâm
Luận Bảo Hành Vương Chánh một quyển không
Luận Đại Thừa Khởi Tín một quyển Tuệ Lâm
Luận Đại Thừa Khởi Tín hai quyển Tuệ Lâm
Luận Phát Bồ Đề Tâm hai quyển Huyền ứng
Luận Tam Vô Tánh hai quyển không
Luận Như Thật một quyển không
Phát Bồ Đề Tâm Luận hai quyển Huyền ứng
Luận Như Thật một quyển không
Luận Hồi Tranh một quyển Tuệ Lâm
Luận Nhất Du Lô Ca một quyển Tuệ Lâm
Luận Thập Nhị Nhân Duyên một quyển Tuệ Lâm

Quán Sở Duyên một quyển Tuệ Lâm
Luận Giải Quyện một quyển Tuệ Lâm
Luận Chướng Trung một quyển Tuệ Lâm
Luận Chĩ Quán Môn Tụng một quyển Tuệ Lâm
Luận Thủ Nhân Giã Thiết một quyển Tuệ Lâm
Luận Quán Tổng Tướng Tụng một quyển không
Luận Đại Thừa Bách Pháp một quyển Tuệ Lâm
Luận Bách Tự một quyển Tuệ Lâm
Luận Thủ Trượng một quyển Tuệ Lâm
Luận Đại Pháp Giới Vô Sai Biệt một quyển Tuệ Lâm
Luận Lục Môn Giáo Thọ Tập Định một quyển Tuệ Lâm
Luận Phá Ngoại Đạo Tiểu Thừa Tứ Tông một quyển Tuệ Lâm
Luận Quán Sở Duyên Thích một quyển Tuệ Lâm

Bên phải bốn mươi mốt luận sáu mươi quyển đồng âm với quyển này.

LUẬN BỔN NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Hưu Lưu ngược lại âm trên củi vưu âm dưới là Lưu . Sách văn tự điển nói rằng: Hưu Lưu là loại chim quái lạ. Theo giống chim Hưu Lưu, ban ngày nằm ban đêm bay đi, loại cú mèo, giống như diều hâu, lông xanh mỏ đỏ, mắt đỏ. Xưa nay chánh tự cho rằng: Chữ viết đều từ bộ Diểu đều Thanh Hưu Lưu .

Hoài Thố ở nước Thiên Trúc kia gọi mặt trăng là thố. Cho nên cũng có lấy thí dụ về chuyện con Thỏ. Kinh Thố Vương nói rằng: trong mặt trăng có con Thỏ, đó là do tích đức phật thời xưa. Làm con Thỏ đó là một vị vua vì cúng dường cho một vị Tiên nhơn, mới ném thân vào lò lửa, lấy thịt thí cho vị Tiên nhơn kia. Vị Trời Đế Thích thấy vậy mới đem hài cốt của vị vua để vào trong cung trăng, để khiến cho được sạch sẽ mát mẽ. Lại nay trên cõi đất này chúng sanh thường thấy mà phát ra lòng từ tâm vậy.

Yên Đăng ngược lại âm thanh trên: tiến liền sách Quốc Ngữ cho rằng: dụ cho khói lại bốc lên cao. Sách Khảo Thanh cho rằng: Khói lửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hoả . Thanh Yên . Hoặc là viết chữ Yên . xưa viết chữ Yên này văn luận viết chữ Yên đều cũng thông dụng âm là âm nhân .

Trù Trừ ngược lại âm trên Trữu Lưu ngược lại âm dưới trực lữ.

sách Bá Nhã cho rằng: Trù trừ là do dự, trong lòng chưa quyết định. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ độ Túc đều thanh trù trứ .

Lưu Mạn Ngược lại âm Mãn Bạn Vương Dật chú giải sở từ rằng: Trán ngập mênh mong. Cố Dã Vương cho rằng: xa xôi dịu dợi. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: Nước chảy cuồn cuộn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: Chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh Mạn . Luận viết chữ mạn văn thông dụng thường hay dùng.

****

LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoài Thố Phi Ngược ngược lại âm: Thông Lộ Văn trước Chánh Nhân Chánh Nghiệp dựa theo giải thích đã nói đầy đủ rồi. Nay dẫn giải sách Nho giáo. Chổ nói hiểu ra mà chưa nghe. Luận nói về vua đầy đủ cân nhắc rằng: Nho đó đều gọi làtrong mặt trời có con quạ ba chân. Mặt trời đó là trinh của dương thuộc hoả. Trong mặt trăng đó có Thỏ trắng, tức con cóc, tục truyền cung trăng có con cóc nên Thiềm có nghĩa là cung trăng. Mặt trăng đó là trinh của âm. Thuộc Thuỷ. Chỗ ở yên của con quạ là hoả tức là lữa, mà lữa không có thiêu đốt con quạ. Chỗ ở yên của con Thỏ là Thuỷ, tức là nước, mà nước không có làm nhận chìm con Thỏ tương hợp chống trái, mà xét cho cùng là không như vậy. Lý Thuần Phong chú giải sách khể Thánh Phúc, dẫn giải Bao Phác Tử Truyện rằng: Nay người đắc đạo và là người có diệu pháp thuật, cũng có thể vào trong lữa mà không bị tiêu đốt, vào trong nước mà không bị chìm đấm, đầy đủ là người luôn có phát thuật khác lạ như vậy. Vua đây là trong sinh an, biết là trong mặt trời có con quạ tức là lữa. Trong mặt trăng có con Thỏ trắng con cóc tức là nước mà không như người thế gian tầm thường mà người chí sĩ có thể vào nước, vào lữa mà không bị hại. Cùng với con quạ thường con Thỏ phàm thì không đồng. Lại gọi làNghiệpc cảm trên thiên tinh trong mặt trời mặt trăng kia, hình thể tuy đồng nhưng tức có loại thần minh sáng suốt, không thể dùng người thường tình chỗ tương giao mà đo lường đươc. Sách Thuyết Văn nói rằng: Thỏ tức là tên loại thú, chân sau của nó có đốm giống như cái đuôi. Đầu con Thỏ và mình đều đồng cho nên chữ ước tứ bộ Thố tĩnh lược vậy.

****

LUẬN DUY THỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Ế nhơn ngược lại âm trên thần kế . Sách vận lược cho rằng: con mắt bị ngăn che. Bổn luận ước từ bộ vũ viết thanh chữ ế . Nghĩa là dùng tay ấn xuống, ngăn che chẳng phải nghĩa đây dùng âm ế ngược lại âm ế hề .

Trần trọc . ngược lại âm dưới đồng giác . Cố Dã Vương cho rằng: Chữ viết từ bộ Thuỷ . Thanh Thục Văn Luận viết từ bộ cát . Viết thành chữ Khát . Đây là cách viết sai lầm âm đỗng ngược lại âm. Trạc Giang . Nùng Hà . Ngược lại âm Nô Đông . Sách Thuyết Văn cho rằng: Nùng là bệnh ung thư vết thương mũ đỏ lỡ loét ra. Chữ viết từ bộ nhục thanh nùng . Nùng Hà đó là nói ngã cũi lấy tự Nghiệp lực của mình thấy nước giống như sông máu mũ ghê sợ.

Tô ung, Ngược lại âm: ô cống sách phương ngôn cho rằng: từ biên giới qua ải Đông Triệu Nguỵ gọi lớn đó là cái hủ, nhớ đó là cái bình. Xưa nay chánh tự viết từ bộ ngoã Thanh ung . hoặc viết từ bộ công viết thành chữ ung cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Hoả diệm . Ngược lại âm diệp tiệm sách khảo thanh cho rằng: ánh lữa sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ngọn lữa cháy sáng rực. Chữ viết từ bộ hoả Thanh diêm . Chữ luận viết chữ diễm cũng thông dụng văn thường hay dùng âm tiệm ngược lại âm thiếp diêm .

Nhu dương. Ngược lại âm: Nô đầu bình thương cho rằng: Người Hồ gọi là con dê. Xưa nay chánh tự viết từ bộ dường Thanh Nhu.

Kế tân. Ngược lại âm kỷ lệ. Hán Thư cho rằng: Tên của nước Kế Tân ở Tây Vực. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Võng. Thanh Kế âm kế ngược lại âm kỹ lệ.

Quán tân. Ngược lại âm quan hoạn sách Nhĩ Nhã cho rằng: quán cũng là tập. Nghĩa là thói quen. Sách Thuyết Văn viết chữ quán này là chữ cổ.

Hôn Thục ngược lại âm Hốt Côn, Quảng Nhã cho rằng: Hôn là loạn cũng là ngu si, sách Thuyết Văn viết từ bộ Tâm Thanh Hôn.

Sân dã. Ngược lại âm sắc chơn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sân là nổi giận, sách Thuyết Văn cho rằng oán trách. Chữ viết từ bộ ngôn thanh chơn. văn luận viết chữ sân cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Luận bổn văn dĩ âm cảnh dĩ hạ Huệ Khải sao biệt dịch kệ.

Huệ Khải. Ngược lại âm khai cải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khải là vui vẻ. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: Khải là hoà vui. Chữ viết từ

bộ Tâm Thanh Khải .

Phi duyệt. Ngược lại âm duyên duyết. Sách Khảo Thanh cho rằng: duyệt xem xét. Xưa nay chánh tự điển nói rằng: đơn giản gọn. Nay nói rằng: mổ sách ra xem nghiên tầm nghĩa lý, duyệt lại nhiều lần. Văn luận cũng cho rằng: cũng đồng mà khác. Chữ viết từ bộ môn Thanh duyệt

****

LUẬN HIỂU THỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoa Mạn âm man. Tây ước hái lấy hoa làm tràng, lại cho rằng, dụng cụ để trang nghiêm thân.

Khứu sanh. Ngược lại âm Hưu Hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái mũi chính là để ngửu. Chữ viết từ bộ Tỵ Thanh Khứu.

T 644

Huyễn hoá ngược lại âm hoạt biện. Sách khảo thanh cho rằng: Huyễn hoặc chữ theo dưới đảo ngược lên. Điềm vật ngược âm lại diệp niêm . Quảng nhã cho rằng: Điềm là ngọt. Sách gia ngữ nói rằng: ngon chữ viết từ bộ cam thanh thiệt văn luận viết chữ điền thông dụng âm niêm ngược lại cân niệm thiên.

Thất y ngược lại âm: ý nghi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ta vẩn duyên nhất ý như vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển Thanh văn luận viết chữ y tục tự thường hay dùng.

Điệu ký ngược lại âm: Điều chiếu Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Lớn đó có thể làm nhớ lại, ý nói uốn lưỡi chỉ giỏi ăn nói, bới móc. Lại gọi là lắc lư lay động. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ (thanh trúc).

Hựu mãn ngược lại âm mật tãn theo truyện cho rằng: Mẫn là mất mát, phai mờ. Sách nhĩ cho rằng: Mất, tiêu diệt sách Thuyết Văn viết từ bộ Thuỷ Thanh dân , âm tẫn ngược lại âm tẫn mãn.

****

LUẬN CHUYỂN THỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Thê xứ ngược lại âm tất tề sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thê là đâu lại

dừng nghĩ ngơi. Hoặc là viết chữ thê này ngược lại âm dưới Xương Thứ . Sách Quảng Nhã cho rằng: Xứ là chỗ an chốn. Kinh văn viết chữ Xứ từ bộ Thảo là sách viết sai.

Trù lượng ngược âm trụ lưu Trịnh Huyền chú giải sách nghi lễ rằng: Trù là tính toán. Sách sử kỷ cho rằng: Mượn thẻ tre tính toán kế sách trong trướng để giải quyết thằng ngoài ngàn dặm là công của Đại Vương Tử Phòng vậy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Trúc thanh trù.

Tam Tâm ngược lại âm tạp cam sách thượng thư cho rằng: chỉ có người biết hổ thẹn là đức tánh tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hổ thẹn chữ viết từ bộ tâm đến bộ trảm thanh tĩnh . Văn luận viết tâm ngược lại âm tâm cảnh . Cùng với nghĩa không đồng.

Hổ tương ngược lại âm: Hồ cố sách khảo thanh cho rằng: hổ là giao tiếp. Sách chu lễ cho rằng: công việc cùng nhau thay đổi. Chữ đệ cùng là hổ , là thay phiên nhau. Chữ hổ này là đúng.

****

DUY THỨC NHỊ THẬP LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Huyễn ế ngược lại âm trên là Huyền quyên Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyễn là nhìn không rỏ. Giã Quý chú giải sách quốc ngữ rằng: Huyễn hoạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt không thường làm chủ, chữ viết từ bộ mục Thành huyền .

Nại lạc ca ngược âm nan cát Tiếng phạm. Tên chung của địa ngục.

Để dương ngược âm lại đê nĩ theo mao thư truyện cho rằng: Đê dương là con dê đực. Quảng nhã cho rằng con dê đực mạnh mẽ. Nói lệ dương mẫu đó là con dê mới ba tuổi gọi là để . Sách Thuyết Văn viết từ bộ dương thanh để . Văn luận viết chữ dê nói là sai vậy.

Luy Liệt ngược lại âm luy truy Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Luy là gầy ốm. Giã Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Luy là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốm yếu. Chữ viết từ bộ dương Thanh luy .

Lạt nã ngược lại âm trên Lan đát . ngược lại âm dưới nhược da Tiếng phạm. Tên của vị vua âm Đát ngược lại âm Đan lạt .

Đát lợi ngược lại âm: Đan lạt tiếng phạm tên của vị vua.

Ô Ba Ly ngược lại âm ô cổ tiếng phạm tên của trưởng giã.

Tựa luận sau.

Tích diệu ngược lại âm: Chiêu nhiệt . theo mao thi truyện nói

rằng: tích là sáng rõ ràng: Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếu sáng. Tích cũng là minh hoặc là viết chữ diết đều từ bộ nhựt .

Hạt thư ngược lại âm: Hà các Luận văn viết từ bộ cáo viết thành chữ hộc là chẳng phải.

Sính nhựt ngược lại âm trên sữu lĩnh . Quảng Nhã cho rằng: sính là phóng nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chạy thẳng. Chữ viết từ mộ Mã thanh sính , âm sính ngược lại âm thất đinh . ngược lại âm dưới nhơn chiết . Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: nhật là con ngựa truyền tin tức Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nhật là truyền tin bằng xe. Tên chung của chiếc xe ngựa truyền tin tức. Sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng. Chữ viết từ bộ Mã thanh nhật .

Vụ tương , ngược lại âm trên: vô phó Cố Dã Vương cho rằng: Vụ là chạy phóng nhanh. Sách sở từ cho rằng: bổng nhiên chạy loạn, truy đổi theo. Quảng Nhã cho rằng: Vụ là chạy nhanh ngươc lại âm dưới tưỡng dương . Trịnh Tiểu chú giải Mao thi truyện rằng: Tương là từ gọi chung xe cộ. Thường dùng gọi xe của vua. Giáng Trụ chú giải Tây kinh phú truyện rằng: Tường là chạy nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ mã đều thanh vụ tương .

Trầm ế ngược lại âm nhẫn kế Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trời âm u mà có gió gọi là ế . Theo Mao Thi truyện cho rằng: Gió thổi suốt gọi là ế . Có gió thì không gọi là âm u. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhật thanh ế, âm khẩu ngược lại âm ế hề .

Hôn Mai ngược lại âm Mai Bài Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gió mà có mưa, đất cát phủ lấp gọi là Mai Theo Mao Thi truyện cho rằng: Mai là mưa đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Trĩ viết thành chữ Mai là chữ đúng thể. Văn luận viết bộ khuyển viết thành chữ ly là âm thông dụng thường hay dùng, âm trĩ ngược lại âm trì nhĩ .

Tương Lộc. ngược lại âm Lũng Cốc. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Lộc là chân núi, có cầu bắt qua khe suối, hang. Theo truyện cho rằng: Thuộc về rừng, nơi có núi, gọi là lộc Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lâm thanh lộc .

Đạo dật ngược lại âm Điền miệt sách Sở Từ cho rằng: vượt nhanh trong gió, lướt nhanh trong gió mát mẽ. Hà Hưu chú giải công Dương truyện rằng: vượt qua. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Bổng nhiên đột phá. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe chạy vượt qua cùng xuất phát, mà vượt qua hẳn lên. Chữ viết từ bộ xa đến bộ thất thanh tĩnh .

Vị mâu ngược lại âm mạc hậu Trịnh Tiển chú giải sách khảo công ký rằng: Mâu là bằng, quân đều. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiểu Triện

viết chữ mâu , hoặc là viết từ bộ lực viết thành chữ mâu cũng là đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh mâu .

Kiền Hồ ngược lại âm kiên yển sách chu lễ nói rằng: Mấu chốt gài ngoài cửa ải để giữ cửa. Trịnh lại chú giải rằng: cái ống khoá, sách phương ngôn cho rằng: giữa đông sở gọi là ổ khoá là kiện . Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh kiện .

Cữu xu ngược lại âm xúc chu Quách khác chú giải Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái xen cửa gọi là xu. Cố Dã Vương cho rằng: Theo sách Trang Tử nói: sợ lo cánh cửa không chắc nên cho làm dứt cửa để cài lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh xu.

Nghĩ phương ngược lại âm nghi ỹ. lại âm nghi. Như Thuần chú giải sách sử ký rằng: Ở phương nam người ta gọi thuyền ghé bến nghĩ ngơi là nghĩ . Mạch Khanh giải thích rằng: Thuyền cập bến gần bờ. Hoặc là viết chữ nghĩ cũng đồng nghĩa. Sách Thuyết Văn viết chữ từ bộ mộc thanh nghĩ .

Khắc nhân ngược lại âm nhất dần . Giả Quý chú giải sách quốc ngữ rằng: Nhân là nơi xuống. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cũng rơi xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chìm đắm chữ viết từ bộ Thuỷ thanh nhân.

Kỵ lịnh ngược lại âm: Kỳ ý chúng từ các nơi đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: đông đúc hưng thạnh. Sách nguyệt linh tựa nói rằng: Thấm ướt ngày mùng một mặt trăng có sai khác, chữ viết từ bộ Thĩ thanh tự âm Thĩ là âm ngâm . Luận văn viết chữ kỵ . Từ Quảng giải thích sách sử ký rằng: Kỵ là nước thịt quái lạ chẳng phải nghĩa của luận văn.

Tữ Tú ngược lại âm do tữu . Theo truyện nói rằng: Tú giống như lúa mạ non. Sách thượng thư cho rằng: Như mạ mà có giống bông lúa. Sách văn tự điển nói rằng: là loại cỏ xấu giống như lúa mà không có hạt gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: lúa túc, mọc theo ánh sáng mặt trời đó gọi là tú chữ viết từ bộ thảo thanh tú .

Bí Thuyên ngược lại âm trên thất tỳ. sách khảo thanh cho rằng: Bí là sửa sang tấm vải lụa trắng viền mép mỏng vào tự điển nói rằng: Bí là nhầm lẫm sai lầm, chữ viết từ bộ mịch Thanh tỷ, âm mâu ngược lại âm mi ưu. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Thuyên là tên của loại cỏ thơm, cũng là tên của vãi mịn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo Thanh thuyên hoặc là viết chữ Thuyên.

Uẩn vu ngược lại âm trên phân vân. Tư Mã Bưu chú giải sách luận ngữ rằng: Uẫn là chứa nhóm Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: chứa nhóm tích tụ, rong rêu dưới nước. Lại cũng gọi là tích . Quách Phác chú giải sách phương ngôn rằng: Uẫn là tích chứa sâu xa xum tùm ngược lại âm

dưới vũ phũ . Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Vu là chỗ cỏ mọc um tùm. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ thảo đều thanh uẫn vô âm uẫn ngược lại uân vận chữ vẫn là khứ thanh.

Văn chĩ ngược lại âm trên văn phân . Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Như lưới võng mà trong lưới có hoa văn, mà không có văn gọi là vân tay, Sách Thuyết Văn cho rằng: Loạn lộn xộn nhiều nếp nhăn chữ viết từ bộ mịch Thanh văn.

Ế Hội ngược lại âm trên: Khẩu kế . Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Trời âm u mà có gió. Sách phương ngôn cho rằng: ngăn che. Lại nói là ái giống như che ngăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ Thanh ế âm ế đồng âm trên âm khẩu ngược lại âm ế hề . Quãng Nhã cho rằng: Hội là che ngăn mây ùn lên ngùn ngụt che kín cả bầu trời Sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiều cỏ rậm rạp um tùm chữ viết từ bộ Thảo Thanh hội.

Sam di ngược lại âm sáp khâm Theo truyện cho rằng: Sam là giẩy cỏ trừ bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắt cỏ, chữ viết từ bộ Thảo Thanh thù âm thù ấm sáp ngược lại âm sam giáp.

Xuyên sa lịch, ngược lại âm trên Xuyết duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xuyên là thông qua chữ viết từ bộ nha trong bộ huyệt ngược lại dưới hình đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch là đá vụn chữ viết từ bộ Thạch Thanh lạc âm xuyết ngược lại âm suyển duyết.

Thu lộ ngược lại âm trên thất tu ngược lại âm dưới: Số đô theo chữ Thu lộ đó là loài chim có lưỡi trở ngược. Mẹ của ngài Xá Lợi Phất con mắt giống loài chim này. Bởi vậy cho nên lấy tên là Thu Lộ Tử sách Thuyết Văn đều viết từ bộ điểu đều thanh Thu Lộ.

Tông nghĩa ngược lại âm Tồ Tông Bạch Hổ Thông cho rằng: Tông là nói gom tụ lại giống như vạn vật gom tu lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc Thanh Tông.

Xung duệ ngược lại âm trên: trục long Sách Lão tử nói rằng: Rộng lớn tràn đầy như xung bay vọt lên Cố Dã Vương cho rằng: Xung cũng giống như hư không. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thuỷ Thanh trung ngược lại âm dưới tuân tuấn. Khổng An Xước chú giải sách Thượng Thư rằng: duệ là thâm sâu. Hoặc là chữ viết duệ văn tự điễn nói rằng: chữ viết từ bộ thuỷ Thanh duệ âm duệ là âm nhuệ.

****

LUẬN DUY THỨC TAM THẬP - *Tuệ Lâm soạn.*

Tật kiên ngược lại âm trên: Tần tất Vương Dật chú giải sách sổ từ rằng: Hai người liền gọi là Tật Xưa nay chánh tự viết từ bộ nữ thanh tật. Ngược lại âm dưới: khổ nhàn. Quảng nhã cho rằng: Kiên là chắn chắn. Bí Thương cho rằng: bền là vững. Xưa nay chánh tự viết từ bộ cách thanh kiên, âm kiên là âm kiên. Thông dụng tục thường hay dùng.

Đại kiêu ngược lại âm kiêu kiều Theo Mao Thi Truyện Trịnh Tiển cho rằng: kiêu là phóng dật buông lung. Cố Dã Vương cho rằng: kiêu gọi là tự mãn kiêu căng, mắng nhiếc tung hoành. Kinh nhờn, xem thường. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Tâm Thanh kiều. Luận văn viết chữ kiêu. Tục dùng cũng thông dụng.

Hồn Trần ngược lại âm trên hớt côn. Quãng nhã cho rằng: Hôn là loạn si mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chứa chất chứa si mê, chữ viết từ bộ Tâm Thanh hôn âm nô ngược lại âm nữ giao.

Tầm tứ ngược lại âm tư tự. Trịnh Huyền chú giải sách chu Lễ rằng: Tứ là theo dõi xem xét. Cố Dã Vương cho rằng: Tứ là hầu hạ phục dịch. Xưa nay chánh tự cho rằng: khéo dò xét xem xét, nhòm ngó hầu hạ, chữ viết từ bộ nhơn Thanh từ.

Đào Ba ngược lại âm Đạo Lao Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Đào là sóng trong biển nước bấn vọt lên. Văn Tự Điển nói rằng: Sóng lớn Hải triều dân lên gọi là Đào chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh Đão, ngược lại âm dưới bát ma. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ba là sóng nước thông theo lượn sóng, chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh bì.

****

THÀNH DUY THỨC BẢO SANH LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
(Còn một tên nữa gọi là Nhị Thập duy thức thuận thích luận)
QUYỂN 1

Huyên Thanh ngược lại âm trên Huynh Nguyên. Theo thanh loại cho rằng: Huyên là ồn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Làm kinh động giật mình, chữ viết từ bộ ngôn Thanh huyên. Hoặc chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ huyên. Thông dụng thường hay dùng âm hoa là âm hoa.

Đam trước ngược lại âm trên Đáp Nam. Tục dùng và sách Khảo Thanh cho rằng: Đam là đắm nhiễm ưa thích vui đùa, bơn cợt. Chữ viết từ bộ Nhĩ viết thành chữ đam.

Kíp ma ngược lại âm trên kiềm ấp. Tiếng phạm âm kiềm ngược lại âm kiệm yểm ấm ấp ngược lại âm yểm nghiệp.

Bính nhiên ngược lại âm bính mảnh. Quảng Nhã cho rằng: bính là sáng rõ. Xưa nay chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ nhiệt Thanh bính. Hoặc viết chữ bính. Luận văn viết chữ bính này là sai.

Tô Tự La ngược lại âm trên Đan vi dưới là chữ la chữ thượng thanh kiêm chuyển lưỡi đọc tiếng phạm.

Ma đát la ngược lại âm lạt khả.

Nhã na ngược lại âm trên: Nhi giã tiếng phạm.

Tỷ Nhã na ngược lại âm bát thược bì chảy tiếng phạm.

Điềm vị ngược lại âm diệp niêm Quảng Nhã cho rằng: chẻ ra ma ăn ngọt như mật ong. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất ngon chữ viết từ bộ cam thanh thiệt Văn Luận viết từ điềm thông dụng cũng đồng nghĩa âm niêm ngược lại âm thiêm.

Huyễn Mục ngược lại âm huyền quyến. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyễn là nhìn không rõ. Giã Quý chú giải sách quốc ngữ rằng: Huyễn hoặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục Thanh Huyền.

Huyễn uế ngược lại âm ế kế sách vận lược cho rằng: ế là con mắt bị ngăn che âm khẩn ngược lại âm y hề.

Tiếng mạc ngược lại âm dưới mang bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: màng mỏng bên trong cơ bắp thịt, chữ viết từ bộ nhục thanh mạc. Văn luân viết từ bộ mục viết thành chữ mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: trợn to mắt mà nhìn, cùng trong luân văn nghĩa không đồng, cho người viết sai.

T645

Thước yết la ngược lại âm trên thương ước ngược lại âm dưới kiền yết. Nước Tây Ước tiếng phạm tên của dây cung.

Để mật lê ca âm trên để tiếng phạm.

Bài vẫn ngược lại âm trên bạt mai ngược lại âm dưới tân lận. Cố Dã Vương cho rằng: Bài giống như trừ đuổi. Quảng Nhã cho rằng: bài là đẩy ra. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Trừ bỏ sách sử ký cho rằng: cùng nhau xua đuổi trừ bỏ đi. Xưa viết từ bộ thủ. Chữ viết đều từ bộ Thủ, đều thanh phi Tân.

THÀNH DUY THỨC BẢO SANH LUẬN
QUYỂN 2

Ư Xứng ngược lại âm xuất chúng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Xứng gọi là dụng cụng cân, bằng, nặng, nhẹ. Quãng Nhã cho rằng: Xưa giống như cân bằng, sách Khảo Thanh cho rằng: Đúng là chữ viết xưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hoá Thanh cũng viết chữ xưng này, văn thường hay dùng.

Tước yết ngược lại âm tường tước. Cố Dã Vương cho rằng: Tước cũng giống như là nhai thức ăn. Tự Thư cho rằng: nhai nghiền, ngược lại âm dưới yên kiến. Cố Dã Vương cho rằng: Yết cũng giống như nuốt vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu đều thanh tước yết âm tiêu ngược lại âm tiều tiêu, âm tự ngược lại tài dữ.

Cật xứ ngược lại âm xí kiết. Trịnh Tiễn chú giải Sách Lế Ký rằng: cật gọi là hỏi cho rõ sự việc. Sách Khảo Thanh cho rằng: cật gọi là hỏi cho cặn kẽ, cũng gọi là hỏi chữ viết từ bộ ngôn Thanh kiết.

Thanh Thiến ngược lại âm: Thiên Kiến Cố Dã Vương cho rằng: Cây thiến thảo có thể dùng làm chất nhuộm màu đỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thảo Thanh tây văn viết chữ Thiến này cũng thông dụng.

Đằng mạn ngược lại âm dưới vũ bàn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Mạn là đi đánh dẹp. Quảng Nhã cho rằng: man là lâu dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mạn thuộc loại dây leo quấn quít theo cây tòng, chữ viết từ bộ Thảo Thanh man.

Sùng dung ngược lại âm dũng tùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Dung là tường cao. Theo Nhĩ Nhã cho rằng: Tường gọi là thành trì. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thổ Thanh dung âm dũng ngược lại âm dung dũng.

Phi manh ngược lại âm mạch canh. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Manh là cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngoã đến chữ manh. Thanh tĩnh.

Truy mi ngược lại âm trên tuy chuỷ âm dưới là Mỹ Sách Khảo Thanh cho rằng: Truy mi là loại cỏ có hình dáng lông vũ là kép ẽo lã. Sách Sổ từ cho rằng: loại cỏ bộ sống ở vùng nước cạn gọi là Truỵ Mi Vương Dật chú giải rằng: ngã theo chiều gió mà phởi bày ra. Văn Luận viết từ bộ Thảo viết thành chư Tuy mi văn thường hay dùng nếu như âm là hoấc đó là chẳng phải.

Thôi xán ngược lại âm trên: Thội ổi Bình thương cho rằng: Thôi

là dóng mạo tươi tốt. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thôi là dáng mạo trắng như sương tuyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Bạch Thanh thôi. Hoặc là viết chữ Thôi, ngược lại âm ôi mõi, ngược lại âm dưới sang tán.

Bính tán ngược lại âm tàng tán. Sách Thuyết Văn cho rằng: tán gọi là rải nước cho bẩn, cũng gọi là nước bắn tung toé lên người. Chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh Tán âm tán đồng với âm trên.

Cung khứu ngược lại âm hủ hựu Sách Thuyết Văn cho rằng:: dùng mũi chính là để ngữu gọi là khứu, chữ viết từ bộ tỵ đến bộ khứu âm khứu cũng là Thanh. Luận văn viết chứ khứu là chẳng phải.

Quyến tác ngược lại âm trên quyết huyễn. Theo Thanh loại cho rằng: lấy dây giăng buộc lại. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyến là giăng bắt chim hoặc là viết chữ quyến văn tự điển nói rằng: viết chữ quyến. Xưa nay chánh từ viết từ bộ Võng. Thanh quyến âm quyến ngược lại âm nhất truyện uyên chi hai âm chữ Mức Thanh, chữ viết từ bộ khẩu đến bộ nhục.

Sổ chiết ngược lại âm Triển Liệt sách Bác Nhã cho rằng: Loài côn trùng cắn chích, hoặc là viết chữ Thư. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng Thanh Thư.

Nai Lạc Ca ngược lại âm trên nan dứt tiếng phạm Tên của địa ngục lớn.

Thẩm hại ngược lại âm sơ cẩn Sách Lục Cơ Hán Tổ nói rằng: Công thần ca ngợi công đức của các đại thần mênh mông trong vũ trụ. Trên là Thẩm dưới là độc là nhàm chán khinh thường. Xưa nay chánh tự điều viết từ bộ Thổ Thanh Tham.

Truỳ khảo ngược lại âm tuy chuỷ Sách quốc ngữ cho rằng đánh bằng roi, bằng chày khiến cho người tội phải khuất phục. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy chày, trượng, rọi mà đánh chữ viết từ bộ Thủ Thanh Thuỳ ngược lại âm dưới là Khảo.

Mạn đẳng âm man ở nước Tây Ước, dùng hoá kết lại cỏ sâu, cho rằng dụng cụ trang nghiêm thân cho đẹp gọi là Hoa mạn.

THÀNH DUY THỨC BẢO SANH LUẬN
QUYỂN 3

Thiết sản ngược lại âm xát trãn. Sách khảo thanh cho rằng: Hoặc

là chữ viết sản Sách Bá nhã cho rằng: cái vĩ nướng thịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái xăm gọi là sản cũng gọi là cái xẻng, chữ viết từ bộ kim Thanh sản âm thiêm ngược lại âm Thiếp diêm.

Kinh tiêu ngược lại âm tất diêu Trịnh Tiển chú giải sách nhĩ rằng: Tiêu là gió bảo từ hướng dưới thổi lên. Sách Thi Tử cho rằng: Bảo táp lớn gọi là tiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Phong Thanh diễm hoặc là viết chữ tiêu âm tiêu đồng với âm trên.

Lạc Đà ngược lại âm trên thang lạc ngược lại âm dưới Đạt hà. Kinh sơn hải nói rằng: Con Lạc Đà có cục thịt lớn lòi lên trên lưng có thể mang đồ vật nặng ngàn cân, đi xa ngàn dặm mà biết nơi nào có suối nước. Sách chu Thư nói rằng: Vua biết đúng là con Lạc Đà là ban cho, nó có thể khéo hay giỏi về mang vác vật nặng mà lại đi rất xa. Ở phương Bắc thường có nhiều Lạc Đà, chữ viết đều từ bộ Mã đều thanh thác tha âm thác là âm thác âm Tha đồng âm trên văn luận viết chữ Lạc là sắc của con ngựa. Lại cũng viết chữ Lạc Đà.

Yết Triết ngược lại âm trên hiên yết ngược lại âm dưới triển liệt Quãng Nhã cho rằng yết là loại côn trùng độc hại. Bì Thương cho rằng: Triết cũng là loại côn trùng cắn chích người. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều viết từ bộ trùng đều thanh triết yết. Triết hoặc là viết chữ thư từ bộ trùng đến âm đát Thanh tĩnh. Luận văn viết chứ triết này là sai.

Điên quệ ngược lại âm quyến nguyệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quệ là vội vã. Cố Dã Vương cho rằng: quệ giống như con ngựa phi nhanh. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Quệ là chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ Túc Thanh quyến.

Ba bã ngược lại âm ba pha tiếng phạm.

Hoắc Luận ngược lại âm không giác. Sách Hàn Thi chú giải và sách chu dịch cho rằng: Hoắc là dáng bền chắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là chắc chắn, chữ viết từ bộ Thạch Thanh Hoắc.

Toả Kỳ ngược lại âm trên tọa sa ngược lại âm dưới anh giải. Quảng Nhã cho rằng: Toả là ngắn cũng viết chữ ải là thấp, lùn. Lại Kỳ cũng là toả cũng viết chữ ải. Xưa nay chánh tự cho rằng: Kỳ cũng là ngắn lùn. Toả cũng là từ bộ Thĩ Thanh toạ chữ kỳ bộ tật thanh kỳ. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ ải văn luận đều viết hai chữ từ bộ nhơn đến bộ toạ đến bộ tuế viết thành chữ tỏa tuế đến chẳng phải âm sa ngược lại âm toả hòa.

Quang xí ngược lại âm Xĩ Chí. Cố Dã Vương cho rằng: Xí là đốt cháy sạch, cũng gọi là lữa dữ. Theo truyện cho rằng: Xí Thạnh lửa cháy rực. Sách Khảo Thanh cho rằng: Xí tức là màu sắc đỏ. Sách Thuyết

Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hoả thanh trúc âm thức ngược lại âm Thừa Thức.

Pha tri âm tri tiếng phạm tên vật bảo.

Tháp nhuyễn ngược lại âm nhu nhuyến. Trịnh Tiển chú giải sách khảo công ký rằng: nói là nhu nhuyễn, mềm yếu, nềm sách Bác Nhã cho rằng: Nhuyễn là yểu mềm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Nhi Thanh hoả.

THÀNH DUY THỨC BẢO SANH LUẬN QUYỂN 4

Phân tích ngược lại âm trinh tích Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phân tích, chia chẻ, phân ra. Theo thanh hoại cho rằng: tích là phanh ra chẻ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phá cây gỗ ra, chặt đốn cây, chữ viết từ bộ mộc thanh cân.

Hoát Thoát Tổng bát vi không. Ngược lại âm trên Hoan quát Cố Dã Vương cho rằng: Hoát đó là mở rộng ra con đường lớn để mà đo lường. Quảng nhã cho rằng: Trống rổng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thông theo hang rộng chữ viết từ bộ cốc Thanh hại hoặc là viết chữ hoát. Luận văn viết chữ hoát này là chẳng phải.

Uy liệt ngược lại âm cư bích.

Nha Giả ngược lại âm nhã da. Quảng Nhã cho rằng: Nha là bắt đầu mọc mầm, Sách Thuyết Văn cho rằng: Nha tức là manh nha chữ viết từ bộ thảo thanh nha.

Vấn tự ngược lại âm từ dữ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: chữ tư là đầu mối dây. Lại gọi là đầu mối của công việc, nghĩa là bắt đầu khởi đầu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: nghiệp bắt đầu Vương Dật chú giải sách sổ từ rằng: đầu mối có dư thừa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tự là đầu mối, bắt đầu chữ viết từ bộ mịch Thanh giã.

Hy vọng ngược lại âm huỷ y. Quảng Nhã cho rằng: Hy là nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn xa trông rộng, hy vọng, chữ viết từ bộ mục thanh hy. Luận văn viết chữ hy này cũng thông dùng.

Dụng thác ngược lại âm thang lạc. Sách chu dịch cho rằng: Thanh gỗ nặng chấn ngang cánh cữu ngăn gió lớn. Theo xuân thu truyện cho rằng: nghe đến nước Lỗ dùng thanh gỗ nặng đánh nước Chu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc Thanh thác. Luận văn viết

chữ thác là lạc giá là tên của cây dùng để nuôi tằm, mất đi ý nghĩa. Trong luận văn không đồng dùng chữ sai.

THÀNH DUY THỨC BẢO SANH LUẬN
QUYỂN 5

Ác quyết ngược lại âm Hồ Cố. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm lấy tay nhau. Sách Lễ Văn cho rằng: công việc thay phiên nhau cũng gọi là ác Sách Thuyết Văn cho rằng: trong giống như tay người nắm lại, ý nghĩa cùng với chữ ốc đồng nhau.

Như Thuỳ ngược lại âm dưới là Thuỳ loại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thuỳ cũng giống như nằm ngủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngũ chữ viết từ bộ mục. Thanh Thuỳ. Luận văn viết chữ diêu là sai.

Trọng Triền ngược lại âm triệt liên. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Triền giống như lấy sợi chỉ đỏ buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: đính ước chữ viết từ bộ mịch Thanh Triền Hoặc là viết chữ triền.

Tất sô ngược lại âm tần mật ngược lại âm dưới trắc câu. Tiếng Phạm xưa dịch là Tỷ khưu.

Đồ quái ngược lại âm quát hội. Quảng Nhã cho rằng: quái là cắt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: băm thịt nhỏ, chữ viết từ nhục Thanh Hội.

****

DUY THỨC LUẬN PHÁ SẮC TÂM - *Tuệ Lâm soạn.*

Điệt cộng ngược lại âm trên Điền Hiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: Điệt là thay nhau. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Thay phiên nhau sách phương ngôn cho rằng: Thay thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: cho rằng: chữ viết từ bộ huynh đến bộ điệt Thanh tĩnh âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, âm đệ là âm đệ âm điệt đồng với âm trên.

Nã ca ngược lại âm trên nạch da tiếng phạm nước Tây ước.

Cước Thọ ngược lại âm căng lực Theo Mao Thi truyện cho rằng: cước là cây táo chua. Quảng nhã cho rằng: cước là cây có gai. Quảng nhã cho rằng: có con trâu, con ngựa, con chó điên lên làm cản trở, khó khăn. Cũng giống như loài hải sản da thường có gai. Sách phương ngôn

cho rằng: Phàm cây cỏ có gai có thể đâm người. Giữa Giang. Hoại gọi cước là cây gai. Sách Thuyết Văn cho rằng: cước giống như cây táo có gai, chữ viết đều từ hai bộ cước âm cước ngược lại âm thử Tý văn luận viết từ hai bộ lai viết thành chữ là chẳng phải.

Biến nhiếp (0 ngược lại âm niêm triếp). Sách phương ngôn cho rằng: nhiếp là nhón gót chân lên đi lên. Giữa quan ải đến Tây Tần Tấn gọi đi lên là nhiếp. Quãng Nhã cho rằng: nhiếp là mang dày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên chữ viết từ bộ túc. Thanh nhiếp âm niêm ngược lại âm ni chiêm.

Ca chiên diên ngược lại âm chiến nhiên. Tiếng Phạm tên của vị A La Hán.

Dạ Tháp ngược lại âm đàm đáp Quảng Nhã cho rằng: Tháp là mang giày dép đạp lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: giẫm đạp lên chữ viết từ bộ túc Thanh Tháp âm tháp là âm tháp.

Hà Mô âm trên Hà âm dưới là ma. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hà Mô là con ếch loài côn trùng sống dưới nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ Hà Mô còn một tên nữa là điền phụ một tên nữa Thiềm Thừ tức là con cóc, một tên nữa là thành oa một tên nữa hoàn Hoài đều là loài cóc nhái, ễnh ương.

****

THÀNH DUY THỨC LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Thác dược ngược lại âm trên Thang Lạc ngược lại âm dưới là dương chước. Sách Lão tử cho rằng: Giữa trời đất giống như cái túi càn khôn không có đáy, gọi là hư không mà không thể khuất, không thể bẻ cong lại, không ngoan ngoãn vâng theo, càng dao động lại càng xuất ra, không chế ngự được. Lại chú giảng rằng: cái túi đó giống như bao trùm lưới võng, giống như trống rổng của ống sáo cái túi đó bằng phải như mặt trống gió thổi ống sáo kêu vi vu. Cố Dã Vương cho rằng: cái ống thổi lửa, dùng để thổi lửa cháy rực lên. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cái túi không có đáy gọi là Thác. Theo Mao Thi truyện cho rằng: cái túi dùng sức mạnh. Văn cổ viết từ bộ vi viết thành chữ thác thanh tĩnh âm Thác ngược lại âm Hồ bổn âm vi là âm vi âm bị ngược lại âm bại trị.

Dung đồng ngược lại âm trên dũng dung cùng với âm dung đồng. Sách Tập Huấn cho rằng: Là dụng cụ phương pháp nấu đồng cho chảy

ra, ứng Thiệu cái chú giải sách Hán Thư rằng: hình giống như thiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim Thanh dung.

Bình âu ngược lại âm dưới âu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: âu là cái chậu nhỏ, cái bát, cái chén bằng sứ sành gọi là âu. Trịnh tiển chú giải sách chu Lễ rằng: âu là cái bình miệng nhỏ bụng to. Sách Phương ngôn cho rằng: cái chậu nhỏ chữ viết từ bộ ngoã đến bộ âu Thanh tỉnh.

Đê đường ngược lại âm trên để nĩ. Sách Khảo Thanh cho rằng: đê là phòng ngừa cây cầu bắt qua có giới hạn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là cây cầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bồ đề. Hoặc viết từ bộ Phục viết thành chữ đê ngược lại âm dưới là thang lãng. Đường đó gọi là vun bồi, đất làm bộ đường cũng là đê. Hoặc là từ bộ phụ viết thành chữ đường. Thanh duy thức luận quyển thứ hai.

Tiêu chú ngược lại âm tương diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: rất khô ráo lữa cháy làm tổn thương. Sách Vận Thuyên cho rằng: lữa cháy nám đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: lữa thiêu đốt, văn cổ viết từ ba bộ tiêu. May Địch Thư tỉnh lượt đơn viết thành chữ Tiêu văn luận viết từ bộ hoả viết thành chữ tiêu là chẳng phải ngược lại âm tức dược. Gọi là lấy lữa thiêu đốt mai con rùa, ngược lại âm dưới là chu nhu. Sách Khảo Thanh cho rằng: chú là cái tim đèn, chữ này thời nay xuất ra từ nơi văn ngọc Thiên văn nói. Xưa nay chánh tự đều không có chữ này.

Thi hài ngược lại âm hài giai. Cố Dã Vương cho rằng: Hài cốt của thân thể, tên gọi chung là hài. Sách Khảo Thanh cho rằng: Xương cốt thân thể hình hài. Sách vận phổ cho rằng: cốt cũng là hài. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xương cẳng chân chữ viết từ bộ cốt Thanh hài âm hài ngược lại âm hà giới.

THÀNH DUY THỨC LUẬN
QUYỂN 2

Manh muội ngược lại âm trên mặc manh. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Manh là loạn. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: là sầu muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không thấy rõ chữ viết từ bộ mục. Hoặc là viết từ bộ Huyễn viết thành chữ manh. Huyễn là con mắt dao động, âm mục ngược lại âm vũ phúc âm huyễn là âm huyễn.

Sữ lưu ngược lại âm trên sư lợi Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sử là phóng nhanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: con ngựa chạy nhanh, rất

nhanh. Xưa nay chánh tự cho rằng: nhanh như nước chảy theo khe suối, chữ viết từ bộ mã thanh sử.

THÀNH DUY THỨC LUẬN
QUYỂN 3

Cục lý ngược lại âm trên, công ngọc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cục là nơi chốn lấy làm bộ phận. Mao Thi truyện cho rằng: cong lại. Quãng nhã cho rằng: gần. Sách Thuyết Văn cho rằng: gấp vội. Thội thúc, bức bách chữ viết từ bộ khẩu đến bộ xích dưới là chữ xúc đó không thể đi giải thích có thể là bất an, bối rối không yên.

Cứ ngạo ngược lại âm trên cư ngự. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: không cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: không tôn trọng chữ viết từ bộ nhơn thanh cứ kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ cứ là sai. Ngược lại âm dưới phu cáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiêu ngạo. Sách Thượng Thư cho rằng: khinh mạn. Sách Bác Nhã cho rằng: phóng đảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ ngạo. Kinh văn viết chữ ngạo tục dùng thông dụng.

Hiêu động ngược lại âm trên hư kiêu. Cố Dã Vương cho rằng: Hiêu là ồn ào. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: quá đông đúc nên ồn ào. Sách Khảo Thanh cho rằng: Huỷ báng, chê bai. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hiêu là hơi xuất ra từ trên đầu, chữ viết từ bộ hiêu đến bộ hiệt. Chữ hội y, âm hiêu ngược lại âm trang lập.

THÀNH DUY THỨC LUẬN
QUYỂN 4

Nhơn ngột ngược lại âm dưới ngũ cốt, văn thông dụng cho rằng: vật không có đầu miệng gọi là ngột. Sách Tập Huấn cho rằng: cây không có cành gọi là ngột, chữ viết từ bộ mộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: còn thiếu.

THÀNH DUY THỨC LUẬN
QUYỂN 5

Thực phồn ngược lại âm trên thừa chức Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Điều thực cái có cụ thể. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sự thật điều phải. Sách Thuyết Văn cho rằng: thực là đồng nghĩ chữ viết từ bộ miên thanh thị văn luân viết từ bộ huyệt là chẳng phải, ngược lại âm dưới phạt viên. Theo Mao Thi truyên cho rằng: phồn là nảy sinh nhiều. Trịnh Huyền chú giải lễ ký rằng: phồn thịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch Thanh phồn.

THÀNH DUY THỨC LUẬN
QUYỂN 6

Hoát trần ngược lại âm trên khống nhạc khác dưới chổ nảy sinh ra nhiều. Gọi là bổng nhiên khô cứng lại khác thường. Hàn khan Bá cho rằng: hoát là cứng nhắc. Xưa nay chánh tự cho rằng: cứng chắc bền, kiên cố, chữ viết từ bộ Thạch Thanh hoắc âm hoắc ngược lại âm hạt.

Hãn biểu ngược lại âm hàn thả Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hãn là loại thuốc có tác dụng mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất mạnh chữ viết từ bộ Tâm thanh hản ngược lại âm dưới: Bút Thiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo trên chữ viết từ bộ y đến bộ mạo. Xưa đó dùng áo trên làm bằng lông mịn cho lấy bộ mao là biểu, viết biểu từ bộ mau.

Thiện ách âm trên là chữ Thiện Sách Thuyết Văn cho rằng: Là điều tốt lành chữ viết từ bộ dương đến bộ ngôn dưới là âm ách chữ đúng thể, càng xe có thanh gỗ ngang, thăng chữ viết từ bộ xa Thanh ách âm ách đồng với âm trên, từ bộ hộ đến bộ ất.

Phĩ bát ngược lại âm trên phi vị ngược lại âm dưới bổ mạt chữ viết từ bộ thủ thanh phát. Gọi là lao chùi sạch sẽ.

Quí trá ngược lại âm trên quy uỷ. Cố Dã Vương cho rằng: quĩ là điều lạ lùng. Quảng nhã cho rằng: xấu ác. Sách Khảo Thanh cho rằng: quĩ cũng là trá nghĩa là khít khi lừa dối, biến chất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn Thanh nguy kinh văn viết chữ quỹ này là sai.

Táo nhiểu ngược lại âm trên tào đáo Cố Dã Vương cho rằng: Táo là động. Giả quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: cũng là nhiễu loạn. Trịnh

Huyền chú giải sách quốc ngữ rằng: không an tịnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tánh nóng nảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ táo từ bộ tẩu Thanh táo âm táo ngược lại âm tô đáo.

- **QUYỂN 7, 8, 9, 10** : (Bốn quyển trên đều không có khác văn, cần được giải thích âm.)

****

LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tồi phá ngược lại âm tội lôi. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tồi là bẻ gãy, bẻ dứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: tồi là chặt đứt, chữ viết từ bộ thủ thanh tồi luận văn viết từ bộ Thạch viết thành chữ tồi là chẳng phải.

LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU
QUYỂN HẠ

Điều nhu ngược lại âm trên Đình Liễu Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Điều là hoà hợp, ngược lại âm dưới nhũ chu là thẩm ướt nhuận trạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: ẩm ướt, chữ viết từ bộ thuỷ thanh nhu, âm nhu ngược lại âm tương dư chữ nhu trên từ bộ vũ dưới từ chữ cổ là Thiên. Gọi khác là vân tức là trên từ nơi trời nhu tức là chữ tượng hình.

****

NHẬP ĐẠI THỪA LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Kỳ cúc âm trên là kỳ ngược lại âm dưới cực lục, tiếng phạm tên của người. Trong kinh Niết Bàn phẩm y vương kỳ bà. Đây là người dịch hoa chất không đồng, âm phạm chuyển đọc sai.

Hy khởi ngược lại âm hy ký Tự thư cho rằng: Hy là cùng nhau hoà

nhã vui vẻ tốt đẹp.

Chư chữ ngược lại âm chương dữ, chữ đó là bài cát đất nhỏ nổi lên giữa nước. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phàm trong nước có thể cư trú gọi là châu cũng là bãi đất nhỏ. Trong luận viết từ bộ tiểu viết thành chữ chữ là chẳng phải, văn dưới là chuẩn, nói đây là bãi đất nhỏ trồng lúa mạch, tức là trên đảo trong biển mười sáu dặm là chỗ trụ xứ vị của vị A La Hán cư trú.

Thổ quảng ngươc lại âm quấc mảnh nói rằng: người bị thương loài thú hung hãn, chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng cũng gọi mãnh thú hung ác.

Nhân phù ngược lại âm phủ mưu văn Ngọc Thiên nói rằng: là cây dùi đánh trống. Lại có giải thích khác không dùng chữ viết từ bộ mộc.

Đào ba ngược lại âm đường lao văn tự điển nói rằng: sóng lớn hoặc nói rằng: Hải triều dâng lên gọi là Đào chữ viết từ Thuỷ đến đạo Thanh tĩnh âm Đào là âm Đào.

NHẬP ĐẠI THỪA LUẬN
QUYỂN HẠ

Chất sa chất Lệ ngược lại âm chơn viết đều tiếng phạm tên người. Thích chũng quyến thuộc.

Thôi Thạch ngược lại lại âm. Thới hồi sách thuyết văn viết từ bộ Thủ Thanh Truy.

Mâu sóc ngược lại âm trên mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây tù mâu, cây giáo loại binh khí thời xưa. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: si vưu viết có năm loại binh khí, cây mâu dài hai trượng. Gắn trước binh xa, chữ tượng hình, kinh văn viết từ bộ mâu là chẳng phải ngược lại âm dưới: song trác. Xưa nay chánh tự cho rằng: sóc cũng là mâu cũng gọi là cây kích quyết nó cong lại dài một trượng tám thước. Nay gọi cây kích là sóc. Chữ viết từ bộ mâu đến bộ tiêu Thanh tỉnh. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ tiêu là chẳng phải.

Xúc Tháp ngược lại âm thu dục Hà Hưu chú giải công dương truyện rằng: Lấy chân đá ngược trở lại gọi là xúc Sách Thuyết Văn cho rằng: xúc cũng là tháp ngược lại âm dưới. Đàm ám quảng Nhã cho rằng: mang giày dép dẫm đạp lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháp là đáp lên chữ viết từ bộ Túc. Thanh Tháp âm Tháp ngược lại âm thổ hạp

hoặc là viết chữ Đạp cũng thông dụng.

Kiền truỳ ngược lại âm trên càng âm dưới Trực Truy. Tiếng phạm tức là trong tăng đường, đánh lên tịnh truỳ làm hiệu lịnh. Lấy cây dùi đánh vào khúc gỗ, để tập hợp chúng tăng nghị sự, hoặc là cử tội trách phạt khi chúng tăng có lỗi, hoặc là hoà hợp cử lên các việc lấy làm bạch chúng tăng, cũng như đánh dây chuông, đánh bản, hoặc là thổi ốc từ và... các loại. Xưa dịch hoặc gọi là kiền truỳ, hay là cái chùi là dịch sai, ghi sai.

****

CHƯỞNG TRÂN LUẬN - *Huyền ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Phiền lung ngược lại âm phò viên theo chữ phiền tức là lông chim. Trang tử giải thích rằng: loài chim trĩ không kỳ vọng ở trong lồng, ý nói bị danh lợi trói buộc.

An Thiệu Na dược tiếng phạm xưa viết là An Thiền Na dịch là Dược Nhãn.

Mục ngưu hai âm. Tam thương giải thích: Mục là chẩn nuôi gia súc sách phương ngôn cho rằng: Mục là cho ăn. Tên gọi chung là nuôi gia súc.

Vu cang ngược lại âm vũ vu Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm vào gọi là vu cũng là cang nói dối trá không thật, khinh khi người khác. Lấy phải làm trái gọi là cang Khinh thường vu khống, bêu xấu người khác, không mà bảo là có, nói láo, nói bậy.

Khĩ năng ngược lại âm như chí THương Hiệt giải thích rằng: Nhĩ là dụ cho ăn. Phàm Theo thương tình vật gì dẽo ăn được đều gọi là nhĩ thực

----

CHƯỞNG TRÂN LUẬN
QUYỂN HẠ

Ớt Bát La tiếng phạm ngược lại âm ô một hoặc nói là ưu bát La lại cũng viết là ưu bát La lai cũng viết chữ âu bát La đều là một nghĩa. đây gọi là hoa lớn màu xanh đen.

Đông diệp bộ ngược lại âm: sư thiệp bực toà khắc bằng đồng đỏ. Tự thư cho rằng: nay văn ghi giống như nước sư tử.

Độc tử bộ tiếng phạm nói làbạt tư phất đa là đây dịch là khả trụ tử bộ xưa dịch là độc tử đó là giống như không hiểu. Phạm âm đọc có dài có ngắn, âm gọi là có bạt tử thì có thể trụ được dài ra, như âm đọc ngắn. Thì nói là độc là theo từ trên bộ toà trong có tất cả bộ xuất ra.

****

DUYÊN SANH LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thiệt Diên ngược lại âm dưới hâm diên Tục tự và sách Thanh cho rằng: diên là nước dãi trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi, viết đúng từ bô thuỷ viết thành chữ khiếm.

Át phù ngược lại âm trên an cát Tiếng phạm hoặc nói là hai án bộ nói rằng: Ban đầu thọ thaui.

Bì thi già ngược lại âm trên bế mể cũng là nghĩa trong thai tạng. Tiếng phạm gọi là trong, hoặc là viết bế thi. Đây dịch là nhục đoàn gọi là cục thịt.

Duy thức luận Tu đạo bất cộng tha.

Như dương ngược lại âm nô cấu văn thông dụng nói rằng: Lông con dê cuộn lại đó gọi là con cừu non, con dê con, hồ dương, âm hiện ngược lại âm nữ giai.

Lợi lạt lại viết chữ lạt cũng đồng ngược lại âm thiên lợi. Nghĩa là chém chặt bị thương, chữ viết từ bộ đao Thanh trúc ấm thúc ngược lại âm thư tặng.

****

- LUẬN ĐẠI THỪA DUYÊN SANH
- LUẬN VÔ TƯỚNG TƯ TRẦN

(Hai quyển trên đều không có thể giải thích)

****

LUẬN ĐẠI THỪA NGŨ UẨN - *Tuệ Lâm soạn.*

Vưu thư ngược lại âm trên Hữu ưu, ngược lại âm dưới tri liệt liệt. Ưu cũng gọi là oán thư là đau khổ, là loại côn trùng đi gieo độc hại.

Mong muội tự lễ viết chữ mong cũng đồng. Ngược lại âm mạc công ngược lại âm dưới mối bối. Sách chu dịch gọi làmong là mờ mịch, bị che lấp không thấy rõ. Quãng nhã cho rằng: muội đó là u ám, gọi là che phủ không biết vô tri. Sách chu dịch nói rằng: muội đó là già trẻ gọi là không có ngã để cầu vậy.

****

LUẬN ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN - Tuệ Lâm soạn.

Từ thạch âm trên là từ. Lã thị xuân thu truyện cho rằng: Từ thạch có thể thu hút các thiết trì. Bổn thảo gọi từ thạch là đá nam châm. Một tên gọi khác là Huyền thạch. Tên gọi khác nữa là Xứ Thạch loại đá này có lổ màu đỏ nên gọi là Từ thạch. Không có lổ màu xanh đen gọi là Huyền thạch. Loại đá này thương sanh ở núi Từ Châu, khí âm có thể hút các thiết chì rất mạnh, ở hư không có thể treo hút lên ba bốn cây kim, có thể làm tiêu các độc chì, ý kinh nói lấy hút các chất chì đó là lời dẫn dụ.

****

LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÁNH

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

LUẬN KHỞI TÍN - *Tuệ Lâm soạn.*

Di sính ngược lại âm dươiứ thất trinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: sính là hỏi thăm. Cốc lương truyện cho rằng: Lấy ngọc vải lụa giữ lại ở châu lân Quốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhĩ Thanh sính Tự luận viết từ bộ mã viết thành chữ sính là sai, hoặc là từ bộ thân viết thành chữ sính cũng chẳng phải, cũng viết chữ sính âm sính ngược lại âm thất minh.

Khấu nhiểu ngược lại âm trên khổ hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khấu là hung bạo, ngược lại âm dưới, nhi chiểu kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ nhiểu là chẳng phải.

Trí khải ngược lại âm khai cải quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: khải là vui vẻ hài hoà.

Bất quý ngược lại âm quý duy sách phương ngôn cho rằng: chữ quý cũng là chữ quý này nghĩa là sợ hãi.

****

LUẬN KHỞI TÍN - *Lương chơn đế dịch.*

Hối trị ngược lại âm dưới trừng ly. Sách khảo thanh cho rằng: sửa trị, núi cao sừng sững, âm trĩ ngược lại âm trực lý.

Tâm nguyên ngược lại âm ngư viên vốn xuất phát từ nguồn suối nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ nguyên. Từ bộ hán đến chữ nguyên âm nguyên ngược lại âm tộ tiên nay Triện văn tỉnh lược viết chữ nguyên này.

Tịch mịch ngược lại âm trên trình tích. Sách phương ngôn cho rằng: không có tiếng người tục thường viết chữ tịch này. Xưa viết chữ tịch này ngược lại âm dưới mang bát hoặc là viết chữ mịch kinh văn viết mạc sa tích là vùng sa mạc vắng lặng.

Quan uế ngược lại âm cổ mảnh Trịnh Tiển chú giải sách Lễ ký rằng: Vàng ngọc còn nguyên chất chưa có thành, chưa tiểu luyện thành gọi là quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đồng Thiết Chì... còn nguyên chất cũng viết chữ khoáng hoặc là viết chữ khoáng cũng đồng ngược lại âm dưới ư trác.

Phân tế ngược lại âm trên phò vấn chữ phân từ bộ bát đến bộ đao ngược lại âm trình mịch

Hôi hiêu ngược lại âm hồ đối Sách Thuyết Văn cho rằng: Hội là loạn, kinh văn viết chữ hội văn thường hay dùng, ngược lại âm dưới nã hiệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiều người quá là ồn ào huyên náo. Kinh văn viết chữ Bính là sai.

Hoảng hốt ngược lại âm trên hoang quảng. Sách bác nhã cho rằng: Hoảng hốt là dáng điệu thất chí, sững sờ. Trong kinh văn viết chữ hoảng này là chẳng phải, ngược lại âm dưới hôn cốt cũng viết chữ hớt.

****

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Huân tập ngược lại âm trên Huấn Đạn sách Khảo Thanh cho rằng: Huân là nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: huân khói lửa bốc lên, chữ viết từ bộ hắc đến trong viết thành chữ huân. Nay tục viết tục viết chữ huân thường dùng lâu ngày khó mà sửa đổi cũng viết chữ huân.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN
QUYỂN HẠ

Bát giải ngược lại âm hài giới âm hạ đó là chẳng phải.

Cự lý ngược lại âm cư ngự. Sách Khảo Thanh cho rằng: nương tựa vào kinh văn viết chữ cứ là chẳng phải. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Thủ Thanh cứ.

Đâu suất Đà tiếng phạm tên của cõi trên thiên giới. Đường Huyền Trang cho rằng: Trí Túc.

Soạn đề ngược lại âm trên sơ bản cũng là tiếng phạm. Đường Huyền Trang gọi là nhẫn nhục.

Tiêu diệt ngược lại âm trên tiểu tiều Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiêu cũng là diệt stvi rằng: Tiêu cũng là diệt Sách Thuyết Văn cho rằng: chưa hết. Kinh văn viết chữ tiêu thước là làm tiểu chảy kim loại ra.

Hôn mi ngược lại âm di tỵ kinh văn viết từ bộ huyệt đến bộ tâm viết thành chữ mị là chẳng phải.

Anh chẩn ngược lại âm ích kinh Sách Hán Thư cho rằng: Anh là quay quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ đến bộ anh âm anh đồng với âm trên, ngược với âm dưới lạt chẩn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: chẩn bệnh.

Tư la: ngươc lại âm phế tà gọi là dưới săn bắt thỏ là tư. Tư là che trùm trên. Lưới giăng bắt chim.

Phán lãi ngược lại âm phổ huyễn ngược lại âm dưới lực trái. Quảng nhã cho rằng: Phán là nhìn. Tự thư cho rằng: con mắt đẹp, có phần trắng đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lai là trong con mắt có con ngươi để nhìn thấy. Luận văn cho rằng: viết chư hủ là con mắt nhìn nghiêng, tức là mắt lé. Con mắt nhìn một cách giận dữ, ngược lại âm dưới viết chữ

lãi ngược lại âm lực đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngươi của con mắt không chánh, không thẳng. Nay tục gọi là con mắt có tì vết, ám lỗi ngược lại âm lô đối âm lãi chẳng phải nay dùng.

Da vu ngược lại âm vũ vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm gọi là vu vu cũng là cang là dối trá khinh khi.

****

TAM VÔ TÁNH LUẬN

(Có một tên khác nữa là VÔ TƯỚNG LUẬN đều không có chữ để giải thích âm.)

****

NHƯ THẬT LUẬN

(Không có chữ giải thích âm.)

****

HỒI TRÁNH LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Vô thuỷ bát năng lan ngược lại âm lạt dãn văn trước đã giải thích đầy đủ rồi, chữ viết từ bộ hoả văn luận viết từ bộ thuỷ là chẳng phải chữ bình thanh.

Nhất tương ngược lại âm tưởng dương.

Ưu đội ngược lại âm trên ư vưu. Sách văn tự điển nói rằng: lo buồn chữ viết từ bộ hiệt đến bộ tâm bộ hiệt là cái đầu, người ưu phiền lo buồn đó tất nhiên là áo nơi tâm của người đó, mà hiện ra thấ trên gương mặt và ngược lại. Vui vẻ hay lo buồn cũng hiện trên khung mặt, dấn đến lôi kéo cái chân chậm lại, do ưu sầu, chữ hội ý.

Bát Thập Tứ giả tỉnh âm tinh hoặc là tĩnh ngũ mà biết mê mà được ngộ nghĩa là khi ngũ là mê khi thứ dây là ngộ, là biết vậy.

Tự tha đê hổ âm đệ chữ tượng thanh, hoặc là viết chữ đệ đệ giống như thay thế, văn luận viết chữ điệt ngược lại âm điền kiết nghĩa tuy thông nơi âm chẳng phải thuận nghi, sửa đổi là đệ đưa đi thay phiên luân phiên.

Đại xa ngược lại âm xả giá sách khảo thanh cho rằng: xa là mua chịu, mua nợ trì hoãn, xa vời.

LUẬN NHẤT DU LÔ CA - *Tuệ Lâm soạn.*

Thông duệ ngược lại âm dưới duyệt Huệ. Sách Thượng Thư cho rằng: duệ là bậc thánh. Laị gọi là thông suốt nơi tâm. Giả qùy chú giải sách quốc ngữ rằng: duệ là sáng suốt. Quảng nhã cho rằng: là người có trí tuệ. Hoặc làviết chữ duệ sách Thuyết Văn viết từ bộ duệ bộ mục đến bộ cốc. Thanh tĩnh âm duệ ngược lại tài an kinh văn viết chữ duệ này là sai.

****

LUẬN THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN - *Tuệ Lâm soạn.*

Ấn cảnh ngược lại âm trên nhân dẫn. Tức là phù ấn Luận văn lấy ấn này làm văn thí dụ cho tất cả pháp. Cảnh cũng giống như vậy.

Yêm la quả ngược lại âm trên ám hàm. Theo chữ yêm la đó ở nước Thiên Trúc tên của loại quả. Nước nầy cũng có giống như quả lê ma nhỏ hơn. Nơi nước kia đó là âm hưởng của tiếng phạm không cầu chữ nghĩa.

****

LUẬN QUÁN SỞ DUYÊN - *Tuệ Lâm soạn.*

Giải quyện ngược lại âm trên giai mai ngược lại âm dưới quỳ viên Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xoay chuyển gắn sức. Sách Quốc ngữ cho rằng: đứa con có mõi mệt cố sức dũng mãnh lên. Lai gọi là thâu lấy, Thư thả, Nhà nhã, tức là biếng nhát. Sách Thuyết Văn cho rằng: Làm việc quá sức mõi mệt, chữ viết từ bộ Thủ thanh quyển. Lại viết chữ quyền là nắm tay, cũng cũng với chữ quyền. Lại viết chữ quyền này là nghĩa không đồng.

Ư đằng ngược lại âm dưới đặc đăng. Quảng nhã cho rằng: đằng là chĩ loại thực vật thân leo quấn quít chằng chịt. Cố Dã Vương cho rằng: nay gọi là cõ mạn diên thân dây quấn theo cây, dây leo, như dây sắn, quấn quít chằng chịt, đó gọi là Đằng. Xưa nay chánh tự viết từ bổ Thảo Thanh đằng. Chữ đằng từ bộ chu đến bộ dương đến bộ thuỷ luận văn viết từ bộ nguyệt (0 là chẳng phải âm luỹ là âm luy.

Phân tích ngược lại âm dưới tinh tích theo thanh loại cho rằng:

Tích là phanh ra xẻ ra. Sách khảo thanh cho rằng cắt ra phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chặt phá cây, chữ viết từ bộ mộc thanh cân.

****

LUẬN DƯỠNG TRUNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Hào ly ngược lại âm dưới là ký chi sách chu dịch cho rằng: Mất đi một hào ly là sai đi ngàn dặm. Sách âm nghĩa Hán Thư cho rằng: mười hào gọi là ly. Sách Thuyết Văn nói: hai chữ hào ly đều từ bộ mao. Luận văn viết chữ hào ly này đều chẳng phải đúng chữ.

****

CHỈ QUÁN MÔN LUẬN TỤNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Bàng trướng ngược lại âm trên phác mang Bì thương cho rằng: Bàng là bụng, hậu môn sưng trướng lên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hậu môn, mông đít bọng đái đầy to ra, âm cang ngược lại âm Hồ Giang. Xưa nay chánh tự viết từ bô nhục Thanh giáy. Luận văn viết chữ bàng tục dùng thông dụng.

Quyên trừ ngược lại âm trên là quyết huyền. Khổng An Quốc chú giải sách thương thư rằng: quyển là trừ sạch. Cố Dã Vương cho rằng: Thanh khiết, sạch sẽ, sách khảo thanh cho rằng: cũng là trừ sạch Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thục Thanh ích.

Như chất âm dưới bổn luận âm làchi nhật Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Ở Giang Đông, người ta gọi chất là con đỉa. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Loài côn trùng sống dưới nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Trùng Thanh chí.

Câu trúc ngược lại âm dưới: đinh giác. Khổng An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: Trác chặt, đẻo gọt vót. Tục tư viết chữ trác. Tự thư viết chữ trác chữ viết từ bộ cân thanh khẩu âm khẩu ngược lại âm Đại khẩu. Hồ hạc ngược lại âm dưới là Hà các. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của loài thú, giống như con chờn mà nhỏ hơn. Sách thuận ngữ cho rằng: loài chôn cáo ở hang, lông dày mượt. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con chồn, loài thú thích ngũ, chữ viết từ bộ trĩ âm trĩ thanh tụ. Hoặc là viết chữ hạt văn luận viết chữ hạt tục dùng thông dụng.

Mâu tiển ngược lại âm trên mẫu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Loại bình khí ngày xưa cây giáo, cây kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ mâu chữ tượng hình. Ngọc Thiên viết chữ viết chữ Mâu chữ tượng hình. Ngọc Thiên viết chữ viết chữ Mâu văn cổ viết chữ mâu. Sách văn tự tập lược viết chữ Mâu. Cùng trong văn luận cũng đồng văn thường hay dùng.

****

LUẬN THỦ NHÂN GIẢ THIẾT - *Tuệ Lâm soạn.*

Dĩ nghịch ngược lại âm Xương chích. Cốc lương truyện nói rằng: nghịch là chỉ sách bác nhã cho rằng: Thưa ít, thưa thớt, lớn lao. Tả truyện cho rằng: hầu hạ, phục dịch. Lại cũng gọi là nhiều. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm Thanh Nghịch âm nghịch là âm kinh văn viết chữ nghịch tục dùng thông dụng.

Anh hài ngược lại âm trên ích doanh Thiên Thương Hiệt ghi rằng: con gái thì gọi là anh con trai thì gọi là hài Thích danh cho rằng: con người ban đầu mới sanh ra gọi là anh nhi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ Thanh Anh, âm Anh đồng với âm trên. Luận văn viết chữ Anh đồng với âm trên. Luận văn viết chữ Anh này là chẳng phải.

****

QUÁN TỔNG TƯỚNG LUẬN TỤNG

(Không có chữ có thê giải thích âm.)

****

LUẬN ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Vô vi ngã ngược lại âm trên vĩ nguy.

Tương ưng ngược lại âm trên tức dương. Ngược lại âm dưới ư căng.

Tứ phú ngược lại âm dưới phương cứu. Giả quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: phú là che đậy. Quảng nhã cho rằng: che tối âm u, che bóng râm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Á ngược lại âm hách giả.

Ngũ cuống ngược lại âm dưới câu hiệu. Giả quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: cuống giống như lừa dối, đánh lừa, mê hoặc. Đổ dự chú giải Tả Truyện rằng: Khinh khi.

Hôn trầm ngược lại âm trên hớt côn Khổng An Quốc chú giải, sách thượng thư rằng: Hôn loạn. Trịnh Tiễn chú giải Mao thi truyện rằng: Hồn là mê mẫn không biết gì. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đến bộ dân, ngược lại âm dưới đặt Lâm Khổng An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: Trầm gọi là tối tăm say sưa. Cố Dã Vương cho rằng: Trầm giống như chìm đắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ đến bộ Trầm âm trầm ngược lại âm dư châm.

Điệu cữ ngược lại âm trên điều diệu. Giả quỳ chu giải sách Quốc ngữ rằng: điệu là lắc lư, lung lay. Quảng nhã cho rằng: xoay chuyển, lay động. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thủ đến bộ trác ngược lại âm dưới cư lữ. Cố Dã Vương cho rằng: cữ là đưa lên, xem xét, kiểm soát. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dữ. Sách văn tự tập Lược viết chữ cữ.

Thuỳ miên ngược lại âm trên là Thuỳ lệ ngược lại âm dưới là miến biên.

Tứ tứ ngược lại âm dưới tư thứ sách vận lược cho rằng: tứ là hầu hạ.

Nhị thập nhị số ngược lại âm dưới sác cú khổng An quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: số là tính toán sách chu lễ cho rằng: số đó là mười trăm ngàn, vạn, ức Triệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tính toán trừ lượng con số chữ viết từ bộ phộc đến bộ lâu âm phộc ngược lại âm phổ bốc.

Trạch diệt ngược lại âm trên là trạch sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trạch là lựa chọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyển chọn, chữ viết từ bộ Thủ đến bộ trạch, ngược lại âm dưới di miết (0. khổng an Quốc chú giải sách Thương Thư rằng: diệt là chết mất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dứt tuyệt sách Thuyết Văn cho rằng: Hết sạch, chữ viết từ bộ Thuỷ đến bộ diệt

****

BÁCH TỰ LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thông duệ ngược lại âm dưới duyệt nhuế văn trước trong luận nhất du Lô Ca đã giải thích đầy đủ rồi.

Phảng chức ngược lại âm trên phương cang. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: phảng là dệt vãi sợi. Trịnh Tiển chú giả sách nghi lễ rằng: phảng là sợi tơ này người ta dùng để buộc. Sách Khảo thanh cho rằng: dùng sợ chỉ ràng rịt, quấn lại với nhau khiến cho siết chặt lại âm củ ngược lại âm kinh dậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng những sợi chi quấn lấy với nhau, tức là làm thành sợi dây lớn, chữ viết từ bộ mịch Thanh phảng.

Lương Truyền ngược lại âm dưới truyện loan. Sách khảo thanh cho rằng: Truyền là rui nhà. Sách Thuyết Văn deo rằng: nước Tần gọi là Truyền rui nhà. Nước Tề, Lỗ gọi là giác là sườn nhà, chữ viết từ bộ mộc thanh truyện âm truyện ngược lại âm trở hoàn.

****

THỦ TRƯỢNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*

Vi vô ngược lại âm trên vu nguỵ.

Trầm luân ngược lại âm trên trực Lâm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trầm la chìm đắm. Luận Đại Thừa bách pháp đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới luật thần. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Luân là chìm đắm trong nước. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngâm trong nước. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: những đợt sóng nhỏ gọi là luân Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ luân này.

Thản Đạo ngược lại âm trên Thang Lãn. Sách Chu dịch cho rằng: Mang giày dép đi trên con đường bằng phẳng Quảng Nhã cho rằng: bằng phẳng Sách Thuyết Văn cho rằng: an ổn chữ viết từ bộ thổ đến bộ đản.

Điên quệ ngược lại âm trên Điển niên. Sách Khảo Thanh cho rằng: điên là rơi xuống. Quảng Nhã cho rằng: Đảo ngược. Hoặc là viết chữ điên. Luận văn viết chữ điên tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới quyển nguyệt. Quảng nhã cho rằng: quệ là bại hết sức lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: vấp té ngã ngữa chữ viết từ bộ túc Thanh quệ.

Đoạn ngược lại âm trên đoạn loan. Trịnh sĩ chú giải sách lễ ký rằng: đoạn cũng giống như sai khiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: diệt tiệt đoạn lìa, chữ viết từ bộ cân đến bộ kế âm kế là âm tuyệt. Tuyệt là chữ ử Luận văn viết chữ đoạn tục dùng thông dụng ngược lại âm dưới ca khát. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: cát là bóc ra, lột vỏ Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nức ra. Quảng Nhã cho

rằng: cắt đứt lìa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao đến bộ hai.

Số lượng ngược lại âm trên sắc cú ngược lại âm dưới lực trượng. Luận văn viết chữ lượng tục dùng thông dụng.

Nhất phân ngược lại âm dưới phò vấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Bát đến bộ đạo

Tồi tàn dĩ ngược lại âm trên tang lôi. Cỗ Dã Vương cho rằng: Tồi cũng giống như bẻ gãy. Ngược lại âm dưới tạng lan. Quảng nhã cho rằng: tàn là diệt mất. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bại hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạt đến bộ tàn âm ngạt đồng với âm trên âm tàn cũng đồng với âm trên.

Thiêm số ngược lại âm trên Thiêm niên Quảng nhã cho rằng: Thiêm là có lợi ích, ngược lại âm dưới là sương cú.

A Đà na Thức Tiếng Phạm tức là Hàm tạng thức.

Yết lạt la xưa dịch là yết la lam tức là ban đầu mới thọ thai.

Tang là khứ thanh

Tắc ca hai âm hợp

La bát để dã tiếng phạm danh pháp số.

Tỳ nhã Nam Bà Bạc bát để dã xã để tiếng phạm tên của văn nghĩa.

Cưỡng bức ngược lại âm trên cự lương Bì thương cho rằng: cường là sức mạnh. Quảng Nhã cho rằng: chữ viết từ bộ Hoằng đến bộ trùng ngược lại âm dưới băng lực. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: bức bách, ép buộc. Sách Bác Nhã cho rằng: cận kề một bên, Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước Thanh bức âm bức ngược lại âm phi bích

Tăng thừa ngược lại âm trên tắc đăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tăng thêm nhiều lớp. Quảng Nhã cho rằng Tăng thêm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có lợi ích. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Tăng thêm đông nhiều, ngược lại âm dưới Thằng chứng. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: Thừa là cổ xe tên chung của loại xe cộ.

Kỳ giảm ngược lại âm giáp trảm. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: giãm là nhẹ bớt quảng nhã cho rằng: ít Sách Thuyết Văn cho rằng: tổn giảm chữ viết từ bộ thuỷ Thanh hàm.

Vô phí ngược lại âm phi vị là hao mòn. Bì thương cho rằng: Tổn giảm, hao tổn Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu tan tài vật chữ viết từ bộ bối đến bộ phất.

Khan nhơn ngược lại âm trên khanh gian Thiên Thương Hiệt ghi

rằng: yêu tiếc tài bảo của ải không muốn xả bỏ gọi là khan. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kiên Hoặc là viết chư khan.

Ớt Ba Tha ngược lại âm trên. Ô cớt âm tha là âm tha tiếng phạm.

Nam Tao ngược lại âm tảo Lao Bì Thường cho rằng: Tao là gặp. Sách Bá Nhã cho rằng: Bổn nhiên đến kịp sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước đến bộ Tào. Thanh tao.

Dị Đắc ngược lại âm trên: dị dịa Thiên Thương Hiệt ghi rằng: di là không khơ.

Ngũ cá ngược lại âm ca nga cũng viết chữ cá.

Khai khiếp ngược lại âm dưới lum giáp. Sách phương ngôn cho rằng: Loại rương nhơ. Trịnh Tiển chú giải sách Ký lễ rằng: Cái tráp đựng chứa rát nhiều đồ vật chữ viết từ bộ Trúc đến bộ Khiếp âm khiến đồng với âm trên.

Bát hà ngược lại âm dưới hà giá. Giả vùi chú giải sách quốc ngữ rằng: Hà là nhàn nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhật đến bộ hà.

Đại trách âm dưới là trách. Sách Khảo thanh cho rằng: Trách là chữ hẹp. Theo Thanh loại cho rằng: bức bách. Hoặc là viết chữ trách cũng viết chữ trách.

Tịch dư ngược lại âm trên tình dạ. Sách Bác Nhã cho rằng: Tịch là cỏ khô dùng làm chiếu, đệm. Sách chu dịch cho rằng: dùng cỏ mao trắng.

Cù Lao ngược lại âm trên cụ vu. Quãng nhã cho rằng: cần cù, siêng năng. Trịnh Tiển chú giải sách lễ ký rằng: cù cũng như là cù lao. Ngược lại âm dưới Lão Dao. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Lao là mõi mệt. Sách nhữ nhã cho rằng: chăm chĩ, siêng năng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cố gắng quá sức. Chữ viết từ bộ lực nói dùng sức đó tức là lao khổ cực nhọc.

A Kíp Ma âm giữa là kiềm nghiệp. Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Giáo pháp. Hoặc gọi là truyền lần lần lảnh thọ giáo pháp.

****

LUẬN ĐẠI THỪA PHÁP GIỚI VÔ SAI BIỆT - *Tuệ Lâm soạn.*

Ứng như ngược lại âm trên ư căng.

Phân vị ngược lại âm trên phất vấn.

Khai xiển ngược lại âm trên khải ai. Sách Thuyết Văn cho rằng: khai mở ra. Chữ viết từ bộ môn Thanh biện. Kinh văn viết từ chữ khai tục dùng thông dụng, âm biện ngược lại âm di hiền ngược lại âm dưới xương diển. Sách Hàn Khang Bá nói rằng: Xiển là sáng suốt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khai mở ra rộng lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ môn Thanh đơn.

Biến dịch ngược lại âm trên bĩ quyến. Quãng Nhã cho rằng: biến hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phộc Thanh biến. Kinh văn viết từ bộ cữu viết thành chữ biến tục dùng thông dụng, âm phộc ngược lại âm phở bốc âm biến ngược lại âm lực quyến dưới là âm diệt.

Ngộ Phạm ngược lại âm trên ngũ cố Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngu là sai lầm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lầm lẫn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn Thanh ngô. Kinh văn viết từ chữ ngô tục dùng thông dụng.

Phúc ế ngược lại âm trên phương cứu. Giả quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: chữ viết từ bộ Á Thanh thục âm Á ngược lại âm hách giả ngược lại âm dưới ư kế. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: ế là che. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: che đậy. Chữ viết từ bộ vũ thanh ế âm ế đồng với âm trên.

Phiêu lưu ngược lại âm trên, thất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: Phiêu lưu là trôi nổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước chữ viết từ bộ thủy Thanh phiêu âm phiêu đồng với âm trên.

Phẩn trung ngược lại âm phân vấn phẩn cho ế nên từ bỏ đi. Chữ viết từ bộ thổ Thanh phẩn. Kinh văn viết chữ phẩn tục dùng thông dụng.

Bao khỏa ngược lại âm trên bào giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ bao từ bộ báo giống như phần người công lại có chỗ bao gói trong lòng. Ngược âm dưới cổ hỏa. Cố Dã Vương cho rằng: Khỏa giống như bao. Sách Thuyết Văn cho rằng, trên dưới từ bộ y thanh quả) âm bao là âm bao.

T 649

Đọa xí ngược lại âm trên độ quả Trịnh Tiển chú giải sách Đại Đái Lễ rằng. Đọa là rơi xuống. Sách Vận Lược cho rằng: rơi rụng, chữ viết từ bộ thổ thanh đọa âm đọa đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới sơ sự. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xí là cái chuồng nhớt heo, chữ viết từ bộ nghiễm Thanh lức, âm nghiển ngược lại âm ngư hiểm.

Cổn trước ngược lại âm trên Hồ bổn. Cố Dã Vương cho rằng: Cổn

là ế trược dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy Thanh côn ngược lại âm dưới trực lược. Sách Khảo thanh cho rằng: Trước là nương tựa bám vào.

Phong Trước ngược lại âm trên phong dụng Phong chấp cầm nắm.

Sơ Tế ngược lại âm bi duệ. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Tế là ngăn che. Sách khảo thanh cho rằng: che đậy. Sách văn tự điển nói rằng: Chữ viết từ bộ thảo Thanh tế âm tế đồng với âm trên.

****

LUẬN LỤC MÔN GIÁO THỌ TẬP ĐỊNH - *Tuệ Lâm soạn*.

Phiền não chướng ngược lại âm dưới chương nhương sách khảo thanh cho rằng: chướng là ngăn che, sách Tập Huấn cho rằng: che lấp ẩn giấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ranh giới, chữ viết từ bộ phụ Thanh chướng. Kinh văn viết chữ chướng này là sai.

****

LUẬN PHÁ NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA TỨ TÔNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Tăng khư ngược lại âm dưới khương già Tiếng Phạm Tên của ngoại đạo.

Thư Thảo ngược lại âm dưới trắc giảo Theo tả truyện cho rằng: dùng răng móng móc lấy trái tim trong bụng ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: là móng tay, chân hoặc là viết chữ hiệu chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ Thủy viết thành chữ tảo là chẳng phải.

****

LUẬN PHÁ NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA NIẾT BÀN - *Tuệ Lâm soạn.*

Luy hình ngược lại âm trên lụy nguy. Đỗ Dự chú giải tử truyện rằng: Lụy là ốm yếu. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Lụy là bệnh gầy ốm. Hứa Ngữ rằng: Thúc Trong chú giải sách Hòai Nam Tử rằng: Thiế kim các đường vân đều ốm yếu. Chữ viết từ bộ dương đến bộ Luy âm luy ngược lại âm lực ngọa.

Ma Huê ngược lại âm dưới huyết kê. Tiếng Phạm Kinh văn viết chữ Hê này là sai.

Lưỡng Bể ngược lại âm dưới liễu mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bể là xương đều ngoài, chữ viết từ bộ cốt kinh văn viết chữ bể tục dùng thông dụng.

Khước cân Trên là chữ khước. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ nhục đến bộ Thi Thanh cốc ngược lại âm cực lược. Theo trọng nhơn là từ bộ khẩu. Luận văn viết từ bộ nhục đến bộ khứ viết thành chữ khước là chẳng phải. Ngược lại âm dưới cấn ngận. Thích danh cho rằng: Gót chân sau theo gót chân sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là gót chân viết từ bộ túc Thanh cân.

Đề Trí ngược lại âm dưới văn nhị. Tiếng Phạm tên nữ ngoại đạo.

Ma Thố ngược lại âm dưới nỗ dầu tiếng phạm. Tên nữ ngoại đạo viết đúng là Thố văn thông dụng thường hay dùng.

Xà Yết ngược lại âm dưới hiên yết. Sách Bác Nhã cho rằng: yết là loài côn trùng cắn chích. Quảng nhã cho rằng: còn một tên khác nữa Lãn Lạt. Âm lãn là âm Thát âm lạt ngược lại âm lạc cát. Xưa nay chánh tự cho rằng: Loài sâu mọt, giống bò cạp, có đuôi dài âm sái ngược lại âm sữu giới văn thông dụng cho rằng: Lãn Lạt là loài côn trùng gọi tên khác vậy. Sách thuyêt văn cho rằng: Loài côn trùng gieo độc hại, thuộc ấu trùng văn cổ viết tượng hình Lại viết từ bộ trùng kinh văn viết chữ Hạt là loại côn trùng ăn lá dâu âm hạt ngược lại âm Hồ cát chẳng phải nghĩa đây dùng.

Văn Manh ngược lại âm dưới mạch canh. Sách trang tử nói rằng: văn manh là con ruồi, con muỗi. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Manh là con muỗi chuyên đi hút máu. Theo Thanh hoại cho rằng: giống như con nhặng mà lại lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắn người bay đi chữ viết từ bộ côn.kinh văn viết chữ manh là viết lượt Mông Thành chữ.

Dãng Tảo ngược lại âm trên dục tăng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Trị Truyên rằng: Một loại côn trùng như nhện thân nhỏ dài chừng ba phân, màu trắng hoặc màu tro, không làm lưới mà bò trên vách bắt ruồi. Sách phương ngôn cho rằng: Giữa nước Tần Sở từ quan ải mà Tây Tần, Tấn gọi là Dăng là con ruồi. Đông Tề Dường tức là con Trâu. Quách Phá cho rằng: Đây là chuyển ngữ không đúng. Nay ở Giang Đông người ta gọi là thanh dương. Như là Dăng, vậy như đây so sánh thì không thích hợp tên sai khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng có bụng lớn chữ viết từ bộ mảnh đến bô trùng âm mảnh là âm mảnh kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ Thằng là chẳng phải ngược lại âm dưới là tao

lão. Sách Hán Tử nói rằng: Hàn Thiệu Hầu. Sáng sớm là xướng hiện con bọ chét, mà nói rỏ rằng mất hút vào buổi sáng sớm. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: khiến cho con cóc bắt con bọ chét ăn. Sách Khảo thanh cho rằng: Loài con trùng hay cắn người rồi nhảy đi, hoặc viết chữ tảo từ bộ trùng kinh văn viết tảo này là sai.

Do diêu ngược lại âm trên dĩ châu ngược lại âm dưới diễn tiên sách phương ngôn cho rằng: do diên là từ quan ải đến Đông gọi là do diên hoặc là nhập nhĩ. Lại nói rằng: Bắt yến gọi là Tích Dịch là do diên. Sách khảo thanh cho rằng: do diên là tên của loài côn trùng tức là con cuốn chiếu hoặc viết chữ du. Xưa nay chánh tự điều viết từ bộ Trùng đều Thanh do diên.

Cước Thích ngược lại âm trên cạnh lực văn trước duy thức luận đã giải thích đầy đủ rồi, ngược lại âm dưới là Thư Trí. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cây táo có gai nhọn. Sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm cây cỏ có gai đâm người đều gọi là thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây có gai gọi là ngoài da cây có gai nhọn đó là cây táo, loại cây du nhĩ hoặc là viết từ bộ Thúc đến bộ Thảo kinh văn viết chữ thích là sai.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 52

Kinh âm trường A Hàm Hai mươi hai quyển Huyền ứng
Kinh trung A Hàm sáu mươi quyển Huyền ứng
Kinh tăng nhất A Hàm năm mươi mốt quyển Huyền ứng
Kinh tạp A Hàm năm mươi quyển Huyền ứng
Kinh biệt dịch A Hàm hai mươi quyển Huyền ứng
Kinh phật bát nê Hoàn hai quyển Huyền ứng
Kinh đại Bát Niết bàn hai quyển Huyền ứng
Kinh nhơn bổn dục sanh một quyển Huyền ứng
Thi ca la việt Lục Hướng Lễ một quyển không
Kinh phạm chí a Bạt một quyển Huyền ứng
Kinh phạm võng lục thập nhị kiến Huyền ứng
Kinh tịch chí quả một quyển Huyền ứng
Bên phải là mười ba kinh hai trăm mười bốn quyển. Đồng âm với quyển nầy.

KINH TRƯỜNG A HÀM - *Huyền Ứng soạn.*

QUYỂN 1

(Không có từ âm nghĩa)

QUYỂN 2

Phòng ngự ngược lại âm ngư cữ. Gọi là phòng bị ngăn cấm phòng dật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ngăn cấm, chống giữ không cho phóng dật buông thã, âm hãn ngược lại âm Hồ đãn hai chữ cấm ngự đều từ bộ Thị.

Thừa phù lại viết chữ phù cũng đồng ngược lại âm phò lưu quấn quanh cây đó có cục nhỏ nổi lên gọi là phù ngược lại âm phu.

Minh triết văn cổ viết chữ triết hai thể hình, nay viết chữ triết này cũng đồng, ngược lại âm tri liệt sách Nhĩ Nhã cho rằng: Triết là Trí Huệ, cũng gọi là người thông suốt.

Thán Trá văn cổ viết chữ Thán hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tha đản Thán là rên than la hét. Lại viết chữ độ ngược lại âm trúc trũng văn thông dụng dùng để giải thích rằng: Đau khổ thương tiếc gọi là trá.

Điền tắc lại viết chữ điền cũng đồng ngược lại âm Đồ Kiên Quảng nhã cho rằng: điền tắc cũng là lấp cho đầy khoảng trống.

Tinh yếm Tên người âm cam thừa nói rõ chỗ là chưa no. theo văn cổ viết Thái Yếm, hai chữ tượng hình nay viết chữ bào. Bào giống như đầy tràn đầy. Đây nên nói chữ yếm là viết sai âm yếm ngược lại âm ư diêm.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 3

Vẫn tuyệt tự thư viết chữ vẫn cũng đồng ngược lại âm vu mẫm. Theo Thanh loại cho rằng: vẫn là chết cũng viết là rơi xuống, ngã xuống mà chết.

Oanh oanh nay viết chữ oanh sách viết chữ oanh cũng đồng ngược lại âm hồ bằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: oanh là tiếng xe chạy rầm rầm, ầm ầm.

Bàng dương. Phòng dương hai âm quảng nhã cho rằng: Bàng dương đi theo dựa vào cũng gọi là không dứt khoát, ngập ngừng loanh quanh.

Thanh quát ngược lại âm công hoạt. Gọi là inh ỏ, om sòm huyên náo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng, âm thanh quấy nhiễu bên lỗ tai, nói ồn ào.

Trọc Hổn ngược lại âm hồ côn gọi là Hổ Loạn, cũng gọi là tiếng nước chảy.

Điềm đạm ngược lại âm Đồ liêm đồ lam hai âm. Nói điềm đạm là điềm tĩnh. Quãng nhã cho rằng: Đạm là an.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 4

Hư Huy văn cổ viết chữ hy cũng đồng. Ngược lại âm trên hân cư ngược lại âm dưới hân ký. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiếng gào khóc nghẹn ngào, cũng gọi là bi thương.

Chung thố ngược lại âm thả cố thố là an, cũng gọi là đặt để, sắp đặt thi hành.

Luân ế ngược lại âm lực quân. Luân là chiềm đắm, ế là che đậy. Gọi là chìm trong tối tăm, mê muội.

Lỗ hỗ ngược lại âm lực cố hỗ cổ. Gọi là đi tung hành ngang dọc, cũng gọi phóng túng bừa bãi. Lại cũng gọi là dáng diệu hùng hổ ngang ngược, hống hách. Âm Nghĩa Hán Thư cho rằng: Hổ là hống hách, tự cao tự đại.

Hà khích văn cổ viết chữ khích cũng đồng, ngược lại âm khưu nghịch. Lỗ hổng lớn bức tường sập. Kinh văn viết chữ khích chẳng phải thế chữ, chữ khích từ trên dưới bộ tiểu đến bộ bạch.

Xí vọng văn cổ viết chữ, nghiên xí hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm hư thị văn thông dụng cho rằng: nhón gót chân lên gọi là xí chữ viết từ bộ nhơn đến bộ chỉ.

- QUYỂN 5, 6,: không có từ âm nghĩa

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 7

Đội đội văn cổ viết chữ đội cũng đồng ngược lại âm đồ đối nói rằng: đội ngũ quần thể tùy từng đuổi theo.

Vi miệt ngược lại âm vọng chi Lâm tự cho rằng: nan tre kinh văn viết chữ miệt chữ này cũng đồng. Nay các sĩ phu nước thục quan trung gọi là cật tre, nan tre là miệt kinh văn viết thiên là sai vậy.

Hữu triết ngược lại âm tu liệt. Gọi là phát tràn đầy, thấm, rĩ, dột.

Tự vẫn văn cổ viết chữ vẫn cũng đồng nghĩa ngược lại âm vong phân. Theo công dương truyện nói rằng: công không thành danh không toại thất cô tự vẫn mà chết. Hà hưu cho rằng: vẫn là chóng dao cắt ra âm đậu là âm đâu là cái cổ.

Nhiêu giác ngược lại âm khổ giao. Ngược lại âm dưới khổ giác văn thông dụng nói rằng: vật cứn rắn, mạnh mẽ gọi là nhiêu giác. Sách Mạnh Tử nói rằng: Nhiêu giác đó là sường đất mõng.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 8

Uế thao ngược lại âm vu phế gọi là không sạch sẽ, cũng gọi là xấu ác, kinh văn có viết chữ từ bộ hòa hoặc viết từ bộ dậu viết thành chữ uế hai chữ tượng hình này đều chẳng phải.

- QUYỂN 9, 10 (Trước đều không có âm.)

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 11

Bài tế ngược lại âm tử chĩ Dùng sức chèn ép gọi là bài tể Quảng nhã cho rằng: Lôi kéo đổi ra văn kinh viết chữ tế là sai, âm nhung ngược lại âm nhi dũng.

Bất tiết ngược lại âm tức liệt Tướng giáp có thói quen gọi là khinh nhơn, cũng gọi là đùa cợn.

Môn khổn lại viết chữ khổn cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn. Tam thương cho rằng: cửa hẹp nhỏ, chật hẹp.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 12

Đế bà trong kinh có viết chữ bà dựa theo chữ âm đầy đủ là quyến đến duyên hai âm gọi là nhường nhịn lẫn nhau.

Bể đề ngược lại âm bổ mể trong kinh văn có viết chữ tỷ chữ dưới bộ môi viết thành chữ bễ là sai.

Cu ky trong kinh văn cũng có viết chữ ky ngược lại âm cự ký.

Viên đầu hoặc viết chữ viên cũng đồng ngược lại âm vũ phiền dựa theo chữ lâu ngược lại âm vu phược.

Phê na ngược lại âm phò mê bổ miệt hai âm, dựa theo chữ quảng nhã cho rằng: phê tức là dùng tay mà đánh, tát, vả, đấm.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 13

Tiêu trung sách Tiểu nhĩ thất viết chữ tiêu. Sách Thiên Thương Hiệt viết chữ tiêu, cũng đồng ngược lại âm tư tiểu. Để nhiều đao đó sách phương ngôn cho rằng: bao đựng kiếm.

Lại tất ngược lại ậm lực cái dựa theo Lâm tự cho rằng: nước chảy cát bay ra.

Trì kích ngược lại âm cự nghịch kích là cây giáo. Thích danh cho rằng: dùng cây kích để đánh nhau cây kích có nhánh chia ra. Văn kinh có viết từ bộ kim viết thành chữ kích này là chẳng phải.

Quệ Đảo ngược lại âm cự nguyệt cực nguyệt hai âm. Sách Thuyết Văn nói quệ là té ngã ngữa. Quảng nhã cho rằng: vấp té ngã ngữa.

- **QUYỂN 14** (Trước không có âm.)

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 15

Chất cốc ngược lại âm chi thật cổ lậc hai âm. Sách Chu Lễ cho rằng: gông cùm tay gọi là chất, gông cùm ở chân gọi là cốc cũng gọi là nữu giới.

Viện trợ ngược lại âm vũ quyến. Gọi là nương dựa vào giúp đỡ hổ trợ. Theo tả truyện cho rằng: đứa con chưa có tài sản lớn thì phải viện trợ, cứu giúp vậy.

QUYỂN 16, 17 (Đều không có âm giải thích.)

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 18

Kim quang lại viết chữ quang cũng đồng ngược lại âm quang. Gọi là thanh gỗ ngang làm nất thang bước lên xe.

Trung cấp ngược lại âm cư cập cấp là thứ bậc. Gọi là thềm bậc mà có thể đi lên như bậc thềm một bậc thềm hai.

Giáp đạo ngược lại âm cổ hạp. Cây kẹp hai bên lọt vào giữa cũng là kẹp giữ lấy. Tam thương cho rằng: kẹp là thêm vào.

Khư trù văn cổ viết chữ trù hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm thị do trúc cưu hai âm trên của Tông lâm.

Phiếm phiếm văn cổ viết chữ phiếm cũng đồng ngược lại âm phù kiếm. Quảng nhã cho rằng: phiếm là nỗi trên mặt nước. Cũng gọi là tràn ngập.

Đình thủy ngược lại âm địch kinh. Bì thương cho rằng: nước ngưng chảy gọi là đình.

Nê thấp ngược lại âm nô hiếu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nê là đất bùn, cũng gọi là trần nịch dưới đất nước bùn, ẩm ướt.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 19

Thùy giáp văn cổ viết chữ trùy cũng đồng ngược lại âm đồ hồi gọi là ném xuống. Ngược lại âm dưới ưng giáp. Từ trên mà thêm vào dưới. Kinh văn viết thôi giáp chẳng phải thể chữ.

Tùng yết lại viết chữ yết cũng đồng ngược lại âm ư hiền. Gọi là yết hầu, cổ họng. Kinh văn viết chữ Yết chưa thấy chữ này chổ xuất từ sách nào.

Bồng bột ngược lại âm bổ công bổ một. Quảng nhã cho rằng: Bột là thịnh vượng. Bồng bột la sứng lên.

Bôn trì văn cổ viết chữ bôn nay viết chữ bôn này cũng đồng, ngược lại âm bổ môn. Gọi là chạy nhanh. Thích danh cho rằng: chạy như biến. Có cấp biến chạy nhanh, có việc gấp nên vội vàng chạy nhanh.

Đảm chế lại viết chữ đảm cũng đồng, ngược lại âm trắc gia Quảng nhã cho rằng: Đảm là nhận lấy trách nhiệm, âm dưới lại viết chữ xế cũng đồng ngược lại âm xương chế chế là lôi kéo dẫn dắt.

Tha duệ ngược lại âm thái hà dưới lại viết chữ duệ cũng đồng. Ngược lại âm dư thế. Tha duệ là nắm lôi kéo dẫn dắt.

Đông văn cổ viết chữ trũng cũng đồng ngược lại âm tri lục. Gọi là trong tay lạnh rét nên làm bị thương lỡ loét.

Phanh chi văn cổ viết chữ phanh cũng đồng. Ngược lại âm bổ canh kéo dây cung là phanh trong kinh văn viết chữ phanh. Lâm tự cho rằng: vải lụa không có văn. Chữ phanh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hao hồ lại viết chữ hổ cũng đồng. Ngược lại âm hồ giao văn thông dụng cho rằng: Tiếng gầm rống của con hổ, cũng là tiếng dọa nạt, âm hách ngược lại âm hồ giá.

Liệu thân lại viết chữ tiểu cũng đồng. Ngược lại âm lực điểu lực dưới hai âm. Tự Lâm cho rằng: Liệu là nướng.

Thương bậc ngược lại âm thất dương chữ bật nay viết chữ phốc cũng đồng, ngược lại âm bổ bắc. Thương là dáng đi chững chạc uy nghi, chuyển động. Phốc là phía trước che chắn nên vấp té ngã ngữa.

Hữu đoan ngược lại âm Thị duyên Tự Lâm cho rằng: chẻ tre ra làm cái hợp cái quả đựng ngũ cốc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: viết chữ đoan ngược lại âm thời duyên là cái mâm tròn cũng là đựng thức ăn.

Á Hoặc ngược lại âm ư giã bì thương cho rằng: Á cũng là ám kinh văn viết A ngược lại âm ư hà. Gọi là bệnh chư A này chẳng phải nghĩa đây dùng. Lại viết chữ Á ngược lại âm ắt bạch thanh tiếc cười đều chẳng phải chữ nghĩa.

Như hằng ngược lại âm cổ hằng văn thông dụng cho rằng: sợi dây rốn gọi là hằng. Hằng cũng là chữ Thằng kinh văn viết chữ hằng là chăng phải âm hằng ngược lại âm hồ quan.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 20

Thạch đoa ngược lại âm đồ quả văn thông dụng cho rằng: chứa nhiều đất gọi là đóa kinh văn viết chữ đóa là chẳng phải.

Biện vũ lại viết chữ biện cũng đồng ngược lại âm bì biến. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tay vỗ vỗ an ủi gọi là biện.

Hê ngôi (0 ngược lại âm ngũ hồi Tên Thiên tử ở các cỏi trời đạo lợi.

Quyên quái ngược lại âm cổ huyền cổ hội hai âm, quyên là dùng

nước phơ chảy. Quái là vòi dẫn nước từ trên núi xuống thoát ra ao hồ, sông rạch, cống rảnh rộng hai tầm, sau hai trượng.

Xà trí ngược lại âm thật giá tên của cái ao. Trong kinh văn viết chữ xà là sai.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 21

Huyệt truyền văn cổ viết chữ toàn cũng đồng, ngược lại âm tuyệt duyên (0 nước tự xuất ra là tuyền trong kinh văn viết chữ tuyền hoặc là viết chữ tuyền là chẳng phải thể chữ.

Hồ hấp văn cổ viết chữ hấp hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp là hít vào.

KINH TRƯỜNG A HÀM
QUYỂN 22

Tử bách là viết chữ tử cũng đồng ngược lại âm tư ly tên của cây có thể gọi là cầm sắc. Tử cũng là cây thu.

Di hệ văn cổ viết chữ hệ kế (0 hai chữ tượng hình cũng đông ngược lại âm cổ nghệ. Hệ là nói tiếp theo, kế tục, nối dõi sự nghiệp tiếp theo.

Phủ cái ngược lại âm phù chủ. Gọi là vỗ nhẹ phủ vỗ về. Sách thượng thư cho rằng: đánh vào đá, vỗ vào đá.

****

KINH TRUNG A HÀM - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Điểu Huệ ngược lại âm hứa uế sách Thuyết Văn cho rằng: Huệ là cái miệng chữ viết từ bộ khẩu thanh duyên âm duyên ngược lại âm Tha loạn.

Dũng nghị ngược lại âm ngưu ký sách thượng thư cho rằng: Giết địch có quả cảm quả thật là cương nghị nghị cũng là quả quyết.

Ác Sái ngược lại âm ô các Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ác là đất sét, đất khó có màu trắng. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: đất để trát tường gọi là ác. Quách Phác cho rằng: Lấy đất trắng để tô điểm cho vách tường. Thích danh cho rằng: đất sét là ác, ác cũng là vôi trắng. Trước tiên là bùn kế đến lấy tro để mà quét vào tường, cũng gọi là vôi trắng.

Niêm đậu ngược lại âm nữ diêm Tên của loài đậu.

Giá đường lại viết chữ đường cũng đồng ngược lại âm đồ lang. Lấy mía ngọt làm đường. Nay viết chữ đường này làm đường vậy.

- **QUYỂN 2** (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 3

Vĩ Khá văn cổ viết chữ hà nay viết chữ kha cũng đồng ngược lại âm khẩu á. Bì thương cho rằng: xương hông. Kinh văn viết chữ cách ngược lại âm ca ngạch gọi là xương khô là cách cách chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 4

Lệ chế lại viết chữ chế này cũng đồng ngược lại âm xương chế nói đúng lệ chế tỳ. Đây dịch trơn mịn.

Khôi thủ ngược lại âm khổ hồi sách Thuyết Văn cho rằng: ưa thích mài mực gọi là khôi kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ khôi

lan hai chữ tượng hình chẳng phải thể.

Tế mể ngược lại âm tử duệ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lúa mạch lớn lại gọi là giống như lúa mạch mà không dẽo. Quan Tây gọi là lúa ma.

Tạp quáng ngược lại âm cổ mảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại lúa mang cốc lúa mì. Trong kinh văn viết từ bộ mạch viết thành chữ quáng chữ cũng gần với nghĩa chữ quáng.

Tiển kim đầu mũi tên. Quan Tây gọi là đầu mũi tên nhẹ mà nhọn. Sơn Đông gọi là cung tên hoặc gọi là tên khác của đầu mũi tên.

Liễm nao ngược lại âm nô giáo liễm là chèn ép, bẻ cong lại. Gọi là sửa mũi tên cho cong lại.

Hữu khố ngược lại âm tổ một. Sách Thuyết Văn cho rằng: người thấp hèn làm nô lệ cấp cho việc làm đó gọi là khố. Xưa lấy làm nhuộm áo để cho biết biểu hiện của người tô tớ thấp hèn. Sách phương ngôn cho rằng: giữa Nam Sở Đông Hải hoặc gọi là khố là cái quần màu tím đỏ. Quách Phác cho rằng: nói là cái áo của người nô lệ mặc màu đỏ cho nên chữ viết từ bộ y.

Suyển Cát Theo thanh loại viết chữ duyên cũng đồng ngược lại âm chi diễn. Sách Thuyết Văn cho rằng suyển cát là đoạn đầu cũng gọi là dứt tiệt giết chế.

- **QUYỂN 5** (Không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 6

Tế xuyết văn cổ viết chữ xuyết cũng đồng ngược lại âm chư nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyết là rót rượu âm lỗi ngược lại âm lực ngoại. Lâm tự cho rằng: lấy rượu rót xuống đất để tế lễ. Sách phương ngôn cho rằng: rót rượu dâng thức ăn cho đầy đủ, dư thừa.

Phụ liên ngược lại âm lực tiễn sách Hoài Nam tử cho rằng: Liên là mang gạo thóc mà đến. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Liên là gách vác nay đều viết chữ liễn này.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 7

Thô tế lại viết chữ thô này cũng đồng ngược lại âm thô cô. Thô là lớn Tế là nhỏ kinh văn viết chữ trần tế là sai.

Não cân ngược lại âm nô lão nói nảo là trên đầu phía sau ngọc chuẩn sau ót gối nằm.

Quyền sĩ Lại viết chữ Quyện cũng đồng ngược lại âm cự viên âm dưới lại viết chữ sĩ cũng đồng ngược lại âm lạt giàu Giống như tay nắm lại.

Ngạc thống ngược lại âm trên ngũ các. Lại viết chữ ngược ngạc hai chữ tượng hình đều chẳng phải thể.

Khái thấu ngược lại âm khẩu đại Tô Đậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái là hơi đi ngươc tức là ho, cũng gọi là thấu. Kinh văn viết chữ khái khẩu là chẳng phải thể.

Khát thổ ngược lại âm ất giới sách Thuyết Văn cho rằng: khát là uống nước. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thổ là nhổ bỏ, cũng gọi là dịch tả thổ tả.

Hầu bế bế cũng giống như Tắc kinh văn viết chữ tê ngược lại âm tùy lợi Thời tiết lạnh bệnh tê thấp. Thầy thuốc phần nhiều viết chữ tê là bệnh yết hầu.

Trĩ nặc ngược lại âm trực lý ngược lại âm dưới là nữ lực bệnh hậu cũng gọi là bệnh tê thấp bị côn trùng ăn sau đó là bệnh. Kinh văn viết chữ nặc là chẳng phải thể.

Điếm tứ nay viết chữ điếm cũng đồng ngược lại âm Đô niệm tứ là hàng quán bày ra. Nói rằng đây là chỗ bày ra các vật để mua bán.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 8

Hoàng Trì ngược lại âm Hồ quang. Hoàng trì đó gọi là áo chứa nước nhỏ gọi ô. Lớn gọi là Hoàng.

Bích ngọc Quảng nhã cho rằng: Bích ngọc là loại ngọc có màu sắc xanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại đá đẹp. Nay trên núi Việt Trinh Đông có loại ngọc này.

Độc mạo nay viết chữ Độc quyến hai chữ tượng hình văn cổ viết

chữ. Độc mạo hai chữ tượng hình cũng đồng âm. Đại muội gọi là vật khác từ nơi rùa sanh ra trong biển lớn Nam Hải. Trên lưng mọc cỏ chằng chịt có vảy muốn đem đốt hay nấu cái da của nó mềm mại tùy ý chỗ làm loại đồi mồi.

Xích Thạch chữ xích sách Thuyết Văn cho rằng: Ở phương nam gọi là màu sắc, chữ viết từ bộ đại đến bộ hỏa, văn cổ viết chữ xích dưới là chữ thạch sách Thuyết Văn cho rằng: Đá trên núi, chữ viết từ bộ nghiểm trong bộ khẩu chữ tượng hình.

Toàn châu chữ viết đúng nghi là chữ tuyền ngược lại âm từ duyên. Mục thiên tử truyện nói rằng: Giống như cỏi đá trên núi vật báo ngọc đẹp. Quách phác nói rằng: Loại ngọc đẹp quí báu.

Đế nghê hoặc là viết chữ mê cũng đồng ngược lại âm mê. Trong kinh văn lại viết chữ để mê hoặc là viết chữ để di đều tướng phạm chuyển đọc.

- QUYỂN 9, 10 : Không có âm giải thích

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 11

Mao Mã ngược lại âm mạc cao Màu sắc xanh thẩm, trên đầu có chấm đen nói đây là con ngựa quý. Lấy cái lông tô điểm cho nên nhơn đây là tên. Kinh văn viết từ bộ mã viết thành chữ mao chẳng phải chữ âm mao ngược lại âm lực Thiệp.

Kiểu khiết văn cổ viết kiểu hao hai chữ tượng hình nay viết kiểu cũng đồng ngược lại âm công điểu. Bì thương cho rằng: kiểu là sáng rõ, rõ ràng, sạch trong sạch.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 12

Phi Thiêu Lại viết chữ tảo cũng đông ngược lại âm thã tiêu (0. sách phương ngôn cho rằng: Giữa nước Triệu Ngụy gọi là cái mai để đào đất.

Thữ Thương ngược lại âm Thĩ dương. Bì thương cho rằng: con chuột đào đống đất nhỏ. Sách phương ngôn cho rằng: chuột đào đống đất nhỏ làm hang, mà làm tổn thương đến người.

Uyễn Đậu ngược lại âm nhất hoàn tên của loài đậu kinh văn viết chữ uyển hoặc là viết chữ đều chẳng phải thể chữ.

Bể đậu ngược lại âm bố mê Quảng nhã cho rằng: bể đậu đó là loại đậu lưu. Kinh văn viết chữ bể này chẳng phải thể chữ.

La Trung âm la tự lâm cho rằng: dụng cụ làm bằng tre. Quảng nhã cho rằng: La là cái nia sảy gạo.

Hỏa nhiên văn cổ viết chữ nhiệt cũng đồng ngược lại âm nhi duyệt văn thông dụng cho rằng: nhiên là lữa thiêu đốt sáng rực gọi là nhiên cũng gọi là thiếu đốt.

Lãm Bĩ lại viết chữ lãm lam hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lực cảm. Quãng Nhã cho rằng: lãm là nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lãm là nắm quyền.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 13

Trân mang ngược lại âm trợ thân sách Thuyết Văn cho rằng: cây mọc um tùm gọi là trân. Cỏ nhiều rậm rạp chằng chịt gọi là mang.

Tích xứ ngược lại âm thất xích quái lạ hiếm thấy, cũng gọi là ẩn tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là nơi hẻo lánh.

Tinh tinh ngược lại âm: Sở kinh Tự lâm cho rằng: có thể nói như chim biết tên người, hình như con heo, đầu vàng như gà. Nay ở đất giao chỉ theo khe suối có loại thú này, tiếng nó khóc như trẻ nít, gọi là con đười ươi. Con tinh tinh chữ viết từ bộ khuyển thanh tinh.

Quấn thập văn cổ viết chữ quấn cũng đồng ngược lại âm cư vận sách phương ngôn cho rằng quấn là nhặt lấy.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 14

Thủ phủ ngược lại âm phu chủ phủ cũng giống như phủ. Sách

thượng thư cho rằng: gõ vào đá, vỗ vào đá.

Dực dược ngược lại âm do các dực chước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Dực là sáng rực. Dược là ánh sáng lữa sáng lòe. Kinh văn viết chữ thước là chẳng phải thể.

Lô tảng ngược lại âm lực đô sách Thuyết Văn cho rằng: cây đòn kê nằm trên cây cột gọi là Lô cũng gọi là cây trục thẳng vuông, kê lên ngang đầu cột. Thích danh cho rằng: Lô đó là nói đô lô là cây cột gánh vát cái nhà. Kinh văn viết từ bộ viết thành chữ lô là chẳng phải thể chữ, âm dưới viết đúng ghi là tảng ngược lại âm tảng lảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tảng là đá kê dưới cột, tức là kê chân cột. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ tảng là sai lầm, âm sở là âm sở.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 15

Đô lương Theo sách Thạnh Hoằng Kinh Châu ghi rằng: Hương Lan, tên Huyện Đô Lương, trong huyện có núi nhỏ, trên núi lại có mọc cây lan. Tục gọi Lan là Đô Lương, tức là tên của Huyện Đô Lương.

Lãn dữ ngược lại âm cổ lãng văn tự tập lược cho rằng: vật nặng tương đối nhất đưa lên gọi là lãn.

Phạt tiền ngược lại âm tự liên. Gọi là hàng hóa tài vật. Từ đời đường, Ngu, Dạ An đều có đúc tiền kinh văn viết chữ xuyến ngược lại âm chư liệt gọi là cây trượng thẳng làm bằng thiết chì, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bất thí ngược lại âm thí thị Thiên Thương Hiệt cho rằng: Không cho nhiều.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 16

Bể tứ mượn âm ngược lại âm bố mể. Đây dịch là sai khiến.

Lê sàm ngược lại âm sĩ lam gọi là có dùng dao chém, chặt dục đẻo, âm trác ngược lại âm trúc giác.

Thích nhục lại viết chữ thích này cũng đồng ngược lại âm tha lịch.

Gọi là phanh ra khoét ra, nạo vét. Văn thông dụng nói rằng: Róc xương lấy thịt gọi là thích.

Trước hoành ngược lại âm dưới hồ canh. Đỗ dự chú giải rằng: Hoành là loại cỏ thơm. Gọi là lấy cỏ làm tràng hoa nói loại cỏ này rất xấu.

Lưỡng tổng lại viết chữ xuyến cũng đồng ngược lại âm tử không sách phương ngôn nói rằng: ở Quang Tây gọi bánh xe là tổng. Thích danh cho rằng: Tổng là tên gọi chung luân canh trồng trọt thây phiên nhau, gieo ngũ cốc.

Sâm sâm ngược lại âm sở kim. Sách Thuyết Văn nói rằng: rừng nhiều cây mọc dài. Nay dùng chữ sâm là kinh lấy ý.

Tự khoa ngược lại âm khổ hoa văn thông dụng nói rằng: Tự khiêu căn khoe khoan, gọi là khoa. Sách thích pháp nói rằng: Lời nói hoa mỹ không có thật gọi là khoa

----

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 17

Lỗ lỗ thể chữ viết Hổ lỗ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lực cổ dưới chữ bạc ngược lại âm bàng cổ. Lổ là lan can cây gách ngang lớn gọi thuẫn sách xác ung độc đoán nói rằng: Thiên tử xe giá ra sắp bày sổ ghi chép về ruộng muối.

Trịch quyến lại viết chữ quyến này cũng đồng, ngươc lại âm cổ khuyển theo thanh loại cho rằng: Giăng lưới bắt lấy chim.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 18

Giam lộc ngược lại âm hồ tàm sách Thuyết Văn cho rằng: tự thư cho rằng: cái nướng bằng gỗ. Kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ giam là chẳng phải thể chữ dưới lại viết chữ sách cũng đồng ngược lại âm lực mộc dụng cụ làm băng trúc.

- **QUYỂN 19** (Trước không có âm)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 20

Tùng tinh ngược lại âm tư hùng sách phương ngôn cho rằng: gọi chung các loại bắp cải, củ cải. Quách phác chú giải xưa âm là phong. Nay Giang Đông âm là cao viết chữ tùng. Giữa Đông sơ cho rằng âm phong. Phong giữa Tề Lỗ gọi là nhiều cửa ải Đông Tây gọi là vu tinh tức là củ cải, âm nhiêu là âm nhiêu.

Khinh đoàn chữ viết đúng nghi là đàm. Ngược lại âm đồ hoàn. Tự Lâm cho rằng đoàn viên.

- QUYỂN 21, 22, 23 (Ba quyển trên đều không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 24

Như uẩn ngược lại âm vu văn. gọi là bó cỏ lại lấy lửa đốt. Sách Hán Thư cho rằng: Đông Uẩn đi xin lữa. Kinh văn viết chữ uẩn này là chẳng phải uẫn là cái chậu để chứa vật chẳng phải nay chỗ dùng. Xưa âm giải thích viết là quĩ toàn là chẳng phải vậy.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 25

Phá ô ngược lại âm nhất cổ.Tự lâm cho rằng: Thanh nhỏ. Văn thông dụng cho rằng: Dinh thự chỗ cư chú gọi là ô chỗ ngăn che nhỏ. Chữ viết từ bộ phụ.

- **QUYỂN 26, 27, 28** (Ba quyển trên đều trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 29

Tiết loại ngược lại âm lực ngoại. Văn thông dụng phần nhiều viết chữ tiết gọi là loại cũng là ty tiết các loại tơ sợ. Kinh văn viết chữ lê hẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 30

Phược chước ngược lại âm chi nhược. Chước là dây buộc vào mũi tên để bắn đi âm tăng ngược lại âm tử tăng.

Mang sắc ngược lại âm mạc giang. Màu sắc lẫn lộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bò có màu sắc đen trắng lẫn lộn gọi là mang

Hưu cô ngược lại âm hứa ngưu. Gọi là hưu lưu giống cú mèo. Cửa tây gọi là huấn sĩ sơn đông gọi là huấn cô.

Tâm quý văn cổ viết chữ quý cũng đồng ngược lại âm kỳ quý. Tự lâm cho rằng: sợ hải tim đập mạnh.

- QUYỂN 31 (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 32

Chước thóa ngược lại âm thỏa chu sách Thuyết Văn cho rằng: chém chặt bi thương. Thóa ng là chém.

Mi lộc ngược lại âm mạc bi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc loại nai hươu, đến mùa đông là cởi bỏ cái sừng.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 33

Tữu lô ngược lại âm lực hộ. Sách sử ký cho rằng: văn quân phải hâm rượu để mời Vi Thiệu. Lấy đất làm lò đắp cho cao lên giống như lò bếp.

Nhận quá ngược lại âm như nhận biết phân biệt gọi là nhẫn là cây đao dài tám(thước gọi là nhẫn.

- **QUYỂN 34** (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 35

Ốc khái văn viết chữ ốc cũng đồng, ngược lại âm ô mộc cũng giống như chữ khái nghĩa là tưới nước ốc cũng là ngâm vào nước rót nước.

Ngạch trị văn cổ viết chữ ngạch hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lực cách văn thông dụng cho rằng: Trừ bỏ cắt đi gọi là ngạch. Kinh văn viết chứ ngãi ngược lại âm sơ nham gọi là cắt cỏ hoặc là viết chữ lạc là chẳng phải thể.

- **QUYỂN 36** (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 37

Y tiệp lại viết chữ tiệp nay cũng đồng, ngược lại âm tử hiệp thuộc giày dép, guốc gỗ. Kinh văn viết chữ tiệp hòa với chẳng phải nghĩa.

Hương ấm ngược lại âm. Nói rằng thọ thai đầy đủ có ba chuyên, ba hương ấm. Thầy ở trong là tước bỏ. Kinh văn viết trừ là sai.

- QUYỂN 38 (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 39

Phanh phủ ngược lại âm phổ canh. Giang nam giải thích phanh bún ngón tay, gẫy. Kinh văn viết chữ bình âm là bình Tên chiếc xe. Chẳng phải nghĩa đây dùng.

Địa phi ngược lại âm phồ phi. Kiếp ban đầu của địa chi. Kinh văn viết chữ bao là chẳng phải thể.

Náo mật ngược lại âm nô giảo văn thông dụng gọi là hòa với bùn gọi là náo bùn lầy lội.

Phi na ngược lại âm phù nghi tiếng phạm. Đây gọi là hành phúc đức.

Phiêu bảng ngược lại âm Bổ Lang. Gọi là tấm bảng ghi tên bảng yết thị chữ viết từ bộ phiếm kinh văn viết từ bộ mộc. Viết thành chữ bảng ngược lại âm bổ mảng, chẳng phải nghĩa đây dùng.

- QUYỂN 40, 41, 42 (Trên đều không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 43

Thuyết âu ngược lại âm ô sĩ. Tam thương cho rằng: cái chậu sành. Tự Lâm cho rằng chậu nhỏ.

Thuyết đọa ngược lại âm tha quả là dụng cụ chứa dài mà hẹp. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vật chứa muối. Sách Hòa Nam Tử cho rằng: nhìn trộm vào mặt trong giống như cái mân, tức là tròn như cái ly, bát, tức gọi là đọa.

- QUYỂN 44, 45 (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 46

Tùng cao lại viết chữ cao này cũng đồng ngược lại âm hồ cao.

Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng la hét kinh văn viết kỳ ngược lại âm đồ lễ chữ cùng với chữ kỳ này cũng đồng là mắng nhiếc, chữ kỳ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Vu báng ngược lại âm vũ can. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm cũng gọi là kinh khi, lấy việc xấu ác làm tốt lành gọi là vu.

Cập báo ngược lại âm sĩ giai sách Nhĩ Nhã cho rằng: con báo chân giống như con chó. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: giống như con chó trắng có mõng vuốt răng nanh bén nhọn rất nhanh nhẹn giỏi về vồ bắt cắn xé.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 47

Vi tự văn cổ viết chữ tự hai chữ tượng hình đều đồng. Ngược lại âm tử tà sách Nhĩ Nhã cho rằng: giăng lưới bắt thỏ gọi là tự. Quách phác nói rằng: Tự là lưới che trên, bao trùm bắt con thỏ.

- **QUYỂN 48, 49** (Trên đều trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 50

Trà đế ngược lại âm trá da. Kinh văn viết chữ trà. Trà xát hai chữ tượng hình đều chẳng phải thể.

Hưu trị hoặc là viết phục lưu hai chữ tượng hình đều đồng, ngược lại cần hô hào. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ bỏ cỏ mọc trên ruộng gọi là hưu.

Chân chân lại viết chữ chân cũng đồng ngược lại âm lực giáp. Văn thông dụng cho rằng: Tiếng bình để gọi là chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng đạp lên mái ngói nghe xào xạc kinh văn viết chữ manh là chẳng phải là sai lầm.

- **QUYỂN 51, 52** (Trên đều trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 53

Bát lăng lại viết chữ lăng cũng đồng ngược lại âm lực tăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lăng vật có góc cạnh. Tam thương cho rằng: có bốn gốc vuông, âm trảo là âm cô.

Thiết thương ngược lại âm Thiên Dương. Thiên thương Hiệt ghi rằng: hai đầu nhọn bén gọi là cây thương. Kinh văn văn viết chữ tương là ngọc Thanh chẳng phải nghĩa đây dùng.

- QUYỂN 54 (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 55

Nhân phù theo chữ nghĩa viết đúng nghi là chữ phù ngược lại âm vũ phu. Gọi là võ lúa mạch. Kinh văn viết chữ phù chưa thấy chỗ sách nào. Đời còn nghi ngờ, nói chữ phù là bộ tức là cây trục xe, từ bộ kim viết thành chữ phù.

Ma dĩnh ngược lại âm tương thừa Trá tịnh. Ma là mài chữ không có chỗ xuất phát, nay viết đúng nghi thuần cao mài giũa, cũng gọi là mài ngọc trang sức.

Đại bài lại viết chữ bách cũng đồng ngược lại âm bổ bái. Chỗ dùng rèn luyện đức, dùng trong nhà lò lữa thổi cháy rực lên.

Lưu thiệu ngược lại âm dưới thiều chiếu tên vật báu.

- **QUYỂN 56** (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 57

Hãn miên ngược lại âm hồ đãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng nằm thở tiếng gáy. Kinh văn viết chư hãn hai chữ tượng hình nay là chẳng phải. Lại viết chữ Tỵ ngược lại âm phổ lợi. Là tiếng thở của

người bệnh siểng, chữ tỵ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bằng các nay viết chữ bằng cũng đồng ngược lại âm bổ canh. Lan can gọi là bằng kinh văn viết chữ bang ngược lại âm phổ canh tiếng đóng cửa chữ báng chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 58** (Trước không có âm.)

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 59

Xao hộ ngược lại âm khổ giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây thanh ngang gài dưới cũng gõ vào, gọi là gỏ cửa. Kinh văn viết chữ nạo chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Ma niển ngược lại âm nữ triển. niển là nghiền nát, xay nghiền. Kinh văn viết chữ Niển ngược lại âm sưu triển chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH TRUNG A HÀM
QUYỂN 60

Vi quy lại viết chữ quy nghĩa đồng ngược lại âm cư Tuỳ tên của cây có thể làm cây cung.

Vi Trữ ngược lại âm trực lữ Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc cây quỳnh cũng là tên cỏ, có thể làm vải thưa mịn có màu trắng, âm quỳnh ngược lại âm khổ quýnh.

Tiển can ngược lại âm cung hãn Tự Lâm cho rằng: Thân mũi tên. Kinh văn viết chữ cán ngược lại âm cổ ô cán là cành cán.

Kê linh ngược lại âm lực kinh gọi là lông vũ. Kinh văn viết chữ dũng lưu, ngược lại âm lực kiết dưới là lực du. Gọi là chim Hoàng Điểu. Lại viết chữ mạch. Đây đều dùng sai.

Vi tề ngược lại âm thứ hề. Gọi là tề chỉnh. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ tề là sai vậy.

Vi bể lại viết chữ sát còn hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm phổ mê văn thông dụng dùng cho rằng hoấc diệp gọi là sất tức là

mũi tên lớn.

Bất khiếp ngược lại âm khổ hiệp. Gọi là có thể vừa lòng, thoả lòng. Tự Lâm cho rằng: vui vẻ vừa ý.

****

KINH TĂNG NHẤT A HÀM - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Cố miến ngược lại âm mạc biến. Sách Thuyết Văn cho rằng: liếc nhì. Tam thương cho rằng: nhìn một bên gọi là miến.

Huy lệ ngược lại âm hứa quy. Gọi là đưa lên hong khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: Huy là bay lên. Gọi là phấn chấn bay cao lên, khắp khởi trong lòng.

Câu lân Kinh Tỳ Tà Bà vấn viết A Nhã cư Lâm. Đây dịch là A Nhã nói rằng đã biết dừng lại, nói là hiểu rõ. Bao lân là họ. Kinh đại ái viết câu luân nói là phổ khắp, vô biên tế, không có bờ mé. Giải pháp đệ nhất đó văn kinh phổ diệu nói rằng: Câu lân là hiểu rõ tận nguồn gốc, tức là trung kinh Trung tôn đó hiểu rõ nguồn gốc biên tế. Đây tức là ông Kiều Trần Như.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 2

Sang thang âm trên là sang âm dưới đường lãng.

Phù niệu ngược lại âm thất bao. Tam thương cho rằng: gom tụ lại nhiều một chỗ gọi là phù. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng một bên chữ viết từ bộ nhục Thanh phù kinh văn viết chữ bao là chẳng phải thể.

Chĩ dạng Lại viết chữ diên hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tường diên. Lâm tự cho rằng: muốn nôn ra gọi là. Tam thương viết chữ thứ hoá kinh văn viết chữ dạng là chẳng phải.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 3

Nại nhục ngược lại âm nô đại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhẫn nại chữ vốn viết từ bộ đao Đổ lâm sữa đổi lại thành bộ thốn.

Sấm bằng ngược lại âm Hựu ấm ngược lại âm dưới bạc băng kinh văn viết chữ thức là sai.

Ẩn ế ngược lại âm ư kế Thích danh cho rằng: ế là mặt trời bị che, nói là có mây khí ẩn che khiến cho không thấy ánh sáng mặt trời.

Hiếp tu ngược lại âm lực kế Tên của vị Tuỳ Kheo dựa theo chữ hiếp thuộc về chấn âm chấn ngược lại âm thị nhẫn.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 4

Huyễn hoặc văn cổ viết chữ Huyễn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ biến. Quảng Nhã cho rằng: Huyễn hoặc là loạn, cũng là tối tăm không sáng suốt.

Phạn thực văn cổ viết chữ phạn cũng đồng, ngược lại âm phò vạn Hoàng đế ban đầu nấu ngũ cốc làm cơm. Sau đó làm thức ăn là cơm.

Cam tuyển ngược lại âm thổ quyến thức ăn đầy đủ cũng gọi là thức uống.

- QUYỂN 5 (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 6

Ốc Lư ngược lại âm lực cư gọi là nhà riêng. Hoàng đế làm nhà riêng để tránh lạnh, nóng. Mùa xuân, Thu thì đi. Mùa Đông, Hè ở vào nhà này.

Ổi Đa ngược lại âm Ô tội. Tự lâm cho rằng: ổi là đông đức lộn xộn. Quảng nhã cho rằng: ổi là đốn chặt.

- **QUYỂN 7** (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 8

Khổ tham sách Thuyết Văn viết chữ xâm cũng đồng ngược lại âm sở kim. Gọi là cỏ cam thảo. Loại cỏ này có nhiều loại. Gọi là đan thảo tham huyền tham...

Du bà lại viết chữ khải cũng đồng ngược lại âm Tha hầu Hoặc gọi là đẩu sổ ba hoặc gọi là tháp bà đều sai. Nói cho đúng là Thốt đổ ba âm thốt ngược lại âm tô một.

Quyên phi ngược lại âm nhất toàn Lâm tự cho rằng: loài côn trùng tức là con bọ gậy. Hoặc là viết chữ Hoàn văn cổ viết chữ Hoàn cũng đồng ngược lại âm Hô Toàn Loài côn trùng biết bay.

Nhuyễn động ngược lại âm phơn doãn. Tự lâm cho rằng: loài côn trùng bò lúc nhúc. Văn thông dụng gọi là bò chuyển động gọi là nhuyễn.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 9

Bạch điệp thể chữ viết điệp văn cổ viết chư điệp cũng đồng ngược lại âm đồ hiệp vải lông thưa kinh văn viết chữ chấp ngược lại âm tri lập chấp là sợi dây quấn lại, chấp chẳng phải ý chỉ của kinh.

Lưỡng mục ngược lại âm lực dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưỡng là lại một lần nữa. Quảng nhã cho rằng: Lưỡng là hai. Kinh viết chữ từ bộ thảo viết thành chữ lạng m ngược lại âm vọng an. Lạng há Lạng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phần Thiêu văn cổ viết chữ hội cũng đồng ngược lại âm phồ vân Theo chữ phần cũng giống chữ thiêu. Chữ viết từ bộ hoả nghĩa là thiêu đốt rừng chữ chỉ ý.

- **QUYỂN 10, 11** (Đều không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 12

Sóc lạt ngược lại âm sổ giác Bì Thương cho rằng: cây giáo dài một trượng tám thước. Kinh văn viết chữ sóc. Tục tự lại viết chữ sóc là sai. Lại viết chữ sách Giang nam và tục tự cho rằng cũng đồng.

Lịch Kỳ ngược lại âm lực các lực đích hai âm. Xe lăn bánh nghiền nát. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ chiếc xe cán lên.

Tích lũ ngược lại âm lực cũ. Quảng nhã cho rằng: Lũ là người lưng gù, lưng cong lại. Kinh văn viết chữ lâu, ngược lại âm lực hầu gọi là cúng tế. Lâu này chẳng phải thể chữ.

- **QUYỂN 13** (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 14

Nhuyễn nhuyễn ngược lại âm nhi nhuyến âm dưới nô ngoạ, nhuyễn là mềm dịu nhuyến là ốm gầy.

Hàm đầu ngược lại âm ngũ cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu lắc lư. Kinh văn viết chữ Nghiêm chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 15, 16** (Đều không âm để giải thích.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 17

Câu sí ngược lại âm thí thị Hoặc là viết câu kỳ La điểu. Tiếng Phạm chuyển đọc sai. Đây là loại chim hót hay nó xấu sí từ tiếng hót hay mà đặt tên. Kinh văn viết hà mạc hai chữ tượng hình là chẳng phải.

Chí điểu ngược lại âm chư lợi. Gọi chung những giống chim hung dữ. Gọi là chim ưng. Gọ là chỗ đến có thể nắm bắt. Loại chim có thể chấp phục các sức mạnh.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 18

Chiêm bạc hoặc là viết chữ chiêm Truyện ca đại luận nói rằng: nước Tần nói là cây Hoàng Hoa. Loại cây này cao lớn hoa thơm rất xa. Kinh văn viết chữ chiêm là chẳng phải.

Hư quyện lại viết chữ quyền cũng đồng ngược lại âm cự viên, quyền là tay nắm lại, nắm tay.

Bác sa văn cổ viết chữ sa cũng đồng ngược lại âm Thô A. Tiếng phạm.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 19

Tháp đăng ngược lại âm tha cái văn thông dụng cho rằng: Lông mềm mại đó là lông mi mắt, kinh văn viết chiêu là chẳng phải.

Dũng hãn ngược lại âm hồ đản. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hãn là mạnh mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hãn là dũng mãnh có sức mạnh.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 20

Tư du tử tư tư là tiền tài, văn thông dụng cho rằng: Tiền của gọi là tư

Thâu tập ngược lại âm sang hầu. Tự lâm cho rằng: nước từ trên xối xuống người, chổ hiểu thấu. Thấu cũng là tự đọng lại.

- **QUYỂN 21** (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 22

Trích phạt ngược lại âm trấc cách có tội nhỏ gọi là phạt. Phạt tội gọi là trách kinh văn viết chữ trách là chẳng phải.

Ngũ khắc văn cổ viết chữ bằng cũng đồng ngược lại âm khổ tấc. Khắc là vót gọt, khắc hoạ. Trong kinh văn viết từ bộ đao viết chữ kiếm các mũi kiếm khắc, vót gọt đẻo. Kinh văn viết ngoạn là chẳng phải.

Sầu oán ngược lại âm ô hoán Tự lược cho rằng: oán thán kinh dị.

Xi tiểu văn cổ viết chữ vũ cũng đồng ngược lại âm xích thi. Quảng nhã cho rằng: xi là khinh thường, xem nhẹ, cũng gọi là ngây ngô, chẳng biết gì, mà cười cợn.

Đãng bát văn cổ viết chữ Đãng. Lại viết chữ Đãng đều đồng ngược lại âm đồ lãng. Đãng là tẩy rửa bình đựng rượu.

Môn quắc văn cổ viết chữ huyết cũng đồng ngược lại âm hồ vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đánh đầy tớ bằng roi quắc. Quách Phác cho rằng: cửa hẹp cun sất ngược lại âm điền kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm sữu lật.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 23

Nhất hàm ngược lại âm hồ giam gọi là dùng gỗ làm dụng cụ chứa vật. Kinh văn viết chữ hàm âm hãm khanh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thảo tân cây có thể chẻ ra đó gọi là tân tức là cũi. Kinh văn viết chữ nang ngược lại âm Tồ Hoà gọi là áo cỏ.

Đạm đạm ngược lại âm Đồ Lam ngược lại âm dưới Đồ cảm. Quảng Nhã cho rằng: đạm đạm đều là an tỉnh.

Niệu giả thể chữ viết là chữ niệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiểu tiện, chữ viết từ bộ thuỷ đến chữ vĩ kinh văn viết chữ niệu là chữ cổ phần là giã mượn.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 24

Chiến ưu văn cổ lại viết chữ chiến cũng đồng nghĩa ngược lại âm di thiện văn cổ viết chữ vưu ba chữ tượng hình. Nay viết chữ vưu cũng đồng ngược lại âm vưu cứu văn thông dụng cho rằng: Tứ chi lạnh run gọi là chiến vưu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái đầu không ngay thẳng, kinh văn viết chữ vưu này là chẳng phải.

Tán tiển văn cổ viết chữ tán cũng đồng ngược lại âm tổ hoàn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tán là gom lại tu lại. Thể chữ viết từ bộ mộc

Thảo trữ ngược lại âm Trương lữ Trữ là cất chứa, gọi là chứa nhiều kinh văn viết chữ Trữ ngược lại âm tri lược. Trữ là đánh. Trữ chẳng phải là nghĩa đây dùng.

Sở áp âm giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áp là phụ giúp, cũng gọi là bó buộc, chướng ngại ngăn trở ... đều viết chữ áp.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 25

Kỳ ngãi ngược lại âm ngũ cái. Sách lễ ký cho rằng: sáu mươi tuổi gọi là kỳ năm mươi tuổi gọi là ngãi. Thích Danh cho rằng: kỳ đó là chữ chĩ ngãi là hựu tức ngón tay. Tay sữa trị, chĩ gọi là chữ việc người phục dịch, không tự chấp hành làm việc.

Câu Lâu ngược lại âm lực các trong kinh văn viết chữ lâu đều tiếng phạm đọc sai.

Niết chất văn cổ viết chữ niêm cũng đồng ngược lại âm nãi giáp dùng ngón tay nắm giữ. Gọi là dùng tay giữ lấy gót chân, ngược lại âm dưới chữ lật. Quảng nhã cho rằng: chất là cái gông cùm bẹp cái chân lại.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 26

Tràng huy này lại viết chữ huy này trừ bỏ diệt trừ, nói trừ diệt dứt tuyệt.

Kim đỉnh: Đồ đỉnh phản. Là chất khoáng của đồng, sắt chưa chế thành đồ dùng.

- QUYỂN 27: Không có từ âm nghĩa

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 28

Nhãn tiệp: Từ diệp phản, tiệp là long mắt. Kinh văn có chỗ viết chữ diêm và tập là sai thể.

Lao hồ ngược lại âm lực cao. Sách nhĩ thất cho rằng: Lao là siêng năng. Gọi là làm việc hết sức lực. Kinh văn viết chữ công tất hai chữ tượng hình đều sai.

QUYỂN 29, 30 (Đều trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 31

Hung bạo Lại viết chữ hung cũng đồng ngược lại âm hứa cùng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hung là tội lỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hung ác ngược lại âm dưới bổ báo. Quảng nhã cho rằng: bạo là gấp gáp, vội vàng, mau chóng, chữ viết từ bộ cũng bộ nhật bộ xuất đến bộ thủ âm thủ ngược lại âm thổ cao.

Cầm hoạch Lại viết chữ cấm hai chữ tượng hình đều đồng ngược lại âm cự lâm. Tam thương cho rằng: cầm là dùng tay nắm bắt vật. Bì thương cho rằng: cầm là bắt lấy tóm lấy. Nay đều viết chữ cầm.

Tốt vô ngược lại âm tồn một. Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt là nếu lấy đầu cắt tóc. Kinh văn hoặc là viết chữ toát ngược lại âm tổ hoạt

tóm bắt, nắm giữ.

Hoát ngộ văn cổ viết toát mậu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ hoạt. Quảng Nhã cho rằng: hoát là khoảng không. Kinh văn có viết từ bộ tâm viết thành chữ hoát chưa thấy chỗ xuất phát sách nào.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 32

Tướng đại ngược lại âm tử dương tên gọi là bích chi. Kinh văn có viết chữ tương này là sai.

Chiên ngư văn cổ viết chữ chiên cũng đồng ngược lại âm tri liên con cá vàng lớn, cái miệng trong hàm dưới to lớn đó dài hai ba trượng.

Đương kiêu ngược lại âm cổ nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đem đi nướng đó là cắt cái đầu treo ngược lên bỏ nơi đầu chợ. Gọi là cô độc không có thâm quyến. Hoặc là viết chữ kiêu. Sách Thuyết Văn nói loại chim bất hiếu, cho nên đến mùa đông bắt con chim kiêu phanh xé ra, chữ viết từ bộ điểu là cái đầu trên bộ mộc hai chữ tượng hình cũng thông dụng.

Di thoan ngược lại âm thổ đoan Tên của người. Đây dịch là đến hoặc viết chứ đoan âm đoan tiếng phạm đọc có nhẹ có nặng vậy.

Dương trị văn cổ viết chữ dương hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm dư dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: dương là bay cao lên.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 33

Pháo tiết lại viết chữ pháo cũng đồng ngược lại âm bổ hao. Nóng nhiệt nổi mụn nhỏ trên mặt, kinh văn viết chữ pháo ba chữ pháo tượng hình đều chẳng phải thể.

Kim phi âm phi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh cửa gọi là phi kinh văn có viết chữ phi này là sai.

Thà đáp văn cổ viết chữ thù cũng đồng ngược lại âm thị do. Gọi là báo đáp ân chủ nhân. Thù cũng là đáp.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 34

Diêu gia ngược lại âm di chiêu văn thông dụng cho rằng: lò gốm, lò nung gọi là diêu. Thiên Thương Hiệt nói rằng: Diêu là cái lò nung thiêu đốt sành sứ, gạch nung.

Như điềm lại viết chữ điềm cũng đồng ngược lại âm đồ liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Điềm là ngon Quảng nhã cho rằng: điềm là ngọt, kinh văn có viết chữ điềm này chẳng phải thể.

Nha kỳ Lại viết chữ kịch cũng đồng ngược lại âm cư nghịch. Gọi là guốc gỗ, dép cỏ, dép vải, chẳng phải một loại vậy.

Cảnh ngộ văn cổ viết chữ cảnh kính hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cư ảnh cảnh là nhắc nhở phòng bị, ngăn ngừa cẩn thận, kinh văn có viết chữ cảnh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Cấu ngưu ngược lại âm cổ hầu viết đúng là chữ cấu này cấu là níu kéo, liên kết lại với nhau, giữ lấy sữa ngọt. Kinh văn có viết chữ xúc chữ viết sai.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 35

Cựu khoản hoặc là viết chữ khoản cũng đồng ngược lại âm khẩu hoãn. Quảng nhã cho rằng: khoản là thân thiết. Thiên Thương Hiệt nói rằng: Khoản là thành thật, kính trọng.

Bát giáo ngược lại âm cổ giao văn thông dụng cho rằng: Giáo là cái hầm cất giấu thóc lúa. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Là Thành trì để chứa.

Át tuyệt văn cổ viết chữ át cũng đồng ngược lại âm ư cát. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: át là dừng nghĩ ngăn chặng, gọi là ngăn chặn bạo ngược, át cũng là che trùm.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 36

Tự quắc viết đúng ghi là chữ quặc này ngược lại âm phược. Gọi là chụp lấy, vồ lấy.

Ngũ nại ngược lại âm nãi ái. Gọi là lấy năm ngón tay ấn xuống kinh văn có viết chữ tế ngược lại âm thiên tế. Bì thương cho rằng: gánh lấy, chữ tế chẳng phải nghĩa đây dùng.

Giảo chi văn cổ viết chữ Hoát cũng đồng, ngược lại âm cổ học. Quảng nhã cho rằng: giảo là rõ ràng, thấy sáng suốt. Nói rằng giảo là để nhìn thấy. Trong kinh văn có viết chữ giảo là so sánh chọn lựa.

Tự tích ngược lại âm ty diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: gấp xếp áo lại. Quảng nhã cho rằng: gấp cong lại, âm vi ngược lại âm thiên viện.

- **QUYỂN 37** (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 38

Tập tại ngược lại âm trở lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: tập là chứa cũng gọi là tích tụ, thâu nhận, gom lấy.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 39

Sĩ bĩ văn cổ viết chữ sĩ ba chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm sự chi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sĩ là chờ đợi.

Viên hầu nay viết chữ viên này cũng đồng, ngược lại âm vũ phiền. Giống như con vượn khĩ mà lại lớn hơn, tay nó dài hơn, màu sắc của nó đen có vàng. Tiếng nó kêu rất buồn. Kinh văn viết chữ ngoan là chẳng phải thể.

Tích vi ngược lại âm bổ cách. Quảng nhã cho rằng: tích là phân ra cũng gọi là nức ra.

Tuất lại viết chữ tuất cũng đồng ngược lại âm tu luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuất là lo âu, lo nghĩ, cũng gọi là thâu nhận. Gọi là lấy tài sản vật chất giúp đỡ cho người gọi là tuất, gọi là giúp đỡ cứu tế, vổ về, thông cảm. Trong kinh văn có viết chữ Tuất chưa rõ chỗ xuất phát chữ tuất này.

- QUYỂN 40, 41, 42, 43, 44, 45 (Các quyển trên đều không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 46

Sang di ngược lại âm dữ chi văn thông dụng cho rằng: Thân thể bị mụn nhọt, vết thương lỡ loét ra gọi là di. Mụt nhọt trên đầu gọi là dương âm dương là âm.

Khí liệt văn cổ viết chữ khí hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hư ký. Gọi là hơi thở, âm dưới văn cổ viết chư loát cũng đồng ngược lại là âm lực chuyết liệt gọi là ốm yếu, gầy gộc. Kinh văn viết chữ liệt này là sai.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 47

Tụng tập ngược lại âm từ lập. Gọi là chứa nhóm tích tập nhiều. Kinh văn viết là vị, ngược lại âm sửu hiệp nghĩa là nói không ngừng nghĩ vị chẳng phải nghĩa đây dùng.

Duệ điện lại viết chữ duệ cũng đồng ngược lại âm dư thế. Gọi là dẫn dắt lôi kéo. Điện chấn nói tạm thời lóc lên dẫn đến chấn động diệt mất.

Nùng Huyết văn cổ viết chữ nùng hai chữ tượng hình. Nay viết chữ nùng cũng đồng ngược lại am nô công. Gọi là thấm máu, kinh văn viết chữ nùng là chẳng phải.

Thuần tửu ngược lại âm thị quán rượu không thuần, nhạt nhẻo cũng gọi mười tuần rượu.

Phu tự ngược lại âm trấc trần Sách Thuyết Văn cho rằng: Trấn áp

kinh văn viết chữ điền ngược lại âm đồ điên. Điền là đầy lấp vào cho đầy.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 48

Mật đề hoặc là viết chữ đế ngược lại âm đồ kế tên của thành, kinh văn viết chữ thổ. Đây là chữ thổ là người phiên dịch âm viết ngược lại âm thổ lê chữ viết sai còn mờ mịch.

Diên thọ ngược lại âm sưu liên tên của cây.

Tha chi nước Tần nói rằng: Một số lượng tài sản văn kinh viết tha chi từ bộ khẩu là dùng lưỡi chuyển đọc.

Vi xí văn cổ viết chữ chí cờ bay trước gió phất phới. Văn thông dụng đoạn tư ký nói rằng: có xí đó gọi là lấy mũi kiếm đánh dấu cheo bao lại... có năm màu sắc cờ là để ghi lên dấu hiệu.

Chi sùng ngườc lại âm chư thời. Sách Tiểu Nhã cho rằng: chi là kính sùng là trọng vậy.

Chẩn cấp văn cổ viết chữ chẩn cự hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm chư dẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẩn là cứu giúp, cũng là chẩn phát. Kinh văn viết chữ chẩn ngược lại âm chư nhẫn. Sách Tiểu Nhã cho rằng: chấn là giàu có. Gọi là ẩn kín bên trong sự giàu có, chấn cũng là thông lượng. Thông cả hai cứu giúp người nghèo, giàu có của cải.

Quan độc ngược lại âm cổ ngoan. Thích danh cho rằng: không có vợ gọi là quan không có con gọi là độc, nói quan là người ôm ấp buồn rầu, con mắt không bình thường là quan. Quan giống như loài cá con mắt không có nhắm lại, cho nên chữ viết từ bộ ngư.

Toan khốc văn cổ viết chữ Toan khốc ba chữ tượng hình này cũng đồng, ngược lại âm khổ mộc. Sách Thuyết Văn nói khốc là quá gấp, cũng gọi là bạo tàn, ngang ngược.

Toán tu văn cổ viết chữ toán cũng đồng ngược lại âm tử noãn. Chữ hoặc là chữ viết tán. Tán sách nhĩ thất cho rằng: kế tục. Tiếp theo trước mà tu.

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 49

Đảo ta ngược lại âm Đô Đạo cầu phước gọi là đảo, gọi là mời thỉnh quỹ thần đến để từ tạ ơn.

Bao bất lại viết chữ bao cũng đồng ngược lại âm bổ báo. Sách phương ngôn cho rằng: Giữa yến triều tiên gọi con gái đẹp. Kinh văn viết chữ bao chưa rõ chữ xuất phát chữ này.

Kiêu hãnh Lại viết chữ kiêu cũng đồng ngược lại âm cổ nhiêu âm dưới là hạnh. Tục gọi hạnh là kiêu hãnh nói người đươc ân trạch may mắn. Huy vọng được gặp mai. Sách sổ từ cho rằng: nguyện được may mắn, chờ đợi thời cơ. Gọi là điều chẳng phải, nói rằng cho được mà được hiện có đó là điều may mắn.

Nhi lạc ngược lại âm lực các gọi là dùng vật đốt nóng lên rồi ủi đó gọi là lạc.

Cúc bao Lại viết chữ cúc cũng đồng ngược lại âm cư. Sách Thuyết Văn các là tóm lấy bao nắm giữ.

- QUYỂN 50 (Trước không có âm.)

KINH TĂNG NHẤT A HÀM
QUYỂN 51

Ỷ ngữ ngược lại âm hư dưỡng. Không đúng nói không đúng sự thật, kinh văn viết chữ chẳng phải thể.

Phương yểm ngược lại âm nhi dương. Nhưng là trừ bỏ, giặc cướp ngược lại âm dưới ư nhiểm nằm là bị chìm che không ngộ được.

Thấu nhủ lại viết chữ thấu cũng đồng, ngược lại âm sơn giác. Văn thông dụng cho rằng: ngậm hút vào gọi là thấu kinh văn viết chữ sổ là văn thường hay dùng.

Quý di văn cổ viết chữ quỷ cũng đồng ngược lại âm cự quý. Sách Thuyết Văn quý là dâng tặng thức ăn di là để lại.

Lẫm thực ngược lại âm bổ cẩm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bẩm là tặng biếu. Quảng nhã cho rằng: biếu cho.

Dương lung ngược lại âm dư chương văn thông dụng cho rằng:

viết chữ dương gọi là không đúng, kinh văn viết chữ dương ngược lại âm tơ dương dương nghĩa là ốm yếu, gầy guộc. Dương chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hoàng trùng ngược lại âm hồ quang hổ mảnh hai âm. Theo Mao Thi truyên cho rằng nói Truỳ Ngư sơ rằng: Hoàng Trùng là loại Châu chấu phá hoại mùa màng. Nay người ta gọi là trứng con Châu chấu là ấu trùng, tên gọi khác nữa là tam con cá con hoá làm. Trương văn giải Tấn Luật nói rằng: nhỏ gọi con bọ ngựa, lớn gọi con Châu chấu. Hoàng trùng ngược lại âm văn lung ngược lại cũng là âm chi dung.

****

KINH TẠP A HÀM - *Huyền ứng soạn*.

QUYỂN 1

(Trước không có âm.)

QUYỂN 2

Hoạch phù chữ viết đúng là chữ phù cũng đồng nghĩa ngược lại âm tự do. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước.

Bất đạn ngược lại âm đồ đản. Quảng nhã cho rằng: đạn là kinh sợ. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Ta không sợ thiêu đố. Trịnh Tiển cho rằng: run sợ, cũng gọi là liên luỵ.

- QUYỂN 3 (Trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 4

Khũng đát ngược lại âm đô đạt đát là lo sợ. Quảng Nhã cho rằng: lo sợ ưu phiền. Sách phương ngôn cho rằng: lo sợ đau khổ. Nay hoặc gọi là kinh sợ.

Nhược hoa văn cổ viết chữ hoa hai chữ tượng hình. Nay viết chữ ô hoặc là viết chữ ngai cũng đồng ngược lại âm hồ qua mũi dao nhọn, kinh văn viết chữ sàm là chẳng phải.

Thu thu ngược lại âm tử do Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiếng ồn

ào, Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng trẻ con khóc.

Lược để lại viết chữ để cũng đồng, ngược lại âm đô lễ Quảng nhã cho rằng: để là khinh khi mắng nhiếc, cũng gọi là trách mắng ngăn cấm.

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 5

Bạt bạt ngược lại âm Bổ đạt Sách Thuyết Văn cho rằng: gốc rễ cỏ. Sách phương ngôn cho rằng: gốc rễ cây đổ. Đồng tề gọi là bạt hoặc gọi đổ.

Phiếu bác ngược lại âm phương diện. Quảng nhã cho rằng: phiến là cướp đoạt giựt lấy, tước đoạt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là cắt đứt, dứt tuyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiếu là bóc ra. Lột vỏ bác gọi là lột vỏ ngoài ra, lột da, cũng gọi là làm bong ra, tróc ra.

- **QUYỂN 6** (Trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 7

Đoan Hạt Lại viết chữ Duyên cũng đồng ngược lại âm chi duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đoan là đoạn lìa, cũng là diệt sạch. Kinh văn viết chữ công dịch công là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Uống trái Lại viết chữ uông văn cổ viết từ bộ sanh viết thành chữ uông cũng đồng ngược lại âm ô Hoàng, ngược lại âm dưới trắc giới. Gọi là ngắn nhỏ gọi là uông. Uông giống như gầy yếu, bệnh hoạn. Trái là bệnh lao phổi. Đông Tề gọi là bệnh thống khổ.

Hôn tuỵ ngược lại âm: hồ côn ngược lại âm dưới cổ văn viết chữ tuỵ lai chữ tượng hình nay viết chữ Tuỵ cũng đồng ngược lại âm Thứ liệu. Gọi là Hôn Loạn, cũng là ngu si ngớ ngẫn Tụy là thương tổn lo buôn, bệnh hoạn, gầy gò tiều tụy.

Biến thiên văn cổ viết chữ biến cũng đồng ngược lại âm Bổ miên ngược lại âm dưới Tô miên. Quảng Nhã cho rằng: biến thiên là cái mân

tròn, cũng gọi là đi vòng tròn. Kinh văn viết chữ Thiên tiên là chẳng phải thể.

Phí hy văn vổ viết chữ Bi phí hai chữ tượng hình. Nay viết chữ phí cũng đồng ngược lại âm bì ký, âm dưới nay viết chữ nhân cũng đồng, ngược lại âm hy phi Tây kinh Phú truyện cho rằng: con Ba Ba lớn cố sức đớp mồi chú giải chung cho rằng: Làm ra sức phẩn nộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sức mạnh lớn. Mao Thi truyện cho rằng: không say mà phẩn nộ, nổi giận âm Bi viết từ ba bộ mục đến bộ đại ba con mắt làm tăng thêm Hý Sách Thuyết Văn cho rằng: nằm nghĩ ngơi, chữ viết từ bộ Thi đến thanh bối. Kinh văn viết chữ tỵ hy là chẳng phải.

- **QUYỂN 8, 9** (Đều trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 10

Ấm liệu ngược lại âm ư cấm âm dưới lực cứu âm là che đậy, văn thông dụng nói rằng: Mổ tử là loại chim mậu, là loài chim kêu như tố cáo điều gì, cũng có tên là vân tước, bay cao tận trời xanh.

Phát khái ngược lại âm cổ lai Sách Thuyết Văn cho rằng: gốc rể cỏ. Sách Phương ngôn cho rằng: Đông tề gọi gốc rễ là khái.

Hoả Tao âm tao Lâm tự cho rằng: Tao là thiêu đốt gỗ. Kinh văn viết chữ thiêm ngược lại âm tha niệm.

- QUYỂN 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 : (Tám quyển trên đều trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 19

Chĩ xúc ngược lại âm thiên lục Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên, dùng đá ngược lại phía sau gọi là xúc. Kinh văn viết chữ Xúc là chẳng phải thể tướng của chữ.

Điên bái Lại viết chữ điên hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược

lại âm Đồ Hiền. Bổ muội. Gọi là té ngã ngữa. Kinh văn viết chữ viên là chẳng phải thể.

Thám kỳ ngược lại âm tha hàm sách Tiểu Nhã cho rằng: Thám là lấy tin tức. Quách Phác cho rằng: dùng tay sờ mó cầm lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tay mà lấy vật từ xa.

Phủ tích ngược lại âm tư diệc sách chu lễ nói rằng: Thịt chín phơi khô. Trinh Huyền cho rằng: Thịt thái mỏng phơi khô gọi là phủ vật nhỏ phơi khô gọi là tích. Tích cũng giống như chữ tích. Gọi là lâu đời xưa củ.

Mâu toàn ngược lại âm Thô loạn gọi là bài toàn. Lâm tự cho rằng: cây giáo nhỏ. Kinh văn viết chữ tuấn văn cổ viết chữ Huề. Lại viết chữ Thoán Khảm đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 20** (Trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 21

Vĩ vĩ ngược lại âm mang nhĩ vĩ vĩ cũng như là vi vi cũng gọi là gắn sức tiến vào.

Tứ thế ngược lại âm tức lợi Theo Mao Thi truyện cho rằng: nước mắt nước mũi chảy ra ròng ròng. Theo truyện cho rằng: từ nơi mũi mắt chảy ra gọi là tứ. Thứ chữ tứ tức là nước mũi chảy âm di ngược lại âm Tha kế. Từ nơi mắt chảy ra gọi là Thế tức là nước mắt, âm thế ngược lại âm tha lễ

- **QUYỂN 22, 23** (Trên đều không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 24

Tấn phi ngược lại âm Tuy nhuận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn là mau chóng. Kinh văn viết chữ thâm duệ là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Di vận ngược lại âm thiên nhuận nói thanh vân là vận âm. Nay lấy nghĩa này.

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 25

Phong giam ngược lại âm cổ hàm Tự lâm cho rằng: dùng dây buộc cái rương, đóng lại cho kín.

Bài thương ngược lại âm thác đươngè. Thương đột nhiên nước chảy ào âm. Thương âm thang là ám lãng nước chảy bao quanh. Kinh văn viết chữ Đãng ngược lại âm Đô Lang là đẩy ra chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 26

Nhân công lại viết chữ công cũng đồng. Ngược lại âm cổ hồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: công là bầu gỗ tròn giữa bánh xe ngày xưa để trục xuyên qua và để nan xe chấu vào. Sách Phương ngôn cho rằng: Giữa Hải Đảo Yến Tề gọi công là ca là cái nồi đồng, âm ca ngược lại âm cổ hoà.

Ca tỳ ngược lại âm tứ di. Tên của thành

- **QUYỂN 27, 28, 29** (Trên đều không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 30

Chế cẩu ngược lại âm xương chế sách toán văn cho rằng: chế là con chó điên cuồng.

- **QUYỂN 31** (Trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 32

Ốc những ngược lại âm: ư mộc ốc là tươi tốt, ẩm ướt, tưới mưới gọi là ốc ngược lại âm dưới là nhi dưỡng. Gọi là đất mền không lẩn lộn đá cát.

Tích bạc văn cổ viết ba chữ tích tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tài diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tích là mỏng manh gầy ốm.

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 33

Sân đà ngược lại âm sở cân Trong kinh văn hoặc là viết chữ san đà ngược lại âm sở gian. Lại viết chữ tán ngược lại âm tảng thán. Hoặc là viết chữ Tán chữ này đều không có chữ dùng gọi tên.

- **QUYỂN 34, 35** (Trên đều trước không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 36

Phong ngưu đời nhà Chu viết thành chữ là khó, viết chữ phong ngược lại âm phi phong. Đây là giống như Trâu xương đùi nhỏ hơn trên lưng có khắc chữ phong. Sách Hán Thư cho rằng: Tây viếc truyện nói rằng: Thái Lạc hiến cho con Sư tử là phong ngưu, âm phong.

- QUYỂN 37, 38: trước không có âm

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 39

Thư dăng ngược lại âm thư dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong thịt sữa có con giòi. Kinh văn viết chữ thư hai chữ tượng hình đều không phải thể.

Đàm phàm Lại viết chư phong văn cổ viết chữ phong cũng đồng ngược lại âm phò nghiêm, phò phiếm hai âm. Theo thanh loại cho rằng: Trên chiếc thuyền có căn buồm. Thích danh cho rằng: tuỳ theo gió căn bồng lên tiện theo gió, nổi bồng bềnh thuyền đi rất mau.

- QUYỂN 40, 41, 42 (Trên đều không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 43

Phùng trật ngược lại âm trì lật Sách Thuyết Văn cho rằng: phùng la may áo. Quảng Nhã cho rằng: trật là khâu kết vào, cũng gọi là may áo.

Nhã mặc nay viết chữ nặc cũng đồng ngược lại âm nữ lật sách Nhĩ Nhã cho rằng: nặc là thân thiết gần gũi, cũng là thân cận. Gọi là thân cận việc riêng tư.

Mâu địch lại viết chữ trịch cũng ngược lại âm đồ lịch. Gọi là hoa cúc liêm, âm liêm ngược lại âm cổ điềm.

Tuấn Luân văn cổ viết chữ tuấn hai chữ tuấn tượng hình. Nay viết chữ tuấn này cũng đồng. Ngược lại âm tuy nhuận. Tuấn là nạo vét cho sâu thêm.

Tham tham Thiên Thương Hiệt cho rằng: viết chữ Tham cũng đồng ngược lại âm Tô nam. Gọi là lông rũ xuống văn thông dụng nói rằng: Lông dài gọi là Tham, chữ Tham kinh văn viết chữ Tham này là chẳng phải thể.

Tứ tăng ngược lại âm xúc đăng Sách Thuyết Văn cho rằng: ngôi nhà nhiều tầng, cũng là nhiều lớp. Kinh Sơn Hải nói rằng: Mây che ba tầng lớp là vậy.

- **QUYỂN 44, 45, 46** (Trước đều không có âm.)

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 47

Quân Trách ngược lại âm cư vân khứ vân văn thông dụng cho rằng: tay chân bị nức nẻ ra gọi là quân. Trong kinh văn hoặc có viết quy trách. Sách Trang tử nói rằng: người nước Tống dể là thước trị nức tay bằng con rùa. Lại chú giải rằng: loại thuốc này có thể khiến cho tay người không bị nức như mai rùa là vậy.

Chuỷ thủ ngược lại âm bổ lý tên của đoản đao. Sách Chu Lễ, sách Khảo công lý nói rằng: Chuỷ thủ là thân cây đao dài ba Thước, nặng hai cân một lạng, nhẹ mà tiện dùng. Đầu của mũi đao giống như cái muỗng nhân đây mà gọi là Chuỷ Thủ. Sách Sử Ký nói rằng: tráng sĩ Kinh Kha mang theo giấu bên tay phải. Loại đoản đao này, có thể dùng đâm vào ngực vua bạo ác, âm thậm ngược lại âm tri cấm chữ viết từ bộ Thủ.

KINH TẠP A HÀM
QUYỂN 48

Do tướng nay viết chư khới cũng đồng ngược lại âm khổ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đất cứng. Đống đất cao.

Gian giảo ngược lại âm cổ ngang giảo gọi là gian trá giảo hoạt, chữ viết từ bộ khuyển. Sách Phương ngôn cho rằng: Phàm là đứa trẻ nhiều gian dối, xảo trá, không thật thà. Cũng gọi là hoạt hoạt cũng là loan gây rối kinh văn viết từ bộ nữ viết thành chữ giảo là chẳng phải âm quái ngược lại âm cổ toại.

- **QUYỂN 49, 50** (Trước đều không có âm.)

****

KINH BIỆT DỊCH A HÀM - *Huyền ứng soạn.*
QUYỂN 1

Cư hư ngược lại âm cự ngữ ngược lại âm dưới hứa cư. Giống như con Lạc đà mà nhỏ hơn, giống như trâu đực, ngựa con vậy.

Hy càng ngược lại âm Hứa cơ Sách Phương ngôn cho rằng: Hy là nhỏ tướngm nếm chuộng. Giữa Hải Đảo Bắc Yến gọi Hy là khô ráo.

Úc đa ngược lại âm ư lục hoặc viết là uất đa gọi là y đều

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 2

Mang xà ngược lại âm mạc lang Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mang là vua rắn. Kinh văn viết cang lạng cang là chẳng phải vậy.

Tài Toàn ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã cho rằng: Tài là cắt rọc ra, cũng gọi là cẩn trọng, kinh văn viết chư Trang là chẳng phải.

Hám thực ngược lại âm thi hàm Gọi là hám đó là mỏ chim mổ mà ăn. Kinh văn viết chữ Tham hoặc là sai lầm, hoặc là viết chữ hấp đều chẳng phải.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 3

Tạc tĩnh ngược lại âm tài tính Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Rơi xuống hàm gọi là tỉnh Quảng Nhã cho rằng: Tĩnh là cái hầm, cái giếng.

Khổn chữ văn cổ viết chữ côn cũng đồng, ngược lại âm hồ côn văn thông dụng cho rằng: Khiến cho trái tim ở trong gọi là khổn. Sách Toán văn cho rằng: cây chưa có chẻ ra là khổn. Trong kinh văn có viết chữ Khổn trọ chữ viết hổn chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tổng bổ âm thông văn thông dụng cho rằng: các đường kinh chĩ đan vào nhau gọi là tổng. Tổng là những sợi chỉ màu trắng xanh.

Cổ cổ ngược lại âm tổ lang. Âm dưới cổ con Dê ba tuổi gọi là cổ. Cổ cũng là con Bò đực thiến cũng gọi con cừu non, con dê đực.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 4

Tập tập Lại viết chữ Khẳng cũng đồng ngược lại âm tử nhập sử cập hai âm tử lâm cho rằng: nước sôi, vọt tuôn ra trong nồi, sôi sục tuôn ra cũng là tiếng mưa rơi.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 5

Dư độc ngược lại âm đạt hồ Quảng Nhã cho rằng: dư độc đó là đau khổ, cũng gọi là làm việc ác.

Hề thữ ngược lại âm hồ kê Sách Thuyết Văn cho rằng: con chuột nhỏ nói rằng có độc đó cũng nói rằng: con chuột trong miệng ưa thích ngọt.

Kế phát văn cổ viết chữ dược kế hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ Hoát cũng đồng ngược lại âm cổ hoạt tự Lâm cho rằng: kế là là bên tóc lại. Gọi là quát là cột tóc lại, hoặc viết là kiết phát là thắt cột tóc, bới tóc.

- QUYỂN 6 (Trước không có âm.)

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 7

Sưu tổn ngược lại âm lạt lưu sách Thượng Thư cho rằng: Vua ngày mai dần dần khỏi bệnh, giống như sai khác cũng là càng ngày càng khoẻ hẳn ra.

- QUYỂN 8 (Trước không có âm.)

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 9

Hàng giới ngược lại âm Hồ Lang văn thông dụng cho rằng: bó thúc nhân người tội là gọi là Hàng âm giới ngược lại âm hồ giới. Giới cũng là một loại gông cùm kinh văn viết chữ hạch là chẳng phải.

Câu dẫn ngược lại âm cổ ngu Bì Thương cho rằng: cột câu thúc con trâu lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: cột quanh mũi con trâu. Ngược lại âm dưới văn nhẫn Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc trâu vào sợi dây dẫn đi. Kinh văn viết chữ dẫn lại chẳng phải thể âm diện ngược lại âm cử viện.

Tông diệt ngược lại âm Tử công nắm lấy đầu gọi là tông cây cọ cũng là giống dân có màu da như cây cọ (nâu) âm dưới là diệt. Trừ diệt.

Sâm nhập ngược lại âm sơ ấm âm dưới là lộc gọi là vét làm cạn kiệt.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 10

Đô tư lại viết chữ tư cũng đồng ngược lại âm tương ly. Lâm Tự cho rằng: sợi dây thấm nước, cũng gọi là hết sạch.

Khái thổ văn cổ viết chữ khái hai chữ khái tượng hình. Nay viết chữ khái. Khái cũng đồng, ngươc lại âm công ngại. Khái là độ lượng. Quảng Nhã cho rằng: khái là chà xát, khái cũng là cân lường là Thanh gọt ngang trên cái hộc khi đong lường gọi là khái.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM
QUYỂN 11

Tỳ nữu ngược lại âm nữ cữu. Nói cho đúng là tỳ sắc Nô Thiên. Kinh văn viết chữ nữu này là chẳng phải âm nô ngươc lại âm nô cố.

Nhất trác ngược lại âm sữu bạch. Gọi là đi nữa bước nhảy qua gọi là trác. Thể chữ viết ngược.

Quyến lượt ngược lại âm cư hướng. Tư Thư cho rằng: cho cái lưới giăng bên đường. Kinh văn viết chữ cường là bắt lấy. Thông dụng văn hay dùng.

- QUYỂN 12, 13, 14 (Trên trước đều không có âm.)

KINH BIỆT DỊCH A HÀM QUYỂN 15

Lưỡng Tu ngược lại âm tư vu. Gọi là cái vòng xích, cái móc khóa. Kinh văn viết chữ tư lê. Tư chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đắc yết văn cổ viết chữ yên cũng đồng ngược lại âm nhất kiến. Gọi là nuốt vào cổ họng. Hán thư cho rằng: Lấy tuyết và lông len buộc vào nuốt vào cổ họng.

- QUYỂN 16, 17, 18: Không có từ âm.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM QUYỂN 19

Ma uân ngược lại âm nhất môn Sách Thuyết Văn cho rằng: pha lộn các màu sắc áo trộn lẫn nước và ảo để may. Kinh văn viết chữ uẩn ngược lại âm vu văn. Gọi là bó cỏ khô dùng lửa đốt cháy. Uẩn chẳng phải chữ thể chữ, âm phất ngược lại âm bổ vật âm nhiệt ngược lại âm nhi duyệt.

KINH BIỆT DỊCH A HÀM QUYỂN 20

Hoăng mông ngược lại âm Đồ Đăng Lai đinh Đặng sách Vân Tập cho rằng: Là chết mất nằm thiên thu, ngược lại âm dưới làvọng Đăng kinh văn viết chữ Đăng là chẳng phải thể. Bố cốc Sách Phương ngôn

cho rằng: Bố cốc đó là từ cửa ải mà đến Đông Phương Sở gọi là cát dục. Giữa chu ngụy gọi là kích cốc. Từ cửa ải mà đến cửa Tây hoặc gọi là bố cốc. Quách Phác cho rằng:Giang Đông gọi là gặt lúa đem về nhà, âm cát ngược lại âm cổ bát dục ngược lại âm cư lục.

Tất phúc ngược lại âm bổ kiết Theo Mao Thi truyện cho rằng: Thôn Tho ngào ngạt. Trịnh Tiển cho rằng: Hương thơm ngược lại âm dưới phò phúc cũng là Hương thơm.

Ngãi tiệt ngược lại âm sở nham. gọi là cắt cỏ. Mao Thi truyện cho rằng: cắt trừ diệt cỏ.

****

KINH PHẬT BÁT NIẾT BÀN
QUYỂN THƯỢNG

Sạ chuẩn ngược lại âm chu duẫn. Lại cũng âm Chi nhuận văn thông dụng cho rằng: sạ là bắn trúng gọi là chuẩn. Chuẩn là ở trong có gỗ gọi là đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đích để bắn mũi tên. Quảng Nhã cho rằng: chuyển đích, chính xác sạ hầu. Lấy da của con Gấu, Hổ chế ra mặt phẳng tô điểm vào cái trống vậy, mà làm cái đích chuẩn xác để bắn, âm nghiệt ngược lại âm nghi liệt.

Lân tụ văn cổ viết chữ ấp hai chữ tượng hình. Nay viết chư tụ cũng đồng ngược lại âm tài Quảng Nhã cho rằng: cư tụ gọi là gom lại một chỗ cư trú.

Thừa phù ngươc lại âm phò lưu sách Luận ngữ cho rằng: Thừa phù là cái bè nổi trên mặt biển. Mã Dung cho rằng: bện tre gỗ làm cái bè lớn đó gọi là phiệt nhỏ đó gọi là phù.

Bạt trạc ngược lại âm Đồ trác Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trạc kéo ra. Quảng Nhã cho rằng: rút ra, cũng là dẫn dắt.

Trúc phương chữ viết đúng nghi tắc là từ bộ Thảo viết thành chữ phương. Tên của chúng lạc.

Hữu điệp Lại viết chữ điệp ngược lại âm đồ giáp. Tự Lâm cho rằng: điệp là vải lông thưa.

KINH PHẬT BÁT NIẾT BÀN
QUYỂN HẠ

Lệ độ ngược lại âm lực chế sách Tiểu Nhã cho rằng: do mang tới rồi trên là lệ là Tự do đến nhìn dưới là giỏ cao cái áo lên, âm yết ngược lại âm khứ lệ.

Bao mân ngược lại âm bổ giao ngược lại âm dưới vũ bần. Tên của vị đại thần. Kinh văn viết chữ mán này là chẳng phải.

Hung hung ngược lại âm hứa cung Hung hung là tiếng quấy rối sôi sục. Sách Hán Thư cho rằng: Hung hung là tiếng chân cả ngàn người. Kinh văn viết từ bộ Thủy viết thành chữ Hung là chẳng phải.

Tử tân lại viết chữ tử này cũng đồng ngược lại âm tư lý. Lâm Tự cho rằng: Tử là cây Thu. Kinh văn có viết chữ hoa là chẳng phải thể.

Chương tân ngược lại âm chi dương loại cây chương tượng tức là cây long nảo, mọc bảy năm mà có thể biết cây rất lớn.

Nam tân ngược lại âm nô hàm sách Tiểu Nhã cho rằng: giống cây hạnh thật mà lá nó lại chua giống như cây khế.

Kim thực Lại viết chữ trí cũng đồng ngược lại âm thời sử. Sách Tiểu Nhã cho rằng: Thực là trồng cây sanh. Quách Phác chú giải tả truyện rằng: lại cái khoá dựng cấm giữ cửa.

Đốn thương ngược lại âm thả dương Theo chữ thương đó giống như chữ khứu là đến gọi là đầu ngã đến tận xát đất. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ thương. Sách Tiểu nhã cho rằng: thương là chững chạc uy nghi dáng đi chuyển động. Thương chẳng phải ý nghĩa của kinh văn.

Ao ao ngược lại âm ngũ cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều tiếng khóc hu hu. Mao Thi truyện cho rằng: Tiếng kêu đau buồn ao ao. Theo truyện cho rằng: chưa được an tịnh tập trung, tiếng ồn nhốn nháo.

Điếu ngạn Lại viết chữ Nhan Thức giá ba chữ tượng hình đều đồng ngược lại âm nghi tiễn. Tiếng kêu Mao Thi truyện cho rằng: lời điếu chia buồn gọi là ngạn cũng là lời điếu chia buồn tiển người đã mất nước gọi là ngạn.

****

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - *Huyền Ứng soạn.*

Ốc dã ngược lại âm ô cốc. Tự lâm cho rằng: tưới nước gọi là ốc ốc là phì nhiêu trù phú, đất màu mở. Quảng Nhã cho rằng: ẩm ướt, đất màu mở tốt lành.

Hữu hám ngược lại âm hồ cam Quảng Nhã cho rằng: Hám là không hài lòng, oán giận. Tự Lâm cho rằng: Hám là không an.

Lễ lộ ngược lại âm lực cố. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Lộ là đưa quà tặng, biếu cho. Gọi là lấy vật trao tặng thay cho mời thỉnh nói rõ, cầu xin.

Thiểm mỹ văn cổ viết chữ thiển cũng đồng nghĩa ngược lại âm tha điển. Sách Phương ngôn cho rằng: Thiển là dày dặng, nặng, đầy đủ. Giữa đông Tề gọi là Thiển là đầy đủ. Quảng Nhã cho rằng: Thiển là đến tốt đẹp, dày dặn, khéo léo.

Huyền thậm ngược lại âm lạt cảm. Huyền là màu đỏ đen pha trộn lại. Theo Thanh loại cho rằng: Thậm thậm thâm, rất đậm đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy lá dâu nhuộm thành màu đen dìm che cãi không sáng sạch.

Tĩnh ký ngược lại âm bố giác tên người. Trong sách không có chữ này. Cho rằng viết sai, chỗ còn nghi ngờ chữ ký.

Húc miễn ngược lại âm Hứa ngọc ngược lại âm dưới nhị biên Sách Phương ngôn cho rằng: Tề, Lỗ gọi miễn là húc là khích lệ, gắng sức khuyên cố gắng lên. Sách Tiểu Nhã cho rằng: siêng năng cố gắng lấy hết sức lực mà làm việc.

Bổn Thiện ngươc lại âm thị chiến Tu bổ sửa chữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tu bổ thêm vào cho đẹp.

Bất thí ngược lại âm thí thị. Lại nhiều như vây Sách Thuyết Văn cho rằng: nơi đúng thời. Kinh văn viết chữ sí là cánh chim, chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH NHƠN BỔN DỤC SANH - *Huyền Ứng soạn.*

Nhiếp tuyển thể chữ viết đúng là chữ nhiếp lại viết chữ nhiếp cũng đồng ngược lại âm nữ triếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: các loại dưới chân đó là chỗ mang giày dép. Ngược lại âm dưới là sĩ quyến. Tuyển là gom tụ lại một chỗ.

KINH THI CA LA VIỆT LỤC HƯỚNG BÁI

(Đều không có chữ thể giải thích âm.)

****

KINH PHẠM CHÍ A BẠT - *Huyền Ứng soạn.*

Bàng hoàng ngược lại âm bổ quang ngược lại hoàng là đi loanh quanh. Bì Thương cho rằng: không nhất quyết dùng dằng ngập ngừng.

Khuê chu ngược lại âm: cổ huề ngược lại âm dưới thị châu. Là đơn vị trọng lượng đong lường, giống như là thăng đấu. Gọi là sáu mươi bốn Thử (tức lúa) là một khuê, bốn khuê gọi là toát mười hai túc là nặng, một phân, mười hai phân nặng một chu.

Húng huỳnh Lại viết chữ Húng này cũng đồng ngược lại âm Hứa cụ ngược lại âm dưới là vũ mệnh. Lấy rượu mà làm điều hung ác gọi là húng.Sách Thuyết Văn cho rằng: Húng Huỳnh là say rượu. Văn thông dụng cho rằng: nghiện rượu gọi là húng chìm trong rượu gọi là huỳnh.

Cô lũ ngược lại âm cụ canh sách tiểu nhã cho rằng: Lũ là nghèo nàn. Tự Thư cho rằng: Lũ là trống không, nghèo trống không, không có lễ nghĩa.

Tiết sơ lại viết chữ tiết cũng đồng ngược lại âm trắc dật. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiết sơ tên gọi chung là so sánh. Sơ là cây lược chải tóc.

Loan Hồ ngược lại âm Hộ Đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cung bằng gỗ. Sách Chu dịch cho rằng: Hoàng đế cho ra làm cây cung bằng gỗ, gọi là Hồ vót gỗ nhọn làm mũi tên, để lấy y với thiên hạ.

Phĩ Hoàng lại viết chữ Hoàng cũng đồng ngược lại âm Hộ Quang. Hoàng là nhàn nhã dạo chơi. Quảng Nhã cho rằng: đến kịp, cũng gọi là cấp bách gấp gấp.

Vu di ngược lại âm hoả cố tên người dựa theo chữ lại viết vu hiệu vu.

Côn đệ lại viết chữ côn cũng đồng ngược lại âm cô hồn Sách Thuyết Văn cho rằng: người nước Chu gọi là anh cả là côn sách Tiểu Nhã cho rằng: Côn là anh.

****

KINH PHẠM VÕNG LỤC THẬP NHỊ KIẾN - *Huyền Ứng soạn.*

Kiến quyết chữ viết đúng nghi là chữ quyết. Ngược lại âm kiến ngôn. Sách văn tự tập lược cho rằng: quyết là cây cọc. Thanh gỗ gác ngang miệng ngựa cũng có tên gọi là trò chơi hạt xúc xắc, ngược lại âm cự nguyệt.

Lạc nhĩ ngược lại âm nhơn chí. Gọi là lấy lông chim cấm vào lỗ tai làm đồ trang sức. Như ngày nay người ta lấy lông chim buộc vào cây đao cây giáo vậy.

****

KINH TỊCH CHÍ QUẢ - *Huyền Ứng soạn.*

Di thoan ngược lại âm Đồ Hoàn Lại viết chữ thoan là tên người. Nên gọi là A Đi Tha tiếng phạm chuyển ngữ sai. Đây dịch là đến.

Chước dương ngược lại âm phi nhược âm dưới văn cổ viết chữ sầu cũng đồng ngược lại âm đinh lịch chước gọi là buồn rầu lo sợ cũng là đau khổ lo lắng không yên.

Hư đản ngược lại âm đạt nhãn. Đản là càn láo khinh khi, cũng là lừa dối lớn lao, không chơn thật âm mạn ngược lại âm mạc giản.

Khu nghi ngược lại âm khứ du. Gọi là khu biệt. Khu là một vùng miền núi, khu cũng là một vùng nhỏ lại gọi là xứ sở.

Kê vưu ngược lại âm mạc tộc Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thư phù Quách phác nói rằng: Tức là con vịt trời.

Ý vi văn cổ lại viết chữ dực cũng đồng ngược lại âm ư sữ. Sách Luận ngữ cho rằng: Thức ăn đã đổi mùi, mà cũng là cơm hẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: y át là thức ăn đã biến mùi hôi thối, âm át ngược lại âm ô giới.

Ky trập lại viết chữ chập ngược lại chư lập theo Mao Thi truyện cho rằng: trạp là sợi dây cương buộc ngựa cũng là để cầm nắm câu thúc con ngựa.

Tùng tước lại viết chữ tiêu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử tiêu. Sách Phương ngôn cho rằng: mũi tên vót nhọn. Quan Tây gọi là bể. Chỗ gọi là bao dựng cây kiếm cả đao, âm bể ngược lại âm bỗ mễ.

Trừng cải ngược lại âm trực lăng Quảng Nhã cho rằng: trừng là săn đe ngăn cấm.

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 53

Kinh khởi thế mười quyển Huyền ứng
Kinh khởi thế nhân bổn mười quyển Tuệ Lâm
Kinh lâu khôi sáu quyển Tuệ Lâm
Kinh uý A Hàn Thập báo hai quyển Tuệ Lâm
Kinh Trung Khởi Bổn hai quyển Huyền ứng
Kinh Thất tri một quyển không có âm
Kinh Hàm Tuỷ dụ một quyển Tuệ Lâm
Kinh nhứt thiết lưu nhiếp thủ ý một quyển Tuệ Lâm
Kinh Hằng Thuỷ một quyển Tuệ Lâm
Kinh Bổn Tướng Ỷ Trí một quyển Tuệ Lâm
Kinh Duyên Bổn Trí một quyển Tuệ Lâm
Kinh Đảnh Sanh Vương một quyển Tuệ Lâm
Kinh văn Đà kiệt vương một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thiết Thành Nê Lê một quyển Tuệ Lâm
Kinh cổ lại thế giới một quyển Tuệ Lâm
Kinh A Na Luật Bát Niệm một quyển Tuệ Lâm
Kinh Diệm La Vương Ngũ Thiên Sứ giả một quyển Huyền ứng soạn
Kinh Ly Thuỳ một quyển Tuệ Lâm
Kinh Cầu dục một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thị pháp phi pháp một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thọ Tuế một quyển Tuệ Lâm
Kinh phạm chí kế Thuỷ trịnh một quyển Tuệ Lâm
Kinh khổ ấm một quyển Tuệ Lâm
Kinh khổ âm nhơn sự một quyển Tuệ Lâm
Kinh lạc tưởng một quyển không âm
Kinh lậu phân bố một quyển Tuệ Lâm
Kinh A nâu phong một quyển không có âm
Trên là ba mươi kinh năm mươi lăm quyển đồng âm với quyển nầy.

KINH KHỞI THẾ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Lủy diệp Lại viết chữ Luỹ cũng đồng ngược lại âm lực quỹ. Xây một bức tường gọi là Luỹ. Lủy cũng là nhiều lớp bao bọc. Dưới lại viết chữ diệp cũng đồng ngược lại âm đồ giáp. Tự Thư cho rằng: bức tường ngăn phòng của người nữ.

Diêm phu hoặc gọi là diễm phù châu. Hoặc nói là iệm phù châu. Hoặc gọi là chiêm bộ châu. Diêm phù đó là từ cây mà đặc tên. Đề đó là nói lược, nên nói là để bể ba. Đây dịch là châu âm chiêm ngược lại âm chi hàm. Bì Thương cho rằng: nhiều.

Uất Đơn việt. Hoặc gọi là uất Đát La việt Hoạt nói là uất câu Lâu Hoặc nói là úc đa la cưu. Nói cho đúng là uất đát la cứu lưu. Đây dịch là cao thượng. Làm gọi là trên cao, tầng đó dư góc vuôn, cũng nói là Thắng cuu Lưu. Đây dịch là tác cũng gọi là tánh (họ).

Phất bà đề hoặc nói là phất chu đãi. Hoặc nói là phất bà tỳ đề kha. Hoặc nói là bổ lợi bà tỵ đề hạ. Bổ Lợi bà đây dịch làTrước mũi. Đề Hạ đây dịch. Lìa Thân thể. Hoặc gọi là phất đó đều là Bà đề. Hoặc nói tỳ đề kha đều sai vậy.

Cụ đà ni hoặc gọi là cây da mi. Hoặc gọi là cu da ni. Hoặc gọi là cụ già ni đều là chuyển đọc sai. Cụ đây dịch: ngư đà ni dạ. Đây dịch là giữ lấy. Lấy kia cho nhiều châu dùng trâu đem ra chợ đổi lấy vật khác, như đây dùng tiền đổi lấy vải vóc hàng hóa. Hoặc gọi là có Thạch ngưu tức trâu đá.

Tường vi ngược lại âm tai dương âm dưới vô phi. Gọi là cây hoa tường vi.

Lâm kham văn cổ viết chữ lâm cũng đồng ngược lại âm lực kim Tam Thương cho rằng: Nước thấm xuống làm ướt át mềm nhũn.

Cương Thạch ngược lại âm cư lương. Hình như giống chữ cương, tức là mạnh mẽ cứng gắn, chữ viết từ bộ thạch Kinh văn viết chữ từ bộ thổ viết thành chữ cương là chẳng phải chữ cương này.

Phan lãm lại viết chữ lam lãm hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm lực cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: gom lấy, tán lấy, nắm giữ lấy quyền hành.

Nạch thư Lại viết chữ nạch cũng đồng, ngược lại âm trác. Nạch cũng giống như tróc. Nạch giữ lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầm nắm.

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 2

Mã Danh Bà La Ha đây dịch nói rằng: Lông dài.

Giải ao ngược lại âm ngũ cao. Giải là con cua có hai càng tám chân. Chữ viết từ bộ trùng Kinh văn viết chữ ngao là con rùa lớn.

Tô thâu bà đây dịch là tu hội lớn. Xưa dịch là tháp đó là sai vậy.

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 3

Sâm tưng ngược lại âm sở kim sâm gọi là nhiều cây dài, âm dưới văn cổ viết chữ tũng cũng đồng. Ngược lại âm tiêu dũng Tủng là nhảy cao lên.

Chân hắc Lại viết chữ chân cũng đồng ngược lại âm ư gian. Tự thư cho rằng: con dê màu đen. Kinh văn viết từ bộ ngưu viết thành chữ chân là chẳng phải.

Mạc bạt ngược lại âm Mạc Lạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mào bạt là nhìn về phía trước, giống như xem thường tiến thẳng vào, xông vào, gọi là mạo hiểm. Nay điều viết chữ mao.

Hai sai ngược lại âm trên ngũ giai ngược lại âm dưới trợ giai. Con nhe răng. Kinh văn viết chữ nhai sân mục con mắt trợn lên nổi giận.

Thiết phu ngược lại âm phương vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phu là hình phạt chém ngang lưng ngày xưa phu cũng là khâm cũng là búa vàng.

Bàng Lưu ngược lại âm phổ bàng. Tam Thương cho rằng: bàng là nước chảy ào ào, xối xã, nước chảy nhiều.

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 4

Chiến động lại viết chữ chiến cũng đồng ngược lại âm chi thiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: kẻ ngu đần run sợ, run lẩy bẩy. Tam Thương cho rằng: cái đầu không có ngay, lắc lư chuyển động.

Hắc yểm ngược lại âm ư điếm. Gọi là trên mặt có nốt ruồi đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: đen ở trong.

- QUYỂN 5, 6 (Đều không có âm.)

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 7

Củ ly ngược lại âm cự chu ngược lại âm dưới lạc tri. Quảng Nhã cho rằng: có sừng gọi là con rồng đực, không có sừng gọi là rồng cái. Rồng đực thân màu đen không có vảy, Ly giống như rồng mà vàng.

- **QUYỂN 8** (Không có âm để giải thích.)

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 9

Bi lạc ngược lại âm trên: bút bi ngược lại âm dưới thất bát. Gọi là cái đầm nước. Âm dưới lạc. Tên sông tại Tỉnh Sơn Đông Trung Quốc, khê từ. Ở U Châu gọi là điện là sông điện Hà ở Tỉnh Hà Bắc Trung Quốc, âm điện là âm điện.

KINH KHỞI THẾ
QUYỂN 10

Ca đan ngược lại: ngược lại âm phương nhĩ (0. đây gọi là Hoắc Hương. Âm hoắc ngược lại âm Hồ quách.

****

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Lão bối ngược lại âm ba muội Kinh Dương HùngThái Huyền cho rằng: Bối là Lớp, nhơm lũ, bọn. Bì Thương cho rằng: so sánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe trăm lạng gọi là nhất bối chữ viết từ bộ xa đến bộ biểu. Thanh tĩnh Kinh văn viết từ bộ Bắc viết thành chữ bối Tục tự cho rằng chẳng phải đúng.

Đỉnh giác xuất ngược lại âm Đình đỉnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đỉnh là vượt lên, nhổ lên, chữ viết từ bộ thủ thanh đình âm đình là âm đình.

Tam cấp ngược lại âm kinh ngập Cố Dã Vương chú giải văn Ngọc Thiện rằng: cấp đó như các đẳng cấp của thần bậc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp là thứ đệ, thứ lớp, chữ viết từ bộ mịch âm mịch là âm mích.

Lan Thuẫn âm trên là lan âm dưới là Thuận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lan can ngoài hành lang, dọc gọi là lan ngang gọi là thuẩn. Thuẫn gian tử nói rằng: là hạm. Tục gọi là cây móc. Lan Thuẫn hai chữ đều từ bộ mộc chữ hình Thanh chữ Thuẫn từ bộ hán đến bộ thập đến bộ mục.

Luỷ Diệp ngược lại âm lực gữi Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Luỷ là xây bức tường chồng chất lên cao tô bức tường. Quảng Nhã cho rằng: nhiều lớp bao quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ Thanh luỷ chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới điềm hiệp. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: là bức tường thanh trên của người nữ gọi là diệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: xây bức tường thành trên của người nữ bằng phẳng, chữ viết từ bô thổ Thanh diệp âm diệp ngược lại âm tràm tiếp.

Lâu lỗ ngược lại âm lỗ hầu ngược lại âm dưới lỗ dỗ Sách Thuyết Văn cho rằng: Lâu là căn nhà nhiều tầng. Lỗ là cái thuẫn lớn. Sách Khảo Thanh cho rằng: đều là thanh trên chống đở chiến đấu. Hai chữ đều từ bộ mộc chữ Hình Thanh chữ lổ từ bộ ngư đến bộ bạch tục viết từ bộ viết là chẳng phải.

Phân cấp ngược lại âm trên phần vấn. Kinh văn nói là núi Tu Di có ba tầng cấp, dưới rộng, trên hẹp. Nói núi này, do tuần đồng với câu xá luận không đồng. Câu xá luận tụng nói rằng: một bên xuất ra mười sáu ngàn tám trầm bốn mươi hai Thiên Lượng, từ dưới hướng lên phân nữa, còn phân nữa thì lại giảm đều do Du Thiện na lượng. Kinh nầy nói

rằng: tức là cấp dưới trong mười sáu cấp. Trên bốn mươi cấp hai mươi do tuần, ý của Tuệ Lâm cho rằng: còn nghi ngờ, cho rằng kinh này nói núi này là Thành quách chẳng phải cõi đất mà đo lường.

Kim sái điểu ngược lại âm Thí cổ Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim chữ viết từ bộ vũ Thanh chi hoặc là viết từ bộ thị viết thành chữ sĩ cũng là một nghĩa thông dụng. Kinh văn nói rằng: con chim cánh vàng đó hoặc gọi là đại thê diểu. Tiếng Phạm gọi Ca Lâu La. Hoặc gọi là cát lộ trà hoặc gọi là long oán đều từ nhân hình nhân sự mà lập tên. Trong bát bộ quỹ thần, có một bộ nói về loài chim này, có đại thân lực thường ăn các loài rồng. Rồng nói cho đủ là có bốn loài. Noản sanh, Thai sanh, Thấp sanh, hoá sanh. Giống chim này cũng trong bốn loài đó. Có sức mạnh lạ thường, đủ như trong kinh văn nói. Nay chỉ hiểu tóm lược các tên khác nhau. Giải thích chữ âm nghĩa văn tự mà thôi.

Cấu trá ca ma lợi âm trên là câu xa âm xa. Hoặc gọi là Cư trá xa ma ly tên của cây đại thọ là chỗ của các loài chim cánh vàng đậu nghĩ ngơi. Chỗ rất mõng manh. Nơi đây các con chim bắt lấy rồng để ăn thịt. Theo từng loại mà cư trú. Cây này có bốn mặt.

Tảo kiên địa kê ngược lại âm trên tang đáo âm kiện là âm kiện Tiếng phạm tên của thiên Hoa, người nhân gian tuyệt không có loại hoa này.

Yểm Bà La Đa Ca ngược lại âm trên ám hàm cũng là tên thiên quả. Ở tây vực nước này không có loại trái này.

Bể Hê Lạt ngược lại âm trên tỳ mễ ngược lại âm trên hinh hề. Tên của quả. Hoặc gọi là Tỳ Lê Lạt. Tức là loại Ha Lê Lạt đều từ ngoại quốc đến.

Ô bột Lâm tức là ớt bột lâm. Tên mộc quả, quả dưa gướng như cây, mà lớn rất thơm, tức nước này cũng có.

Nại lâm ngược lại nô đại kinh văn viết lại thêm bộ mộc viết chữ nại là chẳng phải.

Tường vi ngược lại âm trên tương dương, ngược lại âm dưới vị phì cây hoa có năm màu sắc. Loại hoa này ở nhơn gian có. Kinh văn viết chữ tường là không thành chữ.

Thanh linh ngược lại âm dưới lịch định.Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Linh đó là nước lóng trong, chữ hình thanh

Cam điềm ngược lại âm dưới Đình Tràng. Sách bác Nhã cho rằng: điềm cũng là cam. Hoặc viết chữ điềm Tục tự thường hay dùng.

Chuyên Luỹ ngược lại âm trên: đoã chuyên. Xưa nay chánh tự cho rằng: gạch nung. Bì Thương cho rằng: gạch ngói nung. Xưa nay

chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngoã đến Thanh chuyên hoặc là viết chữ suyễn chữ cổ. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ chuyên văn thường dùng.

Kim hiếp ngược lại âm Hương diệp chữ viết từ bộ nhục viết thành chữ hiếp âm hiếp là âm diệp chữ viết từ bo bộ lực.

Kim điền âm dưới là điền. Sách Thuyết Văn cho rằng: điền là lấp cho đầy chổ trống, chữ viết từ bộ huyệt đến bộ chơn. Thanh diệc kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ trấn ân trân chữ chỉ khác âm tục dùng sai.

Cương thạch ngược lại âm trên cư Lương. Bì Thương Hiệt cho rằng: Cương là đá dụng. Chữ viết từ bộ Thạch cương Kinh văn viết chữ cương này là chẳng phải.

Bì Quái ngược lại âm khổ ngoại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quái là cái vỏ lúa thô cứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hoà Thanh hội kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ quái là chẳng phải.

Cấu loát ngược lại âm câu hầu chữ chĩ rằng: dùng tay nắm vắt sữa bò, dê. Chữ viết bộ thủ đến bộ cấu Thanh tĩnh, âm cấu đồng với âm trên. Hoặc là viết từ bộ dương viết thành chữ cấu hoặc là viết bộ ngưu viết thành chữ cấu đều sai chẳng phải. Chữ viết từ bộ thủ là đúng. Kinh văn viết chữ cấu cũng chẳng phải bổn chữ, ngược lại âm dưới kinh quát. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Loát là dùng tay gỡ lấy vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm loát là âm luật cát chữ viết từ bộ thủ Thanh hồ là âm hồ.

Tự ngưu âm trên là tự. Văn tự giải thích rằng: Phàm con bò, con dê cái đó gọi là tự. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết còn thiếu. Sách Tự Cảnh cho rằng: Tẩn ngưu là con bò cái, chữ hình Thanh.

Tư nùng ngược lại âm trên tử tư Tự Thư cho rằng: Tư là chất lỏng nhiều ẩm ướt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nảy sinh phát triển thêm nhiều lợi ích. Chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh tư, ngược lại âm dưới nữ long. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nùng là dày. Sách Khảo Thanh cho rằng: nùng là nước dịch đậm đặc, nồng trà đậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lộ ra ngoài nhiều, chữ viết từ bộ thuỷ Thanh nông hoặc là viết từ bộ vũ viết thành chữ nùng âm đồng với âm trên.

Thủ lãm ngược lại âm lạc cảm Sách Thuyết Văn cho rằng: Lãm là tóm lấy nắm giữ chữ viết từ bộ thủ đến bộ lãm Thanh Tĩnh hoặc là từ bộ thủ viết thành chữ lãm cũng thông dụng.

Nạch thủ ngược lại âm trên nữ ách. Theo Thanh loại cho rằng:

Nạch tóm bắt lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đè ấn xuống, chữ viết từ bộ thủ thanh nạch âm văn trước âm nghĩa âm là nữ ách âm cái hương là chẳng phải âm đúng vậy.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 2

Uất đa la cứu lưu ngược lại âm trên uy luật. Tiếng Phạm tên Bắc Châu. Hoặc gọi là Bắc Uất đơn ở trong núi diệu cao. Trong Bắc Đại Hải. Núi này hình đúng là vuông, ở giữa bốn biển. Núi này chỉ có một.

Ích mạc ngược lại âm trên đinh lịch. Sách Khảo Thanh cho rằng: Trích là chỉ ra sự thật. Chủ đích. Tục dùng hoặc là viết chữ đích, ngược lại âm dưới Ma Bác. Sách Vận anh cho rằng: mặt trời tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là vẫn còn tối tăm chưa sáng hẳn. Lại goi là trong lớp cỏ rậm rạp. Tên loại cỏ dùng làm rau ăn, âm tĩnh cũng là Thanh, âm tĩnh là âm giới.

Khang quái ngược lại âm trên khả cang sách Nhĩ Nhã cho rằng: cám gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hoá đến bộ khan cũng viết từ bộ mễ, ngược lại âm dưới là khổ ngoại văn trước quyển thứ nhất trong kinh đã giải thích đầy đủ rồi.

Canh hoắc ngược lại âm trên cách hành. Sách Khảo Thanh cho rằng: thịt sắc mỏng hoặc là thái mỏng hào trộn lại với năm gia vị gọi là canh. Khổng An Quốc chú giải sách THượng Thư rằng: canh là có vị mặn chua các loại gia vị niêm vào. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: có món ăn gọi là canh mà đậm đặc hoặc là thịt hoặc là măng tre. Xắc nhỏ làm canh chữ viết từ bộ nhục đến bộ hoắc Thanh Tĩnh âm hoặc ngược lại âm hoang quách kinh văn viết từ bộ vũ dưới bộ Chuy viết thành chữ hoặc này là chẳng phải.

Bo sa đà ngược lại âm trên báo mao. Tiếng phạm kinh văn viết chữ trai. Đường Huyền Tran cho rằng: Trững tịnh. Tức là tập hợp chúng lại, trình bày nói ra, chữ phạm tội. Tẳng trưởng, bạch pháp cho nghiệp thanh tịnh trong sạch nên gọi là Trưởng tịnh.

Nghi nhiên ngược lại âm nghi lực. Chữ chĩ ý rằng: núi cao uy nghiêm âm lục ngược lại âm trợ lực chữ viết từ bộ sơn Thanh lục âm lục là âm trấc chữ lục từ bộ viết âm lục đồng với âm trên.

Bất đảo bạch điệp ngược lại âm lực lão âm dưới nại kinh văn viết

bất chuyên là chẳng phải đúng chữ.

Phi tông âm trên là phi. Bì Thương cho rằng: Được tóc mà chạy. Âm dưới là tông kinh văn viết từ bộ Thông tục tự thường hay dùng. Sách Khảo Thanh cho rằng: bơm ngực. Tông phi hai chữ đều từ bộ tiêu âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Xu nghiêm ngược lại âm trên xương chu. Trịnh tiển chú giải Mao Thi truyện cho rằng: xu là người con gái có nhan sắc đẹp. Sách phương ngôn cho rằng: giữa nước Triệu, nguỵ gọi sự tốt đẹp là xu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt đẹp chữ viết từ bộ nữ Thanh chu ngược lại âm dưới nghê kiên. Quảng Nhã cho rằng: nghiêm là xinh đẹp Sách Thuyết Văn cho rằng: người con gái có tính hay ghen ghét. Chữ viết từ bộ nữ Thanh nghiên âm nghiên là âm khiên đều từ hai bộ can.

Bàng giải ngược lại âm dưới hài giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải là con cua có hai cái càn tám cái chân đi ngang, chẳng phải con rắn mà hay đào hang, không có chổ để che đậy, chữ viết từ bộ trùng Thanh giải âm ao là âm ao. Âm thiện là âm thiện là giỏi như con rắn.

Đa toát ngược lại âm sang toát tự Lâm cho rằng: toát là nắm lấy. Sách Lễ Ký cho khổng tử nói rằng: vu đất trong đại địa thì là rất nhiều vậy. Ngược lại âm tông loát cũng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cho rằng: bổn khuê ba chữ một toát vậy. Toát bằng một cân ngày nay, chữ viết từ bộ thủ Thanh tối âm tối ngược lại âm từ nội.

Ngự giả ngược lại âm ngư cứ Cố Dã Vương cho rằng: chỉ huy, sai khiến con ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã Thanh hưu

Trì bí ngược lại âm dưới bi mi. Theo Mao Thi truyện cho rằng: nắm sợi dây cương mà kết lại. Cố Dã Vương cho rằng: chổ điều khiển chế ngự con ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: dây cương bộc ngựa. Chữ viết từ bộ ty đến bộ vệ âm vệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều thiết của trục chiếc xe, chữ tượng hình kinh văn viết từ bộ vong viết thành chữ bí là chẳng phải đúng thể âm tổ là âm tổ.

Quán chúc ngược lại âm chung nhục. Sách Khảo Thanh cho rằng: chú là chăm chú nhìn, nhiều con mắt hướng về nhìn, chăm chú gọi là chúc Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn chăm chú chữ viết từ bộ mục Thanh chúc.

Khưu khư ngược lại âm khứ ngư. Thông dụng phong tục cho rằng: Khủ là đất bỏ hoang. Sách Khảo Thanh cho rằng: đất ấp của nhà nước phế bỏ. Sách Chu Lễ cho rằng: bốn ấp làm một khưu, hoặc là khư. Quảng Nhã cho rằng: khư là chỗ ở. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký

rằng: đất bị huỷ diệt không có sau này. Ngọc thiên cho rằng: gọi là khu đất lớn. Khu đất bỏ hoang cũng là nền móng chữ viết từ bộ thổ thanh hư

Xí hổn ngược lại âm trên sư hí. Sách Khảo Thanh cho rằng: xí là nhà xí, nhà vệ sinh. Cạnh bên bờ ruộng hổn tạp các chất nhơ. Sách Tập Huấn cho rằng: nhà chứa phân dơ. Ngược lại âm dưới hổn khổn. Hổn cũng là nhà xí. Sách Tập Huấn cho rằng: chỗ nhốt heo, chữ tượng hình kinh văn viết từ bộ thuỷ viết thành chữ hổn là chẳng phải. Âm sư ngược lại âm sơ sử âm tư ngược lại âm tường sử các âm.

Liên Manh ngược lại âm mạch bành. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Manh là cái mèn đóng trên rui nhà móc ngói. Sách Thuyết Văn cùng với tả truyện cũng đồng, chữ viết từ bộ ngoã đến bộ manh Thanh tĩnh.

Nhủ ngược lại âm dưới khuyển dĩnh kinh văn nói rằng: dùng tay vắt sữa con bò. Khoảch là nói rất mau vừa mới, nghĩa là thời gian chỉ trong một hơi thở. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Hiệt Thanh chủy.

Ốc Nhưỡng ngược lại âm trên điểu cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước chữ viết từ bộ thuỷ Thanh yêu, âm yêu ngược lại âm ướng kiêu. Kinh văn viết chữ yêu Thông dụng thường hay dùng, âm dưới viết là nhưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm nhu dưỡng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đất không có đống nhô lên gọi là nhưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đất mềm chữ viết từ bộ thổ thanh nhưỡng.

Điệp y ngược lại âm đình diệp Tây ức dùng bông hoa cỏ làm vải thưa. Kinh văn viết chữ Điệp này cũng thông dụng.

Đinh chi ngược lại âm đinh kính.

Tô Thầu Bà Tiếng phạm, xưa dịch là chất phát không mền diệu. Đúng phạm âm gọi là Tốt Đổ ba. Dịch là phương phần. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Tháp, phần mộ. Chuyên Tháp tức chuyển Luân Thánh Vương sau khi chết để lại Thân Tháp.

Tạm thời ngược lại âm trảm lam. Sách Tập Huấn cho rằng: chữ viết từ bộ viết Thanh trảm hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ tạm.

Chuyên thổ ngược lại âm trên suyển xuyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyên là gạch nung, chữ viết từ bộ ngoã Thanh chuyên kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ chuyên tục dùng chẳng phải đúng.

A Tỳ chĩ Địa ngục Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang cho rằng: không ngừng nghỉ. Hoặc gọi là A Tỳ địa ngục, tức là địa ngục đại địa

ngục vô gián, nơi chỗ trong biển lớn dưới cõi đất đại địa, cho nên gọi là địa ngục.

Điệp khôi âm trên diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ viết. Viết thành chữ điệp nay đổi mới thành ba bộ điền dưới từ bộ nghi chữ hội ý. Ngược lại âm dưới ngô hội. Sách Thuyết Văn cho rằng: đá mài, đá khắc bia, chữ viết từ bộ Thạch Thanh khởi. Xưa đó lỗ ban lúc đầu viết khôi mi ngược lại âm mạc cố. Sách Khảo Thanh cho rằng: đá mài dao, dụng cụ để mài.

Đao diệp ngược lại âm diêm tiếp. Gọi là Thiết diệp, chữ hình thành.

Thiết trảo ngược lại âm yêu niết Sách Thuyết Văn cho rằng: loại đồng đen, chữ viết từ bộ kim Thanh tiệt âm tiệt ngược lại âm đồ kiết chữ chánh thể. Nay kinh văn viết từ bộ tiệt viết thành chữ thiết tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới trang giảo chữ tượng hình.

Tiêm trưỡng ngược lại âm trên tương diêm. Quảng Nhã cho rằng: tiêm là nhỏ bé. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Tiêm là nhỏ, văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ mịch Thanh tiêm chữ tiêm từ bộ tiêm âm tiêm là âm tiêm là âm, ngược lại âm dưới trực lương. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trường là lau dài, chữ viết từ bộ ngột đến bộ hoá đến bộ đảo. Mất đi cao xa bằng phẳng. Vật lâu dài thì biến hoá cho nên từ bộ hoá

Phong vong âm trên là phong âm dưới là vong cây dao nhọn giống như lá cỏ thẳng, cho nên tên phong vong.

Quấc phá ngược lại âm trên trăng quấc. Đây là âm kiến tự thư cho rằng: Quấc là dùng móng vuốt để phá vở. Xưa âm cư bích. Hoặc âm là cửu phược. E rằng chưa xác đáng, cho nên đổi lại chính là âm này trảo ngược lại âm giao.

Phách Thân ngược lại âm tinh mạch. Tự Thư cho rằng: dùng tay tách vật ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: oanh liệt mạnh mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ tích từ bộ thủ đến bộ tích Thanh tĩnh.

Toàn thân ngược lại âm tổ quan sách Khảo Thanh cho rằng: Toàn là cái dùi khoan, mũi nhọn đâm vào. Sách Tập huấn cho rằng: Khoan xuyên qua vật bằng thiết chì, chữ hình thanh.

Chỉ Tuỷ âm trên là chi ngược lại âm dưới tuy chi. Sách Tập Huấn cho rằng: chất mở trong xương tuỷ của xương. Chữ viết từ bộ cốt Thanh tuỳ.

Ngũ xoa trách âm trên Tống da. Gọi là Thiết xoa, âm dưới trảo cách. Quảng Nhã cho rằng: Trách là tách ra, mở ra, trương lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tội ác, chữ viết từ bộ kiệt kinh văn nói rằng: ngũ

xoa đó là tên của địa ngục, dùng thiết xoa này phân xé thân hình tội nhân ra, cho nên tên ngũ xoa là địa ngục.

Bộc trước ngược lại âm trên bàng mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tay bưng ném xuống đất gọi là bộc. Sách Vận Thuyên cho rằng: hai tay bưng thức ăn hầu hạ. Hoặc là phổ lộc cũng thông dụng. Nay tục dùng hoặc là tĩnh lược viết là Bộc ngược lại âm dưới là trường lược chữ viết từ bộ thảo dưới là chữ giả Tục theo hai điểm viết Trước này là chẳng phải.

Thiết chiêm ngược lại âm dưới biển nghiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiêm là cái trục xe, chữ viết từ bộ kim Thanh chiêm âm triếp văn viết từ bộ cam viết thành chữ kiềm là chẳng phải thể. Xưa nay chữ viết đúng là chữ chiêm này.

Thiêu ngạc ngược lại âm ngũ các. Sách Khảo Thanh cho rằng: Ngạc là lợi răng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục Thanh ngạc chữ ngạc từ bộ huyên đón bộ nghịch âm nghịch là âm nghịch âm huyên là âm huyên, âm ngận là âm chữ ngân.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 3

Cúc thảo ngược lại âm trên cung lục. Sách Khảo Thanh cho rằng: che cái tay bưng lấy vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai tay bưng gọi là cúc chữ viết từ bộ bao âm bao là âm bao từ bộ mễ chữ hội ý. Viết đơn là chữ cúc này. Này kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ cúc thông dụng thường hay dùng.

Uyễn đậu ngược lại âm ô hoàn tên của loại đậu. Sách Thuyết Văn viết chữ uyễn chữ cổ. Từ bộ đậu Thanh uyễn.

Sam Thích ngược lại âm trên sĩ khâm Sách Thuyết Văn cho rằng: Sam là cắt đứt, đoạn lìa, dùng cây kim xỉa cạy, cũng gọi là cướp giật, dùng dao phanh khoét ra, chữ viết từ bộ đao Thanh Sàm ngược lại âm dưới Thanh diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thích là đâm vào bị thương, chữ viết từ bộ đao Thanh thúc âm phiếu ngược lại âm thất diệu âm chiêu ngược lại âm chi diêu.

Luyến luyến ngược lại âm luyến chuyên. Cố Dã Vương cho rằng: xắc thịt mỏng rồi lại bầm nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục Thanh luyến âm luyến ngược lại âm lực chuyên chữ viết đúng

thể.

Giảo Thực ngược lại âm trên ngũ giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giảo là cắn xương, chữ viết từ bộ xỉ Thanh giao cũng viết chữ mạch, hoặc là viết nhiêu niết ngược lại âm nghiên kiết chữ chánh thể.

Nhai sài ngược lại âm trên nhai giới ngược lại âm dưới sài giải. Sách Khảo Thanh cho rằng: mở há miệng ra cắn khít lại. Bì Thương cho rằng: tiếng tranh giành với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng cùng với lợi đều thấy. Lại gọi là mở miệng ra thấy răng: chữ viết đều từ bộ xĩ đều thanh nhai thữ âm giải dưới là âm giới.

Sáp thấu ngược lại âm trên tử lạp. Sách vận lược cho rằng: sáp là nuốt vào miệng. Sách Thuyết Văn viết chữ tàm tục viết chữ sáp ngược lại âm dưới sắc tróc. Sách vận lược cho rằng: Thấu là ho, cái miệng thu lại, ho ra. Chữ viết đúng là chữ thấu Bổn kinh viết chữ thấu là chẳng phải thể chữ.

Trác cân ngược lại âm trên trác giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: trác là chặt đốn ngã. Chữ viết từ bộ cân Thanh trác kinh văn viết chữ động tục dùng thông dụng.

Khước tháp trên chữ viết đúng là khước ngược lại âm dưới là Đồ lạp. Bổn kinh viết chữ tháp tục dùng thông dụng.

Phanh Độ ngược lại âm trên bá manh. Sách Khảo Thanh cho rằng: phanh là bún ngón tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ Thanh phan ngược lại âm dưới đường lạc ầm đàn ngược lại âm đạt đan.

Thiết giang ngược lại âm hạng giang. Sách Thuyết Văn cho rằng: giang giống như cái hủ cổ dài có thể chứa mười thăng, chữ viết từ bộ ngoã Thanh công.

Thiết ngao ngược lại âm ngao cật.

Tương kích ngược lại âm kinh lịch Sách Thuyết Văn cho rằng: Sách Thuyết Văn cho rằng: nước bắn lên rất mau, chữ viết từ bộ thủy Thanh kích.

Nhi bặc ngược lại âm bằng bắc Quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bặc là che phía trước. Trịnh Tiển chú giải sách chu lễ rằng: bặc vấp ngã tới phía trước, cũng là ngã chết bên đường thây ma chết cống. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc Thanh phẫu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu.

Bồng bột ngược lại âm trên bộc mong, ngược lại âm dưới bồng một Vương dật chú giải sách sổ từ rằng: Gió thổi bụi trần cuốn theo lên, cũng viết chữ bồng bột này gọi là hơi sương còn đọng lại. Bổn kinh viết từ bộ hoả viết thành chữ bồng bột tục dùng thông dụng.

Xúc tháp ngược lại âm trên thu lục. Âm dưới Đàm Lạp kinh văn viết chữ tháp cũng thông dụng.

Gian hoạt ngược lại âm trên giãn nhan âm dưới hoàn quát. Tự Thư cho rằng: hoạt là thông minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển Thanh cốt.

Bào mạt ngược lại âm trên phổ bao ngược lại âm dưới mạt. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bào là bọt nước nổi trên mặt nước, mạt cũng là bọt nước nổi trên mặt nước. Xưa nay chánh tự cho rằng: hai chữ đều viết từ bộ Thuỷ đều thanh bao mạt chữ viết đúng thể.

Mạch dực âm dực văn Tự lập lược cho rằng: dực là võ lúa mì. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mạch Thanh dực.

Nản trứu ngược lại âm trên minh giản (0. Sách Thuyết Văn cho rằng: nản là đỏ mặt vì hổ thẹn, chữ viết từ bộ xích Thanh phục kinh văn viết từ bộ bì viết thành chữ nản tục dùng thông dụng, âm phục là âm nục ngược lại âm dưới Trang Sưu. Sách vân lược cho rằng: da mặt tu lại, da mặt nhăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bì Thanh trứu. Kinh văn viết chữ Trứu tục dùng thông dụng.

Yểm tử ngược lại âm y diểm Sách Khảo Thanh cho rằng: trên mặt có nốt ruồi đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ thanh yểm.

Ẩu Lũ ngược lại âm vu củ ngược lại âm dưới lực chủ. Sách Bác nhã cho rằng: xương sống cong lại, tức là người gù lưng. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ nhơn đều thanh ẩu lũ.

Bá kỳ ngược lại âm trên ba khả. Sách chu dịch cho rằng: Bá là chân có thể mang giầy dép mà không thể đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi không ngăn ngắn, thoạt chơn. Gọi là kéo lê cái chân, chữ viết từ bộ túc Thanh bì cũng viết từ bộ bá này ngược lại âm dưới là cật dĩ Trịnh Huyền chú giải kinh Sơn Hải rằng: nói người đi chân đất không chấn đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàn chân có nhiều ngón, chữ viết từ bộ túc Thanh kỳ.

Luy Sưu ngược lại âm trên là lực truy âm dưới viết đúng chữ sưu ngược lại âm tủng cứu.

Uống nhược ngược lại âm ô hoàng. Sách Thuyết Văn viết chữ uông gọi là cổ chân bị cong lại chữ viết từ bộ đại giống như hình một bên bị cong lại, văn cổ viết từ sanh viết thành chữ uông Bổn kinh viết chữ uông này là chẳng phải.

Dĩ buôn ngược lại âm buôn muôn nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi. Trong Kinh kinh quang minh tối thắng vương.

- QUYỂN 4 : Không có từ âm

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 5

Bác thủ ngược lại âm trên bổ lạc. Theo Thanh loại cho rằng: Bác là bắt lấy vật. Đỗ Dự chú giải tả truyện rằng: bắt lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng sợi dây lớn tóm lấy giữ lại, chữ viết từ bộ thủ Thanh bác.

Si hưu ngược lại âm trên xỉ chi. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện cho rằng: Si là loài chim mà tiếng của nó kinh dị. Xưa nay chánh tự cho rằng: Thuộc giống chiem diều hâu chữ viết từ bộ điểu Thanh si. Ngược lại âm dưới hữu vưu. Tự Thư cho rằng: thuộc giống cú mèo. Hưu Lưu, yêu điểu, cũng là một tên giống chim ban đêm bay đi kiếm mồi ban ngày thì nằm. Xưa này chánh tự cho rằng loài chim quái lạ, chữ viết từ bộ điểu Thanh hưu âm danh là âm cách.

Mạc ty ngược lại âm trên mang bát Sách Phương ngôn cho rằng: mò tìm, xưa này chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh mạc giống như chữ quyết.

Như cỏ ngược lại âm cư nghi Thế bổn cho rằng: Thiếu Khang viết chữ cỏ. Quách phác chú giải sách phương ngôn rằng: cái mẹt, cái nia sảu gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái nia làm bằng tre, chữ viết từ bộ trúc Thanh kỳ chữ tượng hình. Âm dưới là kỳ người xưa viết chữ cỏ Khổng An Quốc chú giải sách luận ngữ rằng: cái rương nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc đến thanh đan.

Như cữu ngược lại âm cầu hữu. Bổn kinh viết chữ điền là sai.

Tảo Trữu ngược lại âm trên tô táo. Sách Bác Nhã cho rằng: quét từ dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ Thanh trữu kinh văn viết chữ tảo tục dùng thường dùng, ngược lại âm dưới chu liểu. Thế Bổn cho rằng: Thiếu Khang viết chữ trữu. Cố Dã Vương cho rằng: Trữu là cây chổi chổ gọi là dùng để quét trừ phân dơ uế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hựu là tay cầm cái khăn là chà trong miệng kinh văn viết từ bộ Trúc viết thành chữ Trữu tục dùng thông dụng.

Hoa chiểu ngược lại âm: chi nhiểu. Theo Mao Thi truyện cho rằng: chiểu là cái ao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh chiêu.

Chư ngẩu ngược lại âm ngô cẩu.

Lạp mật ngược lại âm trên. Lam hạp kinh văn viết chữ cát là chẳng phải.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 6

Kỳ đạo ngược lại âm trên kiết di. Sách Nhĩ Thất cho rằng: con đường rẻ hai gọi là kỳ. Quách Phác chú giải rằng: kỳ đạo là con đường rẻ qua một bên. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Sơn Thanh kỳ.

Phiêu linh Trên thất diêu ngược lại âm dưới lực đỉnh.

Phân uân ngược lại âm trên phù phân. Sách văn tự tập lược nói rằng: phân uân là mùi thơm ngào ngạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khí Thân ngược lại âm dưới tước vân nghĩa đã giải thích đầy đủ trong kinh kim quang minh tối thắng.

Lao cố ngược lại âm lão đao.

Tăng lâu ngược lại ân trên tàng lăng Quách phác chú giải kinh sơn Hải rằng: tầng là nhiều lớp. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà nhiều tầng chữ viết từ bộ thi Thanh tằng.

Quán chúc ngược lại âm chi dục.

Na Trì ni âm giữa là trực tri Tiếng phạm. Tên của ao.

Liển dự ngược lại âm trên lực triển. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: xe giá người ta gọi là Liển. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe có người kéo chữ viết từ bộ phu ở trong xe. Trước có người kéo. Văn dưới là đúng âm dư Văn Tự Lập Lược gọi làxe chuyên chở. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe chở hàng. Chữ viết từ bộ xa Thanh dư. Bổn kinh đây là xưa nay là đúng, chữ viết đúng chữ dự là chẳng phải âm bạn là âm bạn âm dư là âm dư.

Phiêu dương âm dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: gió thổi chỗ cây dương bay phất phới. Chữ viết từ bộ phong Thanh dương âm dương là âm dương.'

Hý Hước ngược lại âm trên là hy ý ngược lại âm dưới Hương dưới.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 7

Nhân uân âm trên là nhân.

Di Thoá ngược lại âm trên là di chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Di là nước mũi chảy ra, chữ viết từ bộ mộc Thanh di, ngược lại âm dưới

Thổ ngoạ Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng chảy ra, chữ viết từ bộ khẩu Thanh thuỳ.

Bất thuấn ngược lại âm Thuỷ Nhuận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuấn là mắt chớp nhiều lần, chữ viết từ bộ mục Thanh Thuấn kinh văn viết từ bộ Tuần viết thành chữ thuấn tục dùng thông dụng.

Yển thương ngược lại âm trên yêu kiêu. Đỗ Dự chú giải tả truyện rằng: chết non gọi là yểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: can uổng, chữ viết từ bộ đại chữ tượng hình, ngược lại âm dưới Đãng dương. Sách Lễ ký cho rằng: con trai, con gái chưa có đội mũ, cái trâm mà chết đó gọi là thương. Chết từ mười chín tuổi đến mười sáu tuổi gọi là Trưởng Thương, mười lăm đến mười hai tuổi gọi là Trung thương mười một đến tám tuổi là hạ thương dưới tám tuổi là vô phục thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạc đến chữ thương Thanh tĩnh âm ngạch là âm căng.

Thiểu ngược lại âm trên xương chiểu Bổn kinh viết chữ Thiểu tục dùng thông dụng.

Giai thức ngược lại âm trên khách giai. Sách Bác Nhã cho rằng: giai là mài mò. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ Thủ Thanh giai ngược lại âm dưới thư lực. Quách phác chú giải sách Nhĩ thất rằng: Thức chỗ gọi là sạch sẽ, lau chùi sạch sẽ. Trịnh Huyền chú giải sách lễ ký rằng: trong sạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ Thanh thức

Ngư miết ngược lại âm dưới tất diệt. Sách Khảo công ký nói rằng: Miết là con ba ba, giống như rùa. Xương bên trong đó. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài động vật sống dưới nước cạn, chữ viết từ bộ mảnh. Thanh miết âm mảnh là âm mảnh.

Nguyên đà ngược lại âm trên nguyễn viên. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như con ba ba, mà lớn hơn, bụng nó màu vàng, đầu dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng thuộc loại ba ba lớn chữ viết từ bộ mảnh Thanh nguyên ngược lại âm dưới là đường Hà. Giống như con rắng mối mà lớn hơn tức là loại cá sấu, dà một trượng. Thì là biến thành rồng, ở dưới nước kế đó làm hang ổ. Quách Phác cho rằng: da nó có thể làm trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mảnh Thanh đan âm na.

Cầm ly ngược lại âm trên úc u. Sách quảng thất cho rằng: Loài rồng có sừng gọi là cầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng Thanh cầu ngược lại âm dưới sĩ tri Quảng thất cho rằng: Loài rồng không có sừng gọi là ly. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như rồng mà màu vàng, ở phương Bắc gọi là địa lâu chữ viết từ bộ trùng Thanh ly âm

rầu ngược lại âm dĩ cho âm Lâu là âm Lâu.

Xã lãn ngược lại âm trên thực gia. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng con vật giống dài mà uốn khúc đuôi khoanh lại. Thời thượng cổ chỗ ở thường làm ở trong đất cho nên thường bị loài rắn va chạn cho nên cùng nhau hỏi có hay không có nó, tức là nay viết chữ xà ngược lại âm dưới là tha đạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như cho con, mà ở dưới nước bắt cá giống thú, người ta gọi là Hải Cẩu, chữ viết từ bộ khuyển Thanh lại.

Nga phạn ngược lại âm trên ngũ hà âm dưới nhan giãn.

Cụ dung ngược lại âm trên cụ ngu âm dưới dung lục.

Yến tước ngược lại âm trên yên kiến. Quách Phác chủ giải sách Nhĩ thất rằng: người nước Tề gọi yến chim én Nguyệt linh cũng là Huyền Điểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: huyền điểu người ta thương nuôi trong lồng, mỏ nhỏ, lông cánh thưa, cái đuôi giống như hình âm ất âm dược ngược lại âm nữ Thiệp gót chân đi rất nhẹ, ngược lại dưới tương dược. Cố Dã Vương cho rằng: Theo người ta thường gọi là loài chim nhỏ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bô Thiếu Thanh truy.

Bể cổ ngược lại âm trên Tỳ mê viết đúng là chữ bễ này. Kinh văn viết chữ bể tục dùng thông dụng.

Thảm nhiêu ngược lại âm trên sang cảm.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 8

Thành Hoàng âm Hoàng. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Hoàng là khoảng đất trống, Sách Thuyết Văn cho rằng: Hoàng là hào bao quanh thành, có nươc gọi là Trì không có nươc gọi là Hoàng. Gọi khác Hoàng là khoảng đất trống hoang vu, nói miếu tự thờ cúng, chữ viết từ bộ phụ Thanh Hoàng.

Thôn ổ ngược lại âm ô hộ Sách Thuyết Văn cho rằng: Thung lũng trong núi chỗ trũng nhỏ, chữ viết từ bộ phục Thanh ô Kinh văn viết chữ ô tục dùng thông dụng.

Lâm Hác ngược lại âm Hồ các. Cố Dã Vương cho rằng: hác là cái hầm trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: khe, vực, cống rảnh chữ viết từ bộ thổ Thanh hác viết đúng là chữ hác kinh văn viết chữ hác tục dùng thông dụng, chữ hình thanh.

Siểm điện ngược lại âm trên khổ nhiểm ngược lại âm dưới điền luyện. Sách Thuyết Văn cho rằng: điện âm dương gặp nhau bắn ra tia sáng, chữ viết từ bộ vũ ân thân ân thân là âm thân.

Thích trung ngược lại âm trên thanh diệu viết đúng là chữ thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thích là đụn cát nổi lên trong nước, có đá, chữ viết từ bộ thạch. Thanh trác. Kinh văn viết chữ Thích thông dụng thường hay dùng chữ tượng hình.

Trích trước ngược lại âm trên là đỉnh kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trịch là ném, ngược lại âm dưới trương lược.

Đam Lạc ngược lại âm trên đáp hàm. Khổng An Quốc chú giải sách Thương Thư rằng: quá vui đam. Theo Mao Thi truyện cho rằng: vui quá mức, vui cực độ. Sách Thuyết Văn viết chữ Đam gọi là vui, chữ viết từ bộ nữ Thanh Thậm cũng viết chữ đam ngược lại âm dưới là lạc. Bổn kinh viết chữ đam tục dùng thông dụng chữ tượng hình.

Ngu ngai ngược lại âm nha giải. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngai là không biết gì hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người hành khất, chữ viết từ bộ mã chữ đúng hình.

Viên trục âm trên là viên Sách Thuyết Văn cho rằng: càng xe lớn, chữ viết từ bộ xa Thanh viên ngược lại âm dưới sung lục. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái trục để giữ bánh xe, chữ viết từ bộ xa Thanh do.

Tiên quá ngược lại âm trên tất cẩm ngược lại âm dưới trác trảo Theo Thanh loại cho rằng: quá là cái chày. Xưa này chánh tự viết từ bộ mộc Thanh quá

Thất tháp ngược lại âm trên thổ lạp Thích Danh cho rằng: Tháp là cái giường hẹp mà dài gọi là tháp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc Thanh tháp kinh văn viết chữ tháp tục dùng thông dụng âm tháp đồng với âm trên.

Nhĩ hoàn đang ngược lại âm đảng lang.

Dũng dĩ ngược lại âm trên dũng lõng. Cố Dã Vương cho rằng: Dũng là sóng nước dân lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh dũng âm dũng đồng với âm trên.

Ái Đãi ngược lại âm trên ai đại ngược lại âm dưới linh lại. Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: mặt trời mặt trăng tối đen không có áng sáng. Bì Thương cho rằng: mờ tối không sáng tỏ. Xưa nay chánh từ đều viết từ bộ vân đều thanh ái đãi.

Toàn bãng ngược lại âm trên Song loạn ngược lại âm bàng giảng. kinh văn viết chữ bổng. Lại là nghĩa cây gậy, đều là tục dùng thông dụng. Nay không dùng chẳng phải chữ dùng đúng.

Chuỳ tử ngược lại âm trên trực truy, kinh văn viết chữ truỳ tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới xương lữ văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bể tiên ngược lại âm trên thất mê. Sách Phương ngôn cho rằng: Tiển là mũi tên rộng mà dài, mỏng gị là bể. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim Thanh tỳ cũng viết chữ sất. Bổn kinh viết chữ bì âm bì là âm phi chảnh phải chữ.

Thốc tiển ngược lại âm trên tông lộc Quảng Nhã cho rằng: thốc là đầu nhọn của mũi tên. Tự thư cho rằng: mũi tên nhọn Sách Thuyết Văn cho rằng: mũi tên không bén chữ viết từ bộ kim Thanh tộc.

Bàn ngân âm trên là bàn ngược lại âm dưới hậu ân.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 9

Cổ dương ngược lại âm trên cô ô dưới đúng là chữ dương. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: con cừu đực, con cừu đực có sừng nên gọi là cổ sách Thuyết Văn viết từ bộ dương Thanh thi.

Mao bàn ngược lại âm bác mang. Bì Thương cho rằng: Bàng là lônglưa thưa. Sách Phương ngôn cho rằng: lông thô cứng, Sách Khảo Thanh cho rằng: vải thưa. Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ mao Thanh bàng cũng viết chữ chiên diểm ngược lại âm kỹ lệ.

Bại tử ngược lại âm trên bạch mãi. Đổ Dự chú giải tả truyên rằng: Bạch là cỏ giống như ngũ cốc chữ viết từ bộ hoa đến bộ ty. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại lú ma chữ viết từ bộ hoà Thanh ty.

Chu lục ngược lại âm lưu trúc Trịnh Tiển chú giải sách chu lễ rằng: lục giống như là lăng nhục. Giả quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: chữ viết từ bộ qua Thanh lục âm lục ngược lại âm lực hựu.

Lạp sư ngược lại âm trên liên diệp. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện rằng: Xưa đi săn trên đồng ruộng gọi là Lạp. Giả qùy chú giải rằng: Lạp là săn bắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cố sức đuổi theo bắt cầm thú, chữ viết từ bộ khuyển (thanh lạp. Kinh văn viết chữ cát Tục tự cho rằng: sau này có chữ này không có âm, âm chuẩn là chữ lạp đồng với âm trên.

Kĩnh anh ngược lại âm trên kinh dĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là gáy cổ, chữ viết từ bộ hiệt Thanh khinh ngược lại âm dưới là diệc

doanh Sách Thuyết Văn cho rằng: anh là chuỗi ngọc Anh lạc đồ trang sức đeo trên cổ, văn cố viết từ hai bộ bối âm hiệt ngược lại âm hiền kiết âm khinh là âm kinh âm bối ngược lại âm bôi muội.

Tý xuyến ngược lại âm trên tỵ mi ngược lại âm dưới xuyên luyến nghĩa đã giải thích đầy đủ trong kinh Quang minh tơi thắng rồi.

Thoa thủ ngược lại âm trên tổng giai sách Văn Tự Tập lược cho rằng: Tha là cây trâm cài trên búi tóc. Văn Tự Điển nói rằng: người phụ nữ dùng làm trang sức tô điểm trên đầu, hoặc là lấy vàng, ngọc làm cây trâm xuyến để trang sức, chữ viết từ bộ kim Thanh xoa ngược lại âm dưới nữ triếp Thích danh cho rằng: Là cây nhiếp để dữ lấy búi tóc. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây dùi nhọn nhỏ, chữ viết từ bộ kim thanh thanh thủ. Tự Thư viết chữ nhiếp cùng với bổn kinh cũng đồng âm thủ đồng với âm trên âm thiên ngược lại âm kỳ liêm chữ giữa trong.

Hàm lỗ ngược lại âm trên là hàm ngược lại âm dưới tinh diệc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lỗ là khổ là nước muối mặn. Sách Chu Lễ viết chữ Lỗ này xưa nay chánh tự giải thích cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh tả.

Kiêu lại ngược lại âm trên hiểu nhiêu ngược lại âm dưới tư tặng chữ viết đúng thể.

Tẩy Đãng ngược lại âm trên Tây lễ ngược lại âm dưới là đường Lang. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đảng là tẩy rữa là cái chậu tẩy rửa tay chữ viết từ bộ mảnh Thanh Thang âm dịch ngược lại âm đình lịch.

Hổ mị Tiếng phạm tên của con cá. Trong kinh văn tự âm mê tư dưới là tuần diệc. Đồng như đây giải thích.

Bạc mạc ngược lại âm trên bàng bác âm dưới là mạc.

Toàn lạc ngược lại âm tồ Loan Sách Khảo Thanh cho rằng: Toàn là gom lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ môc Thanh toàn ngược lại âm dưới lạc. Thích danh cho rằng; lạc là chất sửa làm phó mát. Xưa nay chánh tự viết từ bộ đậu Thanh lạc.

Thuẫn dĩ ngược lại âm trên toàn nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bú mớm, chữ viết từ bộ khẩu Thanh duẫn âm thấu là âm sóc cũng viết chữ thấu.

Khu thể ngược lại âm khúc vu. Sách Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: khu là thân thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là thân thể, chữ viết từ bộ thân thanh khu.

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
QUYỂN 10

Thiện Huỳnh ngược lại âm trên là huỳnh quýnh. Cố Dã Vương cho rằng: Huỳnh loại ngọc được mài làm đồ trang sức sáng óng ánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên ngọc có màu sắc, cũng gọi là đá, kế đó biến thành ngọc, chữ viết từ bộ ngọc đến bộ huỳnh Thanh tĩnh theo chữ Huỳnh là ngọc mài làm đồ trang sức đó chữ viết từ bộ kim đó là chữ viết sai.

Sàng phu trên viết đúng là chữ sàng ngược lại âm dưới phũ vô Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phu là trải chiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ thốn Thanh bô cũng từ văn viết chữ phu. Bổn kinh viết chữ phu tục dùng thông dụng.

Biểu Lý ngược lại âm trên bể kiêu. Tự thư cho rằng: Biểu là cái áo dầm mưa dãi gió. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo trên. Xưa gọi là áo da cừu cho nên có lông làm bề ngoài, chữ viết từ bộ mao đến bô y. Kinh văn viết chữ biểu là chữ thường hay dùng, âm dưới là lý.

Bối phương ngược lại âm trên bồi muội. Sách Khảo Thanh cho rằng: Mặt quay về hướng ra phía ngoài. Sách Bác Nhã cho rằng: hướng phía sau cũng viết là chữ bối.

Ế phú ngược lại âm trên là y kế ngược lại âm dưới phong phú.

Ngũ chũng tử ngược lại âm trên Trung dũng.

Căn tử kinh tử tiết tử. Tử tử năm loại dũng tử cộng thêm tử tự.

Bì quái ngược lại âm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quái là cấu lúa lép. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mễ viết thành chữ quái là sai.

Thổ khối ngược lại âm khôi ngoại cũng viết chữ khối.

Phân cương ngược lại âm cư lương. Trịnh Huyền chú giải sách chu lễ rằng: cương là biên giới. Sách Thuyết Văn viết đúng là cương Từ bộ cương đến bộ Tam. Biến giới hiểm yếu cũng viết chữ cương. Lại cũng viết chữ cương âm cương đồng với âm trên.

Trách phạt ngược lại âm trên cách. Theo Mao Thi truyện cho rằng: trách mắng, quở phạt, chữ viết từ bộ ngôn Thanh Thương kinh văn viết chữ trích cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là phiên miệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: có tội nhỏ, nói rằng chưa dùng sức để mà cầm cây dao, chỉ la mắng quở trách, thì nên phạt, chữ viết từ bộ đao thanh lỵ. Cũng có viết từ bô thốn viết thành chữ phạt đó là chẳng phải. Khiên bài ngược lại âm trên khiển hiền. Ngược lại âm dưới là bại mai. Sách Báo Thất cho rằng: bài là xô đẩy ra kéo ra. Sách Thuyết Văn viết

từ bộ Thủ thanh phi.

Giáng Ván ngược lại âm trên là quyển giang. Ngược lại âm dưới ư viên.

Kha bể la thành. Tiếng phạm sai. Đúng chữ gọi làKiếp tuỳ la cũng gọi là ca tỳ la. Mị di la thành. Bổn kinh đã âm đây tức là tiếng phạm. Tên của thành, tên của thành cũng sai. Hoặc gọi là Duy hy la tức là tên của một nước quốc gia.

Bách ngược lại âm hồng ốc. Tên của vua.

Huỷ tử. Ngược lại âm trên Huy uỷ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Huỷ là khen chê, mắng nhiết, giả dối. Kinh văn viết Huỷ tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới tư thử. Trịnh Huyền chú giải sách lễ ký rằng: lấy lời nói làm Huỷ nhục người. Xưa nay chánh tự viết từ bộ ngôn thanh thử.

Nhai Khám, ngược lại âm khảm cam. Đạo cảm ngược lại âm can lãn.

****

KINH LÂU KHÔI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Kiểu hoán. Lại viết chữ trêu hiểu hai chữ đều đồng. Ngược lại âm cổ điếu. Kiếu là kêu gọi, tiếng gà gáy, ngược lại âm dưới hoan quán, kêu gọi nhau. Hoặc là viết chữ hoán này. Lại viết chữ huyên hoán. Hai chữ tượng hình đều đồng.

KINH LÂU KHÔI
QUYỂN 2

Kêu trách ngược lại âm cổ nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài chim bất hiếu. Mùa đông đến là bắt lấy mẹ xé xác phanh ra để mà ăn. Chứ trách ngược lại âm trúc cách. Trách là căn ra mở ra, kinh văn viết chữ trạo nghi là sai lầm.

Dương sơ chữ viết đúng nghi là chữ lô. Cũng đồng ngược lại âm lực hồ. Nói rằng trên mặt con ngựa có khắc chữ Lô làm bằng vàng. chổ gọi là chạm trổ điêu khắc. Chú giải Mao Thi truyện rằng: Khắc trên mi

mắt gọi là dương khắc lấy vàng trạm trổ làm đồ trang sức nay gọi là Lô là vậy.

Mạch đầu, ngược lại âm mạc cách. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa nam sở và Triết Giang gọi là lấy khăn quấn trên đầu. Tự Thư cho rằng: quấn trên trán, chữ viết từ bộ cân. Kinh viết từ bộ phụ. Viết thành chữ mặc là chẳng phải thể chữ.

Bác cô. Ngược lại âm cổ hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cô là nhà lầu gác văn thông dụng cho rằng: cây có bốn mặt vuông gọi là lăng. Tám góc là cô. Nói là loại cây có tám góc cạnh là quý hiếm.

Chư thự ngược lại âm thì khúc. Thự là vị trí thuộc cơ quan nơi làm việc, biểu hiện là hiểu biết, vốn nghĩa là cái chổ leo ra cho bên ngoài biết. Xếp đặt bố trí công việc, như là phủ tự gọi là thư. Thư giống như xếp đặt.

- QUYỂN 3 : Không có từ âm

KINH LÂU KHÔI
QUYỂN 4

Thiếu khư, ngược lại âm khưu ngữ Tự Thư cho rằng: Lúa mạch nấu cháo Thiên Thương Hiệt cho rằng: nấu lúa mì.

KINH LÂU KHÔI
QUYỂN 5

Hâm ngâm. Ngược lại âm khỉ kim ngược lại âm dưới nghi kim. Gọi là thế núi cao ngấc, dưới núi lại dựa vào nghiêng. Sách Sở từ cho rằng: hâm ngâm núi cao gập ghềnh mà đường núi lại nghiêng lệch. Lại chú giải rằng: núi hẹp cheo leo hiểm trở, âm nga là âm. Chẳng phải âm thụ ngược lại âm tắc lưu.

- QUYỂN 6 : Không có từ âm.

****

KINH TRƯỜNG HÀM THẬP BÁO - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Bác Phạn ngược lại âm hà lân. Sách Bác Nhã cho rằng: dùng tay nắm vắt khiến cho dính vào nhau. Âm thanh phụ vào nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vắt cho tròn lại chữ viết từ bộ thủ thanh bác. Âm viên là âm viên.

Tứ dương ngược lại âm dương dưỡng kinh văn viết từ chữ dưỡng viết thành chữ dưỡng. Tục dùng thông dụng. Tự Thư cho rằng: vết thương bị lở lét có vi trùng bò ở trong hoặc viết từ bô thủ viết thành dường gọi là phát ra ngứa gải.

Sách Thuyết Văn cho rằng: cào, móc, gải, chữ viết từ bộ trùng thanh dương. Cũng có viết chữ dưỡng là không thành chữ.

Nhược vu ngược lại âm vũ câu. Theo chữ vu đó là người cao đạo đi khất sĩ, nên dụng cụ bình bát dựng thức ăn gọi là vu. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ hữu là chẳng phải.

KINH TRƯỜNG HÀM THẬP BÁO
QUYỂN HẠ

Mông mông ngược lại âm mặc băng. Văn tự giải thích rằng: mông mông là con mắt mờ tối không thấy rõ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: mờ tối, buồn bả. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ huyễn âm huyễn là âm huyền âm mục là âm mục.

Trích tại ngược lại âm đinh lệch. Sách Khảo Thanh cho rằng: trích cũng giống như chỉ ra sự thật. Sách Tập Huấn cho rằng: trích là chỉ rõ lỗi lầm. Kinh văn viết từ bộ đế viết thành chữ thí là chẳng phải.

Úc kỳ ngược lại âm trên hiệp lục âm dưới là kỳ. Yến phạm ở nước tây vực là tên của loài hoa. Kinh văn viết chữ Úc đó là sách viết sai.

Y hỷ âm trên là y. Người xưa tránh dùng chữ vốn là chữ y. Nay sửa đổi chữ y. này là dựa vào.

Vi minh. Âm minh. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhắm mắt lại theo tả truyện cho rằng: có lợi ích cũng gọi là linh thiêng mà không quấc mắt, trừng mắt. Sách Ích pháp nói rằng: là thành tựu mắt nhắm lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: kép mắt lại chữ viết từ bộ mục thanh minh, âm thấp ngược lại âm hàm cấp.

KINH TRUNG BỔN KHỞI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Câu lân. Đây dịch tên là A nhã đã biết câu lân đó là họ. Ban đầu độ cho năm người. Một tên là câu lân. Hai tên là phã bệ Ba tên bạt đề. Bốn tên là thập lực ca diếp. Năm tên là Ma Nam câu lợi.

Bố quý văn cổ viết chữ quí này cũng đồng ngược lại âm kỳ quý. Tự Lâm cho rằng: Tâm giao động. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hơi thở không định. Sách Phương ngôn cho rằng: sợ hãi chú giải rằng: Gọi là sợ rem lên âm quí là âm quỹ.

Bình dinh ngược lại âm ty dinh. Gọi là lo sợ dựa vào. Quảng Nhã cho rằng: là bồi hồi, lo lắng. Kinh văn viết dữ trinh ngược lại âm bổ chính Sách Thuyết Văn cho rằng: Trnh là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Câu chất văn cổ viết chữ trí chất hai chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ Thực cũng đồng ngược lại âm chư sữ văn thông dụng cho rằng: việc không có lợi ích gọi là chất việc thất bại. Hạn hẹp ngăn trở ngại.

KINH TRUNG BỔN KHỞI
QUYỂN HẠ

Yêu dã ngược lại âm dưới dư giã Chu viết chữ dã hình dung văn dạy sự lẳng lơ. Lưu Hiến cho rằng: Dã lã lăng lơ, cũng gọi là kiêu ngạo, tự đắc, dáng diệu trang sức lộng lẩy. Kiêu sa.

Cuồng cảm ngược lại âm Hồ lam Tự thư cho rằng: Cảm là ngu muội Quách Phác cho rằng: Loài chim Tảng tính nóng nảy cũng gọi là yết ớt không mạnh mẻ.

Linh cữu ngược lại âm cự cứu. Sách Tiểu nhã cho rằng: có thây ma chết gọi là cữu quan tài trống rổng gọi là sấn. Sách Lễ ký cho rằng: Ở trong quan tài gọi là cữu. Trịnh Huyền chú giải rằng quan tài nói là cữu. Bạch Hổ Thông cho rằng: nói cữu đó là nói lâu dài, câu dài mà lại không biến đổi.

Cân hoàng ngược lại âm hồ bổn ngược lại âm dưới hồ quang. Sách Phương ngôn cho rằng: Côn là lữa cháy rực Quách Phác cho rằng: Côn hoàng là lữa cháy dữ dội, sáng rực. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lữa cháy sáng, kinh văn viết chữ huy cùng với chữ huy này là đồng chẳng

phải nghĩa đây dùng.

Tuần tuần ngược lại âm tư tuần Sách luận ngữ cho rằng: Tuần tuần là giống nhau, Vương Túc cho rằng: Ấm áp cung kính. Quảng Nhã cho rằng: Tuần tuần cũng như nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần tuần là run sợ sợ hãi run lẩy bẩy.

Ban giảo Lại viết chữ biện cũng đồng, ngược lại âm bá nhan. Sách Thuyết Văn cho rằng: Biện bác không đồng ý. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Biện là văn bày giải chỗ phân biệt. Màu sắc hổn tạp gọi là ban kinh văn viết chữ biện ngược lại âm phương gian ban gọi là sác sơ âm lan ngược lại âm lực gian.

****

KINH THẤT TRI

(Không có chữ giải Thích âm.)

****

KINH HÀM THỦY DỤ

Hàm thuỷ ngược lại âm kháp gian. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khổ tức là mặn lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàm cũng là khâm ở phương bắc cho rằng: vị mặn chữ viết từ bộ lỗ âm lỗ thanh hàm.

****

KINH PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ NHÂN

Tuệ Lâm soạn.

Tệ uông ngược lại âm trên tỳ duệ ngược lại âm dưới ô quang. Sách Thuyết Văn cho rằng: uông là cẳng chân cong lại, chữ viết từ bộ đại hình giống như là cong lại nghiêng một bên gọi là thọt chân, chữ viết từ uêu âm vưu là âm chú từ bộ ương.

****

KINH TỨ ĐẾ - *Huyền Ứng soạn.*

Chấp biến ngược lại âm bể viện biến hoá, biến khác đi. Thay đổi Bạch Hổ thông cho rằng: Tai biến đó là biển như thế nào, rất khác thường Kinh văn viết chữ biến là sai. Tư thư cho rằng: cũng không phải chữ đầy dùng.

Yết Lưu ngược lại âm lực chu Sách Thuyết Văn cho rằng: Lưu là bệnh sưng thũng. Quảng Nhã cho rằng: Lưu là bệnh ung có khối u. kinh văn viết từ bộ khẩu viết Thành chữ lưu là chẳng phải chữ.

****

KINH PHẬT THUYẾT HẰNG THỦY - *Tuệ Lâm soạn.*

Thanh Hổn ngược lại âm thất tinh. Tự Thư cho rằng: Thanh cũng là Hổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hổn là nhà xí, chữ viết từ bộ vi âm vi Thanh thanh ngược lại âm dưới Hồ Khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vi đến bộ Thĩ kinh văn viết từ bộ Thuỷ viết thành chữ hổn tục dùng thông dụng.

Ô trì ngược lại âm ốc cô Quảng Nhã cho rằng: cái ao sâu. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: chỗ trũng đọng nước bẩn, nươc không chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khoa đến bộ thuỷ âm khoa là âm khu Thanh Khoa.

****

KINH BỔN TƯỚNG Y TRÍ - *Huyền Ứng soạn.*

Chuyển y ngược lại âm ỹ mao Theo Mao Thi truyện cho rằng: y là nương dựa vào. Quách Phác chú giải sách phương ngôn rằng: y dựa vào Quảng nhã cho rằng: y là chỗ dựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn đến bộ y. Kinh văn viết từ bộ Khuyển viết thành chữ y đó là thán từ, chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH PHẬT THUYẾT DUYÊN BỔN TRÍ - *Tuệ Lâm soạn.*

Ái nhẫn ngược lại âm nhân chấn. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: muốn nói ra mà ấp ứng dè dặt, không nở nói. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn Thanh nhẫn.

Huyễn diệu ngược lại âm trên Huyền quyến. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Huyễn hoặc,. Cố Dã Vương cho rằng: Huyễn cũng là biểu thị huyễn ảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục đến bộ huyền, ngược lại âm dưới là diêu tiếu. Quảng Nhã cho rằng: Diệu là sáng tõ. Sách Bác Nhã cho rằng" chiếu sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt Thanh diệu hoặc là viết chữ diệu cũng đồng.

Hiền tuấn ngược lại âm tôn tuấn. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: có tài vượt qua hơn ngàn người gọi là tuấn. Nay thông dụng viết chữ tuấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới từ bộ cung đến bộ duy âm duy ngược lại âm hưa duy Thanh tuấn kinh văn viết chữ tuấn tục dùng thông dụng.

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐẢNH SANH VƯƠNG CỐ SỰ
Tuệ Lâm soạn.

Nãng tích ngược lại âm dưới nang lãng sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãng là lâu dài. Sách Khảo Thanh cho rằng: xưa cũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhật Thanh nãng ngược lại âm dưới tinh lịch. Kinh văn viết chữ tích tục dùng thông dụng.

Phồn trù ngược lại âm phạn mãn Theo Mao Thi truyện cho rằng: Phồn là đông nhiều dày đặc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Phồn là nảy sinh ra quá nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ mịch âm mịch là âm mích đến bộ mẫn âm dưới là trụ lưu. Quảng Nhã cho rằng: trù dày đặc nhiều. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Trù mật. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều, chữ viết từ bộ hòa Thanh trù âm mãn ngược lại âm văn ban, âm ban.

Dương bã ngược lại âm dưới ba ngã. Theo Mao Thi truyện cho rằng: bã là cái sàng cám gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bã cái sàng đưa gạo lên cám xuống dưới chữ viết từ cỏ đến bộ bì.

Bể nghễ ngược lại âm trên bì kế, ngược lại âm dưới nghê kế. Quảng Nhã cho rằng: bể là nhìn. Tự Thư cho rằng: nhìn nghiêng. Sách

Hoài Nam Tử cho rằng: liếc nhìn bên trái là bể, liếc nhìn bên phải là nghể. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ mục đều thanh bể nghể.

Nhã huyễn ngược lại âm huyền quyến. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: con mắt giao độgn, chữ viết từ bộ mục Thanh huyễn âm huyễn đồng với âm trên.

****

KINH PHẬT THUYẾT VĂN ĐÀ KIỆT VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Lao lai ngược lại âm trên lao đáo ngược lại âm dưới lại đại sách Nhĩ Nhã cho rằng: lai là tặng cho nhau. Sách Khảo Thanh cho rằng: cùng nhau tương ứng hỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ Lao từ bộ lực đến bộ huỳnh tĩnh lược chữ lai từ bộ lai đến bộ bối chữ hình thanh.

Vấn tân ngược lại âm dưới tân tấn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tấn là hỏi thăm. Trịnh Tiển chú giải mao thi truyện rằng: Tấn là hỏi han. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn đến bộ tấn Tấn cũng là thanh, âm tấn là âm tấn Kinh văn viết chữ tấn tục dùng là chẳng phải đúng chữ.

****

PHẬT NÓI KINH THIẾT THÀNH NÊ LÊ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phẩn để ngược lại âm bút mân Hoặc là viết chữ u ngược lại âm dưới đề hế tiếng phạm không cầu chữ nghĩa.

Vũ bào âm trên là trụ ngược lại âm dưới là phách mao. Sách Khảo Thanh cho rằng: bọt nước nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh báo.

Huệ chuỹ ngược lại âm trên huynh uế sách Lễ ký cho rằng: từ cái đầu tới cái mỏ nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hụê cũng là cái miệng chữ viết từ bộ khẩu Thanh Huệ ngược lại âm dưới tức Tuỷ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái mỏ con chim Hoặc là viết chữ chuỷ cũng viết chữ chuỷ. Xưa nay chánh tự cho rằng: mỏ con chim chữ viết từ bộ khẩu thanh thúc âm Trúc là âm thứ chữ tượng hình.

Tiệt bác ngược lại âm trên là tiền tiết. Quảng Nhã cho rằng: tiệt là cắt đứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn lìa, chữ viết từ bộ qua đến thanh tỉnh. Kinh văn viết chữ tiệt tục dùng thông dụng, ngược lại âm

dưới bái giác. Quảng Nhã cho rằng: Bác là lột võ bỏ đi. Theo Mao Thi truyện cho rằng: bác là tước lột bóc vỏ bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắt đứt chữ viết từ bộ đao đến bộ lục âm lục là cân lộc.

Bàn tỷ vụ âm giữa là sư khỉ tên của địa ngục.

Trì mâu ngược lại âm dưới mẫu hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mâu dài hai trượng dứng trước binh xa, chữ viết đúng thể chữ tượng hình, viết chữ mâu. Hoặc là viết chữ mâu tục dùng thông dụng, văn cổ viết chữ mâu đều đồng.

Trách khai ngược lại âm trúc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: mở ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ thạch thanh kiệt Kinh văn viết chữ đà là chẳng phải.

****

KINH CỔ LAI THẾ THỜI - *Huyền Ứng soạn.*

Xuy tác ngược lại âm xuất vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuy là nấu nướng ngược lại cũng là âm Thất loạn chứ viết từ bộ hoả Thanh khiếm.

Tỷ khưu đốt ngược lại âm đô cốt tiếng phạm.

****

KINH A NA LUẬT BÁT NIỆM - *Tuệ Lâm soạn.*

Giam lộc ngược lại âm trên hồ giam Quảng Nhã cho rằng: cái rương gọi là giam tự Thư cho rằng: cái rương làm bằng gỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thanh hàm ngược lại âm dưới Lung cốc. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Lộc là dụng cụ là bằng Trúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tre cao làm cái rương, chữ viết từ bộ Trúc Thanh lộc chữ đúng thể hình.

Sai trật ngược lại âm trên xí sư Sách Khảo Thanh cho rằng: không tương xứng. Sách Vận thuyên cho rằng: so le không đồng đều, ngược lại âm dưới điều kiét. Quảng Nhã cho rằng: trật cũng là sai. Sách Khảo Thanh cho rằng: chân không đồng đều so le, tứ là chân thấp chân cao. Sách Phương ngôn cho rằng: vấp té ngã quỵ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đá chân lên, cũng gọi là vượt qua, chữ viết từ bộ túc Thanh Thất âm thích là âm đường.

Câu hoãn ngược lại âm trên cẩn ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân đó là gân sức mạnh của cơ bắp, chữ viết từ bộ trúc trúc tre là vật có nhiều rễ gân, đó cho nên Kinh văn viết chữ cân từ bộ trúc. Tục dùng thông dụng ngược lại âm dưới là hồ quản. Trịnh Huyền chú giải sách khảo công ký rằng: Thư Thả, chậm rải. Giả quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: chậm rãi từ từ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch âm mịch là âm mích âm viện Thanh viên.

Bĩ trứu ngược lại âm trắc cứu Tự Thư cho rằng: Trứu là da tụ lại. Sách Tự điển nói rằng: da rộng ra tụ lại tức là da nhăn nheo, chữ viết từ bộ bì Thanh trâu âm trâu ngược lại âm sở câu.

Gián điên ngược lại âm hạn gian Theo Thanh loại cho rằng: đứa trẻ nhỏ bị bênh động kinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật Thanh gian, ngược lại âm dưới điển niên. Quảng Nhã cho rằng: bệnh điên cuồng Theo Thanh loại cho rằng: bệnh song. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nữ ách Thanh điên.

****

KINH DIÊM LA VƯƠNG NGŨ THIÊN SỨ GIẢ

Diêm la hoặc gọi là diêm Ma La nên nói rằng: Dạ Ma Lô Ca. Đây dịch là song tức là hai, hai việc ở đời. Trộm gọi là khổ vui đều nhận lấy nên gọi là song.

Ngoan khắc Lại viết chữ ngoan cũng đồng ngược lại âm ngũ hoàn, ngoan là vót nhọn Quảng Nhã cho rằng: ngoan là đoạn lìa, khắc là chạm chổ điêu khắc.

Khoản uẫn ngược lại âm ư vân. Gọi là gom cỏ bó buộc lấy lửa thiêu đốt. Sách Hán thư cho rằng: Cột bó lại các uẫn chưa động lại rồi xin lửa đốt. Thiêu đốt âm nhiêu ngược lại âm nhi tiêu.

Hoả liêu lại viết chữ tiểu cũng đồng ngược lại âm lực chiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ chữ chích chữ đúng thể.

****

KINH LY THÙY - *Tuệ Lâm soạn.*

Bàng dương ngược lại âm tren bạc quang ngược lại âm dưới dư dương Cố Dã Vương cho rằng: Bàng dương cũng giống như bồi hồi đi

loanh quanh không định hướng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ xước đén bộ phương từ dưới từ bộ xước đến bộ dương.

Hữu hiếp ngược lại âm dưới hư kiếp Sách Thuyết Văn cho rằng: Hiếơ là xương hai bên hông, chữ viết từ ba bộ lực viết thành chữ hiệp đến bộ nhục. Trong kinh văn viết chữ hiếp này là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT CẦU DỤC - *Tuệ Lâm soạn.*

Tẩy thức ngược lại âm trên tây lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa chân. Nay cũng dùng chữ tẩy cho rằng là tưới nước, chữ viết từ bộ thuỷ thanh tiên cũng viết là chữ sái ngược lại âm dưới thi việc Trịnh Huyền chú giải sách nghi lễ rằng: thức là lau chùi sạch. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: thức là lau chùi sạch sẽ Thanh khiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ Thủ Thanh thức.

Đoàn thực ngược lại âm trên đoạn loan văn trước trong kinh a hàm Thập Báo đã giải thích đầy đủ rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoàn viên chữ viết từ bộ Thủ Thanh duyên.

****

KINH PHẬT THUYẾT THI PHÁP PHI PHÁP

(Không có âm giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT THỌ TUẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phản lệ ngược lại âm lê kế Theo Mao Thi truyện Trịnh Tiển chú giải rằng: Lệ là bất thiện. Quảng Nhã cho rằng: Lệ là cũng là hận. Sách ích pháp nói rằng: không hối hận, ngang bướng trước lỗi lầm gọi là lệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hộ đến bộ khuyễn

****

KINH PHẬT THUYẾT PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH

Tuệ Lâm soạn.

Lỗ ngược lại âm Lô cổ. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Lỗ là đất cứng, âm ngạnh ngược lại âm khanh giác. Đất mỏng mà cứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở phương tây gọi là đất có chất mặn. Từ văn cổ viết lỗ nay tỉnh lược viết chữ tượng hình là lỗ âm tây là âm tây

****

KINH PHẬT THUYẾT KHỔ ẤM - *Tuệ Lâm soạn.*

Tử miệt ngược lại âm trên tư thữ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tử là mắng chữu huỷ nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: quở trách chữ viết từ bộ khẩu thanh thử cũng viết chữ tử ngược lại âm dưới miên kiết. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Miệt cũng giống như tiêu diệt. Trịnh Tiển cho rằng: Miệt cũng giống như khinh thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm đến bộ miệt âm miệt cùng với âm trên đồng. Kinh văn viết đơn chữ miệt này là sai vậy.

Dăng tảo ngược lại âm trên dực Lăng Trịnh Tiển chú giải Mao Thi truyện cho rằng: Dăng là con ruồi loại côn trùng gây dơ bẩn tự làm đóm đen dơ, đen làm trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ mảnh âm mảnh là âm mảnh ngược lại âm dưới tao lão. Tảo là con bọ chét, loại côn trùng cắn rút người rồi mà nhảy ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng Thanh tảo âm tảo là âm trảo. Kinh văn viết chữ tảo này là sai viết lược vậy.

Sở chất ngược lại âm tri liệt. Sách Bác Nhã cho rằng: chất là loại côn trùng cắn chích người. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng Thanh đản kinh văn viết chất này là chẳng phải âm Thích là cồm đích.

Dĩ thích ngược lại âm thất tích Tự thư cho rằng: Thích là cái búa lớn. Sách Văn tự điển nói rằng: Thích cũng là cái búa lớn, chữ viết từ bộ kim Thanh thích chữ viết đúng thể.

Bác cốt ngược lại âm suý nhuyễn Sách Thuyết Văn cho rằng: cái bắp chân. Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ Túc Thanh bác. Hoặc là viết chữ đoán cũng đồng.

Bể cốt ngược lại âm tren bình mể Sách Thuyết Văn cho rằng: bể là xương bắp chân ngoài viết đúng là chữ bể kinh văn hoặc là viết chư bể này là chẳng phải.

KINH PHẬT THUYẾT KHỔ ẤM NHÂN SỰ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tại thích ky để ngược lại âm ký nghi. Tiếng Phạm không giải thích chữ.

Ni câu Lâu Viên Trung ngược lại âm Lũ du. Tiếng Phạm Tên của khu vườn cũng là tên của khu vườn Lam tỳ mi.

Bàng dương âm trên là bàn âm dưới là dương văn trước kinh ly thuỳ đã giải thích đầy đủ rồi.

Mộ bỉ ngược lại âm mạc bố. Sách Khảo Thanh cho rằng: Là cầu, Sách Thuyết Văn cho rằng: rộng cầu chữ viết từ bộ lực đến bộ mộ Thanh tĩnh.

Kiêu thủ ngược lại âm hiểu nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu đảo ngược. Gọi là cắt cái đầu treo ngược. Kinh văn viết chữ kiêu này là chẳng phải.

Thường ky ngược lại âm kỹ tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: kỵ đó quì lạy mà quỳ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc Thanh kỵ.

****

KINH THÍCH MA NAM BỔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Cô trách ngược lại âm trên Cổ ngô An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cô là tội ác. Trịnh Huyễn chú giải sách Lễ ký rằng: Cô là nói cây đã chết khô rồi không còn cứu sống được, nên đã chẻ ra. Viết sách Thuyết Văn viết từ bộ Tân Thanh cổ kinh văn viết từ bộ dương viết thành chữ cô là chẳng phải, ngược lại âm dưới là trắc cách đã giải văn trong kinh thiết thành nê Lê đã giải thích rồi.

Kỳ ngạch ngược lại âm ngữ cách. Sách Phương ngôn cho rằng: ngạch là cái trán. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hiệt âm hiệt Thanh cách kinh văn viết từ bộ khách viết thành chữ ngạch tục dùng thông dụng.

Bái thí ngược lại âm phổ cụ Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Bái là đi nhanh. Quảng Nhã cho rằng: Bái là mưa to. Lại gọi nước chảy ầm ầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh thị.

****

KINH LẠC TƯỞNG

(Không có chữ giải thích âm.)

KINH PHẬT THUYẾT LẬU PHÂN BỐ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tri lâu ngược lại âm Lâu đậu Cố Dã Vương cho rằng: Lậu cũng giống như tiết nước rĩ dột. Chú giải Mao Thi truyện, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Lậu là mất Lại gọi là xuyên qua, Theo Kinh Pháp Hoa nói rằng: các lậu đã chết sạch không còn phiền não nữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ âm lậu đồng với âm trên.

Thống kịch ngược lại âm kính kích Cố Dã Vương cho rằng: Kịch là rất. Gọi là cùng thêm nhiều kịch liệt, như văn trước đã giải. Xưa nay chánh tự viết từ bộ đao âm cự Thanh cự kinh văn viết chữ kịch chẳng phải chữ.

****

KINH A NẬU PHONG

(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH CHƯ PHÁP BỔN

(Không có chữ giải thích âm.)

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 54

Kinh âm cụ Hàm Di ký quả một quyển Tuệ Lâm
Kinh chiêm ba Tỳ khưu một quyển Tuệ Lâm
Kinh phục dâm một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ma nhiễu loạn một quyển Huyền ứng
Kinh Tệ Ma Thức Mục Liên một quyển Tuệ Lâm
Kinh Lại trá Hoà La một quyển Huyền ứng
Kinh thiện sanh Tử một quyển Tuệ Lâm
Sở kinh một quyển Huyền ứng
Kinh phạm chí Kha La diên vấn một quyển Huyền ứng
Kinh tam quy ngũ giới công đức một quyển không
Kinh Hoàng trúc viên Lão bà la môn một quyển không
Kinh phạm Ma dạ một quyển Huyền ứng
Kinh Tu đạt một quyển Tuệ Lâm
Kinh tôn thượng một quyển không
Kinh Anh Vũ một quyển Huyền ứng
Kinh Đâu Điều một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ý một quyển không
Kinh Ứng Pháp một quyển Huyền ứng
Kinh Nê Lê một quyển Tuệ Lâm
Kinh Trai một quyển Tuệ Lâm
Kinh Phổ Pháp Nghĩa một quyển Tuệ Lâm
Kinh Quảng Nghĩa Pháp Môn một quyển Tuệ Lâm
Kinh Giới Đức Hương một quyển không có từ âm
Kinh Tà Kiến một quyển không
Kinh Ưa Bà Di Đoạ Xá Ca một quyển Tuệ Lâm
Binh Bể Ma Túc một quyển Tuệ Lâm
Kinh Bà La Môn Tưởng Mạn Chung một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thập Chi Cư Sĩ một quyển không
Kinh Tiển Dụ một quyển không

Kinh Ba Tư Nặc Vương Thổ Buộn Thân Huyền ứng
Kinh Tứ Nhơn Xuất Hiện một quyển Tuệ Lâm
Kinh Tu Ma Đề Nữ một quyển Hụê Lâm
Kinh Bà La Môn Tỵ Tử một quyển không
Kinh Thí Thực Hộ Phước một quyển Hụê Lâm
Kinh Tần Bà La Vương Nghệ Phật một quyển Tuệ Lâm
Kinh Trưởng Giả Tử Lục Quá Xuất Gia Tuệ Lâm
Kinh Ương Quật Ma một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ương Quật Kế một quyển Tuệ Lâm
Kinh Lực Sĩ Di Sơn một quyển Huyền ứng
Kinh Tứ Vị Tần Hữu một quyển không
Kinh Thất Phật Phụ Mẫu một quyển Huyền ứng
Kinh Phóng Ngưu một quyển Tuệ Lâm
Kinh Duyên Khởi một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thập Nhất Tưởng Như Lai một quyển không
Kinh Tứ Nê Lê một quyển Tuệ Lâm
Kinh A Na Phân Khưu một quyển Tuệ Lâm
Kinh Phật Mẫu Nế Hoán một quyển Tuệ Lâm
Kinh Đại Ai Đạo Nê Hoán một quyển Huyền ứng
Kinh Quốc Vương Bất Lê một quyển Tuệ Lâm
Kinh Xá Vệ Quốc Vương Mộng Biển Thập Sự một quyển Tuệ Lâm
Kinh A Nam Đồng Học một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ngũ Uẩn Giai Không một quyển không
Kinh Thất Xứ Tam Quán một quyển Huyền ứng
Kinh Thánh Pháp Ấn một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ngũ Ấm Thí Dụ một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thuỷ Mạc Sở Thiêu một quyển Tuệ Lâm
Kinh Bất Tư Thư Ýmột quyển không
Kinh Chuyển Pháp Luân một quyển không
Kinh Tam Chuyển Pháp Luân một quyển Tuệ Lâm
Kinh Bát Chánh Đạo một quyển không
Kinh Nan Đề Thích một quyển Tuệ Lâm
Kinh Mã Hữu Tam Tướng một quyển không
Kinh Mã Hữu Bát Thái một quyển Huyền ứng
Kinh Tương Ưng Tương Khả một quyển không
Kinh Ngã Quỷ Báo Ứng một quyển không
Kinh Quỷ Vấn Mục Liên một quyển không

Kinh Tạp Tạng một quyển Huyền ứng

Kinh Tạp A Hàm một quyển Huyền ứng

Kinh Trị Thiên Bệnh Bí Yếu một quyển Tuệ Lâm

Kinh Xá Đầu Giản một quyển Huyền ứng

Kinh Ma Đăng Già ba quyển Huyền ứng

Kinh Ma Đăng Già Nữ một quyển Tuệ Lâm

Kinh Ma Đăng Già Nữ giải hình Trung Lục Sự một quyển không có từ âm nghĩa.

Kinh Ngã Quỷ Báo Ưng một quyển Tuệ Lâm

Kinh A Nam Vấn Phật Kiết Hung một quyển Huyền ứng

Kinh A Nan Phân Biệt một quyển Huyền ứng

Bên phải bảy mươi sáu bảy mươi tám quyển đồng âm với quyển này

KINH PHẬT THUYẾT CÙ ĐÀM DI KÝ QUẢ - *Tuệ Lâm soạn.*

Ky để ngược lại âm trên ký nghi chữ viết từ bộ võng viết thành chữ ky. Kinh văn bỏ bộ võng lại viế từ bộ cách đến bộ kỳ viết thành chữ ky là không phải chữ. dưới là chứ để sách viết sai chữ sưu là chẳng phải. Ky để là tiếng phạm là Tên riêng của sát để.

Đấng mông âm trên là Đấng ngược lại âm dưới mặc băng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đằng mộng là ban đầu nằm ngủ, trong lòng buồn bã. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mông mông là loạn, hai chữ đều viết từ bộ mộng. Thanh tỉnh chữ tượng hình.

Nhũ bộ ngược lại âm bổ mộ. Sách Vận Ánh cho rằng: Bộ là nhai thức ăn trong miệng gọi là Bộ tức là bú mớn, Kinh văn viết chữ bộ này là chẳng phải bổn chữ.

Bất ky tỳ khưu ngược lại âm kỹ nghi. Quảng Nhã cho rằng: ky là dùng lời khuyên can. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: sát thật thị phi khen chê. Sách Thuyết Văn cho rằng: chê bai, phỉ báng, chữ viết từ bộ ngôn Thanh ky.

Chũng chũng nang ngược lại âm dư Lang. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ nang đến bộ tựu tĩnh lược nang cũng là Thanh âm nang là âm ninh âm cổn là âm côn.

****

KINH CHIÊM BÀ TỲ KHƯU
(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT PHỤC DÂM - *Tuệ Lâm soạn.*

Thiết ác ngược lại ân Thiên miệt Quách Phác chú giải sách phương ngôn rằng: Thiết là buồn bực trong lòng. Tính tình nóng nảy xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Tâm Thanh tệ âm tệ là âm tệ.

****

KINH MA NHIỄU LOẠN - *Huyền Ứng soạn*

Giao Tại âm giao Sách Thuyết Văn cho rằng: Loài chim cút, thường bay có đàn, đuôi giống con gà mái, tiếng kêu ngư gà trống, tương truyền ăn thịt có trị phong.

****

KINH TỆ MA THỨC MỤC LIÊN - *Tuệ Lâm soạn.*

Yểm hắc ngược lại âm điểu cảm Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: yểm là rất tối không có sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: xanh đen chữ viết từ bộ hắc Thanh yểm.

Suyển tức ngược lại âm xuyên diễn

Khoả hình ngược lại âm Hoa ngoả.

Tứ khiêu ngược lại âm hiểu điếu. Sách Hán Thư cho rằng: Khiếu là biên giới, ngoài xa xôi, chỗ bế tắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước Thanh kiêu âm xước ngược lại âm Sửu xích

Tứ Thiêm ngược lại âm tư tự Cố Dã Vương cho rằng: Tứ là cái rương dựng đầy u phục cái rương trúc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Trúc Thanh tư.

Nhật điệp ngược lại âm điền niết

****

KINH LẠI TRÁ HÒA LA - *Huyền Ứng soạn*

Tà la Âu Trá Quốc văn cổ viết chữ tà hai chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm tha khẩi, Thổ Khẩu hai âm, âm âu ngược lại âm ô cấu.

Từ quyết ngược lại âm cổ huyệt Quyết là nói lời chia biệt văn thông dụng cho rằng: nói lời chia tay với người sắp chết gọi là quyết.

****

KINH PHẬT THUYẾT THIÊN SANH TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hy Toạ ngược lại âm kỷ y Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hy là ánh sáng ban mai mặt trời bắt đầu mọc lên. Lại gọi là Hy đó tức là mặt trời rực lửa đỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô ráo, chữ viết từ nhiệt Thanh Hy.

Đãng sĩ ngược lại âm đường lãng. Bao Hàm chú giải sách Luận ngữ rằng: Đãng là rộng rãi cao xa. Cố Dã Vương cho rằng: Đãng cũng là phóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mãnh đến bộ Đãng Hoặc là viết chữ đãng. Hoặc là viết từ bộ tâm viết chữ đãng.

Hạp hạ ngược lại âm trên là hàm giáp. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Hạp là người có thói quen gần gũi. Khổng An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: Hạp là thân thiết gần gũi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển Thanh giáp Kinh văn viết chữ hiệp là chẳng phải.

Cấu thiện ngược lại âm cổ hầu Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cấu cũng giống như là gặp. Quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cũng gọi tao ngộ cùng nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước Thanh cấu, âm xước ngược lại âm sữu lược âm cấu ngược lại âm cổ hầu

Lị ư ngược lại âm trên lực chí Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Lị là đến cũng viết chữ kị. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Thảo Thanh vị.

Vãng đoản ngược lại âm Đoan quản, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đoãn là gấp gáp, vội vả. Sách Thuyết Văn cho rằng: không dài, chữ viết từ bộ Thĩ đến bộ đậu kinh văn viết từ bộ Thủ viết thành chữ đoãn tục dùng thông dụng.

Nhĩ Báng ngược lại âm Thượng Tỳ Mao Thi Truyện cho rằng: nhị là ngừng nghĩ. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: là diệt mấ. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằn: nhị là quên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ

viết từ bộ cung Thanh nhĩ.

Hạp môn ngược lại âm Hàm Lạm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hạp là cửa gọi là cánh cửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: đóng cửa chữ viết từ bộ môn Thanh Hạp âm hạp là âm hợp.

Ngao dật ngược lại âm ngữ cao sách văn tự tập lược cho rằng: Ngao du. Quảng Nhã cho rằng: vui đùa Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xuất đến bộ phóng âm xước ngược lại âm sữu lược.

Trừ đãi ngược lại âm trên trữ chư. Sách Khảo Thanh cho rằng: trừ tích chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cất chứa, chất chứa cất giữ, chữ viết từ bộ nhơn Thanh chư ngược lại âm dưới là trì lý. Sách Khảo Thanh cho rằng: chờ đợi, chỗ trông đợi, chất chứa cho nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy đủ chữ viết từ bộ nhơn Thanh đãi Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ đãi là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT SỐ - *Huyền Ứng soạn.*

Ky bán ngược lại âm dưới là bổ phán Sách Khảo Thanh cho rằng: Bán là trói buộc hai chân lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc cái bờm con ngựa chữ viết từ bộ mịch Thanh bán Kinh văn viết chữ kỳ bán hai chữ đều không thành chữ chẳng phải, âm trập ngược lại âm tri lập âm mịch là âm mích

****

KINH PHẠM CHÍ PHA LA DIÊN VẤN DŨNG TÔN

Huyền Ứng soạn.

Cư hư ngược lại âm cư ngữ ngược lại âm dưới hứa cư. Gọi là giống như con Lừa mà nhỏ hơn con bò đực, con ngựa con.

A Hức ngược lại âm hư bức. Tên người dựa theo chữ gọi nương nước chảy thông suốt

****

KINH TAM QUY NGŨ GIỚI TỪ TÂM CÔNG ĐỨC

(Không có chữ có thể giải thích âm)

KINH PHẬT VI HOÀNG TRÚC VIÊN LÃO BÀ LA MÔN THUYẾT HỌC - *Tuệ Lâm soạn.*

Tiên đắc ngược lại âm trên tiên tiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: ít hiếm có, sách Nhĩ Nhã cho rằng: tiên là trống không. Hoặc làviết chữ tiên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thậm. Thanh hiến nay cũng viết chữ tiên thông dụng thường hay dùng.

****

KINH PHẠM MA DỤ - *Huyền Ứng soạn.*

Như để lại viết chữ để cũng đồng ngược lại âm chi thị gọi là mài bằng thẳng. Sách Thượng Thưu cho rằng: Loại đá nhuyển mịn đều có thể làm đá mài, âm nô ngược lại âm nãi hoò. Nô loại đá có thể dùng làm mũi tên.

Phi Lệ nay viết chữ Thao cũng đồng ngược lại âm sơn khĩ Theo chữ Sâm Lệ là sợi dây áo theo gió phất phơ, buộc dây thao vào tay áo trống không, âm táp ngược lại âm diệp đáp.

Bệnh sưu ngược lại âm sĩ Lưu sách Thượng Thư cho rằng: vua qua ngày hôm sau mới lần lượt khỏi bệnh.

****

KINH PHẬT THUYẾT TU ĐẠT - *Tuệ Lâm soạn.*

Tạp quáng ngược lại âm dưới cổ mảnh văn trước viết quyển thứ ba mươi lăm. Kinh Vị Tăng Hữu đã giải thích đầy đủ rồi.

****

KINH PHẬT THUYẾT TÔN THƯỢNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH ANH VŨ - *Huyền Ứng soạn.*

Ngân nga lại viết chữ ngâm ngược lại âm ngưu kim. Người ở Giang Nam gọi phóng tụng là ngâm nga Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngân là hát khẻ, ngâm khẻ.

Không quắc văn cổ viết chữ quắc cũng đồng ngược lại âm vu vực sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trước ngưỡng cửa gọi là quắc. Quách Phác cho rằng: cửa hẹp, âm phò ngược lại âm thời kết.

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐÂU ĐIỀU - *Tuệ Lâm soạn.*

Kim toả ngược lại âm dưới Tô quả.Quảng Nhã cho rằng: tỏa là cái móc xích liên kết với nhai. Tự thu cho rằng: cũng là cái vóng móc xích. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc Thanh toả âm toả đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ toả này là chẳng phải.

Cù lũ ngược lại âm cụ câu ngược lại âm dưới sắc vu. Bì Thương cho rằng: Cụ lũ là thảm dệt bằng lông. Theo Thanh loại cho rằng: cũng dùng lông dệt làm chiếu. Quảng Nhã cho rằng: cũng là Thảm lông. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ mao chữ hình thanh.

Tháp đăng ngược lại âm trên thổ cái ngược lại âm dưới đắc năng. Bì Thương cho rằng: Tháp đăng là lông dệt chiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều viết từ bộ mao chữ hình thanh. Kinh văn viết chữ tháp đăng này là chẳng phải.

Phê phật ngược lại âm phò phế. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng chó sủa, chữ viết từ bộ khẩu đến bộ khuyển. Kinh văn viết chữ hồng là chẳng phải.

Ngôn bao ngược lại âm bao giao. Quảng Nhã cho rằng: bao là tiếng chim hót. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng hắc hơi chữ viết từ bộ khẩu Thanh bao

Sáp sáng ngược lại âm sở giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vu đếnb bộ cửu chữ tượng hình.

Ba đựa ngược lại âm bạch ma.Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc là viết chữ bà.

Tiệp tật ngược lại âm tiềm diệp Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiệp là vượt lên. Sách Phương ngôn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ Thanh tiệp âm tiệp đồng với âm trên kinh vănviết chữ tiệp này là chẳng phải.

KINH ỨNG PHÁP

(Không có chữ để giải thích âm)

****

KINH NÊ LÊ - *Huyền Ứng soạn.*

Trú bề chữ viết đúng nghi là chữ Bề ngược lại âm Bổ hề Lấy trúc tre làm cái lược dày chải tóc hoặc làm chày đánh nện.

Tiên tưu ngược lại âm đinh loại tục ngữ gọi là đánh trống canh. Kinh văn viết chữ chiêm ngược lại âm Than Phiền Theo sự tô điểm thì chữ chiêm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phu chất ngược lại âm phương vu Sách Thuyết Văn cho rằng: phu là hình phạt chém ngang lưng thời xưa âm toạ ngược lại âm sang ngọa Theo công dương truyện cho rằng: không nhẫn được nhận thêm cái búa chất lên. Hà Hưu cho rằng: chém ngang lưng người tội. Thiên THương Hiệt cho rằng: phu là cái búa cũng gọi là cái húa vàng. Theo cái búa ngang đó nếu chém ngang đó như chém ngang lưng, ngược lại âm dưới chi dật Bì Thương cho rằng: cái búa tra cán bằng gỗ. Kinh văn viết chữ chấn là chẳng phải.

Trùng trí ngược lại âm trực nhĩ sách Nhĩ Nhã cho rằng: có chân gọi là trùng không chân gọi là trĩ

****

KINH PHẬT THUYẾT TRAI - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoán y ngược lại âm hoạt quản Lưu Trụ chú giải công dương truyên rằng: Trừ bỏ đi cấu uế gọi là hoán. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh hàn hoặc là viết chữ hoán cũng đồng nghĩa.

****

KINH PHỔ PHÁP NGHĨA - *Tuệ Lâm soạn*

Bình chuẩn ngược lại âm trên bệnh bằng Sách Khảo Thanh cho rằng: Bàn luận sự vật phải trái tốt xấu. Xưa nay chánh tự cho rằng: Quở trách văn tự điển nói rằng: Bình luận sự việc đó sửa đổi việc lớn

gọi là trong quan phủ, chữ viết từ bộ ngôn Thanh bình, ngược lại âm dưới chuẩn thuần. Sách Khảo Thanh cho rằng: Đinh ninh báo cáo cho biết Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Thành khẩn mà đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: báo cáo cho hiểu biết mà nắm giữ chữ viết từ bộ ngôn Thanh chuẩn.

Vi ức ngược lại âm ứng lực Sách Khảo Thanh cho rằng: ức là ngăn chận, sữa đổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đè nén chữ viết từ bộ phản đến chấn nay theo lệ sách viết thừa bộ Thủ ức thành chữ ức.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG NGHĨA PHÁP MÔN

Tuệ Lâm soạn.

Khống chế: Ngược lại âm trên khổ cống Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chế ngự con ngựa gọi là khống. Lại gọi là khống dẩn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bọn người hung nô vươn cây cung ra cũng gọi là khống Huyền chữ viết từ bộ thủ Thanh không kinh giới Đức Hương không có chữ giải thích âm.

****

KINH GIỚI ĐỨC HƯƠNG

(Không có từ âm nghĩa).

****

KINH TÀ KIẾN

(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH ƯU BÀ DI ĐỌA XÁ CA - *Tuệ Lâm soạn*

Nãi như thị ngược lại âm nô cải sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãi tức là chữ này Theo Thanh loại cho rằng: Là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Tây đến bộ dẫn âm dẫn là âm ẩn.

Duyệt ai ngược lại âm trên duyên quyết. Theo Mao Thi Truyện

cho rằng: duyệt là bao gồm. Xem xét tổng quát. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy đủ số trong cửa chữ viết từ bộ môn Thanh duyệt.

Chu ky kỹ ky Cỗ Dã Vương cho rằng: Con ngọc trai trong biển nam Hải, là chổ sanh sản loại ngọc trai này. Tháng trang tròn thì sinh ra rất nhiều, Tháng trăng khuyết thì đẻ ra rất ít. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ky cũng là loại châu ngọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ky là viên ngọc không tròn chữ viết từ bộ ngọc đều là Thanh chu kỳ.

Cưu lưu ngược lại âm trên cửu xưu ngược lại âm dưới lưu vưu Tiếng phạm

****

PHẬT THUYẾT KINH BỂ MA TÚC

Trước phu: chữ sau âm là phủ vo phản. Thương Hiệt Thiên: Phu là võ lúa mạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: phu Là vỏ lúa tiểu mạch, chữ viết từ bộ mạch Thanh chữ phu. Hoặc là viết từ bộ phu viết Thành chữ phu, là chữ tục dùng thông dụng.

****

KINH PHẬT THUYẾT BÀ LA MÔN TỬ MẠNG CHUNG ÁI NIỆM BẤT LY - *Tuệ Lâm Soạn.*

Khoả hình ngược lại âm Hoa quái Cố Dã Vương cho rằng: Cởi áo để bộ vai phải. Xưa nay chánh tự cho rằng: hoặc là viết chữ khoả. Hoặc là viết chữ khoả cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ nhơn Thanh quả.

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬP DI CƯ SĨ BÁT THÀNH NHƠN

Tuệ Lâm soạn

Soạn cu ngược lại âm sĩ quyến Trịnh Huyền chú giải sách nghi lễ rằng: soạn là bày ra. Tư mã chú giải sách luận ngữ rằng: soạn là bày thức ăn uống. Quảng Nhã cho rằng: tiến vào ăn uống thoả thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn đầy đủ, chữ viết từ bộ thực Thanh soạn.

KINH PHẬT THUYẾT TIỂN DỤ - *Tuệ Lâm soạn.*

Thương Hạc ngược lại âm trác lãng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loại chim giống như nhạn màu đen. Quách Phác cho rằng: Loại chim này giống như chim Hạc, chữ viết từ bộ điểu Thanh Thương ngược lại âm dưới hà các sách Hoài Nam Tử cho rằng: con gà nó biết đem tiếng kêu của con chim Hạc, nó lại biết đến nữa đêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại chim tiên, chữ viết từ bộ điểu Thanh hạc âm hạc đồng với âm trên, chữ Hạc từ bộ mịch đến bộ duy âm mịch ngược lại âm quý đinh.

****

KINH BA TƯ NẶC VƯƠNG THÁI HẬU BĂNG TRẦN THỔ BUỘN THÂN - *Huyền Ứng soạn.*

Kỳ di ngược lại âm dĩ chi sách Lễ ký cho rằng: Một trăm năm gọi là kỳ di. Trịnh Huyền cho rằng: kỳ giống như cần yếu, di giống như nuôi dưỡng người con hiếu phải hết lòng nuôi dưỡng mới phải đạo vậy.

****

KINH PHẬT THUYẾT TỨ NHƠN XUẤT HIỆN THẾ GIAN

Tuệ Lâm soạn

Khôi quái ngược lại âm trên khổ hồi ngược lại âm dưới cổ ngoại Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khôi giống như đứng đầu. Quảng Nhã cho rằng: quái cũng giống như chế ngự Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đẩu đến Thanh quĩ Dưới là chữ quái chữ viết từ bộ nhục Thanh hội.

****

KINH PHẬT THUYẾT TU MA ĐỀ NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Hằng vân ngược lại âm trên Cổ Đặng. Sách Phương ngôn cho rằng: Hằng là cảnh giới. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hằng là biến khắp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhật đến bộ nhị kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ hằng là chẳng phải âm mịch là âm mích.

Xích Lâm Đàm Tiếng phạm không phân rõ, ngược dịch kinh đoán sai ý xấu. Đây cũng là tên của vật báo quý, hoặc là sách viết sai.

Lưu lý ngược lại âm cự ngâm. Loại nhạc khí. Lấy tên là Phệ Lưu ly loại đàn làm bằng vật báu. Nhạc cụ của trời.

Siểm điện ngược lại âm trên nhiếp hiểm. Điện chớp Thiên Thương Hiệt cho rằng: siễm là tam thời. Thấy rồi mất. Sách Thuyết Văn cho rằng: tạm nhìn chữ viết từ bộ mục Thanh điểm.

****

KINH PHẬT THUYẾT BÀ LA MÔN TỴ TỬ

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT THỰC THÍ HOẠCH NGỦ PHÚC BÁO

Tuệ Lâm soạn.

Hoằng khuếch ngược lại âm khổ quach. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: rổng không, xưa nay chánh tự cho rằng: Trương ra nhỏ khiến thành lớn chữ viết từ bộ nghiễm Thanh quách.

Vĩ diệp ngược lại âm trên vi quỹ Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng rực, chữ viết đúng từ bộ hoả viết thành chữ vĩ ngược lại âm dưới diểm kiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: diệp là ánh sáng chói chang. Hoặc là viết chữ diệp cũng từ bộ hoả viết thành chữ diệp.

Hao giảm ngược lại âm trên hồ áo. Bì Thương cho rằng: Tiêu hao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hoà Thanh mao ngược lại âm dưới hàm trảm. Theo Hàn thi truyện cho rằng: giảm là còn ít lại. Hổ Dự chú giải tả truyện rằng: Hao mòn tổn giảm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Thuỷ Thanh Hàm.

Trí ngại ngược lại âm tri lợi Sách Khảo Thanh cho rằng: Trí là trở ngại không tiến tới được. Viết đúng là chữ trí ngược lại âm dưới là ngũ cái. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngại là ngăn cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngăn chận, chữ viết từ bộ Thạch đến bộ nghi. Sách bác Nhã cho rằng: cũng viết chữ ngại. Sách vận lược viết chữ ngại văn tự tập lược viết chữ ngại đều thông dụng văn thường hay dùng.

****

KINH TẦN BÀ BÀ VƯƠNG NGHỆ PHẬT CÚNG DƯỜNG

Tuệ Lâm soạn.

Kim tỷ ngược lại âm sư tử Sách Khảo Thanh cho rằng: Loại giày dép không đạp dưới gót chân đó Tự Thư cho rằng: loài giày dép da thú, tức nay giày dép da. Nước Tây vực tục quen dùng trên đây. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc lại da con thú vật, chữ viết từ bộ cách Thanh tỷ Hoặc là viết chữ lệ đều đồng âm hiệp ngược lại âm cói hạp âm đê ngược lại âm đinh hề.

Chu bính phất âm giữa Binh mang. Sách Khảo Thanh cho rằng: Binh là chỗ cán của vật dụng cầm nắm nói chu Bính đó là lấy hạt châu ngọc làm vòng trang sức chỗ cán cầm mà lau chùi. Sách Văn Tự điển nói rằng: Bính là chỗ gốc của vật cầm nắm, chữ viết từ bộ mộc thanh Bính. Hoặc là viết chữ Bĩnh cũng đồng ngược lại âm phân vật.

****

KINH TRƯỞNG GIẢ TỬ LỤC QUÁ XUẤT GIA - *Tuệ Lâm soạn*

Manh nha ngược lại âm mạch canh Ngọc Thiên nói rằng: Manh cũng là nha. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là sự nảy mần của hạt giống cây cỏ, chữ viết từ bộ Thảo Thanh bằng âm thảo là âm Thảo.

****

KINH PHẬT THUYẾT ƯƠNG QUẬT MA - *Tuệ Lâm soạn*

Bác Tông ngược lại âm dưới tông tống Sách Thuyết Văn cho rằng: Tông là cơ cấu mấu chốt để giữ sợi chỉ đầu mối, mà có vân đó gọi là tông chữ viết từ bộ mịch Thanh tông âm mịch là âm.

Bẩm ngưỡng ngược lại âm trên bỉ cẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: bẩm là vâng Theo nhận lệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bẩm ngược lại âm lực cẩm.

Tư tu ngược lại âm trên tỷ tư Sách Khảo Thanh cho rằng: tư là hỏi thăm nơi điều tốt lành. Quảng Nhã cho rằng: Thưa bạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn Thanh tư ngược lại âm dưới túc tu. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: Tu là hỏi thanh việc chánh đáng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thưa tính. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trù tính chọn ngày

tốt chữ viết từ bộ ngôn Thanh thủ kinh văn viết tu là sách viết sai.

Nghi Phạm ngược lại âm phàm ám chữ thượng Thanh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: phạm là khuôn mẫu. Thường dùng sách vận Anh cho rằng: phạm là phép tách mẫu mực. Theo Thanh loại cho rằng: mô phạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khuôn pháp. Xưa khuôn phép có biểu tượng cây tre làm tượng hình như các thẻ tre là đúng mực cho nên trong sách nói là phép tắc chữ viết từ bộ trúc đến bộ xa đến bộ ba Thanh tĩnh Kinh văn viết chữ linh là chẳng phải ý nghĩa đây dùng.

Ổi thừa ngược lại âm trên ô hối Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ổi là đình trệ Quảng Nhã cho rằng: ổ là đóng nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển Thanh uy âm hối ngược lại âm khôi mỗi.

Yển thể ngược lại âm ư hiến Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: yển là té ngã ngửa. Giã quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: yển là nghĩ ngơi. Quảng Nhã cho rằng: yển là ngã ngửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn Thanh yển âm yển đồng với âm trên kinh văn viết từ bộ mịch là âm mích.

Bao sư ngược lại âm bổ mau Cố Dã Vương cho rằng: bao cũng giống như là khen ngợi sự tốt đẹp. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Bao cũng giống tiến vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: vạt áo trước rộng thuộc loại áo mặc đi chầu vua, chữ viết từ bộ y Thanh bao âm bao là âm bao tục viết chữ bao Kinh văn viết chữ bao là sách viết sai.

Niểu xúc ngược lại âm trên nô điểu.Sách Khảo Thanh cho rằng: niểu là cùng nhau bởn cợp chọc ghẹo hoặc là viết chữ nhiểu.

Thấm viết ngược lại âm trắc cấm sách Bác nhã cho rằng: Thấm là dùng lời huy nhục. Hà hưu chú giải công dương Truyện rằng: khuyên không nói rằng: có gọi là vu cáo, cũng như việc có nói không gọi là gièm pha. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có tin tưởng nhau nói ngược lại chữ viết từ bộ ngôn Thanh tán.

Khiên chế ngược lại âm dưới xiển liệt Sách Khảo Thanh cho rằng: chế là cúi rập đầu xuống lôi kéo dẫn dắt. Cố Dã Vương cho rằng: chế cũng giống như là dẫn dắt đi theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh chế.

Tồi tốt ngược lại trên tạng lôi ngược lại âm dưới tồn một. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: tốt là năm đầu núi kéo đầu rập xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm lấy đầu tóc chữ viết từ bộ Thủ Thanh tốt

Nhứt khế ngược lại âm hề kế Sách Khảo Thanh cho rằng: khế cũng giống như là vượt hơn. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: văn từ khế

ước cần yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khế ước lớn chữ viết từ bộ khế ngược lại âm cổ bát đến bộ đại. Kinh văn viết chữ khế này là chẳng phải sách viết sai.

Yêu phẩn ngược lại âm hương nhiêu. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: yêu là mời cần yếu. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: yêu cầu thỉnh. Sách Thuyết Văn và chánh tự xưa nay cho rằng: che chắn cướp đoạt công mong được hưởng, chữ viết từ bộ xước đến bộ yêu. Thanh tĩnh âm kiêu là âm kiêu ngược lại âm dưới là phần phân. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: phẫn cũng giống như là nhiều. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: xung khí phẩn ộ tức giận tăng thêm. Sách Phương ngôn cho rằng: phẩn hận. Sách Thuyết Văn cho rằng: giận dữ chữ viết từ bộ Tâm Thanh phần.

Phún trá ngược lại âm trên phổ muộn ngược lại âm dưới trích gia Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phún cũng giống như trá.Sách Thuyết Văn cho rằng: phún là nước mũi phun ra chữ viết đều từ bộ khẩu đều Thanh. Phún trá âm trá ngược lại âm trúc ách.

Sô mục ngược lại âm sở câu Cố Dã Vương cho rằng: cắt cỏ khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là cắt cổ, cũng giống như hình bao bó cỏ ngược lại âm dưới mong lộc. Quảng Nhã cho rằng: mục là nuôi dưỡng. Sách Hán Thư cho rằng: Mục đó là tên gọi chung nuôi dưỡng gia súc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngưu Thanh phộc âm phộc ngược lại âm phổ.

Lang tịch ngược lại âm Lạc Đương ngược lại âm dưới tình dịch Lưu Trú giải sách Mạnh Tử rằng: Đồng ruộng cổ phì nhiêu mọc ngổn ngang lôn xộn. Ngọc thiên cho rằng: cỏ mọc tung hoành Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên là bộ khuyển đến bộ lương dưới từ bộ thảo Thanh tịch âm tịch đồng với âm trên.

Tế nhương ngược lại âm tử hề Trịnh Huyền chú giải sách chu Lễ rằng: Tế là năm giữ lương thực dùng để hành đạo. Cố Dã Vương cho rằng: năm giữ lấy. Quảng Nhã cho rằng: đem cho. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữ lấy di vật của người tặng cho, chữ viết từ bộ bối Thanh tề Kinh văn viết chữ tế tục dùng thông dụng ngược lại âm dưới thức dương là là dâng thức ăn cho người trên. Sách Phương ngôn cho rằng: ngược nước Chu gọi là biếu tặng. Chữ nhương viết từ bộ Thực Thanh nhương kinh văn viết chữ hướng cũng thông dụng văn thường dùng âm quỹ là âm quỹ.

Tất tiểu ngược lại âm tiểu tiêu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tiểu cũng giống như diết tiệt giết sạch cũng gọi là

tiêu diệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lực đến bộ sào âm sào ngược lại âm sài sài giao.

Cổ bại ngược lại âm dưới bổ mại. Quảng Nhã cho rằng: bại là mộc ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai tay dùng đánh gõ, chữ viết từ bộ thủ Thanh ty cũng viết chữ bãi.

Khai vi ngược lại âm dưới vi bĩ. Giã Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: vi là mở mang. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mở ra, Sách Thuyết Văn cho rằng: mở cửa, chữ viết từ bộ môn Thanh vi.

Phế kiến ngược lại âm trên phiến miệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thoát qua mặt, thoáng thấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục đến thanh tệ kinh văn viết chữ phê này là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT ƯƠNG QUẬT KẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Huề thủ ngược lại âm trên Khuê Cố DãVương cho rằng: Huề nằm cầm tay dẫn dắt. Hà Hưu chú giải công dương truyện rằng: nắm tay dẫn dắt đưa lên Mạnh Tử chú giải sách Hán Thư rằng: Liên kết với nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thủ Thanh hiền âm Huề đồng với âm trên.

Phiêu nạch ngược lại âm trên thất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu là trôi nỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước. Sách văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ thuỷ Thanh phiêu âm phiêu ngược lại âm tất diêu Kinh văn viết chữ phiêu này là sai lầm.

Cương bạn ngược lại âm trên cự lương sách Tập Huấn nói rằng: cương là sợi dây buộc nơi mỏn con ngựa cũng là sợ dây cương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách Thanh cương.

****

KINH LỰC SĨ DI SƠN - *Huyền Ứng soạn*

Lục lực ngược lại âm lữ cúc sách Quốc ngữ cho rằng: Lục là góp sức đồng một lòng. Giã Quỳ chú giải sách rằng: lục là gắng sức. Sách Thượng Thư cho rằng: Hợp sức lại. Khổng An Quốc chú giải rằng: sức lực mạnh mẻ chấn giữ.

Minh dự ngược lại âm mạc đình. Gọi là dùng đá kim loại mà khắc

làm cái bia ghi tên công đức tên người có làm các công đức, nói là có công đó. Sách nói rằng phân công. Những người hơn cái bình thường, danh dội.

Quệ cữ ngược lại âm cư nguyệt. Gọi ném cái chân. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: quệ chân vấp té, run động Quách Phác cho rằng: quệ là lão đão muốn ngã, cũng là kinh hãi, cấp bách mà té ngã quỵ xuống.

Miệt triết ngược lại âm vô kiết ngược lại am dưới tiên kiết. Bì Thương cho rằng: Miệt là khinh thường, lau sạch dùng tay ấn diệt.

Nỗi ngọc ngược lại âm nô tội. Sách luận ngữ cho rằng: nổi là cày ruộng, trong thời kỳ cày ruộng. Trịnh Huyền cho rằng: nổi cũng là đói

Lâm vũ ngược lại âm lực kim Theo tả truyện cho rằng: Mưa từ ba ngày rồi mà chưa tạnh gọi là làm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mưa lâu gọi là dâm dâm cũng gọi là lâm cũng gọi là mưa từ ba ngày sắp lên chưa tạnh.

****

KINH PHẬT THUYẾT TỨ VỊ TẰNG HỮU

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH THẤT PHẬT PHỤ MẪU TÁNH TỰ - *Huyền ứng soạn.*

Bàn biểu ngược lại âm phương miếu. Dựa theo chữ gọi cái khăn cột cổ áo.

Đa kiện đà ngược lại âm ký ngôn.

****

KINH PHẬT THUYẾT PHÓNG NGƯU - *Tuệ Lâm soạn.*

Ma loát ngược lại âm dưới sổ quát. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: loát là chà quét, chỗ gọi là chà sạch sẽ. Cố Dã Vương cho rằng: loát cũng là cắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: loát là cạo chữ viết từ bộ đao đến bộ loát Thanh tĩnh âm quát ngược lại âm quan bát.

****

KINH DUYÊN KHỞI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ẩu khúc ngược lại âm trên vu vũ Quảng Nhã cho rằng: ẩu cũng là khúc Sách Khảo Thanh cho rằng: khúc là xương sống cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: người bị gù lưng, chữ viết từ bộ nhơn Thanh âu.

Hắc yểm ngược lại y điểm Sách Khảo Thanh cho rằng: yểm là nốt ruồi đen cạn, nốt ruồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt thịt nổi lên đen chữ viết từ bộ hắc Thanh Yểm.

Xã noãn ngược lại âm nô quản Hoặc là viết từ bộ hoả viết thành chữ noản noản là ấm áp. Gọi là đốt lửa lớn, chữ viết từ bộ nhựt Thanh noản.

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬP NHẤT TƯỞNG TƯ NIỆM NHƯ LAI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT TỪ NÊ LÊ - *Tuệ Lâm soạn.*

Đế Bà Đạt Đâu Tiếng Phạm tức là tên của đề bà đạt đa.

Khư lê ngược lại âm trên khương ca, ngược lại âm dưới lý tri Tiếng phạm.

****

KINH A NA PHÂN HUYỄN HÓA THẤT TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhương già ngược lại âm trên nhữ xương ngược lại âm dưới cương ca đều tiếng phạm, kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ nhương âm nhương ngược lại âm nữ lưỡng là chẳng phải vậy.

****

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT NÊ HOÀN - *Huyền Ứng soạn.*

Truân nhiểm văn cổ viết chữ Thuân cũng đồng ngược lại âm chi nhuận đây dịch là chưa vở vụn. Gọi là tên người. Kinh văn viết chữ truân là sai.

Phụ ân ngược lại âm phò vủ sách Quốc ngữ cho rằng: chỗ gọi là thêm nhiều tiền của dùng. Giả Quỳ cho rằng: Gò đất dày Thịnh Vượng lớn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: núi đất, gò đất lớn

****

KINH PHẬT MẪU BÁT NÊ HOÀN - *Tuệ Lâm soạn.*

Hậu hoăng ngược lại âm hồ hoăng Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hoăng là chết. Quảng Nhã cho rằng: chết mất. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoăng là dùng cho các công Hầu chết gọi là Hoăng. Thiên tử chết gọi là băng chữ viết từ bộ tử đến bộ mộng Thanh tỉnh.

Chương Nam tử ngược lại âm trên là dưỡng nhưỡng Cố Dã Vương cho rằng: cây lớn Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của cây, ngược lại âm giữa nạp đàm. Quách Phách chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cũng là cây lớn tục dùng viết chữ nam Kinh văn viết chữ bằng là sai, ngược lại âm dưới tư tử sách Khảo công ký cho rằng: cây dùng là điêu khắc làm dụng cụ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng là tên cây. Sách Thượng Thư cho rằng: cây biên tử, cây thị, giống như cây dương tức là cây long nảo.

Hư hy ngược lại âm trên hứa cư. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Hư là tiếng than thở. Cố Dã Vương cho rằng: Tiếng là hơi suỵt, ngăn cản. Xua đuổi gọi là Hư. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là tiếng hà hơi chữ viết từ bộ khẩu Thanh hư ngược lại âm dưới hỹ y nói là tiến than thở đao xót mà không khóc, chữ viết từ bộ khẩu Thanh hy.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUỐC VƯƠNG BẤT LÊ TIÊN NÊ THẬP MỘNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Thực khác ngược lại âm dưới khảo cao. Sách Khảo Thanh cho rằng: khào là chỗ tận cùng của xương mông. Sách Nghi lễ nói rằng: Thuộc hai bên xương hông, chổ xương mông dứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thi Thanh cữu

KINH XÁ VỆ QUỐC VƯƠNG MỘNG KIẾN THẬP SỰ

Tuệ Lâm soạn.

Quỹ di ngược lại âm trân Đạt vị Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Quỹ là dâng vật lên người trên. Sách Nghĩ lễ cho rằng: chữ viết từ bộ thực Thanh quỹ ngược lại âm dưới duy tuý. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: di là thêm vào. Cố Dã Vương cho rằng: di là đem biếu. Quảng Nhã cho rằng: di là giữ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước Thanh quý âm xước ngược lại âm sữu lược.

****

KINH PHẬT THUYẾT NAN ĐỒNG HỌC - *Tuệ Lâm soạn*.

Thân nặc ngược lại âm dưới ni thất Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nặc là gần gũi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cũng gọi là thân cận. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: nặc cũng là thân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt Thanh ni hoặc là viết từ bộ quỹ viết thành chữ nặc.

****

KINH PHẬT THUYẾT NGŨ UẨN GIAI KHÔNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT XỨ TAM QUÁN - *Huyền Ứng soạn.*

Trú diệc ngược lại âm trắc lũ. Gọi là cây trụ cột chống đở, kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ trụ tục dùng thông dụng.

Đảnh minh ngược lại âm nãi đình Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đảnh là trên chóp đỉnh đầu. Quảng Nhã cho rằng: Đảnh là trên cao. Sách Tự uyển cho rằng: Trên đầu. Này tục dùng gọi là đảnh đầu làđảnh ninh.

****

KINH PHẬT THUYẾT THÁNH PHÁP ẤN - *Tuệ Lâm soạn.*

Duy nặc ngược lại âm trên duy quý Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Duy là cung kính dâng theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu Thanh duy ngược lại âm dưới là bao lạc lại âm nhi giã. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nặc là vâng lời. Hà Hưu chú giải công dương truyện rằng: nhận lời vâng làm theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn Thanh nặc.

****

KINH NGŨ ẤM THÍ DỤ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phu phách ngược lại âm dưới phanh mịch. Quảng Nhã cho rằng: phách là mổ xẻ phanh ra, nức ra. Bì Thương cho rằng: cũng là dùng dao mổ ra, tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phá ra chữ viết từ bộ đao Thanh tích.

****

KINH PHẬT THUYẾT THỦY MẠC SỞ PHIÊU - *Tuệ Lâm soạn.*

Tụ mạc ngược lại âm mãn bát Cố Dã Vương cho rằng: Mặc là bọt nước nổi trên mặt nước. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: mặc là bọt nước nhỏ ly ty gọi là mạc. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thuỷ Thanh mạt.

Y hộ ngược lại âm dưới là hồ cố Sách Thuyết Văn cho rằng: Hộ là nương nhờ, chữ viết từ bộ tâm Thanh cổ.

Vân ế ngược lại âm dưới y kế Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trời âm u mà có gió thổi, gọi là ế. Sách Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ nhật Thanh ế

****

- KINH BẤT TƯ THỦ Ý
- KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

(Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT TAM CHUYỂN PHÁP LUÂN

Tuệ Lâm soạn.

Kinh bà la mặc tư tiên nhơn âm nặc ngược lại âm nãn hiệt Tiếng Phạm.

****

KINH BÁT CHÁNH ĐẠO

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH NAN ĐỀ THÍCH - *Tuệ Lâm soạn.*

Toàn khả ngược lại âm trên toán loan sách quốc ngữ cho rằng: Toàn là cây dù đục xuyên qua vật. Cố Dã Vương cho rằng: là cây đục. Sách Tập Huấn cho rằng: đâm xuyên thủng vật. Thiết chi Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyên suốt qua chữ viết từ bộ kim Thanh toàn.

****

KINH MÃ HỮU TAM TƯỚNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH MÃ HỮU BÁT THÁI THÍ NHƠ - *Huyền ứng soạn.*

Xa linh lại viết chữ linh này ngược lại âm lực đình. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữa chiếc xe có thanh gỗ ngang. Tức gọi là xa linh tử.

Ma sa ngược lại âm diệp hà Theo Thanh loại cho rằng: Ma sa cũng giống như là sờ mó chà xác, bôi sơn, quét âm mạt ngược lại âm mạc hạt âm trâu ngược lại âm tô hạt

Hấp phệ ngươc lại âm Hý cập Quảng Nhã cho rằng: Hấp là uống vào, ngược lại âm dưới thời chế Phệ là cắn nhai thức ăn.

Bể đầu ngược lại âm phổ mể Sách Thuyết Văn cho rằng: trên đỉnh đầu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái đầu không ngay. Quảng Nhã cho rằng: cái đầu nghiên một bên.

- KINH TƯƠNG ƯNG TƯƠNG KHẢ
- KINH NGẠ QUỶ BÁO ỨNG
- KINH QUỶ VẤN MỤC LIÊN

(Ba kinh trên đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH TẠP TẠNG - *Huyền ứng soạn.*

Uẩn Tửu ngược lại âm ư vân uẩn là cất rượu ủ rượu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: men rượu. Quảng Nhã cho rằng: nấu ủ, gây men rượu

Tư thâu ngược lại âm tử ly Quảng Nhã cho rằng: tư là tiền của cải. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tư là tiền của tài sản. Sách Thuyết Văn cho rằng: khi có tội nhỏ bị phạt lấy tiền của đem đi chuộc tội. Đời nhà Hán luật lệ cho người dân được đem của cải tài sản mà chuộc tội. Mà quan đến lấy hết của cải tài sản là xung công quỷe là phải. Kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ tử là lường đo đong lúa mà đánh thuế. Tử chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH TẠP A HÀM - *Huyền ứng soạn.*

Tự trung văn cổ viết chữ tụ hai chữ tượng hình. Nay viết chữ tụ đều đồng, ngược lại âm tài cú Quảng Nhã cho rằng: chổ ở. Gọi là người tu lại một chỗ làm nơi cư trú.

Điền gia ngược lại âm đồ niên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Điền thổ đất điền. Sách Thuyết Văn cho rằng: bày ra trồng cây ngũ cốc, lúa nếp gọi là điền. Kinh văn viết chữ điền ngược lại âm đồ niên hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: điền trung Tá điền làm ruộng thuê. Xuân Thu truyện cho rằng: Nhân người làm ruộng thuê gọi là viên xa tức là cởi xe. Điền chẳng phải nghĩa đây dùng.

Cu đàm ngược lại âm Đồ Nam Trong kinh phần nhiều viết chữ cụ đàm này. Nói cho đúng gọi là kiều Đáp Ma. Đây là nhân tên của vị Tiên nhơn lấy làm họ.

Nghệ thắng ngược lại âm đồ đăng. Gọi là thông suốt nghĩa lý. Kinh văn viết chư đầu đăng là chẳng phải.

Thừa át trước còn thiếu chưa có âm.

Nhất khế ngược lại âm khổ tiết. Khế là giống như đưa lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm kéo dẫn dắt treo lên cao cũng là cân nhắc, cũng có nghĩa là đánh gõ.

Ưu muộn văn cổ viết chữ muộn cũng đồng ngươc lại âm mạc bổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền muộn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: buồn phiền, lo buồn cũng gọi là giận dữ.

Ưu não ngược lại âm nô đạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chỗ oán hận đao khổ. Nay những người phương nam có chữ oán hận nói là đại não. Nay đều viết chữ não.

Thĩ nạch. Nay lại viết chữ lệ Sách Thuyết Văn chữ lạc cũng đồng ngược lại âm thức chỉ. Gọi là mũi tên tẩm phẩn. Âm dưới viết chánh thể là chữ nạch nịu hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm nãi điếu Kinh văn viết chữ nạch là chữ giã tá.

Chúc vu viết đúng nghi là chữ vu cũng đồng ngược lại âm vũ câu vu là dụng cu như cái hủ, bình để chứa đồ vật.

Duyến nhi ngược lại âm Đồ ngoại duyến là vui vẻ, thấy xem trò vui. Lại như duyến làm hình tượng, gọi là xinh đẹp, một mật một đầu rộng to ra một đầu hẹp lại âm quyên ngược lại âm thang quả.

Duyên duyên trá trá ngược lại âm hứa duyên. Gọi là gia đạo chưa có thành ngược lại âm dưới các chữ đều đồng, ngược lại âm trang bạch. Trá là tiếng kêu tự nhiên.

Từ đây sắp về sau bốn quyển Huyền ứng dựa theo văn cổ âm kinh giải thích bắt nguồn từ mục lục, không có kinh. Đây lại còn tồn đọng mà không giữ lại.

****

KINH TRỊ THIỀN BỆNH BÍ YẾU - *Huyền ứng soạn.*
QUYỂN 1

Thu giai ngược lại âm tiên bất uyển quyển ngươc lại âm ư viễn ngược lại âm dưới khư nguyễn uyển uyển giống như cuộn vào quyện vác nhau, gọi là quyến luyến không rời.

Da diên lại viết chữ du cũng đồng ngược lại âm dư chu. Sách Phương ngôn cho rằng: du diên là con cuốn chiếu cũng gọi là nhập nhĩ.

KINH TRỊ THIỀN BỆNH BÍ YẾU
QUYỂN 2

Tàn mạc ngược lại âm vong các. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữa cơ bắp có màng mỏng Kinh văn viết chữ mạc là sai.

Thấu trịch ngược lại âm tha đậu thức lục hai âm. Thấu là giật mình kinh hãi. Xưa nước Tống Nam Sở Phàm tướng giật mình kinh hãi gọi là Thấu. Quảng Nhã cho rằng: Thấu là thiêu đốt.

Phiêu thư ngược lại âm tỳ diêu. Quảng Nhã cho rằng: bệnh ung thư đã thành lở loét. Bì Thương cho rằng: bệnh mục nhọt đã lở loét. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh nhọt lâu ngày thành ung thư.

KINH TRỊ THIỀN BỆNH BÍ YẾU
QUYỂN 3

Thụ khái ngược lại âm cổ lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: gốc rễ cây cỏ. Sách Phương ngôn cho rằng: đông tề gọi là gốc cây hẹ là khái.

Tiềm thực ngược lại âm tử lạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiềm là giữ gìn bảo vệ. Bì Thương cho rằng: cắn nhai thức ăn nghĩ là cùng với chữ sáp đồng sáp là uống huyết văn thông dụng cho rằng: Làm cho thức ăn vào trong miệng. Sách trang tử viết tiềm là con muỗi, mắt cắn chích ngoài da vậy.

Hoẳng nhiên ngược lại âm nhứt hoẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới sâu mà to lớn. Quảng Nhã cho rằng: Hoẳng là rất sâu. Sâu thăm thẩm.

Thác nãng xưa viết bày nãng cũng đồng ngược lại âm bổ giới. Gọi là cái ống dùng trong nhà Thởi cửa.

Kháng cốt lại viết chữ ngoan cũng đồng ngược lại âm dưới là đường Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khoáng là yết hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái cổ của người.

Đâu bà Hoặc là nói thâu sa. Hoặc gọi là Tháp bà nói cho đúng là Tốt Đổ Ba. Đây dịch là miếu thờ.

****

KINH TRỊ THIỀN BỆNH TẤT YẾU PHÁP - *Huyền ứng soạn.*

Si hưu ngược lại âm hứa ngưa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: si là loài chim quái dị. Người nước Xá vệ gọi một tên khác là quái dị Hưu Lưu. Ở Nam Dương gọi là câu cáp. Tự Lâm cho rằng: Loài diều hâu.

Yết kiết ngược lại âm ô cái. Tiếng Phạm nói yết kiến chi. Đây dịch là thây ma chết thành quỹ đứng dậy.

Thượng kiêu ngược lại âm kiết nhiêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cây cỏ mới mọc còn hoang sơ gọi là có loài chim Lưu Ly. Từ quan ải đến cửa tây gọi chim kêu là Lưu Ly tức là loài chim con chưa xa rời tổ, mà trở lại ăn thịt mẹ, còn gọi là loài chim bất hiếu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gọi là loài chim Thổ kiêu. Kinh văn viết chữ giao là chẳng phải.

Xứ tốt ngược lại âm tốt lợi Sách Thuyết Văn cho rằng: chân sưng thũng nên không đến Kinh văn viết chữ bể cùng với chữ bể cũng đồng ngược lại âm tỷ thi chữ bể chẳng phải nghĩa đây dùng. Sách Luận ngữ cho rằng: Đời vua Nghiêu Thuấn cho rằng: là giống như bệnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: bệnh khó trị.

Bốn quyển trên bắt đầu trong mục lục không có trong quyển này.

****

KINH TRỊ THIỀN BỆNH TẤT YẾU PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Như tích lịch ngược lại âm trên Thất mịch ngược lại âm dưới lô đích. Sách sử ký cho rằng: Tích lịch đó là động đến dương khí nên sấm sét thình lình. Cố Dã Vương cho rằng: tiến lôi chấn lớn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tiếng sét đánh thình lình xưa nay chánh tự đều viết từ bộ vũ đều thanh tích lịch kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ tích lịch là chẳng phải.

Nhủ trích trích ngược lại âm trên nhu chủ. Quảng Nhã cho rằng: sinh ra sữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: con người và con chim sanh ra con gọi là có sữa. Con thú gọi là sản sinh, chữ viết từ bộ phu đến bộ ất, chữ ất đó là Huyền điểu, ngược lại âm dưới là đinh lịch Sách Thuyết Văn cho rằng: từng giọt nước nhỏ xuống vật chữ viết từ bộ Thuỷ Thanh trích.

Mật trí ngược lại âm trên mân lung. Trịnh Huyền chú giải sách chu

Lễ rằng: Mật là dày đặt. Quảng Nhã cho rằng: yên tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ mật là an tịnh chữ viết từ bộ miên Thanh tất hoặc là viết chữ mật ngược lại âm dưới là trì lợi. Sách Khảo Thanh cho rằng: Mật trí đó là tấm vãi lụa trắng dày mịn. Xưa nay chánh tự viết từ bộ mịch ( )Thanh trí.

Kình nhủ chung ngược lại âm trên cạnh kinh. Quảng Nhã cho rằng: kình là nâng lên, đưa lên cao. Tự Thư cho rằng: chữ viết từ bộ cũng âm cũng là âm cũng cũng viết chữ kình. Lại viết chữ kình đều là chữ cổ. Sách Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ thủ Thanh kính. Kinh văn viết từ bộ mã viết thành chữ kinh là chẳng phải ngược lại âm dưới trác dụng. Quách Phác chú giải khu trung thiên tử truyện rằng: Trùng là chất sữa tiết ra. Nay người giang nam cũng gọi là sữa là Trùng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thuỷ Thanh Trung

Hàm Toàn ngược lại âm trên dương nhận Quảng Nhã cho rằng: Hàm là cây kim nhọn. Cố Dã Vương cho rằng: Hàm có chỗ gọi là sợi chĩ may áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: may vá chữ viết từ bộ kim Thanh Hàm âm xuyết ngược lại âm truy nhuệ ngược lại âm dưới là tổ quan. Sách Mạnh tử cho rằng: Toàn là cây dùi khoan xuyên qua lỗ hỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ gọi là xuyên qua vật chữ viết từ bộ kim Thanh toàn cũng có viết từ bộ đao viết thành chữ toàn cũng đồng âm.

Hành giã thấu âm trên là hạnh ngược lại âm dưới song tróc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thấu là uống vào. Sách Văn tự tập lược cho rằng: dùng miệng uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thấu là bú sữa, chữ viết từ bộ khiến Thanh thúc Kinh văn viết chữ kiếu là chẳng phải.

Đồng Nhiên ngược lại âm trên độc đông. Bì Thương cho rằng: Đồng là đốt lửa đỏ nóng cháy rực. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: Đồng rất khô ráo, sách Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ hoả Thanh đồng.

Nham ngạc ngược lại âm trên nha hàm. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: nham là hiểm trở. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nham là chỗ tích chứa nhiều đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: nham là bờ vách núi cheo leo, chữ viết từ bộ sơn Thanh nham. Kinh văn viết chữ nham tục dùng cũng thông dụng. Ngược lại âm ngũ các. Sách Nguỵ Đô phú nói rằng: Giống như núi Kham ngạc, âm kham ngược lại âm ngũ cảm.

Thô sáp ngược lại âm trên Thương Hồ ngược lại âm dưới sâm cấp, sách sở từ cho rằng: Lời nói ấp úng khó nói. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: sáp là khó nói. Quách Phác chú giải sách phương ngôn rằng: sáp là nói không hoạt bát, chữ viết từ bộ chỉ hai bộ đảo ngược, hai bộ thẳng. Kinh văn viết từ ba bộ chỉ viết thành chữ sáp là chẳng phải, âm

lận ngược lại âm lật chấn âm hoạt ngược lại âm hoàn bát.

Quán mạc ngược lại âm dưới mang bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục Thanh mục.

Hội hội ngược lại âm quá đối

Hầu lung ngược lại âm trên hầu cấu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là yết hầu, ngược lại âm dưới Lộc Hồng Quách Phác cho rằng: cổ họng, yết hầu xưa này chánh tự cho rằng: Hầu lung hai chữ đều từ bộ khẩu đều thanh hâu lung.

Phế du ngược lại âm dưới canh chu. Theo các phương sách rõ ràng trong Đường Đồ Phế du là chỉ cho tâm du là chỉ cho can. Du đó đều chỉ cây kim châm vào huyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ du từ bộ tập đến bộ chu đến bộ đao đao đó Thuyền đi rẽ nước âm tập ngược lại âm tử lập âm đao ngược lại âm cổ ngoại. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ phất du là chẳng phải.

Tự Uyển ngược lại âm dưới ô quan Bì Thương cho rằng: uyển là dùng dao khoét thịt. Quảng Nhã cho rằng: quyến cũng là uyễn. Sách Khảo Thanh cho rằng: uyển là khắc vót cho cong lại. Xưa nay chánh tự cho rằng: uyển là gọt vót, cắt trừ bỏ đi, chữ viết từ bộ đao Thanh uyển âm quyến ngược lại âm nhứt huyền.

Mã kha ngược lại âm dưới khả hà Quảng Nhã cho rằng: kha là đá ngọc. Bì Thương cho rằng: Mã não. Cố Dã Vương cho rằng: Thuộc loại bạch trắng giống như tuyết cho nên gọi là Anh Mã ứng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ ngọc Thanh kha âm Loa ngược lại âm Lỗ qua

Mai khôi ngược lại âm trên mỗi bôi ngược lại âm dưới cổ hồi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: loại ngọc quý, cũng là ngọc đá kém xấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: mai khôi là ngọc quí dùng lửa đốt nên trở thành bạt châu ngọc, hai chữ đều từ bộ ngọc đều thanh văn khôi.

Đam đam ngược lại âm Đàm lãm. Quảng Nhã cho rằng: đam là cho ăn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu Thanh đam. Theo Thanh loại cũng viết chữ đam âm cũng đồng. Kinh văn viết chữ cảm tục dùng thông dụng.

Luyến súc ngược lại âm trên luật viên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loan là bệnh. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là bệnh thân co rút cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật Thanh luyến ngược lại âm dưới sắc lục. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: súc là thâu ngắn ngại. Giã Qùy chú giải sách Quốc ngữ rằng: Là hết sạch, thối lui. Sách Thuyết Văn cho rằng: súc là loạn, chính là dẫn tới co rút chùn bước ngang dọc, chữ hội ý, chữ viết từ bộ mịch Thanh túc kinh văn viết chữ luyến súc

tục dùng thông dụng.

Lục khiếu ngược lại âm dưới xí điếu. Kinh Thái Huyền nói rằng: khiếu là lỗ trống rỗng, cũng là lổ hang. Theo chữ Lục Khiếu đó là chín lỗ. Trong mắt tai, mũi, các lổ là một, cho nên cũng nói thất khiếu xưa nay chánh tự viết từ bộ huyệt Thanh khiếu âm khiếu là âm điếu.

Phả kham ngược lại âm bĩ ma Tự Thư cho rằng: phả là không thể. Xưa nay chánh tự cho rằng: nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ khẩu ( )Thanh phương âm trên là phương ma ngược lại âm phả

Điểu chuỷ ngược lại âm tử luỷ Tự Thư cho rằng: chuỷ là mỏ của con chim. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Thử Thanh thứ. Theo Thanh loại hoặc là viết chữ chuỷ âm cũng đồng âm trên, âm thứ là âm kinh văn viết chữ chuỷ là chẳng phải.

Quả loã ngược lại âm trên qua hoả. Theo Sách Khảo Thanh cho rằng: quả là loại trái cây có nước thật. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam tử rằng: Trái cây giống như đã chín biến di thành khác đi là quả. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở trên cây gọi là quả thật, giống như hình trên cây ngược lại âm dưới Loa mã. Ưng Triệu chú giải sách Hán Thư rằng: Loại cỏ dây leo thật gọi là Loã. Sách Khảo Thanh cho rằng: Loã là loại dây leo, mọc dưới đất, nảy mầm sanh quả. Thuộc loại như dưa, bầu bí... xưa nay chánh tự cho rằng: bò dưới đất gọi là loã chữ viết từ bộ thảo Thanh qua chữ tượng hình giống như cái hột giống. Kinh văn viết từ bộ trảo viết thành chữ loã là sai, âm canh là âm canh âm man là âm vạn.

Ly giao ngược lại âm trên Lạt tri. Quảng Nhã cho rằng: Ly giao niên là keo dính vào, gọi là lấy nước khuấy làm hồ có chất keo dính. Xưa nay chánh tự cho rằng: có loại cây có chất keo dính vào vật, có thể dùng làm để bắt chim, nói là gọi cây Ly giao. Chữ viết từ bộ thử Thanh ly âm dưới là giao, kinh văn viết từ bộ mể viết thành chữ ly là chẳng phải âm niêm ngược lại âm nhiếp chiêm âm ly ngược lại âm lạt tri.

Si hưu ngược lại âm trên là sất chi ngược lại âm dưới hư lưu Trịnh Tiễn chú giải Mao thi truyện rằng: si là loài chim có tiếng kêu ghê sợ, ác thú. Theo chữ si hưu đó là loài chim quái dị. Ban ngày thì năm ban đêm thì bay đi ngoài đồng hoang. Thuộc loài chim cú mèo, chim kêu tu hú, diều hâu. To lớn như chim ưng, mắt đỏ lông màu sắc xanh đen. Xưa nay chánh tự cũng gọi là loài chim tu hú, diều hâu. Tức là giống cú mèo chữ hoặc là viết từ bộ Truy viết thành chữ si hưu chữ từ bộ điểu Thanh hưu kinh văn viết chữ Lưu tục dùng thông dụng.

Ca bại ngược lại âm dưới bài bác. Sách Tập Huấn cho rằng: bại

là Thanh tiếng phạm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thanh pháp sư. Sách Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ khẩu Thanh bối.

Tồn cứ ngược lại âm trên tồ côn Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Tồn là gom tụ lại, Sách Thuyết Văn cho rằng: tồn cũng giống như là cứ tức là ngồi xổn, chữ viết từ bộ túc Thanh tôn ngược lại âm dưới cư ngự. Sách Thuyết Văn cho rằng: cứ tức là tồn cũng là ngồi xổn, chữ viết từ bộ túc Thanh cứ.

Bát toát ngược lại âm trên bĩ loan. Sách Bát Nhã cho rằng: Là dùng tay nắm lấy vật khiến cho vật không rời ra được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ Thủ Thanh chuyên ngược lại âm dưới tổ vi. Ứng Triệu chú giải sách Hán Thư rằng: dùng ba ngón tay nắm lại hoặc là dùng hai ngón tay nắm co lại. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Thủ Thanh tối.

Đà thân ngược lại âm tha khả sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc Thanh tha âm Tha là âm Đà kinh văn viết từ bộ Thác viết thành chữ Đà là chẳng phải.

Ly niêu ngược lại âm trên là lực tri ngược lại âm dưới là mao.

Hề Thử âm trên là hề

Di hầu ngược lại âm trên mị ty âm dưới là hầu.

Hồ mị ngược lại âm dưới mi bí Hoặc là viết chữ mị

Hối Trùng ngược lại âm trên là Hồi Sách Khảo Thanh cho rằng: hối là trong bụng người có loài trùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Trùng Thanh hữu cũng viết chữ vưu kinh văn viết chữ hồi tục dùng thông dụng.

Buộn trần ngược lại âm trên bồn muộn.

Tảo quán ngược lại âm trên tao lão ngược lại âm dưới quan hoán chữ Thượng Thanh. Xưa nay chánh tự cho rằng: quán đó là cái chậu chứa nước rửa tay chữ viết từ bộ cửu bộ Thuỷ đến bộ mảnh gọi là quán chữ Hội ý. Kinh văn viết từ bộ Thuỷ Tục dùng thông dụng.

Ái kiết chi ngược lại âm trên ai cái. Tiếng Phạm tên tháy ma chết đứng dậy.

Hấp chư phong ngược lại âm trên hâm cấp Quảng Nhã cho rằng: hấp là uống vào. Cố Dã Vương cho rằng: hít thở vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: hít hơi thở vào bên trong, chữ viết từ bộ khẩu Thanh cập.

Suyễn tức ngược lại âm trên xuyên nhuyễn.

Đạm pha ngược lại âm trên đạm lam ngược lại âm dưới chứng bá Quảng Nhã cho rằng: phạ là yên tĩnh.

Như sĩ âm dưới là sử Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sử là chạy nhanh chữ viết từ bộ mã Thanh sử.

Cam giá ngược lại âm dưới chi dạ

Miêu duệ ngược lại âm dưới di tế sách văn tự tập lược cho rằng: Duệ là chỉ các bộ tộc vùng xa nơi biên giới. Sách Thượng Thư cho rằng: cái đức con cháu sau đời sau nối dõi. Sách Tập Húan cho rằng: đời sau con cháu đời sau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y Thanh duệ âm duệ ngược lại âm nữ hoạt.

Túc nhiếp ngược lại âm niêm tiệp Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là mang dày dép dẫm đạp lên, cũng gọi là bàn chân dưới đạp lên đôi giày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên chữ viết từ bộ túc Thanh nhiếp.

Hệ lịch ngược lại âm trên kinh hạt ngược lại âm dưới là lịch quỹ dùng tay đánh gõ xúc chạm vào người khiến cho tâm không định.

Đồi dịch ngược lại âm trên đối hồi ngược lại âm dưới Thính lịch. Trong Luận khởi tín nói đầy đủ rằng: có con quĩ trên đồi đất cao nên lo sợ làm ra tiếng này. Bởi vậy mà gọi là tên, thường lại não loạn người ngồi thờ người nhập định khiến cho tâm loạn động.

Khứu hương ngược lại âm Hư hộ Sách Thuyết Văn cho rằng: mũi chính là để ngửi mùi gọi là khứu, chữ viết từ bộ tỵ Thanh.

Bồ bặc âm trên là bổ ngược lại âm dưới bằng bắc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Khuỷu tay và chân cùng bò lê trên đất.

Điêu thức âm trên là điêu âm dưới là tựu văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Xà huỷ ngược lại âm dưới Huy quỹ

Bính Lạc ngược lại âm trên bách mãnh Tự Thư cho rằng: Bính là chạy tán loạn.

Sàng nhục ngược lại âm trên phục trang âm dưới là nhục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trải chiếu cỏ trên giường nằm. Xưa nay chánh tự cho rằng: người đến đầy đủ an tịnh là phải tự nghỉ ngơi.

Võng lượng ngược lại âm trên vong phương ngược lại âm dưới Lưỡng dưỡng.

Xa hưu thanh ngược lại âm hứa lưu tức loài chim Hưu Lưu, diều hâu, chữ trên văn trước đã giải thích đầy đầy đủ rồi.

Thổ kiêu điểu ngược lại âm hiểu nhiêu. Trịnh Tiển chú giải mao thi truyện rằng: kiêu là loài chim tội các. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ điểu trên đầu có bộ mộc văn trên đã giải thích đầy đủ rồi.

Khí miển sí âm giữa na hầu cun dưới thi chí Tiếng Phạm chữ trong câu chú.

Nhãn huyễn ngược lại âm dưới là huyền quyến là con mắt bị huyễn

hoặc không nhìn thấy rõ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhìn không thấy rõ. Xưa nay chánh tự viết từ bộ mục Thanh huyền.

Toạ xứ tỳ ngược lại âm dưới tất mị. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái chân bị tê liệt không có sức cử động. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật Thanh tỳ kinh văn viết chữ bệ là chẳng phải.

****

KINH XÁ ĐẦU GIẢN - *Huyền ứng soạn.*

Quyền do Lại viết chữ Huyên hoán hai chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm hô quán. Theo Thanh loại cho rằng: Huyên là kêu gọi to, văn thông dụng cho rằng: kêu to la lớn.

Long mục trông bổn thảo gọi là tên khác đó là ích trí. Loại cây rất lớn giống như cây cau mọc trong hang núi biển Nam Hải.

Lê chi ngược lại aam lực kế Loại cây đại thọ mọc bên sông Bàng Tử da của cây giống như mảnh lưới bao bọc cơ bắp, cũng giống như con heo to béo.

Hộc thấu ngược lại âm Hồ mộc âm dưới lại viết chữ tốc cũng đồng ngược lại âm hoa ốc. Gọi là cây tốc phác mọc trên núi.

Mật dương ngược lại âm tỏ doanh đồ dương hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy mạch nha hoà chung với bột mì gọi là dương tức là đường. Sách Phương ngôn cho rằng: phàm là kẹo mạch nha gọi chung là đường ngọt vậy.

Hài ngẩu ngược lại âm hồ giai ngược lại âm dưới ngô khẩu. Gọi là Hài hoà, đông đúc hợp lại, hợp đối xuôi theo, kinh văn viết giai ngẩu là chẳng phải thể chữ vậy.

****

KINH MA ĐĂNG GIÀ - *Huyền ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Nhân viện ngược lại âm ư thân. Gọi là nhân tức bà con bên nhà vợ, hoặc là mẹ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: người con gái đẹp gọi là viện. Quách Phác cho rằng: chỗ gọi là kết giao tốt với người con gái đẹp, cũng gọi là nương dựa vào nhau mà hổ trợ.

Tần xúc ngược lại âm đử lục. Gọi là bức bách thôi thúc, cau mày

cấp bách, cận kề xác bên. Kinh văn viết chữ xúc ngược lại âm mục lục chữ xúc nghĩa giẩm đạp lên chẳng phải nay dùng nghĩa này.

Bộc kỳ văn cổ viết bộc hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm bố hiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bộc là đốt lửa phát ra tiếng nổ, cũng gọi là da nức ra lửa bắn lên tung tóc.

Tài tệ văn cổ viết chữ tệ cũng đồng ngược lại âm bi chế Tệ là hàng hoá vải vóc. Tài chỗ gọi là tài sản chổ trao đổi mua bán các loại ngũ cốc cũng là hàng hoá,

****

KINH MA ĐĂNG GIÀ
QUYỂN TRUNG

Hy giam ngược lại âm lạt di ngược lại âm dưới cổ hàm.

Xa đam ngược lại âm trên thư giá âm dưới hoặc là viết chữ đam cũng đồng ngược lại âm đô hàm.

Giao ngư nay viết chữ giao cũng đồng, ngược lại âm cổ hào. Sách Thuyết Văn cho rằng: cá trong biển kinh Sơn Hải nói rằng: cá trong biển kinh sơn hải nói rằng: ở sông bành Thuỷ có rất nhiều cá mập. Quách Phác cho rằng: thuộc loại cá mập lớn, da cá có nhưng hạt châu, có vân mà cứng, cái đuôi dài ba bốn thước cuối cái đuôi có chất độc có thể cắn người, da cá có thể làm bao đựng kiếm đạo, làm đồ trang sức.

KINH MA ĐĂNG GIÀ
QUYỂN HẠ

Tập cái ngược lại âm thiên lập lấy cơ tranh lợp nhà gọi là tập Sách Thuyết Văn cho rằng: tập là cỏ tranh, lau sậy, lợp nhà che lại cũng gọi bù thêm vào sữa chữa nhà.

Đồng hoa văn cổ viết nãn hồ hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm đồ tông Sách Thuyết Văn cho rằng: đồ trang sức màu đỏ. Quảng Nhã cho rằng: đồng là màu đỏ.

Chức tổng ngược lại âm thư công văn thông dùng cho rằng: những đường kinh chỉ giảng làm lưới gọi là tổng.

Tữu nghiệt ngược lại âm ngư liệt Sách Thuyết Văn cho rằng: Nha

mể tức mọc mầm hạt gạo nức ra Thích danh cho rằng: mọc chồi non còn thiếu, giống như tưới nước rễ che lại hạt lúa mạch, khiến cho mọc mầm non, nứt ra mở ra còn khuyết.

Trập trùng ngược lại âm trì lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: tập loài côn trùng ẩn giấu, đến mùa đông tức ẩn trốn không xuất hiện, có loài thú lông thưa cạn cũng ẩn trốn như loài gấu. Bi tức gấu người... ẩn trốn vào mùa đông.

Ca trác ngược lại âm trắc ác.

Mạch chúc Lại viết chữ chúc cũng đồng, văn cổ viết chữ dục ngược lại âm chi lục. Sách Thuyết Văn cho rằng: chúc là cháo nát nhừ.

****

KINH MA ĐĂNG NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cái thực âm trên là cái Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái cũng giống như cầu xin. Lại cũng gọi là đi hành khăt. Gọi là người tiêu mất hết tài sản hết thì phải đi xin ăn vậy.

Nữ nhơn xưa nay là chữ nhơn.

Uỷ địa xưa là chữ địa tức là trên là Thiên sau đó là địa chỗ chế ra chữ.

Cổ đạo ngược lại âm trên cô ngũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lại âm là dã. Đỗ Dự chú giải tả truyện rằng: cổ cũng là giống như là mê hoặc. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nghi ngờ mê hoặc có tâm say đắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: có con quĩ tập trung lại phân khai ra, xé ra là cổ chữ viết từ bộ trùng đến bộ mảnh chữ hội ý.

Trịch nhữ ngược lại âm trình kích. Đúng là viết chứ trích Quảng Nhã cho rằng: trích là chấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là ném chữ viết từ bộ thủ Thanh trích kinh văn viết chữ từ bộ trịnh viết thành chữ trịch tục dùng thông dụng.

A Nan Tàm ngược lại âm dưới tạp cam. Giã Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Tàm là trong nhan sắc. Sách Thượng Thư cho rằng: chĩ có hổ thẹn mới thêm có đức tánh tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tàm là xấu hổ, chữ viết từ bộ tâm tục dùng cũng thông dụng.

Quốc Trung chữ quốc cổ

Ố lộ ngược lại âm trên ô cố Sách Khảo Thanh cho rằng: ố cũng giống như hiền nghi oát ghét. Sách chu dịch nói rằng: Thương ghét thường xen lẫn với nhau. Sách Lễ ký cho rằng: ố cũng giống như ngửi mùi hôi

thố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: không thấy xấu ác nơi người.

Chánh tâm xưa chữ đúng là thiên hậu chỗ chế ra chữ.

****

KINH MA ĐĂNG NỮ GIẢI THÍCH TRUNG LỤC SỰ

(Trong tạng lâu rồi chưa có âm)

****

KINH NGẠ QUỶ BÁO ỨNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Phã sa ngược lại âm bã ma âm ma ngược lại âm Ma khả tự thư cho rằng: phả là không thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu Thanh phương ngược lại âm dưới sở da. Quảng Nhã cho rằng: cho rằng: sa là sai lầm lẫn lộn.

Hạng ánh ngược lại âm trên học giáng ngược lại âm dưới anh dĩnh. Sách trang tử nói rằng: là bệnh có khối u lớn giống như ung thư vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: khối u của bệnh ung thư, cũng là khối u sưng nơi cổ, tức là bướu cổ chữ viết từ bộ tật Thanh anh cũng có viết từ bộ nhục viết thành chữ ánh là chẳng phải âm ung ngược lại âm ông cống âm ảnh ngược lại âm a mang.

****

KINH A NAN VẤN PHẬT SỰ KIẾT HUNG - *Huyền ứng soạn.*

Mong lung ngược lại âm mạc công ngược lại âm dưới Lô Hồng mong lung đó gọi là không hiểu rõ ràng, kinh văn viết chữ mong lung ngược lại âm lực dung chữ lung này chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH A NAN PHÂN BIỆT - *Huyền Ứng soạn.*

Bi Tử ngược lại âm Thất nhĩ âm dưới tư nhĩ văn thông dụng cho rằng: khó có thể nói ra lời, giọ là chỉ trích che bai. Kinh văn viết chữ tỳ là sai.

KINH NGỌC DA NGHI CẮT NHẬP - *Huyền Ứng soạn.*

Nhị phục văn viết chữ nhi cũng đồng, ngược lại âm vong nhĩ. Mao Thi truyện cho rằng: không thể quên ngừng nghĩ. Theo truyện cho rằng: Nhị là ngừng nghĩ nhị cũng là an tịnh.

Hân hân lại viết chữ hân cũng đồng, ngược lại âm ngư cân, ngưu nhai hai âm. Hân hân là tiếng chó sủa. Sách sở từ cho rằng: Loại chó dữ Hân Hân là ngước lên mà cắn vậy.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 55

Kinh âm Ngọc ta nữ một quyển Tuệ Lâm
Kinh Ngọ tà một quyển không
Kinh A Thấu Đạt một quyển Huyền ứng
Kinh Pháp Hải một quyển Huyền ứng
Kinh tội nghiệp báo ứng một quyển Huyền ứng
Kinh Long vương Huynh đệ một quyển Huyền ứng
Kinh Bát sư một quyển Tuệ Lâm
Kinh việt nan một quyển Tuệ Lâm
Kinh sở dục trí Hoạn một quyển Huyền ứng
Kinh A Xà thế ương vấn ngũ nghịch một quyển Tuệ Lâm
Kinh Xá Lợi Phất Mục Kiền Liên du tứ cù một quyển Tuệ Lâm.
Kinh ngũ Mẫu tử một quyển Tuệ Lâm
Kinh Sa di la một quyển Tuệ Lâm
Kinh Mãn nguyện tử một quyển Tuệ Lâm
Kinh Mạn pháp một quyển không
Kinh Ngũ khổ chương cú một quyển Tuệ Lâm
Kinh Hải hữu bát đức một quyển không
Kinh Tấn học một quyển Tuệ Lâm
Kinh Tịnh Phạn vương Niết bàn một quyển Tuệ Lâm
Kinh Tích trượng một quyển Tuệ Lâm
Kinh Lưu Ly vương một quyển Huyền ứng
Kinh Tam ma kiệt một quyển Huyền ứng
Kinh Bình sa vương ngũ nguyện một quyển Tuệ Lâm
Kinh bền cùng Lão ông một quyển Tuệ Lâm
Kinh Kiên ý một quyển Tuệ Lâm
Kinh Tu hành bổn khởi hai quyển Huyền ứng
Kinh Thái tử thuỵ ứng hai quyển Huyền ứng
Kinh nghiệp quá khứ hiện tại nhân quả bốn quyển Huyền ứng.

Kinh nại nữ kỳ vực một quyển Huyền ứng
Kinh Tứ thập nhị chương một quyển Huyền ứng
Kinh Trưởng giả âm duyệt một quyển Tuệ Lâm
Kinh Thất nữ một quyển Huyền ứng
Kinh Thiền bí yếu ba quyển Tuệ Lâm
Kinh sanh năm quyển Huyền ứng
Kinh nghĩa túc hai quyển Huyền ứng

Bên phải là ba mươi lăm kinh bốn mươi sáu quyển đồng âm với quyển nầy.

KINH NGỌC DA NỮ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cô công ngược lại âm dưới chúc dung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: anh của chồng gọi là công Quách phác chú giải rằng: nay tục gọi là là anh đó đồng chuyển ngữ. Sách Khảo Thanh phương ngôn cho rằng: nay trong mở ra cha của chồng là công Ngọc thiên nói rằng: Hoặc gọi là công chú cũng đồng âm.

Trượng truỳ ngược lại âm dưới truy uỷ. Cố Dã Vương cho rằng: Truỳ là lấy cây gậy mà gõ. Sách quốc ngữ cho răng: đánh bằng chày, chữ viết từ bộ Thủ Thanh thuỳ âm trích ngược lại âm tri cách hoặc là viết từ bộ cữu viết thành chữ truỳ.

Phu tế ngược lại âm dưới thê kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chồng của em gái gọi là tế sách nghĩ lễ cho rằng: tế là chồng của em vợ cũng là người kéo xe cho vua. Sách Khảo Thanh cho rằng: tế là chồng của em gái. Xưa nay chánh tự viết từ bộ sĩ Thanh tế hoặc là viết từ bộ nữ viết thành chữ tế.

Hân hân đấu tranh hai âm trên là ngư cân sách sở từ cho rằng: Loại cho chữ Hân hân ngược lên mà cắn, Cố Dã Vương cho rằng: hân hân là tiếng chó sủa. Sách Khảo Thanh cho rằng: hai con chó tranh với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai con chó căn xé với nhau, chữ viết từ bộ khuyển hoặc là từ bộ ngôn viết thành chữ hân cũng có viết từ bộ cân viết thành chữ hân giải thích nghĩa đều thông. Ấm kế là đâu hầu Thiên Thương Hiệt cho rằng: đấu đó là binh tướng câu kết cung kích, chiến đấu với nhau. Văn tự điển nói rằng: Hai bên tướng sĩ đối binh khí rồi sau đó đấu tranh với nhau, hình chữ viết bộ xích bộ khí chữ hội ý, ngược lại âm dưới đẳng kích Sách Khảo Thanh cho rằng: tranh luận với nhau.

Đạt sấn âm trên là đạt ngược lại âm dưới trắc cận Theo chữ đạt sấn đó nay gọi là tăng tàng.

****

KINH NGỌC DA

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH A THẤU ĐẠT - *Huyền Ứng soạn*

A Thấu trụ văn viết chữ thấu văn cổ viết chữ thấu nay viết chữ tốc cũng đồng, ngược lại âm tảng lộc từ ngữ tên của người.

****

KINH PHÁP HẢI

(Không có chữ có thể giải thích âm)

****

KINH TỘI NGHIỆP BÁO ỨNG GIÁC HÓA ĐỊA NGỤC

Huyền Ứng soạn.

Tỏa đối ngược lại âm thủ ngoạ theo Mao Thi Truyện cho rằng: tỏa giống như cây đã chặt ngang đầu trên ngọn, không thể mọc lên được, như cây cau đã đoạn ngang đầu. Theo truyên cho rằng: toả là thấp lùn, gọi là cây cỏ đã chặt ngang đọt, lấy ngọn cỏ đó mà nuôi ngựa, kinh văn viết chữ toả Sách Thuyết Văn cho rằng: chém chặt bị trọng thương.

Ngoan tốt nay viết chữ tê cũng đồng ngược lại âm tất mị. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy hơi không thông cho nên trong bị đau nhức. Kinh văn viết chữ tê ngược lại âm tỳ lợi Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh thấp khớp chẳng phải nghĩa đây dùng, bệnh tê liệt không thể đi được.

Đướng ói ngược lại âm đồ lang ngược lại âm dưới ô hồi văn thông dụng nói rằng: lửa cháy hết còn lại tro gọi là đường ói cũng là đường nghĩa là nướng lụi bỏ vào lửa than để đun chín. Quảng Nhã cho rằng: ói là làm cho ấm, âm lộc ngược lại âm ô đao âm ôn ngược lại âm ư vân.

Xạ khoa lại viết chư quá cũng đồng ngược lại âm khẩu hoà Tự Thư cho rằng: khoa là cái ổ trong hang hốc cũng gọi là hang động của thú vật, nay dùng nghĩa này.

Huyên thăng ngược lại âm hứa yêu Huyên cũng giống như nói rổng không. Huyên cũng là ồn ào huyên náo.

Tuần đại ngược lại âm tợ quân. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuần hành đi dọc theo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tuần tự. Quách Phãc cho rằng: tự cũng giống như là đi theo. Theo đây cũng cùng với chữ tuần cũng đồng.

Cúc giáp ngược lại âm cự lục Theo chữ cúc đó nghĩa là tụ hợp gom lại chữ viết đúng nghi là chữ cúc văn thông dụng cho rằng: Thân thể không có thẳng goi là cúc.

****

KINH LONG VƯƠNG HUYNH ĐỆ - *Huyền Ứng soạn*

Nhĩ tế ngược lại âm tử lệ Quảng Nhã cho rằng: tế là vùng ven nơi phương xa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tế là ném nơi xa xôi cũng gọi là tiếp tục cùng nhau, cũng là chỗ bờ ruộng.

Nãi Thần ngược lại âm nô cải Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãi là vừa mới xong Quách Phác cho rằng: chữ nãi tức là chữ nãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: vừa mới đến. Theo Thanh loại cho rằng: nãi là đến kịp.

****

KINH PHẬT THUYẾT BÁT SƯ - *Tuệ Lâm soạn.*

Uông dương ngược lại âm tren ô hoàng Tục hán thư cho rằng: đất gặp gềnh vạn dặm mênh mông. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: uông là ao nước đầy. Vương dật chú giải sách sở từ rằng: uông dương là nước mênh mông. Quảng Nhã cho rằng: rất nhiều. Sách văn tự điển nói rằng: uông là ao nước rất sâu và rộng, chữ viết từ bộ thuỷ thanh vương (0 ngược lại âm dưới dược chương. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: khương là nhiều dồi dào bao la. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tốt đẹp mỹ mãn, tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thuỷ thanh dương tự thư viết chữ dương âm giải thích cũng đồng.

Bàng lượt (0 ngược lại âm tren bạch mang Thiên Thương Hiệt ghi

rằng: Bàng lượt làđoạt lấy, văn tự tập lược cho rằng: Tra khảo đánh bằng roi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ Thanh bàng ngược lại âm dưới Lương Thương Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lượt là đoạt lấy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: chiếm đoạt các uông đất nắm giữ người cai trị. Xưa nay chánh tự viết từ bộ Thủy đến bộ lượng Thanh tĩnh.

Khứu tinh ngược lại âm trên xương chú. Sách nguyệt linh cho rằng: ngữu mùi thịt sống tanh. Cố Dã Vương cho rằng: Tên chung của vật có mùi tanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: phàm cho déo chó nói đuổi theo loài cầm thú lấy mũi ngữu mùi màbiết dấu tích của loài cầm thú, cho nên chữ viết từ bộ khuyển đến bộ tư chữ hội ý, cũng từ bộ ngạc là âm ngan, ngược lại âm dưới là tinh Khổng An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: tinh là mùi hôi tanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó ngữu biết mùi thịt tanh, chữ viết từ bộ nhục Thanh sanh kinh văn viết chữ tinh này cũng thông dụng.

Mông mông ngược lại âm mộc hồng Theo Mao Thi Truyện cho rằng: con mắt có con ngươi mà không nhìn thấy gọi là mong Sách Thuyết Văn cho rằng: mông mông là không thấy rõ, chữ viết từ bộ mục Thanh mông.

Diện trứu ngược lại âm tráu sưu Sách Khảo Thanh cho rằng: trứu là da tụ lại, tức da nhăn, chữ viết từ bộ bì Thanh sơ, âm sô ngược lại âm sổ câu kinh văn viết cữh trứu tục dùng cũng thông dụng.

Toan đông ngược lại âm trên toán loan. Sách Hoài Nam tử nói rằng: vua không cần lo nghĩ đến bệnh đau nhức chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: toan cũng là đông cũng là bệnh đau nhức, chữ viết từ bộ tật Thanh toan âm quyên ngược lại âm nhứt huyền âm toan ngược lại âm thiên tuấn ngược lại âm dưới Động Hồng. Quảng Nhã cho rằng: Đông làđau nhức. Thích Danh cho rằng: Đông là bệnh tê liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật Thanh đông Tự Thư cũng viết chữ đông. Lại viết chữ đông giải thích đều đồng nhau. Kinh văn viết chữ toan là âm thuyên chẳng phải nghĩa kinh âm tê ngược lại âm tất lợi.

Vĩ diệp ngược lại âm trên vì quỳ Xưa nay chánh tự cho rằng: Màu sắc đỏ rực. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: màu đỏ rực rở ngược lại âm dưới là chiểm kiếp Quảng Nhã cho rằng: diệp cũng là áng sáng rực rở. Quách Phách chú giải sách phương ngôn rằng: cũng rực sáng loè loẹt. Sách Thuyết Văn cho rằng: sấm chớp các tia lửa điện bắn ra. Hai chữ đều từ bộ hoả đều thanh vĩ diệp âm diệp đồng với âm trên, kinh văn viết vĩ hoa Tục dùng thông dụng.

KINH VIỆT NAN - *Tuệ Lâm soạn.*

Khiên phác ngược lại ẩm trên cật nghiên Quảng Nhã cho rằng: khiên cũng giống như tội lội kéo dắt dẫn cũng gọi là liên kết với nhau. Cố Dã Vương cho rằng: khiên cũng là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn ra tới phía trước, chữ viết từ bộ ngưu giống như năm dẫn con trâu, con cừu, chữ viết từ bộ ngưu Thanh Huyền chữ chuyển chú ngược lại âm dưới bàng mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: phác cũng gọi là ném xuống đất.

Sang thống ngược lại âm trên sở sương (0. sách Lễ ky cho rằng: trên đầu có vết thương thì phải gội cho sạch. Xưa nay chánh tự cho rằng: sang là vết thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đau thanh sang Kinh văn viết chữ sang tục dùng thông dụng.

****

KINH SỞ DỤC TRÍ HOẠN - *Huyền Ứng soạn.*

Tài hối ngược lại âm Hồ ôi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiền của tài sản. Theo tả truyên cho rằng: Hối là cho nhiều tiền của cải, là người chú biếu tặng cho người. Gọi là cùng với người nói cho tài sản.

Phá ô ngược lại âm ô cổ Lâm Tự cho rằng: ô là Thành nhỏ văn thông dụng cho rằng: Dinh Thự chổ ở gọi là ô chữ viết từ bộ phụ.

Phất uất ngược lại âm phù vật Tự Lâm cho rằng: Phất uất là trong lòng không yên.

Chiến Hựu thể chữ viết là chữ chiến Lại viết chữ chiến cũng đồng ngược lại âm chi kiến âm dưới lại viết chữ cữu cũng đồng ngược lại âm hữu lưu Sách Thuyết Văn cho rằng: chiến hựu là run lập cập không định được.

****

KINH A XÀ THẾ VƯƠNG VẤN NGŨ NGHỊCH

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH XÁ LỢI PHẤT MỤC KIỀN LIÊN DU TỨ CÙ

Tuệ Lâm soạn.

Nguy nguy ngược lại âm nguỵ quy. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: nguy nguy là lớn ngất ngưỡng, sách Văn tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ nguy Thanh uỷ âm nguy ngược lại âm nguy uỷ.

Lưu phiếm ngược lại âm dưới phù phạm. Giã Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: phiếm là nổi trên mặt nước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phiếm là trôi nổi bồng bềnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: không có chỉ định. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thuỷ Thanh phạt.

****

KINH NGŨ MẪU TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Khãng khái ngược lại âm trên khang lãng âm dưới khai cải Sách Khảo Thanh cho rằng: khãng khái đó là chí khí không bình thường, cũng gọi là than khổ oán trách, Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: khãng khái đó là trong lòng sân hận tâm thiết tước bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khãng khái hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh khang ký Kinh văn viết chữ khanh khí. Lại viết chữ khanh khí tục dùng cũng thông dụng.

****

KINH SA DI LA - *Tuệ Lâm soạn.*

Kỳ hành nhuyễn động âm trên là kỳ sách chu thư cho rằng: kỳ đi thở hổn hển. Sách văn tự điển nói rằng: kỳ là loại côn trùng biết bò đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng Thanh kỳ âm nhuyễn ngược lại âm như chuẩn. Sách Hoài Nam tử nói rằng: là loại côn trùng bò lút nhút. Sách Trang tử nói rằng: nhuyễn là loài côn trùng nhỏ bé, Tư Mã Bưu chú giải rằng: Nhuyễn cũng là động Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng Thanh nhuyễn âm nhuyễn ngược lại âm nhi duyễn.

****

KINH PHẬT THUYẾT MÃN NGUYỆN TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phân nậu ngược lại âm trên là bút mân âm dưới nông mộc Tiếng phạm.

Tín hoạt ngược lại âm trên thê tế đúng là từ bộ tín kinh văn viết từ bộ điền viết thành chữ tế tục dùng thông dụng, âm tín là âm tín ngược lại âm dưới là Hoàn bát Quảng Nhã cho rằng: hoạt là thấu suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: lanh lợi, chữ viết từ bộ thuỷ Thanh cớt.

****

KINH MẠN PHÁP

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH PHẬT THUYẾT NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tổn sưu ngược lại âm trên tôn bổn đúng là chữ tổn chữ viết từ bộ thủ đến bộ viên ngược lại âm dưới sưu cứu Theo Thanh loại cho rằng: sưu là bệnh gầy ốm. Sách Khảo Thanh cho rằng: ốm yếu mệt mõi, sách Văn tự điển nói rằng: Sưu là ốm yếu, gầy gò, chữ viết từ bộ tật Thanh sưu âm tích ngược lại âm tình diệc âm tiên ngược lại âm sanh tiên âm sưu viết là chữ sưu này. Kinh văn viết chữ sưu này là chẳng phải.

Duyên Thạch ngược lại âm trên duyết duyên. Bì Thương cho rằng: duyên là gạch ngói nung. Sách Khảo Thanh cho rằng: một loại gạch nung. Xư nay chánh tự viết từ bộ ngoã Thanh duyên âm tích ngược lại âm Bình Mịch âm lộc là âm lộc kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ duyên tục dùng cũng thông dụng.

Tự miếu ngược lại âm manh biểu sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái nhà có chái đông và tây gọi là miếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phàm trước cung gọi là miếu, sau gọi là tẩm. Sách Thương Thư Đại truyên nói rằng: là cái miếu thờ. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tên thờ các vị tổ tiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm Thanh triêu chữ hội ý. Kinh văn viết chữ Miếu là chẳng phải âm biểu ngược lại âm bút miếu.

Hội địa âm trên là khôi Bì Thương cho rằng: Hôi là loại heo dùng mũi đào đào đất bắt lấy côn trùng, gọi là Hôi xưa nay chánh tự viết từ

bộ trùng Thanh thĩ âm khẩn ngược lại âm khẳng ngận.

Ban hệ ngược lại âm trên là bát mạn. Hán thư cho rằng: bạn là có một sợ dây ràng buộc về nhân nghĩa gọi là bạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạn giống như ràng buộc hai cái chân lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: trói buộc con ngựa, âm trấp ngược lại âm trảm lập chữ trấp cùng với chữ hệ đồng nghĩa âm hệ ngược lại âm kê nghê.

Thôi táo ngược lại âm trên thối lôi Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thôi đẩy ra bỏ đi. Cố Dã Vương cho rằng: từ phía sau mà kéo ra phía trước gọi là thôi Xưa nay chánh tự cho rằng: cũng gọi là xô đẩy ra, chữ viết từ bộ thủ Thanh truy ngược lại âm dưới là tô Táo. Sách chu dịch nói rằng: Lửa chính là làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Táo là làm cho khô chữ viết từ bộ hỏa Thanh táo âm táo ngược lại âm Tô đáo Kinh văn viết chữ tham là chẳng phải.

Cư thấp ngược lại âm trên cữ ngư ngược lại âm dưới thâm nhập. Cố Dã Vương cho rằng: thấp cũng giống như là thấp ước. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm u ẩm thấp, chữ viết từ bộ thuỷ đến bộ nhứt nhứt tức là che. Trên bị che mà lại có nước gọi là thấp chữ viết từ bộ thấp. Thanh Tĩnh dữ chuyển lúc. Kinh văn viết chữ Thấp tục dùng là chẳng phải.

Ẩu lũ (0 ngược lại âm trên ô cư Quảng Nhã cho rằng: ẩu là làm cho cong lại Cố Dã Vương cho rằng: ẩu là thân càng ngày cong lại khom lưng xuống cong kính có thêm lợi ích. Sách Thuyết Văn cho rằng: người gù lưng chữ viết từ bộ nhơn Thanh ẩu ngược lại âm dưới là rong nhũ Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: Lũ là trên lưng có cục gù. Sách Thuyết Văn cho rằng: thân cúi xuống tức là ẩu lũ là cong lại xưa nay chánh tự viết từ bộ nhơn Thanh Lũ Kinh văn viết chữ lũ tục dùng thông dụng.

Phu chất ngược lại âm trên bổ vô âm bộ. Theo công dương chuyện cho rằng: Không nhẫn nhịn được cộng thêm tính chất dao búa gọi là hình phạt. Hà Hưu chú giải rằng: hình phạt chém đầu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phu là cái búa lớn. Sách Lễ ký cho rằng: trong quân lũ dùng búa là trảm trước rồi sau đó mới tâu lên vua, vì quá phẩn nộ. Lại nữa các chư hầu tặng cho cái búa là sau này dùng để giết. Xưa nay chánh tự viết từ bộ kim Thanh phu ngược lại âm dưới chân lật

Thủ trách ngược lại âm hiểu nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thủ tức là chữ thủ này đảo ngược lại. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: đoạn đầu treo ngược tức là chữ thủ ngược lại âm dưới trấc cách Quảng Nhã cho rằng: trách cũng giống như là căng ra. Sách sử ký cho rằng: trách chết giữa chợ. Sách Thuyết Văn từ bộ Thạch Thanh kiệt âm kiệt ngược lại âm trác liệt kinh văn viết kiêu khâm là chẳng phải.

Bá tích ngược lại âm trên bổ ngã ngược lại âm dưới tất mịch Tích gọi là gông cùm cái chân không thể đi được. Xưa nay chánh tự cho rằng: bị què chân, chữ viết từ bộ túc Thanh tốt.

****

KINH HẢI HỮU BÁT ĐỨC

(Không có chữ có thể giải thích.)

****

KINH PHẬT THUYẾT TẤN HỌC - *Tuệ Lâm soạn.*

Lận nghịch ngược lại âm trên lực nhẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: lận là tiếc. Tự Thư cho rằng: Tham. Xưa nay chánh tự cho rằng: lận là keo kiệt, chữ viết từ bộ tâm Thanh lận âm lận đồng với âm trên.

Tẩy trạc ngược lại âm trên Tây Lễ ngược lại âm dưới tràng giác. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trạc cũng là giống như địch lại gọi là chổ cứu nhiệt. Quảng Nhã cho rằng: tẩy rửa. Cố Dã Vương cho rằng: Tắm gội. Sách Thuyết Văn cho rằng: trạc là tẩy rửa chữ viết từ bộ thuỷ Thanh trạc âm tràng ngược lại âm độc giang âm cán ngược lại âm hoản trạc đồng với âm trên.

****

KINH PHẬT THUYẾT TỊNH PHẠN VƯƠNG NIẾT BÀN

Tuệ Lâm soạn.

Vỹ vỹ ngược lại âm vi quĩ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vĩ vĩ là màu sắc đỏ rực. Xưa nay chánh tự cho rằng: ánh lửa cháy rực sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng chói, chữ viết từ bộ hoả Thanh vĩ.

Phiền táo ngược lại âm dưới tao đáo. Giả Quỳ chú giải sách quốc ngữ rằng: Táo là quấy nhiễu, Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không yên tịnh. Cố Dã Vương cho rằng: Táo cũng giống như là động. Sách Ích pháp cho rằng: ưa thích biến động, người dân gọi là táo xưa nay chánh tự viết từ bộ túc Thanh Táo âm táo ngược lại âm tiên táo.

Buộn giã ngược lại âm trên bồn muộn văn thông dụng cho rằng: đi dạo bụi trần bám vào gọi là buộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộn

là bụi trần chữ viết từ bộ Thổ thanh phần hoặc là viết chữ buộn cũng đồng.

Tông bạt ngược lại âm trên tổng công Sách Khảo Thanh cho rằng: túm lấy nắm bắt lấy văn tự lược cho rằng: nắm bắt cùng nhau dẫn dắt kéo ra trọn mắt, văn thông dụng cho rằng:nắm lấy đầu gọi là tông chữ viết từ bộ thủ đến bộ tông âm tông là âm tông. Ngược lại âm dưới là bài bạt sách chu dịch cho rằng: bạt là nhỏ cỏ mao kết lại lợp nhà. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thủ Thanh bạt âm bạt ngược lại âm bổ mạt.

Mục hiệp ngược lại âm dưới tiên diệp. Sách sữ ký cho rằng: con mắt thấy sợi lông nhỏ mà không thấy lông trên mí mắt. Sách Khảo Thanh cho rằng: hiệp là lông trên mí mắt. Sách chu lễ cho rằng: con mắt không có nhắm lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục Thanh hiệp Kinh văn viết chữ tiệp tục dùng cũng thông dụng.

****

KINH ĐẮC ĐẠO THÊ ĐĂNG TÍCH TRƯỢNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Thiên đản ngược lại âm trên thất miên ngược lại âm dưới đạt thã sách Nhĩ Nhã cho rằng:thịt trên vai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y Thanh thả âm tích là âm tích.

Phu diễn ngược lại âm trên phủ vô Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phu là trãi chiếu. Lại giống như thư thả. Theo Hàn thi ngoại truyện cho rằng: To lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phu tán rãi ra, bày ra, chữ viết từ bộ phộc Thanh bổ âm bổ là âm bổ âm phộc ngược lại âm phổ bốc ngược lại âm dưới điên điển Sách Khảo Thanh cho rằng: diễn cũng giống như rộng lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thuỷ Thanh dần dần đúng là chữ dần.

Tĩnh dã ngược lại âm tinh đĩnh. Sách quốc ngữ cho rằng: khi say mà phẩn nộ đến lúc tỉnh dậy vui mừng. Cố Dã Vương cho rằng: trừ bỏ cái say gọi là tỉnh xưa nay chánh tự viết từ bộ dậu Thanh tỉnh.

****

KINH LƯU LY VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Lâu do tên của vị lực sĩ. Đây gọi là thọ nhận hoặc nói là muốn.

Sản túc lại viết chữ sản cũng đồng ngược lại âm sơ giãn Quảng

Nhã cho rằng: sản san bằng, diệt cắt bỏ đi. Theo Thanh loại cho rằng: san bằng.

Di diệt ngược lại âm dư chi Theo tả truyên cho rằng: trừ bỏ đi. Đổ Dự cho rằng: di là giết chết cũng gọi là huỷ bỏ. Quảng Nhã cho rằng: di là tiêu diệt.

Hiến tướng ngược lại âm hư nghiệp. Sách Phương ngôn cho rằng: hiếp là buồn giận sợ sệt. Gọi là lấy uy lực dọa nạt làm cho sợ sệt. Quách Phác âm Hồ bức. Quảng Nhã cho rằng: khiếp sợ. Công dương truyện cho rằng: Hiếp thuộc con tề Lưu triệu cho rằng: Hiếp là sợ hãi bức bách. Nay điều viết chữ hiếp.

Tấn mai ngược lại âm mạc giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: mai là đi xa. Quảng Nhã cho rằng: đến nơi.

Hao uế ngược lại âm thổ đao. Gọi là Tham tài sản tiền của gọi là Thao. Tham ăn gọi là san theo chữ thao cũng gọi là tham lời nói rất thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tục viết chữ thao.

Lư trướng ngược lại âm lực chư cái bụng phía trước gọi là lư. Lại nói rằng chổ là nuôi dưỡng trái tim. Lư cũng là chữ lư âm dưới lại viết chữ ngận cũng đồng ngược lại âm chư lượng. Gọi là trong bụng súng căng, đầy hơi.

Phúng tặng ngược lại âm phu phụng đồ vật tặng cho người chết, như là xe ngựa gọi là phúng. Sách tiểu nhã cho rằng: biếu tặng cho người chết gọi là phúng. Bạch Hổ Thông cho rằng: phúng cũng nói là phó chỗ gọi tương phó nghĩa là hộ trợ nhau, ngược lại âm dưới là tại đăng vui chơi tốt đẹp gọi là tặng chỗ gọi người sống là trợ giúp cho người chết, để đền đáp ơn nặng lúc lâm chung. Tặng là đưa đi biếu cho tăng thôn.

Hiệu triệu ngược lại âm đồ Lao Hiệu triệu là khóc lớn tiếng. Gọi phác là trước khóc lớn mà sau đó lại cười.

Ế nhập văn cổ viết chữ ế này cũng đồng ngược lại âm ư kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ế là chết mất. Sách Thượng Thư cho rằng: chết vì đao kiếm binh khí. Khổng An Quốc cho rằng: bị giết chết, cũng gọi là cùng tận hết sạch. Sách âm nghĩa hán thư cho rằng: chỉ một phát mà chết gọi là ế.

Khái khô ngược lại âm cỏ lai Sách Phương ngôn cho rằng: đông tề gọi là gốc rễ cây cỏ gọi là khái. Sách Thuyết Văn cho rằng: gốc rễ cây cỏ.

Thương tệ văn cổ viết chữ tệ hai chữ tượng hình. Nay viết chữ tệ cũng đồng ngược lại âm bi thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: tệ là làm việc xấu, đốn ngã, cũng gọi là đoạn lìa.

Kiêu dũng ngược lại âm cổ nhiêu Quảng Nhã cho rằng: kêu là con ngựa hay ngựa khỏe cũng gọi là dũng mãnh, mạnh mẽ chạy mau. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên tốt đẹp là tuấn mã kinh văn viết chữ giao ngược lại âm cổ hào. Mục giao nghĩa là không bằng, giao chẳng phải nghĩa đây dùng âm điếu ngược lại âm ô điếu.

Truỳ cáng ngược lại âm giang kỳ cây gậy trúc Quảng Nhã cho rằng: vua chống cây gậy cao chín nhẫn mười hai lưu đến đất. Kinh văn viết chữ hỏ là sai.

Hiển nhiếp lại viết chữ hiển cũng đồng ngược lại âm hồ kiến theo tả truyện cho rằng: bảy trăm chiếc xa phủ khắp buộc vải lụa, hoặc là da buộc vào thân hoặc là buộc vào cổ. Đổ Dự chú giải rằng: buộc trên lưng gọi là hiển buộc ngực gọi là dẫn buộc cổ gọi là ương buộc vào chân gọi là bạn ngược lại âm dưới nhiếp ngược lại âm chi thiệp (0.

Đái luỵ lại viết chữ huyền cũng đồng ngược lại âm hỏa kiến Thắc lưng buộc dưới nách đó thích danh cho rằng: là luỵ buộc ngang lưng kinh văn giải thích rằng: buộc ngang dưới bụng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mở sợi dây đại buộc ngay dưới bụng con ngựa.

Xạ nhĩ ngược lại âm như chí Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hạt châu đeo nơi tai. Hạt trân châu đeo nơi tai rũ xuống. Sách sở từ cho rằng: nắm kéo dài ra chui kiếm. Có hạt ngọc đeo tai, Vương Dật cho rằng: Hoa tai đeo nơi thanh kiếm âm đàm ngược lại âm dư kham Theo Thanh loại cho rằng: khẩu kiến.

Mao tiệp lại viết chữ hiệp này cũng đồng ngược lại tử diệp Sách Thuyết Văn cho rằng: Lông mi bên mí mắt.

Bố hãi ngược lại âm hồ ngai Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hãi là kinh sợ. Quảng Nhã cho rằng: hoãng sợ bỏ chạy

Khắc tiệp ngược lại âm thứ liệp Theo Mao Thi Truyện cho rằng: từ tháng giêng tới tháng ba là đi săn. Theo truyện cho rằng: tiệp là thắng hơn, cũng gọi là thu hoạch. Trong quân đánh thắng gọi là tiệp.

Bất tử lại viết chữ tử cũng đồng ngược lại âm ngược lại âm tử di. Tử là đong lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: suy nghĩ cân nhắc đo lường gọi là tử. Tử cũng gọi là suy nghĩ.

Vi nhiên lại viết cũng đồng ngược lại âm khẩu quí khẩu quái hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tính thở dài. Sách Luận ngữ vận uyên cho rằng: vị nhiên là tiếng than thở nào được yên ổn gọi là vị gọi là tiếng than

Cách thượng ngược lại âm da ngạch cách là ô tạo bởi đường dọc và ngang cũng gọi là khuôn phép kiểu dáng.

KINH PHẬT THUYẾT TAM MÃ KIỆT - *Tuệ Lâm soạn.*

Thiết diệp ngược lại âm trên Thiên kiết Sách Thuyết Văn cho rằng: loại lồng đèn, chữ viết từ bộ kim Thanh thiết âm thiết là âm trật. Kinh văn viết từ bộ truy viết thành chữ thiết tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới diêm tiếp. Ngoại đạo tà kiến cho rằng: ta trong bụng có trí Huệ đầy bụng, e rằng điều này giống như trong bồn chậu tràn ra loại đồng đen, trong bụng chứa toàn đồng chì đen khi Thường xuất gọi cái bụng lao nhọc tất là như vậy.

Phân đề ngược lại âm bút bần ngược lại âm dưới đinh hề. Tiếng Phạm Tên của đại tướng giã. Ở nước Xá vệ.

Kiêu thú ngược lại âm trên hiểu nhiêu Trịnh tiển chú giải Mao thi truyện rằng: kiêu là con chim có tiếng kêu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài chim ở tổ trên cây, chữ hội ý, âm dưới chữ đúng thể là thú.

Phùng lũ ngược lại âm trên phù mong. Sách Chu lễ cho rằng: người con gái điều khiển việc cắt may vá. Sách Thuyết Văn cho rằng: may khẩu là dùng kim sỏ chỉ may áo, chữ viết từ bộ mịch Thanh phùng ngược lại âm dưới lực chủ Quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nắm sợi chỉ làm liên kết với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lũ âm tiển ngược lại âm tiên tiển.

Tư nhiêm ngược lại âm trên tây tế Tiếng phạm.

Hiệt nhơn ngược lại âm trên nhàn bát. Quách phác chú giải Sách Phương ngôn cho rằng: Hiệt là người có trí Huệ thông suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hắc thanh kiết.

****

KINH BÌNH SA VƯƠNG NGŨ NGUYỆN - *Tuệ Lâm soạn.*

Bình tỳ sa ngược lại âm trên tinh minh tiếng phạm.

Diêu sơn ngược lại âm diêu chiếu.

Vấn di ngược lại âm dư quý Quảng Nhã cho rằng: di là giữ lại vấn giống như dâng tặng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước Thanh di.

Quát sái ngược lại âm trên quan bát Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quát giống như chà xác, mài cạo sạch. Quảng Nhã cho rằng: giảm bớt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao Thanh thiệt ngược lại âm dưới tây để. Hàn khang bá chú giải sách chu dịch rằng: sai

là tưới nước gọi là tưới tẩy rửa tâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tẩy rửa sạch, chữ viết từ bộ thuỷ chữ cổ là chữ tẩy.

Diêu gia âm trên là diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: diêu là lò gốm, lò nung chữ viết từ bộ huyệt Thanh diêu kinh văn viết từ bộ miên viết thành chữ diêu tục dùng là sai, âm miên là âm miên.

Tài túc âm trên là tài Sách Khảo Thanh cho rằng: tài Sách Khảo Thanh cho rằng: tài giống như tạm thời. Cố Dã Vương cho rằng: tài là siêng năng, tài năng. Quảng Nhã cho rằng: siêng năng giống như là thiếu.

Toàn kim ngược lại âm trên đoạn loạn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: toàn là cái chuỳ. Sách Thuyết Văn cho rằng: toàn giống như cái lò đúc chữ viết từ bộ kim Thanh toàn âm chuỳ ngược lại âm trực truy.

Bổn tẩu âm trên là bổn môn Sách Khảo Thanh cho rằng: bôn là một bầy trâu, cũng viết chữ bôn ngược lại âm dưới là tấc cẩu Sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩu là chạy nhanh chữ viết từ bộ yêu đến bộ chỉ.

Dĩ giác kinh văn viết chữ dĩ hoặc là viết sai. Theo chữ dữ giác là con Trâu dùng cái sừng để húc nhau va chạm. Hợp lại cho rằng chữ dùng cũng giống như chữ dụng.

Xúc để ngược lại âm trên xung chúc Quảng Nhã cho rằng: xúc là va chạm xung đột. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: Cuồng vọng, chống cự, xúc chạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ giác Thanh thục âm đột là âm đồng ngược lại âm dưới Đinh lễ.

****

KINH BẦN CÙNG LÃO ÔNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Nguyên mạc nhiên ngược lại âm trên khang lãng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nguyên cũng giống như đưa lên cao. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: dùng vải lụa căn ra che, ngược lại âm dưới mang bác.

Tinh táo ngược lại âm trên tích đinh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tinh là mùi tanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh sanh Kinh văn viết chữ tinh tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới sưu Lao Trịnh Huyền chú giải sách chu Lễ rằng: Mùi tanh của thịt heo. Xưa nay chánh tự viết từ bộ nhục Thanh táo âm táo ngược lại âm tảo đáo Tự thư cho rằng: hoặc là viết từ bộ ngư viết thành chữ Tao cũng thông dụng.

KINH PHẬT THUYẾT KIẾN Ý - *Tuệ Lâm soạn.*

Hội Hội ngược lại âm hồi đối Sách Khảo Thanh cho rằng: Hội hội làbuồn sầu muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loạn mơ hồ, chữ viết từ bộ tâm đến bộ hội.

Vị niêu ngược lại âm trên thi nhĩ trang tử nói rằng: lấy sọt đựng phân Xưa nay chánh tự cho rằng: xĩ tức là phân, chữ viết từ bộ thảo đến bộ vị tỉnh lược, chữ chuyển chú. Hoặc là viết chữ mi âm phân ngược lại âm phân vấn âm thảo là âm thảo vị đúng là chữ vị ngược lại nê điếu Sách Thuyết Văn cho rằng: niệu là người đi tiểu tiện chữ viết từ bộ vĩ đến bộ thuỷ Kinh văn viết chữ niệu đều thông dụng.

Nhượng hoa ngược lại âm trên nhương dương Theo Mao Thi Truyện cho rằng: những là bài trừ. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: lôi kéo ra bỏ đi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trộm lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ Thanh nhượng văn cổ viết từ bộ ngạc viết thành chữ hoạ âm ngạc là âm một đúng âm là dương ngũ hạt.

****

KINH TU HÀNH BỔN KHỞI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Khúc thiện âm thiện tức là khưu dẫn tức là con giun đất, con trùn, cũng gọi là Mật thiện người giang đông gọi là hàn dẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cẩn dẫn kiên thiện đều là tên gọi khác của con trùn, âm cẩn ngược lại âm khương dẫn âm dẫn là âm dẫn âm kiên ngược lại âm tha điển.

Hùng bi ngược lại âm từ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bi là giữ gìn, nắm lấy, cũng gọi là giữ lấy coi sóc, lo liệu, nắm giữ. Lãm cũng là hạp âm hạp ngược lại âm ư cách.

Phanh đại ngược lại âm phổ manh sách tự điển nói rằng: phanh là tiếng sấm sét ầm ầm. Quảng Nhã cho rằng: âm thanh ầm ầm. Kinh văn viết chữ phanh là tên chiếc xe phanh chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN HẠ** (Trước không có âm)

****

KINH THÁI TỬ BỔN KHỞI THỤY ỨNG - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tiền cố trong sách đều viết chữ cố cũng đồng ngược lại âm quang hộ. Cố cũng giống như đáp lại nói rằng: vì có điều cầu khẩn nên phải báo đáp trả lại, gọi là dùng tiền của để cúng tế. Sách Hán Thư cho rằng: nhiều lần cầu khẩn mới thỉnh nên phải dùng kim tiền mà báo đáp trả lại. Văn Dĩnh nói rằng: gọi là ân trạch, nên phải lấy kim tiền để tự chăm sóc chiếu cố tương tục không dứt vậy. Sách thư cho rằng: mua bán đổi chác trong cửa quan, người hầu hạ chăm sóc năm trăm tiền cùng với nghĩa nầy là đúng vậy.

Tức thám ngược lại âm tha hàm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thám là lấy tim Lại chú giải rằng: gọi là sờ mó tin từ xa, cũng gọi là thử là nếm thử.

Hưởng chi ngược lại âm hư dưỡng sách Thượng Thư cho rằng: Hưởng là cúng dâng lên bậc trên gọi là hưỡng cũng gọi là hý.

Phục hưởng ngược lại âm hư dưỡng sách Thượng Thư cho rằng: bày tiệc lớn để đãi khách. Lại cộng thêm cơm canh gọi là hưỡng. Hưỡng cũng gọi là khuyến khích gắng sức.

Di giá lại viết chữ di. Bì Thương cho rằng: cũng viết chữ đà cũng đồng ngược lại âm dư chi dùng cật tre làm giá móc áo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đà là kiểu cách cũng là cái cán móc áo lên, Kinh văn viết chữ di âm di ngược lại âm dực chi.

Phong tế ngược lại âm tử nghệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tề là tạnh mưa. Nay người nam dương gọi tạnh mưa là tề.

Cương trường văn cổ viết chữ cương hai chữ tượng hình. Nay viết chữ cương đồng ngược lại âm kỹ lương cương là biên giới ngược lại âm dưới trượng lương. Lại âm dĩ xích Theo Mao Thi Truyện cho rằng:cương trường là trợ giúp, mạnh mẻ, thận trọng, kính cẩn. Theo truyện cho rằng: trường là bờ ruộng chia đôi khoáng cách. Quảng Nhã cho rằng: cương trường là biên giới âm xuyết ngược lại âm chư vệ. Gọi là khoảng giữa hai bên bờ ruộng

Uỷ thương ngược lại âm ô ngoạ văn thông dụng cho rằng: trật chân té ngã bị thương gọi là uỷ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chân bị gãy gọi là uỷ sách sử ký cho rằng: uỷ là người không quên đứng dậy. Kinh văn viết chữ uyển là chẳng phải thể.

Nhập cẩu ngược lại âm cô hậu. Gọi là lấy cá xắc mỏng gọi là cẩu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: người phụ nữ xắc rất nhỏ. Mao thi truyện cho

rằng: không có phát ra ta là cẩu, chữ viết từ bộ trúc đến bộ cú.

Bí thức ngược lại âm bĩ ký. Tên là Ngũ Đạo Thần, dựa theo chữ sách chu dịch cho rằng: bí đó tô điểm, trang sức lại gọi là bí đó không có màu sắc.

Áo y ngược lại âm ư lục ngược lại âm dưới ư kỳ. Bì Thương cho rằng: áo y là trong lòng đau thương buồn bã, nói lên tiếng than thở đau khổ.

Ngung ngung ngược lại âm ngư hung Sách Thuyết Văn cho rằng: ngung là âm thanh hưởng ứng hoà theo. Sách Hoài Nam tử cho rằng: tất cả mọi người không thể không theo kính ngưỡng tự nhiên uy đức của phật Kinh văn viết chữ ngung chẳng phải nghĩa chữ đây dùng.

Ẩn độn nay viết chư cứ duyên hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm đồ đốn. Quảng Nhã cho rằng: độn là trốn trách bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyển đi dời đổi cũng gọi là thối lui trở về trốn tránh.

Hoà thực ngược lại âm thời lực sách Thượng Thư cho rằng: đất thiếu mầu mở, đất đỏ, đất thuộc phần mộ. Khổng An Quốc cho rằng: đất áo gọi là thực. Thích danh cho rằng: thực là đất mầu mở giống như đất béo có chất phù sa.

Xu trác ngược lại âm sữu bạch, sữu giác hai âm, chữ viết đúng nghi xu. Gọi là bước nữa bước cà tối, bước nhanh gọi là xu.

KINH THÁI TỬ BỔN KHỞI THỤY ỨNG
QUYỂN HẠ

Tài nghiệt văn cổ viết chữ hiến dương bất ba chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm ngũ hạt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nghiệt là cây đâm chồi, trong cây non mới nẩy nầm gọi là cây đâm chồi non.

Ám tích Lại viết chữ ám cũng đồng, ngược lại âm ư cấm cũng đồng ngược lại âm ư cấm ngược lại âm dưới lại viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tử dạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ám tích (0 là tiếng khàn, giọng khàn im lặng không nói Theo Thanh loại cho rằng: âm tích là la kêu lớn.

****

KINH QUÁ KHỨ HIỆN TẠI NHÂN QUẢ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Bái đâu ngược lại âm bổ đái. Tên của nước. Nói cho đúng là ca tỳ la bạt đâu. Đây dịch là ca tỳ la đó màu sắc xanh biết. Bạc đâu đó là Trụ xứ.

Miêu duệ văn cổ viết chữ duệ cũng đồng, ngược lại âm dư chế Sách Thuyết Văn cho rằng: duệ là gấu áo cũng gọi là con cháu nói dõi làm mẩy mầm thêm tươi tốt. Đây lấy nghĩa dưới duệ cũng là xa, chữ viết từ bộ y đến bộ duệ âm duệ ngược lại âm nữ hoạt.

Tự cấm ngược lại âm ký lâm cư chậm hai âm cấm cũng giống như ngăn cấm, ngăn ngừa dừng ngăn chặn. Lại nói là chế chỉ đó là không ngăn cấm.

Phụng ế ngược lại âm ư lệ kinh Sơn Hải nói rằng: ở biển phía bắc có núi hoả sơn, có loài chim ngũ sắc, bay đến che kín gọi là chim ế. Quảng Nhã cho rằng: thuộc loại chim phụng.

Dựng phụ văn cổ viết chữ thằng cũng đồng, ngược lại âm dư chứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoài thai. Quảng Nhã cho rằng: thân có mang đứa con trong lòng. Gọi có mang tha. Bao gồm thật sự gọi là có mang chữ viết từ bộ tử đến bộ nãi.

Thuật thích ngược lại âm sĩ luật sách Thượng thư cho rằng: Thuật thích là thận trọng giữ gìn. Khổng An Quốc cho rằng: thuật thích là ôm lòng lo sợ, cũng là buồn thường đau đớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuật là e sợ dưới lại viết chữ địch cũng đồng ngược lại âm tha địch thích là kinh sợ giựt mình.

Thương đầu sách Thư cho rằng: thương đầu là màu xanh cỏ non, ứng triệu cho rằng: vua tần gọi dân chúng là kiềm đầu tức là lũ dân đen. Đầu tức là làm nô lệ gọi là Thương đầu đó chẳng phải ngu đần đọn đen, mà tên gọi khác là của người dân.

KINH QUÁ KHỨ HIỆN TẠI NHÂN QUẢ
QUYỂN 2

Lữ lực ngược lại âm lực cữ. Sách Phương ngôn cho rằng: nước tống. Lỡ gọi lực là lữ tức người có sức mạnh cày ruộng. Quách Phác cho rằng: gọi là cày ruộng khải khẩn đất. Mao thi truyện cho rằng: lữ lực là

sức mạnh

Hàn hách ngược lại âm hư cân Sách Thuyết Văn cho rằng: rạng sáng mặt trời sắp mọc. Gọi là mặt trời sắp xuất hiện dạng tròn đầy, hóng hách đỏ rực.

Kiền trắc ngược lại âm cư yên Tên của con ngựa. Ứng Thiệu cho rằng: kiến tha ca dịch là nạp.

Phún minh văn cổ viết chữ phún này cũng đồng, ngược lại âm phổ thốn Sách Thuyết Văn cho rằng: trống mũi Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng la hét quát tháo. Cúi xuống mà phun ngước lên mà kêu.

Khất nhiên. Nay viết chữ khất cũng đồng ngược lại âm ngư ngật. Sách Thuyết Văn cho rằng: đời cao to lớn. Kinh văn viết chữ khất chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

KINH QUÁ KHỨ HIỆN TẠI NHÂN QUẢ
QUYỂN 3

Lão mụ lại viết chữ mụ cũng đồng, ngược lại âm vọng cổ. Tự Thư cho rằng: mụ tức là mẹ. Nay dùng người đàn bà già đó là mụ.

Môn khổn lại viết chữ khổn cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn. Khổn là cửa hẹp. Sách Lễ Ký cho rằng: nói bên ngoài không vào cửa hẹp là vậy.

Tầng giản ngược lại âm lạc an sách Nhĩ Nhã cho rằng: sóng lớn gị là giản. Sóng nhỏ gọi là buồn nói rằng nước chảy cuồn cuộn.

- **QUYỂN 4** (Trước không có âm.)

****

KINH NẠI NỮ KỲ VỨC - *Huyền Ứng soạn.*

Nhứt tài ngược lại âm tử lai Trồng cây cỏ gọi là tài đây gọi là cây dương có thể trồng, có các giống vậy.

Lưu tiết ngược lại âm lực du Sách Thuyết Văn cho rằng: lưu la sưng lên. Theo Thanh loại cho rằng: lưu là khối u bệnh ung thư. Nay lấy nghĩa này.

Ký miểu ngược lại âm di nhiểu sách Lễ ký cho rằng: nhanh cây

nhỏ ngọn cây gọi là miểu văn thông dụng cho rằng: cây có nhánh nhọn đâm ra gọi là miểu. Miểu cũng là nhỏ bé.

Trừ bình ngược lại âm ty chính. Quảng Nhã cho rằng: bình giống như là trừ bỏ. Nói Bình là phải trường trị trừ bỏ kinh văn viết chữ bình là chẳng phải thể. Âm Đang ngược lại âm đinh lãng.

Ứng tập văn cổ viết chữ tập cũng đồng, ngược lại âm từ lập. Theo tả truyện cho rằng: người có chín đức không dư thừa nên gọi là tập là hưỡng lộc. Đổ Dự chú giải rằng: tập là thọ nhân Lại gọi là họp, nhiều lần như củ. Quảng Nhã cho rằng: tập là đến kịp.

Phiến thượng ngược lại âm thất phiến. Sách Toán văn cho rằng: gọi là nhảy vọt lên lưng ngựa

Ngai tí ngược lại âm ngũ giải ngư kế hai âm.Quảng Nhã cho rằng: cho rằng: ngai là nức ra, ngược lại âm dưới tịnh kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: sườn núi gọi là khóc mắt nức ra. Gọi là trợn mắt. Sách Hán thư cho rằng: người ngai thật chất phác không có trợn mắt. Sách sử ký cho rằng: trợn mắt vì oán giận tất là báo đạp lại. Kinh văn viết chữ nghê ngược lại âm ngũ đệ. Gọi là liếc nhìn ngó nghiêng, liếc xéo nghê chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xà sái ngược lại âm sửu giới theo Mao Thi Truyện cho rằng: tóc cuộn lại giống như con bò cạp đuôi dài. Trịnh tiển cho rằng: loài côn trùng cắn chích người. Hoặc gọi là con ruồi trâu, hoặc gọi con bò cạp, âm manh ngược lại âm tha đạt âm lạt ngược lại lực hạt.

Cố tiền trong sách đều viết chữ cố đều đồng ngược lại âm công hộ Theo chữ cô giống như là quay đầu lại nhìn. Báo đáp cố là gìn giữ

****

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Thâu kính ngược lại âm thủy thâu. Gọi là thâu là thua hết sạch Sách Thuyết Văn cho rằng: trút bỏ vứt bỏ. Quảng Nhã cho rằng: nhàn nhã dể chịu, thoải mái.

Tất thuỳ lại viết chữ tất ( ) cũng đồng âm thất Lại viết chữ thuỳ cũng đồng âm thuỵ giang nam gọi là tuỷ người phương bặc gọi là hoàn ( ) âm hoàn là hoán.

****

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỞNG GIẢ ÂM DUYỆT

Tuệ Lâm soạn.

Bạch diệp ngược lại âm dưới điềm là thảm lông. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoa cỏ làm vải bố thưa. Xưa nay chánh tự viết từ bộ mao thanh điệp hoặc là viết từ chúng viết thành chữ điệp kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ trập là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Quyên tật Ngược lại âm trên y huyễn. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Quyên là tức giận tràn đầy. Sách khảo thanh cho rằng: Quyên giống như tức giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh quyên âm phẩn ngược lại âm phần vẩn. Gọi là tật đó là hại người hiền gọi là tật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ thanh tật. Kinh văn viết chữ tiêu tật tục chúng thông dụng.

Trường kỵ ngược lại âm ký kỹ sách trang tử nói rằng: Kỵ gọi là thành khẩn quỳ lâu tay nắm lại gọi là người hầu thi lễ. Sách khảo thanh cho rằng: Quỳ bái lạy quỳ lạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quỳ lâu chữ viết từ bộ túc. Thanh kỵ

Yêu cổ ngược lại âm trên yêu kiêu âm dưới là dã.

Côn hoàng ngược lại âm trên hờ bổn. Đổ Dự chú giải tả truyện rằng: Côn cũng giống như lửa cháy rực. Ngược lại âm dưới là Hồ quang. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hoàng là rực rỡ chói lọi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Côn Hoàng hai chữ đều từ bộ hỏa đều thanh côn hoàng.

Ngốc kiêu ngược lại âm trên Thông lộc. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Ngốc Thu là loại phò lão. Giống thủy điểu như hạc mà lớn. Cố Dã Vương cho rằng: Loài chim lớn lông nó trắng xưa nay chánh tự viết từ bộ điểu đến bộ ngốc. Ngốc cũng là Thanh. ngược lại âm dưới là cổ nhiêu. Xem trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Sắc nhiêu ngược lại âm trên sinh trắc. Quách Phác chú giải sách phương ngôn rằng: Sắc cũng giống như tích chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thích rít, không trơn láng. Trúc trắc khó đọc. Chữ viết từ bộ lai đến bộ bẩm chữ hội ý. Kinh văn viết chữ sắc tục dùng thông dụng âm bẩn ngược lại âm lực cẩn.

****

KINH THẤT NỮ - *Huyền Ứng soạn.*

Sa phần ngược lại âm phò phàn tên của vị Tỳ-kheo La Phần. Kinh văn viết từ bộ hội viết thành chữ phần là sai.

Tử quan lại viết chữ quan cũng đồng ngược lại âm tức lý. Xưa người nước Ân dùng chữ tử trên. Lâm tử quyết sách sử xưa nói rằng: Khảo Dương viết từ bộ Mộc quan. Ngu thị viết từ bộ ngỏa viết thành chữ quan. Quan hoàn thây chết vào đậy nắp lại gọi là cái hòm, áo quan.

****

KINH THIỀN BÍ YẾU PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Trụ ngạc ngược lại âm trên Chu Sử Tục tự cho rằng: Nguyên vốn chữ đương thể là một điểm. Các chữ trong sách mượn chữ trụ làm viết văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Có chỗ dừng nghĩ là điểm lại không có thiên lệch một bên, lấy cái khó để dùng cho nên không có truyền lại khi người có chỗ để dừng đó là nghĩa của bốn chữ này. Ngược lại âm dưới ngay các. Sách Khảo Thanh cho rằng: Ngạc là lợi răng. Chữ viết từ sợ nhục đến bộ đôn. Kinh văn viết chữ bạn là chẳng phải, âm ngận là âm ngân.

Phách khứ ngược lại âm trên phiến mịch Bì Thương cho rằng: Phách giống như là mổ ra. Quảng Nhã cho rằng: nức ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phá ra. Chữ viết từ bộ đạo thanh tích. Kinh văn viết chữ phách này là chẳng phải, âm phẩu ngược lại âm phổ cẩu.

Noãm ôn ngược lại âm trênnô đoãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: noãn cũng giống như ấm áp. Chữ viết từ bộ hỏa Thanh nhuyễn. Hoặc là viết từ bộ nhiệt viết thành chữ noãn. ngược lại âm dưới ổn hồn. Quảng Nhã cho rằng: ấm áp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa Thanh ôn âm ôn là âm ôn.

Sĩ lạc ngược lại âm trên trì nhĩ. Sách Chu dịch cho rằng: hoặc là cho chiếc dây lưng da trọn buổi sáng ba lần lột ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: Sĩ giống như cướp đoạt lột ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sĩ giống như gọi là cởi áo ra. Chữ viết từ bộ y thanh hở âm hở là âm tư diệc. Lại viết chữ Sĩ. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ Sĩ hoặc viết chữ Sĩ đều chẳng phải.

Quán phương âm dưới là phương. Sách Thuyết Văn cho rằng:

Phương là chất mở. Sách Khảo Thanh cho rằng: Trong bụng cho chất mở. Xưa nay chánh tự viết từ bộ nhục thanh phương.

Phế du ngược lại âm trên phương phục. ngược lại âm dưới là du. Trước kinh Trị Thiền bệnh tất yếu đã giải thích đầy đủ rồi. Kinh văn viết chữ phế tục dùng Thông dụng

Hối trùng Âm trên là hồi đã xem trước giải thích rồi. Kinh văn viết chữ nêu loài côn trùng. Tục dùng thông dụng.

Nguyên bồn âm trên bồn môn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ảnh là cái chậu sành. Quách Phác cho rằng: Ảnh tức là cái bồn chậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mảnh thanh phân âm ảnh ngược lại âm ô lang âm phữu. ngược lại âm phu cẩu âm dưới bồn. Bì Thương cho rằng: Cái bình bụng lớn miệng nhỏ. Quách Phác chú giải sách phương ngôn. Bình quế châu gọi là ảnh là bình miệng nhỏ bụng to. Nay người Giang Đông cũng nói bình lớn. Xưa nay chánh tự từ bộ ngỏa thanh nguyên Kinh văn viết chữ buộm là cái ly tục chúng thông dụng.

Tiềm thực âm trên thị văn trước kinh Trị Thiền bệnh bí yếu viết chữ sáp tục dùng thông dụng.

Nùng huyết âm trên nùng.

Tấn sử ngược lại âm dưới sư sư. Trước cùng chữ tiềm cũng đồng giải thích cũng đồng.

Liêu lệ ngược lại âm trên liêu điểu. Cố Dã vương cho rằng: Liêu cũng giống như quấn lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trói buộc quấn quanh. chữ viết từ bộ mịch thanh liêu ngược lại âm dưới lân niết. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lệ là hai dây nối với nhau. Liêu cũng là buộc quanh, trói buộc, quấn vây quanh xưa nay chánh tự từ bộ mịch thanh lệ. Kinh văn viết chữ liêu lệ tục dùng thông dụng. Đúng là chữ cũ rành rịt quấn nhau.

Xế súc ngược lại âm trên xích chế. Sách Chu dịch cho rằng: Níu kéo dẫn dắt con trâu. Cố Dã vương cho rằng: Xế giống như chữ khiên lôi kéo dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xế gọi là dẫn dắt mà níu kéo ngang dọc của sợi dây. chữ viết từ bộ thủ thanh chế cũng viết chữ chí âm đều đồng âm dưới ngược lại âm song cúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Súc là loạn. chữ viết từ bộ mịch thanh túc.

Táo dương ngược lại âm trên đảo cáo. Trịnh Huyền chú giải sách luận ngữ rằng: Táo là không an tịnh, động giao động. Chữ viết từ bộ túc thanh táo ngược lại âm dưới là dương lược. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con bọ chét, con muỗi mắc. Kinh văn viết chữ tảo, tục dùng thông dụng. Cũng có viết chữ tảo là chẳng phải.

Khứu hành giả ngược lại âm hưu hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng mũi chính là để ngửi gọi là khứu (0 chữ viết từ bộ Tỵ thanh khứu.

Thấu trịch ngược lại âm trên thâu hậu ngược lại âm dưới trình kích.

Tháp xúc ngược lại âm trên đàm Lạp. Cố Dã vương cho rằng: Tháp tức là xúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: giẫm đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh tháp. Kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải. Âm tháp ngược lại âm Thanh hạp. ngược lại âm dưới là thân lục. Hà Hựu chú giải công dương truyện rằng: Xúc là chân đá ngược lại dẫm đạp lên gọi là xúc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: xúc cũng giống như nhón chân đi nhẹ nhẹ, giẫm đạp lên vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Túc thanh tựu.

Phiêu thư ngược lại âm trên Tất diêu. Quảng Nhã cho rằng: Phiêu là mụt nhọt lâu ngày đã thành ung thư. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ Tật thanh phiêu âm tật ngược lại âm nữ cách âm phiêu ngược lại âm tất diêu ngược lại âm dưới là thất dư. Đổ Dự chú giải Tả truyện rằng: thư là mụt nhọt rất độc, cũng gọi là ung thư. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thư là mụt nhọt lâu ngày thành ung thư. Chữ viết từ bộ tật thanh thư âm thư ngược lại âm tức dư.

KINH THIỀN BÍ YẾU PHÁP
QUYỂN TRUNG

Đại hống hấp ngược lại âm dưới là hàm cấp. Sách Giải Uyển chu tông nói rằng: Hít hơi thở dẫn khí vào trong miệng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hấp giống như hít vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hấp giống như co rút mũi lại hít vào. Chữ viết từ bộ khiếm thanh háp âm hấp ngược lại âm hâm nhập âm súc ngược lại âm sương lục. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ hấp tục dùng cũng thông dụng.

Thụ khái âm dưới là giai. Sách Khảo Thanh cho rằng: Khái là thân của cong của. Sách phương ngôn cho rằng: Rễ của cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thảo thanh khái.

Hoàng nhiên ngược lại âm ô hoằng. Quảng Nhã cho rằng: Hoằng là ao rất sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sâu mà to lớn, chữ viết từ bộ Thủy thanh hoằng.

Uyển chuyển ngược lại âm oán nguyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Uyển chuyển là nằm, chữ viết từ bộ tịch, nằm có là chỉ hanh vi hợp với lễ tỏ được chí khí của con người cho nên chữ viết từ bộ tịch đến bộ dĩ, chữ Hội ý, Kinh văn viết chữ Uyển này là chẳng phải.

Tử cam ngược lại âm dưới cam Lam. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vải lụa trắng nhuộm thành màu xanh đậm, lại pha màu đỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh cam.

Bị nang ngược lại âm trên đàn mại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bị là cái túi da. Cố Dã vương cho rằng: Chỗ gọi là vật dụng trong nhà cái ống dùng để thổi lửa khiến cho lửa cháy rực lên xưa nay chánh tư viết từ bộ vi thanh bi. Hoặc là viết từ bộ cách viết thành chữ bị cũng viết chữ thác đều thông dụng, ngược lại âm dưới chư lang. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Phàm cái túi có đáy gọi là nang, dưới thông hơi gió gọi là thác, âm bị là âm bị âm mai tức là âm bai, âm thác là âm thác, âm bị thác đều từ bộ cẩn đều là viết đỉnh lược âm cổn.

Kim đỉnh, ngược lại âm đình đỉnh.

Tràng dung trực, ngược lại âm trên thuyền nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái bắp chân bị sưng phù lên chữ viết từ bộ nhục thanh đoan âm đoan là âm đoan, ngược lại âm dưới lung long. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Dung giống như là quân đều. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quân là thẳng mãi tới. chữ viết từ bộ nhân thanh dung cũng viết chữ đoàn.

Tháo quán ngược lại âm trên tao lão ngược lại âm dưới quan hoán. Tháo là rót nước vào trong bình xúc, đổ ra như hai ba lần.

Phôi khí ngược lại âm trên phối mỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: gạch ngói chưa nung.

Nữu giới âm trên là nữu âm dưới là giới. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cái gông cùm, xiềng xích. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cái gông ở tay gọi chất mà ở chân gọi cốc cũng viết là nữu. tục tự dùng cũng thông dụng. Xiềng xích tay chân.

KINH THIỀN BÍ YẾU PHÁP
QUYỂN HẠ

Ông uý trên là Ô khổng dưới là huy vật, Quảng Nhã cho rằng: Ông uý là cây cỏ mọc sum suê. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cây cỏ mọc

thành mọc rừng rậm. Xưa nay chánh tự cho rằng: Ông úy hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh ông úy.

Tháp đao sơn, ngược lại âm trên Đàm hạp. Quảng Nhã cho rằng: Tháp là mang giày dép giẫm đạp lên. Sách sử ký cho rằng: Tháp là mang giầy da thú. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giẫm đạp lên. chữ viết từ bộ túc. Thanh tháp âm tháp ngược lại âm tham hap.

Kiên ngạch ngược lại âm dưới là ngạch hạnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạch cũng giống như cứng chắc chắn. Sách văn tự điển nói rằng: Nhà lao chắc chắn. chữ viết từ bộ cách tục dùng thông dụng.

Tranh xúc ngược lại âm trên trách hạnh. Tự thư cho rằng: Tranh cũng giống chữ đồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là đồng. Cây bông gạo hoặc viết là bộ đình cũng viết bộ phộc, viết thành chữ tranh. Kinh văn viết từ mộc viết thành chữ tranh là sai.

Tranh tàn ngược lại âm lục trang.

****

KINH SINH - *Huyền Ứng soạn*
QUYỂN 1

Ngân đang ngược lại âm trên lực đang, ngược lại âm dưới Đô đường. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ngân đang là xiềng xích, giữ yên. Sách Hán thư cho rằng: Dùng thiết chì làm xiềng xích Kinh văn viết chữ căn đang là chẳng phải thể.

Thục nữ ngược lại âm thi lục Mao Thi truyện cho rằng: Cô gái thướt tha yêu kiều. Theo truyện cho rằng: Thục là đẹp. Thục cũng là khéo léo.

Chấn việt tiếng Phạm, Hán dịch là y phục.

Đạo nghi nay viết nghĩa cũng đồng, ngược lại âm nghi ký. Sách lễ ký cho rằng: Nghị đó là điều con người nên làm thích hợp khéo léo bàn luận, nghĩa lý hợp tốt đẹp.

Ha khiển ngược lại âm khứ chiến, Sách Thuyết Văn cho rằng: Trách phạt, quở mắng, tra hỏi. Quảng Nhã cho rằng: Quở trách, khiển trách, nổi giận ha gọi là cật vấn tra hỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ha là nói lớn tiếng, mà giận dữ, âm trích ngược lại âm văn cách.

Tuy kếu, ngược lại âm hứa truy. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngước mắt lên nhìn. Theo thanh loại cho rằng: Trợn hai mắt to ra mà nhìn gọi là căng mắt mà kêu gọi, âm quắc ngược lại âm huống phược.

Noa bỉ ngược lại âm nô hòa nô hồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Noa là bẽ gãy. Lại cũng gọi là dùng hai tay đang khít vào nhau.

Điều ngai ngược lại âm ngũ giới. Quảng Nhã cho rằng: Nghi điệu cũng gọi là tương điếu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nghi là khinh khi, văn thông dụng cho rằng: bổn cợn trêu đùa lớn tiếng gọi là nghi.

Dụ thuật ngược lại âm dư thủ, dụ gọi là dẫn dắt dạy bảo, cùng nhau khuyên răn, ngược lại âm dưới là tư luật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuật cũng là dìu dắt dạy dỗ. Quảng Nhã cho rằng: Thuật là nịnh hót, Kinh văn viết ưu, tuất chẳng phải nghĩa đây dùng, âm du ngược lại âm tư dậu.

Hoãng vãn ngược lại âm Hồ hoằng. Quảng Nhã cho rằng: Hoãng là chết mất, vẫn cũng là chết các nước chư hầu hết gọi là hoãng, hoãng là chết.

Khốc lịnh ngược lại âm không tiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khốc là quá bạo ngược, rất cấp bách, rất khổ sở. Bạch Hổ Thông cho rằng: khốc liệt cùng cực giáo lịnh cùng cực.

Tập duệ lại viết chữ duệ ngược lại âm dực thế. Tự Lâm cho rằng: Là thói quen. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chữ duệ là rõ ràng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cuồng phục. Quách Phác cho rằng: Theo thói quen rồ dại, quen với thành kiến.

Phù tù ngược lại âm phương ngu. Sách thượng thư cho rằng: Phu là thiếu bảo ngọc châu báu. Khổng An Quốc cho rằng: Phu là bắt làm tù binh.

Bôn cấp: bôn cấp, lại viết chữ bôn cũng đồng, ngược lại âm bổ môn. Bôn cũng giống như là chạy.

Minh xúc văn cổ viết chữ lung cũng đồng, ngược lại âm tữ lục tữ hạp, hai âm theo thanh loại cho rằng: Xúc cũng là minh là tiếng chim kêu.

KINH SINH
QUYỂN 2

Truân nhiểm văn cổ viết chữ truân cũng đồng, ngược lại âm chi nhuận. Hán dịch chưa vỡ vụn. Gọi là tên của người.

Ngạch khanh ngược lại âm ngũ canh dưới là âm Hồ lãng phong danh chữ khanh chưa rõ xuất phát từ sách nào. Tương truyền âm tự gì?

Ôn hôn ngược lại âm ư môn ư một, hai âm ngược lại âm dưới mạc côn. Theo Thanh loại cho rằng: Muốn chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mê man, bất tỉnh, không còn biết gì hết.

Sảo kệ ngược lại âm sở giao. Bao gồm những bài kệ một câu bốn chữ. Muội ích đinh hạ. Kiện Đà kỹ ngôn đế nhĩ đồ kế.

Khải hàn ngược lại âm khẩu lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: Áo giáp. ngược lại âm dưới hồ thả. Sách Chu dịch cho rằng: Con ngựa trắng, lông dài. Vương bậc cho rằng: Con ngựa lông trắng sạch đẹp như tuyết.

KINH SINH
QUYỂN 3

Quyên hồ, văn cổ viết chữ huyên. Lại viết chữ Huyên cũng đồng, ngược lại âm hư viên. Quảng Nhã cho rằng: Huyên nói bàn. Theo Thanh loại cho rằng: Huyên là ồn ào, âm thanh huyên náo, kêu gọi giựt mình kinh sợ.

Hấp miên ngược lại âm Hồ cập. Giống như nháy mắt, nhắm lại mở ra nhiều lần, cũng gọi là thâu gom lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: khởi dậy. Kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ hấp. Trong sách không có chữ này, âm tráp ngược lại âm trang hiệp.

Sư thọ ngược lại âm Lạt ư. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Vật bó đầu gối làm bằng cỏ lau để quỳ cho khỏi đau đầu gối. Theo truyện cho rằng: Sư là cây gỗ xấu, lớn mà không có tim trong gỗ nhỏ không quy cũ không có mực thướt.

Cổ hồ, ngược lại âm trên dư giã Sách Thuyết Văn cho rằng: Hồ là quỷ thú, yêu quái. Lại nhận mình có ba đức, trong có sắc đẹp. Trước nhỏ, sau lớn khi chết tất có cái đầu hóa thành khối đất.

Câu dựt tiếng Phạm gọi là Kiều-thi-ca. Đây vốn nên viết chữ sí sau viết sai là dực làm mất nghĩa này.

Quyền tư văn cổ viết chữ tư cũng đồng, ngược lại âm tức dữ, văn thông dụng cho rằng: có nhiều ý nghĩa gọi là phân tán. Lâm tự cho rằng: Níu kéo dùng dằn, tâm bất an, âm ninh ngược lại âm trương lữ.

Lẫm giã lại viết chữ lãm cũng đồng, ngược lại âm lực thậm. Sách Chu lễ cho rằng: Lãm là người nắm quyền trong coi kho lãm chứa thóc, ngũ cốc. Trịnh huyền cho rằng: ba kho chứa gạo gọi là lãm.

Mẫn khắp ngược lại âm mi vẫn gọi là lo buồn. Tả truyện cho rằng: Mẫn là thương xót, mong chờ, giống như người nông phu mong chờ tới năm gặt hái vậy.

Lao thuyền ngược lại âm thị duyên. Thế bổn cho rằng: gọi là cùng với chiên trống hàng hóa của địch làm chiếc thuyền chuyên chở vận chuyển. Hoàng đế và hai vị cận thần. Sách phương ngôn cho rằng: từ quan ãi mà đến cửa Tây gọi là chu là thuyền. Kinh văn viết thuyền ngược lại âm hồ giang. Giáng cũng là thuyền, tàu bè, âm giáng ngược lại âm phò giang.

Cô công ngược lại âm cô hồ, người phụ nữ gọi mẹ của chồng là cô khi còn sống thì gọi là quán cô, khi chết gọi là tiên cô, ngược lại âm dưới chi hung. Thích danh cho rằng: cậu là công nói là đã có chỗ cung kính. Thấy công là dựa theo từ nước Tề, gọi là nghiêm túc.

Xúc tích ngược lại âm tử lục, ngược lại âm dưới tử diệc. Lâm tự cho rằng: Xúc là không tiến tới gọi là đi bình thường. Quảng Nhã cho rằng: Xúc tích là sợ cung kính. Gọi là cung kính đối với bậc trên vậy.

- QUYỂN 4: Không từ để âm

KINH SINH
QUYỂN 5

Khôn kiềm ngược lại âm khẩu côn, ngược lại âm dưới cự diểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khôn là cạo tóc. Kiềm kẹp lại trên cổ, kiềm thúc chì trên cổ. Kinh văn viết chữ kiềm là chẳng phải.

Xú niểu ngược lại âm nô hiểu gọi là niểu đó nhiểu loạn chọc ghẹo. Theo chân giống đùa giởn cũng gọi là bởn cợt làm trò đùa.

Tài triết ngược lại âm trắc hạt trong hạt hai âm. Gọi là tiếng chim kêu bi thương, buổi sáng lìa cành kêu ríu rít mà bi thương đau buồn.

Bác đạp ngược lại âm bổ mạc âm dưới lại viết chữ tháp cũng đồng, ngược lại âm đồ hạp. Bác là tay tát đánh, dùng chân chà đạp dẫm lên.

Vô hệ văn cổ viết kế hệ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ đế. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ là trói buộc lại cho chặt cùng nhau kế tục thừa kế.

Ai A ngược lại âm ư lai Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng Than.

Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lạnh nhạt vô lễ kinh mạn, âm dưới lại viết chữ A cũng đồng, ngược lại âm ư hà âm hề ngược lại âm ư lễ.

****

KINH NGHĨA TÚC - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Thảo gian lại viết quản nhàn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trên cổ nhan. Theo Thanh loại cho rằng: gian là bản thảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loại cỏ thơm.

Dục để Lại viết chữ để cũng đồng ngược lại âm đô lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Để là mắng nhiếc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khinh khi.

Biến tuẩn. Lại viết chữ tuần cũng đồng, ngược lại âm từ tuân. Sách thượng thư cho rằng: Phải Thệ nguyện theo thầy. Khổng An Quốc cho rằng: Tuẫn là đi theo, noi theo cũng là đi tuần hành, đi theo tuyên lệnh gọi là tuẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Biểu thị sự đi gọi là tuẫn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuẫn là đi biến khắp, chữ viết từ bộ xích.

Ách chí, ngược lại âm Anh cách Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ách là khốn khổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ách là chật hẹp. Phàm gặp tai họa khó vượt qua khổ độc đều gọi là ách.

Tiên minh, lại viết chữ tiên, cũng đồng. ngược lại âm tư tiền. Quảng Nhã cho rằng: Tiên là tươi sáng tốt đẹp. Tiên cũng là khéo hay.

Bất kiêu ngược lại âm kỹ tiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kiêu là chuyên thạo về việc gì, cũng gọi là dùng tay đưa lên. Sách thượng thư cho rằng: Kiêu là vu khống cho thượng đế. Khổng An Quốc cho rằng: dựa vào, gởi gắm cho trời mà đi làm tội. Sách quốc ngữ nói rằng: dựa theo hình thức mà vu khống. Giã quỳ cho rằng: chẳng phải pháp của Tiên vương, gọi là kiêu như giết chết mà không có tội gọi vu, chữ viết từ bộ thủ. Nay đều viết chữ kiêu này.

Trước Ô, ngược lại âm nhất hờ Lâm tự cho rằng: nước dơ bẩn đọng lại không chảy gọi là ô. Cũng gọi là nước mưa ngập lụt, ao trũng. Quảng Nhã cho rằng: Ao sâu nước đọng dơ lớn gọi Hoàng, nhỏ gọi là ô.

Lao lai Sách Thuyết Văn viết chữ lạt cũng đồng, ngược lại âm lực đại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đem sức ra làm việc. Quách Phác cho rằng: Cưỡng ép hà khắc, bức ngặt để làm lao nhọc kéo tới làm lao

công nô lệ gọi là lao cũng là làm việc quá sức, đến cưỡng bức làm việc. Quảng Nhã cho rằng: Lạt là siêng năng, cần mẫn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Thần là chỗ làm việc quá cực nhọc. Trịnh tiễn cho rằng: Lao lai giống như hộ trợ. Hán thư cho rằng: Lao lai là không giãi đãi biếng trễ, Kinh văn viết chữ lai là chẳng phải.

Danh dũng văn cổ viết chữ dũng, hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ dũng, ngược lại du thủng dũng gọi là quả quyết, biết chết mà không tránh gọi là dũng.

Khủng khiếp theo Thanh loại cho rằng: Viết chữ nhiếp này cũng đồng, ngược lại âm chỉ diệp. Quảng Nhã cho rằng: Nhiếp là sợ sệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong lòng khâm phục.

Ám tích ngược lại âm ư cấm ngược lại âm dưới tử dạ, ám tích. Giống như tiếng than thở. Kinh văn viết chữ trách là to tiếng, ngược lại âm trang viết sĩ bạch hai âm. Trách là to tiếng gọi cũng cắn nhai.

Liểm chỉ ngược lại âm lực nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Liễm là thâu gom. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Liễm là gom tụ lại. Kinh văn viết liễm là sai.

Quệ địa, ngược lại âm cư nguyệt cư vệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quệ là trật chân té ngã ngữa. Quảng Nhã cho rằng: Té ngã ngữa, do chạy vấp ngã, cũng gọi là dựa theo mà đi. Lại cũng gọi là nhảy. Kinh văn viết chữ xúc, ngược lại âm Thiên lục. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xúc là đạp lên.

Vĩ phong, ngược lại âm thiên phỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kỳ vĩ, hiếm lạ. Kinh văn viết chữ vệ, ngược lại âm hồ hội chẳng phải thể chữ vậy.

Động nhiên, văn cổ viết chữ đồng hai chữ tượng hình, cũng đồng, ngược lại âm đồ đông. Gọi là động là thấu triệt tới đáy. Kinh văn viết chữ đồng, ngược lại âm đồ đông. Đồng là lửa chảy nóng đỏ rực. Đồng là chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH NGHĨA TÚC
QUYỂN HẠ

Bất cứ ngược lại âm cứ ư. Quảng Nhã cho rằng: cứ là đoạn lìa. Sách Thuyết Văn cho rằng: việc khó khăn luống cuống, hoàn cảnh túng thiếu, làm việc bằng tay chân vất vả.

Quyết na ngược lại âm công quy tên người, dựa theo chữ quyết tên giống chim, còn gọi là bá lao.

Du viết ngược lại âm dực chu. Sách thượng thư cho rằng: du là từ đáp ứng của vua là ừ chấp thuận, đến vậy, tự tại thoải mái, hưởng ứng lời kêu gọi.

Yểm hốt văn cổ viết chữ yểm hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ ám, ngược lại âm ư cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Yểm là không sáng sủa. Quảng Nhã cho rằng: Yểm là mờ tối u ám. Yểm nghi tối tăm.

Tấn khứ, ngược lại âm tư nhuận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn là mau chóng.

Bỉ tiêm, ngược lại âm tư liêm tiêm. Gọi là tiến vào lấy, cũng gọi là ánh nắng lên cao.

Khổ thác văn cổ viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm thác các. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái túi không có đáy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thác là cái túi, cũng gọi là túi áo. Phong ngưu trên lưng có cái túi nhân vì vậy mà đặt tên.

Cổ bỉ chữ viết đúng nghi là thác, ngược lại âm bổ giới, gọi là cái túi, giống đồ vật gia dụng trong nhà dùng để thổi lửa, khiến cho lửa cháy rực lên vậy. Kinh văn viết chữ bỉ chưa rõ chỗ xuất phát từ sách nào.

Trách mảnh ngược lại âm trắc cách, ngược lại âm dưới là mạc canh. Trách mảnh là con cóc. Tự thư cho rằng: Tền Hoài Nam. Người làm ruộng gọi là con thiềm thừ tức là con cốc. Quách Phác cho rằng: Con ểnh ương, loại ở đất cạn.

Thuế trùng, ngược lại âm dương hội thủy nhuế hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ve, con rắn có chỗ lột vỏ, lột da. Quảng Nhã cho rằng: con ve lột vỏ thường dưới gốc cây. Tự lâm cho rằng: Con ve lột vỏ.

Mạc tiết ngược lại âm tương liệt. Sách phương ngôn cho rằng: tiết là đùa cợt khinh nhờn. Quách Phác cho rằng: tương thân cận đùa cợt khinh nhờn. Xem thường, khinh khi.

Thuỷ quán, ngược lại âm công hoản. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa tay. Phàm tẩy rửa vật đều gọi là quán, không những rữa tay mà còn rửa các vật khác.

Bất mạc, ngược lại âm mạc nô. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tên người đàn bà xấu. Sách sở từ cho rằng: Khinh mạn xinh đẹp, tự làm tốt âm giảo, ngược lại âm cổ oán.

Ngân mao ngược lại âm mạc cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc mí tóc. Kinh văn viết từ bộ mã viết thành chữ mao là chẳng phải.

Xưng oán, văn cổ viết oán uyển hai chữ tượng hình. Nay viết chữ uyển cũng đồng. ngược lại âm ư nguyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Oán oan khuất. Quảng Nhã cho rằng: oan uổng, oan khúc, cũng gọi là nhớ nghĩ buồn phiền oán giận.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn tuệ lâm soạn

QUYỂN 56

Kinh âm chánh pháp niệm, bảy mươi quyển, Huyền Ứng.
Kinh phật bổn hành tập, sáu mươi quyển, Huyền Ứng.
Kinh bổn sự, bảy quyển, Tuệ lâm.
Kinh hưng khởi hành, hai quyển, Huyền Ứng
Kinh nghiệp báo sai biệt, một quyển, Huyền Ứng.

Bên phải là năm kinh, một trăm bốn mươi quyển đồng âm với quyển này.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 1

Toàn mâu, giải thích chữ cổ văn cổ viết mâu toàn, hai chữ tượng hình, nay viết chữ toàn cũng đồng ngược lại âm thô loạn. Toàn cây mâu nhỏ, cây giáo. Mâu hoặc là viết chữ mâu cũng đồng. ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây giáo dài hai trượng. Kinh văn viết chữ mâu hai chữ tượng hình. Lại viết chữ mâu đều chẳng phải thể.

Án điểu, lại viết chữ án cũng đồng ngược lại ô giản, án là chim tước, một tên là chim nhạn, một tên là chim cút. Sách Toán văn cho rằng: Ở quang trung gọi là chim cút, sống đồi cỏ mục.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 2

Khủng hách, ngược lại âm hồ giá, dọa nạt hoảng sợ. Mao Thi truyện cho rằng: kèm theo cây mâu đến doạ nạt, trịnh tiển cho rằng: Cự

ly xa gọi là dọa nạt. Sách phương ngôn cho rằng: viết chữ khủng hích. Quách Phác cho rằng: Âm hồ bức cũng viết chữ khủng hách cũng nói át, đều một nghĩa. Âm át ngược lại âm hư hạt.

Khủng ao ngược lại âm ô giáp, sách tự uyển viết chữ ao là vùi lấp trong đất. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: viết chữ hàm chôn vùi dưới đất. âm điếm ngược lại âm đinh niệm.

Như tráo, văn cổ viết tráo đáo hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trúc giáo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cái nơm bắt cá gọi là tráo. Quách Phác cho rằng: cái lồng bắt cá, âm phủ là âm tróc.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 3

Đẩu tẩu, lại viết chữ tẩu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu. Sách Chu dịch thành nan tự nói rằng: Rũ bụi trên chiếc áo, rũ sạch phiền não, ngược lại âm đo cốc, dưới ngược lại âm tô cốc. Kinh văn viết đẩu thúc, hai chữ tượng hình, âm cũng đồng. chữ chưng tống đều chẳng phải thể chữ.

Yên la văn cổ viết chữ yên hai chữ tượng hình, nay viết chữ yên cũng đồng, ngược lại âm ư nhân, vị Đế Thích giống như tên của vua. Trong kinh hoặc gọi là Yên-na-bà. Hoặc nói là Y-la-bát-đa-la. Hán dịch Hương diệp thân. Trường cửu do-tuần, cao ba do-tuần. Thân hình này tương xứng, yên ngược lại âm ô hiền.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 4

Quặc trác ngược lại âm cửu phược. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quặc là cột buồn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quặc là vồ lấy, chụp lấy. Sách hoài nam tử cho rằng: Con thú chạy đến đường cùng thì bị chụp bắt, con chim chạy đến đường cùng thì mổ lấy, âm cán ngược lại âm cư nghịch.

Thủy thác, ngược lại âm Tha cát tha hạt hai âm. Hình như giống như con chó nhỏ, sống dưới nước mà ăn cá, tức là con rái cá. Kinh văn

viết chữ thư, ngược lại Đô đạt, cát thư là loài thú, giống như chó sói đầu màu đỏ Thư chẳng phải nghĩa đây dùng, âm cát, ngược lại âm cổ cát.

Kích lưu, ngược lại âm công đích. Gọi là nước chảy gấp, ngăn chặn khiến bắn vọt lên. Lại gọi là nước chảy gấp xuyên qua, nghiêng bên gọi là kích.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 5

Thê đăng, ngược lại âm đinh đặng. Quảng Nhã cho rằng: Đăng là mang giầy dép. Đăng là ngước lên. Gọi là con đường lên núi. Kinh văn viết chữ đăng là chẳng phải.

Cẩu giảo, lại viết chữ nhiểu, cũng đồng, ngược lại âm ngũ giảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giảo là cắn, Kinh văn viết giảo, ngược lại tích giao là xương đầu gối, lại viết chữ giảo, ngược lại âm hồ giao, nhiêu tiến, hai chữ tượng hình, đều chẳng phải nghĩa này.

Thiện hiệp, ngược lại âm hồ giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiệp là chứa, cất giấu, sách phương ngôn cho rằng: Giáp là giúp đỡ.

Yểm diện, ngược lại âm ư nhiễm ô cảm, hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Yểm là che đậy, cũng là ẩn giấu. Kinh văn viết chữ yểm, ngược lại âm nhất cảm. Yểm là ăn. Bì thương cho rằng: Yểm là cười ha ha, gọi là tay nắm thức ăn cho ăn, yểm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bày đồng Bì Thương viết chữ biện đông. Xem sách hán ký nhân nước viết chữ bày. Vương bậc chú giải sách rằng: cái túi da, viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm bì bái. Chỗ gọi là vật dụng trong nhà dùng thổi lửa khiến cho lửa cháy rực lên.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 6

Xạ đóa, ngược lại âm đồ quả. Gọi là gò đất bằng phẳng. Kinh văn viết chữ đóa ngược lại âm đinh quả. Đóa là mô đất chẳng phải rõ ràng, âm minh là âm bằng.

Sàm thích, ngược lại âm sĩ hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: sàm là

cái xẻng, cái cuốc rất rất bén. Quảng Nhã cho rằng: sàm gọi là nguyên tố kim loại hóa học, âm bi, ngược lại âm phổ bì.

- QUYỂN 7 : Không có âm giải thích

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 8

Nhuyễn nhuế, ngược lại âm nhi luyến, ngược lại âm dưới nãi khổn. Tự uyển lại viết chữ noãn, gọi là mền mại dể gãy. Văn thông dụng lại viết chữ nhúc, tức là cái mộng tái sinh. Lại viết chữ nộn tức là non nớt, chữ cũng gần nghĩa. Kinh văn viết chữ nhu, lại viết chữ hy đều chẳng phải thể chữ.

Khước thủng giải thích chữ cổ. Nay viết chữ. Thũng cũng đồng, ngược lại âm thời thũng. Văn thông dụng cho rằng: bắp chân sưng lên gọi là thũng. Thũng là chân bị bệnh. Kinh văn viết chữ chung là chẳng phải thể chữ.

Liệt thằng ngược lại âm lực kết gọi là bước ngoặt.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 9

Thiết trâm lại viết chữ trâm hai chữ tượng hình cũng đồng. ngược lại âm chư kim. Gọi là cái búa, cái chày đá để đập quần áo giặt, Kinh văn viết chữ đam, ngược lại âm văn tâm. Thuộc chất sắt kim loại, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thiết trùy ngược lại âm trực nguy. Quảng Nhã cho rằng: trùy gọi là quả cân. Sách phương ngôn cho rằng sức nặng, đo trọng lượng. Trái cân.

Giảo đao ngược lại âm cổ noản, gọi là đao kiếm. Nay cũng gọi là cây kéo. Lại cũng gọi là kéo cắt lông ngựa là giảo đao. Thích danh cho rằng: Giảo đao là vót nhọn mũi đao, tất cả đều tùy thời mà dùng làm tên gọi vậy.

Khu xúc, ngược lại âm tử lục, gọi là bức xúc, thôi thúc, thúc giục.

Quảng Nhã cho rằng: cấp bách, gấp gáp. Kinh văn viết chữ xúc là dáng vẻ cung kính khép nép, trốn tránh tìm nơi an tịnh. Xúc chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phỉ đọa sách cổ viết chữ phi phần nhiều viết chữ phi, cũng đồng, ngược lại âm phủ vi chim gọi là phi phi dương. Theo Hán thư dui giải rằng: Tháng giêng loài chim này tìm ăn cho to lớn, nơi chim cưu tức chim tu lui, sắc lông có năm màu sắc bay qua đến nước Trịnh, sau tháng hai là bay về tìm ao nước mà đậu.

Bộ xoa ngược lại âm sở duy gọi là cung tên rất nhiều vậy. Văn thông dụng cho rằng: Trong đây làm các mũi tên bằng tre âm phục ngược lại âm phò bức.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 10

Tịch thanh lại viết hai chữ tịch này tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tình lịch. Sách phương ngôn cho rằng: Tịch là an tịnh, Sách Thuyết Văn cho rằng: tịch là than thở.

Dịch thủ văn cổ viết chữ dịch xà tha ba chữ tượng hình. Nay viết chữ thỉ cũng đồng, ngược lại âm thực nhĩ, gọi là dùng lưỡi mà liếm thức ăn. Kinh văn viết chữ thĩ hai chữ tượng hình này chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

Bề đẳng ngược lại âm bổ hề văn thông dụng cho rằng: Loại ký sinh trùng, tức bọ chét sống trên thân con chó gọi là bề. Kinh văn viết chữ bi, ngược lại âm phò ty. Loại ve con bọ ngựa bi chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Châu đan ngược lại âm đồ đán. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đan là nước chảy có cát lồi ra. Quách Phác cho rằng: nay ở Giang Đông gọi là cát chảy theo nước đùn lên thành bãi cát đồi đất gọi là đan. Gọi là cát trong nước chảy theo bồi đắp thành phù sa đồi đất hòn đảo. Kinh văn viết chữ diên âm diên. chẳng phải thể chữ.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 11

Ngược lại âm chi dật gọi là con đỉa bám vào da người hút máu. Người giang Đông gọi là con chấy, con rận, âm kỹ, ngược lại âm cự kỹ. Kinh văn viết chữ chất, ngược lại âm tri lật gọi là con dế mèn chẳng phải nghĩa đây dùng.

Khúc thiện, âm thiện xưa nay chánh tự cho rằng: Con giun đất. tên gọi khác nửa là Mật thiện. Giang Đông gọi là hàn dẫn. Thiện trường sống trong đất. giang đông gọi là ca nữ, hoặc gọi là minh thiết. Kinh văn viết chữ thiện chẳng phải thể nay dùng.

Thiết toàn, ngược lại âm kỳ liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái bừa cũng gọi là cây kiềm kẹp lấy vật. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cây kiềm giữ lấy cầm giữ. Văn thông dụng cho rằng: Cái dùi, khoan, dụng cụ khoan xuyên qua vật gọi là toàn. Kinh văn viết chữ kiềm, gọi là lấy kiềm kẹp thuê người lại kiềm là chẳng phải nghĩa đây dùng, âm triếp ngược lại âm nô nhiếp.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 12

Trá tề, chữ đúng là viết chữ lai, cũng đồng. Ngược lại âm trúc giai. Quảng Nhã cho rằng: Lai là cấn, nhai. Kinh văn viết chữ tề, ngược lại âm tại kế. Tề là mọc răng. Tề chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 13

Oách ngư văn cổ viết chữ hoạch kỹ hai âm. Sách Nhĩ thất cho rằng: Loại sâu bướm thường được sinh ở cây dâu, lớn đó gọi là oách, giống như loại côn trùng mà to lớn màu trắng, âm phi ngược lại âm nô kiêm.

Khi đảo hoặc là viết khi khí kỳ, ba chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm khứ tri. Sách Thuyết Văn cho rằng: khi là thân nghiêng

lệch không an, chữ viết từ bộ nguy thanh chi.

Trữ khí ngược lại âm trừ lữ thời nhữ hai âm. Quảng Nhã cho rằng: trữ là cái thoi dệt cũng là cái cối. Cũng gọi là trừ bỏ, nghĩ ngơi âm khảm ngược lại âm dực chiểu.

Loan súc ngược lại âm lực tuyền. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loan là bệnh cũng gọi là co rút lại. Kinh văn viết luyến du hai chữ tượng hình đều là chẳng phải thể chữ.

Áp suất ngược lại âm ô giáp, ngược lại âm dưới tử cát. Sách chu thành nan tự cho rằng: Viết chữ can tát. Gọi là hình phạt kẹp ngón tay. Kinh văn viết chữ giáp. giáp hoàn toàn hai chữ tượng hình cũng đồng, âm giáp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bình trung ngược lại âm bổ định. Quảng Nhã cho rằng: Bình là nhà xí sạch là chuồng heo. Bình cũng là bình là vật che chắn.

- QUYỂN 14, 15: Không có chữ để âm giải thích.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 16

Phiêu cổ ngược lại âm công hộ, gọi là cổ động. Phàm vật động đều gọi là cổ Kinh văn viết từ bộ phong viết thành chữ cổ là chẳng phải.

Yểm trách nay viết chữ trách cũng đồng, ngược lại âm trắc cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trách là ép, chật hẹp, gọi là ép cho ra nước.

Thư trùng ngược lại âm thư dư. Văn thông dụng cho rằng: trong thịt có vi trùng gọi là thư. Kinh văn viết chữ thư, ngược lại âm tử dư tức là con giòi. Lại viết thu du hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

- QUYỂN 17 (Không có chữ âm giải thích.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 18

Yểm ám, ngược lại âm ô cảm, gọi là không rõ ràng cũng gọi là viết đen. Sách toán văn cho rằng: đen thâm.

Úng tỵ, ngược lại âm ất lộng. Bì Thương cho rằng: bị ngẹt mũi.

Yêu nghiệt, ngược lại âm ngũ kiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mặc y phục ca hát là loài cây cỏ quái dị, gọi là yêu. Loài côn trùng cầm thú, loài châu chấu quái dị gọi là nghiệt. Kinh văn viết chữ nghiệt là con ngoài giá thú tức con vợ lẻ. Lại viết chữ nghiệt cũng cận tự gần giống nghĩa.

Uông suy nay viết chữ uông cũng đồng ngược lại âm ô hoàng, uông là ốm gầy. Suy là ốm yếu bệnh hoạn. Văn thông dụng cho rằng: ngắn, nhỏ gọi là uông uông cũng là yểu mạng chết non.

Cao tường ngược lại âm ngũ cao gọi là bay lượn, bay vòng quanh. Bay mà không động cách gọi là tường. Thích danh cho rằng: Cao là dạo, nói là đi dạo loanh quanh, tường dương, nói là bồi hồi đi tới đi lui không quyết định.

Dữu đẳng, ngược lại âm dực chu do cứu hai âm. Tự lâm cho rằng: giống như chuột mà màu vàng, đỏ mà lớn hơn gọi là con chồn, con sóc.

- **QUYỂN 19, 20** (Hai quyển trên đều không có chữ âm để giải thích.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 21

Ám y ngược lại âmư ấm lại cũng âm ất thức. âm là kêu gọi lớn, cũng gọi là lớn tiếng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Y là xuất ra hơi thở. Kinh văn viết chữ ế ngược lại âm ư biết gọi là trong cổ họng bị tất ngẽn, ế chẳng phải nghĩa đây dùng.

Kim khã ngược lại âm cự kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: Gấp vội nếu nắm vạt áo trước, chữ viết từ bộ thủ, ngược lại âm dưới khổ da. Nay cũng nói là cắn miệng lại. Kinh văn viết chữ thâu là chẳng phải.

- QUYỂN 22, 23 (Hai quyển trên không có âm chữ để giải thích.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 24

Hoạt hoạt ngược lại âm ư hoạt văn thông dụng cho rằng: Trong cổ họng la lớn gọi là hoạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trong cổ họng hơi thở không thông. Kinh văn viết chữ hớt hớt là chẳng phải.

Tương phốc ngược lại âm phương bốc. Tự lâm cho rằng: ngón tay đang vào nhau, sách bát nhã cho rằng: Phốc là đánh.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 25

Lân cư lại viết chư cứ cự, hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cự lữ, cư lữ hai âm. Gọi là chân gà có cựa, chữ viết từ bộ giác đến bộ ngư (0, viết thành chữ cựa là chẳng phải.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 26

Triển chư ngược lại âm nữ triển. Sách Thuyết Văn cho rằng: Triển là bánh xe lăn nghiền nát. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Triển là chỗ bánh xe lăn đi.

Đối tập tự lâm cho rằng: âm nhi chung. Gọi là vải lụa dùng dệt ở nước kế tân, hoặc là viết chữ tập tức là cỏ lau mềm mại.

- QUYỂN 27 (Trước không có âm.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 28

Hài ngẫu ngược lại âm hồ giai ngô khẩu. Gọi là hài hòa, ngẫu là hợp sức. Kinh văn viết tích ngẩu là chẳng phải thể.

Cách tỷ ngược lại âm sở khỉ, gọi là giày dép da. Kinh văn viết chữ tích là chẳng phải.

Hóa bột ngược lại âm bổ một. Quảng Nhã cho rằng: bột là dạt dào tràn trề, bừng bừng sức sống.

- QUYỂN 29, 30 (Hai quyển trên đều không có âm.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM QUYỂN 31

Trĩ điểu văn cổ viết chữ thế cũng đồng, ngược lại âm trực lý. Kinh văn viết chữ trĩ ngược lại âm dư cật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim bồ thị.

Mi bồ ngược lại âm cổ mộc văn thông dụng cho rằng: võ cứng lúa mì gọi là cũng gọi là cỏ bồ, âm cao ngược lại âm nô cốc.

Cơ phát Sách Thuyết Văn viết sạ phát. Cơ là bộ máy chủ phát động. Gọi là cốt cán chế ra chổ động chuyển.

Phổ thiên, nay viết chữ phổ cũng đồng ngược lại âm vong cổ. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Phô là to lớn cũng gọi là biến khắp.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM QUYỂN 32

Quyên Lưu ngược lại âm cổ huyền, tự lâm cho rằng: nước chảy yếu, dòng nước nhỏ.

Bỉ liệt văn cổ viết quát tiết chấp diệp bốn chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ tiết cũng đồng, ngược lại âm tức liệt là khinh khi. Sách luận ngữ cho rằng: màu hồng màu tím không lấy là nhuộm y phục được. Vương túc cho rằng: Y phục riêng chẳng phải cho của công hội, gọi là áo lót riêng của phụ nữ.

Điều thoại văn cổ viết thoại hội mậu ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ khoái. Gọi là khéo nói cho hiểu. Kinh văn viết chữ hoa, âm hoa là ồn ào, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xạ u âm da. Sách Thuyết Văn cho rằng: con hươu cái đến mùa hạ

thì cỡi bỏ cái sừng, âm dưới lại viết chữ u cũng đồng, ngược lại âm ư ngưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là con hươu cái.

- QUYỂN 33, 34, 35 36 (Bốn quyển trên đều trước không có âm.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 37

Hộ động, ngược lại âm Hồ quách luống phược hai âm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hộ là kinh sợ.

- QUYỂN 38 (Ttrước không có âm.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 39

Siểm cuống. Tự thư cho rằng: hoặc là viết chữ chiêm cũng đồng, ngược lại âm thức nhiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: siểm là thò đầu vào nhìn trộm.

- **QUYỂN 40, 41, 42, 43** (Bốn quyển trên đều trước không có âm.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 44

Yêu lợi. Tự thư viết chữ yêu cũng đồng, ngược lại cổ nhiêu, gọi là yêu cầu, mời, ngăn che, trọgn yếu yêu cầu.

Đống thọ, văn cổ viết chữ đông cũng đồng, ngược lại âm lực kiến. Cây có bông trắng mà mền mại dính có thể giặt áo. Kinh văn viết chữ luyện là chẳng phải chữ.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 45

Thường tráp văn thông dụng cho rằng: Chẳng phải chữ tiết. Sách Tự uyển viết chữ cũng đồng, ngược lại âm trang giáp, gọi là mắt nháy nhiều lần. Kinh văn viết chữ hiệp (0, ngược lại âm tử diệp. Lông mi mắt, hiệp là chữ chẳng phải thể.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 46

Sư cước, ngược lại âm như nhuyễn, lại âm doanh tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cây hồng mà nhỏ, hoặc viết chữ nhuyễn chữ từ bộ mộc thanh nhuyễn. Kinh văn viết chữ nhu chẳng phải thể.

Để đậu ngược lại âm trúc thi. Quảng Nhã cho rằng: Một loại đậu giống đậu.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 47

Trù khái, văn cổ viết chữ khai cũng đồng, ngược lại âm cư trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: trù là nhiều dày đặc. Khái cũng là dày đặc.

Tích dịch ngược lại âm tư lịch âm dưới là diệc. Sơn Đông gọi dị mịch. Thiểm tây gọi là Tích cung sống trong cỏ, gọi là tích dịch tức là con rắn mới. Kinh văn viết chữ lạt là chẳng phải thể, âm vị ngược lại âm sĩ tặng âm mịch là âm mịch.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 48

Thùy khiêu mượn âm, ngược lại âm tha điểu. Gọi là thiên y hồi xuất.

Kiêu hành, ngược lại âm khưu thiệu, khĩ kiêu hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Loài sâu mọt côn trùng hay đục gỗ. Kinh văn viết chữ khiêu ngược lại âm thổ nhiêu. Khiêu là bới móc, khều ra khiêu chẳng phải nghĩa chữ đây dùng.

Bất tiếu ngược lại âm tiên diệu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: không giống, nói là không giống như người. Kinh văn viết chữ tiêu là chẳng phải.

Kiên hạt lại viết chữ kiền kịch, hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm kỹ ngôn, văn thông dụng cho rằng: Dùng dao cắt bỏ âm tầng tức bộ phận sinh dục, gọi là kiền, chữ viết từ bộ ngưu tức là bò thiến.

Phỏng tập ngược lại âm bổ vãng. Quảng Nhã cho rằng: phỏng là bắt chước theo, cũng gọi là dựa theo so sánh. Kinh văn viết chữ phòng là chẳng phải.

- QUYỂN 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 (Bảy quyển trên đều không có âm để giải thích.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 56

Chi đa ngược lại âm chỉ di. Tên của loại hoa. Chi đa la hoa. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ chi lấy nghĩa này, đọc uốn lưỡi lên.

Án nhiên ngược lại âm ô nhạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: trời trong xanh. Án cũng gọi màu xanh biếc. Kinh văn viết từ bộ môn viết thành án là chẳng phải thể.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 57

Hao cú lại viết chữ hao cũng đồng ngược lại âm hồ giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng cọp rống, tên khác gọi là sư tử rống, chữ viết từ bộ hổ thanh cửu.

Đột phục ngược lại âm đồ kiết. Sách tự uyển viết chữ đột. Đột

là lồi ra, nhô ra. Thiên Thương Hiệt viết chữ đột, nghĩa là không bằng phẳng.

Câu giới văn cổ viết chữ câu ngưu hai chữ tượng hình. nay viết chữ câu cũng đồng, ngược lại âm hồ cẩu. Theo Thanh loại cho rằng: tiếng đệm trong mật chú Phạm ngữ, ngược lại âm dưới hồ giới. Sách vận tập viết chữ uy giới, nghĩa là la mắng quở trách. Thiên Thương Hiệt giải thích chữ cổ viết chữ kham. Tiếng giận dữ sân nhuế. Văn thông dụng viết chữ hy, nghĩa là lớn tiếng. Giống như là tiếng kêu gọi mắng mỏ vì giận tức đều là như vậy.

Thủy thủng ngược lại âm chi lũng. Thủng là bệnh. Kinh văn viết thũng là chẳng phải thể.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM QUYỂN 58

Nghê la ngược lại âm ngô kê. Các kinh cũng có viết chữ la giống như tiếng Phạm chuyện đọc sai.

Lĩnh chu, ngược lại âm, lịch đinh vương dật chú giải sách sở từ rằng: Trên thuyền có cửa sổ đó. tự thư cho rằng: trên thuyền có phòng nhà có cửa sổ gọi là linh.

Ẩu Lũ, ngược lại âm ư cũ, lực chủ, hai âm. Văn thông dụng cho rằng: trên lưng xương sống cong gọi là ẩu lũ. Kinh văn viết vu lâu hai chữ tượng hình ngược lại âm tự câu, vu nghĩa là trốn tránh, ngược lại âm dưới lực hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: liên luỵ chẳng phải nghĩa chữ đây dùng.

Khang liệt ngược lại âm hồ đang ngược lại âm dưới lực chiếc. Sách Thuyết Văn viết chữ thứ. Nói rằng tre có loại xấu cong không thẳng. Gọi là khang liệt.

- **QUYỂN 59, 60, 61, 62, 63** (Năm quyển trên đều trước không có âm giải thích.)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 64

Khế cao lại viết kết khế hai chữ tượng hình cũng đồng. ngược lại âm cổ khiết âm dưới là cao. Văn thông dụng cho rằng: dụng cụ máy múc nước giếng, gọi là khế cao.

Ngoan tỳ, nay viết chữ tỳ cũng đồng, ngược lại âm ty lợi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chân bị sưng thủng không đến được. Kinh văn viết chữ tỳ ngược lại âm tất nhị. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh thấp khớp, bệnh phong, bệnh tê.

Điển hoán, vâng theo các âm, lạt điển lạt quan hai âm. Bệnh tóc rụng, chưa rõ âm chữ chỗ xuất phát.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 65

Phiêu bệnh, tự lâm âm là phương diêu. Bệnh ung thư. Kinh văn viết chữ phiêu gọi là bệnh tê cũng đồng. ngược lại âm trần chi ty tiểu phiêu là chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Hoặc dũ ngược lại âm du nhũ, gọi là biếng nhác, biếng lười. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dũ là làm việc lao nhọc, chữ dũ viết từ bộ huyệt đến hai bộ trảo.

Sưu tích văn cổ viết chữ tích ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tài tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là bệnh gầy ốm, cũng mỏnng manh yếu mềm.

Tiều khởi, ngược lại âm trực tray. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái trán. Nay giang đông nam gọi là tuy là cái đầu, da trên trán. Kinh văn viết chữ truy là chẳng phải.

Khóa cốt ngược lại âm khổ sương, gọi là xương hông. Sách Thuyết Văn cho rằng: khỏa tức là xương bắp đùi, chữ viết từ bộ cốt thanh khóa Kinh văn viết chữ giáng ngược lại âm cổ ngạn giáng là xương sườn. Lại viết khóa cư đều chẳng phải đây dùng.

Đỉnh trực văn cổ viết chữ đỉnh này cũng đồng, ngược lại âm tha đỉnh, văn thông dụng cho rằng: bằng phẳng gọi là đỉnh. Kinh văn viết chữ đỉnh là chẳng phải, chưa rõ chỗ xuất phát sách nào.

Tê la ngược lại âm phổ mê gọi là thành thân. Tiến phạm

- QUYỂN 66 (Trước không có âm)

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 67

Hới mẫu lại viết hồi cũng đồng ngược lại âm hồ hoàn. Thiên Thương Hiệt giải thích chữ cổ cho rằng: hối là trong bụng có trùng.

Nha cốt ngược lại âm hồ gia tên của loài côn trùng.

Tần gia ngược lại âm trên tỳ nhân Kinh văn viết chữ tần da hai chữ tượng hình, gôm tất cả sách chưa thấy chổ xuất phát chữ này.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM
QUYỂN 68

Hồng điểu văn cổ viết chuẩn đúng tuy thanh loại hoặc là viết chữ khưu cũng đồng, ngược lại âm hồ công chim hồng hạc.

Ao sàng, ngược lại âm dương thừa nhược đàm, chưa rõ tên nghĩa của chữ.

Yên ba, ngược lại cư diên tên của loại quả, quả yên ba ca. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết chữ yên là chẳng phải.

- QUYỂN 69, 70 (Hai quyển trên trước đều không có âm.)

****

KINH BỔN HÀNH TẬP - *Huyền Ứng soạn*
QUYỂN 1

Ca lan đà ô hoặc nói kha lan đà hoặc viết ca lan đà ca hoặc gọi là yết lan đạt ca đều là tiếng Phạm, đọc có nặng có nhẹ. Đây dịch là con chim có tiếng hót hay. Theo truyện ngoại gọi chim này là hình giống như chim thước tức là chim khách, nhưng chim này sống có bầy tụ tập rất nhiều đậu trong rừng tre. Xưa có vị quốc vương ở trong rừng này ngũ nghĩ, thì rắn bò tới muốn cắn nhà vua, chim hót lên làm nhà vua giật mình tỉnh giấc, vua nhớ cái ân cứu mạng nên rải thức ăn nuôi dưỡng chim trong rừng này, cư sĩ chủ của khu rừng này bèn theo đây mà đặt tên là Ca lan đà ca xưa An ngoại đạo sau đó cúng khu rừng này cho Đức Như Lai.

Kỳ na, hoặc nói là Thị na hoặc viết là kỳ na, Hán dịch là thắng, nói là tối thắng.

Sàng phu (0 ngược lại âm phổ hồ. Quảng Thất cho rằng: phu là bày ra, trải chiếu, cũng gọi là thư thả thoải mái. Sách Lễ ký cho rằng: phu là cái ghế dựa làm bằng trúc.

Ký biệt ngược lại âm bại liệt gọi là phân biệt. Xưa nói rất nhiều gọi là ấn trụ, Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt là chẳng phải.

Tỳ lô hoặc gọi là phệ lô giá na. Hoặc nói là bễ lô giá na. Hán dịch là biến chiếu. Trong sách không có chữ lô này, nghĩa theo truyền miệng mà làm riêng khác âm lô đưng nghi âm khiên câu.

Thủ đà bà sa hoặc gọi là thuật đà bà sa hoặc gọi là tư đà. Thủ đà đây gọi là trịnh bà sa. Hán dịch là cung điên cũng gọi là xá hoặc nói là chỗ ở tức là ngũ Tịnh cư thiên.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 2

Đản dục ngược lại âm đạt đản. Theo kinh nói rằng: Tháng trăng đầy đến khuyết. Theo truyện cho rằng: Đản là to lớn, trịnh điển cho rằng: To lớn hậu mục cho rằng: Ở trong thai mẹ suốt đến than người là mười tháng mới sinh ra.

Tằng các ngược lại âm tử đát tự đát hai âm, Sách Thuyết Văn cho rằng: Nhà có nhiều tầng. Kinh sơn hải nói rằng: Mây che phủ ba tầng. Quách Phác cho rằng: Tầng là có nhiều lớp, cũng gọi là ràng buộc, liên lụy.

Kháp nhiên ngược lại âm khẩu hợp. Sách sổ từ cho rằng: Đột nhiên mà chết, như nước đang chảy mà dừng. Vương Dật cho rằng: Kháp giống như chìm xuống. Quảng Thất cho rằng: Kháp là dựa theo.

Tất lật sách toán văn cho rằng: Tất lật đó là khương Hồ lạc, tên khí cụ. Kinh văn viết chữ tất nghiệt.

Thĩ thâu văn cổ viết chữ thích đà hai chữ tượng hình. nay viết chữ quát. Lại viết chữ thỉ cũng đồng. ngược lại âm thực nhĩ. Gọi là dùng lưỡi liếm lấy thức ăn, âm dưới lại viết chữ thấu cũng đồng ngược lại âm sở giác và văn thông dụng cho rằng: Uống vào ngậm trong miệng gọi là thấu. Tam thương cho rằng: Thấu là bú múc sữa. Âm duyển ngược lại âm tộ duyến.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 3

Diên chủ ngược lại âm dĩ chiên gọi là chủ của bát diên. Sách âm nghĩa Hán thư cho rằng: bát diên là vùng đất xa hoang vắng xa xôi, vùng biên giới, vùng ven bờ.

Hang thuật ngược lại âm thần duật. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đường giữa ấp gọi là thuật, cũng là đường lộ lớn.

Duệ ngã ngược lại âm di thế lại viết chữ duệ, quảng thất cho duệ là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: duệ là kéo thẳng, lôi kéo dẫn dắt.

- QUYỂN 4 (Trước không có âm)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 5

Giao thanh âm giao thanh tên của một loài chim, tên gọi khác là tên giao lư. Loài chim diều hâu, sống thành bầy gần núi thường bay từng đàn như gà, chân cao. Giữa sông giang hoài người ta có thể nuôi, lấy làm ngăn nạn lửa.

Quy ngao ngược lại âm ngô cao tự lâm cho rằng: Trong biển lớn có loài rùa có sức mạnh có thể cõng ba quả núi bồng lai.

Bạch lộ tự thư viết chữ Lô cũng đồng ngược lại âm lại tố. Chim trắng. Đầu trắng cánh trên lưng có lông dài, người giang đông lấy làm lông mi. Gọi là bạch lộ, âm lô ngược lại âm tô lôi.

Lô tư ngược lại âm lang đô âm dưới lại viết tư cũng đồng ngược lại âm tài tư. Lâm tự cho rằng: Lô tư giống như chim nghịch loài thủy điểu mà màu đen mỏ trên đầu cong như móc câu ăn cá. Loài chim này có thai đẻ ra từ miệng. Trong oái ra một lần sinh tám chín con chim con. Trung quốc gọi là thủy điểu, âm nghịch, ngược lại ngũ lịch.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 6

Uyển hựu, ngược lại âm vu cứu. Tự lâm cho rằng: Khu vườn có tường bao quanh gọi là uyển. Không có tường gọi là hựu, hựu cũng gọi là vườn cấm uyển.

Thứ cơ sách Nhĩ Nhã cho rằng: thứ cơ là hầu như, gần như hy vọng mai ra. Quách Phác cho rằng: thứ cơ là may mắn. Thứ là tụ tập đông đúc. Cơ là may mắn, huy vọng may mắn, nơi con đường lành, cơ cũng là nhiêu ích.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 7

Khôi tội ngược lại âm ngưu hồi, âm dưới lại âm trực ngôi, Sách Thuyết Văn cho rằng: núi cao mà bằng phẳng. Tội cũng là núi cao.

Thỉ xuyết ngược lại âm thời duyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyết là nếm thử, sách nhĩ thất cho rằng: xuyết là uống trà. Quách Phác cho rằng: xuyết nhặt thức ăn mà ăn. văn thông dụng cho rằng: Viết chữ mão, nay thông dụng gọi là ăn vật nhỏ bé gọi là xuyết.

Thiên mạch ngược lại âm thả điền. Phong tục thông thường gọi là đường bắc nam là thiên. Đông tây gọi là mạch. Quảng Thất cho rằng: mạch là con đường. Sách sử ký cho rằng: triện Hy công đào giếng lớn mở ra con đường Thiên mạch.

Giám ư tự thư viết chữ giám cũng đồng, ngược lại âm cổ sàm. Sách Quảng thất cho rằng: Giám là chiếu sáng. Giám cũng gọi là cái gương soi. Kinh thi cho rằng: Tâm ta là kẻ trộm cần phải soi sáng. Theo truyện cho rằng: Giám là chỗ dùng để soi thực tế thân hình.

Hoài dựng văn cổ viết đàn cũng đồng, ngược lại âm di chứng. Tam thương cho rằng: Dựng là ôm đứa con trong lòng. Quảng thất cho rằng: Dựng là thân mang thai, chữ viết từ bộ tử thanh nãi.

Táp tỳ ngược lại âm lực hàm hoặc nói là lưu tỳ ni hoặc nói là Lâm vi ni. Nói cho đúng là Lam Lân ni. Đây nói là diêm tức là thời thượng cổ người giữ khu vườn tên là giáp. Bởi vì vậy tên là viên phạm na. Đây gọi là lâm, hoặc dịch là giải thoát, cũng gọi là diệt cũng gọi là đoạn, âm lân ngược lại âm phò văn.

Án đăng ngược lại âm Đô đặng gọi là roi quất ngựa, lại lên lưng ngựa. Đạp lên lưng ngựa. Kinh văn viết đăng văn cổ viết chữ đăng.

Khanh thương lại viết chữ khanh cũng đồng, ngược lại âm khổ canh, âm dưới lại viết chữ thương cũng đồng, ngược lại âm thả dương. Quảng Thất cho rằng: Khanh Thương là tiếng kim loại kêu leng keng. Theo sách lễ ký cho rằng: Tử hạ nghe tiếng đàn cầm sắt leng keng. Lại tự lâm cho rằng: Lại xung lên ngược lại Bì thương cho rằng: Thương là tiếng kim loại leng keng.

Kình dũng ngược lại âm cư thanh. Tự lâm cho rằng: Kình là sức mạnh chữ viết từ bộ lực thanh kình âm kinh ngược lại âm cổ định.

Sắc hồng, ngược lại âm Hồ công. Quách Phác chú giải sách nhĩ thất âm nghĩa rằng: Hồng là hai màu xuất ra rất sáng chói, đó là hùng tức con gà trống gọi là hồng. Còn tối tăm là thư. Thư tức con gà mái gọi là nghê, nghê hoặc là viết chữ nghê này, âm nghê ngược lại âm ngũ khê, tục âm cổ hạng, gọi là màu xanh và màu đỏ.

Tuy bộc ngược lại âm bổ bốc ánh nắng làm khô ráo, chữ viết từ bộ nhụt đến bộ xuất. Đến bộ cũng đến bộ mể, chữ chỉ ý âm cũng hoặc viết chữ bái cũng đồng, ngược lại âm cự hung cũng là nắm giữ.

Yểm thậm lại viết chữ hấp cũng đồng ngược lại âm dưới tha cảm. Gọi là không sáng rỏ. Sách toán văn cho rằng: Háp thậm là đen thâm.

Ca xi, ngược lại trắc cơ của vua. Ca xi bà người từ cánh tay sinh ra, như vua sinh từ trên đảnh...

Cao câu, ngược lại âm hồ lạc khô lão hai âm. Loại cam giá vương.

Cương thạch ngược lại âm cư Lương. Hình như cương là biên giới. Văn thông dụng cho rằng: đất có nhiều đá nhỏ gọi là cương lịch, chữ viết từ bộ thạch. Kinh văn viết từ bộ thổ là chẳng phải.

Khiêu lý ngược lại âm cư lược sách sữ ký cho rằng: Chân đi giày cỏ vai gánh sọt. Sách Quảng thất cho rằng: giày cỏ, cửa phên, âm phi ngược lại âm phó vị. Cánh cửa phên bằng cỏ thô sơ, giày cỏ cửa phên, âm đậu ngược lại âm đô hằng, gọi là nón cỏ có quai.

Thuyên đề hoặc nói thiên đề, gọi là có thể dời đổi theo đề là đưa lên, hoặc viết thuyên đề nói là lấy cỏ thơm làm cái nơm là chẳng phải. Phương này vật xuất ra từ núi Côn lôn.

- QUYỂN 8 : Trước không có âm.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 9

Tỳ lũ Sách Thuyết Văn viết chữ cũng đồng, ngược lại âm dư chứng. Thực chứng hai âm. Sách nhĩ thất cho rằng: Lũ là đưa tiển, gọi là đưa tiễn người con gái gọi là lũ. Theo công dương truyện nói rằng: Lũ là các chư hầu nào tụ lại một nước. Thì hai nước khác phải theo lệ biếu tặng các vợ lẻ hoặc là con cháu theo. Thích danh cho rằng: Lũ là dư thừa, cũng gọi là việc dư thừa, việc vừa thích hợp vâng theo việc khác.

Kiền trắc, kinh Lục độ tập viết: Kiên đức. Nói cho đúng là kiến tha ca. Đây dịch là nạp tức là nhận vào âm kiên ngược lại âm cư ngôn.

Bất sa ngược lại âm thiên hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: so le không đồng đều. Sa nghĩa là hủy bỏ cái răng.

Bất khủ ngược lại âm ngũ câu ngưu câu hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng không ngay. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: răng mọc trùng lấp với nhau, gọi là cây răng mọc không đều không bằng nhau.

Chúng nhĩ ngược lại âm nhơn chí sách Quảng Thất cho rằng: Tơ lụa đường nhĩ ở nước kế tân dệt bằng lông mịn gọi là kế đường, âm đường là âm đường.

Trịch trục lại viết chữ trịch này cũng đồng, ngược lại âm trình diệc. Dưới lại viết chữ chúc cũng đồng, ngược lại âm văn túc. Lâm tự cho rằng: Chân đứng một chổ không tiến tới. Quảng Thất cho rằng: trịch chúc là chần chừ, do dự không quyết.

Bất địch ngược lại âm đình lịch. Sách nhĩ thất cho rằng: Hiển chiếu tương kiến, gặp nhau, gặp mặt diện kiến.

Hắc can, ngược lại âm cổ hãn văn thông dụng cho rằng: trên mặt có nốt ruồi đen, trắng. Kinh văn viết từ bộ hắc viết thành chữ can là chẳng phải.

Cung bà ngược lại âm bá nhã một tay nắm giữ lại là bà Sách Thuyết Văn cho rằng: bà là nắm giữ, ép đè xuống, nắm giữ níu kéo. Kinh văn viết chữ bà chữ gần giống nghĩa.

Trừu nhiếp, ngược lại âm tri nhiếp chi thiệp hai âm. Gọi là không thẳng, gọi là vạt áo nhãn, các lớp chồng lên nhau, đều làm cho nhăn vậy.

Lý sách văn cổ viết chữ sách cũng đồng, ngược lại âm sỡ trách. Sách nghĩa là giản lược, giảm bớt. Sách cũng là thẻ tre dài đó là hai thước ngắn đó là phân nửa, kế đó là một dài một ngắn, lại gọi là giống như thửa ruộng.

Lưỡng uyển, lại viết chữ uyển cũng đồng ngược lại âm ô hoán. Gọi là hai khuỷu tay sau. Tức cùi chỏ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 10

Lô tảng lại viết chữ lô cũng đồng, ngược lại âm Lộc hồ xích hạ tô lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương sọ. Tự thư cho rằng: nảo tuỷ. Sách Quảng Thất cho rằng: Đầu lâu, gọi là Lâu độc, sách phương ngôn cho rằng: Nói là trên trán âm đốn ngược lại âm đồ các.

Sa nhiên ngược lại âm sở ban sở bản hai âm, tự lâm cho rằng: Khóc nước mắt rơi lả chả ròng ròng. Kinh thi cho rằng: San nhiên là nước mắt tự nhiên rơi.

Thân tụy ngược lại âm tư tủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quỷ thần gây họa, gọi là quỷ thần gây tai họa cho người.

Giao kiểm ngược lại âm cư nghiểm. Văn tự tập lược cho rằng: Gọi là da mi mắt ngoài.

Bi uyển, ngược lại âm ô hoán văn tự tập lược cho rằng: Kinh sợ kêu lên kinh dị

Bối bỉ, ngược lại âm bổ lai. Quảng Thất cho rằng: bối là phía sau lưng thường chống trái nhau. Gọi là xả bỏ đi tương phản. Kinh văn phần nhiều viết từ bộ nhân viết thành chữ bối.

Phô du ngược lại âm dực chu. Sách toán văn viết chữ phù du nói là sắc đẹp. sách phương ngôn viết phó du là vui vẻ hài hòa. Phó du cũng gọi là nhan sắc đẹp sắc mặt tươi vui, âm phó ngược lại âm phương câu.

Bất phách ngược lại âm phổ địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: phách là phá ra. Quảng Nhã cho rằng: phách là nức ra. Bì Thương cho rằng: phách là mổ ra. ngược lại âm ổn phi ách. Giang nam âm hai âm phổ hành. Trong kinh lại âm hành thất địch.

Cô nhiên ngược lại âm cổ hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng đứa trẻ khóc. Quảng Thất cho rằng: tiếng khóc oa oa. Sách thượng thư cho rằng: đứa trẻ mới chào đời khóc oa oa.

Phân ế ngược lại âm phu vân. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân là khí hơi rõ ràng, khí tốt xấu, trước thấy rõ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 11

Bổ lưu ngược lại âm bổ hồ.

Bà thẳn ngược lại âm thức nhẫn.

Ba sĩ ngược lại âm đô khả.

Chân tự ngược lại âm cung nhân.

Trá tự ngược lại âm trắc gia.

Sá tự ngược lại âm sắc gia.

Nại tự ngược lại âm trực gia.

Nã tự ngược lại âm nữ gia.

Ai tự ngược lại âm nãi khả.

Ma tự ngược lại âm mạc khả.

Tiểu dũng. Sách Thuyết Văn viết chữ nhiêu cũng đồng, ngược lại âm trợ giao, gọi là dùng sức mạnh đánh thắng, gọi là sức mạnh mau chóng đánh dẹp. Trung quốc phần nhiều nói khuyến khuyến âm khuyến ngược lại âm khương quyền.

Tháp câu ngược lại âm đinh hạp. Tự thư cho rằng: cắt quấn lấy, uốn cong cắt dây lớn quấn quanh lại... đều làm theo đây. Kinh văn viết chữ tháp này là chẳng phải.

Chỉ huy lại viết chữ huy cũng đồng, ngược lại âm hứa bì, gọi là dùng tay chỉ gọi là huy, dùng cờ xí để chỉ huy, vì vậy mà gọi tên.

Địa ổn ngược lại âm ô bổn, gọi là an ổn.

Cân cố ngược lại âm cư cận, gọi là keo kiệt yêu tiếc của cải.

Kiêu hàm ngược lại âm sĩ hiệp ngược lại âm dưới ngư hiệp, gọi là chất mặn. Làm trò chơi vui đùa, người làm trò hề. Kinh văn viết chữ hiệp là dụ âm hiệp ngược lại âm cổ hiếp âm dưới cũng là dịu ngược lại âm hứa cập, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phiến mã ngược lại âm thất diện, văn tự tập lược cho rằng nhảy lên lưng ngựa.

Phê uyển lại viết chữ bề cũng đồng, ngược lại âm bổ kết. Quảng nhã cho rằng: bề là chuyển dời đổi. Theo tả truyện cho rằng: dùng tay mà đánh tát. Kinh viết chữ tất ngược lại âm bổ tất. Tất là đẩy ra xô đẩy ra. Tất chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trúc sĩ ngược lại âm trưng trục ngược lại âm dưới sắc truy. Quảng Nhã cho rằng: trúc là xay dựng. Sách Thuyết Văn cho rằng: trúc là đấp tường, đảo đập giả. Sĩ là lấy tay nhào trộn, nắm chặt gọi là sĩ.

Ảo chất lại viết chữ diêm cũng đồng, ngược lại âm ô oản gọi là vặn bẻ, bẻ gãy, âm liệt ngược lại âm lực kiết.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 12

Nhuyễn diệp lại viết nhiểm cũng đồng ngược lại âm nãi khổn tự uyển cho rằng: nhuyễn là mền yếu dễ gãy. Văn thông dụng cho rằng: nhiễm là tái sinh. Lại viết chữ nộn nghĩa là non nớt chữ cận nghĩa.

Lê cách ngược lại âm cư trách cách là ách xe. Đây chõ gọi là ách trâu để nắm giữ con trâu. Kinh văn viết chữ cách là chẳng phải thể, âm ách ngược lại âm ô cách

Thổ bát lại viết chữ bạt cũng đồng, ngược lại âm phù phát. Sách khảo công ty cho rằng: Cái lưỡi cày rộng năm tất, hai người cùng cày một lưỡi cày gọi là bạt cày đất rộng một thước, sâu một thước. Trịnh huyền cho rằng: hai người bạn đều cùng cày cách một luống cày, một bờ đê gọi là xuyên xuyên là luống cày trên tiếp nối luống cày dưới, nói là phát. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ một đến hai luống đất gọi là bạt, âm cự ngược lại âm tư dĩ âm xuyên ngược lại âm cổ huyễn

Trùng trĩ ngược lại âm trực nhĩ. Sách nhĩ thất cho rằng: có chân gọi là trùng, không chân gọi là trĩ.

Hỏa tẫn, ngược lại âm tợ tấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiêu đốt cũi còn lại tro tàn gọi là tẫn, sách nhĩ thất cho rằng: Tẫn là còn dư lại. Sách Thuyết Văn viết chữ tẫn.

Tử vưu trụ văn viết vưu cũng đồng, ngược lại âm vu cưu, văn thông dụng cho rằng: thịt thừa gọi là vưu. Quảng Thất cho rằng: vưu là mụt sưng nhỏ.

Thức ngược lại âm tứ tu Thiên Thương Hiệt cho rằng: đông người tiếng ồn ào. Cũng gọi là tiếng trẻ nít khóc. Ngược lại âm dưới tư lật. Văn thông dụng cho rằng: Tiếng chuột kêu gọi là chít chí cũng gọi là tiếng thì thầm.

Giới tương lại viết chữ giới này cũng đồng ngược lại âm quyết hề thuộc nước tương. Văn thông dụng cho rằng: Ngâm tương, rau dầm tương gọi là giới. Hạt tương ngâm giấm chỗ gọi là hòa tương giấm, sắc nhỏ làm tương. Khiến cho vật được phơi khô. Giang Nam gọi là hết thảy nếm mùi. Trung Quốc gọi là biết màu tương.

Tạp Đính ngược lại âm đinh định Giang Nam gọi là đính là thức ăn là bánh đính là thức ăn là bánh đậu đính. Kinh văn viết chữ điện. ngược lại âm đồ kiến điện là đồ cúng tế, kiến cúng còn đậu là âm đậu.

Trần tu sách chu lễ cho rằng: Có tám thứ trân quí. Âm dưới văn cổ viết

Chữ tu. Cũng đồng ngược lại âm tư do. Sách phương ngôn cho rằng: tu là thức ăn nấu chín Quách Phác cho rằng: tu gọi là thức ăn nóng. Sách chu lễ cho rằng: Thiện là thức ăn dâng cho vua gọi là tu. Trịnh huyền gọi là tu là có mùi vị mùi tạp là tu.

Trần ai ngược lại âm ô lai ai cũng là trần. Gọi là trần là bụi trần bay lấp gọi là ai tức bụi bặm.

Sữ siêm ngược lại âm sắc liêm siếm gọi là nhìn. Siếm cũng là người hầu hạ. Theo tã truyện cho rằng: sử siêm là dòm ngó chăm sóc.

Sấn nghi ngược lại âm sữu nhẫn gọi là sấn là đuổi theo. Sách toán văn cho rằng: quan tây gọi là đuổi theo vật là sấn.

Trừ cung ngược lại âm trực ư sách Thuyết Văn cho rằng: trừ là tích chứa để dành nhân tài. Sách tế ung khuyến học cho rằng: trừ là người giúp đỡ cho vua.

Thắng đóa ngược lại âm đồ giữa người hộ ngu lấy đất chứa làm đời. Đóa là gom tu lại âm tu ngược lại âm tài cú.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 13

Sao cận ngược lại âm cư cận cận là nhẫn âm nhẫn là âm như chấn.

Sam bỉ ngược lại âm sở nham theo Mao thi truyện cho rằng: Sam là dụng cụ trừ cỏ. Cũng gọi là chặt đốn kinh văn viết chữ sam. ngược lại âm sở giám. Sam là cái phảng lớn. chẳng phải nghĩa đây đúng.

Cân đâu lại viết chư cân cũng đồng ngược lại âm cư cân âm dưới đô khẩu. Gọi là vách núi cao chót vót. Đột nhiên trầm trọng, đến rất mau.

Trương áo lại viết chữ tác ngược lại âm trúc giao. Thiên thương hiệt ghi rằng: Trù là tiếng cười đùa bởn cợn. Làm trò vui.

Nhị phan ngược lại âm bổ đan tự lâm giải thích rằng: Phan là bộ phận được phân chia cũng là loại kinh văn viết chữ bàn. Chữ giã tá.

Danh ư ngược lại âm di doanh chữ gọi là triệu chất mời gọi đến danh hiệu kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ danh chữ cận âm. Tự lược cho rằng: Tương danh mục.

Bất vỹ bì thương viết chữ vĩ cũng đồng ngược lại âm vu quỹ sách Thuyết Văn cho rằng: Vĩ là lạ hiếm thấy kỳ vỹ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 14

Chiêm triếp ngược lại âm dữ diệp sách thiết văn cho rằng: Mất hơi triếp là sợ hãi. Thất thần gọi cách khác là nói không ngừng tức là nói sảng, nói mê.

Cụ trì lại viết chữ siêm ba hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa ngược lại âm trừ ly. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái ống trúc có bảy lỗ. Kinh thi cho rằng: Ông sáo thân thị thổi sáo rất hay.

Tiện quyên ngược lại âm ư huyền sách sở từ cho rằng: Nói đến người con gái đẹp. Vương dật chú giải rằng: Cũng là xinh đẹp.

Ốc nhược lại viết chữ ốc cũng đồng. ngược lại âm ư phược ô kiết hai âm. Kinh thi cho rằng: Cây có cành lá mềm mại. Theo truyện cho rằng: Ốc nhược cũng giống như tưới nước. Lại gọi là đất ẩm ướt có những cây dâu tốt tươi. Theo truyện cho rằng: Ốc lả mềm mại cũng là xinh đẹp tốt tươi.

Sơn lộc văn cổ viết chữ lộc cũng đồng. ngược lại âm lực cốc. Theo kinh thi nói rằng: Nhìn xem chân núi kia khô hạn theo man thi truyện nói: Chân núi, cũng gọi là thuộc rừng rậm nơi chân núi giụ là lộc.

Môn hạp ngược lại âm hồ lập sách Thuyết Văn cho rằng: Đóng cửa. Theo Kinh dịch nói rằng: Hạp là cửa cũng gọi là Đất. Tức là càn khôn.

Ngự bị ngược lại âm ngư lữ. Theo kinh thi nói: Trăm người canh giữ theo mao thi truyện cho rằng: Chống cự ngăn chặn. Chữ viết từ sợ thi.

Cang vỹ ngược lại âm vu vy sách nhĩ thất cho rằng: Cửa trong cung gọi là vĩ. Quách phác cho rằng: Gọi là cửa nhỏ thông ra ngoài tức là trong cung có cửa hẹp đường nhỏ thông ra.

Tiêu phòng theo sách ứng triệu hán cung nghi nói rằng: Gọi là phía sau tiêu phòng kinh thi nói rằng: Thật là cây tiêu biểu. Loại tiêu này sum xuê. Sinh sôi nảy nở. Chứa rất ở ngoại quốc khí hậu tốt thì loại tiêu này càng nảy nở sum xuê nhiều hơn lức hưng thạnh cũng lấy tiêu trộn vào đất trác vào tường nhà. Cũng gọi là lấy sự ấm áp. Trừ ác khí do có màu đỏ trộn với đất bùn đắp lên cung điện, gọi là chu trì.

Tán trợ ngược lại âm tư thã. Sách chu lễ cho rằng: Tán là trợ giúp những người không đủ. Trịnh huyền cho rằng: Tán là hỗ trợ, trợ giúp cũng gọi là đạo.

Giảo bình ngược lại âm cổ oãn ngược lại âm dưới bổ định giảo

cũng gọi quấy rối nhiễu loạn quảng thất cho rằng: Bình là nhà xí sạch là chuồng nhốt heo.

Đầu tĩnh văn cổ viết tĩnh thủy hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm thứ tính. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tĩnh là cái hầm lớn. Quảng thất cho rằng: Tĩnh là cái hồ sâu giếng.

KINH BỔN HÀNH TẬP QUYỂN 15

Kinh quý văn cổ viết chữ quý cũng đồng, ngược lại âm kỳ quý. Tự Lâm cho rằng: Động tâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi thở không định.

Xưng oán văn cổ viết chữ oán uyển, hai chữ tượng hình, nay viết uyển cũng đồng, ngược lại âm ư nguyên. Oán là cuồng. Gọi là oan khúc, oan khuất. Cũng là không có lý lẽ phải trái.

Đích trụ ngược lại âm đinh phục. Gọi là chủ đích. Tự thư cho rằng: vợ chánh. Quảng Nhã cho rằng: vợ vua. Công dương truyện cho rằng: Lập vợ chánh, làm trưởng. Gọi là vợ nào chánh tôn là phu nhân. Không phải vợ chánh thì con con gọi là đích tôn. Trụ là liên tục cũng là nối sợi dây liên tục.

Dung điệp lại viết chữ dung hai chữ tượng hình này cũng đồng, ngược lại âm dư chung. Sách Nhĩ Thất cho rằng: bức tường gọi là dụng. Thành cũng gọi là dung. Kinh thi nói: Đánh dẹp bức tường cao, ngược lại âm dưới đồ giáp. Điệp là bức tường thấp trên thành.

Sóc tán ngược lại âm sở giác, ngược lại âm dưới Thiên loạn. Bì Thương cho rằng: Sóc là cây mâu dài một trượng tám thước. Quảng Thất cho rằng: Toàn là cây giáo nhỏ mà dài, âm diên ngược lại âm thị diên.

KINH BỔN HÀNH TẬP QUYỂN 16

Uy di lại viết chữ vi cũng đồng ngược lại âm ư nguy. âm dưới lại viết chữ tha. cũng đồng, ngược lại âm đạt tế. Sách Thuyết Văn cho

rằng: Uy tha đó là đi quanh co ngoằn ngoèo.theo dấu chân mà đi loanh quanh dáng người tự đắc.

Hữu thần ngược lại âm thư lân chi nhẫn hai âm. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Có mang thai lớn trong bụng. Theo truyện nói rằng: Thai cựa động. Thần gọi là hoài thai mang thai. Quảng Thất cho rằng: thân có mang. Nay đều viết từ bộ thân cũng thông dụng.

Bàng bái ngược lại âm phổ bàng ngược lại âm dưới là phổ lại. Tam Thương cho rằng: bàng là nước chảy xối xả, ào ào, mưa dầm dề, bái là sóng nước ầm ầm, cũng là mưa to, nước tràn ngập.

Tâm chung lại viết chữ dung cũng đồng ngược lại âm chi dung. Sách phương ngôn cho rằng: lay động lắc lư, giữa mặt hồ gợn sóng, khốn khổ bức bách, hoảng sợ không biết nương tựa vào đâu. Gọi là chinh dung.

Mang bố lại viết chữ manh cũng đồng ngược lại âm mạc hoang gọi là mù mịch không biết nương tựa vào đâu, con người sinh hoang mang lo sợ ngày đêm. Lại gọi là không có ngày dùng tới tháng, không có tháng dùng đến nghĩ suy to lớn hơn rõ ràng hơn. Cho nên từ chữ minh hoặc gọi là manh. Bởi vì Thiên tính con người thường suy nghĩ thông hiểu rõ ràng sáng suốt cho nên chữ viết từ bộ minh ngược lại âm dưới lại viết chữ bổ cũng đồng, ngược lại âm phổ cố. Gọi là sợ hãi. Kinh văn viết chữ phạ ngược lại âm thất bạch cũng là sợ hãi. Đây tực âm thất giá.

Đồng nghĩa ngược lại âm đồ công. Bì Thương cho rằng: hạt châu, tức là con ngươi. ngược lại âm dưới hà nghi. Thiên Hương Hiệt cho rằng: liếc mắt nhìn, âm trữ ngược lại âm ô bảng.

Thùy di ngược lại âm đinh khả. Sách Quảng Thất cho rằng: di là xấu xí. Kinh văn viết chữ di ngược lại âm xích kỳ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: di nương dựa vào chỗ yên ổn. Quách Phác cho rằng: gọi là giang đông gọi là không làm chỗ nương dựa mà dời đổi, chẳng phải chữ nghĩa này.

Cách bể văn cổ viết chữ bể cũng đồng, ngược lại âm bổ mể. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài gọi là bể. Giang nam tất nhĩ. Kinh văn viết chữ bệ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hãn thụy dưới là âm thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng ngáy ngủ. Sách tự uyển âm hồ vu. Giang Nam cho rằng: dùng âm âm này.

Tháp hạng, ngược lại âm đinh hạp. Tự thư cho rằng: quấn lại. Kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải.

Nhiêu xĩ. Sách Thuyết Văn viết chữ giao cũng đồng, ngược lại âm

ngũ giảo. Gọi là cắn răng.

Kiết kiết ngược lại âm cổ hiệt tiếng cắn răng.

Diêm ngữ ngược lại âm thị diêm. Lại âm siểm. Thế tục nghe theo tiếng nịnh hót.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 17

Chu tiếp thông tục viết chữ tiếp cũng đồng, ngược lại âm tư liệp. Theo Mao Thi truyện cho rằng: cây thông làm mái chèo thuyền. Theo truyện cho rằng: Tiếp chỗ gọi là mái chèo dài, chèo đẩy nước đưa con thuyền đi. Sách chu dịch cho rằng: Hoàng đế vót gỗ cho ngọn làm mái chèo, âm quái là âm quát.

Đại thích ngược lại âm thả lịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: đụn cát nổi lên trong nước gọi là thích Quảng Nhã cho rằng: bãi nước cạn thấy đá cát lồi lên.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 18

Siểm điện lại viết chữ siểm này cũng đồng, ngược lại âm thức nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấy tạm thời nhoáng lên rồi vụt tắt không định gọi là ánh chớp lóe lên. Kinh văn viết chữ siểm ló đầu ra nhìn trộm.

Như săn sách tự uyển âm sơ nhãn. Nay gọi là thui nướng thịt. Kinh văn cổ viết chữ săn gọi là trừ bỏ, san bằng. Sản chẳng phải thể đây dùng.

Tùng tước lại viết chữ tiêu ngược lại âm tư diệu. Sách phương ngôn cho rằng: mũi kiếm vót nhọn. Quan đông gọi là tước. Cửa Tây gọi là bể. Chỗ gọi là bao kiếm, túi đựng kiếm, âm bể ngược lại bổ mê.

Nãi tô ngược lại âm tiên hồ theo thanh loại cho rằng: sống lại gọi là tô. Tô cũng là nghĩ ngơi, cũng gọi là tỉnh thức dậy.

Điêu tụy ngược lại âm đinh nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nữa phần thương tổn gọi là điêu. Điêu cũng là hư xấu, có hại. Chữ viết

từ bộ băng.

Phẩu địa ngược lại âm bổ giao, văn thông dụng cho rằng: nắm tay lại đánh gọi là phẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tay gở lấy vật hoặc là viết chữ bao nghĩa là ôm lấy trong lòng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 19

Bài mộc lại viết bại ngược lại âm bổ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai tay chấn xuống mà đánh.

Miên xuyết ngược lại âm trúc liệt. Lâm tự cho rằng: Xuyết là lo buồn, ý không định.

Chất đốn văn cổ viết chữ trập chí hai chữ tượng hình. Nay viết chữ trí cũng đồng ngược lại âm trắc lợi. Gọi là đè nén làm nhụt.

Hoàng khuê ngược lại âm thiệt huề. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trong cung có cửa gọi là khuê là cửa nhỏ, ngăn gọi là khuê. Sách Thuyết Văn cho rằng: cửa riêng biệt.

Huỳnh độc văn cổ viết chữ huỳnh hai chữ tượng hình cũng đồng. ngược lại âm cư dinh. Sách thượng thư cho rằng: độc thân cô đơn không nơi nương dựa. Khổng An Quốc cho rằng: Huỳnh là đơn độc một mình. Cũng gọi là không có chỗ nương nhờ. Độc là không có con cái gọi là độc.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 20

Thực di ngược lại âm đệ hề văn thông dụng cho rằng: cỏ mọc trên đường gọi là di. Theo Mao Thi truyện cho rằng: tự nuôi dưỡng ngoài hoang dã. Theo truyện cho rằng: di là cỏ mai vừa mới mọc.

Mao mang ngược lại âm bố mang gọi là thảm. Văn thông dụng cho rằng: có đường văn xuyên gọi là mang. Tự Lâm cho rằng: ở nước Kế Tân dệt vân vuông.

Nghị điệt ngược lại âm đồ kiết. Sách phương ngôn cho rằng: Điệt là đống đất nhỏ. Sở Trịnh cho rằng: con kiến làm ổ nhô đất lên gọi là

điệt. Điệt cũng là trong cao lên.

Tư nhiêm, ngược lại âm tử di âm dưới lại viết chữ tu cũng đồng ngược lại âm diện cam Giang Nam dùng âm này. Lại âm như liêm. Trung quan dùng âm này. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai bên ria mép miệng gọi là tư, âm dưới Sách Thuyết Văn cho rằng: râu hai bên mà gọi là râu quai nón. Kinh văn viết chữ tư cũng gần nghĩa như vậy.

Dục khích ngược lại âm khẩu tích, gọi là ăn uống.

Sái phúng, lại viết chữ phúm này cũng đồng, ngược lại âm phổ tôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thổi hơi. Quảng Thất cho rằng: phúm là ói ra nôn ra, phun ra. Phun nước ra. Gọi là ngậm vật trong miệng phun rải ra, nay cũng gọi là phúm, ngược lại âm phổ tôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: mũi hắc hơi. Quảng Nhã cho rằng: phúm là tiếng hách xì. Thiên Hương Hiệt cho rằng: la hét, quát tháo.

Hưởng thọ ngược lại âm hư lưỡng. Hưỡng cũng là thọ. Thọ nhận đang lúc hưởng nhận. Sách Thuyết Văn cho rằng: thọ nhận vật dâng lên.

- QUYỂN 21, 22 (Hai quyển trên đều trước không có âm.)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 23

Tráng tức, Sách Thuyết Văn viết chữ yết cũng đồng ngược lại âm khiếp lệ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tráng tức là nghỉ ngơi. Người nhiều mệt mỏi nên nằm nghỉ ngơi.

Khai thác văn cổ viết chữ tử thác hai chữ tượng hình. Nay viết chữ tử này cũng đồng, ngược lại âm tha các. Quảng Thất cho rằng: loại cây lớn lá dùng để nuôi tằm, cũng gọi là khai, tức nở ra. Kinh văn viết chữ thác chữ cùng với chữ giá đồng ngược lại âm chi thạch thác là gom lại nhặt thúc chẳng phải đây dùng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 24

Yển ngược lại âm ư nha Tự thư cho rằng: là nương tựa vào chữ viết từ bộ nhân, yển là nghỉ ngơi.

Giai đổ Sách Thuyết Văn viết chữ thứ cũng đồng ngược lại âm đồ cổ sách quốc ngữ cho rằng: Đổ là cửa đã đóng không ra được giã quỳ cho rằng: Đổ là lấp kín bế tắc. Sách phương ngôn cho rằng: Đổ là nhám không trơn triệu gọi là Đổ Quách Phác cho rằng: Nay thông dụng nói vật nhám như đổ. Hạt đổ nhám cho nên vì vậy mà gọi tên.

- **QUYỂN 25** (Trước không có âm.)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 26

Bất quê ngược lại âm cự nguyệt cư nguyệt Sách Thuyết Văn cho rằng: Quệ là vấp té. Quãng Nhã cho rằng: Té ngã ngữa.

Khuông nhiếp ngược lại âm khưu phương khuông là sợ sệt âm dưới lại viết chữ khiếp cũng đồng ngược lại âm khư hiếp. Gọi là khiếp sợ nhát gan, lo sợ nhiều.

Quái ngổ lại viết chữ ngỗ hai chữ tượng hình cũng đồng. ngược lại âm ngô cố. Theo thanh loại cho rằng: Ngỗ nghịch, không thích hợp. Kinh văn viết chữ ngô là hẳng phải.

Khiển ngật ngược lại âm cư triển. Văn thông dụng cho rằng: Nói không thông lợi gọi là kiển gật. Sách chu dịch cho rằng: Kiển là khó nói tức là nói ngọng. Sách phương ngôn cho rằng: Kiển ngật là nói lắp bắp cà lăm. Quánh phác cho rằng: Người miền bắc nói thông ngữ.

Bạch câu ngược lại âm ô hầu Lâm tự cho rằng: Loài chim hải âu lớn như chim tu hú. Thường bay vào ban đêm giống chim cú vọ. Âm hiệu ngược lại âm uc kiêu kiêu.

Quắc liệt chữ viết đúng nghi là chữ quặc. ngược lại âm cữu phượng. Sách Thuyết Văn cho rằng: quặc là vô dụng lấy. Thiên thượng Hiệt ghi rằng: Quặc là bắt lấy nói rằng loài cầm thú quất mắt trừng mắt chụp lấy.

Linh vũ ngược lại âm lực đinh. Gọi là lông chim Kinh văn viết chữ

linh. hai chữ tượng hình chữ cận nghĩa.

Khắc lạc ngược lại âm tha ngọa Tự thư cho rằng: Lông chim rạng kinh văn viết chữ quần. Chữ cận nghĩa hai chữ đều thông.

Sưu sãnh tự uyển viết chữ tĩnh cũng đồng. ngược lại âm sở cảnh. Sảnh là gầy ốm, bệnh. Thích danh cho rằng: Sảnh tức là bệnh ốm gầy giống như bệnh gầy gò, ốm nhỏ. Cằn cõi. Kinh văn viết chữ tĩnh lược chẳng phải thế.

Ao đột ngược lại âm ô hiệp ngược lại âm lại âm đồ biết thuân thương hiệt viết chữ đột. Sách bao phó tử nói rằng: Ao là cái hầm lõm sâu. Đợt là lồi lên, nổi lên.

Biển đệ ngược lại âm bổ hiển ngược lại âm dưới tha hề sách toán văn cho rằng: Biển đệ là mõng đẹp không tròn.

Kình nghịch lại viết chữ cương cũng đồng ngược lại âm ai kình hứa thúc trọng chú giải sách hoài nam tử rằng: kình là cá voi vua cá. Sách dị vật chí nói rằng: Cá kình bơi đi xa nhiều dặm hoặc là chết trên bãi cát, tục ngữ nói loại cá này đều không có con mắt, tục gọi là loài cá có con mắt biến hóa làm sáng tỏ như nguyệt châu. Giống cá thuộc loại lưỡng thê. Thâm tròn dài mày đen trơn. Giống cá kình cái theo tả truyện cho rằng: Giống cá kình lớn. Sách Thuyết Văn viết nghê. Tư mã tương như viết chữ xích hoặc là viết chữ bức bì thương viết chữ nghịch tự thư cho rằng: Viết chữ nghịch cũng đồng, ngược lại âm ngữ lịch. Loài thủy điểu hay bay cao.

Cầm mạc lại viết chữ mạch cũng đồng. Ngược lại âm manh bạch. Tự Lâm tự cho rằng: Giống như con gấu có lông vàng đen. Thường xuất hiện ở nước thục. Cũng gọi là bạch báo. Báo trắng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 27

Hưu lưu ngược lại âm hứa ngưu ngược lại âm dưới lực chu. Quảng thất cho rằng: Hưu Lưu là giống cú mèo. Cửa tây gọi là huấn hầu. Sơn đông gọi là huấn cô. Sách toán văn cho rằng: Ban đêm nó nhặt móng xác người.

Cù ngược lại âm cổ hầu ngược lại âm dưới canh điền sách nhĩ thất cho rằng: Loài chim quái dị đậu nhà người gọi là cú mèo. Nam Dương gọi là câu các tên gọi khác nữa là điều kỵ là ban ngày nằm. Ban đêm

bay đi tiếng kêu kỳ lạ quái dị.

Kiêu kiêu ngược lại âm cổ nhiêu chim cú đất ngược lại âm vi kiêu. Tự Lâm tự cho rằng: Chim mô phu hình giống như chim tu hú mà xanh, trắng. Thường ở trên núi tiếng kêu quái ác. Người nước sở gọi là chim quạ. Cũng gọi là chim Huyền. Sơn Đông gọi chim nô phụ, tục gọi là chim xảo phụ, âm nô ngược lại âm nô định. Âm dưới là công huyệt.

Khã đường lại viết chữ bợt cũng đồng ngược lại âm trạch xung. Gọi là xúc chạm với nhau. Va chạm cũng gọi là cùng nhau chống đổ.

Xác nhiên ngược lại âm khẩu giác sách chu dịch cho rằng: Người phu xe cán nghiền nát. Biểu thị cho người để nhận xác thật. Hàn khang bách cho rằng: Xác nhiên là chắc chắn.

Lăng lỗ ngược lại âm tập Lăng vách đá núi cao ngất, cũng là tên một nước cổ nay thuộc tĩnh Hồ Bắc Kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ lăng. Chữ cận nghĩa âm nguyễn ngược lại âm ngũ hoại âm ngôi ngược lại âm ngũ tội.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 28

Tích lữ nay viết chữ lữ cũng đồng ngược lại âm lực cữ. Lữ cũng là tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tích là xương sống. Thái nhạc cho rằng là vũ thần phó thác tâm là cột trụ nhân đây mà phong cho làm quan lữ hầu.

Cách nghạch văn cổ viết chữ hà nay viết chữ khã. Cũng đồng ngược lại âm khẩu á. Bì thương cho rằng: Xương Hông Kinh văn viết chữ từ bộ nhục viết thành xương cách là chẳng phải.

Khào đồn ngược lại âm khổ lao ngược lại âm dưới đồ côn theo thanh loại cho rằng: Là mông đít.

Khái giải thích chữ cổ văn cổ viết chữ ai hai chữ tượng hình nay viết chữ a cũng đồng ngược lại âm ô khã. Âm dưới văn cổ viết khai dị hai chữ tượng hình. Nay viết chữ nã cũng đồng ngược lại âm nãi khả. Tự thư cho rằng: Suy dị là mền yếu cũng gọi là cây cỏ mọc um tùm.

Luyến lạo ngược lại âm lô báo Sách Thuyết Văn cho rằng: Sạo là dùng dằng, lưu luyến tiếc thương không thể ra đi. Quảng nhã cho rằng: Sạo cũng là cố âm cố ngược lại âm hồ cố.

Huy cao ngược lại âm đồ đáo theo Mao Thi truyện cho rằng: Bên

tả cầm cờ lông chim, theo truyện cho rằng: Cầm cờ gắn lông chim dữ hay ra hiệu cũng là du lại. Trịnh tiển cho rằng: là múa mai. Chỗ gọi là cầm lông chim để múa vũ. Sách phương ngôn cho rằng: Người nước sở cho rằng: Cho lại bay lượn âm cao ngược lại âm đồ đáo.

Trinh kỳ ngược lại âm tư dinh ngược lại âm dưới chiến cự y. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Loại cờ có cắm lông chim ở cầu cán gọi là tinh. Quách phác cho rằng: Loại là cờ mao cờ có cắm lông của li ngưu (loài trâu đuôi dài) đầu cán. Sách chu lễ chu rằng: Bẽ lông chim làm cờ. Trịnh huyền cho rằng: bẽ lông chim làm cờ năm màu cắm trên thuyền làm cờ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loại cờ có lục lạc, có tua ngang gọi là kỳ. Quách phác cho rằng: Treo lục lạc trên đầu cán, trên có vẽ rồng trên lá cờ. Sách chu lễ cho rằng: Rồng, rắng trên lá cờ.

Phân phi ngược lại âm phu vân âm dưới hoặc là viết chữ phi cũng đồng ngược lại âm phu phi phân phi gọi là sương tuyết mù mịt.

Phu việt ngược lại âm phương vu phương vu hai âm. Sách lễ ký cho rằng: Trong quân lữ gọi là cái búa lớn của tiên vương. Cũng gọi là trang sức thêm phần phẫn nộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phu là cái búa dùng hình phạt chém ngang lưng phu cũng là kham âm việt ngược lại âm vu mục. Gọi là cái búa lớn.

Như tản lại viết chữ lãm cũng đồng ngược lại âm tiên kiến. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Trước tu tập lại chỉ để xem xét. Theo truyện cho rằng: Hạt mưa gặp tuyết đông đá.

Tự trì âm tợ lại âm từ tỳ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tự là tên của giống trâu lông mùa xanh chỉ một sừng. Nặng ngàn cân. Ở Nam Châu gọi khác. Con vật chỉ có sừng dài hơn hai thước, hình như giống con ngựa. Cầm cán roi quất vào da nó rất cứng, có thể làm áo giáp. Quảng chí cho rằng: Sừng nó giống như mô đất. Chân nó mười móng.

Phục chế ngược lại âm khẩu kiết Sách Thuyết Văn cho rằng: Khế là treo lên cầm giữ khế cũng giống như đề bạt đưa lên cũng gọi dẫn dắt.

Nhĩ di ngược lại âm dưới đinh khã quảng thất cho rằng: Di là xấu xí. Kinh văn viết chữ di ngược lại âm thời kỳ di là nương tựa lại viết chữ di ngược lại âm nải khả. Tên của loại khí cụ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 29

Trư lạp lại viết chữ lạp hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm Lô thiệp Sách Thuyết Văn cho rằng: Lông heo, cũng nói dài lông dài. Văn thông dụng cho rằng: Lông heo gọi là lạp.

Hách hồ ngược lại âm hồ giá theo Mao Thi truyện cho rằng: Ngược lại ta sẽ đến dọa nạt. Trịnh tiển cho rằng: Cách xa gọi dọa nạt người. Hách cũng gọi phẫn nộ giận dữ.

Tự bặc nay viết chữ phốc cũng đồng ngược lại âm bổ bắc bặc là phía trước bị che ngăn nên vấp ngã.

Đoàn loan ngược lại âm lô đoan đoàn giống như viên đoàn viên, như quanh một vòng.

Thẩu thẫn lại viết chữ dẫn cũng đồng. ngược lại âm thi nhẫn thẩu giống như là mĩn cười.

Mạch quyên ngược lại âm công huyền sách Thuyết Văn cho rằng: Mạch cọng lúa mạch. Quảng Nhã cho rằng: Tích chứa trong kho lẫm. Kinh văn viết quyến là chẳng phải thể.

Kích sáp ngược lại âm sơn giáp. Vật trang sức bằng lông chim dưới rũ xuống, chữ từ bộ vũ thanh sáp. Thế bổn cho rằng: Vua vũ. Ngày xưa chế ra sáp là lông chim ở trên quan tài. Thiên tử là tám cái, chư hầu sáu cái đại phu bốn cái, về sau làm quạt mà theo hầu quan tài, làm quạt lớn.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 30

Ngư thiện lại viết chữ thiện hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm thiện huấn. Sách toán văn con lươn.

Tổn phường ngược lại âm tài cổn âm dưới lại viết chữ phường cũng đồng, ngược lại âm phụ phương. Tự Lâm cho rằng: Tổn là loại cá biển dài hai ba thước mắt đỏ, phường là loại cá mè đuôi cá màu đỏ.

Đê lễ ngược lại âm đạt lệ dưới là âm lễ. Tự Lâm cho rằng: đê là cá trê. Lễ là loại cá lớn. Quảng Nhã cho rằng: đê đê loại cá trê. Thanh châu gọi là niêm là đê, âm quả ngược lại âm ngỏa, âm đệ ngược lại âm đồ hề.

Trập miên ngược lại âm trì lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: ẩn giấu. Loài con trùng đến mùa đông ẩn mình bất động, không ra khỏi hang, tức là loài thú có lông thưa cạn. Trập cũng giống như loài gấu, bi,... mùa đông trốn trong hang.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 31

Nhất định lại viết chữ đích cũng đồng, ngược lại âm đồ lịch. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Loại cây lau, cũng là một loại cúc. Cũng gọi là cỏ lau.

Nhất trữ ngược lại âm trừ lữ thời nhữ hai âm. Quảng Nhã cho rằng: trữ là tuôn nước ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ là rót nước. Thiên Hương Hiệt cho rằng: trữ là giữ lấy, cũng gọi là trừ bỏ.

Táo đà ngược lại âm Tô lảo tiếng Phạm, tên của loài chim Anh vũ.

Đón thậm văn cổ viết tham, bốn chữ tượng hình nay viết chữ Tấm cũng đồng ngược lại âm tang cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy hạt gạo nấu hòa với canh mà nấu gọi là tấm gọi là lạp. Tức hạt nhỏ ly ty.

Đại cầu ngược lại âm cự lưu Quảng Thất cho rằng: loài rồng có sừng gọi là cầu. Loài rồng giống như gấu. Sách Hùng thị Thuy Ứng Đồ nói rằng: cầu là loại rồng thâm hình màu đen không có vẩy nói giáp nhau.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 32

Ương kiếm Dưới lại viết tiêu cũng đồng, ngược lại âm hồ cẩu. Gọi là dây da buộc xe buộc vật đều viết chữ này. Kinh văn viết chữ huyền, ngược lại âm hỏa kiến cùng với chữ hiển cũng đồng chữ huyền chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 33

Chĩ du ngược lại âm du câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bụng dưới béo mập, du là bụng xệ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 34

Võng công lại viết chữ công cũng đồng ngược lại âm cổ hồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: võng là vành lớp xe, cũng gọi là bầu gỗ tròn giữa bánh xe bao quanh bọc thiết. Sách phương ngôn cho rằng: từ cửa tây gọi là công, tức là dùng thiếc nhôm để hàn nối các kim loại. Giữa núi đại hải yến tề gọi là hoàn, gọi là cái vồng, ngược lại âm cổ hòa.

Trục gián. Sách phương ngôn viết chữ giản cũng đồng ngược lại âm ca nhạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: trục xe làm bằng thiết chì. Quảng Nhã cho rằng: miếng sắt bịt đầu trục xe, âm tháp ngược lại âm tha hạp.

Hắc lô ngược lại âm sắc hồ. Lâm tự cho rằng: vải sợi.

Thiêu nhiệt nay viết chữ bính cũng đồng, ngược lại âm nhi duyệt văn thông dụng cho rằng: đốt lửa gọi là bính. Bính cũng gọi là thiêu.

Báo tái ngược lại âm tảng tái theo chữ tái gọi báo đáp ân nghĩa.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 35

Khâm sứ ngược lại âm sĩ ư. Gọi là dụng cụ cày ruộng. Thiên Hương Hiệt cho rằng: cuốc đất gieo mạ. Sách hán thư đối kinh nói rằng: sứ là cày cuốc.

Thoát thiết ngược lại âm thiên ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Thóa giống như là chém chặt. Thiết là cắt sắc mỏng, sắc bén, âm thôn ngược lại âm thôn vẩn.

Thấu sách lại viết chữ thấu cũng đồng ngược lại âm sở giác. Văn thông dụng cho rằng: ngậm uống trong miệng là thấu. Kinh văn viết

chữ chủy. ngược lại âm tử lụy. Tự thư cho rằng: hoặc là viết chữ chủy âm dưới lại viết chữ sách cũng đồng ngược lại âm sĩ bạch sách là cắn. Kinh văn viết chữ trá mạch. Trá lại viết trách âm mạch ngược lại âm hồ mạch.

Bác tập lại viết chữ bác cũng đồng ngược lại âm bổ các ngược lại âm bổ các ngược lại âm dưới tử lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: bác tập là tiếng nhai. Kinh văn viết chữ bác âm dưới hoặc là viết chữ hiệp ngược lại âm cổ hiệp. Gọi là quên lời, hoặc là viết chữ sáp, ngược lại âm tử hạp. Sáp tức là ho, cũng là nghĩa đớp mồi, hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 36

Thấu tuyển ngược lại âm tợ nhuyển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyển là bú sữa. Sách vận tập âm chữ tuyển, ngược lại âm dực tuyển.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 37

Kỳ chu ngược lại âm trắc lưu cho rằng: Một việc có mười tên gọi. Kỳ chu bà, chữ câu trong luận văn gọi luận.

Diện khoản lại viết chữ khoản cũng đồng ngược lại âm khẩu hoản khoản là đến. Thiên Hương Hiệt cho rằng: khoản là thử sức nặng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoản là ý có muốn. Quảng Nhã cho rằng: khoản là yêu thích.

- **QUYỂN 38** (Trước không có âm.)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 39

Xướng cú lại viết chữ hống câu hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm hồ cấu. Sách Quảng Thất cho rằng: cú là tiếng chim hót. Sách quốc ngữ cho rằng: Tiếng ồn ào trong ba quân. Giã quỳ cho rằng: cú là lời dặn dò, dưới cũng đồng.

Tám nục ngược lại âm nữ lục sách phương ngôn cho rằng: điển nục là xấu hổ. Giữa Phì Dương Thanh từ gọi là Điển là xấu hổ. Giữa Lương Ích Tần tần gọi là tám. Sơn đông, tây gọi tư xấu hổ là nục. Tam thương cho rằng: Nục là xấu hổ, hổ thẹn. Quảng Nhã cho rằng: không thẳng thắn mất đi tình tiết gọi là xấu hổ, hổ thẹn. Sách tiểu nhã cho rằng: xấu hổ trong lòng gọi là nục âm điển (0 ngược lại âm tha điển.

Bạch điệp văn cổ viết chữ tháp cũng đồng ngược lại âm đồ giáp. Gọi là vải thưa. Kinh văn viết chấp ngược lại âm tri lập. Chập là sợi dây cương, chấp chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 40

Đắc đỉnh ngược lại âm đảnh. Tích danh cho rằng: Thuyền có hai trăm học lặn dưới gọi là đỉnh. Sách phương ngôn cho rằng: nam Sở giang hồ gọi thuyền nhỏ là đỉnh. Quách Phác cho rằng: tức chiếc thuyền làm bằng đồng sắc, âm túc ngược lại âm tư lục âm đồng là âm đồng.

Tích tác ngược lại âm ty dịch, gọi là gấp xếp vật lại âm tiết ngược lại âm đồ hiệp.

Đồng nhiên văn cổ viết chữ xích đồng, hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm đồ tông. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có đồ trang sức. Quảng Nhã cho rằng: đồng là màu đỏ.

- QUYỂN 41 (Trước không có âm.)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 42

Hàn cấm ngược lại âm cự ẩm cấm là từ nhàn nhã mà không nói ra. Vương Dật cho rằng: ngậm miệng gọi là cấm cấm là đóng lại.

Tức tức ngược lại âm dục lật văn thông dụng cho rằng: tức tức là tiếng chuột kêu. Nay lấy nghĩa này Kinh văn viết chữ dật là chẳng phải.

Duyên lưu ngược lại âm dực tuyền. Lâm tự cho rằng: theo nước chảy mà xuống dọc bờ sông gọi là duyên. Thuận theo nước chảy duyên cũng là chữ duyên.

Sắc phiên ngược lại âm sở lực văn thông dụng cho rằng: lo sợ nhỏ gọi là sắc Bì Thương cho rằng: sợ hãi lo âu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ý buồn rầu, chữ viết từ bộ Sắc đến bộ khảm. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ sắc. Lại chữ sắc chẳng phải thể đây dùng.

Xà thuế ngược lại âm đảng ngoại thỉ duyệt hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ve chỗ gọi là lột xác. Quảng Nhã cho rằng: con ve lột vỏ bụng và xương sống của nó, như con rắn hổ, âm phục, ngược lại âm phò lục âm dục ngược lại âm dư lục.

Nghịch thủy văn cổ viết chữ khố cũng đồng ngược lại âm tảng cố tam thương cho rằng: nước chảy ngược dòng mà từ trên gọi là nghịch gọi là ngược hướng cũng gọi là đi.

Phàm giã lại viết chữ phàm văn cổ viết chữ phàm cũng đồng ngược lại âm phò nghiêm theo thanh loại cho rằng: trên thuyền căng buồm. Thích danh cho rằng: thuyền theo gió đi nhẹ nhàng buồm trắng nổi phiêu trên nước, khiến cho gió đẩy đi mau nổi trên mặt nước đi rất mau.

Đan Thượng ngược lại âm đồ đan. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đan là cát nổi lên. Quách Phác cho rằng: nay Giang đông cát trong nước đùn lên làm bãi cát là đan tức là đảo cồn nhỏ, đồi cát. Đảo ở giữa biển.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 43

Ngô nhân ngược lại âm ngô cố. Lâm tự cho rằng: sai lầm gọi ngô Kinh văn viết chữ ngỡ là chẳng phải.

Bất hạp ngược lại âm dưới là giáp. Tự lâm cho rằng: Hạp là thói quen, gần gủi, lo lắng. Kinh văn viết chữ hạp là cái rương hạp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Cửu nặc lại viết chữ nặc cũng đồng ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Thất cho rằng: nặc là thân cận cũng gọi là giấy bì thư, cũng gọi là nhiều lần gần gủi thân cận.

Xạ đóa ngược lại âm đồ quả xạ vùn bồi. Kinh văn viết chữ đóa ngược lại âm đinh quả. Đóa liên lụy, mô đất, dụng cụ luyện kim, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đài y ngược lại âm đồ lai gọi là cá trong nước, có áo bên ngoài duyên theo màu sắc sinh ra áo dưới đáy cũng có thể gọi là chỉ tức giấy.

Chú lâm ngược lại âm lực kim. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mưa lâu gọi là dâm, dâm cũng gọi là lâm. Theo tả truyện cho rằng: Mưa từ hai đến ba ngày mưa mãi không dứt gọi là Lâm. Kinh văn viết từ bộ vũ viết thành chữ đình là chẳng phải.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 44

Khí thấu ngược lại âm tô đậu Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu khái là hơi đi ngược tức là ho. âm khái ngược lại âm khổ đại. Giang nam dùng âm chữ này. Sách tự ẩn âm là khởi chí. Sơn đông dùng âm này.

Đăng mộng ngược lại âm đồ đăng, đinh đăng, hai âm. Sách vận tập cho rằng: Mất quá mất ngủ không nằm, âm dưới là vong đăng. Kinh văn viết chữ đăng mong là chẳng phải thể chữ.

Lộc duyên ngược lại âm lực cốc âm dưới lại viết chữ duyên cũng đồng ngược lại âm chỉ duyên. Văn thông dụng cho rằng: cái bình cổ dài đó gọi là lộc, duyên Giang Nam nói rằng: loại gạch chưa nung, âm tích ngược lại âm bồ lịch.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 45

Bình đang ngược lại âm tỳ chính Quảng Nhã cho rằng: gọi là quét bỏ, cởi bỏ đi đồ trang sức. Bình là trừ bỏ âm dưới là đô lãng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 46

Sáng bệ ngược lại âm bổ lễ Sách Thuyết Văn cho rằng: bệ là tầng bậc thềm lên cao, tức là bậc nấc đi lên là sóng bệ. Kinh văn viết chữ bệ ngược lại âm bồ lễ, bổ hề hai âm. Tên cấm ngục chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thư nhược ngược lại âm tri liệt ngược lại âm dưới hỏa các. Tự lâm cho rằng: loài côn trùng gieo độc hại. Văn thông dụng cho rằng: loài côn trùng làm người bị thương gọi là thu. Kinh văn viết chữ triết là chẳng phải thể.

Tu tập ngược lại âm tử lập. Thư lập hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tập là loại cỏ mai, cũng gọi cỏ dùng để lợp che nhà là tập. Tập là che sữa chữa bù đắp vào.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 47

Thôn sách ngược lại âm sơ cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện cây gỗ đứng thẳng làm hàng rào. Văn thông dụng cho rằng: lấy cây củi làm vách tường gọi là tha. Cây gỗ tốt làm vách tường gọi sách âm tha ngược lại âm lực chi.

Hiệt lợi ngược lại âm hồ kiết, gọi là tốt đẹp. Hiệt lợi bạt đa là tên của người.

Phiền oán ngược lại âm ư nguyên oán là buồn phiền, oan khuất, chữ viết từ bộ mịch đến bộ oan oán là mịch tức là che đậy, không được bỏ chạy đi, hay oan khuất bẻ gãy. Kinh văn viết chữ oán ngược lại âm ô hoán oán là than thở, oán chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 48

Bình luận ngược lại âm bì bính. Tự thư cho rằng: bình là ấn định đặt để cho yên. Cũng là bàn luận sự vật phải trái tốt xấu, âm đinh ngược lại âm đường đãnh.

Khuông lãnh ngược lại âm khưu phương khuông là cứu giúp cho người sửa chữa pháp tắc. Trịnh huyền cho rằng: Khuông là sửa lại cho đúng, khuông cũng là cứu giúp người.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 49

Trì trạc lại viết chữ trạc cũng đồng ngược lại âm trì giao. Sách phương ngôn cho rằng: chấp tay. Cũng gọi là quấy rối. Hoặc nói là cất lên, cất nhắc. Ở Giang Nam cho rằng: Trạc là to lớn, quấy rối, mà tập là tội nhỏ riêng biệt, làm quấy rối. Cũng gọi là đứng. Trước thuyền đầu đứng thẳng, xoay chuyển, mà nhổ lên nhổ neo. Trước mặt thuyền cái đuôi ngồi mà xoay chuyển quậy dưới nước vặn vẹo. Trạc cũng là tiến đến, chữ viết từ bộ thư. Kinh văn viết chữ trao là đương thời tục dùng thông dụng.

Hiểu lậu ngược lại âm dực các, gọi là cái gáo múc nước, dưới giếng, chữ viết từ bộ cửu đến bộ trảo chữ chỉ ý, âm loan ngược lại âm trữ cửu vạn.

Tức thú lại viết chữ thư cũng đồng, ngược lại âm thiên nhứ tự Lâm tự cho rằng: quán sát nhìn trộm. Quảng Nhã cho rằng: thú là nhìn dò xét, cũng gọi là nhìn trộm nhau để hầu hạ. Văn thông dụng cho rằng: nằm xuống do xét xem gọi là thú.

Giao long âm giao tiếng Phạm nói rằng: Ở cung Tỳ la có con cá thân hình giống như rắn cái đuôi có hạt châu.

Lậu tiết ngược lại âm tư liệt. Tiết là bài tiết ra, tiết ra tràn ra ngoài, quán mức dư thừa.

Nhuế ngược lại âm ư vấn. Sách luận ngữ cho rằng: Lòng không tức giận mà nào có an ổn, gọi là uẩn là tức giận. Thiên Hương Hiệt cho rằng: uẩn là hận. Sách Thuyết Văn cho rằng: uẩn là tức giận.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 50

Mộc lược ngược lại âm cự hướng. Tự thư cho rằng: giăng lưới bên đường bắt loài cầm thú.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 51

Tẩn lộc ngược lại âm bể nhãn gia súc nuôi loài cái, như gà mái gọi là tẩn.

Nghị thứ lại viết chữ nghị cũng đồng ngược lại âm ngư khí nghị là hình phạt xẻo mũi. Gọi là xẻo bỏ đi cái mũi. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét mũi.

Thương quán ngược lại âm thả dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: thương là cây súng bắn từ xa. Văn thông dụng cho rằng: cây gỗ vót nhọn làm cây thương đánh kẻ trộm, cây thương đầu bọc thiết, cây thương đều đây dùng nghĩa này.

Quyền hoa lại viết huyên cũng đồng ngược lại âm hư nguyên ngược lại âm dưới hồ qua. Gọi là tiếng huyên náo ồn ào. Quảng Nhã cho rằng: huyên là tiếng chim hót, cũng là tiếng giựt mình kinh sợ.

Phân bà ngược lại âm phổ hoa Sách Thuyết Văn cho rằng: loài cỏ thơm, ba là hoa của cây cỏ. Theo thanh loại cho rằng: lấy rất nhiều hoa vậy.

Phủ trần ngược lại âm phương chủ phủ cũng giống như phủ, vỗ nhẹ làm trò vui. Sách thượng thư cho rằng: đánh vào đá gõ vào đá để làm trò nhạc múa hát.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 52

Môn khổn. Lại viết chữ khổn cũng đồng. Ngược lại âm khổ bổn. Sách Lễ Ký ghi rằng: Nói ở ngoài không có vào được bên trong là khổn. Trịnh Huyền cho rằng: là cửa hẹp.

Thất lợi. Ngược lại âm Đinh kiết trúc lật, hai âm Tô phất thất lợi. Đây dịch là thiện nữ là người con gái tốt lành.

Chủy trảo. Nay viết chữ chủy này cũng đồng. Ngược lại âm Tử lụy. Quảng Nhã cho rằng: Chủy là cái miệng. Tự Thư cho rằng: Là cái mỏ của con chim.

Sao bát. Ngược lại âm sơ giao. Gọi sao là cướp đoạt, cưỡng bức lấy vật, ngược lại âm dưới là bổ mạc. Bát là kéo dẫn ra phế bỏ. Quảng Nhã cho rằng: Bát là trừ bỏ đi.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 53

Thiến thảo. Lại viết chữ Thiến hai tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm Thiên kiến. Có tên gọi là cỏ Thử thiên có tên gọi khác nữa cỏ Mao quỳ. Những loại cỏ này người ta có thể lấy làm nhuộm sanh ra các loại màu khác.

Tráo lũng. Ngược lại âm Trúc giảo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tráo là cái mơm làm bằng tre hình như cái chuông để bắt cá. Quách Phác cho rằng: Cái lồng để bắt cá.

Ly bà. Ngược lại âm ba nhạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bà là nắm giữ. Một tay là bà, một tay nắm giữ con dao, một tay nắm giữ cung. Đạo bà là một con dao. Cung bà là một cây cung, kinh văn viết chữ bá, nghĩa là bia để bắn súng. Kinh văn viết chữ bí nghĩa sợi dây cương. Sợi dây trang sức buộc vào con ngựa. Chữ bá chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 54, 55** (Hai quyển trên đều trước không có âm.)

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 56

Lao nhẫn. Lại viết chữ nhẫn này cũng đồng ngược lại âm nhi chấn. Tự Lâm cho rằng: Nhẫn là mềm văn thông dụng cho rằng: vật mềm mại gk nhẫn.

Luy tích. Văn cổ viết chữ tích , ba chữ tượng hình cũng đồng,

ngược lại âm tài diệu. Theo Tả Truyện cho rằng: Tích tức là rất quá lắm. Đỗ Dự cho rằng: Tích tức là gầy ốm.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 57

Hương để. Ngược lại âm đinh lễ. Thiên Thương Liệt ghi rằng: Để là nhà của triều đình làm tại kinh sư để cho các chư Hầu ở mỗi khi đến triều kiến Thiên tử. Sách Thuyết Văn cho rằng: Để là thuộc nhà của nhà nước, quốc gia. Kinh văn viết chữ để ngược lại âm chữ bình chữ để chẳng phải nghĩa đây dùng.

Giảo hoạt. Ngược lại âm cổ văn ngược lại âm dưới hồ quát. Sách Phương ngôn cho rằng: Phàm đứa trẻ nhỏ có nhiều dối trá, cho nên gọi là giảo hoạt, cũng gọi là loạn.

Sắc sắc. Ngược lại âm hứa lực. Tự Lâm cho rằng: màu đỏ. Văn Thường dùng cho rằng: màu xanh đen gọi là sắc.

Minh ký. Ngược lại âm mạc đình. Xưa gọi là khắc vào đá bia, ghi lời khen ngợi công đức. Sách Lễ Ký cho rằng: Minh đó là khắc tên. Minh là nghĩa xưng tên ca ngợi tên đẹp mà không phải tên xấu. Sách Chu Lễ cho rằng: Phàm có công đó được ghi vào trong sử sách như các vị vua. Trịnh Huyền cho rằng: gọi là minh tức là nói tên gọi tốt đẹp.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 58

Triều hước. Ngược lại âm hư ngược. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Hước là pha trò khôi hài, khéo cười cợt mà không có ác ý, kiêu ngạo. Quách Phác nói rằng: Hước là tiếng pha trờ cười đùa. Kinh Thi nói rằng: Không phải tự nhiên mà pha trờ cười cợt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hước là vui vẻ hài hước.

Hoạt khể. Ngược lại âm cổ một hồ quát hai âm. Ngược lại âm dưới cổ hề. Hoạt khể cũng giống như lời nói hài hước vui vẻ. Hoạt là lấy nghĩa trơn bén hoạt bác lanh lợi nhạy bén. Lời nói trơn bén mưu kế trí tuệ đối đáp rất mau.

Triệu Sương. Ngược lại âm tha điếu, điếu, gọi là dùng dằng không tiến tới. Theo Vận tập cho rằng: Triệu là vượt qua rất nhanh.

Viên phổ. Ngược lại âm bổ hộ bố ngũ hai âm. Theo Ma Thi Truyện cho rằng: Ta không vượt qua được khu vườn có tường bao quanh. Theo Truyện cho rằng: có cây ngăn cản. Lại gọi là chặt đốn cây liễu. Làm vườn trồng rau quả Theo Truyện cho rằng: vườn trồng cây gọi là viên, vườn trồng rau gọi là phổ.

Táo đao. Lại viết táo cũng đồng. Ngược lại âm Thố lao. Lại sách Thuyết Văn nói rằng: Táo là cầm nắm giữ lấy.

Chước đăng. Ngược lại âm chi doãn chi nhuận hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xạ là cái đích để bắn. Quảng Nhã cho rằng: Hưởng là bắn trúng đích. Tức là lấy da của con thú như con gấu hổ, bịt làm mặt bằng phẳng chính giữa có trung tâm. Lại chế ra tấm vuông làm mặt bằng lấy làm hưởng. Văn thông dụng cho rằng: xa bằng gọi là lưỡng. Hưởng tức là dấu chấm son đỏ chính giữa trung tâm gọi là đích để bắn.

Thương mang. Lại viết chữ manh cũng đồng, ngược lại âm mạc cang. Manh gọi là dời đổi chuyển đổi, văn thông dụng cho rằng: Thời dụ gọi là mang. Kinh văn viết từ bộ tâm. Vì viết thành chữ mang là chẳng phải thể.

Bạt bội bà. Ngược lại âm phò cưu. Phụ ai hai âm. Đây dịch là thiện nữ.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 59

Mâu toàn. Lại viết chữ mâu này hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mâu dài hai trượng thiết lập trước binh xa ngược lại âm dưới Thô loạn.

Phùng trán. Lại viết Tổ trán. hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ hiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: may vá.

KINH BỔN HÀNH TẬP
QUYỂN 60

Thương lẫm. Ngược lại âm Thả lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kho cất chứa thóc. Dưới lại viết chữ lẫm cũng đồng. Ngược lại lực thậm. Sách Chu Lễ cho rằng: Lẫm là người có nhiều thóc, lúa. Trịnh Huyền cho rằng: kho chứa gạo gọi lẫm chứa nhiều thóc gọi là thương.

Linh ngữ. Ngược lại âm lực đinh. Ngược lại âm dưới ngư lữ. Linh ngữ là tên của nhà lao ngục. Sách Chu Lễ cho rằng: Đời vua thứ ba bắt đầu có nhà lao ngục. Nhà Chu gọi là Linh ngữ. Giải thích thích Linh ngữ. Linh là thống lãnh, ngữ là ngăn cấm. Gọi sao chép lời khai của tội đồ ngăn cấm phòng giữ tội đồ.

Do trữ. Ngược lại âm từ dữ. Gọi là đầu mối của sợi tơ. Quảng Nhã cho rằng: cuối đầu mối, là sợi tơ dư. Gọi là tàn dư. Tàn dư của sự nghiệp báo.

****

KINH BỔN TỰ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Trì sính. Ngược lại âm trên là Trĩ tri. Sách Vận Anh cho rằng: Trì là chạy nhanh đánh ngựa cho chạy nhanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: là chạy. Chữ viết từ bộ mã đến bộ trị thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới sắc Lịnh. Sách Quảng Thất cho rằng: Sính là chạy. Đỗ Dự chủ giải Tả Truyện rằng: Sính là phi nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chạy thẳng. Chữ viết từ bộ mã thanh sính âm sính ngược lại âm thất đinh.

Tu huỳnh. Ngược lại âm dinh huýnh. Sách Vận Anh cho rằng: Ngọc được mài giũa lau chùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết bộ ngọc đến bộ dinh thanh tĩnh. cũng viết chữ huỳnh. Xưa nay chánh tự hoặc viết từ nộ kim.

Ôn Đà Nam , âm trên ôn cốt., âm dưới là Đường hạ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang nói rằng: kệ tụng.

KINH BỔN TỰ
QUYỂN 2

Sử lưu. Ngược lại âm sư lợi. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngựa chạy nhanh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: rất mau chóng. Chữ viết từ bộ mã thanh sử.

- **QUYỂN 3** (Không có âm và chữ giải thích.)

KINH BỔN TỰ
QUYỂN 4

Oa loa. Ngược lại âm trên quả hoa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con ốc sên, kinh văn viết từ bộ Lụy, viết thành chữ Luy. Tục Tự cho rằng: dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới Lỗ hòa. Sách Nhã cho rằng: loài côn trùng sống dưới biển, giống như con ốc sên mà lớn hơn, màu trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh duy âm đồng âm trên.

Hủ đọa cấp. Ngược lại âm trên hưu ức, âm kế trực loại, âm dưới cấp. Sách Thượng thư nói rằng: cột sáu con ngựa vào sợi dây mục nát cai quản. Khổng An Quốc nói rằng: Hủ là thịt đã rửa, hôi hám. Nói hủ tác mã là nói rất nguy hiểm, rất phải lo sợ, rơi xuống hầm hố. Viết chữ đọa đều là chữ hình thanh.

Tẩy thức. Ngược lại âm trên Tây lễ. Ngược lại âm dưới Thăng lực. Nói rằng lấy nước tẩy rửa thân hình cấu uế dơ bẩn. Lại lấy vải mền nhuyễn lau chùi khiến cho khô đi. Sách Thuyết Văn nói rằng: chữ viết từ thủ thanh thức.

KINH BỔN TỰ
QUYỂN 5

Văn manh âm trên là văn ngược lại âm dưới mạc canh đều gọi là loài côn trùng như bọ mắc biết bay đến cắn người. Quyển trước đã giải thích nhiều rồi.

Xà yết. Ngược lại âm trên xã giá. Tục Tự và sách Thuyết cho rằng: Từ chữ tha viết thành chữ xà. Xà là một giống rắn độc thân dài hai thước, màu đất. Âm tha là âm tha là loại độc trùng. Ngược lại âm dưới hiên yết. Quảng Nhã cho rằng: Thuộc giống bò cạp đuôi dài. Sách Bát-nhã cho rằng: loại côn trùng cắn người. Đều là chữ tượng thanh. Âm sái ngược lại sửu giới , âm Thích ngược lại âm thanh thanh diệc.

Huyết hoạch. Ngược lại âm Hoàng quách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hoạch, tròn như cái đỉnh mà không có chân, như cái chậu lớn. Sách Tập Huấn cho rằng: có chân gọi là đỉnh không có chân gọi là hoạch viết từ bộ kim thanh hoạch âm hoạch đồng với âm trên.

Truyền lương. Ngược lại âm trên Trường loan. Sách Phương ngôn cho rằng: Từ quan ải mà tới giữa Tây Tần Lũng gọi là truyện tức là rui nhà. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ triện thanh tĩnh. tự khai mở ra nên từ đất Đông Chu gọi là lữ. Tề, Lỗ gọi là kinh. Sở gọi là giác. Chữ lương từ bộ mộc thanh lương, chữ lương từ bộ thủy đến bộ nhẫn. Âm nhẫn đồng âm trên. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ lương là chẳng phải. Văn cổ viết từ bộ bổn viết thành chữ lương giải thích đồng.

KINH BỔN TỰ
QUYỂN 6

Câu sắc sĩ la. Âm trên là câu ngược lại âm dưới sắc lý. Tiếng Phạm, tên của vị A-la-hán. Xưa gọi là Câu-hy-la. Kinh văn chữ dũ là chẳng phải.

Hiệt lệ phạt đa. Ngược lại âm trên Hiền kiết. Tiếng Phạm, tên của vị A-la-hán. Xưa gọi là Ly-bà-đa. Đây là hai vị Thánh giả thường tu thiền quán tịch tịnh hạnh các chúng Thanh văn.

Kiếp chủy nã. Âm chủy là âm chủy cũng là tiếng Phạm, tên của vị A-la-hán. Xưa gọi là Kiếp-tân-na. Thường tu giáo giới, giáo thọ cho các chúng Thanh văn.

Thông cứ. Âm trên là thông. Tục Tự cho rằng: chữ viết chánh thể từ bộ song. Viết thành chữ thông âm song là âm song. Ngược lại âm dưới cự ngộ. Sách Vận Thuyên cho rằng: cự là gấp vội mau chóng. Sách Tập Huấn cho rằng: ngựa trạm để truyền công văn. Ngày xưa lập các trạm trên đường thiên lý để thay đổi ngựa mà truyền văn thư của các quan. Nếu dùng xe để truyền tin thì dùng chữ nhật. Sách Thuyết Văn

cho rằng: chữ viết từ bộ Xước thanh cứ. Âm cứ là âm cự.

Đế huệ. Ngược lại âm trên Đệ nê. Cái móng của con lừa nhỏ mà tròn chẳng phải móng con trâu. Ngược lại âm dưới huynh nệ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Huệ là cái mõ con chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh duyên, âm duyên ngược lại âm thổ loạn.

KINH BỔN TỰ
QUYỂN 7

Mậu dịch. Ngược lại âm mạc hậu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trao đổi. Sách Nhĩ cho rằng: mậu là bán. Sách Tập Huấn cho rằng: mậu dịch là trao đổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: dịch là tài sản, hàng hóa. Chữ viết từ bộ bối thanh mậu. Âm mậu là âm mậu.

****

KINH KHỞI HÀNH - *Huyền Ứng soạn.*

Viết phù. Chữ viết đúng thể, giải thích chữ cổ, văn cổ viết bổ cũng đồng ngược lại âm phòng ngổ.

Chi xao. Thiên Thương Hiệt giải thích chữ cổ viết xao này cũng đồng ngược lại âm khổ giao. Ngược lại âm dưới nghĩa là đánh gõ. Kinh văn viết nạo là chẳng phải vậy.

****

KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT - *Huyền Ứng soạn.*

Trung hoàng. Văn cổ viết chữ trung cũng đồng ngược lại âm chỉ thú. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trung tức là con châu chấu. Theo Truyện cho rằng: châu chấu sinh sản rất nhiều cũng gọi là Hoàng trùng. Loài châu chấu sanh sảnh rất đông đúc. Âm hoàng ngược lại âm hồ quang. Âm công tiềm ngược lại âm tiên cung. Ngược lại âm dưới tư lô.

Tiểu kiện. Ngược lại âm sĩ giao. Gọi là dùng sức mạnh nhanh chóng dẹp trừ bỏ, gọi là tiểu. Sách Thuyết Văn viết chữ nhiêu kiến.

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm.

QUYỂN 57

- Kinh âm Đại An Ban Thủ Ý - hai quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Xứ Xứ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Mạ Ý - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phân Biệt Thiện Ác Sơ Khởi - một quyển - Tuệ Lâm soạn.
- Kinh Xuất Gia Duyên - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh A-hàm Chánh Hạnh - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Thập Bát Nê-lê - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Pháp Thọ Trần - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Thiền Hành Pháp Tưởng - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Trưởng Giả Tử Não Tam Xứ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Kiền-đà Quốc Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh A-nan Tứ Sự - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Vị Sanh Oán Vương - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Chế Cẩu - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tứ Nguyện - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Hắc Thị Phạm Chí - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phân Biệt - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Bát Quan Trai - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh A-cưu-lưu - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Hiếu Tử - một quyển.
- Kinh Ngũ Bá Đệ Tử Tự Thuyết Bổn Khởi - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Đại Ca-diếp Bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tử Tự Xâm - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh La Vân Nhẫn Nhục - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phật Vi Niên Thiếu Tỳ-kheo Thuyết Chánh Sự - Vô Tự.
- Kinh Thời Phi Thời - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Sa Hạt Tỳ-kheo Công Đức - một quyển - Huyền Ứng.

- Kinh Tự Ái - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Trung Tâm - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Chánh Kiến - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Chánh Kiến - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh A-nan Thất Mộng - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Đại Ngư Sự - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Khả Điêu A-na-hàm - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Đăng Chỉ Nhân Duyên - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Phụ Nhân Ngộ Cô - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Ma-ha Ca-diếp Bần Nữ - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Thập Như Phẩm Sanh Tử - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Tội Phước Báo Ứng - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Ngũ Vô Phản Phúc - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Phật Đại Tăng Đại - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tà Kỳ - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Ma-đạt Quốc Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Chiên-đà-việt Quốc Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Ngũ Khủng Bố Thế - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Đệ Tử Phục Sinh - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Giải Đãi Canh Giả - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Thiên Thỉnh Vấn - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Hiền Giả Ngũ Phúc - một quyển - Vô Tự.
- Kinh Hộ Trịnh - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Mộc Hoạn Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Lô Chí Trưởng Giả Nhân Duyên - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tăng Hộ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Xuất Gia Công Đức - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Chiên-đàn Thọ - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Át-đa-hòa-đa-kỳ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phổ Đạt Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phật Diệt Độ Hậu Tẩn Kiểm Táng Tống - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Ngũ Vương - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tứ Thiên Vương - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Mạt-la Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Phạm Ma Nan Quốc Vương - một quyển - Tuệ Lâm.

- Kinh Phụ Mẫu Ân Nam Báo - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tôn Đa Tà Trí - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tân Tuế - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Quần Ngưu Thí Dụ - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Cửu Hoành - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Thiền Hạnh tam Thập Thất - một quyển - Tuệ Lâm.
- Tỳ-kheo Tỵ Nữ Ác Danh Dục Tự Sát - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Tỳ-kheo Thính Thí - một quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Thân Quán - một quyển - Tuệ Lâm.
- Kinh Vô Thường - một quyển - Tuệ Lâm. Không có
- Kinh Bát Vô Hà Hữu Hà - một quyển - Tuệ Lâm. Không có
- Kinh Trường Trảo Phạm Chí - một quyển - Tuệ Lâm. Không có
- Kinh Thí Dụ - một quyển - Tuệ Lâm. Không có
- Kinh Lược Giáo Giới - một quyển - Tuệ Lâm. Không có
- Kinh Liệu Trĩ Bệnh - một quyển - Tuệ Lâm. Không có

Bên phải 81 kinh 82 quyển đồng âm với quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT AN BAN THỦ Ý - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Trấp sưu. Ngược lại âm trên cư nghi. Trịnh Huyền chủ giải sách Chu Lễ rằng: Trấp là trói buộc chân của lữ khách, phải dừng chân nghỉ trọ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ võng đến bộ trấp âm trấp là âm chấp. Hoặc là từ bộ cách viết thành chữ ky. Ngược lại âm dưới Sưu trứu. Sách Trang Tử nói rằng: bệnh tật gầy ốm sắp chết lo buồn bên trong. Sách khảo thanh cho rằng: bệnh gầy ốm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh sưu.

Duyên phi. Ngược lại âm duyệt tuyền. Theo Công Dương Truyện cho rằng: duyên tức là con châu chấu khi chưa mọc cánh hoặc là mới bắt đầu mọc cánh gọi là duyên, lớn gọi đó là hoàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoàn là châu chấu con. Chữ viết từ bộ trùng thanh duyên. Chữ hoàn từ bộ trùng âm trùng ngược lại âm chung hủy.

Nhuyễn động. Ngược lại âm trên nhuận duẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: vốn từ bộ khẩu. Viết thành chữ nhuyễn gọi là có chân gọi là trùng loài côn trùng bò lúc nhúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng, thanh nhuyễn.

Ách Quán. Ngược lại âm trên Ô cách. Trịnh Tiễn chú giải khảo

công ký rằng: ách. Là cái ách nối giữa hai đòn xe để đặt vào cổ ngựa bò, trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh ách. Kinh văn viết chữ ách tục tự thường hay dùng.

Thống dương. Ngược lại âm dương tưởng. Sách Lễ Ký cho rằng: dương là vết thương không cảm giác đau. Sách Khảo Thanh cho rằng: vết thương lở ở bên trong có vi trùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: vết thương làm ngứa ngáy. Chữ viết từ bộ trùng thanh dương. Kinh Văn viết từ bộ tật viết thành chữ đươn cũng là bệnh chẳng phải nghĩa kinh.

Suyễn tức. Ngược lại âm trên xuyên nhuyễn. Sách Giải Uyển Chu Tòng cho rằng: hơi thở của người gọi là suyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi thở chữ viết từ bộ khẩu đến thanh đoan. Âm đoan là âm đoan, tức là hơi thở hổn hển.

Tế hoạt. Ngược lại âm trên tây tế. Khổng An Quốc chủ giải sách Thượng thư rằng: Tế là nhỏ bé. Sách Thuyết Văn cho rằng: vi tế chữ viết từ bộ mịch đến bộ tín âm tín là âm tín.

Thập bạn. Ngược lại âm ban mạn. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Bạn là dây cương trói buộc chân con ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: trói buộc chân ngựa. Chữ viết từ bộ mịch thanh bạn. Âm trấp ngược lại âm tri lập.

Tam bối. Ngược lại âm bắt muôi. Cố Dã Vương cho rằng: Bối là giống như bộ. Tống Trung Chí giải kinh Thái Huyền rằng: Bối là loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh phi. Kinh văn viết từ bộ bấc viết thành chữ bối tục tự thường hay dùng.

Đăng mộng. Âm trên là đằng âm dưới là mặc, băng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đăng mộng là nằm mới bắt đầu dậy. Lại gọi là buồn phiền, phiền muộn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: gọi là mộng đó là tâm thần loạn trên từ bộ đăng đến bộ mộng, viết tĩnh lược. Âm dưới từ bộ mục Bộ diệc đến bộ mộng cũng viết tĩnh lược. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ đăng là sai dùng chẳng phải bổn chữ.

KINH PHẬT THUYẾT AN BAN THỦ Ý QUYỂN HẠ

Toàn hỏa. Ngược lại âm trên toán loan. Sách Quốc Ngữ cho rằng: Toàn là cây dùi, cây đục. Cố Dã Vương cho rằng: Toàn gọi là cây dùi, khoan. Sách Tập Huấn cho rằng: toàn là cây dùi nhọn, cũng gọi xuyên

thủng các vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh toàn.

Phượng cố. Ngược lại âm trên nhượng dương. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: nhượng là bài trừ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trừ bỏ kiếp tai họa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tương.

Đại mi. Ngược lại âm trên đồ đái. Theo Thanh loại cho rằng: Đại là thay thế, cạo lông mày đi dùng chất liệu này để vẽ thay thế vào đấy. Chữ viết từ bộ hắc thanh đại.

****

KINH ẤM TRÌ NHẬP - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Muộn muộn. Ngược lại âm môn đốn. Vương Dật chú giải sách sổ từ rằng: Muộn là tức giận. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: buồn phiền. Sách Thuyết Văn ghi: cũng buồn phiền.

Vi tha. Âm tha. Cố Dã Vương cho rằng: Tha giống như lôi kéo dẫn dắt. Quảng Nhã giải thích: tha cũng dẫn dắt. Sách Thuyết Văn ghi: chữ viết từ bộ mộc thanh tha. Âm tha đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ tha tục dùng thông dụng.

KINH ẤM TRÌ NHẬP
QUYỂN HẠ

Dĩ phân. Ngược lại âm dưới bổ phần. Vương Dật chú giải sách dịch rằng: phân cách. Đỗ Dự chủ giải Tả Truyện rằng: phân giống như biến khắp. Cố Dã Vương ghi: phân tích. Trịnh Huyền chủ giải sách Lễ Ký rằng: Phân biệt. Sách Thích văn ghi chữ viết từ bộ bát đến bộ đao. Lấy vật khác phân ra. Kinh văn viết chữ phân ngược lại âm bì bần cùng với vũ bân cũng đồng, chẳng nghĩa của kinh văn.

Nhược can thái. Ngược lại âm thai lại. Vương Dật chủ giải sách Sở Từ rằng: Tư thái. Cao Tư chủ giải sách Lã Thị Xuân Thu rằng: Thái độ tình cảm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh năng.

Thọ trụ. Ngược lại âm chu lũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ

viết đúng từ bộ mộc viết thành chữ trụ. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ trụ cũng thông dụng.

Thanh giáng. Ngược lại âm phác bang.

Cấu cảng. Ngược lại âm trên cẩu hầu. Trịnh Huyền chủ giải sách Chu Lễ rằng: Nước chảy thông ra sông gọi là cấu. Sách khảo công ký ghi: Ống cống rộng bốn thước gọi là cấu. Sách Khảo Thanh ghi: cũng là cống rãnh nước chảy thông ra. Sách Thuyết Văn ghi: cấu là cống rãnh. Chữ viết từ bộ thủy thanh cấu âm cấu ngược lại âm cổ hầu. Ngược lại âm dưới giang hạng. Sách Văn Tự Tập Lược ghi: Nước chảy rẽ ra hướng khác, tức là nhánh sông. Sách Khảo Thanh ghi: nước chảy đi mà không thông. Chữ viết từ bộ thủy thanh hạng ?.

Đắc y. Âm dưới là y.

Mô mậu. Ngược lại âm trên mẩu bổ. Ngược lại âm dưới mạc hầu. Cố Dã Vương ghi rằng: Mậu giống như trao đổi. Quách Phác chủ giải sách Nhĩ Nhã rằng: gọi là buôn bán rộng lớn. Sách Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ bối thanh mậu âm mậu là âm dậu.

Cao chú. Ngược lại âm trên quả ao. Trịnh Huyền chủ giải sách Lễ Ký rằng: Hương thơm chất béo của thịt bò. Lại cũng gọi là chất mỡ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ cao đến bộ nhục. Ngược lại âm dưới chu thú. Sách Khảo Thanh cho rằng: chú là tim đèn. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chủ. Sách Tập Huấn viết chữ chủ, chủ là tim vải bên trong cây đèn mà làm cho đèn phát ra ánh sáng khi sử dụng.

Thùy miên. Ngược lại âm trên thùy loại. Ngược lại âm dưới miệt biên. Thiên Thương Hiệt ghi: Thùy miên là ngủ say. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Miên cũng là nằm ngủ. Cố Dã Vương cho rằng: ngủ. sách Thuyết Văn ghi: đều viết từ bộ mục đều thanh thùy miên. Kinh văn viết chữ minh này là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT XỨ XỨ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nạo lạo. Ngược lại âm trên hào cao. Quảng Nhã cho rằng: Nạo là quấy nhiễu loạn. theo Thanh loại cho rằng: quấy phá, quấy rối. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh nhiêu. Ngược lại âm dưới Lão đao. Sách Phương ngôn cho rằng: Lạo là mò lấy vật. Quách Phác chú giải rằng: Lạo là cái móc câu lấy vật từ dưới nước. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy vật từ dưới nước. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh lao.

Ngưu đài. Ngược lại âm dưới là Huế chi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Linh ngưu ăn rồi lại ói ra nhai lại mà ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nhổ ra mà nhai lại. Âm tiêu ngược lại âm tiều tiếu. Chữ viết từ bộ Xỉ thanh đài.

Phiêu khởi. Ngược lại âm trên Thất diêu. Sách Lã Thị Xuân Thu ghi rằng: Phiêu là thiêu đốt, thiêu đốt trong cũng lửa cháy. Sách Thuyết Văn cho rằng: lửa cháy lan cùng khắp. Chữ viết từ bộ hỏa thanh phiêu. Âm phiêu ngược lại âm tất liêu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: Thường dùng chữ này.

****

KINH PHẬT THUYẾT MẠ Ý - *Tuệ Lâm soạn.*

Đồng tử. Ngược lại âm trên là động đông. Sách Thượng thư đại truyện cho rằng: Tròng mắt nháy nhiều lần. Bì Thương cho rằng: hạt châu trong con mắt. Sách Khảo Thanh cho rằng: con ngươi trong con mắt. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mục thanh đồng.

Xà nguyện. Ngược lại âm trên xã giá. Ngược lại âm dưới ngũ quan. Sách Bao Phác Tử cho rằng: rất có nhiều loại rắn, nhưng chỉ có loại rắn thanh xà khi cắn con người là đối cần cấp có thể dùng lưỡi dao khoét bỏ chỗ thịt bị cắn đó bỏ đi, xuống đất tự nhiên miếng thịt tự sôi lên giống như thiêu đốt lửa, chỉ trong khoảnh khắc thiêu đốt hết miếng thịt đó, thì con người mới được sống. Nếu không khoét bỏ miếng thịt đó thì con người tức phải chết. Sách Huyền Trang ký ghi: nguyên xà đó thân dài ba, bốn thước có bốn chân giống như thủ cung tầm. Trên lưng có kim nhọn, bén như dao, rất độc hại, gim vào con người thì không tới nửa ngày là chết ngay. Kinh Sơn Hải ghi rằng: da rắn có làm đồ trang sức đựng dao kiếm, cùng với da cá mập tương tự. Nhưng sần sùi và trơn mịn khác nhau.

Lê cách. Ngược lại âm dưới canh hoạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cách là ách xe. Chữ viết từ bộ mộc thanh cách, hoặc là viết chữ ách âm ách ngược lại âm anh cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: ách là năng đổ lên chẳng phải nghĩa kinh. Chữ viết từ bộ mộc viết thành chữ ách tục tự thường hay dùng.

Kỹ thượng. Ngược lại âm cơ lý. Sách Khảo Thanh cho rằng: kỹ là thuộc cái bàn. sách Chu Lễ nói rằng: có năm ghế bàn ngọc chạm chỗ sơn phết. Các chư Hầu đến triều kiến, cúng tế đều dùng dùng ghế này.

Sách Thuyết Văn cho rằng: kỹ là ghế dựa. Chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ mộc, viết thành chữ kỹ là tên của loại cây, chẳng phải nghĩa của kinh mượn dùng.

Kê vụ. Ngược lại âm dưới mong bốc. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: vụ tức là con vịt. Xưa nay Chánh tự cho rằng: vụ là con le le, vịt trời. Chữ viết từ bộ ô thanh vụ âm là âm vụ.

Phần phần. Ngược lại âm phẫn phân. Sách Thuyết Văn cho rằng: Phần là thiêu đốt. Nay viết chữ phần nay. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ hỏa thanh phần. Kinh văn viết từ bộ quý viết thành chữ phần là sách viết sai.

Trì hộ. Ngược lại âm dưới hồ cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: văn cổ viết chữ hộ này. Bì Thương cho rằng: cửa nhỏ. Theo Thanh loại cho rằng: cửa phòng. Tự thư cho rằng: cửa sổ. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ hộ thanh mộc. Kinh văn viết chữ hộ này là sai chẳng phải.

Sư quyển. Ngược lại âm dưới quyển viên. Sách Quốc ngữ cho rằng: quyển là thư thả. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyển là sức mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: có thế lực. Chữ viết từ bộ thủ thanh quyển.

Kiêu quán. Ngược lại âm dưới quan hoán. Cố Dã Vương cho rằng: Quán là tưới rót nước. Sách Khảo Thanh cho rằng: Quán là ngâm vào nước, rót nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh quán. Kinh văn viết chữ quán này là chẳng phải chữ này.

Hình đĩnh. Ngược lại âm trên hình định. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: Hình là cái chân sách Thuyết Văn cho rằng: Hình cẳng cổ chân. Chữ viết từ bộ nhục thanh khinh. Âm hành ngược lại âm xung cánh. Âm khinh ngược lại âm công linh. Ngược lại âm dưới địa đĩnh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đản là thẳng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: bắp thịt kéo thẳng ra gọi là đĩnh. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nhục thanh đĩnh âm cù ngược lại âm cự câu.

Xác chánh. Ngược lại âm trên khống giác. Sách Chu dịch cho rằng: xác. Sách Chu dịch cho rằng: xác là nhà lao chắc chắn. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiên cố. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ Thạch thanh xác.

Bạch bể. Ngược lại âm dưới bề mể. Sách Khảo Thanh cho rằng: bể là xương đùi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cũng là xương bắp đùi ngoài. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ cốt thanh bệ. Kinh văn viết chữ bể cũng thông dụng âm bệ ngược lại âm tỳ lợi. mà cần giải thích có lúc rộng lớn hơn.

KINH PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT THIỆN ÁC SỞ KHỞI

Tuệ Lâm soạn.

Ô chi. Ngược lại âm trên ô cố. Cố Dã Vương cho rằng: nhiễm ô. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: ô uế. Tự thư cho rằng: bụi đất bám dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thạnh ô. Kinh văn viết chữ khoa viết thành khoa ngược lại ư đồ cùng với nghĩa kinh khác lạ.

Cừu tỵ. Ngược lại âm trên là cự ngưu. Sách Lễ Ký cho rằng: cừu là ngạt mũi, không thông. Xưa nay Chánh tự cho rằng: bệnh nghẹt mũi, mũi tắc nghẽn. Chữ viết từ bộ tỵ thanh thanh cửu. Kinh văn viết từ bộ cửu viết thành chữ cừu là chẳng phải nghĩa này.

Tắc ủng. Ngược lại âm dưới ung cũng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ủng là đắp bờ đê ngăn không cho nước tràn vào. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: ủng cũng giống như ngăn che. Cố Dã Vương cho rằng: lấp bít. Công Dương Truyện ghi: ủng là nước không chảy vào được Quảng Nhã cho rằng: ngăn cách. Hoặc là viết chữ úng. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thở thanh úng. Kinh văn viết chữ là sách viết sai.

Kê phù. Ngược lại âm dưới bổ vô. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phù giống như con vịt mà nhỏ hơn, đuôi dài trên lưng có vằn. Nay Giang Đông người ta cũng gọi là thần điểu, giống như nhạn. Âm sương là âm thi. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng là loại vịt hoang dã tức con le le. Nhưng mà nhỏ hơn. Chữ viết từ bộ điểu thanh phù âm phù là âm thù. Kinh văn viết từ bộ lực viết thành chữ phù là chẳng phải loại chim này.

Ty thử. Âm trên là ty ngược lại dưới tử tư.

Căn đang. Ngược lại âm trên lãng đang. Ngược lại âm dưới đãng lãng.

Di Lặc Chữ này còn nghi ngờ sai, chưa rõ cho nên chưa có âm giải thích.

Kiển ngật. Ngược lại âm trên kiến yển. Sách Chu dịch cho rằng: kiển là khó nói. Sách Phương ngôn cho rằng: kiển ngật nói ngọng. Quách Phác chú giải rằng: ở phương Bắc cũng là thông ngữ cũng viết chữ kiển nghĩa là chân què không đi được, chẳng phải nghĩa kinh âm tắc ngược lại âm tăng tắc. Ngược lại âm dưới cân ngật. Theo Thanh loại cho rằng: ngật là lời nói nặng giọng. Sách Thuyết Văn cho rằng:

Khó nói. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ngật.

Huyền mạ. Ngược lại âm trên là huyên. Sách Khảo Thanh cho rằng: huyền là ồn ào. Theo Thanh loại viết chữ hiêu nghĩa là gây náo loạn. xưa nay Chánh tự viết từ bộ khẩu thanh quyền. Hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ huyền âm huyền là âm hoàn mà âm giải thích đồng nghĩa.

Trùng trĩ. Ngược lại âm là trì lý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có chân gọi là trùng, không có chân thì gọi là trĩ. Loài côn trùng.

Tồn cứ. Âm trên là tồn. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngồi xổm. Gọi là ngồi đầu gối thẳng đứng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tồn là chân ngồi tụ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là ngồi xổm. Chữ viết từ bộ túc thanh tôn. Ngược lại âm dưới cư ngư.

Tiên bảng. Ngược lại âm dưới là bá mảnh. Sách Khảo Thanh ghi: khiến cho chiếc thuyền đi. Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: bảng là chèo thuyền đẩy tới. Lại chú giải rằng: cũng là đẩy mái chèo tới. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh bảng.

Ủy hắc. Ngược lại âm trên ủy vi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh ủy.

Thiết tính. Ngược lại âm trên phiến miệt. Sách Phương ngôn ghi rằng: thiết là buồn bực, xấu ác. Quách Phác chú giải rằng: thiết là tính nóng nảy. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm thanh tệ, âm tệ ngược lại âm tỳ duệ.

Phiêu tật. Ngược lại âm trên phiêu diêu. Quảng Nhã cho rằng: mụt nhọt đã thành ung. Bì Thương cho rằng: phiêu là bệnh ung thư nóng nhiệt nổi phù lên. Sách Tập Huấn cho rằng: nóng hừng hực. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ Dật thanh phiêu. Kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ phiêu là chẳng phải, âm phiêu ngược lại âm tất tiêu.

Sao trệ. Ngược lại âm trên sao sảo. Hoặc là viết chữ sao. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng sao lược. Quảng Nhã cho rằng: sao là cướp đoạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh thiếu. Ngược lại âm dưới truy nhuế. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Trệ là nối, kết. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trệ nối liền móc xích với nhau. chữ viết từ bộ mịch thanh xuyết. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ trệ là chẳng phải. Âm xuyết ngược lại âm chư liệt.

Khiên tướng. Ngược lại âm trên xí khiên. Quảng Nhã cho rằng: khiên là lôi kéo, dẫn dắt.

Luân lịch. Ngược lại âm trên luân. Cố Dã Vương cho rằng: lốp xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: căm xe gọi là luân. Chữ viết từ bộ xa thanh luân. Âm luân là âm luân. Ngược lại âm dưới linh đích. Thiên Thương

Hiệt ghi rằng: lịch là cán nghiền lên. Sách Thuyết Văn ghi: lịch là bánh xe cán nghiền nát. Chữ viết từ bộ xa thanh lạc.

Đạm hỗn trùng. Ngược lại âm trên đàm lam. Quảng Nhã cho rằng: đạm là cho ăn. Sách Thuyết Văn ghi: đạm cũng là nhai thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh đàm. Âm giữa là hồn khổn. Thiên Thương Hiệt ghi: hỗn là cái chuồng chở nhốt heo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: hỗn là nhà vệ sinh, nhà xí. Chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ hỗn là chẳng phải, âm vi là âm vi.

Hỏa phiên. Ngược lại âm dưới phạt viện. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiên là thiêu đốt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thêm lửa bao bọc bên ngoài gọi là phiên. Quảng Nhã cho rằng: phiên là làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh phiên. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ tượng hình.

Uyển chuyển. Ngược lại âm trên oán việc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: uyển chuyển là nằm. Chữ viết từ bộ tịch đến bộ tiết âm tiết là âm tiết. Kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ uyển này là chẳng phải.

Táo quặc. Ngược lại âm trên tao táo. Cố Dã Vương cho rằng: táo cũng giống như động. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: táo là không an tịnh. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là vồ chụp bắt lấy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh táo. Kinh văn viết chữ tham tục tự thường hay dùng. Âm táo ngược lại âm liên đáo.

Phi nga. Ngược lại âm trên là phi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phi tức là phụ bàn. loài côn trùng ngửi mùi hôi thúi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phỉ cũng là dân tộc của một bộ tộc ở Trung Quốc gọi là Mán. Cố Dã Vương cho rằng: Phụ Mán Phỉ, tức là thổ phỉ. Chữ viết từ bộ trùng thanh phi.

Súc sinh. Ngược lại âm dưới tĩnh anh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trâu, bò, ngựa, dê, heo, gà, chó gọi là lục sinh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tên sửa đổi con bò là sinh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngưu thanh sinh.

Điều nhiễu. Ngược lại âm nê điểu.

Khư tụ. Ngược lại âm trên thứ ngư. sách Chu dịch cho rằng: Khư là thôn làng. Quảng Nhã cho rằng: khư là chỗ ở của cư dân. Sách Nam Sở Nhữ Dĩnh nói: cũng là thôn làng, thanh. Kinh văn viết từ bộ phụ viết thành chữ khưu tụ. là chẳng phải đúng. Nay có khi cũng dùng đến chữ này.

Bần lũ. Ngược lại âm cù phủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chỗ ở không có tài sản làm lễ vật dự bị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lũ

là không có tài vật cất chứa, tức là nghèo cùng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ miên thanh lũ. Âm miên là âm miên. Xưa nay Chánh tự thường dùng.

Mê hôn. Âm hôn. Sách Khảo Thanh cho rằng: người già cho nên có nhiều quên gọi là hôn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: hôn loạn. Theo Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: hôn là không có chỗ để biết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm Thanh hôn mà viết thành chữ hôn.

Trung giá. Âm ngạn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: giá là nghinh đón tiếp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh ngôn.

Thế phúc. Ngược lại âm dưới phong phục. Sách Lễ Lý nói rằng: phúc đó là dự bị sẵn. Kinh Thái Huyền nói: Đạo làm người có chú giải Mao Thi Truyện rằng: tước mạng là phúc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thị đến âm phúc thanh bức. Kinh văn viết từ bộ thị viết thành chữ vi kiểm lại tìm các chữ đều không có âm, cxung không có chõ giải thích chữ này.

Lung hội. Ngược lại âm dưới ngoan quái. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sinh ra đã điếc rồi gọi là hội. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh hội.

Thặng cát. Ngược lại âm trên trổ lăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: thặng chiếc xe có bốn con ngựa kéo. Nay gọi là ngựa thuần thục giỏi, chạy rất xa mà lại có sức mạnh dẻo dai. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh thặng ngược lại âm tù lăng.

Hiểu nhược. Ngược lại âm trên nhiêu nhiêu. Bì Thương cho rằng: hiểu là lúc rạng sáng, buổi sáng. Sách Khảo Thanh cho rằng: ánh sáng rực rỡ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: ánh sáng chiếu soi. Chữ viết từ bộ nhật thanh hiểu, cũng viết chữ hiểu.

Phiếm ái. Ngược lại âm phương kiếm.

Diễm thiên. Âm trên diễm.

****

KINH PHẬT THUYẾT XUẤT GIA DUYÊN - *Tuệ Lâm soạn.*

Kinh quý. Ngược lại âm dưới quý quý. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong lòng kinh sợ, phẫn nộ, giận dữ. Sách Thuyết Văn quý là trong lòng lo sợ. Chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Ngoan hội. Ngược lại âm dưới hoại nội. Thiên Thương Hiệt ghi

rằng: là mơ hồ rối loạn. sách Trang Tử nói: mơ hồ không rõ. Nghi lễ của thế tục. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hội.

****

KINH PHẬT THUYẾT A-HÀM CHÁNH HẠNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Khảo trị. Ngược lại âm khô lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: khổ. Lại gọi là đánh gõ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đứa trẻ có cái chuông, trống mà không đánh, không khảo. Sách Phương ngôn cho rằng: khảo là dẫn dắt. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ khảo. Tục tự cho rằng: chẳng phải.

Ho hấp. Ngược lại âm chức cấp. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: hấp cũng giống như dẫn vào. Cố Dã Vương nói: hấp cũng là dẫn hơi thở vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh cập.

****

KINH THẬP BÁT NÊ-LÊ - *Huyền Ứng soạn.*

Thối lược. Ngược lại âm thương đối. Dựa theo chữ thối. Các quan giữ chức phó. Theo Quảng Nhã nói rằng: thối là đầy đủ. Lại viết đúng thể âm bổ bổn.

Chước nhiệt. Ngược lại âm chi dược. Quảng Nhã cho rằng: chước là nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn ghi: chước là thấp sáng. Kinh văn viết chữ trác ngược lại âm đô giác. Chữ trác làcp nghĩa kinh.

Bệ lao. Ngược lại âm phương hề. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệ lao là tên của ngục, chỗ gọi là câu thuê con người lại chẳng phải được thong thả. Sách Gia ngữ nói: Vương Túc đời nhà Chu Thiên Tử chế ra bệ chấp gọi là bệ ngục lao, nhà lao ngục rất chắc chắn. Chữ viết từ bộ phi viết thành chữ bệ thanh tĩnh. Kinh văn viết chữ bệ là chẳng phải thể.

****

KINH PHÁP THỌ TRẦN

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH THIỀN HÀNH PHÁP TƯỞNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Giáng trướng. Ngược lại âm phác mang.. Bì Thương cho rằng: Giáng là ruột già, hậu môn đã sưng lên. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nhục thanh giáng, âm mang ngược lại âm Mạch bang. Nay từ này cũng lưu hanh thông dụng.

Phí đao. Ngược lại âm trên phi vị. Quảng Nhã cho rằng: phí giống như tổn hại. Sách Thuyết Văn cho rằng: phí là tán tài. Chữ viết từ bộ bối thanh phí. Ngược lại âm dưới cao cáo. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: tiêu hao. Thiên Thương Hiệt cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh mao. Kinh văn viết từ bộ lỗi viết thành chữ hao là sai lầm.

****

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỞNG GIẢ TỬ ÁO NÃO TẠM XỨ

Tuệ Lâm soạn.

Ma sa. Ngược lại âm dưới tát hà. Theo thanh loại ghi rằng: Ma sa cũng giống như môn mạc. nghĩa là sờ mó. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh. Kinh văn viết từ bộ thiểu viết thành chữ sa là sai. Thoát âm.

****

KINH KIỀN-ĐÀ QUỐC VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Kiền-đà. Ngược lại âm trên kiện yên. Ngược lại âm dưới độ hà. Tiếng Phạm, tên của nước.

Đâm tiều. Ngược lại âm từ diêu. Theo Hàn Thi Truyện ghi rằng: tiều là người lấy củi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiều là đốn củi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh tửu.

****

KINH TU MA ĐỀ TRƯỞNG GIẢ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tương tranh. Ngược lại âm trạch canh. Tục tự viết đúng chữ tranh. Lại viết chữ. Các nhà Nho trước tùy ý viết, tác mác khắp trong kho điển. Sách Tập Huấn ghi rằng: vật va chạm, đánh chuông, chữ chuyển

chú, mà cũng nói tranh là động lòng.

Cánh tắc. Ngược lại âm ách hạnh. Sách Vận Thuyên cho rằng: khí hơi tắc nghẽn. Gọi là buồn bực khó chịu.

Phiêu tâm. Ngược lại âm tất diêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phiêu là dáng buồn giận. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu cũng gọi là thu góp, lấy tiêu biểu, hiểu biết của kiến thức. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phiêu.

Ưng trục cáp. Ngược lại âm trên ức căng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: ưng là tên gọi chung giống chim hung dữ. Cố Dã Vương cho rằng: cũng gọi là chim tu hú. Ngược lại âm dưới cam hạp. Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: Loài chim bồ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ điểu thanh hạp.

Thục chi. Ngược lại âm thường dục. Tục tự cho rằng: Vương Túc chú giải sách Thượng thư rằng: xuất tiền vàng ra để chuộc tội. Sách Khảo Thanh cho rằng: đêm thế vật để được miễn tội, lấy tài sản đem thưởng thẳng cho người. Sách Thuyết Văn ghi rằng: thục là mua bán đổi, trao đổi. Âm thục là âm dục.

****

KINH PHẬT THUYẾT A-NAN TỨ SỰ - *Tuệ Lâm soạn.*

Mậu mại. Ngược lại âm trên mậu hậu. Cố Dã Vương ghi: Mậu cũng giống như trao đổi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mậu là chợ mua bán. Sách Văn Tự điển và sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh mậu. Kinh văn viết chữ mậu này là chẳng phải.

****

KINH VI SANH OÁN VƯƠNG

Thế tứ. Ngược lại âm tức lợi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thế tứ là ao nước. Theo Truyện nói rằng: từ nơi mũi chảy ra gọi tứ, từ nơi mắt chảy ra gọi là Thế.

Sưu sảnh. Sách Tự uyển viết sưu này cũng đồng, ngược lại âm sở cảnh. Sách Thích danh ghi: sảnh tiêu là bệnh gầy ốm. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: sảnh đó là người sanh ra bệnh ốm gầy. Kinh văn viết tĩnh lược chẳng phải thể chữ. Hiện nay vẫn lưu hành thông dụng.

Kiệt nghịch. Ngược lại âm kỳ liệt. Theo chữ kiệt sách Ách Pháp nói: kẻ trộm cướp có nhiều phiền lụy gọi kiệt. Sách Lưu Hy nói: có nhiều điều hung ác, bạo nghịch, hại người hiền, làm nhiều sự phiền lụy.

****

KINH PHẬT THUYẾT CHẾ CẨU - *Tuệ Lâm soạn.*

Triết cẩu. Ngược lại âm trên chiết liệt. Quảng Nhã cho rằng: Triết là cuồng. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: con chó điên cuồng. Chữ viết từ bộ khuyển thanh triết.

Tiền tẩy. Ngược lại âm trên tiết tiền. Quảng Nhã ghi rằng: tiền cũng giống như tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiền giặt giũ tẩy rửa. Chữ viết từ bộ thủy thanh tiền.

****

KINH TỨ NGUYỆN

(Trước không có âm giải thích.)

****

KINH HẮC THỊ PHẠM CHÍ - *Tuệ Lâm soạn.*

Khảo lượt. Ngược lại âm dưới lực chước. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lượt là cướp tài vật của người khác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: lượt là sợi dây lớn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ âm lượt thanh tĩnh.

Ngạc nhiên. Ngược lại âm trên ngũ các. Tự thư viết chữ ngạc, gọi là kinh ngạc, cũng gọi là tranh cãi. Theo Thanh loại cho rằng: dáng diệu cung kính. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm thanh ngạc.

Ấp cự. Âm trên là ấp. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ấp là buồn phiền, phiên muộn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm gọi là trong lòng lo buồn, phiền muộn, than thở. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: dáng điệu không được thong thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: không an. Chữ viết từ bộ tâm thanh ấp. Ngược lại âm dưới là cự. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ là nơm nớm lo sợ. Giải Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cự là gấp vội. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: gấp vội

vàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cự là khốn khổ, bức bách làm cho khốn khổ. Chữ viết từ bộ xước thanh cự. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ cự là sai lầm.

Kính thuận. Ngược lại âm trên là kinh. Thiên Thương Hiệt ghi: kính con đường mòn nhỏ trải qua. Quảng Nhã cho rằng: kính là trải qua. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ xước thanh khinh, theo đường mòn mà đi.

Câu triếp. Ngược lại âm dưới ni triếp. Sách Thích danh ghi rằng: triếp là nhiếp xe, đưa lên giữ cho chiếc xe cân bằng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: triếp là cây dùi, cây khoan. Chữ viết từ bộ kim thanh triếp. Âm triếp ngược lại âm ni triếp.

****

KINH PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT - *Tuệ Lâm soạn.*

Thị tụy. Ngược lại âm dưới tuy túy. Sách Khảo Thanh cho rằng: là quỷ thần làm hại, gây tật bệnh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là thần gây họa. Chữ viết từ bộ thị đến bộ xuất thanh xuất. Kinh văn viết từ bộ tông viết thành chữ sùng là chẳng phải.

Đảo tự. Ngược lại âm trên lực lão. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cầu phước gọi là đảo. Bao Ích Pháp chú sách Luận ngữ rằng: mời gọi quỷ thần. Quảng Nhã cho rằng: tạ ơn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thị thanh đảo. Ngược lại âm dưới tự ti. Tự là đồ cúng tế cung kính sạch sẽ thanh khiết. Cố Dã Vương cho rằng: có thể cúng tế trăm vị thần trong miếu gọi là tự. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thị thanh dĩ.

Yêu hộ. Ngược lại âm trên yêu kiêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: yêu là thiếu. Mã Bưu chú giải sách Luận ngữ rằng: dáng vẻ lẳng lơ thư thái. Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là trai gái yêu thích với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: khéo léo. Chữ viết từ bộ nữ thanh yêu. Ngược lại âm dưới uông hộ. Sách Văn Tự điển nói rằng: hộ là dáng vẻ thư thái. Chữ viết từ bộ nữ thanh hộ. Kinh viết chữ quặc viết thành chữ quặc là sai lầm.

Bất đạn. Ngược lại âm dưới đàn lãn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đạn là kiêng sợ, lo sợ khó khăn. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: đạn là kỵ kiêng điều xấu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lao nhọc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh đơn. Xưa nay Chánh tự thường hay dùng.

KINH PHẬT THUYẾT BÁT QUAN TRAI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tộc tánh. Ngược lại âm trên là tòng lộc. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tộc loại, đồng họ trăm nhà làm một tộc. Khiến cho cùng nhau tương táng, nghĩa là tương tục nhiều đời. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ư thanh thỉ. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ ai là chẳng phải.

****

PHẬT THUYẾT KINH A-CƯU-LƯU

Viết tham: chữ sau âm là thương hàm phản. Sách Tập Huấn ghi rằng: Tham lam, gọi là gian. Nghĩa là tham ăn, mặc. Sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ nữ thanh chữ tham

Nhất vu. Ngược lại âm dinh câu. Hà Hưu chú giải Công dương truyện rằng: vu là dụng cụ đồ đùng đựng thức ăn nước uống. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cái bạt lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát đựng cơm. Chữ viết từ bộ mảnh thanh vu. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ hũ là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT HIẾU TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Thôi táo. Ngược lại âm dưới tảo tảo. Sách Chu dịch ghi rằng: lửa chính là để làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn hoàn toàn táo là làm khổ. Chữ viết từ bộ hỏa thanh táo. Kinh văn viết chữ tham là chẳng phải. Âm táo là âm táo

Lễ lộ. Ngược lại âm dưới lô đố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lộ là đưa quà tặng. Cố Dã Vương cho rằng: lấy tài vật báo cáo nói rõ mời thỉnh theo ý muốn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh lộ thanh tĩnh.

Thích thích. Ngược lại âm đinh đích. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: thích là lo sợ. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: thích thích. là giống như thiết hiết thận trọng. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thích là lo lắng sợ hãi bệnh tật. Sách Khảo Thanh cho rằng: không an, phiền muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ

tâm thanh dịch.

Dĩ tái. Ngược lại âm dưới tang đại. Mục Thiên tử truyện cho rằng: báo đáp ơn phúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: báo ơn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tái thanh mạo âm tắc ngược lại âm tăng tắc.

Trầm miện. Ngược lại âm trên trừ lâm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: say khướt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trầm là chìm đắm, ngâm vào nước. Cố Dã Vương cho rằng: chìm đắm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh đam âm đam là âm đam. Sách Khảo Thanh cho rằng: miện chìm đắm trong men rượu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: miện là uống rượu say sưa quá độ tạo nhiều lầm lỗi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh miến. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ đam là chẳng phải.

Hung nghiệt. Trên là chữ hung dưới theo người âm ngôn yết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nghiệt là tai họa. Loài trùng thú làm điều quái dị gọi là nghiệt. Mặc y phục làm bằng cây cỏ gọi là yêu. Nay thông dụng viết chữ nghiệt tục tự viết đúng từ bộ thị thanh nghiệt.

Sái độc. Ngược lại âm trên sửu giới chữ tượng hình. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: sái độc là loài côn trùng. Giữa nước Tần, Tấn gọi là con bò cạp loại đuôi dài. Trịnh Huyền gọi là đuôi dài giống như tóc của người phụ nữ xoắn cong lại, mà trên đuôi cuộn, khi duỗi thẳng là có độc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh vạn. Giống như hình con bò cạp.

Hào tuyệt. Ngược lại âm trên là hiệu cao. Sách Vận Anh cho rằng: khóc lớn. Sách Vân Thuyên cho rằng: tiếng than thống khổ. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ hổ thanh hiệu. Kinh văn viết chữ thiếu là chẳng phải.

Nịnh bế. Ngược lại âm trên ninh định. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giả nhân,giả nghĩa. Cố Dã Vương cho rằng: nịnh hót nói theo làm theo ý cho vua vui lòng. Theo chữ nịnh đó là nịnh hót lấy lòng bậc trên, cuốn theo chiều theo thuận theo tình ý của người giả dối giống như có nhân nghĩa. Cho nên chữ viết từ bộ nhân đến bộ nữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khéo léo nịnh hót. Âm dưới làbế. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: người được vua sủng ái. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: bế giống như được yêu chìu. Sách Ích Pháp nói rằng: người hèn hạ mà được yêu gọi là bế. Lưu Chiếu cho rằng: bế là người thấp hèn, bị khinh nhờn, nhờ dùng sắc đẹp nịnh hót mà được yêu chìu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh tích âm tiết là âm tiết.

Yêu dã. Âm dưới dã. Kinh dịch nói rằng: dã dạy bảo làm việc

dâm dục. Sách Khảo Thanh cho rằng: người phụ nữ trạng thái biến đổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: dã cũng giống như nấu đồng cho chảy ra. Chữ viết từ bộ thủy thanh đài. Văn xưa nay thường hay dùng. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ cổ, tuy thông dụng nhưng chẳng phải nghĩa bổn kinh này, mà cũng chẳng phải bổn chữ của thời nay.

****

KINH NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THUYẾT BỔN KHỞI - *Huyền Ứng soạn.*

Kiểu tự. Ngược lại âm cổ nhiều. Sách Hán Thư Tấn dưới âm nghĩa nói rằng: gặp may mắn. Gọi là nguyện cầu gặp may mắn.

Yến mạch. Lại viết chữ yến cũng đồng. Ngược lại âm yên kiến. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài chim sẻ thường ăn lúa mạch. Lại chú giải rằng: chim yến mạch. Kinh văn viết chữ ê. Ngược lại y hề. Giống thủy điều, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phó sức. Ngược lại âm phương vụ. Phó giống như bôi trét thêm vào, nghĩa là thoa thuốc, thoa phấn đều là vậy.

Ký thí. văn cổ viết ký cũng đồng. Ngược lại âm hư khí. Sách Nghi lễ nói rằng: ký là đưa tặng lễ vật cho người. Trịnh Huyền cho rằng: lấy con vật con sống dâng lên áng tế gọi là ký, ký giống như bẩm thưa mà đưa cho. Bì Thương cho rằng: ký là dâng thức ăn cho bậc trên. Tự Thư cho rằng: ký kà biếu tặng. Sách Phương ngôn nói: ký là dâng thức ăn còn nóng.

Tạp nhu. Văn cổ viết thô nhẫn hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm nữ cứu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tạp cơm trộn thức ăn. Nay lấy vật màu sắc khác trộn xen lẫn nhâu gọi là như. Nhu là tạp, trộn lẫn, xen tạp với nhau.

Đàm câu. Ngược lại âm đồ hàm. Hoặc là viết chữ cụ đàm. Trong kinh văn phần nhiều viết chữ cụ đàm đều là tiếng Phạm, đọc có nặng có nhẹ.

Mại tánh. Ngược lại âm mai bại. Tiếng Phạm gọi là Tát-câu-lô. Lại vốn viết bạt. Kinh văn viết chữ giã là sai.

Ha mục. Ngược lại âm trắc ư. Tiếng Phạm gọi là Ma-ha-mục. Đây dịch là cao to lớn.

Ân lời. Ngược lại âm ư cân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: âm là phong phú dồi dào. Theo Truyện nói rằng: ân, đông đúc nhiều, lớn. Ngược lại ư nạn. Lấy màu đỏ đen làm ân. đây mượn âm để dùng.

Phu du. Ngược lại âm dực chu. Sách Toán văn viết chữ phù du gọi là ngọc màu sắc đẹp. Sách Phương ngôn cho rằng: phó du là vui vẻ hài hòa.

Hệ khiết. Ngược lại âm hồ kiết. Bì Thương cho rằng: bao vây, ràng buộc. Văn thông dụng cho rằng: bó buộc lại gọi là khiết. Xưa nay Chánh tự thường hay dùng.

Vị trá. Cổ văn viết đãi cũng đồng. Ngược lại âm lục tứ lực quý hai âm.

Ác sức. Ngược lại âm ô các. Ác là đất sét đất trắng. Sách Nhĩ Nhã nói rằng: đất trắng dùng để quét tường. Quách Phác cho rằng: lấy đất trắng để sơn phết quét tường. Quảng Nhã cho rằng: ác là đất quét tường. Cổ văn cho rằng: cũng là đất quét tường.

Phù khiển. Thể chữ viết chữ phù này cũng đồng, ngược lại âm phương vụ. Sách Lễ Ký nói rằng: không đến, qua lại Trịnh Huyền cho rằng: phù là đến rất mau. Quảng Nhã nói: phù là đi. Ngược lại âm dưới khứ chiến gọi là khiển trách.

Khinh mạc. Ngược lại âm vong giác. Sách Sở Từ nói rằng: cao xa, cao chạy xa bay. Vương Dật chú giải rằng: xa tít mù xa. Sách Phương ngôn cho rằng: mạc là cách ly xa rời, từ từ rộng ra, cũng gọi là nhiều.

****

KINH ĐẠI CA-DIẾP BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Khai phi. Chữ đúng là viết chữ phá cũng đồng ngược lại âm khổ bã. Sách Toán văn cho rằng: phá là chặt đốn giống như phân ra, cũng là chặt phá đốn ngã. Kinh văn viết bãi ngược lại âm phổ mại. Bãi là dùng tay đánh gỡ. Bãi chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH TỨ TỰ XUÂN - *Huyền Ứng soạn.*

Bất tiếu. Ngược lại âm tiên diệu. Sách Lễ Ký nói rằng: con ma không giống cha gọi là bất tiếu. Trịnh Huyền gọi là không giống. Nói không giống như trước. Cho nên gọi là bất tiếu. gọi là loại xấu ác, chữ từ bộ nhục thanh tiểu.

Chinh xung. Ngược lại âm chi doanh văn cổ viết chữ xung cũng

đồng. Ngược lại âm chi dung. Sách Phương ngôn cho rằng: chinh xung là lo sợ hoảng hốt. Giữa giang hồ nói rằng: phàm nghèo khổ túng quẫn bức bách là lo sợ đều gọi là chinh xung.

****

KINH LA VÂN NHẪN NHỤC - *Tuệ Lâm soạn.*

Vô uẩn. Ngược lại âm ư vận. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uẩn là tức giận. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vẫn là hận. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẫn nộ. Chữ viết từ bộ tâm thanh ôn, âm ôn ngược lại âm ôn nhuận.

Độc mạng. Ngược lại âm dưới mạc bày. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: loại rắn rất lớn. Sách Khảo Thanh cũng cho rằng: loại rắn rất lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh man.

Vĩ tốt. Ngược lại âm trên vĩ quỹ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đỏ rực. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng alf ánh sáng rực rỡ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh vĩ ngược lại âm dưới diễm kiếp. Sách Phương ngôn tốt là lửa cháy dữ dội. Quảng Nhã cho rằng: tốt là ánh sáng màu đỏ rực. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh tốt âm tốt đồng với âm trên. Kinh văn viết từ bộ tốt viết thành chữ tốt là chẳng phải. Xưa nay Chánh tự viết văn cổ nói rằng: âm lúc bấy giờ là giải thích theo chữ.

****

KINH PHẬT VI NIÊN THIẾU TỲ KHEO THUYẾT CHÁNH SỰ

(Không có âm giải thích.)

****

KINH THỜI PHI THỜI - *Huyền Ứng soạn.*

Vu điền. Theo nghĩa chữ viết đúng nghi là chữ vu điền hai chữ tượng hình cân điền ngược lại âm đồ hiền. Lại gọi là âm đồ biến. Mà xưa nay Chánh tự cho rằng: tên của một nước. Nước Vu-điền.

KINH SA HẠT TỲ-KHEO CÔNG ĐỨC - *Huyền Ứng soạn.*

Hãm thử. Văn cổ viết chữ hàm cũng đồng. Hãm giống như rơi xuống, sa vào hố sâu, cũng gọi là chìm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: hãm là từ trên cao mà rơi xuống thấp, cũng gọi rớt xuống hầm, bị vùi lấp.

Tứ trung. Ngược lại âm trên tư sử. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cái rương đựng y phục gọi là tư. Sách Lễ Ký cho rằng: cái hộp nhỏ làm bằng tre có nắp người ta sử dụng hoặc là đựng đồ vật. Trịnh Huyền cho rằng: đều là dụng cụ đựng thức ăn, mà tròn gọi đan vuông gọi là tử.

Khải hóa. Ngược lại âm trên khẩu ai. Sách Thuyết Văn cho rằng: khải là mở ra. Quảng Nhã cho rằng: khải hóa, mở mang ra cũng gọi là muốn. Theo Thanh loại cho rằng: đây cũng là chữ khai.

****

KINH TỰ ÁI - *Huyền Ứng soạn.*

Nhượng y. Ngược lại âm nhi dương. Gọi là nhượng tức là cởi vén tay áo ra bày vai cánh tay ra ngoài. Sách Trang Tử nói rằng: nhượng là bày cánh tay ra. Ngược lại âm dưới Xa thị âm duệ ngược lại âm di thế. Giải thích cũng như vậy.

Tiên vạt. Ngược lại âm tiên điển. Ngược lại âm dưới vũ phát văn cổviết chữ vạt đều đồng. T.688 Gọi là tất, vớ chân. Kinh văn viết vạt là chẳng phải.

Huy thế. Ngược lại âm hủy quy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: huy là đưa cao lên, bay lên. Lại cũng gọi là huy là phấn chấn, thăm hỏi, huy cũng là tốt đẹp huy thế tráng lệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huy là dốc hết sức lực. Lại chú giải rằng: huy là cứu giúp, lấy hết sức lực cứu giúp người chìm dưới nước. Kinh văn viết chữ chỉ huy. Huy chẳng phải thể.

****

KINH TRUNG TÂM - *Huyền Ứng soạn.*

Thúy bất. Ngược lại âm thanh tuế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thúy là ít mềm mại dễ gãy. Quảng Nhã cho rằng: thúy là mềm. Thúy cũng giống như là còn non. Kinh văn viết chữ xuế nghĩa là lông mịn, chẳng phải nghĩa đây dùng, âm nộn ngược lại âm nô khốn.

Huyên phi. Nay viết chữ Hoàn cũng đồng ngược lại âm huy duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng nhỏ biết bay. Sách Chu Lễ nói rằng: Huyên pho tức là loài côn trùng bò lúc nhúc.

****

KINH CHÁNH KIẾN - *Huyền Ứng soạn.*

Bao dục. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là chữ dục cũng đồng. Ngược lại âm dư chúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: nuôi dưỡng con cái dạy bảo khiến cho làm theo điều thiện, dục cũng là trưởng thành, che chở, cũng là sanh trưởng.

Đĩnh thổ. Ngược lại âm dã đĩnh. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: Đĩnh là người thợ làm đồ gốm, điêu khắc, nặn đắp. Hứa Thúc Trọng nói rằng: đĩnh là nhào nắn cho mềm. Đắp đất, cũng là đánh gõ, cũng là hòa trộn lại.

Trác tỷ. Ngược lại âm phu phát. Sách Thuyết Văn ghi rằng: vót gỗ cho nhọn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tỷ thư thừ, văn thư, cũng gọi là vót nhọn vót gỗ cho nhọn, cũng gọi là chặt đẽo đốn gọt.

Phúc dục. Ngược lại âm phò phúc. Ngược lại âm dưới là di lục. Tự Lâm cho rằng: phúc dục là loài rắn hổ lột da như con ve vậy, cũng giống như con bọ hung biến làm con ve. Quảng Nhã cho rằng: phúc dục là con côn trùng lột xác. Âm thứ ngược lại âm tha ngoại thỉ nhuệ hai âm. Gọi là loài rắn lột da. Kinh văn viết chữ phúc dục này là chẳng phải thể.

Khứu như. Ngược lại âm dưới như thứ. Theo chữ như cũng là chữ khứu. Nay gọi là ủy bại là như tức thối nát. Từ gọi chung thức ăn đã bị thối nát. Âm ủy ngược lại âm nãi tội.

Luy cụ. Lại viết chữ cụ cũng đồng ngược lại âm cự ác. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cụ là gầy ốm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiếu hụt, chữ đúng là văn cổ.

****

KINH A-NAN THẤT MỘNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH ĐẠI NGƯ SỰ

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH A-ĐIÊU A-NA-HÀM

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN - *Huyền Ứng soạn.*

Túc sâm. Nay viết chữ sâm cũng đồng ngược lại âm sở kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều cây trong rừng cao dài.

Tử dẫn. Ngược lại âm dữ chấn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dẫn là kế thừa, nối tiếp theo, cũng là nối tiếp người đi trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: con cháu thay nhau thừa kế tiếp tục sự nghiệp gọi là dẫn. Nói tóm lại là muốn sinh sản thêm nhiều.

Chí nhiên. Lại viết chữ quý cũng đồng ngược lại âm khẩu quỹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng thở dài. Sách Luận ngữ nhan uyên nói rằng: chí nhiên tức là lời than thở, gọi là tiếng than hà yến.

Khánh kiệt. Văn cổ viết chữ diêu cũng đồng, ngược lại âm định. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồ đựng chứa đồ vật đã trống rỗng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khánh là hết sạch. Kinh văn viết từ bộ thạch tức tên của loại nhạc khí. Xưa đó mẫu câu viết chữ khánh là chẳng phải nghĩa đây dùng, văn cổ viết như vậy.

Ẩm hàm. Văn cổ viết chữ hàm cũng đồng, ngược lại âm hồ cam. Sách Thượng thư cho rằng: là trong nhà vui thích uống rượu ca hát. Khổng An Quốc nói rằng: vui thích uống rượu gọi là hàm. Sách Hán Thư Ứng Triệu nói rằng: không say, không tỉnh gọi là hàm. Chữ viết từ bộ câm thanh dậu.

Kiết nhiên. Ngược lại âm cư triết. Theo chữ kiết cũng giống như cô độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiết là không có cánh tay phải gọi là kiết. Sách Quốc ngữ cho rằng: kiết là còn thừa sót lại, lẻ loi, thui thủi một mình là vậy.

Thân nặc. Nay viết chữ nặc cũng đồng. Ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nặc là thân cận. Quách Phác cho rằng: gọi là thân cận qua lại với nhau, cũng là thân thiết riêng tư.

Hàm hãm. Ngược lại âm khổ hiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hãm là hố mắt. Quảng Nhã cho rằng: Hàm là nhìn chăm chú vào, móc mắt ra. Kinh văn viết chữ trảo trãm viết chữ là chẳng phải thể. Chữ trảo ngược lại âm trắc giao.

Quấn thập. Lại viết chữ quấn cũng đồng, ngược lại âm cư vận. Sách Phương ngôn ghi: quấn là nhặt lấy. Sách Quốc ngữ cho rằng: thâu gom lấy, nấu hấp. Giã Quỳ chú giải rằng: nhặt lấy bông lúa, âm tuệ là âm toại.

Sai nghi. Văn cổ viết chữ tai sai hai chữ tượng hình. Nay viết chữ thái cũng đồng. Ngược lại âm thô lãi. Theo chữ sai cũng là nghi. Quảng Nhã cho rằng: sai là lo sợ suy đoán. Sách Phương ngôn cho rằng: sai là hận.

Đoan xác. Lại viết chữ xác. Bì Thương cho rằng: viết chữ xác cũng đồng. Ngược lại âm khổ học. Sách Chu dịch ghi rằng: xác là quấn chắc chắn. Theo Hàn Khan Bá lại nói rằng: xác là chắc chắn kiên cố. Kinh văn lại viết chữ khánh. Ngược lại âm hồ tộc chữ khánh có nghĩa là ngũ cốc. Thóc lúa đã hết sạch, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trù trương. Lại viết chữ thù trù chu ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm trú vưu. Sách Thượng thư cho rằng: chuyện không có, không là nói có, nói dối, thổi phồng lên làm cho huyễn hóa. Khổng An Quốc chú giải rằng: trù là cuồng vọng dối trá, khinh khi mê hoặc người khác.

Thượng ế. Lại viết chữ ế cũng đồng, ngược lại âm nhất kế. Sách Thuyết Văn chú giải rằng: bệnh mắt, trong mắt sanh ra bệnh có vảy. Tam Thương và Quách Phác chú giải rằng: mắt bệnh lờ mờ không thấy rõ.

Ngung ngung. Văn cổ viết chữ ngung cũng đồng, ngược lại âm ngưu hung. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm thanh hưởng ứng hòa theo, gọi là quần chúng kính ngưỡng đức độ mà răm rắp tuân theo. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngung là đồ sộ to lớn. Tin tưởng và kính cẩn ngưỡng mộ, dáng vẻ ôn hòa.

****

KINH PHỤ NHÂN NGỘ CƠ - *Tuệ Lâm soạn.*

Thủ phụ. Ngược lại âm trên sô cú. Bạch Hổ Thông cho rằng: thủ đó lấy vợ. Sách Chu Lễ nói: người con trai ba mươi tuổi là phải lấy vợ.

Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh thủ.

Thủy đối. Ngược lại âm đôi nội. Cố Dã Vương cho rằng: chữ đôi cũng giống như dùng cối giã gạo. Sách Phương ngôn ghi rằng: đôi cũng là động cơ máy xay gạo. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng cối lấy chày hoặc dụng cụ khác giã gạo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh truy.

Đốn chất. Ngược lại âm trúc lợi. Cố Dã Vương cho rằng: chất cũng giống như bị đốn ngã. Quảng Nhã cho rằng: chất cũng là giẫm đạp lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất văn cổ.

Cô công. Ngược lại âm chúc dung. Sách Phương ngôn cho rằng: người ở Quan Trung gọi cha chồng là công. Sách Khảo Thanh cho rằng: công cũng là anh chồng. Chữ viết từ bộ nữ thanh công, văn cổ cũng gọi là như vậy.

Uông liệt. Ngược lại âm trên uông ương. Thiên Thương Hiệt ghi: uông là nhô nhắn ủy mị, mềm yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ chân uốn cong lại khập khiểng. Chữ viết từ bộ vưu. Giống như chân cong một bên. Kinh văn viết từ bộ ngột đến bộ vương đó là sai lầm vậy.

****

KINH MA HA CA DIẾP ĐỘ BẦN NỮ - Huyền Ứng soạn.

Trừ cẩn. Ngược lại âm cự trấn. Xưa gọi là trừ cận nữ, nay tức là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni. Luận Phân biệt công đức nói rằng: người đời vì nghèo khổi đói khát mà ham muốn sắc dục, vị Tỳ-kheo là trừ bỏ đi yêu thích ái dục này. Cho nên Tỳ-kheo gọi là trừ cẩn vậy.

Mễ phan. Ngược lại âm phu ai. Gọi là nước vo gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là nước vo gạo. Giang Bắc gọi nước vo gạo là cam. Giang Nam gọi nước vo gạo là phan. Kinh văn viết chữ phan này là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT THẬP NHỊ SANH TỬ

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG - *Huyền Ứng soạn.*

Mi chủ. Ngược lại chi nhủ. Loại thú mà đến mùa Đông cởi bỏ cái sừng đó. Sách Thuyết Văn ghi: thuộc giống nai, giống như nai mà lớn hơn, cái đuôi của có thể làm phất trần. Đây là văn cổ ghi như vậy.

Hưu lưu. Ngược lại âm Hứa ngưu âm dưới là lực dục cũng có tên câu các tức là loại chim diều hâu, giống chim cú mèo. Ban đêm thấy bay đi kiếm mồi, ban ngày thì nằm. Cũng có tên khác nữa là giống chim quái lạ. Xưa nay Chánh tự viết chữ này là đúng.

****

KINH NGŨ VÔ PHẢN PHÚC

(Không có chữ giải thích âm.)

****

KINH PHẬT ĐẠI TĂNG ĐẠI - *Huyền Ứng soạn.*

Bất tư. Theo Thanh loại viết chữ dữ cũng đồng. Ngược lại âm tử tư. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tư là có thêm nhiều lợi ích. Tư là nảy nở sinh trưởng thêm nhiều. Kinh văn viết chữ tư. Sách Phương ngôn nói giữa Đông Sở nói rằng phàm người ta bỏ sữa mẹ mà sản sanh gấp đôi đó gọi là ly tư. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư tư là siêng năng không biết mệt, cũng gọi là chìm đắm.

Yêu nghiệt. Ngược lại âm ngôn liệt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: loại y phục ca múa quái lạ làm vũ khúc gọi là yêu. Loài cầm thú như châu chấu phá hại mùa màng gọi là nghiệt nghiệt là gieo tai ách, không có kiết tường.

Ích tỷ. Ngược lại âm thời chí. Sách Thuyết Văn ghi rằng: khi mà còn dặn dò để lại. Chữ viết từ bộ ngôn thanh ích. Bạch Hổ Thông cho rằng: Ích là nói đem đi. Thích danh ghi ích là nói thẳng, vật ở phía sau mà nói thẳng tới, gọi là nói thẳng cho người hiểu biết.

Ưng li. Ngược lại âm chi nhiên. Sách Nhã cho rằng: thuộc loại chim cắt, giống diều hâu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất rằng: thuộc loại diều hâu.

Nghĩ Tề. Ngược lại âm khưu y. Khưu ỷ hai âm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: người nước Tề gọi là cắn vật là nghĩ nghĩ là cắn. Hứa

Thận cho rằng: cắn nghiêng một bên. Ngược lại âm dưới trúc giai cắn lôi kéo ra gọi là nghĩ.

Giảo khiết. Lại viết chữ nhiêu cũng đồng ngược lại âm ngũ giảo. Quắc Thất cho rằng: nhiêu là cắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắn nhai.

Trừ đãi. Ngược lại âm trên trực ư. Ngược lại âm dưới trực mai. Sách Thuyết Văn ghi: trừ đãi là tích chứa đầy đủ, cũng gọi là chờ đợi.

Thích thích. Ngược lại âm đinh lịch. Theo Mao Thi Truyện ghi rằng: trong lòng lo lắng sợ hãi. Theo Truyện cho rằng: Thích thích cũng giống như thiết thiết nghĩa là lo sợ, buồn rầu không vui.

Ý hồ. Lại viết chữ y cũng đồng ngược lại ư hy. Gọi là tiếng than đau khổ.

Tiên kỳ. Ngược lại âm trắc hiền. Tự Lâm cho rằng: một thứ giấy đẹp có hình vẽ dùng để viết thư đề vịnh, cũng gọi là chú thích, ghi chú. Loại giấy hoa tiên.

Phù thủ. Ngược lại âm trên phòng phụ. Sách Quốc ngữ cho rằng: An phụ nữ. Giã Quỳ cho rằng: đánh phá chiếm lấy nước bắt lấy làm tù binh gọi là phu, phu cũng gọi là bắt giữ lấy.

****

KINH TÀ KỲ - *Huyền Ứng soạn.*

Khôi di. Lại viết chữ khôi cũng đồng. Ngược lại âm khổ hồi. Tự Lâm cho rằng: khôi là to lớn, người to lớn.

Khứu trá. Ngược lại âm huống dịch. Văn thông dụng nhìn kinh sợ giựt mình gọi là khứu. Kinh văn viết chữ khứu ngược lại âm hồ xích. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó ngửi mùi.

Khiêng ngã. Tam Thương cũng âm khiêng. Ngược lại âm khổ điền. Gọi là lôi kéo dẫn dắt chế ngự. Quảng Nhã cho rằng: khiêng là lôi, liên kết với nhau. Kinh văn viết chữ kiên ngược lại âm khước điền. Gọi là kiên cố chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

KINH MA-ĐẠT QUỐC VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Táo thủ. Ngược lại âm từ lão. Cố Dã Vương cho rằng: táo cũng

giống như tẩy rửa sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: táo là tẩy rửa tay. Chữ viết từ bộ thủy thanh táo.

Chỉnh y. Ngược lại âm chi trình. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: chỉnh là sửa cho ngay. Sách Khảo Thanh cho rằng: sửa chữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: sửa cho bằng. Chữ viết từ bộ thúc thanh chính. Kinh văn viết từ bộ chỉnh là sai âm Thúc ngược lại âm sĩ lực. Văn cổ cũng cho rằng như vậy.

****

KINH CHIÊN-ĐÀ-VIỆT QUỐC VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Tiếm chi. Ngược lại âm tập cấm. Quảng Nhã cho rằng: thấm là lời gièm pha hủy báng, chê bai. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: miệng nói lời gièm pha chê gọi là thấm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếm là nói xấu hại nhau. Chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếm văn cổ cũng cho rằng như vậy.

Kỳ chung. Ngược lại âm mong dụng. Mục Thiên Tử Truyện nói rằng: chung là sửa. Quách Phác chú giải rằng: nay Giang Nam người ta gọi sửa là chung cũng là thanh.

****

KINH NGŨ KHỦNG BỐ THẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tôn lịnh. Ngược lại âm tử luận. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tuân là tu sửa. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tuân hành là làm theo. Thiên Thương Hiệt ghi: tuân là thói quen. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xích thanh tôn.

Tựu minh. Ngược lại âm mích bình. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: minh là tối tăm. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: minh là áo ngoài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch âm mịch là âm mích T.689 đến bộ nhật đến bộ lục. Kinh văn viết từ bộ nhân đến bộ miên đến bộ cụ là chẳng phải.

****

KINH PHẬT THUYẾT ĐỆ TỬ PHỤC SINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Phục khổ. Ngược lại âm trên y diễm. Cố Dã Vương cho rằng: phục giống như đầy đủ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phục giống như dâng cơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cam đến bộ nhục đến bộ khuyển chữ hội ý. Âm Phạm ngược lại âm ư cứ.

Khôn thích. Ngược lại âm trên khổn cơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khôn là cạo tóc. Chữ viết từ bộ tiêu thanh kỹ, âm tiêu là phiêu ngược lại âm dưới là tha lịch. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: chữ viết từ bộ tiêu thanh thích. Kinh văn viết chữ Thích tục dùng cũng thông dụng, âm thế là âm thế.

Tẩn liệm. Ngược lại âm tân tẩn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tẩn là bỏ vào quan tài. Hà Hựu cho rằng: từ trong quan tài gọi tẩn Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạt thanh tẩn. Âm ngạt ngược lại âm căng. Cổ văn cũng cho rằng như vậy.

Hám thực. Ngược lại âm trên đạt lam. Quảng Nhã cho rằng: hám là ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hám là nhai trong miệng. Chữ viết từ bộ khẩu thanh cảm. Hoặc là viết chữ hám này cũng thông dụng. Kinh văn viết huyễn hóa.

Ẩu hòa. Ngược lại âm trên ô hầu. Âm dưới là hòa, tiếng Phạm, tên của vị Bồ-tát.

Uyên hoằng. Ngược lại âm trên ư huyền. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uyên cũng giống như là sâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyên cũng là suối sâu. Chữ viết từ bộ thủy thanh uyên. Âm uyên cũng đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là ô hoằng. Quảng Nhã cho rằng: hoằng nước sâu mà trong suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới sâu mà lớn. Chữ viết từ bộ thủy thanh hoằng.

Ám á. Ngược lại âm trên ấo kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: không thể nói. Chữ viết từ bộ tật thanh ám. Ngược lại đức ô ca. Sách Thuyết Văn cho rằng: người bị bệnh. Chữ viết từ bộ tật thanh á.

Ô thú. Ngược lại âm thâu cứu. Sách Nhĩ Thất cho rằng: có bốn chân mà long mao gọi là thu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyển thanh thú. Âm thú đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ thú này là chẳng phải.

Chững tế. Chữ chững không có vận điệp nên lấy chữ chưng này. Chữ Thượng thanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chững là cứu trợ. Sách Phương ngôn cho rằng: chững là nâng đỡ, dìu dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh dưng, ngược lại à là tinh tế.

Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tế là cứu độ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: có lợi ích. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thành tựu, viên tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh tế.

****

KINH GIẢI ĐÃI CANH GIÃ

Pháp nghị. Ngược lại âm nghi kỳ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nghị là khéo léo, hòa nghị kết giao.

****

KINH BIỆN Ý TRƯỞNG GIẢ TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Đĩnh phất. Âm trên là đĩnh. Ứng Triệu chú giải sách Hán thư rằng: đĩnh là đồ vật bằng kim hình vuông. Cố Dã Vương cho rằng: đĩnh là cái nồi đồng để chưng hấp thức ăn, có đều hòa năm mùi vị, có ba chân hai quai. Chữ viết từ bộ trinh tỉnh lược bớt, cộng thêm hai quai và chân, chữ tượng hình, văn cổ viết như vậy.

Can phế. Ngược lại âm trên cát đan. Ngược lại âm dưới phù phế. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là ngũ tạng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh can. Thanh phế âm phế ngược lại âm bắc bái đến bộ bát.

Át ác. Ngược lại âm trên an cát. Gọi cắt đứt, dứt rồi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: át là ngăn chặn. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: là che đậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh cát.

Vi di. Ngược lại âm dĩ chi. Sách Phương ngôn cho rằng: phàm đường mật nấu thành đường gọi là di. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cam ngọt giống như đường mật. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy gạo nếp nấu hấp ủ làm mạch nha. Chữ viết từ bộ thực thanh lữ. Văn cổ lấy chữ này.

Đạt thân. Ngược lại âm sở cân. Văn Tự Tập Lược nói rằng: thân là thí cho ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh thân.

Sấm thư. Ngược lại âm sở cấm. Cố Dã Vương cho rằng: sấm là lời tiên đoán, có hiệu quả, ghi lại những việc qua mà tiến đoán việc sắp tới. Sách Thuyết Văn cho rằng: sấm là có kinh nghiệm. Chữ viết từ bộ

ngôn thanh sám. Kinh văn viết chữ sám tục dùng thông dụng. Âm sám là âm kiểm.

Thiết võng. Âm dưới là võng.

****

KINH THIÊN THỈNH VẤN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thâm độc. Ngược lại âm trên sơ cẩm. Sách Phương ngôn cho rằng: thâm là độc ác, tàn ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâm cũng là độc. Chữ viết từ bộ tâm thanh tham. Kinh văn viết thâm cũng là thông dụng.

Thiều sấn. Âm là điều. Bì Thương cho rằng: thiều là tóc trái đào của trẻ con, trẻ con thường để tóc chỏm. Sách Khảo Thanh cho rằng: trẻ con cắt tóc còn chừa lại hai bên vá trên đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tiêu thanh triệu. Kinh văn viết chữ thiều cũng thông dụng. Âm tiêu ngược lại âm tất diêu. Ngược lại âm dưới sơ cẩn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: con trai bảy tuổi, con gái tuổi tức là hủy bỏ răng sữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xỉ thanh sất. Kinh văn viết chữ sấn này là chẳng phải là văn cổ.

Giáp trụ. Ngược lại âm dưới trực hựu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trụ là áp giáp làm bằng kim loại.

Huất nhiên. Ngược lại âm trên huân khuất.

****

- KINH HIỀN GIẢ NGŨ PHƯỚC
- KINH VÔ CẤU ƯU-BA-DI VẤN

(Hai quyển trên đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH HỘ TRỊNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Khương lương. Ngược lại âm trên kiếp lương. Ngược lại âm dưới lực trương. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Khương lương là con bọ hung thường thích ăn phẩn dơ. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ trùng đều thanh khương lương.

Kiết cao. Ngược lại âm trên nan bát. Ngược lại âm dưới là cao khảo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: kiết cũng là cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: cao là thân cây lúa. Chữ viết từ bộ hóa thanh kiết cao mà thành vậy.

Đào mể. Ngược lại âm đạo lão. Sách Toán vận cho rằng: đào là thải bỏ. Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh đào. Kinh văn viết chữ đào này là chẳng phải nghĩa kinh.

****

KINH MỘC HOẠN TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Dịch vật. ngược lại âm dinh bích. Sách Chu Lễ nói rằng: ở vùng xa xôi người dân đều phải cầm cây giáo dài cây thuẫn đưa cao lên ngăn con quỷ chuyên gây bệnh dịch lệ, truyền nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: dân chúng đều bị bệnh dịch lây lan. Chữ viết từ bộ tật đến bộ dịch thanh tĩnh.

Sa thăng. Ngược lại âm tô hòa. Ở Tây Vực gọi là tên của Tỳ-kheo.

****

VÔ THƯỢNG XỨ - *Tuệ Lâm soạn.*

Tòng tụ. Ngược lại âm tộc công. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tòng cũng là tụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cỏ mọc um tùm gọi là tòng. Chữ viết từ bộ tòng phanh thủ. Kinh văn viết từ bộ thảo, viết thành chữ tụ là chẳng phải. Tục thường hay dùng chữ tòng này âm tòng ngược lại âm sĩ học.

****

KINH LÔ CHÍ TRƯỞNG GIẢ NHÂN DUYÊN - *Huyền Ứng soạn.*

Mật cử. Ngược lại âm khương ngữ. Cử là cất giữ. Thông tục dùng chữ cử này là vật rỗng không, hết.

Vật tứ. Lại viết chữ tư cũng đồng, ngược lại âm tất tích. Nói là đem tất cả vật ban tặng cho người hết gọi là tứ, tứ cũng là tác tức là sợi dây trói buộc.

KINH TĂNG HỘ - *Tuệ Lâm soạn.*

Khí khư. Ngược lại âm hứa cư.

Kính nặc. Ngược lại âm na lạc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nặc là từ vâng lời, vâng theo. Cố Dã Vương cho rằng: nặc cũng gọi từ nghe theo. Sách Luận ngữ nói rằng: Tử Lộ không nghe theo lời dạy của thầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh nhã.

Bình cang. Ngược lại âm dưới là hạng giang. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cái bình, cái lọ cắm hoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như cái bình làm bằng đất nung, cổ dài, có thể chứa được mười thăng. Chữ viết từ bộ ngõa thanh công.

Trảo thùy. Ngược lại âm trên trảo giao. Bì Thương cho rằng: trảo là cắm vào. Quảng Nhã cho rằng: trảo là cào, gãi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cạo sạch. Chữ viết từ bộ thủ thanh trảo.

Sô đông. Ngược lại âm sao trảo. Sách Phương ngôn cho rằng: lửa làm cho khô ráo. Xưa nay Chánh tự cho chữ viết từ bộ hỏa thanh sô. Hoặc là viết chữ thủ cũng viết chữ sao đều đồng nghĩa âm sô ngược lại âm sở ngu.

Đê dương. Ngược lại âm để tây. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đê là con dê dực. Quảng Nhã cho rằng: đên cũng là con dê dực. Người nước Ngô gọi con dê dực ba tuổi là đê. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dương thanh đê.

Thân súc. Ngược lại âm trên thất thân. Bạch Hổ Thông cho rằng: thân đó thân duỗi thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cửu âm cửu là âm cúc. Kinh văn viết chữ thân là chữ cổ.

Trác cân. Ngược lại âm trác giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: trác là vót, gọt cho nhọn bén. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trác là người thợ mộc đẽo gọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: trác là chặt phá. Chữ viết từ bộ đậu thanh cân, âm đậu là âm đậu.

Hám thỉ. Ngược lại âm thực nhĩ. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng lưỡi mà liếm thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng lấy lưỡi mà liếm thức ăn. Chữ viết từ bộ thiệt thanh thị.

Thụ quyệt. Ngược lại âm quyền nguyệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: quệ trật chân vấp ngã. Quảng Nhã cho rằng: quyệt là cây cột trụ để buộc trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh quyệt. Âm dực ngược lại âm dư chức.

****

KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC - *Tuệ Lâm soạn.*

Bể-la-tiện-na. Âm trên là tỳ. Tiếng Phạm, Tây Vực gọi là tên của vị Tỳ-kheo.

****

KINH CHIÊN-ĐÀN THỌ - *Huyền Ứng soạn.*

Trù trừ. Lại viết trì trù. Ngược lại âm trường lưu. Lại cũng là âm dương tri. Âm dưới là trừ trù , hai âm đều thông dụng. Quảng Nhã cho rằng: trù trừ cũng giống như do dự. Lại gọi là giậm chân tại chỗ không muốn tiến tới, cũng gọi là dùng dằng không tiến tới.

Di địa. Ngược lại âm đa cố. Thông tục người Giang Nam lấy dây treo lên trút ngược đầu xuống đất.

Phách sát. Ngược lại âm phổ cách. Quảng Nhã cho rằng: phách là đánh, gõ, đập. Thích danh cho rằng: phách là tát, vỗ nhịp, dùng tay vỗ lên vật có âm thanh như điệu nhạc. Nay gọi là vỗ lên đánh đạp mà chết. Kinh văn viết chữ phiêu là chẳng phải.

Vũ nhiên. Âm trên là vũ gọi là vẻ phật ý, không vừa lòng. Sách Luận ngữ cho rằng: Phu Tử chẳng vừa lòng mà than thở rằng: Làm sao cho đạt đến ý là xong. Nghĩa ý chữ chẳng phải đây dùng.

****

KINH ÁT-HÒA-ĐA-KỲ - *Tuệ Lâm soạn.*

Át-đa-hòa. Ngược lại âm trên A-cát. Tây Vức kinh gọi là tiếng Phạm.

****

KINH PHỔ ĐẠT VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Dĩ thụ. Âm trên là dĩ. Ngược lại âm dưới thù hộ. Tự thư cho rằng: thụ là mua vật rồi đem bán ra tiêu thụ. Cố Dã Vương cho rằng: thụ là đem vật bán ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu đến bộ truy thanh tĩnh.

KINH PHẬT DIỆT ĐỘ HẬU KIM QUAN TÁNG TỐNG

Huyền Ứng soạn.

Tạ thân. Ngược lại âm thứ dạ. Theo chữ tạ giống như loại cỏ khô héo cho súc vật ăn. Sách Chu dịch cho rằng: tạ là dùng cỏ mao trắng.

Liễm cốt. Ngược lại âm lực nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: liễm là thâu gom góp lại, cũng gọi là cất chứa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: liễm là gom tụ lại. Quảng Nhã cho rằng: liễm là lấy. Kinh văn viết chữ liễm này là chẳng phải thể.

Phan hộ. Ngược lại âm phổ an. Ngược lại âm dưới hầu đồ. Quảng Nhã cho rằng: phan hộ. là gạch ngói nung. Bì Thương cho rằng: loại gạch lớn.

Trinh biểu. Ngược lại âm tử doanh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loại cờ có cắm lông chim đầu cán gọi là trinh. Quách Phác cho rằng: đầy cây trúc có cắm lông chim làm cờ. Sách Quốc ngữ cho rằng: loại cờ xí trang phục trên chiếc xe để biểu dương hiệu lệnh.

Ngày xưa người trung hiếu tiết nghĩa được dựng cổng ban biểu để nêu danh gọi là trinh biểu. Lấy cờ treo lên làm biểu hiệu.

Hân dịch. Ngược lại âm dĩ chích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: làm vui đẹp lòng. Quách Phác cho rằng: vui vẻ đẹp lòng. Dịch là ý giải vui vẻ. Tự Lân cho rằng: là hòa thuận.

Cấu bát. Ngược lại âm cổ hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ cầu có tài sản của cải. Quảng Nhã cho rằng: cấu ban thưởng tài sản. Xưa gọi là mua sắm.

Phiên thân. Ngược lại âm phò viên. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiên là thiêu đốt, cộng thêm lửa cháy lan gọi là phiên. Quảng Nhã cho rằng: lửa làm cho khô ráo.

Minh du. Ngược lại âm du câu. Quảng Thất cho rằng: du là độ qua vượt qua, vượt hơn. Kinh văn viết chữ khoa là chẳng phải.

Lăng trì. Văn cổ viết chữ lăng, vốn viết chữ lăng cũng đồng, ngược lại âm lực dưng. Sách Hoài Nam Tử nói: lăng trì là hình phạt ngày xưa xẻo thịt, cũng gọi là từ trên núi cao. Theo chữ lăng đó là núi cao gập ghềnh, bình dị không dốt, cũng lg sườn núi.

****

KINH NGŨ VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Liễu liễu. Lại viết chữ liễu cũng đồng, ngược lại âm đinh liễu. Sách Phương ngôn cho rằng: liễu là treo lên. Giữa nước Triệu, nước Ngụy treo lá cờ phân biệt hai nước gọi là liễu. Quách Phác cho rằng: liễu liễu là dáng treo ngược, lấy lưới võng treo ngược xuống đất.

Hiệp sơn. Ngược lại âm hồ hiệp. Theo chữ hiệp là nơi xa xôi vung quan ải chật hẹp bức bách, không rộng rãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chật hẹp.

Mang mang. Ngược lại âm mạc hoang. Mang mang là xa xôi, mù mịt lờ mờ không rõ ràng. Kinh văn viết chữ mang ngược lại âm hồ quang cũng là nghĩa không rõ ràng. Cả hai chữ đều thông dụng.

Đỉnh trực. Văn cổ viết chữ đỉnh cũng đồng, ngược lại âm tha đảnh. Văn thông dụng cho rằng: bằng phẳng gọi là đỉnh. Kinh văn viết chữ đỉnh này.

Hạm xa. Ngược lại âm hạ trảm. Sách Thích danh cho rằng: hạm xa là tiếng xe chạy rầm rập.

Nhu tiễn. Ngược lại âm nhi chú. Gọi là vươn cung lên mà bắn mũi tên ra, cũng gọi là se sợi dây cung xoắn tròn lại. Kinh văn viết chữ chú là chẳng phải thể.

****

KINH TỨ THIÊN VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Chi hành. Ngược lại âm trên kỳ nghi. Sách Chu thư cho rằng: chi hành. là hơi thở hổn hển. Sách Khảo Thanh cho rằng: chi thuật. Sách Thuyết Văn cho rằng: con muỗi, loài ký sinh trùng. Chữ viết từ bộ trùng thanh phộc. Kinh văn viết chữ văn là sai. Văncổ viết như vậy.

Liễm nhiên. Ngược lại âm trên thất liêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: liễm là đều. Sách Phương ngôn cho rằng: liễm cũng là rất mạnh mẽ, dữ dội, trầm trọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tập đến bộ huyên đến bộ tùng. Chữ cổ từ xưa, âm tập ngược lại âm tài nhập. Âm huyên là âm huyên.

Chú trở. Ngược lại âm trên châu thú. Ngược lại âm dưới trở sơ. Quách Phác chú giải sách Chu Lễ rằng: trở đó là nguyền rủa, tức là nguyền rủa gặp phải điều xấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chú cũng là nguyền rủa. Hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ thù chữ khứ thanh,

âm dưới viết từ bộ ngôn thanh thả.

Tất phân. Ngược lại âm trên tần mật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hương thơm ngọt ngào. Sách Khảo Thanh cho rằng: hương thơm. Sách Văn Tự điển nói: cũng là loại cỏ thơm, chữ viết đều từ bộ thảo đều là thanh tất phân.

Linh ngữ. Ngược lại âm trên lịch đinh. Ngược lại âm dưới ngư cử. Di Chu cho rằng: tên của ngục. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: linh ngữ là chỗ cấm giữ giam giữ người, tức là nhà lao ngục, chữ viết đều từ bộ vi đều thanh linh ngữ. Âm vi là âm vĩ.

****

KINH MẠC LA VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.*

Chấn tủng. Lại viết chữ tủng cũng đồng ngược lại âm tư dũng. Tự Lâm cho rằng: tủng là lo sợ hồi hộp. Kinh văn viết chữ tủng là chẳng phải.

****

KINH PHẠM NAN QUỐC VƯƠNG

Tăng bạt. Ngược lại am bổ mạc. Tiếng Phạm. Đây gọi là chúng đẳng tức là nay gọi là chỗ cung kính đáng được cúng dường.

****

KINH PHỤ MẪU ÂN NAN BÁO - Tuệ Lâm soạn.

****

KINH TÔN ĐA TÀ TRÍ - *Tuệ Lâm soạn.*

Trứ cẩn. Ngược lại âm cần cân. Cốc Lương Truyện nói rằng: ba loại ngũ cốc gieo mà không mọc lên là đói. Sách Nhĩ Nhã nói rằng: rau mà nấu không chín là đói. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thực thanh cẩn âm cẩn là âm cẩn.

KINH TÂN TUẾ - *Huyền Ứng soạn.*

Như hạt. Ngược lại âm hà cát. Kinh Sơn Hải nói rằng: phần nhiều ở núi huy chư có loại chim này. Quách Phác cho rằng: Giống như loại chim trĩ, mà lớn hơn lông màu xanh, tính thích đá nhau cho đến chết mới thôi.

Khoái lạc. Ngược lại âm khổ hoài. Kinh văn viết chữ khoái. Tự Lâm cho rằng: khoái là yết hầu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đây cũng là chữ khoái. Tự Lâm cho rằng: khoái là vui vẻ, khoái lạc.

****

KINH PHẬT THUYẾT QUẦN NGƯU THÍ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phẩu thổ. Ngược lại âm trên sắc giao. Sách Phương ngôn cho rằng: phẩu là sâu thẳm. Quảng Thất cho rằng: phẩu cũng giống như giảm bớt. Lại cũng gọi là cắm vào. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phẩu bóng hai tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh bộ âm bộ ngược lại âm thổ khẩu.

****

KINH PHẬT THUYẾT CỬU HOÀNH - *Tuệ Lâm soạn.*

Y thổ. Ngược lại âm ô giới. Sách Lễ Ký nói rằng: không dám than thở. Sách Thuyết Văn cho rằng: y là ăn no rồi mà nên nghĩ ngợi. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ý âm táp ngược lại âm ư việt.

Đế. Ngược lại âm trên đinh kế. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đế là tiếng hắc hơi. Sách Lễ Ký cho rằng: không dám hắc hơi, hay ho lớn tiếng. Sách nguyệt lịnh cho rằng: gọi là người bị ngạt mũi. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải hơi ra. Chữ viết từ bộ khẩu thanh đế âm cừu là âm cầu âm đế là âm đế.

****

KINH THIỀN HÀNH TAM THẬP THẤT - *Tuệ Lâm soạn.*

Toát thủ. Ngược lại âm tông hoạt. Quảng Nhã cho rằng: toát là nắm lấy. Ứng Triệu chú giải sách Hán thư rằng: lấy ra ngó ntay co lại nắm lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tối.

****

KINH TỲ-KHEO NỮ ÁC DANH DỤC TỰ SÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Khinh táo. Ngược lại âm tào đáo. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là quấy rối, nhiễu loạn. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không an tịnh. Sách Ích Pháp cho rằng: trong lòng người dân hay biến động gọi là táo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh táo. Kinh văn viết chữ tham là chẳng phải. Âm táo ngược lại âm tang đáo.

****

KINH TỲ-KHEO THÍNH THÍ - *Huyền Ứng soạn.*

Phu hồ. Ngược lại âm phương vu. Phu là nhanh chóng. Hồ là kêu gọi, vâng lệnh. Lại âm hồ ngã tiếng phát ra.

Ôn ôn. Ngược lại âm ô một. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạo bệnh mà không biết. Theo Thanh loại cho rằng: muốn chết.

****

KINH THÂN QUÁN - *Tuệ Lâm soạn.*

Giảo chi. Ngược lại âm ngữ xảo. Quảng Nhã cho rằng: giảo là cắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xỉ thanh giao. Hoặc là viết chữ nguyên. Kinh văn viết chữ giao là chẳng phải âm khiết ngược lại âm nghiên kiết.

Tiện thoa. Ngược lại âm trên tiện diện. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước dãi trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi, nước miếng. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ khảm. Hoặc là viết chữ huống là lưu chảy. Lại viết chữ diên.

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 58

Luật âm Tăng kỳ - bốn mươi quyển.
Luật Thập tụng - sáu mươi quyển.
Luật Ngũ phần - ba mươi quyển.
Bên phải là ba luật - một trăm ba mươi mốt quyển đồng âm quyển này.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 1

Y hộ. Ngược lại âm hồ cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hộ là chỗ nương tựa, chỗ dựa vào. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: mất cha lấy gì nương tựa, mất mẹ lấy đâu có chỗ cây nhờ.

Sách mưu. Văn cổ viết chữ sách ba chữ tượng hình, cũng đồng, ngược lại âm sơ cách. Sách cũng là mưu. Ngược lại âm dưới mạc tiện. Luận bàn mưu tính các việc gọi là mưu cũng gọi là mưu tính các việc khó dễ.

Cửu hấn. Ngược lại âm cự cửu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: buồn lo sợ có lỗi lầm. Trịnh tiễn cho rằng: cửu giống như là có tội lỗi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cửu là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cửu là tai ách, cũng gọi là tội ác. Ngược lại âm dưới hy trấn. Gọi là hiềm khích tội lỗi cũng là tội ác.

Lê thứ. Ngược lại âm lực hề. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lê thứ là chỉ dân chúng đông đúc, cũng chỉ là người dân bình thường.

Tức tích. Ngược lại âm ty dịch. Tự Lâm cho rằng: áo vải thưa, vải gai. Gọi là tích là gấp, xếp áo lại. Âm yên ngược lại âm cư nguyễn.

Tứ chấp. Ngược lại âm tỷ hiệp. Văn thông dụng cho rằng: nhiều lớp áo gọi là chấp.

Khinh táo. Lại viết chữ táo cũng đồng, ngược lại âm tử đáo. Táo là độp, cũng là quấy nhiễu, cũng gọi là không an tịnh.

Tiềm vi. Ngược lại âm vô phi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tiềm là ẩn giấu nơi chốn thâm u hoang vắng che đậy, vi tế. Quách Phác chú giải rằng: gọi là âm thầm bỏ trốn. Lại cũng gọi là ngầm ngăn chặn. Chữ viết từ bộ xước âm xước ngược lại âm sửu kích.

Lung ky. Lại viết chữ ky hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cư kỳ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây buộc đầu con ngựa gọi là ky. Thích danh cho rằng: ky là nắm giữ, cũng gọi là nắm giữ dây cương chế ngự con ngựa.

Họa khốc. Văn cổ viết chữ khốc ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khổ tiến , khốc là rất bạo ngược. Sách Thuyết Văn cho rằng: báo cáo lên việc rất gấp, cũng gọi là bạo ngược.

Tôn đễ. Ngược lại âm tô tài. Tự Lâm cho rằng: tôn là hòa thuận, cung kính, nhường nhịn. Ngược lại âm dưới đại đế đại lễ hai âm khéo thờ anh gọi là đễ, cũng gọi là vui vẻ hòa thuận.

- **QUYỂN 2** (Trước không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 3

Vu căn. Ngược lại âm vũ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây có lá lớn người ta có thể cho ngựa ăn được cho nên gọi là vu. Người nước Thục phần nhiều gọi vật này có thể ăn được, vốn gọi là khoai.

Trúc lữ. Lại viết chữ lữ cũng đồng ngược lại âm lực dữ kỹ dữ hai âm. Tự Lâm cho rằng: lữ là cái sọt, cái giỏ tre, đồ đựng cơm, có thể đựng năm thăng. Người nước Tần gọi là lữ. Sách Phương ngôn cho rằng: Nam Sở gọi là cái sọt tre làm bằng nan tre. Triệu, Ngụy gọi là lữ. Quách Phác cho rằng: cái giỏ đựng cơm. Theo Thanh loại cho rằng: Lữ là cái sọt cũng gọi là chứa đựng rất nhiều.

T.691 Cao trịch. Ngược lại âm cổ hào. Gọi là cây sào tre dùng để chống thuyền, dài hai trượng, dùng thiết chì bịt đầu làm mũi tên nhọn. Ngược lại âm dưới tha địch trịch cũng giống như chọn lựa, xỉa cạy, vặn vẹo.

Trác dực. Ngược lại âm đô dũng. Âm dưới lại viết chữ qua cũng

đồng, ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dực gọi là cái cọc để buộc trâu bò. Lại chú giải rằng: tức là thanh gỗ gác ngang trong miệng ngựa. Âm chức ngược lại âm đồ đắc.

Kiên kình. Ngược lại âm cư thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: kình là sức mạnh. Chữ viết từ bộ cảnh đến bộ lực âm cảnh ngược lại âm hồ đảnh. Cảnh nghĩa là những ngọn sóng thẳng tới.

Bạc tích. Lại viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tài tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là gầy ốm, cũng gọi là mỏng manh. Văn Luật viết chữ tịch này là chẳng phải thể.

Nhị dụng. Ngược lại âm tha đắc đồ đắc hai âm. Tự Lâm cho rằng: nhị là cầu, mong cầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhị là thoe người mong cầu, yêu cầu.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 4

Nghê lũ. Ngược lại ngũ hề ngũ lễ hai âm. Gọi là tên của nước.

Cơ kích. Ngược lại âm cư y. Bì Thương cho rằng: nước bắn vào trong phiến đá. Quảng Nhã cho rằng: đụn cát nổi lên trong nước, ngược lại âm dưới cổ địch nước chảy nhanh bắn bắn lên.

Trứu súc. Ngược lại âm trang ấu. Ngược lại âm dưới nữ lục. Văn thông dụng cho rằng: súc là co rút nhỏ lại gọi là súc. Gọi là vật không có thẳng ra được gọi là súc. Văn luật viết chữ pha súc chưa thấy chỗ xuất phát sách nào.

Đảm nhĩ. Ngược lại âm đinh lãm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tai rủ xuống. Lại viết chữ đam ngược lại âm đô hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tai to ra.

Mị mị. Lại viết chữ mại cũng đồng, ngược lại âm di nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng dê kêu be be.

Khoa thuyết. Lại viết chữ khoa cũng đồng, ngược lại khổ qua. Sách Ích Pháp nói rằng: nói khoe khoang không có thật gọi là khoa. Khoa cũng là dối trá, gọi là kiêu căng, phóng túng, tự cao, tự đại.

Toàn sư. Ngược lại âm tù vẫn. Gọi là người dùng sợi dây rảy mực. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ hâm rượu, cũng gọi là máy tiện.

Dục. Ngược lại âm thời nhữ trừ phụ hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ là tuôn ra, rót ra. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trữ là rót lấy.

Quảng Nhã cho rằng: trữ là trừ bỏ, là cái gáo múc nước, nước bỏ đi âm hiểu ngược lại âm dư nhiễu.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 5

Ủy hoàng. Ngược lại âm ư nguy. Theo thanh loại cho rằng: Ủy là cây cỏ héo úa. Văn luật viết chữ ủy nghĩa là bệnh tê bại không thể đi được.

Thâm trân. Ngược lại âm sĩ cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây nơi rừng rậm rạp gọi là trân. Quảng Nhã cho rằng: cây mọc um tùm gọi là trân.

Lộ thượng. Lại viết chữ lộ cũng đồng, ngược lại âm lực cố. Thích danh cho rằng: lộ cũng là xe của vua đi có chạm vàng ngọc, có đoàn tùy tùng theo sau. Chỗ gọi là tên lộ là con đường, nói rằng: đi trên con đường đạo.

Thủy tán. ngược lại âm tử thả. Gọi là mồ hôi chảy ròng ròng. Người Giang Nam nói là tán là rảy nước. Người Sơn Đông nói là san, ẩm san ngược lại âm tử kiến.

Độc lộc. Lại viết chữ lộc cơ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lực mộc lực hồ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ba cây đòn xe dụng cụ lấy nước, tức là cái máy quạt nước làm cho nước lên từ sông lớn.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 6

Kiết quyết. Ngược lại âm cư liệt cư dật hai âm, ngược lại cũng là âm đinh cư nguyệt. Sách Toán văn cho rằng: kiết quyết là dựng lập không tốt, cũng gọi là nhảy vọt lên.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 7

Khấu ung. Sách Thuyết Văn viết chữ kinh cũng đồng, ngược lại âm khổ hậu khấu là đánh gõ.

Giác nhĩ. Lại dư âm. Ngược lại âm cổ học. Gọi là nói bên tai, sau cùng chưa rõ xuất phát từ nơi nào.

Thương hộc. Lại viết chữ thương cũng đồng, ngược lại âm thất đường. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thương là chim giống như nhạn mà đen. Quách Phác cho rằng: tức là thiên nga. Âm hộc ngược lại hồ ốc.

Cảnh túc. Ngược lại âm cư ảnh. Cảnh là răn dạy ngăn ngừa, cũng gọi là khởi lên Quảng Nhã cho rằng: cảnh là không an. Văn luật viết chữ cảnh là chẳng phải thể.

Tri trù. Ngược lại âm trực tri. Ngược lại âm dưới trục chu. Tri trù nghĩa là dùng dằng, cũng gọi là chân đứng một chỗ. Quảng Nhã cho rằng: giống như do dự. Âm trịch ngược lại âm trì diệc. Âm xúc ngược lại âm trì lục.

Lục thuấn. Ngược lại âm lực cốc. Lục là nhìn chăm chú. Ngược lại âm dưới thi nhậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắt mở ra nhắm lại nhiều lần gọi là nhảy mắt.

- **QUYỂN 8** (Trước không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 9

Thiến sắc. Lại viết chữ thiến hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm thả kiến. Gọi là rễ cây quấn lấy thân leo. Văn luật viết tiễn là một loại giấy đẹp có hình vẽ dùng để viết thư chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thủ mục. Ngược lại âm tổ công. Văn thông dụng nói rằng: dùng tay nắm lấy đầu gọi là mục.

Dủ đọa. Ngược lại âm du nhũ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dủ là lao nhọc. Quách Phác cho rằng: cực nhọc lao khổ nhiều nên sinh ra lười biếng, nhác lười, hoặc là viết chữ giải cũng đồng nghĩa, ngược lại âm khổ mại.

Am mạn. Ngược lại âm ư hàm. Quảng Nhã cho rằng: am là nhà tranh nhỏ. Bì Thương cho rằng: am là nhà tranh, âm thúc ngược lại thả tích.

Thu thu. Ngược lại âm tử tu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhiều người tiếng ồn ào, cũng gọi là tiếng chim hót líu lo.

Tuần dương. Ngược lại âm tợ quân mạo duyên hai âm. Tuần gọi là dùng dây tơ đánh xoắn tròn lại.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 10

Hàm quỷ. Ngược lại âm hồ hám. Hám là bày bỏ đi viết đi cũng gọi là chuồng heo.

Đăng thạnh. Ngược lại âm thời chinh dụng cụ ở trong chứa nhiều gọi là thạnh. Theo chữ thạnh nay gọi là cái ly, cái bát. Theo Tả Truyện cho rằng: chỉ dùng để đựng rượu như nói một ly rượu.

Tựu nhẩm. Ngược lại âm tử lưu tướng lục. Văn thông dụng cho rằng: người làm thuê gọi là tựu, ngược lại đức là nữ chẩm.

Hoảng dực. Lại viết chữ hoảng văn cổ viết chữ hoảng cũng đồng, ngược lại âm hồ quảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoảng là sáng rõ. Quảng Nhã cho rằng: hoảng là ánh sáng rực rỡ, sáng sủa quang đãng. Ngược lại âm dưới do cúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: dực là ánh sáng mặt trời rực rỡ. Quảng Nhã cho rằng: dực ánh lửa đỏ rực. Bì Thương cho rằng: lửa cháy dữ dội.

Trách tác. Ngược lại âm trấc cách. Theo chữ trách giống như đè nén, áp xuống. Nay gọi là trách đè nén xuất mồ hôi cũng gọi là chật hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách là bức bách.

Đắc giáp. Ngược lại âm ô hiệp. Gọi là từ trên mà đi xuống. Lại cũng viết yểm gọi là trấn áp.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 11

Xỉ mộc. Theo bản tiếng Phạm cho rằng: Đàn da nĩ sắc sĩ đàn đa.

Đây gọi là xỉ nĩ sắc sĩ. Đây dịch là mộc cũng gọi là xỉ mộc. Dài đó mười hai ngón tay, ngắn đó là sáu ngón tay, phần nhiều dùng kiệt-đà-la làm bằng gỗ. Nay đây phần nhiều dùng làm dương chi, không làm bằng gỗ này.

Trửu tuệ. Trửu cũng viết chữ tuệ. Tự Lâm cho rằng: cành trúc, nay đây dùng ngược lại âm tịch nhiễm. Gọi là trửu tức trúc. Văn luật viết chữ trửu, Ngược lại âm thỉ gài. Quảng Nhã cho rằng: trửu là nứt ra.

Xá lặc. Đây dịch là y hoặc nói là áo trong.

Dinh thư. Ngược lại âm thời thứ. Doanh đó gọi là kinh doanh. Thư giống như sắp bày. Sách Thuyết Văn cho rằng: bố thí, cũng gọi là doanh.

- QUYỂN 12 (Trước không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 13

Vị vị. Các sách viết chữ vị. Trụ văn viết chữ vị. Theo văn thông dụng âm ư quỹ tiếng kêu thống khổ gọi là vị, tiếng kêu kinh sợ gọi là nhiên. Âm nhiên ngược lại âm vu giản. Văn luật viết từ bộ khẩu viết thành chữ vĩ, Úy hai chữ tượng hình là chẳng phải âm trụ ngược lại âm trừ cứu.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 14

Trung tích. Lại viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tư địch. Theo Thanh loại cho rằng: tích là phanh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: là phá ra chặt cây phá ra, cũng gọi là phân ra. Chữ viết từ bộ mộc thanh cân, chữ hội ý.

Hoàn xuất. Ngược lại âm hồ quan. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoàn toàn.

Sanh vi. Ngược lại âm vô phi. Văn thông dụng cho rằng: vật nhỏ sống nơi ẩm thấp gọi là vi.

Bát khai. Ngược lại âm bổ mạc. Gọi là phát huy, đưa lên cao. Bát cũng là trừ bỏ. Văn luật viết chữ bát này ngược lại âm thát mạc. Gọi là cấm vật xuống, sáp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Triêu khuẩn. Ngược lại âm kỳ vẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trong đường lớn thống bốn phía có rất nhiều bụi bặm vi khuẩn. Quách Phác cho rằng: bụi đất vi khuẩn. Giống như nay người ta che lại để cho không bám vào. Nay Giang Đông gọi là đất là vi khuẩn nấm móc. Âm khuẩn là âm phan.

Kha sất. Ngược lại âm xỉ dật. Sách Phương ngôn cho rằng: kha là phẩn nộ, giận dữ bày ra gọi kha. theo chữ sất giống như kha. Sách Lễ Ký cho rằng: Tôn trọng khách thì không la mắng quở trách, không đánh chó.

Sĩ trúc. Lại viết chữ xoa cũng đồng, ngược lại âm lặc giai. Theo văn thông dụng cho rằng: tay bị xiềng xích gọi là sĩ.

Hiệp tiên. Ngược lại âm hồ hiệp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệp chứa, cất giấu. Theo Quách Phác chú giải rằng: nay Giang Đông thường nói, gọi là ý ôm ấp trong lòng. Văn luật viết chữ hiệp là hòa hợp. Hiệp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Kiết nê. Ngược lại âm cổ bát., kiết tức là rơm rạ. Văn luật viết chữ kiết ngược lại âm cổ mộc. Gọi là lúa thóc, lúa lép, lúa không dẻo.

Mễ phiên. Ngược lại âm phu phiền. Tự Lâm cho rằng: nước vo gạo. Giang Nam gọi là phiên. Quan Trung gọi là cam. Văn Luật viết chữ phiên quy hai chữ tượng hình là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Triêu thoại. Lại viết chữ điêu cũng đồng, ngược lại âm trúc bao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: điêu là điều hòa, hòa hợp. Gọi là cùng nhau làm trò vui vẻ. Sách Hán thư cho rằng: câu hợp lại với nhau hia bên, bên phải, bên trái cùng nhau nói chuyện vui vẻ, hài hòa mà thôi.

- QUYỂN 15 : không có âm

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 16

Thực sạn. Ngược lại âm sĩ bản. Sách Thuyết Văn cho rằng: sạn là quán trọ. Quảng Nhã cho rằng: sạn là lầu các nơi bày trí các món ăn, cũng là nhà hàng chứa các món ăn.

Thao mễ. Ngược lại âm đồ đao. Theo chữ thao là tắm rửa. Văn thông dụng cho rằng: thao là vo gạo gọi là thao, cũng gọi là rửa ráy. Sách Thuyết Văn cho rằng: tắm rửa, tẩy rửa. Âm tái là âm thái ngược lại âm đàn nhiệt.

Tấn khứ. Ngược lại âm sở lân. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên rót xuống đất. Văn thông dụng cho rằng: giảm từ trên xuống, lấy bớt gọi là tấn.

Thạch đàm. Ngược lại âm đồ nam. Giống như gạch ngói chưa nung. Văn luật T.692 viết chữ diễm là chẳng phải. Âm cam ngược lại âm khẩu cam.

Nhược quyển. Văn vổ viết chữ quyển ba chữ tượng hình. Nay viết chữ quyển này cũng đồng, ngược lại âm cự viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyển là cuộc tròn, uốn cong lại.

Trúc cao. Sách Phương ngôn viết chữ cao này. Âm cao gọi là cây sào tre dùng để chống thuyền. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: cao là cây sào thăm dò nước sâu cạn của sông. Hứa Thúc Trọng cho rằng: gọi là cây sào tre dài hai trượng dùng để chống thuyền, lấy thiết bịt đầu là mũi tên.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 17

Sơn phả. Lại viết chữ phả cũng đồng, ngược lại âm phổ hà. Theo chữ phả nghĩa là đất không bằng phẳng gập ghềnh, giống như ngoằn ngoèo, uốn khúc quanh co. nay gọi là sườn núi đất đá gập ghềnh đều là vậy. Âm di ngược lại âm qua thị.

Phát thuấn. Thể chữ viết chữ quyền ngược lại âm thư nhuận. Quảng Nhã cho rằng: gọi là tóc uốn cuộn lại. Sách Hán thư vĩ thiệu âm trực. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tóc rối loạn tung lên, âm dưới là thuấn.

Thương diêu. Ngược lại âm dư chiêu. Gọi là cái ấm nấu nước. Văn luật viết chữ tiêu diệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là cái ấm nấu trà. Tự Lâm cho rằng: cái ấm chứa một đấu không có quai là diêu.

Khái thấu. Ngược lại âm khổ đái. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi đi ngược, dưới lại viết chữ thấu cũng đồng, ngược lại âm tô đậu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tề quận gọi là thấu là ho.

Nhĩ nghị. Ngược lại âm nhương ký. Quảng Nhã cho rằng: nhĩ là hình phạt xẻo tai. Dưới lại viết chữ nghị này cũng đồng, ngược lại âm ngư khí. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghi là khoét mũi. Sách Thượng thư cho rằng: có tội nhỏ không giết, hoặc là dùng hình phạt xẻo tai, cắt mũi người. Khổng An Quốc chú giải rằng: cắt mũi xẻo tai.

Ma tấn. Ngược lại âm sở cân. Văn thông dụng cho rằng: vật cặn bã gọi là tấn. Chữ viết từ bộ mễ.

Hề dụng. Ngược lại âm hồ kê. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là nghi vấn từ thế nào, vì sao?

Giới tảo. Ngược lại âm tô đáo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tảo là bệnh ghẻ lở. Quảng Nhã cho rằng: tảo là mụt nhọt, vết thương.

Lô địch. Lại viết chữ đích cũng đồng, ngược lại âm đồ lịch tức là cây sậy, cây lau, có thể chẻ mỏng ra làm phên cửa, vách. Giống như cây lau chưa trổ bông, cây lau mới mọc có thể làm công hàm. Ý nghĩa là kết cỏ ngậm vành chỉ đền đáp ân nghĩa lớn lao.

Mộc trát. Ngược lại âm trắc liệt. Văn luật viết chữ phế ngược lại âm phu phế. Sách Thuyết Văn cho rằng: lột vỏ cây làm giấy viết thư, cũng gọi là lột vỏ cây hồng, hai chữ tượng hình cũng đồng, cũng thông dụng. Lại viết chữ phí là chẳng phải.

Bát tụ. Ngược lại âm bổ đạt. Bát là sửa chữa, chỉnh lý, cũng gọi là phát lên. Quảng Nhã cho rằng: bát là trừ bỏ, bát cũng là bỏ đi, vứt đi. Văn luật viết chữ bạt là chẳng phải thể.

Nhược kiết. Ngược lại âm công bát. Sách Thượng thư cho rằng: ba trăm dặm phải nạp lúa thóc phục vụ. Khổng An Quốc cho rằng: kiết là bản thảo, bản báo cáo phải nộp người phục dịch phải đi giao nộp.

Nhược nhương. Ngược lại âm như dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: lúa được mùa, cũng là thân nhánh cây lúa, âm lệ ngược lại âm lương kế.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 18

Lam điện. Ngược lại âm đồ kiến. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: điện gọi là cặn bã rượu. Quách Phác cho rằng: điện là cặn bã. Giang Đông gọi là đất bùn, cặn bã, dơ bẩn. Âm cân ngược lại âm ngư cân.

Đảo quyết. Ngược lại âm cư liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài côn

trùng bò lúc nhúc. Quách Phác cho rằng: con lăng quăng trong giếng nước nó màu đỏ gọi tên đó là quyết. Văn thông dụng cho rằng: quyên là hóa làm con muỗi. Âm quyên ngược lại âm cuồng nhuyễn. Âm hoàn ngược lại âm hương nhuyễn. Âm kiết là âm kiết. Âm quyết ngược lại âm cư nguyệt.

Hoàng thủy. Ngược lại âm ô hoàng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hoàng là cái ao.

Phanh xuế. Ngược lại âm bổ canh. Ngược lại âm dưới khổ giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: xác là đánh gõ chữ viết từ bộ thủ đến bộ xác.

LUẬT TẶNG KỲ
QUYỂN 19

Trinh nhu. Ngược lại âm nhi chú. Gọi nhu là hình phạt chặt ngang lưng, dùng mũi tên vươn lên bắn vật v.v... đều là viết chữ này.

Trùy áp. Lại viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm đinh hồi. Gọi là nắm đè xuống. Quảng Nhã cho rằng: dùng chày đập, ngược lại âm dưới là ư giáp. Gọi là từ trên đè xuống.

Quyến lượt. Ngược lại âm cổ khuyễn. Ngược lại âm dưới là cự hướng. Tự thư cho rằng: giăng lưới bên đường gọi là cướp đoạt là lượt dùng dây bắt lấy con vật gọi quyển tức là giăng lướt bắt chim.

Khuông khướt. Ngược lại âm khứ cuồng. Gọi là cái chân cong lại. Trong sách không có chữ này. Tùy theo lệ thường mà viết vậy.

Tủng nhĩ. Văn cổ viết chữ tủng quặc tủng ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở hạng tu phụng hai âm. Sách Phương ngôn cho rằng: tủng là tai điếc không có nghe được. Quách Phác cho rằng: nói không có chỗ để nghe được thường gọi là tai điếc. Tủng lại cũng viết chữ tủng gọi là kinh sợ.

Yểm tập. Văn cổ viết chữ tập cũng đồng, ngược lại âm từ lập. Theo Tả Truyện cho rằng: phàm người thầy dùng pháp gọn nhẹ, tức là dùng khinh binh gọi là tập. Lại chú giải rằng: yểm là che giấu không chuẩn bị sẵn.

Chuyên phôi. Lại viết chữ phôi cũng đồng, ngược lại âm thất tài. Tự Lâm cho rằng: gạch ngói chưa nung đó gọi là phôi.

Hoàng nê. Ngược lại âm ô hoàng. Văn thông dụng cho rằng: nước

ngưng chảy gọi là hoàng. Hoàng cũng gọi là cái ao. Văn luật viết chữ quang ngược lại âm cổ hoàng. Quang là nước chảy mạnh. Chữ viết từ bộ thủy thanh quang. Chữ quang chẳng phải nghĩa đây dùng.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 20

Suy đống. Ngược lại âm sơ quy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cây đòn ngang cây thanh vuông ngang cửa gọi là suy. Quách Phác cho rằng: tức là cây rui nhà cũng gọi là giác, cũng gọi là liệu, ngược lại âm lực đạo. Âm đống ngược lại âm đô lộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đòn tay nhà, cũng gọi là cực, cũng gọi là phù, cũng gọi là phù ẩn , ngược lại âm ư cân.

Lô bạt. Ngược lại âm lực hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đòn kê nằm trên cột. Ngược lại âm dưới bổ mạch bổ các hai âm. Quảng Nhã cho rằng: bạt gọi là cây trụ chống đỡ.

Kiên hoành. Nay viết chữ kiên cũng đồng, ngược lại âm kiết hề. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đầu cột vuông, cũng gọi là đạp, cũng gọi là phanh, cũng gọi là quyết, cũng gọi là đống ngược lại âm tử kiết.

Điền đẩu. Hoặc là viết chữ đẩu ngược lại âm đô khẩu. Viết chữ đấu này là đúng nghi.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 21

Kiến ngân. Ngược lại âm ngư cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: lợi răng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chân răng.

Vưu đầu. Văn cổ viết chữ quang vưu hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ vưu cũng đồng, ngược lại âm hữu lưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu run cầm cập, gọi là run lẩy bẩy không có ngay. Lại viết chữ chiến. Văn luật viết chữ vị là chẳng phải thể.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 22

Khô tứ. Ngược lại âm tiết cơ. Nói chữ khô là lao nhọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô là phanh ra. Sách Chu thư cho rằng: khô là chỗ cây ra làm thuyền, gọi là chiếc thuyền rỗng không.

Thượng thái. Ngược lại âm cổ tái. Sách Chu Lễ cho rằng: người con gái được cứu vớt tẩy rửa sạch sẽ. Trịnh Huyền cho rằng: khái là lau chùi. Chữ viết từ bộ thủ. Văn luật viết từ bộ mộc, viết thành chữ khái nghĩa là thanh gạt ngang cái đấu khi đong lường. Khái chẳng phải nghĩa đây dùng.

Canh xác. Ngược lại âm hồ các. Sách Sở Từ cho rằng: con gà để lộ cái cựa, cái mũ trên đầu của nó. Vương Dật chú giải rằng: có rau glcanh, không có rau gọi là xác. Âm huề ngược lại âm dĩ quy.

Chuyên tiêu. Lại viết chữ chuyên cũng đồng ngược lại âm bổ lạc ngược lại âm dưới tử lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là nhai. Quảng Nhã cho rằng: nhai lớn tiếng.

Khoát khoát. Ngược lại âm ư hoạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói trong hơi thở, không lanh lợi nói ngọng. Văn luật viết chữ khoát này là chẳng phải.

Hoàng phong. Ngược lại âm hồ quang. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài côn trùng như con châu chấu, con ong, con ve. Quách Phác cho rằng: loài côn trùng có mặc áo giáp, lớn như con hổ đực màu sắc xanh. Giang Đông gọi là hoàng bình. Âm bạt ngược lại âm phò kiết.

Đẩu tẩu. Lại viết chữ đẩu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu. Đẩu tẩu là cái hầm cái kho lớn chứa thóc lúa. Văn luật viết chữ khoa tẩu là chẳng phải thể. Âm mong ngược lại âm đô cốc. Âm côc là âm tốc.

Khổn xí. Ngược lại âm hồ khổn. Quảng Nhã cho rằng: là cái chuồng heo, nhà xí, nhà vệ sinh. Ngược lại âm dưới là trắc sử. Xí cũng gọi là nhà vệ sinh. Thích danh cho rằng: hỗn đó là nước đục, hỗn tạp dơ bẩn. Hoặc gọi là sạch mà nói đến chỗ dơ uế, thường là phải sửa đổi khiến cho sạch sẽ. Xí đó là người ở trong chỗ tạp loạn, trên chẳng phải là một vậy.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 23

Cương thạch. Ngược lại âm cư lương cũng giống như chữ cương. Văn thông dụng cho rằng: gọi là đất đá sỏi nhỏ gọi là cương. Đá sỏi nhỏ vụn. Chữ viết từ bộ thạch thanh cương.

Ốc thiềm. Lại viết chữ lan cũng đồng, ngược lại âm dư chiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiềm là mái hiên nhà, cũng gọi là cái chái nhà, cũng gọi là nối kết với nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thiềm là nhà nghỉ mát cũnglà sà ngang gác trên cửa. Âm bề là âm tỳ. Âm trịch ngược lại âm đô lịch.

Hạng truy. Ngược lại âm trực truy. Sách Thuyết Văn cho rằng: truy là cái trán. Nay dùng nghĩa này. Văn luật viết chữ thối chưa rõ chỗ xuất phát chữ này.

Chu nhu. Ngược lại âm chi vi nhi dữ. Văn thông dụng cho rằng: chu gọi là lùn thấp, gọi là người rất lùn thấp.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 24

Đối hận. Văn cổ viết chữ đối cũng đồng, ngược lại âm văn lệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đối là oán hận, cũng gọi là phẫn hận, căm phẫn.

Khủ xỉ. Ngược lại âm ngũ cấu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: gọi là cây răng mọc trùng với cây răng khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng mọc không ngay. Gọi là cây cao cây thấp không đồng đều. Văn luật viết khủ ngược lại âm khưu vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng bị sâu phá hại. Chữ khủ chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm đố ngược lại âm đinh cố.

- **QUYỂN 25, 26** (Hai quyển trên trước đều không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 27

Xao hộ. Lại viết chữ xao cũng đồng, ngược lại âm khổ giao. Gọi là đánh gõ dưới, tức là gõ cửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây chốt gài ngang cửa.

Ổi đa. Ngược lại âm ô tội. Tự Lâm cho rằng: Đông nhiều. Quảng Nhã cho rằng: ổi là tạp loạn, hèn hạ, bỉ lậu.

Khâm khiên. Lại viết chữ khâm cũng đồng, ngược lại âm cự lâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm giữ gấp vạt áo lại. Bì Thương cho rằng: nắm lấy, giữ lấy.

Tư chủng. Sách Phương ngôn viết từ bộ mộc viết thành chữ đề cũng đồng, ngược lại âm thị chi. Gọi là cái muỗng múc cơm. Văn luật viết chữ thị ngược lại âm xướng kỳ.. Thị là cái nồi đồng. Âm chúc ngược lại âm tự lâm.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 28

Trì tập. Tự thư viết chữ tập cũng đồng, ngược lại âm nhi dụng. Theo chữ xuế là đô trang sức lông mịn. Lại viết chữ xuế ngược lại âm nhi dung. Tự Lâm cho rằng: tơ lụa sản xuất nước Kế Tân.

Dương dương. Ngược lại âm tổ lang. Tự Lâm cho rằng: con dê đực. Tam Thương cho rằng: con dê thiến.

Bất ngạch. Ngược lại âm âm sĩ cách. Tự Lâm cho rằng: tường bị nứt ram cũng gọi là phân ra. Văn luật viết chữ trạo là chẳng phải thể.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 29

Thị đĩnh. Ngược lại âm thức diên. Gọi là làm cho vật dính bfn. Đĩnh là đánh gõ. Đĩnh là làm cho mềm nhàu đất cho lấp cho đầy.

Thủy tiền. Lại viết chữ tiễn cũng đồng, ngược lại âm tử kiến. Văn thông dụng cho rằng: làm thấm nước gọi là tiền Sơn Đông tên của của con sông. Giang Nam nói rảy nước. Âm tán ngược lại âm tử thả.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 30

Phảng tích. Văn cổ viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tử địch. T.693 Tự Lâm cho rằng: tích là đường viền.

Uất huấn. Lại viết chữ trù cũng đồng, ngược lại âm trắc vưu , tên của vị Tỳ-kheo. Tam Thương cho rằng: huấn cũng là thù nghĩa là đạt được.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 31

Linh kiểm. Ngược lại âm lực triêm. Quảng Nhã cho rằng: gọi là sắc mặt đỏ, cũng gọi là sắc mặt tươi vui.

Cốc dực. Ngược lại âm di chức. Gọi là vỏ lúa mạch, trấu. Văn luật viết chữ dực là tên của loại cỏ.

Liệu dĩ. Lại viết chữ liệu điểu. Tự Lâm cho rằng: liệu là thui nước. Văn luật viết chữ liệu? ngược lại âm lực điêu, lực điểu hai âm. Chữ liệu nghĩa là trước sân lửa cháy lan, cây nêu, cây nến trước sân. Liệu chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phúc la. Nói cho đúng là bố la. Đây dịch là đôi ủng đi mưa, giày ngắn, giày cao cổ, ngược lại âm ô báo.

Nêu thủ. Lại viết chữ vưu cũng đồng ngược lại âm vu cứu. Gọi là run lập cập lắc lư không yên.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 32

Thấu ty. Ngược lại âm sở lưu. Hoặc nói là tô ty. Hoặc nói là ưu ba tư đều là chuyển đọc sai. Nói cho đúng ô ba tư. Đây dịch là cận thiện nữ, nghĩa là người gái lành thân cận phụng sự ngôi Tam bảo. Âm ô ngược lại âm nhất cổ.

Chí hán. Lại viết chữ chí cũng đồng, ngược lại âm khẩu quỷ khẩu quái hai âm, thở mạnh, tiếng thở than.

- **QUYỂN 33** (Trước không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 34

Lang bạt. Lại viết chữ bạt cũng đồng, ngược lại âm bổ cái. Lang bạt giống như là đi khắp nơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chân bước đi. Theo Thanh loại cho rằng: cậy nhờ, đi khắp nơi cậy nhờ.

Bà thấu. Ngược lại âm âm sở học. Tên của ngôi sao.

Thấu chỉ. Lại viết chữ thấu cũng đồng, ngược lại âm sở giác. Văn thông dụng cho rằng: ngậm nước trong miệng gọi là thấu. Thấu cũng là nguyền rủa.

Phác thanh. Ngược lại âm mạc hề. Bì Thương cho rằng: phác là váng meo ở trên nước tương từ từ bị hư hoại. Khi tương hư là sanh meo âm phác, ngược lại âm phổ mộc.

Xí bề. Ngược lại âm bổ hề. Thiên sách tiểu học ghi rằng: bề là cây lược để chải chuốt tóc cho thẳng. Gọi là ngăn cấm chải chuốt. Nay chải lông mi v.v... đều làm bằng cây lược này.

Âu biệt. Ngược lại âm ô hầu. Âu là cái bát. Sách Phương ngôn cho rằng: cái chậu nhỏ đó gọi là âu.

Thí hệ. Ngược lại âm hề kế. Gọi là guốc gỗ, giày dép v.v... đều là viết chữ hệ. Văn luật viết chữ hoãn hề hai chữ tượng hình là chẳng phải. Âm tiệp ngược lại âm tư hiệt.

Thanh mị. Ngược lại âm vô bi. Văn thông dụng cho rằng: vật còn non chết gọi là vi. Văn luật viết chữ mị mị hai chữ tượng hình này là chẳng phải. Thể chữ, kế đến quyển hạ lại viết mị cũng đồng.

Lung sơ. Ngược lại âm lực đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lung là cửa sổ khai thông phòng nhà. Sơ là cửa sổ. Quảng Nhã cho rằng: lung cũng là nuôi chứa. Văn luật viết lung là chẳng phải thể.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 35

Tranh quyển. Ngược lại âm trắc canh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tranh là sợi dây quấn bọc xung quanh. Giữa Giang Miến gọi là dây trói buộc gia súc gọi là tranh. Trang cũng là khuất phục, cong lại. Âm miến ngược lại âm di thiện.

Kháp yên. Ngược lại âm hồ táp. Kháp cũng giống như uống vào.

Sách Thuyết Văn cho rằng: kháp là cắn nhai. Âm niết ngược lại âm xưởng duyệt..

Tranh xúc. Lại viết chữ tranh bốn chữ tranh tượng hình cũng đồng, ngược lại âm văn hoành. Tranh cũng là xúc nghĩa là va chạm.

Đương kỳ. Ngược lại âm cư nghị. Gọi là lấy tre chẻ làm đũa gắp lấy vật thức ăn gọi kỳ. Âm trợ ngược lại âm hạp lư.

Khánh khái. Ngược lại âm khẩu đảnh. Ngược lại âm dưới khai đại. Văn thông dụng cho rằng: bén nhạy trong cổ họng gọi là khánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái là hơi đi ngược tức là ho. Chữ viết từ bộ ngôn đến bộ khảm. Văn luật viết từ bộ thạch đến bộ khẩu viết thành chữ khánh khái hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Liên để. Lại viết chữ chí cũng đồng, ngược lại âm đinh kế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phun nước mũi ra gọi là hách xì. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nói nhiều tức là đế. Trịnh Tiễn cho rằng: các ông suy nghĩ trong lòng ta như vậy, ta tức là đế. Nay tục gọi đế là người đi trên đường đạo. Đây tức là ngã. Xưa để lại lời nói như vậy.

Vạt vạt. Ngược lại âm hồ hạt. Chữ chỉ rằng vạt là tiếng nổ lớn cát đá văng ra. Văn luật viết chữ cốt ngược lại âm cổ hốt. Bì Thương cho rằng: gọi là cây gậy đánh chó là cốt. Trong văn lại viết chữ hạt khả. Cốt chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm vạt ngược lại âm mạc bát. Âm khả ngược lại âm cổ hãn.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 36

Kiều diễm. Ngược lại âm ư kiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiều là khéo léo. Lại nói con trai, con gái dáng vẻ xinh đẹp. Thùy mị, đoan trang. Ngược lại âm dưới lại viết chữ diễm cũng đồng, ngược lại âm dư chiêm. Sách Phương ngôn nói: giữa Tần và Tấn gọi xinh đẹp là diễm, diễm cũng là sáng rực rỡ.

Cô công hoặc, Ngược lại âm cố hồ. Bạch Hổ Thông cho rằng: cô đó là tiếng xưng gọi người quá cố, tức là cố lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: cô là mẹ. Ngược lại âm dưới chi dung. Thích danh cho rằng: tục gọi cậu là công. Nói như vậy là chỗ cung kính sợ sệt mà tự nghiêm túc vậy.

- **QUYỂN 37** (Trước không có âm.)

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 38

Đãi hoại. Ngược lại âm đồ cải. Quảng Nhã cho rằng: đãi là thất bại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đãi là nguy hiểm. Đãi cũng là cơ hội gần gũi.

Quyền xao. Lại viết chữ xao cũng đồng, ngược lại âm khẩu giao. Gọi là gõ dưới bệ cửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây chốt ngang gài cửa. Văn luật viết chữ lão là chẳng phải.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 39

Khư trù la sàng. Đây dịch là cái giường nhỏ hẹp mà dài. Âm trù ngược lại âm trúc giao.

Xao bàn. Ngược lại âm khẩu giao. Xao gọi là đánh gõ, chữ bàn gọi là cái mâm.

LUẬT TĂNG KỲ
QUYỂN 40

Đón thương. Ngược lại âm ư cảm ư hàm hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: ám là che đậy. Văn luật viết chữ am tên của loại cỏ. Âm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trúc biên. Ngược lại âm vong tỳ. Tự Lâm cho rằng: chẻ tre ra làm dụng cụ như cái mâm đựng đồ quả phẩm. Âm dân, ngược lại âm vong nhẫn gọi cật tre. Theo Thanh loại cho rằng: nan tre. Nay Trung Quốc đất Thục người ta gọi nan tre là biên.

Bác y. Lại viết chữ bạt cũng đồng, ngược lại âm bổ mạc. Văn thông dụng cho rằng: cái áo dài ba thước gọi là bác.

Bạt cư. Đây nói sai. Nói đúng là phạt giá. Đây dịch là bộ. Gọi là loại bộ hoặc nói là quần cũng đồng nghĩa, tức là chia ra nhiều bộ, quần thể.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 1

Quặc kỳ. Ngược lại âm cửu phước. Sách Thuyết Văn cho rằng: quặc là chụp lấy. Thiên Thương Hiệt cho rằng: quặc là bắt lấy. Nói rằng con thú trừng mắt chụp bắt lấy. Âm tấn ngược lại âm ngạc nghịch.

Nhĩ bị. Ngược lại âm nhi dung. Tự Lâm cho rằng: thảm lông. Xưa gọi là thảm lông rủ xuống. Văn luật hoặc là viết chữ nhĩ ngược lại âm nhi dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông mịn dùng làm trang sức cho dây cương.

Hộ kiện. Ngược lại âm địa hiệt. Văn thông dụng cho rằng: then gài cửa gọi kiện. Thiên Thương Hiệt viết chữ quyền là nắm giữ mấu chốt, then chốt. Âm kiện ngược lại âm cự triển. Sách Phương ngôn cho rằng: Quan Đông gọi là mấu chốt, then gài. Quan Tây gọi cái khóa, ống khóa.

Khỏa lặc. Ngược lại âm khẩu hóa. Tự Lâm cho rằng: khỏa là xương đùi cũng gọi là xương bắp chân. Âm khả ngược lại âm khẩu á ngược lại âm dưới là lãng đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương họng. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ lực viết thành chữ hiếp. Văn luật viết từ bộ cách viết thành chữ lặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây buộc đầu ngựa chế ngự con ngựa chẳng phải thể chữ.

Độc xa. Ngược lại âm đô cốc. Xưa gọi là xe dê. Thích danh cho rằng: điều may mắn, tốt lành, gọi là chiếc xe khéo trang sức đẹp. Nay gọi là chiếc xe trâu.

Đà lâu. Ngược lại âm đại ngã. Thích danh cho rằng: bánh lái của chiếc thuyền gọi là đà. Ở phía sau thấy lôi kéo bánh lái thuyền. Âm đà là âm tha. Chữ viết từ bộ thủ viết thành chữ đà cũng từ bộ mộc.

Chất trùng. Ngược lại âm chi dật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chất là loài ấu trùng. Giang Đông gọi là ấu trùng con chấy, con rận. Âm cơ ngược lại âm cự cơ. Gọi là bám vào da người để mà hút máu. Văn luật viết chữ chất là chẳng phải.

Trinh trinh. Lại viết chữ trinh cũng đồng, ngược lại âm sở kinh. Tự Lâm cho rằng: chim có thể nói tiếng người. Kinh Sơn Hải nói rằng: mặt giống người mà thân giống heo, có thể nói ra lời. nay đất giao chỉ, trong các khe suối có loại thú giống như hình trạng con vượn mà thân giống như heo, có thể kêu khóc như đứa trẻ. Âm than ngược lại âm âm thổ hoàng.

Nhị ngạc. Ngược lại âm sửu bạch. Gọi là nửa bước là ngạc Văn

luật viết trạo ngược lại âm sửu bạch lặc giác hai âm. Gọi là què chân không có thể đi được.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 2

Tát lược. Ngược lại âm cự hướng. Tự thư cho rằng: giăng lưới bên đường mà bắt lấy. Văn luật viết chữ cường là chẳng phải.

Hãn thùy. Ngược lại âm hạ thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngủ ngáy. Sách Tự uyển gọi là hãn. Giang Nam thường hay dùng từ này. Văn luật viết chữ hãn, vu, tỵ ba chữ tượng hình là chẳng phải thể.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 3

Pháo tiên. Lại viết chữ tỷ cũng đồng, ngược lại âm tư tiện. Tự Lâm cho rằng: một bệnh nấm trên da. Có loại khô, có loại ướt, hai loại. Thích danh cho rằng: bệnh nấm lan trên da dần dần lan to ra rất ngứa. Có khi chảy nước gọi là tiên. Cho nên người Từ Thanh gọi là tiên là bệnh nấm ngứa.

Đầu tiêu. Ngược lại âm tư diêu. Văn thông dụng cho rằng: tơ sống dệt thành vải lụa gọi là tiêu cũng gọi là đầu có râu tóc bạc phơ.

Điệu y. Ngược lại âm đồ điếu. Quảng Nhã cho rằng: điệu là phấn chấn, dao động. Văn luật viết chữ điệu, ngược lại âm thổ nhiêu. Triệu là khều móc triệu chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thiêu quặc. Lại viết chữ tháo cũng đồng, ngược lại âm thả tiêu. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa nước Triệu, Ngụy gọi là cáo mai đào đất là thiêu. Âm sáp ngược lại âm sở hạp.

- **QUYỂN 4, 5** (Hai quyển trên đều không có âm để giải thích.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 6

Nhất hoán. Tự uyển âm là sơ nhãn. Nay gọi là nướng thịt là hoán.

Ban điệp. Ngược lại âm bố mang. Gọi là vải thưa. Tự Lâm cho rằng: thảm vuông, có vân sọc đó gọi là điệp. Văn luật viết chữ bang này là chẳng phải.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 7

Nhiếp phùng. Ngược lại âm dư thiệp. Gọi là nhiếp đó là nhiều lớp. Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là gấp xếp áp vải nhiều lớp gọi là may khâu là nhiếp.

Mộc bảng. Ngược lại âm bổ mang. Gọi là dựng tấm bảng đứng thẳng lên viết lên, nêu lên điều tốt xấu cho người ta nhìn. Văn luật viết chữ bảng ngược lại âm bổ manh. Gọi là lắp thêm vào cung, bảng chẳng phải nghĩa đây dùng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 8

Nhất trữ. Ngược lại âm trị dĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái thoi dệt tức nay gọi khung cửi. Mẹ của Tăng Lữ ném khung cửi xuống, thoi dệt vải. Âm thành là âm thành.

Sao lược. Ngược lại âm bổ bí. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơm khô, cũng gọi là rang hạt đậu lớn cùng với gạo làm cơm khô. Văn luật viết từ bộ mạch viết thành chữ lược là chẳng phải thể.

Đãi nhi. Ngược lại âm đồ cải. Gọi là sửa trị cũng là gần gũi. Sách Lễ Ký cho rằng: mỏi mệt sấp bệnh. Lại chú giải rằng: đãi là nguy hiểm.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 9

Thiên trúc. Nay viết chữ mã, hoặc là nói thân độc. Hoặc gọi là hiền đậu đều sai. Nói cho đúng đây phiên dịch là tên của nước Ấn Độ, mỗi mỗi đều có một ngàn tên, riêng đây nói xưng tên tốt đẹp nên lấy đất kia có xuất hiện Thánh hiền, tương tục nối nhau hành đạo phạm là vật hóa ra như mặt trăng chiếu sáng đến, vì vậy mà đặt tên.

Diêu sư. Ngược lại âm dương chiếu. Tự Lâm cho rằng: lò nung gạch ngói. Lại viết chữ đào ngược lại âm đồ đao. Gọi là dụng cụ làm gạch ngói. Ở Tây Vực không có lò nung gạch ngói, nhưng lại lất đất bằng làm thành dụng cụ.

Sam thiêu. Ngược lại âm sở giám. Tự thư cho rằng: sam là cây phẳng lớn. Ngược lại âm dưới là thiên tiêu. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa nước Triệu, Ngụy gọi là cái mai, cái thiêu để đào đất gọi là thiêu.

Tiểu tật. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ nhiêu cũng đồng, ngược lại âm sĩ giao. Cho rằng: dùng sức mạnh. Gọi là dùng sức mạnh thần tốc để trừ diệt, trừ bỏ.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 10

Phiên đậu. Ngược lại âm bố một thất miên hai âm. Dân tộc nhiều chủng loại, gây rối loạn, quấy nhiễu, có thể sửa trị, cũng có thể trừ bỏ đi.

Yết bệnh. Lại viết chữ yên cũng đồng, ngược lại âm nhất thiên. Gọi là bệnh yết hầu, cổ họng bị đau.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 11

Khổng hồ. Văn cổ viết chữ hồ hai chư tượng hình, cũng đồng, ngược lại âm hồ á. Sách Thuyết Văn cho rằng: hồ là nứt ra phanh ra.

Giới xỉ. Ngược lại âm hạ giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: những cây răng mọc khít với nhau. Tam Thương cho rằng: mỏ chim. Văn luật viết chữ giới là chẳng phải.

Mị ngữ. Ngược lại âm ngư tế. Theo Thanh loại cho rằng: ngữ bên khổng tĩnh giác nói mê, nói vọng.

Vĩ sạn. Ngược lại âm sĩ luyện. Sách Thuyết Văn cho rằng: sạn nhà tranh nhỏ, quán trọ. Quảng Nhã cho rằng: sạn là lầu gác. Văn thông dụng cho rằng: gác gỗ gọi là sạn vậy.

Trạo cử. Ngược lại âm đồ giác. Tục dùng thường âm đồ cách. Quách Phác cho rằng: gọi là cây mà không có cành, được vót nhẫn làm mái trèo dài, lấy phần ngọn mà sát hại người.

Hợp lưu. Ngược lại âm lực cứu. Gọi là nước từ trên mái nhà trước nhỏ xuống. Nay nói hợp lưu là nước nhỏ xuống từ nhà chánh.

Mộc trách. Ngược lại âm trở cách. Trách là nhà trọ. Gọi là lấy gỗ làm nhà tranh, chẳng phải lấy trúc lau.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 12

Xuyết nhục. Ngược lại âm trúc quát. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nay gọi xuyết là loại chim bồ câu lớn, giống như chim trĩ, móng nó giống như là chuột. Thường sống vùng phương Bắc sa mạc. Thịt của loài chim này rất ngon, thường gọi là chim đột quyết. Làm ổ giữa cây cao, giống như chim cu, chim thục, tiếng kêu nó buồn thảm. Âm cảm ngược lại âm hồ làm.

Thục nhục. Ngược lại âm thị quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim hàm thục. Quảng Nhã cho rằng: loài chim sâu. Âm hàm ngược lại âm ô hàm. Âm tiêu ngược lại âm tiều.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 13

Hồ lăng. Lại viết chữ lăng lăng ủy ba chữ tượng hình, cũng đồng, ngược lại âm tư khuê. Sách Vận lược cho rằng: hồ lăng loại rau thơm.

Văn luật viết chữ noa là chẳng phải.

Niết chúc. Văn cổ viết chữ quyết cũng đồng, ngược lại âm xương duyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: niết là uống vào, ngậm vào. Âm dưới viết chữ chúc cũng đồng, ngược lại âm dư dục.

Chủy sất. Ngược lại âm ty dĩ một tên gọi khác nữa tứ. Văn thông dụng cho rằng: sất hoặc gọi là cái muỗng. Sách Phương ngôn hoặc là viết chữ đê cũng đồng, ngược lại âm thị di. Âm tứ là âm tứ. Lại viết chữ thị ngược lại xương lỳ là chẳng phải.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 14

Nha kỳ. Ngược lại âm cự cơ. Sau đời nhà Hạ mới có chế ra làm răng giả. Gọi là khắc chạm răng, làm trang sức. Bởi vì là tên gọi vậy. Thích danh cho rằng: dùng con gấu, con hổ làm cờ tướng quân chỗ kiến lập hình tượng biểu trưng như mãnh hổ, như thú, cùng với các loại cờ khác có rất nhiều.

Nhật điệp. Ngược lại âm đồ kiết. Gọi là bóng xế.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 15

Kinh tuất. Lại viết chữ tuất cũng đồng ngược lại âm tu luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lo nghĩ, cũng gọi là thông cảm, gọi là người đem tài vật ra cứu giúp.

Thủy đột. Ngược lại âm đà một. Gọi là nước nóng chảy xuống làm cho hư đồ vật.

Tiễn quát. Ngược lại âm tư tiện chẻ tre ra làm mũi tên. Tre có nhiều hình dáng khác nhau. thân lớn lá nhỏ gọi là tre, thân nhỏ lá lớn gọi là mũi tên, chủ đích là do người làm ra. Bởi vì tên gọi. Ngược lại âm dưới cổ hoạt. Thích danh cho rằng: làm mũi tên đó ngọn phải nhọn gọi là quát gọi là nhị hội, cũng gọi là huyền hội.

Nhược thiến. Lại viết chữ thiến hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại thiên kiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại cỏ mao, cỏ quỳ,

người ta lấy rễ là thước vẽ có thể sanh màu tím nhuộm vải, chỉ may khâu. Chữ viết từ bộ thảo thanh tây. Văn luật viết chữ tiễn ngược lại âm từ tiền. Sách Biểu thức cho rằng: tiễn chẳng phải nghĩa đây dùng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 16

Trửu tuệ. Lại viết chữ tuệ cũng đồng, ngược lại âm tù nhuệ túy hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây chổi làm bằng trúc, chỗ dùng để quét.

Trạc tý. Ngược lại âm đồ trác. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trạc khung dệt. Quảng Nhã cho rằng: trạc là cất lên nhổ lên, cũng gọi là dẫn ra, cũng gọi là kéo cánh tay ra bơi lội, bơi sang qua bên kia.

Phù thủy. Hoặc là viết chữ bao cũng đồng, ngược lại âm bổ giao g. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm lấy dẫn ra. Văn thông dụng cho rằng: viết chữ phẩu là tay nắm lấy gọi là phẩu chữ viết từ bộ thủ

Tác mô. Ngược lại âm mạc nô. Sách Thuyết Văn cho rằng: mô khuôn phép. Đây cũng gọi là mô tức qui tắc, mẫu mực, cũng là lấy hình tượng để che giấu. Chữ viết từ bộ mộc.

Giả mô. Ngược lại âm mạc nô. Sách Thuyết Văn cho rằng: mô là khuôn phép. Đây cũng gọi là mô gọi là qui tắc, khuôn mẫu, dùng hình tượng để che giấu. Chữ viết từ bộ mộc.

Giả thổ. Ngược lại âm chi dã. Tam Thương cho rằng: giả là đất màu đỏ. Kinh Sơn Hải nói: núi Thiếu Dương phần nhiều đất rất tốt.

Bạch thiện. Âm thiện tức là đất trắng cũng gọi là tràn cũng gọi là bạch thiện. Văn luật viết chữ thiện là chẳng phải thể.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 17

Tủy bỉnh. Ngược lại âm tư lụy. Sách Thích danh cho rằng: các loại bánh như là bánh chưng, bánh thang, bánh tác, bánh tủy v.v.... Các thứ tùy theo hình mà gọi tên. Văn luật viết chữ tủy ngược lại âm tư lụy dực lụy hai âm. Tự thư cho rằng: tủy là thức ăn điểm tâm. Sách Phương ngôn cho rằng: thức ăn ngon ngọt gọi là tủy. Tủy chẳng phải nghĩa đây

dùng. Âm sạn ngược lại âm nhất nguyệt. Gọi là bánh đậu, kẹo mạch nha.

Tửu điện. Ngược lại âm đồ kiến. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: điện gọi là cặn bã. Quách Phác chú giải rằng: điện là cặn rượu. Văn luật viết chữ điện này là chẳng phải.

Dương bệnh. Ngược lại âm dưỡng lương. Sách Chu thứ cho rằng: dương là dối trá. Văn thông dụng cho rằng: viết chữ tường là hư từ. Sách Hán thứ cho rằng: viết chữ dương không đúng. Kinh văn viết chữ dương ngược lại âm tợ dương. Dương là yếu gầy, ốm yếu, suy nhược. Dương chẳng phải nghĩa đây dùng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 18

Ma bối. Ngược lại âm bổ cái. Ở Tây Vực gọi là y, áo.

Môn nghiệt. Lại viết chữ nghiệt này cũng đồng, ngược lại âm ngư liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nghiệt là thanh gỗ cắm thẳng giữa cổng, gọi là nghiệt. Lại chú giải rằng: cửa hẹp trong nhà, chỉ những phòng sâu trong nhà, cũng gọi là cửa hạn hẹp.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 19

Phù lưu. Lại viết chữ lơ âm phù lưu. Quảng Nhã cho rằng: là cháo nấu nhừ, nay gọi là bạt chúc, tức là cháo.

Quan bẩm. Ngược lại âm bổ cẩm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bẩm là ban tặng cho nhận được. Quảng Nhã cho rằng: bẩm là vâng theo.

Cân đầu. Ngược lại âm cư cần. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân chặt phá cây, chặt đốn cưa. Văn luật viết chữ cân ngược lại âm ngư cân. Cân gọi là khoét đục khoét. Cân là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trước nhung. Ngược lại âm nhi dung tên loại cỏ non mới mọc. Nay lấy hình tượng này mà ví dụ.

Nao cảnh. Ngược lại âm nô giao. Quảng Nhã cho rằng: nao là loại chiêng nhỏ giống như cái linh mà nhỏ hơn, âm dưới là cảnh chưa rõ còn

nghi ngờ sai lầm. Nên viết chữ thuần ngược lại âm táp qiân. Sách Chu Lễ cho rằng: tên một loại nhạc khí cổ, hình như cái lối trên lớn dưới nhỏ, dùng để hòa với trống.

Khô trung. Ngược lại âm khẩu cô. Nói là dùng sức phanh xé ra, gọi là moi trong bụng ra rỗng không.

Sáp sáp. Ngược lại âm tổ hạp. Gọi là ăn, cũng nói là đớp mồi.

- **QUYỂN 20** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 21

Chuế đầu. Ngược lại âm âm chư nhuế. Văn thông dụng cho rằng: thịt dư trong con mắt. Sách Thích danh cho rằng: bướu, nó mọc ngang trong thịt, bướu trong thân thể, nhỏ gọi là vưu lớn gọi là chuế.

Chỉ trục. Lại viết chữ trục cũng đồng, ngược lại âm trúc túc. Gọi là trong tay chân bị hàn lạnh sanh ra lở loét.

Hoàn đồi. Lại viết chữ đồi cũng đồng, ngược lại âm đường lôi. Gọi là bệnh âm. Thích danh cho rằng: bệnh âm sưng thủng gọi là đồi, cũng gọi là thông hơi dưới. Lại cũng gọi là sám nói là bệnh thoát vị, bệnh sa đì dẫn đến trong bụng rất là đau đớn. Âm sán là âm san.

Hạt cổ. Chữ đúng là viết chữ hạt cũng đồng, ngược lại âm hỏa hạt. Tự thư cho rằng: hạt là con mắt nhắm lại tức là mù. Ngược lại âm dưới là công hộ không có con mắt gọi là cổ, con mắt bằng phẳng như mặt trống.

Ổi an. Ngược lại âm ô đối. Ngược lại âm dưới tha đối. Gọi là phế bỏ phong tục, cũng gọi là phế phong tức là hạ phong. Văn luật viết từ bộ tật viết thành chữ ổi thối. là chẳng phải.

Phiêu thư. Ngược lại âm tất diêu. Ngược lại âm dưới thiên dư. Quảng Nhã cho rằng: mụt nhọt đã thành ung thư.

- **QUYỂN 22** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 23

Cách tiêu. Lại viết chữ y văn cổ viết chữ viên cũng đồng, ngược lại âm hồ huyễn gọi là mui xe. Xe lớn có rèm ngăn cách. Quảng Nhã cho rằng: là dây cương buộc ngựa. Âm cách ngược lại âm cổ ách. Âm ky ngược lại âm cư nghi. Văn luật viết chữ huyền là chẳng phải.

- **QUYỂN 24, 25** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 26

Đãi môi. Ngược lại âm đồ lai. Ngược lại âm dưới vong đài. Hun đốt khói lửa bụi bặm bay mù mịt. Văn thông dụng cho rằng: chứa nhiều khói làm cho đen thui. Văn luật viết chữ đài mỗi là chẳng phải thể.

Ngôn nghiệt. Ngược lại âm ngư liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây răng gạo, cũng gọi là lúa thóc ẩm ướt, cũng gọi là cây răng mới mọc.

Phi đinh. Ngược lại âm đô đình. Đinh là sức mạnh. Thích danh cho rằng: đinh là cường tráng. Nói vật thể đều cho rằng sức khỏe mạnh mẽ.

Phụng hướng. Ngược lại âm thức thượng. Quảng Nhã cho rằng: hướng là biếu tặng thức ăn, cũng gọi là dâng thức ăn cho người trên.

Sĩ hạ. Lại viết chữ sĩ cũng đồng, ngược lại âm sự kỹ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sĩ là chờ đợi.

Hoàng trùng. Ngược lại âm hồ quang, hồ mãnh hai âm. Con châu chấu gọi là trung trùng. Sách Lễ Ký nói: con châu chấu làm tai ách phá hại mùa màng làm dân chúng đói khổ. Âm trung ngược lại âm chi dung.

Siểm ma. Ngược lại âm thức nhiễm.

Lăng kỵ. Lại viết chữ danh cũng đồng, ngược lại âm cự ký. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loại cây ấu, sống trong nước, lá nổi lên. Lại chú giải rằng: tức là loại cây mà củ có hình tam giác, lá nổi trong nước. Văn luật viết chữ khảm ngược lại âm cự liễm. Khảm là đầu con gà.

Tính đáng. ngược lại âm tinh chính. Âm dưới đang lãng. Văn thông

dụng cho rằng: trừ bỏ vật gọi là tính. Đang tính là trừ, loại trừ.

Y minh. Ngược lại âm nô đinh gọi là khổ đế.

Đa tha nghĩa là dứt hết.

Nhương xá. Ngược lại âm nhi dương.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 27

Ky do. Lại viết chữ ky cũng đồng, ngược lại âm cư ky. Gọi là dây cương buộc ngựa.

Lũ y. Ngược lại âm lực câu. Văn thông dụng cho rằng: thảm lông gọi là lũ. Quảng Nhã cho rằng: thảm trải đất có vân sọc.

Cao thảo. Ngược lại âm công đạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cao tức rơm ra, tức là cỏ khô.

Thôi y. Ngược lại âm thô lôi. Thích danh cho rằng: chết ba ngày, mới sanh đó là thành phục gọi là thôi. Thôi là đẩy ra, nói là đẩy cái buồn ra. Thôi là có tặng cho, có nghi ngờ, có trong tốc làm vải thưa. Âm tuệ là âm tuế.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 28

Vu bề. Ngược lại âm bó hề. Lấy lược cạo sạch ô uế. Văn luật viết chữ bi đây là mượn âm để dùng.

Như Định - (II)

Hộ bài. Ngược lại âm âm bổ giai. Gọi là cây trụ trước cổng làng, có làm cánh cửa mở ra, đó giống như cửa cong lại v.v... Văn luật viết chữ bày này là chẳng phải.

Lệ sái. Ngược lại âm lực kiết. Ngược lại âm dưới là sở giải. Gọi làm cho khô ráo, nắng hạn.

- **QUYỂN 29, 30, 31, 32** (Bốn quyển trên trước đều không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 33

Nghê ngư. Âm mê gọi là loại cá thân rất lớn. Loại cá này có bốn loại, ăn nuốt lẫn nhau. Trong kinh viết chữ mê.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 34

Linh tử. Ngược lại âm lô đinh. Gọi là ô vuông ở song cửa sổ. Văn thông dụng cho rằng: khe hở thưa gọi là linh cũng gọi là ô vuông của mui xe.

Huyền cung. Nganh phương y đều viết chữ uy. Gọi là trong cổ họng có mụt bướu.

Đại khôi. Ngược lại âm khổ hồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái thìa, cái đấu. Văn luật viết chữ khai hai chữ tượng hình này chẳng phải.

Côn độn. Ngược lại âm hồn côn âm dưới là đồ côn. Quảng Nhã cho rằng: côn độn là loại bánh.

- **QUYỂN 35** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 36

Môn khổn. Lại viết chữ khổn này cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn. Sách Lễ Ký cho rằng: nói là ở ngoài không có vào được bên trong gọi là khổn. Lại chú giải rằng: khổn là cái cửa hẹp.

Nhị nhĩ. Văn cổ viết chữ nhi cũng đồng, ngược lại âm di nhĩ. Cái chuôi cung gọi là nhị

Bi trạch. Ngược lại âm bì bì. Gọi là ao lớn. Sơn Đông gọi là lạc, âm lạc ngược lại âm thất mạc. U châu gọi là điện, âm điện ngược lại âm điện. Ngược lại âm dưới trực cánh. Cái đầm nước tụ đọng lại gọi là trạch. Thích danh cho rằng: ở Duyên Châu người ta gọi trạch, là lưỡng

nói rằng: nước ngưng đọng lại một chỗ như nắm trong tay. Trạch cũng là thấm ướt ân đức nhuận trạch.

Tể nhân. Ngược lại âm tổ đãi. Sách Lễ Ký cho rằng: tể phu làm hiến chủ. Chú giải rằng: tể phu là người chủ làm quan khéo làm thức ăn trong cung. Theo Thanh loại cho rằng: tể là trị, tức là quan tể tướng. Văn luật viết chữ lao là chẳng phải.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 37

Chấn bãi. Lại viết chữ bại cũng đồng, ngược lại âm bổ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: xua tay gọi là bãi.

Bô xoa. Ngược lại âm sở giai. Thích danh cho rằng: sợi dây thắt lưng của người. Lấy làm dây bắn cung, bên trong bó mũi tên.

Nhu tiễn. Ngược lại âm nhi chủ. Cũng nói là vót mũi tên, nay nói nhu đó là hình phạt chém ngang lưng, nói là vật gãy ngang lưng đều viết chữ này.

Phẩu quát. Ngược lại âm bổ giao. Văn thông dụng cho rằng: nắm tay lại đánh phá gọi là phẩu. Văn luật viết chữ phẩu chữ cận nghĩa.

Nhĩ quyển. Ngược lại âm thứ viên. Gọi là bông tai hoặc lấy vàng, bạc, ngọc làm bông tai.

Chỉ quật. Ngược lại âm cù vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: quật là hang động, không có ngõ ngách. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: quật là khuất phục. Hứa Thúc Trọng cho rằng: quật là vật ngắn được nối thêm dài. Nay lấy nghĩa này.

Xứ phanh. Ngược lại âm bổ hành. Phanh là đàn, búng ngón tay. Văn luật viết chữ phanh là văn không có chỗ giải thích, không có cơ sở.

Bất quân. Ngược lại âm dực quân. Sách Thuyết Văn cho rằng: điều hòa quân bình.

Chỉ đạp. Nay viết chữ đạp cũng đồng, ngược lại âm đồ đáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp là lấy da làm dây cung để bắn tên. Nay gọi là xạ đạp.

Thủy độc. Ngược lại âm đồ cấu. Sách Khảo công ký cho rằng: độc là cống rãnh, cao ba thước. Lại chú giải rằng: ở trong cung đường nước chảy thoát ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: độc là trống rỗng, cũng gọi là cái hang, lỗ hỏng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 38

Địch thực. Ngược lại âm đồ đích. Văn thông dụng cho rằng: dụng cụ đựng nước tắm rửa gọi là bồn chậu, tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: địch là tẩy rửa rưới nước, tẩy sạch.

Ngưu tứ. Lại viết khả linh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lặc chi thức chi hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: răng của con trâu gọi là khả. Gọi là ăn rồi lại lừa ra nhai lại.

Ly ngưu. Ngược lại âm mãn bao. Tây Nam Di có loài bò có lông đuôi rất dài. Văn luật viết miêu là chẳng phải thể.

Quyến nhẫn. Lại viết chữ duẫn văn cổ viết chữ duẫn cũng đồng, ngược lại âm hồ khuyển. Gọi là dây lớn buộc vào vật để kéo chiếc xe đều viết chữ này. Quảng Nhã cho rằng: quyên là sợi dây cương buộc con ngựa.

Đế cố. Lại viết chữ đê này cũng đồng, ngược lại âm đinh kế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng hách xì, hắc hơi.

Biện đái. Ngược lại âm biện điện. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện sợi dây. Văn thông dụng cho rằng: dệt sợi dây lại gọi là biện biện cũng là dệt.

Thí hiển. Ngược lại âm hư yển. Gọi là màn xe căng ra trùm lên chiếc xe che mát gọi là hiển.

Lũy sắc. Ngược lại âm tha đạt. Ngược lại âm dưới sắc đạt. Quảng Nhã cho rằng: loài côn trùng cắn chích nhiều, loài bò cạp nhiều quấn quít lấy, uống máu ăn thịt nhau.

Uyển đậu. Ngược lại âm nhất hoàn. Quảng Nhã cho rằng: uyển đậu là loại đậu lưu, thân leo, lá kép hình lông chim âm lưu là âm lưu.

Tam yết. Ngược lại âm cự liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại đá đứng thẳng riêng biệt. Gọi là ba cục đá chỉ cần một cây búa là vỡ tan.

Môn mi. Ngược lại âm âm mỹ cơ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: my gọi là rui nhà cũng gọi là sà ngang gác trên cửa.

Thí bằng. Ngược lại âm bổ manh. Văn thông dụng cho rằng: Các lều gác để hóng mát gọi là bằng bằng cũng là cái gác. Gác cũng gọi là có nhiều tầng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 39

Tỷ chi. Lại viết chữ chi cũng đồng ngược lại âm cự nghịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: giấy dép, guốc gỗ. Tỷ là giày cỏ, có lót vải nhung v.v... âm khiêu ngược lại âm cư ngược.

Mộc thông. Ngược lại âm thang động. Văn thông dụng cho rằng: nhận sơn phết gỗ làm thùng đó gọi là thông. Làm cái thùng có thể đựng thức ăn v.v...

Phiêu chí. Ngược lại âm xương chí. Sách Tư ký cho rằng âm xí đều cùng biết loại cơ xí đồng một nghĩa. Lại không phân biệt âm khác.

Tác duyên. Ngược lại âm khứ viên không làm cho cong lại gọi là khuyên. Kinh văn viết chữ khuyên là chẳng phải.

Thát bì. Ngược lại âm tha át tha hạt hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như con rái cá sống dưới nước, bắt cá ăn. Văn luật viết chữ thả ngược lại âm đa đạt. Lại viết chữ lãn thát v.v... đều chẳng phải.

Chiên ngư. Văn cổ viết chữ chiên cũng đồng, ngược lại âm tri liên. Loại cá vi cứng, thân dài sáu bảy thước đến hai trượng, lưng màu sắc vàng cái miệng trong hạm dưới, không có vảy giáp nhau, lưng trơn màu vàng lớn dài hai ba trượng, Giang Đông gọi là con lươn vàng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 40

Âu kinh. Ngược lại âm ư hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngâm lâu trong nước. Văn luật viết chữ âu này là chẳng phải thể.

Hung ao. Ngược lại âm ô giao. Tự uyển cho rằng: ao là rơi xuống hầm. Thiên Thương Hiệt viết chữ dung nghĩa là rơi xuống bụi bặm bám dơ.

Hung đột. Ngược lại âm đồ kiết. Sách Tự uyển cho rằng: đột là nổi lên.

Trúc thời. Văn cổ viết chữ trúc cũng đồng, ngược lại âm trắc trục. Sách Thuyết Văn cho rằng: trúc là tát, đánh. Quảng Nhã cho rằng: trúc là đâm vào.

Lỗ bộ. Thể chữ viết lỗ này cũng đồng, ngược lại âm lực cổ. Ngược lại âm dưới bồ cổ. Lỗ là lan can, thanh gác dọc. Sách Tế cung độc đoán

nói rằng: Thiên tử xa giá đến đâu là bày đồ nghi trượng, khí giới cờ quạt đi theo sau hộ vệ vua quan.

Ám ý. Ngược lại âm ư cấm ất giới. Ám ý là tiếng gọi lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn no nằm thở ra. Văn luật viết chữ ích là chẳng phải.

Lưỡng đang. Âm lưỡng đang. Thích danh cho rằng: hai bên ngực, hai bên hông. Vì vậy mà gọi tên.

- QUYỂN 41, 42, 43, 44, 45 (Năm quyển trên đều không có âm để giải thích.)

LUẬT THẬP TỤNG QUYỂN 46

Tác huỳnh. Ngược lại âm nhất quỳnh. Văn thông dụng cho rằng: thâu lấy các mối dây nối lại với nhau gọi là huỳnh. Huỳnh cũng là quấn quanh, vây quanh.

Tác hôn. Ngược lại âm vong cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc sợi dây câu cá. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dây thao xanh. Quách Phác cho rằng: Giang Đông gọi là nối dây thao xanh. Âm chước ngược lại âm chi nhược.

LUẬT THẬP TỤNG QUYỂN 47

Thư tỳ. Ngược lại âm tử dư.

Thổ đóa. Ngược lại âm đồ quả. Tự Lâm cho rằng: đống đất nhỏ. Người nước Ngô gọi chứa đất làm một đống là đóa. Chữ viết từ bộ phụ.

Hương liễm. Chữ đứng là viết chữ liễm cũng đồng, ngược lại âm lực chiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: liễm là hợp đựng đồ trang sức, gọi là đáy lớn. Giang Nam người ta cho rằng: có khấn hương để trong hợp. Liễm là cái hộp trang sức của con gái.

Tài đắc. Ngược lại âm tại đại. Tài là siêng năng cần mẫn, cũng

gọi là kém, không lâu. Quảng Nhã cho rằng: tài là tạm thời, vừa, mới.

Nghị trọng. Gọi anh thứ hai, tức là em. Bác là anh lớn trọng là giữa.

Lô cung. Ngược lại âm lai đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đòn kê trên cột, trong kiến trúc nhà cổ cũng gọi là đạp, cũng gọi khai, cũng gọi là nghịch. âm bạt ngược lại âm bạt mạch. âm khô ngược lại âm cổ hề. Âm đạp ngược lại âm âm đồ đáp. âm luyến ngược lại bì biển. Âm tật là âm tật.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 48

Thiết trâm. Lại viết chữ kham kham hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm chư kim. Gọi là chày đá để đập quần áo (giặt), văn luật viết chữ châm ngược lại âm văn tâm thuộc cái xẻng cuốc đất.

Giới lai. Ngược lại âm cô đắc. Gọi là vạt áo trước.

Ố tiện. Ngược lại âm ô cố. Gọi là oán ghét. Ngược lại âm dưới là thứ tiễn. Quảng Nhã cho rằng: ti tiện, hèn hạ. Kinh văn viết chữ ti tiện là chẳng phải. Âm tiện ngược lại âm tử thả.

Kích liệt. Ngược lại âm cổ lịch. Nước chảy xiết gọi là kích, nước chảy mạnh ngăn chặn lại khiến bắn vọt lên, cũng gọi là cảm kích.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 49

Để mạn. Ngược lại âm mạc bàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là lạnh nhạt quên lãng, cũng là kéo dài dài chểnh mãn. Văn luật viết chữ mạn là chẳng phải.

Át tiệt. Ngược lại âm ô cát. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: át là che. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: át ngăn chặn. Quách Phác cho rằng: nay gọi là ngăn chặn bạo ngược, chấn át đi.

Quỷ ngữ. Ngược lại âm cư hủy. Gọi là không chân thật, dối trá, lường gạt, khinh khi, mưu mô dối trá lạ lùng.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 50

Kiềm xà. Văn cổ viết kiềm cũng đồng, ngược lại âm âm cự chiêm cự kim hai âm.

Tha lê. Ngược lại âm tồ ngã.

- **QUYỂN 51** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 52

Tế mễ. Ngược lại âm tử duệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tế là loại lúa ma giống như lúa thử không dẽo. Quang Tây gọi là lúa môn, tức lúa có hạt mầm đỏ. Âm môn ngược lại âm mỹ bì.

Thời tế. Lại viết chữ thế cũng đồng, ngược lại âm tử lễ. Quảng Nhã cho rằng: tề là thấm xuống nước, gọi là vắt ra nước làm cạn kiệt. Văn luật viết tề. Âm tề ngược lại âm tử nghệ. Tề là kéo ra bài trừ, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Sái tán. Ngược lại âm sở giải giống như rải nước xuống đất. Văn luật viết chữ sái này là chẳng phải.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 53

Bài phiệt. Lại viết chữ bài này cũng đồng, ngược lại âm bổ truy. Sách Phương ngôn cho rằng: bề gọi là phạt tức là cái bè tre. Phương Nam gọi là bài, phương Bắc gọi là phạt.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 54

Dư tham. Văn cổ viết chữ tham tham kham tích kế, bốn chữ tượng hình. Nay viết chữ tham cũng đồng, ngược lại âm thừa cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy gạo hòa với nước canh khuấy làm bột, gọi là hạt gạo. Văn luật viết chữ diêm là chẳng phải.

- QUYỂN 55 (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 56

Hoàng trì. Ngược lại âm hồ quang. Sách Thuyết Văn cho rằng: ao chứa nước lâu ngày, ao lớn gọi là hoàng, ao nhỏ gọi là nước dơ bẩn.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 57

Ngưu phao. Ngược lại âm phổ bao. Văn thông dụng cho rằng: bọng đái gọi là phao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàng quang.

Tiêu tán. Ngược lại âm tài tiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiều là người đốn củi, cũng gọi là củi khô. Chữ viết từ bộ mộc thanh tiều.

Lộc duyên. Ngược lại âm lực cốc dưới lại viết chữ duyên cũng đồng, ngược lại âm chỉ duyên. Hiệp trưởng giả gọi lộc duyên tức gạch ngói chưa nung.

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 58

Ô sức. Ngược lại âm ốc cố. Ô là cặn bã dơ uế, có thể sơn phết tu sửa lại làm đồ trang sức tốt đẹp.

Trượng tán. Ngược lại âm dưới tổ loạn. Gọi là đầu gậy thẳng có cẩn xương ngà. Kinh văn viết toán tổ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bể đậu. Ngược lại âm bố mê. Quảng Nhã cho rằng: Đậu bể, đậu lưu.

Đao hạp. Nay viết chữ giáp cũng đồng, ngược lại âm hồ giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạp là cái tráp, cái rương. Gọi là cái hòm đựng đao kiếm.

Tu dược. Ngược lại âm tức du. Gọi xích khóa lại, ngược lại âm dưới dư chước. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái khóa. Khóa cửa lại, cái then chốt gài lại.

- **QUYỂN 59** (Trước không có âm.)

LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 60

Văn dẫn. Văn cổ viết chữ duyên thống hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại văn nhẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây buộc dắt trâu bò.

Giả cừu. Văn cổ viết chữ thuật cũng đồng, ngược lại âm cự ngưu. Vợ chồng ghét nhau gọi là cừu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cừu là thù ghét.

Đáo đinh. Ngược lại âm đô định.. Gọi là cây trụ đinh đá, đóng vào đá cây đinh. Văn luật viết chữ đình là chẳng phải.

Tróc thiện. Văn cổ viết chữ sân cũng đồng, ngược lại âm tha kiến. Sách Chu Lễ cho rằng: người thợ chế ra đồ trang sức như cái mũ ngày xưa cho vua quan đội có gắn ngọc. Lại chú giải rằng: đồ ngọc đeo ở tai. Thích danh cho rằng: thiện là cái vòng đeo tai, khuyên tai. Là không muốn khiến cho người ta phải quên, tự làm cho có sức nặng, hoặc gọi sung nhĩ, tức tai có đầy đủ, to ra lớn ra. Âm khai là âm kê.

****

LUẬT NGŨ PHẦN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Yểm cổ. Ngược lại âm ư nhiễm. Âm dưới Tự Lâm âm là cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: yểm là họp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trong lòng người ta họp phục gọi là yểm chữ cổ. Sách Chu Lễ cho rằng: người dân bình thường muốn trừ người vợ lẽ là độc cổ. Lại chú giải rằng: loài côn trùng độc hại người T.697 đó gọi là cổ, tức loài côn trùng đi gieo độc hại. Văn luật viết chữ cố này là chẳng phải.

Dưỡng tự. Nay viết chữ ủy cũng đồng, ngược lại âm từ tứ. Sách Thuyết Văn nói: tự là lương thực. Quảng cho rằng: nuôi cho ăn, gọi là lấy thức ăn dâng cúng cho người gọi là tự. Chữ viết từ bộ thực đến bộ nhân. Văn luật viết chữ tự chữ cận nghĩa.

Tiễn tống. Ngược lại âm tài tiễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tống là đưa đi. Gọi lấy thức ăn uống đãi tiệc đưa tiễn, gọi là tiễn chữ viết từ bộ thực. Văn luật viết chữ tiễn đi giày dép giẫm đạp lên, tiễn là chẳng phải thể.

Cẩn nhi. Ngược lại âm cự chấn. Tự Lâm cho rằng: cẩn là tài năng. Cẩn cũng là kém.

Hàm lệ. Ngược lại âm hạ sam. Gọi là ở trong chai chưa phát ra ngoài đều gọi là hàm. Nói hàm là âm giữ mãi nổi oán hận trong lòng v.v... đều gọi hàm vậy.

Hưởng phúc. Ngược lại âm hư lượng. Hưởng là thọ nhận, cũng gọi là đương thọ nhận. Sách Thuyết Văn cho rằng: hưởng là hiến cho. Chữ viết từ bộ cao thanh tĩnh. Văn triện chữ lao ngược lại âm hồ canh.

Xuyết tự. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ xuyết cũng đồng, ngược lại âm trương nhuế. Gọi là rót rượu xuống đất tế lễ âm lỗi ngược lại âm lực ngoại. Tự Lâm cho rằng: cũng là lấy rượu rót xuống đất để tế lễ cúng tế.

Ma huy. Giải thích văn cổ. Nay viết chữ huy cũng đồng, ngược lại âm hồ bi. Sách Sở Từ cho rằng: tay giơ lên gọi là huy. Cũng gọi là dùng tay chỉ là chỉ huy.

Ca dao. Ngược lại âm dữ chiêu. Sách Thuyết Văn ca hát một mình. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đông người hợp ca gọi là dao cũng gọi là lời bịa đặt.

Hòa điền. Ngược lại âm thời lực. Sách Thượng thư cho rằng: lấp đất đỏ vào phần mộ. Khổng An Quốc chú giải rằng: lấp đất vào dính vào đất gọi là điền.

Khai lương. Nay viết chữ kiên cũng đồng, ngược lại âm cổ hề. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cây đòn dông gác trên cây cột, cũng gọi là đạp, cũng gọi là phô lô. Âm bô ngược lại âm bổ lăng.

Hộ mi. Ngược lại âm phỉ cơ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mi cũng gọi là lương tức là xà ngang gác trên cửa. Quách Phác cho rằng: thanh gỗ ngang gác trên cửa.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 2

Tác tĩnh. Văn cổ viết chữ tĩnh bình hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài tính. Quảng Nhã cho rằng: tĩnh là cái cầm để bẫy thú vật.

Mãnh miễn. Ngược lại âm vong nhẫn. Ngược lại âm dưới vô biện. Gọi là gắng sức, tự sức mạnh, gắng hết sức. Văn luật viết chữ mạn là chẳng phải.

Hiễm hý. Lại viết chữ hỷ cũng đồng, ngược lại âm hứa ký tức là nguy hiểm. Văn luật viết chữ hiến ngược lại âm ngũ viễn. Gọi là tiếng trống, hiến chẳng phải nghĩa đây dùng.

Yến an. Ngược lại âm ô kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: yến là an ổn. Chữ viết từ bộ miên đến chữ yến an ổn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: an là dừng lại định, an định. Thiên Thương Hiệt cho rằng: an tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ an yến.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 3

Duẫn hợp. Ngược lại âm qua duẫn. Sách Chu dịch cho rằng: duẫn là đồng ý chấp nhận. Thúc Đại Kiết Vương Bậc nói rằng: duẫn nên phải như vậy. Duẫn cũng là tin tưởng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: duẫn là thành thật.

Cộng đổ. Lại viết chữ đổ cũng đồng, ngược lại âm đô đổ. Văn thông dụng cho rằng: trò chơi cờ bạc gọi là đổ.

Lỗi Phật. Ngược lại âm lực đối. Gọi là lấy đá ném Phật. Nay nói lỗi tức là lăn đá từ trên cao xuống vậy.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 4

Kinh uyển. Ngược lại âm ô băng. Gọi là tiếng than thở kinh dị, khác thường.

Khiếp ý. Ngược lại âm khổ giáp. Gọi là thành thực. Tự Lâm cho rằng: khiếp là thỏa lòng, vừa lòng.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 5

Chân sái. Ngược lại âm ư nhân. Âm dưới là sở giải. Nên viết chữ chân này, ngược lại âm ư cố tức là đồ trang sức.

Xán lệ. Ngược lại âm âm thô thả. Quảng Nhã cho rằng: xán là rạng rỡ, sáng sủa. Xán cũng là tươi thắm. Văn luật viết chữ xán là chẳng phải thể, ngược lại âm âm dưới cẩn kế. Quảng Nhã cho rằng: lệ tốt đẹp. Lệ cũng gọi là hoa mỹ.

Khiết chúc. Lại viết chữ quyết cũng đồng, ngược lại âm xương duyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiết là uống vào. Âm kháp ngược lại hỏa hạp.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 6

Xuyến ngã. Ngược lại âm trư liệt trương vệ hai âm. Gọi là thôi nghỉ. Quảng Nhã cho rằng: thôi dừng nghỉ.

Vu thuyết. Ngược lại âm vũ vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm vào, chuyện không nói có, vu cũng là khinh khi, lừa dối. Vu cũng là nói bậy vu khống cho người khác.

Mộc trách. Trắc cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái giường hẹp nơi quán trọ. Nhĩ Nhã cho rằng: trách cũng gọi là giường tre. Âm tịch cũng là âm trắc ngột. Quách Phác cho rằng: tức cái giường làm bằng ván gỗ.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 7

Úy nhiên. Ngược lại âm ư vị. Quảng Nhã cho rằng: gọi là cỏ mọc tươi tốt.

Viện trợ. Ngược lại âm vu quyến viện gọi là dựa vào, nói là hộ trợ.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 8

Giới ý. Ngược lại âm cư giới. Sách Chu dịch cho rằng: lo buồn hối tiếc đó tồn đọng lại gọi là giới. Hàn Khang Bá cho rằng: giới là dứt tiệt cắt ra hiến cho, cũng gọi là thù nghịch.

Tham sam. Lại viết chữ sam cũng đồng, ngược lại âm tha kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham gọi là tham ăn là sam.

Thư tế. Ngược lại âm thiên dư. Thư là đố kỵ, những con giòi gọi là thư.

Tù hý. Lại viết chữ vu cũng đồng, ngược lại âm tợ do. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên nước. Nay Giang Nam gọi là bơi lội nổi trên, bơi sang bờ bên kia gọi là tù.

Kiêu tán. Lại viết chữ kiêu tiện hai chữ tượng hình, cũng đồng, ngược lại âm tử thư. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dơ bắn lên sách Sử ký cho rằng: trong năm bước, làm cổ máu chảy ra bắn ra. Áo của vua cũng viết là chữ tiễn.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 9

Lang manh. Lại viết chữ mang cũng đồng, ngược lại âm mạc cang. Manh là gấp vội, quẩn bách. Văn thông dụng cho rằng: thời vụ gọi là mang. Văn luật viết chữ cụ là chẳng phải thể.

Ương dưỡng. Ngược lại âm ư lượng. Mao Thi Truyện cho rằng: việc của vua gọi là ương dưỡng. Theo Truyện cho rằng: mất sự dung

chứa. Trịnh Tiễn cho rằng: gánh vác, cũng gọi là vâng lệnh, gọi là nắm giữ vâng lệnh gánh vác, thúc đẩy mau chóng làm mất đi nghi dung.

Tác chí. Nay viết chữ xí cũng đồng, ngược lại âm xích chí. Gọi là cờ xí bay phất phới. Văn thông dụng tư ký nói rằng: gọi là cờ. Quảng Nhã cho rằng: cái phướn, cái phan. Sách Mặc Tử nói rằng: dài một trượng năm, rộng nửa bức gọi là xí.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 10

Xí hành. Văn cổ viết chữ xí cũng đồng, ngược lại âm khư cổ. Văn thông dụng cho rằng: xí là nhón gót chân gọi là xí. xí cũng gọi là mong ngóng. Chữ viết từ bộ chỉ.

Tháp thủy. Ngược lại âm tha táp. Bì Thương cho rằng: tháp là uống nhiều nước. Văn luật viết chữ tháp là chẳng phải thể.

- QUYỂN 11, 12, 13 (Ba quyển trên trước đều không có âm.)

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 14

Tát tiều. Nay viết chữ diêu. cũng đồng, ngược lại âm tử tiêu. Sách Vận lược tập cho rằng: Tiều là ấm nấu nước có ba chân, có hai quai. Tự Lâm cho rằng: tiều là cái ấm chứa một đấu, giống như cái ấm. Âm diêu ngược lại âm diêu một khác nữa là âm đồ điếu.

Trịch lăng. Lại viết chữ sa lăng hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tiên qua. Gọi là dệt sợi ngang có góc cạnh.

Hoặc lỗ. Ngược lại âm lực cổ. Lỗ là bắt lấy được. ngày xưa thường bắt làm tù binh, làm tôi tớ, cũng gọi là xâm chiếm cướp đoạt lấy vật.

Ốc lưu. Ngược lại âm lực cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước trên mái nhà chảy nhỏ giọt xuống, nước trên máng xối chảy xuống đều gọi là lưu.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 15

Khuy du. Ngược lại âm khưu quy qua dau. Sách Thuyết Văn cho rằng: khuy là nhìn trộm qua khe nhỏ.

Tự di. Ngược lại âm dỉ chi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: di là biếu tặng cho. Lại chú giải rằng: gọi là để lại truyền lại.

Dĩ chỉ. Ngược lại âm chức di. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Yểm Tư phần nhiều có loại đá mài. Quách Phác cho rằng: đá mài dao, âm yểm ngược lại âm ư liêm. Âm tư ngược lại âm tử từ. âm lệ là âm lệ.

Khoa mã. Ngược lại âm khổ mạ. Tự Lâm cho rằng: khoa là ngồi xổm, cũng gọi là nhón gót chân, đi theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoa là vượt qua.

Khế chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khát cũng đồng, ngược lại âm khiếp lệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khế là nghĩ ngợi.

Giai chất. Ngược lại âm trắc lợi. Chất là ngăn trở, trở ngại. Văn thông dụng cho rằng: bất lợi gọi là chất, hạn hẹp đến trở ngại gọi là chất.

- **QUYỂN 16** (Trước không có âm.)

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 17

Tự bao. Tự thư cho rằng: viết chữ bao này cũng đồng, ngược lại âm bạch bao. Sách Thuyết Văn cho rằng: thui lông nướng thịt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lấy lông đem thui nướng gọi là bao cũng gọi là gói bao quanh rồi đem thiêu đốt nướng.

Khất nhân. Ngược lại âm cửu ngật. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói khó khăn cũng gọi là nói cà lăm, nói lắp.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 18

Quán đầu. Ngược lại âm cổ hoạn. Gọi là quán xâu xuyên suốt qua đầu.

Thanh hồng. Văn cổ viết chữ khưu cũng đồng, ngược lại âm hồ công. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầu vồng hình trạng giống như con trùng. Chữ viết từ bộ trùng tục gọi là người con gái đẹp. Âm đế là âm đế. Âm đống là âm đống.

- **QUYỂN 19** (Trước không có âm.)

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 20

Hiếp chư. Thể chữ viết chữ hiếp cũng đồng T.698, ngược lại âm hư nghiệp. Gọi là lấy uy lực để dọa nạt.

Lôi đình. Ngược lại âm đạt đĩnh đạt đinh hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sấm sét rất mau, nổi cầu vồng. Quách Phác cho rằng: sấm sét bắn lửa ra tung tóe. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sét đánh lộ ra. Âm nghê ngược lại âm ngũ kế.

Huệ bạn. Ngược lại âm hạ khuê. Sách Thuyết Văn cho rằng: năm mươi mẫu ruộng gọi là một khuê. Nay gọi là thửa ruộng, luống rau là khuê v.v... Văn luật có viết chữ thấy ngược lại âm thực chứng. Gọi là ruộng trồng lúa.

Mao điệp. Ngược lại âm bố mang. Tự Lâm cho rằng: Thảm vuông dệt có vân đó gọi là điệp cũng gọi là thảm trải đất, thảm lông thưa. Văn luật có viết chữ điệp là chẳng phải thể.

Câu nhiếp. Ngược lại âm chi thiệp. Hoặc gọi là câu chấp. Tiếng Phạm chuyển đọc sai. Gọi là thảm có lông rủ xuống.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 21

Sạn phát. Lại viết chữ sạn cũng đồng, ngược lại âm sơ giản. Quảng Nhã cho rằng: sạn là vót, gọt. Theo Thanh loại cho rằng: sạn là san bằng, tiêu diệt.

Đồn môn. Ngược lại âm đồ côn. Quảng Nhã cho rằng: đồn là chỗ tụ tập, cũng gọi là đóng quân để phòng thủ.

Đẳng tiệp. Ngược lại âm tư hiệp. tiệp cũng gọi là thuộc giày dép, guốc gỗ. Văn luật tiệp là chẳng phải thể.

Tác diệu. Ngược lại âm âm nhất báo. Thuộc loại ủng giày cổ cao để đi mưa. Văn luật viết ủng tục ngữ nói sách không có chữ này.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 22

Chiên chỉ. Ngược lại âm tri liên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chiên thuộc loại cá lớn, giống như con mình, con lươn, mà ngắn hơn, miệng mũi ở hàm dưới. Giang Đông gọi là cá vàng, cũng gọi là cá chép dài đó là hai, ba văn. Âm đàm. ngược lại âm từ lâm. loại cá dài mũi dài bảy, tám thước, thịt nặng ngàn cân.

Dung khác. Ngược lại âm khứ lục. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Giang Hoài Trần Sở gọi là khuê tức là cong lại. Âm khúc là âm khúc. Lại chú giải rằng: Sở Từ chuyển ngữ.

Kham mễ. Cổ văn viết chữ tham. Trụ văn viết chữ tàm cũng đồng, ngược lại âm tảng cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: gạo nấu cháo làm canh. Văn luật viết chữ diêm là chẳng phải.

- **QUYỂN 23** (Trước không có âm.)

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 24

Phủ tỏa. Ngược lại âm thả ngọa. Gọi là hình phạt chém ngang

lưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Văn luật viết tỉa, ngược lại âm tài qua. Gọi là cái nôi nhỏ. Âm phủ lại âm tộc.

Tương giai. Ngược lại âm khẩu giai. Quảng Nhã cho rằng: giai là chà xát. Chữ viết từ bộ thủ.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 25

Bệ tiễn. Ngược lại âm phổ đế. Sách Phương ngôn cho rằng: mũi tên rộng dài mà dẹp mỏng, làm bằng tre, gọi là bể.

Nhân la. Ngược lại âm lực hạ. Sách Vận lược cho rằng: la là đi tuần tra chẳng phải đi vòng quanh. Thuộc phòng thủ, đóng giữ. Gọi là đi diễu binh, lấy làm phòng ngự, quan đứng đầu. Văn luật viết chữ la, ngược lại âm lực ca. Gọi là giá la. Gọi là người dân thường. Âm giá ngược lại âm chi tà.

Nê mạm. Lại viết chữ mạn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm mạc bàn. Gọi là cái bay của thợ nề. Quách Phác cho rằng: nê mạn tức là thợ nề. Âm ô là âm ô.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 26

Điện thực. Ngược lại âm đồ kiến. Gọi là bày ra hiến cho. Quảng Nhã cho rằng: điện là tiến cúng, tế lễ.

Phế chi. Ngược lại âm phủ phát. Phế là cái cối đá giã gạo. Bì Thương cho rằng: phế là chày nhỏ giã gạo. Văn thông dụng cho rằng: chày nhỏ gọi là thang ngược lại âm đãng.

Tam nổi. Tam Thương cho rằng: âm nô hồi. Tay nắm vuốt ve. Sách Thuyết Văn cho rằng: đẩy ra dùng tay xô đẩy ra, cũng gọi là nắm chặt tay.

Phiên phiên. Lại viết chữ phiên cũng đồng, ngược lại âm phù nguyên. Quảng Nhã cho rằng: phiên phiên là bay lên cao, cũng gọi là tràn đầy, xung mãn. Văn luật viết chữ phiên này là chẳng phải.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 27

Chiếp tự. Lại viết chữ khả linh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lặc chi thức chi hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con trâu gọi là tự. Chú giải rằng: con trâu ăn rồi lại nhả ra nhai lại.

Bào trù. Ngược lại âm bổ giao. Bào là nói bao gồm, trong nhà có nhà bếp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: là người chủ nấu thức ăn.

Hiệp trợ. Ngược lại âm cổ hiệp. Tự Lâm cho rằng: âm công hiệp. Hiệp đó cũng gọi là trợ. Âm dưới là văn thứ. Gọi là đôi đũa để dùng ăn cơm. Hiệp đó cũng gọi là lấy gắp thức ăn. Văn luật viết chữ hiệp nghĩa là cất giấu. Hiệp này là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đấu thủy. Ngược lại âm cư nguyên. Văn thông dụng cho rằng: lấy nước gọi là đấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cho nước rỉ xuống.

Tỏa thảo. Ngược lại âm thiên ngọa. Gọi là cắt cỏ cho ngựa ăn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: gọi còn thừa dư lại cỏ rơm trong chuồng ngựa. Theo Truyện cho rằng: tỏa là cỏ sô.

- QUYỂN 28 (Trước không có âm.)

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 29

Tác ky. Ngược lại âm cự ký. Gọi là nối kết, cũng gọi là viết văn, làm văn, phép đặt câu.

Thát thước. Ngược lại âm tha mạc. Tự Lâm cho rằng: trật chân vấp ngã gọi là thát văn lấy nghĩa này.

LUẬT NGŨ PHẦN
QUYỂN 30

Húc miễn. Ngược lại âm hứa ngọc. người nước Tề, Lỗ gọi gắng sức là húc. Sách Thượng thư cho rằng: người phu kéo xe cô gắng sức lên. Khổng An Quốc chú giải rằng: húc là khích lệ, cũng gọi là miến

cưỡng.

A phù. Ngược lại âm thất vưu. Tiếng Phạm, dựa theo chữ giải thích là cho ăn, cho bú mớm.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 59

- Chỉ âm Tứ Phần luật - sáu mươi quyển

TỨ PHẦN LUẬT - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Luật tạng. Ngược lại âm lực xuất. Tiếng Phạm, hoặc nói là tỳ-ni. Hoặc nói là bể-nê-ca. Hoặc nói là tỵ-na-dạ. Hoặc gọi là tỳ-nại-da đều do tiếng Phạm chuyển đọc âm thanh có nặng có nhẹ. Chuyển ngữ đều sai. Đây dịch là ly hành. Hành cũng là con đường. Đây cũng thể nói rằng: hành là xa lìa con đường xấu ác. Bởi vậy nên gọi là tên. Hoặc gọi là hóa độ, kinh tiếng Phạm nói là hóa độ chúng sanh. Hoặc nói là điều phục, điều phục tham sân si. Tức là kinh Văn Thù tịnh Luật nói rằng: hiểu rõ tham dục gọi là luật. Theo sách Nhĩ Thất nói rằng: pháp tắc luật nghi, gọi là pháp tắc. Lại cũng gọi là Luật thuyên. Chỗ gọi là pháp luật thuyên là đo lường nặng nhẹ. Lại cũng gọi là luật thường dùng, có thể nói là luật thường hành trì. Cho nên chữ viết từ bộ xước, xước tức là hành, đến bộ duật, duật đó là cây bút, là định tội đúng với luật hình chẳng phải bút là không đoạn lìa. Thích danh cho rằng: luật đó ràng buộc, trói buộc, là lưới giăng khiến cho người không được tự do phóng túng. Nói thi la đó. Đây giải thích là ngăn chặn, dứt trừ. Gọi là dừng ác mà được điều thiện. Xưa gọi là thanh định, và tánh thiện đó đều là nghĩa đây giải thích. Âm lụt ngược lại âm âm lực truy.. Lụy tức là trói buộc.

Khể thủ. Giải thích chữ cổ văn cồ viết chữ khể cũng đồng, ngược lại âm khổ lễ. Bạch Hổ Thông cho rằng: chỗ gọi là thế nào là khể thủ? Khể là đến. thủ là đầu. Nói là đầu đến sát đất. Tam Thương cho rằng: khể thủ là đầu cúi xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu há. Sách Chu

lễ cho rằng: Thái Chúc bàn luận rằng: lạy chín lạy gọi là khể khể thù vậy.

Thuyết giới. Ngược lại âm cố giới. Giới cũng là luật nghĩa khác nhau. Tiếng Phạm nói Tam-bà-la. Đây dịch là giới cấm nghĩa cũng là cấm. Quảng Thất cho rằng: giới là phòng bị. Sách Chu dịch cho rằng: đây là trai giới. Hàn Khang Bá cho rằng: tẩy rửa cái tâm gọi là trai, ngăn ngừa mắc phải gọi là giới. Thể chữ từ bộ cũng là nắm giữ, đến bộ qua. Lấy giới là không lo sợ, ý nghĩa của chữ. Cũng lại cũng viết chữ bái cũng đồng, ngược lại âm cư lông.

Phúng tụng. Ngược lại âm phúc phụng. Phúng gọi là tán thân ca vịnh tụng gọi là thuộc lòng văn.

Quái ngại. Lại viết chữ quái cũng đồng, ngược lại âm hồ quái. Tự thư cho rằng: lưới võng làm chướng ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngại là dừng lại.

Viên tường. Ngược lại âm vu phiền. Bao quanh bốn bức tường. Thích danh cho rằng: viên là trợ giúp, gọi là trợ giúp không có chỗ nương tựa, cho rằng trợ giúp, bảo vệ. Tường đó là ngăn cách, che chỗ gọi là ngăn che, tự ngăn che.

Tiêu hỏa. Ngược lại âm ty diêu. Gọi là lửa cháy nhỏ. Theo thể chữ viết là phiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là lửa cháy lan bay khắp bốn phía. Tam Thương cho rằng: trinh hỏa. Lã Thị Xuân Thu nói: đột nhiên tiết ra một đóm lửa bay vào thiêu đốt vây quanh cung điện vậy.

Tĩnh giã. Ngược lại âm tư đĩnh. Tự Lâm cho rằng: cởi bỏ cái say gọi là tĩnh.

Trừ dủ. Văn cổ viết chữ dủ cũng đồng, ngược lại âm du nhủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dủ là lành bệnh, khỏi bệnh. Sách Phương ngôn cho rằng: dần dần kém vui.

Thân khang. Ngược lại âm cách cang. Gọi là an khang. Tự Lâm và sách Nhĩ Thất cho rằng: khang là vui vẻ.

Nan cật. Ngược lại âm khứ chất. Sách Quảng Thất cho rằng: cật là trách móc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cật là tra hỏi.

Cẩn cơ. Văn cổ viết chữ phiếm. Lại viết chữ cơ cũng đồng, ngược lại âm kỹ trị. Sách Nhĩ Thất cho rằng: lúa thóc không nấu chín được là cơ tức là đói, rau cải không nấu chín được là cẩn tức là đói. Sách Xuân Thu nói rằng: cốc là lương thực. Theo Truyện nói: hai loại cốc không mọc lên gọi là cẩn tức là ngũ cốc không mọc lên gọi là tai ách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơ cẩn là đói khát.

Phạm hạnh. Ngược lại âm phàm phiếm. Tiếng Phạm nói phạm là ma. Đây dịch là phạm hạnh là thanh tịnh hoặc nói là trong sạch, nói cho đúng là tịch tịnh. Sách Cát Hồng Tự Uyển nói rằng: phạm là lấy nghĩa trong sạch vậy, cũng có hai bổn Phạm nói rằng: Suy-la-na-địa-da. Đây dịch là cựu, tức là bản dịch xưa. Lần thứ hai Tâm tạp loạn. luận nói rằng: đầy đủ chúng. Ngược lại lần thứ hai là vậy.

Phát bị. Ngược lại âm bì ký. Bị gọi là mang theo, cũng là mang theo y. Văn luật viết là phi là căng ra, căng cái chăn ra là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ca sa. Ngược lại âm cử khư. Ngược lại âm dưới sở da. Sách Vận tập âm da sa. Bổn chữ viết từ bộ mao viết thành ca sa hai chữ tượng hình. Sách Cát Hồng sau này viết như vậy. Sách Tử Uyển ban đầu sửa lại bộ y. Theo sách nước ngoài thường gọi ca sa. Đây dịch không đúng sắc màu, lấy các vỏ cây, lá cây, hoa v.v... không thành năm mùi vị trộn lẫn với nhau làm thức ăn đó thì gọi là ca sa lấy vật này nhuộm y áo gọi màu sắc này đỏ đục. Cho nên gọi là phạm vốn gọi là năm thứ đục, màu đục đó gọi là ca sa. Ở Thiên Trúc, các vị Tỳ-kheo dòng màu này. Màu sắc này hoặc nói là áo thâm, là y phục của tăng nhân, là T.699 phải như vậy. Lúc đầu dịch thấy gọi là màu đục. Bởi vì tên gọi. Lại theo như kinh Huyễn Tam-muội nói rằng: người nước Tấn nói là không có dơ uế, hoặc nói nghĩa y phục xa lìa được trần cấu. Hoặc gọi là áo tiêu trừ bệnh gầy ốm. Hoặc gọi là y phục liên hoa, hoặc nói là giữa màu sắc áo, đều tùy theo nghĩa mà đặc tên vậy. Trong Tam Tạng Chân Đế nói rằng: ca sa. Đây dịch áo màu sắc đỏ như máu, nói các nước ngoài tuy có năm bộ luật không đồng, đều nói là màu đỏ, nói màu xanh, đen mộc lan, nhưng các điểm trên cũng khác nhau vậy.

Lợi kích. Ngược lại âm âm cư nghịch. Tự Lâm cho rằng: loại binh khí có nhánh. Sách Chu lễ nói rằng: cây kích dài sáu thước. Thích danh cho rằng: kích cỡ, nói bên có cành chĩa ra là cách cỡ kích.

Tứ chi. Bì Thương viết chữ tứ. Tự Lâm giải thích là sai. Hoặc là viết chữ tư âm tư ngược lại âm tư ly tư sử hai âm. Sách Quảng Thất cho rằng: tứ là hầu hạ, xem xét, hình, lén lút. Âm thư ngược lại âm âm thiên nhữ.

Yết-ma. Ngược lại âm cư yết. Đây dịch là tác pháp biện sự. Ngài Ưu-ba-ly thưa hỏi kinh, cũng viết là tác kiếm mộ. Tiếp Phạm dịch sai.

Hòa thượng. Kinh Bồ-tát giới nội viết chữ hòa xà đều là các nước chứa đầy sai lầm. Nên nói là Út-ba-đệ-da-dạ. Đây dịch là cận trọng. Gọi là người đệ tử niên thiếu không được rời xa thầy, thường theo đuổi

bên cạnh thân cận để mà học hỏi kinh điển. Lại cũng nói lô-ba-đà-da. Đây dịch là thân giáo. Xưa dịch là biết có tội, biết không tội gọi là Hòa thượng. Âm ô ngược lại âm ư cô. Âm đà ngược lại âm đồ ngã.

A-xà-lê. Trong kinh hoặc là viết A-kỳ-lợi đều là sai. Nên nói là A-giá-lợi. Đây dịch là chánh hạnh. Lại dịch là A-giá-lộc-da. Đây dịch là quỹ phạm, tức là khuôn mẫu. Xưa gọi là thiện pháp trong giáo thọ. Nay cũng biết khiến cho biết tên A-xà-lê.

Quân trì. Trong kinh hoặc là viết quân trì. Đây dịch là cái bình, cái lọ, gọi là hai miệng bình rót nước ra tắm gội sạch sẽ. Văn luật viết quân tướng là chẳng phải.

La duyệt. Ngược lại âm dĩ duyết. Thập nhị du kinh nói rằng: đây là nói thành Vương-xá, nên nói rằng: La-duyệt nghĩa là lo liệu, người dân lo liệu sẽ có thể nước khác đánh dẹp, công phá thành Vương-xá này.

Yết-lê. Đây nói rằng: Xá trung là trong nước Ma-già, tên của thành.

Đào sư. Lại viết chữ đào cũng đồng, ngược lại âm đại lao. Sách Sử ký nói rằng: đào là đồ gốm sứ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đào là nhà làm đồ gốm. Đồ gốm bắt đầu từ đời vua Thuấn là nơi tỉnh Hà Tân. Theo Tây Vực, đất phần nhiều xấu ẩm ướt, mà lại không được làm lò gốm sứ, nhưng mà khi làm ly, bát phải đem phôi, nung, chữ mượn cân là diêu.

Sài tân. Ngược lại âm sĩ giải. Sách Lễ ký cho rằng: thâu lượm nhặt củi khô ở vùng đất rộng xa xôi. Trịnh Huyền cho rằng: cây lớn có thể chẻ ra mà làm củi, cây nhánh nhỏ làm bó lại gọi là củi, đem cho đốt vào lò làm nhiên liệu.

Tướng súy. Ngược lại âm sở luật. Gọi là làm tướng lãnh. Soái là người dẫn đường.

Bình sa vương. Đây là nói sai. Nói cho đúng là Tần-bà-sa-la. Đây gọi là hình lao, vua nước Ma-già-đà.

Sách ly. Ngược lại âm xoa bạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện cây làm hàng rào. Chữ ly lại viết chữ ly đà hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực chi. Văn thông dụng cho rằng: lấy cây củi bện làm vách tường gọi là đà. Cây gỗ làm vách gọi là sách. Thích danh cho rằng: lấy củi làm vách là cách nhau thưa hơn. Văn luật viết chữ nham vũ là chẳng phải thể. Âm nham là âm nam, âm vũ là âm cũ.

Thân hậu. Văn cổ viết ốc cũng đồng, ngược lại âm hồ cẩu. Theo chữ hậu đó nghĩa là không có mỏng, tức là nhiều lớp dày. Văn luật viết chữ hữu. Ngược lại âm vu cửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hữu là bạn

đồng chí. Sách Quảng Thất cho rằng: là bạn thân ái. Tùy theo mà viết điều được vậy.

Nhược. Ngược lại âm lực hạ. Thuộc về đóng giữ, phòng thủ. Cũng gọi là đi diễu binh, làm sự cấm giữ phòng ngự. Sách Vận lược cho rằng: la gọi là đi tuần hành, chẳng phải đi quanh. Văn luật viết chữ la là chẳng phải thể.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 2

Xuy xuế. Ngược lại âm sung nhuế. Tự Lâm cho rằng: lông dê mịn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: có áo lông mịn. Xưa là dành cho vua, hoặc là quan đại phu, mặc đi tuần hành các nước lân bang.

Kiếp bối. Hoặc gọi là kiếp-ba-dục. Hoặc gọi là kiếp-bà-sa. Nói cho đúng Ca-bà-la. Đây dịch là tên của cây thọ hoa. Cũng có thể cho rằng: bố cao xương gọi là áo vải thưa, cũng gọi là thảm lông. Gọi là nước Kế Tân lấy ở Đại Nam mà thành cây ở phương Bắc, cây hình trạng nhỏ như cây rau đất, khi mở ra bằng như cái trống, khi trổ hoa nhiều cây liễu, có bông mềm mại, có thể dệt làm vải, dùng may áo. Âm nhẫn ngược lại âm nữ chẩn.

Sa-la-bà-ni. Hoặc là viết Xoa-la-bà-nhị. Hoặc nói là Sám-la-bán-ni. Đây dịch là nước tro than.

Sô-ma. Ngược lại âm trắc câu. Hoặc gọi là tô-ma. Hoặc nói là sám-ma. Đây dịch là vải thô, áo vải thô, cũng nên nói áo cỏ thô. Theo nước ngoài cũng gọi là thiếu ít tơ mà nhiều dây gai dùng bà-thúc-ca quả và cỏ lông dê mịn tơ tầm hoang dã mà dệt làm áo v.v...

Táp-bà. Ngược lại âm sa-bà. Hoặc là viết bát-đam-sa-bà. Đây gọi là quốc từ tên của nước mà gọi là y. y đó hoặc nói là đầu-cầu-la-y cũng gọi là đầu-cưu-la-y. Đây gọi là vảo áo, cúc áo, vải thưa.

Dực thượng. Ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Thất cho rằng: dực gọi là cây cọc, chức cũng gọi là dực. Quách Phác cho rằng: dực là cây cọc cây cột buộc trâu bò. Âm chức ngược lại âm đồ đắc.

Thị tứ. Ngược lại âm tương lợi. Xưa nay chú giải rằng: tứ là bày ra, gọi là sắp bày hàng quán. Tứ là chỗ bày hàng hóa các vật để bán, chỗ hàng quán chung bày hàng hóa các vật bán ra. Tứ cũng là xếp hàng, gọi xếp hàng hóa tài vật nơi chợ vậy.

Thuyền phảng. Ngược lại âm bô vọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ phương phưỡng hai chữ tượng hình. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phảng là chiếc thuyền. Quách Phác cho rằng: hai bên mạn thuyền. Văn thông dụng cho rằng: những chiếc thuyền liên kết với nhau là phảng, tức là phương. Văn luật có viết phảng. Âm phảng là âm phương. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây gỗ có thể làm bè vuông, chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Lỗ thuyền. Lại viết chữ lỗ lô hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực cổ. Gọi là mái chèo lớn bên mạn thuyền gọi là lỗ. Chỗ gọi là đẩy thuyền đi tới, cũng gọi trên lầu thuyền, cái mui thuyền.

Phiệt thuyền. Văn thông dụng viết chữ bát. Sách Vận lược tập viết chữ bát cũng đồng, ngược lại âm quyết nguyệt. Sách Phương ngôn cho rằng: cái bè gọi là phiệt, bện tre gỗ làm bè nổi trên sông, vận chuyển vật, ở phương Nam gọi là bệ. Người phương Bắc gọi là phiệt. Âm bài ngược lại âm bổ gai.

Thủy thát. Ngược lại âm tha cát tha ha hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con chó nhỏ sống dưới nước, bắt cá ăn. Văn luật viết chữ thư là chẳng phải. Ngược lại âm đinh cát. Tự Lâm cho rằng: cát thư là tên của loài thú, giống như con chó sói, đầu nói đỏ. Thư chẳng phải thể chữ đây dùng. Âm cát ngược lại âm cổ cát.

Thất-thâu-ma-la. Hoặc là viết thất thủ. Luật Thiện kiến nói rằng: cá ngạc dài hơn hai trượng, có bốn chân giống như cá sấu, răng bén nhọn như cầm thú, lặn xuống nước bắt cá ăn, tức là con rái cá. Cũng gọi là con sát tử, giết cá.

Di hầu giang. Tiếng Phạm gọi là Vị-ca-trá. Đây dịch là Hầu-hạ-la-đà. Đây dịch là trong ao thành Xá-ly, vườn Yểm-la. Thuở xa xưa, bầy khỉ tụ tập là Phật xuyên qua ao này. Nay nói là giang đó, người dịch nghĩa lập ra, như nói Hằng hà cũng viết Hằng giang.

Đốt nam. Ngược lại âm đinh khang. Tự Lâm cho rằng: đốt là lời mắng mỏ. Tự thư cho rằng: đốt là quát tháo la mắng.

Ỷ phát. Ngược lại âm phủ việt. Gọi là máy phát ra. Cơ là chủ phát. Sách Thuyết Văn cho rằng: phát xạ. Văn luật viết chữ bát ngược lại âm bổ mạt. Quảng Thất cho rằng: bát trừ bỏ, cũng gọi là phế bỏ, bát chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ác thú. Sách Nhĩ Thất âm nghĩa cho rằng: thủ cũng là thú, con thú có hai chân mà có lông vũ gọi là cầm, có bốn chân mà lông mao gọi là thú.

Xà thú. Ngược lại âm thức diệc. Tự Lâm cho rằng: loài côn trùng

bò sát. Quan Tây gọi là hành. Đây lại âm hồ các. Sơn Đông gọi là hành. Đây âm là thích ngược lại âm tri hiệt. Nam và Bắc nói đều thông dụng.

Tang-già-lam. Đây nói sai. Nói cho đúng Tăng-già-la-ma.. Đây nói chúng viên.

Hạp tập. Văn cổ viết chữ hạp hiệp hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ giáp, gọi là gần, thói quen. Gọi là gần gũi, quen chỗ gọi là bành. Văn luật viết là hạp là chẳng phải thể.

Tự thiên. Ngược lại âm tợ tư. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tế tự. Lại nữa, sách Lã Thị Xuân Thu nói: tế cũng gọi là tự gọi là cúng tế.

Ô thân. Ngược lại âm ô cô vu tọa hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm việc ô uế, nhơ nhớp. Thích danh cho rằng: ô là đục, giống như là bùn dơ.

Môn mạc. Ngược lại âm mạc côn mạc bổn hai âm. Theo Thanh loại cho rằng: môn mạc là sờ mó. Tự Lâm cho rằng: môn là an ủi vỗ về, nắm giữ. Theo chữ môn mạc gọi là cầm nắm lấy vật.

Nại bể. Văn cổ viết chữ cũng đồng, ngược lại âm bổ mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài. Người phương Bắc dùng âm này, ngược lại âm phương nhĩ. Người Giang Nam cũng dùng âm này. Văn luật viết chữ bể tục tự thường hay dùng.

Thảo kiết. Lại viết chữ giai giai hóa ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm công bát. Kiết là rơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giai cũng là rơm rạ, lúa lép, trấu. Sách Thiên tế cho rằng: cỏ khô héo. Văn luật viết chữ cáo ngược lại âm cổ mộc. Gọi là cám. Âm cáo chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 3

Ma-hê. Ngược lại âm hồ hề. Lại dịch rằng: cõi trời Đại tự tại.

Bại-nặc. Ngược lại âm bổ giới. Tiếng Phạm nói là Bà-sư. Đây dịch là ca vịnh khen ngợi. Chữ bại-nặc đó là nghi ngờ là sai. Chữ bà mượn âm, ngược lại âm bổ hạ.

Sang khổng. Văn cổ viết sang nhẫn hai chữ tượng hình. Nay viết chữ sang cũng đồng, ngược lại âm sơ lương. Sách Thuyết Văn cho rằng: sang là vết thương. Sách Lễ ký cho rằng: trên có ghẻ nhọt thì phải gội

lại âm sở lượng. Sáng là lập ra đầi tiên, chẳng phải nghĩa nay dùng. Nay lại viết chữ này chữ gần nghĩa là vết thương, ung nhọt.

Hoàn thực. Ngược lại âm đồ hoàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoàn viên. Văn thông dụng cho rằng: nắm tay kết đoàn, đoàn thể, kết thành tổ chức gọi là đoàn. Văn luật viết chữ sủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đoán, lường. Ngược lại âm đô quả. Người phương Bắc dùng âm này. Ngược lại âm sơ ủy. Người Giang Nam dùng âm này. Âm sủy chẳng phải chữ nghĩa này.

Thích ý. Ngược lại âm thi diệc. Sách Quảng Thất cho rằng: thích là vừa vặn, hợp. Gọi là sự vật xứng hợp với người, vừa lòng người.

Sở bảo. Văn cổ viết chữ bảo ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ đạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bảo dưỡng, cũng gọi là giữ gìn.

Hoa mạn. Tiếng Phạm nói Ma-la. Nạm là âm man. Theo Tây Vực là kết tràng hoa làm trang sức phần nhiều dùng tô-ma-na hoa xếp thành hàng, cho rằng kết xâu làm tràng, không hỏi nam nữ, sang hèn đều dùng đây trang nghiêm nơi thân. Trong csc kinh đều có nói. Thiên mạn, là hoa trời. Bảo mạn, Hoa mạn v.v... đều là vây. Văn luật viết chữ mạn là chẳng phải thể.

Càng tiêu. Ngược lại âm âm cổ hàn. Âm dưới văn cổ viết chữ tiêu. Ngược lại âm tư diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là hết sạch. Văn luật viết chữ can là chẳng phải.

Trĩ bệnh. Ngược lại âm trực lý. Gọi là bệnh hậu. Thích danh cho rằng: trĩ làbệnh nhiễm trùng, vi trùng đụckhoét, ăn lở loét.

Lý hạng. Sách Chu lễ cho rằng: năm nhà làm một lân, năm lân làm một lý. Cũng gọi là hai mươi lăm nhà là một lý. Lý là chỗ dân cưở, phòng nhà vuông một lý, ở trong một lý.

Nhữ vào. Lại viết chữ tào cũng đồng, ngược lại âm tự lao. Tào là chiếc xe vua đi có đông người hầu hạ.

Lưỡng sí. Văn cổ viết chữ sí hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm quy trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: sí là cánh chim.

Trách thủ. Văn cổ viết chữ trách cũng đồng, ngược lại âm tri cách. Sách Quảng Thất cho rằng: trách là căng ra, trách là mở ra. Văn thông dụng cho rằng: trương thẳng ra gọi là trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cởi ra, mở ra. Văn luật viết chữ kiệt ngược lại âm cự liệt. Tự Lâm cho rằng: là cường bạo. Lại cũng viết trách chưa rõ chỗ xuất phát nơi sách nào.

Điền mãn. Văn cổ viết chữ điền cũng đồng, ngược lại âm đồ kiên.

Quảng Thất T.700 cho rằng: điền là lấp bít lại.

Yểm tí. Ngược lại âm tại dịch. Văn thông dụng cho rằng: tí là ngâm vào nước gọi là tí. Sách Thuyết Văn cho rằng: tí là bọt nước.

Đê phòng. Văn cổ viết chữ điện cũng đồng, ngược lại âm đô hề. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đê là ngăn nước. Lý Tuần cho rằng: đê là ngăn phòng nước tràn vào. Sách Hán thư cho rằng: không có đê ngăn là nước tràn vào. Chương Thiệu cho rằng: chứa đất làm bờ rào ngăn chặn.

Sở nhận. Ngược lại âm nhi chứng mất đi vật mà nhận biết gọi là nhận. Văn luật viết chữ nhẫn hai chữ tượng hình này chẳng phải thể.

Cách tỷ. Văn cổ viết chữ tỷ ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở ỷ. Sở giải hai âm. Theo Thanh loại cho rằng: tỷ là thuộc giày dép da.

Phanh địa. Ngược lại âm bổ canh. Nay gọi là bấn dây nẻ mực, là phanh. Giang Nam gọi là phanh ngược lại âm phổ canh.

Bộ thời. Ngược lại âm bổ hồ. Sách Hoàn Nam Tử nói rằng: đi một ngày tới nơi chẳng phải quá trưa. Nay một ngày cộng thêm giờ thân vậy.

Thóa khổn. Ngược lại âm hộ cơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ tròn.

Xúc nhiêu. Ngược lại âm nô liễu. Tam Thương cho rằng: nhiêu là làm trò. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiêu là quấy nhiễu làm trò vui cười.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 4

Yết dương. Ngược lại âm đinh hề. Tam Thương cho rằng: yết là con dê đặc biệt. Quảng Thất cho rằng: con dê đực.

Điển lãnh. Lại viết chữ điển cũng đồng, ngược lại âm đinh nhĩ. Quảng Thất cho rằng: điển là người chủ.

Thấu thái. Lại viết chữ thấu này cũng đồng, ngược lại âm sở giác. Gọi là bú mút. Văn thông dụng cho rằng: ngậm mà hút vào gọi là thấu.

Lão mại. Hoặc là viết chữ mại cũng đồng, ngược lại âm mạc giới. Sách Quảng Thất cho rằng: mại là quay trở về. Sách Thuyết Văn cho rằng: mại là đi xa. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngày tháng càng đi

xa hơn. Theo Truyện cho rằng: mại là đi xa.

Lão mạo. Hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo. Sách Lễ ký cho rằng: tám mươi tuổi gọi là mạo. Trịnh Huyền chú giải rằng: mạo là người mê muội hay quên. Theo Tả Truyện cho rằng: lão tướng biết mạo là kịp thời. Đỗ Dự cho rằng: mạo là loạn.

Thích sanh. Sách Thuyết Văn âm là thi xích. Gọi là mới bắt đầu gần gũi.

Bính thạch. Văn cổ viết chữ bính. Hoặc viết chữ bính cũng đồng, ngược lại âm ban mảnh. Bính nghĩa là chạy tán loạn.

Tự tích. Ngược lại âm tinh xích. Quảng Thất cho rằng: tích là gấp cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gấp, xếp áo lại. Âm khuất ngược lại âm khương nguyễn.

Tứ điệp. Ngược lại âm đồ giáp.. Tam Thương cho rằng: điệp là nhiều lớp. Lại viết chấp. Tự Lâm cho rằng: nhiều lớp, hai chữ tượng hình này thông dụng. Văn luật viết điệp chữ điệp giản thể. Chữ điệp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đông thống. Lại viết chữ đông hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đồ đông. Theo Thanh loại cho rằng: viết chữ đông. Sách Thuyết Văn cho rằng: đông là bệnh đâu nhức. Thích danh cho rằng: đông là bệnh tê. Thường âm đắp.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 5

Khái quán. Ngược lại âm ca lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái quán là rót nước tưới trên đất.

Trịch hoa. Ngược lại âm đô đình. Thiên Thương Hiệt cho rằng: dùng ngón tay nắm bắt lấy vật. Văn luật viết chữ trịch. Tự Lâm cho rằng: ném vật dư vào lửa. Lại cũng gọi là ném vật xuống đất. Có viết chữ trịch đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xương kỹ. Ngược lại âm xỉ dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: trờ chơi. Theo chữ bài là người ca nhạc múa hát vui chơi, chỗ gọi là trờ cười làm sự hài hòa vui vẻ. Văn luật viết chữ bài ngược lại âm thất khải. Gọi là nhổ nước bọt. Bài chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tụ lạc. Văn cổ viết chữ tụ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài ác. Gọi là thôn ấp, tụ lạc, hương thôn nhỏ gọi là tụ. Quảng Thất

cho rằng: lạc là chỗ ở. Gọi là chỗ người ở đông đúc. Sách Thư cho rằng: dân cư không có dời chỗ ở, tụ lạc làng xóm, thôn ấp vậy.

Triệu trịch. Ngược lại âm trên tha điếu. Lại âm đồ điêu. Ngược lại âm dưới là trì diệc. Sách Vận tập cho rằng: triệu là vượt qua. Nay nói triệu là dùng dằng không có tiến tới.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 6

Tam y tăng-già. Đây âm sai. Nên nói rằng: tăng-già trí. Hoặc nói tăng-già hộ. Đây dịch là hợp. Lại gọi là trọng. Cũng gọi là hạt, tức là cắt rọc nhiều lớp mà thành. Đây gọi là một cái y cắt rọc nhiều lớp vải mà thành, hơn hai cái y, hoặc là nói cắt rọc đúng như pháp, Pháp mật bộ và chư Hữu bộ luật v.v... phần nhiều đều có nói đến thì không có cắt rọc. Như Thánh biên bộ luật và Đại chúng bộ luật v.v... thì nói cái y có cắt rọc, như nói không có cắt rọc đó là thẳng, ngược lại các góc, dùng móc nhỏ móc lên mà thôi.

Mất-đa-la-tăng. Hoặc gọi là Út-đa-la-tăng-già. Hoặc gọi là Ưu-đa-la-tăng. Hoặc gọi là Âu-đa-la-tăng cũng đều là tiếng Phạm chuyển đọc sai. Đây dịch là Thượng trước y. Trước cũng gọi là thân tương hợp, nói đây là y phục thường dùng rất cần thiết trên hết trong tất cả y. cho nên gọi là tên, hoặc nói là cái y che bên vai trái.

An-đa-hội. Hoặc nói là An-đa-vệ. Hoặc viết An-đa-bà-sa. Hoặc gọi là An-đà-la-bạt-tát. Đây dịch Trung túc y. gọi cận thân tục, hoặc gọi là y quấn thân.

Cánh mậu. Lại viết chữ mậu cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu. Tam Thương cho rằng: trình độ mua bán trao đổi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: mậu là mua bán nơi chợ búa. Quách Phác cho rằng: trao đổi vật gọi là mậu. Mao Thi Truyện cho rằng: bao gồm hàng hóa vải vóc tơ lụa.

Trung sái. Lại viết chữ sái. Sách Phương ngôn cho rằng: sái là phơi khô, làm cho vật khô. Quách Phác âm sương trí. Ở phương Bắc dùng âm này, ngược lại âm sở ải. Giang Nam dùng âm này.

Ngũ cốc. Theo sách Lễ ký nguyệt lịnh cho rằng: lúa mạch lương thực của vua ăn vào mùa xuân. Trịnh Huyền cho rằng: lúa mạch thật có phu giáp thuộc mộc, đến mùa hạ ăn đậu thúc, đậu thúc thật có chu giáp

kiên hợp. Thuộc thủy, mùa hạ ăn lúa tắc, lúa tắc tức là ngũ cốc. Thời hạn dài. Thuộc thổ, trong thổ giữa mùa thu ăn lúa ma. Thật có văn lý thuộc kim. Mùa đông thì ăn lúa thử. Thử tức là tứ thư thái thoải mái thư tán. Thuộc hỏa đều thuận theo thời tiết mà ăn, dùng để an ổn thân khí, tính hiệp, hợp tính chất.

Xưởng lộ. Ngược lại âm xỉ dưỡng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: xưởng là cao rộng lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bình trị cao lớn có thể nhìn ra xa. Văn luật viết xương là âm xương. Sách Sở từ cho rằng: thiên môn, cũng gọi là Tây phong. Xương chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trừ tích. Ngược lại âm trực ư. Tam Thương cho rằng: trừ là dự bị chứa vật, lấy làm dự bị đó gọi là trừ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ là chờ đợi đãi ngộ, chứa nuôi chứa nhân tài. Âm đãi ngược lại âm trực lý.

Tiễn phanh. Ngược lại âm bổ hành. Gọi là búng ngón tay. Văn luật viết chữ phanh cùng với chữ bính cũng đồng, ngược lại âm ba hành. Tự Lâm cho rằng: văn không có chỗ dựa để giải thích.

Đồ tiễn. Ngược lại âm đạt hồ. Âm dưới thiên điển , Tây điển hai âm. Gọi là lấy chân giẫm đạp lên đất. Tam Thương cho rằng: viết chữ triển. Lại viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm thác các.

Trảo giới. Lại viết chữ cát cũng đồng, ngược lại âm công bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: cát là cạo sạch.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 7

Nghiêm giá. Văn cổ viết chữ cách cũng đồng, ngược lại âm da hà. Tự Lâm cho rằng: đóng ngựa vào xe gọi là giá. Quảng Thất cho rằng: giá là đi, giá cũng là chỗ theo.

Trích giải. Ngược lại âm tha địch. Gọi là trừ bỏ, bới móc, gọi là bới móc tìm lỗi.

Ứng thiếp. Ngược lại âm tha giáp. Văn thông dụng cho rằng: đề văn viết thư gọi là thiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiếp bức màn, tấm vải lụa trắng viết thư vào. Văn luật viết chữ thiếp ngược lại âm đồ hiệp. Sách Phương ngôn cho rằng: áo nhà thiền, tức là áo của tăng sĩ. Chữ thiếp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bạo kiển. Ngược lại âm bổ cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạo là phơi khô dưới ánh mặt trời. Chữ kiển văn cổ viết chữ hiện cũng đồng,

ngược lại âm công điển. Kiển là cái kéo tơ sợi.

Dĩ cân. Ngược lại âm cư ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là cái búa chặt cây. Sách Quốc ngữ cho rằng: cân là cái búa lớn. Thích danh cho rằng: cân là cái búa người dùng thận trọng làm cái bảng rộng có thể vót nhọn. Lại có lóng khúc thì dùng cái búa này có thể nói rõ ràng là san bằng, tiêu diệt dấu tích. Văn luật viết chữ cân ngược lại âm ngư cân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cân là mũi đao nhọn đục khoét. Lại âm ngưu dẫn.. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là pha chế thuốc âm tể ngược lại âm tử tùy. Đao kiếm, cung tên. Cân chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tế thóa. Ngược lại âm thả ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Theo chữ thóa giống như chặt, đốn phá. Văn luật viết chữ thóa là chẳng phải.

Đồ đóa. Ngược lại âm đô quả. Tự Lâm cho rằng: đất cứng chắc.

Nhu dương. Ngược lại âm nô cấu. Bì Thương cho rằng: mùi trên thân con cừu, dê, dê non, cừu non, gọi nghê nhu. Âm nghê ngược lại âm nữ giai.

Thân bát. Ngược lại âm xoa cận. Chữ thân cũng là chữ thân. Gọi là ẩn nấp bao bọc xung quanh bên trong.

Tác kiên. Ngược lại âm mạc báo. Gọi là y trùm đầu.

Tác vạt. Văn cổ viết chữ vạt ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm vô phát. Gọi là tất, vớ. Thích danh cho rằng: vớ, tất mang dưới chân.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 8

Phân mang. Ngược lại âm vong giang. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông bò có trắng đóm đen lẫn lộn. Nay phần nhiều viết chữ mang. gọi là chó lông xù. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chó lông xù, loại chó này không cắn.

Nhiễm tích. Ngược lại âm phương mạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là xé ra, xé nứt ra. Quảng Thất cho rằng: tích là phân ra.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 9

Sám hối. Đây là nói sai lược. Trong sách không có chữ sám này. Nên nói là xoa-ma. Đây nên nói là nhận. Gọi là dung thứ tội cho ta. Nửa tháng xoa-ma là tăng trưởng giới, nguồn gốc là bô-sa-tha. Đây dịch tăng trưởng giới, cũng gọi là Bát la đế đề xá da mị. Đây dịch ta vì người khác, gọi là hướng đến người khác nói tội. Xưa gọi là bố tát đó là nói sai lược, dịch là tịnh trụ nghĩa lật lại.

Ngũ trệ. Ngược lại âm trương vệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trệ là nối kết hợp lại, nối liền lại với nhau.

Quắc nội. Văn cổ viết chữ quắc cũng đồng, ngược lại âm hứa vực. Lại là âm vực. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đánh bằng roi gọi là quặc. Quách Phác chú giải rằng: cửa hẹp. Âm sất ngược lại âm điền kiết.

Hộ phi. Tự thư cho rằng: một cánh cửa gọi là hộ. Hai cánh cửa gọi là môn. Ở trong nhà giữa gọi là hộ. Ở ngoài cổng làng khu vực thốn đầu làng gọi là môn. Văn luật viết chữ phi, chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

Tác thôi. Ngược lại âm cự nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là cột trụ buộc trâu. Âm dực ngược lại âm dĩ chức.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 10

Trấn liệt. Ngược lại âm ly chiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là lửa cháy dữ dội. Quảng Thất cho rằng: liệt là lửa cháy rực.

Ách trung. Ngược lại âm chi di. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ làm vườn, cũng gọi là cái xẻng. Ứng Triệu chú giải sách Thượng thư rằng: ách là thọ nhận bốn góc, mang ách. Văn luật viết chữ chi chi là điều. Chữ chi chẳng phải chữ nghĩa đây dùng. Âm viên ngược lại âm đồ chiên.

Đãng trung. Ngược lại âm tha lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái thùng lớn làm bằng gỗ, giống như cái bình mà ngắn hơn, rộng như cái thùng. Văn luật viết chữ đãng ngược lại âm đương lãng. Quảng Thất cho rằng: đãng là loại rau cỏ. Chữ đãng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hộ hướng. Ngược lại âm hứa lượng. Tam Thương cho rằng: cửa sổ

nhìn ra hướng Bắc, cũng gọi là cửa sổ có song chắn.

Thập vật. Ngược lại âm thời lập. Gọi là số đông, cũng gọi là tụ tập, tạp loạn, sẩnh vật của riêng tư. Nay người ta nói rằng: đồ vật trong nhà sanh sản ra quá nhiều. T.701 Giống như là thập vật. Vật tức là đồ dùng, giang Nam gọi là thập vật. Nơi này gọi là ngũ hành. Sách Sử ký nói rằng: đời vua Thuấn làm các thứ dụng cụ nơi đất Đảo Khưu. Sách Hán thư cho rằng: tặng cho dân nghèo làm ruộng, làm nhà, các thứ vật dụng. Đây tức là nghĩa này vậy.

Đã phốc. Ngược lại âm thất mộc. Văn thông dụng cho rằng: cây liên trượng gọi phốc.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 11

Dưỡng bốc. Sách Thuyết Văn âm là tù chí. Gọi là lương thực. Sách Quảng Thất cho rằng: nuôi cho ăn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: giải thích theo văn cổ là cho ăn no. Gọi là lấy thức ăn đem cho người gọi là bốc. âm ủy ngược lại âm ư nguy. Văn luật viết chữ tự tục dùng cũng thông dụng.

Ma vấn. Văn cổ viết chữ hôn cũng đồng, ngược lại âm vong phấn. Vấn là lau chùi. Văn luật viết chữ môn mạc.

Vi kim. Văn cổ viết chữ thúy cũng đồng, ngược lại âm kỹ bì. Quảng Thất cho rằng: vi là trò chơi cờ bạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: vi là hàng hóa.

Hủy tử. Ngược lại âm tử nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tử là la mắng. Sách Chu lễ cho rằng: từ là người không biết lễ nghĩa. Trịnh Huyền cho rằng: miệng nói lời hủy nhục gọi là tử.

Ngốc hạt. Nay viết chữ hạt cũng đồng, ngược lại âm hồ hạt. Tự thư cho rằng: hạt là người mù mắt.

Bỉ vi. Ngược lại âm vu phi. Tự Lâm cho rằng: da mềm mại.

Dã can. Theo sách Tử Hư Phú nói rằng: có loại thú tên Đằng viễn xạ can. Tư Mã Bưu và Quách Phác chú giải rằng: đều gọi là xạ can, giống như con chồn, con cáo, mà lại nhỏ hơn, nó có thể leo lên cây. Âm xạ là âm dạ. Lại viết chữ dã.

Cam thiện. Ngược lại âm thượng phiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn đầy đủ. Quảng Thất cho rằng: khéo làm món ăn. Sách

Nghi lễ nói rằng: thiện là dâng thức ăn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: thiện là nói khéo. Thời nay vật ngon cũng gọi là thân thiện.

Á ngọa. Ngược lại âm ư giá. Sách Vận lược tập cho rằng: có chỗ nương dựa vào. Nay nói nghỉ ngơi. Lại nói từ chối nương dựa vào đều là vậy.

Khánh khái. Ngược lại âm không đảnh. Ngược lại âm dưới là khổ đại. Văn thông dụng cho rằng: ho nhỏ trong họng gọi là khánh. Văn luật viết chữ khánh khái. Ngược lại âm khổ kinh. Gọi là nhạc khí. Ngược lại âm dưới là khổ ái. Chữ anh khái. chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 12

Quật địa. Ngược lại âm cự vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: quật là đào lấy xương cốt. Gọi là lấy vật mà đào đất, bới đất lên. Âm cốt ngược lại âm hồ một.

Quặc trác. Văn cổ viết chữ trác. Sách Thuyết Văn cho rằng: trác là cái búa chặt đẽo cây.

Thao thương. Ngược lại âm khô hiệp. Hoặc là viết chữ hiệp cũng đồng, ngược lại âm khô hiệp. Văn thông dụng cho rằng: người con gái dùng móng tay đè xuống gọi là thao. Sách Vận tập cho rằng: ấn vào. Giang Nam người ta dùng dao cắt vật báu là viết chữ này.

Can giá. Ngược lại âm cạn hạ. Lại viết chữ giá này cũng đồng, ngược lại âm chư dạ. Nay người nước Thục gọi cam giá là mía ngọt, tục ngữ thường chữ này.

Tự sao. Văn cổ viết chữ sao bốn chữ tượng hình. Nay viết chữ bức tồi thực. Sách Tứ dân nguyệt lịnh viết chữ sao văn cổ cho rằng chữ ký gởi viết chữ cũng đồng, ngược lại âm sơ giao. Sách Phương ngôn cho rằng: nấu, nướng, rang cho chín. Âm bì ngược lại âm bì bức. Gọi là hơ lửa cho khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: rang nấu cho chín.

Hắc phiêu. Ngược lại âm thất miễu. Thích danh cho rằng: màu xanh nhạt, có chút màu xanh da trời, màu xanh thăm thẳm. Đây nói lấy nghĩa màu xanh thăm thẳm này.

Xuế trữ. Hoặc là viết chữ trữ này, ngược lại âm trực lữ. Thuộc vải gai, vải mịn gọi là thuyên, vải trắng thưa mịn gọi trữ, cũng là cỏ. Âm thuyên ngược lại âm thất tuyền. Vải bông mịn thưa quấn quanh. Âm

huỳnh ngược lại âm khổ hồi.

Hà dữ. Ngược lại âm dư cứ. Lại cũng là âm hội nghĩa là hiểu. Từ ngữ và, với, cho đến đều là dùng chữ chữ.

Phú thiêm. Ngược lại âm âm thư giám. Sách Nhĩ Thất cho rằng: dùng vải trắng che đậy gọi là thiêm. Lý Tuần cho rằng: bện cỏ mao lợp nhà gọi là thiêm cũng là thư diêm. Thiêm cũng gọi là che đậy.

Hội ương. Ngược lại âm công đối ngược lại âm dưới nô giáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là loạn. sách Vận tập cho rằng: bên trong tạp loạn, cũng gọi là đông nhiều tạp loạn. văn luật viết chữ náo tục dùng thông dụng.

Bách lạp. Ngược lại âm lực hạp. Theo phong tục thông thường gọi người Hán là lạp. Lại đó cũng là săn bắt cầm thú, cúng tế tổ tiên. Cũng gọi là cuối năm làm lễ tế thần. Trong kinh có nói Lạp Phật đó tức là tiếp nhận, còn mới mẻ cho nên giao tiếp. Trong các kinh luật cũng gọi là làm lễ đón nhận năm mới. Sách Nhĩ Thất chú giải rằng: suốt một năm. Lại lấy tinh kỳ vận hành, kế đến vào mùa hạ cũng gọi là tuế. Đời nhà Thương gọi là tự, tức cúng tế. Đời nhà Chu gọi là niên. Đời Đường Ngu gọi là tái đều căn cứ vào cuối năm mà gọi tên. Nay Tỳ-kheo hoặc nói là Lạp. Hoặc nói là Hạ, cả hai cách nói đều đồng. Việc này nghĩa cuối cùng vẫn theo phong tục của nước Thiên Trúc. Vì là mưa nhiều, mưa nhiều là phải an cư, từ tháng năm ngày mười sáu đến ngày mười sáu tháng tám, vì phong tục của các nước lấy tháng mười hai an cư. đây là phong tục của miền Bắc. Sách Phương ngôn cho rằng: mùa hạ căn từ ngày mười sáu tháng tư đến ngày mười lăm tháng bảy, mỗi việc chính là theo việc chế định mà gọi vậy.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 13

Tương di. Ngược lại âm dư quý. Sách Quảng Thất cho rằng: di là giữ lại, gọi là lấy vật quý tốt vui đùa cùng nhau trao đổi, cũng là vật tặng cho người.

Úy trị. Hoặc là viết chữ úy này cũng đồng, ngược lại âm ư vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên xuống dưới đều ổn thỏa an ổn. Cũng gọi là ủi tấm vải lụa cho thẳng ra.

Điền thực. Ngược lại âm thời lực. Thiên Thương Hiệt cho rằng:

thực là trồng trọt. Quảng Thất cho rằng: thực là sinh sản ra.

Liệu lý. Ngược lại âm lực điều. Văn thông dụng cho rằng: lý là loạn cũng gọi là liệu. Liệu lý có nghĩa dùng tay gỡ lấy vật điều chỉnh lại. Nay phần nhiều viết chữ liệu. Liệu là đo lường. Âm loát ngược lại âm lực hoạt.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 14

Châm chước. Văn cổ viết chữ châm cũng đồng, ngược lại âm chi nhậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: châm là rót rượu. Sách Quốc ngữ cho rằng: rót rượu cho vua. Giã Quỳ cho rằng: châm cũng giống như lấy rượu rót, cân nhắc khi làm việc. Quảng Thất cho rằng: châm chước là có lợi ích. Văn luật viết châm chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

Cân phách. Văn cổ viết chữ phái hai chữ tượng hình cũng đồng. Tự Lâm cho rằng: âm thất địch. Phách là tách bổ phá ra, mổ trong ra. Đây dùng âm này. Sách Thuyết Văn âm ẩn là phi ách. Giang Nam thông dụng dùng hai âm này.

Thương cổ. Ngược lại âm công hổ. Sách Chu lễ cửu chức lục nói rằng: thương cổ là mua bán. Trịnh Huyền cho rằng: đi khắp nơi gọi là thương. Ở một chỗ bán gọi là cổ. Bạch Hổ Thông cho rằng: cổ đó là đem vật ra chờ người dân đến mua cầu có lợi. Nay đều viết chữ thương.

Tham thiết. Lại viết chữ thiết cũng đồng ngược lại âm tha kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham là ham muốn không biết chán. Bổn luật xưa phần nhiều viết chữ thao thiết. Ngược lại âm tha lao. Theo Tả Truyện nói: Tấn Vân Thị có đứa con bất tài tham nơi ăn uống, mạo phạm lấy tiền của tài sản thâu gom cất chứa, không biết người dân cơ cực nên gọi là thao thiết. Đỗ Dự cho rằng: tham tài sản gọi là thao. Tham ăn gọi là thiết.

Hiện xuất. Văn cổ viết chữ hiện cũng đồng, ngược lại âm hạ điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có uống vào mà ói ra, nhổ ra. Nay gọi là đứa trẻ bú sữa ói ra gọi là hiện.

Bát vu. Ngược lại âm bổ mạt. Gọi là bát-đa-la. Lại gọi là ba-đa-lá. Đây dịch là mỏng, lấy vật dày sửa lại khiến cho mỏng mà làm dụng cụ như là cái bát. Chữ bát cũng gọi là chữ cận nghĩa. Ngược lại âm dưới vũ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát đựng cơm. Văn luật viết chữ

phương. Văn cổ viết chữ hoa ngược lại âm hồ qua. Hoa là lưỡi cày. Hoa chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhủ lôi. Văn cổ viết chữ lôi hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ á. Sách Thuyết Văn cho rằng: lôi là cho nứt nẻ ra, tách ra, chặt đứt ra.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 15

Phú dữ. Ngược lại âm phương cú. Sách Quảng Thất cho rằng: phú là công bố ra, quân bình cho đều. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phú là ban ra, ban bố biến khắp. Văn luật viết chữ truyền là sự truyền cho, trao cho. Lại viết phí, tức là phó chúc, giao cho, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bĩnh niêm. Ngược lại âm nữ liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: niêm là dính vào. Tam Thương cho rằng: niêm là hợp vào.

Cam soạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ soạn hoặc là viết chữ soạn cũng đồng, ngược lại âm sĩ quyến. Gọi là thức ăn đầy đủ. Sách Luận ngữ cho rằng: có các món ăn uống đầy đủ, ông ấy dọn bày ra bữa ăn thịnh soạn. Mã Dung nói rằng: soạn là thức uống đầy đủ.

Thoát quá. Ngược lại âm thổ hoạt , thổ ngoại hai âm. Quảng Thất cho rằng: thoát là có thể cởi bỏ ra, gọi là từ không nhất định.

Tu độn. Văn cổ viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm dư chiêu. Quảng Thất cho rằng: cái dùi gọi là độn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ nấu nước. Lấy cái đĩnh kê lên có ba chân. Sơn Đông dùng nghĩa này, ngược lại âm đồ điếu. Nay Giang Nam dùng âm này, âm độn giống như nồi có ba chân, mà không có chân trên, thêm vào hai quai con rồng làm cái chân. Âm quyến ngược lại âm hồ huyền. Âm cách là âm lịch.

Mao lũ. Tự Lâm cho rằng: âm lực vu. Gọi là thảm thô trải đất. Văn thông dụng cho rằng: vải lông thưa, gọi là lũ. Lại âm sở câu gọi là thảm trải nền dệt bằng lông. Âm cú là âm cù.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 16

Biện phát. Tam Thương viết chữ biên cũng đồng, ngược lại âm bình điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: bím tóc đuôi sam.

Nhuy trấp. Ngược lại âm nhữ thùy. Sách Nhĩ Thất cho rằng: lấy tay đè xuống, nắm vắt, bóp chặt. Quách Phác cho rằng: cây nhỏ mọc um tùm có gai thật, lá màu đỏ tía, có thể ăn được, vốn là cỏ dại, viết là nhuy. Nay gọi là nắm vuốt nặn hạt. Chữ viết từ bộ sanh thanh trĩ, âm hoặc là âm vực.

Hy hý. Ngược lại âm hư chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm trò vui đùa. Thiên Thương Hiệt cho rằng: làm trògiỡn cợt vui cười.

Nhiêu tán. Ngược lại âm tử thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: rảy nước. Giang Nam nói rảy nước là tán. Sơn Đông nói tiễn, cũng là rảy nước. Âm tiễn ngược lại âm tử kiến. Văn thông dụng cho rằng: nước thấm làm ướt, gọi là tiễn.

Nhược bài. Lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bộ truy. Quảng Nhã cho rằng: bài là cái bè. Nay bện tre gỗ làm bè, vận chuyển dưới nước. Người nước Tần gọi bè là phiệt. Người Giang Nam gọi là bài là bè. Âm phù là âm phu.

Điệu tý. Ngược lại âm đồ điếu. Quảng Thất cho rằng: điệu là run động. Sách Thuyết Văn cho rằng: điệu lắc lư lay động.

Pháo phất. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: viết chữ bao cũng đồng, ngược lại âm bành hiếu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nốt phồng mọc lên da mặt do nóng nhiệt sinh ra. Văn thông dụng cho rằng: rất ngứa vọt ra, tuôn ra. Phất cũng gọi là quảng thư. ngược lại âm phò thân, tài dữ.. Giang Nam gọi là phất tử. Sơn Đông gọi là quảng thư. Văn luật viết bao hai chữ tượng hình chưa rõ chữ xuất phát từ sách nào.

Trửu dực. Âm dực vỏ lúa mạch, cám gạo chỉ có thời Tấn Dương sách Xuân Thu nói rằng: có người họ Diễm gọi cám là dực nên viết chữ này, các sách đều không có.

Bàng dương. Tự Lâm âm là phòng hạ dư dương. Quảng Thất cho rằng: bàng dương là dời chỗ ở, di chuyển. Theo chữ bàng dương là đi đi lại lại, loanh quanh.

Lô đống. Ngược lại âm lộc đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: đòn kê nằm trên cây cột. Tam Thương cho rằng: nằm trên cây cột vuông gọi là khai còn tên gọi khác nữa là đạp. Sơn Đông, Giang Nam gọi là khai. Từ quan ải cửa Tây gọi là đạp. Thích danh cho rằng: lô là cây cột thẳng

trong nhà, là cây đòn gánh trọng nặng của cái nhà, chống đỡ. Ngược lại âm dưới đô lông. Sách Thuyết Văn cho rằng: đống là cây đòn dông trong nhà. Sách Chu dịch cho rằng: cây đòn kê giữa trên và dưới. Nay Sơn Đông gọi đống là ẩn ngược lại âm nhất cận. Thích danh cho rằng: đống là cây cột chính giữa, chính giữa phòng nhà. Ấm là âm ẫm thùng. Âm phù ngược lại âm âm bổ lăng.

Bất cấm. Ngược lại âm cấp lămc chậm hai âm. Theo chữ cấm giống như là chế là ngăn lại.

- QUYỂN 17: Không có từ âm

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 18

Khẩu cấm. Văn cổ viết chữ cấm cũng đồng, ngược lại âm cự ẩm. Sách Sở từ cho rằng: khẩu cẩm là không nói chuyện. Vương Dật gọi là ngậm miệng gọi là cấm.

Chất giả. Ngược lại âm chư lật. Quảng Thất cho rằng: gông cùm bó buộc tay người lại.

Thủ tát. Ngược lại âm bổ các. Tát giống như phủi. Quảng Thất cho rằng: tát là đánh. Thích danh cho rằng: bốn T.702 ngón tây mở rộng ra mà tát đánh.

Phạt trích. Ngược lại âm trên phò bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: có tội nhỏ đó gọi là phạt. Quảng Thất cho rằng: phạt là chiết phục. Chữ viết từ bộ đao đến bộ lỵ gọi là trách mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm đô cách. Chữ phạt Tự Lâm cho rằng: có lỗi nên quở trách. Sách Phương ngôn cho rằng: trách phạt tội lỗi. Văn thông dụng cho rằng: phạt tội đó gọi là quở trách, la mắng. Văn luật viết chữ trích này là chẳng phải.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 19

Chữ thắng. Văn cổ viết chữ chữ cũng đồng, ngược lại âm trúc dữ.

Gọi là lấy vải lụa cột áo làm đồ trang sức.

Chi kiên. Nay viết kỳ cũng đồng, ngược lại âm chi kỹ giống như là thẻ tre.

Bần quỹ. Ngược lại âm cự quỹ. Sách Lễ ký cho rằng: tức là tài vật không có trong rương. Trịnh Huyền cho rằng: thiếu thốn, cạn kiệt tài sản. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đứa con bất hiếu phá hại hết tài sản trong rương. Theo Truyện cho rằng: tài sản đã cạn kiệt hết sạch.

Khô quát. Ngược lại âm khẩu cô. Gọi là khoét nạo trong ra trống rỗng. Sách Phương ngôn cho rằng: khô là khoét ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô là phanh ra, âm địch ngược lại âm tha lịch.

Phiêu toàn. Ngược lại âm thất thiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là dùng vật nhọn như đao mà phóng ám khí. Thích danh cho rằng: đầu dưới cây mâu gọi là tôn, âm tôn là âm tôn muộn. Giang Nam gọi là tên của loại ám khí. Quan Trung gọi toàn, âm toàn ngược lại âm tử loạn. Văn luật viết chữ phiêu toán. là chẳng phải thể.

Quyết nữu. Ngược lại âm cư huyệt. Theo Tả Truyện nói: loại ngọc cách xa với kim loại, hay vàng ròng. Đỗ Dự nói: quyết là ngọc, vòng ngọc để đeo mà cái búa không thể đoạn lìa được, chữ nữu hoặc là viết chữ nữu ngược lại âm nữ nữu. Sách Quảng Thất cho rằng: khuôn dấu ngày xưa, giống như núm của cái ấn, gọi là ngọc tỷ. Nay cũng giống như vậy.

Tác chủy. Ngược lại âm tốt dĩ. Văn thông dụng cho rằng: hoặc là viết chữ chủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là vật lấy cơm, tức là cái muỗng múc cơm. Lại gọi là âm tứ.

Y quát. Ngược lại âm hoạt vật ngang làm ngăn ngại cản trở. Chưa rõ chữ xuất phát nơi sách nào. Theo văn thông dụng cho rằng: vật cứng chắc không tiêu được gọi là vạt. âm mạc bát hồ bát hai âm. Nay Sơn Đông gọi là cúc áo làm bằng xương đó là vạt giới. Cúc áo cái lênm nay lấy nghĩa này, âm quan ngược lại âm ô bản.

Dược bề. Ngược lại âm tất hề. Sách Tiểu học biên rằng: bề là cây lược dày để chải. Nay gọi là cắm lông mi, chải chuốt lông mi, chải đầu đều viết chữ này.

Yểm địa. Lại viết chữ yểm ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm yểm nghiêm. Quảng Thất cho rằng: yểm là che đậy.

Tế nhiếp. Ngược lại âm chi thiên. Quảng Thất cho rằng: nhiếp là gấp áo lại. Bì Thương cho rằng: gấp áo nhiều lớp. Nay viết chữ nhiếp điệp là áo nhiều lớp vải vậy. Văn thông dụng cho rằng: thuận tiện may gọi là nhiếp. Nay gọi là cái váy, oái quần, nay cũng là lấy nghĩa này.

Âm nhiếp là triếp. âm quyến ngược lại âm khưu nguyễn.

Khước xuyến. Lại viết chữ chuyên cũng đồng, ngược lại âm thời nhuyễn. Tự Lâm cho rằng: bắp chân, bắp đùi.

Hiếp lặc. Ngược lại âm lực đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiếp là xương sườn. Chữ viết từ bộ nhục. Văn luật viết chữ lặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây buộc đầu ngựa. Lặc chẳng phải nghĩa này dùng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 20

Khào bất. Ngược lại âm khổ cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: khào là xương tận cùng của xương sống. Tam Thương cho rằng: khào là xương mông, âm tuy là âm thùy.

Khuông trửu. Ngược lại âm âu phóng. Gọi là ngang khuỷu tay đưa lên, cũng chưa rõ chữ xuất phát từ sách nào. Đây nên tục ngữ Khổng Tử nói rằng: ngồi không được liếc ngó ngang dọc vậy. Văn luật hoặc là viết chữ khuông hai chữ tượng hình đều chưa rõ ràng.

Lệ thân. Ngược lại âm lực hứa. Tự Lâm cho rằng: lệ là uốn cong lại. Chữ viết từ bộ khuyển đến bộ hộ, mà gọi là thân điển lệ thân khom xuống.

Di hành. Lại viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm thư sử. Thích danh cho rằng: đi mau gọi là di. Di cũng gọi là chạy. Sách Lễ ký nói rằng: ngoài suy nghĩ cạn cợt mỏng manh không dời đổi. Trịnh Huyền cho rằng: đi mà căng chân ra gọi là di, nhà trên không đến gần gọi là di. Sách Nhĩ Thất cho rằng: nhà dưới cũng gọi là di.

Khiêu thủ. Ngược lại âm tha nhiêu. Theo Thanh loại cho rằng: khêu là khiều móc. Gọi là dùng tay khều móc lấy vật, âm quyết ngược lại âm ư huyệt.

Nghiệt diệp. Ngược lại âm như thùy. Sách Quảng Thất cho rằng: nghiệt là đâm chồi non. Gọi là điểm hoa mạn trên đầu.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 21

Ty thị. Âm ty giống như chữ thị. Ở phương Nam có hai màu xanh vàng kinh châu gọi là ô ty.

Hấp phạn. Văn cổ viết hấp hai chữ tượng hình, nay viết chữ hấp cũng đồng, ngược lại âm hứa cập. Quảng Thất cho rằng: hấp là uống vào.

Thỉ phạn. Lại viết chữ thỉ cũng đồng, ngược lại âm thực nhĩ. Gọi là lấy lưỡi liếm thức ăn.

Mộc kịch. Lại viết chữ kỳ cũng đồng, cự nghịch. Âm dưới văn luật viết chữ thảo kịch khâm-bà-la. v.v... Sách Thuyết Văn cho rằng: kịch là guốc gỗ. Thích danh cho rằng: dùng vải lót trên guốc gỗ, cũng gọi là guốc gỗ. Thời xưa đồng loại. Hán thứ cho rằng: viên ảnh đi guốc bảy mươi dặm. Tam Thương cho rằng: guốc gỗ. Khổng Triện cho rằng: có đục khoét lỗ kéo dài ra chấm quần, gót sau vuông, bằng phẳng. Trong cung vua, dùng đây giống như guốc gỗ mà lại khác. Sách Chu uyển nói: giới tử đẩy ra ngoài cây thiêu đốt chết. Tấn văn công, phạt mới chế loại guốc gỗ này. Âm khiêu ngược lại âm cư ngược.

Trsi mâu. Văn cổ viết chữ thành tử hai chữ tượng hình, nay viết chữ mâu cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây tù mâu. dài hai trượng gắn nơi binh xa. Âm tù ngược lại âm tự do.

- **QUYỂN 22, 23, 24** (Ba quyển trên đều không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 25

Nhược tiền. Văn cổ viết chữ tiền ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tỷ tiễn. Tự Lâm cho rằng: tiền cũng là đốn ngã, cũng là đoạn lìa.

Vãn xuất. Văn cổ viết chữ vãn cũng đồng, ngược lại âm vô viễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lôi kéo chiếc xe.

Kiết lũ. Sách Nhĩ Thất Truyện Hoành Mục Tôn Đoan nói rằng: tâm bổ gọi là kiết lũ. Nay Quan Tây gọi là có lợi ích nhiều, có dư thừa. tục gọi là cẩu lũ , tức là loại cỏ. Văn luật viết chữ ca lũ. Theo chữ ca

sách Thuyết Văn âm da ca hai âm. Nhĩ Nhã cho rằng: đây thì là lấy nơi nghĩa không bỏ chữ lũ, chưa rõ chỗ xuất phát sách nào. Vốn viết chữ ca lô. Âm da ngược lại âm dưới là lực hồ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: cây lau sậy. Quách Phác cho rằng: tức là cỏ tất, đây cũng còn sai lầm vậy.

Hoàng thủy. Ngược lại âm ô hoàng. Gọi là sông, ao, hồ. Văn thông dụng cho rằng: nước không chảy gọi hoàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoàng là cái ao sâu rộng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 26

Chúc trở. Sách Thuyết Văn viết chữ châu ngược lại âm chi thọ. Trở văn cổ viết chữ trở. Nay viết chữ trở cũng đồng, ngược lại âm trắc cứ. Sách Thích danh cho rằng: chúc là cầu mong cũng như lấy từ thiện, ác để chúc nhau. Trở là ngăn trở. Gọi là khiến cho người làm việc trở ngại, nói là ngăn cản.

Phiếm trường. Văn cổ viết chữ phiếm cũng đồng, ngược lại âm thất kiếm. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiếm là nổi trên mặt nước. Quảng Thất cho rằng: phiếm là phổ khắp nơi. Văn luật viết chữ phiếm văn cổ viết chữ phong cũng đồng, ngược lại âm phò cung. Sách Nhĩ Thất cho rằng: cũng là nổi trên mặt nước.

Mô pháp. Hoặc là viết chữ mô cũng đồng, ngược lại âm mạc nô.. theo Thanh loại cho rằng: mô là bắt chước, phỏng theo phương pháp gọi là lấy đè ấn xuống khiến cho giống.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 27

Thung ma. Tự Lâm viết chữ ma cũng đồng, ngược lại âm vong tá. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: mài, xát, chà, xay nghiền. Thế Bổn cho rằng: bánh xe lăn nghiên nát. Người phương Bắc viết chữ khải Giang Nam gọi là ma.

Phảng tích. Văn cổ viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tử địch. Tự Lâm cho rằng: tích tức là lụa dày mà thưa.

Xi tiếu. Văn cổ viết chữ xi cũng đồng, ngược lại âm xích đi. Quảng Thất cho rằng: xi là xem thường. Gọi là tức cười, là nhạo báng, chế diễu.

Nhũ bộ. Gọi là ngậm bú vào no đầy, cũng gọi là nhai thức ăn. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: cũng gọi là ngậm trong miệng mà bú, cũng là như vậy. Văn luật viết bộ ngược lại âm bổ hồ. Tam Thương cho rằng: bộ là bữa ăn chiều tối, ăn trong giờ thân. Chữ bộ chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 28

Yểm đảo. Ngược lại âm ư nhiễm. Sách Tự uyển cho rằng: ngũ mà bên trong không rõ. Luận Hoành nói rằng: mê muội không tỉnh ngộ. Giang đông âm là ư diệp. Chữ viết từ bộ Hán âm Hán ngược lại âm hồ hãn. Chữ đảo ngược lại âm đô đạo. Đảo là mời thỉnh, gọi là mời thỉnh quỷ thần. Quảng Nhã cho rằng: đảo là tạ ơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: báo cáo sự việc cầu phúc gọi là đảo.

Bất án. Ngược lại âm ư thả. Án là nhìn xem xét, quán sát việc làm, hoặc gọi là tìm kiếm.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 29

Trữ khỏa. Ngược lại âm khẩu hóa. Tam Thương cho rằng: xương mông đít. Tự Lâm cho rằng: xương sườn. Âm khả ngược lại âm khẩu á. Nay lấy chữ là chữ khỏa. Văn luật viết chữ khoa ngược lại âm khẩu cố. Lại viết chữ khoa. Tự Lâm cho rằng: khoa là ngồi xổm. Chữ khoa cứ hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ổi xứ. Ngược lại âm ư hồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm nhất do. Gọi là nước chảy uốn quanh. Ổi cũng ẩn che khuất, chõ che khuất không thấy được. Lại viết chữ y ngược lại âm ô bối. Tự Lâm cho rằng: y cũng là che. Văn thông dụng cho rằng: bên trong buồn áo não gọi là y. Nay nói y là nơi trụ xứ đều là vậy.

Tác tiệp. Văn cổ viết chữ tiệp cũng đồng, ngược lại âm tư giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giày dép, dép cỏ, vốn âm tha giáp. Nay Giang Nam nói người đàn bà giống như đôi dép rách, như đôi dép cỏ, mà rất thuộc tiện, hèn hạ.

- QUYỂN 30 (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 31

Cố miến. Ngược lại âm vong kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn nghiêng liếc xéo. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến Tây Tần Tấn đều gọi là là nhìn nghiêng.

Tứ khiếu. Ngược lại âm cổ điếu.. Gọi là bốn cửa hẹp, tức là trải qua trong bốn cửa biên ải gọi là việc phải làm vậy.

Giác lực. Văn cổ viết chữ giác cũng đồng, ngược lại âm cổ trác. Quảng Nhã cho rằng: giác là đo lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là cân đong đo, dụng cụ để gạt cho bằng cái đấu, cái hộc.

Cù du. Lại viết chữ dủ hai chữ tượng hình. Sách Tự uyển viết cù sưu cũng đồng, ngược lại âm cường chu song chu. Theo Thanh loại cho rằng: chiếu lông. Thích danh cho rằng: viết chữ tang sưu. Văn thông dụng cho rằng: dệt lông làm mền gọi là cú. Chu là lông mịn, cũng gọi là thảm trải sàn nhà.

Đột khoang. Ngược lại âm đồ kiết. Sách Bao Phác Tử nói rằng: đột là nổi lồi lên. Văn dưới lại viết chữ khoang. Khổ côn hia âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi lợn. Bì Thương cho rằng: khoang là xương tận cùng của mông đít. Văn luật viết chữ á. Tự Lâm cho rằng: hương thơm ngào ngạt.

Thư sấm. Ngược lại âm Sở ấm. Tam Thương cho rằng: sấm là sssch bí mật. Xuất ra từ Hà Lạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: sấm là nơi có kinh nghiệm. Gọi là T.703 đoán say này có hiệu nghiệm, lời tuyên đoán.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 32

Lịnh nhi. Ngược lại âm lịch kinh. Lịnh là trong sạch mát mẻ. Lịnh nhiên, cũng là ý giải ngộ.

Hà đảm. Văn cổ viết đảm cũng đồng, ngược lại âm hồ ngã. Lại âm hà. Hà là gánh vác. Sách Thuyết Văn cho rằng: gánh vác.

Hãn thùy. Ngược lại âm hạ thủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nằm ngủ tiếng thở. Sách Tự uyển, âm hồ vu. Giang Nam dùngâm này. Văn luật viết vua bỉ hấp ba chữ tượng hình là chẳng phải gọi là tiếng ngáy.

Giới xỉ. Ngược lại âm hạ giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng mọc khít đều. Tam Thương cho rằng: nghiến răng. Văn luật viết chữ hạt chưa rõ chữ này xuất phát từ sách nào.

Mị ngữ. Âm nghệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mị là ngủ mê nói. Theo Thanh loại cho rằng: không giác nói nhảm. Bổn luật xưa phần nhiều viết chữ khiên hai chữ tượng hình. Tam Thương âm vu quyết. Nói càng nói dối. Lại âm ngưu liệt. Quảng Thất cho rằng: là nói trách tội. Âm hoang ngược lại âm âm hồ quang.

Liễm phác. Ngược lại âm cư nhiễm. Quảng Nhã cho rằng: liễm là nhặt lấy, gom lại, kết buộc, buộc tóc lại.

San nhược. Ngược lại âm sở gian. Dựa theo chữ san tức là chê bai phỉ báng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 33

Lạo thủy. Âm lão gọi là nước mưa tụ lại gọi là vu. Lạo là nước đọng lại.

Thấu khẩu. Ngược lại âm sở lưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu khẩu là xúc miệng. sách Lễ ký cho rằng: mới bắt đầu gà gáy, là phải lo thức dậy, tẩy rửa xúc miệng.

Đẩu tẩu. Lại viết tẩu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: đẩu tẩu là đưa lên phấn chấn. Chữ khó gọi là đẩu tẩu, mong thúc. Giang Nam gọi là đẩu tẩu. Người phương Bắc gọi là mong thúc. Ngược lại âm đô cốc. Âm dưới là tô cốc. Văn luật viết chữ đấu thúc hai chữ tượng hình. Đẩu là chữ rất đồng với chữ đẩu,

âm dưới là thức, âm thúc là âm thú thúc là bó buộc. Lại viết chữ phác, ngược lại âm chi du. gọi là cây thanh gạt ngay khi đong lường cái đấu, cái hộc, âm thúc ngược lại âm sơn ách.. Thúc là tên của cây, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhữ thái. Ngược lại âm nhương cử nhương lự hai âm. Quảng Nhã cho rằng: nhữ là thức ăn.

Nạo lịnh. Ngược lại âm hỏa đao. Tự Lâm cho rằng: nạo là quấy rối. Hán thư cho rằng: uống rượu lôi kéo dẫn dắt quấy rối.

Chiêm hộ. Văn thông dụng viết xuyến mon. Xuyến, Thương Thương Hiệt viết chữ đàm, âm đàm là âm đàm gọi là nắm giữ cửa.

Dược trang. Ngược lại âm vong hậu. Sách Thuyết Văn đóng cửa sau lại gài chốt. Xem xét là chắc chắn, chỗ gọi là niêm phong lại khiến cho không mở ra được, gọi là khóa cửa lại cho chắc.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 34

Khinh táo. Lại viết chữ táo cũng đồng, ngược lại âm tử đáo. Táo gọi là quấy nhiễu, cũng gọi là động. Thích danh cho rằng: táo là làm cho khô ráo. Giống như vật làm cho khô ráo thì sẽ bay lên.

Bách nan. Văn cổ viết chữ bách cũng đồng, ngược lại âm bổ cách. Quảng Nhã cho rằng: bách là chật hẹp, dáng vẻ bức bách. Theo chữ bách cũng giống như bức tức là bức bách.

Trì kỳ. Hoặc là viết chữ ni. Trụ văn chữ trì cũng đồng, ngược lại âm trừ trí. Theo chữ ni tức là chờ đợi. Hán thư cho rằng: chờ đợi trời sáng, ngược lại âm trừ lê. Trì là tối, buổi tối.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 35

Kiên hoàng. Lại viết chữ kiền ngược hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cư ngôn. Tự thư cho rằng: kiện là cắt bỏ. Văn thông dụng cho rằng: dung dao cắt bỏ đi âm tàng, tức là năm căn gọi là kiện.

Thô phú. Văn cổ viết chữ phú cũng đồng, ngược lại âm phương

vụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phú là thaau gom lại. Quảng Thất cho rằng: phú là thâu thuế. Nhĩ Nhã cho rằng: phú là đo lường. Quách Phác cho rằng: phú là thuế nộp thuế, đong đo, cân lường. Văn ngôn nói phú là động, thuế má, chỗ gọi là quấy động.

Điển hoán. Ngược lại âm lặc hiển lặc quản. Nói là bệnh da vàng rụng tóc.

Hầu bệnh. Ngược lại âm tương thừa hồ cấu chưa rõ như thế nào giải thích. Văn luật viết ngập. Lại viết chữ than là bệnh thủng, sưng thủng.

Lai nhãn. Ngược lại âm lực đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngươi trong mắt không thẳng ngay. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhìn bên trong.

Gian nhãn. Văn cổ viết chữ gian cũng đồng, ngược lại âm hồ gian. Sách Thuyết Văn đeo mắt kính. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mắt bị bệnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con ngựa một mắt trắng gọi là gian.

Giới tảo. Lại viết chữ tảo cũng đồng, ngược lại âm tang đáo. Quảng Nhã cho rằng: tảo là vết thương. Văn thông dụng cho rằng: nổi mụt trên gọi là tảo.

Đạm âm. Ngược lại âm đồ cam. Gọi là nước dịch trên ngực. Phương y dược phần nhiều viết chữ đạm gọi là uống vào.

Bức thiết. Ngược lại âm thiên kiết. Quảng Nhã cho rằng: thiết là gần, cũng gọi là cấp thiết, bức thiết.

Kiền trùy. Tiếng Phạm nói là tí-trá-kiền-trùy. Tí-trá, đây dịch là đánh kiền chùy, chỗ gọi là dùng cây đánh gõ hoặc là chày, hoặc là ông đồng. Đây dịch không đúng, bởi vì kia không phải là cái chuông, hay cái khánh. Kinh xưa phần nhiều viết chữ kiền trì. Đây cũng là tiếng Phạm nói sai, chuyển đọc sai, viết đúng nghi là chữ chùy âm chùy ngược lại âm trực trí. Nhưng chữ chùy chữ nhã hình như tương đồng cho nên gọi là sai.

- QUYỂN 36 (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 37

Nhược tất. Ngược lại âm thủy dựng. Sách Thuyết Văn cho rằng:

nắm giữ cơ bắp đường kinh gân cốt. Tam Thương cho rằng: chỗ nảy nở cơ bắp.

Đạp đăng. Ngược lại âm tha hạp. Tam Thương cho rằng: đạp đăng là tấm thảm lông có vân có sọc. Thích danh cho rằng: lót dưới chân giường lớn, giường nhỏ, hoặc là trước khi lên giường chà chân cho sạch vậy. Bởi vậy mà tên là đạp tức là thảm lót chân.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 38

Bì cách. Văn cổ viết cách đàn hoa ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ hạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhổ lông thú gọi là cách. Cách cũng là lột da thú, nhổ lông gọi là cách. Cho nên viết chữ bì cách. Cách đó là cánh. Chữ viết từ bộ tam đến bộ thập đến bộ vi. Vì trong quốc ấp. Trong nước mười ba năm là thay đổi pháp chế, ý nói lấy cái khác thay đổi. Âm vi là âm vĩ.

Bất xuyến. Sách Thuyết Văn viết chữ quán. Giải thích văn cổ là văn huyễn ảo. Chưa thật nghĩa, viết quán cũng đồng, ngược lại âm công hoạn. Xuyến là thói quen.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 39

Tu sạn. Văn cổ viết chữ sản cũng đồng, ngược lại âm sơ giản. Sách Thuyết Văn cho rằng: san bằng, diệt sạch. Nay phương này cho cây đao cán đao làm tiêu diệt tất cả.

Mạn cân. Ngược lại âm mạc can. Đây là chữ giã tá. Thể chữ viết là văn cân. hoặc là viết cân, ngược lại âm cổ ân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là gót chân.

Ban đậu. Giang Nam có loại đậu này, trái có góc cạnh mà dài, khi chín mới hái ăn được.

Hộ xu. Ngược lại âm xỉ du. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: xu gọi là cái then cửa. Quách Phác cho rằng: phên cửa gọi là xu. Quảng Nhã cho rằng: xu vốn then chốt cửa, âm ổi ngược lại âm ngũ hồi.

Bì liên. Văn cổ viết chữ liên cũng đồng, ngược lại âm lực tiền. Quảng Nhã cho rằng: liên tục, cũng gọi là liên hợp. Văn luật viết chữ liên ngược lại âm lực tiền. Tự Lâm cho rằng: liên này không giải thích.

Yểm đê. Còn nghi ngờ là lạp đê. Tự uyển cho rằng: tố hợp, ngược lại âm đô hề. Nay Giang Nam gọi là ủng, giày cao cổ, không có đầu trên gọi là táp giày dép trẻ con. Quảng Nhã cho rằng: đê giày dép, đê là giày da.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 40

Hoạn đế. Lại viết chữ đế cũng đồng, ngược lại âm đinh kế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng hắc hơi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cố nói, nói gượng tức là đế. Trịnh Tiễn nói rằng: các ông suy nghĩ tâm ta như vậy. Ta tức là đế. Nay Tục Đế nói rằng: đạo làm người ta đây cũng phải theo người xưa mà để lại lời nói.

Tân huyền. Ngược lại âm trực cơ. Hoặc viết chữ phân huyền âm phân ngược lại âm phủ văn. Theo bổn tiếng Phạm gọi là A na tha tần trà yết lợi a bã để. Đây dịch là Cấp Cô Độc trưởng giả.

Môn khổn. Lại viết chữ khổn này cũng ngược lại âm khổ bổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khổn là cửa hẹp. Sách Lễ ký cho rằng: nói ở ngoài không vào bên trong được là khổn, khó. Trịnh Huyền cho rằng: khổn là cửa rất hẹp.

Đề hồ. Âm đề hồ. Văn thông dụng cho rằng: tô lạc gọi là đề hồ, tức là phó mát. Văn luật viết chữ đê âm thể. Tự thư cho rằng: đê tức là rượu tức là rượu hồ tầm, thâu lấy đem về, đều không nên đề cập tới.

Cam sắc. Ngược lại âm cổ thảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: vải lụa nhuộm màu xanh mà pha màu đỏ. Thích danh cho rằng: cam là bao gồm gọi là xanh ma bao gồm màu đỏ.

Bức thiên. Ngược lại âm huyễn diệc. Tam Thương cho rằng: thiên là đẩy ra. Hán thư cho rằng: chuyên chở, cùng với xe ngựa chuyên chở vận chuyển, âm nghĩa gọi là thiên không dùng. Theo chữ thiên giống như hoang sơ, xa vời cũng chỉ nghĩa là thiên.

Tự miếu. Phong tục thông thường gọi chùa là nơi thờ tự. Đình là có pháp độ đó là các chư Hầu chỗ dừng nghỉ ngơi, đều gọi là tự miếu.

Sách Nhã cho rằng: tự là trị. Tam Thương cho rằng: tự là quan xá, tức là cửa quan, quan trông coi miếu chùa. Thể chữ viết từ bộ thốn đến thanh triệt. Thích danh cho rằng: tự là nơi thờ cúng các việc sửa trị, tương tục nối truyền theo bên trong miếu tự. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: chỗ ở của quỷ thần, gọi là miếu. Bạch Hổ Thông cho rằng: miếu đó là thờ các thi vị tổ tiên, tỏ lòng tôn kính. Nay lấy nghĩa này, xuất phát từ văn cổ chữ cổ.

Trước điệp. Ngược lại âm tầm nhập. Gọi là tay áo rộng. Sách Lễ ký cho rằng: vua là mặc áo kép. Trịnh Huyền cho rằng: điệp là áo kép. Thích danh cho rằng: áo kép nhiều lớp vải mặc thêm bên ngoài. Nói là để che trên thân vua. Gọi là giáp, âm giáp ngược lại âm công hạp.

Hành đằng. Ngược lại âm đồ đăng. Sách Lễ ký chú giải rằng: khổ chiều ngang của tấm vải gọi là đằng. Giang Nam gọi là tự tức là người sai dịch làm việc tràng bức vải này, cũng gọi là những đường viền. Thích danh cho rằng: bao bọc gói cái chân, đi chân không nhẹ nhàng vượt qua.

Mao ngưu. Sách Thuyết Văn âm là mao. Ở Tây Nam Di có loại trâu đuôi dài. Nay Lũng Tây xuất hiện loại trâu này, âm mạo là âm mao.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 41

Xa dư. Ngược lại âm dữ chư , dư thứ hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cư dữ cũng là tổng gọi chung các loại xe là dư, cũng gọi là xe mà không có bánh xe là dư. Văn luật viết là cử đối với cử là đưa lên.

Lạc phát. Ngược lại âm bổ việt phát giống như là phóng ra, bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: phát xạ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phát là phóng ra kia là trúng đích.

Trúng đích. Ngược lại âm tri trọng. Âm dưới là đích. Lại viết chữ đích. Sách Thuyết Văn viết chữ đích là rõ ràng hơn cũng đồng, ngược lại âm đô lịch. Gọi là chất phóng xạ, cũng gọi là đương nhiên rõ sáng, thấy rõ ràng, nay gọi là bắn ra trúng ngay hạt châu chỗ trung tâm.

Xạ cũng. Ngược lại âm khẩu nung. Chữ tuy gọi là dây buộc ngựa chắc chắn.

Trữ khí. Ngược lại âm trương lữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ

chứa tích chứa, chỗ gọi là cất chứa đó. Tả Truyện cho rằng: lấy áo mũ của ta mà cất chứa. Đỗ Dự cho rằng: trữ là nuôi chứa cất giấu đồ vật.

Kiết nhĩ. Ngược lại âm Tự Lâm âm là nhi dung. Gọi là thảm lông. Văn luật viết chữ kỳ. Tự thư cho rằng: cũng là chữ nhĩ, ngược lại âm nhi dụng. Theo chữ xuế là loại lông mịn đẹp.

Tác kiến. Ngược lại âm hư yển. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vải thưa dùng làm màn trương lên che mui xe, gọi là màn xe.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 42

Mi mễ. Thể chữ viết mi này, ngược lại âm âm vong bì. Sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: cơm ngon có ở tỉnh Dương Sơn cũng gọi là tế là loại gạo dẽo. Cao Tư nói rằng: Quan Tây gọi là mi tức là cháo. Bối Châu gọi là tế. Văn luật có viết chữ thu. Tự Lâm âm là thuật.

Kiên nhẫn. Nay viết chữ nhẫn cũng đồng, ngược lại âm nhi chấn. Văn thông dụng T.704 cho rằng: cứng và mềm gọi là nhẫn. Quan Tử nói rằng: cân nhẫn mà xương cốt mới mạnh mẽ.

Nhược tiên. Lại viết chữ tỷ cũng đồng, ngược lại âm tiên thiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại bệnh nấm trên da làm khô. nay có hai loại nấm khô và ướt, rất ngứa khó chịu.

Nhược qua. Lại viết chữ qua cũng đồng, ngược lại âm cổ hòa. Sách Vận tập cho rằng: bệnh ghẻ lở. Mùa xuân phát ra đó gọi là nhạn qua.

Lỗ diêm. Ngược lại âm lực cổ. Muối do trời sanh gọi là lỗ, do người làm ra diêm. Thời xưa đó trong nhà lấy các ban đầu nấu thành muối diêm.

Diên mạt. Lại viết khảm mỹ xu diên bốn chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tợ diên. Gọi là thèm muốn đến nỗi nước dãi chảy ra miệng.

Thử hạm. Ngược lại âm hồ cơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạm là chuồng nuôi súc vật, cũng gọi là nhà lao chắc chắn, cũng gọi là chuồng heo.

Do diên. Hoặc là viết chữ du hành hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm do diên hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng tên là nhập nhĩ. Bắc yến gọi là nữu ni. Ngược lại âm nữ bục nữ huyền. Loài

côn trùng giống sên nhưng không có vỏ, gọi là con cuốn chiếu hoặc là con rít.

Bì đao. Ngược lại âm thất bì. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây kim lứn, người thầy thuốc dùng để phá ung nhọt.

Bào thai. Ngược lại âm bổ mao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao là cái màng bao thai nhi để chờ sinh sản.

Ư nhĩ. Nay viết chữ nhĩ cũng đồng, ngược lại âm nhi thị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Người quân tử là bách nhĩ. Trịnh Tiễn giải thích nhĩ bọn, mày. Là nhân vật đại từ ngôi thứ hai. hoặc viết là nỉ ngược lại âm nô lý. nỉ là anh chị, tôi.

Cam trấp. Âm cam Sách Thuyết Văn cho rằng: cam là nước vo gạo, cũng gọi là gạo, âm phiên là âm phiên, cũng là nước vo gạo. Giang Bắc gọi nước vo gạo là cam. Giang Nam gọi là phiên.

Đãng địch. Văn cổ viết chữ đãng cũng đồng, ngược lại âm đồ lãng. Ngược lại âm dưới đồ đích. Văn thông dụng cho rằng: bồn chậu để tắm rửa tẩy sạch gọi là đãng địch.

Đắc tôn. Tự thư cho rằng: viết chữ tôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa rượu, tôn là làm cong phụng. Văn luật viết chữ tôn. Âm tôn là âm tại khổn. Gọi là mâu kích. Tôn là ống đồng. Tôn chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 43

Bì bì. Âm bì. Quảng Nhã cho rằng: bì là lột vỏ.

Tuần chước. Ngược lại âm tù luân. Đi tuần hành, cũng gọi là nước chảy xuống.

Kiền mao. Kinh Tỳ-ni mẫu nói làtrung sám bát. Hoặc viết là tư, cũng là tiếng Phạm, nói có nặng có nhẹ vậy. Văn luật viết chữ lạc bề. là chẳng phải.

Thao khổng. Âm khảm. Sách Thuyết Văn nói cái giếng nhỏ. Quảng Nhã cho rằng: cái hầm.

Lăng kỵ. Lại viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm cự trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại cây ấu, sống trong nước, lá nổi trên mặt nước có hình tam giác với là răng cưa.

Sao liễm. Lại viết chữ liễm. Sách Tiểu học viết chữ liễm cũng

đồng, ngược lại âm lực cô. Sách Vận tập cho rằng: liễm là cái xương đựng đồ vật. Sách Thuyết Văn nói liễm là cái hộp kính. Nay Giang Nam cũng gọi là hộp đựng phấn đồ trang điểm của phụ nữ. Cái hộp khít kín.

Kích phát. Ngược lại âm kinh lực. Sách Trang Tử nói nước dơ bắn lên. Tư Mã Bưu gọi là nước chảy xiết mạnh bắn lên. Sách Sở từ nói nước sạch bắn lên ta mà không có chỗ chảy thông suốt. Vương Dật nói: cảm kích.

Triển trị. Lại viết triển này. Trang Tử nói triển là nghiền nát, bánh xe nghiền nát, không phải lăn cán trên đất, viết triển cũng đồng, ngược lại âm âm nữ triển. Sách Thuyết Văn cho rằng: triển là nghiền nát đá sỏi.

Oán cừu. Văn cổ viết chữ thuật cũng đồng, ngược lại âm cự ngưu. Tam Thương cho rằng: oán vợ chồng oán ghét nhau gọi là cừu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cừu là thù hận. Tôn Đạm nói: cừu là kẻ thù địch, cũng là vợ chồng ghét nhau.

Vi phục. Tự Lâm nói vi là đi ẩn trốn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vi là bỏ trốn ẩn náu. Quách Phác cho rằng: chạy trốn. Thể chữ viết từ bộ xước, cũng là vi diệu, vi cũng là theo người.

- **QUYỂN 44, 45** (Hai quyển trên đều trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 46

Y tự. Ngược lại âm ất giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn no nghỉ ngơi. Sách Lễ ký cho rằng: không dám nôn ra.

Cư hư. Cự hư hai âm. Giống như là con la giống ngựa lai mà nhỏ hơn con trâu đực, giống ngựa con.

Hiềm khích. Văn cổ viết chữ khích cũng đồng, ngược lại âm khưu nghịch. Sách Quốc ngữ cho rằng: trên dưới không khít khao. Giã Quỳ cho rằng: khích là lỗ hở. Sách Thuyết Văn cho rằng: vách tường nứt có khe hở.

Thật trữ. Ngược lại âm chi dữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiểu châu gọi là trữ là bãi đất nổi lên giữa nước. Lý Tuần cho rằng: bốn mặt đều có nước, ở giữa chỉ có chỗ nổi cao bãi đất gọi là trữ tức là bãi cồn cát.

Mạm kim. Ngược lại âm mạc bàn. Xướng cao lên là nghe gọi là

mạn. Đây nên lấy nghĩa này. Văn luật có viết chữ văn, ngược lại âm vật vân. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe là biết tiếng.

- **QUYỂN 47** (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 48

Kỳ chi. Tự uyển âm là cự nhi. Chi di. Gọi là pháp. Hoặc là viết kiệt chi. Hoặc là nói tăng ca chi. Lại cũng viết tăng ca trí đều là tiếng Phạm chuyển dịch. Nói cho đúng tăng khước kỳ. Đây dịch áo lót sát nách. Hoặc nói là cù điều la. Đây dịch là cảnh tức là sáng tỏ. Giống như áo này. Tên áo hình lập, áo này Tây Vực cũng nói mặc vào trong sạch.

Cổ đạo. Ngược lại âm công hộ. Theo Thanh loại âm là qua giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là trong bụng có chất độc trùng. Gọi là loài côn trùng đi gieo độc hại. Chữ viết từ bộ trùng đến bộ mãnh chữ chỉ ý.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 49

Lịnh quyển. Ngược lại âm kỳ viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: người có nạp quyển là đứng đầu, quyển là uốn cong lại.

Quỹ ngữ. Ngược lại âm câu hủy. Lời nói biến đổi dối trá, mưu mô xảo quyệt. Quảng Nhã cho rằng: quỹ khinh khi.

Sơ hướng. Ngược lại âm san ư. Sơ là khai thông. Sách Thuyết Văn viết chữ sơ. Sơ là cửa sổ. Chữ viết từ bộ sơ đến bộ song chữ tượng hình. Cửa lớn có cánh cửa sổ đều là chỗ dẫn ra thông suốt các vật cho nên chữ viết từ bộ sơ. Sơ là lấy ý thông hành, âm sơ ngược lại âm sơn dữ.

Tróc hình. Văn cổ viết chữ bình cũng đồng, ngược lại âm hạ định. Tự Lâm cho rằng: cẳng chân. Thích danh cho rằng: hình cổ cẳng chân, thẳng mà dài giống như vật cọng thân cây.

Dủ đọa. Ngược lại âm dư nhũ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: dủ là làm việc lao nhọc. Quách Phác cho rằng: người làm việc lao khổ quá nhiều

sinh ra uể oải mệt mỏi lười nhác. Sách Thừa Khánh nói: người lười biếng không thể tự đứng dậy, nằm như trái dưa, trái bầu trên đất, không thể tự đứng dậy. Cho nên chữ viết từ bộ qua. Lại nữa, người lười biếng ở mãi trong nhà. Cho nên chữ viết từ bộ huyệt.

Cảnh tâm. Văn cổ viết chữ cảnh cũng đồng, ngược lại âm cư ảnh. Gọi là giới cẩn thận răn cấm cảnh giác. Sách Quảng Thất cho rằng: bất an. Văn luật viết cảnh là to lớn, ảnh chiếu quanh minh sáng suốt cảnh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đạt sấn. Ngược lại âm xoa cận. Trong kinh văn hoặc là viết đại sấn. Tiếng Phạm chuyển độc sai. Theo Luận Tôn Bà-tu-mật cũng viết là chữ đàn. Đây dịch là tài thí. Pháp thí cho được phước báo gọi là đạt sấn là con đường dẫn tới ruộng phước, nên gọi là đạt sấn, kế đến lại có ý khác là cắt bỏ sự yêu tiếc để thí cho kia. Nay gọi là có lợi ích. Nay cũng gọi là đàn sơn. Lại Tây Vực ký ghi rằng: đạt sấn nã giã hữu. Hoặc nói là hà khí ni nghĩa là dùng tay phải thọ nhận vật của người thí cho, khiến cho kia sanh được phước báo. Cho nên theo đây mà gọi tên. Trong kinh nói phước điền đó là trong kinh Hoa Nghiêm nói công đức đạt sấn, tức là nghĩa này. Văn luật viết từ bộ khẩu viết thành chữ sấn là chữ cận nghĩa.

Tiết độc. Văn cổ viết chữ quát tiết nghệ tiết bốn chữ tượng hình. Nay viết chữ tiết cũng đồng, ngược lại âm tiên kiết gọi khinh nhờn. Sách Phương ngôn cho rằng: tiết là đùa cợt. Quách Phác cho rằng: gần gũi quen lờn, khinh khi, xem thường. Văn dưới viết độc hai chữ tượng hình. Nay viết chữ độc cũng đồng, ngược lại âm đồ mộc. Văn thông dụng cho rằng: thói quen khinh lờn, gần gũi, quen nhờn gọi là tiết độc.

Thảo. Văn cổ viếthai chữ tượng hình. Nay viết chữ doanh cũng đồng, ngược lại âm thiên kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ mao quỳ, lá cỏ đỏ như máu người. Cho nên chữ quì từ bộ quỷ. Theo chữ sảnh là có thể nhuộm vải may áo.

Bất nại. Ngược lại âm nô đại. Tam Thương cho rằng: nhẫn nại. Bổn chữ từ bộ đao. Đỗ Lâm sửa lại từ bộ thốn.

Cấm mãn. Ngược lại âm ôn khí. Gọi là văn tự lượm lặt tìm kiếm chỗ chưa rõ nghĩa như thế nào. Đây nên nói người nước ngoài vặn hỏi. hoặc gọi là mang. Còn sai lầm âm hạp ngược lại âm cổ hạp. Âm mang ngược lại âm âm mạc lãng.

Tu tiêm. Ngược lại âm thất liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêm là xâu xuyên suốt nhạy bén. Văn thông dụng ghi là tiêm, là cái xăm, cái thẻ để xem bói.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 50

Phùng ẩn. Ngược lại âm ư cân. Ẩn tức là may áo. Văn thông dụng cho rằng: gấp lại khâu may gọi là ẩn.

Tác trợ. Văn cổ viết chữ trữ cũng đồng, ngược lại âm trực lự. Quảng Thất cho rằng: tức đưa ăn cơm, gọi là trợ. Văn luật viết chữ trợ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tri lược. Sách Nhĩ Thất cho rằng: chặt đốn gọi là trợ quặc. Chợ chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm hiệp ngược lại âm cổ hiệp.

Biên bức. Ngược lại âm phương miên, phương mục. Sách Phương ngôn cho rằng: bốn con chuột linh, tùy theo địa phương mà gọi khác nhau. Thôi Báo xưa nay chú giải rằng: biên bức gọi là chuột tiên biết bay, sống năm trăm tuổi, màu trắng, não rất nặng, tập hợp cácvật thì đầu rủ xuống, cho nên gọi là biên bức là chuột treo ngược mà ăn. Thức mặc là thuộc thần tiên. Âm mặc là âm mặc. Văn luật viết chữ đàn phúc là chẳng phải.

Linh tử. Ngược lại âm lực đinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: lan can chấn song cửa sổ. Nay nói ô vuông cửa sổ của chiếc xe là linh.

Hoành ký. Tự Lâm âm cự liệt. Gọi là cây đinh đóng gỗ. Sách Quảng Thất cho rằng: đinh đóng bìa sách. Giang Nam gọi là khái toàn. Ngược lại âm sở hoàn. Văn luật viết chữ yết. Sách Thuyết Văn âm là cự liệt. Yết là đưa lên, bỗng nhiên.

Tác quyển. Ngược lại âm khứ quyền. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: bẻ cong cây gọi là quyển. Văn luật viết chữ duyên là chẳng phải thể.

Kiều khách. Ngược lại âm ký kiêu. Tự Lâm cho rằng: kiều là gởi nhờ. Quảng Nhã cho rằng: kiều là cao. Văn luật viết kiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiều là người đi ở nhờ làng khác, nước khác. Quảng Thất cho rằng: kiều là người có tài năng. Kiều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Chuyết điểu. Ngược lại âm đinh quát. Sách Nhĩ Thất cho rằng: loài chim tu, chim trĩ. Quách Phác cho rằng: lớn giống như chim bồ câu, giống như chim trĩ, chân móng như chuột, có đuôi dài, loài chim hãm cấp bay đi đàn, theo phương Bắc, thường ở những cùng sa mạc. Loài chim cảm thịt ăn rất ngon, tục gọi là chim đột quyết. Sanh đẻ chứng trên tổ cao, giữa cây lớn, chim giống như loài chim thuần.

Cấp thủy. Ngược lại âm kim cập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp là dẫn nước. Quảng Thất cho rằng: lấy nước.

Khiết cao. Âm kiết cao. Văn thông dụng cho rằng: gào lấy nước gọi là khiết. Mặc Tử cho rằng: thùng gỗ chứa nước gọi là khiết cao.

Lan cách. Ngược lại âm canh ngạch. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cách là cái giá móc áo. Âm thí là âm di.

Loan thủ. Ngược lại âm cửu vạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thùng chứa nước rỉ sét, cũng gọi là gào múc nước âm. Thao ngược lại âm dực thiếu.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 51

Tác bà. Ngược lại âm bổ giá. Gọi là cái cào, cái bừa, âm đúng là bổ nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: bà nắm T.705 giữ, cũng gọi là giữ chặt, một tay nắm lấy gọi là bà.

Đao tiếu. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: tiếu các sách viết là chữ tước cũng đồng, ngược lại âm tư tiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là vót cho mũi đao nhọn, cũng là cái bao đựng đao. Sách Phương ngôn cho rằng: bao đựng kiếm. Quan Đông gọi là tước. Quan Tây gọi là quỹ. Âm quỹ là âm bĩnh. Giang Nam gọi là túc. Trung Quốc có nhiều tên gọi cũng nực cười.

Văn thước. Ngược lại âm mạc thiên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: văn là che đậy. Nay gọi che đậy là văn. Sách Chu lễ nói quán trọ chiếc xe không có vải che đậy. Văn luật viết chữ mạn hai chữ đều là giã tá.

Nhiên tư. Ngược lại âm nãi điển. Văn thông dụng cho rằng: dùng tay nắn bóp gọi là nhiên. Gọi là hai ngón tay thắc sợi dây. Theo Thanh loại cho rằng: nhiên là buộc vải nơ. Văn luật viết chữ niết, ngược lại âm nãi kiết. Tự Lâm cho rằng: niết là nặn, nắn, nặn tượng.

Lịnh kiều. Ngược lại âm cự diêu. Quảng Nhã cho rằng: kiều là đưa cao lên.

Nhãn kiểm. Ngược lại âm cư nghiễm. Sách Tự lược cho rằng: kiểm là mí mắt.

Nhĩ đang. Ngược lại âm đô đường. Thích danh cho rằng: xỏ xuyên qua tai để đeo bông tai, gọi là đang.

Tông luyện. Ngược lại âm tử tinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ nắm giữ các đầu mối tơ đang vào nhau gọi tòng.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 52

Trùy triêm. Ngược lại âm âm cự liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưỡi cày, cuốc. Văn thông dụng cho rằng: dụng cụ khoang dùi gọi là triêm. Văn luật viết chữ kiềm cho rằng lấy kềm kẹp lại, cũng gọi là kẹp cổ. Âm tiếp ngược lại âm nữ triếp.

Thác nang. Bì Thương cho rằng: viết chữ bị. Lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bổ giới. Vương Bậc chú giải sách Lão Tử rằng: nang là cái túi chứa nước. Đông Quán Hán Thư ghi rằng: bởi vì nước chảy ra gọi là bài. Âm bài nghĩa toàn tức cái ống thổi lửa vậy.

Tuyền khí. Ngược lại âm tợ quyến. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyền là hũ lô đựng rượu. Chữ khó viết hoàn gọi là dùng sợi dây xoay chuyển cái trục cắt gỗ làm dụng cụ.

Bằng các. Ngược lại âm bổ manh. Tam Thương cho rằng: cái gác làm quán trọ. Văn thông dụng cho rằng: cái gác liên kết với nhau gọi bằng.

Giáp bát. Ngược lại âm hồ giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: giáp là giữ lấy. Sách Nhĩ Thất cho rằng: giáp là kẹp giấu che giấu, cũng gọi là ôm giấu trong lòng.

Tương tranh. Sách Thuyết Văn viết chữ tranh là cây trụ cột, âm tranh ngược lại âm trửu canh. Thống Tự viết tranh ngược lại âm trượng canh. Gọi là động lòng, người hay nô đùa xúc chạm sanh ra động lòng che đậy, cũng viết chữ trang ngược lại âm văn hoành. Văn luật viết chữ tranh ngược lại âm đồ đương. Tâm Thương cho rằng tranh là cây lê, cây đổ. Tranh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tác quang. Văn cổ viết chữ hoành hai chữ tượng hình cũng đồng âm quang. Theo Thanh loại cho rằng: viết chữ quang gọi là thanh ngang của chiếc xe. Nay gọi là cái giường và cây thang bước xuống thanh ngang đều gọi là quang.

Nhược tàm. Ngược lại âm cổ hàm. Gọi là sợi dây nhỏ buộc tre trúc. Văn thông dụng cho rằng: xuyết là cái y dệt bằng tơ tằm.

Chỉ đạp. Văn cổ viết chữ đạp cũng đồng, ngược lại âm đồ đáp. đạp là kéo ngón tay, cũng gọi là kéo ra. Nay gọi bấn sợi dây tơ, tức là cái thoi.

Giã thổ. Ngược lại âm chi dã. Tam Thương cho rằng: giã là đất màu đỏ.

Bạch thiện. Tự Lâm âm là thiện. Thiện gọi là đất, tức là đất trắng,

cũng gọi là đất sét. Theo bổn thảo Ngô Tấn gọi là đất trắng, cũng gọi là sơn trắng.

Hoàng quách. Ngược lại âm hồ quang. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mộc lan. Văn luật viết hoằng ngược lại âm hồ manh. Gọi là nhà lớn, hướng rất sâu thăm thẳm. Hoằng chẳng phải nghĩa đây dùng. Quách khuếch trương rộng lớn, từ trong ra ngoài, quách là nhà rộng lớn.

Nhược lao. Chữ mượn âm ngược lại âm lực đạo. Lao là lụa gai làm ở bình khôi.

Tự thực. Lại viết chữ đài. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: viết chữ tự cũng đồng, ngược lại âm sắc chi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: hàm răng của con trâu. Quách Phác cho rằng: con trâu ăn rồi nhã ra rồi nhai trở lại. Sách Vận tập âm là thức chi. Nay ở Thiểm Tây đều nói như vậy.

Tạp nhu. Văn cổ viết nhẫn sửu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm nã cứu. Quảng Thất cho rằng: thức ăn tạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơm thô tạp.

Tác tháp. Ngược lại âm tha táp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy vàng bạc có chỗ che giấu.

Mao tiêu. Tự Lâm âm là tiên giao. Loại lông mao đẹp mượt mà. Văn thông dụng cho rằng: lông mao mọc dày đặc, cũng gọi gọt cạo da lông con thú. Theo chữ nghĩa đúng nghi là viết chữ hích ngược lại âm sở cách. Lông con nhện, cũng gọi là nhện giăng dây tơ.

Phong ngưu. Sách Hán thư Tây Vực truyện có viết phong ngưu đặng ốc gọi là lưng có nhục ký, giống như lưng con lạc đà, lại hiến cho là phong đà. Trịnh Thị cho rằng: trên lưng có sắc phong chữ khó viết là phong ngưu. Ngược lại âm phi phong. Nay có loại trâu hình dáng nhã mà trên đùi nó có nhục phong, tức là nhục thịt lồi lên.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 53

Bác yểm. âm bác tức là bác hý, gọi là đanh nhạc làm trò vui, dùng sáu chiếc đũa, sáu con cờ gọi là lục bác, dùng tay đè quanh tấm vải. Sách Toán văn cho rằng: bốc đè lên đồng tiền mà lắc, đồng tiền nhảy lên. Người ta thường gọi là xạ ý, ỷ gọi là xạ sổ, cũng gọi là bác hý dùng tay đè lên tài vật vậy.

Phách thạch. Gọi là đánh cờ, âm phách ngược lại âm phổ bạch.

Du siểm. Ngược lại âm dĩ chu. Sách Chu thư Trang Tử nói: du là nịnh hót nói theo trước mặt khen. Sau lưng chê, không chọn lựa phải quấy mà nói đó gọi là du. Văn luật viết du là văn cổ. Nay viết chữ du cũng đồng, ngược lại âm dực thụ. Du là báo cáo, giống như là khuyên can.

Cổ dương. Ngược lại âm công hộ. Tam Thương cho rằng: mùa hạ con dê đực đem đi thiến.

Tẩn hổ. Ngược lại âm tác tang. Tự Lâm cho rằng: con dê cái. Tam Thương cho rằng: con dê có đốm vằn.

Tuệ tinh. Văn cổ viết tập tuệ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tinh nhuế. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Tuệ tinh là lôi kéo đoạt lấy. Thích danh cho rằng: tinh là hơi sáng giống như tuệ. Văn luật viết chữ giản duyệt , duyệt là chẳng phải. Âm sàm ngược lại âm xoa hàm. Âm thương ngược lại âm xoa xung.

Nguyệt thực. Ngược lại âm thần thức. Sách Chu dịch cho rằng: mặt trăng trong cái chậu nước tức là thực. Thích danh cho rằng: mặt trời, mặt trăng bị tổn khuyết gọi là thực, cho rằng hơi hơi xâm tổn, giống như có côn trùng ăn, gặm cây cỏ, lá cây cỏ.

- **QUYỂN 54** (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 55

Cấu trung. Ngược lại âm tương thừa. Cổ hầu. hai âm. Cổ chân cong gọi là cấu, chữ viết chưa rõ ràng, xuất phát từ sách nào, nên căn cứ vào tục ngữ.

Bã trì. Ngược lại âm bút bì cũng gọi là cái ao, cũng là tên của con sông tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, âm lạc ngược lại âm phổ các. Ở gần phía Đông có chim sô tư hay đậu nghỉ gần sông này. Nay Quang Trung gọi là lạc ở U Châu gọi là điện âm điện ngược lại âm đồ kiến.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 56

Suyễn thượng. Ngược lại âm thị duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẻ tre ra làm đồ đựng ngũ cốc. Thóc, lúa. Văn luật viết chữ đan ngược lại dục đan. Gọi là cái giỏ cái sọt nhỏ. Luận ngữ cho rằng: đan là đồ đựng cơm thức ăn. Lại viết chữ đan đó ngược lại âm điển. Sách Nhĩ Thất cho rằng: là hợp tre nhỏ, đựng đình lịch, đựng thuốc đình lịch.

Duyên cũng. Ngược lại âm chỉ nhuyễn. Văn thông dụng cho rằng: cắt đoạn ra gọi chuyên. Văn luật viết thuyên ngược lại âm đinh quả nhi nhuyễn hai âm, gọi là con lúc lắc.

Cổ nhàn. Văn cổ viết cổ cũng đồng, ngược lại âm công hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là xương đùi. Thích danh cho rằng: cổ đó là cố là sức mạnh chắc chắn.

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 57

Xí sàng. Văn cổ viết chữ xí cũng đồng, ngược lại âm vưu thị. Thích danh cho rằng: xí là khai sáng bắt đầu, mở ra, nói rằng tự kéo dài ra thời gian cũng là then chốt, mở ra rộng lớn. Văn luật viết từ bộ sơn viết thành chữ xí ngược lại âm tiểu diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: dáng mạo người leo núi cũng vốn văn cổ viết chữ nguy, nhưng hai chữ này phần nhiều người ta tự viết cảm tác, chỗ giải thích đầy đủ.

San bệnh. Ngược lại âm sở gian. Sách Thuyết Văn cho rằng: san là bệnh đau bụng.

- QUYỂN 58, 59 (Hai quyển trên trước đều không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 60

Đề bại. Lại viết chữ di. Sách Thuyết Văn viết chữ đê cũng đồng, ngược lại âm đồ lê. Sách Nhĩ Thất chú giải rằng: đệ cũng giống như là

bại là lúa ma cỏ rác mọc dơ uế. Nay trụ gọi là đề là loại lúa dại mọc hoang không có hạt. Âm bại ngược lại âm bổ giải. Sách Thuyết Văn cho rằng: lúa khác biệt giống như cỏ, ngũ cốc vậy.

Tỉ cáo. Ngược lại âm ti dĩ. Gọi là lúa lép. Văn luật viết chữ hao ngược lại âm đương hộ. Sách Phương ngôn cho rằng: tỷ cũng là cáo ngược lại âm cổ mộc. Văn thông dụng cho rằng: lúa ma, không có hạt, nên gọi là cáo, âm cao ngược lại âm nô cốc chi nhược hai âm, ngược lại âm cũng âm mạc vô.

Biến khoái. Ngược lại âm khư hâu. Sách Luận ngữ nói rằng: lấy cây gậy mà đánh vào cổ chân người. Khổng An Quốc nói rằng: khấu là đánh. Văn luật viết chữ khấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở kinh thành dự đoán hỏi thăm người làm ruộng của đất Khấu Hương. Đây là chữ giã tá.

Nhi tư. Ngược lại âm tô hề. Văn thông dụng cho rằng: đồ sành sứ mà ngọc thanh tán cũng gọi là tư. Sách Phương ngôn cho rằng: tư thanh tán, nghĩa là đồ sứ tráng men. Văn luật có viết chữ tê ngược lại âm tiên đế. Sách Thuyết Văn cho rằng: tê là chậm chạp. Tê chẳng phải nghĩa đây dùng, âm dư ngược lại âm vấn.

Dịch trí. Ngược lại âm đinh lễ. Ngược lại âm dưới trinh nhĩ. Quảng Thất cho rằng: dịch là xúc chạm, va chạm trí là giẫm đạp lên, nói là va chạm giẫm đạp lên người.

Điền quyết. Lại viết chữ điền hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đô điền. Quảng Thất cho rằng: điền là người bị hình phạt treo ngược, điền cũng là che đậy, đảo ngược. Quyết hoặc là viết quyết cũng đồng, ngược lại âm cư nguyệt cự nguyệt hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyết ngã ngửa vấp té nằm ngửa.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 60

- Căn bổn nói có tất cả bộ Tỳ-nại-da Đại Luật - ba mươi quyển.
- Tỳ-ni - hai mươi quyển.

Trong quyển này âm Đại luật cộng năm mươi quyển.

ĐẠI ĐƯỜNG TRUNG HƯNG TAM TẠNG THÁNH GIÁO TỰA - NGỰ CHẾ

Mang mang. Ngược lại âm mang quang. Sách Tập Huấn nói rằng: mang mang đó là rộng lớn bao la. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủy thanh mang.

Kích hưởng. Ngược lại âm kinh diệc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: cảm kích. Khảo Thanh cho rằng: nước bấn lên hoặc là viết kích âm kích đồng với âm trên.

Sĩ giác. Ngược lại âm sự tử. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sĩ là đứng chờ đợi. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ lại viết thành chữ sĩ, chữ hội ý. Văn tựa viết từ bộ nhân viết thành chữ sĩ tục dùng chữ viết từ bộ lập thanh sĩ.

Bí thái. ngược lại âm trên bì mi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bí là đóng cửa lại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: bí là cẩn thận, thận trọng hoặc là từ bộ tỷ viết thành chữ bí. Giải thích nghĩa cũng đồng.

T.706 Trương viết. Ngược lại âm trương lượng.

Phổ cai. Ngược lại âm cải lai. Quảng Nhã cho rằng: cai là đầy đủ, bao quát. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: dự bị. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khái.

Phẩm vị. Âm vị. Quảng Nhã cho rằng: xếp cùng loại với nhau. văn cổ viết chữ vị từ bộ thị đến bộ thực tĩnh lược văn tự viết vị tục dùng

thông dụng.

Quỳnh biên. Ngược lại âm trên quỳ chinh. Theo Mao Thi Truyện nói: quỳnh là viên ngọc đẹp. Sách Thuyết Văn nói: cũng là viên ngọc. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ ngọc thanh quỳnh. Âm quỳnh là âm huy hồi từ bộ nhân đến bộ huyệt đến bộ mục đến bọ chi ngược lại âm dưới tốt miên. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: biên là so sánh liên tục. Cố Dã Vương cho rằng: biên là xếp theo thứ tự trước sau. Chữ viết từ bộ mịch thanh biên.

Tinh vụ. âm vụ. Sách Tự điển nói: loại ngựa chạy mau, ngựa phóng nhanh.

Biền túng. Ngược lại âm trên bình miên. Ngọc Thiên ghi rằng: biền giống như là la liệt, bao gồm hết tất cả, ngược lại âm dưới là túc dung. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: đi thì phải có dấu chân.

Chí sách. Ngược lại âm tranh cách. Sách Vận thuyên cho rằng: sách là sâu xa thâm u. Sách Chu Tòng nói: huyền diệu, thăm dò chỗ sâu ẩn sâu, kín đáo. Chữ viết từ bộ di, âm di là âm di thanh trách. Chữ trách từ bộ bối đến bộ thúc viết thành chữ sách.

Biện manh. Ngược lại âm dưới mạch phỏng. Quảng Nhã cho rằng: manh là người dân. Biên manh là người nông dân. Chữ viết từ bộ điền đến bộ vong thanh tĩnh.

Viên ký. Ngược lại âm trên là viên. Quảng Nhã cho rằng: viên là dẫn dắt đi theo. Chữ viết từ bộ hựu đến bộ ư, âm hựu ngược lại âm phi biểu. Âm dưới là kỵ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ký là và, với, đến. Văn tựa viết từ bộ thủy viết thành chữ kỵ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Chuyên hồi. Ngược lại âm triển liên. Sách Sở Từ cho rằng: chuyển, đi. Khảo Thanh cho rằng: dời đổi, gian nan khốn đốn, không tiến tới được. Chữ viết từ bộ xước thanh chiên âm chiên là âm thả.

Ky bạn. Âm trên là cơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dây cương buộc đầu con ngựa, buộc thúc ba chân liền lại. Chữ viết từ bộ võng đến bộ cách đến bộ mã chữ hội ý.

Vô cấn. Ngược lại âm ngư cấn. Quảng Nhã cho rằng: cấn là bến nước. Chữ viết từ bộ thổ thanh cân bến nước.

Lượng chúc. Ngược lại âm trên là lượng ngược lại âm dưới dũng nhục. Chúc viết từ bộ vĩ đến bộ thục.

Điêu thiền. Âm trên là điêu. điêu tức loài chồn ở phương Bắc, âm dưới là thiền tức là tên của loài côn trùng tức con ve cánh ve mỏng nhẹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới bụng nó kêu lên. Tấn chước cho rằng: lấy cánh ve mỏng làm đồ trang sức trên nón mũ, chữ hình thanh.

Điềm thần. Ngược lại âm điệp kiêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: điềm là yên tĩnh, an tĩnh. Chữ viết từ bộ tâm đến bộ thiệt.

Thích chi. Ngược lại âm trắc cách. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trích là ngắt, hái lấy quả.

Ấp thanh lưu. Ngược lại âm trên nhân tập. Sách Khảo Thanh cho rằng: ấp là rót rượu, cũng gọi là bỏ, cũng là uống vào. Chữ viết từ bộ thủ thanh ấp, âm tập ngược lại âm dĩ ấp. Rót vào trong.

Chí ảnh. Âm chí. Gọi là có thể cầm nắm tên gọi chúng các giống chim hung dữ.

Thăng hàng. Ngược lại âm hồ cang. Tên chiếc thuyền lớn.

Nam minh. âm minh. Tên của biển. Trang Sinh nói rằng: biển Bắc Minh đó ở Bắc cực, xa tận bên mặt trời, mặt trăng, cho nên gọi là minh nam. Minh âm chuyển vậy.

Thánh trục. Ngược lại âm dung lục. Gọi là dấu vết.

Mạc hỷ. Ngược lại âm mang bác. Sách Sở Từ cho rằng: mạc là xa tít, rộng bao la mênh mông. Chữ viết từ bộ xước thanh mạo, âm mạo là âm nhi.

Chích từ. Ngược lại âm chinh diệc. Sách Phương ngôn cho rằng: chích là nhặt lấy, thu nhặt. Hoặc là viết chữ giá. Văn tựa viết từ bộ túc viết thành chữ chích là chẳng phải.

Khóa tần. Ngược lại âm trên khoa hóa. Tục từ viết đúng từ bộ khoa âm khoa là âm khoa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khóa là vượt qua, bước qua. Chữ viết từ bộ túc thanh khóa.

Giới đô. Âm trên là giới. Giới là đến.

Tuệ viết. Ngược lại âm trên tùy nhuệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tuệ là quét, treo lên. Hoặc là viết chữ tuệ tức là cây chổi quét.

Vĩ vĩ. Ngược lại âm vĩ quỹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vĩ vĩ là sáng rực, chỉ hình thanh.

Vu điền. Ngược lại âm điền hiện. Tên nước là Hồ Ngữ. Ở phía Nam Tây An một ngàn hai trăm dặm. Nước này có núi, cũng tên là Vu Điền. Trên núi có loại ngọc rất đẹp, dưới thì có sông tên Ngọc Hà. Ngọc Hà cũng thành tên thành Côn Lôn. Xưa người dân trong thành này hiến ngọc cho vua, cho nên gọi là ngọc xuất phát từ thành Côn Lôn. Các nước chư Hồ gọi nước này Hoát Thư, cũng gọi là Địa Nhủ. Nước này có hai vị thiên thần: một là Tỳ-sa-môn Thiên Vương, thường qua lại nước Vu Điền, trụ ở đỉnh núi. Trên thành cũng có miếu, có bảy lớp lầu các. Một là Thiên Thử thần, thần này có lông vàng óng ánh, có mầu sắc sáng chói, thần này giống như con chó nhỏ, như con thỏ, rất là linh

thiêng, cầu phúc đều được, tên là Thần Thử Vương (tức là chuột vàng, thần chuột vàng).

Phác ngọc. Ngược lại âm phổ bác. Sách Vận thuyên cho rằng: chất đồng chì kim loại còn nguyên chất, khí tượng chưa phân ra gọi là phác.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 1

Điều hàn. Ngược lại âm trên điệu liêu. Sách Tập Huấn nói rằng: điều là nhánh cây nhỏ, ngược lại âm dưới thiên án. Sách Vân anh nói: thân cây và nhánh cây lớn gọi là hàn.

Bạo lưu. Âm bạo.

Hủy mộc. Ngược lại âm trên huy quý. Tên gọi chung của loại thảo mộc, cây cỏ. Sách Thuyết Văn rằng: chữ viết từ bộ triệt âm triệt ngược lại âm sĩ liệt.. Nay Địch Thư sửa lại ba bộ thập viết thành chữ hủy.

Câu sách. Ngược lại âm trên cẩu hầu. Chế ra hình tượng dùng như móc câu. Ngược lại âm dưới là sở cách. Gọi là chế ra làm cây roi dùng để đánh ngựa là sách chữ viết từ bộ trúc đến bộ thúc, âm thúc ngược lại âm thử tứ.

Hoàng tiệm. Âm trên là hoàng Gọi là dưới thành có hào bao quanh, ngược lại âm dưới là thất diêm. Hào lũy bao quanh ngoài thành. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới thành có ao nước bao quanh gọi là trì không có nước gọi hoàng, đắp đất cao nhọn lên gọi tường, bên tường đất có dòng nước bao quanh, trên có trồng cây gọi là tiệm.

Bí lặc. Âm trên là bí. Gọi là dây cương buộc đầu ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ty đến bộ đến bộ xa đến bộ khẩu. Giống như cây trục đầu bịt thiết của chiếu xe. Âm vệ là âm vệ.

Thuyền bát. Âm dưới là phạt chữ viết từ bộ mộc đến bộ phát. Văn luật viết chữ phạt này là chẳng phải.

Thê đặng. Ngược lại âm trên thể hộ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thê là thềm nấc bậc thang hoặc là lấy tre, gỗ làm thềm bậc có thể đi lên cao, ngược lại âm dưới đăng đặng. Sách Tập Huấn nói rằng: thềm đất có tầng cấp gọi là đặng. Kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ đặng là chẳng phải.

Nhai tế miểu nan tri. Âm trên là nha âm kế là tế, ngược lại âm

dưới nhĩ tiểu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước mênh mông tràn lan không thấy bờ bến đâu cả. Chữ viết từ bộ thủy.

Thương bao. Ngược lại âm trên sở sương. Sách Thuyết Văn cho rằng: là vết thương cũng dùng thông dụng chữ này. Ngược lại âm dưới bành mạo. Gọi là vết thương mới bắt đầu lở.

Trữ tư hóa. Ngược lại âm trên chư lữ âm kế là tử tư , âm dưới hỏa ngọa đều là bộ bối, chữ hình thanh.

Nhược thiểu. Ngược lại âm xướng chiểu. Quảng Nhã cho rằng: thiểu là thức ăn. Bì Thương cho rằng: mì sợi. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: nấu lúa mạch nhừ ra hoặc là nấu gạo làm cháo. Hoặc là viết chữ thiểu. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mạch thanh tù. Văn luật viết chữ thiểu tục dùng cũng thông dụng.

Nhược chúc. Ngược lại âm chung nhục. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: là lấy gạo nấu chín nhừ gọi là cháo, chữ cổ viết từ bộ cách viết thành chữ chúc, chữ đúng thể. Nay Địch Thư viết tóm lược chữ chúc. Văn luật dùng cũng thông dụng, âm náo là âm sử, âm cách ngược lại âm lịch cách.

Sa suyễn. Ngược lại âm trên sơ da. Sách Vận thuyên cho rằng: sa là sai lầm, ngược lại âm dưới xuyên nhuyễn. Cố Dã Vương cho rằng: sa suyễn là không đồng đều. Chữ viết từ bộ khỏa đến bộ tịch. Âm khỏa ngược lại âm khẩu quả. Âm tịch ngược lại âm trúc ngỏa.

Nhủ bộ. Ngược lại âm bổ mộ. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: trong miệng nhai thức ăn rồi nhổ ra đút cho đứa hài nhi gọi là bộ. Chữ viết từ bộ khẩu thanh bộ. Văn luật viết từ bộ thực viết thành chữ bộ ngược lại âm bố cô là chẳng phải vậy.

Bảo trì. Âm bảo. Xưa nay Chánh tự cho rằng: bảo là cái chăn bọc trẻ con. Văn Tự điển nói rằng: cái mền đắp trẻ con, tức là cái chăn và cái đãy bọc trẻ con. Chữ viết từ bộ y thanh bảo. Âm trịch ngược lại âm thi.

Nãn khách. Ngược lại âm ninh giản. Sách Phương ngôn cho rằng: nãn là hổ thẹn. Theo Thanh loại cho rằng: mắc cỡ hổ thẹn đỏ mặt. Chữ viết từ bộ xích thanh triển. Văn luật viết từ bộ bì viết thành chữ nãn tục dùng thông dụng, âm triển là âm triển.

Ba quắc. Ngược lại âm trên bạch ma cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ bà. Sách Khảo Thanh cho rằng: bà là gãi chỗ ngứa. Ngược lại âm dưới quỹ phách. Tương truyền âm dùng vốn chữ không có đúng. Gọi là lấy tay cào gãi nắm lấy khiến cho tổn hại.

Khiêu trịch. Ngược lại âm trên đình diêu. Thiên Thương Hiệt ghi:

khiêu là nhảy vọt lên. Quảng Nhã cho rằng: khiêu là nhảy ngược lại âm dưới là trình diệc ném thân nhảy lên, nhảy thật xa gọi trịch, hai chữ đều từ bộ túc đều thanh triệu trịch.

Sáng chế. Ngược lại âm sơ trang. Tục dùng thông dụng, chữ đúng từ bộ tinh viết thành chữ tĩnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: bắt đầu sáng lập, chữ hội ý.

Lung-á. Ngược lại âm trên lộc đông. ngược lại âm dưới ô giã.

Điệt-lý-ca. Điệt lý hai âm hợp lại mà đọc tiếng Phạm. Hoặc gọi là ma-đát-lý-ca. Đường Huyền Trang địch Bổn mẫu.

Ô-ba-đà-da. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là Thân giáo Hòa thượng cũng sai.

Phiến-sá-bán-trạch-ca. Âm sá ngược lại âm sửu da. Âm ca ngược lại âm lai khư. Tiếng Phạm Đường Huyền Trang cho rằng: Huỳnh môn, tức là năm căn không toàn vẹn. Loại người này có năm loại. Một là bẩm sinh vốn không có năm căn. Giả sử như có cũng giống như đứa trẻ, bé nhỏ không thể hành dâm dục. Hai là tuy có nam căn toàn vẹn, nhưng quả thận nằm bên ngoài, như có hành dâm dục mà không thể sanh con. Ba là thấy người khác hành dâm, hoặc là thấy nữ căn trong lòng suy nghĩ muốn làm việc dâm dục, tức có căn sanh nhưng không thấy tức co gúc trong bàng quang giống như nữ căn. Bốn là nửa tháng có thể là nam, nửa tháng là nữ. Năm là xưa nay vốn là nam căn. Sau dần dần tiêu biến mất là thiên kiền là vậy. Năm loại này là huỳnh môn.

Bao-sái-đà. Ngược lại âm trên bảo mao. Âm kế sa giả. Tiếng Phạm Đường Huyền Trang dịch là trưởng trịnh, cứ theo nửa tháng, nửa tháng đối với đại chúng trình bày sám tội, rửa sạch thân, ngữ, ý, rồi làm việc việc nghe thuyết giới. Trong kinh tăng trưởng tịnh nghiệp gọi là trưởng trịnh.

Tốt-thổ-la-để-ca. Tiếng Phạm trọng tội thứ hai.

Thức-xoa-na-nã. Tiếng Phạm giữ nửa giới của Tỳ-kheo ni.

Diệt tẩn. Ngược lại âm ty tẩn. Quảng Nhã cho rằng: tẩn là bỏ, trừ bỏ đi chữ viết từ bộ thủ.

Ốt-tích-ni-quốc. Ngược lại âm trên ô cốt.

Huyễn sắc. Ngược lại âm huyền quyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi khoe khoang để bán vật gọi là huyễn là buôn bán.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 2

Tư tài. Ngược lại âm trên tử tư. Quảng Nhã cho rằng: tư là hàng hóa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tư cũng là tài sản. Ngọc Thiên nói rằng: tư là tài sản. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối T.707 thanh thử, chữ thử đúng thể từ bộ chỉ đến bộ chủy.

Nộn thảo. Ngược lại âm nạp độn. Cỏ mới mọc lên còn non mềm mại. Chữ viết từ bộ nữ.

Bỉ tiết. Ngược lại âm tiên tiết. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tiết là khinh nhờn, nói là đùa cợt xem thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: quen nhờn khinh mạn. Chữ viết từ bộ nữ thanh tiết, âm độc là âm, âm diệp là âm điệp.

Đẩu tẩu. Ngược lại âm trên đẩu âm dưới tảng cẩu. Sách Khảo Thanh cho rằng: đẩu tẩu là chấn động y vật khiến cho bụi dơ bay lên. Hai chữ này không có định thể. Người dịch kinh tùy ý viết ra.

Trạc túc. âm trọc. Trạc giống như tẩy rửa.

Tẩy thủ. Ngược lại âm trên tiên lễ.

Lự thủy. Ngược lại lữ cứ. Gọi là lọc nước.

Bất ám. Ngược lại âm ám cam. tục dùng chữ đúng thể viết từ bộ hàm viết thành chữ ám. Sách Khảo Thanh cho rằng: ký hiệu. Sách Tập Huấn cho rằng: cho biết trước.

Giai tiết. Ngược lại âm trên khách giai. Quảng Nhã cho rằng: giai là chà xát. Ngược lại âm dưới tiên tiết. Sách Vận anh cho rằng: tiết là rỉ nước, giống như bài tiết ra ngoài.

Ủy tụy. âm trên là ủy ngược lại âm dưới là tình trụy. Theo chữ ủy tụy đó là lo buồn, rầu rĩ, không vui. Giống như cây cỏ vàng héo úa sắp chết, đều là chữ hình thanh.

Thuyên cải. Ngược lại âm thanh duyên. Sách Khảo Thanh cho rằng: chừa biết hối lỗi, dừng lại. Sách Vận anh cho rằng: cũng là sửa đổi lỗi lầm.

Khủ xỉ. Ngược lại âm khu vũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây răng bị sâu phá hại. Hộp đựng nghĩa kinh, sách viết chữ khủ. Nay Văn luật viết từ bộ ngụ viết thành chữ ngu ngược lại âm ngẫu cấu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: răng mọc trùng với nhau. So le không đều Cố Dã Vương cho rằng: răng không bằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng mọc không ngay, giống như là răng lòi xỉ. Cả hai nghĩa đều thông dụng, cho nên vẫn giữ.

Điếm bế môn. Ngược lại âm trên là điềm hiểm. Gọi là cánh cửa nhỏ đóng lại, bị ngăn trở vật, khiến cho không mở ra được. Xưa nay Chánh tự viết chữ hiểm chữ hình thanh. Gọi là then gài cửa.

Trùng niết. Ngược lại âm trên trục dung. Ngược lại âm dưới nghiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: niết là cắn. Chữ viết từ bộ xỉ thanh khiết, âm khiết ngược lại âm khan bát.

Sách ly. Ngược lại âm sở cách chữ tượng hình. Gọi là hàng rào khít bao quanh hồ nước, khiến cho giống như bức tường, dùng làm đoạn ra chứa người qua lại, gọi là sách. Ly âm ly, ly là hàng rào nhỏ, hoặc là dùng gai bó lại, hoặc là cây nhỏ dựng đứng làm hàng rào gọi là ly.

Bằng phú. Ngược lại âm trên bạch manh. Quảng Nhã cho rằng: bằng gác, là gác cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bằng là quán trọ chữ viết từ bộ mộc thanh bằng ngược lại âm dưới phu cứu. Giã Quỳ chú giải rằng: phú giống như là che đậy. Chữ viết từ bộ tây thanh phục.

Hang cang. Ngược lại âm hồng lãng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái giá móc áo. Ngược lại âm dưới là can hoặc là viết chữ can. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cái giá móc áo treo lên.

Sáng diêm. Ngược lại âm trên trạng trang. Ngược lại âm dưới tri lâm hoặc là viết chữ kham đều tọa cụ để ngồi.

Báng độc. âm dưới là độc. Sách Khảo Thanh cho rằng: hủy báng, oán thù, đau khổ, oán trách. Chữ viết từ bộ ngạnh đến bộ độc thanh tĩnh, âm ngạnh là âm cạnh.

Tán mi tần xúc. Ngược lại âm trên thư loan. Ngược lại âm dưới tử dục. nổi giận, sân hận.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 3

Tràng xuyễn. Ngược lại âm táp duyên. Sách Khảo Thanh cho rằng: xuyễn là chẻ tre đan thành cái tròn để chứa ngũ cốt, lúa mì.

Cáo trung. Ngược lại âm trên là giáo. Sáhc Vận anh cho rằng: cái hầm đào xuyên qua đất để cất giấu đồ vật hoặc là viết chữ uyển.

Câu trác. Ngược lại âm đinh giác. Lấy đồng, sắt thép làm móc câu, làm lưỡi liềm để chặt, đẽo, đốn. câu trác đó là vật dùng thông dụng, cũng gọi là tháp câu. Văn luật viết từ bộ đăng viết thành chữ đăng hoặc là viết chữ đăng đều sai. Chữ viết đúng từ bộ đôn đến bộ cân

thanh đan cũng như bộ đậu viết thành chữ đấu chữ từ bộ này là đúng.

Sái y. Ngược lại âm sanh trái. Gọi là làm cho khô.

Yết-địa-la-mộc. Ngược lại âm kiển nghiệt. Tiếng Phạm, phương Tây gọi là cây cứng chắc. Xưa dịch là khư-đà-la. Có thể gọi là cây cọc, hay cây đinh.

Ô-nha-dực. Ngược lại âm dăng tức. gọi cây cọc.

Y bốc. âm phục. Y bốc là khăn bịt đầu.

Y quỹ. Ngược lại âm quỳ vị. Gọi là y vật đầy cả rương lớn, hoặc là đơn viết chữ quỹ.

An tiên. Ngược lại âm tiễn tiên. Gọi là yên ngựa, lấy thảm lông thay thế, hoặc là viết chữ tiên. Lại viết chữ tiễn đều thông dụng.

Ngũ ma. Ngược lại âm mạc hạ. ngược lại âm dưới sa hạ. Đều là chữ chứ thanh. Tiếng Phạm, phương Tây gọi là kim bảo tiền tệ, kim bảo đây. Một hạt giống như hạt cây ngô đồng, cho dù lớn gọi là ma sái. Lấy phương Đông và Tây hai nước là thông dụng hàng hóa giá trị ước tính, có thể thẳng đến phương này tám mươi tiền đồng. Ngũ ma sái đây là ước tính phải là bốn trăm so với nước kia, vương pháp là người lấy trộm tài vật phải vĩnh viễn bỏ đi tống ra khỏi, nước bỏ vào rừng núi mặc cho sống chết. Nếu như trộm lấy từ một, hai, ba, bốn, Ma sái lượng tội riêng, không đến nỗi phải bỏ Phật. Chỗ chế giới đúng theo vương pháp. Tỳ-kheo chỗ trộm vật giá trị năm ma sái đó tức gọi phạm tội trọng, phải đuổi ra khỏi chúng, không cùng ở chung. Người xưa dịch kinh hiểu sai, đem một ma sái đồng với một tiền đó là rất sai. Đức Phật nói giáo pháp của ta tùy theo mỗi nơi, mỗi quốc độ mà chế ra giới. Giống như nước này đúng với pháp luật trên. Theo Tam hoàng ngũ đế sau và Đại Đường, pháp luật chế ra chưa nghe trộm năm tiền tức là hợp với luật định đến tội chết. Bởi vậy khi trộm lấy năm tiền sắp lên giữa trăm và vạn, phải chịu tội lưu hình đày đi nơi khác, cũng có khi đánh bằng roi mà không lưu đày đi nơi khác. Nói năm tiền là phạm tội nặng đó là đánh đập bị tổn thương, cấp nạn, nạn gấp là phải hộ trì, không biết phá giới này và nhiều giới khác nữa. Trong Hữu bộ luận văn nói rằng: bốn trăm là phạm tội nặng đó là sự nghiêm cấm nơi quốc độ này, vua chế ra pháp luật định là phải giáo nộp lượng tội nặng nhẹ đúng luật mà hành phạt. Trong bổn luật Phật chế ra mà hợp vậy.

Phúc lặc. âm trên là phúc tức là bụng âm dưới là lặc, tức xương hai bên bụng.

Tích thối. âm trên là tích chữ tượng hình, ngược lại âm dưới là thổ nổi. Gọi là xương hai bên đầu gối, từ đầu gối sắp lên, từ đầu gối sắp

xuống là xương đùi. Chữ viết từ bộ nhục thanh thối.

Lãm hệ. Ngược lại âm trên làm đàm là sợi dây lớn buộc chiếc thuyền, ngược lại âm dưới là kế. Chữ viết từ bộ mịch thanh báo.

Điền khuê. Ngược lại âm huệ khuê. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: huệ là khu đất thửa ruộng, sách ghi Tần Hiếu Công lấy hai trăm bốn mươi bước làm một mẫu, hai mươi lăm mẫu là tiểu huê, lấy năm mươi mẫu làm một đại huệ, chữ tượng hình.

Ung thuyền. Ngược lại âm ô cống. Gọi là đồ sành sứ, cái hũ lớn. Hoặc là viết chữ công tục dùng thông dụng.

Lược lộc. Ngược lại âm cường lượng. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy cung tên giăng lưới để bắt chim, thú gọi là lượt.

Cự thuyên. Ngược lại âm trên tức ngư. Gọi là cây cầu, ngược lại âm dưới thất duyên dụng làm băng tre như cái mỏm để bắt cá, chữ hình thanh.

Môn thiềm. Gọi là mái hiên nhà. Kinh văn viết chữ khăm hoặc là viết chữ khăm là chẳng phải.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 4

Khất cái. Ngược lại âm dưới khái ngãi. Cố Dã Vương cho rằng: cái cũng là khất. Sách Khảo Thanh cho rằng: Mong cầu. Xưa nay Chánh cho rằng: người mất hết tài sản của cải thì phải đi cầu xin ăn. Cho nên sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân đến bộ vong chữ hội ý. Xưa nay vẫn viết như trên.

Sái lệ. Ngược lại âm trên sa mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: sái là rảy nước giống như trời mưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: sái là vẩy, rảy nước chữ viết từ bộ lệ đến bộ sa thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là lân niết. Tục dùng thông dụng, văn cổ chữ viết đúng thể là từ bộ yêu đến bộ cao đến bộ chi đến bộ huyết, cũng là âm lịch kế. Giải thích nghĩa cũng đồng trên hoặc từ bộ mịch viết thành chữ lệ. Tự thư cho rằng: Dùng hai người, một người bên trái, một người bên phải buộc dây gào sóng mà tác nước. Nay lấy thanh nhập.

Lũ quỷ. Ngược lại âm trên lực vũ âm dưới là quỷ. Theo chữ lũ quỷ đó là dệt những sợi tơ tỉ mỉ, còn dư lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: lũ là những sợi chỉ dệt rồi mà không cắt bỏ còn dư lại, gọi là mối chỉ hoặc

là viết chữ quý này.

Tĩnh oa. Ngược lại âm hoằng hoa tục dùng thông dụng, viết chữ đúng là từ bộ mãnh viết thành chữ oa. oa tĩnh là con ếch ở trong giếng nước, cũng gọi là con ểnh ương có thể kêu đó, cũng gọi là thanh oa. hoặc là viết oa thanh là con ếch có đùi vàng dài hay giỏi nhảy, cũng gọi là hoàng hoài. Cố Dã Vương cho rằng: oa tức là con ếch con nhái.

Khao giác. Ngược lại âm xảo giao. Ngược lại âm dưới là khổ giác. Theo Thanh loại cho rằng: khao giác đó là cằn cỗi, không màu mỡ. Cố Dã Vương cho rằng: khao là đất cứng, cứng nên cằn cỗi, không tiện gieo trồng ngũ cốc, cằn cỗi bạt gầy mỏng manh, âm trách là âm khách âm tích là âm tịch.

Bán đê. âm dưới là đệ tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là làm lễ.

Quỷ cuống. Ngược lại âm trên là quỷ ngược lại âm dưới câu huống. Quỷ là dối trá. Cuống là mê hoặc đều là chữ hình thanh.

Xà chất thiện. Ngược lại âm trên là xạ giá. âm kế là chất, âm dưới là thiện. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chất là con đĩa dưới nước. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: thiện là con cá mà dài như con rắn gọi là con lươn, hoặc là viết chữ thiện. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thiện là con giun đất, con trùn v.v... đều không có chân đi bằng bụng, hoặc gọi là con sâu, con sắp được người ta nuôi, là loài côn trùng đi gieo độc hại cho người. Chỗ gọi là nuôi chứa đem xung cho rắn làm thức ăn, chữ hình thanh.

Thục bộc. Ngược lại âm dưới là bổ các. âm dữ bác. cũng đồng. Quảng Nhã cho rằng: bộc là chiên, rán. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng lửa làm cho khô. Sách Vận anh cho rằng: Lửa cháy bức bách gần kề. Hoặc viết bộc hoặc là viết từ bộ bì viết thành chữ đều âm là bác gọi là nướng ran khiến cho khô. Văn luật viết từ bộ chuyên viết thành chữ chuyên là chẳng phải. Trong và ngoài phần tự điển đều không có chữ này. Người dịch kinh tùy ý viết.

Chương lộc. âm trên là dương âm dưới là lộc loài thú có bốn chân.

Tề tào. âm trên là tề âm dưới là tào. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ấu trùng của con bọ cam, con bọ hung. Quách Phác chú giải rằng: con mọt đục khoét trong cây gỗ. Lại cũng gọi là con bọ hung hay ủi đất. Xưa nay Chánh tự viết chữ này là đúng vậy.

Hoàng nga. âm trên là hoàng. tức là loài côn trùng. Loài châu chấu sinh sản rất nhiều, âm trung tức là âm chung. Âm dực là âm đặc,

âm mao là âm mao, âm tặc tức là âm tặc ngược lại âm dưới tức là ngã ca. Tức là con tằm hóa làm bướm ngài, ấu trùng làm sâu mọt đều là loại côn trùng có nhiều chân.

Phong nghị. Ngược lại âm trên là phong ngược lại âm dưới nghi khải. Hoặc là viết chữ khải cũng là loại côn trùng có nhiều chân.

Chiết thông. Ngược lại âm tri liệt.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 5

Giao thao. ngược lại âm thảo đao. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vải đánh bằng tơ. Theo Thanh loại cho rằng: dệt tơ giống như là dây thừng. Hoặc là viết chữ theo. Sách Văn Tự điển nói: bện tơ làm dây. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ điều thanh tĩnh.

Hiềm khích. Ngược lại âm trên trấp kiêm ngược lại âm dưới ngự nghịch. Cố Dã Vương cho rằng: không hài lòng, giận không vui.

Tu tập. Ngược lại âm dưới xâm nhập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chồng chất thêm vào, sửa trị. Chữ viết từ bộ thảo thanh tập.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 6

Táo thấu. Ngược lại âm trên tao lão. Quảng Nhã cho rằng: Táo là tắm gội. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: Táo tẩy rửa trừ đi dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa tay. Chữ viết từ bộ thủy thanh táo ngược lại âm dưới sưu trứu. Quảng Nhã cho rằng: thấu là xúc miệng. Lại gọi là uống nước vào nhổ ra rửa sạch miệng. Văn Tự điển nói: xúc miệng, chậu nước sạch để xúc miệng. Chữ viết từ bộ thủy thanh thấu, âm quán ngược lại sừ giác. Âm sàm ngược lại âm sàng hàm. Âm thấu ngược lại âm sóc trứu. âm trứu ngược lại âm trang cứu.

Tham thiết. Ngược lại âm dưới là thiên kiết. Văn cổ viết chữ thiết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tham ăn gọi là thiết. Văn luật viết từ bộ liệt viết thành chữ thiết. Sách viết sai. Văn Tự điển nói viết từ bộ thực thanh điển, âm điển là âm điện.

Cù lao. Ngược lại âm trên cường vu. Ngược lại âm dưới lão cao.

Điền lạp. âm trên là điền âm dưới liêm triếp. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: điền liệp đó là tên chung gọi người nông dân làm ruộng, đi săn thú. Cũng là thói quen thu về chiến lợi phẩm, săn bắt lấy.

Thô khoáng. Ngược lại âm thảo áo. Sách Vận anh cho rằng: tháo là ý chí không thay đổi. Hoặc viết từ bộ nhân viết thành chữ tháo. Văn Tự điển nói viết từ bộ thủ thanh táo, âm táo ngược lại âm tang đáo.

Sách lệ. Ngược lại âm trên sở cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: sách là cây roi quất ngựa. Chữ viết từ bộ thúc thanh thúc ngược lại âm dưới là lực duệ. Sách Vận anh cho rằng: lệ là khuyến khích cố gắng sức lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm hết sức lực. Chữ viết từ bộ lực thanh lệ.

Cấu dĩ. Ngược lại âm trên là cấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấu là giương cung. Chữ viết từ bộ cung thanh cấu.

Triển sát. Ngược lại âm trên ni triển. tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: chiếc xe nghiền nát. Hoặc là viết chữ năn thao. gọi là giẫm đạp lên. Chuẩn theo nghĩa kinh, gọi là then cửa dời chỗ, năn sát là loài côn trùng, rắn độc, chữ viết đúng từ bộ xa thanh năn, âm năn đồng với âm trên.

Độc thích. Ngược lại âm thủy diệc. Văn Tự điển nói rằng: loài ong chích nọc độc cho người. Chữ viết từ bộ trùng thanh thích.

Ly. Ngược lại âm trên là sĩ tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: ly giao đó là lấy vỏ cây nấu mài àm chất keo có thể dùng để dán dính, bắt chim sẻ, giống như keo nhựa, ngược lại âm dưới là giao. Cố Dã Vương cho rằng: giao đó đó là keo dính, chỗ gọi là liên kết với nhau các vật khiến cho dính vào nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục đến bộ mậu thanh tĩnh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 7

Ngạo mạn. Ngược lại âm trên ao đáo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: mạn là khinh khi. Đỗ Dự cho rằng: không cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: không cung kính, kiêu ngạo. Chữ viết từ bộ nhân thanh ao. Ngược lại âm dưới man biện. Sách Khảo Thanh

cho rằng: không cung kính, biếng nhác, không kiên sợ. Hoặc là viết từ bộ nữ, hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ mạn. Sách Văn Tự điển nói rằng: giãi đãi lười nhác, khinh khi xem thường. Chữ viết từ bộ tâm thanh man, âm man là âm vạn.

Chủng tiền. Ngược lại âm trên chung dũng. Theo Thanh loại cho rằng: chủng là gót chân. Sách Sở Từ cho rằng: gót chân tiếp nối chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: truy đuổi theo. Chữ viết từ bộ túc thanh chung.

Thuyên cải. Ngược lại âm thất duyên. Sách Bát-nhã cho rằng: sửa đổi lỗi lầm, càng tốt hơn. Sách Phương ngôn cho rằng: tự mình hối lỗi, sửa đổi, cải hối gọi là thuyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngăn ngừa, dừng lại. Chữ viết từ bộ tâm thanh tuấn, âm tuấn ngược lại âm thất tuần.

Bác cập tất. Ngược lại âm trên bàng mạc. Sách Chu lễ nói rằng: bác là cánh tay, phần xương cùi chỏ. Sách Tập Huấn nói rằng: hai bên vai và cánh tay. Chữ viết từ bộ cốt đến bộ bác thanh tĩnh. Kinh văn viết nhục là chẳng phải.

Cấp ách. Ngược lại âm trên kim lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: chật hẹp, nóng nảy. Chữ viết từ bộ tâm thanh cập ngược lại âm dưới là ách. Sách Khảo Thanh cho rằng: ách là nắm lấy, Văn Tự điển nói rằng: giữ lấy. Chữ viết từ bộ mộc thanh ách, âm ách đồng với âm trên. Văn luật viết chữ ách tục dùng thông dụng, âm biển ngược lại âm tất diễn.

Miết giao. Ngược lại âm trên là tiên diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thủy giới, tức con ba ba, xương ngoài, mà thịt bên trong. Chữ viết từ bộ manh thanh tệ. Văn luật viết từ bộ quy hoặc là viết từ bộ trùng. Viết chữ mãnh miết đều sai chẳng phải, ngược lại âm dưới nhã giảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: giảo là rắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xỉ thanh giao. Văn luật viết từ bộ khẩu viết thành chữ giảo tục dùng cũng thông dụng.

Tự ải. Ngược lại âm y nhị. Sách Vận anh cho rằng: tự ải. là tự thắt cổ mà chết, chữ hình thanh.

Bao sái đà. Ngược lại âm trên bảo mao. âm kế sa giã. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là chúng trưởng tịnh tăng, hòa hợp, nửa tháng, nửa tháng, bố tát quyển thứ nhất trước đã giải thích rồi.

Quyền uyển. Ngược lại âm trên quyển viên. ngược lại âm uyển hoán. Sách Thuyết Văn cho rằng: cùi chỏ sau, nắm tay. Chữ viết từ bộ mục đến bộ thủ. Tuy chữ cổ đúng thể, nhưng văn luật viết từ bộ uyển viết thành chữ uyển hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ uyển đều tục

dùng chẳng phải.

Mâu sóc. Ngược lại âm trên mạc hậu. Nay gọi là cây thương, cây mâu chữ tượng hình, văn cổ viết chữ mâu này. Ngược lại âm dưới là sương tróc. Sách Bát-nhã cho rằng: loại binh khí ngày xưa. Sách Vận thuyên cho rằng: cây mâu dài, chữ tượng hình.

Luân tán. Âm trên là luân. Luân đó là Tây Vực có loại chiến luân, lấy thiết chì làm chiến luân gắn đao nhọn bén làm cho bay phất phới, để đánh, đoạn mạng căn kia, hoặc là làm thương tổn tay chân hoặc thương tổn đến thân phần. Luân này là kiếp luân hồi, rất khéo léo, vi diệu, tiếp lấy gọi là đấu luân. Xa tức là dùng cung, nỏ, kế đến cần là dùng. Luân càng gần hơn dùng lưới, dây, đao, mổ xẻ ra và dùng cây thương, mâu, kích tán để đánh nhau. Âm tán ngược lại âm thô loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tán là cây mâu ngắn gọi là tán, tức cây đao long tục tử, tức đao nhỏ ngắn, có thể múa lắc lư, phóng làm tổn thương người và ngựa phía bên kia.

Thảo đình. Ngược lại âm dưới là đình. Theo chữ thảo đình. đó là ngũ cốc, như lúa mạch, lúa thử, tươi tốt, kết bông chùm gọi là đình Sách Nhĩ Thất viết từ bộ trúc thanh đình, chữ đình từ bộ thủ đến bộ xước.

Mao đạm. Ngược lại âm tham cảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: đạm là dệt lông làm thảm, cũng như là thảm nhung, hoặc là dệt có màu sắc, năm màu, có hoa văn. Hoặc gọi là thảm lông, cũng gọi là mền long, chiếu v.v... Xưa nay Chánh tự dùng chữ này, chữ tượng hình.

Trịch truyên. âm dưới là duyên đồ góm sành sứ, gạch ngói nung.

Hấn liệt. âm trên là vấn. Sách Khảo Thanh cho rằng: hấn là đồ đựng vật bị phá nứt mà không rời ra. Bì Thương cho rằng: xé ra. Chữ viết từ bộ ngọc đến bộ hấn thanh tĩnh âm hấn ngược lại âm cân cận.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 8

Đàm ấm. Ngược lại âm trên là đàm ngược lại âm dưới ấp cấm. Sách Khảo Thanh cho rằng: đàm ấm đó trên ngực trong phổi có nước, bệnh phổi. Chữ viết từ bộ đều từ bộ tật, chữ hình thanh, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Ngõa âu. Ngược lại âm dưới âu hầu. Theo Thanh loại cho rằng: ngõa là cái bát nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chậu nhỏ, chữ hình

thanh, âm uyển là âm uyển, âm âu là âm cẩu.

Cận đắc. âm trên là cận. Sách Tập Huấn cho rằng: cẩn là chẳng qua, vừa mới. Quảng Nhã cho rằng: sơ qua, ít ỏi. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ nhân thanh cận âm cận là âm cẩn.

Thê đăng. Ngược lại âm trên thể nê. ngược lại âm dưới đang đặng.

Sất yết. Ngược lại âm trên chân chất. ngược lại âm dưới ha cát. Gọi là la mắng, quở trách lớn tiếng.

Đáp câu. âm trên là đáp ngược lại âm dưới cẩu hầu. Gọi là chiến cụ, dụng cụ đánh giặc, đầu cây gậy trúc có móc câu.

Như Định - (III)

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 9

Nguyên đà. âm trên là nguyên. Sách Thuyết Văn nói: nguyên là con ba ba lớn, âm dưới là đà hà. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: đà là loài bò sát giống cá sấu, dài một, hai trượng, lưng và đuôi đều có vảy, da của nó có thể bịt trống. Chữ viết từ bộ mãnh âm mãnh là âm mãnh thanh đà, âm đà là âm na.

Bạo lưu. âm trên bao mạo. Sách Văn Tự điển nói: sông nghĩa dâng lên cao nước chảy xiết.

Túc cân. Ngược lại âm cấn ân. Thích danh cho rằng: gót chân phía sau. Sách Thuyết Văn cho rằng: gót chân. Chữ viết từ bộ túc thanh.

Ái đãi. Ngược lại âm trên ai cãi. ngược lại âm dưới địa ái. Sách Khảo Thanh cho rằng: Ái đãi là mây cuồn cuộn, ùn ùn kéo đến. Sách Sở Từ cho rằng: ngày tháng không có ánh sáng che phủ toàn mây đen đều chữ hình thanh.

Thông duệ. Ngược lại âm trên sang hồng. Văn luật viết từ bộ công viết thành chữ thông tục dùng cũng thông dụng. Sách Thượng thư rằng: nghe gọi là thông. Khổng An Quốc chú giải rằng: tai nghe rõ ràng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chính xác. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh thông, âm thông đồng với âm trên theo âm thông, ngược lại âm sở hồng chữ tượng hình, ngược lại âm dưới duyệt huệ. Hồng Phạm cho rằng: duệ là làm bậc Thánh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: suy nghĩ tinh tường. Quảng Nhã cho rằng: trí tuệ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: sáng

suốt thâm sâu. Chữ viết từ bộ tàn đến bộ dung thanh tĩnh, từ bộ mục âm tàn là âm tàn.

Tỏa chiết. Ngược lại âm trên tổ ngọa. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: chiết là cây đao bén nhọn cũng gọi là tỏa, ngược lại âm dưới chiến nhiệt. Giải thích cũng đồng như trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: lôi kéo đẩy ra, bẻ gãy, chữ viết đều từ bộ thủ đều thanh tọa cân.

Khinh táo. Ngược lại âm tao lạo. Cố Dã Vương cho rằng: táo là động. Sách Luận ngữ cho rằng: không an tịnh. Chữ viết từ bộ túc thanh.

Phong nhuệ. Âm trên là phong ngược lại âm dưới duyệt huệ. Từ giác là khí giới bén nhọn như dao.

Tham độc. Ngược lại âm trên sở cẩm. Lấy lời dối trá lừa gạt, hủy nhục người. Chữ viết từ bộ ngôn thanh tham. Văn luật viết từ bộ thể viết thành chữ tham là chẳng phải. Ngược lại âm dưới đồng đốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: có chỗ hại người, cất giấu cây cỏ là chất độc hại người, oán hận, ghét bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ triệt đến bộ độc. Độc cũng là thanh. Văn cổ viết chữ xi cũng từ chữ cổ, cũng có viết từ bộ trùng viết thành chữ độc, cũng từ bộ thổ viết thành chữ độc đến bộ mẫu viết thành chữ độc âm độc là âm ái.

Song loa. Ngược lại âm lô hòa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loa là tiếng kêu vi vu. Quách Phác chú giải rằng: con ốc sên. Theo chữ song loa đó là loại nhạc khí, người ta lấy con ốc sên trong biển lớn, mài trên đỉnh con ốc chỗ nhọn, khiến cho có cái lỗ hổng, treo lên khi có gió thổi làm phát ra tiếng kêu âm thanh hoa nhạc gọi là pháp loa. Chữ viết từ bộ tùng thanh loa. Văn luật viết chữ loa là chẳng phải. Âm loa ngược lại âm lỗ ngọa. Tuy là chữ cổ nhưng đúng thể.

Noãn đảnh. Ngược lại âm nô quan. Sách Thuyết Văn cho rằng: ấm áp. Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn cũng viết chữ noãn nghĩa cũng đồng trên. Âm nhuyễn ngược lại âm nhi nhuyễn.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 10

Cơ cẩn. Ngược lại âm trên kỷ nghi. Cố Dã Vương cho rằng: người chứa ngũ cốc lương thực thức ăn chỉ có chút ít. Theo Truyện cho rằng: ngũ cốc không mọc lên được gọi là cơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đói.

Chữ viết từ bộ thực thanh cơ, âm dưới là cận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: rau không chín gọi cẩn, tức là lương thực. Theo Truyện cho rằng: ba loại ngũ cốc không mọc gọi là cẩn chữ hình thanh.

Thanh ứ. Ngược lại âm ư cứ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích chứa máu trong gọi là ứ máu.

Giáng trướng. Ngược lại âm trên phát bang. Bì Thương cho rằng: giáng cũng gọi là sưng phình lên. Xưa nay Chánh tự viết chữ bán cũng viết chữ giáng, từ bộ nhục thanh phong, ngược lại âm dưới trương lương. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trướng cũng gọi là bụng sưng no đầy. Xưa nay Chánh tự cho rằng: giáng là sưng phồng lên. Chữ viết từ bộ nhục thanh trướng, hoặc là viết chữ trướng cũng đồng, chữ hình thanh. Âm cang ngược lại âm khổ giang.

Tiều tụy. Ngược lại âm trên tề diêu ngược lại âm dưới là tình trụy. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiều tụy là bệnh ốm gầy, xấu ác, cũng viết từ bộ hiệt viết thành chữ tiều. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: viết từ bộ ngôn viết thành chữ tiều. Ban cố viết từ bộ tật viết thành chữ tiều tụy. Sách Phương ngôn cho rằng: viết từ bộ tâm viết thành chữ tiều. Tiều tụy. đó là lo buồn, sầu não cũng không định thể. Các nhà Nho tùy ý viết lại lưu truyền cho đời chưa biết nắm giữ thông suốt.

Kiếp lược. Ngược lại âm kiếm nghiệp. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: kiếp là uy hiếp, muốn dùng dao uy hiếp trừ bỏ mạng sống của người, hoặc gọi là dùng dao ngăn cản, cướp đoạt gọi là kiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lực. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ đao đến bộ khư tóm lược, ngược lại âm dưới là lương chước. Sách Vận anh cho rằng: dùng sức mạnh đoạt lấy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kiếp lượt là cướp đoạt tài sản lấy vật. Cố Dã Vương cho rằng: cướp đoạt, chiếm đoạt lấy vật. Lại âm lượng giải thích nghĩa đều đồng, lại viết lượt này, chữ chuyển chú.

Hoa thu. Ngược lại âm hoa khoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoa thụ là tên cây mọc trên núi. Hoặc là viết từ bộ sư viết thành chữ sư âm cũng đồng. Theo chữ hoa đó có hai loại màu trắng và màu đỏ, vỏ cây có thể làm đốt nến cháy lên màu đỏ, ánh sáng lung linh huyền diệu rất đẹp.

Bán đệ. Ngược lại âm trên bán âm dưới đệ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là lễ bái. Quyển thứ tư trước đã giải thích rồi.

Huyên biển. Ngược hương viện. Cố Dã Vương cho rằng: ồn ào. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đông người ồn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí xuất lên đầu, T.709 chữ viết từ bộ hiệt đến

bộ huyên âm huyên ngược lại âm trang lập. chữ hội ý.

Hoạch nội. Ngược lại âm hoáng quách. Quảng Nhã cho rằng: theo chữ hoạch đó là cái nồi lớn như cái đĩnh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: cái nồi nấu thịt, có chân gọi là đĩnh không chân gọi là hoạch, chữ hình thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái mai để đào đất, âm huề là âm huê.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 11

Hương khiếp. Ngược lại âm trên tưởng dương. Văn Tự điển nói: dùng tre bện đan làm cái rương, cái hộp để y phục, hoặc là đựng kinh sách, giống như cái tráp, hoặc là vuông, hộp tre vuông. Ngược lại âm dưới hiềm hiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiếp là cái rương. Chữ viết từ bộ trúc thanh khiếp, âm khiếp cũng đồng âm tư là âm tứ, âm hạp là âm hợp.

Bỉ tiết. Ngược lại âm dưới là tiên liệt. Quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Hệ tông đới. âm tông. Sách Khảo Thanh cho rằng: tông là kết lại. Theo chữ tông đới đó là buộc tóc bằng lùa dày. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tiêu thanh thông, âm tiêu ngược lại âm tất diêu. Văn luật viết chữ tông này cũng thông dụng.

Tự ải. Ngược lại âm y kế. Tự ải là thất cổ tự tử.

Tề duyên. âm trên là tề Sách Thuyết Văn cho rằng: tề là cuốn rốn. Chữ viết từ bộ nhục thanh tề ngược lại âm dưới thuyền nhuyễn. gọi là bắp chân.

Phủ phách. Ngược lại âm trên phu vũ. ngược lại âm dưới phổ bách. Tục dùng đều thông dụng. Chánh thể viết từ bộ phó viết thành chữ phủ, âm dưới từ bộ thủ thanh bạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: an ủi vỗ về, phủ cũng là phách. Thương xót.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 12

Môi sính. Ngược lại âm trên mỗi bôi. Sách Chu lễ cho rằng: là mưu tính, bàn tính một việc. Trịnh Huyền cho rằng: đem việc khác nói hợp lại khiến cho thành thân với nhau, gọi là làm mai mối, ngược lại âm dưới là thất tinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: là hỏi, lấy lễ vật tài sản làm sính lễ, hỏi vợ, chữ viết đều từ bộ nữ đều thanh môi sính. Hoặc là viết từ bộ nhĩ viết thành chữ sính, âm sính ngược lại âm thất đinh.

Cách tỷ. âm trên là chữ cách chữ đúng thể viết từ ba bộ thập đến bộ cửu chữ viết thảo, chữ hội ý. Nói ba mươi năm là một đời, câu nói này càng hợp với đạo. Ngược lại âm dưới sư tử. Nay nói cách tỷ đó, theo Mao Thi Truyện cho rằng: cách là da. Ở Tây Vực nói rằng: dùng da làm giày dép, màu đỏ.

Khuynh đồi. Ngược lại âm trên khuyễn dinh. Tự thư cho rằng: khuynh cũng là hội. Cố Dã Vương cho rằng: khuynh là nghiêng lệch. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: không ngay. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chỗ chật hẹp bức bách. Chữ viết từ bộ nhân thanh khoảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ phụ viết thành chữ khuynh giải thích sử dụng cũng đồng, ngược lại âm dưới đồ lôi. Quảng Nhã cho rằng: đồi là hư hoại. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: rớt xuống hầm. Sách Tập Huấn nói rằng: hủy hoại, trọng thương, thương tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trọc đầu, không có tóc. Chữ viết từ bộ ngốc đến chữ đồi thanh tĩnh hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ đồi cũng thông dụng. Kinh văn viết chữ hiệt viết thành chữ đồi, tục dùng là chẳng phải.

Hà khích. Ngược lại âm trên hạ da. Quảng Nhã cho rằng: hà là che mờ dơ uế. Cố Dã Vương cho rằng: hà cũng là khích. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên ngọc màu đỏ bị nứt. Chữ viết từ bộ ngọc thanh hà, âm hà, ngược lại âm da nhã , mượn âm hà để dùng chữ này.

Hám tước. Ngược lại âm trên đàm lam. Quảng Nhã cho rằng: hám là ăn, cho ăn, hoặc là viết chữ đàm, ngược lại âm dưới tương tước. chữ đúng thể. Quảng Nhã cho rằng: tước là ăn chay. Tự thư cho rằng: ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh tước.

Hoàng huân. Ngược lại âm huy vân. Gọi là ánh nắng lúc trời chiều. Tục gọi là hoàng hôn, tức là giờ tuất. Chữ viết từ bộ nhật thanh uân.

Bà quặc. Ngược lại âm cuồng hoặc. Sách Vận anh cho rằng: quặc là chặt đốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái bừa lớn. Chữ viết từ bộ kim đến bộ thanh tĩnh, âm quặc ngược lại âm vương quắc. âm chúc ngược

lại âm gia lục. âm sừ ngược lại âm trợ sơ.

Phanh cơ. Ngược lại âm trên bá manh. Sách Khảo Thanh cho rằng: phanh là mạch máu, dây thần kinh. Theo chữ phanh đó giống như cây bị cưa mặt tiếp giáp nhau, dùng sợi dây kéo ra kéo mãi cho thẳng, đúng ngay chuẩn mực. Cho rằng cơ đó là tường bao quanh chữ trên viết từ bộ mịch thanh phanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 13

Nữ y. Ngược lại âm ý cơ. Sách Tập Huấn cho rằng: y là dùng ý khéo léo, trí tuệ suy nghĩ làm ra thứ thuốc trị tiêu bệnh tật. Sách Thuyết Văn cho rằng: người thầy thuốc trị bệnh, dùng thuốc tất phải có rượu để làm thuốc. Cho nên viết chữ y từ bộ dậu. Dậu là chữ cổ, văn cổ viết chữ tửu. Xưa Vu Bành là tổ ban đầu làm thầy thuốc. Hoặc là viết từ bộ vu viết thành chữ y.

Bảo trì. Âm trên là bảo. Theo Thanh loại nói rằng: tên gọi của đứa trẻ nhỏ là cưỡng bảo. chữ hình thanh.

Đề hồ. âm trên là âm dưới là hồ. Sách Vận thuyên cho rằng: chất tinh của tô lạc làm đề hồ tức là sữa đặc, nhuyễn mịn trơn, cho nên không ngăn trệ, giống như dầu thơm sạch, gọi là tinh hồ.

Mi lộc. Ngược lại âm mỹ bi. Sách Khảo Thanh cho rằng: mi giống như con nai mà lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại giống hươu. Khi mùa Đông đến là cởi bỏ cái sừng. Chữ viết từ bộ lộc đến bộ mễ thanh tĩnh.

Ky bán. Ngược lại âm trên kỹ nghi. Sách Khảo Thanh cho rằng: ky là dây cương buộc ngựa. Hoặc là viết từ bộ kỳ viết thành chữ ky. Văn cổ viết từ bộ võng đến bộ mã viết thành chữ ky, âm mã ngược lại âm chiêm lập , chữ hội ý, ngược lại âm dưới bạn, âm bán tức là âm mã bán. chữ hình thanh.

Ty huỳnh. Ngược lại âm dưới ư doanh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huynh bao vây, vòng tròn. Sách Khảo Thanh cho rằng: buộc vấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâu lấy bao quanh buộc lại. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ dinh thanh tĩnh âm quyển là âm quyển.

Phi quyết. âm trên phi gọi là người thầy thuốc dùng kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng kim để phá ung nhọt, chữ hình thanh.

Thủy chất. Ngược lại âm trên chân nhật. Loài côn trùng ở dưới nước cắn hút máu người, tức là con đỉa. Chữ viết từ bộ trùng.

Châm chước. Ngược lại âm trên chấp nhận ngược lại âm dưới là chương nhược. Tự thư cho rằng: dùng ý khéo léo đo lường, độ lượng, chư hình thanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 14

Tẩn nghịch. Ngược lại âm trên tẩn nhẫn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là bỏ đi, phế bỏ. Sách Lễ ký cho rằng: cùng nhau lôi kéo đẩy ra ngoài, bỏ trừ bỏ. Chữ viết từ bộ thủ thanh tẩn, ngược lại âm dưới là xích. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nghịch là đuổi, đuổi theo. Quảng Nhã cho rằng: đẩy ra. Hán thư cho rằng: nghịch là đuổi không dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ chối. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh nghịch, âm nghịch là âm nghịch.

Báng hộc. âm dưới là độc. Theo chữ báng độc đó nghĩa là phi lý, chê bai, hủy nhục, vọng dối, gạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói lời độc ác mắng nhiếc người.

Nghi thiêu. Ngược lại âm khiêu điêu. Theo Thanh loại cho rằng: thiêu là khều móc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh khiêu.

Ưng quật. Ngược lại âm trên ức căng. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: loài chim hung dữ, ngược lại âm dưới bì cốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 15

Bôi khí. Ngược lại âm trên phi bôi. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồ sứ, gạch ngói chưa nung đó gọi là phôi. Chữ viết từ bộ thổ đến bộ phi thanh tĩnh. Gạch ngói chưa nung đó cũng gọi là chuyên, chữ bôi hoặc là viết chữ bôi này cũng đồng.

Kiêu cuống. Ngược lại âm trên kiêu yêu. Sách Khảo Thanh cho

rằng: kiêu là giả dối, giả trá, ngược lại âm dưới là câu huống. Gọi là khinh khi mê hoặc. Trước đã giải thích rồi.

Chỉ trá. Ngược lại âm trên kiết dĩ ngược lại âm dưới trích ca. Ở Tây Vực gọi là tên của núi.

A-thấp-bạc-ca. Tiếng Phạm, tên người. Đây dịch không đúng.

Bổ-nại-phạt-tố. âm nại ngược lại âm nô cát. cũng là tên người, người phiên dịch không đúng.

Bán-đậu-lô-tứ-đắc-ca. Đây dịch là màu vàng, đỏ, cũng là tên người. Luật tự dịch.

Nhất cúc. Ngược lại âm cung lục. bưng hâity, tay bưng thức ăn.

- **QUYỂN 16** (Không có chữ giải thích âm.)

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 17

Ốt-tự-la-tăng-già. Ngược lại âm trên ôn cốt. Âm kế đơn hạt. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là y ca sa bảy điều.

Thung đảo. Ngược lại âm trên thúc chung. Cố Dã Vương cho rằng: thung cái cối giã gạo. Sách Khảo Thanh cho rằng: thung cũng là đảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: đảo là giã lúa thóc, đập lúa. Chữ viết từ bộ cũng âm cũng là âm cung là dùng tay nắm lấy, nắm lấy cái chày đập vào cối, nắm chặt cán chày mà giã vào cối. Chữ xử viết từ bộ mộc đến bộ ngọ. Nay Địch Thư viết biến thể viết thành chữ thung. Xưa Ung Phụ ban đầu viết thung nghĩa là đào đất làm cối chữ tượng hình. Sách Triện thư viết trên từ chữ ngọ đến chữ bộ dưới là bộ cửu viết thành chữ thung. Văn cổ viết từ chữ ngọ.

Thập nhị trửu thệ. Ngược lại âm thể đê. Bình Thanh Thê là cây thang gỗ. Trước quyển thứ tám đã giải thích rồi.

Tiêu địch. âm trên là tiêu là tên của nhạc khí. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu giống như lấy cánh chim phụng bện lại làm ống nhỏ, có hai mươi ba ống dài một thước bốn tấc. Dưới là âm địch là ống sáo, một loại nhạc khí dùng ống trúc tạo thành, bảy lỗ. Thổi giống như lồng tiếng.

Bề chước. Ngược lại âm trên bế mê. Bề là cây sạn quậy cháo, đảo thuốc. Văn luật viết từ bộ ty viết thành chữ bại tục dùng thông dụng.

Ngược lại âm dưới là thường chước. gọi là cán gáo.

Tỏa thảo. Ngược lại âm trên thô ngọa. Cố Dã Vương cho rằng: tỏa giống như là hình phạt chém ngang lưng, chặt cỏ, bằm cỏ cho nhuyễn nuôi bò, ngựa cho nó ăn.

Xa ách. âm ách. Quách Phác chú giải rằng: thanh gỗ ngang đè lên cổ trâu bộ tục gọi là xa cách. hoặc viết chữ ách, vốn là thanh gỗ cong. Chữ ách là đúng thể âm ách.

Thức ngột. âm trên là hy Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: xưa dựa vào vào đòn ngang trước xe để cúi mình xuống tợ tôn kính chủ nhân. Sách Văn Tự điển nói rằng: thanh ngang trước xe.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 18

Quyên trừ. Ngược lại âm trên là quyết duyên. Âm trước trong nghĩa đã giải thích nhiều rồi, đây không cần giải thích nữa.

Ổi tẩn. Ngược lại âm trên ôi hồi. Ngược lại âm dưới là tịch tấn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: thiêu lửa cháy còn dư lại tro tàn gọi tẩn đều là chữ hình thanh. Sách Thuyết Văn viết chữ tẩn này cũng đồng.

Liệu cử. âm trên là liệu. Theo chữ liệu cử đó là vén áo lên. Tay nắm áo lên mà đi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: liệu cử hai chữ đều từ bộ thủ âm khu ngược lại âm khẩu hầu.

Xúc bệ. Ngược lại âm tỳ lễ. Theo sách Vận anh cho rằng: bể là xương đùi ngoài, tức là hai xương bắp chân từ ngang lưng sắp xuống đầu gối, sắp lên là tên thông dòng là bể. Chữ viết từ bộ cốt thanh bể. Văn luật viết từ bộ nhục viết thành chữ bể hoặc là viết chữ bể đều thông dụng.

Cao-cổ-bạt-ca. âm cổ là âm cư. Tiếng Phạm. Văn luật tự giải thích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 19

Vô minh xát. Ngược lại âm khổ giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: xát là trứng chim, vỏ trứng chim. Nói vô minh xát đó là giống như trứng chim, có thể bao gồm tất cả phiền não, khiến không có tan diệt, luân chuyển trong năm đường chịu tất cả loại hình, không thể xa lìa tam giới, đều dựa vào vô minh mà trụ, không được tự tại. Nay nhờ nương oai thần Phật lực trí tuệ biện tài, phá tan vô minh, nói chánh chân đạo. Lấy trí tuệ nhãn căn ngược lại chiếu phá vô minh, như phá hết cái vỏ rỗng của con chim vận dùng chỗ không mà được tự tại.

Luyến tích. Ngược lại âm trên liệt duyên. tục dùng thông dụng. Sách Vận anh cho rằng: tay chân gân cốt co quắp lại không thể bước đi co duỗi được. Chữ chánh thể từ tật đến bộ loan viết thành chữ luyến âm luyến ngược lại âm liệt chuyển. âm dưới là tích. Cố Dã Vương cho rằng: tích là cái chân teo khô một bên T.710 không thể đi, cũng là chữ hình thanh. Chữ viết từ bộ túc thanh tích.

Khánh tĩnh. Ngược lại âm trên khách canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khanh là cái hầm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gò đất lớn, âm dưới là tình hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ tĩnh. Tĩnh đó là đã ouyên qua đất giống như cái giếng, cái hầm, để gọi là các con thú rớt xuống hầm, giống bắt lấy, nên gọi là tĩnh chữ viết từ bộ huyệt thanh tĩnh.

Độc độc. Ngược lại âm trên sở cẩm. Gọi là sát hại khốc liệt. Tàn hại lẫn nhau, cũng gọi là tham độc, quyển thứ chín trước đã giải thích rồi.

Ngu ngai. Ngược lại âm dưới là nhai ngai. chữ thượng thanh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngai đó gọi là không có chỗ hiểu biết. Ngai cũng gọi là ngu chữ viết từ bộ mã thanh hỷ.

Tẩn nghịch. Ngược lại âm trên tân nhẫn. âm dưới là xích, quyển thứ mười trước đã giải thích rồi.

Nhiên vi. Ngược lại âm niên điển. dùng hai ngón tay vặn tới vặn lui xoay gọi là nhiên.

Huy diện. Ngược lại âm trên hủy vi. Sách Khảo Thanh cho rằng: là bao gồm chỉ huy dùng ngón tay để chỉ.

Tánh khử. Ngược lại âm khứ cư. Khử giống như là bỏ, loại bỏ, trừ bỏ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 20

Bài sóc. Ngược lại âm bài mai. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của loại binh khí, gậy ngày xưa. Theo chữ bài đó tức là cái thuẫn, lúc mà đánh nhau giao chiến với nhau dùng cái thuẫn che đậy thân mình lại làm vật ngăn cản đao tên bắn vào. Văn luật viết từ bộ tường viết thành chữ bài là chẳng phải. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc viết thành chữ bài thanh tĩnh quyển thứ bảy trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Toàn tập. Ngược lại âm tàng hoàn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: Tán là thu gom lại. Sách Vận tập nói: cũng hội tụ lạc. Chữ viết từ bộ thủ thanh tán, âm tán ngược lại âm tát.

Bẩm tính. Ngược lại âm trên là bỉ cẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: bẩm là thọ nhận. Sách Khảo Thanh cho rằng: ban tặng. Sách Văn Tự điển nói: thừa nhận. Chữ viết từ bộ hòa thanh bẩm âm bẩm ngược lại âm lực cẩm.

Tham thiết. âm dưới là thiết. Gọi là tham ăn gọi là thiết quyển thứ sáu trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Lũ quỹ. Ngược lại âm trên lục chủ. ngược lại âm dưới lạc vi. đầu mối chỉ dệt còn dư lại, quyển thứ tư trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Khuể bộ. Ngược lại âm trên khuy quý. Sách Phương ngôn cho rằng: đi nửa bước gọi là khuể. Sách Lễ ký nói: người quân tử đi nửa bước không dám quên. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ túc thanh khuê.

Giai khuyết. Ngược lại âm trên khách giai ngược lại âm dưới là khuyển duyệt. quyển thứ hai trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tàm ty. Ngược lại âm trên tạp nam. Sách Nhĩ Nhã nói rằng: con tằm ăn lá dâu con ở trong cái kén, tức tằm mới nở. Quách Phác chú giải rằng: ăn lá dâu đó tức là nay người thường dân nuôi tằm, chữ viết từ hai bộ trùng đến bộ tán thanh tĩnh âm tượng là âm tượng.

Can thành. Ngược lại âm can hãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: can đó là do như làm bánh, lấy vải làm lót làm bánh, nay gọi là mài ra làm bánh giả. Chữ viết từ bộ y thanh cam.

Nhất kiển. Ngược lại âm kiên hiển. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có bốn loại kén đều để nuôi tằm, như con tằm còn ở trong cái kén, giống như tằm còn ở trong kén là con tằm con non chưa có nhã tơ được. Sách Thuyết Văn nói rằng: áo dệt bằng tơ tằm. Chữ viết từ bộ trùng thanh miên, âm miên là âm miên. Con tằm giống như con bướm mới nở, có

hai cái sừng tương đối nhau.

Hoặc phách. âm dưới là bách. Cố Dã Vương cho rằng: phách tách cho nứt ra, phá ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 21

Man sắc. Ngược lại âm trên mạc bang. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: man là loạn. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công ký rằng: man là pha trộn tạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bò, con dê có đốm trắng đen pha trộn, gọi là man. Chữ viết từ bộ ngưu thanh man, chữ man từ bộ khuyển đến bộ sam.

Nhiêu giác. Ngược lại âm trên xảo giao âm dưới khổng giác. Trong kinh âm nghĩa trước. Trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Thâu thạch. âm trên là thâu Bì Thương cho rằng: thâu thạch giống như là kim mà giống như là không phải kim loại. Ở nước Tây Nhung Phiên gọi là luyện thuốc trong ống đồng, khi thành rồi có hai loại. Thâu thạch tốt và xấu, không đều nhau. xấu đó gọi là giao bạch là chiết khôi tức than, còn loại tốt đó là giao huỳnh, gọi là kim chiết. cũng gọi là chiết kim, cũng gọi là chân thâu. Tục gọi là không duyên dùng kim là vậy.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 22

Mao đàm. Ngược lại âm tham cảm. quyển thứ bảy trước đã giải thích rồi.

Xuyết dĩ. Ngược lại âm trên chuyển liệt. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: xuyết là thôi, dừng nghỉ, chỗ dùng trí tuệ thí cho người khác. Chữ viết từ bộ xa thanh xuyết âm xuyết đồng với âm trên.

Nhiếp vi. Ngược lại âm trên chiêm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiếp là áo lót, cũng gọi là làm nhục. Xúc phạm chữ viết từ bộ y thanh nhiếp, âm tiết là âm tiết, âm nhiếp ngược lại âm ni thiếp.

Sát pháp. Ngược lại âm trên sanh giới. Sách Khảo Thanh cho rằng: có uy thế. Sách Vận thuyên cho rằng: gấp vội. Cố Dã Vương cho rằng: dùng sức mạnh đánh con vật. Chữ viết từ bộ thủ thanh sát, âm dưới là phách, quyển thứ 11 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Kim đĩnh. âm trên là định. Loại kim ngân còn nguyên chất chưa luyện ra thành đồ dùng.

Khoa đãn. Ngược lại âm trên khoa hoa. Sách Ích pháp cho rằng: nói khoác, khoe khoang, không có thật gọi là khoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoa cũng là đãn tức là càn láo. Ngược lại âm dưới đàn lan. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đãn là khinh khi, ngạo mạn, xem thường. Chữ viết từ bộ ngôn thanh đãn.

Dung thấp. Ngược lại âm trên dục dung. cùng với âm dung cũng đồng. Gọi là lò đúc kim khí làm cho chảy đồng ra nhưng chưa đúc gọi là dung chữ hình thanh.

Tử khoáng. Ngược lại âm dưới quắc mãnh. Ở Tây Vực, tên của loại thuốc, luyện bằng vỏ cây, hòa chế bằng chất vỏ cây nấu thành keo mà luyện thành. Có thể gọi là keo dính có để chất hóa học vào, gọi là từ ngoại quốc đem đến.

Thiết diệp. Ngược lại âm trên thiên niết. âm dưới là diệp. Gọi là đập ống đồng thiết cho mỏng ra, rộng ra. Giống như miếng bánh dầu gọi là diệp.

Toàn tác. Ngược lại âm trên là toán quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng cây dùi đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: đục xuyên qua. Chữ viết từ bộ kim thanh tán. Chữ tán từ bộ bối đến bộ tiên âm tiên ngược lại âm sở trân. tục dùng hai chữ này.

Dĩ cục. Ngược lại âm cung ngọc. Sách Vận anh cho rằng: Lấy thiết bịt quấn vật bó thúc lại khiến cho hợp, viết từ bộ cục thanh cục.

Pha biệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: biệt đó là xem xét lựa chọn tốt xấu. Hoặc là viết từ bộ trúc viết thành chữ biệt, biệt đây giống như khác biệt, chữ hình thanh.

Thác ngạch. Ngược lại âm trên đát đá. ngược lại âm dưới là nhai cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: đạt là thông suốt. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ nhân thanh đạt, âm dưới là ngạch. Sách Vận anh cho rằng: ngạch là cái trán, viết đúng từ bộ các ? viết thành chữ ngạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ hiệt viết thành chữ cách là tĩnh lược. Kinh văn viết từ bộ khách tục dùng đã lâu rồi. người Giang Đông gọi ngạch là nhạ tức là ngạc nhiên. Người ở U Châu gọi ngạch là ngạc đều chuyển thanh sai lầm.

Quan phát. Ngược lại âm loan bản. Sách Khảo Thanh cho rằng: oản là kết buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm oản nay không dùng. Chữ viết từ bộ mịch thanh quan.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 23

Phóng trửu. Ngược lại âm dưới chu dậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cây chổi dụng cụ dùng để quét đất. Cố Dã Vương cho rằng: trửu chỗ gọi là tảo trừ, phân dơ. Xưa đó Thiếu Khang ban đầu viết kỳ trửu , tức là cái mẹt đựng gạo làm rượu. Thiếu Khang, tức Đỗ Khang. Sách Thuyết Văn cho rằng: quét phân dơ bỏ đi. Chữ viết từ bộ hựu đến bộ cân gọi là tảo trừ bên trong trống rỗng, âm quynh ngược lại âm quý dinh.

Mật trí. Ngược lại âm dưới trì lợi. Quảng Nhã cho rằng: trí là thêm vào, đến. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: sợi chỉ may nhặt khít lại dày đặc gọi là trí. Sách Văn Tự điển nói rằng: trí cũng là mật, tức dày đặc. Chữ viết từ bộ mịch thanh trí.

Huyễn dụ. Ngược lại âm trên quyết huyễn. âm dưới là dậu. Sách Vận lược cho rằng: nói lời khéo léo dẫn dắt. Sách Ngọc Thiên cho rằng: khuyến khích động viên, khuyên can dạy bảo, chữ viết đều từ bộ ngôn chữ hình thanh.

Cánh vô di quyết. âm trên là duy. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: di là quên. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: di giống như, mất mát, rơi rớt quên bỏ sót. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh di. Di viết đúng là chữ quý ngược lại âm dưới là kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: xa xỉ xa hoa lãng phí, sơ sót, thiếu sót. Theo Truyện cho rằng: kiết là cô đơn, thừa lại, thiếu sót. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có cánh tay phải. Chữ viết từ bộ liễu, tượng hình thanh quyết âm quyết là âm quyết.

Vô thốc tiễn. Ngược lại âm trên tông lộc. Sách Vận anh cho rằng: đầu nhọn của mũi tên. Văn Tự điển nói rằng: đầu mũi tên cắm vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: bén nhọn. Chữ viết từ bộ kim thanh tộc, ngược lại âm dưới tướng tiễn là mũi tên. Chữ viết từ bộ trúc thanh tiền.

Phân bái nhi quy. Ngược lại âm bùi muội. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kết vải làm đuôi cờ gọi là bái. Quách Phác cho rằng: tấm vải lụa trắng

làm cái đuôi cờ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đội quân trước cửa theo cây cờ lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: kết loại cờ màu đen có vẽ hình rùa, rắn để tránh tai họa, cũng là để cầu mưa trút xuống. Chữ viết từ bộ ư đến bộ bái thanh tĩnh.

Phù lỗ. Ngược lại âm phủ vô. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phù là lấy, giữ lấy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bắt giữ lấy người gọi phù. Cố Dã Vương cho rằng: bắt giữ người làm tù binh, chỗ gọi là bắt giữ người cắt tai, xẻo tai, âm quất ngược lại âm khoáng mạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: cắt lấy tai của người. Theo Tả Truyện cho rằng: hiến cho làm tù binh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ quân lính thu hoạch được chiến lợi phẩm. Chữ viết từ bộ nhân thanh phù ngược lại âm dưới là lỗ. Sách Khảo Thanh cho rằng: lỗ Là cướp đoạt, dùng sức mạnh bắt giữ lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thu hoạch được. Chữ viết từ bộ mẫu đến bộ lực thanh hổ.

Côn nghị. âm trên là côn. Tục dùng thông dụng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: côn là loài côn trùng nhỏ nhít. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng thể viết từ bộ côn là tên chung gọi loài côn trùng, chữ viết từ hai bộ trùng, ngược lại âm dưới là nghi khải.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 24

Tất lăng. âm trên là tất xét kỹ lời nói của Tây Vực là tên của vị thuốc, vốn xuất phát từ Ba Tư và nước Bà-la-môn, giống như lá dâu nhỏ mà xiết chặt, căng thẳng, lại dài, mùi vị rất cay.

Hành cang. Ngược lại âm hàng lãng. Văn luật viết nhiễm tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới cang băng. quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Đăng chú. âm dưới là chú tức là nay gọi là tim đèn. Tây Vực, phần nhiều là xe vải trắng làm sợi chỉ làm tim đèn. Theo chữ chú đó là tim dẫn dắt, đốt lửa lên thắp sáng đó gọi là đăng chú. vốn không có chữ này, người dịch kinh lấy ý viết ra, chỉ giữ lại giải thích cũng tương đương nghĩa. Sách Vận âm mới tập hợp vào gọi vận âm. Ngọc Thiên, Thuyết Văn. Tự Lâm, Tự Thống. Xưa nay Chánh tự v.v... đều không có chữ này.

Nhu tại. Ngược lại âm nữ cứu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ

rằng: nhu đó là màu sắc pha tạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữu viết thành chữ nhận gọi là cơn pha trộn, chữ hình thanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 25

Khiên cửu. Ngược lại âm trên khương trác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: khiên là có lỗi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: khiên đánh mất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh diễn, âm diễn là âm diễn âm dưới là cựu chữ cổ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: cửu là tội ác. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: cửu cũng giống như tội lỗi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tai nạn. Văn cổ sách Thượng thư giải thích là làm tội lỗi. Chữ viết từ bộ nhân đến bộ các gọi là nhiều người cùng nhau làm trái ngược lại.

Nghiên hạch. Ngược lại âm trên niết kiên. Quảng Nhã cho rằng: nghiên là thuần thục, chín nhừ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là mài mò, tìm tòi. Chữ viết từ bộ thạch thanh nghiên, âm nghiên là âm khiên, ngược lại âm dưới là hài cách. Sách Hán thư cho rằng: tra xét xem sự thật khảo nghiệm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạch là khảo xét sự thật. Văn Tự điển nói: phàm tra xét các việc nơi chỗ chật hẹp, xa xôi, chỗ che đậy, tìm tòi sự thật. Chữ viết từ bộ á thanh kích, âm kích là âm kích, âm á ngược lại âm nha giã.

Trù trừ. Ngược lại âm trên trửu lưu. âm dưới lằt. Sách Khảo Thanh cho rằng: trù trừ lảtong lòng không quyết định, dùng đằng không chịu đi. Theo Hàn thi ngoại truyện cho rằng: trù trừ giống như bồi hồi. đi đi lại lại không chịu tiến tới. Quảng Nhã cho rằng: giống như do dự. Sách Văn Tự điển nói rằng: hai chữ đều từ bộ túc đều là thanh trù trừ.

Miễu mục. Ngược lại âm diệu phiêu. Sách Phương ngôn cho rằng: một con mắt nhỏ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hé mắt nhỏ nhìn ra. Sách Chu dịch nói rằng: miễu là có thể nhìn. Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ mục thanh thiểu.

Bối ẩu. Ngược lại âm bôi muội. âm dưới là vu. Cố Dã Vương cho rằng: ẩu đó là thân con lại. Văn Tự Tập Lược nói rằng: thân thể không thể duỗi thẳng ra được. Quảng Nhã cho rằng: cong lại, lưng khom xuống gọi là lưng gù. Chữ viết từ bộ nhân thanh khu, âm khu là âm khưu.

Chu nhu. âm trên là chu âm dưới nhũ chu. Trịnh Huyền chú giải

sách Lễ ký rằng: chu nhu đó là người lùn, ngắn. Sách Vận anh cho rằng: thấp bé. Xưa nay Chánh tự đều từ bộ nhân chữ hình thanh.

Quải hành. Ngược lại âm quai mại. chữ Thượng thanh, tục dùng thông dụng, tức là người già cầm đầu cây gậy chống để đi gọi là quải. Đứa trẻ bị bệnh cái chân không thể đi được đó là chống cây nạn, hai cây nạn dưới nách mà đi đó gọi là quải. Tất cả chữ trong sách đều không có chữ này. Sách Thuyết văn, Ngọc thiên, Cổ kim chánh tự đều viết chữ can tức là gậy trúc, chữ tượng hình, các chữ trong sách cũng đồng. Lại âm quai nay không dùng. Chữ viết từ bộ mộc T.711 thanh lánh, âm lánh ngược lại âm khoa quả.

Xỉ thần. Ngược lại âm xa giã. Sách Vận thuyên cho rằng: xỉ thần là từ từ cúi xuống há miệng ra. Theo Mao Thi Truyện nói: há miệng to ra. Thiên Thương Hiệt ghi: thư thả thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: há miệng to ra. Chữ viết từ bộ khẩu đến bộ di thanh tĩnh.

Khủ xỉ. Ngược lại âm trên ngô câu. Sách Vận anh cho rằng: cây răng mọc không có ngay, hoặc là bên trong, hoặc là bên ngoài hàng, không đều bằng nhau nay gọi là răng lồi xỉ. Chữ viết từ bộ xỉ đến bộ ngẩu thanh tĩnh, âm ngẩu là âm ngẩu.

Canh khẩn. Ngược lại âm khang ngận. Thiên Thương Hiệt ghi: khẩn là cày ruộng gieo trồng. Chữ viết từ bộ thổ thanh khẩn, âm khẩn là âm khôn ẩn.

Xưởng giáp. Ngược lại âm trên xướng dưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: xưởng là rộng lớn, sáng sủa, khai mở. Sách Thuyết Văn cho rằng: nơi gò đất cao bằng phẳng có thể nhìn ra xa. Chữ viết từ bộ phộc thanh thượng, âm dưới là giáp. Sách Tập Huấn ghi: giáp là kho lẫm chứa, nhò nhỏ hẹp, thấp. Âm khố ngược lại âm trâm giáp.

Liêm chước. âm trên là liêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: cắt cỏ, cái lưỡi liềm cong để cắt cỏ, chữ hình thanh.

Tân khanh. âm dưới là canh. Theo Thanh loại cho rằng: lúa không dẻo, tục viết chữ canh là chẳng phải. Chữ viết từ bộ hòa thanh khanh, âm khanh là âm nham.

Xưởng nội. Ngược lại âm trên xướng lưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhà lớn không có vách tường ngăn che gọi là xưởng.

Ký dẫn. Ngược lại âm trần nhẫn. Quảng Nhã cho rằng: là sợi dây to. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: dẫn ? là quan hệ ràng buộc lôi kéo con vật nuôi, giống như dẫn dắt con trâu nghé theo sau gọi là dẫn. Tư Mã gọi là buộc sợi dây dẫn theo sau. Chữ viết từ bộ mịch thanh dẫn.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 26

Bài toàn. Ngược lại âm trên bại mai. Cố Dã Vương cho rằng: bài là lôi kéo, cầm nắm cái cán. Quảng Nhã cho rằng: đẩy ra. Văn Tự điển nói: dùng sức mà ép, gạt đẩy ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh phi, âm tế ngược lại âm lê ngược lại âm dưới là thương loạn. Quảng Nhã cho rằng: cây đao nhọn. Văn Tự điển nói: cây giáo ngắn. tục gọi là toàn là múa đao, ném giáo, chữ hình thanh, âm diên ngược lại âm thị diên.

Ủy tự. Ngược lại âm trên ủy vi. âm dưới là tự. Quảng Nhã cho rằng: ủy cũng là tự. Cố Dã Vương cho rằng: cung cấp thức ăn cho người đều là chữ hình thanh.

Cù du. Ngược lại âm trên cụ ngu. ngược lại âm dưới sở sơ. Tây Nhung Hỗ Ngữ Khảo Thanh nói rằng: thảm trải nên dệt bằng lông, có vân sọc năm màu sắc rực rỡ, hoặc là làm bằng lông chim thú, vật làm chòn sử dụng, tức là vải bố lông thưa. Theo Thanh loại cho rằng: chiếu lông, sản xuất nước Tây Nhung, chữ này không định thể. Hoặc là viết lương áo. Hoặc gọi là đạp đăng. tức là loại thảm trải đất để nhảy múa, chữ hình thanh.

Phủ quặc. Ngược lại âm dưới quỹ quắc. quyển thứ 20 trước đã giải thích rồi.

Át tiến. âm trên à an ngược lại âm dưới tiễn diên. quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Tản cái. Ngược lại âm trên tang lãn. Tản tức là che, cây dù che, âm dưới chánh thể là chữ cái.

Ế uế. Ngược lại âm trên yên kiết. gọi là ăn mà mắc nghẹn trong cổ họng, không xuống được gọi là ế. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ế, ngược lại âm dưới là uế, hoặc viết từ bộ khẩu viết thành chữ uế. Sách Văn Tự Tập Lược nói: uế là hơi đi ngược. Sách Thuyết Văn nói: ăn cơm nóng bị thương cổ họng, nôn oẹ.

Bỉ tiết ngữ. âm giữa tiên liệt. Quyển thứ hai trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bao địa. âm trên là bao tục dùng thông dụng, chữ chánh thể viết từ bộ thủ viết thành chữ phù, khi được mọi người tin tưởng gọi là phù chẳng phải chữ này. Nói bao địa đó là con trâu chúa lúc gọi con trâu nghé, cũng gọi là tiếng rống của con trâu chúa, dùng hai chân trước cào đất. Chữ viết từ bộ trảo thanh bao.

Mẩu bưu. Ngược lại âm bỉ ưu. Gọi là con sư tử cái.

Thiện bác. âm bác cũng tên con sư tử con.

Thực tạc tàn nhục. Ngược lại âm tàng lạc. ngược lại âm dưới tại lan.

Hắc yểm. Ngược lại âm y diễm. Khảo Thanh cho rằng: trên thân người có nốt ruồi đen. Văn luật viết từ bộ diện viết thành chữ yểm cũng thông dụng.

Huyên quát. Ngược lại âm trên hương nguyên. ngược lại âm dưới là cổ hoạt. Thiên Thương Hiệt ghi: tiếng ồn bên tai, inh tai, ồn ào. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ nhĩ thanh thiệt.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 27

Ma nhiễm ty. âm dưới là ty. Tiếng Phạm. Đây dịch là biến tịnh, cũng gọi là hữu nghi.

Điền huề. Ngược lại âm dưới huệ khuê. Vương Dật chú giải sách Sử Từ rằng: huề là khu đất. Thích danh cho rằng: hai mươi lăm mẫu là tiểu huề, năm mươi mẫu là đại tuề. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng như vậy. Chữ viết từ bộ điền thanh khuê

Đặc-kỳ-nã-già-tha. Ngược lại âm trên là đằng đắc. âm kế khải nghi , âm dưới tháp da. Tiếng Phạm. Đây nghĩa là đem vật thí cho cúng dường Tam bảo. Già-đà. tức là kệ tụng, ý tức là chú nguyện cho thí chủ được phúc đức lợi ích tài sản lượi lạc. Ở phương này tức dùng Bồ-tát biểu hiện bạch Hiền thánh chứng minh. Đây là nguyện cho thí chủ tăng thêm phước điền, ban đầu dẫn dắt đến Phật. Kinh kệ tụng. Sau tăng thêm ý người chỗ phân tụng.

Vân lăng. âm trên là vân, âm dưới tuy tức. Vân là củ ấu sống trong hồ nước, cũng có mọc rau thơm. Đây mở ra tên các loại rau trồng trọng hồ, phân tích phương này, được mọc trong hồ này.

Phụ trung. âm trên là phụ âm dưới là chung. U Châu gọi là cái mẹt sàng gạo. Tề, Lỗ gọi là cối giã gạo. Hoặc gọi là công trường. Gọi là cái máy xay. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: loài côn trùng, loài cá, mới sinh nở, có các màu xanh, trắng, xương đùi dài, năm, sáu tháng mới có thể kêu, gọi là giống loài châu chấu biết bay, mà nhỏ hơn, có nhiều tên gọi khác nhau. Sách Phương ngôn cho rằng: tên gọi không đồng, văn ý nảy sinh quá nhiều, không thể ghi chép hết được. Loại hoàng trùng tức

con châu chấu có hai cái đùi nhỏ để nhảy, bay, hoặc là trên có đốm đỏ, tục ngữ chuyển đọc sai, gọi là bổ sung thêm vào.

Hiệp điệp. Ngược lại âm trên kiêm hiếp. âm dưới là điệp. Trang Tử chú giải sách Chu lễ rằng: con hồ điệp tức con bươm bướm. Loại hồ điệp này rất có nhiều loại, hoặc là màu vàng, không là trắng, hoặc là có năm màu.

Xà yết. âm trên là xà, chữ chánh thể âm dưới là tiết. Trước đã giải thích nhiều rồi, không thể giải thích thêm nữa.

Canh hoắc. âm trên là canh ngược lại âm dưới là hách. Xem trước đã giải thích nhiều rồi.

Thuân bì. Ngược lại âm trên thất tuần. Trên da cây màu đen, tách ra làm cho nứt nẻ, nổi lên.

Bạch phốc. Ngược lại âm trên phổ bốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: nổi meo trên vật, sanh ra lông trắng gọi là bạch phốc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tương từ từ hư sanh meo mốc áo bên ngoài. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ dậu đến bộ phốc thanh tĩnh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 28

Ngã giảo. Ngược lại âm nha giảo. Quyển thứ tám trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Lôi đình. âm dưới là đình. Thiên Thương Hiệt ghi: sấm sét, cũng chỉ sự nổi giận, giận dữ.

Tọa khô. Ngược lại âm tri lâm. Tục dùng thông dụng, chữ chánh thể viết từ chữ thậm viết thành chữ trâm. Sách Khảo Thanh cho rằng: trâm là chất lên, thuộc cơ là đôn ngồi, khi ngồi mu bàn chân đạp lên. Nay văn luật cho rằng: ngồi trên vật. Chữ viết từ bộ mộc thanh kham.

Tủng mậu. Ngược lại âm tức dũng. Chữ đúng viết từ bộ lập viết thành chữ tủng. tủng là sợ hãi, hai chữ trên đều thông dụng, giống nhau âm dưới là mộ. Cố Dã Vương cho rằng: mậu là nhiều, sum sê, tốt. Khảo Thanh cho rằng: tốt đẹp. Xưa nay Chánh tự cho rằng: phong phú. Chữ viết từ bộ thảo thanh mậu.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 29

Thảo thuần. Ngược lại âm tiêu nhuận. tức là bó cỏ khô làm nệm, hoặc là nằm, hoặc là ngồi, tức là lấy cỏ quắc héo, loại cỏ cho ngựa ăn.

Kiên ngạnh. Ngược lại âm ngạch canh. Sách Vận anh cho rằng: kiên là vững chắc, chắc chắn. Sách Khảo Thanh cho rằng: bền chặt kiên cố. Chữ viết từ bộ cách thanh cánh, tục viết chữ ngạnh hoặc là viết chữ ngạnh cũng thông dụng.

Đàm ấm. âm trên là đàm ngược lại âm dưới ấm cấm. quyển thứ tám trước đã giải thích rồi.

Trí đốn. Ngược lại âm trên tri lợi. Cố Dã Vương cho rằng: trí cũng gọi là đốn. Quảng Nhã cho rằng: trí là lãng phí, làm hư hại. Sách Văn Tự điển nói: thất bại, vấp ngã. Chữ viết từ bộ túc thanh chất, âm hiệp ngược lại âm kỳ nghiệp. ngược lại âm dưới đô độn. chữ viết từ bộ hiệt thanh độn.

Chuyên kích. Ngược lại âm trên chuyết duyên. Bì Thương cho rằng: là gạch ngói chưa nung. Theo chữ duyên tức là nung thành đất, chưa thành ngói, ngược lại âm dưới kinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: gạch ngói chưa nung gọi là kích. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thổ đến thanh kích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 30

Bằng thượng. Ngược lại âm bạch manh. Quảng Nhã cho rằng: bằng là cái gác. Sách Thuyết Văn cho rằng: quán trọ. Chữ viết từ bộ mộc thanh bằng, âm bằng ngược lại âm bồ đang. Âm sạn ngược lại âm sài hạn. So cây cho bằng làm con đường hàng rào.

Dụng trùng thủy. Ngược lại âm trục dung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có chân thì gọi là trùng. Chữ viết từ bộ trùng. Văn luật viết từ bộ mãnh viết thành chữ cổ, âm cổ người viết sai, không hợp có loại trùng thủy.

Ảnh ung. Ngược lại âm A lăng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ảnh là cái hũ, cáu chậu để chứa. Giữa sông Giang Hoài, Ngô và Sở gọi là cang tức là cái chum lớn, cái vại, âm cang là âm cang, hoặc là chữ khứ thanh, ngược lại âm dưới ốc cống. chữ chánh thể. Gọi là cái hũ lớn chứa

vật, hoặc gọi là sứ, gốm, hoặc gọi là cái hũ sâu đậy mà lại cái miệng tròn nhỏ, bụng rộng. Văn luật viết từ bộ công viết thành chữ công cũng thông dụng.

Băng hội. Ngược lại âm trên bắc bằng. âm dưới đồ hồi. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: băng là hủy hoại, lương thực ngũ cốc. Theo Truyện nói rằng: từ trên cao mà rơi xuống gọi là băng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hủy hoại núi, núi đổ, chữ hình thanh. Chữ hội từ bộ phụ.

Chi cứu. Ngược lại âm cửu hữu. Theo sách Chu lễ cho rằng: sáu phu là một cứu. Tính theo một cứu tức là hai trăm sáu mươi hai thước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuồng ngựa. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh kỷ.

Lạc đà. âm trên là lạc âm dưới là đà. tục dùng thông dụng, chữ đúng thể viết chữ lạc đà. Ở miền Bắc Di Địch thuộc đất Hồ nuôi loại lạc đà. Cố Dã Vương cho rằng: trên lưng có cái yên, cũng có riêng cục thịt nhọn lồi lên, có thể gánh vác độ vật nặng, một ngày đi hơn ba mươi dặm bảy thước bốn tiết, dưới bụng đều có lông dài, màu vàng, cũng có màu trắng người cỡi trên rất tốt.

Môn bệ. Ngược lại âm tỳ mễ. Gọi là khuôn cửa, tục dùng gọi then cửa.

Hoành chiêm. Ngược lại âm điềm điếm. Sách Vận anh cho rằng: cho rằng: chỗ gọi là thanh ngang chặn gài cánh cửa lại, đóng cửa nhỏ lại.

Hưu lưu. âm trên là hưu âm dưới là lưu tức là giống chim ban ngày nằm ngủ, ban đêm bay đi kiếm ăn, tiếng kêu đáng sợ, tức loại chim cú mèo vì tiếng kêu mà đặt tên hoặc gọi là giống chim quái dị, đều là chữ hình thanh.

Bì bác. Âm trên là phi tục dùng thông dụng, gọi là tay cầm dao bén bốc lột da con trâu rời khỏi thịt, gọi là bì bác.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 61

- Luật âm Căn bổn thuyết Nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da - từ quyển 31 đến 50.

Luật âm căn bổn thuyết Nhất thiết hữu bộ Tất-sô-ni - hai mươi quyển.

Bên phải hai bộ bốn mươi quyển đồng âm với quyển này.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 31

Văn mạc. âm trên văn phân. ngược lại âm dưới mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: văn là sửa sang gọn gàng. Quảng Nhã cho rằng: văn là lau chùi, chấn chỉnh lại. Sách Sở Từ cho rằng: đứa con cô nhi đang khóc, mà văn là lau nước mắt. Văn Tự điển nói: đều từ bộ thủ chữ hình thanh.

Chưng tế. chưng ngược lại không có chữ này. Ngược lại âm khước nhĩ. chữ chưng thượng thanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ thăng viết thành chữ thăng dùng cùng với chữ chưng cũng đồng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chưng nắm tay trợ giúp. Sách Phương ngôn cho rằng: viện trợ. Quảng Nhã cho rằng: thâu gom, cứu giúp Sách Thuyết Văn cho rằng: đưa tay kéo lên, đưa lên. Chữ viết từ bộ thủ thanh chưng.

Lãn đọa. Ngược lại âm trên lan thả. Sách Khảo Thanh cho rằng: lãn là không siêng năng. Quảng Nhã cho rằng: mệt mỏi. Sách Văn Tự điển nói giải đãi biếng nhác. Chữ viết từ bộ nữ thanh lại ngược lại âm dưới đồ ngọa. Quảng Nhã cho rằng: không cung kính. Giải thích cùng với chữ lãn cũng đồng. Chữ viết từ bộ tâm đến bộ đọa thanh tĩnh.

Thủ ách. Ngược lại âm dưới ánh cách. chữ đúng thể. Văn luật viết

chữ ách tục dùng thông dụng.

Bán đệ. Âm trên bán âm dưới đệ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là làm lễ. Trong quyển thứ người trước đã giải thích rồi.

Áo-bại-ca. Trên là chữ như với âm cũng là tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là khả nhĩ. Hoặc gọi là như vậy, nên như vậy.

Xi tiếu. Ngược lại âm xỉ thi. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: xi đó là ý chí hòa duyệt, vui vẻ. Sách Văn Tự điển nói rằng: cười vui. Chữ viết từ bộ khẩu thanh xi, âm xi đồng với âm trên.

Nhãn mạc. Âm dưới là mạc. Sách Vận thuyên cho rằng: mạc là con mắt bệnh. Văn Tự điển nói rằng: giống như da giữa mạc con mắt. Chữ viết từ bộ mục.

Cố miến. âm dưới miên biến. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Tần và Tấn cho rằng miến là nhìn, gọi là miến. Sách Thuyết Văn cho rằng: miến là nhìn nghiên, tức là liếc nhìn. Chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến đồng với âm trên.

Mặc năn. Ngược lại âm trên mông bắc. hoặc là viết chữ mặc tục dùng thông dụng. Theo Thanh loại cho rằng: mặc là lặng yên không nói. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó tạm thời đuổi theo người. Chữ viết từ bộ khuyển thanh hắc. ngược lại âm dưới là ninh giản. Theo Khảo Thanh cho rằng: năn mắc cỡ, xấu hổ, hổ thẹn, đỏ mặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ triển viết thành chữ năn chữ viết đúng thể. Văn luật viết từ bộ bì là chẳng phải, cũng tục dùng thông dụng. Sách tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: mặt hổ thẹn gọi là năn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hổ thẹn đỏ mặt. Chữ viết từ bộ xích thanh triển âm triển ngược lại âm ni triển.

Hôi xúc. Ngược lại âm trên hồ hồi. Sách Tập Huấn cho rằng: con heo ủi đất. Sách Văn Tự điển nói: con heo quật đất đào xới lên. Chữ viết từ bộ thỉ đến bộ trùng, âm trùng là âm hủy.

Thuyền tao. Ngược lại âm dưới tảo tao. Tục tự vốn viết đúng thể từ bộ mộc viết thành chữ tao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên gọi chung về thuyền bè. Chữ viết từ bộ mộc thanh tao.

Sa đạn. Ngược lại âm trên hoại lăn. chữ thượng thanh. Sách Vận thuyên cho rằng: nước chảy bày cát ra là đạn. Giang Đông nói chữ viết từ bộ thủy thanh đan.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 32

Phá bách. Âm dưới là bạch. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: thuyền trong biển lớn gọi là bách. Quảng Nhã cho rằng: bách là thuyền lớn đi biển. Thuyền chở người, có hơn sáu mươi thước khoang thuyền, khiến cho vận chuyển hơn ngàn người, trừ hàng hóa, đồ vật, cũng gọi là thuyền đi đến đảo Côn Lôn vận động. Thuyền này có nhiều bộ phận. Luận cho rằng: người thợ mộc dùng da cây liễu làm dây, buộc liên kết với nhau, làm dây leo lên, có loại mạch nha dán bít khiến cho nước không vào được, không dùng đinh, thiếc, e rằng thiếc nóng sẽ bốc lửa cháy gỗ cột buồm, mà làm ván mỏng e rằng sẽ bị phá vỡ, bên trong có nhiều khoang dài, trước và sau có ba cột buồm căng lên, khiến cho thổi thuyền đi mau, chẳng phải dùng đến sức người.

Uyển đậu. Ngược lại âm trên ô hoàn. Quảng Nhã cho rằng: uyển đậu là loại đậu lưu. Đậu lớn, nhỏ rất ngon ngọt, có thể ăn được. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ đậu thanh uyển.

Nhất đảm. Ngược lại âm đam lãm. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng cây gỗ mà gánh vật. Quảng Nhã cho rằng: nhấc cao lên. Xưa nay Chánh tự cho rằng: gánh vác. Chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

Giang đồn. Trên âm cổ giang. ngược lại âm dưới độ luận. Tục dùng thông dụng, chữ chánh thể từ bộ thỉ đến bộ nhục viết thành chữ đồn. Văn cổ viết chữ đồn. tuy là đúng, nhưng rồi nhàm chán nảy sinh nhiều rồi lại phế bỏ không dùng. Nói giang đồn đó là nước trong sông biển có các loại cá, hình như giống là con heo lớn. Cho nên gọi là giang đồn, khi mà sóng gió muốn nổi lên con cá này trước tiên xuất hiện trên mặt nước, rồi lặn xuống đều theo mà đi, chỉ trong giây phút tức là gió nổi lên.

Hải hy. âm dưới là hy. Tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đúng thể từ bộ thỉ viết thành chữ hy. Sách Phương ngôn cho rằng: người Nam Sở gọi con heo là hy. Lại gọi là thỉ tẩu thanh, nói trong biển có con heo biển, đó tức là con cá heo, giống như con heo vậy. Cho nên gọi con heo biển, cũng là loại giang đồn, tức cá heo lớn.

Phún đế. Ngược lại âm trên phổ muộn. Quảng Nhã cho rằng: phún tức là đế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phún là la hét, quát tháo, ngược lại âm dưới đinh kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: hơi mũi chạy mà làm cho hắc hơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: trống mũi mà hơi đi ngược chảy ra gọi là phún đế. chữ viết đều từ bộ khẩu chữ hình thanh.

Quáng mạch. Ngược lại âm trên cổ mãnh. tức là nay người nhân gian gieo trồng lúa mạch.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 33

Băng hội. Ngược lại âm trên bắc bằng. âm dưới là đfô hồi. Trong quyển 30 trước đã giải thích rồi.

Tĩnh oa. Ngược lại âm dưới ô qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể từ bộ mãnh viết thành chữ oa chữ cổ. Nay từ bộ trùng viết thành chữ oa. Trong quyển thứ tư trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nanh ố. Ngược lại âm nặc canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: nanh là ốm yếu, mềm mại.

Hệ lãm. âm trên là kế âm dưới lam. Cố Dã Vương cho rằng: hệ lãm đó là sợi dây lớn để buộc thuyền, hoặc là làm bằng dây gai, hoặc là làm bằng tre trúc bện lại thành dây buộc nơi bờ sông.

Tham thiết. Ngược lại âm dưới thiên kiết. Trong quyển thứ sáu trước đã giải thích rồi.

Cao trạo. âm trên là cao. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: cao là cây sào cắm thuyền, cây sao tre dài hai trượng, hoặc là dùng gỗ làm sào, ngược lại âm dưới thác hạo. Sách Phương ngôn cho rằng: mái chèo gọi là trạo. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ trác cũng từ bộ trạc viết thành chữ trạo nghĩa cũng đồng, tự bộ thủ đó là chẳng phải.

Nan thích. Ngược lại âm trên khôi đan. Cát theo nước chảy ra gọi là nan ngược lại âm dưới là thích. Thích tức là cát, lớn đó là bao gồm có đá. Quảng Nhã cho rằng: thích là bãi nước cạn, nơi nước chảy trên bãi cát. Lại cũng gọi là khô nước lộ cát đá lên gọi là nan thích đều là chữ hình thanh.

Khánh khái. Ngược lại âm trên khinh dĩnh. ngược lại âm dưới là khai ái. Sách Vận anh cho rằng: khánh là tiếng. Cố Dã Vương cho rằng: khái là ho. Sách Thuyết Văn cho rằng: khánh khái là hơi đi ngược, thông mà bao gồm có tiếng, tức là ho, đều là chữ hình thanh.

Đài quần. âm trên là đài âm dưới là. Sách Khảo Thanh cho rằng: đài là nhấc cao lên. Quảng Nhã cho rằng: lay động. Bì Thương cho rằng: nắm kéo lên, nói đài quần đó là vén áo lên. Dưới là chữ đúng thể từ bộ cân viết thành chữ quần. Nay trong luật viết từ bộ y viết thành chữ

quần là đúng chữ đúng thời. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ quần là cái kiêm, cái quần. Trên gọi là y là áo, dưới gọi là thường tức cái quần đều hợp. Chữ viết từ bộ cân. Nay viết từ bộ y tục dùng thông dụng.

Ly sách. âm trên là ly âm dưới là sách. Trong quyển thứ hai trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Giảm diêm. Ngược lại âm trên giam trảm. tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đúng thể từ bộ liễm viết thành chữ giảm. Bì Thương cho rằng: giảm giống như là muối. Sách Văn Tự điển nói rằng: giảm là mặn, từ bộ lỗ đến thanh liễm ngược lại âm dưới là diêm chiêm. Tục dùng thông dụng. Sách Thuyết văn, viết từ bộ thần viết thành chữ diêm chữ đúng thể. Cố Dã Vương cho rằng: nấu nước biển làm muối. Người xưa chứa cát trong nhà ban đầu nấu làm muối, cũng lấy nước biển nấu là muối, là dùng để nếm thức ăn, muối diêm với từ dưới dất mà sinh ra. Trong giếng nước diêm người ta nói nước mắt kết đọng lại. Người dân trong thôn ấp lấy nước sông biển nấu thành muối diêm, cũng là do sức lực của người vận chuyển mà làm muối diêm, làm từng mẫu ruộng, cho nước vào chờ nắng cho khô mà thành muối, cũng như trên nước biển làm muối diêm cũng rất mặn.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 34

Đường ôi. âm trên là đường âm dưới là ô hồi. Trong quyển thứ 18 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Khái quán. âm trên là ký âm dưới là quán Cố Dã Vương cho rằng: khái cũng gọi là quán là tưới nước. Sách Vận thuyên cho rằng: quán cũng gọi là khái, hai chữ hỗ tương với nhau giải thích dùng cũng đồng, đều từ bộ thủy chữ hình thanh, âm quán cũng đồng với âm trên.

Thủy quán. Ngược lại âm quan hoán. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là đồ sành chứa vật, có thể chứa nước. Thống Tự cho rằng: có thể lấy nước, chứa nước. Chữ viết từ bộ phửu thanh quán.

Cô quỳnh. âm trên là cô chữ chánh thể. Sách Khảo Thanh cho rằng: cô độc, lo lắng, xa vời. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ kiết âm kiết là âm kiết đến bộ cô thanh tĩnh. Âm cô đồng với âm trên, ngược lại âm dưới là quí dinh cũng là chữ chánh thể, dưới từ bộ tử ý của chữ, văn cổ viết từ bộ tấn viết thành chữ quỳnh. Khổng An Quốc

chú giải sách Thượng thư rằng: quỳnh là đơn độc. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: không có anh em gọi là quỳnh. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nữ viết thành chữ quỳnh.

Lục lực. âm trên là lục. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lục là góp sức. Sách Văn Tự điển nói: một lòng. Chữ viết từ bộ lực đến chữ lục thanh tĩnh dưới từ bộ sam.

Lũ loại. Ngược lại âm trên cù lũ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nghèo khổ là người không có chỗ nương dựa, không có lễ nghĩa. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lũ là nghèo cùng. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ miên thanh lũ.

Lân giác. âm trên là lân. Loại thú quý hiếm. Khi vua có đạo thì xuất hiện loại thú này. Thân giống như con trâu, đuôi ngựa, cái móng có sừng nhịn mà thẳng, có thịt. Chữ viết từ bộ lộc âm lân, âm lân là âm quân.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 35

Làm lỗ. âm trên là hàm âm dưới là lỗ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: dưới ướt làm thành mặn. Sách Tiểu Nhã cho rằng: kham khổ, mặn. Phương Bắc cho rằng mùi vị mặn. Chữ viết từ bộ lỗ thanh hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ cũng là hàm cũng là khổ. Người phương Tây gọi là đất mặn. Chữ viết từ bộ cổ đến chữ tây tóm lược điểm giống như chữ diêm.

Khao giáo. Ngược lại âm trên xảo giao ngược lại âm dưới khổ giác. Trong quyển thứ 21 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Cửu hoài. Ngược lại âm trên cưu hựu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cửu là bệnh lâu ngày. Theo Tả Truyện cho rằng: người quân tử không làm lợi mà không phải là nghĩa cửu. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tật thanh cửu, âm cửu là âm nặc.

Khuy siêm. Ngược lại âm trên khuyển quy. Sách Khảo Thanh cho rằng: khuy là nhìn trộm, âm thú ngược lại âm thanh dự. Sách Chu dịch cho rằng: khuy là nhìn trộm nơi khe cửa. Sách Văn Tự điển cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh quy ngược lại âm dưới lặc diễm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: siêm là dòm ngó, hầu hạ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: siêm cũng là nhìn trộm. Sách Thuyết Văn cho rằng:

chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Ky tiếu. Ngược lại âm trên cư y. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: ky là giễu cợt hài hước, châm chọc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quở trách. Quảng Nhã cho rằng: chê bai. Chữ viết từ bộ ngôn thanh ky, ngược lại âm dưới tiều diệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiếu là cười đùa. Theo Thanh loại hoặc là viết chữ tiều. Sách Phương ngôn cho rằng: tiếu là chỉ trích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quở trách là mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền nhiễu, rắc rối, quấy rối. Chữ viết từ bộ ngôn thanh tiều. Văn luật viết từ bộ tiêu cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Sương cư. âm trên là sương Sách Khảo Thanh cho rằng: sương cư là người phụ nữ chết chồng, gọi là quả phụ. Người nước Sở gọi quả là sương cư. Chữ viết từ bộ nữ thanh sương.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 36

Thụ chủy. Ngược lại âm trên chu chủ. chữ trước thượng thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thụ là đứng thẳng. Sách Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ kiên đến bộ đậu thanh tĩnh cũng có viết từ bộ lập viết thành chữ thụ tục dùng thông dụng, âm đậu ngược lại âm trúc trụ ngược lại âm dưới thị chi. Sách Phương ngôn cho rằng: chủy là cái muỗng. Xưa nay Chánh tự cho rằng: đồ dùng ăn cơm. Chữ viết từ bộ chủy thanh thị giải thích đồng thời như trên.

Hoan yến. Ngược lại âm dưới yên kiến. Sách Tập Huấn nói rằng: hoan yến đó là khách, tân khách tụ hội lại uống rượu.

Táo thấu. Ngược lại âm trên là tao khảo. ngược lại âm dưới sưu trứu. Trong quyển thứ sáu trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Ngõa âu. Ngược lại âm dưới ố hầu. Sách Phương ngôn cho rằng: cái chậu nhỏ đó gọi là âu. Nay Giang Nam gọi là đồ sứ, cái bát. Tên gọi chung là cái bát bằng sứ đều gọi là âu. Xưa nay Chánh tự viết 713 từ bộ ngõa đến bộ âu thanh tĩnh.

Hoặc khô. âm dưới chấp làm. Trong quyển 28 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Phách phá. Ngược lại âm thất bích. Bì Thương cho rằng: mổ ra. Quảng Nhã cho rằng: mở nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng dao

mổ xẻ phá tung ra. Chữ viết từ bộ đao thanh tích viết từ bộ lực là chẳng phải.

Tiến càn. Ngược lại âm trên yển ngôn. Quảng Nhã cho rằng: tiến là vàng úa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ héo. Chữ viết từ bộ thảo thanh yên, chữ yên từ bộ nhất đến bộ ô âm ứ là âm ư.

Điểu chủy. Ngược lại âm dưới túy tủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: mỏ chim. Xưa nay Chánh tự cho rằng: mỏ chim. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thử thanh thích, âm thích là âm.

Sáp tận. Ngược lại âm trên đạp đáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: đưa vào miệng mùi vị nhạt nhẽo. Cố Dã Vương cho rằng: loại chim ưng, diều hâu ăn mồi gọi là sáp. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ khẩu thanh sáp.

Hùng bi. âm trên là hùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hùng giống như con heo màu đen. Ở trên núi, mùa đông chui rút trong hang ẩn mình. Loài thú này rất dễ thương, chân nó giống như tay nắm lại, dùng sanh mạng tồn tại đến hai tháng không ăn, hễ mùa đông mới ra khỏi hang. Chữ viết từ bộ năng đến bộ hỏa thanh tĩnh âm dưới là bi. Sách Vận anh cho rằng: bi cũng giống như con gấu mà lớn hơn màu vàng màu trắng xen lẫn nhau. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: giống như con gấu, đầu cao, chân dài, có sức mạnh, chạy giỡn mà có thể nhổ được gốc cây lớn. Ở Quan Tây gọi con vượn chữ bi trên từ bộ tứ.

Báng độc. âm độc.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 37

Ảnh ung. Ngược lại âm trên hà lăng âm dưới ống cống. Trong quyển thứ 30 trước đã giải thích rồi.

Tích lịch. Ngược lại âm trên thất bích. âm dưới là lịch. Cố Dã Vương cho rằng: sấm sét tiếng chấn động lớn. Phàm tích lịch đó là phá hoại cây, nhà ở gây ra tiếng nổ lớn. Cũng gọi là rồng lớn nước, chữ viết đều từ bộ vũ chữ hình thanh.

Nhiên kiếp bối tiễn. Ngược lại âm trên niên điển. Nhiên kiếp bối tiễn đó là nhiên kiếp bối là hoa cỏ bông tơ lấy làm sợi chỉ dệt, dệt làm thảm trắng vải thưa. Sách Phương ngôn cho rằng: nhiên là nối tiếp theo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sợi chỉ dệt lỗi đường kinh, dệt bao quanh

mà thành thẩm.

Cánh thiêm. Ngược lại âm trên hộ diêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêm là tăng thêm nhiều có lợi ích. Chữ viết từ bộ thủy chữ hình thanh, chữ thiêm từ bộ tâm thanh thiên.

Chỉnh bái. Ngược lại âm trên chinh dĩnh. Sách Tập Huấn nói rằng: chỉnh lý, sửa đổi, sắp xếp ngay ngắn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chỉnh tề. Từ bộ văn đến bộ nha thanh chánh ngược lại âm dưới bài muội. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bái là trước cửa doanh trại quân lính có lá cờ lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nối cái đuôi cốc vẽ rồng rắn cầu mưa, mà đuôi cờ rủ xuống. Chữ viết từ bộ phóng đến bộ bái thanh tĩnh âm ư là âm yển, âm triệu là âm triệu.

Thác ngạch. Ngược lại âm trên tha hạt. ngược lại âm dưới là nhã cách. tục dfung thông dụng, chữ viết đúng từ bộ các viết thành chữ ngạch đến bộ hiệt đến bộ cách thanh tĩnh, chữ thác ngạch là trên người. Quyển thứ 12 trước đã giải thích rồi.

Sóc nhẫn. Ngược lại âm song tróc. tục dùng thông dụng, chữ đúng thể từ bộ mâu viết thành chữ sóc gọi là cây giáo dài. Quyển thứ 22 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Quyền trửu. Ngược lại âm quyện viên. cũng là âm trương liễu. Xem trước đã giải thích rồi.

Tiễn cang. Ngược lại âm trên tiên tuyến. Sách Phương ngôn cho rằng: tiễn là mũi tên. Quan Tây gọi là tiễn. Quan Đông gọi là thỉ ngược lại âm dưới ca lăn. tục dùng thông dụng, chữ đúng thể từ bộ khả viết thành chữ kha. Thượng Thư Đại Truyện nói rằng: nếu như bắn là phải cầm cán mũi tên. Trịnh Huyền chú giải rằng: cán mũi tên vót nhọn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mục tiêu nhắm bắn hướng Đông nam mặt trời đẹp, đó có quy tụ về các mũi tên bằng tre.

Trửu diên. Ngược lại âm chu thủ. gọi là cây chổi quét. Quyển thứ 23 trước đều đã giải thích rồi. âm đình là âm đình.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 38

Quảng liệt. Ngược lại âm hồ mảnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: quảng là giốngằh loại chó hung dữ, không có thể đến gần, âm dưới là liệt. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hung hãn ác liệt, mạnh

mẽ, hung tợn.

Khang dực. Ngược lại âm trên khả can. Theo Thanh loại cho rằng: vỏ ngũ cốc tức là cám. Văn Tự điển giải thích rằng: cần đến cám gạo, chữ khang viết từ bộ hòa thanh khang âm dưới là dực. Cố Dã Vương cho rằng: lúa tắc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: là trấu. Chữ viết từ bộ mạch thanh dực, chữ mạch từ bộ lại đến bộ cửu.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 39

Mị ngôn. Ngược lại âm trên nghê kế. Theo Thanh loại cho rằng: cho rằng: trong khi ngũ nói mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mị viết tóm lược thanh nghiệt, âm nghiệt ngược lại âm nghiên kiết.

Thiểu nhiên. Ngược lại âm trên tù dậu. Lấy chữ tựu chữ thành tựu thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiểu là lo buồn. Sách Lễ ký cho rằng: hằng ngày Khổng Tử lo buồn, sắc mặt không vui. Sách Gia ngữ nói rằng: phải đến hình bộ của vua sắc mặt lo buồn không vui, chữ hình thanh.

Thanh xí. âm trên là thanh âm dưới sơ sự. Sách Tập Huấn nói rằng: xí là chuồng heo, chỗ phân giải dơ uế.

Sở chiết. Ngược lại âm dưới là triển liệt. Trong quyển thứ tư trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nghịch trục. Ngược lại âm trên là xích. Trong quyển thứ 14 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tập vi. Ngược lại âm trên thất nhập. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: tập là nối tiếp theo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kế tiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tập là đường viền, bổ thêm vào. Chữ viết từ bộ mịch thanh tập, âm tập đồng với âm trên.

Điều cổ. Ngược lại âm trên là thiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái trống nhỏ. Văn luật viết điều là sách viết sai.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 40

Lai tập. âm tập. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: tập giống như đè xuống, bổ them vào. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: nhập vào, xếp vào, chồng chất lên, chữ chuyển chú.

Huyền tàm. Ngược lại âm tàm cảm. gọi là vươn dây cung, căng dây cung gọi là tàm.

Bằng đóa. âm trên là bằng gọi là lột bỏ vách tường đất tiếng rơi xuống bằng. Ngược lại âm dưới đồ quả. Tức là đồ luyện kim, xạ tiễn.

Yểm xứ. Ngược lại âm trên nhất diễm. Sách Vận anh cho rằng: trên thân mình có nốt ruồi đen, hoặc là có nốt ruồi đỏ như son, là điều quý tướng.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 41

Như thiêu ngột thụ. âm ngột là âm ngột. Sách Tập Huấn cho rằng: giết cây chặt ngang còn dư lại gốc cây gọi là ngột, cây đã đoạn đầu, giống như ban đêm trời tối nhìn giống như người mà không xem xét kỹ sinh ra hoảng sợ.

Đinh quyết. Ngược lại âm trên là đinh định. ngược lại âm dưới quyền nguyệt. dùng cây đinh đóng vào cột cắm xuống đất.

Đã dực. Ngược lại âm trên đắc lãnh. âm dưới là dực. Cột trong tường gọi là dực cột dưới đất gọi là quyết.

Hấn liệt. âm trên là vấn âm dưới là liệt. Trong quyển thứ bảy trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Huyên quát. Ngược lại âm trên hủy viên. ngược lại âm dưới quan hoạt. Trong quyển thứ 26 trước đã giải thích rồi.

Quyết trạch. âm dưới là trạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: trạch là lựa chọn. Văn cổ viết chữ trạch từ bộ cũng chữ hội ý.

Khánh khái. Ngược lại âm trên khinh đĩnh. âm dưới khai ái. quyển thứ 33 trước đã giải thích rồi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 42

Khất cái. âm dưới là cái. Trước quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Bác nhược. Ngược lại âm hà loan. Sách Khảo Thanh cho rằng: bác là nắm giữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tát tay, đánh, tát. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh bác. Văn luật viết từ bộ đoạn viết thành chữ sủy là chẳng phải.

Khô táo. Ngược lại âm dưới tang đáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: táo là làm cho khô. Chữ viết từ bộ hỏa thanh táo, âm táo đồng với âm trên.

Quyến tác. Ngược lại âm trên quyết nhuyễn. Hoặc là viết chữ quyết. Theo chữ quyến đó là chỗ chiếu đấu, hoặc là giăng lưới bắt lấy người, hoặc là giăng lưới dây lớn bắt lấy chân ngựa tục gọi là quăng dây lớn bắt lấy, lúc con ngựa mới sinh ra bắt lấy cái đầu con ngựa gọi là quyến tác đáp, giăng dây treo lên, âm đáp ngược lại âm tha đáp.

Lê biến. âm trên là ly. Sách Khảo Thanh cho rằng: lê là màu đen. Còn có pha màu vàng. Chữ viết từ bộ hắc đến bộ lê thanh tĩnh.

Phẩm loại. Ngược lại âm luật trụy. gọi là phẩm chất chủng loại. Văn luật viết chữ vị dùng sai chữ, chẳng phải chữ vị làvăn cổ chữ vị loại côn trùng, chữ tuy giải thích là loại chẳng phải nghĩa đây dùng, rất quái lạ.

Thảo am. Ngược lại âm ám hàm. Quảng Nhã cho rằng: am là nhà tranh nhỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nhà tranh. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nghiễm thanh am.

Tiểu thiện. âm dưới là thiện. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: thiện là loại cá giống như con rắn dài mà cao lớn, tức là con lươn. Sách Thuyết Văn thiện là loài cá mà da của nó có thể làm trống. Chữ viết từ bộ ngư thanh thiện.

Cang văn. Ngược lại âm mạc an. Theo chữ cang văn đó nghĩa không ở trong sách sử, tức là giải thích trong giáo luận nói rằng: mười ngón tay của Đức Như Lai giữa có màng lưới thịt giống như chân của thiên nga liền với nhau.

Ách Tôn giả. âm trên là ách chữ đúng thể từ bộ thủ thanh ách. Ách đó nặn, vo tròn, nặn tượng, âm ách đồng với âm trên.

Tự qua. Ngược lại âm qui dữ. chữ này tương truyền khi dùng chữ trong sách vốn không có. Tự qua. đó là lấy tự móng tay của mình mà cào cấu phá thân thể của mình.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 43

Suyễn tức. ngược lại âm trên xuyên nhuyễn. Quảng Nhã cho rằng: thở hổn hển. Sách Thuyết Văn cho rằng: thở mau, bệnh suyễn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh đoan.

Giác lực. Ngược lại âm trên giang nhạc. Giác lực. đó là hai người, nói sức mạnh của người là do nơi cái sừng, mạnh hay yếu, giống như sừng bò và nai hai con cạnh tranh nhau, nghĩa là lâu dài. Văn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ giác là chẳng phải, không có chữ này, chỉ là họp nhiều dùng chữ giác này, nghĩa như trước đã nói. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữ gìn cái sừng, tượng hình cái sừng như là con dao. Cho nên chữ viết từ bộ đao đến bộ ngư thanh tĩnh.

Biện điền. Ngược lại âm trên tiện miên. ngược lại âm dưới điện liên. Sách Tập Huấn giải thích biện điền là có lợi ích đầy đủ, nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: biện là xe giá, có hai con ngựa kéo. Chữ viết từ bộ mã thanh biện cũng là chữ hội ý.

Châm đồng. âm dưới là đồng. Theo chữ châm đồng. đó là ống tre, hoặc là dùng tre làm ống, hoặc dùng gỗ mà làm, dùng là đựng kim, không được dùng xương ngà, sừng làm đó là chẳng phải.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 44

Hội náo. âm trên là hội. Sách Thuyết Văn nói: hội là loạn, ngược lại âm dưới nã hiệu. Tục dùng thông dụng, chữ chánh thể từ bộ thị đến bộ nhân viết thành chữ náo. Sách Tập Huấn nói người ở chỗ chợ đông thì ồn ào huyên náo gọi là náo chữ hội ý.

Tuấn phương. Ngược lại âm trên sở lực. chỗ gọi là bốn mặt vuông bằng nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: quan trông coi việc cày cấy, gieo trồng, chữ tuấn viết từ bộ điền đến bộ nhân đến bộ tịch, âm cửu là âm tuy.

Cô-thiếp-bạc-ca. âm thiếp ngược lại âm xương diệp. Tiếng Phạm, gọi là tấm thảm trắng mềm diệu rất mịn đẹp.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 45

Yêu nghiên. Ngược lại âm trên yêu kiều. Sách Khảo Thanh cho rằng: yêu đó là người đàn bà khéo léo, làm dáng vẻ thư thái đẹp yêu kiều. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hoa đào đẹp là yêu, cũng gọi là yêu nữ. Trang Từ nói: dáng vẻ dung mạo con ngựa đẹp gọi yêu, yêu là dáng vẻ thư thái hòa nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: khéo léo làm cho dáng vẻ đẹp. Ngược lại âm dưới nghê kiên. Quảng Nhã cho rằng: đẹp, tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: 714 xinh đẹp thông thái, an tĩnh. Chữ viết từ bộ nữ chữ hình thanh, âm nghiên Là âm khiên.

Tiễn khắc. Ngược lại âm trên tiên diễn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiễn là giết sạch, cắt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiễn là cắt lột, diệt sạch. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cắt đứt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh tiền hoặc là viết từ bộ đao viết thành chữ tiễn.

Biệt bảo. Ngược lại âm bỉ biệt. Tục truyện dùng chữ, đúng là viết chữ biệt.

Hương canh bĩnh. Trên viết đúng thể chữ hương. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thử đến bộ can. Văn luật viết từ bộ hòa đến bộ viết tục dùng thông dụng, âm ngược lại âm cảnh hoành. chữ đúng thể, tức là mùi thơm của loại lúa không dẻo lấy làm bánh, âm bĩnh ngược lại âm phiền vạn. hoặc là chữ thượng thanh, viết thành chữ phạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phạn là hạt cơm ăn, hai thể chữ đều thông dụng, từ bộ thực thanh phản.

Viên ách. âm trên là viên gọi là càng xe lớn, âm dưới là ách gọi là cái ách thanh gỗ ngang đè lên cổ con bò, con trâu để kéo đi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 46

Điều cang. âm trên là điều ngược lại âm dưới là can lăn. Trong quyển thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Thuyên cãi. sanh tử là thuyên. Trong quyển thứ bảy trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Vô minh xác. Ngược lại âm khống giác. Trong quyển thứ 22 trước

đã giải thích đầy đủ rồi. Chữ khống ngược lại âm khẩu giang.

Nhục luyến. Ngược lại âm luật chuyển. chữ thượng thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: xắt thịt mỏng, chữ hình thanh.

Cảnh diệc đồng khí. Ngược lại âm canh hạnh. chữ thượng thanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cánh là chìm dưới nước dùng dây trói buộc thả trong nước. Xưa nay Chánh tự cho rằng: dùng dây buộc gàu thả vào trong giếng nước gọi là dây gàu. Chữ viết từ bộ mịch thanh canh.

Tự vẫn. Ngược lại âm dưới vật phần. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: tự vẫn là dùng dao tự cắt cổ mình rơi xuống, chữ hình thanh.

Sảng khải. Ngược lại âm trên sương lạng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: sảng là trong sáng, ngược lại âm dưới khai cải. Sách Khảo Thanh cho rằng: sảng khải là cao ráo mát mẻ, trong sáng. Chữ viết từ bộ thổ đến bộ khải thanh tĩnh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 47

Bần lũ. Ngược lại âm cù vũ. Sách Vận anh cho rằng: bần là chật hẹp thấp hèn. Sách Khảo Thanh cho rằng: bần là không có của cải tài sản, làm dự bị, phòng bị, không có lễ nghĩa. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có lễ nghĩa, không nơi cư trú. Chữ viết từ bộ miên thanh lũ.

Ky bán. Ngược lại âm lấy nghi. âm dưới là bán. Trong quyển tựa thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Ngưu đế thương địa. Ngược lại âm tích dương. Ở nước Tây Vức gọi là tên của đất, không lấy chữ nghĩa.

Canh xát. Ngược lại âm trên cảnh hoành. âm dưới ha các. Trong quyển thứ 27 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Toàn sư. Ngược lại âm trên đoan loạn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: toàn là cái dùi để đập kim loại thiếc, sắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: đập cho nhỏ lại. Gọi là người thợ rèn đập sắt thép, âm tưu ngược lại âm đinh giáp.

Kháng lệ. Ngược lại âm trên khang lăng. âm dưới lệ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kẻ thù địch. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho rằng: đôi bạn, chữ hình thanh.

Lão tẩu. Ngược lại âm tủng hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: sưu

đó là xưng gọt người già. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Đông Tề, Lỗ, Vệ, phàm tôn kính người già gọi là tẩu. Quảng Nhã cho rằng: là người chư. Sách Thuyết Văn cho rằng: người già. Chữ viết từ bộ tai thanh hựu.

Kỳ đảo. ngược lại âm trên gọi là kỳ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cầu, bảo cho biết, âm dưới đạo lão. Sách Luận ngữ nói rằng: đảo là mời thỉnh. Quảng Nhã cho rằng: báo cáo sự việc cầu phúc gọi là đảo. chữ viết từ bộ thị đến bộ đảo thanh tĩnh.

Lương áo. Ngược lại âm trên lưỡng trương. Sách Vận anh cho rằng: cho rằng: mỏng bạc, lạnh lẽo. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhỏ bé lạnh hàn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủy thanh lương viết từ bộ băng đó là chẳng phải, âm dưới là áo. Lại âm ưu lục. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áo là nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi nóng từ trong. Chữ viết từ bộ hỏa thanh áo.

Bảo trì. âm trên là bảo. Văn luật viết chữ phủ là chẳng phải. Gọi cái chăn ủ trẻ con, cũng gọi là cái chăn và cái đãy bọc trẻ con. Trong quyển thứ 13 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhật cán. Ngược lại âm can hạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trời trong, mây lành. Xưa nay Chánh tự gọi là buổi tối. Chữ viết từ bộ nhật thanh cán.

Cổ trạo. Ngược lại âm trạch hiệu. tức là nay người ta gọi là mái chèo đưa thuyền đẩy thuyền đi tới. Chữ viết từ bộ mộc thanh trác.

Chấp tha. Ngược lại âm đường hạ. gọi là cái đuôi thuyền, người lái thuyền cầm lái thuyền, tức là bánh lái hướng chiếc thuyền đi cho ngay.

Kình lân. Ngược lại âm trên cạnh ngưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài cá lớn trong biển. Chữ viết từ bộ ngư thanh kinh, âm dưới là lân. Sách Thuyết Văn cho rằng: vảy cá, vảy rồng, chữ hình thanh.

Bàng dương. âm trên là bàng âm dưới là dương. Sách Sở Từ cho rằng: ngao du không định. Sách Tập Huấn cho rằng: bàng dương giống như là bồi hồi, đi đi lại lại, loanh quanh, ngập ngừng, trong doanh trại, chữ hình thanh.

Chấp duy. Ngược lại âm trên tri lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chấp giống như cầm nắm. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: cầm nắm dây cương. Xưa nay Chánh tự cho rằng: buộc câu thúc lại. Chữ viết từ bộ mịch thanh chấp.

Tông vĩ. Âm trên là tông. Xưa nay Chánh tự cho rằng: tông là bờm con ngựa, trên có miếng thịt dài ra, cũng gọi là Mã kim quan. chữ viết

từ bộ mã thanh tông.

Đằng tương. Ngược lại âm trên đặc năng. Cố Dã Vương cho rằng: đằng là nhảy vọt lên phía trước. Quảng Nhã cho rằng: chạy nhanh. Sách Sở Từ cho rằng: phóng nhanh, âm dưới là tương. Bình thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa chạy nhanh, đều là chữ hình thanh.

Chu tập. Ngược lại âm dưới tiêm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: mái chèo, chèo thuyền, tức nay người ta gọi là cao trạo tức sào chống thuyền, mái chèo, dụng cụ làm cho thuyền đi tới v.v... Chữ viết từ bộ mộc thanh tập, âm tập ngược lại âm dinh lập.

Quần lệ. Ngược lại âm dưới lực trệ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lệ là vị thần có công của nước. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: là con quỷ gieo tai họa, thần lửa. Cố Dã Vương cho rằng: quỷ có chỗ nương về thì không làm thần phá hại. Nói quần lệ. đó có nhiều loại. Như vua Thất tự gọi là Thới Lệ, chư Hầu ngũ tự gọi Công Lệ. Đại phu tam tự gọi Tộc Lệ. Trịnh Huyền cho rằng: lệ là thần nhỏ, ở trong nhân gian, cúng tế nhỏ có lỗi nên làm khiển trách, báo cáo đó, lệ là chủ sát phạt. Hoặc là viết chữ lệ, đều là chữ cổ. Chữ viết từ bộ thị thanh lệ.

Thăng bạc. âm trên là thăng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thăng là lên cao. Quảng Nhã cho rằng: tiến tới. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ phụ đến bộ thổ thanh thăng, âm dưới là bạch là chiếc thuyền lớn.

Hòa bì. Ngược lại âm trên hoa hóa. hoặc là viết chữ sư tên cây cân mộc thường mọc trên núi. Có hai loại, đỏ, trắng. Màu đỏ đó là vỏ của cây có thể làm thuyền, viết kinh sách tiếng Phạm ngày xưa, cũng có thể làm ghép lại làm đèn các loại.

Nhất tranh. Ngược lại âm thường cánh. Sách Vận thuyên, hoặc là viết chữ tranh. Sách Khảo Thanh cho rằng: từ từ căng ra tượng hình. Văn luật viết chữ chân là chẳng phải. Chữ viết từ bộ mộc thanh xưởng.

- QUYỂN 48 : Không có từ âm

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 49

Bệ mộc. Ngược lại âm tỳ lễ. Cố Dã Vương cho rằng: bệ là cái giường dài bằng gỗ. Chữ viết từ bộ mộc đến chữ bệ thanh tĩnh.

Triệt thứ. Ngược lại âm sĩ liệt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng:

triệt cũng là khứ. Trịnh Huyền cho rằng: trừ bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: giảm bớt. Xưa nay Chánh tự cho rằng: lột bỏ. Chữ viết từ bộ thủ thanh triệt.

Bổ đài. âm đài. Bổ đài là loại cây thực vật mọc trong nước, như hoa cắm trong bình. Giống như hoa liễu, bông nhứ.

Cai biệt nhân. Ngược lại âm cải hài. Sách Vận anh cho rằng: cho rằng: cai là bao gồm. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh khái cũng có viết chữ cai là chẳng phải.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA QUYỂN 50

Tín nhiếp. Ngược lại âm chiêm nhiếp. Tục dùng thông dụng, chữ chánh thể từ bộ nhiếp viết thành chữ nhiếp, ngược lại chi diệp. hoặc là viết từ bộ y đến bộ nhiếp viết thành chữ nhiếp cũng thông dụng.

Phản yết. Ngược lại âm y diệp. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: yểm là khiến cho thẳng nếp, đè xuống vuốt cho thẳng. Kinh văn cho rằng: dùng ngón tay ấn xuống đè xuống. Chữ viết từ bộ thủ thanh yểm, âm yểm đồng với âm trên.

Phủ kiên. âm trên là phủ. Trong quyển 11 trước đã giải thích rồi. Âm dưới là kiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh tay. Chữ viết từ bộ nhục chữ tượng hình. Văn luật viết từ bộ hộ viết thành chữ kiên, tục dùng thông dụng.

Trắc túc. âm trên là trắc. tục dùng thông dụng, chữ chánh thể từ bộ hán viết thành chữ trắc. Sách Khảo Thanh cho rằng: trắc là nghiêng một bên. Quảng Nhã cho rằng: rơi rớt lọt, rỉ nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: phút chốc nghiêng lệch không ngay. Chữ viết từ bộ nhân trong bộ hán.

Sát phóng. Ngược lại âm trên tác giới. tục dùng thông dụng. Cổ nhân mượn chữ sát là chữ sát. Trong quyển 22 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Thao thiết. âm trên là thao âm dưới là thiết tham vài gọi là thao tham ăn gọi là thiết trước đã giải thích rồi.

Bác tập. âm trên là bác ngược lại âm dưới là tinh nhập. Sách Khảo Thanh cho rằng: bác tập. ham thích ăn uống. Theo Thanh loại cho rằng: bác là môi và lưỡi chép khiến kêu ra tiếng, tưởng món ăn ngon, chữ viết

đều từ bộ khẩu chữ hình thanh.

Thủ bà. Ngược lại âm bạch ma. chữ đúng từ bộ thủ viết thành chữ bà là chữ lam bà. Văn luật viết từ bộ trảo viết thành chữ ba tục dùng thông dụng. Sách Tập Huấn cho rằng: bà là gãi chỗ ngứa, cũng là chữ hình thanh.

Thỉ lược. âm trên là thị âm dưới là lượt dùng lưỡi mà liếm thức ăn đưa vào moi miệng.

Niết bạn. Ngược lại âm trên nghiên kiết. cắn chỗ cạn.

La phục. âm trên là la âm dưới là phục. Sách Phương ngôn cho rằng: loại cây thân lươ hoa khứ, loại rau, củ cải. Chữ viết từ bộ thảo chữ hình thanh.

Bát loan. Ngược lại âm dưới quyết nguyên. Quảng Nhã cho rằng: loan là tuôn ra, thoát ra, âm trữ ngược lại âm trương lữ. Lấy bát múc lấy, âm thao ngược lại âm diêu tiểu.

Bổ mạn. Ngược lại âm trên bố cô. ngược lại âm dưới man biện.

Mao ngưu. âm mao kinh Sơn Hải nói: nước Tây Nam Di có loài trâu lông dài, trên thân có bốn chỗ lông dài. Hai đầu gối, trước ngực và cái đuôi, hoặc là trắng, hoặc là trắng.

****

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 1

Lãnh noãn. Ngược lại âm trên lặc đã. lạnh run. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lăng ngược lại âm dưới nỗ đoản. hoặc là viết chữ noãn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: noãn là ấp áp. Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn, âm nhuyễn ngược lại âm nhĩ nhuyễn.

Tịnh bình. Ngược lại âm tinh minh. Hoặc là viết chữ Đình. Sách Vận anh cho rằng: nói rằng: chứa nhiều nước sạch để rửa tay, tắm gội, xúc miệng.

Chi phái. Ngược lại âm phách mãi. Quảng Nhã cho rằng: phái đó là phần nước chảy riêng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước phân ra. Chữ viết từ bộ phấn đến chữ vĩnh.

Tổ mễ. Ngược lại âm nê lễ. hoặc là viết chữ nể. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: miếu thời tổ phụ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ thị thanh nhĩ, âm thị là âm thỉ.

Bách trách. âm trên là bách âm dưới là trách. Bì Thương cho rằng:

trách bách. là chật hẹp, nhỏ hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyệt chữ hình thanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 2

Phiến-sá. Ngược lại âm dưới nghịch da. Tiếng Phạm. Đây dịch là nội thị huỳnh môn.

Đam dục. Ngược lại âm trên đáp nam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đam là ưa thích, nghiện hoặc là từ bộ nhĩ viết thành chữ chữ đam.

Để xúc. Ngược lại âm trên đinh lễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: để cũng là xúc hoặc là từ bộ ngưu viết thành chữ để chữ hội ý. Ngược lại âm dưới xung chúc. Quảng Nhã cho rằng: xúc là hẹp lại va chạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: va chạm, đụng chạm. Chữ viết từ bộ giác thanh thục.

Tranh xúc. Ngược lại âm trên trạch canh. hoặc là lấy tay, hoặc là lấy vật. 715 tương xúc tránh va chạm, hoặc là viết chữ tránh âm tranh đồng với âm trên.

Húc đán. Ngược lại âm trên hung ngục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mặt trời mới mọc, to lớn lúc trời mới rạng sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trời mới mọc ánh lửa rực hồng.

Bại mễ. Ngược lại âm trên phải mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giống như cỏ mà là ngũ cốc đó. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống lúa khác. Văn Tự điển cũng nói rằng: thuộc lúa dại mọc hoang ở ruộng hay vuông trũng. Chữ viết từ bộ hòa thanh loại.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 3

Xuyết dĩ. Ngược lại âm chuyển liệt. Xem trước Luật hữu bộ quyển thứ 22 đã giải thích đầy đủ rồi. Đây không giải thích lại trùng lấp.

Tường sách. Ngược lại âm trên tương dương. Cố Dã Vương cho rằng: bức tường cao. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: người ta dùng bức tường để ngăn che việc xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: tường ngăn

che. Chữ viết từ bộ tường đến bộ cương, âm tường đồng với âm trên, âm dưới là sách. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây đứng thẳng làm tường gọi là sách tức hàng rào. Chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh.

Thuyên giáo. Ngược lại âm trên thuật duyên. Tự thứ cho rằng: lấy trúc bện làm sọt giống như cái hũ dùng để chứa lúa thóc, lúa mạch gọi là thuyên, ngược lại âm dưới giảo hiệu. Sách Vận anh cho rằng: đào xuyên qua đất làm cái hầm, để chứa gạo, thóc gọi là giáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ thuyên từ bộ trúc thanh đoan, chữ giáo từ bộ huyệt thanh cốc, âm cốc là âm cốc.

Câu trác. Ngược lại âm trên cẩu hầu. âm dưới là trúc giáo. Trước trong quyển Hữu bộ thứ ba đã nói rồi.

Y phốc. Ngược lại âm dưới phong mục. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ cân thanh phốc âm phốc là âm bốc.

Y hàng. Ngược lại âm hà lãng. Sách Vận anh cho rằng: cây sào phơi áo, cũng gọi là cái giá móc áo.

Dực sàng. Ngược lại âm trên dăng tức. Sách Vận thuyên cho rằng: dực là cây cột. Chữ viết từ bộ mộc thanh dực, ngược lại âm dưới trạng trang. Quảng Nhã cho rằng: chỗ người nghỉ ngơi, nương dựa gọi là sàn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chỗ ngỉ ngơi, ngủ gọi là sàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thân an nghỉ. Chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh. Thanh tường âm tường là âm tường.

Y quỹ. Ngược lại âm quỳ vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái rương, cái tráp, chữ hình thanh.

An tiến. âm trên là an, âm dưới là tiễn tiền. Xem trước Luật Hữu bộ trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Phúc lặc. Ngược lại âm trên là phúc, âm dưới là lăng đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phúc là cái bụng. Lặc là bên sườn, hai bên bụng, chữ viết đều từ bộ nhục.

Tích nổi. Ngược lại âm trên tinh dịch. Cố Dã Vương nói: tích là xương sống. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục, giống như xương sườn, ngược lại âm dưới thối ổi. chữ thượng thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: nổi là xương mông, âm khoang là âm khoang tức là xương háng, xương hông, âm bề ngược lại âm bại mễ. âm nõa ngược lại âm thóa quả.

Ư quyết. Ngược lại âm quyền nguyệt. Sách Vận anh cho rằng: cho rằng: quyết là cây cọc buộc trâu, trước đã giải thích rồi.

Điền khuê. Ngược lại âm dưới huệ khuê. Lưu Hy Thích danh cho rằng: tục lấy hai mươi lăm mẫu làm một tiểu huề. năm mươi mẫu làm

một đại huề. Sách Thuyết Văn nói cũng đồng. Chữ viết từ bộ điền thanh khuê. Sách Sở Từ cho rằng: huề giống như khu riêng biệt.

Chất thiện. âm trên là chất, âm dưới là thiện. Chất là con đĩa, côn trùng sống trong nước. Thiện là loài cá hình giống như con rắn mà màu đen, tục gọi là con lươn.

Tề tào. âm trên là tề âm dưới là táo, con bọ hung ủi phân dơ, loại ấu trùng của con bọ cam, hoặc là hóa làm con ve có thể bay, có thể kêu, tên giải thích nhiều.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 4

Đại giá lâm. Ngược lại âm chinh dạ. tên của loại cây có gai. Chữ viết từ bộ mộc.

Tự ải. Ngược lại âm y kề. hoặc là viết chữ ải, gọi là tự thắt cổ chết. Chữ viết từ bộ mịch.

Thảo mâu. Ngược lại âm trên mạc hậu. âm dưới sương tróc. Trước trong Luật Hữu bô quyển thứ bảy đã nói rồi.

Luân thoán. Ngược lại âm dưới thương loạn. Trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Tác tĩnh. Ngược lại âm dưới tình tính. Tự thư cho rằng: chữ viết đúng từ bộ phụ viết thành chữ tĩnh. Luật viết từ bộ huyệt.

Ky bán. Âm trên là ky âm dưới là bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: ky là dây dàm buộc ngựa, bán là dây cương buộc chân con ngựa, chữ hình thanh. Lấy dây lớn buộc chân con ngựa lại.

Tháp phát. Ngược lại âm đàm hạp.

Suyễn túc. Ngược lại âm trên thuyền nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chân đá vào bậc đất bị thương. Chữ viết từ bộ nhục thanh đoan âm đoan là âm đoan.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 5

Quyện đã. Ngược lại âm trên quyện viên. Theo Mao Thi Truyện

cho rằng: quyện là dùng sức không biết mệt mỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: có khí thế. Chữ viết từ bộ thủ thanh quyển.

Ách đầu. âm trên là ách.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 6

Chùy vi. Ngược lại âm trên trụy truy. chữ viết từ bộ mộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chày để đánh. Chữ viết từ bộ thủ đó là chẳng phải.

Chỉ xúc. âm dưới xúc dục. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng chân đá, đạp lên làm hư hại. Công Dương Truyện nói rằng: dùng chân đá ngược lại gọi là xúc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh tựu.

Thảm hại. Ngược lại âm trên sơ cẩm. hoặc viết từ bộ thổ viết thành chữ thản, dướci chữ chánh thể, chữ hại.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 7

Chỉ trá. Ngược lại âm trên kề dĩ. âm dưới trích da. Tiếng Phạm, tên của núi ở Tây Vực.

Trích quả. Ngược lại âm trên tri cách. dùng tay ngắt, hái gọi là trích, âm dưới là quả quả mộc tử.

Phản trịch. Ngược lại âm trình lạt. chữ viết từ bộ thủ.

Tương ly. Ngược lại âm sĩ ly. dùng chất keo mủ dính để bắt chim.

Ha sất. Ngược lại âm chân thất. gọi là khát nước uống vào.

Giao điều. âm dưới thao dùng sợi tơ dệt làm dây. Chữ viết từ bộ mịch, chữ hình thanh.

Bạo sái. Ngược lại âm trên bao mạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ hội ý. Chữ viết từ bộ nhật đến bộ cung đến bộ mễ, ngược lại âm dưới sa giới. Trong ánh nắng mặt trời mà phơi cho khô gạo. Chữ viết từ bộ nhật thanh lệ, cũng là chữ hình thanh.

Ly tiệm. Ngược lại âm trên là ly âm dưới tiếp diêm. vun đất thành

luống trồng cây lên trên gọi là tiệm. Chữ viết từ bộ thổ thanh tiệm.

Trửu thể. Ngược lại âm trên tri liễu. ngược lại âm dưới thể hề.

Thóa thảo. Ngược lại âm trên thương quá. gọi cắt cỏ.

Thung đảo. Ngược lại âm trên thúc lung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đập giã lúa thóc thành gạo gọi là thung. Sách Vận anh cho rằng: thung là đập giã, chữ thung từ bộ cửu chữ đảo từ bộ thủ.

Can phạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ can. Theo đảo ngược mà vào, từ bộ nhất viết thành chữ can.

Bác phạt. âm dưới là phạt tục dùng thông dụng, đúng là từ bộ mộc đến bộ phát viết thành chữ phát.

Khiên duệ. Ngược lại âm trên di hiền. Ngọc Thiên cho rằng: khiên dẫn dắt. Quảng Nhã cho rằng: lôi kéo. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn tới trước. Chữ viết từ bộ ngưu đến bộ miên âm miên ngược lại âm quý dinh. giống như buộc con trâu mà dẫn đi. Thanh huyền ngược lại âm dưới diên kiết. Quảng Nhã cho rằng: duệ cũng dẫn, kéo, lôi kéo. Chữ viết từ bộ thủ. Thanh duệ đến qua.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 8

Tặng tống. Ngược lại âm tắng đặng. Sách Khảo Thanh nói: lấy vật trao cho người. Chữ viết từ bộ.

Liệu loạn. âm trên là liệu ngược lại âm dưới loan đoạn.

Câu nữu. Ngược lại âm trên cẩu hầu. Văn luật viết từ bộ cân viết thành chữ câu cũng thông dụng. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: câu là mang, quàng đeo lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: câu là làm cho cong lại, ngược lại âm dưới là nữ cửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nữu sợi tơ, dải áo, cúc áo, thu về rút lại, kết nạp lại thành cái móc của y ca sa, khi đắp mặc móc vào.

Tăng khước ký. Ngược lại âm khỉ ky. hoặc là viết chữ nguy. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là áo che dưới nách, tức là xưa dịch dùng sai, là che thân thể đó là sợ mồ hôi dơ thấm ướt ba y nên mặc áo trước che dưới nách.

Thô phanh. Ngược lại âm bách âm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phanh là ngón tay, dùng mười sợi dây nẩy mực, đo căng dây nẩy mực.

Quyền sát. Ngược lại âm trên quyển viên. nắm năm ngón tay lại

là quyền ngược lại âm dưới khanh nhạc. nắm tay mà đánh, nắm đấm. Chữ viết từ bộ thủ thanh xác.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 9

Ổi tẩn. Ngược lại âm trên ổi than. ngược lại âm dưới từ dẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đúng thể viết chữ tẩn gọi là lửa cháy hết củi còn dư lại tro tàn. Chữ viết từ bộ hỏa đến bộ duật thanh tĩnh.

Ẩu kiên. Ngược lại âm trên vu vũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngang eo lưng cong lại. Sách Ngọc Thiên cho rằng: thân cong lại, khom xuống có vẻ cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân thanh xu âm dưới là kiên chữ viết từ bộ nhục.

Mậu dịch. Ngược lại âm trên mâu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: trao đổi tài vật. Sách Ngọc Thiên cho rằng: trao đổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mậu văn cổ viết mậu.

Lũ quỷ. Ngược lại âm trên lực chủ. ngược lại âm dưới là quỳ vị. Trước Luật Hữu bộ trong quyển thứ 20 đã giải thích rồi.

Gia tư. Ngược lại âm dưới là tư. Thiên Thương Hiệt ghi: tư là tài sản. Sách Ngọc Thiên cho rằng: tài sản riêng. Chữ viết từ bộ bối thanh thử.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 10

Thô tiên. Ngược lại âm dưới kiên miên. Cố Dã Vương cho rằng: dùng cây gậy mà đánh tội nhân. Sách Chu lễ cho rằng: roi quất ngựa. Chữ viết từ bộ cách thanh tiện.

Phạ bố. Ngược lại âm trên bàng mạ. ngược lại âm dưới phổ bố. Quảng Nhã cho rằng: phạ bố là sợ sệt, trong lòng e sợ, run lập cập, hai chữ đều từ bộ tâm.

Tẩn nghịch. Ngược lại âm tân dẫn. âm dưới là xích Luật trước trong quyển 716 thứ 19 đã giải thích rồi.

Nhiếp vi. Ngược lại âm trên chiêm nhiếp. Xem trước Luật quyển

thứ 22 đã giải thích rồi.

Sát phách. Ngược lại âm trên sanh giới. Xem trước Luật Hữu bộ quyển thứ 22 đã giải thích đầy đủ rồi.

Khoán khế. Ngược lại âm trên khuất. Tự nguyện thừa nhận làm văn thư công khoán, lời cam kết trong văn thư, được thiết lập trên làm niềm tin, ngược lại âm dưới khinh nghệ. Văn thư mua bán là khế, văn thư làm niềm tin.

Kim đĩnh. âm dưới là định. Xem trước Luật Hữu bô trong quyển thứ 22 đã giải thích rồi.

Lật-chiêm-tỳ. Ngược lại âm trên là lân nhất. âm kế xương diệp. Tiếng Phạm, gọi là thân cận với vua.

Hội hoài. Ngược lại âm trên đường lôi. Trước Đại Luật trong quyển thứ 12 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là hoài quái. Sách Thuyết Văn cho rằng: bại hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh hoài.

Tiện địch. Ngược lại âm dưới là đình lịch. gọi là mua gạo.

Quí thiếu. Ngược lại âm dưới yêu điếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: bán lương thực, bán gạo, chữ hội ý, cũng gọi là xuất khẩu lúa thóc. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuất ra giết. Chữ viết từ bộ địch thanh địch, âm địch là âm địch.

An khám. Ngược lại âm dưới khảm hàm. Sách Khảo Thanh cho rằng: đục núi tường làm cái khám, cái thất để Am tượng Phật. Quảng Nhã cho rằng: khám là để chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ long đến bộ hàm thanh.

Mật trí. Ngược lại âm dưới trì lợi. Xem trước Luật quyển thứ 22 đã giải thích rồi, đây không lặp lại.

Hoặc văn. Ngược lại âm dưới vạn phân. Thanh loại cho rằng: vẫn là dẫn dắt. Chữ viết từ bộ thủ thanh vãn.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 11

Phách. Ngược lại âm trên tinh mạch. Theo sách Khảo Thanh nói: dùng tay chia cắt ra. Quảng Nhã cho rằng: chia cắt, nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: xé ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

Hám tha. Ngược lại âm trên đàm lam. hoặc là viết chữ đàm.

Quảng Nhã cho rằng: đàm là cho ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu chữ hình thanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 12

Miễu mục. Ngược lại âm trên diệu phiêu. gọi là chột mắt.

Hiển tích. Ngược lại âm trên lực duyên. Sách Khảo Thanh cho rằng: chân bị bệnh, gân của chân không cử động, âm dưới can mịch. Gọi khác của chân đau. Tự thư cho rằng: bị thọt chân, què chân, cũng gọi là chân bệnh.

Bối ẩu. Ngược lại âm dưới du vũ. Sách Tập Huấn cho rằng: lưng cong lại. Sách Vận anh cho rằng: eo lưng cong lại gọi là lưng gù, khom lưng. Chữ viết từ bộ nhân thanh âu.

Chu nhu. âm trên là chu âm dưới là nhũ chu. Xem trước Luật Hữu bộ trong quyển thứ 25 đã giải thích đầy đủ.

Quải hành. Ngược lại âm trên quai mại. Sách Vận thuyên cho rằng: nắm đầu gậy cái chân người nương thân vào cây gậy văn cổ viết chữ vu chữ tượng hình.

Đa thần. Ngược lại âm trên đa đà. Sách Khảo Thanh cho rằng ấuh miệng to ra, không liếm môi xấu xí.

Khủ xỉ. Ngược lại âm ngẫu hầu. Sách Ngọc Thiên cho rằng: Khủ xỉ là cây răng mọc không đồng đều. Thiên Thương Hiệt ghi: mọc trùng với nhau, lấn phía trước không thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng không thẳng. Chữ viết từ bộ xỉ đến bộ ngẫu thanh tĩnh, âm ngẫu ngược lại âm ngũ cẩu.

Phiến tiều. Ngược lại âm phiên vạn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: khiến đó là sớm mua chiều bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: mua rẻ bán mắc. Chữ viết từ bộ thanh phản, ngược lại âm dưới tề diêu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hái củi. Sách Thuyết Văn cũng đi hái củi. Chữ viết từ bộ từ bộ mộc thanh tiều chữ hình thanh.

Tiều đảm. âm trên tiều cùng với âm trên đồng, ngược lại âm dưới đam lãm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy cây gánh vật. Sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng như trước. Chữ viết từ bộ thủ thanh chiêm, âm chiêm là âm chiêm.

Thanh đê. Ngược lại âm đệ hề. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên

của cây cỏ. Hoặc là viết chữ đệ chữ cổ.

Xưởng giáp. Ngược lại âm trên xướng dưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhà bón bên không có vách tường gọi là xưởng. Ngược lại âm dưới ám giáp. Tự thư cho rằng: giáp là nhà kho, nhà dưới, âm hàm ngược lại âm tranh giáp.

Kiêm chước. Ngược lại âm trên liễm chiêm. ngược lại âm dưới chương nhược. Xem trước văn luật trong quyển thứ 25 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thôi diên. Ngược lại âm trên thổ lôi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: dùng tay bó buộc vật.

Quỹ thiết. Ngược lại âm trên qui vi. Sách Khảo Thanh cho rằng: dối trá, khinh khi. Quảng Nhã cho rằng: theo cái ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh ngụy.

Tân khanh. Ngược lại âm dưới cánh hành. Văn luật trước đã giải thích rồi.

Dẫn xúc. Ngược lại âm trên trần nhẫn. Sách Chu lễ nói: lôi kéo dẫn dắt con trâu. Con ngựa thì phải nắm dây cương. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây dẫn trâu. Chữ viết từ bộ cách thanh cương, ngược lại âm dưới thủ dục. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: xúc là gần một bên. Mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: bức bách. Chữ viết từ bộ nhân thanh túc.

Tuấn phản. Ngược lại âm trên duẫn tuấn. gọi là núi cao. Xưa văn cổ viết chữ tuấn núi cao nguy hiểm, âm dưới là phản. Sách Khảo Thanh cho rằng: dốc núi, dốc cao nguy hiểm gọi phản.

Ban bác. Ngược lại âm trên bát man. ngược lại âm dưới bang mạc. Sách Hán thư cho rằng: đen trắng xen lẫn với nhau gọi là ban bác. Ban là màu sắc rực rỡ xen lẫn với nhau giữa năm màu gọi là ban. Sách Khảo Thanh cho rằng: ban là màu sắc lẫn lộn, ngọc có nhiều màu lẫn lộn. Chữ viết từ bộ văn.

Bài thoán. Ngược lại âm trên bại mai. ngược lại âm dưới thất loạn. Xem trước Hữu bộ đại luật, trong quyển thứ 26 đã giải thích rồi.

Tương xoa. Ngược lại âm nữu giai. Sách Vận thuyên cho rằng: dùng cái nắm tay đánh người, bắt chéo tay lại.

Tương phốc. Ngược lại âm dưới lung học. Gọi là đưa cao lên ném xuống đất, khiến cho đầu ngã ngửa. Văn Tự điển nói hai người cạnh tranh nhau sức mạnh. Chữ viết từ bộ thủ thanh phốc.

Tập ma. Ngược lại âm trên xâm nhập. Tự thư cho rằng: phân nhỏ sợi dây gai làm sợi chỉ nối làm vải bố dệt vải bố thưa, chữ hình thanh,

cũng là chữ hội ý.

Trữ y. Ngược lại âm trừ dĩ. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là vải bố thưa làm bằng dây gai, dệt y, chữ hình thanh.

Cù du. Ngược lại âm trên cự câu. ngược lại âm dưới sổ vu. Tiếng thổ ngữ của người nước Phiên. Tức nay gọi là thảm lông, có hoa văn màu sắc dùng để trải đất.

Sam áo. Ngược lại âm trên sa hàm. áo đơn trên, ngược lại âm dưới a cao. áo kép, có vải lụa kẹp theo, lớn nhỏ khác nhau.

Phủ quắc. Ngược lại âm dưới cuồng quặc. âm quặc ngược lại âm vương ước. Quắc đó chặt bằng đao kiếm.

An tiến. Ngược lại âm trên là an âm dưới là tiết diên. An là thay thế cho thảm trải đất.

Âu khí. Ngược lại âm a câu. Cái chậu bằng sành sứ, hoặc là nhỏ như cái hũ. Chữ viết từ bộ ngõa đến bộ âu thanh tĩnh.

Manh hạt. Ngược lại âm dưới hanh tiết. không có con mắt nên không thấy. Âm hanh ngược lại âm hách canh. Âm kiết ngược lại âm văn bát.

Ế uyết. Ngược lại âm trên yên kiết. gọi là ăn nuốt không xuống mắc nghẹn ngang cổ họng. Ngược lại âm dưới là uy nguyệt. Sách Vận thuyên cho rằng: nôn ói ra, hơi đi ngược trong ngữch gọi là bệnh.

Huyên thanh. Ngược lại âm hương yêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiều người, chúng đông nói chuyện ồn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi xuất ra trên đầu.

Tiệp ngữ. Ngược lại âm trên tiềm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: nói rất mau, gấp vội, đến nhanh. Chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp, âm tiệp đồng với âm trên.

Tùng cán. Ngược lại âm can ngạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: sức mạnh, vốn là thẳng mãi, cũng viết chữ cán chất.

Sang vưu. Ngược lại âm trên xoa sương. Sách Vận anh cho rằng: mụt nhọt, vết thương trong thịt lở loét chóng tức bệnh, ngược lại âm dưới là vưu bệnh phong kết lại làm bệnh, cũng gọi thịt thừa, mụt ruồi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 13

Nhiêu thảo. Ngược lại âm hiểu nhiêu. Sách Khảo Thanh cho rằng:

rót, tưới nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh nhiêu.

Vân tuấn. âm trên là vân dưới âm tuy. Xem trước trong quyển thứ 27 đã giải thích rồi.

Quất dữu. Ngược lại âm trên quân duật. âm dưới do tựu. Ở Giang Nam nước Sở gọi là quả, tức là trái quít, trái bưởi, chữ viết đều từ bộ mộc.

Phụ trung. Ngược lại âm trên là phụ, ngược lại âm dưới trung loài sâu bọ trong cỏ.

Văn diệp. Ngược lại âm trên kiêm hiệp. ngược lại âm dưới diềm trấp. Xem trước luật trong quyển thứ 27 đã giải thích đầy đủ rồi. Tên của loài côn trùng, như con muỗi, con ruồi.

Hòa nhu. Âm nhu dùng tay xoa chà.

Canh xác. Âm trên là canh âm dưới là ha các. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: lấy giấm hòa lại làm canh gọi là bổ dưỡng không có chất nước mà nấu gọi là bổ cơ. Chữ viết từ bộ nhục chữ hình thanh,

Thuân bì. Ngược lại âm trên thất tuần. da trên thịt nổi lên, giống như da cây nổi mụt, sần sùi gọi là thuân.

Địa khuẩn. Ngược lại âm quần vãn. gọi là trên đất nổi lên nấm móc, nấm tai mèo, nấm đất.

Bạch phốc. Ngược lại âm dưới phổ mộc. nơi đất ẩm ướt mọc lên nấm lông trắng, cũng gọi là áo trắng.

Bằng thượng. Ngược lại âm bạch manh. Trên gác gỗ thêm vào tấm ván làm sàn gọi là bằng cũng gọi là lầu các.

Môn bệ. Ngược lại âm bại mễ. âm bề ngược lại âm bình mễ. gọi là cột trụ dựng đứng hai bên cửa.

Mạc kích. Ngược lại âm trên là mạc âm dưới là kích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 14

Phách phá. Ngược lại âm trên thất mịch. Xem trước luật trong quyển thứ 36 đã giải thích đầy đủ rồi.

Ảnh công. Ngược lại âm trên a lãng. Xem trước luật trong quyển thứ 37 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tướng niêm. Ngược lại âm dưới thiếp liên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: niêm là dính hợp lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: niêm là dính lại với nhau. Chữ viết từ bộ thử thanh chiêm.

Phác chi. Ngược lại âm trên lung mạc. dùng tay nắm kéo đưa cao lên rồi ném xuống đất.

Kình ngư. Ngược lại âm trên ký kinh. 717 Xem trước luật trong quyển thứ 17 đã giải thích đầy đủ rồi.

Sóc nhẫn. Ngược lại âm trên sương tróc. Xem trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 37 đã giải thích đầy đủ rồi.

Bằng dực. Ngược lại âm trên bổ băng. Sách Khảo Thanh cho rằng: bằng là chim đại bàng lớn. Trang Tử nói: Ở Bắc Minh có loại cá gọi côn hóa làm chim đại bàng, trên lưng của chim đại bàng, chở rất nhiều có thể bay ngàn dặm. Chữ viết từ bộ điểu thanh bằng, âm dưới dăng chức. là cánh của con chim, chữ hình thanh.

Đã tháp. Âm đáp.

Khoa tất. Ngược lại âm trên khoa hoa. Chữ hoa khứ thanh. Tục dùng thông dụng. Thể chữ đúng từ bộ cốt viết thành chữ khoa, ngược lại âm dưới tân thất. cũng tục dùng thông dụng, chữ đúng thể từ bộ tất đến bộ ấp viết thành chữ tất lâu rồi không dùng cho nên trong sách không có chữ này.

Táo hạch. Ngược lại âm trên là tảo âm dưới hành cách. chữ chánh thể từ hai bộ thích, âm thích là âm thích. Hạch đó là hạt trong trái táo quả thật để trồng. Chữ viết từ bộ mộc.

Tiễn can. âm trên tiến âm dưới can hãn. thân của mũi tên, tức cái cán, cũng viết chữ can.

Trửu đình. Ngược lại âm trên chu dậy. gọi là cây chổi dùng để quét đất, âm dưới là đình.

Bôn thoán. Ngược lại âm trên thương loạn. Ngọc Thiên cho rằng: thoán là chạy trốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: trốn lánh tránh đi. Chữ viết từ bộ huyệt đến bộ thử.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 15

Thanh í. Ngược lại âm trên thỉnh trinh. ngược lại âm dưới sa hý. âm hý ngược lại âm truy sử. Xem trước luật trong quyển thứ 39 đã giải

thích đầy đủ.

Tiền hối. Ngược lại âm dưới trối hóa.

Ký yểm. Ngược lại âm y diễm. Trên thân có nốt ruồi đen. Xem trước luật trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Thủy oa. Ngược lại âm điểu oa. Xem trước luật trong quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Ngột thụ. âm trên là ngột giết cây con dư lại gốc, nẩy mầm chồi non, trước đã giải thích rồi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 16

Đinh quyết. hấn liệt. Đinh dực. các từ trên. Xem trước luật trong quyển thứ 41 đã giải thích đầy đủ rồi.

Khánh khái. Ngược lại âm trên hề đảnh. Ngược lại âm dưới khai ái. Xem trước luật trong quyển thứ 42 đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhĩ đồng. âm dưới là đồng. Xem trước trong quyển thứ 43 đã giải thích đầy đủ rồi. Nhĩ là cái quai thùng.

Tiểu thiện. âm thiện. Xem trước trong quyển luật thứ 42 đã giải thích đầy đủ rồi.

Cang văn. âm trên là cang ngược lại âm dưới mãn an. Trước trong quyển thứ 42 đã giải thích rồi.

Tự qua. Ngược lại âm quy bích. cào gãy.

Bệ mộc. âm trên là bệ cái bệ giường tiếc chân giường, trên trước và sau có cây gỗ dài.

Ứng triệt. Ngược lại âm trên sĩ liệt. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: bỏ đi. Sách Nghi lễ cho rằng: trừ bỏ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ âm thủ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 17

Bao sủng. Ngược lại âm trên bảo mao. Cố Dã Vương cho rằng: bao giống như đưa lên tốt đẹp. Ngược lại âm dưới lạt lung. Sách Khảo

Thanh cho rằng: sủng là được yêu quí, chìu chuộng. Sách Ngọc Thiên cho rằng: được, âm trạch, chữ hình thanh.

Sách ly. Ngược lại âm trên là sách âm dưới là ly. Trước luật quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Đoan nội. âm trên thuyền vu. âm thường duyên.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 18

Trách khiếp. Ngược lại âm trên tranh tác. Sách Khảo Thanh cho rằng: trách cũng là khiếp gọi là nhỏ hẹp. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ huyệt thanh trá, ngược lại âm dưới hàm giáp. Sách Lễ ký cho rằng: rộng thì chứa đầy đồ gian dối. Khiếp suy nghĩ muốn. Sách Ngọc Thiên cho rằng: bức bách nhỏ hẹp, không rộng lớn. Sách Thuyết Văn chữ viết từ bộ phụ thanh khiếp âm đồng với âm trên.

Tôn quỵ. âm trên là tồn ngược lại âm dưới là quỳ ủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh nguy.

Sở cầm. Ngược lại âm kỳ ngâm. Tự thư cho rằng: bắt, cầm nắm. Chữ viết từ bộ thủ thanh cầm.

Khẩn quật. Ngược lại âm trên khang cấn. Cày ruộng, quả lý, lo việc cày ruộng. Chữ viết từ bộ thổ thanh khẩn ngược lại âm dưới ân vật. gọi là đào xuyên qua đất. Chữ viết từ bộ thủ thanh khuất.

Khuy dũ. Ngược lại âm trên khuyễn quy. Sách Khảo Thanh cho rằng: khuy là nhìn trộm, âm thú ngược lại âm dưới thư dự. gọi là trộm nhìn, ngược lại âm dưới chỉ song. tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể, tượng hình. Giống như cửa sổ, chữ hình thanh.

Giảo ni hạng. Ngược lại âm trên giao xảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: buộc, se xoắn lại, thắt cổ tự tử. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mịch thanh giao.

Khiên tiết. Ngược lại âm trên xí kiên. âm dưới diên kiết. chữ viết từ bộ thủ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 19

Cù dục. Ngược lại âm trên cụ ngu. ngược lại âm dưới dung túc. Hoặc là viết từ bộ cú viết thành chữ cù cũng là chữ chánh thể. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của con chim yểng. Loại chim lông đen, trên cổ hơi xanh, lưỡi nhọn nên có thể dạy nói tiếng người.

Xa niển. Ngược lại âm ni triển. tục dùng thông dụng, chữ chánh thể viết chữ năn là bánh xe cán qua nghiền nát còn để lại dấu vết.

Nổi thuyên. Ngược lại âm trên thối ổi. Xem trước luật trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ. Ngược lại âm dưới thuyền nhuyễn. Xem trước luật trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ.

Tê thái. Ngược lại âm trên tế tề. ngược lại âm dưới sai đại. chữ viết từ bộ cửu đến bộ tề.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI QUYỂN 20

Loát phê. Ngược lại âm trên thuyên quát. âm thuyên ngược lại âm số viên. Âm quát ngược lại âm quan bát. âm dưới là phế tức là sự vật nhiều chia ra từng phần nhỏ. Trừ bỏ loại ký sinh trùng, tức phê phán điều không tốt, phê bình sửa đổi.

Tán sái. Âm trên là tán âm dưới là sa giả. Sách Vận anh nói: nước chảy bắn lên tung tóe. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy mau. Chữ viết từ bộ thủy chữ hình thanh, âm tấn là ân tín.

Cang triếp. Ngược lại âm dưới chiêm nhiếp. Xem trước Đại luật trong quyển thứ 50 đã giải thích rồi.

Phản yểm. Ngược lại âm y diệp. Xem trước luật trong quyển thứ 50 đã giải thích rồi. chữ viết từ bộ thủ thanh yểm, hoặc là viết chữ yểm cũng thông dụng.

Thiên sa. Âm trên là thiên âm dưới xoa giao.

Theo hanh. Ngược lại âm trên đình diêu. hai chân vừa đi vừa nhảy.

Trắc túc. Âm trên là trác chữ cổ.

Sát phóng. Ngược lại âm trên là sanh giới. dùng sức. Chữ viết từ bộ thủ.

Tiểu đoàn. Âm đoàn chữ viết từ bộ thủ.

Thổ khối. Ngược lại âm khổ hối. khối đất, đống đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh quỹ.

Bác tập. âm trên là bác ngược lại âm dưới tinh tập. gọi là mến thử.

Ba tán. Ngược lại âm trên bạch ma. dùng ngón tay cào gãi, gãi chỗ ngứa.

Thỉ lược. âm trên là thị âm dưới là lương ước. gọi là lấy lưỡi liếm thức ăn.

Bát luyến. Ngược lại âm dưới quyên nguyện. Xem trước luật trong quyển thứ 50 đã giải thích rồi. chữ viết từ bộ cũng thanh luyến.

Trợ bịch. Ngược lại âm kinh nghịch. gọi là guốc gỗ.

Lý cú. Ngược lại âm dưới câu ngụ. gọi là giày da.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 62

- Âm Căn Bổn Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự Luật - bốn mươi quyển.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 1

Chuyên giai. Ngược lại âm trên chuyết chuyên. Bì Thương cho rằng: gạch ngói chưa nung. Tự thư cho rằng: cái ấm đất. Chữ viết từ bộ ngõa thanh chuyên, âm lộc là âm lộc, âm linh là âm linh, âm tích ngược lại âm bình lịch. ngược lại âm dưới khách giai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chà xát, lau chùi. Chữ viết từ bộ thủ thanh giai.

Quần ứng. Ngược lại âm trên quận vân. Sách Phương ngôn cho rằng: căng thẳng ra quấn quanh eo lưng là quần. Quách Phác chú giải rằng: tục lại gọi là tiếp dưới. Giang Đông thường gọi là cái xiêm, cái quần. Sách Thuyết Văn cho rằng: quần cũng gọi là quần dưới. Chữ viết từ bộ cân thanh quân. Theo chữ thường chữ quần. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ cân viết thành chữ thường quần. Nay trong thiên hạ khi dùng đều từ bộ y viết thành chữ thường quần. cũng thông dụng. Âm căn ngược lại âm cư âm. tức là y căn. tức lưng quần. Quách Phác cho rằng: người phụ nữ ban đầu xuất giá theo chồng, chỗ gọi mặc áo trên.

Lật-cô-tỳ-biểu. Ngược lại âm trên lân chất âm kế là chiêm nhiếp. Tiếng Phạm. Xưa dịch là lê-xa-tử. Tức là Sát-đế-lợi. 718 Công tử em của vua, công tử kia có vườn trái cây.

Thuân liệt. Ngược lại âm trên thất tuần. Bì Thương cho rằng: da nứt nẻ ra. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ bì thanh thuân, âm thuân

đồng với âm trên, âm tán ngược lại âm tương dược.

Sáng chế. Ngược lại âm trên sang trang. Sách Khảo Thanh cho rằng: sáng là ban đầu sáng lập ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tạo pháp sáng nghiệp, xây dựng sự nghiệp. Chữ viết từ bộ tĩnh thanh nhẫn hoặc là viết chữ sáng ngược lại âm sở trang.

Khứu ngã. Ngược lại âm trên hưu cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng mũi chính là để ngửi gọi khứu chữ viết từ bộ ty thanh khứu.

Ky hiềm. Ngược lại âm trên cư y. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: ky là giễu cợt, chê trách. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trách phạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chê bai. Chữ viết từ bộ ngôn thanh ky ngược lại âm dưới trập gian. Sách Thuyết Văn hiềm không bằng lòng nơi tâm. Còn nghi ngờ chữ viết từ bộ nữ thanh hiềm.

Ánh quỹ. Ngược lại âm trên anh đảnh. Sách Thuyết Văn nói: ánh là cổ bệnh bướu. Chữ viết từ bộ tật thanh anh, âm lưu ngược lại âm ngưỡng do.

Khích trung. Ngược lại âm trên hương nghịch. Cố Dã Vương cho rằng: khích cũng giống như xuyên qua cái hang. Quảng Nhã nói: bị nứt. Sách Thuyết Văn nói: vácg tường nứt có khe hở lỗ hổng. Chữ viết từ bộ phụ thanh khích, âm khích đồng với âm trên, chữ viết từ hai bộ tiền hiệp một đến bộ bạch.

Độc lâu. âm trên là độc ngược lại âm dưới là lậu hầu. Bì Thương cho rằng: xương đầu. Sách Thuyết Văn nói: xương đảnh đầu, chữ hình thanh.

Huân hoàng. Ngược lại âm trên huấn vân. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: huân hoàng. là hoàng hôn chiều tà. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ nhật thanh huân.

Trừ quát. Ngược lại âm dưới quan hoạt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quát là chà xát. Sách Khảo Thanh cho rằng: mài thanh kiếm ngang gọi quát. Sách Thuyết Văn nói: quát là cầm nắm chặt. Chữ viết từ bộ đao thanh thiệt.

Hạch ngạch. Ngược lại âm trên hoành cách. Cố Dã Vương nói: quả thật trong có hạt. Sách Thuyết Văn nói: chữ viết từ bộ mộc thanh hạch, ngược lại âm dưới ngạch cánh. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạch là cứng chắc. Sách Văn Tự điển nói: nhà lao ngục chắc chắn. Chữ viết từ bộ cách thanh cánh hoặc là viết từ bộ thạch viết thành chữ ngạch tục dùng thông dụng.

Tước chi. Ngược lại âm trên tường dược. đúng thể là chữ tước. Sách Hoài Nam Tử nói: tước chi là nhai ngấu nghiến mà không có mùi

vị thì không thể nuốt vào được trong cổ họng. Cố Dã Vương cho rằng: nhai. Quảng Nhã cho rằng: nhai rồi nhổ ra nhai lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh tước. Bổn kinh viết chữ tước tục dùng thông dụng, âm tiêu ngược lại âm tiêu diệu.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 2

Hữu thần. Ngược lại âm thất chân. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thần là hoài thai. Sách Thuyết Văn nói: thân là thân mang thai máy động. Chữ viết từ bộ nữ thanh thần. Văn cổ viết chữ thân, âm nhậm ngược lại âm như thậm.

Phạn thực. Ngược lại âm trên phiền văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phạn thực. viết từ bộ thực thanh phạn tục dùng viết từ bộ phản viết thành chữ phạn.

Nhu phụ. Ngược lại âm nhu thủ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhu là giẫm đạp lên. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ túc thanh nhu. Sách Thuyết Văn viết chữ nhữu gọi chân con thú giẫm đạp xuống đất, chữ tượng hình. Chữ viết từ bộ nhữu, nhữu cũng là thanh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dấu tích gót chân. Nhữu theo Lệ Sách văn viết chữ nhu.

Nổi phục. Ngược lại âm trên nội hồi. Sách Thuyết Văn nói rằng: nổi là bẻ gãy, cũng gọi là hai tay đan xen vào nhau, xiết chặt xoa vuốt. Chữ viết từ bộ thủ thanh ủy.

Túc cân. Ngược lại âm dưới cấn ngận. Thích danh nói: gót chân sau gọi là cân. Sách Thuyết Văn nói gót chân đã sưng lên. Chữ viết từ bộ túc đến thanh cấn.

Tùng tề. Ngược lại âm tế tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: cuống rốn. Chữ viết từ bộ nhục thanh tề.

Xúc chỉnh. Ngược lại âm trên thủ dục. ngược lại âm dưới chinh lãnh. Chỉnh là ngay ngắn, riêng biệt, chỉnh tề. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thúc đến bộ khộc thanh chánh âm phộc ngược lại âm phổ bốc.

Thành chân. Ngược lại âm nhất chân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chân là góc thành. Sách Thuyết Văn nói: góc thành có cửa nhiều lớp. Chữ viết từ bộ môn thanh chân âm chân đồng với âm trên.

Phần liệu. Ngược lại âm liệu điểu. Lại khứ thanh. Ngược lại cũng ân lực diễn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: lửa cháy lan ngoài đồng ruộng là liệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêu đốt cháy nhẹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệu là phóng hỏa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh liệu, âm liệu ngược lại âm lực chiểu.

Trách liệt. Ngược lại âm sĩ cách. Quảng Nhã nói: trách là phân chia ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: đất nứt nẻ ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh nghịch, âm nghịch ngược lại âm xích âm dưới là liệt.

Sang bao. Ngược lại âm dưới bao mạo. Sách Khảo Thanh nói: bao là trên mặt nổi mụt nhỏ. Sách Thuyết Văn cho viết chữ bao gọi là trên mặt nỏi mụt mụn nhỏ. Chữ viết từ bộ bì thanh bao.

Tẩn nghịch. Ngược lại âm trên tân nhẫn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là bỏ đi. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh tẩn âm dưới là xích. Lưu Triệu chú giải sách Cốc Lương Truyện rằng: nghịch là dũ. Cố Dã Vương nói rằng: nghịch là xa xôi. Sách Hán thư âm nghĩa nói rằng: nghĩh là không dùng. Quảng Nhã cho rằng: nghịch là đẩy ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nghiễm thanh nghịch, âm nghiễm là âm nghiêm, âm nghịch là âm nghịch.

Bấn đệ. Ngược lại âm trên bàn mạn. ngược lại âm dưới đê lệ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang nói: làm lễ.

Thương nhân. Ngược lại âm trên thường dương. Trịnh Tiễn chú giải sách Khảo công ký rằng: là người khách chuyên nghề mua bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: thương là đi khắp nơi mua bán. Chữ viết từ bộ bối đến bộ thương thanh tĩnh.

Thê đăng. Ngược lại âm trên. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thê là bậc thềm, nấc thang. Xưa nay Chánh tự cho rằng: thềm gỗ. Chữ viết từ bộ mộc thanh đệ. ngược lại âm dưới đăng đặng. Sách Thuyết Văn nói: chữ viết từ bộ phụ thanh đăng. Bổn luật viết từ bộ túc viết thành chữ đăng là chẳng phải.

Tản bính. Ngược lại âm tăng nản. Cố Dã Vương cho rằng: tản tức lcây dù che. Lấy tấm vải trắng làm cây dù có thể che mưa và che nắng. Chữ viết từ bộ mịch thanh tán. Bổn luật viết chữ tảng tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới binh mạng. Sách Thuyết Văn nói: Bính là chuôi, cán, nắm quyền. Sách Thuyết Văn nói rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh bính.

Sái tại. Ngược lại âm trên tác giải. Sách Phương ngôn cho rằng: sái là làm cho khô, phơi khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhật thanh lệ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ
QUYỂN 3

Xuy thoán. âm trên là xuy ngược lại âm dưới thương loạn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: thoán là bếp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xuy là thổi lửa. Văn trước đã giải thích rồi.

Nhân uân. Ngược lại âm trên nhân, ngược lại âm dưới ôn vân. tục dùng thông dụng. Sách Bát-nhã cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ hỏa viết thành chữ nhân, từ bộ mịch viết thành chữ uân. Gọi là khí của trời đất. Sách Chu dịch nói rằng: khí trời đất hòa hợp vạn vật hóa hưởng. Sách Khảo Thanh cho rằng: mây khói mù mịt.

Ngõa lịch. Ngược lại âm dưới linh đích. Sách Khảo Thanh cho rằng: đá vụn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đá nhỏ. Chữ viết từ bộ thạch thanh lạc.

Y tranh. Ngược lại âm trích canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tranh là cột ở hai bên cổng thành, cũng gọi là mở cửa. Chữ viết từ bộ mộc thanh tranh. Bổn luật viết chữ trinh là chẳng phải.

Toàn sư. ngược lại âm trên đoan loạn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: toàn là luyện tôi luyện sắt théo. Thiên Thương Hiệt ghi: tìan là cái dùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: lò luyện kim nhỏ. Chữ viết từ bộ kim thanh toàn.

Kỳ bà. Ngược lại âm ba mạ. Tự thư cho rằng: bà là cán nắm cầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh ba. Bổn luật viết từ bộ cung viết thành chữ bà? Cũng thông dụng, hoặc viết từ bộ mộc viết thành chữ bà.

Kê linh. Ngược lại âm trên kích hề. ngược lại âm dưới lịch đinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: cánh chim, lông chim.

Trúc thiêm. Ngược lại âm tiếp diêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bén nhọn, xâu suốt. Chữ viết từ bộ trúc thanh thiêm, âm thiêm ngược lại âm tức diêm.

Toàn khổng. Ngược lại âm trên toán cửu. Cố Dã Vương nói: toàn là đào đục xuyên qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: toàn là chỗ làm xuyên suốt qua, cái khoan, dùi xuyên qua. Chữ viết từ bộ kim thanh toàn âm ngược lại âm túy duyên.

Tiên liệu. Ngược lại âm trên tiên tiến. ngược lại âm dưới liệu điểu. Cố Dã Vương cho rằng: liệu giống như quấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệu là dây cương. Chữ viết từ bộ mịch thanh liệu, âm

mịch là âm mịch.

Sơ loát. Ngược lại âm trên thúc ngược lại âm dưới sơ quát. Quảng Nhã cho rằng: loát là bén nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quát là cạo sạch. Chữ viết từ bộ đao đến bộ loát tóm lược âm loát đồng với âm trên.

Lật-chiêm-tỳ. âm giữa chiêm thiệp. nghĩa đã giải thích trong quyển thứ nhất.

Nội trách. Ngược lại âm tranh cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: bức bách, chật hẹp. Chữ viết từ bộ xước thanh trách cũng viết trách.

Trí hiểm. Ngược lại âm điềm diễm. Sách Khảo Thanh nói: nay người ta gọi là then gỗ cài cửa. Sách Văn Tự điển nói: hiểm là cái then cài cửa nhỏ. Chữ viết từ bộ hộ thanh chiêm, âm cập ngược lại âm chiết cấp.

Hoàn nữu. Ngược lại âm trên là hoàn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ hoàn nghĩa cũng đồng, ngược lại âm dưới ni cửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nữu là cái núm của ấn tỷ, tức là khuôn dấu ngày xưa. Chữ viết từ bộ kim thanh nữu.

Thổ thủy. Ngược lại âm trên đồ đổ. Quảng Nhã cho rằng: đổ là cái bình. Văn Tự điển nói: đồ là cái bình lớn. Chữ viết từ bộ ngõa thổ.

An đóa. Ngược lại âm đa quả. gọi là gò đất cao. Văn Tự điển nói: xây bức tường nhỏ thấp. Sách Thuyết Văn nói: mô đất trên đất bằng. Chữ viết từ bộ thổ thanh đóa. Bổn luật viết chữ đóa sách viết sai, âm đóa ngược lại âm đô quả.

Thiết khảm. Ngược lại âm hiểm nghiêm. gọi là cái hầm lửa.

Dực thượng. Ngược lại âm dăng tức. Sách Vận anh nói: dực là cây cột buộc trâu. Sách Nhĩ Nhã nói: cái cọc gọi là dực. Theo Bổn luật nói: tức là treo lên làm thanh gỗ gác ngang miệng ngựa. Chữ viết từ bộ mộc thanh dực.

Tác đậu. Ngược lại âm đầu hầu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: đào cái ao nước. Sách Thuyết Văn nói: rỗng, trống không. Chữ viết từ bộ huyệt thanh mãi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 4

Tôn cứ. Ngược lại âm trên tại côn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tôn cứ là ngồi xổm. Chữ viết từ bộ túc thanh tôn, âm cứ là âm cứ.

Khoai nha. Ngược lại âm trên khoái hoa. Sách Thuyết Văn nói: khoai là miệng méo xệch một bên. Chữ viết từ bộ khẩu thanh oa, âm oa ngược lại âm qua ngõa ngược lại âm dưới tạ sa. Tự thư nói rằng: thoa là không thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái túi áo méo một bên. Chữ viết từ bộ y thanh nha, âm nang ngược lại âm nãi đang.

Huỳnh thể. Ngược lại âm huỳnh ánh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huỳnh là đá đẹp óng ánh. Gọi là châu ngọc được lau chùi từ chỗ phát ra ánh sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên ngọc có màu sắc. Chữ viết từ bộ ngọc đến bộ huỳnh thanh tĩnh cũng từ bộ kim viết thành chữ huỳnh.

Côi vĩ. Ngược lại âm trên cổ hồi. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: côi là viên ngọc đẹp. Sách Phương ngôn cho rằng: nhiều, to lớn kỳ lạ. Sách Thuyết Văn viết chữ vĩ gọi là vĩ từ bộ nhân thanh hoài, âm hoài là âm hoài. Bổn luật viết chữ hoài cũng thông dụng, ngược lại âm dưới vi quỹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vĩ là to lớn kỳ lạ, hiếm thấy. Chữ viết từ bộ nhân thanh vĩ.

Nghiên nhã. Ngược lại âm trên niết hiền. Quảng Nhã cho rằng: nghiên là xinh đẹp. Sách Khảo Thanh cho rằng: nghiên là xinh đẹp mà còn thông minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là ghen ghét, an ổn. Chữ viết từ bộ nữ thanh nghiên, âm nghiên là âm khiên, âm chí là âm chí, ngược lại âm dưới nha giã. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nhã là đoan chánh. Vi Thiệu chú giải Hán thư rằng: nhã là chất phác thật thà. Sách Tập Huấn cho rằng: nhàn nhã, xinh đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chuy thanh nha.

Bà-la-ni-tư. âm ni ngược lại âm ninh yết. Tiếng Phạm, xưa dịch là nước Ba-la-nại, âm yết ngược lại âm gian hạt.

Sở bác. Ngược lại âm dưới bàng mạc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bác là giữ lấy. Theo Thanh loại cho rằng: bắt, tóm bắt. Quảng Nhã cho rằng: tát đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bác là dùng sợi dây lớn tóm bắt giữ lại. Chữ viết từ bộ thủ thanh bác.

Tác phan. Ngược lại âm phan mạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái khuyết để cài khuy áo. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ y thanh phan.

Quải bác. Ngược lại âm trên qua mxi. Quảng Nhã cho rằng: quải là treo lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh huề ngược lại âm dưới là bác. Sách Chu lễ nói rằng: có cánh tay. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: xương cánh tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương giáp vai. Chữ viết từ bộ cốt thanh bác. Bổn luật viết từ bộ nhục viết thành chữ bác là 719 chẳng phải.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 5

Mao đạm. Ngược lại âm tha cảnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: đạm là dệt lông làm thảm. Trong sách vốn không có chữ này, chữ đạm vốn xuất phát từ nước Tây Nhung.

Sấn ngọa. Ngược lại âm trên sở cân. Sách Khảo Thanh cho rằng: sấn là nương tựa vào, cũng gọi là áo lót bên trong.

Giám sát. Ngược lại âm trên lam sám. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: giám là cái gương soi hình. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chiếu sáng, soi xét. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh giám cũng viết chữ giám

Y-la-diệp. Ngược lại âm trên y hề. Tiếng Phạm, tên của loài rồng.

Hữu phúc. Ngược lại âm phong phục. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phúc là dày. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo nhiều lớp. Chữ viết từ bộ y thanh phục, âm phục là âm phục.

Bất liệt. Ngược lại âm lân niết. Sách Khảo Thanh cho rằng: liệt là se xoắn lại, cũng viết chữ liệt, gọi là buộc thắt, cài. Bổn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ liệt cũng thông dụng.

Đài cử. Ngược lại âm đại lai. Quảng Nhã cho rằng: đài là khiêng, tiến cử. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thủ thanh đài.

Cao bĩnh. Ngược lại âm trên là cao. Sách Khảo Thanh cho rằng: cao là bánh chưng làm bằng bột gạo, xay nhuyễn. Thống Tự cho rằng: cao là bánh nhân trái cây. Sách Vận thuyên cho rằng: cao là hộp bánh chưng gọi là nhĩ. Nhĩ là thuộc loại bánh. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thực thanh cao, ngược lại âm dưới tinh dĩnh. Thích danh cho rằng: dùng bột gạo khuấy làm bánh, bánh yến, bánh bột mì v.v... các nơi tùy theo

hình thức mà gọi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh tĩnh.

Tiều tụy. Ngược lại âm trên tiếu diêu. ngược lại âm dưới là tình quý. Tự thư cho rằng: ốm gầy xấu xí. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: buồn rầu, thương cảm cũng viết từ bộ tâm viết thành chữ tiều. Hoặc là viết chữ tiều tụy. giải thích đều đồng.

Suy tích. Ngược lại âm trên loa nguy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: suy là yếu mềm. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là bệnh. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: thiếu kém. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốm gầy. Chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm luy đồng với âm trên, ngược lại âm dưới tinh diệc. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là bệnh ốm gầy. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ tật thanh tích cũng có viết chữ tích.

Trữ sao. Ngược lại âm trên chư dĩ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là chứa. Cố Dã Vương cho rằng: chứa nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích chứa nhiều. Chữ viết từ bộ bối thanh trữ, ngược lại âm dưới xương chiểu. Quảng Nhã cho rằng: sao là thức ăn. Bì Thương cho rằng: bột mì. Văn Tự điển nói rằng: bột mì nhuyễn phơi khô. chữ viết từ bộ mạch thanh tù. Bổn luật viết chữ sao tục dùng thông dụng, âm trứu ngược lại âm sơ giảo.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỲ-NẠI-DẠ TẠP SỰ
QUYỂN 6

Tử khoáng. Trên đúng là chữ tử ngược lại âm dưới qua mãnh. Âm nghĩa trong quyển thứ 31 đã giải thích đầy đủ.

Dạng dương. Ngược lại âm dương tưởng. Sách Lễ ký cho rằng: dương là ngứa mà không dám gãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: gãi chỗ ngứa. Chữ viết từ bộ trùng thanh dương.

Bà tảo. Ngược lại âm trên bạch ma. Sách Khảo Thanh cho rằng: ba tức là tảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh ba, ngược lại âm dưới tảo đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tìm tòi, lục lọi. Chữ viết từ bộ thủ thanh tảo, âm tảo là âm tảo.

Mao ngưu. Ngược lại âm trên uyển bao. Kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Phân Hầu có loài thú mà hình trạng của nó giống như con trâu, mà lông của có bốn tấc gọi là mao ngưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên

của con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở nước Tây Nam Di có loại trâu lông dài. Chữ viết từ bộ ngưu thanh mao, âm mao là âm mao.

Khử văn. Ngược lại âm trên khứ ngư. Sách Khảo Thanh cho rằng: khư là viết đi, trừ bỏ, âm dưới là văn.

Nhiên vu mao. Ngược lại âm trên niên điển. Sách Phương ngôn cho rằng: nhiên là nối tiếp. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là tiếp tục. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiên là cầm nắm. Chữ viết từ bộ thủ thanh nhiên.

Tương phác. Ngược lại âm lung mạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: phác là ném xuống đất. Tự thư cho rằng: đan tay vào nhau tát, đánh. Sách Thuyết Văn viết chữ phác từ bộ thủ thanh phác, âm phốc là âm bốc, âm bác là âm bác.

Khước trật. Trên là chữ khước ngược lại âm dưới điền kiết. Hứa Thúc Trọng chú giải sách hoài Nam Tử rằng: trật là làm. Quách Phác chú giải rằng: té ngã ngửa dưới đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua. Chữ viết từ bộ túc thanh thất.

Táo quán. Ngược lại âm trên tảo ngược lại âm dưới quan hoán. Văn Tự Tập Lược nói rằng: cái chậu chứa nước. Chữ viết từ bộ phửu thanh quán, âm quán đồng với âm trên.

Giảo đao. Ngược lại âm trên giao xảo. Sách Vận anh cho rằng: cho rằng: giảo đao. tức là nay người ta gọi là kéo cắt, dao cắt.

Đàm hạch. Ngược lại âm dưới hình ích. Sách Khảo Thanh cho rằng: hạch là tra xét đến cùng. Xem xét sự thật. Sách Thuyết Văn cho rằng: khảo hạch kiểm tra sự thật. Chữ viết từ bộ á thanh kích, hoặc là viết từ bộ vũ viết thành chữ kích, âm á ngược lại âm hồ hạ. âm kích ngược lại âm kinh diệc.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 7

Tu năn. ngược lại âm trên tư do. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: nhục nhã. Theo Tả truyện cho rằng: không làm việc lớn lao là nhục nhã, xấu hổ. Đỗ Dự chú giải rằng: tu là xấu hổ, nhục nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: tu là hiến dâng thức ngon. Chữ viết từ bộ dương. Dương tức là chỗ tiến, dâng lên đến bộ sửu. Sửu cũng là

thanh, ngược lại âm dưới ninh giản. Sách Phương ngôn cho rằng: năn là hổ thẹn, xấu hổ. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: hổ thẹn đỏ mặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt hổ thẹn đỏ ửng lên, chữ viết từ bộ xích thanh triển. Bổn luật viết từ bộ bì viết thành chữ năn tục dùng thông dụng, âm triển ngược lại âm ni triển.

Khấu môn. Âm trên là khẩu. Sách Luận ngữ cho rằng: dùng gậy mà đánh vào cổ chân người. Khổng An Quốc chú giải rằng: khấu là đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ khẩu, khẩu cũng là thanh.

Thao diệc. Ngược lại âm trên thảo đao. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: vải buộc mũ, tua mũ, vải đánh bằng tơ làm đồ trang sức. Tự thư cho rằng: bện tơ làm dây. Xưa nay Chánh tự cho rằng: thuộc các đường viền chữ viết từ bộ mịch đến bộ du thanh tĩnh.

Cú nữu. Ngược lại âm trên cẩu trầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cú là đặt câu, giữ lại, dẫn dắt, uống khúc, lượn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ từ bộ bao đến bộ khẩu, cũng có viết từ bộ kim viết thành chữ chữ câu. Văn luật viết từ bộ tâm viết thành chữ cú là chẳng phải, ngược lại âm dưới ni nữu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nữu là kết thất gút lại mà cũng có thể mở ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi tơ thắt nút. Chữ viết từ bộ mịch đến thanh sửu.

Anh úc. Ngược lại âm trên ích doanh. Ngược lại âm dưới ưu lạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như là nho, mà nhỏ hơn, có hạt đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ anh viết từ bộ thảo thanh áo.

Hoán thủy. Ngược lại âm trên nô quản. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoán là ánh lửa ấm áp. Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn, âm nhuyễn ngược lại âm nhi nhuyễn.

Giới tiết. Ngược lại âm trên giai giới. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: giới là đến. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thi đến bộ do gọi là do từ chỗ mà đến, chữ hội ý.

Đào bính. Ngược lại âm trên đường lao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: đào là đi ra khỏi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: chạy trốn. Quảng Nhã cho rằng: trốn tránh. Tự thư cho rằng: chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chết mất. Chữ viết từ bộ xước thanh đào, âm xước ngược lại âm sửu lược. Văn luật viết chữ đào là chẳng phải, ngược lại âm dưới bá mãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: bính là chạy tán loạn cũng viết chữ bính. Văn Tự điển viết từ bộ tẩu thanh bính. Văn luật viết từ bộ xước viết thành chữ bính tục dùng thông dụng.

Uyển tâm. Ngược lại âm trên uyển hoàn. chữ chánh thể. Sách

Khảo Thanh cho rằng: dùng dao khoét, đục, khắc. Bì Thương cho rằng: dùng dao tự sát. Thống Tự cho rằng: cắt thịt. Xưa nay viết từ bộ đao thanh uyển tục viết chữ uyển cũng thông dụng. Âm vẫn ngược lại âm phò huyền.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 8

Hữu vấn. âm dưới là vấn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: vấn là rối loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh văn.

Khánh khái. Ngược lại âm trên khinh chỉnh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khánh là tiếng ho. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng ho. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh. Âm khánh là âm khánh ngược lại âm dưới là khai ái. Cố Dã Vương cho rằng: khái cũng là ho. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi đi ngược lên. Chữ viết từ bộ khiêm thanh khái, âm thấu ngược lại âm tảng hậu.

Đế phún. âm trên là đế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng hách xì, hắc hơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đế là giãi hơi ra. Chữ viết từ bộ khẩu thanh đế, âm đế đồng với âm trên, ngược lại âm dưới phún muộn. Sách Chiến Quốc sách nói: con ngựa hay, ngựa đi ngàn dặm mà ngước lên hý vang. Sách Thuyết Văn cho rằng: phún là hét. Chữ viết từ bộ khẩu thanh phún, âm khảm ngược lại âm phổ môn.

Cố miến. Ngược lại âm trên cô hộ. Trịnh Tiễn chú giải sách Mao Thi Truyện rằng: quay đầu lại nhìn gọi là cố. Quảng Nhã cho rằng: cố là quyến luyến. Sách Thuyết Văn cho rằng: cố là vẫn còn nhìn. Chữ viết từ bộ hiệt thanh cố, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết. ngược lại âm dưới miên biến. Sách Khảo Thanh cho rằng: miến là liếc nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nghiêng một bên. Chữ viết từ bộ mục thanh miến. âm miến đồngvới âm trên. Âm nhã là âm tà.

La bặc. âm trên là la ngược lại âm dưới bằng bắc. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: la bặc là tên của loại rau cải, thuộc loại củ cải. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại rau cải, giống như cây hẹ. Chữ viết đều từ bộ thảo đều thanh la bặc.

Đoạn địch. Ngược lại âm trên đoan quản. tục dùng thông dụng.

Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đoạn tuyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dứt hẳn, diệt sạch. Chữ viết từ bộ cân thanh đoạn. Âm đoạn là âm tuyệt. Bổn luật viết chữ cự là chẳng phải, ngược lại âm dưới là đình đích. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: địch cũng giống như đối địch, đương đầu với kẻ thù. Sách Phương ngôn cho rằng: người đồng sức lực với nhau gọi là địch. Địch cũng gọi là cừu hận. Chữ viết từ bộ phộc thanh đích.

Đã phốc. Ngược lại âm dưới phổ mộc. Cố Dã Vương cho rằng: phốc giống như là đánh, dùng chày đánh. Quảng Nhã cho rằng: đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phốc, âm phốc ngược lại âm bốc.

Lai tập. Ngược lại âm tầm lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tập là đè lên, chồng chất lên nhiều lớp, không phòng bị. Sách Chu lễ cho rằng: tập gọi là đè lên, thêm vào chồng chất lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y thanh long.

Dịch hiệp. Ngược lại âm trên doanh xích. Bì Thương cho rằng: dịch là dưới nách, phía sau khuỷu tay. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nhục thanh dạ ?, âm cách là âm các, ngược lại âm dưới hiềm giáp. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: hiệp là ôm trong lòng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệp là cất giấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh hiệp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trừ bỏ lòng tin mà còn đi cúng tế. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ bỏ điều xấu ác rồi mới đi cúng tế. Chữ viết từ bộ thị thanh bạt, âm bạt ngược lại âm bàn bát.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 9

Hà khích. Ngược lại âm trên hạ da. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hà giống như có lỗi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: hà viên ngọc có tì vết. Quảng Nhã cho rằng: viên ngọc bị nứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh hà ngược lại âm dưới hương nghịch.

Huyên thanh. Ngược lại âm trên hứa kiều. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: huyên là khiêm nhường. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huyên là tiếng ốn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi tiếng xuất

ra từ trên đầu. Chữ viết từ bộ huyên đến bộ hiệt. Hiệt là đầu. Âm huyên ngược lại âm trang lập.

Quát địa. Ngược lại âm trên quan hoạt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoạt là nói rì rầm bên tai. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quát là bên tai bị quấy nhiễu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói nhiều, nói ầm ỉ. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh thiệt.

Thiết phục. Âm dưới là phục tục dùng thông dụng.

Khoa tán. Ngược lại âm trên khoa hoa. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: khoa là nói khoác, khoe khoang, kiêu căng, tự chế ra nói không có thật. Sách Ích Pháp nói rằng: nói ngoa không thật gọi là khoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoa là dối trá, lừa dối. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khoa. Âm khoa đồng với âm trên.

Côn nghị. Ngược lại âm trên cổn hồn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: côn trùng đó là dương mà sanh ra âm, mà ẩn náu trốn núp nơi ẩm thấp. Sách Thuyết Văn viết chữ côn gọi là tên chung gọi loài côn trùng.

Xi hiêu. Ngược lại âm trên sất chỉ. ngược lại âm dưới hiểu nhiêu. Trịnh Tiễn chú giải rằng: loài chim có tiến kêu ác, ghê sợ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 10

Hàng can. Ngược lại âm trên xát lãng. âm dưới là can. Sách Khảo Thanh cho rằng: hàng là cái giá móc áo. Bổn luật viết từ bộ trúc viết thành chữ hàng là tên của loại nhạc khí, âm hàng ngược lại âm xác lang. chẳng phải chữ hàng can.

Nhất chủy. Ngược lại âm túy tụy. Quảng Nhã cho rằng: chủy là cái miệng. Tự thư cho rằng: cái mỏ chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chủy âm thích ngược lại âm thư tứ. âm huệ ngược lại âm huy vệ.

Tảo tuệ. Ngược lại âm trên tảo lão. ngược lại âm dưới tùy nhuệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ tuệ gọi là cây chổi trúc. Theo chữ lại cho rằng: cầm nắm giữ lấy cây chổi quét đất, âm bái ngược lại âm sắc trần. Văn cổ viết chữ tào.

Tranh xúc. Ngược lại âm trên trạch canh. Sách Khảo Thanh viết

chữ tranh gọi là va chạm, đâm vào, đánh vào. Ngọc Thiên cho rằng: viết chữ tranh gọi đâm vào, hoặc là viết chữ xao. Gọi là xúc chạm, va vào nhau. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thủ thanh trường. Bổn luật chữ tranh là chẳng phải.

Nữu chiêm. Ngược lại âm ni liễu. Văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới điềm điếm. Văn trước trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Chuyên đóa. âm trên là duyên ngược lại 720 âm dưới đô quả. Văn trước trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Đạm tước. Ngược lại âm trên đàm lam. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạm là ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh khảm. Âm khảm làm âm hám. Văn luật viết chữ hám tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới tường dược. Văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Phiến xu. Ngược lại âm dưới xúc chu. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu dịch rằng: xu là then cửa, chốt cửa máy chế ra, chủ động. Quảng Nhã cho rằng: xu là căn bản. Sách Thuyết Văn cho rằng: then cửa. Chữ viết từ bộ mộc thanh xu. Âm xu ngược lại âm khúc vu.

Sang tử. Ngược lại âm trên sách khang. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái nồi đồng, giống như cái đĩnh. Hoặc là viết chữ đang tục dùng thông dụng.

Thiết tháp. Ngược lại âm thảm giáp. Sách Phương ngôn gọi là giữa ngụy gọi tháp lấco mai để đào đất. Giữa Giang Hoài Nam Sở gọi là tháp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh sáp, âm tháp đồng với âm trên, âm thiêu ngược lại âm thất tiểu.

Trác cân. Ngược lại âm trên trúc giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: trác là vót gọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chặt đốn. chữ viết từ bộ cân thanh trác, âm đậu là âm đậu.

Hội hủy. Ngược lại âm trên đổ lôi. Quảng Nhã cho rằng: hội là hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh hội âm phụ là âm phụ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 11

Nhữ uyển. Ngược lại âm uyển hoán. chữ đúng viết chữ uyển nghĩa

đã giải thích đầy đủ rồi. Luật căn bổn Hữu bộ quyển thứ bảy. Bổn luật viết từ bộ nhục viết thành chữ uyển tục dùng thông dụng.

Hạ quần. Ngược lại âm quân vân. Văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi. Văn cổ viết chữ quần.

Chiêm bạt. Ngược lại âm trên cưỡng diêm. Sách Thuyết Văn nói rằng: chiêm cây nhiếp bằng sắt có thể kẹp lấy vật. Chữ viết từ bộ kim thanh chiêm. Bổn luật viết chữ kiềm là cây kềm bằng sắt, kẹp thúc lại, chẳng phải nghĩa hiệp bạt. ngược lại âm dưới biện bát. Sách Thượng thư cho rằng: có thể nhổ gốc cây lớn. Cố Dã Vương cho rằng: bạt giống như dẫn dắt lôi kéo mà xuất ra. Quảng Nhã cho rằng: bạt là nhổ lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh bạt, âm bạt ngược lại âm hàm bát.

Liệt xỉ. Ngược lại âm trên lân niết. Văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Quyết mục. Ngược lại âm trên nhuế duyệt. Theo Tả Truyện cho rằng: lấy cây giáo mà khoét ruột người. Sách Trang Tử nói: Tử Tư bị khoét mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyết là chọn lựa, bới móc. Chữ viết từ bộ thủ thanh quyết.

Dĩ cứ. Ngược lại âm cư ngự. Sách Quốc ngữ cho rằng: thời Trung cổ hình phạt dùng lưỡi cưa gọi là hình phạt lớn. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: người thợ rèn lương thiện không dùng lưỡi dao mà cưa, không thể chế ra lưỡi cưa để cưa cây hại vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: cứ là cây thương đời đường. Chữ viết từ bộ kim thanh cứ.

Bì giải. âm trên là bì, theo chữ bì là lột vỏ bỏ đi, tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới là giai mại.

Mâu toàn. Ngược lại âm trên mẫu hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tượng hình như cây tù, mâu, thương, kích. Văn cổ viết chữ mâu, cũng viết chữ mâu, ngược lại âm dưới thương toán. Quảng Nhã cho rằng: toàn gọi là cái đĩnh, có ba chân đồ dùng để dâng thức ăn. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây mâu ngắn. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mao thanh tán.

Sàm thân. Ngược lại âm trên sĩ hàm. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: khắc trên đùi lột da máu chảy, lại gọi là dùng kim đâm vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: là lưỡi xẻng rất bén. Chữ viết từ bộ kim thanh sàm cung viết chữ sàm âm đồng với âm trên.

Sóc thích. Ngược lại âm trên song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây giáo. Bì Thương cho rằng: nay là kích sóc, tức cây kích, cây thương. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu ngược lại âm

dưới thanh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là lưỡi đao bén nhọn đâm xuyên qua bắp thịt người. Sách Thuyết Văn cho rằng: thích là đâm thẳng vào bị thương. Chữ viết từ bộ đao thanh thúc.

Dung đồng. Ngược lại âm trên dũng chung. Sách Hán thư cho rằng: giống như khuôn đúc kim loại, làm cho nóng chảy đồng ra, cũng gọi là dung. Dung cũng gọi là ống đồng làm cho tiêu chảy ra là dung. Sách Thuyết Văn cho rằng: lò đúc kim khí. Chữ viết từ bộ kim thanh.

Ngột mộc. Ngược lại âm trên ngô cốt. Sách Vận lược cho rằng: ngột là cây không có cành. Thống Tự cho rằng: ngột là cây bị đoạn đầu, cũng gọi là cây khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh ngột.

Đàm ấm. Ngược lại âm trên là đàm ? Ngược lại âm dưới ẩm cấm. nghĩa nơi luật Hữu bộ đã giải thích đầy đủ rồi.

Như tiết. Ngược lại âm tiên tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ tiết này gọi là hai trụ trồng hai bên cổng, ở các nha phủ ngày xưa. Âm sám ngược lại âm tử liêm. Trong quyển thứ 30 đã giải thích rồi.

Át-bộ-đà. Ngược lại âm trên an cán. Tiếng Phạm, tên gọi là than tạng.

Trù lạc. Ngược lại âm trên trụ lưu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trù là dày đặc. Quảng Nhã cho rằng: đông đúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh chu, âm ký là âm ký, âm lạc là âm lạc.

Thác phiến. Ngược lại âm trên bày mại. Nghĩa văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Sáp tai. Ngược lại âm trên tham giáp. Theo Thanh loại cho rằng: sáp là cấm vào, đâm vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: đam vào bên trong. Chữ viết từ bộ thủ thanh sáp. Âm sáp đồng với âm trên, âm thảm ngược lại âm sơ cẩm.

Lê hắc. Ngược lại âm trên lý chỉ. Sách Khảo Thanh cho rằng: màu sắc đen, trắng lẫn lộn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ hắc đến bộ lê thanh tĩnh.

Luyến hạt. Ngược lại âm trên liệt luyến. Cố Dã Vương cho rằng: xắt thịt bằm nhỏ làm tương. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ nhục đến luyến thanh tĩnh. Âm tề ngược lại âm truy sử. ngược lại âm dưới can cát.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 12

Sáp thực. Ngược lại âm trên cửu đáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: sáp là đớp mồi. Thống Tự cho rằng: sáp là hút máu. Đúng là viết chữ sáp. Văn thông dụng cho rằng: mùi vị vào bên trong gọi là sáp. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ khẩu thanh sáp. Âm cửu ngược lại âm táp cảm. dưới đúng là chữ thực.

Cưỡng bảo. Ngược lại âm trên khương ngưỡng. Bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng: dụng cụ vác trên lưng đs gọi là cưỡng. Sách Bác vật chí nói rằng: dùng chỉ dệt làm cái túi cái chăn, rộng tám tấc, dài một trượng hai thước, làm cái đãy bọc trẻ con cõng trên lưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chăn bọc trẻ con. Chữ viết từ bộ y thanh cường âm dưới là bảo nghĩa trong luật căn bổn Hữu bộ quyển thứ 13 đã giải thích đầy đủ rồi.

Cảnh khác. Ngược lại âm trên canh mãnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cảnh là thẳng thắn. Quảng Nhã cho rằng: tóm lược. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh cảnh, ngược lại âm dưới là cai ái. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: có thể dùng thanh ngang gạt bằng cái hộc khi đong lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: thanh gạt ngang trên cái hộc khi đong lường. Chữ viết từ bộ mộc thanh ký, âm ngật ngược lại âm côn ngột.

Cân mạch. Ngược lại âm trên cẩn ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là sức mạnh của cơ bắp. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ trúc là vật có nhiều gân đó, đến bộ lực, lực là do có nhiều gân nên có nhiều sức mạnh, ngược lại âm dưới là mạch chữ đúng thể. Sách Thuyết Văn viết chữ mạch gọi là mạch máu lưu thông chảy đi khắp cơ thể. Chữ viết từ bộ huyết thanh phái, âm phái ngược lại âm phổ mại. Bổn luật viết chữ mạch tục dùng thông dụng.

Diên thóa. Ngược lại âm trên tường diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: diên là nước dãi trong miệng. chữ viết từ bộ khiếm đến bộ thủy. Văn luật viết chữ diên tục dùng thông dụng, âm dưới thổ ngọa.

Phân oa. Ngược lại âm trên phân vấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ bỏ phân dơ. Chữ viết từ bộ cũng nghĩa tay đẩy ra phân dãi trừ bỏ đi, chữ bộ mễ văn cổ viết chữ phân giống như bộ mễ mà chẳng phải, đến âm hoa thuộc bàn cờ, đến âm cũng, cũng là hai tay. Văn luật viết từ chữ mễ đến bộ dị tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới cổ hòa. cũng

tục dùng thông dụng. Viết đúng là thuộc chữ cách thương phủ. Gọi là cái nồi đồng nhỏ không có chân. Nói phân oa. đó là nói trong thai tạng đang nung nấu, không sạch, nhơ uế, rất dơ bẩn, giống như đang ở trong nồi phẩn uế nung nấu vậy.

Độc ứ. Ngược lại âm u cứ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong thịt da máu huyết ngưng trệ. Văn Tự điển nói: máu tích tụ lại. Chữ viết từ bộ tật thanh ứ.

Thiện chất. Ngược lại âm trên thiện xiển. chữ thượng thanh. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: thiện là loài cá giống như con rắn. Sách Thuyết Văn nói: da của nó có thể làm bịt trống. Chữ viết từ bộ ngư thanh thiện ngược lại âm dưới chân sất. Thiên Thương Hiệt ghi: là con đỉa loài côn trùng sống dưới nước, có thể hút máu người. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh chí, âm trùng là âm hủy.

Bạng cáp. Ngược lại âm trên bàng giảng. Quách Phác chú giải rằng: bạng là loài sò lớn. Sách Chu dịch nói rằng: trong bụng nó có loại châu ngọc, có thể lấy làm đồ trang sức. Sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: đến ngày rằm, tức là trăng sáng thì con sò lớn mới thật sự xuất hiện, đến ngày tối trời đêm không trăng thi không có con sò xuất hiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại sò hến trong biển. Chữ viết từ bộ trùng thanh bang ngược lại âm dưới cam đáp. Sách Lễ ký nói: đến mùa thu con sò vào trong biển lớn sống đến ngàn năm. Sách Thuyết Văn nói rằng: con sò có ba loại, đều sinh sống nơi biển lớn, loại sò này cũng sống đến ngàn năm, hóa làm tần gọi bồ loa. có thể nằm mà có thể hóa thành cánh chim. Chữ viết từ bộ trùng thanh hợp.

Thiện ách. âm ách chữ chánh thể. Kinh văn viết chữ ách tục dùng thông dụng.

Nhục bao. Ngược lại âm bành mạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: trên mặt nổi phồng lên mụt mụn, hoặc là viết chữ bao.

Hàm xa. Ngược lại âm hàm cảm. Sách Vận anh cho rằng: hàm là gò má. Thích danh cho rằng: hàm xa là đòn áp hai bên xe. Hoặc là viết chữ di. Nam Sở gọi di là hàm tức là gò má trên mặt.

Ngạc cốt. Ngược lại âm ngã các. tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là phía trên miệng gọi là ngạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: trên miệng há ra là A A A. Chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ cốc, âm cốc ngược lại âm cường lược. đến bộ khẩu giống như cái hang. Văn Lý cổ nói rằng: là các nay gọi ngạc chuyển thanh.

Hung ức. Ngược lại âm trên húc cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: hung là ngực, âm dưới là ức là xương ngực. Văn cổ viết chữ ức này.

Thúy nguy. Ngược lại âm trên thanh tuế. Quảng Nhã cho rằng: thúy là mềm yếu. Thống Tự cho rằng: thịt mềm nhuyễn dễ đoạn. Sách Văn Tự điển nói: dễ phá. Sách Thuyết Văn cho rằng: ít nhuyễn dễ đoạn. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ tuyệt thanh tĩnh ngược lại âm dưới khôi quỳ. Sách Văn Tự điển nói: ở trên cao mà lo sợ. Người ở bên sườn núi cao tự dừng nghỉ trang sức. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tiết thanh nguy, âm nguy ngược lại âm nguy hủy. đến bộ nhân đến bộ hán.

Sang dữ suyễn. Ngược lại âm dưới là thùy duyên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: suyễn là cái sọt. Văn Tự điển nói bện trúc gỗ làm cái sọt tròn cho rằng có thể chứa thóc lúa. Chữ viết từ bộ trúc thanh đoan, âm đồn là âm độn.

Phảng cao. Ngược lại âm trên là phương. Sách Thuyết Văn cho rằng: phảng là béo mập. Chữ viết từ bộ nhục thanh phương, âm dưới là cao. Thích danh cho rằng: cao đóng cục lại như dầu mỡ, chất béo được nấu cao lại, lại gọi là mỡ, sáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: báp phì. Chữ viết từ bộ nhục thanh cao.

Như Định - (IV)

Phong lạc. Trên là chữ chánh thể, ngược lại âm dưới lang các.

Dực tùng. Ngược lại âm trên dăng tức. Cố Dã Vương cho rằng: dực là phụ giúp thêm vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ đến bộ lập chữ hội ý, ngược lại âm dưới tài dụng.

Sâm tủng. Ngược lại âm trên sáp kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: sâm là rừng có nhiều cây mọc cao dài rậm rạp. Chữ viết từ bộ lâm đến bộ mộc. Tục gọi như trên người nhiều, đông đúc giống như rừng cây. Âm sâm ngược lại âm sở lâm. ngược lại âm dưới lật dũng. Quảng Nhã cho rằng: tủng là trên. Cố Dã Vương cho rằng: trên cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lập đến bộ thức tức là tự do thúc cũng là thanh.

Giới bỉ. Ngược lại âm trên giai giới. Trong quyển thứ bảy nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Thi hài Ngược lại âm trên thủy chi. Sách Lễ ký nói rằng: người còn nằm trên giường gọi là thi. Trịnh Huyền chú giải rằng: thi là bày ra, nói là trong hình thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: thi là thây người chết. Chữ viết từ bộ thi đến bộ tử, ngược lại âm dưới là giải giai. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: hài tức xương cốt. Cố Dã Vương cho rằng: tên gọi chung hài cốt của thân thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương cốt cẳng chân của thân thể. Chữ viết từ bộ cốt thanh khái.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 13

Cù du. Ngược lại âm trên là cụ vu. ngược lại âm dưới số trửu. vốn là thổ ngữ từ nước Hồ, dệt lông làm thảm, giống như dây gai dệt làm chiếu trải giường, dệt làm chăn mền. Sản xuất từ nước Kế Tân. Theo Thanh loại cho rằng: chiếu lông. Hai chữ đều từ bộ mao đều thanh cù du. Hoặc là viết chữ chân tiêu. nghĩa cũng đồng.

Can thạch. Ngược lại âm trên hàn can. Theo Thanh loại cho rằng: can là loại ngọc đá quí màu trắng. Lại cũng viết chữ can. Lại âm thiên hạn. Văn luật viết từ bộ hòa viết thành chữ can là chẳng phải.

Khang đại. Ngược lại âm trên cách cang. Quách Phác cho rằng: cám gạo, ngược lại âm dưới đài lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: đại là cái đãy, 721 cái túi. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ cân thanh đại.

Vi hàng. Ngược lại âm xát lãng. Sách Khảo Thanh cho rằng: hàng là cái giá móc áo. Bổn luật viết chữ hàng này là chẳng phải.

Cang linh. Ngược lại âm trên chủ giang. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét trên tường gọi là cửa sổ. Trong nhà gọi là cang giống như chấn song lưới võng, chữ tượng hình. Hoặc từ bộ huyệt viết thành chữ cang. Văn luật viết từ bộ phiến viết thành chữ song tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới là lịch đinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: linh là ô vuông ở song cửa sổ, thanh lan can. Chữ viết từ bộ mộc thanh linh, âm linh đồng với âm trên.

Cảnh hầu. Ngược lại âm trên canh hạnh. gọi là vật trong cổ họng không xuống được, tức là mắc xương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cốt thanh cánh. Văn luật viết từ bộ ngư viết thành chữ cảnh là chẳng phải nghĩa đây dùng, âm dưới là hầu.

Quát thiệt bề. Ngược lại âm trên quan hoạt. Trong luật quyển thứ nhất đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới tích mê. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái lược bằng sừng nai v.v... cũng viết chữ bề.

Ứng phách. Ngược lại âm trên là sính mịch. Âm sính ngược lại âm thất tinh. Quảng Nhã cho rằng: phách là làm cho nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: phá ra. Chữ viết từ bộ đao thanh tích.

Thiêm thứ. Ngược lại âm trên thiếp chiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiêm là bén nhọn, vật nhọn có thể xâu suốt qua. Chữ viết từ bộ trúc thanh thiêm. âm thiêm ngược lại âm tư liêm. Ngược lại âm dưới thử

tứ. Văn luật viết chữ thiêm thú. tục dùng thông dụng.

Toại ách. Ngược lại âm ánh cách. Quảng Nhã cho rằng: ách là nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm lấy. Chữ viết từ bộ thủ thanh ách cũng viết chữ nhiếp.

Đẩu nghiên. Ngược lại âm khiên kiến. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cây vuông kê trên cây cột trụ. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: cây đòn kê nằm trên cây cột. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh nghiên. Âm nghiên là âm khiên.

Tổng phách. Ngược lại âm tinh mạch. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phách là phá ra, phá cho nứt ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 14

Trì tuệ. Ngược lại âm tùy túy. Xem văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Tảo sắc. Ngược lại âm trên tao lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: tảo là con bọ chét, loài côn trùng bay, nhảy cắn vào người. Chữ viết từ bộ côn thanh tảo. Âm tảo ngược lại âm trắc xảo. ngược lại âm dưới là sân tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là loại côn trùng trên người hoặc là súc vật cắn hút máu người. Chữ viết từ bộ côn thanh tấn, âm tấn là âm tín, âm côn là âm côn.

Thao thiết. Ngược lại âm trên thảo đao. ngược lại âm dưới thiên niết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tham tài là thao, tham ăn là thiết.

Súc đồng. Ngược lại âm trên hưu úc. ngược lại âm dưới là đồng. Sách Phương ngôn cho rằng: đồng là cái sọt đựng muối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn tre ra bện đan sọt. Chữ viết từ bộ trúc thanh dũng, âm dũng là âm dũng.

Bán đệ. Ngược lại âm trên bàn mạn. ngược lại âm dưới đê lệ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang gọi là lễ bái.

Tảo dưỡng. Ngược lại âm trên tảng đao. Lại khứ thanh. Thống Tự cho rằng: tảo là ghẻ lở. Quảng Nhã cho rằng: mụt nhọt. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tật thanh tảo, âm tật ngược lại âm nữ ách

ngược lại âm dưới dương lưỡng. Dưỡng là ngứa mà không dám gãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ dương cũng gọi là tảo tức là ngứa. Chữ viết từ bộ trùng thanh dương, cũng viết chữ dương nghĩa đồng.

Cương thạch. âm trên là cương gọi là đất cứng, hình như giống đá, cho nên cho rằng tên gọi là thạch cương đá cứng.

Sát đã. Ngược lại âm sở giới. tục dùng thông dụng.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DẠ TẠP SỰ QUYỂN 15

Tôn địa. Ngược lại âm trên tờ hồn. Văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Phốc xuất. Ngược lại âm trên phổ mộc. Trong quyển thứ 27 luật căn bổn Hữu bộ nghĩa đã giải thích rồi.

Ban bác. ngược lại âm trên bát man. ngược lại âm dưới bang mạc. Hán thư cho rằng: màu đen, trắng pha trộn xen lẫn với nhau gọi là bác. Sách Thuyết Văn viết chữ bác giải thích nghĩa là không thuần một màu sắc. Chữ viết từ bộ mã thanh bác.

Tiện đáp. Ngược lại âm đam cáp. Trong quyển thứ 22 luật căn bổn Hữu bộ nghĩa đã giải thích rồi.

Thủy nổi. Ngược lại âm nội hồi.

Đại yết. Ngược lại âm can át. Quảng Nhã cho rằng: yết là tiếng phẫn nộ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: quở trách. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ khẩu thanh yết.

Tróc thuyên. Ngược lại âm thuyền nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bắp chân căng thẳng, sưng lên.

Cú nữu. Ngược lại âm khẩu hầu. ngược lại âm dưới ni cửu. Văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Vô cánh. Ngược lại âm canh hạnh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cảnh là dây gàu múc nước. Sách Khảo Thanh cho rằng: sợi dây lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dây gàu múc nước.

Cấp quán. Ngược lại âm quan hoán. Gọi là múc nước tưới.

Tường sách. Ngược lại âm trên tương dương. ngược lại âm dưới sang cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện cây gỗ dựng đứng làm tường, tức là hàng rào. Chữ viết từ bộ mộc thanh sách.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 16

An tiệm. Ngược lại âm liễm diễm. Cố Dã Vương cho rằng: nay gọi là ao quanh thành là tiệm. Tự thư cho rằng: hào bao quanh thành. Hào có nước gọi là trì. Hào không nước gọi hoàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái hầm. Chữ viết từ bộ thổ thanh trăm.

Trì sính. Ngược lại âm lặc lịnh. Nói trì sính đó là nói chúng nhân huyền diệu, mạnh mẽ khác thường, ban đầu tô điểm rực rỡ mà tiến thẳng vào thành dừng chân bõe mà tiếng thẳng vào thành, tức là nghĩa này. Chữ viết từ bộ mã thanh sinh, âm sính ngược lại âm thất đinh.

Tăng-khước-kỳ. Ngược lại âm dưới là kỳ ngược lại âm khỉ khí. Đây là câu tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là áo che dưới nách, sợ rằng mồ hôi dơ thấm ướt ba y, trước cho rằng: đây là áo che dưới nách, sau đó mớ đắp ba y lên.

Tả bể. Ngược lại âm bại mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bể là xương đùi ngoài. Chữ viết từ bộ cốt thanh bể cũng viết chữ bệ. Bổn luật viết từ bộ nhục viết thành chữ bệ là chẳng phải.

Vô minh xác. Ngược lại âm khang giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: là vỏ trứng bên ngoài trống rỗng.

Thô phanh. Ngược lại âm dưới bách canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: kết nối, quấn quanh. Bổn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ phanh cũng thông dụng.

Trách tẩy. Ngược lại âm trên sửu cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ thủ viết thành chữ trách gọi là buông thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách là nứt ra. Chữ viết từ bộ thổ thanh nghịch, ngược lại âm dưới tây lễ. Tự thư cho rằng: tẩy là rửa sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh tiền, âm nghịch là âm xích.

Khấu môn. âm trên là khẩu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: khấu là đánh.

Nhất mong. trên là chữ mong chữ thượng thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: mong là không thông suốt. Bổn luật viết chữ mong tục dùng thông dụng.

Huyền dụ. Ngược lại âm trên quyến nhuyễn. Sách Văn Tự điển nói rằng: huyền cũng giống như dụ. Chữ viết từ bộ ngôn thanh huyền, ngược lại âm dưới do truy. Sách Khảo Thanh cho rằng: dụ là dẫn đường,

khuyên bảo, dẫn dụ, cùng nhau khuyến khích.

Thủ xác. Ngược lại âm khang giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: xác là dùng tay đánh.

Đình khế. Ngược lại âm hương lệ. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: khế là nghỉ ngơi. Sách Thuyết Văn viết chữ hạt âm đồng với trên.

Khiêu trịch. Ngược lại âm trên địch diêu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhảy vượt qua, ngược lại âm trình kích.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 17

Căn sao. Ngược lại âm tương giao. Sách Khảo Thanh cho rằng: sao là phần ngọn của cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh sao. Văn luật viết từ bộ thảo viết thành chữ sao là sai vậy.

Ô tổn. Ngược lại âm trên ô cố. Sách Khảo Thanh cho rằng: ô nhiễm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: không sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trét đất, phết đất vào. chữ viết từ bộ thủy thanh vu.

Bĩnh sao. Ngược lại âm trên phiền văn. Sách Lễ ký cho rằng: cơm bột mì thì không cần dùng đũa. Sách Vận thuyên cho rằng: bột gạo nướng cho khô chín gọi điểm tâm sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ phạn gọi là ăn, ngược lại âm dưới là sương sao. Lại sách Văn Tự điển nói rằng: sao đó là bánh bột mì nướng. Chữ viết từ bộ mạc thanh tù. Văn luật viết chữ sao tục dùng thông dụng. Âm sô ngược lại âm sao giảo.

Cách tỷ. trên đúng là chữ cách ngược lại âm dưới sư tử. Nước Tây Vực gọi là giày dép da.

Bao-sái-đà. Ngược lại âm trên bảo mao. ngược lại âm giữa sa-trá. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là trưởng tịnh, xưa gọi bố tát tính lược.

Giao khỏa. Ngược lại âm khoa hóa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khỏa là xương mông đít. Sách Thuyết Văn cho rằng: khỏa là xương đùi. Chữ viết từ bộ cốt thanh quả, âm bể ngược lại âm bỏ mễ. Âm đồn ngược lại âm đồ hồn.

Khứ quỹ. Ngược lại âm quỳ vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: quỹ là mối chỉ quấn vòng quanh còn dư lại. Chữ viết từ bộ mịch thanh quỹ.

Lũy kích. Ngược lại âm trên luật cơ. Quảng Nhã cho rằng: lũy là bức tường nhiều lớp. Sách Thuyết Văn cho rằng: bức tường của doanh trại quân lính gọi là lũy. Văn cổ viết chữ lũy chữ tượng hình, ngược lại âm dưới kinh diệc. gọi là gạch chưa nung.

Đào thoán. Ngược lại âm sang loạn. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: thoán cũng là đào. Quảng Nhã cho rằng: ném vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: ẩn nấp, trốn tránh. Chữ viết từ bộ thử trong bộ huyệt.

Quyện tích. Ngược lại âm trên quyết viên. Bì Thương cho rằng: quyện là cong không thể duỗi ra được. Văn Tự điển nói: đi trên lưng cong lại. Chữ viết từ bộ túc thanh quyển.

Lũ tập. Ngược lại âm trên lực cũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lũ là sợi chỉ. Chữ viết từ bộ mịch thanh lũ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 18

Thiêu tẩn. Ngược lại âm trên tân tẩn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tẩn là mai táng vo quan tài. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: đồ quan gọi tẩn. Sách Thuyết Văn nói rằng: liệm người chết trong quan tài, đem chuyển đi chôn cất thây chết. Đời nhà Hạ, Hậu Thị chết tẩn liệm làm bậc giai cấp, người nước Ân tẩn liệm giữa hai cây cột, người nước Chu tẩn liệm mối bậc mối. Chữ viết từ bộ ngạt thanh tẩn, âm ngạt là âm căng.

Thảo hưởng. Ngược lại âm chuẩn nhuận. Bì Thương cho rằng: hưởng là duyên. Tự thư cho rằng: bó cỏ khô lại. Chữ viết từ bộ hòa.

Bộ-thứ-nã. Ngược lại âm trên bổ mộ. âm giữa lan-đát. ngược lại âm dưới nặc-da. Tiếng Phạm, tên của ngoại đạo. Xem trong địa ngục chịu khổ chưa đừng nghĩ.

Canh khẩn. Ngược lại âm trên cách anh. ngược lại âm dưới khẳng lang.

Túc hữu chỉ xúc. Ngược lại âm thu lục. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: dùng chân đá nghịch gọi là xúc. Thiên Thương

Hiệt ghi rằng: xúc là theo chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: đá ngược lại, đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh tháp.

Cận hữu. âm trên là cận. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cận cũng giống như là cắt có thể cắt. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: cận giống như là kém. Quảng Nhã cho rằng: cận là ít. Sách Thuyết Văn cho rằng: có thể cắt rọc. Chữ viết từ bộ nhân thanh cận, âm cận là âm cẩn.

Khảm quật. Ngược lại âm trên kham cảm. ngược lại âm dưới khôn cốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đào đất làm nhà. Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

Chi tủng. Ngược lại âm lật dũng. Quảng Nhã cho rằng: tủng là trên. Cố Dã Vương cho rằng: tủng là cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ lập đến bộ thúc cũng là thanh. Văn luật viết từ bộ nhĩ viết thành chữ tủng chữ giã tá, dùng cũng thông dụng.

Thảm hại. Ngược lại âm trên sở cẩm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâm độc. Chữ viết từ bộ tâm thanh thảm. Văn luật viết từ bộ thạch viết thành chữ thảm nghĩa là đất cát. Thảm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thương mậu. Ngược lại âm trên thường dương. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công ký rằng: đi mua gọi là thương, ngược lại âm dưới cô ngũ. Sách Tập Huấn cho rằng: ngồi một chỗ gọi là mậu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngồi mua bán. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: mậu gọi là mua rẻ bán mắc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: người một chỗ mua bán, trao đổi. Chữ viết từ bộ bối thanh sử, âm sử là âm cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sử từ bộ nhân là tự ôm vào lòng che đậy. Giống như là che bên phải, bên trái. Kinh văn viết chữ hộ là chẳng phải.

Thuyền bạc. Ngược lại âm trên thời duyên. lại sách Phương ngôn cho rằng: Tự quan ải mà đến cửa Tây gọi thuyền bè là thuyền. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuyền. Chữ viết từ bộ chu đến chữ chiêu thanh tĩnh ngược lại âm dưới là bạch. Quảng Nhã cho rằng: bạc là thuyền lớn. Bì Thương cho rằng: cũng là thuyền lớn. Văn Tự điển nói rằng: thuyền lớn trong lớn. Chữ viết từ bộ chu thanh bạch.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 19

Văn trù. Ngược lại âm trên văn phân. ngược lại âm dưới trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: trù là màn che. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trù là màn trướng. Quách Phác chú giải rằng: nay người Giang Đông cũng gọi là trướng là trù. Mao Thi Truyện cho rằng: bao trùm, màn đón trướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiền trướng. Chữ viết từ bộ cân thanh trù cũng viết chữ ân.

Tam cổ. Ngược lại âm cô ngũ.

Cang để. Ngược lại âm trên hạng giang. Sách Sử ký nói rằng: cái hũ đựng tương là cang. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cái bình. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như cái hũ cổ dài mà chứa tới mười thanh. Chữ viết từ bộ ngõa chữ thượng thanh, cũng viết từ bộ phẩu viết chữ cang.

Bất liết. Ngược lại âm lân niết. Văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Lô lộc. Ngược lại âm trên lô trước. ngược lại âm dưới lung ốc. Cố Dã Vương cho rằng: lộc cũng giống như lọc nước, nhỏ từng giọt. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: lộc là thấm nước ướt hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: khỏi sâu, nao vét sâu, cũng gọi là nước nhỏ xuống. Chữ viết từ bộ thủy thanh lộc. tự thư cũng viết chữ đạo sâm. nước trộm thấm qua, ngược lại âm âm cấm.

Ngạnh trâm. Ngược lại âm trên ngạnh cánh. chúng là viết chữ ngạnh ngược lại âm dưới trấn lâm. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cái thớt gỗ, chặt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là cái búa rìu lớn. Sách Khảo Thanh cho rằng: thuộc cơ động. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh thậm cũng viết chữ khô thậm. nghĩa cũng đồng.

Yếu thao. Ngược lại âm thảo đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: dệt tơ lựa giống sợi dây gọi thao.

Đới cương. Ngược lại âm thiết lương. Sách Hán thư cho rằng: xâu suốt qua lòng nhân gọi là dây cương. Là sợi dây quấn quanh buộc chặt lại là sợi cương, buộc danh tiếng lại kiềm tỏa. Lại Thiên Thương Hiệt ghi rằng: dây cương buộc bờm ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch viết thành chữ cương cũng gọi là tiết, âm tiết là âm tiết.

Đổ vi. Ngược lại âm trên đô cổ. Bì Thương cho rằng: đổ là tranh hơn thua, trò chơi cờ bạc. Văn Tự điển nói rằng: đổ là trò chơi vui đùa lấy vật trao đổi. Chữ viết từ bộ bối đến bộ đổ thanh tĩnh, âm dưới là vi. Văn cổ viết chữ hóa. Quảng Nhã cho rằng: hóa cũng là đổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh vi hoặc là viết chữ nguy.

Mi lộc. Ngược lại âm trên mỹ bi. Sách Chu lễ nói rằng: vào mùa hạ người đi săn bắt hươu nai hiến cho. Bạch Hổ Thông cho rằng: con xạ hầu, nai, vượn từ xa mê hoặc người. Nói con hươu là còn mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại nai, tới mùa đông cởi bỏ cái sừng. Chữ viết từ bộ lộc thanh mễ.

Kiểu yêu. Ngược lại âm trên nhiêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là dây cương, dùng đi săn bắn tên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch. thanh kiểu cũng từ bộ cân viết thành chữ kiểu, âm kiểu đồng với âm trên, âm đằng ngược lại âm đặc.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 20

Bì tiễn. Ngược lại âm tiên tiễn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: tiễn là sợi chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiễn, âm tiễn là âm tàn. Xưa viết chữ tuyến. Văn luật viết từ bộ diên viết thành chữ diên, âm diên là chẳng phải nghĩa kinh.

Lý lũ. âm trên là lý. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chú đến bộ chuy ngược lại âm dưới câu ngộ. thuộc giày dép da, cũng viết chữ lũ.

Viễn đãn. Ngược lại âm đàn lăn. Sách Khảo Thanh cho rằng: cởi bỏ áo trên, để lộ bày cánh tay phải. Thống Tự cho rằng: cánh tay phải để trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: may áo cởi ra. Chữ viết từ bộ y thanh đãn cũng viết chữ đàn. đều thông dụng.

Xiển-đạt-ca. Ngược lại âm trên xướng diễn. Ngược lại âm đường lạc. Tiếng Phạm, tên người hầu của Đức Như Lai. Xưa gọi là Xa-nặc.

Ký mã. Ngược lại âm trên cưu hựu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: ký đó là chỗ con trâu, ngựa tụ hội lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ký là chuồng ngựa, nhà của người trông coi giữ ngựa. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh ký, âm ký đồng với âm trên. Văn luật viết từ bộ ký

viết thành chữ là chẳng phải.

Song mâu. Ngược lại âm mộ hầu. Quảng Nhã cho rằng: con ngươi trong mắt gọi là mâu. Văn Tự điển nói: cũng là con người trong con mắt. Chữ viết từ bộ mục thanh mâu.

Diễn tức. Ngược lại âm thi nhuận.

Tông tập. Ngược lại âm trên tông tống. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: tông là giềng mối, phép tắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: tông là chủ phát động nắm giữ giềng mối sợi chỉ dệt tơ thành vải, chữ viết từ bộ mịch thanh tông.

Huỳnh tất. Ngược lại âm trên huỳnh dinh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huỳnh là xoay quanh, quay tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâu tóm xoắn quăn lại. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ huỳnh thanh tĩnh.

Hưu lưu. âm trên là hưu ngược lại âm dưới là lưu. Trong quyển thứ 30 luật căn bổn Hữu bộ đã giải thích rồi.

Đoàn bất. Ngược lại âm trên đoạn loan. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: nắm giữ. Thống Tự cho rằng: vo tròn. Quảng Nhã cho rằng: khéo léo, hay giỏi. Cố Dã Vương cho rằng: đoàn là khiến cho kết thành cục lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đoàn.

Yết sổ. Ngược lại âm trên hiên yết. Quảng Nhã cho rằng: yết là loài côn trùng, cắn chích người. Đỗ Bá cho rằng: ấu trùng trong mùa đông ẩn mình bất động. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ trùng thanh yết, âm thác ngược lại âm hỏa các, âm thích ngược lại âm thức diệc. Âm vũ là âm vũ, âm sái ngược lại âm sửu giới.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ
QUYỂN 21

Y-la. Ngược lại âm nhiết hề. Tiếng Phạm, tên của Long vương.

Nạo nhiễu. Ngược lại âm trên hảo cao. Theo Thanh loại cho rằng: nạo là nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiễu loạn. chữ viết từ bộ thủ thanh nhiêu, ngược lại âm dưới nhiêu thiểu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền não. Chữ viết từ bộ thủ thanh ưu, âm ưu ngược lại âm não đao.

Ý khí. Ngược lại âm trên ách giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: y là ăn no rồi ra nghỉ ngơi. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ý.

Hạp kỳ. Ngược lại âm trên khẩu giáp. Sách Vận anh cho rằng: hạp là nhập vào. Theo văn luật cho rằng: lấy viên thuốc giấu trong ngón tay giữa và ngón tay áp rồi cắt ra nửa viên, khiến cho thuốc vào ngón tay giữa thì dùng móng tay áp, phá ra nghiên nát ta khiến thành viên lại, làm bên trong viên thuốc cực độc, gọi là độc dược.

Bính trước. Ngược lại âm trên binh mãnh. Sách Chu dịch cho rằng: đại nhân đã biến thành con hổ. Con hổ này rất thông minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất sáng suốt. Chữ viết từ bộ hỏa thanh bính hoặc là viết chữ bính cũng đồng nghĩa.

Phách liệt. âm trên thất mịch. ngược lại âm dưới liên triết. Trong quyển thứ 30 nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Sử lưu. Ngược lại âm trên sư đái. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sử là con ngựa chạy mau. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mã thanh sử.

Tượng ký. Ngược lại âm cưu hựu. chữ đúng thể. Trong quyển thứ 20 nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Xi hiềm. Ngược lại âm trên xi thi. Tự thư cho rằng: xi là làm trò vui vẻ đùa cợt, cười đùa. Văn Tự điển nói rằng: xi là tiếng. Chữ viết từ bộ khẩu thanh xi, âm xi đồng với âm trên, ngược lại âm dưới trấp diêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiềm là không bình thường nơi tâm. Lại gọi là nghi ngờ. Chữ viết từ bộ nữ thanh kiêm.

Khống ngự. Ngược lại âm trên không cống. Sách Khảo Thanh cho rằng: khống là nắm giữ, thu nhận, đón lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn dắt, chữ viết từ bộ thủ thanh không.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 22

Toàn tinh. Ngược lại âm tĩnh doanh. Sách Chu lễ cho rằng: bẻ lông chim cắm lên chín lá cờ, loại cờ có cắm lông chim. Trịnh Huyền chú giải rằng: bẻ lông chim làm cờ ngũ sắc gọi là tinh. Trên bậc vua đó là làm cờ hiệu linh nơi vùng đất xa xôi, biên giới giống như Văn Đức. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cờ có cắm lông của li ngưu (loài trâu đuôi dài) vào đầu cán gọi là lịnh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lịnh là cờ chương, tức là chương tấu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cờ biểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ tinh gọi là cờ cắm đầu xe bay

phất phới làm hiệu lịnh. Loại cờ hiệu lịnh trên đầu có cắm lông chim. Chỗ gọi là thúc dục tướng sĩ xông lên, tiến lên. Chữ viết từ bộ phương thanh sanh âm sanh là âm yển.

Sậu bí. Ngược lại âm trên sầu tiện. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sậu là chạy mau. Quảng Nhã cho rằng: sậu là chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa chạy mau. Chữ viết từ bộ mã thanh tụ.

Thát ngạch. Ngược lại âm trên nan đát. ngược lại âm dưới khinh cách.

Quý nục. Ngược lại âm dưới ni lục. Sách Phương ngôn nói rằng: nục là hổ thẹn. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: trong lòng hổ thẹn gọi là nục. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm thanh nhi.

Trúc bề. Ngược lại âm bế mê. tục viết chữ bề. Văn trước trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi.

Quát thứ. Ngược lại âm trên quan hoạt. Trong quyển thứ nhất nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Tiểu cúc. Ngược lại âm cùng lục. cũng viết chữ cầu tục dùng đều thông dụng. Nay tục âm là cúc đó các chữ trong sách đều không có. Đúng là chữ cúc. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: dùng cái túi để dụng cám mà giẫm đạp lên gọi là đá bóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên quả bóng, chữ viết từ bộ cách thanh cúc hoặc là viết chữ cúc ngược lại âm cự lục.

Canh văn. Ngược lại âm vẫn quân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vân là trừ cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ vãn là trừ cỏ dơ mọc lộn trong mạ non. Chữ viết từ bộ lỗi thanh viên cũng viết chữ vân chữ lỗi ngược lại âm lôi đối.

Khôn bỉ. âm khôn. Sách Khảo Thanh cho rằng: người bị hình phạt cạo tóc bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cạo tóc. Chữ viết từ bộ tiêu thanh ngột, âm tiêu ngược lại âm tất diêu. Âm thích ngược lại âm tha diệc.

Thân ngâm. Ngược lại âm trên thất chân. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thân cũng gọi là ngâm, ngược lại âm dưới cập kim. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngâm là than thở. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ khẩu đều là thanh thân kim. cũng viết chữ khâm ngâm.

Thù tái. Ngược lại âm trên thọ do. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: báo đáp. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: tân khách đến ăn uống, mà khuyến khích uống rượu. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: gọi là báo đáp lẫn nhau, qua lại với nhau. Sách Thuyết Văn

cho rằng: viết chữ thù là hiến rượu. Chữ viết từ bộ dậu thanh thọ ngược lại âm dưới tư đại. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: tái là báo đáp. Vì có điều cầu phúc nên báo đáp bằng cúng tế, cúng tế thần.

Khoa đãn. Ngược lại âm trên khoa hoa. Nghĩa trong quyển thứ chín nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi. ngược lại âm dưới đàn tước. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đãn là khinh khi, tự cao, tự đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: dối trá. Chữ viết từ bộ ngôn thanh đãn.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 23

Quỷ cuống. Ngược lại âm trên quy ủy. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quỷ là khinh mạn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: không chịu theo làm điều tốt mà theo làm điều xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: quỷ là trách. Chữ viết từ bộ ngôn thanh ngụy ngược lại âm dưới câu huống. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cuống giống như mê hoặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: khinh khi. Chữ viết từ bộ ngôn thanh cuống.

Điền du. Ngược lại âm trên là điền. Sách Thượng thư cho rằng: biểu nơi làng mạc xa xôi, hoang vắng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: săn bắt thú. Cố Dã Vương cho rằng: đuổi bắt cầm thú. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: điền là tên gọi chung của người săn bắt. Xưa đó, người thợ săn ăn thịt thú lột da thú làm y phục mặc. Cho nên gọi người thơi săn là điền. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ điền gọi là người đi săn bắt lấy cầm thú là điền cũng gọi là trừ hại, giống như đến ngã tư đường mà rẽ qua, cũng viết chữ điền.

Hồ khẩu. Ngược lại âm trên hộ cô. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cháo loãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn nhờ, kiếm sống nơi xa. Chữ viết từ bộ thực thanh hồ, âm mi ngược lại âm mỹ vi.

U chấp. Ngược lại âm dưới chước lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấp là dây cương. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: buộc câu thúc lại. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mịch thanh chấp.

Thanh nhân. âm dưới là nhân. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: nhân là góc cong. Sách Thuyết Văn giảng: là thành có hai lớp cửa. Chữ viết từ bộ môn thanh nhân âm nhân đồng với âm trên.

Quynh dã. Ngược lại âm trên là quý dinh. Mao Thi Truyện giảng: quynh là vùng đất xa xôi. Sách Thuyết Văn viết chữ quynh gọi là ấp thôn ngoài thành gọi là giao tức là vùng ở quanh một ấp, ấp ngoài gọi là thôn dã, ngoài thôn gọi lâm tức là rừng, ngoài khu rừng gọi là quynh, giống như vùngbiên giới xa xôi. Lại chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ quynh là nhiều ấp là một nước. Tục viết từ bộ thổ viết thành chữ quynh.

Điên trạng. Ngược lại âm trên điển lân. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: điên là bệnh. Quảng Nhã cho rằng: bệnh cuồng điên. Theo Thanh loại nói: bệnh phong. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trật thanh chân.

Khuy du. Ngược lại âm trên khổ quy. Sách Khảo Thanh cho rằng: khuy là nhìn trộm. Sách Thuyết Văn giảng: dòm ngó, liếc nhìn. Chữ viết từ bộ huyệt thanh quy, ngược lại âm dưới giáp chu. Cố Dã Vương nói: Du là may mắn. Tả Truyện nói: người dân không có lòng mong muốn. Sách Thuyết Văn giảng: du là mong mỏi, muốn được. Chữ viết từ bộ du thanh kiến, âm thú ngược lại âm thất nhữ.

Trí đốn. Ngược lại âm trên tri lợi. Quảng Nhã cho rằng: trí là đạp lên giẫm lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất, âm tháp ngược lại âm đàm lạp.

Sai nghi. Ngược lại âm trên thái lai. Quảng Nhã cho rằng: lo sợ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hận, nghi ngờ. Chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Phiên phiên. Ngược lại âm trên là thất miên. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiên phiên. là qua lại, ngược lại âm dưới phù viên. Cố Dã Vương cho rằng: là cái vòng tròn tiện lợi dáng nhẹ nhàng thúc đẩy rất nhanh. Sách Thuyết Văn giảng: bay nhanh, hai chữ đều từ bộ vũ đều thanh biên phiên.

Điêu tựu. Ngược lại âm trên điểu liễu. ngược lại âm dưới tù tụ.

Chấn nhiếp. Ngược lại âm dưới chiêm thiệp. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: nhiếp phục. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nhiếp giống như sợ sệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chứa hơi. Chữ viết từ bộ tâm thanh nhiếp.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 24

Tích lịnh. Ngược lại âm trên tinh diệc. ngược lại âm dưới lịch đinh. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tích linh là loài chim chìa vôi, thân dài hơn năm tấc (thốn), đầu đen, trán hoàn toàn trắng, lưng đen bụng trắng, cánh đuôi dài. Chim xây tổ ở kẽ đá, ven bờ nước, bay thì kêu, đi thì lắc cái đuôi. Sách Văn Tự điển nói: giống như loài chim sẻ màu xanh. Hai chữ đều từ bộ điểu đều thanh tích linh.

Dục triết. Ngược lại âm triển liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: triết là loài côn trùng độc hại, hay cắn, chích người. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ trùng thanh triết cũng viết chữ thư.

Côn nghị. Ngược lại âm trên cốt hồn. ngược lại âm dưới nghi kỹ. Trong quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Chủy trác. Ngược lại âm trên tôn tủy. ngược lại âm dưới trác giác. Quảng Nhã cho rằng: mỏ chim mổ ăn. Sở Từ cho rằng: trác là hại người. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: chim đói cùng thì mổ ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim ăn mồi. Chữ viết từ bộ khẩu thanh thủy, âm thỉ ngược lại âm sửu duyên.

Sang ngấn. Ngược lại âm ngật ân. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngấn là vết sẹo. Chữ viết từ bộ tật thanh cấn viết đúng chữ lương.

Tiều liêu. âm trên là tiều âm dưới là liêu. Quảng Nhã cho rằng: tiều liêu là loại chim sâu, ăn các loại côn trùng. Sách Thuyết Văn viết chữ tiều miễu. là sai, chuyển thanh sai, tục gọi người phụ nữ khéo léo là chim, có thể lấy nhụy bông, bỏ vào túi, làm ở, cho nên gọi là người phụ nữ khéo léo làm chim miễu, âm miễu ngược lại âm di tiêu. Làm tổ trên cành cây ăn sâu trong lá cây.

Yêm thụ. Ngược lại âm trên yểm diêm. âm dưới là thụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: yêm tức là thụ, yêm là người đàn ông thiến bộ phận sinh dục, hoặc kẻ ái nam ái nữ hầu hạ trong cung, bọn hoạn quan ở trong cung coi sóc đóng cửa. Nay gọi là quan nhân tức là huỳnh môn, chữ tượng hình, dưới là chữ thụ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đậu. Văn luật viết từ bộ lập, tục dùng thông dụng, âm hôn là âm hôn.

Tư mấn. Ngược lại âm trên tử tư. ngược lại âm dưới tân tẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư là râu trên mép miệng. Chữ viết từ bộ tu thanh thử dưới là chữ mấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tóc mai. Chữ viết từ bộ tiêu thanh tán, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tư thố. Ngược lại âm trên tế da. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tư là lưới giăng băt thỏ. Quách Phác cho rằng: tư giống như lưới che trùm ở trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắt thỏ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 25

Đạt-ký-nã. Ngược lại âm trên đường lạc. âm giữa khí nghi. ngược lại âm dưới tháp-da. Tiếng Phạm.

Đã toát. Ngược lại âm toán hoạt. Sách Khảo Thanh cho rằng: toát là nắm lôi kéo ra. Tự thư cho rằng: nắm lấy. Sách Văn Tự điển nói: toát là dùng tay nắm bắt lấy vật. Chữ viết từ bộ thủ thanh toán âm toán ngược lại âm tử quản. cũng viết chữ toát.

Quyền âu. Ngược lại âm trên quyển viên. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: quyền là cái nắm tay, các ngón tay nắm tại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ quyển thanh tĩnh cũng viết chữ quyển ngược lại âm dưới âu hấy. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh, gõ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thù viết thành chữ âu gọi là dùng chày đánh.

Túc đoán. Ngược lại âm dưới thuyền nhuyễn. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng chân tống đạp ra, cũng gọi là bắp chân. Sách Thuyết Văn viết chữ đoán từ bộ nguyệt thanh đoan.

Thôi ma. Ngược lại âm trên thối lôi. Từ phía sau mà đẩy ra phía trước đẩy tới gọi là thôi.

Suy hung. Ngược lại âm trên mộc truy. Sách Thuyết Văn cho rằng: suy là đánh.chữ viết từ bộ mộc thanh truy cũng viết chữ truy.

Ung tỏa. Ngược lại âm ủng cung. ngược lại âm dưới tọa hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: tỏa là mụt sưng nhỏ. Chữ viết đều từ bộ tật đều thanh ung tọa.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 26

Giác thượng. Ngược lại âm trên giang nhạc. Đúng là viết chữ giác.

Võng văn. Ngược lại âm trên vong phóng. ngược lại âm dưới vị an. Luật Hữu bộ trong quyển thứ 32 đã giải thích rồi.

Tẩn phân. Ngược lại âm trên thất dân. Âm dưới là phân. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tẩn phân là nhiều tràn đầy.

Dực diệu. Ngược lại âm trên diêu lập. ngược lại âm dưới diêu chiếu. tức là ánh lửa cháy rực sáng.

Thiển điện. Ngược lại âm trên thiên điển. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: là mặt mày bẽn lẽn, xấu hổ. Theo Truyện cho rằng: thiển là tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: là nhìn thấy. Chữ viết từ bộ diện thanh kiến.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 27

Phong nẫm. trên đúng là chữ phong ngược lại âm dưới nhậm phiên. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: nẫm là chín. Sách Thuyết Văn cho rằng: nẫm là hoa màu, lúa đã chín. Chữ viết từ bộ hòa thanh niệm.

Cải tiếu. Ngược lại âm trên tiêu tiếu. Cố Dã Vương cho rằng: rượu hôn lễ của người phụ nữ tái giá. Sách Thuyết Văn cho rằng: lễ cúng tế của người đàn ông lấy vợ, chữ viết từ bộ dậu đến bộ tiều cũng viết tử tiều.

Sai lự. Ngược lại âm thái ai. Văn trước trong quyển thứ 23 đã giải thích đầy đủ rồi.

Khôi vĩ. Ngược lại âm trên hội hồi. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: khôi là đẹp. Sách Phương ngôn cho rằng: khôi là nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: khôi vĩ là tráng kiện khôi ngô. Chữ viết từ bộ nhân thanh khối cũng viết chữ khôi. Văn luật viết từ bộ ngọc viết thành chữ khôi tức là ngọc quý, ngược lại âm dưới vi quỹ. Sách Thuyết Văn giảng: vĩ hiếm thấy kỳ lạ. Chữ viết từ bộ nhân thanh vĩ.

Thiều quý. Ngược lại âm trên thiêu diêu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thiều là tóc trái đào, trẻ em để hai mảng tóc hai bên đầu. Sách Văn Tự Tập Lược nói: tóc của trẻ con. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tiêu thanh triệu. Văn luật viết từ bộ xỉ viết thành chữ thiều tục dùng cũng thông dụng.

Quyết khẩu. Ngược lại âm trên y huyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyết là dẫn dụ, khêu, bới móc. Chữ viết từ bộ thủ đến bộ quyết thanh tĩnh.

Lưu diên. Ngược lại âm tiện diên. đúng là viết chữ diên. Văn trước trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi.

Vi tĩnh. Ngược lại âm tình tánh. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: đào xuyên qua đất làm giếng sâu, chỗ gọi là làm bẫy để bắt, săn bắt loài cầm thú, hoặc gọi là chiêu dụ, rơi xuống hầm. Thế tục gọi cái hầm, giếng. Cố Dã Vương cho rằng: cái giếng nước, chỗ gọi là bắt loài cầm thú. Quảng Nhã cho rằng: cái hố sâu, cái hầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là cái hầm. Chữ viết từ bộ phụ thanh tĩnh. Văn cổ viết chữ tĩnh. Văn luật viết từ bộ huyệt viết thành chữ tĩnh tục dùng thông dụng.

Noa thằng. Ngược lại âm trên nô hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: noa lấy tay vuốt, nắm, vo lại, đan xen vào nhau. Chữ viết từ bộ thủ thanh noa, âm noa ngược lại âm thóa quả.

Trắc lậu. Ngược lại âm trên trở sắc. ngược lại âm dưới lũ đậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: trắc là nghiêng một bên. Chữ viết từ bộ nhân trong bộ hán ngược lại âm dưới là lậu là chật hẹp. Chữ viết từ bộ phụ thanh lậu, âm hán là âm hãn, âm lậu đồng với âm trên.

Tuấn nhân. Ngược lại âm trên tôn tuấn. Sách Khảo Thanh cho rằng: là người có tài năng vượt hơn ngàn người, có uy lực. Sách Thuyết Văn viết chữ tuấn từ bộ nhân thanh tuấn, âm tuấn ngược lại âm thanh tuần.

Thung đảo. Ngược lại âm trên thúc dung. Cố Dã Vương cho rằng: giã thóc thành gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: giã lúa, đập lúa. Chữ viết từ bộ cũng gọi là tay cầm nắm cái chày, đến bộ cửu là cái cối cái chày giã vào cối, thanh tĩnh ngược lại âm dưới đao lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đẩy tới, đánh. Cũng gọi là dùng gậy mà đập đánh. Chữ viết từ bộ thủ thanh thọ. Tự thư viết chữ thung đảo.

Nhiên khang. Ngược lại âm trên niên điển.

Quần phú. Ngược lại âm trên quần vân. viết đúng là chữ quần này. Trong quyển thứ 11 đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới

phu vụ.

Cương bạn. ngược lại âm trên cưỡng dương. Trong quyển thứ 19 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới ban mạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạn là buộc hai chân lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạn là buộc trói chân con ngựa lại. Chữ viết từ bộ mịch thanh bán chữ trấp là buộc.

Nha phân. Ngược lại âm trên tạ sa. Trong quyển thứ 19 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới phan mạn. Tự thư cho rằng: phân là con mắt chuyển động. Mao Thi Truyện nói: phán là mắt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh phân.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DẠ TẠP SỰ QUYỂN 28

Di luận. Ngược lại âm trên dĩ chi.

Xích toại. Ngược lại âm tùy loại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: toại là tươi tốt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lúa mạch tốt tươi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bông lúa kết chùm tươi tốt, rậm rạp. Chữ viết từ bộ hòa thanh toại, cũng viết chữ toại hoặc là viết chữ huệ nghĩa cũng đồng.

Bác tông. Ngược lại âm tông lộng. Văn trước trong quyển thứ 20 đã giải thích đầy đủ rồi.

Trù trừ. Ngược lại âm trên trụ lưu. ngược lại âm dưới là trực lư.

Đoán nội. Ngược lại âm trên đoán chuyên. Cũng viết chữ đoán. Trong quyển thứ 23 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tứ quyết. Ngược lại âm trên quyền nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là cái cọc, cây cột buộc trâu. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mộc thanh quyết.

Dực hữu. Ngược lại âm trên dăng chức. Trong quyển thứ ba nghĩa đã giải thích rồi.

Nghịch tiết. Ngược lại âm tiên tiết.

Trinh xác. Ngược lại âm khoang giác. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu dịch rằng: xác là cứng chắc. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thạch thanh xác, âm xác là âm hạt.

Mao ngạnh. Ngược lại âm ngạch cánh. cũng viết chữ ngạnh. Trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Khiên dúi. Ngược lại âm trên hiết yên. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khiên là cất cái đầu lên, ngẩng lên. Quảng Nhã cho rằng: khiên là bay lên, đưa cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: bay, cất cánh bay cao. Chữ viết từ bộ điểu đến bộ hàn thanh tĩnh ngược lại âm dưới chư nhứ. Sách Phương ngôn cho rằng: cất cánh bay. Sở Từ nói rằng: bay là chứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cất cánh bay cao, lượn quanh. Chữ viết từ bộ vũ thanh giã.

Liên phiên. Ngược lại âm trên liễn nhiên. Theo Thanh loại cho rằng: liên miên, nối tiếp theo không dứt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhĩ liên kết giáp với má đến chữ bộ ty ngược lại âm dưới thất miên. Trong quyển thứ 23 đã giải thích đầy đủ rồi.

Sưu vấn. Ngược lại âm trên sưu vưu. viết đúng là chữ sưu ?. Sách Khảo Thanh cho rằng: sưu là lục lọi, tìm kiếm. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh sưu.

Nanh điểu. Ngược lại âm trên u anh. hoặc là viết chữ minh. Trong quyển thứ 33 luật Hữu bộ đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhiệt hỏa. Ngược lại âm trên nhu chuyết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nhiệt là lửa nóng thiêu đốt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lửa cháy dữ dội. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh nhiệt cũng viết chữ bính.

Linh trần. Ngược lại âm tường gian. tục dùng thông dụng, đúng là viết chữ chích. Sách Khảo Thanh cho rằng: đốt lửa háy rực cho nóng, rồi lấy nước tưới lên, khiến cho lông rụng hết, cháy hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong canh có thịt đốt lửa cháy rực lên hâm cho nóng sôi sụt. Chữ viết từ bộ chính đến bộ chấp thanh tĩnh cũng viết chữ chích hoặc là viết chữ đàm. Chữ dược, âm dược là âm dược.

Phi dương. Ngược lại âm dưỡng tường. Sách Thuyết Văn cho rằng: gió bay tung lên. Chữ viết từ bộ phong thanh dương.

Đoàn tiêu. Ngược lại âm trên đoạt loan. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: gần lân cận. Sách Trang Tử nói rằng: đoàn là đưa lên lắc lư trên chín từng vạn dặm, xa, xa tít tận bầu trời xanh thẳm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh chuyên.

Ty trúc. Ngược lại âm trên phụ lục. Sách Sử ký nói rằng: tiếng nhạc nơi yến tiệc, ồn ào dần dần rời xa cao lên, bay cao vút lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhạc khí. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ trúc gọi là đánh lên thành khúc nhạc ngũ âm. Chữ viết từ bộ thủ, thủ đó là nắm giữ, đến bộ trúc thanh trúc, âm thủ ngược lại âm câu lung.

Khiếp đạn. Ngược lại âm trên khi hiếp. Cố Dã Vương cho rằng:

khiếp là sợ sệt, kém cõi. Sách Phương ngôn cho rằng: khó quá bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khiếp. cho rằng: nhiều lo sợ. Chữ viết từ bộ khuyễn thanh khứ ngược lại âm dưới đàn lan. Trịnh Tiễn chú giải sách Mao Thi Truyện rằng: đạn là khó, kiêng sợ làm khác đi. Quảng Nhã cho rằng: kinh sợ, giựt mình. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạn là kiêng sợ điều xấu ác. Chữ viết từ bộ tâm thanh đan.

Minh bề. Ngược lại âm dưới tích mê. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: cái trống làm bằng lụa trơn, đánh nhạc, hòa nhạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bề là cái trống làm bằng vải lụa. Chữ viết từ bộ cổ thanh ty.

Mộc phảng. âm phương. Tự thư cho rằng: tên của cây. Nay theo văn luật gọi là lấy một cây vang mà làm cái gông cùm trói buộc chân lại, thì nay cho rằng lấy gỗ vuông nhỏ, đục xuyên có lỗ làm cái gông xích chân tội nhân lại. Xiềng tay gọi là nữu, xiềng chân gọi là giới cũng gọi là chất cốc.

Tẩn nghịch. Ngược lại âm trên tất nhẫn. âm dưới là xích. Trong quyển thứ hai nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhiếp lưu ly. Ngược lại âm trên niêm chuyên. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: nhiếp là đạp đi lên. Quảng Nhã cho rằng: mang giày dép giẫm đạp lên. Chữ viết từ bộ túc.

Linh sính. Ngược lại âm trên lịch đinh. ngược lại âm dưới phách minh. Sách Khảo Thanh cho rằng: dáng vẻ cô đơn lẻ loi, yêu ớt, lại đi không có sức lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ nhân đều thanh linh sính., âm sính đồng với âm trên.

Tiều mộc. Ngược lại âm trên tiêu diêu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiêu là người đốn củi. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: lấy củi để thiêu đốt, cho nên nhân đây gọi là tiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây gỗ làm củi. Chữ viết từ bộ mộc thanh tiều.

Giải phách. Ngược lại âm trên văn mại. Sách Khảo Thanh cho rằng: giải là hiểu rõ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phán đoán. Chữ viết từ bộ đạo đến bộ phán nghĩa là cái sừng con trâu, chữ hội ý, âm dưới là bách tục ngữ. Hợp các sách viết chữ đàn, ngược lại âm đạt đan. Đàn là một loại đàn cổ gồm hai mươi lăm dây. Sách Khảo Thanh cho rằng: đàn là va chạm, xúc chạm, giống như đàn cầm gảy đàn. Văn lược cho rằng: phách là đánh đàn hai mươi lăm dây đó là rơi vào con đường thế tục trong nhân gian, đây là tục ngữ. Chữ viết từ bộ thủ thanh đan.

Trù mật. Ngược lại âm trên trụ lưu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trù sum sê tươi tốt nhiều, giống như nhiều um tùm, dày đặc, liên

miên khít khao.

Hải đảo. Ngược lại âm đao lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong biển lớn luôn luôn có đảo núi có thể nương dựa vào dừng nghỉ gọi là đảo. Thích danh cho rằng: đảo là đến, chỗ người chạy đến. lại âm là đảo là trong biển xa núi, trông ra xa chỉ thấy toàn là nước trên đảo.

Thuyền bát. Ngược lại âm phiền miệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: bện tre, gỗ làm bè nổi trên mặt nước, lớn đó gọi là bát, nhỏ gọi là phù. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh bát. Kinh văn viết chữ phiệt đều chẳng phải.

Phiếm trướng. Ngược lại âm trên phương phạm. Sách Vận anh cho rằng: nổi trên mặt nước, hoặc là viết chữ phiếm. ngược lại âm dưới trương lượng. Sách Vận thuyên cho rằng: hồng thủy lớn, tức là nước dâng cao, lụt ngập lụt.

Xi bát. Ngược lại âm trên sất chỉ. Sách Tiểu Nhã cho rằng: con diều hâu, ngược lại âm dưới bàn mạt. Xi bát đó là nói tóm lược, đánh hpất vật bỏ đi.

- QUYỂN 29: Không có âm giải thích

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ
QUYỂN 30

Tuẫn tử. Ngược lại âm trên tuần tuấn. Đem thân mình hy sinh chết đó gọi là tuẫn. Người xưa đều nói tuẫn táng, chết đem chôn. Nay người ta nói dìm dưới dùng cây gỗ mà đánh, chữ hình thanh. Lấy thay thế hiệu là thề thốt.

Thuân liệt. Ngược lại âm thất tuần. Bì Thương cho rằng: thuân là da nứt nẻ ra. Lại gọi là mùa đông lạnh làm nứt nẻ da. Xưa nay Chánh tự giảng: da bị nứt nẻ. Hai chữ đều từ bộ bì chữ tượng hình, âm tán ngược lại âm thất dược.

Cảnh mạc. âm dưới là mạc gọi là màng mỏng bên trong cơ thể.

Trúc thiêm. Ngược lại âm dưới thiếp diêm. gọi là vót tâm tre nhọn như cây kim, đam vào cổ họng đứa trẻ gọi là thiêm.

Phủ phách. Ngược lại âm trên phù vũ. ngược lại âm dưới chưng mạch. Quảng Nhã cho rằng: phủ là đánh. Sách Thuyết Văn giảng là phủ vỗ vỗ, an ủi. Chữ viết đều từ bộ thủ chữ hình thanh.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 31

Khỏa thô. Ngược lại âm trên hoa hóa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là hai xương bắp đùi ngoài. Sách Thuyết Văn giảng: là xương bắp chân. Chữ viết từ bộ cốt thanh quả Văn luật viết chữ khoa tục dùng thông dụng.

Bất tán. Ngược lại âm tử tán. Sách Thuyết Văn giảng: tán là rãi nước dơ, cũng gọi là nước bùn bắn vào người. Chữ viết từ bộ thủy thanhtán.

Cốc hư. Ngược lại âm trên không cốc. Cố Dã Vương giải thích: cốc là bạo ngược. Bạch Hổ Thông cho rằng: cốc là người rất hung bạo, là người nói và thi hành rất cùng cực. Sách Thuyết Văn giảng: rất khổ cấp, nguy cấp. Chữ viết từ bộ học thanh tĩnh. Văn luật viết từ bộ dậu viết thành chữ khốc. Là rượu có mùi vị rất nồng, mà rất ngon, chẳng phải nghĩa đây dùng. Hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ cốc.

Trửu hành. Ngược lại âm trên triển hữu. Sách Thuyết Văn giảng: trửu là xương cùi chỏ cánh tay. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ thốn gọi là thốn thủ. tấc tay. Thốn khẩu. tấc miệng. Trửu hành. đó nghĩa là quật khuỷu tay, quật đầu gối nằm xuống đất mà đi, người thời nay gọi là bồ phục. là tay và chân bò lê trên đất.

Lai dục. ngược lại âm thù dục. Sách Khảo Thanh cho rằng: đem tài vật tặng thưởng thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: trao đổi. Chữ viết từ bộ bối đến bộ mậu. Văn cổ cho rằng: chữ lục. Lục cũng gọi là dục.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 32

Huyễn sắc. Ngược lại âm trên làhuyền quyến. tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ diễn gọi là đi khoe khoang, tự khoe tài vật ra để mua bán. Chữ viết từ bộ cụ viết thành chữ huyễn.

Quyết kỳ. Ngược lại âm trên uyên huyết. Trong quyển thứ 27 đã giải thích đầy đủ rồi.

Nặc hảo. Ngược lại âm trên ni lật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nặc gần gũi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thân cận, thân thiết. Sách Thuyết Văn viết chữ nặc gọi là ngày càng gần gũi, thân thiết hơn. Chữ viết từ bộ nhiệt thanh nặc.

Mạch tứ. Ngược lại âm trên manh bạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: mạch là vượt qua. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh mạc.

Đa nhưỡng. Ngược lại âm nhương lượng. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: nhưỡng là cất rượu, ủ rượu mà thành. Sách Thuyết Văn nói hâm rượu cho ấm mà được rượu gọi là nhưỡng. Chữ viết từ bộ dậu thanh nhương.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 33

Đoản phan. Ngược lại âm phạ mạn. Phan đó gọi là liên kết bên cái áo. Phàm là người phụ nữ mặc quần tất nhiên phải có sợi dây yếm để buộc hai ống quần. Sách Văn Tự điển nói: dây buộc quần. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái khuyết để cài khuy áo. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cái khuyết để cài khuy áo. Chữ viết từ bộ y thanh phân cũng viết chữ phan.

Canh sát. Ngược lại âm ha các. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: có rau cải gọi là canh không có rau cải gọi là sát. Sách Thuyết Văn giảng: thịt nấu canh. Chữ viết từ bộ nhục thanh sát, âm sát ngược lại âm hoang quách.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 34

Cáp chúc. Ngược lại âm ha lạp. Sách Khảo Thanh cho rằng: cười lớn tiếng hoặc là viết chữ cáp tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới chi dục. Sách Thuyết Văn ghi: chúc tức là cháo loãng. Xưa nay Chánh tự viết đúng thể là chữ chúc đến chữ cách viết thành chữ chúc, âm dục

là âm dục, âm cách là âm lịch.

Thoán thoán. Ngược lại âm lam đáp. Thống Tự cho rằng: thoán thoán đó là phá thanh, tiếng cắn nhai bánh khô.

Kinh ngạc. Ngược lại âm dưới ngang các. Sách Tập Huấn cho rằng: ngạc cũng là kinh. Văn Tự điển nói: từ trong lòng phát ra tiếng kinh ngạc, cũng viết chữ ngạc. Văn luật viết chữ ngạc tục dùng thông dụng.

Hoàng dứu. Ngược lại âm dưới do tựu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: dứu giống như con vượn đen, hay bắt chuột. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thỉ thanh huyệt hoặc là viết từ bộ khuyển viết thành chữ dứu. Văn luật viết chữ dứu tục dùng thông dụng.

Giã bàn. Ngược lại âm trên giá nhạ. âm dưới đúng là chữ bàn. Trịnh Huyền chú giải kinh Sơn Hải rằng: giã đó là màu đất đỏ. Lại cũng gọi là màu áo đỏ. Sách Khảo Thanh cho rằng: màu sắc đỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xích thanh giã.

Các tập. Ngược lại âm xâm nhập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tập là thêm vào, sửa đổi thêm vào. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy cỏ phủ che trên nóc nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ mao, cỏ may. Chữ viết từ bộ thảo thanh tập.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DẠ TẠP SỰ QUYỂN 35

Đẩu tẩu. Ngược lại âm đâu khẩu. ngược lại âm dưới tô tẩu. Văn luật viết chữ thúc âm thúc gọi là sửa soạn bó buộc gọn gàng, chẳng phải nghĩa chữ “đẩu tẩu”. Trong luật Hữu bộ quyển thứ hai nghĩa đã giải thích rồi.

Tích chấp. Ngược lại âm trên tinh tích. Quảng Nhã cho rằng: tích là gấp cong lại. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: tích là chứa, gọi là áo xếp lại nhiều lớp. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo xếp ngay thẳng nhiều lớp. Chữ viết từ bộ y thanh tích ngược lại âm dưới điềm diệp. Tự thư cho rằng: chứa nhiều lớp vải. Sách Khảo Thanh cho rằng: xếp áo quần. Sách Thuyết Văn cắm vào áo. Chữ viết từ bộ y thanh chấp. Văn luật viết chữ điệp nghĩa quái lạ, âm quyện là âm quyển, âm khuất là âm khuất.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 36

Ngự thanh. Ngược lại âm trên ngư cứ. Cố Dã Vương cho rằng: ngự đó là chỉ huy, sai khiến con ngựa.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 37

Toàn sư. Ngược lại âm trên đoan loạn. Trong quyển thứ ba nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

Khao giác. Ngược lại âm trên xảo giao. ngược lại âm dưới khang giác. Cố Dã Vương cho rằng: khao là cứng cằn cỗi, đất cứng thì ngũ cốc cằn cỗi ốm yếu không thể thích nghi. Mạnh Tử cho rằng: đất có màu mỡ hoặc có cằn cỗi. Theo Thanh loại cho rằng: khao giác là đất cằn cỗi, không màu mỡ. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thạch đều thanh nhiêu giác. âm bích ngược lại âm khẩu ách.

Nghiêng cộng. Ngược lại âm trên kế hề. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gọi là gỗ vuông kê trên cây cột. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: cây rui mà không đẽo gọt không tách ra không kê lên được. hứa Thúc Trọng chú giải rằng: cây đòn kê nằm trên cột. Bì Thương cho rằng: gác nằm ngang trên cây cột. Ngược lại âm dưới ký mông. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cây rui gác lên cột lớn đó gọi là cộng. Quách Phác chú giải rằng: cây cột trụ riêng biệt trong dài ngắn khác nhau. hai chữ đều từ bộ 725 mộc đều thanh nghiệp cộng. âm nghiệp ngược lại âm kiết kiên.

Lộ xa. Ngược lại âm lô cố.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 38

Cộng xi. Ngược lại âm xỉ chi. Trong quyển thứ 21 đã giải thích

rồi.

Phù khiêu. Ngược lại âm khiêu điếu. Khảo Thanh cho rằng: khiêu là vượt qua. Theo Thanh loại cho rằng: nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chạy nhảy. Chữ viết từ bộ tẩu thanh khiêu.

Dĩ sóc. Ngược lại âm song tróc. Văn luật viết chữ sóc là tên cây chẳng phải nghĩa đây dùng. Trong quyển thứ 11 đã giải thích đầy đủ.

Ưu táo. Ngược lại âm tao táo. Sách Khảo Thanh cho rằng: táo là không an, gánh vác. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ưu là không vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: buồn rầu không yên tâm, chữ viết từ bộ tâm thanh táo, âm táo đồng với âm trên.

Khỏa thể. Ngược lại âm trên qua hỏa. Cố Dã Vương cho rằng: khỏa giống như là bao. Chữ viết từ bộ y thanh khóa.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 39

Kiện trùy. Ngược lại âm trên kiện liên. ngược lại âm dưới mộc truy. Tiếng Phạm, tức là nay gọi là tịnh trùy.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ QUYỂN 40

Toán tập. Ngược lại âm trên toàn quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: toán cũng là tập, ngài Đại Ca-diếp-ba, Đức Như Lai chỗ nói gọi là kiết tập tam tạng Thánh giáo, gọi là toán tập. Sách Thuyết Văn cho rằng: toán là giống như tổ hợp đỏ và đen. Chữ viết từ bộ mịch thanh toán âm toán là âm toán.

Hội hoại. Ngược lại âm trên chuyển hồi. Quảng Nhã cho rằng: hội hoại, hư hoại. Sách Lễ ký cho rằng: núi Thái Sơn từ từ hư hoại. Sách Thuyết Văn rơi xuống. Chữ viết từ bộ phụ đến thanh quí cũng viết chữ ngốc gọi là tẩn xuất, ngược lại âm dưới hoài quái. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoại là từ từ hư hoại. Chữ viết từ bộ thổ thanh hoài. Sách Trụ văn

viết chữ hoại. Văn cổ viết hoại.

Huất nhiên. Ngược lại âm huân uất. Huất là bỗng nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chỗ thổi nổi lên. Chữ viết từ bộ khảm thanh đạm.

Xa-sá. Ngược lại âm trích-da. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là Xiểm Khúc La-hán, tên của vị La-hán.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 63

- Âm Căn Bổn Luật Nhiếp - hai mươi quyển hoặc là mười bốn quyển.
- Bách Nhất Yết-ma - mười quyển,
- Ni-đà-na-mục-đắc-ca - mười quyển.
- Đại Luật nhiếp tụng - năm quyển.
- Tạp sự nhiếp tạng - một quyển.
- Ni-đà-na nhiếp tụng - một quyển.
- Hữu bộ Tất-sô giới kinh - một quyển.
- Hữu bộ Tất-sô-ni giới kinh - một quyển.

Bên phải tám quyển kinh trên bốn mươi ba quyển đồng âm với quyển này.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 1

Hãn địch. Ngược lại âm trên hàn ngạn. Theo Tả Truyện cho rằng: hãn là bảo vệ. Lại cũng gọi là xông lên chống đỡ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chống lại kẻ địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chống trả. Chữ viết từ bộ thủ thanh can. Văn luật viết chữ hãn viết thành chữ hãn cũng thông dụng. Âm chi là âm chí ngược lại âm dưới đình đích. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đối địch. Sách Phương ngôn cho rằng: người đồng sức đó gọi là địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: cừu địch. Chữ viết từ bộ phộc thanh đích, âm đích là âm đích.

Khiêu khanh. Ngược lại âm trên thiên điếu. Sách Vận tập cho rằng: khiêu là vượt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt lên phía trước. Chữ viết từ bộ tẩu thanh triệu, cũng viết chữ khiêu này ngược lại âm dưới khách canh. Sách Tiểu Nhã cho rằng: khanh là cái lò hâm rượu.

Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hang, hốc, cái hầm. Văn Tự điển nói: cáo hào bao quanh. Chữ viết từ bộ thổ thanh khang, âm khang là âm cang.

Song tháp. Ngược lại âm dưới đàm hạp. Quảng Nhã cho rằng: tháp là mang giày dép giẫm đạp lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tháp là đá lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh tháp, âm đệ là âm đề, âm tháp ngược lại âm tham đáp.

Nhược nhiếp. Ngược lại âm dưới niêm triếp. Quảng Nhã cho rằng: niếp là nhón chân đi nhẹ, mang giày dép nhón rón rén đi nhẹ. Sách Phương ngôn cho rằng: đi lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đạp, giẫm lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp, âm nhiếp đồng với âm trên, âm điệp là âm điệp.

Đinh quyết. Ngược lại âm trên đinh định. ngược lại âm dưới là quyền nguyệt. Văn trước trong luật Hữu bộ quyển thứ 11 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tường sách. Ngược lại âm trên tương dương. ngược lại âm dưới đang cách. Văn trước trong luật Tất-sô-ni quyển thứ 41 đã giải thích đầy đủ rồi.

Úy đạn. Ngược lại âm dưới đàn đãn. chữ khứ thanh. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đạn là sợ, lo sợ khó khăn. Lại cũng gọi là sợ sệt. Sách Hàn Thi Ngoại Truyện nói: lo sợ điều xấu ác. Quảng Nhã cho rằng: kinh sợ, phẫn nộ. Sách Thuyết Văn nói: kiêng kỵ. Chữ viết từ bộ tâm thanh đan.

Bách hàn. Ngược lại âm dưới hàn đãn. âm tán cùng với âm hãn cũng đồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: hàn gọi là dùng thiếc, nhôm để hàn nối các kim loại, khiến cho dính vào nhau. sách Phương ngôn nói rằng: hàn các mối chì kẽm. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo giáp nơi cánh tay. Chữ viết từ bộ kim thanh can, âm tôn ngược lại âm tồn khổn. âm khải ngược lại âm khai đãi.

Ổi náo. Ngược lại âm trên ổi khối. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ổi là đốn ngã. Quảng Nhã cho rằng: chúng đông nhiều tạp loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: không ngay thẳng mà ấp áp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng chó sủa. Cho nên chữ viết từ bộ khuyễn thanh úy, ngược lại âm dưới nã ấu. tục dùng thông dụng. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 44 đã giải thích đầy đủ rồi.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 2

Kỹ sắc. Ngược lại âm trên ky khải. Sách Khảo Thanh cho rằng: kỹ đó là loại ký sinh trùng, ấu trùng của con chấy, con rận. Chữ viết từ bộ trùng thanh cơ ngược lại âm dưới sơn tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: sắc là loài côn trùng hay cắn chích người. Chữ viết từ bộ côn thanh tấn. Văn luật viết từ bộ trùng viết thành chữ sắc tục dùng thông dụng, nhưng chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm côn là âm côn, âm tấn là âm tín.

Tảo dưỡng. ngược lại âm trên tảo táo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tảo là bệnh ghẻ lở. Quảng Nhã cho rằng: mụt nhọt. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tật âm tảo là âm tảo ngược lại âm dưới dương tướng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dương là bệnh mụt ngứa, hơi đau. Mao Thi Truyện giảng: bệnh ngứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi chung các chứng bệnh ung nhọt. Chữ viết từ bộ tật thanh dương. Văn luật viết từ bộ dưỡng viết thành chữ dưỡng tục dùng thông dụng. Âm dương là âm dương, âm tật là âm nạch.

Mậu dịch. Ngược lại âm trên mao hầu. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Y quỷ. Ngược lại âm quỳ vị. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Văn trù. Ngược lại âm trên vật phân. Sách Khảo Thanh cho rằng: văn là loài côn trùng biết bay, tức con muỗi. Sách Thuyết Văn viết chữ văn là loài côn trùng biết bay hay cắn người, lúc trời tối thì bay ra, lúc trời sáng là ẩn trốn. Chữ viết từ bộ côn thanh dân. Âm niết ngược lại âm nghiên kiết. Âm côn là âm côn, ngược lại âm dưới trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: trù còn gọi là trướng. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện nói rằng: bao trùm cùng với trù trướng là cái màn, bức màn vảo hoặc lụa viết lời chúc mừng, hoặc là chia buồn, cũng gọi là màn che. Sách Thuyết Văn cũng đơn viết là trướng. Chữ viết từ bộ cân thanh đáo.

Thị quẩn. Ngược lại âm dưới quận vân. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 48 đã giải thích đầy đủ rồi.

Kiển ty. Ngược lại âm trên kiên kiển. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 20 đã giải thích đầy đủ rồi.

Hãn thành. Ngược lại âm trên can hãn. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 20 đã giải thích đầy đủ rồi.

Hoặc phách. Ngược lại âm dưới phiên mạch. Văn trước luật Hữu

bộ trong quyển thứ 20 đã giải thích đầy đủ rồi.

Mang sắc. Ngược lại âm trên mạc bang. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 21 đã giải thích đầy đủ rồi.

Quáng mạch. Ngược lại âm trên hồ mãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: quáng mạch. là sáu loại lúa mạch. Văn Tự điển nói: lúa mì. Chữ viết từ bộ mạch thanh quảng.

Thô đam. Ngược lại âm trên thố thô. âm dưới là tham cảm. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Ngụy lạm. Ngược lại âm trên nguy vi. Quảng Nhã nói: ngụy là khinh khi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: giả tạo. Sách Thuyết Văn nói: dối trá. Chữ viết từ bộ nhân thanh vi. âm quỹ là âm quỹ ngược lại âm dưới lam đảm. Sách Khảo Thanh nói: lạm là giả dối, không cẩn trọng với bậc trên. Theo Mao Thi Truyện nói: không vượt quyền, vượt quá phận sự, không lạm dụng quá mức. Cố Dã Vương nói: nước tràn ngập trong thiên hạ. Sách Thuyết Văn nói: ngâm trong nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh lam.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 3

Thuyên đề. Ngược lại âm trên chủy duyên. Sách Phương ngôn cho rằng: thuyên đó gọi là khắc chạm. Sách Bát-nhã nói: đục đẽo, mài giũa, chạm khắc ngọc. Sách Thuyết Văn nói: khắc chậm đá quý, mài giũa cho tinh tế, xinh đẹp. Sách Văn Tự điển nói: chặt phá cây, khắc chạm trên đá. Chữ viết từ bộ trảm ngược lại âm tài cam. Âm thuyên ngược lại âm tuyền nhuyến.

Tác phan. Ngược lại âm dưới phan mạn. Sách Văn Tự Tập Lược nói: phan là sợi dây buộc áo quần, chỗ kết cài khuy. Chữ viết từ bộ y thanh phan.

Giao phá. Ngược lại âm trên giao hiệu. Sách Vận lược nói: dao, vật để cắt. Tự thư nói: giao là lưỡi dao tức nay người ta gọi là dao kéo.

Văn phá. Ngược lại âm trên văn đoạt. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Vô huyệt. Ngược lại âm dưới huyền quyết. Sách Giai Uyển Chu Tòng nói: huyệt là từ dùng. Sách Thuyết Văn nói: huyệt là đào đất làm

nhà. Chữ viết từ bộ miên thanh bát, âm miên là âm miên.

Nhiên tiễn. Ngược lại âm trên niên điển. Sách Phương ngôn cho rằng: nối tiếp nhau. Cố Dã Vương cho rằng: tiếp tục thay nhau nối tiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh nhiên ngược lại âm dưới tiên tiễn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: tiễn là sợi chỉ. Sách Lễ ký cho rằng: Hữu Bội viết văn can ngăn, gọi là ống quấn chỉ. Sách Văn Tự điển nói: chỉ xỏ kim khâu may. Chữ viết từ bộ mịch thanh tàn, âm tàn là âm tàn. Văn luật viết từ chữ tuyền viết thành chữ tuyến tục dùng thông dụng.

Thác ngạch. Ngược lại âm trên nan lặc. Ngược lại âm dưới ngạnh cách. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 22 đã giải thích đầy đủ rồi.

Mật trí. Ngược lại âm dưới trực lợi. 726 Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 23 đã giải thích đầy đủ.

Hài lũ. Ngược lại âm trên giải giai. Tục tự cho rằng: chữ chánh thể từ bộ hề viết thành chữ hài. Thích danh cho rằng: cởi hài. Văn Tự điển nói: giày da. Nay người ta dùng vải bố gai làm giày. Chữ viết từ bộ cách thanh giai. Âm đê ngược lại âm đinh hề. ngược lại âm dưới câu ngộ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lũ tức giày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: giày da. Chữ viết từ chữ lý tóm lược đến bộ lũ, âm lũ là âm lũ.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 4

Bao quắc. Ngược lại âm trên bao mao. ngược lại âm dưới quy bích. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Náo loạn. Ngược lại âm trên nã hiệu. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 44 đã giải thích rồi.

Ma-na-tha. Ngược lại âm ty dã. Tiếng Phạm, xưa dịch là Ma-na-đỏa. gọi là trong tăng chúng trách phạt.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 5

Phốc xuất. Ngược lại âm trên phổ mộc. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 27 đã giải thích đầy đủ rồi.

Ban bác. Ngược lại âm dưới bang mạc. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 12 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thủy nổi. Ngược lại âm dưới là nội lôi. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là nắm vuốt. Sách Thuyết Văn nói: bẻ gãy. Lại cũng gọi là hai tay đan xiết vào nhau. Chữ viết từ bộ thủ thanh ủy.

Chương hoàng. Ngược lại âm trên dưỡng thương. âm dưới là hoàng. Sách Khảo Thanh nói rằng: chương hoàng là nói lo sợ nơm nớm lo âu. Tự thư cho rằng: chương hoàng là lo buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lo ngại, e sợ. Hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh chương hoàng.

Thao biện. Ngược lại âm trên thảo đao. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới biện miên. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển tựa đã giải thích đầy đủ rồi.

Hoặc khống. Ngược lại âm dưới khổ cống. Mao Thi Truyện nói rằng: khống là dẫn dắt. Lại cũng gọi là dừng ngựa là khống. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm giữ, tiếp nhận. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn dắt bọn hung nô vươn cung gọi là khống. Chữ viết từ bộ thủ thanh không.

Đại hát. Ngược lại âm dưới ha át. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hát là quở trách. Quảng Nhã cho rằng: phẫn nộ. Sách Văn Tự điển nói: cũng là quở trách. Chữ viết từ bộ khẩu thanh yết.

Tróc thuyên. Ngược lại âm dưới thuyên nhuyễn. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Trùy hung. Ngược lại âm trên mộc truy. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới húc cung. Sách Văn Tự điển nói: hung là trước ngực. Chữ viết từ bộ nhục thanh hung. Văn luật viết từ bộ bao viết thành chữ hung tục dùng thông dụng.

Câu nữu. Ngược lại âm trên cẩu hầu. ngược lại âm dưới nữ cửu. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Vô cánh. Ngược lại âm canh hạnh. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 46 đã giải thích rồi.

Cập quán. Ngược lại âm dưới quán hoán. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 34 đã giải thích rồi.

Chiêm tứ. Ngược lại âm trên cương diêm. Sách Thuyết Văn cho

rằng: chiêm là cây nhiếp đòn xe bằng sắt. Lại cũng gọi là nắm giữ. Chữ viết từ bộ kim thanh chiêm. Văn luật viết từ bộ cam viết thành chữ kềm là cây kềm kẹp gông cùm. Chữ kềm chẳng phải nghĩa đây dùng. Chữ chiêm là đúng nghĩa.

Đàm ấm. Ngược lại âm trên đảm lam. ngược lại âm dưới âm cấm. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Quát thiệt. Ngược lại âm trên quan bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng dao cạo gọi là quát, giảm bớt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh thiệt, âm thiệt ngược lại âm thực liệt.

Ứng phách. Ngược lại âm dưới thất mịch. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 36 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thiêm thích. Ngược lại âm trên tiệm diêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêm là tăm tre nhỏ, xỏ xuyên qua. Quảng Nhã cho rằng: thiêm gọi là que nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất bén nhọn. Chữ viết từ bộ trúc thanh thiêm, âm săn ngược lại âm xác lâm. ngược lại âm dưới thanh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: dụng cụ bén đâm vào trong thịt người. Sách Thuyết Văn cho rằng: đâm thẳng vào bị thương tích. Chữ viết từ bộ đao thanh thứ, âm thứ là âm thứ.

Thức tòa. Ngược lại âm trên thăng chức. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây thanh ngang trước xe. Quảng Nhã cho rằng: cây đà ngang gọi là thức. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đòn ngang trước xe. Chữ viết từ bộ xa thanh thức, âm hiến ngược lại âm bì bì.

Dương bã. Ngược lại âm dưới ba ngã. Sách Khảo Thanh cho rằng: dương bã là sàng sảy, rê lúa. Tự thư cho rằng: sàng sảy lúa, bỏ lúa lép ra, lúa hạt chắc và ổtng, lúa lép ra trước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: sảy bỏ đi cám. Chữ viết từ bộ kỳ đến bộ bì thanh tĩnh, âm kỳ là âm kỳ.

- **QUYỂN 6, 7** (Đều không có chữ khó có thể giải thích âm.)

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 8

Tạp nhu. Ngược lại âm dưới là nữ cứu. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 24 đã giải thích rồi.

Luyện diệp. Ngược lại âm trên liên tù. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là tên cây. Chữ viết từ bộ mộc thanh luyện, âm luyện đồng với âm trên. Văn luật viết từ bộ thúc viết thành chữ luyện là sai.

Bể-hê-đắc-chỉ. Ngược lại âm trên bề-mễ. ngược lại âm dưới hinh-kê. Tiếng Phạm, tên của vị thuốc.

Nhiệt phún. Ngược lại âm dưới phân văn. Mao Thi Truyện nói: phún là cơm lưu giữ lại. Tự thư cho rằng: ăn cơm đã no. chữ viết từ bộ thực thanh phún, âm lưu ngược lại âm lưu cứu. Âm bào ngược lại âm tú do. Âm phún là âm phần.

Huân tân. Ngược lại âm trên là huấn vân. Theo Thanh loại cho rằng: huân là loại rau có mùi như hành tỏi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: huân là mùi vị cay nồng, chỗ gọi là chứa chất hung tà. Văn Tự điển nói: loại rau mùi. Chữ viết từ bộ thảo thân quân. Văn luật viết chữ huân viết thành chữ huân là chẳng phải, âm thái là âm lộng.

Điêu sức. Ngược lại âm trên điểu liễu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: điêu là vẽ. Cố Dã Vương cho rằng: chạm, khắc. Quảng Nhã cho rằng: cũng là khắc chạm. Sách Thuyết Văn cho rằng: mài giũa ngọc, nắn nót cho đẹp. Chữ viết từ bộ sam thanh điều. Văn luật viết từ bộ chuy viết thành chữ điêu là chim điêu, chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm sam là âm sam. Sách Tiểu Nhã cho rằng: sức là sạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: tô điểm cho đẹp, chạm khắc, tu sửa cho đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: sức là chà rửa, sơn phết. Chữ viết từ bộ cân thanh thực, âm tự là âm tự.

Trừng lộc. Ngược lại âm trên là trực lăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: trừng là nước sạch lóng trong. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước sạch. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ trưng thanh tĩnh. Văn luật viết từ bộ đăng viết thành chữ trừng tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới lung ốc. Cố Dã Vương cho rằng: lộc cũng giống như lịch. Quảng Nhã cho rằng: là hết tận cùng. Sách Phương ngôn cho rằng: cực kỳ sạch. Sách Tiểu Nhã cho rằng: kiệt quệ, hết sạch. Văn Tự điển nói: nhỏ giọt. Chữ viết từ bộ thủy thanh lộc, âm lộc đồng với âm trên.

Luyến bã. Ngược lại âm trên liuyến viên. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 46 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới ba ma. Cố Dã Vương cho rằng: bã là khiển chân, què chân có thể mang giày dép mà không thể đi được. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ túc đến bộ bì thanh tĩnh, âm ma ngược lại âm mạc khả.

Chu nhu. Ngược lại âm trên chủ nhu. ngược lại âm dưới nhủ chu.

Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 25 đã giải thích đầy đủ rồi.

Phiến sá. Ngược lại âm dưới tịch giá. Tiếng Phạm, loại người huỳnh môn.

Ngữ ngật. Ngược lại âm cân ất. Sách Hán thư cho rằng: ông Tư Mã Tương như nói lắp. Theo Thanh loại cho rằng: nói trùng lắp. Dương Hùng không thể bàn luận được. Sách Thuyết Văn cho rằng: khó nói. Chữ viết từ bộ khẩu thanh khất.

Ngu tráng. Ngược lại âm trên ngộ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tính cương trực. Chữ viết từ bộ tâm thanh ngu, âm tráng cùng âm dưới đồng, ngược lại âm dưới trác giáng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: tráng là mới sinh ra là ngu rồi, mà bệnh đầu không mọc tóc gọi là tiểu đồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đứa trẻ ngu ngốc. Sách Thuyết Văn cũng viết là ngu. Chữ viết từ bộ tâm thanh thung, âm giải ngược lại âm ngũ giải.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 9

Huyên hoa. Ngược lại âm trên huynh viên. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 26 đã giải thích đầy đủ.

Cúc cung. Ngược lại âm trên cung khúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: kính cẩn. Sách Luận ngữ cho rằng: đi vào cửa công là phải khom người xuống, như Khổng An Quốc chú giải rằng: các thâu người lại, dung nghi thu lại. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ cách thanh cúc.

Điên cuồng. Ngược lại âm trên điển niên. Theo Thanh loại cho rằng: điên là bệnh phong. Quảng Nhã cho rằng: điên cũng là cuồng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh điền, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Thanh đệ. Ngược lại âm dưới đệ nê. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ 12 đã giải thích đầy đủ rồi.

Ao lạp. Ngược lại âm trên ách giao. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: ao là lấy tay bẻ gãy vật ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh ao ngược lại âm dưới lam đáp. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: lạp là văn, bẻ gãy. Xưa nay Chánh tự cho rằng: bẻ gãy. Chữ viết từ bộ thủ thanh lập cũng viết chữ nang lại viết chữ trạc.

Thuân hủ. Ngược lại âm trên thất tuần. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 27 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới hưu cửu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: hủ là mục nát, thối rửa. Sách Luận ngữ nói: hủ là vốn cây đã mục không thể chạm khắc. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mộc thanh hủ, âm hủ là âm khảo.

Đoạn hoại. Ngược lại âm trên đoàn loạn. Sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: trứng gà đã trải qua thời gian tức là đoạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: đoạn là trứng đã hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn là trứng không tin tưởng được, nghĩa là trứng không nở ra con. Chữ viết từ bộ noãn thanh đoạn. Văn luật viết từ bộ tịch viết thành chữ đoạn là chẳng phải.

Quỹ cuống. Ngược lại âm trên quy ủy. Văn trước luật Tất-sô trong quyển thứ 12 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới câu huống. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cuống giống như mê hoặc. Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: khinh khi. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ ngôn thanh cuồng.

Toàn khước. Ngược lại âm trên toàn tuẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: toàn là cây trục vật khí để chuyển bánh xe. Sách tiểu Nhã cho rằng: xoay vòng tròn gọi là toàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: toàn là cái lò đốt hương tròn. Chữ viết từ bộ kim thanh toàn, âm lô ngược lại âm lực hồ.

Phất trửu. Ngược lại âm phân vật. Mao Thi Truyện cho rằng: phất là phẩy phủi bụi đi. Lại cũng gọi là chăm lo. Sửa trị. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ bụi dơ. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: lau chùi, quét dọn. Lại chú giải sách Lễ ký rằng: phẩy bỏ bụi trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: phất là đánh, đập vào. chữ viết từ bộ thủ thanh phất, ngược lại âm dưới chu thủ. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 23 đã giải thích rồi.

Cù du. Ngược lại âm trên cụ câu. ngược lại âm dưới sở thư. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 26 đã giải thích đầy đủ rồi.

Mộc khô. Ngược lại âm dưới tri lâm. Văn trước luật Hữu bộ đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển thứ hai.

Duệ cương. Ngược lại âm trên di chế. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới cưỡng lương. Sách Khảo Thanh cho rằng: là dây cương buộc ngựa. Hán thư cho rằng: cương là buộc cũng gọi thanh cương tiêu. Sách Văn Tự điển nói: buộc ngựa. Chữ viết từ bộ cách thanh cương, âm tiết ngược lại âm tiên tiết.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 10

Nghịch khiết. Ngược lại âm tiên tiết. Sách Vận thuyên cho rằng: chỗ gọi là lấp kín vật, dùng cây vót nhọn đâm vào vật. Sách Khảo Thanh cho rằng: giết sạch. Chữ viết từ bộ mộc thanh tiết, âm thiêm là âm tiêm.

Sóc đao. Ngược lại âm trên sương tróc. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Phương thuyên. Ngược lại âm thuyên chuyên. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Nghịch lưu. Ngược lại âm trên tô cố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nước chảy ngược dòng mà trên gọi là nghịch. Lại cũng gọi là nghịch hướng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: sông đầu nguồn mà chảy ngược lên gọi là nghịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước muốn chảy xuống mà trái lại chảy ngược lên. 727 Chữ viết từ bộ thủy đến bộ nghịch thanh tĩnh.

Y-la-bạt. Ngược lại âm trên y-lê. Tiếng Phạm.

Đà triết. Ngược lại âm trên đà cố. Thích danh cho rằng: đuôi thuyền gọi là đà. Chiếc thuyền đi ngay thẳng, không xoay chuyển cong quẹo là nhờ nó. Sách Văn Tự điển nói: phía sau thuyền đúng là thanh gỗ cầm giưc chiếc thuyền tức là bánh lái thuyền. Chữ viết từ bộ mộc thanh tha, âm tha là âm đà. Văn luật viết chữ đà là bánh lái xe, chẳng phải bánh lái thuyền, ngược lại âm dưới là thiện nhiệt.

Lung ngai. Ngược lại âm trên lộc đông. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lung gọi là tai không nghe được. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngực. Sách Thuyết Văn cho rằng: không nghe. Chữ viết từ bộ long thanh nhĩ ngược lại âm dưới nhai giải. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 19 đã giải thích đầy đủ rồi.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 11

Xuyết hấp. Ngược lại âm trên xuyên nhiệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: xuyêt là mắt trộm nhìn. Sách Lễ ký cho rằng: uống vào không

chảy xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyết là uống vào. chữ viết từ bộ xuyết tóm lược thanh xuyết, âm suất ngược lại âm sơn nhiệt. Âm tráp ngược lại âm yểm cẩm. ngược lại âm dưới cảm hợp. Kinh Thái Huyền nói rằng: hút vào, thở ra, hít vào. Tống Trung chú giải rằng: hấp là hút vào. Tây Kinh Phú nói rằng: hút vào nhổ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp cũng là xuyết tức là uống vào. Chữ viết từ bộ khiếm thanh hợp, âm cao là âm hao.

La-bặc. âm trên là là ngược lại âm dưới là bằng bấc. Sách Tiểu Nhã cho rằng: rau cải, củcải. Quách Phác giải thích: thuộc loại cải xanh, rau muống, bông tím, rễ lớn. Tự thư cho rằng: La-bặc tức là tên của loại rau cải, tức là củ cải.

Thương hoạch. Ngược lại âm trên sách canh. Sách Đông cung cựu sự nói rằng: tên của dụng cụ chứa, giống như nồi đồng, ngược lại âm dưới hoàng quách. Sách Chu lễ giảng: tròn như cái đỉnh mà không có chân, dụng cụ để nấu thức ăn. Sách Thuyết Văn nói: khắc chạm cái đỉnh. Chữ viết từ bộ kim thanh hoạch, âm thuyên ngược lại âm huệ khuê., âm hoạch ngược lại âm vương quấc.

Dũng phất. Ngược lại âm trên dung chủng. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là dũng đó tức sóng nước dâng lên cao, trào lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: dũng là bốc lên, nổi lên. Chữ viết từ bộ thủy thanh dũng, âm dũng đồng với âm trên. Văn luật viết từ bộ lực viết thành chữ dũng chữ tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới phi vị. Cố Dã Vương cho rằng: phất đó là sóng nước trào lên, sôi sục, sôi lên như nước nóng. Mao Thi Truyện cho rằng: phất là nước sôi trào ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh phất.

Nạo giảo. Ngược lại âm trên hảo cao. Sách Khảo Thanh cho rằng: nạo là quấy rối. Quảng Nhã cho rằng: nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quấy phá. chữ viết từ bộ thủ thanh nhiêu, ngược lại âm dưới giảo xảo. Mao Thi Truyện nói: giảo là nhiễu loạn. Tự thư cho rằng: nạo là quấy rối. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh giác.

Giám diện. Ngược lại âm trên lam hãm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tâm ta là giặc cướp theo giám sát. Theo Truyện nói rằng: giám sát hình thể. Theo Tả Truyện nói: giám là cái gương chiếu soi. Đỗ Dự giải thích: răn đe, ngăn cấm, giám sát. Sách Thuyết Văn cho rằng: giám là cái gương có thể lấy ánh sáng nước trên mặt trăng. Chữ viết từ bộ kim thanh lam.

Lộc lô. Ngược lại âm trên lung cốc. Văn luật viết từ bộ xa viết thành chữ lộc là chẳng phải, ngược lại âm dưới lỗ đô. Sách Khảo Thanh

cho rằng: lộc lô là cây trục lăn, như trục quay dây tới để lấy nước ở giếng sâu. Cố Dã Vương cho rằng: lấy nước giếng sạch. Văn Tự điển nói: chữ lộc từ bộ mộc thanh lộc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ lô từ bộ xa thanh lô.

Ngận nha. Ngược lại âm trên ngư cân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngận là lợi răng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nướu răng. Chữ viết từ bộ xỉ thanh cân.

Địch dụ. Ngược lại âm trên đình lịch. Theo Tả Truyện cho rằng: Sử Đại Phu dùng khăn che mặt lại để không trông thấy người đàn bà. Sách Tiểu Nhã cho rằng: nhìn thấy. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ kiến thanh mãi.

Thảo đình. Ngược lại âm dưới định linh. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 37 đã giải thích rồi.

Chiếp bố. Ngược lại âm trên chiêm diệp. Sách Tiểu Nhã nói rằng: chiếp là sợ hãi, hlà viết chữ nhiếp. Đông Đô phú truyện giảng: tám cái linh làm chấn động sợ hãi, chữ hình thanh.

Hý hước. Ngược lại âm trên hy ý. Sách Tiểu Nhã cho rằng: làm trò hài hước vui đùa, chọc ghẹo, chế nhạo, cười đùa thỏa thích. Theo Mao Thi Truyện nói: Hý là phóng dật buông thả. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ qua thanh hya, âm hý ngược lại âm hy ngược lại âm dưới là hương chước. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: gọi là cùng nhau pha trò hài hước. Sách Thuyết Văn nói: hước tức cười đùa. Chữ viết từ bộ ngôn thanh hước.

Khang dực. Ngược lại âm trên là khang âm dưới là dăng chức. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 38 đã giải thích rồi.

Lang vũ. Ngược lại âm trên lang đường. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: lang là nhà dưới. Sách Văn Tự điển nói: là nhà nhỏ hơn xây quanh nhà lớn. Chữ viết từ bộ nghiêm thanh lang, âm nghiễm là âm nghiễm, ngược lại âm dưới vô bổ. Thích danh cho rằng: nhà lớn gọi là vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà dưới xây quanh nhà lớn. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh vô.

Thiết sáp. Ngược lại âm trên thiên trật. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 23 đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới sơ giáp. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cái mai để đào đất gọi là sáp. Sách Văn Tự điển nói: cái xẻng đào đất. Chữ viết từ bộ kim thanh sáp. Chữ sáp từ bộ thiên đến bộ cửu âm cửu là âm cựu.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 12

Siễm ngôn. Ngược lại âm trên sửu nhiễm. cũng viết chữ siễm Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: siễm giống như là nịnh. Sách Trang Tử nói: ý mong cầu cho được toại nguyện gọi là siễm. Sách Thuyết Văn nói: chữ viết từ bộ ngôn thanh diêm.

Hoàn lễ. âm trên là hoạn Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hoàn là áo giáp. Sách Thuyết Văn lại âm cô hoàn. Chữ viết từ bộ thủ đến chữ hoàn thanh tĩnh.

Tiềm tiểu. Ngược lại âm trên tổ cảm. Sách Vận anh cho rằng: vươn cung bắn. Chữ viết từ bộ cung thanh tiềm.

Hữu thốc. Ngược lại âm dưới tông tốc. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 23 đã giải thích xong rồi.

Thương yểm. Ngược lại âm trên sở sương. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 12 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới nhất diễm. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 26 đã giải thích đầy đủ rồi.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 13

Bã tích. Ngược lại âm trên ba ma. ngược lại âm dưới tinh tham. Văn trước luật Hữu bộ đã giải thích trong quyển thứ 19.

Đế thời. Ngược lại âm trên để kế. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 32 đã giải thích xong rồi.

Trác quật. Ngược lại âm trên trúc giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: trác là lột vỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trác là đốn chặt. Chữ viết từ bộ cân thanh, âm đậu là âm đậu, ngược lại âm dưới quần vật. Quảng Nhã cho rằng: quật là đào xuyên qua. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh khuất.

Khánh khái. Ngược lại âm trên khinh đĩnh. ngược lại âm dưới là khai ái. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 33 đã giải thích rồi.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LUẬT NHIẾP QUYỂN 14

Dực đinh. Ngược lại âm trên dăng tức. ngược lại âm dưới đinh định. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 41 đã giải thích đầy đủ rồi.

Yểm hạ. Ngược lại âm trên y diệp. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích đầy đủ.

Hốt nhiếp. Ngược lại âm dưới chiêm thiệp. Luật Tất-sô-ni trong quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ.

Thao thiết. Ngược lại âm trên thảo đao. ngược lại âm dưới thiên kiết. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích xong.

Bác tập. Ngược lại âm trên bổn mạc. Ngược lại âm dưới xâm lập. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích rồi.

Tán dật. Ngược lại âm trên tắc tán. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ 20 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là dần nhất. Cố Dã Vương cho rằng: dật là đầy tràn ra ngoài. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: quá mức dư thừa ra ngoài. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa đầy tràn ra ngoài. Chữ viết từ bộ thủy thanh ích cũng từ bộ mãnh viết thành chữ thành chữ dật.

****

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 1

Áo-ty-ca. âm trên ô cáo. âm giữa tất-di. Tiếng Phạm. Kinh văn tự giải thích.

Bao sang. Ngược lại âm trên bao mạo. Sách Khảo Thanh cho rằng: bao trên mặt nổi mụt nhọt nhỏ. Sách Thuyết Văn viết chữ bao nghĩa là trên mặt nổi mụt mụn nhỏ. Chữ viết từ bộ bì thanh bao. điển hoán. Ngược lại âm trên thiên điển. Ngược lại âm dưới thoan noãn. Theo chữ điển hoán tục ngữ nói bệnh phong nhiệt độc vàng vọt tóc rụng. Tự thư cho rằng: đều không có chữ này. Chữ viết từ bộ tật đều thanh điển hoán. âm hoán là âm hoán.

Ế uyết. Ngược lại âm trên yên kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong lòng như nghẹn lại. Theo truyện cho rằng: mắc nghjen không thể thở. Xưa nay Chánh tự cho rằng: ăn cơm trong nhà lo buồn. Chữ viết

từ bộ khẩu thanh ế, ngược lại âm dưới uyển nguyệt. Sách Lễ ký cho rằng: không dám nôn oẹ. Sách Văn Tự điển nói: uyết là hơi đi ngược, buồn nôn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh tuế, âm y ngược lại âm ư rối.

Chư trĩ. Ngược lại âm dưới là trì lý. Sách Văn Tự Tập Lược nói: trĩ là bệnh vi trùng ăn dưới bộ phận lọc máu. Sách Văn Tự điển nói: là bệnh hậu. Chữ viết từ bộ tật thanh tự.

Ung tỏa. Ngược lại âm trên ư cung. Sách Văn Tự Tập Lược nói: ung là mụt nhọt lớn. Sách Thuyết Văn sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung, âm ung đồng với âm trên, ngược lại âm dưới tọa hòa. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: tỏa là ung thư. Văn Tự Tập Lược nói rằng: mụt nhọt nhỏ. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tật thanh tọa.

Thảo cảo. Ngược lại âm dưới chi nhuận. Sách Khảo Thanh cho rằng: bó cỏ khô. Lại cho rằng: rơm rạ. Bì Thương cho rằng: hãn là duyên. Theo Văn Tự điển nói rằng: thân cây lúa, nhánh lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh cản. âm hãn là âm hanh, âm cản ngược lại âm cổ hạn.

Thảo thiêm. Ngược lại âm dưới nhiếp chiêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêm là che ở trên, bện cỏ lợp nhà. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: cỏ mao trắng. Văn Tự điển nói che trên gọi là thiêm. Chữ viết từ bộ thảo thanh chiêm.

Ky bán. Ngược lại âm trên là kỹ nghi. âm dưới là bạn. Văn trước trong bổn luật tựa đã giải thích đầy đủ rồi.

- QUYỂN 2 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 3

Thụ thạch. Ngược lại âm trên thù chủ. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 36 đã giải thích đầy đủ rồi.

Khiêu trịch. Ngược lại âm trên đồ liễu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy vượt qua. Quảng Nhã cho rằng: nhảy qua vực. Sách Thuyết Văn cho rằng: trật chân vấp ngã. Chữ viết từ bộ túc thanh triệu. Trong văn luật viết từ bộ trác viết thành chữ trác là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là trình diệc. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Khiêu khanh. Ngược lại âm trên theo điếu. ngược lại âm dưới khách canh. Xưa nay Chánh tự cho rằng: khanh là gò đất hoang. Chữ viết từ bộ thổ.

Bất nhiếp. Ngược lại âm dưới niêm triếp. Sách Phương ngôn cho rằng: nhiếp là đi lên. Quảng Nhã cho rằng: mang giày dép. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đạp lên. Sách Thuyết Văn cũng là đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp, âm nhiếp đồng với âm trên. Âm diệp là âm điệp.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 4

Kiểm duyệt. Ngược lại âm dưới duyên quyết. Theo Tả Truyện cho rằng: xem xét kỹ chiếc xe ngựa. Lại gọi là duyệt quân đếm đủ số trong cửa. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ môn thanh duyệt.

Sĩ liệt. Ngược lại âm trên bì mỹ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: bỉ là hủy hoại. Sách Tiểu Nhã cho rằng: che đậy. Quách Phác chú giải rằng: gọi là che đậy hủy hoại. Chữ viết từ bộ thổ thanh kỹ. ngược lại âm dưới liên triết. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

728 Dưỡng cái. Ngược lại âm dưới khái ái. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ tư đã giải thích.

Huyên táo. Ngược lại âm trên huyên viên. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 26 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới sưu đáo. Sách Văn Tự điển nói rằng: táo là bầy chim hót. Chữ viết từ bộ phẩm ở trên bộ mộc. Văn luật viết từ bộ khẩu viết thành chữ táo tục dùng thông dụng.

Phanh lạc. Ngược lại âm trên bách mạch. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 12 đã giải thích. Ngược lại âm dưới lang các. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: lạc là vấn quanh. Sách Tiểu Nhã cho rằng: lạc là quấn, bó buộc chặt. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: buộc. Sách Văn Tự điển nói: nối dây đường dọc. Chữ viết từ bộ mịch thanh các.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 5

Kiên ngạnh. Ngược lại âm dưới ngạch cánh. Quảng Nhã cho rằng: ngạnh cũng là kiên. Tự thư cho rằng: kiên cố chắc chắn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh cánh hoặc là viết từ bộ thạch viết thành chữ ngạnh nghĩa cũng đồng.

Thanh thương. Ngược lại âm dưới tích dương. Văn Tự điển nói: khanh thương, tức là tiếng kim loại leng keng. Chữ viết từ bộ kim thanh tướng, âm khanh ngược lại âm khách canh.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 6

Ma-na-tha. Ngược lại âm dưới ty dã. Tiếng Phạm, Đường Huyên Trang dịch là tốt đẹp.

- **QUYỂN 7** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA QUYỂN 8

Điểm yểm. Ngược lại âm trên điểm điếm.Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: điểm là đen dơ. Sách Thuyết Văn nói điểm đen nhỏ. Chữ viết từ bộ hắc thanh chiêm, ngược lại âm dưới nhất diễm. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ 15 đã giải thích đầy đủ rồi.

Lưu thác. Ngược lại âm dưới nan đạt. Cố Dã Vương cho rằng: thác là trơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thác cũng là trơn trợt té ngã. Chữ viết từ bộ thủy thanh đạt.

Vi sóc. Ngược lại âm dưới sương tróc. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 37 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tẩn nghiệp. Ngược lại âm trên tất dẫn. Ngược lại âm dưới xỉ diệc. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tàm nản. Ngược lại âm trên tạp cam. Sách Thượng thư nói: chỉ có hổ thẹn mới tăng thêm đức tính tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hổ thẹn, xấu hổ. Chữ viết từ bộ tâm thanh trảm cũng viết chữ tàm ngược lại âm dưới ni giản. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Bì khiêu. Ngược lại âm dưới cưỡng lược. Lại âm kiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiêu là giày cỏ. Chữ viết từ bộ lý tóm lược, thanh kiều.

Bất ủng tiền. Ngược lại âm cung cũng. gọi là che chở bảo vệ, ôm vào lòng.

Giai ma. Ngược lại âm khách giai.

Lật-cô-tỳ. Âm kế là đảm nhiệp. Tiếng nước Sở, Đường Huyền Trang dịch nghĩa là tịnh gọi là dòng quý tộc của vua nước kia. Xưa dịch là lê-xa-tử.

Diên thóa. Ngược lại âm trên tiện diên. Sách Khảo Thanh cho rằng: diên là nước dãi trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: them muốn chảy nước miếng. Chữ viết từ bộ chuy đến bộ thủy. Văn luật viết từ bộ diên viết thành chữ diên tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới thổ hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: thóa là nhổ nước dãi trong miệng. chữ viết từ bộ khẩu thanh thùy.

Kiểm phiên. Ngược lại âm trên kiếp yêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: mi mắt. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: da mi mắt ngoài. Văn Tự điển nói: mi mắt. Chữ viết từ bộ mục thanh kiểm ngược lại âm dưới phù phiền. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: phiên là dáng bay cao. Sách Mạnh Tử nói: phiên là sửa đổi lật qua lật lại. Văn Tự điển nói: phiên là cánh chim bay cao. Chữ viết từ bộ vũ thanh phiên âm liên là âm liên.

Bị phí. Ngược lại âm dưới phi bị. Thích danh cho rằng: phí khoác áo lên. Cố Dã Vương cho rằng: phí đó là khoác áo lên trên lưng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ở trên lưng gọi là phí. Sách Thuyết Văn giảng: người nông dân gọi cái quần rộng là phí. Chữ viết từ bộ cân thanh bì, âm quần là âm quần.

- QUYỂN 9, 10 (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 1

Hộ nữu. Ngược lại âm dưới ni cửu. Văn thông dụng cho rằng: cái then cửa. Quảng Nhã cho rằng: viết chữ nữu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nữu là ấn tỷ của vua. Chữ viết từ bộ kim thanh sửu.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 2

Thuyên y. Ngược lại âm trên thuyên duyên. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Toàn lạc. Ngược lại âm trên toán loan. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 22 đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới lang các. Thích danh cho rằng: lạc là sữa, chỗ làm ra chế biến như pho-mát. Quảng Nhã cho rằng: lạc là nước tương. Sách Văn Tự điển nói: chất sữa chua làm ra. Chữ viết từ bộ dậu thanh lạc.

Quáng mạch. Ngược lại âm trên cổ mãnh. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Kỳ trĩ bệnh nhân ngôn văn cú khuyết thiểu vị tường.

Nghiên hạch. Ngược lại âm trên niết kiên. Quảng Nhã cho rằng: nghiên thuần thục. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghiên là mài mò, tìm tòi. Chữ viết từ bộ thạch thanh nghiên, âm nghiên là âm khiên, ngược lại âm dưới hành cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tra xét xem sự thật. Chữ viết từ bộ á thanh kích. âm kích là âm kích.

Hiến cái. Ngược lại âm trên hiên yển. Thích danh cho rằng: hiến chỗ gọi là màn che ngăn nóng nhiệt. Theo Thanh loại cho rằng: gọi là tấm vải bố thưa căng trên xe gọi là hiên. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ cân thanh hiển.

Điền ế. âm trên là điền. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: khách khứa đến đầy nhà gọi là điền. Văn Tự điển nói: đầy tràn lấp kín. Chữ viết từ bộ môn thanh chân. Văn trước luật Yết-ma quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 3

Môn khuông. Ngược lại âm dưới khúc vương. Tự thư cho rằng: cái khung cửa trên dưới hai bên có khung gỗ. Sách Lễ ký nói rằng: kẻ sĩ không lo lắng bước qua khung cửa. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mộc thanh khuông.

Tạc vi. âm tạc. Văn luật viết từ bộ xỉ viết thành chữ tạc là chẳng phải.

Đạo dực. Ngược lại âm dưới dăng tức. Tự thư cho rằng: dực là cám. Văn Tự điển nói: trấu lúa thóc. Chữ viết từ bộ mạch thanh dực.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 4

Hấp yên. Ngược lại âm trên hiết cấp. Sách Khảo Thanh cho rằng: hấp cũng là chữ hấp này. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp là mũi co rút lại, hít vào. Chữ viết từ bộ khiếm thanh hấp, âm hấp đồng với âm trên, ngược lại âm dưới yên hiền. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: yên là ấm áp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: yên là khói lửa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chân, âm chân là âm nhân. Văn luật viết chữ yên tục dùng thông dụng.

Sáng thủy. Ngược lại âm trên sang trang. Sách Quốc ngữ cho rằng: sáng là người sáng chế ra trong thiên hạ. Giã Quỳ chú giải: là người sáng lập ban đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng tạo ra các pháp, tạo lập ra sự nghiệp. Chữ viết từ bộ tinh thanh nhẫn tục dùng viết chữ sáng.

Mao khoái. Ngược lại âm trên mão bao. Sách Khảo Thanh cho rằng: mao là tên của loại cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ may. Chữ viết từ bộ thảo thanh mao, âm gian là âm gian ngược lại âm dưới quái hoại. Theo Thanh loại cho rằng: khoái là loại cỏ có thể làm dây. Theo Tả Truyện cho rằng: tuy có chỉ tơ gai mà không có lá, giống như cỏ may, cỏ năn, cây cùng họ với cây cói thân tròn rỗng, mọc vùng ven nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ. Chữ viết từ bộ thảo thanh khoái, âm khoái ngược lại âm khoa quái. Văn luật viết từ bộ bằng viết thành chữ khoái tục dùng thông dụng.

Phủ bề. Ngược lại âm tất mê.

Phanh tuyển. Ngược lại âm trên bá manh. Văn trước luật Bách nhất yết-ma trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ. Ngược lại âm dưới tiên tiễn. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 5

Cổ khách. Ngược lại âm trên cô ngũ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: đi khắp nơi bán gọi là thương, ngồi một chỗ buôn bán gọi là cổ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: gọi là mua vật rẻ bán ra mắc. Bạch Hổ Thông cho rằng: cổ là chắc, giữ vật chắc đợi người dân tới mua để cầu lợi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: người thương buôn một chỗ mua bán. Chữ viết từ bộ bối thanh cổ, âm cổ là âm cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân, giống như ôm ấp che đậy phải, trái hai bên giống như che hình lại.

Hữu cổ. Ngược lại âm dưới cổ ngữ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: loài côn trùng gieo chất độc hại, làm gây bệnh cho người. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong bụng có con sâu. Chữ viết từ bộ trùng đến bộ mãnh.

Tán ô. Ngược lại âm trên tắc tán. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ 14 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới ô cố. Quảng Nhã cho rằng: ô là nước đục. Tự thư cho rằng: bụi đất. Cố Dã Vương cho rằng: ô giống như nhiễm ô, dính bùn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: ô giống như không sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh vu.

Nhĩ đang. Ngược lại âm dưới là đãng lãng. Thích danh cho rằng: xỏ lỗ tai đeo hạt châu vào gọi là đang. Văn Tự điển nói bông tai. chữ viết từ bộ ngọc thanh đang.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 6

Đồng khiên. Ngược lại âm khứ yên. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiên là lỗi lầm. Cố Dã Vương cho rằng: phàm vật sai sót gọi là khiên. Văn Tự điển nói: những lỗi lầm sai sót là sợi dây trói buộc. Chữ viết từ bộ tâm thanh hàng, âm hàng ngược lại âm hàng cán. Văn luật viết chữ khiên tục dùng chữ khiên cũng không thành chữ, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bạch hạt. Ngược lại âm dưới là hà các.

Điêu thứu. Ngược lại âm trên điểu lưu. ngược lại âm dưới là tựu.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 7

Hồ hạc. Ngược lại âm trên hộ cô. Sách Thuyết Văn cho rằng: hồ là loài yêu thú, chỗ thừa hành của quỷ mị. Chữ viết từ bộ khuyển thanh qua, âm qua ngược lại âm cổ hoa. ngược lại âm dưới hà các. Sách Khảo Thanh cho rằng: hạc là tên của giống thú, giống như con chồn ở hang mà nhỏ hơn. Sách Luận ngữ cho rằng: hồ hạc. đó gọi là dày, đông nhiều lấy làm chỗ ở, cũng là tên của bộ tộc ở Trung Quốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạc giống như con chồn ngủ nhiều. Chữ viết từ bộ thỉ thanh chu, âm thỉ là âm thỉ. Văn luật viết từ bộ khuyễn viết thành chữ hạt tục dùng thông dụng.

Sưu dủ. Ngược lại âm trên sửu chu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: sưu là kém giảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: bệnh hao tổn. Sách Văn Tự điển nói: bệnh mau lành. Chữ viết từ bộ tật thanh sưu, âm sưu ngược lại âm lực cứu. ngược lại âm dưới du chủ. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: dủ giống như vượt qua. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bệnh giảm dần dần lành mạnh. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tâm thanh dủ.

Bồ đào. Ngược lại âm trên bộ mô. ngược lại âm dưới đạo lão. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 24 đã giải thích.

Nổi sứ. Ngược lại âm trên nô hòa. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ năm đã giải thích.

Biện điền. Ngược lại âm tiện biên. âm dưới điền lân. Văn trước

luật Hữu bộ trong quyển thứ 43 đã giải thích rồi.

729 trí đốn. Ngược lại âm trên tri lợi. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 27 đã giải thích đầy đủ rồi.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 8

Sạn chi. Ngược lại âm trên tra gián. Sách Khảo Thanh cho rằng: sạn là gác bên đường. Quảng Nhã cho rằng: sạn là cái gác. Hán thư cho rằng: lửa cháy quanh gác vắng bên đường. Sách Thuyết Văn cho rằng: sạn là quán trọ. Chữ viết từ bộ mộc thanh tàn, âm bằng ngược lại âm bạch manh.

Đồi hủy. Ngược lại âm trên đội lôi. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 12 đã giải thích đầy đủ rồi.

Kỳ quỹ. Ngược lại âm dưới đạt vị. dệt thảm trắng còn dư lại đầu mối sợi chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dệt còn dư. Chữ viết từ bộ mịch thanh quỹ.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 9

Ky tiếu. Ngược lại âm trên cơ hy. ngược lại âm dưới tiều tiếu. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 35 đã giải thích rồi.

Nhiếp tử. Ngược lại âm trên niêm nhiếp. Thích danh cho rằng: cây nhíp nhổ tóc. Sách Văn Tự điển nói: nhổ lông. Chữ viết từ bộ kim thanh nhiếp, âm nhiếp đồng với âm trên. Văn luật viết chữ nhiếp tục dùng thông dụng.

Thân vẫn. Ngược lại âm dưới văn phân. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công ký rằng: hôn bên mép miệng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hai bên mép môi. Văn Tự điển nói: hai bên mép miệng. chữ viết từ bộ khẩu thanh vật.

LUẬT CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI-ĐÀ QUYỂN 10

Kiếp chủy. Ngược lại âm dưới túy tủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái miệng con chim. Văn Tự điển nói: mỏ con chim. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thứ thanh thử, âm thứ là âm thứ. Văn luật viết từ bộ giác viết thành chữ chủy tục dùng thông dụng.

Dăng sáp. Ngược lại âm trên dực tăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dăng là tên của loài côn trùng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: dăng là loài ruồi nhặng, có loại trắng, loại đen, hay đâu chỗ dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng bụng lớn. Chữ viết từ bộ mãnh đến bộ trùng ngược lại âm dưới là sáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: sáp là đớp mồi trên nước cạn mà chưa biết mùi vị ra sao. Sáp cũng là sóc. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ khẩu thanh sáp cũng viết chữ tiềm. Kinh văn viết từ bộ viết thành chữ sáp tục dùng thông dụng.

Xúc tháp. Ngược lại âm trên thu dục. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ sáu đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới đàm lạp. Văn trước Luật nhiếp quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Khiếp tiểu. Ngược lại âm trên hàm giáp. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ 18 đã giải thích đầy đủ rồi.

****

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NHIẾP TỤNG QUYỂN 1

Phẩu triết. Ngược lại âm trên phổ hậu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phân trong ra là phẩu. Lại gọi là mở trong phá ra. Theo Tả Thị Truyện cho rằng: cùng với các ông mổ xẻ phân ra mà ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phanh ra. Chữ viết từ bộ đao thanh phẩu, âm phẩu ngược lại âm thâu hậu. ngược lại âm dưới tinh tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là mổ chẻ cây, cũng là phân ra. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tích là phân tích. Văn Tự điển nói: bổ cây ra. Chữ viết từ bộ mộc thanh cân.

Phiến sá. Ngược lại âm dưới cân giá. Tiếng sở ngữ.

Loan bã. Ngược lại âm trên liệt viên. Ngược lại âm dưới ba ma. Âm ma ngược lại âm ma bã.

Biển đệ. Ngược lại âm trên biên biện. ngược lại âm dưới là thê. Sách Khảo Thanh cho rằng: biển đệ, là tấm biển viết chữ trên cửa rộng lớn, tấm biển mỏng. Chữ viết đều từ bộ hệ đều thanh biên đệ. âm trên phương, âm biên là âm biện, âm đệ ngược lại âm thiên y.

Khủ xỉ. Ngược lại âm trên ngẩu cấu. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Gian nhãn. âm trên là nhàn. Sách Vận anh cho rằng: con mắt nhiều tròng trắng. Sách Phương ngôn cho rằng: gian là liếc nhìn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: mắt bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đeo mắt kính. Chữ viết từ bộ mục thanh gian.

Dẫn hành. Âm trên là dẫn. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 25 đã giải thích.

Hoại lượt. Ngược lại âm dưới là cương hướng. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Khôn hạt. Ngược lại âm trên quật côn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên loại hình phạt ngày xưa, cạo đầu. Trịnh Huyền chú giải sách Vấn lễ rằng: khôn là cạo tóc trên đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cạo tóc. Chữ viết từ bộ tiêu thanh khanh, âm tiêu ngược lại âm tất diêu. âm thế ngược lại âm đệ kế. ngược lại âm dưới can cát. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: hạt là hại. Quảng Nhã cho rằng: đoạn tiệt, giết sạch. Văn Tự điển nói: tước lột. Chữ viết từ bộ đao thanh hại.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NHIẾP TỤNG QUYỂN 2

Cương khí. âm trên là cương. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Bà thư. Ngược lại âm dưới thử tư. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch thủ hộ. Văn luật viết chữ thư cũng đồng.

Trân tòng. Ngược lại âm trên thổ trân. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: trân là cây mọc um tùm. Sách Khảo Thanh cho rằng: cỏ mọc dày đặc. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mộc thanh trân, ngược lại âm dưới tơ hồng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tòng là tụ lại.tự thư cho rằng: phàm vật gì tụ lại đông nhiều gọi là tòng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ mọc rậm rạp gọi là tòng. Chữ viết từ bộ tân

thanh thủ, âm tân ngược lại âm thổ giác. Văn luật viết chữ tòng không thành chữ, chẳng phải.

Chiêm bà. Ngược lại âm trên điểm niêm. Tiếng Phạm.

Hồng thiến. Ngược lại âm dưới thiên tán. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiến là cỏ may. Có thể nhuộm thành màu sắc may khâu, đỏ như máu người, mọc có nơi chỗ. Chữ viết từ bộ thảo thanh tây.

Nhiếp bà. Ngược lại âm trên cổ thiệp. Tiếng Phạm.

Bạn đệ. Âm trên là bạn ngược lại âm dưới đề lệ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là lễ bái.

Đối nhung. Ngược lại âm dưới nhục chủng. Quảng Nhã cho rằng: nhung là thảm nhung. Lại gọi là thảm lông. Văn Tự điển nói: thảm trải nền. Chữ viết từ bộ mao thanh nhung, âm nhung đồng với âm trên. Âm phiêu ngược lại âm tư lục.

Mang mao. Ngược lại âm mạc na. Theo chữ mang là lông xù. Tây Vực cho rằng: lông thô xấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông chó xù. Lại gọi màu sắc lộn xộn tạp, không thuần là mang. Chữ viết từ bộ uông thanh sam.

Bát văn. Ngược lại âm dưới văn đoạt. Nói cùng với vấn cũng đồng. Luật Hữu bộ trong quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Loát tước. Ngược lại âm trên thuyên quát. âm thuyên ngược lại âm thúc viên. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ 20 đã giải thích. Ngược lại âm dưới nhương tích. Quảng Nhã cho rằng: tước là giảm bớt. Mao Thi Truyện cho rằng: tước bỏ xâm phạm.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NHIẾP TỤNG QUYỂN 3

Mâu sóc. Ngược lại âm dưới sương tróc. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Chu nhu. Ngược lại âm trên chủ nhu. ngược lại âm dưới nhủ châu. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 25 đã giải thích đầy đủ.

Khẩu ngật. Ngược lại âm dưới cân ất. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Tín thê. Ngược lại âm dưới đệ nê. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ 12 đã giải thích đầy đủ rồi.

Chư ngẫu. Ngược lại âm trên chữ như. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là loại cây cam giá tức là cây mía ngọt. Cố Dã Vương cho rằng: tên là chư thự, là trên là chư. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: cây cam giá là cây mía. Chữ viết từ bộ thảo thanh chư ngược lại âm dưới ngũ cẩu. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngẫu là ngó sen. Sách Tiểu Nhã cho rằng: thân dưới của cây sen nằm trong bùn trắng mập mà thanh ngọt. Sách Văn Tự điển nói: rễ mọc dưới nước um tùm. Chữ viết từ bộ thảo đến bộ thủy thanh ngẫu, âm ngẫu đồng với âm trên. Văn luật viết chữ ngẫu cũng thông dụng.

Liên sao. Ngược lại âm dưới sao sào. Sách Khảo Thanh cho rằng: sao là phần cuối của vật, tức là ngọn. Sách Văn Tự điển nói sao là cái đầu. Chữ viết từ bộ mộc thanh tiếu.

Bạch phốc. Ngược lại âm dưới phổ bổn. Văn trước luật Tất-sô-ni quyển thứ 13 đã giải thích xong rồi.

Trí mật. Ngược lại âm trên trì trí. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 33 đã giải thích rồi.

Sái đồ. Ngược lại âm trên tay lễ. Hàn Khang Bách chú giải sách Chu dịch rằng: sái là tẩy rửa tâm cho sáng tỏ, sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: sái là tẩy rửa sạch sẽ. Chữ viết từ bộ thủy thanh tây, ngược lại âm dưới đổ lô. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đồ là gần gũi. Quảng Nhã cho rằng: đồ là nước bùn dơ. Văn Tự điển nói: bùn dơ. Chữ viết từ bộ thổ thanh đồ, âm đồ đồng với âm trên.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NHIẾP TỤNG QUYỂN 4

Tham độc. Ngược lại âm trên sam trảm. Lại cũng âm sơ cẩm. Quảng Nhã cho rằng: tham là rót rượu mời chủ. Bì Thương cho rằng: rất ân cần mời. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ dậu thanh sâm, âm sâm ngược lại âm sáp tạm.

Kinh tiêu. Ngược lại âm dưới tiêu diêu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gió bão lớn thổi trên xoáy dưới gọi là tiêu. Sách Thi Tử nói rằng: gió bão gây sụp đổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: gió lay động lắc lư chữ viết từ bộ phong thanh tiêu âm tiêu đồng với âm trên.

Nanh ố. Ngược lại âm trên nạch canh. Văn trước luật Hữu bộ

trong quyển thứ 33 đã giải thích xong rồi.

Quyện khước. Ngược lại âm trên cụ viên. Cố Dã Vương cho rằng: quyện là cong lại, không thể duỗi ra được. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyện gọi là đi đều cong lại, khom lưng, cong chân mà đi. Chữ viết đều từ bộ túc thanh quyển.

Bất hấp. Ngược lại âm ha cáp. Văn trước luật Tát-bà-đa trong quyển thứ 11 đã giải thích đầy đủ rồi.

Bác tập. Ngược lại âm trên bàng mạc. ngược lại âm dưới xâm nhập. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích xong rồi.

Trướng tái. Ngược lại âm trên trương lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trướng là cái bụng đầy hơi. Văn Tự điển nói: bụng quá no nên đau. Chữ viết từ bộ nhục thanh trướng ngược lại âm dưới tái tai. Sách Khảo Thanh cho rằng: tái là xương trong mang cá. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: thật xương bên trong mang cá. Chữ viết từ bộ ngữ thanh tư.

Khiếm khứ. âm dưới là khứ. Văn thông dụng cho rằng: há miệng to ra vận khí vào gọi là khiếm khứ. Cố Dã Vương cho rằng: khiếm khứ là dẫn khí vào trong miệng. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ khiếm thanh khứ.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NHIẾP TỤNG QUYỂN 5

Điều cổ. Ngược lại âm trên đạo lao. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 39 đã giải thích đầy đủ rồi.

Huỳnh la. Ngược lại âm trên huỳnh dinh. Mao Thi Truyện giảng: huỳnh là bao vây vòng tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lo lắng canh cánh bên lòng. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ huỳnh thanh tĩnh, âm quyển là âm quyện.

Câu nữu. Ngược lại âm trên cẩu hầu. Ngược lại âm dưới ni cửu. Văn luật viết chữ câu này là chẳng phải. Văn trước luật Tát-bà-đa trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Bối khoa. Ngược lại âm dưới khoa hóa. Tục tự cho rằng: viết đúng là chữ khỏa. Sách Khảo Thanh cho rằng: khỏa là xương đùi trên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khoa là hai bên xương đùi ngoài.văn cổ viết chữ khóa cũng vững chắc khoa. Văn luật viết chữ khoa là chẳng phải.

Sát đã. Ngược lại âm trên là sanh giới. Gọi là dùng sức đánh cực mạnh. Văn trước luật Hữu bộ quyển thứ 33 đã giải thích đầy đủ rồi.

Khánh khái. Ngược lại âm trên khinh đảnh. ngược lại âm dưới là khai ái. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 33 đã giải thích đầy đủ rồi.

Nan quá. Ngược lại âm trên thảng quan. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 33 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới ô hòa. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là nước chảy xoáy vòng tròn. Chữ viết từ bộ thủy thanh quá.

Thanh xí. Âm trên là thanh ngược lại âm dưới sở sự. Sách Vận anh cho rằng: xí là chuồng heo, chỗ phóng uế dơ bẩn, hầm chứa phân.

Ma-thất-lị-ca. Ngược lại âm trân lật. Tiếng Phạm, Đường 730 Huyền Trang giải thích: luận tạng. Hoặc gọi là Ma-đát-khả-ca. gọi là phân biệt chánh tà.

****

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ NHIẾP TỤNG

Sơ loát. Ngược lại âm trên sở sơ. Sách Khảo Thanh cho rằng: sơ gọi là cái lược. Xưa nay Chánh tự cho rằng: lược chải tóc. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ sơ thanh tĩnh ngược lại âm dưới thuyên quát. Văn trước luật Tỳ-nại-da trong quyển thứ hai đã giải thích.

Lật-cô-tỳ. Ngược lại âm kế đạm thiệp. Tiếng Phạm, dòng vương tộc.

Mộc khảm. Ngược lại âm dưới hiểm nghiêm. cũng viết chữ liễm

Cù du. Ngược lại âm trên cụ câu. ngược lại âm dưới số thiên. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 26 đã giải thích rồi.

Can thạch. Ngược lại âm trên hàn cán. Theo luật Hữu bộ kinh văn viết là can thạch ma dược ma thạch. loại đá mài, đá làm chất thuốc nổ. Văn luật viết từ bộ y viết thành chữ can là chẳng phải.

Sấn lễ. Ngược lại âm trên sơ cận. Sách Khảo Thanh cho rằng: sấn là chỗ nương tựa vào làm nổi rõ, thân thiết, gần gũi như áo lót. Chữ viết từ bộ y thanh thân.

Ban bác. Ngược lại âm dưới bang mạc. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ 12 đã giải thích rồi.

Ế-la-bát. Ngược lại âm trên ế-hề. Tiếng Phạm.

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA NI-ĐÀ-NA NHIẾP TỤNG

Thuyên y. Âm trên là thuyên. Thuyên y đó là tấm vải may vòng quanh liên kết với nhau hợp lại giống như là cái nơm, gọi là thuyên y tức nay người nữ gọi là cái quần, cái váy.

Thừa túc trâm. Ngược lại âm tri lâm. gọi là cây nhỏ làm chày đá để đạp quần áo (giặt). Sách Vận anh cho rằng: vốn là chất lên chặt đốn. hoặc là viết từ bộ thạch viết thành chữ trâm, cũng viết từ bộ phộc viết thành chữ kham. Bổn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ châm đều chẳng phải.

Tả dược. Ngược lại âm tinh dạ. Phàm tả dược đó là loại thuốc trừ trong ngũ tạng ruột và bao tử chứa thức ăn nhiệt và chứa thức ăn không tiêu, cho nên dùng thuốc thang mà trừ bỏ cặn bã trong cơ thể được sảng khoái, khí thông, tức là như nay dùng thuốc như đại huỳnh, phác tiêu, ba đậu, tê giác v.v... vậy.

Nhiễm y tranh. Ngược lại âm trích cánh. Hoặc là viết chữ tranh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tranh là dần dần thấm vào. chữ viết từ bộ mộc thanh tranh. Trong luật viết từ bộ thủ đến bộ trinh viết thành chữ tranh là chẳng phải.

Nhận y. Ngược lại âm nhân chấn. Sách Vận thuyên cho rằng: nhận là biết. Chữ viết từ bộ ngôn thanh nhận. Hoặc là viết chữ nhận cũng đồng nghĩa.

Thảo duẫn. âm duẫn lại âm chi nhuận. buộc rơm rạ cỏ khô làm đuốc đốt cháy.

Cù lũ. âm trên là cụ ngược lại âm dưới số câu. Sách Tập Huấn cho rằng: thảm lông. Sản xuất từ nước Tây Nhung, Thổ Phiên. Các nước Hồ gọi là thảm có vân màu sắc rực rỡ.

****

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ ĐẠI TẤT-SÔ GIỚI KINH

Bao-sái-đà. Ngược lại âm trên bảo mao. âm kế sa giả. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là trưởng dưỡng.

Học suy. Ngược lại âm dưới lực vi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: suy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là bệnh.

Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: yếu kém. Tự thư cho rằng: mỏi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: suy yếu. Chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm loa ngược lại âm lực quả.

Ma-na-tha. Ngược lại âm dưới tốt dã. Tiếng Phạm. Đây gọi là trị phạt.

Hoán nhiễm. Ngược lại âm trên hằng quản. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: xưa gọi là trừ cấu uế gọi là hoán. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: hoán gọi là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoán là giặt rửa áo dơ bẩn. Chữ viết từ bộ thủy thanh cán. Văn luật viết chữ hoán tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới như diễm. Quảng Nhã cho rằng: nhiễm ô. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy vải lụa nhuộm làm màu sắc, chữ từ bộ thủy thanh nhiễm.

Mậu dịch. Ngược lại âm trên mạc hậu. Văn trước luật Tất-sô-ni trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Phiêu y. Ngược lại âm trên thất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu giống như lưu chảy. Quảng Nhã cho rằng: nước bắn lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là nổi trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu, âm phiêu ngược lại phiêu diệu.

Lũ tuyến. Ngược lại âm lực chủ. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 20 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới tiên tiễn. Văn trước luật Ni-đà-na trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Bằng thượng. Ngược lại âm bạch canh. Quảng Nhã cho rằng: bằng là cái cửa ra vào. Theo Thanh loại cho rằng: bằng là nhà tạ, cấu trúc gồm dưới là đài đất đắp cao hay giàn trên là nhà, giống như nhà thủy tạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà trọ. Chữ viết từ bộ mộc thanh bằng.

Sao phạn. Ngược lại âm trên xích chiếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: sấy, phơi hong cho khổ gạo, lúa mì. Bì Thương cho rằng: ủ lúa mạch làm men rượu. Văn Tự điển nói: sấy phơi khô bột mì. Chữ viết từ bộ mạch thanh tù. Văn cổ viết chữ cúc sô., âm tù ngược lại âm tựu do.

Địch du. Ngược lại âm trên đình lịch. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ 11 đã giải thích rồi.

Phân nhiễu. Ngược lại âm trên phất văn. Quảng Nhã cho rằng: đông nhiều. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: đông đúc, nhốn nháo. Văn Tự điển nói: lộn xộn, ngổn ngang, xôn xa, rối loạn. chữ viết từ bộ mịch thanh phân ngược lại âm dưới nhiêu chiểu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: nhiễu loạn. Văn Tự điển nói quấy phá, phiền nhiễu. Chữ viết từ bộ thủ thanh ưu.

Khiêu hành. Ngược lại âm trên đồ điêu. Thiên Thương Hiệt ghi:

khiêu là nhảy. Quảng Nhã giải thích: nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiêu là nhảy vượt qua. Chữ viết từ bộ túc thanh khiêu.

Nội khỏa. Ngược lại âm dưới là hồ ngõa. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khỏa là gót chân. Thiên Thương Hiệt cho rằng: là mắc cá chân. Theo Thanh loại cho rằng: xương phụ thân ngoài bên cổ chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắt cá chân. Chữ viết từ bộ túc thanh quả.

Mao ngưu. Ngược lại âm trên mão bao. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích đầy đủ rồi.

****

CĂN BỔN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẤT-SÔ-NI GIỚI KINH

Môi giá. Ngược lại âm trên mỗi bôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người làm mai mối, nói cho hai bên hòa hợp, làm hôn cấu với nhau. chữ viết từ bộ nữ thanh nuôi.

Hám noãn. Ngược lại âm trên đàm cảm. chữ thượng thanh. Sách Vận thuyên cho rằng: hám là dụ cho ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh cảm. Hoặc là viết chữ đạm, ngược lại âm dưới toan loạn.. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại rau có mùi và loại có chất cay, như là tiêu, tỏi. Chữ viết từ bộ thảo thanh toan, âm toan đồng với âm trên.

Thụ giao. Ngược lại âm giảo hào. Theo chữ thụ giao. đó là cây thực vật nấu ra có chất keo kết dính lại tức là nay như cây đầo giao, hạnh giao v.v... hình sắc giống như loại cây tùng, da cây có mủ keo. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại keo dán dính vào làm từ vỏ cây thực vật. Chữ viết từ bộ nhục thanh giao.

Độ thần. âm dưới là thân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thần là chấn động, máy động bên trong. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ thân. Thân tức là thân. Sách Tập Huấn cho rằng: người đàn bà mang thai. Tự thư cho rằng: hoặc là viết chữ thần chữ cổ.

Tẩy quần. Ngược lại âm trên tiên lễ. ngược lại âm dưới quận vân. viết đúng là chữ quần từ bộ y đến bộ âm.

Nhiên lũ. Ngược lại âm trên niên điển. ngược lại âm dưới lực vũ. sợi chỉ.

Phụ kiên. âm phủ chữ viết từ bộ thủ.

Tôn hành. âm tồn ngồi xổm.

Trắc túc hành. âm trên trắc chữ cổ.

Tiểu đoàn. Ngược lại âm hà loan. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đoàn là chẳng phải.

Trước kịch. Ngược lại âm kình kích. Ngọc Thiên cho rằng: nay có loại guốc gỗ, người nghèo bần cùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: giày cỏ. Chữ viết từ bộ phộc đến bộ lý thanh tĩnh.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 64

- Âm Tăng kỳ giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Tăng kỳ ni giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Thập tụng tăng giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Di-sa-tắc giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Ngũ phần ni giới bổn - một quyển - Tuệ Lâm.
- Tứ phần tăng giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Ni giới bổn - một quyển - Huyền Ứng.
- Tứ phần tăng giới - một quyển - Hoặc gọi là Đàm Vô Đức giới khuyết bổn.
- Giải thoát giới - một quyển - Huyền Ứng.
- Sa-di thập giới tinh uy nghi - một quyển - Huyền Ứng.
- Sa-di tạp giới - một quyển - Huyền Ứng.
- Sa-di ni tạp giới - một quyển - Tuệ Lâm.
- Ca-diếp cấm giới kinh - một quyển - Huyền Ứng.
- Giới tiêu tai kinh - một quyển - Tuệ Lâm.
- Ưu-bà-tắc ngũ giới tương kinh - một quyển - Huyền Ứng.
- Ưu-bà-tắc ngũ giới uy nghi kinh - một quyển - Huyền Ứng.
- Xá-lợi-phất vấn kinh - một quyển - Huyền Ứng.
- Đại Sa-môn bách nhất yết-ma - một quyển - Không có chữ giải thích âm.

731 - Thập tụng yết-ma yếu dụng - một quyển - Tuệ Lâm.
- Ưu-ba-ly vấn Phật - một quyển - Tuệ Lâm.
- Ngũ phần yết-ma - một quyển - Tuệ Lâm.
- Tứ phần tạp yết-ma - một quyển - khuyết bổn.
- Đàm Vô Đức yết-ma - một quyển - Tuệ Lâm.
- Tứ phần ni yết-ma - một quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Tỳ-kheo Tam Thiên uy nghi kinh - hai quyển - Huyền Ứng.
- Tùy cơ yết-ma - một quyển - Tuệ Lâm.

- Tứ phần yết-ma - ba quyển - Tuệ Lâm.
- Ni yết-ma - ba quyển - Tuệ Lâm.

Trên tính ra ba mươi mốt kinh - ba mươi tám quyển.

TĂNG KỲ GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Đao nghi. Ngược lại âm ngư lý. Tự thư cho rằng: suy nghĩ định hướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dự thảo, so sánh vơi tương tự.

Bất liêu. Ngược lại âm lực điêu. gọi là nô đùa với nhau, va chạm xô đẩy, pha trò, đùa giỡn.

Chỉ giảo. Văn cổ viết chữ giảo cũng đồng, ngược lại âm cổ xảo. Tự thư cho rằng: giảo là quấy rối, cũng gọi là nhiễu loạn.

Thấu chỉ. Lại viết chữ thấu cũng đồng, ngược lại âm sở giác. Văn thông dụng cho rằng: ngậm nước phun ra gọi là thấu. Văn giới lại viết chữ sổ tục dùng thông dụng.

Bác tập. Ngược lại âm bổ mạc. Tử Lập. Hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bác tập là tiếng nhai.

****

TĂNG KỲ TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Bí lặc. Ngược lại âm bỉ quý. Tự thư cho rằng: dây xỏ mũi con ngựa, chỗ gọi là dùng chế ngự con ngựa kéo xe. Cũng gọi là dây cương buộc ngựa. Chữ viết từ bộ ty thanh bỉ.

Đệ tương. Văn luật viết chữ đệ cũng đồng, ngược lại âm đồ lễ. Sách Tiểu Nhã cho rằng: đệ là thay đổi, thay phiên nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thay đổi, thay phiên. Quách Phác cho rằng: thay đổi.

Yết-lợi. Danh số. Nói cho đúng là ca-lợi-sa-bát-nã. Theo danh số cho rằng: một trăm tám mươi mai bối chu là một bát-nã, mười sáu bát-nã là một ca-lợi-sa-bát-nã.

Nhiễu loạn. Ngược lại âm như chiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền nhiễu. Quảng Nhã cho rằng: nhiễu loạn, quấy rối.

Đích tha. Ngược lại âm thi xích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đích là đi đến, vì việc người khác. Sách Phương ngôn cho rằng: Tống Lỗ gọi đến cũng là vừa đúng lúc trở về.

Khư trù. Ngược lại âm trúc giao. Nói cho đúng là khư-trù-la. Đây

dịch là cái giường nhỏ mà dài một khiếp. Sách Ích pháp âm là chư gia.

Bách nhiếp. âm triếp cái quần gọi là nhiếp. Ngược lại âm chi thiệp. Văn thông dụng cho rằng: dễ khâu vá gọi là nhiếp.

Thiên khô. Ngược lại âm khẩu cô. gọi là phanh ra, nạo khoét trong ra trống rỗng. Sách Phương ngôn cho rằng: phanh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét trong ra, xé ra.

Nhiễu khước. Ngược lại âm khưu chiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi nhè nhẹ. Lại cũng gọi là nhón gót chân lên mà đi làm trò đùa. Văn luật viết nhiễu là chẳng phải.

****

THẬP TỤNG TĂNG GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Như cân. Ngược lại âm cư ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chặt đốn cây cân là cái búa lớn. Bổn giới viết chữ cân ngược lại âm ngưu dẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là tể thuốc, từ chỉ đơn vị. Liều, tể, thang thuốc. Âm tể ngược lại âm tử tùy. gọi là dao kéo, chữ tể chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tích hành. Ngược lại âm phương xích. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là không thể đi được. Thể chữ viết từ bộ tích đến bộ chỉ.

****

THẬP TỤNG TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Môn nghiệt. Lại viết chữ nghiệt này cũng đồng, ngược lại âm ngư liệt. tức là cửa hẹp, cũng gọi là cửa sâu trong nhà. Dùng để chỉ phụ nữ, âm khổn ngược lại âm khổ bổn.

Âm y. Ngược lại âm ư cấm. âm dưới là ất giới. âm là giọng khàn. Y là tiếng than đau khổ, cũng gọi là lớn tiếng. Văn giới lại viết chữ ích ngược lại âm ư diệc. Ích gọi là đau họng, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Y nhập tạng kinh mục thức đệ hợp hữu căn bổn thuyết Nhất thiết hữu bộ tăng ni giới bổn.

Hai quyển đã nhập vào âm nghĩa trước trong quyển 61.

Vị đồng Nhất thiết hữu bộ loại cố nhập - quyển trước.

****

DI-SA-TẮC GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Xí hành. Ngược lại âm khứ thị. Sách Thuyết Văn cho rằng: xí là nhấc gót chân lên. Xí cũng gọi là trông mong,nhìn ra xa mong ngóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: xí cũng gọi là mong ước, dự đoán việc đến từ xa.

****

NGŨ PHẦN NI GIỚI BỔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Bí lặc. Ngược lại âm bi mi. Cố Dã Vương cho rằng: bí là chỗ chế ngự chiếc xe trong con ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: bí là dây cương buộc ngựa. Chữ viết từ bộ ty thanh bí, âm bí đồng với âm trên đồng. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: lục bí tức là sáu sợi dây cương giống như ty bí. ngược lại âm vi

Mao ngưu. Ngược lại âm mão bao. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của loài trâu hoang dã. Kinh Sơn Hải nói: ở núi Phiên Hầu có loại thú mà hình trạng của nó giống như con trâu, có bốn chân, mọc lông dài, gọi là mao ngưu. Quách Phác chú giải kinh rằng: sau đầu gối và trên đầu đều có long dài. Sách Thuyết Văn nói ở nước Tây Nam Di có loài trâu lông dài như tóc tức là loài trâu lông đuôi dài. Hoặc là viết từ bộ mao viết thành chữ mao thanh tĩnh. Hoặc là viết chữ mao.

Nhược tẩn. Ngược lại âm tất nhẫn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là bỏ đi. Cố Dã Vương cho rằng: cùng nhau bài trừ, lôi kéo bỏ ra ngoài. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thân tân.

Môi pháp. Ngược lại âm mỗi bôi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: môi là nói cho hai bên khác họ hòa hợp lại với nhau, ma thành vợ chồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là nói cho hai họ hòa hợp với nhau. chữ viết từ bộ nữ thanh môi. Âm môi là âm mẫu. Chữ viết từ bộ mộc thanh cam. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: viết chữ môi là sai vậy.

Suy nhược. Ngược lại âm luật nguy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: suy là bệnh. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: kém thiếu. Sách Thuyết Văn giảng: là bệnh gầy yếu. Chữ viết từ bộ dương thanh loa hoặc là viết chữ soa.

Ca-si-na. Ngược lại âm lặc-tri. Tiếng Phạm, gọi là y công đức.

Phiêu y. Ngược lại âm thất diêu. Hoặc là nước, hoặc là gió cuốn trôi làm mất y. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu giống như nước chảy.

Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu, âm phiêu ngược lại âm tất tứu.

Khất lũ cố chức. Ngược lại âm long chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: sợi chỉ. Sách Văn Tự Tập Lược nói: hợp sợi chỉ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là sợi chỉ. Chữ viết từ bộ mịch thanh lũ âm tiễn ngược lại âm tư tiễn. hoặc là viết chữ tuyến.

Phản mại. Ngược lại âm phát vạn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: người sớm chiều bán đó gọi là phẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là mua rẻ bán mắc. Chữ viết từ bộ bối thanh phản.

Kích lịch. Ngược lại âm trên kinh diệc. âm dưới là lịch. Kích lịch đo là dùng ngón tay đang xen vào nhau đâm vào làm trò đùa giỡn gọi chọc lét, gọi là cùng nhau đùa nghịch vậy.

Đâu-la-trữ. Ngược lại âm đương câu. Đâu-la là tiếng Phạm. Gọi là bóng mềm của cây cỏ độn làm cây, ngược lại âm chư lữ.

Trách thủ. Ngược lại âm trương cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: trách là mở ra. Lại gọi là căng tay ra, lấy năm ngón tay, lấy một ngón cái và một ngón giữa mà đo lường.

Cách tỷ. Ngược lại âm sư tử. Sách Khảo Thanh cho rằng: gót chân khổng giẫm đạp lên giày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: cởi giày dép. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thi thanh tỷ. Hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ chữ tỷ tỷ thuộc giày dép da đều là chữ cổ.

Súc bì. Ngược lại âm bì mi. gọi là đầu tóc giả. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trang sức trên đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tiêu thanh bị, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tích lũ. âm trên là tích. Cố Dã Vương cho rằng: dùng sợi chỉ làm đường viền chứa chỉ dây gai dệt làm vải thưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: đường mép viền. Chữ viết từ bộ mịch thanh tích.

Tổng nhiếp. Ngược lại âm tri lạp. rọc giữa đường nhỏ may khâu lại như nay người nữ gọi là quần nhỏ là nhiếp.

Phản sao. Ngược lại âm sở giao. Khảo Thanh cho rằng: thâu lấy áo ca sa khoát lên vai gọi là sao. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh sao.

Huề thủ. Ngược lại âm huệ khuê. Cố Dã Vương cho rằng: huề đó nắm tay. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: giống như nắm kéo lên, đưa lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh huề. Âm huề đồng với âm trên, từ bộ truy đến bộ triệt chữ này cũng viết khác là từ bộ cảnh. Âm cảnh ngược lại âm nữ hoạt. tục viết từ bộ chuy đến bộ nãi viết thành chữ huề là sai, âm triệt ngược lại âm sửu liệt.

Bất thiêu. Ngược lại âm điêu liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kén chọn, chọn lựa, xua tay. Xưa nay Chánh tự cho rằng chữ viết từ bộ thủ thanh khiêu, âm bài ngược lại âm bổ mại.

Hý tiêu. Ngược lại âm hy ý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hý là đùa giỡn, trêu chọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hý. âm hy là âm hy tục viết từ bộ hư viết thành chữ lý là chẳng phải.

Dật bát. Ngược lại âm trên dần nhất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dật là đầy tràn ra. Cố Dã Vương cho rằng: dật là nói quá nhiều mà xuất nước miếng, nước bọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa nước tràn đầy. Chữ viết từ bộ thủy thanh ích. Viết đúng là từ bộ mãnh viết thành chữ dật.

Bất khô. Ngược lại âm khang cô. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là mọc trong trống rỗng, móc trong bụng ra trống rỗng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao thanh khoa, âm khoa ngược lại âm khưu vu.

Bất đoàn phạn. âm đoàn. Theo Thanh loại cho rằng: đoàn là nắm vắt lại. Theo sách Lễ ký cho rằng: cơm không vắt lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đoàn. Kinh văn viết từ chữ đoan viết thành chữ sủy, âm sơ lụy. chẳng phải nghĩa đây dùng.

****

TỨ PHẦN TĂNG GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Vô nhai. Lại viết chữ nhai cũng đồng, ngược lại âm ngũ giai. Sách Thuyết Văn cho rằng: bên bờ vực thẳm. Theo sách có viết chữ nhai ngược lại âm nghi giai. Nhai là bến nước, vô nhai là không có bờ mé.

Thất hạt. Văn cổ viết chữ khiên hạt. hai chữ tượng hình đều đồng nghĩa, ngược lại âm hồ cát. Gọi là chốt đầu trục xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: chốt xe.

Trách thủ. Văn cổ viết chữ trạch cũng đồng, ngược lại âm tri cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là trương ra, căng ra, trách là mở ra. Văn thông dụng cho rằng: căng thẳng ra gọi là trách.

Phân mang. Ngược lại âm ma bang. Sách Khảo công ký, công khuê dùng chữ mang lại chú giải rằng: mang gọi là con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông con trâu đen, trắng lộn xộn. Văn luật viết chữ mang gọi là con chó lông xù. Theo Mao Thi Truyện nói: không khiến cho chó lông xù nó cắn.

Phú chiêm. Ngược lại âm thư diêm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dùng cỏ may trắng lợp che nhà. Lý Tuần cho rằng: bện cỏ may lợp che nhà gọi là chiêm. Lại âm thư diễm.. Chiêm là cỏ may lợp nhà che đậy.

Điệu tý. Ngược lại âm đồ điếu. Quảng Nhã cho rằng: điệu là lay động lắc lư.

Hấp phạn. Văn cổ viết chữ hấp. hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hấp cũng đồng, ngược lại âm hứa cập. Quảng Nhã cho rằng: hấp là uống vào, gọi là hít khí vào.

Mao ngưu. Ngược lại âm ma giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở Tây Nam Di có loại trâu lông đuôi dài. Nay ở Thiểm Tây có loại trâu này. Văn luật viết chữ miêu miêu. hai chữ tượng hình. Nay nhà người ta nuôi làm vật 732 bắt chuột. Miêu xuất phát nghĩa đây dùng.

****

TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Môn khổn. Lại viết chữ khổn cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn. Sách Lễ ký nói rằng: nói là ở ngoài không có vào được bên trong là khổn. Lại giảng rằng: cửa hẹp.

Trữ khỏa. Ngược lại âm khẩu hóa. Tam Thương cho rằng: khóa là xương mông đít. Tự Lâm cho rằng: xương hông.

****

Y NHẬP TẠNG MỤC LỤC THỬ HỮU HÀM CHÚ TỨ PHẦN GIỚI BỔN (Hai quyển - chưa âm.)

****

TỨ PHẦN TĂNG GIỚI

(Hoặc gọi là Đàm Vô Đức Giới Bổn.)

Phật-đà-da-xá dịch còn thiếu bổn.

****

GIẢI THOÁT GIỚI BỔN - *Huyền Ứng soạn.*

Bố thảo. Ngược lại âm phổ hồ. Tự thư cho rằng: bố là trải ra. Gọi là trải chiếu nghỉ ngơi thư thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: bố là vải thưa. Nay đều viết chữ phu phu là bày ra, trải ra.

Nhập bề. Ngược lại âm bổ mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bước lên thềm cao. Tức là bậc thềm giường, bậc thềm tầng cao. Văn giới viết từ bộ mộc viết thành chữ bề ngược lại âm bổ hề. Tên gọi là cấm ngục chẳng phải nghĩa đây dùng.

Khi thân. Lại viết chữ khi cũng đồng, ngược lại âm khưu tri. Gọi là gập ghềnh mà không bằng phẳng.

Kiêu khước. Ngược lại âm khưu tiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhón gót cao lên mà đi. Sách Hán thư cho rằng: kiêu là gót chân. Văn Dĩnh giải thích: kiêu giống như nhón gót chân, nhấc lên cao. Tam Thương giải thích văn cổ cho rằng: kiêu là nhấc cao gót chân. Sách Sử ký cho rằng: viết chữ khiêu văn giới viết chữ nghiệt ngược lại âm khẩu điêu. gọi là địa danh, âm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Niết tác. Ngược lại âm nãi kiết. Bì Thương cho rằng: niết là đè nén hương thơm bay vào mũi.

Lạp Phật. Gọi là tọa lạp. Lạp là bánh, đến ngày mười lăm tháng bảy bãi hạ, đàn-việt dâng hiến cúng dường bánh.

****

SA-DI THẬP GIỚI TINH UY NGHI - *Huyền Ứng soạn.*

Huyên phi. Ngược lại âm trên huyết nhuyễn. Quảng Nhã cho rằng: huyên là bay là đà. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng nhỏ bay, viết chữ từ bộ vũ thanh huyên, âm huyên ngược lại âm quí dinh. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ duyên. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: duyên là loài côn trùng màu đỏ trong giếng cùng với nghĩa kinh khác lạ. Cho nên không dùng chữ duyên này.

Nhuyễn động. Ngược lại âm trên nhuận duẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhuyễn là loài côn trùng bò lúc nhúc. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: loài côn trùng nhỏ nhít lúc nhúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh nhuyễn, âm nhuyễn là âm như luyến. Kinh văn viết từ bộ nhu viết thành chữ nhuyễn này là chẳng phải.

Chi hành. Âm trên là ký, văn âm là kỳ. Sách Thuyết Văn cho

rằng: côn trùng bò. Chữ viết từ bộ trùng thanh chi.

Chiêm phán. Ngược lại âm trên nhiếp liêm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chiêm là ngẩng lên mà nhìn.Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh chiêm ngược lại âm dưới là phổ hoạn. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: phán là con mắt chuyển động. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắt nhìn nghiêng. Chữ viết từ bộ mục thanh phán. Kinh văn viết từ bộ hề viết thành chữ hề là chẳng phải.

Yển tái. Ngược lại âm trên ương kiếm. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ yển gọi là lấy củi đất ngăn nước, đạp ngăn nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chủy âm là hệ viết thành chữ yển gọi là chỗ chứa nước. Sách Văn Tự điển nói là cái để ngăn nước, cái đạp nước. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh yển. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ yển cũng thông dụng.

Phái độc. Ngược lại âm trên phổ mại. Quảng Nhã cho rằng: nước tự phân rẽ ra chảy khác ngã gọi là phái. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy xuyên đường khác biết. Chữ viết từ bộ thủy thanh phái. Trở ngược lại là chữ vĩnh âm phái đồng với âm trên.

Sừ bổ. Ngược lại âm trên là lạc chư. Quảng Nhã cho rằng: sừ là căng ra. Sách Lão Tử nói: chế ngự, bày tỏ. Theo chữ sừ bổ. đó là chơi cờ bạc để làm thú vui. Trải bày, rải tiền bạc ra để chiêu dụ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: sừ là thoải mái. Chữ viết từ bộ thủ thanh lư. Kinh văn viết sừ tục dùng thông dụng.

Phiên vũ. Ngược lại âm trên bì biến. Vua khen ngợi người đầu tiên biết múa vũ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: bàn tay giao nhau gọi là phiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tay vỗ vỗ. Chữ viết từ bộ thủ thanh biện. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ biện là chẳng phải.

Khẩn quật. Ngược lại âm trên khang ngân. Quảng Nhã cho rằng: nguyên là đất hoang nhưng khai phá trở thành nơi có thể trồng trọt. Sách Phương ngôn gọi là dùng sức người khai phá. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ khẩn thanh tĩnh. Kinh văn viết từ bộ khuyễn viết thành chữ khẩn là chẳng phải, ngược lại âm dưới là quần khuất. Sách Khảo Thanh cho rằng: quật là đào xuyên. Cố Dã Vương cho rằng: dùng cây cho rằng: chữ quật từ bộ thủ thanh khuất.

Mậu bát. Ngược lại âm trên mạc hậu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu là trao đổi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mậu là bán ra ngoài chợ. Quách Phác chú giải rằng: gọi là trao đổi rộng lớn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ mậu viết từ bộ bối đến bộ uyển hoặc là bộ noãn, chữ noãn

cổ. Kinh văn viết chữ mậu này là chẳng phải.

Quân trì. âm trên là quân âm dưới là trì. Tiếng Phạm nói là bình nước. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ quân trì là chẳng phải, không thành chữ.

Chấp bị. Ngược lại âm trên điềm giáp. Văn Tự Tập Lược nói rằng: chấp giống như gấp xếp cuộn lại y áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: xếp nhiều lớp áo. Chữ viết từ bộ y viết thành chữ chấp âm tích là âm bích. Âm quyện ngược lại âm quyết uyển. Kinh văn viết chữ tích bị. là chẳng phải.

Ô tiễn. Ngược lại âm trên ô ngọa. Cố Dã Vương cho rằng: ô giống như nhiễm ô. Quảng Nhã cho rằng: nước đục dơ cũng từ chữ uyển viết thành chữ cũng thông dụng. Văn Tự điển nói: từ bộ thủy thanh ô ngược lại âm dưới tiên kiến. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là không sạch. Văn Tự điển nói: nước bắn ra tung tóe. Chữ viết từ bộ thủy thanh tiện, âm tán là âm tán.

Đẩu tẩu. Ngược lại âm trên đô cẩu. ngược lại âm tô tẩu. Sách Khảo Thanh cho rằng: đẩu là nhấc lên cao. Chữ viết từ bộ thủ thanh điểu. tẩu là nhìn xa thấy rộng. Kinh văn viết tốc là chẳng phải.

Điều nghi. Ngược lại âm trên đình chiếu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: điều cũng giống như cùng nhau hòa hợp. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh điều ngược lại âm dưới ngư giới. Sách Khảo Thanh cho rằng: nghi là khinh khi lừa dối, dối trá. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh nghi.

Bồn ảnh. Ngược lại âm trên bổ môn. Sách Chu lễ cho rằng: người thợ gốm làm ra cái chậu. Thật ra bổ thêm vào hai âm, ngược lại âm phương cự. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến cửa Tây hoặc gọi là cái chậu, cái bồn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mãnh thanh phân ngược lại âm dưới là ô lãng. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: ảnh là cái chậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mãnh thanh ương. Kinh văn viết từ bộ ngõa viết thành chữ ảnh tục dùng thông dụng.

Phiên trung. Ngược lại âm trên phát viên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phiên là nước vo gạo, có thể lấy gội đầu. Sách Văn Tự điển nói: cũng là nước vo gạo. Chữ viết từ bộ thủy thanh phiên, âm phiên đồng với âm trên.

Lộng thương. Ngược lại âm trên lộc đông. Sách Khảo Thanh cho rằng: lộng là từ dùng để chỉ sinh con gái. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lộng là khinh khi, xem nhờn, làm trò đùa. Xưa nay Chánh tự cho

rằng: chữ viết từ bộ cũng thanh vương, âm cũng là âm cũng. Hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ lộng là chẳng phải. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trì là sai vậy.

Tao họa. Ngược lại âm trên tảo đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêu đốt củi còn dư lại tro tàn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ hỏa thanh tào ngược lại âm dưới hoa khoa.

Nội âu. Ngược lại âm dưới ư câu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái chậu gốm nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ ngõa thanh âu, âm âu đồng với âm trên.

Mao ban. Ngược lại âm trên mao báo. Sách Khảo Thanh cho rằng: mao lànhổ lấy. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chọn lựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chọn lấy rau mạo. Chữ viết từ bộ thảo thanh mao. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ mao. Gọi là cỏ đông mao, chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới phu vẫn. Quảng Nhã cho rằng: ban là động. Theo Thanh loại cho rằng: là đánh. Văn Tự điển nói: ban viết từ bộ thủ thanh phân. Kinh văn viết phân viết thành chữ phân là chẳng phải.

Sa trật. Ngược lại âm trên sở nghi. Cho rằng: sa là dài. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là sâm sa. là không bằng, đồng đều dàn ngắn so le. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghi ngờ sai lầm không thẳng thắn. Chữ viết từ bộ tả thanh thùy, âm thùy là âm thùy, ngược lại âm dưới điền tiết. Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: trật lag ngã ngửa, vấp té ngã ngửa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh thất. Văn Triện viết chữ trật cũng thông dụng.

Đạo chi. Ngược lại âm đào lão. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: đạo là nói. Lại chú giải sách Lễ ký rằng: nói dùng lời nói giảng giải. Sách Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh xước. Kinh văn viết từ bộ nhật viết thành chữ đạo là chẳng phải.

****

SA-DI UY NGHI KINH - *Huyền Ứng soạn.*

Phái độc. Ngược lại âm phổ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: phái là nước chảy rẽ ngã khác. Quảng Nhã cho rằng: nước tự phân rẽ ra hướng khác gọi là phái.

Hãn tiền. Ngược lại âm tử kiến. Sơn Đông âm. Giang Nam gọi là ca ngợi, khen ngợi. Lại âm tử thả. Lại âm tử thiên. gọi là rửa tay.

Điều nghi. Ngược lại âm ngũ giới. Văn thông dụng cho rằng: điều là hòa hợp gọi là nghi. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là khinh nhờn, đùa cợt, chọc ghẹo.

Phiên trung. Thiên Thương Hiệt cho rằng: viết chữ phiên cũng đồng, ngược lại âm phu viên. gọi là nước vo gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là vo gạo. Giang Bắc gọi là cam, Giang Nam gọi là phiên.

Phán kiếp. Ngược lại âm phủ phần. Sách Thuyết Văn cho rằng: phán là trừ bỏ, quét sạch. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ bụi đất.

Kiêu tán. Lại viết chữ tiên cũng đồng, ngược lại âm tử thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: tán là rải nước sái tịnh. Giang Nam gọi là tán. Sơn Đông gọi là tiên âm tiền ? ngược lại âm tử kiến.

****

SA-DI NI LY GIỚI - *Huyền Ứng soạn.*

Trạch địch. Văn cổ viết chữ toại cũng đồng, ngược lại âm tường đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: ống tiêu có bảy lỗ, cũng gọi là kèn, ống tiêu có ba lỗ. Văn giới viết chữ du là chẳng phải.

****

SA-DI GIỚI KINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Sao phất. Ngược lại âm trên sương sào. Tự thư cho rằng: gió thổi ngọn cây phất phơ. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh thắng trận lấy từ trên. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến cửa Tây gọi là lấy vật trên ngọn cây cao, gọi là kiêu sao. Chữ viết từ bộ thủ thanh tiếu ngược lại âm dưới phân vật. Quảng Nhã cho rằng: phất là phủi bỏ, trừ bỏ. Sách Tập Huấn cho rằng: lau chùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đánh gõ nhẹ qua. Chữ viết từ bộ thủ thanh phất.

Phế can. Ngược lại âm trên phi phệ. gọi là kim tạng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh phế, âm phế là âm phất. Kinh văn viết từ bộ bổ viết thành chữ bộ là chẳng phải, ngược lại âm dưới là cam. Sách Thuyết Văn cho rằng: mộc tang.

Hỗn xí. Ngược lại âm trên hồn khổn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là chỗ ở của con heo. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà xí, nhà vệ sinh. Chữ viết từ bộ vi âm vi là âm vĩ chữ tượng hình, cũng là chữ hội ý.

Ngược lại âm dưới là sơ nhi. Thích danh cho rằng: xí cũng là khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà vệ sinh, nhà xí. Âm nhi ngược lại âm truy sử. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ tai, âm tai là âm tai.

Hoài thái. Ngược lại âm dưới đài đái. Sách Khảo Thanh cho rằng: ý biến đổi không thường hằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thường nắm ý không sửa đổi. Chữ viết từ bộ tâm thanh năng, âm năng là âm nại.

****

CA-DIẾP CẤM GIỚI KINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoạch thang. Ngược lại âm trên hoàng quách. Quảng Nhã cho rằng: cái nồi đồng tròn như cái đỉnh mà không có chân. Sách Khảo Thanh cho rằng: có chân gọi là cái đĩnh, không chân gọi hoạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: khắc chạm. Chữ viết từ bộ kim thanh hoạch, âm hoạch ngược lại âm ô đệ., âm thuyên ngược lại âm huỳnh khuê. Thuyên cũng là loại nồi đồng mà có khắc chạm.

Tu phát. Ngược lại âm trên tương du. Sách Khảo Thanh cho rằng: tu là râu trên mặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ tu tức lông mặt. Chữ viết từ bộ hiệt. Hiệt là đầu, đến bộ sam. Sam giống như lông. Nay kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ tu cũng thông dụng, có khi tục dùng hai chữ, ngược lại âm dưới là phát, ngược lại âm phiên miệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông ở đỉnh trên đầu. Chữ viết từ bộ tiêu. Hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ. Hoặc là viết chữ phát đều là chữ cổ. Âm tiêu ngược lại âm tất diêu. Âm phát từ bộ khuyển đến bộ nhi đến bộ phiệt, âm phiệt ngược lại âm thiên miệt.

****

KINH GIỚI TIÊU TAI - *Tuệ Lâm soạn.*

Si tửu. Ngược lại âm trên sử tử. Sách Vận anh cho rằng: dùng cái sọt bằng tre lược cặn rượu gọi là si. Sách Khảo Thanh cho rằng: dụng cụ lọc rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: rượu xuống dưới cặn ở trên. Chữ viết từ bộ dậu đến bộ lệ thanh tĩnh. Hoặc là viết từ bộ võng viết thành chữ si, ngược lại âm sở giải. cũng thông dụng.

Cổ phản. âm trên là cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngồi một chỗ mà bán, 733 ngược lại âm dưới phát vạn. Sách Vận anh cho rằng: mua

rẻ bán mắc, chữ hình thanh.

Tửu chưng. Ngược lại âm chi nhưng. Theo Tả Truyện cho rằng: vua định hưởng thức ăn ngon. Đỗ Dự cho rằng: chưng là bốc lên mùi thơm món ăn bốc lên xông vào.

Phụ liên. Ngược lại âm trên phù vụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phụ cậy nhờ, nương vào, trên từ bộ nhân. Nhân là giữ lấy đến bộ bối là tiền của cải, có của cải là chỗ cậy nhờ. Cho nên người mà không có từ của cải là phụ trái ngược. Ngược lại âm dưới lực triển. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: liên là vận chuyển. Sách Khảo Thanh cho rằng: duyên chở. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: liên là gánh vác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ này còn thiếu. Ngọc Thiên hoặc là viết chữ liễn cũng thông dụng, chữ hình thanh. Chữ viết từ bộ bạn âm bạn là âm bạn.

Hào soạn. Ngược lại âm trên hiệu giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: đơn viết chữ hào nghĩa là cho ăn. Chữ viết từ bộ nhục thanh hào. Kinh văn viết từ bộ thực viết thành chữ hào tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới sàng luyến. Sách Vận anh cho rằng: soạn là đầy đủ thức ăn. Sách Thuyết Văn viết đúng là chữ soạn chữ cổ, chữ hình thanh.

****

ƯU-BÀ-TẮC NGŨ GIỚI KINH - *Huyền Ứng soạn.*

Hành ách. Ngược lại âm ư cách. gọi là cái ách xe, cũng gọi càng xe, đè thẳng lên cổ con trâu.

Lưỡng huyền. Ngược lại âm trên hồ điền. gọi là hai bên mạn thuyền. Bì Thương cho rằng: mạn thuyền cũng gọi là chiếc thuyền nối kết với nhau. Âm phi ngược lại âm phò nghiêm.

Duyên giác. Ngược lại âm hà huyên. ngược lại âm dưới cổ học. Duyên giác đó cái rui nhà vuông cạnh, đều là một vật mà gọi khác tên đó thôi.

Trấn áp. Ngược lại âm ư hao. Áo là phùng thất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhà ở phía Tây nam nơi vùng xa xôi, gọi là áo. Quách Phác cho rằng: trong nhà ở ẩn náu là chỗ ở ẩn dật.

Nhị sưu. Văn cổ viết chữ sưu hai chữ tượng hình. Nay viết chữ sưu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu. Sách Phương ngôn cho rằng: sưu là cha là trưởng lão. Đông, Tề, Lỗ, Vệ phàm tôn kính người già gọi là sưu. Nam Sở gọi là cha. Chữ viết từ bộ sưu đến bộ hựu là mạnh lớn, hầu

trong tấc miệng, người già tấc miệng là mạch suy kém. Cho nên từ bộ hựu đến tai âm hựu là thủ tức là tay, tà tai đó là suy kém xấu.

****

KINH ƯU-BÀ-TẮC NGŨ GIỚI UY NGHI - *Huyền Ứng soạn.*

Lâu toán. Ngược lại âm tử quản. gọi là tích trượng đầu dưới cây tích trượng có bít thiếc. Nên viết chữ toàn ngược lại âm tử loạn. Quan Trung gọi là toàn, Giang Nam gọi là liềm âm liền ngược lại âm tại khổn. Thích danh cho rằng: cây mâu giáo đầu dưới có bịt thiếc, chì gọi là liềm.

Tam quát. Ngược lại âm cổ đoạt. Quát là kết buộc, bó buộc. Quát cũng giống như sợi dây lớn bó buộc, chữ này nên gọi là sai, viết đúng nghi là chữ diêu ngược lại âm dỉ chiêu. Diêu là lay động.

****

XÁ-LỢI-PHẤT VẤN KINH - *Huyền Ứng soạn.*

Đốc lịnh. Tự thư nay viết chữ đốc cũng đồng, ngược lại âm đô mộc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đốc là giám sát, ngay thẳng. Lại chú giải rằng: gọi là đường thông lớn ngay thẳng, bốn phía đều thông. Sách Phương ngôn cho rằng: đốc là xem xét, sửa chữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: coi sóc, xem xét.

Tiêu diễm. Lại viết chữ tiêu cũng đồng, ngược lại âm tỷ diêu. Gọi là gió lớn, gió bão cuồng phong. Chữ viết từ bộ tiêu đến bộ phong. Chữ tiêu từ bộ khuyển là chẳng phải, từ bộ hỏa mới đúng.

Cực lập. Ngược lại âm hư ký. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cực là nhiều âm số ngược lại âm sở giác.

Siểm thước. Lại viết chữ siểm cũng đồng, ngược lại âm thức nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấy tạm thời, tức chớp, chớp lóe sáng, không định, ngược lại âm dưới thư nhược. Thước là sáng sủa.

Hệ phược. Văn cổ viết chữ hệ. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ đế. Sách Thuyết Văn cho rằng: hệ là buộc chặt, bó buộc. Hệ cũng là ràng buộc liên kết với nhau.

Khiếp chí. Ngược lại âm khổ điếm. Khiếp là nói động viên gắng sức, cũng là hòa hợp vui vẻ, hài lòng, âm cốt ngược lại âm khổ một.

Khẩn trắc. Văn cổ ghi cũng đồng, ngược lại âm khẩn ngận. Văn thông dụng cho rằng: đến thành thật gọi là khẩn khẩn cũng gọi là tin tưởng, cũng là kiên nhẫn, âm dưới văn cổ viết chữ trắc cũng đồng, ngược lại âm sở lực. Quảng Nhã cho rằng: trắc là bi thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: đau lòng trắc ẩn.

Nhược sản. Ngược lại âm hựu san. Sách Thuyết Văn cho rằng: một gọi là san bằng, giết sạch. Quảng Thất cho rằng: gọi săn là trừ bỏ sạch. Thiên Thương Hiệt ghi: tước lột, san bằng diệt sạch cỏ.

Thanh nội. Ngược lại âm thất tình. Quảng Nhã cho rằng: thanh là chuồng heo. Nói cho đúng là nhà xứ, nhà vệ sinh. Thích danh cho rằng: nói đến chỗ dơ uế, cần phải tu sửa lại sạch khiến cho sạch sẽ thanh khiết.

Chuẩn nhập tạng mục lục thử hậu hợp hữu Bách nhất yết-ma - mười quyển - thay đổi trong quyển 61 lấy đồng loại âm này.

****

ĐẠI SA MÔN BÁCH NHẤT YẾT MA

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

THẬP TỤNG YẾU DỤNG YẾT-MA KINH - *Tuệ Lâm soạn.*

Tác lược. Ngược lại âm dưới cự lượng. Sách Khảo Thanh cho rằng: lược là dụng cụ bắt lấy cầm thú. Xưa nay Chánh tự cho rằng: giăng lưới bên đường để bắt con vật. Chữ viết từ bộ cung thanh kinh.

Tác phế. Ngược lại âm dưới phương phệ. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Xưa nay Chánh tự đều gọi là dụng cụ bắn cung thâu lấy buộc mũi tên vào mà bắn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ giác thanh phát, âm dực là âm dực, âm kích là âm chước. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phế là chẳng phải nghĩa kinh vậy.

Khiên thôi. Ngược lại âm trên di diên. Cố Dã Vương cho rằng: khiên cũng là dẫn dắt. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ quynh đến bộ ngư. Âm quynh giống như sợi dây buộc mũi trâu. Thanh huyền ngược lại âm dưới thối lôi. Cố Dã Vương cho rằng: từ phía sau mà đẩy tới gọi là thôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: thôi là đẩy. Chữ viết từ bộ thủ thanh chuy.

Nhược thao. Ngược lại âm dưới khẩu giáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng móng đào lấy ra. Văn Tự Tập Lược nói rằng: thao là dùng móng đè xuống. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh thao, âm thao là âm thao.

Mạn y. Ngược lại âm trên bổ bạn. Theo Tả Truyện cho rằng: thừa mạn hàng phục. Đỗ Dự chú giải rằng: màn xe che lên không có hoa văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: vải lụa trơn. Chữ viết từ bộ y thanh mạn.

Tác lược. Ngược lại âm dưới cự lượng. cùng với văn trước đồng, đã giải thích rồi. Kinh văn viết chữ cưỡng là chẳng phải.

Phiêu thư. Ngược lại âm trên tất diêu. Quảng Thương cho rằng: phiêu thư đó là mụt nhọt đã thành cung thư. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu thư đó tên gọi các loại ghẻ nhọt. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ phiêu thanh tật. ngược lại âm dưới là thất dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: mụt nhọt lâu ngày thành ung thư. Chữ thư từ bộ tật thanh thư, âm tật ngược lại âm nữ ách., âm thư ngược lại âm tử dư.

****

KINH ƯU-BA-LY VẤN PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Đạt-nhị-ca. âm giữa ni chí. Tiếng Phạm, tên người. Hoặc gọi là đàn-ni-ca.

Nhục kỹ. Ngược lại âm trên nhu thúc. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nhục là chiếu. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: chữ viết từ bộ thảo viết thành chữ nhục gọi là phương y, tức chiếu cỏ. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thảo thanh nhục ngược lại âm dưới cơ nghi. Sách Chu lễ nói: có năm loại ghế ngọc có khắc chạm hình sơn phết. Sách Khảo Thanh cho rằng: thuộc án thư, tức là cái bàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ghế đôn, chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ kỹ là tên cây.

Thuần mang. Ngược lại âm trên thù luân. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: thuần là không tạp loạn. Cố Dã Vương cho rằng: theo chữ thuần là đến thành thạo, thuần nhất. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mịch thanh thuần ngược lại âm dưới mạc bang. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: là chó lông xù. Theo kinh văn cho rằng: man đó là lông thô cứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó nhiều lông lộn xộn màu sắc không thuần đó gọi là man. Chữ viết từ bộ sam chữ tượng hình,

âm sam là âm sam.

Giam đồng. Ngược lại âm trên chấp lâm. Quảng Nhã cho rằng: cây kim nhọn. Cố Dã Vương cho rằng: may áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: giam chỗ gọi là may áo. Chữ viết từ bộ kim thanh hàm. Hoặc là viết chữ châm tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới đồ hồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồng là ống tre. Sách Thuyết Văn giải thích: đoạn ống tre ra. Chữ viết từ bộ trúc thanh dũng, âm dũng là âm dũng. Kinh văn viết chữ đồng cũng thông dụng.

Toàn dược. Ngược lại âm trên đãn loan. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: toàn giống như lay động, lắc lư. Sách Khảo Thanh cho rằng: toàn là đào xuyên qua. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh tán.

Phất bính. Ngược lại âm trên phân vật. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh nhẹ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phất là phủi bụi trừ bỏ bụi dơ, ngược lại âm dưới bỉ cảnh. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bính là cầm nắm. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mộc thanh bính.

Sâm sa. Ngược lại âm trên sở lâm. Cố Dã Vương cho rằng: sâm sa là không bằng nhau. Thiên Thương Hiệt viết chữ sâm. Sâm cũng là sa. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ lũy thanh sam. Kinh văn viết từ bộ tiểu viết thành chữ sâm tục dùng thông dụng, âm lũy là âm lũy, âm sam là âm phan. Ngược lại âm dưới trắc nghi. Quảng Nhã cho rằng: sa là suy kém. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tả thanh thùy, âm thùy là âm thùy. Nay theo lệ sách viết từ bộ dương viết thành chữ sa là sai lầm. Chữ sam từ bộ nhân đến bộ sam, âm suy ngược lại âm tịch sa. từ bộ nha đến bộ y.

Hoạch đồi. Ngược lại âm trên hoằng hoạch. gọi là dùng tay cắt gặt thu hoạch lấy đem về. Kinh văn viết từ bộ quốc viết thành chữ hoạch. Các chữ trong sách đều không có chữ này. Ngược lại âm dưới đô hồi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là người đứng đầu, đồ sộ nguy nga. Quách Phác cho rằng: đôi giống như đống cát. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh truy.

Tác đoàn. Ngược lại âm dưới đồ man. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: gọi là đoàn tức là nắm vắt lại. Cố Dã Vương cho rằng: theo đó nắm vắt khiến cho dính cục lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: vo tròn. Chữ viết từ bộ thủ thanh đàm.

Bác tập. Ngược lại âm trên bốc mạc. Sách Giai Uyển Chu Tòng nói: bác là tiếng nhai thức ăn trong miệng. Quảng Nhã cho rằng: chữ

viết từ bộ xỉ viết thành chữ bác. Bác cũng là tập là tiếng nhai thức ăn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu đến bộ bác thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới tử nhập. Theo Thanh loại cho rằng: tập là há miệng to ra. Sách Văn Tự điển nói: tập là tiếng nhai ngấu nghiến. Chữ viết từ bộ khẩu thanh tập.

Liệu khứ. âm trên là liệu. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là đem làm cho tề chỉnh ngay ngắn, sửa chữa cho ngay ngắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệu là sắp xếp sửa chữa. Chữ viết từ bộ thủ thanh liệu âm liệu ngược lại âm lực chiêu.

Trước tỷ. Ngược lại âm trên là trương lược. ngược lại âm dưới sư tử. Sách Tập Huấn nói rằng: giày dép không mang vào gót chân gọi là tỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mang giày dép múa vũ. Hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ chữ tỷ. Lại cũng từ bộ cách viết thành chữ chữ tỷ cũng từ bộ thi thanh tỷ.

Trước kịch. Ngược lại âm dưới cự kích. Sách Hán thư nói rằng: Viên Ảnh mang guốc gỗ đi bộ ba mươi dặm. Nay người gọi là giày dép da vậy. Khổng Tòng Tử nói: vua mang guốc gỗ cao vuông thô xem như đi trên đất bằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại giày cỏ. Chữ viết từ bộ tỷ tóm lược thanh phộc. Âm kiêu ngược lại âm thương kiều. Lại cũng là âm khước.

****

DI-SA-TẮC YẾT-MA BỔN - *Tuệ Lâm soạn.*

Mưu phiêu. Ngược lại âm trên mao hậu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mưu là trình bày sự việc. Sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: có mục đích, có đích danh mà nói bày ra hư giả gọi là mưu. Cố Dã Vương cho rằng: phàm không biết tên họ mà nói biết tên họ gọi là mưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc đến bộ cam, ngược lại âm dưới là tất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu gọi là chỗ nhận biết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên, từ bộ thủ viết thành chữ phiêu gọi là đánh, chẳng phải nghĩa kinh.

Súc chúng. Ngược lại âm hứa lục. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: súc là nuôi dưỡng. Sách Mạnh Tử nói rằng: nuôi dưỡng mà không thương yêu giống như nuôi heo, thương yêu mà không cung kính giống như nuôi thú. Hoài Nam Vương nói rằng: chữ huyền với chữ điền hợp

lại là chữ súc Văn Tự điển nói: từ chữ điền đến chữ huyền gọi là huyền hóa vậy.

Tự bổ. âm trên là trì. Cố Dã Vương cho rằng: trị gọi là tu sửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh đài, ngược lại âm dưới bổ cổ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: bổ đó gọi là bổ trợ chỗ không đủ, còn thiếu thốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y thanh bổ.

****

TỨ PHẦN TẠP YẾT-MA (Khuyết bổn.)

****

TỨ PHẦN YẾT-MA

(Xuất ra từ bộ luật Đàm Vô Đức - Tuệ Lâm âm đại giới làm đầu.)

Trước khí. Ngược lại âm chư lữ. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy làm hình cái sọt chứa vật. Hoặc là viết chữ trữ gọi là chữ cổ, cũng viết chữ chữ cũng gọi là quần áo. Sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: trang phục chỗ gọi là dụng cụ chứa vật dụng y áo quá nhiều.

Bạch lại. Ngược lại âm lô đại. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: lại là bệnh phong. Thống Tự nói rằng: bệnh ác nghiệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vạn viết thành chữ lệ cũng từ bộ tật đến bộ vạn thanh tĩnh. Kinh văn viết từ chữ lại cũng thông dụng.

Càng tiêu. Âm trên là can Cố Dã Vương cho rằng: càng là làm cho khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ất thanh càng, âm càng là âm cán. Kinh văn viết từ bộ thiên chữ trong sách đều không có chữ này, không thành chữ. Ngược lại âm dưới tiểu tiều. Bì Thương cho rằng: tiêu gọi là bệnh khát nước, cũng là bệnh gầy ốm. Chữ viết từ bộ tật thanh tiểu. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ 734 tiêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiêu gọi là diệt, tiêu diệt, chẳng phải nghĩa kinh.

Nghị tử. Ngược lại nghi khỉ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con trùn, con phù du, lớn kiến càng, nhỏ đó là con sâu kiến, khải cũng gọi là con phù du. Chữ viết từ bộ trùng thanh khải. Kinh văn viết từ bộ nghĩa viết thành chữ nghị tục dùng cũng thông dụng.

Dịch dĩ hạ. Âm trên là diệc. Sách Khảo Thanh cho rằng: dưới cánh

tay. Bì Thương cho rằng: gọi là dưới nách trong khuỷu tay sau, cũng gọi là dưới nách. Xưa nay Chánh tự cho rằng cũng đồng. Bì Thương cũng cho rằng đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ thủ viết thành chữ dịch. Dịch là dừng lại, chẳng phải nghĩa kinh, âm cách là âm các.

Nhược nại. Ngược lại âm nan đát. Sách Khảo Thanh cho rằng: nại là ấn đè xuống. Tự Lâm cho rằng: chìm xuống nước. Bì Thương cho rằng: ấn đè xuống. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh nại, âm nịch ngược lại âm nữ cách.. Âm thư ngược lại âm niên trật, âm đát ngược lại âm đan đát.

Diệt tẩn. Ngược lại âm tất nhẫn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là loại bỏ. Cố Dã Vương cho rằng: cùng nhau bài trừ lôi kéo đuổi ra ngoài. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh tân.

****

TỨ PHẦN NI YẾT-MA - *Tuệ Lâm soạn.*

Quả lõa. Ngược lại âm loa lật. Sách Khảo Thanh cho rằng: lõa là thuộc trái của dây leo, như quả dưa, quả bầu. Ứng Thiệu chú giải sách Hán thư rằng: trái của cây thật gọi là quả. Dây leo cỏ thật gọi là lõa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh lõa âm lõa ngược lại âm du chủ.

Thiên tinh. Ngược lại âm trên thiết diện. Đỗ Tử Xuân chú giải sách Chu lễ rằng: thiên mỡ dê. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiên cũng là mùi. Chữ viết từ bộ dương thanh đàn. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ chiên cũng gọi là mùi thịt trên con cừu. Ngược lại âm dưới là tính tinh. Đỗ Tử Xuân chú giải sách Chu lễ rằng:tinh cũng gọi là mỡ heo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tinh cũng là mùi tanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh sanh. Kinh văn viết từ bộ tinh viết thành chữ tinh cũng thông dụng. Trịnh Huyền chú giải Chu lễ rằng: gọi là trong gạo thịt giống như có mùi tanh, đều chẳng phải nghĩa kinh, âm đàn ngược lại âm đan lan.

Giá vu. Ngược lại âm trên chi dạ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên loại cỏ có vị ngọt. Bản thảo gọi là giá là mùi vị ngọt, lợi cho đại trường, ngăn khát nước giải nhiệt phiền nhiệt, giải rượu độc. Ngược lại âm dưới là vu cú. Bản thảo giải thích vu là mùi vị cay, cũng gọi là nấm đất không thể ăn nhiều được, cũng trừ được bệnh lạnh run. Sách Thuyết Văn giảng: vu là lá lớn, rễ có thể ăn được, hai chữ đều từ bộ thảo đều

thanh giá vu.

Kiên ngạnh. Ngược lại âm ngạch cánh. Sách Giai Uyển Chu Tòng giảng: ngạnh là chắc chắn, kiên cố. Xưa nay Chánh tự cho rằng: kiên lao. Chữ viết từ bộ cách thanh cánh cũng có viết từ bộ thạch viết thành chữ ngạnh tục dùng thông dụng.

Bằng xa. Ngược lại âm bạch hành. Quảng Nhã cho rằng: bằng là gác. Sách Thuyết Văn cho rằng: quán trọ. Chữ viết từ bộ mộc thanh bằng.

Táo quán. Ngược lại âm trên tao lão. Cố Dã Vương cho rằng: táo giống như tẩy rửa, khiến cho sạch sẽ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tắm gội. Sách Thuyết Văn giảng: rửa tay. Chữ viết từ bộ thủy thanh táo, âm táo ngược lại âm tiên đáo. ngược lại âm dưới công loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: quán là bình chứa nước. Chữ viết từ bộ phửu.

Cảnh liễm. Ngược lại âm lạp điểm. Sách Khảo Thanh cho rằng: liễm giống như hộp đựng đồ trang sức, mà trên có góc cạnh, chỗ gọi là chứa vật. Liệt Nữ Truyện nói rằng: lấy châu ngọc gương soi đựng vào trong. Xưa nay Chánh tự cho rằng: hoặc là viết từ bộ trúc đến bộ liễm viết thành chữ liễm không thanh chữ.

Phản nhiếp. Ngược lại âm chiêm lạp.

Tựu san. Ngược lại âm sang đan.. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: san gọi là ăn lâu. Lại chú giải sách Lễ ký rằng: khuến khích ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bữa ăn chiều trong giờ thân. Chữ viết từ bộ san thanh thực, âm san là âm tàn. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ san tục dùng thông dụng, âm bổ là âm bổ cô.

Bần lũ. Ngược lại âm cù nhũ. Sách Khảo Thanh cho rằng: lũ gọi là chỗ ở không có tài sản làm dự bị lễ nghi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: lũ cũng gọi là bần hàn chất phác. Xấu, tệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bần cũng là chỗ ở không có lễ nghi. Chữ viết từ bộ miên thanh lũ.

Hào soạn. Ngược lại âm hiệu giao. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hào là thịt băm nhuyễn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: phàm chẳng phải ngũ cốc mà ăn được gọi là hào. Văn Tự Tập Lược cho rằng: hào gọi là nhiều thức ăn. Văn Tự điển nói: cũng là nhiều thức ăn ngon. Chữ viết từ bộ nhục viết thành chữ hào. hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ hào. Ngược lại âm dưới là sĩ hoạn. Trịnh Tiễn chú giải sách Nghi lễ rằng: soạn là bày ra. Mã Dung chú giải sách Luận ngữ rằng: gọi là tiệc ăn uống. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy đủ thức ăn. Chữ viết từ bộ thực đến bộ toán thanh tĩnh cũng viết chữ soạn. Kinh

văn viết từ chữ soạn viết thành chữ soạn cũng thông dụng.

Quán thấu. Ngược lại âm trên cổ hoãn. Cố Dã Vương giảng: phàm tắm rửa tẩy vật đều gọi là quán. Xuân Thu Truyện nói rằng: Phụng Di tắm rửa sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tắm gội rửa tay. Chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mãnh. Âm di ngược lại âm dĩ tư. ngược lại âm dưới tủng hộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: thấu đó gọi là uống nước vào trong miệng. Sách Lễ ký cho rằng: con gà ban đầu gáy ngậm nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu là súc miệng. chữ viết từ bộ thủy thanh thấu, âm thấu ngược lại âm sở lục.

Đậu khấu. Ngược lại âm hồ hậu. Bổn thảo giải rằng: đậu kháu mọc ở Nam Hải, mùi vị ấm, không độc, trị được bệnh đau bụng ói mửa, cũng trừ được mùi hôi trong miệng và các vật khác. Chí Đỗ gọi là đậu khấu mọc ở đất Giao Chỉ, giống như dây cương tử theo rễ mọc trong ra tương tợ như hình da cây cứu trí nhỏ mà dày, như cây thạch lựu, mùi vị cay mà lại thơm. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thảo thanh khấu.

Nhu dĩ. Ngược lại âm nữ vu. Trịnh Tiễn chú giải sách Nghi lễ rằng: nhu là tạp lộn xộn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ nhẫn viết thành chữ nhu hoặc là viết chữ nhãn.

Tự tước. Ngược lại âm trên tật dữ. ngược lại âm dưới tường tước. Thiên Thương Hiệt ghi: tự là nhai. Cố Dã Vương cho rằng: tước cũng là nhai. Quảng Nhã cho rằng: tự cũng là tước. Sách Thuyết Văn cho rằng: tự gọi là ngậm mùi vị. Chữ viết từ bộ khẩu, đều thanh thư tước. âm tiều ngược lại âm tiều tiếu. viết đúng từ bộ lượng viết thành chữ tước chữ đúng thể, giống chữ tước âm lượng ngược lại âm sửu lượng.

Khứ ấm. Ngược lại âm ấo cấm. bệnh trong ngực phổi có đàm, tức là bệnh suyễn.

Trước chủy bình. Ngược lại âm trên là trưởng lược. âm giữa là tử lụy. Sách Khảo Thanh cho rằng: chủy là mỏ chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ thử thanh thứ, âm thứ ngược lại âm thất tứ. Hoặc viết chữ chủy ngược lại âm dưới bổ minh. Cố Dã Vương cho rằng: bình gọi là dụng cụ chứa nước. Xưa nay Chánh tự cho rằng: từ bộ ngõa thanh tinh. Hoặc viết từ bộ phửu viết thành chữ bình.

Trì-ký-na-già-tha. âm ký là âm khi, âm nã ngược lại âm nạch-già. Tiếng Phạm, gọi là Pháp kệ. Đường Huyền Trang dịch là Ứng thọ thí lợi và cúng dường, nghĩa là gieo cho người chủ phước điền.

Bạch diệp. âm diệp theo chữ điệp đó là nước Tây Vực, cây hoa miên giống như cây liễu, có bông như nước kia, tục gọi là rút ra làm sợi chỉ, se làm sợi chỉ dệt làm vải thưa gọi là điệp, tức là thảm trải nền.

Sách Thuyết Văn viết từ bộ mao thanh điệp, âm nhiên ngược lại âm niên điển, âm lũ ngược lại âm lực chủ.

Di ta. Ngược lại âm trên dật chi. Sách Chu dịch cho rằng: tiếng khóc, tiếng than thở, nước mắt mũi chảy dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước mũi. Chữ viết từ bộ thủy thanh di ngược lại âm dưới là thổ khóa. Sách Thuyết Văn nói ta là nước dãi trong miệng. chữ viết từ bộ khẩu thanh sa.

Tương chủng. Ngược lại âm chung dũng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: chủng là nối gót theo sau. Sách Thuyết Văn cho rằng: đuổi theo. Chữ viết từ bộ túc thanh dung. Hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ chủng cũng thông dụng.

Khuy khán. Ngược lại âm khuyễn quy. Vương Bậc chú giải sách Chu dịch rằng: chỗ thấy đó rất hẹp, cho nên gọi khuy quán sát, xem xét. Sách Phương ngôn cho rằng: khuy giống như trộm nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn lén lút, chữ viết từ bộ huyệt thanh quy.

****

ĐẠI TỲ-KHEO NI TAM THIÊN UY NGHI - *Huyền Ứng soạn*. QUYỂN THƯỢNG

Như kháp. Lại viết chữ kháp cũng đồng, ngược lại âm khẩu hạp. Bì Thương cho rằng: kháp là dùng nóng tay cào gãi, bấm, ngắt. Gọi là cào cấu bị thương.

Đăng khí. Ngược lại âm đồ lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đãng là tẩy rửa. Văn thông dụng cho rằng: dụng cụ chứa nước tắm rửa, gọi là đãng, tức tẩy sạch.

Sá phún. Ngược lại âm đô giá. Sách Thuyết Văn giảng: sá là phun nước gọi là sá. Sá giống như là la hét, ngược lại âm dưới phổ thốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hắc hơi. Quảng Nhã cho rằng: hách xì. Trong văn cũng viết chữ phổ là chẳng phải.

Điều nghi. Ngược lại âm đồ điếu. Quảng Nhã cho rằng: đều là khinh nhờn bổn cột, ngược lại âm dưới là ngư giới. Quảng Nhã cho rằng: nghi cũng đùa cợt, làm trò vui vẻ, hài hước.

Hàm đầu. Ngược lại âm ngưu cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hàm là chỉ bộ phận ngoài miệng, cũng gọi là đầu. Quảng Nhã cho rằng: lắc lư. Gọi là cái đầu lắc lư.

Tăng ca. Nói đúng là tăng khước sa. Tăng đây gọi là đè lên che

lên, khước sa dịch dưới nách. Là áo che dưới nách. Luật văn viết tang ca chi. Hoặc viết là kỳ chi. hoặc viết là kiệt chi. đều sai.

Ni vệ. Đây dịch là áo bọc trong, tức áo lót.

Hạ khào. Ngược lại âm khổ lao. gọi là tận cùng của xương sống ở mông đít, âm đồn ngược lại âm đồn côn.

Khứ tinh. Ngược lại âm sở kinh. Bì Thương cho rằng: tinh là áo giáp trụ. Gọi là áo sắt, giáp sắt. Âm trụ là sở trụ.

Phân vệ. Đây nói sai. Nói đúng tẩn trà ba đa. Tẩn trà đây dịch là đoàn. Ba ba đây dịch đọa tức rơi rớt, nói thức ăn trong bát rơi rớt. Hoặc nói tân trà da. Đây dịch là đoàn đoàn đó là đoàn thực. gọi là đoàn người khất thực, đoàn người đi xin ăn.

Chiêu đề. Đây dịch là bốn phương. Chiêu đây gọi là bốn, đề đây gọi là phương, gọi là bốn phương tăng. Lại gọi là chiêu, đề đó là sai. Nói đúng là giá đấu đề xa. Đây dịch là bốn phương người dịch bỏ chữ đấu, bỏ chữ xa giá. Lại sai là viết chữ chiêu dùng chữ giá chiêu tương tợ như đạt tới, đây dịch sai.

ĐẠI TỲ-KHEO NI TAM THIÊN UY NGHI QUYỂN HẠ

Nổi thủ. Ngược lại âm nô hòa nãi hồi. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi là bẻ gãy phá diệt. Lại cũng gọi là hai tay xiết chặt vào nhau.

Ô tiên. Ngược lại âm tử kiến. Văn thông dụng cho rằng: tên sông ở một tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc gọi là tiên. cũng gọi là rột rửa, âm tán ngược lại âm đãn thả.

Đắc hoạch. Ngược lại âm ô hoạch. gọi là tay nắm lấy vật.

Khí tiết. Văn cổ viết chữ thóa cũng đồng, ngược lại âm tư liệt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: người dân hèn hạ lo buồn nhụt chí. Trịnh Tiễn chú giải rằng: tiết là phát ra, xuất ra. Quảng Nhã cho rằng: tiết lậu, để lộ ra.

Như Định - (II)

Điệu sao. Ngược lại âm đồ điếu. Điệu lay động, lắc lư, chấn động, ngược lại âm dưới sở giao. gọi là sao động, hơi động.

****

TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

San bổ. Ngược lại âm trên sãn gian. Sách Tập Huấn giảng rằng: san là tước bỏ. Theo Thanh loại cho rằng: thẩm định cắt bỏ bớt. Sách Vận thuyên cho rằng: trừ bỏ. Huấn văn cho rằng: cắt lấy, cắt lấy khắc chữ, khắc bản gỗ. Chữ viết từ bộ đao thanh san, âm xuyết ngược lại âm trúc liệt.. âm san là thuẫn san. ngược lại âm dưới là bộ mẫu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: bổ là trợ giúp chỗ không đủ. Sách Văn Tự điển nói rằng: bổ là vá áo. Chữ viết từ bộ y thanh bổ.

Chưng bạt. âm trên là chữ chưng không có trùng lắp vận âm nên lấy chữ chững thượng thanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chững là cứu giúp, trợ giúp. Quảng Nhã cho rằng: tóm thâu, thâu lấy, gom lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm kéo đưa cao lên. Chữ viết từ bộ thủ thanh chưng, ngược lại âm dưới là biện bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm kéo nhổ lên, cũng là cứu giúp. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thủ thanh bạt, âm bạt ngược lại âm bàn mạt.

Nhị triệt. Ngược lại âm triền liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: dấu tích của chiếc xe lăn trên đường, cũng gọi là thống suốt. Chữ viết từ bộ xa đến bộ triệt thanh tĩnh.

Toát lược. Ngược lại âm toàn quát. Quảng Nhã cho rằng: toát là túm lấy. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: toát là gom lấy những điều chính yếu. Nay văn luật viết chữ khốc chỗ rộng khảo cứu từ bốn nước. Toát là tóm yếu những điều chính cương yếu mà thành yết-ma, hành sự các việc.

Văn loạn. âm trên là vấn. Sách Thượng thư cho rằng: như lưới võng ở trong rối loạn mà không tháo gỡ ra được. Khổng An Quốc giảng: văn giống như rối loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh văn âm mịch là âm mịch.

Giam tỵ. Ngược lại âm chấp nhậm. tục viết chữ châm cũng đồng.

TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA
QUYỂN THƯỢNG

Phiêu xí. Ngược lại âm trên tất diêu. Quảng Nhã cho rằng: phiêu
735 là cái phan. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu cũng là xí chữ viết

từ bộ cân đến bộ phiêu âm phiêu ngược lại âm thất diêu. ngược lại âm dưới xỉ chí. Quảng Nhã cho rằng: xí là cái phướn, cũng viết chữ chí. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ cân chữ hình thanh.

Tiết y. Ngược lại âm đồ hiếp. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: thân vạt áo trước. Sách Phương ngôn cho rằng: áo đơn. Giữa Giang Hoài Nam Sở gọi là vạt áo trước, âm chiêm ngược lại âm xương diêm. âm thâu ngược lại âm dư chiếu. Lại cũng âm dực chu., âm đơn từ bộ y đến bộ đơn.

Nhiếp y. Ngược lại âm trên chi diệp. Sách Bát-nhã nói: nhiếp là gấp xếp lại. Thiên Thương Hiệt ghi: xếp áo quần nhiều lớp âm tích ngược lại âm tất ích. âm quyển là âm quyển.

Trách thủ. Ngược lại âm trắc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra. Sách Bát-nhã cho rằng: mở ra. Văn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ trách là chẳng phải.

Lê táo. Ngược lại âm trên lực chi âm dưới tao sưu. Văn luật viết chữ táo này là chẳng phải.

Nhuy giá. Ngược lại âm trên nhụy giai. Tự thư cho rằng: nhuy là cỏ. Bản thảo có viết ủy nhuy tức là cỏ héo úa vàng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cỏ nhiều rậm rạp, héo úa rủ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cỏ hoa lá um tùm. Hoặc là viết chữ nhuy. Kinh văn viết chữ nhuy tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới chi dạ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: giá là tên của loại cây cỏ, chất nước ngọt như mật, hoặc là viết chữ giá.

Tảo sái. Ngược lại âm trên tô tảo. Quảng Nhã cho rằng: tảo là quét sạch trừ bỏ, cũng viết chữ tảo ngược lại âm dưới sa giã. Sách Thuyết Văn cho rằng: sái là tẩy rửa. Văn luật viết chữ sái là chẳng phải.

TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA
QUYỂN HẠ

Nhất dật. Ngược lại âm điền kiết. Lại cũng âm là dật. Theo Tả Truyện nói rằng: lo sợ quân địch xâm nhập vào ta. Đỗ Dự chú giải rằng: dật là chính giữa. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: vượt qua. Thiên Thương Hiệt ghi: vượt trội ra phía trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xa thanh chất.

Cù lũ. Ngược lại âm trên cụ câu. ngược lại âm dưới số cù. Là hồ

ngữ của nước Ba Tư. Sách Bát-nhã cho rằng: cù lũ là thảm lông xứ Tây Nhung, tức là thảm lông có màu sắc, giống như hoa văn có năm màu. Sách Tây Vức ghi rằng: xuất phát từ nước Ba-lợi-tư, tức là nước Ba Tư vậy.

Liên loại. Ngược lại âm trên lực diên. Sách Bát-nhã cho rằng: liên là nối kết lại với nhau. Quảng Nhã cho rằng: liên tục không gián đoạn. Hoặc là viết chữ liên cũng viết chữ liên cũng đồng nghĩa.

Hư hao. Ngược lại âm dưới là hồ báo.

Nhất khái. Ngược lại âm cổ ái. Theo Thanh loại cho rằng: khái là dự đoán. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khái là độ lượng, tiết tháo. Sách Lễ ký nói: khái là thanh gạt ngang trên cái hộc khi đong lường.

****

TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Diệu trục. Ngược lại âm dưới là trùng lục. Sách Hán thư cho rằng: ngã theo vết xe của Chu Khổng. Sách Âm nghĩa giảng: dấu vết. Sách Khảo Thanh cho rằng: chần chừ không quyết giống như là đi đi lại loanh quanh không tiến tới. Hoặc là viết chữ trục.

Giới bát. Ngược lại âm dưới phiền miệt. Tư Mã Bưu chú giải sách Luận ngữ rằng: bện trúc, cây gỗ làm bè nổi trên mặt nước, lớn đó gọi là bát, nhỏ dó gọi là phù. Bì Thương cho rằng: phù là cái bè nhỏ thả lênh đênh trên biển. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều thuyền trong biển lớn. Hoặc là viết chữ bát. Văn luật viết chữ phiệt tục dùng thông dụng.

Phu vinh. Ngược lại âm trên phủ vô. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phu là trải ra. Lại gọi là thoải mái. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: biến khắp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phộc đến bộ phu, âm phu đồng với âm trên. Âm phộc ngược lại âm phổ bốc.

Thao chân. Ngược lại âm trên thảo đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: che giấu. Hoặc là viết chữ thao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao kiếm. Chữ viết từ bộ vi thanh thao.

Tế điệp. Ngược lại âm trên tấc kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch đến bộ tín. Văn thông dụng viết từ bộ điền viết thành chữ tế. Tục Tự cho rằng: sai, ngược lại âm dưới đồ hiệp. Theo

chữ điệp. Tây Vực cho rằng: lấy bông hoa cỏ mềm mịn cho rằng dệt vải thưa hay là dệt thảm, âm tín là âm tín.

Yểm chánh. Ngược lại âm trên là ư liễm. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: yểm là che. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: che giấu, ẩn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: ẩn giấu che lấp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ẩn trốn. Hoặc là viết chữ yểm cũng đồng.

Phù nang. Ngược lại âm dưới nhạ đang. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái túi có đáy gọi là nang, cái túi nổi trên mặt nước giống như trái bầu khô rỗng.

Tuyệt nữu. Ngược lại âm dưới là nữ cửu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nữu là cái mũ trên mũi. Quảng Nhã cho rằng: nút thắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc lại mà có thể mở ra được gọi là nữu.

Hội cang. Ngược lại âm trên đại hồi. Quảng Nhã cho rằng: hôi là hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: rơi rớt xuống. Chữ viết từ bộ phụ đến bộ quý tức chữ cổ là quí, ngược lại âm dưới các lãng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cương là sợi dây to nơi lưới, lưới nối vào đó, dùng chữ trọng yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: kỷ cương. Chữ viết từ bộ mịch thanh cương.

Huệ cự. Ngược lại âm trên hồ khuê. Sách Phương ngôn cho rằng: huệ là sáng suốt. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: là người có tài trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm đến chữ tuệ, âm tuệ ngược lại âm tù tuế. ngược lại âm dưới cự lữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cỏ khô bó lại làm cây đuốc đốt cháy sáng. Chữ viết từ bộ thảo đến bộ cự.

Nhược linh. Ngược lại âm trên nhi chước. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: nhược là bệnh ốm gầy, suy yếu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại hoại, ngược lại âm dưới lịch đinh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: linh là số tuổi thọ của người. Sách Bát-nhã cho rằng: tuổi thiếu niên, tuổi đi học.

Miễu quán. Ngược lại âm trên di tiểu. Sách Bát-nhã cho rằng: miễu là mắt có mạc bên trong. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhìn ra xa. Sách Phương ngôn cho rằng: mắt nhỏ, tức là chột mắt.

Cực lịch. Ngược lại âm căng lực.

Khải luật sư. Ngược lại âm trên khai cải. Sách Khảo Thanh cho rằng: khải là mũ trụ dùng để ra trận. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo giáp.

Lạc dương. Ngược lại âm trên tức các. Kinh văn viết chữ lạc văn

chữ cổ.

Quai suyễn. Ngược lại âm cổ hoại. Tự thư cho rằng: quai là trái ngược lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngang bướng. Chữ viết từ bộ bắc đến bộ thiên. Ngược lại âm dưới xuyên nhuyễn. Sách Mạnh Tử cho rằng: gian xảo. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: làm trái ngược lại. Tự thư cho rằng: hỗ tương với nhau, gọi là so le cao thấp không đồng đều. Hoặc là viết chữ tích.

Triếp thuật. Ngược lại âm trên trắc nghiệp. Hán thư cho rằng: chữ viết từ bộ xa đến bộ triếp. Văn luật viết từ bộ thủ viết thành chữ triếp là sai tóm lược không đúng. Âm triếp ngược lại âm tri diệp. ngược lại âm dưới thần duật. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thuật là nói giải thích nghĩa khiển cho hiểu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: thuật sửa chữa.

- **QUYỂN TRUNG** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA
QUYỂN HẠ

Mạ ly. Ngược lại âm trên mã bá. ngược lại âm dưới lực trí. Sách Lễ ký cho rằng: nổi giận không đến mắng chửi mà có tội giống như người mắc trong lưới võng không ra được. Sách Thuyết Văn nói: chữ viết đều từ bộ võng đến bộ mã đến bộ ngôn. Kinh văn viết từ bộ tứ viết thành chữ mạ. là sai vậy.

A-miễn-bà-đa. ngược lại âm nô hầu. Tiếng Phạm.

Cương dực. Ngược lại âm trên cư lương. Thiên Thương Hiệt ghi: là sợi dây cương buộc ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc đầu ngựa. Hoặc là viết chữ cương cũng đồng. Âm tiết ngược lại âm trên liệt. ngược lại âm dưới là dữ tức. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: dực là trụ cột buộc trâu, bò.

Càng tiếu bệnh. Ngược lại âm trên cát an. Ngược lại âm dưới tiểu diêu. Bì Thương cho rằng: bệnh khát nước gọi là tiêu.

Phân tảo. Ngược lại âm trên phân uẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trừ bỏ phân dơ, chữ viết từ bộ cũng đến bộ thôi đến bộ phong bộ khí đến bộ mễ gọi là phân. Nay kinh văn viết chữ phân tục dùng thông dụng. Hoặc là viết chữ khí ngược lại âm dưới là tảng đáo. Sách Thuyết

Văn cho rằng: quét trừ dọn dẹp sạch sẽ phân dơ bẩn. Chữ viết từ bộ thổ thanh trửu.

Đào thoán. Ngược lại âm trên đạo đao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: hào là chạy đi. Quảng Nhã cho rằng: tránh, lánh đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chết mất. Chữ viết từ bộ xước thanh đào ngược lại âm dưới sang loạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thoán là chạy trốn. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ẩn nấp. Sách Khảo Thanh cho rằng: ẩn giấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đóng kín lại. Xưa nay Chánh tự cho rằng: che đậy, ẩn dấu lấp kín. Chữ viết từ bộ thử ở trong bộ huyệt chữ tượng hình.

Nhược bác. Ngược lại âm dưới bang mạc. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: bác là bốc lột ra. Quảng Nhã cho rằng: lột vỏ. Thiên Thương Hiệt ghi: lột vỏ ngoài bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: nứt ra, cạo, khắc, vót nhọn. Chữ viết từ bộ đao thanh lộc, âm lộc là âm lộc.

Hủ lan. Ngược lại âm trên phò bổ. Quảng Nhã cho rằng: hủ là mục nát có mùi hôi, hủ bại, hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: nát nhừ. Chữ viết từ bộ nhục thanh phủ ngược lại âm dưới lặc thả.

Đệ bại. Ngược lại âm trên đệ hề. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ cũng giống như bại. Đất thưa mà cỏ mọc dày đặc, dơ uế, ngược lại âm dưới là bổ mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại là loại cỏ mà giống như là lúa ngũ cốc lúa tắc, loại lúa không dẻo, hạt nhỏ, hạt lép. Chữ viết từ bộ hòa thanh đệ.

Tỷ dương. Ngược lại âm trên sở nghi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ trúc đến bộ lệ viết thành chữ sái ngược lại âm sơn giai. Lại cũng âm là sư. Giải thích rằng: dụng cụ làm bằng tre, có thể lấy cái thô mà bỏ đi cái tế. Hoặc là viết từ chữ sư viết thành chữ chữ sư. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái giần, cái sàng bằng tre, để sàng gạo, lấy hạt gạo cội mà bỏ đi tấm mẳn. Chữ viết từ bộ trúc thanh, âm tỷ là âm tỷ bề. ngược lại âm tất mê. Âm thô ngược lại âm sang hồ.

Tẩn trừ. Âm trên là tẩn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tẩn là bỏ đi, rơi rụng. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cùng nhau bài trừ lôi kéo bỏ ra ngoài. Chữ viết từ bộ thủ thanh tẩn.

Như tư. Âm tây. Sách Vận thuyên cho rằng: phá thanh.

Khấu thời. Ngược lại âm trên khổ cẩu. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: khấu là đánh gõ, hoặc là viết chữ khấu.

Thô phác. Ngược lại âm trên sang hồ. Ngược lại âm dưới phổ bác.

Cân sạn. Ngược lại âm trên sát hạn. Sách Bát-nhã cho rằng: tước bỏ, diệt sạch san bằng, hoặc là viết chữ sản.

TỨ PHẦN NI YẾT-MA
(Rút ra từ Từ phần luật - Tuệ Lâm soạn)
QUYỂN THƯỢNG

Yểm đảo. Ngược lại âm trên ư diêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: yểm là đầy đủ thỏa lòng, thỏa mãn, no. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thị đến bộ yểm. Kinh văn viết chữ yểm nghĩa chẳng phải, ngược lại âm dưới não lão. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: cầu phước gọi là đảo. Quảng Nhã cho rằng: tạ ơn.

Điên cuồng. Ngược lại âm trên hưng niên. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: bệnh điên. Theo Thanh loại cho rằng: bệnh phong. Quảng Nhã cho rằng: cũng là bệnh cuồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong bụng sưng trướng lên, hoặc là viết chữ điên.

Ung thư. Ngược lại âm trên can cung. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: không thông gọi là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưng thủng lên. Ngược lại âm dưới thất dư. Sách Trang Tử giảng rằng: nóng nhiệt nổi lên làm mụt nhọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thư cũng là ung. Chữ viết từ bộ tật đến bộ thư, âm thư ngược lại âm tức dư.

Di sa. Ngược lại âm trên dĩ dữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: là nước mũi nước dãi, ngược lại âm dưới thổ ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng chảy ra.

TỨ PHẦN NI YẾT-MA
QUYỂN TRUNG

Triển trị. Ngược lại âm trên ni triển. Sách Thuyết Văn cho rằng: triển là xay nghiền nát, bánh xe lăn nghiền nát, âm lịch là âm lịch. Theo chữ lịch là bánh xe giẫm đạp lên. Văn luật viết chữ triển tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới trực chi.

Lập đãng. Ngược lại âm đường lãng. Quảng Nhã cho rằng: đãng là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa nước tẩy rửa, âm địch ngược lại âm đình lịch.

TỨ PHẦN NI YẾT-MA
QUYỂN HẠ

Suy lão. Ngược lại âm lực thùy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: suy là suy kém. Sách Thuyết Văn cho rằng: gầy yếu. Chữ viết từ bộ dương đến bộ suy, âm loa ngược lại âm lạc hòa.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 65

- Âm Đại ái đạo Tỳ-kheo ni kinh - hai quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Phạm giới báo ứng khinh trọng - một quyển - không.
- Kinh Ngũ bách vấn sự - một quyển - Tuệ Lâm.
- Luật Ma-đắc-lặc-già - mười quyển - Huyền Ứng.
- Luật Tỷ-nại-da - mười quyển - Huyền Ứng.
- Luật Thiện kiến - mười tám quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Phật A-tỳ-đàm - hai quyển - Huyền Ứng.
- Kinh Tỳ-ni-mẫu - tám quyển - Huyền Ứng.
- Tát-ba-đà Tỳ-ni Bà-sa - chín quyển - Huyền Ứng.
- Luật Nhị thập nhị minh liễu luận - một quyển - Huyền Ứng.

Bên phải là mười kinh - sáu mươi hai quyển đồng âm với quyển này.

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ-KHEO NI - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Tinh lư. Ngược lại âm lực cư. Lư là nhà tinh lư đó. Sách Thuyết Văn giảng là tên người gần gũi, chẳng phải cổ điển tức tinh xá.

Đàm nhiên. Ngược lại âm đồ hám. Thiên Thương Hiệt ghi: đàm là điềm tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đàm là yên tĩnh, tức là yên lòng. Nay đều viết đàm hám. ngược lại âm khổ lam.

Đạc tiễn. Lại viết chữ đạc cũng đồng, ngược lại âm đồ các. ngược lại âm dưới tây điển thiên điển. hai âm. Tam Thương cho rằng: lấy chân mà đạp lên đất, tức là đi chân không, không mang giày dép, các sách đều viết chữ tiễn này.

Hư hy. Ngược lại âm hỷ cư. ngược lại âm dưới hư ký. Tự Lâm cho rằng: khóc nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Thiên Thương Hiệt ghi:

tiếng khóc lớn, rống lên, cũng gọi là đau khổ nghẹn ngào.

Tật-lê. Ngược lại âm thứ lật. ngược lại âm dưới lực thi. Cỏ tật-lê, thân nằm trên đất như loại cây bò lan, lá như lông vũ, mỗi bên từ năm đến bảy lá nhỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cỏ tật-lê.

Lậu dật. Văn cổ viết chữ quyết cũng đồng, ngược lại âm dực nhất. Tự Lâm cho rằng: dật là tròn đầy.

Hai tiếu. Ngược lại âm hồ lai. Tự thư cho rằng: làm trò cười. Người nước Sở gọi là đùa giỡn, bỡn cợt là hai. Kinh văn viết chữ ai ngược lại âm ư lai. Gọi là ứng thanh, ai chẳng phải nghĩa đây dùng.

Liễm áp. Ngược lại âm cư liễm. bao gồm, bao quát giống như dùng sợi dây lớn gom lại mà buộc, ngược lại âm dưới cổ áp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áp là coi sóc vận chuyển, cũng gọi là bắt trói lại.

Thứ cơ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thứ là may. Quách Phác cho rằng: thứ cơ là điều may mắn, dịp may. Lại cho rằng: thứ cơ là điều tốt. Thứ là hy vọng, cơ là may ra.

Quyên phi. Ngược lại âm nhất thuyên. Tự Lâm cho rằng: loài côn trùng. Hoặc là viết chữ quyên phi. Văn cổ cho rằng: cũng đồng, ngược lại âm hồ thuyên. loài côn trùng biết bay.

Chi hành. Ngược lại âm cự chi. Lại âm kỳ gọi là loài côn trùng bò dưới đất. Sách Chu thư cho rằng: loài côn trùng bò đi bằng hơi thở, tức là loài rắn.

Khuê hợp. Ngược lại âm cổ huề. Sách Hán thư cho rằng: có bao nhiêu người mà không mất, ngọc khuê hình dạng trên tròn dưới vuông. Gọi là khuê toát trọng lượng đơn vị một phần trăm của thăng. Bốn khuê gọi là toát. Mạnh Khang nói: sáu mươi bốn thử là một khuê.

Phiên thiêu. Ngược lại âm phò viên. Tự Lâm cho rằng: phiên cũng là thiêu tức là thiêu đốt.

Dâm dật. Lại viết chữ dật cũng đồng, ngược lại âm dữ nhất. Thiên Thương Hiệt ghi: dật là phóng đãng, buông thả, cũng gọi là dục lạc.

Dương đồng. Ngược lại âm dĩ lương. gọi là nấu nung cho tiêu chảy nát nhừ ra, rồi tưới nước lên. Tam Thương cho rằng: dương là nước biển lớn, gọi là đại dương. Tự lược viết chữ dương giải thích là nấu kim loại cho chảy ra.

Mô tác. Ngược lại âm vong các. Sách Phương ngôn cho rằng: mô là sờ mó, phủi phủi, vỗ vỗ cũng gọi là phủ vòng quanh, an ủi, vỗ về, ngược lại âm dưới tô các. Bì Thương cho rằng: mô tác. là sờ mó, tìm tòi, lục lọi, âm tôn là âm tồn.

Để thôi. Ngược lại âm đô lễ. Sách Đại đái lễ hạ tiểu chánh nói

rằng: để giống như là đẩy ra, gọi là cùng nhau lôi kéo đẩy ra mà danh chỗ ngồi.

Đảm y. Ngược lại âm xương chiêm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áo che phía trước gọi là đảm. Quách Phác giải thích: tức nay gọi là che mắt, nói áo che phía trước phía sau, gọi là vạt áo trước sau che lấy thân.

Cứ sàng. Ngược lại âm ký nộ. Tự Lâm cho rằng: cứ cũng là tôn tức là ngồi xổm, cũng là khoa là vượt qua, bước qua. Văn luật viết chữ cứ. Cứ là ngạo tức là không tôn kính, kiêu ngạo. Cứ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Vu sư. Ngược lại âm vũ câu. Sách sự quỷ thần nói rằng: vu là trong người con trai gọi ông thầy cúng. Âm hích ngược lại âm hình kích. trong người con gái gọi là vu tức là bà đồng bóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói có thể là việc không có hình bóng làm giáng xuống làm thần.

Biển vẫn. Lại viết chữ vẫn cũng đồng, ngược lại âm vi mẫn. Theo Thanh loại cho rằng: vẫn là chết. Đọa lạc.

Tiết độc. Ngược lại âm tương liệt. Văn cổ chữ độc. Hai chữ tượng hình. Nay viết chữ độc cũng đồng, ngược lại âm đồ cốc. Sách Phương ngôn cho rằng: tiết là đùa cợt, khinh nhờn, cũng gọi là gần gũi, thân cận. Độc là nhàm chán, khinh mạn, không cung kính, xúc phạm, làm tổn thương, cũng gọi là khinh nhờn.

Bôn tẩu. Văn cổ viết chữ bôn này. Nay viết chữ bôn cũng đồng, ngược lại âm bổ môn. gọi là chạy mau. Thích danh cho rằng: bôn là chạy biến mất, gọi là có việc gấp nên chạy biến mất.

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ-KHEO NI
QUYỂN HẠ

Tu tuần. Ngược lại âm tư tuần. Quảng Nhã cho rằng: tuần là cung kính. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tuần là tin tưởng, cũng gọi là run sợ.

Dụng đạm. Lại viết chữ am hám. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đạt cảm, đạt lam. hai âm. Quảng Nhã cho rằng: đạm là cho ăn. Đạm cũng là dùng lời ngon ngọt dụ dỗ người.

Yêu dã. Ngược lại âm ư kiêu. ngược lại âm dưới là dĩ giả. Sách Chu dịch cho rằng: dã là trang sức đẹp đẽ, chải chuốt, lẳng lơ cũng gọi là chơi gái điếm. Lưu Hiến gọi là dã yêu dã. tức là chơi gái điếm. Kinh văn viết cổ tức là loài côn trùng đi gieo độc hại cho người đây chẳng

phải nghĩa kinh.

Nhược thái. Ngược lại âm nhương chước. Nhược đó gọi là mềm yếu. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ nhược văn cổ viết chữ đối nhận. hai chữ tượng hình. Nay viết chữ nhược cũng đồng, ngược lại âm nô đích. nhược là lo buồn sợ sệt.

Kinh lệ. Trong sách không có chữ này, chữ viết đúng nghi là chữ côn ngược lại âm hồ bổn. Đây e rằng cũng là sai. Viết đúng nghi nên viết chữ ngận ngược lại âm hồ khẩn. Ngận lệ. là làm trái ngược lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: không nghe theo. Chữ viết từ bộ xích đến thanh cấn.

Súc tại. Thích danh cho rằng: viết chữ súc. Các sách viết chữ súc hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trừu lục. Súc là dừng lại. Quảng Nhã cho rằng: súc tụ tập đông nhiều, cũng gọi là chứa nhóm.

Lý huyền. Lại viết hiển cũng đồng, ngược lại âm hỏa kiếnh. Gọi là dây buộc yên ngựa vòng qua bụng ngựa để giữ cái đai, cũng gọi là dây buộc, dưới nách. Nay lấy nghĩa này, nên viết chữ viên ngược lại âm hồ khuyễn.

Huỳnh minh. Tự Lâm âm ất kinh vu kinh. Gọi là Tam Thái yên lặng nhắm mắt. Kinh văn viết chữ cụ manh. chưa thấy chữ này xuất phát từ sách nào.

Thế chước. Lại viết chữ thế cũng đồng nghĩa, ngược lại âm tha kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thế là vứt bỏ hết lông tóc trên thân gọi là thế. Trong văn viết chữ thê ngược lại âm tha đệ. Quảng Nhã cho rằng: thê là nước mũi, ngược lại âm dưới lực chước. Quảng Nhã cho rằng: chước. Tóm lược tự sơ qua, cũng gọi là dùng sức mạnh tóm lấy. Trong văn kinh viết thước.

Hỷ phó. Ngược lại âm phương vụ. phó là giúp đỡ. Gọi là bám vào thêm vào. Hán thư cho rằng: phó là thoa phấn mỡ vào, thoa chà phấn.

Chu ky. Ngược lại âm cư y. Sách Thuyết Văn cho rằng: chu là ngọc không tròn. Tự thư cho rằng: gọi là viên ngọc nhỏ.

San quý. Ngược lại âm sở gian. Sách Luận ngữ cho rằng: ở chỗ xấu ác hạ lưu mà chê bai mắng nhiếc bậc trên. Khổng An Quốc cho rằng: chê bai, phỉ báng hủy nhục. Thiên Thương Hiệt cho rằng: san là chê bai, kẻ ác ở hạng thấp hèn mà chê bai bậc trên.

Trậm nhĩ. Nay viết chữ trâm cũng đồng, ngược lại âm trừ cấm. Loại chim này lớn như diều hâu, màu sắc tím lục, cổ dài, mỏ đỏ, ăn thịt rắn cho rằng lấy chim lông vũ của nó ngâm vào trong rượu uống vào là giết người. Ngược lại âm dưới nhi chí. Thiên Thương Hiệt ghi: nhĩ là cho

ăn, lấy lợi để dụ người. Phàm chỗ ăn vật thư là bánh gọi là nhĩ.

Phiền hà. Ngược lại âm hạ đa. Sách Quốc ngữ cho rằng: hà khắc ta ở chỗ biên địa, vùng đất xa xôi. Giã Quỳ chú giải rằng: hà giống như quấy nhiễu, khắt khe.

Cấm ngữ. Ngược lại âm ngư lữ. Thích danh cho rằng: ngữ là ngăn cấm cũng gọi là cấm ngăn.

Phẩu hình. Ngược lại âm phổ hậu. Phẩu là phá ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: mở phanh ra, phân ra, tách ra. Quảng Nhã cho rằng: phẩu là chỉ ra.

Dựa theo mục lục thứ đệ hợp âm căn bản Luật nhiếp tụng - năm quyển.

Tạp sự Luật nhiếp tụng - một quyển.

Ni-đà-na-mục-đắc-ca Nhiếp tụng - một quyển.

Đã hợp nhập âm nghĩa quyển thứ 61 trong là đồng loại Hữu bộ.

****

KINH PHẠM GIỚI KHINH TRỌNG BÁO ỨNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

****

KINH NGŨ BÁCH VẤN SỰ - *Tuệ Lâm soạn.*

Đô ly. Ngược lại âm ly tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: ly là hàng dậu xanh tốt um tùm, trải qua thời gian, dây leo bò phủ kín. Hoặc là viết từ bộ trúc, hoặc là viết từ bộ mộc gọi là cây làm hàng rào. Chữ viết từ bộ trúc thanh ly. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ ly gọi là ly sơn, tên của cây lê.

Ly lý. Âm dưới là lý. Văn Tự điển nói rằng: gọi là biểu hiện bên trong và ngoài, bên trong gọi là lý. Trên dưới theo cái áo giữa trong là lý. Lý cũng là thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái áo trong.

Dục thường. Ngược lại âm thượng dương. Quảng Nhã cho rằng: lại nhiều lần. Sách Thuyết Văn cho rằng: trả lại. Chữ viết từ bộ nhân thanh thường.

Xà thích. âm trên là xà chữ đúng thể. Kinh văn viết từ bộ dã viết thành chữ xà tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới thanh chích. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng độc hại cắn, chích người. Là loài rắn độc đi bằng bụng. Chữ viết từ bộ trùng thanh thích. Kinh văn viết từ

bộ xích viết thành chữ thích là không thành chữ, chẳng phải chữ.

Kinh bại. Ngược lại âm bài mại. Bì Thương cho rằng: tiếng Phạm. Tán thanh, thanh khen ngợi ca vịnh bằng chữ Phạm. Sách Khảo Thanh cho rằng: pháp sự của tăng ni ca vịnh bằng chữ Phạm.

Bằng kỹ. Ngược lại âm bằng chứng. Sách Chu thư cho rằng: bằng là ghế dựa bằng ngọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ghế dựa. Chữ viết từ bộ nhậm đến bộ kỹ cũng có viết chữ bằng, viết chữ bằng tục dùng thông dụng. Kinh văn viết chữ bị là chẳng phải. Âm dưới là kỹ. Sách Lễ ký cho rằng: có năm loại ghế ngọc, ghế khắc chạm, ghế sơn son, ghế gỗ sơn và ghế thô sơ v.v... năm loại ghế vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ kỹ là chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ cô là tục dùng cũng thông dụng.

Hữu mao. Ngược lại âm mao báo. tự thư cho rằng: đi trong mưa có cái nón che. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ mao. Ở nước Man Di đứa trẻ nhỏ 737 đội áo trên đầu, chữ tượng hình. Kinh văn viết từ bộ y là chẳng phải.

Vị chế. Ngược lại âm chỉ lệ. Kinh văn viết sai. Sách viết chữ chế từ bộ đoan chẳng phải chữ chế trên.

Kiêu hãnh. Ngược lại âm trên kinh diêu. âm dưới là hạnh. Theo chữ kiêu hãnh đó là đặc biệt gặp được may mắn, gọi là kiêu hãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: chẳng phải phân ra mà cầu gặp được may mắn, may mắn đó là đến tự nhiên. Chữ viết từ bộ nhân chữ hình thanh.

Kiền chùy. Âm trên là trác ngược lại âm dưới là trực truy. Hai chữ đều từ bộ mộc chữ hình thanh. Chữ kiền chùy đó là tướng cảnh báo trong chúng tăng, đánh bằng tĩnh mộc chùy. Kinh văn viết từ bộ truy viết thành chữ trùy tục dùng thông dụng.

Quật khanh. Ngược lại âm trên là quần luật. Sách Khảo Thanh cho rằng: đào xuyên qua, cũng là đứt đoạn lìa. Chữ viết từ bộ thủ thanh khuất, ngược lại âm dưới khách canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khanh là rơi xuống hầm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái hầm trống rỗng. Quách Phác cho rằng: cái ao nước sâu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh khanh, âm khanh là âm cang hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ khanh cũng đồng.

Tẩn xuất. Ngược lại âm trên tất nhẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tẩn là bỏ, phế bỏ. Sách Sử ký cho rằng: cùng nhau bài trừ, lôi kéo ra ngoài bỏ đi. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh tân. hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ tẩn chữ tân từ bộ chánh, âm chánh ngược lại âm miên điển. cũng từ bộ thi viết thành chữ tẩn tục dùng thông dụng.

Ngạn thỉnh. âm trên là ngạn. Thiên Thương Hiệt ghi: ngạn là nghinh tiếp. Quảng Nhã cho rằng: đi nghinh đón. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ xước đến bộ ngạn. Hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ giá cũng thông dụng.

Hữu thế. Ngược lại âm thi duệ. Cố Dã Vương cho rằng: thế cũng giống như mua chịu, mua nợ. Sách Thuyết Văn cho rằng: vay mượn. Chữ viết từ bộ bối thanh thế. Văn cổ viết chữ bôn.

Nhất đoàn. Ngược lại âm đoạn loan. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoàn là nắm lại nắm vắt. Chữ viết từ bộ thủ thanh đoàn. Kinh văn viết từ bộ đoan viết thành chữ đỏa là chẳng phải.

Hiềm dực khứ. Ngược lại âm trên trấp hiêm. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: hiềm là tâm xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiềm là nghi ngờ. Chữ viết từ bộ nữ chữ hình thanh.

Khi bát. Ngược lại âm khi ký. Sách Thuyết Văn cho rằng: khi là không thẳng. Chữ viết từ bộ nguy thanh chi Hoặc là từ bộ sơn viết thành chữ khi. Khi là nguy hiểm gập ghềnh. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khi là chẳng phải, ngược lại âm dưới bát mạt.

Quát thủ. Ngược lại âm trên quan bát. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng kiếm ngang dọc tước đoạt, cướp lấy gọi là quát. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bộ đao đến bộ thích thanh tĩnh âm lược là âm lược.

Đạm bính. Ngược lại âm trên đàm cảm. cũng viết chữ đạm. Quảng Nhã cho rằng: hám là cho ăn nuốt vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh hám. Kinh văn viết từ chữ cảm viết thành chữ hám tục dụng thông dụng.

Xuy tác. Ngược lại âm xuất duy. Sách Vận thuyên cho rằng: xuy là nấu, hấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: lô bếp. Chữ viết từ bộ hỏa đến bộ xuy thanh tĩnh.

Thục bất. Ngược lại âm thần nhục. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy tài sản tiền bạc đem tặng cho thẳng gọi là thục. Sách Vận thuyên cho rằng: thâu lấy của người khác, lấy tài sản của người khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: thục là đi mua chuộc đem vè. Chữ viết từ bộ bối đến bộ thục, âm thục là âm dục. Nay tục dùng viết từ bộ thục là sai chữ thục từ bộ cảnh đến bộ bối đến bộ lục, âm lục là âm lục chữ lục cổ.

Tranh thực. Ngược lại âm trên trạch canh. Sách Vận thuyên cho rằng: tranh là xúc chạm, va chạm vào nhau. chữ viết từ bộ thủ thanh tranh. Kinh văn viết từ bộ mộc đến bộ thượng viết thành chữ đường. âm đường là âm đường. Đường là cây lê, chẳng phải nghĩa kinh.

Tích Hung. ngược lại âm trên tỳ diệc. Lại Khảo Thanh cho rằng: tích là đấm ngực. Chữ viết từ bộ thủ thanh tích ngược lại âm dưới húc cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: hung là ngực. Chữ viết từ bộ bao. Tóm lược thanh hung. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ hung là chẳng phải.

Xuy tốn. Ngược lại âm tôn thốn. Bì Thương cho rằng: tuyển là phún nước. Cố Dã Vương cho rằng: dùng miệng ngậm nước phun ra. Chữ viết từ bộ thủy thanh tuyển. Kinh văn viết từ bộ tôn viết thành chữ tôn. âm phún ngược lại âm phổ môn. phổ muộn. hai âm.

Thôi bài. Ngược lại âm trên tha lôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: thôi cũng là bài. Chữ viết từ bộ thủ thanh chuy ngược lại âm dưới là bạch mai. Sách Văn Tự điển nói: bài cũng là thôi tức là trừ bỏ, đuổi ra, xô đẩy ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh phi.

Phân mại. Ngược lại âm trên phát vạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: phân đó là mua bán lấy cầu lợi. Sách Thuyết Văn cho rằng: mua rẻ bán mắc. Chữ viết từ bộ bối thanh phân, ngược lại âm dưới mạch bái. Sách Khảo Thanh cho rằng: mại là khoe khoang. Sách Thuyết Văn cho rằng: đem vật ra khoe khoang để bán. Chữ viết từ bộ xuất thanh mại.

Hoa hài. Ngược lại âm trên trám hòa. gọi là ủng giày cao cổ. Quảng Nhã cho rằng: gọi là giáp sa. Hoặc gọi là giày dép da, giày cỏ, đều là của người Nam Di. Sách Phương ngôn cho rằng: gọi có khác. Sách Tập Huấn cho rằng: viết chữ hoa. Tự Lâm cho rằng: từ bộ hóa viết thành chữ hoa đều thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng từ bộ tỷ đến bộ lý tóm lược thanh hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ này còn thiếu. Các chữ trong sách đều không có trùng lắp âm vận. Sách Vận thuyên cho rằng: có hạng giày dép thuộc giày dép da, vốn thuộc nước ngoài người quốc di gọi là đôi ủng. Từ đời Tấn, Ngụy đã nhập vào trong nước. Nay lấy làm công phục.

Tăng hữu. Ngược lại âm ban mạt. Tiếng Phạm, dịch nghĩa là biến khắp, hoặc gọi là biến thực. Đây dịch không đúng, tức là tương truyền rằng: gọi là cúng dường khắp nơi vậy.

Tảo phạm. Các chữ trong sách đều không có chữ này, chuẩn đúng theo nghĩa kinh là chữ chú tức là chú là lời nguyền rủa.

Khiêu trịch. Ngược lại âm trên đề điêu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy vọt lên. Quảng Nhã cho rằng: nhảy lên cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: trật chân, vấp té, đứng dậy, nhảy lên. Chữ viết từ bộ túc thanh khiêu ngược lại âm dưới trình chích. tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đích viết thành chữ trịch gọi

là đứng một chỗ, chân đứng một chỗ. Cố Dã Vương cho rằng: bỗng nhiên nhấc chân lên cao mà không chịu bước tới. Chữ viết từ bộ túc chữ hình thanh.

Thô điệp. âm dưới là diệp. Ở nước Tây Vực, lấy hoa cỏ dệt làm thảm trải đất. Hoặc là viết chữ điệp. Lại viết chữ điệp chữ cổ.

Cấu thục. Ngược lại âm trên câu hầu. Quảng Nhã cho rằng: cấu là mua sắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy tài sản chuộc vật, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là thường chúc. Sách Thượng thư cho rằng: đem vàng làm vật chuộc lấy mạng khỏi tội hình. Vương Túc chú giải rằng: lấy vàng mà chuộc tội. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối thanh thục âm thục là âm dục. Chữ thục từ bộ cảnh đến bộ lục âm lục là chữ cổ. Văn cổ viết chữ lục. Nay từ bộ mại là sai vậy. Thật khó mà sửa đổi cho đúng.

Tông tập. Ngược lại âm trên tông tống. Theo Liệt Nữ Truyện nói rằng: mối chỉ để dệt đó có thể làm ví dụ, như đẩy ra mà lại dẫn dắt mà lại tới đó gọi là tông. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chỗ đầu mối nắm giữ sợi chỉ mà dệt. Chữ viết từ bộ mịch thanh tông, ngược lại âm dưới tầm nhập. Cố Dã Vương cho rằng: tập là tích tập, chứa nhóm mà thành thói quen. Sách Thượng thư cho rằng: tập là cùng với tánh mà thanh thói quen. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ đến bộ bạch. Kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ tập là chẳng phải. Âm tập ngược lại âm lạp thù. chẳng phải ý kinh.

Đồng điêu. Ngược lại âm dưới điêu diệu. gọi là đồng kim loại sáng đó là cái nồi đồng, cái ấm nấu nước. Kinh văn viết chữ nhiêu viết thành chữ nao âm nao ngược lại âm nạo giao. là tên của loại nhạc khí, chẳng chữ đây dùng, nghĩa sai khác, cũng rất quái lạ. Theo Tả Truyện xin mời sửa chữa lại.

Ảm đam. Ngược lại âm trên ô cảm. Ngược lại âm dưới đàm cảm. Theo Thanh loại cho rằng: ảm đam là nốt ruồi đen sậm, không sáng sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: đen như lá dâu, ảm đam hai chữ đều từ bộ hắc chữ hình thanh.

Phụng pháp. Ngược lại âm trên phong phủng. chữ thượng thanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: phụng thừa, vâng theo. Chữ viết từ bộ phong âm phong là âm phong đến bộ cũng âm cũng là âm cũng. Chữ cũng từ bộ thủ. Nay theo lệ sách viết tóm lược chữ phụng. Kinh văn viết từ bộ vương, pháp viết này rất không có ý nghĩa rất sai lầm.

Dựa theo mục lục thứ tự có luật căn bản nhiếp mười bốn quyển đã nhập vào âm nghĩa trong quyển thứ 61 lấy làm đồng loại Hữu bộ.

LUẬT MA-ĐẮC-LẶC-GIÀ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Ma-đắc-lặc-già. Hoặc nói là Ma-huyễn-lê-ca. Hoặc nói là Ma-đát-lý-ca. Đây dịch là mẫu tức là sanh ra trí tuệ.

Vi chiêm. Hoặc là viết chữ thiềm Ngược lại âm dư chiêm. Nói rằng giống như mái hiên nhà che trùm lên cả nóc nhà, nhưng đây chưa rõ nghĩa.

- QUYỂN 2 (Không có chữ giải thích âm.)

- **QUYỂN 3**

Tử hoan. Tam Thương nói rằng: đây là chữ hoan cổ đồng âm, ngược lại âm hồ quan. đồng âm, ngược lại âm hồ quan. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên con ngựa.

- **QUYỂN 4 ĐẾN QUYỂN 10** (Đều không có chữ để giải thích âm.)

****

LUẬT TỲ-NẠI-DA - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Kiêm cai. Ngược lại âm cổ lai. Cai là dự dị. Sách Phương ngôn cho rằng: cai là bao hàm.

Sưu nhiên. Ngược lại âm tô liễu. sưu là nịnh hót. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụ dẫn, dụ dỗ, khen ngợi dụ có ý dắt vào con đường xấu.

Giam đằng. Ngược lại âm cổ hàm. ngược lại âm dưới đạt tằng. Sách Thuyết Văn cho rằng: giam là buộc kín cái hộp lại. Quảng Nhã cho rằng: giam là dùng sợi dây lớn trói buộc dán kín, cũng gọi là đóng kín lại.

Truân truân. Văn cổ viết chữ truân cũng đồng, ngược lại âm chi thuần, chi nhuận. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bo bo giữ lấy. Theo chữ truân truân nghĩa là tha thiết thành khẩn. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: dạy bảo, giúp đỡ, nói cho hiểu tường tận.

Kiềm ba. Ngược lại âm hồ đam cự liêm. hai âm.

Phấn giả. Ngược lại âm phò vân. Sách Thuyết Văn cho rằng: di thỉ. Hoặc gọi là kiền thỉ. tên con ngựa to lớn, âm di là âm tợ.

Kê ngạc. Ngược lại âm nga các. Thuộc giống diều hâu. Tên dung của giống chim hung dữ. Mạnh mẽ giống như chim điêu mà màu đen có đóm đen đầu trắng, chân đỏ, cái mỏ giống như móng cọp, tiếng kêu giống như loài ngỗng trời.

Ty thiêu. Ngược lại âm tý di. tên ty thiên quả. Gọi là trong vườn thượng uyển có nhiều quạ đen, ty là điềm xấu vậy.

Hà hoắc. Ngược lại âm cổ nà. ngược lại âm dưới cư phược. Sách Thuyết Văn cho rằng: con khỉ cái lớn, giống như con khỉ mà lớn hơn, màu xanh đen hay chụp bắt người và cũng giỏi liếc ngó.

Dư xuất. Ngược lại âm dữ cư. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhấc lên, giơ cao lên gọi là dư.

Như thân. Ngược lại âm ư thân. gọi là từ trên mà cộng thêm dưới.

Phiên tiệp. Ngược lại âm thả liệp tự liệp. hai âm. Gọi là miệng lưỡi qua lại. Mao Thi Truyện cho rằng: tiệp tiệp phiên phiên. đánh thắng trận cờ xí bay phất phới, mưu tính ngợi khen. Theo Truyện cho rằng: tiệp giống như tập bắt lấy. Tập tập phan phan. giống như là phiên phiên. bay vùn vụt, thoăn thoắt, nhanh nhẹn, lanh lẹ.

Hệ đầu. Ngược lại âm hộ đế. Điều-đạt trong quyển thứ năm, tên của vị Tỳ-kheo.

Toàn thạc. Ngược lại âm thị diệc. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Tề, Tống gọi là lớn vĩ đại là thạc cũng gọi là tốt đẹp phong phú.

Dược mẫu. Ngược lại âm dư chước. Ngược lại âm dưới là mạc hậu. gọi là cái khóa dưới khóa chốt cửa lại, dưới là chữ mẫu. Theo chữ dược cùng với chữ mẫu đó gọi là phong tỏa đóng kín chắc chắn, khiến cho không thể mở ra được.

Hủy độc. Cổ văn viết chữ hủy. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ quỷ. Gọi là trùng độc. Theo Hàn Phi Tử Truyện nói rằng: loài trùng này có thân giống như rắn độc một thân hai miệng. tranh ăn lẫn nhau, sát hại cắn xé lẫn nhau.

- QUYỂN 2, 3 (Không có chữ để giải thích âm)

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 4

Tẩn mẫu. Ngược lại âm bi nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại gia súc thuộc giống cái, như là gà mái, ngược lại âm dưới mạc cẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại gia súc thuộc giống đực, như là gà trống, biết chạy gọi là mái, cái, mái là tẩn. Giống đực gọi mẫu đây lấy nghĩa này.

Phàm hoặc. Văn cổ viết chữ hoặc cũng đồng, ngược lại âm hồ vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có thật tự cho là hoặc. Quách Phác chú giải rằng: cửa hẹp, âm trật ngược lại âm điền kiết.

Phàm mi. Ngược lại âm mi cô. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mi. Gọi là cây đòn dông. Quách Phác cho rằng: xà ngang gác trên cửa. Quảng Nhã cho rằng: cây cột chống đỡ.

738 Tứ khiếu. Ngược lại âm cổ diếu. bốn cửa ngõ ngách, tức là bốn cửa hẹp ở biên giới gọi là vây.

Thuyên thành. Ngược lại âm thị duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẻ trúc ra đan thành cái sọt tròn để chứa lúa thóc, âm tuân ngược lại âm đồ tổn.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 5

Nghệ ngư. Ngược lại âm ngư thế. trong giấc ngủ không biết nói mê nói sảng. Liệt Tử Truyện nói rằng: trong khi ngủ nói nhảm, kêu gọi, nói sàm, âm hợp ngược lại ngũ hợp.

Xá hựu. Ngược lại âm thư dạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xá là an trí xếp đặc. Sách Chu lễ cho rằng: có ba loại xá, tha tội. Một là tha cho ấu niên trẻ nhỏ yếu ớt. Hai là tha cho người già, tha cho người già có ba: tha cho người ngu xuẩn, ngược lại âm dưới là vũ cứu. Hựu là tha thứ, khoang dung. Hựu cũng là xá tha tội. Sách Chu lễ cho rằng: có ba loại tha thứ. Một là tha thứ cho người không biết. Hai là tha thứ cho người có lỗi nhỏ. Ba là tha thứ cho người hay quên, tức mất trí.

Trúc địch. Ngược lại âm tri lục. trúc là tên một loại đàn ngày xưa hình giống như đàn tranh có mười ba dây, khắc vào cổ của cây đàn mà nắm cổ của cây đàn mà khải dàn. Cho nên gọi là trúc. Chữ trúc từ bộ cũng ? đó là nắm giữ lấy cây đàn. Âm khủng là âm cũng, cũng là tay.

tay đưa lên cũng viết chữ cũng này.

Chất cốc. Ngược lại âm chi viết. ngược lại âm dưới cổ mộc. Gông cùm trong tay gọi là chất, gông cùm ở trong chân gọi là cốc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: xích một bên gọi chất gông xích hai bên gọi là cốc.

Cấm thiết. Ngược lại âm cự ẩm. ngậm miệng lại gọi là cấm. Cấm gọi là không mở miệng ra.

Cân vĩ. Ngược lại âm cự ngôn. Văn thông dụng cho rằng: chạy vễnh đuôi gọi là cân cũng gọi là đuổi theo. Văn luật viết chữ kiền là chẳng phải thể vậy.

Hoăng hiệp. Lại viết chữ hoăng cũng đồng, ngược lại âm cổ hoằng. ngược lại âm dưới hồ hiệp. Quảng Nhã cho rằng: cánh tay gọi hoăng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kẹp giấu trong cánh tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: kẹp giữ lấy.

Phanh nhạn. Ngược lại âm phổ canh. Phanh là nấu. Sách Phương ngôn cho rằng: nấu chín nhừ, phàm nấu trong cái nồi tròn gọi là phanh, nấy trong cái nồi đồng như cái đĩnh có chân gọi là thăng.

Xao tiết. Lại viết chữ xao cũng đồng, ngược lại âm khẩu giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: xao là chốt cửa trong, cũng gọi là đánh gõ cửa phía dưới.

Trịch phao. Lại viết chữ trích cũng đồng, ngược lại âm văn diệc. Trịch là ném, đưa lên cao ném xuống đất, ngược lại âm dưới là phổ giao. Tự Lâm cho rằng: phao là đánh. Văn thông dụng cho rằng: phao là dùng gậy mà đánh gọi là phao. Phao là đánh ra văng ra xa, cũng là lời nói thông dụng. Nay có viết chữ phao xa. Văn luật viết chữ bao là chẳng phải. Ngược lại âm cổ hạp. nghĩa là kẹp dưới đầu gối, chẳng phải nghĩa kinh.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 6

Trùng đồ. Ngược lại âm đinh cố. Tự Lâm cho rằng: con mọt trong gỗ, nó ăn xuyên qua vật dụng của người. Con sâu mọt, có trắng, có đen v đều là vậy.

Cung kiên. Lại viết chữ tiến hiên. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cư ngôn khẩu thả. hai âm. Quảng Nhã cho rằng: chỗ cất

dấu cây cung, cái bao đựng cung tên gọi là kiên. Thích danh cho rằng: bao đựng cung tên đeo bên lưng ngựa.

Đáp-bà. Hoặc nói là thâu-bà. Hoặc nói là số-đẩu-bà. đều sai nói cho đúng là tốt-đổ-ba. Đây nói là miếu.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 7

Phì lỗi. Lại viết chữ phì cũng đồng, ngược lại âm bổ tội. âm dưới là lực yỵI. Theo chữ phì lỗi đó nghĩa là da phù thủng nhỏ.

Nạo nhiễu. Tự Lâm âm hỏa đao. Nạo nhiễu, âm dưới như chiếu. Quảng Nhã cho rằng: nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền nhiễu.

Kích động. Ngược lại âm cổ lịch. na chảy gấp bắn lên gọi là kích. Kích là phát ra, bắn ra, cũng gọi là cảm kích.

Như yểm. Ngược lại âm y diễm. Sách Tự Uyển nói rằng: trong khi ngủ không rõ mà nói sảng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: người nằm hợp với tâm gọi là yểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: yểm là hợp. Chữ viết từ bộ hán thanh yểm, âm hán là âm hán.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 8

Đát nhiên. Ngược lại âm cổ đặng. gọi là thản nhiên, bình thản. Thản cũng là biến khắp, chiếu khắp nơi.

Soái la. Ngược lại âm sở khoái. Tiếng Phạm, nói là A-bà-soái-la. gọi là vua nếm đất màu mỡ.

Xí vọng. Văn cổ viết nghiên xí. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hư thị. Gọi là nhón gót chân lên gọi là xí.

Niếp thủy. Giang Nam gọi nước không chảy là niếp, ngược lại âm nãi điểm. Quan Trung âm nãi trảm là nước đục. Bì Thương cho rằng: niếp là nước không có sóng. Văn luật viết chữ thiềm là chẳng phải.

Tốt diệt. Ngược lại âm tồn một. Sách Thuyết Văn cho rằng: tay nắm níu đầu tóc tốt cũng là đánh.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 9

Phẩu thủy. Ngược lại âm bổ giao. Văn thông dụng cho rằng: tay nắm gọi là phẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẩu là nắm kéo.

Hiếp xế. Ngược lại âm lực kế. tên có vị Tỳ-kheo, tên hiếp xế tử.

Khôi thủ. Ngược lại âm khổ hồi. khôi là người thầy cũng là người đứng đầu. Quảng Nhã cho rằng: khôi là người chủ.

Trà-yết. Tôn giả Trà-yết-đố, ngược lại cự yết tên người.

Xà sái. Ngược lại âm lặc giới. Tự Lâm cho rằng: điều gọi là loại trùng gieo độc hại. Quan Tây gọi là con bò cạp là sái là loài côn trùng cắn chích, âm lặc ngược lại âm tha đạt, lực át hai âm.

LUẬT TỲ-NẠI-DA
QUYỂN 10

Xi lông. Văn cổ viết chữ xi cũng đồng, ngược lại âm xích chi. Quảng Thất cho rằng: xi là làm trò vui đùa cười cợt, đùa giỡn, gọi là cười nhẹ.

Tế nhiếp. Ngược lại âm tri liệp chi thiệp. Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là gấp cong lại, xếp lại.

Hấp phạn. Lại viết chữ hấp cũng đồng, ngược lại âm hy cập. Quảng Thất cho rằng: hấp là uống vào. Hấp giống như dẫn vào.

Tận kiêu. Ngược lại âm kiết nghiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu đảo ngược. Giả Thị Trung nói: đoạn chặt cái đầu treo ngược, tức là chữ kiêu, gọi là dùng cây gậy trúc xỏ đầu treo ngược dưới nước nơi hàng quán, hình phạt kẻ có tội ác. Quảng Nhã cho rằng: chặt đầu. Hoặc là viết chữ kiêu hai chữ đều thông dụng.

Nặc-dạ. tiếng Phạm nói là nặc-dạ-nê. Đây nói là đã dực phong địa.

Thủy đậu. Ngược lại âm đồ đấu. Gọi là đường nước chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét lỗ hổng, trống rỗng, lở hang, lỗ chó chum.

Bể đậu. Ngược lại âm phổ mê. Quảng Nhã cho rằng: đậu bể, đậu lưu.

Trì kích. Ngược lại âm cư nghịch. Quảng Nhã cho rằng: dùng cây kích đâm con gà trống ngã ngửa ra. Sách Phương ngôn cho rằng: cây

kích ba nhẫn một trượng. Nam Sở Dĩnh gọi lật ngửa cây kích.

Quắc phạn. Ngược lại âm ư hao. Quảng Nhã cho rằng: quắc là nắm giữ bắt lấy. Gọi là dùng tay nắm bắt, chụp lấy. Văn luật viết chữ quắc là chẳng phải.

Bác tập. Lại viết chữ bác cũng đồng, ngược lại âm bổ lạc. Lại âm tử lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng nhai, lấy mùi vị.

****

LUẬT THIỆN KIẾN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Lộc dã. Ở nước Ba-la-nại. Ngày xưa, Đức Như Lai cùng với Đề-bà-đạt-đa đều đến Lộc vương các, dẫn dắt hơn năm trăm con nai trong rừng này. Lúc bấy giờ vua ra lệnh săn bắt hết những con nai trong rừng này, nhưng có một con nai cái đang mang thai, cúi xuống sinh ra vị Bồ-tát là Lộc vương thay thế cho các con nai kia mà chịu chết. Vua mới cảm kích lòng nhân từ là miễn tha mạng cho các con nai kia, tức là lấy khu rừng này dùng thí cho các con nai kia sống hoang dã, cho nên hiệu là lộc dã, từ đây mới có tên này.

Đại tự. Tiếng Phạm gọi là Tỷ-a-la. Đây dịch là du gọi là chỗ cho tăng sĩ dạo qua. Xưa đến làm chùa, chùa là thay thế chỗ cúng tế, công xá, có pháp độ. Thích danh cho rằng: chùa là nơi cúng tế thờ tự các pháp sự nối truyền nhau nơi trong chùa này vậy. Chữ viết từ bộ thốn thanh triệt triệt là chữ cổ.

Y hàng. Hoặc là viết chữ hàng. Ngược lại âm hồ lãng. có thể làm cái giá móc áo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cây sào trúc gọi là làm hàng rào phơi áo. Âm thí là âm di.

Phần na. Ngược lại âm phù vân. gọi tên là A-tỳ-đàm tạng. Dựa theo chữ. Quảng Nhã cho rằng: phần là phân ra.

Cô phu. Ngược lại âm hồ cô. Đây văn cổ viết chữ sảng. Lại viết chữ hoa, ngược lại âm dưới phủ can. gọi là hình phạt chém ngang lưng, cũng gọi là cái búa ngang. Cái búa lớn.

Bàng dương. Ngược lại âm bà dương. ngược lại âm dưới là dư dương. Quảng Nhã cho rằng: bàng dương là đi bộ vòng quanh, dựa vào. Theo chữ bàng dương, giống như bồi hồi. đi đi lại lại ngập ngừng.

Nhất thúc. Lại viết chữ thúc thôn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm thất lục. Quảng Nhã cho rằng: đậu lớn gọi là thúc, đậu

nhỏ gọi là đáp.

Thiên đề. Ngược lại âm thiển tiên. có thể nói chuyển đổi, đề cử, vật khác. Hoặc là viết chữ thuyên đề. nói là tên của loại cỏ thơm, chẳng vật của phương này, xuất ra từ núi Côn Sơn. Trong văn luật viết tiên đề.

Khiết lý. Văn cổ viết chữ khiết cũng đồng, ngược lại âm cổ hiệt. Khiết là dùng dây bó buộc lại. Tự Lâm cho rằng: buộc một bó thẳng.

Hòa thượng. Trong kinh hoặc là viết chữ hòa xà. Đều sai. Nên nói ủy ba đệ hình. Đây dịch là cận tụng, vì người đệ tử niên thiếu nhỏ tuổi không lìa thầy. Thường theo thầy, gần gũi bên thầy. Theo nhận kinh mà đọc tụng. lại gọi là ủy ba đà tà. Đây dịch là thân giáo. Xưa dịch là biết tội, biết không tội, gọi là Hòa thượng.

A-xà-lê. Trong kinh hoặc là viết A-kỳ-lợi. đều xuất từ các nước Vu Điền chuyển dịch sai. Nên nói là A-giá-lợi-da. dịch là Chánh hạnh. Lại nói A-giá-lợi-tà. Đây dịch là quỹ phạm, là khuôn mẫu. Xưa dịch là trong thiện pháp làm giáo thọ, khiến cho biết nên gọi là A-xà-lê.

Thẩn-đà. Ngược lại âm hoặc nhẫn. Ma-thẫn-đà đó là con của vua A-dục.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 2

Bố tát. Đây dịch sai tóm lược. Nên nói là Bát-la-đế-đề-xá-tà-mị. Đây dịch là Ngã đối tướng. gọi là hướng về nhau mà nói tội. Xưa dịch là tịnh trụ, nghĩa phiên dịch là đúng vậy.

Giá cổ. Ngược lại âm chi dạ. ngược lại âm dưới cổ hồ. Bì Thương cho rằng: chim giống như chim phục mà lớn hơn, chữ chỉ rằng: chim giá cổ khi nó hót là tự kêu các con chim trong bầy bay về hướng Nam, mà không bay về hướng Bắc. Hình nó giống như chim trĩ.

Xí ma. Ngược lại âm khinh dĩ. tên người dựa theo chữ xí là đứng thẳng. Chữ viết từ bộ nhân đến bộ chỉ. Kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ xí. Văn cổ viết chữ nguy nghĩa là người ở trong núi cao.

Ca loa. Ngược lại âm lặc hòa. tên người. Văn luật viết chữ duyên ngược lại âm duyệt chuyên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chuyên là che đậy trong vỏ tức là con châu chấu chưa mọc cánh. Tên loài côn trùng, duyên chẳng phải nghĩa đây dùng.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 3

Xướng tát. Đây nói sai. Nói cho đúng là sa độ. Đây dịch là thiện tai, tức là lành thay!.

Chỉnh giới. Ngược lại âm sở lực. 739 Giới đây gọi là chánh phương, đúng hướng.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 4

Giản mộc. Ngược lại âm mộc kiến. gọi là giản mộc tử, giống như là chỉ bạch mà lại dính lại có thể dùng giặt áo.

Nhất cáp. Ngược lại âm cổ hạp. Tự Lâm cho rằng: chim yến tước hóa làm thân. Người nước tần gọi là con sò, con hàu.

Sàm lạt. Ngược lại âm sĩ sam. Quảng Nhã cho rằng: gọi là sàm là cái kim lớn, người thầy thuốc dùng để phá ung nhọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: sàm là cây kim bén nhọn.

Chí danh. Chữ cổ. Nay viết chữ thức chí. chí là ghi chép.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 5

Chủy phá. Nay viết chữ chủy này cũng đồng, ngược lại âm tử lụy. Quảng Nhã cho rằng: chủy là cái miệng. Tự thư cho rằng: cái mỏ chim. Văn luật viết chữ chủy ngược lại âm từ nhuyễn. Chữ chủy chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhất hý. Ngược lại âm hư ký. Sách Phương ngôn cho rằng: bày ra. Giữa Sở, Tống, Ngụy gọi người Nam Man là hý tức là trò đùa. Quách Phác cho rằng: hý là cái muỗng, dây bầu. Nay Giang Đông gọi chước là hý, tức là làm trò vui đùa bỡn cợt. Văn luật viết chữ hy chữ giả tá. Chữ hy đúng âm là hư y. Chữ hy là tên của cây mà chất mủ của cây có thể ăn được. Chữ hy chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xuyết mi. Văn cổ viết chữ quyết cũng đồng, ngược lại âm xương

duyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyết là uống vào, ngậm vào âm ẩm. ngược lại âm hô đáp. Văn luật viết chữ xuyết ngược lại âm thời thời duyệt. Xuyết là nếm thử thức ăn. Xuyết chẳng phải nghĩa nay dùng vậy.

Kiều khách. Ngược lại âm ký kiêu. Quảng Nhã cho rằng: kiều là người khách ở trọ. Văn luật viết chữ kiều , chữ kiều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Giam khẩu Ngược lại âm cổ hàm. Giam là đóng kín lại. Tự Lâm cho rằng: buộc dán cái rương kín lại. Quảng Nhã cho rằng: giam là sợi dây lớn, đây lấy nghĩa này vậy.

Trụy hận. Ngược lại âm trực lụy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trụy là oán giận, thù hận.

Nang phan. Lại viết chữ phan cũng đồng, ngược lại âm phổ giản. Nay gọi là cái khuyết để cài khuy áo, gọi là khuy áo.

Vi đĩnh. Ngược lại âm đồ đảnh. gọi là đồng thiết còn nguyên chất, chưa chế biến.

Phỉ thủy. Ngược lại âm phi úy. Lại âm thủ túy. Gà trống đỏ gọi là phỉ. Gà mái xanh gọi là thúy, xuất ra từ rừng Uất Lâm, phương Nam gọi là con vật khác. Chỉ Đỗ giải thích rằng: con chim phỉ lớn như con chim yến nhỏ. Thân đen như con quạ chỉ có trước ngựa, trên lưng cánh sau có lông màu đỏ. Chim thúy có toàn thân màu xanh vàng, chỉ có sáu cọng lông trên dài hơn một tấc là bay đi, tức là cánh chim, mỏ chim phỉ, chim phỉ thủy bởi vậy mà gọi tên vậy. Chữ chỉ ý nghĩa là nhân ở phương Nam mà lấy tên chim phỉ thúy. Chim phỉ thúy khi đẻ con từ từ rơi xuống ổ, muốn bắt nó phải bắt từ nơi cánh của chim.

- QUYỂN 6 (Không có chữ giải thích âm)

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 7

Si ngật. Ngược lại âm ngư ngật. Quảng Nhã cho rằng: ngật si là ngớ ngẩn, ngây ngô. Văn thông dụng cho rằng: đứa trẻ đần độn gọi là ngật. Sách Thuyết Văn cho rằng: si là không có trí tuệ. Bì Thương cho rằng: si là ngu ngốc.

Sanh vưu. Lại viết chữ vưu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược

lại âm hữu lưu. Quảng Nhã cho rằng: vưu là sưng thủng. văn cổ giải thích vưu là bệnh bướu nhỏ gọi là vưu, lớn đó gọi là chuế, âm chuế ngược lại âm chi nhuế.

Nhiếm xà. Ngược lại âm nhi lâm. Lâm Tự cho rằng: con rắn lớn có thể ăn cả thức ăn của hai khu vườn nuôi súc vật dài hơn hai trượng, vật khác. Chí Đỗ cho rằng: con trăn, rắn ăn nuốt cả con nai, con nai cùng với con rắn bằng nhau.

Phù cưu. âm phù. Phần nhiều tục viết chữ cúc ngược lại âm cự lục. Văn thông dụng cho rằng: loại chim giai phù, cũng gọi là chim cúc cưu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chim giai phù bôi. Quách Phác cho rằng: tức là chim phù cưu, là chim ty hú. Văn luật viết chữ phù là chẳng phải thể.

Cẩu thát. ngược lại âm tha át tha hạt. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hình giống như con chó nhỏ, mà sống dưới nước hay ăn cá, gọi là con rái cá. Văn luật phần nhiều viết chữ thư thát thát. ba chữ tượng hình cũng đồng đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trân ngưu. Ngược lại âm tật tân. Tự lược cho rằng: tên của trâu.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 8

Túng dung. Gọi là cây trước cửa. Theo chữ túng dung. Là cử động. Nay lấy nghĩa này.

Liêm hộ. Lại viết chữ liêm cũng đồng, ngược lại âm khẩu giảm. Văn thông dụng cho rằng: cửa nhỏ gọi là liêm Tự thư cho rằng: liêm là cửa sổ. Văn luật viết chữ chiêm cùng với chữ hiểm cũng đồng, ngược lại âm dư nhiễm. gọi là then cài cửa. Lại là âm điếm chẳng phải nay dùng nghĩa này.

Bài bác. Lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bổ mại. ngược lại âm dưới bổ mạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bài là hai tay xua ra phía sau, phía trước, rủ xuống, đưa lên cao. Quảng Nhã cho rằng: giơ lên mở ra. Bác là trừ bỏ, nâng lên.

Trùng chủ. tục âm là chú. Đây nên viết chữ trung ngược lại âm đinh cố. gọi là loài côn trùng làm hư hoại hao tổn vật, như y phục. Loài trùng có trắng có đen v.v... Văn luật có viết sửa đổi là chữ trụ.

Hộ hướng. Ngược lại âm hứa lượng. Tam Thương cho rằng: gọi là cửa xuất ra hướng Bắc. Văn luật có viết chữ quynh ngược lại âm cổ

quỳnh. Gọi là cái then cài ngoài hia cánh cửa. Chữ quynh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tác tản. Lại viết chữ tản cũng đồng, ngược lại âm tăng lan. gọi là cây dù che.

Giải niên. Lại viết chữ giải cũng đồng, ngược lại âm hồ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: con cua sống dưới nước có tám chân, hai càng, đi ngang.

Mễ niêm. Lại viết chữ niêm cũng đồng, ngược lại âm hộ cô. chữ cổ niêm. là hai thể chữ.

Lũ nhung. Ngược lại âm như dung. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ nhung. Nhung cũng là rối loạn. Nay lấy nghĩa này.

Tam cổ. Lại viết chữ cổ cũng đồng, ngược lại âm công hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là xương đùi. Gọi là cổ cẳng chân vốn gọi là cổ. Nay lấy nghĩa này. Văn luật có viết chữ cổ là chẳng phải thể.

Bát liêm. Ngược lại âm lực chiêm. Quảng Nhã cho rằng: liêm là góc nhà. Sách Phương ngôn cho rằng: mũi tên có ba cạnh, đó gọi là dương đầu tiễn. là mũi tên đầu dê.

Cung pháp. Ngược lại âm cư hùng. Thế bổn phát huy viết chữ cung. Tống Trung chú giải rằng: vị đại thần của vua. Kinh Sơn Hải nói rằng: bầu mới bắt đầu sinh ra cung. Đây nói như vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy gần tận cùng của xa thăm thẳm, cho nên gọi là cung. Văn luật viết từ bộ mộc viết thành chữ chữ cung là chẳng phải thể.

Môn nghiệt. Lại viết chữ nghiệt cũng đồng, ngược lại âm ngư liệt. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cây cột trụ gọi là nghiệt. Quách Phác cho rằng: cửa hẹp.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 9

Đại ung. Lại viết chữ cương cũng đồng, ngược lại âm cổ lãng. Sách Phương ngôn cho rằng: cái bình miệng nhỏ bụng to. Lại chú giải rằng: nay Giang Đông thông thường nói cái chim lớn là cang.

Vô lam. Ngược lại âm lực cam. thuộc cái sọt, cái giỏ. Tự Lâm cho rằng: cái sọt lớn, cái lồng tre. Sách Toán văn nói rằng: cái sọt vuông làm bằng tre lớn. Âm các ngược lại âm lực các. Sách Phương ngôn cho rằng: cái giỏ tre.

Cập đằng. Ngược lại âm đồ đăng. Quảng Nhã cho rằng: đằng là cây thân leo. Nay gọi là cỏ mọc lan rộng, dây leo quấn chằng chịt, giống như dây sắn leo quấn lấy cây lớn, đó gọi là đằng.

Cam tiều. Ngược lại âm tử diêu. loại cây này xuất phát ở Quảng Châu. Hạt của cây này không thể ăn được. Ở nhân gian trồng dùng làm hàng rào cho cây có dây leo quấn lấy. Loại này gọi là cây chuối hạt. Theo truyền thuyết dùng cây xắt mỏng đắp lên mặt trị bệnh sưng thủng.

Da tử. Theo Thanh loại cho rằng: viết chữ tà cũng đồng, ngược lại âm dĩ xa. vật khác. Chí Đỗ cho rằng: cây dừa cao mười tầm. Lá trong cây, dưa có quả gọi là tử và đến lâu ngày có thể làm chiếu biến khắp trong nước Trung Quốc.

Thủ nạch. Lại viết chữ nạch này, ngược lại âm nữ trác nữ thảo. hai âm. Nạch giống như là chụp lấy, nắm bắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nạch là đè ấn xuống.

Thạch kỳ. Nay viết chữ chi cũng đồng, ngược lại âm chi di. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kỳ là cây cột trụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cột trụ dưới thấp.

Cập ngạc. Ngược lại âm ngũ các. Quảng Nhã cho rằng: tên của con cá ngạc dài hơn hai trượng, có bốn chân, giống như loài bò sát giống cá sấu, răng rất bén nhọn, có thể nuốt cả cho nên nai vào miệng, sống dưới nước, răng nó cắn đoạn cả lưới chắc.

Ngư cẩu. Ngược lại âm chiêm hậu. Gọi là lấy cái lờ mỏng làm đồ bắt cá. Chỉ trúc làm cái nơm bắt cá.

Loan thủ. Ngược lại âm cửu vạn. Văn thông dụng cho rằng: lấy múc nước gọi là loan. Sách Thuyết Văn cho rằng: loan là tuôn ra, thoat ra, dùng gáo múc nước. Âm hiểu ngược lại âm dực thiếu.

Dược chủy. Lại viết chữ dược cũng đồng, ngược lại âm dư chước. ngược lại âm dưới là thị chi. Văn luật hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ đề là chẳng phải.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 10

Chủ chương. Ngược lại âm chi du. Tự Lâm cho rằng: giống như con nai mà lớn hơn, có một cái sừng. Chương lại viết chữ ngư cũng

đồng, ngược lại âm cư anh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con hoẵng lớn hơn nai, đuôi giống như đuôi con trâu, có một cái sừng, con nai tức là con hươu vậy. Màu sắc đen, tai trắng. Âm bào ngược lại âm bổ giao. tên khác của loài nai, hươu.

Trực đảm. Lại viết chữ liễm này cũng đồng, ngược lại âm đồ cảm. Văn thông dụng cho rằng: ngoài chợ muốn mua trước phải đặt cọc gọi là đảm. Nay nói là đặt tiền trước mua hàng.

Sa đường. Lại viết chữ đường cũng đồng, ngược lại âm đồ lãng. Gọi là mía nấu lại làm đường tinh vậy.

Mộc cẩn. Ngược lại âm cư ẩn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cây hà cây sán, tức cây ngô đồng. Ngẫy dùng gỗ cây ngô đồng làm áo quan nên cây này cũng gọi là sán cây cận giống như cay hoa lý, sớm sống chiều là chết, cây có thể ăn được.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 11

Thượng thoan. Ngược lại âm thổ hoàn. nước chảy mau. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy mau trên bãi cát, bãi nước cạn gọi là thoan. Lai là bãi nước cạn, nơi nước chảy trên bãi cát.

Ngũ cao. Ngược lại âm cổ hào. Cao gọi là cây sào dùng chống thuyền, dài hai trượng, lấy đầu sào bịt thiếc gọi là mũi tên.

Phưỡn cao. Ngược lại âm phủ phòng. Sách Thuyết Văn cho rằng: phưỡn là chất béo, mập, chất mỡ. Tam Thương cho rằng: có đóng cao sừng gọi là chỉ, không có sừng gọi là cao.

Hữu thác. Ngược lại âm bổ giới. cái túi da, cái ống đồng vật gia dụng dùng để thổi lửa khiến cho lửa cháy bừng lên.

Hồ thốc. Ngược lại âm cơ hồ. Lấy đầy cây tre nhọn cắm xuống đất, ngược lại âm dưới sở giác. Đông Kinh Phú Truyện nói rằng: ngọc đồi mồi mớ itinh khôi, không có tỳ vết. Tên chung của loại ngọc, không phải cắt xén dồi mài, đẹp đẽ. Tự lấy trao dồi trang sức. Quảng Nhã cho rằng: bánh gia dụng của nước Hồ. Một bộ tộc thích săn bắn, tức là mũi tên. Âm lạp ngược lại âm xoa bạch. thuộc cây mâu, cây giáo.

Mạn tán. Ngược lại âm mạc bán. Mạn giống như không có thật, không phân biệt thiện ác. Văn luật viết chữ mạn. Mạm là không có màu sắc, mạn chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tao hàm. Lại viết đồ hàm. hai chữ tượng hình, ngược lại âm hồ nam. Sách Phương ngôn cho rằng: hàm là trầm nịch. Thể chữ viết gọi là thuyền chìm đắm.

Trùy sát. Lại viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm trực nguỵ. gọi là móc dây treo vật nặng gọi là trùy. Văn thông dụng cho rằng: treo năm trăm người gọi là trùy.

Phanh thạch. Văn cổ viết giáng phanh. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ canh. Gọi là dùng sợi dây buộc nắm kéo lên, nắm giữ sợi dây cho thẳng, gọi là gảy đàn.

Lũy sách. Ngược lại âm lực quý. âm dưới xoa bạch. bức tường 740 bao quanh doanh trại quân lính gọi là lũy. Dựng cây đứng chắc chắn làm hàng rào gọi là sách.

Thời trách. Ngược lại âm trắc cách. Trách giống như đè xuống, chật hẹp. Nay gọi trách là xuất mồ hôi.

Sạn thảo. Lại viết chữ sản cũng đồng, ngược lại âm sơ miên. Quảng Nhã cho rằng: sạn lột bỏ, tiêu diệt. Theo Thanh loại cho rằng: sạn là san bằng.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 12

Khước hiệp. Ngược lại âm cổ hạp. Hiệp là kẹp lấy vật. Tam Thương cho rằng: là cây đòn áp hai bên xe.

Niếp trí. Ngược lại âm nô giáp. Văn thông dụng cho rằng: dùng ngón tay nắm giữ là niếp. Niếp cũng là nắn, nặn, vo, vê.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 13

Ốc lưu. Lại viết chữ lưu cũng đồng, ngược lại âm lực cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: trên mái nhà nước chảy xuống. Phàm nước chảy xuống gọi là lưu. Văn luật viết chữ lưu đều chẳng phải thể vậy.

Sàn na. Ngược lại âm sĩ giản sĩ diên. hai âm, tên của vị Tỳ-kheo.

Nhu nhuyến. Ngược lại âm nhi câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhu là mềm yếu, xưng là thuật sĩ, mềm mại nhu nhuyến, yếu, gầy yếu.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 14

Dụ thuật. Văn cổ viết chữ dụba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm dư thủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụ là nói dẫn dắt theo con đường, dạy dỗ, cũng gọi là khuyên nhủ lẫn nhau. Thuật ngược lại âm tư luật. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuật cũng là dẫn dắt tiến tới. Quảng Nhã cho rằng: thuật là nói chuyện, bàn luận. Văn luật viết chữ dụ là chẳng phải, âm dưới viết chữ tuất cũng chẳng phải thể.

Vật bì. Lại viết chữ bì hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tỳ di. Lại cũng âm ty bổ. gọi là trợ giúp cho tăng thêm lợi ích.

Phẫu hoại. Ngược lại âm phu cửu. Quảng Nhã cho rằng: phẫu là hư hoại dần dần. Bì Thương cho rằng: phẫu là mục nát.

Ông thân. Ngược lại âm ô công. Theo chữ ông tức là lông trên đầu con chim gọi là ông. Ông cũng gọi là một người rất trên tức là tổ trong một nhà, rất tôn kính gọi là ông, ý nói ông là tôn kính trên hết trong một gia đình gọi là ông.

Tế trì. Lại viết chữ xuyết cũng đồng, ngược lại âm trì trí. tức dày đặc, đông đúc, rậm rạp.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 15

Bổng lộc. Ngược lại âm phò dụng. Theo chữ phụng là cùng nhau. tặng tiền lương dầu gạo gọi là bổng, gọi là phước lộc. Theo người xưa chưa có cày ruộng gieo trồng người dân ăn những con nai hoang dã, trong việc này, người ta cho rằng thiếu nơi cày ruộng, săn bắn, quan mới tặng vật là những con nai trong rừng cho dân ăn. Về sau nhân đây người ta gọi là ăn nai biến thanh lộc, lộc là nai, cho nên viết chữ lộc. Lộc đó nghĩa là lấy cái phước của thần thánh ban cho.

Ốc địa. Ngược lại âm ô học. gọi là thấm ướt đượm nhuần gọi là ốc. Ốc cũng là dày phì nhiêu màu mỡ.

Quy thiện. Lại viết chữ thiện thư. hai chữ tượng hình cũng đồng, âm thiện. Sách Toán văn cũng giải thích: con cá giống như rắn, tức con lươn.

Hương phù. Ngược lại âm phủ câu. Tiếng Phạm nói là ưu-thi-la.

Đây dịch là bì cũng là hoa.

Phanh đang. Ngược lại âm phương dính. ngược lại âm đa lãng. Văn thông dụng cho rằng: trừ bỏ đi vật gọi là phanh tàng. phanh là trừ bỏ.

Mộc đoàn. Chữ viết đúng nghi là chữ đoàn, ngược lại âm đồ đoan.. đoàn gọi là giết sạch.

Thủy cô. Ngược lại âm cổ hồ. Sách Luận ngữ cho rằng: cô là điều hòa được con ngựa gọi là cô cũng gọi là chén rượu lễ. Một chén gọi là tước, hai chén gọi là cô. Văn luật viết chữ cô là chẳng phải.

Khiển ngật. Ngược lại âm cư triển. ngược lại âm dưới cư khất. Văn thông dụng cho rằng: noi không nói lắp. Văn luật viết chữ khiển hai chữ tượng hình này cũng chẳng phải.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 16

Tế mễ. Ngược lại âm tử duệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tế giống như lúa thử, mà không có dẻo. Quan Tây gọi là gạo nát.

Vật nạo. Ngược lại âm hỏa cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: nạo là quấy nhiễu, gọi là quấy phá.

Liệu dữ. Ngược lại âm lực điều. Liệu là ném. Sách Thuyết Văn cho rằng: trị liệu.

Phúc la. Hoặc viết phúc la. Hoặc gọi là phú la. Nói đúng là bố la. Đây gọi là ủng giày cỏ ngắn.

Thương ngô. Ngược lại âm sĩ hoành. Người nước Ngô nói người Trung Quốc là người thô tục. Lại tổng gọi chung là giữa Giang Hoàn là người nước Sở tạp loạn thô tục.

Quyển chấp. Ngược lại âm đồ giáp. gọi là gấp xếp lại. Tự Lâm cho rằng: áo gấp xếp nhiều lớp.

Lưu bệnh. Ngược lại âm lực chu. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưu là bệnh sưng thủng. Theo Thanh loại cho rằng: lưu là khối u của bệnh ung thư cũng gọi là sưng kết lại không tiêu tán ra được.

Thiết các. Ngược lại âm lực các. Gọi là thiêu đốt vật bằng thiếc chì cho chảy ra, văn luật viết chữ tích là chẳng phải vậy.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 17

Hạ đinh. Ngược lại âm đô định. Gọi là cây cột trụ dưới đá. Kinh văn viết chữ mạc chữ âm nghĩa.

Na sư. Ngược lại âm sở lưu. Ở ngoại quốc gọi là tên thuốc.

Nhuy tử. Nay viết chữ nổi cũng đồng, ngược lại âm nhữ thùy. Gọi là dược thảo, cỏ thuốc. Hạt có thể trị bệnh mắt. Chữ viết từ bộ thảo đến bộ sanh thanh thử.

Trừ bình. Ngược lại âm âm bì binh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bình là béo, bèo lớn đó gọi là cỏ bợ. Lại chú giải rằng: bèo nổi trên mặt nước.

LUẬT THIỆN KIẾN
QUYỂN 18

Tương nhiếp. Ngược lại âm tư dương. Ngược lại âm khổ hiếp. Tương là cái rương gọi là chứa nhiều y phục.

Chỉ chất. Ngược lại âm noãn lật. Sách Quảng Thất cho rằng: chất là đâm vào, gọi là dùng ngón tay va chạm vào người, tức chọc lét.

****

PHẬT A-TỲ-ĐÀM LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Sanh ngạc. Lại viết chữ lăng cũng đồng, ngược lại âm ngũ các. đài hoa gọi là ngạc.

QUYỂN HẠ

Yêm nhân. Ngược lại âm ư liễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: yêm là người đứng ở trong cung, chiều tối đóng cửa. Sách Chu lễ nói rằng: yêm là mười người. Trịnh Huyền chú giải rằng: yêm là người tinh khí đã bế tắc trong ngũ tạng. Nay gọi là hoạn quan, tức là quan Thái giám, người chủ đóng cửa trong cung gọi là quan.

Nổi bất. Ngược lại âm nô hồi. nô hòa hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi là bẻ gãy, dùng hai tay xiết chặt vào nhau.

Văn thân. Ngược lại âm vô phân. Gọi là vải lụa có thêu hoa, đường viền gọi là văn. Trong văn viết chữ văn. Văn cổ viết chữ văn gọi là màu xanh và màu đỏ là văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: sách viết sai.

Ký nhân. Ngược lại âm ư giải. Quảng Nhã cho rằng: ký là người lùn, thấp.

Khí thấu. Viết đúng nghi là chữ khái thấu. Âm khái ngược lại âm khổ đại. Giang Nam dùng âm này. Lại âm khưu ký. Sơn Đông dùng âm này, ngược lại âm dưới là tô đậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu là hơi đi ngược, hơi đi mau lên nhanh chóng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: người nước Tề gọi là thấu là khái tức là ho. Sách Luận văn viết chữ khí là chẳng phải.

Khô giản. Ngược lại âm hạch gian. Theo Thanh loại cho rằng: nay gọi là đứa trẻ nhơ bệnh động kinh, tức cuồng gọi là giản.

Huyết thống. Viết đúng nghi là lũ, âm lũ là âm lậu. Thuộc bệnh ung thư, trong thân có chấy rận, chỗ ẩn nấp dưới nách đều có. Hoặc là viết chữ lậu là nước chảy rớt xuống, máu mủ chảy xuống.

Âm đồi. Ngược lại âm đồ lôi. Thích danh cho rằng: âm đã bị sưng lên gọi là đồi. Tự Lâm cho rằng: viết chữ truy gọi là bệnh nặng.

Trung huyết. Lại viết chữ trung này, ngược lại âm chỉ lung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái chân bị sưng thủng lên gọi là dung. Nay ở nước Ba Thục rất nhiều bệnh này, cánh tay đó cũng gọi là dung là sưng lên.

Lưu tích. Ngược lại âm lực châu. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưu là sưng lên. Theo Thanh loại cho rằng: lưu là khối u.

Uyết thổ. Ngược lại âm ư nguyệt. Văn thông dụng cho rằng: hơi đi ngược lên gọi là uyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyết là nôn oẹ, nôn khan.

Mao nhung. Ngược lại âm như dung. tán rải ra, viết đúng nghi là chữ nhung, ngược lại âm nhi dung. Gọi là các vị cổ bối dùng đồ trang sức có lông mềm mại rủ xuống lông nhung.

****

LUẬT TỲ-NI
QUYỂN 1, 2

(Trước đều không có âm.)

QUYỂN 3

Tỏa soa. Ngược lại âm tài qua tài lộc. hai âm, ngược lại âm dưới lực qua. Theo Thanh loại cho rằng: cái búa nhỏ, cũng gọi là cái xẻng đào đất, cũng gọi cày, cái bừa. Âm dục ngược lại âm ô dục.

Tương bạt. Sách Thuyết Văn viết chữ bạt cũng đồng, ngược lại âm bổ mặt. Gọi là gót chân giẫm đạp lên, giẫm đạp chà đạp. Âm liệp ngược lại âm lực thiệp.

Phẫu hạn. Ngược lại âm bổ giao. Văn thông dụng cho rằng: tay nắm lại gọi là phẫu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẫu là nắm lại. Văn luật viết phảo chữ cận nghĩa.

Sĩ nhất. Văn cổ viết chữ si. ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sự kỹ. Sách Nhĩ cho rằng: sĩ là chờ đợi.

Trích A. Ngược lại âm tri cách. Sách Phương ngôn cho rằng: cho rằng: trích là phẫn nộ. Quách Phác cho rằng: cùng trách phạt, phẫn nộ, chỉ trích, trách phạt, quở trách, la mắng.

LUẬT TỲ-NI
QUYỂN 4

Thông triết. Lại viết chữ triết. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tri liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: triết là người có trí tuệ. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Tống, Tề gọi trí tuệ là triết, người sáng suốt hiểu biết thống suốt.

Phó chi. Ngược lại âm phương vụ. Theo chữ phó giống như bám vào gọi là đất bám vào. Sách Hán thư cho rằng: đều thoa mỡ, phấn vậy.

Tích thở. Ngược lại âm bổ xích. Bì Thương cho rằng: tích là lưỡi cây lớn.

Trữ chi. Lại viết chữ trữ cũng đồng, ngược lại âm tri dĩ. Văn thông dụng cho rằng: chứa, cất chứa nhiều y phục gọi là trữ.

741 Lộc trước. Hoặc là viết chữ lộc cũng đồng, ngược lại âm lực

thủy. Gọi là nước chảy xuống, lọc nước, nạo vét cho sâu, khơi thông. Văn luật viết chữ lự chữ cận nghĩa.

Du phần. Ngược lại âm tư lưu. âm dưới lại viết chữ lục cũng đồng, ngược lại âm phủ vân. Tự thư cho rằng: nấu cơm. Quảng Nhã cho rằng: phần cũng gọi là du. Nhĩ Nhã cho rằng: thức ăn để lâu, cũng gọi là hâm lại cho nóng.

LUẬT TỲ-NI
QUYỂN 5

Khắc lũ. Ngược lại âm khẳng tắc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thủy cũng gọi là khắc. Lại chú giải rằng: khắc trị đồ còn nguyên chất. Quảng Nhã cho rằng: khắc chữ. Âm lũ ngược lại âm lực đấu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: kim loại gọi là lũ cũng khắc, chạm trổ.

Đồng khôi. Ngược lại âm khổ hồ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khôi là thìa canh đấu canh. Văn luật viết khai. Lại viết chữ khai đều chẳng phải.

Chúc thọ. Ngược lại âm thời chú. Thọ giống như đứng thẳng. Hoặc là viết chữ thụ ngược lại âm thù sưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thụ là đứng thẳng, cả hai chữ đều thông dụng.

Tương cảm. Ngược lại âm cổ đảm. Tam Thương cho rằng: cảm tất nhiên là thi hành mà không sợ sệt, dũng cảm. Quảng Nhã cho rằng: dũng cảm, cảm cũng là phạm đến, cũng là tiến tới, gọi là cạnh tranh với nhau.

Ngụy kim. Văn cổ viết chữ nguy cũng đồng, ngược lại âm kỹ phát. Quảng Nhã cho rằng: vi là chơi cờ bạc, trò chơi cờ bạc, đánh lừa với nhau, lấy vật gọi là ngụy tức là lừa dối.

Trĩ cấu. Tiếng Phạm gọi là ế-sô. Đây dịch là mũi tên. Nay lại viết chữ cấu ngược lại âm cổ hầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắn cung, vươn cung nỏ để bắn.

Quỹ nhữ. Văn cổ viết chữ quỹ cũng đồng, ngược lại âm cư ngụy. Sách Thuyết Văn cho rằng: quỹ là dâng thức ăn, đem vật đến để tỏ lòng tôn kính. Cũng gọi là tặng biếu thức ăn, cũng gọi là cúng tế.

LUẬT TỲ-NI
QUYỂN 6

Lâm thủy. Văn cổ viết chữ lâm cũng đồng, ngược lại âm lực châm. Tự Lâm cho rằng: lấy nước tước ướt, cũng gọi rưới nước tưới tẩm.

Sư phạm. Lại viết chữ phạm cũng đồng, âm phạm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: phạm là pháp tắc, khuôn phép thường dùng.

Tảo mô. Ngược lại âm tảng lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tảo là cạo, cào, gãi, gãi chỗ ngứa. Ngược lại âm dưới vong các. Sách Phương ngôn cho rằng: mạc là sờ mó, phủi, vỗ nhẹ, vỗ về, cũng tức là tìm tòi, mò tìm. Văn luật viết chữ lạo ngược lại âm lực cao. Sách Phương ngôn cho rằng: dùng lưỡi câu móc lấy vật. Chữ lạo chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hấp tác. Ngược lại âm hồ hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp là uống vào, ngậm lại. Trong văn viết chữ hợp ngược lại âm thổ hợp. Chữ hạp là mất chỗ ý nghĩa. Tự thư cho rằng: cùng với kháp đồng, ngược lại âm đồ lam. đều cũng chẳng phải nghĩa này.

Khi trắc. Lại viết chữ khi. ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khưu tri. Sách Thuyết Văn cho rằng: khi lànơi vùng đất xa xôi hiểm trở gập ghềnh không có an ổn.

LUẬT TỲ-NI
QUYỂN 7

Mộc phế. Ngược lại âm phu phế. Sách Thuyết Văn cho rằng: lột vỏ cây phác, viết văn thư, gọi là lột vỏ cây vậy.

Thể trĩ. Lại viết chữ lục cũng đồng, ngược lại âm tri lục. Gọi trong tay chân lạnh run, sanh ra ghẻ nhọt.

Ly thượng. Lại viết chữ ly đà cũng đồng thể ngược lại âm lực chi. Văn thông dụng cho rằng: dùng cây củi dựng làm hàng rào vách tường gọi là ly. Thích danh cho rằng: lấy củi dựng làm hàng rào thưa, dựng cách nhau, cách nhau vậy.

- QUYỂN 8 : Không có chữ giải thích âm

****

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 1, 2

(Đều trước không có âm.)

QUYỂN 3

Tác phát. Ngược lại âm phủ việt. Gọi là máy phát ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắn ra. Quảng Nhã cho rằng: phát cử lên giơ lên cao. Văn luật viết chữ bát ngược lại âm bổ mạt. Bát là trừ bỏ, phế bỏ. Chữ bát chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phiên nhiên. Ngược lại âm phu diêu. dáng bay lên cao. Phiêu giống như là gió thổi, bay cao, nhẹ nhàng phất phới. Văn luật viết chữ phiêu ngược lại âm phương triệu. gọi màu sắc con ngựa. Phiêu chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ba diễn. Tiếng Phạm nói là ba diễn na. Đây dịch là chu vi rộng lớn của phòng nhà.

Dĩ trách. ngược lại âm đô cách. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trách là lấy.

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 4

Tiệm nhiễm. Hoặc là viết chữ tiêm cũng đồng, ngược lại âm tử liêm. Quảng Nhã cho rằng: tiệm là dần dần thấm ướt, ẩm ướt, cũng là ô nhiễm. Hậu Hán thư, sách Mặc Tử nói rằng: nước mắt thấm vào sợi tơ trắng, rồi dần dần nhuộm thành tính khác đi. Văn luật viết chữ nhiễm, mao nhiễm chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Súc tích. Lại viết chữ súc cũng đồng, ngược lại âm sĩ lục. Thiên Thương Hiệt cho rằng: súc là gom góp tụ lại chứa nhóm nhiều.

Giáp trụ. Văn cổ viết chữ trụ cũng đồng, ngược lại âm trừ cứu. Tự Lâm cho rằng: đâu mâu tức là mũ trụ khi ra trận. Văn luật viết chữ trụ này là chẳng phải.

Đại bổng. Lại viết chữ bổng cũng đồng, ngược lại âm bổ giảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: bổng là cây gậy lớn.

Nhất xuyến. Ngược lại âm sơ miên. Tự Uyển cho rằng: nay gọi là nhiều thịt, xỏ xâu lại gọi là xuyến.

Đà mao. Ngược lại âm đại hà. Gọi là sông Đà. Văn luật viết từ bộ

mã viết thành chữ đà là chẳng phải thể vậy.

Cổ dương. Ngược lại âm công hộ. cũng gọi là yết dương. Tam Thương cho rằng: con dê thiến.

Kiền trực. Ngược lại âm trực trí. Xưa kinh phần nhiều viết kiền trì. Tiếng Phạm nói tỳ-sá, kiền-trĩ-tỳ-sá. Đây dịch là đánh kiền chùy, chỗ gọi là đánh vào tấm bảng gỗ. Hoặc là đàn hoặc là đồng. Đây dịch không đúng, bởi nước kia không có chuông và khánh. Nay kinh luật phần nhiều viết kiền chùy là sai.

- QUYỂN 5 (Trước không có âm.)

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 6

La bặc. Ngược lại âm lăng bắc. Gọi là rau cải thơm. Tục nói trách đi thạch lặc húy, sửa tên lại là la hương. Văn luật viết chữ lặc là chẳng phải thể.

Hồ tuy. Lại viết chữ tuy. Tự Uyển viết chữ tuy cũng đồng, ngược lại âm tư quy. Sách Vận lược cho rằng: hồ tuy. là tên một loại rau có mùi thơm. Sách Bác vật chí nói rằng: căng ra nhổ giựt khiến cho Tây Vực có được hồ tuy, rau cỏ thơm. Nay Giang Nam gọi là hồ tuy. cũng gọi là hồ lăng. Chiết ra âm hồ là âm lữ lý. âm hỏa cô.

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 7

Xuyết hưởng. Ngược lại âm trúc quát. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: xuyết giống như chim tu hú. Thường hay ngủ, cũng giống chim trĩ. Quách Phác cho rằng: chim lớn, chim bồ câu, cũng giống như con gà mái. Chim trĩ, chân giống như chân chuột, đuôi dài, gọi là chim cảm cấp, bay từng đàn. Thường xuất ra phương Bắc, vùng đất sa mạc, tục gọi là chim đột quyết. Âm cảm ngược lại âm hồ lam.

Xương cuồng. Ngược lại âm xi dương. Cuồng gọi là rồ dại, ngốc nghếch, ngu si. Sách Trang Tử nói rằng: xương cuồng là lồng lộn, điên cuồng.

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 8

Nha kỳ. Ngược lại âm cự cỏ. Gọi là loại cờ hiệu lệnh bằng hình vẽ cọp, gấu hay hoa văn lên vải lụa có khắc răng nanh. Bởi vậy nên gọi là tên. Văn luận viết chữ nha là ngược lại âm ngưu hư. gọi là dáng đi. Lại viết chữ nha ngược lại âm ngư gia ngữ cử. hai âm, dựa vào cánh chim bay lên đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI-BÀ-SA
QUYỂN 9

Nghị phong. Ngược lại âm phủ phong. Phong gọi là đất nổi lên, tăng thêm cao, phong cũng là dày, giống như thành lũy ngăn phòng chắc chắn nơi vùng biên giới vậy.

Bất khích. Ngược lại âm khẩu tích.gọi là khích tức là cho ăn uống.

Tước thực. Ngược lại âm tự lược. Quảng Nhã cho rằng: tước là ăn uống. Tự thư cho rằng: tước là nhai, cũng tức tiếng nhai.

****

MINH LIỄU LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*

Tinh khởi. Lại viết chữ tinh cũng đồng, ngược lại âm bổ ngạnh. hai âm. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tinh là hợp lại, gom lại. Âm tính ngược lại âm bổ minh.

Bố-sa-tha. Hoặc viết bổ-sa-tha. Đây dịch là tăng trưởng. Gọi là nửa tháng làm pháp xoa-ma. Tăng trưởng giới căn, xoa-ma. Đây dịch nhẫn, cũng gọi là dung thứ tội cho ta. Xưa gọi là sám là sai. Nói tóm lược vậy.

Ly tường. Lại viết là ly đà. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lực chi. Văn thông dụng cho rằng: lấy củi làm vách tường gọi là ly. Thích danh cho rằng: lấy củi làm hàng rào thưa, cách khoảng, cách khoảng nhau vậy.

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 66

TIỂU THỪA LUẬN ÂM SOẠN

- Âm A-tỳ-đàm bát-kiền độ luận - ba mươi quyển - Huyền Ứng soạn.
- Phát trí luận - hai mươi quyển - Tuệ Lâm soạn.
- Pháp uẩn túc luận - mười hai quyển - Tuệ Lâm soạn.
- Tập dị môn túc luận - hai mươi quyển - pho trên mười quyển. Tuệ Lâm soạn pho dưới quyển thượng âm vào quyển sau.

Bên phải là bốn luận tám mươi hai quyển đồng âm với quyển này.

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Đà cự. Cũng nói là ngã da. Đây dịch bộ, cũng gọi là phẩm, tên gọi khác vậy.

Thủ lô. cũng nói là Thất-lô-ca. Hoặc gọi là du-lô-ca. Nước Ấn Độ kia cương bố đều lấy ba mươi hai chữ là một 742 du-lô-ca. Hoặc gọi là già-đà. tức là một bài kệ.

- QUYỂN 2 (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN
QUYỂN 3

Tham thiết. Lại viết chữ thiết cũng đồng, ngược lại âm tha kiết.

Sách Thuyết Văn cho rằng: thiết là tham ăn. Văn luận hoặc là viết thao âm là tha lao. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tham tài gọi là thao, tham ăn gọi thiết.

- QUYỂN 4 đến QUYỂN 16 (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN
QUYỂN 17

Hộ dược. Lại viết chữ dược Văn cổ cũng đồng, ngược lại âm dư chước. Sách Phương ngôn cho rằng: dược là khóa cũng gọi là chốt khóa quan tây gọi là dược, tức là cái khóa cửa.

Giam đồng. văn cổ viết chữ hàm chân. hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hàm cũng đồng, ngược lại âm chi thậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ gọi là dùng kim may vá.

Di hình. Âm di. Theo Thanh loại cho rằng: con ngựa to lớn, con dê to lớn. Từ Quảng cho rằng: con dê thiến mạnh mẽ, khỏe mạnh, âm lai ngược lại âm thực lăng.

Mao ngưu hình. ngược noãn bao. Ở Tây Nam Di có loại trâu lông đuôi dài. Văn luận viết chữ miêu là chẳng phải.

- **QUYỂN 18 đến QUYỂN 27**
(Tổng cộng mười quyển đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN
QUYỂN 28

Vô thế. Ngược lại âm tha kế. Sách Tiểu Nhã cho rằng: thế là thế bỏ. Thế là trừ diệt, nói là diệt hết đoạn tuyệt, dứt tuyệt. Sách Thuyết Văn viết chữ thế đều từ bộ lân một bên dưới bộ viết viết thành chữ thế.

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN
QUYỂN 29

Lạc tráng. Ngược lại âm đô giáng hô cống. hai âm. Tự Lâm cho rằng: ngu ngốc. Gọi là tham vui dục lạc, giống như mẩu bánh có mùi vị không nhàm chán. Như ở trong khổ như con lạc đà chở nặng công việc khổ cực xem như là mật ngọt. Trong kinh luận tân dịch gọi là đam mê, nghiện đó là vậy.

A-TỲ-ĐÀM BÁT-KIỀN ĐỘ LUẬN
QUYỂN 30

Bất dựng. Văn cổ viết chữ dựng cũng đồng, ngược lại âm dư chứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoài thai. Quảng Nhã cho rằng: mang bào thai trong thân. Bao hàm thật gọi là dựng.

Ngốc nguyên. Âm nguyên. Tam Thương cho rằng: con ngựa đỏ bụng trắng gọi là nguyên.

Tam ngẫu. Lại viết chữ ngẫu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm ngũ khẩu. tên của dòng suối, dựa theo chữ gọi là hoa phù dung, cây hoa phù dung.

Ốc tiều. Ngược lại âm ô mộc. Theo Quách Phác chú giải Giang Phú truyện rằng: trong biển lớn, ngoài biển Đông có loại ốc tiều tức ốc sên, chỗ nguồn nước phún chảy, nay lấy nghĩa là vô cùng, vô tận vậy.

****

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Hoán thân. Ngược lại âm nô quản. Quảng Nhã cho rằng: hoán là ấm áp. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cũng là ấm. Sách Thuyết Văn viết chữ hoản từ bộ hỏa. Nay thông dụng viết hoán. Văn luận viết chữ nhu, âm nhu ngược lại âm nhi chu. chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Yên diễm. Ngược lại âm yết hiền. Tự thư cho rằng: viết đúng từ bộ trân viết thành chữ yên. Văn luận viết từ bộ nhân viết thành chữ yên tục dùng chữ này. Thiên Thương Hiệt cho rằng: yên là ấm. Quảng Nhã

cho rằng: yên là mùi thơm thuốc lá. Sách Quốc ngữ cho rằng: khói lửa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chân. Âm ôn ngược lại âm ôn vân. Âm chân ngược lại âm nhất nhân. ngược lại âm dưới diêm tiệm. Theo Tự thư cho rằng viết đúng từ bộ diễm viết thành chữ điễm. Văn luận viết chữ diễm tục dùng thông dụng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: như ngọn lửa cháy bùng lên, ánh sáng lửa bừng bừng. Tự thư cho rằng: diễm là ngọn lửa dữ dội. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngọn lửa cháy vây quanh. Chữ viết từ bộ diêm thanh hãm, âm hãm là âm hàm.

Yết-lạt-lam. Ngược lại âm trên khiển nghiệt. âm giữa lan đát. ngược lại âm dưới lãm cam. Tiếng Phạm, gọi là tinh khí ban đầu khi thọ thai.

Át-bộ-đàm. Ngược lại âm trên an cát. cũng là tiếng Phạm, tức là trên thai tạng dần dần biến đổi.

Bế-thi-kiền-nam. âm kiền ngược lại âm kỳ yển. cũng là tiếng Phạm.

Suy-la-phạt-nã. Ngược lại âm dưới nạch da. Tiếng Phạm, gọi là Long vương.

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 2

Khinh tiệp. Ngược lại âm dưới tiềm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiệp là mạnh mẽ mau chóng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiệp là chiến thắng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiệp tức khắc. Lại gọi là thành xong. Sách Thuyết Văn cho rằng: kéo dắt đi đoàn quân đã chiến thắng thu hoạch được chiến lợi phẩm. Chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp. Âm sam ngược lại âm lam táp. Âm tiệp đồng với âm trên.

Cứ giải. Ngược lại âm trên vư ngự. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: người thợ mộc giỏi không thể dùng lưỡi mà giết cây, mà chế ra các vật. Sách Quốc ngữ nói rằng: dùng lưỡi đao, cưa là hình phạt. Sách Thuyết Văn ghi: đời Đường dùng để cướp lấy. Chữ viết từ bộ kim thanh cứ ngược lại âm dưới giai giải. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giải là tước đoạt lột ra. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: cởi ra. Quảng Nhã cho rằng: rải ra. Sách Thuyết Văn nói: phanh ra, moi ra. Chữ viết từ bộ đao là mở ra xé ra đến bộ ngưu đến bộ giác.

Khinh táo. Ngược lại âm dưới là tào táo. âm táo ngược lại âm tảo

đáo. Cố Dã Vương cho rằng: táo cũng giống như là động. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: quấy phá, quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không yên tĩnh. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ túc thanh táo.

Tiều chước. Ngược lại âm trên tiểu diêu. Quảng Nhã cho rằng: tiều là cháy đen. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: lửa cháy trong hun khói. Lại chú giải rằng: lửa cháy có mùi khét. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ lửa thiêu đốt. Văn cổ viết chữ tiều. Nay tóm lược viết chữ tiều. Văn luận viết chữ tiều này chẳng phải. Ngược lại âm dưới dương nhược. Sách Khảo Thanh cho rằng: chước là thiêu đốt. Sách Phương ngôn cho rằng: đáng kinh sợ. Thiên Thương Hiệt ghi: lửa cháy bùng nổ ra. Sách Văn Tự điển nói: rán, nướng, nướng con rùa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chước, âm bộc ngược lại âm bao nhi.

Đăng mộng. Ngược lại âm trên đằng đặng. ngược lại âm dưới mặc bằng. đều là chữ khứ thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: đăng mộng đó là ban đầu nằm xuống rồi trổi dậy. Âm đăng ngược lại âm lăng đăng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đăng mộng là sầu muộn buồn rầu. Văn Tự điển nói: đăng mộng là mắt không sáng tỏ, lờ mờ. Hai chữ đều từ bộ mộng tóm lược đến thanh đăng mục.

Thao thiết. Ngược lại âm trên thảo đao. âm dưới thiên trật. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 50 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thường xuyết. Ngược lại âm thượng dương. Tự thư cho rằng: viết đúng từ bộ chỉ viết thành chữ thường. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ thường là chẳng phải. Sách Khảo Thanh cho rằng: thường là nếm thử món ăn ngon. Cố Dã Vương cho rằng: thường là trong miệng có mùi vị ngon. Bạch Hổ Thông nói rằng: thức ăn mới. Sách Văn Tự điển nói: gọi là mùa tuh cúng tế. Chữ viết từ bộ chỉ thanh thượng ngược lại âm dưới là xuyên nhiệt. Tự thư cho rằng: chữ viết từ bộ khiếm viết thành chữ xuyết chữ đúng thể. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ xuyết tục dùng thông dụng. Quảng Nhã cho rằng: xuyết là ăn. Sách Tiểu Nhã cho rằng: ăn uống. Văn Tự điển nói thưởng thức món ăn, nếm thử thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh xuyết, âm xuyết ngược lại âm bộ liệt.

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 3

Tứ ách. Ngược lại âm dưới là anh cách. Văn luận viết chữ ách tục dùng thông dụng. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công ký rằng: gọi là cái ách đó là thanh gỗ đè thẳng lên cổ con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ách đó là càng xe lớn, gồm hai càng hai bên trước xe. Chữ viết từ bộ xa thanh ách, âm ách đồng với âm trên.

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 4

Bạo lưu. Ngược lại âm trên bao mạo. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bạo là thấm nước. Sách Văn Tự điển nói: nước dưới sông dâng lên chảy xiết. Sách Thuyết Văn nói: mưa nhiều nước chảy mau. Chữ viết từ bộ thủy thanh bạo, âm bạo đồng với âm trên.

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 5

Điệu cử. Ngược lại âm trên điều điếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: điệu là lắc lư. Quảng Nhã cho rằng: chấn động. Xuân Thu Truyện nói rằng: cái đuôi con chó không quẩy. Văn Tự điển nói: tin chấn động. Chữ viết từ bộ thủ thanh trác, âm tấn là âm tín, âm dưới là chữ cử từ bộ thủ.

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 6

Hôn trầm. Ngược lại âm trên hồ côn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: hôn là loạn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đứa trẻ ngu ngơ gọi là chỗ không biết gì cả. Quảng Nhã cho rằng:

ngu si. Sách Thuyết Văn cho rằng: không sáng suốt hiểu rõ. Chữ viết từ bộ tâm thanh hôn, âm liễu là âm liễu, âm hôn là đồng với âm trên, âm dưới là trầm ? ngược lại âm trực lâm.

- **QUYỂN 7** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 8

Trần ế. Ngược lại âm dưới y kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong con mắt có bệnh. Tự thư cho rằng: bụi trần vướng vào trong con mắt. Tự Lâm cho rằng: mắt bệnh. Theo chữ ế đó là con mắt bị ngăn che, không có chỗ thấy. Chữ viết từ bộ mục thanh ế, âm ế đồng với âm trên.

- **QUYỂN 9, 10** (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 1

Uế trọc. Ngược lại âm trên ủy vệ. Tự thư cho rằng: uế là lộn xộn bừa bãi. Cố Dã Vương cho rằng: uế là không trong sạch dơ uế. Sách Văn Tự điển nói: chỗ cỏ mọc um tùm. chữ viết từ bộ hòa thanh tuế cũng viết chữ uế. Ngược lại âm dưới tràng học. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trọc là bùn lầy. Cố Dã Vương cho rằng: trọc là không sạch sẽ gọi là không thanh khiết. Văn Tự điển nói rằng: vừa sạch vừa dơ. Chữ viết từ bộ thủy thanh trọc, âm náo là âm nạo.

Tịch hắc. Ngược lại âm trên tình lịch. chữ chánh thể. Văn luận viết chữ tịch tục dùng thông dụng. Sách Phương ngôn nói rằng: tịch là an tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có tiếng người. Chữ viết từ bộ miên thanh thúc, âm miên là âm miên, âm thúc là âm thúc, ngược lại âm dưới tăng bắc. Tự thư cho rằng: chữ chánh thể. Văn luận viết từ bộ hắc viết thành chữ hắc tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: hắc là không nói ra được. Hán thư cho rằng: hắc là không tự đắc y. Sách Văn Tự điển nói: hắc là im lặng không nói. Chữ viết từ bộ khẩu

thanh mặc.

Noãn xác. Ngược lại âm trên loan đoản. ngược lại âm dưới là khổ giác. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 19 đã giải thích đầy đủ rồi.

- TỪ QUYỂN 2 đến QUYỂN 11 (Không có chữ giải thích âm)

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 12

Hữu phú. Ngược lại âm dưới phu cứu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: phú giống như là che đậy. Sách Lễ ký cho rằng: trời không có che riêng cho ai. Sách Thuyết Văn cho rằng: phú từ bộ á thanh phúc, âm phú ngược lại âm phong phụng.

Hỷ khát. Ngược lại âm dưới khan át. Cố Dã Vương cho rằng: khát là cần phải uống nước. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khô cạn. Mao Thi Truyện cho rằng: giặc cướp khát vọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy sạch. Chữ viết từ bộ thủy thanh cát, âm hạt ngược lại âm hồ các.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 13

Tân tích. Ngược lại âm trên tín tân. Sách Khảo Thanh cho rằng: tân là chẻ củi. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ jý rằng: tân là củi. Lại chú giải sách Chu lễ rằng: cây gọi là củi. Sách Văn Tự điển nói: cũng gọi là củi. Chữ viết từ bộ thảo thanh tân. Ngược lại âm dưới tư dịch. Sách Chu lễ nói rằng: di vật của xưa để lại gìn giữ cất chứa. Trịnh Huyền chú giải rằng: ít gọi là ủy, nhiều đó gọi là tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: gom góp lại. Chữ viết từ bộ hòa thanh trách. Văn luận viết từ bộ thảo viết thành chữ tích là chẳng phải.

Đoàn như. Ngược lại âm trên đoạt loan. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiến cho dính vào nhau. Sách Bát-nhã cho rằng: nắm vắt lại, giống như nắm trong tay, giữ nắm giữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đoàn đó tay nắm vắt lại. Lại gọi là giữ lấy. Tự thư cho rằng: lấy tay đỡ

lên vật tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: vo tròn lại. Chữ viết từ bộ thủ thanh chuyên.

Dung tiếu. Ngược lại âm trên dục tung. Sách Khảo Thanh cho rằng: dung tiêu là nấu cho chảy ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: thổi hơi lên thoát ra ngoài. Chữ viết từ bộ cách đến bộ trùng thanh tĩnh, âm cách là âm lịch, ngược lại âm dưới là tiểu tiều. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tiêu là tan ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong nóng chảy ra, chảy kim loại ra. Chữ viết từ bộ kim thanh tiếu, âm thước ngược lại âm thương chước.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN QUYỂN 14

Đam kỳ. Ngược lại âm trên đáp nam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đam cũng là kỳ. Gọi là ham thích vui chơi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: gọi là đam mê nữ sắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: đam là say đắm thú vui. Chữ viết từ bộ nữ thanh thậm chữ hội ý. Văn luận viết từ bộ thân viết thành chữ đam tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới là thời chí. Sách Khảo Thanh cho rằng: kỳ là tham muốn, ưa thích. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: ưa thích sự ngọt ngào không nhàm chán. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: ham vui, dục lạc. Lại cũng gọi là tham. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ khẩu thanh kỳ.

Hữu si. Ngược lại âm dưới sĩ chi. Bì Thương cho rằng: si là ngu ngốc. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: không tránh khỏi cuồng si, điên loạn. Sách Thuyết Văn nói: không có trí tuệ. Chữ viết từ bộ tật thanh si, âm ngai ngược lại âm ngũ giải., âm tật ngược lại âm nữ ách.

- QUYỂN 15, 16 (Trước không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN QUYỂN 17

Tịnh lự. Ngược lại âm trên tình tính. Sách Tiểu Nhã cho rằng: tịnh là mưu tính. Cdb cho rằng: tịnh là an ổn, an tịnh, dùnghơi thở để trị,

điều hòa tư duy. Sách Thuyết Văn cho rằng: xem xét kỹ. Chữ viết từ bộ thanh thanh tranh ngược lại âm dưới lữ cứ. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: lư cũng là mưu tính. Sách Tiểu Nhã cho rằng: suy nghĩ. Quảng Nhã cho rằng: hiểu biết rộng. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tư thanh hổ, âm hổ là âm hồ.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 18

Thai noãn. Ngược lại âm trên thối lai. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: người đàn bà có mang bốn tháng gọi là thai. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thai gọi là chưa sinh ra còn nằm trong bụng mẹ. Quảng Nhã cho rằng: ba tháng là thai. Sách Thuyết Văn cho rằng: người đàn bà có mang trong bụng đứa con ba tháng. Chữ viết từ bộ nhục thanh đài. Ngược lại âm dưới loan đoản. Sách Khảo Thanh cho rằng: chim con còn ở trong trứng chưa nở ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: noãn là loài sinh mạng không có vú gọi là noãn, sinh, chữ tượng hình.

Thuần chất. Ngược lại âm trên thuận luân. cũng viết chữ thuần. Văn luận viết chữ thuần tục dùng thông dụng. Theo chữ thuần chất, viết đúng từ bộ dậu viết thành chữ thuần. Sách Hán thư giải thích rằng: chỉ có một màu sắc thành thể gọi là thuần nói là không có tạp xen lẫn màu khác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: thuần túy. Lại cũng gọi là thuần nhất. Giã Quỳ chú giải sách rằng: chuyên thuần. Quảng Nhã cho rằng: thuần hậu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu thanh thuần, âm thuần đồng với âm trên, cũng viết chữ thuần.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 19

Hao hống. Ngược lại âm trên hiếu giao. Bì Thương cho rằng: hao là dọa nạt, phẫn nộ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: tiếng gầm kinh sợ của con heo.chữ viết từ bộ khẩu thanh, âm hách là âm hách. Ngược lại âm dưới cấu cẩu. Tự thư viết đúng là chữ hống. Lại viết chữ bao. Văn luận viết chữ hống tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiếng

gầm rống của con hổ, con trâu gọi là hống. Xưa nay Chánh tự cho rằng: tiếng rống của con gấu, con bi. Lại gọi là tiếng thú gầm, tiếng chim hót. Chữ viết từ bộ khẩu thanh khổng, âm hao là âm hào, âm cấu ngược lại âm hắc cấu.

Hôn trầm. Ngược lại âm trên hốt côn. Ngược lại âm dưới phác lâm. Văn trước trong quyển thứ sáu đã giải thích rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁT TRÍ LUẬN
QUYỂN 20

Quá đã. Ngược lại âm trên trúc qua. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là đánh, là roi đánh ngựa. Theo Thanh loại cho rằng: quá là cái chày. Ngụy Chí cho rằng: quá là bẻ gãy chân con thú. Văn Tự điển nói rằng: là đánh. Chữ viết từ bộ mộc thanh quá.

Diệu sí điểu. Âm sí ngược lại âm thi chí. Lấy hình sắc mà gọi tên trên lưng và hai cánh đều màu sắc vàng, cũng gọi là kim sí điểu. Tức là tiếng Phạm gọi là ca-lâu-la vương, tức là chim đại bàng cánh vàng.

Trần buộn. Ngược lại âm dưới phần muộn. Văn trước trong luật Hữu bộ quyển thứ 14 đã giải thích rồi.

Hưu lưu. Ngược lại âm trên hủ vưu. âm dưới là lưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: chim quái vị. Sách Tập Huấn cho rằng: hưu lưu tức là chim cú mèo, loài chim quái ác. Sách Tiểu Nhã cho rằng: loài chim khách. Quách Phác chú giải rằng: nay Giang Đông gọi chim hưu lưu là chim kỵ kỳ đều lấy tiếng kêu của nó mà đặt tên. Lớn như chim giác nhọn, chim ưng, màu xanh đen, màu sắc có vằn vện, ăn các loài chim nhỏ và rắn, chuột, v.v...

Hung hiểm. Ngược lại âm dưới khiếm yểm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hiểm giống như là ác. Giã Quỳ chú giải rằng: hiểm nguy. Quảng Nhã cho rằng: hiểm nạn, khó. Sách Phương ngôn cho rằng: bên bờ vực cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiểm trở khó khăn. Chữ viết từ bộ phụ thanh kiểm. Văn luận viết chữ liễm là chẳng phải.

Độ tiệm. Ngược lại âm dưới tiêm diễm. Cố Dã Vương cho rằng: nay gọi là ao bao quanh thành gọi là tiệm. Tự thư cho rằng: hào bao quanh thành. Sách Chu thư cho rằng: hào bao quanh không có nước ở trong. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiệm là cái hầm. Chữ viết từ bộ thổ thanh trảm.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Hư cuồng. Ngược lại âm dưới cư huống. Sách Khảo Thanh cho rằng: cuồng là nói lừa dối khinh khi. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cuồng giống như mê hoặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: khinh khi. Sách Văn Tự điển nói: cũng gọi là mê hoặc. Chữ viết từ bộ ngôn thanh cuồng.

Đam chư. Ngược lại âm trên đảm cam. Văn trước Phát trí luận trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi. Viết đúng là đam.

Sách lệ. Ngược lại âm trên đang sách. ngược lại âm dưới lực chế. Văn trước trong luật Hữu bộ quyển thứ sáu đã giải thích rồi.

Tư lược. Ngược lại âm trên tá tà. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: tư giống như che trùm lên. Sách Văn Tự điển nói: giăng lưới bắt thỏ gọi là tư. Chữ viết từ bộ võng thanh thư, âm võng là âm võng. Ngược lại âm dưới là cương ảnh. Tự thư cho rằng: viết đúng là chữ lược. Văn luận viết chữ cương là chẳng phải. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Quần-đa-tỷ. Ngược lại âm trên quần uẩn. Âm uẩn là âm uẩn quần. Tiếng Phạm.

Yển tắc. Ngược lại âm trên yên yển. Nay viết chữ yển. Văn luận viết chữ yển này là chẳng phải. Cố Dã Vương cho rằng: yển là chỗ chứa nước. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấp kín. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ phụ thanh yển. âm yển đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới tăng tắc. Tục tự và Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đúng từ bộ triển viết thành chữ tắc. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhà chứa đầy. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: tắc giống như che kín. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngăn cách. Chữ viết từ bộ thổ thanh tắc. Âm tắc đồng với âm trên. Âm triển là âm triển.

Sao lược. Ngược lại âm trên sơ giáo. Tự thư cho rằng: sao cũng là lược. Xưa nay Chánh tự cho rằng: gọi là đoạt lấy vật. Chữ viết từ bộ thủ thanh sao. Ngược lại âm dưới là lực chước. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 10 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thê dắng. Trên đúng là chữ thê. Ngược lại âm dưới thừa chứng. Sách Khảo Thanh cho rằng:đắng gọi là theo chồng xuất giá. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đưa người con gái đi gọi là dắng. Sách Phương ngôn cho rằng: dắng là gởi nhờ. Lại gọi là gởi gắm. Sách Văn Tự điển nói rằng: dắng là đưa cháu, đứa hầu, cũng vợ lẽ. Chữ viết từ bộ nữ đến

bộ thắng thanh tĩnh.

Khúc nghiệt. Ngược lại âm trên cung cúc. Sách Thượng thư cho rằng: như là làm rượu lễ, rượu ngọt, rượu nồng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: khúc nghiệt là ủ rượu men rượu. Theo Tả Thị Truyện nói rằng: có lúa mạch ủ làm men rượu. Sách Phương ngôn cho rằng: giữa Tống, Ngụy, Trần, Sở gọi khúc là họ Khúc. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mạch thanh cúc. Âm khúc là âm khúc, âm cúc là âm cung lục. Ngược lại âm dưới là ngôn liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: nghiệt là lúa mạch nha sanh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: mầm của lúa mạch, mầm của hạt gạo. Chữ viết từ bộ mễ thanh nghiệt.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 2

Đạm phạ. Ngược lại âm trên đàm lam. ngược lại âm dưới bình mạch. Âm bình ngược lại âm phách manh. Văn luận từ bộ đạm viết thành chữ đạm là chẳng phải. Cố Dã Vương cho rằng: đạm phạ. là điềm tĩnh. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: đạm là an tĩnh, đầy đủ. Tự thư cho rằng: phạ là vô vi. Tử Hư Phú truyện cho rằng: phạ là vô vi điềm tĩnh tự giữ gìn nắm lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạm là an tĩnh. Phạ là vô vi. Hai chữ đều từ bộ tâm thanh đảm bạch.

Lâm diêu. Ngược lại âm trên lập châm. chữ đúng là lâm diêu. Văn luận viết từ bộ vũ viết thành chữ diêu tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: mưa ba ngày sắp lên gọi là lâm tức là mưa dầm. Sách Tiểu Nhã cho rằng: mưa lâu không ngừng tạnh gọi là lâm. Diêu đó Mao Thi Truyện nói rằng: mưa lớn. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: mưa ứ đọng nước. Chữ viết từ bộ vũ thanh lâm.

Khê giản. Ngược lại âm dưới gian án. Mao Thi Truyện nói: dòng nước chảy giữa khe núi gọi là giản. Sách Thuyết Văn giải thích nghĩa cũng đồng với Mao Thi Truyện. Chữ viết từ bộ thủy thanh gian.

Thông duệ. Ngược lại âm trên thô công. Văn luận viết chữ thông tục dùng thông dụng. Sách Thượng thư nói: nghe gọi là thông. Mao Thi Truyện nói: thông cũng là nghe được. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện nói: sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chính xác hiểu rõ. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh thông, âm thông đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới duyệt huệ. Sách Thượng thư cho rằng: duệ là làm bậc Thánh. Khổng An Quốc

chú giải rằng: duệ là người có trí tuệ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cũng là sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng suốt thâm sâu. Chữ viết từ bộ tàn đến bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh, âm tàn là âm tàn.

Tăng-già. Âm dưới là tri. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là Đại y chín điều.

Bất vu. Ngược lại âm dưới vu vũ. Bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng: vu giống như là xa vời. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: rộng lớn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: trốn tránh. Sách Văn Tự điển nói: quanh co, vòng vèo. Chữ viết từ bộ xước thanh vu, âm xước ngược lại âm sửu lược. Âm vu ngược lại âm ức ư.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN QUYỂN 3

Năng sử. Ngược lại âm dưới sư lợi. Văn luận viết chữ sử, âm nghĩa quyết chẳng phải. Theo Thanh loại và Thiên Thương Hiệt đều cho rằng: con ngựa chạy mau. Xưa nay Chánh tự cũng cho rằng: con ngựa phóng nhanh. Chữ viết từ bộ mã thanh sử.

Áo thán. Ngược lại âm trên A cao.Sách Khảo Thanh cho rằng: áo não oán hận. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm thanh áo, âm áo ngược lại âm A cáo.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN QUYỂN 4

Như ung. Ngược lại âm dưới ung cung. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: nóng nhiệt nổi lên làm ghẻ nhọt gọi thư, không thông là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung, âm ung đồng với âm trên.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 5

Cơ hiệt. Ngược lại âm trên ký y.Sách Khảo Thanh cho rằng: cơ là phát động. Cố Dã Vương cho rằng: cơ gọi là nguồn máy biến khắp. Sách Chu dịch cho rằng: là chỗ nguồn máy chủ yếu phát ra vinh nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủ phát ra gọi là cơ. Chữ viết từ bộ mộc thanh cơ. Ngược lại âm dưới nhàn yết. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: Hiệt gọi là trí tuệ thông suốt. Cố Dã Vương cho rằng: là người hung dữ giảo quyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chất xám cứng. Chữ viết từ bộ hắc thanh kiết, âm kiệt ngược lại càng nghiệt. Âm yết ngược lại âm án bát.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 6

Diện trứu. Ngược lại âm dưới trang sưu. viết đúng từ bộ sô viết thành chữ trứu. Văn luận viết chữ trứu tục dùng thông dụng. Bởi vì bản thảo sách viết tóm lược. Sách Khảo Thanh cho rằng: trứu là tụ lại. Sách Văn Tự điển nói da rộng ra tụ lại tức là da nhăn nheo. Chữ viết từ bộ bì thanh sô, âm sô ngược lại âm trắc vụ.

Ngạc thống. Ngược lại âm trên ngang các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là đoạn. Xem sách Khảo Thanh, sách Thuyết Văn đều không có chữ này, viết đúng từ bộ cốc đến bộ khẩu trên miệng tức là A há miệng ra trong miệng hàm ếch trên, chữ tượng hình. Âm cốc ngược lại âm cương lược. cũng viết chữ cốc cũng viết chữ hổ đều xem sách Thuyết Văn nay thường viết chữ ngạc đều chẳng phải.

Thấu bệnh. Ngược lại âm trên tảng thấu. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tật viết thành chữ thấu. Gọi là bệnh thấu hàn, tức bệnh lạnh cảm lạnh. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ thấu là chẳng phải. Sách Khảo Thanh cho rằng: thấu bệnh xung khí nơi cổ họng. Bì Thương cho rằng: là bệnh nóng lạnh. Tự thư cho rằng: bệnh vướng mắc trong ngực tức là ho. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ tật thanh thấu, âm thấu đồng với âm trên.

Y bệnh. Ngược lại âm trên ư giới. Sách Khảo Thanh cho rằng: ăn no rồi thanh khí đầy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: 744 nôn oẹ

gọi là bệnh trong ngực. Sách Văn Tự điển nói: gọi là tiếng uất hận đau thương. Chữ viết từ bộ khẩu thanh y.

Lai bệnh. Ngược lại âm trên lai đái. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: lai đó là ngũ tạng bị bệnh phong. Quảng Nhã cho rằng: bệnh phong nhiều, tức là bệnh hủi. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ tật đến thanh lại.

Lâm bệnh. Ngược lại âm trên lập châm. Theo Thanh loại nói: lâm là bệnh tiểu tiện muốn sổ ra mà khó ra. Sách Văn Tự điển nói: bệnh sa đì. Lại cũng gọi là bệnh tiểu tiện trường khí. Chữ viết từ bộ tật thanh lâm.

Điên bệnh. Ngược lại âm trên điên niên. Sách Văn Tự Tập Lược nói: chữ viết từ bộ tật viết thành chữ điên gọi là tặc phong nhập vào ngũ tạng nên phát bệnh cuồng. Quảng Nhã cho rằng: bệnh phong. Sách Văn Tự điển cũng nói: bệnh phong ác. Chữ viết từ bộ tật thanh điền.

Âu nghịch. Ngược lại âm trên âu khẩu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Âu là muốn nôn ra. Sách Tự thư cho rằng: trong dạ dày có bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: âu là nôn oẹ ra. Chữ viết từ bộ khiếm thanh âu.

Truy ánh. Ngược lại âm trên là thường loại. Theo Tả Truyện cho rằng: bệnh chìm đắm nặng nề. Đỗ Dự chú giải rằng: bệnh sưng thủng rất nặng, phong nhập vào tiểu trường. Quảng Nhã cho rằng: bệnh sưng âm tạng. Văn Tự điển nói: bệnh nặng. Chữ viết từ bộ tật thanh truy, ngược lại âm dưới anh dĩnh.. Kinh Sơn Hải nói rằng: trên núi có cây táo ngọt có con thú ăn táo này có thể trị bệnh bướu. Văn cổ viết chữ ánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bướu cổ, sưng lên có khối u lớn. Chữ viết từ bộ tật thanh anh.

Đái hạ. âm trên là đái. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đái hạ là bệnh của người phụ nữ. Sách Thích danh cho rằng: bệnh kiết lị dưới đến nỗi rất nặng máu trắng, máu đỏ gọi là đái hạ. Quảng Nhã cho rằng: trong bụng có ung nhọt. Văn Tự điển nói: bệnh kiết lị. Chữ viết từ bộ tật thanh đối, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Lậu tiết. Ngược lại âm trên lâu đậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lậu rỉ nước rơi rớt xuống. Cố Dã Vương cho rằng: lậu là tiết. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: xuyên qua lở hổng rơi rớt mất. Thiên Thương Hiệt ghi: thấm nước. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủy thanh lậu, âm lậu đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới tiên liệt. Theo Mao Thi Truyện nói: tiết là thoát ra. Trịnh Tiễn cho rằng: xuất phát ra. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiết là giảm bớt. Sách Phương

ngôn cho rằng: hết tận. Quảng Nhã cho rằng: tiết là buông thả, bừa bãi dâm dật. Văn Tự điển nói: buông thả quá mức, thoải mái. Chữ viết từ bộ thủy thanh thể.

Huyền tích. Ngược lại âm trên hiện kiên. tục dùng chữ xem các sách đều không có chữ này, cũng không có trong bổn chữ. Theo chữ huyền là bệnh, tức là trong bụng có khí lạnh, phát ra tức là theo mạch đại trường lôi kéo gấp, giống như cung tên vươn để bắn. Cho nên tục gọi là huyền là bệnh khí. Chữ viết từ bộ tật đến bộ huyền thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới thất diệc. Sách Khảo Thanh nói: tích là trong bụng có bệnh khối u. Theo Thanh loại cho rằng: ăn nhiều không tiêu. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ tật thanh tích.

Tuẫn thệ. Ngược lại âm trên tuần tuấn. Theo Tả Thị Truyện nói: tuẫn là người theo đuổi mục đích mà chết. Ứng Thiệu cho rằng: thân chết theo vật gọi là tuẫn. Văn Tự điển viết từ bộ ngạc thanh tuần âm ngạc là âm căng.

Nhất thế. âm dưới thê đế. Tục tự cho rằng chữ chánh thể viết từ bộ tiêu viết thành chữ thế. Sách Khảo Thanh cho rằng: thế là cạo bỏ râu tóc. Quảng Nhã cho rằng: cạo bỏ, vất bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng kéo cắt tóc. Chữ viết từ bộ tiêu thanh đệ ?, âm thích ngược lại âm thích đích.

Đã mạ. âm dưới ma hà. Sách Khảo Thanh cho rằng: mạ là lấy lời ác để mắng nhiếc làm nhục. Theo Tả Thị Truyện nói: mất cung mà mắng nhiếc. Tự thư cho rằng: mắng chửi. Văn Tự điển nói rằng: chữ viết từ bộ võng thanh mã.

Đam miện. âm trên đáp hàm. viết đúng là chữ đam. Văn trước luận Phát trí trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi. Âm dưới miên biến. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: là dìm trong men rượu, say sưa quá mức, làm nhiều lỗi lầm, mất hết phong độ. Thi Truyện nói: trời không dung thứ người say sưa nghiện ngập. Văn Tự điển viết từ bộ thủy thanh diên.

Tài ngột. Ngược lại âm trên tử lai. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tài giống như là trồng trọt. Sách Xuân Thu Truyện nói: nước Sở bao vây ở trong xát thật là trồng trọt. Chữ viết từ bộ mộc thanh tài, âm tài là âm tai, âm dưới ngũ cốt. Thanh loại nói: cây đã đoạn hết cành lá còn lại trơ trụi. Mao Thi Truyện nói: trời không có dung tha. Văn Tự điển nói: ngột là cây đã đoạn đầu. Chữ viết từ bộ mộc thanh ngột, âm tốt ngược lại âm tài ngột.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 7

Khấu bát. âm trên là khẩu. Sách Thuyết Văn nói khấu là đánh gõ. Chữ viết từ bộ thủ thanh khẩu. Âm dưới bán mạt. tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn nói: trong rỗng không. Ngọc Thiên nói rằng: ở Giao Châu Tạp sự lý ghi rằng: Tấn Đại Khang cho cái mâm, cẩn thận giữ gìn. Văn thông dụng nói: trong từ bộ bạt đến bộ mảnh viết thành chữ bát chữ cổ.

Cảnh giác. Ngược lại âm trên kinh ảnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: cảnh là nhắc nhở, răn phòng cũng là tỉnh thức. Quảng Nhã cho rằng: không an. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cảnh giống như khởi dậy. Văn Tự điển viết từ bộ ngôn thanh kính.

Ma quỳnh. Ngược lại âm trên mạc ba. Sách Khảo Thanh cho rằng: ma là đá mài dao, cũng là nghiền nát, mài, suy xét đến tận cùng. Quảng Nhã cho rằng: mài ngọc châu khiến cho phát ra ánh sáng. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thạch thanh ma. âm dưới là quỳnh cũng là mài ngọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu sắc của ngọc óng ánh. Chữ viết từ bộ ngọc đến bộ quỳnh thanh tĩnh, âm quỳnh ngược lại âm hộ quynh.

Khiếp tiểu. âm trên hàm giáp. viết đúng từ bộ phụ đến bộ phụ viết thành chữ khiếp. Văn luận viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp chẳng phải. Xem trước đã giải thích.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 8

Ký quán. âm trên kỷ vị. Cố Dã Vương cho rằng: ký cũng là quán gọi là tưới nước. Sách Trang Tử nói: lấy nước tưới ngoài đồng ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái giống như quán. Chữ viết từ bộ thủy thanh ký, âm dưới quan hoán. Cố Dã Vương nói: quán giống như ốc tưới rót nước đồng ruộng phì nhiêu màu mỡ, cũng gọi là mưa thuận mùa đúng thời tiết. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh quán, âm quán đồng với âm trên.

Khuê lung. Ngược lại âm huệ khuê. Văn trước đã giải thích rồi, đây không giải thích trùng lập. Âm dưới song dũng. bờ ruộng cách ngăn ra làm thửa ruộng, vồng, luống. Văn luận viết từ bộ phụ viết thành chữ

lung cũng thông dụng.

Khan cấu. âm trên khổ gian. Sách Văn Tự Tập Lược nói: khan gọi là yêu tiếc tài sản. Sách Văn Tự điển nói: keo kiệt bủn xỉn. Chữ viết từ bộ tâm thanh khan, âm dưới câu hậu. Cố Dã Vương chú giải rằng: cấu cũng gọi là không sạch. Văn Tự điển nói: cấu uế dơ bẩn. Chữ viết từ bộ thổ thanh cấu.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 9

Để đột. âm trên để lễ. Theo Thanh loại cho rằng: để là va chạm đến. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ giác thanh để, âm dưới độn nột. Quảng Nhã cho rằng: đột là đường đột xông vào. tự thư cho rằng: lau chùi. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh đột. Văn luận viết chữ đột cũng đồng với âm trên. Nghĩa là ống thông khói lớn, sâu cũng với văn luận nghĩa quái lạ không lấy nghĩa này.

Tráo võng. âm trên trài giảo. Mao Thi Truyện nói: tráo là cái nơm bắt cá hình như cái chuông làm bằng tre. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: cái lồng bắt cá. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ võng thanh tráo, âm hoặc ngược lại âm khổ quách. âm dưới vong phòng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: giăng lưới bắt chim gọi là la võng. Cố Dã Vương cho rằng: võng đó tên gọi chung lưới. Bao hàm kết buộc dây lấy dây giăng ngoài đồng ruộng bắt cá. Chữ viết từ bộ quynh giống mảnh lưới đan xen vào nhau. Hoặc là viết võng. trụ văn viết chữ võng. Văn cổ viết chữ võng. Văn luận viết từ bộ mịch tục dùng thông dụng.

Ngoan ngai. âm trên ngũ quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngoan là ngu muội. Quảng Nhã cho rằng: ngoan là độn. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ hiệt thanh nguyên, âm hiệt là âm hiệt, âm dưới là nhai giải. Văn trước Luật nhiếp trong quyển thứ 10 đã giải thích đầy đủ rồi.

Thư thích. Ngược lại âm trên triển liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thư là loài côn trùng cắn, chích gieo độc hại. Quảng Nhã cho rằng: thư là loài côn trùng gieo bệnh. Văn Tự Tập Lược nói: viết chữ triết cũng gọi là thống. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ trùng thanh thư, âm dưới thanh diệc. theo Mao Thi Truyện nói: loài côn trùng nhỏ nhít tự tìm cầu đến cắn chích. Sách Thuyết Văn nói: loài côn trùng di gieo độc hại. Chữ viết từ bộ trùng thanh xá. âm xá là âm xá.

Thí sá. Âm dưới sửu á. Văn Tuyển nói rằng: Ô Hữu tiên sinh quá khoe khoang. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: sá là lùng. Lại cũng gọi là bảo cho biết. Văn Tự điển nói: quá khoe khoang. Chữ viết từ bộ ngôn thanh sá.

Diễm tư. âm trên tường diêm. chữ chánh thể. Quách Phác chú giải sách Lễ ký rằng: thịt chim trong canh nước sôi. Lại viết từ bộ hỏa viết thành chữ diêm tục dùng thông dụng. Sách Bát-nhã cho rằng: viết từ bộ tầm viết thành chữ tầm. Văn cổ viết chữ diêm. Ngọc thiên và Khảo Thanh đều cho rằng: chữ viết từ bộ hạnh viết thành chữ diêm. Sách người viết sai. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong lửa sáng rực nấu nước sôi bỏ thịt vào. chữ viết từ bộ diêm đến bộ nhiệt thanh tĩnh, cũng từ bộ chích đến bộ hỏa viết thành chữ điêm. Văn luận viết từ bộ đàm viết thành chữ đàm tục dùng thông dụng. Lại cũng có viết từ bộ nhục đến bộ diêm viết thành chữ diêm. Sách Thuyết Văn và Ngọc Thiên đều không có âm này. Âm dưới ngược lại âm dực chước. tục dùng cũng thông dụng. Âm dưới là tư. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: lông trên miệng gọi là ria mép, cũng viết chữ ty. Xưa nay Chánh tự cho rằng: râu trên miệng. chữ viết từ bộ tu thanh thử.

Oa trương. âm trên khẩu qua. Lại âm khẩu hoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái miệng nghiêng một bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là cái miệng méo một bên. Chữ viết từ bộ khẩu thanh oa, âm oa là âm quả.

Lung lệ. Âm trên lũng dung. Âm dưới lệ, hai chữ này các chữ trong sách trước không liên quan với nhau, nối kết với nhau. văn Học sĩ lấy ý trong sách mà viết ra. Tương truyền rằng: lung lệ đó là cang cường khó điều phục, đại ý như vậy. Cho nên không có giải thích khác cũng là chữ hình thanh.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 10

Thường khứu. Ngược lại âm hưu hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng các mũi chính là để ngửi gọi khứu. Chữ viết từ bộ tỷ thanh khứu, âm khứu ngược lại âm xương chú.

Bạng cáp. Ngược lại âm trên bàng thỉnh. âm dưới cam hạp. Sách Dị Thuyết quái nói rằng: thuộc ly là con ba ba biến làm con cua, cua là

con sò, con sò là con ngọc trai. Sách Lã Thị Xuân Thu nói: ngày trăng tròn con ngọc trai tròn đầy thật, ngày trăng tối thì ngọc trai khuyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngọc trai thuộc giống chim trứng của giống chim. Chữ viết từ bộ trùng thanh tiểu, âm tiểu là âm tiểu. Văn luận viết từ chữ phụng viết thành chữ bạng là chẳng phải. Con sò có nhiều loại. Nay tóm lược đề cử ra hai, ba ví dụ đây để chứng minh hiểu rõ đầy đủ sự biến hóa vô cùng, không thể so lường được. Sách Lễ ký nói: trăng mùa thu, chim sẻ vào trong biển lớn hóa làm con sò. Trịnh Huyền nói rằng: khi nước biển dâng cao. Sách Thuyết Văn lại nói: con sò đực đến ngàn năm biến làm con chim cút. Sách Phương ngôn cho rằng: Tần gọi con sò đực là con sò biển. Con sò sống đến trăm năm hóa làm chim yến, chỗ biến hóa ra đó là con sod đứng đầu, gọi là con sò già nua yếu ớt nằm trong cánh chim, chỗ biến hóa ra đó, lại có chim trĩ hóa làm trứng chim, trứng chim đó nở ra làm chim uyên ương, cũng là biến hóa. Phàm biến hóa ra là không thể kể hết, hoặc chúng sanh dần dần chuyển hóa theo vô tướng mấnh ra đều lấy nghiệp vận chuyển, mê hoặc biến hóa đến chỗ thành đó vô cùng, vô tận vậy.

Oa ngưu. âm trên quả hoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: oa ngưu tức là con ốc sên. Cố Dã Vương cho rằng: oa ngưu là con sò, con hàu. Sách Thuyết Văn cho rằng: con sò nhỏ. Chữ viết từ bộ trùng thanh oa, âm đệ ngược lại âm dĩ chi., âm du ngược lại âm du chu., âm hủy ngược lại âm vi quỷ., âm oa là âm khoa.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN
QUYỂN 11

Bạo lưu. Ngược lại âm trên bao báo. Văn trước luận Phát trí trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Phiêu xí. âm trên phiêu diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu là giơ cao lên. Tấm biển treo trên cao. Quảng Nhã cho rằng: tấm biển có ghi chữ. Cố Dã Vương: phiêu là biểu thức của bà Nữ Oa thời Thượng cổ. Chiến Quốc sách truyện nói rằng: đưa lên rất cao. Sách Văn Tự điển nói: xí là tấm phan, cái phướn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cân thanh phiêu. Văn luận viết từ bộ mộc viết thành chữ phiêu là chẳng phải. Phiêu ngược lại âm tất diêu. ngược lại âm dưới là xi chí. Sách Khảo Thanh cho rằng: xí giống như cờ có viết chữ vào. Quảng

Nhã cho rằng: xí là cái phan. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ cân đến bộ xí âm xí đồng với âm trên.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC LUẬN QUYỂN 12

Bối ẩu. Ngược lại âm dưới ương vũ. Văn trước luật Hữu bộ trong quyển thứ 25 đã giải thích đầy đủ rồi.

Suy tổn. Ngược lại âm trên luật truy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng:ýuy là gầy yếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là bệnh hoạn. Quảng Nhã cho rằng: mỏi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốm yếu. Chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm luy ngược lại âm lực ngọa.

Khang địch. Ngược lại âm trên khang lãng. Cố Dã Vương cho rằng: khang địch. là vợ chồng thù địch với nhau. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kẻ thù. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân thanh kháng, âm ngẫu ngược lại âm ngữ cẩu. ngược lại âm dưới đình lịch. Sách Khảo Thanh cho rằng: đối địch với nhau. Theo Tả Thị Truyện nói rằng: địch là đương đầu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: thù hận oán cừu với nhau. chữ viết từ bộ phộc thanh đích, âm đích là âm đích.

****

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC QUYỂN 1

Ốt-đát-la-tăng. Ngược lại âm trên ôn một. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là Thượng y, tức nay là y bảy điều.

745 Vi chẩm. âm dưới châm thẩm. Sách Khảo Thanh cho rằng: chẩm là cái cành cây. Cố Dã Vương cho rằng: chẩm là cỏ khô. Mao Thi Truyện cho rằng: chẩm góc kê kho gạo. Sách Luận ngữ cho rằng: uống nước là phải cong cánh tay mà kê lên trên. Sách Văn Tự điển nói: cỏ khô đê đầu. Chữ viết từ bộ mộc thanh chẩm, âm trầm là âm dâm.

Phá tích. Ngược lại âm dưới tinh diệc. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phân tích. Theo Thanh loại cho rằng: tích là phanh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là chẻ cây ra, chữ viết từ bộ mộc thanh cân. Văn luận viết chữ tích là chữ cổ.

Kích luận. âm trên kinh ích. Cố Dã Vương cho rằng: kích là tiếng bàn bạc quá khích. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: cảm kích. Sách Phương ngôn cho rằng: nước sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy nhanh gợn sóng. Chữ viết từ bộ thủy thanh kích, âm kích ngược lại âm khẩu đích. Lại âm dư chước.

Phi bát. Ngược lại âm dưới bàn mạt. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tây mà xoay chuyển vật. Hà hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: bát là điều chỉnh sửa chữa. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: sửa trị. Chữ viết từ bộ thủ thanh phát.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 2

Cơ hiệt. Ngược lại âm trên ký hy. Sách Khảo Thanh cho rằng: cơ động. Sách Chư dịch nói rằng: là chỗ chủ động phát ra vinh nhục. Xưa nay Chánh tự cho rằng: là chủ phát ra gọi là cơ. Chữ viết từ bộ mộc thanh cơ. Ngược lại âm dưới là hoành kiêt. Quách Phác chú giải Sách Phương ngôn rằng: hiệt hl trí tuệ. Cố Dã Vương cho rằng: là người gian manh xảo trá mê hoặc người. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kiết, âm kiết ngược lại âm gian bát.

Tần xúc. Ngược lại âm trên tỳ tân. Cố Dã Vương cho rằng: tần xúc là trạng thái ưu sầu không vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: người lội qua nước sâu chảy xiết. Chữ viết từ bộ ty thanh tần. Văn luận viết chữ tần là thoát ra, tóm lược còn thiếu. Ngược lại âm dưới tửu dục. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: xúc giống như là thúc dục. Quảng Nhã cho rằng: cấp bách gấp rút. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ túc thanh xúc.

Khiêu trịch. âm trên đình diêu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khiêu là nhảy qua. Quảng Nhã cho rằng: nhảy lên. Xưa nay Chánh tự cho rằng: té quỵ giơ chân lên. Chữ viết từ bộ túc thanh, ngược lại âm dưới trình diệc. Chánh tự viết chữ trịch tục dùng tsj. Cố Dã Vương cho rằng: trịch là dùng dằng không tiến tới, nhấc chân lên mà không bước tới. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh trịch.

Quỷ trá. âm trên quy hủy. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quỷ là khinh thường xem nhìn. Quảng Nhã cho rằng: theo điều xấu ác gọi là quỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: quở trách. Chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy. Ngược lại âm dưới là trách á Sách Khảo

Thanh cho rằng: lừa bịp dối trá. Xưa nay Chánh tự cho rằng: trá là khinh khi. Chữ viết từ bộ ngôn thanh trá.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 3

Ốt-đà-nam. âm trên ôn cốt. âm kế là đà. Tiếng Phạm, đây dịch là kệ tụng.

Đam miện. Ngược lại âm trên đáp nam. ngược lại âm dưới miên biến. Văn trước luận Phát trí trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

Vô minh ách. âm dưới anh cách. Sách Khảo công ký nói rằng: người ta làm chiếc xe là có ách xe dài sáu thước. Lại gọi là ách là càng xe thẳng đè lên cổ con trâu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nay gọi là ách xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: càng xe phía trước. Chữ viết từ bộ xa thanh ách, âm ách là âm ách. Âm cách là âm cách. Văn luận viết chữ ách tục dùng thông dụng.

Như thọ tâm hữu yết. âm dưới là hàn cát. Sách Khảo Thanh cho rằng: yết là ở trong cây có con mọt ăn. Sách Tiểu Nhã cho rằng: yết là con tằm ăn lá dâu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: ấu trùng, con sâu mọt. Chữ viết từ bộ trùng thanh cát, âm tù ngược lại âm tựu du. Âm tề là âm tề, âm đố là âm đố.

Suy độ. âm trên xuất chuy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: suy giống như đẩy tới, đưa lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ bỏ. Chữ viết từ bộ thủ thanh chuy âm dưới đường lạc. Cố Dã Vương cho rằng: độ là đánh giá đo lường. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: độ là đo lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: pháp chế. Chữ viết từ bộ hựu đến bộ phức thanh tĩnh. Văn cổ viết chữ độ.

Cấu họa. âm trên câu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cấu là làm ra tạo ra, cái giá móc áo. Mao Thi Truyện nói: cấu là tạo nên. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: cấu hợp lại. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mộc thanh cấu, âm cấu đồng với âm trên. Văn luận viết từ bộ thủ viết thành chữ cấu là sai. Ngược lại âm dưới hoành hồ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoạch là mưu tính kế sách. Lại gọi là phân ra ranh giới. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hoạch là quy hoạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: là ranh giới, giống như thửa ruộng có bốn đường

ranh giới. Cho nên vạch ra phân chia, chỗ gọi là vẽ ra.

Ngận lệ. Ngược lại âm trên ngận khẩu. chữ thượng thanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngận là tội ác. Quảng Nhã cho rằng: thù hận. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: ngận là tranh nhau. Xưa nay Chánh tự cho rằng: ngang bướng không chịu theo. Chữ viết từ bộ xước thanh cấn. Văn luận viết từ bộ nhân viết thành chữ ngận là sai. Ngược lại âm dưới là lễ đế. Bì Thương cho rằng: lệ là run sợ, kính sợ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: nghĩa cùng với Bì Thương đồng. Chữ viết từ bộ tâm thanh lệ, âm lẫm, ngược lại âm lâm thậm. Âm khẩn ngược lại âm khang ngận.

Hung bột. Ngược lại âm dưới bồn một. Cố Dã Vương cho rằng: bột là bùng lên tràn trề. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: bột là bỗng nhiên biến sắc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bỗng nhiên, đột nhiên bừng lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ bỏ. Chữ viết từ bộ lực thanh bột.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 4

Phiến-đệ-bán-trạch-ca. âm đệ ngược lại âm xích gia. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là huỳnh môn tức là quan trong cung coi việc đóng cửa.

Hàm tước. âm dưới tường lược. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: tước là nhai trong miệng có mùi vị. Quảng Nhã cho rằng: tước là cho ăn. Tự thư cho rằng: nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là nhai. Chữ viết từ bộ khẩu đến bộ lưu.

Tam-bổ-la. Ngược lại âm trên đáp hàm. Tiếng Phạm, Tây Vức gọi là dược quả tức trái thuốc. Tục gọi là người con gái xứ này phần nhiều ngậm trái thuốc này.

Đậu khấu. âm dưới hiểu cấu. Bổn thảo cho rằng: đậu khấu mọc ở nước Nam. Sách Dị vật chí nói rằng: đạu khấu mọc ở Giao Chỉ, ở vùng biển phía Bắc, giống như hột cương tử. Theo rễ bên trong mọc ra hình giống như da cây ích trí, nhỏ dày, giống như an thạch lựu, có mụi vị cay, lại bò um tùm. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thảo thanh khấu, âm khấu, ngược lại âm khẩu cấu.

Tú lăng. âm trên tu hựu. Sách Khảo công ký cho rằng: dự bị đủ

năm màu sắc thêu hoa trên tấm vải lụa gọi là tú. Sách Thuyết Văn cho rằng: đủ năm màu sắc. Chữ viết từ bộ mịch ? thanh tú Ngược lại âm dưới lực ngoại. Bì Thương cho rằng: lăng giống như lụa mỏng thêu hoa mà có đường viền. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đông Tề gọi là vải trắng thưa mịn đó gọi là lăng. Chữ viết từ bộ mịch thanh lăng, âm lăng đồng với âm trên.

Ca-lang-già-hạt. Âm dưới hàn cát. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là thượng diệu tế nhuyễn đơn ba.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 5

Thị miệt. Ngược lại âm dưới miên miết. Đỗ Dự chú giải Tả Thị Truyện rằng: miệt kà không. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là đến. Sách Phương ngôn cho rằng: tiểu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: bài kệ miệt khinh. Chữ viết từ bộ tâm thanh miệt, âm miệt đồng với âm trên. Văn luận đơn viết chữ miệt dùng là khắc, chẳng phải nghĩa này.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 6

Nhai ngạn. Ngược lại âm trên nhã giai. Lại cũng âm nhã gia. Sách Khảo Thanh cho rằng: giữa khe suối có vách núi hiểm trở. Sách Thuyết uyển nói: núi cao có vách núi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bên vách núi cao. Chữ viết từ bộ ngạn thanh khuê. Âm ngạn ngược lại âm ngũ hạt. Ngược lại âm dưới ngang cán. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: nhìn vách núi cheo leo mà nước sâu thăm thẳm đó là ngạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước lên vách núi trơn trợt mà cao đó là ngạn. Chữ viết từ bộ ngạn thanh can.

Sảnh ứ. Ngược lại âm dưới ư cứ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong thịt da ngưng trệ ứ đọng máu mủ xấu. Sách Sở Từ cho rằng: hình như tiêu tan mà còn ứ đọng vết thương. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích tụ máu. Chữ viết từ bộ tật thanh ư, âm tật ngược lại nữ ách.

Bàn trướng. âm trên phác na. Sách Tập Huấn nói rằng: hậu môn

sưng đầy lớn lên. Bì Thương cho rằng: bàn cũng là trướng. Xưa nay Chánh tự cho rằng: viết chữ bàn cũng viết chữ bàn. Bàn là hậu môn bị thương ruột già sưng lên. Chữ viết từ bộ nhục thanh bàn, âm cang ngược lại âm hộ công., âm bàn ngược lại âm hộ giang. Ngược lại âm dưới trương lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tướng là cái bụng đầy. Văn Tự điển nói: ăn no nên đau bụng. Chữ viết từ bộ nhục thanh trường.

Bất áo. Ngược lại âm áo cáo. Tự thư cho rằng: áo là tham. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: áo là yêu thích. Xưa nay Chánh tự cho rằng: nguyên là yêu thích, đam mê ăn. Chữ viết từ bộ tâm thanh áo, âm nguyên ngược lại âm ngũ hoàn.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 7

Chu ngột. Ngược lại âm trên trắc chú. Sách Hàn Tử cho rằng: ở giữa ruộng có gốc cây. Xưa nay Chánh tự cho rằng: gốc cây. Chữ viết từ bộ mộc thanh chu ngược lại âm dưới ngũ cốt. giải thích cùng trên cũng đồng.

Khanh tiệm. Ngược lại âm trên khách canh. Sách Tiểu Nhã cho rằng: khanh là gò đất cao. Quách Phác cho rằng: gọi là hào bao quanh thanh trên có khu đất trống. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khanh là cái hang, hốc, cái hầm. Hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ khanh. Sách Thuyết Văn nói: viết chữ khanh. Theo chữ là đất bằng. Có hào sâu hai bên vách núi cao gọi là khanh. Ngược lại âm dưới thiếp diễm. Quảng Nhã cho rằng: tiệm là hố sâu. Cố Dã Vương cho rằng: nay ao bao quanh thanh gọi là tiệm. Lại cũng gọi là hào quanh thành không có nước. Theo chữ tiệm đó là xuyên ra ngoài, giống như hầm, cái hầm bên trong bồi đất khiến cho cao lên, giống như vách tường vững chắc, trên trồng cây dày đặc, có các dây gai bao phủ, các cây đoạn làm rào, chỗ chứa người có tội lỗi, nên gọi là tiệm.

Sai nghi. Ngược lại âm trên thái lai. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sai cũng là nghi. Sách Phương ngôn cho rằng: rầu rỉ, buồn rầu. Quảng Nhã cho rằng: lo sợ. Sách Thuyết Văn cho rằng: kẻ giặc. Chữ viết từ bộ khuyễn thanh sảnh. Theo chữ cấu đó là ôm lòng do dự nghi suy đoán chưa định.

Uẩn súc. Ngược lại âm trên uy phân. Sách Khảo Thanh cho rằng: uẩn là bao gồm, cất giấu. Sách Luận ngữ cho rằng: uẩn là vuốt ve cất giấu châu ngọc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ vi thanh ôn, âm ôn là âm ôn. Ngược lại âm dưới là sửu lục. chữ hoặc là viết chữ súc. Cố Dã Vương cho rằng: rất tối cần. Sách Thuyết Văn cho rằng: chứa nhóm. Chữ viết từ bộ thảo thanh súc.

Liên trụ. Ngược lại âm dưới chu lũ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trụ là cây gậy. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mộc thanh chủ. Văn luận viết từ bộ cốt viết thành chữ trụ là chẳng phải. Kiểm các chữ trong sách đều không có chữ này.

Bổ-lạt-nã. âm kế là lam đát. âm dưới nạch da. Tiếng Phạm, gọi là nắm lấy con trâu ngăn không cho ra ngoài đường.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 8

Triền. Ngược lại âm trên triệt liên. Văn luận viết chữ triền chữ tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: triền là quấn quanh bó buộc. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: triền là lấy sợi chỉ hồng để buộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ước hẹn. Chữ viết từ bộ mịch thanh triền, âm triền đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới âm dụng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: áp là chật hẹp. Sách Khảo Thanh cho rằng: chấn xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: hư hoại. Chữ viết từ bộ thổ thanh yểm, âm trách là âm trách.

Khẩu chủy. Ngược lại âm dưới túy tủy. Hoặc là viết chữ chủy. Lại viết chữ chủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: chủy là mỏ con chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủy là thức. Một trong nhị thập bát tú: sao chủy. Chữ viết từ bộ thử thanh thứ, âm thứ là âm thứ.

Cù dục. Ngược lại âm trên cụ câu. âm dưới dung chúc. Tự thư viết đúng là chữ cù. Văn luận viết chữ cụ tục dùng thông dụng. Cố Dã Vương cho rằng: chim cù dục giống như đầu lưỡi nói có hai lông sừng, có thể dạy nói tiếng người. Sách Khảo công ký cho rằng: chim cù dục không vượt bay qua sông. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ điểu đều thanh cú cốc.

Hủ hoại. Ngược lại âm trên phò bổ. Quảng Nhã cho rằng: hủ là có mùi hôi thối, hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: mục nát. Chữ viết từ

bộ nhục thanh phủ. Ngược lại âm dưới hoài quái. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoại là đất đá sụp đổ lở ngã, gãy rơi rớt xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: bại hoại. Chữ viết từ bộ thổ thanh hoài, âm hoài là âm hoài.

Canh xác. Ngược lại âm trên cách hành. Ngược lại âm dưới ha các. Sách Khảo Thanh cho rằng: xác giống như canh Mà lại nồng đậm đặc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: có rau cải gọi là canh, không rau, không có rau cải gọi là xác. Cố Dã Vương cho rằng: canh xác có năm mùi vị tanh nhiệt được ưa thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: canh thịt. Chữ viết từ bộ nhục thanh xác, âm xác ngược lại âm hà các.

Hám quật. Ngược lại âm trên khảm hàm. Sách Khảo Thanh cho rằng: khám là đục núi làm vách tường có cái lỗ trũng, cái hang. Quảng Nhã cho rằng: khám là cái hang chứa đầy. Sách Phương ngôn cho rằng: lấy nhận. Sách Thuyết Văn cho rằng: hang rồng. Chữ viết từ bộ long. Nay gọi là thanh. Ngược lại âm dưới là khôn cốt. Lại cũng viết chữ quật hoặc là viết chữ quật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quật là nơi tụ tập của các con phù du, quật cũng là hang động thú vật. Cố Dã Vương cho rằng: quật là đào đất làm nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: quật là đột nhiên. Chữ viết từ bộ thổ thanh khuất.

Sảnh nha. âm trên thích đinh. âm dưới nha giã. Nay người ở Hà Đông gọi sảnh là nha. Quảng Nhã cho rằng: nha là phía Nam đi vòng quanh nhà lớn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nha là nhà nhỏ hơn xây quanh nhà lớn, xây quanh hành lang. Sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh nha.

Cù du. Ngược lại âm trên cụ câu. âm dưới sơn vu. chữ chánh thể. Văn luận viết chữ cù du. là chẳng phải. Sách Khảo Thanh cho rằng: cù dục đó là dệt làm thảm, màu sắc lẫn lộn có vân. Bì Thương cho rằng: cù du là thảm lông có nhiều màu sắc xen lẫn. Thảm trải nền. Thích danh cho rằng: thảm lông xen lẫn nhiều màu. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chiếu lông. 746 Hai chữ đều từ bộ mao đều thanh cù du.

Đạm kế. âm trên tham cảm. Văn luận viết chữ thiêm là chẳng phải. Sách Khảo Thanh cho rằng: giữa màu xanh trắng chẳng phải nghĩa này. Theo Hàn Thi Truyện nói: áo lông như vải lụa trắng. Tự thư lại viết chữ sâm. Sách Khảo Thanh cho rằng: sâm là dệt lông làm hàng xuất qua nước Thổ Phiên. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ miên thanh đạm. Chữ hoặc là viết chữ ty. Lại viết chữ đạm các chữ này đều từ bộ mao viết thành chữ đạm. Chữ lưu hành lâu đời cho nên cả hai giải thích mà vẫn tồn tại. Ngược lại âm dưới là phàm lệ. Tự thư viết đúng là chữ và dùng chữ kế này. Văn luận viết chữ kê là viết tóm lược. Sách Khảo

Thanh cho rằng: kế là ở Tây Vực là lông mịn của thú vật dệt làm thảm. Sách Tiểu Nhã cho rằng: áo khoác ngoài bằng lông thú. Xưa nay Chánh tự cho rằng: áo lông trắng nước Tây Nhung. Chữ viết từ bộ mịch thanh kế, âm kế đồng với âm trên. Âm xuế ngược lại âm xuy nhuế. Âm ly là âm ly.

Kỹ đăng. Ngược lại âm trên cơ hỷ. Sách Chu lễ nói rằng: chư Hầu tả, hữu có cái ghế ngọc. Lại cũng gọi là việc tốt lành biến ra cái ghế. Sách Chu lễ nói rằng: có năm loại ghế: ghế làm bằng ngọc, ghế điêu khắc, ghế nệm, ghế sơn phết và ghế thô sơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ghế đôn, chữ tượng hình. Văn luận viết chữ kỹ tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới đăng đặng. Thống Tự cho rằng: đăng là cái ghế cao. Sách Văn Tự điển nói: đăng là cái ghế vuông. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mộc thanh đăng. Lại viết chữ đăng.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 9

Noãn xác. âm dưới không giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: xác đó là vỏ trứng trống rỗng. Sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: xác đó là cỏ ngoài của trứng chim. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ noãn thanh xác, âm xác đồng với âm trên.

Tất suất. Ngược lại âm trên tân thất. ngược lại âm dưới suy luật. Theo Mao Thi Truyện nói: tất suất là con dế. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện nói rằng: con chuồn chuồn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh tất suất. Chữ suất hoặc là viết chữ sư chữ cổ, âm thanh ngược lại âm từ tính. Lại âm tinh liệt. âm liệt.

Mông nhuế. Âm trên mong khổng. Sách Trang Tử nói rằng: con vượn ở trên cây, như con muỗi mắt ở con rắn. Cố Dã Vương cho rằng: mong là loài côn trùng nhỏ biết bay. Sách Thuyết Văn cho rằng: mông miệt là con bọ mắt, con muỗi mắt. Chữ viết từ bộ trùng thanh mông. Ngược lại âm dưới nhiệt nhuế. Gọi đúng là văn tức là con muỗi mắt. Chữ viết từ bộ trùng thanh nhuế âm miệt ngược lại âm miên miết, âm văn là âm văn, âm nhuế đồng với âm trên.

Diệu sí. Ngược lại âm dưới thi thị. Hoặc là viết chữ dực. Lại cũng viết chữ kỳ. Nay luận văn viết chữ sí tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: cánh chim. Sách Sở Từ cho rằng: tuy là cánh chim

nhưng thu hẹp lại, cánh chim này không mở rộng ra bao dung. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim. Chữ viết từ bộ vũ thanh chi.

Phẫn muộn. Ngược lại âm trên phần phân. Sách Phương ngôn cho rằng: phẫn là chứa đầy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: chứa đầy phẫn nộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: buồn phiền. Chữ viết từ bộ tâm thanh phẫn, âm phẫn ngược lại âm phò văn. Ngược lại âm dưới môn bổn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: muộn là sầu muộn, buồn phiền. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: muộn là phẫn hận. Sách Thuyết Văn cho rằng: lo buồn, buồn phiền. Chữ viết từ bộ tâm đến bộ mãn, mãn cũng là thanh.

Kiền-nam. Ngược lại âm càng yển. Tiếng Phạm.

Ốt-đát-la. Ngược lại âm ôn cốt. âm kế đan lạt. Tiếng Phạm.

Thượng đặng. Ngược lại âm dưới đăng đặng. Quảng Nhã cho rằng: đặng là mang giày dép. Tự thư cho rằng: đặng là ngước lên. Văn Tự điển nói: đặng đi lên, thẳng lên. Chữ viết từ bộ tú thanh đăng cũng viết chữ đặng.

Phủ tích. Ngược lại âm trên phu vũ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: thịt thái mỏng phơi khô gọi là phủ. Sách Khảo Thanh: thịt cách tay phơi khổ. Chữ viết từ bộ phục thanh bổ âm bác ngược lại âm phổ bác. âm dưới tích âm tích cũng là phủ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: tích là lâu rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: dựa vào chữ tích cũng là thịt khô. Theo tàn nhục gọi là lấy mắt nhìn sự tương tàn cốt nhục. Nay thường dùng, chữ viết từ bộ bộ nhục thanh. Hoặc là viết chữ tích trong bộ hỏa.

Nhất đoàn. Ngược lại âm đoạn loan. Quảng Nhã cho rằng: đoàn đó vắt, vo tròn cho dính lại. Cố Dã Vương cho rằng: đoàn đó nay gọi dính vào nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: vo tròn. Chữ viết từ bộ thủ thanh đoàn. Theo chữ nhất đoàn đó là người xưa không có muỗng đũa nên dùng tay mà ăn. Nay nước Thiên Trúc và chư Phiên bang còn tồn tại phong tục ăn bằng tay, nên gọi là nhất đoàn là ăn vậy.

Bại hựu. Ngược lại âm trên bài mại. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: mười cây lúa ma chín cây ngũ cốc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại là cây lúa giống như cây ngũ cốc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: tên khác của cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh bại ngược lại âm dưới do tửu. Cố Dã Vương cho rằng: cỏ mà giống như cây mạ. Sách Thượng thư cho rằng: như trong mạ mà có cỏ đuôi chó. Văn Tự điển nói: hựu giống như cây lúa mà không có thật là loại cỏ lông. Chữ viết từ bộ thảo thanh tú.

Khang bỉ. Ngược lại âm trên khả lang. Sách Thuyết Văn cho rằng: khang là vỏ của thóc lúa, lương thực. Chữ viết từ bộ hòa thanh khang ngược lại âm dưới ty nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bỉ là cây lúa lép, không thành hạt gạo. Chữ viết từ bộ hòa thanh tỷ, âm nhị ngược lại âm di tỷ.

Lỗ đậu. Ngược lại âm trên lực cử. Bì Thương cho rằng: lỗ là mạ mà tự nó mọc. Sách Văn Tự điển nói: không có giống tự mọc. Chữ viết từ bộ hòa thanh lỗ.

Ma tỷ. Ngược lại âm dưới tư tợ. Cố Dã Vương cho rằng: cây có gai đó gọi là tỷ. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cây đay. Sách Chu lễ cho rằng: ở đất Dự Châu, trong rừng Mạc Lợi có dây đay. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây gai. Chữ viết từ bộ nhận thanh đài, âm nhãn ngược lại âm vong nhãn.

Toa tiến. Ngược lại âm trên tô qua. Sách Tiểu Nhã cho rằng: tên của loại thuốc cao hầu toa, kỳ thật là đề hồ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cao hầu. Chữ viết từ bộ thảo thanh sa, âm đề là âm đề, âm cao là âm hao ngược lại âm dưới là bì biểu. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: tiến là cỏ khô héo. Tự thư cho rằng: thuộc cỏ năn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cây hoắc hương. Chữ viết từ bộ thảo thanh bao, âm bao ngược lại âm bao giao., âm hoắc là âm tùy, âm khóa ngược lại âm quái hoại.

Bất quảng. âm dưới hồ mãnh. Tự thư cho rằng: tính hung ác dữ dằn. Chữ viết từ bộ khuyển viết thành chữ quảng. Văn luận viết chữ khoáng là đồng thiết khoáng chất con nguyên chưa chế biến, cùng với nghĩa rất khác lạ. Sách Khảo Thanh cho rằng: quảng giống như là con chó hung hãn, khốc liệt tàn ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó dữ dằn, không thể đến gần. Chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Tố dực. Ngược lại âm trên tô cố. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: tố là chỗ con chim nhận thức ăn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: con chim đã mổ thức ăn vào miệng rồi lại nhả ra nhai, đút cho chim con. Chữ viết từ bộ khẩu thanh tố, âm tước ngược lại âm tường tước. Ngược lại âm dưới dăng tức. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: dực là bổ thêm vào. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cánh chim. Chữ viết từ bộ vũ thanh di. Hoặc là viết từ bộ tẩu viết thành chữ dực, dực này nghĩa là bay lên.

LUẬN TẬP DỊ MÔN TÚC
QUYỂN 10

Giám chiếu. Ngược lại âm trên lam hãm. Sách Khảo Thanh cho rằng: giám chiếu là soi sáng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: giám đó là chỗ xem xét hình tướng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: giám đó gọi là cái gương soi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chậu lớn, có thể lấy ánh sáng từ nơi mặt trăng chiếu soi xuống chậu nước. Chữ viết từ bộ kim thanh lam.

- TẬP DỊ MÔN TÚC LUẬN PHO HẠ - mười quyển
(Âm vào quyển sau.)

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 67

- Âm A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận pho hạ - mười quyển - Tuệ Lâm.
- Thức thân túc luật - mười bảy quyển - Tuệ Lâm.
- Giới thân túc luận - ba quyển - Tuệ Lâm.
- Phẩm loại túc luận - mười tám quyển - Tuệ Lâm.
- Chúng sự phân A-tỳ-đàm luận - mười hai quyển - Tuệ Lâm.
- A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận - sáu mươi quyển - Tuệ Lâm.

Bên phải là sáu luận - một trăm mười quyển đồng âm với quyển này.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.* **QUYỂN 11**

Thân nặc. Ngược lại âm dưới là ni trất. Tự thư cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ nặc viết thành chữ nặc. Văn luận viết từ bộ ni viết thành chữ nặc tục dùng thông dụng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nặc là thân cận. Sách Thuyết Văn cho rằng: gần gũi. Chữ viết từ bộ nhật thanh nặc.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN QUYỂN 12

Tài hiến. Ngược lại âm trên đái lai. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tài là trồng trọt. Xuân Thu truyện cho rằng: xem xét bên nước Sở vây quanh mà trồng các thứ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ mộc thanh tai, âm đồng với âm trên. Ngược lại âm

dưới ngạn cát. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: cây đã chết rồi còn dư lại chồi lá. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đã chết rồi còn dư lại gốc. Chữ viết từ bộ mộc thanh hiến. Văn cổ viết chữ hủy hoặc là viết chữ nghiệt. Văn luận viết chữ bá âm bách là chẳng phải.

Đăng mộng. Ngược lại âm trên đằng đăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đăng mộng đó là lúc đầu nằm ngủ rồi ngồi dậy. Ngược lại âm dưới mặc bằng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: mộng đó là sầu muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắt không sáng. Chữ viết từ bộ mục đến bộ tuần tuẫn là mắt nhảy nhiều lần, âm mông ngược lại âm lăng đăng.

Trù trừ. âm trên trụ lưu. âm dưới cân lư. Sách Khảo Thanh cho rằng: trù trừ là dùng dằng không chịu đi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: trù trừ là nói do dự. Hai chữ đều từ bộ túc đều thanh thọ trứ.

Đại-kiếp-chủy-na. âm chủy ngược lại âm thất nhĩ. Tiếng Phạm, Đường Huyền Trang đi là tên của vị A-la-hán.

Canh khẩn. Ngược lại âm dưới khẳng ngận. Quảng Nhã cho rằng: khẩn là trị. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: dùng sức khai khẩn đất đai canh tác. Thiên Thương Hiệt ghi: khẩn là cày ruộng. Xưa nay Chánh tự cũng cho rằng: trị khai phá đất hoang cày ruộng. Chữ viết từ bộ thổ đến bộ khẩu thanh tiêu.

Kiên ngạnh. Ngược lại âm dưới ngạch canh. Tự thư lại viết chữ ngạnh. Quảng Nhã cho rằng: ngạnh là cứng chắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh cánh, chữ cánh viết đúng là chữ cánh.

Ốt-đà-nam. Ngược lại âm trên ôn ô. âm giữa đà ngã.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 13

Thô quảng. Ngược lại âm dưới hồ mãnh. Văn luận viết chữ quáng là chẳng phải. Nghĩa văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Trữ tích. Ngược lại âm trên trư lữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là cất chứa. Cố Dã Vương cho rằng: chỗ gọi là chứa nhiệt. Xưa Chánh tự cho rằng nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ bối thanh trữ, âm trữ ngược lại âm trừ lữ.

Phương cao. Ngược lại âm trên phóng phòng. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong bụng con thú mập có mỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng:

phương là mập, béo phì. Chữ viết từ bộ nhục thanh phương. Ngược lại âm dưới quả lao. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: cao là chất mỡ đông lại. Cố Dã Vương cho rằng: cao gọi là trơn nhuộm ướt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là chất mỡ, béo phì. Chữ viết từ bộ nhục thanh cao.

Nùng huyết. Ngược lại âm trên nải đông. viết đúng là chữ nùng hoặc là viết chữ nùng. Nay văn thông dụng viết chữ nùng. Lại cũng viết chữ chiêm. Cố Dã Vương cho rằng: nùng là máu mủ của bệnh ung thư mụt nhọt tích tụ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: đồng nghĩa trên. 747 Chữ viết từ bộ nhục thanh nùng.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN QUYỂN 14

Quyển xúc. Ngược lại âm trên nhiên viên. Lại cũng âm quyết viễn. Tổ hợp lại cũng thông. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyển là cuộn lại, cong lại, cũng viết chữ quyển gọi là bệnh tay chân cong lại, co rút lại. Ngược lại âm dưới sưu lục. Theo Hàn Thi Truyện nói rằng: xúc là gom lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ xúc gọi là cái chân co rút lại, cũng gọi rút gân co lại không thể kéo thẳng ra được. Chữ viết từ bộ thủ thanh xúc, âm xúc ngược lại âm tế lục.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN QUYỂN 15

Hỷ pháp. Ngược lại âm trên hy ký. Văn luận viết chữ hy Cùng với chữ hý cũng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: hý là tốt đẹp chỗ tâm vui vẻ. Quảng Nhã cho rằng: hý là tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: vui vẻ. Chữ viết từ bộ tâm thanh hỷ, âm mỹ ngược lại âm vĩ phi.

Khứu hương. Ngược lại âm trên hưu hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cái mũi chính là để ngửi mùi. Chữ viết từ bộ tỵ thanh khứu, âm khứu ngược lại xú thú.

Cuống siểm. Ngược lại âm trên câu huống. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cuống là giống như mê hoặc đánh lừa. Đỗ Dự chú giải

Tả Truyện rằng: cuống là khinh khi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng đồng nghĩa trên. Chữ viết từ bộ ngôn thanh cuồng. Ngược lại âm dưới siêm nhiễm. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: siểm là nịnh hót. Sách Thuyết Văn cho rằng: hùa theo, nịnh hót. Chữ viết từ bộ ngôn thanh siểm, âm du là âm du. Văn luận viết chữ siểm này cũng thông dụng.

Như Định - (III)

Quỷ trá. Ngược lại âm trên quy hủy. Văn luận viết chữ quỷ là không thành chữ. Sách viết sai. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quỷ là khinh khi, xem thường. Quảng Nhã cho rằng: quỷ là theo điều xấu ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách mắng. Chữ viết từ bộ ngôn. thanh ngụy ngược lại âm dưới trách á.

Vô khích. Ngược lại âm dưới hương nghịch. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: khích là thêu thùa hoa văn. Cố Dã Vương cho rằng: không hài lòng, giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh khích, âm khích đồng với âm trên. Văn luận viết chữ khích tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 16

Loan cung. âm trên oản quan. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: loan là dẫn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm lấy dây cung vươn ra bắn mũi tên. Chữ viết từ bộ cung thanh loan, âm loan là âm luyến.

Khiêu trịch. âm trên địch diêu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là vượt qua. Quảng Nhã cho rằng: nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua. Chữ viết từ bộ túc thanh khiêu âm dưới trình kích. Tự thư cho rằng: viết đúng là chữ trịch. Văn luận viết chữ trịch tục dùng lâu ngày, cho nên vẫn còn tồn tại.

Bách trách. Ngược lại âm trên phương mạch. Cố Dã Vương cho rằng: bách giống như là bức. Quảng Nhã cho rằng: chật hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: sát đến gần. Chữ viết từ bộ xước thanh bạch ngược lại âm dưới tranh cách. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trách là dừng lại. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhỏ hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh trách, âm xước ngược lại âm sửu lược.

Mân chủy. Ngược lại âm trên vấn phân. Theo sách Tự thư cho

rằng chữ đúng thể là chữ mân. Luận văn viết chữ văn tục dùng lưu hành thông dụng. Thống Tự cho rằng: loài côn trùng biết bay cắn chích người. Khi dùng chữ mân mà xuất ra cho nên chữ viết từ bộ mân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mân thanh côn. Âm niết ngược lại âm nghiên kiết. ngược lại âm dưới là tốt tủy chữ đúng thể, văn luận viết chữ chủy là chẳng phải. Sách Khảo Thanh cho rằng: chủy là cái miệng con chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủy là cái mỏ chim biết mổ thức ăn. Chữ viết từ bộ thử thanh thứ, âm tùy là tuy chủy, âm thứ là âm thứ.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 17

Dũng hãn. Âm dưới hàn thả. chữ hoặc là viết can. Sách gia ngữ nói rằng: hãn cũng là dũng. Sách Trang Tử nói mà ta không nghe theo ta thì không có hung hãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi dũng mãnh. Chữ viết từ bộ tâm thanh hãn.

Thao nhiễu. Ngược lại âm trên tao táo. chữ viết đúng là chữ thao. Văn luận viết chữ sâm là chữ sâm duệ. ngược lại âm sam trảm. chẳng phải chữ thao tâm. Văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới nhân chiểu.

Sở thường. âm dưới là thường. Theo Tự thư là chữ chánh thể. Thường văn luận viết chữ thường là chẳng phải. Cố Dã Vương cho rằng: thường là nếm thử. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong miệng có mùi vị. Chữ viết từ bộ cam thanh thượng.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 18

Du dương. Ngược lại âm trên du chu. âm dưới dưỡng dương. Tự thư cho rằng: du là dẫn ra. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: dương là giơ cao. Lại gọi là nói lớn tiếng mà mau gọi là dương. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: dương là bắn lên. Quảng Nhã cho rằng: sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: du cũng là dẫn ra, dương là giơ cao, bay cao. Hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh du dương.

Trác đạm. Ngược lại âm trên trắc giác. Tự thư cho rằng: chữ chánh thể. Văn luận viết chữ trác tục dùng thông dụng. Quảng Nhã cho rằng: trác là cắn mổ thức ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: mổ thức ăn, con chim mổ thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh trác Ngược lại âm dưới đàm cảm. Đúng là chữ đàm. Văn luận viết chữ hám tục dùng thông dụng. Quảng Nhã cho rằng: hám là ăn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh đàm.

Cốt tỏa. âm dưới tô quả. chữ chánh thể. Văn luận viết chữ tỏa là chẳng phải. Kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ tỏa này. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là vòng xiềng xích liên kết với nhau. Tự thư cho rằng: tỏa là xiềng xích trói buộc. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cũng đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ kim thanh tỏa, âm tỏa cùng với âm trên đồng.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 19

Bà-la-nặc-tư. âm nặc ngược lại âm năn hiệt. Tiếng Phạm.

Na quỳnh. Ngược lại âm trên mạc ba. âm dưới vinh định. Văn trước luận Pháp uẩn trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Tật kiết. âm trên tần lật. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hại người hiền gọi là tật. Hại đến sắc gọi là đố. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh tật.

Nhược trân. Ngược lại âm sĩ trân. Sách Khảo Thanh cho rằng: trân là cây cỏ mọc um tùm. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cũng đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ mộc thanh trân.

Thiết lạp bà thủy tướng. âm lạp ngược lại âm lam đáp. Văn luận viết chữ lạp này là sai. Tiếng Phạm nói rằng: tên của một dòng sông ở Tây Vực.

Hỏa diễm. âm dưới diêm niêm. Sách thượng thư nói rằng: lửa bắt đầu cháy bừng bừng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngọn lửa nhỏ cháy lan nhanh. Chữ viết từ bộ diễm thanh hãm. Văn luận viết chữ diệm là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN LUẬN
QUYỂN 20

Thuyền phiệt. âm dưới phiền miệt. Sách Phương ngôn cho rằng: chẻ tre mỏng kết làm bè gọi là phiệt. Bì Thương cho rằng: phiệt là cái bè. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ trúc thanh phiệt, âm bế ngược lại âm bộ giai.

Đê đường. Ngược lại âm trên để hề. Lại cũng âm đồ hề. cũng đồng nghĩa. Tô Lâm chú giải sách Hán thư rằng: đê là ranh giới, giới hạn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đê là cấu trúc dựng quanh bờ nước để phòng nước tràn. Vi Thiệu cho rằng: chứa nhiều đất làm bờ đê ngăn phòng nước tràn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ phụ thanh thị ngược lại âm dưới đãng lãng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: là con đường lộ. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: đường cũng là đê. Bì Thương cho rằng: bờ cát dài gọi là đường tức là sách Quốc ngữ nói rằng: ao nước vẫn đục. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ phụ thanh đường.

Tường tiệm. Ngược lại âm trên tương dương. đúng là chữ tường. Văn luận viết chữ đường tục dùng thông dụng. Cố Dã Vương cho rằng: tường cũng là viên. Sách Luận ngữ nói: Phu Tử làm nhiều vách tường ngăn che. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên là vách tường ngăn che. Chữ viết từ bộ phiến thanh tường, âm tường ngược lại âm sử lực. ngược lại âm dưới tiêm tiệm.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN 1

Cụ minh. Ngược lại âm dưới minh kinh. Sách Trang Tử nói: minh là trời mưa ứ đọng thành ao nước. Tư Mã Bưu chú giải rằng: minh là ở Nam Bắc cực, ngày tháng đi xa mặt trăng, mặt trời xa, cho nên lấy minh gọi tên vậy. Tự thư cho rằng: minh là biển. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh minh âm minh đồng với âm trên.

Bạo lưu. Ngược lại âm trên bao báo. Mao Thi Truyện nói: bạo là mưa gió đến rất mau, ập tới. Sách Văn Tự điển nói: nước sông dâng cao chảy xiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa mau. Chữ viết từ bộ thủy thanh bạo, âm bạo đồng với âm trên.

Trước ngạc. âm trên trường lược. âm dưới ngang các. Chữ ngạc chánh thể. Văn luận viết chữ ngạc tục dùng thông dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là lợi răng. Chữ viết từ bộ nhục thanh ngạc, âm ngạc đồng với âm trên. Các chữ trong sách đều không có chữ ngạc này. Tự duy Thuyết Văn có âm là cự lược. là hàm trên trong miệng há ra. Chữ viết từ bộ khẩu trên giống như chúng dưới trong thoát ra, chữ tượng hình.

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN QUYỂN 2

Phỉ báng. Ngược lại âm trên phỉ vi. Sách Đại đái lễ nói rằng: phỉ báng đó là muốn đẽo cây làm trống, tức nói chê bai lan rộng ra, giống như là đánh trống lên, mà thật là rỗng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ báng từ bộ ngôn thanh phi âm dưới bàng lãng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hủy báng, làm nhục nói lời chê bai. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ ngôn thanh bàng, âm bàng là âm bạc hoảng.

Nại-lạc-ca. âm trên nan thủ. Tiếng Phạm gọi là tên của địa ngục.

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN QUYỂN 3

Chiêm-bộ-lô. âm trên liễm diêm. Tiếng Phạm, tên pháp của ngoại đạo.

Mục-lô-át-lý-sắc-sá. âm trên mộc âm kế là lữ chư. âm át là âm át. Tiếng Phạm gọi là tất-sô.

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN QUYỂN 4

Dục triền. âm dưới triệt liên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ

rằng: triền gọi chỗ ở trong thành ấp. Trịnh Huyền lại cho rằng: nơi chợ quán bán hàng nói là người đông muốn có chỗ tụ tập, cũng như chỗ ở của người, nơi buôn bán chợ búa, hàng quán, cũng viết chữ triền. Sách Khảo Thanh cho rằng: triền là bó buộc vấn vây quanh. Nói là do muốn các thứ mà phải bị trói buộc vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: triền là chỗ ở cư trú một mẫu hay nửa cho mỗi một nhà. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh mặc. Văn luận viết chữ triền nay là chẳng phải.

- QUYỂN 5 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN 6

Nhược ung. Âm dưới ung cung. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: nóng nhiệt nổi lên mụt nhọt làm không thông gọi là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh cung, âm cung đồng với âm trên, âm cung ngược lại âm ung cũng. Âm phiêu là âm phiêu.

Hoặc bát. Ngược lại âm dưới bàn mạt. Mao Thi Truyện nói rằng: bát giống như dứt tuyệt. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: trừ bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ. Văn Tự điển nói là sửa trị. Chữ viết từ bộ thủ thanh bát.

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN 7

Minh ám. Ngược lại âm trên mịch bình. Sách Khảo Thanh cho rằng: minh là tối tăm, âm u. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: minh là sâu xa. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: minh là đêm tối. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: đứa trẻ nít nhỏ còn mờ tối. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm u. Chữ viết từ bộ quynh đến bộ lục đến bộ nhật, nói là mười sáu ngày là trăng bắt đầu khuyết nên tối dần, cho nên từ bộ quynh cũng là thanh quynh, âm quynh ngược lại âm mịch, ngược lại âm dưới yểm cam. Bì Thương cho rằng: ám là yếu kém. Tự

thư cho rằng: tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: đóng cửa lại nên tối. Chữ viết từ bộ môn thanh ám, âm yểu ngược lại âm yêu tiểu. âm trĩ ngược lại âm trì lý.

Ngu si. âm trên ngộ câu. ngược lại âm dưới sĩ tri. Bì Thương cho rằng: si là ngu ngốc. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: không tránh khỏi cuồng si. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có trí tuệ. Chữ viết từ bộ tật thanh nghi, âm tật là âm nữ ách.

- QUYỂN 8, 9, 10 (Ba quyển trên đều không có chữ để giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN 11

Bác hý. Ngược lại âm dưới hy nghị. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hý là làm trò hài hước. Thi Truyện nói rằng: hý là buông thả, đùa giỡn phóng túng. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ qua thanh hý, âm hý ngược lại âm hân y.

Dam diêu. Âm trên đáp cam. âm dưới là diêu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: diêu là có lỗi. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: diêu là tà vạy. Lại gọi là mất lễ nghi, quên điều thiện, gọi là diêu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: diêu giống như buông thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: vụng trộm nghinh tiếp riêng tư. Chữ viết từ bộ nữ thanh diêu, âm diêu đồng với âm trên.

A-TỲ-ĐẠT-MA THỨC THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN 12

Tài đổ. Ngược lại âm trên tại lai. Lại cũng là âm tại. Cố Dã Vương cho rằng: tài giống như siêng năng cần mẫn. Sách Hán thư cho rằng: tài là nhiều tai mắt. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mịch thanh tài, âm sàm ngược lại âm sĩ hàm. Ngược lại âm dưới đô lỗ. Quảng Nhã cho rằng: đổ là nhìn. Xưa nay Chánh tự cho rằng: đổ là xem thấy. Chữ viết từ bộ kiến thanh giã.

Khải noãn. Ngược lại âm trên nghi ỷ. viết đúng là chữ khải. Văn luận viết chữ nghị cũng thông dụng. Sách Tiểu Nhã cho rằng: kiến nhỏ đó gọi là khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: con phù du. Chữ viết từ bộ trùng thanh khải, âm dưới loan quản.

Trạc thanh. âm trên trực giác. Mao Thi Truyện nói: trạc là tẩy rửa sạch. Lại gọi là trạc đó cứu vớt sự nóng nhiệt. Cố Dã Vương cho rằng: tên của một dòng sông. Quảng Nhã cho rằng: trạc là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: giặt giũ. Chữ viết từ bộ thủy thanh diêu, âm diêu là âm địch, âm dưới chữ chánh thể là thanh.

- QUYỂN 13, 14, 15, 16, 17

(Năm quyển trên đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA GIỚI THÂN TÚC LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Thông duệ. Ngược lại âm trên thô công. Mao Thi Truyện cho rằng: thông là nghe rõ. Hàn Thi Truyện cho rằng: thông sáng suốt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: thông là nghe. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe chính xác. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh thông, âm thông đồng với âm trên, âm dưới doanh huệ. Sách Thượng thư nói: duệ là làm bậc Thánh. Quảng Nhã cho rằng: trí tuệ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là sáng suốt thông hiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiểu thâm sâu. Chữ viết từ bộ duệ đến bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh, âm tàn là âm tàn.

Hiêu cử. Ngược lại âm trên hy kiêu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: hiêu là nói chuyện ầm ĩ. Cố Dã Vương cho rằng: hiêu là nói chuyện ồn ào. Sách Tiểu Nhã cho rằng: nhàn nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: thanh khí xuất lên đầu. Chữ viết từ bộ hiêu đến bộ hiệt, âm hiệt là đầu. Âm hiêu ngược lại âm trang lập.

Vưu thư. âm dưới thú dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: thư là trong thịt từ từ hư, bị vi trùng ăn dần dần. Xưa nay Chánh tự cho rằng: con giòi đục khoét, cũng gọi là con cuốn chiếu, cũng gọi bắc yến. cũng gọi là con giòi. Chữ viết từ bộ trùng thanh thư.

Ngận lệ. ả ngận cấn. âm dưới lê đế. Văn trước Tập di môn luận trong quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Minh huyễn. âm trên miên biến. chữ chánh thể. Văn luận viết chữ miến là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là huyền quyên. Sách Thượng thư cho rằng: như thuốc mà không mê hoặc thì bệnh tật không thể thuyên giảm được. Sách Khảo Thanh cho rằng: minh huyễn là khốn khổ sầu muộn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhìn không thấy rõ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: mắt bị huyễn hoặc. Sách Thuyết Văn nói: minh là con mắt nhắm lại. Chữ viết từ bộ mục đến bộ minh không thường làm chủ. Chữ viết từ bộ mục thanh huyễn.

- QUYỂN TRUNG, QUYỂN HẠ

(Đều không có chữ để giải thích.)

HẬU QUYỂN TỰA

Bỉ ngạnh. Âm trên vong ty. Sách Khảo Thanh cho rằng: bỉ là vải lụa mỏng viền để buộc chân. Sách Lễ ký cho rằng: tất cả đều sai lầm thì người dân chẳng được lâu dài. Trịnh Huyền chú giải rằng: bỉ là giống như sai lầm. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh bỉ. ngược lại âm dưới ngạnh cánh. Quảng Nhã cho rằng: ngạnh là cứng chắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh cánh. Văn luận viết từ bộ thạch viết thành chữ ngạnh tục dùng thông dụng.

Hùng kiệt. Ngược lại âm dưới càng nghiệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: kiệt là người tài năng. Mao Thi Truyện cho rằng: anh kiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: tài vượt qua vạn người gọi là kiệt. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: trí vượt qua ngàn người đó gọi là kiệt. Xưa nay Chánh tự cho rằng: kiêu ngạo. Chữ viết từ bộ nhân thanh kiệt, âm ao ? Ngược lại ngũ đạo.

Khăng khái. Âm trên khổ lang. ngược lại âm dưới khai ái. Cố Dã Vương cho rằng: khăng khái là bất đắc chí. Lại gọi là khăng khái gọi là giận, tức giận. Tráng sĩ thở thân quá tức giận. Hoặc là khí tức giận. Sách Tự điển nói: khăng khái là người oán hận phẫn uất. Hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh khăng khái. Văn luận viết chữ khang khái. là chẳng phải.

Ế khả. Ngược lại âm trên ế hề. Sách Khảo Thanh cho rằng: ế là tiếng than. Cố Dã Vương cho rằng: là tiếng nói phát ra là ế. Văn Tự điển nói rằng: là từ trợ ngữ. Chữ viết từ bộ mịch thanh ê, âm ế ngược lại âm ế kế.

Đàn ngôn. Ngược lại âm trên thả lan. Sách Khảo Thanh cho rằng:

đàn là hế tận. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: cũng là hết tận. Xưa nay Chánh tự cho rằng: cũng đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ ngạc thanh đan, âm cực ngược lại âm căng lực. âm ngạc ngược lại âm tại an.

Hư sứu. Ngược lại âm dưới sơ sưu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sứu là chức vụ phó, thứ. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhà xí đã đầy. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thảo thanh cáo. Văn luận viết từ bộ trúc viết thành chữ sứu là truyện viết sai.

Táo cô. Ngược lại âm trên thảo tao. Sách Khảo Thanh cho rằng: táo là nắm giữ lấy. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ thanh táo, âm táo ngược lại âm tảo tháo. ngược lại âm dưới là cổ hồ. đúng từ bộ mộc viết thành chữ hồ. Văn thông dụng cho rằng: cô là cây có tám góc, gọi là lột cây làm tám góc đó làm sách. Người xưa dùng chữ này. Nay không dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là góc cạnh. Chữ viết từ bộ mộc thanh cô. Văn luận viết chữ cô là dụng cụ đựng rượu.

Hàm trượng. Âm trên là hàm. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: hàm là dung chứa.

Điêu trác. Ngược lại âm trên điểu liêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: điêu là trang sức. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: điêu là vẽ. Cố Dã Vương cho rằng: điêu khắc chạm trổ. Quảng Nhã cho rằng: khắc chạm, chạm trổ. Sách Văn Tự điển nói: điêu là mài ngọc, khắc vẽ. Chữ viết từ bộ sam thanh điêu, âm sam là âm sam. Ngược lại âm dưới là trúc giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: trác là vót, gọt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: người thợ mộc cầm nắm cây búa đẽo gọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốn chặt. Chữ viết từ bộ cân thanh á, âm á ngược lại âm cổ đẩu.

Ba đằng. Ngược lại âm dưới là đặc đăng. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: trăm sông nước chảy bắn vọt lên. Sách Khảo Thanh và Cố Dã Vương đều cho rằng: nước bắn vọt lên. Sách Văn Tự điển nói rằng: nước sôi bắn vọt lên. Chữ viết từ bộ thủy thanh chẩm, âm chẩm là âm trầm, cẩm. Tự thư viết đúng là chữ đằng. Văn luận viết chữ đằng là chẳng phải. Chữ hoặc là viết chữ đằng cùng với chữ đằng cũng đồng.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA PHẨM LOẠI TÚC LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Sở khửu. Âm dưới hưu hựu. Sách Luận ngữ nói: Tử Lộ đưa lên ba mùi vị để ngửi. Theo đó mà làm. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cái mũi chính là để ngửi. Cho nên chữ viết từ bộ tỵ, tỵ cũng là thanh.

Sáp tính. Ngược lại âm trên san lập. chữ chánh thể. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: sáp là khó. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: sáp giống như là cánh tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: không trơn mịn. Chữ viết từ bốn bộ chỉ hai bộ trở ngược. Sách viết từ hai bộ chánh. Văn luận viết từ bộ thủy viết thành chữ sáp tục dùng là chẳng phải.

Khoang khoáng. Ngược lại âm dưới quách báng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: khoáng là trống rỗng. Quảng Nhã cho rằng: rộng lớn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đồng cỏ hoang sơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoáng là sáng tỏ. Chữ viết từ bộ nhật thanh quảng.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHẨM LOẠI TÚC LUẬN
QUYỂN 2

Đam kỳ. Ngược lại âm dưới thời lợi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: kỳ là tham. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tham mê ngọt không nhàm đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: kỳ là muốn ham vui say mê dục lạc. Chữ viết từ bộ khẩu thanh kỳ.

A-TỲ-ĐẠT-MA PHẨM LOẠI TÚC LUẬN
QUYỂN 3

Suy xuyết. âm trên lực vi. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: suy là bệnh. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: yếu kém. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ốm yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: gầy ốm. Chữ viết từ bộ dương thanh loa, âm loa ngược lại âm lực ngọa. ngược lại âm dưới đinh liệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: xuyết là

yếu mềm. Mao Thi Truyện cho rằng: xuyết là lo buồn. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: hết lòng lo lắng sợ sệt. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ tâm thanh xuyết, âm xuyết ngược lại âm đinh vệ. Âm trung ngược lại âm sửu trung.

Ninh mật. Ngược lại âm dưới là dân tất. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: mật là yên tịnh. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ ngôn thanh mật, âm mật đồng với âm trên.

Thao nhiễu. Ngược lại âm trên tử đáo. ngược lại âm dưới nhiêu chiếu. Văn trước Tập di môn túc luận trong quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Ngạo đản. Ngược lại âm trên ngao cáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạo là kiêu căng, xem thường. Sách Văn Tự điển nói: ngạo là không cung kính. Chữ viết từ bộ nhân thanh ao, chữ ngạo hoặc là viết ngạo. Văn luận viết chữ ngạo tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới đàn đán. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đản là khinh khi. Lại cũng gọi là tự cao tự đại. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: khinh mạn, xem thường. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ ngôn thanh diên.

- QUYỂN 4 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA PHẨM LOẠI TÚC LUẬN
QUYỂN 5

Tứ ách. Ngược lại âm anh cách. viết đúng từ bộ xa viết thành chữ ách. Sách Khảo công ký ghi rằng: chiếc xe người ta làm cái ách dài sáu thước gọi là càng xe đè thẳng lên cổ con trâu. Văn luận viết từ bộ thủ viết thành chữ ách là chẳng phải nghĩa này, chữ ách là chữ uyển.

- TỪ QUYỂN 6 đến QUYỂN 18. (Văn khác đều không khó, chữ có thể giải thích âm.)

****

CHÚNG SỰ PHÂN A-TỲ-ĐÀM LUẬN
QUYỂN 1

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

QUYỂN 2

Tiệp vật. Ngược lại âm trên tiềm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiệp là sức mạnh mau chóng, dùng trí tuệ mau chóng, cũng viết chữ tiệp này gọi là đi nhanh. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: tiệp là thắng trận. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tiệp là ngay lập tức, tức khắc mau lẹ. Sách Thuyết Văn cho rằng: săn bắt được, thu hoạch được. Chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp, âm tiệp đồng với âm trên, âm liệp ngược lại âm lực hiệp.

Phiêu trì. âm trên thất phiêu. Mao Thi Truyện nói: gió xoay chuyển, gió xoáy, làm cuốn theo. Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: cờ phất phơ xoay chuyển theo gió lốc. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ phong thanh phiêu, âm phiêu ngược lại âm tất diêu.

- **QUYỂN 3** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

CHÚNG SỰ PHÂN A-TỲ-ĐÀM LUẬN
QUYỂN 4

Đoàn thục. Âm trên đồ loan. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: đoàn là dùng tay vắt lại, vo tròn. Sách Khảo Thanh cho rằng: đoàn dùng tay vắt cho dính vào nhau. Văn Tự điển nói: vo tròn. Chữ viết từ bộ thủ thanh đoàn. Văn luận viết từ bộ đoan viết thành chữ sủy. Sủy là đo lường, đoán, chữ này chẳng phải nghĩa dùng tay vắt, âm sủy ngược lại âm sơ ủy.

Y giác chi. âm trên ý nghi. Mao Thi Truyện cho rằng: y là thán từ. Lại gọi là góc cạnh bó buộc gọi là y. Sách Thuyết Văn nói: con chó dữ hại người. Chữ viết từ bộ khuyển thanh ký, âm hại ngược lại âm cách mại.

CHÚNG SỰ PHÂN A-TỲ-ĐÀM LUẬN
QUYỂN 5

Đê đường. âm trên đế hề. Tô Lâm chú giải Hán thư rằng: đê là ngăn phòng vạn giếng nước. Vi Chiếu cho rằng: chứa đất làm bờ đê ngăn phòng. Sách Thuyết Văn nói: đê là bờ đất đắp cao ngăn phòng nước tràn. Chữ viết từ bộ phụ thanh thị, âm dưới đãng lang. Sách Tiểu Nhã cho rằng: đường lộ trong miếu gọi là đường. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đường là sơn quét sửa chữa. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: đường cũng là đê. Bì Thương cho rằng: người ta đắp bờ cát dài làm đê gọi là đường. Sách Khảo Thanh cho rằng: đường là bồi đất làm lộ, cũng gọi là đê. Xưa nay Chánh tự 749 cũng cho rằng: bờ đê, bờ đất gồ ghề, gập ghềnh. Chữ viết từ bộ phụ thanh đường. Văn luận viết chữ đê đường. chữ tục dùng thông dụng.

- QUYỂN 6 đến QUYỂN 12

(Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

A-tỳ-đàm. Hoặc là nói A-tỳ-đạt-ma. Hoặc là nói A-tỷ-đạt-ma đều là tiếng Phạm chuyển ngữ. Đây dịch là Thắng pháp, hoặc nói là Vô tỷ pháp, nói rõ về trí tuệ. Cho nên hoặc nói là hướng pháp, lấy cái nhân mà hướng đến cái quả, hoặc nói là đối pháp, lấy trí mà đối cảnh.

Tỳ-bà-sa. Theo Tướng luận viết Tỳ-phả-sa. Đây dịch là Giải rộng, nên nói là Tỷ-bà-sa. Dịch là nói các loại hạt giống. Chủng chủng thuyết. hoặc nói phân phân thuyết. là nói từng phần. Hoặc nói là quảng thuyết. tức là nói rộng ra, đều đồng một nghĩa.

Ưu-bà-đề-xá. Đây dịch là trục phân biệt. Theo sự phân biệt, chỗ nói pháp môn theo sau, tức là giải thích theo người xưa dịch nghĩa là luận nghĩa kinh.

Kiền-độ. Ngược lại âm cự yên. Đây nói tóm lược là sai, nên nói là sa-kiền-đồ. âm kiền ngược lại âm cư ngôn. Đây dịch là tụ. Trong kinh A-hàm nói rằng: kiền-độ. đó là tức là đây nói nghĩa chứa nhiều cây gỗ, nghĩa cũng là một.

Bình viết. Ngược lại âm bì mệnh. gọi là lượng nghị, bàn luận nghĩ lường. Tự thư cho rằng: bàn luận đánh giá, âm đinh ngược lại âm đồ đảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đặt để bàn luận đánh giá.

- QUYỂN 2 (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN QUYỂN 3

Khát-già-nguyệt. Tạng kinh viết khư-già. đều là sai. Nói đúng là yết-già. âm yết là âm khứ-yết. Đây dịch là Trì ngưu Tỳ-xẫn. Đây gọi là cái sừng, cái sừng con tê giác cũng gọi là độc tức là dụ cho độc giác, tức là có một, một tức là độc cư, tức ở một mình nơi núi rừng.

Bàn-sá. Đây nói tóm lược nói sai. Nên nói bàn-trà-ca. Đây dịch là Huỳnh môn. loại người này có năm: bàn-trà-ca. là tổng gọi tên chung vậy. Gọi là nam căn đầy đủ mà không có sanh con. Hai là thi-lợi-sa bàn-trà-ca. Thi-lợi-sa, đây dịch là đố tức gọi là thấy người khác cùng hành dâm, tức phát ra tình dục, không thấy thì không phát. Ba là phiến-trà bàn-trà-ca. gọi là vốn lai sanh nam căn không đầy đủ, cho nên không thể sanh con. Bốn là bác-xoa bàn-trà-ca. gọi là nửa tháng làm nam, nửa tháng làm nữ. Bác-xoa. đây dịch trợ gọi là hai kỳ nửa tháng hỗ trợ thành một mà tròn đầy một tháng. Năm là lưu-nã bàn-trà-ca. gọi là bị hình phạt cắt bỏ nam căn. Lưu-nã. Đây dịch là hạt tức là cắt bỏ.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN QUYỂN 4

Đao tiếu. Sách Tiểu Nhã viết tiếu. Các sách viết là tước cũng đồng, ngược lại âm tư tiếu. Sách Phương ngôn cho rằng: bao kiếm. Quan Đông gọi là tước. Quan Tây gọi là bề. Âm bề là bỉnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: túi bọc đao kiếm. Giang Nam âm là tú. Quan Trung âm là tiếu.

Thỉ niệu. Lại viết chữ nhân. Sách cổ lại cũng viết chữ thỉ cũng đồng, ngược lại âm thất chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân cứt, âm

dưới lại chữ niệu cũng đồng, ngược lại âm nhiêu điếu. Văn thông dụng cho rằng: ở bàng quang xuất ra gọi là niệu. Tự Lâm cho rằng: niệu là tiểu tiện. Phương thuốc y dược phần nhiều viết chữ thỉ nạch. chữ giã tá. Văn luận viết chữ thỉ ngược lại âm hương thi. Chữ thỉ là tiếng tên xiết, chữ thỉ chẳng phải nghĩa đây dùng.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 5

Phả hữu. Ngược lại âm phổ ngã. Từ ngữ của các sách.

Nhãn chung. Ngược lại âm đồ công. Bì Thương cho rằng: hạt châu trong con mắt, tức là con ngươi trong con mắt.

- QUYỂN 6 (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 7

Cù sí la điểu. Trong kinh, hoặc là viết câu chỉ la điểu. hoặc là viết câu sĩ la điểu. cũng đồng một loại. Đây dịch là loại chim cú mèo. Lại cũng gọi là chim có tiếng hót hay. Đây nói rằng có hình xấu xí mà hót hay, từ tiếng hót mà đặt tên, cũng gọi là chim cọng mạng.

Bổ thu. Lại cũng viết chữ thú cũng đồng, ngược lại âm thiên nhữ. Tam Thương cho rằng: thư là người hầu. Văn thông dụng cho rằng: nằm phục xuống ẩn hầu gọi là thư. Thư cũng gọi là nhìn trộm, xem xét, gọi là xem xét hầu hạ. Văn luận viết chữ thú chữ này đều sai, đã lâu người ta chẳng chịu biện chính.

Kỳ hoàn. Cũng giống như là kỳ đà. đây nói sai, nên nói là di đa. Hoặc nói là thệ đa. Đây dịch là chiến thắng bà na. đây gọi là tên của khu rừng là Thắng Lâm, âm di ngược lại âm thị hề.

Xí hỗn. Ngược lại âm tắc sử. người ta gọi là tạp xí tức là bừa bãi lộn xộn trên chẳng phải là một, ngược lại âm dưới hồ khổn. Quảng Thất cho rằng: nhà xí, nhàvệ sinh, chuồng nhốt heo. Xí cũng là hỗn nói là hỗn là chỗ nước đục dơ bẩn. Hoặc nói là sạch sẽ là nói đến dơ bẩn, chỗ

dơ bẩn cần phải sửa trị dọn dẹp cho sạch sẽ.

Thô xúc. Ngược lại âm thả hồ. Quảng Thất cho rằng: thô là to lớn, người ta gọi da thịt xương lẫn lộn, cũng gọi là thô. Tính của loài nai ăn rồi tự nghỉ ngơi, cũgn vậy người ta cởi trên lưng con thú là có hại cũng như vậy, cho nên chữ viết từ ba bộ lộc chữ chỉ ý.

Đóa cốc. Ngược lại âm đồ quả. Tự Lâm cho rằng: đóa là đống đất nhỏ. Người nước Ngô gọi là chứa đất làm đống. Nay lấy nghĩa này.

Thứ áp. Ngược lại âm ư giáp. Thương Hiệt giải thích chữ cổ cho rằng: áp là chấn xuống đè nén, nơi chỗ chật hẹp. Văn luận viết chữ hạp, âm giáp. Sách Tiểu Thất cho rằng: hạp là bổ thêm vào, cũng gọi bó buộc lại chữ hạp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bạch thiện. Thể chữ viết chữ thiện. Tự Lâm âm là thiện tên đất, tức là đất trắng, cũng gọi là trân. Theo Ngô Phổ bổn thảo cho rằng: sơn phết một màu trắng gọi là thiện.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 8

Phiêu ế. Ngược lại âm thất miễu. gọi là mắt có bệnh, âm dưới hoặc lad viết chữ ế cũng đồng, ngược lại âm ư kế.

Nhược thiêu. Ngược lại âm tha nhiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiêu là bới móc tìm tòi, dùng tay bới móc tìm lấy vật ra.

Loan tử tinh. Ngược lại âm sở hoạn. Quảng Thất nói: loan là hai. Văn thông dụng cho rằng: đứa con liền nhau gọi là loan. Tự Lâm cho rằng: song sinh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: một lần sinh hai đứa con. Âm tinh ngược lại âm phổ minh. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tinh là đều nhau, bằng nhau, nói rằng như hai thân căn tức là hai người bằng nhau, giống nhau, không thể phân biệt.

Hoàng thủy. Ngược lại âm hồ quang. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoàng là nước chứa đã lâu, ao chứa nước lâu ngày, ao lớn gọi là hoàng, ao nhỏ gọi là ô. Ô là nước đục.

Tổn đạp. Văn cổ viết chữ đạp cũng đồng, ngược lại âm đồ đáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng ngón tay ấn xuống. Lại cũng gọi vây quanh ấn xuống đè xuống. Nay gọi là bắn tên vây quanh.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 9

Thao trượng. Lại viết chữ tháo cũng đồng, ngược lại âm thố lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: thao là nắm lấy, cầm giữ tóm bắt lấy. Văn luận viết chữ thao là chẳng phải vậy.

Bác sắc. Ngược lại âm bổ giác. Tự Lâm cho rằng: con ngựa vằn màu sắc không thuần. Văn thông dụng cho rằng: pha trộn màu vàng, gọi là con ngựa có màu sắc óng ánh. Văn luận viết từ bộ giao viết thành chữ bác tức là tên của con thú răng cưa hay ăn thịt hổ, báo.

Quỷ cuống. Ngược lại âm câu hủy. gọi là biếng làm dối trá. Tam Thương cho rằng: quỷ là xảo trá, lừa dối, quỷ quyệt. Quảng Thất cho rằng: quỷ là khinh khi.

- **QUYỂN 10, 11** (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 12

Củ tác. Ngược lại âm cư liễu. Thương Hiệt giải văn cổ cho rằng: ba sợi dây hợp lại gọi là củ. Sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: dây lớn gọi là tác dây nhỏ gọi là thằng.

Bác dịch. Văn cổ viết chữ bạc cũng đồng, ngược lại âm bổ mạc. ngược lại âm dưới dư thạch. Sách Phương ngôn cho rằng: bác hoặc gọi là cờ, cũng gọi là cờ vậy. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ải mà đếm Đông Tề, Lỗ đều gọi là cờ vậy là dịch. Sách Nhĩ Thất cho rằng: cục cờ gọi là dịch tức là cuộc cờ.

- **QUYỂN 13** (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 14

Bàn-xà-vu-sắc. Hoặc là viết bàn-giá-vu-sắc đều sai, tóm lược,

nên nói bàn-giá-bạt-lợi-sa. Lại cũng nói bàn-giá-bà-lật-sử-ca. Chữ bàn-giá, đây dịch là ngủ. Lật-sử-ca, đây dịch niên gọi là năm năm một đại hội. Đời Phật quá khứ, sau một trăm năm, vua A-du-ca bày ra đại hội này. Từ đó về sau nắm giữ thấy không đồng, phái ngữ sư tranh nhau phân chia thành ngũ bộ, hoặc là nói mười tám bộ.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 15

Ngũ ế. Văn cổ viết chữ ế cũng đồng, ngược lại âm ư kế. Sách Tiểu Nhã cho rằng: mặt trời âm u tối tăm chưa có thấy ánh sáng. Thích danh cho rằng: ế là bị ngăn che, khiến cho ánh mặt trời không sáng sạch.

Dủ đọa. Ngược lại âm du nhũ. Sách Tiểu Thất cho rằng: dủ là lao nhọc. Quách Phác cho rằng: người lao nhọc cực khổ nhiều sinh ra biếng nhác, lười nhác, lười biếng, nói rằng người lười biếng không thể tự ngồi dậy, giống như trái dưa, trái bầu nằm dưới đất không thể tự đứng dậy. Cho nên chữ viết từ bộ qua ?. Lại nói người lười biếng suốt ngày ở trong nhà. Cho nên chữ viết từ bộ huyệt.

Nhất đích. Văn cổ viết chữ đích. Sách Thuyết Văn viết chữ đích cũng đồng, ngược lại âm đô lịch. Đích là rõ ràng. Mao Thi Truyện nói rằng: phát ra kia có mục đích. Theo Truyện nói rằng: đích là chất phản xạ. Gọi là đích đó là thấy rất sáng tỏ. Nay gọi là bắn ra trúng ngay hạt châu hồng trung tâm, âm bằng là âm bằng.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 16

Ma cán. Ngược lại âm công thả. Ma là thân cọng cũng là cành gọi là chủ của cành cây. Cán, Quảng Thất cho rằng: cán là gốc cây. Tam Thương cho rằng: cán của cành cây. Chữ viết đúng nghi là chữ điểm hai chữ tượng hình đều đồgn âm. Nay đều gọi là ma điểm. tức là gốc cành cây.

- **QUYỂN 17** (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 18

Bàng dương. Ngược lại âm phò dương bổ quang. hai âm, ngược lại âm dưới dư chương. Quảng Thất cho rằng: bàng dương. là di chuyển dựa vào, chuyển đổi, cũng gọi là bồi hồi. Đi đi lại lại.

Tác tỷ. Văn cổ viết chữ tỷ. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở ỷ. sơ giải. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tỷ là thuộc giày dép da. Đê là giày dép làm bằng da thú, âm ngược lại âm đô hề.

Quân trì. Đây dịch là bình gọi là hai miệng bình tháo nước ra gọi là tắm gội. Tây Vực gọi là ni súc quân trì. Tăng súc táo quán. đều không được hỗ tương với nhau lâu dài. Văn luận viết chữ diên.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 19

Hoa bỉ. Ngược lại âm hồ bá. tên của cây, mà cái vỏ cây có thể làm đồ trang sức cho cây cung.

Nhất huê. Ngược lại âm hồ khuê. Thiên Thương Hiệt cho rằng: thửa ruộng năm mươi mẫu gọi khuê. Khuê cũng là loát gọi là bờ ruộng được phân ranh, đường kính chạy dài, âm loát là âm liệt.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 20

Đang mộng. Viết đúng nghi là chữ đăng mộng. Ngược lại âm đồ đăng. Ngược lại âm dưới vong đăng. Sách Vận tập cho rằng: mất nằm, cũng gọi loạn, buồn phiền sầu muộn. Văn luận viết chữ đăng quyến. Là chẳng phải.

Khúc thiện. âm thiện. Xưa nay chú giải rằng: gọi là khưu dẫn. cũng gọi là cửu côn. Giang Đông gọi là hàn dẫn. tức là con giun đất, cũng gọi là 750 con dế hay kêu ngâm dưới đất. Giang Đông gọi là ca nữ. Hoặc gọi là dế kêu gáy. Văn luận viết chữ thiện chẳng phải.

Khúc lũ. Ngược lại âm lực khổ. Văn thông dụng cho rằng: lũ là

trên xương sống cong lại gọi là người gù lưng. Sách Xuân Thu Tống Đỉnh Minh gọi là trọn đời lưng gù, tái sanh mạng cũng lưng gù. Ba đời mà cúi xuống như vậy. Đỗ Dự cho rằng: cúi xuống cung kính nơi lưng còng, cung kính nơi thân cong lại, mạng khom cung như vậy thêm lợi ích. Văn luận viết chữ lũ hoặc là viết chữ lũ đều là chẳng phải.

Điên phục. Lại viết chữ điên. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đinh kiên. Quảng Thất cho rằng: điên đảo. Lại gọi là đảo ngược, âm dưới văn cổ lại viết chữ bồi. Nay lại viết chữ phó cũng đồng, ngược lại âm bổ bắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phó là đốn ngã. Lại gọi là che đậy. Văn luận viết chữ điên phục. là chẳng phải thể.

Thị phiệt. Văn thông dụng viết chữ bát. Sách Vận tập viết chữ bát cũng đồng, ngược lại âm phò nguyệt. gọi là bện tre gỗ làm bè nổi trên mặt sông làm vận chuyển vật.

Ấn xí. Ngược lại âm ư hy. Tam Thương cho rằng: Ấn tín là niềm tin. Kiểm lại các chữ từ bộ trảo bộ tiết âm dưới là tiết, âm dưới lại viết chữ chí cũng đồng, ngược lại âm xương chí. Văn thông dụng cho rằng: tư ký là xí tức là ghi riêng tư. Xưa âm đều cùng trì thức cũng đồng. Lại không có riêng khác vậy.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 21

Thuyền bài. Ngược lại âm bổ chuy. Sách Phương ngôn cho rằng: bài gọi là cái bè người xứ phương Nam gọi cái bè là bài, người phương Bắc gọi là phiệt. Văn luận viết chữ bài là chẳng phải thể.

Khoan cốt. Lại viết chữ khoan cũng đồng, ngược lại âm khổ hoàn, khổ côn. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoan là xương đùi trên. Bì Thương cho rằng: xương mông đít.

Dinh lũy. Văn cổ viết chữ doanh cũng đồng, ngược lại âm dịch quỳnh. Tam Thương cho rằng: là doanh trại bao vây, vây quanh, bộ phận nơi trú đóng, âm dưới lại viết chữ lũy cũng đồng, ngược lại âm lực quý. Xây bức tường quanh quân lính trú đóng gọi lũy, lũy cũng gọi là trọng yếu, ngăn giặc.

Thế thóa. Văn cổ viết chữ thế cũng đồng, ngược lại âm tha kế. Tam Thương cho rằng: thế là nước mũi. Sách Chu dịch cho rằng: Tề Tư khóc nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Văn luận viết bộ khẩu viết

thành chữ thế. Lại viết chữ thế đều chẳng phải thể.

Phương san. Ngược lại âm phủ phòng. Phương là chất mỡ béo, mập, chất mỡ, âm dưới tiên an. Văn thông dụng cho rằng: chất mỡ ở eo bụng gọi là phương ở dạ dày gọi là san, san cũng là mỡ gọi là chất mỡ ở đường ruột già. Văn luận viết chữ tán này là chẳng phải.

Não cai. Ngược lại âm cổ tài. gọi là ngón tay ngón chân cái. Theo chữ nghĩa viết đúng nghi giải âm là hồ mại. gọi là não. Theo đây mà giải là không dựa trên kinh văn gọi là xương trên đỉnh đầu là vô cai.

Song hướng. Lại viết chữ song. ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở giang. đúng gọi là song, bên song gọi là cửa sổ. Lấy làm trợ giúp ánh sáng tràn vào. Ngược lại âm dưới là hứa lượng. Tam Thương cho rằng: cửa sổ xuất ra từ hướng Bắc, hướng ra cũng cửa sổ. Văn luận viết chữ quynh ngược lại âm cổ huỳnh. Quynh là then gài ở ngoài hai cánh cửa, chẳng phải nghĩa nay dùng vậy.

Y đái. Ngược lại âm cô đắc. Tương truền rằng: gọi là vạt áo trước. Chưa rõ chữ xuất phát từ đâu.

Kiều túc. Ngược lại âm khúc tiếu. Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ rằng: chân nhón cao lên mà đi. Sách Hán thư cho rằng: nhón gót chân lên cao. Văn Dĩnh cho rằng: đi như bay, vùn vụt.

- **QUYỂN 22, 23, 24** (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 25

Ách dẫn. Lại viết chữ ách cũng đồng, ngược lại âm ư cách. Sách Tiểu Nhã cho rằng: cái ách ngang gọi là càng xe đè thẳng lên cổ con trâu.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 26

Dĩ kiển. Văn cổ viết chữ kiên cũng đồng, ngược lại âm cổ điển. Cái kén chỗ tằm kéo tơ. Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: tằm

còn trong kén chưa kéo tơ ra ngoài, chữ viết từ bộ trùng đến bộ mịch thanh miên, âm miên là âm miên.

Nhật bạo. Ngược lại âm bao mạo. Bạo là phơi khổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: thịt thái mỏng phơi khô. Chữ viết từ bộ nhật đến bộ xuất đến bộ bát, âm bát là âm cũng đến chữ mễ chữ chỉ ý.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 17

Thất-thú-ma-la. Hoặc nói thất-thâu-ma-la. Đây dịch là giết cá con. Luật Thiện kiến dịch là cá ngạc. Ở đất Quảng Châu có loại cá ngạc. Âm ngạc ngược lại âm ngũ các.

Chiên ngư. Ngược lại âm tri liên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chiên là loại cá lớn giống như cá đàm mũi nó ngắn, miệng ở hàm dưới. Giang Đông gọi là cá vàng dài hai ba trượng, âm đàm ngược lại âm từ lâm.

Hưng cự. Đây là nước trongcây tiết ra. Ở Tây Vực lấy làm chế biến thức ăn. Nay có người nước Ngụy lấylàm thuốc.

Kỳ lộ. Văn cổ viết chữ chi. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cự nghi. gọi là cành cây, nghĩa khác biệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hai con đường đạt tới gọi là kỳ. Gọi là kỳ là con đường thẳng ra. Thích danh cho rằng: hai vật gọi là kỳ con đường đây giống như sách Sử ký nói Dương Chu khóc, chữ kỳ đây là con đường.

- **QUYỂN 28** (Trước không có có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 29

Môn khổn. Lại viết chữ khổn cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khổn là cây trụ cột bên cửa. Tam Thương cho rằng: cửa hẹp.

- QUYỂN 30, 31 (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 32

Hộ xu. Ngược lại âm xỉ du. Sách Quảng Thất cho rằng: xu là gốc nơi trọng yếu. Sách Nhĩ Thất nói: xu là then nép sát cánh cửa. Quách Phác cho rằng: gọi là than gài cửa, âm ôi ngược lại âm ngữ hồi.

Doanh trường. Lại viết chữ doanh Cũng đồng, ngược lại âm dực thành. ngược lại âm dưới là trừ lượng. Tự Lâm cho rằng: doanh là có dư thừa tràn đầy. Sách Quảng Thất cho rằng: có nhiều lợi ích lâu dài dư thừa.

Chúc trở. Sách Thuyết Văn viết chữ thù nay viết chữ chú cũng đồng, ngược lại âm chi thụ. Âm dưới văn cổ viết chữ trở cũng đồng, ngược lại âm trấc cứ. Thích danh cho rằng: thuộc về chúc là khiến cho người xưa hành việc hạn hẹp. Trở là nguyền rủa, cáo với thần để giáng tai ương.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 33

Điên quyết. Ngược lại âm đô hiền. gọi là điên đảo, âm dưới lại viết chữ quyết cũng đồng. Ngược lại âm cư nguyệt. Cự nguyệt. Hai âm. Quyết là té ngã ngửa, cũng gọi là đốn ngã, che phía trước không thấy nên vấp ngã.

- **QUYỂN 34, 35, 36, 37** (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 38

Thuyên tính. Ngược lại âm dịch xuyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuyên là kim loại màu xanh. Sách Thượng thư cho rằng: kim loại xanh ở Châu Cống, loại thiếc chì bạc lẫn lộn với nhau vậy.

Trúc miệt. Ngược lại âm mạc kiết. Bì Thương cho rằng: chẻ tre kết làm bè. Sách Quốc ngữ cho rằng: nan tre, cật tre. Âm kỹ ngược lại âm di ở nước Thục cũng có nhiều vậy.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 39

Hội phong. Lại viết chữ hội cũng đồng, ngược lại âm hồ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là thấm nước, rỉ nước, gọi là ngâm vào trong nước rửa sạch mụt ung nhọt. Văn luận viết chữ hội phi hội. chẳng phải thể chữ hội. Lại viết chữ quý ngược lại âm phú quỹ. Tam Thương cho rằng: canh thịt có nhiều cặn bã. Chữ hội chẳng phải nghĩa đây dùng.

Mi lộc. Ngược lại âm vong bì. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc con nai, khi đến mùa đông cởi giải bỏ cái sừng.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 40

Hỏa toại. Lại cũng viết chữ toại cũng đồng, ngược lại âm từ túy. Thời xưa không có dụng cụ làm ra lửa. Thế Bổn cho rằng: dụng cụ tạo ra lửa của người xưa, cho nên lấy làm gọi tên.

Hư ngược. Ngược lại âm khứ ư. âm dưới là ngũ các. Gọi là cây răng mọc so le không đều trên, dưới trong ngoài, nướu răng.

- **QUYỂN 41** (Trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 42

Sơ thực. Ngược lại âm sở ư. Tự Lâm cho rằng: sơ là loại rau cải. Sách Nhĩ Thất Quách Phác chú giải rằng: phàm rau cải có thể ăn được gọi là sơ.

Nhân phảng. Ngược lại âm bổ vọng. Văn thông dụng cho rằng: liên kết các chuyến thuyền lại gọi là phảng. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phảng là thuyền. Quách Phác chú giải rằng: hai chiếc thuyền song song với nhau. lại chú giải rằng: trong nước gọi là bè.

Khư lũ thư. Nên nói là khư lộ sắc sá. Gọi là phương Bắc bên xứ của người soạn sách.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 43

Chấp toàn. Văn chữ cổ viết chữ toàn hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết chữ toàn ngược lại âm thiên loạn. Quảng Thất cho rằng: toàn là cây giáo nhỏ mà dài, âm diên ngược lại âm thị diên.

Khiên y. Lại viết chữ khiên ngược lại âm khưu yên. Sách Lễ ký cho rằng: vì nóng nực nên không mặc quần lót bên trong. Trịnh Huyền cho rằng: vén quần lên.

Quán viên. Ngược lại âm vu phiền. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thái sư giữ lại bức tường. Theo Truyện nói rằng: viên là tường. Thích danh cho rằng: viên là trợ giúp, người có chỗ nương tựa vào, bị trở ngại nên cho rằng cứu giúp.

- QUYỂN 44, 45 (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 46

Chấp thuẫn. Ngược lại âm thực duẫn. Thuẫn chỗ gọi là cầm lấy cán che thân lại, che mắt lại, lấy làm tự che lại. Chữ viết từ bộ đến bộ mục chữ tượng hình thanh hán. Văn luận viết chữ náo thuẫn. Chữ thuẫn là chẳng phải thể.

Ty nghê. Lại viết chữ bi nghê. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm phổ mễ. âm dưới là ngũ lễ. Quảng Nhã cho rằng: bi nghê. là vách tường của người nữ. Bì Thương cho rằng: bức tường nhỏ trên thành. Thích danh cho rằng: nói có lỗ hổng bên trong. Bi nghê. nói là chẳng phải việc thường, có nguy hại.

Khí trượng. Ngược lại âm khư lý. âm dưới là trị lượng. Sách Hán thư cho rằng: vật phẩm chứa đựng. Ứng Thiệu nói rằng: bên trong đầy tràn gọi là giới. Lại cũng gọi là không đầy tràn gọi là khí. trượng là loại binh khí ngày xưa dùng để đánh giặc. Tổng tên dùng của đao kiếm, người làm binh khí nắm giữ gọi là trượng.

- QUYỂN 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53 (Đều trước không có âm.)

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 54

Tiệp thụ. Văn cổ chữ cổ viết chữ tiệp. Nay viết chữ tiếp cũng đồng, ngược lại âm tử điệp. gọi là tương tiếp với nhau, nói là tiêp nhận cây không có gốc rễ.

Tuẫn trường. Trước không có âm.

A-TỲ-ĐÀM TỲ-BÀ-SA LUẬN
QUYỂN 55

Ban bác. Lại viết chữ biện cũng đồng, ngược lại âm bổ ngoan. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ban là màu sắc lẫn lộn, loang lỗ, gọi là con ngựa không thuần một màu, có vằn vện.

Bốc phệ. Ngược lại âm thời chế. Theo sách Lễ ký cho rằng: lấy mai con rùa để bói, ngày xưa lấy thân cây cỏ thi để bói dịch. Bốc phệ đó là chỗ quyết định có hiềm nghi, do dự, cho nên nghi tức là phệ. Chữ phệ từ bộ trúc đến bộ vu. Phệ là lấy thân cây cỏ thi chẻ ra là quẻ dịch, chẻ cật tre làm thẻ, cho nên chữ viết từ bộ trúc âm tiết ngược lại âm thực liệt , dư liệt hai âm.

- QUYỂN 56, 57, 58, 59, 60: đều không có âm

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 68

Âm A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận - 80 quyển - Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT

Pháp Sư Huyền Trang dịch

QUYỂN 1

Trù lượng. Ngược lại âm trên trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trù là thẻ tre dùng để tính toán. Cố Dã Vương cho rằng: trù là mưu tính kế sách, chỗ gọi là tính toán. Sách Sử ký nói rằng: mượn chiếc đưa trước để tính vạch kế hoạch trù liệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc thanh thụ ngược lại âm dưới lược trương. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ lượng từ bộ chung.

Ma quỳnh. Ngược lại âm trên mạc ba. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đá dùng để mài ngọc, giống như người tu hành phải trao dồi sửa chữa trang sức. Cố Dã Vương cho rằng: ma là đá mài dao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh ma hoặc là viết chữ ma ngược lại âm dưới là huỳnh quynh. Quảng Nhã cho rằng: huỳnh cũng là ma. Cố Dã Vương cho rằng: ma là lau chùi châu ngọc khiến cho phát ra ánh sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim đến bộ huỳnh cũng thông dụng. Âm quản ngược lại âm cổ muộn.

Phiệt-sa. Ngược lại âm trên phiền phát. âm dưới thố hà. Tiếng Phạm, tên của quốc vương.

Thông duệ. Ngược lại âm trên lệ công. Theo Hàn Thi Truyện nói rằng: thông minh sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe chính xác chữ viết từ bộ nhĩ thanh thông. Ngược lại âm dưới duyệt huệ. Quảng

Nhã cho rằng: duệ cũng là thông. Sách Tập Huấn nói: là bậc Thánh tâm thông suốt thấu đáo nơi vi tế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâm sâu, sáng suốt. Chữ viết từ bộ an âm an ngược lại âm tàng an. từ bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 2

Đam kỳ. Ngược lại âm trên đáp hàm. Viết đúng là chữ đam. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: quá vui thú gọi là đam. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: người rất ham thích vui. Giã Quỳ cho rằng: ưa thích say mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: vui dục lạc. Chữ viết từ bộ nữ thanh thậm. Theo Thanh loại cũng viết chữ đam đều đồng nghĩa, âm dưới là thời lợi. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: ưa thích không nhàm chán đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ưa thích hỷ lạc. Chữ viết từ bộ khẩu thanh kỳ.

Điệp nhữ. Ngược lại âm trên điềm diệp. Ngược lại âm dưới tư lự. Theo chữ diệp nhữ đó là ở Tây Vực là lấy bông của miên thác. Như ở xứ này loại bông của cây liễu. Nay ở phương Nam đất Giao Chỉ có loại bông này.

Cảnh giác. âm trên kinh ảnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: cảnh giới, nhắc nhở. Sách Bát-nhã gọi là thần kinh không an. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ ngôn thanh kính hoặc là viết từ bộ thủ.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 3

Lung lệ. Ngược lại âm trên lũng chung. Theo chữ lung lệ đó là cang cương khó điều phục. Kiểm các chữ Tự thư cho rằng đều không có bổn chữ này. Văn luận viết chữ lung là chữ dùng giã tá. Mượn chữ. Trong các kinh luận cũng có viết chữ lung lệ. đều từ bộ tâm. Ngược lại âm dưới lê đế. Theo Hàn Thi Truyện nói rằng: lệ là bất thiện. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: hoa lệ xa xỉ. Quảng Nhã cho rằng:

rất mau chóng. Mao Thi Truyện nói rằng: bạo ngược không thân thiện. Sách Văn Tự điển nói: gàn dở, ngang ngạnh. Chữ viết từ bộ hộ đến bộ khuyên chữ hội ý.

Kỵ đạn. Ngược lại âm trên kỳ ký. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kỵ lo sợ e dè cung kính. Ngược lại âm dưới đàn thả. Theo Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: đạn khó khăn e sợ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh kỵ đạn.

Linh ngữ. Ngược lại âm trên lịch đinh. ngược lại âm dưới ngư cử. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ ký rằng: linh ngữ, chỗ gọi là cấm thủ, chỗ giữ người nảy xim quá nhiều, giống như nay gọi là ngục riêng biệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ giữ tội đồ. Chữ viết từ bộ vi linh ngữ đều là thanh, âm là vi.

Chi cán. Ngược lại âm vu ngạn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: thân cán. Quảng Nhã cho rằng: bổn gốc. Tự thư cho rằng: cũng gọi là cành. Văn Tự điển nói: cốt cán cành cây. Cán viết từ bộ mộc thanh cán, âm cán đồng với âm trên. Văn luận viết chữ cán là tên cây, chẳng phải nghĩa đây dùng, hoặc là viết chữ cán.

Hà mô. Ngược lại âm trên hạ da. Ngược lại âm dưới mạ dĩ. Bì Thương cho rằng: hà mô là loài côn trùng sống dưới nước nó thuộc loại con ểnh ương. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ trùng chữ hình thanh.

- **QUYỂN 4** (Không có chữ khó có thể giải thích.)

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 5

Ủy tụy. Ngược lại âm trên uất vi. Tự thư cho rằng: ủy là cỏ héo úa. Sách Tập Huấn cho rằng: giống như cây cỏ úa vàng. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thảo thanh ủy. Hoặc là viết chữ ủy. Ngược lại âm dưới tần toại. Sách Phương ngôn cho rằng: tụy là bị tổn thương. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: tụy là tiều tụy. Sách Thuyết Văn cho rằng: lo buồn. Chữ viết từ bộ tâm thanh túy. Hoặc là viết từ bộ hiệt viết thành chữ tụy.

Đằng dũng. Ngược lại âm trên đặng đăng. Sách Trang Tử nói rằng: đằng là vượt qua mà nhảy lên. Cố Dã Vương cho rằng: đằng giống

như là nhảy vọt lên cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã đến bộ thắng thanh tĩnh, viết đúng từ bộ chu viết thành chữ đằng. Ngược lại âm dưới dung dũng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: dũng là nhảy lên. Cố Dã Vương cho rằng: dũng là nhảy lên cao. Chữ viết từ bộ túc thanh dũng.

Tỳ-bã-xà. âm trên ty di. Ngược lại âm kế bà-ma. Tiếng Phạm, Tây Vực gọi là tên sông, âm ma ngược lại âm ma hóa.

Khuất tráng. Ngược lại âm giữa trác giáng. Tiếng Phạm, cũng tên sông.

Mậu thiểu. Ngược lại âm trên mạc hậu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu giống như trao đổi vật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mậu là ngoài chợ mua bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối thanh uyển, âm uyển đồng với âm trên.

- QUYỂN 6 (Không có chữ khó có thể giải thích âm.)

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 7

Lân giác. Ngược lại âm lật trần. Theo Công Dương Truyện cho rằng: lân là con thú có lòng nhân. Sách Tiểu Nhã cho rằng: lân là trên thân có vảy đuôi giống đuôi trâu có một sừng, sừng thẳng, có nhục thịt, hoặc là viết chữ lân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lộc thanh lân, âm huy ngược lại âm quỷ huân. Âm lân từ bộ đạm đến bộ suyễn.

Phiến-đệ-bán-trạch-ca. Âm đệ ngược lại âm xích ca. Tiếng Phạm, tên chung gọi Huỳnh môn.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 8

Kiến ngột. Ngược lại âm ngũ cốt. Sách Vận Lược nói: ngột là cây không có cành. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây đã đoạn ngắn ra. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mộc thanh ngột.

Đoàn trung. Ngược lại âm đoạn loan. Sách Bát-nhã cho rằng:

đoàn là tay nắm vắt khiến cho dính vào nhau. Sách Khảo công ký nói rằng: đoàn vắt cho tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: vo tròn. Chữ viết từ bộ thủ thanh đoàn.

Tiếu trung. Ngược lại âm tiêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiêu là cái bao đựng đao kiếm. Hoặc là viết từ bộ vị viết thành chữ tiêu.

Hàm luân. Ngược lại âm trên hàm cảm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hàm phần má phía dưới. Sách Thuyết Văn cho rằng: má. Chữ viết từ bộ hiệt thanh dũng. Hoặc là viết chữ hàm, ngược lại âm dưới luật xuân. Chữ viết từ bộ xa.

Nhân tiệp. Ngược lại âm tiêm diệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiệp là lông mi trên mí mắt. Chữ viết từ bộ mục thanh tiệp cũng viết chữ hiệp, âm tiệp ngược lại âm từ diệp.

Tiêm lợi. Ngược lại âm biến diêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tiêm là nhỏ bé. Quảng Nhã cho rằng: nhỏ nhít. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiêm, âm tiêm là âm liễm.

Bách trách. âm trên là bách. Quảng Nhã cho rằng: bách giống như là chật hẹp. Cố Dã Vương cho rằng: bức bách. Ngược lại âm dưới tranh cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: trách là chật hẹp nhỏ bé. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ xước đều thanh bạch trách. cũng viết chữ trách.

Nhẩm nhiễm. Ngược lại âm trên nhi chẩm. Ngược lại âm dưới là nhi diễm. Sách Tôn Diện Đường Vận nói rằng: nhẩm nhiễm. giống như dần dần thời gian thấm thoát qua. Xưa nay Chánh tự đều viết từ bộ thảo đều thanh nhẩm nhiễm.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 9

Đồng tử. Ngược lại âm trên đồ công. Bì Thương cho rằng: đồng là hạt châu trong mắt. Sách Thượng thư đại truyện cho rằng: con mắt nháy có hạt châu, con ngươi chuyển động theo. Chữ viết từ bộ mục thanh đồng.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ NHẤT QUYỂN 10

Quyển môn. Ngược lại âm cầu viễn. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quyển là cái chuồng nhốt thú. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuồng nuôi súc vật. Chữ viết từ bộ vi thanh quyển, âm vi là âm vi.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 1

(Không có chữ khó có thể giải thích âm)

- **TỪ QUYỂN 2 đến QUYỂN 11** (Không có chữ giải thích âm)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 12

Quán Ngược lại âm quan hoạn. Tục dùng thông dụng, chữ chánh thể viết từ bộ tâm viết thành chữ quán. Sách Vận anh cho rằng: thói quen.

Yên diên. Ngược lại âm trên an hiền. Ngược lại âm dưới là mân diệm. Theo Thanh loại cho rằng: diệm là ánh lửa sáng rực. Tự thư cho rằng: lửa nhỏ cháy lan khắp nơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh diêm. Văn luận viết chữ diêm tục dùng thông dụng.

Hướng khư. Ngược lại âm trên thương nhương. Ngược lại âm dưới khương ca. Tiếng Phạm, Tây Vực gọi là tên của con chó.

Xí khổn. Ngược lại âm trên trắc sự. Ngược lại âm dưới là hồn khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: xí là cái chuồng heo, nhà vệ sinh, cũng gọi là xí, hỗ trợ với nhau tùy theo mà giải thích. Văn luận viết từ bộ thủy viết thành chữ hỗn gọi là hỗn loạn, chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm vi là âm vi.

Khiếp liệt. Ngược lại âm trên cửu nghiệp. Cố Dã Vương cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh khứ. 752 Ngược lại âm dưới loan xuyết. Sách Thuyết Văn cho rằng: yếu kém. Chữ viết từ bộ thiểu đến bộ lực chữ hội ý.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 13

Trách thủ. Ngược lại âm tri ách. Quảng Nhã cho rằng: trách giống như là mở ra, căng ra. Theo chữ trách thủ đó là căng tay ra, lấy ngón tay cái ngón tay giữa căng ra chỗ đến đo lường tất, gang tay. Chữ viết từ bộ thạch viết thành chữ trách chữ đúng thể. Văn luận viết từ bộ thủ viết thành chữ trách, âm kiệt chẳng phải chữ trách nghĩa nay dùng.

Bỉ lậu. Ngược lại âm trên bi mỹ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bỉ là bên thôn ấp xa xôi hẻo lánh vùng biên giới. Sách Sử ký ghi rằng: xa nơi đô thành trong nước là chỗ quê mùa, hèn hạ gọi là bỉ tục. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ấp thanh bỉ. Ngược lại âm dưới lâu đậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lậu cũng là bỉ gọi là hèn hạ, hạ tiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: lậu là chật hẹp. Chữ viết từ bộ phụ thanh lậu.

Xi tiếu. Ngược lại âm trên xỉ chi. Tự thư cho rằng: xi là mỉm cười. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ khẩu thanh xi. Luận văn viết chữ xi là sai. Hoặc là viết chữ xi là chữ cổ.

Hồ lăng. Ngược lại âm tủy di. Sách Khảo Thanh cho rằng: cho rằng: tên của loại râu thơm. Luận văn viết chữ ủy là chẳng phải.

Tán sao. Ngược lại âm dưới là xích chiểu. Quảng Nhã cho rằng: sao là món ăn. Văn Tự điển nói: sao là rang phơi làm cho khô. chữ viết từ bộ mạch thanh tù. vô lượng viết chữ sao tục dùng thông dụng.

Kích sóc. Ngược lại âm trên kinh nghịch. Sách Phương ngôn cho rằng: kích là cây đao có nhánh rẽ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây kích có nhánh rẽ là loại binh khí dài một trượng sáu tấc. Chữ viết từ bộ trác đến bộ qua viết thành chữ kích. Ngược lại âm dưới song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây mâu dài. Bì Thương cho rằng: một trượng tám tấc. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu.

Khải ma. Ngược lại âm trên ngô đối. Ngược lại âm dưới vong phan. Sách Khảo Thanh cho rằng: khải ma đó là chày đá đập lúa mạch. Thế Bổn cho rằng: Du Công ban tạo đá mài. Sách Thuyết Văn cho rằng: khải cũng là ma viết đúng là chữ khải ma. Hoặc là viết chữ phi viết thành chữ phi.

Hách dịch. Ngược lại âm trên hanh cách. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hách là hiển bày ra uy thế lớn lao. Chữ viết từ hai bộ xích. Ngược lại âm dưới là doanh ích. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: dịch cũng là hống hách, lẫy lừng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dịch tự

cao tự đại. Trịnh Tiễn chú giải sách sáng suốt tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: to lớn. Chữ viết từ bộ đại thanh diệc.

Mục-kiền-liên. Âm trên là càng. Tiếng Phạm, tên của vị La-hán.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 14

Tổn chú. Ngược lại âm chu nhủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chủ là tim đèn.

Điên quyết. Ngược lại âm trên điển niên. Sách Thuyết Văn cho rằng: điên là đi vấp té ngửa. Chữ viết từ bộ tẩu thanh chân hoặc là viết từ bộ trú viết thành chữ điên cũng viết chữ điên. Văn luận viết từ bộ hiệt viết thành chữ điên. Gọi là trên đỉnh cao đỉnh cao, chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược lại âm dưới quyển viết. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: quyết là đi. Cố Dã Vương cho rằng: quyết giống như là kinh hải ý gấp gáp vội vàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: vấp té ngửa. Chữ viết từ bộ túc thanh quyết cũng viết chữ quyết.

Tài cán. Ngược lại âm trên tử tài. Sách Vận anh cho rằng: tài là trồng trọt. Sách Khảo Thanh cho rằng: giết cây còn dư lại cành khô. chữ viết từ bộ tài thanh mộc. Ngược lại âm dưới ngã cát. Sách Tập Huấn cho rằng: đã giết cây rồi, ban đầu con mọc ra mầm chồi, cũng gọi là giết cây còn dư lại gốc trơ trọi.

Kiên ngạnh. Ngược lại âm ngạch cánh. Tự thư cho rằng: ngạnh là cứng chắc lâu bền. Sách Khảo Thanh cho rằng: cứng. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ cách thanh canh. Hoặc là viết từ ngạnh.

Cù lao. Ngược lại âm trên cụ câu. Mao Thi Truyện cho rằng: làm việc cực nhọc vất vả ngoài đồng. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: cù là dùng nhiều sức lực. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cù cũng là lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lực thanh cù.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 15

Tiệp lợi. Ngược lại âm trên tiềm diệp. Vương Dật chú giải sách

Sở Từ rằng: tiệp là mau chóng. Sách Phương ngôn cho rằng: cho rằng: giữa Tống, Sở gọi là trí tuệ là tiệp. Quách Phác chú giải rằng: hiểu rõ thông suốt, nói năng tiện lợi mẫn tiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: mau chóng. Chữ viết từ bộ nhân thanh tiệp. Văn luận viết chữ tiệp nghĩa cũng đồng.

Toàn kim. Ngược lại âm đoan loạn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: toàn là tôi luyện, luyện kim, rèn luyện. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: toàn là đánh, đập sắt thép, quả trùy dùng để nện. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh đoàn.

Huất hữu. Ngược lại âm trên huân uất. Hoa Tông chú giải Tây Kinh Phú truyện rằng: huất là bỗng nhiên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khảm thanh đạm.

Quỷ cuống. Ngược lại âm trên quy vĩ. Sách Vận anh cho rằng: khinh khi, dối trá, lừa dối. Quảng Nhã cho rằng: quỷ là tùy theo cái ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách mắng. Chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy.

Kiêu ngạo. Ngược lại âm trên là kiều kiêu. Cố Dã Vương cho rằng: kiêu gọi là kiêu căng, tự cao, tự đại, vẻ tiểu nhân đắc chí, khinh mạn, phóng túng ngang bướng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: kiêu là phóng dật quá mức. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh kiêu. Ngược lại âm dưới ao cật. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngạo là kiêng sợ, không cung kính. Quảng Nhã cho rằng: cũng là khinh mạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiêu ngạo. Chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ ngạo là chẳng phải.

Giác luận. Ngược lại âm trên giang nhạc. Cố Dã Vương cho rằng: giác là hai bên cạnh tranh với nhau thắng bại. Sách Khảo Thanh cho rằng: cạnh tranh thử sức thử tài. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ tượng hình, giác cùng với đao ngư tương tợ. Văn luận viết chữ giác gọi là tiếp nhận, chẳng phải nghĩa đây dùng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI
QUYỂN 16

Khái khí. Ngược lại âm khai ái. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái là hơi đi ngược, tức là ho. Chữ viết từ bộ khảm thanh khái. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ khái là sai.

Ngạo ngận. Ngược lại âm dưới là ngận khẩn. chữ thượng thanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngận là rất tàn ác. Giã Quỳ chú giải rằng: ngận là làm trái lại nghịch lại. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ xước thanh cấn. Văn luận viết từ bộ nhân viết thành chữ ngận là sai.

Bà-đà-lệ. âm đà ngược lại âm đồ địch. Ngược lại âm dưới lý tri. Tiếng Phạm, tên của vị A-la-hán.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 17

Khấp cố. Ngược lại âm hàm giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: kháp là vùng biên ải chật hẹp. Chữ viết từ bộ phu thanh kháp, âm kháp đồng với âm trên. Tục viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 18, 19** (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI QUYỂN 20

Bại tử. Ngược lại âm bài mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cỏ giống như cây lương thực vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại lúa khác. Chữ viết từ bộ hòa thanh ty

****

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA QUYỂN 21

Bài thuẫn. Ngược lại âm trên bại mai. tức là tên khác của cái thuẫn Sách Khảo Thanh cho rằng: bài là tên của loại binh khí. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mộc thanh phi. Ngược lại âm dưới thần chuẩn. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: thuẫn là cầm nắm tấm bảng ván tự che thân. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuẫn là tấm bảng. Âm bảng ngược lại

âm phò phát. chỗ gọi là con mắt ngăn chặn vũ khí che thân, chữ tượng hình. Hoặc là viết chữ thuẫn.

Loan cung. Ngược lại âm trên quản hoàn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: loan vươn dẫn dây cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm giữ dây cung buông mũi tên thả mũi tên. Chữ viết từ bộ cũng thanh loan.

Giá sắc. Ngược lại âm trên gia hà. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: trồng cấy lúa gọi là giá. Mã Dung chú giải sách Luận ngữ rằng: có năm loại cây lương thực gọi là giá. Ngược lại âm dưới sở sắc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trồng cấy lúa gọi là giá, thâu thuế gọi là sắc. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là thâu lấy mạ của ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ hòa đều thanh gia sắc. Văn luận viết chữ sắc tục dùng thông dụng.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA QUYỂN 22

Như vu. Ngược lại âm dư chương. Sách Chu lễ nói rằng: ở Ký Châu nuôi bò dê. Sách Lễ ký nói rằng: lông con dê mềm mại. Sách Thuyết Văn nói rằng: lông dê mịn màng tỉ mỉ. Chữ viết từ bộ vu giống như hình bốn chân, cái đuôi. Khổng Tử nói rằng: nuôi bò dê. Chữ theo hình, cử lên cao, âm hoạn ngược lại âm quan hoạn.

- **QUYỂN 23** (Không có chữ giải thích.)

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA QUYỂN 24

Xích oách. Ngược lại âm sĩ quách. Sách Thuyết Văn cho rằng: oách loại sâu bướm thường nằm cong co duỗi thường được sinh ở cây dâu. Chữ viết từ bộ trùng thanh hoạch, âm hoạch ngược lại âm ô hoạch.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA
QUYỂN 25

Bào ô. ngược lại âm quả bao. Ngược lại âm dưới ô cổ. Sở ngữ Tây Vực tên vua.

Như khuất hạ nã một sở trà. âm hạ là âm hà nhã. âm nã ngược lại âm nạch da. âm trà ngược lại âm sá da. Tiếng Phạm.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA
QUYỂN 26

Noãn xác. Ngược lại âm loan đoạn. Ngược lại âm dưới khổ giác. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: là vỏ ngoài của trứng chim. Xưa nay Chánh tự cho rằng: trứng chim chưa nở ra con gọi là noãn. Trứng nở ra, phá vỡ trứng ra rồi gọi là xác. Chữ viết từ bộ noãn thanh xác.

Phiếu khích. Ngược lại âm trên khinh kiếu. Trịnh Tiễn chú giải Lễ ký rằng: khiếu là lỗ hổng. Sách Thuyết Văn cho rằng: trống rỗng. Chữ viết từ bộ huyệt thanh khiếu, âm khiếu là âm kiếu. Ngược lại âm dưới hương kích. Cố Dã Vương cho rằng: khích là giống như khe hở ở giữa. Quảng Nhã cho rằng: tường bị nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tường bị nứt xác thật là có lỗ, khe hở. Chữ viết từ bộ phu thanh khích.

Bị nang. Ngược lại âm bài bái. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bi là ống dụng cụ thổi lửa. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ vi thanh bị, âm bị là âm bị. Luận van viết chữ thác cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới nhạ lang. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: cái túi lớn gọi là nang cái túi nhỏ gọi thác.

Hội náo. Ngược lại âm trên hồi ổi. Sách Khảo Thanh cho rằng: hội là trước ngoài chợ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn thanh hội. Ngược lại âm dưới nã hiệu. Sách Văn Tự điển nói: náo loạn, là chỗ dân cư ở đông đúc, có chợ búa, chữ hội ý. Văn luận viết chữ náo tục dùng thông dụng.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA
QUYỂN 27

Phân phi. Ngược lại âm trên phất vân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phân là sương mù. Ngược lại âm dưới là phù phi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phi là mưa tuyết. Mao Thi Truyện cũng nói rằng: mưa tuyết mù mịt, lả tả. Xưa nay Chánh tự cho rằng: phân là tuyết, tuyết sương mù mịt lả tả, dày đặc. Hai chữ đều từ bộ vũ đều thanh phân phi.

- **QUYỂN 28** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA
QUYỂN 29

Nhị đăng. Ngược lại âm trên đăng đặng. Quảng Nhã cho rằng: đăng là mang giày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: đăng là ngước lên. Chữ viết từ bộ phụ thanh đăng. Văn luận viết từ bộ túc viết thành chữ đăng. Tự thư cho rằng: thông dụng chữ đăng này.

Nghiêm khốc. Ngược lại âm không cốc. Sách Phương ngôn cho rằng: khốc là rất cực kỳ tàn khốc. Lại gọi là rất nóng nhiệt. Giữa Tự Hà cho đến Bắc Triệu, Ngụy gọi là quá nóng là khốc. Đây chẳng phải lấy nghĩa này. Theo chữ nghiêm khốc đó là phải viết chữ khốc. Cố Dã Vương cho rằng: là rất vội vàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: rất gấp gáp, 753 như là rất quá lăm. Chữ viết từ bộ cáo đến bộ học thanh tĩnh.

A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA LUẬN PHO THỨ BA
QUYỂN 30

Hoan hỷ. Ngược lại âm hồ quân. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: hoan hỷ là vui vẻ, hài hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoan hỷ là hân hoan vui mừng. Chữ viết từ bộ quyền thanh khảm.

Chẩm-tăng-già-tri. Ngược lại âm châm nẫm. Ngược lại âm dưới là tri tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là sấm đủ ba y.

Sư bì. Ngược lại âm hồ hóa. Sách Khảo Thanh cho rằng: sư là tên

cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mộc trên núi, vỏ cây này làm đèn đốt cũng được. Chữ viết từ bộ mộc thanh sư. Văn luận viết chữ hoa cũng thông dụng.

Bàn kiết. Ngược lại âm bạt mang. Cố Dã Vương cho rằng: bàn là cuộn tròn, uốn lượn, uyển chuyển, quấn lấy. Quảng Nhã cho rằng: uốn cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh bàn, âm mang là âm mãn.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ QUYỂN 31

Tỏa lạo. Ngược lại âm trên tồ hóa. Quảng Nhã cho rằng: tỏa là ngắn thấp hèn. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thỉ thanh tọa. Chữ tọa từ bộ lưu tóm lược đến bộ thổ. Âm lậu là âm lậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lậu là xấu ác. Văn trước trong quyển thứ 13 đã giải thích đầy đủ.

- **QUYỂN 32** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ QUYỂN 33

Khát ái. Ngược lại âm trên khan hạt. Sách Khảo Thanh cho rằng: khát là nghĩ nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: khát là muốn uống. Chữ viết từ bộ khảm thanh khát. Nay tin dùng phần nhiều viết chữ khát gọi là tóm lược. Sách Thuyết Văn cho rằng: khát là hết sạch.

Thông mạn. Ngược lại âm trên thôn công. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: thông là nghe hiểu. Theo Hàn Thi Truyện nói rằng: thong là sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng suốt, chính xác. Chữ viết từ bộ nhĩ đến bộ thông thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới man biện.Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: mạn khinh thường, xem nhẹ giáo điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạn là lười biếng. Chữ viết từ bộ tâm thanh man.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ
QUYỂN 34

Bị chiêm. âm trên là phi Ngược lại âm dưới nhiếp chiêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: chiêm là bện cỏ làm nhà. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loại cỏ may trắng gọi là chiêm. Quách Phác chú giải rằng: cỏ mao trắng. Nay Giang Đông gọi là lợp che trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh chiêm.

Chú tiều. Ngược lại âm trên là chu thụ. Ngược lại âm dưới tử diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiều là rất khô, lửa cháy làm tổn thương. Quảng Nhã cho rằng: tiều là cháy nám đen. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khói trong lửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ tiều gọi là lửa thiêu đốt. Chữ viết từ bộ hỏa thanh tiều, âm tiều là âm tạp. Văn luận viết chữ tiều là chẳng phải.

Hiêu hư. Ngược lại âm trên hương kiêu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: hiêu là dùng lời nói chê bai, phỉ báng. Theo Tả Thị Truyện nói rằng: nơi vùng đất xa xôi hẻo lánh, chật hẹp, lời oán trách, dơ bẩn, bụi bặm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thanh khí xuất lên đầu. Chữ viết từ bộ hiêu đến bộ hiệt. Hiệt là đầu, hoặc là viết từ bộ mại âm hiêu ngược lại âm trang lập. âm hiệt là âm hiệt.

- QUYỂN 35 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ
QUYỂN 36

Khái quán. Ngược lại âm trên cơ nghi. Cố Dã Vương cho rằng: khái là tưới nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là quán tức tưới nước, rót nước ra. Ngược lại âm dưới quan hoán. Cố Dã Vương cho rằng: quán là tước nước, mưa thuận mùa tưới nước lên đồng ruộng xanh tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh ký quyền.

Bàng dật. Ngược lại âm trên phổ man. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàng là ao nước, cũng viết chữ bàng. Ngược lại âm dưới dẫn nhất. Quảng Nhã cho rằng: dật là nhiều tràn ra ngoài, tràn ra ngoài quá mức. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồ đựng đã đầy tràn. Hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh bàng ích. Luận văn viết chữ dật tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ QUYỂN 37

Cứ giải. Ngược lại âm trên cư ngự. Thiên Thương Hiệt nói rằng: cứ là dụng cụ để giết vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây thương đường tức là lưỡi cưa. Chữ viết từ bộ kim thanh cứ. Ngược lại âm dưới giai giải. chữ thượng thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: giải là mở ra. Văn Tự điển nói rằng: giải là phanh ra. Chữ viết từ bộ đao đến bộ phán bộ ngưu bộ giác.

Thảm tụy. Ngược lại âm trên thiên cảm. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: thảm giống như là buồn rầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thảm là lo buồn, oán hận. Chữ viết từ bộ tâm thanh sám âm dưới từ túy. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tụy là buồn rầu, lo âu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiều tụy lo buồn. Chữ viết từ bộ hiệt thanh túy.

Khoan hiệp. Ngược lại âm hàm giáp. Văn trước trong quyển thứ 19 đã giải thích rồi.

Đăng mộng. Ngược lại âm trên đăng đặng. Sách Khảo Thanh cho rằng: ban đầu ngủ rồi trổi dậy, ngồi dậy. Ngược lại âm dưới mặc đặng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: mộng là buồn, sầu muộn. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: không sáng suốt. Chữ viết từ bộ mộc đến bộ tuần. Tuần là mắt nháy nhiều lần.

Quá đã. âm trên trúc ca. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là đánh. Theo Thanh loại cho rằng: quá là cái chày. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thủ thanh quá ngược lại âm dưới đinh lãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: cũng là đánh. Chữ viết từ bộ đĩnh.

Bài ưu. Ngược lại âm trên bại mai. Ngược lại âm dưới út ngưu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bài ưu là làm trò đùa cợt, vui cười. Cố Dã Vương cho rằng: bài ưu đó là người đóng trò vui, chỗ gọi hài hước, cười đùa, tự mình lấy làm vui vẻ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bài ưu là người đóng trò, kẻ xướng hát. Hai chữ đều từ bộ nhân đều thanh phi ưu.

Tề tao. Ngược lại âm trên là tề giác. Ngược lại âm dưới tổ tao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tề tao là ấu trùng của con bọ hung, sâu mọt đục gỗ. Hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh tề tao.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ
QUYỂN 38

Bì trứu. Ngược lại âm trứu sưu. Sách Khảo Thanh cho rằng: trứu là da tụ lại. Sách Văn Tự điển nói rằng: da rộng ra rồi tụ lại, tức là da nhăn nhúm. Chữ viết từ bộ bì thanh sô, âm sô ngược lại âm trắc ngô.

Bối lũ. Ngược lại âm lục cũ. Quảng Nhã cho rằng: lũ là cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gầy yếu, khiễng chân. Lưng của Chu Công khom xuống cong lại, tức là gù lưng. Chữ viết từ bộ nhân thanh lũ viết thành chữ lũ là chẳng phải.

Ảm hắc. Ngược lại âm áp giảm. Vương Tú chú giải sách Gia ngữ rằng: ảm cũng là hắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ảm là nốt ruồi đen thâm, hoặc là viết chữ ảm này cũng đồng.

- **QUYỂN 39** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TƯ
QUYỂN 40

Khoan cốt. Ngược lại âm ai hoàn. Sách Khảo Thanh cho rằng: khoan là xương đùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi. Chữ viết từ bộ cốt thanh khoan. Văn luận viết từ bộ nhục viết thành chữ cũng thông dụng.

Hàm cốt. Ngược lại âm hàm cảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: hàm là xương hàm ngoài miệng. chữ viết từ bộ hiệt thanh hàm. Xưa viết chữ cách. Văn luận viết từ bộ nhục viết thành chữ hàm tục dùng cũng thông dụng.

Can phế. Ngược lại âm trên can hàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: can thuộc thủy tạng. Ngược lại âm dưới phù phế. Bạch Hổ Thông cho rằng: phế đó là nói đến quý. tinh của kim màu trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc kim tạng. Chữ đều viết từ bộ nhục đều thanh can phế, âm phế là âm bối. Văn luận viết chữ phế tục dùng thông dụng.

Tỳ thận. Ngược lại âm tỳ di. Bạch Hổ Thông cho rằng: tỳ đó là nói sắp xếp, chỗ gọi là chứa nhóm tinh của bẩm khí thuộc thổ, màu sắc vàng. Sách Thuyết Văn nói: thuộc một tạng. Ngược lại âm dưới là thời nhẫn. Bạch Hổ Thông cho rằng: thận đó là nói đến khách ở trong dùng

thuộc tinh của thủy, màu sắc đen thuộc âm vũ, cho nên nói thận là hai hòn dái. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ nhục thanh kiên, âm kiên là âm kiên.

Vị đởm. Ngược lại âm trên vị thật. Bạch Hổ Thông cho rằng: vị đó là phủ của tỳ chủ về phiêu khí. Vị đó là nói kho chứa ngũ cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phủ của ngũ cốc. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ điền chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là đảm lãm. Bạch Hổ Thông cho rằng: đởm đó liền với phủ của can, chủ của lòng nhân. Nhân đó là như không nhận, cho nên nói đởm là đoạn lìa hơi thở, nhân đó thông suốt, có dũng cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh đảm. Văn luận viết chữ đởm tục dùng thông dụng.

Thỉ niệu. ngược lại âm trên thi thị. Sách Trang Tử nói rằng: lấy cái sọt chứa đầy phân. Sách Văn Tự điển nói: thỉ là phân cứt. Viết đúng từ bộ thảo viết thành chữ lỗ thuộc chữ cổ. Lại cũng viết chữ thỉ. Văn luận viết chữ thỉ tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới nịch điếu. Cố Dã Vương cho rằng: niệu tức là nịch. Sách Thuyết Văn nói tức là tiểu tiện. Chữ viết từ bộ vĩ đến bộ thủy.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 41

Giá sắc. Ngược lại âm trên gia hà. Ngược lại âm dưới sở sắc. Văn trước trong quyển thứ 21 đã giải thích đầy đủ rồi.

Phong nẫm. Ngược lại âm trên phú phong. Sách Chu dịch cho rằng: phong phú rộng rãi, to lớn. Trịnh Huyền cho rằng: phong là to lớn. Giã Quỳ cho rằng: phong là tràn đầy, thạnh mãn. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: sum sê, nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: đậu tươi tốt sum sê. Chữ viết từ bộ đậu chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới nhâm thậm. Giã Quỳ chú giải rằng: nẫm là ủ cho nóng nhiệt. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là thành thục đã chín mùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngũ cốc đã chín. Chữ viết từ bộ hòa thanh niệm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 42

Thao thiết. Ngược lại âm trên thảo đao. Ngược lại âm dưới thiên trật. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tham tài gọi là thao tham ăn gọi là thiết. Văn luận viết chữ thao thiết. tục dùng thông dụng.

Tự tước. Ngược lại âm trên tật dư. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tự là nhai, âm tiều ngược lại âm từ tiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngậm trong miệng có mùi vị, ngược lại âm dưới tương lược. Cố Dã Vương cho rằng: tước cũng là nhai. Quảng Nhã cho rằng: ăn uống. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ khẩu thanh thư tước.

Thường xuyết. âm trên là thường. Sách Luận ngữ cho rằng: tặng thức ăn cho vua tất phải đúng phép trước chiếu là nếm thử. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thường là nếm thử. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chỉ thanh thượng. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ thường là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là xuyên nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: xuyết cũng là thường tức là cũng nếm thử. Chữ viết từ bộ khẩu thanh xuyết, âm xuyết ngược lại âm trắc liệt.

Tiếu ngôn. Ngược lại âm tiều tiếu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tiếu là trách khéo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiểu là trừ bỏ, hà khắc, tàn ác. Chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu hoặc là viết chữ tiều, âm nhiễu ngược lại âm ni liễu.

Quy giải. Âm trên là quy Quảng Nhã giải rằng: quy là con rùa loại côn trùng có mai giáp nhau. ngược lại âm dưới hài mại. Theo Hàn Khang Bá chú giải sách Chu dục rằng: con cua lột vỏ bên ngoài. Sách Thuyết Văn cho rằng: con cua có hai càng và tám cái chân, đi ngang. Chữ viết từ bộ trùng thanh giải, âm ao là âm ao.

Kim khoáng. Ngược lại âm hô mãnh. Quảng Nhã cho rằng: thiếc khoáng đồng chì còn nguyên chất chưa chế biến gọi là khoáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thạch thanh quảng. Văn luận viết chữ khoáng tục dùng thông dụng.

Thốc thân. Ngược lại âm thông giác. Sách Thuyết Văn cho rằng: thốc là đầu mũi tên nhọn. Chữ viết từ bộ kim thanh tốc. Hoặc là viết từ bộ trúc viết thành chữ thốc. Văn luận viết từ bộ thủ viết thành chữ thốc là chẳng phải.

- QUYỂN 43 (Không có chữ có thể giải thích.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 44

Diên quyết. Ngược lại âm điển liên. Ngược lại âm dưới quyển nguyệt. Văn trước trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhủ mi. Ngược lại âm trên nhu chủ. Ngược lại âm dưới là mỹ bi. 754 Văn Tự Tập Lược cho rằng: mi là cháo đặc. Chữ viết từ bộ mễ thanh ma.

Phi độ. Ngược lại âm trên phỉ vi. Cố Dã Vương cho rằng: phi cũng là hậu. Sách Lễ ký nói rằng: vợ của Thiên tử gọi hậu. Ngược lại âm dưới là đê lệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: người con gái đồng chung một chồng gọi là tự tức là vợ lẽ, đến sau. Quách Phác chú giải rằng: đều đồng xuất giá mà chung một người chồng. Sách Văn Tự điển nói hai chữ đều từ bộ nữ đều là thanh di độ.

Ô-lô-tần-loa. âm trên ô cổ. Ngược lại âm dưới lô hòa. Tiếng Phạm, tên của vị La-hán.

Tụy đăng. Ngược lại âm trên tủy túy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tụy là con đường. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ thanh túy. Văn luận chữ viết từ bộ phổ viết thành chữ tụy là chẳng phải. Ngược lại âm dưới đăng đặng. Văn trước trong quyển thứ 19 đã giải thích rồi.

- **QUYỂN 45** (Không có chữ để giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 46

Ách thủ. Ngược lại âm ư cách. Quảng Nhã cho rằng: ách là nắm giữ nơi hiểm yếu. Sách Thuyết Văn viết chữ cách gọi là cầm nắm. Chữ viết từ bộ thủ thanh cách. Văn luận viết chữ ách cũng là thông dụng.

Dẫn hệ. Ngược lại âm trên dư chân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dẫn chỗ gọi là kéo lôi ra, dẫn dắt. Văn Tự điển nói: đai da buộc vào thân trên con ngựa, rồi vào trục xe để ngựa kéo đi gọi là dẫn. Chữ viết từ bộ cách thanh dẫn âm dưới là kế.

Thê đăng. Ngược lại âm lễ lê. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thê là nấc thang, trình tự tiến bộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nấc

thang làm bằng gỗ. Chữ viết từ bộ mộc thanh đệ ngược lại âm dưới đăng đặng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 47

Đam miến. Ngược lại âm trên đáp hàm. Văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới miên biến. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: miên là đam mê rượu, say nghiện mắc nhiều lỗi sai sót. Sách Thuyết Văn cho rằng: đam là chìm đắm trong rượu. Chữ viết từ bộ thủy thanh miến.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 48

Phiêu kích. Ngược lại âm trên thất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu giống như nước chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là nổi trên mặt nước. Ngược lại âm dưới kinh lịch. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: nước chảy gấp gọi là kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: kích là nước bị ngưng trệ chảy rẽ ngã khác gợn sóng. Hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh phiêu kích.

Chùy ngưu. Ngược lại âm chuy thủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: chùy là đánh. Thống Tự cho rằng: đáng bằng trượng. Chữ viết từ bộ thủ thanh thùy.

Viên ách. Ngược lại âm trên viễn nguyên. Sách Khảo công ký cho rằng: phàm là chiếc xe có ba phần: phần bách xe, hai phần cao mà dài, hai bánh trước và sau. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đòn xe, tức thanh gỗ tròn cong. Ngược lại âm dưới anh cách. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo công ký rằng: ách là thanh gỗ móc hai bên càng xe đè thẳng lên cổ con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ xa đều thanh viên ách. Văn luận viết chữ ách tục dùng thông dụng, âm chu ngược lại âm trửu lưu.

Thu ương. Ngược lại âm trên thất do. Sách Khảo Thanh cho rằng: thu là chiếu xích đu, cũng viết là thu. Thu là dây buộc vào vế sau của

ngựa. Ngược lại âm dưới ương ngưỡng. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: ương là dây da buộc cổ ngựa đầu phía trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: buộc vào cổ con ngựa. Chữ viết từ bộ cách thanh ương hoặc là viết chữ ương, âm đát ngược lại âm chỉ liệt.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 49

Chiên ngư. Ngược lại âm triển liên. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: chiên là loại cá lớn, miệng ở hàm dưới, thân không có vảy giáp thịt, loại cá vàng lớn, giống như con lươn, thân dài hai trượng. Giang Đông gọi cá vàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngư thanh chiên.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ NĂM QUYỂN 50

Hưng-cù. Ngược lại âm cụ câu. Tiếng Phạm, tên thuốc. Đường Huyền Trang gọi A nguỵ.

Tân lạt. Ngược lại lan đát. Xưa nay Chánh tự cho rằng: lạt cũng là tân tức là quá cay, vị cay. Chữ viết từ bộ tân thanh thúc.

Manh cổ. Ngược lại âm trên mạch can. Sách Thuyết Văn cho rằng: manh gọi là con mắt không có con ngươi. Ngược lại âm dưới cô ngũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có con mắt gọi là cổ. Hai chữ đều từ bộ mục đều thanh vong cổ.

Như-át-tỷ-đa. Ngược lại âm trên an cát. Ngược lại âm dưới tư tử. Tiếng Phạm.

Ngột tà. Ngược lại âm trên ngũ cốt. Văn trước trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Phòng hãn. Ngược lại âm trên là phòng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phòng bị. Sách Thuyết Văn cho rằng: đắp đê ngăn phòng. Chữ viết từ bộ phụ thanh phương âm dưới là hàn án. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: hãn là chống giữ, bảo vệ. Chữ viết từ bộ thủ thanh can cũng viết chữ hãn.

Chấp tại. Ngược lại âm trâm lập. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: chấp là dây cương. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chấp là buộc câu túc lại. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mịch thanh chấp.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU QUYỂN 51

Xích hoạch. Ngược lại âm chú quách. Văn trước trong quyển thứ 24 đã giải thích đầy đủ rồi. Luận văn viết từ bộ trùng viết thành chữ xích là chẳng phải.

Lợi liềm. Ngược lại âm liễm đàm. Sách Phương ngôn cho rằng: cái liềm cắt cỏ. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ kim thanh liêm. Hoặc là viết chữ liềm âm câu ngược lại âm cẩu hầu.

Quang thê. Âm trên là quang. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết chữ hoành gọi là thanh gỗ ngang ở trong, cũng gọi là thanh gỗ ngang của cái giường. Ngược lại âm dưới thể hề. Sách Thuyết Văn cho rằng: thê là cây thang gỗ. Văn trước trong quyển thứ 43 đã giải thích đầy đủ.

Hoàn giáp. Ngược lại âm trên quan hoạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn đó gọi là xuyên qua. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hoàn là áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến chữ hoàn thanh tĩnh.

Uông tật. Ngược lại âm điểu hoàng. Sách Thuyết Văn viết đúng là chữ uông gọi là khiễng chân, què chân, cẳng chân cong. Chữ viết từ bộ vưu giống như chân nghiêng một bên. Văn luận viết chữ uông này là chữ cổ, âm uông là am tảo.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU QUYỂN 52

Xa cốc. Ngược lại âm công ốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cốc là tăm xe, chỗ châu đầu lại, đây nói tất cả những nan hoa, tăm châu đầu lại ở bầu xe. Chữ viết từ bộ xa thanh xác, âm xác ngược lại âm khổ giác.

Ư quyết. Ngược lại âm quyền nguyệt. Sách Trang Tử nói rằng:

đồ trang sức thanh gỗ bịt trước mõm ngựa. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyết là thanh gỗ ngắn mà nhọn. Sách Văn Tự điển nói: quyết là cây trụ cọc buộc trâu. Chữ viết từ bộ mộc thanh quyết. Văn luận viết chữ thuyên tục dùng chẳng phải.

Kháng địch. Ngược lại âm trên khang lãng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kháng cũng là địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân thanh khang. Ngược lại âm dưới là đình đích. Cố Dã Vương cho rằng: địch là vợ chồng chống cự với nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phộc thanh thi. Văn luận viết chữ phộc tục dùng thông dụng, âm thí là âm đích.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU QUYỂN 53

Sương bạo. Ngược lại âm bàng bác. Bạch Hổ Thông cho rằng: khí âm kết tụ ngưng đọng lại là thanh mưa đá. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: đương làm cho mưa, khí âm lấn hiếp làm ngưng đọng lại làm cho mưa đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước mưa. Chữ viết từ bộ vũ thanh bao, xưa viết bạo.

Uôn khổn. Ngược lại âm khôn cổn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khổn là cửa hẹp. Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ môn thanh khổn hoặc viết từ bộ mộc viết thành chữ khổn.

- **QUYỂN 54** (Không có chữ giải âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU QUYỂN 55

Y hộ. Ngược lại âm hồ cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hộ là nương tựa vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh cổ.

Phiền não. Ngược lại âm nô lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: não là ưu phiền, người nữ có nhiều ưu phiền, oán hận. Cho nên sách Thuyết Văn nói rằng: có chỗ đau khổ, hận oán. Chữ viết từ bộ nữ đến bộ não thanh tĩnh. Văn luận viết chữ não cũng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU
QUYỂN 56

Phệ-lam-bà-phong. Ngược lại âm trên phò phế. âm lế là lãm đan. Tiếng Phạm, tên trận gió lớn gọi là đại mãnh phong, tức là gió dữ dội.

- QUYỂN 57 (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU
QUYỂN 58

Quảng hiệp. Ngược lại âm hàm giáp. Văn trước trong quyển thứ 17 đã giải thích đầy đủ rồi. Văn luận viết từ bộ khuyễn viết thành chữ hiệp tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU
QUYỂN 59

Xu phiến. Ngược lại âm trên xúc chu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: xu là then gài cánh cửa. Lại chú giải rằng: là mấu chốt giữ cánh cửa làm cho chắc chắn, kiên cố. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu dịch rằng: xu là chủ động cơ chế. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh xu, âm dưới chánh thể là chữ phiến ngược lại âm chiên chiến.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ SÁU
QUYỂN 60

Nhất đích. Ngược lại âm đinh lịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: rót nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh thí. Hoặc là viết chữ đích. Văn luận viết chữ đế tục dùng thông dụng.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 61

Khiêu ly. Ngược lại âm oản bao. Cố Dã Vương cho rằng: khiêu giống như con hỏ mà nhỏ hơn, người ta thường nuôi dưỡng trong nhà để bắt chuột. Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ trĩ thanh miêu. Luận văn viết chữ miêu. Ngược lại âm dưới ly tri. Cố Dã Vương cho rằng: ly cũng giống như miêu. Người trộm chó mà bắt được. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại thú hay nấm. Chữ viết từ bộ trĩ thanh ly. Văn luận viết từ bộ khuyển viết thành chữ ly tục dùng thông dụng, âm trĩ là âm trĩ.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 62

Điệt song. Ngược lại âm sóc giang. Cố Dã Vương cho rằng: song giống như hai. Sách Văn Tự điển nói rằng: hai tay nắm giữ hai con chim. Chữ viết từ bộ song. Theo văn luận viết từ bộ lưỡng viết thành chữ song là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 63

Suy liệt. Ngược lại âm luật truy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: suy là gầy yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh gầy ốm. Chữ viết từ bộ dương thanh loa, âm loa ngược lại âm loa ngoa.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 64

Trạch diệt. Ngược lại âm tranh cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: trạch là lựa chọn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyển chọn. Chữ viết từ bộ thủ thanh trạch cũng là âm. Văn luận viết chữ trạch là sai.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 65

Bạo lưu. Ngược lại âm bao báo. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa mau, mưa như trút nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh bạo, âm bạo cũng là thanh.

Ách trung. Ngược lại âm ư cách. Văn trước trong quyển thứ 48 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 66

Thuề lung. Ngược lại âm trên huệ khuê. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: thuề giống như là khu nghĩa là thửa ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ điền thanh khuê ngược lại âm dưới long thủng. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: có ranh giới giống như cày từng luống, vồng đất vậy. Bởi vậy gọi là tên. Sách Thuyết Văn cho rằng: ào mã, bờ đê trong ruộng. Chữ viết từ bộ thổ thanh long.

Vân nậu. Ngược lại âm trên vận quần. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: vân là trừ bỏ cỏ trong mạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lỗi thanh vân. Văn luận viết từ bộ mộc viết thành chữ vân là sai. Ngược lại âm dưới nô hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: dụng cụ làm ruộng như cái cuốc trừ cỏ cũng viết chữ nậu.

Cù lao. Ngược lại âm cụ câu. Văn trước trong quyển thứ 14 đã giải thích đầy đủ rồi.

Hướng khư. Ngược lại âm trên thương hoại. Ngược lại âm dưới là khương ca. Tiếng Phạm, Tây Vực gọi là tên của vị tiên nhân.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 67

Mậu thiếu. Ngược lại âm mau hậu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu giống như trao đổi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mậu là nơi chợ búa, lại gọi là bán. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ bối thanh uyển cũng viết chữ mâu. Văn luận viết chữ mâu tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 68

Noãn chủng. Ngược lại âm trên nô đoản. Sách Thuyết Văn cho rằng: noãn là âm. Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn. Hoặc là viết chữ noãn.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 69

Thúc hốt. Ngược lại âm trên thăng dục. Sách Sở Từ cho rằng: thúc hốt là rất nhanh, chợt, bỗng nhiên. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ hỏa thanh du. Văn luận viết từ bộ huân cũng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ BẢY QUYỂN 70

Hấp hưởng. âm trên là hấp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hấp là hưởng. Sách Thuyết Văn cho rằng: thần hưởng hơi. Chữ viết từ bộ khảm thanh âm. Ngược lại âm dưới hương dưỡng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: bày tiệc lớn để đãi khách ăn uống gọi là. Trịnh Huyền chú giải rằng: thân minh ăn hưởng. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thực thanh hương.

Bất thuấn. Ngược lại âm thủy nhuận. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuấn là mắt nháy nhiều lần. Chữ viết từ bộ mục thuấn cũng là thanh, cũng viết chữ thuấn.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM QUYỂN 71

Kinh chiếp. Ngược lại âm đảm diệp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chiếp là sợ hãi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tầm thanh tập cũng viết chữ nhiếp.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM QUYỂN 72

Toàn tức. Ngược lại âm toán loan. Tên dụng cụ lấy lửa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh toàn.

Thước-yết-la. Ngược lại âm trên thương chước. Ngược lại âm kế kiền-yết. Tiếng Phạm, tên cõi trời Đế Thích.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM QUYỂN 73

Huỳnh thức. Ngược lại âm trên quỳnh định. Văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi. Ngược lại âm là thăng chức. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức là lau sạch. Chữ viết từ bộ thủ thanh thức.

Thuyên sang. Ngược lại âm thuật duyên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: thuyên là cái nơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện trúc làm dụng cụ tròn như cái sọt có thể chứa nhiều ngũ cốc, thóc, lúa. Chữ viết từ bộ trú thanh đoan. Hoặc viết chữ thuyên, âm truân ngược lại âm đồ cổn.

Đào ba. Ngược lại âm đạo lao. Sách Văn Tự điển nói: Đào là sóng lớn, nước biển dâng trào gọi là đào. chữ viết từ bộ thủy thanh thụ.

Phiêu xí. Ngược lại âm trên tất diêu. Cố Dã Vương cho rằng: phiêu gọi là đứng thẳng tiêu biểu vẫy tay cho mọi người biết. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu. Văn luận viết từ bộ thủ viết thành chữ phiêu là sai. Ngược lại âm dưới si sí. Quảng Nhã cho rằng: xí là cái phan. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ cân thanh thức âm thức ngược lại âm chức.

- **QUYỂN 74** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM QUYỂN 75

Lưu phái. Ngược lại âm phách mại. Quảng Nhã cho rằng: phái

là nước tự phân rẽ chảy đường khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy quanh ngã khác chữ tượng hình. Văn luận viết từ bộ thủy viết thành chữ phái nghĩa cũng đồng.

Hiện cáp. Ngược lại âm trên yêu điển. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: là con hến sống dưới nước, giống như con sò mà nhỏ hơn. Hoặc viết hiển tức tiểu du, tên gọi khác nữa là ải nữ. Ngược lại âm dưới cam lạp. Sách Khảo Thanh cho rằng: cáp là loại con bụng tức con trai, ngọc trai. Sách Thuyết Văn cho rằng: cáp lò con sò có ba loại đều sinh sống trong biển gọi là sò đó sống đến ngàn năm biến làm con chim tước, đó là trạng thái biến hóa của loài sò ốc trong biển, có con sò sống đến trăm năm biến làm chim yến. Tùy theo chỗ biến hóa đó mà gọi tên, lại dưới bụng con sò có cánh theo chỗ biến hóa. Chữ viết từ bộ trùng thanh hạp.

Diên đảm. Ngược lại âm trên tiện diên. Sách Khảo Thanh cho rằng: diên là nước dãi trong miệng.Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là nước dãi trong miệng. Chữ viết từ bộ thủy thanh khảm hoặc là viết chữ điều bảo diên. Văn luận viết chữ diên tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới đảm lãm. Bạch Hổ Thông cho rằng: đảm đó là phủ của can tức là mật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục tham đảm.

Diêu táo. Ngược lại âm trên diệu chiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: diêu là lò nung đốt, thuộc lò gốm. Chữ viết từ bộ huyệt thanh diêu Văn luận viết chữ đào gọi là người chủ làm ra các đồ sành sứ, người thợ gốm sứ, cháu của Thế Bổn là Ngô, viết chữ Đào tức là hồi nhà. Tôi thần của vua Kiệt chẳng phải nghĩa chữ diêu. Ngược lại âm dưới tao lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: táo là cái bếp thổi lửa. Chữ viết từ bộ huyệt đến bộ lung thanh tĩnh, âm lung ngược lại âm tài lục. Hoặc là không viết tóm lược.

Hàm phong. Ngược lại âm dưới chấp diễm. Quảng Nhã cho rằng: hàm là mũi tên nhọn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh hàm.

Hữu bà tự lúc là ma phong. âm tự ngược lại âm tài dữ. âm lũ ngược lại âm cù nhũ, âm la ngược lại âm lam lạp. Tiếng Phạm. Âm lam ngược lại lô hàm.

Ngạc hầu. Ngược lại âm trên ngang các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là lợi răng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM
QUYỂN 76

Hưu lưu. Ngược lại âm trên hủ ưu. Ngược lại âm dưới ngạc chu. Theo chữ hưu lưu đó là thuộc giống chim quái lạ. Loại chim này sinh sản rất nhiều.

- **QUYỂN 77** (Không có chữ có thể giải.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM
QUYỂN 78

Giao niêm. Ngược lại âm trên là giao. Sách Khảo Thanh cho rằng: giao là chất keo cứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: giao là dính với nhau. lấy từ thực vật hoặc nấu da sừng, xương động vật. Chữ viết từ bộ nhục thanh giao. Ngược lại âm dưới nhiếp niêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: niêm đó là dính với nhau, loại hồ. Chữ viết từ bộ mễ thanh diêm viết đúng là chữ niêm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM
QUYỂN 79

Ế-nê. Ngược lại âm nhất hề.

Mê-nê. Ngược lại âm mễ bề.

Hấp-phẫu. Ngược lại âm đàm lạp. Tiếng Phạm.

Đạt-diệp-phẫu. Ngược lại âm thậm hạp. Tiếng Phạm, tên gọi là trời Tứ Thiên vương.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ TÁM
QUYỂN 80

Quáng mạch. Ngược lại âm hồ mãnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: quáng là loại lúa mì lớn. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ hòa thanh quảng. Hoặc là viết chữ quáng. Luận văn viết từ bộ mễ viết thành chữ quáng là chẳng phải.

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 69

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN

Từ quyển 81 đến hết quyển 200

QUYỂN 81

Phù hồ. Ngược lại âm hồ cố. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hồ là trái bầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hồ, âm ngược lại âm hủ vu. chữ thượng thanh. Văn luận viết từ bộ thảo viết thành chữ hồ tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN

QUYỂN 82

Thuân bì. Ngược lại âm thất tuần. Bì Thương cho rằng: thuân là da bị nứt nẻ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bì thanh thuân, âm thuân đồng với âm trên, âm tích ngược lại âm thất lược. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: tích cũng gọi là da bị nứt nẻ ra.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN

QUYỂN 83

Mâu toàn. Ngược lại âm trên mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mâu tù, loại binh khí ngày xưa, dài hai trượng cắm đầu binh xa, chữ tượng hình. Xưa nay viết chữ mâu. Ngược lại âm dưới thôi toán. Sách Khảo Thanh cho rằng: cây mâu ngắn. Quảng Nhã cho rằng: toàn

gọi cây giáo dài. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ mâu thanh toàn, âm diên ngược lại âm khẩu diên.

Thu lộ. Âm trên là thu ngược lại âm dưới lô cố. Ở Tây Vực gọi là tên của cái ao, cũng gọi tên của loài chim.

Xích hoạch. Ngược lại âm điểu quách. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của loài sâu, tục gọi là sâu đo, khi di chuyển thì cong lưng khiến đầu và đuôi sát nhau rồi là rời xa nhau như lấy thước mà đo, cũng gọi sâu bộ khuất.

Phong bột. Ngược lại âm trên phốc mong. Ngược lại âm dưới bồn một. Văn luận viết chữ phong bột gọi là hơi khói bốc lên. Nay viết chữ phong bột. Tự thư nói không có chữ này.

Bà-tư-sắc-đê. Ngược lại âm xích da. Tiếng Phạm, tên vợ của Phạm chí.

Quát khứ. Ngược lại âm khai hoạt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: quát là lấy dao cạo sạch, cạo bỏ đi. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ đao thanh hoạt, âm hoạt là âm hoạt.

Căng khoa. Ngược lại âm nhược hóa. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: khoa là nói khoác, khoe khoang, tự cao, tự đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh khoa, âm khoa từ bộ đại đến bộ khoa. 756 Âm khoa ngược lại âm khô hóa. Chữ viết từ bộ khoa viết thành chữ khoa đó là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN QUYỂN 84

Bàn trướng. Ngược lại âm trên phác giang. Bì Thương cho rằng: bàn cũng là trướng. Ngược lại âm dưới trương lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trướng là cái bụng đầy. Xưa nay Chánh tự đều viết từ bộ nhục đều thanh bang trường. Hoặc là viết từ bộ tật viết thành chữ dương.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN QUYỂN 85

Uyển chuyển. Ngược lại âm miễn viễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển chuyển là quanh co uốn lượn. Chữ viết từ bộ tịch thanh tiết, âm tiết là âm hoặc là viết chữ uyển cũng thông dụng.

Bao lộng. Ngược lại âm trên bao mạo. Ngược lại âm dưới lung đông. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lộng là làm trò vui đùa, bỡn cợt. Sách Tiểu Nhã cho rằng: đùa vui, vui chơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cũng thanh học, âm cũng là âm cũng. Văn luận viết chữ biện là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN QUYỂN 86

Điệu cử. Ngược lại âm trên đều điếu. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: điệu là lắc lư, lay động. Quảng Nhã cho rằng: chấn động. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh trác.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN QUYỂN 87

Hữu tứ. Ngược lại âm tư lợi. Cố Dã Vương cho rằng: tứ giống như hầu hạ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: tứ giống xem xét, theo dõi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh tư.

- **QUYỂN 88** (Không có chư có thể giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN QUYỂN 89

Tật khan. Ngược lại âm trên tần tất. Vương Dật chú giải sách Sở

Từ rằng: hại người hiền gọi là tật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh tật. Ngược lại âm dưới khách nhan. Sách Khảo Thanh cho rằng: khan là keo kiệt, yêu tiếc tài sản. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh kiên. Văn luận viết chữ khan tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ CHÍN
QUYỂN 90

Yết lợi lam át bộ đàm. âm át là âm án. Tiếng Phạm, gọi là ban đầu thọ thai, tinh huyết chưa cấu tạo thành hình, một tuần, hai tuần lễ đầu.

Khứu hương. Ngược lại âm hưu hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái mũi chính là để ngửi mùi. Chữ viết từ bộ tỵ đến bộ khứu cũng là thanh.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI
QUYỂN 91, 92, 93, 94, 95, 96

(Sáu quyển trên văn dễ không có âm giải thích.)

QUYỂN 97

A-kíp-ma. âm kíp ngược lại âm liễm triếp.

QUYỂN 98

Kình địch. Ngược lại trước cự nghinh. Quảng Nhã cho rằng: kình dùng võ lực sức mạnh. Bì Thương cho rằng: dùng sức mạnh. Theo Tả Truyện cho rằng: kình địch. là kẻ địch mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cưỡng ép. Chữ viết từ bộ lực thanh kình ngược lại âm dưới đình lịch.

QUYỂN 99

Phiêu tán. Ngược lại âm trên thất lôi. Theo Mao Thi Truyện nói

rằng: phiêu giống như là gió thổi. Atv nói rằng: gió xoay chuyển. Chữ viết từ bộ phong thanh phiêu. Âm phiêu đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới san cán. Cố Dã Vương cho rằng: tán gọi là phân ra, gió thổi bay đi không tụ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gió thổi phân tán ra. Chữ viết từ bộ phộc thanh tích. Hoặc là từ bộ quyền viết thành chữ hoan. Văn luận viết chữ tán tục dùng thông dụng.

Di hầu. Ngược lại âm trên mật ty. Ngược lại âm dưới hầu câu. Ở Tây Vực gọi là địa danh.

QUYỂN 100

Ha tẩn. Ngược lại âm tất chấn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là bỏ đi, phế bỏ. Sách Sử ký nói rằng: cùng nhau lôi kéo bỏ ra ngoài, vứt bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tân. Văn luận viết chữ tẩn tục dùng thông dụng.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 11
QUYỂN 101, 102

(Đều không có chữ để giải thích.)

QUYỂN 103

Phúc xác. Ngược lại âm trên phong phúc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phú là đảo ngược lji. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tây thanh phúc. Ngược lại âm dưới na các. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nấu có rau cải gọi là canh không có rau gọi là xác tức canh thịt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh xác, âm xác ngược lại âm hồ quách.

Quyến tác. Ngược lại âm trên quyên luyến. Sách Khuê Uyển Chu Tòng nói rằng: lấy sợi dây mà buộc quấn quanh lấy vật gọi là quyến. Thống Tự cho rằng: viết chữ quyến gọi là giăng lưới bên đường để bắt chim. Chữ viết từ bộ võng thanh quyến. Ngược lại âm dưới tảng các. Cố Dã Vương cho rằng: kết hợp lại làm sợi dây lớn gọi là tác. Sách Thuyết Văn cho rằng: thân lá của cây cỏ có thể bện làm dây gọi là tác. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ thị.

Mâu sóc. Ngược lại âm trên mạc hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng:

loại binh khí ngày xưa như giáo, thương đao. Văn trước trong quyển thứ 83 đã giải thích rồi, hoặc là viết chữ mâu. Ngược lại âm dưới song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là loại binh khí cũng gọi là cây mâu, giáo dài. Bì Thương cho rằng: sóc là cây giáo dài một trượng tám tấc. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu. Văn luận viết chữ nhiễm là chẳng phải.

Kinh hãi. Ngược lại âm hành ngai. Sách Văn Tự điển nói: hãi cũng là kinh tức sợ hãi quá mức. Chữ viết từ bộ mã thanh khái, âm ngai ngược lại âm nhai mại.

Quật tạc. Ngược lại âm trên quần vật. Sách Khảo Thanh cho rằng: quật là đào xuyên qua, đoạn ra, chặt đốn ngã cây, đào lấy gốc rễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh khuất. Ngược lại âm dưới tàng tác. Theo Thanh loại cho rằng: tạc tức là chém chặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây đục dụng cụ để đục xuyên qua cây. Chữ viết từ bộ kim đến bộ tạc cũng là thanh, âm tiệm ngược lại âm tạp hàm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 11
QUYỂN 104

Thiết chiêm. Ngược lại âm liễm diêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiết triêm là cây nhiếp trục xe. Chữ viết từ bộ kim thanh chiêm. Văn luận viết chữ kiềm thiết già. gọi gông cùm xiềng xích trói buộc, chẳng phải nghĩa đây dùng, âm triếp là âm nhiếp.

Bài thuẫn. Ngược lại âm trên bại mại. Ngược lại âm dưới thần chuẩn. Văn trước trong quyển thứ 21 đã giải thích đầy đủ rồi.

Phòng hãn. Ngược lại âm trên phược vong. ngược lại âm dưới hàn án. Văn trước trong quyển thứ 50 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 11
QUYỂN 105

Bi nghê. Ngược lại âm trên phổ bế. Ngược lại âm dưới nghê kế. Quảng Nhã cho rằng: tích nghê. là lỗ hổng của bức tường trên thành của người con gái. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: bức tường nhỏ. Sách Thuyết

Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đằng đều thanh bi nghê. Văn luận hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ bi nghi. cũng thông dụng.

Mẩu chư. Ngược lại âm trắc lữ. Tây Vực gọi là tên của cái ao nước.

Phiến-đệ-đẳng. Ngược lại âm tích da. Tiếng Phạm

- QUYỂN 106, 107, 108, 109, 110

(Năm quyển trên đều không có chữ để giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 111, 112

(Không có chữ để giải thích.)

QUYỂN 113

Khiêu dược. Ngược lại âm trên điều liêu. Ngược lại âm dưới dương chước. Cố Dã Vương cho rằng: khiêu là nhảy vượt qua. Gọi nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ túc đều là thanh khiêu diệu.

Đề bại. Ngược lại âm trên đệ lê. Sách Khảo Thanh cho rằng: đề là tên của một loại cỏ dại mọc hoang. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ hòa thanh đệ hoặc là viết chữ đề cũng viết chữ đề. Ngược lại âm dưới bi mãi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại giống như cây lương thực hạt lúa không dẻo. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ hòa thanh ty.

Đoản mạng. Ngược lại âm đoan oản. Tự thư cho rằng: đoản là thúc bách không dài lâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chỗ dài, ngắn giống như mũi tên là đúng. Cho nên chữ viết từ bộ thỉ thanh đậu. Luận văn viết chữ từ bộ thủ viết thành chữ đoản là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 114

Nhất bi. Ngược lại âm bỉ mi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bi giống như

con gấu mà lông nói lại vàng, trắng. Quách Phác chú giải rằng: lạo thú bi này đầu dài chân cao, rất mạnh mẽ, dũng cảm, có nhiều sức mạnh, có thể nhổ bậc gốc cây lớn. Ở Quan Tây người ta gọi là con vượn. Sách Thuyết Văn nói giống như con gấu mà có lông vàng trắng xen lẫn nhau. chữ viết từ bộ hùng viết thành chữ bi thanh tĩnh. Văn cổ viết chữ bệ, âm hà là âm da.

Sảnh cam. Ngược lại âm cam hãm. Sách Thuyết Văn cho rằng: vải lụa trắng lấy màu cam màu xanh nhuộm lên thành màu đỏ. Chữ viết từ bộ mịch thanh cam, hoặc là viết chữ kim cấm.

Phách dĩ. Ngược lại âm bổ mạch. Sách Văn Tự điển nói: phách là phá ra làm cho nứt ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 115

Quấn đa. Ngược lại âm quân vận. Sách Vận thuyên cho rằng: quấn là nhặt lấy. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: nhặt lấy. Chữ viết từ bộ thủ thanh quấn. Văn luận viết chữ quấn cũng thông dụng.

Toàn thỉ. Ngược lại âm trên thu loan. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: toàn là gom tụ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chứa nhóm. Chữ viết từ bộ mộc thanh toàn. Ngược lại âm dưới thực diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: thỉ là vươn cây cung phát ra mũi tên từ nơi thân mình mà bắn phát ra nơi xa. Chữ viết từ bộ thân đến bộ thỉ. Triện văn viết từ bộ thốn. Thốn là pháp độ bút pháp cùng với cách viết 757 của luận văn cũng đồng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 116

Huyên nhiễu. Ngược lại âm trên hồ nguyên. Theo Thanh loại cho rằng: huyên là ồn ào, ầm ĩ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh huyên. Ngược lại âm dưới nhiêu thiếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiễu là quấy nhiễu, nhiễu loạn gây cho phiền nhiễu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiền. Chữ viết từ bộ thủ thanh ưu, âm ưu ngược lại âm nô

đao. Chữ viết từ bộ hiệt đã dừng ngược không dùng nữa. Chữ này từ bộ thủ hay bộ túc đến bộ ưu đó là chẳng phải.

Nhị pháo. Ngược lại âm bổ nhi. gọi là pháp nghĩa lý.

Thủy khiên trì đẳng. âm khiên Ngược lại âm khi càn. Tiếng Phạm.

Chu lục. Ngược lại âm long trúc. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lục là góp sức lại, gom lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh lục.

Kiêu thủ. Ngược lại âm hiểu diêu. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là đầu treo ngược dưới nước, xỏ đầu đầu gậy trúc đem ở hàng quán trưng bày ra. Lại nữa, Quảng Nhã cho rằng: kiêu là nghiền nát thành đá sỏi nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu treo ngược. Sách Giá Thị Trung nói: đây gọi là cắt đoạn đầu treo ngược, tức là chữ kiêu. Văn luận viết chữ kiêu là loài chim bất hiếu, cũng nghĩa với người đầu treo ngược khác lạ.

Từ đảo. Ngược lại âm trên tợ tư. Bạch Hổ Thông nói rằng: từ đó là người thừa kế. Cố Dã Vương cho rằng: từ cũng là tên gọi chung là cúng tế thờ tự. Ngược lại âm dưới đao lão. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cầu phước gọi là đảo, được phước gọi là tự. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ thị đều thanh tư thọ.

Khốc pháp. Ngược lại âm không cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ khốc gọi là như con hổ tàn hại người, chữ viết từ bộ học tóm lược thanh cáo cũng viết chữ khốc. Nay thông dụng viết chữ khốc từ bộ dậu thanh cáo.

Thư kích. Ngược lại âm hình kích. Sách Khảo Thanh cho rằng: kích là mắc, lóng cây, dài hai thước có chỗ để viết sách trên mặt cây, ghi chép sách sử. Theo truyền thuyết nói sử sách ghi chép, lấy lông chim mà vẽ viết sách ghi lại của kẻ tội đồ. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ thanh kích, âm kích là âm kích.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 117

Quỷ quái. Ngược lại âm trên khổ quynh. Ngược lại âm dưới khổ ngoại. Quảng Nhã cho rằng: quái là có hại, tức là nay chỗ ở bị quấy nhiễu.

Mang loại. Ngược lại âm trên mang bàng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng:

mang là vua rắn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: mang là con rắn lớn, cho nên gọi là vua. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ trùng thanh mang.

Lược thủ. Ngược lại âm cưỡng hướng. Tự thư cho rằng: lược là giăng lưới bên đường để bắt cầm thú. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cung thanh kinh cũng viết chữ cưỡng tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 118

Phủ thấu. Ngược lại âm phu vũ. Cố Dã Vương cho rằng: phủ giống như phủi, vỗ vỗ. Sách Lễ ký nói rằng: phủ là đánh hợp tấu. Trịnh Chúng chú giải rằng: hoặc là đánh, hoặc vỗ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: phủ cũng là đánh, gõ nhịp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh phó.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 119

Tích trung. Ngược lại âm tử dịch. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là chứa nhiều. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: kho chứa nhiều gọi tích. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ hòa thanh trách. Luận văn viết từ bộ thảo viết thành chữ tích là chẳng phải.

Giai thức. Ngược lại âm khách giai. Ngược lại âm dưới thập chức. Giai là mài, chà lau chùi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: gọi là lau chùi, giống như sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ thủ thanh giai thức.

Điên phó. Ngược lại âm trên điển niên. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: té ngã ngửa là điên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hiệt thanh chân viết đúng chữ điên. Văn luận viết từ hai bộ chân là chẳng phải. Ngược lại âm dưới bổ bắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngã nghiêng. Chữ viết từ bộ nhân chữ thượng thanh.

Khưu tẩn. Ngược lại âm tất nhẫn. Văn trước trong quyển thứ 100 đã giải thích rồi.

Linh khám. Ngược lại âm khổ cam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đục núi vách tường làm cái khám, cái hầm. Quảng Nhã cho rằng: khám là cái tháp. Văn Tự điển nói: cũng để gọi nhà nằm dưới tháp. Ngày nay gọi cái khám thờ Phật, giống như chỗ ở. Chữ viết từ bộ long. Nay Thanh loại tục dùng viết từ bộ hợp viết thành chữ khám là chẳng phải.

Cơ tĩnh. Ngược lại âm tình kình. Sách Khảo Thanh cho rằng: tĩnh là đào đất xuyên qua làm hầm để bẫy thú. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ phụ thanh tĩnh. Văn luận viết từ bộ huyệt viết thành chữ tĩnh cũng thông dụng. Xưa viết chữ tĩnh.

Siêm vọng. Ngược lại âm siểm liêm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: siêm là hầu hạ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: siêm là dòm ngó xem xét. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ biến thanh chiêm.

Khiển độn. Ngược lại âm trên kiến yển. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiển là rời khỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiển là què chân. Chữ viết từ bộ túc đến bộ hàm thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là đồ khổn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: độn là ngu. Theo Thanh loại cho rằng: độn là không nhạy bén. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh truân.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ 12
QUYỂN 120

Thai mạc. Ngược lại âm trên là đại lai. Quảng Nhã cho rằng: ba tháng gọi là thai. Cố Dã Vương cho rằng: chưa sinh ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phụ nữ mang thai hai tháng. Chữ viết từ bộ nhục thành đài. Ngược lại âm dưới msng bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữa màng mỏng bên trong. Chữ viết từ bộ nhục thanh mạc.

Văn nhuế. Ngược lại âm trên vật phân. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ mân gọi là loài muỗi biết bay cắn đốt người. Chữ viết từ bộ côn thanh mân. Ngược lại âm dưới nhi nhuế. Sách Quốc ngữ cho rằng: nhuế là loại con ong, con bướm, con bò cạp đều có thể hại người. Cố Dã Vương cho rằng: nay có loài côn trùng giống như con ong cắn người, gọi là ngậm chất độc, tức là đây vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: người nước Tần gọi là nhức, người nước Sở gọi là văn tức là con muỗi. Chữ viết từ bộ trùng thanh nhuế.

Miệt mong. Ngược lại âm trên miên kiết. Ngược lại âm dưới mông đồng. Sách Trang Tử nói rằng: con mọt đục khoét cây, nhỏ nhít giống

như con muỗi mắt ở nơi đất. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là loài côn trùng nhỏ nhít biết bay. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: loài côn trùng nhỏ, giống như con muỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ trùng đều thanh mong miệt.

Trì hành. Ngược lại âm kiết di. Sách Khảo Thanh cho rằng: trì là loài côn trùng có lông. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ếch. Chữ viết từ bộ trùng thanh tri, âm oa ngược lại âm mẫu oa.

Tiến tháp. Ngược lại âm trên tiền tiễn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiễn là đi đạp lên. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: tiễn là đạp lên giày dép mà đi lên. Ngược lại âm dưới đàm hạp. Quảng Nhã cho rằng: cũng gọi là tiễn. Hai chữ đều từ bộ túc đều là thanh tiễn tháp. Văn luận viết chữ hấp tục dùng thông dụng.

Quấc liệt. Ngược lại âm trên ô hoạch. Ngược lại âm dưới liên triết. Quảng Nhã cho rằng: liệt là phân ra. Tự thư cho rằng: tách ra. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ y thanh liệt.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 121

Giá sắc. Ngược lại âm trên gia hà. Ngược lại âm dưới sở cước. Văn trước trong quyển thứ 21 đã giải thích rồi.

Đãi thắng. Ngược lại âm trên tận đái. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: đãi là đến kịp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh đãi.

- QUYỂN 122 (Không có chữ để giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 123

Vị vật phí tử. Ngược lại âm trên phi vị. Tiếng Phạm.

Hài cốt. Ngược lại âm trên giới giai. Cố Dã Vương cho rằng: hài là xương của thân thể, tên gọi chung là hài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cốt thanh phái

----

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 124

Sáp thực. Ngược lại âm tử đáp. Bì Thương cho rằng: nhai cắn vào trong miệng. Sách Trang Tử nói rằng: con hổ đớm con ruồi, con muỗi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngậm trong miệng. chữ viết từ bộ khẩu thanh sáp hoặc là viết chữ sáp viết đúng là chữ sáp.

Hàm lỗ. Ngược lại âm trên hạp giam. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hàm là khổ. Quách Phác chú giải rằng: khổ tức đại hàm. Sách Thuyết Văn nói ở phương Bắc gọi vị mặn. Chữ viết từ bộ lỗ thanh hàm. Ngược lại âm dưới lô cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ đó là người phương Tây gọi là đất mặn. Lại nữa ở phương Tây gọi mặn là lỗ. Chữ viết từ bộ tây tóm lược viết chữ lỗ chữ tượng hình.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 125

Câu nhĩ. Ngược lại âm trên cẩu hầu. Theo Thanh loại cho rằng: câu là câu móc lấy vật nơi sâu, dẫn ra, lôi kéo ra. Cố Dã Vương cho rằng: cũng gọi là móc câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh câu. Ngược lại âm dưới nhi chí. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là ăn. Sách Đại đái lễ nói rằng: con chim ưng, con cá nhỏ làm mồi câu con ba ba. Chữ viết từ bộ thực thanh nhĩ.

Tiên thát. Ngược lại âm trên tất miên. Cố Dã Vương cho rằng: tiên là dùng roi da mà đánh tội nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh tiện. Ngược lại âm dưới tha đát. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: thát là hình phạt đánh bằng roi. Trịnh Huyền cho rằng: dìu đỡ. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủ thanh đạt. Văn cổ viết chữ thát. Văn luận viết từ bộ thảo viết thành chữ đát, âm kiết chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bề-la-sá. Ngược lại âm trên phi bế. Ngược lại âm giữa la hạ. âm dưới trà hà. Tiếng Phạm.

Tù chấp. Ngược lại âm trâm lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chấp là trói buộc câu thúc lại. Văn trước trong quyển thứ 50 đã giải thích đầy đủ rồi.

Tàng thoán. Ngược lại âm thất loạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: thoán là chạy trốn, ẩn tránh. Cố Dã Vương cho rằng: thoán giống như là chạy trốn. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ huyệt đến bộ thủ chữ hội ý.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 126

Bà-tư-sắc-đệ. Ngược lại âm cân da. Tiếng Phạm.

Lân giác. Ngược lại âm lật trân. Luận đây trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Điềm tích. Ngược lại âm trên điếm kiêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: điềm là an. Sách Phương ngôn cho rằng: tĩnh. Chữ viết từ bộ tâm thanh điềm cũng là chữ hội ý.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 127

Hao thống. Ngược lại âm hiếu giao. Bì Thương cho rằng: hao là gầm thét vì nổi giận. Xưa nay Chánh tự cho rằng: hao là tiếng kêu giựt mình kinh sợ của con heo. Chữ viết từ bộ khẩu thanh hiếu. Ngược lại âm dưới hư cấu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiếng chim hót lớn, tiếng hổ gầm rống gọi là hẩu. Xưa nay Chánh tự viết chữ hống gọi là tiếng gầm. Chữ viết từ bộ ngưu thanh khẩu cũng viết chữ câu cú.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 128

Văn miệt. Ngược lại âm trên vật phân. Ngược lại âm dưới miên kiết. Văn trước trong quyển thứ 120 đã giải thích đầy đủ rồi.

- **QUYỂN 129** (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BA QUYỂN 130

Ẩm tuyển. Ngược lại âm toàn luyến. Sách Tập Huấn cho rằng: tuyển là bú mút trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyển là uống vào. chữ viết từ bộ khẩu thanh duẫn. Văn luận viết chữ luyến là chẳng phải hoặc là viết chữ miễn.

Dung đồng. Ngược lại âm trên dũng dung. Sách Hán thư cho rằng: giống như lò đúc kim loại, chỗ nung cho chảy ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: lò đúc kim phương pháp đúc kim loại. Chữ viết từ bộ kim thanh dung.

Thiệt ngạc. Ngược lại âm ngang các. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạc là lợi răng. Sách Thuyết Văn viết chữ ngạc. Văn luận viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngạc là chẳng phải.

Sa đạn. Ngược lại âm đàn lan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đạn là nước chảy bày bãi cát lên. Sách Khảo Thanh cho rằng: cát chảy theo nước. Sách Thuyết Văn 758 cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh đàn.

Sa uyển. Ngược lại âm trên tá tà. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: sa là thán từ. Xưa nay Chánh tự cho rằng: than thở lo buồn ưu tư. Chữ viết từ bộ khẩu thanh sa. Ngược lại âm dưới ô hoán. Sách Khảo Thanh cho rằng: uyển là tiếc than, oán hận. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: kinh sợ, kinh dị. Chữ viết từ bộ tâm thanh uyển.

Mâu toàn. Ngược lại âm trên mạc hậu. Văn trước trong quyển thứ 103 đã giải thích rồi. Xưa viết chữ mâu, ngược lại âm dưới sang hoán. Sách Khảo Thanh cho rằng: toàn là cây mâu ngắn. Ở Nam Việt gọi là cây thương. Quảng Nhã cho rằng: toàn gọi là cây giáo dài. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mâu thanh toàn. Văn vổ viết chữ toàn. Nay văn luận viết chữ toàn này là chẳng phải.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 131

Dăng nhiếp. Ngược lại âm niêm triếp. Sách Phương ngôn cho rằng: nhiếp là đi lên. Quảng Nhã cho rằng: đạp lên giày dép. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp lên. Chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp. dục giá chuẩn đà. âm chuẩn ngược lại âm chu duẫn. Tiếng Phạm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 132

Tương nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: là tạp loạn. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ mễ thanh nhu viết đúng là chữ nhẫn.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 133

Bàn-tiết-bà. Âm tiết ngược lại âm đồ trấp. Tiếng Phạm, đại phong tai nạn tai gió bão cuồng phong.

Phiên đằng. Ngược lại âm trên phù viên. Quảng Nhã cho rằng: phiên là bay lên. Cố Dã Vương cho rằng: phiên là bay cao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phi thanh phiên cũng viết chữ phiên. Ngược lại âm dưới đặng đặng. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: đằng là chuyên chở, vận chuyển, không còn sót lại một giọt nước nào. Quảng Nhã cho rằng: đằng là chạy mau. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa phi nhanh. Chữ viết từ bộ mã viết thành chữ đằng thanh tĩnh, chữ thắng từ bộ chu đến bộ nguyệt đó là chẳng phải.

Canh ngự. Ngược lại âm ngư cứ. Văn Tự điển nói: ngự là điều khiển chiếc xe ngựa. Chữ viết từ bộ mã đến bộ hựu cũng với chữ ngự cũng đồng.

Toàn kích. Ngược lại âm trên đản hoàn. Văn trước trong quyển thứ 105 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 134

Quỳnh triền. Ngược lại âm trên y dinh. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: quỳnh là quấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thâu tóm đầu mối dây. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ huỳnh thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới tán liên. Sách Thuyết Văn cho rằng: triền là ước hẹn ràng buộc với nhau. Chữ viết từ bộ mịch thanh triền.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 135

Bài đột. Ngược lại âm trên bát mại. Quảng Nhã cho rằng: thêm vào mở ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tay chỉ huy. Sách Thuyết Văn nói: hai tay đánh gõ. Chữ viết từ bộ thủ thanh bài hoặc là viết chữ hạp. Văn luận viết chữ bài là sai. Ngược lại âm dưới đồ nột. Quảng Nhã cho rằng: đột là xông lên. Tự thư cho rằng: đột là lau chùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đột từ bộ huyệt đến bộ khuyễn. Văn luận viết từ bộ sơn viết thành chữ đột là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 136

Tập tích. Ngược lại âm trên xâm nhập. Theo Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: tập là chứa nhóm. Ngược lại âm dưới tĩnh tịch. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tích là kế thừa nối tiếp theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là tập. Hai chữ đều từ bộ mịch đều thanh tích tập.

Xế thời. Ngược lại âm xuyên nhuế. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: xế là lông tơ mịn nhuyễn. Trịnh Chúng cho rằng: xế là áo lông khoác ngoài. Sách Thuyết Văn viết từ ba bộ mao.

Đẩu tẩu. Ngược lại âm trên đâu khẩu. Ngược lại âm dưới tốc hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: đẩu tẩu là chấn động, âm tốc ngược lại âm sưu sĩ.

- QUYỂN 137 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BỐN QUYỂN 138

Tu kiêm. Ngược lại âm trên tư chu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ sam đến bộ hiệt. Cố Dã Vương cho rằng: tu là chỗ cần phải chờ đợi. Chữ viết từ bộ sam viết thành chữ tu, chữ tu cũng viết từ

bộ thủy viết thành chữ tu, âm tu là âm hối. Nay tục dùng đã lâu nên dựa theo. Ngược lại âm dưới liễm diêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: liêm là cái liềm cắt vật. Sách Phương ngôn cho rằng: cắt cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái liềm. Chữ viết từ bộ kim thanh kiêm hoặc là viết chữ liêm cũng thông dụng, âm câu là âm câu.

Tu sáp. Ngược lại âm sở hạp. Theo Thanh loại cho rằng: sáp gọi là đâm thẳng vào vật khiến cho vật cắm dính vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh sáp. Chữ sáp từ bộ thiên đến bộ cửu.

- **QUYỂN 139, 140** (Đều không có chữ để giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 141

Giao ninh. Ngược lại âm trên giao hào. Trong quyển thứ 78 đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới ninh định. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ninh là bùn nhơ. Sách Khảo Thanh cho rằng: bùn lầy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh ninh, âm náo ngược lại âm nữ giáo.

Cục cố. Ngược lại âm khai ngọc. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: cục là cong lại, cuộn lại. Quảng Nhã cho rằng: gần bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: thúc bách. Chữ viết từ bộ khẩu ở trong bộ xích. Ngược lại âm dưới phục cú. chữ tượng hình.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 142

Bồ bặc. Ngược lại âm trên phốc bổ. Ngược lại âm dưới bằng bấc. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: bồ bặc đó là nói hết sức lực. Cố Dã Vương cho rằng: đi bằng tay. Sách Thuyết Văn cho rằng: bồ là đi bằng tay, tay và chân cùng bò lê trên đất. Hai chữ đều từ bộ bao đều thanh bổ phúc. âm bao là âm bao.

Than trách. Ngược lại âm trên thát đan. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấm nước làm cho khô. chữ viết từ bộ thủy thanh than. Ngược lại âm dưới thanh lịch. Quảng Nhã cho rằng: trách là bãi nước cạn, thấy đá

lồi lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thạch thanh trách.

Như huyệt. Ngược lại âm huyền quyết. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đào đất làm cái hang. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm nhà đất. Chữ viết từ bộ miên đến bộ bát. Văn luận viết chữ huyệt là sai.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 143

Như bình. Ngược lại âm tinh minh. Cố Dã Vương cho rằng: bình là dụng cụ chứa nước. Sách Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ phửu thanh tinh.

Thác mậu. Ngược lại âm sang lạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: thác là lầm lẫn sai. Cố Dã Vương cho rằng: lấy sự giao hợp sai trái làm loạn lên. Chữ thác từ bộ xước viết thành chữ thác. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ giao từ bộ xước thanh tích, ngược lại âm dưới mi ấu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: mậu là sai lầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉ của người cuồng điên, nói ra sai lầm. Chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu.

- QUYỂN 144 (Không có chữ giải thích.)

- **QUYỂN 145**

Ma-ma-di-da. Âm di. Ngược lại âm chư chi. Tiếng Phạm.

- QUYỂN 146 (Không có chữ giải thích âm.)

- QUYỂN 147

Tôn tọa. Ngược lại âm tổ hồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tôn là ngồi xổm. Chữ viết từ bộ túc thanh tôn, âm cứ ngược lại âm cư ngự.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 148

Diên thực. Ngược lại âm trên thiết chiên. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: diên là nhào đất làm dụng cụ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh diên cũng từ bộ thổ viết thành chữ diên đó là sai chẳng phải. Ngược lại âm dưới thời chức. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đất dính lại gọi là thực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh thực.

Hội náo. Ngược lại âm trên hồi ngoại. Ngược lại âm dưới nã hiệu. Văn trước trong quyển thứ 26 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 149

Mạt tân. Ngược lại âm trên mang bát. Ngược lại âm dưới tấc tân. Ở Tây Vực gọi là tên của vị thuốc. Nước này gọi là thuốc hợp ngãi, lấy lửa. Âm cáp ngược lại âm cảm hạp.

Chỉ chiêm. Ngược lại âm niệm thiêm. Quảng Nhã cho rằng: chiêm là dùng ngón tay giữ lấy, nắm giữ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh chiêm. Văn luận viết niết tục dùng thông dụng.

Huyễn loạn. Ngược lại âm trên huyền quyến. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: huyễn hoặc, điên rồ, đảo ngược. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt thông thường làm chủ. Chữ viết từ bộ mục thanh huyền ?.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI LĂM QUYỂN 150

Yết-địa-la-câu. Ngược lại âm trên khiên tùy. Ngược lại âm dưới cẩu hầu. Tiếng Phạm.

Khiêu thiện hành nhãn. Ngược lại âm trên khiêu liễu. Theo Thanh loại cho rằng: khiêu giống như bới móc ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thỉ thanh triệu, âm quyết ngược lại âm y quyết.

Áp trách. Ngược lại âm trên ảm gấp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: yểm cũng gọi là chật hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh yểm. Ngược lại âm dưới tranh cách. Theo Thanh loại cho rằng: trách là bức bách. Sách Khảo Thanh cho rằng: chật hẹp, nhỏ hẹp. Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ xước thanh trách cũng viết chữ trách.

Kim thao. Ngược lại âm kế lao. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: vải đánh bằng tơ làm dây thao trang sức. Sách Khảo Thanh cho rằng: thao dệt bằng tơ giống như sợi dây vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: dệt thành dây thao. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ điều thanh tĩnh. Văn luận viết từ bộ vi viết thành chữ thao. Lại cũng viết chữ thao là chẳng phải.

Nạo giảo. Ngược lại âm trên hào cao. Quảng Nhã cho rằng: nạo là loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khuấy phá. chữ viết từ bộ thủ thanh nao cũng viết chữ đảo. Văn luận viết chữ trảo là chẳng phải. Ngược lại âm dưới giao xảo. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: giảo là gây rối loạn. Tự thư cho rằng: quấy phá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến thanh giác.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI SÁU QUYỂN 151

Tề tao Ngược lại âm trên tề lai. Ngược lại âm dưới tạo tao. Văn trước trong quyển thứ 27 đã giải thích đầy đủ rồi.

Phong tiêu. Ngược lại âm phiêu diêu. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tiêu là gió bão từ dưới đất mà xoáy lên cuốn lên. Thi Tử Truyện nói rằng: góp gió làm bão. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ phong thanh tiêu.

- QUYỂN 152 (Không có chữ giải thích âm.)

- QUYỂN 153

Dã-kiền-trì. âm kế kiện yên. Âm dưới trì trí. Tiếng Phạm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI SÁU QUYỂN 154

Sí hạch. Ngược lại âm trên thí chí. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ sí dực. tức là cánh chim. Chữ viết từ bộ chi cũng viết chữ thị vi. Ngược lại âm dưới hành cách. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hạch là cuống lông chim. Sách Thuyết Văn cho rằng: cọng lông chim. Chữ viết từ bộ vũ thanh cách.

Phan lãm. Ngược lại âm trên phân man. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: phan là nắm kéo dẫn dắt lên. Quảng Nhã cho rằng: lưu luyến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo gọi là dẫn dắt lôi kéo. Theo bộ thảo ngược lại nay viết từ bộ thủ thanh phan. Ngược lại âm dưới lam đảm. Quảng Nhã cho rằng: lãm là nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tóm lấy giữ lấy. Chữ viết từ bộ thủ thanh lam cũng viết chữ lam.

Tật khan. Ngược lại âm trên tần tất. Ngược lại âm dưới khách gian. Văn trước trong quyển thứ 89 đã giải thích đầy đủ rồi.

- QUYỂN 155 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI SÁU QUYỂN 156

Chỉ bát. Ngược lại âm bán mạt. Mao Thi Truyện nói: bát là trị. Vương Dật chú giải: phế bỏ. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ, cũng giống như là dứt tuyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là trị. Chữ viết từ bộ thủ thanh phát.

Bất uyển chuyển. Ngược lại âm trên là miễn viễn. Văn trước trong quyển thứ 85 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI SÁU QUYỂN 157

Vi quyền. Ngược lại âm quyển viên. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyền là cái nắm tay. Theo Luận ngữ giải thích: năm ngón tay hợp làm

nắm tay, tức là nắm quyền. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ quyển thanh tĩnh. Văn luận viết chữ quyển là dùng sức mạnh, chẳng phải nghĩa đây dùng.

- **QUYỂN 158, 159, 160**
(Ba quyển trên đều không có chữ giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BẢY
QUYỂN 161

(Không có chữ giải thích âm.)

QUYỂN 162

Kính đạn. Ngược lại âm đàn đãn. Thoe Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: đạn là lo sợ khó khăn. Văn Tự điển nói chữ viết từ bộ tâm thanh đạn.

Luy liệt. Ngược lại âm trên lụy vi. Ngược lại âm dưới luyến xuyết. Văn trước trong quyển thứ 63 đã giải thích rồi.

Do dự. Ngược lại âm dư nhữ. Cố Dã Vương cho rằng: do dự gọi là không quyết định. Sách Thuyết Văn cho rằng: dự là tên của con thú. Chữ viết từ bộ tượng thanh dư.

- **QUYỂN 163** (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BẢY
QUYỂN 164

Hủ bại. Ngược lại âm hưu cửu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hủ là mục nát, thối rữa. Sách Thuyết Văn viết chữ hủ nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ ngạt thanh hủ hoặc là viết chữ từ bộ mộc viết thành chữ hủ.

- QUYỂN 165 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BẢY QUYỂN 166

Thuyền phiệt. Ngược lại âm phiền bát. Tư Mã Bưu chú giải sách Luận ngữ rằng: cái bè lớn gọi là phiệt. Bè nhỏ gọi là phù. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiệt là buộc cây gỗ, trúc tre làm bè nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn viết đúng là chữ bát gọi là thuyền lớn đi trong biển. Chữ viết từ bộ mộc thanh phát hoặc là viết chữ bát cũng viết chữ phiệt.

Sảnh ứ. Ngược lại âm ư cứ. qncrf ứ là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh tích tụ máu. Chữ viết từ bộ tật thanh ư.

Giáng trướng. Ngược lại âm trên phác giang. Ngược lại âm dưới trương lượng. Văn trước trong quyển thứ 84 đã giải thích đầy đủ rồi.

Cốt tỏa. Ngược lại âm tô quả. Sách Hán thư cho rằng: tỏa là cái móc xích liên kết với nhau. Sách Khảo Thanh cho rằng: liên kết một vòng tròn. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ kim thanh tỏa. Văn luận viết chữ tỏa này là chẳng phải.

Bể cốt. Ngược lại âm trên bại mễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: bể là xương đùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài. Chữ viết từ bộ cốt thanh bể. Văn luận viết từ bộ nhục viết thành chữ bể tục dùng thông dụng.

Hàm luân. Văn trước luận này trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Tháo thấu. Ngược lại âm trên tào thảo. Cố Dã Vương cho rằng: tháo giống như tẩy rửa sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa tay. Chữ viết từ bộ thủy thanh táo. Văn luận viết từ bộ thảo viết thành chữ táo là sai. Ngược lại âm dưới sưu trứu. Cố Dã Vương cho rằng: thấu cũng là tẩy rửa súc miệng. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủy thanh thấu.

Yêu thao. Ngược lại âm thảo đao. Trong quyển thứ 150 đã giải thích rồi.tủng mật. Ngược lại âm trên lật chủng. Quảng Nhã cho rằng: tủng là nhảy lên. Cố Dã Vương cho rằng: nhảy lên cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ lập thanh thúc. Văn luận viết chữ tủng này là sai.

Khúc lũ. Ngược lại âm lũ chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: lũ là người còng lưng, lưng không thẳng, thân cúi xuống. Quảng Nhã cho rằng: lũ là lưng cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: lũ là người có dáng đi cúi đầu cung kính, khom lưng. Chữ viết từ bộ nhân thanh lũ.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI BẢY QUYỂN 167

Trùng thư. Ngược lại âm thất dư. Theo Thanh loại cho rằng: thư là loài ruồi nhặng. Sách Thuyết Văn cho rằng: sữa trong thịt tức trong thịt làm mủ trắng có con giòi. Chữ viết từ bộ trùng thanh thư hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ thư.

- QUYỂN 168, 169, 170

(Ba quyển trên đều không có chữ giải thích âm.)

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 171

Kiến hủ. Ngược lại âm ngũ cốt. Văn trước trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Náo loạn. Ngược lại âm trên nã hiệu. Trong quyển thứ 118 đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 172

Huất nhiên. Ngược lại âm huân uất. Luận này văn trước trong quyển thứ 15 đã giải thích đầy đủ rồi.

Cao kiếu. Ngược lại âm trên hồ cao. Sách Sở Từ nói rằng: tiếng gầm rống của con hổ báo gọi là cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: cao giống như báo gầm rống. Chữ viết từ bộ kiêu khiếu. Cố Dã Vương cho rằng: thao là thở ra, than thở. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng kêu lớn. Viết đúng là chữ kiếu từ bộ kiêu thanh kiếu. Xưa viết chữ kiếu. Văn luận viết chữ kiếu ? tục dùng thông dụng. Âm kiêu ngược lại âm trấc lập. Âm kiếu ngược lại âm kiết lưu.

Đường ôi. Ngược lại âm trên dương tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: đường là tro than lửa cháy còn lại, đóm lửa nhỏ. Ngược lại âm dưới ôi hời. Quảng Nhã cho rằng: ôi là ấm áp. Sách Thuyết Văn cho

rằng: ở trong lửa cháy dữ dội. Hai chữ đều từ bộ hỏa đều thanh đường ôi. âm ôn ngược lại âm uẩn văn.

Chiêm lợi. Ngược lại âm tư liêm. Theo sách Âm nghĩa Hán thư cho rằng: chiêm lợi là nhạy bén. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chiêm là vũ khí sắc bén. Sách Khảo Thanh cho rằng: đao kiếm sắc bén. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh điềm, âm thiết ngược lại âm tiếp diêm.

Thiết chủy. Ngược lại âm túy tủy. Tự thư cho rằng: chủy là mỏ của con chim. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ thủ đến bộ thứ cũng viết chữ chủy. Văn luận viết chữ chủy tục dùng thông dụng. Chữ thiết viết đúng là chữ.

Xí hỗn. Ngược lại âm trên trấc chí. Ngược lại âm dưới hồn thổn. Luận này văn trước trong quyển thứ 20 đã giải thích đầy đủ rồi.

Cũ-la-bà. Âm trên câu vũ. âm dưới lam tháp. Tiếng Phạm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 173

Ương-quật-lợi-ma-la. Ngược lại âm ương cương. ngược lại âm dưới quần vật. Tiếng Phạm.

Ngạo mạn. Ngược lại âm ao cáo. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngạo là không cung kính. Quảng Nhã cho rằng: ngạo cũng là mạn. Tự thư cho rằng: ngạo mạn, kiêu căng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhân thanh ao. Luận văn viết từ bộ tâm viết thành chữ ngạo là chẳng phải. Ngược lại âm dưới mang án. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: mạn là xem thường, xem nhờn trong điển giáo. Cố Dã Vương cho rằng: mạn giống như khinh khi xem thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: biếng nhác. Chữ viết từ bộ tâm thanh mạn.

Bính thạch. Ngược lại âm bá mãnh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: bính Là tán loạn tung tóe ra. Tự thư cũng cho rằng: chạy tán loạn. Văn Tự điển cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh tinh, cũng viết chữ tinh.

- QUYỂN 174 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 175

Tiêu dung. Ngược lại âm trên tiểu tiêu. Cố Dã Vương cho rằng: tiêu là tán ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là nung cho chảy ra. Ngược lại âm dưới dũng chung. Sách Thuyết Văn cho rằng: dung là khuôn đúc kim khí. Hai chữ đều từ bộ kim đều thanh tiêu dung. Âm thước ngược lại âm thương ước.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 176

Mang thân. Ngược lại âm mang bàn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: mang là con rắn lớn. Văn trước trong quyển thứ 117 đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhất đoàn. Ngược lại âm trên đoạn loan. Quảng Nhã cho rằng: đoản là dùng tay vắt cho dính lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đoàn.

Huề trung. Huệ khuê. Văn trước luận này trong quyển thứ 66 đã giải thích đầy đủ rồi.

Trù trừ. Ngược lại âm trên trụ lưu. Ngược lại âm dưới trữ lư. Quảng Nhã cho rằng: trù trừ là do dự. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là giữ lưu lại mà còn trù trừ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ túc đều thanh thọ trứ.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 177

Bất ao. Ngược lại âm ảm giáp. Sách Bao Thập Tử nói rằng: ao là vách tường lõm ở dưới. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi lõm trong dưới trũng xuống, chữ tượng hình.

Bất đột. Ngược lại âm điền kiết. Sách Vận Lược nói rằng: đột là lồi cao lên, nhô cao lên, nổi lên, chữ tượng hình.

Túc cân. Ngược lại âm cân ngận. Thích danh cho rằng: gót chân

sau gọi là cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: gót chân. Chữ viết từ bộ túc thanh cấn.

Trứu hoãn. Ngược lại âm trên đô sưu. Luận này trong quyển thứ 38 đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới hoàn quản. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hoãn là thư thả, thong thả. Cố Dã Vương cho rằng: hoãn giống như thư thái, rộng rãi. Sách Thuyết Văn chữ viết từ bộ mịch thanh viên.

Luyến cấp. Ngược lại âm liệt viên. Sách Khảo Thanh cho rằng: luyến là co rút lại. Cố Dã Vương cho rằng: bệnh có quắp lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: liên quan, quan hệ. Chữ viết từ bộ thủ thanh luyến. Hoặc là viết từ bộ tật viết thành chữ luyến. Văn luận viết chữ luyến là sai.

760 Ế nê. Ngược lại âm thường hề. Tiếng Phạm.

Bàng khi. Ngược lại âm khởi ky. Cố Dã Vương cho rằng: khi là không có ngay ngắn bị nghiêng lệch. Chữ viết từ bộ phộc thanh khi. Chữ khi đúng là từ bộ giới viết thành chữ kỳ đến bộ phộc cũng từ bộ bán bộ trúc viết thành chữ phộc.

Phiêu xí. Ngược lại âm trên tất diêu. Ngược lại âm dưới xi chí. Văn trước trong quyển thứ 73 đã giải thích rồi.

Triết-triết. Ngược lại âm triển liệt. Tiếng Phạm, pháp số.

Bạt-la-sàm. Ngược lại âm trên bàn mạt. âm kế la hạ. âm dưới sám sam. Tiếng Phạm.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 178

Sát nghị. Ngược lại âm trên vu át. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: cát là hại. Quảng Nhã cho rằng: cát cắt gặt. Ngược lại âm dưới nghi khí. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: nghị là hình phạt xẻo mũi, là một trong năm hình phạt thời xưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắt bỏ mũi. Chữ viết từ bộ đao hoặc là viết chữ nghị.

Bất thuấn. Ngược lại âm du nhuận. Sách Trang Tử nói rằng: suốt ngày mắt không có nháy. Sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: muôn đời giống như một nháy mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắt mở nhắm nhiều lần. Hoặc là viết chữ thuấn.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 179

Tiều tụy. Ngược lại âm trên là tình diêu. Ngược lại âm dưới từ túy. Sách Sở Từ cho rằng: tiều tụy là ưu tư lo buồn, sầu muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc là viết chữ tiều cũng viết chữ tiều. tụy hoặc là viết từ bộ hiệt viết thành chữ tụy đều thông dụng.

Tu nản. Ngược lại âm trên tá do. Ngược lại âm dưới nã gian. Sách Phương ngôn cho rằng: nản là hổ thẹn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hổ thẹn mặt đỏ lên. Chữ viết từ bộ bì thanh xích.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI TÁM QUYỂN 180

Nhuyễn đẳng. Ngược lại âm nhiệt luyến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh nhi.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 181

Kiều túc. Ngược lại âm khởi kiêu. Văn Dĩnh chú giải sách Hán thư rằng: kiêu giống như là vểnh lên, đưa cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhấc chân cao lên. Chữ viết từ bộ túc thanh kiều. Hoặc là viết chữ kiêu.

Thô ngạch. Ngược lại âm trên thố hồ. Ngược lại âm dưới ngạch cánh. Xưa nay Chánh tự cho rằng: bền chắc. Sách Khảo Thanh cho rằng: cứng chắc. Viết đúng là chữ ngạch, lại viết chữ ngạnh tục dùng thông dụng.

Tố-đát-lãm Tỳ-nại-da. âm đát ngược lại âm đan cát. âm lãm ngược lại âm la đạm. Tiếng Phạm. Đường Huyền Trang dịch là kinh Luật Tạng.

- QUYỂN 182, 183, 184, 185

(Bốn quyển trên đều không có chữ để giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 186

Xi tiếu. Ngược lại âm trên xỉ chi. Tự thư cho rằng: xi là cười chế nhạo. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ khẩu thanh xi. Hoặc là viết chữ khảm xi. Chữ viết từ bộ triệt đến bộ trùng. Triệt văn cổ. Ngược lại âm dưới tiều tiếu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tiếu là trách khéo. Hoặc là viết chữ tiều.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 187

Đạm phạ. Ngược lại âm trên đàm lam. Cố Dã Vương cho rằng: đạm là điềm tĩnh. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: đạm giống như là an. Ngược lại âm dưới phổ bách. Tử Hư Phú Truyện nói rằng: phạ là vô vi. Đạm là tự trì. Quảng Nhã cho rằng: phạ yên tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: vô vi. Chữ viết từ bộ tâm đều thanh đảm bạch. Văn luận viết từ bộ thủy viết thành chữ đạm bạc là chẳng phải nghĩa này.

Khái điền. Ngược lại âm cơ vị. Cố Dã Vương cho rằng: khái là quán tưới rót nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh ký.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 188

Thiếc khoáng. Ngược lại âm hồ mãnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thiếc là thiếc chì còn nguyên chất gọi là khoáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng thiếc còn nguyên chất.chữ viết từ bộ thạch thanh hoàng. Văn luận viết chữ quán cũng thông dụng. Hoặc là viết chữ khoáng.

Lâu lỗ. Ngược lại âm trên lậu đậu. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: nhà phòng giữ trên thành. Ngược lại âm dưới lô cổ. Thích danh cho rằng: lỗ đó là nhà mà trên nóc không có che. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ mộc.

Bi nghê. Ngược lại âm trên phổ bế. Ngược lại âm dưới nghê kế.

Quảng Nhã cho rằng: bức tường trên thanh của người nữ. Văn trước trong quyển thứ 105 đã giải thích đầy đủ.

Khỏa hình. Ngược lại âm hoa ngõa. Cố Dã Vương cho rằng: khỏa là cởi áo ra để lộ cánh tay phải. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ y hoặc viết chữ khỏa.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 189

Hủ bại. Ngược lại âm phò vũ. Quảng Nhã cho rằng: hủ là ngửi mùi hôi, từ từ hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: hủ là nát nhừ rữa ra. Chữ viết từ bộ nhục.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ MƯỜI CHÍN QUYỂN 190

Đam kỳ. Ngược lại âm trên đáp hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đam là lấy cái vui quá độ. Ngược lại âm dưới thời chí. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: kỳ là ham thích không nhàm chán. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người say mê trong dục lạc vui thích không nhàm chán. Hoặc viết chữ kỳ.

Kiết thảm. Ngược lại âm hàm ảm. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: thảm là oán hận. Sách Văn Tự điển nói: chữ viết từ bộ tâm thanh cảm.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 191

Kinh chiếp. Ngược lại âm chiêm thiệp. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: chiếp là sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếp là lo sợ buồn rầu. Chữ viết từ bộ tâm hoặc là viết chữ nhiếp.

Kinh hãi. Ngược lại âm hài giới. Sợ hãi, giựt mình kinh hãi.

- QUYỂN 192 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 193

Linh ngữ. Ngược lại âm trên lịch đinh. Ngược lại âm dưới ngư cử. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: linh ngữ. là chỗ cầm giữ, trói buộc người, như nay người gọi là lao ngục, nhà tù, nhà biệt giam. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữ lấy. Chữ viết từ bộ bi âm vi là âm vi.

- QUYỂN 194 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 195

Kế tự. Ngược lại âm trên kê nghệ. Vương Bậc chú giải sách Chu dịch rằng: kế gọi là nối nhau không dứt tuyệt. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: kế là dư thừa. sách Nhĩ Nhã cho rằng: kế thừa, nối tiếp nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếp tục. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ kế. Kế cũng là thanh. Hoặc là viết chữ kế, âm kế là âm tuyệt. Ngược lại âm dưới từ tứ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: tự cũng là kế. Theo Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: tự là thừa kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: con cháu nối tiếp về, nối dòng vua chúa. Chữ viết từ bộ khẩu đến bộ sách thanh tư. Hoặc là viết chữ tự chữ cổ. Chữ sách là âm sách.

- QUYỂN 196 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 197

Hội nhưỡng. Ngược lại âm trên đồi lôi hoặc, Quảng Nhã cho rằng: hội là hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: rớt xuống hố sâu. Chữ viết từ bộ phụ hoặc là viết chữ hội. Ngược lại âm dưới nhương dưỡng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng thư rằng: đất mềm không có gò, lẫn lộn đá cát gọi là nhưỡng. Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: đào

đất lấy ra đất mềm đất thịt gọi là nhưỡng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh nhương.

Sang vưu. Ngược lại âm hữu vưu. Quảng Nhã cho rằng: vưu là mụt nhọt sưng lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vưu là bệnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ vưu lại cũng viết chữ vưu.

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 198

Khiên trì. Ngược lại âm khưu càng. Văn trước trong quyển thứ 126 đã giải thích rồi.

Như Định - (IV)

Thủ ách. Ngược lại âm anh mãi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ách là vùng đất hiểm yếu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ách đất gập ghềnh nguy hiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: bị tắc nghẽn. Chữ viết từ bộ phụ hoặc là viết chữ cử viết chữ ách tục dùng thông dụng.

Quá đã. Ngược lại âm trúc oa. Theo Thanh loại cho rằng: quá là đánh kiền chùy.

- QUYỂN 199 (Không có chữ giải thích âm.)

A-TỲ-ĐẠT-MA ĐẠI TỲ-BÀ-SA LUẬN PHO THỨ HAI MƯƠI QUYỂN 200

Tích dịch. Ngược lại âm trên tinh diệc. Ngược lại âm dưới doanh chích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tích dịch là con thằn lằn, rắn mối. Quách Phác chú giải rằng: gọi khác là loài động vật có bốn chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: rắn mối ở trong cỏ gọi là tích dịch. Chữ viết từ bộ trùng, âm huỳnh là âm dinh, âm nguyên là âm nguyên, âm yển là âm yển, âm diên ngược lại âm điền điển.

■

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 70

- Âm trước dịch Câu-xá luận 22 quyển
- Câu-xá tụng quyển thứ nhất.

Sau dịch là Câu-xá luận - ba mươi quyển.
Năm mươi ba quyển đồng âm quyển này.

CÂU-XÁ LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Câu xá. Đây dịch là tạng tức là tên gọi chung là kho chứa, mà thể gọi là con tằm nằm trong kén, mượn lấy ví dụ vậy.

Chủ minh. Ngược lại âm mạc đình, mạc định. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: u minh tăm tối, u ám gọi là đêm tối, đêm tối thì không có chỗ để thấy. Chữ viết từ bộ nhật đến bộ lục đem tối ngày mười sáu là trăng bắt đầu khuyết, nên trời tối dần dần. Chữ minh viết từ bộ miên thanh miên âm miên ngược lại âm minh bích.

Hà phụ. Ngược lại âm hồ nhã mi đa. hai âm. Sách Tiểu Nhã cho rằng: hà là nhấc gánh cao lên. Quảng Thất cho rằng: hà nhận chịu, nhận trách nhiệm gánh vác. Nay đều viết chữ hà.

Khiếu huyệt. Ngược lại âm khẩu điếu. Khứu ? là lỗ hổng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiếu là trống rỗng gọi là đào đất có cái hang làm nhà.

Qui đà. Ngược lại âm đồ đa. Tam Thương cho rằng: loài bò sát giống như thuồng luồng mà lớn hơn. Kinh Sơn Hải nói rằng: sống dưới sông nước, có bốn chân loài cá sấu. Quách Phác cho rằng: giống như con rắn mối mà lớn đó dài đến một trượng, có vảy, có màu sắc, da của nó có thể làm trống. Theo Thi Truyện nói rằng: da cá sấu làm trống đánh nghe tiếng tùng tùng. thể chữ viết từ bộ mãnh thanh đá, âm đá ngược lại âm na, âm mãnh ngược lại âm mạc cảnh.

Câu ngạnh. Ngược lại âm cổ hầu. Ngược lại âm dưới da ngạch. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngạnh khinh khi cấm kỵ. Quách Phác cho rằng: nay Giang Đông gọi là hưu lưu. tức là chim câu ngạnh.. Âm ngạnh là âm cách. Sách Quảng Thất cho rằng: hưu lưu là giống chim cú mèo, giống chim diều hâu, cũng gọi là giống chim quái lạ, ban ngày thì không thấy gì như muc, ban đêm thì nhìn thấy. Quan Tây gọi là huấn hầu. Sơn Đông gọi là huấn cô. Văn luận viết chữ cú cùng với chữ cù cũng đồng âm cù ngược lại âm cụ du. chim cù dục chẳng phải nghĩa đây dùng.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 2

Tương phốc. Ngược lại âm trật vị. Người phương Nam gọi tương quán. nghĩa là quăng ném, vất bỏ.

Tương khái. Ngược lại âm khổ cái. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái là tiếng đá va chạm. Nay Giang Nam phàm nói đến đánh vật đập cho vỡ vun ra gọi là khái. cũng gọi là tiếng va chạm lớn.

Khích trung. Văn cổ viết chữ khích cũng đồng, ngược lại âm khứ nghịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: khích là vách tường nứt cso khe hở. Quảng Thất cho rằng: khích là khác biệt.

Cổ tang. Ngược lại âm tang lãng. Bì Thương cho rằng: bình cổ. Tự thư cho rằng: nguyên liệu gỗ, tài năng. Văn luận viết chữ tảng. Sách Phương ngôn nói: tảng là cái trán. Đông Tề gọi tảng chẳng phải nghĩa này.

Chấp trú. Văn cổ viết chữ trụ thảo cổ viễn. bốn chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trỉ cụ huy cụ. hai âm, tên gọi của địa ngục người chịu tội. Dựa theo chữ Thiên Thương Hiệt ghi: túc tức là dừng lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: túc là con ngựa đứng yên, không chạy.

Nhân kiểm. Ngược lại âm cư liễm. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: gọi là mí mắt ngoài.

Nhuyễn căn. Ngược lại âm nô ngọa. Tam Thương cho rằng: nhuyễn là yếu mềm.

Tam châu. Ngược lại âm chi do. Sách Nhĩ Thất cho rằng: trong nước có thể ở gọi là châu. Tôn Đạm cho rằng: giữa biển nước có đảo đất bằng có thể cư trú, ở. Thích danh cho rằng: châu là tụ lại, người và chim muốn thú vật tụ lại một chỗ nghỉ ngơi.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 3,4

Trụ dự. Văn cổ viết chữ dự. hai chữ tượng hình. Nay viết chữ dự cũng đồng, ngược lại âm dư cứ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: dự là an, lại gọi sắp đặt trước, chuẩn bọ đầy đủ, cho nên gọi là dự. Sách Chu dịch cho rằng: dự là lười biếng. Hàn Khang Bá cho rằng: dự là thư thả, thong dong, chểnh mảng, chậm rãi.

Cổ vĩ. Lại viết chữ hồ cổ. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ cô. gọi là cổ con trâu cúi xuống. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: lang bạt kỳ hồ, nghĩa là đi khắp bốn châu thiên hạ. Văn luận viết chữ khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ tròn, như cái hộp tròn. Khổn chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đệ vi. Văn cổ viết chữ đệ cũng đồng, ngược lại âm đồ lễ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đệ là thay phiên nhau. Văn luận có viết chữ điệt ngược lại âm đà kiết. Sách Phương ngôn cho rằng: điệt cũng là thay đổi, thay phiên, hai chữ tượng hình cũng thông dụng, dựa theo nghi chữ này là sai.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 5

Đạo nhương. Ngược lại âm như dương. Quảng Thất cho rằng: đạo nhương gọi là nhánh lúa, thân lúa. Lại gọi là nhương cũng gọi là loạn. Luận văn có viết chữ nhương. Nhương là tên của loại hoa sen, rau cải. Nhương chẳng phải nghĩa đây dùng.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 6

Diễm phù. Ngược lại âm dĩ tiệm. Hoặc gọi là Diêm phù. Hoặc viết là Chiêm phù. điều sai. Nói đúng là Thiềm bộ. Bởi do cây mà gọi tên. Xưa dịch là uế thọ vực chiêm. Ngược lại âm chi hàm. Âm thềm ngược lại âm thời diễm.

Nhĩ đang. Ngược lại âm đô đường. Thích danh cho rằng: xỏ xuyên qua tai đeo hạt châu vào gọi là đang vốn xuất ra ở nước Tây Nhung.

Giao ngoại. Ngược lại âm cổ bao. Tư Mã Bưu chú giải rằng: luật pháp của vua là trăm dặm làm một giao, năm mươi dặm là cận giao, trăm dặm là viễn giao. Bạch Hổ Thông cho rằng: vua và các chư Hầu tất phải có giáo đó tức là đất của là ngàn dặm thì vùng quanh kinh đô một trăm dặm là giao. Giao đó là trên như thế nào để giao tiếp với thiên thần, dưới thì giao tiếp với các chư Hầu, giao tiếp với lân quốc.

Đản bát. Ngược lại âm bổ mạt. Quảng Thất cho rằng: bát là trừ bỏ, phế bỏ.

Thừa sách. Văn cổ viết chữ sách. ba chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm sổ sách. Sách là roi quất ngựa chỗ gọi là quất con ngựa phi nhanh.

Thuyền nhân. Ngược lại âm liện truyền. Thế Bổn cho rằng: cùng với hàng hóa trống phách của ho Địch chở một chiếc thuyền. Tống Trung cho rằng: tôi thần của vua. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ải đến cửa Tây gọi chu là thuyền. Thích danh cho rằng: thuyền là noi theo gọi là theo nước mà đi. Luận văn viết chữ hàng, ngược lại âm hồ giang. chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thanh đình. Quảng Thất viết thanh đình. âm là thanh đình. Trang Tử viết thanh linh., âm lịnh ngược lại âm lực liễu.

Tài xuất. Ngược lại âm tại tai. Sách Quảng Thất cho rằng: tài là tạm thời. Hán thư viết chữ tài là chẳng qua, chỉ là, kém, không lâu dài. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: viết chữ tài. Đông Quán Hán ký và các sử. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: đều viết chữ tài tùy theo viết không có định thể.

Suy mạo. Văn cổ viết chữ mạo hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo. Sách Lễ ký cho rằng: tám mươi tuổi gọi là mạo. Trịnh Huyền cho rằng: mạo là mê mẫn hay quên gọi mạo là loạn.

Nhưng thác. Văn cổ viết chữ nhung. ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm như lăng. Sách Nhĩ Thất cho rằng: những, là sao bèn. Lại gọi nhưng là nhân. Quách Phác cho rằng: gọi là nhân duyên.

Phất nạo. Ngược lại âm nãi giáo. Quảng Thất cho rằng: nạo là nhiễu loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nạo là quấy rối. Theo Thanh loại cũng cho rằng: quấy rối.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 7

Ty thi. Ngược lại âm tỷ nhĩ. Đây dịch là nhóm người khất thực. Hoặc gọi là thành đoàn, dựa theo chữ ty là người sai khiến.

Liệt khôi. Ngược lại âm lực chiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là lửa cháy dữ dội. Quảng Thất cho rằng: liệt là quá nóng, nóng bỏng.

Hàm dĩ. Thể chữ viết chữ hàm ngược lại âm hồ cam. Gọi là tài sản riêng, người hàm chứa nhiều.

Thứ di. Lại viết chữ di. hai chữ tượng hình. Trụ văn viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm dực chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: gạo nấu thành keo mạch nha. Thích danh cho rằng: những mọng mạ nhỏ yếu ớt làm đường mật nấu làm đường, các trẻ nhỏ vui thích. Âm đường ngược lại âm tợ dinh.

Yếu thuật. Ngược lại âm thần duật. Thuật là pháp thuật. Lại gọi là trong thôn ấp đường thông các ngã gọi là thuật. Thuật là thông, không có chỗ nào là không thông.

Bà đà. Ngược lại âm thái hà. Dựa theo chữ đà là lôi kéo, dẫn dắt.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 8

Thôn cố. Ngược lại âm thổ căn tha điền. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: thôn là nuốt vào cổ họng. Quảng Thất cho rằng: nuốt vào cổ họng, làm tiêu luôn.

Bệnh du. Văn cổ viết chữ du cũng đồng, ngược lại âm du chủ. Sách Phương ngôn cho rằng: bệnh kém dần gọi là du. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh dần dần kém, khỏi hẳn, cũng gọi là lành bệnh, mạnh khỏe trở lại.

Quái trí. Văn cổ viết chữ quái cũng đồng, ngược lại âm cổ mại. Quảng Thất cho rằng: quái là treo lên.

Đại bột. Nay viết chữ bột cũng đồng, ngược lại âm bổ một. Gọi là trê nrừng trời mưa trút nước ào ạt làm cho hang động đầy nước. Âm nghĩa Hán thư cho rằng: nước mưa tụ lại.

Ủy thác. Lại viết chữ ủy cũng đồng. Ngược lại âm ư ngụy. Theo

Thanh loại cho rằng: ủy cỏ héo úa. Quan Tây nói cỏ héo úa là ứ. Đông Đông gọi cỏ héo úa là tiến. Giang Nam cũng nói cỏ héo úa là ủy Sách Phương ngôn cho rằng: cũng như vậy. Ngược lại âm dưới là thừa đạo. Táo là làm cho khô.

Bất ế. Ngược lại âm ư kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: ế là ăn cơm mắc nghẹn. Âm thất ngược lại âm tri lật. Gọi là tắc nghẽn. Luận văn phần nhiều viết chữ yết. Ngược lại âm ư kiến ư hiền. hai âm. Yết là nuốt vào, nuốt vào cổ họng. Yết chẳng phải thể chữ đây dùng.

Tuấn phương. Ngược lại âm sở lực. gọi là chánh phương.

Man đà. Ngược lại âm kỵ an. Dựa theo chữ sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn che giấu cái nhìn, cũng gọi là xem thường che giấu.

Thiết chiêm. Ngược lại âm trên kỳ chiêm. Dựa theo chữ sách Thuyết Văn cho rằng: thiết là mấu chốt của nhiếp xe. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chiêm là mấu chốt nắm giữ, cũng gọi là nhiếp xe.

Hồi phục. Lại viết chữ phục cũng đồng, ngược lại âm phò phúc. Hán thư cho rằng: sông nước hang động bị tắc nghẽn. Tô Lâm gọi là phục. Phục đó là nước ngưng đọng lại. Nghi đế ký viết phục hồi. Là nước chảy quanh dội trở lại.

Chí sao. Ngược lại âm di nhiễu. Nhánh cây nhỏ gọi là sao. Văn thông dụng cho rằng: cây nhọn gọi là sao. Sách Phương ngôn cho rằng: sao là cành cây nhỏ. Quách Phác cho rằng: sao đó là phần ngọn của cây nhánh nhỏ.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 9

Hoàn giáp. Ngược lại âm hồ man. công hoạn. hai âm. Tả truyện cho rằng: hoàn là áo giáp cầm binh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn xuyên suốt qua. Sách Quốc ngữ cho rằng: y phục binh lính áo giáp. Giã Quỳ chú giải rằng: áo giáp.

Trừ súc. Ngược lại âm trực ư. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ là chờ đợi, chứa đầy đủ, cũng gọi là chứa tài vật. Ngược lại âm dưới là súc. Văn cổ viết chữ súc cũng đồng, ngược lại âm sĩ lục. Súc chứa nhóm, tích tụ.

Tương giao. ngược lại âm ư diêu. giao là mời gọi ân cần, cũng gọi là tìm kiếm mong cầu. Âm kiêu ngược lại âm cổ nhiêu.

Trường thủ. Ngược lại âm trừ lượng. gọi là đầy đủ lâu dài, cũng gọi là dư thừa.

Liễm tử. Nay viết chữ liễm cũng đồng, ngược lại âm lực chiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hộp gương soi gọi là cái hộp vuông có đáy. Nay Giang Nam gọi là hợp trăng sức vậy.

Khai trách. Bì Thương viết chữ tụy cũng đồng, ngược lại âm sĩ cách. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách là nứt nẻ ra. Quảng Thất cho rằng: phân ra.

Trúc đát. Ngược lại âm đô đạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư là cây bút gọi lấy da của măng tre. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: Giang đông gọi là chiếu đan bằng tre mà thô đó là đát, đường vân đi nghiêng lệch là bỏ đi. Âm phế là âm phế. Lại gọi là chiếu tre. Giữa Tống, Ngụy gọi là cái hộp tre mà thô đan bằng cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếu cỏ thô sơ, dùng tre bện làm chiếu, dùng cỏ may bện làm chiếu v.v...

Cổ bổi. Ngược lại âm phủ cái. Gọi là tấm thảm có năm màu sắc, cũng là tên cây, lấy hoa bông làm tơ dệt thảm.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 10

Yểm ố. Ngược lại âm ô lô. Theo chữ ố giống như là ghét. Sách Lễ ký cho rằng: tôi ghét tôi phải dùng tình. Mà Luận ngữ nói đến ố là màu tím màu đỏ tập hợp đều là vậy. Người ta gọi là cái tâm người có lấy, có bỏ nên gọi là tốt xấu, mà hảo ố. hai âm đều là khứ thanh.

Vi đường. Ngược lại âm đồ đương. 762 Sách Thuyết Văn cho rằng: đề đường. Bì Thương cho rằng: bờ cát dài gọi là đê là đường. Đê đường đó ngăn phòng nước tràn vào. lại gọi là ngăn chặn, chứa đất làm phong tỏa ngăn chặn nước vậy.

Quách ấp. Ngược lại âm cổ hoạch. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quách là thành quách. Công Dương Truyện nói: quách đó là rộng lớn biết bao nhiêu. Thích danh cho rằng: quách là những thôn làng tụ lạc bên ngoài thành rộng lớn. Ấp đó là sách Chu lễ nói rằng: bốn tỉnh làm một ấp. Trịnh Huyền cho rằng: vuông hai dặm. Tả Truyện cho rằng: phàm ấp có tông miếu. Trong thời quan chủ gọi là đô không có người đó gọi là ấp. Âm hoạch ngược lại âm hồ quách.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 11

Sanh đề. Ngược lại âm đê hề. Theo Mao Thi Truyện nói rằng: con trâu mới nhú sừng. Theo Truyện nói rằng: Mầm cỏ mới nhú, cỏ mới mọc.

Tích điền. Văn cổ viết chữ tích. ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài xích. Tích đó là mỏng, cũng gọi là ốm gầy.

Gia miêu. Văn cổ viết chữ da cũng đồng, ngược lại âm giã hà. Gia là điều tốt lành. Sách Nhĩ Thất cho rằng: gia là đẹp.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 12

Khanh tĩnh. Văn cổ viết chữ tĩnh thái. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm từ tính. Sách Thuyết Văn cho rằng: tĩnh là cái hầm lớn. Quảng Thất cho rằng: cũng là cái hầm. Tam Thương cho rằng: tĩnh gọi là cái giếng dưới đất gọi là cái hầm, chỗ căng rộng ra để bắt cầm thú.

Sủy xúc. Văn cổ viết chữ sủy cũng đồng, ngược lại âm sơ ủy. gọi là tiền nhân suy đoán, đo lường, đánh giá. Giang Nam dùng âm này. Lại âm đô quả. Sủy là đo lường, thử người phương Bắc dùng âm này. Theo ý nghĩa của văn luận viết chữ đúng nghi là đỏa ngược lại âm sơ ủy. gọi là sờ mó. Văn thông dụng cho rằng: sờ mó, tìm tòi gọi là đỏa.

Bao trù. Ngược lại âm bổ giao. Bao đó là nói bao gồm, gói thịt ở trong gọi là bao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao trù đó là nhà bếp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhà cung cấp thức ăn, nhà nấu thức ăn.

Thủy chữ. Ngược lại âm chi dữ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: bãi đất nhỏ nổi lên giữa nước gọi là chữ. Lý Tuần cho rằng: bốn bên đều có nước riêng có bãi đất nhô cao lên có thể ở đó gọi là chữ. Thích danh cho rằng: chữ đó là che trùm, thể cao có thể che cả mặt nước khiến cho theo một bên chảy vòng quanh.

Xuyên giáo. Ngược lại âm cổ hiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái hầm dưới đất cất giấu thóc lúa.

Tăng túc. Ngược lại âm tử dụ. Túc giống như là thành xong, tương túc. là cùng nhau thanh xong vậy.

Siểm nịnh. Ngược lại âm sửu nhiễm. Ngược lại âm dưới nô định. Hy vọng mong cầu được vừa lòng mà nói theo, nịnh hót gọi là siểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói khéo léo tâng bốc lên gọi là nịnh. Lại gọi là khéo, hay nịnh để được lòng mong muốn gọi là nịnh.

Tục thoại. Trụ văn viết chữ thoại văn cổ viết chữ thoại hôn. hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ khoái. Sách Quảng Thất cho rằng: Hòa hợp bàn luận, cũng gọi là dùng lời bỡn cợt, chọc ghẹo. Theo Thanh loại cho rằng: thoại là nói sai ngoa.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 13

Hòa mục. Lại viết chữ mục cũng đồng, ngược lại âm vong lộc vong trúc. hai âm. Mục là kính hòa vui vẻ, hòa kính vui vẻ với nhau.

Kiểm khổ. Văn cổ viết chữ liễm. Nay viết chữ liễm cũng đồng, ngược lại âm lý liễm lý chiêm. hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài hoa trắng, xanh dây leo cỏ dại mọc nơi hoang dã.

Lạt na. Ngược lại âm lực đạt. Dựa theo chữ lạt na. đó là làm trái ngược, ngang bướng. Thể chữ viết từ bộ thúc đến bộ đao.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 14

Ai trần. Ngược lại âm ô lai. Văn thông dụng cho rằng: tro bụi gọi là ai. Ai cũng là bụi trần.

Chích hạ. Ngược lại âm chi hạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chích là dưới bàn chân. Nay cũng viết chữ giá nhiếp. Nay gọi là bàn chân không dính nước, thấm nước.

- QUYỂN 15 (Trước không có âm.)

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 16

Học tù. Sách Thuyết Văn viết chữ ô. Hoặc là viết chữ tù viết thành chữ tù ngược lại âm tợ lưu. gọi là nổi trên mặt nước. Giang Nam nói đập nước nổi trên mặt, tức là bơi sang qua sông.

Trách thủ. Văn cổ viết chữ trách cũng đồng, ngược lại âm trúc cách. Quảng Thất cho rằng: trách là căng ra, mở to ra. Văn thông dụng cho rằng: căng thẳng gọi là trách. Luận văn viết chữ trách này chưa thấy sách nào xuất hiện.

Nhất tầm. Văn cổ viết chữ tầm hoặc là viết sao cũng đồng, ngược lại âm tợ lâm. Gọi là người có hai cánh tay gọi là tầm. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: con người ta tám thước là tầm là tự tăng thêm gấp đôi cho tám thước gọi là tầm.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 17

Sở chấn. Ngược lại âm tri trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: trấn áp, đè xuống cũng gọi là trấn an. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: chấn là đè nén.

Xuyến tu. Văn cổ viết chữ hoán hoàn. hai chữ tượng hình cũng đồng. Luận văn viết chữ quán cũng đồng, ngược lại âm cổ hoạn. Sách Nhĩ Thất cho rằng: xuyến là thói quen. Người ta có thói quen trong lòng.

Tích kiến. Ngược lại âm thất xích. Tích là lạ hiếm thấy. Gọi là việc tà vạy không chánh lý.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 18

Tuy trật. Ngược lại âm đồ kếit. Sách Quảng Thất cho rằng: trật là sai kém, sa sút. Tự thư cho rằng: bàn chân mất thăng bằng. Sách Phương ngôn cho rằng: trật là vấp té quỵ. Quách Phác cho rằng: vấp té

ngã ngửa trên đất.

Bất tích. Ngược lại âm tỳ diệc. Tích là tích cũng là hiếm là ít thấy làm đều tà vạy, không đúng.

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 19

Quyết độ. Ngược lại âm dường các. độ là đo lường, đánh giá, đo lường ưu khuyết.

Trì động. Ngược lại âm trực tri. Quảng Thất cho rằng: trì là chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa phi nước đại, chạy rất nhanh.

Dực luận. Lại viết chữ dực cũng đồng, ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Thất cho rằng: nắm giữ gọi là dực. Lại chú giải rằng: dực là cột trụ. Âm thức ngược lại âm đồ đắc. Quan Trung nói là A thức. Giang Nam nói trác dực. tức là hình thiến, cắt bộ phận sinh dục.

Cống hiến. Ngược lại âm cổ lông. Gọi cống là dâng nạp. Quảng Thất cho rằng: dâng hiến cho bậc trên. Ngược lại âm dưới hư kiến. Gọi là hiến tiến vào dâng lên. Người xưa đem vật dâng hiến cho bậc tôn kính, gọi là hiến, cho, tặng.

- **QUYỂN 20** (Trước không có âm.)

CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 21

Thích tâm. Ngược lại âm thi diệc. Quảng Thất cho rằng: vừa vặn thích hợp thông thương tốt lành, gọi là người có tâm tốt thích hợp.

Hào ly. Lại viết chữ hào cũng đồng, ngược lại âm hồ cao. Văn dưới văn cổ viết chữ ly hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao ngược lại lực chi. Hán Thư Luật Lịch Chí nói rằng: không mất hào ly, tức sợi lông nhỏ nào. Mạnh Khang nói: hào là lông nhỏ của con thỏ, mười hào gọi là lý. Tam Thương cho rằng: ly là một sợi lông. Nay đều nói ly là lý, chữ cổ cũng thông dụng.

Tụ lạc. Ngược lại âm trên từ vạn. Sách Hán thư nói rằng: học quan

tụ gọi là tưa. Hương gọi là dương, trương yến gọi là ấp, gọi là lạc. Vi Thiệu chú giải sách Tiểu Thất rằng: hương gọi là tụ chỗ người tụ hợp lại. Quảng Thất cho rằng: lạc là chỗ người ở cư trú. Sách Hán thư cho rằng: không có khói là không có tụ lạc.

- QUYỂN 22 : Không có âm

****

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN TỤNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Đường ôi. âm trên là đường ngược lại âm dưới ổi hồi. tên của địa ngục nóng nhiệt. Đường ôi đó là đốt lửa trỏ than nóng nhiệt, cũng gọi là địa ngục khôi hà, là địa ngục nóng lạnh đều tùy theo tự thân ác nghiệp hóa hiện tội nhân tự thấy, đều tự làm tự thọ chỗ có việc khổ, giống như trong mộng thọ nhân khổ vui.

Kiên thủ cận trì man. Ngược lại âm mã ban. Kiên thủ thiên. Trì man thiên. Đát kiêu thiên. đều trụ ở tu phiên sơn tầng cấp, tức là Địa cư thiên ở cõi trời Tứ Thiên vương, gần Dung Quốc là binh tướng của Thích Thiên Chủ.

Phiến đệ. Ngược lại âm sở giai. Tiếng Phạm, tên gọi khác của Huỳnh môn. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Sơ hậu pháo song tiền. Ngược lại âm bành mạo. Đây nói là trên cõi trời Đao-lợi, có ba lợi chất đa hoa thọ. Đường Huyền Trang nói là vườn cây mọc, trổ hoa pháo khi mọc hương thơm bay nghe rất xa, các chú thiên đều hoan hỷ vui mừng.

Cục tủy tăng. Ngược lại âm trên ngang ngục. Sách Khảo Thanh cho rằng: cục là biên giới, sanh giới, phân chia, lượn quanh, khúc khuỷu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thúch bách, cận kề bên. Chữ viết từ bộ xích đến bộ khẩu, âm ngang ngược lại âm cộng ngung.

Bạo liêu ách. Ngược lại âm trên bao mạo. âm dưới là ách. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký cho rằng: càng xe đè thẳng lên cổ con trâu là ách. Nước đây cũng là ách, cũng là mưa. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạo đó là đột nhiên mưa nước chảy ào ào. Đây là dụ cho sự sanh tử, sống chết như nước sông lớn. Lấy nghiệp làm nước trôi nổi trên mặt biển, dụ cho hữu tình bị nước cuốn bạo lưu và ách trói buộc dời đổi, sống không lâu, cũng không được tự tại. Âm thủy ngược lại âm nữ lực.

Cốt tỏa. Ngược lại âm sa quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là

chọn lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: vòng móc xích liên kết với nhau. chữ viết từ bộ kim thanh, âm tỏa đồng với âm trên. Tỏa từ bộ tiểu đến bộ bối cũng có viết từ bộ tỏa viết thành chữ tỏa là chẳng phải. Văn luận viết từ bộ ngọc viết thành chữ tỏa. tiếng ngọc khua chẳng phải nghĩa đây dùng.

Lân giác. Ngược lại âm trên lật trân. tên của loài thú quý, mà trên đỉnh có một cái sừng, lấy một cái sừng đây gọi là Bích-chi-ca, hoặc gọi là Độc giác.

Phúc đẳng. âm phúc như cái tăm xe.

Phạt lượng. Ngược lại âm trên bút yểm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phạt là tài sản hao tổn. Tư Mã Tướng như viết tổn chữ cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hao tổn. Chữ viết từ bộ bối thanh phạt. Chữ lượng từ bộ viết đến bộ chung là chữ chánh thể.

****

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Câu-xá. Đây phiên dịch là tạng tên gọi chung của kho, lẫm, kén, bao chứa, nên lấy tên mà gọi vậy. Âm kiển ngược lại âm kinh diễn. âm tiếu ngược lại âm tư diệu. là bao đựng đao kiếm. Tạng có nhiều tên riêng đều gọi là có một.

Chư minh. Ngược lại âm mịch kinh. Lại âm mê định. Thiên Thương Hiệt cho rằng: chư là chẳng phải một. Theo Thanh loại cho rằng: chư là tên gọi chung của từ ngữ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: minh tối tăm, mờ ảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: u minh, cũng gọi là đêm tối. Chữ viết từ bộ miên âm miên, ngược lại âm minh bích. đến bộ nhật đến bộ lục gọi là tính đến ngày mười sáu là mặt trăng băt đầu khuyết dần nên viết chữ minh là ý tối tăm vậy.

Luân một. Ngược lại âm lực quân. Sách Nhĩ Thất cho rằng: luân là trầm nịch, chìm đắm. Lại gọi là sâu, chìm sâu, rớt xuống sâu.

Giới húc. Ngược lại âm cư giới. Ngược lại âm dưới hư ngọc. Răn bảo gọi là giới, tự khích lệ gọi là húc. Lại giới cũng gọi là lời cảnh cáo, cẩn thận. Húc gọi là gắng sức lên.

Ca-đa-diễn-ni-tử. Ngược lại âm dĩ thiện. Xưa gọi là Ca-chiên-diên-tử. Đây gọi là theo họ mà gọi tên, cũng có nói Ca-đa-diễn-na, tức là chuyển thanh.

Ô Đà Nam ngược lại âm ô cổ ngược lại âm dưới đồ ngã. Đây dịch là tự thuyết, gọi là không đợi thưa hỏi mà tự nói ra. Xưa gọi là Ưu-đà-na tức là không hỏi mà tự nói, tức là kinh vô vấn tự thuyết vậy.

Tỳ-ba-sa hoặc nói là Tỷ-bà-sa. Tùy theo ngữ hoặc là viết Tỳ-pha-sa đây dịch là Quảng giải tức là giải nghĩa rộng, hoặc nói là Quảng thuyết là nói rộng ra cũng gọi là chủng chủng thuyết hoặc nói là phần phần thuyết là nói ra từng phần, nói ra các loại tướng mạo đều là một nghĩa.

Đẳng Tạ ngược lại âm tợ da Quảng Thất cho rằng: Ta qua đồi, chết đi.

Sở thôn ngược lại âm tha ngận tha hiền hai âm. Thôn là nuốt xuống không có nhai. Quảng Thất cho rằng: Nuốt mất tiêu. Sách thuyết căn cho rằng: Nuốt vào cổ họng.

Hữu trách lại viết chữ tranh cũng đồng, ngược lại âm trắc nghịch trắc canh hai âm Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tránh là tranh cải cũng gọi là dẫn ra, lôi kéo ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Gọi là kia và đây cạnh tranh lôi kéo vật ra.

Khí Đằng ngược lại âm đồ đăng Quảng Thất cho rằng: Đằng là thăng lên, cũng gọi là ngựa chạy mau.

Khiếu khích ngược lại âm khẩu điếu âm dưới lại viết chữ khích cũng đồng, ngược lại âm khưu nghịch Quảng Thất cho rằng: Khiếu là cái huyệt, lổ hỏng. Khích là nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cái lổ trống rổng, khích là vách tường nứt ra có khe hở, lổ hỏng. Chữ viết từ bộ phụ đến bộ bạch trên dưới là bộ tiểu.

A-già-già. Đây dịch là toàn tức là xoay vòng, A có hai nghĩa, hoặc nói là không, hoặc nói rất giống như bao hàm hai sự giải thích cho nên lập ra bổn mà gọi tên.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 2

Tất-xá-giá trong kinh xưa gọi là Tỳ-xá-xà cũng nói là Tý-xá-giá. Tên của loài quỉ, ở trong loài ngã quỉ là hơn hết các loài quỉ khác.

Thất-thú-ma-la hình như giống như kinh luật xưa, hoặc là viết Thất-thâu-ma-la hoặc viết là Thất-thủ-ma-la Âm tiếng Phạm chuyển dịch là giết cá con. Trong luật Thiện Kiến nói loại cá ngạc dài hơn hai

trượng, có bốn chân giống như cá sấu, răng rất bén nhọn, nó có thể ăn thịt cả con nai và con người, loài thủy tộc sống dưới nước tức gọi là cá ngạc. Ở Quảng Châu có rất nhiều loại cá này.

Biển bức ngược lại lại âm phương miên ngược lại âm dưới phương mục Thôi Báo xưa nay chú giải rằng: Biển bức là tên con chuột tiên, cũng gọi tên khác là dơi biết bay, sống năm trăm năm, có màu trắng nơi ngực tụ tập từng bầy, khi đậu lại thì cái đầu rủ xuống, cho nên gọi là con dơi treo ngược là thức ăn rất ngon.

Hưu lưu ngược lại âm hứa ngưu, ngược lại âm dưới lực chu sách Nhĩ Thất cho rằng: Là loài chim quái ác đáng khinh khi. Quách phác chú giải rằng: Nay Giang Đông gọi là Hưu Lưu tức là chim câu ngạch âm ngạch là âm cách Quảng Thất cho rằng: Hưu Lưu tức là giống cú mèo cũng gọi là chim mang huyền âm mang ngược lại âm mục giảng cũng gọi là giống chim quái lạ. Ban ngày mù đui, ban đêm nhìn thấy, tiếng kêu rất kỳ quái. Quan Tây gọi là huấn hầu Sơn Đông gọi là huấn cô sách Toán Văn cho rằng: Loài chim này ban đêm đi nhặt xương xác người chết.

Dã-can tiếng Phạm gọi là Tất-già-la hình sắc màu vàng xanh, giống như bầy cho đi ban đêm, tiếng kêu như chó sói. Tự văn lại viết là Xạ-can. Theo Tử Hư Phú cho rằng: Xạ-can chạy rất nhanh phóng rất xa, Tư Mã Bưu và Quách Phác chú giải rằng: Đều là con Xạ-can, giống như con chồn cáo, mà nhỏ hơn, có thể leo lên cây. Âm xa là âm dạ Quảng Chí cho rằng: Giống Xạ-can làm ổ trên cây cao rất nguy hiểm. Kinh Thiền nói rằng: Khi lấy con chó sói là thấy con chồn cáo.

Sài lang ngược lại âm sĩ giai Thương Hiệt giải thích văn cổ nói rằng: Sài giống như loại chó sói, có màu trắng, có móng, răng sắt bén nhọn, giỏi bắt thú nhai ngấu nghiến, Quảng Thất cho rằng: Sài là chó sói, âm phệ ngược lại âm thời chế.

Miêu ly lại viết chữ miêu này cũng đồng, ngược lại âm vong triêu vong bao hai âm, ngược lại âm dưới lực kỳ giống miêu là hay bắt chuột. Quảng Thất cho rằng: Ly lại gọi là dã ly tức là giống mèo hoang, mèo rừng.

Cưu-ma-la-đa đây gọi là đồng thủ gọi là trong các vị đồng tử làm thượng thư.

Bào thai ngược lại âm bổ mao sách Thuyết Văn cho rằng: Bào là đứa trẻ ở trong bào thai chưa sinh ra.

Thế thóa văn cổ viết thế cũng đồng, ngược lại âm tha kế. Tam Thương cho rằng: Thế là nước mũi chảy ra. Sách Chu Dịch Tề Tứ cho

rằng: Thế là nước mắt từ trong con mắt chảy ra gọi là thế từ trong mũi chảy ra gọi là di.

Phòng viện ngược lại âm vũ quyển gọi là giữ gìn thủ hộ, nói là xem xét bảo vệ, viện trợ, hộ trợ, cũng gọi là giữ lấy, ôm giữ lấy, chữ viết tư bộ thủ.

Pha-tri-ca ngược lại âm trắc thi cũng gọi là Bà-phá-ca là tên thật của Tây Vực, xưa gọi là Pha-lê-đơ là sai lược. Đây gọi là ngọc thủy. Hoặc nói là viên ngọc màu trắng. Trong Đại Luận nói: Là báu ngọc, xuất ra từ núi đá, trong đó quá hơn ngàn năm băng giá làm pha lê châu ngọc trong suốt, đây nước này hoặc cũng có, nhưng ở Tây Vực có rất nhiều, nhưng vật này không phải do nơi băng giá hóa thành, mà lấy nhiên liệu hóa chất nấu thành viên pha lê, chẳng loại pha lê đá ở nước Tây Vực.

Đảm xế lại viết chữ đảm cũng đồng, ngược lại âm trắc da âm dưới lại viết chữ ma cũng đồng. Ngược lại âm sung thế đây dịch là các đảm xoa. Gọi là lấy năm ngón tay chụm lại bắt chéo qua giữ lấy. Xế là níu giữ lấy, quật xuống khiến cho thuận rồi níu giữ, kéo lôi ra.

Từ thạch ngược lại âm tồ tư Bì Thương cho rằng: Từ thạch là đá nam châm.

Phủ thủ ngược lại âm phương chủ phủ giống như là vỗ nhẹ. Quảng Thất cho rằng: Phủ là đánh, theo chữ phủ cũng là an ủi vỗ về.

Tương nhu văn cổ viết chữ nhẫn nhiễm hai chữ tượng hình, cũng đồng ngược lại âm nữ cứu Quảng Thất cho rằng: Nhu là tạp, nay gọi là lấy màu sắc khác pha trộn với nhau gọi là nhu.

Vị hướng ngược lại âm hướng lượng Tam Thương cho rằng: Cửa sổ xuất ra từ hướng bất. Hướng cũng gọi là cửa sổ.

Hương tuy lại viết chữ tuy sách Tự Uyển viết chữ tuy cũng đồng ngược lại âm tư duy sách Vận Lược nói là hồ tuy tên của loại rau có mùi thơm, Bác Vật Chí nói rằng: Tương Đằng sứ ở Tây Vực được loại rau thơm này, nay Giang Nam gọi là hồ tuy, cũng goi là hồ chi âm hồ phần tích ra về sau chữ đổi nên gọi là hương tuy.

Hoa bì ngược lại âm hồ bá tên cây, da có thể làm đồ trang sức cây cung.

Quan hoa mạn ngược lại âm cổ ngoạn quan cũng giống như là đội lên đeo lên đầu. Âm dưới tiếng Phạm gọi là Ma-la đây dịch là Mạn âm mạn ngược lại âm mạc ban. Theo Tây Vực gọi là kết tràng hoa làm đồ trang sức, phần nhiều là dùng Tô-ma-na hoa làm hàng. Kết lại xỏ xuyên qua, không luận là nam, nữ, sang, hèn đều dùng tràng hoa này

trang nghiêm, hoặc là trên đầu, hoặc là trên thân mình, cho rằng trang sức đẹp. Thì các kinh có nói: Hoa mạn, Thị thiên mạn, Bảo mạn v.v... đều đồng làm các việc trong đây vậy. Chữ viết từ bộ tiêu âm tiêu ngược lại âm sở hàm thanh mạn âm mạn ngược lại âm di nhiên.

Cổ tảng ngược lại âm tang Lãng Bì Thương cho rằng: Cái dùi đánh trống Tự Thư cho rằng: Cổ là tài năng. Nay Giang Nam gọi là khuông cổ khuông tức là cứu giúp tức là tảng âm khỏa ngược lại âm ngũ quả

Chỉ đạp nay viết chữ đạp cũng đồng ngược lại âm đồ đáp sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng móng tay cào gãi, nay là búng móng tay.

Nại-lạc-ca ngược lại âm song cát gọi là chỗ chịu khổ. hoặc nói là Na-lạc-ca tức là người thọ tội. Đây gọi là không thể vui cũng gọi là chẳng phải hành gọi là chẳng phải chở hành pháp, hoặc là ở giữa khe núi, hoặc trong biển lớn, không ngừng nghỉ, như ở dưới đất nói là địa ngục đó cũng là dịch một nghĩa vậy.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 3

Phiến đệ bán trạch ca ngược lại âm lạt giai trong kinh Luận Xưa hoặc nói Bàn trá, hoặc nói Bàn-tra-ca đều là tiếng địa phương đọc có khinh trọng nặng nhẹ. Bán trạch ca đây dịch là Huỳnh môn. Tên chung gọi người Huỳnh môn. Loại người này có năm loại. Nay đây gọi là loại người thứ ba, Phiến đệ bán trạch ca đó gọi vốn có nam căn nhưng không đầy đủ, nên cũng không thể sanh con được.

Nhãn liểm ngược lại âm cư nghiểm sách tự lược cho rằng gọi là mí mắt ngoài.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 4

Cảnh giác văn cổ viết chữ cảnh hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm cư ảnh cảnh gọi là răn nhắc thận trọng, thắt chặt, mở ra cũng gọi là khởi lên. Quảng Thất cho cảnh, ngăn ngừa, bất an, phòng bị.

Ấn khả ngược lại âm y chấn ấn là niềm tin, trong văn ghi lại chỗ thi hành trong lòng tin để dùng chữ viết từ bộ qua đến bộ tiết âm tiết là âm tiết.

Dũng hãn ngược lại âm duệ dũng ngược lại âm dưới hồ thả dũng gọi là Hùng vũ quả quyết, sách Ích Pháp cho rằng: Biết chết mà không tránh gọi là dũng treo mạng làm nhân nghĩa gọi là dũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hãn dũng là cso sức mạnh. Tam Thương cho rằng: Hãn là kiệt kiệt gọi là trí tuệ xuất ra hơn ngàn người.

Bất nhàn thể chữ viết nhàn cũng đồng ngược lại âm âm hạch nan gọi là thói quen rảng rang, nhàn nhã. Công Thiên gọi là an tĩnh.

Âm chỉ ngược lại âm chỉ dĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ chỉ gọi là ý chỉ, ý chí.

Vị thường ngược lại âm thị dương Quảng Thất cho rằng: Thường là nếm thử, cũng là tạm thời, thời gian ngắn chưa từng trải qua, chưa từng thử qua.

Siểm cuống ngược lại âm sửu nhiễm gọi là hy vọng mong cầu ý thuận theo nói tâng bốc, nịnh hót để được lòng gọi là siểm, gọi là nghiêng mình xuống lấy điều tư lợi về mình. Siểm cũng là nịnh, cuống là mê hoặc khinh khi.

Kiểu loạn ngược lại âm cư yêu gọi là giả trá, lừa dối, mê hoặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là giả dạng chuyên quyền, gọi là giả dạng cho mình là bậc cao thượng, tăng thượng mạng gọi là kiểu thể chữ viết từ bộ thủ đến bộ kiêu nay đều viết chữ kiêu. Gọi là kiêu căng, ngạo mạn.

Liệt viết ngược lại âm ly triết sách Quảng Thất cho rằng: Liệt là nhiều, dữ dằn, sách Thuyết Văn cho rằng: Liệt là lửa cháy dữ dội, mãnh liệt.

Cữ thị văn cổ viết chữ hy cùng đồng ngược lại âm thời dũ thị là ỷ lại dựa vào. Theo Hàm Thi Truyện cho rằng: Không có mẹ không biết nương tựa vào đâu.

Lăng miệt ngược lại âm lực thăng âm dưới lại viết chữ miệt cũng đồng ngược lại âm mạc kiết Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lăng là xâm phạm, xũ phạm lăng nhục. Sách Thuyết Văn cho rằng: Miệt là xem nhẹ khinh thường.

Ngạo dật ngược lại âm ngũ đáo sách Quảng Thất cho rằng: Ngạo mạn không cung kính, khinh thường nơi người, dật là buông thả, phóng túng.

Phần thiêu văn cổ viết chữ phần tán hai chữ tượng hình cũng đồng

ngược lại âm phò vân sách Thuyết Văn cho rằng: Phần là thiêu đốt lửa ngoài đồng ruộng, chữ viết từ bộ hỏa ý nói thiêu đốt rừng.

Đường quyên ngược lại âm dĩ duyên đường là nhóm bè đảng, ba hoa gian dối. Không trống rổng,sách Thuyết Văn cho rằng: Quyên là trừ bỏ, phế bỏ.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 5

Bán-cổn-sa ngược lại âm Nãi-khả xưa nói là Na-sa-quả hình như là quả dưa, mùi vị rất ngọt.

Câu lô châu đây dịch là thượng thắng cũng gọi là thắng sanh. Trong kinh xưa viết làUất-đơn-việt hoặc gọi là Uất-đát-la-việt cũng nói là Uất-đa-la-câu-lâu đều là tiếng Phạm đọc chuyển lưỡi có nặng có nhẹ.

Sắc triền ngược lại âm trị liên tiếng Phạm nói A-phược-giá-la. Đây dịch là Thị triền tức là hàng quán bán buôn, sách Lễ Ký cho rằng: Nơi tụ hội chỗ giếng nước, ngày xưa không có chợ búa, người ta thường tụ hội nơi giếng nước lấy nước, nhân vì vậy người ta mới đem vật ra để trao đổi, thành ra dần dần thành chợ, mà không đánh dẹp, thu nhận. Trịnh Huyền cho rằng: Triền là chợ búa mua bán trao đổi vật, hàng quán, phố xá, nơi kinh đô, Tiền cũng là chỗ ở, chỗ cư trú của người dân. Sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Đại Hải Đông Tề, gọi chỗ ở là triền, xưa gọi là muốn đi e ngại lầm đường. Tiếng Phạm gọi là hành, là tăng, tức là Tái-ca-phệ.

Quỷ Phạm lại viết chữ Phạm cũng đồng âm Phạm gọi phép tắc, nghi tắc là có thể làm khuôn mẫu phép tắc cũng gọi là người giáo thọ, làm khuôn mẫu phép tắc. Tiếng Phạm gọi là A-giá-lợi-lợi-tà xưa nói là A-xà-lê-là-sai.

Cương phó ngược lại âm cư lương âm dưới văn cổ viết chữ bồi ngược lại âm bồ bắc ngã ngửa gọi là cương nằm xấp gọi là phó nói là nằm ngửa té ngã ngữa là phía trước có vật che.

Phần nhuế ngược lại âm phò phần sách Phương Ngôn cho rằng: Phẫn là giận tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Phẫn là đầy tràn ra ngoài, gọi là khí giận phẩn nộ tràn đầy.

Vẫn một lại viết chữ vẫn cũng đồng ngược lại âm vị phẩn. Theo

Thanh loại cho rằng: Vẫn là chìm, cũng gọi rơi xuống hố sâu.

Đạt-nhĩ-la ngược lại âm di nhĩ (764). Đây dịch là pháp nhiếp thọ.

Ớt-đát-la ngược lại âm ô một. Đây gọi là nhiếp thọ thắng Thắng-quyết-kỳ-la ngược lại âm cự căng đây gọi là nhiếp hằng sa đây đều là tên của người.

Bạch lộ ngược lại âm lai cố. Bạch lộ, là chim thủy điểu, đầu cánh đều trên lưng, có lông cánh dài. Giang Đông lấy làm lông mi. Ly tao gọi Bạch lộ hiện ngược lại âm tô lôi.

Tự tiền văn cổ viết tự cũng đồng ngược lại âm từ lợi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tự là kế thừa, kế tục, nối dõi tông đường, kế tục.

Phong hồ ngược lại âm phi phong lại âm phong âm dưới lại viết cổ yết hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm hộ cô. Gọi là trên lưng có nhục thịt lồi lên giống như con Lạc đà, đó gọi là phong nay ở đây có con trâu, thân hình nhỏ hơn trên lưng cũng có lồi thịt xương gù lên gọi là phong sách Thuyết Văn cho rằng: Trâu ở nước hồ, cổ rủ xuống. Thích Danh cho rằng: Ở nước hồ con trâu cổ họng thòng xuống.

Nhưng vị lại viết nhãn sơ hai chữ tượng hình, cũng đồng ngược lại âm diện lăng Quảng Thất cho rằng: Nhưng là từ lập lại sách Nhĩ thất nói rằng: Nhưng là bởi vì, cớ sao.

Trung danh ngược lại âm nhĩ thành Gọi là cờ xí, phan lọng, cũng gọi là danh chất là từ theo mạng theo Tả Truyện gọi là lẫy làm chế ra nghĩa, ý nghĩa. Quảng Thất cho rằng: Gọi thành danh chữ viết từ bộ khẩu đến bộ tịch, tịch là chiều tối không có thấy phải dùng miệng mà gọi cho nên là thành danh, chữ chỉ ý.

Văn tự ngược lại âm trên từ tử theo sách Thuyết Văn cho rằng: Phổ khắp, Thương Hiệt cho rằng: Viết sách phải dựa theo tượng hình cho nên gọi là danh chữ văn này về sau trở thành hình thanh tương tục có nhiều lợi ích tức gọi là tự là sinh ra. Gọi là con cháu được thấm nhuần, càng ngày càng nhiều hơn, cho nên gọi là tự.

Suy-a ngược lại âm ô khả. Gọi là không có nghĩa văn tự.

Ớt giá ngược lại âm ô một gọi là tự giới đây nói nghĩa hợp tập giới gọi là tự mẫu tức chữ cái.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 6

Yếu thích lam ngược lại lô cát hoặc là viết Yếu-la-lam hoặc là nói Ca-la-ra đều là một nghĩa. Đây gọi là nghi hoặc, cũng nói là hòa hợp. Gọi là cha mẹ không sạch như mật ong hòa với tô lạc tiêu mất, nhưng mà thành một khối rồi thọ sanh, trong bảy ngày đầu ngưng đọng trơn, như sữa đặc rồi ngưng đọng thành cao tức là lớp mỡ, cục huyết mỡ.

Nhuận ốc văn cổ viết chữ ốc cũng đồng ngược lại ô mộc Ốc giống như là tưới rót nước, thấm nước phì nhiêu tươi tốt.

Nặc cụ đà xưa nói là Ni-câu-đà-thọ hoặc là viết Ni-câu-luật hoặc gọi là Ni-câu-loại-đà cũng nói Ni-câu-lâu cũng nói Ni-câu-lô-đà đều là một nghĩa. Xưa dịch vô tiết gọi là từ cây quảng thọ.

Trung yêu lại viết chữ yêu cũng đồng ngược lại âm ư kiều sách văn cho rằng: yêu là khuất phục cong lại. Quảng Thất cho rằng: Yêu là bẻ gãy giống như vật bẽ gãy cái đầu. Chữ viết từ bộ đại tượng hình là không thẳng. Lại không viết tận, Thiên niêm gọi là yêu chữ chỉ ý.

Nha túc ngược lại âm á-da nói là cơ như chân con quạ ý nói đen tức là làm tên.

Nông phu văn cổ viết chữ nông hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm nô đông sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ nông tức là người cày ruộng. Nay viết chữ nông tục dùng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 7

Tũng cán văn cổ viết chữ tũng hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tu phụng sở dũng hai âm sách Quảng Thất cho rằng: Tưng là cao vút trên, ngược lại âm dưới công đản cán gọi là thân cây cọng nhánh, cuống lá.

Tiên triệu ngược lại âm trừ kiêu Giả quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Triệu là điềm tiên đóan thấy trước, xem hình mà tiên đoán, cũng gọi là thiên cơ, tiên đoán sự việc thấy trước biết trước đó gọi là triệu.

Chiêm tướng ngược lại âm chi lâm sách Phương Ngôn cho rằng: Chiêm là hình xem, cũng gọi là hầu hạ. Phàm theo hầu hạ phải nhìn xem xét, gọi là chiêm chiêm cũng gọi là ngẫng lên mà nhìn.

Đốt tai ngược lại âm đô ngột Tự lâm cho rằng: Là dùng lời mắng mỏ. Tự thư cho rằng: Đốt là la hét giận dữ, đều âm xĩ dật.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 8

Phản chất ngược lại âm chi dật Quảng Thất cho rằng: Chất vấn cũng gọi là chánh đáng ngay thẳng.

Noãn xác lại viết chữ xác này cũng đồng, ngược lại âm khẩu giác Ngô hội gian âm là khốc gọi là vỏ cứng bên ngoài của trứng. Trứng bên trong gọi là xác.

Nhi huất ngược lại âm vu vật Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huất là đột nhiên nổi lên cũng là bổng nhiên.

Thân tài ngược lại âm tại tai tài là chẳng qua, suy kém, không lâu dài. Quảng Thất cho rằng: Tài là tạm thời Tam Thương cho rằng: Tài là hơi thở chút xíu.

Cố duy văn cổ viết chữ cố ngược lại âm cổ hộ. Cố là nhất định chắc chắn, bền vững, sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Cố cũng là cố gốc chính xưa cũ

Như trát ngược lại âm trang hiệt. Nay Giang Nam gọi là chặt đốn, đốn cây lột vỏ bện làm cái tráp, bên trong đựng văn thư gọi là trát, hoặc gọi là hợp tráp. Âm phế ngược lại âm phu phế

Tinh bính văn cổ viết bính hoặc là viết chữ bính cũng đồng, ngược lại âm ban mảnh bính gọi là chạy tán loạn.

Ớt-đà-nam ngược lại âm ô một ngược lại âm dưới đồ ngã Ớt đây nói là tập Đà-nam đây chính là thí cho gọi là tập đã thí cho rồi là nhập vào chữ viết từ bộ mộc

Diểm-ma ngược lại âm dĩ nhiễm hoặc là viết Diêm-ma-la hoặc nói là Diêm-la cũng viết Diêm-ma-la-xã. Lại nói Đa-ma-cô-la đều là tương phạm âm. Nước Sở đời nhà Hạ chuyển thanh sai, đây dịch là phược tức là trói buộc, hoặc là nói hai đời trộm cướp, gọi là khổ vui đều thọ nhận gọi là tên vậy, lại gọi là phược-hạt-ma đây gọi là song-la-xã. Đây nói rằng: Anh của vua và em gái đều làm vua địa ngục, người anh trị tội việc của người nam. Người em gái trị tội việc của người nữ, cho nên gọi là song vương.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 9

Câu tri ngược lại âm trắc trì hoặc nói là câu trí đây gọi là ức hoặc gọi là thiên vạn tức là hàng ngàn, hàng vạn, hoặc nói là mười vạn là ức, hoặc nói là vạn vạn là ức. Tây vực gọi là câu tri hoặc gọi là thiên vạn, hoặc nói mười ức, hoặc nói là trăm ức mà rất không đồng, cho nên tồn tại bổn gọi là tên vậy.

Ngật lật chỉ ngược lại âm cư kỳ tức là tên của Phục vương Phật Ca-diếp.

Phúng tụng ngược lại âm bất phụng ngược lại âm dưới từ dụng phúng đó gọi là ca vịnh tán thán. Khen ngợi, lại lấy âm tiết tiếng ca ngợi gọi là phúng tụng hoặc là ca vịnh.

Hùng mã ngược lại âm hồ quản sách Thuyết Văn cho rằng: Hùng giống như con heo ở trên núi, màu đông trốn ẩn nấp trong hang gọi là tay gấu, giống như nắm tay của người. Cho nên gọi tên âm bàn là âm phiền.

Bi lô ngược lại âm bỉ nghi sách Nhĩ Thất cho rằng: Bi giống như con gấy mà lông màu vàng, màu trắng. Quách phác cho rằng: Giống như gấu mà cổ dài, giống như cổ ngựa, chân cao, có nhiều sức mạnh dũng cảm, có thể nhổ cả gốc cây to. Quan Tây gọi là con vượn, âm cảm ngược lại âm âm hồ lam âm hà là âm da

Yết trá tư đây gọi là tên riêng của ái

Mao lư ngược lại âm lực cư. Quán trọ dừng nghĩ nhờ gọi là lư cũng là nhà riêng. Hoàng đế làm nhà này chỗ gọi là tránh mùa đông hàn và mùa hè nóng bức. Xuân Thu Truyện cho rằng: Nhà ở mùa đông, mùa hè.

Kiện nam ngược lại âm cự yển xưa gọi là Già-ha-na đây gọi là dày bền chắc, kiên cố, đến ngày thứ bốn mươi bảy cục thịt mới dày mới chắc chắn. Đây nói thời kỳ đầu của thai tạng.

Bí sáp ngược lại âm bỉ ký theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ta có suy nghĩ thông suốt. Theo truyện cho rằng: Bí là đóng lại, cũng gọi là thông theo âm dưới lại viết sắc cũng đồng ngược lại âm sở lập gọi là không trơn, chữ viết từ bốn chỉ hai bộ ngược, hai bộ chánh thẳng tức là không thông chữ chỉ ý.

Y giả ngược lại âm ư kỳ sách Thuyết Văn cho rằng: Người thầy thuốc trị bệnh y là thuốc tánh dược được chế bằng rượu, mà khiến cho thuốc chẳng phải là rượu, không tan ra cho nên chữ viết từ bộ dậu đến

bộ y y cũng là thanh, tức là người trị bệnh là người thầy thuốc. Âm y ngược lại âm ư hề hoặc là viết chữ y hai chữ tượng hình đều thông dụng.

Anh nhi ngược lại âm ư doanh Tam Thương cho rằng: Người con gái nhỏ gọi là anh đứa trẻ trai gọi là nhi Thích danh cho rằng: Đứa trẻ sơ sinh gọi là anh nhi, trước ngực gọi là anh, tức là con ẳm trước, mà hoạn dưỡng gọi là nhi

Siểm vị lê ngược lại âm thức nhiễm gọi là cỏ trơn dùng để tẩy rửa tay rất sạch.

Hội lan văn cổ viết chữ hội cũng đồng, ngược lại âm hồ đối Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hội là vỡ đê, sách Thuyết Văn cho rằng: Hội là thấm, rỉ dột.

Phã quán ngược lại âm phổ ngã Tam Thương cho rằng: Phã là không thể, làm ngược lại với chánh là thọ nhận, ngược lại có thể phã tức là không thể lường được, chữ chỉ ý.

Vi thuật ngược lại âm thần duật Khổng Tử nói rằng: Thuật là tu sửa theo chữ thuật nghĩa giải thích nghĩa lý thuật nói lại. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Thuật là tu sửa, tu hành.

Thế lệ ngược lại âm tha lễ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Thế là khóc nước mắt, nước mũi chảy ròng ròng. Từ nơi mũi chảy gọi là thế. Từ mắt chảy gọi là lệ Quảng Thất cho rằng: Thế là khóc nước mắt chảy.

Ly hệ cũng gọi là bất hệ tiếng Phạm nói Ni-trát cũng nói là Nê-kiền-liên là tên của ngoại đạo, là phái nhổ tóc để lộ thân hình không có chỗ nuôi chứa, dùng tay xin thức ăn, tùy theo được tức là ăn liền.

Bá-thâu-bát-đa ngược lại âm bổ hạ cũng viết là ba thâu. Đây là phái ngoại đạo trét tro, bôi tro lên thân mình, bôi tro đất lên tóc, tức là có khi cạo tóc, có khi không cạo, họ dùng tro đất bôi trét lên mình làm y phục tạm thời che thân chẳng phải màu đỏ, mà là màu khác. Việc họ thờ phụng trời Ma-hê-thủ-la.

Bát-lợi-phạt-ma-chước-ca cũng nói là khi Lợi-ba-la-xà-ca. Đây gọi là việc phổ khắp cõi trời Na-la-diêm trên đảnh đầu còn lưu lại ít tóc dư lại, nên phải cạo bỏ hết, áo bên trong thân thể tạm thời quá xấu xí cần phải nhuộm thành màu đất đỏ.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 10

Long chấn ngược lại âm tri trần lại cũng là âm di sách Thuyết Văn cho rằng: Trấn áp cũng gọi là trấn an, Quảng Thất cho rằng: Trấn động.

Bộ đa đã sinh nghĩa hàm chứa nhiều lý giải cho nên vẫn phải đặt để bổ danh.

Cơ cẩn văn cổ viết chữ cơ lại viết chữ cơ cũng đồng, ngược lại âm cơ di sách Nhĩ Thất cho rằng: Lương thực lúa thóc mà không chín là cỏ rau không chín là cẩn tức là đói khát, ngũ cốc không mọc lên được. Phàm cây cỏ có thể ăn được thông thường gọi là sơ sơ tức là rau cải.

Dương đồng ngược lại âm dĩ chương gọi là nấu tiêu nhừ ra nước là dương nhiên. Tam Thương cho rằng: Dương là biển nước lớn, Tự Lược cho rằng: Viết chữ dương giải thích là nấu kim cho chảy ra.

Thiềm bộ ngược lại âm thời diểm trên của cây. Trong kinh xưa hoặc nói diêm hoặc là viết diêm phù đều sai.

Diêm thạch ngược lại âm vu liên theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lửa cháy dữ dội, hừng hực. Theo truyện gọi là lửa cháy nóng nhiệt.

Tam tai Trụ văn viết chữ tai lại viết chữ tai hai chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm tể tài tai là thương tích. Phàm là hại người thương tích đó đều gọi là tai lại cũng gọi là thiên tai. Tai cũng gọi là bệnh.

Mộc dục ngược lại âm trên vong bốc sách Thuyết Văn cho rằng: Gội đầu, gội tóc gọi là mộc tẩy rửa thân mình gọi là dục

Ai trần ngược lại âm ô lai Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ai gọi là gió thổi tung bụi mù mịt.

Tính hiêu ngược lại âm hứa kiêu. Hiêu là gây ồn ào cũng gọi là (765) làm náo loạn không yên tĩnh.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 11

Du-thiện-na ngược lại âm thị chiến. Đây gọi là hợp, ứng. Tính theo hợp ứng, Hứa Thúc Trọng chú giải Nhĩ Thất rằng: Độ lượng, đo lường đồng với phương này, giải thích là từ xưa Thánh vương gọi là đi. Theo Tây Vục cho rằng: Thiện-na cũng có đại tiểu hoặc là nói ba mươi

dặm. Xưa nay đều lấy bốn mươi dặm là định. Trong kinh Luận Xưa hoặc là Uất-du-xà-na hoặc viết là do diên cũng viết là do tuần hoặc nói du câu đều là sai, nói lược.

Nặc-kiến-na gọi là lộ thân tên của thần đại lực.

Như thuyên Thiên Thương Hiệt viết chữ thuyên cũng đồng, ngược lại âm thị duyên cái sọt tròn, cái kho lẫm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chẻ tre bện lại thành cái bồ tròn chứa thóc, lúa. Giang Nam dùng âm này. Lại âm trên là tiên Trung Quốc dùng âm này.

Đoàn hệ ngược lại âm hồ hoàn đoàn là vo tròn, dày lớn thêm Quảng Thất cho rằng: Đoàn là vắt cho dính lại, đoàn là vắt cơm cho dính lại.

Tô mễ lô đây dịch là núi Diệu Cao, cũng nói là núi có ánh sáng đẹp, xưa nói là Tu Di hoặc nói là Tu Di Lâu đều sai.

Dụ-kiền-đạt-na xưa nói do Trác-đà-la-sơn. Đây gọi núi Sông Trì, nói núi này rất cao, có hai con đường trũng, bởi vậy cho đó mà đặt tên.

Y-sa-đà-la xưa nói: Y-sa-đà-la đây dịch tự tại trì cũng nói trì trục. Đây nói trên núi có nhiều ngọn núi cao, hình như trục xe, cho nên lấu tên mà gọi.

Át-địa-lạc-ca ngược lại âm khứ yết. Đây dịch núi Đảm mộc. Nói núi này cây rất quí, hình giống như cây đòn gánh, vì vậy mà đặt tên.

Tô-đạt-lê-xá-na đây dịch là thiện kiến. Nói núi này đoan nghiêm xinh đẹp, nhìn thấy khen đẹp nên vì thế mà lấy tên.

Át-thấp-phược-yếu-nã ngược lại âm ô cát đây dịch là mã nhĩ nói núi này cao hình giống như tai ngựa. Bởi vậy mà gọi tên.

Tỳ-na-đát-ca ngược lại âm đô đạt đây dịch là có vị thần làm chướng ngại, có loài quỷ thần hình giống như đầu người, phàm là hể thấy nó là mọi việc đều chướng ngại. Đây nói núi này rất cao, giống như đầu của thần kia, cho nên lấy tên mà gọi vậy.

Ni-dân-đạt-la xưa nói là Ni-dân-đà-la đây dịch là núi Địa Trì. Lại cũng gọi là tên cuỉa loài cá, nói trong biển lớn có tên loại cá là Dân-đạt-la, so với núi cao giống như đầu cá kia, cho nên lại lấy đó là đặt tên.

Phệ lưu ly ngược lại âm phò phể xưa nói bệ vấn lợi da cũng nói là Bệ-đầu-lê hoặc nói là Ty-lưu-ly cũng nói là Bệ-lưu-ly đều là tiếng Phạm âm chuyển thuyết, cũng từ núi mà gọi tên Bệ-đầu-lê. Núi này xuất ra từ núi báu, gọi là núi báu Viễn Sơn, tức là núi Tô-mê-lô núi báu này màu sắc xanh, tất cả báu vật ở núi này đều không hư hoại được, cũng chẳng phải khói lửa thường mà đốt được, chỗ có thể nói là lò đúc kim loại, chỉ có quỷ thần có thần thông lực đó mới có thể phá được vật

ở núi báu này. Hoặc cũng gọi là vỏ trứng của loài chim cánh vàng, tức là núi báu này. Nói quỷ thần phá đó là lấy con người làm điển hình để thí dụ vậy.

Xá-đệ-châu ngược lại âm lặc giai.

Cũ-la-bà-châu ngược lại âm câu vũ ngược lại âm dưới lô đáp.

La-sát-la hoặc là nói A-lạc-sát-sa là tên chung của loài ác quỷ. Lại nói là Ra-xoa-sa đây gọi là hộ đó giống như người nữ, tức là tên La-hựu-tư xưa gọi là La-sát là sai.

Túng quảng ngược lại âm túc dung sách Tiểu Thất nói rằng: Biểu tượng tưng là theo chiều dài. Theo Hàn Thi truyện nói rằng: Từ Nam tới Bắc gọi là tưng, từ Đông sang Tây gọi là hoành

Khắc-già-hà ngược lại âm âm trên kỳ thăng trong các kinh luận hoặc nói là Hằng-hà hoặc nói là Hằng-già-hà hoặc viết Cường-già-hà đều sai. Đây nói là hà tức dòng sông, từ ao vô nhiệt não ở hướng đông giống như cái miệng người mà xuất ra lưu chảy, nơi biển đông. Xưa dịch là thiên đường, đến từ nơi kia, theo sách ngoại gọi là mộc nhân tức là cõi trời Ma-hê-thủ-la, trên đãnh xuất ra trong lưu chảy trên đất. Đây gọi là thiên hóa thân trên đỉnh núi tuyết, cho nên nói thấy là theo chỗ cao mà đến, cho nên gọi là đến thiên đường.

Trí độ hà xưa nói là Tần đầu hà đây gọi là nghiệm hà theo ao ở hướng nam, nước trong suốt từ trong miệng con trâu lưu chảy rồi nhập vào biển đông, Nam Hải.

Tỷ-đa-hà ngược lại âm Tư nhĩ hoặc nói là Tư-đa hoặc nói là Tất-đà cũng nói là Tư-hà đều là tiếng Phạm âm chuyển đọc sai. Đây gọi là Linh-hà theo ao vô nhiệt não phía tây, Lưu ly mã khẩu mà lưu xuất vào biển phía tây, tức là nguồn nước lớn của quốc gia chảy rẻ ra hướng của sông nhỏ.

Phược-sô-hà xưa nói Bác-xoa hoặc là viết Bạc-xoa cũng gọi là Bà-xoa-hà đều là một nghĩa. Đây gọi là Thanh Hà theo ao phía bắc, từ núi Lê-sư-tử khẩu lưu xuất vào bắc biển, tức đầy là sông Hoàng Hà đều là vậy.

Đường-ôi ngược lại âm đồ lãng ngược lại âm dưới đô hồi Văn Thông Dụng cho rằng: Than nóng nhiệt độ là Đường-ôi.

A-tỵ-chỉ ngược lại âm chư dĩ hoặc nói là A-tỳ-chí cũng nói là A-tỳ-địa-ngục hoặc nói là A-tỷ-địa-ngục cũng là một nghĩa. Đây gọi là vô gián vô gián có hai nghĩa. Một là thân không hở trống đầy chật gọi là thân cô gián; hai là thọ khổ không ngừng nghỉ liên tục.

Nương-củ-trá ngược lại âm nữ lương ngược lại âm dưới câu vũ

Đà-la-ni gọi là có loài trùng ở trong phân, nước tiểu mà cái mỏ giống như cây kim, gọi là kim khẩu, loài trùng này đục xuyên qua xương cốt tủy người để ăn.

Chủy lợi ngược lại âm tử lụy Quảng Thất cho rằng: Chủy là cái miệng. Sách Phương Ngôn cho rằng: Chủy là cái mỏ con chim.

Xép thực văn cổ viết chữ tập ngược lại âm tử lập lại viết chữ sáp cũng đồng, ngược lại âm âm tử hạp Văn Thông Dụng cho rằng: Cái miệng người gọi là sáp loài côn trùng cũng gọi là sáp.

Thiêm lợi ngược lại âm tư liêm Quảng Thất cho rằng: Thiêm là tiêm nhỏ bén nhọn, gọi là mũi dao bén gọi là thiêm.

Thám huệ ngược lại âm tha hàm sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng tay lấy tin từ xa gọi là thám thám là tìm tòi mò mẫn.

Thiết trượng ngược lại âm trị lượng gọi là cầm nắm. Trượng ? là loại binh khí, tên chung như đao kiếm, mâu giáo, chày gậy v.v... đều là vậy.

Đao thương ngược lại âm thiên dương Thương Thiệt Hiệt giải thích văn cổ nói rằng: Cây có hai đầu nhọn bén gọi là thương sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là để chóng cự.

Ngự hãn văn cổ viết chữ ngữ cũng đồng ngược lại âm ngư cữ sách Tiểu Thất cho rằng: Ngự là kháng cự phòng thủ, ngự là đương đầu, sách Nhĩ Thất cho rằng: Ngự là cấm, gọi là chưa có mà dự bị trước, chữ viết từ bộ thị âm dưới lại viết chữ hãn cũng đồng, ngược lại âm hồ thã sách Thuyết Văn cho rằng: Hãn là ngăn, chống cự cũng gọi là bảo vệ.

Thích bị Tam Thương cho rằng: Văn cổ viết chữ giá cũng đồng, ngược lại âm chi xích thi diệc hai âm thích là gần, mới bắt đầu hình dạng như viên ngọc.

Ni-lạt ngược lại âm lạc hạt đây là nứt ra. Nói cái màng bao trong thân nứt ra.

Át-triết-trá ngược lại âm ô cát ngược lại âm dưới trắc hiệt đây cho rằng: Theo tiếng mà gọi tên.

Xác-xác-bà ngược lại âm hồ danh đây gọi là theo tiếng thọ khổ mà đặt tên gọi.

Chi phái ngược lại âm phổ giải nước chảy phân rẻ ra gọi là phái sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy phân rẻ ra ngã khác. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Nước tự phân rẻ xuất ra gọi là phái

Câu-lô-xá trong các kinh hoặc là viết Câu-lô-xá hoặc viết Câu-lô-xa cũng viết Câu-Lũ-xá đều là tiếng Phạm âm chuyển đọc có nặng có nhẹ, gọi là tiếng rống của con trâu lớn, âm thanh nghe tới năm dặm.

Lại cũng gọi là năm trăm cung nhân câu lô là một Du-thiên-na, tức là bốn mươi dặm, xưa đó gọi Thánh vương đi du hành.

Giá-sắc ngược lại âm Da-hà ngược lại âm âm dưới sở lực Tự Lâm cho rằng: Gieo trồng gọi là giá cắt gặt thâu lấy gom lấy đem về nhà gọi là sắc sách Thuyết Văn cho rằng: Bông lúa thật gọi là giá cũng gọi là ngoài đồng hoang dã gọi là giá

Tầng cấp ngược lại âm tự hằng ngược lại âm dưới cư cập sách Thuyết Văn cho rằng: Tầng là nhà nhiều tầng lớp, cũng là liên hệ với nhau. Cấp gọi là cấp bậc thứ lớp.

Phong ấp ngược lại âm bổ phong gọi là đắp đất nổi lên cao làm ranh giới gọi là phung tước, sách Chu Lễ cho rằng: Bốn tỉnh làm một ấp, vuông hai dặm phàm là ấp là có tông miếu, là thờ chủ của tiên quân, tiên đế. Gọi là đô không gọi là xã

Cấu-la-miên ngược lại âm đinh cố xưa nói là Đầu-la-miên

Giá thắng văn cổ viết chữ giác cũng đồng, ngược lại âm cổ trác giác là góc so sánh đo lường, sách Lễ Ký cho rằng: Thói quen sức lực bắn ra và chế ngự, Quảng Thất cho rằng: Giác là đo lường, thử nghiệm sách Thuyết Văn cho rằng: Giác là thanh gỗ gạt ngang cho bằng khi đông lường, đều đơn viết chữ giác hoặc là viết chữ giác đây là văn cổ viết chữ thổ ngược lại âm tại cổ giác giống như cái thùng.

Phân phúc ngược lại âm kích vân ngược lại âm âm dưới là phò phúc sách Phương Ngôn cho rằng: Phân là hòa, gọi là hòa trộn với mùi thơm, Tự Lâm cho rằng: Phúc là khí thơm.

Ũng-át ngược lại âm ô hạt Thiên Thương Hiệt cho rằng: Át ngăn che, sách Nhĩ Thất cho rằng: Át là ngăn chặn. Nay gọi là ngăn giặc bạo ngược, phản nghịch gọi là át

Tiếu thị ngược lại âm tư diệu Tự Lâm cho rằng: Tiếu là cười vui vẻ chữ viết từ bộ trúc đến bộ khuyển là nhạc khí, người quân tử sau khi vui là cười. Lại viết chữ tiếu tục dùng thông dụng.

Ấn Độ ngược lại âm ư chấn ngược lại âm dưới đồ cố hoặc nói là thiên trúc hoặc nói thân độc hoặc viết là hiền đậu đều sai. Nói đúng là Ấn Độ. Tên Ấn Độ là nguyệt mà nguyệt có một ngàn tên riêng, cũng xưng là lương tức là lấy quốc độ kia mới tiếp khai ngộ quần sanh như mặt trăng chiếu sáng đến. Bởi vậy mà gọi là tên. Cũng gọi là hiền đậu bốn là tên nhân tướng Đà-la-bà-tha-na đây là trụ xứ, là chủ thiên đế, phải lấy thiên đế làm nơi cứu hộ cho đời lâu dài. Cho nên hiệu là Ấn Độ vậy.

Bà-ha-ma-bà-ha đây nói là thuần hoặc nói là Thuyên-ma tứ là

Hồ-ma tức là cây lanh dùng hạt ép dầu, âm thuần ngược lại âm đồ tổn.

Khủ-ly đây gọi là một hộc là mười đấu.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 12

Châu chữ ngược lại âm chi dữ sách Nhĩ Thất cho rằng: Trong nước có thể ở gọi là châu nhỏ giáo lý châu gọi là chữ gọi là trong biển nước có đất bằng có thể ở. Thích văn cho rằng: Châu là nơi tụ hội, người và thú vật, chỗ tụ hội nghỉ ngơi, tức là đảo ở giữa biển.

Phần liệu văn cổ viết chữ liệu này cũng đồng, ngược lại âm lực chiếu liệu gọi là phóng hỏa, lửa cháy lan ngoài đồng ruộng gọi là liệu sách Thuyết Văn cho rằng: Liệu là thiêu đốt đồng ruộng.

Khôi tẫn lại viết chữ tẫn cũng đồng, ngược lại âm tợ tấn sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa thiêu đốt củi còn dư lại tro tàn gọi là tẫn sách Tiểu Nhã cho rằng: Đúng là còn dư lại tro tàn.

Tăng xí ngược lại âm khư thị nói là vô ương số, con số không ước lượng, tính toán được. Xưa gọi là tăng kỳ là sai.

Ớt-tăng ngược lại âm ô một ngược lại âm dưới thất đăng.

Bà-khát ngược lại âm lồ cát

Hê-đô ngược lại âm hư hề

Chiêm-phạt ngược lại âm nãi kiêm

La-sàm ngược lại âm Xoa-lam (766)

Lân giác ngược lại âm lý chân gọi là con thú có lòng nhân, sách Nhĩ Thất cho rằng: Lân là thân hình con hươu, đuôi giống con trâu, có một cái sừng. Nói cái sừng đó là lân đầu sừng đều có nhục thịt.

Thần liêu lại viết chữ liêu cũng đồng, ngược lại âm lực điêu sách Nhĩ Thất cho rằng: Người bạn cùng làm quan gọi liêu, quan liêu.

Kiều-đáp-ma mượn âm ngược lại âm cự cao gọi là kiều giống như cụ đọc chuyển âm. Đây giáo lý có ba nghĩa. Một là chủng loại; hai gọi là loài phân trâu; ba gọi là loài sơn phết tô đất lên. Xưa gọi là cụ đàm là nói lược vậy

Uất phúc ngược lại âm ư vật ngược lại âm dưới phò phúc sách Nhĩ Thất cho rằng: Uất là hơi, uất là hương thơm đầy tràn ra.

Xướng cuồng ngược lại âm xĩ dương gọi là tính tình biến đổi, cũng gọi là cuồng si ngu ngốc, sách Trang Tử nói xướng cuồng là nói lừa.

Thuyên lượng lại viết chữ thuyên cũng đồng, ngược lại âm thất tuyền Quảng Thất cho rằng: Xưng gọi thuyên tức là nói biết cân nhắc kỹ càng, có nặng nhẹ, lượng xem nặng nhẹ, Ứng Thiệu chú giải Hán Thư rằng: Quả cân để đo lường cân lường thăng đấu.

Bần quỷ ngược lại âm cự quý không có tài sản gọi là bần tài sản tiêu tan thiếu kém gọi là quỷ cũng gọi là kiệt hết sạch trong tủ.

Xuyết kỳ ngược lại âm đinh liệt xuyết gọi là thôi nghĩ sách Nhĩ Thất cho rằng: Xuyết là thôi bỏ.

Ha-lê-đát-kê xưa nói là Ha-lê-lặc phiên dịch là thiên chủ. Nắm giữ đến quả này có thể làm thuốc phân công đức dùng rất nhiều, như đây cõi người lấy nham thạch đong lường v.v...

Ân tịnh ngược lại âm ư cân Theo Mao truyện nói rằng: Là phong phú dồi dào. Theo truyện nói rằng: Ân là nhiều, to lớn, giàu có.

Lâm dâm ngược lại âm âm lực kim theo Tả Truyện cho rằng: Mưa từ ba ngày sắp lên gọi là lâm sách Nhĩ Thất cho rằng: Mưa lâu, mưa dai dẵng gọi là dâm dâm cũng gọi là lâm

Ế mục ngược lại âm nhứt kế sách Vận tập cho rằng: Con bệnh bị ngăn che. Sách Thuyết Văn viết chữ ế gọi là mắt có bệnh nên sanh ra, có màng mỏng che không thấy rõ.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 13

Uất kim đây là tên cây xuất ra từ nước Kế Tân, cây này hoa màu vàng, lấy hoa an trí một chỗ, đợi hoa mục rửa ép lấy dầu, lấy vật hòa làm hương hoa, phấn trắng giống như mùi thơm, cũng dùng làm hương hoa thơm.

Hỏa tao ngược lại âm tổ lao Tự Lâm cho rằng: Tao là thiêu đốt cây củi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiêu đốt củi.

Mị giác ngược lại âm thượng tế Mị là ngũ say. Sách Quốc Ngữ nói: Ly công ngũ mà mê vậy cũng gọi là nằm ngũ.

Đê đường văn cổ viết chữ đê cũng đồng, ngược lại âm đô hề ngược lại âm dưới đô tức sách Thuyết Văn cho rằng: Đê là cấu trúc dựng quanh bờ nước để phòng nước tràn. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Đê gọi là cây cầu, Lý Tuần cho rằng: Đê là xây đê phòng lũ ngăn chặn trước. Sách Hán Thư cho rằng: Không có đê ngăn phòng bao quanh là

nước sẽ tràn vào, Vi Thiệu cho rằng: Chứa nhiều đất làm bờ đê bao quanh ngăn giới hạn ranh giới.

Tâm tài ngược lại âm tử lai tài là trồng trọt, thời nay gọi là nhổ cỏ gieo lúa cấy mạ gọi là tài.

Cố thật lại viết chữ cố cũng đồng, ngược lại âm cổ hộ gọi là bệnh lâu ngày, sách Thuyết Văn cho rằng: Cố là bệnh.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 14

Chánh học tiếng Phạm nói là Thức-xoa-ma là phải hai năm học giới.

Hoặc nguy ngược lại âm cầu lụy nay Giang Nam gọi là đổng quỳ bằng đầu gối, đầu gối cong lại là trương ngụy người Trung Quốc nói là Hồ quỳ âm kỵ ngược lại âm kỳ chỉ âm hồ là âm hộ âm trương là âm văn dương sách Lễ ký cho rằng: Chịu đứng không quỳ viết chữ quỳ là chữ mượn âm vậy.

Chế-đa xưa nói chi đề hoặc là nói chỉ đế phù đồ đều sai. Đây phiên dịch là ứng danh có thể cúng dường chỗ Phật Niết-Bàn, chỗ Phật Đản sanh, chỗ Phật thuyết pháp, tức là gọi là Chế-đa, đều phải cúng dường cung kính.

Thủ thê ngược lại âm thất cú Thủ tức là lấy giữ lấy. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lấy vợ, lấy vợ như thế nào. Theo truyện cho rằng: Lấy người phụ nữ làm vợ.

Liệu bệnh sách Thuyết Văn viết Liệu cũng đồng, ngược lại âm lực chiếu Tam Thương cho rằng: Liệu là trị bệnh.

Tốt-la-mê-lệ-da-mạt-đà âm tốt ngược lại âm tô một Tốt-la là gạo để làm rượu. Mê-lệ-da gọi là gốc cọng hoa lá trộn vào rượu. Mật-đà gọi là rượu Bồ đào.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 15

Đồ dương ngược lại âm đạt hồ sách Thuyết Văn cho rằng: Đồ là

cắt ra mổ ra. Sách Quảng Thất cho rằng: Đồ là hư hoại, theo chữ đồ đó là phân ra tách ra, là người giết mổ súc vật.

Khôi quái ngược lại âm khổ hồi ngược lại âm dươid khổ ngoại theo chữ khôi là người đứng đầu. Quái là thịt xắc mỏng. Là người chủ giết hại súc vật đó, hoặc là xắc mỏng ra phơi khô. Âm quái là âm quái. Theo Thanh văn cho rằng: Quái là người đi hợp chợ, quái chẳng phải nghĩa đồng dùng.

Tư lược văn cổ viết chữ tư hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử tà ngược lại âm dưới cự lượng Sách Nhĩ Thất cho rằng: Giăng lưới bắt thỏ gọi là tư Quách Phác cho rằng: Tư là che trùm ở trên để bắt thỏ. Sách Vận Tập cho rằng: Giăng lưới bên đường cướp đoạt nay gọi là người săn bắt, giăng lưới bắt chim thú đó. Người ta vươn cung nỏ ra để bắn chim thú vậy.

Điển hình phạt lại viết chữ điển này cũng đồng, ngược lại âm đinh kiển Quảng Nhã cho rằng: Điển là người chủ, âm dưới là hồ kinh hình là hình phạt người tội. Đời nhà Thang gọi là hình pháp, đều là hình pháp, sách Xuân Thu Nguyên Mệnh Bao nói rằng: Chữ hình từ bộ đao đến bộ tỉnh. Tỉnh là giếng nước để người ta uống, khi người ta uống vào rồi mới tranh giành giếng nước, mà rơi xuống giếng sâu, thì lúc đó mới dùng dao giữ gìn, cắt phân chia ra, người ta e ngại tình dục nãy sinh mới thận trọng giữ gìn toàn thân mạng cho nên chữ viết từ bộ đao đến bộ tỉnh.

Hung bợt lại viết chữ hung cũng đồng, ngược lại âm hứa cung âm dưới văn cổ viết chữ bợt hia chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ một bổ hội hai âm. Lại gọi là hung ác, bợt là loạn, cũng gọi là ngang bướng làm nghịch lại.

Khất cái ngược lại âm cổ ngãi Thiên Thương ghi rằng: Khất là người đi cầu xin. thể chữ viết từ bộ nhân đến bộ thượng nói rằng: Người tiêu mất hết tài vật thì phải đi cầu xin, xin ăn vậy.

Tỳ-ha-la cũng nói là Ty-ha-la được dịch là đi du ngoạn gọi là người tăng sĩ chở mang giày dép đi du phương khắp nơi. Xứ này lầy chùa để thay thế, nghĩa là không được mang giày dép để đi dạo quanh.

Chuẩn-đà ngược lại âm chỉ duẩn được gọi là sao nghĩa xưa gọi là thuần đà là sai.

Nan-du văn cổ viết chữ du cũng đồng, ngược lại âm du nhủ sách Thuyết Văn cho rằng: Du là lành bệnh, sách Phương Ngôn cho rằng: bệnh đã thuyên giảm âm sưu ngược lại âm sữu du

Đào gia lại viết chữ đào cũng đồng, ngược lại âm đại lao hoặc là

mượn âm diêu sách Kử Ký nói rằng: Đào là đồ gốm sứ, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đào là người thợ làm đồ gốm sứ, bắt đầu từ vua Thuấn làm gốm sứ ở Hà Tâm theo Tây Vực thì nhiều loại đất xấu đem nung trong lò hoặc đồ gốm như tách, ấm trà bằng gốm nung đốt trong lò âm diêu là âm diêu

Hàm lỗ ngược lại âm hồ giam âm dưới là lực cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Lỗ phương tây gọi là đất mặn thuộc đất cứng mỏng không mầu mở, thiên nhiên sanh gọi là lỗ tức là đất mặn, muối mặn, người làm ra gọi là diêm diêm ở phương đông Thích Danh cho rằng: Đất không có sanh ra vị mặn cho nên chữ lỗ viết từ bộ tây tĩnh lược, dưới giống như chữ diêm.

Khanh tĩnh văn cổ viết chữ tĩnh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài tính sách Thuyết Văn cho rằng: Cái hầm lớn, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tĩnh là đào đất làm cái hầm giăng bẩy bắt cầm thú.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 16

Sủy xúc ngược lại âm sơ ủy sủy gọi là sờ mó đoán, Văn Thông Dụng cho rằng: Suy đoán, sờ mó gọi là sủy cũng có viết chữ sủy ngược lại âm sơ ủy, đô quả hai âm. Quảng Thất cho rằng: Sủy là thữ suy đoán, đo lường.

Dưỡng thực ngược lại âm từ tứ sách Quảng Thất cho rằng: Héo úa vàng khô. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thực là ăn no rồi cũng gọi là ăn uống, gọi là bày thức ăn ra cúng dường cho mọi người, gọi là thực cho nên chữ viết từ bộ nhân âm ủy ngược lại âm ư nguỵ hoặc là viết chữ hướng tục dùng thông dụng.

Kỳ thĩnh ngược lại âm cự y Quảng Thất cho rằng: Kỳ là bảo cho biết, báo cáo với thần linh.

Sai trở văn cổ viết chữ tai sai hai chữ tượng hình. Nay lại viết chữ lai cũng đồng, ngược lại âm thô lai sai là nghi ngờ. Quảng Thất cho rằng: Sai là lo sợ, đoán, suy đoán.

Ba-lạc-tư ngược lại âm Lạn-cát cũng nói là La-tư hoặc gọi là Ba-tư là tên nước, đến gần với tây Hải, rất phì nhiêu phong phú, có vật quý hiếm, gọi là kỳ báu, thương nhân các nước đều đến buôn bán trao

đổi hàng hóa, tư là lấy sức mạnh uy lực của rồng. Người xưa gọi là đẩy vào.

Ni-diên-để đây nói nghĩa sâu xa là người, tên gọi khác là tham lam cùng cực không nhàm chán, cho nên lấy tên gọi vậy.

Bố-sái-tha ngược lại âm sở giải Trung Hoa dịch là tăng trưởng nghĩa là nữa tháng làm phép xoa-ma tăng trưởng căn bổn giới. Xoa-ma đây dịch là nhẫn gọi là dung thứ, tha thứ tội của ta. Xưa gọi là sám tội, sám hối đó là sai, hoặc gọi là Bổ-sa-tỹ cũng gọi là Bố-tát là sai lược vậy.

Nịnh-ca ngược lại âm nô định nịnh để lấy lòng kẻ khác, sách Thuyết Văn cho rằng: Khéo nói tâng bốc nịnh hót người tài cao gọi là nịnh. Lại gọi là dối trá hay giỏi nịnh hót gọi là nịnh chữ viết từ bộ nữ đến bộ nhân sách Luận Ngữ nói: Người xấu ác dối trá đó. Đây tức là chỉ cho bộ nữ theo Tả Truyện nói rằng: Người góa phụ, hoặc là cô quả, không có chỗ nương nhờ, không thể làm cha, anh, đây nói là từ chữ nhân nghĩa vậy.

Hủy tử văn cổ viết chữ tử hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử nhĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Tử là trách mắng, sách Lễ Ký cho rằng: Tử là người sinh ra nơi chỗ không biết lễ nghĩa. Trịnh Huyền cho rằng: Ác khẩu hủy nhục mắng nhiếc người gọi là tử.

Xướng kỷ ngược lại âm xĩ dương ngược lại âm dưới cự khỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Xướng là người làm trò ca nhạc hát xướng, Tam Thương cho rằng: Xướng là trò múa hát, kỹ gọi là nghệ thuật, kỹ năng ca hát.

Tự từ ngược lại âm tợ tư ngược lại âm dưới từ lý sách Nhĩ Thất cho rằng: Từ là nơi thờ cúng tổ tiên, cún tế trời gọi là từ cúng tế đất gọi là tự.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 17

Thế thiện ngược lại âm tha kế sách Nhĩ Thất cho rằng: Thế là phế bỏ, ngăn chặn, thế là tiêu diệt, gọi là thế mạng, chịu tội thay, gọi là chịu tội thay cho dùng tơ lụa thất cổ.

Bố-lạc-nã ngược lại âm lạc hạt hoặc là viết Bổ-lạc-nã đây gọi là bồ xưa gọi là phú-lan-na.

Lụng lệ trong kinh hoặc là viết chữ lung cũng đồng, ngược lại âm lực dung Tam Thương cho rằng: Hoặc là viết chữ lệ cũng đồng, ngược lại âm lực kế gọi là rất ngang bướng, cũng gọi là rất can cường.

Quai mục lại viết chữ mục cũng đồng, ngược lại âm mạc cốc gọi là hòa mục vui vẻ thân thiện. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Mục là kính thuận vui vẻ, hòa thuận bền chặc lâu dài.

Khao giác ngược lại âm khổ giao ngược lại âm dưới hồ giác khổ giác hai âm. Mạnh Tử nói rằng: Khao giác là đất cằn cổi không mầu mở, Văn Thông Dụng cho rằng: Vật cứng cõi gọi khao giác, đất cứng không thích hợp gieo trồng ngũ cốc.

Quả lạt sách Tự Uyển viết chữ thu cũng đồng, ngược lại âm Lô-cát Văn Thông Dụng cho rằng: Rất cay gọi là lạt Giang Nam gọi cay là lạt Trung Quốc gọi cay là tân

Hậu điền văn cổ viết chữ điền cũng đồng, ngược lại âm đồ kiên Quảng Thất cho rằng: Điền là lấp cho đầy, lấp kín, bít lấp lại cho kín.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 18

Hậu pháo lại viết chữ bao cũng đồng, ngược lại âm bổ hao những mụt nhỏ nổi sưng lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Pháo là do nóng nhiệt mụt mụn nhỏ nổi trên mặt.

Ôn tụng ngược lại âm ô côn sách Luận Ngữ cho rằng: Ôn cũ mà biết mới, Hà Yến nói rằng: Ôn là tìm tòi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đời sau thói quen gọi là ôn, ôn là nấu cho chín nhừ, có thể lấy nghĩa này vậy. Văn đều phải đọc tụng cho thuộc lòng.

Tam phạt ngược lại âm phò phát cho rằng: Người có tội nhỏ gọi là phạt, phạt cũng gọi là thiết phục.

Đại-sa-la tên của cây nghĩa là đại phú quý, theo Tây Vực là Quý (767) đại quan, anh em con cháu của nhà đại phú quý, đều mê muội gọi là Sa-la.

Hà phụ trong văn lại viết câu hà hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ ca hồ khả hai âm. Sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Câu là giơ cao, gánh vác. Hà là nhận trách nhiệm.

Bị tích ngược lại âm ân lịch gọi là phân tích. Chữ viết từ bộ cân tức là cái búa chẽ cây ra là bộ mộc là bộ cân. Nay tục dùng viết chữ tích

tích đều từ bộ phiến

Để-sa ngược lại âm định lễ xưa nói Phất-sa đây gọi là sáng suốt rõ ràng.

Hách dịch ngược lại âm hồ cách ngược lại âm dưới là dư thạch sách Tiểu Nhĩ Thất viết chữ hách trạch nghĩa là sáng rực. Quảng Thất cho rằng: Hách dịch là sáng hừng hực, chữ viết từ bộ đại âm trạch là âm diệc

Mạt-độ-ca-quả ngược lại âm Mạc-bát xưa gọi là Ma-đầu đây dịch là Mỹ-quả tức là trái ngon.

Nhẩm-bà-quả ngược lại âm nữ chẩm hình như đây là cây Đống thọ, mọc trên đất khô cằn cỏi, âm đống ngược lại âm phương kiến.

Đà đô ngược lại âm đồ ngã gọi là thật cứng, cũng giống như xương cốt của thể Như-lai, tên gọi khác của Xá-lợi.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 19

Ái-la-phiệt-mã ngược lại âm ô ngãi xưa gọi là Y-la-bát-đa-la cũng gọi là Phiêu-la-bát-đa-la-y-la đây gọi là Hương-bát-đa-la đây là diệp giống như tên của lá thơm.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 20

Di dắng ngược lại âm cư nghi ngược lại âm dưới dư chứng sách Hán thư cho rằng: Mẹ của vua Văn Đế là bà Bạc Cơ. Như Thuần cho rằng: Cơ là tên gọi chung của các bầu thiếp. Di cũng là chức nữ quan trong cung, so sánh đến hai ngàn thạch vị sau đó là Tiệp Dư. Ân dưới Tả Truyện cho rằng: Mục Công Di đem theo người hầu gái. Đỗ Dự cho rằng: Người hầu gái theo cô dâu về nhà chồng, gọi là dăng dăng cũng gọi là đưa đi, người con gái con nhà quí tộc khi đi lấy chồng đem theo người hầu gái, gởi theo. Theo Công Dương Truyện cho rằng: Dăng đó là như thế nào? Chư hầu một nước, đến hai nước đem theo cháu gái, hoặc là các vợ lẻ theo. Thích Danh cho rằng: Vợ lẻ gọi là dăng dăng cũng

gọi là dư thừa, việc thích hợp dư thừa khác. Nay quan tam phẩm gọi vợ lẻ là di quan ngũ phẩm gọi là dắng tức là nàng hầu.

Triền áp sách Chu Thành Hán tự viết chữ áp áp-áp-tát cũng đồng, ngược lại âm ư giáp Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trấn áp gọi là chật hẹp, đè nén, âm tát ngược lại âm Tổ-cát

Dũng phiếm nay viết chữ phiếm cũng đồng, ngược lại âm phu kiếm. Quảng Thất cho rằng: Phiếm là nổi trên mặt nước, cũng gọi là phi mau, phóng nhanh.

Phiêu kích ngược lại âm thất diêu ngược lại âm dưới cổ định. Gió thổi nổi phiêu trên mặt nước gọi là phiêu nước chảy gấp bắn tung tóe gọi là kích phiêu cũng gọi là dao động, phiêu đãng, trôi nổi bềnh bồng.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 21

Vưu trọng ngược lại âm hữu chu vưu là rất, cũng gọi là nhiều, rất nhiều, khác thường, vượt trội.

Phòng-la ngược lại âm lực hạ thuộc về trú đóng, phòng thủ, sách Vận Lược cho rằng: La là đi tuần tra xem xét phải trái, cũng là đi duyệt binh, binh lính đi tuần tra, cấm thủ canh phòng cẩn mật.

Đăng mộng ngược lại âm đồ đăng ngược lại âm dưới vọng đăng sách Vận Tập cho rằng: Đăng mộng là mất ngũ, lờ mờ, chập chờn, mờ mịt.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 22

Nhất tiệp sách Thuyết Văn viết tiệp Thích Danh viết chữ điệp cũng đồng, ngược lại âm tử diệp. Lông mi mí mắt, Ở Sơn Đông Điền Lý gian âm tử cập.

Hữu tự văn cổ viết chữ tự cũng đồng, ngược lại âm từ dữ gọi là thú, có thứ tự. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tự đó là thứ tự lớn nhỏ.

Tất đậu ngược lại âm bổ mật loại đậu này người ta cũng có thể

trồng làm thức ăn, dùng làm đậu táo rất ngon vậy.

Thâm sử ngược lại âm sở sử Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sử là ngựa chạy nhanh.

Trướng vọng ngược lại âm sắc lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Trướng vọng là buồn trông, thất vọng, hận trong lòng.

Trùng thư ngược lại âm thiên dư Văn Thông Dụng cho rằng: Trong thịt có giòi đục khoét gọi là thư Tam Thương cho rằng: Con ruồi đậu vào sữa, thịt làm có vi trùng, gọi là thư

Khoan bể lại viết chữ khoan này cũng đồng, ngược lại âm khổ hoàn khổ côn hai âm. Bì Thương cho rằng: Khoan là xương mông đít. Quảng Thất cho rằng: Khoan là con lợn con, âm dưới văn cổ viết chữ bể cũng đồng, ngược lại âm bổ mễ sách Thuyết Văn cho rằng: Bể là xương đùi ngoài, người phương bắc dùng âm này. Lại là âm phương nhĩ. Giang Nam dùng âm này lại là âm này, hoặc là viết chữ bể tục dùng thông dụng.

Nhứt trách văn cổ viết chữ trách cũng đồng, ngược lại âm sá cách Văn Thông Dụng cho rằng: Căng thẳng ra gọi là trách Quảng Thất cho rằng: Căng ra mở ra.

Phệ-lam-bà ngược lại âm lực hàm theo trong kinh luận xưa hoặc là viết chữ Tùy-lam-bà hoặc là nói Toàn-lam-bà lại viết Bại-lam-bà hoặc viết Tùy-làm-bà đều là tiếng Phạm. Nước Sở đời nhà Hạ gọi như vậy. Đây dịch gió bão rất mãnh liệt.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 23

Tuần thân văn cổ viết chữ tuần cũng đồng, ngược lại âm tợ tuân sách nhĩ thất cho rằng: Tướng soái thống lãnh binh đi tuần tra. Quách phác chú giải rằng: Lại là đi tuần hành, tuần cũng là đi biến khắp, tuần là đi trải qua.

Khâm trọng ngược lại âm khứ kim khâm là cung kính, sách Ích Pháp cho rằng: Uy nghi chu tất đĩnh đạt đàng hoàng gọi là khâm.

Phi duyệt ngược lại âm ẩm thuyết loại âm giản duẩn sách Tiểu Thất cho rằng: Duyệt là đầy đủ, đủ số, trong cửa đã duyệt đủ số.

Ẩm quang bộ tiếng Phạm nói là Ca-diếp-ba Ca-diệp đây dịch là quang ba đây nói là theo ngôn ngữ thế gian gọi là ẩm quang.Ẩm quang

có hai nghĩa. Một Ca-diếp-ba là thời thượng cổ là người tu tiên, người tiên này thân có ánh sáng rực rở, có thể uống hơn ánh sáng thường khiếm cho không thể hiện tại. Đây là vị La-hán. Giống như loại ánh sáng kia cho nên mới gọi tên. Hai là vị A-la-hán này trên thân làm sắc màu vàng óng ánh, vì thường có ánh sáng đó cho nên lấy diêm phù đàn màu vàng kim là thân người. Đây là A-la-hán thân sáng hơn vàng óng ánh, người sáng không có gì lấp được nên gọi là ẩm quang.

Đài quán ngược lại âm đồ lai ngược lại âm dưới cổ ngoạn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bốn bên đều cao gọi là đài sách Thuyết Văn cho rằng: Quán sát xem xét gọi là đài. Tôn Đạm gọi là hai cánh cửa trong cung xem xét. Thích danh cho rằng: Người xem xét đó là đứng trên đài cao nhìn ra xa xem xét quán sát.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 24

Đạm phạ ngược lại âm đồ lam ngược lại âm dưới thất bạch sách Thuyết Văn cho rằng: Đạm là yên tĩnh, gọi là điềm nhiên an lạc, đạm cũng gọi là điềm tĩnh. Phạ tĩnh mà vô vi, Tử Lư Phú Truyện nói rằng: Phạ hề vô vi, đạm hề tự trì.

Kiều-trần-na ngược lại âm trừ lận xưa gọi là Kiều-trần-như là sai, gọi là quả khí họ A-nhã cũng gọi là sơ trí, là người dùng trí tối sơ ban đầu mà ngộ vô vi cái không mà được trí bổn nguyện.

Duy mục ngược lại âm mạc thô Mục là ghi chép sự việc, cũng gọi là điều mục.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 25

Giải định ngược lại âm khẩu hài Quảng Thất cho rằng: Giải là lau chùi vật phẩm, cũng là khuôn phép mẩu mực.

Tuy quyết lại viết chữ quyết cũng đồng, ngược lại âm cư nguyệt, cự nguyệt hai âm, sách Thuyết Văn cho rằng: Quyết vấp chân té nằm ngã ngửa.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 26

Kim khoáng văn cổ viết chữ khoáng cũng đồng, ngược lại âm cổ mãnh sách Thuyết Văn cho rằng: Khoáng là đồng thép nguyên chất chưa có đem ra làm vật dụng.

Đăng độ ngược lại âm tồ cố tộ là địa vị, ngôi thứ, sách Quốc ngữ cho rằng: Là chỗ thiên địa đem phúc lành, Giả Qùy cho rằng: Tộ là phước lộc.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 27

Na-la-diêm Na-la đây dịch là người được tuổi thọ lâu dài. Diên đây dịch làBổn sanh, là người từ nguồn gốc sanh ra tức là Trời Đại Phạm Vương. Ngoại đạo cho rằng: Tất cả con người đều từ Phạm Thiên Vương sanh ra, cho nên gọi người là nguồn gốc sanh từ Phạm Thiên vậy.

Bàn kiết ngược lại âm bổ hàn sách Lễ Ký cho rằng: Bàn là con rồng đất nằm cuộn khúc, uốn khúc, Trịnh Huyền cho rằng: Bàn là uốn khúc, cong lại. Sách Phương Ngôn cho rằng: Rồng chưa lên trời gọi là bàn vậy, tức là rồng còn nằm dưới đất.

Kiện-đà-lợi tên gọi là nữ trì chúc theo nước là tên gọi đây dịch là tiếng của người nữ gọi tiếng của người nam giới. Nước kiện-đà-la

Y-sát-ni ngược lại âm xoa hiệt đây dịch là xem xét tướng, xem tướng bói xũ.

Vạn-đà-đa ngược lại âm mạc bàn đây dịch là nuôi dưỡng ta thì là tên của Đảnh Sanh Vương.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 28

A-cấp-ma ngược lại âm cự triếp đây dịch là nói truyền giáo pháp, giáo pháp Đức Phật từ miệng nói ra, gọi là ổ vườn nai Đức Phật, ban đầu chuyển truyền giáo pháp hiện tướng giáo, giáo thọ.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 29

Oán thù ngược lại âm thị do gọi là tăng trưởng thêm điều xấu ác oán giận nhau gọi là thù là đối địch với nhau, sách Nhĩ Thất cho rằng: Thù là chết mất, sách Xuân Thu cho rằng: Vợ chồng oán thù nhau gọi là thù vậy.

Thanh ứ ngược lại âm ư lự sách Thuyết Văn cho rằng: Ứ là chứa đựng tích tụ máu, sách Quảng Thất cho rằng: Ứ là bệnh.

Do bỉ ngược lại âm bi mỹ bỉ là xấu ác, Quảng Nhã cho rằng: Bỉ là xấu hổ, hổ thẹn.

Y hộ ngược lại âm hồ cố sách Nhĩ Thất cho rằng: Hộ là chỗ nương dựa. Theo Hàn Thi truyện nói rằng: Không cha gọi là lấy đâu mà nương tựa. Hộ là ỷ lại, dựa vào.

Nhĩ diễm ngược lại âm dư chiên đây dịch là sở tri chỗ biết. Xưa viết là tiểu diêm cũng là một nghĩa.

Xác trần Bì Thương cho rằng: Viết chữ cảo lại viết chữ oa cũng đồng, ngược lại âm khổ học Quảng Thất cho rằng: Xác giống như chắc chắn bền chặt kiên cố.

Nhu đồng ngược lại âm nhi câu sách Thuyết Văn cho rằng: Nhu là mềm mại, gọi là nhu nhuyến. Đồng là ấu niên, gọi là tuổi nhỏ, tiếng Phạm gọi là Ma-nạp-phược-ca.

Tần-tỳ-bà-la hoặc nói là Tần-bà-sa-la cũng nói là Bình-sa-vương đều là một nghĩa. Đây dịch là nhan sắc đoan chánh, hoặc gọi là Nhan sắc giống như thú diệu, lại cũng nói là Tần-bà là cây gỗ khắc chạm sơn vẽ màu sắc v.v... hình giống như là Tất-sô. Nên theo đây mà gọi tên.

Bà-đà-lê ngược lại âm đồ ngã là tên của loại táo ở phương tây, tức là Tất-sô theo đây mà gọi tên vậy.

A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ LUẬN
QUYỂN 30

Phả-lạt-cụ-na ngược lại âm phổ hà đây là tên của mười hai nguyệt tinh tú cũng là người so đây mà đặt tên vậy.

Phạt-ma ngược lại âm thô hà xưa nói là Bà-la tức là họ của Bà-la-môn.

Như tẫn nhân tỳ nhẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Loại gia súc giống cái, như gà mái gọi là tẫn theo Mao Thi Truyện nói rằng: Loại chim trĩ tiếng hót của nó để lâu gọi con chim mái đến, chẳng phải là loại gia súc nuôi trong nhà.

Ớt-để-ca ngược lại âm điểu một dưới là mượn âm, ngược lại âm định lý tên người.

Chế-đát-la ngược lại âm Đô-đạt tên người, đây là chánh nguyệt tên của vì sao trên trời. Tây quốc gọi là đặt tên, đây có rất nhiều.

Phổ-sa-ha ngược lại âm tô hòa khổ là tiếng đọc chú, Sa-ha đây dịch là thiện thuyết tức khéo nói.

Cây duyên ngược lại âm câu vũ ngược lại âm dưới dĩ duyên Quảng Thất cho rằng: Giống như cây quýt mà lớn như Phạn thốc, có thể tẩy rửa đem nấu sao chứa lâu ngày. Nay xuất ra từ nước Phiên Vũ. Dùng nam lâu xắc nhỏ ngâm nước hòa trộn vào thức ăn rất ngon vậy, âm thốc là âm phiên âm tông ngược lại âm tăng hàm

Tử khoáng ngược lại âm cổ mảnh gọi là nước của cây Ba-la-xà, cây này màu sắc rất đỏ, vỏ cây dùng nhuộm thảm, vải cây này rất to lớn, tên là Chiên-thúc-ca, bông hoa của cây lớn như cái đấu, là rất đỏ rất cứng, người lái buôn dùng làm may túi, âm nhẫn là âm nhẫn

Thời nhương ngược lại âm nhữ lương giống như ruột bầu âm biện ngược lại âm bồ hiện

■